ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, bắt đầu từ ngày 28/5/1998, tổng cộng gồm năm mươi mốt tập (buổi giảng).

Đệ tử Nhan Thụy Thành đem những tư liệu liên quan đến những buổi giảng này từ Trang Nhà www.amtb.org.tw, chỉnh lý thành sách cúng dường độc giả, cùng nhau chia sẻ pháp nhũ.

Đôi lời bày tỏ,

Hồi nhỏ đi chùa Giác Sanh ở Phú Thọ để cúng thất cho ông bác, chúng tôi nhớ đã có dịp tụng kinh Địa Tạng. Đã tụng khá nhiều lần rồi nhưng không hiểu gì cả, chỉ nhớ mang máng là trong kinh có nói về các cảnh tượng khủng khiếp ở địa ngục, nào là núi đao, rừng kiếm, vạc dầu. Hồi đó chẳng hiểu, cứ tưởng những chuyện này là lời khuyến thiện, cứ tưởng người xưa lấy cảnh địa ngục để dọa người, nhằm khuyên người làm lành mà thôi.

Gần đây, có dịp nghe được băng giảng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Đại Ý do bác Thanh Trí chuyển ngữ và đọc bài Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Thiển Thích của Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng nên mới hiểu thêm đôi chút về kinh này (bài này được ban phiên dịch chùa Vạn Phật Thánh Thành dịch sang Việt ngữ). Sau đó, khi đến Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, chúng tôi thỉnh được hai cuốn sách dày cộm ghi lại bài giảng kinh Địa Tạng Bổn Nguyện của Hòa Thượng Tịnh Không, nghĩ cũng hơi nản chí, không biết đến lúc nào mới đọc hết được!

Tuy kinh Địa Tạng khá phổ biến, có lẽ mức độ phổ biến của kinh này chỉ kém kinh Di Đà và Phổ Môn. Điều đáng buồn là những sách chú giải kinh này khá ít. Theo chỗ thấy biết nông cạn của chúng tôi, trước nay chỉ có mỗi một tác phẩm chú giải kinh này bằng tiếng Việt là sách Địa Tạng Mật Nghĩa của cụ Mai Thọ Truyền. Tuy trong Đại Tạng Kinh có ít nhất năm tác phẩm chú giải kinh này, nhưng tiếc là văn phong cổ kính, vắn tắt, chú trọng nhiều vào lối khoa phán, nên nếu có dịch ra cũng không thể giúp ích nhiều cho trình độ của những liên hữu sơ cơ như chúng tôi. Theo thiển kiến của chúng tôi, lời giảng của Hòa Thượng Tịnh Không rất thân thiết, có những kiến giải rất đặc biệt, lại kèm thêm những kinh nghiệm hữu dụng không riêng gì cho hành nhân Tịnh nghiệp mà còn có thể áp dụng rộng rãi cho mọi người Phật tử nói riêng và cả nhân loại nói chung. Những lời giảng của Hòa Thượng đã đặc biệt nhấn mạnh đến hiếu đạo, cơ sở của Phật đạo, chỗ lập cước căn bản của mọi pháp môn thế gian hay xuất thế gian.

Chúng tôi có cơ duyên may mắn gặp được pháp môn Tịnh Độ, vận may này còn hơn người nghèo 'trúng số độc đắc', đúng như bài Khai Kinh Kệ có nói: 'Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được'. Chúng tôi phát tâm học hỏi và muốn chia sẻ cho nhiều người cùng biết. Do vậy, nhằm thỏa tâm nguyện phổ biến hoằng dương Tịnh Tông, cộng thêm một vài duyên hảo hợp khác đẩy đưa nên dù sức học kém cỏi, chúng tôi vẫn gượng chuyển ngữ bài giảng này sang tiếng Việt hòng chia sẻ pháp nhũ, pháp lạc cùng mọi người. Chắc chắn trong quá trình chuyển ngữ không thể tránh khỏi những sai lầm không nên phạm phải, cách dùng chữ, diễn đạt còn thô vụng, dài dòng, chúng tôi vẫn tin rằng với tấm lòng ngu thành, không đến nỗi diễn dịch sai lệch hoàn toàn tâm ý hoằng truyền kinh này của Hòa Thượng. Do đây là lời ghi chép trực tiếp bài giảng của Hòa Thượng, có nhiều ý được Ngài lập đi lập lại, nhưng khi chuyển ngữ chúng tôi vẫn giữ nguyên để người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng

kinh của Ngài. Trong quá trình chuyển ngữ chúng tôi cũng đã tham khảo bản dịch kinh Địa Tạng của Hòa Thượng Trí Tịnh.

Nếu việc chuyển ngữ này có chút công đức gì thì chúng tôi xin hồi hướng đến ân sư, các bậc sư trưởng, phụ mẫu hiện đời cùng quá khứ, thân bằng quyến thuộc, các liên hữu, và hết thảy chúng sanh, nhất là oan gia trái chủ của mọi người, nguyện tất cả đều được viên thành chí nguyện, cùng vãng sanh về Cực Lạc.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ kính ghi, 4 tháng 9, 2005

A. DUYÊN KHỞI

Tập 1 (Số 14-12-01)1[1]

Chư vị đồng học,

Trong những năm qua, khi đạo tràng vừa xây dựng xong, bộ kinh đầu tiên tôi giảng nhất định sẽ là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh. Tại sao phải giảng bộ kinh này? Xây dựng Phật pháp chẳng thể xa lìa cơ sở vật chất, dùng cách nói hiện nay thì nhất định phải có đất đai, phải có phòng ốc, phải có kiến trúc. Có cơ sở xong thì chúng ta mới có nơi chốn để tu đạo. Nhưng tu đạo phải y cứ vào những gì? Chúng ta phải biết. Tu đạo nhất định phải y cứ vào 'tâm địa', Kinh Địa Tạng chính là khóa học đầu tiên của chúng ta. Có cơ sở vật chất rồi, cơ sở tinh thần quan trọng nhất là Tâm Địa pháp môn. Thế nên bộ kinh đầu tiên chúng ta nhất định phải giảng là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh để làm cơ sở cho sự tu học Đại Thừa. Nếu chẳng hiểu Tâm Địa pháp môn, không biết phải bắt đầu tu từ tâm địa thì rốt cuộc nhất định chẳng thành công. Nói cách khác, bất luận bạn có dụng công, có nỗ lực như thế nào, có phấn đấu mạnh mẽ, có tinh tấn như thế nào đi nữa thì bạn cũng vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi được, những gì bạn tu cũng chỉ là phước báo hữu lậu mà thôi. Sự tiêu biểu của pháp Đại Thừa ở Trung Quốc là dùng Tứ Đại Bồ Tát, vị thứ nhất chính là Địa Tạng Bồ Tát. Từ Địa Tạng Bồ Tát phát triển rộng ra là Quán Thế Âm Bồ Tát, [Quán Âm tiêu biểu] Đại Từ Đại Bi. Địa Tạng [tiêu biểu] Hiếu Kính 2[2].

Ngày nay tại sao Phật pháp lại suy thoái đến như vậy? Tại sao người tu hành chẳng thể thành tựu rạng rỡ như người đời xưa? Vì mọi người đều quên mất cội gốc, chẳng hiếu, chẳng kính. Lúc trước thầy Lý thường gọi cách tu học này là giỡn chơi với Phật pháp, họ chẳng tu học Phật pháp, cũng chẳng phải hoằng dương Phật pháp, mà là giỡn chơi với Phật pháp, tiêu khiển Phật pháp, chẳng có gì làm nên phải tiêu khiển giải trí, lấy Phật pháp để tiêu khiển! Đích thật là như vậy, lời thầy Lý chẳng quá đáng tí nào. Chúng ta hãy suy nghĩ có phải chính mình cũng đang tiêu khiển Phật pháp hay chăng? Có đang giỡn chơi với Phật pháp hay không? Chỉ tu một chút phước hữu lậu mà thôi. Vả nữa, chút phước này sẽ chẳng thể hưởng ở nhân gian, mà hưởng ở đâu? Hưởng ở cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ. Tại sao không thể hưởng ở cõi người? Tư cách làm người của bạn mất rồi nên những phước đã tu được chẳng thể hưởng ở cõi người, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Làm người thì phải biết 'Hiếu thân, tôn sư', phước thứ nhất của Tam Phước nói trong Quán Kinh là *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu thập thiện nghiệp'*, được vậy thì bạn mới được thân người, những

---

1[1] Số 14-12 là 'số tài liệu' của trang nhà www.amtb.org.tw.

2[2] Vị thứ ba là Văn Thù Bồ Tát tiêu biểu Trí Huệ, vị thứ tư là Phổ Hiền Bồ Tát tiêu biểu 'Lạc Thực' (Biến Thành Hiện Thực)

phước báo bạn tu được mới có thể hưởng ở cõi người, cõi trời. Nếu chẳng làm nổi bốn điều này thì phước bạn tu được nhất định sẽ hưởng nơi ác đạo, ác đạo cũng có phước báo rất lớn. Những Lý và Sự này chúng ta đều hiểu rõ, nhưng chúng ta chẳng thể chuyển đổi trở lại, nói cách khác thì đã hiểu rõ nhưng làm không nổi. Tại sao làm không nổi? Nói thật ra là vì chẳng thấu triệt những Sự Lý này. Nếu thật sự thấu triệt thì có thể sám trừ nghiệp chướng, quay đầu là bến bờ. Thế nên khi đạo tràng mới thành lập, Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện nhất định không thể thiếu, nhất định phải giảng kinh này.

Chư vị đồng tu đến đây tham học, hôm nay chúng tôi sắp khóa học này vào khóa trình chủ yếu, thời gian tuy không nhiều nhưng chúng tôi nhất định phải giảng tường tận những điểm chính yếu. Ngoài ra, những phần cổ đức đã chú giải tường tận, Thánh Nhất pháp sư đã giảng giải bằng ngôn ngữ thông tục, quý vị có thể dùng đó làm tham khảo. Tương lai quý vị hoằng dương Phật pháp trong nước và ngoài nước, mỗi khi đến một đạo tràng mới [thành lập] trước hết nên giảng Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện, sau đó mới giảng kinh Vô Lượng Thọ, khuyên họ niệm Phật vãng sanh, đây là quy củ nhất định.

Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú là do pháp sư Linh Kiệt soạn vào đầu đời nhà Thanh, ngài là người thời vua Khang Hy, đầu đời nhà Thanh, chú giải rất hay. Chúng ta đọc chú giải của ngài, phải lắng lòng thể hội, phải dùng ngôn ngữ hiện đại để diễn đạt, dùng quan niệm của người hiện nay để thuyết minh thì mọi người mới tiếp nhận dễ dàng. Chú giải này bao gồm năm phần:

Phần thứ nhất là 'Luân Quán', tức là trước lúc giảng kinh, nói đại ý của toàn bộ kinh để giới thiệu một cách khái lược. Trong Luân Quán bao gồm năm thứ huyền nghĩa, đây là phần thứ nhất.

Phần thứ nhì là dạy chúng ta phương pháp quán như thế nào, cũng tức là dạy chúng ta học tập bộ kinh này làm thế nào thay đổi quan niệm trở lại.

Phần thứ ba là giới thiệu đại ý của toàn bộ kinh, Luân Quán của ngài viết rất dài, phần này quan trọng phi thường. Phần huyền nghĩa hoàn toàn y theo phương cách của Tông Thiên Thai, thuyết minh giải thích Đề kinh. Biện [định] Thể, Thể là chỗ y cứ của lý luận, đức Phật căn cứ vào những gì mà giảng bộ kinh này. Sau khi chúng ta hiểu rõ thì mới có thể sanh khởi lòng tin kiên định đối với bộ kinh này và đối với lời thuyết pháp của đức Phật. Sau đó phần thứ ba là Minh Tông, Minh Tông là giảng về tu hành, nói cách khác là làm thế nào đem những đạo lý, lý luận này biến thành hiện thực trong đời sống của chúng ta.

Phần thứ tư là Luận Dụng, chúng ta y theo phương pháp này tu học đạt được công đức, lợi ích gì.

Cuối cùng là phần thứ năm, nói về Giáo Tướng tức là nói phương thức và nghi quỹ giáo học của Thế Tôn.

Trong năm khoa mục này pháp sư đều dùng ba chữ 'bất tư nghị' (chẳng thể nghĩ bàn). Đề kinh là dùng Người chẳng thể nghĩ bàn, Pháp chẳng thể nghĩ bàn để lập danh, 'Địa Tạng Bồ Tát' chẳng thể nghĩ bàn, 'Bổn Nguyện' chẳng thể nghĩ bàn; Địa Tạng Bồ Tát là Người, Bổn Nguyện là Pháp. Trong phần Biện Thể ngài nói Tánh Thức chẳng thể nghĩ bàn làm Thể, 'Tánh' tức là chân như bản tánh, sở chứng của chư Phật Như Lai; 'Thức' là chỗ dụng tâm của chín pháp giới phàm phu, chín pháp giới phàm phu còn trong mê, lúc mê chẳng gọi là Tánh, mà gọi là Thức; Tánh là chân tâm, Thức là vọng tâm. Nói cách khác, ngài nói về tâm địa chân thật và vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, dùng làm cơ sở lập luận, như vậy quá hoàn hảo! Phật giảng bộ kinh này, y

cứ vào cái gì? Y cứ vào chân tâm của chư Phật Như Lai, lại y cứ vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, vì chúng ta giảng bộ kinh này, y cứ của lập luận kinh này có thể nói là vô cùng chân thật. Tánh Địa chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta nói Địa Tạng, Tánh Địa là chân tâm chẳng thể nghĩ bàn, vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Lại dùng phương tiện chẳng thể nghĩ bàn làm Dụng, việc này có thể nhìn thấy rất rõ ràng trong toàn bộ kinh điển, dạy chúng ta biết cách học tập như thế nào. Cuối cùng là dùng Khai Hiển Vô Thượng Bồ Đề chẳng thể nghĩ bàn làm Giáo Tướng. Nếu dùng năm thí dụ này của cổ đức để thí dụ Giáo Tướng, dùng sữa, sữa chua, kem, bơ, và phó mát để tiêu biểu cho năm giai đoạn của Phật pháp. Địa Tạng Bổn Nguyện là đại pháp vô thượng, cơ sở là đại pháp vô thượng, đương nhiên thành tựu sẽ là Phật quả vô thượng. Đây là tổng cương lĩnh của huyền nghĩa.

Hôm nay chúng ta ở đây giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện có hai dụng ý: thứ nhất là đáp lời mời của lão pháp sư Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn, tôi đồng ý với ngài sẽ giới thiệu đại ý của Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện trước ngày thánh đản Địa Tạng Bồ Tát. Chúng tôi dự định ngày một tháng chín bắt đầu giảng, ngày hai mươi tháng chín hoàn tất; ngày hai mươi tây chính là ngày ba mươi tháng bảy âm lịch, thánh đản Địa Tạng Bồ Tát. Ý nghĩa thứ hai là [từ khi] đạo tràng Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba xây dựng xong chúng ta chưa chánh thức giảng một kinh nào tại đây, hôm nay vì đạo tràng mới xây dựng nên khai giảng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, cũng phù hợp với truyền thống giảng kinh của chúng ta bấy lâu nay tại đạo tràng mới thành lập. Thế nên đây là hai ý nghĩa quan trọng, trước hết phải giảng cho chư vị đồng tu một bộ kinh lớn ở Báo Ân Đường của Tịnh Tông Học Hội.

B. GIỚI THIỆU ĐỀ KINH:

Trong phần huyền nghĩa đương nhiên quan trọng nhất là phải giới thiệu Đề Kinh trước: Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh.

Trong bảy chữ này, sáu chữ đầu là Biệt Đề, chữ Kinh là Thông Đề, hết thảy những pháp do Phật thuyết đều xưng là Kinh. Trong Biệt Đề lại chia thành Nhân, Pháp, bảy thứ Lập Đề chúng ta đều lược bớt, Thánh Nhất pháp sư nói rất rõ ràng trong giảng ký, chư vị có thể tham khảo.

a. Biệt đề:

'Địa Tạng Bồ Tát' là Nhân (người), 'Bổn Nguyện' là Pháp, đề kinh này do chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra. Trong kinh, Phật nói kinh này có thể dùng ba Đề Kinh, ba Đề Kinh này đều là do Phật nói. Thứ nhất là 'Địa Tạng Bổn Nguyện', trong pháp hội này Thế Tôn vì chúng ta tuyên thuyết 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện'. Cũng có thể gọi là 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Hạnh', Hạnh và Nguyện giống nhau, có Nguyện nhất định sẽ có Hạnh. Dùng cách nói hiện nay thì ý nghĩa của Hạnh là sanh hoạt, tu trì, xử sự, đãi người, tiếp vật của Địa Tạng Bồ Tát, những thứ này đều là Bổn Hạnh của Ngài. Còn gọi là 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Thệ Lực Kinh', 'Lực' là hiển thị năng lực thù thắng của Ngài. Hiện nay chúng ta xem Đề Kinh 'Địa Tạng Bổn Nguyện' là do người phiên dịch chọn ra từ ba Đề Kinh nói trên, vì trong Bổn Nguyện bao gồm cả Bổn Hạnh, và Bổn Thệ Lực, ý tứ đều gói gọn trong đó.

Trên mặt Sự thì chữ Địa trong chữ Địa Tạng là đại địa. Đại địa là nơi vạn vật dựa vào để sinh tồn, bất cứ một vật gì tách lìa khỏi đại địa đều không thể sinh tồn, thế

nên ở Trung Quốc rất coi trọng Thiên và Địa. Trong Bát Quái thì Tướng của Địa là thuộc quẻ Khôn, Đức của Địa là Mẫu (mẹ), Kinh Dịch nói: *'Chí tai Khôn nguyên' (Quẻ Khôn lớn lao thay)*, chí là đến cùng cực. Đây là hình dung đại địa vạn vật tư sanh, hết thảy vạn vật đều sanh từ đại địa, thế nên ý nghĩa của 'Địa' là năng trì (nâng giữ), năng dục (nuôi nấng), năng tải (chở), năng sanh. Phật dùng chữ này để thí dụ cho tâm địa của chúng ta, tâm địa của chúng ta đích thật đầy đủ các ý nghĩa này. Dùng cách nói của Phật pháp, [tâm có những ý nghĩa] trụ trì, sanh trưởng, đảm đương. 'Trụ' là hết thảy vạn pháp nương chân tánh mà trụ, hết thảy vạn pháp đều sanh từ chân tánh, kinh Hoa Nghiêm nói *'Duy tâm hiện, duy thức biến'*. Chư Phật Như Lai trụ ở Nhất Chân pháp giới, chín giới chúng sanh trụ ở Thập pháp giới, y báo, chánh báo trang nghiêm đều biến hiện từ Tánh Địa ra. Tánh là năng biến *(chủ thể biến)*, vạn pháp là sở biến *(những vật được biến)* . Trong tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, hết thảy vô lượng vốn đều đầy đủ.

Mục đích của nền giáo học Phật pháp là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, tại sao lấy việc này làm mục đích? Sau khi minh tâm kiến tánh, vấn đề gì cũng tự nhiên được giải quyết hết. Vả nữa, chuyện này nhất định có thể xảy ra, nhất định có thể làm được. Tại sao lại khẳng định như vậy? Vì mỗi người đều có chân tánh, chân tánh chẳng phải đến từ bên ngoài; những gì đến từ bên ngoài chưa chắc có thể làm được, tự tánh vốn có đủ, đâu có lý nào làm chẳng được? Vấn đề là chỉ cần chúng ta có thể khôi phục tự tánh. Thật ra tự tánh đâu cần phải khôi phục, hôm nay tánh đức của chúng ta có chướng ngại, chỉ cần dẹp trừ chướng ngại này, tự tánh tự nhiên sẽ hiện tiền, cũng như mây bay sương tan, ánh sáng mặt trời sẽ chiếu rọi khắp nơi. Ánh sáng mặt trời ví như tánh đức của chúng ta, mây mù ví như chướng ngại, chướng ngại là giả, ánh mặt trời là thật. Lìa khỏi 'vọng' thì 'chân' sẽ hiện tiền, thế nên chân tánh chẳng cần phải tìm cầu; [những gì] bạn cầu đều là hư vọng, chẳng cần phải cầu, lìa khỏi vọng tức là chân.

Phật dạy chúng ta trong chân tâm có đầy đủ tam đức. Pháp thân là chân thân của chúng ta, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng cấu (dơ) chẳng tịnh, trong Thiền Tông gọi *'mặt mũi vốn sẵn có lúc cha mẹ chưa sanh ra'* 3***[3]*** chính là cái này. Đáng tiếc là chúng ta từ vô thỉ đến nay khi khởi tâm động niệm, vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại mất quang minh và đức dụng của tự tánh, tác dụng hiện tiền này chịu tổn thất lớn lao. Trong một trăm phần tác dụng, những gì hiện nay chúng ta có thể cảm thọ được chẳng đến một phần trăm, chín mươi chín phần trăm tác dụng chẳng thể hiện tiền, bạn nói việc này có đáng tiếc hay chăng! Tại sao lại có hiện tượng này? Vì mê mất rồi, chẳng biết tự mình vốn có đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng; mê mất rồi, mê quá lâu, mê quá sâu đậm, mê quá rộng lớn. Phật thấy chúng ta như vậy nên sanh tâm thương xót, giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta khôi phục. Việc này cần phải có tu hành. 'Nhân tu vạn hạnh, quả viên vạn đức', phương pháp tu hành vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên phương pháp thì có pháp phương tiện, cũng có pháp chẳng phương tiện, hết thảy đức Phật đều nói cả rồi. Thế nên Phật vì chúng sanh diễn thuyết vô lượng pháp môn, trong tứ hoằng thệ nguyện nói đến *'Pháp môn vô lượng thệ nguyện học'*. Tại sao đức Phật phải dạy vô lượng pháp môn? Vì căn tánh chúng sanh chẳng giống nhau, căn tánh của chúng sanh cũng là vô lượng vô biên. Giáo học thuận theo căn tánh chúng sanh thì học tập sẽ dễ thành tựu; nếu chẳng thuận theo căn tánh chúng sanh thì sự tu học của họ sẽ khó khăn. Vả nữa, trong hết thảy pháp môn, pháp phương tiện nhất, ổn đáng nhất, dễ dàng nhất thì chẳng gì hơn pháp môn Niệm Phật. Trong kinh này đức Phật dạy chúng ta niệm Phật, chí tâm xưng danh, và trong kinh Vô Lượng Thọ dạy *'Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm',* [cả hai đều] cùng chung

---

3[3] Nguyên văn: Phụ mẫu vị sanh tiền bổn lai diện mục

một đạo lý, chung một sự việc. Nếu chúng ta không thể tiếp nhận pháp môn này, nghi hoặc pháp môn này, Phật lại mở ra pháp môn phương tiện khác cho bạn, đây chính là Phật dạy người pháp môn hạng nhất.

Tại sao nói pháp môn này là pháp môn hạng nhất? Nếu chúng ta quán sát kỹ càng trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta biết nguyên lý, nguyên tắc căn bản thì chúng ta liền nghĩ ra, liền thể hội được. Phật dạy: chư pháp, hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều *'duy tâm sở hiện, duy thức sở biến'*, tám chữ này là căn bản; đạo lý của hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều bao trùm hết cả. Lại nói rõ thêm rằng *'hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh'*, tức là giải thích *'duy thức hiện'*. Tâm có thể hiện tướng, tướng khởi biến hóa là do tác dụng của tâm; tâm này tức là Thức, Thức Tâm, chúng ta gọi là 'niệm đầu'. Chúng ta hiểu được nguyên tắc này, Phật nói niệm Phật, thì chúng ta liền hiểu, chúng ta liền gật đầu. Tại sao? Niệm Phật thì làm Phật, vô cùng trực tiếp, ổn đáng. Tại sao niệm A La Hán thì chứng A La Hán, niệm Bồ Tát thì thành Bồ Tát, sau cùng niệm Phật thì thành Phật, như vậy không phải dài dòng sao? Đi vòng vo. Tại sao bạn không trực tiếp niệm Phật? Trong sự niệm Phật, câu này là do đức Thế Tôn trong kinh luận nói với chúng ta, A Di Đà Phật *'tôn quý nhất trong các thứ ánh sáng, vua trong chư Phật'* 4***[4]***, A Di Đà Phật là hạng nhất. Niệm A Di Đà Phật thì sẽ làm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật thì sẽ thành A Di Đà Phật, vậy tại sao phải niệm Phật khác. Những Phật khác sánh với A Di Đà Phật đều thấp một bậc, thế thì tại sao lại chẳng trực tiếp niệm A Di Đà Phật viên mãn, rốt ráo! Chúng ta phải thông qua những đạo lý này mới khẳng định A Di Đà Phật là đệ nhất. Thực sự minh bạch, hiểu rõ, thì niệm niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật, đó mới là người niệm Phật chân chánh. Con đường của pháp môn niệm Phật là 'Đạo cộng Giới', hết thảy giới luật đều viên mãn đầy đủ. Bạn chẳng phạm giới, chẳng phá giới là 'Đạo cộng Giới'. Đắc thiền định là 'Định cộng Giới'. Định cộng Giới chẳng bằng Đạo cộng Giới, Đạo cộng Giới chẳng bằng 'Niệm Phật cụ túc viên mãn giới luật', 'thanh tịnh giới luật'. Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật thì mới thực sự đại viên mãn.

Thế nên trong pháp môn này, Phật dạy chúng ta *'chí tâm xưng danh, niệm tụng'*; niệm tụng tức là đọc tụng Đại Thừa. Trong sự đọc tụng kinh điển Đại Thừa thì kinh Vô Lượng Thọ là hạng nhất, lúc giảng giải tôi đã phân tích rõ cho mọi người rồi. Chúng tôi không có khả năng phân tích như vậy, mà chính là cổ đại đức thời Tùy, Đường nói cho chúng ta biết *"Hết thảy kinh đến sau cùng đều quy về kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm quy về Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ quy về bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy về nguyện thứ mười tám"*. Hiện nay có người đề xướng Bổn Nguyện Niệm Phật, trong Bổn Nguyện đặc biệt chú trọng nguyện thứ mười tám. Hoàn toàn y theo nguyện thứ mười tám niệm Phật, có thể vãng sanh hay không? Nếu thật sự y theo thì nhất định sẽ được sanh! Nếu chỉ đề xướng lâm chung mười niệm, một niệm đều có thể vãng sanh, lúc bình thường có thể khỏi giữ giới luật, có thể làm chuyện hồ đồ sai trái, có thể tạo tác tội nghiệp, đến lúc lâm chung niệm Phật cũng có thể vãng sanh thì lời này nói chẳng sai, nhưng lúc lâm chung bạn có nắm chắc có thể niệm Phật được hay không? Bạn hãy quan sát kỹ phần đông những người lâm chung có đầu óc tỉnh táo hay chăng? Nếu lúc lâm chung hồ đồ, mê man, người khác giúp họ niệm thì họ cũng chẳng chịu nghe. Lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, Phật hiệu nghe chẳng lọt vào tai, thậm chí nghe Phật hiệu liền sanh phiền não. Tôi đã đích thân chứng kiến hạng người này, niệm Phật suốt cả đời nhưng đến lúc lâm chung chẳng chịu niệm, tham sống sợ chết, không thể buông xuống. Bổn nguyện như đã nói đó không sai, nhưng trên phương diện sự tướng thì rất khó, khó vô cùng! Đó là thiện căn phước đức nhân duyên

---

4[4] Nguyên văn: Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương

như thế nào, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Cổ đại đức đúng là từ bi đến cùng cực, phân tách cho chúng ta rất rõ ràng, rất tường tận, khuyên chúng ta đừng giữ tâm niệm cầu may, nhất định phải 'chân đạp thật địa', hết lòng nỗ lực tu học, lúc lâm chung mới nắm chắc. Người cầu may đến sau cùng nhất định sẽ thất vọng. Thế nên đề xướng Bổn Nguyện, xả bỏ giới hạnh là đi con đường nguy hiểm. Những luận điệu này bề ngoài hình như cũng có đạo lý, trong kinh Phật có nói như vậy, nhưng nếu bạn phân tách cặn kẽ thì không có đạo lý, đều là giải thích sai ý nghĩa của Phật, giải méo mó rồi, do đó *'nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa'* đâu có dễ dàng như vậy ư!

Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế, kinh Vô Lượng Thọ khẳng định là đã được giảng nhiều lần, mỗi lần tuyên giảng pháp môn này thì thính chúng đều khác nhau. Trong kinh ghi Thường Tùy Chúng là bao nhiêu đó người, trừ những vị Thường Tùy Chúng ra, phần đông những người còn lại [trong mỗi lần giảng đều] chẳng giống nhau. Thế nên đức Phật đối với sự giới thiệu Tịnh Tông, giới thiệu Tây phương Cực Lạc thế giới có giản lược, tường tận khác nhau, nên sau này kết tập kinh điển, nội dung kinh điển khác biệt rất lớn. Rõ ràng nhất là bốn mươi tám nguyện trong năm bản dịch gốc, có kinh thì ghi hai mươi bốn nguyện, có kinh thì ghi bốn mươi tám nguyện, có kinh thì ghi ba mươi sáu nguyện, đây là sự khác biệt rõ ràng nhất. Nếu đức Phật chỉ giảng một lần, bất luận người dịch kinh là ai, con số này nhất định phải giống nhau, không thể nào khác biệt nhiều như vậy, từ chỗ này có thể chứng minh là Phật đã giảng kinh này nhiều lần. Chúng ta muốn nhận thức tây phương Cực Lạc thế giới, hiểu rõ viên mãn thì phải đọc hết những lần Phật giới thiệu [ghi trong những bản kinh gốc này].

Kinh điển thời xưa đều được chép bằng tay, số lượng lưu thông rất ít, một người trong đời có cơ hội đọc hết năm bản dịch gốc này là người có phước báo to lớn, nhân duyên thù thắng. Phước báo của cư sĩ Vương Long Thư triều Tống rất lớn, đương nhiên cũng được Phật lực gia trì, trong năm bản dịch gốc ông chỉ đọc được bốn bản và chẳng có dịp coi bản kinh Đại Bảo Tích dịch đời Đường. Cho nên trong bản dịch Vô Lượng Thọ Hội trong kinh Đại Bảo Tích có một số đoạn rất quan trọng mà bốn bản dịch gốc kia chẳng có. Cư sĩ Vương Long Thư cũng thực sự vô cùng tài giỏi, biết phần đông người ta rất ít cơ hội xem được nhiều bản kinh như vậy nên ông bắt đầu hội tập. Hội tập tức là tập hợp những bản dịch gốc, hội tập những lời nói của Phật trong mỗi bản dịch gốc lại, đọc bản hội tập này giống như đọc bốn bản dịch gốc kia vậy, đây là một chuyện tốt, đại từ đại bi.

Bản này được ghi vào Đại Tạng kinh, được nhập tạng nghĩa là được những đại đức trong nhà Phật thời xưa nhìn nhận, khẳng định cách làm này chính xác, chẳng sai. Vì vậy bản hội tập của Vương Long Thư được lưu truyền đến đời sau, những lời trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ ghi trong cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư phần đông đều lấy từ bản hội tập của ông Vương, như vậy nghĩa là bản này được sự khẳng định của Liên Trì đại sư. Về sau có bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh, bản hội tập của Ngụy Mặc Thâm. Bản của ông Vương và ông Ngụy đều có khuyết điểm, khuyết điểm này chính là 'lấy bỏ' *(chọn lựa chữ)* chẳng hoàn thiện, chẳng xứng; họ đã sửa đổi văn tự của bản dịch gốc. Đối với họ mà nói thì sự sửa đổi này chẳng có vấn đề, đích thật còn hay hơn văn tự của bản dịch gốc. Ấn Quang đại sư chẳng tán thành, ngài có đạo lý là vì sợ người đời sau tùy tiện sửa đổi lời kinh. Họ đã sửa đổi kinh văn và mở ra một tiền lệ, làm cho người đời sau noi theo đó mà sửa đổi kinh văn, kinh này truyền đến các đời sau thì sẽ thay đổi mất hết, tuyệt đối chẳng thể mở ra thói quen này. Ấn Tổ phản đối có hai điểm, một là chỗ lấy bỏ không thỏa đáng, hai là sửa đổi nguyên văn, chứ chẳng nói rằng không được hội tập.

Đến những năm đầu thời Dân Quốc, bản hội tập của [lão cư sĩ] Hạ Liên Cư ra đời, bản hội tập này thực sự rất hoàn thiện. Nhưng có một số người chấp trước thành kiến, phản đối bản hội tập này, muốn đề xướng đọc năm bản dịch gốc. Nếu phản đối bản hội tập, đề xướng một trong năm bản dịch gốc, thì trong bốn bản còn lại vẫn còn một số kinh văn quan trọng sẽ chẳng đọc đến. Mục đích của việc đọc tụng Đại Thừa là để phá nghi sanh tín, là để xây dựng lòng tin. Đây đều là thiên lậu chấp, thiên kiến, thiển kiến, hiểu biết nông cạn, những chấp trước này đều sai lầm. Lại nói cụ Hạ là cư sĩ, cư sĩ chẳng có tư cách để hội tập kinh tạng. Vương Long Thư là cư sĩ, Bành Tế Thanh cũng là cư sĩ, Ngụy Nguyên cũng là cư sĩ; Liên Trì đại sư là người xuất gia, là Tổ sư Tịnh Độ Tông. Liên Trì đại sư có thể dùng bản của ông Vương, Liên Trì đại sư chẳng nói "Vương Long Thư là cư sĩ, chẳng có tư cách hội tập", chẳng nói như vậy. Nếu nói người tại gia không thể làm chuyện này, nhất định phải là người xuất gia mới làm được, thế thì Phật pháp đã mất bình đẳng, nói cách khác, quyết định chẳng thể vãng sanh Tịnh độ. Tịnh độ là pháp bình đẳng, trong đề kinh có ghi 'Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác', tâm của bạn chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng chẳng thể vãng sanh. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, tâm bình thì cõi nước bình, Tây phương Cực Lạc thế giới là cõi nước thanh tịnh, bình đẳng, chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Cụ Hạ chẳng phải người thường, sau khi bản hội tập của cụ ra đời, rất tiếc là Ấn Quang đại sư đã vãng sanh, Ấn Tổ chẳng xem qua bản này, tôi tin tưởng nếu Ấn Tổ xem bản này nhất định sẽ tán thán, sẽ tán thành. Tại sao vậy? Những lỗi lầm của các bản hội tập trước kia bản này đều chẳng có, bản hội tập này chẳng sửa đổi một chữ nào trong các bản dịch gốc, lại chọn lựa chữ vô cùng hợp lý, đương thời Huệ Minh lão hòa thượng khẳng định, đương thời đại đức bên Luật Tông là Từ Châu lão hòa thượng cũng khẳng định. Lão hòa thượng Từ Châu dùng bản hội tập này giảng tại Tế Nam, đại đức tại gia là lão cư sĩ Mai Quang Hy dùng bản hội tập này giảng trên đài phát thanh Trung Ương. Ngày nay bản hội tập này đã lưu thông khắp thế giới, phù hợp với lời tiên tri của lão cư sĩ lúc lâm chung, ngài nói với học trò rằng tương lai bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền trở về Trung Quốc, lời này đã thành sự thật. Lúc bấy giờ mọi người đều hoài nghi, ngày nay đã khẳng định rồi, quả thật là như vậy. Ngài lại nói kinh này sẽ truyền khắp thế giới, bản hội tập của cụ Hạ hoàn toàn tương ứng với lời tiên tri của cụ. Chúng ta nhất định phải có lòng tin kiên định, nhất định chẳng hoài nghi, y giáo phụng hành, phải thường đọc tụng. Những gì trong kinh Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta phải hết lòng nỗ lực làm theo; những gì Phật dạy chúng ta không được làm, chúng ta nhất định phải tuân thủ. Niệm Phật như vậy phát nguyện vãng sanh thì đời này chúng ta mới thành tựu, chúng ta phải tin tưởng lời Phật dạy.

Mỗi chữ mỗi câu trong bản hội tập của cụ Hạ đều là nguyên văn từ năm bản dịch gốc, nếu có nghi hoặc thì chư vị có thể lấy năm bản dịch gốc ra để đối chiếu, lúc trước tôi đã in, tên cuốn này là 'Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bổn'. Trong đó có năm bản dịch gốc, bốn bản hội hiệu, tổng cộng chín bản của kinh Vô Lượng Thọ đều nằm trong cuốn này, mọi người có thể đối chiếu. Ba bản dịch của kinh Di Đà, ba bản này là: bản dịch của La Thập đại sư, bản dịch của Huyền Trang đại sư, bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, cả ba đều in chung. Mục đích in cuốn này là để xây dựng lòng tin vững chắc cho chư vị đồng tu, đừng để người ta lung lạc dễ dàng, làm hỏng đại sự nhân duyên của chúng ta trong đời này, như vậy thì rất đáng tiếc.

Chúng ta nhất định phải biết đọc tụng Đại Thừa, quy y kinh Vô Lượng Thọ, cung kính A Di Đà Phật, biết hết lòng tu pháp cúng dường. Trong những buổi giảng chúng tôi đã báo cáo tường tận cho chư vị, làm sao cúng dường? *'Cúng dường Như Lai, cúng dường chúng sanh, như giáo tu hành cúng dường',* đây là chân cúng dường, cúng

dường như vậy tức là chân chánh cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Chúng ta tổng kết ý tứ trong kinh này, nếu chúng ta có thể thật sự chí tâm xưng danh, đọc tụng Đại Thừa, quy y cung kính cúng dường, công đức của người này chẳng thể đo lường nổi. Người ấy nhất định sẽ được chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát gia trì, chẳng phải chỉ có Địa Tạng Bồ Tát mà thôi; oai thần của những đại Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền gia trì, tất nhiên sẽ được quả báo chẳng thể nghĩ bàn.

Trong kinh này Phật nói với chúng ta, Địa Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp qua, dùng vô lượng vô biên hóa thân phóng quang thuyết pháp, phổ độ chúng sanh, thường trụ trong thế giới U Minh. U Minh pháp giới là như thế nào? Chúng ta làm sao học tập? Chúng ta phải chui vào địa ngục chăng? Nhất định phải hiểu nghĩa thú, tiêu biểu pháp của từng câu từng chữ trong kinh văn. Ý nghĩa của U Minh pháp giới là dạy chúng ta phải hạ thấp tư thế, làm việc thiện chẳng cần phải để cho người ta biết, chẳng cần phải biểu dương, đây tức là U Minh pháp giới. Làm một cách âm thầm, hết lòng nỗ lực làm, xả bỏ hết thảy danh văn lợi dưỡng tức là ở trong U Minh pháp giới, thành tựu công đức chân thật của mình, niệm niệm đều làm lợi ích cho chúng sanh trong lục đạo. Kinh này dạy chúng ta biết quan hệ của chúng ta với chư Phật Bồ Tát, quan hệ của chúng ta với lục đạo chúng sanh, phàm phu vô tri thật đúng như câu mạnh ăn hiếp yếu, tàn hại hết thảy chúng sanh. Những chúng sanh này cũng là phàm phu, cũng đều mê hoặc điên đảo. Mê hoặc điên đảo thì tâm báo phục sẽ chẳng tiêu mất, bạn làm tổn hại chúng nó, tâm oán hận của chúng nó sẽ vĩnh viễn ẩn chứa trong A Lại Da Thức, khi gặp cơ hội làm sao chúng nó không báo thù cho được! Sự báo thù này chính là tai nạn hiện nay trên thế giới, tai nạn to lớn! Trong kinh Phật nói về đao binh kiếp. Đao binh kiếp trở về sau tức là chiến tranh nguyên tử.

Nguyên nhân của kiếp đao binh là gì? Là ăn thịt chúng sanh. Đức Phật nói rất rõ ràng, muốn miễn trừ kiếp đao binh trên thế giới, trừ phi chúng sanh không ăn thịt thì đao binh kiếp này mới có thể hóa giải. Lúc trẻ tuổi vô tri, không ăn thịt nó thì cũng sát hại nó. [Thí dụ như loài] kiến, chúng tôi thấy rất nhiều người đã từng tạo tội nghiệp này. Kiến bò vào nhà, bực mình quá, nấu một nồi nước sôi luộc cho chúng chết hết! Chúng tôi thấy rất nhiều người làm như vậy, chúng tôi cũng đã từng làm, mặc sức gây tổn hại cho những động vật nhỏ nhoi này. Lúc trước chẳng biết, bây giờ mới biết mình đã phạm tội lỗi nặng nề. Phật dạy chúng ta 'phát lồ sám hối', hôm nay chúng ta biết rồi, biết mình đã làm sai quấy, hết lòng tu hành, hết thảy những công đức mỗi ngày đọc tụng, cúng dường, tu học đều hồi hướng cho những oan gia chủ nợ này. Chúng ta không dám hưởng công đức ấy, chỉ hy vọng hóa giải hết những oan kết này, được vậy thì trên con đường Bồ Đề chúng ta mới được thuận buồm xuôi gió, không bị chướng ngại. Nếu không thì thường nói đến nghiệp chướng hiện tiền, nghiệp chướng làm sao mới không hiện tiền? Làm sao những chúng sanh bị bạn hại có thể tha thứ cho bạn dễ dàng như vậy? Không thể nào!

Chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, dùng tâm chân thành giúp đỡ cho họ phá mê khai ngộ, giúp họ lìa khổ được vui. Tâm như đại địa, hết thảy pháp và chúng sanh nương nhờ vào đó để trụ trì, sanh trưởng, đảm đương. Bởi vậy nên trong kinh nói: *'Tâm như đại địa, có thể an hết thảy'*. Đây là dùng đại địa ví như Tâm, ví như Thức. Ngày nay chúng ta nhìn thấy đại địa, chân đạp trên mặt đất, phải biết hồi quang phản chiếu. Địa là tâm địa của chúng ta, tâm địa bình đẳng, gánh vác chư pháp, gánh đội cho hết thảy chúng sanh. Người bạn ưa thích, thương mến cư trú trên mặt đất này, người bạn chán ghét, oán hận cũng cư trú trên mặt đất này, đại địa chẳng phân biệt thân, oán, chẳng có tốt, ác, chúng ta phải học [bản tính này của] đại địa. Tâm địa của chúng ta vốn cũng giống như đại địa, hiện nay thì trong ấy khởi tâm động niệm, phân biệt tốt ác, phân biệt đẹp xấu, đó là sai lầm. Mặt đất chẳng phân biệt, nói cách khác, chân tâm

chẳng phân biệt, vọng tâm còn phân biệt, vọng tâm là sai lầm. Biết được vọng tâm đang phân biệt thì biết tâm chúng sanh; biết đại địa chẳng phân biệt, thì biết chân tâm. Thế nên lập luận của kinh này là chân tâm và vọng tâm. Đây là nói về chữ 'Địa'.

Chữ thứ hai là 'Tạng', Tạng nghĩa là chứa, hàm chứa, người thế gian chúng ta gọi là kho chứa, kho báu. Trân bảo của người thế gian đều phải cất giữ đàng hoàng, những của cải này có thể bảo đảm an toàn cho đời sống của họ. Nếu mất đi tiền tài, của báu, thì họ sẽ cảm thấy lo sợ, đời sống chẳng được bảo đảm, thế nên người thế gian ai cũng hy vọng cất dấu những trân bảo, tiền tài này. Phật dùng việc này để tỷ dụ, trong tự tánh chúng ta có kho báu, đó là 'Tam Đức Bí Tạng' trong chân tâm tự tánh của chúng ta. 'Pháp thân' là chân thân, Tông Môn gọi là 'mặt mũi vốn sẵn có khi cha mẹ chưa sanh ra'. Bổn lai diện mục là Pháp thân, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng dơ chẳng sạch. Thứ hai là Bát Nhã, Bát Nhã là trí huệ, trí huệ cứu cánh viên mãn trong tự tánh vốn sẵn có đầy đủ, chẳng phải đến từ bên ngoài. Vô lượng vô biên trí huệ, thế giới ấy, phương kia, quá khứ, vị lai không có gì chẳng biết, đó là 'sở tri' *(những gì mình biết)*. Sở tri hiện tại chẳng biết, chẳng biết thì trở thành chướng ngại. 'Sở tri' là vốn sẵn có, hiện nay có một cái 'chướng', che lấp 'Sở tri' của mình, đó gọi là 'sở tri chướng'. Dụng ý của tên gọi Sở tri chướng và Phiền não chướng khác nhau, phiền não chính là chướng ngại, sở tri chẳng phải chướng ngại, cái chướng gây chướng ngại cho 'Sở tri' gọi là sở tri chướng.

Nếu chúng ta dùng danh tướng trong Phật pháp để nói về vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chấp trước là phiền não chướng, hoàn toàn là phiền não; trong phân biệt có một phần là phiền não, một phần là sở tri chướng; trong vọng tưởng hoàn toàn là sở tri chướng. Có người hỏi vô minh từ đâu đến? Vô minh làm sao đến? Thực ra đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hội Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, rất thấu triệt, người đọc kinh Lăng Nghiêm đều 'nuốt trọng cả trái táo', đều hàm hồ lướt qua. Phật giảng rất rõ ràng: *'Từ nơi tri kiến lập ra cái hiểu biết, đó chính là cái gốc của vô minh'* 5***[5]***. Cái gì gọi là tri kiến? 'Tri kiến' chính là 'Sở tri', Sở tri chính là trí huệ Bát Nhã. Trong cái 'Sở tri' bạn còn muốn lập ra một cái 'Tri', vậy là sai rồi, trên đầu lại gắn thêm cái đầu, đó chính là căn bản của vô minh. Bạn đừng lập một cái 'Tri' trên cái 'Sở Tri' thì trí huệ của bạn sẽ hiện tiền; nếu bạn cứ muốn lập một cái 'Tri' thì chẳng còn cách gì khác nữa! Chúng ta nêu một thí dụ; [Hòa thượng cầm cuốn sách dơ lên] các bạn hãy coi rõ cái này, chúng ta dùng cái này để thí dụ, mọi người nhìn thấy rõ ràng, minh liễu, đây là sở tri, đây là tri kiến. Nhưng cứ nói: *'Trên tay pháp sư cầm một cuốn sách'*, như vậy là xong rồi, lập tức liền rơi vào vô minh. Vật này gọi là sách hay sao? Vật này gọi là tay hay sao? Tay là do bạn kiến lập nên, Sách là do bạn kiến lập nên; bạn muốn kiến lập cái này gọi là Sách, cái này gọi là Tay, vậy thì bạn sai rồi, đây là vô minh. Lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng rất thông minh, Lão Tử đã biết: *'Tên mà có thể gọi được thì không phải là tên thường hằng, đạo mà có thể nói được thì không phải là cái đạo thường hằng'* 6***[6]***. Một khi bạn nói ra cái tên thì đã sai rồi, đó là ý tứ riêng của bạn, chẳng phải là chân tướng sự thật. Thế nên bạn lập Tri trên tri kiến thì bạn sẽ đọa vào vô minh, bạn đã khởi vọng tưởng, trong vọng tưởng lại có phân biệt, lại có chấp trước, cả đống chuyện phiền phức cùng đến, đều đến một lượt.

Phật thuyết pháp cho chúng ta, Phật nói: 'Ngã', nhưng chẳng chấp trước Ngã, việc này rất cao minh. Lục Tổ hỏi Vĩnh Gia*: 'Ông còn có phân biệt hay không?'*. Vĩnh Gia đáp rất hay: *'Phân biệt cũng chẳng phải ý'*. Tôi phân biệt tức là chẳng có phân biệt, trong tâm thực sự chẳng có phân biệt, sạch sẽ. Phân biệt cái gì? Vì đại chúng

---

5[5] Nguyên văn: *Tri kiến lập tri, thị vô minh bổn*

6[6] Nguyên văn: *Danh khả danh, phi thường danh. Đạo khả đạo phi thường đạo*

phân biệt. Cho nên *'nói tức là không nói, không nói tức là nói'*, bạn muốn nói là 'nói', bạn chẳng hiểu ý của 'không nói' (vô thuyết), bạn cũng chẳng hiểu ý của Phật. Nếu 'nói' và 'không nói' phân cắt thành hai, 'nói' cũng sai, 'không nói' cũng sai. #

'Nói' là gì? Phân biệt, chấp trước'; 'Không nói' là vô minh, đều lọt vào hai bên. Phải biết 'Nói' và 'Không nói' là một, chẳng phải hai, 'nói tức là không nói, nghe tức là không nghe', bạn thông rồi, chướng ngại đều chẳng còn. Nếu bạn thể hội được chuyện này thì chân tướng của vũ trụ nhân sanh sẽ rõ ràng, bạn sẽ chân chánh nhập vào pháp môn bất nhị. Người thế gian đáng thương sống trong 'tương đối', tương đối tức là hai, đối lập. Nói 'lớn' đối lại với 'nhỏ', nói 'không' thì bên kia có 'hữu', đều ở trong tương đối; nói 'Tôi' thì đối diện sẽ có 'Người'. Đến lúc nào bạn có thể giác ngộ đến *'tôi và người chẳng hai', 'không và có chẳng hai', 'tánh và tướng chẳng hai', 'lý và sự chẳng hai', 'sự và sự cũng chẳng hai'* thì bạn mới nhập vào Phật pháp, thì bạn mới hiểu Phật pháp. Cho nên Phật pháp khó, khó ở chỗ nào? Tức là khó ở chỗ này. Khó cái gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vĩnh viễn chẳng buông xuống nổi, chỉ cần không buông nổi thì bạn sẽ chẳng nhập vào cánh cửa Đại Thừa được, Đại Thừa và bạn chẳng có phần. Bạn tu học Đại Thừa chỉ là tu học một thứ thường thức ngoài da mà thôi, Đại Thừa chân chánh ra sao thì bạn chẳng thể hội nổi. Đây là nói với các bạn về Bát Nhã.

Vẫn còn một cái 'Bí Tạng', 'Bí' là bí mật, 'Tạng' là hàm chứa trong tự tánh. 'Giải thoát' chính là đại tự tại, tức là 'Sự sự vô ngại' nói trong Hoa Nghiêm, đều là vốn sẵn có trong tự tánh, vốn có sẵn đầy đủ. Đây là ý nghĩa của 'Tạng', đây gọi là 'Tam Đức', tam đức trong tự tánh. Tại sao gọi là 'Bí Tạng'? Bí là giống như bí mật, phần đông phàm phu chẳng thể cảm giác, lục căn tiếp xúc chẳng đến; chẳng thể cảm giác thì hình như rất 'bí [mật]', cũng giống như chất chứa ở một chỗ nào đó, 'Tạng' chẳng bị người phát giác. Nói cách khác tức là chúng sanh chẳng thể minh liễu, chẳng thể lý giải, nên được gọi là Bí Tạng. Trong tâm tánh đích thật bao gồm vô lượng vô biên hết thảy pháp, trong bổn tánh vốn sẵn có đầy đủ, dùng chẳng hết, đó là ý của 'Tạng'. Cũng giống như mỏ vàng ở thế gian chúng ta, trong mỏ này hàm chứa rất nhiều vàng, bạn lấy, bạn dùng, lấy chẳng hết, dùng chẳng hết. Nhưng mỏ vàng ở đâu bạn chẳng biết, bạn chẳng hiểu, như vậy nên biến thành 'bí tạng'. Phật dùng cái này để thí dụ bảo tàng trong tâm địa chúng ta. Hàm tàng của đại địa so với hàm tàng của tâm địa thì chẳng ra gì cả, bảo tạng hàm chứa trong tâm tánh chúng ta là tận hư không, trọn khắp pháp giới, Phật pháp của hết thảy chư Phật, vô lượng thế giới của hết thảy chúng sanh đều hàm chứa ở trong ấy. Chỉ cần bạn khai phá bảo tàng trong tâm địa, nói cho các bạn biết toàn bộ pháp thế gian, xuất thế gian đều thông đạt, hết thảy đều chẳng có chướng ngại.

Giáo học của Phật pháp là khai phá bảo tạng của tự tánh. Phải dùng cái gì để khai mở bảo tạng của tự tánh? Công cụ ấy nhất định phải xứng tánh, công cụ chẳng xứng tánh thì không thể khai mở bảo tạng của tự tánh. Công cụ xứng tánh là gì? Đó chính là 'Hiếu' và 'Kính', cho nên 'Địa Tạng' xưng là Hiếu kinh của nhà Phật. Dùng ngôn ngữ hiện nay để nói thì 'Kinh Địa Tạng' chính là 'Hiếu đạo' và 'Sư đạo', 'Hiếu thân tôn sư' có thể khai phát bảo tạng trong tự tánh. Nếu bạn chẳng thể hiếu thuận cha mẹ, chẳng thể tôn trọng thầy giáo, bạn vĩnh viễn sẽ ở ngoài cửa Phật pháp, nói cách khác bạn học Tiểu Thừa có lẽ đạt được một chút thành tựu, nhưng học Đại Thừa thì chẳng có phần; Đại Thừa là khai phát tự tánh, chẳng giống với Tiểu Thừa. Tiểu Thừa là ở trên Sự Tướng, nói cách khác, vẫn còn là thế pháp. Pháp xuất thế trong Tiểu Thừa bạn cũng không đạt được, nói cách khác tuy bạn học Tiểu Thừa bạn chỉ có thể dừng ở Sơ Quả, còn cảnh giới của Nhị Quả, Tứ Quả sẽ chẳng chứng nổi. Muốn chứng Tiểu Thừa Tứ Quả, quả vị cao nhất của Tiểu Thừa thì cũng phải hiếu thân tôn sư. Đây là chân lý, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai cũng chẳng ngoại lệ.

Trong Quán Kinh đức Phật giảng về Tam Phước, ba tịnh nghiệp này là *'Chánh nhân Tịnh Nghiệp của ba đời chư Phật'*. Lời này vô cùng rõ ràng, minh bạch, khi chúng ta nhắc tới chư vị đồng tu đều nhớ, cũng có thể giảng nói, nhưng chẳng chịu làm, vậy thì không còn cách gì khác. Nếu một ngày nói cả ngàn lần, cả vạn lần cũng chẳng có ích gì cả, *'nói đồ ăn, đếm của báu'* có ích lợi gì ? Nhất định phải tự mình làm hết lòng, làm cho bằng được! Mở rộng tâm hiếu thuận cha mẹ đến hiếu thuận hết thảy chúng sanh, chư Phật Như Lai đích thật là tu như vậy. Hết thảy chúng sanh chính là cha mẹ mình, chẳng phải là người ngoài, hết thảy chúng sanh đều là thầy của mình, đọc xong Hoa Nghiêm đáng lý bạn phải tin tưởng chứ. Không những hết thảy người là thầy giáo, hôm qua chúng ta đã nói cây, lá, hoa, cỏ, không có gì chẳng là thầy giáo cả? Khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, thật sự là khi chúng ta sờ mó, nhìn thấy một hạt bụi, một lỗ chân lông bèn có thể tỉnh ngộ, đó chính là thầy giáo. Hôm qua nhìn thấy cây, hột giống là tín tâm, rễ là từ bi, thân là trí huệ, cành nhánh là năm độ, nhìn thấy chỗ nào thì trong tâm đều khai trí huệ. Đúng như Huệ Năng nói với Ngũ Tổ: *'Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ'*. Ngài làm sao không thường sanh trí huệ? Lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài đều khai ngộ, đây tức là thường sanh trí huệ. Ngày nay lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài đều sanh phiền não, nếu thuận theo ý tứ của mình thì sanh tham ái, tham ái là phiền não; không hợp với ý tứ của mình thì chán ghét, chán ghét sanh phiền não. Người ta lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần thì sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não, đây chính là chỗ khác nhau giữa phàm và thánh, chỗ khởi tu chẳng tương đồng.

Trong kinh đức Phật nói, khẳng định tự tánh chúng ta vốn có sẵn vạn pháp, đầy đủ hết thảy pháp, đây là của báu! Giống như dưới lòng đất hàm chứa những khoáng vật quý báu, kho báu chứa dưới đất dùng còn hết, còn kho báu chứa trong tâm tánh chúng ta dùng chẳng hết, tại sao không biết khai phát! Bốn đại Bồ Tát chính là bốn pháp môn để khai phát kho báu trong tự tánh. Bốn pháp môn này phải dùng cùng lúc, 'Hiếu Kính' của Địa Tạng Bồ Tát, 'Từ Bi' của Quán Âm Bồ Tát, 'Trí Huệ' của Văn Thù Bồ Tát, 'Biến Thành Hiện Thực' của Phổ Hiền Bồ Tát, bốn Bồ Tát dạy chúng ta khai phá kho báu trong tự tánh. Bốn pháp môn này thiếu một cũng chẳng được, giống như cái bàn có bốn chân, thiếu một sẽ ngã, sẽ chẳng đứng vững, nhất định phải hiểu đạo lý này. Những gì đức Phật đã nói trong hết thảy kinh điển Đại Thừa, ngàn kinh muôn luận đều chẳng ngoài việc này. Chư Phật Bồ Tát hiểu rõ rồi, đã thực hiện rồi, các ngài đạt được thọ dụng, đạt được đại tự tại, đại viên mãn. Chúng sanh chúng ta mê hoặc điên đảo, mê mất tự tánh, làm sai làm quấy, cho nên trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, sanh tử lưu chuyển, chẳng có ngày thoát nổi.

Nhưng tánh đức của chúng ta bất luận là đang giác hay đang mê, đều chẳng thay đổi; lúc ngộ chẳng tăng thêm một mảy tơ, lúc mê thì cũng chẳng giảm bớt một tí nào. Tại sao Phật tôn kính hết thảy chúng sanh? Ngay cả muỗi mòng, kiến đều tôn trọng. Tại sao Ngài lại tôn trọng? Muỗi mòng, kiến cũng là chúng sanh, tánh đức của nó đều viên mãn, cùng chư Phật Như Lai không hai không khác; chỉ vì nó mê nên biến thành như vậy, nó chẳng hiểu sự việc, làm sai làm quấy, biến thành ra nông nỗi này. Tuy ra nông nỗi này, tánh đức của nó cũng viên mãn như cũ, chẳng có giảm bớt mảy may, thế nên chư Phật Như Lai đối với chúng nó bình đẳng tôn trọng, bình đẳng lễ kính, và bình đẳng cúng dường. Trong thập đại nguyện vương, Phật đối với nó chẳng tán thán, nhưng cung kính, cúng dường thì nhất định đều bình đẳng, từ bi hết thảy!

Chúng ta phải nhận thức tâm địa, khẳng định bảo tàng. Biết chân tâm của chúng ta, từ Bát Nhã mà nói thì tâm này chính là 'Đại Bồ Đề', nói từ Pháp thân thì chính là 'Đại Niết Bàn'. Đại Niết Bàn cũng thường được gọi là 'Đại diệt độ', Niết Bàn là tiếng Phạn, dịch nghĩa là 'diệt độ'. Nếu dùng ba chữ này để nói: 'Đại, Diệt, Độ', 'Đại' có

nghĩa là Pháp thân, 'Diệt' là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ được đại tự tại, đại tự tại là giải thoát; 'Độ' là minh liễu, là giác ngộ, chính là trí huệ Bát Nhã. Bồ Tát tu Lục Độ, sáu thứ này là trí huệ, các ngài sống đời sống trí huệ cao độ, trí huệ cứu cánh viên mãn. [Ngược lại] chúng ta ngày nay sống cuộc đời đau khổ, phiền não.

Tam Đức 'Pháp thân, Bát Nhã, Giải thoát', đây là tam đức tự tánh vốn sẵn có, mỗi mỗi đều đầy đủ 'Thường - Lạc - Ngã - Tịnh'. Thế nên chúng ta gọi Thường - Lạc - Ngã - Tịnh là Tứ Tịnh Đức. Thường là vĩnh hằng chẳng biến. Lạc là lìa hết thảy khổ, người thế gian chúng ta nói về khổ lạc, khổ lạc là tương đối, hết thảy những thứ khổ lạc tương đối đều mất hết, đều đoạn dứt hết. Ngã có nghĩa là chủ tể, tự tại, chân chánh có thể làm chủ, thực sự được đại tự tại. Tịnh là thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm, tâm địa không tịch. Trong chân tâm không thể có một vật, Huệ Năng đại sư nói rất hay: *'Vốn là chẳng có một vật',* phải biết vốn chẳng có một vật, trong đó bạn lại thêm một vật thì sai rồi. Một niệm đầu (tâm niệm) là một vật, chẳng thể thêm vô. Do đó người tham thiền niệm một tiếng Phật hiệu là bị nhiễm ô rồi, phải súc miệng ba ngày. Trước giờ vốn chẳng có một vật thì làm sao có một chữ 'Phật' lọt vô được! Phật cũng chẳng có. Phật cũng chẳng có nữa, chúng ta phải niệm Phật hay không? Vẫn phải niệm. Niệm như thế nào? '*Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm*' thì mới chính xác. Nếu bạn 'có niệm' thì bạn có một vật, vậy là sai rồi. Bạn 'không niệm' thì cũng có một vật, có vật gì? Có một cái 'không niệm', cũng sai luôn. Nói cách khác, niệm thì sai, không niệm cũng sai.

Làm sao mới không sai? *Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm* thì mới không sai; cả hai bên đều chẳng trụ, trung đạo không còn. *'Làm mà không làm, không làm mà làm'*, giống như chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, thị hiện nhiều thân, làm nhiều sự nghiệp, các ngài không có niệm, không sanh. Không niệm, họ chẳng ly niệm, vô sanh nhưng họ cũng chẳng ly sanh. Các ngài trong lục đạo xả thân thọ sanh, cùng chúng sanh thị hiện như nhau, họ là 'ly tức đồng thời', những tướng hiện ra chẳng có tự kỷ, hiện ra tướng là 'từ bi ứng hiện', để giác ngộ chúng sanh. Tuy là giác ngộ chúng sanh, nhưng chẳng có cái tâm niệm 'giác ngộ chúng sanh', giống như kinh Kim Cang có nói tuy độ hết thảy chúng sanh nhưng thực sự chẳng có chúng sanh được độ; trong Phật pháp gọi là vô tác, vô vi. Không làm nhưng chẳng có gì không làm, không tác mà chẳng có gì không tác, như vậy mới tương ứng với Thể, Tướng, Dụng của tự tánh, tương ứng với Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát của tự tánh, tương ứng với 'Đại Phương Quảng', đây là hạnh Bồ Tát, đây là tâm Bồ Tát.

Ngày nay chúng ta trong địa vị phàm phu, chúng ta có mê hoặc trầm trọng, chúng ta có nghiệp chướng nặng nề, chúng ta cũng rất muốn khế nhập vào cảnh giới Bồ Tát. Bắt đầu từ đâu? Nhất định phải bắt đầu từ đoạn dứt tham sân si, Phật pháp và thế pháp cũng chẳng tham nhiễm. Thuận cảnh chẳng tham, nghịch cảnh chẳng sân giận, bắt đầu làm từ chỗ này, hạ thủ ở đây; cảnh thuận, cảnh nghịch rõ ràng, minh bạch, chẳng si [mê]. Không tham, không sân, không si gọi là 'Tam thiện căn'. Đoạn ác tu thiện, đoạn ác gì? Đoạn tham - sân - si; tu thiện gì? Tu 'chẳng tham, chẳng sân, chẳng si'. Bắt đầu từ chỗ này, khôi phục kho báu trong tự tánh chúng ta, vì tham - sân - si là chướng ngại nặng nề, nghiêm trọng nhất; nặng nề nhất thì phải hạ thủ trước, ngày nay chúng ta chẳng thể thành tựu là vì không thể đoạn tham - sân - si. Bất luận bạn tu học như thế nào đi nữa, bạn chẳng thể bước vào cửa, làm cả đời cũng chỉ được phước báo hữu lậu. Nếu bạn chẳng tu hiếu kính, thì phước hữu lậu này sẽ chẳng hưởng ở cõi người, mà sẽ hưởng ở cõi ngạ quỷ, súc sanh, đây đều là chân tướng sự thật, chúng ta không thể không rõ ràng, không thể không minh bạch.

Chữ 'Bồ Tát' là tiếng Ấn Độ, ý nghĩa của nó thì người xưa có hai cách dịch: thứ nhất là 'Đại đạo tâm chúng sanh', đây là dịch theo lối xưa; sau này Huyền Trang đại sư dịch là 'Giác Hữu Tình', chúng sanh hữu tình giác ngộ; hai cách dịch này đều tốt. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói với chúng ta, kinh Hoa Nghiêm phải nên truyền trao cho người nào? Truyền cho đại tâm phàm phu *(phàm phu có tâm rộng lớn)*. Chư vị nên biết 'đại tâm phàm phu' chính là đại đạo tâm phàm phu, tuy chẳng gọi bạn là Bồ Tát, chỉ cần bạn phát tâm rộng lớn thì bạn chính là Bồ Tát. Nếu gọi bạn là Bồ Tát thì bạn sẽ sợ: 'Tôi không phải Bồ Tát đâu, tôi không dám nhận!' Nếu gọi bạn là 'đại tâm phàm phu' thì: 'Được, tôi là phàm phu, tôi phát tâm rộng lớn được!', nào biết đại tâm phàm phu chính là Bồ Tát. Giác Hữu Tình cũng được, chúng ta là chúng sanh có cảm tình, cảm tình tức là phiền não, Hữu Tình tức là có phiền não; tuy có phiền não, nhưng đã giác ngộ rồi, như vậy cũng được. Giác ngộ rồi nghĩa là như tôi thường nói [bạn] đã chọn phương hướng chính xác rồi. Tuy chưa nhập cảnh giới Phật, nhưng tâm, hạnh, phương hướng này của bạn đích thật là phương hướng dẫn đến thành Phật, góc độ chẳng sai; giống như hàng hải, hàng không vậy, la bàn chúng ta đặt đúng hướng rồi, tuy chưa nhìn thấy bờ bên kia, nhưng biết chắc nhất định sẽ tới bờ bên kia. Đó là ý nghĩa của 'Bồ Tát'.

Bồ Tát là người, muôn vàn xin đừng hiểu lầm, Bồ Tát chẳng phải Thần, chẳng phải Tiên, Bồ Tát là Người. Nếu nói dễ hiểu hơn một chút, Bồ Tát là một người minh bạch, phàm phu là một người hồ đồ, như vậy thì mọi người đều dễ hiểu. Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật đều rõ ràng, minh bạch, biết nghiệp nhân quả báo của nó, chúng ta thường gọi là nhân duyên quả báo, như vậy thì bạn được xưng là Bồ Tát. Nếu bạn chẳng hiểu, đối người, đối sự, đối vật đều chẳng hiểu rõ, chẳng hiểu là việc gì, như vậy thì gọi là phàm phu. Danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát chúng ta giới thiệu đơn giản đến đây thôi.

Phía sau còn hai chữ 'Bổn Nguyện'. Bổn là căn bổn, nghĩa ở đây là nói nguyện này của Ngài chẳng phải đời này mới phát. Chúng ta biết rằng hết thảy chúng sanh đều có đời quá khứ và cũng có đời vị lai, thế nên gọi là ba đời. Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện này trong đời trước, trước quá khứ còn có quá khứ, quá khứ vô thỉ, vô thỉ kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp đều phát nguyện này, chúng ta gọi nguyện này là 'Bổn Nguyện'. Thế nên nguyện này là có căn bổn, chẳng phải chỉ phát trong đời này mà thôi. 'Nguyện' là một thứ hy vọng, hy cầu; hy vọng, hy cầu này có thể được thỏa mãn thì gọi là Nguyện. Nếu nói sâu thêm, Bổn chính là chân như bổn tánh, còn Nguyện là từ bản tánh phát sanh ra, đây mới là ý nghĩa chân chánh của 'Bổn Nguyện' trong pháp Đại Thừa.

Bồ Tát như trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân đại sĩ, đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã đoạn dứt hết rồi. Có câu phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đích thật khế nhập vào cảnh giới của quả vị Như Lai, tuy chẳng khế nhập sâu vào, nhưng cũng đã vào, đã minh tâm kiến tánh, nguyện lúc ấy phát ra từ tự tánh. Người chưa kiến tánh xây dựng tâm nguyện này từ trong Thức. Chúng ta nói có đời quá khứ, trong đời quá khứ còn đời quá khứ trước, nhiều đời nhiều kiếp đều phát nguyện này, đây là nói từ Thức Tâm; sau khi minh tâm kiến tánh thì là từ Bản Tánh, hai nghĩa này đều có thể gọi là Bổn Nguyện, ý nghĩa của Bổn Nguyện có sâu cạn khác nhau.

Nhưng trong Tướng Dụng còn gần hơn. Trên Sự Tướng vô lượng kiếp qua đời đời kiếp kiếp đều có nguyện này, nguyện lực này rất mạnh, chẳng bị cảnh giới bên ngoài di động. Cho dù bị cảnh giới lay động, nó xoay về rất nhanh, nó sẽ giác ngộ, sẽ quay về, sẽ sám hối. Nếu nguyện mới phát trong đời này, hoặc trong đời trước, hai đời

trước, sức mạnh của nó rất yếu, rất dễ bị ngoại cảnh mê hoặc; sau khi mê chẳng dễ quay về, chẳng biết sám hối, thế nên chúng ta biết sức mạnh của nguyện này chẳng lớn, chẳng có 'bổn', nếu có bổn thì nhất định sẽ chịu quay về. Trong Quán Kinh chúng ta thấy vua A Xà Thế tạo ra nhiều tội nghiệp, đến khi nhận chịu quả báo, bịnh khổ hiện tiền, tướng địa ngục hiện ra, ông có thể hối lỗi, có thể sửa đổi, như vậy nghĩa là đời quá khứ, nhiều đời kiếp trước tu hành có sức mạnh, nguyện lực của ông rất mạnh, tuy có một lúc hồ đồ, một lúc mê mất, nhưng đến lúc nguy ngập, cấp bách ông còn có thể giác ngộ. Đây là xét trên Sự Tướng.

Nguyện của Pháp Thân Bồ Tát phát từ trong tự tánh, đó mới là bổn nguyện chân thật, nhất định sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Cho dù ở thời đại hiện nay, trong kinh Phật nói: *'Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng'*, họ cũng sẽ như như chẳng động, chẳng bị ảnh hưởng. Đây là một ý của Bổn Nguyện.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta chỉ nói đến đây thôi.

Tập 2 (Số 14-12-02)

Hôm qua giảng đến Đề Kinh, giới thiệu xong 'Địa Tạng Bồ Tát', hôm nay chúng ta giới thiệu 'Bổn Nguyện' tiếp. Đề Mục đối với sự tu học của chúng ta quan hệ rất lớn, nhất định phải lý giải rõ ràng. Rất nhiều đồng học chẳng thể nói họ chẳng dụng công, chẳng thể nói họ không tinh tấn, tại sao không thể thành tựu? Thực sự là vì đối với kho báu tâm địa chẳng chân chánh nhận thức rõ ràng. Người thế gian thời xưa bất luận là làm nghề gì, đặc biệt là người đọc sách (có học thức), Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ; trong thế pháp chú trọng sự Lập Chí, nếu một người chẳng có chí hướng, cả đời phấn đấu nỗ lực nhưng chẳng có mục tiêu, đương nhiên sẽ chẳng có kết quả. Phật pháp nói về phát nguyện, ý nghĩa của phát nguyện giống như sự lập chí của người thế gian, nhất định phải phát thệ nguyện rộng lớn. Tại sao chúng ta phát nguyện chẳng nổi? Đạo lý này chẳng khó hiểu. Trong kinh Phật thường ra tỷ dụ, thí dụ như thực vật, tại sao hạt giống chẳng thể nảy mầm, chẳng thể sanh trưởng? Vì hạt giống này chẳng được gieo vào đất. Chúng ta để hạt giống trên bàn, trong tách trà, thì nó vĩnh viễn sẽ chẳng nảy mầm, chẳng lớn lên. Thế nên nguyện nhất định phải có chỗ nương tựa, nương tựa cái gì? Nương tựa đại địa, nương vào tâm địa. Tâm địa chẳng sáng tỏ, nguyện làm sao có thể sanh ra? Nhất định có đạo lý. Cây cối nhất định phải nương vào đại địa mới có thể mọc rễ, mập mạp, ra hoa kết trái.

Đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát đều xây dựng từ tâm địa, thế nên hai chữ Địa Tạng rất quan trọng. Tại sao nói tu học Đại Thừa phải bắt đầu từ 'Địa Tạng'? Tâm nguyện của bạn được kiến lập từ Địa Tạng, 'Hạnh' của bạn cũng kiến lập từ Địa Tạng. Trong tâm địa hàm chứa vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, thì bạn mới phát huy được. Nếu chẳng rõ tâm địa vốn sẵn đủ kho báu đức năng, dù cho bạn khổ tu như thế nào cũng chẳng thành tựu. Nguyện ở đây là hạt giống. Kinh Hoa Nghiêm ví tín tâm như hạt giống, rất có đạo lý. Bạn chẳng tin thì nguyện của bạn sanh từ đâu?

Nguyện xưng là Bổn Nguyện, hôm trước có nói sơ lược với quý vị. 'Bổn' có hai nghĩa: trên Sự thì vô lượng kiếp vừa qua, đời nào cũng đã từng phát nguyện như vậy, phát nguyện rồi tại sao vẫn chẳng thành tựu? Nguyện đã phát rồi, nhưng chẳng phát từ tâm địa, chẳng phát từ chân tâm bản tánh. Phát từ đâu? Phát từ tâm ý thức, phát từ vọng tâm; vọng tâm là tâm sanh diệt nên nguyện ấy của bạn sẽ diệt. Nếu phát từ chân tâm thì nguyện ấy sẽ chẳng diệt, chân tâm chẳng sanh chẳng diệt, nguyện này phát xong

sẽ chẳng thoái chuyển; phát từ vọng tâm sẽ thoái chuyển. Duyên tiêu mất thì nguyện sẽ mất luôn, đời này lại sanh đến cõi người, lại gặp được Phật pháp, lôi kéo nguyện lúc trước trở lại, là chuyện như vậy, thế nên mới gọi là Bổn Nguyện, ý này cạn cợt.

Ý tứ sâu thêm một tầng, Bổn chính là chân như bản tánh, từ chân như bản tánh phát đại nguyện thì gọi là Bổn Nguyện. Chư vị nên biết nếu thật sự là phát đại nguyện từ chân như bản tánh, bạn sẽ chẳng là phàm phu, mà là Pháp Thân đại sĩ như nói trong kinh Hoa Nghiêm. Vì bạn biết dùng chân tâm, dùng vọng tâm là phàm phu, dùng chân tâm là Bồ Tát. Các bạn đều đã học 'Bách Pháp Minh Môn', một khóa học trong Pháp Tướng Duy Thức nhập môn. Trong Bách Pháp Minh Môn nói đến: 'Đồng Sanh Tánh, Dị Sanh Tánh', hai thứ này đều là là ý nghĩa của chữ Bổn này. Dị Sanh Tánh tức là dùng vọng tâm, Dị tức là chẳng giống nhau, chẳng giống Phật, Bồ Tát, dùng tâm chẳng giống; Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, bạn dùng vọng tâm, bạn khác với Phật, Bồ Tát nên gọi là Dị Sanh Tánh. Ai là Dị Sanh Tánh? Thập pháp giới đều là Dị Sanh Tánh. Đừng nói lục đạo phàm phu, [ngay cả] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật trong thập pháp giới - Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật nói trong Tông Thiên Thai - đều là Dị Sanh Tánh.

Ai là Đồng Sanh Tánh? 'Đồng Sanh Tánh' dùng tâm giống chư Phật Như Lai. Nếu dùng lời của Tướng Tông để nói thì: *'Chuyển Tám Thức thành Bốn Trí'*, đây tức là dùng chân tâm, đó chính là Đồng Sanh Tánh. Đồng là tương đồng với chư Phật, Như Lai, dùng tâm giống với tâm Phật, dùng chân tâm. Tâm Phật ví như trăng ngày rằm, nếu bạn biết dùng Đồng Sanh Tánh thì bạn cũng ví như trăng khuyết ngày mồng hai, mồng ba. Ánh sáng trăng khuyết tuy chẳng giống như ánh trăng tròn, nhưng đều là chân thật, đều là ánh trăng thật sự, chẳng phải giả. Dị Sanh Tánh, người xưa ví như ánh trăng trong mặt nước, có bóng dáng của mặt trăng, đó gọi là Dị Sanh Tánh, nó chẳng giống, chẳng phải thật. Tuy là trăng khuyết, như Sơ Trụ Bồ Tát, Thập Trụ Bồ Tát đúng là giống như trăng khuyết, đến Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, dần dần tăng thêm ánh sáng, đến quả địa Như Lai thì là trăng tròn, tất cả đều dùng chân tâm. Xây dựng lòng tin từ chân tâm, từ chân tâm phát ra đại nguyện, đó chính là Bổn Nguyện. Người xưa nói nguyện lực như vậy vượt qua được khảo nghiệm, mưa to gió lớn gì họ cũng chẳng bị lay động; bất luận cảnh thuận, cảnh nghịch gì họ nhất định đều chẳng bị cảnh giới lay động. Tại sao vậy? Nguyện của họ từ chân tâm phát ra, họ nương dựa vào chân tâm. Nếu chẳng dựa vào chân tâm, mà là nguyện phát từ vọng tâm, nguyện lực ấy chẳng mạnh, rất yếu, rất dễ bị cảnh giới lay chuyển, rất dễ mê mất phương hướng, việc này chúng ta nhất định phải biết.

Chân tâm cũng giống như đại địa, trí huệ đức năng vốn sẵn có đầy đủ trong chân tâm ví như căn (rễ), lập nguyện tức là bổn (gốc). Sau đó sự hành trì của bạn, chúng ta gọi là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác ví như cành cây, nhánh cây, hoa lá, quả trái, tự nhiên sẽ sum xuê, thế nên nguyện phải phát từ chân tâm. Chân tâm tuyệt đối phải khẳng định kho báu tâm địa của mình, cùng thập phương chư Phật Như Lai không hai không khác, bạn phải khẳng định. Từ chỗ này kiến lập lòng tin, từ chỗ này phát ra đại nguyện. Tuy chúng ta từ kinh giáo biết được chuyện này, nhưng trong đời sống vọng tâm vẫn làm chủ như thường, một vọng thì hết thảy đều vọng, không thể nói tâm tôi phát, nguyện tôi phát là chân thật, những thứ khác trong sanh hoạt là vọng, chẳng có đạo lý này, một chân thì hết thảy đều chân, một vọng thì hết thảy đều vọng. Do đó có thể biết chúng ta trong đời sống hằng ngày phải sửa đổi những tập khí hư vọng, nếu không dụng công ở những chỗ này thì chẳng gọi là tu hành, đó là giả, tu giả chẳng phải chân tu. Chân tu chẳng phải chỉ có Tông Môn mới chú trọng đề xướng tu từ căn bản, cho nên Thiền Tông thành tựu nhanh chóng, căn bản là tâm địa, Giáo Hạ đâu có lý nào ngoại lệ, Tịnh Tông cũng chẳng ngoại lệ. Trong Tịnh Tông nếu dùng chân tâm tu, vãng

sanh tây phương Cực Lạc thế giới sanh đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ, sẽ chẳng sanh Phương Tiện Hữu Dư Độ, Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Nhưng Tịnh Tông đích thực là một pháp môn phương tiện, bất cứ tông phái khác, bất cứ pháp môn khác nếu chẳng dùng chân tâm thì nhất định chẳng thể thành tựu. Nhưng lợi điểm của Tịnh Tông là ở chỗ này, vọng tâm cũng có thể sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ, việc này cho chúng ta tiện lợi rất lớn. Nếu những người chưa đoạn dứt phiền não tập khí có thể y chiếu đạo lý phương pháp nói trong kinh điển của Tịnh Tông mà tu học cũng có thể thành công, cũng có thể vãng sanh, đây là điểm vô cùng thù thắng của Tịnh Tông.

Thế nên phát nguyện, bạn căn cứ vào gì để phát, bạn phát từ đâu? Chúng ta không thể không biết. Chúng ta phải thực hiện trong Sự Tướng, trong Sự Tướng có thông, có biệt. Thông nghĩa là cộng đồng, chung, đại nguyện chung của hết thảy Bồ Tát, hết thảy chư Phật, đây chính là 'Tứ Hoằng Thệ Nguyện', Tứ Hoằng Thệ Nguyện là Thông Nguyện (nguyện chung). Nguyện này xây dựng từ đâu? Phát sanh từ đâu? Từ Bát Nhã và Từ Bi trong tự tánh, nếu bạn chẳng có trí huệ bạn chẳng phát nổi, chẳng có từ bi cũng phát không nổi. Vì có trí huệ, có từ bi, khi nhìn thấy chúng sanh khổ, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, đọa lạc trong sáu nẻo lưu chuyển từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng có cách chi thoát ly. Phật, Bồ Tát nhìn thấy nên phát nguyện *'Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ'*, nguyện này là phát từ chỗ này.

Trong Tứ Đế thì y theo Khổ Đế mà phát, chúng ta phát nguyện có phát từ đây không? Chúng sanh thời nay khổ hơn thời xưa không biết là gấp bao nhiêu lần. Những người chẳng giác ngộ, tâm tư của họ ngu muội, quán sát thế pháp đều hàm hồ lộn xộn, đều nhìn không rõ. Khoa học kỹ thuật chỉ đem lại một số tiện nghi trong sanh hoạt chúng ta, mọi phương tiện âm thanh, ánh sáng, hóa chất, điện khí ngày nay, thời xưa chẳng có, nhưng bạn có nghĩ đến những tiện nghi mà chúng ta hưởng được từ khoa học kỹ thuật, chúng ta phải trả giá bao lớn! Nếu bạn tư duy kỹ càng thì giống như lời người xưa nói: cái được chẳng bù nổi cái mất. Chúng ta đạt được sự thọ dụng rất ít, thời gian rất ngắn ngủi, chúng ta phải trả với giá rất đắc, chẳng sánh bằng được. Nói cách khác, chúng ta nói rõ hơn, kéo dài thời gian chúng ta chịu khổ trong lục đạo, tăng thêm đau khổ trong lục đạo, bạn nói có đáng hay không? Tại sao lại có hiện tượng này? Đời sống văn minh vật chất này tăng trưởng tham - sân - si - mạn của chúng ta, chẳng sánh bằng thời xưa; sinh hoạt thời xưa thì ý niệm tham - sân - si - mạn của phần đông người ta cũng có nhưng ít hơn hiện nay. Nói cách khác, thời gian luân hồi của họ có thể rút ngắn, chịu khổ trong lục đạo có thể giảm nhẹ, ngày nay chúng ta chẳng vậy. Không cần nói chi xa, chỉ nửa thế kỷ về trước đâu có nghe người ta nói địa cầu bị bịnh, hoàn cảnh sanh thái chẳng cân bằng, chẳng nghe nói chuyện này; không khí ô nhiễm, hoàn cảnh ô nhiễm cũng chẳng nghe đến. Năm mươi năm trước, một trăm năm trước chẳng có! Đâu có những danh từ này.

Hiện nay khoa học kỹ thuật có thể nói là mỗi ngày, mỗi tháng đều tiến bộ hơn trước, nhưng đem lại tai hại chẳng tưởng tượng nổi. Nếu những khoa học gia này tự nhiên giác ngộ tai hại này quá lớn, tôi nghĩ họ sẽ chấm dứt những khoa học kỹ thuật này, chẳng phát triển nữa, chẳng làm nữa. Một người đầu óc sáng suốt, bình tĩnh mới có thể quán sát ra những điều này. Thế nên chúng sanh khổ, văn minh vật chất tuy là tiến bộ, đời sống chúng sanh còn khổ hơn lúc trước. Trên phương diện hưởng thọ vật chất có một chút tiện nghi, nhưng đau khổ trên tinh thần ai cũng chẳng tránh khỏi. Trong xã hội ngày nay, quý vị có rất nhiều của cải, có địa vị rất cao vẫn không thể tránh khỏi [đau khổ về mặt tinh thần]; đâu được sống nhàn nhã tự tại như người thời cổ! Chúng ta đọc trong cổ văn rất nhiều, những người làm quan thời xưa, làm thủ trưởng địa phương, công việc của người lãnh đạo chẳng bận lắm, mỗi ngày làm một hai giờ thì xong công việc, thời gian còn lại đọc sách, viết văn, hội họa, đi chơi đó đây, sống cuộc

đời tình thơ ý họa. Đâu như con người ngày nay phải tranh thủ từng giây từng phút, đời sống này thái quá, quá khẩn trương, quá đau khổ. Hiểu rõ chân tướng sự thật thì còn chịu đầu thai đến nhân gian hay không? Họ sẽ chẳng chịu đến. Người giác ngộ chỉ có Phật và Bồ Tát đến, đến để cứu độ những chúng sanh khổ nạn này, nói thật ra, nguyện này trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện mới gọi là Bổn Nguyện.

Muốn phát nguyện độ chúng sanh, tự mình nhất định phải làm gương mẫu, làm mô phạm cho chúng sanh, đó là đức hạnh. Tại sao chúng sanh thọ khổ? Vì phiền não chẳng đoạn, Kiến Tư phiền não ngày càng gia tăng, ngày càng nhiều thêm, quả báo của việc này sẽ chẳng thể nghĩ tưởng nổi. Thế nên Phật, Bồ Tát phải làm một gương tốt, đoạn phiền não. Người thế gian phạm lỗi lầm, chẳng biết chân tướng của vũ trụ nhân sanh, tăng trưởng tham - sân - si - mạn, không từ chối bất cứ thủ đoạn gì để làm chuyện hại người lợi mình, chẳng biết định luật nhân quả. Người thế gian thường nói 'hại người lợi mình', thật ra câu này sai lầm, vẫn chưa hiểu chân tướng sự thật; nếu hiểu chân tướng sự thật thì chúng ta phải biết chẳng có đạo lý này. *Hại người nhất định sẽ chẳng lợi mình,* chỉ có *lợi người thì mới lợi mình*, đó mới là đạo lý nhất định, làm tổn hại cho người làm sao lợi mình được? Nhưng họ mê hoặc điên đảo, cứ tưởng lợi ích của mình nhất định phải xây dựng trên sự tổn thất của người khác thì mình mới được lợi, đây là vọng tưởng, tạo tội nghiệp cực nặng. Thế nên chúng ta phải phổ biến 'Liễu Phàm Tứ Huấn' cho họ đọc, cho họ biết mỗi chúng sanh *'một miếng ăn một hớp nước đều đã định sẵn'*, nếu bạn dùng thủ đoạn chẳng chính đáng để đoạt được thì đó là trong số mạng của bạn đã có sẵn. Nếu trong số mạng của bạn chẳng có, bạn đi giựt người ta thử coi giựt được hay không? Nếu trong mạng của bạn chẳng có thì chưa ra tay đã bị cảnh sát bắt rồi. Nói cách khác tất cả những gì bạn có thể trộm được, cướp được, hoặc chiếm được đều đã có sẵn trong số mạng, chẳng cần những thủ đoạn này cũng có được, đâu cần phải cực khổ làm như vậy! Thế nên người sáng suốt thường nói *'Quân tử vui làm người quân tử, tiểu nhân oán trách làm tiểu nhân'*, câu này nói phước báo cả đời là do đời trước tu được, trong số mạng của bạn có phước báo này, bất cứ sức mạnh nào cũng chẳng ngăn được, bạn nhất định sẽ được, sẽ chẳng mất, đâu cần làm những thủ đoạn không chính đáng này, làm vậy là sai rồi!

Chư Phật, Bồ Tát làm gương tốt nhất cho chúng sanh trong thế gian, bạn dùng thủ đoạn chẳng chính đáng để đạt được, các ngài dùng phương pháp chính đáng cũng được vậy. Tại sao phải làm những chuyện hại mình hại người này! Tại sao không làm thêm những chuyện lợi mình lợi người! Phật, Bồ Tát làm như vậy nên mới có nguyện thứ hai: *'Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn'*. Quan trọng nhất là đoạn cho người khác thấy, nhất định phải làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, kiến lập đức hạnh của mình mới được quảng đại quần chúng kính ngưỡng. Bạn có đạo đức thì họ mới chịu học theo bạn, khi bạn khuyên răn thì họ mới nghe; nếu đức hạnh của mình có khiếm khuyết thì dù lời của bạn có hay, có tốt cách mấy, người ta nghe xong cũng sẽ hoài nghi, chẳng thể tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận. Thế nên chưa độ chúng sanh trước hết phải thị hiện đức tướng.

Tiêu chuẩn của đức hạnh chẳng nhất định, phải coi hoàn cảnh hiện tiền, thời đại ngày nay, phần đông chúng sanh trong khu vực này phạm những lỗi lầm gì? Dựa trên những vấn đề này mà hạ thủ thì mới có thể đạt được hiệu quả. Hiện nay chúng sanh tâm tham nặng, ham muốn danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, Bồ Tát thị hiện thì đầu tiên phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, xả bỏ ngũ dục lục trần, phải bắt đầu từ chỗ này, đó gọi là tự lợi và lợi tha, thành tựu cho mình, cảm hóa chúng sanh. Nếu chỉ giảng kinh thuyết pháp, tự mình không thể thực hành, người ta nghe xong sẽ có nghi hoặc: bạn nói giỏi như vậy nhưng tại sao không làm? Nói cách khác thì bạn sẽ chẳng đạt được hiệu quả độ chúng sanh. Thế nên phải tự mình làm được, phải làm trước khi nói thì lúc bạn

nói, người ta mới không dị nghị. Thấp hơn thì nói trước rồi sau đó mới làm, phải thực hiện.

Hiện nay chúng sanh phiền não nặng, mất gốc, nhà Nho cũng hiểu *'Gốc được lập, đạo sẽ sanh'* *7[7]*, quên mất bổn, như vậy làm sao được? 'Bổn' là gì? Địa Tạng Bổn Nguyện, Bổn là *'hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng'*, đó là Bổn. Thế nên chúng ta phải đề xướng hiếu đạo, phải đề xướng 'Tri ân báo ân', chẳng phải chỉ nói nơi miệng mà thôi, chúng ta phải làm được. Quan hệ giữa người với người hiện đại chỉ nhìn thấy lợi hại, hôm nay đối với tôi có lợi thì chúng ta là bạn bè, tôi cung kính bạn, nịnh hót bạn, ngày mai hết lợi rồi thì biến thành người xa lạ, chẳng quen biết. Nếu có xung đột quyền lợi thì sẽ là người thù địch, đây là xã hội gì vậy? Nếu muốn xã hội này không loạn, không thể nào được!

Đề xướng hiếu đạo, đề xướng kỷ niệm tổ tiên, hiện nay trong Phật môn còn làm, Thanh Minh cúng tổ tiên, Trung Nguyên, Đông Chí cúng tổ tiên, một năm có ba ngày cúng tế tổ tiên, đề xướng hiếu đạo. Cả đời tôi phước mỏng, đời trước chẳng tu phước, như nhà Phật nói 'tu huệ chẳng tu phước', nhưng tôi cũng chưa đến nỗi *'La Hán trì bình bát trống không'*, tôi chưa đến nỗi này, vẫn còn miễn cưỡng có thể duy trì no ấm. Nếu tôi có phước báo to lớn, nói cho chư vị biết tôi sẽ chẳng xây chùa chiền, tôi sẽ xây Từ Đường đề xướng hiếu đạo. Tôi nói lời này đã mấy chục năm, hy vọng xây Từ Đường, xây Tông Từ trăm họ, mỗi năm vào ba ngày lễ này cử hành tế lễ long trọng, trong đó tuyên dương Hiếu Thân. Hiện nay tế lễ hoàn toàn trở thành hình thức, rất đáng tiếc. Thí dụ vào dịp Thanh Minh, Trung Nguyên, Đông Chí chúng ta cúng tổ tiên, đáng lý phải kéo dài bảy ngày. Vài ngày đầu là để giảng giải Hiếu đạo, biểu dương Hiếu đạo, ngày cuối mới cử hành nghi lễ, như vậy mới có ý nghĩa. Nếu chỉ làm trên hình thức đầy đủ, còn Hiếu là gì? Ý nghĩa của Hiếu ở đâu? Không biết, như vậy rất khó đạt được hiệu quả.

Quốc gia chúng ta chọn ngày khánh đản của Khổng Tử làm lễ Giáo Sư, đây là để kỷ niệm thầy giáo, mỗi năm một ngày. Phàm là tế lễ đều phải bảy ngày, để nói rõ tại sao phải tu hiếu đạo? Tại sao phải coi trọng sư đạo? Nói rõ cho đại chúng biết thì buổi tế lễ này mới có ý nghĩa, mới chẳng đến nỗi chỉ là hình thức mà thôi. Cho đến những nghi thức bình thường trong nhà Phật chúng ta, thí dụ Tịnh Tông Học Hội thành lập xong, Quán Trưởng đề xướng Tam Thời Hệ Niệm Phật sự, nên chúng ta giảng kỹ về Tam Thời Hệ Niệm. Trước khi cử hành Tam Thời Hệ Niệm nhất định phải giảng rõ Tam Thời Hệ Niệm. Muốn lạy Lương Hoàng Sám nhất định phải giảng Lương Hoàng Sám rõ ràng từ đầu đến cuối, minh bạch, rõ ràng; sau đó khi mọi người bái sám thì cái tâm ấy mới tương ứng, mới có thể đạt được hiệu quả. Nếu đối với Lý, Sự, cảnh giới trong ấy cái gì cũng không biết, chỉ y theo mô thức ấy mà làm thì sẽ chẳng đạt được hiệu quả. Thế nên pháp sám hối này của người xưa đích thật là có công dụng chẳng thể nghĩ bàn; người hiện đại chúng ta tu pháp sám hối này chẳng được hiệu quả là vì lý do này. Nếu ai cũng hiểu rõ những lý luận, cảnh giới này thì không cần phải giảng giải, chỉ làm nghi thức này thôi cũng được! Người hiện đại ai nấy đều không biết, đối với những nghi thức này đều chẳng hiểu vì vậy nhất định phải lên lớp học trước.

Pháp thế gian và xuất thế gian đều xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, nhà Nho Trung Quốc dùng Hiếu đạo làm cơ sở, 'Lục Kinh' là cước chú của Hiếu Kinh. Cùng một đạo lý, Đại Thừa Phật pháp cũng được xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, có thể nói hết thảy pháp của Thế Tôn giảng suốt bốn mươi chín năm đều là chú giải cho kinh Địa Tạng. Nếu chư vị thật sự có thể thâm nhập thì sẽ thể hội được ý nghĩa này.

7[7] Nguyên văn: *Bổn lập nhi đạo sanh*

Hai nguyện này kiến lập từ quán sát Tứ Đế. Có thể quán sát Tứ Đế là Trí Huệ, có thể phát khởi nguyện này là Từ Bi; Trí Huệ và Từ Bi đều xứng tánh, xây dựng từ tánh địa, đây gọi là Bổn Nguyện. Cũng giống như Bồ Tát, Bồ Tát dùng cái gì để giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui? Bồ Tát dùng 'Đạo', dùng 'Diệt'. Đạo này, chư Phật Như Lai quá khứ cũng là phàm phu, các ngài đều từ phàm phu tu tập thành công; chư Phật Như Lai từ phàm phu tu thành Phật đạo, con đường này, đạo lộ này là con đường thành Phật (Thành Phật chi đạo). Các ngài làm thế nào để tu thành công? Đem kinh nghiệm của họ, phương pháp của họ truyền trao cho những phàm phu còn chưa phát tâm, phàm phu còn mê hoặc điên đảo này, thế nên *'Pháp môn vô lượng thệ nguyện học'*. Trước hết Bồ Tát phải làm gương tu học cho mọi người xem, nói với mọi người đây là con đường chánh, đây là chân lý, đây là hưởng thọ cao nhất của đời người, bạn phải làm cho họ giác ngộ, làm cho họ cùng bạn học tập.

Bắt đầu học từ đâu? Từ Hiếu thân Tôn sư, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng ngoại lệ. Thế gian hiện nay hiếu đạo chẳng được đề xướng, từ từ sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị quên mất. Sư đạo xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, họ chẳng biết Hiếu đạo thì làm sao biết đến Sư đạo? Đây là chuyện không thể xảy ra. Thế nên ngày nay chúng ta thấy học sinh không tôn trọng thầy giáo cũng chẳng lạ lùng gì, nếu bạn trách mắng các em thì bạn sai rồi. Xem việc chẳng hiếu cha mẹ, chẳng kính sư trưởng như một hiện tượng bình thường, hiện đại là thời đại như vậy. Nếu thấy một người biết hiếu thân tôn sư thì đó là chẳng bình thường, nói cách khác thì đó chẳng phải là người phàm. Ai dạy người ấy? Chẳng có người dạy, người đó tự biết, đó không phải là người tái lai thì là người gì? Người ấy chẳng phải phàm phu, nói cách khác đây là Phật, Bồ Tát tái lai ứng hóa đến, phàm phu nhất định sẽ chẳng làm nổi. Phàm phu khi bạn dạy họ, họ còn không thể tiếp nhận thì làm sao tự động làm nổi!

Ngày nay chư Phật, Bồ Tát ứng hóa đến thế gian này là vì lòng đại từ mẫn, không những bạn không kính trọng họ, mà còn hủy báng, chà đạp, sỉ nhục họ, đây đều là [hoàn cảnh] sóng to gió lớn, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong đó vẫn như như chẳng động, tại sao vậy? Bổn Nguyện của các ngài là từ chân tâm bản tánh kiến lập nên. Bất luận bạn chà đạp như thế nào, Phật, Bồ Tát thị hiện đến cuối cùng, sẽ có một ngày bạn giác ngộ, bạn sẽ hối lỗi, việc này phải dùng thời gian dài để cảm hóa chúng sanh. Phật, Bồ Tát biết hết thảy chúng sanh nhất định sẽ được cảm hóa, nhưng vì nghiệp chướng, tập khí của họ quá nặng, chẳng thể trong thời gian ngắn giác ngộ được, cần phải có một thời gian dài, cần được dạy dỗ liên tục không ngừng, thì họ mới cảm động, mới chịu quay về. Sau đó mới hết lòng nỗ lực học tập, đạt đến mức có thể tiếp nối huệ mạng của Phật, giúp đỡ chúng sanh, thành tựu mục tiêu giáo học của chúng sanh.

Bốn chữ 'Hiếu Thân Tôn Sư' là tánh đức, đức hạnh vốn sẵn có trong tự tánh. Nếu bạn minh tâm kiến tánh, bạn nhất định sẽ làm được viên mãn; nếu bạn làm không được là vì bạn chưa kiến tánh, bạn còn mê hoặc điên đảo. Duy chỉ có tánh đức mới có thể khai phát tự tánh, làm thế nào mới có thể minh tâm kiến tánh? Nhất định phải tánh tu mới có thể kiến tánh, người hiện đại tu học đến kiến tánh rất khó. Lão pháp sư Đàm Hư trong cuốn Niệm Phật Luận nói cả đời ngài chưa từng thấy người minh tâm kiến tánh, không những chưa thấy qua mà cũng chưa hề nghe đến. Ngài nói ngài đã gặp những người tham thiền đạt được thiền định. Tham thiền đạt được thiền định thì quả báo sẽ sanh đến Tứ Thiền thiên, việc này đã là siêu lắm rồi nhưng vẫn chưa xuất tam giới. Tham thiền phải minh tâm kiến tánh mới xuất tam giới nổi. Nếu chẳng minh tâm kiến tánh, thì chẳng thể xuất tam giới. Đây là lời của ngài nói, trong thời đại chúng ta hiện nay tham thiền chẳng bằng niệm Phật, niệm Phật có thể đới nghiệp vãng sanh, vãng sanh là thoát khỏi tam giới; không những thoát tam giới, mà còn thoát khỏi thập pháp giới. Ngài là Tổ sư tông Thiên Thai, ngài niệm Phật vãng sanh, lúc vãng sanh

ngồi mà ra đi, rất hiếm có. Lịch đại tổ sư Tông Thiên Thai niệm Phật vãng sanh rất nhiều, đại khái là chịu ảnh hưởng của Trí Giả đại sư, Trí Giả đại sư niệm Phật vãng sanh. Những tổ sư về sau đều niệm Phật, tuy tu Chỉ Quán nhưng chẳng xả niệm Phật, thực sự đắc lực vẫn là niệm Phật. Nhưng tu học Chỉ Quán có thể nâng cao phẩm vị vãng sanh, đây là sự thật. Người xưa thường nói 'Thiền Tịnh song tu', tông Thiên Thai đích thực là như vậy, thật là Thiền Tịnh song tu.

Thế nên Hiếu đạo rất trọng yếu, rất quan trọng! Lúc trước trong các buổi giảng chúng ta thường nói chữ 'Hiếu' này, cái phù hiệu này đại biểu cho chân tâm bản tánh của chúng ta. Chỗ hoàn mỹ của chữ Trung Quốc trên thế giới rất hiếm thấy, hình tướng của chữ này là hội ý, để cho bạn nhìn thấy chữ liền thể hội được ý nghĩa trong ấy, ý nghĩa của phù hiệu này. Trong chữ Hiếu phía trên là chữ Lão, phía dưới là chữ Tử (con), hai chữ này gộp lại thành chữ Hiếu; thuyết minh đời trước và đời sau cùng một thể, bổn ý của chữ Hiếu là ở chỗ này. Trên đời trước còn có đời trước nữa, quá khứ vô thỉ; sau đời sau còn có đời sau nữa, vị lai vô chung; vô thỉ vô chung là một thể, đây là nói theo chiều dọc. Có chiều dọc thì đương nhiên có chiều ngang, thế nên phù hiệu này trên thực tế tiêu biểu cho cái gì? Trong Phật pháp có câu: '*Dọc cùng khắp ba đời, ngang trọn khắp thập phương' 8**[8]***. Thập phương, tam tế là một chẳng phải hai, nói cách khác, thập phương tam tế là chính mình, đây chẳng phải là Pháp Thân nói trong Phật pháp hay sao! Pháp thân tức là thập phương, tam tế đều là một, chẳng là hai.

Chữ Hiếu này trong Phật pháp tức là Pháp Thân Lý Thể, thế và xuất thế gian hết thảy các pháp đều từ cái thể tánh này, đều là từ Hiếu sanh ra, nếu không Hiếu thì làm sao được!

Hiếu tức là nhất tâm, Hiếu tức là nhất chân, Hiếu tức là pháp giới, chúng ta là người tu học Đại Thừa không thể không hiểu vấn đề này. Thế nên tu học dùng nó làm căn bản, làm cơ sở, từ đó sanh ra đại từ, đại bi, tức là pháp môn Quán Âm. Mọi người biết Quán Âm thiên thủ thiên nhãn, ngàn tay ngàn mắt này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu cho *'mắt tới, thì tay tới'*. Nhìn thấy chúng sanh có khổ thì lập tức giúp đỡ họ, thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho ý nghĩa này. Quán Thế Âm Bồ Tát thiên thủ thiên nhãn, Văn Thù Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Phổ Hiền Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Ở hai bên Phật đường của chúng ta cúng Văn Thù, Phổ Hiền đều là thiên thủ thiên nhãn, Địa Tạng Bồ Tát cũng thiên thủ thiên nhãn, bất cứ một tôn Phật, Bồ Tát nào đều là thiên thủ thiên nhãn. Thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho 'mắt tới thì tay tới', tiêu biểu cho ý nghĩa này, chẳng phải là một ngàn cái tay, một ngàn mắt, thực ra chính là người thế gian chúng ta thường nói hai tay vạn năng, quán sát nhập vi hai tay vạn năng, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Đây là để cho chúng ta trong đời sống sinh hoạt phải nên học theo.

Đối với chúng sanh, mục tiêu chung cực của sự giúp đỡ chúng sanh, phần đông nói mục tiêu có ba thứ. Mục tiêu thấp nhất là giải quyết khó khăn trước mắt của chúng sanh, giúp họ đời này có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn, đây là mục tiêu gần, bậc thấp nhất. Mục tiêu tầng giữa là giúp cho họ đời sau vẫn còn được phước, không thể nói đời này hưởng phước, đời sau đọa tam ác đạo, như vậy là rất đáng thương, rất sai lầm. Đời này hưởng phước, đời sau tiếp tục vẫn phải hưởng phước, càng hy vọng đời sau phước báo lớn hơn đời này một chút, thù thắng hơn một chút, đây là mục tiêu tầng giữa. Mục tiêu cao nhất của việc độ chúng sanh là giúp cho họ chứng được Vô Thượng Bồ Đề viên mãn, nói cách khác, giúp họ thành Phật, mục tiêu này mới thật sự đạt đến viên mãn. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, tại sao đặc biệt tán thán pháp môn Tịnh Độ, ba mục tiêu nói trên đều hàm nhiếp trong pháp môn Tịnh Độ, thực ra phải nói đây

---

8[8] Nguyên văn: *Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương*

là đại viên mãn. Thế nên hết thảy chư Phật tán thán A Di Đà Phật, tôn Ngài là *'Ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật',* tức là Ngài giáo hóa chúng sanh, độ chúng sanh, ba mục tiêu đều viên mãn. Vả lại đích thật Tịnh Tông dạy người kiến lập trên cơ sở của Hiếu kính.

Tịnh Nghiệp Tam Phước dạy trong Quán Kinh, vừa mở đầu liền dạy chúng ta *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng'*. Người thời xưa hiểu được cho nên làm cha mẹ dạy con cái thì việc nào quan trọng nhất? *'Tôn sư trọng đạo'*, chẳng dạy gì khác. Thầy giáo dạy học sinh bài học quan trọng nhất là *'Hiếu thuận cha mẹ'*. Thế nên một đứa trẻ từ nhỏ tiếp thu sự giáo dục như vậy, tập từ nhỏ thì sẽ thành thói quen 9[9], tưới tẩm, dạy dỗ từ nhỏ, trong tâm địa của nó, trong A Lại Da Thức của nó mọc gốc rễ vững chắc, vĩnh viễn chẳng thay đổi, nó có thể tận hiếu. Hiếu bao gồm hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, ở đây chẳng thể nói kỹ. Ở nhà có thể hiếu cha mẹ, thương yêu anh em, đây là 'Đễ', có thể báo ân quốc gia tức là 'Trung'. Thế nên tám đức: 'Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ', Hiếu là căn bản, bảy đức còn lại đều là Hiếu biểu hiện trên các Sự Tướng khác nhau rồi lập nên danh tướng, chứ thật ra chỉ là một chữ Hiếu mà thôi.

Tam Học, Tứ Nhiếp, Lục Độ trong Phật pháp, vô lượng vô biên pháp môn chỉ là một chữ 'Hiếu', chánh pháp thế gian và xuất thế gian nhất định được xây dựng trên cơ sở của Hiếu Đạo. Khi xây dựng một đạo tràng, đại chúng cùng nhau tu tập, tại sao bộ kinh đầu tiên phải giảng là kinh Địa Tạng? Cơ sở vật chất của đạo tràng tức là phòng ốc, thiết bị đã xây xong, cơ sở vật chất xây xong thì phải xây cơ sở tinh thần, tức là xây dựng tâm lý. Tâm chánh thì hạnh chánh, sẽ tương ứng với đạo, tương ứng với tâm tánh, với chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Chỗ đặc biệt thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, Hiếu đạo bắt đầu làm từ chỗ độ mẫu thân, trong thế gian người thân mật nhất là mẹ, người cha còn kém một chút. Một đứa bé ra đời từng giờ từng phút không rời lòng mẹ. Trong kinh này chúng ta thấy Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát tức là người tu học pháp môn Địa Tạng này, Địa Tạng Bồ Tát chẳng phải chỉ có một vị mà thôi. Phàm những ai tu học Hiếu Thân Tôn Sư đều là Địa Tạng Bồ Tát, phàm những ai tu học Từ Bi cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn đều là Quán Thế Âm Bồ Tát. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Chúng ta phải một đời đầy đủ hết thảy [hạnh] Bồ Tát thì mới viên thành Phật đạo, đây tức là ý nghĩa chân chánh của *'Pháp môn vô lượng thệ nguyện học'*. Chúng ta phải học sự 'hiếu kính' của Địa Tạng, học 'từ bi' của Quán Âm, học 'trí huệ' của Văn Thù, ngày nay chúng ta nói đến lý trí, phải học 'lạc thực' *(biến thành hiện thực)* của Phổ Hiền Bồ Tát, đây không phải là một thân đầy đủ bốn đại Bồ Tát ư. Tứ Đại Bồ Tát nếu phân tích kỹ nữa tức là vô lượng vô biên hết thảy Bồ Tát, đây tức là Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Từ chỗ này chư vị chắc cũng thể hội được, kinh Hoa Nghiêm, kinh điển Tịnh Tông hay nói *'một tức là hết thảy',* một pháp môn nhất định hàm nhiếp hết thảy pháp môn. Địa Tạng hiếu kính, trong hiếu kính đương nhiên có từ bi, trong hiếu kính có lý trí, hiếu kính lạc thực, một Địa Tạng tức là đầy đủ Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, không phải đều đầy đủ hết ư! Phổ Hiền Bồ Tát thực tiễn, trong thực tiễn nhất định phải có hiếu hạnh, nhất định phải có từ bi, nhất định có trí huệ, có phải là một Bồ Tát đầy đủ hết thảy Bồ Tát chăng! Thế nên mới nói *'một là hết thảy, hết thảy là một',* pháp pháp viên dung, pháp pháp vô ngại, như vậy bạn mới biết Phật pháp thiệt chẳng thể nghĩ bàn. Thế nên chúng ta ở đây thấy ngài vì mẫu thân phát tâm, việc này thân thiết hơn bất cứ việc gì khác. Dạy cho chúng ta làm sao sanh khởi tâm hiếu thuận? Độ mẹ. Mẹ đối với

---

9[9] Nguyên văn: thiếu thành nhược thiên tánh.

chúng ta có ân đức lớn lao như vậy, bất luận chúng ta ở phương diện nào, ở lúc nào, niệm niệm chẳng quên. Niệm niệm chẳng quên trong tâm vì muốn báo ân mẹ không những chúng ta không thể làm việc sai quấy, ngay cả một tâm niệm ác cũng chẳng thể sanh lên, tại sao vậy? Có lỗi với mẹ, đó chẳng phải là kỳ vọng của mẹ đối với con. Mỗi năm cử hành một buổi tế lễ, đó là đề xướng hiếu đạo, phát triển hiếu đạo, dụng ý là ở chỗ này, là để làm lợi lạc cho người khác. 'Niệm niệm đều đoạn ác, niệm niệm đều tu thiện', đây là vì cái tâm hiếu đối với mẹ ràng buộc chúng ta nhất định phải làm như vậy. Bạn xem sức mạnh của chữ Hiếu này bao lớn! Thúc đẩy chúng ta trên đường Bồ Đề luôn luôn tinh tấn, chẳng giải đãi.

Từ chỗ hiếu đối với mẹ liên tưởng đến vị thầy dạy dỗ chúng ta, chẳng có thầy thì làm sao chúng ta hiểu được hiếu đạo, thế nên ân đức của thầy giáo chẳng thể quên. Cụ Phác viết bốn chữ 'Tri ân báo ân', Thế Tôn nói bốn chữ này trong kinh Đại Bát Nhã, là pháp môn tu học của Nhị Địa Bồ Tát. Trong kinh Đại Bát Nhã, Nhị Địa Bồ Tát có tám khoa mục tu học chính, 'Tri ân báo ân' là một trong tám khoa mục này. Trong thời đại ngày nay đặc biệt đáng được đề xướng, xã hội hiện nay người vong ân bội nghĩa rất nhiều, vong ân bội nghĩa là tội hạnh, là lỗi lầm, khổ báo; tri ân báo ân là chánh hạnh, Bồ Tát hạnh, quả báo là lạc báo (quả báo vui sướng), chẳng giống nhau. Ngày nay xã hội đại chúng phạm những lỗi lầm gì, chúng ta phải lấy những lỗi này để tìm cách chỉ dạy, giúp đỡ họ, như vậy mới đúng. Vì mẹ mà phát nguyện, như vậy rất thân thiết, cách giáo học này làm cho chúng ta thể hội được trí huệ cao độ của Thế Tôn, viên mãn trí huệ, thiện xảo phương tiện đạt đến mức cùng cực, làm cho chúng ta nghe đến, tiếp xúc đến, chẳng thể chẳng tin, không thể không học. Hết thảy những thiện pháp, những thiện hạnh đều từ hiếu thuận mẫu thân, cứu độ mẫu thân mà nảy sanh, đây thật là căn bản. Chánh hạnh của chúng ta trên đường Bồ Đề, thành tựu càng thù thắng thì sự hiếu kính mẫu thân càng viên mãn. Thế nên tôi thường nói chỉ có một người đạt đến mức hiếu đạo viên mãn, thành Phật; Phật quả trong Viên giáo, đạt đến cứu cánh viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, hiếu đạo còn khiếm khuyết một phần.

Tại sao chúng ta phát tâm độ chúng sanh? Tại sao phát tâm đoạn phiền não? Tại sao phát tâm học pháp môn, thành Phật đạo? Vì báo ân mẹ. Nếu chúng ta chẳng làm vậy thì có lỗi đối với cha mẹ, đặc biệt là đối với mẹ. Chánh giáo đại pháp của Như Lai kiến lập trên cơ sở này, thế nên 'tứ hoằng thệ nguyện' là nguyện chung, bổn nguyện của hết thảy chư Phật Như Lai. Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt dùng 'bi tâm vô cùng' hướng về khổ nạn chúng sanh, chúng sanh chịu khổ nạn càng nhiều, thì bi tâm của Bồ Tát càng nặng, thế nên trong kinh xưng ngài là 'Vĩnh viễn làm U Minh giáo chủ'. U Minh là địa ngục, thệ nguyện của Bồ Tát *'Địa ngục chưa trống không, thề chẳng thành Phật'*, bi tâm đạt đến cùng cực. Chỗ khổ nạn ở Địa Ngục này, những người thông thường chẳng chịu đến, người ta không chịu đến nhưng ngài đến; người khác chẳng chịu thọ nhận khổ nạn nhưng ngài chịu nhận. Vào địa ngục thì trước hết phải hiện thân đồng loại với họ, nếu chẳng hiện thân đồng loại thì làm sao có thể dạy dỗ chúng sanh! Phải tu hạnh đồng loại, chúng sanh trong địa ngục chịu những sự khổ đó, Bồ Tát trong đó cũng phải thị hiện chịu đựng những sự khổ ấy, chẳng được đặc thù, chẳng thể ngoại lệ, như vậy mới có thể cảm hóa chúng sanh trong địa ngục [để họ có thể] giác ngộ, sám hối, quay về. Thế nên nhẫn chịu khổ, chịu nạn, đại từ đại bi, đây là Bổn Nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, người tu học Đại Thừa sơ phát tâm như chúng ta phải học Địa Tạng Bồ Tát. Hôm qua tôi nhắc chư vị chữ U Minh còn có một nghĩa khác là 'hạ mình thấp xuống', vĩnh viễn ở vị trí thấp hơn người khác, hết lòng nỗ lực tu học giáo hóa chúng sanh, danh văn lợi dưỡng hết thảy hưởng thụ đều dâng hiến cho người khác, tự mình vĩnh viễn ở nơi

thấp kém, đây là ý nghĩa của U Minh. Biệt đề của Đề Kinh giới thiệu đến đây chấm dứt.

b. Thông đề:

Phía sau có chữ Kinh, Kinh là Thông Đề. Hết thảy pháp của chư Phật Như Lai nói, chúng ta đều tôn xưng là Kinh. Cách xưng hô này là thuận theo tập quán của người Trung Quốc, lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đối với lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đều xưng là 'Kinh'. Như nhà Nho có 'Thập Tam Kinh', Đạo gia Lão Tử tôn xưng 'Đạo Đức Kinh', Trang Tử tôn xưng 'Nam Hoa Kinh', đối với lời dạy của cổ thánh tiên hiền đều xưng hô như vậy. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc tôn kính Phật pháp, nên cũng xưng là kinh điển. Căn cứ vào sự giải thích trong kinh điển, nguyên văn của Phạn văn gọi là 'tu-đa-la'. Nghĩa của tu-đa-la vốn là sợi chỉ, vì thời xưa kinh Phật được viết trên lá Bối, viết xong khoét lỗ ở hai đầu rồi dùng dây xỏ lại, thế nên mới gọi là tuyến (chỉ). Người Trung Quốc chẳng tôn kính chữ 'Tuyến' này mà tôn xưng là Kinh.

Chữ 'tu-đa-la' thông thường có năm nghĩa.

Thứ nhất là 'Dũng Tuyền', giống như nước suối từ mặt đất vọt ra, đây là lấy cái ý: nghĩa thú của Phật nói ra không cùng tận; chúng ta hiện nay gọi là 'rất có sức nhiếp thọ (lôi cuốn)', càng đọc càng có mùi vị. Chẳng giống như văn tự của thế gian, nếu chư vị coi báo, tạp chí, coi một lần thì không muốn coi thêm lần thứ hai, tại sao? Coi xong một lần thì mùi vị hết rồi, chẳng còn nữa, mùi vị rất lợt lạt, chẳng nồng. Những tác phẩm văn học hay, mọi người đều thích xem, thích đọc, nhưng đọc đến mười lần, hai mươi lần, ba mươi lần thì chẳng muốn đọc nữa, mùi vị của những cuốn này nồng hơn báo chí, tạp chí rất nhiều, nồng đến mức bạn có thể coi mười mấy lần, mấy chục lần. Nhưng kinh điển thì không như vậy, mùi vị của kinh điển vĩnh viễn chẳng bao giờ phai lạt, chúng ta có thể so sánh. Những tác phẩm văn học trứ danh ở Trung Quốc, bốn tiểu thuyết lớn: Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, đây là bốn tiểu thuyết văn nghệ trứ danh của Trung Quốc, bạn có thể coi mấy lần? Coi mười lần, hai mươi lần thì sẽ chẳng muốn coi nữa. Nói cho chư vị biết tôi coi qua mười lần, hai mươi lần, đó là lúc tôi còn đi học. Cuốn sách dầy như vậy tôi nói với các bạn đồng học, cuốn sách này tôi coi từ đầu đến cuối lâu lắm là một tuần. Từ lớp bốn tiểu học tôi bắt đầu coi tiểu thuyết văn nghệ cổ điển Trung Quốc, tôi coi đến lớp một sơ trung *(nghĩa là lớp sáu ngày nay)* thì không coi nữa, những thứ này hết mùi vị rồi. Nhưng Tứ Thư, Ngũ Kinh, Cổ Văn bạn coi từ tiểu học đến lúc râu tóc bạc phơ vẫn còn mùi vị, vẫn còn hấp dẫn, chẳng giống tiểu thuyết, ý vị vô cùng tận. Mùi vị của kinh Phật còn nồng hơn nhiều, nếu chư vị có thể khế nhập vào kinh điển Đại Thừa của Phật, thì sẽ chẳng coi điển tịch thế gian nữa. Trước kia lúc mới học, đối với Tâm Lý Học rất hứng thú, tôi tìm được rất nhiều tác phẩm trứ danh của Trung Quốc, ngoại quốc, nhưng chưa coi hết. Sau này tiếp xúc đến Phật pháp, tiếp xúc đến Pháp Tướng Duy Thức trong Phật pháp, coi xong rồi so sánh hết thảy Tâm Lý Học trên thế giới với Pháp Tướng Duy Thức, thua xa. Mùi vị của Phật pháp nồng hậu, giống như nước suối vọt ra từ lòng đất.

Ý nghĩa thứ hai là 'Xuất Sanh', có thể sanh hết thảy thiện pháp vi diệu. Thế nên đọc kinh Phật xong, tâm của bạn sẽ thiện, hạnh của bạn sẽ thiện, tự nhiên sẽ thiện, dẫn dắt tánh đức của bạn hiển lộ, cái thiện này chẳng phải học mới có.

Ý nghĩa thứ ba là 'Thằng Mặc', thằng mặc dùng lời nói hiện nay là tiêu chuẩn, là tiêu chuẩn quyết định giữa chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Thằng

mặc là thí dụ, đại khái ở Trung Quốc hiện nay vẫn còn, thợ mộc lúc cưa cây dùng một sợi dây đen có phết mực gạch lằn, sau đó cưa theo lằn mực này; hiện nay người Âu Tây chẳng dùng vật dụng này, ý nghĩa của nó là tiêu chuẩn.

Ý nghĩa thứ tư là 'Hiển Thị', có thể hiển thị chân lý.

Ý nghĩa thứ năm là 'Kết Man', kết man nghĩa là thông suốt (quán xuyên) chư pháp, dùng cách nói của chúng ta hiện nay tức là khoa phán, cách học chương cú; tổ chức văn tự của nó từ thỉ đến chung một mạch tiếp nối, mạch lạc có thứ tự, là ý nghĩa này. Văn tự kết cấu nghiêm chỉnh, tư tưởng thể hệ rất rõ ràng. Tu-đa-la có năm ý nghĩa trên đây.

Còn có nhiều ý nghĩa, như Thanh Lương đại sư trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói hết mười ý nghĩa, Hoa Nghiêm dùng số mười tượng trưng cho viên mãn. Chúng ta thường giải thích ý nghĩa của kinh hơn phân nửa đều dùng bốn chữ 'Quán - Nhiếp - Thường - Pháp' để giải thích, phổ biến cũng giảng được rất hoàn hảo. 'Quán' tức là quán xuyên, có nghĩa như kết man, cách thuyết pháp của Phật rất điều lý, thứ tự, mạch lạc, đây là cách học khoa phán. Giới học thuật ở Trung Quốc thời kỳ sau này có môn học chương cú, thực ra cách học chương cú tức là cách học khoa phán biến đổi từ kinh Phật, Phật pháp ảnh hưởng rất sâu đậm đối với giới học thuật Trung Quốc. Cách phanh âm (phiên âm) cũng học từ chữ cái trong kinh Hoa Nghiêm. Đây là ý nghĩa của chữ 'quán'.

'Nhiếp' nghĩa là nhiếp thọ, tức là ý nghĩa 'dũng tuyền' nói ở phía trước, trong đó mùi vị vô cùng tận, có thể nhiếp thọ nhân tâm, làm cho bạn tiếp xúc đến, đọc đến muốn bỏ xuống cũng không được, bạn sẽ hoan hỷ phi thường, nó có sức mạnh như vậy. Vả lại pháp vị này vĩnh viễn chẳng suy thoái, càng thâm nhập thì càng nồng hậu, đây là điều mà bất cứ sách vở nào trong thế gian đều chẳng làm được, Kinh có sức nhiếp thọ vô cùng nồng hậu như vậy. 'Thường' nghĩa là lý luận và phương pháp nói trong kinh vĩnh viễn chẳng thay đổi, siêu việt thời gian và không gian. Ba ngàn năm trước tuân theo lý luận và phương pháp này tu học có thể thành tựu, hiện nay ba ngàn năm sau, người hiện đại dùng những phương pháp, lý luận này cũng có thể thành tựu, siêu việt thời gian. Thời xưa người Ấn Độ dùng phương pháp này có thể thành tựu, hiện nay người Trung Quốc dùng phương pháp này cũng có thể thành tựu, siêu việt không gian. Những tác phẩm siêu việt thời gian và không gian là chân lý. 'Pháp' tức là pháp tắc, quy củ, y chiếu theo phương pháp tu hành, thì bạn nhất định thành công. Kinh điển đầy đủ bốn ý nghĩa 'Quán - Nhiếp - Thường - Pháp'. Chúng ta giới thiệu Đề Kinh đến đây chấm dứt, đề mục của kinh này nói gộp lại là 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh'.

Chúng ta y theo lý luận và phương pháp trong kinh này tu học, thành tựu pháp môn Địa Tạng cho mình. Dùng cái này làm cơ sở mới có thể xây dựng hết thảy Phật pháp Đại Thừa, xây dựng phương pháp của Tịnh Tông; lìa khỏi cơ sở này, nói cho chư vị biết bất luận Phật pháp gì cũng chẳng thể xây dựng. Hết thảy pháp Đại Thừa, pháp môn Tịnh Độ được kiến lập trên cơ sở này, rời khỏi cơ sở này thì chẳng có Phật pháp, điểm này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Thế nên chân chánh học Phật, hy vọng mình có thể thành tựu trong đời này thì chẳng thể chẳng coi trọng pháp môn này, không thể không hết lòng tu học. Cổ đức trước khi giảng kinh còn phần Huyền Nghĩa, lý luận trong đó cũng mỹ mãn phi thường, vì thời gian có hạn nên chúng ta phải lược bớt phần này, hình như trước kia tôi cũng có giảng qua. Có lưu lại băng thâu âm hay không tôi cũng không nhớ rõ, để lại rất nhiều tài liệu, nếu có thì chư vị có thể tìm để tham khảo.

c. Nhân Đề

Phía dưới chúng ta xem Nhân Đề, tức là người phiên dịch kinh này.

Đời Đường, người nước Vu Điền, Tam Tạng Sa Môn Thật Xoa Nan Đà (Siksananda, 652-710) dịch.

Trong kinh Phật, người phiên dịch rất quan trọng, [ghi rõ tên người dịch] là để cho chúng ta sanh khởi tín tâm. Kinh Phật được dịch từ Phạn văn của Ấn Độ, là những lời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói lúc ngài còn tại thế. Nói rõ kinh chẳng phải ngụy tạo, chẳng phải do 'giá cơ phù loan', chẳng phải thần tiên giáng xuống [nói ra], những thứ này không thể làm cho người ta tin được. Chuyện phù loan này, lúc tôi còn nhỏ hình như lúc học tiểu học, ở Phước Kiến, tôi thấy ở Phước Kiến phong tục phù loan rất thạnh, thấy cách làm của họ tôi có thể tin. Vì người phù loan, phù loan trên cát, cũng rất cầu kỳ. Loan bút, cũng gọi là phù cơ, gọi là cơ bút; họ khắc một đầu rồng, lúc lưỡi của rồng hạ xuống tức là cán bút. Dùng một cái nia *(cái sàng)* xúc nhỏ, trang hoàng rất đẹp. Người phù loan hơn phân nửa là những người ngoài đường gánh nước, bán củi, lúc đó vào trước thời kỳ kháng chiến, phần đông nhà người ta không có nước máy [từ ống dẫn nước đến từng nhà], phải mua nước, có người chuyên môn gánh nước đi bán, những người này không biết chữ; còn có những người bán củi nữa. Họ không có học, mù chữ, cứ tùy tiện tìm những người này ngoài đường, nhờ họ đến để phù loan. Cho nên chúng ta đứng kế bên đều nhận ra được những chữ viết trên mặt cát, họ viết rất ngay ngắn, chẳng viết tháo tí nào, từng nét từng nét viết ra, đại khái từ nửa giờ đến một giờ có thể viết ra mấy chục chữ, xong rồi người ta chép những chữ này lại. Tôi rất tin chuyện này, vì bản thân họ chẳng biết chữ, đặc biệt là chẳng phải người cố định, tùy tiện tìm đến, tôi rất tin. Còn ở Đài Loan nhìn thấy những sự phù loan ấy thì tôi chẳng tin. Tại sao? Người phù loan là một người cố định, vả lại bàn cơ này vừa chuyển động thì những chữ trong ấy chúng tôi coi một chữ cũng không nhận ra. Còn trong vòng nửa giờ miệng họ đọc ra cả một, hai ngàn chữ, thế nên thấy [họ làm] như vậy tôi không tin. Đại khái đó là ngụy tạo, chẳng phải thiệt. Kinh Phật chẳng phải những loan bút của quỷ thần viết ra, đích thật là từ Phạn văn Ấn Độ phiên dịch thành. Thế nên có ghi năm phiên dịch, có nơi chốn phiên dịch, có người phiên dịch, đủ để chứng minh tánh chất chân thật của kinh.

Trong đề này, 'người dịch', triều đại là đại biểu cho thời gian, đây là đời Đường, thời đại đời Đường. Pháp sư phiên dịch chúng ta cũng phải biết. Thời xưa công việc dịch kinh chẳng do một người làm, Dịch Trường là cơ cấu, nơi chốn dịch kinh, do quốc gia xây dựng. Người tham gia công tác phiên dịch này rất nhiều, công việc phân phối rất kỹ càng. Người dịch là người chịu trách nhiệm ở Dịch Trường, giống như viện trưởng Viện Dịch Kinh, hết thảy kinh dịch ra đều dùng tên của người này, người này chịu trách nhiệm; giống như vị trưởng quan trong một cơ quan, những người làm công tác [phiên dịch] có thể là người dưới quyền của vị này. Trong ấy có rất nhiều pháp sư, cư sĩ tham gia công tác dịch kinh; khi kinh được dịch xong, dùng tên của người này vì họ chịu trách nhiệm. Cũng như tổ chức trong chánh phủ, trưởng quan trong chánh phủ, một người thị trưởng ký những văn kiện, thông cáo, những thứ này đều do thơ ký, nhân viên, khoa trưởng soạn ra bản thảo, ông thị trưởng này coi xong, chấp thuận, đóng dấu, ghi tên của ông ta, ông chịu trách nhiệm. Chúng ta phải hiểu việc này, không nhất định là do ông ta phiên dịch.

Vị pháp sư này là người nước Vu Điền (Khotan), Vu Điền hiện nay là Tân Cương, vào đời Đường là một nước nhỏ ở Tây Vức. Chỗ này nói rõ quê quán của pháp sư, ông là người nước đó, ông xuất hiện vào thời nào; Đường là đại biểu cho thời đại, Vu Điền là quê quán của ông. 'Tạm Tạng Sa Môn' là đại biểu cho trình độ học vấn của pháp sư. Thông thường được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, lão nhân gia khách khí chẳng

dám xưng pháp sư, chỉ xưng là Sa Môn. Sa môn là một danh từ xưng hô rất khiêm tốn, dùng ngôn ngữ hiện nay tức là 'học sinh', vẫn còn đang học tập, chẳng dám xưng là Sư (thầy), chỉ xưng là học sinh, địa vị bình đẳng với mọi người, mọi người đều là đồng học. 'Tam Tạng', chữ này nhất định phải ghi ra, nếu chẳng thông đạt Tam Tạng thì không có tư cách dịch kinh, pháp sư dịch kinh nhất định phải thông đạt Tam Tạng thì mới có tư cách dịch kinh; người này đều phải thông suốt Tam Tạng Kinh, Luật, Luận. Sa Môn là Phạn ngữ, ở Ấn Độ phàm là người xuất gia đều xưng là Sa Môn, không nhất định phải là Phật giáo. Những người xuất gia tu hành trong những tôn giáo khác như Bà La Môn giáo, Du Già, Số Luận, đều xưng là Sa Môn. Sau khi danh xưng Sa Môn được truyền đến Trung Quốc thì biến thành danh xưng chuyên dùng của những người xuất gia trong nhà Phật, ý nghĩa của chữ này là 'Siêng tu giới - định - huệ, tiêu diệt tham - sân - si', như vậy thì xưng là Sa Môn. Đây là cách xưng hô khiêm tốn của pháp sư.

'Thật Xoa Nan Đà' cũng là Phạn Văn dịch âm, có nghĩa là 'Hỷ học', hoan hỷ học tập. 'Dịch' là phiên dịch, chữ này không nói nhiều nữa, là Thật Xoa Nan Đà đại sư dịch ra bộ kinh này. Ở Trung Quốc pháp sư còn dịch một bộ hiện nay mọi người đều đọc tụng, đó tức là 'Bát Thập Hoa Nghiêm', tám chục quyển Hoa Nghiêm cũng là do lão nhân gia phiên dịch, thế nên ngài có cống hiến rất lớn đối với Phật Giáo Trung Quốc. Ở nơi đây chúng ta đọc kinh, đối với đại ân đại đức của người truyền pháp này, chúng ta cũng không thể quên ân, nếu không có ngài phiên dịch thì chúng ta sẽ chẳng đọc được bộ kinh này. Chẳng có Tổ sư đại đức truyền qua nhiều đời thì chúng ta cũng chẳng có duyên gặp được kinh này, thế nên đối với lịch đại tổ sư chúng ta phải dùng tâm biết ơn để đối đãi. Cảm ơn nhất định phải báo ân, báo ân tức là phải hết lòng nỗ lực học tập, đây mới là chân thật 'trên đền bốn ân nặng'; có thể báo ân, nhất định có thể 'dưới cứu độ ba đường khổ', thế nên báo ân, độ khổ là một sự việc. Hạnh báo ân này của bạn làm cho người khác nhìn thấy, có thể sanh khởi cảm phát, có thể giác ngộ, quay về, sửa sai đổi mới, thì sẽ đạt được hiệu quả chân thật của sự độ hóa chúng sanh.

Kinh văn của kinh này tổng cộng có mười ba phẩm, thứ nhất là phẩm tựa, nhưng tên của phẩm này gọi là 'Đao Lợi Thiên Cung Thần Thông Phẩm'. Trong phẩm kinh này đức Phật nói rõ cho chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta xem, ngài ở thế gian này thị hiện tu học, thành đạo, dạy học, đó gọi là chuyển pháp luân, độ chúng sanh. Duyên phận giáo hóa chúng sanh gần đến chung kết thì đức Phật phải thị hiện diệt độ, trước lúc ấy đặc biệt vì chúng ta thị hiện báo ân mẹ. Chúng ta thấy trong kinh, sau khi đức Thế Tôn ra đời, mẹ của ngài liền qua đời và sanh lên cõi trời Đao Lợi, nên Ngài phải lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ nghe. Trụ trên trời Đao Lợi hết ba tháng, thuyết pháp cho mẫu thân, tức là thuyết bộ 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh' này. Pháp hội trên trời Đao Lợi kỳ này vô cùng thù thắng! Thế Tôn vì chúng ta nói ra nhân địa đời quá khứ của Địa Tạng Bồ Tát, những công án, nhân duyên của ngài độ mẫu thân, đây là như người ta thường gọi 'cố sự'. Hy vọng chúng ta nghe xong có thể cảm phát, học tập theo Địa Tạng Bồ Tát, đặt nền móng vững chắc cho cơ sở tu học Đại Thừa, đây là nghĩa thú của phẩm kinh này.

C. CHÁNH THÍCH KINH VĂN:

1. <u>PHẨM THỨ NHẤT: THẦN THÔNG TRÊN CUNG TRỜI ĐAO LỢI</u>

Bây giờ chúng ta coi kinh văn. Đoạn mở đầu kinh văn:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Đao Lợi thiên, vị mẫu thuyết pháp

Tôi nghe như vầy, một thuở nọ đức Phật tại cung trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp.

Đoạn mở đầu ở đây khác với những kinh khác. 'Như thị ngã văn', bốn chữ này nói một cách đơn giản là do người kết tập kinh nói ra, do tôn giả A Nan nói ra. 'Như thị' bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát bổn nguyện này là do 'Ngã', Ngã (tôi) tức là tôn giả A Nan tự xưng, đích thân nghe Phật nói, chẳng phải là nghe người khác nói lại. Giống như Lý Trưởng Giả 10[10] trong [cuốn chú giải] kinh Hoa Nghiêm nói tôn giả A Nan vì chúng ta lập lại bộ kinh này, mỗi chữ mỗi câu đều giống như Phật đã nói, là Phật đã nói, nhất định chẳng dám xen một tí tư tưởng của mình vào trong ấy, đó là ý nghĩa của bốn chữ 'Như thị ngã văn'. 'Nhất thời' thật ra thời gian này rõ ràng phi thường, ba tháng trước khi đức Phật diệt độ. Nhưng vẫn dùng chữ 'Nhất thời' tốt, 'Nhất thời' lúc có cảm ứng đạo giao, lúc thầy trò tâm đồng, chí hợp, thế nên ý nghĩa của chữ 'Nhất thời' vô cùng sâu đậm, vô cùng viên mãn! Nếu ghi chép năm, tháng, ngày, giờ thì pháp môn này được kể là đã qua rồi, sẽ chẳng trở lại; Nhất thời là một chữ sống động, chẳng chết cứng. Giống như Thiên Thai Trí Giả đại sư, lão nhân gia đọc kinh Pháp Hoa, trong lúc không hay không biết thì ngài nhập định, trong định ngài nhìn thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở núi Linh Thứu giảng kinh Pháp Hoa, ngài còn ngồi nơi đó, nghe một chốc lát. Sau khi xuất định nói với người khác, pháp hội giảng kinh Pháp Hoa của Thế Tôn ở núi Linh Thứu còn chưa giải tán. Thật đó, cũng giống như Thế Tôn trong kinh Pháp Hoa nói: 'thế gian tướng thường trụ'.

Thời cận đại, Ái Nhân Tư Thản (Einstein) cũng nói quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại cùng lúc. Hiện nay vấn đề ở chỗ nào? Làm sao đột phá thời gian quá khứ, hiện tại, và vị lai? Hiện nay khoa học gia biết quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại cùng lúc, nhưng chẳng có phương pháp gì để đột phá. Nếu đột phá được thì bạn có thể trở về quá khứ, và cũng có thể đi vào tương lai, nói cách khác chuyện gì trong quá khứ, vị lai bạn đều biết rõ ràng. Họ chẳng biết dùng phương pháp gì đột phá, muốn dùng máy móc khoa học [nhưng không được]. Trên thực tế Phật pháp dùng công phu thiền định, định lực của bạn càng sâu, thì bạn đột phá càng rộng. Chúng ta thể hội đến định lực của Trí Giả đại sư có thể đột phá hai ngàn năm, thời đại của ngài đại khái cách đời chúng ta hiện nay khoảng một ngàn bốn trăm năm, cách đức Phật Thích Ca Mâu Ni khoảng gần hai ngàn năm, cỡ một ngàn bảy, tám trăm năm. Ngài có thể đột phá một đoạn thời gian dài như vậy, có thể nhìn thấy Thế Tôn còn đang thuyết pháp ở núi Linh Thứu, hiện nay người ta nói đi ngược thời gian, ngài có thể đi về quá khứ, việc này chứng minh 'Nhất thời' có đạo vị. 'Nhất thời' là lúc nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn tức là thiền định.

Hiện nay tại sao chúng ta không thể trở về quá khứ? Chẳng thể đi vào tương lai? Tâm của chúng ta tạp loạn, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều, cho nên khả năng này đã mất. Chư vị phải biết khả năng này là bản năng, đáng lý có sẵn; bản năng đáng lý có sẵn hiện nay chẳng còn nữa, bị mất. Thế nên Phật dạy chúng ta tu thiền định, pháp môn Tịnh Tông dạy chúng ta niệm Phật, nhất tâm bất loạn. Khi bạn đạt được nhất tâm bất loạn, nói chính xác hơn là bạn được Sự Nhất Tâm Bất Loạn thì ba ngàn năm trước và ba ngàn năm sau chẳng thành vấn đề, bạn nhất định sẽ biết. Nếu đạt được Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tận hư không trọn khắp pháp giới, chuyện quá khứ vị lai

---

10[10] Lý Trưởng Giả ở đây là ngài Táo Bá Lý Thông Huyền (635-730). Tác phẩm chú giải kinh Hoa Nghiêm của ông gọi là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận.

bạn đều biết hết, khả năng của bạn sẽ tương đương với chư Phật Như Lai. Thế nên 'Nhất thời' là chính xác, chữ này đáng được chúng ta tán thán.

Được rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9, 2005

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, 5-1998

Tập 3 (Số 14-12-03)

Xin mở kinh trang số một:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Đao Lợi Thiên vị mẫu thuyết pháp

Tôi nghe như vầy, một thuở nọ đức Phật tại cung trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp.

Trong đoạn này chúng ta giảng đến 'Nhất thời', ý nghĩa của 'Nhất thời' cần phải bổ sung một chút. Trong Phật pháp, thời gian có hai cách nói: một là 'sát na tế', Phật nói đây là 'thật thời', tức là chân thật, là chân tướng của thời gian. Ngoài ra còn có một danh từ gọi là 'Tam Ma Da', có nghĩa là 'trường thời', ngày nay chúng ta gọi là: tướng tiếp nối. Trong kinh Kim Cang có nói: *'Như lộ diệc như điện'*, lộ là sương, chúng ta biết thời gian rất ngắn, buổi sáng có sương, khi mặt trời mọc thì sương tan. Dùng việc này để ví cho 'trường thời', ví cho tướng tương tục; điện *(ánh chớp)* ví cho thời gian chân thật. Thời gian chân thật trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Định gọi là 'sát na tế' 1[1]*(trong khoảng một sát na)*, đó mới là thật.

Chúng ta rất khó cảm nhận được quan niệm 'sát na tế'. Hiện nay khoa học tiến bộ, dùng máy móc khoa học để quan sát chúng ta mới cảm nhận được chút ít. Nhưng thật ra 'sát na tế' chính là như trong kinh thường nói: 'sanh diệt đồng thời', vì thời gian sanh diệt của nó quá ngắn ngủi, lục căn chúng ta chẳng thể cảm nhận được. Những gì lục căn của chúng ta có thể cảm nhận, nói cách khác, phải là thời gian tương đối dài. Vừa mới kích thích liền phản ứng tức thời, tuy là nói 'lập tức' nhưng cũng phải trải qua thời gian rất dài. Nếu nói là 'sát na tế sanh diệt' thì chúng ta hoàn toàn cảm nhận không được. Không những phàm phu lục đạo chúng ta, người cõi trời thông minh hơn con người, cảm ứng linh mẫn hơn nhiều nhưng cũng chẳng cảm nhận tới, thậm chí Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát [cũng không được]. Trong kinh Phật nói với chúng ta Bát Địa Bồ Tát mới có thể nhìn thấy A Lại Da, A Lại Da thuộc về 'sát na tế', phải có công phu định lực sâu như Bát Địa Bồ Tát mới cảm nhận đến 'sát na tế'. Sát na sanh diệt, trong kinh Phật thường dùng 'chẳng sanh chẳng diệt' để hình dung. Nếu không có sanh diệt thì nói 'chẳng sanh chẳng diệt' là thừa, chẳng có ý nghĩa gì hết; thật ra chẳng sanh chẳng diệt nghĩa là đích thực có sanh, có diệt, nhưng vừa sanh đã diệt

---

1[1] *Sát na (khana hoặc ksana), dịch nghĩa là Tu Du (trong khoảnh khắc), Niệm Khoảnh (trong khoảng một niệm), tức là khoảng thời gian để một niệm dấy lên và mất đi, rất ngắn ngủi. Có nhiều cách giải thích chữ này:*

1. Theo Câu Xá Luận, quyển 12: Một trăm hai mươi sát na gọi là một Đát Sát Na (tat-ksana), sáu mươi Đát Sát Na là một Lạp Phược (lava), ba mươi Lạp Phược là một Mâu Hô Lật Đà (muhūrta). Ba mươi Mâu Hô Lật Đà là một ngày đêm. Như vậy, Sát Na tương đương khoảng 0.013 giây.

2. Theo Ma Ha Tăng Kỳ Luật, quyển 17, Sát Na còn gọi là Niệm, cứ 20 Niệm là một Thuấn, hai mươi Thuấn là một Đàn Chỉ (khảy ngón tay), 20 Đàn Chỉ là một La Dự (Lạp Phược), hai mươi La Dự là một Tu Du, ba mươi Tu Du là một ngày đêm. Như vậy, một Niệm tương đương với 0.018 giây.

3. Theo Đại Trí Độ Luận, quyển 83, sáu mươi niệm là một Đàn Chỉ.

4. Có thuyết lại cho Niệm là đơn vị lớn hơn Sát Na, như trong Nhân Vương Kinh nói thì chín mươi sát na là một niệm, còn Vãng Sanh Luận lại nói sáu mươi sát na là một niệm.

5. Cũng theo Nhân Vương Kinh (bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập) thì một sát na gồm chín trăm lần sanh diệt, còn Vãng Sanh Luận Chú lại cho rằng một sát na có một trăm lẻ một lần sanh diệt. Còn nhiều thuyết khác nữa, nhưng đều cùng chia sẻ chung một đặc tính: Sát na cực ngắn ngủi, không thể cảm nhận được bằng giác quan thông thường.

mất rồi, hầu như sanh diệt đồng thời, cho nên mới gọi là 'chẳng sanh chẳng diệt'; lời nói này mới có ý nghĩa, sanh diệt đồng thời, thời gian ngắn ngủi đến cùng cực. Nói thật ra khoa học kỹ thuật hiện nay tuyệt chẳng thể đo lường thời gian ngắn ngủi này được, thời gian máy móc có thể đo lường được đã rất dài rồi.

Đây là chữ 'nhất thời' nói trong kinh, chữ này hoàn toàn là chân thật, chúng ta phải lắng lòng thể hội. Nếu hiểu được 'nhất thời' thì bạn sẽ hiểu được 'hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt', được vậy thì chẳng lo sợ sanh tử nữa, bạn hiểu được *'Phàm những gì có tướng đều là hư vọng'*. Tướng hư vọng chẳng sanh chẳng diệt, đó mới là chân tướng, nhưng chúng ta chẳng thấy được, Bát Địa Bồ Tát trở lên mới nhìn thấy. 'Nhất thời' ở đây nếu muốn nói trên sự tướng thì chính là lúc cơ duyên đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thành thục, đó gọi là 'nhất thời'. Cách nói này cũng viên mãn phi thường, hết thảy kinh đều dùng chữ này, nhân duyên Phật giảng bộ kinh này đã thành thục rồi.

Nhân duyên lần này vô cùng đặc biệt, thù thắng, chỗ giảng kinh cũng rất hy hữu, Phật ở tại cung trời Đao Lợi chứ chẳng phải ở chỗ khác. 'Phật' là chủ thành tựu, người chủ giảng trong pháp hội này, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chữ 'tại' rất hoàn hảo, đặc biệt là nói trên sự tướng. Nói 'tại' cũng là lời chân thật! Người thế gian chúng ta có rất nhiều sự hiểu lầm, [nhiều khi có] một quan niệm sai lầm cả đời cũng chẳng biết. Chúng ta cử ra vài thí dụ đơn giản, buổi sáng thức dậy rửa mặt, mặt cần phải rửa hay không? Các bạn nói mặt cần phải rửa không? Nói 'Rửa mặt' là sai rồi, rửa những chất dơ trên mặt chứ chẳng phải rửa mặt. [Cũng như nói] giặt quần áo, quần áo cần giặt không? Chỉ giặt những bụi bặm trên quần áo. Các bạn nghĩ xem chúng ta có bao nhiêu quan niệm sai lầm. Chùi bảng đen trong phòng học, bảng đen cần phải chùi hay không? Chùi là chùi bụi phấn chứ đâu phải là chùi bảng đen, bảng đen chùi một cái thì sơn đen tróc mất, đâu còn gọi là bảng đen nữa. Thế mới biết trong đời sống hằng ngày bạn nghĩ xem có bao nhiêu quan niệm sai lầm, sai quá chừng, ai cũng sai nhưng cứ nghĩ như vậy là đúng. Đến lúc đức Phật nói sự thật ra, mình nghe xong cảm thấy kỳ lạ.

Chữ 'tại' là lời nói chân thật, nếu nói bạn 'trụ' là không đúng, bạn làm sao 'trụ'? Hôm nay dọn lại đây, ngày mai dọn tới chỗ kia, đâu có 'trụ', chỉ nói thân thể lúc bấy giờ ở 'tại' đâu, nói như vậy mới đúng. Thế nên mới nói 'Phật tại'. Thực ra chúng ta cũng 'tại', hôm nay 'tại' Tân Gia Ba, hiện nay 'tại' Tịnh Tông Học Hội, tối nay 'tại' Cư Sĩ Lâm, đều là 'tại'. 'Trụ' là ở đó chẳng động; thường di động thì gọi là 'tại'. Chữ 'trụ' trong Phật pháp là gì? Tâm an trụ. Bạn 'trụ' trong cung điện lầu các, Phật ở nơi đây gọi cung điện lầu các là từ bi, tâm an trụ trong từ bi, tâm an trụ trong chánh giác, đó gọi là 'trụ', vĩnh viễn chẳng rời khỏi thì gọi là 'trụ'. Thân luôn luôn di động thì gọi là 'tại', cho nên trên sự tướng thì gọi là 'tại'.

Lần này Phật ở đâu? Tại 'Đao Lợi Thiên', tầng trời thứ hai trong Dục Giới. Người thế gian biết có thiên, biết có thiên thần, rất cung kính thiên thần, xưng ngài là Thượng Đế, người Trung Quốc xưng ngài là Ngọc Hoàng Đại Đế, đại khái đều là Đao Lợi Thiên Chủ. Họ không biết bên ngoài cõi trời còn cõi trời khác. Phật nói với chúng ta thế giới Sa Bà có hai mươi tám tầng trời, số lượng trong mỗi tầng cũng vô lượng vô biên, từ dưới lên trên có hai mươi tám tầng chia thành Tam Giới: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Dục Giới là cõi còn dục vọng, ăn uống, nam nữ, vẫn chưa đoạn dứt nhưng càng lên cao thì càng mỏng dần. Đến Sắc Giới thì dục vọng này chẳng còn nữa, chúng ta thường nói người ở cõi trời Sắc Giới chẳng còn những thứ 'tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ' này nữa. Người cõi Sắc Giới chẳng cần ăn uống, cũng chẳng cần ngủ nghỉ, vĩnh viễn tỉnh thức; chẳng cần ăn uống, dùng thiền duyệt làm thức ăn nhưng họ còn sắc thân, có sắc tướng. Đến Vô Sắc Giới là cõi phàm phu cao cấp nhất trong lục đạo, ngay cả thân thể này họ cũng chẳng cần nữa. Trước khi Phật pháp truyền

đến Trung Quốc, đời cổ Trung Quốc xuất hiện một người có đại trí huệ, Lão Tử. Lão Tử nói: *'Tôi có niềm ưu tư to lớn vì tôi có cái thân này'* 2***[2]***. Tôi có âu lo lớn lao, đó là gì? Vì có thân này là một sự phiền lụy, phiền phức. Ngài có sự giác ngộ như vậy, có lẽ Lão Tử đã sanh lên cõi Vô Sắc Giới, vì ngài chán ghét thân thể, sắc tướng này. Ở cõi Vô Sắc Giới thì sắc tướng chẳng còn nữa. Một số người chúng ta thường nói đến 'Linh Giới' chắc là nói về Vô Sắc Giới thiên, trong cõi ấy rất tự tại vì chẳng có sắc tướng. Trên đây là cách phân loại, phân chia thành tam giới, hai mươi tám tầng trời, đây là một phạm vi trong sự giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có sanh tử hay không? Nói cho chư vị biết, chẳng có. Chỉ là ứng hóa, ngài xuất hiện ở thế gian này, là dùng ứng thân xuất hiện. Chúng ta nhìn thấy ngài có sanh, có diệt, thật sự ngài diệt xong là đến tinh cầu khác, đến chỗ khác lại xuất hiện giáo hóa chúng sanh, đây là hiển thị sự đại tự tại. Phật có rất nhiều cách giải thích cho chữ 'Thân', kinh Hoa Nghiêm nói có mười Thân, thông thường thì chúng ta nói ba Thân; ba thứ nói kỹ thì chia thành mười thứ, mười thứ quy nạp lại thì thành ba. Thứ nhất là 'Pháp Thân', là chân thân, hết thảy thân đều sanh từ thân này. Do đó pháp thân là thân căn bản nhất, có thể sanh hết thảy vạn pháp, có thể hiện thân tướng của chúng ta, có thể hiện tướng cõi nước, sơn hà đại địa, tất cả thân tướng đều từ pháp thân biến hiện thành. Thứ hai là 'Trí Thân', cũng gọi là 'Báo Thân', là thân trí huệ, nghĩa là trí huệ của ngài đã khai mở, trí huệ đã hiện tiền, đối với hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ nhân sanh chẳng gì không biết, chẳng gì không thể. Thứ ba là 'Ứng Hóa Thân', có hai ý nghĩa. Ứng Thân là tùy loại hiện thân, nên dùng thân gì để được độ thì ngài liền hiện thân ấy. Thế nên Phật đến nhân gian, đến cõi nào, ngài chẳng có chướng ngại, vô cùng tự tại, muốn đến thì đến, muốn đi thì đi, đến đi tự do.

Chẳng giống phàm phu chúng ta, chúng ta mang Nghiệp Báo Thân, chẳng tự do tí nào, hoàn toàn chịu sự chi phối của nghiệp lực. Nói chịu nghiệp lực khống chế thì mọi người khó hiểu, chúng ta nói cách khác, chịu vận mạng khống chế, chịu vận mạng chi phối thì mọi người dễ hiểu, thế nên: *'tất cả đều là vận mạng, nửa điểm cũng chẳng do người'*, bạn nói như vậy có khổ không? Mạng là gì? Mạng chính là nghiệp, nghiệp báo. Trước kia tạo thiện nghiệp, đời này được thiện báo, quá khứ tạo ác nghiệp, đời này chịu quả báo chẳng thiện, thế nên những thọ dụng cả đời này, ngạn ngữ có câu: *'một miếng ăn, miếng uống, chẳng gì là không định sẵn' 3**[3]**,* tức là đạo lý này, đúng là nửa điểm - một tí gì cũng chẳng do người.

Nhưng Phật, Bồ Tát đến thế gian này, quý ngài đến đầu thai và cũng thị hiện chết đi, quý ngài sanh tử tự tại, không phải do nghiệp lực mà là nguyện lực. Ở thế gian này muốn sống cuộc đời như thế nào thì sống như thế ấy, muốn ở bao nhiêu năm thì ở bấy nhiêu, sanh tử tự tại. Lúc nào muốn ra đi, đi đến đâu, quý ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, đến đi tự do, đó gọi là nguyện lực thọ thân, là nguyện lực chứ chẳng phải nghiệp lực. Chúng ta phải hiểu những đạo lý này rồi sau đó mới biết nên học Phật như thế nào, làm thế nào chuyển nghiệp lực của chúng ta thành nguyện lực, bản lãnh của chư Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Các ngài có thể chuyển, chúng ta cũng có thể chuyển, bắt đầu chuyển từ đâu? Phải bắt đầu chuyển từ tâm, sau khi tâm chuyển thì thân sẽ chuyển; nếu nói chuyển từ thân, tâm chẳng chuyển thì không được, chuyển như thế nào cũng chẳng giống, nhất định phải chuyển từ tâm.

Tâm thì phải 'trụ' chứ chẳng phải 'tại'. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát có Thập Trụ, đó là nói về trụ, là 'tâm trụ' chứ không phải 'thân trụ'. Bồ Tát trụ chỗ của Phật trụ, như vậy mới đúng. Trong kinh Phật nói với chúng ta có bốn chỗ trụ, bốn chỗ này đều

---

2[2] Nguyên văn: Ngô hữu đại hoạn, vi ngô hữu thân

3[3] Nguyên văn: *Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*

chính xác. Hai thứ đầu vẫn còn ở trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo. 'Thiên trụ' tức là đời sau nhất định có thể sanh đến trời Dục Giới. Trời Dục giới có sáu tầng, sau này sẽ giới thiệu cho chư vị biết. 'Thiên trụ' tức là tâm an trụ tại thập thiện nghiệp đạo, bố thí, trì giới, tu thập thiện nghiệp đạo thì đời sau bạn nhất định sẽ sanh lên trời, phước báo lớn hơn nhân gian chúng ta rất nhiều, hưởng phước trời. Thứ hai là 'Phạm Trụ', Phạm Trụ tức là tu thiền định, tu tâm thanh tịnh, hết thảy dục niệm đạm bạc, đối với ngũ dục lục trần coi rất lợt lạt, trong tâm tràn đầy từ, bi, hỷ, xả. 'Từ' là vui với người, đem khoái lạc cho người, giúp người khoái lạc; 'Bi' là làm cho người bớt khổ, chúng sanh có khổ, giúp họ giải quyết khổ nạn; 'Hỷ' là nhìn thấy người khác được phước, được chuyện tốt, nhất định chẳng có tâm đố kỵ, chỉ sanh tâm hoan hỷ; 'Xả' là có thể buông xuống vạn duyên. Tâm thường an trú tại từ - bi - hỷ - xả, sanh đến trời Sắc Giới, hai cái 'trụ' trong Tam Giới này kể ra còn chính đáng. Nhưng người chúng ta hiện nay không như vậy, hiện nay tâm người an trụ ở đâu? An trụ ở tham, sân, si, mạn, như vậy thì không xong rồi! An trụ tại tham, sân, si, mạn, an trụ tại giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối thì quả báo sẽ ở ba đường ác. Thế nên họ chẳng phải 'Thiên trụ', chẳng phải 'Phạm Trụ', mà là 'Quỷ trụ, Địa ngục trụ, Súc sanh trụ', họ làm những thứ này. Chúng ta đối với những Lý, Sự này rõ ràng, minh bạch, phải biết tâm an trụ ở đâu, sau này sanh ra hậu quả gì, vô cùng dễ sợ.

Thứ ba là 'Thánh trụ' tức là trụ ở tâm Bồ Đề. Thánh giả là Tiểu Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy chẳng đồng nhưng họ có một điểm giống nhau, tức là tâm nhất định trụ tại Tam Tam Muội 4[4], đây là điểm tương đồng. Thứ tư là 'Phật trụ', trụ ở chỗ Phật trụ, nếu nhập vào cảnh giới này thì bạn sẽ là quả vị Thập Trụ Bồ Tát. Chân chánh học Phật nhất định phải an tại chỗ Phật trụ, Phật trụ ở đâu? 'Đại Tam Không Tam Muội': Không, Vô Tướng, Vô Nguyện; Vô Nguyện cũng gọi là Vô Tác. Nếu thực hiện trong Tịnh Tông thì an trụ ở 'Niệm Phật Tam Muội', đối với những cảnh giới khác sâu rộng vô cùng, chúng ta rất khó cảm nhận, không bằng y theo lời dạy của Phật, chúng ta để tâm an trụ tại 'Niệm Phật Tam Muội', chuyện này tương đối dễ học tập. *Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*, việc này thật sự là hiếm có, thù thắng khôn sánh. Trên đây nói về ý nghĩa của hai chữ 'tại' và 'trụ'.

Hôm nay 'Phật tại Đao Lợi Thiên', ở Đao Lợi Thiên làm gì? 'Vị mẫu thuyết pháp'. Phải y theo cách nói trong 'Tăng Nhất A Hàm', pháp hội kỳ này là do Đế Thích Thiên Vương, tức là Đao Lợi Thiên Chủ khải thỉnh. Đao Lợi Thiên Chủ rất thông minh, rất có trí huệ, ngài nói quá khứ hết thảy chư Phật đều đã đến Đao Lợi Thiên thuyết pháp cho mẹ, báo ân sanh dưỡng của mẹ, Thế Tôn thành Phật rồi, đương nhiên cũng chẳng ngoại lệ. Thế Tôn nhận lời mời của Đao Lợi Thiên Chủ, đến Đao Lợi Thiên mở ra pháp hội này. Nhân duyên này rất sâu, câu chuyện cũng rất dài, kể chuyện thì sẽ ngưng trệ việc giảng kinh, cho nên chúng ta lược bớt câu chuyện này, nhưng cũng không thể không biết.

4[4] *Tam Tam Muội có nhiều cách hiểu:*
1. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 16, là Không tam-muội, Vô Tướng tam-muội, và Vô Nguyện tam-muội.
2. Theo Câu Xá Luận, quyển 28 thì là Hữu Tầm Hữu Tư tam-muội, Vô Tầm Duy Tư tam-muội, và Vô Tầm Vô Tư tam-muội.
3. Theo Thành Thật Luận, quyển 12 thì là Nhất Phận Tu tam-muội (tu Định không tu Huệ, hoặc tu Huệ không tu Định), Cộng Phận Tu tam-muội (tu cả Định lẫn Huệ), Thánh Chánh tam-muội (tức nhập thánh vị, chứng Diệt Đế).
4. Theo Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa, quyển 4, thì là Chân Đế tam-muội, Tục Đế tam-muội, Trung Đạo tam-muội.
Thông thường, tam tam-muội được hiểu theo cách giải thích thứ nhất.

Mẫu thân của Phật là Ma Gia phu nhân, nói thực ra cũng là đại quyền thị hiện, đều là Phật, Bồ Tát tái lai. Mỗi người lúc tu nhân, phát nguyện chẳng giống nhau, ngài phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm người nữ để làm mẹ của Phật, ngài phát nguyện này. Thế nên con của ngài là Phật, phước báo của mẹ sẽ rất lớn, đây là biểu diễn cho chúng ta xem. Phước báo lớn nhất, hoàn toàn dựa vào phước thì chỉ có thể sanh đến cõi trời Đao Lợi, từ trời Dạ Ma trở lên thì không thể. Chư vị xem trong nhà Phật nói đến Phật sự siêu độ Lương Hoàng Sám vô cùng thù thắng. Lương Hoàng tức là Lương Võ Đế, Lương Võ Đế khải thỉnh Bảo Chí Công làm Phật sự siêu độ cho phu nhân cho nên gọi là 'Lương Hoàng Sám'. Lúc phi tử của vua còn sống, bà tạo nhiều ác nghiệp nên đọa vào ác đạo. Bảo Chí Công là một cao tăng đắc đạo, Bảo Chí Công là ai? Là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân đến, bạn xem như vậy còn nói gì nữa! Quán Thế Âm Bồ Tát đích thân đến chủ trì pháp hội này, chủ trì pháp sự siêu độ này, cũng chỉ có thể siêu độ phi tử của vua đến cõi trời Đao Lợi. Chư vị phải biết, chư Phật Như Lai siêu độ thì chỉ siêu độ đến trời Đao Lợi, muốn lên trên nữa thì tự mình phải có công phu tu hành, nếu chẳng có công phu tu hành thì không được. Thế nên hiểu được chân tướng sự thật này, thời gian chúng ta còn sống phải hết lòng tu hành, nếu chẳng tu hành mà chỉ nhờ người khác siêu độ, bản lãnh có cao tới đâu thì chỉ có thể đến trời Đao Lợi mà thôi. Nếu siêu độ Phật sự là do phàm phu chủ trì thì hiệu quả sẽ rất yếu ớt, chỉ có thể nói là làm vẫn tốt hơn không làm. Có hiệu quả gì rất khó nói. Ngày nay bạn đi đâu tìm được cao tăng chân chánh đắc đạo, Phật, Bồ Tát hay người tái lai. Thế nên phải hiểu đạo lý này rồi sau đó tự chúng ta mới thực sự nắm chắc lấy thời gian, một tấc quang âm là một tấc mạng quang, phải hết lòng nỗ lực.

Phước báo lớn như người mẹ của Phật thì cũng chỉ sanh đến trời Đao Lợi. Lên trên nữa cần phải có công phu định lực, cần có tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thành tựu công đức chân thật. Công đức ít, kém cỏi, chưa đoạn Dục, chưa đoạn tâm niệm ham muốn thì sanh đến tầng trời thứ tư của cõi Dục Giới, nhà Phật gọi là 'Vị Đáo Định', bạn tu định chưa đủ trình độ nhưng cũng có tu. Thí dụ Tứ Thiền, cõi Tứ Thiền cần công phu thiền định một trăm điểm thì mới đến Tứ Thiền; cõi Tam Thiền cần chín chục điểm, Nhị Thiền cần tám chục điểm, Sơ Thiền cần bảy chục điểm. Nếu công phu của bạn dưới sáu chục điểm thì chẳng đến Sắc Giới nổi. Nhưng bạn cũng có công phu, công phu thiền định của bạn có khoảng sáu mươi điểm, năm mươi điểm, bốn mươi điểm, bạn cũng có công phu, chẳng phải là không điểm. Nếu bạn chẳng tu, chỉ chuyên tu phước, tu thập thiện nghiệp đạo, tu bố thí, trì giới, chẳng có công phu định lực, chẳng xả bỏ tâm niệm tình dục, thì chỗ bạn sanh đến sẽ là Tứ Vương Thiên và Đao Lợi Thiên. Có một chút công phu định lực, tâm địa có một ít thanh tịnh mới có thể sanh đến cõi trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại. Càng lên trên thì phước báo của mỗi tầng càng lớn hơn, thọ mạng càng dài hơn, chân chánh là hưởng phước vô tận. Nhưng thọ mạng có dài hơn thì cũng có lúc hết quả báo, tức là có lúc sẽ hưởng hết; sau khi hưởng hết thì cũng phải lưu chuyển theo nghiệp. Thế nên sanh lên trời chẳng phải là pháp cứu cánh, chẳng bằng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới, sanh đến Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ, nói cách khác vĩnh viễn chẳng sanh, chẳng tử. Không những trời Dục Giới chẳng sánh bằng, trời Sắc Giới, Vô Sắc Giới đều chẳng thể sánh bằng. Thế nên hết thảy chư Phật tán thán A Di Đà Phật, tán thán Cực Lạc thế giới, đạo lý là ở chỗ này.

Câu kinh 'vị mẫu thuyết pháp', tuy pháp hội này là do Đế Thích Thiên Chủ khải thỉnh, nhưng ý nghĩa rất sâu. Thứ nhất là vì tránh miễn cho một số người hiểu lầm Phật pháp. Học Phật, đặc biệt là phát tâm cạo đầu xuất gia, hình như là từ đó trở đi chẳng còn lo cho cha mẹ nữa, người thế gian cho vậy là chẳng có hiếu. Đặc biệt là người Trung Quốc thường nói: *'Có ba chuyện bất hiếu, chẳng có con nối dõi là lớn nhất'*.

Cha mẹ mong bạn nối dõi giòng họ, một khi bạn xuất gia thì việc nối dõi tông đường sẽ đoạn mất, làm sao chẳng có lỗi với cha mẹ, tổ tiên! Người đời chẳng biết xuất gia là đại hiếu, đây là ý nghĩa thứ nhất. Ý nghĩa thứ hai là làm gương mẫu cho tứ chúng đệ tử học Phật: tứ chúng gồm xuất gia, tại gia, nam chúng, nữ chúng, khơi gợi tư tưởng hiếu kính của họ, làm cho họ chân chánh thể hội điều thứ nhất 'Hiếu dưỡng cha mẹ' trong Tam Phước. Trong nhà Phật dù xuất gia thì cũng không thể không lo cho cha mẹ, chẳng có đạo lý này. Nhưng hình thức hiếu dưỡng chẳng giống nhau, hết lòng tu trì, phụng hành theo lời Phật dạy, dùng công đức ấy hồi hướng cho cha mẹ; cha mẹ có thể được chư Phật hộ niệm, thiện thần bảo hựu, đây mới là chân hiếu. Người thế gian hiếu thuận cha mẹ, mướn vài người giúp việc để chăm sóc cho đời sống, còn đệ tử Phật nhờ thiên long thiện thần chăm sóc cho cha mẹ còn châu đáo hơn những người giúp việc. Nếu bạn chẳng có tu trì thì thiên long thiện thần chẳng bảo hựu bạn, sẽ khinh chê bạn. Nếu bạn chân chánh tu hành, có đạo có đức cảm động đến thiên thần, họ tự nhiên đến chiếu cố; bạn chẳng cần phải cầu họ, cũng chẳng phải thông báo cho họ, [họ cũng] tự nhiên chiếu cố. Tại sao vậy? Vì tôn kính bạn, tôn kính cha mẹ bạn, thế nên có ý nghĩa này.

a. Chứng Tín Tự:

Lại xem đoạn kinh tiếp theo:

Nhĩ thời thập phương vô lượng thế giới, bất khả thuyết bất khả thuyết nhất thiết chư Phật cập Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giai lai tập hội.

Lúc đó hết thảy chư Phật và Đại Bồ Tát Ma Ha Tát bất khả thuyết bất khả thuyết từ mười phương vô lượng thế giới đều đến tham dự pháp hội.

Đoạn kinh trên là Phát Khởi Tự của kinh này. Kinh này tổng cộng gồm mười ba phẩm, phẩm thứ nhất là phẩm Tựa, nhưng chẳng gọi là phẩm Tựa mà gọi là Phẩm Đao Lợi Thiên Cung, trên thực tế phẩm này là phẩm Tựa. Ý nghĩa trong phần tựa vô cùng châu toàn viên mãn, phía trước có sáu thứ thành tựu, đây là 'Chứng Tín Tự'; từ đoạn kinh này về sau là Phát Khởi Tự. Đoạn Phát Khởi Tự nói với chúng ta vô cùng rõ ràng, hàm nhiếp cả 'Giáo, Lý, Hạnh, Quả'; trong Khoa Chú đoạn này được gọi là 'Quả Nhân Tập Tán' *(Cùng khen ngợi quả và nhân)*. Chúng ta phải đặc biệt chú ý những chỗ như vậy, phải biết học tập như thế nào, khi Phật thuyết pháp thì trước hết phơi bày quả báo ra cho mọi người thấy, từ quả báo này sanh khởi lòng tin. Sau đó mới giải thích quả báo hình thành như thế nào, giảng về nhân cho bạn thì bạn sẽ hết lòng để nghe, bạn rất muốn biết tại sao. Đây là thiện xảo phương tiện của việc thuyết pháp, chúng ta phải biết. Thế nên mới nói 'Quả Nhân' chứ chẳng nói 'Nhân Quả'.

Vừa mở đầu thì hiện lên cái gì? Dạy bạn xem những nhân vật tham gia đại hội này, đây là 'quả'. Đây là người, người là 'quả người', do quả đức của ngài cảm động nhiều người như vậy đến tham gia pháp hội. Trước khi Phật giảng kinh thì hiện tướng lành, hiện các thứ hào quang, những tướng lành này là 'Lý'. Văn Thù Bồ Tát nhìn thấy hiện tượng này nên sanh khởi nghi hoặc, đây là tiêu biểu 'Hạnh'. Thế Tôn và Bồ Tát một người hỏi, một người đáp, Văn Thù hỏi, Thế Tôn trả lời, đây là 'Giáo'. Cho nên trong phần Tựa chúng ta thấy 'Giáo, Lý, Hạnh, Quả', lần tụ hội này là quả báo. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm vừa mở đầu trước lúc giảng kinh thì nói về y báo, chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, bày quả báo ra cho bạn thấy.

Chỗ này hiện ra sự chẳng thể nghĩ bàn, chư vị có thấy kinh văn như vầy trong kinh nào không? 'Nhĩ thời', lúc Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ, 'mười phương vô lượng thế giới, bất khả thuyết bất khả thuyết hết thảy chư Phật', chư vị có từng thấy trong kinh nào ghi lúc Phật giảng kinh, hết thảy chư Phật đều đến nghe?

Chưa từng thấy bao giờ. Quang cảnh này làm sao tưởng tượng được nổi! Kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng có trường hợp này, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng có, vô cùng hy hữu! Không thể hàm hồ, lơ là lướt qua. Thường thường chúng ta nói câu: *'Một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ'*, đó là chư Phật hóa hiện thành Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tới để giúp đỡ Phật hoằng hóa; còn chỗ này không phải vậy, chư Phật dùng thân phận của Phật đến. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hôm nay giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, hết thảy chư Phật đều đến tham dự nghe giảng, số người đến là 'vô lượng thế giới, nói không xuể, kể không xiết hết thảy chư Phật và Đại Bồ Tát Ma Ha Tát'; 'Đại Bồ Tát Ma Ha Tát' này theo Phật cùng đến, tháp tùng theo chư Phật. Số chư Phật đã nói không xuể, kể không xiết, vậy thì số Bồ Tát còn nhiều hơn nữa, tất cả đều đến dự hội. Đoạn kinh này tuyệt đối không thể hàm hồ, lơ là lướt qua, bạn phải nghĩ kỹ Thế Tôn suốt đời giảng kinh bốn mươi chín năm, giảng hơn ba trăm hội, không có hội nào thù thắng như vậy. Đây là những người tham dự pháp hội, là 'Quả', một phần trong Giáo, Lý, Hạnh, Quả của kinh.

Vì sao họ đều đến? Chẳng có một vị Phật nào không báo ân mẹ, hôm nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng giảng pháp nào khác, mà giảng pháp Địa Tạng. Thuyết minh hết thảy chư pháp đều nương vào đại địa để sanh khởi, đây là căn bản. Địa Tạng tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu 'Hiếu Thân Tôn Sư', thế nên khi giảng pháp 'Hiếu Thân Tôn Sư' thì hết thảy chư Phật nhất định đích thân đến tham gia, chư Phật đến để làm 'ảnh hưởng chúng'. Đao Lợi Thiên Vương trong hội này làm công đức chủ, phước báo của ngài đã tu quả thật rất lớn: thỉnh Phật đến cung trời Đao Lợi giảng kinh Địa Tạng, phước báo này rất lớn. Thế nên hết thảy chư Phật Như Lai đều đến đầy đủ, một vị cũng không sót, là một nhân duyên vô cùng hy hữu! Đến để làm gì? Đề xướng Hiếu đạo. Vừa gặp mặt liền tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ý tán thán đó cũng viên mãn đến cùng cực.

b. Phát Khởi Tự:

Tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật năng ư ngũ trược ác thế hiện bất khả tư nghị đại trí huệ thần thông chi lực, điều phục cang cường chúng sanh, tri khổ lạc pháp.

Tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể ở trong đời ác ngũ trược hiện sức đại trí huệ thần thông không thể nghĩ bàn, điều phục chúng sanh ương ngạnh, biết được pháp khổ pháp vui.

Nói ra lời này chẳng dễ, nếu không phải là chư Phật Như Lai đích thân tuyên thuyết, nói cho chư vị biết, Bồ Tát cũng chẳng nói được. Tại sao vậy? Các Ngài còn chưa vào cảnh giới này thì làm sao nói ra được! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện vào thời đại gì? 'Ngũ Trược Ác thế'. Đến xã hội hiện nay của chúng ta có thể nói là 'Ngũ trược ác', hầu như phàm phu ngu muội vô tri nhất cũng đã cảm biết được. Năm mươi năm, một trăm năm về trước, phải là người có trí huệ cao độ mới có thể cảm biết hiện tượng ngũ trược ác thế này, phần đông người thường không cảm giác được; [họ nghĩ] thế gian chẳng tệ, rất tốt, sinh sống rất vui vẻ; họ chẳng cảm giác được sự trược ác này, 'trược' nghĩa là ô nhiễm. Nửa thế kỷ trước chúng ta chưa từng nghe danh từ Hoàn Bảo *(bảo hộ môi trường, hoàn cảnh)* ở đâu cả, nói cách khác sự ô nhiễm của môi trường còn có thể chịu đựng được. Đợi đến lúc phát động bảo hộ môi trường có nghĩa là ô nhiễm môi trường đã đến mức làm cho người ta chịu không nổi, chánh phủ địa phương trên toàn thế giới đều bắt đầu đề xướng. Nói cách khác, mức độ trược ác này đã đến mức khá nghiêm trọng nên mới có danh từ này xuất hiện.

‘Ngũ’ là năm loại lớn, năm loại ô nhiễm nghiêm trọng, trong kinh Phật gọi là ‘Ngũ trược ác thế’. Trong Ngũ trược, thứ nhất là Kiếp Trược, Kiếp là nói về thời gian, ngày nay chúng ta gọi là thời đại *(tạm dịch cho chữ ‘niên đầu’)* chẳng tốt, là nói về thời tiết nhân duyên. Nói thật ra, thời gian có ô nhiễm gì đâu! Đây là một thời đại ô nhiễm trầm trọng, chính là nghĩa này. Nói thật ra, thời đại ô nhiễm là bốn thứ ô nhiễm kể sau đây. Thứ hai là ‘Kiến Trược’, Kiến là Kiến giải, tư tưởng, kiến giải sai lầm, nhà Phật gọi là tà tri tà kiến, có cái nhìn sai lầm về chân tướng của vũ trụ nhân sanh, đó là ô nhiễm trên kiến giải. Kế đó là ‘Phiền não trược’, dùng cách nói hiện nay nghĩa là ô nhiễm tư tưởng. Hai thứ này hợp lại chính là ô nhiễm tâm lý, ô nhiễm tinh thần, việc này rất nghiêm trọng! Từ ô nhiễm tâm lý, ô nhiễm tinh thần nhất định sẽ dẫn đến sinh lý và hoàn cảnh sanh hoạt ô nhiễm, đó gọi là ‘Chúng sanh trược’, nói theo ngôn ngữ hiện nay thì đó chính là hoàn cảnh sinh hoạt ô nhiễm. Ngày nay sanh thái của địa cầu mất quân bình, khí hậu bất bình thường, tai nạn dồn dập, đều thuộc về ‘Chúng sanh trược’. Sau cùng là ‘Mạng trược’, dùng ngôn ngữ hiện đại để nói tức là sinh lý ô nhiễm. Dùng ngôn ngữ hiện đại để giải thích Ngũ Trược thì hai thứ đầu là kiến giải ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, hợp lại chính là tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm; ‘Chúng sanh trược’ chính là hoàn cảnh sinh hoạt ô nhiễm, ‘Mạng trược’ là sinh lý ô nhiễm, tất cả đều gọi là ‘Trược’.

‘Ác’ là ‘thập ác’, hết thảy chúng sanh chẳng làm việc thiện. Thân tạo ‘sát sanh, trộm cắp, tà dâm’, miệng tạo ‘vọng ngữ’ tức là không nói thật, lừa gạt người khác, ‘lưỡng thiệt’ tức là ly gián thị phi, ‘ác khẩu’ tức là nói lời độc ác; ‘ỷ ngữ’ tức là nói lời bóng gió, lường gạt chúng sanh, tạo ra những khẩu nghiệp này; còn ý nghiệp, trong tâm có ‘tham, sân, si, mạn’, những thứ này là ‘Ác’. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong thời đại Trược, Ác này.

‘Hiện’ là thị hiện, thị hiện đại trí huệ chẳng thể nghĩ bàn. Câu này nói Phật xuất hiện ở thế gian này, làm ra một hình dáng cho chúng sanh coi, hình dáng gì? Hình dáng đại trí huệ. Hiện nay chúng ta gọi là ‘làm thầy, làm mô phạm’, làm người dẫn đầu cho xã hội đại chúng, làm gương, làm mô phạm cho xã hội đại chúng. Ngài có thể thị hiện trong đời ác ngũ trược này, hết thảy chư Phật đều tán thán, tán thán Phật trong đời trược ác làm ra một gương tốt cho những chúng sanh khổ nạn này.

‘Thần thông chi lực’ bốn chữ này nói về biểu hiện bên ngoài của Ngài. ‘Bất khả tư nghị đại trí huệ’ là nói về biểu hiện bên trong. Biểu hiện bên ngoài chính là giúp đỡ xã hội, hết thảy chúng sanh, nói về khả năng của ngài mạnh mẽ. ‘Thông’ là thông đạt, chẳng có gì ngài chẳng biết. Hết thảy sự vật, đạo lý, nhân quả, hiện tượng, biến hóa trong thế gian, chẳng có gì là không biết, chẳng có gì là không thể, đó gọi là ‘thần thông’. Thần nghĩa là thần kỳ, khó trắc lường nổi, vượt quá tri thức của phàm phu. Thần thông này chẳng phải là bảy mươi hai phép biến hóa của Tôn Ngộ Không, không phải ý này, nếu nghĩ vậy thì bạn hoàn toàn hiểu lầm. Sự việc gì Phật đều thông suốt, nói cách khác, các thứ nghi nan tạp chứng trong xã hội chúng ta ngày nay Phật chẳng có gì không biết, ngài có khả năng giúp đỡ chúng ta giải quyết những khó khăn này.

‘Điều phục cang cường chúng sanh’. Cư sĩ Duy Ma đã từng nói: *‘Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề cang cường, khó giáo hóa’*. ‘Cang cường’ là tánh ương ngạnh, chấp trước cứng chắc, rất khó tiếp nhận lời dạy dỗ của Phật. Chúng ta có thể nhìn thấy việc này trong xã hội hiện thực, họ bài xích Phật pháp, gây chướng ngại cho sự giáo học Phật pháp, hiển thị tánh ương ngạnh. Họ không chịu nghiên cứu Phật pháp, Phật pháp rốt cuộc là gì? Họ cũng chẳng biết; Ghép vô một chữ mê tín, tiêu cực, lạc hậu thì liền bỏ xó qua một bên, chẳng biết đây là của báu, thật sự có thể giải quyết vấn đề của ngũ trược ác thế.

Bốn chữ sau cùng này rất tài tình: 'tri khổ lạc pháp', nói ra bốn chữ này chẳng dễ. Chúng sanh khổ, tại sao khổ? Chúng sanh mong cầu sự vui, tại sao không đạt được sự vui? Có người nào trên cả thế giới không chịu khổ! Có ai không mong cầu khoái lạc! Khổ từ đâu đến? Lạc từ đâu đến? Chẳng ai biết. Làm sao lìa khổ? Làm sao được vui? Những lý luận và phương pháp này chẳng có ai biết. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết được, trong kinh đức Phật dạy rất rõ ràng, rất minh bạch, nếu chúng ta muốn lìa khổ, được vui, kinh điển Đại Thừa chỉ dẫn hoàn hảo nhất, chỉ đạo, hướng dẫn chúng ta, mục tiêu của sự giáo học Phật pháp chính là dạy chúng ta lìa khổ, được vui. Chư Phật tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng để 'Quả' ở phía trước, làm cho người ta chú ý. Hai đoạn kinh này không có câu nào chẳng làm lông tóc dựng đứng, vô cùng hy hữu! Có người nào mở pháp hội có thể làm cho hết thảy chư Phật Như Lai đều đến nghe, người nào có thể nhìn được chư Phật Như Lai, được sự tán thán chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Chư Phật tán thán đức Phật Thích Ca, tức là chư Phật hỗ tương tán thán, chúng ta phải hiểu đạo lý này, Phật Phật đạo đồng. Nói cách khác, chỉ có chư Phật Như Lai mới chịu thị hiện trong ngũ trược ác thế, đây chính là tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát, *'Tôi không vào địa ngục, ai vào địa ngục!'*, địa ngục là chỗ khổ nhất. Những chúng sanh khổ nạn này, tôi không giúp họ thì ai giúp họ! Chỗ càng nhiều khổ nạn, Bi tâm của Phật, Bồ Tát càng nặng, càng muốn đến đó để dạy dỗ, giúp đỡ mọi người, chỉ cần những chúng sanh khổ nạn này chịu tiếp nhận, Phật, Bồ Tát liền tới; nếu không chịu tiếp nhận, Phật, Bồ Tát muốn giúp đỡ cũng chẳng có cách gì. Có thể tin, có thể giải, có thể học thì Phật, Bồ Tát nhất định sẽ xuất hiện trong thế gian này.

Ngày nay tại sao lại đến Tân Gia Ba giảng hội kinh này? Tại sao không giảng ở chỗ khác? Chúng ta chẳng thiên vị, chẳng có tâm riêng tư, và cũng chẳng tham ái địa phương này. Hoàn toàn là do duyên ở địa phương này thành thục. Duyên gì? Người ở địa phương này có thể tin, có thể giải, có thể hành; địa phương này đầy đủ bốn điều kiện Tín, Giải, Hạnh, Chứng. Trong mười mấy năm nay chúng ta ở địa phương này hoằng dương Tịnh Độ, khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, trong những năm này, ở Tân Gia Ba, Mã Lai Á, lúc nào cũng có thể nghe đến người niệm Phật vãng sanh, thường luôn nghe đến. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên vô cùng nhiệt tâm, lúc lâm chung các đồng tu niệm Phật hơn phân nửa đều mời cư sĩ Lý Mộc Nguyên trợ niệm, lo hậu sự cho họ, ông đã thấy được tướng lành quá nhiều, quá nhiều! Ngày nay Lý cư sĩ phát tâm như vậy là do ông ta đã nhìn tận mắt, nghe tận tai, niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật là thật, chẳng phải giả. Bởi vậy nên ông ta làm thật hết lòng, rất nhiệt tâm như vậy, tín nguyện của ông chẳng phải phát suông đâu, là đã nhìn thấy sự thật nên mới phát khởi đấy.

Chỉ có Phật mới thấu triệt pháp khổ vui trong lục đạo tam đồ, biết được triệt để, được rốt ráo, cho nên Phật có khả năng giúp đỡ chúng ta giải quyết vấn đề, giúp chúng ta lìa khổ được vui. Tuyệt đối không thể xem thường hai đoạn kinh này, đây là vô thượng diệu pháp của chư Phật Như Lai khác miệng đồng âm tuyên thuyết, chúng ta có thể coi như tổng cương lãnh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện trong thế gian giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Phật xuất hiện trong thế gian để làm gì? Để làm việc này.

Sau khi tán thán, chư vị hãy xem tiếp kinh văn:

Các khiển thị giả, vấn tấn Thế Tôn.

Mỗi vị đều sai thị giả đến vấn an Thế Tôn.

Đây là lễ mạo, Phật phái thị giả đến vấn an đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Lễ tiết, đây cũng làm một hình dáng cho người ta coi, 'Lễ' này chẳng thể bỏ. Người chẳng có

lễ thì sẽ chẳng ở yên trong thế gian được, nhưng hiện nay người ta đều coi thường lễ tiết. Nếu coi thường lễ tiết thì nói thật ra dù tu học Phật pháp có giỏi cách mấy, quả báo sẽ ở đâu? Quả báo sẽ chẳng ở cõi người, hơn phân nửa là ở cõi quỷ. Đến đoạn nói về Quỷ vương ở phía sau, nói rõ nhân của những quỷ vương này thì quý vị sẽ hiểu. Tu hành Phật pháp giỏi vô cùng, nhưng cống cao ngã mạn, chẳng có lễ tiết, quả báo sau này sẽ đến quỷ đạo làm quỷ vương. Trong kinh Hoa Nghiêm giảng về những vị làm Thế Chủ, Khí Thế Gian Chủ, thần núi, thần cây, thần hoa, thần nước, những vị này sẽ có khuynh hướng như vậy. Phật pháp được xây dựng trên cơ sở Hiếu Kính, khuyên chư vị đồng tu phải giác ngộ, có Hiếu Thân Tôn Sư thì chúng ta mới có thể hướng về Phật đạo, đi về Cực Lạc thế giới, nếu chẳng có ý niệm này thì tuy tu học Phật pháp nhưng sẽ đến quỷ đạo làm quỷ vương. Nếu tốt hơn nữa thì bạn có thể đến thiên đạo; thiên đạo thì có trời Dục Giới, trời Sắc Giới không được, nhất định phải biết. Ở đây là dạy Lễ, dạy Kính.

Thị thời Như Lai hàm tiếu, phóng bá thiên vạn ức đại quang minh vân.

Bấy giờ, Như Lai mỉm cười, phóng ra trăm ngàn muôn ức vầng mây sáng rỡ lớn.

Chỗ này nói về Phật hiện tướng lành. Trong quang minh vân (vầng mây sáng) hiển lý, phóng quang. Chúng sanh lợi căn nhìn thấy hào quang đều hiểu hết những lời dạy của Phật, chẳng cần phải dùng lời nói, 'quang minh' tiêu biểu cho trí huệ, 'trăm ngàn muôn ức vầng mây sáng rỡ lớn' chính là vô lượng vô biên trí huệ, trong vòng sát na tế toàn bộ đều hiện ra, chẳng cần thời gian dài, trong vòng sát na liền phơi bày vô lượng vô biên trí huệ trước mặt hết thảy đại chúng. 'Thị thời' tức là lúc chư Phật Như Lai tán thán, phái thị giả đến vấn an đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Thế Tôn mỉm cười. Phóng quang là tiêu biểu pháp, hào quang này từ đâu ra? Trong chân như bản tánh vốn có đầy đủ Bát Nhã quang minh, Phật vì chúng sanh thuyết pháp căn cứ vào chỗ này. Phật thuyết hết thảy pháp bắt đầu từ đâu? Từ trong tự tánh vốn sẵn đủ Bát Nhã thể hiện ra, hôm nay nói chỗ y cứ của hết thảy pháp, biểu hiện ra một lượt cho mọi người coi.

'Bá thiên vạn ức' nói chẳng hết, cho nên sau đó lược nêu ra vài điều, nếu nói kỹ thì nói không hết, giản lược nêu ra mười điều. Tuy là giản lược nêu ra, chư vị phải biết cũng giống như cách tiêu biểu pháp trong kinh Hoa Nghiêm, bất cứ câu nào cũng đầy đủ trăm ngàn muôn ức quang minh vân, một tức là hết thảy, hết thảy tức là một. Thế nên khi chúng ta nghe kinh, nghe pháp, nếu người giảng dùng tâm chân thành, tâm cung kính, thì liền cùng quang minh của Phật khởi tác dụng cảm ứng, Phật quang sẽ soi rọi đạo tràng đó cũng giống như đại quang minh vân chiếu soi trên không trung của đạo tràng [tại cung trời Đao Lợi] này. Phía dưới người nói, người nghe sanh vô lượng hoan hỷ, chẳng phải do người ấy giảng hay, nói khéo, chẳng phải vậy, người hiện nay gọi đó là 'từ trường' chẳng giống nhau, đây là sự gia trì của Phật, từ bi gia trì, quang minh nhiếp thọ. Nói về câu đầu tiên:

Sở vị: Đại Viên Mãn Quang Minh Vân.

Đó là vầng mây sáng Đại Viên Mãn

'Đại Viên Mãn', đây là điểm giống nhau trong những vầng mây khác nhau. Viên mãn tức là một chút khiếm khuyết đều chẳng có, chính là toàn thể tánh đức tỏ lộ. Tại sao hết thảy chúng sanh có thể khởi cảm ứng đạo giao? Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai không khác. Sai khác ở đâu? Chúng sanh còn mê, Phật đã giác. Khi giác là tâm tánh, khi mê cũng là tâm tánh, tâm tánh chẳng có giác, mê. Trong hết thảy chúng sanh, thường nói đến hữu tình chúng sanh, chúng ta ngày nay gọi là động vật, chúng

sanh hữu tình trong chín pháp giới; ngoài hữu tình chúng sanh còn có vô tình chúng sanh, ngày nay chúng ta gọi là thực vật, khoáng vật, đều từ trong tự tánh biến hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm nói: *'Hữu Tình và Vô Tình cùng viên mãn chủng trí'* 5[5]. Viên là viên mãn, đồng viên chủng trí tức là đồng thời thành Phật, là ý như vậy. Tại sao? Cùng một pháp thân, cùng một thể tánh. [Đối với] người giác ngộ, núi sông đại địa đều là tự thân, cùng mình là một thể, thế nên sẽ quan hoài vô điều kiện, yêu thương, bảo vệ vô điều kiện, đó gọi là 'đại từ đại bi', thế nên câu tiếp sẽ là 'Đại Từ Bi Quang Minh Vân'. Phải biết Phật như vậy, chúng ta cũng như vậy. Hôm nay Phật hiển hiện chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên tự tánh quang minh; hôm nay chúng ta hiện ra vô lượng vô biên phiền não vô minh, chúng ta biến thành nông nỗi này, hoàn toàn phản nghịch với tánh đức, biến thành một chúng sanh đáng thương xót. Thế nên tự mình phải giác ngộ, phải quay về, phải thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, người như vậy mới thật sự quay về. Vừa quay về thì cùng đại quang minh vân của Phật khởi tác dụng cảm ứng đạo giao.

Đại Từ Bi Quang Minh Vân.

Vầng mây sáng Đại Từ Bi.

'Từ Bi' là chỗ nương dựa cho sự phát tâm của chúng ta. Tứ Hoằng thệ nguyện *'Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ'* nương dựa vào cái gì mà phát tâm? Nương dựa vào tâm từ bi. Quang Minh Vân ở đây tiêu biểu cho đức năng viên mãn của chân tâm tự tánh, Bát Nhã trí huệ vốn có. Chư Phật, Bồ Tát, Bồ Tát ở đây là chỉ cho Pháp Thân đại sĩ; khi chưa chứng Pháp thân thì tánh đức chưa hiển lộ, chẳng có quang minh vân; các ngài có đại từ bi, chẳng thể thêm quang minh vân. Thêm quang minh vân thì tối thiểu phải là Pháp Thân đại sĩ, phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, thật sự cùng tâm cùng nguyện, cùng đức cùng hạnh với Phật, thì trong đoạn này hiển lộ chẳng sót, đây là sự tướng. Tứ hoằng thệ nguyện phát khởi từ chỗ này. Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện này viên mãn, rốt ráo, *'địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật'*, từ bi đến cùng cực! Chúng sanh khổ nạn trong địa ngục ngài đều độ, huống chi là những chúng sanh khác, đây gọi là phổ độ chín giới chúng sanh.

Khoảng thời gian sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ và trước khi Di Lặc Bồ Tát giáng sanh quá dài. Trong thời gian dài như vậy chẳng có Phật ra đời, cái khổ của chúng sanh chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi. Phật, Bồ Tát chẳng có tâm từ bi sao? Có chứ, phải làm sao? Trong thời gian này Phật giao phó sự nghiệp giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát. Lúc Phật chẳng ở thế gian thì Địa Tạng Bồ Tát đại diện cho Phật Thích Ca, Thế Tôn chẳng nhờ Bồ Tát khác, mà nhờ Địa Tạng Bồ Tát. Do đó có thể biết sau khi đức Phật diệt độ, khi Bồ Tát Di Lặc chưa xuất thế, dùng phương pháp gì để giáo hóa hết thảy chúng sanh? Dùng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, đây là lời phó chúc của Thế Tôn. Địa Tạng Bồ Tát nhận sự ủy thác của Thế Tôn, chẳng cô phụ đức Phật Thích Ca, ngài đích thật đảm đương trách nhiệm này, từ bi đến cùng cực! Chúng ta phải dùng 'Đại Từ Bi Quang Minh Vân' phát tâm Bồ Đề, thượng cầu hạ hóa, độ mình, độ chúng sanh. Câu thứ ba:

Đại Trí Huệ Quang Minh Vân.

Vầng mây sáng Đại Trí Huệ.

Đây là chỗ y cứ cho sự tu hành của chúng ta. Bất luận tu học pháp môn nào, không có trí huệ thì không thể thành tựu, nhất định phải nương vào trí huệ, trí huệ từ đâu có? Nói cho chư vị biết, trí huệ nhất định chẳng do sự học hỏi, ghi nhớ mà có. Tôi

---

5[5] Nguyên văn: *'Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí'*

nghe rất nhiều, đọc nhiều, nhớ nhiều, đó là thông minh của thế gian, trong kinh Phật gọi là 'thế trí biện thông'. Trong Phật đạo, 'thế trí biện thông' là một trong tám nạn, nếu bạn gặp phải thì rất khó, tại sao? Kẹt vào 'Sở tri chướng', những gì bạn biết trở thành chướng ngại, chướng ngại bạn minh tâm kiến tánh, chướng ngại bạn đạt được định, chướng ngại bạn khai trí huệ. Trí huệ từ đâu đến? Trí huệ nhất định phải được từ thiền định, thiền định từ đâu đến? Thiền định nhất định được từ Trì giới. Đây gọi là 'Tam Vô Lậu Học'. Tuy Đại thừa pháp môn chẳng coi trọng giới luật trên hình thức, Đại thừa nói đến Tâm Địa Giới pháp, còn thù thắng hơn hình thức, phải làm thật sự! Thiền định là tâm thanh tịnh, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, *'ngoài không trước tướng, trong không động tâm'*, đó gọi là thiền định, đó là chân chánh tu thiền định. Nếu lục căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới lục trần, vẫn còn bị cảnh giới bên ngoài thu hút, vẫn còn khởi tâm động niệm, vậy là hỏng bét rồi!

Công phu chân chánh, tu hành chân chánh ở đâu? Chính là dụng công ở chỗ sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chúng ta dùng công phu niệm Phật, phương pháp này rất tốt. 'Niệm đầu' 6[6] vừa động, thì dùng 'A Di Đà Phật' chuyển liền, chuyển thành A Di Đà Phật, trong đó Tam học: Giới, Định, Huệ đầy đủ cùng lúc. Nếu bạn có thể chuyển thì bạn tuân thủ pháp, đây là Trì giới. Nhìn thấy cảnh giới bên ngoài thuận tâm thì khởi tham ái, tâm tham vừa động thì 'A Di Đà Phật' chuyển trở lại, đó là Trì giới. Thấy hoàn cảnh không vừa ý, trong tâm không ưa thích thì liền 'A Di Đà Phật' chuyển lại. Nếu bạn có thể chuyển trở lại, tiếp nhận sự giáo huấn của Phật, Phật dạy chúng ta làm như vậy, chúng ta làm như vậy, đó là 'Trì giới'. Sau khi chuyển trở lại, đối với hết thảy cảnh giới đều không để ý nữa, quay về niệm Phật, đó là tu 'Định'. Nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật, 'Huệ' ở trong đó. Thế nên [nhiều người] chẳng biết sự tu học của Tịnh Tông thù thắng, hoàn thành Giới - Định - Huệ Tam Học ngay trong một niệm, viên mãn đầy đủ. Sau đó xử sự, đãi người, tiếp vật, thiện ý tự nhiên sẽ sanh ra, thế nên công phu tu hành của bạn sâu cạn chẳng có tơ hào ẩn dấu được, đều bộc lộ trên gương mặt, âm thanh, từng cử chỉ, từng động tác của bạn, công phu tu hành của bạn làm sao ẩn dấu được? Trong ngoài như nhau. Ẩn dấu là đối với người ngu mà nói, người ngu chẳng nhìn thấy nên mới bị bạn gạt, người chân chánh có trí huệ thì không dấu nổi, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ. Thế nên 'đại trí huệ' là chỗ nương dựa của sự tu hành của chúng ta. Câu thứ tư:

Đại Bát Nhã Quang Minh Vân.

Vầng mây sáng Đại Bát Nhã.

Ý nghĩa của Bát Nhã và trí huệ có khi giống nhau, nhưng hai chữ này gộp chung một chỗ thì ý nghĩa đương nhiên có sai khác. Bát Nhã như trong kinh Bát Nhã nói: 'Thật Tướng Bát Nhã, Quán Chiếu Bát Nhã, Văn Tự Bát Nhã'. Đại trí huệ ở phía trước chúng ta giải nghĩa là Huệ trong Giới - Định - Huệ; nhưng Định nhất định phải có Giới, 'Định cộng Giới', người có Định sẽ chẳng phạm lỗi. Người có Huệ gọi là 'Đạo cộng Giới', Trì Giới ở trong đó còn cao minh hơn nữa. Do đó 'Huệ' giống như ba tầng lầu, tầng thứ ba nhất định bao gồm hai tầng dưới, tầng dưới chẳng bao gồm tầng trên, Giới chẳng bao gồm Định, Định chẳng bao gồm Huệ; Định nhất định sẽ bao gồm Giới; Huệ nhất định sẽ bao gồm Giới và Định. Bát Nhã, ở đây chúng ta y theo cách nói của kinh Bát Nhã, Thật tướng Bát Nhã là Thể. Thật tướng vô tướng, cũng tức là chẳng có Phân biệt trí, Thật trí, đối với hết thảy pháp rõ ràng, minh bạch nhưng trong đó chẳng có phân biệt. Phân biệt còn không có, thì đâu có chấp trước! Thế nên được gọi là Thật Tướng

---

6[6] *Niệm đầu có nghĩa là một niệm, hoặc nói theo hòa thượng Trí Tịnh là "móng ý" (ý vừa dấy khởi lên).*

Bát Nhã. Thật tướng tức là chân tướng, người đó hiểu rõ chân tướng, chúng ta thường gọi là hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh rốt ráo triệt để, trí huệ này được gọi là 'Thật Tướng Bát Nhã'.

Thật Tướng Bát Nhã khởi tác dụng gồm có hai loại: một là 'Tự thọ dụng', hai là 'Tha thọ dụng'. Tự thọ dụng là 'Quán Chiếu Bát Nhã', dùng cách nói hiện nay tức là sống một đời sống có trí huệ cao tột, hoặc giống như những Pháp Thân đại sĩ đã chứng quả, các ngài sống đời sống viên mãn trí huệ, tương ứng với quang minh vân. Phàm phu chúng ta có thể sống đời sống cao đẳng trí huệ, đó là rất hiếm có, như vậy bạn mới hiểu được Quán Chiếu. Tổng cương lĩnh của Quán Chiếu, trong kinh Kim Cang, Phật dạy: *'Phàm những gì có tướng đều là hư vọng'*. Thế nên đối với hết thảy pháp tướng, họ có thể không phân biệt, không chấp trước, có thể tùy duyên mà không phan duyên, cái gì cũng được, cái gì cũng tự tại, mỗi ngày sinh hoạt thanh tịnh, khoái lạc vô cùng! Tùy cảnh ngộ đều an lạc, phú quý có sự khoái lạc của phú quý, nghèo hèn có sự khoái lạc của nghèo hèn; phú quý, nghèo hèn là sự tướng, khoái lạc đều bằng nhau, đều bình đẳng, đều sinh hoạt rất viên mãn, đều được khoái lạc. Đây là Quán Chiếu Bát Nhã, sự thọ dụng của chính mình. 'Văn Tự Bát Nhã' tức là lợi tha, Tha thọ dụng, giúp đỡ người khác. Trong Văn Tự bao gồm diễn nói, nói cách khác Quán Chiếu bao gồm sự tướng, tức là làm ra hình dáng cho người ta coi, ngày nay chúng ta gọi là 'thân giáo', Văn Tự Bát Nhã là 'ngôn giáo'. Do đó có thể biết Thật Tướng Bát Nhã là 'ý giáo'. Thân, ngữ, ý đều giáo hóa hết thảy chúng sanh, đều giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Trong Thật Tướng tuy nói là ý giáo, nhưng chẳng có niệm đầu của 'ý'; nếu có niệm đầu của 'Ý' thì không phải là Thật Tướng Bát Nhã trí huệ. Bát Nhã là *'tức tướng ly tướng, ly tức đồng thời'* (*chính ngay nơi tướng mà lìa tướng, cùng một lúc vừa là 'lìa', vừa là 'chính là'*), như vậy mới có thể phá trừ hết thảy mê hoặc. Câu thứ năm:

Đại Tam Muội Quang Minh Vân

Vầng mây sáng Đại Tam Muội.

Tam Muội là Phạn ngữ, là dịch âm từ tiếng Ấn Độ, nghĩa là 'Chánh thọ', hưởng thọ chánh thường *(hưởng thọ một cách chánh đáng, đúng mực, hợp lý)*. Phật nói sự hưởng thọ của lục đạo chúng sanh chẳng chánh thường. Các thứ hưởng thọ được quy nạp thành năm loại lớn, thân có hai loại: 'khổ thọ' và 'lạc thọ'. Khổ thì vô lượng vô biên, Lạc cũng vô lượng vô biên, dùng hai loại này bao gồm hết cả. Tâm lý, chúng ta gọi là Tinh thần. Thân thể bằng xương thịt có hai loại 'khổ' và 'lạc' này. Tâm lý có hai loại: 'Buồn' và 'Vui'. Đó là bốn loại: khổ và lạc là tương đối, buồn và vui cũng tương đối. Sau cùng còn một loại lớn, thân chẳng có khổ và lạc, tâm lý chẳng có buồn và vui, như vậy rất tốt, trạng thái này gọi là 'Xả thọ', tổng cộng là năm loại này. Xả thọ rất tốt, nhưng thời gian rất ngắn, không kéo dài được, tạm thời thân xả bỏ khổ, lạc, tâm xả bỏ buồn, vui, chỉ là tạm thời. Nếu Xả Thọ này có thể duy trì mãi thì gọi là Tam Muội, tức là Chánh Thọ, thế nên Tam Muội cũng được dịch là Thiền định, chư Phật Như Lai vĩnh viễn trong Xả Thọ. Tây phương gọi là Cực Lạc thế giới, chúng ta cứ dùng cách suy nghĩ sai lầm của chúng ta để hạn cuộc cái 'lạc' của tây phương, cứ tưởng cái 'lạc' này là lạc trong khổ - lạc, như vậy là sai rồi! Chẳng phải 'lạc' trong khổ - lạc; khổ, lạc hai bên đều xả bỏ hết, đó là 'chân lạc'! Thế nên tới tây phương Cực Lạc thế giới, năm thứ Thọ: khổ, lạc, buồn, vui, xả này đều chẳng có, đó mới gọi là Cực Lạc thế giới. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này.

Đại Tam Muội có thể phá hết thảy chướng ngại. Khoa học gia hiện đại biết thế gian này có rất nhiều chướng ngại, thí dụ họ phát hiện không gian ba chiều, chúng ta hiện nay đang sống trong không gian ba chiều này, họ biết có không gian bốn chiều,

năm chiều. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói ông đã coi báo cáo khoa học, ông nói khoa học gia đã khẳng định tối thiểu có mười một chiều không gian tồn tại. Nếu y theo cách nói của Phật pháp thì không hẳn như vậy thôi đâu, chúng ta làm sao biết được? Chúng ta biết những không gian nhiều chiều khác nhau này hình thành như thế nào, chúng ta hiểu được đạo lý này. Phật nói những không gian này là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra, chúng ta biết hết thảy chúng sanh có vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên thời gian, không gian sẽ có vô lượng vô biên chiều, đâu thể chỉ có mười một chiều, hai chục chiều thôi đâu! Đây là thật, chẳng phải giả. Cho dù trong không gian ba chiều, hoàn cảnh sinh sống hiện nay của chúng ta, trong đó vẫn còn rất nhiều chướng ngại. Nói ba chiều, bốn chiều là nói theo cách phân chia đại khái, cũng giống như cách nói mười pháp giới trong nhà Phật. Chúng ta gọi mỗi pháp giới là một chiều thì đó là mười chiều không gian, cộng thêm Nhất chân pháp giới thì là mười một chiều. Nhưng mỗi pháp giới lại có rất nhiều [pháp giới nhỏ ở trong ấy], đếm chẳng hết. Nếu bạn thật sự đạt được Tam Muội, an trú trong Tam Muội, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều dứt hết thì sẽ phá được tất cả giới hạn này. Công phu thiền định cạn sâu chẳng đồng, Định cạn thì đột phá một tầng, hai tầng, Định sâu hơn thì có thể đột phá nhiều tầng hơn, chúng ta biết những tình hình này rất rõ ràng.

Trong thế gian có một số người tu Định, có một cụ kể cho tôi nghe vào thời thế chiến thứ nhì vừa qua, trong thời gian chiến tranh ấy cụ ở Giang Tây, ở đó có một vị đạo sĩ, đạo sĩ này có thần thông, nói thật ra là có công phu định lực. Nhà cụ ở hơi thấp, đạo sĩ này kêu cụ dọn nhà và nói chỗ đó vài ngày nữa sẽ bị ngập nước. Đạo sĩ cũng ở vùng gần đó, cụ bèn sai người dò xem đạo sĩ này có dọn hay không? Cụ thấy đạo sĩ dọn nhà nên cụ cũng dọn theo. Quả đúng như vậy, hoàn toàn phù hợp với thời gian đạo sĩ này đã nói. Một dấu hiệu báo trước gì cũng chẳng có, kết quả là núi lở, chỗ ấy bị ngập, từ đó cụ mới biết vị đạo sĩ này có thần thông. Sau đó không lâu vị đạo sĩ nói ông ấy nhìn thấy chỗ nào đó xảy ra chiến tranh, nói ra phương hướng, đại khái là cách bao xa, ông đã nhìn thấy được. Cụ này là một người lính, là một quan lính cao cấp, cụ nói vị đạo sĩ này nói không đúng, cụ chẳng nghe tin này. Kết quả là ba tháng sau, người Nhật bất thình lình tấn công Trân Châu Cảng (Pearl Harbor, Hawaii), cùng với phương vị, tình huống, khoảng cách, ba tháng trước ông đã nhìn thấy rồi. Do đó có thể biết thời gian quá khứ, hiện tại, tương lai đều tồn tại đồng thời. Đó là công phu định lực nhỏ, chẳng phải đại định, có thể đột phá thời gian ba tháng, sự việc ba tháng sau ông có thể thấy. Ông ở một căn nhà nhỏ trong núi sâu, ông có thể nhìn thấy Hạ Uy Di, Trân Châu Cảng ở cách đó mấy ngàn dặm, đây là công phu định lực nhỏ thôi. Hiện nay ngoài thị thành có lưu thông 'Thánh kinh mật mã' 7[7], ông ta có thể nhìn thấy ba ngàn năm sau, công phu định lực của ông này còn sâu hơn vị đạo sĩ kể ở trên. Đạo sĩ này chỉ có thể nhìn thấy cảnh giới vài tháng, vài năm, vài ngàn dặm thôi. Tam Muội chẳng thể nghĩ bàn, có thể đột phá hết thảy chướng ngại.

Như Lai đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên năng lực của ngài viên mãn, tận hư không trọn khắp pháp giới chẳng có gì không biết, chẳng có gì không thể, chúng ta hiểu được đạo lý này; từ đó chúng ta mới tin tưởng lời Phật nói, lời ngài nói là thật chẳng phải giả, ngài đích thật có năng lực này. Ngài có năng lực này, chúng ta cũng có. Ngày nay chúng ta mất hết năng lực này là vì chúng ta không có Định, trong tâm mỗi ngày vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cả đống, thiệt thòi là ở chỗ này, chúng ta nhất định phải giác ngộ, phải hiểu rõ.

Được rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.

7[7] *Thánh Kinh mật mã là một giả thuyết chủ trương mỗi một chữ trong Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo nếu được sắp xếp theo một trình tự nào đó sẽ nói lên những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai.*

Tập 4 (Số 14-12-04)

Xin mở kinh. Hôm qua giảng đến đoạn Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành, trong mười thứ quang minh vân này chúng ta giảng đến 'Đại Tam Muội Quang Minh Vân' thứ năm. Bây giờ chúng ta bắt đầu từ quang minh vân thứ sáu:

Đại Cát Tường Quang Minh Vân.

Vầng mây sáng Đại Cát Tường.

'Cát Tường' ở thời cổ Trung Quốc là một chữ thông dụng trong việc hỏi thăm, chúc tụng. Cát tường là gì? Cổ đức nói đây là một từ 'nghĩa lợi', tức là chúng ta đáng được, đều có thể đạt được một cách viên mãn. Còn những gì không đáng được, nếu bạn muốn đạt được thì đó là 'tai họa', đó gọi là 'bất nghĩa'. Chúng ta dùng tài vật để thí dụ, những đồ vật 'bất nghĩa' trong Phật pháp là đồ trộm cắp, bạn chẳng nên có, bất luận là dùng thủ đoạn gì, nếu bạn đạt được thì tội lỗi rất nặng. Thế nên 'Cát tường' là đáng được, bạn có thể đạt được viên mãn, đây là 'nghĩa lợi', 'nghĩa' tức là đáng được.

Câu này nói rõ đây là 'đức' đáng được. Trong Phật pháp, Đại Bồ Đề, Đại Niết Bàn là những gì chúng ta muốn đạt được, trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh là những gì chúng ta muốn đạt được, cùng với trí huệ và công đức của quả địa chư Phật chẳng hai, chẳng khác, chúng ta hiểu được ý nghĩa này. Dù là chính mình, chúng ta lấy phàm phu để nói, tánh đức của chúng ta chẳng khai mở, trong thế gian này chẳng phải chỉ một đời này thôi, mà đời đời kiếp kiếp phước báo của chúng ta có thể nói đều là tu được *(nhờ tu mới được)*, chẳng xứng tánh. Khi kiến tánh thì trong tự tánh của bạn có trí huệ, phước báo mới có thể hiện tiền, phước báo đó mới là chân thật, giống như nước suối tuôn trào, lấy hoài chẳng hết, dùng hoài chẳng cạn, đó là phước báo xứng tánh. Trước lúc kiến tánh thì phước đức này là do tu mà được, tu được thì sẽ dùng hết, ở đây chúng ta nêu một thí dụ cho mọi người dễ hiểu. Tánh đức ví như tài sản của bạn, có gia nghiệp, trong nhà có mỏ vàng, trong mỏ tàng trữ vô cùng phong phú, đời đời kiếp kiếp đều dùng chẳng hết. Nhưng hiện nay cái mỏ vàng này bị đá bít kín, chẳng thể sử dụng, một đồng cũng chẳng có, muốn có cơm ăn phải đi làm công, bạn kiếm chút ít tiền để sống qua ngày, trong nhà tuy có tài sản ức vạn nhưng bạn chẳng sử dụng được.

Bát Nhã, trí huệ, công đức, của cải trong tự tánh chúng ta cũng giống như mỏ vàng này vậy, chưa được khai thác, cho nên hiện nay phải cực khổ đi làm chuyện vặt để kiếm chút tiền, phước báo này hưởng chẳng hết. Vả nữa, phải đi làm một cách đúng lý đúng pháp, nếu đầu cơ cầu may, làm chuyện phi pháp thì bạn sẽ phạm tội. Khi phạm tội thì những gì bạn đáng có nhưng không có được, lại còn bị pháp luật trừng phạt, đạo lý này cũng giống vậy. Thế nên chúng ta ở thế gian này phải hiểu rõ, những gì chúng ta chẳng đáng được thì nhất định không thể lấy. Chữ 'đạo tặc' trong nhà Phật, ý của chữ 'đạo' là không cho mà lấy, bất luận là dùng thủ đoạn gì, bạn chiếm được những tài vật chẳng hợp pháp là họa chứ chẳng phải là phước, nhất định phải hiểu điểm này. Cho dù những của cải trong số mạng có sẵn chúng ta cũng phải giác ngộ, sự thọ dụng trong sinh hoạt đời này nói thật ra rất ít. Chúng ta đừng nghĩ đến cả đời, nghĩ đến cả đời thì dễ phạm nhiều lỗi lầm. Người chân chánh giác ngộ sẽ nghĩ như thế nào? Một ngày, sự thọ dụng của tôi ngày hôm nay, tuyệt đối không nghĩ về ngày mai, nghĩ về ngày mai thì bạn sẽ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì bạn sẽ sai lầm, chỉ tưởng ngày hôm nay, chẳng có ngày mai. Những gì cần dùng hôm nay còn dư lại đều bố thí cho người khác, có phước cùng hưởng với hết thảy chúng sanh. Nếu bạn hỏi ngày mai phải tính sao? Ngày mai sẽ có nhiều hơn. Tại sao lại càng nhiều hơn? Người này đang trồng

phước, khi trồng phước thì phước báo sẽ vĩnh viễn tăng trưởng thêm, nó sẽ chẳng tiêu mất. Chúng ta thấy người thế gian, ở khắp nơi trên thế giới có thể thấy những người có tiền cắm cúi tích trữ, liều mạng để gia tăng của cải của mình, đối với sự nghiệp phước lợi của xã hội, nhìn thấy người nghèo khổ một cắc cũng không chịu cho. Nhưng trải qua vài năm thì họ xảy ra sai sót, nhà tan cửa nát, tài sản của họ đều tiêu hao mất hết. Hiện tượng này cổ kim trung ngoại đều có, chỉ cần lưu ý một chút thì thế gian hiện nay ngày càng rõ ràng. Tại sao không đem số còn dư đi tu phước? Đây chính là mê hoặc điên đảo. Chúng ta nói đến 'Cát tường' nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Tánh đức thì chúng ta tạm thời không bàn, trên tu đức biết mình tu như thế nào, làm sao tu mới được phước lợi to lớn, kinh này dạy cho chúng ta biết. Phía dưới thứ bảy là:

Đại Phước Đức Quang Minh Vân.

Vầng mây sáng Đại Phước Đức.

Thêm vào ba chữ Quang Minh Vân đều là xứng tánh. Phước Đức là trợ đạo, trong Bồ Tát Hạnh từ Bố Thí đến Thiền Định đều thuộc về trợ đạo. Do trợ duyên của Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định mới thành tựu trí huệ vô lậu. Thí dụ không có năm thứ đầu, cho dù có trí huệ, trí huệ này là hữu lậu, trí huệ hữu lậu trong Phật pháp gọi là 'thế trí biện thông', chẳng phải trí huệ Bát Nhã. Tại sao đức Phật đặc biệt chú trọng tu phước? Lúc chúng ta thọ Tam Quy, 'Quy y Phật, Nhị Túc Tôn', chữ Nhị ở đây là phước và huệ; Túc là viên mãn. Sau khi thành Phật, cả hai phước đức và trí huệ đều viên mãn, trong phước đức chẳng ai sánh bằng cho nên xưng là tôn quý nhất. Do đó có thể biết đức Phật tuyệt chẳng phản đối người ta tu phước, mà còn khuyến khích người ta tu phước, tại sao vậy? Tu đạo là một công việc tương đối chẳng dễ dàng, nhân duyên chướng đạo rất nhiều, lúc bạn tu học chướng ngại cho việc chứng đạo rất nhiều; phước đức có thể bảo hộ chánh pháp, có thể chân chánh hộ trì bạn. Chúng ta nói thiên long quỷ thần hộ pháp đến để hộ cho pháp của bạn, họ dựa vào cái gì để hộ pháp của bạn? [Là vì] thấy bạn có phước, có đức, nếu bạn chẳng có phước đức, không tu phước đức, mỗi ngày khấu đầu chắp tay, người ta chẳng đếm xỉa đến bạn thì dựa vào gì để hộ pháp cho bạn! Nếu bạn chịu tu bố thí, người ta khâm phục bạn, tán thán bạn; bạn chịu trì giới, người ta tôn kính bạn. Cho nên chúng ta yêu cầu chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, chẳng phải mỗi ngày khấu đầu, mỗi ngày cầu họ, cấu kết với họ, nịnh hót họ, không thể được! Chỉ cần mình hết lòng y theo lời Phật dạy mà làm, chẳng cần phải cầu ngài, chẳng cần để ý, tự nhiên sẽ được hộ trì. Tại sao vậy? Ngài tôn kính bạn, bạn nổi bật trong đại chúng, người ta tạo nghiệp, bạn tu phước, là đạo lý như vậy, chúng ta phải hiểu rõ.

Trên hình thức thì chúng ta làm theo nghi thức, thật ra đây là làm cho đại chúng xem, dùng phương thức này khơi gợi đại chúng, làm cho những chúng sanh mê hoặc điên đảo này giác ngộ, hồi đầu, thế nên những nghi thức này nên làm trang nghiêm, long trọng, đạo lý là như vậy. Tuy xã hội đại chúng chẳng nhìn thấy, nhưng chúng ta làm nghi thức này trang nghiêm, long trọng thì quỷ thần nhìn thấy. Do đó có thể biết tất cả hình thức đều là để phổ độ hết thảy chúng sanh, đó chỉ là bên ngoài; có bề ngoài thì phải có nội dung bên trong, bên trong là chân tu. Nội tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác, biểu hiện ở bên ngoài là lục độ vạn hạnh, thành tựu phước báo chân thật rộng lớn. Phước báo có thể trừ chướng ngại, có thể giúp chúng ta khai trí huệ, ngạn ngữ thế gian thường nói: *'Phước chí tâm linh'*, phước báo của người này đến thì họ vô cùng thông minh. Lúc bình thường coi họ ngu khờ, nhưng khi phước báo hiện tiền thì họ sẽ đột nhiên thông minh, lời này có đạo lý. Tu định là nguyên nhân chủ yếu để khai huệ, tu phước là trợ duyên, giúp đỡ bạn khai huệ, thế nên phải phước huệ song tu. Câu kế là:

Đại Công Đức Quang Minh Vân

Vầng mây sáng Đại Công Đức.

'Công đức' khác với phước đức. Chúng ta thường gọi Phước đức là Phước báo, phước báo có thể cùng hưởng với người khác, công đức thì không thể. Công đức là gì? 'Công' là sự tu học của bạn có công phu, khi tu học có công phu thì bạn nhất định có thâu hoạch; chữ 'đức' này cùng nghĩa với chữ 'được' (đắc), bạn nhất định có được thâu hoạch. Thí dụ trì giới có công, tu giới được rất tốt, có công; thiền định là đức, nhờ Giới được Định. Giữ giới có tốt cách mấy nhưng không thể đắc định, công phu cứ thiếu một chút. Giữ giới được rất tốt, tại sao không được định? Cổ đức nói rất hay, tự mình tu hành rất tốt, nói theo cách nói hiện nay: rất đáng kiêu ngạo, như vậy là hỏng rồi! Bạn nghiên cứu kinh điển, nghiên cứu rất hay, rất đáng kiêu ngạo; giảng kinh trên giảng đài, giảng rất hay, rất đáng tự hào, một khi vừa ngạo mạn thì hỏng rồi, công đức liền mất hết. Ngạo là gì? Phiền não, trì giới đến sau cùng phiền não hiện tiền. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư dạy rất hay: *'Nếu là người chân chánh tu đạo chẳng nhìn thấy lỗi người thế gian'*, bạn trì giới phải trì đến lúc chẳng thấy lỗi người khác thì sẽ được Định, bạn trì giới sẽ biến thành công đức. Trì giới được Định là công đức; trì giới chẳng được Định là phước đức. Thế nên trì giới có hai loại, một là công đức, hai là phước đức. Nhờ trì giới mà được Định.

Tu Định cũng vậy, tu Định có thể khai trí huệ thì Định này biến thành công đức, như vậy thì có công. Tu Định mà chẳng thể khai trí huệ, thì Định này là thiền định thế gian, tu được tốt cách mấy, Tứ Thiền Bát Định. Chư vị phải biết Tứ Thiền Bát Định đều chưa khai trí huệ, không xuất nổi Tam Giới, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Người tu hành rất dễ khởi Tăng Thượng Mạn, đó tức là như người hiện nay nói 'đáng được kiêu ngạo', người ta chẳng biết tôi, tôi cao hơn người ta một bậc. Chỉ cần có tâm niệm này thì công đức của bạn hoàn toàn mất hết. Đại công đức có thể diệt tội, có thể diệt ác, có thể sanh thiện, công đức có thể diệt ác, sanh thiện. Nếu tu học mà Ác còn tăng trưởng, Thiện chẳng thể sanh, vậy là hoàn toàn sai lầm, điều này chúng ta không thể không biết.

Cương lãnh, nguyên tắc tu hành của nhà Phật chú trọng ở 'tu quán'. Nhà Thiên Thai nói: 'Tam Chỉ Tam Quán', chúng ta niệm Phật cũng chẳng tách lìa nguyên tắc tu quán. 'Quán' là gì? Quan niệm. Tu quán tức là sửa đổi những quan niệm sai lầm lúc trước của chúng ta trở lại, đó gọi là tu quán. Nói chung, tu học có ba giai đoạn, trong Tông Môn thường nói. Thứ nhất là 'Quán Chiếu', quán chiếu là gì? Thường thường nhắc nhở những quan niệm giác ngộ, thời thời khắc khắc nhắc nhở, đó là quán chiếu. Công phu quán chiếu đắc lực rồi, trong Tịnh Độ Tông chúng ta tức là 'công phu thành phiến', có công phu này nhất định được sanh Tịnh Độ. Tại sao vậy? Niệm niệm có thể chẳng mê, niệm niệm đều đề khởi quán chiếu, trong Tịnh Độ Tông chúng ta tức là một câu Phật hiệu, khi tâm địa vừa động niệm, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, trong tâm khởi lên một tâm niệm. Tâm niệm chẳng ra ngoài thiện - ác, thuận theo ý tứ của mình thì khởi tâm tham, chẳng hợp ý tứ mình thì khởi sân khuể, sẽ động tâm niệm này, khi chẳng nghịch chẳng thuận thì khởi niệm vô ký, như vậy đều chẳng tốt. Thế nên khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, tánh cảnh giác rất cao, ý niệm vừa khởi thì liền 'A Di Đà Phật', liền chuyển thành 'A Di Đà Phật' lập tức, trong Tông Môn gọi đó là công phu quán chiếu. Cổ đức có nói: *'chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm'*. Tâm niệm vừa khởi lên, không sao hết, phải cảnh giác cho nhanh, lập tức đề khởi Phật hiệu, thay đổi tâm niệm này, đây là công phu quán chiếu. Lúc công phu quán chiếu sâu thì tự nhiên vọng tưởng, tâm niệm sẽ chẳng khởi, công phu thật có thể khống chế, sẽ chẳng khởi

nữa, đây tức là 'Sự Nhất Tâm Bất Loạn', trong Tông Môn gọi là 'Chiếu Trụ', là được định, thiền định hiện tiền.

Đến công phu thượng tầng là 'Chiếu Kiến', chúng ta đọc Tâm Kinh: '*Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không'*, chiếu kiến, 'kiến' là trí huệ khai mở, từ định khai huệ, trong Tịnh Tông chúng ta tức là 'Lý Nhất Tâm Bất Loạn', tức là chiếu kiến. 'Chiếu kiến ngũ uẩn giai không', ngũ uẩn giai không tức là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh, nhìn thấy hết thảy pháp trong vũ trụ, chân tướng là *'vô sở hữu, bất khả đắc'*. Đức Phật nói hai câu này trong kinh 'Đại Bát Nhã' lập đi lập lại mấy trăm lần, thế nên bạn xem sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã xong, không nhớ những thứ khác, đều quên hết nhưng ấn tượng [của sáu chữ này] rất sâu đậm! Chỉ cần bạn nhớ sáu chữ này thì bạn đã tìm được tinh tủy của sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã. Thế Tôn thuyết pháp đích thật có sự khéo léo (xảo diệu) của ngài, sẽ làm cho bạn ghi nhớ những điểm chính yếu. Tại sao vô sở hữu, bất khả đắc? Kinh Kim Cang nói: *'Phàm những gì có tướng đều là hư vọng'. 'Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng'.* Phẩm Thập Định trong kinh Hoa Nghiêm nói càng thấu triệt hơn, chân tướng sự thật là gì? Sát na tế, đây mới là chân tướng sự thật. 'Sát na tế' tức là chẳng sanh chẳng diệt, nếu bạn thật sự thấu triệt, minh bạch, khế nhập cảnh giới này, thì xin chúc mừng bạn, bạn thiệt là tài giỏi. Tại sao vậy? Bạn chứng được quả vị Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn tức là hiểu rõ sát na tế, hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, sanh diệt đồng thời. Kinh Lăng Nghiêm nói: *'Ngay nơi đó hiện ra, cũng từ nơi đó diệt hết'*8[8], tức là 'sát na tế', thế nên mới *vô sở hữu*, thế nên mới *bất khả đắc*, đây là chân tướng sự thật. Nếu bạn tưởng là *có sở hữu*, tưởng là *có sở đắc* thì đó là vọng tưởng. Chúng sanh trong thập pháp giới, đừng nói lục đạo, đều chẳng tách lìa vọng tưởng. Thế mới biết cửa ải 'vọng tưởng' này rất khó phá, phá được cửa ải vọng tưởng này thì bạn sẽ vượt thoát thập pháp giới, bạn sẽ nhập vào Nhất Chân pháp giới. Thế nên công đức nhất định phải tu, phước đức cũng phải tu. Phước đức chú trọng trên sự tướng, công đức chú trọng trên tâm địa.

Xem tiếp câu thứ chín:

Đại Quy Y Quang Minh Vân. Đại Tán Thán Quang Minh Vân.

Vầng mây sáng Đại Quy Y, vầng mây sáng Đại Tán Thán

Quy y nói ở đây tức là quay về tự tánh, đó gọi là 'Đại Quy Y', Quy y Tam Bảo, nói thật ra nhà Phật nói quy y Tam Bảo, lý luận là y cứ trên câu này. Trong Tam Bảo, thứ nhất là Phật Bảo, Phật Bảo là Tự Tánh Giác, tự tánh biến trọn khắp pháp giới, thế nên ở đây dùng 'Quang Minh Vân' để hiển thị. Phàm phu mê mất tự tánh, chiêu cảm vô lượng vô biên tai nạn. Chúng ta dùng một thí dụ để nói, viên mãn tánh tướng, tánh tuy chẳng có tướng nhưng có thể hiện hết thảy tướng, những tướng được hiện là tướng phần của tự tánh, tánh tướng là một, nhất định chẳng phải hai. Chúng ta lấy tự tánh hiện tướng ví như một thân thể, như vậy thì chư vị dễ hiểu; trong thân thể có một bộ phận giác ngộ, nhưng có một bộ phận mê hoặc. Bộ phận nào đang mê hoặc? Không nhất định. Một chỗ nào trên thân thể sanh ghẻ, có mủ, loét ra, sưng lên giống như một bộ phận chúng sanh đang mê hoặc. Cánh tay này sanh ghẻ, lở loét, còn cánh tay kia mau mau giúp đỡ, cánh tay kia là Phật, Bồ Tát, cánh tay này là chúng sanh, [cả hai] đều là một thể. Chúng sanh không biết tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là bịnh độc, một chỗ trên thân mình sanh ghẻ, lở loét, chính mình chịu khổ. Thế nên chúng sanh thọ khổ thì Phật thọ khổ; chúng sanh được vui thì Phật được vui; đều là một thể cả.

8[8] Nguyên văn: Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận

A Di Đà Phật là ai? Tự tánh Di Đà. Tỳ Lô Giá Na là ai? Tự tánh Tỳ Lô Giá Na, chẳng phải ai khác, đều là chính mình. Ai biết được? Thế nên nói thật cho bạn biết, bạn sợ quá chừng, đều không tin, còn hủy báng Phật, còn tạo tội nghiệp nặng hơn. Thế nên có rất nhiều lời chân thật đức Phật chẳng nói, nói ra bạn sẽ sợ, bạn sẽ chẳng tin, không thể tiếp nhận. Nếu chúng ta quả nhiên tỉnh ngộ, hư không pháp giới đều là chính mình, lòng đại từ đại bi của bạn đối với bất cứ người nào, bất cứ chuyện gì, bất cứ vật gì đều thương mến, lòng thương ấy, lòng quan tâm chăm sóc ấy, lòng giúp đỡ ấy tự nhiên sẽ sanh lên, còn phân chia ta - người nữa sao! Bạn cung kính tôi, tán thán tôi, tôi thương mến bạn, giúp đỡ bạn; bạn hủy báng tôi, chà đạp tôi, sĩ nhục tôi, tôi vẫn thương mến bạn, vẫn giúp đỡ bạn. Tại sao vậy? Bạn mê, tôi chẳng mê. Người chẳng mê thì biết là một thể, người mê thì chia ra thành tôi, chia ra thành họ, cũng giống như trên thân thể bị bịnh, bị ghẻ vậy, những tế bào này mê hoặc điên đảo, chẳng thể điều hòa cùng với cả thân thể, chẳng hòa với mọi người; hòa thì khỏe mạnh, không hòa thì sẽ sanh bịnh.

Chư Phật Như Lai tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong Ngũ Trược Ác thế, dạy dỗ chúng sanh ương ngạnh, khó dạy, ý nghĩa của câu này vô cùng sâu rộng! Nhóm chúng sanh ương ngạnh, khó dạy này cũng giống như một bộ phận trên thân thể bị sưng mủ vậy, cùng với mọi người chẳng hòa, họ ở đây phân chia ta và người, chính họ đang chịu khổ chịu nạn, đọa địa ngục, biến thành ngạ quỷ, phải chịu những tội khổ này. Vốn là chẳng có, vốn là chẳng đáng có, họ nhất định phải tạo tác, nhất định phải thọ chịu, đâu có cách chi nữa! Chẳng có biện pháp. Những gì Phật có thể giúp đỡ là dạy dỗ, giảng dạy, nói rõ chân tướng sự thật, chúng ta tự mình phải giác ngộ, nhất định phải quay về, quay lại là bến bờ. 'Quy' chính là quay về, 'Y' chính là nương tựa, phải nương tựa tánh đức, ở đây dùng 'Quang Minh Vân' để tượng trưng, trong kinh Hoa Nghiêm dùng 'Đại Phương Quảng' để tượng trưng. Đại Phương Quảng trong kinh Hoa Nghiêm chính là Quang Minh Vân nói trong kinh này. Chư vị phải hiểu đoạn này, mười câu này, Quang Minh Vân này hàm nhiếp toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm hàm nhiếp toàn bộ Phật pháp. Vô lượng vô biên pháp môn do mười phương ba đời hết thảy tất cả chư Phật giảng đều bao hàm trong mười thứ Quang Minh Vân này, một pháp cũng chẳng sót, chúng ta phải thể hội ý nghĩa này.

Quy y Pháp, Pháp là Tự Tánh Chánh, Tự Tánh Chánh là gì? Tự tánh vốn có sẵn trí huệ Bát Nhã. Tự Tánh Giác là 'Căn Bản Trí', Tự Tánh Chánh là 'Hậu Đắc Trí', chúng ta gọi là 'Quyền Trí'. Khi xử sự, đãi người, tiếp vật chúng ta phải từ chỗ này cảm nhận, khế nhập, sau đó thực hiện trong đời sống, công việc, trong khi xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta sẽ khế nhập cảnh giới Phật. Nhập cảnh giới Phật thì tự nhiên sẽ siêu việt thập pháp giới, lục đạo luân hồi thì khỏi nói vì đã siêu việt thập pháp giới rồi. Chúng ta khởi tâm động niệm, những gì mình làm, mình tạo cùng Pháp Thân đại sĩ chẳng hai chẳng khác, chúng ta tuy chưa chứng Pháp Thân nhưng cùng Pháp Thân đại sĩ thực sự giống nhau, đây chính là 'đại tâm phàm phu' nói trong kinh Hoa Nghiêm. Đại tâm phàm phu niệm Phật vãng sanh, nói cho chư vị biết, nhất định sẽ sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm chúng ta đều có phần. Thiện Đạo đại sư dạy rất hay, cổ đức trước thời Thiện Đạo đại sư thường nói bốn phẩm thượng: Thượng Thượng phẩm, Thượng Trung phẩm, Thượng Hạ phẩm, Trung Thượng phẩm, họ nói bốn phẩm thượng này đều là Bồ Tát vãng sanh, phàm phu không có phần. Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, ngài dạy chúng ta: *'Chín phẩm vãng sanh đều ở tại duyên, gặp duyên chẳng giống nhau'*, lời này nói rất hay! Chúng ta là phàm phu, gặp duyên thù thắng thì chúng ta sẽ sanh phẩm Thượng Thượng, Bồ Tát nếu chẳng gặp duyên này thì họ vãng sanh có thể chỉ được phẩm Trung Hạ, là do gặp duyên chẳng đồng, chẳng phải do chuyện khác. Như vậy mới là pháp bình đẳng, phù hợp với giáo

nghĩa của đề kinh: 'Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác', thế nên chúng ta đọc kinh, nghiên giáo sẽ không uổng phí.

Hiện nay thời gian của tôi hơi ít một chút, phải giảng bốn bộ kinh cùng lúc, ở đây ba bộ, tại Hương Cảng giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tôi nói tuy lạc thực *(biến thành hiện thực)* trong đời sống hiện tại, nhưng tôi coi những chú sớ của cổ đại đức, tôi coi rất hết lòng, tôi sẽ không nhất định nói theo họ, nhưng những gì tôi giảng nhất định khế hợp với ý tứ của họ. Nếu giảng theo chú sớ của người xưa, người hiện nay nghe không hiểu, chẳng thể tiếp nhận, cũng làm chẳng nổi. Chúng ta phải chân chánh hiểu nghĩa kinh, sách của người xưa có thể cung cấp cho chúng ta tham khảo, coi họ nói như thế nào. Sau đó coi hiện nay là thế giới như thế nào, chúng sanh hiện nay có căn cơ gì, bịnh của họ ở tại đâu? Họ cần những gì? Chúng ta có được sự khải thị của kinh điển, chú sớ của cổ đại đức, suy cũ ra mới, chúng ta giúp đỡ chúng sanh khổ nạn hiện nay.

Ngày nay giải quyết vấn đề xã hội, giải quyết vô lượng vô biên tai nạn do người tạo ra cũng vậy, tai nạn tự nhiên cũng vậy, đều phải làm một sự chuyển biến to lớn từ trong tâm, đó là nhất định phải thương yêu người đời, mở rộng tâm thương yêu mình để thương yêu hết thảy chúng sanh, được vậy thì hết thảy tai nạn đều tiêu trừ. Chỉ biết mình, chẳng biết người khác, thậm chí làm những chuyện tổn người lợi mình, đây là lời người thế gian nói, người mê hoặc điên đảo nói. Người chân chánh minh bạch nhìn thấy cái gì? Tổn hại người nhất định sẽ chẳng lợi mình, chuyện tổn hại người sẽ tổn hại mình, chư vị phải biết như vậy. Cái gì mới thực sự là lợi mình? Lợi người mới thật sự là lợi mình, lợi ích xã hội mới thực sự lợi ích gia tộc của bạn. Người thế gian mê hoặc điên đảo chẳng biết đạo lý này, chẳng biết chân tướng sự thật, tại sao vậy? Vì cả xã hội, cả thế giới là những tế bào trong thân thể của mình, chỉ lo cho bộ phận này, không lo cho bộ phận kia thì bộ phận kia sẽ sanh bịnh. Bạn phải lo cho hết thảy, ăn uống, nơi chốn, cư trú, hấp thụ dinh dưỡng, mỗi bộ phận trong thân thể đều phải đạt đến. Cung cấp thức ăn không đồng đều thì sẽ sanh bịnh, có bộ phận hấp thụ dinh dưỡng rồi, còn bộ phận khác thiếu thì tứ đại sẽ chẳng điều hòa. Dùng thí dụ này để nói cả thế giới cũng vậy, chỉ lo cho quốc gia của mình, chẳng màng đến quốc gia khác, kết quả khi quốc gia khác bị nạn, chúng ta cũng chịu liên lụy. Hiện nay mọi người từ từ thấy được sự thật này, nhưng vẫn chưa biết quay về, chưa biết nguyên nhân căn bản ở chỗ nào! Thế nên Phật pháp trước tiên mở rộng tâm lượng của chúng ta, '*tâm bao trùm hư không, lượng gồm thâu các cõi nhiều như cát*' , như vậy mới thật sự 'quy y Chánh'; tự tánh vốn sẵn có chánh tri chánh kiến, y cứ cho hết thảy xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống.

Thứ ba là 'Quy Y Tăng', 'Tăng' có nghĩa là Tịnh. Nói theo cách hiện nay là xã đoàn, đoàn thể. Phật pháp xưng bốn người là 'chúng', dùng cách nói hiện nay tức là một đoàn thể nhỏ. Bốn người trở lên cùng chung sanh hoạt, làm việc, thì đây là một đoàn thể nhỏ. Người trong đoàn thể này đều tu Lục Hòa Kính thì được gọi là Tăng Đoàn, gọi là Tăng Chúng. Ai cũng tu Lục Hòa Kính, ai cũng có tâm địa thanh tịnh viên mãn, đây là Tăng Đoàn đáng được người tôn kính trong hết thảy đoàn thể ở cõi trời, cõi người. Tại sao vậy? Họ hòa hợp, hòa mục, người Trung Quốc thời xưa cũng nói *'Hòa vi quý'*, Luận Ngữ nói*: 'Lễ chi dụng, hòa vi quý'*, Hòa là tôn quý nhất, 'Chúng trung tôn', tôn nghĩa là đáng được người ta tôn kính, là một đoàn thể rất tôn quý. Đoàn thể này càng lớn, số người càng nhiều, ý kiến bất hòa thì chẳng là Tăng Đoàn, chẳng là đoàn thể được mọi người tôn kính. Ý kiến từ đâu tới? Ý kiến đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chư vị nghĩ thử coi đúng không? Chẳng phải chân thật, trong tự tánh vốn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Ý nghĩa của mười câu này rất sâu, bắt đầu bằng 'Đại Viên Mãn', kết thúc bằng 'Đại Tán Thán', đúng là viên mãn đến cùng cực. Tám câu ở giữa thì 'Từ Bi' là chỗ chúng ta phát tâm nương tựa, 'Trí Huệ' là chỗ y chiếu cho chúng ta tu hành, 'Bát Nhã'

phá hết thảy mê hoặc điên đảo, 'Tam Muội' trừ hết thảy chướng ngại, 'Cát Tường' là đức đáng được, 'Phước Đức' là đức trợ đạo, 'Công Đức' là diệt ác sanh thiện, 'Tam Bảo' là chỗ quy y chân thật, đây là đại cương của tánh đức viên mãn, sau cùng tổng kết bằng 'Tán Thán'. Ai tán thán? Những người đối với Sự Lý này chẳng hiểu, chẳng rõ ràng, thì làm sao tán thán nổi! Có năng lực tán thán, có tư cách tán thán là chư Phật Như Lai, các ngài hiểu rõ triệt để, thế nên chư Phật Như Lai tán thán thành tựu của bạn, tán thán bạn đã thực sự quay về. Ở đây chúng ta nhất định phải biết chúng sanh và Phật vốn chẳng hai, thế nên chư Phật Như Lai lễ kính chúng sanh, chỉ có chúng sanh coi thường Phật, Bồ Tát, chẳng kính trọng. Hủy báng Phật, Bồ Tát, chẳng tin Phật, Bồ Tát, vu khống Phật, Bồ Tát, [nhưng] Phật, Bồ Tát tuyệt chẳng vì vậy mà xa lìa chúng sanh, sẽ vĩnh viễn ở nơi đó quan hoài, vĩnh viễn thương mến. Phật chẳng xa lìa chúng sanh, chúng sanh quay lưng xa lìa Phật, Bồ Tát, đây là chân tướng sự thật. Ngày nay chúng ta học Phật, phải học Phật, Bồ Tát, phải học cách dụng tâm, học cách hành trì của Phật, Bồ Tát, chẳng thể học theo chúng sanh, nếu học chúng sanh thì chúng ta cũng sẽ luân hồi lục đạo, đã luân hồi vô lượng kiếp rồi, khổ chẳng thể tả, vẫn còn muốn tiếp tục nữa sao? Trước kia chẳng gặp kinh Đại Thừa là chướng nạn, chẳng có duyên để giác ngộ, chẳng có duyên để quay về. Ngày nay gặp được, đích thật là nhân duyên hiếm hoi từ vô lượng kiếp. Đã gặp rồi thì phải quý tiếc, phải từ đó quay về, chẳng tiếp tục tạo nghiệp luân hồi nữa, buông xuống hết thảy thân tâm thế giới, y giáo phụng hành, thật thà niệm Phật, như vậy mới tốt. Đoạn phía dưới:

Phóng như thị đẳng bất khả thuyết quang minh vân dĩ.

Phóng ra những vầng mây sáng chẳng thể nghĩ bàn như vậy xong.

Câu này là tổng kết. Đoạn trước Thế Tôn phóng quang, hiển thị Lý Thể sở chứng của mình, tức là hiển thị tánh đức viên mãn; Phật có, chúng sanh cũng có. Phóng quang hiện tướng lành, nói thực ra chỉ có Pháp Thân Đại Sĩ mới hiểu rõ, vừa nhìn thấy pháp luân viên mãn do Thế Tôn, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai nói xong, liền tức khắc tiếp nhận viên mãn, [chuyện này chỉ có] Pháp Thân đại sĩ mới làm được! Thập pháp giới chúng sanh nhìn thấy, cảm thấy hy hữu, hoan hỷ tán thán, nhưng chẳng biết ất giáp gì cả, chẳng biết rốt cuộc là có ý nghĩa gì? Họ đều chẳng hiểu, vậy thì phải làm sao? Ngài thuyết pháp, không nói thì chúng ta làm sao hiểu! Thế nên:

Hựu xuất chủng chủng vi diệu chi âm.

Lại phát ra những âm thanh vi diệu.

Do đó có thể biết phóng quang hiện tướng lành độ người thượng thượng căn, phát âm thanh vi diệu là để độ người trung hạ căn. Người trung hạ căn nhìn thấy hào quang chẳng hiểu được hàm ý trong đó, nhất định phải yêu cầu đức Phật thuyết pháp. Chỗ này nói: *'Phát ra những âm thanh vi diệu'*, chư vị phải ghi nhớ, đây là nói với chúng sanh trong thế giới Sa Bà, thế giới chúng ta đúng như lời của Văn Thù Bồ Tát: *'Chân giáo thể của chỗ đó, thanh tịnh ở tại âm thanh và lắng nghe' 9**[9]***. Trong hội kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn để Văn Thù Bồ Tát tuyển chọn pháp Viên Thông cho chúng ta, tức là tuyển chọn pháp môn nào thích hợp nhất cho căn tánh của chúng sanh ở thế gian này. Văn Thù Bồ Tát tuyển chọn *'Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương'*, nói rõ chúng sanh thế giới Sa Bà nhĩ căn (căn tai) lanh lợi nhất. Bạn cho họ coi, đọc kinh, bạn cho họ coi kinh chẳng dễ khai ngộ, bạn kêu họ nghe kinh thì dễ khai ngộ hơn, công đức của nhĩ căn mạnh hơn nhãn căn. Thế nhưng căn tánh của chúng

---

9[9] Nguyên văn: Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn

sanh ở khắp nơi trong mười phương thế giới chẳng giống nhau, giống trong kinh nói người nước Hương Tích thì nhĩ căn chẳng tốt, bạn để họ coi, họ chẳng khai ngộ, nghe thì họ cũng chẳng hiểu; mời họ ăn cơm, vừa ăn thì họ liền khai ngộ, chuyện này tuyệt diệu, thế nên họ dùng cơm thơm tho (hương phạn) để làm Phật sự. Tại sao vậy? Thiệt căn (căn nếm mùi vị) lanh lợi. Thế nên hết thảy chúng sanh, căn tánh nào lanh lợi chẳng nhất định. Nếu Thế Tôn giảng kinh Địa Tạng ở nước Hương Quốc, đoạn sau này nhất định sẽ *'lại dùng các thứ cơm vi diệu thơm tho'*, phải vậy chăng? Chính là sự việc như vậy. Sẽ chẳng *'phát ra những âm thanh vi diệu'*, đây là chuyên dùng để nói với chúng ta ở thế gian này, thế nên chỗ này phải hiểu, Phật thuyết pháp nhất định phải khế lý, khế cơ. Phía trước phóng Quang Minh Vân là khế lý, chỗ này là nói khế cơ, đều đáng để chúng ta dụng tâm học tập. Phật phóng quang, chúng ta cũng phải phóng quang, chúng ta chẳng thể rõ ràng như Phật, chúng ta phải phóng quang như thế nào? Tâm địa của bạn có từ bi chân thật thì tự nhiên sẽ hiển lộ tướng từ bi quang, người ta vừa nhìn thấy bạn [liền cảm thấy] 'người này rất từ bi'; tâm địa rất thanh tịnh thì [họ cảm thấy] 'người này rất thanh tịnh', đó là phóng quang. Trong tâm bạn thật sự chứa đựng những gì trong kinh nói thì tự nhiên sẽ từ mặt, từ thân thể bạn phóng quang, không những phóng quang mà còn phát hương thơm nữa, 'hương quang trang nghiêm'. Hương vị của phàm phu rất khó ngửi, tâm địa của người tu hành thanh tịnh quang minh, hương vị trên thân của họ rất thơm, chúng ta rất ít thấy.

Trước kia tôi ở Hương Cảng nghe các bạn đồng tu nói, nghe nói Lão hòa thượng Hư Vân một năm tắm một lần, cạo đầu một lần. Y phục mùa đông hay mùa hè cũng chỉ có một bộ, hờm *(ghét)* trên cổ áo đóng rất dày nhưng lại có mùi thơm, chẳng khó ngửi, đây là lời một số đồng tu ở Hương Cảng nói với tôi. Đó là mùi hương gì? Chúng ta thường gọi là Ngũ Phần Giới Hương, 'Ngũ Phần Pháp Thân Hương' là: 'Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến'. Chúng ta xét từ điểm này thì ý tứ liền rất viên mãn, chân thành, thanh tịnh, từ bi. Có thể thấy tánh đức tỏ lộ, chẳng có chỗ nào chẳng đến, không những thân phóng quang, toát hương thơm, ngay cả hoàn cảnh chỗ ngài cư trú cũng toát hương thơm, hiện nay một số người chúng ta gọi là từ trường chẳng đồng. Hoàn cảnh chỗ ngài cư trú khi chúng ta đi vào sẽ cảm thấy rất thư thái, cảm thấy rất tự tại, đó là vì hoàn cảnh chỗ ngài cư trú có quang minh, tuy mắt thịt chúng ta chẳng thấy được làn sóng quang minh của ngài nhưng chúng ta có thể cảm nhận được. Đoạn này là nói về âm thanh thuyết pháp. Xin coi kinh văn:

Sở vị: Đàn Ba La Mật âm, Thi Ba La Mật âm, Sằn Đề Ba La Mật âm, Tỳ Ly Da Ba La Mật âm, Thiền Ba La Mật âm, Bát Nhã Ba La Mật âm.10[10]

Như là tiếng Đàn Ba La Mật, tiếng Thi Ba La Mật, tiếng Sằn Đề Ba La Mật, tiếng Tỳ Ly Da Ba La Mật, tiếng Thiền Ba La Mật, tiếng Bát Nhã Ba La Mật.

Chúng ta nói trước sáu câu này, sáu câu này nói về Lục Độ. Thứ nhất 'Đàn Na' là tiếng Phạn, dịch nghĩa là 'Bố Thí'. Chư Phật, Bồ Tát, nói thật ra tức là Pháp Thân. Pháp Thân là gì? Họ khẳng định tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình. Họ nhất định chẳng cho rằng thân này là mình, tận hư không trọn khắp pháp giới mới là chính mình, thế nên họ chứng được vô lượng thọ. Hư không pháp giới chẳng diệt, thân

---

10[10] Đàn là Đàn-na, dịch âm tiếng Phạn (Dana), nghĩa là Bố thí.
Thi hay Thi La, dịch âm tiếng Phạn (Sila), nghĩa là Giới.
Sằn Đề dịch âm tiếng Phạn (Ksanti); nghĩa là Nhẫn nhục.
Tỳ Ly Da dịch âm tiếng Phạn (Virya), nghĩa là Tinh tấn
Thiền hay Thiền Na, dịch âm tiếng Phạn (Dhyana), nghĩa là tư duy, tịnh lự
Bát Nhã, dịch âm tiếng Phạn (Prajna), nghĩa là trí huệ.
Ba La Mật là dịch âm tiếng Phạn (Paramita), nghĩa là Đến Bờ Kia (Đáo Bỉ Ngạn), viên mãn

này của chúng ta có sanh diệt, ví giống như cái gì? Tế bào trong thân chúng ta, tế bào có lớp mới thay lớp cũ, có sanh diệt. Nhưng thân này phải trụ mấy mươi năm, thời gian của tế bào rất ngắn. Y Học hiện đại nói thân thể người ta cứ bảy năm là một chu kỳ, hết thảy tế bào có một lần thay đổi. Thế nên trước bảy năm những tế bào cũ đã mất đi, những tế bào hiện nay đều là mới hết, vĩnh viễn lớp mới thay lớp cũ. Tre già măng mọc, tại sao chúng ta chẳng đổi một cái mới, đổi cái tốt, mới hoàn toàn? Thí dụ một cái máy, linh kiện *(bộ phận)* trong máy hư rồi, tìm một linh kiện tương tợ như cái này rồi gắn vào thì cũng có thể dùng được, đó là đồ cũ chẳng phải mới. Tại sao không lựa một linh kiện mới hoàn toàn gắn vô, thế thì thân thể này của bạn vĩnh viễn khoẻ mạnh, sống lâu, người một trăm tuổi còn giống như người trẻ tuổi vậy, tại sao? Bạn thay tế bào này bằng tế bào mới, thanh tịnh, chẳng ô nhiễm. Nhưng khi chúng ta thay đổi đều đổi tế bào ô nhiễm. Ô nhiễm như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn đã ô nhiễm, những gì đổi được đều chẳng tốt đẹp! Bạn xem con nít cũng vậy, con nít bảy tuổi, mười tuổi, đã đổi hai chu kỳ rồi, tại sao vẫn còn tốt như vậy? Vọng tưởng ít, vọng niệm ít. Nếu nói một câu khó nghe thì tâm niệm hại người, hại mình ít, thế nên những tế bào họ đổi vẫn còn mới. Tuổi càng lớn thì tâm niệm hại người hại mình càng nhiều, càng mạnh, càng đổi thì càng tệ, là đạo lý như vậy.

Chúng ta nhìn xem thế giới của Phật, tây phương Cực Lạc thế giới cũng vậy, tại sao thể chất của người ta vĩnh viễn không thay đổi? Hình như ngưng tụ tại nơi ấy, trên thực tế có phải là ngưng tụ không? Không phải, hay là đời đời chẳng trụ. Tức là trong sự thay cũ đổi mới của họ hoàn toàn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nghĩa là linh kiện mới vừa đổi này là hoàn toàn mới, vĩnh viễn sẽ mới hoài. Trong máy này thay mười lần, thay hai mươi lần đều là thay đồ mới, là đạo lý như vậy. Sự thiệt thòi của chúng ta ở tại đâu? Tự mình hại mình, tự tư tự lợi, chuyện này chẳng phải là 'tự lợi' mà là 'tự tư tự hại', danh từ dùng sai rồi, đâu có chuyện tự lợi? Là tự hại. Lợi tha mới là tự lợi, ai biết việc lợi tha? Phật, Bồ Tát biết lợi tha, người giác ngộ biết lợi tha. Người mê hoặc điên đảo chỉ biết tự lợi, tự lợi là tự hại, chẳng phải là tự lợi.. Nói đến lợi không đúng. Chẳng nói gì khác, chỉ nói về tình trạng sức khỏe thì bạn sẽ hiểu, tự mình hại chính mình. Tại sao tế bào thay cũ đổi mới này chẳng thể đổi thành mới hoàn toàn, chẳng thể đổi thành khoẻ mạnh? Phải biết tham, sân, si, mạn là độc tố bịnh hoạn nặng nhất, trong tâm của bạn có tham, sân, si, mạn thì đổi tế bào đều là tế bào bị bịnh, đều mang độc tố bịnh hoạn nghiêm trọng, bạn không có lợi gì hết! Dù con nít cũng có tâm tham, sân, si, mạn, nhưng rất yếu ớt, chẳng mạnh, những độc tố trong các tế bào thay đổi của nó rất ít, người lớn tuổi mang theo độc tố bịnh hoạn rất nhiều. Nếu chúng ta chẳng thâm nhập kinh tạng, chẳng hiểu đạo lý Đại Thừa, chúng ta làm sao biết nổi những chân tướng sự thật này! Khoa học gia tìm tòi đến ngày nay vẫn chưa phát hiện ra, cũng chẳng tìm hiểu. Thế nên vừa mở đầu thì dùng Sáu Ba La Mật để trước mặt, hết thảy chư Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, dạy chúng sanh tu hành chứng quả đều chẳng ra ngoài sáu cương lãnh này.

Bố Thí gồm có 'Bố Thí tài vật, bố thí pháp, bố thí vô úy', khi Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh thì cả ba thứ bố thí này đều trọn đủ. Giảng kinh thuyết pháp có 'bố thí tài vật', tài vật gì? Nội tài, nội tài là trí huệ, thể lực, đây là bố thí nội tài. Những gì nói ra là quan niệm và phương pháp, đây là 'pháp bố thí'. Chúng sanh được pháp này, hiểu rõ pháp này, có thể lìa khỏi hết thảy âu lo, buồn rầu, khổ não, biết được con đường thoát ly luân hồi, đây là 'vô úy bố thí'. Chư Phật, Bồ Tát làm ba thứ bố thí này. Bản thân các ngài trì giới, 'Trì giới' tức là đúng như pháp, đời sống của ngài có quy củ, ngài thuyết pháp có lý luận, có thứ tự, chẳng có gì không đúng như pháp, như pháp chính là trì giới. 'Nhẫn nhục' là có tâm nhẫn nại, sanh nhẫn, pháp nhẫn, hết thảy chúng sanh chống lại, Phật, Bồ Tát có thể nhẫn, chẳng nề hà, chẳng giữ

trong tâm. Ngày nay chúng ta nói những tai biến tự nhiên này cũng có thể nhẫn. Tu học Phật pháp cần phải có thời gian rất dài, phần cuối kinh Hoa Nghiêm có đoạn Thiện Tài đồng tử năm mươi ba lần tham vấn, tham học cũng rất cực nhọc, chẳng có một việc gì không thể nhẫn. Nói cách khác, ngài có tâm nhẫn nại rất lớn nên ngài có thành tựu to lớn. Thành tựu lớn nhỏ, nói thật ra là hoàn toàn tỷ lệ thuận theo tâm nhẫn nại, bạn có tâm nhẫn nại bao lớn thì bạn sẽ có thành tựu lớn bấy nhiêu, nếu bạn chẳng có tâm nhẫn nại thì thành tựu của bạn sẽ chẳng thể tiến triển thêm. Thế nên Nhẫn nhục xong thì mới có Tinh tấn.

'Tỳ Ly Da' là 'Tinh tấn'. Tấn là tiến bộ, tinh là tinh thuần; 'Tinh' hoàn toàn là nói về vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ngày càng ít, đây là 'tinh'. Trí huệ, đức năng ngày càng sáng tỏ, càng nhiều, đây là tiến bộ. 'Thiền định' là trong tâm có chủ tể, chẳng bị lay động bởi hết thảy. Hiện nay đồng tu học Phật, chúng ta được Phật pháp thực sự chẳng dễ, pháp môn vô thượng hy hữu, đắc lực ở chỗ Tổ Tổ truyền thừa, chúng ta gặp được thiện tri thức mới biết được, mới hiểu được. Chẳng gặp chân thiện tri thức thì pháp môn này bày trước mặt bạn, bạn chẳng biết quý, gặp rồi mà bỏ lỡ, bạn nói như vậy đáng tiếc biết bao. Trong hết thảy pháp môn, pháp môn Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, có bao nhiêu người biết được? Bao nhiêu người có thể hiểu rõ triệt để? Chỉ có hiểu rõ thật sự thì mới có thể sanh khởi lòng tin, cứu độ chúng sanh thời Mạt pháp. Thời Mạt pháp còn chín ngàn năm, phương pháp gì có thể độ những chúng sanh khổ nạn này? Chỉ có pháp môn Niệm Phật, pháp môn Niệm Phật y cứ vào kinh thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh Vô Lượng Thọ được dịch tổng cộng mười hai lần tại Trung Quốc, có mười hai bản dịch gốc. Lúc Thế Tôn còn tại thế đã giảng nhiều lần nên nguyên văn có rất nhiều bản khác nhau. Chúng ta phải coi hết những bản kinh này mới có thể nhận thức Tây phương Cực Lạc thế giới rõ ràng, mới có thể kiên định tín nguyện, việc này rất quan trọng! Nhưng muốn gộp chung những bản dịch gốc này lại để xem thì thời đại hiện nay chẳng dễ, huống gì là thời xưa! Thế nên việc hội tập rất cần thiết. Người hội tập lần đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, là một vị tại gia, bản hội tập của ngài được ghi vào Đại Tạng Kinh. Chư vị phải biết những tác giả, tác phẩm có thể ghi vào Đại Tạng đều được sự thừa nhận của bốn chúng đệ tử trong Phật môn, khẳng định chẳng có sai lầm mới được ghi vào Đại Tạng. Chẳng phải những trứ tác thông thường đều có thể ghi vào Đại Tạng Kinh, phải được sự tiến cử của cao tăng đại đức đương thời, gởi cho nhà vua coi, hoàng đế phê chuẩn xong mới có thể ghi vào Tạng kinh, chứng minh trứ tác này chẳng có sai lầm.

Tổ Liên Trì của Tịnh Độ Tông chú giải Di Đà Kinh Sớ Sao, những đoạn trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ có hai phần ba là dùng bản 'Đại A Di Đà Kinh' của Long Thư cư sĩ, tức là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, như vậy là Liên Trì đại sư thừa nhận và khẳng định. Bồ Tát Long Thư tự mình đích thật niệm Phật đứng mà vãng sanh, nếu ngài hội tập chẳng đúng, tạo tội lỗi thì ngài làm sao có thể đứng vãng sanh? Việc này nói rõ công đức của ngài vô lượng vô biên. Nhưng bản hội tập của cư sĩ Long Thư chỉ bao gồm bốn bản dịch gốc. Hội kinh Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích đời Đường, cư sĩ Long Thư chẳng xem qua nên bản hội tập của ngài cũng chưa viên mãn. Nhiều người trong các đời sau chú ý đến vấn đề này, Bành Tế Thanh đầu đời Thanh đã làm một bản tiết hiệu11[11], chẳng phải hội tập. Năm Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Nguyên hội tập thành một bản nhưng những chỗ lấy - bỏ đều chẳng thích hợp, Ấn Quang đại sư có lời phê bình bản này. Thế nên đến những năm đầu Dân Quốc, cư sĩ Hạ Liên Cư phải

11[11] Tiết hiệu là phân chia thành chương mục, hiệu đính. Bản tiết hiệu này dựa trên bản dịch đời Tào Ngụy của ngài Khang Tăng Khải, lược bớt những chỗ phiền phức, lại căn cứ theo bản của ngài Vân Thê, thêm vào số thứ tự trước sau của bốn mươi tám nguyện, đặt tên là Vô Lượng Thọ Kinh

làm một bản hội tập viên mãn nhất. Hạ lão cư sĩ là người tái lai, chẳng phải người thường. Có người nói với tôi từ bức ảnh của ngài nhìn thấy thân thể ngài trong suốt, [việc này] nói cho tôi biết ngài chẳng phải người thường, là người tái lai, là Phật, Bồ Tát tái lai, đến để cứu độ chúng sanh thời Mạt pháp.

Tương lai kinh điển Tịnh Tông đến thời Phật pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ còn được lưu lại trên thế gian một trăm năm. Những đại đức đương thời như lão pháp sư Huệ Minh, lão pháp sư Từ Châu bên Luật Tông, lão cư sĩ Mai Quang Hy đều khẳng định tương lai bản kinh cuối cùng được lưu truyền một trăm năm chính là bản hội tập này. Bản này là bản hội tập những bản in gốc của kinh Vô Lượng Thọ hợp thành, nếu chư vị không tin thì có thể lấy năm bản dịch gốc ra đối chiếu, đừng hủy báng nữa, đừng kỳ thị nữa, tạo nên tội nghiệp vô lượng vô biên. Nếu bạn nói lão cư sĩ Hạ Liên Cư là một cư sĩ, cư sĩ chẳng có khả năng để hội tập, thế thì bạn hãy xuất gia, bạn hãy hội tập xem. Vương Long Thư là cư sĩ, Ngụy Mặc Thâm cũng là cư sĩ, những công tác hội tập từ đời Tống đến Dân Quốc đều do cư sĩ tại gia làm, Liên Trì đại sư là Tổ sư, là người xuất gia, đã khẳng định, thừa nhận. [Những lời hủy báng bản hội tập này] đều là thiên kiến của cá nhân, thật rất đáng tiếc!

Hiện nay ở Tân Gia Ba chúng ta phát tâm giảng rõ bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư thêm một lần, [nội dung] giảng lần này phải rõ hơn những lần giảng trước gấp nhiều lần. Nếu chúng ta không hiểu rõ triệt để Lý Sự, nhân quả của Tịnh Tông, trong tâm chẳng có chủ ý, niệm Phật được vài năm, gặp một người lại nói những câu bóng gió như vầy: 'Tôi nghe nói chẳng cần phải niệm Phật nhiều như vậy, cũng chẳng cần phải trì giới, chẳng cần phải ăn chay, chỉ cần phát nguyện vãng sanh thì cũng được!'. Câu này đề xướng việc gì? Đề xướng 'Bổn Nguyện Niệm Phật', như vậy là hại chết người ta! Họ chiếu theo nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện [của đức Phật A Di Đà ghi trong] kinh Vô Lượng Thọ, lúc lâm chung một niệm, mười niệm cũng có thể vãng sanh. Lúc bình thường chuyện xấu xa gì đều làm cũng chẳng sao, đến lúc lâm chung niệm mười niệm, A Di Đà Phật liền đến tiếp dẫn thì được vãng sanh. Lời này nói chẳng sai [nhưng] lúc lâm chung đầu óc của bạn có tỉnh táo, rõ ràng không? Nếu lúc lâm chung bạn bất tỉnh nhân sự, mê man ngớ ngẩn, dù cao tăng đại đức đến hộ niệm thì bạn cũng chẳng thể vãng sanh. Người hiện nay chẳng có công phu định lực, nghe lời gạt gẫm chứ chẳng nghe lời khuyên lơn, nhận đồ giả chứ chẳng nhận đồ thiệt. Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ, thời đại hiện nay của chúng ta *'Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng'*. Bạn đừng nghe theo những người đến từ bên ngoài, 'hòa thượng bên ngoài biết niệm kinh', coi thường người bản xứ, mê theo, tin theo người đến từ nơi khác, bạn sẽ bị lầm, sai lầm quá đỗi! Hy vọng đồng tu niệm Phật phải quay lại, y theo lời dạy của Ấn Quang lão pháp sư: *'Tận lực giữ trọn luân thường, Làm tròn bổn phận, Ngăn ngừa tà ác, Giữ tâm tánh chân thành, Tín nguyện niệm Phật, Cầu sanh Tịnh Độ' 12**[12]***, được vậy thì đời này của chúng ta mới được độ. Thế nên 'Thiền định' là trong tâm có chủ tể, chẳng nghe lời đồn đãi.

Trì Giới Niệm Phật nhất định là chính xác, chẳng ăn thịt chúng sanh là tâm từ bi, bạn xem cách tiêu biểu pháp ở phía trước, mười vầng mây sáng, tiếp theo sau Đại Viên Mãn là Đại Từ Bi, Phật pháp lấy 'từ bi làm gốc', bạn làm sao xả bỏ căn bản được! Quên mất căn bản thì làm sao vãng sanh được! Niệm câu A Di Đà Phật này, như thế nào gọi là 'niệm'? Rất ít người hiểu việc này, bạn chỉ biết niệm trong miệng, chẳng dùng được. Người xưa nói một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, có miệng niệm chứ không có tâm niệm, hét bể cổ họng cũng uổng công. Bạn có thể vãng sanh không? Hai

---

12[12] Nguyên văn: *Đôn Luân Tận Phận, Nhàn Tà Tồn Thành, Tín Nguyện Niệm Phật, Cầu Sanh Tịnh Độ*

chữ Bổn Nguyện giảng không sai, họ chẳng giảng rõ ràng, tâm của bạn, nguyện của bạn, hạnh của bạn phải hoàn toàn giống đức Phật A Di Đà, sau đó niệm một câu thì một câu tương ứng, niệm mười tiếng thì mười tiếng tương ứng. Nếu tâm bạn, nguyện của bạn hoàn toàn trái nghịch với Phật, bạn niệm mười vạn tiếng cũng chẳng tương ứng. Tâm - Nguyện - Giải - Hạnh của A Di Đà Phật ở đâu? Trong kinh Vô Lượng Thọ.

Tôi giảng kinh, nói chín phẩm vãng sanh, cách nói của tôi cùng với cách nói của đại đức thời xưa có chỗ khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác, [nghe] cách nói của tôi thì mọi người dễ hiểu hơn. Pháp môn Tịnh Tông cũng chẳng trái nghịch giáo lý: 'Tín - Giải - Hành - Chứng'. Pháp môn khác phải Giải (hiểu rõ lý luận) xong rồi mới Hành, pháp môn Tịnh Độ phương tiện, tức là bạn có thể Hành trước, vừa Hành vừa Giải, chẳng phải dạy bạn chỉ có Hành chẳng có Giải; là dạy bạn vừa Hành, vừa cầu Giải. Chỉ có Hành chứ không Giải cũng được, chúng ta thấy rất nhiều cụ già chẳng hiểu kinh giáo, cũng chẳng nghe kinh, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, lúc vãng sanh đứng, ngồi mà vãng sanh, chúng ta đều đã thấy được. Họ là hạng người như thế nào? Họ là những người thật thà. Thật thà là như thế nào? Bạn nói với họ bất cứ chuyện gì, họ đều nghe lời, họ chắc thật niệm câu A Di Đà Phật, họ là hạng người thật thà. Người thật thà rất ít, quá ít quá ít, trong một vạn người may ra có một, hai người thật thà như vậy. Cả ngày từ sáng đến tối luôn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là chẳng thật thà, người chẳng thật thà nhất định phải cầu Giải. Rõ ràng lý luận rồi, hiểu rõ phương pháp rồi thì niệm câu Phật hiệu này mới được tương ứng. Cứ nhẹ dạ, cứ nghe lời đồn đãi, tà thuyết là không thật thà; đến cuối cùng đánh mất nhân duyên vãng sanh thù thắng ngay trong đời này của chúng ta, bạn nói như vậy có đáng tiếc không! Nhất định đừng nghe lời đồn đãi, trong tâm phải có chủ ý, như vậy là 'Thiền Ba La Mật'.

'Bát Nhã Ba La Mật' là trí huệ, tức là đối với hết thảy Lý, Sự đều rõ ràng minh bạch. Tuy rõ ràng, minh bạch nhưng tuyệt đối không chấp trước, tuyệt chẳng phân biệt, đó là chân trí huệ. Đây là tổng cương lãnh tự hành hóa tha của hết thảy chư Phật Như Lai. Vì người diễn nói, biểu diễn là biểu diễn những thứ này, khuyến đạo hết thảy chúng sanh đều là những cương lãnh này. Xem tiếp:

Từ bi âm. Hỷ xả âm.

Tiếng từ bi. Tiếng hỷ xả.

'Từ, Bi, Hỷ, Xả' gọi là 'Tứ Vô Lượng Tâm', đây là khoa mục tu chính yếu của người ở trời Tứ Thiền, cõi Sắc Giới. Tham thiền mà chẳng có Từ, Bi, Hỷ, Xả thì chẳng thể sanh lên cõi trời Tứ Thiền. Công phu thiền định có giỏi cách mấy cũng chỉ có thể sanh đến trời Dục Giới, chẳng thể sanh đến Tứ Thiền, thế nên nhất định phải tu Từ, Bi, Hỷ, Xả. 'Tu' nghĩa là gì? Chúng ta hiện nay chẳng có, nhất định phải học tập. 'Từ' là vui, vui vẻ giúp đỡ người khác. 'Bi' là nhìn thấy người ta khổ, giúp họ lìa khổ, như vậy gọi là Bi. Giúp đỡ người ta được vui thì gọi là Từ. Hỷ là tâm hoan hỷ, nhìn thấy người khác lìa khổ được vui thì sanh tâm hoan hỷ, đó là 'Tùy hỷ công đức'. Một số người mê hoặc điên đảo trong thế gian thấy người khác có được điều tốt lại sanh tâm đố kỵ, như vậy là sai. Đố kỵ sẽ chịu tổn hại to lớn, hại chính mình, thế nên 'Hỷ' là chuyển tâm đố kỵ trở lại, chẳng có tâm đố kỵ, chỉ có tâm tùy hỷ. 'Xả' là buông xuống hết thảy, không chấp trước hết thảy.

Giải thoát âm.

Tiếng Giải thoát

Giúp đỡ hết thảy chúng sanh đoạn phiền não, thoát khỏi Tam Giới, đây là tiếng Giải thoát.

Vô Lậu âm.

Tiếng Vô Lậu.

Tức là Thanh Tịnh âm. 'Lậu' là danh từ thay thế cho phiền não, 'Vô Lậu' là phiền não đoạn dứt, phiền não chẳng sanh.

Trí huệ âm. Đại Trí Huệ âm.

Tiếng Trí huệ. Tiếng Đại Trí huệ.

Đây là hai trí Quyền, Thật. Phật pháp dùng Trí huệ làm mục tiêu chung cực cho sự giáo học, trong Tam Học: nhờ Giới được Định, nhờ Định được khai trí huệ. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: 'Bát Nhã có thể sanh trí huệ', Bát Nhã chính là Thật Tướng Trí Huệ. Còn Trí Huệ chính là hai trí Quyền, Thật. Chư Phật, Bồ Tát dùng hai thứ trí huệ này giúp đỡ hết thảy chúng sanh, và giúp chúng sanh đều khai mở hai trí huệ này.

Sư tử hống âm. Đại Sư tử hống âm.

Tiếng Sư Tử Hống, tiếng Đại Sư Tử Hống

Đây là thí dụ, thí dụ oai đức của Phật, Bồ Tát thuyết pháp, dạy học giống như tiếng Sư tử hống, dùng Sư tử ví Bồ Tát, dùng Đại Sư tử ví Phật. Bồ Tát có thể dạy người Tam Thừa; Phật có thể dạy hết thảy chúng sanh, kể cả Đẳng Giác Bồ Tát, thế nên xưng là Đại Sư tử.

Vân Lôi âm. Đại Vân Lôi âm.

Tiếng Mây Sấm, tiếng Mây Sấm Lớn

Đây là thí dụ. Vân có thể trút mưa, trút là đổ. Lôi là sấm chớp, có thể chấn động tâm người, thí dụ oai lực, thí dụ sức chấn động của nó. Phật, Bồ Tát thuyết pháp có thể chấn động hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng sanh; pháp của Phật nói ví như mưa pháp, trút xuống đồng đều khắp nơi, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Giống như trong kinh Pháp Hoa nói lúc mưa rơi xuống, cây lớn hấp thụ nước nhiều, cọng cỏ hấp thụ nước ít, mưa chẳng có phân biệt cho người này nhiều một chút, cho người kia ít một chút, là do căn tánh của con người khác nhau. Thế nên hết thảy chúng sanh nghe Phật thuyết pháp, người căn khí nhỏ được lợi ích nhỏ, người căn tánh lớn đạt được lợi ích lớn. Người thiện căn sâu dày ngộ nhập sâu, người thiện căn cạn cợt ngộ nhập cạn, chẳng phải Phật có phân biệt, chúng sanh căn tánh chẳng giống nhau nên mới có các hiện tượng sai khác. Đây là dùng 'vân lôi' để thí dụ, thí dụ Phật thuyết pháp đều phổ biến, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, thí dụ oai đức của Phật thuyết pháp có thể làm cho hết thảy chúng sanh giác ngộ. Lại xem phần kinh văn tiếp theo:

Thuyết xuất như thị đẳng bất khả thuyết bất khả thuyết âm dĩ.

***Nói ra những âm thanh bất khả thuyết bất khả thuyết như vậy xong*.**

Câu này tổng kết âm thanh thuyết pháp.

Sa Bà thế giới cập tha phương quốc độ hữu vô lượng ức thiên long quỷ thần diệc tập đáo Đao Lợi Thiên Cung.

Thế giới Sa Bà và những cõi nước ở phương khác có vô lượng ức trời, rồng, quỷ, thần đều tụ đến Đao Lợi thiên cung.

Âm thanh thuyết pháp của Phật quả nhiên có hiệu quả, chấn động cả hư không pháp giới, chẳng phải chỉ có thế giới Sa Bà chúng ta. Sa Bà thế giới là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đây là một đại thiên thế giới. 'Tha phương quốc độ' là những cõi nước ở ngoài Sa Bà, hết thảy cõi nước chư Phật đều bị chấn động. Những chúng sanh có duyên ở mười phương thế giới, có duyên với ai? Có duyên với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, với Địa Tạng Bồ Tát. Vì pháp hội lần này muốn tuyên dương Địa Tạng Bồ Tát tu nhân chứng quả, các thứ công đức độ hóa chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Đặc biệt là đối với những chúng sanh có duyên với Địa Tạng Bồ Tát trong mười phương vô lượng vô biên cõi nước, Thiên Long Quỷ Thần cũng đến Đao Lợi Thiên Cung để tham dự pháp hội này. Thế nên pháp hội lần này có Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Kinh văn phía sau nói với chúng ta Thiên Long, Thần chúng, Quỷ vương toàn bộ đều đến, pháp hội này thiệt là vô cùng thù thắng, chúng ta xem đoạn kinh tiếp theo:

Sở vị: Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Tu Diệm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên.

***Đó là cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Đao Lợi, cõi trời Tu Diệm Ma, cõi trời Đâu Suất Đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại*.**

Đoạn này nói về cõi Trời Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng, vì thời gian có hạn chúng ta chẳng thể nói kỹ về đoạn này. Thánh Nhất pháp sư lần trước đã giảng kinh Địa Tạng ở Cửu Hoa Sơn, ngài có giảng ký, giảng ký này đơn giản rõ ràng, đều có giới thiệu sơ lược. Ở đây tôi chỉ giới thiệu cõi trời Tứ Thiên Vương, giới thiệu cho quý vị một cõi. Tứ đại thiên vương, dân gian Trung Quốc tục gọi là Tứ Đại Kim Cang, khi đến chùa miếu xem, [tượng của các ngài thường được đặt ngay] cửa cổng chính giống như bảo vệ vậy, đây là thần hộ pháp, thật ra là 'Tứ Thiên Vương Thiên', Tứ đại thiên vương đích thực trong nhà Phật đại biểu cho hộ pháp. Trong Thiên Vương điện có cung phụng Tứ Đại Thiên Vương, đồng thời cũng cung phụng Di Lặc Bồ Tát; Di Lặc Bồ Tát ở cõi trời Đâu Suất, là Hậu Bổ Phật của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tại sao cúng Di Lặc Bồ Tát ở Điện Thiên Vương? Vả nữa, tượng của Di Lặc Bồ Tát chẳng giống với tượng Bồ Tát truyền thống của Ấn Độ, mà tạo hình giống Bố Đại Hòa thượng đời Tống ở Trung Quốc. Thời Nam Tống, Bố Đại Hòa thượng xuất hiện ở Phụng Hóa, Chiết Giang, ngài mập mạp, cả ngày cười toe toét, luôn vác một bao vải trên lưng. Bố Đại Hòa thượng từ nơi nào đến? Chẳng ai biết, và cũng chẳng ai biết ngài tên gì, họ gì, cả ngày từ sáng đến tối ngài luôn vác bao vải nên cái bao này trở thành dấu hiệu tượng trưng của ngài, khi người ta nhìn thấy liền xưng ngài là Bố Đại Hòa thượng, do đó Bố Đại Hòa Thượng bèn nổi danh. Lúc viên tịch ngài nói với mọi người rằng ngài chính là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát, vừa nói xong thì ngài liền ngồi yên, thị tịch. Từ đó người Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát giống như hình dáng của Bố Đại Hòa Thượng.

Ngài biểu thị cái hình tướng này, nói thật ra trong kinh thường nói đệ tử Phật hóa hiện trên thế gian này đối với Phật pháp thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói; diễn là biểu diễn, ngài hoàn toàn biểu diễn cho người ta xem, làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, để cho người khác nhìn thấy có thể sanh tâm giác ngộ. Bụng to tượng trưng cho tánh đức bao dung, thị hiện bao dung; tâm lượng người thế gian quá nhỏ, chẳng thể bao dung người khác. Di Lặc Bồ Tát đại từ đại bi, Di Lặc là Từ Thị, đại biểu từ bi, thế nên thị hiện hình tướng này là có thể bao dung, ngài có thể bao dung. Cái túi vải cũng có ý nghĩa bao dung, khi đến đâu người ta cúng dường cái gì ngài đều bỏ vào túi vải này, chẳng phân biệt sang hèn, chẳng phân biệt tốt xấu, hết thảy đều bình đẳng bỏ vào túi.

Có người hỏi: 'Kính thưa Bố Đại hòa thượng, Phật pháp là gì?'.

Ngài bèn buông túi vải xuống đất. Như vậy có ý nghĩa gì? 'Buông xuống'; ai nhìn thấy cũng hiểu là buông xuống.

Sau khi buông xuống rồi thì sao? Ngài vác túi vải lên và đi mất.

Sau khi buông xuống, thì 'nhấc lên'. Buông xuống nghĩa là trong tâm hoàn toàn chẳng có vướng mắc; nhấc lên cái gì? Vì xã hội đại chúng phục vụ. Chẳng có tâm riêng tư, hoàn toàn hiến dâng. Buông xuống nổi, nhấc lên được, là tượng trưng cho ý nghĩa này. Mặt luôn nở nụ cười tươi, chúng ta để hình tướng cười tươi của ngài ở chỗ dễ nhìn thấy nhất, vừa bước vào cửa liền thấy ngài, học theo ngài phải buông xuống, nhấc lên nổi, phải học tánh đại từ đại bi của ngài, luôn cười tươi, thường sanh tâm hoan hỷ, hoan hỷ tiếp dẫn hết thảy đại chúng, thế nên mới đặt hình tướng của ngài ở Thiên Vương Điện, như vậy chứa đựng ý nghĩa gì? Hộ pháp. Hộ cho ai? Hộ cái gì? Tiêu biểu cho ý nghĩa 'Hộ từ bi tâm'. Bảo hộ tâm từ bi của mình, phải buông xuống, nhấc lên, đừng quên ý nghĩa này! Giữ cho mình thường sanh tâm hoan hỷ, tươi cười tiếp đón người ta. Bố đại hòa thượng biểu hiện tánh đức của chúng ta, phải hộ trì từ chỗ này. Bạn xem ý nghĩa này sâu sắc không, như vậy mới có tư cách vào cửa Phật. Bước vào cửa Phật cần phải có điều kiện gì? Phải có điều kiện này, thật sự buông xuống nổi, tâm địa thanh tịnh vô vi, chân chánh có thể nhấc lên, dùng Lục Độ giáo hóa hết thảy chúng sanh, tượng trưng cho ý nghĩa như vậy.

Tứ Thiên Vương: Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương tượng trưng Làm tròn trách nhiệm; Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương tượng trưng cho Cầu tiến bộ, luôn cầu tiến, tuyệt chẳng lạc hậu; Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương, Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương tượng trưng Học rộng nghe nhiều. Người Trung Quốc có câu: *'Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường'*, thành tựu cho học vấn, đức năng chân thật của mình, sau đó bạn mới có thể phục vụ xã hội, quốc gia, và hết thảy chúng sanh. Nếu bạn chẳng có trí huệ, đức năng thì bạn lấy gì để phục vụ! Là tượng trưng cho ý nghĩa này. Ý nghĩa vô cùng viên mãn, đây là ý nghĩa tượng trưng của Tứ Thiên Vương.

Trong kinh Phật nói cho chúng ta biết, thọ mạng của Thiên nhân là năm trăm tuổi. Một ngày trên cõi Tứ Vương Thiên bằng năm mươi năm ở cõi người chúng ta, một ngày cũng có ba trăm sáu mươi ngày, năm mươi năm ở nhân gian bằng một ngày của họ nên thọ mạng của họ rất dài. Càng lên cao thì tăng gấp bội, thế nên thiên phước rất lớn.

Được rồi! Hôm nay chúng ta giảng đến đây.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 5 (Số 14-12-05)

Chư vị pháp sư, chư vị đại đức, đồng học: Vì chúng ta dùng nhiều bản in khác nhau nên không thể nêu lên số trang, số hàng mỗi lần, hy vọng mọi người nghe giảng đến đâu tự ghi nhớ lấy, lần sau nhất định sẽ nối tiếp ở chỗ đó, đây là chuyện bất đắc dĩ, xin mọi người chịu khó.

Xin mở kinh. Lần trước giảng đến trời Dục Giới:

***Đó là cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Đao Lợi, cõi trời Tu Diệm Ma, cõi trời Đâu Suất Đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại*.**

Đến đoạn này, chúng ta đã giảng về Tứ Thiên Vương, điểm quan trọng là phải hiểu sự tiêu biểu pháp của Tứ Vương Thiên mới có thể được thọ dụng chân chánh. Nói một cách đơn giản, Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, xem tên biết ý nghĩa, vị Thiên Vương này dạy chúng ta làm thế nào bảo vệ quốc gia của mình vĩnh viễn được hưng vượng, chẳng suy thoái. Từ đó dẫn đến làm thế nào giữ vững nhà mình, bảo hộ thân mình, đời này chúng ta lập nghiệp, khỏe mạnh, vang danh bốn biển, đức lưu đến đời sau, đây là sự thành tựu chân thật trong đời của chúng ta, thế nên ý nghĩa này rất sâu, rất rộng.

Nam Phương Thiên Vương dạy chúng ta phải mong cầu tiến bộ, thời đại vĩnh viễn luôn tiến bộ, chúng ta thường nói người nào đó chẳng theo kịp thời đại, ý nghĩa là như vậy. Thời đại biến đổi, tiến tới hằng ngày; chữ Tiến ở đây có thể hướng về mặt thiện, cũng có thể hướng về mặt ác, đây là việc chúng ta không thể không phân biệt. Nếu tinh tấn về thiện pháp thì đây là mặt chánh, quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa; nếu tiến về hướng ác như tham, sân, si, mạn thì nhất định sẽ đem lại động loạn trong xã hội, thiên tai nhân họa, mọi người phải chịu khổ, nhất định phải nhận thức việc này rõ ràng. Phía trước đã nói đến việc chư Phật tán thán Thế Tôn 'biết pháp khổ vui', câu này rất phi thường! Niềm vui chân chánh không phải chỉ là niềm vui trong đời này, đời sau vĩnh viễn hưởng lạc, như vậy mới là niềm vui chân chánh. Nếu nói đời này chúng ta hưởng lạc, nhưng đời sau chịu khổ, như vậy là sai rồi, sai quá đỗi! Những người đời này hưởng lạc, đời sau chịu khổ không biết là bao nhiêu, đây là việc chúng ta không thể không cảnh giác. Trong lúc hưởng lạc lại tạo nghiệp, khi phước báo hưởng hết, ác nghiệp hiện tiền thì bạn sẽ thọ báo trong ba đường ác, như vậy là sai lầm to lớn. Nam Phương Thiên vương tượng trưng cho sự tinh tấn có trí huệ, có lý tánh, chẳng si mê, chẳng phải cảm tình.

Tây Phương Thiên Vương là Quảng Mục Thiên Vương, dạy chúng ta xem nhiều, tức là học tập nhiều. Bắc Phương Thiên Vương là Đa Văn Thiên Vương, nhìn nhiều, nghe nhiều, vĩnh viễn giữ vai trò của một người [tìm tòi] học hỏi, tức là vĩnh viễn làm một học sinh. Chỉ khi chứng được Phật quả viên mãn, cứu cánh thì mới ở tại vị trí người thầy, đạo sư chân chánh; Đẳng Giác Bồ Tát còn là học sinh, huống chi là những hạng khác. Mình vĩnh viễn phải giữ tại địa vị học sinh. Người Trung Quốc thời xưa nói: *'Sống đến già, học đến già, học chẳng hết'* chính là ý nghĩa này, cả đời đến già còn hiếu học. Trong nhà Phật gọi là 'Học Nhân', Học Nhân tức là học sinh, học tập làm người, vĩnh viễn học làm người. Ai có thể làm người tốt, làm được viên mãn, một mảy tơ cũng chẳng thiếu sót? Thành Phật, chỉ có Phật mới là một người hoàn toàn, chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải hết lòng học tập.

Dùng cách nói hiện nay thì những vật trên tay Tứ Thiên Vương gọi là 'đạo cụ'. Nói vậy thì mọi người dễ hiểu; đạo là tiêu biểu pháp, làm cho bạn nhìn thấy, tiếp xúc đến thì bạn liền biết đại đạo lý của vũ trụ nhân sanh, tức là phải nắm chắc nguyên tắc này để học tập. Trên tay Đông Phương Thiên Vương cầm đàn tỳ bà, nhạc khí, không có nghĩa là ông ta thích ca hát, khiêu vũ, cách nghĩ như vậy là sai. Ngài dùng cái này để tiêu biểu làm thế nào hộ trì quốc gia của bạn, hộ quốc quan trọng nhất là hành 'trung đạo'. Nhà Nho nói 'Trung Dung', đạo Trung Dung, nhà Phật nói 'Trung đạo đệ nhất nghĩa đế', ngài dùng sợi dây đàn này để tiêu biểu pháp. Khi chỉnh dây đàn, vặn quá chặt thì nó sẽ đứt, quá chùng thì âm thanh chẳng kêu, nhất định phải vặn đến vừa đúng, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Vừa đúng, chẳng căng, chẳng chùng, như vậy gọi là Trung Đạo, tiêu biểu ý như vậy. Chỗ cao minh của thánh nhân là biết giữ ở mức chính giữa, chẳng lệch về hai bên. Do đó đây là đạo cụ. Tay của Nam Phương Thiên Vương cầm kiếm, kiếm tượng trưng cho trí huệ, huệ kiếm, tiêu biểu cho ý này. Tay Tây Phương Thiên Vương cầm rồng hoặc rắn, ở Ấn Độ và Trung Quốc đều cho rằng rồng và rắn biết biến hóa, tiêu biểu cho hết thảy người, sự, vật trong xã hội thiên biến vạn hóa, bạn phải nhìn rõ ràng. Tay phải cầm hạt châu, châu tiêu biểu chẳng biến đổi, trong hết thảy sự thay đổi bạn nắm được nguyên tắc chẳng biến đổi. Bất biến tức là Định Huệ, tức là Thành Kính, nắm vững nguyên tắc này để xử sự, đối người, tiếp vật, bất luận xã hội biến hóa như thế nào, chỉ cần bạn nắm vững nguyên tắc thì có thể ứng phó như ý, giáo hóa tự tại.

Tay Bắc Phương Thiên Vương cầm lọng (hay dù), lọng che. Lọng tượng trưng cho ngăn ngừa ô nhiễm; lúc chẳng có ô nhiễm thì xếp lọng lại, khi có ô nhiễm thì giương lọng ra. Xã hội hiện nay của chúng ta ai cũng ý thức đến mức ô nhiễm trầm trọng, tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm, tư tưởng kiến giải ô nhiễm, sanh lý ô nhiễm, hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm. Hiện nay chúng ta tạo tượng của Tứ Thiên Vương, lọng của Bắc Phương Thiên Vương phải giương ra chứ không thể xếp lại, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Ý nghĩa giáo dục vô cùng sâu xa, chúng ta không thể xem như thần minh, nếu xem như vậy là sai, là mê tín.

Trời Đao Lợi, người Trung Quốc gọi Thiên Chủ trời này là Ngọc Hoàng Đại Đế, đại khái rất nhiều tôn giáo ngoại quốc xưng là Thượng Đế, Thiên Chúa chính là ngài. Có rất nhiều cõi trời, mỗi tầng trời đều có Thiên chủ, đều có một nhân vật lãnh đạo, tại sao chúng ta khẳng định là Đao Lợi Thiên Chủ, chẳng phải Thiên chủ ở những cõi trời khác? Xem kinh điển của họ, lý luận của họ, phương pháp tu hành rất giống với trời Đao Lợi. Tu thập thiện nghiệp đạo thì có thể vãng sanh về cõi trời Đao Lợi. Chúng ta coi kinh điển của Cơ Đốc Giáo, Moses có mười điều răn, mười điều răn này rất tương tợ với thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta nhất định phải hiểu, chẳng phải chỉ tin Thượng Đế bèn được cứu, chẳng có việc này. Phải tu pháp của Thượng Đế dạy, trong kinh điển Thượng Đế dạy bạn làm thế nào thì bạn phải làm theo như vậy mới được. Nếu bạn làm chẳng được thì không thể sanh lên trời, Ngài có điều kiện, như vậy mới hợp tình, hợp lý, hợp pháp.

Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng có điều kiện, không phải nói tôi tin thì có thể vãng sanh, không được đâu. Hiện nay có một số người đề xướng Bổn Nguyện Niệm Phật, [nói rằng] tôi phát nguyện vãng sanh thì quyết định được sanh, đâu có chuyện đơn giản như vậy! Trong 'Nguyện' có 'Hạnh' thì nguyện này mới gọi là nguyện chân thật, trong kinh không biết Phật đã nói bao nhiêu lần. Nguyện mà không có Hạnh thì gọi là nguyện suông, nguyện đó hư giả, chẳng thể biến thành hiện thực. Bạn phải hiểu ý nghĩa này, Phật chẳng lừa gạt người, tự mình gạt mình thì sẽ bị thiệt thòi to lớn. Dùng Hạnh để thực hiện Nguyện, biến nguyện vọng của bạn thành thực tiễn. Vì sao chúng ta coi trọng Tam Phước, Lục Hòa, đây là pháp căn bản do Phật dạy

trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, ba đời chư Phật đều tu ba điều này, đó chính là Tịnh Nghiệp Chánh Nhân. Chúng ta vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới tu Tịnh Nghiệp, chúng ta tin A Di Đà Phật, tin tây phương Tịnh Độ, nguyện sanh tây phương Tịnh Độ, điều kiện thấp nhất là phải làm được Tam Phước, nếu chẳng làm được Tam Phước thì không thể vãng sanh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, người xưa nói: *'hét bể cổ họng cũng uổng công'*, lời này là lời chân thật, chẳng giả dối.

Trong Tam Phước tối thiểu phải làm được một điều thì bạn mới có thể vãng sanh. Nếu bạn có thể làm được điều thứ nhất *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp'*, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì bạn có thể vãng sanh Hạ Phẩm. Bạn có thể làm được điều thứ hai, điều thứ hai đương nhiên bao gồm điều thứ nhất, tức là cộng thêm: *'Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi'* thì bạn vãng sanh Trung Phẩm. Đây là ba bậc vãng sanh nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Nâng cao thêm, nếu bạn có thể *'Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả'* thì sẽ vãng sanh Thượng phẩm. Đây là pháp căn bản, đâu có nói phát nguyện suông, chẳng cần tu hành mà có thể vãng sanh, Phật chẳng nói như vậy. Muôn vàn xin đừng hiểu lầm, chẳng thể bỏ uổng nhân duyên hiếm có trong đời này. 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh' là pháp căn bản, cả bộ kinh này nói về cái gì? Chính là nói về Phước thứ nhất: *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại, tu thập thiện nghiệp'*, cả bộ kinh nói về việc này. Bạn sẽ hỏi bốn câu trong phước thứ nhất này phải nói như thế nào? Cả bộ Địa Tạng Bổn Nguyện kinh này là chú giải [cho bốn câu này]. Tu học đúng như lý, như pháp, Thiện Đạo đại sư nói: *'Vạn tu vạn người về'*, ai cũng không bỏ sót. Nếu bạn tu không đúng như pháp thì sẽ chẳng vãng sanh nổi, Phật chẳng nói sai, là bạn đã hiểu sai ý tứ trong ấy. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy chúng ta 'Đương hiếu ư Phật', dạy chúng ta tôn sư trọng đạo, đây là giáo nghĩa của kinh Địa Tạng, nhất định phải hiểu những đạo lý này.

Tu Diệm Ma Thiên cũng gọi là Dạ Ma thiên, tên của cõi trời này đúng ra phải là Tu Diệm Ma Thiên. Gọi là Dạ Ma thiên vì thiên chủ cõi ấy tên là Dạ Ma. Tu Diệm Ma dịch nghĩa là 'Diệu Thiện', hiện nay lão hòa thượng ở Phổ Đà Sơn của chúng ta cũng có tên là Diệu Thiện. Cõi trời này rất khoái lạc, rất hoan hỷ, ngoài việc tu thập thiện nghiệp ra còn phải tu Định, phải thêm công phu định lực mới có thể sanh về. Chỉ tu thập thiện nghiệp thì không được, chẳng thể vãng sanh, chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi mà thôi, muốn lên trên phải thêm công phu định lực. Nói thật ra còn phải tu 'Từ, Bi, Hỷ, Xả', đây là khoa mục chánh của cõi trời Sắc Giới, họ cũng tu nhưng công phu đương nhiên chẳng sâu bằng người cõi trời Sắc Giới; nhưng vẫn có tu. Càng lên cao thì ở mỗi tầng công phu định lực, thiện lợi, chúng ta gọi là tích công lũy đức, tăng lên gấp bội, cứ lên mỗi tầng thì tăng thêm gấp bội, thiệt chẳng đơn giản! Mọi người hãy suy nghĩ sanh lên trời đã chẳng dễ rồi huống chi là vãng sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới để làm Phật! Chuyện này chúng ta không thể coi thường, không thể coi như quá dễ; nhưng cũng không thể coi như quá khó, nếu quá khó thì bạn sẽ không dám tu. Coi quá dễ thì sẽ lơ là, khinh thường, nhất định sẽ làm hỏng việc. Người ở Trời Dục giới tu thượng phẩm thập thiện, trong đó còn thêm một số 'Vị đáo định', nghĩa là họ tu Định, công phu tu Định này vẫn chưa đạt được tới trình độ nhất định. 'Trình độ nhất định' nghĩa là hoàn toàn đè nén, che phủ 'Dục', chúng ta gọi là Dục Vọng, đức Phật quy nạp thành năm thứ: 'tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ' (Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy) gọi là Ngũ Dục. Họ đã đè phục được năm thứ Dục này, tuy chưa đoạn nhưng nhất định chẳng khởi hiện hành thì mới có thể sanh đến trời Sắc Giới. Họ đè phục được ngũ dục, nhưng chẳng thể đoạn, cũng có thể nói sáu tầng trời này càng lên cao thì dục niệm của họ càng lợt lạt. Nếu hoàn toàn đè phục hết dục niệm, bày ngay trước mặt họ

đích thật chẳng động tâm, chẳng khởi ý niệm, thì họ sẽ lên cõi Sắc Giới. Công phu định lực này kể là đã thành tựu, họ có thể sanh đến cõi trời Sơ Thiền ở Sắc Giới. Sắc Giới có mười tám tầng trời. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Phạm Chúng thiên, Phạm Phụ thiên, Đại Phạm thiên.

Trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm.

Đây là cõi Sơ Thiền. Ba cõi trời Sơ Thiền này, chúng ta gọi là ba tầng, nhưng trên thực tế chỉ là một tầng, phước báo hưởng thọ chẳng giống nhau. 'Phạm Chúng' ví như nhân dân, người dân thường; 'Phạm Phụ' ví như đại thần, quan cao, quan lớn, sự hưởng thọ đương nhiên cao hơn dân thường; 'Đại Phạm Thiên' ví như Thiên vương, phước báo càng lớn hơn. Cùng một tầng trời có ba hạng hưởng thọ khác nhau. Tuy cõi Sơ Thiền ở Sắc Giới có hưởng thọ, chư vị phải biết họ chẳng có ý niệm, tâm địa thanh tịnh. 'Phạm' là tiếng cổ Ấn Độ, dịch nghĩa là thanh tịnh. Sơ Thiền tâm địa đã thanh tịnh rồi, lên cao hơn thì chẳng cần nói nữa, càng lên cao càng thanh tịnh.

Nhị Thiền gọi là 'Quang Thiên'

Thiểu Quang thiên, Vô Lượng Quang thiên, Quang Âm thiên.

Trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm.

Cổ đức nói: Đại khái, Sơ Thiền vẫn còn tổ chức giống xã hội nhân gian, có nhân dân, có quan liêu, có quốc vương; Nhị Thiền trở lên chẳng còn nữa, thế giới bình đẳng, chân chánh cộng hòa, chẳng có quốc vương, đại thần gì hết, mọi người đều bình đẳng. Tuy bình đẳng nhưng phước báo vẫn còn sai khác, sai khác do đâu mà có? Công phu tu hành mỗi cá nhân chẳng giống nhau. Thí dụ chúng ta học trong trường, cùng một lớp thì mọi người đều giống nhau, lúc thi cử thì có hạng nhất, hạng nhì, vẫn còn xếp hạng, vậy thì có chỗ chẳng bằng nhau, trong chỗ đồng có chỗ không đồng. Lúc chưa thành Phật thì hiện tượng này vẫn tồn tại. Cùng là Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát cùng nhau thi cử cũng có hạng nhất, hạng nhì, hạng ba. Chỉ đến quả địa Như Lai thì mới hoàn toàn bình đẳng, một chút sai khác cũng chẳng có, những đạo lý và sự việc này chẳng khó hiểu. 'Trời Thiểu Quang' có ánh sáng nhưng ít hơn so với cõi khác; 'Trời Vô Lượng Quang' thì ánh sáng nhiều hơn. Ánh sáng này từ đâu đến? Nói cho chư vị biết tâm thanh tịnh sẽ phóng quang, tâm địa thanh tịnh sẽ phóng ánh sáng.

Thật ra hết thảy vạn vật đều phóng quang. Hôm trước Sư Ngộ Toàn đem hình cho tôi xem, Sư nói ở ngoài đời có một dụng cụ có thể chụp 'Quang' của người. Sư đi chụp rồi lấy tấm hình cho tôi xem; tôi nói muôn vàn đừng bị gạt, đừng bị người ta gạt. Đích thật con người có Quang, vật cũng có Quang, ngay cả cỏ cây cũng có Quang, đây là sự thật. Quang của mỗi người có màu sắc khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, một số người luyện Khí Công có thể nhìn thấy, người có công phu định lực thì chẳng cần nói nữa. Nhìn thấy Quang trên thân người của bạn, người luyện khí công gọi đó là 'Khí', họ gọi bằng danh từ 'Khí', người tu thiền định gọi đó là 'Quang'. Từ màu sắc và cường độ lớn nhỏ của Quang có thể biết tâm hạnh của người này là thiện hay ác. Tâm địa thiện lương từ bi, tâm thiện, hạnh thiện phóng ra Quang màu vàng kim, đây là thù thắng nhất, tốt nhất. Kế đó là màu vàng, màu kém hơn một chút. Tại sao quỷ thần nhìn thấy người tu hành thì tôn kính? Họ nhìn thấy Quang, năng lực này của họ là [nhờ quả] báo [mà có] được, quỷ thần có quả báo được Ngũ Thông. Họ nhìn thấy người tâm địa hiền lương, từ bi, hạnh thiện, chẳng phải là người tu hành, nhưng Quang của những người này cũng tốt, quỷ thần nhìn thấy đều tôn kính, chẳng dám làm tổn hại.

‘Trời Quang Âm’ có thể dùng Quang để diễn đạt âm thanh. Ở cõi Nhị Thiền, người ta trao đổi ý kiến chẳng cần nói chuyện, nói chuyện rất mệt, nói nhiều thì hao hơi, mệt thân thể. Họ trao đổi bằng cách phóng quang, người khác nhìn thấy Quang ấy đều hiểu ý nghĩa chứa đựng trong đó. Ngôn ngữ rất có hạn, ngôn ngữ rất vụng về, từ Nhị Thiền trở lên chẳng dùng ngôn ngữ, dùng phóng quang để thay thế

Cõi Tam Thiền còn cao hơn nữa, tâm địa thanh tịnh hơn, Tam Thiền gọi là ‘Tịnh Thiên’.

Thiểu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.

Trời Thiểu Tịnh, Trời Vô Lượng Tịnh, Trời Biến Tịnh.

Cũng là dựa trên sự sai khác của tâm thanh tịnh mà nói, đây là ba cõi trời Tam Thiền. Tam Quang, Tam Tịnh đều là công hạnh cao thấp.

Tứ Thiền rất đặc biệt, tất cả có chín thứ chẳng giống nhau, có chín cõi trời.

Phước Sanh Thiên, Phước Ái Thiên, Quảng Quả Thiên

Trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả.

Đây là cõi trời thông thường ở cõi Tứ Thiền, giống với cõi Tam Thiền kể trên. ‘Phước Sanh, Phước Ái, Quảng Quả’ gọi là Phước Thiên. Phước báo lớn nhất thì không có Tam Tai. Ở đó không có Tam Tai, Tam Tai là Hỏa tai, Thủy tai, Phong tai. Hỏa tai có thể thiêu đến cõi Sơ Thiền, Sơ Thiền có cả ba Hỏa, Thủy, Phong tai, chẳng thể tránh. Nhị Thiền thì bị Thủy tai, nước có thể tràn ngập đến trời Nhị Thiền, Nhị Thiền không có Hỏa tai, nhưng có Thủy tai, Phong tai. Ở cõi trời Tam Thiền tâm địa thanh tịnh, chẳng có Thủy và Hỏa tai, nhưng lại có Phong tai. Đến cõi Tứ Thiền thì phước báo lớn hơn, cả ba Thủy, Hỏa, Phong tai đều chẳng có. ‘Thủy, Hỏa, Phong’ được gọi là Đại Tam Tai trong kinh Phật. Tiểu Tam tai là: ‘Kiếp đao binh, ôn dịch, cơ cẩn’, cơ cẩn nghĩa là đói khát. Chúng ta rất khó hiểu được ý nghĩa của Đại Tam tai, Tiểu Tam tai. Lúc trước đọc kinh cũng lơ là đọc lướt qua, khi giảng kinh thì y chiếu chú giải của người xưa cũng lướt qua.

Mấy năm trước tôi đến Nhật Bản phỏng vấn, đến Quảng Đảo (Hiroshima) và Trường Kỳ (Nagasaki), đến tham quan tận nơi những chỗ bị dội bom nguyên tử, mới tự nhiên hiểu được Tiểu Tam tai nói trong kinh Phật chính là chiến tranh nguyên tử. Chỗ bị nổ bom nguyên tử là nơi bị đao binh kiếp. Chiến tranh tám năm giữa Trung Quốc và Nhật chưa kể là Tiểu Tam tai, chiến tranh nguyên tử mới là Tiểu tam tai. Trong kinh Phật nói kiếp đao binh kéo dài bao lâu? Bảy ngày bảy đêm. Chiến tranh kéo dài bảy ngày bảy đêm là kiếp đao binh. Chiến tranh tám năm giữa Trung Quốc và Nhật chẳng phải là kiếp đao binh, thế chiến thứ nhất, thế chiến thứ nhì cũng chưa phải là kiếp đao binh. Chiến tranh nguyên tử, bom nguyên tử nổ xong, [sau khi đến Nhật Bản] chúng tôi mới bỗng nhiên hiểu được chuyện Phật nói chính là chuyện này. Sau khi nổ xong, phóng xạ tồn tại bảy tháng bảy ngày. Sau bảy tháng bảy ngày này bạn chưa chết, mạng của bạn còn giữ được. Có nhiều người bị nổ bom chẳng chết liền, nhưng trong bảy tháng bảy ngày bị phóng xạ, họ sống nổi hay không thì sau bảy tháng mới có thể xác định. Phật gọi đây là ôn dịch, ôn dịch chính là việc này, là nạn bị phóng xạ. Người Nhật nói với chúng tôi, chỗ bị nổ bom đến năm thứ tám sau khi bom nổ mới mọc cỏ, nghe xong chúng tôi mới hiểu được lời Phật nói, cơ cẩn (nạn đói) kéo dài bảy năm bảy tháng và bảy ngày, sau đó đất mới mọc cây cỏ được, nếu cây cỏ chẳng mọc nổi thì người ta đương nhiên sẽ bị đói. Chúng ta hãy suy nghĩ xem, sức mạnh của võ khí nguyên tử hiện nay so với trái bom nổ ở Quảng Đảo không biết là mạnh gấp bao nhiêu

lần. Ở Quảng Đảo, Trường Kỳ bị nổ bom vì bị bụi phóng xạ nghiêm trọng nên tám năm sau cây cỏ mới mọc nổi. Thế nên đại chiến thế giới lần thứ ba xảy ra tức là Tiểu Tam tai mà Phật đã nói. Đại Tam tai là sự hủy diệt của tinh cầu, ngày nay chúng ta nhìn thấy hỏa tai, những tinh cầu phát ra ánh sáng đó chính là hỏa, toàn thể là một biển lửa, mặt trời chính là biển lửa. Chúng ta rất khó hiểu rõ trạng thái của Đại Tam tai, hiện nay tình hình của Tiểu Tam tai đại khái thì chúng ta có thể hiểu được đôi chút, thiệt đáng sợ vô cùng! Cõi trời Tứ Thiền mới là cõi trời đủ phước báo, chẳng bị Tam Tai.

Trong Đại Trí Độ Luận, Phật nói người ở trời Sắc Giới chủ yếu là tu thiền định, nếu chỉ tu thiền định mà không tu phước thì đâu có phước báo lớn như vậy! Thế nên họ phải tu Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, đây là chỗ tồn tâm của thiên nhân trên trời Sắc Giới. Họ bố thí, trì giới, tu bố thì thì tâm được vui, bố thí nhiều thì khoái lạc càng nhiều. Thế nên họ có thể xả, chịu thí, nhờ vậy mới có thể dùng công phu định lực của họ sanh đến cõi trời Tứ Thiền. Sự khác biệt ở cõi Tứ Thiền cũng do công phu định lực sâu hay cạn, phước tu được ít hay nhiều, từ đó mới sanh ra những tướng trạng khác biệt.

Vô Tưởng Thiên.

Trời Vô Tưởng.

Cõi Tứ Thiền còn một tầng đặc biệt, 'Trời Vô Tưởng'. Trong kinh Phật nói đây là trời ngoại đạo, hơn phân nửa đều là học Phật, giải sai ý tứ của Phật. Tu Định, trong Định, ý niệm gì cũng chẳng khởi lên, một niệm chẳng sanh, vô tưởng, tu thành công thì vãng sanh về cõi này. Chỉ có Định, chẳng có Huệ là sai lầm; ý nghĩa của Thiền Định là trong Định có Huệ. 'Thiền Na' là Phạn ngữ, dịch nghĩa là 'Tịnh Lự', 'Tịnh' là Định, 'Lự' là có công phu Quán Chiếu, cũng có nghĩa là họ hiểu rõ, họ chẳng Định đến nỗi không biết gì cả. Một niệm chẳng sanh, nhưng mọi việc đều rõ ràng, chuyện gì cũng minh liễu, như vậy mới gọi là Thiền Định. Nếu chỉ là một niệm chẳng sanh, việc gì bên ngoài cũng chẳng biết, như vậy là không được, là có Định chẳng có Huệ, tu như vậy thành công thì tương lai sẽ vãng sanh về cõi trời Vô Tưởng. Sự tu hành trong Phật pháp là 'Định Huệ đẳng trì' gọi là Thiền Định. Sa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na, 'Sa Ma Tha' dịch nghĩa là Chỉ Tức, 'Tỳ Bà Xá Na' dịch là Quán Tưởng, hoặc Quán Kiến, Quán Sát, có những nghĩa như vậy. Chỉ tu một thứ thì sẽ lệch về một bên, đều chẳng thể thành tựu. Người chỉ tu Định thì dễ hôn trầm, tu thành công thì sanh về cõi Trời Vô Tưởng. Người chỉ tu Huệ thì không thể được Định, tâm nhảy loạn xạ, vọng tưởng rất nhiều. Tại sao chú trọng tại Thiền Định? Thiền là Định - Huệ đều bằng nhau, Định - Huệ đẳng trì, công phu này mới chính xác.

Năm thứ sau này là chỗ thánh nhân tu hành:

Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên.

Trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh.

Thông thường còn xưng là 'Ngũ Bất Hoàn Thiên', ai trụ ở đó? Tiểu Thừa Tam Quả, cũng được gọi là 'Tịnh Cư Thiên', thế nên Tứ Thiền là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Trời của phàm phu là trời Phước Sanh, Phước Ái, Quảng Quả, và Vô Tưởng, thiên nhân ở bốn cõi trời này chẳng nhìn thấy thiên nhân ở trời Tịnh Cư, biết là họ ở nơi đó tu hành nhưng không nhìn thấy họ. Giống như ở thế gian này, địa cầu chúng ta cũng là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, có Phật, Bồ Tát, A La Hán trụ ở địa phương này, loài người chúng ta chẳng nhìn thấy họ. Quý vị tụng Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, trong ấy nói đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca ở Tứ Xuyên, người thường đến đó thì thấy toàn là núi hoang vu,

chẳng nhìn thấy gì hết, lúc Ngộ Đạt quốc sư đến đó nhìn thấy đạo tràng trang nghiêm. Phải có duyên mới nhìn thấy cõi Phàm Thánh Đồng Cư Độ, không có duyên thì chẳng thấy. Trong kinh nói tôn giả Ca Diếp còn chưa nhập Niết Bàn, còn ở núi Kê Túc, ngài cũng thường ra ngoài đời, lúc ra thì chúng ta cũng chẳng nhận biết được, ngài biết biến hóa. Ngài phải đợi Phật Di Lặc ra đời, truyền y bát của đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho Phật Di Lặc. Phật Di Lặc xuất thế, trong kinh nói năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau (5,670,000,000 năm), tôn giả Ca Diếp phải đợi thời gian dài như vậy. Tâm người được thanh tịnh, thọ mạng được tự tại, muốn trụ bao lâu thì trụ bấy lâu, chẳng trở ngại.

Thế nên tôi khuyên mọi người phải phát nguyện, nguyện lực phải mạnh hơn nghiệp lực thì bạn mới chuyển, mới được tự tại. Nếu bạn không chịu phát nguyện, đời này bạn nhất định sẽ chịu vận mạng chi phối, bạn sẽ chẳng thoát nổi vận mạng. Nhất định phải phát đại nguyện xả mình vì người, thì bạn mới được tự tại, đời sống tự tại, thọ mạng tự tại, trụ thế tự tại, giáo hóa tự tại, hết thảy sự nghiệp chẳng có gì là không tự tại, nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn! Tại sao không chịu phát nguyện! Đời Đường, Pháp Chiếu đại sư, tổ thứ tư Tông Tịnh Độ, ngài nhìn thấy Đại Thánh Trúc Lâm Tự của Văn Thù Bồ Tát trên núi Ngũ Đài, đây là người có duyên. Ngài nhìn thấy Văn Thù, Phổ Hiền, nhìn thấy pháp hội hơn một vạn người tụ hội, Văn Thù Bồ Tát đang giảng kinh thuyết pháp, Ngài còn ở đó nghe một buổi, còn thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát:

'Phật pháp đã đi đến đời Mạt pháp, căn tánh người đời Mạt Pháp độn, tu pháp môn gì dễ thành tựu?'.

Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Pháp Chiếu vốn là tham thiền, nghe xong lời dạy của Văn Thù Bồ Tát, phát nguyện chuyên tâm niệm Phật. Ngài còn thỉnh giáo: *'Làm thế nào niệm Phật?'.* Văn Thù Bồ Tát dạy phương pháp niệm Phật cho Ngài. Sau đó ngài rời khỏi Ngũ Đài Sơn, trên đường về đi đến đâu ngài cũng đều ghi dấu hiệu, sợ lạc đường, muốn lần sau trở lại. Kết quả là làm dấu được vài chỗ rồi quay trở lại, chùa chẳng còn nữa, chỉ còn một cảnh núi hoang vu, thế mới biết là chẳng thể nghĩ bàn, đạo tràng đã biến mất. Phàm phu chẳng nhìn thấy Phàm Thánh Đồng Cư Độ, chẳng có duyên ấy thì chẳng nhìn thấy cảnh giới của thánh nhân.

Trong kinh nói Phàm Thánh Đồng Cư Độ có ba chỗ: một là thế giới Sa Bà của chúng ta, thứ hai là trời Đâu Suất tức là tầng trời thứ tư trên cõi Dục Giới, Đâu Suất Nội Viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, thiên nhân trời Đâu Suất chẳng nhìn thấy, chỉ nghe nói, chẳng biết ở đâu. Thứ ba là Trời Tịnh Cư ở cõi trời Tứ Thiền tức là Ngũ Bất Hoàn Thiên, ba chỗ này là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Họ ở chỗ này tu hành, tuy đều là thánh nhân Tam Quả, tại sao gọi là 'Bất Hoàn'? Chẳng còn đến Dục Giới nữa, họ sẽ thành tựu ở chỗ đó. Trong kinh nói người lợi căn sẽ trụ ở Ngũ Bất Hoàn Thiên, trực tiếp ở đó chứng quả A La Hán và siêu việt Tam giới, siêu việt sáu nẻo luân hồi, đây là A La Hán lợi căn. Nếu kém hơn, họ còn phải thông qua Tứ Không Thiên mới có thể xuất Tam giới; người lợi căn chẳng cần thông qua Tứ Không Thiên, trực tiếp chứng quả A La Hán, liền xuất Tam giới, đây là thiên nhân cõi trời Tịnh Cư. Chúng ta không cần phải giới thiệu thêm về Ngũ Bất Hoàn Thiên. Kiến Tư phiền não trong Tam giới gọi là Kiến Tư Hoặc, tam giới tám mươi mốt phẩm; Tam giới chia thành chín cõi, mỗi cõi có chín phẩm, chín nhân chín thành tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc, đến Ngũ Bất Hoàn Thiên mới đoạn hết, đoạn hết mới chứng quả A La Hán.

Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trên thế gian này, thị hiện thành Phật dưới cây Bồ Đề, sau khi thành Phật giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh cần có người khải thỉnh, nếu không ai mời thì Phật chẳng thể dạy. Người thế gian tuy biết đức Phật nhưng ai biết được đây là một người có đại tri huệ, đại đạo sư cho trời và

người, ai biết được? Người thế gian chẳng có người thỉnh thì Phật phải nhập Niết Bàn, phải thị hiện diệt độ. Thiên nhân ở trời Tịnh Cư nhìn thấy, họ thấy đức Phật Thích Ca thị hiện nên mau mau xuống để thỉnh cầu, thiên nhân cõi trời Tịnh Cư thay thế chúng ta thỉnh cầu nên đức Phật mới trụ thế tám mươi năm, giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta trên ba trăm hội, chúng ta phải cảm kích người cõi trời Tịnh Cư. Nếu họ không thỉnh pháp thì thế gian này của chúng ta chẳng nghe được Phật pháp, họ cũng rất từ bi, thương xót hết thảy chúng sanh khổ nạn, khuyến thỉnh Như Lai thuyết pháp.

Cõi cuối cùng:

Ma Hê Thủ La Thiên

Trời Ma Hê Thủ La

Có một số kinh nói Ma Hê Thủ La tức là Sắc Cứu Cánh Thiên. Ở đây tại sao phải liệt kê tên này riêng ra? Trong kinh cũng có nói, Ma Hê Thủ La là thượng thủ của thiên nhân cõi Tịnh Cư, ý nghĩa này cũng hay. Tịnh Cư thiên tức là Ngũ Bất Hoàn Thiên, vị đại đức được tôn kính nhất xưng là Ma Hê Thủ La. Đây là do thiền định được đại tự tại nên Ma Hê Thủ La cũng có thể xưng là Đại Tự Tại thiên. Đây là mười tám tầng trời Sắc Giới, giới thiệu đơn giản đến đây.

Câu tiếp theo:

Nãi chí Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên.

***Cho đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tướng Xứ*.**

Chữ nãi chí ở đây ngụ ý đã lược bớt. Đã lược bớt 'Tứ Không Thiên, Vô Sắc Giới Thiên'. Thiên nhân ở trời Vô Sắc Giới thật sự là phàm phu rất thông minh, rất có trí huệ. Ở Trung Quốc cổ đại, Lão Tử xuất hiện vào triều nhà Châu, thời đại Xuân Thu (722 trước công nguyên đến 481 trước công nguyên), cùng thời với Khổng Tử, lớn tuổi hơn Khổng Tử. Người này rất thông minh, ngài nói: *'Tôi có một mối lo lớn vì tôi có thân này'*. Ngài nói tôi có một mối lo lớn, vì sao? Vì tôi có cái thân này. Thân là gốc khổ, nếu không có thân thể thì tốt biết mấy, tự tại biết mấy; ngài là phàm phu bậc cao nên mới biết thân là gốc khổ. Làm sao xả bỏ thân, không cần nữa? Ngài chán ghét sắc thân, cộng thêm công phu định lực của ngài, đích thật có thể xả bỏ sắc thân này, lìa khỏi, thăng lên cõi trên, phần nhiều chúng ta gọi là Linh Giới; y theo Phật pháp thì chỉ có thần thức chẳng có sắc thân, hạng này chúng ta xưng là 'Vô Sắc Giới'. Người cõi trời Sắc Giới đã xả bỏ Dục, đã xả bỏ ngũ dục lục trần, phiền não nghiêm trọng này, thoát ra khỏi Dục Giới đến cõi Sắc Giới. Sắc Giới vẫn còn sắc tướng, thân thể, hoàn cảnh cư trú, những thứ này còn phiền phức, còn chưa rốt ráo, xả bỏ những thứ này thì lên đến Tứ Không Thiên. Tứ Không Thiên vẫn còn trong phạm vi của lục đạo, chưa thoát ra khỏi lục đạo.

Cõi thứ nhất ở Tứ Không Thiên là 'Không Xứ Thiên', sau khi lìa khỏi Sắc Giới thì vào Không Xứ, tâm duyên hư không chẳng có sắc tướng, Định này gọi là Hư Không Định. Thứ nhì gọi là 'Thức Xứ Thiên', 'Không' cũng xả bỏ, Không và Sắc là hiện tượng đối cho nên hư không chẳng chân thật. Họ xả bỏ luôn Không, xả Không rồi vẫn còn Thức tồn tại, chỗ họ duyên vào được đặt tên là 'Thức Xứ'. Thật ra xả Không là chẳng chấp vào Không, chứ không phải thật sự xả bỏ Không. Chẳng còn chấp trước tướng Không, ý niệm Không và Sắc đối lập nhau trong tâm chẳng còn nữa, lúc đó còn Thức, nên gọi là Thức Xứ. Người tu hành đến mức này nếu phát hiện 'Thức' vẫn còn là một chuyện phiền phức, vẫn chưa rốt ráo, Thức chính là Phân Biệt, Phân Biệt cũng xả luôn thì sẽ vào 'Vô Sở Hữu Xứ Thiên', tầng thứ ba ở Vô Sắc Giới. Lúc tu Định này

thì buông xả hết thảy cảnh giới Trong - Ngoài, cảnh giới hai bên Trong - Ngoài đều buông xả, xả bỏ hết nên gọi là 'Vô Sở Hữu'. Đến tầng cao nhất 'Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên', vì ngay cả Thức cũng chẳng duyên vào nên gọi là 'Phi Tưởng'; chỗ chẳng khởi tác dụng cũng chẳng duyên vào nên gọi là 'Phi Phi Tưởng'. 'Phi Tưởng Phi Phi Tưởng' là cảnh giới cao nhất trong Tam giới. Cách giải thích Phi Tưởng Phi Phi Tưởng rất nhiều, [chư vị] có thể tham khảo cách giải thích trong kinh luận, kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, một số Phật Học Đại Tự Điển cũng có giải thích rõ, trên đây đã giải thích về Vô Sắc Giới Thiên.

Phần đông những Học Nhân đến cảnh giới này cho rằng đó là đại Niết Bàn trên quả vị của Như Lai, họ chẳng biết đây là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, cứ tưởng nhập vào cảnh giới này thì vĩnh viễn chẳng sanh chẳng diệt. Đâu biết họ còn thọ mạng, thọ mạng của họ chính là công phu định lực, công phu định lực của họ có thể duy trì được bao lâu? Trong kinh nói tám vạn đại kiếp, con số này rất lớn. Tám vạn đại kiếp là gì? Thế giới này trải qua một lần 'Thành, Trụ, Hoại, Không' gọi là một đại kiếp. Đại kiếp này có bốn Trung kiếp, tức là Thành, Trụ, Hoại, Không. Thế giới Sa Bà chúng ta hiện nay đang ở kiếp Trụ. Tám vạn đại kiếp tức là thế giới này thành, trụ, hoại, không tám vạn lần, họ có công phu định lực sâu như vậy, thọ mạng dài như vậy. Sau tám vạn lần thế giới thành, trụ, hoại, không, thì họ vẫn phải đọa lạc, chẳng thể nâng cao thêm nữa, chỉ có thể đọa xuống. Đọa lần này thì đọa rất thê thảm! Người ta thường nói trèo cao, té nặng. Kinh Lăng Nghiêm nói người trời Tứ Không đọa xuống, hơn phân nửa là đọa vào địa ngục A Tỳ. Từ nơi cao nhất rớt xuống chỗ thấp nhất, tại sao? Vì báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, vì lỗi hủy báng Tam Bảo nên phải đọa địa ngục A Tỳ. Tại sao họ có ý niệm hủy báng Tam Bảo? Họ tưởng mình đã thành Phật, chứng được đại Niết Bàn, tại sao ngày nay vẫn còn đọa lạc? Trong tâm liền hoài nghi rằng lời chư Phật Như Lai là giả, chẳng phải thiệt, thế nên đọa lạc. Vì họ hiểu sai, nhận lầm, đó chẳng phải cảnh giới Niết Bàn của Như Lai. Không những chẳng phải quả địa Như Lai, mà cũng chẳng phải là quả địa Tiểu Thừa, hoàn toàn hiểu lầm.

Thế nên khi càng tu lên trên, trong cảnh giới ấy tà - chánh rất khó phân biệt, đây là lý do tại sao trong kinh Lăng Nghiêm đức Thế Tôn giảng Năm Mươi Ấm Ma cho chúng ta. Khi ma cảnh hiện tiền mà chúng ta cho đó là cảnh giới Phật thì sẽ bị lầm to. Thế nên người sơ học chúng ta muốn tránh ma cảnh thì phương pháp duy nhất là phải y giáo phụng hành, tuyệt đối thuận theo những gì Phật dạy trong kinh; tuyệt đối chẳng thể nương dựa những gì người khác nói, chẳng giống lời Phật dạy trong kinh, như vậy mới có thể tránh rơi vào ma đạo. Quan trọng nhất là chúng ta phải tin Phật, chúng ta học theo Phật, chúng ta thân cận một thiện tri thức, những gì vị thiện tri thức này nói phù hợp với lời trong kinh thì chúng ta mới tin; trong kinh chẳng nói như vậy thì chúng ta không tin, chẳng thể học theo họ. Phật nói vô lượng pháp môn, nói là vì ứng theo cơ duyên lúc đó nên mới nói, cơ duyên khác nhau thì Phật nói pháp khác nhau, vì thế chúng ta muốn học pháp môn nào, y theo kinh điển nào, điểm này vô cùng quan trọng, được vậy mới chẳng đến nỗi giải sai chân thật nghĩa của Như Lai. Thí dụ Phật nói với chúng ta tây phương Cực Lạc thế giới tuyệt đối là có thật, chúng ta tu Tịnh Độ thì chỉ noi theo kinh điển Tịnh Độ. Trong kinh điển khác Phật nói vạn pháp đều không, nếu bạn nói trong kinh đức Phật nói hết thảy pháp đều không, nên tây phương Cực Lạc thế giới cũng không, thế thì trật lất, bạn tin như vậy thì chẳng phải bạn đã bỏ uổng cơ hội này hay sao. *Học pháp môn nào thì chỉ tu học noi theo kinh điển của pháp môn đó mà thôi,* những kinh điển nói khác với kinh này thì tuyệt đối chẳng thể y theo kinh đó.

Thực ra đạo lý này rất cạn cợt, chẳng sâu lắm, chẳng khó hiểu. Giống như học trong trường đại học hiện nay, bạn học khoa hệ nào, nhất định phải học theo khóa trình của khoa hệ đó, bạn chẳng thể học khoa khác; nếu bạn học lớp của khoa hệ khác, chẳng

giống với khoa mục của bạn, không những không trợ giúp mà ngược lại có thể phá hoại, đây không phải là đạo lý này sao! Trong kinh Phật thường dùng Y Vương để thí dụ, thí dụ này càng rõ hơn nữa. Thầy thuốc bắt mạch cho bịnh nhân rồi kê toa thuốc, người khác không dám uống theo toa thuốc của bạn, vì bịnh của họ không giống bịnh này. Nếu uống thuốc này, uống vô rồi thì xong ngay, người khác uống thuốc này thì chết liền. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn toa thuốc khác nhau, chữa cho tám vạn bốn ngàn người bịnh khác nhau, làm sao uống bừa bãi được! Thế nên chúng ta tu pháp môn vãng sanh, nhất định phải noi theo 'kinh vãng sanh'. Trong Đại Tạng kinh thì tam kinh nhất luận gọi là 'kinh vãng sanh', đó là kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương là sau này mới thêm vào, thêm rất đúng, cũng có thể noi theo, tuyệt đối sẽ không tạo thành vấn đề, hiện nay xưng là Ngũ Kinh Nhất Luận. Chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh phải nương nhờ những kinh điển này, như vậy là không sai, chẳng thể nương vào những kinh khác. Nếu những gì nói trong kinh điển khác tương ứng, phù hợp với lý luận, phương pháp, cảnh giới nói trong Ngũ kinh Nhất luận này thì chúng ta có thể tham khảo, nếu không tương ứng thì chúng ta tuyệt đối không thể đọc, nhất định đừng xem, được vậy thì công phu của chúng ta mới có thể nắm vững, mới có thể thành tựu.

Nếu kinh gì bạn cũng xem, kinh gì cũng học, vậy thì bạn bị phiền phức lớn lắm, không những bạn tự tu học chẳng thể thành tựu mà cũng chẳng thể giáo hoá chúng sanh. Khi bạn giáo hóa chúng sanh, lấy một chút ở chỗ này, lấy một ít ở chỗ kia, sẽ làm cho chúng sanh loạn đến mê hoặc điên đảo. Ngày nay học Phật vô cùng khó khăn, tại sao tôi không dạy trong Phật Học Viện, đạo lý là như vậy. Phật học viện mở ra rất nhiều lớp học, mời rất nhiều pháp sư, giảng cho học sinh ngày ngày đều điên đảo, như say, như cuồng, chẳng đạt được hiệu quả. Bản thân tôi học Phật đạt được một chút lợi ích vì may mắn, gặp được thiện tri thức, do một người dạy, chỉ tiếp nhận lời của một nhà, đi theo một con đường, nên rất đơn thuần, chẳng phức tạp, chẳng có nghi hoặc, điểm này rất quan trọng, vô cùng quan trọng! Sau này chúng tôi mới hiểu cái mà nhà Nho, nhà Phật gọi là Sư Thừa chính là ý nghĩa này. Tôi chỉ học theo một thầy, nghe lời của một thầy mà thôi, vị thầy này đối với tôi phải chịu trách nhiệm. Nếu tôi còn muốn học theo người khác thì người thầy này chẳng có cách gì để dạy. Thật sự thân cận thiện tri thức, noi theo Sư Thừa của người xưa, bạn theo sát vị thầy này, nhất định chẳng thể học theo người thứ hai, chẳng thể nghe lời dạy của người thứ hai, được vậy thì bạn mới thành tựu. Vị thầy này phải chịu trách nhiệm nhân quả đối với bạn, trách nhiệm này rất nặng, nếu chỉ sai đường cho bạn, dẫn đi lầm đường thì vị thầy này phải thọ ác báo. Nếu bạn chẳng chịu tiếp nhận, bạn cứ đi khắp nơi nghe người khác, vẫn còn xem bài của người khác, vậy thì người thầy này sẽ chẳng chịu trách nhiệm cho bạn.

Hiện nay trở về sau có lẽ Sư Thừa sẽ chẳng còn nữa, chẳng thể còn nữa, cho nên có thể thành tựu được hay không hoàn toàn ở tại mỗi cá nhân. Nói cách khác chẳng có vị thầy hết lòng phụ trách dạy bạn, nói thật ra thầy giáo muốn tìm học sinh như vầy cũng tìm không ra, hoàn toàn nhờ giác ngộ của mình. Muốn chân chánh giác ngộ, chân chánh thành tựu thì cũng phải đi theo đường cũ, học theo một vị thầy.

Tôi khuyên mọi người, ngày nay chúng ta học theo ai?

Học theo A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật ở nơi đâu?

Kinh Vô Lượng Thọ chính là A Di Đà Phật.

Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, tiếp nhận lời dạy của A Di Đà Phật, những gì A Di Đà Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta làm hết lòng; những gì A Di Đà Phật chẳng

dạy chúng ta làm, chúng ta nhất định không làm, chúng ta chỉ nghe lời dạy của A Di Đà Phật, chẳng nghe bất người nào, được vậy thì đời này bạn nhất định sẽ vãng sanh!

Ngoài ra còn một vị đại đức có thể giúp chúng ta là Ấn Quang đại sư, mỗi câu mỗi chữ trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao đều tương ứng với kinh vãng sanh, nên thường thường đọc Văn Sao của Ấn Tổ, làm bạn với Ấn Tổ, nghe lời dạy của Ngài, làm theo lời dạy của Ngài, đoạn ác tu thiện, giữ trọn luân thường, làm tròn bổn phận, tin sâu nhân quả, chắc thật niệm Phật, nhất định sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Đây là con đường cầu vãng sanh, xuất ly tam giới lục đạo duy nhất trong đời này của chúng ta, ngoài đường này ra thì chẳng còn con đường thứ hai nào khác. Xem đoạn kinh tiếp theo:

Nhất thiết Thiên chúng, Long chúng, Quỷ Thần đẳng chúng tất lai tập hội.

Hết thảy chúng Trời, chúng Rồng, và các chúng Quỷ Thần đều đến tụ hội.

Đoạn này nói về những chúng Thiên Long Bát Bộ. Chúng ta đọc tiếp, đoạn kinh văn sau đây nói về các chúng thần.

Hựu hữu tha phương quốc độ, cập Sa Bà thế giới.

Còn những cõi nước ở phương khác và thế giới Sa Bà

Sa Bà thế giới là cõi của chúng ta, và còn những thế giới ở phương khác.

Hải Thần, Giang Thần, Hà Thần.

Thần Biển, Thần Sông lớn, Thần Sông nhỏ.

Đây là Thủy thần, thủy có lớn nhỏ, người Trung Quốc gọi là Long Vương.

Thọ Thần, Sơn Thần, Địa Thần, Xuyên Trạch Thần, Miêu Giá Thần, Trú Thần, Dạ Thần, Không Thần, Thiên Thần, Ẩm Thực Thần, Thảo Mộc Thần, như thị đẳng thần, giai lai tập hội.

Thần Cây, Thần Núi, Thần Đất, Thần Suối và Ao Đầm, Thần Mùa Màng, Thần Ngày, Thần Đêm, Thần Hư Không, Thần Trên Trời, Thần Ăn Uống, Thần Cỏ Cây, những vị thần như vậy đều đến tụ hội.

Chúng ta gộp hai đoạn này nói chung. Hai đoạn này nói về Bát Bộ và những chúng Thần. Trước kia pháp sư Thánh Nhất ở Cửu Hoa Sơn giảng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, đối với những chúng thần này đều có giới thiệu, thần cũng đến tham gia đại hội này, lần tập hội này chẳng phải là ngẫu nhiên, đều có nhân duyên sâu đậm với Địa Tạng Bồ Tát lúc trước. Nếu không có duyên, đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở pháp hội lần này tại cung trời Đao Lợi, họ có tư cách gì để tham gia! Chúng ta thấy đại chúng tham dự không thể có nghi hoặc, không những có các chúng Trời, chúng Thần, phía sau còn có chúng Quỷ. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Phục hữu tha phương quốc độ cập Sa Bà thế giới chư đại quỷ vương, sở vị Ác Mục Quỷ Vương, Đạm Huyết Quỷ Vương, Đạm Tinh Khí Quỷ Vương, Đạm Thai Noãn Quỷ Vương, Hành Bịnh Quỷ Vương, Nhiếp Độc Quỷ Vương, Từ Tâm

Quỷ Vương, Phước Lợi Quỷ Vương, Đại Ái Kính Quỷ Vương 1[1], như thị đẳng Quỷ Vương giai lai tập hội.

Lại có những đại quỷ vương ở các cõi nước phương khác và thế giới Sa Bà, như Ác Mục Quỷ Vương, Đạm Huyết Quỷ Vương, Đạm Tinh Khí Quỷ Vương, Đạm Thai Noãn Quỷ Vương, Hành Bịnh Quỷ Vương, Nhiếp Độc Quỷ Vương, Từ Tâm Quỷ Vương, Phước Lợi Quỷ Vương, Đại Ái Kính Quỷ Vương, các quỷ vương như vậy đều đến tụ hội.

Liệt kê ra mười hạng Quỷ Vương. Quỷ đạo cũng tương đối phức tạp, những vị có phước đức trong quỷ đạo thì được xưng là Quỷ Vương. Chúng ta ở nhân gian tu phước, phước chẳng uổng phí, phước báo là chân thật, những phước bạn tu, tương lai nhất định sẽ được phước báo. Nhưng đến nơi nào để hưởng phước báo? Không nhất định. Phải coi bạn đến cõi nào, nếu bạn có phước thì bất luận ở cõi nào cũng hưởng phước, đến quỷ đạo cũng sẽ hưởng phước. Nói cho chư vị biết chỉ có cõi địa ngục thì chẳng có cách chi; nếu bạn ở cõi người, cõi trời, cõi súc sanh, cõi quỷ, ai có phước đều sẽ hưởng phước, trong cõi quỷ thì làm Quỷ vương. Những người, những chúng sanh này đều có duyên với Phật, đặc biệt là duyên với Địa Tạng Bồ Tát rất sâu, chúng ta từ kinh này thấy chúng sanh mười pháp giới đều tụ hội nơi đây, chẳng thể nghĩ bàn, trong hết thảy pháp hội chúng ta chưa từng thấy. Kinh Hoa Nghiêm cũng có, mười pháp giới chúng sanh cũng đến dự hội nhưng sánh chẳng bằng kinh Địa Tạng. Tại sao? Hội kinh Địa Tạng này, phía trước chúng ta thấy hết thảy chư Phật, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai một vị cũng không sót, hết thảy đều đến đầy đủ, trong kinh Hoa Nghiêm chẳng thấy được việc này. Từ chư Phật Như Lai đến chúng sanh địa ngục, đến những quỷ vương, có rất nhiều quỷ vương coi quản địa ngục, hết thảy đều đến dự hội, vô cùng hiếm có!

Chúng ta đọc đoạn kinh này xong, nhất định không thể coi thường, biết pháp hội này thù thắng khôn sánh. Nguyên nhân là gì? Những người này, chư Phật Như Lai này đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát, hôm nay thầy giáo có công chuyện, học sinh đâu dám chẳng đến! Địa Tạng Bồ Tát có oai đức lớn như vậy sao? Đúng vậy! Địa Tạng là gì? Tâm địa, chẳng phải nói một người. Phía trước vừa mở đầu đã giảng cho bạn, 'Địa' là tâm địa, chân tâm bản tánh, 'Tạng' là vô lượng trí huệ đức năng có sẵn trong bản tánh, hết thảy chúng sanh đều y theo cái này để tu hành thành Phật. Ngày nay giảng Địa Tạng pháp môn, hết thảy chư Phật Như Lai đều ủng hộ, hết thảy chúng sanh phải nương nhờ, dựa vào, thế nên pháp hội này thù thắng hạng nhất, Hoa Nghiêm không thể sánh bằng, Hoa Nghiêm cũng phải nương theo nó để khơi dậy, nó là chỗ nương dựa căn bản. Thế nên chư vị phải hiểu tánh trọng yếu của vấn đề này, chỗ nương dựa căn bản chính là phước thứ nhất nói trong Quán Kinh. Nói cho chư vị biết nếu ngày nay chúng ta bỏ qua *'hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp thiện'* thì tu pháp môn gì cũng chẳng thể thành tựu ngay trong đời này. Tại sao? Vì bạn không có căn bản cho nên học Phật phải trải qua vô lượng kiếp. Chúng ta học Phật tuyệt chẳng phải chỉ học đời này thôi đâu, trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy nhóm người cùng vua A Xà Thế, nói thực ra chính là nói chúng ta, nhiều đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, đến nay vẫn còn là phàm phu, vẫn luân chuyển trong sáu nẻo. Cúng dường bốn trăm ức Phật, tu hành, nghe pháp chẳng ít, tại sao vẫn không thể thoát khỏi Tam Giới? Tại sao chẳng thể vãng

---

1[1] Ác Mục Quỷ Vương: Chúa Quỷ Mắt Ác, Đạm Huyết Quỷ Vương: Chúa Quỷ Uống Máu, Đạm Tinh Khí Quỷ Vương: Chúa Quỷ Hút Tinh Khí, Đạm Thai Noãn Quỷ Vương: Chúa Quỷ Ăn Thai Noãn, Hành Bịnh Quỷ Vương: Chúa Quỷ Gây Bịnh, Nhiếp Độc Quỷ Vương: Chúa Quỷ Hút Khí Độc, Từ Tâm Quỷ Vương: Chúa Quỷ Có Lòng Nhân Từ, Phước Lợi Quỷ Vương: Chúa Quỷ Làm Phước Lợi, Đại Ái Kính Quỷ Vương: Chúa Quỷ Đại Ái Kính

sanh? Đây là như lúc trước thầy Lý thường nói trong một vạn người niệm Phật khó có được hai, ba người vãng sanh. Đạo lý gì? Vì bạn chẳng tu từ căn bản.

Bạn đừng coi những người vãng sanh, vãng sanh có tướng lành, có thể họ nghe kinh rất ít, nghe pháp chẳng nhiều, nhưng họ thật sự đã vãng sanh. Bạn lại hỏi thăm kỹ, người này nhất định hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, tâm địa rất từ bi. Bạn hỏi thăm xem trong đời sống hằng ngày, xử sự đãi người tiếp vật, họ tuyệt đối phù hợp điều thứ nhất trong Tam phước, có ai dạy họ không? Chẳng có ai dạy họ. Họ vốn là như vậy, họ làm người rất từ bi, rất kính trọng người, họ thật sự làm được. Chúng ta chẳng bằng họ, tại sao vậy? [Chúng ta mới] đọc được một ít sách vở, học được một ít Phật pháp bèn cống cao ngã mạn, cảm thấy mình rất giỏi, người ta chẳng bằng mình. Họ có thể vãng sanh, chúng ta ngược lại bị lọt tuốt phía sau, còn phải luân hồi, tại sao? Họ chưa từng đọc sách, chẳng biết chữ, rất khiêm tốn, rất nhún nhường, luôn cảm thấy mình chẳng bằng người, nhưng họ đã vãng sanh được. Thế nên càng học nhiều, lúc trước thầy Lý nói lúc chưa học thì còn biết hiếu thuận cha mẹ, học cao rồi, cha mẹ chẳng có học, học vấn cấp bằng của họ cao hơn cha mẹ nhiều, học càng cao thì con mắt càng chạy lên trên đỉnh đầu, ngay cả cha mẹ cũng chẳng coi ra gì, vậy thì làm sao có thể tôn kính sư trưởng! Người như vậy, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng chẳng thể vãng sanh. Thế nên chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, y giáo phụng hành mới chẳng đến nỗi lãng phí đời này. Bộ kinh Địa Tạng, đức Phật Thích Ca mở pháp hội tại cung trời Đao Lợi là để giảng pháp căn bản, cho nên chúng sanh trong mười pháp giới đều đến tham gia pháp hội này, chẳng thể nghĩ bàn phi thường!

Tên những thiên thần, quỷ thần này chẳng khó hiểu, mọi người có thể xem tên hiểu nghĩa, ở đây tôi lược bớt. Nếu các bạn muốn biết thì có thể tham khảo giảng ký của Thánh Nhất pháp sư. Giảng ký này phổ biến rất rộng, ngài giảng rất hay, đơn giản, rõ ràng. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát: nhữ quán thị nhất thiết chư Phật Bồ Tát cập thiên long quỷ thần, thử thế giới, tha thế giới, thử quốc độ, tha quốc độ, như thị kim lai tập hội đáo Đao Lợi thiên giả, nhữ tri số phủ.

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: 'Ông xem hết thảy chư Phật, Bồ Tát và thiên long quỷ thần ở thế giới này và thế giới khác, cõi nước này và cõi nước khác đều đến tụ hội tại cung trời Đao Lợi như vậy, ông biết số lượng bao nhiêu chăng?

Chữ 'Bất' này phải đọc là 'phủ', như chữ 'khả phủ'*(có được hay chăng? Có nên chăng?)*. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là vị trí huệ hạng nhất trong các Bồ Tát, Phật chẳng kêu ai khác, chỉ kêu ngài. Nếu ngài không biết thì những vị khác chẳng cần hỏi nữa. Phật hỏi ngài, ông xem thử những đại chúng đến dự hội 'Nhất thiết chư Phật Bồ Tát, cập thiên long quỷ thần', câu này nói về chánh báo, nói về những người đến dự. Họ từ đâu đến? 'Thử thế giới, tha thế giới, thử quốc độ, tha quốc độ' bao gồm tận hư không, trọn khắp pháp giới, đây là y báo; chúng ta nói đến từ bốn phương tám hướng, đến từ hết thảy pháp giới, cõi nước chư Phật. Nhiều người như vậy, ông biết số lượng là bao nhiêu chăng? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hội kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy đại chúng là hai vạn người, đại chúng tham dự trong pháp hội này thật là chẳng thể nghĩ bàn, nhìn thấy pháp hội thù thắng thì biết được tánh trọng yếu của pháp môn. Chúng ta hãy coi Văn Thù Bồ Tát trả lời ra sao.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: 'Thế Tôn, nhược dĩ ngã thần lực, thiên kiếp trắc độ, bất năng đắc tri'.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn, nếu dùng thần lực của con tính đếm trải qua ngàn kiếp cũng chẳng thể biết được'.

Lời này là thật, chẳng phải giả. Văn Thù là vị trí huệ hạng nhất trong các Bồ Tát, ngài nói dùng khả năng của ngài quan sát, đo lường; chữ 'độ' tức là độ lượng (đo lường), dùng thời gian bao lâu? 'Ngàn kiếp', thời gian dài như vậy, dùng khả năng của ngài để tính đếm, tính chẳng nổi. Số người dự hội là bao nhiêu? Quá nhiều!

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi, ngô dĩ Phật nhãn quán cố, do bất tận số.

Phật nói với Văn Thù Sư Lợi, Ta dùng Phật nhãn để tính cũng chẳng tính nổi.

Phật nhãn chẳng có gì không biết, chẳng có gì không thấy, Phật ở đây nói câu này là lời khiêm tốn, lời khách sáo. Nói với Văn Thù Sư Lợi, nếu Phật dùng Phật nhãn cũng chẳng tính nổi, huống chi là ông! Ráng sức hình dung số người tham gia pháp hội đông đảo tức là nói rõ sự thù thắng trang nghiêm của pháp hội. Hàm ý chứa đựng ở trong ấy là sự quan trọng của pháp hội, vô cùng quan trọng, giảng hết thảy kinh cũng chẳng quan trọng bằng giảng kinh Địa Tạng. Việc này cũng giống như việc Tân Gia Ba không ngừng xây dựng, chúng ta thấy khắp đường phố chỗ nào cũng đang xây cất, xây lầu cao, bất luận là xây lầu gì, trước hết phải đắp nền móng vững chắc, Địa Tạng pháp môn chính là nền móng, bạn xem có quan trọng không! Bất luận xây lầu cao bao nhiêu, bất luận hình thức như thế nào, nền móng đều giống nhau, phải vững chắc, phải kiên cố. Nói rõ Phật pháp sâu rộng, pháp môn vô tận, vô lượng pháp môn đều xây dựng trên một nền móng này, chẳng có cơ sở, chẳng có nền móng này thì bất cứ pháp môn nào cũng không thể thành tựu, do đó bạn mới hiểu được tánh quan trọng của pháp môn này. Nhiều người đến tham dự như vậy tượng trưng cho pháp môn vô lượng, vô lượng pháp môn đều quy về một cơ sở này. Hết thảy chư Phật tu hành thành Phật, chẳng phải chỉ noi theo một pháp môn thành tựu, môn nào cũng có thể viên thành Phật đạo. Nhưng hết thảy đều xây dựng trên cơ sở, trên căn bản này, phế bỏ cơ sở thì nhất định chẳng thể thành tựu. Chúng ta trong nhiều đời trước, nhiều đời nhiều kiếp coi thường cơ sở này nên chẳng thể thành tựu. Nếu cũng coi thường như cũ, thì đời này niệm Phật chỉ là kết một chút duyên với A Di Đà Phật mà thôi, vẫn chẳng thể vãng sanh. Bạn hỏi đến khi nào mới có thể vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới? Khi bạn làm tròn điều thứ nhất trong Tam Phước, tức là pháp môn Địa Tạng này, thì bạn có thể vãng sanh.

Tôi đã nói với các bạn rồi, nếu bạn làm được điều thứ nhất, vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới Hạ Phẩm; nếu làm được điều thứ hai, có thể làm được hai điều thì vãng sanh Trung Phẩm; làm được cả ba điều thì vãng sanh Thượng Phẩm, đây là sự thật. Nếu nói điều thứ nhất bạn làm không được, nhưng bạn làm được điều thứ hai, thứ ba, chẳng có việc như vậy, đó là giả. Giống như xây nhà lầu, tôi không cần nền móng, cũng chẳng cần tầng thứ nhất, tôi chỉ xây tầng hai, tầng lầu ba mà thôi, đâu có đạo lý như vậy! Đoạn kế tiếp Thế Tôn nói nguyên nhân vì sao như vậy.

Thử giai thị Địa Tạng Bồ Tát, cửu viễn kiếp lai dĩ độ, đương độ, vị độ, dĩ thành tựu, đương thành tựu, vị thành tựu.

Đó đều là do Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đến nay đã độ, đang độ, chưa độ, đã thành tựu, đang thành tựu, chưa thành tựu.

Ý nghĩa tiêu biểu pháp sâu. Vô lượng kiếp đến nay, vô lượng pháp môn, hết thảy thành tựu đều nương dựa trên cơ sở này, tượng trưng cho ý nghĩa này. Mười phương

chư Phật đã được độ, đã thành tựu, 'đang độ, đang thành tựu' là hết thảy Bồ Tát, 'chưa độ, chưa thành tựu' đều có duyên phận sâu đậm với Địa Tạng Bồ Tát. Phàm những người học Phật đều có duyên phận, nhưng hiện nay bạn vẫn chưa được độ; đang độ chính là thiên long, quỷ thần đại chúng, bao gồm những người như chúng ta thuộc về chưa độ, chưa thành tựu. Chúng ta chưa được độ, chưa thành tựu làm sao có thể đi đến đã độ, đã thành tựu? Dựa vào sự nỗ lực của mình, chúng ta trong đời này thực sự chịu làm, thực sự chịu y giáo phụng hành, thì chúng ta chưa được độ, chưa thành tựu sẽ từ từ đi đến đã độ, đã thành tựu, ngay trong đời này sẽ thành tựu.

Chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ, chúng ta treo bốn chữ do cụ Phác 2[2] viết: 'Tri ân báo ân', báo ơn cha mẹ, báo ơn sư trưởng, báo ơn Phật, báo ơn chúng sanh. Những người này có ơn gì đối với chúng ta, mình phải biết rõ thì mới 'tri ân', mới biết 'báo ân'. Tại sao người thế gian không biết báo ân? Vì họ chẳng biết ân. Ngay cả chữ 'tri' trong 'tri ân' họ cũng không biết thì làm sao có ý niệm báo ân! Họ chẳng thể khởi lên ý niệm này. Có thể có tâm báo ân tức là hiếu kính, bạn đã làm được 'hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng'. Trong đời sống hằng ngày 'đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện', tại sao vậy? Vì báo ân. Nếu bạn chẳng đoạn ác tu thiện, không sửa sai đổi mới thì bạn có lỗi với cha mẹ, với sư trưởng, đó là bất hiếu. Trong xã hội, ngày nay chúng ta phát tâm xuất gia, chẳng thể làm thầy, chẳng thể làm mô phạm là bất hiếu, đây là đại bất kính. 'Làm thầy' là làm người dẫn đầu, người nêu gương cho xã hội đại chúng, làm mô phạm cho xã hội, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, hãy nghĩ coi mình có thể làm gương cho xã hội đại chúng không? Nếu không tức là chẳng có hiếu, chẳng kính, thì bạn chẳng làm nổi. Tại sao chẳng nổi? Phải tìm ra nguyên nhân ấy, phải dẹp trừ nguyên nhân ấy, sửa sai đổi mới, chúng ta mới có thể từ 'chưa độ' đạt đến 'đã độ', từ 'chưa thành tựu' đạt đến 'đã thành tựu', phải làm thật sự! Chuyện này là chuyện của chính mình, chẳng phải là chuyện của người khác, người khác giúp không nổi, nhất định phải tự mình giác ngộ, tự độ chính mình, sửa lỗi lầm, sửa tập khí, sửa tâm lý, đọc tụng Đại Thừa, y giáo phụng hành như vậy mới có thể thành tựu.

Nếu đời này chẳng thể khắc phục chướng nạn của mình, khắc phục tập khí tật xấu của mình, vẫn cứ theo thói cẩu thả, chúng ta đời này cũng giống như những đời trước, chỉ kết duyên cùng đức Phật A Di Đà, cùng đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và Địa Tạng Bồ Tát, đời này vẫn chẳng thể thành tựu. Duyên đã kết rất sâu, kinh Di Đà nói: '*Chẳng thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên được sanh cõi ấy'*, duyên này đã kết từ nhiều đời nhiều kiếp, vô lượng kiếp qua đã kết duyên sâu đậm này, nhưng duyên vẫn chẳng thể thành tựu, vẫn còn thiếu một đoạn, tức là chẳng thể khắc phục phiền não tập khí của mình, đọc kinh nghe pháp chẳng thể thâm giải nghĩa thú; hình như đã hiểu rồi, nhưng thực sự chưa hiểu, làm sao biết bạn chưa hiểu? Vì bạn chưa làm được. Nếu bạn đã hiểu rồi thì nhất định sẽ làm được. Tại sao? Biết [giá trị của món] hàng, đã nhận thức rồi. Trên hai bàn, một bên thì để nắm đất, một bên thì để vàng ròng, nếu tặng cho bạn một thứ, chỉ có thể lấy một thứ thì bạn lấy cái nào? Bạn nhất định sẽ lấy vàng. Tại sao? Vì bạn biết giá trị của nó. Trong kinh điển Phật dạy chúng ta 'thâm giải nghĩa thú' *(hiểu sâu ý nghĩa)*, giải khó, hành dễ, tại sao bạn làm không được? Vì bạn chẳng hiểu, bạn chẳng liễu giải, Phật pháp đích thật là: biết thì khó, làm thì dễ. Bởi vậy đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm là vì: biết thì khó, hành chỉ trong vòng một niệm. Một ý niệm chuyển đổi trở lại thì liền siêu phàm nhập thánh, ý niệm chẳng chuyển là vì 'giải' chẳng thấu suốt, chẳng thâm nhập.

Hạnh Môn của chúng ta nói thật ra nương dựa vào Giải Môn, nếu bạn 'giải' được càng sâu, thì 'hạnh' của bạn càng châu đáo; có thể giảng mà chẳng thể làm, nói thật ra

---

2[2] Cụ Phác ở đây là cụ Triệu Phác Sơ, Hội Trưởng hội Phật giáo Trung Quốc

chính là vì vẫn chưa hiểu (giải) sâu nên chẳng thể làm nổi. Giảng được nhất định sẽ làm được, nguyên nhân giảng được nhưng làm không được là gì? Chỉ noi theo chú giải của người khác, dựa trên lời văn mà giải nghĩa, chính mình cũng chẳng hiểu. Tôi nghe nói còn có một số người giảng kinh Phật, niệm một đoạn kinh xong thì kể một câu chuyện, không biết tìm ở đâu ra những câu chuyện này, nghe nói những câu chuyện này chẳng dính dáng gì đến đoạn kinh trên, họ cũng gọi là giảng kinh, như vậy thì làm sao 'có thể hành' được! Y theo chú giải của người xưa thì miễn cưỡng còn có thể được. Nói thật ra cần phải tự mình thấu triệt ý nghĩa trong kinh, tự mình làm được rồi nói ra mới chính xác, chẳng có mảy may nghi hoặc gì cả. Tại sao vậy? Đã làm được, tự mình thể nghiệm được hiệu quả, tự mình đạt được rồi. Chúng ta xem tiếp đoạn kế:

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: 'Thế Tôn, ngã dĩ quá khứ cửu tu thiện căn, chứng Vô Ngại Trí, văn Phật sở ngôn, tức đương tín thọ'

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: 'Thế Tôn, con đã tu thiện căn từ lâu trong quá khứ, chứng Vô Ngại Trí, vừa nghe Phật dạy thì liền tin nhận'.

Văn Thù Bồ Tát nói ngài có thể tin những gì Phật dạy. Phật nói đại chúng nhiều như trên đều là do Bồ Tát Địa Tạng từ kiếp lâu xa đến nay đã độ, đang độ, chưa độ đều tham dự pháp hội, đã thành tựu, đang thành tựu, chưa thành tựu đều đến cả, Văn Thù Bồ Tát tin được việc này, chẳng nghi ngờ. Nhưng Văn Thù Bồ Tát lại đề ra:

Tiểu quả Thanh Văn, thiên long bát bộ cập vị lai thế chư chúng sanh đẳng tuy văn Như Lai thành thật chi ngữ, tất hoài nghi hoặc, thiết sử đỉnh thọ, vị miễn hưng báng.

Tiểu quả Thanh Văn, thiên long bát bộ và những chúng sanh đời vị lai tuy nghe lời thành thật của Như Lai, nhưng chắc sẽ hoài nghi, dù có lạy vâng cũng không khỏi hủy báng.

Những lời này của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rất hay. Chưa khai mở trí huệ, công phu chưa thành tựu, nghe xong lời này của Phật, không khỏi hoài nghi. Địa Tạng Bồ Tát làm sao có thần thông đạo lực lớn như vậy! Hết thảy chư Phật mười phương ba đời đều do ngài độ, lời này chúng ta có thể tin tưởng hay không? Văn Thù Bồ Tát tin tưởng, chẳng hoài nghi, phần đông người ta nghe xong sẽ hoài nghi nên chúng ta phải giải thích rõ ràng đạo lý này. 'Địa' là tâm địa, chân tâm, bản tánh, Địa Tạng Bồ Tát tiêu biểu cho pháp này, không thể chấp cứng vào mỗi câu văn, nếu vậy thì sai rồi, nhất định sẽ hoài nghi. Nếu bạn cho rằng Địa Tạng Bồ Tát đại khái là Kim Địa Tạng 3[3] ở

3[3] Tương truyền hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát là ngài Kim Kiều Giác. Kim Kiều Giác (630-729) là thái tử nước Tân La (vùng đông bắc Triều Tiên, nay là Đại Hàn). Năm 24 tuổi, ngài từ bỏ ngôi vị và xuất gia, pháp danh là Địa Tạng. Ở Trung Quốc lúc bấy giờ nhằm đời Đường, Phật giáo rất phát triển và có nhiều vị sư từ nhiều nước đến đó du học. Ngài Kim Kiều Giác vượt biển đến Trung Quốc, trụ tại núi Cửu Hoa, huyện Thanh Dương, phủ Trì Châu, tỉnh An Huy. Ngài dựng một túp lều tranh trên núi tu hành và nguyện chép bốn bộ kinh Đại Thừa. Sau đó dân làng Thanh Dương lên núi và thấy ngài tu hành rất nghiêm cẩn nên phát tâm xây một ngôi chùa cho ngài hoằng pháp. Núi Cửu Hoa lúc bấy giờ thuộc quyền của ông Mẫn Nhượng Hòa, một phật tử thuần thành, ông Hòa mời ngài dùng cơm và cúng dường một miếng đất cho ngài cất chùa. Ông Hòa hỏi ngài cần miếng đất bao lớn? Ngài nói: "Tôi tung chiếc áo cà sa này lên, tôi muốn khoảnh đất lớn bằng cái bóng của chiếc áo cà sa này. Ông chịu không?". Ông Hòa đồng ý. Lúc ngài mở áo cà sa ra phóng lên hư không, bóng của chiếc áo cà sa bèn lớn bao trùm cả vùng núi Cửu Hoa, ông Mẫn vô cùng kinh ngạc và bội phục nên ông vui lòng cúng dường cả vùng núi Cửu Hoa cho ngài. Ông còn xây một ngôi chùa và cho con ông xuất gia theo ngài, pháp danh là Đạo Minh. Sau này ông cũng xuất gia theo. Từ đó núi Cửu Hoa trở thành một trung tâm nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng. Ngày 30 tháng 7 năm 729, ngài ban lời giáo huấn cuối cùng

Cửu Hoa Sơn thì sai rồi, Kim Địa Tạng là một phân thân, hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, hóa thân của ngài vô lượng vô biên. Thế nên phải hiểu rõ Lý chân thật, Sự chân thật ở bên trong, như vậy chúng ta sẽ chẳng hoài nghi, nếu không thì chúng ta sẽ có nghi hoặc, từ nghi hoặc này đi đến báng pháp, tội lỗi rất nặng. Mục đích Văn Thù Bồ Tát nêu lên nghi vấn này là thỉnh cầu Thế Tôn thuyết minh tường tận những sự tu nhân chứng quả, rộng độ chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát cho đại chúng biết. Đây là việc trong đoạn kinh kế tiếp.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 6 (Số 14-12-06)

Xin mở kinh, xem đoạn kinh tiếp theo.

Duy nguyện Thế Tôn quảng thuyết Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nhân địa tác hà hạnh, lập hà nguyện, nhi năng thành tựu bất tư nghị sự.

Xin nguyện Thế Tôn nói rõ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lúc còn tu nhân đã làm hạnh gì, lập nguyện gì mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như vậy.

Văn Thù Bồ Tát thấy trong đại hội này đại chúng hy hữu, đông đảo, đương nhiên ngài biết rất rõ ràng, rất minh bạch, nhưng còn người, trời, phàm phu, Nhị Thừa, cho đến Quyền Giáo Bồ Tát nhìn thấy tình trạng thù thắng này sẽ tránh không khởi nghi hoặc, thậm chí còn có ý niệm hủy báng. Tổ sư đại đức y theo kinh luận nói với chúng ta: nghi hoặc, báng pháp nhất định sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Những lời giống như vầy chúng ta thường chẳng dám nói, tại sao? Nói ra người ta càng nghi hoặc, càng hủy báng, họ nghe xong sẽ nói: "Ông lấy chuyện này ra để dọa người ta, đâu có tội nặng như vậy? Làm gì có địa ngục?" Họ chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng. Thế nên những lời nói như vầy, chúng ta tin tưởng thì tự mình sẽ có cảnh giác cao độ: còn đối với đại chúng trừ phi đọc đến đoạn kinh này thì chẳng thể không nói, nếu không đọc đến đoạn kinh này thì chúng ta sẽ chẳng nói. Phải biết tại sao chẳng nói? Nói xong không những không có lợi mà còn giúp cho người ta tạo tội nghiệp, vậy thì nói ra làm chi! Người ta đã đọa lạc rất thảm rồi, chẳng nên làm cho họ đọa nặng thêm, đây chính là đại từ đại bi. Thế nên trong thời trược ác, Phật, Bồ Tát chẳng dùng thân tướng của Phật xuất hiện trong thế gian là để giảm bớt sự nghi hoặc, hủy báng của chúng sanh. Văn Thù Bồ Tát vô cùng từ bi, giúp Thế Tôn giáo hóa chúng sanh. Giống như hai Ngài đang biểu diễn trên sân khấu vậy, một người hỏi, một người đáp. Địa Tạng Bồ Tát làm sao có phước đức nhân duyên lớn lao như thế? Triệu tập tận hư không trọn khắp pháp giới hết thảy chư Phật, Bồ Tát, chúng sanh có duyên trong lục đạo đến tham dự đại hội này, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Xin xem đoạn kinh phía dưới:

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi, thí như tam thiên đại thiên thế giới sở hữu thảo mộc tòng lâm đạo ma trúc vĩ, sơn thạch vi trần, nhất vật nhất số, tác nhất Hằng hà, nhất Hằng hà sa, nhất sa nhất giới, nhất giới chi nội, nhất trần nhất kiếp, nhất kiếp chi nội, sở tích trần số, tận sung vi kiếp.

---

và cáo biệt đồ chúng, ngồi kiết già an nhiên thị tịch, thọ 99 tuổi. Ba năm sau, nhục thân của ngài chẳng hư hoại, tay chân mềm mại như lúc còn sống. Dựa trên hành trạng lúc ngài còn sống, mọi người đều nhận định ngài chính là Địa Tạng Bồ Tát thị hiện.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi thí dụ như trong tam thiên đại thiên thế giới hết thảy cây, cỏ, lùm, rừng, lúa, đay 4[4], trúc, lau, núi, đá, hạt bụi, mỗi vật tính thành một số, mỗi số là một sông Hằng, số cát trong mỗi sông Hằng cứ một hạt cát là một thế giới, trong mỗi thế giới tính mỗi hạt bụi là một kiếp, số bụi tích chứa trong mỗi kiếp đều tính thành kiếp.

Trong đoạn này, Thế Tôn vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói ra nhân duyên sự tích độ hóa chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát trước kia. Nói với Văn Thù Bồ Tát tức là nói với chúng ta, Văn Thù Bồ Tát ở đây đại diện cho chúng ta. Đoạn này trước hết số lượng chẳng thể nghĩ bàn; thí dụ này chúng ta chẳng cần giải thích từng câu, giảng ký của Thánh Nhất pháp sư có thuyết minh, ở đây chúng ta lược bớt. Con số này chẳng có cách chi tính nổi, người trong thế gian không thể tính, hiện nay máy móc, kỹ thuật điện toán tối tân nhất cũng tính không nổi.

Địa Tạng Bồ Tát chứng Thập Địa quả vị dĩ lai thiên bội đa ư thượng dụ.

Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị Thập Địa đến nay còn lâu gấp ngàn lần thí dụ trên.

Con số trong thí dụ trên, đây là nói về lúc Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị Thập Địa đến nay, từ lúc chứng Sơ Địa đến Thập Địa; nói cách khác thời gian lúc trước quả Thập Địa đều không tính, nếu tính thì càng nhiều hơn nữa, đếm chẳng nổi.

Hà huống Địa Tạng Bồ Tát tại Thanh Văn, Bích Chi Phật địa.

Huống gì lúc Địa Tạng Bồ Tát còn là Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Chẳng tính thời gian trước đó, chỉ tính từ lúc chứng được Địa Thượng 5[5] Bồ Tát trở đi đến nay, con số Hằng hà sa kiếp chẳng sánh vào đâu? Thí dụ này nói thật ra cũng chỉ có Phật mới nói được, nếu chúng ta dùng ngôn ngữ văn tự để hình dung con số này cũng hình dung không nổi.

Văn Thù Sư Lợi, thử Bồ Tát oai thần thệ nguyện bất khả tư nghị.

Văn Thù Sư Lợi, oai thần thệ nguyện của Bồ Tát đó chẳng thể nghĩ bàn.

Đây là lời tán thán Địa Tạng Bồ Tát, oai đức, thần thông, hoằng nguyện của ngài chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng chư vị nhất định phải ghi nhớ bổn nguyện của Địa Tạng Bồ Tát tức là bổn nguyện của tự tánh chúng ta; nói cách khác nếu chẳng có bổn nguyện của Địa Tạng Bồ Tát chúng ta nhất định chẳng thể chứng được Phật quả viên mãn. Bạn sẽ hỏi tại sao? Trong tánh đức có thiếu khuyết thì bạn làm sao được viên mãn! Địa Tạng pháp môn là khóa học thứ nhất của Phật pháp Đại Thừa, phải chiếu theo thứ tự này để nói, đây là học trình của lớp đầu tiên, khóa trình cơ sở, khóa trình cần thiết phải học. Tại sao phát nguyện này: *'Địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật'?* Địa ngục là do tự tánh chúng ta biến hiện thành, chẳng từ bên ngoài đến, y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới đều do tâm địa biến hiện ra. Trong tâm bạn còn hiện lên hiện tượng địa ngục, còn hiện ra hiện tượng lục đạo luân hồi, thì bạn làm sao chứng được viên mãn Bồ Đề! Đây là đạo lý nhất định. Phật pháp nói Lý với bạn, Lý chân thật, Sự chân thật, chẳng phát nguyện này được không? Chúng sanh khổ nạn trong địa ngục đều phải độ thoát vô điều kiện, những người đang chịu khổ nạn trước mắt ta có thể không giúp đỡ, không dang cánh tay ra trợ giúp sao? Chúng ta nhìn thấy nhiều chuyện

---

4[4] Đay (hemp) chính là cây gai, ta thường lấy sợi nó để dệt bao bố, hoặc làm những sợi dọc để kết những sợi cói (người miền Nam thường gọi là Lác) thành chiếu.

5[5] từ Sơ Địa Bồ Tát trở đi mới được gọi là Địa Thượng

và nhiều người chẳng như ý, còn sân giận, phải biết đây chẳng phải là lỗi lầm của cảnh giới bên ngoài, mà là lỗi lầm của chính chúng ta. Tại sao họ làm chuyện ác, làm những việc chẳng đúng như pháp? Vì chính mình chẳng tu hoàn hảo, chẳng làm gương tốt cho người ta, là tội nghiệp của mình, phải tu từ chỗ này. Bạn còn đập bàn nạt người ta, trừng mắt nhìn người ta, thì tội bạn tăng thêm nữa, bạn chẳng biết chúng sanh từ đâu đến sao? Chúng sanh tạo tội nghiệp từ chỗ nào? Phật, Bồ Tát biết, Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh đều từ bi.

Chúng ta học Phật phải bắt đầu từ đâu? Phải giác ngộ từ những chỗ này, chân chánh giác ngộ! Người ác đối với chúng ta, chúng ta phải dùng thiện ý giúp đỡ họ, nếu họ chẳng tiếp nhận thì không sao cả. Kinh Địa Tạng nói rất rõ, căn cơ của chúng sanh có bốn thứ, chẳng thể chấp nhận, càng hiện rõ tội nghiệp của chúng ta sâu nặng, chúng ta phải sám hối từ chỗ này, tự độ rồi sau đó mới độ người, đây là đạo lý nhất định. Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh cũng chẳng có pháp nhất định, có lúc cũng nổi giận, cũng trừng mắt nhìn, nhưng bạn phải biết lúc họ nổi giận [có thể làm cho] chúng sanh giác ngộ, sửa sai, quay đầu hướng thiện; còn chúng ta nổi giận thì chúng sanh khởi tâm oán hận, tâm báo thù, như vậy thì bạn sai rồi. Chúng ta ngu si, Bồ Tát có trí huệ, chúng ta phải hiểu làm cách nào xử sự, đãi người, tiếp vật, cho nên đặc biệt đề ra việc 'làm thầy, làm mô phạm'. Phật, Bồ Tát là thầy của trời, người, khi chúng ta xuất gia, người ta gặp mặt liền xưng 'Pháp sư', đều xưng bạn là thầy; 'Thầy' tức là biểu suất (có nghĩa là nêu gương, dẫn đầu), mô phạm, chúng ta khởi tâm động niệm, cử chỉ hành động có thể làm mô phạm cho người ta không?

Hôm qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói ra, tôi mới biết. Cả đời tôi đối với chuyện của bất cứ ai, trước giờ đều chẳng nghe, chẳng hỏi đến. Ông nói với tôi sau khi những đồng tu khóa trước rời khỏi nơi đây, họ phải dọn dẹp phòng, nhìn thấy những đồ chẳng cần đều bỏ bừa bãi trong phòng, còn nhìn thấy trái táo mới cắn một miếng xong rồi bỏ. Họ nhìn thấy rất buồn, cách làm như vậy có thể làm gương tốt cho người thế gian không? Chúng tôi nghe xong rất buồn, chúng tôi không trách các bạn đồng học, chỉ trách mình, tự chúng tôi làm không tốt, nhưng chúng tôi sẽ nỗ lực sửa đổi, những đạo lý này đều phải biết. Đồ vật của thường trú chúng ta đều phải trân trọng, quý tiếc từng ly từng tí. Cả đời tôi chẳng xin ai một đồng nào, tại sao? Người ta kiếm tiền chẳng dễ, phải hiểu dùm cho người ta. Mỗi khi chúng ta dùng tiền đều phải tiết kiệm, chúng ta tiết kiệm một phần tiền tức là đối với thường trú, đối với Phật pháp bố thí một phần tiền, chúng ta tu phước. Nếu bạn chẳng tu phước, thì phước của bạn từ đâu đến? Ngày nay bạn chẳng thể đoạn vô minh, tánh đức của bạn chẳng thể lưu lộ, thì phước báo của bạn đều do tu mà có, nhất định chẳng dám lãng phí. Cổ đại đức đều làm được, quy củ của tòng lâm mỗi cây kim mỗi sợi chỉ, mỗi cọng cỏ mỗi khúc cây, tuy rất nhỏ nhoi, chẳng có gì không quý tiếc, đó là tích phước! Tích phước tức là tu phước. Hiện nay nguyên nhân căn bản của hết thảy lỗi lầm của con người chính là vì từ nhỏ chẳng có người dạy, lớn lên tập thành thói quen này, dưỡng thành tập khí rồi thì rất khó sửa, thế nên chúng ta phải đề cao cảnh giác từng giờ từng phút. Tại sao phải đọc kinh mỗi ngày? Đọc kinh chính là kiểm điểm mình, phản tỉnh, y theo lời dạy trong kinh sửa đổi, tự tân, được vậy chúng ta mới được cứu. Xử thế phải nhẫn nhường, phải nghĩ cho người khác, phải nghĩ cho sự an toàn của cả xã hội; đừng nghĩ cho cá nhân mình, nghĩ cho cá nhân chẳng có gì không là tội, không là nghiệp. Tự mình mỗi ngày đều tạo tội nghiệp nhưng không biết, còn tưởng mình tu công đức. Trên đây đã nói xen vào chuyện khác nhưng cũng rất quan trọng.

Chúng ta xem tiếp kinh văn. Phật nói oai thần thệ nguyện của Địa Tạng Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta phải hiểu hàm ý sâu xa trong câu này là gì? Chúng ta phải học tập từ chỗ nào? Xem tiếp đoạn kinh kế:

Nhược vị lai thế hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị Bồ Tát danh tự hoặc tán thán, hoặc chiêm lễ, hoặc xưng danh, hoặc cúng dường, nãi chí thái họa khắc lũ, tố tất hình tượng, thị nhân đương đắc bá phản sanh ư tam thập tam thiên, vĩnh bất đọa ác đạo.

Nếu đời vị lai có người thiện nam, người thiện nữ nào nghe được danh hiệu Bồ Tát đó rồi khen ngợi, hoặc chiêm lễ, hoặc xưng niệm danh hiệu, hoặc cúng dường, cho đến tô vẽ, khắc chạm, tạc đúc, sơn thếp hình tượng, người ấy sẽ được sanh một trăm lần vào cõi trời thứ ba mươi ba, vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo.

Lời Phật nói là thật, chẳng phải giả, Phật chẳng nói dối. Có rất nhiều người đọc đến kinh này, cứ tưởng là tạo một chút tội nghiệp chẳng sao, [Họ nói chỉ cần] chúng tôi cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, tương lai còn được sanh một trăm lần đến trời Tam Thập Tam, vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo [kia mà]. Hiểu lầm lời kinh, sau đó bị đọa vào ác đạo nên hủy báng: "Lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong kinh chẳng đáng tin, đều là giả, lừa gạt chúng tôi". Báng Phật, báng Pháp, báng Tăng lại đọa địa ngục A Tỳ, họ chẳng hiểu ý nghĩa của Phật trong đoạn này.

'Văn thị Bồ Tát danh tự', trong chữ 'Văn' này bao gồm 'Tư', 'Tu', ba Huệ của Bồ Tát. Bạn nghe đến danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, ý nghĩa của danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát là gì? Bạn phải chân chánh hiểu rõ mới gọi là 'văn danh' (nghe tên), nếu hoàn toàn chẳng hiểu rõ ý nghĩa trong danh hiệu thì chẳng gọi là 'văn'. Nếu chân chánh hiểu được, nghe được danh hiệu này, thì kho báu trong tâm địa của mình sẽ tương ưng, như vậy gọi là 'văn danh'. 'Xưng tán' nghĩa là gì? Xưng tán tức là giảng giải 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh', đó là xưng tán. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xưng tán tại cung trời Đao Lợi, khuyến khích mình, và đại chúng học theo Địa Tạng Bồ Tát, vậy gọi là xưng tán. Chiêm lễ, xưng danh, cúng dường phía sau tức là chân chánh tu hành. 'Chiêm lễ' nghĩa là chiêm ngưỡng lễ kính, biểu hiện ở đâu? Biểu hiện trên sự đối đãi cha mẹ, đối đãi sư trưởng. Tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát tức là 'hiếu thân tôn sư', sau đó khuyếch đại tâm hiếu thân tôn sư này đến hiếu kính hết thảy chúng sanh, đây là Địa Tạng bổn nguyện, như vậy thì mới 'chiêm lễ' đến viên mãn. Còn tâm khinh mạn bất kỳ chúng sanh nào thì chẳng phải tu hạnh Địa Tạng. Nói đến 'chiêm lễ' cứ tưởng là cúng một tượng Địa Tạng Bồ Tát, mỗi ngày khấu đầu lạy ngài, đâu phải là đơn giản như vậy! Đó là hoàn toàn giải sai ý nghĩa chân thật của Như Lai, Phật nói chẳng sai mà bạn đã hiểu sai rồi.

Đây là chỗ trong hết thảy kinh, Phật đã nhiều lần khuyến khích chúng ta phải thâm giải nghĩa thú, bạn giải càng sâu, hiểu càng thấu triệt, thì làm mới được viên mãn. Chỉ hiểu trên mặt ngoài của danh tự thì hoàn toàn sai lầm. Cổ đức thường nói: *'Noi theo văn giải nghĩa, ba đời Phật phải kêu oan'* *6**[6]***, chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều kêu oan uổng vì bạn giải sai lời của Phật, hiểu sai rồi. Ngày nay có bao nhiêu người hiểu sai! Bạn phải hỏi tại sao họ hiểu sai? Vì họ chẳng làm được, chỉ đến khi làm được mới có thể [thấu suốt], thể hội rõ ràng, mới thể hội đến những chỗ cao siêu, nếu bạn không làm thì sao được? Bạn có thể làm được một phần thì bạn sẽ thể hội được một phần; thể hội được một phần thì bạn lại làm được một phần, Giải lẫn Hạnh bổ sung và thành tựu cho nhau, Giải giúp cho Hạnh, Hạnh giúp cho Giải, cứ luân chuyển thâm nhập như vậy mới nhập đến chỗ sâu rộng.

'Xưng danh' tức là xưng danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Trong đó có hai thứ công đức, tự lợi là nhắc nhở chính mình, niệm niệm đều chẳng rời pháp môn Địa Tạng, cũng nghĩa là niệm niệm chẳng rời tâm địa pháp môn, đây là Tự Lợi Đức. Lợi Tha Đức là

6[6] Nguyên văn: Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan

niệm niệm thức tỉnh những chúng sanh có duyên. Nói thật ra ngày nay chúng sanh có duyên ít, quá ít, có bao nhiêu người nghe đến danh hiệu này liền giác ngộ? Ai chẳng giác ngộ cũng để cho họ nghe được, trong A Lại Da Thức trồng hạt giống của danh hiệu, một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn làm hạt giống đạo; nếu đời này không được lợi ích, có thể nhiều đời nhiều kiếp về sau gặp được duyên, hạt giống này sẽ nảy mầm, đây là làm lợi ích lâu xa cho hết thảy chúng sanh, lợi ích ở tương lai. Chúng sanh có căn cơ chín muồi sẽ được lợi ích ngay trong hiện tại, vừa nghe xong họ liền biết tu học như thế nào.

'Cúng dường', chư vị nhất định phải biết, trong các sự cúng dường, quan trọng nhất là 'y giáo tu hành cúng dường'. Phổ Hiền Hạnh Nguyện dạy chúng ta rất rõ ràng, hết thảy cúng dường của cải đều chẳng bằng pháp cúng dường, trong Hạnh Nguyện Phẩm nêu ra bảy loại pháp cúng dường. Thứ nhất là 'Như Giáo Tu Hành Cúng Dường'. Nếu chúng ta không thể tu hành theo lời dạy thì sự cúng dường này là giả. Chẳng phải cúng dường một chút hương hoa, trái cây tức là mỗi ngày đều cúng dường Phật, nghĩ như vậy là sai rồi. Chúng ta xem những vị tổ sư đại đức chân chánh tu hành, trong Phật đường của họ chẳng có vật gì cả, hương hoa, trái cây đều chẳng có, họ cúng bằng cái gì? Chúng ta thấy Phật đường của họ chỉ có một ly nước, đốt một ngọn đèn dầu, ngoài ra chẳng có gì hết, họ thật sự cúng dường, y giáo tu hành cúng dường.

Phía sau là cúng dường mở rộng ra, nghĩa rộng của sự cúng dường, tức là tạo hình tượng của Bồ Tát. Vẽ hình cũng được, điêu khắc cũng được, 'khắc lũ' tức là khắc gỗ, 'tố tất' tức là tạc đúc, đúc xi măng cũng được, đúc bằng kim loại cũng được, đây là cúng dường mở rộng ra. Làm cho hết thảy chúng sanh có cơ duyên nghe đến danh hiệu của Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng của Bồ Tát, cho họ trồng thiện căn. Tự mình hành Bồ Tát đạo, Bồ Tát làm sao thì mình làm vậy, đó gọi là hành Bồ Tát đạo. Khuyến hóa hết thảy chúng sanh, phước đức như vậy mới là *'một trăm lần sanh về cõi trời Ba Mươi Ba vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo'*. Bạn nghĩ coi tại sao họ chẳng đọa ác đạo? Chẳng tạo ác nghiệp, người tu hạnh Địa Tạng Bồ Tát thì làm sao tạo ác nghiệp cho được! Những hạt giống ác nghiệp tạo đời trước tuy vẫn còn, ác duyên đời này đều đoạn dứt. Họ học theo Bồ Tát, niệm Bồ Tát, có tâm Bồ Tát, có hạnh Bồ Tát, nói lời của Bồ Tát, trong mười pháp giới thì duyên của lục đạo đều cắt đứt, họ làm sao đọa ác đạo cho được! Đây là lý đương nhiên, chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Lại xem tiếp đoạn đức Thế Tôn nói về nhân duyên đời trước của Địa Tạng Bồ Tát, ý nghĩa này rất sâu.

Văn Thù Sư Lợi.

Này Văn Thù Sư Lợi,

Trong kinh Phật, phàm những chỗ mở đầu có nêu tên người đương cơ thì đoạn kinh văn tiếp theo sau vô cùng quan trọng. Kêu tên tức là nhắc họ, tiếp theo sau sẽ có lời giảng quan trọng, kêu họ chú ý.

Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ư quá khứ cửu viễn bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp tiền.

Trong thời quá khứ số kiếp bất khả thuyết bất khả thuyết lâu xa về trước, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Câu này chấm dứt ở đây vừa đúng chỗ. Bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp, thời gian này quá dài, quá dài, nói không hết.

Thân vi đại trưởng giả tử.

Làm một vị đại trưởng giả.

Người xưa có ý này, thân phận của ngài lúc trước là một người đại 'trưởng giả tử'. 'Đại trưởng giả tử', rất nhiều người đọc sai chỗ này rồi hiểu thành 'con trai của đại trưởng giả'. Nhưng trên thực tế chữ 'Tử' là một cách tôn xưng của người Trung Quốc thời xưa, cũng như Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, cách dùng chữ 'Tử' này là 'tôn xưng'. Đại Trưởng Giả Tử, chữ Tử này chính là chữ Tử trong tên của Khổng Tử, Mạnh Tử, là lời xưng hô tôn kính. Dùng ngôn ngữ hiện nay để nói thì 'Tử' là tôn kính, Tôn kính Đại Trưởng Giả, thêm chữ tôn kính này vào phía trước, hồi xưa thì chữ tôn kính này được đặt phía sau.

Thời thế hữu Phật.

Đời lúc bấy giờ có Phật

Lúc bấy giờ, thế gian này có một tôn Phật.

Hiệu viết Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai.

Hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai.

Sư Tử Phấn Tấn là thí dụ, sư tử là vua trong các loài thú. 'Cụ Túc Vạn Hạnh' là nói Bồ Tát tu hành công đức viên mãn, chứng được Phật quả vô thượng. Đây là ý nghĩa đơn giản của Phật hiệu.

Thời Trưởng Giả Tử kiến Phật tướng hảo, thiên phước trang nghiêm, nhân vấn bỉ Phật tác hà hạnh nguyện nhi đắc thử tướng.

Lúc đó Trưởng Giả Tử thấy đức Phật tướng mạo tốt đẹp, ngàn phước trang nghiêm nên hỏi Đức Phật đó tu hạnh nguyện gì mà được tướng như vậy.

Đây là chỗ chúng ta học tập. Lúc bấy giờ Trưởng Giả tôn kính này thấy Sư Tử Phấn Tấn Như Lai 'tướng hảo' quang minh nên sanh tâm hoan hỷ; thỉnh giáo đức Phật: 'Tu như thế nào mới có được tướng tốt của ngài?' Tướng hảo quan trọng, làm đệ tử Phật trong xã hội này nếu chúng ta chẳng có hình tướng tốt thì chúng ta sẽ diệt Phật pháp. Xuất gia đâu phải dễ, cổ đức thường nói: *'Trước cửa Địa ngục nhiều Tăng đạo'*, phần đông người thường trong xã hội tạo nghiệp địa ngục chẳng dễ, người xuất gia tạo nghiệp địa ngục quá dễ, tại sao vậy? Chẳng có hình tướng tốt thì bạn sẽ diệt Phật pháp, tội nghiệp này của bạn sẽ [là nhân] đọa địa ngục A Tỳ. Tại sao? Dạy cho xã hội đại chúng hủy báng Phật pháp, người ta vừa nhìn hình dáng của bạn như vậy, khinh chê bạn, khinh thường bạn, hủy báng bạn, liền có thể hủy báng trọn hết cả Phật pháp, tội nghiệp này của bạn dễ sợ lắm! Chư Phật, Bồ Tát là mô phạm, hình tướng tốt nhất của chín pháp giới. Trưởng Giả Tử được xưng là Tử, mọi người tôn kính, là người có học thức, có đức hạnh, hình tướng của Phật có thể làm cho ông ta nhìn thấy Phật bèn khởi tâm cung kính, muốn đến học tập, bạn nói hình tượng này hoàn hảo biết mấy. Chúng ta ngày nay trong xã hội này chẳng xuất gia thì không sao, một khi bạn xuất gia rồi thì bạn nhất định phải học hình tướng của Phật, phải đầy đủ hình tướng của Bồ Tát. Nếu không thì tại gia học Phật cũng được, tạo tội làm chi! Tại sao phải làm chuyện báng Phật, báng Pháp, báng Tăng này! Việc này rất quan trọng.

Chúng tôi ngày nay giảng kinh Hoa Nghiêm rất dài, đến đoạn 'Năm mươi ba lần tham vấn' sau cùng không những yêu cầu người xuất gia, người tại gia học Phật cũng giống người xuất gia, đều phải làm hình tướng tốt nhất cho xã hội đại chúng. Nếu bạn làm không nổi, thì bạn chẳng phải là đệ tử Phật, là đệ tử mạo danh, Phật tử giả mạo, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, quả báo ở ba đường ác đáng sợ vô cùng, chúng ta không

thể không biết việc này. Đã học Phật rồi thì tâm địa phải thanh tịnh, bình đẳng, giác, phải diệt trừ tham, sân, si. Nếu còn tranh quyền lợi với người, còn muốn cái này tốt, cái kia chẳng tốt, đó là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi. Nghĩ đến tâm Phật thanh tịnh bao nhiêu, mảy trần chẳng nhiễm, thường suy niệm về chân tướng của vũ trụ nhân sanh, chân tướng là tam tâm chẳng thể được, chư pháp vô sở hữu, thế nên ở trong và ngoài đều có thể đạt được thanh tịnh; bên trong một niệm chẳng sanh, bên ngoài mảy trần chẳng nhiễm, như vậy là Phật, Bồ Tát. Như vậy mới có thể sống đời sống chân chánh, chúng ta thường gọi là đời sống chân, thiện, mỹ, huệ thật sự, đời sống hạnh phúc mỹ mãn thật sự, một tí cũng chẳng giả, chư Phật, Bồ Tát sống đời sống như vậy. Chúng ta sống cuộc sống như thế nào? Bên trong khởi tâm động niệm, bên ngoài luôn luôn phan duyên, chúng ta sống đời sống đầy dẫy phiền não, nghiệp chướng, đời luân hồi, nói lời chẳng dễ nghe thì chính là đời sống của ác đạo. Chúng ta đọc đến câu này, Phật sắp vào phần thứ nhất trong nghiệp nhân của Địa Tạng Bồ Tát, dụng ý rất sâu! Chư vị bất luận là tại gia học Phật, hay xuất gia học Phật, nhất định phải làm một gương mẫu tốt cho xã hội, nhất định phải làm hình tướng tốt đẹp.

'Thiên phước trang nghiêm', chẳng phải chỉ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Chúng ta không nói đến ngàn phước trang nghiêm, chỉ nói ba mươi hai tướng tốt, ba mươi hai tướng tốt từ đâu đến? Ba mươi hai tướng là tướng phước đức, bạn chẳng tu phước thì không được tướng hảo này. Thiện gồm có hữu lậu và vô lậu. Thiện vô lậu thì chúng ta làm không nổi, việc này quá cao, phiền não tập khí chúng ta chưa đoạn, phải học từ đâu? Bắt đầu từ thiện hữu lậu, nhất định phải đoạn ác tu thiện. Nếu chúng ta làm được tiêu chuẩn của thế gian pháp thì chúng ta là người thiện trong thế gian, là gương tốt cho thế gian. Tướng lưỡi rộng dài của Phật thành tựu do công đức chẳng nói dối. Tư Mã Quang ở thời cổ Trung Quốc, đại khái phần đông người ta đều biết, biệt hiệu của Tư Mã Quang là Quân Thật, 'Quân tử thành thật', ông thật sự đã làm được. Lúc về già ông tự phản tỉnh, cả đời chẳng nói dối, ông nói những chuyện ông đã làm suốt cả đời đều là 'Chẳng có chuyện gì không thể nói cho người ta biết', cả đời chẳng làm một chuyện gì mờ ám, không làm một việc gì chẳng thể nói cho người ta biết. Ông cũng quy y Tam Bảo, là hình tướng tốt của người tại gia. Ngày nay chúng ta nói lời thành thật, đã học Phật được những gì! Mỗi ngày đọc tụng Đại Thừa, mỗi ngày phải hết lòng phản tỉnh, hết lòng kiểm điểm, chẳng kể kinh luận tụng được nhiều ít, cả đời làm được một câu, hai câu thì cả đời thọ dụng chẳng cùng tận.

Phật giảng cho chúng ta căn bản của sự tu hành, nói thật ra chính là 'Tịnh Nghiệp Tam Phước', Tịnh nghiệp Tam phước mở rộng ra chính là hết thảy Phật pháp; vô lượng vô biên Phật pháp cô đọng lại chính là mười một câu này, tuyệt đối chẳng thể xem thường. Mười một câu này cô đọng thêm nữa chính là một câu: 'Hiếu dưỡng cha mẹ'. Ngàn kinh vạn luận, vô lượng vô biên pháp môn của chư Phật Như Lai đã tuyên nói đều chẳng vượt ra ngoài bốn chữ này. Chúng ta giảng Tam Học, Lục Hòa, Lục Độ, Thập Nguyện, các phương pháp tu hành đều biến thành hiện thực trên sự hiếu kính, trong đời sống hằng ngày của chúng ta, trên cách xử sự, đãi người, tiếp vật, đây là học Phật thật sự. Học Phật thật sự phải thay đổi hình dáng, sửa đổi tâm niệm, hành vi, như vậy gọi là học Phật chân thật. Mỗi ngày đều đọc kinh, thậm chí mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, nhưng tâm vẫn chẳng sửa đổi, vẫn là tâm thế tục, vẫn là tâm luân hồi, vẫn là tâm tham - sân - si - mạn, như vậy thì làm sao được! Đó là giả, chẳng phải thiệt. Thật sự xả niệm, thanh tịnh, niệm niệm vì lợi ích cho chúng sanh, chẳng vì mình. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc thấy, nếu vì mình thì ngài trụ trong đại Niết Bàn, vậy thì tự tại biết mấy; nếu vì chúng sanh thì phải tùy loại hóa thân, chẳng màng khổ nhọc. Đây là quan niệm của người thế tục chúng ta; Phật, Bồ Tát chẳng có khổ nhọc, tại sao chẳng có khổ nhọc? Vì các ngài chẳng có Ta (vô ngã), có Ta mới có khổ nhọc, chẳng có Ta thì ai

khổ nhọc? Chúng ta đọc đến câu này cảm khái muôn vàn, chúng ta làm thế nào để học giống hình tướng của Phật, Bồ Tát? Nếu chẳng hết lòng y giáo phụng hành thì làm sao được! Hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

Thời Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai cáo Trưởng Giả Tử, dục chứng thử thân, đương tu cửu viễn độ thoát nhất thiết thọ khổ chúng sanh.

Lúc đó Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai nói với Trưởng Giả Tử nếu muốn chứng được thân tướng này thì phải tu lâu đời hạnh độ thoát hết thảy chúng sanh thọ khổ.

Đây là nguyên do của Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Chư vị nhất định phải ghi nhớ, hiện nay đạo tràng xây dựng chẳng giống như lúc trước, lúc trước đúng như pháp, hết thảy tất cả chùa được xây đều phù hợp với nghĩa thú tiêu biểu pháp, hiện nay chẳng đủ điều kiện. Đạo tràng chính quy (theo đúng truyền thống) vừa bước vào cửa là Điện Thiên Vương, nhìn thấy Di Lặc Bồ Tát trước nhất, Di Lặc Bồ Tát dạy bạn cái gì? *'Sanh tâm bình đẳng, hiện tướng vui vẻ'* 7[7]. Phật pháp lấy việc từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa, Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho Từ bi làm gốc, Tứ Đại Thiên Vương tượng trưng cho phương tiện, phương tiện làm cửa, Điện Thiên Vương dạy chúng ta việc này. Bạn ở đạo tràng mỗi ngày đều phải đi qua cửa này, mỗi ngày tiếp nhận sự un đúc này, làm cho bạn từ từ thay đổi tâm ý. Ngày nay chúng ta có ai hiểu được? Ai có tâm từ bi? Ai có cửa phương tiện? Phương tiện chẳng phải là dạy chúng ta có đủ phương tiện, nghĩ vậy là sai rồi. Mà là tạo phương tiện cho hết thảy chúng sanh, tạo cho họ có được phương tiện, còn mình phải từ bi, hai việc này chẳng thể đảo lộn. Nếu nói họ từ bi còn mình được phương tiện, vậy thì bạn đã lộn ngược rồi. Do đó nhất định phải phát tâm, tâm này chính là Tâm Đại Bồ Đề, *'Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ'*, đặc biệt là hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn, chúng sanh chịu khổ nạn nghĩa là gì? Tức là lục đạo, đặc biệt chỉ ba đường ác. Chư vị phải biết, chúng sanh trong ba đường ác ở đâu? Tức là ở xung quanh chúng ta, thậm chí bao gồm chính mình, tâm tham là cõi ác quỷ, sân khuể là cõi địa ngục, ngu si là cõi súc sanh, tâm chúng ta là tham - sân - si, lời nói tham - sân - si, tất cả tạo tác đều chẳng lìa tham - sân - si, chúng ta đang tạo nghiệp tam ác đạo đấy.

Địa Tạng Bồ Tát có năng lực hóa thân đến ba đường ác độ thoát chúng sanh, ngày nay chúng ta chẳng có khả năng này; chúng ta không có khả năng ấy nên phải độ những chúng sanh còn chưa vào ba đường ác nhưng đang tạo nghiệp nhân của ba đường ác, chúng ta phải độ những người này. Phải biết những người này là chúng sanh khổ nạn, đừng cho rằng hiện nay trong số những người này có người giàu sang phú quý, người thế gian nghĩ rằng họ rất sang trọng, trong mắt Phật thì họ là chúng sanh trong ba đường ác. Chúng ta làm sao độ họ? Trước hết phải tự mình xả bỏ tham, sân, si, nếu chỉ nói suông thì không được, phải làm ra hình dáng cho họ coi. Tôi xả bỏ tham, sân, si, chẳng còn tham, sân, si, tôi sinh sống cũng rất tự tại, cũng không tệ gì, làm cho họ phản tỉnh từ những chỗ này, giác ngộ từ những chỗ này. Phía trước Phật nói phải tạo dựng hình tượng, bạn hãy xem sự tiêu biểu pháp trong đoạn đầu của kinh Hoa Nghiêm, thứ nhất là nói đến đại địa, tâm địa. Thứ hai là giảng về cây báu, ý nghĩa của cây báu là gì? Cây lập nên gương tốt nhất. Hết thảy chúng sanh ở cõi này, ở thế giới tha phương chẳng có ai không thích cây cối, hoa cỏ, Phật bèn dùng phương pháp này để thí dụ, chúng ta muốn một cây thật tốt đẹp, làm cho người ta tiếp xúc đến đều hoan hỷ. Hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

7[7] Nguyên văn: Sanh bình đẳng tâm, trình hỷ duyệt tướng

Văn Thù Sư Lợi, thời Trưởng Giả Tử nhân phát nguyện ngôn, ngã kim tận vị lai tế bất khả kế kiếp, vị thị tội khổ lục đạo chúng sanh quảng thiết phương tiện, tận linh giải thoát nhi ngã tự thân phương thành Phật đạo.

Này Văn Thù Sư Lợi, lúc bấy giờ Trưởng Giả Tử nhân đó bèn phát nguyện rằng: 'Từ nay cho đến vô tận kiếp chẳng thể tính ở đời vị lai, tôi sẽ vì chúng sanh đang chịu tội khổ trong lục đạo lập ra nhiều phương tiện, làm cho họ được giải thoát hết rồi tôi mới thành Phật đạo.

Trong đoạn kinh này chúng ta lại thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni kêu tên ngài 'Văn Thù Sư Lợi', không thể coi thường đoạn kinh văn này, chẳng thể sơ ý. 'Trưởng Giả' làm gương tốt, làm mô phạm cho chúng ta, khuyên chúng ta phát tâm, ông nghe Phật dạy xong liền giác ngộ, quay về, và phát đại nguyện. 'Ngã kim tận vi lai tế, bất khả kế kiếp', đây là một thời gian dài, chẳng phải thời gian ngắn, những kiếp tận đời vị lai, nói cách khác thời gian vĩnh hằng, vô cùng vô tận. 'Vị thị tội khổ lục đạo chúng sanh', hoàn toàn tiếp nhận lời dạy của Phật vì chúng sanh khổ nạn, hết thảy chúng sanh tạo tác nhiều nhân khổ nhưng họ không biết, lúc quả khổ hiện tiền thì hối hận không kịp, đến lúc đó thì trở tay không còn kịp nữa. Trưởng Giả Tử phát tâm này, chính là Địa Tạng Bồ Tát. Ngày nay chúng ta đọc đến đoạn kinh này, có thể phát tâm này không? Nếu có thể phát tâm này thì chúng ta sẽ đạt được lợi ích chân thật nơi kinh Địa Tạng. Đời sống của chúng ta khổ, phải nghĩ đến những người khác trên thế gian này còn khổ hơn mình, chúng ta không sợ khổ, vì có khổ nên chúng ta mới thể hội đến hết thảy chúng sanh khổ. Nếu chúng ta sống trong hoàn cảnh rất giàu sang, khi người ta nói khổ thì mình chẳng thể hội được, chỉ khi mình đã từng trải qua sự khổ này rồi mới biết khổ là gì, tâm giúp đỡ khổ nạn chúng sanh mới thiết tha. Nếu chưa từng trải qua khổ nạn, bạn muốn 'vì khổ nạn chúng sanh' nhưng chẳng thể nào thể hội được cái tâm ấy.

Thế nên Phật dạy chúng đệ tử: một là 'dùng Giới làm thầy', hai là 'dùng Khổ làm thầy', đặc biệt là người xuất gia, sanh sống cực khổ tốt hơn, luôn thường ở trong tâm cảnh giác, một khi hưởng thọ thì không thể nào chẳng mê hoặc điên đảo được. Do đó nhất định phải hiểu, có phước, người xuất gia tu hành chân chánh nhất định sẽ có phước báo, phước báo đến thì đừng hưởng, nếu hưởng thì sẽ mê muội; khi phước báo đến thì phải chia sớt cho hết thảy tội khổ chúng sanh trong lục đạo hưởng, được vậy thì bạn thật sự độ khổ. Mấy bữa nay chúng ta giảng kinh Hoa Nghiêm đến đoạn đức Phật Tỳ Lô Giá Na xây dựng Hoa Tạng thế giới chẳng để tự hưởng thọ, mà cho hết thảy những Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân ở mười phương sát độ có chỗ an thân lập mạng, có một đạo tràng tốt để tu hành, cung ứng cho họ hưởng dụng, Phật chẳng hưởng thọ. Tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật xây dựng Cực Lạc Tịnh độ cũng chẳng phải cho ngài hưởng thọ, mà để cung ứng cho hết thảy người niệm Phật ở mười phương thế giới vãng sanh về đó tu hành hưởng dụng, đâu có để cho mình hưởng thọ? Đây đều làm ra hình tượng tốt nhất cho chúng ta thấy. Thế nên những tổ sư đại đức có phước báo to lớn xây dựng đạo tràng xong tự mình có hưởng thọ không? Chẳng có, tự mình ở trong phòng 'phương trượng' 8[8], chỉ là một căn phòng nhỏ, phước báo dành cho hết thảy thanh chúng (đại chúng thanh tịnh) hưởng thọ, đây là tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh. Chỉ cần là người chân chánh tu hành, nếu họ không có chỗ ở, khi họ đến nơi ấy chẳng bao giờ bị từ chối, chẳng khi nào không được tiếp đãi, thế nên mới gọi là 'thập phương thường trụ', 'thập phương đạo tràng', đâu có phải là vì danh văn lợi dưỡng của cá nhân. Phật dạy chúng ta, tự ngài thị hiện làm gương cho

---

8[8] nghĩa là một trượng vuông = 10.89 m^2

chúng ta, một tí gì cũng chẳng giả dối, chúng ta nhìn thấy ngài phát tâm, chẳng sợ thời gian dài, chẳng sợ công việc giáo học gian khổ.

'Lập ra nhiều phương tiện, làm cho họ được giải thoát hết rồi tôi mới thành Phật đạo', đây tức là nói: *'Chúng sanh chẳng thành Phật, tôi chẳng thành Phật'* cho nên Địa Tạng Bồ Tát vĩnh viễn thị hiện ở quả vị Bồ Tát. Ngày nay chúng ta thấy lời nói trong kinh này, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều tham dự đạo tràng này, đều là do Địa Tạng Bồ Tát độ hóa, đã độ, đang độ. Đã độ, đã thành tựu là chư Phật, ngài còn ở quả địa Bồ Tát. Học trò đều đã thành Phật, thầy giáo còn là Bồ Tát, các chư Phật này đối với thầy không ai chẳng đội ơn. Ngày nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn tuyên dương pháp môn Địa Tạng, họ đến dự hội tức là báo ơn, đến làm 'ảnh hưởng chúng'. Có pháp hội nào tất cả chư Phật đều đến tham gia? Chẳng có đạo lý như vậy. Trong pháp hội này hết thảy chư Phật đều đến đầy đủ, làm trang nghiêm đạo tràng, trang nghiêm pháp hội, trang nghiêm pháp môn này, làm cho hết thảy chúng sanh cảnh giác đến pháp môn này thù thắng khôn sánh, không học pháp môn này thì không được, là cơ sở của hết thảy chư Phật thành Phật, là căn bản của việc thành Phật. Nếu bạn muốn xả bỏ pháp môn này thì bạn chắc chắn sẽ không thành tựu. Niệm Phật, nói thật ra chắc chắn cũng chẳng thể vãng sanh. Cả đời hễ gặp đạo tràng vừa xây dựng xong mời tôi giảng kinh, bộ kinh đầu tiên tôi nhất định phải giảng là kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Có đất, chúng ta có mảnh đất, có đạo tràng là xây dựng cơ sở vật chất, Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh là xây dựng tâm địa, như vậy mới tương ứng. Khi đạo tràng được xây dựng, được khôi phục thì bộ kinh đầu tiên phải giảng là gì? Nhất định phải là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh.

Dĩ thị ư bỉ Phật tiền, lập tư đại nguyện, ư kim bá thiên vạn ức na do tha bất khả thuyết kiếp thượng vi Bồ Tát.

Đã ở trước đức Phật đó mà lập đại nguyện như vậy nên đến nay đã ngàn vạn ức na-do-tha kiếp chẳng thể tính đếm mà vẫn còn làm Bồ Tát.

Đây là việc chúng ta nên học tập. Thế Tôn nói ra nhân duyên của công án này, chúng ta phải thể hội dụng ý của Ngài sâu rộng vô hạn, việc giáo học của Ngài từ bi vô tận. Chúng ta biết rồi mới có thể làm theo, mới có thể nói đến việc báo ân, tri ân báo ân; nếu bạn lơ là niệm lướt qua, đoạn kinh này chẳng dài, sơ ý đọc qua thì chẳng có ích lợi. Hãy xem tiếp đoạn kế, đây là công án thứ nhì:

Hựu ư quá khứ, bất khả tư nghị a tăng kỳ kiếp.

Lại số chẳng thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp về trước.

Lúc này là sau lúc Đại Trưởng Giả Tử, Đại Trưởng Giả Tử là người thứ nhất, người đầu tiên.

Thời thế hữu Phật

Lúc đó có Phật

Trong thế gian có một vị Phật.

Hiệu viết Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, bỉ Phật thọ mạng tứ bá thiên vạn ức a tăng kỳ kiếp.

Hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, đức Phật đó thọ mạng bốn trăm ngàn ức a-tăng-kỳ kiếp.

Từ thọ mạng của Phật có thể thấy phước báo của chúng sanh thời đó rất lớn, thọ mạng là một trong những phước báo.

Tượng pháp chi trung, hữu nhất Bà La Môn Nữ, túc phước thâm hậu, chúng sở khâm kính, hành trụ tọa ngọa, chư thiên vệ hộ.

Vào thời tượng pháp có một cô gái dòng Bà La Môn, nhiều đời tích phước sâu dày, được mọi người kính nể, đi đứng nằm ngồi đều được chư thiên hộ vệ.

Thọ mạng của Phật rất dài, nhưng duyên trụ thế giáo hóa chúng sanh đã hết, đức Phật bèn thị hiện diệt độ. Sau khi diệt độ giống như Thế Tôn của chúng ta vậy, sau khi Phật diệt độ thì pháp vận còn ba thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp. Thời Chánh pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni dài một ngàn năm, sau khi Phật diệt độ một ngàn năm đầu tiên, Tượng pháp là thời gian một ngàn năm sau đó, Mạt pháp một vạn năm kế tiếp. Không cần biết là theo cách nói của người Trung Quốc hay cách của người ngoại quốc, hiện nay là thời Mạt pháp, hai ngàn năm sau khi Phật diệt độ, đây là thời Mạt pháp. Lúc Phật pháp truyền đến Trung Quốc nhằm thời Tượng pháp. Trong kinh Phật có lời dự đoán, Phật nói thời Chánh pháp thì Giới Luật thành tựu, tu học noi theo giới luật có thể chứng quả. Thời Tượng pháp thì Thiền Định thành tựu, thế nên Thiền Tông của Phật giáo Trung Quốc vô cùng hưng thịnh. Vì nguyên nhân gì? Truyền đến nhằm thời kỳ Tượng pháp, phù hợp với lời dự đoán của Thế Tôn, Thiền Định thành tựu. Thời Mạt pháp thì Tịnh Độ thành tựu, căn tánh của con người chẳng bằng đời trước, tu Thiền chẳng những không thể khai ngộ, ngay cả đắc định cũng không thể, chỉ có tu Tịnh Độ đới nghiệp vãng sanh mới có thể thành tựu. Trong kinh nói đây là Giác Hoa Định Như Lai, vào thời Tượng pháp của Ngài có một cô gái dòng Bà La Môn, cô này cũng quy y Phật pháp, là người học Phật. 'Túc phước thâm hậu', chúng ta gọi là thiện căn sâu dày, nhiều đời quá khứ đã vun bồi phước, thiện căn rất sâu. 'Chúng sở khâm kính', khâm nghĩa là bội phục, đối với cô rất cung kính, đại chúng gặp cô, đoạn trước có nói hình tượng thù thắng, được phần lớn xã hội đại chúng tôn kính. 'Hành trụ tọa ngọa', đây là tứ oai nghi, đều đủ để làm gương tốt cho xã hội đại chúng, thế nên ngay cả thần trên trời cũng tôn kính cô. 'Chư thiên vệ hộ', ngày nay chúng ta gọi là thiên thần bảo hựu, giờ phút nào cũng chẳng lìa khỏi cô thì gọi là 'hộ vệ'. Chư vị đồng tu phải biết xã hội hiện nay người tạo ác nhiều, người làm việc thiện ít, thí dụ có một, hai người làm việc thiện, thiên thần hộ vệ sẽ đặc biệt nhiều; trước kia người thiện nhiều, thiên thần chia nhau hộ trì người hành thiện, số thiên thần hộ trì [cho mỗi người] sẽ không nhiều; hiện nay người ta đều làm ác, chỉ có một, hai người thiện, tất cả những thiên thần đều đến hộ vệ bạn (người thiện này). Thiệt đó, chẳng phải giả, [vậy thì] tại sao lại không tu thiện? Tại sao lại tạo ác? Chúng ta dứt ác tu thiện, không cầu Bồ Tát, không cầu Phật, cũng không cầu thiên thần, chư Phật tự nhiên hộ niệm, thiên thần tự nhiên hộ vệ, đâu cần chúng ta cầu họ! Chỗ này nói tin Phật quá khó, hiện nay người thế gian học Phật chẳng tin Phật, tại sao chẳng tin Phật? Đặc biệt là người xuất gia, Phật dạy chúng ta vạn duyên buông xuống, tất cả đều phải xả bỏ thì ngày mai làm sao sinh sống? [Nếu hỏi như vậy thì chính là] không tin Phật. Nếu bạn là người xuất gia chân chánh, tâm địa thanh tịnh, chẳng có một chút tâm mong cầu, đối với hết thảy pháp trong thế gian này chẳng phan duyên, nếu bạn bị đói chết, lạnh chết, nói cho chư vị biết tất cả thần hộ pháp đều phải bị cách chức và bị tra hỏi, đó là thật chẳng phải giả đâu. Nhưng mọi người chẳng tin tưởng, tự mình vẫn muốn phan duyên, tự mình làm, thần hộ pháp nhìn thấy bèn rất thích thú vì được tự tại, [họ nói:] "Được lắm, tôi chẳng cần lo nữa", họ rất nhàn hạ, tự tại.

Có một năm tôi tại Cơ Long (Kuala Lumpur) Thập Phương Đại Giác Tự, lão hòa thượng thỉnh tôi giảng kinh Lăng Nghiêm nhằm lúc an cư mùa hạ. Giảng đường ở kế

bên điện Vi Đà, tôi nói với mọi người, quý vị phải tin tưởng, đừng phan duyên, cứ ở trong chùa tu hành đàng hoàng, đừng làm Kinh Sám Phật sự, cũng đừng làm pháp hội, [nếu quý vị] đói chết, Bồ Tát Vi Đà sẽ bị cách chức và bị tra hỏi, đâu có đạo lý ấy! Thế nên nói cả người xuất gia cũng chẳng tin Phật, thì bạn làm sao dạy cho đại chúng tin Phật! Chẳng có đạo lý này. Nếu chúng ta thật sự tin tưởng thì không sợ, Phật, Bồ Tát bảo hựu [lo lắng], thần hộ pháp hộ vệ, có thể đói một, hai bữa cũng chẳng sao, tuyệt đối sẽ chẳng bao giờ chết đói; chịu lạnh một chút, sẽ chẳng lạnh chết, ngài (thần hộ pháp) nhất định sẽ đến. Nhất định phải có lòng tin, như vậy mới gọi là học Phật, mới gọi là chân chánh tin Phật; những gì bạn cần, khi nhân duyên chín muồi những gì mong cầu đều nhất định sẽ đến. Đạo lý này là do Chương Gia đại sư truyền dạy cho tôi, tôi có lòng tin đối với Ngài, Ngài chẳng lừa gạt tôi. Lúc đó đời sống của tôi vô cùng gian khổ, chẳng có tiền để cúng dường Chương Gia đại sư, tôi chẳng có khả năng ấy; Ngài biết, chẳng trách tôi, đối với tôi rất tốt, vô cùng từ bi, lo lắng. Mỗi tuần tôi gặp Ngài một lần, lúc đó tôi phải đi làm, mỗi ngày chủ nhật gặp Ngài, xin Ngài chỉ dạy. Ngài cho tôi hai giờ đồng hồ mỗi tuần, lúc nào bận thì cho một giờ. Nếu một tuần, hai tuần tôi chẳng đến gặp, Ngài đều phái người kiếm tôi hoặc gọi điện thoại hỏi tôi: "Tại sao không đến? Có bị bịnh gì không?" Vô cùng quan tâm, chăm sóc, lòng thương mến đó làm cho tôi không thể không đi.

Đây là lời Ngài dạy tôi: *'Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng'*, nếu bạn cầu không được là vì bạn có nghiệp chướng, khi nghiệp chướng tiêu trừ hết thì sẽ chẳng bao giờ không có cảm ứng. Nhưng nhất định phải cầu đúng như lý, như pháp, nếu bạn dùng tham - sân - si để cầu thì Phật, Bồ Tát sẽ chẳng giúp bạn tăng thêm tham - sân - si, sẽ chẳng giúp bạn tạo ác nghiệp. Nếu bạn thật sự làm việc thiện, vì chúng sanh, Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao; nếu vì mình thì không được, nhất định sẽ chẳng có cảm ứng. Nếu vì mình mà có cảm ứng thì đó là Tà ma; Ma thúc đẩy dục vọng của bạn, giúp bạn làm việc xấu. Phật, Bồ Tát sẽ chẳng giúp người đi làm chuyện ác, chỉ cho bạn thiện duyên chứ chẳng cho bạn ác duyên. Do đó có thể biết phàm những gì tăng trưởng dục vọng của chúng ta, tăng trưởng tham - sân - si, tự mình phải có cảnh giác cao độ, đó là ác duyên chứ chẳng phải thiện duyên. Nhưng khi người gặp được duyên này, chẳng bao giờ không ưa thích, không đọa lạc, không bị ma quỷ gạt, lọt vào vòng tay của ma, chúng ta phải có tâm cảnh giác cao độ về chuyện này. Thế nên lúc trẻ tuổi thân cận thiện tri thức rất tốt, gốc rễ đã được vun bồi, khi xử sự, đãi người, tiếp vật cả đời đều có tâm cảnh giác cao độ. Chúng ta muốn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần hộ vệ thì phải học từ chỗ này. Hãy xem tiếp đoạn kinh phía sau:

Kỳ mẫu tin tà
Mẹ cô tin tà đạo
Mẫu thân là ngoại đạo

Thường khinh Tam Bảo
Thường khinh chê ngôi Tam Bảo
Tội nghiệp này rất nặng

Thị thời Thánh Nữ quảng thiết phương tiện, khuyến dụ kỳ mẫu, linh sanh chánh kiến, nhi thử nữ mẫu vị toàn sanh tín, bất cửu mạng chung, hồn thần đọa tại Vô Gián địa ngục.

Lúc đó Thánh Nữ lập nhiều phương tiện để khuyên nhủ mẹ, hầu làm cho bà sanh chánh kiến, nhưng bà chưa tin hoàn toàn, chẳng bao lâu thì bà mạng chung, thần hồn bị đọa vào địa ngục Vô Gián.

Tri kiến của mẹ cô chẳng ngay thẳng, phiền não tập khí rất nặng. Đại khái thì cũng ít thấy hình tướng của người học Phật, Phật pháp trong thời Tượng pháp suy thoái, hình tướng tốt của tứ chúng đệ tử trong thời Chánh pháp còn nhiều, hình tướng tốt thời Tượng pháp ít hơn. Thời Mạt pháp lại càng ít nữa, càng hiếm hoi. Thế nên thời Mạt pháp nếu chúng ta có thể chân chánh tu hành đúng như pháp thì chư Phật hoan hỷ gấp bội hơn thời Tượng pháp, long thiên thiện thần hộ vệ cũng tăng gấp bội, hiếm có khó gặp. Chúng ta gặp được duyên thù thắng như vầy thì tại sao tự mình lại chà đạp mình? Như vậy thật là đáng tiếc, tạo tội nghiệp thì nhất định sẽ bị đọa lạc.

Tại sao bà khinh chê Tam Bảo, hủy báng Tam Bảo? Nói thật ra thì hình tướng của người xuất gia chúng ta không tốt. Tại sao thời Phật còn tại thế, đệ tử Phật được người trong xã hội từ quốc vương, đại thần, đến hết thảy đại chúng tôn kính. Nguyên nhân gì? Chúng ta phải nghĩ kỹ. Thời Mạt pháp người xuất gia đi ra ngoài, người ta chẳng kính trọng bạn, kinh chê bạn, ở một bên chỉ chỏ, chê cười bạn, như vậy là vì nguyên nhân gì? Chúng ta có thể trách người ta chăng? Trách người là hoàn toàn sai lầm, hãy quay lại trách chính mình, tín hạnh của chúng ta, hình tướng của chúng ta chẳng đáng để xã hội đại chúng tôn kính. Bên trong còn tham - sân - si - mạn, bên ngoài chỗ nào cũng phan duyên, biểu hiện ra thật sự như mê tín, dẫn dắt xã hội đại chúng mê tín, vậy thì làm sao đáng để người ta tôn kính? Người ta dựa vào gì để tôn kính bạn? Người ta có tôn kính bạn thì đó cũng là mê tín, mê phù hợp với mê; giác tuyệt đối sẽ chẳng tương ứng với mê. Nhưng sự tạo tội nghiệp bất luận là bạn cốt ý hay vô ý, chắc chắn đều có quả báo. Không thể nói vô ý tạo thì không có quả báo, chẳng có việc này. Bạn hiểu pháp luật mà còn phạm pháp, không biết pháp luật mà phạm pháp thì cả hai đều phải chịu hình phạt, vẫn là có tội; không thể nói vì tôi không hiểu pháp luật nên tuy phạm pháp nhưng tôi không có tội; chẳng có chuyện như vậy, chẳng hợp lý. Thế nên mẹ của cô Bà La Môn đọa địa ngục Vô Gián.

Thời Bà La Môn nữ tri mẫu tại thế bất tín nhân quả, kế đương đọa nghiệp, tất sanh ác thú.

Lúc đó cô Bà La Môn biết mẹ cô khi còn sống chẳng tin nhân quả, nghĩ ắt phải theo nghiệp mà sanh vào đường ác.

Con bà là người con hiếu, cô học Phật hiểu đạo lý, biết mẹ cô lúc còn sanh tiền chẳng tin nhân quả báo ứng. 'Kế' là trong tâm suy nghĩ, trong tâm đang tính toán. Cô nghĩ cả đời mẹ tạo nghiệp, tương lai quả báo sẽ đi về đâu? Thiện nghiệp nhất định được thiện quả, ác nghiệp nhất định có ác báo, cô nghĩ mẹ cô tạo nghiệp nặng nề; hủy báng Tam Bảo, nghiệp này rất nặng.

Toại mại gia trạch, quảng cầu hương hoa cập chư cúng cụ, ư tiên Phật tháp tự, đại hưng cúng dường.

Bèn bán nhà, đất, sắm nhiều hương hoa và những vật lễ cúng, rồi đem đến chùa tháp thờ Phật làm lễ đại cúng dường.

Cô tu phước cho mẹ. 'Ư tiên Phật tháp tự', 'tháp' là chỗ cất giữ xá-lợi của Phật, chỗ cúng dường xá-lợi Phật gọi là 'tháp'. 'Tự' là nơi giáo hóa chúng sanh. Bổn ý của 'Tự', ý nghĩa của 'Tự' được ghi trong Khoa Chú rất tường tận, làm sao giải thích ý nghĩa của chữ Tự ở đây? Nghĩa là tiếp nối, phần đông chúng ta gọi là hậu duệ, kéo dài, sự nghiệp này phải kéo dài vĩnh viễn về sau. Nơi này là nơi tiếp nối huệ mạng của Phật

nên được gọi là 'Tự'. Hiện nay người ta không hiểu ý nghĩa này. Hồi xưa những cơ quan dưới quyền nhà vua đều gọi là Tự, ý nghĩa là muốn cơ nghiệp đế vương được truyền mãi đến đời sau. Ý nghĩa này rất hay và cũng rất rộng, sự nghiệp giáo huấn chúng sanh của Phật là nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh tu hành chứng quả, sự nghiệp này phải được vĩnh viễn liên tục chẳng dứt, nơi đây là để làm công việc này, nên được gọi là Tự.

Cúng Phật, phải ghi nhớ chỉ dùng tài vật của mình, nếu dùng tài vật của người khác để tu phước thì sai, tự mình chẳng được phước gì hết; nhất định phải dùng vật của mình, không thể dùng vật của người khác. Cô Bà La Môn chẳng có tài lực nên phải bán nhà rồi dùng tiền ấy 'sắm nhiều hương hoa và những vật lễ cúng' đem vào chùa cúng dường. Cách cúng dường này là hình thức, hình thức này chúng ta ngày nay rất nhiều, ai cũng biết. Hình thức cúng dường có hiệu quả hay chăng? Phải coi cách dụng tâm bên trong và ngoài có tương ứng hay không? Nếu trong và ngoài tương ứng thì có công đức, nếu không tương ứng thì chẳng có công đức. Còn có nhiều người cúng dường nhưng lại tạo tội nghiệp, không những chẳng có phước mà lại là họa. Cúng dường như thế nào? Đến trước mặt Phật, Bồ Tát tu cúng dường to lớn, cầu phát tài, cầu thăng quan, trước bàn thờ Phật, Bồ Tát 'khấn vái' khi được thăng quan, được phát tài thì sẽ trở lại cúng thêm nhiều nữa. Đặt điều kiện, hối lộ với Phật, Bồ Tát, coi Phật, Bồ Tát như tham quan, ô lại, cách cúng dường như vậy không những chẳng có phước mà lại tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. "Nếu ngài phò hộ cho con được phát tài, con kiếm được một triệu thì nhất định sẽ đem một vạn đến cúng dường cho ngài"; Phật, Bồ Tát đâu có 'khờ' như vậy, cho người này lời chín mươi chín vạn, đâu có đạo lý như vậy! Bạn xem Phật, Bồ Tát là hạng người nào? Thế nên cách cúng dường như vậy sẽ tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp, sẽ đọa vào tam ác đạo. Đừng thấy người ta đến tu cúng dường rồi cho là việc tốt, chưa chắc như vậy đâu, bạn phải biết động cơ của họ là gì rồi mới biết họ tạo phước hay họa. Cúng dường như vậy xong nhưng không được thăng quan, không phát tài nên quay lại trách móc, nói Phật, Bồ Tát này không linh, [họ nói:] "Tôi cúng dường nhưng ngài không phò hộ cho tôi phát tài, tôi oán hận, hủy báng Tam Bảo", tội nghiệp ấy càng tạo càng nặng. Chúng ta hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

Kiến Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, kỳ hình tượng tại nhất tự trung tố họa oai dung, đoan nghiêm tất bị.

Thấy hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trong một ngôi chùa đắp vẽ oai dung, đầy đủ đoan nghiêm.

Đây là nói về cô Bà La Môn đến chùa miếu cúng dường, cúng Phật. Phật chẳng còn tại thế, lúc đó thuộc về thời Tượng pháp nên trong các tự viện chỉ có hình tượng của Phật, tượng Phật đúc hoặc khắc; cúng dường trước tượng Phật, tượng Phật tạo rất trang nghiêm.

Thời Bà La Môn nữ chiêm lễ tôn dung, bội sanh kính ngưỡng.

Lúc đó cô gái Bà La Môn chiêm lễ tôn dung, bội phần kính ngưỡng.

Đây là chân thành, những phẩm vật lễ cúng là vật bên ngoài, bên trong có tâm chân thành, hiển thị trong - ngoài như nhau. Cúng dường một chút phẩm vật giống như khi chúng ta gặp một người nào đó, bất luận là người thân hay người lạ, lâu quá chẳng gặp thì khi gặp lại phải có một chút lễ vật, lễ vật chẳng quý ở chỗ nhiều hay ít chỉ dùng để biểu lộ ý cung kính. Biểu lộ chúng ta đối với người này chẳng quên, thường ghi nhớ trong tâm, biểu lộ lòng kính ngưỡng. Cúng Phật, và còn vì mẹ tu phước, thế nên tâm

này càng chân thành, càng khẩn thiết; lòng chí thành có thể cảm, Phật bèn ứng, liền phát sanh cảm ứng đạo giao.

Tư tự niệm ngôn Phật danh Đại Giác, cụ nhất thiết trí, nhược tại thế thời ngã mẫu tử hậu, thảng lai vấn Phật, tất tri xứ sở.

Thầm nghĩ rằng đức Phật là đấng Đại Giác đầy đủ hết thảy trí, nếu Phật còn tại thế thì sau khi mẹ tôi mất, nếu như tôi đến hỏi Phật ắt sẽ biết được nơi mẹ tôi thác sanh.

Hận mình phước báo không đủ, chẳng sanh vào lúc Phật còn tại thế, mà sanh vào thời Tượng pháp, Phật đã không còn tại thế. Nếu Phật còn tại thế thì Phật có đại trí huệ, đại thần thông, mình đến hỏi Phật sau khi mẹ mất rồi sanh đến cõi nào, Phật chắc chắn sẽ nói cho mình biết, tiếc là Phật chẳng còn. Trong tâm có 'lời nói thầm', không nhất định phải nói ra, trong tâm có ý niệm này, cho thấy cô có lòng hiếu thảo, muốn giúp mẹ thoát ly khổ nạn.

Thời Bà La Môn nữ thùy khấp lương cửu, chiêm luyến Như Lai.

Lúc ấy cô Bà La Môn cúi đầu khóc thầm rất lâu, chiêm ngưỡng quyến luyến tôn tượng của Như Lai.

Câu này hình dung lúc cô Bà La Môn trong tự viện, lòng ân cần, nguyện vọng chí thành, khẩn thiết, từ câu này chúng ta có thể cảm thấy lòng thành của cô, khẩn thiết kỳ vọng, lòng thành như vậy có thể cảm.

Hốt văn không trung thanh viết, khấp giả thánh nữ vật chí bi ai, ngã kim thị nhữ mẫu chi khứ xứ.

Bỗng nghe trên không trung có tiếng nói: 'Này thánh nữ đang khóc kia, thôi đừng bi ai quá, nay ta sẽ nói cho cô biết chỗ thác sanh của mẹ cô'.

Chí thành thì sẽ linh, cảm động Phật đến chỉ dẫn cô.

Bà La Môn nữ hiệp chưởng hướng không nhi bạch không viết, thị hà thần đức, khoan ngã ưu lự, ngã tự thất mẫu dĩ lai, trú dạ ức luyến, vô xứ khả vấn tri mẫu sanh giới.

Thánh nữ chắp tay hướng lên hư không mà bạch rằng: 'Chẳng hay thần đức nào đã giải bớt lòng âu lo của con như vậy? Từ khi mẹ con mất đến nay, ngày đêm thương nhớ, không có chỗ có thể hỏi mẹ con thác sanh về cõi nào'.

Chữ 'giới' tức là thế giới nào? Cõi nào trong thập pháp giới? Nẻo nào trong sáu nẻo? Cô vô cùng cảm kích sự cảm ứng này, cô chẳng biết tiếng nói này từ đâu phát ra? Cũng chẳng biết ai nói? Cho nên cô chỉ biết hướng lên không trung, âm thanh phát ra từ không trung, chẳng nhìn thấy hình tướng, chỉ nghe âm thanh. 'Là vị thần đức nào?'.

Thời không trung hữu thanh tái báo nữ viết, ngã thị nhữ sở chiêm lễ giả, quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Kiến nhữ ức mẫu, bội ư thường tình chúng sanh chi phần, cố lai cáo thị.

Lúc ấy trên không trung lại có tiếng nói cho cô biết: 'Ta là người cô đang chiêm lễ, là quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, thấy cô nhớ mẹ, nhiều hơn thường tình của chúng sanh nên Ta đến cho cô biết'.

Chỗ này nói rõ nguyên nhân có thể cảm [đến chư Phật], đây thật sự là một người con gái có hiếu, chí thành có thể cảm đến Phật, người Trung Quốc thời xưa thường nói: *'Hiếu cảm thiên địa'*, cho nên cảm động Phật đến chỉ thị cho cô, làm cho cô mãn nguyện.

Bà La Môn nữ văn thử thanh dĩ cử thân tự phác, chi tiết giai tổn, tả hữu phù trì, lương cửu phương tô, nhi bạch không viết, nguyện Phật từ mẫn tốc thuyết ngã mẫu sanh giới, ngã kim thân tâm tương tử bất cửu.

Thánh nữ Bà La Môn nghe nói xong liền đứng dậy dập đầu lạy xuống, khớp tay chân đều bị thương, được người bên cạnh đỡ dậy. Một lát sau cô mới tỉnh lại rồi bạch lên hư không: 'Cúi xin đức Phật từ bi thương xót, mau cho con biết mẹ con sanh về chốn nào, nay thân tâm con đau xót đến cùng cực'.

Biết âm thanh này là âm thanh của Phật, cảm động đến lễ lạy năm vóc sát đất, cách lễ này dùng toàn thân tiếp lễ, cho nên lạy xuống xong khớp tay chân đều bị thương; lạy vô cùng mãnh liệt, người thế gian thường nói là khấu đầu vang thành tiếng, cảm động đến cùng cực. Thế nên lúc lạy ngã xuống đất thì mê man bất tỉnh. Một lát sau mới tỉnh lại, vừa tỉnh lại liền cầu xin đức Phật nói cho biết chỗ mẹ thác sanh. Cô đau xót đến cùng cực, 'tương tử bất cửu' là đau xót đến cùng cực.

Thời Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai cáo Thánh nữ viết, nhữ cúng dường tất, đản tảo phản xá, đoan tọa tư duy ngã chi danh hiệu, tức đương tri mẫu sở sanh khứ xứ'.

Lúc ấy đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai bảo Thánh nữ: 'Cô đã cúng dường xong, nên sớm về nhà, ngồi ngay ngắn nghĩ tưởng về danh hiệu của Ta, sẽ biết chỗ mẹ cô thác sanh.'

Đức Phật chẳng trực tiếp nói cho cô biết mẹ cô hiện nay đang ở chỗ nào, mà dạy cô một phương pháp, làm theo phương pháp này thì cô nhất định sẽ biết.

Phương pháp gì?

Phương pháp niệm Phật.

Dạy cô, cô đã cúng dường xong hãy mau về nhà, về nhà xong nhất tâm chấp trì danh hiệu, cô hãy niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, nhất tâm xưng niệm. 'Đoan tọa tư duy'. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: *'Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật'*. Tư duy tức là ức niệm, chẳng nói là miệng niệm, dùng chữ 'tư duy', ý nghĩa này sâu. Phần đông chúng ta niệm Phật là miệng niệm nhưng tâm không niệm, như vậy thì hét bể cổ họng cũng uổng công. Niệm Phật quan trọng nhất là trong tâm có Phật, tư duy mới là chân thật niệm Phật, trong tâm đích thật có Phật.

Thời Bà La Môn nữ, tầm lễ Phật dĩ, tức quy kỳ xá

Lúc ấy Thánh nữ Bà La Môn lễ Phật xong liền trở về nhà.

Nghe Phật nói hãy mau về nhà, làm xong nghi thức cúng dường, hãy mau về nhà.

Dĩ ức mẫu cố, đoan tọa niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Kinh nhất nhật nhất dạ.

Vì nhớ mẹ nên cô ngồi ngay thẳng niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Trải qua một ngày một đêm.

Cô về nhà chân thật niệm, y giáo phụng hành, dùng tâm chân thành nhất tâm trì danh bèn có hiệu quả. 'Trải qua một ngày một đêm', đoạn thời gian này chẳng dài.

Hốt kiến tự thân đáo nhất hải biên. Kỳ thủy dũng phất, đa chư ác thú tận phục thiết thân, phi tẩu hải thượng đông tây trì trục, kiến chư nam tử nữ nhân bách thiên vạn số xuất một hải trung, bị chư ác thú tranh thủ thực đạm.

Bỗng thấy thân mình đến một bờ biển, nước biển sôi sùng sục, có nhiều thú dữ toàn thân bằng sắt bay nhảy trên biển, chạy qua chạy lại đuổi nhau, lại thấy nhiều người trai và gái, số nhiều đến trăm ngàn muôn, thoạt chìm thoạt nổi trong biển, bị các thú dữ tranh giành ăn nuốt.

Đây là cảnh giới trong định. Chư vị nên biết, vì sao Phật dạy cô làm cách này? Tại sao không trực tiếp nói cho cô biết rằng mẹ cô đang ở địa ngục? Nói cho chư vị biết [nếu Phật] trực tiếp nói cho cô ta chẳng có ích lợi gì hết, chẳng cứu nổi mẹ cô. Làm sao mới cứu nổi mẹ cô? Tự cô nhất định phải tu tập công đức thì cô mới có thể cứu mẹ. Một ngày một đêm, cô chuyên tinh, tâm địa chí thành, một ngày một đêm liền được nhất tâm bất loạn, trong hết thảy phương pháp tu hành, phương pháp này mau nhất. Tu pháp môn khác muốn đạt được công phu này rất khó. Pháp môn Niệm Phật dễ dàng, một ngày một đêm. Kinh Di Đà dạy *'nếu một ngày, nếu hai ngày, ... đến bảy ngày'*, cô niệm suốt một ngày một đêm được nhất tâm bất loạn, đạt được nhất tâm bất loạn nghĩa là chứng được 'Niệm Phật Tam Muội'. Chư vị nên biết Niệm Phật Tam Muội có mức cạn sâu chẳng đồng, Hạ phẩm Niệm Phật Tam Muội là Công Phu Thành Phiến, Trung phẩm là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, Thượng phẩm là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, cô đạt được Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Đến Sự Nhất Tâm Bất Loạn thì cô thành Bồ Tát, mẹ cô đương nhiên sẽ được độ. Tại sao chỉ một ngày công phu mà cô có thể chứng Nhất Tâm Bất Loạn? Nhờ duyên của mẹ, nếu mẹ cô chẳng đọa ác đạo thì cô sẽ chẳng tinh tấn như vậy, thế nên mẹ cô mới có phước. Mẹ cô giúp cô dụng công tinh tấn, tức khắc liền chứng đến quả vị Bồ Tát, mẹ cô được sanh lên trời là vì đạo lý này.

Nếu Phật chẳng dạy cô cách này mà [trực tiếp] nói cho cô biết mẹ cô đang ở cõi nào, cô khóc đến chết cũng vô ích. Phật chẳng thể độ mẹ cô, nếu Phật có thể độ thì chúng ta cần gì phải tu hành? Chẳng cần tu hành nữa, tất cả đều được Phật độ, nếu vậy thì Phật mới là đại từ đại bi, [nhưng] Phật chẳng thể độ. Chính cô mới có thể độ cho mẹ cô, nhờ mẹ tạo ra nhân duyên này nên cô mới hết lòng tu hành, chỉ trong một ngày có thể đạt đến nhất tâm bất loạn. Tại sao cô chân thành như vậy? Tinh tấn như vậy? Là vì tâm cứu mẹ của cô thiết tha đến cùng cực, nhờ sức mạnh này thúc đẩy, đạo lý là như vậy, từ đây bạn mới hiểu nguyên lý của sự siêu độ trong nhà Phật là ở chỗ này. Trong sự siêu độ, nếu tâm của người làm việc siêu độ chẳng thật khẩn thiết, tự mình chẳng thể nâng cao cảnh giới của mình, chẳng thể tu hành chứng quả, thì người siêu độ (người quá vãng) này sẽ chẳng thâu được lợi ích gì hết. Cô tu thành Bồ Tát, mẹ cô là mẹ của Bồ Tát, hơn nữa người mẹ này có công rất lớn, giúp cho cô tu thành Bồ Tát, thì mẹ cô đương nhiên sẽ từ địa ngục sanh lên trời, đây là đạo lý tự nhiên.

Thế nên việc siêu độ trong nhà Phật có lý luận của nó. Nếu không hiểu lý luận, cứ tưởng là niệm vài cuốn kinh thì có thể siêu độ, đâu có chuyện dễ dàng như vậy! Có nhiều người tạo tội nghiệp trong thế gian, đến phút cuối tự mình cũng lo sợ, đi kiếm vài vị pháp sư đến tụng kinh, tiêu tai, cầu siêu. Siêu độ chẳng nổi! Chẳng có hiệu quả. Nhưng nói chung có làm vẫn tốt hơn không làm, vẫn còn biết kiếm vài vị sư tụng kinh, hồi hướng, vẫn còn biết mình có tội. Nhưng phải biết hiệu lực của cách làm [trên hình thức] như vậy này rất kém, chẳng giúp gì được, chỉ có thể nói là trồng một chút thiện căn mà thôi, không có hiệu quả, phải làm như cô Thánh Nữ này mới có hiệu quả. Do

đó nếu người con hiếu muốn siêu độ cho cha mẹ quá khứ hoặc thân bằng quyến thuộc thì phải hiểu đạo lý này. Thỉnh pháp sư tụng kinh siêu độ thì chính mình phải tham dự [vào buổi tụng kinh], tại sao vậy? Vì mình không quen thuộc nghi thức, không biết tụng, nên phải tụng theo pháp sư. Ai siêu độ? Tự mình siêu độ, pháp sư chỉ là người trợ duyên, hướng dẫn bạn làm việc này, tự bạn phải chân tâm sám hối, phải khế nhập cảnh giới, được vậy thì người mà bạn muốn siêu độ mới được độ, thật sự có phước. Nếu hoàn toàn giao việc siêu độ này cho các vị pháp sư, còn mình thì ở đó xem như chẳng có chuyện gì xảy ra, như vậy chẳng có tác dụng gì hết, chẳng có cảm ứng gì cả.

Thậm chí lúc tôi vừa mới học Phật, chưa xuất gia, cũng chưa quy y, chỉ vừa tiếp xúc đến Phật pháp, có một hôm đi chơi, đến chùa chơi, ngay lúc ấy trong chùa đang làm Phật sự, đại khái là siêu độ cho cha mẹ của một ông nọ. Pháp sư ở bên ngoài tụng kinh, người nhà ở phía trong cười giỡn, vui vẻ đánh bài tứ sắc, tôi nhìn thấy thiệt chẳng ra gì. Giống cái gì? Giống như cha mẹ chết đi rất tốt, cả nhà rất vui vẻ, cả nhà chẳng có tâm niệm bi thương gì cả. Đến lúc kêu ra lạy, pháp sư kêu: 'Đến đây ! Các vị ra lạy một cái đi!' Người nhà nói: 'Dạ, mau mau đi ra lạy.' Lạy xong vừa trở vô bèn ngồi ngay vào bàn đánh bài tiếp, thiệt chẳng ra giống gì, người hiện nay chẳng hiểu lễ nghĩa gì cả, chẳng hiểu chân tướng sự thật, vô cùng đáng thương, thật đúng như trong kinh Phật gọi họ là những người đáng thương xót, chúng ta phải thể hội ý nghĩa của câu này.

Đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 7 (Số 14-12-07)

Xin mở kinh. Lần trước giảng tới đoạn đức Phật dạy cô Bà La Môn dùng pháp môn Niệm Phật sẽ biết được mẹ mình sau khi chết thần hồn thác sanh vào cõi nào. Chúng ta biết Phật pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa, pháp môn vô lượng vô biên, môn nào cũng có thể thành Vô Thượng Đạo. Tại sao Phật chẳng dạy cô dùng phương pháp Tham Thiền, Trì Giới, Trì Chú? Tại sao không dạy những pháp môn này mà lại đặc biệt dạy pháp môn Niệm Phật, chúng ta nhất định phải hiểu hàm ý ở đây. Bất cứ pháp môn nào cũng có thể đạt được Định, đều có thể khai Huệ, tổng cương lãnh của việc tu học Phật pháp tức là Định, Huệ, chư vị nhất định phải hiểu việc này. Cho nên vô lượng pháp môn đều là phương pháp tu Định, Huệ, đều là cánh cửa để khai trí huệ, phương pháp và cửa vào chẳng giống nhau, nhưng mục tiêu đạt được hoàn toàn giống nhau. Trong ấy đích thật có sự sai khác dựa trên căn tánh khó hay dễ, duy chỉ có pháp môn Niệm Phật là bao trùm cả ba căn, bất luận là lợi căn [hay] độn căn, hơn nữa thành tựu nhanh chóng, ổn thỏa, thích đáng, dễ dàng, thế nên Phật dùng pháp môn này để dạy cô. Cô quả thật rất giỏi, nếu nói theo pháp môn của chúng ta, cô thuộc về người hạng căn tánh thượng đẳng; vì cô chỉ niệm một ngày một đêm liền đạt được nhất tâm bất loạn, được Định. Trong Định, cảnh giới hiện tiền, chỉ có cô mới có thể nhìn thấy. Nếu Phật nói cho cô biết mẹ cô đã sanh lên trời Đao Lợi được ba ngày rồi, chưa chắc cô có thể tin tưởng, vì chẳng chắc thật. Cô nghĩ có lẽ Phật thấy cô rất đáng thương nên an ủi mình, chưa chắc đã là thiệt. Nhưng Phật chẳng nói dối, nhất định phải là thiệt. Lòng tin này chẳng chắc thật. Cô đích thân đến địa ngục để xem, thế thì chẳng nói lời nào được nữa.

Hơn nữa mẹ cô làm sao có thể sanh lên trời? Nhất định chẳng do Phật lực, hôm qua [tôi] đã nói với chư vị. Nhờ tăng thượng duyên của mẹ giúp cho cô dũng mãnh tinh tấn, nội trong một ngày có thể thành tựu Niệm Phật Tam Muội, mẹ cô nhờ công đức này nên được sanh lên trời. Nếu cô chẳng thể dũng mãnh tinh tấn, chẳng đạt được Niệm Phật Tam Muội, thì mẹ cô chẳng được phước lớn như vậy. Phước của mẹ cô lớn hay nhỏ là dựa trên công phu tu trì của cô sâu hay cạn. Lý luận này mới hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Thế nên thời xưa khi con cháu đỗ đạt vinh hiển, cha mẹ và tổ tiên của người ấy đều được triều đình phong thưởng; tại sao triều đình phải phong thưởng cha mẹ, tổ tiên? Chúng ta thấy trong lịch sử khi triều đình phong quan, tuy cha mẹ của người ấy chẳng còn tại thế, đã qua đời, đều phong tước vị cho cha mẹ bằng với tước vị của người ấy. Tại sao? Người ấy là hiếu tử, thành tựu của ông ấy là nhờ cha mẹ dạy dỗ, ông ấy vì muốn báo ân cha mẹ nên mới dũng mãnh tinh tấn; cha mẹ, ông bà đối với ông ấy đều là tăng thượng duyên thiện, là đạo lý như vậy nên triều đình mới phong thưởng. Đi khắp nơi trong các cõi nước của chư Phật, hư không pháp giới, đạo lý này đều được hết thảy chúng sanh khẳng định, chân lý vĩnh hằng chẳng thay đổi chính là ở chỗ này. Đọc kinh này xong chúng ta mới biết làm sao siêu độ, siêu độ sẽ được lợi ích gì, đây là thật chẳng giả.

Kinh Địa Tạng là kinh căn bản của Đại Thừa Phật pháp, thật ra phải giảng kỹ nhưng thời gian có hạn, chúng tôi chỉ giảng hai mươi buổi, bốn mươi giờ, chẳng thể nói kỹ. Tương lai chúng tôi nhất định sẽ tìm thời gian giảng kỹ hơn, đây là pháp căn bản cho sự tu học của chúng ta, nhất định không được coi thường. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Thời Bà La Môn nữ tầm lễ Phật dĩ, tức quy kỳ xá, dĩ ức mẫu cố.

Lúc đó Thánh Nữ Bà La Môn lễ Phật xong liền trở về nhà. Vì nhớ mẹ.

Câu này quan trọng. Tại sao có thể y giáo phụng hành? Tại sao có thể 'ngồi ngay ngắn niệm', ngồi ngay ngắn tức là dùng tâm chân thành, nhất tâm niệm Phật. 'Vì nhớ mẹ' tức là phát tâm Bồ Đề, tương ứng với nguyên tắc của kinh Vô Lượng Thọ: *'Phát Bồ Đề Tâm, Nhất hướng chuyên niệm'*.

Đoan tọa niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Kinh nhất nhật nhất dạ.

Ngồi ngay thẳng niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Trải qua một ngày một đêm.

Cô không ngủ, không nghỉ! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, truyện ký ghi vị tỳ kheo phá giới này đã làm rất nhiều ác nghiệp. Ưu điểm của ông là tự mình biết đã tạo ác quá nhiều nên tương lai nhất định sẽ đọa địa ngục. Đã biết rồi tại sao còn tạo nghiệp? Vì tập khí quá nặng, khi gặp ác duyên chẳng thể tự kiềm chế. Nhưng ông biết tương lai đọa địa ngục rất dễ sợ, nghĩ đến quả báo này nên ông rất sợ. Ông hỏi những đồng tham đạo hữu, họ cho ông một cuốn Vãng Sanh Truyện. Coi xong ông rất cảm động, đóng cửa lại niệm Phật, không ngủ, không ăn, cũng không uống nước, niệm suốt ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật đến. Kinh Di Đà nói nếu [niệm] một ngày, nếu hai ngày, nếu ba ngày đến bảy ngày, chúng ta thấy được, đây là thật chẳng giả. Chúng ta niệm Phật hết bảy ngày, niệm hết bảy lần bảy ngày nhưng cũng không thấy Phật, đó là vì chẳng đúng như pháp, vừa niệm vừa khởi vọng tưởng, tạp niệm, cho nên chẳng có cảm ứng. Niệm Phật đúng cách thì một tạp niệm cũng chẳng có. Giống pháp sư Oánh Kha vì sợ đọa địa ngục, cứu mạng khẩn cấp nên chẳng khởi một tạp niệm, đây là người có căn tánh hạng trung bình. Thánh Nữ Bà La Môn là người thượng căn, một ngày một đêm liền thành tựu, pháp sư Oánh Kha ba ngày ba đêm thành tựu, chí thành khẩn thiết cảm động Phật đến ứng. Đây là một ngày một đêm đạt được Niệm Phật Tam Muội, được Sự Nhất Tâm Bất Loạn.

Hốt kiến tự thân đáo nhất hải biên, kỳ thủy dũng phất, đa chư ác thú tận phục thiết thân, phi tẩu hải thượng đông tây trì trục. Kiến chư nam tử nữ nhân bá thiên vạn số, xuất một hải trung, bị chư ác thú tranh thủ thực đạm.

Bỗng thấy thân mình đến một bờ biển, nước biển sôi sùng sục, có nhiều thú dữ toàn thân bằng sắt bay nhảy trên biển, chạy qua chạy lại đuổi nhau, lại thấy nhiều người trai và gái, số nhiều đến trăm ngàn muôn, thoạt chìm thoạt nổi trong biển, bị các thú dữ tranh giành ăn nuốt.

Đây là cảnh giới trong Định, cô thấy được hiện tượng địa ngục, thấy những người này đang thọ tội, chúng ta xem đoạn kinh tiếp theo:

Hựu kiến Dạ Xoa.

Lại thấy Dạ Xoa

Dạ Xoa là ác quỷ trong địa ngục.

Kỳ hình các dị

Hình dáng khác nhau

Hình dáng kỳ quái

Hoặc đa thủ đa nhãn, đa túc đa đầu, khẩu nha ngoại xuất, lợi nhận như kiếm.

Hoặc nhiều tay nhiều mắt, nhiều chân nhiều đầu, răng mọc chìa ra ngoài, bén nhọn như gươm

'Lợi nhận như kiếm' [ý] nói răng của họ bén nhọn.

Khu chư ác nhân sử cận ác thú.

Lùa những tội nhân đến gần thú dữ

Thú dữ trong địa ngục rất nhiều, đều đang ăn thịt tội nhân. Đương nhiên tội nhân nhìn thấy thú dữ thì chạy! Những quỷ Dạ Xoa xua đuổi, bắt những tội nhân này lại cho thú dữ ăn thịt, không phải chỉ xua đuổi mà thôi.

Phục tự bác quặc

Lại tự chụp bắt.

'Bác quắc' là đánh bằng roi, lôi kéo rồi liệng.

Đầu túc tương tựu, kỳ hình vạn loại, bất cảm cửu thị.

Túm quắp đầu và chân lại, hình trạng muôn thứ, chẳng dám nhìn lâu.

'Chẳng dám nhìn lâu', không nhẫn tâm nhìn thấy cảnh ấy, nhìn thấy trong lòng tê tái. Đây là cảnh tượng những người tạo ác nghiệp trong thế gian này, đọa địa ngục chịu khổ. Thánh Nữ Bà La Môn đích thân nhìn thấy. Đoạn kinh kế tiếp:

Thời Bà La Môn nữ dĩ niệm Phật lực cố tự nhiên vô cụ.

Lúc ấy Thánh nữ Bà La Môn nhờ sức niệm Phật nên tự nhiên không sợ hãi.

Cô nhìn thấy hiện tượng địa ngục, nhờ sức Niệm Phật Tam Muội giúp cô nhìn cảnh tượng này mà chẳng sợ hãi. Nhưng khởi lòng thương xót, chẳng nhẫn tâm nhìn thấy trạng thái bi thảm này. Vào đến địa ngục, trong ấy cũng có người đến tiếp chuyện với cô.

Hữu nhất quỷ vương, danh viết Vô Độc, khể thủ lai nghinh, bạch Thánh Nữ viết Thiện Tai Bồ Tát hà duyên lai thử.

Có một quỷ vương tên là Vô Độc, cúi đầu nghinh đón, hỏi Thánh Nữ rằng: 'Lành thay, Bồ Tát! Duyên gì đến đây?'

Cảnh giới địa ngục chỉ có hai hạng người thấy được: một là tội nhân đến đó để chịu tội; hai là Bồ Tát đến đó độ hóa chúng sanh, chỉ có hai hạng người này. Trừ hai hạng này ra, địa ngục ở ngay trước mặt bạn cũng chẳng nhìn thấy. Lúc trước lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể cho tôi nghe một câu chuyện, chuyện này có thật, cụ viết trong sách của cụ. Nhân vật chính trong câu chuyện này là cha vợ của cụ, tức là ông Chương Thái Diệm. Lúc ông Chương còn sống đã từng làm chức phán quan cho Đông Nhạc đại đế, dùng cách nói hiện nay tức là Bí Thư trưởng, địa vị rất cao. Ở Trung Quốc có năm ngục, năm ngục này có đại quỷ vương, quản trị năm sáu tỉnh, địa vị của ông Chương chỉ thấp hơn Diêm La Vương. Diêm La vương cũng giống như ông vua cai trị toàn quốc, còn ông giống như một Chư Hầu, cai trị một vùng, lớn hơn một tỉnh. Ông Chương là một người học Phật, biết hình phạt trong địa ngục rất thê thảm, vô cùng tàn khốc. Ông

có tâm nhân từ, một ngày nọ đề nghị với Đông Nhạc đại đế xin phế trừ hình phạt Bào Lạc trong địa ngục; Bào Lạc là gì? Đốt cột sắt cho nóng đỏ lên rồi bắt tội nhân ôm cột, vô cùng tàn khốc, chúng ta gọi là hình phạt chẳng nhân đạo; hy vọng Đông Nhạc đại đế có lòng nhân từ, phế bỏ hình phạt tàn khốc này. Đông Nhạc đại đế chẳng nói gì hết chỉ sai hai tiểu quỷ dẫn ông Chương đi đến chỗ xử phạt để xem. Ông Chương liền đi theo hai tiểu quỷ này, đại khái là đi hết một đoạn đường rồi hai tiểu quỷ này nói với ông: 'Tới rồi, chỗ xử phạt ở đó kìa'. Ông nhìn về phía ấy nhưng không thấy gì cả, lúc đó ông mới vỡ lẽ, tự nhiên hiểu được. Kinh Phật nói đây là cảnh giới do nghiệp lực biến hiện ra, chẳng phải do Diêm La vương thiết lập, Diêm La vương chẳng có cách gì phế trừ, là do nghiệp lực biến hiện ra, từ đây mới hiểu đạo lý giảng trong kinh Phật.

Những cảnh giới trong địa ngục này, những dụng cụ tra tấn, dạ xoa, ác quỷ đều là hình tướng do ác nghiệp của mình biến hiện tạo nên, cũng như nằm mộng vậy; Tướng có nhưng Thể không, Sự có nhưng Lý không, cảnh tượng sai khác muôn vàn, đều là do ý niệm vọng tưởng biến hiện ra. Thế nên Phật dạy rất hay: *'Hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh'*, tam ác đạo cũng từ tâm tưởng sanh, tại sao trong tâm có ác niệm! Chúng ta hiểu được đạo lý này rồi mới biết. Nếu chẳng muốn nhìn thấy tam ác đạo thì nhất định phải dứt trừ những ác niệm trong tâm, không những không thể nói lời ác, thân không thể tạo ác nghiệp, ý niệm cũng không được khởi lên. Hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh, hết thảy cảnh giới đều là 'pháp', chẳng có một chuyện gì chẳng từ tâm tưởng sanh.

Người có định lực nhìn thấy, Thánh nữ Bà La Môn vừa chứng Niệm Phật Tam Muội vì cô nhớ mẹ nên cảnh giới này liền hiện ra. Vô Độc quỷ vương đến tiếp đón cô. Khể thủ là lễ bái, tiếp đón cô rất lễ phép. Hỏi cô: "Lành thay Bồ Tát', Thiện Tai là xưng tán, hiếm có dịp được Bồ Tát quang lâm đến địa ngục, chẳng biết vì nguyên nhân gì mà ngài đến đây?" Xin xem tiếp kinh văn:

Thời Bà La Môn nữ vấn quỷ vương viết, thử thị hà xứ. Vô Độc đáp viết thử thị Đại Thiết Vi Sơn, Tây diện đệ nhất trùng hải.

Lúc đó Thánh nữ Bà La Môn hỏi quỷ vương: 'Đây này là nơi nào'? Vô Độc trả lời: 'Đây là tầng biển thứ nhất ở phía tây núi Đại Thiết Vi'.

Đây là cảnh giới cô nhìn thấy. 'Núi Đại Thiết Vi' rốt cuộc là ở chỗ nào? Trong kinh Phật nói ở chính giữa Tứ Đại Bộ Châu là núi Tu Di, núi Tu Di rốt cuộc là ở đâu? Bảy tầng núi, tám tầng biển, bảy tầng núi ở đâu? Trong kinh nói biển nước mặn, chúng ta hiện nay thấy nước biển có vị mặn. Cảnh Phật nói chẳng phải cảnh giới của phàm phu chúng ta, phàm phu chúng ta chẳng nhìn thấy. Chuyện này có thật không? Chắc chắn là thật. Tại sao chúng ta chẳng nhìn thấy? Chúng ta chẳng có khả năng đột phá các tầng lớp không gian, nếu chúng ta có công phu định lực, có thể nhìn thấy không gian bốn chiều, năm chiều, sáu chiều, thì những chân tướng sự thật này sẽ phơi bày trước mắt. Địa ngục này, tầng biển thứ nhất ở phía tây của núi Thiết Vi, Thánh nữ có thể nhìn thấy trong Định, giới hạn trong Định đã bị đột phá. Chúng ta biết ở Trung Quốc vào đời Đường, Trí Giả đại sư đọc kinh Pháp Hoa nhập định, trong Định ngài nhìn thấy núi Linh Thứu, thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, ngài còn ở lại nghe một buổi. Đây là nói trong lúc nhập định, ngài đã siêu việt thời gian. Trí Giả đại sư cách Phật Thích Ca khoảng một ngàn bảy trăm năm, đây là nói ngài có thể quay trở về quá khứ; tự mình ở núi Thiên Thai, ngồi ở đó như như chẳng động, ngài có thể nhìn thấy núi Linh Thứu ở Ấn Độ, đây là siêu việt không gian. Do đó chỉ cần có công phu định lực, trong Định chẳng còn phân biệt, chấp trước nữa thì có thể đột phá thời gian và không gian. Thời quá khứ và hiện nay có nhiều người tu Định đều có khả năng này, đây là việc chúng ta có thể tin được. Huống chi là Thánh nữ

Bà La Môn chân thành, khẩn thiết, dũng mãnh tinh tấn, đạt được Niệm Phật Tam Muội, thế nên cô nhìn thấy cảnh giới địa ngục. Hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

Thánh nữ vấn viết, ngã văn Thiết Vi chi nội địa ngục tại trung, thị sự thật phủ.

Thánh nữ hỏi: 'Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thật không?'

'Tôi nghe' nghĩa là lúc trước thường đọc kinh, nghe kinh, nghe trong kinh Phật nói biển lớn trong núi Thiết Vi có đại địa ngục. Hỏi rằng: đó phải là sự thật hay chăng? Từ đây có thể thấy tuy thường nghe kinh, thường đọc kinh, cũng tin tưởng lời Phật giảng, nhưng vẫn đánh dấu hỏi như thường. Nếu không hoài nghi, đến chỗ này còn hỏi quỷ vương làm gì! Chẳng cần hỏi họ. Do đó mới biết khó xây dựng lòng tin dường nào, trong kinh điển Đại Thừa, đại kinh đại luận như Hoa Nghiêm, Đại Trí Độ Luận, đức Phật nhiều lần nói rõ lòng tin rất khó được, 'lòng tin là mẹ của công đức, cội nguồn của đạo 1[1]'. Cội nguồn của Bồ Tát tu hành chứng đạo là ở tại lòng tin, lòng tin chân chánh được xây dựng, chẳng lay động thì tu hành chứng quả đâu cần ba đại a-tăng-kỳ kiếp? Chẳng cần lâu như vậy. Lòng tin của phàm phu chúng ta được gọi là 'đạo tâm như sương móc' (lộ thủy đạo tâm), rất dễ bị lay động, một cơn gió thổi nhẹ thì lòng tin bay mất tiêu rồi, vậy thì còn thành tựu gì nữa! Trong kinh chúng ta đọc được rất nhiều, chúng ta cũng thấy rất nhiều, từ xưa đến nay thế pháp, Phật pháp, bất hiếu cha mẹ, bội sư phản đạo, nếu có thành tựu thì đều lọt vào Ma đạo, sau này chẳng thành tựu trong Phật đạo, mà là [thành tựu trong] Ma đạo, chúng ta tin hay không? Những thứ này đều do Phật nói trong kinh, là do Ma nhiếp trì. Chánh pháp nhất định là từ hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, y theo lời dạy mà tu học đúng như lý, như pháp thì mới thành tựu. Đây là chuyện chúng ta không thể không hiểu khi đọc kinh luận Đại Thừa, không thể không lắng lòng thể hội. Hãy xem tiếp câu trả lời của Vô Độc:

Vô Độc đáp viết, thật hữu địa ngục.

Vô Độc trả lời: 'Địa ngục có thật'

Trả lời một cách vô cùng khẳng định, đích thật là có địa ngục. Nói thật ra trong sáu nẻo, những nẻo khác tạo ác ít, cơ hội tạo ác ít, còn trong thế gian này cơ hội tạo ác quá nhiều. Thiên nhân thì hiếu thiện hiếu đức, chỉ có A Tu La tập khí chưa đoạn vẫn còn tiếp tục tạo ác. Chúng sanh trong ác đạo, chúng ta gọi là cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ, cõi địa ngục chỉ có thọ tội, hoàn toàn không có cơ hội tạo ác. Cơ hội tạo ác trong cõi ngạ quỷ và cõi súc sanh đều ít, rắn độc thú dữ tâm ác độc nhưng nó cũng sát hại chúng sanh khác loại, sự sát hại rất hạn chế, trong một đời nó có thể sát hại bao nhiêu sanh mạng? Chúng ta coi những thú dữ như sư tử, hổ, khi chúng nó ăn no rồi, những con thú nhỏ ở kế bên đi tới đi lui, hình như nó không nhìn thấy vậy. Chúng ta xem thấy trong chương trình 'Động vật kỳ quan' trên TV, cả đời nó sát sanh cũng ít, đâu có bằng con người! Con người giết hại sanh mạng không nhất định là vì miếng ăn, thế nên rất dễ tạo nghiệp. Người giết người không phải vì muốn ăn thịt người, ngày nay những võ khí nguyên tử, một trái bom nguyên tử dội xuống có thể giết hại mấy trăm ngàn người, mấy triệu người, bạn nói tội nghiệp này nặng bao nhiêu! Họ làm sao không đọa địa ngục cho được! Địa ngục từ đâu đến? Từ ác nghiệp biến hiện nên, tuyệt chẳng phải do Phật tạo ra, cũng chẳng phải do quỷ thần tạo ra, mà do nghiệp lực của mình biến hiện ra. Chúng ta xem kinh văn:

1[1] Nguyên văn: tín vi đạo nguyên công đức mẫu

Thánh nữ vấn viết ngã kim vân hà đắc đáo ngục sở.

Thánh nữ hỏi: 'Tôi làm thế nào đến được địa ngục này?'

Thánh nữ hỏi Vô Độc quỷ vương: 'Tại sao tôi lại đến chỗ này?' Chính cô cũng cảm thấy rất kinh ngạc.

Vô Độc đáp viết, nhược phi oai thần tức tu nghiệp lực, phi thử nhị sự chung bất năng đáo.

Vô Độc trả lời: 'Nếu không phải oai thần thì phải là nghiệp lực. Ngoài hai sức này ra thì trọn chẳng thể đến được'

Vậy là đã nói rõ, giống như lúc nảy chúng ta nói về chuyện của ông Chương Thái Diệm, ông Chương chẳng tạo nghiệp địa ngục và cũng chẳng phải Bồ Tát nên địa ngục ngay trước mặt nhưng ông không nhìn thấy. Nếu chẳng phải hai nguyên nhân này, đi vô địa ngục cũng chẳng thấy gì hết. Nhất định phải có hai điều kiện: thứ nhất là 'oai thần', đó là Bồ Tát đến địa ngục để độ hóa chúng sanh, họ có thể thấy; thứ hai là 'nghiệp lực', tức là tội nghiệp đọa địa ngục, quả báo hiện ra.

Thánh nữ hựu vấn, thử thủy hà duyên nhi nãi dũng phất, đa chư tội nhân cập dĩ ác thú.

Thánh nữ lại hỏi: 'Do duyên gì mà nước biển sôi sùng sục, lại có nhiều tội nhân và thú dữ như vậy?'

Cô hỏi Vô Độc tại sao nước ấy lại sôi như vậy? 'Dũng phất' là như nước sôi vậy, nước này rất nóng, chẳng lạnh, tình trạng biển này như vậy. Nhiều tội nhân và thú dữ trong nước này, do duyên cớ gì? Kinh Lăng Nghiêm nói về tình hình này vô cùng tường tận, nói rõ hiện tượng và đạo lý cho chúng ta, đó là 'tạo Thập Tập Nhân 2[2], thọ Lục Giao Báo 3[3]', 'tập' tức là tập khí, bạn tạo mười thứ tập khí chẳng thiện, tức là tập

---

2[2] Thập Tập Nhân là mười thói quen, tập quán bất thiện chiêu cảm đến quả báo đau khổ.
Mười tập nhân gồm có: tập-quán dâm-dục giao tiếp, tập quán tham lam so đo, tập quán ngã mạn lấn lướt, tập quán nóng giận xung đột, tập quán giả dối dụ dỗ, tập quán lừa gạt lừa dối, tập quán thù oán hiềm khích, tập quán ác kiến tranh cãi, tập quán vu vạ vu báng, tập quán thưa kiện cãi vã; lược trích từ kinh Lăng Nghiêm, quyển tám.

3[3] Lục Giao Báo là sáu thứ khổ báo, kết quả của ác nghiệp do lục căn và lục thức của con người tạo nên. Lục Giao Báo gồm có:

a. Kiến Báo chiêu cảm ác quả. Khi Kiến nghiệp giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng; hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng. Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

b. Văn Báo chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm. Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp; chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

c. Khứu Báo chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy dẫy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là ngửi thông bị các hơi độc xông vào, nhiễu loạn tâm thần; hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất. Như vậy, ngửi khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; xông vào thị

khí của mười ác nghiệp, thượng phẩm thập ác thì bạn sẽ cảm thọ lục giao báo trong địa ngục.

Vô Độc đáp viết, thử thị Diêm Phù Đề tạo ác chúng sanh tân tử chi giả.

Vô Độc trả lời: 'Đó là những chúng sanh tạo ác trong Diêm Phù Đề vừa chết'

Đây là tình huống mà Thánh nữ thấy, 'Diêm Phù Đề' tức là địa cầu chúng ta, chẳng phải là chỗ khác, là bổn địa chúng ta. Những người này vừa chết.

Kinh tứ thập cửu nhật hậu, vô nhân kế tự, vi tác công đức, cứu bạt khổ nạn, sanh thời hựu vô thiện nhân, đương cứ bổn nghiệp sở cảm địa ngục, tự nhiên tiên độ thử hải.

Quá bốn mươi chín ngày không có người kế tự làm công đức để cứu vớt khổ nạn, lúc sanh tiền lại chẳng làm việc thiện, nên cứ theo bổn nghiệp mà chiêu cảm quả địa ngục, tự nhiên phải đến biển này trước.

Chúng ta đọc câu này: 'tạo ác chúng sanh', đọc đến những câu kinh này lông tóc dựng đứng, đây chẳng phải nói người khác mà là nói đến chính chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, giống như kinh Địa Tạng có nói: *'chẳng có gì không phải tội'*. Hiện nay mỗi ngày đều tạo, mỗi tâm niệm đều tạo, tạo không ngừng, khi hơi thở này không trở lại được nữa thì làm sao đây? Đúng như trong Phật pháp có

---

giác thì thành lửa, đuốc; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi; xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thịt lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý thức thì thành tro, chướng khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

d. Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bừng cháy, che khắp thế giới; thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể, hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy. Như vậy, nếm mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì thành lồng sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa.

e. Xúc Báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn, rắn lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt (người gác ngục) đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lùa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu; hai là lìa xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ. Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; qua thính giác thì thành đánh, đập, đâm bắn; qua khứu giác thì thành tóm, đựng, khảo, trói; qua vị giác thì thành cày, kìm, chém, chặt; qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

f. Tưởng Báo chiêu cảm ác quả. Khi tưởng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi; hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở. Như vậy, tà tưởng kết vào ý thức thì thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; kết vào thính giác thì thành đại hợp băng giá, sương mù, đất bùn; kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

A Nan! Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A-Tỳ; nếu cả thân khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào khu 18 địa ngục; nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo (trộm cắp), thì người ấy vào khu 36 địa ngục; nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào khu 108 địa ngục. Trích từ kinh Lăng Nghiêm, quyển tám, dịch giả: HT Thích Duy Lực.

nói: *'Chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân'*, Bồ Tát có tâm cảnh giác, chúng sanh ngu si, ngu muội, lúc quả báo chưa hiện tiền thì không màng đến, không tin tưởng, đến lúc quả báo xảy ra thì hối hận không kịp, thế nên [đức Phật] mới dạy chúng ta dứt ác, tu thiện. Cái gì là thiện? Phật dạy cho chúng ta pháp căn bản, ba thứ tịnh nghiệp 'Tam Phước' nói trong 'Quán kinh'. Phật dạy rõ ràng, minh bạch như vậy, ba thứ này là *'chánh nhân Tịnh nghiệp của ba đời chư Phật'*, đó chính là Thiện. Trái ngược với Thiện tức là Ác. Trong một đời chúng ta, những gì mình làm tương ứng với Thiện hay tương phản với Thiện, tương phản tức là Ác; nếu tương ứng với Thiện thì sẽ được phước báo trong cõi trời, người, nếu tương ứng với Ác thì sẽ chịu quả báo trong ba đường ác, trong địa ngục.

Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước 4[4], điều thứ nhất là phước nhân thiên, nếu bạn làm được thì đời sau sẽ sanh đến cõi người, cõi trời hưởng phước; nếu làm không được thì coi tội nghiệp của bạn nặng hay nhẹ mà đi thọ báo trong ba đường ác. Ba đường ác là: ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, coi bạn tạo ác nhẹ hay nặng.

Điều thứ hai là phước Tiểu Thừa, nếu bạn làm được tương ứng, y giáo phụng hành, quả báo nhất định sẽ ở cõi trời, hưởng phước trời. Nếu tu hành có công phu, chứng đến Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả thì sẽ sanh đến Ngũ Bất Hoàn Thiên cõi trời Tịnh Cư để hưởng phước. Nếu trái ngược thì nhất định sẽ sanh vào địa ngục, ác quỷ thọ báo, chẳng có súc sanh. Trong cõi người có súc sanh, quả báo của súc sanh thì nhẹ hơn, còn địa ngục và ngạ quỷ thì quả báo nặng hơn, tại sao vậy? Phước của điều thứ hai lớn hơn phước của điều thứ nhất, cho nên nếu bạn tu được thì phước sẽ lớn, nếu trái ngược thì đọa lạc cũng khổ hơn, cùng một đạo lý.

Điều thứ ba là phước báo Đại Thừa, nếu bạn y giáo phụng hành thì bạn sẽ làm Bồ Tát, siêu phàm nhập thánh; nếu trái ngược thì nhất định sẽ đọa địa ngục, chẳng đọa ngạ quỷ, súc sanh, nhất định đọa địa ngục.

Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch, hiểu cả Lý lẫn Sự, rồi sau đó mình mới tin sâu chẳng nghi. Trong đời sống hằng ngày phải luyện công phu ở nơi nào? Nơi khởi tâm động niệm, niệm niệm đều tương ứng với Phật, niệm niệm đều tương ứng với Đạo, Đạo là gì? Đạo là chân như tự tánh, tương ứng với tánh đức, đời này chúng ta hy vọng vãng sanh mới có thể đạt được, làm sao có thể làm ác hoài được! Đời người ngắn ngủi, đau khổ, đặc biệt là thời đại ngày nay, cả thế giới động loạn, tai biến vô thường, nhất định phải giác ngộ hết thảy sự việc trên thế gian đều như mộng, như huyễn, một thứ gì cũng chẳng đạt được, đây là sự thật.

Gần đây chúng ta thấy kinh tế Đông Nam Á suy thoái, bao nhiêu người có tiền có của, lúc bình thường đều là những người hiển hách ghê gớm, [một thời gian sau thì] nghe người ta nói họ tự sát rồi. Tại sao lại tự sát? Bị phá sản? Trong kinh Phật dạy: *'Tài là vật chung của năm nhà'* 5[5], chúng ta hiểu rồi, không tiêm nhiễm mảy may, một lòng hướng về đạo, được vậy thì chúng ta mới được cứu. Trong kinh Phật nói: 'tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ' là ngũ dục, là năm cội gốc của địa ngục; nếu bạn tham luyến chẳng xả, thì bạn sẽ có phần tham dự vào cảnh giới địa ngục giảng trong kinh Địa Tạng này. Những cảnh giới mà Thánh nữ thấy ở đó là những chúng sanh tạo ác nghiệp trên địa cầu của chúng ta, bạn hãy xem chúng sanh tạo ác

---

4[4] Tịnh Nghiệp Tam Phước:

1. Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp
2. Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.
3. Phát Bồ Đề tâm, đọc tụng Đại thừa, tin sâu nhân quả, khuyến tấn hành giả.

5[5] Nguyên văn: Tài vi ngũ gia cộng hữu. Ý nói tài vật thế gian là tài sản chung của năm nhà: Vua, giặc cướp, lửa, nước, con cháu ngỗ nghịch. Gọi là "vật chung của năm nhà" vì năm loại trên sẽ cướp mất tài sản này bất cứ lúc nào

nghiệp nhiều hay ít! Ở đây chẳng nói người tin Phật mới đọa địa ngục, người không tin Phật thì sẽ chẳng đọa địa ngục, chẳng có việc này. Nếu nói người không tin Phật sẽ không đọa địa ngục, vậy thì chúng ta đừng tin Phật nữa; người không tin Phật vẫn đọa địa ngục như thường, bất luận là bạn tin hay không tin. Bạn tu thiện thì nhất định sẽ sanh lên trời, tạo ác thì nhất định sẽ đọa lạc, đây là đạo lý nhất định, bất kể là bạn tin hay không tin.

'Những người mới chết, sau bốn mươi chín ngày', chẳng có con cháu vun bồi phước cho họ. Đạo lý và phương pháp cúng thất cho người mất đều phát xuất từ kinh Địa Tạng. Trong kinh Phật đã nói lúc người ta chết rồi nhưng chưa đi đầu thai, đây là thân Trung Ấm. Thân Trung Ấm mỗi bảy ngày phải trải qua một lần 'biến dịch' sanh tử, họ rất khổ, cho nên mỗi bảy ngày nên làm một lễ siêu độ nhằm giảm bớt nỗi đau khổ của họ, tu phước cho họ. 'Lúc còn sanh tiền chẳng trồng thiện nhân', chẳng làm việc thiện gì cả. 'Nên cứ theo bổn nghiệp mà chiêu cảm quả địa ngục, tự nhiên phải đến biển này trước'. 'Tự nhiên' nghĩa là không có bất cứ ai cưỡng bức họ. Địa ngục chẳng do người ta tạo dựng, cũng chẳng do Diêm La Vương thiết lập, tự nhiên khi nghiệp lực hiện tiền thì mới có hiện tượng này. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh tiếp theo:

Hải đông thập vạn do tuần hựu hữu nhất hải, kỳ khổ bội thử, bỉ hải chi đông hựu hữu nhất hải, kỳ khổ phục bội.

Phía đông mười vạn do tuần của biển này còn có một biển, những sự khổ ở đó gấp bội biển này. Phía đông của biển đó lại có một biển, sự khổ ở đó lại gấp bội lên.

Càng vô trong thì tội nghiệp càng nặng thêm, sự khổ gia tăng gấp mấy lần những gì bạn thấy ở đây. Hiện nay những cảnh bạn nhìn thấy là tầng biển thứ nhất, tội nghiệp còn nhẹ, tội cực nặng bạn chưa thấy.

Tam nghiệp ác nhân chi sở chiêu cảm, cộng hiệu nghiệp hải, kỳ xứ thị dã.

Do ác nhân của ba nghiệp chiêu cảm nên, gọi chung là biển nghiệp, chính là chỗ này.

Cảnh bạn nhìn thấy trong kinh Phật gọi là 'biển nghiệp', biển nghiệp là biển khổ. Ba nghiệp là thân, ngữ, ý tạo tác ác nghiệp nên bị những quả báo này. Địa ngục là như vậy, mười pháp giới cũng như vậy, hiện tượng này đều do tự tâm biến hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói về một nguyên tắc chung, cương lãnh chung là *'duy tâm hiện, duy thức biến'*, duy tâm hiện trong ấy chẳng có Thức, chẳng có Thức nghĩa là chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chư vị nên biết vọng tưởng là A Lại Da, chấp trước là Mạt Na, phân biệt là ý thức thứ sáu. Nếu chẳng dùng tám thức, năm mươi mốt tâm sở thì đó chính là 'duy tâm hiện', cảnh giới duy tâm hiện, trong kinh Phật gọi đó là 'Nhất Chân pháp giới'. Nếu bạn rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ khởi biến hóa trong Nhất Chân pháp giới, duy thức biến, tùy theo nghiệp lực của bạn. Nghiệp lực chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, biến hiện ra thập pháp giới. Thập chẳng phải là một con số, chư vị phải hiểu, 'thập' tiêu biểu cho vô lượng. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mỗi người chẳng giống nhau, pháp giới biến hiện của mỗi người chẳng giống nhau, thế nên pháp giới vô lượng vô biên. Nếu rơi vào tham, sân, si, mạn thì những cảnh giới biến hiện ra chính là biển nghiệp nói ở đây, Thánh nữ Bà La Môn đích thân nhìn thấy biển nghiệp này. Xin xem tiếp kinh văn:

Thánh nữ hựu vấn quỷ vương Vô Độc viết, địa ngục hà tại.

Thánh nữ lại hỏi quỷ vương Vô Độc: 'Địa ngục ở đâu?'.

Cô hỏi: 'Địa ngục ở đâu?'

Vô Độc đáp viết, tam hải chi nội, thị đại địa ngục.
Vô Độc trả lời: 'Trong ba biển đều là đại địa ngục'.
Biển nghiệp mà bạn nhìn thấy hôm nay chính là địa ngục.

Kỳ số bá thiên, các các sai biệt.
Số nhiều trăm ngàn, mỗi ngục đều khác nhau.
Có địa ngục lớn, lại còn địa ngục nhỏ phụ thuộc.

Sở vị đại giả, cụ hữu thập bát.
Những địa ngục lớn tổng cộng có mười tám.
Đây là như người thế gian chúng ta nói đến mười tám tầng địa ngục. 'Mười tám' địa ngục là nói đến những địa ngục lớn.

Thứ hữu ngũ bá, khổ độc vô lượng. Thứ hữu thiên bá, diệc vô lượng khổ.
Bậc kế đó có năm trăm, vô lượng sự khổ độc. Bậc kế nữa có đến trăm ngàn, cũng có vô lượng sự khổ.
Đại địa ngục trong kinh nói có tám ngục lạnh, tám ngục nóng. Trong kinh Phật nói đại địa ngục đều ở phía dưới núi Thiết Vi. Chúng ta coi kinh tiếp:

Thánh nữ hựu vấn đại quỷ vương viết, ngã mẫu tử lai vị cửu, bất tri hồn thần đương chí hà thú.
Thánh nữ lại hỏi đại quỷ vương: 'Mẹ tôi mới chết chưa lâu, không biết thần hồn của bà đã đi đến cõi nào?'
Cô đến hỏi thăm chuyện của mình. Cô nói với quỷ vương Vô Độc rằng mẹ cô vừa mất không lâu, không biết hiện nay thần hồn của bà ở nơi đâu? Người thế gian chúng ta gọi [thần hồn] là 'linh hồn'.

Quỷ vương vấn thánh nữ viết, Bồ Tát chi mẫu tại sanh tập hà hành nghiệp.
Quỷ vương hỏi Thánh Nữ: 'Mẹ của Bồ Tát lúc còn sống thường làm những nghiệp gì?'
Hỏi cô: 'Mẹ cô lúc còn sống làm nghề gì?' Hỏi làm nghề gì thì biết nghiệp của bà tạo là gì, thiện hay chẳng thiện, đại khái có thể phán đoán sau khi chết đi thì bà sẽ sanh đến cõi nào.

Thánh nữ đáp viết, ngã mẫu tà kiến, cơ hủy Tam Bảo.
Thánh nữ trả lời: 'Mẹ tôi tà kiến, khinh chê hủy báng Tam Bảo'
Tri kiến chẳng chánh, đây là chánh và tà. Chánh tri chánh kiến là gì, chúng ta phải rõ ràng, minh bạch. Nói thật ra, tri kiến của lục đạo phàm phu đều chẳng chánh, đây là điều chúng ta phải biết. Nếu chúng ta có chánh tri chánh kiến thì làm sao lại sanh đến lục đạo! Ngoài lục đạo là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; Thanh Văn là Chánh giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác. Quỷ vương hỏi Thánh nữ, xưng cô là Bồ Tát, rằng: 'Mẹ của Bồ Tát, lúc còn sống làm nghề gì?' Thánh nữ nói mẹ cô 'tà

kiến'. Tà và chánh đều có tiêu chuẩn, trong Phật pháp thì tri kiến của A La Hán mới được kể là chánh tri chánh kiến, thế nên trong kinh Phật nhắc chúng ta lúc còn chưa chứng quả vị A La Hán thì không thể tin tri kiến của mình, nếu bạn cho rằng tri kiến của bạn là chính xác thì sẽ có vấn đề. Tại sao nói tri kiến của A La Hán mới là chánh tri chánh kiến? A La Hán đã đoạn dứt Kiến Tư phiền não, cũng nghĩa là coi việc gì cũng khách quan, nói như vậy thì quý vị dễ hiểu hơn. Tại sao? Ngài không có 'Ngã (Tôi)', vô ngã, đã đoạn dứt ngã chấp rồi.

Lục đạo phàm phu khởi tâm động niệm đều có 'Tôi', có 'Tôi' thì sẽ có thành kiến, có quan niệm chủ quan, tự nhiên bạn sẽ nhìn sự việc sai lầm; tôi tưởng là đúng, tôi tưởng là chính xác, có một cái nhìn của tôi, như vậy là 'hỏng' mất rồi. Thế nên đoạn dứt Kiến Tư phiền não thì tri kiến mới được kể là 'chánh', tiêu chuẩn là ở chỗ này. Chưa đoạn Kiến Tư phiền não thì chánh tri chánh kiến ở đâu ra! Hiện nay chúng ta phải làm sao? Chúng ta mới bắt đầu học Phật, một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chưa đoạn, biện pháp duy nhất là nương nhờ vào Phật, thế nên phải nói đến tầm quan trọng của 'Tam Quy Y', y pháp chứ không y người. Học pháp nhất định phải có thầy chỉ đạo, nếu không có thầy chỉ dẫn thì bạn chẳng có biện pháp nương dựa trong Phật pháp. Kinh luận Phật nói quá nhiều, nếu bạn nương dựa vào tất cả kinh luận, thì bạn chẳng có trí huệ, trong kinh này Phật nói Không, trong kinh kia lại nói Có, rốt cuộc là Không hay là Có? Bạn sẽ trở nên mờ mịt, lộn xộn, bạn sẽ chẳng có cách gì để nương dựa. Lúc tôi mới học Phật, đại học Đài Loan có một giáo sư rất nổi danh, hiện nay đã qua đời. Ông nói với tôi: 'Có lúc kinh Phật nói có lý, có lúc thì chẳng có lý'.

Tôi nói: 'Chỗ nào chẳng có lý?'.

Ông nói: 'Tôi đã coi kinh Kim Cang'.

Tôi hỏi: 'Kinh Kim Cang nói như thế nào?'.

Ông nói: 'Giống như hai thùng nước, đổ qua đổ lại, có khi thì nói Có, [xong rồi] có chỗ lại nói Không, rốt cuộc là Không hay là Có?' Làm cho người hiểu đôi đàng đều được.

Thế nên Phật nói: *'Phật pháp nếu không có ai giảng thì dù có trí cũng chẳng hiểu được'*, đừng thấy là giáo sư đại học nổi tiếng [mà tưởng là ông ta thông suốt], không đúng đâu! Do đó mới biết chánh tri chánh kiến khó lắm! Nếu chẳng có chánh tri chánh kiến, nếu là người tà kiến còn 'khinh chê Tam Bảo'. Sợ là chúng ta tuy đã xuất gia nhưng cũng phạm lỗi này, chẳng biết chẳng giác lại tạo ra những tội nghiệp này, chính mình cũng chẳng biết; cứ tưởng là mình tài giỏi lắm, chẳng có sai lầm, luôn nhìn thấy lỗi của kẻ khác.

Thiết hoặc tạm tín, toàn hựu bất kính.

Hoặc là tạm tin, nhưng liền chẳng kính.

Bốn câu này của cô, chúng ta nghĩ kỹ một chút, quan sát thế gian này rồi tự phản tỉnh, chắc mình cũng đều phạm. Lòng tin của chúng ta là đạo tâm sương móc, khi có khi không, chẳng vượt nổi thử thách, khi gặp một chút sóng gió, đạo tâm chúng ta liền mất hết. Chữ 'kính' này càng không dễ, 'kính' phát sanh từ lòng tin, nếu không tin thì làm sao có tâm kính trọng? Đối với Phật, Bồ Tát, đối với cha mẹ còn không cung kính, thì làm sao có thể kính người, kính sự, kính vật? Làm không được, từ đó bạn mới biết việc này rất khó! Đọc xong bốn câu này chúng ta phải nhắc nhở chính mình, thường lấy bốn câu này để trước mặt làm bài minh. 6[6]

6[6] Bài minh nguyên gốc là một loại văn xuôi thường khắc trên các đồ vật bằng đồng, bằng đá với ngụ ý tán dương hay để tự răn nhắc. Ở đây chữ minh thường được dùng theo nghĩa thứ hai.

Tử tuy nhật thiển, vị tri sanh xứ.

Tuy mới chết chưa lâu, mà chưa biết thác sanh về đâu.

'Nhật thiển' nghĩa là chết chẳng lâu, chẳng biết hiện giờ bà sanh vào chốn nào? Câu này nói quỷ vương đại khái đã biết bà sanh vào cõi nào.

Vô Độc vấn viết, Bồ Tát chi mẫu, tánh thị hà đẳng

Vô Độc hỏi: 'Mẹ của Bồ Tát tên họ là gì?'

Hỏi thêm một lần: Tên của má cô là gì?

Thánh nữ đáp vấn, ngã phụ ngã mẫu câu Bà La Môn chủng.

Thánh nữ trả lời: 'Cha mẹ tôi đều thuộc dòng Bà La Môn'.

Ở Ấn Độ họ được kể là quý tộc, từ thời xưa đến nay bốn dòng họ giai cấp rất nghiêm, tôn quý nhất là Bà La Môn.

Phụ hiệu Thi La Thiện Kiến, mẫu hiệu Duyệt Đế Lợi

Cha tôi tên Thi La Thiện Kiến, mẹ tên Duyệt Đế Lợi.

Nói tên cha mẹ ra, tên này rất tốt, đều là tên tốt. Tuy tên tốt nhưng việc làm chẳng tốt, Danh chẳng phù hợp với Thật.

Vô Độc hiệp chưởng, khải Bồ Tát viết, nguyện Thánh giả khước phản bổn xứ, vô chí ưu ức bi luyến.

Vô Độc chắp tay thưa với Bồ Tát: 'Xin Thánh giả hãy trở về bổn xứ, đừng quá thương nhớ buồn rầu nữa'.

Vô Độc nghe xong, 'khải' nghĩa là rất cung kính, rất cung kính báo cáo với Thánh nữ. 'Khải' nói theo ngôn ngữ hiện nay nghĩa là 'báo cáo', nói một cách cung kính: 'Xin Ngài trở về, đừng lo nhớ nữa'. Tại sao?

Duyệt Đế Lợi tội nữ.

Tội nhân Duyệt Đế Lợi.

Đích thật bà đã đến địa ngục rồi, đã đến thọ khổ, không sai, chuyện của bà mọi người đều biết.

Sanh thiên dĩ lai, kinh kim tam nhật.

Sanh lên trời đến nay đã ba ngày rồi.

Hiện nay bà chẳng ở nơi này nữa, bà đã ở đây thọ tội, nhưng bà đã được sanh lên trời, sanh lên Trời Đao Lợi.

Vân thừa hiếu thuận chi tử, vị mẫu thiết cúng, tu phước bố thí Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tự.

Nghe nói nhờ con bà hiếu thảo, vì mẹ thiết cúng, tu phước bố thí chùa tháp thờ đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.

Nghe nói bà có con gái hiếu thuận, tu phước cho bà. Cô tu phước, cúng Phật bố thí, đây là lòng hiếu cảm đến thiên địa, tâm hiếu chân thành, cảm động thiên địa quỷ

thần. Trong kinh giảng cho chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu gồm dưỡng thân cha mẹ, dưỡng tâm cha mẹ, dưỡng chí cha mẹ; người thế gian thường trông mong con trai thành rồng, con gái thành phượng, đó là 'chí' của cha mẹ; nghĩa là hy vọng con cái tương lai có thành tựu chân chánh, tài ba xuất chúng. Nhưng rất nhiều bậc cha mẹ trong thế gian có tà kiến, cứ tưởng đạt được công danh phú quý trong thế gian tức là tài giỏi hơn người, quan niệm này sai lầm. Như thế nào mới gọi là 'tài ba xuất chúng'? Siêu phàm nhập thánh, thành Phật, thành Bồ Tát mới thật sự là 'tài ba xuất chúng', hết thảy thành tựu trong thế gian chẳng thể so sánh nổi. Thành tựu tới đâu trong thế gian cũng chẳng thoát ra khỏi lục đạo luân hồi, chỉ có thành Phật thành Bồ Tát không những siêu việt lục đạo, mà còn siêu việt thập pháp giới, đó mới là thành tựu chân chánh. Người làm cha mẹ nhưng chưa học Phật chẳng biết đạo lý này, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta đã tiếp xúc Phật pháp nên hiểu rõ, chúng ta phải làm cho bằng được; không thể nói cha mẹ không biết thì chúng ta không làm. Chuyện tốt, chuyện thiện tuy cha mẹ chẳng biết, đợi đến khi chúng ta làm được rồi, cha mẹ sẽ đạt được lợi ích lớn lao. Mẹ của Bồ Tát đâu phải là người thường!

Cúng Phật, bố thí ba hạnh này đều có. Ở đây nói 'thiết cúng', chúng ta đã đọc phía trước, Thánh nữ Bà La Môn cúng dường hình tượng của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, vì vào thời Tượng pháp [chỉ có thể cúng dường hình tượng của Phật], cảm động Phật đến dạy cô phương pháp tu hành, sau đó cô về nhà dũng mãnh tinh tấn y giáo phụng hành, đó là tu phước, bố thí. Tu phước, bố thí cho ai? Cho mẹ mới mất của cô. Thế nên sự bố thí của cô làm là bố thí pháp, đó chẳng phải là bố thí tài vật. Trong sự cúng dường có Pháp cúng dường, Y giáo phụng hành cúng dường, phước này lớn lắm! Thế nên Quỷ vương nói:

Phi duy Bồ Tát chi mẫu đắc thoát địa ngục.

Không phải chỉ có mẹ của Bồ Tát được thoát địa ngục.

Không phải chỉ có mẹ của Bồ Tát được thoát địa ngục, thoát ly khổ hải.

Ưng thị vô gián tội nhân, thử nhật tất đắc thọ lạc, câu đồng sanh ngật.

Những tội nhân trong ngục Vô Gián hôm đó đều được an lạc, đều được thác sanh hết.

Mẹ Bồ Tát được người con hiếu, được phước của bà nên sanh lên trời, những người cùng chịu tội ở địa ngục đều được hưởng ké, đều nhờ phước đó mà cùng sanh lên trời; không phải chỉ có mẹ Bồ Tát được sanh lên trời, những người trong địa ngục cùng chịu tội với bà lúc đó đều được sanh lên trời. Từ đó bạn mới biết phước báo của sự bố thí thật chẳng thể nghĩ bàn! Công đức y giáo tu hành của Thánh nữ Bà La Môn chẳng thể nghĩ bàn! Đây là sự thật, chẳng phải kể chuyện đời xưa, không phải lấy chuyện này để khuyến thiện. Chư vị phải biết, đây là chuyện thật một trăm phần trăm, khi bạn tu hành thành tựu sẽ độ được biết bao nhiêu người. Thế nên trong Phật pháp thường nói chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, từ chỗ này chúng ta cũng có thể hiểu được vài phần.

Quỷ vương ngôn tất, hiệp chưởng nhi thoái.

Quỷ vương nói xong, chắp tay cáo lui.

Quỷ vương báo cáo chuyện này xong rồi cáo lui.

Bà La Môn nữ tầm như mộng quy.

Thánh nữ Bà La môn dường như nằm mộng tỉnh dậy.

Cũng như nằm mộng vậy, thật ra cô chẳng phải trong mộng, mà là trong Định. Từ trong định xuất định.

Ngộ thử sự dĩ

Biết chuyện này xong.

Cô giác ngộ rồi, biết rõ hoàn toàn chuyện này, hoàn toàn minh bạch.

Tiện ư Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tượng chi tiền, lập hoằng thệ nguyện, nguyện ngã tận vị lai kiếp, ứng hữu tội khổ chúng sanh, quảng thiết phương tiện sử linh giải thoát.

Bèn trước tháp tượng của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai lập hoằng thệ nguyện: 'Tôi nguyện từ nay đến tận kiếp vị lai sẽ vì chúng sanh mắc phải tội khổ mà rộng lập phương tiện làm cho họ được giải thoát.'

Đây là lần phát nguyện đầu tiên trong khi tu nhân của Địa Tạng Bồ Tát. Lần thứ nhất phát tâm học Phật là đại Trưởng giả, nhìn thấy hình tượng của Phật rồi phát tâm. Phía trước tôi đã nhắc nhở các bạn đồng học: Hình tượng phải hoàn hảo, thường thường nghĩ đến chúng ta là đệ tử Như Lai, đặc biệt là đệ tử Di Đà. Di Đà là 'ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật', làm sao chúng ta có thể làm mất mặt A Di Đà Phật được! Nếu tâm niệm chúng ta khởi lên một niệm chẳng thiện thì sẽ có lỗi với đức Phật A Di Đà, khi chúng ta làm một việc chẳng thiện thì chúng ta sẽ chịu tội nghiệp rất nặng, làm sao xứng đáng là học trò của A Di Đà Phật! Học trò của A Di Đà Phật là như thế này ư? Chân chánh làm một học trò tốt của A Di Đà Phật nhất định phải y giáo phụng hành. Tại sao dạy bạn mỗi ngày phải đọc tụng Đại Thừa? Chính là để ghi nhớ lời dạy của A Di Đà Phật, *những gì Phật dạy chúng ta làm, chúng ta làm được hay chưa? Những gì Phật dạy chúng ta chớ nên làm, chúng ta còn làm không?* Chân chánh làm học trò của A Di Đà Phật đúng như ý nghĩa của nó thì trong đời này bạn nhất định sẽ được vãng sanh Tịnh độ. Trong đời hiện tại, nếu người ta không tôn kính bạn cũng chẳng có gì lạ! Người ta là phàm phu, phàm phu mắt thịt, ngay cả Phật họ cũng chẳng tôn kính thì làm sao họ tôn kính bạn! Nhưng bạn phải biết chư Phật hộ niệm, tán thán, long thiên quỷ thần, Bồ Tát tôn trọng bạn, tại sao vậy? Những người này có Tha tâm thông, có Thiên nhãn thông, họ có thể nhìn thấy tâm thiện của bạn, họ biết bạn khởi tâm động niệm [gì]; phàm phu chẳng biết, phàm phu ngu si.

Địa Tạng Bồ Tát ở đây dạy chúng ta phát nguyện, làm ra gương mẫu cho chúng ta coi, nguyện này tức là 'Tứ Hoằng Thệ Nguyện'. 'Nguyện tôi tận cùng kiếp vị lai', trên thời gian chẳng có chấm dứt, vĩnh hằng. Chẳng phải nói chuyện này tôi phải làm trong vòng bao lâu, nói tôi phải làm trong một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, không phải vậy. Mà là tận cùng kiếp vị lai. Đối tượng giúp đỡ là những chúng sanh tội khổ này, cũng chẳng nói nhất định; 'chúng sanh mắc phải tội khổ', chẳng chọn oán hay thân, chỉ cần nhìn thấy có chúng sanh chịu khổ nạn thì liền 'rộng lập phương tiện làm cho họ độ thoát'. Rộng lập phương tiện gì? Đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo, đây đều là rộng lập phương tiện. Chúng ta chẳng đoạn phiền não, chẳng học pháp môn thì dùng phương pháp gì để độ chúng sanh? Do đó mới biết Bồ Tát đoạn phiền não, đoạn tập khí, học pháp môn chẳng vì mình mà là vì hết thảy khổ nạn chúng sanh, chúng ta phải có tâm nguyện này, hết thảy những việc tu học của mình hôm nay đều vì họ, chẳng vì mình; nếu vì mình thì có thể qua loa sơ sài, có thể tùy tiện. Nhưng nhìn thấy vô số chúng sanh đang tạo tội nghiệp cực nặng, một tí tâm giải đãi hàm hồ chúng

ta đều không thể khởi được, vì sao? Vì phải dạy dỗ những chúng sanh khổ nạn này, việc gì cũng phải hết lòng, phải dũng mãnh tinh tấn.

Nếu vậy bạn hỏi: tự tôi tu hành thành tựu, được không? Có thể độ chúng sanh không? Kinh này bày ra đây, cô Bà La Môn một người tu hành, một người thành tựu, không những mẹ cô được độ, những người cùng chịu khổ với mẹ cô, những chúng sanh cùng đọa địa ngục với mẹ cô đều được sanh lên trời, không phải sự thật bày ra ngay chỗ này sao? Chúng ta còn nghi hoặc gì nữa? Một người thành tựu có thể độ được vô lượng vô biên chúng sanh. Chỉ sợ là cá nhân bạn không thể thành tựu, giả bộ làm như thiệt thì không được, giả dối thì giúp đỡ người khác được sao? Nhất định phải làm thật sự từ bản thân của mình. Dùng lời nói của thế gian chúng ta đề ra Bốn Điều Tốt: 'Giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt', những năm gần đây chúng tôi đề xướng việc này ở khắp nơi trên thế giới, làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, làm cho đại chúng nhìn thấy hình tướng này. Đoạn đầu trong kinh nói về Trưởng Giả Tử, hình tướng của Phật thị hiện làm cho xã hội đại chúng tiếp xúc đến hình tượng này có được cảm ngộ, có thể cảm động, như vậy là đã độ chúng sanh. Họ giác ngộ, quay về, học theo bạn, học theo Phật, người như vậy sẽ được độ. Người được độ dần dần thêm nhiều, một người giác ngộ sẽ dạy những người xung quanh, thân bằng quyến thuộc của họ, hàng xóm láng giềng, bạn xem sức ảnh hưởng này bao lớn ? Nhất định đừng cho rằng cá nhân tôi một người tu hành có ích gì đâu, trong kinh dạy chúng ta, một người tu hành sanh ra hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn. Điểm quan trọng nhất trong phẩm kinh này là đoạn sau cùng Địa Tạng Bồ Tát làm ra gương tốt dạy chúng ta phát tâm.

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi, thời quỷ vương Vô Độc giả, đương kim Tài Thủ Bồ Tát thị, Bà La Môn nữ giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.

Phật nói với Văn Thù Sư Lợi: quỷ vương Vô Độc lúc trước bây giờ là Tài Thủ Bồ Tát, còn Thánh Nữ Bà La Môn đó chính là Địa Tạng Bồ Tát.

Đây là chuyện vô lượng kiếp về trước, hiện nay đều đã thành tựu. Vô Độc quỷ vương ngày trước bây giờ là Tài Thủ Bồ Tát, Thánh Nữ Bà La Môn ngày trước bây giờ là Địa Tạng Bồ Tát. Đây là chuyện lúc còn tu nhân vô lượng kiếp về trước.

Xin xem tiếp kinh văn:

PHẨM THỨ 2: PHÂN THÂN TẬP HỘI

Nhĩ thời bá thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng a tăng kỳ thế giới, sở hữu địa ngục xứ, phân thân Địa Tạng Bồ Tát câu lai tập tại Đao Lợi thiên cung.

Lúc đó phân thân của Địa Tạng Bồ Tát từ những chỗ có địa ngục ở số trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói vô lượng a-tăng-kỳ thế giới đều đến tụ hội tại cung trời Đao Lợi.

Chư vị có thấy ý hướng thật sự của đoạn kinh văn này ở đâu không? 'Nhĩ thời' là lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở cung trời Đao Lợi, lúc mở pháp hội này; lúc chư Phật Như Lai, Bồ Tát từ mười phương thế giới, đại chúng vân tập; Thế Tôn cùng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát một người hỏi, một người đáp ở cuối đoạn này. Con số nêu ở đây thật là một con số 'thiên văn', chẳng có biện pháp chi tính nổi. 'Trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói', sau đó là 'vô lượng a-tăng-kỳ thế giới'; thế giới vô biên, chúng sanh vô tận. 'Những chỗ có địa ngục, phân thân Địa Tạng', Kim Địa Tạng ở Cửu Hoa Sơn của chúng ta cũng là một trong những

phân thân của ngài, vô lượng vô biên phân thân, 'đều đến tụ hội ở cung trời Đao Lợi'. Chư vị phải biết đây là để nói rõ những người tạo tội nghiệp đọa địa ngục nhiều như vậy nên Địa Tạng Bồ Tát mới phân thân, phân ra nhiều thân như vậy, [từ việc này] bạn mới biết có bao nhiêu địa ngục! Thế gian này có bao nhiêu người tạo tội nghiệp địa ngục! Ý tứ chính là ở chỗ này. Thế nên nhìn thấy hiện tượng này thật đáng sợ vô cùng! Tại sao chúng sanh tạo tội nghiệp? Vì chẳng có người dạy, hết thảy chúng sanh đều có thiện căn, đều có tâm hướng thiện, tiếc là chẳng có người hướng dẫn, chẳng có người giúp đỡ. Trong kinh này dụng ý chân chánh của Phật chính là dạy chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, phải làm phân thân của Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta có thể phát nguyện, có thể tự làm gương mẫu, hướng dẫn, luôn luôn khuyên hết thảy chúng sanh đoạn ác tu thiện, đây là tâm của Địa Tạng Bồ Tát, nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, hạnh của Địa Tạng Bồ Tát.

Tứ chúng đồng tu phải nhớ làm gương cho đại chúng ở mọi nơi, ở nhà thì làm gương cho gia đình, ở đạo tràng này thì làm gương cho tứ chúng đồng tu ở đây. Đừng nói người kia không làm thì tại sao tôi phải làm? Nói vậy là bạn sai rồi. Người đó đọa địa ngục, tại sao tôi không đọa địa ngục? Không phải là ý nghĩa này sao? Ông đó đọa địa ngục, tôi phải cứu ông đó, làm sao tôi cứu ông được? Tôi làm gương mẫu cho ông thấy, như vậy mới đúng. Ông tham tiền tài, tại sao tôi không tham? Ông tranh đoạt quyền lợi, tại sao tôi không tranh? Đây là làm một hình tượng địa ngục, kéo hết mọi người vô địa ngục, như vậy là sai rồi. Chúng ta nhìn thấy người ta đọa địa ngục, chúng ta phải nêu gương tốt 'làm thế nào thoát ly địa ngục, siêu việt biển khổ', như vậy mới đúng. Người khác tham tài, tranh đoạt lợi lộc, rất nhiều người làm, tất cả người trên thế giới đều làm nhưng tôi, cá nhân tôi không làm. Người làm thì mê hoặc điên đảo, người chẳng làm thì giác ngộ, quay về, phải hiểu đạo lý này. Ở thế giới này dùng miệng để khuyên người rất khó! Bạn khuyên người ta làm, nhưng tại sao bạn không làm? Làm sao người ta tin được? Nhất định tự mình phải làm được thì mới có thể khơi gợi được lòng tin của người khác, mới có thể dẫn dắt người ta hướng thiện, nhất định phải đích thân thực hành. Phật dạy Thánh nữ Bà La Môn như vậy, cũng tức là dạy chúng ta, nhất định phải hết lòng, quay về, dũng mãnh tinh tấn. Xem đoạn kinh kế tiếp:

Dĩ Như Lai thần lực cố, các dĩ phương diện dữ chư đắc giải thoát tùng nghiệp đạo xuất giả, diệc các hữu thiên vạn ức na do tha số, cộng trì hương hoa lai cúng dường Phật.

Do nhờ thần lực của Như Lai, phân thân từ mỗi phương cùng những chúng đã được giải thoát khỏi chốn nghiệp đạo đông đến số ngàn muôn ức na-do-tha cùng cầm hương hoa đến cúng dường Phật.

Đoạn văn này nói đại chúng cùng đến với Địa Tạng Bồ Tát, đại chúng này thật ra là những vị tiếp nhận sự giáo hóa của Địa Tạng Bồ Tát và đã giác ngộ rồi, trong kinh Hoa Nghiêm gọi họ là Đại Tâm Phàm Phu. Hôm nay phân thân của Địa Tạng Bồ Tát đều tụ hội đến Đao Lợi Thiên Cung, những Đại Tâm phàm phu này thoát thân từ địa ngục cũng theo Địa Tạng Bồ Tát đến cung trời Đao Lợi để yết kiến đức Phật. Đại hội ở Đao Lợi Thiên Cung hôm ấy vô cùng thù thắng, vì sao? Hết thảy chư Phật Như Lai đều ở chỗ đó, sự cúng Phật này vô cùng viên mãn. Đại chúng ở Cực Lạc thế giới, vãng sanh về Cực Lạc thế giới phải phân thân đến các cõi nước chư Phật ở khắp hư không pháp giới để cúng dường, nghe pháp. Hôm nay chư Phật Như lai đều tụ tập ở giảng đường này, họ chẳng cần phân thân đến các cõi nước, những Đại Tâm phàm phu này đến cùng Địa Tạng Bồ Tát có phước báo to lớn, ở một nơi cùng lúc có thể cúng dường hết thảy chư Phật Như Lai, việc này thù thắng biết bao! Còn thù thắng hơn Cực Lạc thế giới nữa! Từ chỗ này chúng ta mới thể hội được sự thù thắng của Địa Tạng pháp môn,

tu học Địa Tạng thù thắng, chỗ nào cũng hiển thị hạng nhất, siêu việt Cực Lạc thế giới, đây là đại căn đại bổn của hết thảy pháp môn. Họ đều cầm hương hoa đến cúng dường Phật, 'hương hoa' là tiêu biểu pháp, 'hương' tiêu biểu cho lòng tin thanh tịnh, 'hoa' tiêu biểu cho y giáo phụng hành, 'hoa' tượng trưng cho 'nhân', tu nhân chứng quả, đây là tiêu biểu 'như giáo tu hành cúng dường', như vậy mới là chân chánh cúng dường. Xin xem tiếp kinh văn:

Bỉ chư đồng lai đẳng bối, giai nhân Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, vĩnh bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Những chúng cùng đến ấy đều nhờ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, làm cho vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Ở đây Phật dạy chúng ta, nói với chúng ta, những đại chúng cùng đến với Địa Tạng Bồ Tát có thể tham dự hội kinh ở cung trời Đao Lợi, đều tiếp nhận sự giáo hóa của Địa Tạng Bồ Tát được sanh Tín Căn, chúng ta gọi là Ngũ Căn, Ngũ Lực: 'Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ'. Họ có căn, cái này rất quý, có căn mới vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. Tín căn của những người này thành tựu xong, niệm niệm đều hướng về Vô Thượng Bồ Đề, hết thảy pháp trong thế gian và xuất thế gian đều chẳng lưu luyến, chỉ tìm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Thị chư chúng đẳng, cửu viễn kiếp lai, lưu lãng sanh tử, lục đạo thọ khổ, tạm vô hưu tức.

Những chúng sanh này từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, trôi lăn trong sanh tử, chịu khổ trong sáu đường, chưa từng tạm ngưng.

Nói những phàm phu này, những Đại Tâm phàm phu này, kể lại lúc trước trong sáu nẻo luân hồi, nói thật ra chính là nhóm người chúng ta, mệt mỏi sanh tử chưa từng nghỉ ngơi qua.

Dĩ Địa Tạng Bồ Tát quảng đại từ bi, thâm thệ nguyện cố, các hộ quả chứng.

Nhờ lòng từ bi quảng đại và thệ nguyện sâu dầy của Địa Tạng Bồ Tát, nên tất cả đều chứng được quả vị.

Câu này nói về nhân duyên được độ. Nương nhờ lời dạy từ bi và các thứ phương tiện của Địa Tạng Bồ Tát, hiển thị câu 'từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa' thường nói đến trong Phật pháp, Địa Tạng Bồ Tát là tâm đại từ bi. Chủng chủng phương tiện là nói sự khéo léo của ngài, vì chúng sanh làm ra nhiều thị hiện; nói cách khác: vì chúng sanh làm ra những hình tượng khác nhau. Làm cho hết thảy chúng sanh thấy sắc, nghe âm thanh, tiếp xúc những hình tượng này có thể cảm nhận và tỉnh ngộ, biết quay về, đây chính là thiện xảo phương tiện của Bồ Tát. Thế nên Bồ Tát vì chúng sanh làm thầy, làm mô phạm, hướng dẫn, sau khi họ tiếp xúc liền tỉnh ngộ và quay về tu hành chứng quả. Tuy quả vị này chẳng giống những quả vị thường nói như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, mà là 'quả vị' Đại Tâm Phàm Phu, việc này vô cùng quý báu. Bồ Đề tâm được sanh khởi, phiền não chưa đoạn thì gọi là Đại Tâm phàm phu.

Ký chí Đao Lợi, tâm hoài dũng dược, chiêm ngưỡng Như Lai, mục bất tạm xả.

Khi đến cung trời Đao Lợi, lòng họ vui mừng hớn hở chiêm ngưỡng đức Như Lai, mắt nhìn mãi không rời.

Hình dung nhóm người này, khi đến cung trời Đao Lợi vui mừng hớn hở, hoàn toàn biểu lộ ra ngoài, hiển lộ lòng cảm ân. Cảm kích sự giáo huấn của Địa Tạng Bồ Tát, cảm kích ân đức của chư Phật nhiếp thọ, hoàn toàn hiển lộ chẳng giữ lại. Hãy xem tiếp kinh văn:

Nhĩ thời Thế Tôn, thư kim sắc tý, ma bá thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết vô lượng a tăng kỳ thế giới chư phân thân Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đảnh.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng xoa đảnh các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói vô lượng a-tăng-kỳ thế giới.

Ý nghĩa này, nói nhiều con số này, ý tứ vô cùng sâu dầy! Hiển thị chúng sanh ở mười phương thế giới tạo vô lượng vô biên ác nghiệp, ý nghĩa chân chánh là ở chỗ này. Cho nên Địa Tạng phải phân nhiều thân như vậy để giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn ấy. Địa Tạng Bồ Tát phân thân càng nhiều, chúng ta mới biết địa ngục càng nhiều; biết địa ngục càng nhiều thì biết số người tạo tội nghiệp địa ngục, chịu khổ báo địa ngục càng nhiều. Ở Đao Lợi Thiên cung, Thế Tôn an ủi Địa Tạng Bồ Tát, xoa đảnh xong.

Nhi tác thị ngôn.

Rồi nói rằng:

Xoa đảnh là an ủi. Phật nói:

Ngô ư ngũ trược ác thế, giáo hóa như thị cang cường chúng sanh, lịnh tâm điều phục, xả tà quy chánh. Thập hữu nhất nhị, thượng ác tập tại.

Ta ở trong đời ác Ngũ Trược giáo hóa những chúng sanh ương ngạnh như vậy, làm cho tâm họ điều phục, bỏ tà về chánh. Trong mười phần còn một, hai phần vẫn theo thói ác.

Đây là lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phó chúc Địa Tạng Bồ Tát ở thiên cung, trách nhiệm của Địa Tạng Bồ Tát nặng hơn bất cứ người nào. Lúc Phật không còn tại thế, sứ mạng giáo hóa chúng sanh phải ủy thác cho Địa Tạng Bồ Tát. Chư vị phải biết đạo lý này ở đâu? Tại sao đức Phật Thích Ca chẳng giao chuyện độ hóa chúng sanh cho Quán Thế Âm Bồ Tát? Tại sao không giao cho Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát? Đều là đại Bồ Tát hết, tại sao không giao cho các ngài mà phải nhờ Địa Tạng Bồ Tát? Nói thật ra những Bồ Tát đó độ không nổi, chẳng có cách gì độ được, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát có thể độ mà thôi. Mọi người hiểu ý nghĩa này không? Địa Tạng Bồ Tát dạy việc gì? Hiếu thân Tôn sư. Nếu người này không hiếu kính cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, thì Bồ Tát, Phật nào đến cũng độ chẳng nổi. Sự dạy học của Địa Tạng Bồ Tát là xây dựng nền móng, dạy lớp một Tiểu học, Quán Thế Âm Bồ Tát dạy lớp hai, Văn Thù Bồ Tát dạy lớp ba, Phổ Hiền Bồ Tát dạy lớp bốn; lớp một còn chưa dạy hoàn hảo thì những lớp phía trên không thể dạy nổi. Thế nên chư vị phải hiểu thành Phật bắt đầu từ chỗ nào? Hiếu thân tôn sư. Lớp Địa Tạng Bồ Tát dạy chính là lớp Hiếu thân tôn sư, nếu lớp này học không được, thì khỏi cần nói những lớp khác. Hiếu thân tôn sư được hoàn hảo rồi, Quán Thế Âm Bồ Tát mới ra sức được, mới dạy đại từ đại bi được, mở rộng hiếu thân tôn sư ra, đó là việc Quán Thế Âm Bồ Tát dạy, đạo lý là như vậy. Thế nên lúc Phật chẳng còn tại thế, nhất định phải để Địa Tạng Bồ Tát thay thế Phật. Cho dù không thể đề cao cảnh giới này, bạn chân chánh làm được hiếu thân tôn sư thì sẽ

không đọa ba đường ác; tuy không ra khỏi Tam giới, nhưng cũng chẳng đọa ba đường ác, bởi vậy nên đây là căn bản của Phật pháp.

Nếu chúng ta không thể xây dựng pháp căn bản thì nói thật ra học Phật chỉ là một [trồng một] nhân lâu xa mà thôi. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói đến mười loại căn cơ, đây là viễn cơ, tức là đời này không đạt được lợi ích, trong Phật pháp bạn chỉ un đúc một chút hạt giống vào A Lại Da thức của bạn, phải đợi đời sau, đời sau nữa, nhiều đời nhiều kiếp sau, đến khi nào nhân duyên chín muồi mới làm tiếp tục, giúp chúng sanh trồng nhân cho kiếp lâu xa, trong đời này nhất định sẽ chẳng thâu hoạch được hiệu quả. Nếu trong pháp môn Địa Tạng này vun bồi cơ sở rồi, cũng nghĩa là làm được phước thứ nhất trong Tam Phước, chư vị phải biết, cả bộ kinh Địa Tạng giảng về điều gì? Chính là *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát hại, tu mười nghiệp thiện'*, chính là bốn câu này. Năm xưa tôi ở các thành thị miền đông nước Mỹ giảng Đại ý kinh Địa Tạng, có nhiều người cảm thấy kỳ lạ: "Tịnh Không pháp sư chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng Tịnh Độ, tại sao lại giảng kinh Địa Tạng?", có người hỏi tôi như vậy. Tôi nói: "Quý vị không hiểu, những gì tôi giảng chính là phước thứ nhất trong 'Tịnh Nghiệp Tam Phước', vẫn chuyên tu chuyên hoằng, chẳng lìa khỏi Tịnh Tông." Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy phu nhân Vi Đề Hy, Vi Đề Hy phu nhân muốn cầu sanh Tây phương Tịnh Độ, thỉnh đức Phật Thích Ca dạy phương pháp vãng sanh cho bà. Trước khi truyền dạy phương pháp Niệm Phật, Ngài dạy bà tu Tịnh Nghiệp Tam Phước, dạy bà đây là cơ sở, ba đời chư Phật đều nhờ cơ sở này mới thành tựu. Giống như xây nhà vậy, dạy bạn làm sao xây nhà? Phải dạy bạn đắp nền móng, đắp nền móng đàng hoàng rồi mới dạy bạn làm sao xây tiếp, bạn coi chuyện này quan trọng biết bao. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện này chính là phước thứ nhất trong Tam Phước. Bạn nói quan trọng hay không!

Tại sao ở đạo tràng mới xây dựng tôi nhất định phải giảng kinh Địa Tạng mà chẳng giảng kinh khác? Không có tâm hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo thì không cần nói chuyện gì hết, bạn làm sao xây dựng Phật pháp? Phật pháp là giáo học, giáo dục, đạo thầy trò (Sư đạo), Sư đạo xây dựng trên cơ sở Hiếu đạo. Nếu chẳng có Hiếu đạo thì chẳng có Sư đạo, vậy còn phải nói gì nữa? Thế nên việc này rất quan trọng. Trong hai mươi mấy năm nay tôi vẫn chẳng quên đề xướng việc xây Từ đường, Từ đường là một trung tâm để dạy đạo Hiếu từ xưa đến nay ở Trung Quốc. Theo chánh sách hiện nay của chính phủ, Từ đường của mỗi nhà chẳng còn nữa, đã bị phế bỏ rồi, âu cũng là một việc tốt. Sau khi phế bỏ thì phải xây cái mới, cái mới này nên xây như thế nào? Nên xây Từ đường cộng đồng, đừng xây cho từng nhà. Mỗi một huyện chỉ xây một Từ đường, Từ đường cho trăm họ. Trước kia là cho từng họ, Từ đường họ Trương, Từ đường họ Lý, cái mới của chúng ta phù hợp với chánh sách của quốc gia, xây Từ đường cộng đồng, tốt lắm! Người cả nước đoàn kết thành nhất tâm, mỗi năm mùa xuân, thu làm lễ cúng tế tổ tiên, do Huyện trưởng đứng ra cúng tế, như vậy hay lắm! Mỗi huyện có Từ đường chung của huyện, tốt lắm, chúng ta đề xướng Hiếu đạo; đừng xây cho từng họ từng họ nữa, làm cho các họ, tông tộc từng họ trong cả nước có thể đoàn kết lại. Phế bỏ một cái [tức từ đường cho riêng từng họ], kiến thiết một cái mới, tiến bộ hơn trước, thù thắng hơn trước. Như vậy là rất đúng. Tôi đề xướng xây dựng Tông Từ cho trăm họ, không những mỗi huyện nên xây một cái, những nơi ở hải ngoại có kiều bào đều nên xây dựng giống vậy.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây.

Tập 8 (Số 14-12-08)

Xin mở kinh, phẩm thứ nhì: Phân Thân Tập Hội, bắt đầu từ đoạn thứ hai.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng xoa đảnh các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói vô lượng a-tăng-kỳ thế giới.

Lần trước giảng đến chỗ này, ý tứ trong đó rất sâu. Từ đoạn khai thị này của Thế Tôn chúng ta biết phân thân của Địa Tạng Bồ Tát thật là vô lượng vô biên. Tại sao Bồ Tát phải dùng nhiều phân thân như vậy? Chúng ta phải nghĩ đến vấn đề này, nhất định là vì chúng sanh tạo ác nghiệp ở mười phương thế giới quá nhiều, nên Địa Tạng Bồ Tát cần phải phân thân đi độ hóa. Đây là hiển thị ý nghĩa này, người tạo ác nghiệp nhiều vô lượng vô biên. Thế Tôn nói tiếp:

Rồi nói rằng:

Đây là lời Phật Thích Ca nói:

Ta ở trong đời ác Ngũ Trược giáo hóa những chúng sanh ương ngạnh như vậy, làm cho tâm họ điều phục, bỏ tà về chánh. Trong mười phần còn một, hai phần vẫn theo thói ác.

Đức Phật an ủi Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát từ bi đến cùng cực. Cùng một đạo lý, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng từ bi đến cùng cực, Bồ Tát phân thân vô lượng vô biên, Phật có khác gì đâu? Trong kinh Phạm Võng chúng ta thấy trăm ngàn ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật. Địa Tạng và Thế Tôn như vậy, chúng ta liền liên tưởng đến hết thảy chư Phật Bồ Tát chẳng có vị nào không như vậy. Thế nên việc này nói cho chúng ta biết Phật, Bồ Tát còn nhiều hơn số người tạo tội nghiệp, lòng đại từ đại bi này chúng ta chẳng tìm đủ ngôn từ để tán thán. Nhưng chúng sanh đích thật ương ngạnh khó giáo hóa, tập khí quá nặng. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, dạy cho họ cải tà quy chánh, ở đây nói 'trong mười người có một, hai vẫn còn tập khí ác', nói cách khác, bảy tám người trong mười người đã được Phật, Bồ Tát độ thoát rồi, như vậy số người được độ thoát không phải rất nhiều sao? Chư vị nên biết số người nói ở đây là chỉ những chúng sanh căn cơ chín muồi, không nói đến những chúng sanh căn cơ chưa chín muồi. Cũng có nghĩa là thiện căn, phước đức của họ đã thành thục rồi, Phật, Bồ Tát đến tạo duyên phụ giúp họ, là ý tứ như vậy. Đa số những người này đều có thể tiếp nhận Phật pháp, y giáo phụng hành, nhưng vẫn còn thiểu số một, hai trong mười người, vẫn còn tập khí ác. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy có mười loại chúng, liệt kê ra mười loại đến nghe kinh trong những đoàn thể nhỏ, chúng ta có thể nhận biết được. Trên thực tế thì trong đạo tràng của chúng ta cũng có thể nhận biết. Nếu họ chẳng có thiện căn phước đức, chúng ta giảng kinh ở đây họ đời nào chịu đến nghe! Cũng rất chăm chú nghe, hình như cũng rất gắng sức tu hành, nhưng một lát thôi rồi tập khí tật xấu gì cũng khởi lên lại, đây là thuộc về 'một, hai trong mười' này. Hạng này được độ trong đời này không? Không thể được, chỉ trồng thiện căn mà thôi. Cho nên Phật giao những chúng sanh này cho Địa Tạng Bồ Tát, Phật chưa độ hết những người căn tánh chưa chín muồi này, nhờ Địa Tạng Bồ Tát độ tiếp, mãi cho đến khi Phật Di Lặc ra đời. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Ngô diệc phân thân thiên bá ức, quảng thiết phương tiện.

Ta cũng phân thân ngàn trăm ức, rộng bày phương tiện.

Ở đây đức Phật Thích Ca nói ra, phía trước là nói sơ lược, ở đây nói kỹ hơn, chia căn tánh của chúng sanh thành bốn loại, ba loại trong đó đều được độ, loại chót chính là 'một, hai trong mười', cụ thể nói rõ ra.

Hoặc hữu lợi căn, văn tức tín thọ.

Hoặc có kẻ lợi căn, vừa nghe liền tin nhận.

Đây là người thượng thượng căn, vừa tiếp xúc Phật pháp liền tin tưởng, liền tiếp nhận, y giáo phụng hành, họ liền được độ, đây là [chúng sanh] được độ vào thời Chánh pháp. Hạng thứ hai:

Hoặc hữu thiện quả, cần khuyến thành tựu.

Hoặc kẻ có thiện quả, phải ân cần khuyên bảo mới thành tựu.

Thiện căn, phước đức cũng khá sâu dầy, nhưng thua hạng người kể trên. Nếu chúng ta xếp vào ba thời kỳ trong pháp vận của Phật, đây là [chúng sanh] được độ trong thời Tượng pháp, còn thuộc hàng lợi căn, tốt hơn chúng ta bây giờ.

Hoặc hữu ám độn, cửu hóa phương quy.

Hoặc có kẻ ám độn, giáo hóa thật lâu mới có thể quay về.

Đây là hạng căn tánh ám độn. 'Ám' là không có trí huệ, 'độn' là căn tánh không lanh lợi. Đối với chúng sanh hạng này, Phật cũng chẳng bỏ rơi. 'Cửu hóa' nghĩa là phải dùng thời gian rất dài để giúp đỡ họ. Chúng ta thường nói *'đi sâu vào một môn, huân tu trong thời gian dài'*, họ từ từ cũng sẽ giác ngộ. Đây là những chúng sanh thời Mạt pháp.

Hoặc hữu nghiệp trọng, bất sanh kính ngưỡng.

Hoặc có kẻ nghiệp nặng, chẳng sanh lòng kính ngưỡng.

Đây không phải là những người bên ngoài, là chỉ bốn chúng đệ tử trong nhà Phật, thậm chỉ cũng đã xuất gia, thọ giới, làm pháp sư, làm trụ trì, đối với Phật pháp chẳng sanh kính ngưỡng. Tuy nhìn thấy tượng Phật cũng đảnh lễ, lạy, tuyệt chẳng y giáo phụng hành, như vậy là không có lòng kính ngưỡng; nếu có lòng kính ngưỡng thì nhất định sẽ y giáo phụng hành. Họ chẳng chịu làm, Phật dạy chúng ta không tham, [nhưng họ] cứ tham, chẳng bỏ lỡ, Phật dạy chúng ta không si, họ vẫn si mê như cũ, hạng người này chính là 'không sanh lòng kính ngưỡng'. Tại sao không sanh kính ngưỡng? Nghiệp chướng nặng, tuy họ nghe lời Phật giảng, cũng biết nói, nhưng lại hoài nghi. Coi trọng lợi ích trước mắt, họ chẳng chịu xả bỏ, chẳng chịu buông xuống, cùng người thế gian tranh danh đoạt lợi, sai lầm ở chỗ này. Hạng chúng sanh này tức là loại 'một, hai trong mười' nói ở trên. Họ tiếp xúc Phật pháp, trồng thiện căn trong ấy nhưng đời này không thể thành tựu. Đây là sau khi pháp của Thế Tôn đã diệt, vị Phật kế đó, Di Lặc Bồ Tát thành Phật, khi nào mới đến? Trong 'Kinh Di Lặc Hạ Sanh' nói năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Phật Di Lặc mới hạ sanh. Thời gian này được tính như thế nào? Trên thật tế chư vị tính thử xem, không khó, có thể tính ra. Di Lặc Bồ Tát hiện nay đang ở trời Đâu Suất, một ngày ở trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm ở nhân gian, thọ mạng người cõi trời Đâu Suất rất dài, cũng tính một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, y theo cách tính này; Tứ Vương Thiên thọ mạng năm trăm tuổi, Đao Lợi Thiên thọ mạng một ngàn tuổi, Dạ Ma Thiên thọ mạng hai ngàn tuổi, Đâu Suất Thiên thọ mạng bốn ngàn tuổi. Cách tính bốn ngàn tuổi là một ngày của họ bằng bốn trăm năm ở cõi người, cứ như vậy tính ra, đại khái tức là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, con số này là do người đời trước tính ra. Chính xác hay không chẳng quan hệ, bạn có thể tự tính được.

Sau thời gian dài như vậy, Phật Di Lặc mới xuất hiện ở nhân gian. Thời gian không có Phật trước đó thiệt là dài, quá dài, trong thời gian này Thế Tôn nhờ Địa Tạng

Bồ Tát thay thế Phật độ hóa những chúng sanh khổ nạn. Cho nên lúc Phật không trụ thế, Địa Tạng Bồ Tát là người đại diện cho Phật. Do đó trong pháp hội chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát rất cung kính Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát là người đại diện cho Phật. Trong những kinh điển khác chúng ta thấy lễ tiết, ngôn từ không giống nhau, rất là cung kính.

Như thị đẳng bối chúng sanh, các các sai biệt phân thân độ thoát.

Những hạng chúng sanh sai khác như vậy, Ta đều phân ra nhiều thân khác nhau để độ thoát cho từng hạng.

Ân đức lớn lao của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh trên thế gian này chẳng có gì bằng, ai có thể sánh bằng? Trong mỗi niệm không hề xả bỏ chúng sanh, căn chín muồi cũng độ, căn chưa chín muồi cũng độ. Căn chưa chín thì giúp cho họ trở thành chín; đã chín rồi thì nhất định sẽ được độ. Thời Mạt pháp chúng sanh có căn cơ chín muồi chính là Tịnh Độ, người có thể chân chánh tin tưởng lời dạy trong Tịnh Độ, chắc thật niệm Phật cầu nguyện vãng sanh. Người có căn cơ chín muồi trong thời Mạt pháp sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới bất thoái thành Phật, đó là căn chín muồi. Chúng sanh căn tánh chưa chín muồi trong thời Mạt pháp là những ai? [Là những người] chẳng thể tiếp nhận giáo pháp Tịnh Độ. Ngày nay chúng ta thấy những người học Thiền, học Mật, học những pháp môn khác, chúng ta rất rõ ràng, tại sao vậy? Trong đời này họ nhất định chẳng có khả năng tự mình đoạn phiền não, những pháp môn thông thường chẳng ngoại lệ. Khi Kiến Tư phiền não đoạn dứt mới có thể vượt thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, tuy thoát khỏi sáu nẻo luân hồi nhưng vẫn còn trong mười pháp giới, mười pháp giới vẫn còn là một vòng quanh quẩn to lớn, vẫn còn giới hạn. Còn phải đoạn Trần Sa phiền não, rồi tiến lên phá một phẩm vô minh mới siêu việt mười pháp giới, chứng được pháp thân, vãng sanh về Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới nói trong kinh Hoa Nghiêm hơn phân nửa là Hoa Tạng thế giới. Khó lắm! Chuyện này quá khó, khó vô cùng! Đừng nói đoạn hết [tất cả] Kiến Tư phiền não, một phẩm Kiến Tư cũng chẳng dễ, có bao nhiêu người có thể phá Thân Kiến của mình, có thể không nghĩ về sự hưởng thọ của thân này? Cửa ải này phá xong thì mới phá một phần của Kiến Tư, mới phá một phẩm của tám mươi tám phẩm. Tuyệt chẳng khởi tâm động niệm muốn cho thân này hưởng thọ thì mới phá được một phẩm Thân Kiến; tám mươi tám phẩm mới phá được một phẩm thì chẳng dùng được. Từ chỗ này chúng ta mới biết tu học những pháp môn khác thật sự cần phải có lợi căn, thiện quả như Phật nói mới được. Lợi căn, thiện quả gì chúng ta cũng không có, chỉ có một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên này, nghe được giáo pháp Tịnh Độ, hết lòng chắc thật niệm Phật, như vậy mới có được một chút thành tựu.

Đoạn kinh văn phía sau giảng về phổ hiện sắc thân, như kinh Lăng Nghiêm nói nên dùng thân gì để độ hóa thì Phật, Bồ Tát dùng thân đó. Phật, Bồ Tát ở thế gian, chúng ta phàm phu mắt thịt nhìn không ra, nói thật ra trong thế gian có rất nhiều, rất nhiều, trong những người buôn bán, người giúp việc cũng có Phật, Bồ Tát. Chúng ta không có cảnh giác cao nên thường mắc lỗi, khinh mạn, khinh dễ Phật, Bồ Tát, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, tự mình không biết, Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng trách mắng bạn. Những người hiểu rõ sự thật này nhất định sẽ chẳng dám khởi tâm khinh mạn đối với hết thảy chúng sanh. Ý nghĩa quan trọng của chư Phật, Bồ Tát thị hiện như vậy là để dạy chúng ta tu Phổ Hiền Hạnh 'Lễ Kính Chư Phật', đối với hết thảy người, sự, vật đều phải chân thành cung kính, đoạn dứt phiền não cống cao ngã mạn của mình. Mọi người đều biết trong lịch sử, hai vị Hàn Sơn, Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh là hóa thân của Văn Thù và Phổ Hiền. Các ngài làm gì trong chùa? Làm công việc lặt vặt, chẻ củi, gánh nước trong nhà bếp. Có ai kính trọng các ngài! Phong Can là A Di Đà

Phật tái lai, ngài làm gì trong chùa? Giã gạo, làm công việc nặng nhọc trong nhà bếp, phục vụ đại chúng, trong chùa không có một ai kính trọng ngài. Sau này người ta biết được, mới biết Phật, Bồ Tát vốn đang chăm sóc cho chúng ta, chúng ta mỗi ngày mắc lỗi với các ngài, có hối hận cũng không kịp. Đạo tràng của chúng ta không lẽ chẳng có Phật, Bồ Tát hay sao? Có thể Phật, Bồ Tát đang làm việc trong nhà bếp mà các bạn không biết, mỗi ngày đều dèm chê họ. Thế nên phải biết hóa thân của chư Phật, Bồ Tát thật sự đều ở xung quanh chúng ta. Ở đây nêu ra vài thí dụ để nói rõ thêm:

Hoặc hiện nam tử thân, hoặc hiện nữ nhân thân, hoặc hiện thiên long thân, hoặc hiện thần quỷ thân.

Hoặc hiện thân người nam, hoặc hiện thân người nữ, hoặc hiện thân Trời, rồng, hoặc hiện thân quỷ, thần.

Mắt thịt chúng ta nhìn chẳng thấy những vị này, họ thấy chúng ta, họ ở xung quanh chúng ta, có thể ảnh hưởng chúng ta. Lúc trước lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể cho tôi nghe nhân duyên dẫn cụ học Phật, ban đêm cụ nhìn thấy quỷ nên mới tin tưởng. Cụ là người học khoa học, cũng làm quan khá lớn, cứ cho rằng những chuyện này là mê tín, chẳng bao giờ chịu tin. Cụ tiếp xúc được rất nhiều, nhưng thấy người khác, nghe người khác kể đều coi như nghe kể chuyện cổ tích, bán tín bán nghi. Cụ làm sao sanh khởi lòng tin chân chánh được? Cụ kể cho tôi nghe, trong thời kháng chiến cụ đang ở Trùng Khánh, ban đêm đánh bài 'mà chược' đến một, hai giờ khuya mới về nhà. Lúc đó chẳng có xe, phải đi bộ, cách rất xa mới có một cột đèn, đại khái cỡ chừng hai mươi nến, trên đường tối đen như mực. Trên đường đi về nhà, khoảng đường khá dài, cũng chẳng có cảm giác gì khác lạ. Cụ thấy có một người đang đi trước cụ chẳng xa, là một người đàn bà, cụ cứ đi như vậy cũng chẳng để ý. Sau khi đi được một lúc cụ bỗng nhiên giựt mình, [đặt câu hỏi] tại sao bà này đi lang thang một mình trong đêm tối? Nghĩ như vậy nên cụ nổi da gà, nhìn kỹ lại mới thấy bà này chỉ có phân nửa thân phía trên, chẳng thấy thân phía dưới, lúc bấy giờ cụ mới thật sự khiếp sợ. Nhờ gặp chuyện này nên cụ mới bắt đầu học Phật. Sau khi học Phật, cụ nói chắc là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát 'hoặc hiện thần quỷ thân', nếu chẳng thấy tận mắt, bất kỳ ai nói, cụ cũng sẽ bán tín bán nghi, coi như nghe chuyện cổ tích, nhờ [cụ nhìn thấy bà này nên] mới bước vào cửa Phật. Phía dưới:

Hoặc hiện sơn lâm xuyên nguyên, hà trì tuyền tỉnh, lợi cập ư nhân, tất giai độ thoát.

Hoặc hiện núi rừng, nguồn sông, đồng bằng, sông hồ, suối giếng để làm lợi ích cho con người, làm cho tất cả đều được độ thoát.

Đây là hiện 'Thân vô tình'. Hiện nay mọi nơi đều đề xướng du lịch ngắm cảnh, lúc bạn đi du lịch, đi chơi nhìn thấy những cây cối, hoa cỏ, những cảnh núi sông này, sau khi nhìn thấy bèn có cảm nhận giác ngộ, [những cảnh tượng này] đều là chư Phật, Bồ Tát biến hiện. Tại sao người khác nhìn thấy không khai ngộ mà bạn nhìn lại khai ngộ? Cho nên một người khai ngộ không nhất định phải là nhân duyên gì, phàm những gì giúp đỡ bạn khai ngộ, bất luận là người, sự, vật đều là Phật, Bồ Tát gia trì. Từ đó bạn mới biết, không những Phật, Bồ Tát thị hiện làm chúng sanh hữu tình mà còn thị hiện chúng sanh vô tình ở xung quanh bạn nữa. Chúng ta không biết ngôn ngữ, thân thể tạo tác, khởi tâm động niệm [của chúng ta], thậm chí tự mình không biết mình ngu si ám độn, nhưng Phật, Bồ Tát biết rõ ràng, minh bạch. Người Trung Quốc thời xưa có câu: *'Trên đầu ba thước có thần minh'*, lời này chẳng giả. Số quỷ thần nhiều, số Phật, Bồ Tát còn nhiều hơn, đều là đại từ đại bi, niệm niệm không gì chẳng là cảm hóa chúng ta,

làm cho chúng ta quay về, sớm một ngày thoát khỏi lục đạo luân hồi, không tạo ác nghiệp nữa. Thế nên phàm những gì có lợi cho chúng sanh, đặc biệt là có lợi cho chúng sanh khai ngộ, giải thoát, chúng ta biết đều là Phật, Bồ Tát gia trì, chẳng có nơi nào Phật, Bồ Tát không hiện thân.

Hoặc hiện Thiên Đế thân, hoặc hiện Phạm Vương thân.

Hoặc hiện thân Thiên Đế, hoặc hiện thân Phạm Vương.

Chúng ta đọc đến đây thì đừng coi thường những tín đồ tôn giáo khác. Đối với hết thảy tín đồ tôn giáo khác chúng ta phải cung kính, tâm và thái độ cung kính họ cùng tâm và thái độ đối với Phật, Bồ Tát chẳng khác. Tại sao vậy? Những hạng chúng sanh nào Phật độ không được, họ tin Thượng Đế, thì Phật, Bồ Tát bèn hiện thân Thượng Đế để độ họ, như vậy không phải là cùng một chuyện hay sao? Chẳng có gì khác nhau hết. Chẳng qua là ngài chỉ quẹo qua một ngõ khác mà thôi, phải sanh lên trời rồi sau đó mới học Phật. Hiện nay chúng ta đang học Phật thì thù thắng hơn họ rất nhiều, họ phải đi đường vòng quanh. Họ chẳng cung kính chúng ta là đương nhiên rồi, họ chẳng hiểu, có thành kiến, có chấp trước, bài xích. Chúng ta đối với họ chẳng thể không cung kính, chúng ta biết Phật, Bồ Tát hóa thân trên trời và nhân gian vô lượng vô biên. 'Thiên Đế' là danh xưng của người Trung Quốc gọi Ngọc Hoàng Đại Đế, là vị được Đạo Giáo sùng bái. Thượng Đế của một số tôn giáo Tây phương đại khái là Đao Lợi Thiên Chủ. 'Phạm Vương' là Đại Phạm Thiên Vương, có một số tôn giáo ở Ấn Độ sùng bái Đại Phạm Thiên.

Hoặc hiện Chuyển Luân Vương thân.

Hoặc hiện thân Chuyển Luân Vương.

Chuyển Luân Vương là người có phước báo lớn nhất trong cõi người. Những báo cáo về khoa học cận đại thường đăng tin có những vật phi hành chẳng rõ từ đâu ngoài không gian xuất hiện trên trái đất. Những báo cáo này rất nhiều, thậm chí còn nói có người ngoài không gian. Luân Bảo của Luân Vương nói thật ra rất giống với dĩa bay, đây là công cụ giao thông và cũng là võ khí của ngài. Cho dù những người này lái dĩa bay đến đây, có phải họ là Chuyển Luân Vương không? Không chắc, Chuyển Luân Vương sai người đến đây khảo sát tình hình, nhất định chẳng phải Chuyển Luân Vương. Làm sao biết được? Chuyển Luân Vương từ bi, đối với hết thảy chúng sanh tuyệt đối chẳng gây tổn hại. Thế nên chúng ta có thể nói nếu là công cụ giao thông của Luân Vương thì họ nhất định là sứ giả của Luân Vương. Cũng giống như ngày nay chúng ta phái người đi thám hiểm ngoài không gian, phi hành gia Mỹ đã đi, phi hành gia Nga cũng đi rồi, tuyệt đối chẳng phải tổng thống Mỹ, tổng thống Nga, là họ phái người đi, đây là chuyện chúng ta có thể tưởng tượng được. Hiện thân Chuyển Luân Vương.

Hoặc hiện cư sĩ thân.

Hoặc hiện thân cư sĩ.

Người tại gia học Phật.

Hoặc hiện Quốc vương thân, hoặc hiện Tể phụ thân.

Hoặc hiện thân Quốc vương, hoặc hiện thân Tể phụ

Tể phụ là quan, chúng ta gọi là quan lớn, hiện nay những chức Tổng lý, Thủ tướng, Bộ trưởng đều là [chức] Tể phụ.

Hoặc hiện quan thuộc thân.

***Hoặc hiện thân các quan thuộc**.*

Đây là những quan viên trong chính phủ, là thân phận người tại gia.

Hoặc hiện Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di thân.

Hoặc hiện thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di.

Đây là thị hiện thân phận của người học Phật. Vì ở đây có ghi Ưu bà tắc, Ưu bà di, phía trước ghi cư sĩ, giữa hai hạng này có chỗ khác nhau. Cư sĩ không nhất định là người học Phật, là những người tại gia có học thức, có đạo đức, chẳng làm quan. Ở đây có chút sai khác như vậy.

Nãi chí Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát đẳng thân, nhi dĩ hóa độ, phi đản Phật thân, độc hiện kỳ tiền.

Cho đến thân Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, v.v… để hóa độ, chứ chẳng phải chỉ có thân Phật hiện ra trước chúng thôi đâu.

Đức Phật Thích Ca thị hiện lần này là dùng thân Phật thị hiện. Ngoại trừ dùng thân Phật ra, Ngài còn dùng những thân khác thị hiện, trăm ngàn vạn ức Ứng hóa thân đều ở trong thế gian chúng ta. Nếu chúng ta hỏi đức Phật Thích Ca hiện nay có ở đây không? Đương nhiên là có, chẳng dùng thân Phật để xuất hiện. Phàm phu chúng ta cứ cho rằng đức Phật Thích Ca đã diệt độ rồi, là thân tướng của Phật diệt độ. Nếu Ngài thị hiện thân người nam, người nữ, thiên long, quỷ thần, cư sĩ, tể quan, tỳ kheo, tỳ kheo ni thì chúng ta làm sao nhận ra? Lúc nào cũng có, nơi nào cũng có. Trên lịch sử chúng ta chỉ biết Trí Giả đại sư là đức Phật Thích Ca Mâu Ni tái lai, Ngài hiện thân tỳ kheo. Đây là thân phận lộ ra mọi người mới biết được, thân phận khác chưa lộ ra quá nhiều, quá nhiều! Thân phận lộ ra chỉ là một phần vạn, hai phần vạn mà thôi, đại đa số thân phận chẳng lộ ra. Nếu thân phận thường thường lộ ra thì có ảnh hưởng phụ đối với sự hoằng truyền Phật giáo, chẳng có lợi cho việc giáo hóa chúng sanh, chỉ lâu lâu mới lộ một lần, việc này chúng ta nhất định phải biết. Thế nên đối với hết thảy mọi người phải giữ lòng cung kính, thái độ của chúng ta phải thường giữ tâm hoan hỷ, phải hiểu đạo lý này, chư Phật, Bồ Tát không ai là chẳng vậy. Xem tiếp đoạn kinh kế:

Nhữ quán ngô lũy kiếp cần khổ, độ thoát như thị đẳng nan hóa cang cường tội khổ chúng sanh.

***Ông xem Ta trải qua bao số kiếp cần cù khổ nhọc độ thoát những chúng sanh ương ngạnh, đầy tội khổ, khó khai hoá như thế**.*

Đức Phật Thích Ca thị hiện làm gương mẫu cho Bồ Tát, dạy Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì sẽ có khả năng biến hóa trăm ngàn vạn ức hóa thân. Đáng nên học Phật, quảng độ chúng sanh. Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát có thể tùy loại hóa thân. Trong kinh Lăng Nghiêm chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, chư vị nhất định phải biết Quán Thế Âm Bồ Tát trong kinh Lăng Nghiêm là Sơ Trụ Bồ Tát, chẳng phải là Đẳng Giác Bồ Tát. Ngài thuật lại quá trình tu hành của mình, lý luận và phương pháp tu hành, báo cáo cho đại chúng biết. Công phu của Ngài là 'Xoay trở vào trong nghe tự tánh, tánh thành vô thượng đạo'. Phá một phẩm vô minh, kiến tánh xong thì Ngài có năng lực ba mươi hai Ứng. Thế nên trong hội Lăng Nghiêm chúng ta biết Quán Âm là Sơ Trụ Bồ Tát, Phát Tâm Trụ, Bồ Đề tâm vừa mới phát bèn có năng lực lớn như vậy. Quán Âm Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm,

sau này sẽ giảng đến Năm mươi ba lần tham vấn của Thiện Tài đồng tử, tham vấn Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát này đại biểu quả vị Thất Hồi Hướng, Thất Hồi Hướng Bồ Tát. Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn là Đẳng Giác Quán Thế Âm Bồ Tát. Bồ Tát giống như Phổ Hiền trong kinh Hoa Nghiêm vậy, có 'Đạo Tiền', có 'Đạo Vị', Đạo Tiền là trước lúc chứng Đẳng Giác, có thể nói là từ quả vị Sơ Tín đến Pháp Vân Địa gọi là Đạo Tiền; Đẳng Giác là Đạo Vị. Sau khi thành Phật, thả chiếc bè từ, lại dùng thân Bồ Tát độ hóa chúng sanh, cùng việc Thế Tôn nói ở đây chẳng nhất định phải hiện thân gì, Ngài có khả năng tận hư không, trọn khắp pháp giới cùng hết thảy chúng sanh cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm, ngài liền có ứng. Cảm của chúng sanh có hiển, có ẩn, hiển là gì? Có tâm cầu Phật, Bồ Tát. Ẩn là gì? Tâm niệm cầu Phật, Bồ Tát tự mình cũng chẳng biết, việc này rất kỳ lạ. Tại sao mình cầu Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ mà tự mình chẳng biết? Nói thật ra là vì thiện căn phước đức của mình đã chín muồi, tự mình chẳng biết. Nhưng mức chín muồi này của bạn cảm động đến Phật, Bồ Tát, chư Phật, Bồ Tát nhất định sẽ ứng hóa đến tạo cho bạn tăng thượng duyên, để giúp đỡ bạn, thành tựu cho bạn. Bạn chẳng tìm Ngài, Ngài đến tìm bạn, trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: *'Làm người bạn chẳng thỉnh của hết thảy chúng sanh'*, bạn chẳng mời họ, họ tự động tới. Phía sau là đoạn Thế Tôn nhờ Ngài:

Kỳ hữu vị điều phục giả, tùy nghiệp báo ứng, nhược đọa ác thú, thọ đại khổ thời nhữ đương ức niệm ngô tại Đao Lợi Thiên Cung ân cần phó chúc, lịnh Sa Bà thế giới chí Di Lặc xuất thế dĩ lai chúng sanh tất sử giải thoát, vĩnh ly chư khổ, ngộ Phật thọ ký.

Còn những kẻ chưa được điều phục thì theo nghiệp mà chịu báo ứng. Nếu họ đọa vào đường dữ và chịu nhiều sự đau khổ thì ông nên nhớ Ta ở cung trời Đao Lợi đã ân cần phó chúc [ông] làm cho chúng sanh ở thế giới Sa Bà đến lúc đức Phật Di Lặc xuất thế đều được độ thoát, vĩnh viễn xa lìa các sự khổ, được gặp Phật và được thọ ký.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại cung trời Đao Lợi ân cần ủy thác công việc giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, vô cùng rõ ràng, minh bạch. [Những người] đã từng trong thời gian giáo hóa của Thế Tôn, kể cả thời Mạt pháp, cũng có nghĩa là trong pháp vận mười hai ngàn năm của đức Phật Thích Ca, những người đã được nghe danh hiệu Phật, nhìn thấy tượng Phật, lúc Phật còn tại thế đã thấy Phật, lúc Phật chẳng còn tại thế đã nhìn qua hình tượng của Phật, hoặc là tượng điêu khắc, hoặc là tranh vẽ. Hoặc nghe đến danh hiệu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhìn qua hình tượng của Tam Bảo, bất luận Tam Bảo này là thiệt hay giả, có tu hoặc chẳng có tu, đều không quan trọng vì chỉ cần họ có dịp tiếp xúc thì đều được trồng thiện căn. Tuy đã trồng thiện căn nhưng ác nghiệp tập khí của họ quá nặng. Có thiện căn dầy thì sanh một chút cung kính, không chịu y giáo phụng hành; thiện căn mỏng thì không những chẳng sanh tâm cung kính, ngược lại còn hủy báng. Thế nên chư vị phải biết, lúc mới học Phật chúng ta bị một chút hủy báng chẳng đáng kể gì hết. Chư Phật Như Lai ứng hóa nơi thế gian này, bị hủy báng quá nhiều, quá nhiều rồi, Phật chẳng giữ trong tâm, đây là việc chúng ta nên học các ngài. Bị những sự sỉ nhục, hủy báng này, chúng ta nhìn chúng sanh tạo tội nghiệp phải nên khởi tâm thương xót, làm sao chúng ta có thể phiền họ được? Làm sao có thể trách họ được? Nếu còn sanh khởi tâm muốn trả đũa thì bạn hoàn toàn sai mất rồi. Bạn phải biết họ ngu si, họ chẳng có trí huệ, phiền não tập khí của họ quá nặng nên họ mới tạo tác ác nghiệp, thương xót họ còn không kịp thì có lý nào trách móc họ! Đây là chư Phật, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta xem, dạy chúng ta làm sao học tập. Người tạo ác nghiệp thì nhất định phải đọa địa ngục, 'nếu đọa vào đường dữ và lúc chịu nhiều đau khổ', đây là đọa địa ngục, tạo tội nghiệp trong Phật pháp.

Sau đó là lời Thế Tôn phó chúc, 'nhữ đương ức niệm', 'nhữ' là chỉ Địa Tạng Bồ Tát, lời này là nói với Địa Tạng Bồ Tát: Ông nên nghĩ đến. 'Ngô' là đức Phật Thích Ca tự xưng, Thế Tôn 'tại Đao Lợi thiên cung', hôm nay 'ân cần phó chúc', nhờ ông làm việc này. 'Lịnh Sa Bà thế giới, chí Di Lặc xuất thế dĩ lai chúng sanh', đây chẳng phải là chúng sanh thông thường, đều đã gặp được Phật pháp, những chúng sanh tạo tội nghiệp nơi Tam Bảo, chúng ta phải hiểu rõ việc này. Cũng như phía trước có nói: 'một, hai trong mười người', số lượng trong đó rất nhiều. Mãi đến lúc Phật Di Lặc xuất thế, thời gian này dài năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, là người xưa nói như vậy.

'Tất sử giải thoát, vĩnh ly chư khổ, ngộ Phật thọ ký', Địa Tạng Bồ Tát dùng pháp môn gì? Nói cho quý vị biết Ngài dùng pháp môn Niệm Phật. Nghiệp chướng, tập khí của chúng sanh đời Mạt pháp rất nặng, những pháp môn khác nhất định không thể thành tựu. Tuy nói pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, nhưng căn tánh chúng sanh chẳng đồng, tập nhiễm chẳng đồng, tu học những pháp môn khác khó khăn, pháp môn niệm Phật dễ hơn. Phía trước chúng ta thấy cô Bà La Môn, sau đó là cô Quang Mục, cả hai đều dùng pháp môn Niệm Phật. Chỉ có pháp môn Niệm Phật, vãng sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới mới được thật sự giải thoát, vĩnh viễn xa lìa các sự khổ, gặp Phật A Di Đà được Ngài thọ ký, đây đều là sự thật.

Nhĩ thời chư thế giới, phân thân Địa Tạng Bồ Tát cộng phục nhất hình, thế lệ ai luyến.

Bấy giờ các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát ở các thế giới hợp lại thành một hình, rơi lệ ai luyến.

Đây là Địa Tạng Bồ Tát tiếp nhận lời phó thác của đức Phật Thích Ca, lúc đó ngài rất cảm động. Vô lượng phân thân có thể hợp thành một thân.

Bạch kỳ Phật ngôn, ngã tùng cửu viễn kiếp lai mông Phật tiếp dẫn, sử hoạch bất khả tư nghị thần lực, cụ đại trí huệ.

Bạch Phật rằng: 'Từ số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ đức Phật tiếp độ dẫn dắt, khiến cho con có thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ trí huệ rộng lớn.'

Đây là những lời cảm ơn, chúng ta phải thể hội ý tứ này, 'tri ân báo ân'. Địa Tạng Bồ Tát có thành tựu như vậy, ngài nghĩ lúc ban đầu cũng là phàm phu tu học thành tựu. Được sự giúp đỡ của chư Phật, Bồ Tát nên ngài mới có thành tựu như vậy. Luôn luôn chẳng quên cội nguồn, đoạn kinh này dạy chúng ta phải tri ân. Thân chúng ta có được từ cha mẹ, cha mẹ sanh mình, nuôi mình. Khi mình khôn lớn thành người rồi, có bao nhiêu người có thể nghĩ đến ân đức của cha mẹ? Cầu học, học thành tài rồi, có được bằng cấp, có bao nhiêu người nghĩ đến ân đức của thầy giáo? Trong kinh Đại Bát Nhã, Phật nói Nhị Địa Bồ Tát có tám môn cần phải học, một môn trong đó chính là 'Tri ân báo ân'. Chư vị phải biết, Nhị Địa Bồ Tát là tiêu biểu pháp, Nhị Địa tri ân báo ân, vậy thì Sơ Địa, Thập Hồi Hướng, Thập Hạnh, Thập Trụ, Thập Tín có cần tu không? Tất cả đều phải tu. Hoa Nghiêm nói lời chân thật cho chúng ta, một vị thứ tức là hết thảy vị, hết thảy vị tức là một vị. Thế nên chúng ta có thể học được 'đại pháp' từ trong kinh Hoa Nghiêm. Những gì mỗi vị Bồ Tát tiêu biểu, phía sau chúng ta sẽ thấy, ba mươi mấy loại Thần chúng này, họ đều là Bồ Tát. Lúc nãy có nói, nên dùng thân quỷ thần thì họ liền hiện thân quỷ thần, đồng nam, đồng nữ, một trăm bảy mươi mấy chúng đều là Phật, Bồ Tát hóa thân, đều triển hiện vạn đức vạn năng trong tự tánh của chúng ta. Phổ Hiền tiêu biểu cho Tổng Tướng (tướng Chung), những chúng này tiêu biểu cho Sai Biệt Tướng, trong tổng có biệt, trong biệt có tổng: Tổng là một, Biệt là nhiều, một là nhiều, nhiều là một, một và nhiều chẳng hai.

Phía trước chúng ta thấy hai mươi vị Bồ Tát tiêu biểu pháp, mười vị Bồ Tát trước cùng tên, mười vị sau khác tên, dụng ý ở đâu? Là nói với chúng ta 'Đồng' là 'Đồng trong những cái Dị', Dị là 'Dị trong những cái Đồng', Đồng và Dị chẳng hai. Hiển thị ra tâm tánh vạn đức vạn năng của chúng ta, chữ 'vạn' này chẳng phải là con số, trí huệ đức năng trong tâm tánh là vô lượng vô biên. Từ đó bạn mới biết toàn bộ Kinh Hoa Nghiêm nói về cái gì? Nói về Thể, Tướng, Tác Dụng của tự tánh mình, chẳng nói gì khác. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm vốn là nói về chính mình, ngàn kinh vạn luận ngoài kinh Hoa Nghiêm nói về sai biệt; tóm lại Hoa Nghiêm là Tổng, hết thảy kinh luận là Biệt, Biệt là Biệt của Tổng, Tổng là Tổng của Biệt, là một chẳng phải hai. Từ cơ sở này, bạn nghĩ đến tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là tự mình, như vậy bạn mới có thể Giải được viên mãn. Giải viên mãn rồi thì bạn phải Tu viên mãn, phải Chứng viên mãn, đây là mục tiêu chung cực của Phật giáo. Phương Đông Mỹ tiên sinh nói về: 'sự hưởng thọ tối cao của con người', một tí gì cũng chẳng giả. Tôi có được một chút thọ dụng, nên tôi luôn luôn nhớ đến ân đức của thầy. Phật pháp thù thắng vô cùng, vi diệu hạng nhất trong thế gian và xuất thế gian, nếu chẳng có cao nhân chỉ điểm, bạn làm sao nhận biết được?

Cả đời tôi học Phật chẳng có ý mong cầu, cảm ứng này là cảm ứng tiềm tàng. Tôi chẳng có tâm mong cầu, chắc là thiện căn quá khứ chín muồi nên tôi gặp được những vị thầy này, chư Phật, Bồ Tát hóa hiện. Phương pháp họ dạy cho tôi khác với phương pháp dạy người khác. Tôi theo Phương tiên sinh học Triết Học, ông giới thiệu Phật pháp cho tôi, dạy cho tôi biết Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong Triết học thế giới, ngài dùng phương pháp này giới thiệu cho tôi. Ông dạy học trong trường, chẳng dạy việc này cho những học sinh khác. Sau khi tiếp xúc đến Phật pháp, tôi có duyên gặp Chương Gia đại sư, căn cơ của tôi là nhờ Chương Gia đại sư xây dựng. Đại sư viên tịch cũng là vì tôi, tôi biết rất rõ; vì nếu Ngài không viên tịch thì tâm học Phật của tôi sẽ chẳng khẩn thiết như vậy; khi Ngài ra đi rồi, tôi mất chỗ nương dựa. Tôi cùng Cam Châu Hoạt Phật dựng lều nơi lò thiêu của ngài, tôi ở đó ba ngày ba đêm, hết sức thành thật và suy tư trong ba năm tôi theo Ngài học, Ngài đã dạy tôi những gì. Moi móc trí nhớ, sắp xếp lại những lời dạy trong ba năm nay, tôi rất cảm kích Ngài, gốc đã được Ngài chôn sâu, rễ được vun bồi vững vàng. Sau đó theo học thầy Lý mười năm mới có được một ít thành tựu. Người theo học thầy Lý rất nhiều, quá nhiều, tại sao không thể thành tựu? Vì chẳng có gốc rễ. Trong ba năm ấy gốc rễ của tôi đã được vun bồi. Tôi học Phật, học Phật pháp theo hai vị thầy, học Thế pháp theo một vị thầy, rất đơn thuần. Tôi có thái độ của một người học trò, y giáo phụng hành, chẳng trái nghịch lời dạy của thầy giáo, tuân thủ lời dạy của thầy, trong Phật pháp gọi là 'sư tư đạo hiệp'.

Chúng ta giảng kinh dạy học, nhất định phải cúng dường thầy giáo ở một bên, hiện trường này của chúng ta có thầy giáo hiện diện. Thầy giáo dạy chúng ta, nếu chẳng có hộ pháp đắc lực thì cũng chẳng thể thành tựu. Hàn quán trưởng hộ trì ba mươi năm, chúng ta treo ảnh của bà ở đối diện, mỗi lớp bà đều có tham dự và nhìn thấy, tinh thần của bà đích thật tồn tại trong đạo tràng này, trong lớp học chúng ta, chư Phật, Bồ Tát đều hiện diện. Chúng ta dùng tâm niệm gì để học tập? Cảm ân đội đức. Chúng ta biết đời này nhất định thành tựu, chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, đâu có lý nào không thành tựu được? Hàn Quán Trưởng có huệ nhãn, chẳng phải là người thường, lần trước pháp sư Hàn Quốc đến đây, nhìn thấy tấm ảnh này, [bảo Hàn Quán Trưởng là] Quán Âm Bồ Tát tái lai. Bà giao phó công tác hộ pháp cho cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ông Lý chẳng phụ lời ủy thác này. Lần đầu tiên Lý cư sĩ đến thư viện ở Đài Bắc, Hàn Quán Trưởng tặng cho ông một bộ Tây Phương Tam Thánh, giao Phật Bảo cho ông. Đến lần thứ hai tặng ông một bộ 'Đại Tạng Kinh', giao Pháp Bảo cho ông. Sau khi vãng sanh, chúng ta đều đến đây, cũng giao Tăng Bảo cho ông rồi. Ông phải phụ trách hộ pháp

nên mới có nhân duyên thù thắng này. Chúng ta trong thời đại ngày nay có nhiều tai nhiều nạn, có thể ở đây giảng kinh Hoa Nghiêm chẳng dễ, bạn phải biết khai giảng kinh này, người ở địa phương này có phước báo bao lớn, thiện căn bao lớn. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng đầy đủ thì pháp hội này nhất định sẽ chẳng mở nổi. Pháp hội này có thể xây dựng ở đây, là do hết thảy chư Phật Như Lai hộ niệm, long thiên thiện thần thủ hộ, trong tâm chúng ta biết rất rõ, rất minh bạch.

Ân cha mẹ, ân sư trưởng không thể quên, Phật dạy chúng ta 'Trên đền bốn ân nặng'. Bốn ân này là 'Ân cha mẹ', 'Ân sư trưởng'; Tam Bảo thuộc phạm vi của Sư Trưởng, Tam Bảo là thầy của chúng ta; 'Ân quốc gia', 'Ân chúng sanh'. Quốc gia bảo vệ chúng ta, làm cho chúng ta an cư lạc nghiệp; chúng sanh, chúng ta không thể xa lìa xã hội, tách rời đại chúng và sanh tồn riêng rẽ. Ẩm thực y phục của chúng ta đều phải nhờ rất nhiều người canh tác, trồng trọt tạo thành, phải thường thường suy nghĩ. Làm sao báo ân? Phải hết lòng học tập, thật sự đoạn phiền não, khai trí huệ, làm Phật, làm Bồ Tát, giống Địa Tạng Bồ Tát vậy, được vậy thì mới là 'Trên đền bốn ân nặng, Dưới độ ba đường khổ'. Địa Tạng Bồ Tát làm gương tốt nhất cho chúng ta, chúng ta phải học tập. Địa Tạng học theo Phật, học rất giống, bạn coi phía dưới Ngài nói:

Ngã sở phân thân, biến mãn bá thiên vạn ức Hằng hà sa thế giới, mỗi nhất thế giới hóa bá thiên vạn ức thân, mỗi nhất thân độ bá thiên vạn ức nhân, lịnh quy kính Tam Bảo, vĩnh ly sanh tử, chí Niết Bàn lạc.

Các phân thân của con thị hiện ở khắp trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa thế giới, trong mỗi thế giới hóa hiện trăm ngàn vạn ức thân, mỗi thân độ trăm ngàn vạn ức người, khiến họ quy kính Tam Bảo, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, đến được Niết Bàn an lạc.

Phật độ hóa chúng sanh cũng phân thân như vậy, độ thoát như vậy, Địa Tạng Bồ Tát biểu diễn rất hoàn hảo, chân chánh là học trò giỏi của Phật. Ngài cũng giống như Phật, phân thân đến thế giới nhiều như số cát sông Hằng, chẳng nề cực nhọc, độ thoát vô lượng vô biên chúng sanh. Ba câu cuối này nói về thành tích độ thoát chúng sanh của Ngài. Thứ nhất là nhất định phải giúp chúng sanh quy y Tam Bảo, kính ngưỡng Tam Bảo, giai đoạn thứ nhất này tiếp dẫn quảng đại chúng sanh. Quy y Tam Bảo chưa hẳn có thể liễu thoát sanh tử, thoát ly tam giới, sự thật này mọi người đều rất rõ ràng. Có bao nhiêu người quy y nhưng chẳng sửa đổi tập khí, tật xấu, chẳng chịu hết lòng tu học. Giai đoạn thứ nhất, đó là nghiệp chướng nặng nề, họ còn chưa nghĩ đến liễu sanh tử, còn cho rằng sáu nẻo luân hồi cũng khá tốt, chẳng chịu xa lìa sáu nẻo luân hồi, ngu ám. Những người lợi căn đều biết rõ sáu nẻo là khổ, tam giới đều là khổ; 'Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ', họ biết tam giới đều khổ, hạ quyết tâm phải thoát ly biển khổ, như vậy gọi là xuất tam giới, vĩnh viễn thoát ly sanh tử. Trong sanh tử có hai loại, người biết được cũng chẳng nhiều: một là Phần Đoạn Sanh Tử, thân này của chúng ta, còn một loại gọi là Biến Dịch Sanh Tử, rất ít người biết đến. Đoạn dứt sanh tử của thân chúng ta, thì siêu việt sáu nẻo luân hồi được, A La Hán và Bích Chi Phật đều làm được. Biến Dịch Sanh Tử thì hơi phiền phức, mãi cho đến Viên Giáo Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa đoạn nổi Biến Dịch Sanh Tử, khi đoạn tận rồi thì mới chứng được Phật quả Viên Giáo. Địa Tạng Bồ Tát giúp đến cùng, chẳng phải chỉ giúp bạn một giai đoạn, chẳng thoái tâm giữa đường, một mạch giúp đến cùng.

Ngày nay chúng ta đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện nơi đây, có duyên với Địa Tạng Bồ Tát, ở đây có một mật nghĩa. Mật nghĩa là gì? Dạy chúng ta phải phát tâm học theo Địa Tạng Bồ Tát, phải phát tâm làm Địa Tạng Bồ Tát, cô Bà La Môn, cô Quang Mục đều là gương tốt của chúng ta. Nếu chúng ta đọc kinh này xong, rất cảm

động, thực sự cũng phát nguyện này: chúng ta đến tận cùng kiếp vị lai, độ thoát hết thảy chúng sanh khổ nạn, chúng sanh chưa thành Phật, chúng ta sẽ không thành Phật, như vậy thì hiện tại bạn là Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát được gọi là đại nguyện, bạn phát đại nguyện này thì bạn sẽ được chư Phật hộ niệm, hết thảy Bồ Tát cung kính vây quanh, chúng ta phải học tập ở chỗ này. 'Chí Niết Bàn lạc', lìa khổ được vui. 'Vĩnh ly sanh tử' là giúp đỡ chúng sanh 'lìa khổ', sau đó 'được vui'. Niết Bàn là niềm vui cứu cánh viên mãn thanh tịnh. Xin xem đoạn kế:

Đản ư Phật pháp trung, sở vi thiện sự, nhất mao nhất đế 7[7], nhất sa nhất trần, hoặc hào phát hứa, ngã tiệm độ thoát, sử hoạch đại lợi.

Những chúng sanh nào ở trong Phật pháp dù làm việc thiện chỉ bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hoặc một mảy lông tóc, con đều độ thoát dần, làm cho họ được lợi ích lớn.

Người xưa thường khuyên chúng ta: *'Đừng chê việc thiện nhỏ rồi chẳng làm'*. Việc này là việc thiện nhỏ nhoi, tôi làm để làm gì? Đây là quan niệm sai lầm của chúng ta. *'Đừng nói việc ác nhỏ rồi cứ làm'*, đây là việc ác nhỏ, chẳng sao cả, có hại gì đâu, có thể làm, [nghĩ vậy thì] sai rồi. Chư vị nên biết việc thiện nhỏ bằng mảy tơ cũng trọn khắp hư không pháp giới, ngược lại việc ác bằng mảy tơ cũng trọn khắp hư không pháp giới. Đừng nói những báo ứng khác, [việc ác này] nhất định sẽ chướng ngại tánh đức của bạn, đó là phiền phức, bạn sẽ chẳng thể minh tâm kiến tánh. Bạn xem Phật, Bồ Tát có từ bi không, bạn chỉ có một chút thiện liền có thể cảm động các ngài đến bảo hựu cho bạn, giúp đỡ bạn. Do đó có thể biết thiện không thể không tu, ác chẳng thể chẳng đoạn.

Hội này của chúng ta là giảng cho Cửu Hoa Sơn, đạo tràng của Địa Tạng Bồ Tát. Nhưng băng thâu hình của chúng ta được lưu thông toàn thế giới, số người tham dự hội giảng kinh này của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn. Những người mắt thịt chúng ta nhìn thấy, còn chúng Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, và quỷ thần trong sáu nẻo thì mắt thịt nhìn không thấy. Trong kinh này chúng ta thấy việc còn thù thắng hơn nữa, đó là mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đều tham gia. Hội giảng kinh này của chúng ta có thù thắng bằng hội ở cung trời Đao Lợi không? Nói cho chư vị biết tuyệt đối chẳng khác. Chúng ta không có phước báo, người thường nhìn thấy giảng đường này quá nhỏ, quá xấu tệ, người cõi trời nhìn thấy đạo tràng này xây bằng bảy báu, đây là ghế Sư Tử, vô cùng trang nghiêm, tướng tùy tâm chuyển, một tí gì cũng chẳng giả. Thế nên chỉ cần hiểu rõ những đạo lý, chân tướng sự thật này xong, giống như đã nói trong buổi giảng kinh Hoa Nghiêm ngày hôm qua, chúng ta mới biết tự ái, tự trọng thật sự. Chỉ có người mê mất tự tánh mới chẳng tự ái, chẳng tự trọng, chà đạp chính mình. Từ chỗ này chúng ta cũng hiểu được 'Giải' vô cùng quan trọng, 'Giải' giúp cho bạn phá mê khai ngộ, ngộ xong mới khởi tu, công phu tu hành sẽ đắc lực, thọ dụng sẽ rất rõ ràng. Phải ghi nhớ câu kinh văn này.

Duy nguyện Thế Tôn bất dĩ hậu thế ác nghiệp chúng sanh vi lự, như thị tam bạch Phật ngôn. Duy nguyện Thế Tôn, bất dĩ hậu thế ác nghiệp chúng sanh vi lự.

***Cúi mong Thế Tôn đừng vì chúng sanh đời sau tạo ác nghiệp mà lo lắng. [Ngài] bạch đức Phật ba lần, nguyện đức Thế Tôn đừng vì ác nghiệp chúng sanh đời sau mà lo lắng*.**

7[7] trong những bản kinh Địa Tạng được lưu hành, chữ này thường được sửa thành chữ Trích 滴 (cùng một nghĩa).

Thế Tôn xoa đảnh Địa Tạng Bồ Tát, xoa đảnh an ủi Ngài, giao sứ mạng độ hóa chúng sanh cho Ngài. Địa Tạng Bồ Tát chẳng phụ sự ủy thác của Thế Tôn, ở chỗ này chúng ta thấy Ngài cũng an ủi Thế Tôn, xin Thế Tôn đừng lo âu, đừng vướng bận, việc Thế Tôn giao cho Ngài, Ngài nhất định sẽ làm. Chữ 'tam bạch' nghĩa là nói ba lần, cẩn trọng, chân thành nhất định sẽ y giáo phụng hành.

Nhĩ thời Phật tán Địa Tạng Bồ Tát ngôn, thiện tai thiện tai, ngô trợ nhữ hỷ, nhữ năng thành tựu cửu viễn kiếp lai phát hoằng thệ nguyện, quảng độ tương tất tức chứng Bồ Đề.

Lúc ấy đức Phật khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng: 'Lành thay, lành thay, Ta hộ trợ cho điều ông muốn, để ông thành tựu các hoằng thệ đã lập từ những kiếp lâu xa đến nay. Khi quảng độ xong ông liền chứng Bồ Đề.

Bồ Tát an ủi Thế Tôn, Thế Tôn cũng tán thán Bồ Tát. 'Thiện tai, thiện tai' hai lần, dùng cách nói hiện nay của chúng ta thì là 'Tốt quá, tốt quá'! Ý nghĩa trong đó là Ngài hiểu được tâm ý của Phật, y giáo phụng hành, ghi nhớ và tuân thủ lời dạy của Phật, đây là thiện tai, thiện tai. Còn có thể phân vô lượng thân, giáo hóa hết thảy chúng sanh ương ngạnh, khó giáo hóa. Chúng sanh tuy chỉ tu việc thiện nhỏ như sợi tóc, phước nhỏ như cọng lông, Bồ Tát nhìn thấy đều sanh tâm hoan hỷ, việc thiện nhỏ xíu cũng có thể cảm động đến chư Phật, Bồ Tát. Việc thiện nhỏ còn không xả bỏ, huống chi là việc thiện lớn. Chư vị nên biết tự bạn tu thiện, trong Phật pháp có câu nói: *'Một người con thành Phật, chín họ sanh lên trời'*, lời này là thật, chẳng giả. Tổ tiên của bạn tuy đã qua đời, đọa trong ác đạo cũng sẽ được siêu thoát, không khác gì việc nói trong kinh Địa Tạng.

Hôm trước cư sĩ Hồ gọi điện thoại nói với tôi, bà ở Đài Trung gặp một người có khả năng siêu thường (đặc dị công năng), người này vừa gặp bà liền nói: 'Nhờ phước bà đã tu bố thí, cha bà đã được sanh lên trời Đao Lợi rồi'. Bà gọi điện thoại hỏi tôi có thể nào được vậy không? Tôi nói: có thể. Nhất định là việc thật, chẳng phải giả. Người con thành tâm, thành ý tu phước, những gia quyến đã qua đời đều được lợi ích. Chúng ta muốn độ oan gia chủ nợ, nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, chỉ khi tự mình có thành tựu chân chánh thì mới có thể độ nổi những oan gia chủ nợ nhiều đời; nếu bạn chẳng tu trì chân chánh thì không được. Đó là giả, chẳng thật. Bố thí, bố thí một cách thanh tịnh thì phước báo lớn nhất. Bố thí còn muốn danh văn lợi dưỡng, phước báo đó rất nhỏ. Tuy nhỏ nhưng Bồ Tát cũng hoan hỷ, việc thiện tí xíu Ngài cũng chẳng bỏ, chúng ta thấy được việc này trong kinh. Việc thiện nhỏ còn không xả huống hồ là việc thiện to lớn khi bố thí thanh tịnh. Những chuyện này, nhân duyên quả báo, chỉ cần chúng ta lắng lòng quan sát cặn kẽ trong xã hội này rất nhiều, nơi nào cũng có, nhưng vì chúng ta quá sơ ý nên không thấy đó thôi. Đặc biệt là thời đại hiện nay, thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo vô cùng rõ ràng, hoàn toàn phù hợp với lời dạy trong kinh Địa Tạng, tơ hào chẳng sai. Chúng ta nên đọc thuộc kinh này, suy nghĩ cặn kẽ, y giáo phụng hành thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

PHẨM THỨ 3: QUÁN NGHIỆP DUYÊN CHÚNG SANH

Đây là đoạn lớn thứ hai trong kinh này. Đoạn lớn thứ nhất là hai phẩm trước, Thế Tôn giới thiệu Địa Tạng Bồ Tát cho chúng ta nhận biết vị thiện tri thức, vị thầy này. Ba phẩm sau này thuyết minh những chúng sanh được Địa Tạng Bồ Tát độ, cũng chính là những chúng sanh được ngài giáo hóa, ở đây đức Phật nói rất rõ với chúng ta. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Phật mẫu Ma Gia phu nhân cung kính hiệp chưởng vấn Địa Tạng Bồ Tát ngôn: 'Thánh giả, Diêm Phù chúng sanh tạo nghiệp sai biệt, sở thọ báo ứng kỳ sự vân hà'.

Lúc đó Phật Mẫu Ma Gia phu nhân cung kính chắp tay hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng: 'Thánh giả, chúng sanh trong cõi Diêm Phù tạo nghiệp sai khác, cảm thọ báo ứng như thế nào?'

Đây là mẫu thân của đức Phật Thích Ca, Ma Gia phu nhân. Ma Gia phu nhân sanh đức Phật xong, phước báo này quá lớn nên vãng sanh đến trời Đao Lợi, hưởng phước trời. Còn ở nhân gian chúng ta thì chuyện này không phải là một chuyện tốt, tại sao sanh Phật xong qua mấy ngày sau thì mẹ qua đời. [Lúc nhỏ] Đức Phật được Di Mẫu (dì) nuôi dưỡng đến lớn, mẫu thân sanh Ngài đã lên trời Đao Lợi hưởng phước trời. Hiểu được chân tướng sự thật mới biết phước báo của mẹ Ngài lớn. Mắt thịt phàm phu chúng ta nhìn thấy đều nghĩ rằng đây là việc xui xẻo, cách suy nghĩ hoàn toàn khác biệt. Một đời giáo hóa của đức Thế Tôn đến lúc phải tạm ngưng, những người có thể tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài, phía trước nói có bảy tám phần đều đã được độ, một hai phần còn lại nghiệp chướng, tập khí quá nặng, khi Phật còn tại thế không được độ. Sau khi Phật diệt độ làm cho những người này nâng cao cảnh giác, sau đó những người này được đệ tử của Phật độ hóa, nhân duyên được độ của mỗi người chẳng giống nhau. Sau khi Phật giáo hóa chúng sanh đến lúc tạm ngưng, tiếp nhận lời mời của Đao Lợi thiên chủ, mời Ngài đến cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẫu thân. Chuyện này đức Phật Thích Ca không thể từ chối, tại sao? Hết thảy chư Phật giáo hóa chúng sanh đến cuối cùng nhất định phải báo đáp ân đức của mẫu thân, đến cung trời Đao Lợi giảng kinh Địa Tạng Bổn Nguyện, có lẽ đây là một quy củ nên Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẫu thân.

Ma Gia phu nhân cũng trong hội này gặp Địa Tạng Bồ Tát, do bà khải thỉnh. Nói thật ra, Ma Gia phu nhân cũng là Phật, Bồ Tát hóa thân, chẳng phải là người thường. 'Vấn Địa Tạng Bồ Tát ngôn, Thánh giả', Địa Tạng Bồ Tát là đại thánh, Đẳng Giác Bồ Tát. 'Diêm Phù chúng sanh', Ma Gia phu nhân là người ở cõi Diêm Phù Đề, tức là thế giới chúng ta, từ thế giới chúng ta sanh lên cung trời Đao Lợi. Ở trời Đao Lợi chẳng quên quê cũ, ân tình này rất nặng, rất sâu, đặc biệt quan tâm đến những chúng sanh tạo tội nghiệp ở quê cũ. 'Tạo nghiệp sai biệt, sở thọ báo ứng' những việc này ra sao? Xin Địa Tạng Bồ Tát khai thị.

Địa Tạng Bồ Tát ngôn, thiên vạn thế giới nãi chí quốc độ, hoặc hữu địa ngục, hoặc vô địa ngục, hoặc hữu nữ nhân, hoặc vô nữ nhân, hoặc hữu Phật pháp, hoặc vô Phật pháp, nãi chí Thanh Văn, Bích Chi Phật diệc phục như thị, phi đản địa ngục tội báo nhất đẳng.

Địa Tạng Bồ Tát trả lời: 'Trong ngàn vạn thế giới cho đến các quốc độ, nơi có địa ngục hoặc không có địa ngục, nơi có người nữ hoặc không có người nữ, nơi có Phật pháp hoặc không có Phật pháp, cho đến Thanh Văn và Bích Chi Phật đều như vậy, chứ chẳng riêng gì tội báo nơi địa ngục thôi đâu.

Địa Tạng Bồ Tát trả lời, hình như câu trả lời chẳng đáp đúng câu hỏi, tại sao? Ma Gia phu nhân hỏi phạm vi quá nhỏ, chỉ hỏi Diêm Phù Đề, chúng sanh ở ngoài cõi Diêm Phù Đề rất nhiều, thế giới vô biên. Ở đây có một ý ngầm, ngầm chỉ tâm lượng chúng ta phải lớn, phải bằng hư không pháp giới, mới có thể dứt trừ hết thảy chướng nạn, tâm lượng nhỏ nhất định tạo nên chướng ngại. Người thế gian tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, bạn nghĩ xem là vì nguyên nhân gì? Đều vì chính mình, vì cá nhân, vì

gia đình, vì đoàn thể nhỏ của mình mà tạo tội nghiệp; vì một quốc gia, quốc gia này xung đột với quốc gia kia, phải đánh nhau, nếu tâm lượng chúng ta mở rộng một chút, vì toàn thế giới, thì sự tranh chấp giữa các quốc gia sẽ bị tiêu trừ, liền được hóa giải. Nhưng chúng ta vì toàn thế giới, sau này tinh cầu của chúng ta cùng tinh cầu khác có chiến tranh, cũng sẽ phiền phức nữa, lại chẳng an toàn. Tâm lượng được mở rộng, chúng ta bao gồm những hành tinh khác, vậy thì chiến tranh giữa các tinh cầu sẽ được tiêu trừ. Hàm ý của kinh văn, nếu có thể làm đến tâm bao trùm hư không, lượng gồm khắp các cõi nhiều như cát giống tâm chư Phật, Bồ Tát, thì hết thảy hiểu lầm, ngăn cách đều bị tiêu trừ, hết thảy chúng sanh mới có thể hưởng được hòa bình vĩnh viễn. Nếu hết thảy chúng sanh, chúng sanh trong mười pháp giới đều có thể hỗ trợ hợp tác, sống chung hòa mục, đây mới là biện pháp căn bản để giải quyết vấn đề. Do đó mới biết tâm lượng nhỏ bé là căn nguyên của hết thảy họa hại, nhất định phải mở rộng tâm lượng. Bao trùm thái không, gồm thâu các cõi là tâm lượng vốn sẵn có, vốn đã vậy. Tâm lượng biến thành nhỏ nhoi là vì mê hoặc, vô tri, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật tạo nên. Tâm lượng nhỏ vốn chẳng có, tâm lượng lớn vốn sẵn có, đạo lý là ở chỗ này. Một người hỏi, một người đáp hiển thị lên ý nghĩa này, Địa Tạng Bồ Tát ám chỉ Ma Gia phu nhân tâm lượng phải mở rộng, đừng chỉ quan tâm đến Diêm Phù Đề thôi, nên quan tâm đến hết thảy chúng sanh khổ nạn ở tận hư không, trọn pháp giới. Chuyện này chẳng phải Ma Gia phu nhân không biết, chỉ giả bộ thôi. Nói chung cảm tình người thế gian rất nặng, rất sâu, rất khó buông xuống.

Ma Gia phu nhân trùng bạch Bồ Tát, thả nguyện văn ư Diêm Phù tội báo sở cảm ác thú.

Ma Gia phu nhân bạch lại với Bồ Tát: 'Tôi muốn nghe về tội báo trong cõi Diêm Phù chiêu cảm ác đạo.'

Bà vẫn muốn hỏi về chuyện ở quê hương. Hiển thị cái gì? Hiển thị cảm tình sâu nặng đối với nơi mình ở, đặc biệt từ bi. Ma Gia phu nhân và Địa Tạng mỗi người hiển thị một bên đều tốt, đều rất sôi nổi, đặc biệt thương xót chúng ta, những chúng sanh tạo tội hiện nay.

Địa Tạng đáp ngôn, Thánh Mẫu, duy nguyện thính thọ, ngã thô thuyết chi.

Địa Tạng trả lời: 'Thánh Mẫu, xin Ngài lắng nghe nhận lấy, tôi sẽ lược nói việc đó'.

Nếu Ma Gia phu nhân hỏi thêm lần nữa, Địa Tạng Bồ Tát chỉ nói tổng quát, không nói chi tiết. Cứ hỏi mấy lần nên Địa Tạng Bồ Tát đương nhiên phải mãn nguyện Ma Gia phu nhân. Nói thật ra là mãn nguyện cho chúng ta, những chúng sanh hiện nay, Ma Gia phu nhân thay mặt chúng ta thỉnh pháp. Địa Tạng nói: 'Ngã thô thuyết chi', 'thô thuyết' là lời nói chẳng dễ nghe. Lời nghe hay gọi là 'tế ngữ', lời nói ngon ngọt. Thô ngôn tức là lời chẳng dễ nghe, tại sao? Đều nói về tội lỗi, về tội báo, những lời này gọi là 'thô ngữ'. Ý nghĩa của Thô và Tế là như vậy.

Phật mẫu bạch ngôn, nguyện Thánh giả thuyết.

Phật mẫu bạch rằng: 'Xin Thánh giả nói cho'.

Đây là lời thỉnh cầu chánh thức. Tôi muốn nghe lời nói 'thô ngữ' của ông, muốn nghe chuyện này.

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát, bạch Thánh Mẫu ngôn, Nam Diêm Phù Đề tội báo, danh hiệu như thị.

Lúc ấy Địa Tạng Bồ Tát nói với Thánh Mẫu rằng: 'Danh hiệu của những tội báo trong cõi Nam Diêm Phù Đề là như vầy.'

Từ những danh hiệu này, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của nó.

Nhược hữu chúng sanh bất hiếu phụ mẫu, hoặc chí sát hại, đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

Nếu có chúng sanh chẳng hiếu thuận cha mẹ, thậm chí giết hại cha mẹ, thì phải đọa địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không bao giờ mong ra khỏi được.

Địa Tạng Bồ Tát nói tội nặng hạng nhất chính là 'bất hiếu cha mẹ'. Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh hiển thị cho chúng ta về hiếu đạo, Địa Tạng Bồ Tát đời đời kiếp kiếp thị hiện, phát thệ nguyện sâu nặng đều vì muốn báo ân cha mẹ, đều vì làm trọn hiếu mới phát hoằng nguyện, thế nên bất hiếu là tội hạng nhất. Ý nghĩa của Hiếu vô cùng sâu. Thanh Liên pháp sư là người trước tác 'Địa Tạng Kinh Khoa Chú', ngài là người đời Thanh trước kia, triều vua Khang Hy. Ngài trích dẫn rất nhiều kinh luận để viết chú giải này, là một chú giải hay nhất cho kinh Địa Tạng. Chúng ta muốn báo ân thì phải lưu thông chú giải này, tốt nhất là làm bản in mới cho chú giải này, vì bản cũ đã in nhiều lần, chữ đã bị mờ đi nhiều. Tuy tôi giảng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh chẳng hoàn toàn y theo chú giải của Ngài, nhưng tôi đọc rất kỹ chú giải này, tôi đọc rất hết lòng.

Ở chỗ này Ngài nêu ra trong phần 'Chánh pháp niệm kinh', Phật giảng bốn thứ ân, bốn ân khó báo. Ân thứ nhất là 'Ân mẹ', thứ nhì là 'Ân cha', thứ ba là 'Ân Như Lai', thứ tư là 'Ân thuyết pháp sư', pháp sư giảng kinh thuyết pháp, bốn ân này khó báo. Bốn ân này đều rất lớn, cha mẹ, nhục thân chúng ta có được từ cha mẹ, Pháp thân huệ mạng của chúng ta có từ Như Lai. Như Lai chẳng còn tại thế, chúng ta làm sao có được? Chúng ta có được từ pháp sư thuyết pháp, trưởng dưỡng pháp thân huệ mạng. Trong kinh, Phật nói cúng dường bốn hạng người này được vô lượng phước, hiện tiền nhất định được người tán thán, tương lai có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Làm sao có thể quên ơn bội nghĩa được! Thế nên học Phật phải học từ đâu? Từ hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy giáo. Từ cơ sở Hiếu thân Tôn sư, mở rộng ra có thể hiếu thuận hết thảy chúng sanh, tôn kính xã hội đại chúng. Bạn có thể thương cha mẹ, thương sư trưởng, tự nhiên sẽ có thể thương quốc gia, thương chúng sanh, đây là đạo lý nhất định. Thế nên 'Bất hiếu cha mẹ' là tội nặng nhất trong những tội nghiệp, đương nhiên phải đọa 'Vô Gián địa ngục'. Phía sau sẽ giới thiệu về Vô Gián Địa ngục. Tội nặng thứ hai chính là Bất kính Tam Bảo. Điều đầu tiên là hiếu đạo, điều thứ hai là sư đạo.

Nhược hữu chúng sanh xuất Phật thân huyết, huỷ báng Tam Bảo, bất kính tôn kinh, diệc đương đọa ư Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

Nếu có chúng sanh làm thân Phật chảy máu, hủy báng Tam Bảo, chẳng kính tôn kinh, cũng sẽ phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không bao giờ mong ra khỏi được.

Chư vị nên ghi nhớ thời gian ấy rất dài, 'thiên vạn ức kiếp'. Tạo tội nghiệp nói thật ra vô cùng dễ dàng, thời gian tạo tội nghiệp vô cùng ngắn ngủi, nhưng tương lai thọ khổ báo sẽ dễ sợ vô cùng. Địa Tạng Bồ Tát rát lòng mỏi miệng nói chân tướng sự thật ra cho chúng ta biết, mấy ai tin nổi? Một số người đọc kinh này cứ tưởng là gì? Tưởng

đây là Phật giáo khuyên người hướng thiện, nói những lời này để dọa người, khuyên người đừng làm chuyện xấu, chẳng nghĩ có thật như vậy, chẳng cho rằng đây là chuyện thật. Là như trong kinh này nói: 'chúng sanh ương ngạnh khó dạy', cứ cho là mình đúng, đâu biết rằng đây là chân tướng sự thật! 'Xuất Phật thân huyết', công án này từ Đề Bà Đạt Đa mà ra, lúc Phật còn tại thế. Phật đã nêu nhiều gương tốt cho chúng ta, người học Phật đời sau noi theo, chúng ta phải ghi nhớ, phải học tập. Đề Bà Đạt Đa là học trò của Phật, phản bội sư đạo; tương lai chư vị tự mình làm pháp sư, cũng sẽ có học trò, khi học trò phản bội chư vị, có gì là tài giỏi đâu? Học trò của đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đã phản bội Ngài rồi mà? Đây là thị hiện cho chúng ta xem. Trong số học sinh có học sinh ngoan, nghe lời, có học sinh chẳng ngoan, phản bội thầy giáo, Phật cũng làm ra gương tốt cho chúng ta xem, chúng ta phải rõ ràng, phải minh bạch. Học sinh tốt chúng ta phải lo lắng cho họ, học sinh phản nghịch tuyệt đối chẳng trách mắng họ, tuyệt đối chẳng thể có tơ hào oán hận trong tâm. Họ phản nghịch mình, hủy báng mình, thậm chí còn hãm hại mình, cũng đừng ghi nhớ trong lòng, coi như chẳng có chuyện gì, ai cũng có nhân duyên riêng của người ấy, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, như vậy mới gọi là học Phật. Phật dùng tâm niệm, thái độ gì đối xử với Đề Bà Đạt Đa, chúng ta phải học theo. Nhất định không được oán hận trong lòng, đó là sai lầm, vậy thì bạn là phàm phu, vậy thì bạn chẳng bình đẳng rồi, chẳng phải là Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh, oán hay thân gì cũng bình đẳng.

Đề Bà Đạt Đa muốn hại Phật, lúc đó dùng những phương pháp như sau. Biết đức Phật mỗi ngày vào thành Xá Vệ khất thực, trên đường phải đi qua một vách núi, Phật đi phía dưới chân núi. Đề Bà Đạt Đa liền ở phía trên vách núi chuẩn bị đá lớn, khi đức Phật đi ngang, ông đẩy đá xuống để mưu hại Phật, khởi ác tâm này, làm chuyện này. Phước báo của Phật rất lớn, chẳng ai có thể hại nổi, Phật có thần Kim Cang hộ pháp. Khi đá bị đẩy xuống, thần Kim Cang lấy chùy Giáng Ma đánh tan hòn đá. Đánh tan xong, mảnh nhỏ văng trúng chân Phật chảy máu, 'xuất Phật thân huyết', đây là cốt ý hại Phật. Ông ta xúi giục vương tử A Xà Thế, dùng cách nói hiện nay là khuyên vương tử soán ngôi, hại vua cha, để lên làm vua. Đề Bà Đạt Đa muốn hại chết đức Phật để ông ta làm Phật. Họ thương lượng với nhau: ông thì làm vua mới, còn tôi thì làm Phật mới, chúng ta cùng nhau giáo hóa chúng sanh, thống lý đại chúng. Tạo tác tội nghiệp này, Đề Bà Đạt Đa nhiều đời phải đọa lạc vào địa ngục. Đây chính là không kính Tam Bảo, lấy thí dụ này để nói dụng ý rất sâu, dạy cho chúng ta đối với những người cốt ý hoặc vô ý hại mình đều phải học theo Phật, vẫn phải từ bi thương xót, chẳng có một chút oán hận gì, được vậy thì chúng ta mới đạt được sự thọ dụng chân thật của Phật pháp.

'Hủy báng Tam Bảo', Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng. Bịa chuyện, kiếm chuyện, hủy báng. 'Chẳng kính tôn kinh', đây là kinh điển, đặc biệt nêu ra Pháp bảo này, chẳng tôn kính, chẳng coi trọng kinh điển. Tại sao hiện nay chúng ta in kinh phải in thật đẹp? Bất luận là trên sự ấn loát, giấy hay bao bìa đều vô cùng đẹp đẽ, đây là tôn kính Pháp bảo, làm cho hết thảy chúng sanh nhìn thấy cuốn sách này bèn sanh tâm quý tiếc, chẳng đến nỗi làm hư, làm rách. Nếu rất bình thường, in rất xấu tệ, mọi người nhìn thấy chẳng sanh tâm tôn kính, thường tùy tiện bỏ bừa bãi, chà đạp kinh điển, đó không phải là chúng ta dạy cho mọi người tạo tác ác nghiệp hay sao, tạo ra cơ hội cho họ, đây là sai lầm. Thế nên phải in cho đẹp, hoàn mỹ, đừng để người ta có cơ hội tạo tội nghiệp, tâm này chính là tâm từ bi. Đây là nói về chẳng kính Tam Bảo, chẳng biết tôn sư trọng đạo, làm vậy phải đọa địa ngục.

Đặc biệt là thời đại bây giờ, người biết báo ân đã quá ít rồi, chúng ta phải đề xướng. Đề xướng nhất định phải làm ra gương mẫu cho mọi người nhìn thấy, chỉ lấy miệng nói thì không được, chẳng có sức khuyến hóa. Tôi báo ân thầy giáo, tôi xây thư

viện ở Đại Lục, quê Phương Đông Mỹ tiên sinh ở huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy. Tôi xây một 'Thư Viện Đông Mỹ Tiên Sinh' ở Đồng Thành để kỷ niệm thầy. Tôi đã thành lập một Thư Viện Hoa Tạng ở quê tôi để kỷ niệm Hàn Quán Trưởng. Tương lai nếu có cơ hội, tôi cũng sẽ xây một Thư Viện Hoa Tạng ở quê của Hàn Quán Trưởng. Tôi trú ở Thư Viện Từ Quang, do thầy Lý xây dựng, hết mười năm; hiện nay đang liên lạc với người ở Tế Nam, Sơn Đông để xây một Thư Viện Từ Quang. Phải làm thật sự, không làm không được. Có một vị đồng tu hỏi: 'Vậy Chương Gia đại sư thì sao?'. Đúng, mọi người đều nghĩ đến, tôi sẽ xây một 'Thư Viện Chương Gia đại sư'. Tôi nghĩ đến phải xây ở đâu? Đại học Nội Mông Cổ, xây một 'Chương Gia đại sư Đồ Thư Quán' ở đại học Nội Mông Cổ. Tôi nhất định sẽ làm được, phải dùng hành động cụ thể để thức tỉnh mọi người, phải 'Tri ân báo ân'. Nếu mỗi người đều có tâm báo ân, xã hội của chúng ta sẽ tường hòa, có lợi ích rất lớn đối với xã hội quốc gia, công đức lợi ích chân chánh. Nếu không tri ân, vong ân phụ nghĩa, thì xã hội này sẽ thành ra như thế nào! Dễ sợ vô cùng. Nhất định phải làm từ chính bản thân mình, đây mới là hoằng pháp lợi sanh, như vậy mới gọi là chân chánh học Phật.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 9 (Số 14-12-09)

Xin mở kinh.

Phẩm thứ 3: Quán nghiệp duyên chúng sanh.

Lần trước nói đến đoạn Bất kính Tam Bảo, chúng ta xem tiếp:

Nhược hữu chúng sanh xâm tổn thường trụ, điếm ô tăng ni, hoặc già lam nội, tứ hành dâm dục, hoặc sát hoặc hại, như thị đẳng bối đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp cầu xuất vô kỳ.

Nếu có chúng sanh xâm tổn của thường trụ, làm nhơ nhuốc Tăng Ni, hoặc tứ tình hành dâm trong chốn Già Lam, hoặc giết hoặc hại, hạng người như thế phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.

Đây là ba thứ tội nghiệp cực nặng. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ: thứ nhất là chẳng hiếu thuận cha mẹ, thứ hai là chẳng kính Tam Bảo, thứ ba là 'xâm tổn thường trụ', xâm là xâm phạm, tổn là tổn hoại, tội xâm tổn thường trụ rất nặng, là thuộc về giới trộm cắp, đây là việc chư vị phải biết. Nhiều người coi thường việc này, cứ tưởng đây là chuyện nhỏ, chẳng ăn nhằm gì, không biết đã phạm tội nặng nề. Trong kinh, Phật nói rất rõ ràng, chúng ta nhất định phải thấu hiểu cặn kẽ, thường trụ có bốn loại:

Thứ nhất gọi là Thường Trụ Thường Trụ, đây là những bất động sản, đất đai, ruộng đất, nhà cửa trong tự viện, am đường, đạo tràng, được gọi là Thường trụ thường trụ. Chỉ có thể xử dụng, tuyệt đối không thể trao đổi, mua bán, đây là vật của thường trụ, tội này cực nặng.

Thứ nhì là Thập Phương Thường Trụ, chúng ta thường gọi là 'Tứ Sự Cúng dường': 'thức ăn, y phục, ngọa cụ, y dược'. Đây là phẩm vật của tín đồ mười phương cúng dường người xuất gia, không dành riêng cho một người nào cả, hết thảy những người xuất gia trong đạo tràng này đều có phần. Nếu bạn xâm phạm, lấy làm của mình thì là trộm cắp.

Thứ ba là Hiện Tiền Hiện Tiền, đây là những gì tín đồ bố thí cho chúng ta. Phạm vi bố thí này tương đối nhỏ, chỉ thuộc về những người xuất gia hiện đang có mặt (hiện tiền). Không giống như mười phương nói ở phía trước, mười phương là hết thảy người xuất gia đều có phần. Thời xưa người xuất gia chẳng có nhà, bất cứ là đạo tràng nào cũng có thể xin cư ngụ (quải đơn), đều có thể thọ dụng, đều có thể tiếp nhận được. Vì sự cúng dường này là cúng dường mười phương nên hết thảy người xuất gia đều có phần.

Thứ tư gọi là Thập Phương Hiện Tiền, những vật hiện tiền, thí dụ lúc người xuất gia vãng sanh rồi, những vật mà họ để lại thì gọi là Thập Phương Hiện Tiền. Tuy là Hiện Tiền, nhưng những vật này mười phương đều có phần. Thế nên khi kết tội là kết từ những chỗ này.

Thí dụ như việc trộm cắp trong thế gian, bạn trộm đồ của một người thì bạn thiếu nợ một người. Chư vị đồng tu nhất định phải biết, nếu bạn hiểu rõ đạo lý này, thông đạt chân tướng sự thật, thì trong thế gian tuyệt đối chẳng thể nói một kẻ nào đó lợi dụng

người khác, lời này chẳng đúng. Cũng chẳng có việc người nào đó bị gạt, bị lợi dụng. Tại sao vậy? Đời này bạn giựt của người ta thì đời sau bạn phải trả nợ cho họ, đây là đạo lý nhất định, nhân quả báo ứng. Chúng ta giựt đồ, tương lai đời sau gặp duyên này thì tài vật của chúng ta cũng sẽ bị người ta giựt mất. Nếu chúng ta xâm chiếm người khác thì tương lai người ta cũng xâm chiếm chúng ta. Thế nên Phật nói giữa người với người có bốn thứ duyên: báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chẳng dứt, đều là làm những việc này. Chúng ta đến thế gian này để làm gì? Là để báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ mà thôi. Sau khi hiểu rõ đạo lý này xong, ân thì phải báo còn oán thì kể như huề đi, đừng tiếp tục nữa, xóa mất oan trái này, chúng ta thiếu người ta thì phải trả, người ta thiếu mình thì bỏ qua đi. Món oan trái này kết thúc trong đời này, chấm dứt hết, được vậy thì mới có thể niệm Phật, mới có thể vãng sanh Tịnh Độ. Nếu bạn cứ thường ghi nhớ những ân oán, nợ nần này trong tâm, đến lúc Phật đến tiếp dẫn muốn kéo nhưng kéo bạn không nổi, chuyện ở thế gian này bạn còn chưa dứt hết, những chuyện này không bao giờ dứt .

Thế nên bạn thiếu nợ một người thì bạn chỉ trả nợ cho một người, chuyện này dễ làm. Nếu là chính phủ địa phương, thí dụ một thành phố, nếu bạn trộm cắp những thiết bị công cộng ở đây thì phiền phức sẽ lớn lắm. Tại sao vậy? Bạn phải biết sự kết tội này, thiết bị công cộng là do những người ở địa phương này đóng thuế tạo dựng nên. Nếu bạn trộm cắp thì những người trong thành phố này đều là chủ nợ của bạn, bạn phải trả cho từng người, bạn phải trả đến bao giờ mới trả dứt? Chư vị nhất định phải biết, nhất định không thể trộm cắp những thiết bị công cộng, tội nặng lắm. Nếu thiết bị này là của quốc gia thì phiền phức còn lớn hơn nữa, tương lai khi kết tội thì người cả nước đều là chủ nợ của bạn. Hiện nay nhiều người không biết tội này nặng, mặc sức tùy tiện phá hoại thiết bị công cộng, tội này rất nặng, nặng vô cùng, phải kết tội dựa trên người cả nước. Tự viện, am đường gọi là đồ vật của Tam Bảo, tội này còn nặng hơn tội trộm cắp tài vật của quốc gia, tại sao vậy? Nó thông mười phương, tận hư không, trọn pháp giới hết thảy những người xuất gia đều có phần, sự luận tội này phải dựa trên tận hư không, trọn pháp giới, vậy thì phiền phức còn lớn hơn nữa. Thế nên trộm cắp đồ vật của Tam Bảo, trộm một cây kim, một sợi chỉ, một cọng cỏ, một khúc cây đều phải đọa địa ngục A Tỳ. Có người nói việc này hình như chẳng hợp lý tí nào, một cọng cỏ, một khúc cây, một cây kim, sợi chỉ chẳng đáng gì hết, tại sao tội nặng như vậy? Bạn nghĩ xem, chủ nhân của nó là ai? Bạn sẽ rõ, chủ nhân của nó là tận hư không, trọn khắp pháp giới hết thảy người xuất gia, bạn phải luận tội trên số người này.

Phạm vi của chữ 'đạo' (trộm cắp) vô cùng rộng lớn, chẳng hạn chế ở chỗ trộm cắp. Trong kinh Phật, chữ đạo được giải thích là 'chẳng cho mà lấy'. Người quản lý trong thường trụ phải cân nhắc: bạn muốn những vật ấy có nên đưa cho bạn hay không; nếu nên đưa nhưng họ không cho thì họ phạm giới, họ cũng phạm giới trộm cắp, họ dành lấy làm của riêng, cố ý làm khó dễ không cho bạn. Nếu không nên cho nhưng họ cho bạn thì cũng phạm giới, thế nên [quản lý đồ thường trụ] chẳng dễ đâu. Quản lý đồ vật của Tam Bảo, nếu không để ý thì liền tạo nên quả báo nghiêm trọng, đạo lý này chúng ta nhất định phải hiểu. Nếu chúng ta lãng phí đồ vật của Tam Bảo, cũng là giới điều này. Chúng ta tiết kiệm một phần tiền cho Tam Bảo, tiết kiệm được một đồng là phước báo của bạn, phước báo này rất lớn. Tại sao? Bạn cho hết thảy người xuất gia ở mười phương, bạn tu phước vì họ. Nói cách khác, nếu bạn lãng phí, tổn hại thì tội này sẽ rất nặng. Ngày nay càng ngày càng ít người hiểu được đạo lý này. Người xuất gia cũng chẳng nói, hiện nay những pháp sư giảng kinh có ai giảng Giới Luật đâu? Nếu giảng Giới Luật thì người ta sẽ mắng bạn. [Họ sẽ nói:] "Ông giảng Giới Luật, mở kinh ra thì mỗi ngày đều mắng chửi chúng tôi", còn ai chịu nghe lời chửi mắng? Nếu bạn giảng Giới Luật thì một thính chúng cũng không có, nhưng đó là lời chân thật. Thế nên

chúng sanh cõi Diêm Phù Đề, Địa Tạng Bồ Tát nói: *'Khởi tâm động niệm, không gì là chẳng phải tội'*, lời này là thật, chẳng quá đáng tí nào. Niệm niệm đều đang tạo nghiệp, niệm Phật vãng sanh đâu dễ vậy sao, đây là việc chúng ta nhất định phải biết, phải cảnh giác, phải biết sự nghiêm trọng của quả báo.

Đoạn kế tiếp 'điếm ô tăng ni', đây là phạm tội dâm dục. Tăng là chúng xuất gia Nam, Ni là chúng xuất gia Nữ. Người thế gian vô tri, dâm ô tăng ni. 'Hoặc trong chốn già lam'. Phía sau là gì? Phía sau chẳng phải là người xuất gia, thậm chí vợ chồng tham gia pháp hội trong tự viện, có khi pháp hội kéo dài nhiều ngày, thí dụ pháp hội Thủy Lục, hoặc là Lương Hoàng Sám, đều kéo dài khoảng bảy ngày trở lên, pháp hội truyền giới còn dài hơn nữa. Có rất nhiều cư sĩ trong thời gian này tham gia pháp hội, ở lại trong chùa, tuy là vợ chồng, nếu có hành vi dâm dục trong chùa thì cũng liệt vào tội này. Nếu không phải là vợ chồng thì tội còn nặng hơn, đó là tà dâm. Chư vị nên biết đây đều là tội đọa địa ngục Vô Gián, người hiện nay làm sao biết được bị những quả báo nặng nề như vậy? 'Hoặc sát hoặc hại', phần nhiều đây đều là cưỡng dâm, sau khi dâm ô xong rồi giết họ để thủ tiêu tang chứng, tội này càng nặng hơn. Tạo những tội này đều phải 'đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được'. Xem tiếp đoạn thứ tư:

Nhược hữu chúng sanh, ngụy tác sa môn, tâm phi sa môn, phá dụng thường trụ, khi cuống bạch y, vi bội giới luật, chủng chủng tạo ác, như thị đẳng bối đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

Nếu có chúng sanh giả làm Sa Môn, tâm chẳng phải Sa Môn, phá hoại lạm dụng của thường trụ, gạt gẫm hàng bạch y, trái phạm Giới Luật, tạo vô số tội ác, những người như vậy phải đọa địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.

Hai câu đầu là 'cử tội'. 'Sa môn' là người tu hành, chẳng phải chỉ Tăng Ni, Tăng Ni càng thù thắng hơn Sa Môn. Cư sĩ tại gia cũng có thể xưng là Sa Môn, hai chữ này là Phạn ngữ dịch âm, ý nghĩa của nó là 'siêng tu Giới Định Huệ, diệt hết Tham Sân Si', thế nên xuất gia hay tại gia đều có thể xưng là Sa Môn. Chỉ cần bạn hết lòng tu hành, tu hành đúng như lý như pháp đều có thể xưng là Sa Môn. Ở Ấn Độ danh từ Sa Môn này là danh xưng phổ biến, chẳng nhất định là Phật giáo, hết thảy những tín đồ tôn giáo chỉ cần hết lòng học tập, đoạn ác tu thiện thông thường đều xưng là Sa Môn. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Sa Môn biến thành danh từ chung của những người xuất gia trong Phật giáo, nhưng chư vị nên biết nó cũng bao gồm người tại gia, xưng Sa Môn là một cách xưng hô khiêm tốn. Nếu họ giả vờ như Sa Môn nhưng chẳng tu hành chân chánh, giả vờ tu hành nhất định nhằm mục đích lừa gạt chúng sanh. Đoạn kinh văn này, Thanh Liên pháp sư trong cuốn Khoa Phán gộp vào 'phá giới gạt người', 'cuống' [trong câu "khi cuống bạch y"] là lừa gạt, dối người.

Phía dưới đây nói về tội trạng của họ, 'phá dụng thường trụ'. Nếu bạn chẳng phải là người chân chánh tu đạo, mười phương cúng dường là cúng dường người tu đạo, nếu bạn tu đạo chân thật thì họ sẽ có phước. Họ cúng dường cho bạn tu hành, bạn tu hành rất tốt, tối thiểu là đời sau bạn còn được làm người, sanh lên trời hưởng phước trời, thì họ hưởng được phước lây. Nếu bạn đọa vào ba đường ác, bạn đã phụ lòng họ, sẽ thiếu nợ họ, như thường nói:

'Một hạt gạo thí chủ, lớn như núi Tu-di,

Đời này chẳng liễu đạo, mang lông đội sừng đền'

Phải trả nợ. Nếu trong đời này bạn tu hành chân thật, vãng sanh Cực Lạc thế giới làm Phật, thì phước của họ còn lớn hơn nữa, phước điền này họ đã thật sự trồng được đúng chỗ. Do đó có thể biết, chén cơm của người xuất gia này rất khó nuốt. Trong các buổi giảng tôi thường nhắc nhở các vị đồng tu, chén cơm này khó nuốt hơn những người đi khất thực nhiều. Người ăn xin, người ta bố thí cho người xin ăn, nhất định chẳng nghĩ đến phải trồng phước, chẳng muốn được báo đền, cho nên chén cơm của người ăn xin dễ nuốt hơn nhiều. Người xuất gia tiếp nhận bố thí cúng dường, khó nuốt lắm, đời này chẳng liễu đạo thì phải mang lông, đội sừng mà đền trả. Nghề nghiệp trong thế gian rất nhiều, tại sao bạn chọn đi xuất gia? Chọn xuất gia, nói thật ra, nếu không thể vãng sanh Cực Lạc thế giới thì bạn sẽ chọn đi đến địa ngục A Tỳ. Tại sao phải làm chuyện cực khổ này? Chúng ta phải cảnh giác cao độ, đây chẳng phải chuyện giỡn chơi, nghiêm túc phi thường.

Chúng ta nhìn thấy người xuất gia hiện nay, nói thật ra là vì đọc kinh quá ít, chẳng có mấy người hiểu được đạo lý này, hiểu chân tướng sự thật này. Vả lại phần đông người trong xã hội nghĩ như thế nào? Nghề 'xuất gia' này rất dễ kiếm tiền, chẳng cần đóng thuế, chẳng cần phải làm ăn cực khổ. Làm bất cứ ngành nghề gì trong thế gian đều phải đi học cực khổ, học kỹ thuật. Người xuất gia nếu cần học Kinh Sám Phật Sự, tối đa ba tháng là rất rành rồi, thì có thể bắt đầu 'kiếm tiền'. Nếu bạn có thể giảng 'thiện đạo' thì kiếm tiền còn dễ hơn nữa, chẳng cần mấy năm thì bạn sẽ có thể kiếm mấy triệu bạc, mấy chục triệu bạc. Thế nhưng phải biết sau này quả báo sẽ ở tại địa ngục A Tỳ, thọ tội ở địa ngục A Tỳ xong còn phải trải qua thời gian rất dài để trả nợ. Tuyệt đối không thể nói thiếu nợ chẳng cần trả, không có đạo lý này, nhân quả thông ba đời, chúng ta phải biết. Cách làm này là 'phá dụng thường trụ'. 'Khi cuống bạch y', 'Bạch y' 1[1] là tín đồ tại gia, bạn lừa gạt họ, phản nghịch giáo giới của đức Phật. 'Chủng chủng tạo ác', tạo ác nghĩa là tham, sân, si, mạn; tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Đây là loại thứ tư đọa địa ngục A Tỳ, A Tỳ nghĩa là 'Vô Gián', là hạng người thứ tư. Loại cuối cùng là trộm cắp vật của thường trụ, đây là dùng tâm trộm cắp để trộm cắp, so với 'xâm tổn' nói ở phía trước còn nặng hơn.

Nhược hữu chúng sanh thâu thiết thường trụ tài vật cốc mễ, ẩm thực y phục, nãi chí nhất vật bất dữ thủ giả, đương đọa vô gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp cầu xuất vô kỳ.

***Nếu có chúng sanh trộm cắp tài vật, lúa gạo, đồ ăn thức uống, y phục của thường trụ, cho đến một vật không cho mà lấy; kẻ đó phải đọa địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được*.**

Hai câu sau cùng là quả báo phải có của họ. Thường trụ phía trước đã nói rồi, [có] bốn thứ thường trụ. Nếu bạn dùng tâm trộm cắp, tâm thâu đạo để đi trộm cắp, hoặc để tự mình dùng, trộm về để tự mình hưởng thọ, hoặc cho người thân, quyến thuộc dùng đều phạm tội này, tội này rất nặng. Kinh Quán Phật Tam Muội nói trộm cắp đồ vật của Tam Bảo, tội ấy lớn hơn tội giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ, sát hại cha mẹ phía trước có nói là tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ. Trộm cắp đồ vật của Tam Bảo còn nặng hơn tội giết cha mẹ. Nặng hơn bao nhiêu, chúng ta không cách gì tưởng tượng được nổi. Trong kinh Phật thí dụ còn nặng hơn tội giết hại tám vạn bốn ngàn cha mẹ. Hoa

---

1[1] *Bạch y (avadata-vasana): Nghĩa là áo quần màu trắng. Do cổ Ấn Độ coi màu trắng là đáng quý nhất nên người tại gia trừ khi quá nghèo khổ thường thích mặc y phục sắc trắng. Vì thế, chữ "bạch y" về sau được dùng như một từ ngữ thông dụng chỉ người tại gia, trái với "truy y" (áo thâm) là người xuất gia.*

Tụ Bồ Tát trong kinh nói: 'Ngũ nghịch bốn trọng tội tôi còn có thể cứu, trộm Tăng vật thì tôi không thể cứu'. Hoa Tựu Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, ngang hàng với Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng Bồ Tát, lời các ngài nói là lời chân thật, chẳng giả.

Hiện nay địa phương này của chúng ta, đạo tràng này là đạo tràng cư sĩ, đạo tràng cư sĩ hoằng hộ chánh pháp, nhân quả của nó tương đồng với tự viện, am đường. Những việc này chúng ta phải nhận thức rõ ràng, nếu chúng ta cần thì có thể nói rõ cho thường trụ biết, thường trụ cúng dường, vậy là chính xác. Nhất định không được dấu thường trụ mà tự mình trộm lấy, vậy là sai lầm. Vật thường trụ dễ phạm nhất là: giấy, như bao thơ, giấy viết thơ, chúng ta tùy tiện lấy để viết thơ riêng, chuyện này là chuyện rất nhỏ, người chẳng học Phật đâu biết? Thông thường trong xã hội, trong cơ quan chánh phủ cũng vậy, công ty tư nhân cũng vậy, những vật dụng của chủ như những vật này, nếu cứ tùy tiện lấy xài, chẳng hiểu Phật lý. Ở Đài Trung tôi theo học thầy Lý mười năm, thầy Lý làm việc trong văn phòng của giám đốc Sở Quản Trị Tế Tự Khổng Miếu, cụ làm Chánh Thư Ký cho vị đứng đầu cơ quan ấy. Thầy nói với chúng tôi, mỗi lần đi lấy giấy viết thơ, bao thơ, nhất định phải nói cho giám đốc Sở Quản Trị Tế Tự Khổng Miếu biết: 'Tôi lấy những giấy, bao thơ này, có khi viết thơ cá nhân cũng dùng'. Ông giám đốc này nói thầy Lý lải nhải, 'Có ai không làm như vậy đâu? Tại sao mỗi lần lấy ông đều phải nói mấy câu này chi vậy?'. Thầy Lý nói: 'Tôi nói mấy câu này, ông chịu cho thì tôi không phạm giới; nếu tôi không được ông đồng ý chấp thuận, tôi dùng giấy của công để viết thơ riêng thì tôi phạm giới trộm cắp'. Đây là người hiểu lý, một tờ giấy, một bao thơ thầy cũng cẩn thận như vậy, vậy thì có thể suy ra những việc khác. Thế nên một giới nhỏ cũng phải cẩn thận, không thể coi thường, cứ cho rằng đây là chuyện rất nhỏ không có tội, chẳng nghiêm trọng, đó là chúng ta nghĩ sai, nhìn sai rồi.

Tôi đã từng kể với chư vị đồng tu, hồi trước lúc tôi học trung học có một vị hiệu trưởng tên là Châu Bang Đạo, người Giang Tây, sau này ông cũng đến Đài Loan. Trước kia ở Trung Quốc đại lục, ông ta từng làm giám đốc Sở Giáo Dục tỉnh Giang Tây, sau khi kháng chiến thắng lợi, ở Đài Loan ông làm thứ trưởng bộ Giáo Dục đặc trách công tác thi cử, chức này ở Trung Quốc tức là phó bộ trưởng thứ nhất. Chánh phủ cấp xe cho ông dùng, khi đi công tác thì ông dùng xe chánh phủ, khi nào đi làm chuyện riêng thì đi xe bus. Tại sao vậy? Không dám lãng phí xăng dầu của chánh phủ, không xâm tổn tài vật của quốc gia. Trong thời đại ngày nay vẫn còn quan viên như vậy, đây là gương tốt đáng cho chúng ta học tập. Đều là cư sĩ tại gia, mỗi ngày đều đọc kinh, hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, họ làm gương cho chúng ta xem. Trong nhà có điện thoại do chánh phủ cấp, nếu không phải là việc công thì không dùng điện thoại này, con nít trong nhà cũng không cho dùng điện thoại. Niệm niệm đều vì quốc gia, giúp quốc gia tiết kiệm một phân tiền đều là việc tốt, chẳng dám lãng phí chút nào. Ngày nay chúng ta dùng điện thoại gọi đến nước khác, không biết nói vắn tắt, cứ lải nhải nói hoài, [đó là] 'xâm tổn thường trụ'. Chuyện quan trọng trong vòng vài câu nói có thể giải quyết vấn đề, một khi cầm điện thoại lên cứ nói chuyện đâu không, hỏi tới hỏi lui, tiền điện thoại này là do thường trụ trả, xâm tổn thường trụ, mọi người chẳng biết chuyện này lợi hại ra sao.

Thế nên tôi khuyến khích mọi người, hiện nay chúng ta có một số chuyện cần phải biết, cách truyền đạt tin tức tốt nhất là dùng máy truyền chân (fax), dùng fax có thể tiết kiệm thời gian. Năm phút có thể truyền đi mười mấy trang giấy, trong mười mấy trang giấy này nội dung bạn viết quá đầy đủ rồi, cách làm như vậy rất tốt. Hơn nữa khi người nhận coi lần đầu không rõ thì có thể coi lần thứ hai. Gọi điện thoại nói nửa tiếng đồng hồ chẳng có hiệu quả bằng năm phút dùng fax, phí tổn dùng máy fax giống như dùng điện thoại, bạn tiết kiệm được bao nhiêu! Chẳng biết tạo tác tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ, tự mình không biết. Tương lai đọa địa ngục A Tỳ rồi mới kêu oan uổng,

Diêm La Vương đem những chuyện này bày trước mặt cho bạn coi, bạn nghẹn ngào chẳng thốt nên lời, chứng cớ đều có sẵn trước mặt. Trong Giới Kinh có nói rõ, ở đây chỉ nêu lên những điểm chính và nói sơ lược mà thôi.

Hiện nay chúng ta phải thể hội đến sự khó khăn về vật lực, hết thảy những chúng sanh này, chúng sanh trên toàn thế giới, chẳng hay chẳng biết tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Tuy là hưởng phước, rất mau thì sẽ hưởng hết phước này. Hưởng hết phước thì tai nạn sẽ đến, tai nạn này trong Phật pháp gọi là Hoa Báo, Quả Báo sẽ ở địa ngục, hoa báo là điềm báo trước của quả báo, chúng ta làm sao không cảnh giác cho được! Tại sao trong đời này, trong vòng mấy mươi năm ngắn ngủi, không cắn chặt răng học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni sống một cuộc sống đơn giản nhất, thuần phát nhất. Ngoài việc hoằng pháp lợi sanh ra, làm lợi ích cho đại chúng, chúng ta phải nên làm. Những nhu cầu cá nhân trong đời sống nhất định phải tiết kiệm đến mức thấp nhất. Nếu những người xuất gia chúng ta, trên thân một đồng cũng chẳng có, hãy nên thật sự giữ đúng như pháp. Khi ra ngoài cần dùng tiền thì thường trụ cung ứng, khi ra ngoài cũng phải tiết kiệm, khi trở về nếu còn dư thì giao trả cho thường trụ. Nếu chúng ta có thể làm như vậy, nhất định sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần chăm sóc, bảo vệ. Ngày nay chúng ta khởi tâm động niệm, những chuyện mình làm chẳng đúng như lý, như pháp, nói thật ra chư Phật không hộ niệm cho bạn, long thiên thiện thần khinh dể bạn. Ai ở xung quanh bạn? Yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái thừa dịp [khuấy nhiễu], thế nên bạn thường có bịnh khổ, thường bị tai ương, trừng phạt, tự mình còn không tự giác.

Người không học Phật thì thật sự chẳng biết, người học Phật hiểu rồi, đời này chúng ta đến thế gian này để làm gì? Chỉ có hai việc: *'Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh'*. Trên cầu Phật đạo thì nhất định phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới, vậy tức là thượng cầu, trong đời này nhất định có thể làm được. Hạ hóa chúng sanh là làm gương tốt cho hết thảy chúng sanh, vậy thì bạn sẽ làm được việc 'Hạ hóa' này rất viên mãn. Ngày nay người thế gian tham tiền tài, tham danh, tham lợi, chúng ta làm gương tốt, phải xả bỏ tài, danh, lợi sạch sành sanh, như vậy là 'hạ hóa'. Chẳng cần phải nói, cũng chẳng cần người ta biết, khi bạn chịu làm, có một, hai người biết thì họ sẽ tuyên dương, sẽ nói cho người ta biết. [Họ sẽ nói:] "Những người xuất gia ở nơi ấy làm như vậy, những người xuất gia ấy thân tâm thanh tịnh, được đại tự tại, trí huệ sung mãn", làm cho người thế gian ngưỡng mộ, mong mỏi, đến để học theo bạn, vậy thì mới đạt đến hiệu quả thật sự làm lợi ích cho chúng sanh.

Tai nạn thế gian từ đâu đến? Người thế gian cho rằng những chuyện xảy ra trong thiên nhiên chẳng liên quan đến chúng ta, thế nên đều gán những tai nạn này thành tai hại thiên nhiên, chẳng do sức lực con người có thể làm nên, đều đẩy trách nhiệm hết. Chỉ có người chân chánh học Phật biết được, y báo và chánh báo là một thể, y báo và chánh báo chẳng hai. Đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, giảng những đạo lý, chân tướng sự thật này rất thấu triệt, minh bạch. Chúng ta khởi tâm động niệm, những gì mình làm, nhỏ như sợi lông tơ, như hạt bụi, chẳng đáng gì hết, nhưng đều ảnh hưởng đến tận hư không, trọn khắp pháp giới. Thế nên Phật nói cho chúng ta 'cảm từ cộng nghiệp', chúng ta nghe xong lời này nhất định sẽ không có nghi hoặc gì cả. Thời xưa, hàng vua chúa bao gồm cả những phần tử trí thức, phần tử trí thức ở Trung Quốc chẳng ai không đọc sách Phật cả, họ đều hiểu đạo lý này. Khi gặp tai họa thiên nhiên, họ đều hết lòng phản tỉnh, sám hối, sửa sai đổi mới, để cứu vãn kiếp vận, họ hiểu được đạo lý này. Hiện nay người học khoa học không thừa nhận sự thật này, cho rằng đây là vọng tưởng, ảo tưởng, chẳng phù hợp với nguyên tắc khoa học, [đấy là] mê tín vào khoa học. Những gì khoa học nghiên cứu chỉ là một bộ phận trong cả vũ trụ nhân sanh, Phật pháp nói về toàn thể, nếu chấp trước một bộ phận nào đó thì trước sau gì cũng sẽ tổn hại đến

toàn thể. Chỉ có quan tâm đến cả toàn thể thì mới giải quyết vấn đề, đây là điều chúng ta không thể không biết. Trong kinh điển Đại Thừa, Phật thường dạy chúng ta hiểu rõ ý nghĩa đường hướng, chúng ta hiểu cạn cợt thì không được, phải hiểu cho sâu, nhất định phải đích thân ra sức mà làm. Xem tiếp đoạn kế:

Địa Tạng bạch ngôn: Thánh Mẫu, nhược hữu chúng sanh tác như thị tội, đương đọa ngũ vô gián địa ngục, cầu tạm đình khổ, nhất niệm bất đắc.

Ngài Địa Tạng thưa rằng: 'Thánh Mẫu, nếu có chúng sanh phạm những tội như vậy thì phải đọa Ngũ Vô Gián địa ngục, cầu tạm ngừng sự đau khổ trong chừng một niệm cũng không được.

Vô Gián tức là địa ngục A Tỳ, có lúc trong kinh nói hai loại, có lúc gộp cả hai lại nói, rốt cuộc là một hay là hai không nói tách bạch, nhưng chúng ta có thể xem như là một. Địa Tạng Bồ Tát sơ lược nêu lên năm tội nặng ở đoạn trước, đều nhất định sẽ đọa địa ngục Vô Gián. 'Nhược hữu chúng sanh tác như thị tội', 'như thị' là chỉ năm loại tội lớn. Năm loại này đều là thập ác nghiệp nghiêm trọng, sau khi thọ báo ở địa ngục xong ra khỏi địa ngục vẫn còn dư báo, dư báo ở tại ngạ quỷ, súc sanh, chẳng biết đến lúc nào mới có thể có được thân người trở lại, thế nên được thân người tương đối chẳng dễ. Thời gian trong ba đường ác đều rất dài, địa ngục thì chẳng cần phải nói nữa. Còn cõi ngạ quỷ, trong kinh Phật nói, một ngày ở cõi ngạ quỷ bằng một tháng ở nhân gian, ở nhân gian khi cúng tế quỷ thần thì cúng ngày mồng một, mười lăm, cũng như mời họ ăn cơm, vừa đúng lúc! Một ngày của họ bằng một tháng của chúng ta, ngày mồng một, ngày rằm vừa đúng lúc chúng ta mời họ ăn cơm trưa, ăn cơm tối, đó là một ngày của họ. Thọ mạng ngắn ở cõi ngạ quỷ là một ngàn tuổi, cũng tính một năm có ba trăm sáu mươi ngày, chiếu theo cách tính này thì thọ mạng ở cõi ngạ quỷ cũng quá dài, quá dài. Lúc trước ông Chương Thái Diệm từng làm chức phán quan cho Đông Nhạc đại đế, mỗi ngày ông đều làm việc ở cõi quỷ, còn gặp những quỷ thời triều Hán, ông là người đọc sách, triều Hán, hai triều Tấn, Tùy, Đường, ông đều gặp những người ở triều đại này, những tình hình như vầy chúng ta đều phải biết.

Có một số trong cõi súc sanh thọ mạng rất ngắn, nhưng súc sanh ngu si, vô cùng chấp trước thân hình của chúng nên rất khó thoát ly cõi súc sanh. Trong kinh, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta lúc ngài ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc một thời gian, giảng kinh thuyết pháp ở đó. Kỳ Viên tinh xá có một số công trình đang xây dựng, đại khái là xây nhà cửa, dưới đất có một ổ kiến, Phật nhìn thấy rồi cười. Các đệ tử nhìn thấy Phật cười nên hỏi tại sao? Phật nói ổ kiến này, đã trải qua bảy tôn Phật rồi chúng nó vẫn còn làm kiến. Thọ mạng của chúng chẳng phải dài như vậy, chúng nó chấp trước thân hình ấy là chính mình, chết đi đầu thai cũng vẫn làm kiến, đời đời kiếp kiếp làm kiến, chẳng biết thoát ly, súc sanh ngu si. Bạn hiểu rõ chân tướng sự thật xong mới biết ba đường ác rất đáng sợ. Làm sao sanh vào ba đường ác? Là do tạo mười ác nghiệp, phá giới, tạo mười ác nghiệp đọa ba đường ác. Xin xem tiếp:

Ma Gia phu nhân trùng bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn, vân hà danh vi Vô Gián Địa ngục.

Ma Gia phu nhân lại hỏi Địa Tạng Bồ Tát: 'Tại sao tên là địa ngục Vô Gián?'

Đây là lúc Ma Gia phu nhân nghe Địa Tạng Bồ Tát nói 'địa ngục Vô Gián' nghiêm trọng như vậy, đọa vào địa ngục Vô Gián, ngàn vạn ức kiếp cầu thoát khỏi chẳng được, dễ sợ quá. Cái gì gọi là địa ngục Vô Gián? Ma Gia phu nhân hỏi dùm chúng ta.

Địa Tạng bạch ngôn, Thánh Mẫu chư hữu địa ngục tại Đại Thiết Vi sơn chi nội, kỳ đại địa ngục, hữu nhất thập bát sở.

Ngài Địa Tạng thưa rằng: 'Thánh Mẫu, tất cả địa ngục đều ở trong núi Đại Thiết Vi. Địa ngục lớn có mười tám chỗ.'

Chúng ta thường nói đến mười tám tầng địa ngục, chính là ý nghĩa này. Mười tám tầng địa ngục là mười tám 'địa ngục lớn'.

Thứ hữu ngũ bá, danh hiệu các biệt, thứ hữu thiên bá, danh hiệu diệc biệt.

Thứ kế có năm trăm chỗ, danh hiệu đều khác nhau; kế nữa lại có đến ngàn trăm, danh hiệu cũng đều khác nhau.

Hết thảy chúng sanh lúc còn ở thế gian tạo tác tội nghiệp có nặng nhẹ sai khác, cho nên đọa lạc địa ngục, chịu tội ở địa ngục cũng có nặng nhẹ khác nhau. Lúc trước thầy Lý giảng kinh có nhắc qua, trong kinh Phật giảng kỹ về địa ngục có đến bảy mươi mấy loại, Kinh Địa Tạng chỉ nói sơ lược mà thôi. Chúng ta nghĩ coi, bảy mươi mấy loại đương nhiên cũng là đã nói tóm gọn rồi, [sự thật thì] chủng loại nhiều đến nỗi chẳng có cách gì tính đếm, Phật thường dùng phương pháp quy nạp. Giống như phiền não vô lượng vô biên, Phật quy nạp thành một trăm lẻ tám loại lớn, dùng phương pháp quy nạp. Thế nên bảy mươi mấy loại này cũng là dùng pháp quy nạp, khổ nhất chính là địa ngục Vô Gián. Trong kinh đức Phật nói những việc thiện ác do chúng sanh tạo đều có nhân quả báo ứng, nhất định sẽ không mất đi đâu hết. Tâm thiện, hạnh thiện nhất định cảm lấy quả thiện; niệm ác, hạnh ác nhất định cảm lấy ác báo, chỉ cần tạo tác tội nghiệp thì nhất định sẽ có địa ngục, địa ngục là chỗ khổ cùng cực. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh kế tiếp, Địa Tạng Bồ Tát nói:

Vô Gián ngục giả, kỳ ngục thành.

Ngục Vô Gián có ngục thành.

Phía ngoài địa ngục có tường thành, có tường bao bọc, tường bao bọc giống như thành lũy vậy.

Châu táp bát vạn dư lý, kỳ thành thuần thiết, cao nhất vạn lý. Thành thượng hỏa tụ, thiểu hữu không khuyết. Kỳ ngục thành trung chư ngục tương liên, danh hiệu các biệt, độc hữu nhất ngục danh viết Vô Gián.

Giáp vòng hơn tám vạn dặm, thành đó thuần bằng sắt, cao một vạn dặm. Trên thành có lửa tụ, không có chỗ hở trống. Trong ngục thành đó, các nhà ngục nối tiếp nhau, danh hiệu đều sai khác, chỉ có một ngục tên là Vô Gián.

Kinh nói những chuyện này, địa ngục bao lớn rất khó tưởng tượng nổi. 'Hơn tám vạn dặm' còn lớn hơn quả địa cầu chúng ta, địa cầu chúng ta còn chẳng lớn như vậy. Tường thành cao một vạn dặm, phi cơ hiện nay của chúng ta còn chưa bay cao như vậy. Hiện nay chúng ta ngồi máy bay lớn nhất, chư vị thường đi du lịch, ngồi máy bay 747 có thể bay đến Đồng Ôn Tằng 2[2], cỡ chừng ba vạn bộ (ft), ba vạn bộ bằng khoảng chừng hơn một vạn mét, nghĩa là độ cao khoảng mười kí lô mét mà thôi. Một vạn dặm, chắc bằng từ địa cầu lên tới cung trăng. Trong kinh Phật nói những lời này chúng ta phải tin, kinh Kim Cang nói với chúng ta*: 'Như Lai là người nói lời chân, lời thật, lời*

2[2] Strastosphere: tầng Bình Lưu, tầng thứ nhì trong khí quyển, từ 7-17Km đến 50 Km, nhiệt độ tăng theo cùng với độ cao.

đúng như vậy’ 3*[3]*. ‘Như’ nghĩa là hoàn toàn đúng như sự việc đó, chẳng có chút phóng đại, sự thật ra sao thì Phật nói y như vậy, chẳng tăng chẳng giảm thì gọi là ‘Như ngữ’. Địa ngục được tạo nên từ sự biến hóa, là ‘hóa hiện’, là do nghiệp lực của chúng sanh tạo tội nghiệp biến hiện ra. Nếu không là người tạo tội nghiệp nặng nề như vậy thì dù địa ngục ở ngay trước mặt, người ấy cũng chẳng nhìn thấy. Giống như cư sĩ Chương Thái Diệm, ông yêu cầu Đông Nhạc đại đế phế bỏ hình phạt Bào Lạc, Bào Lạc là một hình phạt trong địa ngục, ngày nay chúng ta gọi hình phạt này chẳng nhân đạo, dựa trên lập trường nhân đạo, chết thì để họ chết, đừng cho họ đau khổ như vậy, đừng hành hạ họ như vậy. Đông Nhạc đại đế phái tiểu quỷ dẫn ông ta đi đến chỗ hành hình xem thử, [tới ngay nơi ấy nhưng] ông nhìn chẳng thấy gì cả, từ đó ông mới vỡ lẽ, hiểu được lời Phật nói trong kinh. Những hình phạt này chẳng phải do Diêm La Vương bày ra, mà là do nghiệp lực của chính tội nhân biến hiện nên, chẳng phải do người khác tạo thành, vậy thì chẳng có biện pháp gì hết. Nếu là do người khác tạo dựng, dựa trên nhân đạo thì đương nhiên có thể phế trừ, nếu là do nghiệp lực của chính mình biến hiện thì chẳng có cách gì cả. Hiện tượng trong địa ngục là một màn lửa, biển lửa, chúng ta phải tin chuyện này. Kinh Phật nói địa ngục có trạng huống như vậy, những tôn giáo khác cũng nói như vậy. Tuy Cơ Đốc Giáo chẳng nói đến lục đạo, ít nhất thì họ cũng nói đến tam đạo, họ nói về Thiên đạo, Nhân đạo, Địa Ngục đạo. Tướng địa ngục mà họ nói cũng là một màn lửa. Từ đây có thể biết, hiện tượng địa ngục nếu là người có mức thiền định sâu như phía trước chúng ta thấy cô Bà La Môn, cô niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn bèn có khả năng này, có thể ‘tham quan’ địa ngục; cô có khả năng đích thân nhìn thấy những trạng huống này. Thế nên đối với lời Phật dạy chúng ta không thể hoài nghi. Kế tiếp:

Kỳ ngục châu táp vạn bát thiên lý, ngục tường cao nhất thiên lý, tất thị thiết vi. Thượng hỏa triệt hạ, hạ hỏa triệt thượng, thiết xà, thiết cẩu thổ hỏa trì trục, ngục tường chi thượng, đông tây nhi tẩu.

Ngục này chu vi một vạn tám ngàn dặm, tường ngục cao một ngàn dặm, toàn bằng sắt, ở trên lửa cháy phụt xuốt, ở dưới lửa cháy bốc lên. Trên tường ngục có rắn sắt, chó sắt phun lửa đuổi bắt nhau chạy qua chạy lại.

Đây là lời diễn tả cảnh tượng trong địa ngục Vô Gián. Địa ngục Vô Gián ở trong địa ngục lớn, là một phạm vi khổ nhất. Gọi là Vô Gián, phía sau sẽ nói rõ cho chúng ta, thọ khổ vô gián, chẳng gián đoạn. Do đó có thể biết những địa ngục khác tuy chịu khổ nhưng còn có lúc tạm ngưng. Nói cách khác, còn cho bạn có dịp ‘nghỉ mệt’, nhưng địa ngục Vô Gián thì không được.

Ngục trung hữu sàng, biến mãn vạn lý, nhất nhân thọ tội, tự kiến kỳ thân, biến ngọa mãn sàng, thiên vạn nhân thọ tội, diệc các tự kiến, thân mãn sàng thượng.

Trong ngục có giường rộng khắp vạn dặm, một người thọ tội thì tự thấy thân mình nằm chật cả giường, ngàn vạn người thọ tội thì mỗi người cũng tự thấy thân mình đầy chật cả giường.

Giường là nơi xử phạt tội nhân, giống như một cái ‘đài’. Cái đài này rất lớn, người thọ tội tự cảm thấy thân thể họ biến lớn lên, hết thảy những hình phạt đều thọ cùng lúc, chịu đựng ngàn vạn loại dụng cụ tra tấn cùng lúc. Chẳng phải chịu hình phạt này xong rồi mới nhận đến hình phạt kế tiếp, nếu vậy thì còn có khoảng trống, đó chẳng

---

3[3] *Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả*

phải là địa ngục vô gián. Vô gián địa ngục tức là chịu hết thảy tất cả những hình cụ cùng lúc, như núi đao, cây kiếm, vạc dầu cùng chịu một lượt, chẳng phải chịu từng thứ riêng rẽ, tuyệt chẳng có xen hở. Rất nhiều người tạo tội nghiệp này, mỗi người cảm thấy thân của chính mình nằm chật cả giường, đầy cả địa ngục này, đây là hóa thân. Cũng như kinh Hoa Nghiêm gọi là 'vô chướng ngại pháp giới', người thọ tội và những người thọ tội khác chẳng có chướng ngại, chịu tội cùng lúc, cùng lúc cảm thấy thân thể mình trải đầy địa ngục. Phía dưới tổng kết lại:

Chúng nghiệp sở cảm, hoạch báo như thị.

Đó là do các nghiệp chiêu cảm mà gặt lấy quả báo như vậy.

Trong Địa Tạng Thập Luân Kinh nói cho chúng ta về tội ngũ nghịch. Trong kinh, Phật giảng rất rõ ràng, tội ngũ nghịch đọa A Tỳ địa ngục, tức là địa ngục Ngũ Vô Gián. Ngũ nghịch là đại nghịch bất đạo.

Thứ nhất là 'Giết cha mẹ'. Cha mẹ có ân đức to lớn đối với mình, chẳng biết tri ân báo ân, ngược lại còn giết hại cha mẹ, tạo tội đọa địa ngục Vô Gián.

Thứ hai là 'Giết A La Hán'. A La Hán là người tu hành đắc đạo, ngài trụ ở địa phương này là phước điền cho những người ở đó, người ở đó có phước, tiếp nhận sự giáo hóa của ngài. A La Hán hiện nay chẳng còn, đi đâu tìm A La Hán? Nếu nói giết hại thiện tri thức, vị thiện tri thức này có thể giáo hóa cả vùng đó, bạn giết họ, thì tội này bằng tội giết A La Hán. Câu đầu là giết cha mẹ, đây là phụ mẫu thân, giết A La Hán là lão sư (thầy giáo), ân đức của hết thảy chúng sanh nặng nhất chẳng vượt qua 'cha mẹ, thầy giáo' thế nên hết thảy thiện hạnh chẳng vượt qua hiếu đạo, hiếu thân tôn sư là thiện hạnh hạng nhất.

Thứ ba là 'Phá Hòa Hợp Tăng'. Phá hoại Tăng đoàn, cũng có nghĩa là phá hoại nơi chốn giáo học, phá hoại đại chúng giáo học, tội này rất nặng.

Sau cùng là ác tâm 'Làm thân Phật chảy máu'. Sanh lòng sân hận hoặc tâm đố kỵ, phước báo của Phật rất lớn, chẳng có ai có thể sát hại Phật, Phật có rất nhiều thần Hộ pháp bảo vệ, chẳng có người nào có thể làm hại. Làm thân Phật ra máu là chuyện Đề Bà Đạt Đa muốn hại Phật, từ trên vách núi đẩy hòn đá lớn muốn hại tánh mạng của Phật. Thần Kim Cang đập tan hòn đá này trên không trung, hòn đá này bị bể tan, mảnh vụn rớt trúng chân Phật, ngài bị thương chảy máu. Đây là tội 'Làm thân Phật ra máu', tội này cũng đọa địa ngục Vô Gián. Nói cách khác tức là phá hoại chánh pháp, làm cho cơ hội nghe pháp của xã hội đại chúng bị cắt đứt, thế nên tội này sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián.

Hựu chư tội nhân, bị thọ chúng khổ.

Lại nữa các tội nhân còn phải chịu đủ sự khổ sở.

Câu này là nói chung, phía sau cũng nói sơ lược thêm.

Thiên bá Dạ xoa, cập dĩ ác quỷ.

Trăm ngàn Dạ xoa cùng các ác quỷ.

Đây là những ác quỷ, Dạ xoa ác quỷ trong địa ngục biến hiện ra để chấp hành hình phạt, 'kinh Địa Ngục' gọi họ là ác thú, đầu trâu mặt ngựa, họ chẳng có hình tướng như người, có hình tướng của ác thú, dễ sợ vô cùng, đáng kinh hãi vô cùng.

Khẩu nha như kiếm, nhãn như điện quang, thủ phục đồng trảo, tha duệ tội nhân.

Răng như kiếm, mắt như ánh điện chớp, tay có móng đồng, lôi kéo tội nhân.

Người thọ tội nhìn thấy hình tướng của địa ngục ai cũng muốn tránh né. Trốn tránh ở nơi nào? Bốn bên đều là lửa, trên dưới cũng là lửa. Bạn muốn tránh né, những ác quỷ này chụp lấy bạn đẩy vô đống lửa.

Phục hữu Dạ xoa chấp đại thiết kích, trúng tội nhân thân, hoặc trúng khẩu tị, hoặc trúng phúc bối, phao không phiên tiếp, hoặc trí sàng thượng.

Lại có quỷ Dạ xoa cầm cây kích sắt lớn đâm vào mình tội nhân, hoặc đâm trúng miệng mũi, hoặc đâm trúng bụng lưng, rồi hất tung lên trên không và hứng lấy, hoặc để lại trên giường.

Đây là những việc ác quỷ hành hạ tội nhân. Thời cổ binh khí chỉ có những loại này. Chúng ta có thể suy tưởng được hiện nay nếu trong địa ngục nhất định sẽ có các thứ như hơi độc, gas, súng đại liên, có đạn của súng đại bác, thậm chí bom nguyên tử bùng nổ, hết thảy đều có. Lúc trước trong tâm người ta chẳng có những hiện tượng này, chẳng biến ra những thứ này, chỉ biến ra những dụng cụ hành hình tra khảo mà họ biết. Người hiện đại rất dễ sợ, rất đáng thương, tại sao? Coi phim ảnh, coi truyền hình, coi những chuyện khủng khiếp này, hết thảy đều chất chứa trong A Lại Da Thức, khi đến địa ngục A Tỳ thì hiện ra toàn bộ, tất cả đều phải thọ chịu. Thế nên ít coi những phim ảnh khủng bố, khoa học giả tưởng này thì tốt hơn, tuy có đọa địa ngục, bớt đi không ít hình phạt, lời tôi nói là thật đấy! Nếu quý vị thích coi những phim ảnh này, trong A Lại Da Thức chất chứa những hạt giống này, tương lai đọa địa ngục sẽ tăng thêm nhiều hình phạt hơn những người thường, đạo lý nhất định mà. Cho nên một người chân chánh biết cách tu học thì mắt không xem cảnh ác, tai không nghe âm thanh ác, hết thảy những cảnh giới ác liệt này chúng ta đừng tiếp xúc, đừng tiêm nhiễm là tốt nhất! Nhất định sẽ có lợi ích to lớn cho chính mình. Đây là nói về ác quỷ Dạ xoa. Ngoài việc này ra thì đây là chuyện tiểu thuyết khoa học giả tưởng thường nói:

Phục hữu thiết ưng, đạm tội nhân mục, phục hữu thiết xà, giảo tội nhân cảnh, bá chi tiết nội, tất hạ trường đinh, bạt thiệt canh lê, trừu trường tỏa trảm, dương đồng quán khẩu, nhiệt thiết triền thân, vạn tử thiên sanh, nghiệp cảm như thị.

Lại có chim ưng sắt [mổ] ăn mắt tội nhân, lại có rắn sắt quấn cổ tội nhân, các khớp xương và lóng đốt [của tội nhân] đều bị đóng đinh sắt dài, kéo lưỡi cày bừa, móc ruột bằm chém, rót nước đồng sôi vào miệng, quấn sắt nóng quanh thân, muôn lần chết đi sống lại, nghiệp cảm như thế.

Mỗi hình phạt đều tiêu biểu cho vô lượng sự thọ khổ, mỗi thứ đều có nghiệp nhân, trong kinh Phật đã nói rõ, nói chung đều chẳng lìa tham, sân, si, ba thứ phiền não căn bản này. Người ta trong một đời nói thật ra, chịu hại bởi ngu si nặng nhất. Ngu si là chẳng hiểu rõ sự lý, dựa vào tà tri tà kiến của mình mà hủy báng đạo đức, tự mình tâm hạnh bất chánh, còn dẫn dắt người khác tà tri tà kiến, cùng tạo ác nghiệp. Đức Phật khuyên chúng ta bố thí, trong thời mạt pháp, ấn tượng phụ sanh ra từ sự bố thí không thể nói là không có, phía trước có nói 'giả làm Sa môn, tâm chẳng phải Sa Môn', người lường gạt chúng sanh thật có, chẳng phải là không có. Đặc biệt là thời kỳ mạt pháp, Phật nói: *'Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng'*, những tà sư này từ đâu tới? Là con cháu của Ma vương. Năm xưa lúc đức Thế Tôn còn tại thế, Ma Vương Ba Tuần muốn

phá hoại Phật pháp, trí huệ, đạo đức, oai thần của Phật quá lớn, Ma Vương không có cách chi, tạm thời chẳng thể phá hoại, cũng học theo Phật, cũng đến nghe kinh nghe pháp. Nhưng ý niệm phá hoại Phật pháp chẳng tiêu mất, Ma Vương nói với Phật: 'Có một ngày tôi sẽ phá hoại Phật pháp'. Phật nói: 'Pháp của Ta là chánh pháp, chẳng thể phá hoại'. Ma Vương đáp: 'Đợi đến khi pháp vận của ông suy thoái, thời kỳ mạt pháp, tôi sai ma con, ma cháu của tôi đều xuất gia, đắp lên ca sa của ông để phá Phật pháp của ông'. Nghe xong đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng nói một lời, rơi lệ, ấy là *"ví như trùng trên thân sư tử rỉa thịt sư tử'*. Cho nên những người xuất gia này chẳng phải là đệ tử Phật, mà là đệ tử Ma, chuyên môn đến phá hoại Phật pháp.

Chúng sanh nhìn thấy những người này, chẳng chịu bố thí. 'Ông coi bố thí cho họ hưởng thọ, chúng ta bị họ gạt', hủy báng bố thí, nói bố thí chẳng có quả báo, nói người ta bố thí gặt được ác báo. Khuyên người ta tích lũy tiền tài, tự mình hưởng thọ, trái ngược lời dạy của Phật, nói tu thiện không được thiện quả, tạo ác cũng chẳng bị ác báo, dùng những tà tri tà kiến này mê hoặc chúng sanh, làm chúng sanh tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Phía sau những người này có Ma vương gia trì, có yêu ma quỷ quái ở kế bên giúp đỡ. Chúng ta nhìn thấy trong thời đại hiện nay có những tà sư thế lực rất lớn, đồ chúng rất đông, dưới tay họ có nhân tài, có tiền bạc. Người tu học chánh pháp rất đáng thương, trong thế gian này chẳng có lối thoát, chẳng có người nhận thức chánh pháp, đâu phải họ không muốn hộ trì chánh pháp? Nhưng không nhận thức rõ, coi tà như chánh, lấy chánh coi như tà, thế nên chẳng có người quan tâm hoằng dương chánh pháp. Nhưng chúng ta rất rõ, tuy chẳng có người quan tâm, thiện báo sẽ ở tương lai, đây là đạo lý nhất định. Nhất định không thể vì người ta mê hoặc, chúng ta cũng bắt chước mê hoặc điên đảo theo, vậy thì sai lầm quá đỗi! Họ mê, tôi chẳng mê; họ tạo tội nghiệp, tôi không tạo tội nghiệp.

Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, ngày nay chúng ta than khổ thì phải so sánh với thời đức Phật Thích Ca, đời sống của ta sướng hơn Ngài quá nhiều. Ban đêm Ngài ngồi dưới gốc cây nghỉ ngơi, ăn cơm phải đi ra ngoài khất thực, tối thiểu thì chúng ta khỏi phải đi khất thực, vẫn còn nhà cửa để trú ngụ. Y phục của chúng ta nhiều hơn đức Phật quá nhiều, đi du lịch còn có hành lý, năm xưa lúc đức Phật đi du lịch chẳng có hành lý, ba Y đều mặc trong người, tay cầm bình bát, ngoài ra một vật gì cũng chẳng có. Nếu chúng ta không hết lòng hoằng đạo thì làm sao chẳng có lỗi với đức Phật! Lúc Thế Tôn còn tại thế, tuy có rất nhiều vua chúa đại thần, trưởng giả giàu có hộ trì, đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng tiếp nhận, thí dụ: 'Ông xây cho tôi một đạo tràng lớn, chùa lớn', …, chẳng bao giờ có! Hết thảy những đạo tràng này đều là mượn dùng. Quyền sở hữu của Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên là của thái tử Kỳ Đà, và trưởng giả Cấp Cô Độc, chỉ là tiếp nhận sự cúng dường của họ, chúng ta thường nói Phật chỉ có quyền sử dụng, chẳng có quyền sở hữu. Quyền sở hữu vẫn là của họ, chỉ mượn dùng tạm thời. Ngài đã nghĩ rất châu đáo, rất viên mãn, biết chúng ta trong thời Mạt pháp, phải đương đầu với rất nhiều khổ nạn, nghĩ đến Tăng đoàn của đức Phật năm xưa thì tâm chúng ta sẽ lắng xuống. Xin xem tiếp đoạn kinh kế tiếp:

Động kinh ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

Trải qua ức kiếp không lúc nào mong ra khỏi được.

Người tạo tội nghiệp địa ngục đọa vào địa ngục, đặc biệt là địa ngục Vô Gián, thời gian phải dùng ức kiếp để tính. 'Cầu xuất vô kỳ', nhưng chúng ta biết, thế giới mà Phật nói, thế giới có 'thành, trụ, hoại, không', [một chu kỳ] thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. Chữ Kiếp trong 'Ức kiếp' là đại kiếp, trong mỗi đại kiếp thì thế giới trải qua [bốn giai đoạn] thành, trụ, hoại, không. Thế giới này hoại rồi, những kẻ đọa địa

ngục phải đi đâu thọ tội? Thế giới hoại thì địa ngục cũng hoại theo, không phải là họ có thể thoát ra sao? Ở đây Địa Tạng Bồ Tát nói:

Thử giới hoại thời, ký sanh tha giới

Lúc thế giới này hư hoại thì sanh nhờ qua thế giới khác.

Thế giới này của chúng ta hư hoại rồi, thế giới khác còn chưa hư thì họ bèn chuyển qua địa ngục Vô Gián ở thế giới khác, vẫn phải vào địa ngục Vô Gián.

Tha giới thứ hoại, chuyển ký tha phương, tha phương hoại thời triển chuyển tương ký, thử giới thành hậu hoàn phục nhi lai.

Thế giới khác đó hư hoại thì chuyển sang phương khác, lúc phương khác đó hư hoại thì lại lần lượt chuyển đi nữa, đến khi nào thế giới này thành thì trở về lại.

Chuyện này phiền phức lớn lắm, do đó mới nói 'ức kiếp cầu xuất vô kỳ'. Chúng ta tạo nghiệp nói thật ra quá dễ, chẳng hay chẳng biết bèn tạo tội nghiệp địa ngục, đâu biết rằng tương lai chịu khổ đến mức thê thảm như vầy, kéo dài như vầy, có ai biết được? Khi đọc kinh này muôn vàn xin đừng hiểu lầm mà cho rằng: 'Đây là Phật dọa chúng ta, chẳng phải thật, chỉ nhằm khuyên chúng ta đừng làm chuyện ác'. Nếu chúng ta nghĩ như vậy thì là sai lầm quá đỗi! Đến lúc quả báo hiện tiền thì hối hận không còn kịp nữa. Phật làm sao gạt người cho được? Phương pháp Phật giáo hóa chúng sanh rất nhiều, chẳng cần phải dùng phương pháp lừa gạt chúng sanh. Nói thật ra một người quân tử chân chánh trong thế gian còn không chịu lừa gạt chúng sanh huống chi là Phật, Bồ Tát. Chư vị phải biết vì lừa gạt chúng sanh, gạt được một lần, rồi sau đó người ta sẽ vĩnh viễn chẳng tin tưởng bạn nữa, thế nên một người quân tử chân chánh sẽ không dùng thủ đoạn này, giữ gìn chữ Tín của mình, việc này rất quan trọng. Người thế gian còn vậy huống chi là chư Phật, Bồ Tát. Các Ngài có trí huệ viên mãn, thiện xảo phương tiện rốt ráo, thì làm sao có thể dùng phương pháp dở ẹt như vậy! Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì mới tin mỗi chữ mỗi câu trong kinh Phật đều là chân thật, nhất định không có một câu nào giả dối. Nếu chúng ta có thể tiếp nhận, tin tưởng, làm theo là chúng ta có phước, người có phước mới có thể tu phước, người không có phước muốn tu phước cũng không được. Đức Phật trong kinh thường nhắc chúng ta, người tu phước đều là người có trí huệ, có phước đức.

Vô gián tội báo, kỳ sự như thị.

Tội báo trong ngục Vô Gián là như vậy.

Đây là mô tả trạng huống trong địa ngục Vô Gián một cách đơn giản cho Ma Gia phu nhân.

Hựu ngũ sự nghiệp cảm, cố xưng Vô Gián.

Lại có năm sự nghiệp cảm nên gọi là Vô Gián.

Địa Tạng Bồ Tát vô cùng từ bi nói rõ thêm cho chúng ta tại sao địa ngục này có tên là Vô Gián? Vì có năm sự việc, năm thứ nghiệp cảm ứng thành khổ báo này nên gọi là Vô Gián. Năm sự việc này chẳng có xen hở.

Hà đẳng vi ngũ. Nhất giả nhật dạ thọ tội dĩ chí kiếp số vô thời gián tuyệt cố xưng Vô Gián.

Những gì là năm? Một là ngày đêm thọ tội cho đến bao kiếp không lúc nào dứt nên gọi là Vô Gián.

Đây là nói thời gian chịu hình phạt chẳng gián đoạn, từ ngày vô địa ngục phải trải qua ức kiếp mới có thể ra khỏi, trong thời gian này bị tra tấn, xử phạt ngày đêm không gián đoạn, chẳng có xen hở, đó là 'thời vô gián'.

Nhị giả, nhất nhân diệc mãn, đa nhân diệc mãn, cố xưng Vô Gián.

Thứ hai là một người cũng đầy chật, nhiều người cũng đầy chật nên gọi là Vô Gián.

Thứ hai là 'Hình vô gián'. Thân thể của mình luôn có cảm giác là thân này lớn chật địa ngục, địa ngục bao lớn thì thân bạn sẽ lớn như vậy, đây chính là 'Hình vô gián'. Trong địa ngục có hàng ngàn người chịu tội, mỗi người đều cảm giác thân mình lớn bằng địa ngục, địa ngục này là hóa thân. Giống như ánh đèn trong giảng đường này vậy, ánh sáng của mỗi ngọn đèn đều chiếu soi khắp giảng đường, mấy chục ngọn đèn thì mỗi ngọn đèn đều chiếu soi khắp giảng đường, chẳng bị chướng ngại, thân hình trong địa ngục cũng giống như vậy. Thứ ba là 'Thọ khổ vô gián':

Tam giả, tội khí.

Thứ ba khí cụ hành hình tội nhân.

Ngày nay chúng ta gọi là hình cụ.

Xoa bổng

Cái chĩa, gậy.

Đây là vật thường dùng để hành hình thời cổ.

Ưng xà lang khuyển.

Chim ưng, rắn, chó sói, chó.

Đều bằng sắt, phía trước chúng ta đã thấy, ưng sắt, rắn sắt, chó sói sắt, chó sắt, la sát, dạ xoa, ác quỷ vô cùng hung ác; hiện ra hiện tượng này.

Đối, ma, cứ, tạc

Chày, cối, cưa, đục

Chày cối, trong Địa Ngục Biến Tướng Đồ chúng ta thấy cảnh đem người đi xay trong cái cối. Người ta bị cưa ra từng đoạn.

Tỏa, chước, hoạch thang

Chém, chặt, vạc dầu sôi

Hoạch thang tức là vạc dầu. Tỏa chước, tỏa là dùng đao chém. Trong đời đã từng tạo những tội nghiệp này, A Lại Da Thức chứa đựng những hạt giống này, khi vào địa ngục thì hoàn toàn hiện ra. Những người ăn thịt, thường ngày chẳng ăn chay, trong nhà bếp xắt thịt ra từng cục, từng cục, là những cảnh tượng này. Đến lúc vào địa ngục thì những cảnh tượng này hiện lên, giống y như vậy, ác quỷ chém vào thân thể của họ,

chém thành từng cục, từng cục. Thế nên đây là hóa hiện, chắc chắn không thể tránh khỏi.

Thiết võng, thiết thằng, thiết lư, thiết mã.

Lưới sắt, dây sắt, lừa sắt, ngựa sắt.

Đây là đầu trâu mặt ngựa, ác quỷ vô cùng hung dữ.

Sanh cách lạc thủ, nhiệt thiết kiêu thân.

Da sống niềng đầu, sắt nóng rưới thân.

Trạng thái khổ sở khi bị gia hình, sắt nóng đến chảy lỏng rồi, nhiệt độ đó cao bao nhiêu, rưới lên thân mình, thân thể lập tức biết thành than khét lẹt.

Cơ thôn thiết hoàn.

Khi đói thì nuốt viên sắt.

Khi bạn đói thì muốn ăn, mở miệng ra thì ác quỷ nhét viên sắt vào miệng bạn, viên sắt này đốt nóng đỏ rực, chẳng phải sắt lạnh, mà là viên sắt nóng!

Khát ẩm thiết trấp, tùng niên cánh kiếp, số na do tha, khổ sở tương liên, cánh vô gián đoạn, cố xưng vô gián.

Khát thì uống nước sắt, quanh năm suốt kiếp, số đến na-do-tha kiếp, khổ sở triền miên, không hề gián đoạn, nên gọi là Vô Gián.

Ở đây cũng nói sơ lược vài thứ, nói kỹ thì vô tận. Ngày nay khi chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác đâu có thể nói là chẳng có quả báo? Nói không có quả báo, lời nói này thật sự là tự dối mình, dối người. Nhất định sẽ có quả báo. Thế nên đời người mấy chục năm ngắn ngủi, tại sao không học làm một người tốt? Đại thánh đại hiền thế gian, xuất thế gian dạy chúng ta phải tiết kiệm, phải nhẫn nhịn. Trong Luận ngữ có ghi đức hạnh của Khổng Phu Tử có năm thứ: 'Ôn Hòa, Lương Thiện, Cung Kính, Tiết Kiệm, Nhường Nhịn' (Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng). Phu tử xử sự, đãi người, tiếp vật đều ôn hòa, lương thiện, cung kính; đối với hết thảy người, sự, vật đều cung kính, tiết kiệm, nhẫn nhịn. Lão nhân gia làm ra hình dáng cho chúng ta thấy, chúng ta phải biết học theo. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu hiện còn viên mãn hơn, rốt ráo và triệt để hơn nữa, vậy thì tại sao không học thánh nhân? Tại sao không học Bồ Tát? Học những chúng sanh tạo nghiệp này thì khổ quá đi thôi.

Thế Tôn tại Đao Lợi thiên cung trong hội kinh này ủy thác chúng sanh đời Mạt cho Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, có đạo lý. Tam độc tham, sân, si của chúng sanh thời Mạt pháp tăng trưởng, chẳng biết sám hối, hướng thiện, chẳng biết hiếu thân tôn sư, chẳng hiểu thiện nhân thiện quả, phải nhờ Địa Tạng Bồ Tát giáo huấn. Nói cách khác, đời Mạt pháp chân chánh có thể giáo huấn hết thảy chúng sanh, bộ kinh này là khóa trình nhất định phải học, phải thường giảng giải, tuyên dương. Phật giao phó [trách nhiệm] hoằng dương kinh này cho hết thảy Bồ Tát tham dự hội, nghe xong chúng ta phải phát tâm gánh vác. Lời nhắn nhủ của Phật tôi cũng làm theo, cũng noi gương Địa Tạng Bồ Tát, y chiếu lời dạy trong kinh điển mà tu hành, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, chẳng lo đến sanh mạng của mình, huống chi là khổ nạn của sự sanh hoạt. Nhất định phải làm theo giáo giới của Phật cho bằng được, quả báo sau này nhất định sẽ

giống như kinh nói, chúng ta phát nguyện vãng sanh nhất định sẽ được sanh Tịnh Độ. Thứ tư là 'Quả vô gián'.

Tứ giả bất vấn nam tử nữ nhân, Khương Hồ di địch, lão ấu quý tiện, hoặc long hoặc thần, hoặc thiên hoặc quỷ, tội hạnh nghiệp hoặc, tất đồng thọ chi, cố xưng Vô Gián.

Thứ tư là bất luận kẻ nam người nữ, Khương Hồ di địch 4[4], già trẻ, sang hèn, hoặc rồng hoặc thần, hoặc trời hoặc quỷ, tội hạnh nghiệp hoặc, đều đồng chịu như nhau, nên gọi là Vô Gián.

Những chúng sanh thọ tội trong địa ngục Vô Gián này rất phức tạp, có người nam, nữ, có người Trung Quốc, người ngoại quốc. 'Khương Hồ di địch' ngày nay chúng ta gọi là những người khác chủng tộc. 'Già trẻ sang hèn' đây là nói về cõi người. Ngoài cõi người ra còn những cõi khác, cõi trời, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, nếu chúng sanh ở những cõi này tạo những tội nghiệp nói trên đều phải đọa địa ngục A Tỳ để thọ quả báo. 'Long' đại diện cho cõi súc sanh, 'Thần' trong kinh Lăng Nghiêm có nói đến cõi Tiên. 'Thiên' bao gồm cõi trời Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. 'Quỷ' là cõi ngạ quỷ. Nói cách khác, năm cõi ngoài cõi địa ngục tạo tác tội nghiệp đều là 'tội hạnh nghiệp cảm, đều đồng chịu như nhau', thế nên gọi là vô gián. Chúng sanh trong địa ngục Vô Gián vô cùng phức tạp.

Trong kinh Phật chúng ta thấy Tứ Thiền Thiên, Tứ Không Thiên, ở cõi Tứ Không thiên khi thọ mạng hết thì hơn phân nửa đều đọa vào địa ngục Vô Gián. Người ta thường nói "trèo cao té đau". Tại sao họ phải đọa địa ngục Vô Gián? Họ cho rằng mình sanh đến trời Tứ Thiền, Tứ Không là đã chứng đại Niết Bàn. Khi thọ mạng chấm dứt thì họ hối hận nên hủy báng Tam Bảo, [họ nói] 'Chư Phật Như Lai, Bồ Tát nói đại Niết Bàn đều là giả, tôi đã chứng rồi, khi thọ mạng hết vẫn còn đọa lạc'. Thế nên họ báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, trong sát na cuối cùng hủy báng Tam Bảo, tội này đọa địa ngục A Tỳ. Họ chẳng biết cảnh giới này đều là hư vọng, ngộ nhận là cảnh giới Niết Bàn, cho nên mới tạo tội nghiệp cực nặng. Thứ năm nói về 'mạng vô gián'.

Ngũ giả nhược đọa địa ngục tùng sơ nhập thời chí bá thiên kiếp, nhất nhật nhất dạ, vạn tử vạn sanh, cầu nhất niệm gián, tạm trụ bất đắc, trừ phi nghiệp tận, phương đắc thọ sanh, dĩ thử liên miên cố xưng vô gián.

Thứ năm là nếu đọa địa ngục này thì từ lúc mới vào đến trăm ngàn kiếp, mỗi ngày mỗi đêm đều vạn lần chết đi vạn lần sống lại, cầu xin tạm ngưng dù chừng một niệm cũng không được, trừ phi nghiệp tội tiêu hết mới được thọ sanh, vì cứ liên miên như vậy nên gọi là vô gián.

Nếu trong địa ngục chịu hình phạt xong rồi chết mất, vậy thì phải chúc mừng cho họ, đó là chuyện vui rất lớn. Nếu trong địa ngục chết mất thì bất luận sanh đến cõi nào cũng là siêu sanh, khổ nạn cũng đều giảm nhẹ, là chuyện vui to lớn. Nhưng chẳng chết được, vừa chết đi rồi bị gió thổi một cái liền sống lại, tiếp tục thọ báo, thế nên 'một ngày một đêm, muôn lần chết đi muôn lần sống lại'. 'Vạn' là hình dung, chẳng phải là con số, [thật ra thì] còn nhiều hơn con số 'vạn' này nữa. Chết đi sống lại, xong rồi chết

---

4[4] Khương là những sắc dân phi Hán tộc sống trong vùng Tứ Xuyên, Tây Tạng. Những người không phải Hán tộc, đến từ phía Tây Trung Quốc nhất loạt được gọi là Hồ nhân (hoặc Phiên nhân) dù họ là người Ả Rập, Ba Tư, A Phú Hãn hay Ấn Độ v.v… Di là những sắc dân không thuộc Hán tộc ở phía Đông Trung Hoa (như Nhật, Đại Hàn), Địch là những sắc dân du mục ở phía Bắc Trung Quốc (như Mông Cổ, Mãn Châu, Inut…).

nữa, cứ làm vậy hoài không gián đoạn, tạm thời nghỉ mệt một lát cũng không được. 'Trừ phi nghiệp tiêu mất', nghiệp bạn tạo thọ khổ báo trong địa ngục hết rồi thì mới chết đi, siêu sanh. Nếu tội nghiệp chưa hết, thì chẳng có cách chi thoát ly, đạo lý này chúng ta phải hiểu.

Hủy báng Tam Bảo, chúng ta nêu thí dụ này để nói. Nếu bạn dùng miệng hủy báng, nhất định phải đợi ảnh hưởng của sự hủy báng này trên nhân gian tiêu mất thì mới được thoát ra; nếu ảnh hưởng này vẫn còn thì chẳng có cách gì thoát khỏi địa ngục được. Thời gian của ảnh hưởng trên ngôn luận chẳng dài, thí dụ hủy báng Tam Bảo, có người nghe bạn nói cũng hủy báng theo; nhưng sau khoảng chừng ba mươi năm, năm mươi năm dần dần thì mọi người cũng quên mất, sức ảnh hưởng mất hết. Nếu như băng thâu âm hiện nay thì phiền phức lớn lắm, ảnh hưởng của việc này quá lớn, thời gian sẽ rất dài. Nếu có người giữ lại những băng thâu âm, thâu hình của bạn hủy báng Tam Bảo, thế thì phiền phức sẽ rất lớn. Nếu họ gởi vô bảo tàng viện giữ như đồ cổ, họ giữ chừng một vạn năm thì bạn sẽ ở trong địa ngục một vạn năm chẳng thể thoát khỏi, đây là một việc rắc rối. Nếu viết lời hủy báng, in thành sách thì còn phiền phức lớn hơn nữa. Trên thế giới này còn một cuốn sách thì bạn chẳng thoát ra nổi địa ngục A Tỳ. Nhất định phải đợi đến khi cuốn sách này chẳng còn tồn tại trên thế gian này nữa, đều bị hư hoại mất hết thì bạn mới thoát ra khỏi địa ngục.

Cùng một đạo lý, chúng ta nói ngược lại nếu bạn tán thán Tam Bảo, tán thán việc thiện, chỉ cần sức ảnh hưởng còn tồn tại thì phước báo của bạn sẽ được hưởng hoài. Một bên ngược một bên thuận, chúng ta phải tìm hiểu cặn kẽ, rõ ràng, minh bạch. Thế nên tại sao không giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt vậy? Phước báo vô biên, ngược lại nếu tạo tội nghiệp khổ báo cũng vô biên, chỉ ở trên một niệm mà thôi. Chư Phật, Bồ Tát khuyên dạy chúng ta giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt, tiêu chuẩn của tốt này ở đâu? Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh chính là tiêu chuẩn tốt nhất. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác tương ứng với lời nói trong kinh điển thì đúng, nhất định sẽ được phước; phước báo này sẽ kéo dài nhiều đời nhiều kiếp, vĩnh viễn hưởng không hết. Muôn vàn chẳng thể làm trái ngược kinh giáo, tạo những việc ác, chỉ nhằm một chút lợi ích nhỏ nhoi trước mắt, sau này phải chịu khổ báo vô cùng, vậy thì cái được chẳng bù nổi cái mất. Xem tiếp kinh văn:

Địa Tạng Bồ Tát bạch Thánh Mẫu ngôn, Vô Gián địa ngục thô thuyết như thị, nhược quảng thuyết địa ngục tội khí đẳng danh, cập chư khổ sự, nhất kiếp chi trung cầu thuyết bất tận.

Địa Tạng Bồ Tát nói với Thánh Mẫu rằng: 'Nói sơ lược về địa ngục Vô Gián là như vậy. Nếu nói rộng thêm về tên của những khí cụ hành tội cùng những sự khổ sở trong đó thì suốt một kiếp cũng không nói hết.'

Trong kinh này chỉ báo cáo sơ lược đơn giản mà thôi, nếu nói tường tận, đây là lời chân thật, nói một kiếp cũng chẳng hết. Một kiếp nói về cái gì? Nói về danh xưng của địa ngục, những hình phạt trong địa ngục, tên của dụng cụ hành hình, và những sự khổ của nó, nói một kiếp cũng chẳng hết. Chẳng nói đến địa ngục khác, chỉ nói về địa ngục Vô Gián, nói một kiếp cũng chẳng hết. Nếu nói hết về mười tám địa ngục thì hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp cũng sợ là chẳng nói hết, chúng ta nhất định phải hiểu sự thật này.

Ma Gia phu nhân văn dĩ, sầu ưu hiệp chưởng, đảnh lễ nhi thoái.

Ma Gia phu nhân nghe xong, buồn rầu chắp tay đảnh lễ rồi lui ra.

Ma Gia phu nhân thay mặt chúng ta khải thỉnh, nghe xong rất buồn rầu. Buồn rầu có hai nguyên nhân, một là buồn cho chúng sanh ở Diêm Phù Đề, Ma Gia phu nhân vô cùng quan tâm thế gian này của chúng ta. Chúng sanh ở thế gian chúng ta vẫn tiếp tục tạo ác nghiệp không dứt, đây là chỗ Ma Gia phu nhân buồn rầu. Tự mình muốn cứu vớt, tâm có dư nhưng sức chẳng đủ, đây cũng là việc phu nhân buồn rầu. 'Đảnh lễ rồi lui ra' là tôn trọng Địa Tạng Bồ Tát, lễ mạo vô cùng châu đáo, đều là biểu diễn cho chúng ta xem, dạy chúng ta.

Được rồi, thời gian đã hết.

Tập 10 (Số 14-12-10)

Xin mở kinh văn:

PHẨM THỨ 4: NGHIỆP CẢM CỦA CHÚNG SANH Ở CÕI DIÊM PHÙ

Phẩm thứ tư. Từ tên của phẩm này chúng ta thấy rất rõ những chuyện nói trong kinh đều thuộc về thế giới này, trong kinh Phật gọi là Nam Diêm Phù Đề Châu, là chỉ địa cầu của chúng ta. Phật nói tu học Phật pháp lấy kinh điển làm chính, đây là 'Tứ Y', dạy cho chúng ta *'Y pháp chứ chẳng y người, y nghĩa chứ chẳng y ngữ'*, đây là nguyên tắc vĩnh hằng không thay đổi. Chúng ta thấy có một số chú giải của cổ đức, hình như chẳng phù hợp với những gì khoa học hiện đại quan sát, những chỗ này chúng ta có thể tồn nghi, không thể nói những gì khoa học hiện nay nói đều chính xác, những gì trong kinh nói đều là mê tín, nếu chúng ta dùng phương pháp này để quan sát thì sẽ sai lầm quá đỗi. Vì rất nhiều cảnh giới mắt thịt chúng ta chẳng nhìn thấy, chúng ta tin tưởng lời Phật nói trong kinh. Tổ sư đại đức chẳng nhập vào cảnh giới này, nên những gì họ nói không nhất định hoàn toàn tương ứng, chúng ta có thể lấy làm tham khảo, cũng chẳng cần phủ định, chỉ biết có cách nói như vậy là được rồi. Nếu chư vị coi chú giải, thí dụ nói trong Trường A Hàm, tại sao mặt trăng có bóng? Bóng này là bóng của cây ở cõi Diêm Phù Đề. Hiện nay những người tiếp nhận giáo dục khoa học hiện đại tuyệt đối sẽ phủ nhận, như những chỗ như vậy chúng ta không cần phải tranh luận. Nếu không thể hiểu rõ triệt để thì cứ tồn nghi cũng được. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn, Thế Tôn ngã thừa Phật Như Lai oai thần lực cố, biến bá thiên vạn ức thế giới phân thị thân hình, cứu bạt nhất thiết nghiệp báo chúng sanh, nhược phi Như Lai đại từ lực cố, tức bất năng tác như thị biến hóa.

Lúc đó Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch đức Phật: 'Bạch Thế Tôn, con nương nhờ sức oai thần của Phật Như Lai nên chia được thân hình này đến khắp trăm ngàn vạn ức thế giới để cứu vớt hết thảy chúng sanh bị nghiệp báo, nếu không nhờ sức đại từ của Như Lai thì chẳng thể biến hóa được như thế.

Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, có câu là *'Phương tiện có nhiều cửa, đường về nguồn chẳng hai'*, đây là do trí huệ viên mãn, khéo léo cao độ biểu hiện ra. Có rất nhiều sự sắp đặt mà tâm tư, quan niệm của phàm phu chúng ta chẳng thể đạt đến được. Phàm phu nhất định không thể nhìn trước mắt, trước mắt chỉ là thủ đoạn, nhất định phải nhìn mục đích. Nếu mục đích là thuần chánh thì thủ đoạn phi pháp cũng là thuần chánh, việc này rất cao minh; nếu mục đích là tà ác, dù thủ đoạn có thiện đến đâu cũng

là tà ác. Như lúc trước cha mẹ, thầy giáo dạy học trò vậy, có khi mắng chúng, đánh chúng, trách mắng chúng, nhưng đều có ý tốt, đều hy vọng chúng hướng đến chỗ tốt, sau này sẽ được kết quả tốt. Nếu mỗi ngày đều cưng chìu, hết thảy đều thuận theo ý thích của học trò, tập cho chúng nhiều tánh xấu, đến khi chúng lớn lên làm điều tà vạy, thế thì cha mẹ, thầy giáo đều có lỗi. Phương pháp của Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh còn cao minh hơn, đặc biệt hơn. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Thắng Nhiệt Bà La Môn, Cam Lộ Hỏa Vương, Phạt Tô Mật Đa Nữ, dùng phương pháp tham, sân, si, hình như đều hoàn toàn phản nghịch với đạo, nhưng sau cùng xem kết quả của họ đều là thanh lương tự tại, đều có thể xa lìa tham, sân, si, chứng được công đức viên mãn của tự tánh, thế nên đó đều thuộc về thiện xảo phương tiện.

Trong kinh Địa Tạng chúng ta nhìn thấy hiện tượng này, còn thù thắng hơn sự biểu diễn của ba vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, đều dùng địa ngục, những quỷ vương ác độc này, quỷ vương đều là Bồ Tát hóa thân, chẳng phải quỷ vương thật sự. Quỷ vương thiệt làm sao có thể tham dự pháp hội của đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở cung trời Đao Lợi được? Cõi người còn cao hơn cõi quỷ, cao hơn nhiều, nhưng Người cũng không tham dự pháp hội của Thế Tôn thì làm sao Quỷ, Súc Sanh có thể tham dự? Trong hàng quỷ vương có vị thị hiện thân súc sanh, họ đều là đại Bồ Tát, đều là những nhân vật giống Địa Tạng Bồ Tát; nói cách khác tất cả đều là Địa Tạng Bồ Tát. Ngày nay chúng ta có thể lý giải được cách dạy học của Phật, chân chánh có thể phát tâm, y theo lý luận và phương pháp của kinh này để tu học, cũng phát tâm *'Địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật'*, vậy thì chúng ta cũng gia nhập vào câu lạc bộ của Địa Tạng Bồ Tát, cũng là nhân vật hàng đầu như Địa Tạng Bồ Tát. Địa ngục tiêu biểu cho cái gì? Khổ nạn. Tất cả những khổ nạn chúng sanh trong thế gian, họ còn chưa thoát khổ, còn chưa thể phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, Bồ Tát chịu ở lại thế gian vĩnh viễn giáo hóa chúng sanh, chẳng thành Phật đạo. Thật ra 'chẳng thành Phật đạo' là hình thức, chẳng phải thiệt; Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đã sớm thành Phật rồi. Học trò của Ngài thành Phật nhiều như vậy, thì đâu có lý nào thầy giáo không thành Phật cho được? Chỉ là chẳng ở ngôi vị Phật mà thôi. Phật cũng giống như hiệu trưởng, Ngài không làm hiệu trưởng, vĩnh viễn làm người giáo viên; học trò đã làm hiệu trưởng rồi, thầy giáo còn làm giáo viên trong trường, là ý nghĩa như vậy, chúng ta nhất định phải hiểu.

Địa Tạng Bồ Tát tôn trọng Phật là biểu diễn cho chúng ta xem. Tuy là thầy của Phật, Phật là học trò của Ngài, nhưng hôm nay thầy vẫn còn ở địa vị Bồ Tát, học trò là địa vị Phật, nhất định phải biểu thị tôn sư trọng đạo, điểm này chúng ta phải học theo. Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta phải thường ghi nhớ, làm gương tốt cho chúng sanh; xã hội đại chúng hiện nay có bao nhiêu người biết hiếu thuận cha mẹ? Bao nhiêu người biết tôn trọng sư trưởng? Sư là thầy giáo, Trưởng là trưởng bối. Chúng ta phải đề xướng, nếu chúng ta không làm thì đợi ai làm? Ở nơi đây có một số lão pháp sư đến thăm viếng, hoặc chúng ta đi thăm viếng những lão pháp sư ở nơi khác, chúng ta phải biết, tuổi của họ cao hơn chúng ta, thời gian họ xuất gia lâu hơn chúng ta, giới lạp 5[5] cao hơn chúng ta, nhất định phải mời họ ngồi ở phía trên. Tuy chúng ta là khách, là thượng khách của họ, chúng ta cũng phải nhường ghế thượng khách cho họ. Tại sao phải làm như vậy? Tôn sư trọng đạo. Khi họ nhường cho chúng ta thì muôn vàn đừng ngồi chễm chệ lên ghế ấy; việc này cũng có thể làm, chẳng phải không thể làm. Tại sao? Bạn hôm nay là khách, là khách chính, thì có thể như vậy. Nhưng khi chúng ta mời họ ngồi lên ghế thượng tọa, thì càng có lợi cho việc giáo hóa chúng sanh hơn nữa,

5[5] Có hai cách hiểu chữ Giới Lạp
1. Giới Lạp chính là Pháp Lạp, tức thời gian sau khi xuống tóc xuất gia, tính từ lúc thọ giới Sa Di.
2. Giới Lạp khác Pháp Lạp, chỉ tính thời gian từ lúc chính thức được thọ Cụ Túc Giới.

phải hiểu đạo lý này. Niệm niệm vì Phật pháp, niệm niệm vì chúng sanh, như vậy mới đúng. Hiện nay hết thảy chúng sanh, phần đông người trên toàn thế giới càng ngày càng tăng thêm tham, sân, si, tam độc tăng trưởng sẽ đem đến tai nạn khắp thế giới. Hóa giải tai nạn phải bắt đầu từ đâu? Từ tâm con người, Địa Tạng Bồ Tát làm gương mẫu cho chúng ta. Pháp hội tại Đao Lợi thiên cung ngày hôm nay, Đao Lợi thiên chủ là chủ nhân, Thích Ca Mâu Ni Phật và Địa Tạng Bồ Tát đều là khách quý, Phật xưng tán Bồ Tát, Bồ Tát cung kính Thế Tôn, cung kính lẫn nhau. Tại sao? Vì hết thảy chúng sanh, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, tinh thần, hình tượng chúng ta đều phải học tập.

‘Bồ Tát bạch Phật ngôn’, ‘bạch’ là lời người nhỏ nói với người lớn, là lời kính trọng; nói rất khiêm hư, rất cung kính. ‘Con nương nhờ sức oai thần của chư Phật Như Lai’, Ngài chẳng nói mình có khả năng. Ngày nay tôi có khả năng này, phân thân độ hóa chúng sanh ở vô lượng vô biên thế giới, là nhờ Phật lực gia trì. Thật ra không nương Phật gia trì Ngài cũng làm được, đây là lời khiêm nhường, cung kính, làm gương mẫu cho hàng hậu học chúng ta, chúng ta có khả năng làm được, cũng cảm kích lực lượng của đại chúng gia trì. Chúng ta hôm nay cử hành pháp hội tại đây, bất luận pháp hội lớn hay nhỏ, đều phải nhờ sức mạnh của đại chúng, trước khán đài, phía sau khán đài, trong và ngoài đạo tràng, xã hội đại chúng xuất lực xuất tiền, thiện ý tán dương đều là thần lực gia trì. Bồ Tát hiểu rõ nên có tâm chân thành cảm ân, phàm phu mê hoặc chẳng biết. Tuy Phật dạy chúng ta, luôn nhắc nhở nhưng chúng ta không giác ngộ. Từ sáng đến tối bất luận là lúc nào chúng ta hồi hướng *‘Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ’*, niệm hai câu này đến thuộc làu rồi, có hiểu ý nghĩa trong ấy không? Thật sự là không hiểu. Nếu bạn hiểu thiệt thì hết thảy chúng sanh đối với mình đều có ân đức. Người hộ trì, người tán thán, cúng dường có ân đức, nói thêm với quý vị, người hủy báng, người phá hoại cũng có ân đức, người hãm hại cũng có ân đức.

Những việc trái nghịch này công đức ở chỗ nào? Công đức là làm cho chúng ta phản tỉnh, cảnh giác. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, một người thì từ mặt chính, một người thì từ mặt trái, mặt chính khuyến thiện, mặt trái giúp bạn cảnh giác, đoạn dứt ác. Giúp bạn nhìn đến mặt trái này, bạn sẽ nghĩ như vậy chẳng tốt, mình phải đoạn dứt nhân ác, thị hiện đủ thứ quả báo ác để nhắc nhở bạn, làm cho bạn giác ngộ. Nếu chẳng có những nghịch duyên này, những ‘tăng thượng duyên’ nghịch này, thì người ta sẽ mê hoặc trong thuận cảnh, chẳng biết giác ngộ. Thế nên mỗi khi nghịch cảnh xảy ra, người ta có thể giác ngộ, lập tức quay về, đó chẳng phải là ân đức hay sao! Trong kinh Địa Tạng, những việc giống như vậy rất nhiều, chúng ta phải xem xét kỹ.

‘Cứu vớt hết thảy những chúng sanh bị nghiệp báo’, những chúng sanh khổ nạn tạo nghiệp thọ báo này, đặc biệt là ở địa ngục, trong địa ngục tạo tội nghiệp nặng nhất, thọ khổ cùng cực. Địa Tạng Bồ Tát dùng đại nguyện lực để giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này, nên dùng thân gì để được độ thì Ngài bèn hiện thân đó, nên dùng phương pháp gì để giáo hóa thì Ngài bèn dùng phương pháp đó, thiện xảo phương tiện vô cùng. Cuối cùng nói nếu chẳng phải đại từ lực của Như Lai gia trì, ‘thì sẽ chẳng thể biến hóa được như thế’, những dụng ý, cách làm này, trong nhà Phật chúng ta gọi là Hành pháp -- phương pháp tu hành, đều nhắc nhở chúng ta, đều đau lòng rát miệng thị hiện ở đây để dạy chúng ta. Xin xem đoạn kinh tiếp theo, câu kinh kế tiếp quan trọng phi thường.

Ngã kim hựu mông Phật phó chúc, chí A Dật Đa thành Phật dĩ lai, lục đạo chúng sanh khiến lịnh độ thoát.

Con nay lại được đức Phật phó chúc [từ nay] đến khi Ngài A Dật Đa thành Phật, phải làm cho chúng sanh trong lục đạo đều được độ thoát.

Phía trước chúng ta đã đọc qua, trong đoạn thời gian rất dài sau khi Ngài nhập diệt, đức Phật giao phó việc độ thoát, giáo hóa chúng sanh khổ nạn cho Địa Tạng Bồ Tát và hết thảy chư đại Bồ Tát tham dự hội kinh này, nhưng Địa Tạng Bồ Tát nắm phần chính yếu. Những câu này là Địa Tạng Bồ Tát nhận lời phó chúc của Thế Tôn, ngài y giáo phụng hành. Nói cách khác, khi Phật không còn tại thế, ai sẽ thay thế Phật? Địa Tạng Bồ Tát thay thế Phật mãi cho đến khi đức Phật kế tiếp ra đời. Từ đây có thể biết, chúng ta thấy trong bộ kinh này, cũng như ở hết thảy cõi nước chư Phật trong hư không pháp giới, hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát tận hư không, trọn khắp pháp giới, khi thế giới nào không có Phật trụ thế, người đại diện cho Phật đều là Địa Tạng Bồ Tát. Không phải Ngài chỉ đại diện sau khi Thế Tôn diệt độ và trước khi Phật Di Lặc ra đời, mà ở hết thảy các cõi nước chư Phật, trong đoạn thời gian sau khi đức Phật trước diệt độ và trước khi đức Phật kế tiếp ra đời, người thay mặt đức Phật độ hóa chúng sanh đều là Địa Tạng Bồ Tát.

Địa Tạng Bồ Tát đáng cho người ta tôn kính, hoằng nguyện của Ngài Địa Tạng, chư Phật, Bồ Tát không thể không tán thán, không khâm phục. Tại sao vậy? Ngài độ những chúng sanh khó độ nhất, những chúng sanh do Phật độ phần nhiều đều có căn cơ chín muồi rồi, Phật mới xuất hiện đến độ họ. Địa Tạng Bồ Tát độ những chúng sanh căn tánh chưa chín muồi, vẫn đang tạo tội nghiệp như cũ, khó độ nhất. Do đó chúng ta phải đọc kỹ bộ kinh này, phải suy nghĩ, phải hiểu nghĩa thú, sau đó mới biết kinh này trong hết thảy kinh điển cũng thuộc về pháp luân căn bản. Đặc biệt là trong thế giới của chúng ta, chúng sanh ở Diêm Phù Đề, đây là pháp tu học căn bản của chúng ta. Hiểu rõ đạo lý này, đích thật có thể diệt hết thảy tội, có thể tu hết thảy thiện, tại sao vậy? Muốn có thể hiểu rõ 'chân, vọng, tà, chánh, thị, phi, thiện, ác' chẳng dễ! Nếu chẳng có trí huệ cao độ thì làm không nổi. Câu sau còn hay hơn nữa:

Dụy nhiên, Thế Tôn nguyện bất hữu lự.

Con xin vâng, xin Thế Tôn chớ lo âu.

An ủi Thế Tôn, xin Ngài chớ lo lắng. Trong thời Mạt pháp, pháp diệt lâu dài này, các tội khổ chúng sanh đều do Bồ Tát một vai gánh vác, Bồ Tát gánh vác trách nhiệm giáo hóa chúng sanh. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát, nhất thiết chúng sanh vị giải thoát giả, tánh thức vô định, ác tập kết nghiệp, thiện tập kết quả, vi thiện vi ác, trục cảnh nhi sanh, luân chuyển ngũ thú, tạm vô hưu tức, động kinh trần kiếp, mê hoặc chướng nạn.

Bấy giờ Phật nói với Địa Tạng Bồ Tát: 'Hết thảy chúng sanh chưa được giải thoát thì tánh thức không định, quen làm điều ác thì kết thành nghiệp, quen làm điều thiện thì kết thành quả; làm thiện làm ác đều theo cảnh mà sanh, luân chuyển trong Năm Đường, chưa từng ngưng nghỉ, trải qua trần kiếp, mê hoặc chướng nạn

Đây là lời đức Phật nói với Địa Tạng Bồ Tát, theo thói quen thì chúng ta gọi là khai thị cho Địa Tạng Bồ Tát. Nói thật ra, Bồ Tát ở đây là thay mặt cho chúng ta, Thế Tôn khai thị cho Bồ Tát, nhưng thực tế là khai thị cho chúng ta. Hiện nay chúng ta đang ở trong trạng thái gì, ở đây đức Phật nói rõ. Chúng ta tự mình nói không được, tự mình mê hoặc điên đảo, đức Phật hiểu rõ, nhắc nhở chúng ta.

'Hết thảy những chúng sanh chưa giải thoát', chúng ta phải hiểu hai chữ 'giải thoát', 'giải' là nói về phiền não, phiền não chẳng giải trừ, thuật ngữ ngày nay gọi là 'giải phóng', phiền não chưa được giải phóng. 'Thoát' là nói về sanh tử, sáu nẻo luân

hồi, bạn chưa thể thoát khỏi sáu nẻo luân hồi. Tám chữ này chỉ chúng sanh trong sáu nẻo. Nếu chỉ nói hết thảy chúng sanh, Tứ Thánh pháp giới ngoài sáu nẻo cũng là chúng sanh, cũng thuộc về chúng sanh hữu tình; nhưng khi thêm chữ 'chưa giải thoát' bèn chuyên chỉ chúng sanh trong sáu nẻo. Chúng sanh trong sáu nẻo có trạng thái như thế nào? 'Tánh thức vô định', 'Tánh' là tâm tánh, 'Thức' là phân biệt, chấp trước; chẳng định, biến đổi quá lớn, niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, chẳng nhất định tiếp nối, thường thường thay đổi chủ ý, như vậy gọi là 'tánh thức vô định'. Đừng nói chúng ta đối với hết thảy người, hết thảy sự, chúng ta chẳng có chủ ý nhất định, đối với mình cũng chẳng khẳng định. Chuyện nghĩ hồi sáng, đến tối bèn thay đổi, đây là sự thật. Trong hết thảy ý niệm, Phật quy nạp thành ba loại lớn: 'thiện, ác, vô ký', là ba loại này. Thiện và ác là tạo nghiệp, vô ký là vô minh, cũng chẳng phải là việc tốt, chúng ta hiểu vô ký cũng tạo nghiệp. Vô ký tạo nghiệp gì? Nghiệp hồ đồ, vô minh hồ đồ, chẳng có trí huệ.

'Ác tập kết nghiệp', đã tạo ác nghiệp thì tương lai phải thọ ác báo. Một ác niệm phải thọ một ác báo, cái gì gọi là một ác niệm? Một ý niệm [dài cỡ] một sát na, một sát na cũng quá dài rồi. Kinh Nhân Vương nói với chúng ta: một khảy móng tay có chín trăm sanh diệt, cũng tức là có chín trăm ý niệm. Khởi một ý niệm thì phải thọ một lần quả báo, trong cuộc đời mấy chục năm của chúng ta tạo ra bao nhiêu nghiệp, làm sao không thọ báo cho được? Quả báo đi theo sự thiện ác của ý niệm, tùy theo cái nhẹ, nặng, lớn, nhỏ, lệch, viên mà quả báo sẽ khác nhau.

'Thiện tập kết quả', 'quả' là nói về thiện báo, phước báo nhân thiên, nhà Phật gọi là tiểu quả. Câu 'Vi thiện vi ác, trục cảnh nhi sanh' là nói một người tại sao lại tạo thiện, tại sao tạo ác? Gặp duyên khởi hiện hành. Thiện, ác là hạt giống chất chứa trong A Lại Da Thức, hạt giống tập khí vĩnh viễn sẽ không tiêu mất, một khi gặp duyên nó sẽ khởi lên. Gặp ác duyên liền mọi tập khí ác đem ra, gặp thiện duyên thì hạt giống thiện sẽ khởi lên, tự mình chẳng thể làm chủ, chẳng thể khống chế, thường gọi là chẳng có định lực, chẳng có trí huệ. Trí huệ là quán sát minh liễu, định lực là chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc, phải đến cảnh giới này thì con người mới không tạo nghiệp. Nếu chẳng tới cảnh giới này, những sự thị - phi, thiện - ác ở cảnh giới bên ngoài bạn chẳng thể phân biệt rõ ràng, bạn chẳng biết. Chúng ta là phàm phu chúng ta cũng chẳng biết, Phật dạy chúng ta một nguyên tắc rất tốt, đó là dùng tâm thuần thiện để xem người, xem sự, xem vật, cách này rất tốt, tuyệt đối sẽ được lợi ích. Khi gặp người thiện, việc tốt, thì đây là Phật, Bồ Tát thị hiện chánh diện để dạy chúng ta, khi gặp người ác, chuyện ác thì đây là Phật, Bồ Tát thị hiện nhắc nhở chúng ta; xem hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật đều là Phật, Bồ Tát thị hiện thì tâm chân thành, tâm cung kính của chúng ta mới có thể sanh khởi.

Trong hội kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử cũng dạy chúng ta giống vậy, năm mươi ba vị Phật, Bồ Tát thị hiện nam nữ, già trẻ, các ngành các nghề chính là xã hội hiện thực của chúng ta. Nếu chúng ta muốn thành tựu ngay trong đời này thì chỉ có học theo cách này mà thôi. Cách học này, nói cho chư vị biết, nhất định chẳng phải miễn cưỡng mình, chẳng phải ép mình nhất định phải có cách nhìn như vậy. Vốn là như vậy, chẳng có tơ hào miễn cưỡng. Trong kinh chúng ta nghe chư Phật, Bồ Tát giảng đơn giản, vắn tắt những nguyên lý, nguyên tắc này. Kinh Hoa Nghiêm nói hết thảy pháp thế, xuất thế gian đều *'duy tâm sở hiện, duy thức sở biến'*. Nếu chúng ta chân chánh có thể lãnh hội được ý nghĩa của tám chữ này, có thể ngộ được những gì nói trong kinh Hoa Nghiêm là thật, chẳng giả, chẳng phải dạy chúng ta giả dụ dùng cách nhìn này, mà là chân tướng sự thật. Đích thật ngoài mình ra, hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật đều là chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, đại quyền thị hiện, thành tựu cho phàm phu như mình. Chứ [kinh Hoa Nghiêm] không nói: "Anh cứ thử làm theo cách

giả dụ như vậy xem sao!” Nếu [nói vậy] thì không được rồi, không có ý nghĩa như vậy! Có [thật sự thị hiện đại từ đại bi] như vậy thì chúng ta mới tiếp nhận được giáo huấn chân thật của Như Lai.

Cho nên khi chúng ta thấy chuyện thiện, chuyện tốt, người tốt thì phải khích lệ mình, khi thấy người ác, chuyện ác thì phải tự cảnh giác; những người, sự, vật này không có gì chẳng phải là thiện tri thức, không có ai chẳng là Phật, Bồ Tát, được vậy thì chúng ta trong cảnh giới này, cả đời này mới có thể viên thành Phật đạo. Sau khi mình học thành công rồi cũng phải thị hiện cho người khác thấy, cũng nêu gương tốt cho người khác. Chữ ‘tốt’ ở đây chẳng phải là chữ tốt trong tốt - xấu, ‘tốt’ trong tốt - xấu là tương đối, chữ ‘tốt’ ở đây đã buông bỏ hoàn toàn cả hai bên tốt - xấu, là ‘tốt chân thật’. Thế nên bạn có thể thị hiện trên mặt chánh, cũng có thể thị hiện trên mặt trái, đều có chung một mục đích làm cho chúng sanh giác ngộ, làm cho chúng sanh quay về, như vậy gọi là ‘nêu gương tốt’. Thế nên phải nhớ *‘vi thiện vi ác, trục cảnh nhi sanh’ (làm thiện làm ác đều theo cảnh mà sanh)*, cảnh giới là duyên, chỗ khác nhau lớn nhất giữa người giác ngộ và người mê hoặc là quán sát cảnh duyên không giống nhau, vận dụng cảnh duyên để trợ tu chẳng tương đồng. Người giác ngộ thì khéo quán sát cảnh duyên, lợi dụng cảnh duyên để tăng trưởng đạo nghiệp của mình, người mê hoặc thì mê trong cảnh duyên và tạo nghiệp. Ở chỗ này nói ‘kẻ chưa giải thoát’ là những chúng sanh mê hoặc điên đảo, những chuyện thiện, chuyện ác của họ đều là tương đối. ‘Thiện’ là thiện pháp trong thế gian, chỉ có thể đạt được thiện quả ở cõi trời và người, chẳng thể thoát khỏi Tam giới. ‘Ác’ thì nhất định đọa tam ác đạo, tam ác đạo thì địa ngục là chính, ngạ quỷ và súc sanh đều là phụ thuộc.

‘Luân chuyển ngũ đạo’, ‘luân chuyển’ là luân hồi, ‘ngũ đạo’ là chẳng kể A Tu La, chỉ nói Trời, Người, Quỷ, Súc sanh, Địa ngục, nói năm đường này. Tại sao không kể A Tu La? Kinh Lăng Nghiêm nói với chúng ta trừ cõi địa ngục ra, bốn cõi kia đều có A Tu La. Quả báo A Tu La lớn nhất là A Tu La ở cõi trời, kế đó là nhân gian A Tu La, trong cõi quỷ cũng có A Tu La, quỷ vương A Tu La ác độc, trong súc sanh cũng có A Tu La, thế nên A Tu La có thể không xếp riêng ra. Nếu xếp riêng ra một cõi A Tu La thì là A Tu La ở cõi Trời. Nếu chẳng xếp riêng thì A Tu La ở cõi Trời gộp chung vô Thiên Đạo. Thế nên nói ngũ đạo, lục đạo đều giống nhau. ‘Luân chuyển ngũ đạo, tạm vô hưu tức’ là nói sanh tử luân hồi, trong kinh Đại thừa đức Phật thường nói ‘sanh tử mệt mỏi chẳng ngưng nghỉ’, ở cõi này chết đi bèn đến cõi khác đầu thai, sanh đến cõi ấy; sanh tử xong rồi lại tử sanh, vĩnh viễn chẳng ngưng nghỉ, thế nên ví như ‘bánh xe xoay vần’ -- luân chuyển’, khổ chẳng thể tả. ‘Động kinh trần kiếp’, trải qua trần điểm kiếp.

‘Mê hoặc chướng nạn’. ‘Mê’ là vô minh phiền não, trong lục đạo gọi là Kiến Tư phiền não, đây là mê, mê hoặc. ‘Chướng’, thường nói về Nhị chướng, Tam chướng. Tam chướng ‘Hoặc, Nghiệp, Khổ’, mê hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Tại sao là ‘chướng’? Chướng ngại sự minh tâm kiến tánh của bạn. ‘Nạn’ là ‘Bát nạn’, chúng ta thường nói về ‘tam đồ, bát nạn’, ‘nạn’ là bạn gặp nạn. Trong ‘Tám nạn’ đặc biệt phải để ý ‘thế trí biện thông’ là một trong tám nạn, một số người cứ cho rằng ‘thế trí biện thông’ là chuyện tốt. ‘Trường Thọ thiên’ là một trong tám nạn, ‘Trường thọ thiên’ ở đâu? Tứ Không Thiên. Tại sao nói Tứ Không Thiên là ‘bị nạn’? Trong Tứ Không Thiên chẳng có Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp. Nói ‘nạn’, tám thứ nhân duyên, mù điếc câm tám thứ nhân duyên chướng ngại cơ duyên nghe pháp của bạn, làm cho bạn chẳng dễ tiếp xúc đến Phật pháp, chẳng có cơ hội học Phật, như vậy gọi là gặp nạn, chẳng phải nạn thường, chẳng có cơ hội học Phật chính là gặp nạn. Trường Thọ Thiên, sanh đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, thọ mạng tám vạn đại kiếp, trong thời gian dài tám

vạn đại kiếp này chẳng được tiếp xúc đến Phật pháp, bạn nói xem: Như vậy thì đáng tiếc dường nào!

Trong kinh này, Phật, Bồ Tát tán thán người ở cõi Diêm Phù Đề chúng ta. Người ở Diêm Phù Đề tuy rất dễ tạo tội nghiệp, nhưng cũng có chỗ tốt, [tức là] cũng rất dễ [giác ngộ và biết] quay về cho nên Phật, Bồ Tát tán thán. Địa Tạng Bồ Tát nói khi chúng ta làm việc thiện, việc thiện rất nhỏ, 'như sợi lông, như một giọt' chuyện thiện nhỏ nhoi như vậy Phật, Bồ Tát nhìn thấy cũng hoan hỷ, đều vui lòng đến giúp đỡ. Đây là nói chúng sanh ở địa phương này tuy tạo nghiệp nhưng dễ quay về. Còn cõi trời, càng lên cao càng khó quay về. Trong kinh Phật có nói đến 'Hai mươi thứ học Phật khó'. 'Giàu sang học Phật khó', người cõi trời giàu sang, mỗi ngày hưởng phước, hưởng được rất tự tại, học Phật gian khổ như vậy nên họ chẳng chịu học, họ chẳng biết khổ. 'Bần cùng học đạo khó', một ngày ba bữa ăn không no, mỗi ngày đều chịu đói, trong trạng thái đói meo như vậy thì còn có lòng dạ gì nữa để học Phật! Ví trên trời là giàu sang, tam ác đạo ví là bần cùng, cả hai đều khó khăn. Thế nên, người nào trong nhà tương đối đủ ăn, cũng không giàu có lắm, cũng chẳng bị chết đói, hạng người này dễ giác ngộ, họ biết khổ, dễ giác ngộ. Thế nên Nhị chướng, Tam Chướng, Bát Nạn chẳng dễ thoát ly. Phía dưới Thế Tôn lại dùng thí dụ để nói:

Như ngư du võng, tương thị trường lưu, thoát nhập tạm xuất, hựu phục tao võng.

Như cá bơi trong lưới theo dòng nước chảy, tạm thoát ra được rồi lại mắc vào lưới.

'Ngư' ví chúng sanh, chúng sanh trong lục đạo. 'Võng' ví như lục đạo, tam giới lục đạo. 'Trường lưu' ví như tạo nghiệp, luôn tạo vĩnh viễn chẳng dứt. 'Thoát nhập' ví như sanh tử luân hồi. Ví như chúng sanh trong lục đạo 'tánh thức vô định', giống như cá bơi đi khắp nơi, chẳng có phương hướng, mục tiêu nhất định, thường bơi vào trong lưới. 'Võng' là la võng (lưới rập), [tức là] lưới rập của Ma, 'Ma' là gì? Ma là chiết ma [tức là] dày vò, thân tâm của bạn vĩnh viễn bị dày vò, phá hoại, khổ chẳng nói nổi. Nguyên nhân căn bản là như câu nói trong Phật pháp: *'Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà, Niệm chẳng nhất chẳng sanh Tịnh Độ'*. Thuyết minh nguyên nhân căn bản của lục đạo luân hồi là gì? 'Tình chấp', đây chẳng phải là chuyện tốt. 'Tình' là cái gì? Nói cho chư vị biết, 'tình' tức là trí huệ, giác ngộ thì nó là trí huệ, khi mê thì nó là 'tình'. Trong kinh Phật thường nói: 'Phiền não tức Bồ Đề', lúc giác ngộ thì phiền não là Bồ Đề, lúc mê thì Bồ Đề là phiền não. Chư vị nhất định phải biết trí huệ vô lượng vô biên, phiền não cũng vô lượng vô biên, một mê thì hết thảy đều mê, đem trí huệ vô lượng vô biên trong tự tánh đều biến thành phiền não, tình chấp. Một khi giác ngộ rồi thì tất cả hết thảy vô lượng vô biên phiền não khôi phục trở thành vô lượng vô biên trí huệ, đều ở trong một niệm. Nhất định phải giác! Nhất định phải minh bạch, hết thảy tình, ái của lục đạo chúng sanh phía trước đều có một nguyên tắc cơ bản tồn tại: tánh thức vô định; nói cách khác 'tình' của họ vô định, 'ái' của họ vô định. Ngày nay 'ái', ngày mai không 'ái', hôm nay có 'tình', ngày mai vô 'tình', đều chẳng định.

Thế nên bạn nhất định phải biết, người thế gian bất luận nói tình, nói ý, nói ái với bạn, trong lòng bạn nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch, giác ngộ, đó là gì? Đều là tình ý giả dối, đừng cho là thiệt. Nếu bạn cho là thiệt thì bạn sẽ mắc lầm. Lầm cái gì? Cái lầm của sanh tử luân hồi, chẳng phải thiệt. Nói cho chư vị biết chỉ có Phật, Bồ Tát mới có 'chân ái', 'chân tình', vĩnh viễn chẳng biến. Vì tánh thức của Phật, Bồ Tát là định, còn tánh thức của phàm phu chúng sanh là bất định. Cho nên cái 'tình' của Phật, Bồ Tát thật sự là 'chân tình', 'chân ái', họ chẳng dùng danh từ tình và ái, các ngài dùng

'từ', dùng 'bi', từ bi chính là chân tình chân ái, vĩnh viễn chẳng biến đổi, việc này chúng ta phải hiểu rõ. Chúng ta phải học theo Phật, Bồ Tát, đối với hết thảy chúng sanh thật sự có tình, thật sự thương yêu, vĩnh viễn chẳng thay đổi, trong kinh thường gọi là 'vô duyên đại từ, đồng thể đại bi'.

Ở đây chúng ta có thể nói thêm vài câu, trong hết thảy kinh điển trong bốn mươi chín năm Phật thường nói, chẳng biết là đã nói bao nhiêu lần, mục đích đều là để nhắc nhở chúng ta. Năm xưa lúc Phật giảng kinh thuyết pháp, mỗi ngày đều có thính chúng mới đến, Phật rất từ bi, *'trong nhà Phật chẳng xả [bỏ] một ai'*, có một người mới lại chưa nghe những khai thị quan trọng thì Phật đều lập lại thêm lần nữa. Mê mất tự tánh, tâm tánh chẳng định, tình và ái sanh khởi từ đây đều là tạm thời ngắn ngủi, rất dễ thay đổi, nhất định chẳng phải thiệt. Chúng ta phải học Phật, tình và ái của Phật đều là chân thật, vĩnh hằng chẳng thay đổi. Vả lại tình và ái này đều thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm. Và bình đẳng, chẳng phải là đối với người này thì thương, đối với người kia thì ghét, là tận hư không, trọn khắp pháp giới. Đối với Phật, Bồ Tát kính ái, đối với địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng kính ái, sự kính ái này đều bình đẳng. Chẳng phải đối với Phật, Bồ Tát thì thêm một phần, đối với súc sanh thì kém một phần, tuyệt chẳng có hiện tượng này. Tại sao? 'Đại ái' của các ngài lưu lộ từ tự tánh, là đức năng vốn sẵn có trong chân tâm.

Đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ có ghi 'Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác', lòng từ bi, thương yêu rộng lớn của ngài tuyệt đối tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nếu chẳng tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác thì đó là tình thức vô định. Tại sao vậy? Tâm ý thức làm chủ. Phàm phu chúng ta dùng tâm ý thức, tâm ý thức chẳng định, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Cho nên hết thảy lục đạo chúng sanh chẳng thể thoát ra khỏi sanh tử luân hồi, nguyên nhân chủ yếu là ở chỗ này. Do đó có thể biết đời này chúng ta niệm Phật muốn cầu sanh tây phương Cực Lạc thế giới, [chúng ta] thường nói phải nhìn thấu suốt, phải buông xuống. Đây là việc thứ nhất phải buông xuống, phải buông xuống tình ý giả dối của thế gian, buông xuống triệt để. Sau khi buông xuống thì nhấc lên, nhấc lên 'vô duyên đại từ, đồng thể đại bi' của Phật, Bồ Tát. 'Buông xuống được, nhấc lên nổi'. Phát khởi lòng thương rộng lớn của Phật, Bồ Tát, bạn có thể xả mình vì người, cái gì cũng có thể hy sinh, cái gì cũng có thể buông xả để làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh, đó chính là học theo Địa Tạng Bồ Tát. Xin xem tiếp kinh văn:

Dĩ thị đẳng bối, ngô đương ưu niệm.

Vì những kẻ đó mà Ta phải lo nghĩ.

Thế Tôn đang ưu niệm chính là việc này. Thế Tôn chẳng lo việc khác, lo nghĩ hết thảy tội khổ chúng sanh trong tận hư không, trọn khắp pháp giới, ngài chẳng vì một người nào đó. Phía trước chúng ta thấy, Ma Gia phu nhân hình như có một chút tình chấp, đặc biệt lưu luyến Diêm Phù Đề chúng sanh, lúc Địa Tạng Bồ Tát nói pháp cho bà thì tâm lượng ấy rộng lớn hơn nhiều, đều là làm khuôn mẫu cho chúng ta xem. Ma Gia phu nhân làm đúng hay sai? Đúng. Đúng như thế nào? Chúng ta giúp đỡ chúng sanh thì bắt đầu từ chỗ gần nhất, không thể nói chẳng lo chỗ gần, đi lo những chỗ ở xa, chẳng có lý này, chẳng hợp lý, chẳng hợp pháp. Giúp đỡ người nhất định phải bắt đầu từ chỗ gần rồi tới chỗ xa. Chỗ nào là gần? Người nhà của bạn là gần nhất, muốn độ chúng sanh hãy độ người nhà trước. Tại sao độ người nhà không được? Vì chính mình chẳng làm được hoàn hảo, làm chẳng đúng như pháp, người nhà của bạn chẳng tin tưởng. Nếu bạn làm đúng như pháp, người nhà sanh tâm cung kính, khâm phục bạn, chịu học theo bạn, chịu nghe lời của bạn. Thế nên bạn phải làm đúng như pháp, tự

mình phải làm ra một hình dáng tốt đẹp cho người ta thấy. Sau đó làm ra cho thân thích bạn bè, và những người quen biết thấy, dần dần mở rộng phạm vi này. Ma Gia phu nhân dạy chúng ta cách khéo léo độ chúng sanh, còn Phật, Bồ Tát dạy chúng ta một cách toàn diện: tất cả đều là thiện tri thức, đều vì dạy chúng ta nên mới làm ra những sự thị hiện này, họ biểu diễn cho chúng ta coi. Nói thật ra, làm thế nào mới có thể phát triển Phật pháp, làm cho hết thảy chúng sanh hoan hỷ tiếp nhận? Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện này là 'kịch bản' tốt nhất, có thể đem nó lên sân khấu, đem nó diễn thành phim truyện, thành phim điện ảnh, chẳng có ai không thích, không ưa, thiện xảo phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh.

Nhưng muốn làm việc này, nói thật ra phải nên hướng về phía này mà phát triển, những người biên kịch, đạo diễn, diễn viên nên đến giảng đường học trước, chúng ta giảng kinh này rõ ràng từ đầu đến cuối, mọi người đều phát tâm làm Địa Tạng Bồ Tát, mọi người đều phát tâm tạo dựng sự nghiệp Địa Tạng, sau đó phim này chắc chắn sẽ diễn thành công. Hiện nay cũng có một số phim điện ảnh, phim kịch về Phật Giáo, tôi xem thử [thì thấy] cũng không lý tưởng cho lắm. Nguyên nhân là gì? Đạo diễn, diễn viên chẳng hiểu Phật pháp nên hiệu quả đương nhiên còn rất kém. Diễn viên, đạo diễn phải thật sự hiểu giáo nghĩa, thâm giải ý thú thì kịch bản của họ, kỹ thuật diễn kịch mới có thể thể hiện rộng lớn trí huệ cao độ, mới có thể đạt đến mức thiện xảo phương tiện. Chúng ta có tâm này, nguyện này, nhưng duyên chưa đủ. Ngày nay chẳng có những diễn viên, đạo diễn điện ảnh, truyền hình cùng chúng ta học Phật nên hiện nay chúng ta làm chuyện này không được. Nếu có một nhóm người như vậy, nhân duyên thành thục rồi thì chúng sanh có phước báo to lớn, chúng sanh toàn thế giới sẽ có phước báo to lớn, toàn bộ kinh Hoa Nghiêm cũng có thể đem lên sân khấu. Tuy chúng ta chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm được bao nhiêu, mới giảng được một chút, các bạn nghe [giảng] cũng được hưởng đạo vị, đều có thể mang lên sân khấu. Trong đời sống hằng ngày mỗi thứ chúng ta đều có thể làm gương mẫu trong sanh hoạt. Thế nên học Phật, Bồ Tát tức là học biểu diễn, chúng ta chẳng diễn trên sân khấu của nghệ sĩ, hiện nay chúng ta diễn trên sân khấu của xã hội. Phải biết làm thế nào diễn vở kịch này cho hoàn hảo, làm cho những chúng sanh chưa giải thoát xem đến vở kịch này có thể cảm ngộ, có thể cảm động, có thể giác ngộ thì có thể đạt đến mục đích hoằng pháp lợi sanh vậy.

Chúng ta xem thử Phật lo nghĩ những gì? Ngày nay chúng ta lo nghĩ những gì? Những gì chúng ta lo âu đều sai, đều là giả. Chúng ta lo âu cái thân của mình, tánh mạng tài sản, đều là giả chẳng thật. Thân là vô thường, vật ngoài thân càng chẳng thể được, nhất định phải hiểu đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật. Hết thảy của chư Phật, Bồ Tát đều chân thật, chúng ta phải tin sâu, hết lòng học tập, y giáo phụng hành. Xem tiếp câu phía sau:

Nhữ kỳ tất thị vãng nguyện, lũy kiếp trọng thệ, quảng độ tội bối, ngô phục hà lự.

Đời trước ông đã phát nguyện, nhiều kiếp lập trọng thệ, quảng độ những kẻ có tội, thì Ta còn lo gì nữa.

Thế Tôn nghe Địa Tạng Bồ Tát báo cáo cũng vô cùng hoan hỷ, nói ông đã 'tất thị vãng nguyện', Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện độ chúng sanh chẳng phải ở ngày hôm nay, vô lượng kiếp trước ngài đã phát nguyện này, nhiều đời kiếp thực tiễn nguyện vọng này của ngài, vả lại đã phát nhiều lần. Giống như chúng ta mỗi ngày đều niệm Tứ Hoằng Thệ Nguyện *'Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô lượng thệ nguyện đoạn'*, mỗi ngày chúng ta đều 'niệm' tứ hoằng thệ nguyện, chứ chẳng 'phát' tứ hoằng thệ nguyện, nếu thật sự 'phát' được thì còn phải nói nữa ư! Nếu quả thật đã phát

nguyện này thì bạn sẽ chẳng là phàm phu nữa. Không là phàm phu thì là gì? Bạn sẽ là Phát Tâm Trụ Bồ Tát. Chúng ta coi kinh Hoa Nghiêm nói Phát Tâm Trụ Bồ Tát là địa vị gì? Địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, bạn đã siêu việt lục đạo, siêu việt thập pháp giới, tứ hoằng thệ nguyện đã phát thật sự bèn siêu việt. Không những chẳng còn trong lục đạo, bạn cũng chẳng còn trong thập pháp giới, vừa phát liền siêu việt. Mỗi ngày đều niệm thì không được, 'niệm' thì không thể siêu việt, phải chân thật 'phát'. Chúng ta quan sát cặn kẽ, tứ hoằng thệ nguyện có phải là Địa Tạng Bổn Nguyện hay không? Phải, chẳng sai khác gì cả. Hôm nay tại cung trời Đao Lợi, Địa Tạng Bồ Tát cũng phát nguyện nữa, tiếp nhận lời phó chúc của Thế Tôn giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này. Thế Tôn ở nơi đây nói lời này là tán thán Ngài. 'Lũy kiếp trùng thệ', chữ này đọc [như âm của chữ] 'trọng' cũng được, đọc âm chữ 'trùng' cũng được, đều được hết. 'Trọng' là lời nguyện của ngài rất nặng.

'Trùng' là Ngài đã phát nguyện nhiều lần rồi, hai cách đọc chữ này, hai ý nghĩa này đều hợp lý. Phật thấy họ sốt sắng gánh vác thì cũng rất an ủi, chẳng phải âu lo nữa, chẳng phải bận tâm nữa.

Thật ra hoàn toàn là biểu diễn cho chúng ta coi, chư vị phải hiểu, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng hóa thân làm Địa Tạng Bồ Tát. Tại sao không dùng thân Phật để xuất hiện trong thế gian này, tiếp tục thuyết pháp cho chúng ta? Không thể được, những chúng sanh này tâm thức chẳng định. Chư vị phải hiểu, nếu thấy Phật trụ thế lâu dài, chúng sanh sẽ giải đãi, làm biếng: 'Không sao đâu, hôm nay không nghe kinh, ngày mai Ngài cũng sẽ giảng nữa, năm nay không học, hai năm sau học cũng chẳng trễ, lúc nào Ngài cũng giảng mà!'. Nếu nói Phật sẽ lập tức diệt độ thì họ sẽ khẩn trương, 'phải học mau lên, không học thì sẽ chẳng còn cơ hội nữa', họ sẽ khẩn trương lên. Thế nên Phật thị hiện diệt độ, thị hiện trụ tại thế gian đều là thiện xảo phương tiện, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Việc cầu học không phải cũng vậy hay sao.

Lúc trước tôi học ở Đài Trung, trong một thời gian ngắn, tôi đạt được lợi ích nhiều hơn phần đông những bạn học khác. Vì nguyên nhân gì? Chúng tôi là người ở phương xa đến, đến Đài Loan làm khách, thời gian rất ngắn, phải học mau mau, học hết lòng, không thôi thì đến một ngày nào đó sẽ mất cơ hội. Những người cư trú ở thị xã Đài Trung chẳng có quan niệm này, thầy Lý thường trú ở thị xã Đài Trung, năm nay không thành thì vẫn còn năm tới, năm tới không thành thì cũng còn năm tới nữa. Có tâm ấy thì vĩnh viễn sẽ làm biếng, mãi đến lúc thầy Lý vãng sanh cũng vẫn chưa học thành tựu. Thầy Lý cư trú ở Đài Trung suốt ba mươi tám năm, tâm lý này chẳng giống nhau. Chúng tôi đến làm khách, tâm trạng này rất khẩn trương, phải nắm chắc lấy cơ hội này, biết rằng một khi mất cơ hội thì chẳng dễ gì kiếm lại được. Phật, Bồ Tát xuất hiện ở thế gian này, dùng thân phận của Phật để xuất hiện cũng là ý nghĩa này, chẳng thể trụ lâu dài. Thị hiện trụ thế lâu dài thì chúng sanh trở về sau sẽ lười biếng, lời giáo học của Phật sẽ chẳng linh nữa, thế nên không thể thị hiện trụ lâu dài.

Xin xem tiếp đoạn kinh văn kế tiếp, Thế Tôn và Địa Tạng Bồ Tát một bên hỏi, một bên trả lời, kế bên lại thêm một vị Bồ Tát vào.

Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát Ma Ha Tát

Nói đến đây, trong hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát.

Những Bồ Tát này đều là Đẳng Giác Bồ Tát, đều chẳng phải là Bồ Tát thường.

Danh Định Tự Tại Vương

Hiệu là Định Tự Tại Vương.

Từ danh hiệu này của Ngài chúng ta liền biết, Ngài được đại tự tại trong thiền định. Trong Phật pháp thường nói: *'Na Già thường tại định, vô hữu bất định thời'* 6[6].

Bạch Phật ngôn: 'Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát lũy kiếp dĩ lai các phát hà nguyện, kim mông Thế Tôn ân cần tán thán duy nguyện Thế Tôn lược nhi thuyết chi.'

Bạch đức Phật: 'Bạch Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát từ nhiều kiếp đến nay đã phát nguyện gì mà nay được Thế Tôn ân cần khen ngợi như thế? Cúi mong đức Thế Tôn lược nói cho'.

Trong đại hội, Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát đâu phải là không biết, đã biết rõ nhưng vẫn hỏi. Vì ngài biết hội kinh này khi kết tập kinh tạng nhất định sẽ truyền lâu xa, những người chẳng tham gia hội này thấy thái độ đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, chắc không khỏi hoài nghi. Bồ Tát rốt cuộc có những nguyện gì, có đức hạnh gì mà được Thế Tôn tán thán như vậy? Nhưng những người không tham gia pháp hội phải đi đâu hỏi? Sau này dù cho có những câu hỏi này nhưng cũng chẳng có chỗ để hỏi. Định Tự Tại Vương Bồ Tát từ bi, ngài biết được, thay thế chúng ta đặt câu hỏi để Thế Tôn nói rõ cho chúng ta biết, đoạn trừ nghi hoặc của chúng ta. Thế nên cách đặt câu hỏi này trong kinh Phật gọi là *'câu hỏi đem lại lợi lạc cho hữu tình'*, đáng để chúng ta học tập. Có khi chúng ta chẳng có nghi hoặc nhưng nghĩ đến người khác có thể nghi hoặc thì cũng phải đặt câu hỏi. Đặc biệt là ngày nay chúng ta lợi dụng phương pháp khoa học, giảng kinh, diễn giảng gì cũng thâu hình, thâu âm rồi phổ biến lưu thông, cho nên nghe kinh không nhất định phải ở hiện trường, có thể phía ngoài hiện trường người nghe càng nhiều hơn, chẳng thể thống kê. Nếu họ có nghi hoặc thì đi đâu để hỏi? Thế nên đặt những câu hỏi nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình, chúng ta nên học theo. Xin xem kinh:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: 'Đế thính, đế thính, thiện tư niệm chi, Ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết'.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: 'Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy xét, Ta sẽ vì ông mà giải bày rõ ràng'.

Bồ Tát đặt câu hỏi, Thế Tôn nhất định sẽ giải đáp, vả lại Thế Tôn biết câu trả lời này có thể đem lại lợi ích cho rất nhiều, vô lượng vô biên đại chúng chẳng có mặt lúc ấy. Trước lúc khai thị, những câu này giới khuyến Bồ Tát, nói thật ra chính là giới khuyến đại chúng hiện tiền chúng ta, phải 'lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy xét', tám chữ này rất quan trọng. Chúng ta nghe có hiểu ý của Phật không then chốt ở tám chữ này. Trong bài khai kinh kệ nói: 'Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa', nếu chẳng có tám chữ này thì bạn sẽ rất khó giải nghĩa chân thật của Như Lai. 'Đế' là gì? 'Đế' là chân thành, dùng tâm chân thành để nghe. Chân thành là gì? Rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là 'đế thính'; nói cách khác, lúc nghe pháp trong tâm chẳng được phép có vọng tưởng, được vậy thì gọi là 'lắng nghe'. 'Thiện tư niệm chi', 'thiện tư' tức là 'chỗ ngộ', sau khi nghe xong sẽ có chỗ ngộ, nhà Phật chúng ta gọi là khai ngộ, nghe pháp khai ngộ. Lắng nghe mới có thể khai ngộ, ngộ xong phải 'niệm

---

6[6] Na Già là dịch âm tiếng Phạn chữ nāga, có nghĩa là rồng, voi, vô tội, bất lai. Đây là thuật ngữ để xưng tụng Phật hoặc bậc A La Hán. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa chép: "Kinh Khổng Tước gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử". Đại Trí Độ Luận quyển ba chép: "Ma Ha là lớn, Na là Vô, Già là Tội. A La Hán đã đoạn các phiền não, nên gọi là Đại Vô Tội". Thiền Định của đức Phật cũng gọi là Na Già.

chi', niệm là hạnh, 'niệm tư tại tư' *(niệm ở đâu thì chú tâm ở đó).* Trong tám chữ này đều bao gồm cả tín, nguyện, hạnh, đều gói gọn trong ấy. Đây là tâm niệm, thái độ nhất định phải có khi nghe pháp, nếu chẳng có tâm này, chẳng có thái độ này thì giống như câu: *'nghe mà cũng như chưa nghe, nghe mà cũng như chẳng nghe'*. Nghe pháp như vậy cũng giống như chẳng nghe gì cả, vậy thì uổng lắm.

Nãi vãng quá khứ vô lượng a tăng kỳ na do tha bất khả thuyết kiếp

Vào thuở quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha số kiếp chẳng thể nghĩ bàn

Đây là nói về chuyện xưa của Địa Tạng Bồ Tát. Giới thiệu vị Bồ Tát này cho chúng ta, cho chúng ta nhận biết, hiểu rõ Địa Tạng Bồ Tát, sau đó chúng ta mới tin tưởng ngài, mới chịu học theo ngài. Phải nói rõ nhân duyên tu học đời quá khứ của Địa Tạng Bồ Tát, sự tích của Địa Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp vĩnh viễn nói chẳng hết, chỉ có thể nêu ra vài chuyện trong những sự tích này. Đây là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói cho chúng ta, một chuyện lúc Địa Tạng Bồ Tát vừa phát tâm, thời gian lúc ấy quá lâu rồi, chúng ta thường nói đây là con số thiên văn.

Nhĩ thời hữu Phật.

Lúc đó có đức Phật.

Ở thời đại đó, trong những kiếp xa xôi, thời đó có một vị Phật.

Hiệu Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Mười hiệu này trong nhà Phật là thông hiệu của chư Phật, mười hiệu này hiển thị trí huệ đức năng trên quả địa Phật. Khi thành Phật, chứng quả thì trí huệ, đức năng vô lượng vô biên, và xưng tán, tuyên thuyết chẳng hết. Phật đem vô lượng vô biên trí huệ, đức năng trên quả địa quy nạp thành mười loại, rồi dùng mười đức hiệu này để biểu thị. Mười đức hiệu này chúng ta nói sơ lược qua:

'Nhất thiết trí thành tựu' là biệt hiệu của Phật, hết thảy trí huệ thành tựu rồi. Từ 'Như Lai' trở về sau cả mười hiệu này là 'thông hiệu', mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu này, đây là việc chư vị đồng tu phải ghi nhớ, phải hiểu, đừng hiểu lầm. Vì có nhiều người nói [và hỏi] các vị Phật, 'vị Phật nào lớn nhất? Như Lai Phật lớn nhất'. Đây là một quan niệm sai lầm, coi tiểu thuyết nhiều quá rồi, Tôn Ngộ Không chẳng nhảy ra khỏi bàn tay của Như Lai Phật. Mỗi vị Phật đều xưng là Như Lai, cho nên Như Lai là thông hiệu.

'Như Lai' phải giải thích làm sao? Một cách nói đơn giản nhất, Phật hiện nay giống như cổ Phật tái lai nên gọi là Như Lai. Phật Phật đạo đồng, khi thành Phật rồi thì cái gì cũng bình đẳng, hoàn toàn tương đồng. Bồ Tát không thể giống Bồ Tát, chẳng hoàn toàn giống nhau, Phật cùng Phật là hoàn toàn giống nhau, thế nên mới nói Phật ngày nay giống như cổ Phật tái lai. Nếu nói ý nghĩa đó sâu thêm, trong kinh Kim Cang có một cách giải thích *'Như Lai giả, chư pháp như nghĩa'*, cách giải thích này rất hay. 'Chư pháp như nghĩa', chữ 'như' này là gì? Như chính là chân như bản tánh. Tất cả hết thảy chư pháp và chân như bản tánh đều tương ứng, đó gọi là 'Như Lai', ý nghĩa

này nói vô cùng viên mãn, nếu từ mặt Lý mà nói. Nói như cổ Phật tái lai là nói từ mặt Sự. Còn rất nhiều ý nghĩa khác, chúng ta lược bớt.

'Ứng Cúng', cúng là cúng dường. Trong hết thảy mọi người, Phật là 'người thiện' chân thật cứu cánh viên mãn, người có đại trí huệ cứu cánh viên mãn, đức năng to lớn, là gương tốt cho chúng ta, thầy tốt của chúng ta, đáng được chúng ta cúng dường; chúng ta cúng dường ngài sẽ có phước báo. Thế nên mới gọi là Ứng Cứng, đáng được người, trời cúng dường.

Thông hiệu thứ ba, 'Chánh Biến Tri'. 'Tri' là chẳng có gì không biết, 'Biến' là phổ biến, chẳng có gì ngài chẳng biết. Không những biến tri mà còn thật sự biến tri, những gì ngài biết chẳng có gì sai lầm. Hết thảy kinh pháp do Phật nói đâu thể nào có sai lầm! Nếu có sai lầm đại khái đều vì người sau này dùng ý tứ riêng của mình sửa đổi nên mới sanh ra sai lầm. Thế nên kinh điển lưu thông đến ngày hôm nay, được phiên dịch trải qua mấy ngàn năm, thời cổ những bản viết tay khó tránh khỏi có chữ sai, bỏ sót câu văn, ngày nay chúng ta làm những việc này đều biết, là một chuyện rất khó khăn. Dù phát hiện có chữ nào đó trong kinh có thể chẳng đúng lắm, là chữ sai, chỗ nào đó có vấn đề, cũng tuyệt đối không thể sửa đổi. Nếu bạn phát hiện ra, có thể ghi chú ở kế bên, dùng cách ghi chú ở ven bìa, nguyên văn không thể sửa đổi. Đây là vì đạo lý gì? Tôi cảm thấy chỗ này không đúng nên tôi sửa một chút, bạn cảm thấy chỗ kia không đúng nên sửa một chút, vậy thì thôi rồi, thêm vài chục năm nữa cuốn kinh này hoàn toàn bị sửa đổi mất hết, chẳng thể đọc tụng được nữa. Thế nên cho dù có sai lầm cũng không thể sửa đổi, chỉ có thể chú thích thêm. Những đại đức từ xưa đến nay đã làm được rất hoàn hảo, họ phát hiện có chữ sai, chữ đó có thể là chữ gì hoặc chữ đó đáng lý phải là chữ gì, họ chú thích ở kế bên, chẳng sửa đổi nguyên văn, giữ bộ mặt sẵn có lúc ban đầu vĩnh viễn được lưu truyền mãi mãi, làm lợi ích cho hàng hậu học. Đây là một cách làm có trách nhiệm đối với lịch sử, đối với chúng sanh, chúng ta phải học theo, đây là Chánh Biến Tri.

Một số tín đồ tôn giáo khen ngợi Thượng Đế là toàn năng, toàn tri, Chánh Biến Tri chính là toàn năng, toàn tri. Nói thật ra, Thượng Đế thật chẳng phải toàn năng, toàn tri, Phật mới toàn năng toàn tri. Phật là ai? Phật là chân tâm bản tánh của chúng ta, chân tâm bản tánh của chúng ta mới thật sự là toàn năng, toàn tri. Vì tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là tâm tánh biến hiện mà ra, tâm tánh làm gì không biết được, làm gì không nổi? Thế nên đây là một cách nói rất hợp lý. Nếu tâm tánh của chúng ta hoàn toàn thấu lộ ra rồi, hoàn toàn hiển thị ra, đối với quá khứ, vị lai của cả vũ trụ đích thật đều là chánh biến tri, đây chẳng phải giả.

'Minh, Hạnh Túc', 'Túc' là viên mãn, 'Minh' tượng trưng trí huệ, 'Hạnh' tượng trưng cho tu học, hai thứ đều viên mãn, đây là dùng danh từ Phật pháp để nói, tánh tu viên mãn. Minh là Bát Nhã trí huệ của tự tánh, là tánh đức; Hạnh là tu đức. Lúc còn chưa viên mãn thì gọi là Bồ Tát, đã viên mãn thì gọi là Phật. Cũng có thể xem như Giải Hạnh viên mãn, 'Minh' là Giải, 'Hạnh' là tu hành, Giải Hạnh viên mãn.

'Thiện Thệ', trong Đại Thừa kinh điển thường gọi là 'Vô Trụ Niết Bàn'. Vô Trụ Niết Bàn đích thật là Thiện Thệ, tại sao? 'Thiện' này chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn, vậy mới gọi là Thiện. Phàm phu trụ sanh tử, chẳng thiện, chết rồi lại đầu thai, chẳng thiện. Nhị Thừa trụ Niết Bàn cũng chẳng thiện, đọa cái hố Vô Vi, chẳng khởi tác dụng. Phật cùng đại Bồ Tát là thiện. Sanh tử, Niết Bàn hai bên đều chẳng trụ, như vậy mới thật sự là Thiện Thệ. Chẳng trụ Niết Bàn nên ngài tùy loại hóa thân, nên dùng thân gì để độ thì ngài hiện thân ấy. Chẳng trụ sanh tử, tuy độ chúng sanh, tuy hóa hiện nhiều thân độ hết thảy chúng sanh, mảy trần chẳng nhiễm, trong tâm sạch sẽ, làm mà không làm, không làm mà làm. Cũng nói không những chẳng chấp trước trên sự tướng, trong

tâm cũng chẳng lưu dấu vết, đây tức là chẳng trụ sanh tử. Chư vị phải biết, chẳng trụ sanh tử chính là trụ Niết Bàn, chẳng trụ Niết Bàn chính là trụ sanh tử. Ngài cả hai bên đều chẳng trụ, hai bên viên dung, chân chánh gọi là 'đại Niết Bàn', đây là đại Niết Bàn trên quả địa Như Lai; Đại Niết Bàn là cả hai bên sanh tử và Niết Bàn đều chẳng trụ.

'Thế Gian Giải'. 'Thế Gian', quy mô nhỏ là lục đạo, mở rộng ra là thập pháp giới, mở rộng thêm nữa thế và xuất thế gian là tận hư không, trọn khắp pháp giới, Phật đều biết, chẳng có một việc gì ngài chẳng hiểu, thế nên ngài được xưng là Thế Gian Giải. 'Vô Thượng Sĩ', 'Sĩ' người hiện nay gọi là phần tử trí thức, thời xưa gọi là người đọc sách, đọc sách hiểu lý. Trong số người đọc sách, ngài cao nhất, trên nhất, chẳng có ai cao hơn, trên ngài; ngày nay nói trong số phần tử trí thức, ngài đạt đến đỉnh chót vót, chẳng có ai cao hơn ngài.

'Điều Ngự Trượng Phu', danh hiệu này được kiến lập từ sự thiện xảo phương tiện trong việc giáo hóa chúng sanh của ngài. Phật có trí huệ, có năng lực, có sự khéo léo, có thể điều phục tâm chúng sanh, có thể giúp chúng sanh đoạn ác tu thiện, đây là giống như giá ngự (cầm cương điều khiển). 'Trượng phu' là đại trượng phu, cùng nghĩa với 'anh hùng', hoàn toàn tương đồng. Những gì người khác làm không nổi, ngài có thể làm được, như vậy xưng là đại trượng phu. Ngài là Điều Ngự Trượng Phu, có thể điều phục chúng sanh trong chín pháp giới, giúp họ giác ngộ, giúp họ đoạn phiền não, liễu sanh tử, xuất Tam giới, thành Phật, làm Tổ; Phật có năng lực này. Đây là được kiến lập trên đức năng.

'Thiên Nhân Sư', Sư là sư phạm *(làm bậc thầy, làm gương mẫu)*. Hết thảy chư thiên, lấy một chữ Thiên, một chữ Nhân nghĩa là bao gồm hết cả lục đạo. Ngài là mô phạm, biểu suất (có nghĩa là nêu gương, dẫn đầu) cho hết thảy chúng sanh trong lục đạo, hết thảy chúng hữu tình trong thập pháp giới.

'Phật', chữ này mọi người đều hiểu rõ, đều minh bạch, là chữ dịch âm từ Phạn văn Ấn Độ. Ý nghĩa là giác ngộ, hàm ý tự giác, giác tha. Tự mình giác ngộ, giúp người khác giác ngộ, giác hạnh viên mãn. Nếu chỉ cầu tự giác, chẳng giúp người khác là Tiểu Thừa, A La Hán. Tự mình giác ngộ và giúp người khác giác ngộ là Bồ Tát. Nếu tự giác, giác tha đều viên mãn thì được gọi là Phật, đây chính là ý nghĩa của chữ Phật. Làm thế nào mới kể là viên mãn? Bồ Tát 'tự giác' có thể viên mãn rồi, 'giác tha' thì vẫn còn rất nhiều chúng sanh chưa được độ, vậy thì làm sao viên mãn? Chư vị phải biết, sự viên mãn này, Bồ Tát giác tha vẫn là giúp cho chính mình giác ngộ. Chúng ta thường nói thầy giáo dạy học trò, giáo học giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Đến lúc nào mới viên mãn? Trong quá trình giáo học, tuy thời gian chúng ta tự tu học chẳng dài, trong vòng mười mấy năm, mấy mươi năm, nhất định có sự thể hội. Chúng ta được một số học sinh, một số đến cật vấn, giúp đỡ cho chúng ta rất nhiều. Có một số vấn đề trọng đại, người ta không hỏi thì tự mình chẳng bao giờ nghĩ đến; một khi họ vừa hỏi, chúng ta mới nghĩ đến. Coi tự mình có trí huệ hay không? Có trí huệ có thể trả lời, không có trí huệ thì phải mau đi tìm tài liệu, đi thỉnh giáo người khác, đây là giúp đỡ chính mình, do đó giáo học đích thật giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Bồ Tát phải đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, phải phá Căn bản Vô minh, nếu chẳng nhờ hết thảy chúng sanh giúp đỡ, họ cũng chẳng có biện pháp chi. Do đó trong quá trình dạy học, hết thảy chúng sanh giúp họ khai mở trí huệ, đoạn phiền não, thì họ mới chứng được Vô Thượng Bồ Đề, như vậy gọi là viên mãn. Họ viên mãn xong thì mới có thể viên mãn độ hết thảy chúng sanh. Chúng sanh được độ phải nhờ duyên phận, Phật chẳng độ người vô duyên. 'Viên mãn' trên sự độ chúng sanh, họ có khả năng độ Đẳng Giác chúng sanh thì gọi là viên mãn, họ thành Phật rồi. Bồ Tát chẳng thể gọi là viên mãn, tại sao? Đẳng Giác Bồ Tát có thể độ Thập Địa trở xuống,

chẳng thể độ Đẳng Giác, vậy thì độ chúng sanh chẳng viên mãn, hóa tha chẳng viên mãn. Sau khi thành Phật, ngài có năng lực dạy hết thảy chúng sanh, như vậy mới gọi là viên mãn, 'giác hạnh viên mãn' là có ý nghĩa này. Có khả năng độ Đẳng Giác chúng sanh thì chẳng có gì không thể độ, độ chúng sanh viên mãn là như vậy.

'Thế Tôn', đầy đủ mười đức hiệu kể trên thì được xưng là Thế Tôn. Người trong thế gian, xuất thế gian đều tôn trọng ngài, tôn kính ngài, ngài có trí huệ và đức năng này nên được xưng là Thế Tôn. Giống như ngày nay chúng ta xưng người ta một cách khách sáo: 'Vị tôn kính'. Tôn nghĩa là tôn kính, thêm chữ Thế Tôn tức là hết thảy chúng sanh đều tôn kính, ý này rất rộng, rất sâu.

Kỳ Phật thọ mạng lục vạn kiếp.

Thọ mạng của đức Phật đó là sáu vạn kiếp

Trong thời đại đó, thọ mạng của Phật dài, thọ mạng của người ta cũng dài, thọ mạng của Phật thị hiện nhất định giống đại chúng. Như Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước xuất hiện ở thế gian này của chúng ta, lão nhân gia thị hiện bảy mươi chín tuổi viên tịch, chúng ta quen nói Phật trụ thế tám mươi năm, trên thực tế là bảy mươi chín tuổi. Nói đến tám mươi tuổi thì người Trung Quốc gọi là "hư tuế" 7[7], tám mươi năm! Phật trụ thế tám mươi năm, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Đây là đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, rất giống với thọ mạng của con người ở thế gian này. Do đó có thể biết 'Nhất thiết trí thành tựu Như Lai', phước báo của chúng sanh thời đó lớn, thọ mạng dài. Từ đây có thể thấy được phước báo của chúng sanh ở địa phương đó, thời đại đó rât lớn.

Vị xuất gia thời, vi tiểu quốc vương, dữ nhất lân quốc vương vi hữu, đồng hành thập thiện, nhiêu ích chúng sanh.

***Khi chưa xuất gia, ngài là vua một nước nhỏ và kết bạn với vua một nước lân cận, cùng thực hành thập thiện, làm lợi ích cho chúng sanh*.**

Đây là kể chuyện của Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, lúc ngài chưa xuất gia, thời gian này quá lâu xưa rồi. Ngài đã thành Phật, thành Phật phần lớn gọi là tu hành, từ phàm phu tu thành Phật trải qua một thời gian rất dài. Đây là nói về chuyện nhiều kiếp trước lúc ngài còn tu nhân, ngài là vua một nước nhỏ, làm bạn với vua nước lân cận, hai vị vua nước lân cận này vô cùng hiếm có, đều là vua rất tốt. 'Đồng hành thập thiện, nhiêu ích chúng sanh', họ dùng phương pháp gì để trị quốc? Dùng 'thập thiện nghiệp đạo' để trị quốc, đây là việc vô cùng hiếm có. 'Nhiêu ích', ích là lợi ích. Vua luôn hy vọng nhân dân có đời sống tốt đẹp, nhân dân chân thật được lợi ích, hạnh phúc, mỹ mãn. Nhiêu nghĩa là phong nhiêu, không những đem lại lợi ích mà còn đạt đến rất phong phú, bất luận là trên đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đều đạt đến mức đầy đủ, vậy mới gọi là nhiêu ích. Có thể thấy tâm của vua thiện phi thường.

Kỳ lân quốc nội, sở hữu nhân dân, đa tạo chúng ác.

Nhân dân trong nước lân cận đa số tạo nhiều việc ác.

7[7] Hư tuế là phương pháp tính tuổi truyền thống ở Trung Quốc: lúc trẻ con vừa sanh ra bèn tính một tuổi, sau đó mỗi tiết xuân lại thêm một tuổi. Cho nên cách tính này luôn luôn nhiều hơn cách tính thông thường 1 hoặc 2 tuổi (cách tính thường là giáp năm mới tăng 1 tuổi) Trẻ con vừa sanh ra bèn tính 1 tuổi vì tính luôn thời gian em bé nằm trong thai mẹ gần tròn một năm. Khi trẻ sanh ra vào khoảng tháng Chạp âm lịch, đến tiết xuân năm sau bèn tính thành 2 tuổi, do đó hư tuế sẽ lớn hơn cách tính thông thường đến 2 tuổi.

Lân quốc là những quốc gia cùng ranh giới với họ, nhân dân những nước đó tạo tác ác nghiệp. Hai nước của họ thì tốt hơn, hai vùng đất đó tốt, vua dạy dân rất đàng hoàng. Quốc vương đời xưa, theo tiêu chuẩn của nhà Nho có ba điều: 'Tác chi quân', quân là quân chủ, là người lãnh đạo quốc gia. 'Tác chi thân', người lãnh đạo là cha mẹ của dân chúng, phải dùng tâm cha mẹ thương yêu con cái để đối đãi với dân chúng trong nước, thương dân như con, phải bảo hộ họ, dưỡng dục họ. Còn phải: 'tác chi sư', là thầy giáo của nhân dân, gương tốt của nhân dân, khuôn mẫu của nhân dân. Vậy mới là một người lãnh đạo tốt nhất, làm cho nhân dân toàn quốc thật sự hưởng được phước báo. Hưởng phước của ai? Phước của người lãnh đạo, họ dạy được tốt. Cũng là nói về 'sư phạm', lúc trước chỗ vua ở gọi là Kinh Sư; 'Kinh' nghĩa là lớn, 'sư' là sư phạm, thành thị mô phạm. Thành thị cả nước lấy Kinh Sư làm gương mẫu, mô phạm nên gọi là 'sư'. Danh xưng thật tốt, dụng ý thật hay, thế nên chúng ta đừng coi thường việc chuyên chế của đế vương đời xưa, nếu bạn coi thường thì là sai lầm. Ngày nay chúng ta đến hoàng cung ở Bắc Kinh coi thử, chỗ làm việc trong hoàng cung gọi là đại điện, là nơi vua hội họp, tập hội làm việc, gọi là gì? Thái Hòa Điện. Phía sau Thái Hòa Điện là Trung Hòa Điện, sau đó là Bảo Hòa Điện, ba ngôi kiến trúc chính này: Thái Hòa, Trung Hòa, Bảo Hòa. Họ dùng tâm gì? Dùng tâm thái gì để đối với nhân dân toàn nước? Dùng 'Hòa', trên dưới hòa mục, cả nước một luồng hòa khí, vậy thì quốc gia này đâu có lý nào chẳng hưng vượng được? Nhà Phật chúng ta nói về Lục Hòa, họ nói về Tam Hòa. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều dạy 'hòa là quý nhất', chúng ta phải hiểu ý này, thế nên đây thật sự là thánh chủ, hiền vương. Nếu người nối ngôi, con cháu đời sau, đều tuân thủ theo nguyên tắc này thì triều đại này sẽ vĩnh viễn truyền mãi đến đời sau, đâu thể diệt vong được? Người đời sau không tuân thủ, làm xằng làm bậy, quốc gia này bèn diệt vong, chánh quyền bị lật đổ, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Hai vị vua này tốt nên quốc gia của họ cũng tốt. Nhưng những quốc gia lân cận thì không vậy, nhân dân tạo ác, tạo tội thì đương nhiên phải chịu quả báo.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta tạm ngưng ở đây.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội
Tân Gia Ba 5-1998

Tập 11 (Số 14-12-11)

Lần trước giảng đến đoạn Định Tự Tại Vương Bồ Tát thưa hỏi Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát nhiều kiếp đến nay đã phát nguyện gì mà được Thế Tôn ân cần tán thán, thỉnh Phật vì đại chúng khai thị. Thế Tôn nói với Định Tự Tại Vương Bồ Tát, trên thực tế thì Bồ Tát hỏi thay chúng ta, đức Phật bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát phải 'lắng nghe' tức là dạy chúng ta phải dụng tâm nghe pháp, lắng lòng lãnh hội. Phật nói nhiều kiếp xa xưa về trước có một vị Phật hiệu là 'Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai', thọ mạng của đức Phật là sáu vạn kiếp, từ đây có thể biết chúng sanh trong thời đại đó nhất định phải tu thiện đoạn ác nên mới cảm được quả báo thù thắng như vậy. Lúc Phật chưa xuất gia, ngài là vua một nước nhỏ, cùng với vua một nước láng giềng là bạn thân, cả hai vị vua này đều dùng thập thiện để cai trị quốc gia, dạy dân chúng cả nước đoạn thập ác, tu thập thiện. Đương nhiên hai nước này đều quốc thái dân an, nhân dân đều rất hạnh phúc. Nhưng trừ hai nước này ra, những nơi khác không được như vậy, chúng sanh tạo ác nghiệp rất nhiều. Lúc hai vị vua nhìn thấy cục diện của cả thế giới, họ bèn bàn tính làm thế nào để giúp đỡ nhân dân của các quốc gia ấy. Chúng ta giảng đến chỗ này, xin xem tiếp:

Kỳ lân quốc nội, sở hữu nhân dân đa tạo chúng ác, nhị vương nghị kế, quảng thiết phương tiện.

Nhân dân trong nước lân cận đó đa số tạo nhiều việc ác, hai vua bèn bàn tính, lập nhiều phương tiện.

Làm thế nào để cứu vãn thế vận, hai vị quốc vương này hợp lại thương lượng

Nhất vương phát nguyện

Một vị vua phát nguyện

Một vua phát nguyện

Tảo thành Phật đạo, đương độ thị bối, linh sử vô dư

Sớm thành Phật đạo để độ hết những kẻ ấy, không bỏ sót một ai.

Một vua phát nguyện, duy chỉ có thành Phật mới có khả năng rộng độ chúng sanh. Nếu chẳng thành Phật, tuy có nguyện này, nguyện này trái ngược với tâm, chúng ta thường nói: 'Tâm có dư nhưng sức chẳng đủ', vẫn chẳng có cách gì. Nên phát tâm cầu đạo muốn thành Phật.

Nhất vương phát nguyện nhược bất tiên độ tội khổ linh thị an lạc đắc chí Bồ Đề, ngã chung vị nguyện thành Phật.

Một vua thì nguyện: 'Nếu tôi chẳng độ những kẻ tội khổ trước, làm cho họ được an vui, cho đến đắc quả Bồ Đề thì tôi nguyện chưa thành Phật'.

Hai vị vua này phát nguyện chẳng giống nhau. Vị vua này phát nguyện chưa độ mình, độ chúng sanh trước. Đây là Bồ Tát phát tâm, chẳng vì mình, vì kẻ khác. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa chân thật của đoạn kinh này, chúng ta có thể phát nguyện chẳng độ mình, mà độ chúng sanh trước hay không? Nếu thật sự phát nguyện này, hết thảy đều vì chúng sanh, hết thảy vì Phật pháp, đích thật chẳng có Ta, 'Ta và cái của Ta' (ngã và ngã sở) đều đoạn dứt hết, như vậy thì được, vậy thì không có vấn đề. Nếu vẫn còn nhân ngã, thị phi, được mất, vậy thì không được. Nói cách khác, bạn sẽ chẳng thoát ra khỏi lục đạo. Phàm là con người mà nếu chưa thể thoát ly lục đạo thì nhất định phải giác ngộ. Từ vô thỉ kiếp đến nay, chúng ta tích lũy bao nhiêu tội nghiệp, đây là sự thật! Tội nghiệp chẳng phải chỉ tạo trong đời này mà thôi, tội nghiệp còn tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, lẽ đâu chẳng đọa ác đạo cho được! Bạn nhất định sẽ đọa lạc. Lúc đọa lạc trong tam ác đạo, bạn lấy gì để độ chúng sanh? Thế nên chư vị phải biết, nhất định phải chứng được quả A La Hán trở lên mới có thể nói "Tôi độ chúng sanh trước, chúng sanh chẳng thành Phật thì tôi không thành Phật". Mức tối thiểu là quả A La Hán, thoát ly lục đạo luân hồi. Vào trong lục đạo chỉ là thị hiện, giúp đỡ chúng sanh. Cho đến khi mình thành Phật vẫn còn một thời gian dài, mình cứ thong thả độ chúng sanh trước, như vậy thì được. Tự mình phải có bản lãnh mới được, nếu chẳng có bản lãnh mà phát nguyện này thì cũng như không nguyện. Thế nên ở chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, muôn vàn xin đừng hiểu lầm.

Phương pháp thù thắng nhất đối với chúng ta, [do vì] nghiệp chướng tập khí của chúng ta quá nặng, ngay cả một phẩm phiền não chúng ta cũng chẳng có năng lực đoạn được, [cho nên] phương pháp hay nhất là phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Nói thật ra nếu chúng ta muốn tự mình tu hành chứng được quả A La Hán không đơn giản đâu, làm chẳng nổi, nhưng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới thì người người đều có thể làm được. Đến tây phương Cực Lạc thế giới có phải là liền thành Phật không? Không phải, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, người vãng sanh đến Phàm Thánh Đồng Cư Độ phiền não chưa đoạn, nhưng được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cộng thêm thiện lực của mình, tự mình phải có nguyện tâm, có một chút thiện lực, cùng chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, đến lúc ấy thì được. Tôi chẳng cần thành Phật gấp, [do] tôi nóng lòng muốn độ chúng sanh trước nên học theo Địa Tạng Bồ Tát. Đó là vốn liếng của bạn, bạn được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì thì có thể đến mười phương thế giới, nên dùng thân gì độ hóa thì thị hiện thân ấy. Địa Tạng Bồ Tát cũng vậy. Tôi đã kể chuyện vợ ông Châu Bang Đạo gặp Địa Tạng Bồ Tát mang hình tướng tỳ kheo xuất gia, nên dùng thân gì để độ bèn thị hiện thân đó. Cần dùng thân Phật để độ, Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể thị hiện tám tướng thành đạo, cũng có thể thị hiện dùng thân Phật. Cho nên điểm này chúng ta phải tìm hiểu rõ ràng, muôn vàn xin đừng hiểu lầm.

Ở Đài Loan chúng tôi đã từng thấy một số pháp sư phát tâm, phát tâm rất lớn, nguyện chẳng thành Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp ở thế gian này làm pháp sư độ chúng sanh. Tướng trạng của họ lúc mất chẳng được tốt, nói thật ra chẳng sánh bằng một người cư sĩ tại gia niệm Phật, người niệm Phật. Đã nhiều năm nay những tướng lành của cư sĩ tại gia niệm Phật vãng sanh, có người chẳng mang bịnh, biết trước thời giờ ra đi, đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, quá nhiều. Trong số pháp sư xuất gia một người cũng chẳng được. Việc này bạn không thể hiểu lầm, họ đích thật có năng lực, lúc còn làm vua, đây chỉ là thị hiện. Họ vốn là thân phận gì thì chúng ta không biết. Phật kể lại chuyện của hai vị vua này.

Phật cáo Định Tự Tại Vương, nhất vương phát nguyện tảo thành Phật giả, tức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai thị. Nhất vương phát nguyện vĩnh độ tội khổ chúng sanh vị nguyện thành Phật giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.

Phật bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: 'Vị vua phát nguyện sớm thành Phật ấy chính là đức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, vị vua phát nguyện vĩnh viễn cứu độ chúng sanh tội khổ, nguyện chưa thành Phật chính là Địa Tạng Bồ Tát'.

Địa Tạng Bồ Tát từ lũy kiếp đến nay luôn luôn phát nguyện, nguyện tâm ấy vĩnh viễn chẳng thoái thất, rất đáng cho chúng ta noi gương. Thế nên chúng ta thật sự muốn phát tâm thì phải học theo Địa Tạng Bồ Tát. Những Bồ Tát khác chẳng thể sánh bằng công đức thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát. Trong kinh này Phật nói trừ Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm Bồ Tát, những Bồ Tát khác đều chẳng thể sánh bằng. Cho dù xét trên tâm nguyện thì Địa Tạng Bồ Tát hơn hẳn những đại Bồ Tát như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, nhưng trong Đại Thừa Phật pháp, như chúng ta được tiếp xúc đã lâu rồi thì biết hết thảy nguyện tâm của Bồ Tát chính là trí huệ đức năng trong tự tánh của chính mình. Nguyện tâm của mình giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này đặc biệt mạnh mẽ, nói rõ pháp môn Địa Tạng thù thắng nhất trong hết thảy Bồ Tát pháp, đạo lý là ở chỗ này.

Đặc biệt là hiện nay chúng ta thấy thế giới trước mắt, chúng sanh khổ nạn vô biên, vẫn không ngừng tạo tội nặng như cũ, chẳng biết quay về, mê mất tự tánh, khởi tâm động niệm không gì chẳng là tội, đều vì mình, vì lợi ích cá nhân, chẳng màng đến sự an toàn của xã hội. Cho dù học Phật, nhưng chẳng đoạn nổi tập khí tự tư tự lợi, chẳng chống nổi sự dụ hoặc của cảnh giới bên ngoài; bên ngoài vừa dụ hoặc thì bên trong phiền não lập tức khởi lên, Phật pháp gì cũng quên ráo trọi. Người học Phật còn như vậy huống hồ là người chẳng học Phật. Thế nên thật ra ngày nay chúng ta nói nhất định phải noi gương Địa Tạng Bồ Tát, nên tuyên dương pháp môn Địa Tạng Bồ Tát. Nhất định phải bắt đầu từ bản thân mình, đoạn hết thảy điều ác, tu hết thảy điều thiện, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu tâm nguyện của chúng ta khẩn thiết, trước lúc sanh Tịnh Độ cũng được A Di Đà Phật, và hết thảy chư Phật Như Lai gia trì, làm cho chúng ta tiêu tai chướng, diệt tội, tăng trưởng trí huệ, tăng trưởng khả năng, có thể giảng kinh này được hoàn hảo, làm cho đại chúng thích nghe, sanh tâm hoan hỷ, hoan hỷ y giáo phụng hành. Trí huệ năng lực này chẳng phải của mình, mà do Phật lực gia trì, phàm phu nghiệp chướng sâu dày như chúng ta làm sao có khả năng này! Cho dù được chư Phật Như Lai gia trì, long thiên thiện thần ủng hộ, tự mình càng phải hân hạnh hơn, hết lòng nỗ lực hơn, đừng phụ lòng chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, phải làm cho hoàn hảo, đúng như pháp và viên mãn hơn nữa. Chúng ta học theo những phương hướng này thì sẽ không sai. Sau đây Thế Tôn lại kể thêm một chuyện lúc Địa Tạng Bồ Tát còn tu nhân, xin xem kinh:

Phục ư quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp.

Lại trong đời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước.

Thời gian này càng nói càng xa.

Hữu Phật xuất thế danh Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kỳ Phật thọ mạng tứ thập kiếp.

Có một đức Phật ra đời hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, đức Phật đó thọ bốn mươi kiếp.

Chúng ta xét từ thọ mạng liền biết người thời ấy thực sự là chẳng thể nghĩ bàn. Phía trước chúng ta thấy thọ mạng sáu vạn kiếp, chỗ này thì bốn mươi kiếp, đều tính bằng 'kiếp'. Quay lại thử nghĩ về nhân gian chúng ta hiện nay, tuổi người trường thọ chẳng vượt hơn một trăm tuổi, số người chưa đến năm mươi tuổi bèn mất rât nhiều, quá nhiều. Nếu mỗi ngày chư vị xem những cáo phó đăng trên báo chí, người chưa đến năm mươi tuổi đã mất chẳng phải chỉ là phân nửa thôi đâu. Người xưa nói: *'Nhân sanh thất thập cổ lai hy'*, [người sống đến bảy mươi tuổi] đã là rất ít rồi. Hết thảy phước báo dùng thọ mạng để hiển thị, bạn thấy thọ mạng của chúng sanh dài, thọ mạng của Phật cũng giống như thọ mạng của chúng sanh, ngài thị hiện nhất định phải thọ bằng người thời đó, chẳng đặc biệt hơn, bèn biết thời đại ấy, trí huệ đức hạnh của chúng sanh thời ấy cảm được phước báo [bao lớn]. Trong kinh điển Đại Thừa chúng ta có thể lãnh hội điều này rất sâu sắc, y báo chánh báo trang nghiêm từ tâm tánh biến hiện nên, tâm địa lương thiện hiện ra cảnh giới tốt, cảnh giới thiện, thù thắng. Tâm tánh chúng sanh chẳng thiện, tạo tác ác nghiệp thì hoàn cảnh y báo của chúng ta sẽ suy thoái, làm cho chúng ta cảm thấy thế gian này chẳng đáng lưu luyến, chẳng có nơi nào có thể làm cho người ta sanh tâm hoan hỷ. Truy tìm nguyên nhân căn bản tức là *'duy tâm sở hiện, duy thức sở biến'*, tự làm tự chịu, làm sao có thể trách người khác được! Xin xem kinh văn:

Tượng pháp chi trung, hữu nhất La Hán phước độ chúng sanh

Trong thời Tượng Pháp có một vị La Hán phước đức cứu độ chúng sanh.

Trong thời Tượng pháp của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, nghĩa là đức Phật đã nhập Niết Bàn, chẳng còn trụ trên thế gian nữa. Pháp vận của hết thảy chư Phật đều có ba thời kỳ: 'Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp', thọ mạng của Phật dài, đương nhiên pháp vận của ngài cũng dài. Thời Tượng Pháp là thời đại tháp tự kiên cố.1[1]

Nhân thứ giáo hóa, ngộ nhất nữ nhân, tự viết Quang Mục, thiết thực cúng dường.

Nhân đi tuần tự giáo hóa, gặp một người nữ tên là Quang Mục, bày vật thực cúng dường.

Trong thời Tượng Pháp, trong chùa chỉ khắc tạo hình tượng của Phật, hình tượng của Phật có thể giáo hóa hết thảy chúng sanh, cho nên công đức của việc tạo tượng rất lớn. Tuy có những cơ sở vật chất này nhưng nếu chẳng có thiện tri thức giảng kinh thuyết pháp, một số người nhìn thấy chùa, tháp, hình tượng Phật, Bồ Tát tuy đã trồng thiện căn nhưng thiện căn chẳng thể thành thục ngay trong đời này. Mắt của bạn nhìn thấy tượng Phật, tai nghe được danh hiệu của Phật, Bồ Tát, một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn sẽ là hạt giống đạo. Trong đời này họ chẳng biết tu hành, tâm nguyện và lòng tin chẳng phát nổi nhưng hạt giống này đã được trồng xuống, hạt giống Kim Cang vĩnh viễn sẽ chẳng hư hoại. Nếu muốn hạt giống này thành thục sớm hơn thì phải có thiện tri thức giảng kinh thuyết pháp. Họ thấy tượng, biết ý nghĩa của tượng, nghe danh hiệu

---

1[1] Trong thời Tượng Pháp, mọi người đều thích xây cất chùa tháp, con người chỉ muốn cầu phước chứ không cầu trí huệ giải thoát. Ở cõi Sa Bà chúng ta, năm trăm năm đầu tiên sau khi Phật diệt độ là thời kỳ 'giải thoát kiên cố', lúc đó người tu hành chứng quả rất nhiều. Năm trăm năm thứ nhì là thời kỳ 'thiền định kiên cố'. Năm trăm năm thứ ba là thời kỳ 'đa văn kiên cố'. Đa văn nghĩa là chỉ chú trọng vào việc nghiên cứu, thảo luận kinh giáo, giảng kinh thuyết pháp mà chẳng chú trọng vào việc tu hành. Năm trăm năm thứ tư là thời kỳ 'tháp tự kiên cố'. Lúc đó chẳng còn tinh thần để thảo luận về Phật học, mọi người đều bận rộn công việc xây dựng chùa miếu. Năm trăm năm thứ năm là thời kỳ 'đấu tranh kiên cố'.

biết được ý nghĩa của danh hiệu, khởi lên lòng tin chân thật, thanh tịnh, phát lên nguyện hạnh giống Phật thì đời này họ sẽ thành tựu, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng gặp thiện tri thức, chỉ nghe danh hiệu, nhìn thấy tượng, chẳng hiểu nghĩa kinh, chẳng thể phát tâm tu hành, lợi ích họ đạt được sẽ rất có hạn. Tuy có hạn, nói thực ra cũng chẳng thể nghĩ bàn. Cô Quang Mục bày phẩm vật cúng trước tượng Phật trong chùa.

La Hán vấn chi, dục nguyện hà đẳng.

Vị La Hán bèn hỏi: 'Cô muốn cầu điều chi?'

Trong thời Tượng Pháp có một vị La Hán, La Hán là một người xuất gia. Đây là một thiện tri thức trụ trong chùa độ hóa chúng sanh. Cô Quang Mục là một tín đồ trong chùa, hôm nay cô đến cúng Phật. La Hán hỏi cô: 'Hôm nay cô đến thiết trai cúng dường, muốn cầu việc gì?'.

Quang Mục đáp ngôn, ngã dĩ mẫu vong chi nhật tư phước cứu bạt, vị tri ngã mẫu sanh xứ hà thú.

Quang Mục thưa rằng: 'Ngày má con mất, con có làm việc phước thiện hầu cứu vớt bà, nhưng chưa rõ má con thác sanh về đâu'.

Quả thật cô đến là có mục đích, đúng như ngạn ngữ có câu: *'Vô sự chẳng đến điện Tam Bảo'*, cô đến chùa lạy Phật chắc chắn là trong tâm có mong cầu. Việc cô mong cầu cũng rất tốt, má cô đã qua đời nên cô thiết trai để siêu độ. Pháp sư hỏi, trong tâm cô rất muốn biết má cô đang ở đâu? Hiện nay thác sanh vào chốn nào? 'Hà thú' tức là cõi nào trong lục đạo. Do đó người làm con sau khi cha mẹ mất đi thường lo nghĩ về việc này, niệm niệm chẳng quên, đây là hiếu thảo. Thường có tâm nguyện làm thế nào để giúp đỡ người thân đã mất.

La Hán mẫn chi vi nhập định quán kiến Quang Mục nữ mẫu đọa tại ác thú, thọ cực đại khổ.

Vị La Hán cảm thương bèn nhập định quan sát thì thấy mẹ cô Quang Mục bị đọa vào đường ác, vô cùng khổ sở.

Mẹ cô đọa vào địa ngục. Chư vị ở đây nghĩ coi, La Hán vẫn phải nhập định mới có thể thấy, nếu không nhập định thì chẳng thể thấy, đây là người có công phu định lực còn thấp. Người có công phu định lực cao chẳng cần nhập định, bạn vừa nói thì họ liền biết, liền thấy. Sau khi xuất định nói với cô cảnh giới ngài thấy trong định. Chư vị phải biết tại sao lúc chưa nhập định thì chẳng thấy? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Lúc chưa nhập định thì tâm tán loạn, tâm của La Hán thanh tịnh hơn tâm chúng ta rất nhiều, chúng ta làm sao có thể sánh bằng! Công phu định lực của ngài là Định bậc thứ chín, Tứ Thiền Bát Định thăng lên mức kế là Định bậc thứ chín, công phu định lực sâu như vậy mà không nhập định cũng không được, vẫn phải nhập định mới có thể nhìn thấy cảnh giới. Do đó mới biết tâm phàm phu chúng ta là tâm tạp loạn, tạp là xen tạp, loạn là chẳng định, tâm như vậy sẽ tạo thành rất nhiều chướng ngại.

Chướng ngại này là gì? Ngày nay khoa học gia gọi là 'thời không' (thời gian không gian nhiều chiều), không gian ba chiều, không gian bốn chiều, năm chiều cho đến vô số chiều. Thời không vốn chỉ có một, một này nhà Phật gọi là Nhất Chân pháp giới, tại sao Nhất Chân pháp giới biến thành vô lượng pháp giới? Trong nhà Phật chúng ta gọi là Pháp Giới, tức là cái mà khoa học gia gọi là thời không nhiều chiều

(nhiều duy thứ khác nhau), không gian ba chiều là một giới hạn, không gian bốn chiều là một giới hạn, năm chiều, sáu chiều, mỗi cái có một giới hạn khác nhau, gây chướng ngại. Ngày nay chúng ta chỉ có thể nhìn thấy, tiếp xúc đến không gian ba chiều, còn bốn chiều, năm chiều chúng ta không thể tiếp xúc tới. Vô lượng vô biên pháp giới chúng ta chỉ có thể tiếp xúc đến pháp giới Người. Chúng ta thấy một phần trong pháp giới súc sanh, còn một phần thì vẫn chẳng thấy, chúng ta chỉ thấy một bộ phận nhỏ, tại sao? Bộ phận súc sanh này cũng cư trú trong không gian ba chiều, chúng ta có thể nhìn thấy. Nếu nó trụ ở không gian bốn chiều, năm chiều thì chúng ta sẽ chẳng thấy, là đạo lý như vậy. Còn nhập định, định là tâm thanh tịnh, tạm thời đè nén tâm tán loạn, sau khi đè nén thì không gian của họ sẽ được mở rộng, sẽ đột phá, định lực càng sâu thì không gian đột phá càng lớn. Định mức cạn có thể đột phá ba chiều, nhìn thấy bốn chiều, chúng ta nói người này có thần thông, có công năng khác thường. Công phu định lực cao hơn nữa thì có thể đột phá thêm một chiều, có thể nhìn thấy không gian năm chiều, là đạo lý như vậy.

Hiện nay người tây phương có một cuốn sách bán rất chạy, nói về những lời tiên đoán, gọi là 'Thánh Kinh Mật Mã', có lẽ quý vị có người đã xem. Người viết cuốn sách này rất khách quan, ông ta nói lời tiên đoán này, lời tiên đoán chính xác như vậy, vả lại sách này là do người ba ngàn năm trước viết. Ông ta (tức tác giả cuốn khảo luận về Thánh Kinh Mật Mã) khẳng định rằng [tác giả Thánh Kinh Mật Mã] chẳng phải là Thượng Đế. Ông ta nói: "Nếu [tác giả] là Thượng Đế thì đáng lý phải có thể giải quyết vấn đề này, nhưng Thượng Đế không thể giải quyết vấn đề này, chỉ có thể nhắc nhở chúng ta rằng tai nạn này sẽ xảy ra. Do đó, có thể biết tác giả chẳng phải là Thượng Đế". Vì thế, ông ta suy đoán rằng cuốn sách ấy chắc chắn do một người rất có trí huệ, có tâm từ bi viết ra. Cách nói này rất chính xác, đầu óc của ông ta rất sáng suốt, chẳng mê tín. Có người hỏi tôi, tại sao có thể nói chuyện ba ngàn năm sau rõ ràng, minh bạch như vậy được?

Cổ đức từng nói với chúng ta lời tiên đoán có hai căn cứ, Trung Quốc cũng có không ít lời tiên đoán này. Trước kia lúc lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam còn tại thế, chúng tôi cũng đã từng hỏi thầy, thầy cũng nói giống như vậy. Thầy nói loại thứ nhất là Số Học, phần lớn là căn cứ vào Lý Số để suy đoán. Trung Quốc có rất nhiều lời tiên đoán là do Số Học suy đoán, căn nguyên của nó là 'Kinh Dịch'. Kinh Dịch là Số Học cao sâu, Số Học là mẹ của Khoa học. Ở Trung Quốc rất thịnh hành những thứ coi bói, xem tướng, đều căn cứ trên kinh Dịch, căn cứ trên Lý Số. Nhưng Lý Số là gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp; nếu có một chút gì suy đoán chẳng đúng thì kết quả sẽ khác nhau. Nói cách khác, mức độ chính xác của nó có thể đạt đến năm chục, sáu chục, bảy chục phần trăm, chẳng hoàn toàn đúng. Tùy thuộc vào trình độ của người suy đoán mà sai khác như vậy. Nhưng nếu quán sát từ trong Định thì hoàn toàn khác hẳn, công phu định lực là cảnh giới Hiện Lượng, là họ đích thân nhìn thấy. Suy đoán thuộc về Tỷ Lượng 2[2], công phu định lực không thuộc về Tỷ Lượng

---

2[2] *Tỷ Lượng (anumāna-pramāna): Là một thuật ngữ trong Nhân Minh Học, có nghĩa là sự hiểu biết do so sánh suy lường. Tỷ Lượng là dùng sự hiểu biết của chính mình để so sánh, cân nhắc cái mình chưa biết hòng sanh chánh trí quyết định. Tỷ Lượng được chia thành hai loại:*
1. Tự Tỷ Lượng: Hạn cuộc trong lãnh vực tư duy, dùng sự hiểu biết của chính mình để nhận biết, cân nhắc, phán đoán sự vật. Nếu căn cứ vào hình tướng thì gọi là Tướng Tỷ Lượng, nếu căn cứ vào ngôn ngữ thì gọi là Ngôn Tỷ Lượng. Chẳng hạn như "thấy khói" liền nghĩ "chắc là do lửa đốt" đó là Tướng Tỷ Lượng; nghe người ta nói "đất nứt nẻ hết" liền suy nghĩ "nguyên nhân là vì trời hạn hán", đấy là Ngôn Tỷ Lượng.
2. Tha Tỷ Lượng: Sự hiểu biết, phán đoán do người khác dùng lời lẽ giúp cho mình thấu hiểu.

Cho nên người viết Thánh Kinh Mật Mã này dùng công phu định lực, trong thiền định nhìn thấy. Trong thiền định có thể nhìn thấy chuyện ba ngàn năm trước, sau, không có gì kỳ lạ cả, chẳng có gì lạ lùng. Một ngày trên trời Đao Lợi bằng một trăm năm ở cõi người chúng ta, một tháng trên trời Đao Lợi bằng ba ngàn năm ở nhân gian chúng ta. Nếu cứ lên trên nữa thì càng dễ hơn. Một ngày ở cõi trời Dạ Ma bằng hai trăm năm ở cõi người, ba ngàn năm chỉ là mười lăm ngày. Lên cõi trời Đâu Suất, một ngày ở trời Đâu Suất bằng nhân gian bốn trăm năm. Do đó có thể biết, nếu muốn đến cõi trời thứ sáu ở Dục Giới thì ba ngàn năm chẳng bằng một ngày của họ, chuyện một ngày thì làm sao họ không biết rõ ràng được? Dĩ nhiên là sẽ rõ ràng. Cho nên người viết sách này theo sự quan sát trong nhà Phật của chúng ta thì ông ta có công phu định lực.

Công phu định lực có thể đột phá giới hạn của thời không, khoa học gia hiện nay hiểu được đạo lý này, họ thừa nhận, khẳng định. Nhưng hiện nay họ còn chưa tìm ra phương pháp làm thế nào có thể đi vào 'đường hầm thời gian' của họ, làm thế nào có thể đi vào tương lai, hoặc đi về quá khứ. Họ hiểu trên lý luận có thể làm được nhưng hiện nay vẫn chưa tìm được kỹ thuật. Họ chẳng biết trong Phật pháp cổ xưa, thiền định chính là kỹ thuật này. Khi bạn nhập vào thiền định rất sâu thì có thể đi trở về quá khứ, và cũng có thể đi vào tương lai. Thánh Kinh Mật Mã là như vậy, cho nên mức chính xác của nó là một trăm phần trăm. Cục thế này có thể thay đổi hay không? Có thể. Cách nói này của ông ta rất trung thực, khẳng định tai nạn có thể hóa giải, dùng phương pháp gì để hóa giải? Dùng tâm con người. Nhân tâm có thể hướng thiện thì tai nạn này sẽ hóa giải. Có thể thấy ông ta cũng nhận định tâm hạnh thiện ác chính là mấu chốt để thay đổi hết thảy kiết hung, họa phước trên thế gian, cách nói này rất chính xác. Hiện nay cuốn sách này lưu hành rất rộng trên thế giới, có rất nhiều bản dịch dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Chúng tôi cũng thấy bản dịch chữ Trung Hoa tại Đài Loan, rất đáng để chúng ta cảnh giác. Chúng ta muốn cứu mình, cứu xã hội, cứu hết thảy chúng sanh, nhất định phải biết đoạn ác tu thiện. Vả lại, giáo học đoạn ác tu thiện chẳng gì hơn Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện.

Cho nên Thế Tôn ở hội giảng kinh tại cung trời Đao Lợi này trao trọng trách giáo hóa chúng sanh trong đoạn thời gian dài đăng đẳng sau thời Mạt Pháp cho đến lúc Phật Di Lặc ra đời cho Địa Tạng Bồ Tát là chính xác vậy, chúng ta có thể hoàn toàn khẳng định. Địa Tạng Bồ Tát chủ trì việc giáo hóa, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc sẽ hộ trợ Địa Tạng Bồ Tát. Giống như trong việc dạy học, Địa Tạng Bồ Tát là hiệu trưởng, lúc Phật chẳng tại thế thì ngài đại diện cho Phật, hết thảy các Bồ Tát đến hỗ trợ Địa Tạng Bồ Tát, giúp đỡ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh khổ nạn.

La Hán nhập định, trong định đột phá giới hạn của không gian và thời gian, ngài đã thấy địa ngục, thấy mẹ của cô Quang Mục đang thọ khổ trong địa ngục, chịu khổ cùng cực, sau khi xuất định [bèn]:

La Hán vấn Quang Mục ngôn

La Hán hỏi cô Quang Mục

Nhữ mẫu tại sanh, tác hà hành nghiệp, kim tại ác thú, thọ cực đại khổ

Mẹ cô lúc còn sanh tiền làm hạnh nghiệp gì mà hiện nay đang ở trong đường ác, thọ khổ cùng cực?

Hỏi cô Quang Mục: "Lúc mẹ cô còn sống làm nghề gì? Hiện nay bà đang đọa địa ngục, rất khổ."

Quang Mục đáp ngôn.

Cô Quang Mục trả lời

Cô Quang Mục thành thật trả lời, nói rõ ra.

Ngã mẫu sở tập

Tánh thân mẫu con

'Tập' là tập tánh, điều ưa thích

Duy hảo thực đạm ngư miết chi thuộc

Chỉ thích ăn những loài cá, ba ba

Ngày nay gọi là hải sản, bà ta rất thích ăn đồ biển.

Sở thực ngư miết, đa thực kỳ tử

Ăn những loài cá, ba ba này, phần nhiều là ăn trứng và con của các loài ấy.

Đặc biệt thích ăn những thứ này.

Hoặc sao hoặc chử, tứ tình thực đạm, kế kỳ mạng số thiên vạn phục bội. Tôn giả từ mẫn như hà ai cứu

Hoặc chiên hoặc nấu, tha hồ mà ăn, nếu tính đếm số sanh mạng đó thì đến hơn ngàn vạn. Xin tôn giả từ bi thương xót! Con phải làm thế nào để cứu mẫu thân?

Ngày nay trong sự ăn uống chúng ta nói ăn thịt chẳng có tội, nói vậy có lý không? Nhất định phải giác ngộ! Thế nên đọc kinh này xong, hiểu rõ chân tướng sự thật thì làm sao dám ăn thịt chúng sanh. Đặc biệt là thích ăn trứng cá, thích ăn cá con, một chén thông thường như vậy có bao nhiêu sanh mạng, bạn nói sát nghiệp này nặng bao nhiêu, oán thù những chúng sanh bị giết hại này sâu dày bao nhiêu, chúng nó tình nguyện để cho bạn ăn sao? Nếu nói là [chúng nó] cam tâm tình nguyện lấy thịt này cúng dường cho bạn, thì nó là Bồ Tát, nó giác ngộ rồi, chẳng còn là chúng sanh nữa. Nếu là chúng sanh thì lúc bạn đi bắt nó, bạn thử quan sát kỹ xem, nó vùng vẫy, chẳng cam tâm để bạn bắt. Lúc bạn muốn làm thịt heo, bạn kêu con heo lại nói muốn làm thịt nó để ăn coi con heo có ngoan ngoãn cho bạn làm thịt không? Vừa nhìn thấy con dao là nó sợ hết hồn, mau mau chạy trốn rồi, nó biết bạn muốn làm thịt nó. Nó bị bạn bắt, bị bạn giết là vì nó chẳng có sức phản kháng, bạn biết lòng căm hận này sâu lắm hay không, kết oán thành thù. Người ta chẳng phải chỉ có đời này mà thôi, còn đời sau nữa, súc sanh cũng có đời sau, khi cơ duyên thành thục thì có lý nào không báo thù cho được! Chiến tranh trên thế gian từ đâu mà có? Phật dạy đều là từ sát sanh ăn thịt mà ra.

Đức Phật đã từng nói: *"Muốn thế gian này vĩnh viễn không còn kiếp đao binh, chẳng có chiến tranh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt"*. Nếu chúng sanh không ăn thịt thì chiến tranh và tai nạn trên thế gian này sẽ chẳng còn nữa. Nói cách khác, chúng sanh trên thế gian còn ăn thịt thì kiếp đao binh tuyệt chẳng thể tránh khỏi. Tại sao hiện nay mỗi lần chiến tranh xảy ra đều tàn khốc hơn trước? Oán nghiệp tích lũy quá sâu dày. Chỉ dùng trí nhớ của chúng ta để nói, những hiện tượng người chết thảm khốc trong thế chiến thứ nhất và thứ nhì, thế chiến thứ nhất còn nhẹ, lần thứ nhì nặng hơn rất nhiều, chiến tranh nguyên tử thứ ba sẽ thê thảm hơn nữa. Lời Phật dạy rất có lý. Ngày

nay chúng ta tạo tội nghiệp cũng giống như mẹ cô Quang Mục vậy, 'tứ tình thực đạm', mặc sức phóng túng, mạnh ăn hiếp yếu, chịu sao nổi! Cho nên 'kế kỳ mạng số, thiên vạn phục bội', cả đời bà giết [loài vật] ăn thịt, nào phải chỉ một ngàn, một vạn sinh mạng thôi đâu, còn gấp nhiều lần như vậy, đây là tội nghiệp bà đã tạo.

Hai câu sau là mong cầu pháp sư làm sao cứu giúp bà. 'Tôn giả từ mẫn', 'tôn giả' tức là ngày nay chúng ta thường gọi là 'tôn kính'. Pháp sư tôn kính, La Hán tôn kính, xin ngài giúp đỡ, xin ngài tìm cách cứu mẹ cô.

La Hán mẫn chi, vi tác phương tiện.

La Hán thương xót bèn lập phương tiện.

La Hán thấy cô là người con có hiếu, rất thương xót, dạy cô.

Khuyến Quang Mục ngôn, nhữ khả chí thành niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kiêm tố họa hình tượng, tồn vong hoạch báo.

Khuyên Quang Mục rằng: "Cô phải chí thành niệm đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai và vẽ đắp hình tượng, thì kẻ còn cùng người mất đều được phước báo".

Câu này quan trọng ở ba chữ 'chí thành niệm', dùng tâm chân thành để niệm Phật. Trong kinh này chúng ta thấy cách tiêu trừ tội nghiệp cực nặng, độ tội báo khổ nhất đều dạy pháp môn niệm Phật, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tại sao trong kinh chẳng dạy cô niệm A Di Đà Phật? Lời Phật thuyết pháp đều là 'chân ngữ, thật ngữ, lời đúng như thật'. Ở đây chúng ta có thể thấy đây là vô lượng kiếp về trước, đức Phật xuất hiện ở thế gian đó là 'Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai' là bổn sư của họ. La Hán khuyên cô niệm đức bổn sư, tạo hình tượng của Phật thì phước này sẽ lớn lắm. 'Tồn vong hoạch báo', 'tồn' là [kẻ còn sống, chỉ] cô Quang Mục, cô còn sống cô tu phước, cô sẽ được phước báo; 'vong' là [kẻ đã mất, chỉ] mẹ cô, mẹ cô cũng được phước báo. Dạy cô làm việc này. Đương nhiên La Hán giảng kinh thuyết pháp cho cô, nói rõ những đạo lý và chân tướng sự thật này, văn tự trong kinh điển được giản lược, chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Quang Mục văn dĩ, tức xả sở ái, tầm họa Phật tượng, nhi cúng dường chi, phục cung kính tâm bi khấp chiêm lễ.

Quang Mục nghe xong liền từ bỏ những vật yêu thích, rồi tô vẽ hình tượng Phật để thờ cúng, và lại đem lòng cung kính khóc thương chiêm lễ.

Cô Quang Mục y giáo phụng hành. 'Xả sở ái', sở ái là tài vật [mình ưa thích], phải dùng tài sản của chính cô để tạo tượng. Hiện nay tạo tượng dễ dàng hơn thời xưa rất nhiều, thời xưa tạo tượng chư vị phải biết hoàn toàn là đồ thủ công nghệ, làm rất chậm, điêu khắc phải dùng thời gian rất dài mới có thể làm thành một tượng hoàn hảo. Ngay cả việc vẽ tượng cũng chẳng dễ, vẽ một tượng Phật cũng cần rất nhiều ngày, đây là việc chúng ta đều biết. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát đạt, tạo tượng Phật, điêu khắc tượng Phật có thể làm mô hình trước, ngày nay gọi là sản xuất hàng loạt, có thể cung cấp cho nhiều người thỉnh về cúng dường, phước này càng lớn hơn nữa. Vẽ tượng hiện nay có thể dùng ấn loát, có thể vẽ một bức hình Phật, Bồ Tát thật trang nghiêm, sau đó in cả vạn tấm, mấy trăm ngàn, mấy triệu tấm, thậm chí mấy chục triệu tấm, cho đại chúng cúng dường, thế nên người hiện đại tu phước dễ dàng hơn người xưa nhiều. Người hiện nay tạo nghiệp cũng dễ hơn thời xưa, nhưng tu phước cũng dễ hơn, đây là

lời kinh Địa Tạng nói. Chúng sanh ở Diêm Phù Đề tuy tạo tội nghiệp rất dễ nhưng họ cũng dễ quay về. Thật sự có người khuyên họ, nói rõ cho họ nghe, họ quay về rất nhanh.

Trong hết thảy chúng Bồ Tát, chẳng có ai thù thắng hơn Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát ứng hóa ở thế gian chúng ta tại Cửu Hoa Sơn, Quán Thế Âm Bồ Tát ứng hóa tại Phổ Đà Sơn, đối với người Trung Quốc chúng ta có duyên phần đặc biệt. Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh Khoa Chú của Thanh Liên pháp sư thời vua Khang Hy vô cùng hoàn hảo, tuy văn tự sâu một chút, đối với người hiện nay mà nói, thật ra cũng rất tiện lợi cho chúng ta học quốc văn. Chúng ta xem chú giải kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện này như sách học quốc văn, vậy thì không tốt sao? Nếu sau này chúng ta có duyên phần kiếm được thời gian, giảng tường tận cuốn chú giải này một lần giống như giảng quốc văn vậy, làm cho chúng ta đối với văn tự, văn học Trung Quốc có thể nâng cao trình độ thêm. Đối với nội dung của kinh này có thể đi sâu thêm, nhận thức thấu triệt hơn, đối với đời sống, việc làm, đối sự, đãi người, tiếp vật chắc chắn sẽ có lợi ích lớn hơn nữa, như lời nói trong kinh là công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Hiện nay trong thời đại này, phần đông xã hội đại chúng đều xem giáo học Phật pháp thành tôn giáo, làm cho đồng tu học Phật chúng ta mất đi phương hướng, đây là việc vô cùng bất hạnh. Có cơ duyên tiếp xúc đến chánh pháp thì phải có trách nhiệm đem mặt mũi vốn sẵn có của Phật pháp giải thích cho xã hội đại chúng, làm cho mọi người hiểu rõ Phật pháp chẳng phải tôn giáo, chẳng phải triết học. Mà là gì? Là giáo dục đời sống, giáo học phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chúng ta nhận thức thuần chánh thì mới được lợi ích chân thật. Đoạn này kể cô Quang Mục tiếp nhận lời dạy của La Hán xong, y giáo phụng hành. 'Xả sở ái' là đoạn tham, tham là phiền não căn bản, hết thảy phiền não đều sanh từ 'tham', cho nên đây là đoạn hết thảy ác. Tô vẽ hình tượng của Phật, Bồ Tát, chiêm lễ và cúng dường là tu hết thảy thiện. Chiêm lễ, cúng dường, xưng danh nhất định phải y giáo tu hành. 'Tu hành' là sửa đổi hết thảy hành vi sai lầm của chúng ta trong đời sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, như vậy gọi là tu hành. Cô làm theo cách này, quả nhiên có cảm ứng.

Hốt ư dạ hậu mộng kiến Phật thân, kim sắc hoảng diệu như Tu Di sơn phóng đại quang minh.

Bỗng đến giữa khuya thì mộng thấy thân Phật sắc vàng sáng chói như núi Tu Di phóng ánh sáng lớn.

Trong mộng cô có được cảm ứng. Nhìn từ kinh văn thì cô vẽ tượng Phật, cúng dường tượng Phật vẽ. Vị Phật vẽ trong tranh này là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, cung kính cúng dường, thì cô cảm được Phật xuất hiện trong mộng, tâm hiếu khẩn thiết cảm động Phật đến gia trì.

Nhi cáo Quang Mục nhữ mẫu bất cửu đương sanh nhữ gia, tài giác cơ hàn, tức đương ngôn thuyết.

Mà bảo Quang Mục rằng: "Chẳng bao lâu nữa thân mẫu cô sẽ sanh vào nhà của cô, khi vừa biết đói lạnh thì liền biết nói".

Và nói với cô: "Chẳng bao lâu nữa mẹ cô sẽ thoát ly ác đạo và sanh đến nhân gian". Vì công đức của cô xuất tiền tạo tượng, cung kính cúng dường nên mẹ cô được thoát khỏi địa ngục, tội nặng đã tiêu mất, vẫn còn tội dư lại nên chẳng bao lâu sau sẽ sanh vào nhà của cô. Đứa bé này rất đặc biệt, vừa ra đời liền biết nói, thế gian chúng ta cũng có, vừa sanh ra liền biết nói, nhớ được chuyện đời trước, việc này trong nhà Phật

gọi là ‘đoạt thai’. Chuyện này nói ra cũng khá dài dòng, lúc người mẹ có thai, thai ấy là một người khác, người này có duyên rất ít với người mẹ, đến để làm gì? Để đòi nợ, là quỷ đòi nợ, thiếu chẳng nhiều nên chỉ làm cho người mẹ khó chịu trong vòng mười tháng, cho bà cực khổ, đứa bé này vừa ra đời liền chết đi. Mẹ của cô Quang Mục bèn mượn thân của đứa bé ấy nên gọi là ‘đoạt thai’. Thần hồn của đứa bé lìa khỏi thì thần hồn của mẹ cô bèn nhập vào, đoạt thai là như vậy. Bà chẳng trải qua nổi khổ của mười tháng hoài thai nên bà nhớ chuyện của mình rõ ràng, là đạo lý như vậy. Người ta phần đông trụ trong thai mười tháng, gọi là ‘khổ trong thai ngục’, mười tháng trong thai cũng giống như trong địa ngục vậy, chịu khổ cùng cực nên quên hết những chuyện đời trước, chúng ta có thể hiểu được những chuyện như vầy. Chúng tôi đã từng thấy một số trẻ em lúc hai, ba tuổi vô cùng thông minh, lanh lợi, đến bốn, năm tuổi bị bịnh nặng, sốt nóng rồi trở thành khờ khạo, đần độn, chuyện gì cũng chẳng nhớ nổi. Chư vị nghĩ thử xem một trận bịnh nặng có thể làm trí nhớ của nó mất hết, huống chi là mười tháng trong thai ngục. Đây là việc chúng ta có thể lý giải, quên mất hết chuyện đời trước. Chỉ khi đến bằng cách đoạt thai thì người đó nhớ rất rõ ràng vì chẳng thọ khổ này. Nhà cô quả thật đã xảy ra chuyện như vậy.

Kỳ hậu gia nội, tỳ sanh nhất tử, vị mãn tam nhật nhi nãi ngôn thuyết, khể thủ bi khấp cáo ư Quang Mục.

Sau đó người tỳ nữ trong nhà sanh một bé trai, chưa đầy ba ngày đã biết nói. Đứa bé đó cúi đầu, buồn khóc mà nói với Quang Mục

Người giúp việc trong nhà sanh một đứa bé, đứa bé này chính là mẹ cô Quang Mục đến đầu thai, hoàn toàn phù hợp với việc đức Phật nói với cô trong giấc mộng. Ngày thứ ba sau khi chào đời, đứa bé này nhìn thấy Quang Mục bèn ‘khể thủ’, khể thủ tức là gật đầu. Đứa bé mới ba ngày, chúng ta biết nó cử động chẳng linh hoạt, nhưng đứa bé này biết cúi đầu, lễ kính, biểu lộ rất đau thương. Nói với cô Quang Mục:

Sanh tử nghiệp duyên, quả báo tự thọ, ngô thị nhữ mẫu, cửu xử ám minh tự biệt nhữ lai lụy đọa đại địa ngục.

Nghiệp duyên sanh tử, quả báo tự thọ. Tôi là mẹ của cô, lâu nay ở chốn tối tăm. Từ khi vĩnh biệt cô, tôi phải đọa vào đại địa ngục.

Đây là nói bà tuy vừa chết chẳng lâu nhưng trong địa ngục chịu tội khổ, những sự khổ này như chúng ta thường nói ‘sống một ngày cũng như cả năm’. Điều này cũng cho thấy thời gian chẳng chân thật, chẳng phải thật pháp, thời gian là khái niệm trừu tượng của chúng ta. Giống tiểu thuyết bút ký thời cổ Trung Quốc, bút ký tiểu thuyết đời Đường có ghi chuyện ‘Hoàng Lương Mộng’, thời gian trong mộng rất ngắn ngủi, hoàng lương là hạt kê, nấu cháo hạt kê, hạt kê rất dễ nấu, nấu nhanh hơn những gạo khác, cháo còn chưa nấu chín, ông ta ở kế bên ngủ gục và nằm mộng, khi mộng tỉnh dậy thì cháo còn chưa chín, bạn nói thời gian này ngắn không, chỉ là vài phút. Nhưng trong mộng ông ta đã trải qua mấy chục năm, nói lên sự chênh lệch thời gian rất lớn. Ở cõi người chẳng bao lâu, ngày tháng chẳng lâu, còn bà trong địa ngục thì hình như đã trải qua mấy kiếp rồi, cảm thọ của bà rất chân thật, thật là một thời gian dài đăng đẳng.

‘Cửu xử ám minh’, đây là như vừa nói, cảm thọ về thời gian và không gian chẳng tương đồng, trong địa ngục cảm thấy thời gian thật là dài. Giống như người cõi trời nhìn chúng ta vậy, nếu từ trời Đâu Suất nhìn chúng ta, nhân gian chúng ta một trăm năm, sống một trăm năm thật lâu thì ở trời Đâu Suất chỉ là vài giờ. Nếu dùng hai mươi bốn giờ để tính, một phần tư của một ngày là sáu giờ, một trăm năm ở cõi người bằng

sáu giờ đồng hồ ở trời Đâu Suất. Người cõi trời Đâu Suất cảm thấy rất nhanh, chỉ trong chốc lát nhưng ở cõi người đã là một trăm năm rồi. Thế nên mấy mươi ngày ở nhân gian thì trong địa ngục đã trải qua mấy đại kiếp rồi. Bà đọa đại địa ngục, chẳng phải địa ngục thường, tạo tội quá sâu nặng.

Lúc còn trẻ tôi chưa học Phật cũng ưa ăn thịt. Nghiệp tôi tạo nặng hơn rất nhiều người, vào thời kháng chiến [chống Nhật] tôi thường đi săn bắn, sau khi đọc kinh Địa Tạng tôi rất sợ hãi, thật sự lo sợ nên bắt đầu ăn chay trường, chẳng dám ăn thịt nữa, tự biết tội mình đã tạo rất nặng. Lúc nhỏ vô tri, cha tôi ưa thích săn bắn nên chúng tôi thường theo ông lên núi săn bắn, mỗi ngày đều đem những con vật bắn được về nhà. Tôi đã săn bắn ba năm, mười sáu tuổi bắt đầu săn bắn, mười bảy, mười tám, mười chín tuổi. Cho nên tôi bắn súng hầu như là trúng một trăm phần trăm, chẳng cần phải nhắm, tôi có bản lãnh này. Mỗi ngày tối thiểu là bắn hai mươi viên đạn, lúc chẳng đi săn thì cũng luyện tập bắn súng. Cha tôi là một người lính, lúc đó nhằm thời chiến tranh với Nhật, ông ta quản lý về khí giới, quản lý những súng ống này, thế nên ở nhà tôi có rất nhiều súng. Cơ hội tạo nghiệp, mỗi ngày đều luyện tập, con nít có đứa nào không thích chơi với súng ống? Chúng tôi chơi súng thiệt. Bắn súng rất chính xác là do mỗi ngày luyện tập nên, bạn không luyện đâu có được, phải luyện chứ. Chuyện gì cũng là một môn thâm nhập, tập luyện trong một thời gian dài, cho nên tài bắn súng của tôi rất giỏi. Nhưng nghiệp tạo cũng rất nặng, lúc đó còn chưa hiểu biết.

Sau này học Phật, đọc kinh Địa Tạng, đọc đến lông tóc dựng đứng. Nhìn thấy cảnh tượng lúc cha tôi chết giống y như kinh đã nói. Lúc cha tôi chết, ông phát bịnh điên cuồng, nhìn thấy núi bèn chạy lên núi, nhìn thấy sông bèn nhảy xuống sông, hoàn toàn giống y như lời nói trong kinh, đây là cảnh tôi đích thân nhìn thấy. Chúng tôi lên núi để săn bắn thú rừng, chúng tôi dùng thuốc nổ màu vàng 3[3] để giết cá trong sông, mỗi lần nổ như vậy là cả ngàn, cả vạn con cá đều bị nổ chết trôi lên mặt nước, bạn nói tội nghiệp này nặng bao nhiêu? Săn bắn, săn thú thì còn ít, chứ dùng thuốc nổ để giết cá thì quá nhiều. Chúng tôi thường làm những chuyện này, biết được tội nghiệp này nặng vô cùng. Quả báo của sự sát sanh là đoản mạng, cha tôi mới bốn mươi lăm tuổi thì qua đời.

Sau này tôi học Phật, người ta coi bói cho tôi, nói mạng tôi sống chẳng qua bốn mươi lăm tuổi, tôi rất tin. Thế nên tôi học Phật rất tinh tấn vì mạng sống đã được định tới bốn mươi lăm tuổi thôi. Đến năm bốn mươi lăm tuổi tôi bị bịnh nặng, bịnh hơn một tháng, tôi chẳng đi coi bác sĩ, chẳng uống thuốc vì trong tâm nghĩ rằng mạng sắp hết rồi, bác sĩ có thể chữa bịnh chứ chẳng thể chữa mạng. Bởi vậy nên trong suốt cả tháng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, niệm được một tháng thì bịnh tự nhiên hết. Sau này có một năm nọ, tại pháp hội Nhân Vương ở Đài Loan, tôi gặp 'Phật Sống 4[4] Cam Châu', ông là một người bạn cũ của tôi. Gặp tôi xong, ông rất hoan hỷ và nói: 'Mấy năm nay

---

3[3] Đây là chất TNT (Trinitrotoluene, TNT, trinitromethylbenzene)

4[4] Phật sống (Hoạt Phật): Tiếng Tây Tạng là hpbrulsku, người Mông Cổ gọi là Khutuktu hay khutukutu (thường phiên âm là Hô Đồ Khắc Đồ, nghĩa là tự tại chuyển sanh). Chữ hpbrulsku (thường được viết theo cách phát âm là tulku) có nghĩa là hóa thân, chuyển sanh, là một cơ cấu truyền thừa riêng của Phật Giáo Tây tạng, nhằm giữ vững ngôi vị lãnh đạo và thích ứng với tình trạng độc thân của người đứng đầu một dòng tu. Theo đó, một vị lạt-ma cao cấp chết đi, sẽ tái sanh trở lại trong nhân gian hầu tiếp tục tu hành, thống lãnh dòng tu và thực hiện bi nguyện cứu độ chúng sanh. Trước khi chết, người ấy thường để lại di ngôn hay sấm ngữ bí hiểm để các môn đệ đi tìm xem người ấy thác sanh vào chỗ nào, rước về nuôi dạy, đào tạo trở thành người lãnh đạo tông phái. Những vị Tăng chưởng quản một phái tu, một dòng tu, thậm chí một tu viện Tây Tạng thường tự xưng là hóa thân của Phật, Bồ Tát hay Tổ Sư nào đó, chẳng hạn Đại Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, trưởng dòng tu Sakyapa là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát. Có lẽ vì thế người Tàu gọi họ bằng danh xưng Hoạt Phật.

thầy giảng kinh thuyết pháp công đức rất lớn, thầy vốn chẳng có phước báo mà còn đoản mạng, bây giờ không những thầy có phước báo mà còn sống lâu nữa, đều là nhờ hoằng pháp lợi sanh nên phước báo hiện tiền'.

Tôi chẳng cầu sống lâu, vì hiểu rõ, giác ngộ rồi, chẳng vì mình nữa, hết thảy đều vì Phật pháp, vì chúng sanh nên có được cảm ứng. Đối với bản thân tôi, tôi bất cứ lúc nào cũng muốn ra đi, tôi chẳng lưu luyến gì với thế gian này. Thân thể lưu lại thế gian này là phước của chúng sanh, chúng sanh cần, Phật pháp cần nên lưu lại thêm vài ngày; khi nào chúng sanh không cần nữa, Phật pháp cũng không cần nữa thì tôi sẽ ra đi lập tức, chẳng lưu luyến gì. Đây là tâm trạng và thái độ hiện nay của tôi, tôi rất hoan hỷ sớm một ngày đến Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. Đây là kể chuyện tạo nghiệp thọ báo, nếu tôi chẳng học Phật thì chắc chắn cũng thọ báo trong địa ngục, chẳng có lời gì để nói, nghiệp duyên của mình ở nơi đó, 'sanh tử nghiệp duyên, quả báo tự thọ', việc này làm sao chạy trốn nổi! Mẹ của cô Quang Mục chỉ vì ham ăn, chúng tôi không những ham ăn, còn tạo nghiệp, sát sanh, sát hại quá nhiều. Phía sau là lời [mẹ cô] cảm ơn:

Mông nhữ phước lực phương đắc thọ sanh, vi hạ tiện nhân, hựu phục đoản mạng, thọ niên thập tam, cánh lạc ác đạo. Nhữ hữu hà kế linh ngô thoát miễn.

Nhờ phước lực của cô nên mới được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm thọ mạng ngắn ngủi, đến năm mười ba tuổi lại phải đọa vào ác đạo. Cô có phương kế gì khiến tôi được thoát miễn chăng?

Đây là lời nói với con bà, nhờ cô tạo tượng, cúng dường, tu phước nên có thể thoát khỏi địa ngục, mới được thân người. Được thân người, làm người hạ tiện, là con của người nô tỳ trong nhà. Và sẽ đoản mạng, chỉ sống đến mười ba tuổi, sau đó lại phải đọa ác đạo. Nói cho cô biết việc này: cô có biện pháp gì để cứu tôi không?

Quang Mục văn thuyết, tri mẫu vô nghi, ngạnh yết bi đề, nhi bạch tỳ tử, ký thị ngã mẫu hiệp tri bổn tội tác hà hành nghiệp đọa ư ác đạo.

Quang Mục nghe nói biết là mẹ mình chẳng sai, nên nghẹn ngào thương khóc mà nói với con kẻ tỳ nữ rằng: "Đã là mẹ tôi, tất biết bổn tội, do làm hạnh nghiệp gì mà phải đọa vào ác đạo như thế?".

Cô Quang Mục nghe đến chuyện này, trong giấc mộng Phật đã nói trước với cô, chuyện này hoàn toàn trở thành sự thật. Biết thật sự là mẹ cô đến đầu thai ở nhân gian. Nghe bà nói những chuyện này, thọ mạng chỉ có mười ba tuổi, cảm thấy bà rất đáng thương. Nên hỏi bà: "Bà là má trở lại đây, má nên biết mình đã tạo tội gì nên mới đọa vào ác đạo."

Tỳ tử đáp ngôn dĩ sát hại hủy mạ, nhị nghiệp thọ báo, nhược phi mông phước cứu bạt ngô nạn, dĩ thị nghiệp cố, vị hiệp giải thoát.

Con kẻ tỳ nữ đáp do hai nghiệp là sát hại và hủy mạ mà phải thọ báo. Nếu không nhờ phước đức của cô cứu cho, cứ theo những nghiệp đó thì tôi vẫn chưa được giải thoát.

[Con người tỳ nữ] nói rõ với cô, lúc còn sống sát sanh hại mạng, thích ăn thịt, đặc biệt ưa ăn đồ biển, đã nói phía trước. Sát sanh, hại mạng quá nhiều rồi, những oan nghiệp này còn chưa đền trả. Đọa địa ngục là tánh tội, trong năm giới do Phật chế định: sát sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ là 'tánh tội', chẳng thọ giới mà tạo cũng có tội,

chẳng thể nói là không có tội, đây là 'bốn tội nặng'. Bất kể là có Phật pháp hay không, bất kể là có học Phật hay không, hễ bạn phạm thì là tội nghiệp cực nặng. Khi tạo tội này, xem bạn dùng tâm gì để coi nghiệp của bạn tạo sâu rộng bao nhiêu, luận tội chẳng giống nhau. Nghiệp bà tạo là cốt ý, bừa bãi phóng túng, thì tội này sẽ rất nặng, sát sanh hại mạng. 'Hủy mạ' phần lớn là nói: đối với người thiện, việc thiện, Phật pháp chẳng tin tưởng, người khác khuyên họ thì không những chẳng thể tiếp nhận mà còn hủy báng, mắng chửi. Nếu chúng ta nói chuyện trong kinh Địa Tạng cho họ nghe, họ lắc đầu không tin và nói đây là chuyện gạt người. Đây chính là báng Phật, báng pháp, tội này càng nặng hơn nữa. Tạo hai tội nghiệp này sẽ thọ khổ báo địa ngục.

'Nhược phi mông phước, cứu bạt ngô nạn', nếu chẳng nhờ người con tu phước cho bà thì bà sẽ chẳng có cách chi giải thoát nổi, bà sẽ tiếp tục chịu khổ báo của địa ngục. Tội báo ở địa ngục thọ xong còn phải đọa ngạ quỷ, súc sanh để hoàn trả. Nợ mạng này vô cùng dễ sợ, những chúng sanh do bạn sát hại đều muốn đền trả, thiếu tiền phải trả tiền, thiếu nợ mạng thì phải đền mạng. Thời quá khứ, An Sĩ Cao đại sư đã phải trả nợ mạng hai lần ở Trung Quốc, trong truyện ký có ghi chép, hai món nợ này là do đời trước ngài giết lầm, chẳng phải cốt ý giết, ngộ sát cũng phải đền nợ. Hai lần này đều bị người ta ngộ sát, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, chúng ta phải giác ngộ. Nếu chẳng thể vãng sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới, chẳng thoát nổi lục đạo luân hồi, nói cách khác chúng ta phải biết, hết thảy những oán nghiệp mà mình đã kết với chúng sanh đều phải hoàn trả, như vậy thì làm sao chịu nổi. Đến đời kiếp nào mới trả cho hết, chúng ta không thể không giác ngộ. Bất luận là bạn có học Phật hay không, đây là sự thật, ai cũng không thể tránh khỏi, ai cũng chẳng thể thoát khỏi. Chúng ta hiểu những chân tướng sự thật này, chỉ có một phương pháp duy nhất có thể cứu mình, có thể độ chúng sanh, có thể hóa giải hết thảy oan nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay, đó chính là cầu sanh Tịnh Độ. Sau khi sanh về Tịnh Độ, chúng ta có khả năng mỗi ngày trên thì cúng dường chư Phật, dưới thì độ hóa chúng sanh, đem hết thảy công đức tích lũy được hồi hướng cho tất cả oan gia trái chủ từ vô lượng kiếp đến nay, giúp cho họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui thì mới giải trừ, hóa giải được hết những oan nghiệp ấy. Ngoài phương pháp này ra tuyệt chẳng tìm ra phương pháp thứ hai nào khác. Cho nên chư Phật Như Lai khuyên dạy chúng ta nên phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ, chính là đạo lý này. Xem tiếp kinh văn:

Quang Mục vấn ngôn địa ngục tội báo kỳ sự vân hà.

Quang Mục hỏi: 'Những tội báo trong địa ngục ra sao?'

Quang Mục cũng muốn hỏi thăm, trong địa ngục thật sự là như thế nào.

Tỳ tử đáp ngôn tội khổ chi sự bất nhẫn xưng thuyết, bá thiên tuế trung tốt bạch nan cánh.

Con kẻ tỳ nữ đáp: "Những việc tội khổ nói ra càng bất nhẫn, suốt cả trăm ngàn năm cũng khó mà kể hết được".

Đương nhiên mẹ cô cũng nói sơ lược cho cô nghe, có thể nói hết không? Nói không hết, quá khổ, khổ đến mức chẳng nhẫn tâm nói ra, một trăm năm, một ngàn năm cũng chẳng nói hết. Đây là việc mẹ cô đọa địa ngục đích thân cảm thọ.

Quang Mục văn dĩ đề lệ hào khấp nhi bạch không giới.

Quang Mục nghe xong rơi lệ gào khóc, bạch cùng hư không rằng:

Ngước mặt lên hư không phát nguyện.

Nguyện ngã chi mẫu vĩnh thoát địa ngục, tất thập tam tuế cánh vô trọng tội, cập lịch ác đạo.

Nguyện cho thân mẫu con vĩnh viễn thoát khỏi địa ngục, khi mãn mười ba tuổi sẽ không còn trọng tội, cũng chẳng phải trải qua các ác đạo nữa.

Đây là cô Quang Mục vì mẫu thân phát đại thệ nguyện. Trước hết cầu nguyện cho mẹ cô vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo, mẹ cô vốn phải đọa vào ác đạo sau khi sống đến mười ba tuổi, vẫn phải chịu khổ tiếp tục. Cô hướng lên không trung cầu nguyện.

Thập phương chư Phật từ ai mẫn ngã, thính ngã vị mẫu sở phát quảng đại thệ nguyện, nhược đắc ngã mẫu vĩnh ly tam đồ cập tư hạ tiện, nãi chí nữ nhân chi thân, vĩnh kiếp bất thọ giả. Nguyện ngã tự kim nhật hậu đối Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai tượng tiền, khước hậu bá thiên vạn ức kiếp trung ứng hữu thế giới sở hữu địa ngục cập tam ác đạo chư tội khổ chúng sanh thệ nguyện cứu bạt, lịnh ly địa ngục ác thú, súc sanh, ngạ quỷ đẳng, như thị tội báo đẳng nhân, tận thành Phật cánh, ngã nhiên hậu phương thành Chánh Giác.

Cúi xin thập phương chư Phật từ bi thương xót lắng nghe con nay vì mẹ mà phát lời thệ nguyện rộng lớn rằng: "Như thân mẫu con được vĩnh viễn lìa khỏi chốn tam đồ và hàng hạ tiện, cho đến cùng kiếp không phải thọ thân người nữ nữa, con xin đối trước tượng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mà phát nguyện kể từ nay cho đến trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, hễ nơi nào có thế giới còn các chúng sanh chịu tội khổ nơi địa ngục cùng tam ác đạo, con nguyện cứu vớt và làm cho tất cả đều xa lìa các nẻo ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ...Những kẻ mắc tội báo ấy thành Phật cả rồi thì sau đó con mới thành Chánh Giác."

Cô Quang Mục là tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát, mẹ cô đích thật vĩnh viễn thoát ly ác đạo, tại sao? Nếu mẫu thân chẳng đọa địa ngục chịu khổ như vậy thì làm sao cô phát tâm nổi? Công đức của mẹ cô là từ chỗ này mà ra. Vì bà đọa địa ngục chịu khổ nhiều như vậy, thúc đẩy người con hiếu phát tâm rộng lớn, cô có thể phát hoằng nguyện này, nhân duyên hy hữu này có được là do mẹ cô đọa ác đạo mà ra. Nếu chẳng có việc này thì cô chắc chắn sẽ chẳng phát tâm, cô cũng chẳng sắp bày lễ vật cúng dường, cũng chẳng bỏ của cải để đắp tạo tượng Phật, mẹ cô đã cho cô tăng thượng duyên nghịch này. Cho nên người sống, kẻ mất cả hai cõi đều được lợi ích, lợi ích to lớn, chẳng thể nghĩ bàn. Nói cho chư vị biết nguyện này vừa phát thì mẹ cô vĩnh viễn thoát ly tam ác đạo. Chúng ta phải hiểu đạo lý này và phải ghi nhớ tâm nguyện của cô, nếu chúng ta có thể dùng nguyện của Địa Tạng Bồ Tát đã phát làm bổn nguyện của mình, mình cũng phát nguyện giống vậy thì mình sẽ là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, công đức này chẳng thể nghĩ bàn. Không những cha mẹ quyến thuộc quá khứ vĩnh viễn được thoát ác đạo, nhà Phật thường nói: *'Một người con thành Phật, chín đời tổ tiên sanh thiên'*, chín đời tổ tiên về trước đều có thể thoát khỏi ác đạo, sanh lên trời hưởng phước cõi trời, lời này là thật chẳng giả, chúng ta từ đoạn kinh này thấu hiểu được một cách sâu sắc. Cô phát nguyện trước tượng Phật, trăm ngàn vạn ức kiếp từ nay trở về sau, sức mạnh của nguyện lực này chẳng phải nhất thời, chẳng ở trong thời gian ngắn, cũng chẳng ở một nơi, mà là 'ứng hữu thế giới, sở hữu địa ngục, cập tam ác đạo', nguyện hạnh này lớn biết mấy? Không gian lớn biết mấy? Thời gian vô tận, không gian tận hư không, trọn cả pháp giới, nơi nào có địa ngục và ba đường ác, hết thảy những chúng sanh chịu khổ nơi ấy, cô phát đại thệ nguyện đều cứu vớt họ. Giúp cho những người này vĩnh viễn 'xa lìa địa ngục ác thú, súc sanh, ngạ quỷ', nguyện những người thọ tội này, những

người chịu khổ nạn giống mẹ cô, họ đều thành Phật xong rồi cô mới thành Phật, đây chính là *'địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật'*. Địa Ngục trở thành trống không rồi, thì ngạ quỷ, súc sanh đương nhiên cũng sẽ trống không, đây là đạo lý nhất định.

Phát thệ nguyện dĩ, cụ văn Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nhi cáo chi viết, Quang Mục nhữ đại từ mẫn thiện năng vi mẫu phát như thị đại nguyện.

Phát thệ nguyện xong liền nghe rõ tiếng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nói: "Quang Mục, cô do lòng đại từ mẫn khéo vì mẹ mà phát đại nguyện như vậy".

Đây là lòng Hiếu cảm đến chư Phật. Vừa phát nguyện xong bèn nghe tiếng, chẳng nhìn thấy tướng của Phật, chỉ nghe tiếng của Phật, cảm ứng vô cùng rõ ràng, hiển cảm hiển ứng 5[5]. Cô phát nguyện trước tượng Phật, đây là 'cảm', cảm rõ ràng, lập tức được 'ứng' rõ ràng của Phật. Cô nghe tiếng của Phật bảo rằng: 'Quang Mục, lòng đại từ mẫn của cô.' Đây chính là đại từ đại bi phổ độ chúng sanh của Như Lai. 'Thiện năng vi mẫu', nguyện tâm, đại từ mẫn tâm này của cô là do nhân duyên mẹ cô đọa ác đạo nên cô mới phát được.

Ngô quán nhữ mẫu thập tam tuế tất, xả thử báo dĩ, sanh vi Phạm Chí, thọ niên bá tuế.

Ta quán sát thấy mẹ cô lúc mãn mười ba tuổi, khi xả báo thân này rồi thọ sanh làm người Phạm Chí sống lâu trăm tuổi.

Phật nói với cô: nghiệp báo của mẹ cô đã chuyển rồi, nguyện vừa phát liền chuyển. Mẹ cô mười ba tuổi chết đi, vẫn được thân người lại rất thù thắng, sanh làm người Phạm Chí, là người tu hành trong đạo Bà La Môn, sống lâu đến một trăm tuổi.

Quá thị báo hậu, đương sanh Vô Ưu quốc độ

Sau khi hết báo thân ấy sẽ được sanh về cõi nước Vô Ưu.

'Vô Ưu quốc độ' tức là tây phương Cực Lạc thế giới. Trong khi bà tu đạo có được nhân duyên thù thắng nghe đến Phật pháp, bà phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới.

Thọ mạng bất khả kế kiếp.

Thọ mạng chẳng thể tính đếm nổi

Vô lượng thọ giống như đức Phật A Di Đà.

Hậu thành Phật quả

Sau đó sẽ thành Phật.

Ở tây phương Cực Lạc thế giới chắc chắn một đời thành Phật, cho nên pháp môn này gọi là pháp môn thành tựu ngay trong đời này. Sau khi thành Phật:

5[5] *"Hiển cảm hiển ứng"* là ngay trong đời này dốc lòng thành, cạn lòng kính lễ niệm cúng dường thì sẽ được gia bị, gặp điều hung trở thành điều lành, gặp nạn thành may, và nghiệp tiêu, chướng tận, phước tăng, huệ rạng v.v…

Quảng độ nhân thiên, số như Hằng hà sa.

Độ rộng khắp nhân thiên số nhiều như cát sông Hằng.

Đây là lời đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nói với Quang Mục: những thiện báo của mẹ cô sau này. Đây là câu chuyện của cô Quang Mục, Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện khi còn tu nhân. Sau khi Phật nói xong, nói với Định Tự Tại Vương. Xin xem tiếp:

Phật cáo Định Tự Tại Vương, nhĩ thời La Hán phước độ Quang Mục giả tức Vô Tận Ý Bồ Tát thị.

Phật bảo Định Tự Tại Vương: "Vị La Hán phước lành độ Quang Mục thuở đó chính là Vô Tận Ý Bồ Tát".

Vị La Hán lúc đó, người dạy Quang Mục độ mẫu thân, chính là Vô Tận Ý Bồ Tát hiện nay, đây là vị Đẳng Giác Bồ Tát. Thuở đó là La Hán, La Hán chẳng nhất định là Tứ Quả, chư vị nên biết Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả đều gọi là La Hán, hiện nay là Đẳng Giác Bồ Tát.

Quang Mục mẫu giả tức Giải Thoát Bồ Tát thị.

Mẹ của cô Quang Mục tức là Giải Thoát Bồ Tát.

Hiện nay cũng là Đẳng Giác Bồ Tát.

Quang Mục nữ giả tức Địa Tạng Bồ Tát thị.

Cô Quang Mục chính là Địa Tạng Bồ Tát.

Nói rõ bổn tích nhân duyên của cô ra, đây là việc chúng ta nên học tập, xin xem tiếp kinh văn:

Quá khứ cửu viễn kiếp trung như thị từ mẫn phát Hằng hà sa nguyện quảng độ chúng sanh

Trong nhiều kiếp lâu xa ở quá khứ, Bồ Tát đã có lòng từ mẫn như vậy lập thệ nguyện nhiều như cát sông Hằng rộng độ chúng sanh.

Ở đây đức Phật khuyên và khích lệ chúng ta thêm lần nữa, phải hiểu chân tướng của sự tích này. Nhiều kiếp lâu xa trong quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát nhiều đời nhiều kiếp gặp những duyên khổ này, kích phát bi nguyện của ngài, nhiều đời nhiều kiếp đều phát nguyện. 'Phát Hằng hà sa số nguyện', số nguyện phát ra nhiều như vậy cho nên nguyện tâm của ngài mạnh mẽ, nguyện lực rộng lớn như vậy, đối tượng đều là chúng sanh khổ nạn trong tận hư không, trọn khắp pháp giới. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Vị lai thế trung

Trong đời vị lai

'Vị lai thế' là chỉ đời hiện nay của chúng ta. Theo cách người Tây Phương nói, hiện tại chúng ta cách thời đức Phật còn tại thế hơn hai ngàn năm trăm năm, nhưng nếu theo cách tính như trong lịch sử Trung Quốc ghi chép thì là hơn ba ngàn năm. Cho nên 'vị lai thế trung' tức là chỉ chúng ta hiện nay.

Nhược hữu nam tử nữ nhân.

Nếu có kẻ nam, người nữ.

'Nam tử nữ nhân' chẳng có thêm chữ 'thiện', nói cách khác tức là kẻ nam, người nữ tạo nghiệp. Phía sau nói:

Bất hành thiện giả, hành ác giả, nãi chí bất tín nhân quả giả, tà dâm vọng ngữ giả, lưỡng thiệt ác khẩu giả, hủy báng Đại Thừa giả, như thị chư nghiệp chúng sanh, tất đọa ác thú.

Không làm lành mà làm ác, cho đến kẻ chẳng tin nhân quả, kẻ tà dâm nói dối, kẻ nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, kẻ hủy báng Đại Thừa, những chúng sanh có các nghiệp như thế ắt phải đọa vào đường ác.

Đây là nói về đời hiện nay, tạo những nghiệp này trong xã hội ngày nay quá phổ biến, bất cứ lúc nào ở đâu chúng ta cũng đều thấy được. Nếu họ tạo tiếp tục, chẳng biết quay về, 'nhất định sẽ đọa ác đạo'. 'Ác thú' tức là tam ác đạo. Vả lại, người ta [sống] trên đời này vô cùng ngắn ngủi, trong thời gian ngắn rất dễ tạo ác nghiệp, tạo ác nghiệp cực nặng, chớp mắt liền thấy họ phải thọ khổ báo.

Nhược ngộ thiện tri thức, khuyến lịnh nhất đàn chỉ gian quy y Địa Tạng Bồ Tát, thị chư chúng sanh tức đắc giải thoát tam ác đạo báo.

Nếu gặp được thiện tri thức khuyên bảo khiến trong chừng khảy móng tay liền quy y Địa Tạng Bồ Tát, những chúng sanh đó lập tức được thoát khỏi quả báo của tam ác đạo.

Có bao nhiêu người gặp được thiện tri thức chân chánh? Có thể nghe theo lời răn dạy của thiện tri thức? Thiện tri thức chân chánh hiểu rõ đạo lý nhân duyên quả báo và chân tướng sự thật của nhân duyên quả báo, lời khuyến cáo của họ chân thành, từ bi, thân thiết, chúng ta nghe xong sẽ cảm động. 'Nhất đàn chỉ gian' nói về thời gian ngắn, rất ngắn. Bạn có thể 'quy y Địa Tạng Bồ Tát', 'quy' là quay về, lúc trước tạo hết thảy tội nghiệp hôm nay quay lại chẳng tạo nữa; 'y' là nương dựa, nương theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát để tu hành. Lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát ở đâu? Tức là bộ kinh này. Kinh này chẳng dài, chẳng khó thọ trì, mỗi ngày chúng ta có thể đọc tụng, giải nghĩa, y giáo phụng hành, như vậy thì gọi là 'quy y Địa Tạng Bồ Tát'. Chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, trong kinh đức Phật thường dạy chúng ta *'thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói'*, như vậy gọi là 'quy y'. Chứ không phải mỗi ngày đọc kinh này một lần thì xong, như vậy không được. Niệm một lần là tăng trưởng hạt giống thiện trong A Lại Da thức của bạn, nếu hành vi của bạn chẳng sửa đổi, chẳng thể sửa sai đổi mới, chẳng thể quay về thì vẫn phải thọ ác báo. Nhưng ác báo này sẽ nhẹ một chút, thời gian thoát ly ác đạo sẽ nhanh hơn một chút, nhất định sẽ như vậy. Nhưng nếu muốn không đọa ác đạo thì đó là chuyện không thể xảy ra, nếu vậy thì lý luận nhân duyên quả báo sẽ bị lật đổ. Vì thường đọc tụng, [tuy] bạn chẳng làm, [mà] hạt giống 'kinh Địa Tạng' trong A Lại Da thức có nhiều, dễ khởi lên, dễ giác ngộ, có lợi ích như vậy. Khi nào trong ác đạo giác ngộ, quay về thì bạn lập tức lìa khỏi ác đạo. Nếu trong A Lại Da thức chẳng khắc sâu ấn tượng, khi gặp những khổ báo này họ chẳng giác ngộ, chẳng quay lại thì phải tiếp tục thọ nỗi khổ này mãi mãi.

Nếu bạn đọc tụng và còn có thể giải nghĩa, như vậy phải cần có thiện tri thức. Duyên của thiện tri thức có cạn sâu chẳng đồng. Cạn thì khuyên bạn quy y trong chừng một khảy móng tay; sâu thì giảng rõ ràng sự thật cho bạn, sau đó khuyên bạn tu hành như thế nào, duyên của thiện tri thức này sẽ rất sâu. Khi bạn hiểu rõ ràng, minh bạch rồi, thật sự quay về, quay về cứu chính mình chứ chẳng phải cứu người khác. Nếu

chẳng quay về, chẳng cứu mình thì nhất định sẽ đọa ác đạo. Giống mẹ cô Quang Mục đã nói, cảnh khổ trong địa ngục nói chẳng hết, chẳng nhẫn tâm nói ra. Quả nhiên quay về, y giáo phụng hành, tuân thủ lời dạy của Phật, mỗi ngày thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói, thì người này 'lập tức được thoát khỏi quả báo của tam ác đạo', nhất định sẽ chẳng tạo nghiệp tam ác đạo, và cũng chẳng thọ quả báo tam ác đạo. Đây là nguyên nhân gì? Duyên đã chuyển rồi.

Chư vị nên biết Phật pháp giảng về Lý, những hạt giống của nghiệp bạn đã tạo trong quá khứ vĩnh viễn tồn tại, chẳng thể nói hôm nay bạn tu thiện thì việc thiện này có thể đền bù tội lỗi, chẳng thể đền bù được. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, vĩnh viễn chẳng thể đền bù. Nhưng tội nghiệp sâu nặng, tội báo này nhất định phải có, ngày nay tôi tạm thời không muốn thọ ác báo này, tôi muốn làm cho quả báo thiện hiện ra trước, như vậy thì được, việc này có thể làm. Đạo lý ở chỗ nào? Ở tại 'duyên'. Từ hôm nay trở đi tôi đoạn dứt hết thảy việc ác, tôi đoạn dứt ác duyên, tuy hạt giống ác nghiệp vẫn còn, nhưng không có duyên thì nó sẽ chẳng hiện ra. Tuy [hạt giống] thiện của tôi ít, tôi gia tăng duyên thiện mạnh thêm, để cho thiện ra hoa trước, kết quả trước. Việc này có thể làm được, việc này hợp lý, thật sự hợp tình, hợp pháp, hợp lý. Thế nên chúng ta từ hôm nay trở đi nhất định phải đoạn dứt tất cả điều ác, tu hết thảy điều thiện. 'Đoạn hết thảy ác' tức là chấm dứt duyên ác, trước kia tuy đã tạo nhân ác cực nặng, chẳng có duyên ác thì nhân ác chẳng thể kết quả. Thiện tuy rất yếu ớt, làm việc thiện ít, một chút thiện nhỏ cũng được, từ nay trở đi làm cho nó lớn mạnh lên, làm cho thiện duyên tăng trưởng, thiện quả sẽ hiện ra trước, như vậy mới tốt. Sau đây đức Phật dạy chúng ta, dạy chúng ta làm thế nào chuyển biến quả báo, đoạn khai thị này rất quan trọng.

Nhược năng chí tâm quy kính

Nếu có thể chí tâm quy kính.

Đây là câu thứ nhất, đây là căn bản. 'Quy' là quy y, chư vị ghi nhớ nhất định phải 'y giáo phụng hành' thì mới gọi là 'quy y'. Nếu chẳng thể làm đến y giáo phụng hành thì chẳng gọi là quy y, bạn chẳng quay về, quy là quay về. Chân chánh quay về nhất định phải có 'kính', thành kính. Ấn Quang đại sư dạy: *'Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích'*. Có người thỉnh giáo Ấn Tổ: 'Tu học Phật pháp, nhập Phập môn có bí quyết gì?' Đại sư trả lời: *'Có, thành kính là bí quyết vào cửa Phật'*. Cho nên mới nói một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, thành kính có thể cảm động chư Phật gia trì. Chúng ta thấy cô Bà La Môn, cô Quang Mục, coi những câu chuyện này, họ làm sao được gia trì rõ ràng như vậy? Thành kính. Đây là nói tổng quát, phía sau là nói vào chi tiết. Thành kính biểu hiện ở đâu?

Cập chiêm lễ tán thán.

Và chiêm lễ, tán thán.

'Tán thán' tức là vì người thuyết pháp, vì người diễn nói. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này tức là tán thán Địa Tạng Bồ Tát, đức Phật Thích Ca giảng kinh Vô Lượng Thọ tức là tán thán A Di Đà Phật, đây là việc giảng kinh thuyết pháp. Phía sau là những việc lặt nhặt, hương hoa y phục, các thứ trân bảo, ẩm thực, đây là phẩm vật cúng dường, đều là biểu diễn cho người ta coi.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây, ý nghĩa của đoạn này chưa giảng hết, lần sau chúng ta tiếp tục.

Tập 12 (Số 14-12-12)

Xin mở kinh. Hôm qua nói đến đoạn Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát, đã nói hết đoạn công án của cô Quang Mục. Tiếp theo đó Phật nói với chúng ta về lợi ích của sự nghe danh cúng dường, thuật lại trong kiếp quá khứ xa xưa Địa Tạng Bồ Tát từ mẫn như vậy, lũy kiếp phát nguyện giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn.

Vị lai thế trung, nhược hữu nam tử nữ nhân.

Trong đời vị lai. Nếu có kẻ nam, người nữ.

Kẻ nam, người nữ, phía trước chẳng thêm chữ 'thiện', đây là chỉ phần đông một số người thường.

Bất hành thiện giả, hành ác giả

Không làm lành mà làm ác

Những kẻ nam, người nữ này chẳng làm lành mà làm ác.

Nãi chí bất tín nhân quả giả, tà dâm vọng ngữ giả, lưỡng thiệt ác khẩu giả, hủy báng Đại Thừa giả, như thị chư nghiệp chúng sanh, tất đọa ác thú.

Cho đến kẻ chẳng tin nhân quả, kẻ tà dâm nói dối, kẻ nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, kẻ hủy báng Đại Thừa, những chúng sanh có các nghiệp như thế ắt phải đọa vào đường ác.

Đây là lời dạy rất khẳng định, trong các ác nghiệp, bốn thứ này là tội nghiệp nặng nhất. Chẳng tin nhân quả nên họ mặc sức làm xằng, làm bậy, họ chẳng tin có báo ứng. Trong thế gian này họ hống hách, chẳng chịu dung thứ kẻ khác, họ chẳng biết quả báo sau này chẳng thể tưởng tượng nổi. 'Tà dâm, nói dối', 'nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác'. 'Tà dâm', trong kinh đức Phật giảng về việc này rất nhiều, trong pháp thế gian cũng có nói *'Dâm là đầu mối của vạn chuyện ác',* hầu như tất cả tội nghiệp đều phát sanh từ đây. Chúng ta coi xã hội ngày nay tại sao có động loạn to lớn như vậy? Phật nói về bốn nguyên nhân này, chúng ta vừa nhìn liền hiểu ngay. Ngày nay người đời có được mấy người tin 'nhân duyên quả báo'? Bao nhiêu người biết tà dâm, nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác là căn nguyên của hết thảy tai họa trong xã hội, ai biết được? Đặc biệt là Phật pháp Đại Thừa, đối với Phật pháp Đại Thừa, đừng nói chi Đại Thừa, [chỉ nói đến] Tiểu Thừa thôi, những Phật pháp thông thường [có người] cũng chẳng hiểu biết rõ ràng, bèn nói đó là mê tín, nói vậy tức là hủy báng [Phật pháp]. Gán vào hai chữ 'mê tín' liền làm cho rất nhiều chúng sanh đoạn tuyệt cơ duyên nghe pháp, huống chi là những chuyện quá đáng hơn nữa! Người tạo những tội nghiệp này rất nhiều, quả báo còn chưa hiện thì hoa báo đã hiện ra, hoa báo tức là xã hội động loạn ngày nay, tai nạn dồn dập, thiên tai nhân họa, khổ chẳng nói nổi. Tạo tội nặng cùng cực này, ở đây đức Phật nói 'nhất định đọa ác thú', 'ác thú' là địa ngục, địa ngục A Tỳ, khổ chẳng gián đoạn, khổ cùng cực. Phía sau nói rõ:

Nhược ngộ thiện tri thức

Nếu gặp được thiện tri thức

Chữ 'Thiện tri' chỉ rõ 'tri' chẳng phải là cảm tình, 'tri' là lý tánh, thật sự có trí huệ, thật sự thông đạt hết thảy đạo lý, vạn sự vạn pháp trong vũ trụ, nhận thức hiện

tượng và tác dụng rõ ràng, như vậy thì gọi là 'thiện tri thức'. Gặp thiện tri thức giảng giải cho bạn, sau khi nghe xong bạn hiểu rõ, giác ngộ.

Khuyến lịnh nhất đàn chỉ gian

Khuyên bảo khiến trong chừng khảy móng tay

Một 'khảy móng tay' hình dung thời gian rất ngắn.

Quy y Địa Tạng Bồ Tát

Quy y Địa Tạng Bồ Tát

Hai chữ 'Quy y' quan trọng vô cùng, chẳng phải là quy y trên hình thức, quy y trên hình thức chẳng có lợi ích gì, chỉ có hình thức nhưng chẳng thành tâm thì đâu có ích gì! Tại sao có hình thức mà chẳng có thành ý, chẳng phát tâm nổi? Vì chẳng thấu triệt, hiểu rõ Sự Lý. Đương nhiên đây là vấn đề của thiện tri thức, 'tri thức' vẫn chưa đủ, phải là 'thiện' tri thức, phải giảng rõ ràng, giải thích cặn kẽ về sự tướng, công đức lợi ích chân thật của sự Quy Y. 'Quy' là quay về, 'y' là nương dựa, nương dựa ai? Nương dựa 'Địa Tạng Bồ Tát'. 'Địa' là ai? Là 'Tánh', 'Tâm Tánh'. 'Địa' là gì? Vô tận trí huệ, công đức, đức tướng trong tự tánh, đó là 'Địa Tạng'. Nếu bạn nhìn thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, bạn cứ cho là bạn quy y hình tượng ấy, đó là như trong nhà Phật thường nói: *'Bồ Tát bằng đất qua sông còn khó bảo toàn thân mình'*. Đó là hình tượng, giúp cho bạn khi nhìn thấy hình tượng này có thể khải phát, biết được đó là Kho Báu Tâm Địa, chúng ta phải nương dựa vào cái này, nương dựa tánh đức, như vậy thì bạn mới quy y chân chánh. Kho Báu Tâm Địa trong tâm tánh đầy đủ viên mãn công đức, chúng ta chẳng biết, nó ở đâu? Ở trong bộ Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh này, Thế Tôn khai hiển kho báu tự tánh cho chúng ta, chúng ta mới có được nơi nương dựa chân chánh. Quy y Địa Tạng Bồ Tát tức là tu học y theo lý luận, phương pháp, cảnh giới ghi trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh, như vậy mới gọi là 'quy y'. Lúc trước quan niệm, ngôn ngữ, hành vi của chúng ta trái nghịch với những lời dạy trong kinh này thì chúng ta hãy mau quay đầu lại, noi theo lời dạy của kinh điển mà sửa đổi trở lại chính là 'Y', từ chỗ sai lầm quay trở lại tức là 'Quy', y theo kinh điển sửa đổi từng việc sai lầm trở lại thì gọi là 'Y'. Quy y tức là tu hành chân chánh. Có thể làm được như vậy, đức Phật nói:

Thị chư chúng sanh tức đắc giải thoát tam ác đạo báo.

Những chúng sanh đó lập tức được thoát khỏi quả báo của tam ác đạo.

Tại sao vậy? Những chúng sanh này đã tạo vô lượng vô biên tội nghiệp trong quá khứ, tại sao hiện nay họ được lìa khỏi khổ báo của tam ác đạo? Cách nói này có mâu thuẫn nhân quả hay không? Tạo ác tại sao không thọ ác báo? Nhất định chẳng mâu thuẫn nhân quả. Tại sao họ chẳng thọ ác báo? Vì hôm nay họ đã đoạn dứt ác duyên. Chư vị phải biết, nhân muốn kết thành quả thì trong ấy phải có duyên; nếu chẳng có duyên, tuy có nhân thì quả báo cũng chẳng thể hiện ra. Thí dụ hạt dưa là hạt giống, tương lai có thể kết thành dưa, nhưng nó cần phải có duyên, nó cần đất đai, phân bón, ánh sáng, và nước, có điều kiện đầy đủ thì hạt giống mới nảy mầm, trưởng thành, tương lai ra hoa kết trái. Nếu đoạn dứt duyên của hạt giống này, bỏ hạt giống vô tách trà, để cả năm thì nó cũng chẳng kết trái nổi. Đây tức là nói những tội nghiệp A Tỳ địa ngục mà bạn đã tạo trong quá khứ nhất định phải đi đến A Tỳ địa ngục để thọ báo.

Hôm nay Phật, Bồ Tát dạy bạn đoạn dứt những ác duyên này, tuy bạn có nghiệp nhân này nhưng hiện nay có thể không thọ quả báo, nói như vậy rất hợp đạo lý, là đoạn dứt duyên. Từ nay trở về sau tin sâu nhân quả, chẳng dâm dục, chẳng nói dối, chẳng nói lưỡi đôi chiều, chẳng nói lời hung ác, tán thán Đại Thừa thì duyên lập tức sẽ lật ngược lại. Tội trong đời quá khứ còn không? Vẫn còn, hạt giống vẫn còn trong A Lại Da thức, cũng như bỏ hạt giống đó vào tách trà, hạt giống sẽ chẳng tiêu mất. Chư vị nên biết những hạt giống thiện ác này vĩnh viễn chẳng tiêu diệt, khi nào gặp duyên thì nó sẽ khơi dậy, nếu không gặp duyên thì vĩnh viễn sẽ nằm trong A Lại Da thức, A Lại Da thức là một cái kho, cất chứa ở trong đó. Bạn có hạt giống địa ngục A Tỳ, tương lai bạn có thể đến địa ngục A Tỳ độ chúng sanh, nếu A Lại Da thức của bạn chẳng có hạt giống địa ngục A Tỳ thì địa ngục bạn chẳng có phần, bạn sẽ chẳng nhìn thấy địa ngục. Thế nên tất cả những nghiệp nhân đã tạo trong quá khứ khi thành Phật thì đều khởi tác dụng, phổ độ hết thảy thiện ác chúng sanh trong chín pháp giới. Vì lúc đó bạn sẽ hiểu rõ, chẳng mê hoặc nữa. Đọa địa ngục là đọa như thế nào? Là độ chúng sanh. Nói thật ra trong địa ngục sẽ chẳng thọ khổ, chỉ là thị hiện. Thế nên nếu bạn chẳng có duyên ngạ quỷ thì làm sao độ ngạ quỷ được? Bạn chẳng có duyên súc sanh thì không thể độ súc sanh. Chúng ta thấy chư Phật, Bồ Tát hiện thân trong ba đường ác, là vì họ đã tạo nghiệp của ba đường ác lúc họ còn tu nhân trước kia, đến lúc đó có thể lấy nghiệp của ba đường ác đem ra dùng. Họ 'dùng' chứ chẳng thọ báo, để độ chúng sanh. Thế nên chúng ta đối với hết thảy tội nghiệp đã tạo trước kia cũng không cần phải hối hận, biết được sau khi thành Phật sẽ dùng nó. Nếu không thành Phật thì khỏi nói nữa, nếu hiện nay bạn còn tạo thêm ác duyên thì chắc chắn sẽ vào tam ác đạo thọ khổ báo. Cho nên sau khi giác ngộ thì có tác dụng của giác ngộ, tức là vào tam ác đạo để giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đây là việc chúng ta nhất định phải hiểu. Xem tiếp đoạn sau đây:

Nhược năng chí tâm quy kính

Nếu có thể chí tâm quy kính.

'Quy' là quy y, 'kính' là tôn kính. Trong đoạn văn này chữ quan trọng là 'chí tâm', chí tâm là tâm chân thành, chẳng có một tơ hào hư vọng. Tâm chân thành y giáo phụng hành, những gì Phật dạy chúng ta, chúng ta phải ghi nhớ kỹ càng, phải làm theo mỗi ngày, 'thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói', đây tức là chí tâm quy y, đây tức là phải y giáo phụng hành. 'Thọ' là gì? Đạo lý Phật dạy trong kinh điển chúng ta đều tiếp nhận, chẳng hoài nghi; phương pháp tu hành do đức Phật dạy chúng ta, chúng ta đều tiếp nhận, hoàn toàn làm theo. Cảnh giới nói trong kinh chúng ta khế nhập. Khế nhập tức là 'chứng được', như vậy mới gọi là 'chí tâm quy kính'.

Sau đây nêu lên vài sự tướng, nói thật ra trong đời sống hằng ngày những phương diện tu học rất rộng, rất sâu. Dưới đây nêu ra vài việc. Thứ nhất:

Cập chiêm lễ tán thán.

Và chiêm lễ, tán thán.

Đây hoàn toàn là vì người diễn nói. Cúng dường hình tượng của Phật, Bồ Tát, mỗi ngày phải cúng dường, lễ bái đúng như pháp. Xưng danh tức là tán thán, đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện là tán thán Địa Tạng Bồ Tát, xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cũng là tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Giống như hiện nay Niệm Phật Đường ở lầu bốn của Cư Sĩ Lâm, trước khi giảng kinh các bạn đều đi niệm Phật, niệm Phật tức là 'chiêm lễ, tán thán'. Làm cho ai coi? Cho hết thảy chúng sanh coi. Trong hết thảy chúng sanh, con người chỉ là số ít, người ta đến lầu bốn Cư Sĩ Lâm nhìn thấy các bạn

nên sanh tâm hoan hỷ, trồng thiện căn trong A Lại Da thức, trồng hạt giống của Phật, một phen lọt vào tai vĩnh viễn thành hạt giống đạo, do vậy các bạn đã độ họ. Càng thù thắng hơn là thiên long quỷ thần, bạn nên biết bao nhiêu thần hộ pháp ở đạo tràng này, chư thiên quỷ thần đều ở đó. Các bạn niệm Phật, giảng kinh, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy, bốn phía đều có vô số thần hộ pháp, không những chỉ là bốn phía, còn phía trên phía dưới, trên không, dưới đất đều có thần hộ pháp. Nếu tâm bạn thật thanh tịnh thì bạn có thể cảm nhận được, bạn sẽ cảm nhận được họ đang ở đó, vả lại số lượng chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao những thần hộ pháp này đến? Trong lúc tu nhân họ đã phát nguyện chỉ cần là đạo tràng chánh pháp thì họ nhất định sẽ đến ủng hộ, nếu họ không ủng hộ thì sẽ phản nghịch với lời thề của họ, vậy thì làm sao chẳng có lỗi với chư Phật Như Lai? Họ đã phát nguyện trước mặt Phật. Chúng ta ngày nay hoàn toàn hoằng dương chánh pháp, trong chánh pháp tuyệt đối chẳng có một tơ hào ý niệm tự tư tự lợi trong ấy, nếu có xen vào một ý niệm này thì thần hộ pháp có thể không đến, thì Phật, Bồ Tát không thể trách họ được. Phật, Bồ Tát hỏi: 'Tại sao quý vị không hộ pháp?', họ có thể nói: 'Người nào đó có tâm riêng tư'. Họ có thể không đến, Phật, Bồ Tát chẳng thể trách họ. Nếu những người tu học trong đạo tràng này đều chẳng có tâm riêng tư, người giảng kinh chẳng có tâm riêng tư, mà thần hộ pháp không đến thì họ có lỗi. Chúng ta phải hiểu những Sự, Lý này, chúng ta phải chân thành, chí tâm, quy kính chiêm lễ, phải lễ bái, phải tán thán.

Hương hoa y phục

Hương hoa y phục

Đây là những vật dụng cúng dường, nhất định phải đốt hương. 'Hương' tượng trưng rất nhiều ý nghĩa, phía trước có nói hương tiêu biểu 'Tín, Giới, Định, Ngũ Phần Pháp Thân Hương', tiêu biểu cho những ý nghĩa này. 'Hoa' tiêu biểu cho 'nhân hạnh', thế nên nhất định phải cúng 'hoa'. Cúng 'hoa' là để nhắc nhở đại chúng trong đạo tràng phải tu 'nhân', nhân thù thắng thì tương lai quả báo chắc chắn sẽ thù thắng, cho nên phải cúng hoa tươi tốt. Thời xưa chẳng có hoa giả, đều cúng hoa tươi, phải thay mỗi ngày. Chư vị nên biết 'hoa' là tiêu biểu pháp. Thời xưa nếu không có hoa tươi thì làm sao? Người xưa cũng có phương pháp, họ dùng 'bảo hoa', họ lấy vàng bạc, lưu ly làm thành hoa, những hoa này thì chẳng cần thay đổi. Thời xưa dùng những vật cúng dường này, dùng hoa quả làm bằng vàng bạc thất bảo, dùng những thứ này để cúng Phật, dùng bảo vật để tiêu biểu cho ý tôn kính của mình. Nếu chúng ta không có khả năng, hiện nay công việc làm ăn lại bận rộn, mỗi ngày phải mua hoa cũng rất phiền phức. Phật rất thông hiểu nhân tình, chẳng muốn bạn phải bị phiền toái, nếu có những hoa giả thật tốt cũng có thể dùng để cúng dường, tuyệt đối chẳng phải là chẳng kính trọng Phật. Kính hay không kính là ở trong tâm của bạn, nếu tâm bạn 'chí tâm quy kính' thì cúng cái gì cũng có thể biểu đạt được ý kính của bạn; nếu tâm bạn chẳng kính thì dù bạn cúng hoa bằng bảy báu cũng chẳng ăn nhằm gì, cũng là chẳng kính. Đây là một thứ hình tượng, tượng trưng cho tâm ý của mình, và cũng chứa đựng ý nghĩa 'tự hành hóa tha'. Nói chung thì phải cúng hương, cúng hoa.

'Y phục', cúng y. 'Y' là gì? Chẳng phải là áo chúng ta may mặc hiện nay, chẳng phải là loại áo này. Bạn phải nghĩ Phật pháp từ Ấn Độ truyền đến ba ngàn năm trước, ba ngàn năm trước họ mặc 'y' gì? Cái gì gọi là 'y'? 'Y' tức là cả khúc vải. Ở Tân Gia Ba rất thuận tiện, chúng ta thường thấy người Ấn Độ đi ngoài đường, người Ấn Độ mặc y phục là dùng nguyên miếng vải quấn trên người, chữ 'y' ở đây là chỉ miếng vải này; chẳng phải là cái áo có cổ áo, có tay áo như áo của chúng ta, 'y' như vậy chẳng

đẹp. 'Y' là cả miếng vải, ngày nay chúng ta đắp ca-sa chính là 'y' này. Người thế gian có phước báo, áo của họ mặc là cả miếng vải như vậy.

Tăng Đoàn của Phật năm xưa có chế độ khất thực, mỗi ngày ăn một bữa, đi ra ngoài đường trì bình, rất dễ xin được một bữa ăn, còn một manh áo thì vô cùng khó khăn, chẳng dễ xin được. Ngày xưa đều là dùng tay dệt vải, rất tốn công, có được một cái áo chẳng dễ. Nói thật ra xin được một bát cơm cũng chẳng dễ, có khi phải đi xin nhiều nhà mới được một bát, chỗ này cho bạn một chút, chỗ kia cho bạn một chút, phải đi xin sáu, bảy nhà mới được một bát. Thời xưa vật dụng, tài nguyên chẳng phong phú như ngày nay, đời sống rất gian khổ, cho nên cái áo người xuất gia mặc này phải tìm ở đâu? Áo cũ của người ta mặc xong, bỏ đi không dùng nữa, gọi là 'phấn tảo y', liệng bỏ, rách chẳng dùng nữa được. Người xuất gia lượm những áo này, kiếm những chỗ vải còn chưa rách, cắt ra những mảnh vải này xong rồi may lại thành chiếc 'y'. Vì lượm những miếng vải như vậy, chất liệu, màu sắc đều chẳng giống nhau, may thành áo rất khó coi cho nên phải nhuộm màu, ý nghĩa của 'y' nhuộm màu là như vậy. Ngày nay cúng 'y' của chúng ta là cúng cà-sa, cúng cái 'y' này. 'Y' này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu cho nhẫn nhục. Y là dùng để che thân thể, che dấu thẹn thùng, tiêu biểu nhẫn nhục. Đây là nói về 'y phục'.

Chủng chủng trân bảo.

Các thứ trân bảo.

Đây là nói về sự cúng dường Phật, Bồ Tát, dùng trân bảo để cúng dường. Hình tướng, chủng loại của trân bảo rất nhiều, hết thảy đều để biểu lộ lòng thành kính của mình. Trân bảo cũng tiêu biểu pháp, đây là vật người thế gian ưa thích, coi trọng, ai có trân bảo thì đời sống của người ấy được bảo đảm. Trân bảo tiêu biểu 'pháp bảo', Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, cúng dường trân bảo là tiêu biểu cho ý nghĩa này. Làm cho người ta nhìn thấy trân bảo liền liên tưởng đến Tam Bảo. Trân bảo thế gian chỉ có thể giải quyết sự khổ, bần cùng của chúng ta, chẳng thể giúp chúng ta thoát ra cái khổ trong lục đạo, tam giới, chẳng có cách chi. Phật, Pháp, Tăng có thể giúp chúng ta thoát ly lục đạo, thoát ly biển khổ luân hồi, đó mới là trân bảo thiệt, trân bảo trong thế gian tuyệt chẳng thể sánh bằng. Ý nghĩa của sự cúng dường trân bảo là ở chỗ này.

Hoặc phục ẩm thực

Hoặc cúng đồ ăn, thức uống.

Ẩm thực là vật liệu để nuôi sống người trong thế gian, nếu chẳng có ẩm thực thì chẳng sống được. Người xuất gia cũng chẳng ngoại lệ, cũng phải mỗi ngày ăn một bữa, phải đi trì bát. Ý nghĩa quan trọng trong việc cúng dường đồ ăn thức uống là để chúng ta từ việc này, nghĩ đến người tu đạo thì phải biết 'tứ sự cúng dường' để cho họ an tâm tu đạo. Người tu đạo chẳng có dục vọng gì cả, họ có thể sống đời sống rất đơn giản, họ có đạo tâm, thật sự làm tấm gương tốt nhất cho người đời. Giúp người thế gian đoạn dứt tham, sân, si, mạn; bốn thứ phiền não này làm cho người thế gian tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp, chúng ta làm sao khuyên họ? Phải hiện thân thuyết pháp, bạn phải làm ra hình dáng tốt. Nếu bạn chỉ nói, chỉ khuyên họ, tự mình chẳng chịu làm, người ta nhìn thấy [sẽ nói] "Đó là giả, bạn xem bản thân họ chẳng chịu làm, họ dạy mình xả bỏ của cải, còn của cải của họ càng ngày càng nhiều", như vậy thì người ta làm sao tin tưởng được? Không những không tin tưởng, họ sẽ báng pháp, sẽ tạo tội nghiệp. Thế nên nhất định phải hiểu rõ, nhất định phải làm hết lòng. Người tu đạo tiếp nhận cúng dường gồm có bốn thứ: 'đồ ăn thức uống, quần áo, vật dụng để nằm nghỉ, thuốc men',

gọi là 'tứ sự cúng dường'. Đây là một người sinh sống trong thế gian này, đời sống giảm đến mức thấp nhất, bốn thứ này không thể thiếu. Có đủ bốn thứ cúng dường này thì có thể yên tâm, yên tâm làm việc đạo. Yên tâm một ngày thì làm việc đạo một ngày, đừng nghĩ về ngày mai, ngày mai còn chưa đến. Nếu nghĩ về ngày mai, nghĩ tới năm sau thì là vọng tưởng. Nếu tâm chúng ta thật sự ở tại 'đạo', nếu ngày mai có thiếu thốn chúng ta tin tưởng sâu xa chư Phật, Bồ Tát sẽ đến cúng dường. Người ta không đến cúng dường thì chư Phật, Bồ Tát sẽ đến cúng dường. Bạn tin không? Có sự thật xảy ra như vậy.

Tôi tin rất nhiều đồng tu đã coi cuốn *'Hư Vân lão hòa thượng niên phổ'*, trong ấy ghi lại chuyện thật, chẳng giả. Lão hòa thượng phát tâm đi triều bái Ngũ Đài Sơn, đi ba bước lạy một lạy, đoạn đường rất dài, lạy ba năm mới xong. Thời gian ba năm dài như vậy, trải qua ba mùa xuân, hạ, thu, đông, đâu có lý nào không sanh bịnh nổi! Sanh bịnh dọc đường, giữa núi rừng hoang vắng, chẳng có dấu chân người, ngài đi theo những con đường hoang vắng này. Rất ít người đi trên những đường này, ngài mắc bịnh rồi làm sao? Ai đến cứu ngài? Ai giúp ngài? Văn Thù Bồ Tát giúp ngài. Lúc ngài đến núi Ngũ Đài, Văn Thù Bồ Tát giúp ngài rất nhiều lần, chăm sóc cho ngài. Lần lâu nhất là khoảng một tuần bảy ngày, vì thân thể ngài lúc đó rất suy nhược, [Văn Thù Bồ Tát] nấu canh gừng, nấu cháo cho ngài, tìm thuốc cho ngài. Văn Thù Bồ Tát hóa thân làm người ăn xin, cả mấy lần gặp khó khăn, tai nạn đều gặp người này, rất là kỳ lạ. Lão hòa thượng vô cùng cảm kích nên mới hỏi người ấy. Văn Thù Bồ Tát bèn nói với lão hòa thượng ông ta tên là 'Văn Cát', họ Văn, tên là Cát, chữ Cát trong chữ Cát Tường. Ông ấy nói: "Nhà tôi ở dưới núi Ngũ Đài, lúc ông đến núi Ngũ Đài hỏi, họ đều biết tôi". Đây là Phật, Bồ Tát đến cúng dường. Lúc lão hòa thượng đến núi Ngũ Đài, lễ lạy Văn Thù Bồ Tát xong rồi hỏi thăm về Văn Cát, kết quả là người ta nói cho ngài biết đó chính là Văn Thù Bồ Tát hóa thân, ngài mới bỗng nhiên hiểu rõ. Nếu bạn thật sự có đạo tâm, chí tâm quy kính, đâu có lý nào Phật, Bồ Tát không chăm sóc cho được. Nếu bạn chẳng có đạo tâm thì đương nhiên Phật, Bồ Tát sẽ chẳng lo cho bạn, thần hộ pháp cũng chẳng lo cho bạn. Thật sự có đạo tâm thì Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp thường thường đi theo ở hai bên, chẳng xa lìa. Đến lúc bạn thật sự gặp nạn, chẳng có người giúp đỡ thì quý ngài sẽ đến, họ sẽ hóa thân đến. Tại sao chẳng có người đến giúp lão hòa thượng? Người chẳng có phước lớn như vậy. Cúng dường người tu hành, chăm sóc cho người tu hành phước đức vô lượng vô biên, phải có phước đức to lớn mới gặp được cơ hội này, mới trồng được phước điền này, nếu chẳng có phước báo thì gặp được cũng bỏ lỡ. Nếu chúng ta chẳng thâm nhập kinh tạng thì làm sao hiểu được những đạo lý này! Đây là chỉ nêu lên vài sự tích, mỗi sự tích này đều có nghĩa thú tiêu biểu pháp rất sâu rộng, từ đó chúng ta mới hiểu được phải làm như thế nào.

Như thị phụng sự giả, vị lai bá thiên vạn ức kiếp trung, thường tại chư thiên, thọ thắng diệu lạc.

Cúng phụng như vậy thì trong trăm ngàn muôn ức kiếp về sau thường được ở cõi Trời, hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu.

Chúng ta có thể trong đời sống sanh hoạt thường ngày, tu học như vậy, biểu diễn cho người ta coi. 'Như thị' cúng dường Phật, cúng dường Bồ Tát, rồi quay lại cúng dường hết thảy chúng sanh, có thể làm cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, làm cho hết thảy chúng sanh quay về, giác ngộ, họ đạt được phước báo lớn như vậy. Việc này không những là phước báo, nói cho chư vị biết đây đã trở thành 'công đức', từ phước đức biến thành công đức. Niệm niệm của họ đều vì lợi ích chúng sanh, chẳng phải lợi ích cho mình, niệm niệm đều vì chúng sanh do đó trở thành công đức. Quả báo

của họ 'thường ở cõi trời', trời Dục Giới, Sắc Giới. 'Thọ thắng diệu lạc' là hưởng phước cõi trời.

Nhược thiên phước tận, hạ sanh nhân gian, do bá thiên kiếp thường vi đế vương.

Nếu phước trời hết, sanh xuống nhân gian thì vẫn còn trăm ngàn kiếp thường làm đế vương.

Hưởng phước báo nhân gian, phước trời đã hết nhưng họ vẫn còn phước dư lại, sanh đến cõi người làm vua chúa, đây là nói người có phước lớn nhất ở nhân gian. Câu sau này quan trọng:

Năng ức túc mạng nhân quả bổn mạt.

Lại nhớ được túc mạng cùng cội ngành nhân quả.

Câu này vô cùng quan trọng! Nếu chẳng có câu này thì một khi hưởng phước sẽ lại mê muội. Một khi mê muội thì hưởng phước báo chẳng khi nào không tạo nghiệp, lúc tạo tội nghiệp thì quả báo lại chẳng thể suy tưởng nổi. Họ có thể biết được túc mạng, biết quả báo là từ chỗ này mà có, biết lúc trước tu thiện nhân gì cho nên họ hưởng phước vẫn tiếp tục tu phước, phước báo của họ sẽ hưởng chẳng hết. Truy tìm căn nguyên của họ chính là công đức chí tâm quy kính Địa Tạng Bồ Tát. Nói Địa Tạng Bồ Tát nhất định phải hiểu đức năng vốn sẵn có trong tâm địa, như vậy mới là chân chánh quy y Địa Tạng Bồ Tát. Hết thảy chư Phật Như Lai đều chí tâm quy kính Địa Tạng Bồ Tát nên mới tu hành thành công, chứng Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng y theo pháp môn Địa Tạng thì nhất định sẽ chẳng thành Phật nổi. Không những không thành Phật được, nói thật ra thành A La Hán cũng chẳng nổi, đây là sự thật, chẳng phải giả. Hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian đều xây dựng noi theo tâm địa pháp môn. Có thể thuận theo tánh đức, thành tựu hết thảy thiện quả, nếu trái nghịch tánh đức thì sẽ biến thành lục đạo tam đồ, biến thành cảnh giới ác. Thế nên cảnh giới thiện ác gì cũng do tự tánh biến hiện thành, chỉ dựa trên một niệm này của chúng ta là thuận tánh đức hay nghịch tánh đức, quả báo cảnh giới hiện ra chẳng tương đồng. Họ còn có thể nhớ được 'túc mạng nhân quả bổn mạt', đây là oai thần của Bồ Tát gia trì, đây là cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng, nhất định phải dùng tâm chân thành, thanh tịnh mới có thể cảm. Tại sao phần đông người ta chẳng có cảm ứng cùng Phật, Bồ Tát? Vì tâm chẳng thành, tâm chẳng thanh tịnh, thì làm sao có cảm ứng cho được! Nếu tâm có sự suy tưởng tà vạy, giống như tạo thập ác nghiệp nói ở phía trước, những gì bạn cảm được đều là các ác quỷ ác thần, đều tạo ác hết. Tạo ác tương cảm cùng người tạo ác, tu thiện tương cảm cùng người tu thiện, đây là đạo lý nhất định. Trong kinh Dịch, Khổng Phu Tử có nói: *'Những vật cùng loại tụ hợp với nhau, người chia ra thành đoàn'* 6[6]. Người thiện đều ưa thích ở gần người thiện, người ác nhất định đi cùng đường với người ác. Nếu tâm chúng ta thiện thì sẽ ở gần với Phật, Bồ Tát, thiện thần; nếu tâm ác thì sẽ ở gần ác quỷ, ác thần, đây là nguyên lý cảm ứng đạo giao. Xem tiếp kinh văn:

Định Tự Tại Vương

Định Tự Tại Vương

Đây là lời Thế Tôn gọi tên vị Bồ Tát [đương cơ].

6[6] Vật dĩ loại tựu, nhân dĩ quần phân

Như thị Địa Tạng Bồ Tát hữu như thử bất khả tư nghị đại oai thần lực, quảng lợi chúng sanh, nhữ đẳng chư Bồ Tát đương ký thị kinh, quảng tuyên lưu bố.

Bồ Tát Địa Tạng có đại oai thần lực chẳng thể nghĩ bàn, làm lợi ích rộng lớn cho chúng sanh như thế. Những bậc Bồ Tát quý vị phải ghi nhớ kinh này và tuyên truyền lưu bố rộng ra.

Đức Phật ở nơi đó dùng cơ hội giáo dục. Hôm nay, những Bồ Tát tham dự hội này quá nhiều, đức Phật Thích Ca muốn sau khi ngài viên tịch, giao phó sứ mạng giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, đồng thời cũng yêu cầu những đại Bồ Tát này cùng chung trợ giúp. Mời Địa Tạng Bồ Tát dẫn đầu, hết thảy chư Bồ Tát phải giúp đỡ ngài, nên làm cho ngài hiểu rõ sự việc này. Công việc này là việc làm lợi ích rộng lớn cho chúng sanh, hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều có nguyện vọng này, nên bất cứ người nào dẫn đầu đều được cả. Ngài dẫn đầu, chúng ta ở kế bên trợ giúp, dốc toàn tâm toàn lực để ủng hộ, công đức hoàn toàn là bình đẳng. Chỉ là duyên của mỗi cá nhân chẳng giống nhau, trừ duyên ra thì hết thảy đều bình đẳng.

Khi hiểu thấu lý này rồi thì bạn mới vui vẻ tu tập 'Tùy hỷ công đức'. Vả lại nói cho chư vị biết, công đức tùy hỷ đều viên mãn. [Thí dụ] Công đức của một người làm việc suốt mấy mươi năm, chúng ta đến chỗ đó nhìn thấy liền tùy hỷ, sanh tâm hoan hỷ thì công đức mấy mươi năm của người đó mình hoàn toàn đạt được. Tại sao vậy? Trong chân tâm không có giới hạn, nó bình đẳng, một được thì hết thảy đều được. Tại sao phần đông người ta không đạt được? Vì trong tâm họ có giới hạn, [họ nghĩ] ông ấy làm chẳng phải tôi làm, tôi chẳng có làm. Thế nên cái 'được' này của họ rất có hạn. Tự mình vạch rõ ranh giới, thì đâu còn cách gì nữa? Tự giới hạn mình, thế thì hư hết. Phía trước có nói đến tâm chí thành, một niệm chí thành, trong tâm ấy không có giới hạn, trong tâm ấy thanh tịnh, bình đẳng. Dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mà tùy hỷ thì công đức bạn đạt được sẽ viên mãn. Chúng ta ngày nay nếu thật sự dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để tùy hỷ thì công đức của Địa Tạng Bồ Tát tu được từ vô lượng kiếp chúng ta đều đạt được rất viên mãn, vậy thì làm sao chúng ta không cảm kích cho được! Ngài đã tu hành nhiều đời nhiều kiếp, tu hành vô lượng kiếp, chúng ta hoàn toàn chẳng phí công phu liền đạt được.

Nếu hỏi tại sao bạn có thể đạt được hoàn toàn? Vì tâm chúng ta cùng tâm của Địa Tạng Bồ Tát là một tâm, một tánh, chẳng phải hai. Mười phương ba đời chư Phật cùng chung một pháp thân, pháp thân tức là tự tánh, tự tánh vốn sẵn đủ. Không những công đức của Địa Tạng Bồ Tát tu được, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát tu được cũng chính là mình tu được. Vấn đề là bạn dám đảm đương hay không? Bạn dám tiếp nhận hay chăng? Chân chánh thông suốt, hiểu rõ đạo lý này, hết thảy chư Phật là tự tánh chư Phật, hết thảy Bồ Tát là tự tánh Bồ Tát, hết thảy cõi nước Phật là tự tánh tịnh độ. Không phải trong kinh đã nói rõ ràng với bạn rồi hay sao? *'Duy tâm tịnh độ, tự tánh Di Đà'*, Di Đà là tự tánh, có một vị Phật Như Lai nào chẳng phải tự tánh biến hiện nên? Có vị Bồ Tát nào chẳng phải tự tánh hiện nên? Tự tánh hiện, tự tánh tu, tự tánh thành tựu, hết thảy đều quy về tự tánh, nếu bạn nhìn thấy tự tánh thì hết thảy đều đạt được, nguyên lý là như vậy. Khi chúng ta thật sự rõ ràng, thật sự minh bạch rồi thì lòng tin của chúng ta mới có thể xây dựng, chân tâm thuần thiện, tâm ấy chẳng có mảy may ác niệm, sẽ hiện tiền. Phần đông người ta tu học, trong kinh nói chí tánh vô định. Đó là gì? Chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, lòng tự tin của họ chẳng có cách chi xây dựng được. Thế nên đức Phật trong kinh này nói phải gặp thiện tri thức, thiện tri thức

giảng giải, nói rõ sự việc này ra thì lòng tự tin của bạn mới có thể xây dựng, *'lòng tin là cội nguồn của đạo, là mẹ của các công đức'*, đây là một việc khó nhất.

Thế nên đức Phật phó chúc những đại Bồ Tát này phải làm thiện tri thức cho chúng sanh, 'nhữ đẳng chư Bồ Tát', Định Tự Tại Vương Bồ Tát trong hội này là Đẳng Giác Bồ Tát. 'Đương ký thị kinh, quảng tuyên lưu bố', quý vị phải ghi nhớ bộ kinh này, phải tuyên nói rộng rãi cho hết thảy chúng sanh, lưu thông rộng rãi. 'Bố' là ban bố, ban cơ duyên này cho hết thảy chúng sanh. Thế Tôn ở Đao Lợi thiên cung phó chúc, chúng ta tin tưởng sâu xa, vô lượng vô biên Bồ Tát tham dự trong hội này nhất định sẽ y giáo phụng hành. Họ chẳng phải là người thường, đều là đại Bồ Tát, đều là Ma Ha Tát trong các vị Pháp Thân đại sĩ, đâu phải là người phàm! Đâu có lý nào không hoằng dương, tuyên giảng kinh Địa Tạng! Công đức của kinh Địa Tạng có thể làm cho hết thảy những chúng sanh tạo tội cực nặng đều quay về, chẳng đọa ba đường ác, hưởng phước báo nhân thiên lâu dài, đây là công đức lợi ích của kinh này, nghiêng về phương diện này. Kinh Vãng Sanh 7[7] là để độ cho chúng sanh có căn tánh chín muồi, kinh Địa Tạng là để độ chúng sanh căn tánh chưa chín muồi. Những chúng sanh này chưa muốn thoát ly Tam giới, còn chưa muốn làm Phật, Bồ Tát, niệm niệm chỉ nghĩ đến phước báo nhân thiên, số người như vậy chiếm đại đa số. Nếu bạn chẳng tin thì hãy ra đường đi thăm dò, bạn hãy hỏi nguyện vọng của người ta là gì? Người nào cũng nghĩ đến phước báo nhân thiên. Thế nên trong kinh Địa Tạng đặc biệt nói rất nhiều về phước báo nhân thiên, chúng ta biết dụng ý của kinh ở chỗ nào. Lại xem tiếp đoạn sau, Bồ Tát quả thật đảm nhận sứ mạng.

Định Tự Tại Vương bạch Phật ngôn: Thế Tôn, nguyện bất hữu lự

Ngài Định Tự Tại Vương bạch Phật rằng: 'Bạch Thế Tôn, xin ngài chớ lo nghĩ'.

Xin lão nhân gia yên tâm, chẳng cần lo nghĩ.

Ngã đẳng thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát

Ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát chúng con

Số lượng Bồ Tát chúng trong hội dùng 'thiên vạn ức' để hình dung. 'Bồ Tát' là Bồ Tát quả vị Tam Hiền, 'Ma Ha Tát' là Bồ Tát quả vị Thập Thánh, Tam Hiền Thập Thánh.

Tất năng thừa Phật oai thần, quảng diễn thị kinh ư Diêm Phù Đề, lợi ích chúng sanh.

Đều có thể nương oai thần của Phật mà tuyên diễn rộng rãi kinh này nơi cõi Diêm Phù Đề để lợi ích cho chúng sanh.

Nơi đây chúng ta phải đặc biệt chú ý đến 'Diêm Phù Đề', mười phương vô lượng vô biên thế giới, đặc biệt thiên về Diêm Phù Đề. Định Tự Tại Vương Bồ Tát thay mặt vô lượng Bồ Tát đại chúng trong hội, trước mặt Thế Tôn tiếp nhận lời phó thác của đức Phật Thích Ca. 'Tất năng thừa Phật oai thần', câu này rất quan trọng, chúng ta không thể xem thường, đây là biểu hiện cho sự khiêm hạ. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chắc chắn sẽ được Phật lực gia trì, chẳng phải tự mình có năng lực làm, mà được Phật lực gia

7[7] Kinh Vãng Sanh tức là năm kinh Tịnh Độ: kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương trong kinh Lăng Nghiêm

trì. Nói thật ra đây đều là Đẳng Giác Bồ Tát, các ngài đương nhiên có thể giảng kinh, có thể thuyết pháp, có thể độ chúng sanh khổ nạn, cách làm như vầy đều là làm cho chúng ta xem, dạy chúng ta nhún nhường, lễ kính, khiêm nhường và cung kính là tánh đức chân thật. 'Quảng diễn thị kinh ư Diêm Phù Đề, lợi ích chúng sanh', nói thật ra phạm vi lợi ích hoằng dương kinh này là tận hư không trọn khắp pháp giới, tại sao lại hạn cuộc trong Diêm Phù Đề? Diêm Phù Đề là chỉ địa cầu của chúng ta ngày nay, tại sao phạm vi nhỏ như vậy! Nên biết lần này đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện tại Diêm Phù Đề, nói Diêm Phù Đề tức là nói tận hư không trọn khắp pháp giới, quan hoài yêu mến giúp đỡ chúng sanh ở Diêm Phù Đề cùng hết thảy chúng sanh ở mười phương thế giới chẳng có sai khác, đều bình đẳng giống nhau, là ý nghĩa này chứ chẳng phải là thiên vị chỉ yêu mến Diêm Phù Đề không thôi, nghĩ vậy là sai. Nói đến đây cũng như Thiện Đạo đại sư đã nói: *'Gặp duyên chẳng giống nhau'*. Hôm nay vận may của chúng sanh ở Diêm Phù Đề thật là rất tốt, rất may mắn gặp được duyên này. Tuyệt đối chẳng phải Phật, Bồ Tát thiên vị, ở địa phương này duyên chín muồi, duyên chín muồi thì được độ trước.

Pháp duyên của chúng ta cũng vậy, mấy chục năm nay có thể nói từ khi tôi vừa xuất gia liền đặc biệt ưa thích Hoa Nghiêm, bộ kinh sách tôi thỉnh đầu tiên chính là 'Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao', là một vị lão cư sĩ cúng dường cho tôi. Lúc đó thật sự chẳng đơn giản, bộ sách này giá rất cao, từ Trí Khai pháp sư ở Hương Cảng, Hương Cảng Phật Kinh Lưu Thông Xứ thỉnh về một bộ, hiện nay đã in lại rồi quý vị đều có hết. Nguyên bản hồi đó là bốn mươi cuốn đóng theo cách xỏ chỉ, tôi giữ bản này đã hơn ba mươi mấy năm rồi. Tôi đã giao nguyên bản của bộ này cho Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội cho họ làm bản gốc. In lần này rất rõ, rất tốt, nhưng không đẹp lắm; tôi chẳng ở Đài Loan, họ in bìa giấy thường, nếu tôi ở Đài Loan thì nhất định sẽ kêu họ in bìa giấy cứng. Nhưng như vậy cũng khá lắm rồi, có bản in tốt đẹp như vậy. [Tôi] ưa thích Hoa Nghiêm, thích đọc Hoa Nghiêm, thích tương lai có cơ duyên giảng Hoa Nghiêm, nhưng duyên này chưa chín muồi. Ở Đài Loan đã giảng một thời gian nhưng bị gián đoạn hoài, vì thường nhận lời mời từ nước ngoài, ra ngoại quốc giảng kinh thì phải gián đoạn, nên kinh này đã giảng rồi ngưng, ngưng rồi giảng ở Đài Loan hết mười bảy năm, mới giảng được phân nửa. Chẳng ngờ ở nơi đây nhân duyên chín muồi, thật là chẳng ngờ. Nơi đây duyên chín muồi rồi chúng ta ở đây phải làm hết lòng, cho nên Phật pháp cũng là nhân duyên sanh. Tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng, ở bất kỳ nơi nào trên thế giới duyên chín muồi thì chúng ta đều làm như vậy, tuyệt chẳng nói là thiên vị một nơi nào cả. Lòng nhiệt thành của chúng ta bình đẳng, từ bi, bác ái, yêu mến nơi này, đối với những nơi khác duyên chưa chín muồi thì chúng ta cũng yêu mến, nhiệt thành giống nhau, tuyệt đối chẳng nói chỗ này hơn một chút, chỗ kia ít một chút, chắc chắn là không như vậy.

Chư vị đồng tu tương lai tu học cũng vậy, nhất định phải xây dựng trên cơ sở của thanh tịnh, bình đẳng, giác để quảng diễn đại kinh. Nói thật ra ngày nay chân chánh có thể cứu thế gian này [chỉ có] kinh Vô Lượng Thọ và kinh Địa Tạng. Duyên của Hoa Nghiêm vô cùng hy hữu, vô cùng khó được, chúng ta có thể học tập. Tương lai sau này Phật pháp hưng vượng, quốc gia hưng vượng thì Phật pháp chắc chắn sẽ hưng vượng. Khi Phật pháp hưng vượng chúng ta tin tưởng sẽ có rất nhiều cơ duyên, tới lúc đó phải có người giảng. Ở đây chúng tôi giảng Hoa Nghiêm một lần cho chư vị tham khảo, làm một cơ sở để sau này từ cơ sở này chư vị có thể phát huy rộng ra, lợi ích hết thảy chúng sanh. Thế Tôn phó chúc những đại Bồ Tát này, chúng ta phải mạnh dạn đảm nhận, chúng ta cũng phải nhập vào pháp hội của họ, trở thành một phần tử của đại hội, như vậy sẽ có vô lượng công đức. Muôn vàn xin đừng cho mình là một người ngoài, chẳng liên can gì với đại hội, vậy thì chúng ta sai rồi. Một phần công đức lợi ích thù thắng

trong ấy bạn cũng chẳng đạt được, phải khẳng định mình là một phần tử trong đại hội. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phó chúc những đại Bồ Tát này, cũng là phó chúc chính mình, mình cũng là một trong chư đại Bồ Tát. Như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, Đại Tâm chúng sanh tuy chưa đoạn phiền não nhưng chính là bậc đương cơ của [pháp hội] Hoa Nghiêm. Hội kinh Địa Tạng cũng vậy, nếu chúng ta là Đại Tâm Phàm Phu thì chúng ta cũng có thể thân cận Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng có thể gia nhập đoàn thể của họ.

Định Tự Tại Vương Bồ Tát bạch Thế Tôn dĩ, hiệp chưởng cung kính tác lễ nhi thoái.

Định Tự Tại Vương Bồ Tát bạch Thế Tôn xong, bèn cung kính chắp tay làm lễ mà lui ra.

Định Tự Tại Vương Bồ Tát thỉnh giáo đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến chỗ này đã viên mãn và cáo lui, trở về chỗ ngồi của mình. Xem tiếp kinh văn:

Nhĩ thời tứ phương Thiên Vương câu tùng tòa khởi hiệp chưởng cung kính.

Lúc bấy giờ bốn vị Thiên Vương ở bốn phương đều từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chắp tay.

Định Tự Tại Vương thỉnh giáo xong trở về chỗ ngồi, tứ đại Thiên Vương tiếp theo. 'Tứ đại Thiên Vương' là một đoàn thể nhỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy 'hiệp chưởng cung kính' hướng về Phật hỏi pháp, trước hết phải cúi chào Phật. Người Trung Quốc chúng ta thường gọi Tứ Đại Thiên Vương là Tứ Đại Kim Cang. Giống như đạo tràng ở Cửu Hoa Sơn, vừa bước vào cửa thì là Điện Thiên Vương, đây là ngôi kiến trúc đầu tiên, trong ấy cúng dường Tứ đại Thiên Vương. Chính giữa điện Thiên Vương cúng dường một tượng Di Lặc Bồ Tát. Tượng Di Lặc Bồ Tát hiện nay theo thói quen đều tạo theo hình tượng của Bố Đại Hòa Thượng. Bố Đại Hòa Thượng là người triều Tống, người thời Nam Tống vừa bắt đầu. Trong lịch sử đời Nam Tống có một anh hùng dân tộc là Nhạc Phi, người Trung Quốc hầu như nhắc đến Nhạc Phi thì ai cũng biết. Bố Đại Hòa Thượng và Nhạc Phi là người cùng thời, xuất hiện ở Phụng Hóa, Triết Giang. Vị này rất đặc biệt, chẳng ai biết tên của ngài là gì, từ đâu đến, chẳng ai biết cả. Ngài du hóa ở địa phương Phụng Hóa này. Ngài mập mạp, mỗi ngày đều vác một túi vải đi khắp nơi hóa duyên, bất kể người ta cho ngài cái gì, ngài đều bỏ vào túi vải, xong rồi ngài vác lên lưng đi, thế nên mọi người đều gọi ngài là Bố Đại Hòa Thượng, từ đó Bố Đại Hòa Thượng bèn nổi danh. Lúc ngài viên tịch tự mình nói ra thân phận, ngài là Di Lặc Bồ Tát tái lai, nói xong ngài bèn thị tịch, chẳng bịnh mà mất, chẳng phải nói xong thân phận rồi còn chưa thị tịch. Hiện nay có rất nhiều người nói họ là Bồ Tát, Phật gì đó tái lai, nói rồi nhưng không thị tịch, Bố Đại hòa thượng nói xong bèn thị tịch. Cho nên chúng ta mới biết ngài là Di Lặc Bồ Tát hóa thân, từ đó Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát đều tạo theo hình tượng của Bố Đại hòa thượng.

Bố Đại hòa thượng thường nở nụ cười tươi, ngài dạy chúng ta thường sanh tâm hoan hỷ, dạy chúng ta được đại hoan hỷ. Hình tướng của ngài chính là 'vì người diễn nói', biểu diễn cho người ta coi, biểu hiện rõ ràng nhất chính là *'thường sanh tâm hoan hỷ'*, cho nên có người xưng ngài là Phật Hoan Hỷ. Ngài biểu hiện tướng: *'Sanh tâm bình đẳng, hiện tướng hoan hỷ'* 8***[8]***. Thấy tâm bình đẳng ở đâu? Bất cứ đồ gì người ta cúng dường cho ngài, chẳng kể là sang hèn hết thảy đều bình đẳng, đều bỏ vào túi vải. Túi vải chứa đồ này hiển thị bình đẳng, chẳng có phân biệt. 'Hiện tướng hoan hỷ' là hình tướng của ngài, khi gặp người thiện thì hoan hỷ, khi gặp người ác cũng hoan hỷ,

---

8[8] *'Sanh bình đẳng tâm, hiện hỷ duyệt tướng'*

gặp chuyện tốt thì hoan hỷ, gặp chuyện xấu cũng hoan hỷ, thị hiện thanh tịnh, bình đẳng cho chúng ta xem. Trong truyện ký có ghi, một lần nọ có một người gặp ngài trên đường hỏi ngài làm thế nào tu hành? Ngài đem túi vải đeo trên lưng buông xuống, hai tay xoè ra, chỉ biểu lộ như vậy mà chẳng nói lời nào. Người ta nhìn thấy bèn hiểu. Đó là gì? 'Buông xuống'. Hiểu được buông xuống, buông xuống xong thì làm sao? Ngài xách túi lên vai bèn đi khỏi, chẳng nói lời nào. Buông xuống rồi thì 'nhấc lên' và đi. Cho nên 'buông xuống được, nhấc lên được'. *Buông xuống là gì? Buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nhấc lên là gì? Trên cầu Phật pháp, dưới giáo hóa chúng sanh*. Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta việc này.

Hai bên trong Thiên Vương Điện cúng dường Tứ Đại Thiên Vương, Tứ Đại Thiên Vương trong kinh điển đều có danh hiệu. Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, 'Trì' là bảo trì, trì quốc là bảo vệ quốc gia. Ngày nay chúng ta gọi là yêu nước, yêu nhà, yêu nước, yêu quê hương, Đông Phương Thiên Vương tượng trưng cho ý nghĩa này. Hộ quốc phải bắt đầu từ hộ bản thân mình, chúng ta ngày nay nói tự ái tự trọng là hộ mình. Có thể tự hộ thì bạn mới hộ trì nhà, có thể hộ trì nhà thì bạn mới có thể hộ trì xã hội, có thể hộ trì xã hội thì bạn mới có thể hộ trì quốc gia, có thể hộ trì quốc gia thì bạn mới có thể hộ trì thế giới hòa bình, ngài tượng trưng cho ý nghĩa này. Thị hiện tinh thần làm tròn trách nhiệm, phụ trách hết bổn phận, là dạy chúng ta việc này. Nếu bạn không làm tròn trách nhiệm, chẳng thể làm tròn chức phận của bạn, những chuyện thuộc trách nhiệm của bạn, nếu không làm thì bạn làm sao hộ quốc được! Nếu ai nấy đều làm tròn trách nhiệm mình, công việc của tôi là gì, tôi phải làm công việc này cho hoàn hảo, phải làm tròn trách nhiệm, phải nỗ lực làm hết lòng tức là hộ quốc. Trên tay ngài cầm đạo cụ 9[9], chúng ta ngày nay gọi là đạo cụ, ngài cầm đàn tỳ bà, đàn cũng tiêu biểu pháp. Chẳng phải Thiên Vương này ưa thích ca hát, nghĩ vậy là sai. Tỳ bà tiêu biểu Trung Đạo, người Trung Quốc gọi là Trung Dung. Tỳ Bà thuộc loại đàn dây, dây chùng quá thì không kêu, căng quá thì dễ đứt, nhất định phải chỉnh cho thích hợp thì âm thanh mới hay. Nghĩa là bất luận đối người, đối sự, đối vật đều phải đi theo trung đạo, phải làm đến mức vừa phải, chẳng quá đáng, cũng chẳng thiếu kém, đó gọi là trung đạo. Cũng như việc khảy đàn vậy, dây đàn chẳng thể quá căng mà cũng không thể quá chùng, phải vừa vặn, tiêu biểu cho ý này. Nhà Nho gọi là đạo Trung Dung, nhà Phật gọi là 'Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế'.

Nam Vương Thiên Vương gọi là Tăng Trưởng Thiên Vương, tên Tăng Trưởng có ý nghĩa gì? Tiến Bộ. Trí huệ của chúng ta phải tăng lên, đức hạnh phải tăng trưởng, đời sống mỗi ngày phải nâng cao tiêu chuẩn, hết thảy đều phải cầu tiến bộ. Bạn phải biết Phật pháp cầu tinh tấn, họ thì cầu tiến bộ, chẳng thoái lui. Có người từng nói với tôi Phật pháp chúng ta phải theo kịp thời đại, lời này nói sai rồi. Đáng lý là thời đại phải theo kịp Phật pháp, Phật pháp dẫn đầu thời đại, như vậy mới chính xác. Nhưng ngày nay thì sao? Ngày nay Phật pháp lọt phía sau thời đại, còn ra thể thống gì nữa. Nó vốn là dẫn đầu bây giờ trở thành nối theo đuôi, lộn ngược hết! Phật pháp phải lãnh đạo thời đại, hướng dẫn nhân sanh, nhân sanh muốn được hạnh phúc, gia đình được mỹ mãn, sự nghiệp được thuận lợi, thành công, xã hội cát tường hòa hài, quốc gia phú cường, thế giới hòa bình, Phật pháp ở vị trí lãnh đạo. Có thể y theo nguyên lý nguyên

---

9[9] *Đạo cụ chỉ vật dụng cần thiết cho việc tu hành Phật đạo, thông thường là "tam y thập vật" (ba áo ca sa, mười vật), hoặc mười tám vật, một trăm lẻ một vật v...tức là những vật dụng tùy thân của Tăng Ni. Theo Thích Danh Nghĩa Tập, quyển 10, 18 vật gồm kiền chùy (hiểu theo nghĩa hẹp là chuông mõ), thẻ gỗ, tích trượng, gậy chống, bình quân trì (bình để đựng/múc nước rửa ráy), đãy lọc nước, xâu chuỗi, bình bát, bát nhỏ...Sau này, tất cả những vật dụng được dùng trong nghi lễ đều liệt kê vào đạo cụ, như linh, Kim Cang xử, kim cang bàn (khay đựng linh, xử), kính (melong), luân v.v... Sau này không rõ vì sao các dụng cụ để biểu diễn trên sân khấu đều nhất loạt gọi là "đạo cụ".*

tắc của Phật pháp thì chắc chắn có thể đạt đến mục tiêu này. Chúng ta đừng quên những năm đầu đời Thanh, thời Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long, Trung Quốc là nước mạnh nhất trên thế giới. Những vị vua nà dùng cái gì để hướng dẫn đại chúng? Dùng 'kinh Vô Lượng Thọ'. Những vị vua nhà Thanh này thật rất tài giỏi! Họ dùng kinh Vô Lượng Thọ để đoàn kết quân dân toàn quốc. Nếu phương pháp này của họ được tiếp nối mãi thì nhà Thanh đã chẳng mất nước. Nguyên nhân mất nước đương nhiên rất nhiều nhưng phế bỏ kinh điển này, chúng tôi tin tưởng đây là một nhân tố rất lớn. Ai phế bỏ? Từ Hi thái hậu. Có lẽ Từ Hi thái hậu nghe kinh Vô Lượng Thọ, trong đó nói toàn là tật xấu của bà, nghe xong bà chẳng vui thích nên phế trừ, chẳng đọc nữa. Việc này có ảnh hưởng, không thể nói không có ảnh hưởng. Thời đại hưng thạnh nhất của triều Thanh dùng Phật pháp để trị nước, trên dưới tương hòa, hòa mục, đây là điều chúng ta phải hiểu.

Phật pháp vĩnh viễn đều cầu tiến bộ, nhà Nho cũng vậy. Giáo học nhà Nho nói: 'Mỗi ngày phải mới, hằng ngày phải đổi mới hơn, càng ngày càng mới hơn' 10[10], mỗi ngày đều cầu tiến bộ. Trong Phật pháp, Lục Ba La Mật có Tinh Tấn Ba La Mật, đâu có chuyện lọt phía sau người ta, đâu có đạo lý này! Nam Phương Thiên Vương tượng trưng cho tiến thủ, hăng hái, dũng mãnh, tượng trưng ý nghĩa này. Trên tay ngài cầm kiếm, kiếm tượng trưng trí huệ, người Trung Quốc tục gọi *'đao nhanh chém gai loạn'*, lấy ý nghĩa này. Chẳng phải là ngài thích múa kiếm, kiếm tượng trưng trí huệ. Chỉ có trí huệ cao độ mới có thể thúc đẩy tiến bộ, chỉ có trí huệ cao độ mới thúc đẩy hạnh phúc chân chánh mỹ mãn. Đây là Nam Phương Thiên Vương.

Tây phương Thiên Vương tên là Quảng Mục, danh xưng tiếng Phạn của ngài còn được dịch là Tạp Ngữ (nhiều ngôn ngữ khác nhau). Tây phương Thiên Vương rất thạo nói chuyện, có thể nói nhiều ngôn ngữ, ngày nay chúng ta gọi là thiên tài về ngôn ngữ. Bắc Phương Thiên Vương gọi là Đa Văn, hai thiên vương này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu phương pháp. Hai vị đầu tiêu biểu mục tiêu, mục tiêu của chúng ta phải hộ trì quốc gia, phải có trí huệ cao độ, mỗi ngày đều cầu tiến bộ. Tây phương Thiên Vương, trên phương pháp làm sao có thể đạt được hai mục tiêu trên? Phải xem nhiều, học nhiều, ngày nay chúng ta gọi là tham quan khảo sát, Tây Phương Thiên Vương dẫn đầu, ngài dạy chúng ta xem nhiều, Bắc Phương Thiên Vương dạy chúng ta nghe nhiều, nhìn người ta, nghe người ta. Trong đó hấp thụ kinh nghiệm giáo huấn, bỏ cái xấu của người, học cái hay của người, để xây dựng quốc gia mình, được vậy thì không phải chúng ta trở thành hạng nhất rồi sao? Kỹ thuật hiện nay, tôi nghe nói VCD ở Trung Quốc rất phổ biến, ở ngoại quốc thì lúc vừa phát minh chẳng phổ biến, ở Trung Quốc thì phổ biến. Đạo lý là gì? Tức là ý nghĩa của những Thiên Vương, chúng ta phải rượt theo cho bằng. Ngày nay chúng ta học những kỹ thuật khoa học này, nhất định phải học những gì tiến bộ nhất, không học những đồ cũ. Ngày nay chúng ta muốn làm một chiếc máy bay, nhất định phải làm tốt nhất, xem sản phẩm của người ta, khuyết điểm của người ta xong mình sửa đổi thì những gì mình làm ra sẽ tốt hơn. Nhất định sẽ không đi làm những máy bay vừa mới phát minh một trăm năm trước, nếu bắt đầu từ đó thì không phải là ngu si sao? Đó là người ngu. Thế nên phải bắt đầu từ chỗ người ta đã thành tựu, sau đó cải tiến thêm, sửa khuyết điểm của người ta thì mình sẽ tiến bộ hơn, tốt hơn người ta. Đó là dạy bạn xem nhiều, Quảng Mục tức là xem nhiều.

Trên tay Thiên Vương cầm rồng hoặc rắn. Rồng và rắn tiêu biểu cho ý nghĩa gì? Tiêu biểu biến hóa. Ngày nay khoa học tiến bộ từng ngày, từng tháng; rồng và rắn đều giỏi biến hóa, ý nghĩa là dạy bạn xã hội này rất phức tạp, biến hóa khôn cùng, bạn phải quan sát kỹ càng. Trong sự biến hóa bạn có thể nắm vững đến chỗ bất biến thì bạn sẽ

10[10] *Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân*

thành công. Một tay [kia của Tây Phương Thiên Vương] cầm hạt châu, châu chẳng biến. Rồng biến đổi, châu chẳng biến đổi. Trong vô lượng sự biến đổi, nắm vững những nguyên lý, nguyên tắc chẳng biến đổi, Tây Phương Thiên Vương dạy chúng ta việc này. Có thiên tài về ngôn ngữ, biết nhiều ngôn ngữ thì có thể cùng với mỗi quốc gia, mỗi chủng tộc trao đổi văn hóa, kỹ thuật, như vậy mới làm đến mức viên mãn.

Quảng Mục Thiên Vương dạy chúng ta đi tham vấn, đi khắp nơi xem xét, học tập. Bắc Phương Thiên Vương đa văn, là theo chiều dọc. Chúng ta thường nói *'Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường'*, đi vạn dặm là theo chiều ngang, đọc vạn quyển sách là theo chiều dọc. Chúng ta phải thâu nhận bài học lịch sử, tiếp nhận kinh nghiệm trí huệ của cổ nhân, dựa trên cơ sở này rồi phát triển rộng ra. Tứ đại thiên vương dạy chúng ta, chúng ta không thể coi các ngài là thần thánh, vậy là sai rồi. Phải tiếp nhận sự giáo huấn, giáo hối của tứ đại thiên vương. Trên tay ngài cầm lọng (dù), lọng tiêu biểu ý gì? Phòng ngừa ô nhiễm. Thời xưa, ô nhiễm còn chưa nghiêm trọng, cái lọng thời đó được xếp lại. Ngày nay tạo tượng tứ đại thiên vương, lọng của Đa Văn Thiên Vương nhất định phải giương ra, hiện nay ô nhiễm quá trầm trọng nên phải giương ra để ngăn ngừa ô nhiễm. Trong xã hội phức tạp này, ngài biết ô nhiễm chắc chắn không thể nào tránh khỏi. Ô nhiễm về tư tưởng, kiến giải, tinh thần, tâm lý, sinh lý, quá trầm trọng, mấy ngàn năm trước kinh Phật đã đề xướng việc ngày nay chúng ta gọi là Hoàn Bảo (bảo vệ hoàn cảnh môi trường), tức là ngăn ngừa ô nhiễm. Chư vị nghĩ xem sự giáo học trong Phật pháp cao minh hay không, mấy ngàn năm trước Phật pháp đã vận dụng nghệ thuật để biểu đạt giáo nghĩa, vô cùng đáng tiếc là gần đây [người ta] xem nó là tôn giáo, xem những nghĩa thú tiêu biểu pháp này thành ra thần thánh. Chỉ biết thắp nhang, lễ lạy, cầu nguyện, khóc lóc, chẳng có tác dụng gì hết. Bạn cầu Phật, Bồ Tát bảo hựu thì Phật, Bồ Tát thực bảo hựu bạn sao? Đâu có đạo lý này! Phật, Bồ Tát bảo hựu bằng cách dạy dỗ bạn, khi bạn hiểu rõ, tiếp nhận rồi thì đó mới là thật sự được các ngài bảo hựu. Sự bảo hựu của các ngài là bằng cách dạy học, chẳng phải gì khác, chúng ta không thể hiểu sai.

Đây là Tứ Đại Thiên Vương, ở đây giới thiệu đơn giản cho quý vị. Chúng ta phải nhận thức họ, chúng ta phải hiểu họ, chúng ta nghe đến danh hiệu, nhìn thấy hình tượng của họ mới có được lợi ích thật sự. Thế nên Thiên Vương Điện phải giải thích như vậy, để cho chúng ta hiểu những đạo lý này, biết được trong đời sống hằng ngày tự mình phải làm thế nào, làm cho cá nhân mình có hạnh phúc, gia đình được mỹ mãn, sự nghiệp có thể thành công, xã hội an định, phồn vinh, quốc gia phú cường, thiên hạ thái bình. Tứ Đại Thiên Vương dạy chúng ta những đại đạo lý và phương pháp hoàn hảo này, nhất định chẳng mê tín. Xin xem tiếp kinh văn:

Bạch Phật ngôn.

Bạch Phật rằng.

Ngài cúi chào trước, cúi chào xong nêu lên câu hỏi.

Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát ư cửu viễn kiếp lai phát như thị đại nguyện, vân hà chí kim do độ vị tuyệt, cánh phát quảng đại thệ ngôn, duy nguyện Thế Tôn vị ngã đẳng thuyết.

Bạch Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đến nay đã phát đại nguyện như thế, vì sao đến nay vẫn độ chưa hết, lại còn phát đại thệ nguyện nữa. Cúi xin Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.

Họ đề ra câu hỏi, câu hỏi này cũng là câu hỏi chung của mọi người chúng ta. Địa Tạng Bồ Tát đích thật chẳng thể nghĩ bàn, 'cửu viễn kiếp' chẳng có cách chi tính đếm, ai cũng không thể tính nổi, chư Phật Như Lai cùng nhau tính cũng tính không ra. Tại sao? Vì nó là đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, tự tánh vốn có, vô thỉ vô chung, đâu có chỗ bắt đầu hay chấm dứt? Vô thỉ vô chung mới là ý nghĩa chân thật của 'cửu viễn kiếp lai'. Lập lại thệ nguyện không gián đoạn, đây là dạy chúng ta. Tại sao? Trong kinh Phật nói rất hay: *'Tánh Thức của chúng sanh trong Diêm Phù Đề chẳng định'*, rất dễ quên. Hôm nay phát nguyện, buổi sáng phát nguyện xong, buổi tối liền quên mất, nhanh quá chừng. Thậm chí phát nguyện trước mặt Phật, Bồ Tát, sau khi khom mình ba cái, vừa bước ra khỏi chánh điện thì quên mất tiêu rồi, đây tức là tánh thức vô định. Tham, sân, si, mạn thì chẳng quên, tại sao chẳng quên? Mỗi ngày đều khởi, lúc nào cũng khởi, cho nên không thể quên, gốc rễ quá vững chắc. Địa Tạng Bồ Tát thị hiện cho chúng ta xem làm thế nào biến đổi tham, sân, si thành Tam Đức. Muốn vậy thì phải gia tăng huân tập, không ngừng phát nguyện tức là hun đúc, mỗi ngày đều phát nguyện, mỗi sáng, mỗi tối đều phát nguyện, dưỡng thành một tập quán, khởi tâm động niệm là nguyện lực, chẳng tạo tội nghiệp nữa. Đối trị bịnh khổ của chúng sanh ở Diêm Phù Đề, đây là một toa thuốc có công hiệu vô cùng, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Chúng ta phải học Địa Tạng Bồ Tát, mỗi ngày phải phát nguyện.

Mỗi ngày chúng ta phát nguyện nào? Mỗi ngày phát nguyện: 'Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ', không phải vừa ra khỏi chánh điện liền quên mất rồi sao? Tại sao lại như vậy? Có miệng, không có tâm, phiền não un đúc quá lâu rồi. Đúng là vô lượng kiếp đến nay chúng ta chịu sự un đúc của phiền não, ngày nay chỉ nghe được Phật pháp trong chốc lát, cho dù đời quá khứ có túc căn, nhưng chẳng đủ duyên, vẫn là duyên ác nhiều hơn. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài toàn là ác duyên, ác duyên dẫn tới tham, sân, si, mạn; chẳng có thiện duyên dẫn dắt tứ hoằng thệ nguyện của bạn ra. Thế nên trong đời sống tùy thuận phiền não, quên ráo trọi 'phiền não vô tận thệ nguyện đoạn'. Học kinh giáo thì làm biếng, giải đãi, chẳng thể tinh tấn, cũng quên sạch sành sanh 'pháp môn vô lượng thệ nguyện học'. Không học biện pháp này của Địa Tạng Bồ Tát thì làm sao có thể thành tựu được! Chúng ta hiểu được đạo lý này xong mới biết tầm quan trọng của sự phát nguyện không ngừng, ý nghĩa của sự phát nguyện không gián đoạn. Vì Tứ Thiên Vương có nghi, có câu hỏi, thì Phật nhất định có lời khai thị. Xin xem tiếp:

Phật cáo Tứ Thiên Vương, thiện tai, thiện tai.

Phật bảo Tứ vị Thiên Vương rằng: 'Lành thay, lành thay'

Đây là hai câu tán thán, từng câu từng chữ của lời Phật thuyết pháp đều hàm nghĩa sâu xa. Chữ 'thiện tai' thứ nhất là tán thán họ hỏi rất hay, câu hỏi lợi lạc hữu tình. 'Thiện tai' thứ nhì, họ là thần hộ pháp hộ thế, bất luận người đời học Phật, không học Phật, bất luận họ là người thiện, người ác, làm việc thiện hoặc tạo ác thì các ngài đều hộ trì. Người tạo ác là vì ngu muội, vô tri, nếu chẳng được sự hộ trì của những thần hộ pháp này thì họ đọa lạc càng khổ nữa, ác báo của họ chịu chẳng phải là trạng huống trước mắt này. Nói cách khác thần hộ pháp đã giúp họ giảm bớt hình phạt rồi. Người thế gian chẳng biết, cũng chẳng biết cảm ơn, còn nói ngược lại là họ mê tín. Nhưng thần hộ pháp không vì vậy mà trách móc, tại sao? Bạn ngu si, bạn chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Nếu bạn hiểu rõ chân tướng sự thật thì chắc chắn bạn sẽ chẳng nói như thế, các ngài biết vậy. Nếu thần hộ pháp nói những người ngu si này hủy báng các ngài, sỉ nhục các ngài, hại ngài, phá hoại hình tượng các ngài, các ngài cũng chẳng trách. Nếu các ngài trách thì các ngài là phàm phu, có kiến thức giống những phàm phu thông

thường. Các ngài có trí huệ, đều là Bồ Tát thị hiện, thị hiện thân phận Thiên Vương. Trong kinh này nói rất nhiều, có rất nhiều Phật, Bồ Tát thị hiện thân quỷ thần, trong quỷ đạo, trong cõi địa ngục độ chúng sanh. Chúng sanh càng khổ não, chư Phật, Bồ Tát đối với họ càng từ bi, càng tìm cách giúp họ. Có tâm nhẫn nại chờ họ quay về, đợi họ giác ngộ; lúc chưa quay về, chưa giác ngộ thì tạo nhiều tăng thượng duyên để dẫn dắt họ, khải phát họ. Bất luận là trực tiếp hoặc gián tiếp, là rõ ràng hay âm thầm, đều thấy được lòng từ bi chân chánh, đây là tâm đại từ bi của họ. Do đó hai lời tán thán này có ý nghĩa rất sâu.

Ngô kim vị nhữ

Ta nay sẽ vì sự lợi ích rộng lớn của quý vị

Phật nói: Hôm nay Ta nói cho quý vị.

Cập vị lai hiện tại thiên nhân chúng đẳng quảng lợi ích cố

Cùng các chúng trời người hiện tại và vị lai,

Hôm nay quý vị khải thỉnh, đến hỏi, nói cho quý vị biết và cũng vì thiên nhân đại chúng hiện nay và tương lai. Vị lai, hiện tại, thiên, nhân đại chúng đều hàm chứa tận hư không, trọn khắp pháp giới, tất cả hết thảy cõi nước chư Phật, lục đạo chúng sanh đều gói gọn trong ấy, chẳng phải chỉ có Sa Bà thế giới mà thôi. 'Quảng lợi ích cố' nghĩa là lợi ích rộng lớn, đây chẳng phải là lợi ích nhỏ nhoi, mà là lợi ích to lớn.

Thuyết Địa Tạng Bồ Tát ư Sa Bà thế giới, Diêm Phù Đề nội sanh tử đạo trung, từ ai cứu bạt, độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sanh phương tiện chi sự.

Mà nói việc Địa Tạng Bồ Tát ở thế giới Sa Bà, trong đường sanh tử nơi cõi Diêm Phù Đề, từ mẫn cứu vớt, phương tiện độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ.

Bạn hỏi, tôi nói cho bạn nghe, nói thì làm sao nói cho hết được? Nói hoài chẳng hết. Chuyện Địa Tạng Bồ Tát độ chúng sanh nói hoài chẳng hết, Phật chỉ đơn giản thuật lại vài chuyện mà thôi, hy vọng chúng ta từ những chuyện này, suy nghĩ cặn kẽ. Từ đó có thể hiểu được nguyện lực độ chúng sanh của Bồ Tát, phương tiện khéo léo độ chúng sanh của Bồ Tát, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Bạn nghĩ càng nhiều, càng rõ ràng, thấu suốt thì bạn càng tăng thêm lòng cung kính đối với Bồ tát, tâm nguyện noi gương theo Bồ Tát càng thêm chân thiết. Nếu bạn không hiểu thì lòng cung kính của bạn làm sao khơi dậy nổi? Chẳng thể nào. Chỉ khi nào bạn nhận biết ngài, hiểu rõ ngài, lòng cung kính của bạn sẽ khơi dậy từ tận đáy lòng.

Phàm phu làm không nổi, nói thật ra phàm phu đối với người ta ngay cả bề ngoài cũng nhìn chẳng rõ thì làm sao có thể lý giải? Phàm phu chỉ có mắt thịt, rất kém. Bồ Tát có thiên nhãn nên cao siêu hơn chúng ta rất nhiều. Thiên nhãn có thể nhìn thấy sự khởi tâm động niệm; chúng ta chẳng nhìn thấy sự khởi tâm động niệm của phàm phu. Giống những vị đại quyền thị hiện này thì càng thù thắng nữa. Họ có đầy đủ ngũ nhãn, thập nhãn, họ có huệ nhãn, có trí nhãn, nhìn thấy rõ ràng, minh bạch, thế nên tâm chân thành cung kính tự nhiên sanh khởi. Chúng ta học Phật khế nhập vào cảnh giới này, người thế gian coi chẳng ra gì, chẳng có gì kỳ lạ, chẳng thể so đo. Ai tôn trọng bạn? Chư Phật Như Lai, Bồ Tát, những thiện thần này, họ cung kính bạn, họ hiểu rõ.

Bạn có một thiện tâm chân chánh cũng chẳng cần rao truyền khắp nơi, tâm bạn chân, thiện, hoàn hảo như thế nào đi nữa, bạn nói cách mấy thì người ta nghe xong cũng nghĩ là giả. Ai tin bạn được? Ai biết được bạn có tâm niệm gì? Phật, Bồ Tát, thiên

long quỷ thần biết. Người thế gian không biết, sỉ nhục bạn, hủy báng bạn thì cũng thường thôi, chẳng có gì lạ. Họ là phàm phu, trong kinh gọi họ là 'người đáng thương xót', làm sao bạn có thể so đo với họ được! Bạn so đo với họ thì bạn chẳng có một chút từ bi nào cả. Thế nên chúng ta hiểu được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật, tự mình phải hết lòng tu học cho đàng hoàng. Người thế gian khen ngợi bạn thì cũng tốt, hủy báng bạn thì cũng được, hết thảy đều là giả, chẳng có gì chân thật, họ chẳng nhìn thấy đức năng chân thật trong nội tâm của bạn thì lời khen tặng đó chẳng đáng tin. Khi họ hủy báng bạn cũng chẳng thấy được tạo tác trong nội tâm của bạn, sự hủy báng đó cũng là giả dối.

Sự tán thán của chư Phật Như Lai là thật, một tí gì cũng chẳng giả. Như Thế Tôn trong kinh này tán thán Địa Tạng Bồ Tát, đó là thật, chẳng giả. Ngài làm 'lợi ích rộng lớn'. Địa Tạng Bồ Tát tại thế giới Sa Bà, trong cõi Diêm Phù Đề đặc biệt chỉ khu vực này của chúng ta. Ngài trong cõi này, 'trong đường sanh tử', sanh tử đạo tức là lục đạo luân hồi. Trong lục đạo luân hồi ở thế giới Sa Bà, ngài dùng tâm gì, ngài làm việc gì. 'Từ ai cứu bạt', từ là đại từ bi, đây là tâm của ngài. Từ tâm thanh tịnh, bình đẳng khởi lên đại từ bi, đại từ bi này gọi là từ bi thanh tịnh, từ bi bình đẳng. 'Cứu bạt' là sự nghiệp của ngài, ngài làm gì ở đây? Ngài làm sự nghiệp cứu tế, ngày nay chúng ta gọi là sự nghiệp từ thiện phước lợi, ngài làm việc này. 'Bạt' nghĩa là giải trừ hết thảy tai nạn của chúng sanh, đau khổ của chúng sanh. Tâm từ bi là động lực, Bồ Tát làm việc này chẳng cần báo đáp, người thế gian làm việc nếu không vì danh thì cũng vì lợi. Ngài chẳng cần báo đền, chẳng vì lợi, chẳng có người nào tán thán ngài, chẳng có ai khen thưởng ngài, chẳng vì danh. Phật tán thán ngài ở cung trời Đao Lợi, ngoài Phật ra có ai tán thán ngài? Vì sao không có người tán thán? Chẳng có ai biết được tâm của ngài, hạnh của ngài. Chư Phật Như Lai biết được, chư Phật Như Lai tôn kính, tán thán; tán thán sự phát tâm, sự nghiệp của ngài.

Câu tiếp theo: 'độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sanh phương tiện chi sự', ở đây nêu lên vài việc để nói. Ngài làm việc cứu bạt chúng sanh gì? Chúng ta phải hiểu ý nghĩa của hai chữ 'Độ thoát' này. Nhà Phật thường nói 'độ chúng sanh', người hiện đại đối với chữ 'độ' rất lờ mờ, 'độ' nghĩa là gì? Nói theo kiểu bây giờ thì 'độ' nghĩa là giúp đỡ hết thảy chúng sanh, chăm sóc chúng sanh, yêu mến bảo bọc chúng sanh, dốc toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, giải trừ khó khăn của họ. Hết thảy những chúng sanh chịu khổ chịu tội này, đây gọi là thọ báo, quả báo từ nơi nào đến? Phải giải trừ cái 'nhân' ấy, chư vị phải biết trên 'quả' thì chẳng làm gì được, phải hạ thủ từ 'nhân'. Tội khổ đều do ác nhân tạo thành, muốn thoát ly đau khổ thì nhất định phải tu thiện nhân; tâm hạnh thiện rồi thì tự nhiên sẽ thoát ly ác đạo. Bồ Tát độ chúng sanh cũng chỉ là giáo học, chúng sanh nghe xong có thể giác ngộ, chịu tiếp nhận, chịu quay về, thì họ sẽ thoát ra khỏi lục đạo. Nếu họ nghe xong còn hoài nghi, không chấp nhận, họ nói lời này chưa đáng tin, chưa chắc là sự thật, nếu vậy thì họ vẫn phải chịu khổ tiếp tục. Một ngày nào đó họ tiếp nhận, hiểu rõ thì họ mới thật sự thoát khổ. Thế nên Địa Tạng Bồ Tát cũng giống như Phật, đều làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 13 (Số 14-12-13)

Kính thưa hai lão hòa thượng, chư vị pháp sư, chư vị đồng học:

Xin mở kinh, 'Khoa Chú' của Thanh Liên pháp sư, ở Đài Loan gần đây chúng tôi phát tâm in hai vạn bộ, tương lai mọi người đều có thể có bản in hoàn hảo. Kinh Địa Tạng vô cùng quan trọng, từ kinh điển chúng ta thấy được Thế Tôn giao phó sứ mạng giáo hóa chúng sanh trong thời Mạt pháp chín ngàn năm này cho Địa Tạng Bồ Tát, thế nên Địa Tạng Bồ Tát chính là đại biểu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong thời Mạt pháp, địa vị của ngài vô cùng đặc biệt, ngài thay thế Phật. Chúng ta thấy trong kinh này, hết thảy Bồ Tát nhận lời phó chúc đều ủng hộ Địa Tạng Bồ Tát. Trước giảng đài chúng ta thờ Địa Tạng Bồ Tát, mọi người đều nhìn thấy, chúng ta nhất định phải y giáo phụng hành.

Hôm nay giảng đoạn kinh nói về Tứ Đại Thiên Vương đặt ra câu hỏi. Nói thật ra, nghi vấn của họ chính là nghi vấn chung của chúng ta. Tại sao Địa Tạng Bồ Tát nhiều kiếp lâu xa đến nay thường phát đại nguyện phải độ tận chúng sanh, nhưng mãi cho đến nay chúng ta thấy hình như chúng sanh chẳng được độ, tạo tác tội nghiệp ngày càng nặng, nguyên nhân rốt cuộc là ở chỗ nào? Hy vọng Thế Tôn có thể khai thị cho mọi người. Đoạn khai thị phía sau đều là những lời trong kinh Phật. Người học giảng kinh chúng ta khi gặp những đoạn kinh văn này phải đặc biệt lưu ý, lúc đối diện thính chúng đông đảo, trong thính chúng có người đã từng gặp phải những nạn ấy, nếu chúng ta giảng không khéo thì họ rất khó chấp nhận, khó chịu, thậm chí sẽ thốt lời trách móc, khởi tâm oán trách, như vậy thì không tốt. Thế nên khi gặp kinh văn như vầy thì phải dùng cách khéo léo, phải khơi gợi mà không làm tổn thương lòng tự ái của người ta. Điểm này vô cùng quan trọng. Trong 'Nội Điển Giảng Tọa' các bạn đã học qua rồi, tuyệt đối không thể gây tổn thương đến lòng tự ái của người ta, thí dụ trong kinh văn, ngày nay chúng ta muốn nói về tàn tật, nói quá nhiều về những việc này. Nếu bạn nói cặn kẽ như vậy thì họ nghe xong sẽ rất buồn bực, chỉ nên nói sơ lược, phớt qua thôi; còn những chỗ liên quan đến nhân quả báo ứng thì có thể nói sâu thêm một chút, làm cho họ cảnh giác.

Ngoài ra nhất định phải biết ngày nay chúng ta giảng kinh chẳng phải chỉ có những thính chúng [hiện diện] trước mắt này mà thôi, băng thâu hình được phát hình toàn thế giới, thính chúng coi băng này qua máy truyền hình không biết là bao nhiêu mà tính, cũng không biết họ là người như thế nào, chúng ta phải dự liệu, không thể làm mích lòng họ. Phải làm cho họ nghe xong có thể sanh tâm hoan hỷ, tâm cung kính, có thể quay về, sửa đổi lỗi lầm. Được vậy thì sự giáo học Phật pháp của chúng ta mới thành tựu viên mãn. Chẳng giống lúc trước, lúc trước chỉ có thính chúng có mặt tại buổi giảng, nếu chẳng hiện diện nơi ấy thì chẳng nghe được; hiện nay truyền hình, truyền thanh, người trên cả toàn thế giới đều nghe được. Vả lại băng thâu hình, thâu thanh có thể lập lại nhiều lần, bạn suy xét coi thử thính chúng sẽ là bao nhiêu? Đây là việc chúng ta phải dự liệu, không thể sơ sót.

Bây giờ xin xem kinh văn. Tương lai chúng ta in xong cuốn Khoa Chú, lưu thông với số lượng nhiều, đặc biệt là đạo tràng Địa Tạng Bồ Tát ở Cửu Hoa Sơn, chỗ

của Bổn Tôn, chúng ta nhất định phải dốc toàn tâm toàn lực để ủng hộ. Ngày nay thế giới động loạn, chư vị đều cảm nhận tình cảnh động loạn này rất rõ ràng, hơn nữa, tai biến nhiều phi thường, bất luận ở quốc gia nào trên thế giới, ở địa khu nào, có nhiều tai biến to lớn, ngày nay tin tức, thông tin đều chẳng tường trình nữa. Tại sao không tường trình nữa? Chúng ta suy đoán có thể là vì sợ mọi người biết được sẽ cảm thấy khủng hoảng. Vì muốn an định cục diện xã hội trước mắt nên rất nhiều tai nạn lớn đều không tường trình nữa, đây là điều chúng ta có thể lý giải được. Nhưng những tai nạn này xảy ra như thế nào? Người đời chẳng hiểu nguyên nhân, đều gán cho nó là tai họa tự nhiên, đẩy trách nhiệm cho thiên nhiên, hình như chẳng liên quan gì đến con người chúng ta, đây là sự sai lầm to lớn. Có quan niệm và tâm thái này không những tai biến không thể chấm dứt mà càng ngày càng nghiêm trọng, chúng ta sẽ còn phải chịu khổ nạn lớn hơn. Chúng ta có trách nhiệm, có sứ mạng làm thế nào giúp đỡ xã hội, hóa giải, giảm nhẹ, đình trệ những tai nạn này, đó chính là hết lòng học Phật, hết lòng tu hành.

Phật dạy chúng ta tận hư không trọn cả pháp giới và chúng ta cùng một thể, đây là thật, chẳng giả, cả bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chính là giảng về một việc này. Thế giới này hình thành như thế nào? Trong kinh Phật giảng rất rõ ràng, có tình có tưởng thì sẽ biến hiện ra thế gian hữu tình, chín pháp giới thế gian hữu tình; vô tình vô tưởng thì sẽ biến thành khí thế gian 1[1], Pháp Tướng Duy Thức giảng rất tường tận, thấu triệt. Hữu tình thế gian là Kiến Phần trong A Lại Da thức biến hiện ra, Vô tình thế giới là Tướng Phần 2[2] trong A Lại Da Thức biến hiện ra, Kiến và Tướng đều cùng một nguồn gốc, cùng thuộc một Tự Chứng Phần3[3], làm sao có thể nói không có liên quan được? Trong kinh Đại Thừa, Phật nói: *'Tình và Vô Tình cùng tròn đầy chủng trí'*, như vậy cả hai Tình và Vô Tình mới 'cùng' được. Nếu cả hai chẳng có liên quan như vậy thì làm sao 'cùng' được?

Đức Phật lại nói với chúng ta: *'Hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh'*, hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều từ tâm tưởng sanh. Vì từ tâm tưởng sanh nên cái tâm tưởng này là chủ tể. Trong hội giảng kinh Lăng Nghiêm, Phật nói rõ ràng, minh bạch hơn: *'Nếu chuyển được cảnh thì cũng giống như Như Lai'*, đây tức là nói *'y báo chuyển theo chánh báo'*. Chánh báo là gì? Chánh báo là tâm, là ý niệm (niệm đầu). Chúng ta thường nói: 'Dung mạo của chúng ta chuyển theo ý niệm, thể chất của chúng ta chuyển theo ý niệm, hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta cũng chuyển theo ý niệm'. Tâm của bạn tốt thì tướng mạo của bạn đương nhiên sẽ tốt, thân thể của bạn sẽ tốt, hoàn cảnh cư trú cũng tốt, là do tâm chuyển cảnh giới, chẳng phải cảnh giới chuyển tâm. [Khi nói về thời đại] hiện nay, Phật trong kinh thường nói đến chữ 'điên đảo', cái gì điên đảo? Người thế gian đều bị hoàn cảnh chuyển, tâm người thế gian bị hoàn cảnh chuyển. Hiện nay tai nạn [gì xảy ra, người ta] đều đổ thừa cho là tai họa tự nhiên, chẳng liên can gì đến con người, đây tức là tâm bị cảnh chuyển, đây là sự sai lầm to lớn.

1[1] *Khí thế gian tức là cảnh giới bên ngoài, bao gồm cõi nước, thế giới v.v... tức Y Báo.*

2[2] *Kiến Phần: Còn gọi là Năng Thủ Phần, chính là tác dụng của Thức, là chủ thể để nhận biết sự vật. Kiến có nghĩa là soi thấy, tác dụng thấu hiểu rõ ràng của tâm tánh, chiếu soi hết thảy các pháp, thấu hiểu nghĩa lý của hết thảy các pháp giống như gương hiện bóng.*

Tướng Phần: Còn gọi là Sở Thủ Phần, chính là cảnh tượng của mọi sự vật thuộc thế giới bên ngoài hiện bóng trong tâm. Nói cách khác, Tướng Phần chính là hình ảnh, ấn tượng của thế giới bên ngoài được lưu giữ trong tâm thức, là đối tượng nhận biết của Kiến Phần.

Tự Chứng Phần: Còn gọi là Tự Thể Phần, Tự có nghĩa là Tự Thể, Chứng là chứng biết. Như vậy, Tự Chứng Phần là tác dụng nhận biết của tự tâm. Kiến Phần và Tướng Phần chỉ là những khía cạnh khác nhau của Tự Chứng Phần nếu xét về bản thể.

3[3] *Tự Chứng Phần: Còn gọi là Tự Thể Phần, Tự có nghĩa là Tự Thể, Chứng là chứng biết. Như vậy, Tự Chứng Phần là tác dụng nhận biết của tự tâm. Kiến Phần và Tướng Phần chỉ là những khía cạnh khác nhau của Tự Chứng Phần nếu xét về bản thể.*

Chúng ta xem thời cổ, bạn coi lịch sử, thời xưa nếu trong xã hội xảy ra tai biến trọng đại thì những đế vương, đại thần, quan viên địa phương giống như thị trưởng, quận trưởng hiện nay, [tức là] những bậc lãnh đạo ở địa phương, họ đều trai giới, tắm rửa, giảm thiện *(giảm phần ăn)*. Lúc bình thường ăn cơm, như lúc vua ăn cơm, có lẽ quý vị có người cũng không biết, trên bàn ăn của vua nhất định phải có một trăm món ăn, chẳng kể là vua ăn hay không, đều không thể thiếu. Giảm thiện là gì? Giảm phân nửa. Thật sự phản tỉnh, suy nghĩ lỗi lầm, đại xá thiên hạ, làm thêm chuyện tốt, hy vọng có thể chuyển đổi ý trời. Chuyển đổi ý trời trên thực tế chính là hy vọng tâm địa hiền lành có thể biến đổi hoàn cảnh, chấm dứt kiếp nạn. Người thời trước biết làm như vậy, người hiện nay không biết, người hiện nay cho rằng [tai nạn] chẳng liên can gì với mình, người thời trước biết. Nhà Nho, Đạo giáo, nhà Phật đều biết. Chúng ta biết, phải bắt đầu làm từ bản thân mình.

Thế nên nhất định phải biết, ai có trách nhiệm đối với kiếp nạn thế gian? Mình có trách nhiệm, mình chẳng tu hoàn hảo, mình chẳng làm tốt đẹp. Ngày nay Phật giáo bị xã hội đại chúng hiểu lầm, chúng ta có thể trách người ta không? Không thể trách họ. Tại sao không thể trách người ta? Người xuất gia chúng ta chẳng làm gương tốt. Người trong thế gian chịu khổ lớn lao như vầy, gặp nạn lớn như vậy, là do ai tạo thành? Do mình tạo thành. Mình chẳng thiện, tâm mình chẳng thiện, hạnh của mình chẳng thiện, lời nói chẳng thiện nên gây nhiều khổ nạn cho con người. Ngày nay nhìn thấy kiếp nạn này, tôi phải phản tỉnh, tôi có lỗi lầm to lớn, tội nặng, tôi phải sám hối. Nếu người học Phật chúng ta ai nấy đều có giác ngộ như vậy thì Phật giáo làm sao không hưng vượng cho được, xã hội đại chúng làm sao không tiếp nhận được! Con người ai nấy đều có thể giữ tâm tốt, làm chuyện thiện, thì kiếp nạn sẽ được hóa giải. Kiếp này là tâm kiếp, căn nguyên là từ tâm, chẳng phải chi khác. Thế nên ngày nay chúng ta đọc đoạn kinh này thì phải phản tỉnh sâu xa, đức Phật trong kinh đã giảng rõ nhân và quả. Ngôn ngữ tuy chẳng nhiều, đúng là lời vắn tắt nhưng chứa đầy đủ ý nghĩa, bất luận là đối sự, đối lý, đều nói được viên mãn, rốt ráo phi thường.

Xin chư vị mở kinh, Khoa Chú trang 160, đếm ngược hàng thứ ba [từ phía dưới lên], xem kinh văn:

Phật cáo Tứ Thiên Vương, thiện tai, thiện tai. Ngô kim vị nhữ cập vị lai hiện tại thiên nhân chúng đẳng quảng lợi ích cố, thuyết Địa Tạng Bồ Tát ư Sa Bà thế giới, Diêm Phù Đề nội sanh tử đạo trung, từ ai cứu bạt, độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sanh phương tiện chi sự.

Phật bảo Tứ vị Thiên Vương rằng: 'Lành thay, lành thay'. Ta nay sẽ vì sự lợi ích rộng lớn của quý vị cùng các chúng trời người hiện tại và vị lai, mà nói việc Địa Tạng Bồ Tát ở thế giới Sa Bà, trong đường sanh tử nơi cõi Diêm Phù Đề, từ mẫn cứu vớt, phương tiện độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ.

Bồ Tát nhận lời phó chúc của Phật, tiếp nhận sự ủy thác của Phật, đặc biệt là chúng sanh đời Mạt pháp ương ngạnh khó giáo hóa, lão nhân gia dùng vô tận từ bi, vô lượng trí huệ và phương tiện, hóa thân ở thế gian này. Hóa thân của ngài, nam nữ già trẻ trong xã hội, các ngành các nghề thảy đều có, nếu chẳng là người minh nhãn (người mắt sáng) thì chẳng nhìn thấy, người minh nhãn thấy rõ ràng, thấy minh bạch, ở đó tạo ra phương tiện vô tận. Không nhất định là thị hiện thân phận người xuất gia, hiện nay mọi người chẳng hiểu Phật pháp, đều cho rằng Phật pháp là mê tín, có chướng ngại nghiêm trọng. Thị hiện người xuất gia giáo hóa chúng sanh có thể sẽ có nhiều chỗ không thuận tiện, Bồ Tát thị hiện thân phận tại gia rất nhiều, đều khuyến thiện, sửa lỗi.

Hôm qua có đồng tu từ Đài Loan đến và đem những băng thâu hình, trẻ em đọc kinh. Tôi nghe qua vài đoạn và rất cảm khái, những đại đạo lý của cổ thánh tiền hiền chẳng phải là học thuyết của cá nhân họ. Có phải những gì Khổng Tử nói là học thuyết của ngài không? Lời Lão Tử nói là học thuyết của ngài không? Lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy có phải là học thuyết của ngài không? Đều chẳng phải, đó là gì? Học thuyết xứng tánh, là bản tánh của hết thảy chúng sanh, chân tâm của hết thảy chúng sanh, pháp vốn đầy đủ trí huệ đức năng của hết thảy chúng sanh, các ngài nói đều là những thứ này. Nếu bạn nói đó là [học thuyết] của mỗi cá nhân họ thì bạn đã hiểu sai rồi. Là trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh chúng ta, thuần thiện chẳng tạp. Nếu có thể phát huy được thì sẽ chân chánh đạt được 'thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ', những đại đạo lý này chẳng liên quan đến một cá nhân nào cả. Tâm địa của họ thanh tịnh, từ bi, bác ái, họ đã nhìn thấy, Phật pháp gọi là minh tâm kiến tánh, họ đã nhìn thấy, chứng được. Chúng ta mê hoặc điên đảo, chẳng nhìn thấy, chẳng chứng được. Nếu chúng ta chứng được thì chẳng khác gì họ. Phải làm sao mới có thể chứng được? Phải phá ngã chấp, phá pháp chấp. Làm cách nào để phá? Niệm niệm vì chúng sanh, đừng nghĩ cho mình nữa; niệm niệm vì Phật pháp, sự nghiệp của chúng ta chính là Phật pháp. Phật pháp là gì? Phật là giác ngộ, pháp là phương pháp, phương pháp làm cho hết thảy chúng sanh giác ngộ thì gọi là Phật pháp. Giúp cho hết thảy chúng sanh giác ngộ thì bạn đã hoằng dương Phật pháp. Ngày nay chúng ta ở tại thế gian này, làm công việc này, công việc ngành nghề này nói theo cách nói hiện nay tức là người làm công tác giáo dục xã hội, nói như vậy thì mọi người dễ hiểu.

Năm xưa lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài làm công việc gì? Giáo dục xã hội, vả lại còn là thiện nguyện, chẳng thâu học trò một đồng xu cắc bạc nào cả, hoàn toàn là nghĩa vụ, ngài là một người làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện. Chúng ta là học trò của Phật thì phải nối tiếp huệ mạng của Phật. Phật làm suốt cả đời, chúng ta là đệ tử học Phật nhiều đời kiếp sau, hết lòng làm theo, tiếp tục chẳng gián đoạn, nhất định phải làm cho hoàn hảo công tác giáo dục xã hội này. Đối tượng của giáo dục xã hội là hết thảy chúng sanh, chẳng phân biệt nam nữ, già trẻ, chẳng phân biệt sang hèn, giàu nghèo, cũng chẳng phân cõi trời cõi người, chín pháp giới chúng sanh đều đối đãi bình đẳng. Chúng ta phải học 'tác sư tác phạm' (làm thầy, làm mô phạm), 'sư' là gương mẫu của xã hội đại chúng, 'phạm' là mô phạm. Nếu chúng ta làm không được thì phải sanh tâm hổ thẹn. Chúng ta giữ tâm [niệm như thế nào], tâm chúng ta có thể làm gương cho xã hội đại chúng không? Ngôn hạnh của chúng ta có thể làm gương cho xã hội đại chúng không? Phải thường suy nghĩ như vậy. Phàm những gì không thể làm gương tốt cho xã hội đại chúng, tuyệt đối không được làm. Những tâm niệm chẳng thể làm gương tốt cho xã hội đại chúng thì tuyệt đối chẳng thể khởi. Như vậy mới có thể được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, chư Phật, Bồ Tát gia trì, long thiên thiện thần ủng hộ. Chúng ta đề cao giáo dục xã hội, Tân Gia Ba có thể làm nên một chút thành tích này [là vì] cư sĩ Lý Mộc Nguyên, các vị đồng tu, những nhân viên cán sự dưới quyền ông ta, tứ chúng đồng tu chúng ta chẳng có tâm riêng tư. Tại sao những chỗ khác làm không thành công? Phật chẳng có tâm phân biệt, chẳng có yêu thích; Thiện Đạo đại sư nói rất hay, đều là *'gặp duyên chẳng đồng'*. Đại chúng ở địa phương này, một lòng một dạ xả mình vì người, mỗi ngày đều nghĩ vì Phật pháp, vì chúng sanh, chẳng vì mình, cho nên được cảm ứng vô cùng thù thắng. Ở đây chúng ta có thể cảm nhận cảm ứng này rất rõ ràng, hiển cảm hiển ứng 4[4], chẳng thể nghĩ bàn.

4[4] *"Hiển cảm hiển ứng"* là ngay trong đời này dốc lòng thành, cạn lòng kính lễ niệm cúng dường thì sẽ được gia bị, gặp điều hung trở thành điều lành, gặp nạn thành may, và nghiệp tiêu, chướng tận, phước tăng, huệ rạng v.v…

Chúng ta ở đây làm một gương tốt, người xuất gia làm người xuất gia gương mẫu, đạo tràng làm đạo tràng gương mẫu, hy vọng [những người] đến đây tham học chỉ đạo, sau đó xây dựng những gương mẫu này ở khắp mọi nơi trên thế giới. Hy vọng [đạo tràng] họ xây dựng tốt hơn ở đây, ngạn ngữ thường nói: *"Đến sau về trước"*5***[5]***, câu này rất có đạo lý. Tại sao đến sau vượt trội hơn trước? Xây sau chắc chắn tốt hơn trước, đợt trước có khuyết điểm, thiếu sót thì xây sau có thể sửa đổi cho tốt hơn. Cho nên càng về sau thì càng thù thắng, tốt hơn, được vậy mới có thể phổ độ chúng sanh, mới có thể hóa giải kiếp nạn của thế gian này. Chúng tôi không hy vọng mọi người đến đây học xong chẳng muốn về, ở lại đây, như vậy không tốt. Học xong cách làm việc của Cư Sĩ Lâm rồi trở về địa phương của mình tự làm lấy. Xây dựng đạo tràng chánh pháp ở khắp nơi, được vậy thì thế gian này mới được cứu, các bạn thật sự học được, thật sự hiểu được ý nghĩa của Phật, 'nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa'.

Giới thiệu Tứ Thiên Vương cho quý vị xong. Thế Tôn nói với Tứ Thiên Vương, 'cáo' là lời người trên nói với dưới, những cách dùng chữ này chúng ta đều phải biết. Hai chữ 'Thiện tai, thiện tai' có hai ý nghĩa, thứ nhất là khen họ hỏi rất đúng, rất hay, hỏi để đem lợi ích cho hữu tình. Những Thiên Vương, Thiên Thần, chư vị nên biết, phần nhiều đều là Phật, Bồ Tát hóa thân, họ chẳng phải là quỷ thần. Nếu thật sự là phàm phu thì chẳng hỏi những câu như vậy nổi. Người có thể hỏi như vậy đều là Phật, Bồ Tát hóa thân thị hiện, đều chẳng phải là người thường. Chữ 'Thiện Tai' thứ hai là khen ngợi họ, họ thiện hộ thế gian. 'Hộ thế' quan trọng là 'thiện hộ', chữ này rất hy hữu, họ có phương tiện khéo léo. Hộ trì thế gian, làm cho người thế gian giác ngộ, làm cho người thế gian đoạn ác tu thiện, như vậy mới gọi là 'thiện hộ'. Phật thuyết pháp ở nơi đó, chúng ta coi những gì nói trong kinh văn rất giống với tài liệu giảng thuyết của tôi.

'Ngô kim vị nhữ cập vị lai hiện tại thiên nhân đẳng chúng', thiên, nhân đẳng chúng tức là chúng sanh trong lục đạo, nói thiên và nhân, những cõi khác lược bớt, 'đẳng' tức là lục đạo, đặc biệt thương xót chúng sanh trong lục đạo. Bạn nghĩ xem ngài ở hội giảng kinh tại cung trời Đao Lợi, ý nghĩa của Phật vô cùng rõ ràng, chẳng phải chỉ đại chúng hiện diện tại cung trời Đao Lợi lúc đó, pháp hội này lưu truyền về sau, những thính chúng chẳng hiện diện lúc đó không biết bao nhiêu mà kể? Giống như hiện nay chúng ta đối diện trước máy thâu hình vậy, được truyền hình trên hệ thống vệ tinh, truyền đi khắp thế giới trên mạng lưới điện toán. Hiện nay người nghe chúng ta giảng kinh, tương lai chúng ta vãng sanh, chẳng còn ở đây, băng thâu hình này vẫn được giữ lại, người đời sau vẫn còn nghe được. Tôi nghe nói hiện nay kỹ thuật chế tạo những băng này rất cao, có thể giữ được hai trăm năm. Chúng ta chẳng có thọ mạng dài như vậy, hai trăm năm sau người ta còn nghe được băng của chúng ta, còn nhìn thấy được màn ảnh này. Thế nên chúng ta ở nơi đây giảng kinh thuyết pháp, mỗi cử chỉ hành động trong đời sống chúng ta, mỗi lời nói mỗi hành vi tối thiểu cũng phải giữ tròn trách nhiệm đối với thính chúng hai trăm năm sau. Trong lời nói này của Thế Tôn đã hàm chứa những ý nghĩa như vậy.

'Quảng lợi ích cố', lợi ích rộng lớn khi giảng Địa Tạng pháp môn, tuyên dương Địa Tạng pháp môn, duy chỉ có Địa Tạng pháp môn mới có thể độ thoát chúng sanh trong chín ngàn năm Mạt pháp. Đạo lý của Nho gia, Đạo giáo, Phật giáo Đại Thừa rất tốt nhưng hiện nay chẳng có người chịu nghe, chịu tiếp nhận. Có thể niệm kinh một lần cũng kể là hay lắm rồi, có thể làm theo kinh thì chẳng có một ai. Địa Tạng pháp môn là pháp môn căn bản, do đó nhiều năm trước tôi đi giảng ở những thành phố lớn dọc miền

---

5[5] hậu lai cư thượng

đông nước Mỹ, giảng đại ý kinh Địa Tạng. Vì thời gian ngắn, mỗi nơi chỉ có bảy ngày, chẳng có cách chi giảng kinh, chỉ có thể giảng đại ý. Có một số đồng tu hỏi tôi:

'Pháp sư chuyên hoằng Tịnh Độ thì tại sao lại giảng kinh Địa Tạng? Không phải đã xen tạp, đã xen tạp môn khác rồi sao?'.

Họ hỏi rất đúng. Tôi nói: 'Thiện tai, thiện tai, hỏi hay lắm. Tôi vẫn đang giảng Tịnh Độ, vẫn chuyên tu chuyên hoằng'.

Họ nói" 'Kinh Địa Tạng là gì?'

Tôi nói: 'Kinh Địa Tạng là câu đầu tiên trong Tịnh Độ Tông'.

Họ hỏi: 'Câu nào?'

Kinh Quán Vô Lượng Thọ giảng về Tam Phước, mọi người đều biết, là cơ sở của sự tu hành trong Tịnh Tông. Trong Hạnh Môn chúng ta đề xướng: 'Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Phổ Hiền Thập Nguyện', mọi người đều biết cả. Bộ kinh Địa Tạng này chính là phước thứ nhất trong Tam Phước: *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười nghiệp thiện'*. Các bạn nghĩ xem kinh Địa Tạng có giảng về việc này không? Tôi vẫn giảng về Tịnh Độ, chẳng tách lìa, vẫn chuyên tu, chuyên hoằng. Nói vậy nên mọi người đều hiểu, bộ kinh này giảng kỹ về bốn câu trên.

Từ chỗ này chư vị cũng có thể thấu hiểu đến nghĩa thú của kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm nói *'một tức là hết thảy, hết thảy tức là một'*, nói cho chư vị biết, bất kỳ một kinh nào cũng bao hàm hết thảy kinh, hết thảy kinh đều có thể nhập vào một kinh. Không những có thể nhập vào một bộ kinh, nói cho chư vị biết, có thể nhập vào ý của một câu. Thí dụ nói chỗ này, Phật bảo Thiên Vương 'Thiện tai, thiện tai'. Hết thảy kinh Phật trong bốn mươi chín năm có thể nhập vào 'Thiện tai', Thiện Tai bao hàm hết thảy kinh, bao hàm hết thảy y cứ (căn cứ). Hai câu 'Thiện tai, Thiện tai' cũng có thể nhập vào hết thảy kinh, hết thảy kinh cũng có thể nhập vào hai chữ này. Pháp viên dung, tại sao? Xứng tánh. Nếu bạn có thể thấu hiểu tánh đức, tức là *'một và nhiều chẳng hai'*, lý sự viên dung, đâu có chỗ nào chướng ngại? Phía sau nêu ra vài thí dụ. Sau cùng:

Tứ đại thiên vương ngôn dụy nhiên, Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn

Tứ đại Thiên Vương bạch rằng: 'Vâng! Bạch đức Thế Tôn, chúng con xin muốn được nghe'.

Thế Tôn khen ngợi họ, họ đáp 'dụy nhiên'. 'Dụy nhiên' là lời đáp vô cùng cung kính, thái độ khải thỉnh đảm đương này đáng cho chúng ta học tập. 'Nguyện nhạo dục văn' thì mới có được thọ dụng, chữ 'nhạo' này phải chân tâm tình nguyện, vui vẻ tiếp nhận, tiếp nhận thì phải y giáo phụng hành. Nếu chẳng thể làm được thì bốn chữ 'nguyện nhạo dục văn' trở thành trống không, nhất định phải làm cho bằng được. Xin xem tiếp:

Phật cáo Tứ Thiên Vương, Địa Tạng Bồ Tát cửu viễn kiếp lai ngật chí ư kim độ thoát chúng sanh do vị tất nguyện, từ mẫn thử thế tội khổ chúng sanh, phục quán vị lai vô lượng kiếp trung, nhân mạn bất đoạn, dĩ thị chi cố hựu phát trọng nguyện.

Đức Phật bảo bốn vị Thiên Vương rằng: 'Bồ Tát Địa Tạng từ bao kiếp lâu xa đến nay, độ thoát chúng sanh vẫn chưa mãn nguyện, từ bi thương xót chúng sanh

tội khổ ở đời này, lại quán thấy vô lượng kiếp về sau, nghiệp nhân cứ dây dưa chẳng dứt, vì lẽ đó nên lại phát trọng nguyện.

Trên thực tế Địa Tạng Bồ Tát ở đây hiện thân thuyết pháp dạy chúng ta, dạy chúng ta việc gì? Dạy chúng ta phải không ngừng phát nguyện, thế nên trong khóa lễ sáng tối chúng ta đều phát nguyện. Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, trong Ngũ Niệm Pháp Môn có 'Phát nguyện'. Phải thường phát nguyện, tại sao vậy? Nếu ba ngày không phát nguyện thì quên ráo trọi. Phàm phu nghiệp chướng tập khí quá nặng, bên trong có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bên ngoài có dụ hoặc của ngũ dục lục trần, chúng ta sinh sống trong hoàn cảnh này nếu không đọc kinh mỗi ngày, phát nguyện mỗi ngày thì chẳng giữ vững nổi, chúng ta sẽ bị những làn sóng này nuốt mất. Nói cách khác, chúng ta nhất định sẽ sanh tử luân hồi y như cũ, chắc chắn sẽ đọa tam ác đạo, chúng ta phải cảnh giác từng giờ từng phút. Trong những đợt sóng chập chùng này, trong những ngọn sóng mạnh mẽ này, chân chúng ta phải đứng cho vững, vừa sơ ý một chút liền bị cuốn trôi đi mất. Làm thế nào chân mới có thể đứng vững chắc được? Chính là Địa Tạng pháp môn. Thế nên từ trước đến giờ, khi mỗi đạo tràng mới thành lập thì nhất định phải giảng kinh Địa Tạng trước hết, để chúng ta có một mảnh đất. Đạo tràng này đã xây xong mà chưa giảng kinh này, nhân duyên kỳ này quá tốt, được lệnh của lão hòa thượng Nhân Đức, ngài là đại biểu cho Địa Tạng Bồ Tát của chúng ta hôm nay, Chúa Cứu Thế của chúng sanh đời Mạt pháp, chúng ta đi theo lão hòa thượng. Chúng ta phải hoằng dương, phát triển rộng rãi pháp môn này, đạo tràng này mới xây, có thể ở đây giảng một bộ kinh Địa Tạng, phù hợp với bổn nguyện của chúng ta, vô cùng hy hữu. Bộ băng thâu hình này sẽ được lưu thông rất rộng, giúp cho những đạo tràng mới xây dựng, chúng ta chẳng có cách chi phân thân, chẳng thể [trực tiếp] đến đó giảng kinh thì dùng bộ băng thâu hình này.

Chúng ta phải thể hội đến Bồ Tát từ nhiều kiếp lâu xa mãi cho đến nay, tại sao độ thoát cho những chúng sanh này nhưng vẫn chưa viên mãn đại nguyện của ngài, chính là như trong kinh nói: *'Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề ương ngạnh khó giáo hóa'*. Trong lục đạo, tình hình mỗi đạo đều giống nhau, Thiên Thai đại sư khai diễn Pháp Hoa, giảng 'Trăm giới ngàn như' cho chúng ta, đó là chân tướng sự thật, trong mỗi pháp giới đều có mười pháp giới. Trong tâm chân thành của chúng ta khởi một niệm A Di Đà Phật thì đó là pháp giới Phật, khởi một niệm Địa Tạng Bồ Tát thì là pháp giới Bồ Tát, vừa khởi một niệm tham, sân, si thì đó là pháp giới tam ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghiệp nhân quả báo của thập pháp giới chuyển biến trong từng một niệm, đây là hiện tượng luân hồi, đây là nghiệp nhân căn bản của luân hồi. Chúng ta tiếp nhận di giáo của Phật, có duyên đọc tụng kinh điển Đại Thừa, đây tức là Địa Tạng Bồ Tát độ chúng ta, kéo chúng ta ra khỏi tam ác đạo đến cõi nhân thiên, độ đến pháp giới Phật, Bồ Tát. Tánh thức của chúng ta ương ngạnh, khó giáo hóa, vừa rời khỏi giảng đường, xếp cuốn kinh lại thì đọa lạc ngay, lại đọa lạc đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không phải chúng ta mỗi ngày đều làm việc này hay sao? Thế nên nhọc sức Địa Tạng Bồ Tát nhiều kiếp lâu xa đến nay, mỗi ngày đều phải phát nguyện, thương xót những chúng sanh tội khổ chúng ta. Giác căn của chúng ta không vững, nguyện lực của chúng ta yếu ớt, lòng tin rất yếu mềm, chẳng chống chọi nổi phiền não tập khí. Bồ Tát nhìn thấy vô cùng rõ ràng, 'vô lượng kiếp trung, nhân mạn bất đoạn', 'nhân mạn' là thí dụ, giống như cỏ bò lan dưới đất, nghiệp nhân của cỏ bò lan rất khó diệt tận. Ví như phiền não tập khí của chúng ta, tạo nghiệp thọ báo, luân hồi vô tận, dùng bốn chữ này hình dung quá đúng. Nhưng Bồ Tát vẫn chẳng nản chí, chẳng lùi bước, vẫn dốc hết tâm, hết sức giúp đỡ chúng sanh. Nên Thế Tôn nói tiếp:

Như thị Bồ Tát ư Sa Bà thế giới, Diêm Phù Đề trung, bá thiên vạn ức phương tiện nhi vi giáo hóa.

Bồ Tát ở thế giới Sa Bà, trong cõi Diêm Phù Đề, dùng trăm ngàn vạn ức phương tiện để giáo hóa.

Thế giới Sa Bà đặc biệt chỉ cõi Diêm Phù Đề, Diêm Phù Đề là địa cầu, Ngài có duyên sâu đậm với chúng sanh trên quả địa cầu chúng ta. Ba nghiệp của Bồ Tát, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, chỉ có một mục đích là lợi ích hết thảy chúng sanh. Trong các kinh điển đức Phật thường nói, thật sự đã nói ngàn lần, vạn lần, chúng ta vẫn chẳng nhớ y như cũ. Phật dạy chúng ta *'Thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói'*, chư vị thử nghĩ coi trong kinh, đức Phật đã nói câu này hết bao nhiêu lần? Đã nói vô cùng khẩn thiết. Trong kinh đức Phật giảng về những đạo lý, phương pháp, cảnh giới ấy, chúng ta phải thọ trì. Trì là bảo trì, sau khi tiếp nhận xong thì phải bảo trì, chẳng đánh mất. Làm sao tiếp nhận đạo lý mà Phật đã giảng? Biến nó thành tư tưởng, kiến giải của mình trong sanh hoạt thường ngày, như vậy là chúng ta tiếp nhận rồi. Cách suy nghĩ, cách nhìn của chúng ta giống như cách nói trong kinh Phật, chẳng trái nghịch, như vậy là chúng ta tiếp nhận ý tưởng, quan điểm của Phật. Những phương pháp mà Phật giảng trong kinh biến thành hành vi trong đời sống của chúng ta, chúng ta phải làm cho bằng được. Cảnh giới Phật giảng trong kinh biến thành sự hưởng thọ của chính mình ngay hiện tiền, nhập cảnh giới Phật. Như vậy thì tự tại, khoái lạc biết mấy, đây là 'tự thọ dụng', tự thọ dụng chính là 'tha thọ dụng'. Biểu hiện trong cuộc sống của chúng ta là nêu gương cho người khác, tức là Diễn, nghĩa là biểu diễn cho người khác coi. Nói được thì phải làm được, làm ra cho người ta xem, đích thật là gương mẫu của xã hội đại chúng, là mô phạm của xã hội đại chúng.

Trong hai năm gần đây chúng ta giảng kinh hoằng pháp ở mọi nơi, chúng ta có một đề mục chung *'Học vi nhân sư, hành vi thế phạm 6**[6]**'*, chúng ta dùng tám chữ này làm đề mục chung. Mọi người vừa nhìn đề mục này không đến nỗi hiểu lầm chúng ta là mê tín, hiểu lầm là chúng ta đang làm việc tôn giáo 7[7]. Chúng ta làm sao có thể đem Phật giáo trở về làm giáo dục xã hội, bốn chúng đệ tử trong nhà Phật là người làm công tác giáo dục xã hội, Phật pháp mới có thể phổ biến lợi ích hết thảy chúng sanh. Lời này là như thế nào? Các tôn giáo tín ngưỡng khác nhau đều cùng đến học Phật, các văn hóa chủng tộc khác nhau cũng ưa thích học Phật thì Phật pháp mới có thể đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Nếu nói Phật giáo là tôn giáo thì các tôn giáo chẳng thể dung nạp, tiếp nhận. Nhưng Phật pháp là giáo dục xã hội, chúng ta xóa bỏ giới hạn của tôn giáo thì bất kỳ tín đồ tôn giáo nào cũng có thể học Phật, đều có thể làm đệ tử của Phật, đều chẳng mâu thuẫn với tín ngưỡng của tôn giáo họ.

Giống như sự thị hiện trong kinh Hoa Nghiêm, Bà La Môn, Bà La Môn giáo chẳng phải Phật giáo. Biến Hành ngoại đạo cũng là tôn giáo khác, cũng chẳng phải Phật giáo, đều là Bồ Tát. Bồ Tát thị hiện trong những hành nghiệp của họ, giáo hóa những hạng chúng sanh ấy, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Thế nên chúng ta gặp Cơ Đốc Giáo phải tán thán, chúng ta gặp Mục Sư cũng chắp tay kính chào Mục Sư Bồ Tát,

---

6[6] *Học làm thầy người, hành làm khuôn mẫu cho đời*

7[7] Ở đây, hòa thượng dùng chữ tôn giáo theo định nghĩa chữ religion trong triết học Tây Phương, tức là một chủ thuyết công nhận có một đấng chủ tể sanh ra vũ trụ, con người phải tuân phục vị đó, tin tưởng vô điều kiện. Nói cách khác là thần quyền, con người không có năng lực tự làm chủ vận mạng của chính mình. Do vậy, triết gia Bergson từng nói Phật giáo không phải là một tôn giáo là dựa theo ý nghĩa này.

gặp người đạo Hồi chúng ta chắp tay cung kính A Hoanh 8[8] Bồ Tát, họ đều là Bồ Tát cả.

Họ hỏi tôi: 'Ông xưng tôi là Bồ Tát là có ý nghĩa gì?'.

'Bồ Tát là một người có trí huệ, người giác ngộ thì gọi là Bồ Tát. Bạn có trí huệ hay không, giác ngộ không?'

Họ gật đầu. 'Vậy thì bạn là Bồ Tát'.

Thân phận của bạn là A Hoanh, thì bạn là A Hoanh Bồ Tát; thân phận hiện nay của bạn là Mục Sư thì bạn là Mục Sư Bồ Tát. Trong kinh Phật, thân phận của bạn là đồng nam, đồng nữ thì bạn là đồng tử Bồ Tát, đồng nữ Bồ Tát; thân phận của bạn là Tể Quan thì bạn là Tể Quan Bồ Tát. Phàm là người có trí huệ, giác ngộ rồi đều xưng là Bồ Tát. Bồ Tát nhất định chẳng phải khắc, chạm trổ bằng gỗ, bằng đất nặn, cúng ở trong chùa để cho người ta lạy, cách suy nghĩ và cách nhìn như vậy là sai lầm. Đó đều là tiêu biểu pháp, Bồ Tát là sống chứ chẳng chết. Người người đều làm Bồ Tát thì thiên hạ sẽ thái bình, tai nạn sẽ hóa giải hết. Vì thế, giáo dục của đức Phật là một nền giáo dục xã hội viên mãn nên được phổ cập trên thế gian này, mục đích rốt ráo của nó là chuyển phàm thành thánh, đó là mục tiêu của nền giáo dục này. Hết thảy mọi người đều thành Bồ Tát, mọi ngành mọi nghề đều là Bồ Tát thì xã hội làm sao có tai nạn được? Cảnh tùy tâm chuyển, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Chư Phật, Bồ Tát dùng vô lượng pháp môn, phương tiện giúp đỡ chúng sanh đang chịu khổ nạn.

Phải biết cách tùy cơ thuyết pháp, những Bồ Tát nói trong kinh, chư Phật, Bồ Tát nên dùng thân gì để độ được thì hiện thân ấy. 'Được độ' là như thế nào? Dùng cách nói hiện nay nghĩa là nên dùng thân phận gì để giúp đỡ họ thì bạn thị hiện thân phận ấy, 'độ' nói theo cách nói hiện nay tức là 'giúp đỡ'. Nên nói cho họ pháp môn gì thì bạn nói pháp môn ấy cho họ, thế nên 'xem xét căn cơ' rất quan trọng. Kinh Dịch của cổ nhân Trung Quốc nói: *"Quán sát thiên văn để biết thời thế biến đổi" 9****[9]***. Thiên văn là gì? Mỗi đêm ngước nhìn sao trên trời gọi là Thiên Văn. Lời thánh nhân sâu rộng vô cùng, nhiều người chẳng biết, họ nhìn 'thiên văn'? Mỗi đêm họ đều quan sát bầu trời coi những ngôi sao có biến hóa gì chăng. Đó là gì? Chẳng hiểu ý của thánh nhân. 'Thiên' là thiên nhiên, tức là tự nhiên. Văn là văn chương. Chữ 'văn' trong bộ 'Thuyết Văn Giải Tự' 10[10], ý của chữ 'văn' này là gì? Vẽ một nét gọi là 'văn'. Nghĩa là bạn quán sát hiện tượng của thế gian, Thiên Văn tức là hiện tượng xã hội, từ các hiện tượng trong xã hội bạn có thể cảm nhận được thế giới này có thay đổi gì? Phía trước tôi đã giới thiệu cho các bạn về Tứ Đại Thiên Vương, Tây Phương Quảng Mục thiên vương tiêu biểu cho ý nghĩa này. Ngài biết nhìn, biết quán, biết xem xét, rành quán sát. Trên tay ngài cầm rồng, rắn, rồng rắn tiêu biểu cho biến hóa. Tay kia cầm hạt châu, hạt châu tượng trưng cho sự chẳng thay đổi trong biến hóa. Nắm vững được nguyên tắc chẳng biến đổi thì có thể ứng phó được sự thay đổi này, Kinh Dịch cũng nói như vậy.

Chúng ta biết nhìn không? Chúng ta thường ngồi xe, rất ít đi tản bộ, đi ngắm cảnh, đi du lịch. Ngồi xe, đi bộ trên đường phố, bạn nhìn thấy hiện tượng gì? Bạn thấy hiện nay những quảng cáo, xem những hình ảnh vẽ trên xe hơi hay xe bus công cộng, xem quần áo của người trẻ tuổi, [những thứ] như vậy là 'thiên văn'. Trong tâm chúng ta hiểu rõ rồi, hiểu rõ cái gì? Trong kinh Phật nói, trong kinh Lăng Nghiêm nói: *'Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng'*, [các quảng cáo, hình ảnh] đó tức là tà sư. Làm cho

---

8[8] A Hoanh là danh xưng của thầy tế (Hồi giáo), người Trung Quốc đọc trại chữ Imam của đạo Hồi.

9[9] *'Quán hồ thiên văn, dĩ sát thời biến'*

10[10] Thuyết Văn Giải Tự là một bộ sách của Hứa Thận, được coi là một từ điển về tu từ học cổ nhất của Trung Hoa.

[những cảnh giới] được tiếp xúc bởi sáu căn của người thế gian đều là cảnh giới yêu ma quỷ quái. Làm cho người thế gian khi lục căn tiếp xúc đến đều là cảnh giới yêu ma quỷ quái. Họ sống cuộc đời như thế nào? Đời sống của yêu ma quỷ quái. Bồ Tát nhìn thấy những hiện tượng này, lòng thương xót bèn sanh khởi. Làm thế nào để cứu độ họ? Chúng ta làm những áo thun, những áo các bạn mặc, trên đó in chữ 'A Di Đà Phật', in danh hiệu của Phật, Bồ Tát, in chữ 'Tri Ân Báo Ân'; số lượng của chúng ta ít, số lượng của họ quá nhiều. Chúng tôi nghĩ ra một cách, nhờ những người hiểu biết, những người thật sự phát tâm Bồ Đề, chúng ta phải dùng những phương pháp này, tuyên truyền rộng rãi. Chúng ta diễn giảng với quy mô lớn và tặng quần áo, tặng cho những người trẻ tuổi ai cũng mặc, cả đường phố đều [nhìn thấy hàng chữ] A Di Đà Phật, đều thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, như vậy rất tốt.

Cổ đức có câu: *'Người biết rõ vận mạng chẳng oán trời, người biết rõ về mình chẳng trách người' 11**[11]***, do đó có thể biết trong xã hội hiện nay rất nhiều người 'oán trời trách người', người 'oán trời trách người' quá nhiều, ai cũng cảm thấy mình chẳng có lỗi lầm, [họ nghĩ] đều là lỗi lầm của kẻ khác. Không những không biết vận mạng, ngay cả chính mình cũng chẳng biết. Thế nên giáo học Phật pháp, Phật dạy những gì? Chân tướng sự thật của nhân sinh. Vũ trụ là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, 'nhân sanh' tức là chính mình, giáo học của Phật giáo chẳng có gì khác ngoài việc dạy bạn chân chánh biết rõ về mình, nhận thức mình, hiểu rõ hoàn cảnh sanh hoạt của mình. Có thể hiểu rõ chân tướng này rồi thì bạn sẽ là Bồ Tát, bạn sẽ là Phật; Phật, Bồ Tát chỉ là người hiểu minh bạch mà thôi. Trước kia lão pháp sư Đàm Hư cũng thường nói một người minh bạch nhất định không oán trời, chẳng trách người, người ấy mới có thể tiếp nhận lời dạy của đức Phật, mới vui vẻ y giáo phụng hành. Trong nghịch cảnh gặp khổ nạn cùng cực, họ vẫn muốn nêu gương tốt, trong mỗi niệm đều có thể xả thân vì người khác. Nhìn thấy lỗi lầm của phần đông xã hội đại chúng ở đâu? Xã hội đại chúng tham tiền thì Bồ Tát thị hiện xả tiền; xã hội đại chúng tranh danh đoạt lợi thì Bồ Tát thị hiện buông bỏ danh lợi. Tại sao phải làm như vậy? Cách làm này tức là giáo học. Vì người diễn nói, biểu diễn cho họ thấy. Bồ Tát sống trong thế gian này chẳng vì mình, mà vì chúng sanh, là đến để diễn kịch. Hy vọng tuồng kịch này có thể làm cho người xem giác ngộ, hiểu rõ, làm cho họ quay về, không bao giờ vì mình? Biểu diễn cho người khác. Đây là đại từ đại bi, đây là tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát. Hôm nay chúng ta xem tiếp kinh văn:

Tứ Thiên Vương

Tứ thiên vương.

Đây là lời Phật kêu tên của họ. Kêu tên, lời khai thị sau đó vô cùng quan trọng, kêu tên là để nhắc họ.

Địa Tạng Bồ Tát, nhược ngộ sát sanh giả thuyết túc ương đoản mạng báo.

Địa Tạng Bồ Tát nếu gặp kẻ sát sanh thì dạy rõ quả báo vì tai ương đời trước mà phải chết yểu.

Sau đây nêu ra vài trường hợp. Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh dùng phương tiện khéo léo, chúng ta phải học. 'Ương' là tai ương, tai nạn trong đời rất nhiều, thường gặp quả báo chuyện gì cũng không vừa ý, bịnh khổ, chết yểu. Vì nguyên nhân gì? Sát sanh, sát nghiệp quá nặng. Tự chúng ta cũng cảm thấy trong đời này

---

[11][11] Tri mạng giả bất oán thiên, tri kỷ giả bất oán nhân

chúng ta bị bịnh nhiều, thường thường bị bịnh đau, phải biết nguyên nhân là gì? Sát nghiệp. Đời này tuy chẳng tạo sát nghiệp, nhưng đời trước đã tạo. Trong kinh đức Phật nói, nói sự thật. *'Muốn biết nhân đời trước thì những gì phải gánh chịu trong đời này chính là kết quả của những nhân ấy'*, những gì mình chịu trong đời này đều là do nhân tạo đời trước. Bạn phải hiểu rõ sự thật, ngày nay bất luận chúng ta chịu tai nạn gì thì cũng nên tiếp nhận một cách vui vẻ, đời trước tạo nhân chẳng tốt thì bây giờ phải chịu quả báo. Hứng chịu quả báo chẳng oán trời, chẳng trách người thì khi thọ hết, khóa sổ kết thúc. Nếu bạn chịu quả báo mà còn oán trời trách người thì phiền phức lớn lắm. Đời này chịu quả báo lại tạo thêm ác nghiệp, đời sau vẫn phải tiếp tục chịu, dây dưa chẳng dứt. Cho nên khi bạn hiểu rõ rồi, những gì chúng ta nhận chịu đến đời này chấm dứt, sổ nợ trả dứt, báo hết. Đời này nỗ lực tu thiện, nhất định không sát sanh. Không những không sát sanh, mà còn không làm việc não hại chúng sanh. Không những không thể làm, phải không có ý niệm này, được vậy thì quả báo tương lai của chúng ta sẽ thù thắng. Đời này thời gian rất ngắn, cho dù sống đến một trăm tuổi thì một khảy ngón tay bèn trôi qua, thời gian đi qua rất mau, đọc đến câu này, nhất định không thể sát sanh, chúng ta nhìn thấy những người thọ báo trong thế gian liền biết được. *'Muốn biết quả báo đời sau, những gì mình làm đời này chính là nó'*, chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác là quả báo đời sau, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai.

Nhược ngộ thiết đạo giả thuyết bần cùng khổ sở báo

Nếu gặp kẻ trộm cắp thì dạy rõ quả báo bần cùng khổ sở.

Hiện nay có nhiều chỗ lạc hậu như Phi Châu, chúng ta thường xem báo cáo người bên đó chịu nỗi khổ đói lạnh, đó là cộng nghiệp, họ chẳng biết quả báo chắc chắn phải có nhân. Nhân của sự đói lạnh, bần cùng, khổ sở là trộm cắp. Phạm vi của 'trộm cắp' vô cùng rộng lớn, định nghĩa trong Phật pháp là 'không cho mà lấy', đồ đạc của cải có chủ, chủ chẳng cho bạn, bạn bèn lấy đi thì gọi là trộm cắp. Còn phương thức trộm cắp rất nhiều; có một số người đem vật cho nhưng chẳng phải cam tâm tình nguyện mà bị ép bức nên phải đem cho; bạn có quyền uy, thế lực nên không thể không nịnh hót bạn, tâng bốc bạn, đó cũng là trộm cắp. Hễ dùng những thủ đoạn, tâm lý không chánh đáng, những gì bạn đạt được đều gọi là trộm cắp. Phạm vi này rất rộng, Giới Kinh nói rất tường tận, [trộm cắp sẽ] bị quả báo này.

Nhược ngộ tà dâm giả, thuyết tước cáp uyên ương báo

Nếu gặp kẻ tà dâm thì nói rõ quả báo làm khổng tước, bồ câu, uyên ương.

Chữ 'tước' ở đây, trong chú giải của Thanh Liên đại sư đặc biệt ghi rõ là khổng tước *(chim công)*. Nói cách khác, quả báo của tà dâm là sanh vào cõi súc sanh. Bạn muốn sanh vào cõi súc sanh không? Nếu không muốn sanh vào cõi súc sanh thì nhất định đừng trồng nhân ấy. Thế nên Bồ Tát ở phía trước nói về mười cõi ác, trong Tam Phước dạy chúng ta tu mười nghiệp thiện, khi tu mười nghiệp thiện thì những quả báo chẳng thiện sẽ không còn nữa. Nếu bạn không tu mười nghiệp thiện, lại còn tạo mười nghiệp ác thì chắc chắn sẽ không tránh khỏi quả báo ác.

Nhược ngộ ác khẩu giả, thuyết quyến thuộc đấu tranh báo.

Nếu gặp kẻ nói lời thô ác, thì dạy rõ quả báo quyến thuộc kình chống nhau.

Chúng ta cũng thường thấy người trong cùng một nhà cãi lộn, [đúng là] chẳng phải oan gia thì chẳng gặp nhau. Tại sao người trong một nhà thường chẳng hòa hợp?

Đây là quả báo đời trước nói lời thô ác. Nếu trong đời này vẫn không sửa đổi thì còn phiền phức hơn nữa, nhà người ấy làm sao hòa hợp được? Ngạn ngữ thường nói: *'Nhà hòa hợp thì vạn sự hưng vượng'*, nhà chẳng hòa thì chắc chắn sẽ suy bại.

Nhược ngộ hủy báng giả, thuyết vô thiệt, sang khẩu báo.

Nếu gặp kẻ hủy báng, thì nói rõ quả báo không lưỡi, miệng lở.

Khẩu nghiệp có bốn loại, đặc biệt nêu lên 'nói lời thô ác'. Phía sau 'hủy báng' bao gồm 'nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói thêu dệt' trong ấy. Hủy báng, đặc biệt là hủy báng Phật pháp, nhưng chư vị nên biết hiện nay hơn phân nữa xã hội cho rằng 'Phật giáo là tôn giáo, tôn giáo là mê tín, trong hết thảy tôn giáo thì Phật giáo là mê tín nhất, thuộc về hạng thấp nhất'. Tại sao vậy? Tôn giáo hạng cao chỉ có một vị Thần, duy nhất chỉ có một Chân Thần, [họ cho rằng] 'Phật giáo là Đa Thần Giáo, đạo nhiều thần, cái gì cũng lạy, nên cho rằng là tôn giáo hạng thấp, chẳng ai coi trọng'. Do đó làm cho quảng đại quần chúng trong xã hội hủy báng, họ tạo nghiệp này dễ sợ lắm. Họ hủy báng như vậy, chúng ta có thể trách họ chăng? Chẳng thể, phải trách chúng ta, chúng ta chẳng giải thích rõ ràng, chẳng giảng minh bạch, làm cho họ hiểu lầm. Thế nên khi chúng ta gặp người hủy báng Phật pháp thì phải quay lại trách chính mình, chẳng thể trách họ. Họ chẳng tìm hiểu rõ, chẳng hiểu chân tướng sự thật, chúng ta có trách nhiệm. Nhưng sự hủy báng của họ chắc chắn sẽ có quả báo, chúng ta phải giúp họ sám hối, nhận thức Phật giáo, nhận thức Đại Thừa. Như trong lịch sử có ghi Thiên Thân Bồ Tát lúc bắt đầu học Tiểu Thừa, hủy báng Đại Thừa, sau này anh của ngài là Vô Trước Bồ Tát giảng giải cho ngài hiểu rõ, ngài bèn sám hối, phát nguyện cắt lưỡi của mình. Anh ngài nói: *'Không cần, trước kia em dùng lưỡi này hủy báng Đại Thừa, bây giờ hãy dùng lưỡi này để tán thán Đại Thừa, như vậy có phải tốt hơn không!'*. Cho nên kể từ đó ngài bèn tán thán Đại Thừa, tuyên dương Đại Thừa, đây là pháp môn sám hối, sửa đổi thành mới nên ngài được độ. Chúng ta phải cứu độ những chúng sanh tạo khẩu nghiệp này, chẳng có chi khác ngoài việc dốc hết tâm lực để tuyên dương Đại Thừa, giúp cho họ nhận thức rõ ràng bộ mặt [ý nghĩa] chân chánh của Phật pháp, làm cho họ quay trở lại, không những không hủy báng mà còn tán thán.

Tôi giảng kinh thuyết pháp trên giảng đài này hết bốn mươi năm. Năm ba mươi ba tuổi tôi bắt đầu giảng kinh, năm nay đã bảy mươi hai tuổi, nếu tính hư tuế thì đã bốn mươi năm rồi. Vẫn còn rất nhiều người hủy báng, tôi đều tiếp nhận hết, tại sao? Vì đã tạo khẩu nghiệp quá sâu đậm. Lúc chưa học Phật đã hủy báng Phật pháp, tôi đã nói Phật pháp là mê tín. [Lúc đó] tôi chỉ tin Cơ Đốc Giáo, tin Hồi Giáo, tôi đã trải qua hai năm trong Cơ Đốc Giáo, một năm trong Hồi Giáo, ấn tượng của tôi đối với cả hai đạo ấy rất tốt, cả hai đều có thể nói ra một số đạo lý. Trong Phật pháp thì tôi chẳng [có cơ hội] tiếp xúc với Pháp sư, chẳng có người giảng cho tôi, nói rõ đạo lý của Phật pháp nên tôi chẳng biết. Tôi cũng cho rằng Phật pháp là mê tín, phải phá trừ mê tín. Tôi tạo ra nghiệp rất nặng, 'làm thân Phật ra máu' là tội nghiệp đọa địa ngục Vô Gián. Lúc nhỏ tuổi vô tri, thời kháng chiến [chống Nhật] trường học rất ít, trường học lúc ấy ở đâu? Ở trong chùa miếu. Chính phủ tịch thâu chùa miếu để làm trường học, đem chánh điện làm lễ đường, điện nhỏ kế bên thì làm phòng học. Họ đem tượng Phật, tượng Bồ Tát gom lại bỏ trong một gian phòng, bên ngoài dán giấy phong kín lại, như vậy kể cũng còn tốt. Con nít chúng tôi nghe nói trong ấy có rất nhiều Phật, Bồ Tát, có thể lấy để chơi đùa, bèn đục lỗ trên cửa sổ chui vào, lấy tượng Phật làm đồ chơi, chơi đã xong rồi vứt bỏ, phá hoại hết. Do hiếu kỳ nên chẻ tượng Phật bằng gỗ ra coi trong ấy có gì hay không, trong bụng [tượng Phật] có sợi tơ gì hay không, chơi rất nhiều trò, còn chơi bùa chú nữa. Chúng tôi tạo những tội nghiệp này, lúc đó còn nhỏ chẳng biết. Thầy giáo

cũng chẳng dạy, nói thật ra, nếu nói thì chúng tôi chưa chắc sẽ nghe theo, cứ tiếp tục tạo tội nghiệp hủy báng Phật pháp. Sau này học Phật rồi mới biết, đây là tạo tội nghiệp đọa địa ngục Vô Gián. Ngày nay tôi giảng kinh thuyết pháp được bốn mươi năm, vẫn còn bị người ta hủy báng, sỉ nhục, như vậy là đáng lắm, là tội nặng nhưng chỉ bị quả báo nhẹ mà thôi.

Lúc nhỏ tôi đi học rất ngỗ nghịch, thầy giáo rất thích tôi, nhưng thầy cũng rất khó dạy dỗ tôi. Sức nhớ dai của tôi rất tốt, sách đọc qua một lần bèn thuộc lòng thế nên chẳng đọc tiếp nữa, chỉ đọc để thi cử mà thôi. Mười phút trước giờ thi nếu tôi coi bài, ôn qua một lượt thì chắn chắn sẽ thi đậu. Vả lại, tôi thi cử gì cũng chỉ muốn được sáu mươi điểm, thêm một điểm cũng chẳng được. Tôi chẳng tranh danh, chẳng đoạt lợi, luôn luôn đem bài nộp trước nhất. Thầy giáo coi xong đều lắc đầu, có thể lấy được điểm tốt nhưng đều không chịu lấy, tại sao? Vì ham chơi. Chỉ cần cho tôi mỗi năm được lên lớp là tốt rồi, như vậy là đã đạt được mục đích, yêu cầu của các bạn không phải cũng chỉ là như vậy sao? Thầy giáo yêu cầu gia trưởng, tôi đều làm cho họ mãn nguyện. Nhưng tôi thích làm những việc tôi ưa thích. Tôi đọc rất nhiều sách, nhiều hơn các bạn đồng học. [Từ] thư viện trong trường, tôi đọc những sách tôi ưa thích nên kiến thức phổ thông của tôi phong phú hơn người thường. Từ lớp ba cấp tiểu học tôi bắt đầu đọc những tiểu thuyết xưa của Trung Quốc, đọc đến năm thứ nhất của bậc Trung Học bèn thôi, chẳng đọc tiếp nữa. Những tiểu thuyết hay hầu như tôi đều đọc qua bốn, năm lần, thí dụ bốn tiểu thuyết lớn như Tây Du Ký, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Thủy Hử Truyện, Hồng Lâu Mộng đại khái mỗi bộ đều đọc hết năm, sáu lần. Hơn nữa những sách dầy như vậy, tôi đọc nhanh lắm, chẳng tới một tuần là tôi đọc hết trơn. Tiểu thuyết cổ điển đọc hết rồi, đến năm thứ nhất của bậc Trung Học bèn chẳng đọc nữa. Ban ngày đọc tiểu thuyết, ban đêm đi coi kịch. Đời học sinh của tôi thật là thú vị, các thầy của chúng tôi đều biết, hiệu trưởng cũng biết. Tôi nói với hiệu trưởng, trường học hiện nay chẳng qua là chỗ để kiếm văn bằng, kiếm học vị mà thôi, những gì học xong chẳng dùng được, tôi học những thứ này tương lai có dùng được gì không? Thầy tôi cũng chịu tôi hết nổi, tạo nghiệp quá nhiều. Nhưng kể ra cũng có một chút thiện căn là chẳng hại người khác, chẳng gây hại cho xã hội.

Sau khi tiếp xúc Phật pháp mới biết, mới hiểu được đạo lý này nên nỗ lực đoạn ác tu thiện. Lúc tôi chưa học Phật nhiều người coi bói đều nói tôi chẳng sống hơn bốn mươi lăm tuổi, tự mình tôi cũng tin, chẳng nghi ngờ gì cả. Tại sao? Đã tạo những nghiệp lúc trước làm sao có thể sống lâu được? Thế nên năm bốn mươi lăm tuổi, tôi mắc bịnh cũng chẳng đi khám bác sĩ, cũng chẳng uống thuốc, giống như ông Lý Mộc Nguyên vậy, thọ mạng đã đến, bác sĩ chỉ có thể trị bịnh, chẳng thể trị mệnh, chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Niệm được một tháng thì hết bịnh, khoẻ trở lại. Chúng tôi hồi tâm chuyển ý, đem một chút trí huệ, khả năng, thân thể này hoàn toàn hiến dâng cho Phật, Bồ Tát, làm việc cho Phật, Bồ Tát, chẳng vì mình nữa. Nhà Phật thường nói 'nương theo nguyện trở lại' (thừa nguyện tái lai), chúng tôi chuyển biến nghiệp lực thành nguyện lực, chẳng cần đợi đến lúc vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới rồi quay trở lại, chẳng cần nữa. Hiện nay thay đổi nghiệp lực thành nguyện lực thì xong ngay, thì sẽ thừa nguyện tái lai. Tôi 'thay đổi' được hiệu quả rất tốt, Lý Mộc Nguyên thay đổi cũng rất có hiệu quả, đều là biểu diễn cho các bạn xem. Hai người chúng tôi làm được thì các bạn đều có thể làm được, chỉ coi bạn chịu hay không chịu mà thôi. Vừa thay đổi thì ý niệm liền thay đổi, khởi tâm động niệm đều vì Phật pháp, vì chúng sanh, tuyệt chẳng có một tâm niệm vì mình. Tôi vì Phật pháp, vì chúng sanh nhưng tôi còn vì mình được không? Không được. Nhất định phải một trăm phần trăm vì Phật pháp, một trăm phần trăm vì chúng sanh, nhất định chẳng thể có một tơ hào vì mình thì bạn có thể chuyển đổi trở lại, vả lại sẽ chuyển rất nhanh chóng. Chúng ta tham gia 'câu

lạc bộ' của Phật, Bồ Tát, tham gia hạnh nghiệp này của Phật, Bồ Tát thì đâu có lý nào chẳng thể chuyển đổi được? Còn phải học giảng kinh thuyết pháp không? Chẳng cần học. Học ư? Có học cũng chẳng được. Tâm của bạn giống như tâm Phật thì tự nhiên sẽ tỏ lộ. Chẳng phải do bạn chuẩn bị sưu tập tài liệu thì bạn mới biết giảng, chẳng có chuyện ấy. *'Pháp vốn là như vậy' 12[12]*, từ trong tự tánh thể hiện ra, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Trong 'Nội Điển' 13[13] chư vị bất quá là học một số phương pháp căn bản. Chúng ta là người sơ học chưa nhập cảnh giới của Phật nhất định phải dùng cách nói của Tổ sư đại đức để nói, chẳng nói sai những lời của họ. Nhưng tự mình chân chánh phát tâm hoằng pháp lợi sanh nhất định phải nhập cảnh giới. Chẳng nhập cảnh giới thì chỉ là 'nói đồ ăn, đếm của báu', hoàn toàn là đồ của người khác, chẳng liên quan gì đến mình cả. Muốn nhập cảnh giới thì phải triệt để buông xuống, buông xuống thì tự nhiên sẽ nhìn thấu. Nhìn thấu là gì? Hiểu rõ rồi. Tánh - Tướng, Lý - Sự, Nhân - Duyên, Quả - Báo đều rõ ràng, minh bạch, đó gọi là nhìn thấu, là sự việc như thế. Xem tiếp đoạn kinh phía sau:

Nhược ngộ sân khuể giả, thuyết xú lậu lung tàn báo.

Nếu gặp kẻ nóng giận, thì nói rõ quả báo xấu xí, tàn tật.

Quả báo của 'Sân khuể' là ở địa ngục, những hiện tượng trong địa ngục, chúng ta xem 'Địa Ngục Biến Tướng Đồ' nói trong Phật pháp, sau đó coi những tôn giáo khác cũng có nói về Địa Ngục Biến Tướng Đồ. Tuy các tôn giáo khác chẳng nói về lục đạo, ít nhất họ cũng nói về tam đạo, họ nói về Thiên Đường, cõi người, và địa ngục. Tranh vẽ hình tượng trong địa ngục chẳng có thứ nào đẹp đẽ, hình trạng đều vô cùng kinh khủng, 'xú lậu lung tàn', đây là việc chúng ta phải nên cảnh giác. *'Một tâm niệm sân giận khởi lên, trăm vạn cánh cửa chướng ngại mở ra'.* Xấu xí, tàn tật là hoa báo, địa ngục là quả báo, chẳng thể không biết. Nếu tướng mạo chúng ta là xấu xí, tàn tật thì biết tâm sân giận nặng, tâm đố kỵ nặng. Nếu chúng ta có thể sửa đổi trở lại, phát tâm từ bi, có thể thương xót hết thảy chúng sanh, yêu mến bảo vệ hết thảy chúng sanh, lo lắng cho hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh thì tướng mạo sẽ thay đổi. Thế nên bạn tu hành có công phu hay chăng, chẳng xem gì khác chỉ xem tướng mạo của bạn. Coi tướng mạo, thể chất của bạn ba năm trước và ba năm sau, tướng tùy tâm chuyển. Tâm địa của bạn thanh tịnh thì sẽ có tướng thanh tịnh; tâm địa từ bi thì sẽ có tướng từ bi; tâm địa trí huệ thì sẽ có tướng trí huệ; tâm địa ác độc thì sẽ có tướng ác độc, làm sao có thể gạt người được? Giả vờ cũng chẳng thể giả vờ được. Người đời ưa thích đẹp phải đi sửa sắc đẹp, càng sửa thì càng xấu. Tôi đã thấy rất nhiều người sửa sắc đẹp, chưa sửa thì còn được, sau khi sửa rồi thì tướng mạo biến thành kỳ lạ, chẳng dễ nhìn tí nào. Tướng đó là gì? Là tướng giả, tâm chẳng chuyển. Thế nên phải biết tướng làm sao tạo nên, tạo được đẹp cách mấy, nếu tâm chẳng tốt thì tướng tốt đẹp cũng biến thành tướng xấu xí. Hiểu được đạo lý này thì hà tất phải đi sửa sắc đẹp để tốn tiền lãng nhách? Phải sửa đổi tâm, tâm đổi rồi thì tướng sẽ đổi theo.

Thân thể cũng chẳng cần tìm thuốc men, tẩm bổ gì cả, chẳng cần, tâm tốt rồi thì thân thể tự nhiên khỏe mạnh. Tôi chưa từng tìm ai đến đây giúp thân thể khỏe mạnh, trị liệu gì hết, chẳng bao giờ. Chưa từng ăn đồ tẩm bổ, người ta tặng cho tôi những thứ nhân sâm, sâm Cao Ly, vừa đến tay tôi liền chuyển đem cúng dường người khác, tôi chẳng dùng những thứ ấy, chẳng tiêm nhiễm bao giờ. Phải ra sức từ trong tâm, chẳng cần chú trọng đến thân thể. Luôn luôn phải lo đến thân thể khỏe mạnh thì chư vị nghĩ

12[12] *(Pháp nhĩ như thị)*

13[13] Nội Điển ở đây là khóa học Nội Điển Giảng Tọa của hòa thượng.

coi, thân kiến của bạn chẳng thể phá, tâm niệm tự tư tự lợi của bạn chẳng dứt bỏ, bạn chấp trước thân tướng. Kinh Kim Cang dạy chúng ta một nguyên tắc căn bản của sự tu hành: *'Chẳng có tướng Ta, chẳng có tướng Người, chẳng có tướng Chúng Sanh, chẳng có tướng Thọ Giả'*. Bạn có đầy đủ bốn tướng này, bạn còn chấp trước thì thân tâm của bạn làm sao thanh tịnh cho được? Thân tâm chẳng thanh tịnh thì thân thể của bạn làm sao khỏe mạnh? Chư vị nên biết khỏe mạnh nhất là phải trở về với tự nhiên, đại tự nhiên, vô tư, vô ngã. Thế nên kinh Kim Cang dạy phá Bốn Tướng này tức là trở về tự nhiên, tự nhiên thì khỏe mạnh nhất, tự nhiên thật sự là thân Kim Cang chẳng hư hoại. Trong kinh nói đến thân kim sắc, ngày nay chúng ta đúc tượng đều thếp vàng, bạn nghĩ coi đẹp không? Nếu một người gương mặt có màu vàng khè như thếp vàng, người ấy sẽ là người quái gở, tôi nghĩ sẽ chẳng ai thích người ấy. Vàng là để tiêu biểu pháp, trong hết thảy vật chất, tại sao vàng được người ta cho rằng quý báu như vậy? Vì vàng chẳng đổi màu sắc. Bởi vậy nên vàng tượng trưng cho sự bất biến, chẳng biến đổi thì là thiệt, biến đổi là giả. Chân tâm lìa niệm, đó gọi là vàng, màu vàng, kim sắc. Sự tiêu biểu pháp trong kinh Hoa Nghiêm, chư vị đều đã xem qua, nói thế giới kim sắc sẽ chẳng biến đổi. Vọng tâm sẽ biến đổi, là giả. Thế nên vàng tượng trưng cho chẳng biến đổi, chẳng biến đổi là chân tâm, chẳng biến là nhất tâm, nhị tâm thì biến rồi.

Chúng ta nhất định phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp, không thể kẹt cứng trong văn tự, nếu kẹt như vậy thì sai lầm. Khi bạn muốn khuyên một người học Phật, họ nói: 'Tôi chẳng muốn học Phật, học Phật rồi trên thân mình vàng khè, rất khó coi', nhất định phải hiểu rõ nghĩa thú nói trong kinh, thật sự thì kinh Phật rất khó hiểu, khó ở chỗ *'ý ở ngoài ngôn từ'*, thế nên bạn phải biết cách nghe. Kinh văn cũng vậy, ý ở ngoài văn tự chứ chẳng ở trong văn tự. Văn tự là để dẫn đường, trong Thiền Tông gọi là 'chỉ mặt trăng', rất có đạo lý. Đó là 'chỉ', bạn phải thuận theo hướng [ngón tay] 'chỉ' này thì mới nhìn thấy chân tướng. Thế nên ý chẳng ở trong văn tự, chẳng ở trong ngôn từ, ý chẳng lìa văn tự, cũng chẳng lìa ngôn thuyết, được vậy thì bạn mới thể hội đến ý nghĩa chân thật. Chân thật nghĩa là tự tánh, tự tánh vốn có đủ trí huệ, tự tánh vốn có đủ đức năng, đây là chân thật nghĩa mà Như Lai đã nói. Thế nên chân thật nghĩa cũng chẳng phải chân thật nghĩa của đức Phật Thích Ca, phải nói là Như Lai chân thật nghĩa, 'Như Lai' là tự tánh, là tên gọi của tánh đức, một trong mười hiệu của Phật, chẳng phải là một người.

Nhược ngộ xan lận giả, thuyết sở cầu vi nguyện báo.

Nếu gặp kẻ bỏn xẻn thì nói rõ quả báo sở cầu không được toại nguyện.

Đây tức là 'Khổ khi cầu chẳng được' trong 'Tám Khổ'. Tại sao họ cầu chẳng được? Bỏn xẻn, chẳng chịu thí xả, cầu gì cũng chẳng được. Năm tôi hai mươi sáu tuổi học Phật, lúc đó tôi tiếc là được nghe Phật pháp quá trễ, Phật pháp hoàn hảo như vậy, tại sao chẳng biết sớm hơn nữa? Nói thật ra muốn làm cho tôi sanh lòng tin đối với Phật pháp là một việc quá khó, quá khó! Tôi đã kể cho quý vị rồi, lúc tôi còn trẻ cũng có chút thông minh, chút trí huệ, cũng có chút ít biện tài. Ai muốn thuyết phục tôi thật sự chẳng dễ, thời gian tôi còn đi học trong trường chưa từng gặp đối thủ. Chuyện 'chết' tôi có thể nói nó trở thành 'sống', tôi nói rất giỏi, chuyên môn tranh cãi, chuyên môn chống đối người ta, tôi sẽ nói ra một số lập luận. Thế nên có thể dạy cho tôi tin Phật, thuyết phục tôi đâu phải dễ! Tôi gặp được Phương Đông Mỹ tiên sinh, ông thuyết phục tôi được. Đây là triết học gia đương thời của Trung Quốc, nổi tiếng khắp thế giới, chẳng thuộc hạng của quốc gia, là đại triết học gia cấp thế giới. Ngài giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi mới tin và có thể quay ngược thái độ của mình đối với Phật giáo một trăm tám mươi độ, [sau đó] vào chùa để tìm kinh coi. Cũng nhờ có duyên sâu đậm, tôi

tiếp xúc kinh Phật được cỡ một tháng thì quen biết Chương Gia đại sư, những nghi vấn khó hiểu gì trong kinh điển tôi đều nhờ ngài giải đáp cho. Ngài vô cùng từ bi, mỗi tuần cho tôi hai giờ đồng hồ, tôi học hỏi theo ngài hết ba năm, căn cơ Phật pháp của tôi được ngài xây dựng. Ngài dạy tôi [ba điều vô cùng quan trọng:] Nhìn Thấu, Buông Xả, Bố Thí. Thế nên học Phật phải học theo ai? Học theo người thầy mà trong tâm bạn kính phục nhất. Người này nói gì thì bạn đều phục tùng theo một trăm phần trăm, làm được một trăm phần trăm. Nếu bạn đối với thầy giáo chẳng tin tưởng, dù thầy giáo có giỏi hơn nữa, có đức độ lớn lao, có khả năng, có trí huệ lớn lao, nếu bạn theo họ thì cũng là luống công. [Vì] bạn chẳng tin tưởng họ, bạn chẳng thể làm theo những gì họ dạy. Thế nên 'sư tư đạo hiệp' (thầy trò đạo hợp) vô cùng quan trọng, thầy giáo thương mến học trò, học trò tôn kính thầy giáo, thầy giáo thật sự chịu dạy, học trò thật sự chịu học.

[Những vị thầy tôi] gặp trong đời đều do duyên tốt đã kết đời trước, thầy Phương dạy một mình tôi. Lần này tôi đến giảng kinh tại Hương Cảng, đôi lúc tôi cũng nhắc đến chuyện này. Viện trưởng thư viện Tân Á ở Hương Cảng lúc trước, ông Đường Quân Nghị, đây là một triết học gia cận đại và cũng là học trò của thầy Phương Đông Mỹ, chúng tôi là học trò cùng thầy nhưng khác thế hệ, ông có thành tựu kiệt xuất trong Triết Học, ông đã mất rồi. Đường Quân Nghị có lẽ lớn hơn tôi mười tuổi. Gặp những người này, trên con đường Bồ Đề chúng tôi mới được thuận buồm xuôi gió. Khi gặp tôi, Chương Gia đại sư yêu mến, chăm sóc tôi rất tận tình, mỗi tuần cho tôi hai giờ, tôi muốn làm biếng cũng không được. Làm biếng không đi một lần, ngài bèn gọi điện thoại, sai người đi kiếm coi tôi có bị bịnh không, cớ sao chẳng lại? Bạn xem sự nhiệt tình như vậy làm cho tôi không thể không đi, ngài thật sự là chịu dạy. Thế nên tôi đối với ân đức của thầy giáo không bao giờ quên. Sau khi hai ngài mất, tôi theo học với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, tôi theo ngài mười năm, thầy Lý vô cùng quan tâm, thương mến tôi. *'Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng'* là lời Chương Gia đại sư dạy tôi. Ngài dạy lúc bạn cầu mà không được là vì bạn có chướng ngại, có nghiệp chướng. Tôi hỏi: Vậy thì phải làm sao? Sám hối, tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng tiêu trừ thì những gì bạn mong cầu đều sẽ hiện ra. Tôi cầu Thôn Di Đà, đã cầu suốt mười sáu năm, có nghiệp chướng chẳng thể hiện tiền, chắc là hiện nay nghiệp chướng đã tiêu hết rồi nên Thôn Di Đà bèn thành tựu, đã được thành tựu rồi. Bạn có nghiệp chướng thì không được, nhất định phải tiêu nghiệp chướng. Muốn tiêu nghiệp chướng thì phải làm thật sự, tâm hạnh của mình phải nhập cảnh giới Phật.

Chúng tôi biểu diễn trên giảng đài, chư vị đồng tu cần phải lắng nghe kỹ càng, các bạn sẽ có thể nghe ra được. Tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ hết mười lần, lần này là lần thứ mười, đại khái đều có lưu lại băng thâu âm. Các bạn hãy nghe thử, lần nào cũng chẳng giống nhau. Chẳng phải là tôi có tài liệu chẳng chịu giảng, phải để dành đến lần sau mới giảng, chẳng phải vậy. Cảnh giới mỗi năm đều khác nhau, việc này nói rõ nghiệp chướng mỗi năm đều tiêu bớt đi một ít. Nếu nghiệp chướng chẳng tiêu bớt thì cảnh giới chẳng thể hiện ra. Tôi chẳng phải là một người lợi căn, chỉ là một người căn tánh trung hạ, nghiệp chướng đang tiêu bớt từ từ, mỗi năm đều đang tiêu bớt nên cảnh giới mỗi năm đều chẳng giống nhau. Tự mình tôi biết được, người thường nghe tôi giảng cũng biết, họ có thể nghe biết được. Tôi giảng kinh chẳng có bút ký, chẳng ghi chép bài giảng. Tài liệu của cổ đức tôi có xem qua, tôi dành ra một số thời gian để xem kỹ càng, họ cung cấp cho tôi một số tài liệu tham khảo. Nhưng lúc giảng, tôi chẳng giảng y theo lời văn của họ. Nếu y theo chú giải của họ để giảng thì sẽ chẳng khế cơ. Họ là người ở thời đại xa xưa, đối diện với thính chúng, quán chúng thời đó, còn tâm con người, xã hội hiện đại hoàn toàn khác biệt với lúc trước. Thế nên chúng ta đọc tài liệu của người xưa là nhằm khải phát trí huệ của mình, chỉ có thể tham khảo. Chúng ta phải có khả năng quán sát căn cơ của đại chúng hiện nay, sau đó mới có thể

làm được việc thuyết pháp ứng cơ, thật sự có thể giúp đỡ, đem lại thọ dụng thật sự cho họ. Hóa giải kiếp nạn, làm được xã hội hòa mục, an định, phồn vinh, người ta ai nấy đều có thể sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, đây là mục đích của sự học Phật hiện nay. Trong nhà Phật đích thật là có cầu ắt ứng, cầu làm Phật còn được huống chi những thứ khác. Làm Phật là khó nhất, làm Phật cũng có thể cầu được thì những thứ vinh hoa phú quý trong thế gian đều là việc nhỏ nhoi như lông gà vỏ tỏi, đâu có lý nào mà cầu chẳng được! Chúng ta phải có lòng tin. Nếu bạn muốn có cầu ắt ứng thì chẳng có gì khác ngoài việc 'tiêu nghiệp chướng'. Lời dạy này của Chương Gia đại sư, tôi ghi nhớ suốt đời, y giáo phụng hành.

Nhược ngộ ẩm thực vô độ giả, thuyết cơ khát yết bịnh báo

Nếu gặp kẻ ăn uống vô độ, thì dạy quả báo đói, khát, cổ họng đau đớn.

Câu này dễ hiểu, tham ăn. Hiện nay có rất nhiều bịnh quái gở trong xã hội lúc trước chưa từng nghe qua, bịnh từ đâu đến vậy? Ngạn ngữ nói rất hay: *'Bịnh từ miệng vào, họa từ miệng ra'*. Khẩu nghiệp kể phía trước, sẽ tạo ra họa hại, tai họa đều phát sanh từ khẩu nghiệp mà ra. Tật bịnh đều từ việc ăn uống, bịnh từ miệng vào. Lần này tôi ở Hương Cảng, có một đồng tu nói với tôi, ông nói đây là chuyện có thật ở Hương Cảng. Đây là tin tức trong xã hội, mọi người đều biết. Mấy năm trước có hai mẹ con người đó rất thích ăn đồ biển, mỗi ngày đến eo biển đều mua đồ sống, chẳng phải là họ tự mình bắt, họ mua đồ sống về tự nấu ăn. Đến già thì người mẹ này bị một bịnh [kỳ lạ], khi phát bịnh thì nói: "Nước rất lớn, đi đến đâu cũng là cát bùn, cứ bò tới bò lui trong phòng, giống như đang trèo lên bờ", giống như những loại hải sản vậy. Sau này lở loét trên khắp thân mình xong rồi chết đi. Sau khi người mẹ chết, người con gái cũng bị bịnh giống vậy, qua một thời gian chẳng có cách chi chữa khỏi nên đi khắp nơi cầu thần, coi bói, và gặp một vị pháp sư. Pháp sư nói với cô: "Đây là quả báo cả đời cô sát sanh, ăn đồ biển sống", phải mau sám hối, dạy cho cô phóng sanh, ăn chay. Lúc đó cô bèn làm theo nhưng chẳng kịp nữa, vẫn phải chết. Bạn bè thân quyến của cô thấy vậy nên đều ăn chay trường, chẳng dám ăn những đồ biển này nữa. Đây là chuyện có thật, lúc chết giống như hình tướng những hải sản dưới biển vậy, quả báo rành rành hiện trước mắt cho bạn coi. Tuy là một tin tức trong xã hội, tôi thấy những tiệm bán hải sản ở Hương Cảng vẫn ngồi đầy khách, thật đúng là 'ương ngạnh khó giáo hóa'. Bồ Tát gặp những chuyện như vậy, hiện nay nên đem nó đóng thành phim điện ảnh, cho chiếu khắp nơi. Nên dán vài tấm nói rõ những quả báo này trong tiệm bán đồ biển, để cho mọi người xem, thật rất đáng sợ! Kiếp đao binh trong thế gian từ đâu đến? Chính là từ việc ăn thịt của chúng sanh đấy.

Hiện nay mọi người ai nấy đều chú trọng thân thể khỏe mạnh, muốn thân thể được khỏe mạnh thì tốt nhất là ăn chay, trong việc ăn chay tốt nhất là ăn rau cải sống. Hiện nay tôi ăn rau cải sống, đã ăn cả hai tháng nay nên mọi người thấy tôi rất ốm, đã ốm bớt đi. Tôi nói với họ thân thể chẳng khỏe, công việc giao tiếp quá nhiều, tốt nhất đừng kiếm chuyện gặp tôi. Nhưng trên thực tế là đang thay đổi đời sống, lần thứ nhất tôi thay đổi là lúc bắt đầu ăn chay trường, lúc đó thân thể ốm, đại khái hai ba năm sau đó thì thân thể khôi phục lại bình thường. Bây giờ làm một sự thay đổi lần thứ nhì, ăn rau cải sống, cả hơn hai tháng tôi chẳng ăn cơm, toàn ăn rau cải. Buổi sáng ăn một chén cháo, ăn hai cuộn rau, một chén canh. Hôm nay chúng ta có làm [món này] không? Nếu có làm, hãy mang vài cuộn, chúng ta đem đến phòng ăn mời lão hòa thượng dùng. Chẳng có dầu, chẳng có muối, hoàn toàn là rau cải sống. Tôi thường nghĩ, bạn coi bò, dê ăn cỏ, thân thể của nó cường tráng như vậy, chúng nó chẳng ăn

dầu, muối, càng nghĩ càng có lý. Các bạn đồng tu giới thiệu cho tôi, sau khi ăn hơn hai tháng, ăn rất ngon lành, dễ chịu, đích thật có ích lợi.

Chúng ta phải chú ý việc ăn uống, đặc biệt là việc ăn uống hiện đại. Tâm người hiện đại chẳng tốt, những địa phương khác thì tôi không biết còn tình hình ở Đài Loan thì tôi biết, đồ ăn nuôi heo toàn là thuốc hóa học, thúc giục rút ngắn thời gian sanh trưởng của heo, làm cho heo lớn lên nhanh chóng, sau sáu tháng bèn giết lấy thịt. Cho nên trong thịt heo đều là các độc tố, chẳng bình thường. Nói thêm, hồi trước gia súc đều được nuôi bên ngoài, lúc chưa làm thịt thì đời sống của nó rất tự do, tự tại, tâm tình của chúng nó rất thoải mái vui vẻ. Hiện nay những loài súc sanh này, vừa sanh ra liền bị nhốt trong lồng, cũng giống như ở tù vậy, bị tù chung thân mãi cho đến khi bị giết làm thịt. Bạn nói tâm tình của chúng nó như thế nào? Trong thịt của nó tràn đầy chất độc, người ta ăn vào làm sao không sanh bịnh cho được? Sanh ra những bịnh kỳ quái. Hiện nay ăn chay cũng phiền phức, rau cải cũng có thuốc, nghe nói gạo cũng có chất hóa học gì trong đó nên hạt gạo trông rất đẹp đẽ, đều có độc tố, đúng như trong kinh có nói: 'uống khổ, ăn độc', ngày nay chúng ta sống cuộc đời như thế đó. Nhà nông chúng ta ở Đài Loan, họ ăn rau cải tự mình trồng, tách rời với những rau cải dành để bán; họ nói rau cải dành để bán không ăn được, có chất độc, họ biết nên rau cải có chất độc thì bán cho người ta ăn. Gạo cũng vậy, gạo của họ ăn là gạo trồng riêng ra, còn gạo để bán là loại trồng riêng, đều tách rời ra. Họ bán những thức có độc này cho người khác, bản thân của họ cũng sẽ chẳng tránh khỏi bị chất độc làm hại, vì tâm họ chẳng thiện.

Ngày nay chúng ta cũng phải nói là có duyên, gặp được đồng tu giới thiệu mới biết xú dưỡng 14[14] có thể hóa giải thuốc trừ sâu. Nên những rau cải chúng ta ăn hiện nay đều được xử lý bằng xú dưỡng, phân giải những chất có độc trong rau cải, cho nên đồ ăn sạch sẽ hơn đồ ở ngoài. Việc này có thể đẩy mạnh rộng rãi, tôi muốn tìm công xưởng chế tạo máy móc này, hy vọng nó có thể sản xuất hàng loạt, chúng ta tìm cách để giúp họ truyền bá, giới thiệu. Có thức ăn khang kiện, tâm lý thanh tịnh, tâm lý từ bi, thân tâm khỏe mạnh, chẳng có một pháp nào không phải là Phật pháp, pháp nào cũng đều là Phật pháp.

Tốt lắm, hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây.

Tập 14 (Số 14-12-14)

Xin mở kinh, Khoa Chú quyển thượng, trang 167, xin xem kinh văn:

Nhược ngộ điền lạp tứ tình giả, thuyết kinh cuồng táng mạng báo

Nếu gặp kẻ săn bắn buông lung thì dạy rõ quả báo kinh cuồng, mất mạng

Câu kinh này, hồi trước, khi tôi đọc kinh này có cảm xúc rất sâu. Điền lạp tức là săn bắn, tứ tình là buông lung, mặc sức giết hại hết thảy chúng sanh. Phạm vi bao gồm vô cùng rộng rãi, chẳng kể dùng cách thức gì, có thể nói là phương pháp rất nhiều, mục đích đều nhằm để bắt dã thú. Săn bắn hoặc dùng lưới, thời xưa dùng cung tên, ngày nay thì dùng súng, số lượng chúng sanh bị giết hại cũng còn có hạn. Nhưng chúng tôi đi bắt cá, phần lớn người ta bắt cá dùng lưới, một mẻ lưới phóng ra cũng vẫn có hạn. Ngày xưa chúng tôi làm việc này bằng cách quá độc ác, chúng tôi dùng thuốc nổ TNT để bắt cá, sau khi thuốc nổ xong, cá chết cả ngàn, cả vạn con, chúng chẳng phải bị nổ

14[14] xú dưỡng là khí ozon, ozone, O_3

chết mà vì chấn động chết. Tôi đi theo cha tôi săn bắn hết ba năm, tôi nhớ năm đó tôi mười sáu, mười bảy, mười tám tuổi. Đọc đoạn kinh này xong [nhớ lại] báo ứng của cha tôi chính là như vậy. Ông mất năm bốn mươi lăm tuổi, lúc mất là kinh cuồng mất mạng, tôi nhìn thấy tận mắt, đó là quả báo ngay trong đời này. Lúc ông phát bịnh lên thì trở thành điên cuồng, người ốm nhom đến da bọc xương, [nhưng] sức lực rất mạnh mẽ, mạnh đến mấy người cũng cản không nổi. Khi gặp chỗ có nước thì lao đầu xuống nước, khi gặp núi thì cắm đầu chạy lên núi, do vậy đây là quả báo của việc săn bắn.

Tôi đọc đoạn kinh này xong bèn phát tâm ăn chay, biết được sát nghiệp quá nặng, đích thân trải qua nên cảm xúc vô cùng sâu đậm. Sau đó thấy những gì nói trong Phật pháp, hết thảy chúng sanh vô thỉ kiếp đến nay nhân quả tuần hoàn, trong kinh nói "nhân mạn bất đoạn" (dây dưa không dứt), nhiều đời nhiều kiếp báo đền lẫn nhau dây dưa mãi chẳng dứt. Tuy là tạo tội nghiệp vì vô tri, chẳng biết, nhưng không thể nói vì chẳng biết thì không có quả báo, chẳng biết vẫn có quả báo như thường. Nếu sau khi học Phật, đã hiểu những đạo lý này xong mà vẫn tạo tác thì phạm hai tội, tức là thêm tội phá giới. Giới luật căn bản trong năm giới có cấm sát sanh, đây là giới sát sanh, lại thêm một tội phá giới nữa. Chẳng học Phật, chẳng nghe đến Phật pháp, sát sanh là 'tánh tội', chẳng kể là bạn có thọ giới hay không đều là có tội. Chúng ta biết được quả báo đáng sợ thì nhất định sẽ chẳng dám làm những việc này. Tôi học Phật và biết được đạo lý này xong bèn ăn chay trường, phóng sanh. Cả đời này tôi làm những chuyện thường gọi là tu phước, tôi chỉ làm ba việc: phóng sanh, in kinh, giúp đỡ bịnh khổ. Tôi chẳng có phước báo, khả năng tiền bạc vô cùng có hạn, có một chút [tiền] cúng dường, tôi làm những chuyện gì? Phóng sanh, quyên tặng cho bịnh viện, làm tiền thuốc men cho người nghèo, thứ ba là in kinh bố thí. Những chuyện khác tôi đều chẳng làm. Tự mình tôi không chủ trương xây đạo tràng, thế nên cũng có quả báo, chẳng có chỗ ở, cả đời ở nhờ đạo tràng của người khác, cũng rất tốt, tự mình chẳng có đạo tràng. Nguyên nhân thực tế là phước báo của mình quá nhỏ, làm chuyện tốt nhỏ, làm công đức ít, xây một đạo tràng cần phải có phước báo lớn, tôi chẳng có phước báo lớn như vậy. Lúc chưa học Phật, tạo tội nghiệp quá nặng, thời còn làm học sinh [đã phạm tội] làm thân Phật ra máu, tôi đã kể cho các bạn rồi, đã tạo tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ; săn bắn cũng là tội báo địa ngục A Tỳ. Thế nên lúc trước người ta nói tôi đoản mạng, ngay cả Phật Sống Cam Châu cũng nói tôi đoản mạng, chẳng có phước báo; người thì rất thông minh, có một chút trí huệ nhỏ, nhưng đáng tiếc là chẳng có phước báo, đoản mạng. Ngài nói với tôi, tôi nhìn nhận, tôi tin tưởng, lúc trước tạo tội nghiệp nên phải chịu những quả báo này, đáng phải nhận số mạng như vậy, còn nói gì được nữa? Thế nên tôi cũng chẳng oán trời, chẳng trách người. Phật Sống Cam Châu nói với tôi, Ngài nói: "Những năm gần đây ông giảng kinh thuyết pháp, công đức ấy rất lớn!". Ngài nói: "Không những ông có phước báo mà còn rất trường thọ". Ngài Cam Châu nói những lời này với tôi, năm sau thì ngài vãng sanh. Ngài là bạn cũ, là bạn đồng tu cũ của tôi.

Nhược ngộ bội nghịch phụ mẫu giả, thuyết thiên địa tai sát báo.

Nếu gặp kẻ ngỗ nghịch với cha mẹ thì dạy rõ quả báo trời đất đánh chết.

Việc này là chẳng hiếu cha mẹ, không những không hiếu thuận mà còn phản nghịch cha mẹ, làm thương tổn cha mẹ bằng lời nói và hành động. Thời xưa cũng có nhưng còn ít; hiện nay thì rất nhiều. Lúc trước khi tôi còn đi học ở Đài Trung, thầy Lý kể cho chúng tôi một câu chuyện, đây là chuyện thật đời Thanh. Lúc nói cách nay cũng lâu, lúc đó ngài nói ra địa danh bây giờ tôi chẳng nhớ rõ. Đời Thanh trước kia có một đứa con giết cha, đây là [tội] bội nghịch cha mẹ. Lúc ấy triều đình nhà Thanh hạ lịnh, tri huyện ở địa phương ấy tức là huyện trưởng bị cách chức, còn phải ngồi tù, phán tội

phải ở tù. Tại sao? Quan địa phương chẳng dạy dân chúng đàng hoàng, đây là vì họ chẳng làm tròn trách nhiệm, thế nên người đứng đầu ở địa phương ấy phải bị cách chức, tra hỏi. Tuần Phủ, tức là chức tương đương như tỉnh trưởng bây giờ, ghi chép tội trạng, xử phạt thật nặng. Quý vị là quan viên địa phương, quan địa phương được gọi là Phụ Mẫu Quan, quý vị làm sao dạy người ta làm như vậy? Xử phạt như vậy còn chưa đủ, còn phạt thêm nữa, thành quách khi trước đều có tường bọc xung quanh thành, vạt bớt một góc thành để nói địa phương ấy có một người đại bất hiếu như vậy, đó là sự sỉ nhục của toàn địa phương ấy, là vạt bớt một góc thành. Nói "trước kia hoàng đế chuyên chế", hoàng đế thật sự chịu trách nhiệm, chứ không phải là không chịu trách nhiệm. Ông ta giao trách nhiệm cho quan viên địa phương, thị trưởng thay thế ông ta lãnh trách nhiệm giữ gìn phong tục tốt lành, phải giáo hóa, thực hiện cho tốt. Hiện nay tin tức trên báo chí thường đăng tải ai chịu trách nhiệm? Chẳng có người chịu trách nhiệm. Dân chủ, mọi người đều làm chủ, mọi người làm chủ [nhưng] mọi người chẳng chịu trách nhiệm, cứ đẩy trách nhiệm cho người khác thì xã hội này làm sao tốt được?

Lúc trước pháp sư Diễn Bồi có một lần lại đây, ngài hỏi tôi: 'Pháp sư Tịnh Không, ông rốt cuộc là tán thành quân chủ hay là dân chủ?'. Tôi nói: 'Tôi tán thành quân chủ'. Ngài nói đùa: 'Ông lạc hậu rồi'. Tôi nói: 'Tôi đâu có lạc hậu. Nếu so sánh kỹ quân chủ và dân chủ, quân chủ có nhiều điểm tốt hơn dân chủ. Quân chủ chịu trách nhiệm, còn dân chủ không chịu trách nhiệm. Tôi nói lời này chẳng quá đáng, sự thật bày trước mắt. Ông vua muốn quyền lực của mình tiếp nối mãi tới đời sau nên ông ấy nhất định phải làm cho hoàn hảo; người tiếp ngôi của ông, thái tử kế vị, vua phải kiếm ông thầy ưu tú nhất để dạy dỗ, uốn nắn để cho thái tử nhận được sự giáo dục hoàn hảo nhất; biết thương yêu quốc gia, thương yêu nhân dân, biết cách đem lại phước lợi cho nhân dân thì chánh quyền của họ mới có thể duy trì, mới có thể truyền cho con cháu. Nếu ông vua làm không hoàn hảo thì chánh quyền của ông sẽ bị người khác đoạt mất, thế nên ông phải làm một cách kiêng dè, thận trọng. Dân chủ [thì ông tổng thống] được bầu lên làm bốn năm, bốn năm sau giao cho người khác nên ông ta chẳng suy tính kế sách lâu dài. Thời đại quân chủ, họ nghĩ đến kế lớn trăm năm, họ có thể nghĩ đến một trăm năm thì họ có thể duy trì một trăm năm, nếu họ nghĩ đến hai trăm năm thì họ có thể hưởng đến hai trăm năm. Họ không thể chỉ nghĩ đến vài năm mà thôi, nếu chỉ nghĩ đến vài năm thì chánh quyền của họ không khỏi bị lật đổ. Chúng ta phải quan sát sự thật một cách khách quan.

Ông Tôn Trung Sơn lật đổ chế độ chuyên chế, xây dựng cộng hòa, lý tưởng của ông thật là vô cùng tốt đẹp, tiếc là thọ mạng quá ngắn, ý tưởng và quan điểm của ông ta tuyên dương chẳng đủ. Ông xây dựng một chánh đảng, dùng chánh đảng này để thay thế cho một gia tộc, lý tưởng và quan niệm của ông là như vậy. Tập hợp ưu điểm của quân chủ và dân chủ, tránh được khuyết điểm của quân chủ và dân chủ, tôi rất kính ngưỡng, khâm phục ông Tôn. Ông lập một đảng chuyên chánh, trong đảng đó đều do dân chủ tuyển chọn ra, nhưng chuyên chánh có cái hay của quân chủ. Ông chọn những ưu điểm trong nước và ngoài nước, xưa và nay, lược bỏ khuyết điểm, dùng phương pháp này để trị quốc. Đế vương đời xưa [có hình thức] là gia tộc, một gia tộc này xúm lại cai trị quốc gia; hiện nay xây dựng một chánh đảng, là muốn những nhân tài có trí huệ trên toàn quốc hợp lại với nhau để cai trị một quốc gia, dùng phương pháp này để thay thế một gia tộc. Cách suy nghĩ này rất hay, chẳng phải là chánh trị nhiều đảng. Cách suy nghĩ rất tốt, đáng tiếc là chẳng làm nổi, người hiểu rõ lý tưởng và quan niệm này chẳng nhiều. Tại sao chẳng thể phát huy rộng rãi lý tưởng và quan niệm này? Truy tìm đến nguồn gốc vẫn là một câu: chẳng đọc sách thánh hiền. Nếu có thể dùng tinh thần giáo dục truyền thống sẵn có của Trung Quốc, lý tưởng và quan niệm này của ông có thể xây dựng được gốc rễ vững chắc, đó thật là điều may mắn của quốc gia, dân tộc.

Thế nên chúng ta xem xét vấn đề phải nhìn sâu, nhìn xa, phải có nhãn quan của lịch sử. Người Trung Quốc nói 'sử thật' (sự thật rút tỉa từ lịch sử), kinh luận là học vấn, lịch sử là kiến thức, thì bạn mới có thể hiểu đại khái chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh, mới có thể tránh khỏi rất nhiều sai lầm, thật sự vì nhân dân, vì quốc gia, vì chúng sanh tìm cầu hạnh phúc, như vậy mới là người có trí, có nhân từ.

Kinh điển Phật giáo có thể nói là điển tịch trí huệ rốt ráo viên mãn, người có thể hiểu rõ càng ít hơn. Tại sao chẳng thể lý giải? Nhất định phải đào thải sạch sẽ những thói hư tật xấu, tham - sân - si - mạn, thì mới có thể lý giải, việc này quá khó đi thôi! Có phàm phu nào chẳng có tham, sân, si? Nhà Nho hiểu rõ đạo lý này, hy vọng bạn có thể khắc phục, đè nén thì được rồi, họ chẳng kêu bạn đoạn dứt. Mục đích Phật pháp là dạy cho bạn siêu việt Tam giới, muốn siêu việt Tam giới nếu không đoạn dứt thì không làm nổi. Nhà Nho chẳng siêu việt Tam giới, nói cách khác, chỉ giảng đến nhân, thiên. Thiên vẫn là cõi trời Dục Giới, còn chưa tới cõi Sắc Giới, còn chưa đoạn dứt Dục, chỉ dạy bạn khống chế Dục, chẳng để cho Dục tăng trưởng. Có bao nhiêu đó thôi, đừng để cho nó tăng thêm, họ dạy như vậy. Mục đích của Phật pháp là phải siêu việt Tam giới, muốn siêu việt Tam giới thì nhất định phải đoạn dứt. Chúng ta hiểu rõ duy chỉ có đoạn dứt phiền não thì trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh mới có thể hiện tiền, nếu chẳng đoạn dứt phiền não thì chắc chắn [trí huệ] chẳng thể hiện tiền. Phật nói: *'Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai'*, cho nên hết thảy chúng sanh cùng chư Phật Như lai chẳng khác nhau. Tại sao hiện nay trên hình thức lại có sai khác lớn lao như vậy? Trí huệ đức tướng của chúng ta có chướng ngại, Phật chẳng có chướng ngại. Chướng ngại là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ba chướng ngại to lớn này. Thế nên chúng ta vốn có sẵn trí huệ cứu cánh viên mãn, [bây giờ] trí huệ chẳng còn nữa, trí huệ biến thành phiền não; vốn là chẳng sanh chẳng diệt, cảnh giới đại Niết Bàn, đại Niết Bàn biến thành sanh tử luân hồi, bạn nói có oan uổng hay không! Vốn có sẵn phước đức viên mãn, hiện nay phước đức biến thành nghiệp chướng, sống những ngày tháng đau khổ đều do chẳng thể đào thải những lớp chướng ngại này.

Thế nên lời đức Phật dạy chúng ta là lời tốt, lời thật, dạy chúng ta *'Diệt hết tham sân si, siêng tu Giới Định Huệ'*, đây là một con đường sống sót, là một con đường thoát ly lục đạo luân hồi, con đường rộng lớn thoát lìa khổ hải. Những thứ nhân quả này, chúng ta đọc xong phải hiểu rõ, nhân gì sẽ tạo ra quả báo gì. 'Thiên địa tai sát', bội nghịch cha mẹ, chịu những sự trừng phạt của pháp luật thế gian này là hoa báo, quả báo là ở địa ngục. Những bút ký của Trung Quốc ngày xưa ghi những chuyện này rất nhiều, trong Chánh Sử cũng có ghi chép, đều là sự thật, chẳng giả. Hiện nay người bội nghịch cha mẹ rất nhiều, hình như chẳng có quả báo, chư vị còn trẻ tuổi, hãy đợi thêm vài năm nữa coi, coi có quả báo hiện ra không? Đã tạo ra nhân thì chẳng thể nào không có quả báo. Câu phía sau này, chúng tôi đọc lên càng có cảm nhận sâu hơn.

Nhược ngộ thiêu sơn lâm mộc giả, thuyết cuồng mê thủ tử báo.

Nếu gặp kẻ đốt núi rừng, cây cối thì dạy rõ quả báo cuồng mê đến chết.

Lúc trước Tân Gia Ba bị nạn khói mù bao phủ, nghe nói Mã Lai Á, Indonesia, khắp nơi đều thiêu đốt rừng núi. Phải biết, trong hết thảy tạo tác tội nghiệp, đốt rừng núi là tội nghiệp nặng nhất. Bạn nghĩ xem, một ngọn lửa đốt lên có bao nhiêu sanh linh phải mất mạng! Còn nhiều hơn săn bắn không biết gấp bao nhiêu lần. Chúng ta dùng phương pháp gì để săn bắn cũng chẳng hại nhiều chúng sanh bằng thiêu đốt rừng núi. Khi thiêu khu rừng này, số chúng sanh bị sát hại phải tính đến số triệu, trăm triệu, những động vật nhỏ này một con cũng chẳng chạy thoát. Thật ra tạo hết thảy tội nghiệp cũng chẳng nặng bằng việc này, đây là trọng giới sát sanh.

'Cuồng mê thủ tử', quả báo hiện đời là hoa báo, quả báo chắc chắn ở tại địa ngục A Tỳ. Thọ tội ở địa ngục A Tỳ, trong kinh nói là vô số kiếp. Vô số kiếp xong được thoát ra, tương lai phải đền mạng hết thảy những chúng sanh bị giết hại, không thể nói giết rồi thì xong chuyện, đọa địa ngục, thọ tội địa ngục xong thì hết chuyện, vậy thì quá tiện nghi cho bạn. Thiếu tiền phải trả tiền, thiếu mạng thì phải đền mạng, bạn nói nhân quả này đáng sợ bao nhiêu. Bạn giết một chúng sanh tương lai phải đền một mạng, giết hai thì phải đền hai mạng, bạn giết bao nhiêu thì tương lai phải đền bấy nhiêu mạng. Tu hành chứng quả cũng không tránh được, không thể nói tu hành chứng quả rồi thì hết chuyện, thì có thể thiếu nợ khỏi trả tiền, thiếu nợ mạng khỏi đền mạng, nếu vậy thì chẳng phải Phật pháp đã phá hoại định luật nhân quả rồi sao? Chư vị nên biết, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi vẫn còn phải chịu quả báo ba tháng ăn mã mạch *(lúa mạch dành cho ngựa ăn)*. Bạn nghĩ xem nhân quả báo ứng, thành Phật rồi cũng chẳng thể tránh khỏi. Trong Cao Tăng Truyện các bạn thấy An Thế Cao, ngài phải trả hai món nợ mạng ở Trung Quốc, đời trước ngộ sát người nên đời này cũng bị người ta ngộ sát, giết chết; chứng minh cho chúng ta nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai. Ngài là người đã chứng quả, người chứng quả tự mình rõ ràng, cam tâm tình nguyện trở lại để đền mạng, chịu cho người ta giết, chịu trả một cách rất vui vẻ vì nợ được thanh toán, đã trả dứt.

Ngày nay nếu chúng ta nói bị người ta ăn cắp đồ, bị người ta giựt, bị người hại, trong kinh đức Phật dạy 'hãy nghĩ như mình trả nợ'. Vì chúng ta không có trí huệ, chẳng có thần thông, chẳng biết chuyện quá khứ, trong tâm nghĩ trả nợ, vui vẻ chẳng có một tí gì oán hận. Bị người ta gạt, bị người ta hãm hại, phải nghĩ là mình trả nợ, món nợ này đến đây kết thúc. Nói thật ra chẳng phải là mình thiếu họ thì là họ thiếu mình, không phải là chuyện như vậy hay sao? Tôi thiếu họ, tốt lắm, tôi trả hết. Họ thiếu tôi, không cần nữa, đời sau đừng đòi nợ nữa, cứ đòi tới đòi lui, dây dưa chẳng dứt! Thiếu người ta thì trả họ, người ta thiếu thì không cần đòi, đỡ mắc công, như vậy mới là cách làm có trí huệ, thông minh. Câu này không những chúng ta phải ghi nhớ, nên thường nói cho người khác nghe, giết hại sanh mạng chắc chắn là phải đền mạng. Bạn mồi lửa thiêu trụi rừng núi, bạn có biết bạn đã giết hại biết bao nhiêu sanh linh hay chăng? Có bao nhiêu con kiến, động vật ở dưới đất? Tương lai đọa vào cõi súc sanh để đền mạng chẳng bao giờ dứt. Trong một đời, những tội nghiệp tạo tác trong mấy chục năm ngắn ngủi, vô lượng kiếp cũng trả chẳng hết, đáng sợ vô cùng. Trong đời này nếu chúng ta thật sự giác ngộ, thật sự có trí huệ, đời sống có gian khổ cách mấy cũng không sao cả, tuyệt đối chẳng được lợi dụng người ta mảy may. Nhất định phải giữ tâm tốt, làm việc tốt, tích đức tu thiện, đời này hết rồi, đời sau sanh đến chỗ tốt, đời sau nhất định sẽ không đọa vào tam ác đạo, đọa vào tam ác đạo thì dễ sợ lắm.

Có thể có bạn đồng tu sẽ nói tôi đã tạo những tội nghiệp này thì phải làm sao? Bản thân tôi là một thí dụ rất tốt. Lúc nhỏ trẻ tuổi háo ăn, ăn thịt chúng sanh, thịt của gia súc nuôi trong nhà ăn không ngon, ăn thịt rừng ngon hơn nên ngày nào cũng đi săn bắn. Thế nên chiêu cảm báo ứng, quả báo đoản mạng; đoản mạng là quả báo hiện đời, quả báo tương lai là đọa địa ngục A Tỳ. Sau khi ra khỏi địa ngục A Tỳ thì phải trả từng món nợ một, bạn đã tạo ra nhân thì đâu có lý nào khỏi phải chịu quả báo? Nhưng Phật nói với chúng ta chỉ cần bạn còn một hơi thở thì bạn vẫn còn cơ hội được cứu. Tuy đã tạo tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ, Phật cũng còn cách cứu. Vấn đề là bạn có chịu tin hay không? Nếu bạn không tin thì bạn không có cách gì cứu được; nếu bạn chịu tin thì bạn vẫn được cứu. Phật dạy: 'Sám trừ nghiệp chướng', trong kinh chúng ta đọc đến vương tử A Xà Thế tạo tội ngũ nghịch, giết cha, giết mẹ, kết cấu với Đề Bà Đạt Đa phá hoại tăng đoàn, phá hòa hợp tăng, Đề Bà Đạt Đa làm thân Phật chảy máu, hai người ác này. Đến lúc lâm chung vua A Xà Thế mới giác ngộ biết được lúc trước đã tạo ra tội

lỗi, biết sai rồi, hướng về Phật cầu sám hối. Phật dạy ông ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, ông dùng tâm chí thành, chân thành sám hối, sức mạnh của việc sám hối vượt hơn nghiệp lực, ông vãng sanh về Cực Lạc thế giới. Vả lại phẩm vị vãng sanh rất cao, Phật nói ông ta vãng sanh Thượng phẩm Trung sanh. Người học Phật chúng ta coi đến chỗ này không phục, tạo tội nặng như vậy thì Hạ Hạ phẩm vãng sanh đã là tốt quá rồi, làm sao có thể Thượng phẩm Trung sanh? Thế mới biết sức mạnh của việc sám hối chẳng thể nghĩ bàn. Một niệm quay trở lại thì người ấy là người chí thiện, thật sự là người thiện, ngạn ngữ chúng ta thường nói: *'Lãng tử quay về, vàng cũng chẳng chịu đổi'*, ông ta thật sự đã quay về, được vậy thì siêu phàm nhập thánh.

Siêu phàm nhập thánh, nói cho chư vị biết, thì sẽ chẳng thọ tội nghiệp ở địa ngục nữa, có thể tránh khỏi. Nợ có phải trả không? Vẫn phải trả. Làm thế nào trả? Bồ Tát thuyết pháp độ chúng sanh là trả nợ. Trong khi độ chúng sanh cũng gặp rất nhiều sự việc chẳng vừa ý, tất cả đều là để trả nợ. Giống như đức Phật Thích Ca, ở vào địa vị Như Lai độ chúng sanh, nhưng trong đồ chúng xuất gia của Ngài vẫn có Lục Quần tỳ kheo, Đề Bà Đạt Đa, mỗi ngày đều nhiễu loạn, mỗi ngày đều gây rắc rối cho Ngài, đây là trả nợ, oán thân chủ nợ đời quá khứ. Thế nên năm xưa lúc đức Thế Tôn còn tại thế đã biểu diễn, làm gương cho chúng ta thấy, lão nhân gia Ngài đều chẳng tránh khỏi, chúng ta là pháp sư xuất gia hậu thế bị một số người phao tin đồn, kiếm chuyện, hủy báng, hãm hại, đây là chuyện thường thôi. Đời Minh, đại sư Hám Sơn còn phải ngồi tù mấy năm. Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư phải lẩn trốn trong nhóm thợ săn hết mười lăm năm, Ngài chân chánh là Bồ Tát minh tâm kiến tánh, chẳng phải là người thường. Làm người thấp kém, người làm công trong nhóm thợ săn; nấu cơm, giặt quần áo, chăm sóc những người thợ săn này, thời gian chẳng ngắn, mười lăm năm. Chịu đựng sự oan khuất nhục nhã lớn dường ấy, đây là tội nghiệp đời trước, oán gia chủ nợ, bạn chẳng thể nào không trả nợ được. Từ những chỗ này chúng ta tưởng tượng đến đức Phật trong kinh dạy những chân tướng sự thật này, nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng sai, đúng như lời nói *'chẳng phải là không báo, mà là thời giờ chưa đến'*. Thời tiết nhân duyên cũng là nhân duyên quả báo thật phức tạp, một ngày nào đó sẽ gặp phải duyên này, có một ngày bạn phải thọ quả báo. Câu sau:

Nhược ngộ tiền hậu phụ mẫu ác độc giả, thuyết phản sanh tiên thát hiện thọ báo

Nếu gặp kẻ làm cha mẹ trước hoặc cha mẹ sau mà độc ác, thì dạy rõ quả báo sanh trở lại hiện đời bị roi vọt.

Đây là trong thế gian chúng ta gọi là cha trước, mẹ kế, vì con cái chẳng phải con ruột nên thường ngược đãi. Hiện nay nó còn nhỏ, bạn ngược đãi nó, nó sẽ ghi hận trong lòng, tương lai khi bạn già, nó lớn lên rồi, thì sẽ báo thù, báo ứng hiện đời. Thế nên Phật dạy chúng ta một nguyên tắc chung, cương lãnh chung, chúng ta phải ghi nhớ *"đừng kết oán thù với hết thảy chúng sanh"*, đây là nguyên tắc cương lãnh chung. Thà chịu bị người ta sỉ nhục, hãm hại, chúng ta nhất định không thể có một ý tưởng báo thù, đời này chúng ta mới có thể siêu việt tam giới. Nếu có một ý niệm oán trời trách người, có một ý niệm oán hận, nói cách khác, thì bạn vẫn phải trôi lăn trong lục đạo y như cũ. Quan hệ của bạn đối với những oán thân chủ nợ này chẳng có cách gì thoát khỏi, cứ báo đền lẫn nhau từng đời từng kiếp, mỗi lần càng tàn khốc hơn lần trước, bạn tạo nên những tội nghiệp cực nặng này vô cùng dễ sợ. Nếu chư vị đọc nhiều kinh Đại Thừa sẽ lông tóc dựng đứng [vì sợ hãi]. Những tội nghiệp chúng ta đã tạo trong quá khứ chẳng những đời này, đời này chúng ta tự biết được, còn có đời quá khứ, những tội nghiệp tích lũy từ quá khứ vô thỉ còn kinh khủng nữa! Càng nghĩ càng dễ sợ, càng nghĩ mới biết sự

việc này quan trọng, dễ sợ lắm! Bạn phải trôi lăn trong lục đạo, oán thân chủ nợ vô lượng vô biên, làm sao có ngày tháng sinh sống thoải mái được?

Do đó chúng ta bình tĩnh quan sát thế gian này có người nào không đau khổ? Bất kể bạn ở trong thế gian này hưởng giàu sang đến mức nào, tuy bạn hưởng giàu sang, oán thân chủ nợ của bạn cũng vẫn vây quanh bạn, quan sát kỹ lưỡng thì thấy ngày tháng của họ chẳng thoải mái tí nào, chúng ta phải rõ ràng, phải minh bạch. Chúng ta gặp được Phật pháp nên mới tìm ra một con đường sống sót, một lối thoát, thoát khỏi sanh tử luân hồi, tạm thời thoát khỏi những oán thân chủ nợ này, chẳng phải là thoát khỏi vĩnh viễn, chỉ là tạm thời thoát khỏi. Sau khi thoát khỏi, chúng ta đến tây phương Cực Lạc thế giới, đến đó làm Bồ Tát, làm Phật, rồi mới quay trở lại để trả nợ. Trong kinh đức Phật nói rất rõ ràng *'Phật chẳng độ người không có duyên'*, oán thân chủ nợ đối với tôi đều có duyên, tương lai tôi sẽ độ họ. Từ đây có thể biết oán thân chủ nợ nhiều cũng không phải là không tốt, cũng tốt, tương lai độ chúng sanh nhiều; quay trở lại giúp họ thành Phật, giúp họ cũng có thể thoát khỏi biển khổ, câu sau cùng:

Nhược ngộ võng bổ sanh sồ giả, thuyết quách nhục phân ly báo.

Nếu gặp kẻ đặt lưới, giăng bẫy để bắt các sinh vật còn non yếu thì dạy rõ quả báo cốt nhục chia lìa.

Đây cũng là việc tôi đích thân từng trải, tôi đã làm chuyện này, chịu báo ứng này. Trong đời tôi, người thân không thể đoàn tụ. Lúc mở quyển kinh này ra, tôi tạo cái nhân này, chịu quả báo này, vô cùng rõ ràng, thật là minh bạch, đích thân trải qua nên cảm thọ vô cùng sâu đậm. Xem tiếp đoạn dưới:

Nhược ngộ hủy báng Tam Bảo giả, thuyết manh, lung, âm, á báo

Nếu gặp kẻ hủy báng Tam Bảo thì dạy rõ quả báo đui, điếc, câm, ngọng

Những lời này đức Phật nói trong kinh đều là nói về hoa báo, quả báo là ở địa ngục. Chúng ta gộp câu dưới đây xem một lượt:

Ngược ngộ khinh pháp mạn giáo giả, thuyết vĩnh xử ác đạo báo

Nếu gặp kẻ khinh chê giáo pháp thì dạy rõ quả báo ở mãi trong ác đạo.

Chúng ta gộp hai câu này để giảng. Coi thường Phật pháp, chểnh mảng việc hoằng pháp, 'Giáo' là hoằng pháp lợi sanh, dùng tâm khinh mạn đối với những chuyện này; nói cách khác, chẳng coi trọng. Tại sao lại có quả báo nặng nề như vậy? Từ Phật pháp chúng ta cũng có thể liên tưởng đến thế pháp, trong thế pháp thì giáo dục là căn bản, căn bản của hạnh phúc cá nhân, căn bản của gia đình mỹ mãn, căn bản của xã hội an định, căn bản của hòa bình thế giới; nếu bạn phá hủy căn bản thì thế gian này làm sao chẳng loạn cho được? Sự giáo học của nhà Nho nói thật ra, chánh sách, phương hướng, mục tiêu của giáo dục Trung Quốc là do Hán Võ Đế chế định. Quốc gia lấy chuyện này làm tông chỉ giáo học, mãi cho đến Mãn Thanh, triều đại không ngừng biến đổi nhưng chánh sách giáo học của Trung Quốc chẳng có thay đổi, suốt cả hai ngàn năm không thay đổi. Vào một lúc nào đó nếu quốc gia thật sự chấp hành, có thể làm thêm vài phần thì quốc thái dân an; nếu chẳng coi trọng thì thiên hạ đại loạn, có thể thấy chứng cớ rất rõ ràng trong lịch sử. Trong 'Học Ký' có nói *'Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học đứng hàng đầu'*, chẳng sai tí nào. Xây dựng một quốc gia, một chánh quyền, lãnh đạo nhân dân toàn quốc thì việc gì quan trọng nhất? Giáo dục, giáo

học đứng đầu. Nếu khinh thường giáo, [khinh] mạn pháp thì vấn đề sẽ rất nghiêm trọng.

Từ xưa đến nay Trung Quốc chẳng dùng 'pháp' để trị quốc, người Tây phương hiện nay nói về 'pháp trị', người Trung Quốc chúng ta cao minh hơn họ, người Trung Quốc dùng 'lễ trị'. Từ xưa đến nay Trung Quốc nói về 'Đạo, Đức, Nhân, Nghĩa, Lễ', dùng năm thứ này để trị thiên hạ, trị quốc. 'Lễ chi dụng, hòa vi quý', Phật pháp chúng ta nói về 'Lục Hòa kính', họ tuy không nói đến Lục Hòa, ít nhất thì họ cũng nói về Tam Hòa. Ngày nay chúng ta đến Bắc Kinh thăm viếng Cố Cung của triều nhà Thanh, cố cung này trải qua ba triều Nguyên, Minh, Thanh, hoàng đế của ba triều đại này đều ở nơi ấy, suốt bảy trăm mấy năm. Ngôi kiến trúc chánh của cố cung, nhân gian chúng ta gọi là 'Kim Loan Điện', thật ra chẳng gọi là Kim Loan Điện, mà gọi là Thái Hòa Điện, nói đến 'Hòa'. Phía sau Điện Thái Hòa là Điện Trung Hòa, sau nữa là Điện Bảo Hòa. Bạn nghĩ xem có ý nghĩa gì? Đế vương có trí huệ, thông minh, dùng Hòa để trị thiên hạ. Ý nghĩa này sâu rộng vô cùng, cho nên họ có thể kéo dài hai trăm sáu mươi mấy năm, chẳng phải là không có đạo lý. Nếu những hoàng đế cuối triều Thanh như Từ Hi còn giữ nguyên lý nguyên tắc của tổ tiên thì ngày nay [có lẽ] vẫn còn là thiên hạ của triều nhà Thanh, vẫn còn đại Thanh quốc, làm sao có thể mất nước được? Vô cùng đáng tiếc, con cháu cuối đời đều quên hết giáo huấn của tổ tông, mặc tình phóng túng nên mới mất nước.

Cho nên căn cứ trên nguyên lý và nguyên tắc của giáo dục Trung Quốc thì một triều đình xây dựng có thể kéo dài ngàn năm, muôn đời, chỉ cần bạn làm theo thì người dân ai nấy đều hưởng phước, chẳng nghĩ đến phải lật đổ chánh quyền. Tại sao? Chánh quyền quá tốt, chánh phủ quá tốt, được dân cả nước ủng hộ. Nếu bạn làm không được thỏa mãn, trái nghịch nhân tâm thì người dân mới tạo phản. Nếu bạn có thể thuận theo nhân tâm, có thể hết thảy đều yêu dân như con, hết thảy đều chiếu cố rất chu đáo, yêu mến họ, lo lắng cho họ, dốc hết tâm lực để chiếu cố đời sống của họ, làm sao không được nhân dân ủng hộ? Chánh quyền như vậy sẽ [duy trì] ngàn năm, muôn đời, là lẽ đương nhiên. Nếu bạn chẳng yêu nhân dân, bạn chà đạp nhân dân, chẳng bảo hộ nhân dân, chẳng lo cho sự sống còn của nhân dân thì nhân dân đương nhiên sẽ tạo phản. Lịch sử là một tấm gương sáng rõ ràng, kinh luận là học vấn, lịch sử là giám sử 15[15], là chứng minh cho chúng ta.

Giáo dục của nhà Phật đối với ảnh hưởng trị loạn trong xã hội Trung Quốc cũng vô cùng rõ ràng. Các triều đại Trung Quốc, triều đại nào hưng vượng nhất thì Phật pháp hưng thạnh, triều đại nào suy bại nhất thì Phật pháp cũng suy bại, trong ấy có nhân quả liên đới lẫn nhau. Tại sao lại có hiện tượng này? Phật pháp dạy người việc thiện. Phật pháp hưng vượng, nhân tâm lương thiện; Phật pháp suy bại, nói cách khác, người tin Phật ít, người thiện ít, tâm thiện ít thì người ác sẽ nhiều. Thế nên sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, những vua chúa các triều đại Trung Quốc chẳng có một ai không hết lòng nỗ lực để học tập, phát triển hoằng dương Phật pháp, giáo dục nhà Phật phổ biến đến nhân gian, tạo nên phong khí tốt đẹp trong xã hội. Người người đều biết nhân quả báo ứng thì khởi tâm động niệm tự nhiên biết thâu liễm, chẳng cần pháp luật. Đây tuyệt đối không phải là chánh sách ngu dân; tuyệt đối chẳng phải lường gạt lão bá tánh, trong ấy có chân lý, chân tướng sự thật. Câu kế tiếp:

Nhược ngộ phá dụng Thường Trụ giả, thuyết ức kiếp luân hồi địa ngục báo.

15[15] lịch sử là tấm gương để soi vào hầu học hỏi kinh nghiệm của tiền nhân nên gọi là "giám sử".

Nếu gặp kẻ phá hoại của Thường Trụ thì dạy rõ quả báo ức kiếp luân hồi nơi địa ngục.

'Phá dụng Thường Trụ', phía trước đã nói đây là thuộc về giới trộm cắp. Trộm vật thường trụ, trong kinh đức Phật nói tạo tội nặng gì Phật, Bồ Tát cũng có thể cứu, chỉ có trộm đồ thường trụ thì Phật không thể cứu. Nếu chúng ta phạm tội này thì phải làm sao? Tội này rất dễ phạm. Chúng ta trộm cắp, trộm vật của một người thì kết tội nhẹ, tương lai trả nợ thì chỉ trả một người. Nếu trộm đồ của quốc gia thì rất phiền phức, tương lai trả nợ thì phải trả hết những người trong nước đó, họ đều là chủ nợ. Tài vật của quốc gia từ đâu đến? Đến từ tiền thuế nhân dân đóng thuế. Thế nên người nào cũng là chủ nhân, tương lai trả nợ thì bạn trả cho từng người. Trung Quốc có mười ba ức người, mười ba ức người này đều là chủ nợ của bạn, bạn phải trả nợ 'mệt nghỉ'. Thường trụ trong nhà Phật càng ghê gớm hơn nữa, nhưng chư vị phải biết hiện nay sự thật chẳng phải vậy.

Lúc trước tôi giảng kinh ở Đài Loan có một lão cư sĩ, cụ đã qua đời, vãng sanh nhiều năm rồi. Có một lần cụ đặc biệt mời tôi ăn cơm, chỉ mời một mình tôi, chỉ có hai người chúng tôi vào tiệm ăn. Tôi nói: "Lão cư sĩ hôm nay mời tôi có chuyện gì không?" Cụ nói: "Tôi có một vấn đề rất nhức đầu muốn hỏi pháp sư." Tôi nói: "Vấn đề gì?". Cụ nói: "Phá hòa hợp Tăng, ăn cắp đồ của Thường Trụ phải đọa địa ngục A Tỳ, vĩnh viễn chẳng thể thoát thân, phải làm sao đây?" Nghe xong tôi cười và nói: "Cụ ở chỗ nào nhìn thấy phá hòa hợp Tăng, cụ thấy ở đâu?" Tôi vừa hỏi như vậy, cụ suy nghĩ một lát rồi cũng đờ người ra. Tôi nói: "Cả đời tôi đi giảng kinh thuyết pháp ở nhiều nơi, tôi chưa từng gặp Tăng Đoàn hòa hợp." Tại sao vậy? Người xuất gia đều ở đó cãi lộn, đấu tranh. Tôi nói: "Cụ ở đâu tìm được một Tăng Đoàn hòa hợp?" Vật thường trụ hiện nay là vật thường trụ gì? Chùa miếu đó là 'nhà' của người đó, đó không phải là thập phương thường trụ, chúng ta đến nơi đó quải đơn 16[16] cũng không được, họ chẳng cho phép, vậy thì đâu phải là vật thường trụ? Đó là nhà của người đó. Tôi vừa nói xong thì cụ ấy mới vỡ lẽ. Tôi nói: "Việc phá hòa hợp Tăng đó chẳng phải là 'phá hòa hợp Tăng' [theo đúng ý nghĩa], mà là phá nhà của người đó"; trộm vật thường trụ là trộm vật trong nhà người đó, tội đó chẳng có nặng cho lắm. Có ba người, năm người trú trong chùa ấy thì tương lai trả nợ cho ba, năm người. Tôi nói: "Cả đời tôi chưa từng gặp Tăng đoàn hòa hợp, chưa gặp đạo tràng thập phương thường trụ, chưa từng gặp". Lại nói "Nếu cụ gặp thì nói cho tôi biết". Sau đó cụ suy nghĩ một lát cũng nói chưa từng gặp qua. Tôi nói: "Vậy thì được rồi, chúng ta hãy dùng cơm".

Thế nên hiện nay miếu gọi là miếu của con cháu, miếu nhỏ, đã biến chất rồi, chẳng phải thập phương thường trụ. Tương lai Cư Sĩ Lâm ở đây, Làng Di Đà xây xong, đó là thập phương thường trụ. Nếu trộm cắp đồ vật ở trong ấy thì kết tội cũng giống như đã nói trong kinh. Đạo tràng Cư Sĩ Lâm ở Tân Gia Ba tuy là do cư sĩ tại gia tạo dựng, nhưng đạo tràng này là thập phương thường trụ, bốn chúng đệ tử trong nhà Phật đều có thể quải đơn, đều sẽ không từ chối. Sau khi Làng Di Đà xây dựng xong thì còn thù thắng hơn nữa. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi, bất cứ người niệm Phật ở quốc gia, địa phương nào, người xuất gia cũng vậy, tại gia cũng vậy, chỉ cần xin được quyền cư trú hợp pháp ở Tân Gia Ba thì đạo tràng này đều sẽ cung ứng [chiếu cố]. Bạn ở đây thật thà niệm Phật, tứ sự cúng dường [đều đầy đủ], cúng dường cho đến khi bạn vãng sanh, đây là thường trụ, chân chánh là thập phương thường trụ. Cư Sĩ Lâm, các bạn xem trai đường ở tầng dưới, mỗi ngày ba bữa cung ứng theo lối ăn tiệc Lưu Thủy

---

16[16] còn gọi là Quải Tích, Quải Bát, nghĩa là một vị Tăng du phương hành cước, ôm y bát, hành lý vào xin ở nhờ trong Tăng Đường một tự viện nào đó.

17[17], ăn cơm khỏi phải trả tiền, chẳng kể bạn tin Phật hay không tin Phật, bạn đến thì đều có cơm ăn. Thậm chí nếu bạn báng Phật, hủy báng Phật pháp, khi bạn bước vào cửa thì cũng để cho bạn dùng cơm, tuyệt đối chẳng từ chối. Chúng tôi thấy ở Cư Sĩ Lâm có rất nhiều người theo đạo khác, đạo Cơ Đốc, đạo Thiên Chúa, người ở gần đây đều tới dùng cơm, đều cúng dường tất cả, cúng dường một cách bình đẳng, đây là thập phương thường trụ. Thế nên ở nơi đó mỗi ngày có [cung ứng] ba bữa ăn, bạn hãy ăn tự nhiên, nhưng bạn không thể lén lút lấy gạo, đồ ăn ở đó đem về nhà, như vậy thì rắc rối ghê lắm, sự kết tội ấy là thập phương thường trụ kết tội, chẳng thể được. Người ta mở tiệm ăn chay, quán chay, bạn vào trong đó ăn cắp thì tội đó rất nhỏ, chẳng sao cả. Cư Sĩ Lâm là thập phương thường trụ, sự kết tội ở đó sẽ rất nặng.

Thế nên ngày nay chúng ta gặp được thập phương thường trụ thì thật chỉ có Cư Sĩ Lâm mà thôi. Họ chỉ có một điều kiện, bạn chân tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì bạn có thể thường trú ở đạo tràng ấy. Nhưng người hiện nay không thật thà, vì mục đích ngăn ngừa tệ đoan, có một số người giả vờ đến đó niệm Phật, tiếp nhận cúng dường thì chúng ta đã bị gạt, bị lừa rồi sao? Thế nên luật lệ ở đó là khi bạn đến Niệm Phật Đường để niệm Phật, những người cư trú ở đó phải điểm danh, liên tiếp ba lần không có mặt thì sẽ mời bạn rời khỏi, mời bạn đi khỏi, ở đó chẳng nhận cho bạn cư trú nữa. Bạn phải đến Niệm Phật Đường, một khóa cũng không thiếu thì thường trụ ở đó sẽ hoan nghinh, cúng dường bạn; bạn thật sự vì sanh tử, thật sự muốn thoát ra khỏi tam giới, thật sự muốn cầu sanh Tịnh Độ, họ hoan hỷ cúng dường cho bạn, thế nên duyên này vô cùng thù thắng. Lúc chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đã có nói với chư vị, Tỳ Lô Giá Na Phật xây dựng Hoa Tạng thế giới, cúng dường và thành tựu cho những người tu hành; A Di Đà Phật xây dựng Cực Lạc thế giới giúp cho những người niệm Phật, thành tựu cho họ làm Phật. Ngày nay Cư Sĩ Lâm thành lập đạo tràng này để thành tựu cho những người niệm Phật ở mọi địa phương trên thế giới, giúp cho họ vãng sanh Tịnh Độ, chẳng thể nghĩ bàn. Đây thật sự là đạo tràng hy hữu khó gặp trên thế giới. Thế nên vật thường trụ chúng ta phải hiểu rõ, nhân quả trong ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Nhược ngộ ô phạm vu tăng giả, thuyết vĩnh tại súc sanh báo

Nếu gặp kẻ ô nhục phạm hạnh và vu báng Tăng Già thì dạy rõ quả báo ở mãi trong loài súc sanh

'Ô' là ô nhiễm, trong Phật pháp là phạm tội dâm dục. 'Vu' là hủy báng, hủy báng người xuất gia, đây là 'vĩnh tại súc sanh báo'. 'Vĩnh tại súc sanh báo' cũng là sau khi chịu báo trong địa ngục xong rồi thọ súc sanh báo, quả báo này chắc chắn là trong địa ngục. Thanh Liên pháp sư trong đoạn văn này dẫn ra một đoạn trong 'Thắng Thiên Tử kinh' nói đến việc phó chúc chúng ta lưu thông bộ kinh này, 'Nếu có pháp sư lưu thông kinh này', lưu thông nghĩa là như thế nào? Có phải là chúng ta in ra nhiều một chút rồi đem tặng cho người ta thì gọi là 'lưu thông'? Chẳng phải, phạm vi đó quá nhỏ hẹp. Y giáo phụng hành mới gọi là lưu thông, chúng ta phải làm gương cho người ta coi, đó gọi là lưu thông, vậy mới hữu dụng, mới thật sự có lợi ích cho chúng sanh. Đây là việc mà trong kinh thường nói đến: thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói. Diễn là biểu diễn, làm ra cho người ta coi, chân chánh là y giáo phụng hành, triệt để y giáo phụng hành. Chỗ có pháp sư, có kinh điển, có đạo tràng chính là chỗ có chư Phật Như Lai, công đức lợi ích này Phật, Bồ Tát cũng nói chẳng hết, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Xem tiếp kinh văn:

17[17] Lưu Thủy là ông trưởng giả tiền thân của Phật Thích Ca trong kinh Kim Quang Minh, ông đãi khách rất thịnh soạn với tâm bình đẳng, ai tới cũng được đãi ăn như nhau, không phân biệt địa vị tôn quý hay sang hèn, thân hay sơ.

Nhược ngộ thang hỏa trảm chước thương sanh giả, thuyết luân hồi đệ thưởng báo

Nếu gặp kẻ nấu, nướng, chém, chặt, hoặc đả thương sanh vật, thì dạy rõ quả báo phải luân hồi đền trả lẫn nhau

Phía dưới nói về tạp nghiệp báo, phía trên [những gì] chúng ta nhìn thấy đều là ác nghiệp. Đọc xong chúng ta cảm khái muôn vàn, đều đã từng tạo. 'Thang hỏa' là gì? Lấy thịt chúng sanh đem nấu. Lúc xắt thịt thì dùng dao khứa từng miếng, 'trảm chước'. Ngày nay chúng ta sát hại chúng sanh, ăn thịt chúng sanh, trong kinh đức Phật nói *'Người chết làm dê, dê chết làm người'*, tương lai chúng ta chết đi đọa vào nẻo súc sanh, chúng nó sanh làm người thì cũng sẽ chặt, chém chúng ta ra từng miếng mà ăn, 'quả báo luân hồi đền trả lẫn nhau'. Ngày nay chúng ta ăn thịt nó, tương lai nó ăn thịt chúng ta, cứ đền trả lẫn nhau dây dưa chẳng dứt. Hiện nay tai nạn trên thế gian nhiều như vậy là vì nguyên nhân gì? Sát nghiệp quá nặng. Không những các chúng sanh này ăn thịt, mà còn ăn sống nữa, bạn nói vậy thì làm sao được! Hiện nay tại sao tai nạn xảy ra nhiều gấp mấy lần lúc trước? Chúng ta bình tĩnh nghĩ thử xem, năm chục năm, sáu chục năm về trước, lúc kháng chiến và thời gian trước đó, đây là việc tôi đích thân trải qua. Lúc đó đời sống nhân dân rất khổ, ở thôn quê khoảng một tháng mới bán thịt một lần, đâu phải ngày nào cũng có thịt mà ăn? Là việc chẳng thể nào có được. Cả mấy làng một tháng mới hợp lại làm thịt một con heo. Lúc làm thịt heo thì tìm một cây cao, trên cây để một cành tre, trên cành tre treo một miếng giấy vàng, mọi người nhìn thấy thì biết ngày hôm ấy có bán thịt ở đó, mới đi đến đó mua nửa cân, một cân thịt, mỗi tháng mới ăn thịt một lần. Chỉ có vào dịp tết thì mới có thịt ăn mỗi ngày, do đó con nít đều mong cho đến tết. Hiện nay thì mỗi ngày đều là tết, mỗi ngày đều ăn thịt, mỗi ngày đều sát sanh, tai nạn quả báo bèn lập tức hiện tiền. Chúng ta phải bình tĩnh mà quan sát, mà suy tư, thì sẽ tìm ra nguyên nhân thật sự. Thiên tai nhân họa xảy ra dồn dập không dứt, nhìn thấy mà ghê sợ, chẳng biết nguyên nhân, như vậy là ngu muội, vô tri.

Không tin lời thánh nhân thế gian, xuất thế gian nói, chẳng đọc sách thánh hiền, chẳng tin lời thánh hiền nói, cho rằng tự mình thông minh trí huệ hơn người xưa, người xưa lạc hậu rồi. Trí huệ, thông minh của người hiện nay vượt trội hơn người xưa quá nhiều, người xưa đốt đèn dầu đâu có sáng bằng đèn điện hiện nay? Người hiện nay thông minh hơn người xưa, họ nói rất hùng hồn, nghe rất có đạo lý, nhưng thật ra chẳng có đạo lý. Trí huệ thông minh của người xưa có thể phát triển kỹ thuật khoa học như ngày nay hay chăng? Họ có khả năng này, có trí huệ này. Tại sao không làm? Họ có đại đạo lý của họ. Nếu hai ngàn năm trước đã bắt đầu làm thì thế giới này đã sớm hủy diệt từ lâu rồi. Thế nên họ chẳng chịu phát triển, hy vọng người đời trụ ở thế gian lâu dài, an ổn, sống đời sống chân chánh của con người. Người hiện nay chẳng sống cuộc đời con người, mà là sống làm nô lệ cho cơ giới, khoa học, kỹ thuật, chứ đâu phải là sống đời con người? Ý vị tình người chẳng còn nữa, ngay cả nằm mộng bạn cũng chẳng nghĩ ra. Chúng ta đọc sách cổ xưa, bạn hãy coi văn chương, tác phẩm văn học của người xưa, người thuở xưa sống trong tình thơ ý họa, đẹp đẽ biết bao! Đời sống của con người hiện nay, sinh sống ở đâu? Trong yêu ma quỷ quái. Tôi chẳng tiếp xúc, lâu lâu nhìn thấy những hình ảnh ca vũ trên TV, đó là gì? Yêu ma quỷ quái. Âm thanh ấy giống như quỷ khóc, sói tru, [họ] sống cuộc đời như vậy. Họ đâu có hưởng thụ gì đâu, chúng tôi nhìn thấy rất tội nghiệp cho họ, hoàn toàn là điên cuồng, giống như hút ma túy, chích morphine nên trở thành như vậy, đâu có phải là hình dáng của con người nữa? Chẳng bình thường tí nào. Thế nên chúng ta nhất định phải cảnh giác, cảnh giác một cách cao độ.

Chúng ta làm việc trong nhà bếp, đọc tới câu này có thể nào chẳng kinh hồn hoảng vía ư? Đọc qua đoạn này trong kinh Địa Tạng thì nhất định sẽ chẳng dám ăn thịt nữa, chẳng dám sát sanh nữa. Chúng ta học Phật, tuy là mình hiểu được đạo lý này, người nhà chẳng tin, họ vẫn còn muốn ăn thịt; mỗi ngày đều phải cắt xẻ cho họ, vẫn còn chặt thịt, vẫn phải nấu nướng cho họ thì phải làm sao? Tôi khuyên bạn, tốt nhất mỗi ngày niệm một cuốn kinh Địa Tạng hồi hướng cho người nhà. Bạn có tâm chân thành, Tam Bảo gia trì, tương lai tâm niệm của họ sẽ từ từ chuyển đổi trở lại, chân thành có thể cảm động con người. Dùng tâm chân thành thay thế cả nhà, cả nhà đều là oán thân chủ nợ, tôi chẳng ăn nhưng phải làm thay cho họ, như vậy không phải là oán thân chủ nợ ư? Thế nên bạn phải thay họ hồi hướng, sám hối, một ngày nào đó họ sẽ cảm động, họ sẽ quay lại. Nếu họ không thể quay lại, chẳng cảm động, đó là vì tâm chân thành của chúng ta chẳng đủ, sức lực của chúng ta chưa đạt đến mức, phải tự trách mình. Nhất định phải tìm thời gian để sám hối thay họ, lạy Địa Tạng Bồ Tát nhiều thêm, có thể lạy ba trăm lạy mỗi ngày, một ngàn lạy mỗi ngày, dùng tâm chí thành cầu sám hối thì mới tiêu nghiệp chướng. Hồi hướng công đức bạn tu được cho những chúng sanh ấy, hồi hướng gia trì cho họ, hy vọng họ sớm được sanh đến cõi lành. Việc hồi hướng thứ nhì hy vọng người nhà có thể tiêu trừ nghiệp chướng, khai trí huệ, dứt ác, tu thiện, vĩnh viễn chẳng ăn thịt chúng sanh. Như vậy bạn hành hạnh Bồ Tát ngay trong gia đình bạn, gia đình chính là đạo tràng của bạn. Độ chúng sanh thì độ người nhà trước, sau đó độ thân quyến, bạn bè, hàng xóm, bạn phải làm ra cho người ta thấy. Thế nên học Phật mà người nhà không được độ thì bạn chẳng có thành tựu gì hết, bạn thành tựu rất có hạn. Nếu bạn có thể cảm động người nhà của bạn thì sự học Phật của bạn mới kể là có một chút thành tựu, có một chút thành tích. Nếu người nhà của bạn không thể cảm động thì bạn chẳng có thành tích gì đáng nói.

Nhược ngộ phá giới phạm trai giả, thuyết cầm thú cơ ngạ báo’

Nếu gặp kẻ phá giới phạm trai thì dạy rõ quả báo làm thân cầm thú đói khát

Việc phá giới thì mọi người đều biết. ‘Phạm trai’, cái gì gọi là ‘trai’? Hiện nay một số người cứ tưởng ăn chay nghĩa là ‘trai’, ăn chay, thật ra là hiểu sai rồi. ‘Trai’, trong nhà Phật chúng ta gọi là ‘quá trung bất thực’ (không ăn quá giữa ngày), chẳng phải là quá ngọ (quá 12 giờ trưa), quá ngọ cũng sai. Hiện nay một số người gọi là ‘trì ngọ’, nói như vậy không đúng, quá trung bất thực, quá trung [nghĩa là quá giữa ngày]. Nếu dùng chữ ‘ngọ’, giờ ngọ là từ 11 giờ tới 1 giờ trưa, giờ ‘ngọ’ dài hai tiếng đồng hồ. [Phải nói là] không ăn quá giữa ngày. Thế nên người trì trai hiện nay tốt nhất là phải dùng lịch thiên văn, vì thời điểm ‘giữa ngày’ đều khác nhau, thời điểm này đều có xê xích từng ngày, lịch thiên văn là chính xác nhất. Thời điểm giữa ngày vào lúc mấy giờ, mấy phút, mấy giây, sau giữa ngày bạn không thể ăn thì mới thật sự là ‘trì trai’. Lúc trì trai mà phạm trai (tức là ăn quá giữa ngày) thì có tội. Phật, Bồ Tát trì trai là để cho chúng sanh học theo, người thế gian chẳng ai không tham ăn, mỗi ngày ăn ba bữa, còn phải ăn điểm tâm, ăn buổi tối, đây đều là lỗi. Trong vấn đề ăn uống, không hay không biết lại tạo ra rất nhiều tội nghiệp, họ chẳng biết. Thế nên người xuất gia thị hiện làm gương cho họ coi, quý vị một ngày ăn nhiều như vậy, đòi hỏi dinh dưỡng nhiều như vậy mà thân thể cũng không khoẻ gì cả; chúng tôi một ngày ăn một bữa cũng chẳng thua kém gì thân thể quý vị. Làm cho họ từ điểm này phản tỉnh và giác ngộ, thực sự hiểu được đạo dưỡng sinh. Người hiện nay [tưởng rằng] dưỡng sinh là phải hấp thụ thật nhiều dinh dưỡng, người Trung Quốc chúng ta hồi đó tới giờ chưa từng nói đến dinh dưỡng. Ở Trung Quốc đại lục có một số nơi còn lạc hậu nghèo nàn, họ làm sao hiểu

được dinh dưỡng là gì? Nhưng thật kỳ lạ, họ đều sống rất lâu, thọ mạng con người ở thôn quê rất dài, người sống trên một trăm tuổi rất nhiều.

Lúc trước tôi cư trú ở Mỹ, hình như lúc đó Đại Lục vừa mới mở rộng 18[18], vừa mới mở rộng chẳng lâu. Mỹ đã từng phái một số người đến Trung Quốc Đại lục để tìm hiểu, nghiên cứu tại sao mức vệ sinh của người Trung Quốc tệ như vậy mà họ có thể sống lâu? Người Mỹ chuyện gì cũng đòi hỏi [tốt nhất] nhưng lại không sống lâu, họ muốn nghiên cứu về đạo lý này [nhưng] chẳng tìm được nguyên do. Coi đời sống ăn uống của họ (người Trung Quốc) so với tiêu chuẩn của Mỹ thì thua quá xa, nhưng người Trung Quốc lại sống lâu. Dùng phương pháp khoa học gì để nghiên cứu cũng tìm chẳng ra, họ chẳng hiểu nổi. Nguyên nhân của sự sống lâu ở đâu? Tâm địa thanh tịnh, vọng niệm ít, phiền não thật sự [là nguyên nhân] đoạt mất mạng sống con người. Phiền não của người Mỹ rất nặng, quá nặng, người Mỹ trẻ tuổi khoảng dưới hai mươi lăm tuổi coi còn được, vóc dáng còn rất đẹp, trên ba mươi tuổi thì thôi khỏi nói. Vết nhăn trên mặt hiện ra từng đường, rất nhiều vết nhăn, người Trung Quốc chúng ta, quý vị coi thử đâu có vết nhăn [gì đâu]. Tại sao lại có nhiều vết nhăn như vậy? Phiền não quá nhiều đấy mà. Nhiều ở chỗ nào? Áp lực đời sống.

Bạn phải biết đời sống của người Mỹ [bề ngoài] hình như rất tốt đẹp, [nhưng] đều là do trả nợ mà có đấy. Mua nhà phải vay mượn, mua nhà phải trả bao nhiêu? Chẳng đến một phần mười. Thí dụ căn nhà mười vạn đồng, chỉ cần trả [trước] năm ngàn là được. Sau đó từ từ trả dứt trong vòng hai mươi năm, ba mươi năm, mỗi tháng trả góp và trả tiền lời, phải mượn tiền ngân hàng. Những đồ vật dùng trong nhà của họ như xe hơi, tủ lạnh, thậm chí tôi nói cho các bạn biết khi họ mua đồ ăn cũng mua thiếu chịu. Khi bạn mua đồ ăn, mua rau cải, mua gạo, v. v…, thì dùng thẻ tín dụng (credit card); thẻ tín dụng là do ngân hàng cấp cho bạn, ngân hàng cho mua chịu. Bạn vất vả đi làm, mỗi ngày làm việc là nhằm để trả tiền mượn ngân hàng, trả tiền bảo hiểm. Cả đời họ làm việc, làm việc hằng ngày là để trả nợ, bạn hãy nghĩ xem áp lực đời sống của họ bao lớn. Thế nên họ phải hết lòng nỗ lực để làm việc, họ chẳng dám giải đãi, chẳng dám làm biếng. Tại sao vậy? Vừa mới làm biếng, vừa mới giải đãi thì công ty đuổi bạn lập tức. Thế thì bạn 'rồi đời', tất cả đồ đạc trong nhà bạn sẽ bị ngân hàng tịch thâu đem bán đấu giá để trả nợ. Đời sống của họ rất cực khổ, rất đáng thương, bạn chẳng cư trú ở ngoại quốc thì không hiểu tình huống của họ, thật là rất khổ.

Lần đầu tiên tôi về thăm tổ quốc, đi cùng với Hàn Quán Trưởng về quê của bà ở Đại Liên, ở đó có không ít bạn bè, thân thích ra tiếp đón, mời chúng tôi dùng cơm. Họ biết chúng tôi từ Mỹ đến, họ vô cùng ngưỡng mộ. Tôi nói với họ, tôi nói đời sống của người Mỹ chẳng bằng họ, họ chẳng tin, họ nói tôi gạt họ, an ủi họ. Tôi quay lại hỏi họ, lúc đó có khoảng ba mươi mấy người ngồi ở đó, tôi nói: quý vị ba mươi mấy người [ở đây], tôi hỏi quý vị có ai sinh sống phải trả nợ không? Họ nhìn lẫn nhau, chẳng có ai cả. Người Mỹ làm sao sánh bằng quý vị! Người Mỹ từ lúc sanh ra liền phải trả nợ, đến chết còn trả chưa hết nợ. Đời sống của họ là như thế nào? Đời sống của quý vị là như thế nào? Tuy bề ngoài đời sống của quý vị hình như nghèo hơn họ, quý vị chẳng có nhà lầu, chẳng có xe hơi, nhưng sau khi quý vị đi làm về, vài người bạn tụ lại với nhau, ăn vài hạt đậu phộng, nhâm nhi ly rượu, nói chuyện rất là thoải mái, người ngoại quốc có nhàn nhã, hưởng thú thanh nhàn như vậy không? Chẳng có. Cả đời cũng chẳng thể sống một ngày như vậy, đầu óc từ sáng tới tối luôn luôn khẩn trương, thế nên người ngoại quốc rất dễ suy lão, nguyên nhân là ở chỗ này.

Chúng ta hiểu được bối cảnh văn hóa của họ, nói thật ra họ ngưỡng mộ người Đông Phương. Chúng ta còn có tiền dành dụm, còn có thể gom góp được một chút tiền,

---

18[18] mở cửa tiếp xúc với thế giới bên ngoài chứ không bế quan tỏa cảng nữa

họ không có. Trong gia đình người Mỹ có thể tìm được hai chục đồng tiền mặt là rất hiếm có, [ít] có nhà nào có nhiều tiền mặt như vậy. Tôi nói lời chân thật với mọi người, tôi ở Mỹ hết mười lăm năm, đã đi đến nhiều thành thị. Cả thế giới choáng váng vì cơn bão kinh tế, nhưng người Trung Quốc bị ảnh hưởng tương đối ít. Tại sao? Người Trung Quốc ít mượn nợ, ít mượn tiền ngân hàng, chẳng mượn tiền, chẳng bị áp lực. Nguyên lý kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới ngày nay là gì? Tức là điều mà người Trung Quốc gọi là cho mượn với tiền lời cao. Bạn mượn tiền họ, cuối cùng bị họ ép chết, họ để cho bạn có dịp sung sướng nhất thời, sau cùng mới đoạt mạng của bạn. Chúng ta bình tĩnh khách quan xem xét rất rõ ràng, minh bạch.

Người Trung Quốc có phước, tự mình phải biết, phải hiểu, phải tự ái. Ngày nay Trung Quốc còn chưa thể đạt được an định, đó là vì nguyên nhân khác. Nếu trên phương diện nhân lực, tài nguyên có thể vận dụng được thích đáng, hết thảy những tai hại tự nhiên hoặc do người tạo đều có thể tránh khỏi, có thể làm được một quốc gia tốt nhất trên thế giới, làm mô phạm, làm gương mẫu cho hết thảy các quốc gia trên thế giới. Mục đích cuối cùng là thế giới hòa bình, thế giới đại đồng, đây là sự cống hiến lớn nhất của người Trung Quốc đối với toàn thế giới, [đó là] ý nghĩa chân thật nhất. Chúng ta phải nỗ lực làm, người xuất gia làm cho tròn bổn phận của người xuất gia là được rồi. Ấn Quang đại sư dạy: *'Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Tránh lòng Tà, giữ lòng Thành, Tin sâu nhân quả' 19**[19]***, thiên hạ sẽ thái bình. Những câu nói này của lão nhân gia đích thật có thể cứu hết thảy chúng sanh trong chín ngàn năm đời Mạt pháp. Kinh văn phía sau nói:

Nhược ngộ phi lý hủy dụng giả, thuyết sở cầu khuyết tuyệt báo

Nếu gặp kẻ phá hủy vật dụng một cách phi lý, thì dạy rõ quả báo mọi sở cầu đều thiếu hụt

Đây thường được người ta gọi là 'cầu bất đắc khổ' trong 'bát khổ'. Bạn mong cầu, tại sao cầu không được? Có nguyên nhân. 'Phi lý' tức là ngày nay chúng ta chúng ta thường nói 'bất hợp pháp, không hợp lý', 'hủy dụng một cách chẳng hợp tình hợp lý'. Hủy là gì? Hủy hoại, dụng là sự hưởng dùng mà bạn có được, sự hưởng thọ của bạn. Hết thảy sự hưởng thọ của bạn ngày nay, chẳng kể là hưởng thọ vật chất hay tinh thần, sự hưởng thọ này chẳng hợp lý, chẳng hợp pháp, chẳng hợp tình, quả báo của bạn sau này sẽ là chẳng như ý, 'cầu bất đắc'.

Nhược ngộ ngô ngã cống cao giả, thuyết ty sử hạ tiện báo.

Nếu gặp kẻ kiêu mạn cống cao thì dạy rõ quả báo làm nô dịch hèn hạ.

Cống cao ngã mạn sẽ có quả báo là hạ tiện, trong xã hội hiện nay rất rõ ràng; lúc mình có quyền, có địa vị thì ngạo mạn, ỷ quyền thế hiếp đáp người. Vừa chớp mắt người ấy mất hết địa vị, phải đi tìm một công việc thấp hèn để sinh sống. Phút chốc địa vị bị mất hết, bị kẻ khác sai bảo, quả báo ở ngay trong đời này chẳng cần phải đợi đến đời sau. Ngày nay chúng ta thấy rất nhiều [người] thật rất vất vả mới leo lên một tầng lớp cao trong xã hội, vừa gặp một cơn bão táp kinh tế [suy thoái] lập tức công ty liền giảm nhân viên, công ăn việc làm mất hết, phải tìm công việc vặt vãnh để sinh sống, phải bị người ta sai bảo. Hiện nay tại các nơi trên thế giới chỉ cần bạn quan sát kỹ lưỡng sẽ thấy rất nhiều kẻ chẳng biết khiêm tốn, tôn trọng người khác. Người ở chức vị

19[19] *Đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, thâm tín nhân quả*

cao cũng phải tôn trọng những viên chức thấp, không thể mặc tình sai khiến, sau này phải bị quả báo không tốt.

Nhược ngộ lưỡng thiệt đấu loạn giả, thuyết vô thiệt bá thiệt báo.

Nếu gặp kẻ nói hai lưỡi gây xích mích thì dạy rõ quả báo không lưỡi hoặc trăm lưỡi.

'Lưỡng thiệt' là khêu chọc người khác, gây xích mích, làm cho hai bên chẳng hòa hợp, tạo tội nghiệp như vậy. Người tạo tội nghiệp này nhiều, mục đích là muốn kiếm lợi, khiêu khích hai bên, khiêu khích thị phi. Phía trước đã nói quả báo này, đây là thuộc về khẩu nghiệp; ác khẩu, nói lưỡi đôi chiều đều đọa địa ngục tên là địa ngục Kéo Lưỡi. Quả báo ở địa ngục trả xong lại đọa súc sanh, trong loài súc sanh có loài chẳng có lưỡi, có loài trăm lưỡi, vẫn còn chịu quả báo này.

Nhược ngộ tà kiến giả, thuyết biên địa thọ sanh báo.

Nếu gặp kẻ tà kiến thì dạy rõ quả báo thọ sanh ở vùng biên địa.

Tà tri tà kiến, tà tri kiến cũng phải coi họ tạo nghiệp cạn hay sâu, rộng hay hẹp. Nếu nghiệp ấy ảnh hưởng người khác ít thì quả báo của họ sẽ nhẹ; nếu tà tri tà kiến này ảnh hưởng nhiều người, thời gian ảnh hưởng lâu dài thì quả báo của họ sẽ nặng. Có người hỏi tôi, những bài do người có tà tri tà kiến viết ra, sách của họ viết ra, hướng dẫn lầm lạc chúng sanh, tương lai họ phải đọa địa ngục đến khi nào mới có thể thoát ra? Tôi nói với họ, tôi nói căn cứ vào kinh Phật. Những cuốn sách mà họ viết ra trên thế gian này một cuốn cũng tìm chẳng ra thì họ mới thoát khỏi địa ngục. Nếu có một thư viện nào đó còn giữ một cuốn thì họ còn rắc rối, họ sẽ chẳng thể thoát khỏi. Do đó có thể biết, sách họ in càng nhiều thì càng phiền phức, tội của họ sẽ càng nặng, họ ảnh hưởng đến nhiều người, thời gian ảnh hưởng dài, cái tội này nặng lắm. Thế nên chúng ta nói chuyện cũng phải cẩn thận, nếu có thâu âm lại thì cũng giống như sách vậy, đến khi nào băng thâu âm này hoàn toàn bị hủy diệt trên thế gian này, hoàn toàn mất hết, thì bạn mới thoát ra khỏi địa ngục. Nếu còn một bộ được người ta giữ lại thì hỏng rồi, bạn sẽ chẳng thoát ra khỏi địa ngục. Người xưa thường nói: *'Bịnh từ miệng vào, họa từ miệng ra'*, một tí cũng chẳng sai. Thế nên Bồ Tát dạy chúng ta *'Nói ít một câu, niệm thêm một câu Phật'*. Khi người ta nói chuyện mình nghe không rõ là tốt nhất, không cần biết họ nói cái gì, [mình cứ niệm] A Di Đà Phật, niệm một câu này tốt hơn bất cứ cái gì. Tại sao? Chẳng cần phải nghe, đều chẳng có ý nghĩa, ngoài A Di Đà Phật ra tất cả đều chẳng có ý nghĩa, bạn nghe những thứ ấy làm gì! Thật thà niệm Phật nhất định sẽ được sanh Tịnh Độ, nghe những thứ thị phi này, những lời nói bá láp này, nhất định sẽ tạo lục đạo luân hồi, tăng thêm tội nghiệp của mình, chẳng đáng chút nào.

'Biên địa thọ sanh', biên địa là những chỗ mà ngày nay được gọi là văn hóa lạc hậu. Trong đời này người sanh ở những chỗ văn hóa lạc hậu thì sẽ chẳng có cơ hội được giáo dục, họ làm sao không ngu si cho được? Ngu si thì chắc chắn sẽ tạo tội nghiệp, thế nên quả báo này rất dễ sợ. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây, Bồ Tát ở đây làm một kết luận cho chúng ta.

Như thị đẳng.

Những chuyện này

Đây là chỉ những việc nói phía trên. 'Đẳng' là nhiều quá, nói không hết.

Diêm Phù Đề chúng sanh, thân khẩu ý nghiệp. Ác tập kết quả, bá thiên báo ứng, kim thô lược thuyết.

Trăm ngàn sự báo ứng kết quả bởi tập khí xấu ác từ thân, khẩu, ý nghiệp của chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, nay chỉ nói sơ lược đó thôi.

'Lược thuyết' là báo cáo một cách sơ lược, đoạn này nói hết thảy chúng sanh hiện nay trên thế gian chúng ta, tạo nghiệp nhân ác. Ngày ngày thân, khẩu, ý luôn tạo tác, thân tạo giết, trộm, dâm; [nếu bạn nói] tôi chẳng có giết, mỗi ngày bạn ăn thịt tức là sát sanh. Tôi chẳng có sát sanh, chỉ là ăn thịt mà thôi; nếu bạn không ăn thịt thì người ta sát sanh làm chi? Có lẽ người hiện đại không tin nhân quả, mặc tình giết hại, mặc tình ăn nuốt. Lúc trước chúng tôi ở dưới quê, tôi không phải đã kể cho các bạn nghe rồi sao, mỗi tháng làm thịt một con heo, lúc giết heo người đồ tể đều có niệm chú cho heo, nói với heo rằng:

"Heo ơi, heo ơi, mày đừng giận tao.

Mày là một món ăn của người ta,

Người ta không ăn thì tao không chém mày,

Mày hãy tìm người ăn thịt mà đòi nợ".

Ông ta rất thông minh, người đồ tể này đổ hết tội báo cho người ăn thịt, kêu con heo đi kiếm người ăn thịt mà đòi nợ. Do vì bạn ăn thịt thì ông ta mới sát sanh, nếu bạn không ăn thịt thì ông ta sẽ không sát sanh, ăn thịt là sát sanh gián tiếp, vẫn là tạo sát nghiệp mỗi ngày. Nghiệp trộm cắp, nghiệp dâm dục chẳng có cách chi tránh khỏi. Khẩu có bốn thứ nghiệp: vọng ngữ, nói lưỡi hai chiều, nói lời ác độc, nói lời thêu dệt, có ai không tạo? Trong ý nghiệp tràn đầy tham, sân, si. Thế nên ngày nay chúng ta quan sát thế giới này, thân - ngữ - ý của hết thảy chúng sanh gia tăng từng năm, như vậy chịu sao nổi! Đây là nhân, rất đáng sợ! Muốn ngưng cũng không ngưng được. Đừng nói tiêu nghiệp chướng, làm sao tiêu nổi? Mỗi ngày luôn tăng thêm. Làm sao không có quả báo cho được? 'Ác tập kết quả', thân, ngữ, ý tạo mười loại ác nghiệp, tập khí ác nghiệp tích lũy thì quả báo bèn hiện tiền. Đây là quả báo thiên tai, nhân họa, tam đồ bát nạn; tam đồ bát nạn là do vậy mà có. 'Bá thiên báo ứng', bá thiên chẳng phải là con số, là tượng trưng cho vô lượng vô biên báo ứng, phía trước chỉ nói sơ lược mà thôi.

Ngày nay trong đời này nếu chúng ta thật sự muốn thoát ly tam giới, phải bắt đầu thay đổi từ chỗ nào? Bắt đầu thay đổi từ tâm địa. Phải làm cho tâm đạt đến mức thuần thiện, trong tâm chẳng có ác niệm, cái gì là ác? Thập ác, đây là đơn giản nhất, chẳng có ý niệm ác này. Ý chẳng có tư tưởng tà vạy, đây là tâm địa pháp môn. Niệm niệm đều y giáo phụng hành. Trong kinh Phật dạy những gì chúng ta nên làm thì chúng ta hết lòng nỗ lực đi làm. Những gì Phật nói không thể làm thì chúng ta ngay cả móng ý cũng chẳng khởi, [được vậy thì] chính mình mới có thể tự độ, mới thật sự nắm vững. Cho dù đời này chẳng vãng sanh Tịnh Độ, chẳng cầu sanh Tịnh Độ, đời sau chắc chắn sẽ được phước báo nhân thiên, sẽ chẳng đọa tam ác đạo. Cho dù ngày nay thân, khẩu của chúng ta chẳng có ác hạnh, nhưng ý vẫn còn ác niệm, vẫn còn tư tưởng tà vạy, nói cho chư vị biết vẫn [tạo nghiệp] tam đồ, lục đạo y như cũ. Do đó Tổ Sư, đại đức thời xưa dạy chúng ta tu từ căn bản, căn bản là gì? Niệm đầu là căn bản. Nếu bạn thích đọa tam ác đạo, chịu khổ nạn vô số kiếp thì cũng được, bạn cứ tiếp tục giữ những ác niệm và tư tưởng tà vạy đi. Nếu bạn cảm thấy cái khổ tam đồ trong vô số kiếp, bạn nhìn thấy rất sợ, sợ hãi, chẳng cam chịu nhận lãnh, bạn phải sửa đổi tâm niệm từ ngày hôm nay.

Tiêu chuẩn 'Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh' là một tiêu chuẩn rất tốt. Các bạn đồng học Tịnh Tông ngày nay tại sao khóa tối chúng ta chọn kinh Vô Lượng Thọ phẩm ba mươi hai đến ba mươi bảy, những gì nói trong ấy hoàn toàn giống kinh Địa Tạng, đó là tiêu chuẩn thiện ác, không thể không biết. Ác, nhất định phải đoạn dứt, đoạn không được cũng phải đoạn, không đoạn không được! Nếu bạn không đoạn thì bạn nhất định sẽ đọa địa ngục, tự bạn dứt khoát phải hiểu rõ, nếu không đoạn thì chắc chắn sẽ đọa địa ngục, chẳng có con đường thứ hai nào khác dễ đi hơn. Sau khi từ địa ngục thoát ra, giống những quả báo nói trong kinh bạn đều phải hứng chịu. Nếu bạn muốn mình không đọa địa ngục, đời này có thể liễu sanh tử, thoát khỏi tam giới, vãng sanh Tịnh Độ thì bạn nhất định phải làm, không làm không được. Người khác làm hay không chẳng liên quan gì đến mình, trên con đường tu hành này, Phật Tổ đã nói rất rõ ràng, giảng rất minh bạch: *sanh tử của ai thì người đó liễu, ai cũng chẳng thay thế cho người khác, 'ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu thì không đắc'*. Tu cái gì? Cải tâm (sửa đổi tâm), đó là chân tu. Tâm của bạn sửa đổi rồi thì đương nhiên hành động của bạn cũng sẽ thay đổi. Nếu hành vi làm giống như vậy nhưng trong tâm chẳng có sửa đổi thì không được, luận tội đều luận từ trong tâm, nhất định phải hiểu đạo lý này. Xem tiếp đoạn cuối:

Như thị đẳng Diêm Phù Đề chúng sanh, nghiệp hoặc sai biệt, Địa Tạng Bồ Tát bá thiên phương tiện nhi giáo hóa chi.

Những chúng sanh ở Diêm Phù Đề này có nghiệp hoặc sai khác, Địa Tạng Bồ Tát cũng có trăm ngàn phương tiện để dạy dỗ.

Phía trước nói về tạo nghiệp, đoạn trước này. Đúng là 'chúng sanh ở Diêm Phù Đề ương ngạnh khó dạy dỗ'. Địa Tạng Bồ Tát hiểu rõ, chúng ta đọc thấy trong kinh, Bồ Tát hiểu rõ, hôm nay chúng ta cũng hiểu rõ, chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, phải học tập Địa Tạng Bồ Tát. Giống như Bồ Tát vậy, dùng mọi thứ thiện xảo phương tiện giáo hóa chúng sanh. 'Hóa' là gì? Chúng sanh tiếp nhận sự dạy dỗ bèn có thể quay về, đoạn dứt ác, hướng thiện, [vậy là đã chuyển] hóa rồi. Hóa là kết quả của sự dạy dỗ, giáo là nhân, hóa là quả. Hóa ác niệm thành thiện niệm, hóa phiền não thành Bồ Đề, hóa phàm phu thành Bồ Tát, vậy thì sự giáo học của bạn đã đạt được mục đích, thật sự có được thành quả. Đây là việc chúng ta nhất định phải học tập. Xem tiếp đoạn kinh văn phía sau:

Thị chư chúng sanh, tiên thọ như thị đẳng báo, hậu đọa địa ngục. Động kinh kiếp số, vô hữu xuất kỳ.

Những chúng sanh này trước hết phải thọ lãnh những quả báo như thế, sau đó lại đọa vào địa ngục trải qua nhiều kiếp không có kỳ hạn thoát ra.

Ở đây, đức Phật nói lời chân thật, trong kinh nói đến báo ứng là quả báo trong đời này, gọi là hoa báo. Sau khi chết rồi chắc chắn phải đọa địa ngục. Đến lúc nào mới được thoát khỏi? 'Động kinh kiếp số', phía trước nói với chúng ta vô lượng kiếp, 'vô hữu xuất kỳ'. 'Xuất kỳ' (kỳ hạn thoát ra) chắc chắn là có, tại sao lại nói 'vô hữu'? Quá dài, bạn chẳng thể thoát khỏi trong thời gian ngắn.

Thị cố nhữ đẳng

Thế nên các ông

Do vì duyên cố này, Phật khuyên dạy Tứ đại thiên vương. Tứ đại thiên vương phát tâm hộ trì, hộ thế. Nhóm những người các ông,

Hộ nhân hộ quốc, vô lịnh thị chư chúng nghiệp mê hoặc chúng sanh

Hộ nhân hộ quốc, chớ để những nghiệp chướng đó làm mê hoặc chúng sanh.

Trong bản chú giải của Thanh Liên đại sư có viết một câu, đương nhiên ngài cũng dựa theo lời Phật nói trong kinh, tức là kinh Cựu Tạp Thí Dụ. Theo kinh ấy, đức Phật Thích Ca nói sáu mươi vạn năm ở thế gian bằng một ngày ở địa ngục. Lúc trước lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam trong Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa đã nói với học sinh các trường đại học chuyên khoa, nói đến địa ngục, một ngày ở địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm ở thế gian, nói như vậy là có căn cứ. Hai ngàn bảy trăm năm đại khái là địa ngục nhỏ, nói nhiều quá sẽ làm người ta sợ điếng người. Trong kinh này Phật nói một ngày trong địa ngục bằng sáu mươi ức vạn năm ở cõi người. Thời cổ Ấn Độ chữ 'ức' này có ba loại, mười vạn cũng gọi là ức, trăm vạn cũng gọi là ức, vạn vạn cũng gọi là ức. Chúng ta dùng số nhỏ nhất, mười vạn tính là một ức. Sáu mươi ức vạn tuổi, sáu mươi rồi nhân thêm mười, một ngày trong thế gian chúng ta, thế nên địa ngục có nên đi vào không? Đây là nói địa ngục lớn Vô Gián, dài lắm. Chúng ta tạo tội nghiệp địa ngục rất dễ dàng, hiện nay bạn tạo, quả báo khổ trong tương lai bạn làm sao chịu nổi?

Trong kinh này, đức Phật phó chúc Tứ đại Thiên Vương phải hộ quốc, hộ người, đừng để các thứ nghiệp tội thế gian mê hoặc chúng sanh. Chúng ta nghe xong lời này, trước hết phải tự phản tỉnh, nói cho chư vị biết mỗi ngày đều phải phản tỉnh. Trong nhà Phật định ra công khóa sáng tối, tôi đã nói với mọi người, khóa sáng là để nhắc nhở chính mình, khóa tối là để phản tỉnh. Lúc lễ đọc tụng kinh văn trong khóa tối phải hết lòng phản tỉnh. Những gì trong kinh dạy chúng ta phải làm, chúng ta đã làm được chưa? Dạy chúng ta đừng làm, chúng ta có vi phạm hay không? Đây là cách bạn chân chánh làm công khóa sáng tối. Khóa tụng sáng tối chẳng phải đem kinh ra tụng một lần cho Phật, Bồ Tát nghe, như vậy là hoàn toàn sai lầm, Phật, Bồ Tát đâu có muốn nghe những thứ này? Muốn độ chúng sanh thì phải độ mình trước, tự mình không tạo ác nghiệp, chính mình nhất quyết không đọa tam ác đạo thì bạn mới có khả năng giúp đỡ người khác. Nếu nói thân mình còn giữ không nổi mà đi giúp người khác, chẳng có chuyện này. Bởi vậy chúng ta nhất định phải đặt chân mình đứng thật vững vàng, nhất quyết chẳng đọa tam đồ. Hơn nữa, tự mình có lòng tin kiên định, quyết định được sanh Tịnh Độ. Hơn nữa nhất định có thể tự tại vãng sanh, tại sao lại nắm chắc như vậy? Nghiệp chướng đã tiêu hết, làm sao tiêu? Trong tâm chẳng có một tâm niệm ác, trong ý chẳng có một tư tưởng tà vạy thì bạn có thể nắm chắc. Vãng sanh chẳng có bịnh khổ, hiện tiền chẳng có đau bịnh; chẳng có đau bịnh là hoa báo, vãng sanh chẳng có bịnh khổ là quả báo. Tại sao người ta có thể làm được, chúng ta làm không được? Lý do người ta có thể làm được, chẳng có gì khác, tức là trong tâm chẳng có ác niệm, trong ý chẳng có tư tưởng tà vạy, là nhờ vào điểm này.

Tứ thiên vương văn dĩ, thế lệ bi thán, hiệp chưởng nhi thoái.

Tứ thiên vương nghe xong, rơi lệ than thở, chắp tay lễ Phật mà lui ra.

Thế Tôn khai thị cho họ xong, Tứ đại thiên vương nghe xong rơi lệ, bi thán. 'Bi thán' có hai nghĩa, một là than thở nghiệp tập chúng sanh quá nặng, quá nặng, ý thứ hai là tự mình trách nhiệm quá nặng. Chúng ta muốn giúp đỡ chúng sanh, trước tiên phải giúp đỡ chính mình.

Được rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 15 (Số 14-12-15)

Xin mở kinh bản, quyển trung, Phẩm thứ năm: Danh hiệu của địa ngục, xin xem kinh văn:

PHẨM THỨ 5: DANH HIỆU CỦA ĐỊA NGỤC

Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn: Nhân giả nguyện vi thiên long tứ chúng cập vị lai hiện tại nhất thiết chúng sanh thuyết Sa Bà thế giới cập Diêm Phù Đề tội khổ chúng sanh sở thọ báo xứ địa ngục danh hiệu cập ác báo đẳng sự. Sử vị lai thế mạt pháp chúng sanh tri thị quả báo.

Lúc đó Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát nói với Địa Tạng Bồ Tát rằng: "Thưa Nhân giả, xin ngài hãy vì trời, rồng, tứ chúng và tất cả chúng sanh ở hiện tại cùng vị lai mà nói rõ danh hiệu của các địa ngục, nơi thọ báo của các chúng sanh tội khổ ở thế giới Sa Bà và cõi Diêm Phù Đề, cùng những sự ác báo để cho chúng sanh trong thời Mạt pháp ở đời sau biết rõ những quả báo đó."

Đến đây là một đoạn. Đoạn này là do Phổ Hiền thỉnh nói, phía trước đã giới thiệu qua 'nghiệp duyên, nghiệp hoặc', sau hai phẩm này, đối với những khổ báo của hết thảy chúng sanh tạo ác nghiệp trên thế gian cảm được thì chúng ta cũng đã hiểu một phần rồi. Trong đoạn kinh này, Phổ Hiền Bồ Tát đại từ đại bi thay chúng ta thỉnh pháp, thỉnh cầu Địa Tạng Bồ Tát nói đại khái, sơ lược những tội báo này cho chúng ta biết. Không chỉ chúng ta hy vọng hiểu rõ, mà lục đạo chúng sanh trong thế giới Sa Bà bao gồm chư thiên, bát bộ quỷ thần [đều hy vọng hiểu rõ]. Vì những chúng sanh này trước mắt là hưởng thọ phước báo, phước báo của thiên nhân, nhưng phước cõi trời hưởng hết rồi thì phải làm sao đây. Mỗi chúng sanh hoặc là [chỉ] nói về mỗi con người, không phải chỉ có sanh mạng trong một giai đoạn này mà thôi, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Chúng ta có đời quá khứ, quá khứ vô thỉ, chúng ta còn có đời vị lai, vị lai vô chung, những năm tháng vô thỉ vô chung này chẳng có cách chi tính đếm nổi. Ngày nay chúng ta nói về con số thiên văn, con số thiên văn so với vô thỉ vô chung cũng còn khác xa vời vợi, tội nghiệp tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay cũng là vô lượng vô biên. Quả báo ở giai đoạn này là hạnh nghiệp của chúng ta đã tạo từ vô lượng kiếp, nghiệp nhân nào gặp được duyên thì sẽ hiện ra, [nói chung] là sự việc như vậy.

Người không học Phật chẳng hiểu rõ, chẳng thấu hiểu những chân tướng sự thật này; Phật đã nói với chúng ta thật rõ ràng, lời Phật nói có đáng tin không? Lời Phật nói là thiệt hay không? Chỗ thù thắng, cao minh nhất trong giáo học của Phật là Ngài dạy chúng ta chứng thật, ngài nói với chúng ta chuyện như vậy, kêu chúng ta tự mình đi chứng minh, như vậy thì không giả rồi. Phật chẳng có nói: 'Những gì ta nói là thật thì nhất định phải là thật', Phật chẳng nói như vậy. Phật nói xong, bạn có thể tự mình chứng thật. Dùng phương pháp gì để chứng thật? Phật dạy phương pháp cho bạn, bạn tự cầu chứng. Lục đạo, thập pháp giới đều là thật, Nhất Chân pháp giới cũng là thật,

bạn có thể chứng thật. Khỏi phải nói đến những tội nghiệp đã tạo trong đời này, những tội nghiệp đã tạo trong nhiều đời nhiều kiếp về trước [cũng quá nhiều rồi], cho nên đến lúc phước cõi trời hưởng hết, tội nghiệp tích lũy từ những đời quá khứ vẫn còn thì đâu có lý nào chẳng đọa lạc được? Trong các cảm ứng trong mười pháp giới thì cảm ứng ác nhiều hơn, cũng tức là ác duyên nhiều, thiện duyên ít. Nếu bạn không tin lời này thì cũng chẳng khó chứng thật; bạn hãy suy tư, trắc lượng kỹ càng. Trong đời sống hiện tiền của chúng ta, từ sáng đến tối những người, sự, vật mà chúng ta gặp gỡ đều là duyên, trong đó thiện duyên nhiều hay ác duyên nhiều? Ngoại duyên bên ngoài khơi lên ý niệm trong tâm của chúng ta, lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, chúng ta khởi tâm động niệm là ác niệm nhiều hay là thiện niệm nhiều? Bạn bình tĩnh suy tư thì sẽ hiểu rõ. Nếu từ sáng đến tối, ác niệm của chúng ta nhiều hơn thiện niệm, thì đời sau bạn sẽ sanh đến đâu? Đó không phải là sẽ đi vào tam ác đạo hay sao, đâu cần phải hỏi người khác! Chẳng cần phải hỏi ai khác, chẳng cần hỏi Phật, Bồ Tát, tự mình biết rõ ràng, minh bạch.

Trong một ngày, từ sáng đến tối nếu chúng ta có thể giữ được thiện niệm nhiều hơn ác niệm thì chúng ta mới nắm chắc không đọa tam ác đạo. Sự nắm chắc này cũng không hoàn toàn hết mười phần, tại sao? Lúc lâm chung bạn có thể nắm chắc hay không? Lúc bình thường có thể nắm chắc, nhưng lúc lâm chung nắm không chắc thì vẫn phải đọa lạc. Do đó mới biết chuyện này thật là khó, lúc bình thường phải tập luyện, tại sao? Lúc bình thường rèn luyện thì đến lúc lâm chung mức độ có thể nắm chắc nhiều hơn; nếu lúc bình thường không chịu rèn luyện thì đến lúc lâm chung mức độ nắm chắc sẽ rất ít, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Cổ đức có thí dụ, đó là *'luyện binh ngàn ngày chỉ để dùng trong một chốc mà thôi'*, lúc bình thường phải rèn luyện, đến phút cuối cùng có thể đánh thắng hay không thì chưa chắc. Nhưng nhất định phải rèn luyện thì khi đánh trận mới có cơ hội thắng trận. Nếu lúc bình thường không rèn luyện thì lúc ra trận chắc chắn sẽ bị đánh bại. Lúc bình thường rèn luyện, trong các buổi giảng chúng ta đã nói rất nhiều. Đặc biệt là thời gian gần đây, hoàn cảnh sinh sống của chúng ta trên trái đất này, địa cầu là đại hoàn cảnh sinh sống của chúng ta xảy ra nhiều tai biến khác thường, thiên tai nhân họa rất nhiều, số lượng mỗi năm càng tăng, mỗi lần xảy ra càng nghiêm trọng hơn trước; chúng ta nghe báo cáo ở nhiều địa phương đích thật làm cho thân tâm con người đều chẳng yên, sanh hoạt trong lo sợ. Ngày nay mọi người đều hỏi chúng ta đi đâu để tránh nạn? Chẳng có một nơi nào trên thế giới này an toàn hết, bạn đi đâu được? Đi đâu cũng vậy. Một ngày trước lúc lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam vãng sanh, hay là hai ngày trước, ngài nói với học trò: *"Tai nạn đã đến, Phật, Bồ Tát, thần tiên cũng cứu chẳng nổi, chỉ có một con đường sống sót duy nhất là chắc thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ"*. Lời dặn dò lúc lâm chung của ngài khuyên nhắc học sinh chúng ta, chẳng có đường nào thoát được, chẳng có chỗ nào có thể trốn được.

Tai nạn hình thành như thế nào? Do cộng nghiệp của chúng sanh cảm đến, chẳng giác ngộ; đức Phật đã nói rõ ràng, minh bạch, chẳng có người tin, chẳng có người chịu tiếp nhận, cho rằng lời Phật nói là mê tín. Người hiện đại đều tin khoa học, tin vào y cứ trong khoa học, nếu lỡ khoa học nói sai một câu thì làm sao đây? Sự thiệt hại sẽ chẳng nhỏ. Chúng ta biết được trí huệ của đức Phật có được từ trong thiền định, điều này chẳng phải giả.

Phật nói với chúng ta mỗi người đều có trí huệ, năng lực này, *'nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng được'*, cho nên mục đích của lời Phật dạy là muốn chúng ta chứng được. Phật nhìn thấy, bạn cũng có khả năng nhìn thấy, đức Phật hiểu rõ, bạn cũng có khả năng hiểu rõ, ngày nay tại sao bạn không hiểu rõ? Tại sao nhìn chẳng thấy? Phật nói vì bạn có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Chỉ cần xả bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xả hết sạch sành sanh thì bạn sẽ nhìn thấy thấu

suốt diện mục chân thật của hư không pháp giới, vậy thì còn phải nghe người khác nói nữa ư? Đến lúc đó những gì bạn nhìn thấy, bạn tiếp xúc đến chẳng khác những gì chư Phật Như Lai đã nói. Thế nên Phật là *'người nói lời chân thật, lời thật sự, lời đúng như vậy'*1[1]. 'Như ngữ giả' nghĩa là sự thật ra sao thì nói như vậy, tuyệt chẳng thêm cành, thêm lá, và cũng chẳng nói giảm bớt một chút, lời nói hoàn toàn phù hợp với chân tướng, sự thật, như vậy gọi là 'như ngữ'. Chẳng có nói dối, chẳng có lừa dối, câu nào cũng đều chân thật, thành thật.

Thế nên chư thiên cũng muốn nghe, phước báo của thiên nhân tuy lớn nhưng nên nghĩ đến lúc phước báo hưởng hết thì phải làm sao? Họ phải hiểu rõ đạo lý này, họ có thể tu phước tiếp tục mãi mãi, làm cho phước báo của họ kéo dài, chẳng đến nỗi phước hưởng hết rồi phải đọa lạc. Nhưng chúng ta biết, đây là lời đức Phật nói trong kinh, người hưởng hết phước trời đọa lạc rất nhiều, người có thể tu phước tiếp tục chẳng đọa lạc thì rất ít; nói thật ra cũng giống như cõi người chúng ta. Người thật sự tin Phật pháp, thiện căn sâu dầy, có trí huệ, tuy hưởng phước báo nhân thiên, vẫn tu phước, tích phước không ngừng nên phước của họ có thể hưởng nhiều đời, hưởng phước nhiều đời nhiều kiếp.

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta phước báo của việc bố thí cúng dường. Thí dụ trong kinh Phật nói có người cúng dường Bích Chi Phật một chén cơm, phước của họ được là quả báo chín mươi ức kiếp chẳng chịu bần cùng. Cúng dường một chén cơm là một chuyện rất nhỏ thì làm sao có thể được phước báo to lớn như vậy? Phước lớn hay nhỏ là do nơi tâm lượng cúng dường. Nếu lúc cúng dường này có tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chân thành thì phước báo sẽ rất lớn, chẳng có giới hạn. Nhưng chư vị phải ghi nhớ chín mươi ức kiếp so với vô lượng kiếp là một con số rất nhỏ, chín mươi ức kiếp trở về sau thì như thế nào? Có nghĩ đến hay không? Đây là nói rõ bố thí tài vật chẳng bằng bố thí pháp. Phước báo của bố thí tài vật chẳng thể sánh kịp với bố thí pháp, trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện nói rất rõ, phước của sự bố thí pháp thật là vô lượng vô biên. Thế nên kinh Phật không thể không đọc, đạo lý mà Phật đã giảng không thể không thâm nhập, nó có thể giúp cho chúng ta thật nhiều, thật nhiều. Thế nên thiên nhân cũng muốn hiểu chân tướng sự thật này, huống chi là chúng ta.

Phổ Hiền Bồ Tát nói rất hay 'cập vị lai hiện tại nhất thiết chúng sanh'. 'Hiện tại' là đương lúc tham gia pháp hội, những người nghe Phật, nghe Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp. 'Vị lai' tức là bao gồm chúng ta trong đó. Phổ Hiền Bồ Tát vì chúng ta khải thỉnh, chúng ta ở đây nghe Địa Tạng Bồ Tát báo cáo, vì chúng ta mà nói. 'Diêm Phù Đề' tức là thế giới này của chúng ta, 'Sa Bà thế giới' là đại thiên thế giới, Diêm Phù Đề là địa cầu của chúng ta, đây là nơi chúng ta quan tâm nhiều nhất. 'Tội khổ chúng sanh', hãy xem nhân số năm mươi mấy ức người ở trên thế gian chúng ta có phải đang sinh sống trong tội khổ không? Những gì chúng ta tạo tác đều là tội, những gì chúng ta thọ nhận đều là khổ. Bất kể là giàu sang phú quý trên thế gian này, có ai sinh sống chẳng khổ? Mỗi người có cái khổ riêng. Trong nhà Phật những gì hiện nay đang thọ nhận từ những tạo tác tội nghiệp được gọi là hoa báo, sau khi hoa báo thì có quả báo, quả báo ở đời sau. Sau khi bạn chết đi cảm nhận quả báo, quả báo nghiêm trọng hơn hoa báo rất nhiều. Ở đây nói về quả báo.

'Sở thọ báo xứ, địa ngục danh hiệu', đây là việc chúng ta rất muốn biết. Phổ Hiền Bồ Tát khải thỉnh là dựa trên trí huệ chân thật, đại từ đại bi, nếu chẳng có trí huệ, chẳng có tâm đại từ đại bi, thì chẳng thể nêu lên câu hỏi này. Khải thỉnh, nói ra mục đích là hy vọng hết thảy chúng sanh nghe xong có thể hiểu được trạng huống chân thực

---

1[1] *'chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả'*

trong địa ngục hoàn toàn là do tự tâm biến hiện nên, cùng y báo, chánh báo trang nghiêm ở Nhất Chân pháp giới của chư Phật Như Lai đều là sự việc sanh từ một niệm. Ở đây chúng ta phải thật sự chú ý: 'một niệm', một niệm tức là 'sát na tế' nói trong kinh Hoa Nghiêm, các bạn đồng học hỏi về 'sanh tướng vô minh'. Sanh tướng vô minh tức là nhất niệm, tức là sát na tế. Hiện tướng phát sanh từ một niệm, sau khi phát sanh thì họ niệm niệm tiếp nối, thời gian tiếp nối dài hay ngắn hoàn toàn dựa trên nghiệp lực. Thế nên hiểu được đạo lý này xong, chúng ta mới biết được sức mạnh của sự sám hối chẳng thể nghĩ bàn, cho dù là tạo tội cực nặng, một niệm sám hối là sửa đổi tâm niệm trở lại. Chư vị phải biết hết thảy 'niệm đầu' đều là vọng niệm, sửa vọng niệm thành chánh niệm. Chánh niệm là gì? Những gì tương ứng với tánh đức thì gọi là chánh niệm, chẳng tương ứng với tánh đức là vọng niệm, tà niệm. Niệm thị phi, nhân ngã, niệm tham sân si mạn đều là tà niệm. Niệm chư Phật, Bồ Tát là chánh niệm, giống như đức Phật trong kinh thường nói: *'Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật'*, cao minh tột cùng. Nếu thường niệm bố thí, thường niệm trì giới, nhẫn nhục thì đã thành Bồ Tát cả rồi. Làm Phật, làm Bồ Tát, làm chúng sanh đều ở tại một niệm, một niệm tham mà không chán thì đã đi vào cõi ngạ quỷ rồi.

Chư vị phải biết, tham thế pháp đọa cõi ngạ quỷ, tham Phật pháp cũng đọa cõi ngạ quỷ, tại sao vậy? Tâm tham đọa ngạ quỷ, chẳng nói đối tượng tham là gì. Nhưng đến cõi ngạ quỷ cũng có phước báo lớn nhỏ khác nhau, tham thế pháp thì biến thành ngạ quỷ chẳng phước đức, tham Phật pháp thì đọa vào ngạ quỷ hưởng phước. Trong kinh nói đến đa tài quỷ, thiểu tài quỷ 2[2], tham Phật pháp thì thành đa tài quỷ, tham tiếng tăm lợi dưỡng trong thế gian thì thành thiểu tài quỷ. Phật dạy chúng ta đoạn tâm tham thì duyên đến cõi ngạ quỷ đã đứt, tuy trong A Lại Da thức chúng ta có nghiệp nhân ngạ quỷ, nhưng duyên chẳng còn, có nhân nhưng không có duyên thì chẳng kết thành quả, tạm thời bạn sẽ chẳng đọa cõi ngạ quỷ.

Đố kỵ, sân khuể đọa địa ngục, chẳng luận thế pháp, Phật pháp đều rất khổ, cho nên trong địa ngục chỉ có thọ khổ chứ chẳng hưởng phước, trong cõi ngạ quỷ còn hưởng phước chứ địa ngục thì không hưởng được. Thế nên chúng ta trong đời sống hằng ngày, đối người, đối sự, đối vật đừng nên khởi tâm sân khuể, chẳng nên khởi tâm đố kỵ, nhất định phải biết khởi những tâm này, đối với mình chắc chắn không có ích lợi

---

2[2] Trong Phật Thuyết Vu Lan Bồn Kinh Giảng Ký, pháp sư Văn Châu giảng như sau:
Có ba loại 'đa tài quỷ':

a. Quỷ được đồ vứt bỏ: họ thường được những thức ăn vứt bỏ khi người ta cúng tế, vì phước ít tội nhiều, ít chịu bố thí, thường bỏn xẻn, khi nào đồ vật bỏ đi mới chịu đem cho kẻ khác nên bị quả báo như vậy.

b. Quỷ được đồ mất: họ hưởng được đồ ăn bị bỏ mất, bỏ sót ở bên đường. Nhân là vì trước kia họ có của cải, thường tham lam chấp trước, sợ bị mất nên mới chịu thí bỏ, thế nên bị quả báo như vậy.

c. Quỷ có thế lực: như Dạ Xoa, La Sát, Tỳ Xá Già, những cảm thọ giàu có, vui vẻ giống như cõi người, cõi trời. Họ trú trên cây cối, hang núi, hoặc ở tại linh miếu, trên hư không, hình tướng đứng thẳng, biến hóa khôn cùng, nhưng vẫn thuộc nẻo quỷ; Nhân của họ là tội phước đều tạo, nhân khổ vui lẫn lộn tạo thành

Lại có người nói: Ngạ quỷ có ba loại:

a. Ngoại chướng: lúc nhìn thấy nước, giống như bị dao chắn ngang cổ không uống được.
b. Nội chướng: miệng có đuốc lửa, cổ họng như lỗ kim, không thể ăn uống
c. Vô chướng: Nhìn thấy nước sông cũng như lửa lớn, hoặc ăn phẩn uế, hoặc tự cắt thịt trên thân mình mà ăn.

Theo cách giảng trên, chữ 'tài' ở đây có nghĩa là 'ăn uống no đủ', 'nhiều tài' nghĩa là ăn uống được no đủ, 'ít tài' nghĩa là ăn uống không no, ăn uống bị chướng ngại. (Quỷ ở đây hiểu theo nghĩa rộng, quỷ thần đều bị gộp vào ngạ quỷ đạo, do họ tham chuộng ăn uống không chán đủ, tức là tâm tham không bao giờ thỏa mãn nên luôn cảm thấy đói khát)

gì hết. Cảnh giới bên ngoài thường làm cho mình sanh phiền não, làm cho mình chẳng như ý, đều phải nghĩ đây là nghiệp chướng trong mạng mình, mình phải chịu đựng, tự làm tự chịu, đời trước tạo nhân chẳng tốt, hiện nay gặp quả báo chẳng tốt, tâm bình tịnh trở lại, chẳng oán trời, chẳng trách người, thế thì chúng ta đoạn dứt duyên địa ngục này. Tuy có nghiệp nhân địa ngục nhưng sẽ chẳng chịu quả báo địa ngục. Đây là nói về tam đồ (ba đường ác).

Nghiệp nhân của cõi súc sanh là ngu si, ngu si là gì? Không có khả năng phân biệt chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, cứ thường đảo lộn những chân tướng sự thật này, vậy là chẳng có trí huệ, vậy là ngu si. Trong thế gian hiện nay đến đâu cũng có thể thấy hiện tượng ngu si. Quan trọng nhất là coi mình có ngu si hay không? Người khác ngu là chuyện của người ta, chẳng có liên quan gì tới mình. Nếu mình ngu thì chuyện rắc rối này lớn lắm, ngu si sẽ đọa súc sanh. Làm sao tránh ngu si? Phải đọc kinh nhiều, nghe giảng nhiều. Duyên của mỗi người chẳng giống nhau. Trong kinh Phật dạy chúng ta, vừa mở kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung, câu đầu tiên Phật liền dạy chúng ta *'theo minh sư học đạo'*. Dạy chúng ta phải thân cận thiện tri thức thì chúng ta mới có trí huệ. Ở đây, trong kinh Địa Tạng, ý này được lập lại mấy chục lần để nhắc nhở mọi người.

Ai là thiện tri thức? Phật là thiện tri thức, chúng ta phải học theo Phật. [Hiện nay] Phật chẳng còn tại thế, phải noi theo ai? Phải noi theo kinh điển, đây là lời Phật dạy *'Y pháp chẳng y người'*. Thế nhưng bạn phải hiểu được nguyên tắc, những kinh Phật nói trong suốt cả đời rất nhiều, bạn chỉ có thể học theo một loại chứ không thể học nhiều được. Ý tứ này cũng giống như thầy thuốc chữa trị cho bịnh nhân vậy, thầy thuốc chẩn đoán cho bạn, ra vài thứ thuốc cho bạn uống, uống xong thì bịnh sẽ khỏi. Tuyệt chẳng có nói lấy hết thảy các thứ thuốc cất trong tiệm thuốc đem về uống hết, bất luận bạn bị bịnh gì cũng uống những thuốc này, vậy thì chắc chắn phải chết không nghi gì cả, đâu có đạo lý như vậy! Tam tạng mười hai bộ kinh trong Đại Tạng Kinh là do đức Phật giảng trong suốt cả đời, cũng giống như tất cả thuốc trong tiệm thuốc, nếu bạn uống hết thảy những thuốc này thì sẽ chết liền, bạn còn được cứu hay sao? Thế nên chư vị phải biết thuốc có thể hại người, Phật pháp cũng có thể hại người, hại pháp thân huệ mạng, hại chết người. Hồi trước lúc tôi còn học theo thầy Lý, cùng bạn học thảo luận đến vấn đề này tôi đã nói như vậy, các bạn đồng học nghe xong chẳng phục nên đi hỏi thầy, thầy nói: đúng vậy, không sai.

Pháp phải khế cơ, chúng ta chỉ có thể học theo một môn. Trong kinh Phật giảng, giảng kinh thuyết pháp đều có 'người đương cơ', người khải thỉnh, người ấy vừa nghe xong liền khai ngộ. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, Phật giảng hết thảy kinh chẳng phải giảng cho riêng mình mà là giảng cho rất nhiều người căn tánh chẳng giống nhau vào thời đó. Căn tánh của mình là gì? Trong hết thảy kinh này phải chọn loại nào? Cũng giống như thầy thuốc đã trị bịnh cho rất nhiều người, toa thuốc rất nhiều chất đống ở đó. Hiện nay thầy thuốc chẳng còn nữa, chúng ta sanh bịnh, phải làm sao? Phải tìm trong những toa thuốc này, quan sát loại nào thích hợp với mình. Nếu uống lầm thì không những chẳng có ích gì cho mình mà còn có hại nữa, làm sao có thể tùy tiện uống thuốc được?

Ngày nay là thời Mạt Pháp, ai là thiện tri thức? Ai có thể thay thế chúng ta tuyển chọn pháp môn, làm con mắt chọn lựa pháp cho chúng sanh thời Mạt Pháp? Chẳng tìm ra hạng người này. Khi chúng ta tiếp xúc với thiện tri thức, thật sự là chúng ta đánh rất nhiều dấu hỏi. Thế nên thân cận một vị thầy, qua vài ngày bèn đổi ý, [cứ nghĩ còn] có người cao minh hơn họ, họ chẳng đúng lắm. Cả đời đều do dự, nghi hoặc, thì làm sao thành tựu được? Thế Tôn đại từ đại bi sớm biết được tình trạng của chúng sanh trong

thời Mạt Pháp, gặp những khó khăn như vậy nên trong kinh Đại Tập ngài đã khai thị rõ ràng cho chúng ta, chỉ dẫn cho chúng ta một phương hướng, một nguyên tắc, ngài nói: *"Thời Chánh Pháp thì Giới Luật thành tựu, thời Tượng Pháp thì Thiền Định thành tựu, thời Mạt Pháp thì Tịnh Độ thành tựu"*, đây là một đại phương châm, đại phương hướng cho chúng ta.

Ngày nay chúng ta sanh vào thời Mạt Pháp, chúng ta tuân theo lời dạy của Phật, chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, vậy là chẳng sai. Kinh luận của Tịnh Tông ít hơn so với bất kỳ tông phái nào, số lượng kinh điển chúng ta y cứ rất ít. Ít thì dễ thọ trì. Nhưng chúng ta biết bộ kinh thứ nhất trong Tịnh Tông là kinh Vô Lượng Thọ, năm xưa lúc đức Phật còn tại thế đã giảng kinh này nhiều lần, đây là một pháp môn rất đặc biệt. Trong đời đức Phật Thích Ca chẳng giảng kinh nào nhiều lần ngoài kinh Vô Lượng Thọ. Căn cứ vào tư liệu còn được lưu lại có thể chứng minh tối thiểu ngài đã giảng hết ba lần, có thể nhiều hơn, giảng nhiều lần nghĩa là pháp môn này đặc biệt quan trọng lắm. Cho nên kết tập kinh tạng cũng nhiều lần kết tập, truyền đến Trung Quốc có đến mười hai lần phiên dịch, rất đáng tiếc là những bản dịch này trong mười hai bản đã mất hết bảy bản, hiện nay chúng ta chỉ có thể coi năm bản giữ trong Đại Tạng Kinh. Nội dung của năm bản này đại đồng tiểu dị, những chỗ khác nhau này cũng rất quan trọng, giúp cho chúng ta đoạn trừ nghi hoặc, sanh lòng tin.

Bởi vậy chúng ta phải hiểu rõ mục đích của đức Phật giảng những kinh điển này. Chúng ta không thể không biết nghĩa thú của ba cuốn kinh trong Tịnh Tông. Kinh Vô Lượng Thọ là đức Phật Thích Ca giới thiệu Tây phương Tịnh Độ cho chúng ta, là sách thuyết minh. Giải thích duyên khởi của tây phương [Cực Lạc] thế giới hình thành như thế nào? Lịch sử của tây phương thế giới, lý luận, cơ sở và chân tướng sự thật của đức Phật A Di Đà xây dựng tây phương thế giới, mục đích của A Di Đà Phật xây dựng cõi Tịnh độ này, và thành tựu của ngài, giới thiệu và giải thích một cách đầy đủ. Làm cho người nghe sanh khởi lòng ngưỡng mộ, ưa thích, phát nguyện cầu sanh, [được vậy] thì mục đích của ngài đã đạt được.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là thuyết minh bổ túc cho kinh Vô Lượng Thọ, trong đó có ba điểm quan trọng nhất cần bổ túc.

Thứ nhất là bổ túc trên lý luận, Quán kinh nói *'Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật' (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật)*, đây là bổ túc trên lý luận.

Sự bổ túc thứ nhì là thuyết minh thêm chi tiết về phẩm vị [vãng sanh], kinh Vô Lượng Thọ chỉ nói đơn giản về 'Ba Bậc vãng sanh', Quán kinh nói rõ hơn về chín phẩm vãng sanh.

Thứ ba là bổ túc về phần phương pháp, kinh Vô Lượng Thọ giảng về phương pháp chỉ nói *'phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm'*, ngoài ra dạy chúng ta tu phước, nói một cách đơn giản. Quán Kinh giảng về mười sáu pháp quán, đây là phương pháp, 'Quán tưởng niệm Phật, Quán tượng niệm Phật, Trì danh niệm Phật', nói một cách tường tận. Trì danh là pháp quán thứ mười sáu, để ở sau cùng, sau cùng là quan trọng nhất, đây là một thói quen của Phật khi nói kinh, màn hấp dẫn để đến sau cùng, đến màn chót. Khế hợp nhất với cơ nghi của hết thảy chúng sanh. Trì danh Niệm Phật là pháp quán thứ mười sáu, phổ độ hết thảy chúng sanh, chân chánh làm được *'Thích hợp khắp ba hạng căn tánh, thâu nhiếp cả lợi căn và độn căn'* 3[3], trên độ đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới độ đến chúng sanh trong địa ngục, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, thế nên đây là thuyết minh bổ sung. Tiểu bản 'Phật Thuyết A Di Đà Kinh' hoàn toàn là khuyên chúng ta phát nguyện vãng sanh. Kinh này chẳng dài,

---

3[3] *'tam căn phổ bị, lợi độn toàn thâu'*

trong đó Thế Tôn đã khuyên hết bốn lần, đúng là đau lòng rát miệng. Cho nên chúng ta phải nhận thức tánh chất của ba cuốn kinh này, ba kinh đều có chung một đường lối hành động.

Hiện nay có một số đồng tu hoài nghi bản hội tập, đây là một sự sai lầm. Phật pháp được xây dựng trên lòng tin thanh tịnh, có nghi hoặc tức là chướng ngại to lớn. Kinh này là để giới thiệu, mục đích là giúp cho bạn khởi lòng tin, phát nguyện, [được vậy thì] mục đích đã đạt đến. Nếu chẳng có bản hội tập thì cần phải đọc năm bản dịch gốc, đúng vậy, nhưng muốn đọc hết năm bản dịch gốc thì chẳng dễ! Nếu bạn cảm thấy đọc năm bản dịch gốc quá phiền, quá phức tạp, cổ đại đức đã giúp chúng ta làm việc hội tập.

Người đầu tiên hội tập là cư sĩ Vương Long Thư, bản này được ghi trong Đại Tạng Kinh, có thể nhập vào Đại Tạng Kinh tức là được tổ sư, đại đức thời xưa công nhận chẳng có sai lầm mới có thể nhập được. Chẳng giống hiện nay, rất tùy tiện bèn đem kinh nhập vào 'Tạng', hồi xưa thì không được. Hồi xưa phải có nhà vua phê chuẩn mới được để kinh vào Đại Tạng, nhà vua căn cứ vào đâu để phê chuẩn? Căn cứ vào sự tiến cử của cao tăng đại đức đương thời, họ đều công nhận, như vậy mới được nhập vào Tạng, chẳng phải là một chuyện dễ dàng. Đây là nói hội tập chẳng có sai lầm, hội tập là một chuyện nên làm, bản hội tập viên mãn hay không thì là một chuyện khác, tức là nói rõ có thể hội tập. Cũng giống như chúng ta giới thiệu Tây phương Tịnh Độ, chúng ta không có bản hội tập, chúng ta có thể mở ra hết năm bản dịch gốc, trong bản này rút ra một đoạn, từ bản kia rút ra một đoạn để nói với mọi người cũng được, không phải là không được. Tôi chỉ cần nói cho nhất quán, nói rất mạch lạc, làm cho người nghe rất rõ ràng, minh bạch, sanh khởi lòng tin, sanh khởi lòng ưa thích, vậy thì thành công rồi.

Nói đến phương pháp tu hành của Tịnh Độ, đó là *'phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm'*. Chúng ta hiểu được đạo lý này, sau đó đối với bản hội tập này mới có thể sanh khởi lòng tin, tuyệt chẳng có hoài nghi. Hoài nghi thì chúng ta đánh mất lợi ích này. Nếu bạn thật sự có hoài nghi thì cũng không sao, bạn đừng đọc bản hội tập, thậm chí cũng đừng đọc kinh Vô Lượng Thọ, bạn chỉ y theo kinh A Di Đà mà tu học, nhất định cũng vãng sanh. Chúng ta có cần phủ định bản hội tập, bài xích bản hội tập hay không? Chúng ta chẳng có cái gan này. Giả như người hội tập, giả sử lão cư sĩ Hạ Liên Cư là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai, A Di Đà Phật tái lai, chúng ta có phải đã tạo nên tội lỗi to lớn hay không! Thế nên có thái độ học hỏi, thái độ đọc sách thì có thể tồn nghi chứ đừng phủ định, không thể quyết đoán, chúng ta chỉ đánh một dấu hỏi rồi để qua một bên, tạm thời không cần phải cầu chứng, có thể như vậy. Chúng ta xả bỏ pháp môn này [nghĩa là xả bỏ bản hội tập này], chúng ta vẫn còn kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chẳng thể báng pháp. Ngài thật sự có thân phận gì, thị hiện ở thế gian này, chúng ta chẳng biết. Tu học y chiếu bản hội tập này, rất nhiều người khởi lên lòng tin từ bản hội tập này, đích thật bản này tiện lợi hơn các bản dịch gốc, dễ đọc, dễ hiểu, từ chỗ này sanh khởi lòng tin. Từ đây có thể biết nếu người hủy báng, phủ định [bản hội tập] này không phải ngu si thì cũng có dụng tâm gì khác.

Thế nên phải biết Sư Thừa rất quan trọng, tôi học theo vị thầy nào, thầy này phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho tôi. Tôi tu học có sai lầm, tương lai không thành tựu thì thầy đọa địa ngục A Tỳ, thế nên quan hệ Sư Thừa rất lớn. Thầy tôi chỉ thị cho tôi pháp môn này, người khác nói pháp môn này không đúng, tôi học theo ai? Đây là mấu chốt. Bạn có phải đã phủ định thầy của bạn không, đổi thầy, theo học thầy khác, vậy cũng được. Hiện nay Sư Thừa chẳng còn nữa, sự khó khăn bèn đến, thời trước chuyện như vầy rất ít xảy ra. Chúng ta cả đời theo chắc một vị thầy, tôi có đủ lòng tin đối với thầy, thầy chịu trách nhiệm cho tôi, tôi chỉ nghe theo thầy ấy, thì lòng tin này sẽ chẳng lay

chuyển. Trước khi học sinh chưa khai ngộ thì nhất định không thể nghe người khác nói, tại sao vậy? Sợ lòng tin bị lay chuyển, sau khi khai ngộ thì chẳng sao cả. Sau khi khai ngộ thì bạn có khả năng phân biệt chân vọng, tà chánh, thị phi; đến lúc ấy thì thầy sẽ để cho bạn đi ra ngoài tham học. [Cũng như] Thiện Tài đồng tử năm mươi ba lần tham vấn, cái gì bạn cũng có thể nghe, cái gì cũng có thể tiếp xúc. Bạn có định lực, trí huệ; nếu không có khả năng phân biệt thì thầy sẽ kiểm soát rất nghiêm cẩn, chẳng để bạn tiếp xúc, một khi đã tiếp xúc thì sẽ hại bạn. Do đó thế nào là một học sinh tốt? Người có thể tiếp nhận lời dạy của thầy giáo là học sinh tốt. Đối với thầy giáo bề ngoài thì nghe lời còn bên trong thì cãi lại 4[4], vậy thì thầy giáo làm sao dạy cho được? Thế nên chẳng cho bạn nghe nhiều, xem nhiều, đó là bảo vệ tâm thanh tịnh của bạn, thành tựu giới, định, huệ của bạn, chẳng có [mục đích] gì khác, hiện nay người làm học trò chẳng thấu hiểu được sự khổ tâm như vậy. Hiện nay người trẻ tuổi tiếp nhận sự un đúc tà tri tà kiến, tôi thường nói hai câu đầu của Tứ Hoằng Thệ Nguyện chẳng cần nữa, bắt đầu học từ đâu? Học rộng nghe nhiều, 'Pháp môn vô lượng thệ nguyện học', hai cầu đầu chẳng cần nữa, họ làm sao thành tựu cho được? Những gì học được đều là tà tri tà kiến, tâm địa, tinh thần, tư tưởng, kiến giải đều bị ô nhiễm, Phật, Bồ Tát có đến cũng chẳng có cách gì rửa sạch cho bạn.

Nếu chúng ta thấu hiểu kinh điển Đại Thừa một cách sâu sắc [thì sẽ thấy] chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy, đặc biệt là những chúng sanh khổ nạn, sự quan tâm, thương mến này thật sự đã đạt đến cùng cực, có bao nhiêu chúng sanh thấu hiểu được, có thể hiểu nổi? Tuy chúng sanh không thể thấu hiểu, có khi còn vu oan, hủy báng Phật, Bồ Tát; tâm từ bi của Phật, Bồ Tát chẳng có giảm chút nào, thật là phi thường! Vẫn thương yêu như thường, vẫn dùng những phương tiện khéo léo để giúp đỡ chúng sanh, dìu dắt chúng sanh. Vì như kinh này đã nói chúng sanh 'ương ngạnh, khó dạy, tà tri tà kiến, chẳng biết quay về, sửa sai', chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong ấy uyển chuyển, thuận theo để dẫn dắt; trong mắt phàm phu chúng ta: dùng tận tâm tư, ân đức này chẳng có gì so sánh nổi. Bất luận là trên đạo lý, trên phương pháp, trên cảnh giới đều là cực kỳ thiện xảo phương tiện, chúng ta mở kinh ra đọc những đoạn kinh này phải thể hội được.

Trong bộ kinh này hiển thị Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm đều là thiện tri thức chân thật. Đặc biệt là pháp hội này dạy cho kẻ sơ học, nói cho chúng ta biết những chuyện tội khổ, tình huống của quả báo, mục đích là dạy cho chúng ta tin tưởng nhân quả, tin thiện nhân được thiện quả, ác nhân ắt có ác báo. Chúng ta trải qua lời nhắc nhở này, sau đó bình tĩnh quan sát xã hội hiện thực của chúng ta, có thể nhìn thấy quả báo vốn là ở trước mắt. Bạn nhìn xem bạn bè thân thích của bạn, những người mình quen thuộc, quá rõ ràng, vả lại vô cùng nhanh chóng, mỗi năm đều ở nơi đó biến hóa, chuyển biến. Nếu bạn quan sát sự chuyển biến này kỹ càng, đó vốn là nhân quả. Người trồng thiện nhân có tâm thiện, hạnh thiện thì mỗi năm cũng còn tốt, hoàn cảnh sanh hoạt ngày càng tốt đẹp. Người tâm ác, hạnh ác thì mỗi năm không bằng năm trước. Coi hiện nay so với lúc trước, tốc độ nhanh hơn rất nhiều, hồi trước quả báo xảy ra còn không nhanh như vậy, hiện nay thì thay đổi mỗi năm. Thậm chí nếu bạn có khả năng, có trí huệ quan sát, mỗi tháng đều thay đổi, quả báo thật quá nhanh. Chỉ có hiểu rõ đạo lý nhân quả này mới có thể bước vào cửa Phật, bạn mới tin tưởng lời Phật nói, mới có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành. Mục đích chung cực là ở chỗ này, giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Phật, Bồ Tát chẳng tiếp nhận bất kỳ sự báo đền nào cả, tuyệt đối chẳng có danh văn, lợi dưỡng, chúng ta cung kính các

---

4[4] *Dương phụng âm vi*

ngài chỉ là biểu hiện một chút lòng cảm kích của chúng ta, Phật, Bồ Tát chẳng yêu cầu chúng ta cung kính các ngài, chẳng có ý niệm này. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Địa Tạng đáp ngôn, Nhân giả, ngã kim thừa Phật oai thần, cập đại sĩ chi lực, lược thuyết địa ngục danh hiệu cập tội báo, ác báo chi sự.

Ngài Địa Tạng đáp rằng: "Thưa Nhân Giả, nay tôi nương oai thần của đức Phật cùng oai lực của đại sĩ mà lược nói danh hiệu của các địa ngục, cùng những sự tội báo và ác báo."

Ở đây chúng ta phải học tập, người hiện nay hơn phân nửa đều cuồng vọng tự đại, sau khi học được của người khác cũng không chịu thừa nhận, còn mắng người ta: đây là của tôi, chẳng phải của họ. Vậy thì sẽ có tội. Bạn hãy xem Địa Tạng Bồ Tát là nhân vật như thế nào! Chúng ta xem pháp hội này, phía trước mọi người đều thấy, mười phương chư Phật đều đến tham dự pháp hội này. Chư Phật là người như thế nào? Đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát trong những đời quá khứ, học trò ai cũng thành Phật cả rồi, thầy còn làm Bồ Tát, thật là phi thường. Ngài chưa chịu thành Phật, muốn thành Phật thì quá đơn giản, đáng lý là đã thành Phật lâu rồi. Ngài ứng theo lời nguyện *'Địa ngục chẳng không tôi thề chẳng thành Phật'*. Thế nên chúng ta phải hỏi Địa Tạng Bồ Tát có cơ hội làm Phật không? Chẳng có. Địa ngục vẫn còn người thì ngài phát tâm chưa thành Phật, ngài phải làm Bồ Tát để giúp đỡ những chúng sanh trong địa ngục. Bạn xem đây là thân phận gì? Ngài nói chuyện rất khiêm nhường, rất khách sáo.

'Nhân giả' là tôn xưng đối với Bồ Tát, nghĩa là 'người nhân từ'. Ngài chẳng nói ngài có khả năng để trả lời, 'Ngã kim thừa Phật oai thần', nhờ Phật gia trì. Không những nhờ Phật gia trì mà còn mong nhờ sự gia trì của Phổ Hiền Bồ Tát. 'Cập đại sĩ chi lực', chữ 'đại sĩ' này chỉ Phổ Hiền Bồ Tát, trí huệ và đạo lực của Phổ Hiền Bồ Tát cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chư Phật gia trì, Phổ Hiền Bồ Tát cũng gia trì, 'lược thuyết địa ngục danh hiệu' sau đó báo cáo cho đại chúng về việc này. Chúng ta phải khiêm nhường, người hiện nay thật rất thích xa vời, viễn vông, tất cả đều muốn sáng tạo, làm mới. Nói chư vị thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều chẳng có sáng kiến, chẳng có sáng tạo. Khổng Lão Phu Tử nói cả đời ngài giảng học 'thuật mà không sáng tác' (thuật nhi bất tác), ngài chẳng có sáng tác, những gì ngài nói đều là lời dạy của cổ thánh tiên hiền, ngài chẳng có sáng tác gì mới mẻ. Đức Phật Thích Ca nói với chúng ta, cả đời ngài, hết thảy pháp ngài giảng trong bốn mươi chín năm đều chẳng phải lời của riêng ngài, tự mình ngài chẳng sáng tác ra mà nói, đều là thuật lại lời của cổ Phật. Thế nên ngài nói rằng ngài chưa từng nói một câu pháp, hết thảy đều là lời của cổ Phật đã nói, chẳng có câu nào là ý riêng của ngài cả. Khổng Lão Phu Tử chỉ thuật lại chứ không sáng tác, đức Phật Thích Ca cũng thuật mà không tác. Chúng ta là lớp người đời sau, người đời sau có sáng tác! Thật là phi thường. Thế nên những điển tịch của đức Phật Thích Ca chẳng có bản quyền, đều là của người khác, chẳng phải của mình, ngài làm sao có bản quyền cho được? Người đời nay thật là phi thường, tự mình có sáng tác, có bản quyền. Chúng ta phải học tập, học cho chắc thật; thái độ học tập của Thế Tôn và Khổng Lão Phu Tử rất đúng đắn, như vậy mới tương ứng với tâm tánh, tương ứng với tánh đức, cho nên quý ngài xử sự, đãi người, tiếp vật đều vô cùng khiêm nhường. Khổng Tử biểu hiện 'tự ty và tôn trọng người khác', chúng ta đọc trong sách thấy Khổng Tử đối với kẻ bần cùng hạ tiện cũng rất tôn kính, chẳng dám khinh mạn. Đâu có bao giờ nói tự mình cảm thấy cao quý tự đại, coi thường kẻ khác, chúng ta chẳng thấy trong cả đời hành nghị của Khổng Tử. Đức Phật thì chẳng cần phải nói nữa.

Cống cao ngã mạn là đại phiền não, chỉ cần có tâm niệm này thì Phật pháp một phần cũng chẳng thâm nhập được; đó là chướng ngại, tự mình chướng ngại cho mình.

‘Tham, sân, si, mạn, nghi’, sau đó là ‘ác kiến’, tức là ‘thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến’ 5[5], hợp lại gọi là ác kiến, sáu phiền não căn bản tức là những thứ này. Sáu thứ phiền não căn bản là chướng ngại lớn nhất, tại sao chúng ta học Phật không thể khế nhập? Chúng ta đọc kinh tại sao không thể khai ngộ? Chẳng biết tự mình có sáu thứ chướng ngại này, chẳng biết. Trong sáu thứ chướng ngại này mà bạn có một thứ thì bạn chẳng thể thấy đạo, đừng nói là chứng đạo, thấy cũng thấy không được. Diệt trừ hết sáu chướng ngại này thì bạn mới thấy đạo vị. Thế nên chúng ta muốn đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp, không đoạn trừ sáu chướng ngại này thì làm sao được? Thật sự đoạn trừ, trong niệm Phật đường, vị đường chủ thường thường nhắc đại chúng *‘buông xuống hết thảy thân tâm thế giới’*, [buông xuống được tức là] sáu thứ này cũng xả bỏ hết, sáu thứ này chính là thân tâm thế giới, không buông xuống thì không được! Nhất định phải buông xuống, xin xem tiếp kinh văn:

Nhân giả, Diêm Phù Đề đông phương hữu sơn hiệu viết Thiết Vi, kỳ sơn hắc thúy, vô nhật nguyệt quang.

Thưa Nhân giả, phương đông của cõi Diêm Phù Đề có núi tên là Thiết Vi, núi đó tối đen, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.

Những việc này nói trong kinh Địa Tạng, không thể lấy nhãn quan khoa học hiện đại để khảo chứng, tại sao vậy? Khoa học ngày nay của chúng ta, nói thật ra còn tương đối ấu trĩ. Chân tướng của vũ trụ trước mắt chúng ta, có mấy ai biết được? Đừng cho rằng chính mắt mình đã thấy mới là thiệt, không đáng tin đâu. Những gì chính mắt bạn nhìn thấy, công năng của mắt bạn rốt ráo là được bao lớn. Bạn chẳng biết. [Nói] chính mắt tôi nhìn thấy, hai mươi mấy người trong giảng đường của chúng ta, chính mắt tôi nhìn thấy, trong giảng đường này còn có Bồ Tát, có Thanh Văn, có Duyên Giác, có thiên long quỷ thần, bạn có thấy những vị này không? Chẳng thấy, vậy thì làm sao bạn có thể nói chính mắt bạn nhìn thấy? Bạn làm sao khẳng định như vậy? Tại sao bạn chẳng nhìn thấy? Vì công năng của mắt bạn rất có hạn. Chúng ta biết mắt thấy được là nhờ có ánh sáng, lúc tối bạn chẳng nhìn thấy, bạn phải nhờ ánh sáng mới thấy được. Sóng của ánh sáng chẳng giống nhau, những gì chúng ta nhìn thấy được đều thuộc về một số ánh sáng có sóng rất ngắn, làn sóng thấy được của chúng ta đều nằm trong một đoạn ngắn này, [những vật có sóng ánh sáng nằm] trong đoạn này chúng ta thấy rất rõ ràng, những vật có sóng ánh sáng dài hơn thì chúng ta chẳng thấy, ngắn hơn cũng chẳng thấy. Sóng ánh sáng dài hơn [đoạn này] chẳng biết là có bao nhiêu, ngắn hơn cũng chẳng biết là bao nhiêu. Nếu một ngày nào đó chướng ngại đến công năng của mắt bạn biến mất, hết thảy làn sóng ánh sáng bạn đều chẳng bị chướng ngại, thế giới mà bạn nhìn thấy sẽ lập tức thay đổi, chẳng giống như trước nữa. Vậy thì làm sao bạn có thể

5[5] a. Thân Kiến: chấp trước thân là ta, tham sống sợ chết, tự tư tự lợi.

b. Biên Kiến là kiến giải lầm lạc. Cố chấp một cách ngoan cố vào những hiểu biết lệch lạc của chính mình, tin mù quáng vào những học thuyết như Nhất Nguyên Luận, Nhị Nguyên Luận, Hữu Thần Luận, Vô Thần Luận, Nhất Thần Luận, Đa Thần Luận v.v... Do chấp chặt vào một bên, vào một khía cạnh của sự việc, nên gọi là Biên Kiến

c. Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến. Hai loại này thường được gọi là Thành Kiến như hay nói: “Người đó có thành kiến rất sâu”. Thành Kiến có hai loại: Thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng lìa nhân quả. Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi Quả. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi Nhân, chấp trì kiên cố tạo thành chướng ngại.

d. Tà Kiến nghĩa là gì? Chẳng thuộc vào bốn loại trên, tất cả hết thảy kiến giải sai lầm đều quy nạp vào Tà Kiến. Dùng tà tâm để lãnh ngộ chân lý, điên đảo thị phi, chẳng tin nhân quả, đoạn diệt các thiện căn gọi là Tà Kiến

tin những gì bạn thấy được đều là thật hết cả? Mắt nhìn thấy sắc, tai nghe tiếng đều có trạng huống như vậy, đây là nói về chân tướng cho bạn nghe.

Hiện nay nói về những việc này thì bạn khá có thể hiểu được, chúng ta dùng máy móc khoa học kỹ thuật có thể trắc lường được những sóng ánh sáng mà mắt chúng ta chẳng nhìn thấy. Mọi người đều quen thuộc, ánh sáng 'tử ngoại' (ultra violet light) chúng ta không nhìn thấy, quang tuyến X (X-ray) chúng ta cũng nhìn không thấy, dựa vào máy móc chúng ta biết nó tồn tại. Khoa học gia biết, rất nhiều sóng ánh sáng chẳng giống nhau, mắt thịt của chúng ta chẳng nhìn thấy. Thế nên sóng ánh sáng tồn tại đồng thời, nếu bạn đều nhìn thấy hết cả thì đạo tràng này sẽ rất khác thường. Đạo tràng này bao lớn? Gian phòng này bao lớn? Tận hư không trọn khắp pháp giới, chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao lại lớn đến tận hư không, trọn khắp pháp giới? Nếu nhãn quang của bạn đã khai, hết thảy chướng ngại đều không còn nữa, hết thảy sóng ánh sáng bạn đều nhìn thấy cả, những làn sóng ánh sáng này lan rộng khắp hư không pháp giới. Những cây cột này, tường này đều trong suốt, chẳng có chướng ngại. Bạn ngồi ở đây nhìn lên trên, nhìn thấy hư không pháp giới vô lượng ở trên; nhìn xuống phía dưới, bên trái, bên phải, mười phương thế giới vô lượng vô biên đều ở trước mặt, bạn sẽ chẳng bị giới hạn bởi một phạm vi nhỏ như vầy, đây là lời nói chân thật. Nếu bạn dùng phương pháp khoa học hiện nay để khảo chứng thì khảo không ra, chứng cũng không ra, cũng phải nói năng lực khoa học kỹ thuật còn chưa phát triển đến mức này; khoa học kỹ thuật nói thật ra vẫn tương đối ấu trĩ nếu so sánh với Phật pháp. Có một phần trong lời của Phật nói đã được chứng minh, chỉ là một phần rất nhỏ, phần lớn thì khoa học kỹ thuật còn chưa đạt đến, thế nên chúng ta phải tin tưởng lời Phật nói.

'Diêm Phù Đề đông phương hữu sơn', có núi Thiết Vi, mắt thịt chúng ta chẳng nhìn thấy, máy móc khoa học cũng chẳng tìm thấy. Lúc tôi còn ở Đài Loan, có người đến hỏi tôi: "Hiện nay tiềm thủy đỉnh hạch nhân đã đến đáy biển, chẳng phát hiện ra Long Cung, rốt cuộc là Long Cung có thật hay không? Long Cung ở đáy biển, tiềm thủy đỉnh lặn xuống cũng chẳng tìm thấy. Trên mặt trăng có Nguyệt Quang Bồ Tát, phi hành gia đặt chân lên mặt trăng chẳng nhìn thấy, có hay không?" Có! Người chẳng nhìn thấy phàm thánh đồng cư độ. Những chuyện này nói thật ra thì những người hiểu biết đôi chút Phật pháp đáng lẽ đều biết. Đời Đường khi pháp sư Pháp Chiếu triều bái Ngũ Đài Sơn nhìn thấy Đại Thánh Trúc Lâm Tự, đây là việc ngài đích thân trải qua, chúng ta tin tưởng ngài chẳng vọng ngữ. Gặp được Văn Thù, Phổ Hiền đang giảng kinh thuyết pháp, thính chúng hơn một vạn người, ngài nghe hết một buổi, còn thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: *"Đời Mạt phát căn tánh chúng sanh thấp kém, nên học pháp môn gì mới tốt?" Văn Thù Bồ Tát khuyên ngài tu pháp môn niệm Phật.* Niệm Phật như thế nào, còn dạy ngài niệm vài tiếng, 'Ngũ hội niệm Phật pháp môn' là do Văn Thù Bồ Tát truyền cho ngài Pháp Chiếu. Ngài rời khỏi Ngũ Đài Sơn, vừa đi vừa làm dấu để lần sau đến dễ tìm, sau khi làm dấu được vài chỗ xong quay đầu nhìn lại, [Trúc Lâm Tự] chẳng còn nữa, chỉ nhìn thấy một đồi núi hoang vu. Chư vị hãy nghĩ xem dùng khoa học làm sao có thể tìm được? Đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát thanh tịnh trang nghiêm, người có duyên mới nhìn thấy. Các bạn đọc 'Tam Muội Thủy Sám', Ngộ Đạt quốc sư nhìn thấy đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca ở Tứ Xuyên cũng là ở một vùng núi hoang vu, máy móc khoa học làm sao tìm thấy nổi? Ngài đến đó đích thật đã chữa lành bịnh của ngài. Do đó không thể tin tưởng chính mình, đích thân nhìn thấy, nghe thấy cũng chẳng đáng tin, hoàn cảnh này rất phức tạp, rốt cuộc bạn có thể nhìn thấy được bao nhiêu?

Thế nên chúng ta chẳng biết chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh, cứ cho rằng mình đã nhìn thấy rất rõ ràng, nghe rất rõ ràng, tin vào tri kiến của mình, đâu biết rằng đó đều là sai lầm? Do đó trong kinh đức Phật dạy chúng ta rất rõ ràng: "Khi chưa chứng đến A La Hán thì đừng tin ý tưởng của mình", [điều này] rất có đạo lý. A La

Hán thì như thế nào? A La Hán đã thông rồi, chẳng còn chướng ngại nữa, A La Hán đã chứng được Lậu Tận Thông. Thế nên lục căn của ngài tiếp xúc với sáu thứ cảnh giới bên ngoài chẳng giống chúng ta, ngài đột phá hết thảy giới hạn của sóng ánh sáng, sóng âm thanh, sóng từ trường, ngài nhìn thấy chân tướng, chúng ta nhìn thấy vọng tướng. Tại sao A La Hán có được năng lực này? Rất đơn giản, Kiến Tư phiền não đã đoạn dứt, tức là sáu thứ chướng ngại tôi nói lúc nãy đã đoạn dứt. A La Hán đoạn dứt chẳng phải gì khác, tức là đoạn dứt tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến; ác kiến là Ngũ Lợi Sử, cũng tức là như danh từ chúng ta thường gọi: Kiến Tư phiền não. Đoạn dứt phiền não này rồi nên chướng ngại của các ngài chẳng còn nữa, mới nhìn thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Phải nói những lời này trước tiên, nếu không thì những việc này trong kinh Địa Tạng rất khó hiểu, bạn sẽ cho những thứ này là gì? Cho là mê tín, bạn sẽ cho rằng những chuyện này chẳng hợp khoa học, một phân một hào lợi ích của kinh này bạn cũng chẳng đạt được. Không những chẳng đạt được, lại còn tạo ra tội báng pháp, không đạt được lợi ích nhưng họa hại lại đến, đây chẳng phải là ý của Phật. Thế nên chúng ta giảng những kinh thuộc loại này, nhất định phải giải thích đạo lý này rõ ràng, giải thích minh bạch.

Lúc trước, đầu tháng này tôi đã giảng hết sáu buổi ở Hương Cảng, chúc mừng một năm ngày Hương Cảng được trả về [Trung Quốc], chúng tôi giảng về đại ý kinh Vô Lượng Thọ. Trong nhóm thính chúng có một vị đồng tu, lúc trước làm trong giới phim kịch điện ảnh, ông kể cho tôi vài chuyện thật, người thật. Vì lúc quay phim điện ảnh có khi phải quay vào ban đêm, quay cảnh ngoài trời ban đêm, ở những vùng hoang dã có các phần mộ, thật là có quỷ. Ông có một bạn đồng nghiệp quay phim ngoại cảnh vào ban đêm, ông này đầu óc không tỉnh táo, lái xe đi ngang một khu phố náo nhiệt. Trong tâm ông nghĩ con đường này từ trước đến giờ ông chưa từng đi qua, tại sao ở chỗ này lại có một khu phố náo nhiệt như vậy? Do vì thấy đường phố rất náo nhiệt, rất nhiều người, nên ông xuống xe đi rảo vài vòng xem thử. Ông thấy có bán đồ ăn, lúc đó là hai giờ khuya, ông cũng hơi đói bụng nên vào một tiệm nhỏ ăn mì. Ăn xong cảm thấy buồn ngủ nên lái xe đi về. Trên đường về cảm thấy thân thể chẳng khỏe, càng nghĩ càng cảm thấy khu phố này có cái gì rất mờ ám trong ấy. Đến ngày hôm sau lái xe đi ngược lại đoạn đường đi hồi hôm thì thấy đó là một nghĩa địa, mới biết tối hôm trước đã gặp quỷ, là đi ngang qua một đường phố của quỷ. Những gì ông ăn hồi tối ọc hết ra, ọc ra toàn là những con giun đất, bùn, cỏ, các thứ như vậy; ông sanh bịnh nặng hầu như gần chết. Sau đó đầu óc bất bình thường, phải nghỉ việc hai, ba năm cũng không đi làm được. Thân người ốm như cây tre. Sau mấy năm thì ông cũng trở lại làm nghề này, chẳng bao lâu lại gặp một chuyện tương tợ như trên, sau đó chết mất, ông đó là người làm chung với người kể chuyện này. Những người làm trong ngành đóng phim ảnh này tin những câu chuyện như vậy vì họ đích thân từng trải qua.

Thế nên những chỗ này quỷ thần và con người chúng ta cùng nhau cư trú, trạng huống [sinh hoạt] của quỷ rất giống với con người chúng ta, quỷ cũng có đô thị, chúng ta chẳng nhìn thấy, xen kẽ với chúng ta, ở hai môi trường khác nhau, hai cõi có ba độ (cường độ của làn sóng) khác nhau, xen kẻ với nhau. Thế nên khi chúng ta nói nhìn thấy tận mắt, nghe thấy tận tai, làm sao có thể làm chủ được? Đích thân bạn trải qua, phải đề cao cảnh giác, phải hiểu rõ. Khổng Lão Phu Tử dạy chúng ta *'kính quỷ thần nhưng lánh xa'* *6[6]*, quỷ thần có thật không? Có, nhất định phải tôn trọng, phải tôn kính. Lánh xa nghĩa là sao? Nghĩa là đừng học theo họ, cùng một ý nghĩa như nguyện 'Lễ kính chư Phật' trong Phổ Hiền thập đại nguyện vương. Khổng Tử đối với quỷ thần, tà môn ngoại đạo, tâm cung kính chẳng giảm bớt, đúng là lễ kính chư Phật, Khổng Tử

6[6] *Kính quỷ thần nhi viễn chi*

đã làm được. Chúng ta đối với họ phải cung kính, đối đãi với quỷ thần nhất định phải đúng như pháp. Trong kinh đức Phật đã nói với chúng ta rất nhiều, chúng ta phải hiểu rõ. Chúng ta phải coi trọng tế lễ của nhà Nho, quỷ thần có thể yên ổn, đối với sự trị loạn trên thế gian chúng ta có liên quan mật thiết. Nếu làm cho những quỷ thần này không thể yên ổn, một khi họ làm loạn lên thì sẽ ảnh hưởng đến xã hội chúng ta, có rất nhiều tai biến vô duyên, vô cớ sẽ sanh khởi, chúng ta nói vô duyên, vô cớ [nhưng thật ra là do] quỷ thần làm loạn, không thể không hiểu đạo lý này.

Những người xuất gia trong nhà Phật trú ở trên núi muốn dựng một chòi tranh đương nhiên phải tìm vật liệu ở gần đó, phải đốn cây. Phật nói những cây cao bằng thân người hoặc cao hơn một thân người đều có thần cây (thọ thần) trú ở đó. Thần cây là gì? Quỷ thần nương nhờ, trú ở trên cây, họ chẳng có chỗ để trú, họ nhờ chỗ đó để che mưa đỡ nắng. Quỷ thần trú trên cây nên xưng họ là thần cây. Chúng ta muốn đốn cây này, nói cách khác tức là chiếm đoạt chỗ ở của họ, họ bằng lòng hay không? Nếu họ không bằng lòng, khởi lên ác niệm thì họ sẽ đến phá rối, báo thù, gây rắc rối cho bạn, bạn ở trong chòi tranh đó cũng không yên ổn. Nếu phước báo của bạn lớn thì họ chẳng có biện pháp chi, không dám xâm phạm bạn, đợi đến lúc vận của bạn suy thoái thì họ sẽ đến gây rắc rối, họ rất nhẫn nại chờ đợi. Lúc vận may của bạn còn thì họ không dám phá bạn, phước báo của bạn lớn nên họ không phá, đợi tới lúc vận của bạn xuống dốc, họ sẽ đến phá. Thế nên Phật dạy chúng ta muốn đốn cây thì ba ngày trước đó phải tế lễ, tụng kinh, nói với họ tôi bất đắc dĩ phải kiếm chỗ trú, nói với họ dọn nhà, khuyên họ dọn nhà. Không thể vừa tìm được cây nào vừa ý thì đốn cây ấy liền, ba ngày trước khi đốn phải cúng tế.

Ngay cả những chỗ này, những chi tiết nhỏ này cũng coi trọng. Hiện nay mọi người đều chẳng tin những chuyện ấy, lúc trước những khu đất làm phần mộ ở sườn núi, hiện nay nhiều người cứ tùy tiện dời những phần mộ ở đó, đoạt những khu đất ấy để xây nhà lầu, may là những người cư trú ở đó còn một chút phước báo có thể duy trì được vài năm. Đến lúc phước báo hết rồi thì những quỷ thần này sẽ lại phá rối, làm cho thân tâm những người cư trú ở đó chẳng an, làm xã hội động loạn. Bạn làm cho họ không được yên ổn thì họ cũng biết báo thù, cũng sẽ làm cho bạn không được yên. Thiên tai nhân họa do đó mà xảy ra, thập pháp giới là một thể, không thể không biết. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều dạy chúng ta *'suy bụng ta ra bụng người 7**[7]**'*, Phật pháp chẳng nói chỉ riêng người, Phật pháp nói đến 'vật', vật tức là thiên địa, quỷ thần đều bao gồm trong ấy. Chúng ta muốn sinh sống hạnh phúc, mỹ mãn, bạn phải nghĩ quỷ thần cũng muốn sống mỹ mãn, súc sanh cũng hy vọng đời sống mỹ mãn, làm sao có thể ăn thịt chúng sanh được? Việc này trong kinh nói rất rõ ràng, ăn thịt chúng sanh, sát hại chúng sanh sẽ bị những quả báo gì. Chúng ta có chịu xẻ thịt cho người khác ăn không? Cùng một đạo lý ấy, chúng ta không muốn người ta đến ăn thịt chúng ta, động vật cũng như vậy, nó đâu chịu cho người ta ăn thịt nó? Chúng ta giết, ăn thịt nó, nó hoan hỷ không? Người có cùng một tâm ấy, tâm có cùng lý ấy. Thế nên ăn thịt chúng sanh, những oán hận này, những oán hận của hết thảy chúng sanh sẽ không tiêu mất, khi gặp cơ hội thì chúng sẽ trả thù. Phật pháp nói: *"Ăn nửa cân thịt của nó, thì phải trả tám lượng"*, nhiều đời nhiều kiếp ăn nuốt lẫn nhau, dây dưa chẳng dứt.

Thân này của chúng ta có được là thân nghiệp báo, chẳng có cách chi hết, nếu không có dinh dưỡng thì sẽ chẳng duy trì được sinh mạng, vì phải duy trì sanh mạng nên bất đắc dĩ phải ăn uống. Vì bất đắc dĩ phải ăn uống, bạn phải biết nên ít kết oán thù với chúng sanh, ít tạo nghiệp. Động vật có sanh mạng, thực vật cũng có sanh mạng, chúng ta ăn động vật là sai lầm, ăn thực vật cũng sai lầm, nhưng so sánh hai thứ này,

---

7[7] *Suy kỷ cập nhân*

tình thức của động vật rõ ràng hơn của thực vật. Nói cách khác ý niệm báo thù của động vật không biết lớn hơn thực vật bao nhiêu lần, cũng nghĩa là chúng ta xả bỏ những vật có linh tánh lớn, không giết hại nó, linh tánh của thực vật rất yếu [so với động vật], bất đắc dĩ nên phải ăn nó. Giới kinh nói: *'Tỳ kheo thanh tịnh không đạp lên cỏ tươi'*, chân chánh hiển thị lòng từ bi. Khi có đường lộ có thể bước đi, tại sao không bước đi trên lối đi mà lại đạp lên cỏ? Trừ phi là không có đường lộ, nhất định phải đi qua, đó cũng là bất đắc dĩ, bất đắc dĩ thì có thể tha thứ được. Nếu có đường lộ, bạn nhất định phải đi theo đường lộ, không được bước lên cỏ. Thế nên phải thương tiếc sanh mạng, thực vật cũng phải thương mến, phải có một trái tim yêu thương đối với người, đối sự, đối vật, tâm yêu thương chân thành, thanh tịnh, bất đắc dĩ phải ăn [những thực vật này.]

Thế nên đức Phật dạy chúng ta 'Năm pháp quán lúc ăn', thường có tâm báo ân. Con người có ân đức lẫn nhau, con người cùng hết thảy vạn vật cũng có ân đức. Chúng ta mỗi ngày tu hành, niệm Phật tụng kinh, dứt ác tu thiện, hồi hướng công đức đến hết thảy chúng sanh là báo ân. Cái tâm này thành khẩn biết bao, ý này hậu biết bao, như vậy mới tương ứng với tâm tánh. Nếu chúng ta không quán tưởng như vậy, chẳng có tấm lòng thành này thì mỗi ngày đều tạo tội nghiệp. Bạn hiểu được đạo lý này, thường quán như vậy, những thực vật cung cấp dinh dưỡng cho bạn cũng có công đức, nó thật sự cúng dường cho bạn, bạn đáp trả cho nó, có đáp trả tức là không có cướp đoạt, không kết oán thù với nó, chỉ kết ân đức với nó. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh phía sau:

Hữu đại địa ngục, hiệu Cực Vô Gián, hựu hữu địa ngục danh Đại A Tỳ.

Có địa ngục lớn tên là Cực Vô Gián, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ

Đây là Địa Tạng Bồ Tát trước tiên giới thiệu và báo cáo cho chúng ta. 'Hữu' đích thật là có, chẳng phải là không có. Cõi ngạ quỷ và cõi địa ngục không giống nhau, chẳng phải là một cảnh giới. Trong cõi ác quỷ không có ánh sáng của mặt trời và mặt trăng, giống như đoạn trước có nói họ cư trú trong hôn ám, chúng ta gọi cõi ngạ quỷ là 'âm gian', đích thật là có người đi qua. Rất nhiều bút ký, tiểu thuyết ở Trung Quốc có ghi chép, đó chẳng phải tùy tiện nói, những gì nói trong Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký, trong Liêu Trai Chí Dị, trong Kiên Di Chí, nói cho chư vị biết đều là thật, chẳng phải giả.

Tôi học Phật nhiều năm nay, lúc chưa học Phật, tôi chưa gặp quỷ nhưng tôi đã gặp hồ ly tinh, đây là thật, chẳng giả [không những tôi] nhìn thấy tận mắt mà nhiều người khác cũng nhìn thấy. Hồ ly tinh tôi nhìn thấy là một 'người đàn ông', không phải đàn bà, mặc áo dài và áo khoác màu xanh. Trong thời kỳ kháng chiến rất nhiều người nhìn thấy, nhưng chẳng có ai nhìn rõ mặt của 'kẻ' ấy, chẳng ai nhìn thấy, mặt rất mơ hồ. Hồ ly muốn biến thành người phải trải qua năm trăm năm, có lẽ là kẻ ấy chưa đến năm trăm năm, còn thiếu một chút, có hình dáng của con người còn mặt thì chưa biến thành rõ ràng được. Lúc đó tôi mười mấy tuổi, lúc mười sáu, mười bảy tuổi mỗi ngày đều săn bắn, tôi rất muốn bắn 'kẻ' ấy, má tôi ngăn cản, muôn vàn không thể làm như vậy, nếu lỡ làm thì sau này rất phiền phức. Tôi bị má tôi ngăn cấm, chứ tôi rất muốn bắn kẻ ấy. Hồ ly tinh ấy ở trên lầu nhà tôi, thời kháng chiến chúng tôi trú ở một nhà dân, ông ta ở trên lầu. Lầu nhà này đã mấy mươi năm chưa có ai lên đến nên có một ổ hồ ly trong đó, [ai nấy] đều biết. Có người thấy buổi sáng hồ ly lạy mặt trời trên nóc nhà. Mọi người ở đó cũng muốn yên ổn, vô sự, hồ ly cũng chẳng nhiễu loạn người khác, người ta cũng chẳng dám phá chúng. Lúc đó tôi còn nhỏ, nhưng rất gan dạ, cứ muốn đi lên lầu coi thử, nhưng người lớn không cho phép, không có thang lầu. Thật vậy, chẳng phải giả, thật là biến thành hình người. Có khi đi ra ngoài tản bộ thấy được.

Thế nên tôi rất tin những chuyện quỷ, hồ ly viết trong cuốn Liêu Trai Chí Dị, tôi tin là thật, chẳng phải giả, tuyệt đối chẳng phải là đặt chuyện.

Lúc kháng chiến thắng lợi, quê tôi xảy ra một chuyện lạ, tôi biết chuyện này rất rõ ràng, quê tôi sản xuất gạo, phần lớn gạo được xuất khẩu từ Vu Hồ, đều được chở đến Vu Hồ để bán, đó là một chợ. Tôi có một người bà con, năm ấy ông ta trúng mùa, chở đầy một ghe gạo, là một loại ghe buồm nhỏ. Lúc đó dùng bao gai, dùng bao gai để chứa gạo chở đi Nam Kinh bán. Lúc vác lên ghe có người nhìn thấy một vật giống như con chồn lông vàng (hoàng thử lang), từ tấm ván cầu nhảy lên ghe. Nhìn thấy xong rất nhiều người lên ghe kiếm, kiếm không thấy, thật là kiếm không được, chắc là người thấy [con vật nhảy lên ghe] bị mờ mắt. Ghe này chở gạo đi Nam Kinh, lúc đến Nam Kinh thì gạo trên ghe bị mất hết, những bao gai vẫn còn hình dáng như vậy nhưng phía trong chẳng còn hạt gạo nào cả. Thế nên mọi người mới biết chẳng phải người đó bị mờ mắt, chắc là 'vật' ấy tác quái. Họ nhìn thấy con chồn đó, chắc là nó tác quái, không biết làm sao mà đã mắc tội với nó, cả ghe gạo bị nó lấy mất. Người bà con đó của tôi họ Trần, ông ta chẳng biết làm sao, chẳng có cách gì hết, ghé ở Nam Kinh vài ngày xong bèn trở về nhà. Về đến nhà thì thấy gạo của ông ở trong kho, chẳng có dời đi đâu hết, ông bị phá một trận như vậy. Dùng cách gì để chở gạo trở về? Không ai biết. Đây chắc là làm việc gì đụng chạm đến nó nên nó trả đũa, trừng phạt, chọc phá ông ta như vậy. Thật vậy, chẳng phải giả. Những chuyện thiên địa quỷ thần này đích thân tôi từng trải qua, chuyện này xảy ra ở huyện Lô Giang năm chục năm trước, chúng tôi đối với việc này rất tin, chẳng hoài nghi tí nào.

Ở đây nói 'có đại địa ngục', địa ngục này ở phía dưới núi Thiết Vi, chúng ta không có cách chi chứng thật, chúng ta cũng nhìn chẳng thấy. Đích thật là có, bạn tạo ra nghiệp này thì cảnh giới này sẽ hiện ra, bạn phải thọ nhận những quả báo này. Trong chú giải, Thanh Liên pháp sư cho chúng ta biết: Danh xưng Vô Gián và A Tỳ trong kinh Phật đều nhắc đến, rốt cuộc là một hay là hai, từ xưa đến nay chẳng có biện pháp gì để xác định. Cũng có cổ đại đức nói Vô Gián tức là A Tỳ, A Tỳ tức là Vô Gián, cũng có người nói Vô Gián và A Tỳ là hai cái địa ngục. Nhưng nói chung, hai địa ngục này đều là chỗ thọ báo của tội cực nặng, đây là điều chắc chắn. Trong kinh cũng nêu ra cách nói trong kinh điển, kinh A Hàm và kinh Quán Phật Tam Muội nói là một cái, Vô Gián và A Tỳ là một cái, nhưng kinh này và kinh Lăng Nghiêm lại nói là hai cái. 'Có địa ngục tên là Cực Vô Gián, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ', đây chẳng phải là hai cái sao? Thế nên nói là một cái, là hai cái đều là y cứ vào kinh điển, các Tổ sư đại đức xưa nay đều chẳng có biện pháp khẳng định là một hay là hai cái. Chúng ta đọc kinh này, y theo cách nói của kinh này, kinh này nói hai cái nên chúng ta xem nó là hai cái. Trong hai cái này chắc chắn những sự thọ báo trong ấy đều vô cùng nghiêm trọng, khổ độc vô cùng.

Ý tứ trong đoạn này chưa nói hết, nhưng thời gian hôm nay đã hết, ngày mai chúng ta nói tiếp.

Tập 16 (Số 14-12-16)

Xin mở Khoa Chú, quyển trung, trang số bốn, kinh văn hàng thứ hai:

Hữu đại địa ngục, hiệu Cực Vô Gián, hựu hữu địa ngục danh Đại A Tỳ.

Có đại địa ngục hiệu là Cực Vô Gián, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ.

Hôm qua đã giới thiệu đến chỗ này, ý tứ ở trong ấy rất sâu, rất rộng, nói rõ thì thật ra nói chẳng hết. Nhưng chúng ta cần phải hiểu những chỗ quan trọng, nguyên nhân tạo thành địa ngục là gì, tại sao phải thọ những quả khổ trong ấy? Điểm này vô cùng quan trọng, Trong kinh Địa Tạng Thập Luân nói 'tội Ngũ Nghịch' là cực ác, phía sau sẽ nói tường tận về tội Ngũ Nghịch.

'Giết cha, giết mẹ', ơn đức cha mẹ quá lớn, sanh mạng của ta có được là nhờ cha mẹ. Nếu chúng ta có thể quán sát kỹ càng, cha mẹ chăm sóc cho con thơ cẩn thận đến cùng cực, từ lúc sơ sanh đến ba tuổi, đứa con chẳng thể rời khỏi mẹ, được sự quan tâm, bảo bọc của mẹ từng giờ, từng phút nên mới có thể không tổn thương tánh mạng. Còn người cha, hiện nay trách nhiệm của người làm cha chẳng bằng người thời xưa. Thời cổ người làm cha chẳng những phải dạy lúc trẻ còn nhỏ, lúc còn bồng ẵm, lúc mẹ mang thai là phải dạy rồi, đó là thai giáo, như vậy mới làm tròn trách nhiệm của người cha. Thế nên ân đức to lớn của cha mẹ, trong thế pháp chẳng có gì sánh nổi. Chẳng biết ân đức thì chẳng biết báo ân, vậy mà còn sát hại, tội này cực nặng, đọa 'Cực Vô Gián', đọa 'Đại A Tỳ'.

Tội nghiệp thứ hai là 'Giết A La Hán', A La Hán là thánh nhân tu hành chứng quả, làm thầy cho trời và người, làm phước điền chân chánh cho thế gian, nơi Ngài trụ là nơi để cho hết thảy chúng sanh trồng phước. Nếu bạn giết A La Hán tức là hủy diệt phước điền của chúng sanh, những người ở vùng đó sẽ chẳng có phước báo, bởi vậy nên tội này rất nặng. Giết A La Hán chẳng kết tội với một vị A La Hán, mà kết tội với những chúng sanh ở địa phương đó, cho nên tội này rất nặng. Thế gian hiện nay chẳng có A La Hán? Chúng ta tin chắc chắn cũng phải có La Hán 'ứng chân'. Hóa thân của Phật, Bồ Tát trong thế gian cũng rất nhiều, đâu thể nói không có A La Hán? Nhưng phàm phu chúng ta nhận chẳng ra, bạn muốn tìm A La Hán để giết cũng chẳng tìm ra. Tuy vậy có tội tương đương, tương đương nghĩa là tội ngang bằng với tội giết A La Hán, tội ngang bằng này là tội giết ai? Thiện tri thức. Người có đức hạnh, có học vấn, và từ bi giáo hóa chúng sanh ở địa phương đó, giết hại hạng người như vậy thì cũng tương đương với giết hại A La Hán, tội này rất nặng. Không những không được giết hại, ngay cả tội hủy báng cũng chẳng nhẹ, đây là việc chúng ta nhất định phải biết rõ. Thế gian có nhiều người vô tri, cố ý hoặc vô ý hủy báng những vị thiện tri thức. Vô ý là chẳng biết, cố ý tức là có dụng tâm, cốt ý, trong đó đố kỵ chiếm phần lớn. Hiện nay còn có một số người có sách lược làm thế nào nâng cao thân phận của mình trong xã hội, nâng cao mức nổi danh của mình, nâng cao danh vọng của mình, dùng phương pháp gì? Họ phê phán, bài bác người có tiếng tăm, được nhiều người kính ngưỡng ở địa phương đó, do vậy nên họ được nổi danh. Đây là cố ý, tạo các tội nghiệp trong địa ngục Vô Gián, A Tỳ. Đây là tâm tà ác cùng cực, họ chẳng sợ nhân quả báo ứng, chỉ vì một chút danh lợi, ích lợi trước mắt mà dám tạo ra tội nghiệp cực nặng này, đây là nghiệp nhân của địa ngục Vô Gián.

Tội nghiệp thứ ba là 'làm cho thân Phật ra máu'. Hiện nay Phật chẳng còn tại thế, nhưng cũng có tội tương đương, đó tức là dùng ác tâm phá hoại hình tượng của Phật, bất luận là tượng đúc bằng xi măng, khắc bằng gỗ, hoặc làm bằng kim loại, hoặc là tranh vẽ nên hình tượng của Phật, Bồ Tát, là dùng tâm sân hận phá hoại, tội này chính là tội Ngũ Nghịch. Nếu là vô ý làm tổn hoại thì là 'lỗi lầm', chẳng phải là 'tội', vậy thì còn nhẹ. Nếu là vô ý thì sám hối cũng được! Có thể sám hối. Nếu là ác ý thì không thể sám hối.

Tội chót 'phá hòa hợp tăng', tức là phá hoại Tăng Đoàn. Tăng đoàn hòa hợp thật ra rất khó gặp được, ở đây cũng có tội tương đương. Phá hoại tín ngưỡng của người khác, phá hoại tâm nguyện của người khác, phá hoại sự tu học của người khác cũng

bằng với tội phá hòa hợp tăng; tội này cũng rất nặng, chúng ta không thể không biết. Trong ấy cũng có vô ý và cố ý, phải biết chỗ khác nhau. Cố ý là ác ý, vô ý là chẳng hiểu rõ những lý luận, chân tướng sự thật này. Thí dụ như trong kinh thường nói đến 'tự tán hủy tha', tự mình tán thán pháp môn tu học của mình, cứ mặc tình hủy báng những pháp môn khác, cũng là tội nghiệp loại này. Hiện nay ở nhiều nơi trong thế gian chúng ta nghe nói những người tạo tội nghiệp, tạo những tội nghiệp này. Chúng ta nhất định phải hiểu: Phật, Bồ Tát thuyết pháp là ứng cơ mà thuyết, cho nên Phật pháp không có định pháp. Kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng: *"Không những Phật chẳng có định pháp có thể nói, ngài cũng chẳng có pháp để nói"*. Thậm chí nói đến rốt ráo, nếu có người nói Phật thuyết pháp tức là báng Phật.

Nói đến đây, chúng ta phải thâm nhập, thấu hiểu kỹ càng những lời khai thị này của Phật, từ đó bạn mới không tạo tội báng pháp nữa. Vì đó là ứng cơ ban cho sự giáo huấn. Căn tánh của tôi và căn tánh của bạn chẳng hoàn toàn tương đồng, nghĩa là cùng tu pháp môn Tịnh Độ, cùng niệm A Di Đà Phật nhưng cũng chẳng giống nhau hoàn toàn. Nghĩa là như thế nào? Tôi thích truy đảnh 8[8] niệm Phật: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, .., niệm từng câu tiếp theo nhau thật nhanh. Người kia thích niệm chầm chậm, A .. Di .. Đà .. Phật .., hai người này sẽ chẳng giống nhau, cả hai đều có thể vãng sanh. Người này nói cách niệm của mình chính xác, cách kia của bạn chắc chắn là sai, vậy thì chẳng phải là cãi lộn rồi sao? Chẳng giống nhau! Thế nên phải hiểu rõ đạo lý này. Cùng bịnh cảm, khi thầy thuốc ra toa đương nhiên phần lớn toa thuốc sẽ giống nhau nhưng có chút sai khác, sẽ có chỗ chẳng giống nhau. Bạn uống thuốc của bạn lành bịnh rồi, khi nhìn thấy toa thuốc [của người kia] có một vài vị khác, bạn bèn phê bình họ, sai rồi, thể chất của họ khác với thể chất của bạn. Cùng một toa thuốc, cùng một thầy thuốc, nhưng phân lượng cho tôi khác với lượng của bạn. Cho tôi dùng ba tiền 9[9], cho bạn thì bốn tiền, như vậy mà hai người phải đánh nhau sao? Rốt cuộc là ai đúng, ai sai? Vì thể chất chẳng giống nhau [nên mới có sự sai khác như thế]. Phật giảng kinh thuyết pháp độ chúng sanh cũng giống như vậy, do đó nếu bạn nói cái này đúng, cái kia sai thì bạn đã báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Tại sao? Hết thảy kinh đều do Phật nói ra, vậy là bạn báng Phật; bạn tùy tiện phê bình kinh điển, lấy bộ kinh này phê bình bộ kinh kia, lấy kinh kia phê bình kinh này, vậy là báng Pháp; người y chiếu kinh luận tu hành chứng quả là Tăng. Bạn tùy ý phê bình, hủy báng Tam Bảo tạo nên tội nghiệp Vô Gián, tạo tội này, đây đều là ngu mê, vô tri. Chúng ta phải hiểu rõ.

Các vị Tổ Sư đại đức, chúng ta thấy trong chú sớ của họ có phê bình, chúng ta dám học theo không? Chẳng dám, họ phê bình là có đối tượng, ứng theo căn cơ mà nói. Quý vị đã nghe các công án trong Tông Môn, ngài Nam Tuyền chém mèo, bạn dám làm không? Bạn gặp mèo liền giết nó, gặp chó liền giết nó, bạn dám làm không? Ngài Đan Hà có thể chẻ tượng Phật bằng gỗ ra để làm củi, bạn có thể làm như vậy không? Tại sao ngài làm như vậy? Vì ngài có người đương cơ, hành động này của ngài có thể làm cho người đó khai ngộ, làm Phật, thế nên ngài chẳng phạm tội. Nếu chúng ta chẻ tượng Phật ra để làm củi thì chúng ta sẽ phạm tội nặng 'làm cho thân Phật ra máu', ngài [Đan

---

8[8] Niệm truy đảnh: Khi dùng cách này, nên niệm nho nhỏ tiếng, mỗi chữ mỗi câu đều kế tiếp nhau liên tỏa chặt chẽ, thành hình thế chữ sau đuổi theo chữ trước, câu nọ gối đầu câu kia nên gọi là Truy Đảnh. Áp dụng phương thức như thế, nhờ sự kín đáo bền chặt, trung gian không xen hở, nên tạp niệm không có chỗ len vào. Dùng đến pháp này, thì tình ý khẩn trương, tâm miệng dũng tiến, oai lực của chánh niệm bao trùm tất cả, khiến cho nghiệp tưởng vô minh tạm thời chìm lắng, ánh mầu Tam Muội bộc phát chiếu xa. Từ xưa người tu tịnh nghiệp trong lúc tình tưởng mênh mang rối loạn, thường dùng cách thức này. (Trích Niệm Phật Thập Yếu, Hòa Thượng Thích Thiền Tâm)

9[9] *tiền là một đơn vị đo lường bằng 5 gram ở Đại Lục hay 3.7 gram ở Đài Loan và Hương Cảng.*

Hà] chẳng phạm tội. Ngài là nhân vật như thế nào, chúng ta làm sao dám làm những chuyện như vậy? Do đó nhất định phải hiểu rõ việc này. Lúc trước học Phật có đạo thầy trò, cũng như chúng ta học Phật có bảo đảm, giống như con nít hai ba tuổi có cha mẹ chăm sóc. Hiện nay học Phật chẳng có người chăm sóc, con nít hai ba tuổi làm chuyện gì, sống chết gì nó cũng chẳng biết, khi gặp nguy hiểm đến nỗi mất tánh mạng nó cũng chẳng biết. Hiện nay người học Phật chúng ta cũng giống như vậy, bạn nói có đáng sợ hay không!

Đức Phật hiểu rõ tình trạng của chúng sanh trong thời Mạt Pháp, biết sự khổ nạn của chúng sanh đời Mạt pháp cho nên từ bi đến cùng cực, đặc biệt dạy bảo chúng sanh đời Mạt Pháp. Kinh Đại Tập dạy chúng ta *'Chúng sanh thời Mạt Pháp thì Tịnh Độ thành tựu'*, đây là một lời khai thị chính yếu, quan trọng. Chúng ta sanh vào thời Mạt Pháp, chúng ta học Phật nên lựa chọn pháp môn nào, Phật nói 'Tịnh thành tựu', chúng ta chọn pháp môn Tịnh Độ, đây là tuân theo lời di giáo của đức Phật. Phật còn dạy 'Tứ Y Pháp' cho người đời sau, để chúng ta chẳng đến nỗi đi sai đường, chẳng có bạn lành chăm sóc, chúng ta tuân giữ Tứ Y Pháp thì tuyệt sẽ chẳng đi sai đường. Thứ nhất là 'Y Pháp chẳng y Người', Pháp là kinh điển, nhất định phải dùng kinh điển làm y cứ, kinh là do Phật nói ra.

Thứ hai là dạy chúng ta 'Y Nghĩa chẳng y Ngữ', câu này vô cùng quan trọng! Tại sao? Tránh cho người đời sau tranh luận vì kinh điển. Phật biết kinh điển sẽ được lưu thông toàn thế giới, nhất định phải nhờ phiên dịch, cùng một bộ kinh, cùng một nguyên bản chữ Phạn, người dịch chẳng giống nhau, văn tự, câu văn, ý tứ trong đó đương nhiên sẽ có sai khác. Thí dụ ngày nay chúng ta coi dịch bản của kinh Kim Cang, trong Đại Tạng Kinh có đến sáu bản dịch khác nhau cho kinh Kim Cang, bản hiện nay mọi người chọn là bản của ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch. Nếu chư vị đối chiếu sáu bản dịch này, văn tự trong ấy chẳng giống nhau, ý tứ thì phần lớn giống nhau, có chút ít sai khác. Rốt cuộc là bản nào dịch đúng, chỗ nào dịch sai? Đây không phải là phiền phức hay sao. Thế nên Phật dạy chúng ta 'Y nghĩa không y lời nói (ngữ)', như vậy mới được, ý tứ đúng là được rồi, lời nói thêm vài câu, ít đi vài câu chẳng sao. Phiên dịch dùng chữ này, dùng chữ kia cũng chẳng sao, chỉ cần ý nghĩa đúng là được, tránh khỏi rất nhiều tranh luận.

Đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, hiện nay có chín bản: năm bản dịch gốc, ba bản hội tập, và một bản tiết hiệu (chọn lọc và tóm tắt) của Bành Tế Thanh. Nếu chúng ta hiểu được phải y theo nghĩa chứ không y theo ngữ thì sẽ chẳng xảy ra tranh luận, chẳng cần phải bám sát một bản nào. Sự tu học của chúng ta có thể kiên trì dùng một bản, nhưng đối với những bản khác nhất định cũng phải tôn trọng, tuyệt đối chẳng phê bình; chúng ta chẳng có tư cách để phê bình, chẳng có khả năng phê bình. Thế nên Tứ Y Pháp của Phật dạy quan trọng ghê lắm!

Thứ ba, đức Phật dạy chúng ta 'Y Liễu Nghĩa, chẳng y Bất Liễu Nghĩa'. Liễu Nghĩa là gì? Đời này nhất định có thể thành Phật, đây là Liễu Nghĩa rốt ráo. Mức thấp nhất cũng phải trong đời này siêu việt lục đạo luân hồi thì mới tính là liễu nghĩa. Nếu sự tu học của bạn trong đời này chẳng thể siêu việt tam giới lục đạo, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, môn học của bạn chẳng liễu nghĩa. Bất luận tu được giỏi đến đâu, bạn chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác bạn chắc chắn không tránh khỏi quả báo tam đồ, đây là đạo lý nhất định, thế nên sẽ không có thành tựu. Muốn thoát ly lục đạo luân hồi, kinh luận Đại Thừa và Tiểu Thừa đều cùng một đạo lý, đều phải đoạn Kiến Tư phiền não. Bạn có thể đoạn nổi không? Kiến Tư phiền não truy đến cội rễ thì phải theo một nguyên tắc: phá ngã chấp; đối với pháp thế và xuất thế gian nếu bạn còn chấp trước như vậy thì phá nổi không? Không nổi! Đây là điều chư vị đều rõ ràng cả

rồi. Phá chấp trước thì bạn sẽ thoát khỏi tam giới; phá phân biệt thì bạn sẽ thoát khỏi thập pháp giới; đoạn sạch vọng tưởng thì bạn sẽ cứu cánh viên mãn thành Phật. Trong kinh điển Đại Thừa đức Phật đã nói quá nhiều về đại đạo lý này. Phật nói bịnh căn của chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chư vị thử nghĩ coi chúng ta có những thứ này không? Việc này không thể không hiểu rõ, nhất định phải y theo kinh Liễu Nghĩa.

Ngày nay nói về liễu nghĩa, không những là liễu nghĩa mà phải là liễu nghĩa rốt ráo. Kinh Vãng Sanh hiện nay tức là năm kinh, một luận của Tịnh Tông. Trong sáu bộ kinh luận này, cứ noi theo bộ nào cũng có thể thành công, đều có thể siêu việt tam giới, siêu việt thập pháp giới, vãng sanh tây phương Tịnh Độ, thiệt là chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng bạn y theo bất cứ bộ kinh nào đều phải đừng hoài nghi, hiện nay có người y theo kinh Vô Lượng Thọ, hoài nghi bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, người này thật thà niệm Phật có thể vãng sanh không? Có thể vãng sanh, sanh đến Biên Địa Nghi Thành. Đây là việc nói trong kinh. Bạn phải chân niệm, chân chánh tin tưởng A Di Đà Phật, thật sự tin tưởng Tịnh Độ, bạn còn hoài nghi bản hội tập của kinh này, thì bạn sẽ sanh đến Nghi Thành. Tại sao chúng ta lại làm chuyện như vậy? Bạn hoài nghi bản kinh này thì bạn đừng y theo là được rồi, bạn y theo một trong chín bản kinh cũng được. Thậm chí có thể nói không y theo kinh Vô Lượng Thọ, bạn y theo kinh A Di Đà cũng được, kinh bản nhiều như vậy, y theo bất kỳ một bản nào cũng có thể vãng sanh. Nhưng đối với những kinh khác nhất định đừng hoài nghi để tránh khỏi phải đọa vào Biên Địa Nghi Thành, việc này có lợi ích to lớn đối với mình. Thế nhưng trong tâm người thông minh, có trí huệ, có phước đức hiểu rõ pháp môn niệm Phật của Tịnh Tông trong những năm gần đây tại sao có thể hoằng dương rộng rãi đến khắp thế giới, làm cho rất nhiều người sanh khởi lòng tin, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là do nhân duyên gì tạo thành vậy? Là do bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư tạo thành đấy, đây là sự thật.

Nếu chúng ta hiểu được sự thật này, nếu bạn hủy báng bản hội tập thì tội nghiệp mà bạn đã tạo chắc chắn sẽ là A Tỳ địa ngục, có thể tránh khỏi không? Niệm Phật có thể vãng sanh không? Không thể. Tại sao không thể? Nghiệp chướng, tập khí quá nặng. Tuy niệm A Di Đà Phật nhưng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước một tơ hào cũng chẳng đoạn, lại còn phạm lỗi lầm nghiêm trọng là hủy báng Tam Bảo. Vậy thì phải đọa địa ngục trước, tội báo địa ngục chịu hết rồi thì khi ra khỏi địa ngục, gặp được duyên, trong A Lại Da thức vẫn còn hạt giống A Di Đà Phật, lại bắt đầu niệm tiếp tục. Chuyện này nói ra chẳng kỳ lạ gì cả, trong đời quá khứ chúng ta đã từng làm qua, chúng ta đã từng đọa địa ngục, chịu tai nạn trong vô lượng kiếp, tội báo đó chịu hết rồi, đến đời này mới được thân người, gặp được pháp môn này. Nghĩ đến chuyện làm khờ dại lúc trước, chịu đựng những khổ nạn, trong lòng quá sợ. Bây giờ chúng ta đã [tỉnh ngộ] quay trở về, hiểu rõ rồi, sẽ không làm những chuyện khờ dại này nữa.

Do đó bất luận những người hủy báng tôi, sỉ nhục tôi, hãm hại tôi, thậm chí sát hại tôi, tôi cũng đều chắp tay tán thán, cảm ân mến đức, chẳng có một chút oán hận nào cả, tại sao vậy? Vì tôi hiểu được Tây phương Cực Lạc thế giới là nơi những người tốt lành nhất tụ hội, tôi phải tập thành tiêu chuẩn tốt lành nhất thì mới đến được Tây phương Cực Lạc thế giới, được đại chúng hoan nghinh. Chẳng có một tí ác ý nào cả. Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật chỉ có một tâm 'cảm ân mến đức'.

Nếu bạn hỏi những người hãm hại mình, thậm chí sát hại mình có ân đức gì đối với mình mà phải cảm ân họ, báo đáp họ. Có ân đức đấy. Họ hủy báng, sỉ nhục, hãm hại cũng giống như thầy giáo ra bài thi vậy, họ ra bài cho mình thi, cửa ải này thông qua rồi, làm sao không có ân đức cho được? Nếu không có bài thi này, mình chẳng biết

công phu của mình rốt cuộc đã đến giai đoạn nào? Chẳng thể biết được. Nếu hủy diệt mình, mình càng cảm tạ họ. Tại sao? Sớm một ngày đến Cực Lạc thế giới, họ đã đưa mình đi. Thế gian này quá khổ rồi, phước báo trí huệ của bạn quá lớn, đừng ở đây chịu khổ nữa, hãy đi mau. Vậy thì làm sao không có ân đức cho được? Chết sớm thì vãng sanh sớm, chết sớm thì hưởng phước sớm, ân đức đó quá lớn! Tội, phước, thiện, ác đều ở tại một niệm. Thế nên bạn có một niệm giác ngộ, đến đâu tu phước, có chỗ nào chẳng phải là nơi tu phước? Lúc nào không phải là lúc tu phước? Chuyện nào không phải là chuyện tu phước? Vấn đề là bạn giác ngộ hay không giác ngộ? Thế nên chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác đối với hết thảy chúng sanh chỉ có một tâm cảm ơn. Những Đăng Địa đại Bồ Tát đều tri ân báo ân, cùng với quan niệm và tư tưởng của phàm phu chúng ta đích thực là chẳng giống nhau.

Ngoài tội Ngũ Nghịch như trong các kinh đã nói ra, kinh Thập Luân cũng như kinh [Địa Tạng] này đều có nói [bốn tội đọa địa ngục nữa]. Phật còn bảo Tăng Hộ 10[10], ngài nói có chín hạng người thường đọa A Tỳ đại địa ngục, ngoài ngũ nghịch còn thêm bốn loại. Thêm bốn loại, thứ nhất là 'Ăn đồ của Tăng' (Thực Tăng Vật), ăn đồ của người xuất gia. Chúng tôi nghe xong rất sợ, rất nhiều cư sĩ tại gia đến đạo tràng và ăn đồ của người xuất gia, như vậy thì phải làm sao? May là Tịnh Tông Học Hội và Cư Sĩ Lâm đều là đạo tràng của người tại gia, chúng tôi là người xuất gia đến ăn đồ của người tại gia. Đây là nói về Thập phương Thường Trụ, cách ăn như thế nào. Ăn với cái tâm trộm cắp, tâm tham, vậy thì sẽ có tội. Nếu bạn đến chùa rồi người chủ trì mời bạn ăn, như vậy thì không có tội.

Chư vị đều biết trong tự viện, tòng lâm trước kia có rất nhiều cư sĩ đến cư trú (quải đơn). Nếu chư vị coi những tự viện tòng lâm lớn ở Trung Quốc đại lục có phân ra Nội Viện và Ngoại Viện, Nội Viện là nơi người xuất gia trú, còn Ngoại Viện là nơi cư sĩ ở. Vì chế độ xã hội thời xưa chẳng giống thời nay, hồi xưa là thời đại nông nghiệp, thời gian nhàn rỗi trong xã hội nông nghiệp rất dài, trong thời gian chẳng làm lụng, canh tác, mọi người có thời gian rảnh rỗi, rất nhiều người vào chùa ở cả mấy tháng. Vô chùa làm gì? Nghe kinh, niệm Phật, tham thiền.

Vô chùa để 'thảo đơn', tức là xin phép được 'quải đơn' (ở lại) trong chùa, chùa sẽ giao một phần công việc cho người này làm, nếu vậy thì ăn trong chùa sẽ không có vấn đề gì cả, như vậy chẳng phải là ăn miễn phí. Phần lớn những người đọc sách (học trò) được giao công việc chép kinh, hồi xưa chẳng có ấn loát, chỉ có thể chép tay. Những người đọc sách đến chùa ở, chùa hoan nghinh bạn, bạn giúp chùa chép kinh thì tạng kinh trong lầu Tàng kinh sẽ phong phú hơn. Vốn chỉ có một bộ kinh, nếu bạn chép một bộ thì sẽ thêm được một bộ, chép hai bộ thì tàng kinh thêm được hai bộ. Do đó công việc của phần đông những người đọc sách quải đơn trong chùa nhất định sẽ là chép kinh.

Nếu không phải là chép kinh thì sẽ được phân phối một số công việc nặng nhọc hơn, thí dụ như quét dọn, giúp việc trong nhà bếp, nhà xay giã gạo. Vì thời xưa chúng trụ trong chùa rất nhiều, đời sống cũng khó khăn, trong nhà bếp nấu nướng bằng củi chụm, củi chụm phải có người đốn củi, đốn xong đem về phải chẻ ra, đây là những công việc nặng nhọc. Gạo đều là gạo lứt, gạo gặt về là thóc, phải xay thành gạo, [đó là] gạo lứt, lại phải giã cho trắng, đều cần nhân công. Do đó xin quải đơn trong chùa hơn

10[10] Tăng Hộ (Sangharaksita) là đệ tử của ngài Xá Lợi Phất. Theo Nhân Duyên Tăng Hộ Kinh, Tăng Hộ từng cùng năm trăm thương nhân đi thuyền vào biển cả, trên đường về lạc mất đồng bạn, phải đi một mình, thấy ở ven biển có năm mươi ba địa ngục, vô lượng chúng sanh chịu khổ thảm khốc trong ấy. Về đến nơi, ông bạch hỏi đức Phật, Phật bèn đáp tường tận nguyên nhân thọ khổ của từng địa ngục.

phân nửa là phải làm những công việc này. Thế nên đi vào chùa ở thật là phước huệ song tu, như vậy thì không có vấn đề gì cả. Nếu bạn vào chùa ăn không (miễn phí) thì tội này nặng lắm. Chuyện 'thực Tăng vật' phải giảng cho rõ, nếu không giảng rõ thì mọi người sẽ sợ và chẳng dám đến chùa nữa.

Thứ hai là 'Phật vật', tùy tiện dùng những phẩm vật cúng Phật, tội này rất nặng. Thế nên hết thảy phẩm vật đều cúng Phật, cúng Tăng trước, sau đó chúng ta mới thọ dụng. Thứ ba là 'giết cha', thứ tư 'giết mẹ', thứ năm 'giết A La Hán', thứ sáu 'phá hòa hợp Tăng', đây là những tội trong tội Ngũ Nghịch, thứ bảy là 'phá tỳ kheo tịnh giới', xúi giục, sai khiến tỳ kheo phạm giới sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Thứ tám là 'phạm tịnh hạnh ni', nếu xâm phạm tỳ kheo ni thanh tịnh sẽ phải đọa địa ngục A Tỳ. Thứ chín là 'làm Nhất Xiển Đề'. Nhất Xiển Đề là Phạn ngữ, nghĩa là người chẳng có thiện căn. Chúng ta thường gọi là trong tâm tràn đầy tà ác, mỗi niệm đều tương ứng với tà tri, tà kiến, mười nghiệp ác, do đó nói họ chẳng có thiện căn.

Phật nói chín hạng người này thường thường ở trong địa ngục. Chư vị phải biết sau khi ra khỏi địa ngục, họ còn tập khí ác, cho dù đời trước tu có phước báo nên được thân người, nhưng tập khí này vẫn còn. Dường như họ không làm ác thì rất khó chịu vậy, rất khó sống qua ngày. Đây là tâm ác, ý ác, lời ác, hành động ác tạo thành một thứ tập quán, như vậy dễ sợ vô cùng. Cho nên thời gian sanh đến cõi người, cõi trời chẳng lâu dài, họ lại tạo tội nghiệp, mất đi thân người rồi thì họ phải vào địa ngục trở lại. Kinh này nói rất tường tận về chuyện này, làm mệt nhọc Địa Tạng Bồ Tát, ngài thật là vô cùng từ bi.

'Kinh Chánh Pháp Niệm' nói cái khổ ở địa ngục A Tỳ vượt trội gấp ngàn lần mười địa ngục lớn. Trong kinh chúng ta thường nói đến tám địa ngục lạnh, tám địa ngục nóng, mười tám tầng địa ngục, [so ra thì] cái khổ ở địa ngục A Tỳ, địa ngục Vô Gián vượt hơn không phải chỉ cả ngàn lần thôi đâu. Thọ mạng ngắn thì là một kiếp, nói cho chư vị biết, một kiếp này là đại kiếp chứ không phải tiểu kiếp. Tạo những nghiệp nhân địa ngục rất dễ dàng, sau khi đọa địa ngục muốn thoát ra quá khó, quá khó! Thế nên chúng ta phải hiểu, phải rõ ràng, phải ghi nhớ những nghiệp nhân quả báo này, những chuyện này muôn vàn không nên làm, tuyệt chẳng nên tham một chút lợi lộc trước mắt mà tạo ra những tội nặng như vậy.

Đọc 'kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện' nâng cao cảnh giác của mình, cảnh giác cao độ. Do đó nói thật ra phải thường đọc kinh này, chúng ta phải đọc như đọc Giới kinh. Giới kinh: nửa tháng phải tụng giới, mỗi nửa tháng phải niệm một lần. Căn tánh người hiện nay chẳng giống với người thời xưa, nửa tháng chẳng còn hiệu quả nữa, một ngày ấm mười ngày lạnh. Thế nên tôi yêu cầu các đồng tu niệm Phật, mỗi ngày sau khi tụng kinh buổi tối xong, phải đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn một lần, gộp nó chung vào khóa tối. Số chữ trong hai bài này không nhiều, gộp hai bài lại cỡ chừng hai ngàn chữ, không nhiều lắm. Đọc nó coi như đọc Giới Luật, mỗi ngày đều tự nhắc nhở mình, từng giờ từng phút phản tỉnh thì mới giữ cho thân người khỏi đọa ác đạo. Xin xem tiếp:

Phục hữu địa ngục danh viết Tứ Giác. Phục hữu địa ngục danh viết Phi Đao. Phục hữu địa ngục danh viết Hỏa Tiễn. Phục hữu địa ngục danh viết Giáp Sơn. Phục hữu địa ngục danh viết Thông Thương. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Xa. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Sàng. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Ngưu . Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Y. Phục hữu địa ngục danh viết Thiên Nhẫn. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Lư. Phục hữu địa ngục danh viết Dương Đồng. Phục hữu địa ngục danh viết Bão Trụ. Phục hữu địa ngục danh viết

Lưu Hỏa. Phục hữu địa ngục danh viết Canh Thiệt. Phục hữu địa ngục danh viết Tỏa Thủ. Phục hữu địa ngục danh viết Thiêu Cước. Phục hữu địa ngục danh viết Đạm Nhãn. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Hoàn. Phục hữu địa ngục danh viết Tranh Luận. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Phu. Phục hữu địa ngục danh viết Đa Sân.

Lại có địa ngục tên là Tứ Giác11[11]. Lại có địa ngục tên là Phi Đao. Lại có địa ngục tên là Hỏa Tiễn. Lại có địa ngục tên là Giáp Sơn. Lại có địa ngục tên là Thông Thương. Lại có địa ngục tên là Thiết Xa. Lại có địa ngục tên là Thiết Sàng. Lại có địa ngục tên là Thiết Ngưu. Lại có địa ngục tên là Thiết Y. Lại có địa ngục tên là Thiên Nhẫn. Lại có địa ngục tên là Thiết Lư. Lại có địa ngục tên là Dương Đồng. Lại có địa ngục tên là Bão Trụ. Lại có địa ngục tên là Lưu Hỏa. Lại có địa ngục tên là Canh Thiệt. Lại có địa ngục tên là Tỏa Thủ. Lại có địa ngục tên là Thiêu Cước. Lại có địa ngục tên là Đạm Nhãn. Lại có địa ngục tên là Thiết Hoàn. Lại có địa ngục tên là Tranh Luận. Lại có địa ngục tên là Thiết Phu. Lại có địa ngục tên là Đa Sân.

Địa Tạng Bồ Tát giảng danh hiệu của địa ngục, nói cho chúng ta 22 loại, đây là nói sơ lược, nếu nói kỹ thì nói chẳng hết. Ngài nói 'Lại có' tức là nói rõ những địa ngục phụ thuộc của địa ngục A Tỳ, địa ngục Vô Gián, chủng loại quá nhiều, chỉ nói sơ lược mà thôi. Thứ nhất gọi là Tứ Giác (Bốn Cạnh), kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói nghiệp nhân quả báo của địa ngục này. Ngài nói có người thật sự chẳng phải là người tu hành, ở Trung Quốc thì Sa Môn là danh từ người xuất gia chuyên dùng, nhưng ở cổ Ấn Độ thì khác. Thời cổ Ấn Độ người tại gia hay xuất gia gì đều xưng là Sa Môn, thế nên xưng là Sa Môn không nhất định là người xuất gia. Định nghĩa của Sa Môn là 'cần tức', nghĩa là siêng tu Giới Định Huệ, diệt trừ tham, sân, si. Người như vậy thì được gọi là Sa Môn, thế nên tại gia, xuất gia đều có thể dùng. Nhưng sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, Sa Môn biến thành danh từ người xuất gia chuyên xưng, người tại gia chẳng gọi là Sa Môn. Người ấy chẳng phải là người xuất gia, tự mình xưng là xuất gia thì tội này rất nặng, đây là mạo danh người xuất gia. Điều này chúng ta thật sự phải đề cao cảnh giác, cảnh giác cao độ. Ngày nay chúng ta đã xuất gia rồi, có thật sự phải là người xuất gia hay không? Ngày nay chúng ta đã thọ giới rồi, có thật sự là đã thọ giới chăng? Chẳng có. Điểm này nếu chúng ta tự xưng là Tỳ Kheo thì tội sẽ nặng, tội nghiệp cực nặng.

Trong các vị tổ sư Tịnh Tông, Ngẫu Ích đại sư triều Minh thật rất phi thường! Ngẫu Ích đại sư là hạng người gì? Chẳng ai biết. Nhưng Ấn Quang đại sư thì chúng ta biết, ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát hóa thân tái lai. Di Đà Kinh Yếu Giải là do ngài Ngẫu Ích soạn, Ấn Quang đại sư tán thán cuốn Yếu Giải này, ngài nói: *"Cuốn Di Đà Kinh Yếu Giải này dù cho cổ Phật tái lai làm thêm chú giải cho kinh Di Đà cũng chẳng thể vượt trội hơn cuốn này được"*, tán thán đến cùng cực vậy. Năm xưa lúc tôi ở đây, Diễn Bồi pháp sư hỏi tôi, ngài nói: "Lời này của Ấn Quang đại sư có phải đã nói quá lố hay không? Làm sao có thể tán thán như vậy?". Tôi thật thà trả lời ngài, tôi nói: "Chẳng quá đáng đâu. Tôi đã đọc Yếu Giải, cũng đã giảng hết mấy lần, đích thật là vô cùng hiếm có, tôi khẳng định cách nói của Ấn Quang đại sư". Ngẫu Ích đại sư là ai? Nếu chẳng phải A Di Đà Phật tái lai thì nhất định phải là hạng như Quán Thế Âm Bồ Tát.

11[11] *Tứ Giác: Bốn Cạnh, Phi Đao: Đao Bay, Hỏa Tiễn: Mũi Tên Lửa, Giáp Sơn: Núi Kẹp, Thông Thương: Thương Đâm, Thiết Xa: Xe Sắt, Thiết Sàng: Giường Sắt, Thiết Ngưu: Trâu Sắt, Thiết Y: Áo Sắt, Thiên Nhẫn: Ngàn Mũi Dao, Thiết Lư: Lừa Sắt, Dương Đồng: Nước Đồng Sôi, Bão Trụ: Ôm Cột Đồng, Lưu Hỏa: Lửa Chàm, Canh Thiệt: Cày Lưỡi, Tỏa Thủ: Chém Đầu, Thiêu Cước: Thiêu Chân, Đạm Nhãn: Ăn Mắt, Thiết Hoàn: Viên Sắt, Tranh Luận: Cãi Cọ, Thiết Phu: Búa Sắt, Đa Sân: Hay Cáu Giận*

Phật, Bồ Tát tái lai, ngài đến thị hiện ở đời Mạt pháp, thị hiện xuất gia, thọ giới, ngài hiểu Giới Luật, đương thời cũng có người xưng ngài là luật sư. Ngài kết luận cho chúng ta rằng ở Trung Quốc từ Nam Tống trở về sau chẳng còn tỳ kheo nữa. Chúng ta muốn thọ giới, Giới Kinh giảng về giới tỳ kheo, tối thiểu phải có năm tỳ kheo chân chánh truyền giới thì bạn mới đắc giới. Nam Tống trở về sau đã không có tỳ kheo rồi, thì chúng ta làm sao đắc giới được? Thế nên Ngẫu Ích đại sư tự thọ giới xong, ngài ở trước Phật, Bồ Tát trả lại giới, chẳng đắc được, trước hình tượng của Phật, Bồ Tát cầu thọ giới Sa Di. Cả đời ngài tự xưng là 'Bồ Tát Giới Sa Di', đây là thân phận của ngài. Thế nên phong phạm của Ngẫu Ích đại sư thị hiện làm gương mẫu cho chúng ta, chúng ta phải biết học theo.

Học trò của ngài, đồ đệ của ngài là pháp sư Thành Thời, sau khi Ngẫu Ích đại sư viên tịch, tất cả trước tác đều do pháp sư Thành Thời chỉnh lý, khắc bản in lưu thông, đây là đại công thần của Ngẫu Ích đại sư. Thầy đã tự xưng là Sa Di nên học trò chẳng dám xưng là Sa Di, ngài Thành Thời tự xưng là 'xuất gia Ưu Bà Tắc', đây là Danh phù hợp với Thật, chẳng phạm lỗi lầm. Ngày nay chúng ta là thân phận gì, thật sự làm trọn vẹn xuất gia Ưu Bà Tắc là tốt lắm rồi, có thể làm trọn ngũ giới thập thiện, thì chúng ta tức là đệ tử của Di Đà. Đệ tử tại gia tu tập ngũ giới thập thiện, chúng ta cũng tu ngũ giới thập thiện, chúng ta là thân phận xuất gia tu ngũ giới thập thiện, phải hiểu rõ địa vị chân chánh của chúng ta là xuất gia Ưu Bà Tắc. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có nói thời Mạt Pháp chẳng có tỳ kheo truyền giới, từ nơi đâu đắc [giới]? Trên luân tướng 12[12] đắc được, Chiêm Sát luân tướng, Ngẫu Ích đại sư dùng Chiêm Sát luân tướng để cầu Bồ Tát giới Sa Di. Người xưa cẩn thận, nghiêm cách như vậy là có đạo lý.

Đến những năm đầu Dân Quốc, Hoằng Nhất đại sư là vị mọi người đều tôn kính, ngài tu Tịnh Độ, đối với giới luật cũng rất có nghiên cứu. Ngài có diễn giảng ở Mân Nam Phật Học Viện, sưu tập trong Hoằng Nhất Đại Sư Giảng Diễn Lục, chư vị có thể xem được. Ngài khuyên người xuất gia chúng ta không thể không thọ giới, thọ một hình thức, nhưng tự mình nhất định phải biết là chẳng đắc giới. Tại sao phải thọ giới trên hình thức này? Để khỏi bị người thế gian hiềm nghi bạn chẳng thọ giới, chúng ta thọ giới này (tức Cụ Túc Giới) trên hình thức. Tự mình phải hiểu rõ rằng mình chẳng đắc giới, chẳng phải là thọ xong giới tỳ kheo thì thành tỳ kheo, thọ xong Bồ Tát giới thì thành Bồ Tát, đâu có chuyện đơn giản như vậy? Thế nên trong Lục Tức của tông Thiên Thai chúng ta là tỳ kheo gì? Là Danh Tự Tỳ Kheo, có danh vô thật, phải hiểu thân phận này. Hoằng Nhất đại sư cả đời cũng tự xưng là Xuất Gia Ưu Bà Tắc, danh phù hợp với thật, như vậy mới đúng. Tự mình chẳng đắc giới, tự mình chẳng trì giới, mà tự xưng là tỳ kheo thì là vọng ngữ, đại vọng ngữ, Tứ Giác địa ngục có thể sẽ có phần mình.

12[12] Giải thích về luân tướng rất phức tạp, tạm trích dịch đoạn kinh Chiêm Sát mô tả mộc luân như sau: "Này thiện nam tử! Muốn học về tướng trạng của mộc luân thì trước hết nên khắc gỗ [thành từng khối] to chừng ngón tay út, sao cho kích thước chừng một tấc, khúc giữa khắc thành bốn mặt vuông vắn, còn từ hai đầu thì vạt xéo cho nhỏ dần đi. Ngửa tay gieo sang bên cạnh để dịch chuyển. Do vì nghĩa này nên gọi là luân (tức là có do có thể di chuyển được nên gọi là luân). Lại do tướng này có thể phá hoại lưới nghi tà kiến của chúng sanh, chuyển hướng theo chánh đạo đến chỗ an ổn nên gọi là Luân. Luân tướng có ba thứ sai biệt. Những gì là ba? Một là luân tướng biểu thị những thiện nghiệp đã làm trong đời quá khứ, loại luân này gồm mười khối. Luân tướng thứ hai biểu thị những nghiệp đã tạo được tích góp trong đời quá khứ lâu, gần, mạnh, yếu, lớn, nhỏ. Loại luân này gồm ba khối. Loại luân tướng thứ ba biểu thị sự thọ báo sai biệt trong ba đời. Loại luân này gồm sáu khối. Nếu muốn xem xét thiện nghiệp, ác nghiệp sai biệt đã tạo trong đời quá khứ thì khắc gỗ thành mười luân. Dựa theo mười luân này mà ghi tên Thập Thiện. Mỗi một điều thiện ghi trên một luân, ghi nơi một mặt. Kế đến, ghi Thập Ác tương ứng với Thập Thiện (ở mặt kia của mỗi luân)…"

Ngoài ra còn một nguyên nhân nữa, chúng ta gọi 'nghiệp nhân' là nghiệp duyên, [đó là] 'nghe, xem ca vũ'. Người thế gian gọi là giải trí, chỗ vui chơi, chúng ta không đi đến những chỗ đó. [Y phục của] người xuất gia Trung Quốc có một việc tốt, người xuất gia mặc y phục này mà đi coi ca múa trong rạp hát, người ta sẽ mắng bạn, tự mình bạn cũng xấu hổ chẳng dám đi. Còn hòa thượng, người xuất gia Nhật Bản đi [đến những chỗ ấy] thì bạn nhìn không thấy, họ mặc âu phục, giày tây. Còn cà sa họ để ở đâu? Để trong túi áo. Cà sa của họ có lẽ chỉ lớn cỡ ba tấc, lúc làm Phật sự thì lấy ra đeo lên cổ, lúc không cần dùng thì cuốn lại, bỏ vào túi áo. Họ mang giày tây, bạn chẳng nhìn ra, họ đến những chỗ ấy thì người khác nhìn không ra. Chúng ta thì không được, một khi chúng ta vừa vào chỗ đó, mọi người sẽ chẳng coi ca múa nữa, mà sẽ lại 'coi chúng ta', [sẽ hỏi] tại sao Thầy lại đến đây?

Thế nên y phục này không thể sửa đổi, có tác dụng rất lớn. Ở Đài Loan có người đã từng đề xướng sửa đổi y phục này, rất may là có một số lão hòa thượng kiên trì, nhất quyết không chịu đổi. Thế nhưng bạn không đi xem, trong máy truyền hình (TV) có rất nhiều chương trình này, hiện nay rất nhiều đạo tràng có TV, đây đều là việc phiền phức. Bạn nhìn thấy những biểu diễn ca vũ, nếu bạn chẳng khéo quán sát, sanh tâm ái nhiễm, thì sẽ đọa địa ngục này. Người khéo quan sát sẽ coi như thế nào? Mộng huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp, càng đề cao cảnh giác. Từ trên màn ảnh có thể thấu hiểu được, có thể quán sát cả đời người, cả vũ trụ chỉ là một màn hát, đều là giả, chẳng phải thiệt. Khéo quán sát thì ngay nơi ấy bạn có chỗ [giác] ngộ; nếu chẳng khéo quán sát, sanh khởi nhiễm tâm tham ái thì phiền phức lớn lắm.

'Tứ Giác địa ngục', trong kinh nói cho chúng ta, xung quanh là tường sắt bao bọc, sắt đều đốt đỏ rực, địa ngục là một biển lửa. Lửa từ bốn góc phun ra, con người trong ấy bị lửa đốt, bị lửa nung nấu, địa ngục cũng giống như một nồi lớn, đã thiêu cháy đỏ rực rồi còn tiếp tục phun lửa, ngày đêm chẳng gián đoạn. Trong chú giải của Thanh Liên đại sư, ngài nêu lời giảng của bộ Lập Thế A Tỳ Đàm Luận [về địa ngục Tứ Giác này], ngoài ra còn [nêu thêm] một nghiệp nhân [của địa ngục ấy]. Đời quá khứ lúc còn ở loài người, có khi tự mình làm, có khi kêu người khác sát sanh, phần đông người ta nói dùng dao để chặt, để bằm, bạn bằm chém tay, chân, đầu của những loài súc sanh, tạo tội nghiệp này cũng sẽ đọa vào Tứ Giác địa ngục để thọ báo. Thí dụ giết gà, gà đã giết rồi, đã chết xong rồi chặt thân nó ra, nó có đau khổ không? Thần thức còn chưa lìa khỏi, vẫn còn cảm giác. Nếu gặp một loại gọi là quỷ giữ thi thể, thế nào gọi là quỷ giữ thi thể? Chấp trước cứng chắc vào thân phận của nó, chẳng chịu lìa khỏi, thế thì phiền phức sẽ rất lớn. Sau khi nấu chín, khi bạn ăn nó, nó cũng cảm thấy đau khổ. Đó là một loại chúng sanh chấp trước cứng chắc vào thân của nó, làm sao nó không căm hận cho được? Tội nghiệp của bạn tạo bao lớn? Những chuyện này thật ra đức Phật chẳng nhẫn tâm nói, tuyệt đối chẳng phải dọa người. Chỉ có kẻ thiện căn sâu dầy, nghe lời Phật dạy xong bèn có thể tin tưởng, mới thật sự chọn ăn chay, trong đời này tuyệt chẳng ăn thịt chúng sanh, tuyệt chẳng sát hại chúng sanh. Những gì đã làm lúc trước thì thật lòng sám hối. [Đã làm] sai rồi! Siêng tu phước huệ, hồi hướng cho các oán gia, chủ nợ, hy vọng mình thành Phật đạo, những oán gia chủ nợ này sẽ cùng mình thành Phật. Phải phát chân tâm, chân nguyện, chân thật tu hành! Vậy thì những oán gia chủ nợ này sẽ chẳng tạo phiền phức cho bạn, sẽ chẳng gây chướng ngại cho bạn. Tại sao vậy? Khi bạn thành tựu thì họ sẽ được hưởng lây, nếu họ gây chướng ngại cho bạn thì họ sẽ hại họ. Nếu chúng ta làm giả dối, chẳng chân thật, những oán gia chủ nợ này dứt khoát sẽ chẳng tha cho bạn, trừ phi chẳng tìm được cơ hội thì thôi, một khi đã nắm chắc cơ hội thì họ sẽ đến báo thù.

Thứ hai là 'Phi Đao (Đao Bay) địa ngục', tức là Đao Luân địa ngục, bốn bên đều là núi đao, trên không trung còn có đao luân (bánh xe có đao). Đao luân này chẳng phải

chỉ có một cái, mà là vô lượng vô số cũng giống như mưa vậy, từ không trung rớt xuống, người trong địa ngục này sẽ bị thân thể bầm nát, tan xương nát thịt. Nghiệp nhân này là đời quá khứ trong cõi người sát sanh buông tuồng, đều là quả báo của sát nghiệp, bạn sát hại nhiều chúng sanh thì bạn phải thọ khổ ở địa ngục này. Thứ ba là 'Hỏa Tiễn địa ngục', tiễn, thời xưa cung tên có lửa, từng mũi tên lửa này bắn vào thân tội nhân, trong kinh nói 'một ngày một đêm có sáu trăm ức lần chết đi sống lại'. Hình phạt trong địa ngục nếu thọ xong bèn chết thì tốt lắm! Đó là chuyện vui lớn nhất, vì chết xong bèn lìa khỏi địa ngục. [Thật ra thì] họ sẽ chẳng chết, chết xong trong địa ngục bị gió thổi một cái liền sống lại, sống lại để thọ báo tiếp tục. Thế nên trong địa ngục thật là cầu sanh chẳng được, cầu chết cũng không xong, phải thọ chịu những tội báo này. Trong kinh nói nghiệp nhân của họ là lúc còn ở thế gian ngu si, tham dục nặng nề, chẳng hiếu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính sư trưởng, chẳng thể tùy thuận thiện giáo, sát hại hết thảy chúng sanh, cho nên bị quả báo này.

Thứ tư là địa ngục Giáp Sơn (Núi Kẹp), người đi giữa hai hòn núi, núi khép vào nhau [ép dẹp những tội nhân này], chịu hình phạt như vậy. Cũng có kinh gọi là 'Chúng Hiệp địa ngục', nhiều núi hợp vào nhau [ép tội nhân]. Kinh nói tội nhân trong địa ngục sợ ngục tốt, đầu trâu mặt ngựa cầm những 'lang nha bổng' 13[13] đuổi theo các tội nhân, tội nhân sợ hãi nên chạy vào núi trốn, núi này ép lại, không ai chạy thoát. Trong kinh diễn tả hai hòn núi khép lại, người ở chính giữa bị ép dẹp, xương thịt bầy nhầy, máu chảy thành sông.

Chúng ta coi quả báo này thì phải nghĩ đến nghiệp nhân, họ tạo nghiệp nhân gì? Nghiệp nhân này vô cùng phức tạp, rất nhiều ác nghiệp cảm thành quả báo như vậy. Con người không chỉ trong một đời mà là trong vô lượng kiếp đã tạo quá nhiều ác nghiệp, cho nên đọa vào địa ngục là quả báo chung, hết thảy những tội nghiệp của bạn ở đó nhận chịu quả báo cho đến hết. Nói theo lý thì sau khi ra khỏi địa ngục thì sẽ thành người tốt, nghiệp chướng đã tiêu hết. Không sai, nghiệp chướng đã hết, nhưng tập khí vẫn còn, phiền phức ở chỗ này, tập khí vẫn còn sót lại. Nếu bên trong có phiền não tập khí, bên ngoài lại chịu không nổi sự dụ dỗ của ác duyên ngũ dục lục trần, vậy thì rắc rối lớn lắm, lại bắt đầu tạo nghiệp nữa. Ra khỏi rồi lại tạo tội tiếp tục, bạn nói như vậy thì chịu sao nổi! Nhân quả tuần hoàn, dây dưa chẳng dứt.

Địa ngục Thông Thương (Thương Đâm) còn gọi là địa ngục Kiếm Diệp (Lá Kiếm), 'thương' là một loại 'đao thương' 14[14] thời xưa. Nghiệp nhân vẫn là sát sanh, trong đó bao gồm hết thảy chiến tranh, đặc biệt là những nghiệp báo mặc tình giết người, sát hại hết thảy chúng sanh trong chiến tranh. Địa ngục Thiết Xa (Xe Sắt), kinh Lăng Nghiêm nói 'Tư báo kết vào hơi thở thì thành xe lửa15[15]', cũng còn gọi là địa ngục Hỏa Xa (Xe lửa). Xe bằng sắt, đốt đỏ rực lên, tội nhân dùng gân của mình, rút gân của mình để làm dây kéo chiếc xe này, phía sau có các quỷ tốt đốc thúc, xua đuổi. Kinh Hiền Ngu có nói đức Phật Thích Ca Mâu Ni vào thời quá khứ đọa vào địa ngục này, vài người kéo chiếc xe sắt, lúc nhìn thấy một người bị rút gân vô cùng đáng thương, đau khổ, đức Phật Thích Ca phát tâm từ bi, hỏi quỷ tốt có thể rút thêm một sợi

---

13[13] lang nha bổng là một loại binh khí, có hình giống như cái gậy, đầu to, đầu nhỏ, phía đầu to có những mấu nhọn hơi cong, giống hình răng sói, nên có tên này. Loại vũ khí này chủ yếu dùng để phá các loại vũ khí có hình móc như ngô câu kiếm chẳng hạn.

14[14] Tùy theo hình dáng của mũi nhọn gắn trên đầu cán dài mà chia thành thương, sáo, qua, mâu, kích; giáo thường là nhọn như mũi lao. Nói chung thương và kích vừa đâm vừa chém được, sáo và mâu chủ yếu để đâm, qua chủ yếu là chém, kích là loại có tánh sát thương rất mạnh. Đao thương chỉ là loại thương có lưỡi to bản hơn loại thương thường.

15[15] *(Tư báo kết tức, tắc vi hỏa xa)*. "Tư báo" là quả báo do Tư hoặc gây ra. "Xe lửa" là xe có lửa bốc cháy đùng đùng trên ấy, chứ không phải là tàu hỏa

gân cho người ấy không? Quỷ tốt thấy Phật Thích Ca như vậy bèn lấy 'lang nha bổng' đánh chết ngài, đánh chết xong ngài bèn thoát ly địa ngục. Trong địa ngục khi khởi một tâm niệm thiện bèn vượt thoát ra ngoài, lúc khởi tâm thiện ấy, ngục tốt nhìn thấy ghét nên đánh cho bạn chết, bạn bèn vượt thoát địa ngục.

Thế nên bạn phải hiểu đạo lý này, chúng ta là người niệm Phật A Di Đà, mỗi tâm niệm đều tương ứng với Phật, nếu có người đánh chết chúng ta, chúng ta bèn siêu sanh, tức là đến Cực Lạc thế giới, siêu việt lục đạo luân hồi, bạn làm sao có thể oán hận họ được? Cám ơn còn không kịp, đây là thật chẳng phải giả. Niệm niệm đều tương ứng với tây phương Tịnh Độ, niệm niệm đều tương ứng với các điều thiện, tây phương Cực Lạc thế giới là nơi *'những người thượng thiện tụ hợp'*, mỗi niệm tâm địa đều thuần thiện, chẳng có một tí ác ý gì cả, chúng ta mới nắm chắc việc vãng sanh, một tí gì cũng chẳng hoài nghi. Tâm thiện, lời nói thiện, hành vi thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đâu có đạo lý nào chẳng sanh được! Người như vậy không sanh Tịnh Độ thì người như thế nào mới sanh Tịnh Độ được? Thế nên chúng ta phải nắm chắc lấy sự vãng sanh tây phương Tịnh Độ, cách làm như vậy không sai. Đối với hết thảy người, sự, vật ở thế gian đều vui vẻ, đều cảm ân, chẳng có một tơ hào oán hận, ý niệm đối địch, như vậy mới tốt.

Thứ bảy là địa ngục Thiết Sàng (Giường Sắt), cái giường này cũng bị lửa đốt, người thọ hình phạt nằm trên giường, giống như hiện nay chúng ta nói thiêu trên bảng sắt, còn nghiêm trọng hơn thiêu bảng sắt rất nhiều. Thiêu trên bảng sắt còn thiêu chưa đỏ, còn giường này thì thiêu đến đỏ rực. Trong kinh Phật nói hình phạt loại này hơn phân nửa đều là quả báo tà dâm, dâm dật. Thứ tám là địa ngục Thiết Ngưu (Trâu Sắt), kinh văn phía sau có nói đến. Thứ chín là địa ngục Thiết Y (Áo Sắt), là y phục dệt bằng sắt, cũng là thiêu đỏ rực cho tội nhân mặc, tội nhân mặc áo này toàn thân đều bị đốt khét lẹt. Trong kinh nói với chúng ta nghiệp nhân này là trong đời quá khứ trong cõi người dùng roi vọt làm tổn thương chúng sanh hữu tình, tạo tội báo này. Ngoài ra là xuất gia phá giới, hưởng thọ lòng tin của tín đồ cúng dường y phục, thọ quả báo này.

Cổ đức có hai câu nói rất hay: *'Nay thấy ca sa rời thân, tương lai áo đơn 16****[16]*** *sắt trói thân'* là nói về quả báo của địa ngục này. Cho nên 'dưới chiếc cà sa mất thân người', chúng ta đắp chiếc cà sa này tạo tội nghiệp. Cà sa là dấu hiệu của Phật pháp, đắp lên cà sa là có sứ mạng, trách nhiệm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh. Chúng ta lấy dấu hiệu của Phật nhưng chẳng làm công tác này, như vậy thì dưới lớp cà sa đánh mất thân người, tương lai sẽ thọ quả báo trong địa ngục Thiết Y.

Thứ mười là Thiên Nhẫn (Ngàn Mũi Nhọn), nhẫn là đao nhẫn, mũi dao nhọn bén. Kinh Quán Phật Tam Muội có nói đây là một số chúng sanh chẳng thuận theo lời dạy của thầy, phản sư bội đạo, chẳng biết ân đức. Trộm cắp, hãm hại thầy giáo, sỉ nhục, chọc phá thầy giáo, thậm chí hủy báng đánh giết, tạo những ác nghiệp này sẽ đọa địa ngục Thiên Nhẫn. Ngoài nghiệp nhân này, hoặc là Sa Môn, Bà La Môn 'làm chuyện phi pháp', làm chẳng đúng như pháp, 'chẳng xấu hổ'. Dùng ác tâm phá hoại Tam Bảo, thí dụ như phá hoại đạo tràng, tượng Phật, tháp miếu, đoạt giựt pháp vật. Sát hại chú ruột, cha mẹ, anh em, chị em, người tạo tội nghiệp trên khi mạng chung đều đọa địa ngục này. Thiên Nhẫn, trong mũi dao đều nảy ra lửa, Đao Nhẫn này cũng giống như Đao Luân nói phía trên, từ không trung rơi xuống như hạt mưa, người [bị rơi trúng] đều tan xương nát thịt. Thứ mười một là địa ngục Thiết Lư (Lừa Sắt), thứ mười hai là địa ngục Dương Đồng (Nước Đồng Sôi), Dương Đồng là tội báo của khẩu nghiệp, hay là quả báo của việc ăn uống, đây thuộc về khẩu nghiệp. Dương đồng ác khẩu, đây là đồng

---

16[16] *'Hiện kiến ca sa ly thể, tương lai thiết điệp triền thân'. Á*o đơn là áo ngắn mỏng, thường mặc lót bên trong khi mặc áo dài, khác với áo lót, thường chỉ mặc trong nhà.

thiêu lỏng rồi cho tội nhân uống, sau khi đồng chảy vào miệng xong, ngũ tạng lục phủ gì cũng bị thiêu đốt hết.

Thứ mười ba là địa ngục Bão Trụ (Ôm Trụ), đây cũng là địa ngục Bào Lạc. Cây trụ, trụ sắt đốt cháy đỏ rực xong để cho tội nhân ôm, trong kinh đức Phật nói đây là chúng sanh ngu si trong thế gian nhiễm ái tà dâm, đọa vào địa ngục này, địa ngục này vô cùng tàn khốc. Đầu năm Dân Quốc, cư sĩ Chương Thái Viêm làm phán quan cho Đông Nhạc đại đế, ông đọc kinh [khá nhiều] và cảm thấy địa ngục Bão Trụ này quá tàn nhẫn, đã từng thỉnh cầu Đông Nhạc đại đế xin phế bỏ hình phạt này. Đông Nhạc đại đế bèn phái hai tên tiểu quỷ dẫn ông đến chỗ đó coi, coi xong về rồi nói tiếp. Tiểu quỷ dẫn ông đến địa ngục này nhưng ông chẳng nhìn thấy gì cả, lúc đó ông mới vỡ lẽ. Ông mới hiểu đây là do nghiệp lực của mình biến hiện ra, nếu ông không có nghiệp lực này thì không nhìn thấy. Mới biết tự làm tự chịu, chẳng phải do vua Diêm La lập ra hình phạt cho tội nhân thọ chịu, thế nên vua Diêm La cũng chẳng thể làm gì được.

Cảnh giới địa ngục là do tự mình biến hiện mà ra, do nghiệp lực hiện ra, chẳng liên quan gì đến những quỷ vương này. Những kẻ đầu trâu mặt ngựa trong địa ngục, quỷ tốt từ đâu đến? Cũng từ nghiệp lực của mình biến hiện ra. Giống như một người nằm mộng vậy, là cảnh giới như vậy, thế nên mới hiểu rõ đạo lý này. Cảnh giới địa ngục trong đoạn kinh phía trước đã nói rõ, chỉ có hai hạng người có thể nhìn thấy: một là người thọ tội, hai là Bồ Tát vào địa ngục để độ chúng sanh. Bồ Tát có định lực, có công phu có thể đột phá cảnh giới này, họ có thể nhìn thấy. Nếu chẳng phải hai hạng người này thì dù địa ngục ở ngay trước mặt cũng nhìn không thấy. Đây là quả báo của tà dâm. Trong kinh nói một ngày một đêm có chín trăm ức lần sanh tử, sanh tử quả thật là ở trong từng sát na.

Địa ngục Lưu Hỏa (*Lửa Tuôn, lửa từ trên không cuồn cuộn táp xuống*), trong Tam Pháp Độ Luận gọi là địa ngục Đại Khốc (Khóc To). Kinh Lăng Nghiêm nói: "Trong hai tướng quả báo của Vị, thì tướng thứ hai là phun ra khí, lửa mạnh tung bay, đốt nứt tan xương tủy" 17[17], đoạn này trong kinh Lăng Nghiêm cũng là địa ngục Lưu Hỏa. Trong địa ngục này nơi đâu cũng là lửa mạnh thiêu đốt, chẳng có đường thoát thân. Quỷ tốt trong đó chẳng có một chút tâm từ bi nào cả, cứ chạy theo phía sau, chẳng có cách chi thoát khỏi, trạng huống khốn khổ rất khó hình dung nổi.

Thứ mười lăm là địa ngục Canh Thiệt (Cày Lưỡi), đây là kẻ tạo khẩu nghiệp, vọng ngữ, nói lưỡi hai chiều, ác khẩu, ỷ ngữ, những người tạo khẩu nghiệp này. Đó là địa ngục Kéo Lưỡi, kéo ra xong còn dùng lưỡi cày để cày. Có lẽ chúng ta sẽ nghĩ cái lưỡi nhỏ như vậy, còn lưỡi cày lớn như vậy làm sao cày được? Địa ngục là hóa thân, địa ngục bao lớn thì thân hình sẽ lớn như vậy, thế nên khổ báo này chúng ta chẳng thể tư duy, tưởng tượng được. Địa ngục Tỏa Thủ (Chém Đầu), trong Tam Pháp Độ Luận gọi là địa ngục Hoạt (Sống). Trong địa ngục này, những quỷ tốt cầm dao, búa, những binh khí sắc bén chém đầu tội nhân, xẻ thân thể tội nhân. Nghiệp nhân này là gì chúng ta cũng rất dễ tưởng tượng ra, là quả báo sát sanh. Sát sanh ăn thịt, bạn sát hại chúng sanh như thế nào thì khi đến địa ngục này, quỷ tốt cũng sẽ đối xử với bạn như vậy. Nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng sai.

Địa ngục Thiêu Cước (Đốt Chân) còn gọi là Nhiệt Hôi (Tro Nóng). Tro, bạn nhìn thấy dường như tro, thật ra trong đó là lửa, đều đang đốt cháy. Tội nhân từ chỗ này bước qua thì chân, đầu gối, bắp đùi đều bị thiêu đốt. Tội nghiệp này có rất nhiều loại, loại thứ nhất là đời quá khứ trong cõi người đem chúng sanh hữu tình, chúng sanh

---

17[17] Đoạn kinh này giảng về quả báo của sự tham đắm lục trần, nguyên văn: *'Vị báo nhị tướng trung, nhị giả thổ khí, phi vi mãnh hỏa, tiêu lạn cốt tủy'*

có sanh mạng đút vào lửa thiêu, đút vào tro nóng để nấu, hoặc trong cát nóng, làm những chuyện này. Hiện nay chúng ta thấy có một số đi du lịch, ở những chỗ gần núi lửa, suối nước nóng, nước và cát đều rất nóng, họ làm chuyện gì? Nấu trứng gà, hai ba phút thì trứng gà chín, trong trứng cũng có sanh mạng vậy. Hiện nay có một số trứng chẳng có cồ, nhưng hồi trước trứng toàn là có sanh mạng trong ấy, sát hại chúng sanh thì bạn sẽ thọ chịu những quả báo này. Nghiệp nhân của quả báo này bao gồm tà dâm, phá giới, đều thọ những quả báo này.

Thứ mười tám là Đạm Nhãn (Ăn Mắt), trong kinh nói rất nhiều nghiệp nhân bất thiện biến hiện ra quả báo này. Bạn thấy trong địa ngục có một số chim sắt, diều hâu sắt chuyên môn ăn mắt của tội nhân, chẳng có cách chi phòng ngừa. Đoạt mất hai mắt của tội nhân, sau đó gió vừa thổi thì người đó sống lại, mắt mọc trở lại, chim đó bay lại ăn nữa. Trong kinh Phật nói nghiệp báo này có liên quan đến nghiệp uống rượu, thích uống rượu, ăn thịt, tạo nên quả báo này. Địa ngục Thiết Hoàn (Viên Sắt), đói thì nuốt viên sắt. Khát thì uống đồng chảy, đói thì nuốt viên sắt, những thứ này đều liên quan đến ăn uống chẳng điều độ.

Hai mươi mốt là Thiết Phu (Rìu sắt). Kinh Trường A Hàm nói trong địa ngục này tội nhân hoảng hốt, bối rối, không có chỗ tránh né. Do nhân gì tạo thành? Oan gia chủ nợ đời trước liên lụy, tuy oan gia chủ nợ chẳng hiện ra, tự nhiên biến hiện ra cảnh giới này. Cảnh giới này có thể [hiện ra] không? Chúng ta tưởng tượng rất có thể, lúc chúng ta tạo tội nghiệp rất nặng, oan gia chủ nợ tuy chẳng tìm đến, tối ngủ nằm mộng thấy những oan gia chủ nợ này tìm đến, sợ toát mồ hôi lạnh, kinh hoàng hoảng hốt, giấc mộng ấy chẳng phải cảnh giới do tự mình biến hiện ra sao? Trong mộng có thể biến ra những cảnh giới ấy, chết rồi ở địa ngục cũng giống như trong mộng vậy, do đó cảnh giới này rất có thể sẽ xảy ra. Chữ Phu (rìu) giống chữ Phủ (rìu), cùng một nghĩa, phần nhiều là thuộc về khẩu nghiệp. Người xưa nói: 'Rìu trong miệng, cho nên chém thân là do lời ác độc ấy', phao tin đồn kiếm chuyện, bươi móc thị phi, hủy báng kẻ thiện, tán thán người ác, phải chịu quả báo này. Rìu sắt, rìu lớn này nặng hơn những dao thường rất nhiều, rìu cũng có lửa, hết thảy những đồ vật bằng sắt, bằng đồng trong địa ngục đều có lửa, một biển lửa. Họ phải đọa vào địa ngục này thọ báo.

Thứ hai mươi Tranh Luận, thứ hai mươi hai Đa Sân (Nhiều sân hận), tánh chất của hai [địa ngục] này tương tợ với nhau, có thể gộp chung để nói, cho nên phía sau chúng ta không y theo thứ tự của chúng. Trong chú giải của Thanh Liên đại sư cũng nói 'Tranh Luận, Đa Sân' tuy là hai địa ngục, nhưng nghiệp nhân của chúng chỉ là một. Tranh luận phát sanh từ tham dục, đố kỵ, vì tâm tham, tâm đố kỵ nên tạo nghiệp sân khuể, cảm đến quả báo này. Bạn ưa thích tranh luận, đọa vào địa ngục sẽ tranh luận chẳng ngừng nghỉ, ngày tháng như vậy rất khổ! Đa sân, sân khuể chẳng dứt, đọa vào địa ngục này. Tam Pháp Độ Luận nói: "Lại vì tội ác, tay tự nhiên sanh vuốt sắt, bén nhọn như lưỡi dao, hình giống nửa mặt trăng. Ai nấy sanh ý oán kết, anh ghét tôi, chèn ép tôi, tôi nay đàn áp lại anh. Do đó sanh tâm sân giận, vồ chụp xâu xé nhau". Câu này nói rõ tội báo chẳng đến từ bên ngoài, đích thật là từ nghiệp lực của chính mình biến hiện ra. Tay tội nhân tự nhiên biến thành dao nhọn bén, trong đó tự mình giết mình, chẳng phải người khác giết hại bạn, lại báo thù bạn.

Trong chú giải, Thanh Liên đại sư tổng kết cho chúng ta hay vô cùng: *'Phải biết hết thảy chư pháp đều là hư dối* 18[18]'. Kinh Kim Cang nói: *'Phàm những gì có tướng đều là hư vọng', 'Hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng'*, Vô Gián, A Tỳ cũng chẳng ngoại lệ. Nhưng người đọa lạc vào trong ấy chẳng giác ngộ, họ xem hư vọng thành chân thật, cũng giống như chúng ta trong thế gian hiện nay vậy. Thế nên

---

18[18] *Tu tri nhất thiết chư pháp giai thị hư cuống*

bạn phải biết địa ngục là phàm những gì có tướng đều là hư vọng, [còn cảnh giới] hiện tiền của chúng ta thì sao? Hiện tiền cũng là phàm những gì có tướng đều là hư huyễn. Một không thì hết thảy đều không, một vọng thì hết thảy đều vọng, một chân thì hết thảy đều chân, chẳng có đối lập, nếu bạn có đối lập thì sai rồi. Nói 'vọng' thì hết thảy đều là hư huyễn, nói 'chân' thì hết thảy đều là chân thật, vậy mới đúng, mới không trái nghịch nhân quả, chẳng trái nghịch với chân tướng sự thật.

Từ đó mới biết tuy là một cảnh giới hư vọng chẳng thật, giống như cuộc đời hư huyễn chẳng thật hiện tiền của chúng ta, trong đó chúng ta thật sự có cảm thọ khổ, vui, lo, mừng hay không? Địa ngục là chỗ khổ cùng cực, bạn đến đó phải thọ khổ hay không? Phải thọ. Chỉ có người chân chánh hiểu rõ trạng huống chân thật của lục đạo, thập pháp giới thì không thọ mà thôi. Họ ở trong lục đạo thập pháp giới không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đó gọi là siêu phàm nhập thánh. Chưa tới cảnh giới này thì bạn vẫn phải thọ, nói cách khác, bạn vẫn còn cho rằng có Ta, có Người, bạn vẫn phải thọ chịu lục đạo luân hồi. Tới khi nào bạn chẳng còn Ta, chẳng còn Người nữa, kinh Kim Cang nói người này 'chẳng có ngã tướng, chẳng có nhân tướng, chẳng có chúng sanh tướng', bạn là Bồ Tát rồi. Bạn ở địa ngục A Tỳ, địa ngục Vô gián chẳng thọ cái khổ ấy. Có thể đến địa ngục Vô Gián để thị hiện, độ hóa chúng sanh, cũng giống như sự thị hiện của đức Phật Thích Ca trong địa ngục Hỏa Xa vậy.

Người thọ tội, lúc người chịu sự khổ đau cùng cực thì họ chẳng biết hồi tâm chuyển ý, niệm niệm đều rất khổ, họ sẽ chẳng nghĩ đến chuyện khác được. Bồ Tát thị hiện ở nơi đó: tôi rút thêm một sợi gân cho người đó, giảm bớt sự đau khổ của người đó. Lay tỉnh chúng sanh địa ngục [làm cho họ thấy] kẻ khác còn có thể xả mình vì người. Khi chúng sanh trong địa ngục vừa có một ý niệm này thì họ bèn thoát ra, vừa có một tâm niệm thiện bèn siêu việt địa ngục, sự thọ khổ của họ liền giảm nhẹ, thời gian thọ khổ liền rút ngắn. Một tâm niệm thiện, tuy chỉ là một niệm thiện rất nhỏ, đối với họ cũng được lợi ích lớn lao. Thế nên Bồ Tát trong địa ngục thị hiện như vậy. Trong đó chẳng có giáo huấn, họ chẳng có thời gian nghe giáo huấn, và cũng chẳng có tâm tình gì để nghe nên chỉ có thị hiện những thứ như vậy, làm cho họ nhìn thấy giác ngộ. Chư Phật, Bồ Tát ở tất cả chỗ của chúng sanh hữu tình, địa ngục cũng là một chỗ trong ấy, cách thức phương pháp giúp đỡ chúng sanh chẳng giống nhau, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Thế nên Bồ Tát răn dạy chúng sanh, chúng sanh phải nên lìa khỏi hết thảy đấu tranh, phải thật sự làm đến mức chẳng tranh với người, chẳng cầu với đời. Tại sao? Thân tâm thế giới đều chẳng thể được thì bạn tranh cái gì? Cầu cái gì? Thật sự làm được *'không tranh giành, không mong cầu'*, tâm chúng ta sẽ định, tâm sẽ thanh tịnh, như vậy mới đạt được lợi ích thù thắng chân thật của Phật pháp.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 17 (Số 14-12-17)

Chư vị đồng tu, xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 11. Xin xem kinh văn:

Địa Tạng bạch ngôn, Nhân giả, Thiết Vi chi nội hữu như thị đẳng địa ngục, kỳ số vô hạn.

Ngài Địa Tạng nói rằng: "Thưa Nhân Giả, trong núi Thiết Vi có những địa ngục như thế, số nhiều vô hạn.

Chữ "như thị" trong "như thị đẳng" chỉ địa ngục Vô Gián, A Tỳ nói ở phía trên, và hai mươi hai loại địa ngục. Danh xưng của địa ngục quá nhiều, nói chẳng hết, chẳng qua ở đây Địa Tạng Bồ Tát chỉ nói sơ lược mà thôi. Số lượng của mỗi loại địa ngục cũng nhiều vô cùng, vì nguyên nhân gì vậy? Chúng ta có thể tưởng tượng, chính là vì chúng sanh tạo tác tội nghiệp địa ngục ở thế gian này quá nhiều. Thế nên ở đây chúng ta đặc biệt phải hiểu rõ nghiệp nhân quả báo của địa ngục, chúng ta phải hiểu rõ nghiệp nhân của những quả báo nói trong kinh điển, nói nghiệp nhân thì chúng ta phải biết quả báo tương lai là gì. Những việc này đều là chân tướng sự thật, tuyệt đối chẳng phải do Phật, Bồ Tát giả thiết những chuyện này để giáo hóa chúng sanh, khuyên chúng sanh đoạn ác, tu thiện, nếu chúng ta nghĩ như vậy thì là hoàn toàn sai lầm, sẽ trái ngược với chân tướng sự thật. Thế nên chúng ta phải ghi nhớ, Phật dạy nguyên lý của vũ trụ nhân sanh cho chúng ta, đây là đạo lý căn bản. Đạo lý căn bản, kinh Hoa Nghiêm nói *'Duy tâm hiện, duy thức biến'*, đây là đạo lý căn bản. Lại nói với chúng ta *'Hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh'*, do đó trong tâm bạn tưởng cái gì thì nó sẽ biến hiện thành cảnh giới đó, hết thảy tướng trong cảnh giới đều chẳng chân thật. Tại sao nói chẳng chân thật? Nó chuyển biến trong từng sát na, từng sát na, vậy thì làm sao chân thật được? Tuy chẳng chân thật, nếu bạn mê trong cảnh giới ấy thì bạn sẽ có cảm thọ khổ, vui, lo, mừng, cứ tưởng đó là thật, cứ tưởng chẳng phải giả.

Sau khi giác ngộ thì những cảm thọ này chẳng còn nữa, họ thật sự hiểu rõ trở lại. Nghiệp nhân quả báo có hay không? Có chứ, nghiệp nhân quả báo vẫn có, cảm thọ khổ, vui, lo, mừng chẳng còn nữa, nhà Phật nói đoạn phiền não là có ý như vậy. Chẳng phải là tướng của phiền não chẳng có, chẳng phải là nghiệp của phiền não chẳng có, mà là cảm thọ của phiền não chẳng có, bạn đã 'quán không' rồi. Tâm kinh nói 'Quán Tự Tại Bồ Tát', đó là trí huệ cao độ, 'hành thâm Bát Nhã Ba la mật đa thời', tức là dùng trí huệ cao độ, 'chiếu kiến ngũ uẩn giai không'. Ngũ uẩn có hay không? Ngũ uẩn là thế giới hiện thực của chúng ta, có hay không? Có. Tuy có, Hữu tức là Không, thế nên trong kinh nói 'sắc tức thị không, không tức thị sắc. Sắc bất dị không, không bất dị sắc', sắc tức là Hữu, Không và Hữu tồn tại đồng thời, Không và Hữu là một việc, chẳng phải hai việc, thế nên nói "Tướng thì có mà Thể thì không". Có thọ dụng, tình chấp chẳng sanh, như vậy thì sẽ được đại tự tại. Chẳng phải là không có thọ dụng, vẫn có thọ dụng, tức là nói trong ấy nhất định chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng có những thứ này thì thọ dụng của bạn sẽ tự tại. Nếu bạn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong lúc bạn thọ dụng ắt sẽ có những cảm thọ khổ, vui, lo, mừng, đã

tạo nghiệp thì lẽ nào không thọ quả báo cho được! Chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này thì từ đây về sau sẽ chẳng tạo nghiệp nữa.

Thế nên bước vào Niệm Phật Đường, thân tâm thế giới thảy đều buông xuống, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, chỉ cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới. Cổ đức nói: *'Chỉ cần thấy Di Đà, còn lo gì chẳng khai ngộ?'* Thế gian, xuất thế gian chỉ có việc này là chân thật, những thứ khác đều là hư vọng, chẳng đáng so đo, chẳng đáng ấp ủ trong lòng. Nếu đem những thứ khác chất chứa trong lòng, vẫn so đo như cũ, nghiệp bạn tạo là nghiệp luân hồi, vì tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, những thứ khổ báo trong lục đạo luân hồi bạn vẫn phải hứng chịu. Việc này nói ra thì sẽ chẳng bao giờ dứt, con người hà tất phải làm những chuyện ngu ngốc này, đây là việc chúng ta nhất định phải biết. Tiếp theo, Địa Tạng Bồ Tát lại nói về hai mươi hai thứ địa ngục, xin xem kinh văn:

Cánh hữu Khiếu Hoán địa ngục.

Lại có địa ngục Khiếu Hoán.

Khiếu Hoán (Kêu Gào) là thọ khổ đến cùng cực, kêu réo chẳng ngừng.

Bạt Thiệt địa ngục, Phẩn Niệu địa ngục, Đồng Tỏa địa ngục, Hỏa Tượng địa ngục, Hỏa Cẩu địa ngục, Hỏa Mã địa ngục, Hỏa Ngưu địa ngục, Hỏa Sơn địa ngục, Hỏa Thạch địa ngục, Hỏa Sàng địa ngục, Hỏa Lương địa ngục, Hỏa Ưng địa ngục, Cứ Nha địa ngục, Bác Bì địa ngục, Ẩm Huyết địa ngục, Thiêu Thủ địa ngục, Thiêu Cước địa ngục, Đảo Thích địa ngục, Hỏa Ốc địa ngục, Thiết Ốc địa ngục, Hỏa Lang địa ngục.

Địa ngục Bạt Thiệt, địa ngục Phẩn Niệu, địa ngục Đồng Tỏa, địa ngục Hỏa Tượng, địa ngục Hỏa Cẩu, địa ngục Hỏa Mã, địa ngục Hỏa Ngưu, địa ngục Hỏa Sơn, địa ngục Hỏa Thạch, địa ngục Hỏa Sàng, địa ngục Hỏa Lương, địa ngục Hỏa Ưng, địa ngục Cứ Nha, địa ngục Bác Bì, địa ngục Ẩm Huyết, địa ngục Thiêu Thủ, địa ngục Thiêu Cước, địa ngục Đảo Thích, địa ngục Hỏa Ốc, địa ngục Thiết Ốc, địa ngục Hỏa Lang.1[1]

Địa Tạng Bồ Tát tùy tiện nói bèn nói ra hai mươi hai thứ. Khiếu Hoán địa ngục là tám đại địa ngục nóng nói trong kinh Trường A Hàm. [Địa ngục] thứ tư, thứ năm đều gọi là Khiếu Hoán. Trong kinh nói với chúng ta nghiệp nhân gì đọa vào địa ngục này? Sân khuể, tà ác, giữ tấm lòng như vậy, tạo tác nhiều thứ ác nghiệp, đọa vào địa ngục này. Lại nói vì tập khí tà ác quá nặng, vừa gặp một duyên nhỏ bèn khởi lên, cũng tức là vừa có một chút gì chẳng vừa ý thì nó liền phát khởi, tạo tác các thứ hình phạt ác, đọa vào địa ngục Đại Khiếu Hoán. Địa ngục Bạt Thiệt (Rút Lưỡi), địa ngục Phẩn Niệu (Phân, Nước Tiểu) đều là do tạo khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp gồm có bốn thứ: nói dối, nói lời thô ác, nói lưỡi hai chiều, nói lời thêu dệt (ỷ ngữ), tạo những khẩu nghiệp này thì đọa địa ngục Bạt Thiệt. Địa ngục Phẩn Niệu, lúc trước lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam giảng kinh nói đến địa ngục, ngài rất cảm khái mà nói lúc ngài còn trẻ rất nghĩa hiệp, làm những hành vi hào hiệp trượng nghĩa đều chẳng màng, đọa địa ngục cũng chẳng sao. Về sau nhìn thấy có địa ngục Phẩn Niệu thì ngài nói cái này không được, chẳng chịu

---

1[1] Bạt Thiệt: lôi lưỡi, Phẩn Niệu:phân tiểu, Đồng Tỏa: khóa đồng, Hỏa Tượng: voi lửa, Hỏa Cẩu:chó lửa, Hỏa Mã:ngựa lửa, Hỏa Ngưu:trâu lửa, Hỏa Sơn: núi lửa, Hỏa Thạch:đá lửa, Hỏa Sàng: giường lửa, Hỏa Lương:kèo lửa, Hỏa Ưng: chim ưng lửa, Cứ Nha:cưa răng, Bác Bì: lột da, Ẩm Huyết:uống máu, Thiêu Thủ: đốt tay, Thiêu Cước: đốt chân, Đảo Thích: đâm ngược, Hỏa Ốc: nhà lửa, Thiết Ốc:nhà sắt, Hỏa Lang: chó sói lửa.

nổi. Phẫn Niệu chẳng giống như nước [lạnh] mà là giống như nước bị lửa đun sôi lên, bắt bạn chịu đựng trong đó, như vậy thì khó chịu lắm! Ngài nói núi dao, rừng kiếm gì cũng chẳng sao, ngài xem đến địa ngục này bèn sợ hãi.

Địa ngục Đồng Tỏa (Khóa Đồng) trong kinh Quán Phật Tam Muội cũng còn gọi là địa ngục Hắc Thằng. Chú giải của Thanh Liên pháp sư cũng nói rất rõ, đọa địa ngục này những sự khổ sở phải trải qua trong một ngày một đêm chẳng thể tính đếm nổi. Nghiệp nhân này là do chúng sanh ngu si, chữ 'chúng sanh' này bao gồm đệ tử Phật, nghĩa là cũng bao gồm chúng ta. Giới thiệu Phật pháp cho người khác nhưng nói sai ý nghĩa, [chánh] pháp lại nói là phi pháp, phi pháp lại nói là [chánh] pháp, phạm giới tuy không nặng nhưng chẳng biết sám hối, đọa địa ngục này.

Địa ngục Hỏa Tượng (Voi Lửa), trong kinh nói đây là voi lớn, hết thảy những động vật này trong địa ngục đều là tánh thức biến hiện ra, toàn thân mình voi đều là lửa. Nếu voi phát điên lên rồi tấn công người ta, sức của nó rất mạnh, chẳng có cách chi có thể chống cự. Do đó lúc voi điên cuồng nó sẽ giết người. Kinh nói đây là nghiệp nhân gì? Con người trong thế gian thích uống rượu, mỗi lần uống đến say mèm, say rồi thì loạn tính, tạo những nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, có thể hại chúng sanh, cho nên sau khi chết đọa địa ngục này.

Địa ngục Hỏa Cẩu (Chó Lửa), phía sau nói đến Hỏa Mã, Hỏa Ngưu (Ngựa Lửa, Trâu Lửa) rất giống nhau, nghiệp nhân khác nhau. Kinh này nói có một số người trong thế gian nuôi tằm, ươm kén sát hại sanh mạng rất nhiều. Thế nên người xuất gia vì muốn nuôi dưỡng tâm từ bi nên mới không ăn thịt chúng sanh, chẳng nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh. Mặc áo cũng vậy, nếu bạn mặc áo da thì cũng chẳng khác gì ăn thịt, mặc da của chúng sanh, làm sao nhẫn tâm được? Mùa hè mặc áo tơ lụa, tơ lụa là do tằm nhả tơ [dệt thành], một chiếc áo này của bạn, bao nhiêu con tằm phải mất mạng mới làm thành chiếc áo này cho bạn mặc? Thế nên bốn chúng đệ tử trong nhà Phật, xuất gia, tại gia đều không nhẫn tâm, áo vải đủ để giữ ấm thì tại sao phải dùng tơ lụa? Tại sao phải dùng da và lông? Đức Phật giáo hóa chúng sanh thông đạt tình lý, chẳng phải không nói đạo lý. Người có thân thể suy nhược, rất sợ lạnh, nếu không mặc áo da thì chẳng đủ ấm, như vậy có khai duyên 2[2], có thể mặc. Phần nhiều trong giới kinh nói thứ nhất là người sanh bịnh, sức khoẻ rất suy yếu; ngoài ra là người già, sức đề kháng suy kém. Trên bảy mươi tuổi sức đề kháng suy yếu thì có khai duyên, có thể mặc áo da. Chúng ta thân thể còn rất khỏe mạnh, cường tráng, còn sức đề kháng nếu cứ mặc những áo da này thì cùng với ăn thịt chẳng có gì sai khác. Lúc thường ngày tạo những nghiệp nhân này đều cảm thấy rất bình thường, chẳng màng lắm, đâu biết rằng quả báo lại nặng nề như vậy? Nếu không đọc kinh thì không biết, đọc xong mới hiểu được.

Hỏa Mã, Hỏa Ngưu đồng loại với địa ngục này. Toàn thân đều là lửa, chịu dày vò bởi những con thú có lửa này, bị chúng nó công kích, ở đó người ta bị chó cắn, bị ngựa đá, bị trâu húc, toàn thân đều là lửa. Thứ chín là Hỏa Sơn (Núi Lửa), thứ mười

---

2[2] Khai duyên nghĩa là dưới một điều kiện nào đó thì có thể khai giới, khai giới chứ không phá giới. Dưới một điều kiện hợp tình hợp lý nào đó, quý vị phá giới ấy thì chẳng gọi là "phá giới" mà là "khai giới". Trong kinh Phật Thuyết Vị Tằng Hữu Nhân Duyên có nêu một thí dụ. Đương thời có một ông vua rất nóng nảy, hầu như đầu bếp nấu thức ăn không ngon, vua ăn vào không vừa ý, toan giết gã đầu bếp. Ngày hôm ấy, nhằm lúc Phu Nhân đang trì Bát Quan Trai Giới, thấy tình hình đó, vì muốn cứu gã đầu bếp, bà liền đặc biệt trang điểm thật lộng lẫy, khuyên quốc vương ca hát nhảy múa, hy vọng quốc vương thay đổi ý niệm, quên đi chuyện đó. Do vậy, Bát Quan Trai Giới của bà trong ngày ấy hoàn toàn bị phá sạch. Đấy có phải là phá giới hay không? Bà vì muốn cứu mạng một gã đầu bếp, vì để cứu một người, nên hành động ấy thuộc về khai giới, chẳng những phá sạch giới không bị tội, lại còn có công đức lớn. (Trích Sa Di Luật Nghi Yếu Lược)

Hỏa Thạch (Đá lửa), trong Khởi Thế Kinh 3[3] gọi là địa ngục Chúng Hiệp. Phía trước chúng ta thấy có Giáp Sơn, cũng giống như nghĩa này. Thứ mười một địa ngục Hỏa Sàng (Giường Lửa) cũng giống như Thiết Sàng phía trước, đều là quả báo của dâm dật, tà dâm. Thứ mười hai địa ngục Hỏa Lương (Rường Lửa), lương tức là cây xà bằng sắt, cây trụ sắt, để cho người ta ôm ở trên, hoàn toàn giống như trụ sắt trong hình phạt Bào Lạc nói phía trước. Địa ngục Hỏa Ưng (Chim Ưng Sắt) giống như địa ngục Thiết Ưng phía trước, mỏ của chim ưng sắt vô cùng bén nhọn, chuyên dùng để móc mắt tội nhân. Toàn thân đều là lửa. Người ta sanh trong thế gian thọ mạng rất ngắn ngủi, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đừng tưởng là chẳng có quả báo, nếu bạn nghĩ như vậy thì sai rồi. Khởi tâm động niệm cũng cảm quả báo, huống chi là ngôn ngữ, hành vi tạo tác? Thứ mười bốn địa ngục Cứ Nha (Cưa Răng), đây cũng là quả báo của ác khẩu, [địa ngục] Rút Lưỡi, Cưa Răng đều là tội báo của khẩu nghiệp.

Thứ mười lăm là địa ngục Bác Bì (Lột Da), cũng có kinh gọi địa ngục này là Đại Quyển, lột da xong cuốn lại. Nghiệp nhân này hơn phân nửa là sát hại chúng sanh, lột da chúng sanh, đoạt mạng chúng sanh, cảm thọ quả báo này. Nói cách khác chúng ta làm gì thì tương lai sẽ thọ quả báo ấy. Cổ đức thường khuyên người: *'Những gì mình không thích thì đừng làm cho người khác'* 4[4], thường nghĩ đến câu này, mình không muốn hứng chịu [việc đó] nhất định chẳng thể làm cho chúng sanh. Không những là đối với người, hết thảy động vật cũng không thể. Thật ra, các loài động vật chẳng khác gì con người, nghiệp chướng của chúng nặng nên đọa vào cõi súc sanh, chúng ta tốt hơn chúng nên được thân người. Nếu chúng ta tạo ra những tội nghiệp nặng nề, tương lai cũng đọa thành súc sanh, súc sanh và người có khác gì đâu? Con người mến tiếc sanh mạng của chính mình, súc sanh cũng mến tiếc sanh mạng của chúng. Kẻ khác làm hại chúng ta, chúng ta có tâm oán hận, muốn báo thù; súc sanh cũng vậy, bạn hiếp đáp chúng, gây tổn hại cho chúng, chúng cũng có tâm oán hận, báo thù, [hiểu vậy thì] kết oán thù với chúng sanh làm chi? Hiểu được đạo lý này thì tự nhiên sẽ chẳng khởi tâm ác, tự nhiên chẳng dám khởi ác niệm, chẳng dám tạo ác nghiệp.

Nhưng một người sống trong thế gian, tập khí ác từ vô thỉ kiếp đến nay rất nặng, tự mình chẳng có cách chi khống chế nổi, lại cộng thêm ác duyên bên ngoài, từng giờ từng phút dụ dỗ bạn. Bên ngoài có dụ dỗ, bên trong có phiền não thì làm sao không tạo nghiệp cho được? Do đó Thế Tôn dạy chúng ta *'Dùng Giới Định Huệ hàng phục ma oán'*, câu này trọng yếu phi thường! Huệ là gì? Đối với nghiệp nhân quả báo nhìn thấy rõ ràng, minh bạch, đây là trí huệ. Khi cảnh giới hiện tiền, tâm địa thanh tịnh, như như chẳng động, đây là công phu. Khi bạn có công phu định lực thì bạn có trí huệ, bạn mới có thể khống chế nổi phiền não, tập khí của mình, chẳng cho nó phát khởi. Chỉ riêng việc khống chế thì cũng tương đối khó rồi, nhất định phải chuyển tâm niệm ngược lại, cực lực tu thiện, sức chú ý thay đổi, việc này dễ dàng, một lòng một dạ hướng về thiện đạo, thành tựu cho chúng sanh. Thế nên chúng ta nhất định phải suy tư, thường thường nghĩ chư Phật, Bồ Tát làm như thế nào? Các ngài làm một tấm gương tốt cho chúng ta coi. Phát tâm học Phật cũng có bi nguyện, phải rộng độ chúng sanh, nguyện này rất tốt! Xây đạo tràng, dựng pháp tràng, độ chúng sanh, lập sự nghiệp. Nhưng sự nghiệp này

---

3[3] Đây là một bộ kinh do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, thuộc hệ thống A Hàm, được xếp vào quyển 1 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng kinh. Nội dung kinh thuyết minh cấu trúc, tình trạng, cội nguồn và quá trình thành hoại của thế giới, giảng rõ về tam thiên đại thiên, bốn đại bộ châu, cũng như giới thiệu về lục đạo như thiên long bát bộ, Chuyển Luân Thánh Vương, Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam Thiên, tình trạng thọ khổ trong địa ngục v.v… Kinh này thoạt đầu có đến sáu bản dịch, nhưng hiện chỉ còn giữ lại được bốn bản dịch, tức là Khởi Thế Kinh, Khởi Thế Nhân Duyên Bổn Kinh (do ngài Đạt Ma Cấp Đa dịch), Đại Lâu Thán kinh (do ngài Pháp Lập, Pháp Cự cùng dịch), và Trường A Hàm (từ quyển 18 đến quyển 22, do ngài Phật Đà Da Xá và Trúc Pháp Niệm cùng dịch).

4[4] *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*

nhất định phải nhân duyên trong ngoài đều chín muồi, nếu duyên chưa chín muồi, tự mình làm sự nghiệp này có một tơ hào miễn cưỡng thì sai rồi. Trong kinh đức Phật nói với chúng ta:*'Nếu cúng dường số thánh nhân nhiều như cát sông Hằng cũng chẳng bằng kiên trì dũng mãnh cầu Chánh Giác' 5**[5]**,* câu này là gì? Duyên độ chúng sanh chưa chín muồi thì chúng ta phải tự độ trước; khi duyên chín muồi rồi thì có thể xả mình vì người.

Chư Phật Như Lai biểu diễn cho chúng ta xem, tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật đang ở nơi đó xây đạo tràng, dựng pháp tràng, phổ độ hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới bình đẳng thành Phật, thật là khó được. Mười phương chư Phật Như Lai có trí huệ của A Di Đà Phật không? Có bi nguyện của A Di Đà Phật không? Có thần thông năng lực của A Di Đà Phật không? Đều có! Mỗi đức Phật đều bình đẳng, Phật Phật đạo đồng. Tại sao hết thảy chư Phật chẳng tự mình xây dựng thế giới Cực Lạc? Đức Phật A Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc, tại sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni không xây thế giới Cực Lạc? Đức Phật Thích Ca chẳng kém hơn đức Phật A Di Đà, chẳng thua, chẳng kém hơn. Chúng ta có suy nghĩ, có thấu hiểu ý nghĩa này chăng? Mười phương chư Phật Như Lai đều chẳng xây, đức Phật A Di Đà đã xây rồi, hết thảy chúng sanh đều về đó thân cận ngài. Một tức là tất cả, tất cả là một, đây là chân lý, là chân tướng sự thật. Nếu mỗi đức Phật đều xây một thế giới Cực Lạc, ai nấy đều đánh lộn, đấu tranh lẫn nhau, nhất định sẽ tự khen mình và chê bai kẻ khác, sẽ xuất hiện căn bịnh này. Chỉ có một đạo tràng, tận hư không trọn khắp pháp giới chỉ có một đạo tràng, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều cho đệ tử của mình, khuyên họ đến tây phương Cực Lạc thế giới. Việc này đã có người làm rồi, chúng ta không cần làm nữa, Phật thị hiện cho chúng ta coi, chúng ta ở đây phải thấu hiểu được.

Ở Trung Quốc cổ đại, có nhiều đạo tràng lớn nhỏ được xây dựng trong xã hội, nguyên nhân là gì? Vì giao thông chẳng phát triển, tu học chẳng thuận tiện, vì đem lại lợi ích cho chúng sanh ở một địa phương nên xây một đạo tràng ở đó; chẳng có phương tiện giao thông nên phải xây dựng đạo tràng ở khắp nơi thì mới rộng độ chúng sanh. Ngày nay có cần làm vậy không? Chẳng cần. Thế nên mấy năm trước, lần đầu tiên tôi đến Bắc Kinh thăm viếng cụ Triệu Phác Sơ, tôi bàn với cụ hiện nay trên toàn thế giới chỉ cần xây một đạo tràng. Tôi đề nghị với cụ, mười tông phái Đại Thừa, Tiểu Thừa ở Trung Quốc, mỗi tông phái xây một đạo tràng, chẳng cần xây nhiều, nhân lực, tài lực, vật lực đều tập trung, xây một đạo tràng bèn có thể độ hết thảy chúng sanh trên toàn thế giới. Ngày nay đi du lịch khắp hoàn cầu phải cần hơn hai ngày, người muốn học Tịnh Độ thì đến đạo tràng Tịnh Độ để tu học, người muốn học Thiền Tông thì có đạo tràng Thiền Tông để tu học, hết thảy những đại đức Thiền Tông trên toàn thế giới đều tập trung ở một chỗ, thì bạn [đến đó học] thân cận [quý ngài] rất thuận tiện, chẳng giống như thời xưa không thuận tiện. Đặc biệt là ngày nay nói đến việc hoằng pháp lợi sanh, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học, truyền hình vệ tinh, mạng lưới điện toán, ở một nơi có thể truyền đi khắp thế giới, mỗi người ở nhà đều có thể tiếp nhận được. Chư vị nghĩ coi xây dựng đạo tràng nhiều như vậy làm gì? Hao nhọc tiền tài của dân. Tại sao không tập trung lực lượng vào một nơi? Bạn muốn làm người lãnh đạo, được lắm! Chúng ta sẽ ủng hộ bạn làm lãnh đạo, ai làm lãnh đạo cũng được, tất cả chúng ta đều đảnh lễ, đều ủng hộ bạn, mời bạn đến lãnh đạo. Người lãnh đạo phải hy sinh, cống hiến nên rất cực khổ, chúng ta là người giúp việc thì rất nhàn hạ, chẳng có trách nhiệm, toàn tâm toàn lực đi theo để giúp đỡ. Ngày nay rất nhiều người nói đến "thôn địa cầu", địa cầu là một thôn làng, một thôn có một đạo tràng đủ rồi, có hai đạo tràng thì là quá nhiều.

5[5] Giả linh cúng dường Hằng sa thánh, bất như kiên dũng cầu Chánh Giác (kinh Vô Lượng Thọ)

Thế nên phải biết hiện nay là thời đại như thế nào, chúng ta hoằng pháp lợi sanh thì phải làm như thế nào. Nếu chúng ta thật sự có thể tập trung nhân lực, thí dụ chúng ta ở đây là Tịnh Độ Tông, những người tu học tông Tịnh Độ đều tu tập với nhau, mỗi ngày mọi người cùng nhau thảo luận kinh giáo, trau giồi dùi mài, hết lòng tu học, không ngừng nâng cao cảnh giới của mình. Giảng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh, lợi dụng kỹ thuật đem giáo học đến tận gia đình của mỗi người, thế giới này chỉ cần một đạo tràng là đủ rồi. Nhân lực phân tán thì chắc chắn không làm nổi chuyện này. Tập trung nhân lực, tài lực, vật lực thì sẽ dễ làm. Xả mình vì người, chẳng có tự kỷ thì đời này chúng ta mới được độ. Khởi tâm động niệm [đều nghĩ về] mình, khởi tâm động niệm [đều nghĩ] đạo tràng của mình, khu vực của mình, thì bạn vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, tại sao vậy? Chấp trước lục đạo là của mình, chấp trước địa ngục A Tỳ là của mình, bạn làm sao không đọa địa ngục cho được? Thế nào gọi là chấp trước địa ngục A Tỳ? Chấp trước tham, sân, si, mạn tức là [chấp trước] địa ngục A Tỳ, bạn tạo tội nghiệp. Người như thế nào mới có thể vãng sanh? Xả bỏ thế giới Sa Bà, hết thảy đều buông bỏ, chẳng muốn nữa, người như vậy mới có thể thoát ly, mong mỏi hướng về Tịnh Độ nhất định sẽ được sanh về Tịnh Độ, đây là đạo lý nhất định, là chân tướng sự thật. Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, hiểu sự khổ trong tam đồ lục đạo, hiểu được khởi tâm động niệm, tạo tác ác nghiệp sẽ phải thọ quả báo gì. Quả báo này trong kinh nói thời gian ở mỗi địa ngục đều là vô số kiếp, lúc chúng ta tạo [tội] thật dễ dàng, thời gian rất ngắn, quả báo tương lai sẽ dài đăng đẳng.

Mỗi câu tôi khuyên mọi người đều là lời chân thật, tôi nói với quý vị, công đức niệm Phật một ngày trong Niệm Phật Đường là vô lượng vô biên. Lý ở trong đó rất sâu, muốn nói rõ về những sự tướng, đạo lý ấy thì một năm, hai năm cũng chẳng cách chi nói hết. Trong kinh Phật thường nói cho dù chư Phật Như Lai cùng nói, nói tới một kiếp cũng chẳng nói hết. Thế nên chúng ta muôn vàn xin đừng coi thường những cụ già mỗi ngày làm việc thiện nguyện, quét dọn, lau bàn ở Cư Sĩ Lâm, chẳng có ai trên thế gian có thể sánh nổi phước đức của họ đâu. Chúng ta cứ vênh váo ta đây rất giỏi, chẳng coi trọng họ, khinh thường họ, người ta là Bồ Tát, là Phật đấy.

Nếu các bạn không tin, các bạn đọc trong truyện ký, Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh thời xưa, có ai coi trọng các ngài? [Họ] ăn mặc lôi thôi, điên điên cuồng cuồng, làm những việc nặng nhọc nhất. Phong Can giã gạo, đổ rác, Hàn Sơn, Thập Đắc nấu nướng trong nhà bếp, chẻ củi đốt lửa. Ai biết được? Phong Can là A Di Đà Phật tái lai, Hàn Sơn là Văn Thù, Thập Đắc là Phổ Hiền, Văn Thù, Phổ Hiền tái lai. Bạn đừng coi thường những người làm công việc nặng nhọc này, có nhiều Phật, Bồ Tát tái lai trong đó, bạn làm sao biết được? Dùng mắt thịt phàm phu khinh thường họ là bạn đang tạo tội nghiệp đấy. Bạn đợi đến bao giờ họ vãng sanh có tướng lành hy hữu [thì mới biết] lời tôi nói trên giảng đài này chẳng phải là lời giả dối. Sau khi Niệm Phật Đường này mở ra, nhất định sẽ có người đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, chẳng sanh bịnh, đoán trước ngày giờ mất, chẳng phải là những người thường có thể sánh kịp, họ thật đều là Phật, Bồ Tát cả.

Chúng ta vừa có một chút phước báo nho nhỏ bèn cống cao ngã mạn, cứ cho mình là đúng. Mở kinh Địa Tạng ra, có một tội nghiệp nào chẳng tạo? Hiện nay vẫn tiếp tục tạo không ngừng, vẫn chẳng biết sửa lỗi, vẫn chưa biết quay về. Bạn niệm Phật suốt ngày ở Niệm Phật Đường, cảm thấy vô cùng mỏi mệt, đó là gì? Nghiệp chướng hiện tiền, Niệm Phật Đường thật sự đang tiêu nghiệp chướng cho bạn. Vài ngày đầu nghiệp chướng khởi lên, nếu bạn có thể nhẫn nại, có thể dũng mãnh tinh tấn thì nghiệp chướng sẽ bị hàng phục. Niệm được ba tháng, nửa năm thì nghiệp chướng tiêu tan, bạn sẽ được thanh tịnh, tự tại, thân tâm an ổn, pháp hỷ sung mãn. Niệm Phật Đường chúng ta vừa mở chẳng bao lâu, có ai được pháp hỷ sung mãn không? Có chứ, chẳng ít.

Những người nào? Đều là những bà cụ, họ được pháp hỷ sung mãn. Gặp cư sĩ Lý Mộc Nguyên họ bèn hỏi ông: 'Chừng nào tổ chức (cử hành) khóa cộng tu nữa?'. Ông Lý nói: 'Mỗi tuần cử hành một lần'. Họ nói: 'Sao lâu quá vậy!', thế nên các bạn nghĩ xem đây là đạo tràng gì? Chẳng phải do con người tạo dựng, là do Phật, Bồ Tát tạo dựng đấy. Nếu chúng ta ở đây tranh giành công lao, nói là do chúng ta tạo dựng, vậy thì sai lầm quá đỗi. Lấy công đức của Phật, Bồ Tát cho là của mình, vậy thì dễ sợ lắm! Chúng ta chỉ bất quá là người làm công cho Phật, Bồ Tát mà thôi, đi theo xách dép mà thôi. Tự mình nhất định phải biết mình ở nơi đây là thân phận gì thì chúng ta mới thật sự được Phật, Bồ Tát gia trì, được hộ pháp long thiên ủng hộ; ủng hộ là hộ đạo tràng, là hộ những người niệm Phật này, chúng ta chỉ hưởng ké thôi. Nếu nói hộ chúng ta thì hoàn toàn sai lầm, chúng ta làm gì có trí huệ lớn như vậy? Làm gì có phước báo lớn như vậy? Thế nên đạo tràng thành lập là thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng sanh ở nơi đó chín muồi, chúng ta thật rất may mắn, gặp được vận may này, hưởng ké một chút, [những lời nói này] câu nào cũng là lời chân thật.

Thứ mười sáu là địa ngục Ẩm Huyết (Uống Máu), nghiệp nhân này là trộm cắp tà hạnh, hoặc là ở trong tự viện, đạo tràng, hoặc là gần tự viện đạo tràng, tạo tác ác nghiệp, trong đó cũng bao gồm nói láo. Trong mười đại địa ngục có một cái gọi là địa ngục Uống Máu. Máu này rất khó uống, dơ dáy, hôi hám, là một con sông toàn máu, người ta đọa trong ấy. Thứ mười bảy, mười tám là Thiêu Thủ (Đốt Tay), Thiêu Cước (Đốt Chân), loại này cũng thuộc tám địa ngục nóng. Trong kinh nói nghiệp nhân này là lúc còn ở nhân gian chặt chém súc sanh, khi bạn ăn thịt chúng sanh, bạn dùng dao chặt đứt tay, đứt chân của chúng, rồi bỏ chúng vào nồi để thiêu, nấu, người ngoại quốc gọi là thiêu nướng, tương lai đọa địa ngục cũng bị quỷ tốt trong địa ngục thiêu nướng.

Thứ mười chín địa ngục Đảo Thích (Đâm Ngược), Đảo Thích, nghiệp nhân hơn nửa là phản bội, phản bội tức là chẳng thuận, sẽ hứng chịu địa ngục này. Nghiệp nhân ở trong đó rất rộng, phản bội cha mẹ, phản nghịch sư trưởng, còn gọi là bội sư phản đạo, tạo ra các hành vi phản nghịch, ác nghiệp như vậy phải thọ quả báo ở địa ngục này. Hỏa Ốc (Nhà Lửa), Thiết Ốc (Nhà Sắt), hai địa ngục này giống nhau, lúc tạo nghiệp nhân nặng nhẹ khác nhau cho nên hai thứ khổ báo địa ngục này cũng có nặng nhẹ khác nhau. Nhà Lửa nhẹ, còn quả báo Nhà Sắt thì nặng, Nhà Sắt cũng là một biển lửa. Sau cùng là địa ngục Hỏa Lang (Chó sói Lửa). Kinh Khởi Thế nói dùng những nghiệp nhân chẳng thiện, trong đó quan trọng nhất là tâm tham. Tâm tham của sói nặng, sói là một loại thuộc về mãnh thú trong các loài dã thú. Người thế gian thường gọi 'tâm sói', tâm sói rất hận độc. Tâm của chúng ta hận độc lúc còn ở nhân gian, chẳng chừa thủ đoạn, tham lấy hết thảy, quả báo ở trong địa ngục này. Xem đoạn kinh tiếp theo:

Như thị đẳng địa ngục, kỳ trung các các phục hữu chư tiểu địa ngục.

Các địa ngục như trên, trong mỗi thứ lại có các địa ngục nhỏ

Vô Gián, A Tỳ là địa ngục căn bản, địa ngục của những tội cực nặng. Ngoài Vô Gián, A Tỳ ra là những đại địa ngục nói ở phía trước, mỗi địa ngục lớn lại có rất nhiều địa ngục nhỏ.

Hoặc nhất hoặc nhị, hoặc tam hoặc tứ, nãi chí bá thiên, kỳ trung danh hiệu các các bất đồng.

Hoặc một hoặc hai, hoặc ba hoặc bốn cho đến trăm ngàn, tên trong số đó đều khác nhau.

Câu này [ngụ ý Bồ Tát chỉ nói] lướt qua [về danh hiệu, tình trạng địa ngục], Ngài lược bớt, [nếu] nói rõ thì nói chẳng hết.

Địa Tạng Bồ Tát cáo Phổ Hiền Bồ Tát ngôn: Nhân giả, thử giả giai thị Nam Diêm phù Đề hành ác chúng sanh, nghiệp hoặc như thị.

Địa Tạng Bồ Tát nói với Phổ Hiền Bồ Tát: 'Thưa Nhân giả, đây đều do chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề làm ác mà tùy nghiệp chiêu cảm ra như thế'.

Nghiệp địa ngục từ đâu đến? Nghiệp cảm ứng hiện tiền. Thế nên hết thảy cảnh giới tướng, chẳng do người khác tạo ra cho bạn hứng chịu, nói cách khác thiên đường cũng chẳng phải do Thượng Đế tạo ra để cho bạn đến hưởng phước, địa ngục chẳng phải do Diêm La Vương tạo thành để cho bạn đến thọ tội, chẳng phải vậy, toàn là do nghiệp cảm. Bạn tạo thiện nghiệp thì bạn cảm được thiên đường; bạn tạo ác nghiệp, nó biến hiện ra thành địa ngục. Cảnh giới đó biến hóa từng sát na, đây là lời chúng ta thường nói, đều căn cứ lời Phật nói *'vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không'*. *'Nhân quả chẳng không'* phải nói từ chỗ nào? *'Chuyển biến chẳng không'* cảnh giới tướng bên ngoài chuyển biến từng sát na, từng sát na. Biến như thế nào? Tùy tâm mà biến, tâm tức là niệm đầu (một niệm), niệm đầu là năng biến, cảnh giới là sở biến. Tâm mọi người thiện thì hoàn cảnh sẽ thiện, mọi người tạo ác thì hoàn cảnh sẽ xấu ác. Hiện nay hoàn cảnh thế gian chúng ta rất xấu ác, nhiều thiên tai nhân họa; khi chúng ta mở báo, mở TV [coi tin tức thường cảm thấy] thân tâm chẳng an, lo lắng trùng trùng, nguyên nhân là gì? Mọi người đều tạo ác nghiệp, như vậy làm sao chịu nổi! Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì phải nên dốc toàn tâm toàn lực làm các công tác khuyến hóa, làm vậy cũng chỉ là tận tâm, tận phận mà thôi. Người ta nghe hay không, nghe có hiểu không, chịu quay về hay không là chuyện của họ. Tự tâm chúng ta phải thiện, lời nói thiện, hành vi thiện; trong cộng nghiệp có biệt báo (quả báo riêng biệt), đạo lý này không thể không hiểu, chẳng thể chẳng cảnh giác.

Làm sao trong hoàn cảnh tai biến trùng trùng này cứu chính mình, giúp đỡ người nhà, quyến thuộc, thân thích, bạn bè, chỉ cần họ chịu nghe, có thể tin, có thể tiếp nhận, chẳng có một ai không được cứu. Cho dù đã tạo tội nghiệp địa ngục, [chỉ cần] bây giờ bạn còn một hơi thở thì bạn cũng còn được cứu. Chết đi đọa lạc trong địa ngục thì chẳng còn cách gì nữa, Phật, Bồ Tát cũng chẳng giúp được gì. Chỉ cần bạn chưa đọa địa ngục thì bạn có thể được cứu, làm thế nào cứu? Chư Phật Như Lai có diệu pháp, dạy bạn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, niệm Phật là pháp sám hối chân thật. Buông xuống hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian, buông xuống tức là chẳng tiếp tục tạo tác. Chỉ cần không tạo thì là quay về, chẳng thêm 'tăng thượng duyên' cho những hạt giống trong A Lại Da Thức, tuy có hạt giống ác nghiệp nhưng nó chẳng khởi lên được; chẳng khởi lên tức là nói rõ chẳng thọ quả báo. Lời Phật dạy chúng ta thật sự là có đạo lý, chẳng phải là không có đạo lý. Muốn Nhân biến thành Quả, trong đó phải có Duyên, Nhân và Quả chẳng có phương pháp gì để khống chế, nhưng Duyên có phương pháp khống chế được. Thí dụ hạt giống trái dưa là Nhân của trái dưa, nhưng Duyên của hạt dưa chính là đất đai, ánh sáng mặt trời, nước, phân bón, có đầy đủ điều kiện thì hạt giống mới có thể lớn lên thành dưa, mới ra trái dưa, nó cần có Duyên. Nếu chúng ta cắt đứt Duyên của nó, bỏ hạt giống vô tách trà, để đó một trăm năm nó cũng chẳng kết thành dưa, tại sao? Duyên đã bị cắt đứt.

Phật dạy chúng ta tự độ mình chính là đạo lý này, nghiệp nhân hạt giống trong A Lại Da thức vô lượng vô biên, bây giờ cắt đứt tất cả duyên, tuy có hạt giống nhưng nó sẽ chẳng khởi lên. Hiện nay chỉ thêm vào một duyên, duyên niệm Phật, trong A Lại Da thức của chúng ta có hạt giống A Di Đà Phật, có hạt giống tây phương Cực Lạc thế

giới, chỉ cần chăm sóc hạt giống này cho đàng hoàng, những duyên khác hoàn toàn cắt đứt. [Niệm Phật] trong Niệm Phật Đường chính là làm công việc này, đoạn dứt hết thảy duyên phận của các hạt giống [khác], thói quen [khác], toàn lực gia tăng, tất cả đều tập trung để tăng cường duyên niệm Phật, thế nên duyên niệm Phật này sẽ thành thục rất nhanh, ba năm, năm năm nhất định sẽ thành tựu.

Lời trong kinh Phật nói chẳng giả dối, *'Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật'*, một khi thấy Phật thì việc gì cũng sẽ viên mãn. Ngày nay chúng ta muốn làm công tác hoằng pháp lợi sanh, bạn làm như thế nào? Bạn làm sao mới được viên mãn, mới được vừa lòng? Làm chẳng nổi, chẳng có trí huệ, chẳng có phước đức. Chỉ có biện pháp duy nhất là gặp A Di Đà Phật trước, thấy được A Di Đà Phật thì phước huệ của bạn sẽ đầy đủ, bạn có trí huệ, có đại phước đức, bất luận bạn làm việc gì *'trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng'*, bạn còn chướng ngại gì nữa? Còn khó khăn gì nữa? Huống chi sau khi thấy Phật, không gian sanh hoạt của chúng ta được mở rộng ra. Ngày nay chúng ta là phàm phu sanh tử, chúng ta sinh sống trong thế gian này, không gian sinh hoạt của chúng ta là địa cầu, chẳng có cách chi ra khỏi địa cầu, đi đâu cũng chỉ đi trên mặt địa cầu, hiện nay vẫn không thể đi đến tinh cầu khác.

Chúng ta cũng thường nghe nói có người ngoài không gian, người hành tinh khác đến thăm viếng trái đất, những 'người' ấy đến địa cầu đích thật [là chúng sanh] thuộc về nhân đạo, chẳng phải là thiên đạo. Tại sao? Thiên đạo chẳng cần lái dĩa bay, chẳng cần công cụ phi hành, chẳng cần, chỉ có cõi người mới cần. Người cõi trời đi đâu chẳng cần những công cụ này. Những người này còn phải dùng công cụ phi hành, kỹ thuật khoa học của họ phát triển hơn chúng ta, cho nên họ vẫn thuộc nhân đạo, chắc chắn không phải thiên đạo. Ngay cả Tứ Thiên Vương họ cũng chẳng thể sánh bằng, Tứ Thiên Vương đi lại trong vũ trụ chẳng cần máy móc. Các báo cáo về không gian hiện nay rất nhiều, những sách loại này rất nhiều, chúng tôi thấy đều là người, chẳng phải là người trên địa cầu chúng ta.

Phạm vi nhân đạo trong thế giới Sa Bà rất lớn, chẳng phải chỉ có địa cầu này thôi, rất nhiều tinh cầu khác đều có người. Trí huệ và năng lực của con người chẳng giống nhau, phước báo chẳng giống nhau, sanh đến địa cầu ấy, sanh hoạt trên tinh cầu ấy, nghiệp báo của mỗi người khác nhau, đều là quả báo. Nam Diêm Phù Đề được Phật, Bồ Tát đặc biệt nhắc đến trong kinh này chính là quả địa cầu của chúng ta. Phía trước có nói 'Chúng sanh Diêm Phù Đề, chí tánh vô định, theo tập khí mà tạo ác nghiệp', 'tập' là tập khí, chẳng hay chẳng biết họ bèn tạo ác, nên cảm đến khổ báo ở địa ngục. Bốn câu sau quan trọng phi thường! Chúng ta phải ghi nhớ, chẳng nhớ nổi cả bộ kinh, nhưng phải nhớ mấy câu này. Từ 'Nam Diêm Phù Đề hành ác chúng sanh, nghiệp hoặc như thị', ba câu này phải ghi nhớ, từng giờ từng phút nhắc nhở chính mình. Tiếp theo lại nói:

Nghiệp lực thậm đại, năng địch Tu Di, năng thâm cự hải, năng chướng thánh đạo.

Nghiệp lực rất lớn, có thể sánh với núi Tu Di, có thể sâu như biển cả, có thể chướng ngăn thánh đạo.

Nghiệp lực rất lớn, lớn đến cỡ nào? Sau đó nêu ra ba việc. Tu Di là tên núi lớn, nghiệp lực có thể dời núi, dời biển, núi lớn biển sâu chẳng chống nổi nghiệp lực. Nghiệp lực có thể chướng ngăn thánh đạo, làm cho đạo nghiệp của bạn trong đời này chẳng thể thành tựu. Bất luận bạn tu hành dõng mãnh tinh tấn cách mấy, bạn cũng chẳng thoát ly lục đạo luân hồi nổi, nguyên nhân là gì? Nghiệp lực. Thế nên Phật pháp

giáo hoá hết thảy chúng sanh. trọng điểm là ở tại tâm, tâm lý. Thiền Tông dạy tu hành phải tu từ căn bản, căn bản là niệm đầu (một niệm, móng ý) trong tâm. Tông Môn như vậy, Giáo Hạ sao không như vậy được? Vẫn như vậy. Nói cách khác, tu hành phải thay đổi, sửa đổi tư tưởng, sửa đổi quan niệm; trước kia tâm lý, tư tưởng, quan niệm của chúng ta mỗi niệm đều vì chính mình, lấy mình là bản vị, đó chính là tạo nghiệp luân hồi, đó là tâm luân hồi. Phật dạy chúng ta chuyển đổi tâm niệm này, chuyển thành cái gì? Chúng ta niệm niệm vì chúng sanh, chúng ta khởi tâm động niệm, tư tưởng kiến giải, ngôn ngữ tạo tác toàn vì chúng sanh, chẳng vì mình nữa, như vậy thì tốt!

Phật dạy chúng ta lục đạo vì sao mà có? Vì chấp trước nên mới có lục đạo; cả ba thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có thì sẽ hiện thành lục đạo; nếu chỉ có vọng tưởng và phân biệt, chẳng có chấp trước thì lục đạo sẽ chẳng còn nữa, trong mười pháp giới [chỉ còn] Tứ Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, [mười pháp giới] biến thành Tứ Thánh pháp giới. Nếu phân biệt chẳng còn nữa thì Tứ Thánh pháp giới chẳng còn, thập pháp giới cũng chẳng còn nữa, hiện ra Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, kinh Hoa Nghiêm nói có bốn mươi mốt cấp bậc, Bồ Tát có bốn mươi mốt cấp bậc: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Cấp bậc này từ đâu đến? Do chưa đoạn vọng tưởng, là từ vọng tưởng mà ra. Sau khi vọng tưởng đoạn dứt thì cấp bậc chẳng còn nữa, đó là Phật quả cứu cánh. Thật sự bình đẳng, Phật Phật đạo đồng, chẳng còn cấp bậc nữa. Đây là nói rõ Nhất Chân pháp giới, Thập pháp giới, tam đồ lục đạo hình thành như thế nào. Chỉ cần khởi tâm động niệm có Ta, đây là sở hữu của Ta, bạn có đủ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bạn có thể thoát ly lục đạo luân hồi ư? Từ chỗ này thật sự khế nhập, thấu hiểu thì quý vị đã thật sự giác ngộ, chẳng giác ngộ giả. Giác ngộ xong bèn siêu phàm nhập thánh, thánh tức là giác, phàm tức là mê, phàm phu tức là còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng nói đến vọng tưởng, [khi có] phân biệt, chấp trước thì là phàm phu, xả bỏ phân biệt, chấp trước thì thành thánh nhân, tức là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu chỉ khác nhau ở một niệm mà thôi, bạn chuyển đổi tâm niệm trở lại bèn siêu phàm nhập thánh.

Ai có thể chuyển đổi trở lại? Ở nơi chính mình, mình có chịu chuyển không? Bạn chịu chuyển đổi trở lại thì lập tức liền biến đổi. Tôi hiểu được đạo lý này nên tôi chuyển rồi, cư sĩ Lý Mộc Nguyên hiểu đạo lý này nên ông ta đã chuyển. Sau khi chuyển trở lại, chúng tôi phục vụ cho hết thảy chúng sanh, hết thảy chúng sanh là chủ nhân của chúng tôi, là ông chủ của chúng tôi, chúng tôi là người làm công phục vụ cho họ, vô ngã. Chúng tôi mới thật sự được thọ dụng của Phật pháp, chuyển nghiệp lực thành trí huệ, chuyển nghiệp lực thành năng lực, nhà Phật nói về thần thông đạo lực, tức là chuyển ngay nơi niệm đầu, nghiệp lực bèn chuyển trở lại. Thông thường chúng tôi nói nguyện lực, chuyển nghiệp lực thành nguyện lực, nghiệp lực quá lớn có thể chướng ngăn thánh đạo, nguyện lực rất lớn có thể thành tựu thánh đạo, tại sao không chịu chuyển? Nếu không chuyển, nếu không chuyển thì vô lượng kiếp vẫn phải làm chuyện luân hồi sanh tử, dây dưa chẳng dứt. Hà tất phải rớ vô chuyện phiền phức này? Kinh văn tiếp theo còn vài câu quan trọng:

Thị cố chúng sanh, mạc khinh tiểu ác, dĩ vi vô tội. Tử hậu hữu báo, tiêm hào thọ chi.

Vì thế chúng sanh đừng khinh điều ác nhỏ mà cho là không tội, sau khi chết đều có quả báo dù nhỏ bé đều phải nhận lãnh.

Mấy câu này phải ghi nhớ, thường thường nhắc nhở mình, đừng cho rằng không có báo ứng, đó là sự sai lầm của bạn. Một niệm ác dù nhỏ nhoi cách mấy cũng sẽ cảm thọ quả báo, đúng như câu *'chẳng phải là không báo, mà là thời giờ chưa đến'?* Thời

giờ gì? Duyên chưa đầy đủ, thời giờ là nói về duyên, khi duyên đầy đủ thì quả báo lập tức hiện tiền. Nếu chư vị bình tĩnh, bình tâm tịnh ý để quan sát thế giới này, hiện tại quả báo này gọi là hiện thế báo, quả báo xảy ra rất nhanh, ngay trước mắt. Nếu chúng ta muốn thực sự cứu mình, chư vị nhất định phải biết sanh mạng chẳng quan trọng, chẳng đáng tiếc, chúng ta ở thế gian có thể sống được mấy năm? Trăm năm sương gió chỉ thoáng qua trong vòng khảy ngón tay mà thôi.

Năm tôi chín tuổi rời khỏi nhà, [nhà tôi] rất gần Cửu Hoa Sơn, những hình ảnh nơi đó lúc ra đi trong ký ức tôi vẫn còn nhớ rất rõ, giống như ngày hôm qua vậy. Những bậc trưởng thượng ở làng quê hồi đó, bạn bè thân thích, bảy tám phần đều chẳng còn nữa, những bạn bè thuở nhỏ đều chẳng còn nữa. Đời người là một con số không, chỉ là một giấc mộng, phải tỉnh giấc mộng này, tỉnh ngộ cũng như quay đầu là bến bờ, phải hạ thủ công phu ở lúc khởi tâm động niệm, chẳng khởi một ác niệm, niệm niệm đều vì phước báo của chúng sanh, chúng ta dốc toàn tâm toàn lực để tạo phước cho chúng sanh hưởng phước, như vậy mới tốt, tự mình đừng hưởng phước. Người như vậy nhất định sẽ thành tựu, người như vậy sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hựu, dõng mãnh tinh tấn, chuyên cần phấn chấn chẳng lười để tạo phước, giúp đỡ xã hội, giúp đỡ đại chúng. Cuộc sống của mình thì thanh bần, không lãng phí, biết cần kiệm, mỗi khi dùng một phân tiền đều phải nghĩ đến hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn, mình có thể nhín một phần thì họ sẽ có thêm một phần thọ dụng, thường thường giữ quan niệm này.

Trong kinh đức Phật nói tại sao hết thảy những người tu hành trên thế gian tu hành chẳng đạt được kết quả? Đều vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều, niệm này khởi lên tiếp theo niệm trước. Kinh nói với chúng ta một khảy ngón tay có sáu mươi sát na, một sát na có chín trăm sanh diệt, đó là nói về niệm đầu (một niệm) nhỏ. Còn những niệm đầu thô cũng đã dễ sợ lắm rồi, từ sáng tới tối có bao nhiêu niệm sanh diệt? Tự chúng ta có thể cảm giác được. Niệm trước vừa diệt, niệm sau liền tiếp tục sanh lên, trong ấy đều có nhân quả, một niệm thiện sẽ là quả báo thiện, một niệm ác sẽ là quả báo ác. Hãy khoan nói tới ngôn ngữ tạo tác, quả báo đó còn nghiêm trọng hơn nữa, khởi tâm động niệm gì cũng có quả báo. Cho nên Bồ Tát ở đây khuyên chúng ta, khích lệ chúng ta, cảnh tỉnh chúng ta *'Đừng coi thường việc ác nhỏ mà cho là không có tội'*, đến lúc bạn thọ báo thì có hối hận cũng không kịp nữa. Những câu sau đây nói vô cùng rõ ràng:

Phụ tử chí thân kỳ lộ các biệt, túng nhiên tương phùng, vô khẳng đại thọ

Chí thân như cha và con, mỗi người đi mỗi ngả khác nhau, dù cho gặp gỡ cũng chẳng bằng lòng chịu khổ thay cho nhau.

Quả báo tự làm tự chịu, ai cũng chẳng có cách gì thay thế, chư Phật Như Lai đại từ đại bi cũng chẳng có cách gì thọ báo thế bạn. Nếu có thể thay thế thì Phật, Bồ Tát đã thay rồi, chẳng có cách chi thay thế, đây là tự làm tự chịu, cảnh giới đều do chính mình biến hiện thành. Giống như cư sĩ Chương Thái Viêm đã nói, tôi nghe lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể, cụ Châu viết những chuyện này vào sách, ông ta có viết vài tác phẩm. Chương Thái Viêm là cha vợ của cụ, đây chẳng phải là lời giả dối, lúc còn trẻ cụ vốn là người học khoa học, chẳng tin Phật pháp, cha vợ của cụ có học Phật, kể cho cụ những chuyện này, cụ nghe xong cứ tưởng là mê tín, ngụ ngôn. Lúc quá trung niên, trong thời kỳ kháng chiến cụ cư ngụ tại Trùng Khánh, ban đêm đi đường gặp quỷ nên cụ mới tin, nếu cụ chẳng đích thân nhìn thấy thì người khác nói gì cụ cũng chẳng tin. Cụ cùng quỷ đi bộ trên một con đường suốt nửa giờ đồng hồ, thời gian cũng khá dài. Đi hơn nửa giờ cụ mới bỗng nhiên nghĩ tại sao người đàn bà ấy đi một mình lẻ loi trong đêm vắng?

Vừa nghĩ đến đó thì lông tóc dựng đứng, nhìn kỹ lại bà đó chỉ có nửa thân phía trên, chẳng có nửa thân dưới, cụ bèn hoảng hồn. Lúc đó thân hình phía trước biến mất, cụ tin Phật từ đó. Nếu chẳng phải đích thân nhìn thấy, đích thân trải qua thì những người này sẽ chẳng tin. Cho nên sau này khi nghĩ đến câu chuyện của cha vợ, cụ nghĩ đây là thật, chẳng giả.

Chương Thái Viêm nói những nỗi khổ trong địa ngục, ông cảm thấy rất tàn nhẫn, chẳng nhân đạo, rất nhiều địa ngục đáng bị phá hủy. Vua Diêm La nghe đến những đề nghị này chẳng nói gì cả, chỉ phái hai chú tiểu quỷ dẫn ông đi đến chỗ có địa ngục. Tiểu quỷ dẫn ông đi, đi rất xa mới đến chỗ ấy, chỉ cho ông nhưng ông chẳng nhìn thấy gì cả. Lúc đó ông mới vỡ lẽ, trong kinh Phật nói chẳng sai, là do nghiệp lực biến hiện, nếu bạn chẳng có nghiệp lực ấy thì sẽ chẳng nhìn thấy. Trong kinh nói địa ngục chỉ có hai hạng người có thể nhìn thấy: một là người tạo tội nghiệp, họ thọ báo biến thành những cảnh giới này; ngoài ra là Bồ Tát, Bồ Tát có năng lực vào địa ngục để độ chúng sanh nên ngài có thể nhìn thấy. Nếu chẳng phải hai loại duyên: độ chúng sanh trong địa ngục, hoặc là thọ tội tại địa ngục thì dù địa ngục ở ngay trước mặt cũng chẳng nhìn thấy. Từ đây mới biết chẳng phải là Diêm Vương tạo địa ngục cho những người này thọ tội, mà là cảnh giới do nghiệp lực của mình biến hiện ra. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi mới biết cha con chí thân cũng chẳng có cách gì thay thế cho nhau, chính mình phải hứng chịu. Xem tiếp kinh văn:

Ngã kim thừa Phật oai lực, lược thuyết địa ngục tội báo chi sự, duy nguyện nhân giả tạm thính thị ngôn.

Nay tôi nương oai lực của đức Phật mà lược nói những sự tội báo trong địa ngục, mong Nhân Giả tạm nghe lời đó.

Địa Tạng Bồ Tát rất khiêm nhường, nhưng trên thực tế Địa Tạng Bồ Tát rất vĩ đại! Bạn coi khi pháp hội bắt đầu, mười phương chư Phật Như Lai đều đến tham dự, còn thù thắng hơn pháp hội Hoa Nghiêm. Trong pháp hội Hoa Nghiêm chúng ta thấy, đương nhiên hết thảy chư Phật đều đến, các ngài chẳng dùng thân Phật mà hiện ra rất nhiều thân phận khác nhau đến tham dự. Còn trong pháp hội Địa Tạng thì Phật dùng thân Phật đến thị hiện, hết thảy chư Phật đều tham dự pháp hội này. Địa Tạng Bồ Tát là thầy của chư Phật, ngài ở đây rất khiêm tốn 'Tôi nương nhờ oai lực của Phật, lược nói những sự tội báo trong địa ngục'. Chẳng dám nói tôi biết những chuyện này. Tôi biết những chuyện này quá rõ ràng, tôi nói cho bạn nghe thì được rồi, người hiện đại chắc chắn sẽ có thái độ như vậy. Đích thật ngài biết rất rõ ràng, cách nói này của ngài dạy chúng ta bất luận lúc nào cũng phải khiêm nhường, phải cung kính, phải nhẫn nhịn, đây là tánh đức. Trong mỗi niệm đều phải hàng phục phiền não tập khí của mình, tham sân si mạn đều là phiền não, là tạo tội. Cho nên chúng ta thấy trong kinh, ngôn ngữ, thái độ, dụng ý của các ngài vô cùng sâu xa. Phổ Hiền Bồ Tát là hạng người như thế nào, đều là Như Lai quay chiếc bè từ thị hiện. 'Duy nguyện Nhân Giả tạm nghe lời này', câu này khiêm nhường, cung kính biết bao, đây là dạy chúng ta phải luôn khiêm nhường cung kính khi xử sự, đãi người, tiếp vật.

Phổ Hiền đáp ngôn Ngô dĩ cửu tri tam ác đạo báo, vọng Nhân Giả thuyết lịnh hậu thế mạt pháp nhất thiết ác hạnh chúng sanh văn Nhân Giả thuyết, sử lịnh quy Phật.

Ngài Phổ Hiền đáp rằng: "Tôi từ lâu đã biết tội báo nơi tam ác đạo, mong Nhân Giả nói ra để cho tất cả chúng sanh ác hạnh trong đời Mạt Pháp sau này, nghe được lời dạy của Nhân Giả mà quay về với Phật"

Hai vị Bồ Tát này, một người hỏi, một người đáp, mục đích là dạy chúng ta [và] những chúng sanh đang tạo tội nghiệp, quay đầu là bến bờ, chân chánh quy y Tam Bảo. Quy nghĩa là quay về, thật sự quay về, nương vào lời dạy của Phật mà sanh hoạt, nương vào lời dạy của Phật để làm việc, như vậy gọi là quy y. Chúng ta nên làm theo những lời dạy trong kinh này, chúng ta hết lòng nỗ lực để làm. Những sự việc nào [đức Phật dạy] chẳng được làm thì chúng ta nhất định phải dứt trừ, như vậy mới gọi là quy y Phật.

Địa Tạng bạch ngôn, Nhân Giả địa ngục tội báo, kỳ sự như thị.

Ngài Địa Tạng nói rằng: "Thưa Nhân Giả, tội báo ở địa ngục, việc ấy như vầy:

Tiếp theo lại lược nói cho chúng ta mười bốn loại.

Hoặc hữu địa ngục, thủ tội nhân thiệt, sử ngưu canh chi.

Hoặc có địa ngục kéo lưỡi của tội nhân ra cho trâu cày lên

Đây tức là địa ngục Kéo Lưỡi.

Hoặc hữu địa ngục thủ tội nhân tâm Dạ Xoa thực chi. Hoặc hữu địa ngục hoạch thang thạnh phất, chử tội nhân thân

Hoặc có địa ngục moi tim tội nhân cho quỷ Dạ Xoa ăn. Hoặc có địa ngục vạc nước sôi sùng sục nấu thân tội nhân.

Tục gọi là Du Đỉnh, xuống vạc dầu.

Hoặc hữu địa ngục xích thiêu đồng trụ, sử tội nhân bão. Hoặc hữu địa ngục sử chư hỏa thiêu sấn cập tội nhân. Hoặc hữu địa ngục nhất hướng hàn băng. Hoặc hữu địa ngục vô hạn phẩn niệu. Hoặc hữu địa ngục thuần phi tật lê. Hoặc hữu địa ngục đa toàn hỏa thương. Hoặc hữu địa ngục duy chàng hung bối . Hoặc hữu địa ngục đãn thiêu thủ túc. Hoặc hữu địa ngục bàn kiểu thiết xà. Hoặc hữu địa ngục khu trục thiết cẩu. Hoặc hữu địa ngục tận giá thiết loa.

Hoặc có địa ngục đốt trụ đồng nóng đỏ lên rồi bắt tội nhân ôm lấy. Hoặc có địa ngục các bựng lửa đuổi theo tội nhân. Hoặc có địa ngục toàn là băng giá. Hoặc có địa ngục nhiều vô hạn phân tiểu. Hoặc có địa ngục toàn là loại tật lê bay. Hoặc có địa ngục có nhiều giáo lửa. Hoặc có địa ngục chỉ đập ngực lưng. Hoặc có địa ngục chỉ đốt tay chân. Hoặc có địa ngục rắn sắt quấn cắn. Hoặc có địa ngục xua đuổi chó sắt. Hoặc có địa ngục toàn kéo la sắt.

Danh hiệu của địa ngục phía trước có nói qua, ở đây là nói về những tội nhân thọ quả báo này, trạng huống họ thọ quả báo trong địa ngục. Câu thứ nhất, quả báo này là nói lưỡi đôi chiều, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tạo những tội nghiệp này, hủy báng Tam Bảo, phá hoại lòng tin của người ta đối với Phật pháp, sau khi chết đọa vào địa ngục này. Gọi là rút lưỡi, ngưu canh (trâu cày), đồng sôi đổ vào miệng, lá sắt trói buộc thân, trong các địa ngục này cầu sống không được, cầu chết cũng không xong. Trong địa ngục chẳng phải thọ tội xong bèn chết đi, nếu chết đi thì là siêu sanh rồi, họ chẳng

chết nổi. Trong địa ngục có 'gió nghiệp', gió này vừa thổi thì họ bèn sống lại, sống lại để thọ tội tiếp, một ngày một đêm vạn lần chết đi, vạn lần sống lại. Cứ như vậy mãi cho đến khi tội báo của họ thọ hết, thời gian đều là dùng 'kiếp' để tính, vô số kiếp, thọ những khổ báo này. Tội báo chưa thọ hết thì vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi địa ngục.

Nhưng tội báo là một việc rất phiền phức, thí dụ nói lời hủy báng Tam Bảo, đoạn mất lòng tin của người ta, đến khi nào thì nghiệp này mới tiêu hết? Khi nào sức ảnh hưởng của lời bạn nói hoàn toàn mất hết thì bạn mới có thể thoát ra khỏi địa ngục. Nếu sức ảnh hưởng này còn tồn tại thì bạn sẽ chẳng có cách chi thoát ra khỏi địa ngục. Sức ảnh hưởng này thường kéo dài đến nhiều đời, hạt giống của ác duyên khởi tác dụng trong A Lại Da thức của họ, khi gặp Tam Bảo thì họ liền hoài nghi, họ chẳng thể sanh khởi lòng tin, sức ảnh hưởng này bao lớn. Như hiện nay nói chuyện, nói xong còn thâu âm, còn đem băng thâu âm đi khắp nơi, hoặc bán, hoặc tặng kết duyên. Nếu nội dung của lời nói của bạn phá hoại Tam Bảo, chỉ cần có một cuộn băng còn lưu lại trên thế gian này thì bạn chẳng có cách chi thoát khỏi địa ngục. Khi bạn viết thành văn, nếu thế gian còn một cuốn sách này thì bạn cũng chẳng thể thoát khỏi địa ngục. Thế mới biết chuyện này rất đáng sợ, chúng ta phải chịu trách nhiệm cho lời nói và văn tự của mình, như đã nói phía trước 'đừng khinh lỗi nhỏ mà cho là không có tội'.

Câu thứ hai, 'moi tim của tội nhân cho quỷ Dạ Xoa ăn'. Nghiệp nhân loại này, Thanh Liên pháp sư trong chú giải nói với chúng ta: con người lúc còn tại thế lấy trộm đồ vật của cha mẹ, sư trưởng, tạo ác duyên nên phải hứng chịu quả báo này. Tâm ăn trộm là tâm ác, chư vị nghĩ coi ngay cả đồ vật của cha mẹ, sư trưởng họ vẫn trộm lấy thì còn đồ vật của ai họ chẳng dám trộm? Tâm này chẳng tốt, đọa vào địa ngục, Dạ Xoa ăn tim của họ. Thứ ba, đây là vạc dầu, địa ngục Hoạch Thang, 'hoạch' là chảo, 'đỉnh' cũng là chảo, hiện nay ở Phước Kiến người ta còn gọi chảo bằng danh từ 'đỉnh'. Thời cổ xưa, táo (bếp lò) còn chưa được phát minh, dùng cái gì để nấu đồ ăn? Dùng cái đỉnh, đỉnh có ba chân, phía dưới đốt lửa, nấu một món ăn thì dùng một cái đỉnh. Trong sách cổ có nói bày đỉnh để ăn, tức là có rất nhiều thức ăn, rất phong phú. Giống như những quầy buffet trong những nhà hàng lớn hiện nay. Món ăn tự trợ (buffet), những cái đỉnh hiện nay rất đẹp, dùng kim loại không sét rỉ làm thành, có bốn chân, ở dưới đốt lửa để giữ thức ăn nóng hoài, không nguội. Thời xưa cái đỉnh chỉ có ba chân, sau khi bếp lò được phát minh thì không dùng đỉnh nữa, đỉnh bỏ chân bèn trở thành chảo, chảo và đỉnh đều là một. Nghiệp nhân trong ấy là phá giới, sát sanh tế tự, hoặc ăn thịt, thiêu đốt rừng núi, thiêu nướng chúng sanh nên bị quả báo này.

Thứ tư, 'hoặc có địa ngục đốt trụ đồng nóng đỏ lên rồi bắt tội nhân ôm lấy'. Đây cũng giống như hình phạt Bào Lạc nói trong tiểu thuyết. Lúc trước, cư sĩ Chương Thái Viêm cầu xin Đông Nhạc đại đế phế trừ hình phạt này, sau đó mới biết cảnh giới địa ngục là do nghiệp lực biến hiện thành, chẳng do người tạo ra. Câu tiếp theo 'hoặc có địa ngục có các bựng lửa đuổi theo tội nhân'. Đây là một màn lửa to lớn, chẳng có chỗ nào để trốn thoát, phải bị lửa thiêu chết. Nhưng gió vừa thổi một cái bèn sống lại, bị thiêu đốt trở lại, vĩnh viễn chẳng có cách chi thoát ly. Trong kinh nói đây là quả báo của rất nhiều nghiệp bất thiện. Câu thứ sáu 'toàn là băng giá', địa ngục hàn băng cũng là quả báo của những nghiệp bất thiện. Câu thứ bảy 'vô hạn phân tiểu', phía trước có nói qua với chư vị, nghiệp nhân là đời trước phá trai, phát nguyện trì Bát Quan Trai Giới, phá trai giới và những ác nghiệp chẳng thanh tịnh cảm nên. 'Hoặc có địa ngục toàn là những loại tật lê bay', tật lê là một loại võ khí thời cổ, hiện nay rất ít thấy, chắc trong bảo tàng viện có thể thấy được. Tức là mũi tên rất nhỏ, phần đông gọi là ám khí. Lúc người ta chẳng phòng ngừa, phòng bị, họ bèn phóng những mũi tên này ra. Hiện nay chẳng có cái này, hiện nay đổi thành súng, đều là những vật thuộc loại này. Do đó có thể biết, quả báo này là do [người dùng] các loại ám khí kết thành oán thù, sát hại

chúng sanh. Đặc biệt là săn bắn, viên đạn của súng săn bắn chẳng giống với súng thường. Vì lúc bạn săn bắn, đạn của súng thường không nhất định bắn trúng như vậy, đạn của súng săn bắn có nhiều viên đạn nhỏ, dùng viên sắt nhỏ làm thành, sau khi bắn ra những viên đạn nhỏ này [sẽ bung ra] bao phủ một diện tích, những động vật nằm trong vòng diện tích này sẽ chẳng thể nào thoát khỏi. Thọ quả báo như vậy.

'Hỏa Thương' (Thương Lửa) cũng giống như 'Thông Thương' (Thương Đâm), chỉ thêm lửa vào, 'chỉ đập vào ngực, lưng' đây là như trong kinh Lăng Nghiêm có nói về cảm ứng của Xúc Báo, cảm nên quả báo này. Vì bạn đánh đập người khác, đặc biệt là chúng ta ngày nay nói về ngược đãi động vật, thường thấy [người ta] dùng những hành động này ngược đãi động vật, đâu biết rằng sẽ bị quả báo như vậy? Câu thứ mười một 'chỉ đốt tay chân', đây gọi là biệt nghiệp biệt báo, tay bạn tạo nghiệp thì đốt tay, chân bạn tạo nghiệp thì đốt chân. 'Rắn sắt , chó sắt' phía trước đã nói qua.

'Toàn kéo la sắt', la là một loài ngựa, toàn thân đều là lửa. Trong kinh Phật có nói một công án, Thanh Liên pháp sư cũng dẫn chứng trong chú giải. Nói tỳ kheo Tăng Hộ nhìn thấy một con lừa, toàn thân con lừa này đều đang bị thiêu đốt. Phật nói với tỳ kheo Tăng Hộ, đó chẳng phải là lừa, thuở trước đó là một người xuất gia thời đức Phật Ca Diếp. Người xuất gia lúc chia đồ ăn đều dành cho mình nhiều một chút, tạo ác nghiệp này nên cảm thọ khổ báo như vậy. Trong kinh này nói 'toàn kéo la sắt' đại khái là những tội nhân này cỡi trên la sắt, toàn thân la sắt đều là lửa, tội nhân chịu khổ báo như vậy. Hình phạt, khổ báo trong địa ngục thật ra nói chẳng cùng tận. Xin xem tiếp kinh văn:

Nhân giả, như thị đẳng báo các các ngục trung, hữu bá thiên chủng nghiệp đạo chi khí

Nhân giả, những quả báo như thế, trong mỗi ngục có trăm ngàn thứ khí cụ nghiệp đạo.

'Nghiệp đạo chi khí', ngày nay chúng ta gọi là hình cụ (dụng cụ tra tấn)

Vô phi thị đồng, thị thiết, thị thạch, thị hỏa. Thử tứ chủng vật, chúng nghiệp hành cảm

Đều là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa. Bốn thứ này là do các hành nghiệp cảm thành.

Hình cụ (dụng cụ tra tấn) trong ấy đều làm bằng đồng, sắt, đá, toàn là một biển lửa, bạn cảm thọ những thứ như vậy. Chúng ta thường nói "Tâm người ấy rất độc, là ruột gan sắt đá' nên ở địa ngục biến hiện ra các hình cụ đều là những thứ này. Tâm địa thanh tịnh, nhu nhuyễn thì nhất định sẽ chẳng nhìn thấy những hiện tượng này. Thế nên nhất định phải hiểu, cái tâm này tức là như câu nói "tâm tàn nhẫn, thủ đoạn ác độc" 6[6], oai phong này của bạn có thể kéo dài được mấy ngày? Sau mấy ngày oai phong này biểu hiện xong, sau đó thì sao? Có suy nghĩ đến không? Hậu quả chẳng thể tưởng tượng nổi, chúng ta nhất định phải hiểu.

Duy Thức Luận nói, những địa ngục nói trong kinh, có vua Diêm La trong địa ngục không? Có những lính quỷ trong địa ngục không? Thật sự là chẳng có, đều là do tánh thức biến hiện ra. Cũng giống như nằm mộng vậy, phải đến khi mộng tỉnh dậy mới biết là giả, đều là Không. Nhưng lúc bạn đang nằm mộng, bạn cứ cho rằng đó là

6[6] *tâm ngận thủ lạt*

thật. Địa ngục, tam đồ đều là mộng cảnh, cùng một đạo lý, con người chúng ta ở trên thế gian mấy mươi năm ấm lạnh không lẽ chẳng phải là một giấc mộng hay sao? Nói thêm đến thập pháp giới cũng là mộng cảnh. Kinh Kim Cang nói chẳng sai: *'Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng'*, hết thảy pháp hữu vi tức là bao gồm thập pháp giới. Thập pháp giới đều là pháp hữu vi, Nhất Chân pháp giới mới là pháp vô vi. Thế nên Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong Quyền Giáo đều chẳng lìa khỏi pháp hữu vi. Nói cách khác y báo và chánh báo của họ đều là mộng, huyễn, bọt, bóng. Tướng có nhưng Thể không, Sự có nhưng Lý không, đó mới là chân tướng sự thật, đều do nghiệp cảm biến hiện ra. Chúng ta xem câu cuối:

Nhược quảng thuyết địa ngục tội báo đẳng sự

Nếu rộng nói những chuyện tội báo ở địa ngục.

Nếu nói kỹ vô chi tiết, mỗi chuyện đều nói rõ ra.

Nhất nhất ngục trung cánh hữu bá thiên chủng khổ sở

Trong mỗi ngục còn có cả trăm ngàn thứ khổ sở

Mỗi địa ngục có tới trăm ngàn thứ khổ sở

Hà huống đa ngục

Huống chi là nhiều ngục.

Địa ngục nói chẳng cùng tận.

Ngã kim thừa Phật oai thần, cập nhân giả vấn, lược thuyết như thị. Nhược quảng giải thuyết, cùng kiếp bất tận.

Nay tôi nương sức oai thần của đức Phật và vì Nhân Giả hỏi đến mà nói sơ lược như thế; nếu nói rộng ra thì tận cùng kiếp cũng nói chẳng hết.

Lời Bồ Tát nói đều là chân thật, nếu giải thích cặn kẽ cho bạn thì 'cùng kiếp' cũng nói chẳng hết, lời này là thật, chẳng giả. Thế nên chúng ta ở đây làm một kết luận chung: địa ngục dứt khoát chẳng thể vào! Muốn chẳng vào địa ngục thì nhất định phải đừng tạo tội nghiệp, tội nghiệp nhỏ tí xíu cũng chẳng được tạo. Nguyên nhân là gì? Vì trong A Lại Da thức của chúng ta có rất nhiều hạt giống địa ngục và những tập khí đã tạo trong vô lượng kiếp. Tội nghiệp nhỏ là gì? Tức là duyên. Trong A Lại Da thức của bạn có hạt giống tội nghiệp địa ngục, bạn tạo thêm duyên cho nó, chẳng đoạn dứt duyên của nó, thì rất có thể sẽ tạo ra quả báo này, đây là chuyện chúng ta phải cảnh giác. Thế nên nhất quyết không được coi thường, xem nhẹ những tội nghiệp nhỏ, cho rằng đều chẳng quan trọng, nếu vậy thì bạn sai lầm quá đỗi! Tội nghiệp nhỏ là duyên, trong A Lại Da thức có nghiệp nhân của tội nghiệp địa ngục, nhân gặp duyên thì sẽ hiện nên cảnh giới này, cảnh giới hiện ra vô cùng dễ sợ! Muốn thoát khỏi rất khó, quá khó! Thế nên chân chánh hiểu rõ, chân chánh giác ngộ thì phải buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, đây là phương pháp yên ổn nhất, nhanh chóng nhất, và cũng là ổn thỏa tốt đẹp nhất, vĩnh viễn thoát ra khỏi tam đồ, lục đạo.

Được rồi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 18 (Số 14-12-18)

PHẨM THỨ 6: NHƯ LAI TÁN THÁN

Xin mở cuốn Khoa Chú, quyển trung, trang 25, xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Thế Tôn cử thân phóng đại quang minh, biến chiếu bá thiên vạn ức hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới, xuất đại âm thanh, phổ cáo chư Phật thế giới nhất thiết chư Bồ Tát Ma Ha Tát, cập thiên long quỷ thần, nhân phi nhân đẳng. Thính ngô kim nhật xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ư thập phương thế giới hiện đại bất khả tư nghị oai thần từ bi chi lực, cứu hộ nhất thiết tội khổ chi sự.

Lúc đó toàn thân Thế Tôn phóng đại quang minh, chiếu khắp trăm ngàn vạn ức số cát sông Hằng thế giới chư Phật, phát ra âm thanh lớn bảo hết thảy chư Bồ Tát Ma Ha Tát và thiên long quỷ thần, nhân, phi nhân, v. v. ở khắp các thế giới chư Phật. Hãy lắng nghe hôm nay Ta xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ở mười phương thế giới hiện sức từ bi oai thần to lớn không thể nghĩ bàn, cứu giúp hết thảy những sự tội khổ.

Đến đây là một đoạn. Đoạn kinh phía trước giới thiệu Địa Tạng Bồ Tát cho chúng ta, Địa Tạng Bồ Tát là vị giáo chủ có thể giáo hóa, ngày nay chúng ta gọi là Đạo Sư, ngài là vị Đạo Sư có khả năng, có trí huệ hướng dẫn chúng ta thoát ly khổ nạn. Cũng thuyết minh đối tượng Bồ Tát giáo hóa độ thoát, vô cùng khó được là ngài có thể độ chúng sanh trong địa ngục, điểm này chúng ta phải thấu hiểu kỹ càng. Trong hết thảy chúng sanh, căn tánh thấp nhất, tạo tội nghiệp sâu nặng nhất chính là chúng sanh trong địa ngục. Ngài có năng lực độ thoát chúng sanh trong địa ngục, thì những chúng sanh khác khỏi phải nói, đều dễ độ hơn vì khó độ nhất ngài cũng có thể độ. Do đó có thể biết, vị Bồ Tát này đích thật chẳng thể nghĩ bàn. Từ đoạn kinh văn phía trước chúng ta có thể hiểu, ngài đích thật có năng lực phổ độ hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, cùng trí huệ đức năng của quả địa Như Lai không hai không khác. Cho nên giới thiệu xong Thế Tôn đặc biệt tán thán ngài. Dụng ý của sự tán thán này rất sâu, rất rộng, mục đích là muốn chư đại Bồ Tát trong mười phương thế giới phải ủng hộ Địa Tạng Bồ Tát, toàn tâm toàn lực giúp đỡ ngài độ thoát chúng sanh đang chịu khổ nạn. Ý nghĩa tức là nhất định phải tuyên dương kinh này, tán thán công đức của Bồ Tát, phổ độ hết thảy chúng sanh, mục đích là như vậy.

Kinh văn vừa mở đầu: 'Toàn thân phóng đại quang minh, chiếu khắp trăm ngàn vạn ức số cát sông Hằng thế giới chư Phật', câu này nói rõ Thế Tôn phóng hào quang chiếu soi tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng sót chỗ nào, bất cứ nơi nào cũng chiếu đến. Cảnh giới này cùng cảnh nói trong kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn giống nhau. 'Toàn thân' đặc biệt chú trọng chữ 'thân', thân là sắc tướng, quang từ thân tướng này phóng ra. Quang này là quang minh của tâm tánh, tự tánh vốn sẵn có quang minh của Bát Nhã. Phía trước đã nói với chư vị, làn sóng ánh sáng này vô cùng đặc biệt, vì cường độ của nó là bình đẳng, trong một sát na liền tỏa khắp hư không pháp giới, chẳng giống như ánh sáng của mặt trăng, mặt trời mà mắt thịt chúng ta nhìn thấy, tốc độ của ánh sáng này rất chậm. Khoa học gia nói ánh sáng phát ra từ nhiều ngôi sao truyền đến địa cầu phải mất nhiều năm, mấy trăm năm ánh sáng (quang niên), mấy ngàn năm ánh sáng, mấy vạn năm ánh sáng, phải trải qua thời gian dài như vậy mới đến. Hào quang của Phật vừa phóng ra liền đến tận hư không, trọn khắp pháp giới cho nên hoàn toàn khác với những ánh sáng thường.

‘Toàn thân’ là mỗi chỗ trên thân thể đều phóng quang, tiêu biểu cho ‘vầng mây sáng Đại Viên Mãn’, trong ‘Viên Mãn Quang’ bao gồm vô lượng pháp môn mà Bồ Tát đã tu trong nhân địa, viên mãn công đức mà chư Phật Như Lai chứng được trên quả địa đều tỏ lộ trong tướng hào quang này chẳng sót, cho nên đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Tỏ lộ Phật thân bao trùm pháp giới, tỏ lộ ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân là một thể, một tức là ba, ba tức là một. Không những hiện ba thân là một, đồng thời cũng hiển thị Y Báo, Chánh Báo chẳng hai. Y báo là hoàn cảnh sanh hoạt, Chánh báo là thân thể này, Y chính là Chánh, Chánh chính là Y, Y và Chánh chẳng hai. Nếu chúng sanh có duyên gặp được Phật quang, cái gì gọi là duyên? Những người nào có duyên? Người nào vô duyên? Có duyên là tự mình không có chướng ngại, thì sẽ nhìn thấy Quang này. Vô duyên là tự mình có chướng ngại, chẳng phải là Phật quang chẳng chiếu soi. Chư vị đồng tu phải biết Phật quang chiếu khắp, tại sao chúng ta chẳng nhìn thấy? Nguyên nhân nhìn không thấy là vì mình có chướng ngại.

Lúc tôi bắt đầu học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi, ngài vô cùng khẳng định và nói: *‘Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng’*, chư vị phải ghi nhớ chữ Phật trong câu ‘Trong nhà Phật’ là gì? Là Giác. ‘Trong nhà Phật’ nghĩa là ‘trong nhà Giác Ngộ’, giác ngộ chẳng phải là mê hoặc, có cầu ắt ứng. Nếu bạn có cầu mà không có cảm ứng, đây là vì nguyên cớ gì? Đại sư nói là vì chúng ta có chướng ngại, nhất định phải tiêu trừ chướng ngại thì cảm ứng sẽ hiện tiền, đây là đạo lý nhất định. Làm sao tiêu trừ nghiệp chướng?

Tôi cũng hỏi câu này: ‘Nghiệp chướng khẳng định là có, làm sao tiêu trừ?’.

Đại sư trả lời: ‘Sám hối’, và nói: ‘Sám hối chẳng có nghĩa là kêu bạn đi ‘bái sám’, bạn đi lạy ‘Đại Bi Sám, Lương Hoàng Sám, lạy Sám gì đi nữa, chưa chắc có thể tiêu trừ nghiệp chướng’.

Tôi hỏi: ‘Vậy thì phải làm cách nào để sám hối?’.

Đại sư dạy: ‘Sám hối nghĩa là ‘không làm lại việc ấy nữa’, đó mới gọi là chân chánh sám hối. Tức là bạn biết được lỗi của mình, phải mau sửa đổi trở lại, đó gọi là chân chánh sám hối’.

Chúng tôi lại hỏi: ‘Những pháp hội sám hối trong chùa rốt cuộc có ý nghĩa gì?’

Đại sư dạy: ‘Những pháp hội sám hối cử hành trong chùa chỉ là làm khuôn mẫu, nghi thức cho những người mới học Phật, người chẳng học Phật khi nhìn thấy những hình thức này bèn sanh khởi tâm hối hận (tàm quý), tâm sám hối, là có ý nghĩa như vậy’.

Chúng tôi mới hiểu đó chỉ là biểu diễn cho người ta coi. Tự mình tu hành chẳng coi trọng những hình thức này, coi trọng sự quay về chân thật, tự biết mình sai lầm, biết sai thì lập tức sửa đổi, ‘sau đó không làm [lỗi đó] nữa’, như vậy mới là sám hối thật sự, như vậy mới có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát.

Quang minh của Phật được nói trong kinh là bộ kinh này. Nói cách khác, chúng ta gặp được kinh này tức là gặp được ‘Quang minh chiếu khắp’ của Thế Tôn. Quang minh này của Phật là vĩnh hằng, chẳng gián đoạn, những nơi có kinh điển chính là chỗ Phật quang chiếu tới. Chúng ta mở kinh ra đọc tụng, thọ trì, hiện nay gọi là học tập, chính là tiếp thọ quang minh của Phật. Nếu có thể giác ngộ, có thể y giáo phụng hành, nhất định sẽ chứng được Vô Thượng Bồ Đề, những chuyện này chúng ta nhất định phải hiểu, phải trân trọng.

‘Đại âm thanh’ là một trong ba mươi hai tướng tốt, trong ba mươi hai tướng tốt chẳng gọi là ‘âm thanh’ mà gọi là ‘phạm thanh’, phạm thanh của Như Lai. ‘Phạm’ có nghĩa là thanh tịnh, âm thanh của Phật có thể lay tỉnh mê tình của hết thảy chúng sanh.

Trong 'Đại Luận' (Đại Trí Độ Luận) có nói Đại Phạm Thiên Vương có năm thứ âm thanh, cũng có nghĩa là âm thanh của ngài có năm 'đức', năm đức tướng. Thứ nhất là âm thanh của ngài rất thâm trầm, giống như tiếng sấm sét, có thể làm cho người ta tỉnh thức, cảnh giác. Đức tánh thứ hai là có thể truyền xa. Ở đây âm thanh của Phật cũng giống hào quang của Phật, tận hư không trọn khắp pháp giới đều có thể nghe được. Ngày nay chúng ta chẳng nghe được âm thanh thuyết pháp của chư Phật là vì căn tai của ta bị trục trặc, thật ra không phải vì căn tánh bị trục trặc, trục trặc là ở trong tâm, tâm không thanh tịnh, cho nên căn này sanh ra chướng ngại. Trong kinh thường nói 'y báo chuyển theo chánh báo', nói một cách nghiêm túc thì 'thân' chúng ta là y báo gần nhất, thế nên nói tướng tùy tâm chuyển, thể chất cũng tùy tâm chuyển, sáu căn của chúng ta cũng chuyển theo tâm. Tâm địa thanh tịnh, tế bào trong sáu căn, tế bào nhỏ bé sẽ khởi chuyển hóa, biến thành hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn tự nhiên, sẽ có thể tiếp nhận những tin tức trong hư không pháp giới. Mắt có thể tiếp nhận sắc tướng ở tận hư không, trọn khắp pháp giới; tai có thể nghe hết thảy âm thanh trong tận hư không, pháp giới. Trong kinh chúng ta thấy được người ở Cực Lạc thế giới đều như vậy. Tại sao họ có thể mà chúng ta không thể? Tâm họ tịnh, tâm tịnh thì cõi nước tịnh.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu được những chân tướng sự thật này, muốn khôi phục lại đức tướng, trí huệ, năng lực vốn sẵn có của chúng ta, chẳng có cách nào khác ngoài 'Định, Huệ'. Trong Định Huệ thì Định là mấu chốt, Huệ chẳng cần tìm cầu, Định khởi tác dụng tức là Huệ, Định khởi tác dụng chính là Giới, Giới - Định - Huệ là một mà ba, ba là một, chẳng thể tách lìa nhau. Chúng ta gọi tác dụng của Định Huệ là 'Xảo', tương ứng với Giới là 'Thiện'. Thiện xảo phương tiện của chư Phật, Bồ Tát chính là trong mỗi tâm niệm đều tương ứng với Tam Học: Giới, Định, Huệ, thiện xảo đến cùng cực, thế nên đích thật quang minh của các ngài chiếu trọn khắp, Phạm âm nghe cùng khắp. Nghe xong sẽ sanh tâm hoan hỷ, nhìn sắc tướng sanh tâm hoan hỷ, nghe âm thanh sanh tâm hoan hỷ. Không những sanh tâm hoan hỷ, thấu hiểu được ý nghĩa này thì tự nhiên sẽ sanh khởi tâm kính mến, đây là đức tướng thứ ba. Đức tướng thứ tư, Phật nói hết thảy pháp, pháp thậm thâm, bạn nghe xong chẳng khó hiểu. Rất dễ hiểu, rất dễ tiếp nhận, nhất định sẽ chẳng hiểu sai ý tứ trong ấy. Đức tướng thứ năm là làm cho người nghe xong vĩnh viễn chẳng chán, chẳng giống như chúng ta làm việc gì, làm lâu thì sẽ chán ngán. Nhìn thấy quang minh, sắc tướng của Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của Phật vĩnh viễn nghe hoài không chán, người hiện nay gọi là hưởng thọ cao cấp, đây là thật chẳng giả.

Thế nên 'xuất đại âm thanh' nói với chư Bồ Tát chính là vì công việc trọng đại lưu thông bộ kinh này. Nói thật ra trong Phật pháp, bộ kinh này cũng là căn bản pháp luân. Hoa Nghiêm gọi là căn bản, căn bản của cả Phật pháp, căn bản của hết thảy sự giáo học của chư Phật Như Lai. Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh là căn bản của chỗ chúng sanh khởi tu, bạn bắt đầu tu từ đâu? Phải bắt đầu tu từ kinh này thì bạn mới có thể nhập cảnh giới của quả địa Như Lai. Thế nên đức Phật ở đây dùng đại âm thanh nói với trọn hư không pháp giới, hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát trong hết thảy cõi nước chư Phật. Bồ Tát là người đã giác ngộ, phải nên gách vác sứ mạng hoằng kinh, hộ kinh. Làm sao hộ? Y giáo phụng hành tức là hộ kinh, nếu chúng ta đến khắp nơi tuyên dương, giới thiệu kinh này cho đại chúng, tự mình chẳng làm, chẳng hết lòng tu thì đó là phước đức. Quả báo của việc này là phước báo hữu lậu thế gian, bạn chỉ tu phước. Nếu bạn y giáo phụng hành, rồi lần lượt dạy kẻ khác thì việc này là công đức. Trong công đức có phước đức, trong phước đức chẳng có công đức, việc này chúng ta đã nói qua rất nhiều lần rồi.

Ở đây Thế Tôn khuyên hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát, ngày nay chúng ta may mắn được thân người, được nghe Phật pháp, càng may mắn hơn là có thể xuất gia tu hành

trong Phật pháp, làm đệ tử Phật, làm học trò của Phật. Phật có thừa nhận học trò này không? Việc này hoàn toàn phải coi chính mình. Nếu ba nghiệp thân, khẩu, và ý của chính chúng ta tương ứng với lời giáo huấn của Phật, thì Phật khẳng định sẽ thừa nhận chúng ta là học trò của ngài. Nếu ba nghiệp thân, khẩu, và ý chẳng tương ứng với lời giáo huấn của đức Phật, tuy chúng ta nói là học trò của đức Phật, hình tướng hiện ra hôm nay cũng thế độ, mặc áo tràng, đắp y, và cũng thọ giới, nhưng Phật, Bồ Tát chẳng thừa nhận. Chẳng thừa nhận, thân phận này là do Thiên Thai đại sư nói ra, gọi là 'Danh Tự tỳ kheo', có Danh chẳng có Thật. Tên là Sa Môn, là người xuất gia đều chẳng phải là thật. Rất đáng cho chúng ta phản tỉnh sâu xa, khi đã xuất gia rồi thì nhất định phải làm một Phật tử có Danh phù hợp với Thật, chúng ta có sứ mạng phải hoằng dương bộ kinh này.

Muốn hoằng dương kinh này thì nhất định phải tu học kinh này, rất nhiều bạn đồng tu học giảng kinh, ở đây hoặc ở chỗ khác tôi thường thường gặp một số pháp sư trẻ tuổi đến hỏi: "Làm thế nào mới giảng kinh giỏi?" Những người này cứ tưởng tôi giảng kinh mấy chục năm có một chút kinh nghiệm, họ đề ra vấn đề này rất là hy hữu. Nếu thật sự muốn giảng kinh giỏi và hay, nhất định phải tu hành y theo lời dạy; bạn chân tu (tu hành chân thật) mới có tâm đắc, chúng ta hiện nay gọi là tâm đắc, trong Phật pháp gọi là chỗ ngộ (ngộ xứ). Nếu bạn chẳng chân tu thì chẳng có chỗ ngộ, duy chỉ có làm thật sự mới có chỗ ngộ. Bạn ngộ được càng sâu thì đương nhiên bạn sẽ giảng càng hào hứng. Nếu bạn chẳng ngộ, chỉ coi chú giải của người khác, đó là dựa vào nguyên bản, nói theo lớp lang, hoàn toàn là của người khác, chẳng liên quan gì với mình, thì bạn làm sao giảng hay được? Bạn có thể giảng chú giải cho thật thuộc, thật lưu loát, hoa trời rơi lả tả, có nội dung thật tế gì không? Chẳng có. Những gì đã giảng hoàn toàn là bề ngoài, trên hình tướng, một phần cũng chẳng thấu sâu vào. Bạn vào càng sâu, sức mạnh phát ra tự nhiên sẽ chẳng tương đồng. Thế nên quy kết đến cùng phải chân tu thì bạn mới thật sự giảng hay, kiến giải, tư tưởng, và tâm hạnh của bạn tương ứng cùng Phật, làm sao giảng không hay được! Năm đức trong âm thanh của Đại Phạm Thiên Vương bạn cũng có thể có đủ.

Lúc sơ học chúng ta chẳng giác ngộ, chẳng ngộ nhập, bắt đầu học thì phải học từ đâu? Từ chân thành. Có vậy mới có cảm ứng, có thể được Phật, Bồ tát gia trì, giúp đỡ bạn ngộ nhập. Nếu tâm bạn chẳng chân thành thì không có cách chi, chân thành chẳng có mảy may tướng hư ngụy. Không những khi đọc kinh, giảng kinh mới chân thành, khi lên giảng đài thì chân thành, bước xuống thì hư ngụy, như vậy được không? Không được. Chư vị phải biết một Chân thì hết thảy đều Chân, chúng ta chỉ có một tâm chân thành, đối với Phật, Bồ Tát là tâm này, đối với hết thảy chúng sanh cũng là tâm này, như vậy thì bạn mới ngộ nhập. Nếu bạn còn dùng hai tâm thì chắc chắn không thể ngộ nhập. Không những không thể ngộ nhập cảnh giới của Phật, nói thật ra bạn đối với những tình trạng trước mắt cũng chẳng thể hiểu rõ. Đây là điều các bạn đồng học phát tâm học giảng kinh, phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh không thể không biết.

Chư đại Bồ Tát đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh không những ngộ nhập, có thể nói họ triệt để ngộ nhập, trong Phật pháp gọi là triệt để nguồn pháp. Chúng ta biết trong ấy rất nhiều Bồ Tát Ma Ha Tát đều là mười phương chư Phật Như Lai thả chiếc bè từ để thị hiện. Thân phận của Bồ Tát chẳng nhất định, chư vị phải biết, họ có thể thị hiện những thân phận khác nhau. Trong Phẩm Phổ Môn chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ba mươi hai Ứng Thân, đây là nêu ra một thí dụ. Sự thị hiện của Ngài chẳng phải ý tứ của Ngài, hoàn toàn do sự Cảm của chúng sanh, Ngài mới có Ứng. Đó là 'nên dùng thân Phật để độ' thì Ngài bèn hiện thân Phật, vị Phật đó cũng là Bồ Tát; 'nên dùng thân đồng nam, đồng nữ để độ' thì Ngài bèn hiện thân đồng nam, đồng nữ,

đồng nam đồng nữ ấy cũng là Bồ Tát; 'nên dùng thân tỳ kheo để độ' thì Ngài hiện thân tỳ kheo, đâu có nhất định! Thậm chí nói nên dùng thân kẻ ăn xin để độ thì Ngài bèn hiện thân kẻ ăn xin. Trong 'Niên phổ của lão hòa thượng Hư Vân' chúng ta thấy khi Hư Vân lão hòa thượng triều bái Ngũ Đài Sơn gặp một người xin ăn, người xin ăn ấy chính là Văn Thù Bồ Tát hóa thân. Do đó phải biết những Bồ Tát Ma Ha Tát này đang ở trong các ngành các nghề của xã hội chúng ta, bạn biết người nào là Bồ Tát hay chăng? Không biết, chúng ta là phàm phu mắt thịt.

Những đại Bồ Tát, chư Phật Như Lai này tại sao làm như vậy? Dụng ý làm như vậy rất sâu. Làm cho chúng ta sanh khởi tâm cung kính tột cùng đối với hết thảy chúng sanh. Người học Phật chúng ta nên có thái độ như thế nào? Bất luận là hết thảy người, hết thảy sự , hết thảy vật, chúng ta phải xem họ như chư Phật Như Lai thị hiện, tâm cung kính của chúng ta mới khởi dậy được, như vậy mới có thể khế nhập vào hạnh Phổ Hiền. Hạnh môn thứ nhất của Phổ Hiền là Lễ Kính Chư Phật, chúng ta đối đãi với bất cứ người, sự, vật nào đều phải lễ kính chân thành. 'Lễ' là hình dáng bên ngoài, 'Kính' là nội tâm. Cho nên tâm ý, mật ý của sự thị hiện là nhằm dẫn chúng ta đến hạnh Phổ Hiền. Chúng ta nhất định không thể khinh mạn bất cứ một chúng sanh nào, trong tâm của chúng ta họ đều là hóa thân của Như Lai. Rốt ráo họ có phải là hóa thân của Như Lai hay không? Nếu tâm ta đối đãi với họ: 'Họ là hóa thân của Như Lai', trong cảnh giới của mình thì người này chính là hóa thân của Như Lai. Bạn hỏi là đạo lý gì? Cảnh chuyển tùy theo tâm. Chuyển tùy theo tâm mình, trong tâm của mình họ là Như Lai, trong tâm của mình người ấy là phàm phu, bạn có hiểu đạo lý này hay chăng? Trong tâm của mình người ấy là Như Lai, cảnh giới của mình bèn được nâng lên đến cảnh giới của Như Lai.

Trong mắt của Phật, hết thảy chúng sanh đều là chư Phật, phàm phu nhìn Phật, Bồ Tát đều là phàm phu, phàm phu chẳng thể thành Phật là vì họ nhìn hết thảy chúng sanh đều là phàm phu. Nếu bạn quả thật quay về, bạn nhìn hết thảy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai thì bạn sẽ thành Phật rất nhanh. Tại sao Thiện Tài đồng tử thành Phật ngay trong đời này, đạo lý ở đâu? Nhờ vào điểm này. Đây chính là chỗ chúng ta thường nói dùng tâm chân thành đối đãi với hết thảy người, sự, vật, chân thành đến mức cùng cực, chuyển hết thảy cảnh giới thành cảnh giới của Phật. Trong các buổi giảng chúng tôi thường nói tướng tùy tâm chuyển, thể chất tùy tâm chuyển, cảnh giới tùy tâm chuyển, hằng ngày đều giảng, đều khuyên, đều nhắc nhở, tại sao bạn không thể chuyển? Chuyển ở tại một niệm; chúng sanh và Phật nói thật ra chỉ là cách nhau ở một niệm, một niệm giác bèn thành Phật, một niệm mê bèn thành phàm phu. Hy vọng chư vị đồng tu phải hiểu sâu ý nghĩa này.

Họ triệt để hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, hiểu vạn pháp đều không, hiểu hết thảy pháp chẳng có tự tánh; kinh Bát Nhã nói *'chư pháp duyên sanh, duyên sanh vô tánh, đương thể tức không, liễu bất khả đắc'*. Ngài còn đến để thị hiện, còn làm ra tấm gương để cho người ta coi, đây là lòng từ bi đến cùng cực. Vì ngài hiểu rõ hạt giống Phật từ duyên sanh, duyên là gì? Hết thảy người là duyên, hết thảy sự là duyên, hết thảy vật cũng là duyên, những gì lục căn chúng ta đối diện đều là duyên. Trong duyên làm sao lại có hạt giống Phật? Lúc nãy tôi dạy cho bạn, bạn có thể coi hết thảy sự vật đều là chư Phật Như Lai thị hiện thì hạt giống Phật của bạn đã sanh rồi. Nếu bạn nhìn hết thảy người, sự, vật này đều là phàm phu, đều là nghiệp chướng sanh tử phàm phu thì hạt giống Phật của bạn chưa sanh, nghiệp chướng của bạn đã sanh rồi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn khởi lên rồi. Đều ở tại một niệm, vấn đề là bạn biết hay không? Tổ sư đại đức trong Tông Môn thường khám nghiệm học trò, trong lời nói thường hỏi: 'Hiểu không?' (Hội ma?) Bạn hiểu không. Hiểu rồi thì nhập

cảnh giới; chẳng hiểu thì vẫn là phàm phu. Cho nên ý nghĩa của câu 'Hiểu không?' này cũng rất sâu xa, chúng ta phải thấu hiểu đến nghĩa thú của chỗ này.

Cho nên chúng sanh do nguyên nhân này có cảm, Bồ Tát cũng do đó mà có ứng, cảm ứng đạo giao. Chúng ta phải hiểu 'Lý của cảm ứng đạo giao'. Chúng ta cùng chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, chúng ta cùng hết thảy chúng sanh cũng cảm ứng đạo giao, thiện thì cảm ứng với thiện, ác thì cảm ứng với ác, lý rất sâu nhưng chẳng phải thấu hiểu không được. Chúng ta nêu ra một thí dụ rất cạn cợt, bạn thấy người học Phật thích ở chung với người học Phật, tôi học Phật thì tôi có cảm, hết thảy những người học Phật bèn ứng. Người học Phật tuyệt đối sẽ chẳng ở chung với người Cơ Đốc Giáo, đây không phải là một thí dụ sao? Thế pháp cũng vậy. Người đánh bài sẽ có một đám bạn đều thích đánh bài, người ấy cùng họ cảm ứng đạo giao; người thích khiêu vũ cảm ứng đạo giao cùng người thích khiêu vũ, vật cùng loại tụ với nhau, người phân chia thành từng tộc đoàn. Tại sao lại từng loại, từng nhóm cùng nhau? Lý của sự cảm ứng. Không những động vật có cảm ứng này, thực vật cũng có cảm ứng như vậy. Nếu bạn lưu ý khi đi du lịch ngoài trời, rừng núi, bạn hãy xem cây cối, cây cối cùng loại mọc chung với nhau, không thấy trong một khu rừng có rất nhiều chủng loại, rất ít, chưa từng thấy, trừ phi con người cố ý trồng như vậy. Nếu là rừng tự nhiên thì trong một đám rừng nhất định là cùng một chủng loại. Do đó bất luận là động vật, thực vật, khoáng vật đều là một loài, một nhóm cùng nhau, đạo lý này gọi là lý của sự cảm ứng. Thiện cảm ứng với thiện, ác cảm ứng với ác, tịnh cảm ứng với tịnh, bạn sẽ hiểu được Phật cảm ứng với Phật.

Phật, Bồ Tát dùng các thân phận, các sắc tướng thị hiện trong thế gian, từ bi đến cùng cực. Chúng sanh khổ nạn thì ngài nhất định sẽ cứu tế họ. Đài Loan có một hội Từ Tế Công Đức, từ bi cứu tế đến mức cùng cực là phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, đó là chân chánh từ bi cứu tế. Dùng tài vật để cứu tế, người ta không có ăn thì tặng cho họ một chút lương thực, không có mặc thì tặng vài bộ quần áo cho họ, đó là cứu giúp nhất thời, chẳng phải kế sách lâu dài. Kế sách lâu dài là phải bắt đầu cứu độ từ căn bản, phải dạy họ phá mê khai ngộ, phải giúp họ khôi phục trí huệ đức năng, phước báo vô cùng tận vốn sẵn có trong tự tánh, đó là cứu tế chân thật, chẳng phải là cứu tế giả, đây là cứu tế đến cùng cực.

Kinh Địa Tạng đối với hết thảy chúng sanh, đặc biệt là đối với hết thảy chúng sanh đang chịu tội khổ là từ bi cứu tế bắt đầu từ căn bản. Vừa rồi tôi nói rất rõ ràng, nhất định tự mình phải y giáo phụng hành trước, tự mình phải thật sự làm được thì bạn mới có thể thấu hiểu ý tứ của từng câu từng chữ trong kinh này. Nếu làm không được, y chiếu theo giảng ký của người khác mà giảng, giảng được giỏi cách mấy cũng khó khế cơ. Nói theo cách thông thường thì đó chẳng có đạo vị chân chánh, đạo vị chân chánh là từ tâm tánh tuôn trào ra. Chú giải của cổ đức chỉ cung cấp cho chúng ta tham khảo mà thôi, đó là sự tu hành của họ, cảnh giới họ chứng được, tuôn ra từ tự tánh của họ, chẳng phải tuôn trào từ tự tánh của chúng ta. Nhất định phải tuôn ra từ tự tánh chính mình mới được, sau đó chúng ta đối chiếu với kinh, so sánh với những chú sớ của cổ đại đức, lãnh hội sâu vào. Xin xem đoạn kinh tiếp theo:

Ngô diệt độ hậu, nhữ đẳng chư Bồ Tát đại sĩ cập thiên long quỷ thần đẳng quảng tác phương tiện, vệ hộ thị kinh. Lịnh nhất thiết chúng sanh chứng Niết Bàn lạc.

Sau khi Ta diệt độ thì hàng Bồ Tát, Đại Sĩ các ông cùng với Trời, Rồng, Quỷ, Thần, v.v… nên dùng nhiều phương tiện để giữ gìn bảo vệ kinh này, khiến tất cả chúng sanh đều chứng được cảnh vui Niết Bàn.

Trong đoạn này, Thế Tôn nói ra nguyện vọng của ngài đối với Bồ Tát Ma Ha Tát. Đặc biệt là sau khi Phật thị hiện diệt độ. Trong thời gian Phật chẳng trụ thế thì chúng sanh sẽ khổ, mê hoặc điên đảo, tạo hết thảy tội nghiệp, chẳng có người dạy họ. Do đó Phật phải phó chúc những Bồ Tát này 'hàng Bồ Tát, Đại Sĩ các ông', 'Đại Sĩ' thông thường là chỉ Địa Thượng Bồ Tát, chỉ Đẳng Giác Bồ Tát nhiều nhất. 'Thiên long quỷ thần' trên thực tế đều là Phật, Bồ Tát ứng hóa, nếu chẳng phải là Bồ Tát ứng hóa, thật là thiên long quỷ thần thì họ đều là phàm phu, rất khó hiểu được lời dạy của Phật. Phật dạy họ phải 'dùng nhiều phương tiện, giữ gìn bảo vệ kinh này'. Kinh Duy Ma nói rất hay 'nếu chẳng có phương tiện', 'phương' là phương pháp, 'tiện' là tiện nghi. Nếu bạn chẳng có phương tiện thì dù có trí huệ bạn cũng chẳng thể phát huy. Cũng như người thật có học vấn, có trí huệ, chẳng có khẩu tài, lên giảng đài chẳng giảng được, nhưng họ viết văn rất hay. Chúng tôi đã gặp những người như vậy, viết văn chương thật hay, lên giảng đài nói không được, dạy học không được, họ chẳng thể dùng ngôn ngữ biểu đạt ý tứ được.

Thuyết pháp cần có biện tài vô ngại, [muốn có] biện tài thì cũng mong cầu Phật, Bồ Tát gia trì, làm thế nào mới được Phật, Bồ Tát gia trì? Vẫn chỉ là sự cảm ứng của lòng chân thành: tôi vì chúng sanh, chẳng vì mình thì sẽ được Phật, Bồ Tát gia trì. Một số người cầu Phật, tại sao cầu chẳng được cảm ứng? Khi cầu Phật, Bồ Tát, tuy vì chúng sanh nhưng vẫn còn vì mình, chín mươi chín phần trăm vì chúng sanh, nhưng còn một chút vì mình thì sẽ chẳng được cảm ứng. Huống chi hiện nay phần đông người hoằng pháp lợi sanh, nói đại khái chín chục phần trăm vì mình, mười phần trăm vì chúng sanh, chắc là tỷ lệ như vậy, phân nửa – phân nửa cũng rất hiếm, thì làm sao có cảm ứng được? Những sự thật này, hy vọng các vị đồng tu phải quan sát và thấu hiểu kỹ càng. Trong đời mạt pháp, nghiệp chướng của chúng ta rất nặng, nếu chẳng được Tam Bảo gia trì, nhất định sẽ chẳng có năng lực giảng kinh, đây là chuyện rất thực tế. Trong kinh nói ngay cả Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp cũng phải 'nương nhờ oai thần của Phật' gia trì, huống chi là phàm phu chúng ta? Chúng ta phải hiểu đạo lý này, cho nên nếu không có phương tiện khéo léo thì chúng ta chẳng có năng lực biểu đạt và tỏ lộ ý nghĩa thậm thâm của kinh làm cho người sơ học nghe dễ hiểu.

Trong kinh Phật nói với chúng ta, nhất định chẳng thể dùng tâm có ái kiến. Ái là gì? Tôi thích. Kiến là gì? Chủ ý của tôi, kiến giải của tôi, cách suy nghĩ của tôi, cách làm của tôi. Nếu dùng tâm niệm và thái độ này để trang nghiêm tịnh độ, thành tựu chúng sanh thì bạn sẽ có trở ngại, chướng ngại. Chướng ngại gì? Chướng ngại trí huệ chân thật của bạn, chướng ngại công đức của bạn. Nếu bạn hỏi tại sao? Phật nói với chúng ta chân tướng của vũ trụ nhân sanh là một, chẳng hai. Tự chúng ta có tâm ái kiến, tức là phân biệt chấp trước. Phân biệt chấp trước là mê hoặc, là phiền não, là chướng ngại, chướng ngại tâm tánh. Vô lượng trí huệ, vô lượng đức tướng, vô lượng công đức trong tâm tánh đều bị chướng ngại. Đây là một sự việc khó nhất, đây là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta xa lìa ái kiến, hoặc là nói xa lìa phân biệt, chấp trước, ái kiến tức là phân biệt, chấp trước, tâm của chúng ta mới thật sự thanh tịnh. Trong đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ nói đến 'Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác', từ năm chữ này chúng ta suy ra thành mười chữ để cho mọi người dễ hiểu: 'Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi', mười chữ này là từ năm chữ trên mở rộng ra. Thường giữ tâm này, tâm này tức là trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sanh. Thực hiện trên sự tướng, trong đời sống tức là 'Nhìn Thấu, Buông Xả, Tự Tại, Tùy Duyên', sau cùng là 'Niệm Phật', thành tựu công đức rốt ráo viên mãn. Nếu không niệm Phật, cao nhất là chúng ta chỉ đến cảnh giới Bồ Tát, niệm Phật thì sẽ đến cảnh giới của Phật, đại viên mãn, thật sự rốt ráo. Nếu thật sự dùng tâm này thì sự tu học, công việc của chúng ta nhất định sẽ không mệt, không chán. Mệt là mệt mỏi, chán là chán chường.

Hôm qua ở Cư Sĩ Lâm, pháp sư Ngộ Toàn nói với tôi rằng ông sanh tâm xấu hổ. Ông nói chúng ta hai mươi bốn giờ niệm Phật, người trẻ tuổi sánh chẳng bằng những cụ già ở Cư Sĩ Lâm. Người trẻ tuổi niệm tới nửa đêm thì mệt rồi, toàn thân đều mệt rã rượi, chẳng chịu đựng được nữa. Nhưng các cụ già còn ở đó nhiễu Phật, vẫn ở đó niệm Phật, niệm đến trời sáng vẫn chẳng mệt. Trời sáng họ còn đi lau chùi, dọn dẹp xung quanh. Sau khi nhìn thấy, tâm ông rất ngượng [và nói] chúng tôi chẳng bằng các cụ. Tại sao ông chẳng bằng họ? Bạn có vọng tưởng, họ chẳng có vọng tưởng. Tâm bạn chẳng thanh tịnh, tâm họ thanh tịnh. Bạn niệm Phật lâu rồi tâm bèn sanh phiền não cho nên toàn thân đều khó chịu. Họ sanh pháp hỷ, họ vui sướng vô cùng, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng hăng hái, càng niệm càng có tinh thần, đó là thật. Cho nên con người thật sự đắc được thiền định, thì sẽ vĩnh viễn chẳng cảm thấy mệt mỏi, người đạt được thiền định có thể không cần ngủ nghỉ. Tài, sắc, danh, thực, thùy (tiền tài, sắc dục, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ) gọi là Ngũ Cái, năm thứ này che lấp chân tâm, bản tánh của bạn; 'Cái' tức là chướng ngại, chướng ngại mất nên chẳng thể khởi tác dụng.

Bởi vậy hôm qua tôi nói với ông, nhất định phải tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh có thể đạt đến mục đích này. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta *'Đặt tâm ở một chỗ, chẳng có chuyện gì không làm được'* 7[7]. Nếu tâm của bạn, đây là nói về phàm phu, chẳng phải thánh nhân, chẳng phải người học Phật, sự ưa thích, hứng thú của bạn có thể tập trung vào một chỗ, thì người ấy cũng chẳng mệt chẳng chán, trong ngành nghề nào cũng có. Người đọc sách ưa thích sách vở, họ đọc sách chẳng cảm thấy mệt, chẳng chán. Khoa học gia ở trong phòng thí nghiệm thường thường quên ăn quên ngủ, quên ăn cơm, quên ngủ nghỉ, đó là gì? Vì hứng thú của họ, nhờ đó có thể đạt được.

Chúng tôi cũng từng nghe, lúc trước ở Pháp, Nã Phá Luân (Napoleon) mỗi ngày ngủ hai tiếng mà thể lực vượt hơn những người thường. Thể lực đó do đâu mà có? Chuyên chú, ông ta rất ưa thích sự nghiệp, một lòng một dạ vì sự nghiệp, quên hết tất cả chuyện khác. Người thế gian còn làm được huống chi là người tu hành! Thế nên người tu đạo lúc nhập định, nhập định chẳng phải ngủ nghỉ, nếu nói ngồi xếp bằng tĩnh tọa nhập định mà họ ngủ thì hình dáng ngủ như vậy rất khó coi, tại sao? Nhất định là đầu và chân co vào nhau, đó là đang ngủ. Nếu họ đang nhập định thì thân thể sẽ rất ngay ngắn, chẳng phải họ đang ngủ, ở trong định họ có cảnh giới trong định, chẳng phải ngủ, họ tỉnh táo. Nếu bạn muốn kêu họ xuất định, lấy dẫn khánh gõ nhẹ nhẹ ba lần vào tai của họ thì họ sẽ xuất định, đó là có người kêu họ, cho nên phải biết họ chẳng có ngủ. Tĩnh tọa mà ngủ thì có thể nhìn biết, ngáy khò khò, đầu và chân co vào nhau. Chúng ta phải khắc phục những chướng ngại này, phải khôi phục tinh thần và thể lực của chúng ta thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh, mới có thể tiếp nhận lời phó chúc của Thế Tôn 'rộng làm các phương tiện, giữ gìn bảo vệ kinh này', vệ nghĩa là hộ vệ, hộ vệ nghĩa là giữ gìn.

Phật ở đây khuyên Bồ Tát, nói thật ra cũng là khuyên chúng ta, kinh này đối với xã hội hiện giờ, đối với chúng sanh đời mạt pháp vô cùng quan trọng! Trong mấy chục năm giảng kinh, tôi thường khuyến khích mọi người, trong sự tu học Phật pháp Đại Thừa, Địa Tạng là cơ sở, Địa là tâm địa, người hiện nay chúng ta gọi là xây dựng tâm lý, cho nên trong kinh này nói những gì? Xây dựng tâm lý, đây là căn bản. Từ bộ kinh này mới có thể sanh ra lòng yêu thương rộng lớn (đại ái), người hiện nay gọi là 'bác ái', hai chữ 'bác ái' này lấy từ kinh Vô Lượng Thọ. Phật pháp nói về đại từ đại bi. Đại từ đại bi sanh khởi từ đâu? Từ trong kinh này sanh khởi, do đó kinh này là căn bản. Nội dung kinh này nói về hiếu thân, tôn sư, dùng hiếu đạo làm cơ sở, cho nên hết thảy pháp đều sanh từ hiếu đạo, nội dung của kinh này là đại hiếu. Từ hiếu sanh khởi từ bi, trong

---

7[7] Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện

từ bi sanh ra trí huệ, từ bi là phước, phước chí tâm linh, từ trong trí huệ mới chân chánh phát khởi đại tâm phổ độ hết thảy chúng sanh.

Sau cùng nói 'làm cho hết thảy chúng sanh chứng được cảnh vui Niết Bàn', Niết Bàn là thật, chẳng giả, Niết Bàn là chẳng sanh chẳng diệt, ý nghĩa của 'Niết Bàn' là cứu cánh viên mãn, chẳng có một tí gì khiếm khuyết. Cho nên đức Phật ở đây khuyên dạy mọi người nhất định phải rộng làm phương tiện, giữ gìn bảo vệ lưu thông, vả lại phải chú trọng hiệu quả. Nhất định phải giúp đỡ mọi người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, sau đó đoạn dứt hết thảy ác, tu hết thảy thiện, vĩnh viễn chẳng đọa tam ác đạo, thoát lìa khổ hải. Trong thời đại này muốn thật sự lìa khổ được vui, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển thì không cầu sanh Tịnh Độ không được. Nếu không cầu sanh Tịnh Độ, trong vị thứ của Bồ Tát còn bị thoái chuyển, thoái chuyển là một chuyện phiền phức rất lớn, đây là khuyên chúng ta niệm Phật, đạo lý là ở chỗ này. Xin xem kinh văn:

Thuyết thị ngữ dĩ, hội trung hữu nhất Bồ Tát danh viết Phổ Quảng hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn, kim kiến Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát hữu như thị bất khả tư nghị đại oai thần đức, duy nguyện Thế Tôn vị vị lai thế mạt pháp chúng sanh nghi thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên nhân quả đẳng sự, sử chư thiên long bát bộ cập vị lai thế chúng sanh đỉnh thọ Phật ngữ.

Nói lời ấy xong, trong pháp hội có một vị Bồ Tát tên là Phổ Quảng cung kính chắp tay bạch với đức Phật: 'Nay con nghe Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát có đức oai thần rộng lớn bất khả tư nghì như thế, xin Thế Tôn vì chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau mà nói về các sự nhân quả của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người, làm cho thiên long bát bộ và chúng sanh trong đời vị lai thảy đều kính vâng lời của Phật.

Đoạn này nói về người đương cơ khải thỉnh. Người đương cơ là một Bồ Tát, 'Phổ Quảng Bồ Tát', Phổ Quảng Bồ Tát đại diện cho những Bồ Tát trong hội, tiếp nhận lời phó chúc của Thế Tôn, phát nguyện lưu thông kinh này, hoằng dương pháp môn này, ngài làm đại diện. Hàm ý trong tên của Bồ Tát và Phật phóng quang, dùng âm thanh to lớn để tuyên bố, ý tứ đều tương ứng. Ý nghĩa của 'Phổ' là phổ biến, biến khắp gọi là 'phổ'; 'Quảng' là rộng lớn chẳng có biên giới. 'Cảm' và 'Ứng' đều tương hợp, ở đây đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên dạy các Bồ Tát trong hội, Phật là 'cảm', các Bồ Tát nghe xong chịu tiếp nhận, đó là 'ứng'. Do đó có thể biết cảm ứng là từ hai phương diện, cảm ứng lẫn nhau. Thanh Liên pháp sư ở đây giải thích ý nghĩa danh hiệu của Bồ Tát: "Từ tâm phát khởi trí huệ, trí huệ trọn khắp pháp giới" 8[8] gọi là Phổ, giải thích rất hay. Không có trí huệ sẽ chẳng chịu tiếp nhận, hiện giờ trao trách nhiệm này cho ông, [nếu là bạn thì] bạn còn thoái thác, khách khí, chẳng dám gánh vác, còn những Bồ Tát trong hội lúc ấy thì chẳng như vậy. Họ từ trong chân tâm khởi lên trí huệ tự tánh Bát Nhã, trí huệ này phổ biến khắp pháp giới, đây là nghĩa của chữ 'Phổ'. Có Trí mới có thể dẫn đạo cho Hành, cũng là nói Trí thực hiện trên sự tướng tức là hành vi, tức là 'hành chỉ'; Trí biến trọn pháp giới, Hạnh cũng bao trùm hư không, cũng trọn khắp pháp giới, nên gọi là Quảng. Chân tâm là Thể, Phổ Quảng là Dụng; Phổ là nói về trí huệ, Quảng là nói về sự tướng. Cũng hiển rõ Tam Thân đều là một Thể, cũng hiển rõ Tam Đức là một Thể, ở đây ngài nói Tâm tức là Pháp Thân, Phổ là Bát Nhã, Quảng là Giải Thoát. Giải thoát tức là phương tiện tự tại, chúng ta thường nói Tự Tại, Tùy Duyên tức là Giải Thoát. Ý tứ đoạn này cũng rất sâu, chúng ta nên học tập cho khéo.

8[8] *'Tùng tâm phát trí, trí di pháp giới'*

Phật trong ấy nói về chân tướng, chân tướng nhất định không thể chấp trước thân là 'Ngã' (Ta). Đem vật ngoài thân coi như là 'ngã sở' (vật của Ta). Ta còn không có thì làm sao có 'vật của Ta'? Được vậy bạn mới giác ngộ. Bạn có thể buông xả 'Ngã' và 'Ngã Sở', buông xả chẳng dễ, tại sao bạn buông xả không nổi? Đạo lý và chân tướng sự thật này, bạn chẳng tìm hiểu rõ ràng minh bạch. Nếu thật sự rõ ràng minh bạch thì bạn sẽ rất hoan hỷ buông xuống, bạn không thể không buông xuống, đây là đạo lý nhất định. Hiểu rõ ràng, rành rẽ tức là nhìn thấu, cái gì gọi là nhìn thấu? Lý sự nhân quả đều rõ ràng, minh bạch, cho nên việc gì cũng có thể buông xuống. Sau khi buông xuống, đời sống, thọ dụng ấy đối với chính mình đều tự tại, đối với người khác thì tùy duyên, thế nên tự tại là 'tự thọ dụng', tùy duyên là 'tha thọ dụng'. Giúp đỡ hết thảy chúng sanh tùy duyên, trong tùy duyên chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Nếu có phân biệt, có chấp trước thì chẳng phải tùy duyên, mà là phan duyên, sự khác biệt giữa phan duyên và tùy duyên là ở chỗ này. Tâm tùy duyên là thanh tịnh, là bình đẳng, là giác ngộ; tâm phan duyên chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, là mê chấp, mê hoặc, sự khác biệt trong ấy rất lớn.

Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, tán thán những đại Bồ Tát trong hội, dụng ý ở đó rất sâu. Chư đại Bồ Tát biết hết thảy pháp rốt cuộc là Không, còn có thể thị hiện các thứ sắc tướng để giáo hóa chúng sanh, như vậy mới đáng được Như Lai tán thán. Người thế gian không hiểu Tánh của chư pháp là Không, thế nên mới tạo nghiệp, thọ báo, đó cũng là các thứ thị hiện, chẳng tự tại! Nhị Thừa, Quyền Giáo, đặc biệt là người Nhị Thừa biết chư pháp đều là Không, chẳng phát tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh, được gọi là 'rơi vào hố Niết Bàn', Phật chẳng tán thán. Đây tức là nói phàm phu chấp 'Có', người Nhị Thừa chấp 'Không', đều mắc kẹt vào hai bên. Phật tán thán Bồ Tát, Bồ Tát cả hai bên đều chẳng chấp trước, gọi là Hành Trung Đạo, đối với mình, với người đều có lợi ích chân thật, nên Phật mới tán thán. Dụng ý của sự tán thán là làm cho người sơ học chúng ta học theo Bồ Tát, chẳng học phàm phu, chẳng học Nhị Thừa; người học theo phàm phu thì sai, tạo lục đạo luân hồi, học người Nhị Thừa chấp vào 'Không' cũng sai luôn, đọa vào Thiên Chân Niết Bàn, dụng ý của Phật là như vậy.

Phổ Quảng Bồ Tát đại diện chúng ta khải thỉnh, lời của ngài, 'Nay con nghe Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát có đức oai thần rộng lớn bất khả tư nghì như thế'. Như đã nói ở phía trước, Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện từ lũy kiếp, thành tựu cho vô lượng vô biên chúng sanh làm Phật, công đức ấy bao lớn. Vả lại còn không ngừng phổ độ hết thảy khổ nạn chúng sanh, Bồ Tát ở đó đặc biệt nêu ra 'xin Thế Tôn vì những chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau', tức là chỉ chúng ta. Hiện nay chúng ta sinh sống trong thời mạt pháp của Thế Tôn, Phật trong kinh có nói pháp vận của Phật có ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là 'thời kỳ Chánh Pháp', cách Phật chẳng xa, ý nghĩa của Phật pháp lưu truyền trong thế gian rất chánh xác, người có duyên nghe được Phật pháp rất dễ chứng quả, người tu học y theo lý luận phương pháp trong Phật pháp thành tựu rất nhiều, Phật nói thời kỳ này dài một ngàn năm. Do đó có thể thấy những gì ngày nay chúng ta gọi là sức ảnh hưởng, đức Phật giáo hóa chúng sanh có sức ảnh hưởng lớn, sâu như vậy, trong vòng một ngàn năm này [những người] có thể tiếp xúc đến Phật pháp đều có thể tu hành chứng quả, sức ảnh hưởng ấy bao lớn.

Một ngàn năm sau đó thì sức ảnh hưởng ấy giảm đi, Phật pháp từ từ biến chất, đó gọi là thời Tượng Pháp, 'tượng' tức là chẳng thuần chân, 'tượng' tức là tương tợ. Người tu hành chứng quả không còn nữa, ít đi rồi, người được thiền định rất ít. Người y chiếu phương pháp này được thiền định, khai trí huệ cũng có, đây là thời Tượng Pháp. Còn thời Mạt Pháp là hai ngàn năm sau khi Phật diệt độ và kéo dài một vạn năm. Thế nên pháp vận của đức Phật, cũng là sức ảnh hưởng của sự giáo hóa chúng sanh của đức Phật tổng cộng là mười hai ngàn năm. Một vạn năm sau cùng này được gọi là thời kỳ

Mạt Pháp, sức ảnh hưởng này dần dần yếu đi, từ trong lịch sử chúng ta có thể nhìn thấy được. Cho nên sự tu học, hoằng dương Phật pháp, người thế gian thường nói từng đời chẳng bằng đời trước là có nguyên nhân của nó.

Tuy từng đời chẳng bằng đời trước, Phật pháp có lúc nào nổi bật trong thời Mạt Pháp không? Có chứ, có lúc nổi bật, và có lúc suy đồi, đây là vì nguyên nhân gì? Vì 'người có thể hoằng đạo, chẳng phải đạo hoằng người'. Nếu trong thời đại này có đại tâm phàm phu chân chánh, họ giác ngộ rồi, hiểu rõ rồi, y giáo tu hành, tận tâm tận lực hoằng dương Phật pháp. Nếu chẳng có người y giáo tu hành thì thời đại ấy Phật pháp sẽ suy đồi. Do đó có thể thấy thạnh suy là do người, chẳng do pháp. Phật nói với chúng ta, trong một vạn năm này đích thật có lúc lên, lúc xuống. Lúc tôi mới bắt đầu học, Chương Gia đại sư nói với tôi, cổ võ tôi, dạy tôi đừng thoái chí, chẳng phải là Phật pháp cứ suy thoái mãi mãi, có lúc sẽ lên trở lại, do đó có thể thấy đó là do con người làm nên. Chúng ta hiểu đạo lý này xong, chúng tôi phát tâm kéo thời Mạt Pháp lên tới đỉnh cao, [việc này có] vô lượng công đức, chư Phật tán thán, chẳng phải không thể làm được. Trong thời quá khứ tôi cũng thường khích lệ đồng tu, chúng ta phải nghĩ lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni sáng lập đạo nghiệp với năm tỳ kheo, tại vườn Lộc Dã ban đầu có năm học trò, một vị thầy, khởi đầu sự nghiệp như vậy. Sáu người này có thể sáng tạo sự nghiệp, ngày nay nếu có sáu người chân chánh phát tâm thì làm sao không thể phục hưng cho được? Rất khó kiếm được sáu người, sáu người như thế nào? Sáu người minh bạch, sáu người giác ngộ, sáu người buông xả hết thảy thân tâm thế giới, được vậy thì Phật giáo sẽ hưng thịnh trở lại. Chúng ta chịu làm không? Chịu xả bỏ sạch sành sanh, xả bỏ rốt ráo không?

Năm xưa ở Hong Kong lúc pháp sư Tẩy Trần còn tại thế, thầy đến Đài Loan thăm tôi, thầy cũng rất hộ trì Phật pháp, trò chuyện với tôi làm thế nào chấn hưng Phật pháp? Lúc đó tôi đang giảng kinh Kim Cang ở Đài Loan, giảng theo cuốn 'Giảng Nghĩa' của cư sĩ Giang Vị Nông, giảng rất kỹ. Cư sĩ Giang Vị Nông trong cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa có đề xướng, ông nói nếu muốn Phật pháp hưng vượng thì nhất định phải làm theo chế độ Trì Bát, tôi đồng ý cách nhìn của ông. Người xuất gia khôi phục thời đại Thế Tôn trở lại, ba chiếc y và một bình bát, ngoài ra thì vật gì cũng chẳng có, được vậy thì Phật pháp mới có thể chấn hưng. Tôi đề nghị với pháp sư Tẩy Trần, tôi nói thầy đi kiếm năm người, năm tỳ kheo chúng ta. Hiện nay phước báo của chúng ta chẳng sánh bằng Thế Tôn thời xưa, tại sao? Thể lực của chúng ta chẳng làm nổi. Ngày nay kêu chúng ta ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, chưa tới một tuần thì sẽ ngã bịnh ngay. Phước báo chẳng đủ, do đó hoàn cảnh sinh hoạt phải nâng cao hơn thời xưa một chút, chúng ta không thể ngủ dưới gốc cây, chúng ta trú trong lều. Lều của những học sinh đi cắm trại, lều nhỏ thì một người ở một lều, xếp lại rất nhỏ, có thể bỏ vào túi mang trên vai. Tôi nói chúng tôi kiếm năm người, ban ngày thì đi khất thực, giảng kinh thuyết pháp, hoằng hóa, ban đêm tìm những gốc cây lớn, năm người vây quanh một gốc cây, ngủ trong lều ở cạnh gốc cây thì được rồi. Chúng ta cũng chẳng cần ngủ ngồi, có thể nằm mà ngủ, giảm mức sinh hoạt đến mức thấp nhất, trong tâm chẳng có một tạp niệm, nhất tâm làm việc đạo. Lúc chẳng giảng kinh, chẳng thảo luận, chẳng hoằng pháp thì mọi người tụ lại niệm Phật. Tôi nói với thầy, nhờ thầy dẫn đầu, tôi sẽ là một trong năm người này, những người còn lại thì thầy đi tìm. Sau khi thầy trở về Hương Cảng thì tăm hơi bặt tiếng, pháp sư Tẩy Trần qua đời cũng đã lâu rồi. Người trẻ tuổi có đủ thể lực, chân chánh phát tâm có thể làm được, phải phát tâm nguyện rộng lớn xả mình vì người, vì mọi người trên địa cầu mà chấn hưng Phật pháp trở lại. Người lớn tuổi thể lực suy yếu thì không được, chẳng làm nổi, việc thế gian và xuất thế gian gì cũng phải nhờ người trẻ tuổi.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện mười chín tuổi ngộ đạo, ba mươi tuổi hoằng pháp lợi sanh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, phải trẻ tuổi thì mới được. Ở Trung Quốc, các bạn coi Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, hai mươi bốn tuổi tiếp nhận y bát, Ngũ Tổ truyền đạo cho ngài, lúc đó ngài hai mươi bốn tuổi, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, lớn tuổi rồi thì làm sao được? Xưa nay những người này, [kinh nghiệm] trải qua của họ, những sự thị hiện của họ cho chúng ta tham khảo, cho chúng ta khải thị rất lớn. Hy vọng những kẻ hậu học như chúng ta có thể noi gương họ, học theo họ, Phật pháp mới có thể trụ lâu dài ở thế gian, mới có thể đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt đáng để chúng ta noi theo, nguyện tâm của ngài chưa từng thoái chuyển, hành trì của ngài vĩnh viễn luôn luôn dũng mãnh, tinh tấn, đều làm được 'nhân quả làm lợi ích cho hàng Trời, Người'. Phổ Quảng Bồ Tát khải thỉnh, các ngài nương theo lời dạy của Phật, gánh vác sứ mạng hoằng dương kinh này. Nhưng làm thế nào có thể làm việc này cho có hiệu quả 'chúng sanh trong đời vị lai thảy đều kính vâng lời của Phật', đây là nói về hiệu quả, việc này cần Phật gia trì. Tuy Bồ Tát đang làm, có thể thâu được hiệu quả hay không, họ cũng chẳng dám nói. Cầu Phật gia trì, ở đây thỉnh Phật khai thị tức là cầu Phật gia trì.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Quảng Bồ Tát cập tứ chúng đẳng.

Lúc đó Thế Tôn bảo Phổ Quảng Bồ Tát và tứ chúng.

Phổ Quảng ở đây là người đương cơ, 'đẳng' là những người trong hội, chẳng phải chỉ là người trong hội. Kinh văn phía trên có nói đây là 'phổ cáo hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát ở các thế giới chư Phật', 'đẳng' nghĩa là như vậy, chẳng nhất định phải ở trong hội ấy, đây là hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát ở cõi nước của mười phương chư Phật, nghĩa của 'đẳng' rất rộng. 'Cập tứ chúng đẳng' bao gồm thiên long đại chúng.

Đế thính, đế thính

Lắng nghe, lắng nghe.

Đế thính, đế là đúng sự thật, chắc thật. Chúng ta dùng ngôn ngữ hiện nay để nói, nghe kỹ, chăm chú nghe, có nghĩa như vậy.

Ngô đương vị nhữ lược thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên phước đức chi sự.

Ta sẽ vì các vị lược nói về những sự phước đức của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người

Người thế gian, đặc biệt là lục đạo phàm phu, ít có ai giác ngộ, niệm niệm còn lưu luyến phước đức nhân thiên, chẳng chịu xả bỏ phước đức nhân thiên nên họ chẳng thoát nổi lục đạo luân hồi. Nhưng Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh nhất định phải tùy thuận căn tánh của họ, tùy thuận sở thích của họ, hướng dẫn họ dần dần. Chúng sanh coi trọng phước, có một ai chẳng cầu phước? Người chẳng tin Phật cũng cầu, chẳng có một ai không cầu phước. Có ai không cầu phước? Bạn đi dạo trên mỗi đường phố ở Tân Gia Ba [sẽ thấy] người ta dán chữ Phước, dán đảo ngược lại, dán ngược lại tức là 'phước đáo' (phước đến), họ đều đang cầu phước. Phước có thật sự đến hay không? Rất khó nói. Do đó mới biết tâm cầu phước chẳng có một người nào chẳng vậy. Tại sao gọi là 'Phước Đức'? Nói thật ra họ cũng chẳng hiểu, họ cho rằng thăng quan phát tài tức là phước đức. Nhà Nho dùng Khổng Lão Phu Tử làm đại diện, trong Luận Ngữ

có nói về năm đức hạnh của Phu Tử: "Ôn Hòa, Lương Thiện, Cung Kính, Tiết Kiệm, Khiêm Nhường" 9[9], nói thật ra đây là căn bản để làm người, cơ sở của cõi người. Ôn hậu, tâm địa đôn hậu, biểu hiện bên ngoài là ôn hòa, hiền lương, cung thận. Cung là cung kính, thận là cẩn thận. Tiết kiệm, nhường nhịn. Ngũ Đức của Phu Tử cảm được phước báo, người Trung Quốc cổ xưa gọi là Ngũ Phước, Ngũ Phước đến cửa nhà.

Trong Ngũ Phước, trong ấy thứ nhất là 'Phước Thọ', ngày nay chúng ta gọi là khỏe mạnh, sống lâu, đây là phước thứ nhất. Thứ hai là 'Phú Quý', phú là tiền tài, quý là có địa vị, trong xã hội bạn có địa vị, có tiền tài. Thứ ba là 'Khang Ninh', khang là kiện khang (khỏe mạnh). An ninh, thân tâm yên ổn, thân tâm vui sướng. Tâm chẳng có âu lo, thân chẳng có khổ nạn, thân hưởng lạc, trong tâm hỷ duyệt (vui sướng), khang ninh nghĩa là như vậy. Thứ tư là 'Hảo Đức'. Thứ năm là 'Khảo Chung', nghĩa là chết an lành. Trong năm đức Phước Thọ, Phú Quý, Khang Ninh, Khảo Chung đều là quả, đều là những điều bạn hưởng thọ. Hảo Đức là nhân, tu nhân, bạn phải tu nhân, bạn làm sao có thể có được quả báo này? Hảo Đức tức là Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng, bạn có tu đức thì bạn mới có thể được phước. Lúc hưởng phước còn phải tu đức thì phước báo của bạn mới có thể kéo dài, mới chẳng đến nỗi hưởng hết. Tu học trong Phật pháp còn thù thắng hơn việc này. Nhưng chúng ta phải biết năm chữ Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng này đích thật là căn bản, chúng ta tu học cũng lấy những thứ này làm căn bản, 'Dưỡng Ngũ Đức, tu Lục Hòa'.

Hôm nay chúng ta tu học pháp môn Tịnh Độ, chúng ta xây dựng cơ sở trên Tam Phước dạy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là cơ sở của chúng ta. Tam Phước là gì? Tam Phước chính là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh. Phước thứ nhất trong Tam Phước là *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp'*, phước thứ hai là *'Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi'*, phước thứ ba là *'Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả'*. Chư vị nghĩ xem tổng cộng mười một câu, có phải mười một câu này nói về kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện không? Thế nên bộ kinh này chỉ nói tường tận về mười một câu này mà thôi. Phật đã nói ba điều này là 'Tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân' (Tịnh nghiệp chánh nhân của ba đời chư Phật), tám chữ này vô cùng quan trọng! Thế Tôn nói rõ cho chúng ta, mười phương ba đời hết thảy chư Phật từ lúc mới phát tâm tu hành đến khi chứng quả đều y theo cơ sở này. Bởi vậy mới biết mười một câu này chẳng phải chỉ là cơ sở của chúng ta tu hành Tịnh Tông mà thôi, tám vạn pháp tướng, bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất cứ một pháp môn nào đều phải xây dựng trên cơ sở này. Cơ sở này chính là kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Do đó nếu chẳng đặt nền móng, cơ sở trên bộ kinh này thì tu học pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Cho nên tôi nói đây là pháp căn bản trong Hành Môn của chúng ta, vô cùng quan trọng!

Thanh Liên pháp sư trong chú giải nói với chúng ta về sáu ngày trai, về ngũ giới thập thiện, ngài đặc biệt chỉ ra chuyện này, tức là 'Sự lợi ích phước đức nhân thiên'. Trong cơ sở lại nhấn mạnh chỗ căn bản của cơ sở, nhất định phải tu ngũ giới, nhất định phải tu thập thiện. Không thể mỗi ngày tu hạnh thanh tịnh thì cũng phải tu sáu ngày mỗi tháng. Sáu ngày trai, hiện nay người dùng âm lịch rất ít, rất khó nhớ, sẽ gây phiền phức cho đời sống của bạn, vậy thì phải làm sao? Chúng ta dùng ngày chủ nhật hoặc ngày thứ bảy, cũng giống nhau, mỗi tuần tu một lần. Giống như chúng ta hiện nay đề xướng mỗi tuần cử hành một ngày niệm Phật suốt 24 giờ, khi bước vào Niệm Phật Đường niệm suốt 24 giờ thì ngũ giới, thập thiện đều viên mãn. Trong ấy bạn chẳng khởi vọng tưởng, nhất tâm niệm Phật. Cho nên bước vào Niệm Phật Đường thì Tịnh

9[9] 'Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng'

Nghiệp Tam Phước đều tu trọn vẹn, Giới Định Huệ Tam Học cũng tu trọn, chứng trọn, giống như kinh Hoa Nghiêm có nói *'một là tất cả, tất cả là một'*. Chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật này dung nhiếp rốt ráo hết thảy pháp môn, thế nên [mới nói] pháp môn Niệm Phật rất tốt! Đáng được đề xướng. Chẳng câu nệ số người ít hay nhiều, tốt nhất là mỗi tuần niệm một lần, niệm suốt 24 giờ không gián đoạn, chúng ta cực lực đề xướng pháp môn này.

Tương lai Làng Di Đà ở đây, Niệm Phật Đường sẽ làm được mỗi ngày niệm Phật 24 giờ, suốt năm cũng không gián đoạn. Nói cách khác, Niệm Phật Đường này là một Niệm Phật Đường tinh tấn, chẳng phải Niệm Phật Đường thông thường. Năm xưa, Niệm Phật Đường ở núi Linh Nham của Ấn Quang đại sư mỗi năm cử hành tinh tấn Phật thất. Chỗ này của chúng ta ngày nào cũng là tinh tấn Phật thất, vô cùng hiếm có! Hy vọng các bạn đồng tu, đồng tu ở nước ngoài, hiện nay giao thông tiện lợi, nhanh chóng, có thể thường đến tham gia niệm Phật ở đây. Nếu có đồng tham đạo hữu có thể tổ chức các nhóm nhỏ đến Tân Gia Ba, [chúng tôi] ở đây vô cùng hoan nghinh, hoan nghinh nhiệt liệt. Đến đây bạn niệm một tháng cũng được, niệm bảy ngày cũng được, thường trú ở đây sẽ hoàn toàn cúng dường, tứ sự cúng dường, bạn chẳng cần mang theo một đồng xu, thành tựu cho mọi người làm Phật, đây là công đức thù thắng vô cùng. Thôi được rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 19 (Số 14-12-19)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 30, xin xem kinh văn hàng thứ nhất:

Phổ Quảng bạch ngôn dụy nhiên, Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn.

Ngài Phổ Quảng bạch rằng: "Vâng, bạch đức Thế Tôn, [chúng con] vui mừng muốn được nghe."

Đoạn này có thể khỏi nói, mọi người coi tới liền hiểu. Xem tiếp đoạn sau.

Phật cáo Phổ Quảng Bồ Tát, vị lai thế trung nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, văn thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát danh giả, hoặc hiệp chưởng giả, tán thán giả, luyến mộ giả, thị nhân siêu việt tam thập kiếp tội.

Đức Phật bảo Bồ Tát Phổ Quảng: "Trong đời vị lai nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát hoặc là chắp tay, hoặc là tán thán, hoặc là đảnh lễ, hoặc là luyến mộ, người đó sẽ vượt qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp"

Đoạn kinh văn này, phần đông người ta xem xong đều rất khó tin, thật chẳng dễ tiếp nhận, tại sao? Làm gì có chuyện dễ dàng như vậy, chuyện tiện lợi như vậy. Một người nghe đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hoặc chắp tay, tán thán, đảnh lễ, ưa thích ngưỡng mộ, những sự việc bình thường như vậy bèn có thể siêu việt ba mươi kiếp tội báo, nói vậy hình như hơi quá đáng, làm gì có chuyện lợi ích to lớn như thế! Thật ra trong đoạn kinh văn này, chữ quan trọng mấu chốt là chữ 'Thiện', đây chẳng phải đã nói rất rõ rồi sao? 'Thiện nam tử, thiện nữ nhân', chẳng phải là một người nam, người nữ bình thường; bạn nghe danh, chắp tay bèn có công đức lớn như vậy, chúng ta đọc kinh thường chẳng để ý nên bỏ sót hết. Tiêu chuẩn của chữ Thiện này là tiêu chuẩn của kinh Đại Thừa, chúng ta y theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để nói, dùng tiêu chuẩn này để nói 'Tịnh Nghiệp Tam Phước' làm được hoàn toàn mới gọi là Thiện. Bạn chỉ làm được *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu thập thiện nghiệp'* thì đây là Thiện ở cõi trời, cõi người. Kinh này là kinh Đại Thừa, bạn còn chưa đạt đến tiêu chuẩn này. Nếu thêm *'Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi'* thì đây là Thiện của Nhị Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, so với Thiện này còn thua một bậc. Cái Thiện này nhất định phải *'Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả'*. Nói cách khác, cả mười một câu đều làm được hết, người này nghe đến danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, chắp tay, tán thán, thì mới siêu việt ba mươi kiếp tội nghiệp, thế thì còn lời gì để nói nữa? Tự mình có gốc rễ này, thêm vào oai thần gia trì của Phật, Bồ Tát thì chúng ta mới tin tưởng được. Thế nên chữ Thiện ở đây chẳng phải là tiểu Thiện của phàm phu, đây là chữ mấu chốt. Rất nhiều người đọc kinh, nghe kinh xong bèn khởi nghi hoặc, chẳng tin là vì chẳng chú trọng đến chữ này, đây là một chữ quan trọng nhất trong đoạn này.

Tiêu chuẩn này chẳng phải là Đại Tâm Phàm Phu nói trong kinh Hoa Nghiêm hay sao? Chúng ta là phàm phu, sao lại nói là Đại Tâm phàm phu? Phàm phu nghĩa là phiền não của bạn chưa đoạn dứt, chẳng phải Bồ Tát. Nếu là Bồ Tát thì đã đoạn dứt Kiến Tư phiền não và phá một phần vô minh, đó là thật chẳng giả. Họ thật sự đã làm được Tam Phước trong Quán Kinh, đó là Pháp Thân Đại Sĩ, chẳng phải người thường. Chúng ta chưa đoạn phiền não và cũng tu pháp của Bồ Tát, chúng ta cũng tu. Tuy tu nhưng chưa đoạn phiền não nên gọi là Đại Tâm Phàm Phu.

Đại Tâm nghĩa là pháp môn tu của bạn giống với Pháp Thân Đại Sĩ, nhưng Pháp Thân Đại Sĩ đã đoạn phiền não, chúng ta chưa đoạn phiền não, định nghĩa của thuật ngữ 'Đại Tâm Phàm Phu' là như vậy. Chúng ta muốn đạt đến tiêu chuẩn của Bồ Tát chẳng dễ dàng, đừng nói Bồ Tát, ngay cả Nhị Thừa cho đến Tiểu Thừa sơ quả Tu Đà Hoàn, chúng ta trong đời này muốn nhập vào cảnh giới của họ cũng chẳng dễ, đều chẳng thể làm nổi. Cho nên chúng ta dùng thân phận phàm phu, tu pháp môn Tiểu Thừa, tu pháp môn Bồ Tát, cho đến tu Nhất Thừa đại pháp, đây chẳng phải là không thể. Đặc biệt là như cách nói trong kinh Hoa Nghiêm *'một là tất cả, tất cả là một'*, sơ phát tâm bèn có thể tu pháp môn của Đẳng Giác Bồ Tát. Giống như câu nói trong kinh *'Hành bố thí nhưng không trở ngại viên dung, viên dung nhưng không trở ngại bố thí 1**[1]**'*, hành bố là thứ đệ (cấp bậc, thứ lớp), viên dung là siêu việt thứ đệ, hiển rõ ra pháp giới vô chướng ngại.

Và chính là nhắc nhở chúng ta có thể tu học pháp giới vô chướng ngại, chẳng phải là không thể tu, chẳng phải nói nhất định phải đến một vị thứ nào mới tu, Phật pháp chẳng giống như trường học trong thế gian. Trong trường học thế gian, học sinh lớp một tuyệt đối chẳng thể học khóa trình của lớp bác sĩ. Nhưng trong Phật pháp thì được, người sơ học phát tâm bèn có thể tu pháp môn trên quả địa của Như Lai. Pháp trên quả địa Như Lai là pháp gì? Pháp bình đẳng. Thế nên cho dù Đẳng Giác Bồ Tát, trên quả địa Như Lai ngài cũng chẳng chê bỏ pháp môn tu của người sơ phát tâm. Người sơ phát tâm tu pháp môn gì? Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, Phật cũng chẳng bỏ. Đây gọi là "một tức là tất cả", chẳng giống như giáo học trong thế pháp.

Do đó có thể biết trong Phật pháp chẳng có thứ lớp sâu cạn. Bạn nói cạn thì cạn tức là sâu, khi nói sâu thì sâu tức là cạn. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng rất cạn, là môn người mới bước vào cửa Phật tu học, Đẳng Giác Bồ Tát cũng tu [pháp này], Như Lai cũng tu, nhất định chẳng bỏ qua, do đó cạn tức là sâu. Pháp môn Như Lai thanh tịnh bình đẳng, đây là [pháp môn] rất sâu, người sơ học như chúng ta cũng có thể tu học theo, sâu tức là cạn, cạn sâu chẳng hai. Phật pháp được gọi là pháp môn bất nhị, đạo lý là ở chỗ này. Chúng ta coi bộ kinh này, hầu như những gì được nói đều thuộc về Sự Tướng. Nhưng nếu từ trong những Sự này có thể thấu hiểu nghĩa thú, đạo lý sâu xa

---

1[1] Hành Bố bất ngại viên dung, viên dung bất ngại hành bố
Do bố thí là Ba La Mật đầu tiên của Lục Độ, hành giả Đại Thừa hành Bố Thí trước rồi tiến tu các Ba La Mật khác nên hòa thượng nói "hành bố" là "thứ đệ" (hành theo thứ lớp), còn viên dung là không còn thấy có thứ lớp, tự tại tu tập tất cả các Ba La Mật, đồng thời tu tập Ba La Mật, nhưng không thấy còn phải quán sát. Chẳng hạn như trong kinh Bát Nhã Ba La Mật dạy: Hành nhân tu Bố Thí Ba La Mật thấy người cho, kẻ nhận, vật thí đều không, đó là tu Bát Nhã Ba La Mật. Cho mà không cầu phước báo đó là Thiền Định Ba La Mật v.v... Khi viên dung thì tuy tu bất cứ một Ba La Mật nào đều có thể trọn vẹn sáu Ba La Mật hay nói rộng hơn là trọn vẹn vô lượng Ba La Mật.

trong ấy, đó tức là điều được nói trong ‘Phóng Quang Bát Nhã’ 2[2], đạo lý thật sâu. Đây là chữ quan trọng mấu chốt, nói ra cho chư vị rồi. Nghe đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, Danh là Danh của Thật, Thật là Thật của Danh, có Danh là có Thật. Nghe đến danh hiệu này, bạn liền có thể nghĩ đến bộ kinh này. Danh hiệu là đề kinh, toàn bộ lý luận, phương pháp tu học, và công đức lợi ích nói trong kinh đều có thể từ trong tâm sanh khởi khi nghe đến Danh [hiệu này]

‘Chắp tay’ là cung kính, ‘tán thán’ là hoằng dương, ‘đảnh lễ, ưa thích ngưỡng mộ’ là tu hành, noi gương theo Địa Tạng Bồ Tát, học tập theo Địa Tạng Bồ Tát, như vậy mới đạt được oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát gia trì, mới có thể diệt tội, ‘vượt qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp’ tức là diệt tội. Chúng ta hiểu được ý tứ này sẽ chẳng hoài nghi, liền biết lời Phật nói là sự thật, tuyệt chẳng phải là lời nói dối, chẳng phải lời khoa trương, hoàn toàn là sự thật. Ở đây làm thế nào mới có thể nâng cao chúng ta lên tới tiêu chuẩn Thiện, điểm này rất quan trọng. Trong Quán Kinh, đức Phật nói rất hay, kết luận của mười một câu trong Tam Phước tức là *‘Tịnh Nghiệp Chánh Nhân của ba đời chư Phật’*, nói rất minh bạch, rõ ràng. Ba đời tức là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, ba đời chư Phật tu hành chứng quả từ cơ sở nào? Tức là từ Tam Phước. Cho nên Tam Phước tức là ‘Thiện nam tử, thiện nữ nhân’ nói trong kinh, tiêu chuẩn của Thiện. Thiện Tiểu Thừa là làm được hai điều, bảy câu đầu, là thiện nam tử, thiện nữ nhân nói trong kinh Tiểu Thừa. Tiêu chuẩn Thiện của kinh Đại Thừa nhất định phải làm hết mười một câu. Tuy chẳng viên mãn, chẳng rốt ráo, nhưng chúng ta nhất định phải làm. Những ý tứ khác chư vị có thể tham khảo chú giải của Thanh Liên pháp sư, chú giải của ngài rất hay. Chúng ta xem tiếp kinh văn phía sau:

Phổ Quảng, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân.
Này Phổ Quảng, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân
Vẫn chú trọng chữ ‘Thiện’.

Hoặc thái họa hình tượng, hoặc thổ thạch giao tất, kim ngân đồng thiết tác thử Bồ Tát nhất chiêm nhất lễ giả, thị nhân bá phản sanh ư tam thập tam thiên, vĩnh bất đọa ư ác đạo. Giả như thiên phước tận cố, hạ sanh nhân gian, do vi quốc vương bất thất đại lợi.

Hoặc tô vẽ hình tượng, hoặc dùng đất, đá, keo, sơn, vàng, bạc, đồng, sắt tạc tượng Bồ Tát, rồi cứ một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, thì người đó sẽ sanh lên

---

2[2] Phóng Quang Bát Nhã (Pañcavimśatisāhasrikā prajñāpāramitā), 20 quyển, do các vị Vô La Xoa, Trúc Thục Lan v.v… cùng dịch vào đời Tây Tấn, được xếp vào Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, quyển thứ 8.Tên gọi đầy đủ là Phóng Quang Bát Nhã Ba La Mật Kinh. Nội dung kinh này giảng về Bát Nhã và công đức của nó, khuyên đại chúng nên tu học. Theo Xuất Tam Tạng Thống Ký, vào năm Cam Lộ thứ năm (260) đời Tào Ngụy, ông Châu Sĩ Hành người xứ Dĩnh Châu qua Vu Điền sao chép được chín mươi sáu chương kinh này gồm hơn 60 vạn chữ, sai đệ tử là Phất Như Đàn đưa về Lạc Dương, nhưng mãi đến Nguyên Khang nguyên niên (291) đời Tấn Huệ Đế, các vị Vô La Xoa, Trúc Thục Lan, Chúc Thái Huyền, Châu Huyền Minh mới vâng chiếu cùng tham gia dịch sang Hán văn. Hai ông Chúc và Châu làm nhiệm vụ bút thọ và nhuận văn. Kinh này chính là bản dịch khác của các kinh Quang Tán Bát Nhã (Trúc Pháp Hộ dịch) và kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh (Đại Phẩm Bát Nhã) do Cưu Ma La Thập dịch, và tương ứng với hội thứ hai trong bộ Đại Bát Nhã Kinh do ngài Huyền Trang dịch.

cõi trời Ba Mươi Ba một trăm lần, vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo. Giả sử phước trời đã hết, phải sanh xuống nhân gian cũng vẫn làm quốc vương, không mất sự lợi lớn.

Lợi ích nói ở đây thật ra còn thù thắng hơn phía trước. Phía trước nói diệt tội, chẳng nói bạn được phước, diệt tội thì đương nhiên sẽ được phước, Thế Tôn chẳng cụ thể nói rõ cho chúng ta, còn ở đây nói cụ thể rất rõ. Ở đó tu phước chỉ nêu ra một thí dụ, nói thật ra tu phước có quá nhiều phương thức, chẳng phải chỉ có một phương thức này thôi, chúng ta từ một thí dụ, như câu nói "nêu một thấy được ba, nghe một hiểu mười"3[3] , việc này vô cùng quan trọng! Đây là nói nắn tạo hình tượng Bồ Tát, việc này có một số người chẳng hiểu lý rốt ráo, cứ cho rằng Phật Giáo tạo nhiều hình tượng khác nhau như vậy nên nói chúng ta cúng tế ngẫu tượng ? Vả lại cúng tế rất nhiều ngẫu tượng, và trở thành Đa Thần Giáo, Đa Thần Giáo thuộc về tôn giáo hạng thấp. Tôn giáo cao cấp chỉ có một Thần, duy nhất một Chân Thần, còn trong Phật Giáo cái gì cũng cúng lạy. Thật ra họ chẳng biết đạo lý này, đạo lý này quá sâu, quá sâu, chẳng có ai nói cho họ biết, chúng ta không thể trách họ được. Chẳng có người nói cho họ nghe thì họ làm sao biết được?

Hồi trước ở Đài Loan tôi đã từng gặp một sĩ quan, vị sĩ quan này hình như trong quân đội làm ngành tuyên huấn (Tâm lý chiến). Ông đến chùa miếu của chúng tôi du ngoạn, rồi đề ra những câu hỏi liên quan đến tượng Phật. Ông nói: "Có ý nghĩa gì ở đây chăng? Tạo ra nhiều tượng Phật như vậy, phí nhiều tiền như vậy [có ý nghĩa gì hay không?]". Vì tôi biết ông ta làm về ngành tuyên huấn nên tôi hỏi ông, tôi nói: "Quý vị làm công việc tuyên huấn, tại sao đi khắp nơi dán biểu ngữ? Ông dán cái này có ý nghĩa gì?". Ông nói: " Dán cái này là để nhắc nhở mọi người chú ý". Tôi nói: "Nếu ông dán biểu ngữ này, thí dụ nói ở Đài Loan thường thấy 'Tam Dân chủ nghĩa vạn tuế', biểu ngữ này nhắc nhở mọi người. Nếu tạo một tượng Tôn Trung Sơn tiên sinh để ở đó, thì không phải còn thù thắng hơn biểu ngữ này hay sao?" Ông nói: "Đúng! Có đạo lý". Tôi nói: "Tượng Phật của chúng tôi cũng có đạo lý như vậy, chúng tôi dán một câu 'Nam Mô A Di Đà Phật', khi bạn nhìn thấy liền nhắc nhở bạn niệm Phật. Vậy thì tạo một tượng Phật A Di Đà có phải còn thù thắng hơn hay không! Cùng một đạo lý. Bạn nói tại sao phải tạo ra nhiều tượng như vậy? Tại sao lại dán biểu ngữ của các bạn nhiều như vậy? Dán mấy chục tấm, mấy trăm tấm, không phải một tấm đã đủ rồi sao". Từ chỗ này ông ta mới hiểu được ý nghĩa ấy.

Trong Phật pháp, danh hiệu và hình tượng của Phật, Bồ Tát đều là để tượng trưng, tiêu biểu pháp, nói cách khác là để nhắc nhở chúng ta tu học. Phàm phu đích thật mê hoặc điên đảo, có ai luôn nhắc nhở cho bạn? Nếu thật sự có một người giờ phút nào cũng căn dặn, nhắc nhở bạn, thì bạn sẽ cảm thấy người ấy rất đáng ghét, nhiều chuyện! Cho nên dùng cách thức này, thực sự đã đạt đến mức thiện xảo phương tiện. Đem danh hiệu vẽ thành hình tượng, tạo hình tượng thành phẩm vật nghệ thuật cao độ, bạn có thể ngắm nhìn, thưởng thức, vĩnh viễn nhìn chẳng chán, bạn nhìn thấy liền sanh tâm hoan hỷ, lại còn hiểu được ý nghĩa của nó. Phàm là danh hiệu, hình tượng của Phật đều tiêu biểu Tánh Đức, trong tự tánh của chúng ta vốn sẵn đủ, tự tánh vốn như vậy. Phàm là danh hiệu, hình tượng của Bồ Tát đều tiêu biểu Tu Đức. Tánh đức của chúng ta đã mê mất, làm sao khôi phục lại? Nhất định phải tu hành, nương nhờ vào tu đức. Tu đức phải tương ứng với tánh đức thì đó mới là tu hành chân chánh, gọi là tánh tu bất nhị, bạn mới

3[3] 'cử nhất phản tam, văn nhất tri thập'

có thể khôi phục tự tánh, đạo lý là như vậy. Tánh đức và Tu đức đều sâu rộng vô lượng vô tận, thế nên dùng một danh hiệu, một hình tượng thì không cách chi biểu lộ, tỏ rõ, do đó danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát rất nhiều, nhiều đến chẳng thể nghĩ bàn, tỏ rõ trí huệ, đức năng của bản tánh vô lượng, vô biên, chẳng có cùng tận.

Tánh đức như vậy, Tu đức đương nhiên cũng như vậy, cho nên danh hiệu và hình tượng của Phật, Bồ Tát cũng vô lượng vô biên.

Chư vị nên đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ thấy được. Đại chúng tham dự pháp hội kinh Hoa Nghiêm, chẳng dùng từng cá nhân mà dùng đoàn thể để tính. Đoàn thể được quy nạp tổng cộng có đến một trăm bảy mươi mấy đoàn thể, hiển lộ vô tận, vô tận đức tướng tánh tu, chúng ta phải thấu hiểu sâu xa ý tứ này. Trong kinh đức Phật thường nói pháp thế và pháp xuất thế, y báo chánh báo trang nghiêm của Nhất Chân pháp giới và thập pháp giới đều là *'duy tâm sở hiện, duy thức sở biến'*, đây là lời Phật nói trong kinh. Có người đọc đến kinh này, nghe kinh này sanh hoài nghi, hiện nay tâm tôi tưởng biến, tại sao biến không ra? Lời Phật nói chẳng linh nghiệm đối với sự thực nghiệm của tôi.

Thật ra họ chẳng hiểu cái gì gọi là Tâm, họ đã hiểu lầm. Tâm là gì? Thức là gì? Lấy vọng tưởng làm Tâm, đem chấp trước làm Thức, thế thì làm sao biến được? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là Tác Dụng của Tâm Thức, chẳng phải là Lý Thể của Tâm Thức. Thí dụ chúng ta đi tìm người nào đó, bạn coi bác làm công trong nhà người ấy chính là người ấy vậy thì làm sao được! Làm sao có thể làm xong công việc! Người làm công chỉ nghe lời sai bảo của chủ nhân, bạn phải tìm cho ra chủ nhân thì mới giải quyết vấn đề được. Thiền Tông nói rất hay *'Nếu người biết được tâm, đại địa này chẳng có một tấc đất'* 4[4], nếu bạn có thể thấy được Tâm Tánh, bạn sẽ chẳng còn là phàm phu nữa, bạn sẽ là Phật, Bồ Tát rồi.

Do đó nghiên cứu giáo lý, nghe kinh phải có tâm nhẫn nại, có nghi vấn thì có thể tồn nghi, cổ đức có nói: "Tiểu nghi có tiểu ngộ, đại nghi có đại ngộ", đó gọi là 'nghi tình', chẳng phải là hoài nghi. Nếu đối với lời trong kinh bạn chẳng thể lý giải, khởi hoài nghi thì là sai lầm. Hoài nghi là gì? Bạn chẳng tin tưởng, bạn chẳng thể tiếp nhận. Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát, Bồ Tát nói ở đây là Bồ Tát đạo, chướng ngại lớn nhất cho sự tu hành của Bồ Tát. Vậy thì phải làm sao? Có nghi vẫn phải tin, tôi vẫn kiền thành tin tưởng. Phật nói Lý này quá sâu, chẳng phải là cảnh giới của tôi, chẳng phải trí huệ nông cạn hiện giờ của tôi có thể hiểu nổi. Tôi tin điều này, tin lời Phật dạy chẳng sai, hết lòng tiếp tục nỗ lực tu học chẳng gián đoạn, đợi đến một ngày nào đó khai trí huệ xong, vấn đề này sẽ được giải quyết.

Nghi tình nhỏ, trí huệ mở mang được mấy phần thì vấn đề sẽ được giải đáp; nghi tình lớn, trí huệ cần phải mở đến một mức độ nào đó thì bạn mới có thể hiểu được. Đây tức là tiểu nghi có tiểu ngộ, đại nghi có đại ngộ. Nếu bạn hoài nghi, chẳng tin tưởng, chẳng tiếp nhận thì bạn vĩnh viễn sẽ chẳng có chỗ ngộ. Thế nên nghĩa thú sâu xa và cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nói trong kinh thì có nghi tình là chánh xác vậy, nhất định phải y chiếu lý luận, phương pháp của Phật dạy trong kinh mà hết lòng tu học. Phật pháp từ thỉ đến chung đều là dạy người ta khai trí huệ, đó gọi là phá mê khai ngộ. Làm sao khai trí huệ? Trí huệ khai thông từ trong thiền định. Trong Tịnh Độ Tông chúng ta, tuy chẳng dùng danh từ 'thiền định' này, Tịnh Tông dùng *'nhất tâm bất loạn, tâm*

4[4] Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ.

chẳng điên đảo', tám chữ này chính là thiền định, mục đích của người niệm Phật tu tập là ở chỗ này.

Hiểu rõ đạo lý rồi, đây chỉ là nêu ra một thí dụ trong vô lượng phương pháp tu học: tạo tượng, công đức của việc tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn. Chủng loại tạo tượng rất nhiều, ở đây liệt kê ra 'thái họa', tô vẽ đều được, hoặc là đúc nắn bằng đất sét, điêu khắc trên đá, giao tất (mủ, sơn) hình tượng Phật, Bồ Tát loại này cũng rất nhiều. Hiện nay kỹ thuật khoa học phát đạt, tạo thành mô hình, tạo hình tượng Phật, Bồ Tát vừa đẹp vừa rẻ. [Phần kinh văn] phía sau [nói đến] tượng Phật đúc bằng kim loại, dùng vàng, bạc, đồng, sắt đúc thành, những tượng này có thể truyền lâu đời về sau. Đối với một người tu học thì hình tượng Phật, Bồ Tát là để nhắc nhở, giờ phút nào cũng luôn cảnh tỉnh. Chúng ta tạo một tượng Địa Tạng Bồ Tát, công đức rất lớn, giờ phút nào cũng nhắc chúng ta phải hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Địa Tạng Bồ Tát tiêu biểu cho hiếu đạo, giờ phút nào cũng nhắc nhở tâm địa chúng ta chứa đựng vô lượng bảo tàng, đây là hàm nghĩa của danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói trong tâm tánh của chúng ta có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, tài nghệ, hết thảy đều viên mãn, đầy đủ, cùng với những lời nói trong đại kinh, y chánh trang nghiêm của quả địa Như Lai chẳng hai chẳng khác, đây đều là tự tánh vốn có đầy đủ. Kinh Hoa Nghiêm nói về Hoa Tạng thế giới của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, kinh Tịnh Độ nói về Cực Lạc thế giới của đức Phật A Di Đà, thế giới này xuất hiện như thế nào? Trong tự tánh vốn sẵn có đủ cho nên mới nói 'duy tâm tịnh độ'. Chúng ta mê mất tự tánh, ngày nay chúng ta trụ trong thế giới này, tai nạn nhiều như vậy, ngũ trược ác thế, ngũ trược ác thế từ đâu đến ? Cũng là duy tâm ngũ trược, chẳng lìa khỏi tâm tánh. Giác ngộ xong thì tâm tánh này biến thành tịnh độ, mê mất thì tâm tánh này liền biến thành uế độ, tướng biến thành tuy chẳng giống nhau, thể tánh của cái năng biến (chủ tể biến) chỉ là một, cho nên mới nói tịnh uế chẳng hai. Ai trụ trong "tịnh uế chẳng hai"? Người giác ngộ trụ. Còn [đối với] người mê, tịnh và uế sai biệt quá lớn. Việc này giải thích như thế nào? Người giác ngộ chẳng chấp tướng, họ trụ trong tịnh độ nhưng không chấp tướng tịnh độ, trụ trong uế độ cũng chẳng chấp tướng uế độ, cảm thọ của họ đều giống nhau. Người mê chấp tướng, trong tịnh độ thì chấp trước tướng Tịnh, sanh tâm hoan hỷ; trong uế độ thì họ chấp trước tướng uế độ, họ sanh phiền não, là sự việc như vậy. Nếu bạn có thể thật sự không chấp tướng; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hoàn toàn buông bỏ hết thì tịnh uế chẳng hai, cảm thọ của bạn chẳng hai, thọ dụng chẳng hai. Chẳng có nói tịnh độ và uế độ biến thành một thứ, chẳng phải vậy. Tịnh độ vẫn có tướng tịnh độ, uế độ vẫn là tướng uế độ, cảm thọ của họ chẳng hai, bình đẳng thọ.

Phật nói Thọ của phàm phu có năm thứ: 'khổ, vui, buồn, mừng, xả', năm thứ thọ, đây là phàm phu. Thánh nhân chẳng có năm thọ này, thọ của thánh nhân được gọi là 'chánh thọ'. Trong kinh thường thấy chữ 'Tam Muội', Tam Muội dịch nghĩa là chánh thọ, Tam Muội là tiếng Phạn dịch âm mà thành. Chánh thọ tức là năm thứ thọ 'khổ, vui, buồn, mừng, xả' đều buông bỏ, hưởng thọ như vậy mới gọi là Chánh Thọ. Chánh thọ dựa trên trí huệ chân thật, còn thọ của phàm phu dựa trên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, do đó trong cảnh giới của họ có 'khổ, vui', có 'buồn, mừng'. Tại sao cùng một tâm tánh lại biến hiện thành sắc tướng chẳng đồng? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tuy tâm tánh là một, chân tâm bản tánh thuần nhất, thanh tịnh, tướng được hiện ra gọi là

Nhất Chân pháp giới. Nhưng trong thuần nhất, thanh tịnh, đương lúc nó khởi tác dụng hình như lại có tạp nhiễm. Pháp Tướng Duy Thức Học đối với hiện tượng này có nghiên cứu rất thâm nhập, họ phân tách rất tinh tế, kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức vô cùng phong phú. Thuyết minh tâm tánh khởi tác dụng, hiện tướng trạng các thứ chuyển biến, hư không pháp giới vô lượng vô số chúng sanh đều là Tình Thức biến hiện mà ra, Lý trong ấy quá sâu. Tại sao nó lại biến? Tại sao biến thành nhiều như vậy? Tại sao biến ra rồi chẳng chỉnh tề? Đây là một sự học vấn to lớn.

Nếu nói vấn đề này bạn có nghi hoặc, bạn rất khó tiếp nhận, chúng tôi lại nói một thí dụ thô thiển để xem bạn có thể tiếp nhận được không? Ban đêm bạn ngủ có khi nào nằm mộng chăng? Mọi người đều đã từng nằm mộng, tại sao trong mộng xuất hiện quá nhiều nhân vật như vậy? Nhiều chúng sanh như vậy? Cái có thể nằm mộng là tâm ý thức của bạn, tại sao tâm ý thức của bạn biến thành phức tạp như vậy? Trong mộng có người tốt, cũng có người xấu, có người bạn ưa thích, cũng có người bạn chán ghét, tại sao bạn không mộng toàn là người bạn ưa thích? Một người bạn ghét cũng không có, tại sao không được? Đạo lý này rất gần với [vấn đề] trên, rất giống, bạn hãy từ từ nghiên cứu. Bạn suy nghĩ, bạn nghiên cứu tại sao trong mộng lại xuất hiện người tốt, người xấu, vừa ưa thích, lại có chán ghét? Bạn đi nghiên cứu, thật ra nghiên cứu chẳng được, bạn hãy đọc thêm kinh sách của Pháp Tướng Tông.

Đó chính là ‘duy thức sở biến’, thức là A Lại Da thức, A Lại Da thức chứa đựng hạt giống nghiệp tập nên có thiện, có chẳng thiện. Lúc sức mạnh ý chí của bạn chẳng thể khống chế chính mình, những hạt giống này sẽ khởi lên. Khi khởi lên thì nó sẽ biến ra ảo tưởng, hiện tướng trong giấc mộng là ảo tưởng, cảnh giới hiện tiền của chúng ta trong kinh không phải đức Phật đã gọi là ‘mộng huyễn bọt bóng’ sao, cũng chẳng phải thật. Chúng ta trên thế gian này mấy chục năm ngắn ngủi, hình như nhìn thấy được hiện tượng này, thật ra phải nói cái hiện tượng này đang chuyển biến từng sát na, từng sát na, chẳng phải là không biến đổi. Chúng ta bị tướng nối tiếp liên tục từng sát na [làm cho] mê mất, cứ tưởng nó là thật, chẳng biết cái tướng này là giả. *‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng’*, bị liên tục hư vọng mê mất, cứ tưởng là thật. Thế nên ở trong đó lại khởi tâm động niệm, tạo ra những thứ nghiệp thiện và bất thiện. Nghiệp thiện và bất thiện có thể thay đổi hiện tượng này. Phật nói *“Hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh”*, sự thay đổi này là chẳng hay chẳng biết đang [âm thầm] thay đổi. Chẳng phải bạn nghĩ: “Tôi muốn biến một con trâu”, tại sao bạn chẳng biến ra một con trâu được? Đó là bạn đang khởi vọng tưởng.

Một niệm thiện của bạn đích thật ảnh hưởng đến núi sông đại địa, y báo chuyển biến tùy theo chánh báo, nói rõ thêm một chút bạn khởi một niệm thiện thì dung mạo của bạn sẽ thiện, bạn khởi một niệm ác thì dung mạo của bạn sẽ ác, tướng chuyển theo tâm. Không những tướng chuyển theo tâm, mà thân thể, thể chất cũng chuyển theo tâm. Phóng lớn ra đến núi sông đại địa bên ngoài cũng chuyển biến theo tâm, *‘y báo chuyển tùy theo chánh báo’*, là đạo lý như vậy. Thế nên chúng ta tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, đây là một tăng thượng duyên cho tâm thiện, niệm thiện của chúng ta; chúng ta nhìn thấy tượng Phật, tượng Bồ Tát thì tâm thiện, niệm thiện sẽ khởi lên, công đức lợi ích là ở chỗ đó.

‘Chiêm’ tức là ‘quán tượng niệm Phật’, pháp môn niệm Phật có bốn cách niệm Phật. Nhìn tượng Phật, trong tâm sanh khởi vị Phật này, vị Bồ Tát này, hành trạng cả

đời của ngài. Cho nên nhìn Địa Tạng Bồ Tát bèn nghĩ đến đại nguyện của Bồ Tát đã phát trong nhiều kiếp, chúng ta phải bắt chước. Nghĩ đến Bồ Tát trong đời trước làm cô Bà La Môn, cô Quang Mục, nhìn thấy bà con quyến thuộc của mình tạo những tội nghiệp đọa vào ba đường ác, họ phát tâm như thế nào để cứu vớt người thân. Quay lại suy nghĩ thân quyến họ hàng của mình chẳng hiểu Phật pháp, cũng tạo rất nhiều tội nghiệp, cũng đọa ba đường ác, chúng ta có phát tâm cứu vớt họ hay không? Trong lúc chiêm lễ khởi tâm phát nguyện, nếu chẳng nhìn thấy tượng Phật thì quên mất chuyện này, do đó tượng Phật nên để chỗ mà giờ phút nào cũng nhắc nhở mình.

Nếu bạn thật sự hiểu được đạo lý, hiểu được chân tướng sự thật, chân tướng sự thật là gì? Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ, gia quyến họ hàng đời quá khứ. Chúng ta có đời quá khứ, quá khứ vô lượng kiếp, cha mẹ, gia quyến họ hàng trong vô lượng kiếp không biết là bao nhiêu, hiện nay rải khắp lục đạo, thập pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới, trong cõi trời thì còn tốt, chẳng sao cả. Nếu ở khắp lục đạo, trong ba đường ác, khổ chẳng nói nổi. Chúng ta có sanh khởi cái tâm niệm muốn cứu độ họ hay không? Lời Phật nói trong kinh là thật, là sự thật. Phàm phu chúng ta chỉ nhận biết cha mẹ đời này, chẳng nhận ra cha mẹ đời trước. Cho nên Phật nói hết thảy chúng sanh là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai. Chúng ta nhìn thấy hết thảy chúng sanh chịu khổ chịu nạn thì phải coi họ như cha mẹ mình, thân quyến của mình đang chịu khổ chịu nạn, thì tâm nguyện muốn cứu vớt họ sẽ tự nhiên sanh khởi. Người mê nhìn thấy người ta chịu khổ chịu nạn hình như chẳng ăn thua gì với mình, đó là vì họ chẳng biết thật tướng của chư pháp. Bồ Tát biết được, phàm phu chẳng biết, Địa Tạng Bồ Tát hiểu rõ ràng. Thế nên nhìn thấy những người chịu khổ chịu nạn thì cũng như chính mình đang chịu, tâm từ bi mới có thể thật sự sanh khởi, nhất định chẳng thể ngồi nhìn mà chẳng cứu, chẳng có đạo lý này.

Trong các buổi giảng chúng tôi cũng đã báo cáo cùng chư vị, tâm nguyện chăm sóc, thương mến, cứu vớt nhất định là có. Nhưng sự thật thì có những chỗ chúng ta không đạt đến, tức là có chướng duyên, chướng ngại. Ngày nay chúng ta nhìn thấy cả thế giới có rất nhiều thiên tai, có chỗ bị nạn lụt, có chỗ bị hạn hán, bị động đất, bị nước biển dâng trào; còn thêm chiến tranh do con người gây ra, tàn sát, [quá nhiều] thiên tai và nhân họa. Người bị giết rất đáng thương, kẻ giết người cũng đáng thương. Giết người tạo tội nghiệp cực nặng, tội nghiệp của họ tương lai phải đọa tam ác đạo. Không những tương lai phải đọa tam ác đạo, mà còn phải trả nợ mạng, chẳng phải giết rồi thì hết chuyện. Đời này bạn giết họ, đời sau họ làm người rồi giết bạn trở lại, nhiều đời nhiều kiếp giết hại lẫn nhau, dây dưa chẳng dứt, bạn nói đáng thương biết mấy, bi thảm biết mấy! Phật, Bồ Tát biết rõ chân tướng sự thật này, đạo lý bên trong cũng chỉ có Phật, Bồ Tát minh bạch.

Chúng ta học Phật, nghe xong lời răn dạy của Phật, đọc qua lời giáo huấn của Phật nên chúng ta cũng dần dần tỉnh ngộ trở lại, dần dần cũng hiểu rõ chân tướng sự thật, bởi vậy cũng có thể giống như chư Phật, Bồ Tát, xả mình vì người, phục vụ cho xã hội, phục vụ nhân dân, phục vụ chúng sanh, thật sự làm được đại công vô tư, tận tâm tận lực. Bi nguyện đại từ bi, hành trì đại từ bi này được đắc lực bởi lời răn dạy của Phật. Nhưng chúng ta là phàm phu, phiền não tập khí quá nặng, thường quên mất lời dạy của Phật, trong tâm vẫn còn thị phi nhân ngã, tham, sân, si, mạn, bên ngoài có sự dụ dỗ của ngũ dục, lục trần, tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, sức mạnh này quá lớn nên từng giờ, từng phút chúng ta quên mất những tâm thiện, nguyện thiện này. Tùy

thuận ác duyên lại khởi ác niệm, khởi tâm niệm tham, sân, si, chạy theo dụ hoặc bên ngoài, lại tạo tội nghiệp. Ai nhắc nhở chúng ta? Chỉ có thể nương nhờ hình tượng của Phật, Bồ Tát.

Cho nên tại sao tổ sư đại đức khuyến khích người học Phật, nhà người học Phật nhất định phải cúng dường tượng Phật, mục đích cúng tượng Phật là gì? Đó là nhắc nhở chính mình từng giờ, từng phút, dụng ý là ở chỗ này. Chẳng phải xem tượng Phật như thần minh để cúng lạy, cầu ngài 'phò hộ' cho mình thăng quan, phát tài, như vậy là mê tín. Cúng Địa Tạng Bồ Tát, từng giờ từng phút nhắc nhở bạn phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, luôn luôn răn nhắc bạn phải cứu vớt hết thảy những chúng sanh khổ nạn, là có ý như vậy. Thế nên cúng dường hình tượng ở nơi đó có vô lượng công đức. Đây là [lợi ích của hình tượng] đối với một người học Phật.

Lợi ích đối với một người chẳng học Phật cũng rất lớn. Trong Phật pháp thường nói khi nghe danh hiệu của Phật, Bồ Tát thì một khi lọt vào tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo. Bất luận là bạn có tâm hay không tâm, có ý hay vô ý nghe đến danh hiệu Phật, Bồ Tát, hạt giống kim cang đều được vun trồng trong A Lại Da thức. Tai nghe có lợi ích như vậy, mắt thấy cũng có lợi ích tương tợ. Mắt bạn nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, nhìn thấy sách ghi danh hiệu Phật, Bồ Tát, một khi lọt vào mắt cũng vĩnh viễn thành đạo chủng. Trong đời này chẳng được lợi ích ấy thì đời sau, hậu thế gặp lại duyên, hạt giống ấy sẽ khơi dậy, sẽ dùng được. Đối với người chẳng tin Phật pháp cũng có lợi ích thù thắng.

Nếu bạn nói ngày nay toàn thế giới có ai không học Phật? Tôi thấy mỗi người đều học Phật, tôi thấy rất hoan hỷ. Tôi thấy gì? Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo đều học Phật cả; Y Tư Lan Giáo (Islam), Do Thái Giáo đều học Phật cả. Tại sao? Trong miệng của họ đều biết đến Phật. Đặc biệt là ngày nay Thiên Chúa Giáo dẫn đầu, hiện nay nghe nói mục sư Cơ Đốc Giáo cũng đọc 'Đại Tạng Kinh', bạn nói thiện căn này trồng xuống sâu dày biết mấy. Cho nên khi chúng tôi gặp những tín đồ tôn giáo này, Mục Sư, A Hoanh 5[5], tôi đều chắp tay xưng họ là Bồ Tát thật, chẳng phải Bồ Tát giả. Một khi họ nhìn thấy hình dáng của chúng ta thì tâm niệm nghĩ đến Phật của họ sẽ sanh khởi. Thế nên chư vị phải biết công đức người xuất gia rất lớn, dù phá giới nhưng công đức [của hình tướng xuất gia ấy] cũng chẳng lường được, bạn chẳng có cách gì so sánh. Hình tướng này của bạn [là người tại gia] ra đường, tâm niệm của Phật, Bồ Tát trong tâm người ta làm sao khởi lên được? Chẳng khởi lên được. Thế nhưng chúng tôi mặc chiếc áo này, cạo đầu trọc, khi đi đến đâu đều làm cho chúng sanh trong tâm khởi lên ý niệm về Phật, tâm niệm Bồ Tát, thế nên đi một vòng ở ngoài đường thì có bao nhiêu người trồng được thiện căn? Tại sao xưng người xuất gia là một trong Tam Bảo, quý là ở chỗ này, ai có thể so sánh nổi? Hãy khoan bàn về trì giới hay phá giới, chỉ riêng nói về việc

---

5[5] Chữ A Hoanh (阿訇 ahong) nghĩa là thầy tế Hồi giáo cũng có nguồn gốc từ chữ Akhoond. Akhoond (akhund hay akond) trong tiếng Iran nghĩa là một thầy cúng đạo Hồi, thường dùng ở Iran và Azerbaijan. Akhoond có nhiệm vụ hướng dẫn các buổi cúng tế, cầu nguyện trong nhà thờ Hồi giáo. Tuy nhiên trong vài thập niên gần đây, danh từ này trong tiếng Iran lại được dùng như một danh từ có nghĩa giảm danh dự, phẩm giá của người ta, có khi được dùng trong chữ mang ý nghĩa lăng mạ, sỉ nhục, chế nhạo (Theo Wikipedia)

làm cho hết thảy chúng sanh khởi lên ý niệm của Phật, Bồ Tát, thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu bạn quả nhiên hiểu rõ đạo lý này, ở đây chú ý *'thiện nam tử, thiện nữ nhân'*. Tâm nguyện tạo hình tượng Bồ Tát rộng lớn vô lượng vô biên, một hình tượng này độ hết thảy chúng sanh. Họ tu được công đức thù thắng như vậy *'thị nhân bá phản sanh ư tam thập tam thiên, vĩnh bất đọa ư ác đạo'* Sanh đến cõi trời Ba Mươi Ba một trăm lần chẳng đọa ác đạo, lợi ích này chẳng kể là lớn lắm, so sánh với công đức của người ấy tu thì đương nhiên sẽ đạt được, chúng ta còn hoài nghi gì nữa? Cho nên hiểu rõ Lý thì nhìn Sự sẽ chẳng hoài nghi nữa. Phía trước có nói siêu việt tội trong ba mươi kiếp, ở đây nói sanh lên trời Ba Mươi Ba một trăm lần, trời Ba Mươi Ba là cõi trời Đao Lợi, hưởng phước trời, chẳng đọa tam ác đạo, đây là phước tạo hình tượng của Bồ Tát.

Phía sau nói họ còn phước dư, *'Giả như thiên phước tận cố'*, nếu như phước trời hưởng hết, phước một trăm lần hưởng hết, vẫn còn phước thừa. Phước thừa *'hạ sanh nhân gian, do vi quốc vương, bất thất đại lợi'*, đến nhân gian vẫn hưởng nhân thiên phước báo, thời xưa phước báo nhân thiên lớn nhất là làm vua. Ngày nay một số người chẳng chịu tìm hiểu lý luận trong ấy, mê vào dân chủ, mọi người tán thán dân chủ, hiện nay trào lưu là như vậy, chúng ta phản đối dân chủ thì làm sao được! Thật ra người có học vấn chân chánh, khi so sánh kỹ chế độ vua chúa thời xưa với dân chủ ngày nay, [sẽ thấy] chế độ vua chúa có nhiều điểm tốt, lợi ích của dân chủ chẳng bằng chế độ vua chúa. Nếu chư vị đọc lịch sử kỹ càng, quan sát kỹ lưỡng, tuy quân chủ có tệ đoan, nhưng dân chủ không có khuyết điểm hay sao? Mỗi thứ đều có lợi và hại.

Bạn phải dùng đầu óc rất bình tĩnh để suy nghĩ, quan sát, trên thế gian này muốn tìm một chế độ chỉ có lợi chẳng có hại thì không thể tìm được. Chế độ càng tốt, nhà Nho nói rất hay *'Người còn thì triều chánh còn, người mất thì triều chánh mất'*, đều do người tạo nên. Nhà Phật nói *'Người có thể hoằng đạo, chẳng phải đạo hoằng người'*, Phật pháp đích thật là cứu cánh viên mãn, nhưng hoằng dương Phật đạo cũng phải nhờ con người. Nếu người này chẳng có đức hạnh, cái đạo mà họ hoằng này cũng biến chất rồi. Bản chất của đạo vốn chẳng có lỗi lầm, đến tay của họ thì biến thành lỗi lầm. Những đạo lý này tuyệt đối không phải người ta nói mình cũng nói, chúng ta nghe người ta nói thì phải suy nghĩ cặn kẽ.

Vào thời cổ, tôi vô cùng hâm mộ chế độ thời cổ, điểm này cũng chịu ảnh hưởng của Phương Đông Mỹ tiên sinh. Phương tiên sinh khâm phục Châu Lễ nhất, trước sau ông đã nói cho tôi nghe mười mấy lần, ông nói 'Châu Lễ' là hiến pháp tốt nhất từ xưa đến nay, trong nước và ngoài nước, Châu Lễ là do Châu Công đính soạn. Nếu con cháu đời sau của nhà Châu vẫn y theo pháp này mà làm thì sẽ chẳng mất nước, chế độ này quá hoàn mỹ. Mục đích thầy Phương nói những lời này là hy vọng tôi đọc bộ sách này, nhưng tôi lật sách xong, lật mấy trang rồi không đọc nữa. Trong Tam Lễ, tôi chỉ đọc 'Lễ Ký', còn Châu Lễ và Nghi Lễ tôi chưa đọc. Vì sau này học Phật, chẳng còn hứng thú đối với chính trị nữa. Những gì nói trong Lễ Ký, có rất nhiều việc liên quan đến giới luật của chúng ta, đây là việc đáng tham khảo.

Đến năm đầu Dân Quốc, ông Tôn Trung Sơn nghĩ ra một cách cũng rất tốt, nhưng đáng tiếc là chẳng có người tiếp tục hoằng dương phát triển thêm, điều này rất đáng tiếc. Ông Tôn đọc sách nhiều, đích thật là học rộng nghe nhiều, đối với Quốc Học Trung Quốc ông có trình độ rất sâu, tri thức Tây Phương tương đối phong phú, nên ông

nghĩ ra phương pháp này, chọn ra ưu điểm của quân chủ và dân chủ, gạt bớt khuyết điểm cả hai, đó là một lý tưởng như vậy. Phát minh ra Tam Dân chủ nghĩa 6[6], hiến pháp Ngũ Quyền, một đảng chuyên chánh. Trong tâm ông chẳng phải chính trị đa đảng, là chuyên chánh một đảng. Một đảng này từ đâu tới? Thay thế cho một gia tộc của vua chúa thời xưa. Thời xưa vua chúa thống trị quốc gia là một gia tộc thống trị. Ngày nay chúng ta dùng một đảng, tập trung những người có trí huệ, có tài năng trên toàn quốc vào một chỗ, cùng nhau thống trị quốc gia, một đảng chuyên chánh. Đây là có ưu điểm của quân chủ, gạn lọc ra ưu điểm của quân chủ. Cách nghĩ của ông ta rất tốt, đáng tiếc là sau khi ông mất đi, có ai hiểu được Tam Dân Chủ Nghĩa? Tôi thường than tiếc cho ông. Nguyên nhân căn bản nói thật ra là cả đời ông bôn ba khổ nhọc, sau khi lật đổ Mãn Thanh được mấy năm thì ông mất, thọ mạng quá ngắn. Nếu ông có thể sống thêm hai chục năm, sức ảnh hưởng ấy sẽ rất lớn.

Vả nữa nguyên nhân quan trọng cũng ở tại Giáo Dục, khi cổ thánh tiền hiền Trung Quốc xây dựng một chánh quyền có thể kéo dài mấy trăm năm, nhân tố thành công của họ ở đâu? Ở tại giáo dục. Chánh quyền triều Hán do Hán Cao Tổ thành lập, nhưng đến đời thứ hai là Hán Võ Đế thì lập nên chánh sách giáo dục của quốc gia. Sau khi chánh sách giáo dục được xây dựng, trong hai ngàn năm Trung Quốc thay triều đổi vua, chánh quyền thay đổi nhưng tông chỉ giáo dục chẳng thay đổi, đây là điểm rất tuyệt diệu! Sau khi [chánh sách giáo dục được] Hán Võ Đế đặt ra mãi cho đến đời Mãn Thanh cũng chẳng thay đổi, đây cũng là việc rất khó nghĩ bàn. Chư vị thử nghĩ xem nếu tông chỉ giáo dục này không tốt lắm thì tại sao vua chúa các đời sau không thay đổi? Giáo dục này chính là giáo dục luân lý đạo đức, đề cao Khổng Mạnh, lấy tư tưởng của Khổng Mạnh làm chủ lưu, phối hợp thêm Bá Gia Chư Tử 7[7], dùng nhà Nho làm chủ. Thế nên giáo dục này dạy những gì? Dạy luân thường. Nói cách khác dạy bạn hiểu được quan hệ giữa người và người, giữa lãnh đạo và thuộc cấp tức là quan hệ quân thần, quan hệ bạn bè, được vậy bạn mới làm một người hoàn mỹ, mới biết cách làm người. Sau đó mới dạy bạn quan hệ giữa người và hết thảy vạn vật, dùng cách nói hiện nay bạn mới biết tôn trọng sanh thái tự nhiên, bảo vệ sanh thái tự nhiên, làm cho hoàn cảnh sinh sống của chúng ta càng thêm tốt đẹp. Cuối cùng dạy bạn quan hệ giữa người và thiên địa quỷ thần. Đây là tông chỉ, phương châm giáo dục của Trung Quốc suốt hai ngàn năm qua, thế nên giữa người với người có cảm tình sâu đậm, có đạo nghĩa.

Nếu ngày nay không nói đến giáo dục này, buông bỏ mất, lấy chủ nghĩa công lợi của tây phương, việc này làm sao được! Thiên hạ sẽ đại loạn, chẳng thể có hòa bình,

---

6[6] Tam Dân Chủ Nghĩa là một triết lý chính trị do ông Tôn Trung Sơn đề xướng. Tam Dân chủ nghĩa gồm có ba phần: Dân Tộc, Dân Quyền, và Dân Sanh.

Hiến pháp ngũ quyền: hiến pháp ghi trong Tam Dân chủ nghĩa gồm có năm ngành: Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, Điều Khiển, và Thẩm Tra

7[7] Bá gia chư tử là những học thuyết nẩy sanh tại Trung Quốc từ sau thời Tây Châu cho đến trước khi Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước (sử thường gọi là thời đại Tiên Tần). Do trong thời ấy, chư hầu các nước đua nhau tranh giành thế lực, nên ra sức chiêu mộ nhân tài, mâu thuẫn xã hội và giai cấp rất cao nên rất nhiều triết gia (như Khổng Tử, Lão Tử, Tuân Tử, Mặc Tử, Hàn Phi Tử v.v…) đề xướng những học thuyết nhằm giải quyết những vấn nạn, khúc mắc trong xã hội. Chữ "bá gia" là một đại từ phiếm chỉ nhằm nói lên tư tưởng phong phú, phức tạp, chứ không có nghĩa là có đến một trăm học thuyết khác nhau. Dựa trên các bộ sử như Sử Ký của Tư Mã Thiên và Hán Thư của Ban Cố, thời Tiên Tần chỉ có các học phái như sau: Nho Gia, Đạo Gia, Âm Dương Gia, Pháp Gia, Mặc Gia, Danh Gia, Tung Hoành Gia, Tạp Gia, Nông Gia, Binh Gia, Tiểu Thuyết Gia, Y Gia, Phương Kỹ Gia, và Số Thuật Gia.

yên ổn, tại sao? Ai nấy đều tranh lợi, như vậy thì làm sao được? Tranh danh đoạt lợi, chẳng tiếc bất cứ thủ đoạn gì, thế gian này còn ngày tháng thái bình nữa sao? Ngày nay tây phương đã cảm nhận xung kích rất lớn, gặp khó khăn rất lớn. Hiện nay họ đang suy nghĩ, nghiên cứu [học vấn] của Trung Quốc. Hầu như mỗi đại học ở Mỹ đều có trung tâm Hán Học, họ hết lòng nghiên cứu học vấn truyền thống Trung Quốc cổ xưa, nghiên cứu học vấn của Ấn Độ cổ xưa, hy vọng tìm được trong ấy một số lý luận, nguyên tắc có thể cứu vãn xã hội hiện nay. Hiện nay nếu bạn đối với những vấn đề này hiểu sơ lược một chút, bạn đến những đại học ở ngoại quốc để diễn giảng thì sẽ được hoan nghinh. Tôi biết được rất thô thiển, một chút ngoài da, nhưng tôi ở những trường học ngoại quốc này nói sơ sơ cũng được hoan nghinh phi thường. Họ nghe nói, [cảm thấy] rất hiếm có, kỳ lạ, chưa từng nghe qua, Trung Quốc có đồ tốt như vậy, tiếc rằng chẳng có người giới thiệu.

Đoạn kinh văn này, trong chú giải Thanh Liên pháp sư chỉ cho chúng ta các tư liệu tham khảo rất quan trọng, trong ấy quan trọng nhất là nặn tạo tượng Phật phải dùng tâm cung kính, phải dùng tịnh tài, tịnh vật tiêu biểu cho lòng kiền thành, cung kính, thì mới khởi lên cảm ứng, đạo giao. Bạn xem người thời xưa tô vẽ, chứ người hiện nay rất hiếm [ai làm như vậy] rồi, trước khi vẽ một tượng Phật, nhất định phải tịnh thân 8[8], rửa tay, rửa sạch sẽ, mặc y phục sạch sẽ, có khả năng thì nhất định thay quần áo mới, không có khả năng thì quần áo nhất định phải giặt sạch sẽ, tiêu biểu cung kính. Giấy và mực nhất định chẳng dùng cho việc khác. Bút vẽ tượng Phật thì dành riêng để vẽ tượng Phật, tuyệt chẳng dùng để viết chuyện khác, chuyên dùng cũng là tượng trưng cho lòng cung kính. Những tài vật cần thiết đều là tịnh tài, là tiền của mình đáng có được, tuyệt chẳng dùng tiền tài chẳng tịnh. Bất tịnh là những gì tôi chẳng nên có [mà có], chẳng phải tiền của tôi, tôi dùng thủ đoạn để gạt lấy, hoặc uy hiếp, ép buộc người ta chẳng thể không tặng cho, tiền tài như vậy gọi là bất tịnh tài. Phải dùng tâm thanh tịnh, vật thanh tịnh để tạo tượng.

Chư vị hiện nay có cuốn này, ở trang 32 trong cuốn chú giải, đếm ngược hàng thứ hai, câu sau chót, tôi đọc cho quý vị nghe: ***"Lại không cho tạo tượng nửa người, thiện tướng chẳng khởi, đọa lạc sanh tử" 9[9]***, hy vọng mọi người phải chú trọng câu này. Hiện nay có nhiều địa phương cúng tượng Phật, Bồ Tát chỉ có nửa người, có chỗ cúng tượng Phật, Bồ Tát chỉ có cái đầu, cúng như vậy tạo tội nghiệp, quả báo này nhất định ở tại địa ngục. Cúng tượng Phật nửa người thì tội nghiệp đã chẳng nhẹ, đọa lạc sanh tử chẳng có công đức. Thế nên vẽ hình tượng Bồ Tát phải vẽ cho hoàn chỉnh, phải vẽ tượng toàn thân (cả người), không thể vẽ tượng nửa người, bất luận là tượng ngồi, hoặc đứng đều phải vẽ toàn thân, phải chú ý điểm này! Chúng ta tạo tượng người ta có thể tạo tượng nửa người, không thành vấn đề, còn tượng Phật, Bồ Tát thì tuyệt đối không thể. Tượng người có thể tạo nửa người, bạn nói có ai tạo tượng chỉ tạo cái đầu còn ngoài ra không có gì khác. Trong phong tục tập quán của chúng ta, đây là điều không cát tường, đầu bị người ta chém đứt rồi, sao lại làm như vậy? Không thể như vậy được. Ở đây ngài có viết một câu như vậy, đặc biệt nhắc nhở chư vị đồng tu.

8[8] Tịnh thân ngoài nghĩa là tắm rửa sạch sẽ, quần áo sạch sẽ, còn là thanh tịnh thân tâm, chẳng hạn không ăn uống rượu thịt, không ăn các thứ tỏi, hành, những chất cay nồng, không ăn nằm, không khởi lên ý niệm tà vạy, thậm chí có người còn thọ Bát Quan Trai Giới trong suốt thời gian tạc tượng.

9[9] Hựu bất hứa tạo bán thân tượng, thiện tướng bất khởi, đọa lạc sanh tử

Trong chú giải ngài dùng một đoạn trong Kinh Tạo Tượng Công Đức, trang 33 hàng thứ hai, câu cuối cùng: ***"Kinh Tạo Tượng Công Đức nói: "Nếu ai lúc lâm chung, thốt lên lời nói [bảo người khác] tạo tượng, thậm chí [tượng được tạo] chỉ nhỏ như hạt lúa mạch***, đây là đại mạch, tức là nói tạo tượng, tượng rất nhỏ, nhỏ như hạt lúa đại mạch, rất nhỏ. ***"có thể trừ tội trong mười ức kiếp sanh tử suốt ba đời, có mười một công đức"***. Tạo tượng nhỏ như hạt lúa cũng có công đức to lớn như vậy, huống chi là tạo tượng Phật, Bồ Tát lớn? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Có lẽ ngày nay có một số người đọc thấy lời này nên tranh nhau tạo tượng Phật lớn, tạo tượng Bồ Tát lớn, họ tạo tượng như vậy có thể có công đức lớn như vậy không? Như đoạn trước có nói, nếu là bất tịnh tài thì sẽ chẳng có công đức này. Thế nên tạo tượng nhất định phải cân nhắc khả năng của mình, miễn cưỡng tích tụ rất nhiều tiền tài bất tịnh thì tượng này tạo không đúng như pháp.

Do đó tạo tượng thì mọi người đều có thể tạo, công đức có được lại không giống nhau. Là cái gì không giống? Nơi phát tâm tạo tượng của bạn, chỗ khởi tâm, tại sao khởi tâm niệm muốn tạo tượng này, động cơ của bạn ở đâu. Nếu tượng này đích thật sẽ làm cho mọi người trồng thiện căn, khởi phát tâm Hiếu của mọi người thì công đức này rất lớn. Nếu động cơ là vì muốn trang nghiêm đạo tràng của mình, tỏ rõ đạo tràng này thù thắng hơn nơi khác, trong ấy có tâm cao thấp, nhà Phật gọi là tâm cao hạ, giống như tranh đua vậy, tâm như vậy không tốt, tâm đó là tâm háo thắng. Tâm háo thắng tuy có công đức rất lớn, tương lai sẽ sanh vào cõi nào? Cõi A Tu La, đường Tu La, kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta phước báo lớn nhất là A Tu La ở cõi Trời, kế đó là A Tu La cõi người, kế đó là A Tu La cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ, bốn cõi này đều có A Tu La, chỉ có địa ngục là chẳng có A Tu La. Do đó A Tu La đọa vào cõi nào thì dùng cõi đó để xưng tên. Trong kinh Phật thường gọi là năm cõi (ngũ thú), năm cõi chẳng kể A Tu La, A Tu La ở cõi nào thì tính là cõi đó. Nói sáu cõi thì chỉ A Tu La [riêng rẽ]. Có thể thấy trong kinh Phật thường nói *'Nhân địa chẳng thật sẽ chiêu cảm được quả cong quẹo'* 10[10], sơ phát tâm của chúng ta là gì? Vì sao lại làm như vậy? Cho nên chân chánh tạo tượng là vì phát triển hoằng dương Phật pháp, đem lợi ích cho chúng sanh, công đức ấy sẽ lớn.

Phía sau ngài nói mười một thứ công đức đều liệt kê ra trong đó, mỗi công đức đều có nghiệp nhân của nó, đều có nhân duyên, nhất định phải tương ứng với nhân duyên, duyên tương ứng, có nhân ắt có duyên, sau đó mới có quả báo.

Thứ nhất là *'Thế thế nhãn mục thanh khiết' (Đời đời mắt trong sạch)*, tại sao mắt trong sạch? Thường thường nhìn hình tượng Phật, Bồ Tát nên có được quả báo này. Cho nên khi chúng ta hiểu được đạo lý này xong, trong nhà của các cư sĩ, quý vị sắp đặt phòng khách của quý vị, đừng treo đồ vật tùm lum, chẳng có ý nghĩa gì hết; cũng đừng treo những bức họa viết chữ của các người nổi danh, đều nhiễu loạn tâm tình. Nên treo gì? Treo hình tượng Phật, Bồ Tát. Bốn phía trong phòng khách đều có thể treo, bất luận ngồi ở đâu bạn cũng có thể thấy tượng Phật, nhất tâm niệm Phật. Nếu chuyên tu Tịnh Độ, nói thật ra, chọn ra một tượng Phật, bốn phía đều treo tượng giống nhau. Giống như Niệm Phật Đường trong Cư Sĩ Lâm hiện nay của chúng ta, toàn bộ đều treo tượng A Di Đà Phật, hình như đã treo hơn một trăm tấm, một trăm, hai trăm tấm bạn đều nhìn thấy. Bất luận đầu bạn xoay về hướng nào thì cũng đối diện A Di Đà Phật, ở nơi ấy tu hành,

10[10] Nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc

mắt nhất định đời đời thông minh, được quả báo mắt được thanh khiết, quý vị nghĩ coi phải là đạo lý này hay không?

Thứ hai *'Sanh xứ vô ác' (Nơi sanh chẳng có việc ác)*, sự việc trong đời này đều do nhân ta tạo đời trước, chúng ta thọ nhận quả báo, nhân đời này chúng ta tu rất thù thắng, thì đời sau, đời sau nữa nhất định sanh đến hoàn cảnh rất tốt, chẳng thấy những hình tượng ác, cũng chẳng nghe âm thanh ác, đây là phước báo.

Thứ ba *'Thường sanh quý gia' (Thường sanh vào nhà tôn quý)* Quý là tôn quý, nhà tôn quý không nhất định là phú quý, chẳng nhất định là giàu có, có đức hạnh là tôn quý. Bạn sanh đến nhà này, người cha người mẹ, tổ tiên đều tích đức, háo thiện tích đức, bạn sanh vào nhà như vậy. Đây là gì? Cảm ứng đạo giao, tâm hạnh mình thiện thì nhất định là thiện cùng thiện cảm ứng. Tuy đức Phật trong kinh nói cha mẹ cùng con cái có bốn thứ duyên: 'báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ', đây là một nguyên tắc. Trong đời quá khứ duyên đã kết quá nhiều quá nhiều, nói cách khác, duyên có thể làm cha mẹ, làm con cái rất nhiều, rốt cuộc chọn duyên nào để làm cha mẹ? [Việc này] liên quan đến tập tánh thiện ác. Nếu thường thường ngắm nhìn tượng Phật, thường thường xưng danh hiệu Phật, duyên người ấy lựa chọn nhất định sẽ là thiện duyên.

Thứ tư *'Thân như tử ma kim sắc' (Thân có màu vàng tía)*, đây là hình dung thân tướng đẹp, lục căn đầy đủ, chẳng khuyết, thân tướng tốt.

Thứ năm *'Phong nhiêu trân ngoạn' (Nhiều vật đồ chơi quý báu)* đây là nói phú quý, sanh hoạt của bạn giàu có, đầy đủ. Nếu đời sống chẳng giàu có thì không thể có những đồ chơi quý báu này. Trong các thứ đồ quý này, phạm vi được nói đến cũng rất rộng. Nhà háo thiện háo đức tuyệt chẳng sưu tập những thứ người thường xem, những thứ trân kỳ, hiếm có, những đồ quý này. Nhà người có đức hạnh, có học vấn sưu tập điển tịch, họ hưởng thọ những thứ này. Như hiện nay thì rất thuận tiện dễ dàng, hiện nay kỹ thuật ấn loát tiện lợi, thời xưa có nhà nào có thể có một bộ Đại Tạng Kinh? Không thể nào. Kinh điển thời xưa, đầu thời Dân Quốc vẫn còn ấn loát bằng cách khắc ván, ấn loát chẳng dùng mực dầu mà dùng muội tùng 11[11], có lẽ quý vị chưa từng thấy qua, muội của trái tùng. Hiện nay Kim Lăng Khắc Kinh Xứ đã dùng mực dầu, chẳng dùng muội cây tùng. Thời xưa những cuốn sách ấy, dùng tay sờ thì tay dính chất đen giống như bột vậy, dùng muội cây tùng chà lên [bản khắc ván] rồi ép lên giấy, in một cuốn như cuốn kinh Địa Tạng này, sợ rằng mỗi người phải tốn thời gian cả một ngày vì phải in từng trang một. Sau đó đóng thành sách, cắt cho ngay ngắn, thật chẳng dễ, do đó giá thành của sách sẽ rất cao, chẳng phải là người giàu có thì chẳng mua nổi, số lượng lại rất ít. Hiện nay thuận tiện rồi, là chụp hình làm bản [kẽm để in] có thể ấn loát, lưu thông số nhiều.

Năm đầu Dân Quốc, lúc đó tôi biết ở quê tôi, tỉnh An Huy này, nghe nói hình như chỉ có hai bộ Đại Tạng Kinh, và một bộ chẳng đầy đủ. Hai bộ đầy đủ, một bộ thiếu, thật chẳng dễ. Những người thường muốn đọc kinh phải vô chùa, vào lầu chứa kinh mượn đọc, không thể mượn ra khỏi chùa, chỉ đọc tại lầu chứa kinh. Lầu chứa kinh giống như thư viện vậy, muốn đem về nhà đọc bạn phải tự chép tay, chép xong rồi trả lại, tạng kinh này không được ra khỏi cửa. Hiện nay kỹ thuật ấn loát phát đạt, chữ thâu nhỏ nên

---

11[11] Muội tùng là chất muội (lọ nồi, lọ nghẹ) của quả thông, hay quả tùng (thậm chí không nhất thiết phải là quả, gỗ thông, tùng, bách v.v..) đốt lên, lấy muội đều chế biến được. Mực Tàu hiện thời vẫn dùng lối này để chế. Vì có nhiều chất dầu nên mực in sẽ ăn sâu vào giấy, lâu phai mầu.

một bộ Đại Tạng Kinh, như Long Tạng *(Đại Tạng Kinh in thời vua Càn Long)*, hiện nay chúng ta in thành 160 cuốn, giá rất thấp, trong nhà có thể thỉnh một bộ, đây là trân bảo! 'Tứ Khố Toàn Thư' thì quá lớn, nhưng Tứ Khố Tập Yếu rất tiện lợi, thời xưa chỉ có nhà vua mới có thể cất giữ, hưởng thọ, hiện nay dân gian chúng ta cũng có thể. Đài Loan in lại bộ Tứ Khố Tập Yếu, một bộ giá năm mươi vạn đồng Đài Loan, giá tương đối rẻ, số lượng gồm có 500 cuốn sách bìa cứng đẹp, tương đương với hai, ba bộ Đại Tạng Kinh, đây là trân bảo! Đây là sách đáng để cất giữ, tự mình có thể thọ dụng, có thể dạy đời sau. Thế nên 'phong nhiêu trân ngoạn' chẳng phải một số đồ cổ bằng ngọc, những thứ ấy chẳng có lợi ích thật sự gì cả. Thật sự có lợi ích là những kinh sách kể trên, là những lời dạy của cổ thánh tiền hiền.

Thứ sáu: *'Sanh hiền thiện gia' (sanh vào nhà lành, hiền)*. Phía trước nói thường sanh quý gia, chú trọng ở chữ 'thường', quả báo này chẳng phải chỉ một đời, công đức lợi ích được kéo dài nhiều đời, như phía trước nói sanh một trăm lần lên trời Đao Lợi. [Công đức] thứ sáu 'sanh hiền thiện gia' khác với phía trước là, phước báo đương nhiên từng đời thua kém đời trước một chút. Nếu mỗi đời họ đều chịu tu thì phước báo sẽ vĩnh viễn kéo dài không dứt, nhất định phải nhờ vào tu đức, sanh hiền thiện gia.

Thứ bảy *'Sanh đắc vi vương' (sanh được làm vua)* đây là hưởng thọ phú quý nhân gian.

Thứ tám *'Tác Kim Luân Vương' (Làm Vua Kim Luân)*

Thứ chín *'Sanh Phạm thiên',* tầng lớp này càng ngày càng cao, hoàn toàn coi bạn tu phước lớn hay nhỏ, tu phước lớn nhỏ chẳng ở chỗ tạo tượng lớn hay nhỏ, phải hiểu đạo lý này. [Lớn nhỏ] ở nơi tâm tu phước của bạn lớn hay nhỏ, tâm lượng bạn lớn, tạo tượng nhỏ thì công đức cũng lớn; tâm lượng nhỏ, tạo tượng lớn thì phước cũng nhỏ. Do đó lớn nhỏ chẳng dựa trên tượng lớn hay nhỏ, mà ở tại tâm lớn hay nhỏ, ở tại tâm địa nhiễm hay tịnh, nhất định phải hiểu đạo lý này. Phật pháp thật sự là pháp bình đẳng, nếu nói tôi tạo tượng lớn thì phước sẽ lớn, tượng nhỏ thì phước nhỏ, vậy thì chỉ có người có tiền, có thế lực mới tu được phước lớn, người nghèo chẳng thể tu phước báo, như vậy thì chẳng bình đẳng. Trong Phật pháp [tất cả] đều bình đẳng, có khi người nghèo tu phước còn vượt trội phước của người giàu tu gấp nhiều lần, [lớn nhỏ] là ở tại tâm thanh tịnh, phải hiểu đạo lý này.

Thứ mười *'Bất đọa ác đạo'*

Thứ mười một *'Hậu sanh hoàn năng kính trọng Tam Bảo' (Đời sau còn có thể kính trọng Tam Bảo)* điều này rất quan trọng! Mười điều trước đều nói về quả báo, điều này là nhân. Đây là việc Phật pháp nói quả sẽ chẳng bỏ sót nhân, nói nhân thì nhất định sẽ nói đến quả báo, cách nói như vậy mới viên mãn. Đời sau vẫn còn kính trọng Tam Bảo, có thể thấy phước đức này của họ có thể kéo dài, chẳng phải một đời liền hưởng hết.

Hiện nay chúng ta quan sát những người có phước báo trong thế gian này, bạn quan sát cặn kẽ, phước báo của họ hầu như rất mau hết, thọ mạng đời này còn chưa hết thì phước báo của họ đã hết rồi. Ở nước ngoài chúng ta thấy rất nhiều công ty sụp đổ, phá sản, tuổi họ cũng chẳng lớn lắm, đó là lúc hưởng phước chẳng biết tu phước. Người thế gian thật sự rất ít kẻ có thể kéo dài phước báo tới hai đời, ba đời. Hiện tại là một đời bản thân chính mình có thể hưởng phước một đời, người như vậy đã là rất ít rồi. Thường thường là thời gian hưởng phước rất ngắn, lúc hưởng phước chẳng biết tu

phước, lúc hưởng phước chẳng biết làm lợi ích cho xã hội chúng sanh, cho nên thời gian họ hưởng phước rất ngắn ngủi. Điều này rất quan trọng, lúc hưởng phước nhất định phải biết tu phước, phải biết phước này từ đâu tới. Trong kinh đức Phật nói, có thể nói hoàn toàn là cảnh giới của phàm phu.

Tiền tài, có một ai không mong cầu tiền tài? Trong tâm cầu tiền tài, tham tiền tài, như vậy là sai, chẳng biết tiền tài có được là do bố thí tài vật. Chân chánh hiểu rõ đạo lý này, có tiền tài thì dốc toàn tâm toàn lực để bố thí, bố thí một cách vô điều kiện, thật sự chẳng phải cân nhắc hiệu quả của sự bố thí, chẳng cần suy nghĩ về việc này. Tôi bố thí là việc tốt, cứu giúp người ta, đương nhiên chúng ta chẳng phải trực tiếp đi cứu giúp, nhất định là có một số người giúp đỡ, chúng ta giao cho người ta làm việc này. Nếu người ta đem tiền này đi làm việc khác, hoặc lấy đi hưởng thụ, thì đó là nhân quả của họ, chẳng liên quan gì với mình. Tâm tôi phát là thuần chánh, phước tôi được sẽ viên mãn. Nếu bạn còn cân nhắc, sợ tiền cứu trợ bị người ta lấy mất, chẳng dám làm, nói cách khác duyên để bạn tu phước đã bị đoạn dứt, trở thành người chẳng có phước. Trong tâm cứ thường lo âu, cứ nghĩ đến những chuyện được, chuyện mất, tương lai cảm quả báo ngu si, chẳng có trí huệ.

Cho nên chúng ta dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi để tu phước, đương nhiên chúng ta cũng phải xem xét người mình nhờ đi làm chuyện phước thiện này, nếu không lựa chọn, không xem xét thì mình không có tội, nhưng có lỗi lầm. Nếu người mình nhờ [làm phước này] đáng tin cậy, rất ổn thỏa thì phước báo sẽ viên mãn; nếu người mình nhờ chẳng đáng tin cậy, bạn vẫn có phước báo, nhưng phước này không viên mãn, chẳng phải là không có phước báo. Nhân quả trong ấy rất phức tạp, chẳng dễ giảng cho rõ được, chư vị phải học nhiều, đọc kinh điển nhiều, suy nghĩ thêm, dần dần bạn sẽ khai ngộ, bạn sẽ hiểu được, biết mình nên làm thế nào để tu phước. Làm cho mình đời nào kiếp nào cũng thật sự được hạnh phúc mỹ mãn, đời sống vật chất chẳng thiếu thốn, không thiếu tức là có phước báo, không cần nhiều quá; thông minh trí huệ, khoẻ mạnh sống lâu, đời sau có thể có hoàn cảnh sinh sống tốt hơn. Tây phương Cực Lạc thế giới thật sự là hoàn cảnh sinh hoạt rốt ráo viên mãn. Chúng ta hiểu rồi, biết rồi thì trong đời này nhất định phải dốc hết tâm, hết sức để làm việc này cho bằng được. [Ngoài việc] cầu sanh tây phương Cực Lạc thế giới ra, những việc khác đều có thể buông bỏ, trong đời này chúng ta tu học, nhân duyên quả báo mới có thể đạt đến viên mãn.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 20 (Số 14-12-20)

Xin mở kinh, quyển trung, trang 33, xem kinh văn bắt đầu từ hàng cuối:

Nhược hữu nữ nhân yếm nữ nhân thân, tận tâm cúng dường Địa Tạng Bồ Tát họa tượng, cập thổ thạch giao tất đồng thiết đẳng tượng. Như thị nhật nhật bất thoái thường dĩ hoa hương, ẩm thực, y phục, tăng thải, tràng phan, tiền bảo vật đẳng cúng dường.

Nếu có người nữ nào nhàm chán thân người nữ, hết lòng cúng dường tượng vẽ của Địa Tạng Bồ Tát, cùng những tượng bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt, v.v.., ngày ngày như thế không thoái chuyển; lại thường đem hoa, hương, đồ ăn, thức uống, quần áo, gấm lụa, tràng phan, tiền bạc, báu vật, v.v.. cúng dường.

Chúng ta đọc tiếp cũng được.

Thị thiện nữ nhân tận thử nhất báo nữ thân bá thiên vạn kiếp cánh bất sanh hữu nữ nhân thế giới, hà huống phục thọ.

Thì người thiện nữ đó sau khi mãn một báo thân nữ hiện tại, trải qua trăm ngàn muôn kiếp còn không sanh vào thế giới có người nữ, huống chi là thọ lại [nữ thân].

Đoạn này nói về việc chuyển thân nữ. Việc này xã hội hiện nay khác với xã hội thời xưa, xã hội cổ xưa ở Trung Quốc, ở Ấn Độ, có thể ở những nước khác cũng giống như vậy, địa vị của phụ nữ trong xã hội tương đối thấp, đó gọi là nam nữ chẳng bình đẳng. Xã hội hiện nay khác với lúc trước. Thời quá khứ, trong kinh đức Phật nói thân người nữ có nhiều chướng ngại, phiền não nhiều hơn người nam, tình chấp nặng, thế nên đức Phật trong kinh Ngọc Da Nữ 12[12] nói người nữ có mười việc thường âu lo. Thứ nhất là lúc sanh ra, cha mẹ chẳng hoan hỷ, người mẹ sanh con trai thì rất vui, lúc sanh con gái thì tâm hoan hỷ giảm bớt rất nhiều. Thứ hai, đây là nói trong xã hội thời xưa, cha mẹ chăm sóc dạy dỗ con gái rất nghiêm khắc 13[13], dù đã trưởng thành cũng không thể gặp mặt khách [đàn ông] bên ngoài, [tức là] khách không phải là họ hàng thân thuộc, cô ta phải phân biệt người trong họ và người ngoài, đây là [việc] thường tránh gặp người ngoài. Kế đến là lúc lấy chồng, cha mẹ lại lo lắng thêm, phải rời khỏi nhà cha mẹ, thân thuộc, trong Phật pháp gọi là 'ái biệt ly khổ'. Gả đi lấy chồng hoàn toàn phải coi người chồng, coi sắc mặt của người ta, có rất nhiều chướng ngại, khó khăn. Lúc còn nhỏ thì bị cha mẹ quản thúc, gả đi rồi thì bị chồng quản thúc, đến già thì bị con cháu quản thúc, rất nhiều khổ sở, thế nên người ta không thích làm người nữ. Quan niệm hiện nay khác với thời xưa, chúng ta biết rõ những việc này. Nhưng trong đây có một việc quan trọng, là nói cho chúng ta biết nghiệp lực có thể thay đổi, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Ngay cả thân hình cũng có thể chuyển biến, huống chi là dung mạo, thể chất, thân thể đương nhiên càng dễ đạt được, phải hiểu đạo lý này. Trong ấy

---

12[12] Kinh Ngọc Da Nữ do ngài Trúc Đàm Vô Lan (Dharmaraksa) dịch vào thời Đông Tấn, tên gọi đầy đủ là Trưởng Giả Nghệ Phật Thuyết Tử Phụ Vô Kính Kinh. Nội dung kinh là bài giảng của đức Phật dành cô Ngọc Da, con dâu của trưởng giả Cấp Cô Độc. Cô này ỷ nhà giàu có, bản thân thông minh, lấn hiếp chồng, hỗn hào với bố mẹ chồng, thậm chí khinh thường Tam Bảo. Một buổi nọ, đức Phật nhận lời thỉnh đến thọ trai tại nhà ông Tu Đạt Đa, cô này giả vờ bệnh nằm lỳ trong phòng không thèm ra tiếp đãi, nhưng đức Phật đã dùng thần thông rót vào tai cô những giáo huấn về đức hạnh cần có của người phụ nữ. Cô ta tỉnh ngộ, xin sám hối và phát nguyện thọ Thập Giới. Ngoài bản dịch này còn có các bản dịch khác như Ngọc Da Nữ Kinh (cũng dịch vào đời Tấn, nhưng đã mất tên người dịch), A Thốc Đạt Kinh (do Cầu Na Bạt Đà La dịch vào đời Lưu Tống), bản thứ ba là Phi Thường Phẩm Đệ Cửu Kinh trong Tăng Nhất A Hàm (tương đương với kinh Sattabhariyā của tạng Pali.

13[13] Vấn đề tỵ hiềm trong xã hội Trung Hoa cổ xưa rất quan trọng. Do vậy, ngay cả bố ruột, anh em trai cũng không bước vào phòng con gái, chị em gái nếu không có người đi cùng. Trong họ hàng, ngay cả khi một phụ nữ tiếp chuyện anh em họ, cũng phải có người lớn tuổi như nhũ mẫu hay a hoàn đứng cạnh để tránh bị người khác đồn đại. Do lẽ này, trong Văn Sao, tổ Ấn Quang có khuyên: Khi làm đám, phụ nữ trong nhà không nên ngồi sau tăng chúng niệm Phật, mà nên ngồi sau bức mành, ra vào theo lối riêng để tránh hiềm nghi.

chỉ là một nguyên lý: *cảnh chuyển theo tâm, tâm có thể chuyển cảnh*, chúng ta hiểu được đạo lý này thì rất tốt.

Còn phương pháp chuyển biến, chỗ này nói : 'Nhược hữu nữ nhân yếm nữ nhân thân (nếu có người nữ chán ghét thân nữ), trong đoạn sau có nói: 'thị thiện nữ nhân', do đó có thể biết người nữ nói phía trước phải là 'người nữ thiện', [đoạn trước] đã lược bớt một chữ [thiện]. Chữ này quan trọng phi thường! Chúng ta coi đoạn sau sẽ biết đoạn này, người nữ này phải là người thiện. Người nữ thiện nhất định phải phụng hành Tam Phước nói trong Quán Kinh, nhất định phải ghi nhớ điểm này. Kinh này là kinh Đại Thừa, có thể làm trọn hết mười một điều trong Tam Phước, làm được đến mức độ nào thì hãy khoan nói. Chỉ cần bạn làm được một phần, hai phần cũng được xưng là người nữ thiện, không làm thì không được, nhất định phải làm. Người ấy có cơ sở này, sau đó y theo phương pháp và lý luận này để tu học thì sẽ được quả báo. 'Tận tâm', chữ này là mấu chốt trong phương pháp tu hành, nhất định phải tận tâm. Tận tâm tức là dùng tâm thành kính cùng cực, chân thật cùng cực để tu cúng dường, cúng dường hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát. Chữ hình tượng này là hình vẽ cũng được, hình tượng nặn đắp cũng được, đúc bằng vàng, bạc, đồng, sắt cũng được. Ở đây nói chỉ cần cúng dường hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, kinh văn phía sau cũng là ý này. Cúng dường là 'ngày ngày chẳng thoái', có thể thấy đây là tâm [vững bền] lâu dài.

Nêu lên các thứ cúng cụ (vật dùng để cúng), dùng hoa cúng dường, dùng hương cúng dường, dùng thức ăn, thức uống, quần áo, gấm lụa, tràng phan, và tiền tài, báu vật, v.v.. để cúng dường, đây là nói về vật cúng dường. Vật cúng dường nhiều hay ít, sang hay hèn là tùy theo khả năng của mình, tuyệt đối chẳng miễn cưỡng. Trong các cúng cụ này [chúng ta] phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp của nó, phải đặc biệt ghi nhớ điểm này. Nếu không biết ý nghĩa tiêu biểu pháp, chỉ dùng hình thức để cúng dường thì được lợi ích rất nhỏ, chuyển nghiệp lực chẳng nổi, nhất định phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp. Nói cách khác, hình tượng của Phật, Bồ Tát và hết thảy cúng cụ đều nhằm từng giờ từng phút nhắc mình, đề cao cảnh giác, bạn không ngừng nâng cao đức hạnh, bạn sẽ được tự tại. Tự tại giống như Phật, Bồ Tát vậy, nên dùng thân gì để được độ thì ngài hiện thân ấy. Nói cách khác, chuyển nghiệp lực của mình thành nguyện lực, ý nghĩa quan trọng nhất trong đoạn kinh văn này là ở đây. Nguyện lực thọ thân sẽ tự tại, còn nghiệp lực thọ thân sẽ chẳng tự tại, cho nên phương pháp này là dạy chúng ta chuyển nghiệp lực thành nguyện lực.

Cúng 'Hoa', chúng ta nhìn thấy Hoa thì tưởng đến phải tu nhân, nhân hoa của lục độ vạn hạnh. Đặc biệt là trong kinh Hoa Nghiêm hiển thị, kinh điển nói với chúng ta, trong kinh Hoa Nghiêm có nói bất cứ người nào, bất luận sống cuộc sống như thế nào, thân phận gì, làm nghề gì đều chẳng có trở ngại, đều có thể tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh là gì? Tức là đời sống của họ, tức là công việc trong hành nghiệp của họ, thù tạc hằng ngày, làm sao đem những chuyện này biến thành Bồ Tát hạnh? Biến thành lục độ vạn hạnh? Mấu chốt ở tại Bồ Đề Tâm. Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ, chân chánh giác ngộ. Giác ngộ cái gì? Giác ngộ chư pháp thật tướng. Kinh Bát Nhã nói *'Tam tâm bất khả đắc', 'chư pháp vô sở hữu'*, đây là chân chánh giác ngộ, tâm hạnh của bạn tương ứng với tự tánh, và cũng là tương ứng với thật tướng của hết thảy pháp, được vậy thì bạn làm sao chẳng tự tại cho được? Sau khi chân chánh giác ngộ mới biết tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình, bạn mới thật sự hiểu rõ, thế nên đối với hư

không pháp giới hết thảy người, sự, vật sẽ tự nhiên sanh khởi tâm thương yêu chân chánh. Trong Phật pháp gọi tâm thương yêu này là đại từ, đại bi, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, tận hư không, trọn khắp pháp giới và mình có cùng một Thể. Thể này là gì? Thể là Chân Tâm, Chân Tâm tức là Chân Như, tức là Bản Tánh, trong kinh Phật dùng rất nhiều danh tướng nhưng đều nói về một sự việc. Y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới đều do Chân Tâm này biến hiện ra, thế nên tình và vô tình cùng một thể. Chư Phật Như Lai nhìn thấy chúng sanh thọ khổ, thật sự như là chính mình thọ khổ, thấy chúng sanh được vui, thật sự như là chính mình được vui, chúng sanh và mình là một thể, đó mới là chân chánh giác ngộ.

Chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo rất khổ, mê mất tự tánh, mê mất tự tánh nhưng tự tánh vẫn khởi tác dụng, chẳng phải là không khởi tác dụng, nếu không khởi tác dụng thì chẳng gọi là chân tánh, nó vẫn khởi tác dụng. Tuy khởi tác dụng, nhưng vì mê mất tự tánh, nên họ chẳng hay, chẳng biết bị nghiệp lực thao túng, đời sống của họ sẽ khổ. Chúng sanh đã giác ngộ, giác ngộ rồi thì xưng là Phật, Bồ Tát. Thanh Văn, Duyên Giác cũng giác ngộ, giác ngộ không rốt ráo, chẳng viên mãn, nhưng họ đã có thể thoát khỏi sự khống chế của nghiệp lực. Trong kinh Phật nói Thanh Văn, Duyên Giác trong Tam Đức chỉ được Giải Thoát, là phân nửa giải thoát, chẳng viên mãn. Tại sao? Pháp thân, Bát Nhã chẳng chứng được, trong Tam Đức Bí Tạng chỉ chứng được phân nửa Giải Thoát, họ xả thân và thọ thân cũng tương đối tự tại. Do đó có thể biết trong toàn bộ giáo học Phật pháp, mấu chốt ở tại Giác Ngộ, sau khi giác ngộ thì chúng ta sẽ được tự tại, sẽ có thể tùy ý hóa thân, chẳng chỉ là chuyển thân nữ thành thân nam mà thôi. Ý nghĩa của việc dùng Hoa để cúng dường đem lại cho chúng ta khải thị lớn như vậy.

Sự tiêu biểu pháp của Hương là tín tâm, Hương tiêu biểu cho Tín Hương, đối với lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng có nghi hoặc, sanh khởi lòng tinh thanh tịnh, kiên định. Hương cũng tiêu biểu Giới, Định, trong bài Hương Tán chúng ta thường xướng 'Giới Định Chân Hương'. Hương cũng tiêu biểu 'Ngũ Phần Pháp Thân Hương', biết được sự tiêu biểu của Hương thì chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật, không thể không biết việc này. Cúng dường 'Ẩm thực, y phục' tiêu biểu cho lòng cung kính của mình; chúng ta cần ăn uống, chúng ta dùng đồ ăn thức uống cúng dường Phật, Bồ Tát, thật ra Phật, Bồ Tát chẳng cần. Chúng ta cần y phục, chúng ta dùng y phục cúng dường Phật, Bồ Tát. Dùng y phục cúng dường Phật, Bồ Tát trong chùa cũng có, chúng ta thấy có một số chùa, tượng Phật, Bồ Tát có người cúng dường y giống như cái áo khoác, đắp trên thân tượng, đó là cúng dường y. Cúng dường những cúng cụ này đều y cứ theo kinh điển, cúng dường đồ ăn thức uống rất bình thường, cúng trước [tượng] Phật, đây là ẩm thực cúng dường.

'Gấm lụa, tràng phan' là những đồ trang sức, tức là dùng những vật bằng tơ lụa để cúng dường Phật, Bồ Tát, làm trang nghiêm đạo tràng, ngày nay chúng ta gọi là treo đèn kết tụi. Quốc khánh Tân Gia Ba sắp đến, mỗi đường phố đều có treo đèn, là ý nghĩa như vậy. Tràng phan là cúng cụ thường thấy nhất. Trong chú giải trang 35, hàng thứ năm, chư vị coi từ đó, đây là Thanh Liên pháp sư cho chúng ta tham khảo. Phàm cách chế tạo phan, tạo phan cùng nghĩa với tạo tràng, nói phan bao gồm tràng luôn 14[14].

14[14] Tràng (dhvaja) dịch âm là Đà Phược Nhạ, hoặc Thoát Xà, đôi khi còn được gọi là Kế Đô (ketu), dịch nghĩa là bảo tràng, thiên tràng hay pháp tràng, còn Phan có tên tiếng Phạn là patākā. Cả hai đều là

‘[Trên tràng và phan] không nên để (tức thêu hay vẽ) hình hay danh hiệu của Phật, Bồ Tát v.v… vì phan là vật để cúng, [tức là] để cúng cho đối tượng được cúng (tức Phật hay Bồ Tát). [Đã là vật cúng cho Phật, Bồ Tát] sao lại còn dùng hình hay danh hiệu [của Phật, Bồ Tát] để cúng’. Hy vọng chúng ta ghi nhớ điểm này, hiện nay nhiều người không biết, cúng phan, trên phan lại ghi danh hiệu của Phật, Bồ Tát, làm sao lại dùng Phật, Bồ Tát đi cúng dường Phật, Bồ Tát. Chúng ta cúng A Di Đà Phật, trên phan lại ghi câu ‘Nam mô A Di Đà Phật’, dùng A Di Đà Phật đi cúng dường A Di Đà Phật, quý vị nghĩ xem có đúng như pháp hay không? Lời ghi trong Khoa Chú rất đúng. Trên tràng phan lại còn có gì nữa? Dùng tượng Phật, trên ấy thêu tượng Phật rồi đem cúng dường Phật, Bồ Tát, hoàn toàn sai lầm, đây là việc rất nhiều người chẳng để ý. Ngày nay Phật pháp suy thoái, tuy Phật giáo dường như rất hưng vượng, chúng sanh vẫn tạo những nghiệp này, vẫn chịu những khổ báo này, chúng ta cúng dường như vậy là sai rồi. Có khi còn phạm sai lầm lớn hơn nữa, chúng ta thấy có pháp sư, đại pháp sư đắp tổ y màu đỏ, trên tổ y lại thêu tượng Phật, như vậy là không được. Hết thảy chư Phật đều biến thành y phục của bạn rồi. Đã mắc lỗi ở trên tràng phan rồi, còn lấy hình tượng Phật, Bồ Tát để trên [quần áo] nữa, như vậy là không được.

Nói trở lại, ngày nay chúng ta in danh hiệu của Phật, Bồ Tát trên quần áo được không? Được. Tại sao lại được? Đây là chúng ta vì muốn độ hóa chúng sanh, hy vọng hết thảy chúng sanh một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, dụng ý của chúng ta ở chỗ này. Giả sử bạn thêu hình tượng của Phật, Bồ Tát trên y phục, mặc ra đường để độ chúng sanh, tốt lắm! Như vậy thì được. Vấn đề là coi bạn dụng tâm gì? Tâm của bạn là thiện, là thuần, thì có vô lượng công đức. Nếu tâm bạn chẳng phải để đem lại lợi ích cho chúng sanh, chẳng phải để tuyên truyền Phật pháp, vậy thì bạn đã tạo nghiệp. Nhưng tràng phan được dùng trong đạo tràng, trong đạo tràng có cúng dường tượng Phật, [thêu tượng Phật trên tràng phan] thì không được. Nếu tràng phan được treo trên cột cờ thì được! Tại sao? Để cho đại chúng nhìn thấy, rất nhiều người chẳng tin Phật, để họ nhìn thấy danh hiệu của Phật trên tràng phan, hoặc là ghi tên của kinh điển, đều tốt cả. Đây là gì? Mục đích của chúng ta chẳng ngoài việc làm cho chúng sanh có dịp tiếp xúc đến Tam Bảo, đều cốt ý làm như vậy, do đó quan hệ của sự dụng tâm rất lớn.

Hiện nay chúng ta thấy quan tòa phán xử, trước hết phải hỏi động cơ (sự thúc đẩy) của bạn là gì. Nếu động cơ là thiện lành thì việc làm sai trái cũng có thể tha thứ, nếu động cơ là chẳng thiện thì làm việc tốt lành cũng có tội, do đó tầm quan trọng của động cơ rất lớn. Ở đây nói ‘tận tâm’, tận tâm tức là nói động cơ. Lúc trước một số lão hòa thượng kể chuyện cho chúng tôi nghe, có lẽ những chuyện này đều là sự thật. Nói có một người xuất gia thấy có một tượng Phật cúng ở bên đường, lúc đó nắng rất gắt, ông ấy nhìn thấy rất bức rức, [tượng] Phật ở đó phơi nắng chẳng có gì che, tự mình ông

---

những loại cờ hiệu, nhằm mục đích trang nghiêm đạo tràng nhà Phật. Tràng có hình tròn như cái ống, còn phan thì dài và hẹp, thường có hình chữ nhật, chung quanh có viền tua, hay có đuôi dài. Tràng và phan thường được thêu thùa công phu, có màu sắc rực rỡ, nhưng không ngoài năm sắc chính tượng trưng cho Ngũ Bộ Phật (xanh dương, trắng, vàng, đỏ, xanh lá cây). Theo Đại Nhật Kinh Sớ, tác dụng tràng và phan giống như quân kỳ, nhằm biểu thị sự trang nghiêm chiến thắng dũng mãnh của Phật pháp, đức Phật dùng trí huệ làm tràng để hướng dẫn chúng sanh chiến thắng hết thảy ma quân phiền não đánh thắng hết thảy. Do vậy, tràng có ý nghĩa đánh dẹp, chiến thắng, nên tràng thường được dùng để trang nghiêm nhằm biểu thị ý tán dương Phật, Bồ Tát. Ngoài ra còn một loại tràng nữa là hình trụ tròn hoặc lục lăng, bát giác, chung quanh khắc kinh chú, thường gọi là kinh tràng.

cũng chẳng có cách gì, không có gì cả. Ông nghĩ trên chân còn một đôi giày bện bằng cỏ, nghĩ vậy bèn đem đôi giày đó cúng Phật, để đôi giày đỏ ở trên đảnh đầu Phật để cho tượng Phật khỏi bị phơi nắng, còn mình đi chân không; đó là tâm tốt, ông ấy sẽ được quả báo thiện. Sau khi ông đi khỏi chẳng lâu lại có một người xuất gia đi ngang chỗ đó, nhìn thấy trên đầu Phật có một chiếc giày bện bằng cỏ, [tự hỏi] ai mà tạo ra tội nghiệp như vậy? Mau mau lấy chiếc giày xuống, chùi đảnh đầu tượng Phật sạch sẽ, cả hai người đều có tâm tốt, cả hai đều có tâm cung kính, đều được phước báo, tại sao? Động cơ đều rất tốt. Do đó chúng ta phải hiểu rõ, làm việc thiện là một tâm thiện, một niệm chân thành, việc làm của cả hai người kể trên đều chẳng có lỗi, phải hiểu ý tứ này.

Tràng phan trong chánh điện ở chùa tốt nhất là đừng có hình tượng Phật, Bồ Tát, chẳng ghi danh hiệu Phật. Dùng cái gì tốt nhất? Hiện nay chúng ta dùng câu 'Học vi nhân sư, hành vi thế phạm', dùng câu này ghi trên phan để cúng dường, tốt lắm! Hiện nay những gì chúng ta tu học, thật sự là tông chỉ, phương hướng, mục tiêu của chúng ta, ghi [hai mươi chữ] 'Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi, Nhìn Thấu, Buông Xuống, Tùy Duyên, Niệm Phật' trên tràng phan rất tốt! Chúng ta dùng tràng phan như vậy cúng Phật. Trong Phật pháp gọi đó là 'pháp cúng dường', điều thứ nhất trong pháp cúng dường là 'y giáo tu hành cúng dường'. Trong vật cúng dường này của chúng ta, từng giờ từng phút nhắc nhở chúng ta y theo lời dạy tu hành cúng dường, như vậy là đúng, đáng được chúng ta đề xướng. Nhưng hiện nay phần đông đều dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát, ai nghĩ ra đạo lý này? Đây là đặc biệt nêu ra, hy vọng mọi người chú ý đến vấn đề này.

'Tiền' tài, 'vật báu', đây là xả tài, xả tài là gì? Xả tham, tiêu biểu cho 'Xả tham cúng dường', vì phần đông người ta rất coi trọng tiền tài, báu vật. Phần sau cùng của chú giải ghi *'Có thể xả mạng tài, tâm chẳng tiếc nuối, bên trong dập tắt xan tham, được phước vô lượng'*. Những lời này, tứ chúng đồng tu chúng ta thấy trong kinh điển rất nhiều, cũng nghe đến rất nhiều, nhưng chẳng ai tin tưởng. Tại sao không tin? Chẳng thấy qua, chẳng có chứng cớ. Cho nên tuy đọc kinh, nghe kinh hiểu được việc này, tự mình cũng tu phước, khi buông xả tiền tài đều xả một chút, tôi có một vạn đồng thì xả một đồng là được rồi, làm việc tốt, cho nên phước báo người ấy có hạn, người ấy chẳng thể xả hoàn toàn. Trong thế gian này người giàu buông xả chẳng bằng người nghèo, người nghèo có thì cũng bao nhiêu đó, không có thì cũng bao nhiêu đó, ngày tháng cực khổ từ sáng đến tối cũng ráng chịu đựng, vượt qua nên họ dám buông xả, xả một phần lớn tiền tài của họ.

Trong kinh điển đức Phật có kể câu chuyện người ăn xin, người ở ngoài đường ăn xin, người ta cho ông ta một xu. [Có một vị] La Hán, Bích Chi Phật nhìn thấy: 'Ông không có phước! Chịu quả báo bần cùng, nhiều đời quá khứ chẳng tu phước [nên ngài giúp] ông trồng phước'. Làm sao trồng phước? Xin tiền ông ăn xin: 'Người ta cho ông đồng xu đó, ông lấy ra cúng dường tôi, thì ông sẽ được phước'. Người ăn xin nghe xong thì sao? Ông nghĩ: '[Mình] khổ quá [rồi, bây giờ có dịp] cúng dường A La Hán, cúng dường Bích Chi Phật phước báo rất lớn' nên ông bèn lấy đồng xu ấy ra cúng dường A La Hán, Bích Chi Phật. Một đồng xu là toàn thể gia tài của ông, ông chỉ có bấy nhiêu thôi, đem ra cúng hết. Ông được quả báo chẳng thể nghĩ bàn, mấy mươi kiếp đều chẳng chịu khổ báo nghèo hèn. Bố thí nói ở đây là tận tâm bố thí, tận lực bố thí, phước báo đó rốt ráo viên mãn.

Những chuyện đức Phật độ các người nghèo hèn, hạ tiện, ăn xin rất nhiều. Những người này chẳng bao lâu sau khi mạng chung đều sanh lên trời, người thế gian chúng ta chẳng thấy họ sanh lên trời, chẳng thấy họ hưởng phước trên trời. Sau khi bố thí chẳng lâu thì họ chết đi, người thế gian nhìn thấy là hiện tượng như vậy, cho nên chẳng thể khởi lên lòng tin. Chúng ta tuy chẳng nhìn thấy, nhưng chúng ta hiểu rõ đạo lý này, khẳng định sanh mạng nhất định chẳng phải chỉ có đời này mà thôi, chúng ta có đời quá khứ, còn có đời tương lai. Thật sự tin có đời sau, bạn có thể tin được những Lý Sự nói trong kinh, [đích thật] có đời sau. Đời này khổ một chút không sao cả, đây là vì đời quá khứ chẳng có tu nhân thiện nên đời này phải tu cho đàng hoàng, đời sau mới có quả báo thù thắng, quả báo của sự tận tâm bố thí chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta cúng dường một vị Phật, một vị Bồ Tát, khó lắm! Tìm chẳng ra, chỉ có thể cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát. Nếu thế gian có Phật thiệt, Bồ Tát thiệt, cúng dường các ngài sẽ có phước lớn. Phật thiệt, Bồ Tát thiệt ở đâu? Người tu hành chân chánh. Nhưng vấn đề lại khởi lên, người chân tu đời sống sanh hoạt đều vô cùng thanh bần khổ cực, bạn cúng dường họ, họ chẳng tiếp nhận, họ chẳng muốn. Do đó có thể biết ruộng phước rất khó kiếm; bạn muốn trồng phước, ruộng phước ở đâu? Đích thật tương đối chẳng dễ. Phước điền chân chánh là đạo tràng tu hành chân chánh, chúng ta đến đạo tràng này để trồng phước điền. Đạo tràng này thiếu cái gì, chúng ta cúng dường cái đó. Thí dụ người trụ ở đó quá đông, cần mở rộng thiết bị thì chúng ta cúng dường cho họ. Bạn ở đó hết lòng quan sát, cúng dường nhiều nhưng họ tu hành chẳng thoái chuyển một chút nào, đó mới là phước điền chân chánh. Sự cúng dường này [mới được] phước vô lượng vô biên, cúng dường một ngày được phước báo chẳng thể nghĩ bàn, huống chi là [cúng dường] hằng ngày chẳng suy thoái, phước báo đó bao lớn!

Ngày nay đạo tràng Cư Sĩ Lâm ở Tân Gia Ba là một đạo tràng do cư sĩ xây dựng, những cư sĩ này thông Tông thông Giáo, hộ trì chánh pháp. Không những hộ trì, chủ trì chánh pháp, xây dựng Niệm Phật Đường, cung ứng cho đồng tu niệm Phật trên toàn thế giới đến đó tinh tấn niệm Phật, mỗi ngày 24 giờ không gián đoạn. Người chân chánh niệm Phật phát tâm đến đó niệm Phật một ngày một đêm, đều là thiện nhân cho bạn tương lai thành Phật, là điều kiện quan trọng cho bạn tương lai thành Phật. Bạn có thể phát tâm mỗi ngày ở nơi đó niệm Phật, công đức ấy rất to lớn! Do đó đạo tràng này chẳng phải là một đạo tràng thông thường, mọi người đến đó là để làm Phật. Cúng dường đạo tràng này thì phước đức ấy trừ đức Phật ra chẳng ai có thể nói hết, đây là công đức chân thật. Chúng ta đều phải hiểu Lý Sự này, phải thấu hiểu triệt để, hy vọng những quốc gia, địa phương khác cũng có thể xây dựng đạo tràng giống như vậy. Xây dựng đạo tràng như vậy nhất định sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần thủ hộ, hộ trì, công đức lợi ích hiện tiền đã chẳng thể nghĩ bàn, người cúng dường được phước báo to lớn, người tu hành được đại thiện lợi. Thế nên cúng dường phải đúng như pháp, bố thí cúng dường đều phải đúng như pháp.

Đoạn phía dưới là nói về quả báo, chuyển quả báo *(thay đổi quả báo)*. Quả chuyển báo ở đây chúng ta có thể coi đó như là có cầu ắt ứng, nghiệp báo không phải là không thể chuyển biến. Trong chú giải hai câu phía trước vô cùng quan trọng! 'Sự chuyển báo khó, duy tại tinh thành', tám chữ này rất quan trọng! Nếu bạn thật sự làm được đến mức 'tinh thành', chuyển báo sẽ chẳng khó. Cô này, 'người thiện nữ đó sau khi mãn một báo thân nữ hiện tại, trải qua trăm ngàn muôn kiếp còn không sanh vào thế

giới có người nữ, huống chi là thọ lại nữ thân', thế giới chẳng có người nữ, trong chú giải còn nói: 'tức là chỉ tây phương Cực Lạc', tây phương Cực Lạc thế giới chẳng có người nữ, sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới, thân tướng hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Cho nên hiện nay chúng ta thờ tây phương Tam Thánh, chúng ta thờ ba tượng A Di Đà Phật, ở chính giữa là A Di Đà Phật, còn một bên là Quán Thế Âm Bồ Tát, một bên là Đại Thế Chí Bồ Tát. Tại sao lại giống nhau? [Người ở] Tây phương thế giới đích thật đều giống nhau, cách cúng của đạo tràng chúng ta hoàn toàn phù hợp với cách nói trong kinh, giống hoàn toàn. Chúng ta vãng sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới thì thân tướng giống y hệt như A Di Đà Phật, *'thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp',* không phải chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp mà thôi. Hết thảy tượng thờ trong Niệm Phật Đường chúng ta đều giống nhau, đó là gì? Liên Trì hải hội. Những tượng đó chỉ có một vị là A Di Đà Phật, ngoài ra đều là tượng của mọi người chúng ta, tượng của mọi người đều giống như A Di Đà Phật, làm cho chúng ta ở trong Niệm Phật Đường có cảm xúc sâu đậm này. Đây tức là chuyển thân nghiệp báo của chính mình thành thân tướng thù thắng nhất của Như Lai. Xem tiếp kinh văn:

Trừ phi từ nguyện lực cố, yếu thọ nữ thân độ thoát chúng sanh

Trừ phi vì nguyện lực từ bi muốn thọ nữ thân để độ thoát chúng sanh.

Đây là nói chịu dùng nữ thân để độ thoát chúng sanh thì cũng có thể tùy ý mãn nguyện. Trong chú giải có ghi 'Ma Gia phu nhân' mẹ của đức Phật Thích Ca cũng là chư Phật tái lai, chẳng phải người thường. Nên dùng thân nữ để độ thì ngài hiện thân người nữ. Nguyện của ngài chẳng giống với kẻ khác, nguyện của Ma Gia phu nhân là 'vĩnh viễn làm mẹ của ngàn vị Phật', ngài phát nguyện này, phát nguyện làm mẹ của Phật. Phía sau chú rất hay: 'đó là pháp môn Thuận Ái độ chúng sanh', tình ái của chúng sanh rất sâu, thuận theo tình ái của bạn để độ bạn. Đây là 'Nhiếp đồng sự' trong Tứ Nhiếp Pháp, Phật và Pháp Thân Đại Sĩ có khả năng này, thật sự làm được hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Phía dưới lại nêu một thí dụ, trong kinh Hoa Nghiêm, Bà Tu Mật Đa Nữ 15[15], trong Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi là Phạt Tô Mật Đa Nữ, đây là vì dịch âm chẳng giống nhau. Bà Tu Mật Đa thị hiện thân phận gì? Ngài thị hiện thân phận ngày nay xã hội chúng ta gọi là kỹ nữ, quảng độ chúng sanh, phàm những kẻ tiếp xúc với ngài đều được ngài độ thoát. Thế nên bạn nói có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Có thân phận nào chẳng phải là Bồ Tát? Bồ Tát trong ngành nghề nào cũng có hóa thân, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề đều có Bồ Tát, Phật ở trong ấy, phàm phu như chúng ta chẳng nhận ra.

Sau cùng ngài kết luận 'lại dùng Từ Ái Tam Muội', lúc hiện tướng, tác dụng là từ ái. Trong tâm thanh tịnh vô nhiễm, giống như Tông Môn có nói:

Trăm hoa dẫu có xuyên qua,
Lá kia một chiếc chẳng hề vướng thân. 16[16]

Tâm địa của ngài thanh tịnh, bình đẳng, giác, bên ngoài thị hiện từ ái, đây gọi là Từ Ái Tam Muội, ngài dùng nguyện lực này thị hiện nữ thân. Phía sau nói: *'Trước dùng Dục lôi kéo, sau dẫn vào trí Phật' 17**[17]***, trong ấy có tham ái hay không? Không có.

15[15] Vasumitra

16[16] 'Bá hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân'

17[17] Kinh điển nhà Phật nói rõ nhân quả cúng dường Phật, Bồ Tát sẽ được những phước báo thù thắng, hoặc tụng chú, niệm danh hiệu Bồ Tát sẽ được quả báo tốt đẹp trong hiện thời, cũng như trong

Ngài độ những chúng sanh có tình chấp sâu nặng này, giúp họ thành Phật, lìa khỏi tham, sân, si, giúp họ giác ngộ, ngài có công phu định lực, có trí huệ, có phương tiện khéo léo. Nếu công phu định lực, trí huệ, phương tiện chưa đến mức độ ấy mà học theo họ, vậy thì thôi rồi, chắc chắn sẽ vào địa ngục, tức là công phu chưa đến thì nhất định không thể học theo. Thế nên Tứ Nhiếp Pháp của Bồ Tát, tôi thường khuyên các vị đồng tu, ba thứ đầu có thể học, còn điều thứ tư này thì phải coi khả năng của mình. Điều thứ tư là 'đồng sự', ba điều đầu là 'bố thí, ái ngữ, lợi hành' thì chẳng có vấn đề, sẽ chẳng gây ra tác dụng phụ gì hết. Điều sau cùng này nhất định phải coi trí huệ, công phu định lực của mình tới đâu mới được, không thể tùy tiện học theo.

Thừa tư cúng dường Địa Tạng lực cố cập công đức lực bá thiên vạn kiếp bất thọ thân nữ.

Còn thì nương nơi sức cúng dường ngài Địa Tạng cùng sức công đức, trong trăm ngàn vạn kiếp chẳng thọ thân nữ nữa.

Trong việc cúng dường tuy là nói về Sự, nói Sự bạn nhất định phải hiểu Lý, nói Lý bạn nhất định phải hiểu Sự mới đạt được lợi ích chân thật, tuyệt đối chẳng thể lệch về một bên, nghiên về một bên là sai lầm, bạn sẽ hoàn toàn vặn cong ý tứ của Phật hết. Lúc trước lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam dạy chúng tôi giảng kinh, thầy thường nói, những kinh nói về Sự rất khó giảng, thí dụ như kinh nào? Kinh Địa Tạng, Kinh A Di Đà, đều nói về Sự, có thể giảng những Sự này đến mức làm cho người ta tin không? Thế nên giảng những kinh này rất khó, rất khó. Kinh nào dễ giảng? Kinh Kim Cang dễ giảng, giảng Lý giảng đến bạn gật đầu, bạn chẳng thể không tin. Kinh nói về Lý thì dễ giảng hơn, kinh Lăng Nghiêm dễ giảng, kinh nói về Sự thì khó giảng. Cho nên giảng về Sự nhất định phải giảng Lý cho thật thấu triệt, vậy thì nói Sự người ta mới có thể tin tưởng. Giảng kinh nói về Lý thì nhất định phải giảng Sự rõ ràng, thế thì Lý mới có thể thực hiện trên Sự, mới có thể được thọ dụng, nếu không thì sẽ biến thành nói viễn vông, tuy nói Lý rất hay nhưng trên Sự chẳng làm nổi. Cúng dường Địa Tạng nhất định phải hiểu lý luận của sự cúng dường, pháp tu cúng dường chân chánh, từ trong Sự mà hiển Lý, chúng ta biết sự tướng đều dùng để tiêu biểu pháp. Nếu hoàn toàn hiểu rõ Lý, Sự trong ấy, đến lúc nào cúng dường cái gì? Phía trước nói 'tận tâm cúng dường'. Tận tâm đến mức độ nào? Thân tâm đều cúng dường hết, công đức ấy đương nhiên sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Cả thân tâm đều cúng dường hết, lời này là như thế nào? Tức là như Phật trong kinh thường nói *'thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói'*. Thân thể này của chúng ta, đời này kiếp này dùng để biểu diễn cho xã hội đại chúng coi. Làm cho xã hội đại chúng nhìn thấy rồi giác ngộ, vậy thì không phải bạn đã dùng toàn thân cúng dường hay sao? Trong đời sống từng ly từng tí đều làm tấm gương tốt cho hết thảy chúng sanh, viên mãn rốt ráo hiển thị chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi giáo hóa chúng sanh. Trên Sự thì dạy người nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đây tức là cúng dường.

Địa Tạng tiêu biểu cho cái gì? Địa Tạng tiêu biểu hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng, thực hiện trên cơ sở của hiếu đạo, thực hiện trên sư đạo, thì bạn thật sự tận tâm

---

phẩm 12 của kinh Địa Tạng có nói thờ tượng Địa Tạng sẽ được 23 điều lợi như đất cát tốt mầu, những chuyện bất như ý chẳng lọt vào tai v.v.. Đấy là dùng những quả báo, ích lợi trước mắt để khơi gợi lòng ham muốn cầu lợi của chúng sanh, nhằm hướng dẫn họ tu hành thiện nghiệp, qua quá trình tu tập thiện nghiệp, Bồ Tát sẽ dùng phương tiện khéo léo dẫn dắt họ thâm nhập trí huệ của Phật.

cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Thế nên chư vị phải biết nếu chỉ có những hình thức cúng dường hương, hoa, đồ ăn thức uống, y phục mà chẳng hiểu ý tứ, trong tâm chính mình vẫn còn tham, sân, si, mạn, vẫn còn thị phi, nhân ngã, thì sự cúng dường này là mê tín, làm gì có công đức mà nói? Cho nên từ cúng dường trên Sự đạt đến tận tâm cúng dường, thì Sự ấy là tiêu biểu cho tâm, đó mới là cúng dường chân thật. Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói đến Pháp Cúng Dường, Pháp Cúng Dường nói đến bảy câu 18[18], quan trọng nhất là Y Giáo Tu Hành Cúng Dường, nói cách khác những gì trong kinh Phật dạy chúng ta làm, chúng ta đều làm được hết. Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta làm, Phật dạy chúng ta không thể làm thì chúng ta nhất định không làm. Kinh điển ví như kịch bản, tứ chúng đệ tử chúng ta ví như diễn viên, nhất định phải noi theo kịch bản này mà biểu diễn, làm cho chúng sanh mê hoặc trong lục đạo có thể giác ngộ. Mục đích chúng ta biểu diễn là giúp cho họ giác ngộ, cho nên phải diễn giống như thật, hoàn toàn biểu diễn y theo kịch bản. Nói cách khác hết thảy kinh điển tức là đời sống của chúng ta, tư tưởng của chúng ta, tức là kiến giải, hành vi của chúng ta, đây tức là 'tận tâm cúng dường'. Nếu bạn làm được thì nói thật ra bạn đã thành Phật rồi, bạn hoàn toàn làm được [như lời dạy trong] Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh thì bạn chính là Địa Tạng Bồ Tát. Bạn hoàn toàn làm được [như lời dạy trong kinh] Vô Lượng Thọ thì bạn là Vô Lượng Thọ Phật. Nếu chưa làm được thì phải hết lòng nỗ lực mà làm, như vậy mới gọi là *'sức cúng dường ngài Địa Tạng, cùng sức công đức'*, 'sức công đức' tức là thiện tâm, nguyện tâm vĩnh viễn chẳng đoạn dứt, như vậy mới có thể thành tựu quả đức viên mãn thù thắng. Xin xem đoạn kế tiếp: đây là đoạn thứ nhì 'Chán xấu bịnh, lễ tượng được phước', đây cũng là lẽ thường tình của con người.

Phục thứ Phổ Quảng nhược hữu nữ nhân yếm thị xú lậu đa tật bịnh giả
Lại nữa này Phổ Quảng, nếu có người nữ chán thân xấu xí và nhiều bịnh tật.
Đây là nói thân tướng của mình chẳng tốt, nhiều tật bịnh

Đản ư Địa Tạng tượng tiền, chí tâm chiêm lễ, thực khoảnh chi gian, thị nhân thiên vạn kiếp trung sở thọ sanh thân tướng mạo viên mãn.
Đến trước tượng của ngài Địa Tạng, chí tâm chiêm lễ trong chừng một bữa ăn, người đó trong ngàn muôn kiếp thọ sanh được thân hình, tướng mạo viên mãn.

Chúng ta coi trước đoạn này. Dung mạo là do nghiệp lực biến hiện thành, nghiệp lực tức là tâm, người thế gian coi tướng, đoán mạng đều nói tướng tùy tâm chuyển, chúng tôi cũng thường nhắc nhở đồng tu, tướng tùy tâm chuyển, thể chất thân thể cũng tùy tâm chuyển. Không những thân tướng tùy tâm chuyển, hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta cũng tùy tâm chuyển. Đức Phật trong các kinh luận giáo huấn chúng sanh, đây là một khóa trình quan trọng, và cũng thiết yếu phi thường. Có ai không muốn lìa khổ

18[18] Bảy câu này là:
Cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy,
Cúng dường bằng cách làm lợi chúng sanh,
Cúng dường bằng cách nhiếp thọ chúng sanh,
Cúng dường bằng cách chịu khổ thế cho chúng sanh,
Cúng dường bằng cách siêng tu thiện căn,
Cúng dường bằng cách chẳng xả nghiệp Bồ Tát,
Cúng dường bằng cách chẳng lìa Bồ Đề tâm.

được vui? Ai không muốn đời sống của mình hạnh phúc mỹ mãn? Cổ kim trung ngoại hết thảy chúng sanh đều ở chỗ này mong cầu, đều có nguyện vọng này, tại sao sự việc [xảy ra thường] trái nghịch với nguyện vọng? Sự thật cứ trái nghịch với nguyện vọng của mình. Vì hết thảy chúng sanh không biết sự thật này hình thành như thế nào, làm sao mà có. Đây là nói đến thiện và ác, căn nguyên của quả báo. Những gì chúng ta ngày nay cảm nhận từ trên sự tướng mà nói là quả báo, có quả thì nhất định phải có nhân, nhân thiện thì quả sẽ thiện, nhân chẳng thiện thì quả chẳng thiện, thế nên trồng thiện nhân sẽ được thiện quả, tạo ác nhân nhất định bị ác báo. Đức Phật trong Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói rõ mười thứ nghiệp chẳng thiện sẽ có quả báo xấu xí, nếu ngày nay chúng ta có quả báo này, hãy nghĩ coi mình còn tập khí này không? Vì đời quá khứ tạo những ác nghiệp ấy mới có quả báo hiện nay, vẫn còn tập khí sót lại, nếu tập khí còn dư này vẫn còn, không sửa đổi thì chuyển nghiệp sẽ khó khăn.

Mười nghiệp chẳng thiện, Thanh Liên pháp sư trích ra và ghi trong chú giải ở trang 37, hàng thứ nhì:

Thứ nhất là hay tức giận. Hay tức giận nhất định chẳng phải là chuyện tốt, không những lúc bạn tức giận tướng mạo chẳng đẹp, tức giận còn làm tổn hại thân thể và đem đến tật bịnh, thân thể bạn nhiều bịnh, bạn nghĩ xem tướng mạo lúc tức giận đẹp hay không? Thế mới biết nguyên do của xấu xí, tật bịnh.

Thứ nhì là hiềm hận (hiềm nghi và ghét hận), trong tâm thường hiềm ghét người khác, oán hận, oán trời trách người, tâm tình như vậy cũng tổn thương thân thể. Cho nên nếu bạn muốn thân thể khỏe mạnh, mười thứ này dùng cách nói hiện nay tức là bịnh độc, bịnh độc trong tâm lý. Tại sao có người tướng mạo đẹp đẽ? Vì thường sanh tâm hoan hỷ, lúc hoan hỷ thì tướng mạo đẹp, dễ coi, tức giận thì tướng mạo xấu xí. Chuyển nghiệp là chuyển từ chỗ này, lời Phật nói thật là hợp tình hợp lý. Chúng ta bình tĩnh suy nghĩ kỹ càng, đức Phật nói rất có đạo lý.

Thứ ba là lừa gạt người khác, mê hoặc kẻ khác, đây là nghiệp chẳng thiện.

Thứ tư là thích làm cho chúng sanh khởi phiền não, nhiễu loạn kẻ khác, làm cho người ta thân tâm chẳng yên.

Thứ năm là không hiếu thuận cha mẹ.

Thứ sáu là chẳng tôn kính thánh hiền. Thánh hiền đối với xã hội có lợi ích to lớn; đạo đức, học vấn, hành trì của những người này trong xã hội đều là gương tốt cho đại chúng ở địa phương đó, đích thật họ có thể giáo hóa cả vùng ấy, có tác dụng âm thầm thay đổi phong tục nhân tình của vùng đó. Thánh hiền tuyệt chẳng yêu cầu người khác tôn kính họ, không bao giờ. Nếu có hy vọng kẻ khác tôn kính, cúng dường thì đó là tà đạo, tuyệt chẳng phải thánh hiền, đó là lừa gạt người ta. Tại sao chúng ta phải tôn kính họ? Mục đích tôn kính họ là để khuyên xã hội đại chúng học theo họ, là ý nghĩa như vậy. Chúng ta học Phật tại sao phải tôn kính đức Phật? Phật tuyệt chẳng có nói: "Quý vị nhất định phải tôn kính ta", bạn tìm ở kinh nào thấy có cách nói như vậy chăng? Chúng ta kính đức Phật là giúp đỡ Phật hoằng pháp lợi sanh, giúp đức Phật tiếp dẫn đại chúng. Xã hội đại chúng chẳng biết ích lợi của [sự học] Phật, công đức của Phật, nhưng họ thấy chúng ta tôn kính Phật. Trong xã hội bản thân chúng ta biểu hiện làm người thiện, tâm thiện; người thiện, tâm thiện tôn kính người nào thì người đó nhất định là người tốt; mọi người thích thân cận người tốt, học theo người tốt, mục đích chúng ta tôn kính là như vậy. Thế nên khi gặp tượng Phật chúng ta đảnh lễ, người chẳng biết Phật pháp nhất

định sẽ hỏi tại sao bạn đối với tượng Phật cung kính như vậy? Tại sao phải lễ bái tượng Phật? Thì bạn đem những đạo lý này nói cho họ nghe, như vậy họ mới hiểu được. Do đó mới biết [làm vậy] là biểu diễn, biểu diễn cho những chúng sanh chưa giác ngộ này coi, làm cho họ giác ngộ.

Phật pháp là sư đạo, sư đạo được xây dựng trên cơ sở của chữ 'Kính', cho nên Ấn Quang pháp sư dạy rất hay: *"Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích"*. Chúng ta học Phật đạt được lợi ích ít ỏi, nói thật ra chẳng ở tại bên ngoài, mà ở tại lòng thành kính của mình. Bạn có mấy phần thành kính thì sẽ được bấy nhiêu phần lợi ích; bạn chẳng có tâm thành kính, mỗi ngày ở kế bên Phật cũng chẳng được lợi ích, đây là thật. Năm xưa lúc đức Phật còn tại thế, Đề Bà Đạt Đa thường ở bên Phật, Lục Quần Tỳ Kheo cũng thường ở bên Phật, tại sao chẳng được lợi ích? Vì chẳng có tâm tôn kính. Trong mắt họ thấy Phật cũng như người thường, chẳng khác gì mình cho lắm, nên ở bên mình Phật mà chẳng được lợi ích. Nếu có tâm chân thành, chẳng ở bên mình Phật cũng được lợi ích, tại sao? Y giáo phụng hành, những gì Phật dạy, họ đều làm được hết.

Sự thì quá vụn vặt, quá phức tạp, [chỉ cần] nắm vững cương lãnh, Sự không trái nghịch cương lãnh thì nhập được cảnh giới Phật. Tổng cương lãnh tức là 'Tâm Bồ Đề', chư vị phải ghi nhớ Bồ Đề Tâm y theo cách nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là: 'Chí Thành Tâm, Thâm Tâm, Hồi Hướng Phát Nguyện Tâm'. Trên sự tướng càng phiền, càng nhiều hơn nữa, chỉ cần tương ứng với tâm này, thì hết thảy sự tướng đều gọi là Bồ Tát Hạnh, đều quy nạp trong lục độ vạn hạnh. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói *'Quên mất tâm Bồ Đề, hết thảy tạo tác đều là nghiệp ma'* 19[19]. Ma nghiệp là gì? Hết thảy những nghiệp bạn đã tạo ra, thiện nghiệp thì sanh ba cõi thiện, ác nghiệp thì sanh ba đường ác, chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi thì gọi là ma nghiệp. Tương ứng với Bồ Đề Tâm thì những gì bạn tạo đều là Bồ Đề nghiệp, Bồ Đề nghiệp gọi là tịnh nghiệp, nhất định có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, như vậy thì khác. Thế nên chúng ta phải thật sự hiểu rõ cả đời này trên thế gian hoàn toàn là biểu diễn, được vậy thì bạn là đệ tử Phật. Phật biểu diễn, Bồ Tát biểu diễn, hết thảy chúng ta là đệ tử Phật đều tham gia gánh hát này, chúng ta đến biểu diễn. Biểu diễn cái gì? Chẳng có tự kỷ (chính mình), vô ngã, hoàn toàn vì người khác, hoàn toàn y theo kịch bản mà diễn kịch, như vậy thì người ấy làm sao không tự tại? Là tự tại tùy duyên. Ngày tháng như vậy sinh sống rất vui vẻ, rất hạnh phúc. Đừng cho là thật, vừa cho là thật thì là phàm phu, thì bạn sẽ rơi vào lục đạo, chỉ là biểu diễn mà thôi. Thế nên đối với thánh giáo phải sanh tâm cung kính.

Thứ bảy là *'Xâm đoạt hiền thánh tư sanh điền nghiệp'*, nói đơn giản là xâm phạm, cướp giựt đồ cần dùng cho đời sống của những người thánh, người hiền, tội nghiệp này rất nặng. Không những không cúng dường mà còn cướp giựt, còn chiếm đoạt, gây chướng ngại cho họ hoằng pháp lợi sanh.

Thứ tám là *'Dập tắt đèn đuốc trong tháp miếu Phật'*, ý này rất dài. Trên Sự thì tháp miếu đều có thắp đèn, bạn tắt đèn này, đây là nói trên Sự. Trên Lý thì tháp miếu là đạo tràng, đạo tràng này làm việc hoằng pháp lợi sanh, đó là phóng quang minh. Mỗi ngày giảng kinh, phóng quang minh; mỗi ngày niệm Phật, phóng quang minh; mỗi ngày tham thiền, phóng quang minh. Chỉ cần có người ở nơi đó chân chánh tu hành thì là phóng đại quang minh. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ nếu có người thấy được thì

19[19] Vong thất Bồ Đề tâm, nhất thiết tạo tác giai thị ma nghiệp

người ấy được lợi ích, không có người nhìn thấy thì quỷ thần nhìn thấy. Thế nên nhà Nho nói 'thận độc' 20[20], tức là khi bạn có một mình cũng không được phóng dật, không thể nói không có người nhìn thấy thì có thể tùy tiện một chút, không thể được. Chẳng có người hữu hình nhìn thấy thì cũng có người vô hình nhìn thấy, [chúng sanh] vô hình còn nhiều hơn có hình chẳng biết là gấp bao nhiêu lần. Chúng ta độ người và cũng độ quỷ thần, chúng ta làm gương cho người, và cũng làm gương cho quỷ thần, làm sao có thể phóng dật được? Tu như vậy thì lòng thành kính của chúng ta mới khơi dậy nổi; lúc ở trước mặt người ta thì như vậy, khi người ta quay lưng thì làm cách khác, chẳng có thành kính. Đây là [nguyên nhân] rất nhiều đồng tu, tu hành chẳng có cảm ứng, tu hành chẳng đạt được quả đức thù thắng, mấu chốt là ở chỗ này, chẳng dùng tâm chân thành. Do đó có thể biết đạo phong (đường lối tu hành) và học phong (phong cách học tập) của đạo tràng vô cùng quan trọng, nếu chẳng có đạo phong, chẳng có học phong cũng giống như đèn nến trong chùa tháp bị thổi tắt, dập tắt. Cùng một đạo lý, nếu đạo tràng này đích thật có đạo phong, có học phong, trên sự tướng người đến đạo tràng này đốt đèn cũng nhiều, người thắp hương cũng nhiều, đây là nói người đến đó tu học nhiều.

Nghiệp nhân chẳng thiện thứ chín là *khinh thường những người bần cùng, hạ tiện*, đối với họ sanh khởi lòng ngạo mạn, còn hủy nhục thêm, đây là sai lầm quá đỗi. Người học Phật chúng ta khi gặp những người nghèo hèn, hạ tiện này, trong tâm chúng ta cũng phải coi họ như Phật, Bồ Tát thị hiện, họ thị hiện cho chúng ta coi, nói nếu không tu phước huệ thì sẽ có quả báo như vậy, cũng là biểu diễn trên sân khấu. Thế nên đối với những người này chúng ta phải khởi tâm tôn kính, thương xót, tự mình phải biết tu học như vậy.

Thứ mười là *'làm các hạnh ác'*, phạm vi rất rộng, tạo ra các hành vi bất thiện.

Đức Phật nói mười thứ nghiệp này sẽ bị quả báo xấu xí, đời trước làm những nghiệp bất thiện trên, đời này bị quả báo. Quả báo đời này có thể thay đổi hay không? Nói cho chư vị biết: Có thể thay đổi. Chỉ cần bạn thay đổi những tập khí, tật xấu này trở thành tốt thì tướng mạo dần dần sẽ thay đổi, [đó là vì] tướng tùy tâm chuyển. Chân chánh có quyết tâm, có nghị lực sửa sai đổi mới, nói thật ra ba tháng đến nửa năm thì sẽ có hiệu quả. Nếu ba tháng, nửa năm chưa gặp mặt thì khi bạn bè gặp mặt, sự thay đổi của bạn so với lúc trước sẽ rất rõ ràng. Mỗi ngày đều gặp gỡ thì sẽ chẳng nhận thấy, nếu không thường gặp mặt, vừa gặp mặt thì [sẽ thấy] tướng mạo thay đổi hẳn. Có thể làm trong ba năm thì sự thay đổi sẽ rất rõ ràng, gia đình thân quyến của bạn mỗi ngày đều ở chung cũng sẽ cảm thấy bạn thay đổi, bạn chẳng giống lúc trước. Tướng mạo thay đổi rồi thì thể chất đương nhiên cũng thay đổi.

Trong kinh này đức Phật cũng nói mười thứ nghiệp sẽ bị quả báo nhiều bịnh, chúng ta phải ghi nhớ hai chục điều chép trong chú giải này, bạn có thể giúp đỡ rất nhiều người, thay đổi những tập quán xấu của họ, thay đổi quả báo ác này của họ.

Thứ nhất là thích đánh đập chúng sanh *'ưa thích đánh đập hết thảy chúng sanh'*, đặc biệt là những động vật nhỏ, khi nhìn thấy cũng chẳng đến nỗi là thấy ghét, nhưng thích đập cho nó chết: nhìn thấy muỗi mòng, kiến, ruồi thì liền đánh cho nó chết, phải biết tương lai sẽ bị quả báo nhiều bịnh. Ấn Quang đại sư rất đáng cho chúng ta học hỏi,

---

20[20] nguyên văn: 慎 獨 : phải răn cấm, cẩn thận lúc một mình

ngài làm ra gương mẫu cho chúng ta coi. Trong Phật pháp khi gặp những con vật này thì không được đánh chúng nó chết, chỉ đuổi chúng đi. Nhưng Ấn Quang pháp sư chẳng đuổi chúng đi, truyện ký của lão pháp sư có chép khi thị giả của ngài [nói] có người thấy trong phòng lão pháp sư có bọ chét, muỗi, có người giúp ngài đuổi chúng đi, lão hòa thượng chẳng cho phép, lão hòa thượng nói đừng đuổi chúng đi. Người ta hỏi tại sao? Lão hòa thượng đáp: *"Đức hạnh của tôi chẳng đủ, có chúng nó ở đây, tốt lắm! Thường thường cảnh tỉnh chính mình, đức hạnh của tôi còn chưa cảm hóa được chúng, chúng đang cảnh tỉnh tôi, cảnh sách tôi"*. Lão hòa thượng chẳng đuổi chúng đi. Nghe nói sau khi Ấn Quang pháp sư bảy mươi tuổi, những con vật này chẳng còn [trong phòng ngài] nữa. Lúc trước trong phòng có muỗi, bọ chét, ruồi, có những con vật này, [nhưng] khi lão hòa thượng vào phòng đó ở, những con vật này đều dọn nhà đi khỏi hết. Từ đây có thể biết tu dưỡng đức hạnh của mình rất quan trọng, có chúng nó nhiễu loạn thì là đạo đức của mình chẳng đủ, chẳng có đạo đức thì chúng nó mới nhiễu loạn. Chân thật tu hành, dũng mãnh tinh tấn, đạo đức của bạn có thành tựu không? Hãy coi những con vật nhỏ này còn ở đó không? Nếu chẳng còn thì chứng minh bạn tu hành có công phu. Nếu vẫn còn những con vật này ở đó nhiễu loạn thì công phu của bạn chưa đủ. Bạn xem người chân chánh tu hành chẳng trách móc ngoại cảnh, hết thảy đều quy về nội tâm, trở về chính mình. Mình bất thiện thì chúng nó dám khuấy nhiễu, xâm phạm là đúng rồi, chẳng đáng phiền trách. Cho nên đây là việc phải nên giới trừ.

Ác nghiệp thứ hai *'khuyên người khác đánh'*, tự mình tuy không đánh đập nhưng xúi giục người khác đánh.

Thứ ba *'tán thán cách đánh'*, khen ngợi cách đánh [những sinh vật] của kẻ khác, [thí dụ như nói] 'Hay quá! Đánh hay quá', nhìn người ta đánh mà vui. Trong mười điều này có bốn điều nói về việc đánh đập chúng sanh, chúng ta ai cũng có tập khí này.

[Thứ tư '*thấy sự đánh đập mà vui mừng*']. Nhìn thấy con nít đập ruồi, 'Hay quá! Đập hay quá', đều khen như vậy. Nào biết được làm vậy sẽ bị quả báo nhiều bịnh tật, tạo nghiệp nhân này phải bị quả báo này.

Thứ năm *'não loạn cha mẹ'*, làm cho cha mẹ phiền não, làm cho cha mẹ thân tâm chẳng yên ổn.

Thứ sáu *'đối với thánh hiền, làm người hiền sanh khởi phiền não'* làm cho họ chẳng yên ổn.

Thứ bảy *'nhìn thấy kẻ oán bịnh khổ, tâm vui mừng'*, nhìn thấy người có xích mích với mình, người mình ghét bị bịnh bèn sanh tâm vui mừng.

Thứ tám '*thấy kẻ oán hết bịnh, sanh tâm chẳng vui',* kẻ thù, người mình ghét hết bịnh rồi, trong tâm mình lại không vui. Ở đây chú trọng kẻ oán thù, người mình ghét, mình không ưa thích.

Thứ chín *'đối với bịnh của kẻ thù, cho thuốc không đúng bịnh'*, kẻ thù sanh bịnh, bạn đem thuốc cho họ uống, thuốc này không phải là để trị bịnh của người ấy, mà làm cho bịnh của họ nặng thêm. Nói cách khác, bạn hại người ấy, chẳng phải giúp họ [chữa lành bịnh, bạn] làm sự việc này.

Thứ mười *'vừa mới ăn xong chưa tiêu, liền ăn thêm nữa'*, bạn ăn no lắm rồi, còn chưa tiêu hóa, nhìn thấy đồ ăn ngon liền muốn ăn nữa, đây là bịnh từ miệng vào. Trong mười điều, chín điều đầu là ác nghiệp của bạn tạo, điều chót này là chuyện ăn uống,

chẳng hiểu ăn uống vệ sinh nên chiêu cảm quả báo bịnh tật. Mười điều gây ra quả báo xấu xí, mười điều gây ra quả báo nhiều bịnh, chúng ta nhất định phải biết.

Phương pháp sám hối của ngài: 'đối trước tượng ngài Địa Tạng, chí tâm chiêm lễ, trong chừng một bữa ăn'. 'Trong chừng một bữa ăn' là một thời gian ngắn, thời gian ngắn tạm, thì nghiệp báo này có thể chuyển trở lại. 'Chí tâm chiêm lễ' là phương pháp tu học, mấu chốt quan trọng ở hai chữ 'chí tâm', chí tâm là chân tâm. Trong lúc chiêm lễ sửa sai đổi mới, tu học pháp môn Địa Tạng. Địa Tạng Bồ Tát trong hết thảy Bồ Tát từ bi cùng cực, tuyệt đối chẳng thua kém đại từ đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, phải biết điều này. Địa Tạng tiêu biểu cho từ bi căn bản, Quán Âm [tiêu biểu] từ bi phát triển rộng ra. Ở đây nói chí tâm chiêm lễ chẳng phải rất cung kính đến mức nào đó, mỗi ngày lễ bái nghiệp chướng bèn tiêu trừ. Lễ bái đương nhiên là sự tu học trên sự tướng, hình tượng. Quan trọng nhất là phải học theo Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện, học theo cái tâm của Địa Tạng Bồ Tát, học cách làm người của Địa Tạng Bồ Tát, học cách xử sự, đãi người, tiếp vật của Địa Tạng Bồ Tát, đó mới là chân chánh chí tâm chiêm lễ. Nếu bạn có thể phát tâm nguyện to lớn này, tâm nguyện này thanh tịnh, khẩn thiết, có quyết tâm, có nghị lực để làm, thì bạn sẽ chuyển nghiệp lực rất nhanh.

'Người đó trong ngàn muôn kiếp thọ sanh được thân hình tướng mạo viên mãn'. Tuy chú giải chẳng nhiều, nhưng hai câu phía trước rất quan trọng *'đó hiển lộ tạm thời'*, tạm thời phát tâm *'công đức của sự chiêm lễ chẳng thể nghĩ bàn'*. Sau khi phát tâm tạm thời, có phải cái tâm ấy đã mất đi ? Ở đây có hai tầng ý nghĩa. Tạm thời phát tâm 'trong ngàn muôn kiếp thọ sanh được thân hình, tướng mạo viên mãn', chúng ta có thể tin tưởng, đích thật *'trong khoảng chừng một bữa ăn'*. Nhưng nghiệp báo hiện tiền chẳng thể thay đổi, quả báo của ác nghiệp hiện tại hết thì quả báo của sự 'chí tâm chiêm lễ' sẽ hiện ra, không biết là đời nào, kiếp nào nữa. Cũng như kinh Pháp Hoa nói: *"Một lần xưng Nam Mô Phật thì đều đã thành Phật đạo"*, tức là ý nghĩa này. Đây là [chuyện] lúc Phật còn tại thế thâu nhận một người xuất gia, những người xuất gia theo Phật đều có đại thiện căn, nếu chẳng có thiện căn làm sao xuất gia được? Phật thấy người này đến cầu xin xuất gia bèn để Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, các vị A La Hán coi người này có thiện căn hay không? Những vị này đều có thần thông, thần thông của A La Hán có [thể thấy] năm trăm đời, thiên nhãn thông, túc mạng thông, những vị này thấy trong năm trăm đời trước người này chẳng có thiện căn, nên thưa với Phật rằng ông này không thể xuất gia, ông làm sao có thể xuất gia được?

Phật nhận cho ông ấy [xuất gia], và nói với các đệ tử rằng người này vô lượng kiếp về trước, đương nhiên A La Hán chẳng có khả năng này. Vô lượng kiếp trước ông là một tiều phu đốn củi, gặp một con cọp trên núi, cọp muốn ăn thịt ông, ông [sợ quá, leo] lên cây và kêu một câu 'Nam Mô Phật', nhờ thiện căn này, ngày nay đã chín muồi, nên đến đây được Phật cho ông cạo đầu xuất gia, ý nghĩa cũng giống như câu chuyện ở trên. Một câu xưng niệm 'Nam Mô Phật', thời gian nói một tiếng Nam Mô Phật rất ngắn. Khoảng chừng một bữa ăn, thời gian một bữa ăn, chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát đương nhiên có thể được quả báo này. Nếu ông ta có thể niệm niệm tương tục, lúc nảy nói noi theo hạnh nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, thì hiện tại đời này sẽ thay đổi, không cần đến đời sau, đời này liền chuyển, chuyển nhanh vô cùng. Sửa đổi hoàn toàn hai mươi ác hạnh nói trong kinh, thay đổi triệt để thì sẽ chuyển đổi rất nhanh. Xem tiếp đoạn kế:

Thị xú lậu nữ nhân như bất yếm nữ thân, tức bá thiên vạn ức sanh trung thường vi vương nữ. Nãi cập vương phi, tể phụ đại tánh, đại trưởng giả nữ, đoan chánh thọ sanh, chư tướng viên mãn.

Người nữ xấu xí đó nếu không nhàm chán thân nữ thì trong trăm ngàn vạn ức đời thường là vương nữ, đến vương phi, con gái dòng dõi, tể phụ, đại quan, đại trưởng giả, đoan chánh thọ sanh, các tướng viên mãn.

Đây là nói nếu người ấy chẳng chán thân nữ, thân tướng của người ấy sẽ vô cùng viên mãn. Vả lại sanh vào nhà tôn quý, tức là như ngày nay chúng ta nói, sanh trong quý tộc, kỳ tộc, được phước báo nhân thiên, sau cùng kết luận:

Do chí tâm cố, chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hoạch phước như thị.

Do chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát mà được phước như vậy.

Trong chú giải của Thanh Liên pháp sư cũng đặc biệt nói với chúng ta *'Hai chữ chí tâm, nghĩa sâu ý nặng, thông suốt trước sau, chớ nên coi thường. Để chuyển được quả báo của con người, lòng thành chẳng phải là chuyện dễ [thực hiện được]'*, chuyển nghiệp báo của mình chẳng phải việc dễ dàng. *'Nay được phước ấy là do chí tâm, chí tâm là tâm [thành] đến mức cùng cực vậy'*, những câu này vô cùng quan trọng. Lễ Phật cũng phải Lý Sự viên dung, thì chúng ta mới có thể đạt đến lợi ích chân thật. Mấu chốt quan trọng ở chỗ chí tâm, chí tâm là chân tâm, dùng tâm chân thành để học tập. Do đó cái tâm này triệt tiền triệt hậu, tiền hậu chẳng phải nói đoạn này, cách nói sâu xa quán triệt toàn kinh.

Ở phía trước chúng ta thấy Địa Tạng Bồ Tát lúc còn tu nhân là vị đại trưởng giả, làm cô gái Bà La Môn, làm cô Quang Mục, nhiều đời nhiều kiếp chẳng buông bỏ bổn nguyện. Không những là không xả, thường phát lại cái nguyện ấy, phát nguyện thật sự. Chúng ta cũng đang học theo, đáng tiếc là không hết lòng, mỗi buổi tụng sáng tối hằng ngày đều phát nguyện. Nguyện đã phát rồi, chỉ phát trong miệng, thật sự thì chẳng thực hiện, sau khi niệm xong liền quên mất, nên nguyện ấy chẳng khởi tác dụng. Vì nguyên nhân gì? Chẳng phải chí tâm. Mấu chốt quan trọng ở tại chí tâm, chẳng phải chân tâm phát nguyện, giống như chúng ta lúc bình thường có miệng chẳng có tâm, như vậy không được. Tự mình chúng ta phải phản tỉnh, phải sửa đổi, giúp đỡ người khác giảng Lý Sự này rõ ràng, minh bạch, nhắc nhở họ. Họ có thể quay đầu thì họ được phước; họ chẳng quay đầu, trong A Lại Da thức cũng đã trồng thiện căn.

Chúng ta tự mình phát nguyện 'Tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh', đời này chúng ta chọn nghề nghiệp này, nhất định phải làm tròn bổn phận, công việc của mình, đó tức là niệm niệm chẳng xả chúng sanh, niệm niệm giúp đỡ hết thảy chúng sanh có được chánh tín, chánh giải, chánh hạnh, [được vậy khi] chúng ta chọn nghề này thì mới chẳng cô phụ [đức Phật]. Hạnh nghiệp này là sự nghiệp của Phật, gia nghiệp của Như Lai, chúng ta chọn ngành này, trong hết thảy thế gian và xuất thế gian, hạnh nghiệp này thù thắng vô cùng. Nếu chẳng dùng chí tâm thì làm sao có thể làm được? Chúng ta có thể tin tưởng quả đức nói trong kinh, tại sao? Nhân thù thắng, thì sẽ chẳng hoài nghi quả báo này. Đoạn thứ tư tiếp theo là 'Kỹ nhạc tán cúng phước', xin xem kinh văn:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng đối Bồ Tát tượng tiền, tác chư kỹ nhạc, cập ca vịnh tán thán, hương hoa cúng dường, nãi chí khuyến ư nhất nhân, đa nhân. Như thị đẳng bối, hiện tại thế trung, cập vị lai thế thường đắc bá thiên quỷ thần nhật dạ vệ hộ, bất lịnh ác sự triếp văn kỳ nhĩ hà huống thân thọ chư hoạnh.

Lại nữa này Phổ Quảng, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân có thể đối trước tượng Bồ Tát mà trổi các thứ kỹ nhạc, cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa, cho đến khuyên được một người hay nhiều người. Những người đó trong đời hiện tại cùng vị lai thường được trăm ngàn quỷ thần ngày đêm hộ vệ, không để những việc ác đến tai, huống chi đích thân chịu các tai vạ bất ngờ.

Đoạn này trong chú giải nói: 'Văn chia thành hai tiết', trước hết nói về người năng cúng, sau đó mới nói phước báo người ấy được. Cúng dường này là gì? Là kỹ nhạc, ca vũ. Trong Phật pháp chúng ta biết trong pháp Đại Thừa có, còn Tiểu Thừa thì không có. Phật nói pháp Đại Thừa, chư thiên cúng dường, thiên nữ rải hoa, thiên nhân ca vũ, âm nhạc cúng dường. Đặc biệt rõ ràng như trên những bích họa (tranh vẽ trên tường) tại động Đôn Hoàng hay động Vân Cương 21[21], những biến tướng đồ 22[22] này, Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp có những thứ cúng dường như vậy. Trong dân gian diễn biến thành cái gì? Diễn biến thành ca kịch cúng dường Phật, Bồ Tát, ở trước chùa miếu Phật, Bồ Tát. Rất nhiều chùa trước đại điện cúng Phật, Bồ Tát có sân khấu, đó là chuyên để cho một số người phát tâm, làm các kỹ nhạc, ca vũ, tán thán cúng dường Phật, Bồ Tát, [hoặc là] diễn kịch, nói thật ra đây là hiểu sai ý tứ. Diễn kịch chẳng cần phải diễn cho Phật, Bồ Tát coi, diễn kịch là diễn cho đại chúng coi, chẳng cần phải diễn trước Phật, Bồ Tát.

Nói thật ra trong đạo tràng có thể dùng phương pháp này để tiếp dẫn hết thảy chúng sanh. Nhưng hiện nay có những hý kịch, ca vũ không thể cúng dường Phật, Bồ Tát, cúng dường như vậy là có tội. Trong những vở kịch hồi xưa có một số có thể cúng dường Phật, Bồ Tát, tại sao? Ca kịch hồi xưa ở Trung Quốc đều là dạy người, nội dung là bốn chữ 'trung, hiếu, tiết, nghĩa', đều là khuyên chúng sanh. Thời cổ giáo dục chẳng phổ cập, dùng phương pháp gì để giáo hóa xã hội đại chúng? Dùng ca kịch. Thời trước là xã hội nông nghiệp, sau khi bận rộn công việc trồng trọt xong, thời gian rảnh rỗi rất nhiều, dùng những phương thức biểu diễn nghệ thuật này để khuyên người trung, hiếu, tiết, nghĩa, biểu diễn toàn là nhân duyên quả báo. Người thiện sau cùng được quả báo thiện, người ác nhất định bị ác báo, biểu diễn những thứ này. Cho nên quảng đại quần chúng chẳng từng đọc sách, chẳng được thọ nhận giáo dục tốt đẹp, nhưng họ hiểu được những nguyên lý, nguyên tắc làm người, làm việc. Họ học từ đâu? Hơn phân nửa là

21[21] Vân Cương gọi đủ là Vân Cương Thạch Quật, tức một loại chùa hang, tức chùa được đục vào vách núi Vũ Châu thuộc thành phố Thủy Đồng, tỉnh Sơn Tây theo lệnh của Ngụy Hiếu Văn Đế vào năm 450.

22[22] Biến Tướng Đồ còn gọi là Biến Tượng, Biến Hội hay chỉ gọi tắt là Biến, chính là những tranh ảnh hay phù điêu mô tả những sự kiện trong cuộc đời đức Phật, sự trang nghiêm của các Tịnh Độ, hay cảnh tượng trong địa ngục, được vẽ theo sự ghi chép trong kinh điển với mục đích chuyển tải giáo nghĩa. Biến có nghĩa là biến động, chuyển biến, tức là những trạng thái thay đổi của chân tướng. Như vậy, Biến Tướng Đồ là hình vẽ về những trạng thái thay đổi của chân tướng. Thường gặp nhất là Địa Ngục Biến Tướng Đồ, Đâu Suất Thiên Di Lặc Tịnh Độ, Liên Trì Hải Hội Biến Tướng Đồ v.v… (theo Từ điển Phật Quang Sơn)

nghe người ta đọc sách, coi hát, học từ chỗ này. Do đó lúc trước, những trò giải trí (ca kịch) là giáo dục, chẳng đơn thuần chỉ là giải trí, trọng điểm ở tại giáo dục.

Trong Phật pháp cũng dùng phương thức này, đạt đến mục tiêu giáo dục của đức Phật, cho nên trong Phật pháp chú trọng sự tiêu biểu pháp của nghệ thuật. Hiện nay Phật pháp suy thoái, chẳng phải là không có nguyên nhân. Lúc trước Phật pháp hưng thạnh, nói thật ra, nhân tài hạng nhất trong thế gian đều ở trong Phật pháp, đều xuất gia, làm pháp sư. Pháp sư là nhân tài hạng nhất trong thế gian, cho nên người xuất gia làm thầy của vua, không phải là ai cũng có thể xuất gia. Thời nhà Tùy, Đường người xuất gia phải trải qua các kỳ thi cử, hạng mục thi cử là thi về thế gian pháp trước, tiêu chuẩn của thế gian pháp tương đương với tiến sĩ. Nói cách khác, học vấn thế gian bạn phải đạt đến tiêu chuẩn này, sau đó mới thi về Phật pháp. Thi đậu xong hoàng đế mới phát chứng chỉ 23[23] cho bạn, chứng chỉ đó gọi là 'độ điệp'. Bạn lấy được chứng chỉ này, bạn đi tìm đạo tràng có duyên, pháp sư có duyên với bạn để xuất gia. Nếu không có chứng chỉ ấy, họ chấp thuận cho bạn xuất gia thì họ phạm pháp. [Muốn được] họ nhận, bạn nhất định phải có độ điệp do hoàng đế cấp. Độ điệp của hoàng đế cấp là thừa nhận bạn có học vấn, đức hạnh, trong pháp thế gian và xuất thế gian có thể làm thầy cho vua, bạn nói thân phận của người xuất gia cao biết mấy? Một khi họ cạo đầu xuất gia, quan viên địa phương phải đặc biệt cung kính họ, [vì họ là] thầy của vua. Cho nên nội dung của sự giáo hóa vô cùng sôi nổi, hấp dẫn. Bạn coi những văn tự, kệ tụng này hay đẹp biết mấy, chẳng phải người thường có thể làm được.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

23[23] hoặc chứng từ, giấy chứng nhận, certificate

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 21 (Số 14-12-21)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 39, xem kinh văn:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng đối Bồ Tát tượng tiền, tác chư kỹ nhạc, cập ca vịnh tán thán, hương hoa cúng dường, nãi chí khuyến ư nhất nhân, đa nhân. Như thị đẳng bối, hiện tại thế trung. Cập vị lai thế thường đắc bá thiên quỷ thần nhật dạ vệ hộ, bất lịnh ác sự triếp văn kỳ nhĩ hà huống thân thọ chư hoạnh.

Lại nữa này Phổ Quảng, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân có thể đối trước tượng Bồ Tát mà trỗi các thứ kỹ nhạc, cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa, cho đến khuyên được một người hay nhiều người. Những người đó trong đời hiện tại cùng vị lai thường được trăm ngàn quỷ thần ngày đêm hộ vệ, không để những việc ác đến tai, huống chi đích thân chịu các tai vạ bất ngờ.

Coi đoạn này của kinh Địa Tạng, chúng ta thấy có rất nhiều phương thức cúng Phật, ở đây là dùng 'kỹ nhạc', 'kỹ' tức là ngày nay chúng ta gọi là ca vũ, âm nhạc. Trong Phật pháp Đại Thừa, từ rất nhiều bức Hoằng Pháp Biến Tướng Đồ (tranh vẽ cảnh hoằng pháp) thời cổ, chúng ta thấy lúc Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, chư thiên ca hát, múa vũ để cúng dường. Những thứ này tuyệt đối chẳng có trong Phật pháp Tiểu Thừa. Như trong Bát Quan Trai Giới, Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới tuyệt đối cấm [đi đến] những chỗ ca vũ. Nhưng Đại Thừa Bồ Tát thì khác, có thể thấy rất rõ ràng, pháp Tiểu Thừa là phương tiện khéo léo của Phật lập ra cho xã hội bảo thủ, người bảo thủ; Đại Thừa Phật pháp là cho xã hội phóng khoáng, một số chúng sanh phóng khoáng. Như vậy nói rõ Phật đích thật chẳng có định pháp, [tức là] chẳng có pháp nhất định 1[1], Phật giáo hóa chúng sanh đều là 'hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức'. [Khi giảng] kinh Hoa Nghiêm chúng tôi đặc biệt nói rõ những chỗ này, đích thật là ứng cơ.

Đương nhiên đức Phật có trí huệ, có đức năng, nhìn một chúng sanh có thể nhìn thấy nhân duyên vô lượng kiếp về trước, chúng ta chẳng có khả năng này, do đó đức Phật nhiếp thọ chúng sanh dùng 'Tứ Nhiếp Pháp' rất viên mãn. Pháp cuối cùng trong Tứ Nhiếp Pháp là 'Lợi Hành, Đồng Sự', đồng sự thì phải phóng khoáng, nếu chẳng phóng khoáng thì làm sao đồng sự với chúng sanh? Đây là trí huệ cao độ, thiền định thâm sâu. Ngài có thể thuận theo chúng sanh, từ trong đó dẫn dắt chúng sanh, làm cho họ giác ngộ, quay về, bỏ tà quy chánh, đoạn ác tu thiện, đức Phật có khả năng này. Nếu tự mình chẳng có trí huệ, chẳng có công phu mà muốn học làm theo như vậy thì rất khó chống chọi sự dụ hoặc của cảnh giới bên ngoài. Định Huệ của rất nhiều người chẳng đủ, bị cảnh giới bên ngoài dụ hoặc nên thoái chuyển, đến nỗi đánh mất đạo tâm, đều là như vậy. Từ thời đức Phật Thích Ca đến nay, mỗi thời đại đều có. Người xuất gia đọa lạc, hoàn tục, thật ra hoàn tục còn tốt hơn là đọa lạc, họ xả bỏ hình tướng của người xuất gia, hoàn tục làm người tu hành tại gia cũng tốt, cũng có thể thành tựu. Do đó, trong cửa Phật, xuất gia hoàn tục là một hiện tượng rất bình thường. Đấy cũng là một hiện tượng tốt, chúng ta chớ nên nhìn bằng ánh mắt khác lạ. [Nếu nhìn bằng ánh mắt khác lạ] như vậy, chúng ta sẽ có tội. Nhưng ngày nay những quốc gia Tiểu Thừa có cho xuất gia trong thời gian ngắn, ở Thái ngay cả vua cũng phải xuất gia ba tháng, sau

1[1] *Nói chẳng có pháp nhất định không có nghĩa là nói ba phải, nói sao cũng đúng mà là không chấp chết cứng vào một khuôn khổ nhất định, tùy duyên uyển chuyển sao cho thích nghi.*

ba tháng thì hoàn tục, đây là tiếp nhận sự giáo dục của Phật giáo, sống đời sống Phật giáo, tuyệt đối hữu ích, giúp cho xã hội [được tốt đẹp hơn].

Đoạn này thuyết minh phước báo có được khi dùng ca vũ, âm nhạc để cúng dường Bồ Tát. Đoạn trước nói về cúng dường, đoạn sau nói về kẻ ấy được phước. Từ đoạn kinh này chúng ta cũng có thể thấu hiểu cách dùng phương thức nghệ thuật để hoằng pháp lợi sanh. Tôi thấy trong trong Đại Tạng Kinh, bản Gia Hưng Tạng 2[2]. Gia Hưng Tạng được biên tập dưới triều Minh, mỗi cuốn trong tạng kinh rất dày. Hiện nay in bìa cứng, đẹp đẽ, đại khái là trong đó có hai tập dầy như vầy, có nội dung là gì? Toàn là lời ca (ca từ), những khúc nhạc ghi trong ấy có thể diễn xướng. Do đó có thể biết, thời xưa thường dùng cách này để khuyến hóa chúng sanh vì chúng sanh thích tiếp nhận theo cách thức như vậy. Biên tập thành kịch bản để biểu diễn thì còn ít, tại sao? Điều kiện ấy phải cần nhiều người, chẳng phải một người, hai người có thể làm nổi. Một, hai người dùng ca hát, dùng cách biểu diễn như vậy rất thường thấy trong nghệ thuật dân gian thời xưa.

Đặc biệt là biểu diễn trong pháp hội, vì có nhiều người trong pháp hội dùng cách này để tuyên dương Phật pháp, để khuyến hóa chúng sanh, đây là một cách thuyết pháp tốt vô cùng. Nếu chúng ta đem chuyện của cô Quang Mục, cô Bà La Môn trong kinh Địa Tạng và biểu diễn dưới hình thức ca vũ, kịch thì hiệu quả lớn hơn chúng tôi giảng trên giảng đài rất nhiều. Hy vọng chư vị đồng tu ghi nhớ quan niệm này, ngày nay chúng ta tâm có thừa nhưng sức lực chẳng đủ. Nếu có đầy đủ điều kiện, nên đem Đại Thừa Phật pháp lên sân khấu; nếu có thể diễn thành phim bộ chiếu trên truyền hình, bạn nghĩ xem có thể dạy được bao nhiêu chúng sanh? Phổ biến tiếp nhận được đại chúng hoan nghinh. Đây là việc chúng ta phải nên nghĩ đến.

Trong các kịch bản thời cổ, cổ đức cũng có biên tập, tôi đã xem một kịch bản hát bội 3[3] gọi là Quy Nguyên Kính. Trong đó có ba câu chuyện của Tịnh Độ Tông chúng ta, đoạn thứ nhất là chuyện của Huệ Viễn đại sư, đoạn thứ hai là chuyện của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, thứ ba là chuyện của Liên Trì đại sư, biên tập rất hay! Dùng cách hát tuồng biểu diễn trên sân khấu. Các diễn viên chính là Bồ Tát, đều giảng kinh thuyết pháp. Lần trước cư sĩ Du Bản Xương đến thăm Tân Gia Ba, đến thăm tôi, có nói rằng ông muốn dùng phương pháp nghệ thuật để giúp Phật giáo. Tôi nói sai rồi, chẳng phải giúp Phật giáo, chẳng phải giúp pháp sư, ông chính là đại pháp sư, ông hãy dùng phương thức này để hoằng pháp lợi sanh, như vậy mới đúng. Ông ta thảo kế hoạch lần này, sau khi làm xong tập thứ hai, tập thứ ba ông sẽ diễn Tế Công thuyết pháp, chính thức làm đại pháp sư. Chúng tôi rất hy vọng những điều mong ước của ông có thể biến thành sự thực, cũng hoan nghinh ông đóng vai Địa Tạng Bồ Tát. Lúc trước tôi nghe có người đóng Quán Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát trong phim điện ảnh, nhưng chẳng biểu diễn chiếu theo ý nghĩa trong kinh, đóng theo ý nghĩa trong kinh mới đem lại lợi ích cho đại chúng.

2[2] Gọi là Tạng này hay tạng kia là dựa theo thời gian hay nơi ấn hành, chẳng hạn Càn Long Đại Tạng là vì được hoàn tất dưới thời Càn Long, Tần Già Tạng vì do Tần Già Tinh Xá ấn hành. Đại Tạng Kinh được các triều đại khắc rất nhiều, cách sắp xếp phân loại hơi khác biệt, cũng như mỗi lần in đều được giảo chánh kỹ hơn những lần trước. Những tạng được in càng về sau càng hoàn chỉnh hơn. Gia Hưng Tạng còn có tên là Kính Sơn Tạng, được khởi công san định từ cuối thời Gia Tĩnh nhà Minh, mãi cho đến năm Vạn Lịch thứ bảy mới hoàn tất bản thảo, mãi đến năm Vạn Lịch thứ bảy mới hoàn tất mọi bước giảo duyệt. Khởi đầu bản này được in tại Ngũ Đài, nhưng do khí hậu quá khắc nghiệt, mỗi năm chỉ in được 500 cuốn, nên đưa về Kính Sơn, thuộc Hàng Châu để tiếp tục in. Do được chia làm nhiều nơi để in cho dễ nên Tạng này có hai tên là Kính Sơn Tạng hoặc Gia Hưng Tạng (gọi theo xưởng in ở huyện Gia Hưng). Mãi đến năm Khang Hy 15 (1676) mới hoàn tất việc ấn loát.

3[3] *Nguyên văn là Bình kịch: một loại hát tuồng ở Trung Quốc giống hát bội*

Chữ quan trọng mấu chốt trong đoạn kinh này vẫn là chữ 'thiện', 'thiện nam tử, thiện nữ nhân', vẫn ở chữ 'thiện'. Do đó có thể thấy mục đích của sự biểu diễn ca vũ là để khuyến hóa chúng sanh chứ chẳng phải để kiếm lời, hiện tại mọi thứ ca nhạc giúp vui đều nhằm mục đích kiếm lời. Nếu lợi nhuận không lý tưởng thì họ sẽ chẳng làm nữa, biểu diễn nhất định phải bán hết vé. Còn cách dụng tâm của thiện nam tử, thiện nữ nhân sẽ chẳng giống vậy, mục đích của họ là để giáo hóa xã hội, là tuyên dương Phật pháp, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Quan trọng là ở chỗ này. 'Có thể đối trước tượng Bồ Tát mà trỗi các thứ kỹ nhạc, cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa', phía sau 'cho đến khuyên được một người hay nhiều người', tốt nhất là lợi dụng những dịp có pháp hội, thời cổ thường dùng, những ngày lễ Phật, Bồ Tát đều có diễn kịch. Diễn kịch là có căn cứ, trong kinh này đều có. Nhưng phải coi bạn diễn kịch gì? Phải dựa trên nội dung, mục đích của tuồng kịch này. Nếu mục đích của tuồng kịch là để thu hút tín đồ thì đó là sai lầm. Mục đích nhất định phải dùng cách thức này để giảng kinh, thuyết pháp, phổ độ chúng sanh, như vậy mới là 'thiện'. Mấu chốt quan trọng ở chỗ này.

Chúng ta hãy thảo luận xem họ rốt ráo đạt được công đức gì? Ích lợi của họ đạt được từ đâu tới? Hiện nay một số người trong thế gian cho rằng những hành vi trong Phật pháp là mê tín, do đó trong quan niệm của họ tu phước phải tu ở đâu? Phải làm sự nghiệp từ thiện, giúp đỡ những người nghèo khổ, già cả, tàn tật, nhiều bịnh trong xã hội. Làm những việc từ thiện này, chánh phủ quốc gia khích lệ, xã hội đại chúng tán thán, pháp hội Phật giáo chúng ta ở đó diễn một vở kịch chẳng có ai coi trọng. Trong ánh mắt của họ, vở kịch đó làm sao sánh bằng việc từ thiện xã hội? [Họ nghĩ] chúng ta làm như vậy là mê tín, chúng ta đang thâu góp tiền tài, đem lại ấn tượng không tốt cho xã hội. Những chuyện này chúng ta không dám nói là không có, nhưng hết thảy những thiết bị trưng bày trong Phật pháp chân chánh đều có mục tiêu giáo học, kết hợp nghệ thuật và giáo học thành giáo học nghệ thuật, đây là một cách giáo huấn cao minh nhất, đạt đến đỉnh cao tột cùng. Thế Tôn luôn luôn đề xướng, trong hết thảy kinh điển, bộ kinh nào cũng lập lại nhiều lần, đức Phật dạy chúng ta 'thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói', diễn tức là biểu diễn, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của Thế Tôn.

Hôm qua chúng ta trong hội [giảng kinh] Hoa Nghiêm nói đến Chủ Dược Thần, luôn tiện nói đến việc tu phước, vì Chủ Dược Thần trị bịnh cho người ta. Thế gian có ba hạng người không sanh bịnh, phải biết thầy thuốc cao minh nhất có thể làm cho người ta không sanh bịnh, thầy thuốc như vậy mới tài giỏi; khi có bịnh [đi tìm thầy thuốc] trị bịnh, [thầy thuốc ấy] chẳng kể là cao minh. Làm thế nào có thể làm cho hết thảy chúng sanh không sanh bịnh? Đức Phật là đại y vương, ngài có khả năng này. Ba hạng người này là: thứ nhất là người có phước, cho nên bạn phải biết tu phước, người có phước sẽ không sanh bịnh; thứ hai là người có công phu định lực sẽ không sanh bịnh; thứ ba là người có trí huệ sẽ không sanh bịnh. 'Huệ' này không phải là thông minh trí huệ của thế gian chúng ta, đó là 'minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ' trong nhà Phật. Tại sao nói ba hạng người này không sanh bịnh? Họ có thể ngăn chận nhân tố sanh bịnh. Người có phước báo thì ít nhân tố sanh bịnh; người có công phu thiền định có thể khống chế, chận đứng nhân tố sanh bịnh, làm cho những nhân tố này không sanh khởi tác dụng, nên họ không sanh bịnh; người khai ngộ, minh tâm kiến tánh thì khỏi nói nữa, [họ có thể] tìm hết những nhân tố bịnh tật, như ngành hóa học hiện nay vậy, [họ có thể] hóa giải nó thành trí huệ, biến thành công đức, do đó họ sẽ không sanh bịnh. Chỉ có đức Phật hiểu được đạo lý, chân tướng sự thật này, đức Phật dạy chúng ta, chúng ta phải tin. Thế nên Phật pháp là nền giáo dục viên mãn, chí thiện của chín pháp giới chúng sanh, lý luận viên mãn, phương pháp khéo léo, nói trong kinh Phật khéo léo đến mức cùng cực.

Tiếc rằng đồng tu học Phật chúng ta ngu muội, vô tri, chẳng thấu hiểu được tâm ý của Phật, chẳng hiểu rõ phương thức giáo hóa chúng sanh của Phật, tuy là học Phật, vẫn chẳng đạt được lợi ích của Phật pháp y như cũ. Nói không được lợi ích của Phật pháp là nói hiện nay, nhưng lợi ích chân thật, lợi ích sâu xa đều đã đạt được. Quả báo chẳng ở đời này, cõi này, nên người thế gian cũng chẳng thể tin tưởng, đối với việc cúng Phật này họ cũng coi thường, bỏ bê hết. Đồng tu học Phật chúng ta thường nghe, cổ đức thường nói: *"Một phen lọt vào tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo"*, một phen lọt vào nhãn căn cũng vĩnh viễn là hạt giống đạo. 'Căn' là lục căn, dùng nhãn căn trong lục căn để tượng trưng, nói nhãn căn thì gồm hết sáu căn, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Nếu nói một căn, bạn bè chấp trước vào căn đó thì bạn rất khó được dạy, giáo học thế pháp còn yêu cầu 'nêu một thấy được ba, nghe một hiểu mười' 4[4]. Trong hội kinh Lăng Nghiêm nói đến lục căn, Phật cũng giảng một căn, giảng về tánh Thấy, 'Mười phen hiển thị về tánh thấy' (Thập phiên hiển kiến). Bạn hiểu được 'thập phiên hiển kiến', cùng đạo lý ấy cũng 'hiển văn, hiển giác, hiển tri' tất cả đều được.

Do đó nói 'một phen lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo', chúng ta đều hiểu rõ hết, mắt thấy cũng là hạt giống đạo, thân đụng chạm cũng là hạt giống đạo, lưỡi liếm cũng là hạt giống đạo, mũi ngửi cũng là hạt giống đạo. Như vậy bạn mới biết sự tạo tượng trong Phật pháp, công đức tạo tượng Phật rất lớn, trong Đại Tạng Kinh có kinh Tạo Tượng Công Đức, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Bạn sẽ hỏi tại sao? Tượng đúc có thể tồn tại lâu dài, tượng vẽ làm cho người ta nhìn thấy bèn gieo hạt giống thành Phật. Họ nhìn thấy tượng Phật, Bồ Tát, đem những hạt giống của thập pháp giới chứa trong A Lại Da thức của họ, khởi lên hạt giống của Phật pháp giới, của Bồ Tát pháp giới. Công đức, phước đức thế gian và xuất thế gian có thứ nào lớn hơn công đức, phước đức này? Trong A Lại Da thức của mỗi chúng sanh chứa đầy hạt giống của mười pháp giới, trong mười pháp giới ấy chúng ta thọ sanh pháp giới nào, sanh sống trong pháp giới nào thì phải coi một niệm (niệm đầu) cuối cùng lúc lâm chung là niệm gì. Nếu một niệm lúc lâm chung là niệm Phật thì họ sẽ sanh vào pháp giới Phật, một niệm cuối cùng lúc lâm chung là niệm Bồ Tát thì họ sẽ sanh vào pháp giới Bồ Tát, hiểu rõ được đạo lý này thì mới biết việc tu phước trong nhà Phật là chẳng thể nghĩ bàn. Công đức tạo tượng đâu phải là mê tín! Không những không mê tín, đó còn là trí huệ chân thật, phước báo vô lượng. Bức tượng này không những làm cho mình được phước, phàm những người có duyên nhìn thấy, đều khơi dậy hạt giống Phật, Bồ Tát trong tám thức điền của họ, nhìn một lần cũng giống như xẹt điện một lần, phóng quang một lần. Phải biết lần phóng quang này vô cùng hy hữu, khó gặp, vì nếu họ không được thân người, chẳng gặp Phật pháp, họ chẳng có duyên này, cơ hội này; tuy trong tám thức điền có hạt giống Phật nhưng chẳng có duyên dẫn dắt hạt giống ấy ra.

Người tạo phước, phía trước có nói nặn đúc, tạo tượng Phật, Bồ Tát, vẽ hình tượng Phật, Bồ Tát, có thể dẫn dắt rất nhiều chúng sanh, ánh quang minh quý báu nhất trong A Lại Da thức, phải thường dẫn khởi ánh quang minh này, khoảng cách tu hành chứng quả của kẻ ấy sẽ rút ngắn. Họ thành Phật, thành Bồ Tát, chư vị nghĩ coi họ sẽ độ biết bao nhiêu chúng sanh? Những chúng sanh được họ độ, trong nhân địa chúng ta giúp họ tu một chút phước này, thì chúng ta cũng được thơm lây, có duyên với Phật, Bồ Tát. Huống chi tự mình tu hành, tự mình trước hình tượng Phật, Bồ Tát cung kính hành lễ, cúng dường hương hoa, biểu diễn cho kẻ khác coi. Đặc biệt là những người không tin tưởng, họ nhìn chúng ta, chúng ta chẳng mê tín, chẳng ngu si, cũng chẳng ngờ nghệch, tại sao khi gặp hình tượng của Phật, Bồ Tát lại kính lạy như vậy? Khi họ nhìn thấy, đôi khi họ cũng sẽ thắc mắc, hỏi tại sao mình lại làm vậy? Đây tức là cơ hội giáo dục, bạn có thể giải thích công đức lợi ích của việc này, đó chính là cơ hội giáo dục.

4[4] *cử nhất phản tam, văn nhất tri thập*

Phật giáo ở Trung Quốc, những chùa chiền ở các huyện, các thị trấn, thậm chí những đạo tràng ở trong hương trấn có lịch sử, những đạo tràng có giá trị nghệ thuật, hiện nay được chánh phủ mở rộng cho khách du lịch tham quan, bạn phải biết công đức này bao lớn! Rất nhiều khách du lịch ngoại quốc, cả đời chưa từng tiếp xúc đến Phật pháp, chưa từng thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, họ du lịch đến nơi đó thấy được, trong A Lại Da thức đã được trồng hạt giống Phật, Bồ Tát, được lợi ích thù thắng, chúng ta chẳng có cách chi nói hết, nhưng người thế gian chẳng biết. Trên đây là nói về 'nhìn tượng, nghe danh'.

Nếu có Phật tử thông hiểu Phật pháp, bất luận là tại gia, xuất gia, có thể mượn cơ hội này giới thiệu rõ ràng sự tiêu biểu pháp của hình tượng Phật, Bồ Tát thì họ được lợi ích ngay trong hiện tại, chẳng phải đời sau, đời sau nữa, hiện tại liền được lợi ích. Cũng như nói đến đó du lịch tham quan là đến đó đi học, bạn lên lớp giảng cho họ. Họ trả tiền đi du lịch cũng như trả học phí, học phí này chẳng lãng phí, chúng ta nhận học phí rất thấp, họ đạt được lợi ích thật to lớn. Đây là tại sao trong những trường hợp này chúng ta phải làm thật đúng như pháp, chúng ta đang diễn kịch, biểu diễn cho những người chưa học Phật coi, làm cho họ sanh tâm cung kính, cho họ khởi lên nghi vấn, sau đó chúng ta giải đáp cho họ. Chúng ta giải đáp cho một người, rất nhiều khách du lịch ở đó có thể sẽ xúm lại nghe. Trong trường hợp này phải biết biểu diễn, nếu chẳng có người hỏi thì tìm một người biết rành [về Phật pháp] hẹn trước ở đó, [nói với người ấy] tôi biểu diễn, bạn lại đó nêu câu hỏi; hát tuồng cho người ta coi, cho người ta nghe. Cách hỏi này trong kinh gọi là 'Hỏi làm lợi ích hữu tình'; họ không hiểu, họ có thể hỏi thì tốt! Nếu không có người hỏi thì một người trong nhóm chúng ta nêu câu hỏi, hỏi để đem lại lợi ích cho kẻ khác. Cho nên những chùa chiền, đạo tràng này ở Trung Quốc là lớp học cho toàn thế giới, đây là sự cống hiến của Phật pháp Đại Thừa cho nhân dân trên toàn thế giới. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, sau đó bạn mới hiểu được công đức lợi ích thù thắng, những nhà từ thiện thế gian tuyệt chẳng thể sánh nổi, nhà từ thiện giúp đỡ người ta chỉ trong một đời, Phật pháp giúp cho người ta nhiều đời, nhiều kiếp, lợi ích ấy làm sao sánh nổi, do đó quả báo đương nhiên cũng chẳng giống nhau.

Phần sau nói về phước báo của họ. 'Như thị đẳng bối' tức là những người tu phước này. 'Trong đời hiện tại và đời vị lai', câu sau này rất quan trọng, chẳng phải một đời, họ còn phước báo đời sau. 'Thường được trăm ngàn quỷ thần, ngày đêm hộ vệ', thần hộ pháp bảo hựu bạn, tại sao họ lại bảo hựu bạn? Vì bạn hoằng pháp lợi sanh, vì bạn hoằng dương Phật pháp, những thần hộ pháp này đều là đệ tử Phật. Thậm chí trong những quỷ thần này đích thật cũng có chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ thị hiện trong ấy, mặc dù quỷ thần ngu muội chẳng biết, họ ở trong đó dẫn dắt dạy dỗ, ở đó biểu diễn, đây là khuyến thiện. Làm một chút thiện này, được lợi ích lớn lao thì ai chẳng chịu làm chuyện thiện? Ai không chịu làm việc tốt? Đây là một phương thức để khuyến thiện. *'Không để những việc ác đến tai, huống chi đích thân chịu các tai vạ bất ngờ'*, đây tức là việc ngày nay chúng ta gọi là tiêu tai miễn nạn, hết thảy tất cả tai nạn không những bạn chẳng gặp, âm thanh của tai nạn bạn cũng chẳng nghe, tin tức cũng chẳng nghe đến, có thể được phước báo lớn như vậy. Chúng ta phải khẳng định, tin tưởng, câu nào đức Phật nói trong kinh đều là chân thật, chẳng có một chữ nào dối trá, Như Lai đích thật là 'người nói lời chân, lời thật, lời đúng như vậy, chẳng lừa dối', câu nào cũng thành thật. Hy vọng đồng tu coi chú giải kỹ lưỡng, đoạn chú giải này của Thanh Liên pháp sư rất rõ ràng, dùng điển tịch thời xưa để thuyết minh 'nhạc giáo', [tức là] công năng của sự giáo hóa bằng âm nhạc. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Phục thứ Phổ Quảng, vị lai thế trung nhược hữu ác nhân cập ác thần, ác quỷ, kiến hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân quy kính cúng dường, tán thán chiêm

lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng hoặc vọng sanh cơ hủy báng vô công đức cập lợi ích sự.

Lại nữa này Phổ Quảng, trong đời sau nếu có ác nhân cùng ác thần, ác quỷ thấy kẻ thiện nam, thiện nữ quy kính cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát mà vọng sanh khinh chê cho là không có công đức cùng sự lợi ích.

Cũng tức là nói chẳng có công đức, chẳng có lợi ích, nói bạn mê tín.

Hoặc lộ xỉ tiếu, hoặc diện bối phi.

Hoặc nhe răng ra cười, hoặc chê sau lưng

Diện là đối diện, bối là sau lưng

Hoặc khuyến nhân cộng phi, hoặc nhất nhân phi, hoặc đa nhân phi, nãi chí nhất niệm sanh cơ hủy giả.

Hoặc khuyên người khác cùng chê, hoặc một người chê, hoặc nhiều người chê, cho đến sanh lòng chê bai trong chừng một niệm.

Đây là nói việc tạo nghiệp. Hiện nay đích thật có người tạo ác nghiệp này, chúng ta thường nghe nói đến, có khi cũng nhìn thấy. Đặc biệt là thời đại chúng ta, kinh Lăng Nghiêm nói thời đại này *'tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng'*. Tà sư đó là ai? Là yêu ma quỷ quái. Trong quyển bốn kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy 'Bốn điều răn thanh tịnh', đoạn kinh này trọng yếu phi thường! Giảng rõ cho chúng ta biết trong thế gian này loại nào là yêu, loại nào là ma, loại nào là quỷ, loại nào là quái. Chúng ta thấy đều là người, mặt mũi là người, tâm của họ chẳng phải là tâm người, mà là tâm của yêu ma quỷ quái. Cho nên trong kinh Diệt Pháp, đức Phật nói trước, người ngày nay gọi là tiên đoán, tương lai kinh bị tiêu diệt đầu tiên là kinh Lăng Nghiêm, kinh cuối cùng bị tiêu diệt là kinh Vô Lượng Thọ. Tại sao kinh Lăng Nghiêm bị diệt trước hết? Tôi đọc đoạn kinh ấy tôi bèn biết kinh này nhất định sẽ bị tiêu diệt trước hết. Khi kinh này chẳng còn nữa, yêu ma quỷ quái trong thế gian sẽ chẳng có ai nhận biết, bạn không những không nhận biết họ là yêu ma quỷ quái, bạn còn coi họ như Phật, Bồ Tát, họ giả dạng rất giống, rất giống Phật, Bồ Tát, họ chẳng phải là Phật, Bồ Tát thiệt. Lúc trước tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, đoạn kinh 'Lời răn thanh tịnh', đoạn này được gọi là kính chiếu yêu, yêu ma quỷ quái rất nhức đầu với kinh này, luôn tìm cách tiêu hủy, chẳng cho bạn lưu thông, để cho nó phá rối.

Trong Tả Truyện của nhà Nho có một câu danh ngôn dạy chúng ta làm cách nào để phân biệt yêu quái là gì, Tả Khưu Minh nói: 'Con người vứt bỏ luân thường thì yêu quái hưng vượng' 5[5], câu này khải thị chúng ta rất lớn. 'Thường' là gì? Nhà Nho nói 'Ngũ Thường: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín', người ta buông bỏ những thứ này, chẳng coi trọng nữa; nói cách khác những gì họ làm đều là chẳng nhân, chẳng nghĩa, chẳng trọng lễ, chẳng coi trọng tín dụng, người như vậy chính là yêu quái. Bất luận địa vị trong xã hội của người ấy cao tới đâu, có tài sản bao lớn, họ chẳng phải là người. Nhà Nho nhận định, khẳng định tiêu chuẩn của con người, nhất định phải có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cũng tức là nói năm điều kiện căn bản để làm người. Từ xưa đến nay trong Phật pháp, các Tổ sư đại đức đem 'ngũ thường' phối hợp với 'ngũ giới', không sát sanh là Nhân, không trộm cắp là Nghĩa, không tà dâm là Lễ, không nói dối là Tín, không uống rượu là Trí. Từ đó có thể biết có đầy đủ năm giới là người, phá huỷ, vi phạm năm giới hoàn toàn thì đó là yêu, yêu ma, chẳng phải là người. Hiện nay tuy được thân người, họ tạo nghiệp yêu ma quỷ quái, tương lai nhất định đọa ba đường ác, đây là điều mà hết thảy kinh điển Đại, Tiểu Thừa đều nói rất rõ ràng. Phật pháp được đại chúng công nhận là

5[5] *(Nhân khí thường, tắc quái hưng)*

nhãn mục của trời, người, là chỉ dẫn quang minh, người ta tu học tán thán, nếu bạn gây chướng ngại, huỷ báng, thì tội sẽ rất nặng.

Ba hạng chúng sanh nói ở đây, 'người ác' hơn phân nửa là người ngu si, ngu si mới dễ bị yêu ma quỷ quái lợi dụng, nghe và tin lời giả dối của họ, hoài nghi chánh pháp. Yêu ma quỷ quái cũng có biện tài, tà huệ, phần sau trong kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi chủng ấm ma, chữ 'chủng' là chủng loại, chia những loại ma này thành năm mươi loại. Trong mỗi loại, chúng ta thấy trong kinh, nếu người thật sự không thông đạt Phật pháp Đại Thừa, đích thật cũng sẽ coi họ như Phật, Bồ Tát. Họ ở thế gian này có phước báo, phước báo rất lớn, có tín đồ, rất nhiều tín đồ, có thế lực, họ cũng có thần hộ pháp, thân của họ cũng màu vàng, có ánh sáng, phàm phu làm sao sánh bằng họ? Trong kinh đức Phật nói với chúng ta: Hào quang của Phật, Bồ Tát nhu hòa, khi bạn tiếp xúc sẽ cảm thấy rất dễ chịu. Quang minh của ma rất mạnh, khi tiếp xúc sẽ cảm thấy rất sợ sệt, quang minh của họ [làm cho người ta] rất nhức mắt. Giống như ánh sáng mặt trời vậy, chúng ta chẳng có cách gì mở to mắt ra nhìn lâu được, nhìn lâu thì trong ánh sáng ấy có tia tử ngoại tuyến, có thể làm mù mắt, do đó tuyệt chẳng thể nhìn lâu vào ánh sáng mặt trời. Ánh sáng của ma cũng thuộc loại này. Còn Phật quang nhu hòa, tại sao lại có hiện tượng này? Phật quang là từ tâm từ bi trong tự tánh tuôn chảy ra. Quang của ma từ tham, sân, si, do đó tuy quang rất lớn, tánh chất chẳng giống nhau, đây là việc chúng ta phải hiểu. Ma lợi dụng người nên ma đạo, ma pháp xuất hiện ở thế gian này, có thể làm cho hết thảy chúng sanh mê hoặc điên đảo, bỏ thiện hướng ác, tạo tội nghiệp, chẳng chịu tu thiện, xả bỏ chánh pháp. Chúng ta thường cảm xúc đến, rất nhiều người tin 'tà' chứ chẳng tin 'chân', nghe 'gạt' chứ không nghe lời 'khuyên', đây chính là 'người đáng thương xót', họ còn cho rằng mình thông minh, cứ cho rằng mình đúng.

Khi họ thấy người thiện nam, thiện nữ quy y, cung kính, cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, đây là việc phần đông chúng ta gọi là lạy Phật, lạy Bồ Tát, nhìn thấy có người lạy Phật, lạy Bồ Tát. Chư vị nhất định phải biết phàm khi nhìn thấy người lạy Phật, lạy Bồ Tát, họ chánh tín thì tốt, mê tín cũng tốt! Chỉ cần chịu lạy là tốt. Chánh tín thì người ấy hiện nay được lợi ích, mê tín thì đời sau được lợi ích, không có gì chẳng được lợi ích. Kinh Pháp Hoa nói *'Dù chỉ xưng Nam mô Phật một lần cũng đều gieo duyên thành Phật'* 6***[6]***, chữ *'giai dĩ thành Phật đạo'* chẳng phải là bây giờ, có thể ở vô lượng kiếp về sau. Tức là ngày nay họ mê tín, nhìn thấy Phật, Bồ Tát họ cung kính, cúng dường lễ bái, chỉ tu phước một lần như vậy, vô lượng kiếp sau nếu gặp lúc có Phật ra đời, có thể nhờ nhân duyên ấy mà theo Phật xuất gia, tu hành, chứng quả, trong kinh chúng ta thấy rất nhiều [những chuyện như vậy]. Tuy họ chẳng hiểu rõ, cũng chẳng hiểu đạo lý cho lắm, trong lúc gặp tai nạn cấp bách, lúc khẩn cấp niệm một câu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm một câu A Di Đà Phật, công đức ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn. Huống chi chúng ta hiểu rõ những đạo lý này, một tiếng Phật hiệu một tiếng [từ trong] tâm, cung kính hành lễ, tán thán cúng dường đều là từ tánh đức lưu lộ. Minh tâm kiến tánh, tánh ở đâu? Tánh là ở chỗ này tỏ lộ.

Đối với kẻ tu tập tích lũy công đức chân thật, phước đức chân thật, họ 'vọng sanh cơ hủy'. 'Vọng', họ chẳng hiểu rõ đạo lý trong ấy, chẳng hiểu chân tướng sự thật, tùy thuận tri kiến vọng tưởng của mình, từ vọng tưởng của họ sanh khởi cơ phong hủy báng, nói đó là mê tín. Lời này nếu muốn đi sâu vào thảo luận, ý tứ rất sâu, Phật giáo chẳng phải mê tín, do đó người mê tín Phật giáo cũng chẳng phải mê tín. Quý vị nghĩ xem lời của tôi đúng không? Bản thân Phật giáo chẳng mê tín, bạn mê tín nhưng Phật

---

6[6] *Nhất xưng Nam Mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo,* Ở đây, đức Phật nói những người gieo duyên với Phật pháp nhỏ nhặt như xưng nam mô Phật chỉ một lần thôi, nay đã đều do nhân duyên ấy thành Phật hết rồi.

giáo chẳng mê tín. Ông Âu Dương Cánh Vô nói *'Tôn giáo là mê tín, dùng chánh tri để tin nó cũng vẫn mê tín'*, bản chất của nó là mê, bản chất Phật giáo chẳng mê, bạn phải hiểu đạo lý này. Cho nên bạn từ mê đi vào Phật giáo, sau đó sẽ khai ngộ; nếu bản chất của nó thật sự là mê tín, khi hiểu biết đi vào cũng bị nó mê mất, đạo lý này rất sâu, rất đáng nghiền ngẫm. Sau đó bạn mới có thể khai đạo cho hết thảy đại chúng, tuyệt chẳng thể châm thọc, hủy báng, đó là tạo nghiệp rất nặng. Bạn nói nó chẳng có công đức, chẳng có lợi ích, nói thật ra công đức lợi ích đó vô biên. Bạn 'nhe răng cười' là cười mỉa mai, 'chê sau lưng' là phê bình họ, phê bình trước mặt, phê bình sau lưng, hoặc bạn còn khuyên nhiều người cùng nhau phê bình họ. Kết luận sau chót 'hoặc một người chê, nhiều người chê', phê bình chẳng đúng tư cách, chẳng đúng lý. 'Cho đến sanh lòng chê bai trong chừng một niệm', đây là nói ít nhất, khởi lên một niệm. Phía sau nói về quả báo của người đó:

Như thị chi nhân, hiền kiếp thiên Phật diệt độ, cơ hủy chi báo, thượng tại A Tỳ địa ngục thọ cực trọng tội.

Những kẻ như thế, sau khi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp 7[7] diệt độ cả, vì tội báo khinh chê nên vẫn còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng.

Quả báo còn chưa hết, phía sau còn rất dài. Những người này cứ tưởng mình thông minh. Trong nhà Phật, bất luận họ là trí tín, hay mê tín, chúng ta nhìn thấy đều hoan hỷ tán thán. Tại sao? Bản chất là chánh giác, người mê tín cũng được phước, chẳng khác gì lời nói trong kinh, công đức lợi ích thật sự là vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận. Tội báo hủy báng, phê bình cũng chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng có cùng tận.

Hôm nay đã hết giờ. Chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 22 (Số 14-12-22)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 42, xin xem kinh văn:

Như thị chi nhân, hiền kiếp thiên Phật diệt độ, cơ hủy chi báo, thượng tại A Tỳ địa ngục thọ cực trọng tội.

Những kẻ như thế, sau khi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp diệt độ cả, vì tội báo khinh chê nên vẫn còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng.

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải rành rẽ vấn đề này, tại sao đối với việc này lại kết tội nặng như vậy? Chúng ta coi xã hội hiện nay những người tạo tội nghiệp này, chúng ta thường có thể nghe đến, có khi cũng thấy được. Mọi người đều coi thường chuyện này, cho rằng đây là mê tín, cho rằng nên phá trừ những chuyện mê tín này, đâu biết rằng chịu quả báo nặng nề như vậy? Hủy báng Tam Bảo, bất luận bạn cố ý, vô ý đều là tội nặng, trong các ác nghiệp chẳng có thứ nào nặng hơn chuyện này. Nguyên nhân là như Phật nói trong kinh, Tam Bảo là nhãn mục của trời, người, Tam Bảo là nhân duyên chúng sanh được độ, bạn đoạn mất cơ hội được độ của hết thảy chúng sanh,

---

7[7] Hiền Kiếp (Bhadrakalpa): Hiền Kiếp là kiếp hiện tại, trong kiếp này có một ngàn đức Phật xuất thế nên gọi là Hiền Kiếp. Kinh Bi Hoa giảng: "Trong đại kiếp này có nhiều chúng sanh tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, có một ngàn đức Thế Tôn thành tựu đại bi xuất hiện trong cõi đời". Theo Thiên Phật Nhân Duyên Kinh và Hiền Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, đức Phật đầu tiên trong Hiền Kiếp là đức Câu Lưu Tôn Phật, kế đến là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, Di Lặc Phật… Đức Phật cuối cùng trong Hiền Kiếp là Lâu Chí Phật. Sau Hiền Kiếp là Tinh Tú Kiếp.

tội đó sẽ rất nặng. Bạn giết hại một người, giết hại sanh mạng, trong kinh nói 49 ngày thì người đó đi đầu thai trở lại, do đó tội sát sanh nhỏ, tội đoạn dứt huệ mạng của chúng sanh mới lớn. Khi kẻ ấy được thân người, nếu phước báo cõi người của họ chưa hưởng hết, vẫn còn dư phước cõi người, trời; khi bạn giết kẻ ấy, chẳng bao lâu họ được thân người trở lại, vì phước báo của họ chưa hết, họ phải hưởng phước tiếp. Phước báo lớn thì rất nhanh sẽ được thân người, mấy ngày thì họ sẽ đầu thai trở lại. Phước báo kém một chút thì cũng chẳng qua 49 ngày như nói trong kinh, họ sẽ sanh tới cõi người trở lại, đây là nói rõ tại sao tội giết sanh mạng chẳng nặng. Nhưng cơ hội gặp được Phật pháp khó lắm, kệ khai kinh nói: *"Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp gỡ"*, lời này là thật, chẳng giả. Khi bạn được thân người, chưa chắc bạn có cơ hội nghe đến Phật pháp, huống chi được thân người thì cũng tương đối không dễ. Thời gian đức Phật xuất hiện tại thế gian chẳng dài, thời gian chẳng có Phật pháp quá dài, quá dài đi thôi, làm sao bạn sanh ra nhằm lúc có Phật ra đời được!

Trong kinh đức Phật nói với chúng ta một người tu hành cần phải phải trả qua ba A Tăng Kỳ kiếp, thời gian này quá dài, quá dài. Tại sao cần có thời gian dài như vậy? Vì trong quá trình tu học, thời gian có cơ duyên gặp được Phật pháp rất ngắn, thời gian chẳng có cơ duyên rất dài, khi chẳng có cơ duyên thì bạn sẽ thoái chuyển, sẽ đọa lạc. Gặp được Phật pháp thì tiếp tục bắt đầu trở lại. Cứ đứt đoạn, ngưng xong rồi tiếp tục lại, thời gian tu hành ngắn, thời gian ngưng [chẳng tu] thì dài, thế nên mới cần ba A Tăng Kỳ kiếp, thời gian dài như vậy. Nếu tu hành cứ tiếp tục chẳng ngưng giữa chừng thì đâu cần thời gian dài như vậy? Chẳng cần. Tam Bảo là một cơ duyên chúng sanh nghe pháp tu học được độ, công đức của người sáng tạo cơ duyên này vô lượng vô biên, sáng tạo cơ duyên là nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh, chẳng vì lợi ích cá nhân mình. Nói thật ra vì chúng sanh thì tự mình mới thật sự được lợi ích; vì mình thì lợi ích của bạn sẽ rất nhỏ.

Xây Niệm Phật Đường ở đây, những đồng tu lãnh chúng (hướng dẫn), những pháp sư, tối hôm qua tôi nói với họ, có phải Niệm Phật Đường là của địa phương ấy không? Chẳng phải. Niệm Phật Đường này là của Tịnh Tông toàn thế giới, trên địa cầu này của chúng ta, các đồng tu phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh đều có thể đến Niệm Phật Đường này để niệm Phật, lại để nhìn và bắt chước, để học tập, do đó Niệm Phật Đường thuộc về cả thế giới. Tâm lượng của bạn phải mở rộng, nhãn quan phải lớn, rộng, sau đó mới biết sứ mạng rất nặng nề, nhất định phải làm việc này cho hoàn hảo. Như thế nào mới làm được thiện mỹ đến cùng cực? Tôi nhắc nhở mọi người mỗi ngày phải cải tiến, không thể làm theo ý tứ của mình. Mỗi ngày phải dùi mài lẫn nhau, phải thỉnh giáo mọi người. Vì tự mình rất khó phát hiện khuyết điểm của mình, phải dùng tâm chân thành thỉnh giáo người khác. Những đồng tu đến Niệm Phật Đường, có chỗ nào cảm thấy không thuận tiện thì xin họ nói ra, chúng ta lập tức cải thiện. Mỗi ngày đều hỏi, mỗi ngày đều cải tiến, một ngày không cải tiến thì là một ngày không có tiến bộ. Nếu bạn hỏi cải tiến tới lúc nào mới viên mãn? Tới lúc mọi người đều thành Phật. Khi mọi người chưa thành Phật, còn ở ngôi vị Đẳng Giác thì vẫn phải mong cầu cải tiến, cầu người ta phê bình, xin người ta chỉ giáo, được vậy thì việc này mới làm được thiện mỹ rốt ráo. Cố chấp thành kiến của chính mình, chẳng chịu người khác phê bình thì đạo tràng này làm sao có tiến bộ? Làm sao đúng như pháp?

Nếu hỏi tinh thần của Niệm Phật Đường Tân Gia Ba ở tại đâu? Tinh thần ấy tức là chấp nhận, vui vẻ tiếp nhận phê bình, mạnh mẽ sửa sai đổi mới, như vậy là tốt lắm! Bất kỳ người nào đến đây niệm Phật đều có thể nêu ra ý kiến. Điều tốt nhất của thường trú ở đây chính là có thể tiếp nhận ý kiến, hết lòng để cải chánh. Đây là tinh thần Bồ Tát, tinh thần của người giác ngộ, người chẳng giác ngộ chẳng làm nổi, người chân chánh giác ngộ mới làm nổi. Chúng ta vì phục vụ chúng sanh, phục vụ hết thảy người niệm Phật, nhất định phải làm cho họ ở đây niệm Phật rất thoải mái, rất tự tại, rất hoan

hỷ, niệm được thọ dụng chân chánh; thọ dụng này chính là đạt được tâm thanh tịnh, được Niệm Phật Tam Muội, thành tựu công đức chân thật. Đạo tràng này tán thán, lễ kính, cúng dường được vô lượng phước, nếu bạn hủy báng, tạo chướng ngại, thì lỗi đó cũng như đã nói trong kinh sẽ đọa địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng. Thế nên chúng ta phải rõ ràng, phải minh bạch cả sự lẫn lý, không được tùy tiện phê bình, đừng mặc tình khinh thường, làm tổn phước của mình.

Trong chú giải, Thanh Liên pháp sư nói rất hay, vừa mở đầu: "Nóng nảy, ương bướng thành tánh, so đo, khinh bạc sẵn thói" 8[8], đây là nói một tập khí khinh thường, khinh người khác, nói thật ra vẫn có thói quen cống cao ngã mạn, cứ cho rằng mình đúng. Đối với hết thảy các pháp trong thế gian đều chẳng cầu giải sâu, cứ dựa vào cái nhìn thô thiển của mình, "chẳng biết Phật đạo thật sự rộng sâu, dùng lời thiển cận, khinh bạc của thế gian, muốn khởi tâm đố kỵ", đây là đố kỵ, "hủy báng đạo căn". Hạng người này bị quả báo như vậy. Sau cùng ngài dẫn chứng vài câu trong kinh Hưng Khởi Hạnh 'người báng pháp, tội cực nặng, đọa ba đường ác, khó thoát ra', chẳng có tội nào nặng hơn tội này. Chư vị suy nghĩ coi, nghĩ ngược lại, trong 'Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện' nói *'Trong hết thảy cúng dường, pháp cúng dường là quý nhất'*, công đức lớn nhất là pháp cúng dường, tội báng pháp thì đương nhiên sẽ cực nặng, đây là đạo lý nhất định. Đây là đạo tràng chánh pháp, cúng dường chút ít cũng được phước báo to lớn, chúng ta phải biết đạo lý, sự thật này. Xin xem tiếp kinh văn:

Quá thị kiếp dĩ, phương thọ ngạ quỷ
Qua khỏi kiếp này xong mới thọ thân ngạ quỷ

Thọ hết tội báo ở địa ngục xong, thời gian thọ tội ở địa ngục là dùng 'kiếp' để tính. Phía trước chúng ta đã coi qua [đọa vào] địa ngục đều là vô số kiếp, chẳng tính bằng 'năm'. Kiếp dài như vậy tội báo hết rồi mới thọ thân ngạ quỷ, quỷ cũng rất khổ.

Hựu kinh thiên kiếp, phục thọ súc sanh, hựu kinh thiên kiếp phương đắc nhân thân.
Rồi mãi đến một ngàn kiếp sau mới thọ thân súc sanh; lại phải trải qua một ngàn kiếp nữa mới được thân người.

Trong cõi ngạ quỷ, làm quỷ bao lâu? Một ngàn kiếp. Xong rồi đọa súc sanh. Trong cõi súc sanh trải qua ngàn kiếp mới được thân người. Chúng ta phải suy nghĩ cặn kẽ về việc này, khi phạm sai lầm thọ quả báo, tương lai được thân người trở lại, bạn coi phải mất bao lâu? Được thân người chưa chắc gặp được Phật pháp, cho dù gặp được Phật pháp rồi tu tập lại, bạn nghĩ coi thành Phật có cần phải tốn ba A Tăng Kỳ kiếp hay không? Đạo lý là ở chỗ này. Nếu đời nào cũng gặp Phật pháp, đời nào cũng tu hành thì thành Phật rất nhanh. Vấn đề là bạn rất khó không phạm sai lầm, khi làm sai thì bạn phải thọ quả báo. Ở đây Phật, Bồ Tát nói lời nào cũng là lời chân thật, tuyệt chẳng phải dọa người, tuyệt đối chẳng lừa gạt bạn. Phía trước tôi đã nói với chư vị, cho dù là mê tín thì họ cũng được phước. Tại sao? Vì pháp là chánh pháp. Nếu pháp là tà pháp, khi bạn mê tín thì đương nhiên chẳng có phước; tà pháp tuy là có chánh tín cũng chẳng được phước. Cho nên bạn nhất định phải hiểu bản chất của pháp, thuần chánh chẳng tà vạy có thể làm cho hết thảy chúng sanh thành vô thượng đạo.

Hết thảy pháp còn như vậy, huống chi là pháp môn Tịnh Tông. Pháp môn Tịnh Tông thù thắng nhất trong hết thảy pháp, tại sao lại thù thắng nhất? Vì nó có thể làm cho hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật, thật là quá sức tưởng tượng! Trong bất kỳ pháp môn nào cũng không có cách chi giúp cho hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật, chỉ có Tịnh Tông mới làm được. Hủy báng Tịnh Tông, chướng ngại Tịnh Tông,

---

8[8] *Quyến ngoan thành tánh, cổ đậu vi tình*

tội lỗi không biết lớn hơn [tội hủy báng] nói trên gấp bao nhiêu lần? Đây là đạo lý nhất định, việc này chẳng khó hiểu. Do đó hủy báng Tịnh Tông, chướng ngại người niệm Phật, chướng ngại người cầu sanh Tịnh Độ, so với tội này thì chẳng biết phải thêm bao nhiêu ngàn lần, vạn lần? Chẳng phải một lần, hai lần, mà là ngàn vạn lần. Đây là nói họ từ lúc tạo tội đến lúc được thân người trở lại.

Túng thọ nhân thân, bần cùng hạ tiện, chư căn bất cụ, đa bị ác nghiệp lai kết kỳ tâm, bất cửu chi gian phục đọa ác thú.

Dầu thọ thân người, [lại] bần cùng hạ tiện, các căn không đầy đủ, thường hay bị nghiệp ác kết buộc vào tâm, chẳng bao lâu lại phải đọa ác đạo.

Thế mới biết đọa vào ác đạo, muốn thoát ra khỏi ác đạo quá khó, quá khó! Không phải là không thể thoát ra, nhưng thời gian quá dài, mỗi lần giảm tập khí ác đạo một chút, nhất định phải giảm đến mức độ nhất định mới được thân người, có cơ hội gặp Phật pháp, thì họ mới sanh tâm hoan hỷ. Trong kinh nói về những chuyện này, mỗi vị đồng tu chúng ta đều từng trải qua, chẳng biết đã làm bao nhiêu lần. Do đó trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy nhóm người theo A Xà Vương Tử, Phật nói 'trong đời quá khứ đã cúng dường bốn trăm ức Phật'. Bạn phải biết họ cúng dường bốn trăm ức Phật, họ đã đọa địa ngục hết bao nhiêu lần? Nếu họ chẳng từng làm qua những tội báo này, những việc này, cúng dường bốn trăm ức Phật, nói với chư vị chỉ cúng dường bốn vị Phật thì họ chắc chắn thành Phật rồi, [bởi vậy] mới biết chúng ta khởi ác niệm, tạo ác nghiệp quá dễ dàng. Tại sao lại làm những chuyện này? Trong A Lại Da thức chứa đựng hạt giống nghiệp tập từ vô lượng kiếp qua, bên ngoài gặp một việc có chút xíu gì không vừa ý, một niệm ác bèn khởi lên, họ sẽ làm chuyện hủy báng này nữa. Tạo những tội nặng này thì có lý nào không đọa địa ngục cho được?

Nếu muốn không đọa địa ngục cũng được! Hãy mau sám hối, thừa dịp này bạn vẫn còn một hơi thở chưa dứt thì cũng còn kịp. Sám hối chỉ có cầu A Di Đà Phật, tu pháp sám hối vãng sanh, lập tức sửa sai đổi mới, lúc trước hủy báng, bây giờ dốc hết sức lực tán thán, được vậy mới có thể quay về. Lúc trước chướng ngại người khác tu học, hiện nay tìm mọi cách khuyên người ta tu học. Lúc trước chướng ngại họ, hiện nay tìm họ để cầu sám hối: "Lúc trước tôi sai rồi". Hiện nay gấp rút hết lòng nỗ lực tu học, như vậy mới được, bạn mới có thể cứu vãn. Nếu chướng ngại người ta quá lớn thì chuyện phiền phức sẽ lớn. Do đó đoạn kinh văn này chúng ta muôn vàn không thể lơ là, không để ý, phải thường thường ghi nhớ trong tâm, tuyệt đối không thể gây ra nhân duyên chướng đạo. Xem tiếp kinh văn:

Thị cố Phổ Quảng, cơ huỷ tha nhân cúng dường, thượng hoạch thử báo, hà huống biệt sanh ác kiến hủy diệt.

Cho nên, Phổ Quảng, khinh chê sự cúng dường của người khác còn mắc phải tội báo như thế, huống chi tự sanh ác kiến hủy diệt.

Đây là nói mức nhẹ, chỉ là chướng ngại người khác tu cúng dường còn bị quả báo nặng như vậy. Nếu thêm ác ý, tâm sân khuể, tâm ác để hủy diệt Phật pháp, tội đó còn nặng nữa. Đoạn này nói về quả báo của việc cơ hủy Tam Bảo. Xem tiếp đoạn sau, đoạn này nói về việc sanh bịnh. Bịnh kéo dài lây lất hoài là một sự đau khổ, chúng ta thấy rất nhiều trong xã hội.

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế hữu nam tử nữ nhân, cửu xứ sàng chẩm, cầu sanh cầu tử liễu bất khả đắc.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời sau có người nam hay người nữ nằm liệt mãi trên giường gối, cầu sống hay cầu chết đều không được.

Đây là một việc.

Hoặc dạ mộng ác quỷ, nãi cập gia thân.

Hoặc đêm mộng thấy ác quỷ cho đến kẻ thân thích trong nhà

Đây là việc thứ nhì. Ban đêm thường bị ác mộng, đây chẳng phải là chuyện tốt, cũng rất đau khổ.

Hoặc du hiểm đạo, hoặc đa yểm mị, cộng quỷ thần du

Hoặc đi trên đường hiểm, hoặc nhiều lần bị bóng đè, hoặc cùng quỷ thần dạo chơi

Đây là việc thứ ba, những câu sau đây là tổng kết.

Nhật nguyệt tuế thâm, chuyển phục uông sái, nhãn trung khiếu khổ, thảm thê bất lạc giả.

Trải qua nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm, trở nên gầy mòn, lao sái; trong giấc ngủ kêu gào khổ sở, thê thảm không vui.

Đây là trạng huống bịnh lâu ngày. Loại thứ nhất ngày nay chúng ta gọi là bịnh già, danh từ ngày nay gọi là bịnh mất trí nhớ vì tuổi già, nếu nghiêm trọng thì người ta gọi là người thực vật. Kẻ ấy còn thở thoi thóp, đích thật là cầu sống không được, cầu chết cũng không xong, chúng tôi đã gặp rất nhiều. Nằm trên giường bảy, tám năm, mười mấy năm, người cả nhà phải chăm sóc. Phần nhiều người bị bịnh này đều tương đối giàu có, đến tuổi già bị bịnh này. Tiền thuốc men phải tốn kém rất nhiều, ngày đêm ba ca y tá chăm sóc, [đây là] bịnh phú quý. Tôi đã từng gặp đồng tu, người nhà của họ bị bịnh này hết bảy, tám năm, đã đến mức chẳng hay biết gì cả, gia quyến con cháu trong nhà đều chẳng nhận ra. Hỏi người ấy: "Cha biết con là ai không?". "Con là ai?", ông ấy đều chẳng nhận ra. Người nhà lại hỏi tôi: "Bịnh giống như vậy cầu Phật, Bồ Tát được không?". "Được, có lợi ích, nhưng phải hỏi bạn chịu tin hay không?" Tại sao người ấy không chịu ra đi? Ngạn ngữ thường nói: *"Lộc hết người mất"*9***[9]***, người ấy là người mất nhưng lộc chưa hết. Nói cách khác, phước báo của kẻ ấy chưa hưởng hết; hoặc là thọ mạng đã đến nhưng phước báo chưa hưởng hết. Vậy thì phải làm sao? Chỉ còn cách nằm trên giường hưởng.

Nếu hiểu được đạo lý này, một năm người ấy phải tốn bao nhiêu tiền thuốc men, bạn đem số tiền ấy đi làm phước, quyên tặng tiền ấy để làm phước. Nếu kẻ ấy còn thọ mạng thì sẽ từ từ khôi phục sức khoẻ, hết bịnh; nếu thọ mạng đã đến thì sẽ qua đời. Kẻ ấy qua đời xong sẽ sanh đến cõi lành, vì tích phước lớn. Nếu bạn không tin, bạn sợ người ta gạt tiền của bạn, thì thôi bạn cứ mướn y tá từ từ tiêu hết số tiền ấy. Chúng tôi nhìn thấy rất rõ ràng, hiểu được đạo lý này. Nếu bạn muốn khoẻ mạnh sống lâu, muốn giảm bớt bịnh tật, bạn nên nghĩ coi bạn sanh bịnh đại khái phải xài hết bao nhiêu tiền, bạn đem hết món tiền ấy đi làm phước, đem tặng cho những người bị bịnh khổ, tặng làm tiền thuốc men cho những người nghèo ấy thì bạn sẽ chẳng sanh bịnh. Tiền thuốc men chữa trị cho bạn đã chẳng còn nữa, đã tặng cho người khác, người ta sanh bịnh thay bạn nên bạn sẽ chẳng sanh bịnh. Có rất nhiều người đều để dành một số tiền, chuẩn bị đến già trị bịnh nên họ làm sao chẳng sanh bịnh cho được? Họ đã dành dụm sẵn một số tiền, tiền thuốc men càng nhiều, thời gian bị bịnh càng dài, bịnh càng nặng, chẳng phải là đạo lý như vậy hay sao? Cho nên tôi thường khuyên người ta, mỗi năm nên đem tiền thuốc men đi làm phước.

Lúc trước trong các buổi giảng tôi khuyên người tu phước nên làm ba việc: in kinh, nhất định sẽ là chuyện tốt, chẳng có tác dụng phụ, chẳng bị tệ hại; thứ hai là giúp kẻ bị bịnh khổ; thứ ba là phóng sanh, đây là việc tôi cực lực đề xướng. Ăn chay, phóng

---

9[9] *(Lộc tận nhân vong)*

sanh, tôi cũng tu sám hối, lúc trẻ tuổi ham thích săn bắn, sát sanh quá nặng, nghiệp sát sanh quá nặng, sau khi học Phật mới biết rõ, đặc biệt là đọc kinh Địa Tạng, biết quả báo của nghiệp sát sanh quá nặng, cho nên đọc kinh này xong liền chẳng dám ăn thịt nữa. Không những chọn ăn chay mà còn dốc hết sức, hết lòng để phóng sanh, tu pháp sám hối. Ba việc này tuyệt đối là việc tốt, nhất định sẽ chẳng có ảnh hưởng xấu ác. Nếu nói chúng ta xây một ngôi chùa không nhất định là việc tốt; nếu chùa xây xong, những người trụ trong ấy, tại gia, xuất gia, tứ chúng đệ tử đều tu hành đúng như pháp, chân chánh là một đạo tràng tốt, thì công đức ấy vô lượng. Nếu đạo tràng xây xong, tứ chúng đệ tử mỗi ngày đều đánh lộn, tranh danh đoạt lợi, bạn xây đạo tràng như vậy là tạo tội nghiệp. Bạn dẫn những người ấy đọa địa ngục, đâu có lý nào bạn chẳng đọa địa ngục cho được? Nên chuyện đó chưa chắc là phước, cả đời tôi chẳng dám đề xướng. Nếu gặp đạo tràng chánh pháp, phước đức cúng dường sẽ vô lượng vô biên. Trong đời tôi rất ít gặp đạo tràng chánh pháp.

Lúc trước tôi chỉ thấy núi Đại Dự, chùa Bảo Liên trên núi Đại Dự, ở Hương Cảng, đạo tràng của Thánh Nhất pháp sư. Năm 1977 thầy mời tôi đến thăm, thiền đường mỗi ngày tọa hương 10[10] theo quy củ, lúc đó có bốn mươi mấy người, vẫn có thể duy trì đạo phong ấy, rất khó được! Cả đời tôi gặp được một chỗ, làm thật sự, làm mỗi ngày. Ngày nay chúng ta ở đây, Cư Sĩ Lâm là một đạo tràng chánh pháp, thật chẳng nghĩ tới. Tôi ở Đài Loan nhiều năm, xây dựng Thư Viện, tôi chẳng dám nói Thư Viện là đạo tràng chánh pháp, chẳng dám nói. Thư Viện làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, đích thật chúng tôi tận tâm tận lực đi làm. Nhưng nói đến tu đạo, chúng tôi chẳng làm chân chánh, trong ấy có nhiều chướng duyên, chúng tôi thật sự muốn làm, lúc làm thì có chướng ngại, duyên chẳng thành thục. Còn chúng sanh tại địa phương này, thời tiết nhân duyên thành thục, chân chánh được chư Phật hộ niệm, Bồ Tát lãnh đạo, nên mới có thể thành tựu đạo tràng chánh pháp, thật chẳng dễ! Trong kinh nói *'Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ'*, thời đại này có được một đạo tràng như vậy, thật sự là vô cùng hiếm hoi, hy hữu! Ngày nay chúng ta trồng phước, đương nhiên đây là ruộng phước thật sự. Do đó hết thảy đại chúng cúng dường cho tôi, tôi đem hết số ấy gởi qua bên đó, phước điền thù thắng hiếm có, bạn cúng dường tôi, tôi thay thế bạn trồng phước điền. Bạn cúng dường tôi chẳng có phước, bạn cúng dường đạo tràng này thì phước báo chẳng cùng tận, một đồng, một cắc đều có công đức chân thật, phước báo vô biên.

Đạo tràng phải coi trong ấy có Đạo hay không, thật sự có đạo phong, học phong (phong cách tu học) thì đó là đạo tràng chân chánh, chúng ta phải dốc toàn tâm toàn lực để hộ trì, cúng dường, đời sau chúng ta được đại phước báo, phước điền này chẳng trồng sai chỗ. Nếu đạo tràng ấy là nơi đấu tranh, chúng ta ra tiền, ra sức ở đó là tạo tội, chẳng phải trồng phước. Hồi xưa tôi ở Đài Loan giảng kinh tại một đạo tràng, ở đó giảng chẳng bao lâu, đại khái là hơn một tháng, người xuất gia trong ấy mỗi ngày đều cãi lộn. Vì sao cãi lộn? Tranh chức Chấp Sự. Đạo tràng ấy mới xây chẳng bao lâu, cỡ một hai năm, vị lão sư phụ cho đệ tử đi khắp nơi ở Đài Loan để quyên góp về xây đạo tràng. Sau khi xây xong, đương nhiên chẳng có ai giành địa vị của lão sư phụ, đệ tử của ngài chẳng dám tranh. Họ lại tranh chức Đương Gia, Tri Khách, Giám Viện; họ nói tôi quyên được bao nhiêu tiền, tôi đáng làm chức đó, kẻ kia nói họ quyên được bao nhiêu tiền, đáng phải làm chức gì, mỗi ngày đều tranh cãi chẳng dứt, chẳng yên. Họ còn mời tôi đi giảng kinh, tôi về Đài Trung liền kể chuyện này cho thầy Lý, thầy Lý nói: "Thôi đi! Về đi, đừng đi nữa". Tôi nói: "Kinh đó giảng mới nửa chừng thì sao?". "Không sao!", tôi bèn nghe lời thầy, kinh chưa giảng xong, đại khái giảng chừng một phần ba rồi ngưng. Thầy nói chẳng nên tới những chỗ thị phi như vậy. Những kẻ ra tiền, ra sức

---

10[10] tọa hương là ngồi thiền, do trong các tùng lâm khi trước, mỗi khóa ngồi thiền phải ngồi hết một cây hương (tức là khoảng 45 phút) nên gọi là tọa hương.

[xây dựng đạo tràng đó] chẳng trồng được phước điền, thật sự gọi là tạo nghiệp. Có lúc thầy Lý giảng kinh cũng nhắc chúng tôi, thầy nói mọi người đồng tâm đồng sức cùng nhau đi khắp nơi quyên tiền xây đạo tràng thì lúc đó là 'Bồ Tát', khuyên người ta tu phước, đạo tràng xây xong thì biến thành 'La Sát', tranh quyền đoạt lợi.

Chúng tôi đã gặp hiện tượng này quá nhiều, cho nên nghĩ đến Ấn Quang đại sư cả đời chẳng xây đạo tràng, cả đời chẳng nhận đệ tử xuất gia, chẳng truyền giới, tôi nghĩ rất có đạo lý. Lúc đó tôi chưa xuất gia, đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, được sự giáo huấn của thầy Lý nên tôi rất muốn học theo Ấn Quang pháp sư. Cả đời tôi chẳng xây đạo tràng, nghĩ mình chẳng có phước, chẳng muốn tạo nghiệp, chẳng muốn thọ quả báo này, rất đáng sợ! Cả đời chẳng thâu nhận đệ tử xuất gia, quý vị hiện nay xuất gia chẳng phải theo tôi, mà theo Quán Trưởng xuất gia, Quán Trưởng thâu nhận, tôi chẳng thâu. Hàn Quán Trưởng thật là Y Chỉ Hòa Thượng của quý vị, cụ dùng danh nghĩa của tôi để xây đạo tràng, sau khi cụ vãng sanh, đương nhiên tôi không thể không chăm sóc sự tu học của quý vị, trên đạo nghĩa nhất định phải lo lắng, nhất định phải hiểu. Tôi chỉ truyền thọ Tam Quy, Ngũ Giới, những thứ khác tôi chẳng dám truyền thọ, sợ làm chẳng đúng như pháp thì phải thọ quả báo. Những Lý, Sự này chúng ta đều phải rõ ràng, minh bạch, nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, đời này quyết định cầu sanh Tịnh Độ.

Chúng ta sẽ gặp những quả báo này. Bịnh người già si khờ, bạn có thể bảo đảm bạn sẽ chẳng bị không? Người xuất gia, lão hòa thượng lúc già bị bịnh si khờ, chúng ta cũng thấy. Lần này tôi đến Hương Cảng, tôi hỏi lúc trước có một vị lão đồng tham là pháp sư Năng Từ, mỗi lần tôi đến Hương Cảng, thầy đều tiếp đãi tôi. Lần này đi tôi hỏi pháp sư Trí Huệ (Trụ Trì chùa Bảo Liên), vì lúc trước pháp sư Năng Từ có trú tại liêu phòng chùa Bảo Liên. Tôi nói: "Lão pháp sư này còn ở đó không?", nếu còn thì đã tám, chín chục tuổi rồi. Thầy ấy nói: "Vẫn còn, bây giờ thầy ấy bị chứng người già si khờ". Thân thể cứng đờ, chẳng biết ăn cơm, phải có người đút, hiện nay trú tại một viện dưỡng lão, thật đáng thương! Thầy ấy trung niên xuất gia, bốn mươi mấy tuổi mới xuất gia. Hồi trước theo Đàm Hư pháp sư, lúc Đàm Hư pháp sư giảng kinh ở Hương Cảng, rất nhiều bài vở đều do thầy ấy ghi chép lại. Thông đạt kinh giáo, đến già cũng thật thà niệm Phật, tại sao lại bị bịnh này? Vọng tưởng quá nhiều. Thầy ấy là người tỉnh An Huy, kể ra là đồng hương với tôi, nên mỗi lần tôi đến đó thầy đều kiếm tôi. Tìm tôi làm gì? Để nói chuyện, nói những chuyện đời xưa, nói hoài chẳng hết. Tâm chẳng thanh tịnh, tôi khuyên thầy, thầy đều biết chẳng cần tôi khuyên, vừa nhắc là thầy biết liền, thầy làm sao không biết được? Chẳng buông xuống nổi, tập khí quá nặng, quá sâu. Những vị lão pháp sư bị bịnh này thật chẳng ít, tôi đã gặp qua, cũng rất hạp với tôi, nhưng lời nói dư thừa quá nhiều, bạn coi đâu có cách chi nữa? Thích nói, tại sao không đi giảng kinh? Không phải thầy ấy không thể giảng, có thể giảng có thể viết, nhưng chẳng chịu giảng, chẳng phát tâm giảng, nghiệp chướng chẳng tiêu nổi.

Nghiệp chướng của tôi cũng rất sâu nặng, nhưng nhờ giảng kinh nên được tiêu mất. Lúc tôi chẳng giảng kinh thì tôi rất ít nói, tôi chẳng biết nói chuyện, đặc biệt là những lời khách sáo, thù tạc tôi hoàn toàn chẳng biết. Đây chắc vì tôi từng trải đơn thuần, họ từng trải trong xã hội khá phong phú, tiếp xúc người, sự việc quá nhiều, còn tôi thì rất đơn thuần. Sau khi tốt nghiệp, công việc tôi làm là công việc văn phòng, mỗi ngày đều phải viết lách. Ngoài công việc ra tôi thích đọc sách, tôi cũng chẳng đi chơi, những chỗ vui chơi hầu như tôi chẳng bao giờ đi đến, do đó những chỗ tôi đến cũng rất đơn thuần, tôi thường đến một thư viện, một tiệm sách, ngoài ra rất ít đi những chỗ khác. Một số người tôi tiếp xúc đều là những giáo sư già có học vấn, có đức hạnh, tôi thích thân cận họ, đời sống của tôi rất đơn thuần. Sau khi xuất gia, có thể nói vừa xuất gia liền giảng kinh, dạy trong Phật học viện. Tôi xuất gia chưa được mấy ngày, Bá Thánh pháp sư liền mời tôi đi dạy ở Phật học viện. Lúc đi dạy phải chuẩn bị tài liệu giảng dạy, giống như các bạn bây giờ, đâu có thời giờ để suy nghĩ lung tung. Giảng

kinh dạy học cả đời nên rất đơn thuần, những chuyện thù tạc chẳng có nhiều như kẻ khác nên vọng tưởng ít, vọng niệm ít, nói chuyện tầm phào cũng ít, như vậy mới chuyển được nghiệp chướng của mình.

'Hoặc đêm mộng thấy ác quỷ cho đến kẻ thân thích trong nhà, hoặc đi trên đường hiểm, hoặc nhiều lần bị bóng đè, hoặc cùng quỷ thần dạo chơi', [việc nói trong] đoạn này tôi cũng từng trải qua, lúc trước thường có. Đặc biệt là gặp yểm quỷ, bị bóng đè tức là gặp yểm quỷ, yểm quỷ cũng là một trong bát bộ quỷ thần, chúng ta thấy trong kinh. Khi bị bóng đè trong tâm rất rõ ràng, toàn thân chẳng thể nhúc nhích, lúc trước thường bị. Đặc biệt là nhà mình ở, phần đông người ta gọi là chẳng 'sạch sẽ', trong nhà có quỷ. Gặp những chuyện này, hơn phân nữa là vì vận của mình kém một chút, người gặp vận may thì những quỷ thần này chẳng dám phá kẻ ấy, quỷ thần lánh xa; khi vận bạn sa sút thì quỷ thần sẽ hiếp đáp bạn. Khi bị bóng đè liền biết, biết vận mình chẳng tốt, bị họ hiếp đáp. Sau khi học Phật thì những chuyện này từ từ giảm bớt, đại khái mười năm đầu học Phật vẫn còn, sau mười năm đầu thì chẳng còn nữa. Cho nên tu học đích thật có hiệu quả, muốn biết bạn có tiến bộ không, công phu đắc lực không, hãy so sánh với lúc bạn chưa học Phật, hoặc lúc vừa mới học Phật liền biết được. Lúc trước có nhiều ác mộng, lúc nằm mộng thì rất tán loạn, sau này tuy có nằm mộng nhưng mộng rất tỉnh táo, trong mộng cũng giống như sinh hoạt thường ngày, vậy là có tiến bộ rất nhiều. Nếu thường mộng thấy Phật, Bồ Tát, chúng tôi giảng kinh thuyết pháp thường mộng thấy giảng kinh thuyết pháp, đây là chuyện tốt, có thể nhìn thấy tự mình tu học công phu được đắc lực.

Phần cuối là nói về bịnh khổ. Đoạn này trong chú giải Thanh Liên pháp sư cũng nói rất cặn kẽ, ngài nói trong Phật Thuyết Y Kinh có nói bốn bịnh của con người là 'địa, thủy, hỏa, phong', chúng ta thường nói là tứ đại chẳng điều hòa. Nói đến chỗ này, con người ăn ngũ cốc, đủ loại lương thực, làm sao không sanh bịnh cho được? Phía trước tôi đã báo cáo với các vị đồng tu, nguồn gốc thứ nhất của bịnh tật là ăn uống. Ăn uống là sanh hoạt vật chất của chúng ta, sơ ý, không để ý bị nhiễm những tật bịnh này, đây là loại thứ nhất. Thứ nhì là oan gia trái chủ, như trong kinh này nói mộng thấy ác quỷ, người nhà thân quyến; thân quyến là những người đã mất. Hoặc mộng thấy chỗ nguy hiểm, mộng thấy bị bóng đè, những thứ này đều liên quan đến oán thân chủ nợ. Phàm có hiện tượng này, chúng ta phải hết lòng nỗ lực, đoạn dứt ác tu thiện, sửa sai đổi mới, thật thà niệm Phật, tại sao? Gặp những chuyện này là vận khí của chúng ta suy thoái, không hưng vượng, nếu bạn có vận may, khí vượng, thì những ác quỷ, ác thần này cũng tránh xa. Dù lúc trước có chuyện xích mích, lúc đó họ cũng chẳng dám đến gây phiền phức cho bạn, họ sẽ lánh xa, đợi đến lúc vận của bạn suy thoái thì họ sẽ đến. Cho nên khi gặp những chuyện này phải biết lúc đó khí vận của mình rất suy thoái, nhất định phải nỗ lực tu học cho đàng hoàng.

Thứ ba là bịnh nghiệp chướng, phía trước có nói: "Nằm liệt mãi trên giường gối, cầu sống, cầu chết cũng chẳng thể được", đây là bịnh nghiệp chướng. Chẳng có cách gì hết, thuốc men bác sĩ cũng chẳng giúp gì được, siêu độ, tiêu tai miễn nạn cũng chẳng được, tiêu chẳng nổi. Nhờ sức lực của người khác tiêu không nổi, nhờ tự mình sám hối, sức mạnh của sự sám hối này rất lớn, rất lớn! Chúng sanh tạo ác nghiệp, đây là nguồn gốc thật sự của bịnh tật. Phật, Bồ Tát, A La Hán chẳng tạo ác nghiệp, đây là lý do các ngài chẳng sanh bịnh, đạo lý là như vậy. Lúc Phật, Bồ Tát sanh bịnh chỉ là thị hiện, đó là hoằng pháp, giống như cư sĩ Duy Ma thị hiện bị bịnh, đó chỉ vì hoằng pháp lợi sanh, thật sự ngài chẳng bị bịnh. Ngài chẳng thể sanh bịnh, ngài chẳng có lý do gì để sanh bịnh. Hết thảy chúng sanh khởi tâm động niệm, những ý niệm nhỏ bé thì tự mình chẳng biết, sau khi chúng ta học Phật, đọc kinh mới biết chuyện này. Một niệm càng nhỏ, càng yếu ớt, nếu một niệm ấy chẳng thiện thì sẽ ảnh hưởng đến sanh hoạt vật lý trong thân thể, nếu là một niệm cực ác sẽ thay đổi thể chất. Hiện nay nhà khoa học, các bác sĩ

hiện đại cũng dần dần hiểu được đạo lý này, cho nên người có tâm lý khỏe mạnh, tâm tình ổn định, tâm tình vui đẹp, dù bị bịnh rất nặng thân thể người ấy cũng rất dễ khôi phục. Một số người cho rằng đây là kỳ tích, thật ra đó đâu phải là kỳ tích, là có đạo lý đấy.

Mọi người đều biết cư sĩ Lý Mộc Nguyên, đây là một thí dụ rất đúng [với đạo lý này]. Mười năm trước ông bị ung thư, hiện nay những hồ sơ bịnh lý vẫn còn. Hình như ông chụp hết ba mươi mấy tấm quang tuyến X, ông có cho tôi xem qua. Chỗ nào trong ngũ tạng lục phủ cũng có tế bào ung thư, bác sĩ nói thọ mạng ông chỉ còn có ba tháng, tối đa là sáu tháng, thật chẳng còn cách gì chữa khỏi. Ông có thể buông xuống vạn duyên, dặn dò hậu sự xong xuôi, nhất tâm niệm Phật, chẳng đi khám bác sĩ, cũng chẳng uống thuốc, chỉ đợi vãng sanh. Tâm lý của ông khỏe mạnh, tâm tình ổn định, dùng sức mạnh này để tiêu diệt tế bào ung thư, dùng sức mạnh này khôi phục thân thể bình thường. Bác sĩ nói đây là một kỳ tích, chúng tôi chẳng coi là kỳ tích, rất bình thường, một niệm có thể thay đổi sanh hoạt vật lý của một người. Nói thật ra, người bị bịnh ung thư không đến nỗi chết, vì sao họ chết? Vì sợ quá mới chết. Tôi nói như vậy cũng rất có đạo lý, bạn biết đây chẳng phải là lời nói dối, họ đều sợ đến chết, bạn nói như vậy oan uổng hay không? Thế nên tật bịnh chẳng thể làm chết người, người chết đều là do sợ quá nên mới chết. Tự mình cảm thấy rất sợ hãi, mỗi ngày đều sợ sệt, mỗi ngày đều sợ chết, mỗi ngày cứ nghĩ tới cái chết thì làm sao không chết cho được? Đương nhiên họ sẽ chết.

Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý, biết làm thế nào có thể khắc phục bịnh khổ, bịnh chắc chắn là nghiệp chướng, khi nghiệp chướng khởi lên thì phải biết làm cách nào tiêu trừ nghiệp chướng. Phương pháp tốt nhất để tiêu trừ nghiệp chướng là đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, nhất tâm hướng về Phật. Phật là chí thiện, hết thảy thiện pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì thiện hơn Phật, niệm Phật là việc thiện lành hạng nhất. Niệm Phật đích thật có thể giải quyết hết thảy vấn đề, tại sao không niệm? Nếu nói niệm Phật là mê tín, phía trước nói bạn tạo nghiệp rất nặng. Mê tín niệm Phật cũng sẽ được phước, huống chi bạn có thể chánh tín, hiểu rõ, biết rõ lợi ích của sự niệm Phật, ngay bây giờ bạn sẽ được. Mê tín, thật sự đã chấp mê rồi, kẻ ấy hiện tại cũng được phước. Vì họ có thể y giáo phụng hành, họ cũng có thể đoạn ác tu thiện, họ chẳng hiểu đạo lý này, nhưng họ chịu làm, chịu làm thì sẽ được phước. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Phía sau giải thích:

Thử giai thị nghiệp đạo luận đối vị định khinh trọng, hoặc nan xả thọ, hoặc bất đắc dũ. Nam nữ tục nhãn bất biện thị sự.

Đây đều là do nơi nghiệp đạo còn đang luận đối, chưa quyết định là khinh hay trọng, nên hoặc là khó chết, hoặc là khó lành. Mắt phàm tục của kẻ nam, người nữ không thể biện rõ việc đó.

Ở đây đức Phật nói với chúng ta, đây là nói rõ loại bịnh nghiệp chướng thứ nhất. Nằm liệt trên giường gối, cầu sống chẳng được cầu chết cũng không xong, là do nguyên nhân gì? Có tới mấy loại nguyên nhân. Một loại là oán gia chủ nợ của họ lúc đó thưa kiện với Diêm La Vương, họ đến đó biện luận, sự việc này còn chưa định án, nên bịnh này của họ chẳng thấy khoẻ hơn, đây là một loại, đích thật có. Loại thứ nhì 'hoặc khó chết', tức là việc tôi vừa nói kẻ ấy còn phước báo, chưa hưởng hết, phước báo của họ chẳng chịu xả, nếu họ chịu xả thì vấn đề sẽ được giải quyết nhưng họ chẳng chịu xả. Vẫn còn muốn hưởng phước tiếp nên chỉ còn cách nằm trên giường bịnh mà hưởng, họ chẳng chịu xả, chẳng buông xuống nổi, đây là một loại. Loại thứ ba là 'hoặc là khó lành', trong loại này nhất định có một số nguyên nhân sai khác, bịnh của họ chẳng lành nhưng cũng chẳng chết được. Người thế gian chúng ta thấy hiện tượng này nhưng không hiểu rõ nguyên nhân thật sự là gì, đây cũng là nghiệp báo và oán gia trái chủ đòi

nợ, trả nợ, chiêu cảm những duyên nghiệp này nên mới có những chuyện như trên phát sanh. Người thế gian chẳng có thiên nhãn, chẳng có túc mạng thông, chẳng biết chân tướng sự thật, nhưng có một nguyên tắc: Chỉ cần bạn tu phước là được. Tuy hết thảy những nguyên nhân gây bịnh này chẳng giống nhau, bạn tu phước chắc chắn sẽ có lợi ích. Phía sau là lời dạy chúng ta:

Đản đương đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền cao thanh chuyển độc thử kinh nhất biến.

Chỉ nên đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát lớn tiếng đọc tụng kinh này một biến.

Đây là dạy cho chúng ta phương pháp, trong Khoa Chú gọi là 'Tu phước thoát tội'. Đọc kinh có hiệu quả không? Chúng tôi đã gặp việc này, người nhà quyến thuộc của ông nọ lớn tiếng đọc kinh này trước [hình tượng] Phật, Bồ Tát coi có hiệu quả gì không? Kết quả là chẳng hiệu quả. Đừng nói đọc một lần, đọc mười lần, đọc một trăm lần, đọc một ngàn lần đều chẳng có hiệu quả. Mấu chốt quan trọng ở chỗ nào? Mấu chốt ở phương pháp đọc kinh, dùng tâm chân thành cung kính mà đọc, khi đọc kinh mà vẫn còn khởi vọng tưởng thì không được, chẳng có hiệu quả. Lần trước tôi kể cho quý vị chuyện của Thích Kế Quang không phải là rất rõ rồi sao. [Ông Quang] đọc kinh Kim Cang, kinh này rất ngắn, chỉ có năm ngàn mấy chữ, trong lúc đọc kinh có một chút xen tạp bèn chẳng có hiệu quả. Kinh dài như vậy, đọc một bộ nhưng có khởi lên một vọng niệm thì chẳng có hiệu quả nữa. Cho nên mở kinh ra đọc từ câu 'Như thị ngã văn' cho đến 'tín thọ phụng hành' đọc một lượt chẳng có một vọng tưởng nào cả thì mới có hiệu quả. Người thế gian vẽ bùa, ở Trung Quốc rất thịnh hành, bùa vẽ xong rất linh. Niệm chú, chú cũng rất linh. Linh ở chỗ nào? Linh ở chỗ 'Thành'. Tâm chân thành vẽ bùa ấy, người vẽ bùa biết, khi đặt bút vẽ một lá bùa thì chẳng sanh một niệm nào cả, tuyệt chẳng sanh một niệm thì lá bùa ấy sẽ linh. Lúc thường phải luyện tập, [tập] vẽ thật rành, đến lúc vẽ thật sự thì chẳng thể khởi lên một niệm, nếu khởi một niệm lên thì bùa ấy sẽ chẳng linh. Niệm chú cũng vậy, lúc niệm Chú Đại Bi có thể trị hết thảy bịnh, tại sao? Lúc niệm chú thì một niệm chẳng sanh. Đọc kinh cũng vậy, bộ kinh này đọc lên thì chẳng khởi lên một vọng niệm nào hết, đọc kinh như vậy sẽ linh, có ích lợi. Vừa đọc kinh, vừa khởi vọng tưởng thì làm sao được? Vậy thì chẳng linh, mấu chốt quan trọng ở chỗ này.

Nếu bạn hỏi tại sao người ta đọc bộ kinh này cho người ấy thì người ấy được lợi ích? Bạn suy nghĩ về trường hợp của cô Bà La Môn, cô Quang Mục đã được nói trong phần trước thì bạn sẽ hiểu. Người ấy được một phần bảy lợi ích, còn người đọc kinh sẽ được sáu phần bảy. Nếu chẳng vì người sanh bịnh thì kẻ ấy sẽ chẳng đọc kinh, sẽ chẳng chuyên tâm mà đọc, đạo lý là như vậy. Do vì nhân duyên người ấy sanh bịnh nên thành tựu cho công đức đọc kinh của bạn, họ được một phần, bạn đọc hai bộ thì họ được hai phần. Cho nên gặp con cái có hiếu thuận, gia thân quyến thuộc có hiếu, thì có thể tu hành theo phương pháp này, đạt được công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, đây là công đức lợi ích thù thắng nhất, đoạn kinh tiếp theo nói đến những công đức thua kém hơn. Một người trong một đời này có thể có mấy lúc chuyên tâm để đọc kinh, hy hữu khó gặp, đọc kinh như vậy là tự tánh quang minh hiển lộ. Thí dụ chúng ta trong vô minh đen tối, thời gian quá dài quá lâu rồi, niệm bộ kinh này giống như xẹt điện phóng ra một lần ánh sáng, trong vòng trăm ngàn năm hiếm có được một lần phóng ánh sáng, lần này được xẹt một luồng ánh sáng. Ánh quang minh lần này thật hiếm có, có một lần này thì sẽ có lần thứ nhì, có lần nhì thì sẽ có lần thứ ba.

Giống như Niệm Phật Đường hiện nay của chúng ta, mọi người đến đây niệm Phật một ngày, hoặc niệm một giờ, hai giờ, bạn sẽ cảm thấy khí phận ở Niệm Phật Đường rất đặc biệt, ở đó bạn dễ nhiếp tâm hơn. Cả đời bạn hiếm khi gặp được một, hai lần, bạn đích thân cảm nhận, tự mình thể nghiệm. Lúc thường chúng tôi giảng cho bạn nghe rất khó, bạn chẳng dễ thấu hiểu được. Bạn đích thân đến đây niệm vài ngày thì sẽ hiểu, sẽ cảm nhận được, đây là lợi ích chân thật. Bạn cảm nhận được thì bạn sẽ muốn thường đến niệm Phật, sẽ khơi dậy tâm niệm Phật của bạn, khởi lên hứng thú niệm Phật của bạn. Do đó công đức của Niệm Phật Đường sẽ rất lớn, đạo lý là như vậy, nói toạc ra thì cũng chỉ có một đạo lý mà thôi. Niệm Phật nhất định cũng phải dùng tâm chân thành mà niệm, chúng tôi thường nói: *"Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn"*, nhất định niệm đến khi tâm thanh tịnh của bạn khơi dậy, tâm thanh tịnh là chân tâm, vọng niệm mất hết, chân tâm hiện tiền, công đức ở chỗ này. Trong kinh đức Phật nói: *"Giữ tâm một chỗ, chẳng có chuyện gì không làm được"11**[11]***. Đây là khi bạn niệm bộ kinh này, niệm cả bộ kinh thì cũng phải một tiếng rưỡi đến hai tiếng đồng hồ, trong thời gian này bạn giữ tâm một chỗ nên có thể sanh lên hiệu quả lớn như vậy, đây là công đức hạng nhất. Đây là chính, phía dưới là phụ, là trợ duyên.

Hoặc thủ bịnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục bảo bối, trang viên xá trạch.

Hoặc lấy những vật ưa thích của người bịnh, hoặc y phục, đồ quý báu, vườn tược nhà cửa.

Đây là những vật của người bịnh, chẳng kể là nhiều hay ít, nhất định phải dùng để tu phước.

Đối bịnh nhân tiền, cao thanh xướng ngôn

Đối trước người bịnh mà lớn tiếng xướng lên.

Tu phước dùm phải cho người ấy biết. Đặc biệt là lúc người đang lúc lâm chung, nếu đầu óc họ còn tỉnh táo thì phải nhắc họ trong đời họ đã làm được bao nhiêu chuyện tốt. Lúc đó làm cho họ sanh tâm hoan hỷ, nhắc cho họ nhớ họ đã tu nhiều phước, sau khi mất đi họ sẽ sanh đến cõi tốt lành. Lời nhắc nhở này, phần nhiều gọi là khai thị, vô cùng quan trọng! Đừng nhắc đến những tội lỗi họ đã làm trong đời, nhắc những chuyện lỗi lầm trong giờ phút ấy thì họ sẽ sanh vào ác đạo, phải nhắc họ đã làm những chuyện tốt gì, những công đức gì. Cho nên lúc này nếu họ chưa tu phước, người thân trong nhà nên thay họ tu phước, phải nói cho họ biết.

Ngã mỗ giáp đẳng vị thị bịnh nhân đối kinh tượng tiền, xả chư đẳng vật, hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật, Bồ Tát hình tượng, hoặc tạo tháp tự, hoặc nhiên du đăng, hoặc thí thường trụ.

Chúng con, tên đó họ đó, xin vì người bịnh này mà đối trước kinh, tượng, thí xả những vật này để cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng Phật, Bồ Tát, hoặc xây dựng chùa tháp, hoặc cúng dầu thắp đèn, hoặc cúng vào Thường Trụ.

Coi tài vật của họ bao nhiêu, coi nhân duyên lúc đó, những chuyện này đều có thể làm, đều tu phước trong Tam Bảo, đây chẳng phải mê tín. Tu phước đức này, đây là việc người thế gian chẳng biết, người thế gian cứ cho rằng lấy tiền đi làm việc từ thiện

---

11[11] Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện

cứu tế, giúp những người nghèo khổ, công đức đó lớn, chẳng biết tu phước trong Tam Bảo rất thù thắng. Nói thật ra, ngày nay chúng ta, [thường nghe nói] "Người xuất gia, các hòa thượng quý vị đều gạt người", họ chẳng tin tưởng, cho nên việc này rất khó, rất khó. Nói lời thật họ chẳng tin, nói lời giả dối thì họ tin. Đây là lúc khẩn cấp, cả đời này chẳng có lúc nào quan trọng bằng lúc này, lúc này nếu đem tiền tài của họ đi làm việc cứu tế, làm những việc từ thiện thì được phước ít, đó là thật chẳng giả, phước báo nhỏ nhoi, chẳng thể chuyển nghiệp của họ. Tu phước trong Tam Bảo, hiến một đóa hoa, đốt một ngọn đèn, thật sự tiêu nghiệp chướng, thật sự được vô lượng phước.

Tại sao hiện nay tu phước trong Tam Bảo chẳng rõ ràng? Chẳng có cảm ứng rõ ràng như được ghi chép lại hồi xưa. Chẳng phải là không có đạo lý, đạo tràng đời xưa thật sự có người tu hành trong ấy, nên có cảm ứng rất rõ ràng. Hiện nay có rất nhiều đạo tràng chẳng đúng như pháp, những người trú trong đạo tràng tu học chẳng đúng như pháp, họ còn tạo thị phi, nhân ngã hằng ngày, vẫn tạo tham, sân, si, mạn, cho nên tu phước ở chỗ đó không phải là không có phước, phước chẳng rõ ràng, chẳng hiện ra, nói cách khác, đời này chẳng được phước, đạo lý là như vậy. Nếu đạo tràng này chân chánh có người tu đạo, tu đạo tiện lợi nhất là có người niệm Phật chân chánh. Người niệm Phật này là người như thế nào? Hết thảy thân tâm thế giới đều thật sự buông xuống, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Có một người như vậy, bạn tu phước ở đạo tràng đó thì công đức sẽ thù thắng vô cùng. Vì người này tương lai nhất định sẽ vãng sanh, vãng sanh sẽ thành Phật, bạn ở đó thắp một cây nhang, đốt một ngọn đèn đều có công đức chân thật, bạn thật sự cúng Phật. Do đó việc tu phước hiện nay, chúng ta phải nhận rõ ruộng phước, ruộng phước chân chánh sẽ được phước vô cùng rõ ràng, chúng ta hiểu được đạo lý này thì tốt lắm.

Ở đây nêu lên vài việc. Duyên tu phước trong Tam Bảo rất nhiều, rất rộng, nêu những thí dụ này là thường thấy nhất, mọi người đều hiểu được. 'Cúng dường kinh tượng', kinh là kinh điển Phật, tượng là hình tượng Phật, Bồ Tát. Cúng dường kinh tượng, cúng dường như thế nào? Tài cúng dường và pháp cúng dường chẳng khác nhau, do đó tài cúng dường chính là pháp cúng dường. Giống chúng ta hiện nay in kinh, thời đại hiện nay ngoài việc in kinh ra, ngoài việc dùng kinh điển để hoằng pháp, chúng ta còn có băng thâu âm, thâu hình, CD, nhiều cách thức hơn thời xưa rất nhiều. Tiền bạc của chúng ta dùng trên những chuyện này, đều là cúng dường kinh tượng, kinh điển tượng Phật tùy theo khoa học kỹ thuật mà lưu thông. Như VCD hiện nay có hình ảnh, mạng lưới điện toán quốc tế sau này cũng có hình ảnh; người ta vừa mở màn ảnh lên thì thấy tượng Phật trước, sau đó mới coi đến bài giảng, nghe kinh, mạng lưới điện toán ấy có đầy đủ Tam Bảo. Khi bạn mở lên, nhìn thấy tượng bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật trước tiên, chúng ta tu Tịnh Độ thì sau đó nhìn thấy Tây Phương Tam Thánh, Liên Trì hải hội, chúng ta có ba bức hình, sau khi xem xong rồi mới bắt đầu giảng kinh. Như vậy tức là cúng dường kinh tượng.

'Hoặc tạo hình tượng Phật, Bồ Tát'. Chúng ta xây Niệm Phật Đường, trong ấy có cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát, cúng dường Tây Phương Tam Thánh. Có khả năng thì tự mình tạo một bức, phía trước đã nói, nặn đúc, khắc gỗ, bằng vàng, bạc, đồng, sắt đều được, dựa trên khả năng tiền bạc của mình. Nếu nhiều tiền, tạo tượng vàng, bạc, đồng, sắt sẽ có thể giữ được lâu dài. Còn tượng nặn đúc bằng đất sét, khắc gỗ chẳng giữ được lâu bằng tượng kim loại. Bạn truyền được càng lâu xa, sức ảnh hưởng càng lớn, công đức càng lớn, được phước là từ chỗ này mà nói. Tượng Phật trong thế gian là phẩm vật nghệ thuật cao độ, vàng bạc đồng sắt hợp lại thành hợp kim, thời xưa dùng cách này đúc tượng rất nhiều, là tượng tạo bằng hợp kim, thường là đồng nhiều nhất, trong đó cũng có bạc, vàng. Tạo tượng, phía trước đã nói bất luận hình

tượng Bồ Tát lớn nhỏ, công đức đều giống nhau. Nếu đạo tràng này, trong đạo tràng quan trọng là mỗi ngày đều có giảng kinh thuyết pháp, làm cho những tín đồ đến đó đều hiểu được ý nghĩa tiêu biểu pháp của hình tượng Phật, Bồ Tát, họ được lợi ích nhiều nhất. Giống chúng ta cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát tiêu biểu cho hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, nhìn thấy tượng này liền nghĩ đến mình phải hiếu thuận cha mẹ, nhắc nhở hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, bạn nói công đức này bao lớn! Nếu chẳng có hình tượng này thì quên mất. Quán Thế Âm Bồ Tát tiêu biểu cho đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn; khi thấy chúng sanh khổ, bạn dùng tâm từ bi để giúp đỡ họ, hình tượng Phật, Bồ Tát nhắc nhở bạn từng giờ, từng phút, công đức của hình tượng là như vậy. Nếu không hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp thì đó là mê tín. Mê tín cũng được, một khi lọt vào nhãn căn, vĩnh viễn là hạt giống đạo, trong A Lại Da thức có hình tượng của Phật, Bồ Tát, nhưng công đức lợi ích chân thật sẽ chẳng ở đời này. Lúc nào hiểu rõ thì công đức lợi ích ấy sẽ khởi lên, nếu họ không hiểu thì công đức lợi ích này sẽ vĩnh viễn chứa đựng trong A Lại Da thức, chủng tử ấy rất quý.

'Tháp tự', khả năng tiền tài còn lớn hơn nữa. 'Tháp' là nơi giữ xá lợi, chứa xá lợi Phật; 'Tự' là nơi hoằng dương Phật pháp. Ý nghĩa của 'Tự' chúng ta cũng phải hiểu rõ. Thời xưa chỗ làm việc của vua chúa gọi là 'Tự', dùng danh xưng này, do đó 'Tự' là nơi làm việc. Ý nghĩa là gì? Ý nghĩa là tiếp nối chẳng gián đoạn, đời đời có thể truyền mãi về sau, Tự có ý nghĩa như vậy. Nói cách khác cơ quan này là một cơ cấu vĩnh cửu, chẳng phải lâm thời, phải truyền tông tiếp nối, đời đời truyền mãi về sau, cơ cấu vĩnh viễn, gọi là Tự. Cho nên Tự là nơi làm việc, hoàn toàn khác với 'Miếu', miếu là để tế thần, tế quỷ thần, Tự là nơi làm việc. Hiện nay mọi người không hiểu ý nghĩa này, coi Tự như Miếu, hiện nay đọc đến, nhìn đến chữ này đều nghĩ sai hết, chẳng có cách gì cả, chúng ta không thể không sửa đổi. Do đó ngày nay đạo tràng chúng ta dùng danh từ 'Học Hội', dùng danh từ hiện đại, làm cho người ta nhìn thấy chẳng đến nỗi mê hoặc. Ngày nay chúng ta cũng dùng danh từ 'Tự', người ta vừa nhìn thì nghĩ đây là tôn giáo, vậy là mê tín. Chẳng hiểu ý nghĩa vốn có, do đó nhất định phải giảng kinh thuyết pháp, giảng kinh thuyết pháp thì nhất định phải lên lớp.

'Hoặc đốt đèn dầu', đèn dầu tiêu biểu cho quang minh, nhất định phải hiểu ý nghĩa. Nhìn thấy đèn thì phải nghĩ tâm địa của mình phải quang minh, không những tâm địa phải quang minh, mà còn phải xả mình vì người. Đèn dầu là thiêu đốt chính mình soi sáng kẻ khác, đèn dầu tiêu biểu việc này. Cúng Phật cúng đèn dầu, chẳng phải Phật muốn có đèn, đèn là tiêu biểu pháp. Đèn dầu, đèn cầy tiêu biểu pháp vô cùng rõ ràng, thiêu đốt chính mình, soi sáng kẻ khác. Vì xã hội, vì chúng sanh, xả mình vì người, chúng ta phải phục vụ, tận tâm tận lực đi làm, tuyệt chẳng cầu báo đáp. Nếu nói báo đáp thì bạn chẳng phải học Phật, bạn chẳng phải phục vụ chúng sanh, bạn mua bán giao dịch. Đây là Phật dạy chúng ta, nếu mỗi người đều có tâm nguyện này, đều có ý thức chung này, thì đương nhiên thế giới sẽ yên ổn lâu dài, tự nhiên sẽ hưng vượng phồn vinh, mọi người đều sinh sống hạnh phúc. Nếu ai nấy đều chẳng vì mình, đều vì đại chúng, vì xã hội, thế giới mới hòa bình, đẹp đẽ. Ai đi làm? Phật, Bồ Tát dẫn đầu, chúng ta là đệ tử Phật làm theo. Do đó trong Phật pháp chẳng cho có ý tứ về Ta, đạo lý là gì? Ý tứ về Ta là ý tứ của lục đạo luân hồi, có ý tứ về Ta thì có ngã chấp, ngã chấp biến hiện ra cảnh giới lục đạo luân hồi. Vô ngã thì lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn; có ngã (có Ta) thì có lục đạo luân hồi. Phật giáo là pháp chân thật, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay mê đắm trong sanh tử lục đạo, Phật lay tỉnh chúng ta, dạy chúng ta phải giác ngộ. Chân chánh giác ngộ thì Ngã chẳng còn nữa, bạn mới có thể thoát lìa Tam Giới, lục đạo, chẳng còn Ta nữa.

Cho nên tôi khuyên mọi người, đừng có Ta, chúng ta sống trên thế giới này để làm gì? Để diễn kịch. Diễn cách nào? Kinh điển chính là kịch bản, y theo kịch bản mà

diễn thì sẽ chẳng có ý niệm về Ta. Chiếu theo kịch bản, kịch bản dạy chúng ta làm như thế nào, hoàn toàn y theo kịch bản để diễn kịch. Hết thảy kinh do Phật nói đều là kịch bản, Phật diễn theo bản kinh ấy, Bồ Tát diễn theo bản kinh ấy, do đó họ trên thế gian này gọi là du hý thần thông. Nếu bạn hỏi các ngài có ý tứ về tự kỷ (về Ta, về mình) không? Chẳng có. Kinh do Phật nói ra, đó có phải là ý tứ của Phật không? Không phải. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã phủ nhận, Phật chẳng giảng kinh, chẳng có ý tứ của riêng mình. Vậy kinh điển rốt cuộc là gì? Kinh điển là trong tự tánh vốn sẵn như vậy. Thế nên chúng ta sinh sống như vậy là sống đời sống của tự tánh vốn có, đời sống vốn có của tự tánh tức là đời sống của Phật, Bồ Tát, làm gì có ý tứ về mình. Vĩnh Gia đáp Lục Tổ rất hay 'Phân biệt cũng chẳng có Ý', chấp trước cũng chẳng có ý; phân biệt, chấp trước chẳng phải ý tứ của mình, ý tứ gì? Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chúng sanh phân biệt như thế nào, thì tôi noi theo phân biệt như vậy; chúng sanh chấp trước như thế nào thì tôi noi theo chấp trước như vậy; tự tôi chẳng có phân biệt và cũng chẳng có chấp trước, do đó phân biệt, chấp trước đều chẳng có ý, như vậy tự tại biết bao! Vô ngã, vô ngã thì sẽ chẳng có sanh tử, tất cả đều là biểu diễn, là diễn kịch. Phải hiểu đạo lý này, đây mới là chân tướng sự thật của nhà Phật, và cũng là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh. Nếu bạn chẳng chịu diễn kịch thì sẽ phải trôi lăn trong lục đạo luân hồi. Phật, Bồ Tát du hý thần thông, chúng ta học Phật cũng phải học du hý thần thông theo. Do đó hiểu được nghĩa thú của từng chữ, từng câu tiêu biểu pháp, chúng ta trong đoạn kinh văn này, câu kinh văn này phải nên học tập như thế nào, làm sao áp dụng trong đời sống, đạt được thọ dụng chân chánh.

'Hoặc thí thường trụ', 'thường trụ' dùng cách nói hiện nay tức là tiền quỹ (chi phí) trong đạo tràng, trong đạo tràng thường thường có những phí tổn này. Nhu cầu cần thiết cho đời sống của người tu đạo, tứ chúng đồng tu, đây thuộc về thường trụ, đây là công đức chân thật. Xã hội đại chúng hiện nay còn chưa rõ ràng, cái này có thể chậm được, chúng ta là những đồng tu đã học Phật, người trong tứ chúng đệ tử không thể không biết, không giảng rõ ràng, không giảng rành rẽ. Chỉ khi bạn rõ ràng, rành rẽ rồi, chúng ta mới có thể dẫn đầu đi làm, mới chịu đi làm, tín tâm nghị lực kiên định, nhất định không bị lay động. Chú giải của ngài rất hay, tạo tượng, thì trích dẫn 'Tạo Tượng Phước Báo Kinh'; trong 'Tạp Bảo Tạng Kinh' nói đến công đức xây chùa; trong 'Thí Đăng Kinh' nói đến công đức đốt đèn, chư vị có thể tự coi lấy. Xin xem phần kinh văn tiếp theo:

Như thị tam bạch bịnh nhân, di lịnh văn tri

Xướng lên như vậy ba lần để cho người bịnh được nghe biết.

Đây là lúc bịnh nhân còn tỉnh táo, còn hiểu được, phải nói với họ ba lần, đây là thêm cho mạnh, cho họ nhớ thêm sâu đậm. Nếu lúc người bịnh thật sự bịnh nặng, phải làm sao? Phải nói cho họ nghe vài lần mỗi ngày, để cho họ có ấn tượng rất sâu đậm, việc này rất quan trọng! Làm cho họ biết mình đã làm một số chuyện tốt, công đức lợi ích, sẽ giúp rất nhiều đối với cõi họ sanh đến sau khi mất. Đây là lúc kẻ ấy còn tỉnh táo. Phía dưới nói:

Giả linh chư thức phân tán, chí khí tận giả

Giả sử các thức [của người bịnh] đã phân tán, đến hơi thở đã dứt

'Chư thức phân tán' nghĩa là bất tỉnh nhân sự, lúc đó nếu bạn nói với họ, họ chẳng có phản ứng. Phía trước nói lúc ý thức của họ chưa phân tán, khi bạn nói với họ, họ gật đầu, họ biết. Nếu lúc tinh thần càng tốt hơn nữa, họ cũng hiểu, cũng sẽ nói họ hoan hỷ. Đến khi thể lực vô cùng suy yếu, chẳng thể nói chuyện, nếu họ hiểu thì sẽ gật

đầu, ra ám thị cho bạn. Đến lúc các thức đều phân tán, thì họ chẳng có tri giác, không có tri giác vẫn phải nói, đến khi tắt thở.

Nãi chí nhất nhật, nhị nhật, tam nhật, tứ nhật, chí thất nhật dĩ lai

Trong vòng một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày

Tức là bảy ngày sau khi người đó tắt thở, vẫn phải thường thường nói với người đó, tại sao? Sợ A Lại Da thức của người đó chưa lìa khỏi, như vậy chỉ có lợi ích, chẳng có thiệt hại.

Đản cao thanh bạch, cao thanh độc kinh.

Cứ lớn tiếng xướng bạch và lớn tiếng tụng kinh này

Mỗi ngày đọc kinh, đọc một biến, hoặc hai biến. Lúc đọc kinh nhất định ghi nhớ phải dùng tâm chân thành, tâm cung kính, nhất định phải chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Chẳng gián đoạn là một lần phải đọc trọn bộ kinh, đừng chia ra nhiều đoạn. Phân chia ra nhiều đoạn thì sẽ xen tạp, hiệu quả sẽ thấp, thì sẽ kém rất nhiều. Lúc đọc kinh nhất định phải đừng bị bất cứ chuyện gì khuấy nhiễu, điểm này rất quan trọng. Nếu đọc kinh ở nhà, việc dễ khuấy nhiễu nhất là điện thoại, lúc đọc kinh thì tốt nhất nên tháo dây điện thoại ra, đừng để bất kỳ người nào khuấy nhiễu bạn, lúc đọc cứ bị gián đoạn hoài, cách đọc kinh như vậy là giúp bạn làm quen, làm cho chúng ta đọc kinh từ từ trở nên quen thuộc, trong thời gian luyện tập, chẳng có tác dụng gì lớn lắm. Đọc kinh cần phải không xen tạp, không gián đoạn, cũng giống như giao chiến, chẳng phải là luyện tập, nhất định yêu cầu phải được công đức, hiệu quả chân thật. Do đó phải biết lúc bình thường tập luyện lại là một chuyện khác. Bình thường đọc nhiều là để tập cho quen, lúc đó gián đoạn thì không sao, có chuyện phải làm, lúc rảnh rỗi thì đọc một đoạn, thường đọc thì sẽ quen thuộc hơn. Sau khi quen thuộc, tới khi 'tu hành' chân chánh thì lúc đọc kinh mỗi ngày nhất định không thể bị khuấy nhiễu.

Đọc kinh, lúc trước tôi đã từng nói với chư vị nhiều lần, Giới Định Huệ Tam Học hoàn thành cùng lúc; việc đọc kinh này cũng là Giới Định Huệ Tam Học hoàn thành cùng lúc, do đó việc này thuộc về công phu tu hành, công đức tu học, chẳng giống với đọc kinh lúc bình thường. Do đó có thể biết lợi ích của sự đọc kinh này còn lớn hơn công đức giảng kinh. Giảng kinh nói thật ra là tu phước, chẳng phải công đức; đọc kinh là công đức, giảng kinh là phước đức. Trong công đức có phước đức, đó là một cảnh giới khác, cổ đức thường nói 'tùy văn nhập quán', đó là công đức. Bạn giảng đoạn kinh văn này, thật sự nhập vô cảnh giới, đó là công đức; nếu chẳng nhập vào cảnh giới này thì là phước đức. Do đó có thể biết, [công đức hay phước đức là] ở tại cá nhân mỗi người.

Thị nhân mạng chung chi hậu túc ương trọng tội, chí ư ngũ vô gián tội vĩnh đắc giải thoát sở thọ sanh xứ thường tri túc mạng.

Sau khi người ấy mạng chung, dù từ trước có tội nặng, thậm chí năm tội Vô Gián, cũng được thoát khỏi hẳn, thọ sanh nơi nào cũng thường nhớ biết việc đời trước.

Lợi ích này quá lớn, quá lớn! Chân chánh chẳng thể nghĩ bàn, rất nhiều người đọc kinh Địa Tạng, nói lợi ích lớn như vậy của kinh, tạo tội nghiệp cực nặng, hình như niệm một bộ kinh bèn có thể làm cho họ thoát khỏi tội nghiệp Ngũ Vô Gián, quá dễ nên chẳng có người tin. Bạn chẳng tin, lúc bạn đọc kinh này vẫn còn hoài nghi, vẫn còn vọng tưởng khởi lên, lại còn xen tạp cho nên chẳng được hiệu quả, càng tin tưởng kiến giải này của mình là chẳng sai. Đều cho rằng công đức lợi ích nói trong kinh Phật quá khoa trương, hình như nhằm khuyên người ta đọc, trên thật tế chẳng đạt được lợi ích này. Đây là tâm phàm phu, phàm phu vọng tưởng đo lường tri kiến của Phật, Bồ Tát

nên sanh ra lỗi lầm rất lớn. Chúng ta phải biết tội, phước đều ở tại một niệm, một niệm bạn chuyển đổi trở lại thì từ địa ngục chuyển đến cảnh giới của Phật, pháp môn Tịnh Độ bình đẳng thành Phật chính là đạo lý này. Chúng sanh ở địa ngục A Tỳ chỉ xưng một câu 'Nam mô A Di Đà Phật' đều có thể thành Phật, mấu chốt ở chỗ cái tâm ấy phải chuyển trở lại. Tâm cực ác chuyển thành tâm thanh tịnh cùng cực, nếu bạn hỏi có thể chuyển trở lại hay không? Có thể. Trên lý luận là nhất định có thể, tại sao? Vọng niệm là giả, vọng tưởng là giả. Mã Minh Bồ Tát nói rất hay: *"Chẳng giác vốn không, Bổn giác vốn có"*, vậy thì làm sao chuyển trở lại không được? Chẳng giác tức là vọng niệm, A Tỳ địa ngục là chẳng giác, chẳng giác vốn không, chỉ cần bạn thật sự giác ngộ triệt để, 'vốn là không' phút chốc bèn xả bỏ sạch sẽ, phút chốc bèn đoạn dứt hết, cái 'vốn có' lập tức liền khôi phục. Cho nên từ A Tỳ địa ngục siêu sanh đến Phật quả viên mãn, đều ở trong một niệm, vấn đề là bạn có thể trong một niệm chuyển trở lại hay không? Việc này có lý luận căn cứ, chẳng phải là tùy tiện nói. Đọc bộ kinh này chân chánh làm được không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, một hơi niệm cho hết, trong một niệm này bèn chuyển thành Phật đạo. Do đó trong một niệm ấy có giới, định, huệ viên mãn, dùng công đức này để siêu độ người nghiệp chướng sâu nặng thì họ có được lợi ích thật sự.

Những việc nói ở đây 'sở thọ sanh xứ thường tri túc mạng', công đức của người đọc kinh quá lớn, chẳng chỉ có như nói ở đây 'sở thọ sanh xứ', hoặc sanh đến nhân gian, hoặc sanh đến cõi trời, những sự siêu độ này, cao nhất chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi, tại sao? Dựa vào phước của người khác, hưởng phước của người khác, chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi; nếu tự mình tu hành thì không chỉ như vậy thôi. Cho nên những gì chúng ta từ xưa đến nay nhìn thấy, Bảo Chí Công siêu độ cho phi tử của Lương Võ Đế đến trời Đao Lợi, Bảo Chí Công là Quán Âm Bồ Tát tái lai. Mọi người hiện nay tụng Lương Hoàng Sám, Sám nghĩa của Lương Hoàng Sám là Bảo Chí Công siêu độ phi tử của Lương Võ Đế, sanh lên trời Đao Lợi. Chúng ta ở đó thấy cô Quang Mục, cô Bà La Môn siêu độ người nhà của họ thì cũng sanh lên trời Đao Lợi, phước báo lớn nhất cũng chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi. Phía trên trời Đao Lợi phải nhờ công phu tu hành của chính mình, nếu tự mình chẳng có công phu tu hành mà nhờ vào phước báo của người khác thì không được, phước chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi, trời Tứ Vương, trời Đao Lợi.

'Sở thọ sanh xứ thường tri túc mạng', biết túc mạng (biết việc đời trước) có ích lợi, ích lợi rất lớn, biết được chân tướng sự thật của nhân duyên quả báo. Người biết túc mạng nhất định sẽ chẳng dám tạo ác nghiệp vì họ biết làm ác có ác báo, làm thiện có thiện báo, họ sẽ đoạn ác tu thiện, họ biết hết lòng đi làm những chuyện tích công lũy đức, cho nên biết túc mạng có lợi điểm như vậy. Do đó có thể biết tu hành phải thừa lúc mình còn khoẻ mạnh, lúc còn sức lực, hết lòng đi làm, thật sự tu công đức viên mãn của mình, mà chẳng phải được một phần bảy; đây là việc người khác tu [dùm cho mình] thì mình chỉ được một phần bảy.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cảm ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 23 (Số 14-12-23)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 49, xin xem kinh văn:

Hà huống thiện nam tử, thiện nữ nhân tự thư thử kinh, hoặc giáo nhân thư, hoặc tự tố họa Bồ Tát hình tượng, nãi chí giáo nhân tố họa, sở hữu quả báo tất hoạch đại lợi

Huống chi là người thiện nam, người thiện nữ tự biên chép kinh này, hoặc bảo người biên chép, hoặc tự mình đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát, cho đến bảo người khác đắp vẽ, thì quả báo mà người đó được ắt sẽ có lợi ích lớn.

Phía trước nói về người thân, quyến thuộc, bạn bè trước lúc họ lâm chung, dùng tài vật của họ, thay họ tu phước, họ sẽ được phước báo vô cùng thù thắng. Nếu lúc mình còn khỏe mạnh có thể tu phước báo cho chính mình, vậy thì quả báo đương nhiên càng thù thắng, đây nói về Lý này. 'Huống chi người thiện nam, người thiện nữ', 'thư' là viết, chép, thời xưa kỹ thuật ấn loát còn chưa phát minh, hơn phân nửa kinh sách và hình tượng Phật, Bồ Tát đều được chép và vẽ. Chép một bộ kinh, thì thế gian có thêm một bộ kinh điển, có thể vì chúng sanh làm tăng thượng duyên cho Phật pháp, cho nên công đức này rất lớn. Đức Phật chẳng còn tại thế, Phật pháp có thể trụ thế lâu dài thì nhất định phải nhờ kinh điển, kinh điển phải có người hộ trì, lưu thông; công đức lưu thông kinh điển, hộ trì Phật pháp trong thế gian và xuất thế gian đích thật là hạng nhất. Vì chỉ có Phật pháp mới có thể làm cho chúng sanh giác ngộ, có thể làm cho chúng sanh phá mê, phá mê khai ngộ mới có thể được vô lượng phước báo. Đức Phật thành thật nói với chúng ta, phước báo chân thật của hết thảy chúng sanh vốn đã có sẵn trong tự tánh, nhưng nếu bạn không giác ngộ thì tự tánh bạn bị che lấp. Tuy có phước báo, cũng giống như kho tàng vậy, ẩn kín trong núi sâu, chôn vùi dưới lòng đất, tuy có nhưng bạn chẳng dùng được. Nhà của bạn xây trên mỏ vàng, phía dưới là mỏ vàng vô tận, nhưng bạn chẳng lấy dùng mà vẫn phải chịu quả báo nghèo khổ, bạn chẳng thọ dụng được. Cho nên Phật pháp dạy bạn khai trí huệ, khai phát kho tàng trong tự tánh của bạn, phước báo ấy chẳng cùng tận.

Phật pháp dạy bạn tu phước, duyên do của việc tu phước là gì? Do bạn còn chưa kiến tánh. Khi chưa kiến tánh, nếu muốn hưởng phước báo thì phải làm sao? Phải nhờ 'tu'. Phước nhờ 'tu' có được chẳng phải của tự tánh, [phước trong] tự tánh mới chẳng cùng tận. Như chúng ta thấy cõi Cực Lạc nói trong kinh Tịnh Độ, đó là phước báo của tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói đến Hoa Tạng thế giới của đức Phật Tỳ Lô Giá Na cũng là phước báo của tự tánh. Chư vị phải biết nếu chúng ta phá mê khai ngộ, minh tâm kiến tánh, y báo chánh báo trang nghiêm giống như thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng sẽ hiện ra. Đương nhiên nói thì dễ, thật sự làm được rất khó, lúc chúng ta chưa kiến tánh mà muốn được phước, phương pháp duy nhất là phải 'tu', bạn tu nhiều thì phước báo của bạn sẽ lớn, bạn tu ít thì phước báo của bạn sẽ nhỏ.

Tu phước trong nhà Phật là thù thắng nhất nhưng chúng ta phải có trí huệ, biết rõ. Trong kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn nói thời Mạt Pháp chúng ta, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, đây là để nhắc nhở chúng ta, trong thời kỳ này có Phật pháp giả, có Phật pháp giả mạo. Trồng phước trong Phật pháp giả thì khá khó khăn. Không phải là nói không có, trên lý luận thì vẫn có! Nhưng bạn chẳng thọ dụng được. Chỉ gieo trồng hạt giống trong A Lại Da thức, đến lúc nào mới có thể hưởng thọ được, quá khó. Trong kinh có thí dụ, vô lượng kiếp sau mới có thể hưởng thọ được. Nếu chúng ta trồng phước, ngay hiện giờ liền có thể hưởng thọ, bất luận là chúng xuất gia, tại gia, tu hành

chân chánh, cúng dường [họ thì chúng ta] liền có phước. Cho nên mọi người cũng đừng có thành kiến, nhất định đối với chúng xuất gia thì chúng ta mới cung kính, còn chúng tại gia thì thua một bậc, thế gian thường có phân biệt sai lầm như vậy. Nhất định phải hiểu, trong nhóm đồng tu tại gia cũng có người tu hành rất nghiêm túc, chư Phật, Bồ Tát thị hiện thân phận tại gia cũng rất nhiều, nhất định phải hiểu đạo lý này. Phàm những người tốt, người thiện, người hiền có sức ảnh hưởng nhất định đối với xã hội, địa phương, phong tục, giáo hóa, chúng ta đều nên cúng dường, nên học theo họ, như vậy mới đúng.

Tự mình chịu chép kinh, hiện nay chẳng cần chép kinh, hiện nay kỹ thuật ấn loát phát triển, khoa học kỹ thuật phát triển thì in kinh là được rồi. Chúng ta lựa bản in nào tốt, bản chú giải tốt, rồi ấn loát lưu thông với số lượng nhiều, nên hiện nay tu phước đích thật tiện lợi hơn người xưa rất nhiều. Người hiện nay tu phước chẳng được quả báo bằng người xưa, đó là vì nguyên nhân khác. Nguyên nhân đó là gì? Tâm địa chẳng kiền thành, chẳng cung kính, chẳng khẩn thiết, làm thì làm nhiều hơn người đời xưa, phước thì được ít hơn người xưa, đây chính là lời dạy của Ấn Quang pháp sư: *"Có một phần thành kính thì được một phần lợi ích, mười phần thành kính thì được mười phần lợi ích"*. Chuyện của người hiện nay chúng ta làm vượt trội hơn người xưa không chỉ gấp trăm lần, ngàn lần, nhưng chẳng được phước bằng người xưa. Đó là vì người xưa có một trăm phần thành kính, hiện nay chúng ta chỉ có một, hai phần thành kính, do đó phải hiểu đạo lý này. Nếu chúng ta có tâm thành kính giống như người đời xưa, hiện nay tu phước chắc chắn sẽ vượt trội người xưa trăm lần, ngàn lần, sẽ được phước báo gấp trăm lần, ngàn lần, điều này không thể không biết. Cho nên [chúng ta] có rất nhiều cơ hội trước mặt mà bỏ lỡ, thiệt là đáng tiếc! Đây là nói về việc lưu thông kinh điển.

Phía dưới là việc đúc tạo tượng Phật, hiện nay đúc hình tượng Phật, Bồ Tát rất thuận tiện, hiện nay có thể làm khuôn, làm khuôn xong có thể đúc mấy ngàn tượng, mấy vạn tượng Phật với chi phí thấp. Hiện nay [mọi việc đều] cơ giới hóa, thời xưa phải dùng tay nghề khéo léo. Còn việc vẽ tranh, ấn loát cũng rất thuận tiện. Thế nên chúng ta phải biết làm sao có thể theo kịp những đại đức thời xưa, phải có tâm chân thành cung kính, tâm khẩn thiết đem lại lợi ích cho chúng sanh, thì bạn sẽ được ích lợi to lớn, 'sở thọ quả báo, tất hoạch đại lợi'. Chúng ta tự làm, dạy người khác làm, nếu tự mình chẳng có nhân duyên, điều kiện chẳng đủ thì chúng ta khuyên người khác làm cũng được lợi ích rất lớn.

Chúng ta coi Chú Giải trang 50, hàng thứ nhất, Thanh Liên pháp sư dẫn chứng một đoạn trong kinh Niết Bàn, đoạn này rất quan trọng! Tôi đọc một lần, mọi người hãy nghe. Kinh Niết Bàn nói: *"Ư ác thế trung, thư tả kinh quyển' (Trong đời ác, biên chép kinh)*, chúng ta hiện nay nói chuyện in kinh, *'diệc khuyến tha nhân lịnh đắc thư tả, cụ túc năng giải, tận kỳ nghĩa vị' (cũng khuyên kẻ khác biên chép, đầy đủ có thể hiểu rõ tận cùng nghĩa vị)*, không những tự mình lưu thông kinh sách, đối với ý tứ nói trong kinh sách cũng có thể thông đạt, có thể hiểu rõ, đó là chép kinh. 'Tố họa hình tượng', phía sau nói về tạo tượng, tạo tượng bằng cách nặn cũng được, bằng cách vẽ cũng được. Trong kinh Tạo Tượng dạy 'Tạo hình tượng Phật, Bồ Tát, phước ấy vô lượng, vô cùng tận, chẳng thể tính đếm'. Hai đoạn nhỏ này đều là đoạn trích trong kinh, quả báo, phước đức thật sự là vô lượng vô biên. Trong kinh nói 'cụ túc năng giải, tận kỳ nghĩa vị', hai câu này rất quan trọng, khi bạn thật sự hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ sự thật quả báo thì bạn mới chịu làm hết lòng, dùng tâm chân thành cung kính mà làm, chẳng hoài nghi.

Phật pháp trong xã hội hiện nay đích thật đã suy thoái, tại sao lại suy thoái? Chẳng có thiện tri thức răn dạy, tuy kinh điển lưu thông rất nhiều, chẳng có người giảng giải. Bạn chỉ đọc tụng, chẳng hiểu rõ, họ cũng hiểu được tạo tượng rất tốt, cũng phát tâm tạo tượng, nhưng khi gặp một số ác tri thức nói: 'Bạn làm như vậy là mê tín, làm

như vậy chẳng có công đức', nghe xong thì người ấy rất dễ thoái tâm. Nếu ác duyên này rất rộng lớn, gặp được một người nói như vậy, gặp hai người cũng nói như vậy, gặp bốn năm người cũng nói như vậy thì lòng tin của người đó sẽ bị lay chuyển. Có thể nào gặp nhiều người cùng nói giống như vậy không? Rất có thể. Đức Phật nói [đời Mạt pháp] 'tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng', bạn gặp mười người, tám người cũng đâu có gì lạ. Gặp được một trăm, một ngàn người đều nói như vậy thì bạn phải làm sao? Đến lúc ấy rốt cuộc chúng ta tin lời đức Phật nói hay tin lời mọi người? Nhất định phải hiểu nghĩa kinh, việc này rất quan trọng! Cho nên chúng ta hiểu rồi, chúng ta có nghĩa vụ tuyên dương, có nghĩa vụ đem ý nghĩa chân thật trong kinh Phật, chẳng sợ phiền toái mà giảng giải cho người ta nghe. Giúp người giác ngộ, củng cố lòng tin, tâm nguyện của họ, thành tựu cho phước đức lợi ích của họ, đây là vì muốn cho họ tốt.

Trong Phật pháp hết thảy đều vì chúng sanh, quyết chẳng vì mình. Chư Phật, Bồ Tát tuyệt chẳng có thành kiến, tuyệt chẳng có ý tứ về mình, đức Phật giảng hết thảy kinh có ý tứ của mình trong đó không? Chẳng có. Đức Phật Thích Ca thuyết pháp bốn mươi chín năm, chẳng có câu nào, chữ nào là ý tứ của riêng mình. Nếu biết là ý tứ của riêng mình thì đó là phàm phu, phàm phu mới có riêng mình, riêng mình là ngã chấp cứng chắc. Ngã chấp chẳng phá được thì vẫn là phàm phu lục đạo luân hồi, họ làm sao có thể thuyết pháp? Đức Phật đoạn dứt hết cả hai Ngã Chấp và Pháp Chấp, ngài làm gì có Ta, làm gì có ý về 'Ta'. Đã chẳng có Ta, chẳng có ý tứ của Ta, kinh Phật được nói như thế nào? Nói thật ra, vừa mở cuốn kinh câu thứ nhất liền nói với bạn 'Như thị ngã văn', ý của bốn chữ này là tự tánh tỏ lộ ra, vậy mới gọi là 'như thị'. 'Như thị' là từ chân như tự tánh tuôn trào ra, chân như tự tánh chúng sanh và Phật bình đẳng. Kinh Phật từ tự tánh tuôn trào ra, nói cách khác, cũng tuôn trào từ tự tánh của chúng ta, là sự việc như vậy. Do đó nó chân thật, chẳng hư dối, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tương lai khi chúng ta minh tâm kiến tánh, Phật pháp thường nói 'chứng', trong 'tín, giải, hành, chứng', bạn 'chứng' cái gì? Chứng minh hết thảy kinh Phật nói đều từ tự tánh của mình tuôn trào ra, vậy gọi là chứng quả. Tự tánh của Phật và tự tánh của mình chẳng khác, là một chẳng phải hai, chứng minh việc này. Sanh Phật bất nhị, chúng sanh và Phật chẳng hai, đều là một.

Đức Phật đã kiến tánh, chúng ta hiện nay chưa kiến tánh, chúng ta nghe lời Phật dạy tức là thuận theo tự tánh, tuyệt chẳng phải bị đức Phật Thích Ca xỏ mũi dẫn đi. Bạn y giáo phụng hành là tánh đức của tự tánh hiển lộ, lời răn dạy của đức Phật mới đạt đến mức cao minh chân chánh, thật sự đạt đến chí thiện, viên mãn. Trong quá trình học tập, nhất định phải hiểu 'hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức', đây là lời Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta, đây là tổng cương lãnh, nguyên tắc chung của sự tu hành. Làm sao có thể làm việc này đến chí thiện, viên mãn. Chí thiện tuyệt đối chẳng trái nghịch tánh đức, chẳng trái nghịch Lý gọi là khế lý, như vậy là chí thiện. Viên mãn là khế cơ, cơ là đại chúng hiện tiền. Hôm qua tôi triệu tập hết thảy những pháp sư lãnh chúng, tôi nói những đạo lý này, làm thế nào làm cho Niệm Phật Đường đạt đến mức chí thiện rốt ráo, nhất định phải biết khế lý, khế cơ; khế lý nghĩa là chẳng trái nghịch kinh giáo, noi theo nguyên lý, nguyên tắc, phương pháp trong kinh giáo để tu học; khế cơ là nhất định phải làm cho đại chúng trong Niệm Phật Đường niệm đến mức sanh tâm hoan hỷ, niệm được đúng như pháp. Nhất định để cho họ có thể đè nén phiền não, chúng ta chẳng nói 'diệt', khi ở trong Niệm Phật Đường nhất định phải chế ngự được phiền não, phải tương ứng với nhất tâm. Nếu chẳng đạt được cảnh giới nhất tâm thì tối thiểu cũng phải được công phu thành phiến. Thời gian trong Niệm Phật Đường chẳng có vọng niệm, trong tâm chỉ có một câu 'A Di Đà Phật', *'nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật'*.

Cho nên phải chăm lo cho mỗi người trong đại chúng niệm Phật, phải thường chăm sóc họ, nên thường hỏi họ: 'Bạn có ý kiến gì đối với Niệm Phật Đường không?

Có cảm thấy chỗ nào chẳng hợp lý không?' Xin mọi người cho ý kiến, chúng ta hết lòng cải tiến. Mỗi ngày phải tìm ra khuyết điểm của mình, phải sửa đổi lỗi lầm, một ngày không cải tiến là một ngày không tiến bộ. Thường thường thì chúng ta chẳng nhìn thấy lỗi lầm của mình, nhưng người khác nhìn thấy. Người khác thấy nhưng chẳng nói ra thì phải làm sao? Mình phải đi hỏi. Chúng ta phải hoan hỷ nghe lỗi lầm, mạnh dạn sửa lỗi, đây là nguyên tắc tu hành đức Phật dạy cho chúng ta, là nguyên tắc quan trọng, đây gọi là pháp môn sám hối, pháp môn tinh tấn. Biết lỗi phải sửa, ưa thích người ta cho ý kiến, nghe lời đề nghị, phê bình của kẻ khác chúng ta phải hết lòng phản tỉnh, sửa sai đổi mới, đạo tràng như vậy mới có tiền đồ, đạo tràng này mới trở thành đạo tràng mô phạm, điển hình cho thế gian, trong đó chúng ta mới có thành tựu chân chánh. Điểm này quan trọng phi thường! Chẳng có người nào thật sự thành công trong thế gian, xuất thế gian mà chẳng tu học như vậy. Cho dù họ có thành tựu nhưng chẳng nghe lời đề nghị của kẻ khác, cố chấp thành kiến của mình thì sự nghiệp của họ làm lớn đến đâu cũng chẳng kéo dài được. Chỉ có tôn trọng ý kiến của đại chúng, sự nghiệp của họ mới có thể kéo dài, mới vĩnh viễn chẳng thất bại. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều dạy chúng ta đạo lý này, chúng ta phải ghi nhớ, tiếp nhận. Xem tiếp kinh văn:

Thị cố Phổ Quảng, nhược kiến hữu nhân độc tụng thị kinh nãi chí nhất niệm tán thán thị kinh, hoặc cung kính giả, nhữ tu bá thiên phương tiện khuyến thị đẳng nhân, cần tâm mạc thoái, năng đắc vị lai hiện tại thiên vạn ức bất khả tư nghị công đức.

***Vì thế, Phổ Quảng, nếu thấy có người đọc tụng kinh này, cho đến có một niệm tán thán kinh này hoặc tỏ lòng cung kính, thì ông phải dùng trăm ngàn phương tiện khuyên người đó nên phát tâm siêng năng, đừng thoái thất, thì sẽ được ngàn vạn ức công đức không thể nghĩ bàn ở hiện tại và vị lai*.**

Đây là khuyến tu. Khi thấy người tụng kinh, thấy người cung kính Tam Bảo, nhất định phải khuyến khích họ, khen ngợi họ. Sự khuyến khích, khen ngợi này không những có lợi ích rất lớn cho họ, trên thực tế cũng là răn dạy một số người vô tri. Họ thấy người này khen ngợi việc đọc kinh, khuyến khích đọc kinh, có thể khải phát lòng tin của họ. Cho nên khuyên một người tức là khuyên rất nhiều người, quả báo thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, nên họ mới 'được ngàn vạn ức công đức chẳng thể nghĩ bàn'. Đây là như chúng ta thường nói *'Một phen lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo'*, công đức chẳng thể nghĩ bàn là nói từ chỗ này. Nếu ba thứ thiện căn, phước đức, nhân duyên của người ấy, cả ba đều đầy đủ thì đời này người ấy sẽ thành tựu, đây là chuyện tương đối chẳng dễ. Nhưng không phải là chẳng có, trong đời mạt pháp ngũ trược cũng có. Người có thiện căn kém tuy hiện thời chẳng thể được lợi ích, nhưng hạt giống kim cang đã được trồng trong A Lại Da thức, người hiện nay gọi là ghim vào ấn tượng của bạn, ấn tượng của bạn rất sâu đậm, vĩnh viễn sẽ chẳng diệt mất. Tương lai khi gặp duyên, tức là gặp được một số điều kiện [thuận lợi] thì hạt giống ấy sẽ khởi tác dụng, sẽ có thể giúp bạn tu hành chứng quả.

Hiện nay chúng ta sợ người ta nói mình mê tín, nói thật ra chẳng phải chúng ta mê tín, họ mới mê tín. Như thế nào là mê tín? Chưa tìm hiểu rõ ràng chân tướng sự thật bèn tin tưởng, vậy gọi là mê tín. Chúng ta là những người học Phật, chưa tìm hiểu rõ chân tướng sự thật bèn tin Phật pháp, bèn niệm kinh lạy Phật, thì đó là mê tín, chẳng sai gì cả! Người ấy nói chúng ta mê tín thì người ấy cũng mê tín, tại sao? Người ấy đối với Phật pháp cũng chưa tìm hiểu rõ ràng, minh bạch, bèn nói đó là mê tín, do đó họ cũng mê tín. Cái mê tín của chúng ta có ích lợi, còn mê tín của họ thì có hại, chẳng có lợi, nên cả hai đều là mê tín. Khi bạn đã tìm hiểu Phật pháp rõ ràng rành rẽ, xong rồi bạn nói chúng ta 'tín' hay 'mê tín', nếu vậy thì điều bạn nói mới đúng. Chưa tìm hiểu rõ ràng bèn nói chúng ta mê tín, tôi cảm thấy họ mê tín còn nhiều hơn, mê tín trên mê

tín, chúng ta thì mê tín một tầng, họ thì mê tín hai tầng. Cho nên muốn phê bình đúng đắn thì bạn nhất định phải tìm hiểu rõ ràng, nếu bạn chẳng hiểu rõ mà cứ tùy tiện nói thì sẽ rất dễ làm mích lòng, rất dễ tạo ác báo như trong kinh đã nói. Ác báo hình thành như thế nào? Do ngu si. Ngu si như thế nào? Chưa tìm hiểu rõ ràng bèn nói bừa, tùy tiện phê bình, vậy là không nên, thái độ học vấn như vậy là sai lầm, chẳng đúng đắn. Nghe người ta nói thì cũng không được, người ta nói có đáng tin không? Khi nghe người ta nói, chúng ta phải đi sâu vào, nghiên cứu để tìm chứng minh. Giống như chúng ta học Phật vậy, chúng ta đọc kinh điển của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng phải nhất loạt thuận theo, nghe theo ngài, chúng ta ở trong ấy tu học, cầu chứng, chứng minh lời Phật nói là chân thật, chẳng phải giả. Đây là điểm thù thắng của nền giáo học Phật Đà, đức Phật nói cho bạn, giảng cho bạn hiểu rõ, tín, giải, hành, chứng. Bạn phải 'tin' trước, sau khi bạn 'tin' xong thì tìm cầu 'giải', chỉ 'tin' thôi không được, nhất định phải 'giải' (hiểu rõ). 'Giải' xong, bạn phải cầu 'chứng', chứng minh điều bạn 'tin', điều bạn 'giải', đích thật là vốn có trong tự tánh, chẳng phải đến từ bên ngoài, Phật pháp gọi là Nội Học, ý nghĩa là như vậy.

'Cần tâm mạc thoái', bốn chữ này là chữ quan trọng mấu chốt trong đoạn này. Chúng ta khuyến khích, khuyên một người, mục đích là ở chỗ này, hy vọng kẻ ấy dũng mãnh tinh tấn, đừng thoái chuyển, được vậy thì người ấy nhất định sẽ thành tựu ngay trong đời này. Trong Chú Giải có một đoạn trích dẫn kinh văn, trong Chú Giải trang 51 hàng thứ ba, câu cuối cùng. Trong kinh Kiên Ý có một đoạn *"Phật cáo A Nan, kỳ hữu hảo tâm thiện ý chi nhân, văn Phật minh pháp, nhất tâm nhi thính, năng nhất nhật khả" (Phật bảo A Nan, người có tâm tốt, thiện ý ấy, nghe hiểu pháp của Phật, lắng nghe chăm chú trong một ngày cũng được)*, người ấy có thể nghe một ngày cũng tốt! *"Bất năng nhất nhật, bán nhật khả" (Không thể [nghe] một ngày, [thì nghe] nửa ngày cũng được).* Đây là lúc Phật còn tại thế, lúc ấy 'nhất thời' bằng bốn giờ đồng hồ hiện nay. Ấn Độ thời xưa chia ban ngày thành ba thời, ban đêm ba thời, ngày đêm thành sáu thời. Ở đây nói một thời tức là bốn giờ hiện nay. *"Bất năng nhất thời, bán thời khả",* bán thời tức là hai tiếng đồng hồ hiện nay. *"Bất năng bán thời, tu du khả"*, 'tu du' tức là một thời gian rất ngắn, nghe mười phút, năm phút cũng được. *"Kỳ phước bất khả lượng" (Phước ấy chẳng thể tính đếm được)*, phước báo của họ chẳng thể tính đếm.

Cuối cùng ngài kết luận *"tạm thính thượng nhĩ, huống cung kính hồ" (tạm nghe còn được huống chi cung kính nghe)*, tạm nghe cũng được phước lớn như vậy, tại sao phước này lớn như vậy? Vì một người trong lục đạo luân hồi được thân người rất khó, thân người rất khó được. Được thân người mà được nghe Phật pháp lại càng khó, có thể là trong vô số kiếp bạn mới có cơ hội nghe được vài câu Phật pháp, vài câu Phật pháp này lọt vào A Lại Da thức, tương lai sẽ là nhân duyên được độ, cho nên phước báo chẳng thể tính đếm nổi. Ngày nay chúng ta tạo nhân duyên cho người khác có được hạt giống Phật, bạn phải biết quả báo thù thắng cỡ nào! Trong bất kỳ trường hợp nào, [ví như] trường hợp có nhiều người, chúng ta cúi đầu, chắp tay, niệm một câu A Di Đà Phật thì có biết bao nhiêu người nhìn thấy, nghe được; người thấy, người nghe đã được gieo hạt giống trong A Lại Da thức, đó chỉ là trong phút chốc, chúng ta đang biểu diễn. Mục đích chúng ta biểu diễn là gieo trồng hạt giống Kim Cang cho chúng sanh, đó gọi là phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Bất luận người thấy, người nghe tin hay không thì hạt giống đã được gieo rồi, như Phật đã nói "phước ấy chẳng thể tính đếm nổi". Chúng ta thường thường tu phước, tạo phước, nhưng mỗi ngày cũng tạo tội nghiệp. Chúng ta phải so sánh tội và phước, mỗi ngày tạo phước nhiều hay tội nhiều? Tạo tội nghiệp sẽ bị quả báo cũng chẳng thể tính đếm nổi, đây là một việc phiền phức to lớn.

Làm sao chân chánh giác ngộ, chẳng tạo tội nghiệp, chuyên tạo phước báo thì tiền đồ chúng ta sẽ tươi sáng. Nhất định phải giác ngộ đời người vô cùng ngắn ngủi, đời người rất khổ, khổ thì chúng ta phải cắn răng thật chặt, phải chịu đựng cho rồi.

Chịu khổ cũng không tạo nghiệp, tuyệt chẳng vì muốn cải thiện hoàn cảnh sinh hoạt trước mắt mà tạo nên các thứ tội nghiệp, trước mắt nếm được một chút vị ngọt, hậu quả chẳng thể lường nổi, người thông minh chẳng làm chuyện khờ dại này. Khổ báo trước mắt là do đời quá khứ, đời này mình chẳng tu phước nên phải thọ những quả báo này. Phật pháp dạy rất rõ ràng *"Muốn biết nhân đời trước, những gì mình thọ đời này chính là nó"*, những gì đời này mình thọ là do mình tạo đời trước. Đời trước tu phước, đời này hưởng phước, đời trước chẳng tu phước thì đời này lấy phước ở đâu mà hưởng? [Hiểu vậy thì sẽ] chẳng oán trời, chẳng trách người. *"Muốn biết quả đời sau, những gì mình làm đời này chính là nó"*, những hành vi mình làm đời này là nhân, đời sau sẽ có quả báo. Nếu việc mình làm đời này vun trồng phước lớn, tạo nhân thù thắng, ngay đời này liền thay đổi hoàn cảnh sinh sống của mình. Liễu Phàm Tứ Huấn là thí dụ rất rõ ràng, những người có thành tựu bằng với Viên Liễu Phàm trong Phật pháp chẳng biết có bao nhiêu mà kể, chẳng có ghi chép nên không biết được, quá nhiều, quá nhiều. Muốn có thể thay đổi hoàn cảnh sanh hoạt hiện tiền của chúng ta, chỉ cần bạn hết lòng nỗ lực, đoạn ác tu thiện, phước này là thật, hơn nữa còn lâu dài, là phước báo chân thật. Nếu dùng thủ đoạn bất chánh để cướp đoạt của cải bất nghĩa mà được phước, thì phước ấy là giả, rất ngắn ngủi. Phước hưởng hết rồi thì ác báo liền hiện ra, đáng sợ vô cùng.

Bởi vậy nên [chúng ta] nhất định phải tìm hiểu rõ ràng những Lý, Sự này. Đời người rất ngắn ngủi, trong thời gian ngắn tạm này tạo tội nghiệp làm chi! Chẳng đáng tí nào. Thường thường đọc kinh Địa Tạng sẽ có ích lợi, mỗi lần đọc là nhắc mình đề cao cảnh giác, mỗi câu trong ấy đều là lời chân thật, chẳng có câu nào là dọa dẫm người, đe dọa người. Lời Phật dạy câu nào câu nấy đều chân thật, mạng người vô thường, quốc độ mong manh, tại sao không tu phước? Tại sao không nghĩ đến đời sau? Đời sau thời gian dài, đời này thời gian ngắn. Người thông minh phải suy tính cho lâu dài, đừng lo lắng cho thời khắc ngắn tạm trước mắt, bất luận vinh hoa phú quý gì hiện nay đều như hoa đàm thoáng hiện, đều chẳng đáng ngưỡng mộ, chẳng đáng truy cầu. Sinh sống thanh bạch, cực khổ một chút mới tốt, thường thường đề cao cảnh giác, thường khởi lên tâm muốn thoát ly, hy vọng thoát ly lục đạo luân hồi. Đoạn này giới thiệu đến đây thôi.

Xem tiếp đoạn sau 'mộng mị kiến quỷ', đây cũng là chuyện thường xảy ra. Thiên địa quỷ thần có thật, rất nhiều người đích thân từng trải qua, lúc tôi còn trẻ cũng từng trải qua, làm sao không tin được! Chuyện gặp quỷ ở ngoại quốc cũng rất nhiều, thành phố nào cũng có rất nhiều 'nhà ma', cho nên chuyện này là thật chẳng giả. Ở tiểu bang California có một vị đồng tu, mấy năm trước đã qua đời. Hai vợ chồng già mua một căn nhà ở California, sau khi dọn vô mới biết nhà này có quỷ, con quỷ ấy rất dữ dằn, là người Mỹ. Người này chắc là chủ nhà trước đó, sau khi chết chẳng xả căn nhà ấy, chẳng chịu xa lìa, thành quỷ rồi vẫn ở trong căn nhà đó. Đương nhiên khi có người khác dọn vào nhà nên 'ông' chẳng vui, mỗi đêm quỷ xuất hiện, trong nhà có tiếng đồ đạc di động, cửa phòng tự động mở ra, người sống ở đó khủng hoảng, sợ hãi, nhưng chẳng làm gì được. Có một lần ông cụ đang tắm, cụ khoảng sáu mươi mấy tuổi, lúc đó là buổi chiều, không phải buổi tối. Cụ đang tắm bỗng nhiên cửa phòng tắm tự động mở ra, toàn thân cụ đều lông tóc dựng đứng, cụ bèn hỏi đại: "Này bạn, ông tên là gì?" Quỷ ấy cũng nói tên ra. Nghe nói xong cụ sợ hết hồn nên mau mau xông ra ngoài, chưa kịp mặc quần áo gì hết bèn chạy ra ngoài, chuyện xảy ra như vậy. Quỷ ấy thật sự đã nói tên của hắn ra, sau này cụ kể lại cho chúng tôi nghe. Những nhà có quỷ như vầy ở Mỹ quá nhiều, có những căn nhà ma nổi tiếng chẳng ai dám ở, nhà đó bán không được, ai cũng biết nhà đó có ma. Bởi vậy 'quỷ' có thiệt, chứ chẳng phải giả đâu. Xin xem kinh:

Phục thứ Phổ Quảng nhược vị lai thế chư chúng sanh đẳng hoặc mộng hoặc mị, kiến chư quỷ thần nãi cập chư hình.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu những chúng sanh ở đời vị lai, hoặc trong mộng mị, trông thấy các quỷ thần cùng các hình bóng khác;

Đủ mọi thứ hình tượng.

Hoặc bi hoặc đề, hoặc sầu hoặc thán, hoặc khủng hoặc bố;

Hoặc buồn bã, hoặc khóc lóc, hoặc rầu rĩ, hoặc than thở, hoặc hãi hùng, hoặc sợ sệt;

Nói bạn nằm mộng nhìn thấy những hình tượng này. Theo cách đức Phật nói, chúng ta có thể thấy "nếu những chúng sanh ở đời vị lai", lúc đó đức Phật nói đời vị lai tức là đời chúng ta hiện nay. Chúng ta hiện nay, rất nhiều chúng sanh trong mộng mị trông thấy quỷ thần. 'Mộng' là mơ hồ, chẳng rõ ràng, 'mị' là ngủ. Phàm lúc mơ hồ, chẳng rõ ràng, lúc có, lúc không, cảnh giới ấy đều gọi là cảnh mộng. Trong lúc ngủ, mộng cảnh thường thường xuất hiện, hầu như mỗi người đều có kinh nghiệm này. Nhìn thấy một số quỷ thần, đặc biệt là nhìn thấy người nhà thân quyến đã mất, hoặc mộng thấy những quỷ thần chẳng quen biết, thấy hình dáng của họ rất đáng thương, phía sau nói "buồn, khóc, sầu, than, hãi hùng, sợ sệt" trông thấy những hình tướng này. Người chẳng học Phật nhìn thấy cảnh giới hãi hùng, sợ sệt nhiều. Sau khi chúng ta học Phật, cảnh giới hãi hùng sợ sệt trong mộng dần dần ít đi, những thứ này thuộc về ác mộng, mộng [có cảnh tượng] khủng khiếp, dễ sợ ít đi, nhưng mộng thấy một số quỷ thần buồn, khóc, sầu, than nhiều, thường thường gặp cảnh giới này khởi lên. Gặp những chuyện này là vì nguyên nhân gì? Đức Phật trong kinh nói với chúng ta, xin xem tiếp kinh văn:

Thử giai thị nhất sanh, thập sanh, bá sanh, thiên sanh, quá khứ phụ mẫu, nam nữ, đệ muội, phu thê quyến thuộc, tại ư ác thú, vị đắc xuất ly, vô xứ hy vọng phước lực cứu bạt. Đương cáo túc thế cốt nhục sử tác phương tiện, nguyện ly ác đạo.

Đây đều là cha mẹ, con cái, anh chị em, vợ chồng, quyến thuộc từ một đời, mười đời, trăm đời, hay ngàn đời trong quá khứ, còn đang đọa lạc trong ác đạo, chưa được thoát ra, lại không trông mong vào phước lực nơi nào để cứu vớt, nên mới nói với kẻ có tình cốt nhục trong đời trước để họ tạo phương tiện hòng thoát khỏi ác đạo.

Phải ghi nhớ họ đến cầu xin bạn giúp đỡ. Nếu bạn chẳng học Phật thì họ chẳng đến cầu bạn, tại sao? Vì bạn chẳng có khả năng giúp đỡ họ. Hiện nay bạn học Phật, họ biết bạn có khả năng giúp đỡ họ nên họ tới xin bạn. Do đó phàm mộng thấy những cảnh giới này, chúng ta nên niệm Phật hồi hướng cho họ, niệm kinh hồi hướng cho họ. Bạn niệm kinh Địa Tạng cũng rất tốt, niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cũng rất tốt. Niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh A Di Đà, niệm danh hiệu A Di Đà Phật cũng tốt, đây là pháp môn chính của chúng ta, sức mạnh của pháp môn chính thù thắng phi thường. Tại sao vậy? Mỗi ngày tụng, mỗi ngày niệm, chúng ta đặc biệt hồi hướng cho họ. Họ đến xin giúp đỡ, cầu cứu.

Trong 'Ảnh Trần Hồi Ức Lục' chúng ta thấy có một câu chuyện do Đàm Hư pháp sư kể, gọi là 'Tám Năm Đóng Cửa Đọc Lăng Nghiêm', bạn hãy coi đoạn này. Lúc đó họ đều là cư sĩ tại gia, tiếp xúc đến Phật pháp, biết Phật pháp hay, vô cùng hâm mộ kinh Lăng Nghiêm, vài người chí đồng đạo hiệp hợp lại mỗi ngày cùng nhau nghiên cứu, mỗi ngày đọc tụng. Cũng vì cơ duyên chẳng thành thục, phương bắc rất ít người giảng kinh, cho nên chỉ có thể kiếm vài người cùng nhau nghiên cứu, y theo phương

pháp này tu học. Nhưng họ cũng rất chịu khó, mấy người tụ lại cùng nhau thảo luận nghiên cứu học tập, và có thể duy trì được tám năm, rất hiếm có! Trải qua một thời gian dài như vậy, ít nhiều cũng có một ít công phu; một chút công phu này vô cùng khó được, rất hy hữu, thế nên cảm động quỷ thần đến cầu siêu độ.

Cụ Đàm không kể chuyện của chính mình mà kể chuyện của một người bạn của cụ; họ hùn vốn mở một tiệm thuốc nhỏ để duy trì đời sống. Buổi trưa lúc ít khách, họ ngủ gục ở quầy. Một người bạn của cụ ngủ gục và nhìn thấy hai người đi vào, đây là chuyện ông đó kể lại cho Đàm Hư lão pháp sư nghe sau khi tỉnh dậy. Ông ấy nói hai người đi vào là oán thân chủ nợ đời trước, vì xích mích tiền bạc nên phải thưa kiện; [kết quả là] ông thắng kiện nên hai người kia thắt cổ tự tử. Vì chuyện này nên ông ấy cũng thường cảm thấy buồn bực và hối hận; lúc đòi nợ đã làm cho hai người này phải chết, khi thấy hai người này đi vào tiệm ông cứ tưởng là họ đến kiếm chuyện, sợ họ lại để trả thù. Thấy vẻ mặt hai người này rất hòa hoãn, ông cũng hơi yên bụng và hỏi: "Quý vị đến đây làm gì?". Họ nói: "Đến cầu xin siêu độ". Lúc đó ông mới yên tâm, biết họ chẳng phải đến gây phiền phức mà đến xin siêu độ. Ông nói: "Được, làm sao siêu độ?". Họ nói: "Chỉ cần ông đồng ý là được". "Vậy thì được, tôi đồng ý". Bèn thấy hai linh quỷ này đạp lên đầu gối, lên vai ông rồi bay lên trời, chỉ cần đồng ý siêu độ là được. Bạn nghĩ xem dựa vào sức mạnh gì? Dựa vào việc đóng cửa tám năm đọc Lăng Nghiêm. Hai người này đi khỏi chẳng bao lâu lại có hai người khác đến, là một phụ nữ và một đứa trẻ, nhìn lại thì ra đó là vợ và con đã qua đời của ông. Ông hỏi: "Đến làm gì?". [Họ đáp] "Để xin siêu độ". Cũng giống như khi nảy: "Tôi đồng ý siêu độ". Sau đó hai linh quỷ đó đạp lên đầu gối, lên vai rồi bay lên trời, chẳng cần nghi thức gì cả. Người siêu độ phải có công phu thật sự mới được, nếu không có công phu, dù làm nghi thức gì cũng chẳng có tác dụng, nhất định phải có công phu tu hành chân chánh. Nói cách khác, ban đêm mộng thấy những quỷ thần này đến xin bạn siêu độ, đó là chứng minh bạn cũng có một chút công phu, nếu bạn chẳng có công phu thì họ chẳng đến.

Do đó lúc chúng ta tụng kinh, niệm Phật, lễ Phật, thậm chí khi giảng kinh trên giảng đài, khi gần xong chúng ta đều hồi hướng, hồi hướng nhất định phải dùng tâm chân thành 'trên đền bốn ân nặng, dưới độ ba đường khổ'. Làm thế nào cho công đức hồi hướng được viên mãn? Phải làm đến có hiệu quả thật sự? Cũng là do một tâm chân thành. Lúc thường ngày chúng ta tu học, từng ly từng tí công phu đều vì chúng sanh, chẳng vì mình thì công đức hồi hướng sẽ viên mãn. Hôm nay tôi mở cuốn kinh ra, tụng kinh này là vì ai? Vì hết thảy chúng sanh. Ngày hôm nay tôi bước vào Niệm Phật Đường niệm câu A Di Đà Phật này, như nói trong kinh, niệm vài phút cũng được, vài giờ cũng vậy, niệm nửa ngày, một ngày, hai ngày hai đêm, tôi niệm vì ai? Vì hết thảy chúng sanh mà niệm, công đức hồi hướng ấy sẽ viên mãn. Ngày nay chúng ta học Kinh Giáo, phát tâm giảng kinh thuyết pháp là vì ai? Vì hết thảy chúng sanh. Nếu nói phát tâm là vì mình thì lợi ích rất nhỏ, công đức chẳng lớn; vì hết thảy chúng sanh, vì Phật pháp trụ thế lâu dài, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh đều dạy những công đức như vậy.

Quý vị nhất định phải biết vì chính mình thì công đức rất nhỏ, cùng làm một việc nếu vì chúng sanh, vì Phật pháp thì công đức lợi ích vô lượng vô biên. Bởi lẽ chúng sanh vô biên, Phật pháp vô biên nên công đức lợi ích của bạn sẽ vô biên. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì tại sao lại vẽ cái vòng1[1] đó nhỏ như vậy, chỉ vì mình, vì nhà mình, vì đoàn thể của mình. Cùng làm một việc như nhau nhưng được phước nhỏ, công đức nhỏ, lợi ích nhỏ. Người ta cũng làm việc như vậy, tại sao lại được vô lượng vô biên công đức, lợi ích? [Khác nhau] chỉ trong vòng một niệm.

1[1] vẽ cái vòng ở đây nghĩa là vạch ra giới hạn, hạn cuộc

Phật pháp nói "một niệm tương ứng", niệm này có tương ứng hay không? Tương ứng với tự tánh, tương ứng với chân tâm; tự tánh tức là pháp giới, chân tâm tức là pháp giới. Đức Phật đã nói rất nhiều rồi, chúng ta nhất định phải thấu hiểu, phải ghi nhớ, y giáo phụng hành. Sau này gặp trường hợp giống như vậy, có một số tín đồ đến gặp chúng ta, nói với chúng ta những chuyện này. Hãy kể lại cho họ biết [những chuyện] kinh Địa Tạng có nói đến, [khuyên họ] về nhà tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho [những quỷ thần ấy].

Còn có những người chẳng tin Phật, hoặc vừa mới tiếp xúc đến Phật pháp cũng nằm mộng thấy quỷ thần đến tìm họ. Lúc trước tôi có một người bạn, vợ ông liên tục nằm mộng ba lần trong một tuần nên bà ấy rất thắc mắc. Bà mộng thấy gì? Mộng thấy một bà hàng xóm vừa qua đời khoảng nửa năm. Nằm mộng [thấy bà hàng xóm] ba lần xin tiền, nhờ giúp đỡ, nói đời sống bà rất khốn khổ. Trong mộng cũng chẳng nghĩ là bà hàng xóm này đã qua đời. Bà cảm thấy kỳ lạ và nói: "Bà khổ thì cũng đâu cần tìm tôi, bà hãy hỏi chồng bà xem sao". Bà hàng xóm nói: "Chồng tôi không có tiền, xin bà giúp cho". Trong vòng một tuần nằm mộng thấy ba lần, bà ấy đến tìm tôi, tôi cũng quen thân với bà. Tôi suy nghĩ và nói: "Ồ! Họ là người Cơ Đốc Giáo, chẳng có tiền". Tín đồ Cơ Đốc Giáo không đốt 'giấy tiền' (tiền âm phủ, đồ mã); tôi nói tiếp: "Không sao đâu, bà hãy đốt một số giấy tiền cho bà ấy đi". Bà ta [sực nhớ và] hiểu được, sau khi đốt một số 'giấy tiền' thì chẳng nằm mộng [thấy bà hàng xóm nữa]. Tín đồ Cơ Đốc Giáo chẳng đốt giấy tiền, bà hàng xóm đang ở cõi quỷ, đốt giấy tiền cũng có thể dùng ở cõi quỷ. Cho nên việc đốt 'giấy tiền' này, Ấn Quang lão pháp sư có nói trong Văn Sao, đối với việc này ngài chẳng tán thành nhưng cũng chẳng phản đối, tại sao không tán thành? Trong Phật pháp chẳng có việc này. Trong Phật pháp nói đến siêu độ chỉ là niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, tụng kinh hồi hướng cho họ. Nhưng cũng không phản đối, người mất luân hồi đi vào sáu nẻo, chỉ có cõi quỷ mới dùng 'giấy tiền' được, những cõi khác chẳng dùng được. Nếu kẻ ấy sanh vào cõi quỷ, họ cần có 'giấy tiền', bạn không cho họ đốt thì không phải đã cắt đứt nguồn tiền tài của họ rồi sao? Việc này cũng phiền phức lắm vì họ sẽ hận bạn, thế nên ngài chẳng phản đối. Chúng ta học thái độ này của lão pháp sư cũng tốt, không đề xướng nhưng cũng không phản đối. Đây là phong tục tập quán trong dân gian, chẳng liên quan gì đến Phật pháp, nếu thật sự học Phật thì chẳng cần những thứ này.

Thế nên biết được cảnh trong mộng, mộng thấy những quỷ thần này có quan hệ đến mình. Nếu họ [có duyên với mình] trong đời quá khứ, mười đời, trăm đời, ngàn đời thì đương nhiên chúng ta chẳng nhận biết được. Tuy chẳng nhận biết, các vị quỷ thần này biết họ có duyên phận với chúng ta, do nhân duyên đời trước họ sẽ tìm bạn để xin giúp đỡ. Thọ mạng của quỷ dài, thọ mạng con người ngắn, trong kinh đức Phật nói một ngày trong cõi quỷ bằng một tháng ở cõi người. Cho nên người ta tế lễ quỷ thần ngày mồng một, mười lăm đúng lúc họ ăn bữa trưa, bữa chiều, một ngày của họ bằng một tháng của chúng ta, phải hiểu đạo lý này. Vả lại thọ mạng cõi ngạ quỷ đại khái cũng trên một ngàn tuổi, thọ mạng rất dài. Nếu cũng tính ba trăm sáu mươi ngày là một năm, vậy thì một ngàn tuổi, bạn phải biết một ngày của họ bằng một tháng của cõi người, cho nên lúc ông Chương Thái Viêm làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, [ông Viêm] đã gặp các ông Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên trong cõi quỷ, ngay cả những người mất thời triều Hán, ông cũng gặp họ trong cõi quỷ. Từ triều Hán đến nay ít nhất là hai ngàn năm, thọ mạng của quỷ dài hơn con người quá nhiều, thật vậy, trong lục đạo thì thọ mạng con người ngắn. Có lúc thì thọ mạng của con người cũng dài, chúng ta sanh nhằm lúc thọ mạng con người ngắn, trong kinh Phật nói thọ mạng con người dài nhất là tám vạn bốn ngàn tuổi. Chúng ta đang trong kiếp giảm, phước báo rất nhỏ, thọ mạng dài thì phước báo lớn, thọ mạng ngắn thì phước báo nhỏ. Tuy phước nhỏ nhưng nếu

chịu tu, cũng rất dễ chẳng khó, duyên tu phước lại thù thắng hơn. Dùng thời gian ngắn để tu phước báo to lớn, đây là người thông minh, có trí huệ. Thế nên chúng ta phải ghi nhớ đoạn kinh văn này, đây đều là cha mẹ, thân bằng quyến thuộc đời quá khứ có nhân duyên đến nhờ chúng ta giúp đỡ. Phía sau là phương pháp giúp đỡ:

Phổ Quảng, nhữ dĩ thần lực khiển thị quyến thuộc, lịnh đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền, chí tâm tự độc thử kinh, hoặc thỉnh nhân độc, kỳ số, tam biến hoặc thất biến.

Này Phổ Quảng, ông nên dùng thần lực khiến cho những quyến thuộc đó đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tự đọc kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc, đủ số ba biến hoặc bảy biến.

Đây là Phật sự siêu độ, cho nên Phật sự siêu độ là từ kinh Địa Tạng mà có. Tự mình có thể đọc thì tốt nhất, vì tâm mình thành khẩn, đọc kinh vì người nhà, quyến thuộc của mình, tâm ấy rất kiền thành. Nếu tự mình không thể đọc, thì mời người khác đọc, hiện nay phần đông đều thỉnh người xuất gia. Vì trong kinh có nói, người khác đọc cho họ, họ chỉ được một phần bảy lợi ích. Do đó thường thường người ta thỉnh bảy người đọc thì họ mới được một phần, là đạo lý như vậy. Đọc ba lần, bảy lần cũng được. Chúng ta phải hiểu lý luận và phương pháp của việc siêu độ thì mới là không mê tín, bạn phải nói cho người ta tin, đó là sự thật.

Như thị ác đạo quyến thuộc, kinh thanh tất thị biến số, đương đắc giải thoát, nãi chí mộng mị chi trung vĩnh bất phục kiến.

Như vậy, kẻ quyến thuộc đang ở trong ác đạo kia, khi tiếng tụng kinh đủ số biến đó xong, sẽ được giải thoát, cho đến trong mộng trong mị không thấy hiện về nữa.

Bạn không còn mộng thấy họ nữa. Mộng chẳng thấy là người ấy đã thoát khỏi quỷ đạo, đã được lợi ích, thoát khỏi cõi quỷ, hơn phân nửa là đầu thai đến làm người, hoặc được phước đức lợi ích lớn thì có thể sanh lên trời. Sanh lên cõi trời đều ở cõi trời Đao Lợi trở xuống, sanh đến Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên. Trong kinh nói phần đông đều là nói sơ lược, nếu nói kỹ, giữa cõi trời Tứ Vương và Đao Lợi, phước báo và cấp bậc cũng khác nhau. Cho dù sanh đến trời Đao Lợi, phước báo mỗi người cũng chẳng giống nhau. Cũng như chúng ta đều sanh đến cõi người, nhưng thọ dụng của mỗi người trong đời chẳng giống nhau, có người giàu sang phú quý, có người nghèo khổ thấp hèn, đều cùng được thân người nhưng phước báo khác nhau. Do đó có thể biết cùng được thân cõi trời, phước báo cũng khác nhau. Những người trên trời chẳng có phước, hoặc phước rất ít, hoàn cảnh sanh hoạt vật chất có khi còn chẳng bằng người có đại phước báo ở cõi người, nhưng thân của họ là thân trời. Đạo lý này thật ra chẳng khó hiểu, bạn hãy nghĩ con người chúng ta, được thân người trong cõi người, cõi súc sanh chẳng bằng cõi người, có những sự hưởng thọ của súc sanh, những người nghèo khổ chúng ta chẳng bằng nó, sánh chẳng bằng súc sanh, đây chẳng phải là cùng một đạo lý sao? Thế nên bạn quan sát kỹ lưỡng một chút thì dần dần bạn sẽ thấu hiểu trạng huống trong lục đạo luân hồi. Người giàu có nuôi những con vật trong nhà, người nghèo khổ thật sự sánh chẳng bằng [những con vật ấy], thua xa. Sự ăn uống, nơi cư trú của nó được bao nhiêu người chăm sóc, lúc sanh bịnh còn có viện thú y, được xe đưa rước vào bịnh viện, người nghèo làm sao có phước như vậy? Cho nên thân của nó là thân súc sanh, súc sanh có phước báo, phước báo đó lớn hơn người nghèo chúng ta quá nhiều. Cùng một đạo lý ấy, người cõi trời mà không có phước báo còn chẳng bằng đời sống con người, đây là đạo lý chung, cho nên tuy sanh lên trời nhưng cũng phải có phước báo mới được. Sanh lên trời cần có điều kiện gì? Tu hoàn hảo Ngũ Giới Thập Thiện thì được sanh lên trời. Nếu không tu bố thí, chẳng chịu giúp đỡ người khác, sanh

lên trời cũng chẳng có phước báo, thế mới biết tu phước quan trọng lắm. Khi bạn thật sự có phước báo, bất luận sanh đến cõi nào cũng hưởng phước, cho nên phước báo có thể đem theo được, chẳng mất. Công đức cũng có thể mang theo được, nhưng công đức rất dễ mất, trong kinh thường nói: 'lửa [sân hận] thiêu trụi rừng công đức', công đức chẳng dễ giữ gìn. Phước đức thì không sao, có thể giữ gìn, công đức rất khó gìn giữ. Công đức, nói cho chư vị biết tâm thanh tịnh, Định-Huệ là công đức, vừa khởi tâm tham, tâm sân giận lên thì tâm thanh tịnh của bạn mất tiêu, lập tức bạn sẽ mê mất, định-huệ chẳng còn nữa, định-huệ là công đức, khác với phước đức. Xem tiếp đoạn sau, đoạn này [có tiểu đề trong cuốn Chú Giải] là 'Hạ tiện cầu hối', tức là phương pháp sám hối.

Phục thứ Phổ Quảng nhược vị lai thế hữu chư hạ tiện đẳng nhân, hoặc nô hoặc tỳ, nãi chí chư bất tự do chi nhân, giác tri túc nghiệp yếu sám hối giả.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu đời sau có những người hạ tiện, hoặc tớ trai, hoặc tớ gái, cho đến những kẻ không được tự do, biết rõ là do túc nghiệp, cần phải sám hối.

Đây là nêu ra một nhóm chúng sanh sám hối trước. Bần tiện (nghèo hèn) là sự khổ ở nhân gian, 'bần' là chẳng có của cải, 'tiện' là chẳng có địa vị, trái ngược với phú quý. 'Phú' là có của cải, 'quý' là có địa vị, quý tiện và bần phú sai khác rất lớn. Sự sai khác này là do những nghiệp chúng ta đã làm, đã tạo ở đời trước. Nếu muốn trách xã hội này giàu nghèo chẳng quân bình, giàu nghèo tuyệt đối sẽ chẳng quân bình, đây là đạo lý nhất định. Tại sao? Vì nghiệp của mỗi cá nhân tạo thành khác nhau, thì làm sao tạo thành quả báo giống nhau cho được? Đây là việc chẳng thể xảy ra. Do đó [y theo] lời dạy của thánh hiền, hy vọng mọi người đều hiểu rõ sự thật của nhân quả báo ứng, mọi người sẽ chẳng trách móc nữa. Người giàu có nghĩa vụ giúp đỡ người nghèo, người nghèo hèn biết được mình phải tu phước, biết phải sám hối, làm phước thì xã hội này mới có thể hòa hài, an định, phồn vinh, tôn trọng lẫn nhau. Ngày nay họ giàu là do đời trước họ tu giỏi, tôi nghèo là vì tôi chẳng tu, tôi làm sao có thể trách kẻ khác được? Trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu, hiểu đạo lý này thì sẽ chẳng oán trời trách người, biết mình chẳng tu. Chẳng tu thì không sao cả, hiện nay tu cũng còn kịp, ngày nay tôi chịu tu thì đời sau sẽ tốt đẹp. Nếu người giàu chẳng chịu tu, chỉ hưởng phước mà không tu phước thì đời sau sẽ biến thành nghèo hèn, đó mới là đạo lý chân chánh.

Trong đoạn này Thanh Liên pháp sư trích dẫn kinh Biện Ý, đây là lời Phật dạy: "Năm việc thường sanh đê tiện, làm nô tỳ cho người", làm nô tỳ thì chẳng có địa vị trong xã hội, chẳng có địa vị thì gọi là 'tiện'. Phật nói có năm nghiệp nhân tạo thành quả báo này:

Thứ nhất *"Kiêu mạn bất kính nhị thân" (Kiêu ngạo chẳng kính cha mẹ)*, nhị thân là cha mẹ, thái độ đối với cha mẹ kiêu mạn, chẳng tôn kính cha mẹ, chẳng hiếu thuận, đời sau kẻ ấy phải chịu quả báo này.

Thứ hai *"Cang cường vô khác tâm" (Ương ngạnh chẳng cung kính)*, 'khác' là cung khác, tức là cung kính, hạng người này cũng có quả báo như vậy; cứ tưởng mình giỏi, bất cứ ở đâu cũng chẳng nhường kẻ khác. Trong kinh này đức Phật cũng thường cảm thán *"Chúng sanh ở Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó dạy"*, tại sao Phật nói chúng sanh khó dạy? Tập khí quá nặng, chúng ta thường gọi là cá tánh quá mạnh, chẳng dễ tiếp nhận lời khuyên của kẻ khác.

Thứ ba *"Phóng dật bất lễ tam tôn" (Phóng dật chẳng lễ Tam Bảo)* tam tôn là Tam Bảo, khinh mạn Tam Bảo. Điều thứ nhất là chẳng kính cha mẹ, còn điều này là chẳng kính thầy giáo. Đại đạo trong thế gian, xuất thế gian là hiếu thân, tôn sư, chẳng hiếu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính thầy giáo, Tam Bảo là gương mẫu hạng nhất trong

sư đạo. Phật pháp là sư đạo, là mô phạm, điển hình cho thầy giáo, bạn làm sao có thể đối với họ tùy tiện, chẳng có một chút cung kính được?

Thứ tư là *"Đạo thiết dĩ vi sanh nghiệp" (Trộm cắp làm nghề nghiệp)*, cả đời làm việc trộm cắp để duy trì cuộc sống. Thủ đoạn trộm cắp rất nhiều, nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của nó, trong Phật pháp gọi là 'không cho mà lấy', đó đều gọi là trộm cắp, cũng như người Trung Quốc chúng ta thường gọi là tài vật bất nghĩa. Bạn chẳng nên có được, bạn chiếm lấy nó, đoạt lấy, đây cũng là nghiệp nhân của sự hạ tiện.

Thứ năm *'Phụ trái đào tị bất thường' (Thiếu nợ tránh né không trả)*, thiếu nợ chẳng chịu trả nợ, đời này không chịu trả, đời sau gặp lại cũng phải trả, chẳng thể tránh được. Điểm này chúng ta nhất định phải biết. Thiếu nợ thì nhất định phải trả, thiếu nợ mạng phải đền mạng, nhà Phật nói nhân quả thông suốt ba đời, chẳng phải chỉ có đời này mà thôi. Đời này bạn tránh được, còn đời sau thì sao? Còn đời sau nữa, bất kỳ đời nào gặp lại cũng phải trả, thiếu mạng phải đền mạng, thiếu tiền phải trả tiền. Trừ phi đối phương giác ngộ, chỉ có học Phật mới giác ngộ; đối phương giác ngộ rồi [và nói với bạn]: "Những gì bạn thiếu tôi thì thôi, chẳng cần bạn trả, bạn thiếu nợ mạng cũng chẳng cần bạn trả", dứt hết rồi, vậy mới được. Nếu không gặp người giác ngộ, họ cứ ghi nhớ trong lòng, đến đòi nợ, đòi mạng, vậy thì không có cách chi khác. Sách chép chuyện trong nhà Phật có ghi đại sư An Thế Cao triều Hán. Truyện Ký An Thế Cao trong Cao Tăng Truyện, quyển một, [có chép] ngài đến Trung Quốc hai lần để đền mạng. Trong đời trước ngài đã ngộ sát hai người, đời này đến để đền mạng hai người ấy. Hai lần này cũng là ngộ sát, ngài ngộ sát người ta, người ta cũng ngộ sát ngài.

Đây là Bồ Tát thị hiện để nói cho chúng ta khi thành Phật, thành Bồ Tát cũng chẳng có cách gì khác, vẫn phải đền mạng, thiếu tiền cũng phải trả tiền, thiếu nợ mạng phải đền mạng. Chẳng thể nói bạn thành Phật, thành Bồ Tát thì có thể không trả, chẳng có đạo lý này, [nếu vậy thì] luật nhân quả sẽ bị lật đổ. Thành Phật, thành Bồ Tát cũng không tránh khỏi, huống chi là phàm phu chúng ta. Phàm phu khi trả nợ, đền mạng chẳng cam chịu, chẳng cam tâm thì phiền phức sẽ lớn, trả tới trả lui dây dưa chẳng dứt, thì sẽ rắc rối lớn lắm. [Cứ luân phiên] đòi nợ, trả nợ, đòi mạng, đền mạng chẳng dứt, nhiều đời nhiều kiếp đều làm việc này, khổ chẳng nói nổi. Phật, Bồ Tát tốt hơn ở chỗ nào? Họ đều rõ ràng, rành rẽ vì họ có Túc Mạng Thông, Tha Tâm Thông, Thiên Nhãn Thông, họ thấy rõ nhân duyên đời trước rõ ràng, cho nên họ trả từng món nợ, trả sạch hết, sau này không còn nữa. Họ tình nguyện, đồng ý trả, bị người ta giết cũng cam tâm tình nguyện, tuyệt chẳng có tâm trả thù, nợ nần đến đây chấm dứt. Phàm phu thì [chẳng chịu trả nợ nên] món nợ này chẳng chấm dứt, chẳng cam tâm, chẳng chịu, vẫn còn tâm niệm trả thù, kết oán đời đời kiếp kiếp không bao giờ dứt, đáng sợ vô cùng.

Nếu các bạn thấu hiểu những sự tướng này một cách cặn kẽ, thì sau đó bạn mới biết tại sao phải tôn kính Tam Bảo, tại sao công đức lợi ích của Tam Bảo lớn như vậy, bạn mới có thể hiểu được đôi chút. Chỉ có Tam Bảo mới có thể thật sự giải quyết vấn đề, những vấn đề vướng mắc nhiều đời nhiều kiếp khi gặp được Tam Bảo đều có thể giải quyết, đây là việc bất kỳ pháp môn nào khác trong thế gian đều chẳng làm nổi.

Chúng ta biết mình chịu bần cùng hạ tiện, ở trong địa vị này, biết đây là quả báo do ác nghiệp mình tạo đời trước. Hiểu được đạo lý này, hiểu được sự thật thì sẽ có phương pháp để cứu vãn, phương pháp cứu vãn là sám hối. 'Giác tri túc nghiệp' (Biết được nghiệp đời trước), đây tức là bạn hiểu rõ. [Muốn] 'Giác tri túc nghiệp' nếu không nhờ Phật pháp thì không thể được. Trong pháp thế gian cũng có, tuy có nhưng không rốt ráo. Người có học vấn, có đức hạnh trong thế gian, như một số nhà tôn giáo, họ cũng biết một vài Sự, Lý của nhân quả báo ứng, cũng biết tu pháp sám hối, nhưng tri kiến của họ chẳng viên mãn, chẳng rốt ráo, do đó cách sám hối của họ hơn phân nửa thuộc về Sự, có thể giúp đỡ chút ít chứ chẳng thể giải quyết vấn đề một cách triệt để. Muốn giải quyết vấn đề triệt để phải giúp con người thoát khỏi tam giới, như vậy mới là

triệt để. Chẳng thể thoát ra khỏi lục đạo luân hồi thường là phiền phức sẽ ở đằng sau, trước mắt thì hòa hoãn đôi chút, nhưng sự việc chẳng chấm dứt, thế mới biết Phật pháp thù thắng vô cùng. Phía sau là phương pháp đức Phật dạy cho chúng ta:

Chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng
Chí tâm chiêm lễ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát

Quan trọng ở tại 'chí tâm', dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm chân thành thanh tịnh tức là pháp sám hối. Do đó có thể biết, hình tượng Địa Tạng Bồ Tát là một tăng thượng duyên cho chúng ta sám hối. Tại sao bạn có thể tiêu trừ hết nghiệp chướng? Vì bạn chí tâm. Lúc bình thường bạn dùng vọng tâm, bây giờ đối trước hình tượng Phật, Bồ Tát là dùng tâm chân thành.

Nãi chí nhất thất nhật trung, niệm Bồ Tát danh, khả mãn vạn biến.
Rồi trong bảy ngày niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ một vạn biến

'Nhất thất', bảy là một con số viên mãn. Bạn tìm thời gian tu tập đàng hoàng trong bảy ngày, trong bảy ngày chấp trì danh hiệu Bồ Tát, đây gọi là đả Địa Tạng thất, hoặc đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát bảy ngày, trong một thất (bảy ngày). Thật sự kết thất niệm Phật, thật ra phải là bảy ngày bảy đêm chẳng gián đoạn, công đức lợi ích vô cùng thù thắng. Bảy ngày bảy đêm chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, người căn tánh lanh lợi bèn được nhất tâm, được nhất tâm bèn siêu phàm nhập thánh. Phía trước chúng ta thấy cô Quang Mục, cô Bà La Môn, họ đều dùng phương pháp niệm Phật nên chẳng phải là người phàm, nên họ có thể đi đến địa ngục. [Gặp] Quỷ vương trong địa ngục, cô hỏi quỷ vương nơi đó là nơi nào? Quỷ vương đáp: "Đây là địa ngục". "Tôi làm sao đến được?". Quỷ vương đáp "Có hai hạng người có thể vào địa ngục, thứ nhất là Bồ Tát, thứ nhì là tội nhân". Do đó có thể biết cô niệm Phật một ngày một đêm, niệm đến nhất tâm bất loạn nên mới có thể vào địa ngục. Đây là như kinh Di Đà nói: "Nếu một ngày… cho đến bảy ngày". Người lợi căn thì một ngày, một đêm bèn được nhất tâm, người căn tánh thấp hơn thì bảy ngày, bảy ngày bảy đêm có thể được nhất tâm. Hiện nay các đồng tu niệm Phật trong Niệm Phật Đường chúng ta, đừng nói một thất, niệm liên tiếp bảy cái thất cũng chẳng được nhất tâm, nguyên nhân là gì? Niệm Phật chẳng đúng như pháp. Chuyện phiền phức nhất là xen tạp, lúc niệm Phật vẫn còn vọng niệm xen tạp trong đó, như vậy thì không đúng như pháp. Nếu không có vọng niệm, thật sự đạt đến tiêu chuẩn này, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn thì bảy ngày bảy đêm có thể thành công.

Chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, xem Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có truyện pháp sư Oánh Kha đời Tống. Ngài là một người xuất gia phá giới, tập khí rất nặng, ngài tự biết rõ tương lai nhất định sẽ đọa địa ngục. Tạo tội nghiệp quá nhiều, tự mình chẳng có cách kiềm chế mình, tâm chuyển theo cảnh, vậy thì đâu có cách nào khác? Ngài tự biết rõ, 'giác tri túc nghiệp', chỗ hay của ngài là bốn chữ này, ngài biết tương lai nhất định sẽ đọa địa ngục, nghĩ đến đọa địa ngục bèn sợ hãi, ngài rất lo sợ. Ngài hỏi các bạn đồng tham làm sao có thể không đọa địa ngục? Những bạn đồng tham này bèn đưa cho ngài một cuốn 'Vãng Sanh Truyện'. Ngài coi Vãng Sanh Truyện, mỗi khi đọc một chuyện đều cảm động đến khóc. Coi xong ngài phát tâm nhất định cầu vãng sanh, đóng cửa phòng lại để niệm A Di Đà Phật, ba ngày ba đêm chẳng ăn cơm, cũng chẳng uống nước. Ba ngày ba đêm chí tâm chiêm lễ, tâm chân thành cảm động A Di Đà Phật, A Di Đà Phật bèn đến. Ngài niệm suốt ba ngày ba đêm đến lúc chịu không nổi nữa rồi ngả gục xuống, trong lúc hôn trầm, trong giấc ngủ mộng thấy A Di Đà Phật tới, đây là trong giấc mộng. Ngài xin đức Phật A Di Đà cầu vãng sanh, A Di Đà Phật nói với ngài "Thọ mạng của ông còn mười năm, ông hãy gắng

dụng công, mười năm sau lúc ông mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn ông". Ngài tự biết rõ về mình, ngài nói: "Tập khí của con quá nặng, thời gian mười năm dài như vậy, chẳng chống nổi sự dụ hoặc bên ngoài, chẳng biết sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp, vậy thì làm sao được! Con chẳng muốn sống mười năm nữa, con xin theo Phật đi ngay bây giờ". A Di Đà Phật nghe xong cũng gật đầu: "Thôi thì như vầy, ba ngày sau ta đến tiếp dẫn ông". Pháp sư Oánh Kha rất vui mừng bèn tỉnh dậy, chuyện này chẳng giả, ngài nói với đại chúng ba ngày sau sẽ vãng sanh. Cảnh giới hoàn toàn giống với cô Quang Mục, cô Bà La Môn, ba ngày ba đêm. Do đó trong kinh Di Đà nói "Nếu một ngày, …, đến bảy ngày" [là thật] chẳng giả, vấn đề là bạn có thể 'chí tâm' hay không? Bạn có thể 'không xen tạp' không?

Ngày nay công phu niệm Phật của chúng ta không thể đắc lực, nói thật ra hiện nay thì ít hoài nghi, nhưng không thể nói là không có, sự hoài nghi đó ngay cả bạn cũng chẳng biết. Nguyên nhân là gì? Đối với đạo lý và chân tướng sự thật của việc niệm Phật vãng sanh bạn cũng chẳng hiểu rõ triệt để, cho nên tâm hoài nghi của bạn chưa dứt. Thật sự hiểu rõ triệt để, chẳng hoài nghi, không hoài nghi thì nhất định sẽ chẳng lưu luyến thế gian này, do đó nếu còn lưu luyến thế gian này chứng tỏ bạn còn hoài nghi. Mục đích của sự giảng kinh thuyết pháp là ở chỗ này, thật sự giúp đỡ đại chúng đoạn nghi sanh tín. Sau đó công phu sẽ chẳng xen tạp, nếu làm đến mức chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chẳng có một ai không thành công hết. Cho nên đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, chẳng sanh bịnh. Pháp sư Oánh Kha chẳng sanh bịnh, niệm Phật rõ ràng mà vãng sanh; thời đại gần đây cũng có nhiều người làm được việc này. Chúng ta làm sao có thể nói không tin được? Tại sao họ có thể làm được? Không sanh bịnh là do sám trừ hết nghiệp chướng, chí tâm thì có thể sám trừ nghiệp chướng. Chúng ta còn sanh bịnh là còn nghiệp chướng, bạn chẳng chịu hết lòng sám trừ nghiệp chướng, cho nên còn bị ma bịnh trói buộc. Chân tâm sám hối thì sẽ tiêu trừ hết nghiệp chướng. Bịnh nghiệp chướng, sám hối có thể trị dứt, công đức bạn sám hối thật sự, oán gia trái chủ cũng xa lìa, cũng được hưởng ké, được lợi ích. Cho nên pháp sám hối nói thật ra, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều thuộc về pháp môn sám hối, hai chữ 'sám hối' bao gồm hết tất cả pháp môn tu hành của Bồ Tát, chẳng có pháp nào không phải là pháp sám hối. Phía sau nói về quả báo có được:

Như thị đẳng nhân, tận thử báo hậu, thiên vạn sanh trung, thường sanh tôn quý, cánh bất kinh tam ác đạo khổ.

Những người như thế sau khi mãn báo thân này, trong ngàn vạn đời về sau thường sanh vào nhà tôn quý, không phải trải qua nỗi khổ nơi ba đường ác nữa.

Đây là quả báo. Cho nên hiện nay bần cùng, hạ tiện thì phải biết nghiệp nhân của mình, biết nghiệp nhân rồi quay lại tu Bồ Tát đạo. Nếu nói, đây là nói thời quá khứ làm nô tỳ cho kẻ khác, bạn phải chịu chủ nhân kiềm chế, tự mình chẳng thể tự do, chẳng có bảy ngày bảy đêm để tu hành, thì lúc bình thường tu hành cũng được. Vả nữa trong các cách tu hành chẳng pháp môn nào thù thắng hơn pháp môn niệm Phật, pháp môn niệm Phật chẳng chướng ngại, mọi lúc mọi nơi trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, nhớ Phật niệm Phật cũng chẳng gây trở ngại cho công việc của bạn. Bạn làm việc gì thì cũng làm như thường, bạn còn làm được tốt hơn, làm viên mãn hơn. Trong tâm hết thảy đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Có khả năng thì có thể đọc kinh, chẳng có khả năng đọc kinh thì một câu A Di Đà Phật này cũng đủ rồi. Trong thời cận đại chúng ta gặp không ít người chỉ thọ trì một câu A Di Đà Phật, lúc vãng sanh tướng lành thù thắng phi thường, chúng ta nhìn thấy công đức lợi ích tận mắt. Cho nên nhất định phải niệm Phật, niệm Phật là công đức hạng nhất, niệm Phật là phước đức thù thắng vô biên. Nghiệp chướng tiêu trừ rồi thì phước báo tự nhiên hiện ra, nghiệp chướng chưa tiêu hết cũng chẳng màng, hết lòng nỗ lực tu học, đời sau nhất định có quả báo thù thắng. Không

những không đọa ba đường ác, mà còn siêu việt lục đạo luân hồi, còn có thể độ rất nhiều chúng sanh, thật sự là tự hành hóa tha. Chuyển thân tội báo thành thân Bồ Tát, đó không phải là cùng Bồ Tát ứng hóa hay sao, nên dùng thân nô tỳ để độ thì hiện thân nô tỳ để độ, như vậy chẳng phải là cùng một chuyện hay sao? Vấn đề là bạn đã thật sự giác ngộ hay chưa, thật sự giác ngộ thì dùng thân này để tu, dùng thân này để chứng quả, dùng thân này để độ hóa hết thảy chúng sanh. Bạn niệm Phật thành tựu, vãng sanh tự tại, nếu bạn có thể đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, thì cả nhà của bạn sẽ được độ.

Lúc trước ở Hương Cảng, bà chủ Đông Liên Giác Uyển là phu nhân Hà Đông, cụ niệm Phật vãng sanh nên độ được cả nhà. Cả nhà cụ đều theo đạo Cơ Đốc, chỉ có cụ niệm Phật, nhưng con cái cụ rất hiếu thuận, cũng rất thông minh, tuy tín ngưỡng khác nhau, người nhà họ rất tự do, đều tôn trọng lẫn nhau. Cụ ăn chay niệm Phật, con trai, con gái, con dâu cụ đều là tín đồ Cơ Đốc, họ đều tôn trọng lẫn nhau. Lúc cụ vãng sanh, cụ nói với các con: "Cả đời chúng ta đều rất tôn trọng, đều chẳng can thiệp vào tín ngưỡng của kẻ khác", cụ nói: "Hôm nay má vãng sanh, má chỉ có một yêu cầu là muốn các con niệm Phật tiễn đưa má ra đi". Con và con dâu cũng rất thông hiểu nhân tình và nói: "Dạ, tụi con sẽ niệm Phật tiễn má đi". Cụ thật sự ngồi mà vãng sanh, người nhà niệm Phật tiễn cụ đi. Chứng kiến cảnh tượng ấy mới biết Phật giáo chẳng phải giả, [sau đó] các con của cụ đều niệm Phật, đều quay trở về. Bạn hãy xem cụ rất kiên nhẫn độ người nhà của cụ, đến phút cuối cùng mới biểu diễn cho các con thấy; lúc thường ngày cụ chẳng khuyên họ, một câu cũng chẳng nói, rất tôn trọng các con, cuối cùng biểu diễn một phen cho họ coi, coi Cơ Đốc Giáo có thể ngồi mà vãng sanh không? Có thể biết trước ngày giờ ra đi không? Dùng phương pháp ấy mà độ cả nhà của cụ. Không những độ cả nhà mà còn ảnh hưởng đến cả xã hội. Đây chẳng phải là một nhà bình thường, ký giả đến phỏng vấn, đăng lên báo, bạn xem ảnh hưởng đến bao nhiêu người? Như vậy mới thật là có trí huệ. Phương pháp độ người nhà rất nhiều, bạn phải thật sự hiểu rõ, bạn phải biểu diễn cho họ thấy. Người hiện đại dùng miệng nói, họ chẳng tin thì biểu diễn cho họ coi, họ không thể không tin.

Trong chú giải trang 56, quý vị hãy coi, ở đây trích dẫn lời nói trong kinh Biện Ý, hàng thứ nhất trang 56.

"Phật cáo Biện Ý hữu ngũ sự đắc vi tôn quý, chúng nhân sở kính" (Phật bảo Biện Ý có năm sự việc được tôn quý, mọi người kính trọng),

Đây là nghiệp nhân, chỉ cần bạn chịu tu thì bạn sẽ được phước báo.

Thứ nhất là *'Thí huệ phổ quảng' (Bố thí rộng rãi)*, tức là bố thí nhiều, tu bố thí, dùng tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh tu bố thí, bạn sẽ được thân tôn quý.

Thứ nhì *"Lễ kính Tam Bảo cập chúng trưởng giả" (Lễ kính Tam Bảo và những người đức hạnh đáng tôn kính)*, đây tức là hộ trì Phật pháp, tôn kính sư trưởng.

Thứ ba là *"Nhẫn nhục vô hữu sân khuể" (Nhẫn nhục, chẳng nổi giận).*

Thứ tư *"Nhu hòa khiêm hạ" (Mềm mỏng, hiền hòa, khiêm tốn, nhún nhường),* đây là thái độ phải có khi xử sự, đãi người, tiếp vật.

Thứ năm *"Bác văn kinh giới" (Nghe rộng kinh giới)*, thông đạt kinh điển, đối với giới luật họ cũng hiểu rõ, có thể tuân giữ, làm được.

Đây là lời Phật dạy trong kinh: năm việc được người tôn kính, nghiệp nhân để được quả báo tôn quý, có địa vị trong xã hội. Do đó nếu bạn không tu nhân thì làm sao có quả báo được? Bạn muốn có quả báo thù thắng thì phải biết làm thế nào tu nghiệp nhân thù thắng, nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng sai.

Hôm nay đã đến giờ, giảng đến đây thôi.

Tập 24 (Số 14-12-24)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 56:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế trung, Diêm Phù Đề nội, Sát Lợi, Bà La Môn trưởng giả, cư sĩ, nhất thiết nhân đẳng cập dị tánh chủng tộc hữu tân sản giả, hoặc nam hoặc nữ, thất nhật chi trung, tảo ư độc tụng thử bất tư nghị kinh điển, cánh vi niệm Bồ Tát danh, khả mãn vạn biến, thị tân sanh giả hoặc nam hoặc nữ túc hữu ương báo, tiện đắc giải thoát, an lạc dị dưỡng, thọ mạng tăng trưởng, nhược thị thừa phước sanh giả, chuyển tăng an lạc, cập dữ thọ mạng.

Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời vị lai, nơi cõi Diêm Phù Đề, trong hàng Sát Lợi, Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ, hết thảy các người và những chủng tộc dòng họ khác, có người mới sinh được con trai hoặc con gái, trong vòng bảy ngày, sớm vì đứa trẻ đó mà tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ một vạn biến, thì đứa trẻ mới sinh đó, hoặc trai hoặc gái, nếu đời trước có ương báo thì đều được giải trừ, lại thêm yên ổn, vui vẻ, dễ nuôi, thọ mạng tăng trưởng, còn nếu nương nơi phước lực mà thọ sanh, thì nó càng được an vui hơn và sống lâu hơn.

Đây là dạy lúc sanh sản nên làm thế nào để tu phước. Sự việc này, vệ sinh, thuốc men hiện nay phát triển hơn lúc trước, tình huống tốt hơn lúc trước rất nhiều. Thời xưa, đặc biệt là những vùng nông thôn lạc hậu, sanh con là một việc lớn liên quan đến tánh mạng. Do đó đức Phật ở đây đặc biệt nêu ra, dạy chúng ta cách làm thế nào tu học, làm sao cho mẹ con được bình yên. Đức Phật trong kinh dạy chúng ta, quan hệ giữa người trong nhà vô cùng mật thiết, chắc chắn là có nhân duyên sâu xa, chẳng phải ngẫu nhiên mà tụ hợp. Nhân duyên vô cùng phức tạp, Phật quy nạp những nhân duyên phức tạp này thành bốn loại lớn, đó là như trong kinh thường nói: 'báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ', cho nên mới tụ lại thành người một nhà. Cha con, anh em, chị em đều chẳng rời những quan hệ này, do nhân duyên đời trước nên mới thành người một nhà, ngạn ngữ thường nói: *"Chẳng phải oan gia thì chẳng đụng đầu"*, lời này rất có đạo lý. Nhưng sau khi giác ngộ, người trong nhà của bạn biến thành quyến thuộc trong Pháp, như vậy rất tốt, rất thù thắng. Chẳng giác ngộ thì người trong nhà [tụ lại để] ân oán báo đền lẫn nhau, đó gọi là khổ chẳng nói nổi. Rốt cuộc thì báo ân rất ít, báo oán lại nhiều, trả nợ thì ít, đòi nợ thì nhiều, cho nên cả đời người thế gian xảy ra những *'chuyện chẳng như ý nhiều như cơm bữa'*, đây là sự thật mà chúng ta đã từng trải qua, đích thân nhìn thấy. Cho nên con cái sanh ra, nhất định phải hiểu nhân duyên đời trước của nó.

Quả báo đều là bình đẳng, bất luận giàu sang, nghèo hèn, trong kinh nói tới 'Sát Lợi', trước kia ở Ấn Độ là hoàng tộc, Bà La Môn là những nhà tôn giáo có địa vị cao trong xã hội, trưởng giả, cư sĩ đều có phước báo. Phía sau nói 'hết thảy các người và những chủng tộc dòng họ khác', phạm vi bao gồm rất rộng, bao gồm hết bốn dòng họ, giai cấp ở Ấn Độ, người Trung Quốc chúng ta gọi là nghèo, giàu, sang, hèn. Bất luận là thân phận nào, địa vị nào, sanh sản tuyệt chẳng thể tránh khỏi, hơn nữa sự đau khổ trong khi sanh sản đều bình đẳng, người giàu sang thì chăm sóc chu đáo một chút, người nghèo hèn thì chăm sóc tệ một chút. Nói tóm lại, nỗi khổ này chẳng thể nào tránh khỏi. Phật dạy chúng ta phương pháp 'trong vòng bảy ngày sớm vì đứa trẻ đó mà đọc tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này', phải 'sớm đọc'. Tốt nhất là nếu người trong nhà có tín ngưỡng Phật pháp, có thể tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, nên đọc vào lúc nào? Ngay lúc mang thai bèn đọc. Mỗi ngày đọc một bộ Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, hoặc niệm một ngàn danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, phải dùng tâm chân thành, cung kính để tụng niệm thì phước báo sẽ rất lớn. Cho dù đứa con trong thai đến để báo oán, là oán gia chủ nợ đến, nếu bạn có thể chăm sóc nó như vậy thì oán kết ấy sẽ được hóa giải. Bạn có ân đối với nó thì nó sẽ chẳng báo oán, nó sẽ đến cảm ơn, chuyển

biến phải bắt đầu từ lúc ban đầu. Ở đây nói ít nhất phải là bảy ngày trước khi sanh, đương nhiên càng sớm thì càng tốt. Cho nên khi chúng ta hiểu đạo lý này, biết phương pháp này, tốt nhất là khi mang thai bèn đọc, bèn tu tập theo phương pháp này. Người làm mẹ, tâm bình khí hòa, chân thành cung kính, thanh tịnh bình đẳng, khởi tâm động niệm gì cũng tuyệt đối sẽ ảnh hưởng đến đứa bé trong thai. Dùng lý luận khoa học hiện nay để nói thì mọi người dễ hiểu hơn, đây thuộc về hiện tượng ba động (làn sóng).

Nói theo Phật pháp, giống như hết thảy vạn pháp ở Tây Phương Cực Lạc thế giới đều phát ánh sáng, không những thân người phát ánh sáng, vạn vật cũng phát quang. Thật ra Cực Lạc thế giới quang minh chiếu khắp, thế gian này của chúng ta chẳng phóng quang hay sao? Nếu tất cả hết thảy người, vật ở thế gian này của chúng ta chẳng quang minh chiếu khắp như tây phương Cực Lạc thế giới thì Nhất Chân pháp giới sẽ chẳng đứng vững nữa. Đâu có lý nào chỗ này quang minh cực lớn, còn chỗ kia chẳng có quang minh, vậy thì chẳng có lý? Nhất định phải biết Nhất Chân pháp giới bao gồm thế giới này của chúng ta, chẳng phải nói rời khỏi thế giới này của chúng ta lại có một Nhất Chân pháp giới riêng rẽ, chẳng có đạo lý ấy! Trong kinh nói về một việc gì? Ở chỗ đó quang minh chiếu khắp, mọi người đều có thể đích thân cảm giác được, còn quang minh chiếu khắp ở thế gian này của chúng ta, chúng ta chẳng cảm giác được, là đạo lý như vậy chứ không phải là quang minh không có chiếu. Tại sao chúng ta chẳng có cảm giác? Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, tâm quá loạn rồi, vọng niệm quá nhiều, nên bạn chẳng nhìn thấy cảnh giới ấy; chẳng phải là không có, cùng Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng thế giới không hai không khác. Dùng cách nói của vật lý hiện đại thì rất dễ hiểu, quang là gì? Quang là hiện tượng làn sóng (ba động). Chỉ cần có động thì sẽ có sóng, hiện nay khoa học gia gọi là 'ba', nhà Phật chúng ta gọi là 'quang', quang chính là ba động. Hết thảy tất cả vật chất hiện nay đều biết, vật chất cấu tạo hình thành như thế nào? Phân tách đến cuối cùng biến thành nguyên tử, điện tử, lạp tử 2[2]. Những vật chất cơ bản này ở dưới trạng thái gì? Đều chuyển động. Đức Phật chẳng cần các dụng cụ khoa học, ngài nhìn thấy rất rõ ràng, hiện nay dụng cụ tân tiến nhất còn chưa quan sát tới, Phật đã nhìn thấy rõ ràng. Đức Phật nói những hiện tượng này cho chúng ta, lời của ngài nói rất khéo léo, rất uyển chuyển, nói ra chân tướng này, chẳng có ai tin tưởng, chẳng ai tiếp nhận. Thế nên cách nói như vậy rất vi diệu, rất cao minh, chúng ta gọi là thiện xảo phương tiện.

Phật nói hiện tượng vật chất, nói cho chúng ta bốn nguyên tắc 'địa, thủy, hỏa, phong' (đất, nước, lửa, gió) Địa thủy hỏa phong nói về cái gì? Nói về vật chất căn bản, hiện nay gọi là lạp tử cơ bản, nhất định có bốn hiện tượng này. 'Địa' là gì? Là một dạng vật chất có thể nhìn thấy được, thì gọi là 'địa'. Địa tượng trưng cho vật chất, mắt thịt chúng ta chẳng thể nhìn thấy, dưới kính siêu hiển vi có thể phát hiện, thấy được nó. Phật chẳng cần những dụng cụ này, mắt Phật gọi là Ngũ Nhãn Viên Minh, ngài có thể nhìn thấy, phàm phu chúng ta chẳng thể nhìn thấy. Thế nên mắt của ngài sắc bén hơn chúng ta, ngài nhìn thấy hiện tượng này. Vật chất căn bản hình thành như thế nào? Nó có mang điện. Cho nên 'hỏa đại' tức là điện dương, 'thủy đại' tức là điện âm, ngày nay chúng ta nói nó có ôn độ (độ ấm), có thấp độ (độ ướt). 'Phong đại' là gì? Là trạng thái di động, chẳng phải chỉ tịnh (ở yên một chỗ), đây là nói về vật chất căn bản. Hết thảy tất cả hiện tượng vật chất bao gồm cả những tổ chức tế bào của con người đều có hiện tượng này. Bạn nghĩ xem nó làm sao không có động được? Lạp tử căn bản cũng chuyển động ở đó. Động thì sẽ sanh ra 'ba' (sóng [năng lượng]), ba động có phạm vi bao lớn? Nói cho chư vị lý luận và phương pháp đều giống nhau, làn sóng này biến tận

---

2[2] Lạp tử là thuật ngữ khoa học để gọi những hạt cơ bản nhỏ hơn nguyên tử. Lạp tử gồm nhiều loại như: khoa khắc (quark), khinh tử (lepton), dẫn lực tử (graviton), quang tử (photon), giao tử (gluon), phản lạp tử (antiparticle)…

hư không pháp giới. Sau đó bạn nghĩ thử xem, vạn vật trời đất bao nhiêu chúng sanh khởi tâm động niệm, thì 'ba' (sóng) càng hiện rõ, phúc độ ba động (cường độ dao động) càng lớn. "Ba động" của vật chất tương đối vi tế, tương đối nhỏ, từ đó bạn mới biết làn sóng trong không gian sinh hoạt của chúng ta phức tạp đến mức nào. Trong kinh Phật nói thiện niệm, thiện tâm thì làn sóng sẽ ôn hòa, ổn định, bình lặng, sau khi tiếp xúc bạn sanh tâm hoan hỷ, tiếp xúc có cảm giác rất sung sướng. Ác niệm ác tâm thì làn sóng sẽ rất mãnh liệt, bạn cảm xúc đến cả thân người chẳng thoải mái. Hiện nay có người gọi hiện tượng này là 'từ trường', gọi là từ trường cũng được. Ở nội địa Trung Quốc, người luyện khí công gọi là 'khí', cũng được, đều là một việc này. Bạn gọi là 'khí' cũng được, trong Phật pháp gọi là 'quang', gọi là 'ba động', gọi là 'từ trường' đều cùng một đạo lý.

Do đó có thể biết khi thần thức đến đầu thai, nó có niệm đầu (một niệm), nó có làn sóng, thế nên khi người mẹ khởi tâm động niệm, hết thảy cử chỉ đều ảnh hưởng đến bào thai, vì vậy người Trung Quốc thời xưa chú trọng thai giáo, đạo lý là như vậy. Chúng ta hiểu được 'thai giáo' ghi trong sách xưa, trong đó có nói một số nguyên lý, nhưng nói chẳng rõ ràng, thấu triệt, đọc xong chúng ta nửa tin nửa ngờ, chẳng biết mức nghiêm trọng của ảnh hưởng [thai giáo], chẳng biết được! Ngày nay chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật của 'ba động' thì biết khởi tâm động niệm ảnh hưởng đến thai nhi rất nhiều, rất lớn, do đó người làm mẹ trong thời gian mang thai, khởi tâm động niệm đều là thiện, đều thanh tịnh, thì đứa bé trong thai nhận được lợi ích rất lớn, quá lớn! Người ta ai cũng hy vọng con cái của mình tốt lành, con hiếu cháu hiền. Làm sao dạy nó? Lúc mang thai, tự mình chúng ta phải hiếu thảo, phải tận hiếu, ba động của sự hiếu thảo ảnh hưởng tới đứa trẻ. Chúng ta tu Tịnh, tu thanh tịnh, tu phước, vậy mới thật sự dạy nó gieo trồng hạt giống [thanh tịnh, phước đức. Việc này] chẳng phải là không có đạo lý, nhất định chẳng có mê tín.

Tại sao đức Phật dạy chúng ta đọc bộ kinh này? Kinh này là Hiếu Kinh, tinh thần nói trong kinh này quy nạp vào bốn chữ 'hiếu thân tôn sư', hiếu thuận cha mẹ tôn kính sư trưởng là căn bản của sự giáo học thế gian và xuất thế gian. Chúng ta tu học Phật pháp Đại Thừa bắt đầu học từ đâu? Từ kinh Địa Tạng, Địa là tâm địa, Tạng là là kho tàng. Bảo tàng trong tâm địa là gì? Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng; 'đức' là phước đức, 'năng' là năng lực kỹ thuật; vô lượng tài nghệ là kho báu vốn có trong tự tánh chúng ta, đó gọi là Địa Tạng. Kho báu chôn dưới đất, giống như ngày nay chúng ta gọi là kho vàng bạc, nếu không khai thác mà cứ chôn vùi dưới đất, tuy có nhưng chúng ta chẳng được thọ dụng. Bạn phải biết khai thác, dùng phương pháp gì để khai thác? Khai thác kho báu trong tự tánh nhất định phải dùng tánh đức, phải dùng công cụ này, tương ứng với nó thì mới khai phá được. Trong tánh đức, tánh thù thắng nhất chính là 'hiếu kính', thế nên hiếu kính mới có thể khai phát kho báu tự tánh. Tu học Phật pháp Đại Thừa phải bắt đầu học từ đâu? Phải học Địa Tạng trước nhất, hạ thủ từ chỗ này. Học Hiếu Đạo trước, từ Hiếu Đạo xây dựng Sư Đạo, Phật pháp là Sư Đạo, Sư Đạo xây dựng trên cơ sở của Hiếu Đạo.

Thuở trước tôi thấy một số pháp sư đi Mỹ hoằng pháp, khi tiễn đưa họ, tôi khuyên họ đến Mỹ đừng xây chùa miếu, tôi khuyên họ xây Từ Đường, đề xướng Hiếu Đạo. Tại sao? Nếu không có Hiếu Đạo thì Phật pháp nhất định sẽ không bám rễ, sẽ chẳng xây dựng được đạo tràng Phật pháp, vì chẳng có cơ sở, Phật pháp là Sư Đạo. Xây từ đường tốt hơn, xây từ đường hoằng dương Phật pháp, hiệu quả lớn hơn xây chùa nhiều. Vì bạn xây chùa xong, người ta vừa nhìn thì thấy là Phật giáo, người chẳng tin Phật sẽ chẳng bước vô, cái duyên ấy bèn tuyệt mất. Tôi xây từ đường mỗi năm cúng tế tổ tiên, người Trung Quốc chẳng kể là tin theo tôn giáo nào, ai cũng chẳng quên tổ tiên, họ phải tới tham gia lễ cúng tổ tiên. Trong lúc cúng tế có thể giảng giải Phật pháp, có thể giảng giải giáo học truyền thống của Trung Quốc, được vậy thì dần dần có thể cảm

hóa hết thảy đại chúng. Do đó dùng từ đường làm đạo tràng tốt hơn chùa miếu nhiều lắm. Nhưng những pháp sư này chẳng nhận lời đề nghị của tôi. Người Nhật, người Trung Quốc xây đạo tràng ở Mỹ rất nhiều, trên thực tế đều là độ cho kiều dân Trung Quốc, rất ít người [Mỹ] ở địa phương ấy bước vô, nguyên nhân là ở chỗ này, chúng ta đã lộn ngược đầu đuôi rồi. Cho nên tuy đã xây dựng hơn một trăm năm, dùng thí dụ như ở Mỹ, Phật pháp được truyền đến Mỹ đã trên một trăm năm, ngày nay chẳng có biện pháp bám rễ, chẳng có biện pháp hoằng dương, rất nhiều người không biết nguyên nhân ở chỗ nào.

Khi giảng kinh khắp nơi ở Mỹ, tôi thường nhắc nhở mọi người, chúng ta chẳng có phước báo, sức lực rất yếu kém, tôi đề xướng hiện đại hóa và bản địa hóa. Bạn xây đạo tràng ở Mỹ, hình thức của đạo tràng nhất định phải dùng kiến trúc của Mỹ, nhất định không thể xây theo lối kiến trúc cung điện của Trung Quốc ở Mỹ, người Mỹ vừa nhìn thấy liền nghĩ đây là từ ngoài đến, văn hóa nước ngoài, lập tức sanh khởi tâm bài xích, sẽ không chịu bước vào. Do đó tôi khuyên mọi người xây đạo tràng ở Mỹ phải xây như thế nào? Xây giống như tòa Bạch Cung, xây giống [tòa nhà] Quốc Hội của Mỹ. Hình tượng Phật, Bồ Tát ở trong ấy nhất định phải tạo giống gương mặt của người Mỹ, người Mỹ vừa nhìn liền nghĩ "À, đây là người nhà mình", như vậy mới độ họ được. Chúng ta phải biết, hai ngàn năm trước Phật pháp truyền đến Trung Quốc, những cao tăng Ấn Độ thông minh, họ tạo tượng Phật có gương mặt của người Trung Quốc, xây đạo tràng có hình thức của người Trung Quốc. Người Trung Quốc tôn kính nhà vua nhất, vua cư trú trong cung điện, họ phỏng theo phương thức ấy mà xây đạo tràng, người dân nhìn thấy rất ưa thích. Trong đời này có ai đủ phước có thể vào hoàng cung tham quan một phen bao giờ? [Một người dân thường] chẳng có cơ duyên này, chẳng có phước ấy thì đi vào chùa cũng như vào hoàng cung vậy, do đó họ nhất định sẽ vào chùa. Phải hiểu đạo lý này, đây là cơ sở vật chất.

Nội dung ở trong [đạo tràng] nhất định phải dạy 'Hiếu', phải dạy 'Kính', phải bắt đầu từ Hiếu Kính, người đời xưa biết được. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, tại sao lại được triều đình nhiệt liệt hoan nghinh? Lý tưởng và quan niệm cơ bản của giáo học Phật giáo cùng với giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc chẳng hẹn mà giống nhau, giáo học của nhà Nho cũng xây dựng trên cơ sở của Hiếu Đạo, Phật pháp cũng vậy. Vả nữa, Phật pháp giảng tường tận hơn nhà Nho, giảng rõ ràng, rành rẽ hơn, thế nên truyền đến Trung Quốc bèn được triều đình tiếp nhận nồng nhiệt, đạo lý là như vậy. Phật pháp đối với xã hội, đối với quốc gia, với nhân dân, đích thật có lợi ích, tuyệt chẳng phải là mê tín. Trong lịch sử Trung Quốc những người tu học Phật pháp là người nào? Đều là giai cấp sĩ đại phu, thời xưa gọi là giai cấp sĩ đại phu, ngày nay gọi là phần tử trí thức, chẳng phải người thường. Người thật sự có học vấn, có đạo đức lại tu học Phật pháp, tiếp nhận Phật pháp, tin theo Phật pháp, y giáo phụng hành, như vậy mới thật sự đạt được hiệu quả thay đổi phong tục, khơi động trào lưu trong nhân gian, phong khí ấy là phong khí lành mạnh.

Hiện nay chùa chiền đã biến chất, chẳng còn dạy học, lúc trước chùa chiền là trường học, là nơi dạy học. Hiện nay thay đổi rồi, biến thành chỗ siêu độ người chết, vậy là hoàn toàn biến chất, biến đổi quá lớn. Chuyện siêu độ này vốn chẳng có trong Phật giáo, tại sao lại biến đổi thành hiện tượng này? Lúc tôi mới bắt đầu học Phật, tôi thân cận Đạo An pháp sư, lúc đó chúng tôi cùng nhau lập Đại Chuyên Phật Học Giảng Tọa, tôi hỏi lão pháp sư: "Phật sự [siêu độ] bắt đầu từ nguyên nhân gì? Tại sao lại biến thành như vậy?". Ngài nói với tôi một hồi, tôi nghĩ cũng rất có lý. Ngài nói chuyện này có lẽ bắt đầu từ thời nhà Đường, năm Khai Nguyên, thời đại của Đường Minh Hoàng, vì những năm cuối, nhà vua sủng ái Dương Quý Phi, dẫn đến dị nghị trong triều, [sau đó] An Lộc Sơn tạo phản, gần bị mất nước. May nhờ Quách Tử Nghi dẹp loạn này, số dân quân bị tử thương rất nhiều. Cho nên dẹp xong cuộc loạn này, triều

đình bèn xây một chùa ở mỗi chiến trường, các chùa này đều gọi là 'Khai Nguyên Tự', là vì vậy mà chùa Khai Nguyên được xây dựng. Xây những đạo tràng này là nhằm truy điệu những người dân, người lính bị tử nạn, mời pháp sư tụng kinh để siêu độ, đó gọi là pháp hội truy điệu, là bắt đầu như vậy. Triều đình, quốc gia đề xướng truy điệu vong hồn tử nạn, trong dân gian bèn bắt chước làm theo, nên khi người già mất đi cũng mời pháp sư đến để siêu độ, lúc đó việc siêu độ cũng là một việc phụ. Trong đạo tràng cũng vẫn giảng kinh, thuyết pháp, hướng dẫn đại chúng tu hành, [siêu độ chỉ] là chuyện phụ thêm. Hiện nay siêu độ lại trở thành việc chính, còn việc chính yếu thật sự lại biến mất, chẳng còn nữa, đổi việc phụ thành việc chính, là điên đảo hết rồi, như vậy nên biến thành mê tín. Chúng ta phải biết những sự thật này đã diễn biến, hình thành như thế nào.

Nói thật ra những lý luận phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc của việc siêu độ đều nằm trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Người [thực hành việc] siêu độ làm thế nào thật sự làm cho người mất có thể rời khỏi ác đạo, có thể sanh lên trời hưởng phước trời. Trong kinh đã giảng rất rõ ràng, bản thân người siêu độ phải chứng quả thì mới được; nếu bản thân không thể nâng cao cảnh giới của mình, chẳng thể chứng quả thì người được siêu độ (người mất) được lợi ích rất có hạn. Giống như thí dụ trong kinh, như cô Quang Mục là một người con có hiếu, biết mẹ mình lúc còn sống tạo rất nhiều tội nghiệp. Cô hiểu biết Phật pháp, nếu làm những hạnh nghiệp như mẹ cô đã làm cả đời, tương lai nhất định phải đọa địa ngục, đọa địa ngục thì sẽ rất khổ, địa ngục dễ vào nhưng rất khó thoát ra. Cô muốn cứu mẹ nên chỉ còn cách cầu Phật. Phật dạy cô phương pháp gì? Dùng phương pháp niệm Phật, [đức Phật] chẳng dạy cô cách gì khác. Cô gái Bà La Môn cũng dùng phương pháp niệm Phật, cô Quang Mục cũng dùng phương pháp niệm Phật, họ chẳng dùng cách khác, chỉ niệm Phật.

Cô Bà La Môn niệm một ngày một đêm, ngày nay chúng ta gọi là tinh tấn niệm Phật, cô là phàm phu nhưng vì muốn cứu mẹ nên trong vòng một ngày một đêm cô niệm rất chân thành, rất khẩn thiết, rất đúng như pháp, niệm một ngày một đêm bèn được nhất tâm bất loạn; kinh Di Đà nói 'Nếu một ngày, nếu hai ngày, …, đến bảy ngày'. Được nhất tâm bất loạn, cô bèn chứng quả, nên trong Định cô có thể đến địa ngục, quỷ vương trong địa ngục thấy cô tới, chắp tay xưng cô là Bồ Tát. Từ phàm phu cô tu hành trong một ngày một đêm liền siêu phàm nhập thánh, đạo lý là ở chỗ này. Quỷ vương hỏi cô: "Bồ Tát, cô đến đây làm gì?". Cô hỏi quỷ vương: "Đây là chỗ nào?". Quỷ vương trả lời: "Đây là địa ngục", chỉ có hai hạng người có thể đến địa ngục, một là người tạo nghiệp thọ báo; hai là Bồ Tát, nếu chẳng phải hai hạng người này thì nhìn chẳng thấy địa ngục. Cô hỏi tiếp, hỏi thăm tung tích của mẹ cô, quỷ vương đáp: "Ba ngày trước mẹ cô đã sanh lên cõi trời Đao Lợi, không những mẹ cô được sanh, những người cùng chịu tội với mẹ cô đều được sanh lên trời Đao Lợi." Nghe nói bà có một người con hiếu thuận tu phước cho bà, cúng dường Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, có phước báo này nên bà được sanh lên trời.

Bà làm sao có phước báo này? Nếu mẹ cô chẳng tạo tội đọa địa ngục, có thể cả đời cô Bà La Môn cũng chẳng đạt đến cảnh giới này, lúc bình thường niệm Phật rất giải đãi, lơ là thì làm sao niệm đến nhất tâm được? Đây là vì cứu mẹ nên phải liều mạng! Một ngày một đêm cảnh giới bèn chuyển biến, bèn nâng cao. Cô có thể chuyển phàm thành thánh là nhờ sức mạnh gì? Nhờ duyên của mẹ cô giúp cô, mẹ cô được sanh lên trời là do đạo lý này. Nếu cô chỉ siêu độ trên hình thức thì không ăn nhằm gì cả, tự mình chẳng được phước, người được siêu độ cũng chẳng được phước. Pháp giới của ác đạo cùng pháp giới của con người chẳng khác nhau. Nếu nói gia đình của bạn, con cái bạn được giáo dục rất tốt, được mọi người trong xã hội tôn trọng; bạn làm tổng thống, làm bộ trưởng, cha mẹ của bạn đi đến chỗ nào cũng được người ta tôn kính, đạo lý cũng giống như vậy. Nếu bản thân bạn chẳng có thành tựu, cha mẹ bạn làm sao được quý

thần cung kính? Cho nên trong kinh nói về siêu độ, bảy phần công đức tự mình được sáu phần, người được siêu độ chỉ được một phần. Tự mình niệm Phật một ngày một đêm, niệm đến nhất tâm bất loạn, đó là công đức chính cô đạt được, mẹ cô được hưởng lây, hưởng phước của cô nên bà được sanh lên trời Đao Lợi, đây là một phần bảy công đức. Nếu tự mình không thành tựu, thì đối phương sẽ chẳng được phước lớn như vậy.

Thông thường thì bố thí chỉ là mời họ đến dùng cơm, như 'Phóng Diệm Khẩu' là mời khách, mời dùng cơm, [làm cho] họ được no ấm mà thôi, chẳng giúp họ rời khỏi ác đạo. Muốn thật sự rời khỏi ác đạo, trong pháp sự siêu độ, những pháp sư ấy tùy văn nhập quán, sau buổi pháp sự ấy họ thật sự thành Bồ Tát, cảnh giới của họ nâng cao thì hiệu quả của việc siêu độ mới lớn, hết thảy những người được siêu độ nhất định sẽ được sanh lên trời. Nếu bạn hỏi tại sao được sanh lên trời? Vì trong Phật sự siêu độ, các pháp sư ấy hết lòng nỗ lực, dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng để tu học, chính họ siêu phàm nhập thánh, từ địa vị phàm phu nâng cao đến Bồ Tát, là đạo lý như vậy. Nếu làm xong Phật sự mà bạn vẫn còn là phàm phu thì bạn chẳng có sức mạnh như vậy. Thế nên chúng ta phải hiểu đạo lý, làm Phật sự siêu độ phải hết lòng, niệm những kinh văn ấy, niệm những kệ tụng ấy nhất định phải khế nhập cảnh giới, sau khi nhập cảnh giới phải không thoái chuyển, thì công đức đó vô lượng vô biên, phước họ được sẽ không biết là bao lớn! Không thể nói làm qua loa, sơ sài cho hết trách nhiệm, không thể như vậy. Việc siêu độ làm sao có thể trả giá được? [Nếu làm việc siêu độ như] làm ăn buôn bán thì công đức gì cũng không có, hoàn toàn rơi vào hình thức, vậy thì sai rồi. Không những chỉ siêu độ vong linh, mà thật sự cũng siêu độ cho mình, tự mình siêu độ rồi thì vong linh sẽ được siêu độ theo, nếu tự mình chẳng có biện pháp siêu độ thì chắc chắn sẽ không siêu độ vong linh nổi. Phật pháp thường nói tự mình chưa độ mà muốn độ người khác, chẳng bao giờ có chuyện ấy, chẳng có đạo lý như vậy! Trong kinh này chúng ta thấy, cô Bà La Môn thật sự chính mình đã được độ, chính mình được độ xong mới có thể độ người ta, những vong linh này nương nhờ phước lực của cô để siêu sanh. Siêu sanh cao nhất cũng chỉ đến trời Đao Lợi, lên những cõi cao hơn nữa phải tự mình có công phu tu hành, người ta muốn giúp cũng chẳng giúp nổi.

Làm Phật sự siêu độ, ở Trung Quốc quy mô lớn nhất là vào đời Lương Võ Đế, Lương Võ Đế siêu độ phi tử của ông, người chủ trì pháp hội siêu độ này là vị cao tăng đương thời: Bảo Chí Công. Sau này chúng ta biết Bảo Chí Công là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân tái lai. Quán Thế Âm Bồ Tát đích thân chủ trì pháp hội siêu độ, sau đó Lương Hoàng Sám được truyền [cho đến nay]. Quán Thế Âm Bồ Tát chủ trì pháp hội này, siêu độ phi tử của Lương Võ Đế cũng chỉ lên đến trời Đao Lợi, chư Phật Như Lai có chủ trì thì cũng được vậy mà thôi. Nương nhờ vào phước báo của người khác chỉ có thể đạt đến cảnh giới này, muốn lên trên nữa phải dựa vào sự tu hành của chính mình, chính mình chẳng có công phu tu hành thì không được! Nương phước báo của người khác thì cao nhất chỉ có thể đến trời Đao Lợi. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý và chân tướng sự thật này. Cho nên khi chính mình tu hành thật sự chuyển được cảnh giới, thật sự có công phu, thì Phật sự siêu độ có thể chẳng cần hình thức.

Chúng ta đọc Ảnh Trần Hồi Ức Lục thấy trong lời của Đàm Hư pháp sư kể lại, lúc đó ngài cùng ba, bốn người bạn cùng nhau nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, trong đó có một đoạn 'Đóng cửa tám năm đọc Lăng Nghiêm'. Đây là những cư sĩ tại gia, mỗi ngày còn phải làm việc, bôn ba công việc, chẳng thể chuyên tâm. Nhưng dùng tám năm để học một bộ kinh, ít nhiều thì họ cũng có công phu định lực, nếu tám năm học mười bộ, tám bộ thì sẽ chẳng có hiệu quả. Tám năm dồn sức vào một bộ kinh, tâm định trên bộ kinh này, oán thân trái chủ tìm họ nhờ siêu độ. Ông thoạt nhìn thấy linh quỷ đến bèn sợ hãi, họ đều là oan gia đời trước, sợ họ đến kiếm chuyện phá rối. Những oan gia chủ nợ này đến quỳ trước mặt ông, cầu xin ông siêu độ cho họ, tâm của ông mới hết sợ, biết họ chẳng phải tới kiếm chuyện. Làm thế nào siêu độ? "Chỉ cần ông nhận lời là được".

"Được! tôi đồng ý". Ông thấy oan hồn ấy đạp lên đầu gối, đạp lên vai ông rồi bay lên trời, nghi thức gì cũng chẳng cần làm. Khi chính bạn đạt đến cảnh giới này, có công phu này thì họ sẽ nhờ phước báo của bạn, chỉ cần bạn đồng ý là được. Cho nên bạn phải biết việc siêu độ vong linh hoàn toàn dựa vào đức hạnh và công phu tu hành của chính mình.

Ngày nay trong pháp hội siêu độ ở Cư Sĩ Lâm, chúng ta kết hợp giảng đường với niệm Phật đường của chúng ta, sức mạnh này rất lớn! Phía dưới [noi theo] hình thức làm Phật sự siêu độ, nội dung thật sự trong đó nương vào Niệm Phật Đường, do đó sự siêu độ này rất thù thắng. Chắc chắn những sự siêu độ hồi trước chẳng sánh bằng, đích thật có chư Phật, Bồ Tát trong đạo tràng, có thiện thần hộ pháp trong đạo tràng. Những pháp sư, đồng tu làm việc siêu độ này dùng tâm chân thành, thanh tịnh nên cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, thật sự tu vô lượng vô biên phước báo. Chúng ta hiểu đạo lý này, hiểu cảm ứng của "tâm điện", nói thật ra [tâm điện] tức là những làn sóng tư tưởng, khởi tâm động niệm, tất cả đều là thiện, thuần thiện. Sức mạnh của những làn sóng này mạnh, có thể nhiễu loạn những làn sóng ác niệm của hết thảy chúng sanh, kể cả những quỷ thần trên thế gian, chúng ta quân bình những làn sóng ác, làm vậy tạo nên hiệu quả rất lớn. Trong ấy đích thật có đạo lý.

Đoạn này nói niệm kinh Địa Tạng lúc sanh sản có lợi ích. Khi niệm kinh nếu có thể hiểu rõ lý luận, phương pháp, cảnh giới nói trong kinh thì sức mạnh càng thù thắng. Do vì bạn hiểu được, khi bạn đọc thì tùy văn nhập quán, lúc bình thường chúng ta không thể chuyển cảnh giới, ít nhất thì lúc đọc tụng có thể chuyển cảnh giới được một chút; bạn có thể chuyển một phần, hai phần cũng có hiệu quả, hiệu quả được tỏ lộ qua các làn sóng. Nếu thấu hiểu sâu hơn, lúc thường ngày có thể y giáo tu hành thì sức mạnh ấy chẳng thể nghĩ bàn. Phía sau nói về quả báo *'thị tân sanh tử'*, đứa bé mới vừa sanh, hoặc trai hoặc gái, *'túc hữu ương báo, cánh đắc giải thoát',* nếu đời trước nó tạo tội nghiệp, đời này đến để thọ báo thì tội nghiệp ấy bị tiêu mất. Đích thật là tiêu trừ nghiệp chướng cho đứa bé, tiêu trừ nghiệp chướng vào lúc này thì dễ hơn. Khi đứa bé trưởng thành, mỗi ngày từ sáng đến tối nó suy nghĩ lung tung, tới lúc đó bạn muốn tiêu trừ nghiệp chướng sẽ chẳng được. Lúc bây giờ [còn nhỏ] nó hoàn toàn nghe lời nên tiêu trừ nghiệp chướng đều phải làm ngay bây giờ. Do đó chúng ta mới thấu hiểu việc cổ thánh tiên hiền nói về thai giáo quan trọng dường nào, đây là thai giáo [nói] trong nhà Phật.

Sau đó nói *'an lạc dị dưỡng, thọ mạng tăng trưởng'*, đứa bé này nghiệp chướng tiêu trừ, tai nạn cũng tiêu trừ, rất dễ nuôi, thọ mạng tăng trưởng. Nếu đứa bé này thừa phước mà sanh, đời quá khứ nó có tu phước, tức là chúng ta có nói nó đến để báo ân, đời quá khứ chịu ân đức với cha mẹ, tự mình cũng tu phước. *'Chuyển tăng an lạc, cập dữ thọ mạng'*, bạn có thể dạy nó, giúp nó, thì phước báo của nó càng lớn, thọ mạng càng dài. Chú giải chú rất hay, chúng ta có thể tham khảo, không cần nói thêm. Xem đoạn kinh tiếp theo, quyển trung, trang 59:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế chúng sanh, ư nguyệt nhất nhật, bát nhật, thập tứ nhật, thập ngũ nhật, thập bát nhật, nhị thập tam, nhị thập tứ, nhị thập bát, nhị thập cửu nhật, nãi chí tam thập nhật, thị chư nhật đẳng, chư tội kết tập, định kỳ khinh trọng.

Lại nữa, này Phổ Quảng, trong mỗi tháng, ngày mùng một, mùng tám, mười bốn, mười lăm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín và ba mươi là những ngày kết tập các nghiệp tội, thẩm định nặng nhẹ.

Chúng ta xem trước đoạn này. Đoạn này trong Khoa Chú gọi là "Trai tụng cảm báo', trong kinh nói về ngày Thập Trai, có kinh nói về Lục Trai, đều tính bằng âm lịch,

hiện nay càng ngày càng ít dùng âm lịch, cả thế giới hiện nay đều dùng dương lịch. Ở đây nói sáu ngày trai, 'ư nguyệt' [nghĩa là] mỗi tháng, mồng một, mồng tám, mười bốn, mười lăm, tháng thiếu có hăm chín, tháng đủ có ba mươi. Đức Phật nói những ngày này đều là ngày các vị thiên địa quỷ thần đi tuần tra trong thế gian, cho nên chúng sanh khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động có khi làm lành, có khi làm ác, các quỷ thần đều ghi chép, họ ở nơi đó điều tra, đây là *'chư tội kết tập, định kỳ khinh trọng'*. Nói thật ra, những việc này dùng cách nói hiện nay đều liệt vào 'hồ sơ', đến lúc lâm chung nếu không có phước đức, khi gặp vua Diêm La bèn lấy 'hồ sơ' này ra để định đoạt quả báo nặng nhẹ. Những chuyện này rốt cuộc có hay không, có phải là mê tín hay không? Nói cho chư vị biết, [những chuyện này đều] có thật! Tại sao? Thế gian chúng ta cũng như vậy. Bạn coi mỗi ngày cảnh sát đi tuần, lúc bạn phạm tội thì cảnh sát hình sự đến điều tra bạn, phải tìm kiếm chứng cớ phạm tội của bạn, sau đó mới phán xử. Người thế gian chúng ta định tội một người, tìm một chứng cớ rất khó, không dễ, [nhưng] quỷ thần tìm chứng cớ của bạn, bạn chẳng có biện pháp ẩn dấu, chúng ta có thể lừa gạt người nhưng không thể lừa gạt quỷ thần. Hiện nay dùng khoa học để biện án, dùng khoa học để trắc nghiệm lời nói dối, đâu biết rằng những quỷ thần ấy chẳng dùng các công cụ khoa học này, họ trực tiếp dựa trên tư liệu của làn sóng điện để kết án, khởi tâm động niệm gì họ cũng biết, đúng như câu nói *'trên đầu ba thước có thần minh'*, con người có thể tự gạt mình, gạt người khác, nhưng chẳng gạt nổi quỷ thần.

Đặc biệt là chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh đức Phật nói nhân số ở tây phương Cực Lạc thế giới quá lớn, chẳng có cách chi tính đếm. Những người đến tây phương Cực Lạc thế giới đều là người tu pháp môn niệm Phật từ mười phương thế giới của chư Phật vãng sanh đến, chẳng phải chỉ có thế giới này của chúng ta mà thôi; mười phương hết thảy thế giới chư Phật, mỗi ngày số người vãng sanh không biết là bao nhiêu mà kể. Sanh đến thế giới Cực Lạc, họ có thần thông đạo lực, hầu như bằng với đức Phật A Di Đà, chúng ta đọc thấy trong kinh. Thiên nhãn, thiên nhĩ của những người này, dùng cách nói hiện nay của chúng ta là bén nhạy nhất, tận hư không, trọn khắp pháp giới, họ đều nhìn thấy, sự khởi tâm động niệm của hết thảy chúng sanh họ đều biết, họ có tha tâm thông. Năng lực thần thông của quỷ thần rất có hạn, năng lực của quỷ thần chắc chắn không bằng A La Hán, năng lực của A La Hán có thể biết năm trăm đời, trong vòng năm trăm đời của một người, tình huống trong mỗi đời, mỗi kiếp, A La Hán đều biết. Quỷ thần chẳng có năng lực này, đại khái những gì bạn làm gần đây, họ biết được. Chuyện một năm, hai năm, mấy tháng, họ biết rất rõ ràng, họ có năng lực này. Năng lực của người ở tây phương Cực Lạc thế giới rất mạnh, quá mạnh! Chúng ta ở đây khởi tâm động niệm gì họ đều biết rõ, chúng ta muốn vãng sanh về Cực Lạc thế giới, nếu tâm niệm của bạn chẳng thiện, hành vi chẳng thiện, cả ngày niệm A Di Đà Phật, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu chẳng gián đoạn, tương lai cũng không thể vãng sanh nổi. Tại sao niệm Phật không thể vãng sanh? Mỗi ngày bạn chấp trì danh hiệu là khẩu thiện, nhưng tâm bạn chẳng thiện, hành vi chẳng thiện. Điều kiện vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới là ba nghiệp thanh tịnh, trong ba nghiệp quan trọng nhất là 'tâm', tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, tâm thiện thì ngôn hạnh nhất định sẽ thiện, như vậy mới có thể vãng sanh, chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Cho nên bạn coi kinh Vô Lượng Thọ nói về điều kiện vãng sanh, bất luận là bậc thượng, bậc trung, bậc hạ, *điều kiện quan trọng nhất là 'phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm'*. Nếu chúng ta chỉ làm được nhất hướng chuyên niệm, chẳng phát Bồ Đề tâm thì không thể vãng sanh. Nói thêm một lời thành thật, khi thật sự phát Bồ Đề tâm, chẳng niệm Phật cũng có thể vãng sanh. Trong kinh nói về một niệm lúc lâm chung, mười niệm đều có thể vãng sanh, tại sao? Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là tâm thiện, tâm thiện, hạnh thiện một đời chẳng niệm Phật, đến lúc lâm chung niệm một tiếng, mười

tiếng đều chắc chắn vãng sanh. Nếu không phát Bồ Đề tâm, tâm chẳng thiện, hạnh chẳng thiện, mỗi ngày đều niệm A Di Đà Phật, người xưa nói: *"Hét bể cổ họng cũng uổng công"*! Tây phương Cực Lạc thế giới là 'nơi các người thiện tụ hội một chỗ', chúng ta không thiện thì không hợp với họ, chẳng có cách chi sống chung, họ đều là thượng thiện, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Tại sao mỗi ngày gắng sức niệm Phật? Vì sợ lúc lâm chung quên mất. Mỗi ngày niệm Phật cũng như huấn luyện vậy, cũng như câu *'luyện binh ngàn ngày, chỉ dùng trong một buổi'*. Mỗi ngày huấn luyện không ngừng, mỗi giờ mỗi phút đều đề khởi câu Phật hiệu, đề khởi câu Phật hiệu này có dụng ý rất sâu, rất rộng; không những là không để Phật hiệu quên mất, không thể quên mất tâm của Phật, nguyện của Phật, hạnh của Phật, tâm của ta phải giống y như tâm Phật. Cho nên khi nghe đến Phật hiệu, nhìn thấy tượng Phật, thì phải nghĩ tâm mình phải giống như vậy, nguyện của mình cũng phải giống như vậy, hạnh của mình cũng phải giống như vậy, làm vậy thì bạn nhất định sẽ được sanh. Tâm, nguyện, hạnh tương ứng tức là phát Bồ Đề tâm, đây là điều kiện nhất định phải có để vãng sanh, thật sự có thể làm được tâm, nguyện, giải, hạnh tương ứng với đức Phật A Di Đà, đó chính là Bồ Đề tâm viên mãn.

Do đó đương nhiên sẽ buông bỏ danh văn lợi dưỡng và ngũ dục lục trần trong thế gian, nhất định phải tu đức, vinh hoa phú quý chẳng thể thường còn, phải nhìn xa, phải nhìn rộng. Trong một đời này của chúng ta, sanh mạng rất ngắn ngủi, thế gian rất khổ, chúng ta nhìn xa, nhìn rộng thì tiền đồ vô cùng xán lạn. Ngày nay không gian sinh hoạt của chúng ta hạn cuộc ở trên địa cầu này, tuy khoa học kỹ thuật phát triển, giao thông tiện lợi nhanh chóng, chúng ta vẫn chẳng rời khỏi địa cầu. Nếu vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, không gian sinh hoạt của chúng ta sẽ rất lớn, tận hư không, trọn pháp giới là không gian sinh hoạt của chúng ta, bạn nói như vậy thì tự tại biết mấy, đó mới gọi là hạnh phúc thật sự! Đến tây phương Cực Lạc thế giới thì trí huệ, năng lực đều khôi phục, như chư Phật, Bồ Tát tùy loại hóa thân. Giống như kinh Phạm Võng có nói 'trăm ngàn ức hóa thân', kẻ ấy có năng lực này, cùng lúc có thể đến hết thảy cõi nước chư Phật nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, có khả năng phân thân, trên cúng dường chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh, họ thật sự có khả năng này.

Trong kinh này đức Phật đề xướng nhất định phải đoạn ác tu thiện [ít nhất là] sáu ngày, mười ngày trong một tháng. Chẳng phải nói thường ngày không cần, những ngày này quỷ thần đến khảo sát nên đặc biệt làm một chút chuyện tốt cho họ coi, đây là bất đắc dĩ. Nếu mỗi ngày đều làm như vậy thì đương nhiên càng tốt, càng thù thắng. Sợ bạn làm chẳng nổi, mỗi tháng dạy bạn tu mười ngày, ít hơn thì sáu ngày, có tu vẫn tốt hơn không tu. Nếu có thể tu hằng ngày thì phước báo của bạn quá thù thắng rồi. Ngày nay trong các phương pháp tu của chúng ta thì niệm Phật tốt nhất. Niệm Phật, trường trai! Ý nghĩa của chữ 'Trai' vốn là tu tâm thanh tịnh, tâm 'Trai' là cầu tâm thanh tịnh. Về sau biến thành trì ngọ, không ăn quá ngọ, 'ngọ' là hai giờ từ mười một giờ đến một giờ, đều là giờ ngọ. Nói nghiêm khắc theo Phật pháp thì là quá 'trung' (giữa ngày), 'chẳng ăn quá giữa ngày' mới gọi là 'trì trai'. Thời điểm 'Giữa ngày' thay đổi hằng ngày, hơn nữa mỗi địa phương còn có giờ sai khác. Hiện nay nếu thường đi du lịch thì chuyện này càng phiền phức, mỗi nơi mấy giờ, mấy phút, mấy giây mới là 'giữa ngày', bạn phải biết thật rõ ràng, chuyện này tương đối phiền phức. Lúc trước cả đời trụ ở một đạo tràng thì dễ dàng hơn, thời điểm 'giữa ngày' ở nơi đó, thời xưa dùng 'nhật quỹ' 3[3] để đo lường, ngày trời không mưa có thể đo lường thời điểm 'giữa ngày', mỗi ngày sai khác bốn 'giây', nhất định phải hiểu việc này. Ngày nay có thể dùng lịch thiên văn, chỉ cần bạn biết kinh độ, kinh độ ở địa phương đó, dùng lịch thiên văn thì chẳng sai.

3[3] dụng cụ đo bóng mặt trời để tính thời giờ

Do đó chấp trước việc này cũng chẳng thuận tiện, rất phiền phức, đối với đời sống nói thật ra cũng tạo nên áp lực, vậy cũng chẳng bằng chúng ta mỗi ngày đúng như pháp thì tốt nhất. Hiểu rõ những chân tướng sự thật này, tự hành hóa tha nhất định phải có phương tiện khéo léo.

Tôi thân cận thầy Lý ở Đài Trung, lúc chưa đến Đài Trung tôi cũng trì ngọ, không ăn quá giữa ngày. Lúc đó tôi dùng lịch thiên văn, từ nhỏ tôi rất ưa thích thiên văn, cho nên đến nơi nào, tôi nhất định sẽ liên lạc với đài thiên văn, tôi rất thích quan sát hiện tượng thiên văn. Do đó mỗi năm đài thiên văn nhất định sẽ gởi tặng lịch thiên văn cho tôi. Tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý, thầy Lý thấy tôi chấp trước như vậy nên một ngày nọ thầy răn dạy tôi, thầy nói: "Con một mình tu như vậy thì được, nhưng chẳng thể độ chúng sanh". Tôi nói: "Tại sao vậy?". "Vì con quá chấp trước". Thầy nói khi bạn đến một địa phương nào đó hoằng pháp, những tín đồ nơi ấy, đặc biệt là thời đại công nghiệp ngày nay, họ cung kính mời bạn đi ăn cơm, có thể là sau mười hai giờ trưa, nhất định là sẽ quá ngọ (giữa ngày), hoặc là mời bạn dùng cơm tối. Nếu bạn không đồng ý, nhất định cố chấp cách trì ngọ này của bạn, người ta sẽ khởi lên tâm lý gì? "Vị pháp sư này khó khăn quá, chúng tôi muốn cúng dường cầu phước cũng không được", như vậy sẽ làm cho người ta lui sụt, làm cho người ta hủy báng. Thầy nói đây là cách làm của người Tiểu Thừa, tuyệt đối chẳng phải là hạnh Bồ Tát. Tôi nói: "Vậy thì phải làm sao?", thầy nói: "Tùy duyên". Bản thân thầy Lý cũng trì 'nhật trung nhất thực', mỗi ngày ăn một bữa. Nhưng khi có tín đồ mời thầy dùng cơm, cơm tối thầy cũng ăn, mọi người đều vui vẻ, đều hoan hỷ. Khi tôi ở Đài Trung có cơ hội thì thầy nhất định sẽ dẫn tôi đi theo, kết duyên với mọi người. Những người này nghe nói thầy Lý trì ngọ, mỗi ngày ăn một bữa, [khi được mời] thì buổi tối cũng vui vẻ dùng cơm với họ, họ càng tăng thêm lòng cảm kích, mới biết thầy thật là từ bi, nhiếp thọ chúng sanh.

Bồ Tát làm hết thảy sự việc đều vì chúng sanh, Địa Tạng Bồ Tát nói: *"Chỉ cần chúng sanh được độ thì vào địa ngục tôi cũng cam tâm"*, đây là tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát. Chẳng chấp trước cứng chắc vào những chi tiết nhỏ nhoi này, làm vậy thì đúng như pháp. Trong Phật pháp, giới luật có quan trọng đến đâu cũng có khai duyên, đó gọi là 'khai giới', 'khai trai', chẳng phải 'phá trai', chẳng phải phá giới. Nếu tự bạn có tâm tham, bạn tìm một tín đồ nói: "Tôi thật ngại, quý vị hãy thường mời tôi dùng cơm", vậy thì bạn đã phá giới, làm sai rồi. Tuyệt đối chẳng phải tự mình cố ý làm như vậy 'hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức'. Trong pháp Đại Thừa *'phương tiện có nhiều cửa, đường về nguồn chẳng hai' 4**[4]***, khác với tư tưởng, kiến giải, hành trì của Tiểu Thừa. Đại Thừa đích thật rất phóng khoáng, nắm vững được nguyên lý, nguyên tắc, hết thảy vì lợi ích của chúng sanh, lợi ích chúng sanh thật sự là lợi ích chính mình.

Giống như hiện nay [nếu y theo lời dạy] trong kinh, âm lịch đối với chúng ta chẳng thuận tiện, nhưng phải hiểu ý nghĩa của nó. Hiện nay phần đông đều tính hằng tuần, nếu mỗi tuần chúng ta có thể tu trai giới một ngày, hai ngày, thì công đức sẽ rất thù thắng. Tuy nhiên chẳng nhất định phải là những ngày này, vì thời gian một tháng chẳng dài, những quỷ thần khảo sát này chắc chắn có thể nhìn thấy. Người hiện đại phải sống theo cuộc sống hiện đại, chúng ta không cần phải câu nệ vào lời trong kinh điển, nhưng nhất định phải tương ứng với tinh thần nói trong kinh, như vậy thì được. Nhất định phải biết thông đạt quyền biến, [nhằm đem lại] lợi ích cho sanh hoạt người hiện đại, làm cho họ không có áp lực trong đời sống, như vậy mới tốt. Xin xem đoạn kinh văn kế tiếp, trang 61:

4[4] *phương tiện hữu đa môn, quy nguyên vô nhị lộ*

Nam Diêm Phù Đề chúng sanh cử chỉ động niệm vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội, hà huống tứ tình sát hại, thiết đạo, tà dâm, vọng ngữ, bá thiên tội trạng.

Mọi cử chỉ, động niệm của chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề không chi là không nghiệp, không chi là không tội, huống hồ là buông lung giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, trăm ngàn tội trạng.

Những câu này vô cùng quan trọng! Không nhớ hết cả bộ kinh, những câu kinh quan trọng nhất định phải ghi nhớ, nhất định phải học thuộc lòng, từng giờ, từng phút luôn luôn nhắc nhở chính mình. 'Nam Diêm Phù Đề' chỉ địa cầu của chúng ta. Chúng sanh trên địa cầu này, đích thật từng 'cử chỉ, động niệm' đều là đang tạo nghiệp, tạo tội, khởi tâm động niệm đều chẳng thiện, khởi tâm động niệm đều là tự tư tự lợi, đó tức là nghiệp, là tội. Họ chấp trước cứng chắc, người thế gian không hiểu, hình như là vì lợi ích của chính mình, vì bảo vệ lợi ích của mình, mọi người đều cho rằng vậy là chính đáng, chính xác, đâu có sai lầm? Vậy là vọng tưởng, chấp trước của người thế gian. Đức Phật nói đây là sai lầm, hơn nữa là sai lầm quá đỗi. Lục đạo luân hồi hình thành như thế nào? Chính là do tự tư tự lợi, ngã chấp biến thành. Nếu bạn không thể phá trừ, không thể buông bỏ vọng tưởng, chấp trước thì bạn vĩnh viễn kẹt trong lục đạo luân hồi. Trong lục đạo, đức Phật đã nói quá nhiều rồi, chắc chắn là thời gian trong tam ác đạo dài, trong tam thiện đạo ngắn. Tam thiện đạo ví như đi nghỉ hè, du lịch ngắm cảnh; tam ác đạo ví như nhà mình, đi ra ngoài vài ngày lại trở về nhà. Trong kinh Địa Tạng chúng ta thấy việc này quá rõ ràng, quá rành rẽ rồi, đức Phật nói [khởi tâm động niệm đều tự tư tự lợi] như vậy là sai lầm to lớn. Như thế nào mới đúng? Khởi tâm động niệm đều vì hết thảy chúng sanh, không vì mình, thì bạn sẽ vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, siêu việt tam giới, như vậy mới đúng.

Lời Phật dạy chúng ta là chân thật, thật sự phá mê khai ngộ, lìa khổ hưởng vui. Niềm vui này không phải là niềm vui trong tam giới, trong tam giới chẳng có vui sướng. Siêu việt tam giới mới thật sự hưởng được vui sướng. Phật nói tam giới đều khổ. Trên trời cũng có khổ, khổ ít một chút thôi, nhưng vẫn là khổ. Chúng ta phải hiểu rõ ràng rành rẽ đạo lý và chân tướng sự thật này, sau đó thật sự mới cảm ân đội đức đối với giáo huấn của đức Phật. Chúng ta thật rất hân hạnh, người thế gian nói vận mạng thiệt tốt mới gặp được Phật pháp, đức Phật là thiện tri thức chân chánh của chúng ta, chúng ta gặp được thì đời này thật sự được giải thoát. Nếu chẳng gặp Phật pháp, như trong kinh đã nói, chúng ta khởi tâm động niệm đều tạo nghiệp, đều tạo tội. Sau khi hiểu rồi thì hãy vì Phật pháp, vì chúng sanh, vì Phật pháp thì hy vọng Phật pháp được lưu truyền rộng rãi, hy vọng Phật pháp trụ lâu dài trên thế gian, có thể làm cho hết thảy chúng sanh được lợi ích của Phật pháp, phải phát cái tâm này. Niệm niệm phải nghĩ đến hết thảy chúng sanh, không những nhân loại trên toàn thế giới, còn súc sanh, ngạ quỷ, chư thiên, hết thảy chúng sanh đều được lợi ích thù thắng của Phật pháp, vậy thì chúng ta mới mở rộng tâm lượng.

Bồ Tát tức là phục vụ cho hết thảy chúng sanh, thù thắng nhất chẳng gì hơn xây dựng Phật pháp, xây dựng Phật pháp tức là y giáo phụng hành. Xây dựng trong đời sống hằng ngày của chúng ta, xây dựng trong ngành nghề của chúng ta, xây dựng trong công việc của chúng ta, xây dựng trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật của chúng ta, làm cho cả xã hội, đời sống của mọi người, trong từng ngành nghề đều xây dựng Phật pháp. Xây dựng Phật pháp tức là mọi người đều biết phục vụ xã hội, phục vụ đại chúng. Cách nói của người hiện nay là hy sinh, dâng hiến, đó tức là Bồ Tát, làm được như vậy được phước chẳng cùng tận. Phước báo hiện tiền, Phật dạy chúng ta phải xả, đừng hưởng; vừa hưởng phước bèn mê, bèn hồ đồ, Phật dạy chúng ta 'xả đắc' (xả được). 'Buông xả' là nhân, 'được' là quả, buông xả tiền tài thì được của cải, buông xả

phước thì được phước, buông xả cái gì thì được cái đó, sau khi được thì phải xả tiếp tục. Cho nên ý nghĩa tầng thứ hai của 'xả được' còn sâu thêm, đem những gì bạn đạt được rồi xả tiếp, vậy thì những gì bạn đạt được càng thêm thù thắng, càng viên mãn, tự mình vĩnh viễn không hưởng thọ, có phước báo, phước báo này cho chúng sanh hưởng, đây là Phật, Bồ Tát chân chánh ứng hóa tại thế gian. Trong thế gian này có [Phật, Bồ Tát] hay không? Có chứ. Người hiểu được Phật pháp, thật sự hiểu được thì họ sẽ y giáo phụng hành, thì họ sẽ làm như vậy, làm được hoàn toàn tương ứng, đó tức là Bồ Tát thị hiện.

Đây là nói hết thảy chúng sanh chẳng có người dạy dỗ, hướng dẫn, là hiện tượng này. Cho nên giáo học quan trọng hơn hết, thế gian và xuất thế gian đều được xây dựng trên giáo học. Những đế vương Trung Quốc cổ đại đều là người thông minh, họ cai trị quốc gia, hy vọng củng cố chánh quyền, quốc gia tồn tại lâu dài, họ bắt đầu từ đâu? 'Giáo học trước hết', trước nhất phải làm giáo dục cho tốt. Trong giáo dục quan trọng nhất là khuyên Hiếu, làm cho nhân dân biết hiếu đạo, dạy nhân dân biết tôn sư trọng đạo. Mỗi người đều tu dưỡng đức hạnh của mình thì xã hội sẽ an định, thiên hạ sẽ thái bình. Cho nên họ chú trọng giáo dục, sắp giáo dục vào chính sách hàng đầu của quốc gia. Chế độ của quốc gia thời xưa, dưới Thừa Tướng có sáu Bộ, thời xưa phân công không rõ ràng như ngày nay, chỉ phân thành sáu bộ phận. Trong sáu Bộ ấy, xếp hàng đầu là Bộ Giáo Dục, hồi xưa gọi là Bộ Lễ; trong sáu Bộ thì Lễ Bộ Thượng Thư là hạng nhất, xếp Giáo Dục hạng nhất, coi sự việc này quan trọng dường ấy. Còn giáo dục Phật giáo lại lập ra một cơ cấu riêng, càng tôn trọng hơn, do hoàng đế cai quản, điều động. Cơ cấu giáo dục này gọi là 'Tự', cho nên danh từ 'Tự' là như thế nào? 'Tự' là danh từ của cơ quan làm việc dưới quyền hoàng đế. Tại sao lấy danh xưng này? Danh xưng này là xây dựng, kiến lập vĩnh viễn, sẽ không thay đổi, từng đời, từng đời truyền mãi về sau. Cơ cấu này, cơ quan thiết lập vĩnh viễn mới gọi là 'Tự', tuyệt đối chẳng thể thay đổi, tuyệt đối không được phế bỏ, dùng danh xưng này. Hoàng đế hy vọng triều đại của mình vĩnh viễn truyền về sau, chẳng bị người ta lật đổ, hy vọng từng đời truyền mãi về sau, do đó cơ quan này được xây dựng vĩnh viễn.

Dưới hoàng đế có chín 'Tự', người đứng đầu Tự gọi là Khanh, [có] chín Khanh, [tức] tam Công, cửu Khanh 5[5]; tam Công là cố vấn của hoàng đế, ngày nay gọi là người cố vấn cho chánh sách quốc gia, nhà vua có vấn đề khó khăn gì thì đi hỏi những cố vấn này. Chữ "Tự" nói theo cách bây giờ tức là đơn vị nhất cấp, trực thuộc nhà vua quản trị. Cơ cấu Phật giáo cũng gọi là Tự, do nhà vua trực tiếp quản trị, nhà vua trực

---

5[5] Tam Công là những quan chức cao cấp nhất chuyên phụ tá nhà vua để xử lý việc nước. Đời Tây Châu, Tam Công là chức Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo, sau đời Bắc Ngụy, Tam Công đổi thành Tam Sư. Đời Tây Hán, Tam Công là chức Thừa Tướng (sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy (sau đổi thành Đại Tư Mã), Ngự Sử Đại Phu (sau đổi thành Đại Tư Không). Đời Đông Hán thì Tam Công là chức Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không.
Cửu Khanh là chín quan chức chủ yếu trong chính phủ trung ương vào đời Tần Hán, thông thường cũng dùng để gọi chung cả triều đình, gồm có Phụng Thường, Lang Trung Lịnh, Vệ Úy, Thái Phó, Đình Úy, Điển Khách, Tông Chánh, Trị Túc Nội Sử, Thiếu Phủ. Từ đời Ngụy Tấn trở đi, vai trò của chức Cửu Khanh nhẹ đi, quyền xử lý triều chánh giao cho các ty sở thuộc Thượng Thư Đài. Từ thời Tùy Đường cho đến đời Tống, chức Cửu Khanh ngạch trật rất cao nhưng không có thực quyền, chỉ có chức Tông Chánh là giữ nguyên quyền hạn, không thay đổi. Triều Minh thì Lục Bộ Thượng Thư, Đô Sát Viện Đô Ngự Sử, Đại Lý Tự Khanh, Thông Chánh Sứ Ty hợp thành "Đại Cửu Khanh"; Thái Thường Tự Khanh, Thái Phó Tự Khanh, Quang Lộc Tự Khanh, Chiêm Sự, Hàn Lâm Học Sĩ, Hồng Lô Tự Khanh, Quốc Tử Giám Tế Tửu, Uyển Mã Tự Khanh, Thượng Bảo Ty Khanh là "Tiểu Cửu Khanh". Triều Thanh, Cửu Khanh chỉ chung những chức những trưởng quan độc lập ngoài Lục Bộ Thượng Thư, nhưng chẳng có phạm vi rõ ràng. Ngoài ra, còn gọi Tông Nhân Phủ Phủ Thừa, Chiêm Sự, Thái Thường Tự Khanh, Thái Phó Tự Khanh, Quang Lộc Tự Khanh, Hồng Lư Tự Khanh, Quốc Tử Giám Tế Tửu, Thuận Thiên Phủ Phủ Doãn, Tả Hữu Xuân Phường Thứ Tử là "Tiểu Cửu Khanh"

tiếp điều hành giáo dục Phật giáo. Trung Quốc từ triều Hán trở về sau, giáo dục có hai hệ thống, một là giáo dục nhà Phật, hai là giáo dục nhà Nho. Giáo dục nhà Nho do thừa tướng phụ trách, điều khiển, giáo dục nhà Phật do nhà vua đích thân chủ trì, hướng dẫn, điều khiển, cho nên giáo dục nhà Phật phát triển rộng hơn giáo dục nhà Nho. Đây là vì thời xưa người dân tôn kính nhà vua, dùng quyền lực của nhà vua đem giáo dục này đến mỗi tỉnh, mỗi huyện, mỗi làng, đều có xây Phật Tự. Còn giáo dục nhà Nho cao nhất là mỗi huyện có một trường, chẳng được đẩy mạnh rộng rãi như nhà Phật, đạo lý là như vậy, coi trọng giáo dục. Còn việc Phật pháp biến chất trở thành tôn giáo, đổi thành sự phục vụ cho người chết, chỉ mới bắt đầu trong thời gian gần đây, đại khái Trung Diệp (khoảng giữa) đời Thanh trở về sau mới trở nên như vậy, lúc đầu đời nhà Thanh chẳng có, vẫn còn là giáo dục. Chúng ta xem vào thời Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long, Phật pháp vẫn còn là giáo dục, là giáo học như cũ, cho nên trong cung đình cũng tụng kinh.

Những đế vương triều nhà Thanh rất thông minh, họ làm như thế nào? Họ là dân tộc thiểu số vào trung nguyên làm chủ, dân tộc thiểu số thống trị dân tộc đa số có thể làm cho người dân cả nước đều phục tùng, kéo dài vương triều hơn hai trăm sáu mươi năm là có đạo lý của họ. Họ dùng phương pháp gì để cai trị? Họ dùng kinh Vô Lượng Thọ, chiêu này rất cao minh. Hoàng đế nói chẳng phải quý vị nghe lời tôi, hết thảy chúng ta đều nghe lời đức Phật, tôi cũng nghe lời đức Phật, quý vị mọi người đều nghe lời đức Phật, phương pháp này rất cao minh. Chẳng phải tôi thống trị quý vị, mà là đức Phật thống trị chúng ta, vậy thì còn gì để nói nữa? Cho nên người trong cung đình đọc kinh Vô Lượng Thọ, cũng thỉnh pháp sư giảng kinh Vô Lượng Thọ, mọi người y giáo phụng hành. Người phế trừ việc đọc kinh trong triều Mãn Thanh chính là Từ Hi thái hậu, có lẽ Từ Hi thái hậu nghe những gì nói trong kinh Vô Lượng Thọ đều là tật xấu của bà, chắc nghe xong không thoải mái, không vui lắm nên không đọc nữa. Sau đó bà lại buông lung, làm càng làm bậy, làm đất nước suy yếu. Giả sử bà vẫn noi theo phép tắc của tổ tông, chẳng thay đổi phương pháp cũ, vẫn y giáo phụng hành, có lẽ ngày nay vương triều nhà Thanh vẫn còn, sẽ không thay triều đổi chủ, người dân sẽ không làm loạn. Đáng tiếc là những phép tắc, giáo huấn của tổ tông đã bị phế bỏ, tự mình làm càng làm bậy, làm mất lòng dân, cho nên quân cách mạng khởi lên, mới bị người ta lật đổ. Đây là tội bà đã tạo trong đời. Chúng tôi từng nghe nói lúc Từ Hi chết, bà rất hối hận, biết mình đã làm sai, hình như có nói một câu: "Hy vọng người nữ vĩnh viễn chẳng nắm chánh [quyền]", lúc lâm chung mới biết người nữ nắm việc triều chánh, tạo nên tai họa lớn lao như vậy, nhưng hối hận đã trễ.

Ngày nay chúng ta đọc đoạn kinh này *'hà huống tứ tình sát hại, thâu đạo, tà dâm, vọng ngữ, bá thiên tội trạng'* thì cũng giống như nói về xã hội hiện đại của chúng ta. Thời xưa người ta đọc kinh, đọc đến những hiện tượng này nhưng chẳng nhìn thấy, bây giờ các hiện tượng này đã quá phổ biến trên thế giới. Chúng ta thấy những hiện tượng này chẳng thể không sợ hãi, chúng sanh tạo những tội nghiệp này làm sao nói không có quả báo cho được? Ngày nay những tai biến trên toàn thế giới [xảy ra], người hiện nay đều gán vào tai họa tự nhiên, đều cho rằng chẳng do sức người tạo nên, suy nghĩ như vậy là sai lầm. Tai họa tự nhiên hình thành như thế nào? Đều do tâm con người tạo thành. Nếu chúng ta suy nghĩ kỹ càng, hết thảy vạn vật, phía trước đã nói tất cả đều đang 'động', chỉ cần là một hình tượng vật chất, thì nguyên tử, điện tử của nó đều đang dao động, và khi ấy sẽ có 'sóng'. Khi tâm con người khởi tâm động niệm, giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, những làn sóng cực ác này, hơn nữa hết thảy chúng sanh đều tạo các 'làn sóng' này, bạn nghĩ coi 'sóng' ác này lớn dường nào. 'Làn sóng' lớn mạnh này thay đổi vật chất, ảnh hưởng vật chất, cải biến vật chất, làm cho kết cấu bình thường của vật chất bị phá hoại mất. Đây tức là câu chúng ta thường nói trong Phật pháp: *'Y báo chuyển theo chánh báo'*, y báo là núi sông đại địa, biến chuyển theo

tâm con người, tâm người thiện thì hoàn cảnh sẽ tốt, mưa thuận gió hòa; tâm người chẳng thiện thì sẽ sanh lên các thứ tai họa.

Đáng tiếc là hiện nay phần đông người ta không tin [việc này], cứ cho cách nói như vậy là mê tín. Đợi đến một ngày nào đó họ hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ thì chẳng còn kịp nữa, thế giới đã bị hủy diệt rồi. Chẳng tin tưởng lời dạy chân thật của Phật thì bạn phải nhận chịu quả báo. Những 'sóng' này vô cùng xấu ác, hiện nay gọi là 'từ trường', trong Phật pháp gọi là 'quang', người Trung Quốc nội địa gọi là 'khí'; [quang này] xấu cùng cực, ác cùng cực, khi bạn tiếp xúc đến thì thân tâm chẳng yên ổn, hầu như mọi người trên toàn thế giới chúng ta đều có cảm nhận này, có nơi nào đời sống con người được yên ổn? [Mọi người] đều lo lắng, âu sầu, chẳng biết nơi nào yên ổn. Mọi người đều biết tai họa gần xảy ra, nhưng chẳng biết tai họa hình thành như thế nào? Những thứ này đều là ảnh hưởng của 'sóng'. Tại sao thế giới của chư Phật, Bồ Tát tốt đẹp như vậy? Tâm của mỗi cá nhân ở đó đều thanh tịnh, hiền lành, cho nên hoàn cảnh, y báo nơi cư trú đều rất thù thắng. Phàm những người vãng sanh đến Tây phương Cực Lạc thế giới đều là thượng thiện, tâm bạn không thiện thì sẽ không sanh đến được. Trong Phật pháp nói tây phương Cực Lạc thế giới là một thế giới rất mới mẻ, đức Phật A Di Đà xây dựng tới nay chỉ mười kiếp mà thôi, mười kiếp so với thời gian vô hạn là một thời gian rất ngắn, cho nên nói đó là một thế giới mới mẻ. Người ở đó chẳng phải là người bản xứ, trong đó chẳng có người bản xứ, đều là người từ nơi khác di dân đến. Còn điều kiện di dân, đức Phật A Di Đà rất thông minh, di dân cần điều kiện gì? Tâm địa hiền lương, tâm địa thanh tịnh, ngài tuyển chọn những người như vậy; người tâm địa chẳng hiền lương thì không được vào, cho nên thế giới ấy tốt đẹp như vậy.

Chẳng như thế giới Sa Bà của chúng ta có người bản xứ, chẳng có cách chi, những người này tâm địa chẳng thiện nên gọi là đời ác ngũ trược. Chúng sanh tạo tội nghiệp nhiều như vậy, chư Phật, Bồ Tát tới khuyên răn, hướng dẫn, khuyên họ chưa chắc đã nghe, chưa chắc có thể y giáo phụng hành. Nhưng Phật, Bồ Tát từ bi đến cùng cực, chúng sanh không nghe, các ngài cũng tới khuyên, sự khuyến cáo này vĩnh viễn sẽ chẳng gián đoạn, chẳng chấm dứt, vẫn hy vọng có một ngày bạn giác ngộ, quay trở về. Nên người thật sự hiểu được, giác ngộ rằng hoàn cảnh ở đây chẳng dễ tu hành, đức Phật khuyên chúng ta 'di dân' đến tây phương Cực Lạc thế giới, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta [phương pháp] di dân. Khi chúng ta hiểu rõ đạo lý, biết được phương pháp, chúng ta sẽ có lòng tin rất sâu, biết mình chắc chắn có thể di dân đến tây phương Cực Lạc thế giới ngay trong đời này được, chúng ta thay đổi hoàn cảnh sinh sống, thay đổi hoàn cảnh tu hành. Chúng ta cũng biết tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là một thể, nên di dân đến Cực Lạc thế giới xong thì phải giúp đỡ những chúng sanh trong lục đạo, đều từ bi, có trí huệ giống chư Phật, Bồ Tát, họ đến răn dạy, hướng dẫn những chúng sanh này. Trong đoạn sau, đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu hành:

Năng ư thị thập trai nhật, đối Phật, Bồ Tát chư hiền thánh tăng tiền, độc thị kinh nhất biến. Đông tây nam bắc, bá do tuần nội vô chư tai nạn, đương thử cư gia nhược trưởng nhược ấu, hiện tại vị lai bá thiên tuế trung, vĩnh ly ác thú.

Nếu trong mười ngày trai này đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, cùng chư Hiền Thánh mà đọc tụng kinh này một biến, thì [chung quanh chỗ người đó ở, bốn hướng] Đông Tây Nam Bắc, trong khoảng một trăm do tuần, sẽ không có các tai nạn. Còn trong nhà của người đó, hoặc già hoặc trẻ, trong trăm ngàn năm hiện tại và vị lai được vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

Quả báo này quá thù thắng, nên nhiều người thấy trong kinh này nói như vậy bèn nghi ngờ. Họ cho rằng kinh này quá khoa trương, chẳng phù hợp với chân tướng sự thật. Cách nói này thật ra là sai lầm, họ chẳng hiểu rõ nghĩa thú nói trong kinh Phật. Kệ khai kinh nói: *'Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa'*, câu này rất quan trọng, bạn đã giải sai ý nghĩa của Phật rồi, đây là kinh Đại Thừa, chẳng phải là kinh Tiểu Thừa. Kinh Đại Thừa là cho Bồ Tát tu học, phàm phu có thể tu Bồ Tát hạnh được không? Có thể chứ, kinh Hoa Nghiêm thù thắng nhất, người đương cơ trong ấy gọi là Đại Tâm Phàm Phu, phàm phu có thể tu học, phàm phu có thể học Bồ Tát pháp, có thể học pháp môn của quả địa Như Lai, như vậy thì Phật pháp mới viên dung vô ngại. Nhưng bạn nhất định phải phát đại tâm (tâm rộng lớn), đại tâm tức là chẳng vì mình, mà vì hết thảy chúng sanh, như vậy là đại tâm, có đại tâm thì có thể tu học pháp của Đại Thừa Bồ Tát. Do đó có thể biết, trong kinh nói 'đọc kinh này một biến', chữ 'đọc' nhất định chẳng có nghĩa là chúng ta nhìn kinh này, đọc một lần, thế thì quả báo này chắc chắn sẽ không đạt được. Phải 'đọc' như thế nào? Đọc xong phải có thể 'giải' (hiểu) ý nghĩa trong đó, 'giải' xong phải có thể y giáo phụng hành. Bạn coi câu cuối của mỗi bộ kinh đều ghi 'tín thọ phụng hành', nếu làm chẳng nổi bốn chữ này, mỗi ngày bạn đọc một trăm lần thì cũng chẳng được; [như việc] niệm Phật, cổ đức châm biếm người ta, nói *'hét bể cổ họng cũng uổng công'*, đọc kinh cũng vậy, 'hét bể cổ họng cũng uổng công'. Đọc kinh phải y giáo phụng hành, niệm Phật cũng phải y giáo phụng hành. Nghe câu Phật hiệu, nhìn thấy tượng Phật thì phải nghĩ đến lời răn dạy của Phật trong kinh điển, là mượn [Phật hiệu và tượng Phật] này để nhắc nhở chính mình, đừng quên lời giáo huấn của đức Phật, chúng ta phải thực hiện những lời giáo huấn này trong đời sống hằng ngày. Không những mình phải làm như vậy, còn phải khuyên người ta làm với mình, như vậy mới gọi là 'đọc kinh'. Nghĩa là nói một tháng bạn đọc mười lần, bạn sẽ chẳng quên.

Phật dạy người xuất gia chúng ta trì giới, mỗi nửa tháng phải đọc Giới Kinh một lần, tại sao vậy? Vì sợ quên mất. Nửa tháng tụng một lần để ôn lại, phải y giáo phụng hành, chứ chẳng phải niệm cho Phật, Bồ Tát nghe. Hàn Sơn, Thập Đắc châm biếm [chuyện] tụng giới nửa tháng, ý châm biếm là gì? Nửa tháng chỉ đọc một lần, lúc thường ngày thì một điều cũng chẳng làm nổi, vậy thì đâu có ích gì! Phải nên tuân giữ từng điều [trong Giới Kinh], phải làm cho bằng được từng điều mới đúng. Đọc kinh cũng như vậy, kinh Địa Tạng dạy chúng ta những lý luận, nguyên tắc, phương pháp này, [chúng ta] phải làm! Việc này 6[6] còn tốt hơn việc tụng giới mỗi nửa tháng. Một tháng tụng Giới Kinh hai lần, ở đây dạy bạn mỗi tháng đọc mười lần. Hiện nay chúng ta không niệm kinh Địa Tạng, chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ được không? Được chứ. Kinh Vô Lượng Thọ bao gồm kinh Địa Tạng, nói thật ra chẳng có kinh nào mà kinh Vô Lượng Thọ chẳng bao gồm, toàn bộ Phật pháp đều rút gọn trong kinh Vô Lượng Thọ.

Có một năm tôi giảng Đại Ý kinh Địa Tạng ở Mỹ, tại những thành phố miền đông nước Mỹ, có vị đồng tu hỏi tôi:

"Thưa pháp sư, không phải thầy chỉ giảng kinh Tịnh Độ thôi sao, tại sao thầy lại giảng kinh Địa Tạng? Có phải thầy đã xen tạp không?"

Tôi nói: "Không có, tôi cũng đang giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng pháp môn Tịnh Độ".

Vị ấy nói: "Làm sao kinh Địa Tạng là pháp môn Tịnh Độ được?".

Tôi nói: "Pháp môn Tịnh Độ được xây dựng trên cơ sở của Tam Phước, bạn thừa nhận hay không?"

6[6] tức là việc mỗi tháng tụng kinh Địa Tạng mười lần

Ông ấy nói: "Thừa nhận".

Tôi nói: "Tam Phước là [lời dạy trong] kinh Quán Vô Lượng Thọ, câu đầu tiên trong Tam Phước: *'Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp'*, đúng không?"

Ông nói: "Đúng".

Tôi nói: "Kinh Địa Tạng giảng bốn câu này, kinh này tức là chú giải cho bốn câu đó".

[Nghe xong] ông mới hiểu. Cho nên chúng ta giảng bộ kinh này là pháp căn bản của Tịnh Độ, mười sáu chữ trong kinh Tịnh Độ được bao gồm trong bộ kinh này, bộ kinh này nói về mười sáu chữ này. Nếu bạn không hiểu kinh Địa Tạng thì bạn không hiểu phước thứ nhất trong Tam Phước, bạn cũng chẳng biết cách tu làm sao. Thế nên tôi giảng kinh Địa Tạng chính là giảng kinh Tịnh Độ, là giảng kinh Vãng Sanh, tôi chẳng rời khỏi Tịnh Tông, chẳng rời khỏi A Di Đà Phật.

Câu 'Đọc kinh này một lần', [chúng ta] nhất định phải hiểu ý nghĩa trong câu này. Nếu khi đọc có thể hiểu ý nghĩa, lý luận, có thể làm theo như câu cuối trong kinh 'tín thọ phụng hành', vậy mới thật sự gọi là 'đọc kinh'. Bạn thật sự làm, thật sự làm được thì sẽ có hiệu quả [như kinh nói]. *'Đông tây nam bắc, trong vòng một trăm do tuần'*, do tuần ở đây là tiểu do tuần. Thời xưa tiểu do tuần bằng bốn mươi dặm Trung Quốc, đơn vị đo lường thời xưa ngắn hơn ngày nay. Trong kinh chúng ta thấy, người xưa thân cao một trượng hai thước, thật ra ngày nay có người cao một trượng hai không? Rất nhiều, quá nhiều. Chúng ta coi trong cuốn Châu Xích Khảo của Hoằng Nhất đại sư, trong đoạn nói về ba mươi mốt loại giới luật, chư vị hãy xem. Một thước (xích) thời xưa khoảng chừng hơn năm tấc (thốn) một chút, chưa tới sáu tấc, cứ như vậy mà tính, một trượng 7[7] hai chỉ bằng ngày nay bảy, tám bộ (feet), người cao tám bộ quá nhiều. Thế nên phải biết đơn vị đo lường chiều dài thời xưa chẳng giống ngày nay. Nếu tính ra một do tuần ít nhất cũng là mười dặm, chắc có lẽ không xê xích nhiều lắm. 'Trăm do tuần' rất lớn, ít nhất cũng bằng một vùng một trăm dặm, hoặc khoảng một vùng bốn trăm dặm, khu vực lớn như vậy không có tai nạn, đây là một người có phước báo. Nếu nói mọi người đều tu phước thì sức mạnh ấy còn lớn hơn nữa.

Phước của một người tu rất yếu ớt, ngày nay Cư Sĩ Lâm xây Niệm Phật Đường, mọi người cùng nhau tu tập, chư vị có thể thấy được. Tôi nghĩ quý vị học Phật chắc cũng đã đi tới nhiều nơi, cũng gặp không ít đạo tràng, ngày nay người Trung Quốc gọi là 'khí', khí phận này rất hưng thạnh, có thể trong đời bạn thấy Cư Sĩ Lâm là hạng nhất. Tại sao? Có nhiều người như vậy ở đó thiệt thà niệm Phật, khi rời khỏi Niệm Phật Đường thì không tính. Khi bước vào Niệm Phật Đường thì họ thật thà niệm, thế nên từ trường ấy rất thù thắng, người vào đạo tràng này có thể sanh tâm thanh tịnh, tâm hoan hỷ, cái sức mạnh ấy sẽ bảo hựu cả vùng đó. Người trong vùng ấy, từ trường lớn ấy phát ra các làn sóng ảnh hưởng đến khu vực này. Thế nên Niệm Phật Đường này, trong sự tưởng tượng của tôi nửa năm sau sẽ ảnh hưởng đến khí phận cả vùng Tân Gia Ba, làm cho cư dân Tân Gia Ba ai nấy cũng sanh tâm hoan hỷ. Những người cư trú trong khu

---

7[7] Một trượng là mười xích, như vậy một trượng hai là mười hai xích. Xích vào đời Châu chỉ có 15,8cm, do vậy một trượng hai khoảng độ một thước bảy, một thước tám hiện thời. Chứ nếu tính theo đời Thanh thì một xích là 32cm đến 35cm. Người trượng hai sẽ cao gần 4m! Điều dễ hiểu lầm là phần trước dùng chữ Xích với ý nghĩa chữ Xích đời Châu (tức 15,8cm), nhưng trong phần sau, khi Hòa Thượng ước tính "một trượng hai bằng bảy, tám xích hiện thời" thì chữ Xích này lại được hiểu theo nghĩa hiện thời, tức là Xích là dịch nghĩa của chữ foot. Như vậy, một trượng hai tương đương với 7,8 ft.

vực này, trong tâm sẽ rất an tịnh, rất sung sướng, rất vui vẻ. Nhờ sức mạnh gì? Làn sóng điện ở đây phát ra qua lớn, vượt hơn sự suy nghĩ lung tung của con người, làn sóng lớn này sẽ quân bình những làn sóng khác, sanh ra hiệu quả lớn dường ấy. Ngày nay người thế gian nói về làn sóng tư tưởng, tư tưởng này của chúng ta là tư tưởng của Phật, tư tưởng của Bồ Tát, làn sóng lớn như vậy, lúc tôi giảng kinh có nói, tần số của chúng ta giống với tần số của đức Phật A Di Đà nên có thể nối liền, do đó sóng này có thể gộp vào sóng của Phật, Bồ Tát và sanh ra hiệu quả rất lớn, hiệu quả, cảm ứng này rất lớn. Ở đây tuy có ba, bốn triệu người nhưng không sao cả, từ trường này có thể bao gồm hết, có thể làm cho sóng của họ biến đổi thật nhiều, làm cho tâm tình họ bình lặng, yên tịnh, tâm tình yên ổn hòa hài, thật sự có thể sanh hoan hỷ, cảm giác khu vực này yên ổn, thái bình. Lợi ích của Phật pháp thù thắng như vậy nhưng tiếc là chẳng có người biết, chẳng có người thật sự làm!

Cho nên chúng ta phải cảm kích cư sĩ Lý Mộc Nguyên, nếu chẳng có sự ủng hộ mạnh mẽ của ông thì tôi nói làm sao, khuyên như thế nào đi nữa cũng khó đạt được hiệu quả, vì nói ra người ta không tin. Ở đây cư sĩ Lý Mộc Nguyên tin tưởng, ông chăm lo đầy đủ hết thảy mọi việc, phát tâm hết lòng làm việc này. Chúng tôi nghĩ có thể làm chừng nửa năm, một năm sau, xã hội đại chúng nhìn thấy hiện tượng này tự nhiên sẽ khẳng định, tự nhiên sẽ hoan hỷ. Hiện nay chúng ta thấy người đến Cư Sĩ Lâm ngày càng nhiều, hôm qua Lý cư sĩ nói với tôi, người tham dự buổi lễ siêu độ kỳ này vượt trội hơn năm ngoái rất nhiều, người niệm Phật cũng nhiều thêm. Nghe nói có một số người, vốn là tham gia các pháp hội khác, [nhưng sau đó] họ đều đến đây, đây là hiện tượng tốt, cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn! Sự thị hiện này đích thật có hiệu quả như vậy, ngày nay chúng ta thấy tận mắt nên càng có thể đoạn dứt nghi hoặc, sanh khởi lòng tin. 'Còn ở nhà người đó, hoặc già hoặc trẻ, hiện tại hoặc vị lai', hiện tại là lợi ích hiện tiền, vị lai 'trong trăm ngàn năm được vĩnh viễn xa lìa ác đạo', đây là nói rõ ảnh hưởng sâu rộng.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, 4 tháng 9-2006

Tập 25 (Số 14-12-25)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 62, chúng ta đọc kinh văn một lần:

Năng ư thị thập trai nhật, đối Phật, Bồ Tát chư hiền thánh tượng tiền, độc thị kinh nhất biến. Đông tây nam bắc, bá do tuần nội vô chư tai nạn, đương thử cư gia nhược trưởng nhược ấu, hiện tại vị lai bá thiên tuế trung, vĩnh ly ác thú.

Nếu trong mười ngày trai này, đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, cùng chư Hiền Thánh mà đọc tụng kinh này một biến, thì [chung quanh chỗ người đó ở, bốn hướng] Đông Tây Nam Bắc, trong khoảng một trăm do tuần, sẽ không có các tai nạn. Còn nhà của người đó, hoặc già hoặc trẻ, trong trăm ngàn năm hiện tại và vị lai được vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

Đoạn kinh văn này nói về ích lợi của việc đọc kinh, phía trước chúng ta đã nói rất nhiều, nhưng ý nghĩa này thật ra chẳng cùng tận, chúng ta phải thấu hiểu sâu vào, muôn vàn xin đừng coi đó là mê tín, nếu nghĩ vậy thì lợi ích đời này thậm chí đời sau đều phải bỏ lỡ, như vậy thì vô cùng đáng tiếc, thật sự là chẳng có cách chi bù đắp nổi. Chúng ta là phàm phu, tâm của chư Phật, Bồ Tát thanh tịnh hơn tâm chúng ta, trí huệ của các ngài cao hơn chúng ta, bất luận các ngài xem người, xem sự, xem vật đều thấu triệt hơn chúng ta, thấy được sâu xa hơn chúng ta. Đối với lời nói, giáo huấn của những thánh hiền này chúng ta không thể tin sâu, chẳng thể tiếp nhận, phụng hành, cứ thường làm theo vọng tưởng của chính mình, đâu có lý nào không phạm lỗi cho được? Do đó đức Phật ở đây nói: *'Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không có gì chẳng là nghiệp, không có gì chẳng là tội'*, câu nào câu nấy cũng là lời chân thật. Trong kinh tới đoạn này khuyên chúng ta mỗi tháng ôn lại kinh điển mười lần, ý nghĩa chân chánh của nó là dạy chúng ta đừng quên lời răn dạy của Phật, Bồ Tát, từng giờ từng phút luôn nghĩ phải y giáo phụng hành, mục đích chân chánh là như vậy.

Chúng ta cũng tin sâu chẳng nghi hiệu quả có được [từ sự tu tập], người ở nơi đây phát tâm chân chánh tu hành, giống như cổ nhân Trung Quốc có nói: *'Một người có phước thì mọi người đều thơm lây'*, phước của người này càng lớn, thì công đức và sức ảnh hưởng của họ càng rộng. Chỗ này có nghĩa là chân chánh được oai thần chư Phật, Bồ Tát gia trì, người tu hành ở địa phương này trong vòng một trăm do tuần, theo cách nói của cổ Ấn Độ, phạm vi 'một trăm do tuần' rất lớn, một do tuần là bốn mươi dặm, một trăm do tuần là bốn ngàn dặm, phạm vi này lớn dường nào. [Một người] tu hành ở Tân Gia Ba, hầu như cả Trung Quốc Đại Lục đều bao gồm trong phạm vi bốn ngàn dặm này, có sức mạnh lớn như vậy. Chư vị phải biết tu hành chân thật mới có sức mạnh như vậy; nếu không phải tu thật, phạm vi bốn chục thước cũng chẳng đạt được chứ đừng nói đến trăm do tuần. Đây là sự thật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Nói thật ra người hiện nay có thể hiểu đạo lý này dễ hơn người thời trước, người thời trước đọc kinh này mà có thể hiểu, có thể tin, chúng ta thật không thể không khâm phục, thiện căn phước đức của họ rất sâu dầy. Vì lời giải thích thời xưa không được tường tận, và cũng không tìm ra chứng cớ. Ngày nay chúng ta có khoa học kỹ thuật tiến bộ, dùng phương pháp khoa học để chứng minh nên dễ hiểu hơn thời xưa rất nhiều. Đạo lý này đã được giải thích phía trước, hy vọng mọi người suy nghĩ kỹ càng.

Đạo lý này chính là hiện tượng làn sóng (ba động) mà ngày nay khoa học gia thường đề cập tới. Phía trước đã nói với chư vị phàm là vật chất, đều sanh ra hiện tượng ba động, tất cả 'sóng' của vật chất, các hiện tượng đều bình hòa. 'Sóng' của tất cả vật chất, chúng ta gọi là thực vật, động vật, rất ôn hòa, rất ổn định, cường độ của làn sóng chấn động sẽ không lớn lắm, ở trong một phạm vi nhất định. Vì nó vĩnh viễn giữ trạng thái đó, tuy trạng thái này biến hóa, sự biến hóa này rất yếu, đây là nói rõ hiện tượng 'sóng' của nó là một hiện tượng bình thường. Khoa học gia cận đại đã nhận thức rõ ràng về bản chất là chẳng có vật chất tồn tại. Vật chất là gì? Vật chất đích thật là hiện tượng 'sóng'. Nhận thức này rất phi thường, rất giống với những gì nói trong Phật pháp. Phật pháp nói vũ trụ, chúng sanh sanh khởi như thế nào? Y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới từ đâu đến? Từ Vô Minh đến. *Vô minh không giác sanh ra tam tế, cảnh giới do duyên tạo nên lục thô.1**[1]*** Có thể thấy vô minh chính là hiện tượng 'sóng', đây thật sự là đã tìm ra nguồn gốc của thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm, làm gì có sự thật tồn tại? Chúng ta cảm giác đến sự thật tồn tại, đó là tướng tiếp nối của 'sóng'. Kinh Kim Cang nói 'như sương, cũng như tia chớp', sương là tướng liên tục nối tiếp, tia chớp (tia sét) là tướng sanh diệt từng sát na. Sát na sanh diệt nói thật ra chính là không sanh không diệt, sanh diệt đồng thời, hiện tượng 'sóng' sanh diệt đồng thời nên Phật nói chẳng sanh chẳng diệt. Chúng ta phải thấu hiểu không sanh không diệt chẳng phải là thật sự không sanh không diệt, nếu thật sự là không sanh không diệt thì nói không sanh không diệt chẳng có ý nghĩa gì cả. Nó đích thật có sanh diệt, có sanh diệt thì tại sao lại nói nó không sanh không diệt? Vì sanh diệt đồng thời. Trong kinh đức Phật dùng tia chớp làm thí dụ, nói tốc độ của nó quá nhanh, sau này chúng ta sẽ nói rõ hơn về vấn đề này khi giảng kinh Hoa Nghiêm.

1[1] *Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trưởng lục thô*
"Tam tế lục thô" là từ ngữ xuất phát từ Đại Thừa Khởi Tín Luận. Tam tế và lục thô chính là chín trạng huống (thường được gọi là cửu tướng – chín tướng) của các pháp huyễn vọng được sanh khởi khi vô minh dấy lên, che lấp Chân Như. Tế là nhỏ nhặt, khó thể nhận biết, còn Thô là dễ nhận thấy. Tam Tế gồm:
1. Vô Minh Nghiệp Tướng (nghiệp tướng) chính là tướng trạng huyễn vọng sanh khởi trước hết khi vô minh dấy động, còn chưa phân biệt được đâu là chủ và khách (tức là do vô minh dấy động, chân như bị che lấp, còn chưa phân biệt đâu là chủ thể để thấy biết và đối tượng bị thấy biết).
2. Năng Kiến Tướng (còn gọi là kiến tướng, chuyển tướng): Tướng trạng khi nghiệp thức vừa dấy động, biến thành cái tướng làm chủ thể để nhận biết, tức là sanh khởi cái tâm nhận biết đối tượng mang tính chủ quan. Do cái tâm này hư huyễn không thật nên gọi là Tướng.
3. Cảnh Giới Tướng (còn gọi là hiện tướng, cảnh tướng): tức huyễn vọng được biến hiện do cái tâm năng kiến vừa nói ở phần trên, tức đối tượng được nhận biết do cái tâm phân biệt chủ quan vừa nói ở trên đây.
Do quá trình từ vô minh nghiệp tướng biến chuyển thành năng kiến tướng và cảnh giới tướng rất nhanh, rất nhỏ nhiệm, hầu như không dễ gì nhận biết được nên gọi là Tế.
Lục Thô là:
1. Trí tướng: Dựa trên cảnh giới tướng bèn khởi phân biệt huyễn vọng nhiễm - tịnh, yêu - ghét.
2. Tương Tục tướng: Do trí tướng phân biệt nên đối với cảnh giới yêu thích bèn sanh lòng sung sướng, đối với cảnh giới khó ưa bèn sanh khổ não. Cái tâm cảm nhận ấy tiếp nối mãi không ngừng nên gọi là Tương Tục tướng.
3. Chấp Thủ Tướng: Do Tương Tục tướng trên, ý niệm luôn chấp theo những cảnh giới khổ - vui, tạo nghiệp sanh tử nên gọi là Chấp Thủ Tướng.
4. Kế Danh Tự Tướng: Do Chấp Thủ tướng bèn phân biệt, đặt tên sự vật, phân chia khái niệm, do vậy gọi là Kế Danh Tự Tướng.
5. Khởi Nghiệp Tướng: Y theo Kế Danh Tự Tướng và chấp trước, tạo đủ mọi nghiệp nên gọi là Khởi Nghiệp Tướng.
6. Nghiệp Hệ Khổ Tướng: Do nghiệp có thiện ác nên chịu nỗi khổ sanh tử bức bách, chẳng được tự tại nên gọi là Nghiệp Hệ Khổ Tướng.

Nhưng làn sóng của chúng sanh hữu tình siêu việt hơn làn sóng phát sanh từ vật chất không biết mạnh hơn gấp bao nhiêu lần. Trong kinh chúng ta thấy Phật nói *'Y Báo chuyển theo Chánh Báo'*, câu này rất khó hiểu. Y báo là hoàn cảnh vật chất của chúng ta, hoàn cảnh sanh hoạt của chúng ta, Phật nói hoàn cảnh sanh hoạt chuyển tùy theo tâm của bạn, chuyển theo từng tâm niệm của bạn, [cách nói này] rất khó hiểu. Kinh Lăng Nghiêm lại nói *'Nếu có thể chuyển cảnh giới thì giống như Như Lai'*, chuyển cảnh là hoàn cảnh vật chất có thể [biến đổi] tùy tâm, Phật nói [bạn chuyển được cảnh] như vậy thì cảnh giới của bạn giống như cảnh giới của chư Phật Như Lai. Chúng ta đọc những lời trong kinh như vậy đích thật rất khó hiểu, thật ra chúng ta dùng khoa học để chứng minh thì dễ hiểu hơn. Nói theo kiểu bây giờ, chúng ta dùng sóng điện để thí dụ, [tức là nói đến] sự nhiễu động của sóng điện. Sóng phát ra từ tất cả vật chất thì yếu và êm ả, còn sóng phát ra từ tư tưởng của chúng ta thì mạnh mẽ, cường độ dao động lớn. Loại sóng này gây nhiễu những thứ sóng khác. Là sóng [tư tưởng] của chúng ta phát ra mạnh nên sẽ bao trùm các loại sóng vật chất, do đó sẽ thay đổi kết cấu của vật chất. Kết cấu vật lý là từ làn sóng sanh ra, chỉ cần bạn thay đổi làn sóng của chúng thì kết cấu của vật chất, thậm chí kết cấu của tinh cầu cũng sẽ thay đổi, quỹ đạo của tinh cầu quay trong không gian cũng có thể thay đổi, có thể sanh ra làn sóng lớn như vậy.

Hết thảy sóng của chúng sanh hữu tình được chia thành ba loại: thiện, ác, vô ký 2[2]. Sóng thuộc loại vô ký rất bình hòa, có thể hợp chung lại với sóng của hết thảy vật chất, đây là Nhất Chân pháp giới của chư Phật Như Lai. Trong thập pháp giới, sóng của hết thảy chúng sanh có thiện, có ác nên tạo thành hiện tượng vật chất có biến hóa cực lớn. Thật sự vì đạo lý này, vì chân tướng sự thật này nên cổ thánh tiên hiền đặc biệt nhấn mạnh sự giáo dục cho hết thảy chúng sanh; nền giáo dục của nhà Phật triệt để nhất, nói về quan hệ giữa người với người, quan hệ giữa người và hết thảy chúng sanh hữu tình, quan hệ giữa người và hết thảy động vật, quan hệ với thực vật, với khoáng vật, với thiên nhiên, sau cùng siêu việt quan hệ với thiên địa quỷ thần, quan hệ với Nhất Chân pháp giới. Giáo lý của Phật dạy chính là nói về những việc này. Khi bạn hiểu rõ, thông suốt hết rồi thì mới biết hư không pháp giới hết thảy chúng sanh và mình là cùng một thể, là một chứ chẳng phải hai. Đã là một thể thì lẽ nào chẳng quan hệ với nhau? Bất cứ một tế bào nào trên thân thể chúng ta trục trặc đều làm cho toàn thân cảm giác không thoải mái, chẳng hạn cuộc ở tại một chỗ nào cả. Một cây kim rất nhỏ đâm vào, đâm vào bất kỳ một chỗ nào trên da chúng ta thì toàn thân đều cảm giác được. Cùng một đạo lý ấy, khi chúng ta khởi tâm động niệm thì tận hư không trọn khắp pháp giới đều có thể cảm nhận được. Tại sao chúng ta cảm nhận không được? Hiện nay thân thể chúng ta chai đá, tê cứng mất rồi, đừng nói kim đâm vào bạn chẳng biết, dao cắt bạn cũng chẳng biết vì đã tê cứng mất rồi. Tê cứng tức là mê, mê chứ chẳng giác. Thân thể chư Phật, Bồ Tát khỏe mạnh bình thường, các ngài ở trong trạng thái tỉnh giác, cho nên một chút đau nhức các ngài đều biết. Do đó chư Phật, Bồ Tát là người khỏe mạnh, ổn định; chúng ta là người chẳng bình thường, bị chai đá, tê cứng hết rồi. Chúng tôi dùng thí dụ như vậy thì quý bạn dễ hiểu hơn.

Sau đó bạn có thể khẳng định rằng khi thật sự y giáo tu hành thì làn sóng này có sức mạnh rất lớn. Tức là trong một khoảng cách như vậy, sóng lớn mạnh của bạn có thể bao trùm những sóng bất bình thường trong phạm vi này, sóng của bạn trùm lên nó, có thể gây nhiễu sóng của nó, nó không thể gây nhiễu sóng của bạn. Sóng của bạn thiện, tốt, nên dù chỗ đó có ác, có sóng ác thì sẽ chiêu cảm tai nạn, sóng thiện lành của bạn mạnh hơn sóng ác đó, có thể hóa giải tai nạn của nó, làm cho tai nạn ấy không khởi

2[2] Vô ký là không thiện không ác

lên, là đạo lý như vậy. Thế nên tu hành phải hết lòng, phải dùng tâm chân thành, sức ấy mới mạnh. Người thế gian dùng vọng tâm, chúng ta dùng chân tâm, dùng chân tâm rất quý báu. Khi bạn dùng chân tâm thì sức mạnh rất lớn! Vì hết thảy chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, tâm của bạn giống tâm của các ngài; nói cách khác, tần số dao động giống nhau nên tiếp xúc, cảm thông được với các ngài. Tiếp xúc, cảm thông trong nhà Phật gọi là gia trì, người thế gian gọi là bảo hựu, tần số của bạn giống với các ngài mới có thể cảm thông, mới được gia trì, được bảo hựu. Nếu tần số của chúng ta khác với tần số của các ngài, làm thế nào cũng không thể khởi cảm ứng, nếu có khởi cảm ứng thì cũng là đứng ngoài rìa, chỉ có một chút ảnh hưởng chứ chẳng cảm thông trực tiếp. Dùng sóng điện để giải thích những chuyện này thì chư vị dễ hiểu hơn.

Chân tâm tuyệt đối không có vọng tưởng, trong kinh luận Đại Thừa, Tiểu Thừa, đức Phật khổ lòng mỏi miệng dùng ngàn lời vạn tiếng, đã từng vô số lần khuyên chúng ta phải đoạn trừ vọng tưởng, nhất định phải bắt đầu từ việc đoạn phiền não. Trong các vọng tưởng, ngã chấp là vọng tưởng căn bản nhất, chấp trước thân này là ta, đây là cội rễ của vọng tưởng. Vậy thì phải tu cái gì? Thân này chẳng phải là ta, cái gì mới là ta? 'Ta' có chứ chẳng phải không có. Tận hư không trọn khắp pháp giới là một cái Ta, đức Phật nói lời này người ta không tin. Không những phần đông người ta nghe xong không tin, ngay cả người xuất gia học Phật cả đời, học đến chết cũng không tin. Nếu họ tin thì họ đã thành Phật rồi. Tại sao họ không thành Phật được? Vì họ không tin. Tại sao nói nếu họ tin thì họ sẽ thành Phật? Tin tưởng thì họ sẽ chứng được pháp thân thanh tịnh, tận hư không, khắp pháp giới là một thân, thân này gọi là Thể, một thể. Chư vị thường nghe trong Phật pháp có nói *'Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi'*, đồng thể nghĩa là như thế nào? Hư không pháp giới và mình cùng một thể, tức là chính mình. Trong Thiền Tông gọi là *'mặt mũi vốn sẵn có khi cha mẹ chưa sanh'*, mặt mũi vốn có là gì? Tức là pháp thân thanh tịnh. Pháp thân đâu có sanh diệt? Pháp thân chẳng có tướng, nhưng có thể hiện hết thảy tướng. Chư Phật, Bồ Tát chẳng có thân, nhưng có thể hiện hết thảy thân. Chúng ta hiểu rõ thì phải làm thật sự, đây mới thật sự là chính mình.

Thế nên học Phật pháp rốt cuộc là sự việc như thế nào? Chỉ là khôi phục mặt mũi vốn sẵn có mà thôi, trừ việc này ra thì chẳng có được cái gì hết, thật giống như câu nói trong hội giảng kinh Lăng Nghiêm: *'Viên mãn Bồ Đề, quay về chỗ chẳng thể được' 3[3]*, chẳng qua là khôi phục bộ mặt vốn sẵn có của bạn mà thôi, đây là thật chẳng giả. Thế nên khế nhập vào cảnh giới này, bạn nhìn thấy chúng sanh được vui thì chính mình được vui, chúng sanh thọ khổ thì chính mình thọ khổ, tâm từ bi ấy chẳng phải miễn cưỡng, mà là tự nhiên sanh khởi. Tại sao vậy? Hư không pháp giới và mình cùng một thể, tuyệt chẳng có sai khác. Trong đoạn kinh này tôi bổ sung một chút ý nghĩa này, hy vọng chư vị đồng tu lắng lòng để cân nhắc, đắn đo, thể nghiệm. Đời này có thể nhập cảnh giới của Phật là một vận may to tát! Đây cũng là điều mà chư Phật, Bồ Tát kỳ vọng nơi chúng ta. Cho nên chúng ta phải có lòng tin đối với kinh điển, khi có thể tin có thể hiểu, thật sự hiểu rõ, sau đó phải thật hành, phải biến kinh điển thành tư tưởng, kiến giải, hành vi của mình, kinh điển chính là mình, mình chính là kinh điển, như vậy gọi là tu hành chứng quả. Xin xem tiếp kinh văn:

Năng ư thập trai nhật mỗi chuyển nhất biến. Hiện thế kim thử cư gia vô chư hoạnh bịnh, y thực phong ích.

3[3] *Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*

Nếu trong mười ngày trai này có thể mỗi ngày đều tụng một biến thì ngay đời hiện tại, những người trong nhà không bị tai ương hoặc bệnh tật, đồ ăn đồ mặc lại được dư dật.

Đề mục nhỏ [trong Chú Giải của đoạn này] là 'Thích hiện thế phước lợi', thích là giải thích, bạn được phước, lợi ích ngay bây giờ. Chúng ta thấy ở đây khác với đoạn trước chỉ có một chữ, đoạn trước nói 'độc thị kinh' (đọc kinh này), ở đây nói 'chuyển nhất biến', đoạn trước dùng chữ 'độc', ở đây dùng chữ 'chuyển'. Đoạn này không dùng chữ 'độc', không có nói 'năng ư thập trai nhật mỗi độc nhất biến'. Cái gì gọi là chuyển? 'Chuyển' khác với 'độc' ở chỗ nào? 'Độc' là nói trên nhân, 'chuyển' là nói trên quả. Sau khi đọc xong, tâm niệm của bạn chuyển biến, hành vi chuyển biến, vừa chuyển thì tai nạn sẽ biến thành phước đức. Nếu bạn học Phật chẳng thể chuyển trở lại, vậy thì tai nạn của bạn cũng không thể thay đổi, bạn vẫn phải chịu tai nạn, chữ này là chữ mấu chốt ở đây. 'Chuyển' phải chuyển từ tâm, chuyển trên hành vi, ý nghĩa này rất sâu.

Thế nên đọc tụng nhất định phải hiểu nghĩa, tại sao phải giảng kinh? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, phải giảng rõ ràng, giảng rành rẽ, để cho người nghe giác ngộ, hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ, tư tưởng, quan niệm, hành vi của họ sẽ chuyển trở lại, chuyển ác thành thiện, chuyển ô nhiễm thành thanh tịnh, trên nhân vừa chuyển thì quả đương nhiên sẽ chuyển, đây tức là *'Nếu có thể chuyển cảnh, thì cũng giống như Như Lai'* 4[4]. Cảnh chuyển từ đâu? Chuyển từ tâm, nói theo bây giờ là chuyển trên làn sóng tư tưởng của mình. Lúc trước tư tưởng đều là tự tư tự lợi, tham sân si mạn, tổn hại người, lợi mình, đều là những làn sóng như vậy. Hiện nay những làn sóng này thay đổi rồi, chúng ta khởi tâm động niệm đều vì lợi ích chúng sanh, xả mình vì người, sóng phát ra đều là đại từ đại bi, thanh tịnh vô nhiễm, sóng như vậy làm sao không chuyển hoàn cảnh cho được? Cảnh giới vốn chẳng có thiện ác, vốn là thanh tịnh, nói thật ra, vốn là một tịnh độ. Tại sao tịnh độ lại biến thành đời ác ngũ trược? Vì tâm niệm ác của chúng ta thay đổi hoàn cảnh này, đây là lời đức Phật giải thích cho chúng ta. Chúng ta càng nghĩ lời Phật dạy càng thấy có lý, chúng ta tự thí nghiệm thì quả thật đúng như vậy, thế nên nhất định phải 'phụng hành' thì mới được lợi ích. Ngài Thanh Lương giảng giải kinh Hoa Nghiêm, ngài dùng bốn cương lãnh 'Tín, Giải, Hành, Chứng' để giới thiệu cho chúng ta. Chúng ta phải làm bốn chữ này cùng lúc, không thể có trước sau, có trước sau thì hiệu quả sẽ rất chậm. Hiện nay tai nạn đã đến, cách thức chậm này không kịp nữa, cho nên phải làm cùng một lúc.

Ngày nay Cư Sĩ Lâm, chúng ta dùng phương pháp này. Giảng đường chúng ta mỗi ngày giảng kinh hai giờ, một năm ba trăm sáu mươi ngày không gián đoạn, đây là 'Tín, Giải'; Niệm Phật Đường mỗi ngày niệm Phật không gián đoạn, đó là 'Hành, Chứng'. Chúng ta tiến hành Tín, Giải, Hành, Chứng cùng lúc, Giải Môn giúp Hành Môn, Hành Môn giúp Giải Môn, Giải Hành bổ khuyết thành tựu lẫn nhau, hiệu quả sẽ rất lớn. Quả thật có thể y giáo phụng hành, công đức lợi ích sẽ không thể nghĩ bàn. Chúng ta phải tin sâu, kinh là kinh trong tâm chúng ta. Thế Tôn từ chân tâm tuôn trào ra, chân tâm của Thế Tôn tức là chân tâm của chúng ta, tâm là tâm hiện nay, hai mà không hai, cho nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Chữ 'hiện thế' ở đây tức là chỗ ở hiện nay của chúng ta bình yên, hạnh phúc, chẳng có tai nạn, có cơm no áo ấm, có thể đạt đến hiệu quả này. Hiệu quả này rất nhỏ, đâu có lý nào không đạt được! Xin xem tiếp kinh văn:

4[4] *Nhược năng chuyển cảnh tắc đồng Như Lai*

Thị cố Phổ Quảng, đương tri Địa Tạng Bồ Tát hữu như thị đẳng bất khả thuyết bá thiên vạn ức đại oai thần lực lợi ích chi sự.

Vì thế Phổ Quảng, nên biết rằng Địa Tạng Bồ Tát có trăm ngàn vạn ức sự đại oai thần lực lợi ích chẳng thể nói hết như thế.

Đây là lời tổng kết. Địa Tạng Bồ Tát, ba chữ 'như thị đẳng' tổng kết những lợi ích của sự tín thọ phụng hành nói phía trước, quy kết về oai thần của Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Địa Tạng Bồ Tát là tiêu biểu pháp, là tượng trưng, nội dung chân chánh của ngài là kho tàng vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta. Kho tàng này, trong kinh thường nói tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng; 'đức' là đức tướng, y báo chánh báo trang nghiêm trong Nhất Chân pháp giới là đức tướng; 'năng' là năng lực, tức là 'đại oai thần lực' nói ở đây, những thứ này vốn đầy đủ trong tự tánh chúng ta. Không những kinh này, hết thảy tất cả những kinh Phật dạy đều là đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, nếu tách khỏi tự tánh thì chẳng có một pháp nào có thể được. Do đó có thể biết, đọc kinh đối diện chư Phật, Bồ Tát, dùng tâm chân thành cung kính bèn có thể khai phát tự tánh, làm cho tánh đức của chính mình cũng có thể khởi lên. Hiện tượng làn sóng của chúng ta bèn nối liền với [làn sóng] của chư Phật, Bồ Tát vì tần số đều giống nhau. Lúc bấy giờ hết thảy những nghi ngờ, lo âu của chúng ta mới có thể đoạn dứt, đoạn dứt nghi hoặc mới có thể sanh khởi lòng tin chân chánh, lòng tin thành tựu Phật sự, tức là sự nghiệp tự lợi lợi tha, lòng tin là cội rễ, kinh Hoa Nghiêm nói *'Lòng tin là cội nguồn của đạo, mẹ của công đức'* 5[5], 'đạo' tức là đạo thành Phật, chuyển phàm thành thánh; 'thánh' đạt đến cứu cánh viên mãn là thành Phật, lòng tin là cội rễ. Công đức là tự lợi lợi tha, tự lợi lợi tha đạt đến cứu cánh viên mãn cũng được xây dựng từ lòng tin.

Ngày nay chúng ta làm không đủ, chẳng viên mãn, nguyên nhân ở tại chỗ nào? Nguyên nhân ở chỗ chẳng xây dựng lòng tin, lòng tin chẳng đủ. Lòng tin chẳng đủ là vì chẳng thấu triệt, hiểu rõ chân tướng sự thật. Do đó Giải có thể trợ giúp cho Tín, Tín có thể trợ giúp Giải, Hành có thể trợ giúp Tín, Tín có thể giúp Hành, tuy nói bốn chữ Tín, Giải, Hành, Chứng, thật ra chỉ là một sự việc. Mỗi chữ đều phải bao gồm ba chữ kia, nếu không bao gồm ba chữ kia thì không thể gọi là Tín. Trong Tín không có Giải, không có Hành, không có Chứng thì không gọi là Tín; nếu trong Giải không có Tín, không có Hành, không có Chứng thì chẳng gọi là Giải. Phật pháp là viên dung, viên tu viên chứng, tiến bộ phát triển sẽ rất nhanh chóng. Đoạn tiếp theo sau nói:

Diêm Phù chúng sanh ư thử đại sĩ hữu đại nhân duyên

Chúng sanh trong cõi Diêm Phù có đại nhân duyên với vị đại sĩ này.

'Diêm Phù chúng sanh', 'Diêm Phù' là nói thế giới, địa cầu của chúng ta. Chúng sanh trên quả địa cầu này có đại nhân duyên với Địa Tạng Bồ Tát, có duyên gặp nhau sẽ hoan hỷ, không có duyên sẽ khó tiếp nhận. Chuyện này trong đời sống của chúng ta cũng có thể nhận biết được. Khi chúng ta đi tới một chỗ xa lạ, đặc biệt như lúc đi du lịch, lần đầu tiên đến đó du lịch, chúng ta gặp rất nhiều người, có người vừa nhìn liền rất thuận thảo, nhìn thấy rất hoan hỷ, có người vừa nhìn liền chán ghét [mặc dù] trước đó chưa từng qua lại với họ. Tại sao lại có hiện tượng như vậy? Hiện tượng này chính là do duyên phận đời trước. Khi gặp liền hoan hỷ, mình gặp họ cũng hoan hỷ, họ gặp mình cũng vui mừng, đây là thiện duyên đời trước. Còn khi chúng ta gặp nhau liền cảm thấy không thuận mắt, họ gặp mình cũng chẳng vừa lòng thì đây là ác duyên đời trước.

5[5] *Tín vi đạo nguyên công đức mẫu*

Có thể chúng ta trong đời này, chỉ trong vòng mấy giây, mấy phút, cả đời chỉ gặp mặt một lần như vậy, muốn gặp thêm lần thứ nhì sẽ rất khó khăn, những chuyện như vậy quá nhiều. Tuy có duyên, duyên rất mỏng, duyên chỉ gặp một lần trong cả đời, thời gian vô cùng ngắn ngủi, [dựa trên những việc này] chúng ta có thể hiểu được nhân duyên đời trước.

Còn một chuyện cũng có thể chứng minh được chúng ta chắc chắn có đời quá khứ. Khi chúng ta đi du lịch tới một địa phương nào đó, chưa từng tới đó bao giờ, cả đời đích thật là lần đầu tiên tới đó nhưng đột nhiên cảm thấy hoàn cảnh nơi đó rất quen thuộc, hình như đã gặp qua rồi, đó là do nguyên nhân gì? Đời quá khứ bạn đã cư trú ở nơi đó rồi, nếu không thì bạn làm sao cảm thấy rất quen thuộc được? Từ trước tới giờ chưa hề có ai giới thiệu thì bạn làm sao cảm thấy quen thuộc? Điều này chứng minh con người nhất định có đời trước. Lúc tôi ở Mỹ, tiểu bang Texas, có một vị đồng tu, cư sĩ Thái Văn Hùng, ông kể lại nhân duyên giúp ông học Phật, ông biết được, thấu hiểu có đời quá khứ thật sự. Có một lần ngẫu nhiên lái xe tại vùng phụ cận ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) bị lạc đường, khi chạy đến một thành phố nhỏ, từ trước tới giờ chưa hề đến đó, ông đột nhiên cảm thấy thành phố đó rất quen thuộc, ông biết đường đó phải đi như thế nào, ông lái xe đi theo quả nhiên không sai. Sau đó càng nghĩ càng cảm thấy kỳ lạ, nếu không phải đời trước đã từng ở nơi đó thì làm sao quen thuộc như vậy? Làm sao có ấn tượng sâu sắc như vậy? Chắc chắn đã cư trú ở đó nhiều năm nên ấn tượng mới sâu đậm như vậy, đây là lời ông đích thân kể lại. Chắc đời trước chẳng có làm chuyện xấu gì nên đời này lại đầu thai làm người. Thế nên con người đích thật có đời quá khứ, có quá khứ tức là có tương lai, đây là nói về chân tướng sự thật của nhân quả luân hồi, rất nhiều người đã từng trải qua. Chúng ta cũng đã từng trải qua nhưng chẳng rõ ràng như ông Thái, chẳng sâu đậm như vậy. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị chư chúng sanh văn Bồ Tát danh, kiến Bồ Tát tượng nãi chí văn thị kinh tam tự, ngũ tự, hoặc nhất kệ, nhất cú giả. Hiện tại thù diệu an lạc, vị lai chi thế, bá thiên vạn sanh thường đắc đoan chánh, sanh tôn quý gia.

Nếu những chúng sanh đó được nghe danh hiệu của Bồ Tát, thấy tượng của Bồ Tát, cho đến được nghe chừng ba chữ hoặc năm chữ trong kinh này, hoặc một bài kệ hay một câu, thì hiện tại được sự an vui thù thắng vi diệu, và trăm ngàn vạn đời vị lai thường được đoan chánh, sanh vào nhà tôn quý.

Đây là lời tán thán cùng cực, nói rõ sự lợi ích của sự nghe đến danh hiệu, thấy hình tượng, lời văn trong kinh điển đơn giản, nhưng hàm nghĩa sâu rộng. 'Văn Bồ Tát danh, kiến Bồ Tát tượng' cho đến tiếp xúc bộ kinh này, lợi ích của mỗi người có sâu cạn khác nhau. Có người hoàn toàn chẳng có dịp tiếp xúc Phật pháp, giống như những người đi tham quan du lịch, đặc biệt là đi du lịch Trung Quốc, tham quan chùa chiền ở Trung Quốc là trọng điểm của các đoàn du lịch, người ngoại quốc rất thích [đến những nơi này]. Hơn phân nữa là tín đồ Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo, và những tôn giáo khác, họ chẳng biết gì về Phật pháp. Nhờ chuyến đi du lịch nên nhìn thấy các tượng Phật, tượng Bồ Tát, đương nhiên họ sẽ chẳng có lòng tin, thậm chí họ còn coi những thứ này là mê tín. Mức độ cao hơn một chút thì họ sẽ coi đó như là tác phẩm nghệ thuật, thưởng thức những tượng này như là tác phẩm nghệ thuật. Có lợi ích hay không? Có chứ. Giống như câu nói trong nhà Phật *'Một khi lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo'*. 'Một khi lọt vào tai', và 'một khi lọt vào mắt' có cùng ý nghĩa. Nhĩ căn nghe đến âm thanh niệm Phật, tụng kinh, đó là nhĩ căn; nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát là nhãn căn, vĩnh viễn là hạt giống đạo trong A Lại Da thức. Bất luận là cố ý, vô ý, bất luận là tán thán, hủy báng, đều trở thành hạt giống kim cang, chỉ sợ là cả đời họ

chẳng có duyên được tiếp xúc, vậy thì vô cùng đáng tiếc. [Nếu họ] hủy báng cũng chẳng sao cả, khi họ tiếp xúc đến, nếu họ hủy báng thì họ sẽ chịu quả báo của sự hủy báng, sau khi chịu quả báo xong, tương lai có duyên gặp lại thì họ sẽ tin, họ sẽ có thể được độ.

Từ đó có thể biết, kết pháp duyên với chúng sanh là một chuyện tốt, trong thế pháp, xuất thế pháp đều là chuyện tốt hạng nhất. Lúc rộng kết pháp duyên không nên có húy kỵ gì cả, đừng cho là họ sẽ khinh nhờn, khuấy nhiễu hình tượng Phật, Bồ Tát và tạo nhiều nghiệp tội, vậy thì bạn sẽ chẳng dám đụng, bạn làm sao có thể kết duyên với chúng sanh? Khởi tâm tôn trọng, kính ngưỡng đối với Phật, Bồ Tát đó là chuyện đã vào cửa Phật rồi, chúng ta phải tôn trọng, cung kính hình tượng Phật, Bồ Tát. Nhưng khi chúng ta giới thiệu cho người khác thì không cần phải có những lo lắng này. Giới thiệu cho người khác là gieo hạt giống Phật trong A Lại Da thức của người ta, cho dù hủy báng, sỉ nhục cũng không sao, lẽ nào Phật, Bồ Tát lại hiềm trách bạn? [Những kẻ] hiềm trách đều là phàm phu, chẳng phải thánh nhân, [Phật, Bồ Tát] tuyệt sẽ chẳng hiềm trách. Cho nên hiện nay chúng ta có khi nhìn thấy, trên giấy gói đồ có in hình tượng Phật, Bồ Tát, báo chí cũng thường in danh hiệu và cũng có hình tượng Phật, Bồ Tát. Có một số đồng tu gặp những chuyện này đến hỏi tôi phải làm sao? Giấy báo này có thể đem bỏ không? Phải xử lý như thế nào? Họ rất hoang mang. Như vậy là khởi phân biệt, chấp trước, phải biết in [hình Phật, Bồ Tát] trên báo là để kết pháp duyên, trồng thiện duyên với rất nhiều chúng sanh. Chúng ta gặp thì phải xử lý như thế nào? Phải coi [hoàn cảnh] của bạn. Nếu nhà bạn có chỗ cất giữ, bạn có thể cắt hình, danh hiệu Phật, Bồ Tát trên báo, hoặc dán lên sách, làm kỷ niệm cũng tốt. Nếu không làm như vậy thì cứ xử lý như những báo chí thường cũng được, chẳng cần phải chấp trước, chẳng cần phải tính toán. Đặc biệt là người tạo ác trên thế gian này nhiều, tạo danh hiệu và hình tượng Phật, Bồ Tát càng nhiều càng tốt. Sự phát tâm khác nhau, tâm này là nhằm đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh, hy vọng chúng sanh trồng hạt giống Phật, Bồ Tát, đây là chuyện tốt. Đừng nghĩ như vậy là không cung kính, đoạn mất duyên này, vậy thì rất đáng tiếc.

Chỗ này nói việc lợi ích vô cùng rõ ràng. Người có được lợi ích [nhiều hay ít là] tùy theo tâm của họ, tùy theo nguyện của họ, nếu họ có thể 'giải', có thể 'hành', thì lợi ích ấy càng thù thắng, lợi ích càng lớn. Họ nghe danh hiệu, thấy tượng, không hiểu thì cũng không thể 'hành', lợi ích này ẩn chứa trong A Lại Da thức của họ, bây giờ không thể đạt được lợi ích. Họ chẳng đạt được sự 'Hiện tại thù diệu an lạc' nói ở đây. Đến khi nào họ mới đạt được lợi ích? Đời sau khi họ có cơ duyên gặp được, lúc gặp được, nếu duyên thù thắng gặp được thiện tri thức, bạn đồng tham, đạo hữu tốt giúp họ có thể 'giải' có thể 'hành' thì lợi ích an lạc thù thắng của họ mới hiện tiền. Do đó trong ấy chẳng có mê tín, nhân duyên sai khác trong ấy vô lượng vô biên. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, hiểu chân tướng sự thật này, khi có người đến hỏi, chúng ta có thể trả lời, giúp họ đoạn dứt nghi hoặc và sanh lòng tin. Phàm những người đến hỏi đều là người trong đời quá khứ có hạt giống này, đã từng có duyên nghe pháp, nghe danh hiệu, thấy hình tượng. Chúng ta hãy suy nghĩ kỹ càng trong đời quá khứ, thậm chí trong kiếp lâu xa về trước chúng ta đã trồng nhân, đến đời này chúng ta mới gặp được duyên, duyên mới chín muồi. Cho nên gặp được bộ kinh này liền có thể sanh tâm hoan hỷ, càng đọc càng hoan hỷ, hiểu được thì hoan hỷ, không hiểu cũng hoan hỷ, [vì đã gieo trồng] duyên rất sâu đậm! Duyên này chắc chắn là đã được gieo trồng đời trước, không thể nào đời này vừa tiếp xúc liền sanh tâm hoan hỷ, không có lý như vậy.

Hiện nay có rất nhiều người nhìn thấy [hình tượng] không thể sanh tâm hoan hỷ, không phải cũng giống như chúng ta trong đời quá khứ hay sao, chúng ta là người từng

trải qua nên hiểu được, đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp mới thành tựu. Hiện nay chúng ta giúp họ trồng nhân, chúng ta cũng rất rõ phải đợi đến đời sau, kiếp sau khi duyên chín muồi thì họ mới được độ. Trong tâm người thế gian nghĩ đoạn thời gian này quá dài, nhưng trong chân tướng sự thật thì thời gian là giả, [thật sự là] chẳng có thời gian. Thời gian và không gian đều là một khái niệm trừu tượng, tuyệt chẳng phải sự thật. Kinh Hoa Nghiêm nói 'niệm kiếp viên dung', một niệm có thể kéo dài đến vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút ngắn thành một niệm. Trong kinh Đại Thừa thường nói *'mười đời xưa nay chẳng lìa một niệm'*6***[6]***, chính là đạo lý này. Chúng ta chẳng nhìn thấy chân tướng, giống như chúng ta coi phim vậy, chúng ta chỉ thấy hình bóng hiện trên màn ảnh, chẳng nhìn thấy tấm phim trong máy chiếu phim, chiếu trên màn ảnh [thì nhìn thấy] có trước có sau, nếu nhìn thấy các tấm phim trong máy chiếu hình, lấy ra cả một cuộn phim thì chẳng có trước sau. Do đó có thể biết, chúng ta thấy có thời gian, có quá khứ, có tương lai là do cảm giác sai lầm nên nhìn thấy ảo tưởng này. Nếu bạn hiểu chân tướng sự thật thì bạn cũng như đang trong máy chiếu phim, nhìn thấy mỗi tấm phim chẳng có trước sau gì cả.

Cho nên chuyện chúng ta nên làm là giúp đỡ hết thảy chúng sanh trồng thiện căn, tu Bồ Tát hạnh, thành Bồ Tát đạo. Hơn nữa phải tích cực làm, giúp đỡ mọi người vô điều kiện, trong ấy không có phân biệt, không có chấp trước, dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mà làm, như vậy thì công đức tự nhiên sẽ viên mãn. Trong kinh nói lợi ích 'trăm ngàn vạn đời thường được đoan chánh, sanh nhà tôn quý', đây là điều mọi người trong thế gian mong cầu, chỉ nêu ra một thí dụ mà thôi, công đức lợi ích thật sự thì thù thắng hơn việc này nhiều. Pháp sư Thanh Liên chú giải đoạn này rất hay, ngài dùng những gì nói trong kinh điển tương đối sâu một chút, nhưng chúng ta trong các buổi giảng đã nói rất nhiều, nếu chư vị có thể hiểu ý nghĩa này thì coi chú giải của ngài chẳng khó. Xin xem tiếp kinh văn, trang 66:

Nhĩ thời Phổ Quảng Bồ Tát văn Phật Như Lai xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát dĩ, hồ quỵ hiệp chưởng phục bạch Phật ngôn: 'Thế Tôn, ngã cửu tri thị đại sĩ hữu như thử bất khả tư nghị thần lực cập đại thệ nguyện lực, vị vị lai chúng sanh khiển tri lợi ích, cố vấn Như Lai, duy nhiên đính thọ

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Quảng nghe Đức Phật Như Lai xưng dương tán thán Bồ Tát Địa Tạng xong, liền quỳ xuống chắp tay và bạch đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Từ lâu con đã biết vị đại sĩ này có thần lực chẳng thể nghĩ bàn và sức mạnh của thệ nguyện lớn như vậy, song vì muốn cho chúng sanh đời sau biết rõ sự lợi ích, nên con mới thỉnh vấn đức Như Lai. Con xin cung kính lãnh thọ.

Đây là Bồ Tát thay chúng ta hỏi Thế Tôn, Thế Tôn dạy nhiều như vậy, phải đặt tựa đề kinh này là gì? Đến chỗ này hỏi tên kinh, tương lai lúc kết tập nên dùng tên gì? Giống như người thế gian làm văn vậy, từ xưa đến nay rất nhiều người viết văn, viết văn chương xong rồi đặt tựa đề, đây là một cách làm thông thường. Khi chúng ta còn là học trò, thầy giáo ra tựa đề cho chúng ta làm văn, chúng ta phải y theo tựa đề này mà làm, như vậy khá khó, đó là tập luyện. Thật sự viết văn là sau khi viết xong, xem lại nội dung rồi đặt tựa đề. Giống như chúng ta hiện nay mỗi buổi sáng, ăn cơm xong nói chuyện với mọi người, nói tùy tiện, các bạn thâu âm rồi viết thành văn, sau đó coi nội dung và đặt một tựa đề làm cho người ta đọc đến tựa đề này liền biết nội dung của buổi nói chuyện ngày hôm đó. Đức Phật giảng kinh lúc ban đầu cũng chẳng đặt ra một tựa đề rồi mới nói, đều là ứng cơ thuyết pháp, khi kết tập mới đặt tựa đề. Nhưng kinh Phật

6[6] *Thập thế cổ kim bất ly nhất niệm*

phần nhiều đều là sau khi đại chúng nghe xong, hoặc nghe được phân nửa, có người đến thỉnh giáo, thỉnh Phật khai thị. Trong kinh chúng ta thấy những trường hợp này rất nhiều. Có khi không có người hỏi, đức Phật cũng chẳng nói, sau khi kết tập, người kết tập mới đặt ra một tựa đề. Nhưng trường hợp này rất ít, phần nhiều đều do đức Phật đặt tựa đề. Ở đây Phổ Quảng Bồ Tát hỏi đề kinh, tên kinh này thay chúng ta.

'Nhĩ thời' là đức Thế Tôn dạy cho chúng ta về các sự tu hành, giáo huấn, các sự tích, công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Sau khi nói xong, Phổ Quảng Bồ Tát 'hồ quỵ hiệp chưởng'. 'Quỵ' lúc trước là lễ tiết long trọng nhất, người Trung Quốc hành lễ quỳ lạy khác với người ngoại quốc, 'hồ quỵ' là lễ tiết của ngoại quốc, chẳng phải lễ của Trung Quốc. Người Trung Quốc quỳ thì hai đầu gối đều chạm đất, thời cổ Ấn Độ thì gối bên phải chạm đất, chỉ quỳ trên một gối, chẳng giống như người Trung Quốc. Cách quỳ này có dụng ý, tiện cho thầy sai bảo, thầy có sai bảo gì, động tác lanh lẹ, [quỳ như vậy thì] đứng dậy thật nhanh, thật dễ, phục vụ cho thầy. Niệm niệm chẳng quên phụng sự sư trưởng, là ý nghĩa này, do đó đây là một thái độ rất cung kính. 'Hiệp chưởng' tượng trưng nhất tâm, đều là tiêu biểu pháp. Mười đầu ngón tay tượng trưng tâm tán loạn của chúng ta, suy nghĩ lung tung, chắp tay tức là thâu tóm tâm lại, hết thảy tất cả vọng niệm lúc này đều phải buông xuống, nhất tâm chuyên chú, chắp tay tiêu biểu cho ý nghĩa này. Hợp lại thành một, tiêu biểu ý nghĩa này, tiêu biểu cung kính. 'Bạch Phật ngôn', 'bạch' là từ ngữ biểu thị cung kính, kẻ dưới thưa hỏi người trên. Từ ngôn ngữ của ngài chúng ta biết Phổ Quảng cũng là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng phải là người thường, cũng là chư Phật Như Lai thị hiện, đúng như câu nói *'Một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ'*. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đóng vai chánh trong tuồng hát, chư Phật Như Lai đóng vai phụ, cùng nhau đóng vở kịch này cho hay, hy vọng chúng sanh xem kịch xong có thể giác ngộ, thế nên Phật pháp đích thật là diễn tuồng [để giáo hóa chúng sanh] .

Trong tay tôi còn có một kịch bản, đó là tuồng 'Mục Liên cứu mẹ', rất hợp với tháng bảy này. Bản này thật sự là bản kịch [có quy mô] to lớn, đáng tiếc là chẳng ai biểu diễn, có kịch bản nhưng không ai trình diễn. Thời xưa trong nhà Phật có rất nhiều kịch bản như vầy, chúng ta không lưu ý để sưu tập, nếu lưu ý sưu tập thì sẽ thấy rất nhiều. Hiện nay nếu có thể dùng phương pháp hiện đại để đóng kịch này, làm thành phim bộ, dùng phương pháp này để hoằng pháp lợi sanh, hiệu quả sẽ rất lớn. Nhà Phật thường nói phương tiện có nhiều cửa, chẳng câu nệ một hình thức nào cả. Nếu chúng ta thật sự có nhân tài, có tu dưỡng về văn học, có lòng ưa thích, hiểu âm nhạc, biết diễn kịch, chúng ta sẽ viết ra những kịch bản này tặng cho giới [nghệ sĩ] làm phim, cho họ trình diễn trên đài truyền hình, được vậy thì lợi ích hoằng pháp lợi sanh sẽ rất lớn. Hiệu quả sẽ thù thắng hơn chúng ta giảng kinh thuyết pháp trên giảng đài không biết gấp bao nhiêu lần, [do đó chúng ta] nên phát triển theo đường hướng này. Đạo diễn, diễn viên cho những tuồng này nên nghe giảng trước, sau khi hiểu rõ xong mới viết kịch bản, diễn kịch, dùng phương pháp như vậy mới được. Hiện đại hóa, bản địa hóa, ngày nay chúng ta nói 'bản địa' là nói về cả địa cầu, hiện nay phương tiện truyền thông phát triển, giao thông thuận tiện, địa cầu [dường như được thâu] nhỏ lại, ngày nay nói 'bản địa' chẳng gò bó tại một địa phương nào, cả thế giới đều là 'bản địa', nhất định phải hiện đại hóa thì mới thâu nhận được hiệu quả.

Do đó những Bồ Tát này đều là hóa thân của Như Lai, 'ngã cửu tri thị đại sĩ', 'thị đại sĩ' tức là Địa Tạng Bồ Tát; tôi đã biết ngài rất lâu rồi, rất rõ ràng. 'Hữu như thử bất khả tư nghị thần lực, cập đại thệ nguyện lực', đây là như đức Phật Thích Ca đã nói phía trước, Phổ Quảng Bồ Tát đã biết trước từ lâu rồi, đâu có lý nào không biết? Tại sao ngài phải hỏi? 'Vị vị lai chúng sanh, khiến tri lợi ích cố vấn Như Lai'. Câu hỏi này của ngài thật ra là ngài đã biết rõ rồi nhưng cũng hỏi, đó là như đóng kịch vậy, đóng [theo

lối] Song Hoàng 7[7] [nghĩa là] một người hỏi một người đáp. Chúng sanh chẳng biết; chẳng biết nhưng chúng sanh cũng chẳng hỏi, nhất định phải là người trong ngành mới biết hỏi. Đọc kinh này chúng ta phải bắt chước. Bất kỳ trường hợp nào, thời gian nào [nếu có cơ hội thì nên làm như vậy] rất đáng tiếc chúng ta đều là chúng sanh mê hoặc điên đảo, chẳng giác ngộ, chẳng biết phương pháp độ chúng sanh. Nói thật ra, cũng chẳng có nguyện vọng khẩn thiết độ chúng sanh cho nên vẫn còn là phàm phu trong sanh tử. Nếu bạn học được phương pháp này, bạn cũng có một hoằng nguyện, lúc nào cũng giúp đỡ chúng sanh, đem lại lợi ích cho chúng sanh, chẳng gián đoạn. Trong lúc tản bộ trò chuyện, có nhiều người ở xung quanh, chúng ta biết rõ nhưng cũng cứ hỏi, một người hỏi một người đáp để cho người ta nghe. Chúng ta ở những nơi công cộng, trong tiệm ăn dùng cơm, ở xung quanh đều có nhiều người, chưa từng có người hỏi: "Thưa pháp sư, Phật nghĩa là gì?" Bạn hiểu, tôi cũng hiểu, chúng ta một người hỏi, một người đáp, đóng kịch như vậy cho người ta nghe, cho những người chưa hiểu có dịp nghe. Khi chúng ta dùng cơm thì tiệm ăn đó liền biến thành đạo tràng, những người đến ăn cơm đều là thính chúng, có mấy người biết làm như vậy?

Trong các chùa chiền ở Trung Quốc, các bạn đều trú trong tự viện, bạn coi mỗi ngày có bao nhiêu đoàn du lịch tới đó! Người hướng dẫn du lịch giới thiệu đạo tràng, lịch sử, văn vật cho những du khách này, chúng ta không biết cách nói xen vào trong đó sao. Một lần nọ ở chùa Ngọc Phật ở Thượng Hải, lúc tôi đi đến điện Thiên Vương, đúng lúc đó có hai đoàn khách du lịch vừa đến, tôi thấy họ đều là người ngoại quốc, có người phiên dịch cho họ. Tôi cũng kéo một vị tri khách của chùa Ngọc Phật đi kế bên, tôi giảng giải cho thầy ấy nghe ý nghĩa tiêu biểu pháp của Tứ Đại Thiên Vương nơi đó. Tôi nói chuyện với thầy ấy, cả hai đoàn du lịch đó đều im lặng, đều vây quanh để nghe, [đó là] cơ hội giáo dục, chúng ta giảng một bài học [ngắn] cho những khách du lịch ấy. Do đó nhất định phải hiểu cơ hội giáo dục, mọi nơi, mọi lúc chúng ta phải có tâm này, nguyện này. Cũng như Phổ Quảng Bồ Tát trong pháp hội Địa Tạng này vậy, một người hỏi, một người đáp, đâu phải là họ không biết? Họ đều biết, đã biết nhưng cứ hỏi, diễn tuồng biểu diễn cho người ta coi, làm cho họ thấy nghe xong có thể giác ngộ, có thể hiểu rõ.

Do đó nên biết những chùa ở Đại Lục nếu có thể lợi dụng cơ hội giáo dục hướng dẫn cho chúng sanh trên toàn thế giới, khi họ đến đó du lịch thật sự sẽ đạt được lợi ích lúc ra về. Sau khi về họ sẽ tuyên dương những Phật pháp mà họ nghe được, hiểu được, giới thiệu cho bà con, bạn bè của họ. Sau khi những bạn bè, thân quyến này nghe xong lại đến Trung Quốc tham quan du lịch, đến [Trung Quốc] muốn học một ít. Họ đến đó du lịch phải tốn một số tiền, đó là học phí, họ sẽ học được một vài điều khi trở về, chúng ta chẳng phụ lòng họ, đây là một chuyện tốt.

Cho nên tôi chẳng có ở Trung Quốc thì không có cách chi, nếu tôi ở Trung Quốc thì nhất định sẽ đề nghị Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc nên triệu tập những người xuất gia lại học một lớp huấn luyện, chỉ cho họ [biết về việc] cơ hội giáo dục, làm cho mỗi người ai nấy đều biết. Không cần nhiều, chỉ cần hiểu rõ những sự việc có tiêu biểu pháp, mỗi ngày giảng giải cho những đoàn thể du lịch, làm cho những người ngoại quốc đi du lịch đến Trung Quốc biết được không những lịch sử Trung Quốc lâu đời, trình độ nghệ thuật hy hữu trên thế giới, học thuật Trung Quốc tinh tuý, sâu sắc làm cho họ khâm phục, đây là tuyên dương văn hóa cố hữu, tuyên dương Phật pháp Đại Thừa.

7[7] *Hoàng là cái lưỡi gà (reed), tức cái lẫy đồng trong những cây kèn Tàu (oboe, loại kèn này thường được gọi là tất lật 篳篥,). Do vậy, Song Hoàng hiểu theo nghĩa hẹp là hai cây kèn thổi đôi, phối hợp thành hai bè với nhau. Từ đó, khi song tấu bất cứ nhạc khí hay diễn xuất theo lối xướng họa đều gọi là Song Hoàng.*

[Hiện nay] Phật pháp đích thật ở tại Trung Quốc chứ chẳng tồn tại ở Ấn Độ nữa, Ấn Độ chẳng còn nữa. Phật pháp cũng di dân, dời đến Trung Quốc, thế nên nếu cả thế giới muốn học Phật thì nhất định phải đến Trung Quốc. Chúng tôi đọc đoạn kinh văn này rất cảm khái, nhất định phải biết mình nên làm như thế nào để đem lại lợi ích cho chúng sanh. Đây chẳng phải là tạo thêm phiền phức, cho nên đừng sợ lão pháp sư quá cực nhọc, lão pháp sư quá mệt, chẳng sợ những chuyện này. Làm sao có thể đem lại lợi ích cho chúng sanh, đã biết nhưng phải hỏi. 'Cố vấn Như Lai duy nhiên đính thọ', 'duy nhiên đính thọ' bốn chữ này vô cùng cung kính, bao gồm ý nghĩa 'quyết định y giáo phụng hành' ở trong ấy. Sau đó ngài chánh thức hỏi:

Thế Tôn, đương hà danh thử kinh, ngã vân hà lưu bố

Bạch Thế Tôn, kinh này đặt tên là gì và con nên lưu bố như thế nào?

Những lời ngài giảng nên đặt tựa đề là gì để cho chúng con lưu thông rộng khắp, giới thiệu pháp môn này cho hết thảy chúng sanh, tiến cử cho hết thảy chúng sanh, ý nghĩa của chữ 'lưu bố' là lưu thông, tuyên bố. Có rất nhiều cách thức để lưu bố, vô lượng vô biên, tuyệt đối chẳng phải chỉ có một cách. Chúng ta phải xem xét hoàn cảnh, hình thức, làm cách nào để có lợi ích nhiều nhất, chúng ta dùng phương pháp đó để làm. Chúng ta giảng kinh trong giảng đường, giảng đường rất nhỏ, thính chúng chẳng nhiều, làm thế nào khuyếch trương hiệu quả của việc giảng kinh, đương nhiên lý tưởng nhất là dùng máy truyền hình, duyên của truyền hình chưa chín muồi, chẳng có quan hệ này. Đặc biệt là đài truyền hình, do chánh sách quốc gia hạn chế, [chúng ta] chưa đủ duyên. Chúng ta cũng chẳng có tài lực nên làm không nổi. Làm không được thì phải làm sao? Mỗi lần chúng ta giảng kinh, lưu lại băng thâu âm, chúng ta có thể làm việc này. Những đạo tràng và đồng tu quen biết nhưng chẳng có duyên trực tiếp đến nghe, chúng ta có thể làm thành nhiều băng tặng cho họ. Trong Phật pháp, đây là bố thí cúng dường, tuyệt đối chẳng có mua bán, thế nên những kinh sách, băng thâu âm, băng thâu hình, CD chúng tôi in và làm ra, từ trước đến giờ chưa từng đem bán, chỉ biếu tặng mà thôi.

Hai năm gần đây nhân duyên dần dần chín muồi, sau khi đài số bốn ở Đài Loan mở ra, có rất nhiều người hỏi tôi xin băng thâu hình. Có người muốn xin thì đó là chuyện tốt, chúng tôi rất hoan hỷ, chúng tôi cung cấp [băng thâu hình] cho họ chiếu lên truyền hình. Thế nên hiện nay Đài Loan mỗi ngày hầu như có ba, bốn giờ phát hình những băng thâu hình [giảng kinh] này. Ở Mỹ mỗi ngày có một giờ đồng hồ, gần đây đài truyền hình Hawaii cũng bắt đầu cho truyền hình, mỗi tuần hai lần, hình như mỗi tuần hai giờ đồng hồ. Phong khí dần dần mở ra, băng thâu hình của chúng ta có dịp được truyền hình. Chỉ cần họ xin chúng ta, chúng ta lưu giữ rất nhiều [băng thâu hình, thâu âm], tôi tin tưởng hai, ba năm họ cũng dùng không hết. Chúng ta lưu giữ nhiều băng như vậy, cho nên chúng ta phải sớm tìm cách lợi dụng phương pháp khoa học kỹ thuật. Hiện nay mạng lưới điện toán phát triển, đối với chúng ta đây cũng là phương pháp tốt nhất để lưu thông rộng rãi, rất nhiều tài liệu này đều có trên mạng lưới điện toán. Chúng ta coi khuynh hướng của khoa học kỹ thuật, trong sự tưởng tượng của tôi thì mười năm sau là thời đại điện não (máy vi tính, computer), có thể những máy truyền hình này cũng sẽ bị đào thải hết, mỗi người mang một máy điện não nhỏ, cỡ bằng cuốn sách. Mười năm sau máy điện não có thể biến thành một hộp rất nhỏ, có thể bỏ vô túi, càng làm càng tiến bộ. Mỗi người mở máy điện não ra, bất cứ lúc nào cũng có thể xem chỉ cần có thời giờ rảnh rỗi, khi bạn muốn nghe kinh thì bạn liền có thể mở xem, rất thuận tiện!

Cho nên tương lai hoằng pháp lợi sanh trên toàn thế giới cần phải có một chỗ bao lớn? Chỗ này của chúng ta hiện nay đủ rồi, chỗ nhỏ thì ít việc, phí tổn ít chẳng cần phải cầu cạnh người ta, hết thảy những tài lực này đều dồn vào việc hoằng pháp, giúp đỡ những chúng sanh đang chịu khổ nạn. Chúng ta đủ ăn đủ mặc thì vui rồi, rất thoải mái, có bạn đạo có cùng chí hướng, có bảy tám người là đủ rồi, không nên có quá nhiều người. Chúng ta chuyên chí công phu trên Đại Thừa, mỗi ngày luyện tập trên giảng đài, lợi dụng phương pháp khoa học kỹ thuật truyền bá rộng khắp thế giới, chúng ta dùng phương pháp này để lưu thông rộng rãi, định tâm ở một chỗ để chuyên làm công việc này. Chúng ta cũng không cần treo một chiêu bài gì cả, đó là hình thức, không quan trọng lắm, quan trọng ở thật chất. Thật sự có vài người có cùng chí hướng sanh hoạt chung với nhau, học tập chung, làm việc chung với nhau, hy vọng làm sự nghiệp của Như Lai cho hoàn hảo, đời này sẽ rất sung mãn, rất có giá trị, rất có ý nghĩa.

Từ mấy chục năm học Phật đến nay tôi có nguyện vọng như trên, hy vọng có vài bạn đồng tu thật sự chí đồng đạo hợp, chúng ta cùng nhau làm sự nghiệp này. Rất khó tìm được người có đồng tâm, đồng nguyện, người xưa có nói: "Ba người đồng tâm, sức bén nhọn ấy có thể cắt đứt vàng' 8[8], đó là một cách tỷ dụ, sức bén nhọn ấy có thể cắt đứt sắt thép, có sức mạnh lớn như vậy. [Hiện nay] chẳng tìm được người đồng tâm, tại sao chẳng tìm thấy? Mọi người quá coi trọng danh lợi, vậy thì chẳng có cách chi cả. Nếu có thể xả bỏ rốt ráo các thứ tiếng tăm, lợi dưỡng, thị phi nhân ngã, chỉ có một niệm: hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh, người như vậy rất khó gặp, quá khó! Tôi tin tưởng sâu xa nếu có năm người [đồng tâm] thì có thể làm cho Phật pháp hưng vượng trở lại, chẳng khác gì với thời đại đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Năm xưa đức Thế Tôn tại vườn Lộc Dã cùng với năm tỳ kheo có thể hưng khởi [Phật pháp], ngày nay nếu có năm vị tỳ kheo thì nhất định có thể làm cho Phật pháp hưng vượng trở lại. Năm người này thật sự có đạo tâm, có thể chuyển đổi quan niệm, ngôn hạnh trở lại, cùng tâm, cùng nguyện, cùng giải, cùng hạnh với Phật thì sự nghiệp này mới làm được viên mãn. Xin xem tiếp kinh văn:

Phật cáo Phổ Quảng thử kinh hữu tam danh, nhất danh Địa Tạng Bổn Nguyện, diệc danh Địa Tạng Bổn Hạnh, diệc danh Địa Tạng Bổn Thệ Lực Kinh.

Đức Phật bảo ngài Phổ Quảng: "Kinh này có ba danh hiệu: một là Địa Tạng Bổn Nguyện, cũng gọi là Địa Tạng Bổn Hạnh, cũng gọi là Địa Tạng Bổn Thệ Lực Kinh.

Ngài Phổ Quảng hỏi tên kinh, đức Thế Tôn nói ra ba tên, ngày nay chúng ta thấy tên kinh này là một trong ba tên nói trên. Đây là lúc trước đại sư dịch kinh, lựa một tên trong ba tên do đức Thế Tôn đặt ra, chọn 'Địa Tạng Bổn Nguyện', cho nên kinh này gọi là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh. 'Nguyện' nhất định phải có 'Hạnh', hết thảy 'bổn hạnh' bao gồm trong 'bổn nguyện'. 'Hạnh' nhất định có 'Thệ Lực'. 'Thệ' mọi người đều biết, thệ nguyện của Địa Tạng Bồ Tát rộng lớn, sâu xa, thật sự xả mình vì người. Ngày nay chúng ta gọi là 'hy sinh, phụng sự, hiến dâng', xả mình vì người, Địa Tạng Bồ Tát là mô phạm hạng nhất, *'Địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật, độ tận chúng sanh mới thành Phật đạo'*. Chúng ta hỏi: "Địa Tạng Bồ Tát có nguyện lớn như vậy, đáng được hết thảy chư Phật Như Lai tán thán, hết thảy chúng sanh kính ngưỡng, Quán Âm Bồ Tát có nguyện này không? Văn Thù Bồ Tát có nguyện này không? Phổ Quảng Bồ Tát trong kinh này có nguyện như vậy không? Từ nguyện này mà nói thì đều được gọi là Địa Tạng Bồ Tát, Phổ Quảng cũng được gọi là Địa Tạng Bồ

8[8] *Tam nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim*

Tát, Quán Âm cũng gọi là Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền cũng gọi là Địa Tạng Bồ Tát, nói từ nguyện này. Nếu xét về đại từ đại bi thì Địa Tạng Bồ Tát cũng gọi là Quán Âm Bồ Tát, hết thảy đều gọi là Quán Âm Bồ Tát. Muôn vàn xin đừng coi một vị Bồ Tát thành một người, nghĩ cứng ngắc như vậy thì bạn sai rồi! Tất cả hết thảy Bồ Tát đều là tiêu biểu pháp.

Cho nên bạn thành tựu cái gì? Tập hợp hết thảy thành tựu to lớn của Bồ Tát, hết thảy Bồ Tát tức là tôi, một người, như vậy mới đúng, tận hư không trọn khắp pháp giới là chính mình. Từ chuyện chúng ta hiếu thân tôn sư, từ nguyện hạnh này, tức là Địa Tạng Bồ Tát; xét về từ bi cứu đời thì bạn chính là Quán Thế Âm Bồ Tát; xét về cách dùng lý trí chẳng dùng cảm tình thì bạn chính là Văn Thù Bồ Tát; nói được làm được, lời nói và hành động đi đôi, đó chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Tất cả hết thảy Bồ Tát là một người, chẳng phải rất nhiều người, phải hiểu đạo lý này. Ngày nay chúng ta học Phật, học đến già cũng chẳng thể bước vào ngưỡng cửa (nhập môn), vậy là sai ở chỗ nào? Sai ở chỗ chúng ta phân chia các Bồ Tát riêng rẽ ra, vị này chẳng phải là vị kia, vị kia chẳng phải vị này, vậy thì hỏng rồi! Thế nên bạn chẳng thể bước vào cửa. Khi bạn thật sự hiểu được, hết thảy chư Phật là một vị Phật, hết thảy Bồ Tát là một vị Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm cũng nói với chúng ta 'Một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều chẳng phải hai' 9[9], đều là nói rõ về đạo lý này, đều nói về sự thật này, làm sao có thể chia ra được? Vừa chia ra thì rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nếu chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì bạn chẳng thể bước vào cửa. Nói thật ra, bạn coi kinh cũng không hiểu thì bạn làm sao đạt được sự lợi ích thù thắng của kinh giáo? Đây là nói về bổn thệ nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, từ thệ nguyện sanh ra sức mạnh. Chữ 'lực' (sức mạnh) này, ngày nay chúng ta gọi là động lực, dũng mãnh tinh tấn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Sức mạnh gì đang thúc đẩy họ? Ngày nay chúng ta thấy người thế gian liều mạng đi làm việc, sức mạnh gì thúc đẩy họ làm việc? Chính là danh lợi. Nếu họ chẳng đạt được danh, chẳng đạt được lợi thì họ sẽ giải đãi, cái gì cũng chẳng muốn làm.

Báo hôm qua có đăng một bài luận ngắn, tôi coi xong cảm thấy rất thú vị. Nói về Tịch Cốc (Silicon Valley), tiểu bang California, đó là chỗ tôi ở hồi đó, tôi trú ở Nam Loan, nói về địa phương ấy. Chỗ đó có rất nhiều khoa học gia, hơn phân nửa đều làm trong ngành điện não, điện tử. Tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), những người này đều đến nghe, trong đó rất nhiều người có học vị Tiến Sĩ. Tôi nhớ lần đầu tiên tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn, thính chúng có khoảng tám mươi mấy người, hai phần ba có học vị Tiến Sĩ, có một đồng tu nói với tôi: "Pháp sư lại đây mở lớp Tiến Sĩ, những người này làm việc rất nỗ lực, mỗi ngày làm việc mười mấy giờ đồng hồ, vì cái gì? Kiếm tiền. Kiếm tiền xong chẳng có chỗ xài, không biết làm sao xài tiền, thật là như vậy." Liều mạng nỗ lực kiếm tiền, là vì chuyện này nên họ mới làm việc [siêng năng] như vậy. Nếu không kiếm được tiền, chẳng có lợi ích thì họ nhất định sẽ không làm nữa.

Động lực người thế gian, động lực lao động làm việc là vì danh lợi, trong Phật pháp thì xả bỏ hết danh lợi, động lực gì thúc đẩy họ? Bổn thệ, lời thệ nguyện của họ thúc đẩy, tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện thật ra tức là nguyện thứ nhất 'Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ', nguyện lực này thúc đẩy họ. Nếu họ thật sự có nguyện này thì nhất định phải đoạn phiền não, nhất định phải học pháp môn, nhất định phải thành Phật đạo. Tại sao vậy? Họ không đoạn phiền não, không học pháp môn thì không có khả năng độ chúng sanh. Từ đây có thể biết do nguyện lực này thành tựu cho họ. Sau khi chính họ thành tựu, họ mới có thể thực hiện nguyện lực, mới có thể phổ độ

9[9] *Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, nhất đa bất nhị*

chúng sanh. Cho nên chư Phật đã thành Phật, sau khi thành Phật, quyết định không trụ trên ngôi vị Phật, lui về ngôi vị Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát là địa vị của học sinh, Phật là địa vị của thầy giáo, vì ở trên địa vị của thầy giáo thì phiền phức. Phật đạo là sư đạo, đề xướng tôn sư trọng đạo, chỉ có học sinh đến cầu thầy giáo, thầy giáo không thể tùy ý dạy học sinh, nếu thầy giáo tùy tiện dạy học sinh thì học sinh sẽ chẳng tôn kính thầy giáo. Trong sư đạo chỉ có nghe nói việc 'đến học' chứ không có việc 'đi dạy', thời xưa ở Trung Quốc và Ấn Độ đều như vậy. Còn việc cầu học, bạn tới cầu học, chẳng có việc thầy giáo đến nhà bạn dạy bạn, chẳng có đạo lý này. Ai có thể đến nhà bạn dạy bạn? Bồ Tát. Bồ Tát là bạn đồng học, đồng học thì sẽ chẳng tôn nghiêm, đồng học có thể tùy tiện. Cho nên trong kinh nói 'làm người bạn không mời mà đến', bạn không đến kiếm tôi, tôi có thể đi kiếm bạn, đó là Bồ Tát, Bồ Tát thì tiện lợi hơn. Quan hệ chúng ta là quan hệ bạn học, chúng ta không phải là quan hệ thầy trò, bạn phải biết. Đức Phật Thích Ca biểu diễn làm một người thầy giáo, có rất nhiều chư Phật Như Lai biểu diễn làm bạn đồng học, thị hiện thân phận Bồ Tát, đến làm bạn đồng học với chúng ta, đến giúp đỡ chúng ta.

Nói thật ra những người này đã thành Phật từ lâu rồi, họ thật sự từ bi, giúp đức Phật giáo hóa chúng sanh, vì không phải là người trong ngành chẳng giúp được, chẳng thể quán sát căn cơ, không phải là người trong ngành thì chẳng thể nêu câu hỏi, chẳng thể hỏi. Do đó tôi thường nói, học Phật tức là diễn kịch, biểu diễn, kinh điển chính là kịch bản. Bạn coi chư Phật, Bồ Tát ở đó biểu diễn hoạt bát dường nào. Đặc biệt là trong kinh Hoa Nghiêm, bạn thấy có bao nhiêu người trong pháp hội ấy! Nếu tính số đoàn thể tham dự từ đầu kinh đến cuối kinh, không thể tính số người, tổng cộng có hai trăm hai mươi tám loại đoàn thể tham dự, có nhiều như vậy. Chúng ta nói từ những đoàn thể này, số người trong mỗi đoàn thể là vô lượng vô biên, làm cho chúng ta lập tức thấu hiểu đến tận hư không, trọn khắp pháp giới chính là một sân khấu to lớn, nên số người mới vô lượng vô biên. Những người nào làm đạo diễn? Những người nào làm diễn viên? Đều là chư Phật Như Lai. Chúng ta thấy được trong kinh, các thân phận khác nhau toàn là chư Phật Như Lai biến hiện thành, nên dùng thân gì độ được bèn hiện thân ấy, tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp.

Chúng ta phải học được những bản lãnh này từ kinh điển, phải xây dựng lý tưởng, quan niệm như thế nào, chúng ta cũng tham dự pháp hội này vậy. Pháp hội này là pháp hội Hoa Nghiêm, pháp hội Hoa Nghiêm luôn luôn tồn tại, chẳng gián đoạn, cho nên trong kinh nói 'trần thuyết sát thuyết, vô gián thuyết', chẳng có gián đoạn. Pháp hội Hoa Nghiêm là pháp hội chung, các pháp hội khác là pháp hội nhỏ, trong pháp hội lớn chia thành các pháp hội nhỏ, Hoa Nghiêm là tổng hội. Có thể thấu hiểu được ý nghĩa này, khế nhập cảnh giới này thì chúng ta sẽ vào pháp hội Hoa Nghiêm. Hôm thứ bảy chúng ta gặp một đoạn kinh văn vừa đúng lúc giảng đến Hoa Nghiêm Tam Muội, ít nhiều thì cũng báo cáo với chư vị một chút. Sau khi hiểu rõ, đích thật thay đổi quan niệm của chúng ta, đời sống của chúng ta cũng thay đổi theo, chuyển biến nghiệp lực của chúng ta thành nguyện lực, đây là học Phật chân chánh đạt được lợi ích. Tiên sinh Phương Đông Mỹ gọi là 'sự hưởng thọ cao nhất của đời người', nếu bạn chuyển không được thì bạn đạt không được, sau khi chuyển được thì đó là sự hưởng thọ cao nhất của đời người. Đây là nói đến Địa Tạng Bổn Thệ Lực Kinh. Đoạn kinh tiếp theo còn hai hàng, chúng ta đọc tiếp:

Duyên thử Bồ Tát, cửu viễn kiếp lai phát đại trọng nguyện, lợi ích chúng sanh, thị cố nhữ đẳng, y nguyện lưu bố.

Do vì Bồ Tát này từ thuở kiếp lâu xa đến nay từng phát đại trọng nguyện làm lợi ích cho chúng sanh, cho nên các ông phải y theo tâm nguyện mà lưu bố."

Đây là lời Thế Tôn phó chúc. 'Duyên thử Bồ Tát', 'duyên' là duyên phận này, 'thử Bồ Tát' là Địa Tạng Bồ Tát. 'Cửu viễn kiếp lai, phát đại trọng nguyện', chữ 'trọng' có hai cách đọc, đọc là trọng cũng được, đọc là 'trùng' cũng được. 'Trọng' nghĩa là nguyện của ngài rất nặng, 'trùng' nghĩa là lập lại, mỗi đời đều phát, do đó nói có hai âm, hai ý nghĩa đều đầy đủ; bạn đọc là 'trọng' cũng không sai, cũng đúng, nó có hai ý nghĩa ở trong ấy, nguyện vọng của ngài hoàn toàn là lợi ích chúng sanh. Ở đây chúng ta nhất định phải hiểu rõ, đây là bổn nguyện của Bồ Tát; nói cách khác, cũng là căn bản lớn lao của sự học Phật của chúng ta. Do đó Phật pháp Đại Thừa bắt đầu tu từ đâu? Nhất định phải bắt đầu tu từ Địa Tạng Bồ Tát, nếu bạn chẳng có tâm nguyện của Địa Tạng, bạn dứt khoát không phải người Đại Thừa. Trong pháp Đại Thừa bất luận là tu học pháp môn nào cũng đều dùng chỗ này làm cơ sở, tức là nhất định phải phổ độ chúng sanh, thật sự là chúng sanh chưa được độ thì tự mình không thể thành Phật. Bây giờ không thể thành Phật là không ở ngôi vị Phật, Địa Tạng Bồ Tát thật sự đã thành Phật từ kiếp lâu xa, học trò của ngài đều đã thành Phật, làm sao ngài chưa thành Phật được! Không trụ ở ngôi vị Phật nghĩa là nói không dùng thân phận của thầy giáo xuất hiện ở thế gian, vĩnh viễn dùng thân phận bạn đồng học để giúp đỡ hết thảy chúng sanh, là ý nghĩa như vậy. Không làm thầy, làm bạn đồng học của hết thảy chúng sanh, là học trưởng của mọi người, dùng thân phận học trưởng xuất hiện, không dùng thân phận thầy, ý nghĩa chân chánh là như vậy. Đủ tư cách làm thầy, không dùng thân phận thầy, chúng ta nhất định phải học theo. Tức là chủ động giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giúp mọi người phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

Phổ Quảng văn dĩ, hiệp chưởng cung kính tác lễ nhi thoái

Ngài Phổ Quảng nghe xong liền cung kính chắp tay làm lễ mà lui ra.

'Nhi thoái', thoái nhất định là phải làm theo, không phải thoái lui ra thì xong, sau khi thoái lui nhất định phải y giáo phụng hành, phải hết lòng mà làm.

Được rồi, [hôm nay] giới thiệu phẩm này tới đây là hết.

Tập 26 (Số 14-12-26)

Xin mở kinh, Khoa Chú quyển trung, trang 70, Lợi Ích Tồn Vong Phẩm đệ thất, xin xem kinh văn:

<u>PHẨM THỨ 7: LỢI ÍCH CHO KẺ CÒN NGƯỜI MẤT</u>

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: "Thế Tôn, ngã quán thị Diêm Phù chúng sanh cử tâm động niệm, vô phi thị tội, thoát hoạch thiện lợi, đa thoái xuất tâm. Nhược ngộ ác duyên, niệm niệm tăng ích, thị đẳng bối nhân như lí nê đồ, phụ ư trọng thạch, tiệm khốn tiệm trọng, túc bộ thâm thúy.

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch đức Phật: "Bạch Thế Tôn! Con xem chúng sanh trong cõi Diêm Phù, khởi tâm động niệm không chi là chẳng phải tội. Họ từ bỏ những thiện lợi có được và phần nhiều thoái thất sơ tâm, nếu gặp ác

duyên thì niệm niệm tăng ích. Những hạng người này như kẻ đi trong bùn lầy mà còn mang đá nặng, nên càng khốn đốn, nặng thêm dần, chân càng lún xuống sâu.

Chúng ta coi đoạn này. Đoạn này cũng là đoạn quan trọng trong kinh [Địa Tạng]. Đặc biệt là trong tháng bảy, dân chúng ai nấy đều biết về pháp sự siêu độ, pháp sự siêu độ từ đâu mà có? Dựa trên lý luận gì? Đoạn kinh này sẽ nói rõ cho chúng ta biết. Đoạn đầu là lời Địa Tạng Bồ Tát nói với đức Phật Thích Ca, đây là những sự việc ngài thấy được trong khi độ hóa chúng sanh ở thế gian chúng ta. 'Diêm Phù chúng sanh' chỉ địa cầu của chúng ta, 'cử tâm động niệm' tức là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm 'không gì chẳng phải là tội'. Lời này của Địa Tạng Bồ Tát có quá đáng không? Tự chúng ta phải hết lòng bình tĩnh mà suy nghĩ, khởi tâm động niệm có là tội hay không? Phật giảng kinh này trong hội Phương Đẳng. Vào thời đó, ba ngàn năm trước, Bồ Tát nói câu này đích thật làm cho chúng ta hoài nghi. Nếu nói câu ấy vào thời hiện đại ở thế gian này thì chúng ta sẽ khẳng định, đích thật là khởi tâm động niệm gì cũng là tội. Nhưng ý tứ của Bồ Tát rất sâu, tại sao? Khởi tâm động niệm chính là tội, lời này nói ra rất khó hiểu. Trên quả địa Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ, phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, chúng ta gọi là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, họ còn khởi tâm động niệm không? Chẳng còn. Nếu chư vị nghe và hiểu được ý nghĩa này thì bạn sẽ hiểu rõ [tại sao] khi khởi tâm động niệm liền rơi vào thập pháp giới, do đó tiêu chuẩn định tội rất cao. Tiêu chuẩn đó là giới hạn giữa Nhất Chân pháp giới và thập pháp giới, khi bạn rơi vào thập pháp giới thì bạn có tội; trong thập pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, còn có Phật, Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật. Cho nên khởi tâm động niệm là gì? Đã biến chân tâm chân tánh của bạn thành Thức. Pháp Tướng Tông nói tiêu chuẩn của tu hành là 'chuyển Thức thành Trí', chuyển Tám Thức thành Bốn Trí; khởi tâm động niệm là chuyển Bốn Trí thành Tám Thức, vẫn là tội, đây là dựa trên tiêu chuẩn này. Thế giới chúng ta hôm nay, tiêu chuẩn ấy lại còn thấp hơn nữa. Tiêu chuẩn thế gian ngày nay là gì? Tiêu chuẩn của Tam Ác Đạo. Khi khởi tâm động niệm đều là tội nghiệp tam ác đạo. Đương nhiên Địa Tạng Bồ Tát đích thật nói về tiêu chuẩn của tam ác đạo, ngài chỉ tiêu chuẩn này. Phân biệt, chấp trước nặng nề, trong thập pháp giới phân biệt chấp trước rất mỏng, rất lợt lạt, còn trong lục đạo thì phân biệt chấp trước rất nặng, đặc biệt là chúng sanh trong ác đạo.

Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật giảng cho chúng ta biết nghiệp nhân của thập pháp giới, đây là điều người thật sự muốn học Phật nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ, phải thường dùng những lời giáo huấn này của đức Phật để trắc nghiệm mình, coi công phu của mình có đắc lực không? Chúng ta tu học có bị thiên lệch không, có sai lầm không? Dùng những lời giáo huấn này để kiểm điểm, khảo sát. Giống như đọc sách vậy, phải thường xét thành tích của mình. Đức Phật nói cho chúng ta biết nghiệp nhân của thập pháp giới, nghiệp nhân này đương nhiên vô cùng phức tạp, trong [những nghiệp nhân] phức tạp này có một nhân tố quan trọng nhất, chúng ta gọi là nhân tố thứ nhất. Phật dạy nhân tố thứ nhất của thập pháp giới. [Trước hết nói về cảnh giới] Phật, nhân tố thứ nhất để thành Phật là Bình Đẳng, tâm Phật là tâm bình đẳng, niệm chúng sanh một cách bình đẳng. Nếu có phân biệt thì chẳng bình đẳng, do đó Phật nhìn hư không pháp giới nhất định chẳng có phân biệt, đó là một thể, tâm bình đẳng là nhân tố thứ nhất để thành Phật. Bồ Tát là tâm Lục Độ, dấy khởi tâm niệm có thể tương ứng với Lục Độ thì người ấy là Bồ Tát. Tâm Duyên Giác là Mười Hai Nhân Duyên, niệm niệm đều tương ứng với mười hai nhân duyên là Bích Chi Phật, niệm niệm tương ứng với Tứ Đế là Thanh Văn, đây đều là các nhân tố thứ nhất. Niệm niệm đều tương ứng với Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm là 'Từ, Bi, Hỷ, Xả', thì đây là Thiên Đạo trong lục đạo. Làm sao có thể sanh lên Trời? Phải tu thượng phẩm thập thiện, còn phải đầy đủ Tứ Vô Lượng Tâm, người như vậy sẽ sanh lên cõi Trời. Tương ứng với Ngũ

Giới thì được sanh làm Người. Ngày nay chúng ta được thân người là do đời trước tu hành tương ứng với Ngũ Giới. Trong tam ác đạo, cõi ngạ quỷ tương ứng với 'Tham', cõi địa ngục tương ứng với 'Sân khuể', cõi súc sanh tương ứng với 'Ngu Si'. Trong thập pháp giới còn có cõi Tu La, Tu La hơi đặc biệt. Tu La tu thiện, cũng tu thượng phẩm thập thiện nhưng chẳng có Tứ Vô Lượng Tâm, còn cống cao ngã mạn, tâm đố kỵ rất nặng, tâm háo thắng rất mạnh, họ cũng tu thượng phẩm thập thiện, đây là nhân của cõi Tu La.

Đều là tội, chẳng có gì không phải tội. Hãy nghĩ xem chúng ta khởi tâm động niệm tương ứng với cõi nào? Trong sanh hoạt thường ngày, nếu chúng ta bình tĩnh quan sát, suy nghĩ, cảm thấy chúng ta khởi tâm động niệm tương ứng với pháp giới nào thì tương lai sẽ đến pháp giới đó thọ sanh. Bạn đến cõi nào đầu thai, nói thật ra chẳng có người nào ở đây ép buộc bạn, chẳng có! Hoàn toàn là do tự mình tạo ra, tự mình cảm thọ. Trong đó chẳng có người nào khác quyết định cho bạn, Thượng Đế chẳng quyết định được, Diêm La Vương cũng chẳng quyết định được, Phật, Bồ Tát cũng vậy, cũng chẳng quyết định được. [Vậy thì do] ai quyết định? Chính mình quyết định; sự khởi tâm động niệm của bạn tương ứng với pháp giới nào, đây là điều chúng ta không thể không biết. Chúng ta nắm chắc được nguyên tắc này, mỗi khi khởi tâm động niệm thì tự mình sẽ rất rõ ràng, biết tâm niệm của bạn rơi vào cõi nào, người như vậy là người giác ngộ, người hiểu rõ. Chúng ta muốn sanh đến cõi thiện, thuần thiện, chí thiện là hai cõi Phật, Bồ Tát. Nếu muốn làm Phật, Bồ Tát thì bạn nhất định phải tu Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, dùng tâm Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác để tu Lục Độ, khởi tâm động niệm tương ứng với việc này thì bạn đi trên đường đến cõi Phật, bạn chẳng đi lầm đường. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm đều tương ứng với tham, sân, si thì bạn đi trên đường tới ác đạo, là đi đến tam đồ. Đức Phật nói chân tướng sự thật của vũ trụ cho chúng ta biết, chúng ta sanh vào cõi nào thì ngài chẳng lo được, ngài chẳng có khả năng hạn chế chúng ta.

Do đó kinh Đại Thừa mới nói, Phật tự nói: *"Phật chẳng độ chúng sanh"*, lời này là thật, chẳng phải giả. Chúng sanh được độ là do ai độ? Tự mình ngộ, tự mình độ, Phật chỉ làm tăng thượng duyên cho bạn mà thôi. Thế nên Phật pháp là sư đạo, Phật, Bồ Tát là thầy giáo của chúng ta, cũng như thầy giáo trong trường học thế gian, thầy có thể dạy chúng ta, nói những đạo lý này cho chúng ta nghe; khi chúng ta hiểu rõ, giác ngộ rồi dạy cho chúng ta phương pháp, chúng ta phải làm theo thì mới đạt được thành tích tốt. Cho nên thành tích tốt xấu chẳng liên can gì đến thầy giáo, thầy giáo có từ bi, thương mến chúng ta hơn nữa cũng chẳng thể nâng cao thành tích của chúng ta, phải do chúng ta nỗ lực. Cùng một đạo lý ấy, chúng ta học Phật tương lai sẽ đến pháp giới nào, muốn được kết quả gì, hoàn toàn đều dựa trên chính mình. Thế nên sự khác nhau giữa người học Phật và người chẳng học Phật rất lớn, chẳng học Phật thì chẳng hiểu đạo lý này, chẳng biết phương pháp tu như thế nào. Làm việc thiện nhiều, phần lớn người thế gian hiện nay sùng bái nhà từ thiện lớn làm việc thiện nhiều. Nếu làm việc thiện nhiều mà còn tâm háo thắng, muốn có danh, có địa vị trong xã hội, muốn mọi người tôn trọng, tán thán, có những ý niệm này thì chúng ta liền biết quả báo của họ sẽ ở cõi Tu La. Coi phước họ tu lớn hay nhỏ, phước lớn thì sanh làm A Tu La cõi Trời, thấp hơn nữa thì làm A Tu La ở cõi Người, thấp hơn thì là A Tu La trong cõi Ngạ Quỷ, Súc Sanh. Thế nên chỉ có tiếp nhận lời giáo huấn của đức Phật, biết được những chân tướng sự thật này, đoạn ác tu thiện và chẳng chấp trước, tâm địa bình hòa, dùng cách nói của người hiện nay là vĩnh viễn giữ ở mức thấp hèn, như vậy mới tốt! [Làm được như vậy thì] bạn đi trên Bồ Tát đạo. Phật, Bồ Tát đối với bất kỳ người nào cũng khiêm hư, cung kính, đối với người thiện khiêm hư cung kính, đối với người ác cũng khiêm hư cung kính, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này.

Gần đây chúng ta học tập Hoa Nghiêm, có thể nói bộ kinh này đã nói trùm hết hư không pháp giới, hết thảy chúng sanh chẳng có loại nào bị sót. Đến phần cuối cùng trong kinh, đức Phật quy kết về thập nguyện vương, tổng kết mười cương lãnh. Do đó thập nguyện vương mở rộng ra tức là toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng rút gọn tức là thập nguyện vương. Bạn muốn thật sự hiểu rõ nghĩa thú, phương pháp tu học chứa đựng trong thập nguyện thì nếu không hiểu rõ toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, bạn làm sao biết được! Bạn làm sao tu học! Đó là tổng cương mục. Nhưng tổng cương mục này chúng ta lại đơn giản hóa thêm nữa, chúng ta đề ra hai mươi chữ 'Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi', 'Nhìn Thấu, Buông Xuống, Tự Tại, Tùy Duyên, Niệm Phật'. Chư vị thử nghĩ xem hai mươi chữ này có tương ứng với thập nguyện vương không? Từ đó chúng ta tu hành, dụng công mới nắm vững được cương lãnh quan trọng, chúng ta tu gì? Khởi tâm động niệm tương ứng với hai mươi chữ này. Những tâm niệm nào không tương ứng thì thay đổi, cải chánh trở lại, niệm niệm đều tương ứng thì chúng ta biết chúng ta đang đi trên Bồ Tát đạo, đường chúng ta đi là đường thành Phật. Hoa Nghiêm tới cuối cùng kết quy về tây phương Tịnh Độ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, hai mươi chữ này cuối cùng quy kết về 'Niệm Phật'. Thế nên trong Hạnh Môn càng đơn giản thì càng thuận tiện, 'Giải' thì phải sâu, phải rộng, còn Hạnh Môn thì phải chuyên, phải nhất, công phu mới có thể đắc lực. Hiện nay có rất nhiều đồng tu giỏi, người tu hành giỏi thường thường nói với tôi về việc công phu không được đắc lực. [Họ] rất muốn công phu của mình được đắc lực, tại sao công phu chẳng đắc lực? Bạn phải biết nguyên nhân. Nguyên nhân [công phu] không đắc lực chính là vì chúng ta khởi tâm động niệm chẳng tương ứng, vẫn cứ tham, sân, si, mạn như cũ, vậy thì làm sao tương ứng được! Đạo lý là như vậy, nguyên nhân là như vậy.

Bồ Tát ở đây, mấy câu phía sau rất hay 'thoát hoạch thiện lợi, đa thoái sơ tâm', 'thoát' là thoát ly cõi khổ, tam ác đạo. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh trong ác đạo, chư vị phải biết, những vị giáo hóa chúng sanh trong ác đạo đều gọi là Địa Tạng Bồ Tát, khi Quán Âm Bồ Tát đến ác đạo giáo hóa chúng sanh, Văn Thù Bồ Tát đến ác đạo giáo hóa chúng sanh đều gọi là Địa Tạng Bồ Tát, thế nên danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát tuyệt chẳng phải chuyên chỉ một người. Hiện nay, người học Phật rất chấp trước, [họ cứ nghĩ] Địa Tạng Bồ Tát dứt khoát chẳng phải là Quán Âm Bồ Tát. Cũng giống như thầy giáo trong trường học chúng ta vậy, thầy này dạy Quốc văn, [chúng ta thường nghĩ] thầy dạy Quốc văn tuyệt đối chẳng phải thầy dạy Anh văn, đâu biết rằng thầy ấy ở đây dạy Quốc văn, qua lớp kế bên lại dạy Anh văn, thầy ấy có nhiều tài năng, môn nào cũng được, chúng ta nghĩ sai rồi. Cho nên bạn phải thật sự thông đạt hiểu rõ, hiểu rằng một người có đầy đủ danh hiệu của hết thảy Bồ Tát, một vị ấy đều là những vị khác! Họ ở trường hợp nào thì chúng ta xưng họ là Bồ Tát đó, chư Phật Như Lai cũng như vậy.

Đây là nói những chúng sanh được ngài giáo hóa, trong tam ác đạo chẳng dễ làm cho họ tỉnh ngộ. Sự tỉnh ngộ này [cần có hai điều kiện], một là phương tiện khéo léo trong sự dạy học của Bồ Tát, hai là chúng sanh này có thiện căn. Nếu không có thiện căn thì Bồ Tát cũng chẳng có cách chi đối với họ, có nói như thế nào đi nữa thì họ cũng không tin, không thể tiếp nhận mà còn bài xích. Người có thiện căn thì khi bạn nói, họ nghe xong liền gật đầu, cảm thấy có đạo lý, họ tin bạn, người thiện căn sâu dầy thì có thể y giáo phụng hành, cho nên nhất định phải có thiện căn. Chúng sanh trong ác đạo được Bồ Tát độ đều có thiện căn sâu dầy, những người này quay về hướng thiện, vừa khởi một tâm niệm quay trở lại thì liền thoát khỏi ác đạo. Sau khi rời khỏi thì hơn phân nửa sanh đến cõi trời, người, cõi người nhiều hơn, cõi trời ít hơn. Hơn nữa đến cõi trời hơn phân nửa là cõi Tứ Vương Thiên và Đao Lợi Thiên. Sanh đến cõi trời, người là

thiện lợi, họ đạt được thiện lợi rồi, nhưng sau khi sanh đến cõi trời, cõi người thì lại thoái tâm, thoái chuyển, lại mê hoặc.

Không những mê hoặc, 'nhược ngộ ác duyên, niệm niệm tăng ích', 'ích' là thêm nhiều. Chúng ta xem thử hoàn cảnh trong xã hội hiện nay, những gì sáu căn tiếp xúc đến đều là ác duyên, phiền não tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay quá nặng, gặp phải những ác duyên bên ngoài dụ hoặc này, 'niệm niệm tăng ích' nghĩa là lại tạo nghiệp tiếp tục. Những câu này đích thật rất đúng, miêu tả hiện tượng xã hội hiện nay của chúng ta vô cùng lâm ly chính xác, quá rõ ràng, quá rành rẽ. Tự chúng ta sanh sống trong hoàn cảnh này không biết cho nên những câu kinh này chúng ta phải ghi nhớ, luôn luôn nghĩ đến lời giáo huấn của Bồ Tát. Chúng ta đích thật sinh sống trong hoàn cảnh này, nếu không có cảnh giác cao độ, tuy đời này nhân duyên rất thù thắng, được thân người, gặp được Phật pháp, tuy duyên thù thắng nhưng quả báo tương lai sẽ không tốt đẹp, chỉ sợ là phải đọa vào tam đồ trở lại, muốn được thân người cũng không chắc lắm. Nếu bạn muốn đời sau lại được thân người thì bạn phải nghĩ ngũ giới, thập thiện của bạn có làm được hay không? Tự mình khách quan bình tĩnh quan sát, ngũ giới thập thiện của mình có thể đạt được tám chục điểm thì đời sau muốn được thân người sẽ không thành vấn đề. Nếu ngũ giới thập thiện có được một trăm điểm thì đời sau chắc chắn sanh lên Trời. Nếu ngũ giới thập thiện ngay cả năm chục điểm cũng không đạt được thì rất nguy hiểm, đời sau sẽ sanh đến tam ác đạo.

Phần đông người thế gian chúng ta nói người chết đi làm quỷ, trong lục đạo tại sao người chết nhất định phải làm quỷ? Tại sao không nói người chết đi lại làm người? Sanh lên trời, tại sao không nói như vậy? Mọi người đều khẳng định người chết đi làm quỷ, cách nói này cũng không phải là không có đạo lý. [Chúng sanh ở] cõi quỷ tâm tham nặng, tâm đố kỵ nặng, chúng ta coi có người nào không tham, khởi tâm động niệm gì cũng tham. Người thế gian tham ngũ dục, lục trần, thế gian hiện nay đặc biệt tham tiền, người học Phật cũng có tham, tham Phật pháp. Chư vị phải biết tham Phật pháp cũng phải biến thành ngạ quỷ, chẳng có nói chúng ta đổi đối tượng [thì không sanh vào cõi quỷ]. Tham Phật pháp cũng biến thành ngạ quỷ, chỉ là trong cõi ngạ quỷ có phước báo mà thôi. Lý, Sự đều phải hiểu rõ, rành rẽ, sau đó mới biết hiện nay trong đời này mình đi con đường nào.

Đoạn phía sau là tỷ dụ, 'thị đẳng bối nhân' tức là những chúng sanh tạo tội nghiệp. Đời trước được Phật, Bồ Tát giáo huấn, vừa chuyển thế thì quên sạch chuyện đời trước, đời này chưa chắc có thể gặp được pháp duyên, chưa chắc có thể tiếp tục tu học, hơn phân nửa đều thoái chuyển. Cho nên những người này 'như lý nê đồ, phụ ư trọng thạch'. Đây là tỷ dụ những người này giống như đang đi trong ao bùn, rất dễ sợ, rất nguy hiểm, vừa không để ý thì sẽ rơi vào bùn. Không những đi đường hiểm, mà lại mang đá nặng; nói cách khác là đọa lạc nhanh thêm. 'Tiệm khốn tiệm trọng, túc bộ thâm thúy', đây là sau khi rơi vào thì bạn không có cách thoát ra. Rơi trong ao bùn, chúng ta biết như vậy rất nguy hiểm, rất đáng sợ, vì rơi vào đó nhúc nhích gì cũng không được, còn đáng sợ hơn khi rơi vào nước; trong nước bạn còn có thể bơi, còn có thể nhúc nhích, trong bùn lầy thì động đậy gì cũng không được.

Nhược đắc ngộ tri thức, thế dữ giảm phụ, hoặc toàn dữ phụ, thị tri thức hữu đại lực cố, phục tương phù trợ, khuyến lịnh lao cước, nhược đạt bình địa, tu tỉnh ác lộ vô tái kinh lịch

Nếu gặp hàng tri thức thì sẽ được gánh vác bớt, hoặc gánh hết cho. Vì hàng tri thức đó có sức rất mạnh, lại dìu đỡ, khuyến khích làm cho mạnh chân lên. Nếu đến

chỗ đất bằng phẳng rồi, thì phải xét nghĩ đến con đường hiểm xấu ấy, đừng đi vào đó nữa.

Từ tỷ dụ này chúng ta quay lại và thảo luận sự việc. Nếu người này có duyên gặp được thiện tri thức, chữ 'tri thức' ở đây tức là Bồ Tát. Có duyên gặp Phật, Bồ Tát, các ngài giúp đỡ bạn, từ tỷ dụ nêu trên mà nói. Hoặc giúp bạn giảm nhẹ gánh nặng, hoặc hoàn toàn gánh vác dùm bạn, đây đều là tỷ dụ. Nói vị tri thức này có 'đại lực cố', vị này có năng lực, có sức mạnh. 'Đại lực' chỉ cái gì? Trong Phật pháp gọi là 'Ngũ căn, ngũ lực: tín, tiến, niệm, định, huệ'. Thiện tri thức có những sức lực này để hướng dẫn, giúp đỡ bạn, 'khuyến lịnh lao cước', khuyên bạn đứng vững. Điều kiện để gặp thiện tri thức là thiện tâm, thiện niệm, trong Phật pháp Đại Thừa thường nói: *'Trong cửa nhà Phật, chẳng xả bỏ một ai'*. Do đó sanh khởi tâm thiện, niệm thiện thì sẽ cảm động Phật, Bồ Tát, cảm ứng đạo giao, chẳng thể nghĩ bàn. 'Lao cước' ví cho thiện tâm chẳng thoái chuyển, tức là chân đứng vững vàng.

'Nhược đạt bình địa', 'bình địa' nghĩa là siêu sanh, tỷ dụ hai cõi trời, cõi người. Thiên Thai đại sư giảng giải thập pháp giới cho chúng ta, ngài nói rất khéo léo, chia thập pháp giới thành một trăm pháp giới, mỗi pháp giới đều đầy đủ thập pháp giới, cho nên gọi là 'bá giới' (trăm pháp giới). Kinh Pháp Hoa nói mỗi pháp giới có mười 'như thị', một trăm pháp giới sẽ có một ngàn 'như thị', tông Thiên Thai nói 'bá giới thiên như' (trăm pháp giới, ngàn 'như thị') là nói về chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Ngày nay chúng ta ở trong pháp giới Người, pháp giới Người có mười pháp giới; nghe theo lời Phật dạy, chúng ta khởi tâm động niệm đều tương ứng với tự tánh bình đẳng thì chúng ta sẽ ở trong pháp giới Phật; khởi tâm động niệm đều tương ứng với Lục Độ thì chúng ta sẽ là pháp giới Bồ Tát. Nếu khởi tâm động niệm đều tương ứng với tham, sân, si, mạn thì đó là pháp giới của tam ác đạo. Tuy ngày nay chúng ta vẫn còn ở cõi người, nhưng chúng ta tạo nghiệp nhân của tam ác đạo, tương lai chắc chắn sẽ vào tam ác đạo. Đây cũng giống như chúng ta hiện nay bị rớt xuống khe bùn, chúng ta gặp được thiện tri thức: Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật, [nghe xong] chúng ta giác ngộ, mau mau quay trở lại, chân bước vững vàng; khởi tâm động niệm hết thảy tạo tác tuyệt đối phải tương ứng với ngũ giới, thập thiện, tứ vô lượng tâm, như vậy tức là chân đứng vững vàng, tức là đạp trên đất bằng phẳng.

Hai câu cuối cùng này rất hay 'tu tỉnh ác lộ, vô tái kinh lịch', 'ác lộ' là đường đi đến cõi ác. Tức là tham, sân, si, mạn, đây là đường đi đến ác đạo, không thể đi trở lại nữa, đi lại thì không có người giúp đỡ. Khởi tâm động niệm đều tương ứng với A Di Đà Phật, đây là con đường thành Phật. Làm sao mới tương ứng với A Di Đà Phật? Dùng tâm bình đẳng để niệm câu Phật hiệu này thì sẽ tương ứng. Tâm bình đẳng tức là tâm thanh tịnh, cho nên vị Đường Chủ trong Niệm Phật Đường thường nhắc nhở mọi người *"Hãy buông xuống vạn duyên, buông xuống hết thảy thân tâm thế giới"*. Trên thế gian này người tốt cũng vậy, người xấu cũng vậy, hết thảy đều chẳng liên quan gì tới mình, tôi nhìn thấy cũng như không thấy, nghe như không nghe, chỉ dùng một tâm thanh tịnh, bình đẳng để niệm câu A Di Đà Phật, vậy thì đường bạn đi sẽ là đường thành Phật. Tuyệt đối chẳng để cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng, [chi phối] thì bạn sẽ thành công. Kinh Hoa Nghiêm thật sự là pháp bảo vô thượng, từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy các hiện tượng thế gian đều là chư Phật Như Lai biến hiện tạo thành, [những hiện tượng này] là thật hay giả? Hoàn toàn là thật, một tí gì cũng chẳng giả. Thế nên chúng ta đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật phải dùng tâm gì để nhìn? Dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng để nhìn, hết thảy đều là chư Phật, Bồ Tát thị hiện, phàm phu chỉ có mình mà thôi, chỉ có tôi là phàm phu mà thôi, lời này rất có lý.

Khẳng định là chư Phật Như Lai thị hiện, tại sao lại khẳng định như vậy? Kinh Hoa Nghiêm nói 'Duy tâm sở hiện', tâm chính là Chân Như Bản Tánh, tâm tức là pháp thân viên mãn. Trong kinh, mọi người thường niệm 'thanh tịnh pháp thân', thanh tịnh pháp thân biến hiện ra các cảnh giới, đây tức là chư Phật Như Lai ứng hóa; nên dùng thân gì để được độ thì ngài sẽ hiện thân ấy. Cho nên hết thảy thị hiện là để độ một mình tôi, lúc nào tôi hiểu rõ, giác ngộ, nhìn thấy đại địa chúng sanh đều là chư Phật Như Lai, vậy thì mình đã thành Phật rồi. Mắt của Phật nhìn hết thảy chúng sanh đều là Phật, mắt của Bồ Tát nhìn hết thảy chúng sanh đều là Bồ Tát, mắt phàm phu nhìn chư Phật Như Lai đều là phàm phu; kinh Hoa Nghiêm nói 'Một tức là hết thảy, hết thảy tức là một' 10[10], hiện nay bạn khởi lên một niệm gì thì bạn đang ở trong pháp giới đó. Chúng ta hiểu đạo lý này, hiểu sự thật này thì mới biết mình nên tu như thế nào, làm thế nào để thành tựu vô thượng Bồ Đề của mình. Đây là phương pháp tuyệt diệu để tu hành chứng quả, làm cho chính mình trong hết thảy cảnh giới thật sự thành tựu tâm Thanh Tịnh, thật sự thành tựu Bình Đẳng, Giác. Do đó hết thảy thị hiện của chúng sanh, các thứ hành vi, chúng ta đừng để trong lòng, phải biết mình nên làm như thế nào. Chúng ta phải biết các thứ thị hiện đều vì độ mình, đều muốn cái tâm của mình trong các cảnh giới phải lắng xuống, chúng ta còn thấy bất bình là vì chúng ta còn phiền não, tập khí, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lỗi ở tại mình. Trong hết thảy cảnh giới, sau khi chúng ta tiếp xúc nếu tâm đều bình tịnh, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì lúc đó bạn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài sẽ sanh trí huệ; Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác sẽ hiện ra. Cho nên 'tu tỉnh ác lộ, vô tái kinh lịch', tám chữ này thật là đau lòng xót miệng, chúng ta phải thấu hiểu. Xem kinh tiếp:

Thế Tôn, tập ác chúng sanh tùng tiêm hào gian, tiện chí vô lượng.

Bạch đức Thế Tôn, những chúng sanh tập khí xấu ác, bắt đầu từ một chút xíu rồi lần đến vô lượng.

'Tập' là tập tánh, chúng ta thường gọi là tập quán. Tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay, tập khí ác nhiều, tập khí thiện ít. Nếu tập khí thiện nhiều thì khi người ấy khởi tâm động niệm, hết thảy hành vi tự nhiên tương ứng với thiện. Tại sao hết thảy tạo tác của chúng ta lại tương ứng với ác? Vì tập khí ác quá nặng, khởi tâm động niệm 'tùng tiêm hào gian, tiện chí vô lượng', đây tức là chịu ảnh hưởng của ác duyên bên ngoài. Trong Chú Giải nói rất hay, 'ác tập' là hạt giống, 'tập ác' là chỉ hiện hành, cách nói này cũng rất hay. Chúng ta bên trong có hạt giống ác tập, tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay gặp ác duyên ở bên ngoài bèn khởi lên; khởi lên xong tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, chuyện này rất đáng sợ! Cho nên đọa lạc vào ba đường ác, muốn thoát ra được rất khó.

Thị chư chúng sanh hữu như thị tập, lâm mạng chung thời phụ mẫu quyến thuộc nghi vi thiết phước, dĩ tư tiền lộ.

Khi những chúng sanh có tập khí như thế sắp sửa mạng chung, thì cha mẹ cùng quyến thuộc nên vì họ mà tạo phước đức, để giúp cho lộ trình phía trước của họ.

Đây là nói về việc tu phước. Người nhà, quyến thuộc phải giúp họ như thế nào, lúc còn sống thì khuyên răn, hướng dẫn họ, nếu họ chẳng chịu quay trở lại, chúng ta biết chắc họ sẽ đọa ác đạo. Như cô Bà La Môn, cô Quang Mục nói phía trên đều là thị hiện, làm mô phạm cho chúng ta coi, làm gương mẫu khi người nhà, người thân tạo ác

10[10] *Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*

nghiệp, đọa ác đạo, phải làm sao? Nên 'thiết phước' cho họ. 'Tư' là giúp đỡ, hy vọng giúp đỡ cho lộ trình phía trước của họ. Người thật sự có thể giúp được, nói cho chư vị biết chỉ có Phật, Bồ Tát, ngoài Phật, Bồ Tát ra thì quá khó, quá khó, ai có thể giúp nổi? Sau đó dạy chúng ta phương pháp tu phước, phương pháp rất nhiều, ở đây chỉ nêu ra vài việc. Hy vọng chúng ta từ thí dụ này có thể nghĩ đến những lý luận và phương pháp tu phước khác, có thể nghe một hiểu mười.

Hoặc huyền phan cái cập nhiên du đăng, hoặc chuyển độc tôn kinh, hoặc cúng dường Phật tượng, cập chư thánh tượng. Nãi chí niệm Phật, Bồ Tát cập Bích Chi Phật danh tự. Nhất danh nhất hiệu lịch lâm chung nhân nhĩ căn, hoặc văn tại bản thức, thị chư chúng sanh sở tạo ác nghiệp kế kỳ cảm quả, tất đọa ác thú. Duyên thị quyến thuộc vị lâm chung nhân tu thử thánh nhân, như thị chúng tội tất giai tiêu diệt.

Hoặc treo phan lọng và thắp đèn dầu, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường tượng Phật cùng tượng của chư Thánh, cho đến niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát cùng Bích Chi Phật, làm cho mỗi danh mỗi hiệu đều thấu vào nhĩ căn của người sắp mạng chung, hoặc nơi bổn thức nghe biết. Các chúng sanh đó cứ theo nghiệp ác đã tạo mà suy lường quả báo chiêu cảm ắt phải đọa vào ác đạo; song nhờ quyến thuộc vì kẻ lâm chung mà tu nhân thánh này, các tội đó thảy đều tiêu diệt.

Những gì nói trong kinh hình như rất dễ dàng, chuyện này chẳng khó làm được, 'như thị chúng tội tất giai tiêu diệt', có thể được hiệu quả lớn như vậy sao? Người hiện đại đọc xong chẳng ai không hoài nghi, chúng ta cũng hoài nghi. Nguyên nhân của sự nghi ngờ là thật sự chẳng hiểu đoạn kinh này, nếu thật hiểu rõ thì bạn sẽ chẳng nghi ngờ gì cả. Nhân tố thứ nhất là phải có Chánh Pháp trụ ở đời, nếu chánh pháp chẳng còn nữa, chỉ có hình tượng, hình tượng chẳng dùng được, hình dáng chẳng hữu dụng, những tội ấy tiêu diệt không nổi. Người xuất gia chúng ta chẳng có húy kỵ gì cả, phải nói sự thật. Có một số người xuất gia hằng ngày đều giúp người ta siêu độ, đến cuối cùng chết đi cũng phải đọa ác đạo, bạn nghĩ coi họ có thể siêu độ cho người khác không? Đây không phải là bằng chứng bày trước mắt hay sao, chúng ta thấy tận mắt, người xuất gia lâm chung mê hoặc điên đảo, tướng trạng lúc đó rất khó coi, chẳng phải tướng lành. Chẳng phải họ mỗi ngày đều treo phan lọng, đốt đèn dầu, mỗi ngày đều đọc kinh sao? Cư sĩ Lý Mộc Nguyên bữa trước báo cáo, nói với chúng ta có một vị xuất gia nọ mỗi ngày mười hai giờ khuya nửa đêm bèn thức dậy, niệm kinh tới sáng, kinh gì cũng niệm, cuối cùng tới lúc lâm chung người ta khuyên ông niệm A Di Đà Phật, ông bèn giơ nắm tay lên, mê hoặc điên đảo bèn qua đời. Thế nên ở đây điều kiện thứ nhất là chánh pháp trụ thế mới có hiệu quả này; nếu chánh pháp chẳng còn nữa mà chỉ làm ra hình dáng như vậy thì chẳng có hiệu quả. Lúc trước thầy Lý thường nói với chúng tôi *'Chẳng sợ không có miếu, chỉ sợ là không có Đạo'*, không có miếu không sao cả, chỉ cần có Đạo là có thể siêu độ, thật sự có thể siêu độ. Chúng ta thấy trong cuốn Ảnh Trần Hồi Ức Lục của lão pháp sư Đàm Hư có ghi chuyện 'Tám năm đóng cửa đọc Lăng Nghiêm', người ta chẳng có miếu, người ta có Đạo là có thể siêu độ được.

Nên biết treo phan, treo lọng có ý nghĩa gì? 'Phan' là cờ hiệu trong nhà Phật, dùng để làm gì? Là để triệu tập đại chúng đến nghe pháp, cùng tu, là có ý nghĩa này. Phía trước chúng ta đã đọc thấy, tôi còn đặc biệt nhắc các bạn đồng học chú ý, trên tràng phan bảo cái dứt khoát không được viết danh hiệu của Phật, Bồ Tát, không thể dùng hình tượng của Phật, Bồ Tát, tại sao? Đây là cúng cụ, [tức là] đồ dùng để cúng dường, không thể dùng Phật, Bồ Tát để cúng dường Phật, Bồ Tát, vậy thì ra thể thống gì nữa? Kế bên tượng Địa Tạng Bồ Tát trên chánh điện chúng ta có treo tràng phan,

trên phan có viết ‘Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát’, dùng Địa Tạng Bồ Tát cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta phải sửa, người ta [làm sao thì chúng ta] không cần phải để ý đến. Lúc Hàn Quán Trưởng vãng sanh tôi bỗng nghĩ đến, [lúc tôi] ở kế bên giường bịnh thấy bịnh tình của bà rất nặng, nghĩ đến áo tràng màu vàng, ca sa màu đỏ chẳng đúng như pháp, nghĩ đến nhất định phải làm đúng như pháp. Người ta làm sao thì chúng ta không cần biết, chúng tôi lập tức thay đổi, cảm ứng được A Di Đà Phật chứng minh cho chúng ta.

Vì Hàn Quán Trưởng bị bịnh rất nặng, ở Thư Viện chúng tôi có hai mươi mấy người xuất gia, hết thảy đều phải đổi y phục, phải nhờ thợ may gắng hết sức may giùm chúng tôi. Tôi vừa khởi lên tâm niệm này, chủ tiệm may bèn được A Di Đà Phật cho biết, dặn dò phải may lẹ lẹ giúp chúng tôi. Tôi kêu sư Ngộ Đạo thông báo chủ tiệm may nhờ họ tối hôm đó đến Thư Viện đo kích thước may áo cho chúng tôi. Tối hôm đó trước giờ giảng kinh ông ta đã đến, tôi nhờ ông may nhanh cho chúng tôi. Ông nói: ‘Tôi biết rồi’. Chúng tôi rất ngạc nhiên! Ông làm sao biết được? Ông nói: ‘Hồi trưa A Di Đà Phật cho biết Thư Viện có việc gấp phải nhờ ông làm nhanh cho họ’. Cho nên ông đã chuẩn bị sẵn vật liệu. A Di Đà Phật cho ông hay, chúng ta làm đúng như pháp; Nếu không đúng như pháp thì tại sao Phật cho ông hay? Đó là đúng như pháp, thế nên chúng tôi bèn thay đổi [màu áo]. Nghe nói hiện nay có thể mua ‘Y hai mươi lăm điều’ màu cà phê ở tiệm bán tăng phục, như vậy rất tốt! Chúng ta đề xướng [chuyện này rất tốt].

Do đó không được thêu danh hiệu Phật, Bồ Tát trên tràng phan bảo cái, phải biết đây là đồ dùng để cúng dường. Chúng ta muốn cúng dường, phải dùng tâm kiền thành của chúng ta để cúng dường, như vậy mới tốt. Nếu chẳng có chánh pháp, bạn treo tràng phan bảo cái chỉ là một hình dáng bề ngoài, chẳng có nội dung. Giống như Niệm Phật Đường hiện nay của chúng ta nên treo phan, giảng đường treo tràng [để thông báo] hôm nay giảng kinh. Lúc trước, làm vậy là tin tức, thông báo cho mọi người, đạo tràng này hôm nay giảng kinh, trên cột cờ chúng ta treo dấu hiệu này, người ta nhìn thấy liền biết hôm nay có giảng kinh, hôm nay đạo tràng có buổi cùng tu, phan là [để cho biết] cùng tu. Hiện nay làm vậy là một cách kỷ niệm, vì trong thành phố đều là nhà cao tầng ở sát bên nhau, bạn treo cờ xí, người ở bên ngoài chẳng nhìn thấy. Hiện nay chúng ta dùng báo chí quảng cáo, dùng máy điện toán để thông báo, đây là ý nghĩa của tràng phan.

‘Cái’ là bảo cái, đây là vật treo trên đỉnh tượng Phật, ý nghĩa tiêu biểu pháp của nó là phòng ngừa ô nhiễm, ngày nay chúng ta gọi là bảo vệ hoàn cảnh. Dùng phương pháp gì để phòng ngừa ô nhiễm? Dùng giảng kinh thuyết pháp. Giảng kinh thuyết pháp chính là phòng ngừa ô nhiễm, từng giờ từng phút nhắc nhở bạn, giúp bạn giác ngộ, cho nên phải hiểu ý nghĩa, phải thật sự làm. Do đó có thể biết, treo phan là đề xướng cùng tu, treo tràng tức là giảng kinh thuyết pháp, ‘danh và thật’ đều phù hợp. ‘Nhiên đăng’ tiêu biểu cái gì? Xả mình vì người, thiêu đốt chính mình soi rọi kẻ khác, dùng cách nói hiện nay tức là hy sinh, cống hiến, đem lại lợi ích cho chúng sanh thì bạn thật sự đốt đèn. Phải hiểu hết thảy đều là tiêu biểu pháp, mọi người không hiểu ý nghĩa này, cách biểu thị này không có ai hiểu, không có người biết, thì nó khởi tác dụng gì được? Do đó mọi người nhất định phải hiểu rõ. Muốn mọi người đều hiểu thì nhất định phải giảng kinh giáo rõ ràng, rành rẽ, sau đó những hiện tượng này mới sanh ra hiệu quả.

‘Hoặc chuyển độc tôn kinh’, phía trước dùng một chữ ‘chuyển’, đọc kinh tại sao phải ‘chuyển độc tôn kinh’, chuyển có nghĩa gì? Chuyển biến tâm niệm của chúng ta [sau khi] đọc kinh. Một niệm của chúng ta đều là tâm niệm của lục đạo luân hồi, là tâm luân hồi. Chuyển trở lại, học Phật, Bồ Tát, chuyển tâm luân hồi thành tâm Bồ Đề,

chuyển nghiệp luân hồi thành nghiệp Bồ Tát. Học Phật, Phật chẳng còn tại thế thì phải học cách nào? Chỉ có cách nương theo kinh điển. Tam Bảo, lúc Phật còn tại thế thì Tam Bảo đầy đủ, Phật là hạng nhất; Phật chẳng còn tại thế, chỉ còn hình tượng của Phật lưu lại thế gian, cho chúng ta kỷ niệm, nên Pháp Bảo trở thành hạng nhất, y giáo phụng hành. Phải đọc kinh, phải nghiên cứu nghĩa kinh, đọc xong phải hiểu, hiểu xong phải làm.

'Hoặc cúng dường Phật tượng, cập chư thánh tượng', 'thánh tượng' tức là tượng Bồ Tát. Cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát có hai ý nghĩa, một ý nghĩa là để báo ân, giống như người Trung Quốc trong nhà cúng bài vị tổ tiên vậy, cung kính truy niệm tổ tiên 11[11], nghĩ đến cội gốc, báo đáp công ân tổ tiên, có ý nghĩa báo ân; Phật, Bồ Tát là thầy của chúng ta, niệm niệm chẳng quên thầy. Ý nghĩa thứ hai là nhìn thấy người hiền, nghĩ phải bằng 12[12], tôi phải học giống các ngài, thường đặt hình tượng Phật, Bồ Tát để trước mặt chúng ta, nhắc nhở chúng ta phải học giống các ngài. Tôi cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tôi hy vọng trở thành Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi cúng dường A Di Đà Phật tức là hy vọng mình trở thành A Di Đà Phật, phải giống như ngài, là có ý nghĩa như vậy.

'Nãi chí niệm Phật, Bồ Tát cập Bích Chi Phật danh hiệu'. Đây cũng là một đoạn, là một phương pháp. Niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, việc này đơn giản hơn việc trước. Ý nghĩa chứa đựng trong danh hiệu của Phật, Bồ Tát sâu rộng vô tận, danh hiệu công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa hàm chứa trong danh hiệu, nhất định phải niệm cho ra tánh đức của mình, danh hiệu của Phật là danh hiệu của Tánh Đức, danh hiệu của Bồ Tát là danh hiệu của Tu Đức, Tánh Tu chẳng hai. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ đại bi, niệm danh hiệu này đem tâm từ bi của mình phát ra, như vậy gọi là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát là đem tâm hiếu kính của mình phát ra, đó là Địa Tạng, Địa Tạng là hiếu kính. Văn Thù là trí huệ, Phổ Hiền là thật hành, làm chân thật, thế nên niệm danh hiệu Bồ Tát phải niệm như vậy mới thật sự có công phu. Danh hiệu của Phật là tánh đức, niệm Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhân từ thanh tịnh, Thích Ca nghĩa là nhân từ, Mâu Ni nghĩa là thanh tịnh, niệm niệm dùng nhân từ để đối đãi hết thảy chúng sanh, trong hết thảy cảnh duyên bố thí tâm thanh tịnh của mình, như vậy là niệm Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác, giác tức là không mê, giác tâm bất động, do đó niệm câu A Di Đà Phật này gọi là nhất tâm xưng niệm, niệm đến cùng cực thì được nhất tâm bất loạn, nhất tâm tức là tâm bất động. Tâm còn bị cảnh giới bên ngoài lay động, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài vẫn còn khởi tâm động niệm, vậy thì chẳng phải A Di Đà Phật. Tâm A Di Đà Phật tiếp xúc cảnh giới bên ngoài chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng có phân biệt, chẳng chấp trước, như vậy gọi là A Di Đà Phật.

Chúng ta có thể hiểu được cách niệm như vậy, người đến lúc mạng chung [danh hiệu] vừa lọt vào tai vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, công đức này lớn lắm. Sức mạnh niệm Phật của chúng ta, hiện nay chúng ta dùng 'ba' (làn sóng) để giảng thì mọi người dễ hiểu, niệm lực này chính là làn sóng, tâm chân thành, tâm thanh tịnh thì làn sóng này thù thắng vô cùng. Tuy người ta chết rồi, nhưng ý thức vẫn còn, họ phải đi đầu thai, chúng ta nói A Lại Da thức vẫn còn, nghĩa là nói 'bản thức (A Lại Da Thức)

11[11] *Thận chung truy viễn:* "Thận chung" là an táng cẩn thận, "truy viễn" là truy niệm, tưởng nhớ ân đức tổ tiên, bao gồm cả việc sống sao cho tổ tiên được vinh hiển, không làm điếm nhục thanh danh của tổ tiên, cha mẹ.

12[12] *Kiến hiền tư tề.*

còn nghe được' 13[13]. A Lại Da thức còn hoạt động, nó vẫn còn 'sóng', làn sóng này của chúng ta có thể khởi cảm ứng đạo giao với làn sóng của người mất, đây tức là 'gia trì', tức là họ được lợi ích, giúp họ trồng hạt giống Phật trong A Lại Da thức. Sức mạnh của hạt giống mạnh hay yếu là ở tại người niệm, nếu người niệm hiểu lý, niệm niệm tương ứng thì sức mạnh của hạt giống này lớn vô cùng. Nếu chúng ta chẳng hiểu đạo lý này, nhưng cung kính chắp tay niệm câu Nam mô A Di Đà Phật, thì sức này yếu hơn. Vậy thì có lợi ích hay không? Vẫn có, nhưng đời này chẳng đạt được. Đây là nói phương pháp tu phước, ở đây nêu lên vài phương pháp.

'Thị chư chúng sanh, sở tạo ác nghiệp, kế kỳ cảm quả, tất đọa ác thú'. 'Kế' tức là sự quan sát khách quan của chúng ta, chúng ta nghĩ những nghiệp người ấy tạo cả đời, bạn biết 'nhân' thì sẽ biết quả báo tương lai. Phật dạy rất hay *"Muốn biết quả báo đời sau, đó chính là những gì làm đời này"* 14[14], người ấy làm những gì trong đời này, nghĩ thử xem tương lai sẽ sanh vào cõi nào. Nếu họ tạo ác nghiệp nhiều thì dứt khoát sẽ đọa ác đạo. Ác đạo bao gồm địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ba đường ác. Một người học Phật quan sát sẽ biết rõ, từ tập tánh, ưa thích, hành vi, xử sự, đối người, tiếp vật của người này liền có thể phán đoán đời sau họ sanh vào cõi nào. 'Duyên thị quyến thuộc, vị lâm chung nhân, tu thử thánh nhân', 'thánh nhân' là nói cúng dường Phật, Bồ Tát. Chư vị đặc biệt phải biết 'cúng dường Phật, Bồ Tát' nhất định chẳng phải cúng dường trên sự tướng. Nếu cúng dường trên sự tướng mà bạn bèn được quả báo thù thắng như vậy thì không phải đã biến thành hối lộ rồi sao. Khi có tội thì tặng cho Phật, Bồ Tát một chút lễ vật mong ngài sẽ bảo hựu bạn, làm vậy không những chẳng có phước mà còn tạo tội nghiệp nặng nề hơn. Tại sao vậy? Trong tâm chúng ta coi Phật, Bồ Tát cũng như tham quan, ô lại, bạn nói tội này nặng hay không? Không những chẳng giúp gì được cho người mất, trái lại còn làm tội nghiệp của họ nặng thêm, cho nên nhất định phải hiểu phía sau của hình thức là có sự tiêu biểu pháp, có công phu tu trì trong đó. Không những tự chúng ta y giáo phụng hành, hơn nữa sự tiêu biểu pháp còn có thể khuyên nhủ mọi người tu hành đúng như pháp, công đức này sẽ rất lớn. 'Thánh nhân' là nói từ chỗ này, [làm vậy thì] tội nghiệp của người mất mới có thể tiêu diệt. Đoạn trước có kể về những việc cô Quang Mục và cô Bà La Môn làm, [những việc này] đều là gương tốt, chúng ta phải quan sát, thấu hiểu kỹ càng họ đã làm như thế nào. Xin xem tiếp đoạn kinh văn sau đây:

Nhược năng cánh vị thân tử chi hậu, thất thất nhật nội, quảng tạo chúng thiện, năng sử thị chư chúng sanh vĩnh ly ác thú, đắc sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc, hiện tại quyến thuộc, lợi ích vô lượng.

Nếu sau khi người ấy đã chết, có thể trong bốn mươi chín ngày vì người ấy mà tu tạo nhiều phước lành, thì có thể làm cho người ấy vĩnh viễn xa lìa ác đạo, được sanh vào cõi trời hoặc cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu; quyến thuộc hiện tại cũng được vô lượng lợi ích.

Đây là nói sau khi người ta chết, trong phong tục tập quán hiện nay [có việc] cúng thất, nguồn gốc của việc cúng thất là ở chỗ này. Tại sao phải cúng thất? Phải cúng thất như thế nào thì người chết mới thật sự được giúp đỡ? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Trong kinh đức Phật dạy sau khi con người chết đi đa số chẳng đi đầu thai liền, sau khi chết họ còn một khoảng thời gian, khoảng thời gian này gọi là Trung Ấm.

13[13] Nguyên văn 'hoặc văn tại bản thức' (hoặc nghe nơi bản thức), ở đây chúng tôi dịch theo mạch văn, chứ không dịch sát nghĩa từng chữ.

14[14] *Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị.*

Người chết đi, lúc chưa đi đầu thai, trong kinh đức Phật nói, khoảng thời gian này đa số con người là bốn mươi chín ngày, bảy cái thất. Đa số con người đều chuyển thế, hạnh nghiệp của họ thuộc vào cõi nào thì họ sẽ đi đến đó thọ báo. Trong thời gian này, mỗi bảy ngày họ có một lần biến dịch sanh tử, sự sanh tử này đối với họ mà nói cũng tương đối đau khổ, cho nên làm những Phật sự này, giúp họ giảm bớt sự đau đớn, tăng thêm phước báo cho họ, thế nên dạy bạn trong bảy cái thất này 'rộng tạo phước lành'. Nếu bảy thất, bốn mươi chín ngày, mỗi ngày đều tu phước dùm họ thì phước của họ sẽ lớn. Người thế gian mỗi bảy ngày tu một lần, nói chung thì tốt hơn là không tu, nói thật ra trong vòng bốn mươi chín ngày này, mỗi ngày đều phải tu, đây mới là thật sự giúp đỡ, duyên này sẽ vô cùng thù thắng. Người nhà, quyến thuộc hiện tiền phải hiểu đạo lý này, đây là mình và người cả hai đều được lợi ích. Còn phương pháp tu phước, phương pháp nói ở phía trước rất tốt, tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho họ, đây là việc làm có lợi ích nhiều nhất. Tu phước, rộng tạo các việc lành, trong đó bao gồm rất nhiều nhưng tụng kinh, niệm Phật là chính, nếu có khả năng đem tài sản, vật dụng của người mất đi làm các việc bố thí, vậy thì phước báo của họ càng lớn hơn nữa. Chúng ta đều phải hiểu rõ, người nhà, quyến thuộc có thể làm thay cho người mất.

Thị cố ngã kim đối Phật Thế Tôn, cập thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng khuyến ư Diêm Phù Đề chúng sanh, lâm chung chi nhật, thận vật sát hại cập tạo ác duyên bái tế quỷ thần cầu chư võng lượng.

Vì lẽ đó nên nay con đối trước đức Phật Thế Tôn, cùng thiên long bát bộ, nhân và phi nhân v.v... mà khuyên chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề: Vào ngày lâm chung phải cẩn thận, chớ giết hại và chớ gây tạo ác duyên, đừng cúng tế quỷ thần, đừng cầu xin võng lượng 15[15].

Đây là Địa Tạng Bồ Tát đại từ đại bi nói ra những chân tướng sự thật này cho chúng ta. Sau đó chúng ta mới biết có nhiều cách làm trong dân gian vô cùng bất lợi cho người mất, chẳng giúp ích gì cho họ, lại còn tăng thêm tội nghiệp của họ, làm như vậy thì rất tàn ác. Bồ Tát ở trước Thế Tôn, trong hội còn có 'thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng' để cho họ làm chứng, chứng minh lời nào của Địa Tạng Bồ Tát cũng đều chân thật. Tại sao ngài chẳng nói chư Phật Như Lai và đại Bồ Tát đến chứng kiến? Chư Phật Như Lai, đại Bồ Tát hiểu rõ, biết quá rõ. Để các vị trời, quỷ thần đến chứng minh, khuyên răn hướng dẫn chúng sanh ở Diêm Phù Đề phải cẩn thận trong ngày lâm chung, tuyệt đối không được sát sanh, tuyệt đối không được tạo ác duyên. Cho nên khi một người qua đời, trong lúc lo hậu sự cho người ấy, người ta mời người nhà, thân quyến, bạn bè của họ, trong lúc tụ hợp lại phần nhiều đều sát sanh, ăn thịt, cúng tế quỷ thần, hết thảy đều là tạo tội nghiệp, đây là việc chúng ta thường thấy ở mọi nơi. Chúng ta muốn vì người mất cầu phước, nhưng lại sát hại chúng sanh để tế lễ, chúng ta suy nghĩ chính chắn coi, có phải là sợ người mất này lúc còn sanh tiền chưa tạo đủ sát nghiệp, còn phải giúp họ tạo thêm một chút, không phải là có ý nghĩa này hay sao? Chỉ sợ họ đọa lạc chưa sâu lắm, còn muốn đẩy họ xuống sâu thêm một chút, đều làm những chuyện như vậy, tuyệt đối là hoàn toàn sai lầm, [chúng ta] phải nên suy nghĩ thêm về

15[15] *Có nhiều cách hiểu chữ Võng Lượng. Theo Tả Truyện thì Võng Lượng là loài yêu tinh sống dưới nước. Theo Sưu Thần Ký, quyển 16 thì Chuyên Húc Thị (tức cháu nội của Hoàng Đế, hiệu là Cao Dương Thị) có ba người con, chết di đều biến thành quỷ gây tật dịch. Một người sống nơi sông nước, đó là Ngược Quỷ, một người sống trong chỗ nước chảy chậm (như khe suối, ao đầm) đó là Võng Lượng, một người sống trong cung điện, nhà cửa, đó là Tiểu Quỷ. Sách Thuyết Văn Giải Tự lại giải thích: "Võng Lượng là yêu tinh sống trong vùng núi non, sông nước". Sách Khổng Tử Gia Ngữ, thiên Biện Vật lại giải thích: Võng Lượng là những loài yêu quái sống gá vào gỗ đá". (trích theo website Bách Độ (Baidu))*

đạo lý này. Phần sau nêu lên lý do tại sao không thể sát sanh? Tại sao không nên tạo ác duyên?

Hà dĩ cố, nhĩ sở sát hại nãi chí bái tế, vô tiêm hào chi lực lợi ích vong nhân, đản kết tội duyên chuyển tăng thâm trọng.

Vì sao thế? Vì việc sát hại cho đến tế lễ đó không có mảy may năng lực lợi ích cho người mất, mà chỉ kết thêm tội duyên, làm cho sâu nặng hơn thôi.

Chúng ta dứt khoát không thể coi thường đoạn khai thị này, phải ghi nhớ kỹ càng. Vì việc này chúng ta thường gặp, nhất định phải giảng rõ ràng, nói rành rẽ, làm cho họ giác ngộ. Cúng tế quỷ thần đích thật chẳng có giúp ích mảy may gì cho người mất, tuyệt đối đừng khởi vọng tưởng [cho rằng] người mất tạo tội nghiệp, chúng ta cúng quỷ thần, quỷ thần sẽ tha thứ cho họ, quỷ thần sẽ xá miễn cho họ, chẳng có đạo lý này. Trong thế gian có thể có một số người tham lam, ăn hối lộ, làm sai phép, chứ trong cõi quỷ thần không có, sách xưa Trung Quốc có câu 'thông minh chánh trực mới làm thần'. Những việc cấu kết, nịnh nọt quỷ thần, hy vọng quỷ thần có thể tha thứ, xá miễn là một tâm lý sai lầm, thực hiện một hành vi phạm tội, làm sao có thể được giúp đỡ! Cho nên cách làm này chỉ kết tội duyên mà thôi. Người hiểu đạo lý này thì trong các hôn lễ, đám ma, tiệc vui, ăn mừng trong thế gian, trong những buổi tiệc này tuyệt đối không được sát sanh, sát sanh tức là như hai câu sau đây: 'chỉ kết tội duyên, tăng thêm sâu nặng', kinh này nói rất nhiều, rất tường tận. Làm lễ mừng ngày sanh, chúc thọ, bạn hy vọng trường thọ, nhưng lại sát hại những chúng sanh này, bạn có thể được trường thọ hay sao? Con người có cái khổ già, khổ bịnh, lúc lâm chung, chúng ta nhìn thấy tướng trạng đau khổ đó đều chẳng chịu nổi. Tại sao người ta có những tướng trạng đó? Vì họ chẳng hiểu đạo lý, cả đời chỉ biết kết tội duyên với chúng sanh.

Cho dù những người giàu có, trưởng giả trong thế gian cũng không thể tránh khỏi, lúc người giàu chết đi, tạo ra đủ mọi nghiệp chướng, chúng tôi đã từng thấy tận mắt. Lúc người giàu, quý tộc ở thế gian chết đi thường phải chịu bịnh khổ trong một thời gian dài, hiện nay gọi là chứng người già mất trí nhớ. Đến thời kỳ cuối cùng thì bất tỉnh nhân sự, chẳng nhận ra người nhà, thân thích, mê hoặc điên đảo. Trong những tình trạng như vậy, họ sẽ sanh về đâu? Đương nhiên sẽ sanh về tam ác đạo. Cả đời có phát đạt, có huy hoàng cách mấy, khi chết đi phải đọa vào tam ác đạo, bạn xem họ có thành tựu gì hay không? Chẳng bằng một người nghèo khổ ở thế gian thật thà niệm Phật, tiền đồ của họ là đến tây phương Cực Lạc thế giới làm Phật, làm sao có thể so sánh cùng họ được! Dù bạn có được tài sản ức vạn ở thế gian cũng chẳng sánh bằng người nghèo mạt niệm Phật vãng sanh. Chúng ta thấy họ biết trước giờ ra đi, tự tại vãng sanh, chẳng có bịnh khổ, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, đó mới gọi là phước báo chân chánh, đó mới là sự hưởng thọ tối cao trong đời người. Lúc lâm chung sợ nhất là mê hoặc điên đảo, lúc lâm chung mà mê man thì dù được trợ niệm cũng không giúp được gì. Khi trợ niệm thì nhất định người bịnh phải thần trí sáng suốt, mãi cho đến lúc tắt thở cũng phải tỉnh táo, không mê man, được vậy thì trợ niệm sẽ giúp đỡ rất nhiều, nếu họ có thể nhất tâm niệm Phật thì chắc chắc sẽ được sanh tịnh độ. Cho nên chúng ta phải nghĩ coi tương lai lúc mình lâm chung sẽ mê hoặc điên đảo hay không? Muốn mình lâm chung không bị mê man, rối loạn thì nhất định phải tu phước. Người Trung Quốc nói đến Ngũ Phước, phước thứ năm [trong ngũ phước] theo cách nói hiện nay tức là 'chết lành', đó thật là có phước. Chết lành thì chắc chắn sẽ sanh lành, nghĩa là tương lai bạn đầu thai nhất định sẽ sanh đến cõi lành, đây là đạo lý nhất định. Nếu lúc chết bị mê man, rối loạn thì sẽ không sanh đến cõi lành được.

Do đó có thể biết chúng ta trong đời này phải dứt khoát đừng kết oán thù với chúng sanh, nhất định không được làm tổn hại đến một chúng sanh nào cả. Chúng sanh đều là phàm phu, khi bạn gây tổn thương cho họ, họ ôm hận trong lòng vĩnh viễn chẳng quên, đợi có cơ hội liền trả thù, oan oan tương báo dây dưa chẳng dứt. Không những không được sát hại chúng sanh, mà làm cho chúng sanh khởi phiền não cũng là tội lỗi, khi mình làm cho chúng sanh khởi phiền não thì họ sẽ làm cho mình sanh phiền não, oan oan tương báo. Do đó nếu muốn trên đường Bồ Đề được thuận buồm xuôi gió thì phải ghi nhớ hai câu, đừng kết oán thù với người ta. Phật dạy chúng ta khi tiếp xúc với đại chúng phải tươi cười, lời nói ngọt ngào, phải thường nghĩ chúng ta dùng thái độ gì đối xử với người, người ta cũng sẽ dùng thái độ đó đối xử với mình, những gì mình không muốn thì đừng đem cho kẻ khác. Hàm ý trong đó rất sâu, rất rộng. Xin xem tiếp đoạn kinh văn sau đây:

Giả sử lai thế hoặc hiện tại sanh đắc hoạch thánh phận, sanh nhân thiên trung, duyên thị lâm chung bị chư quyến thuộc tạo thị ác nhân diệc lịnh thị mạng chung nhân ương lụy đối biện, vãn sanh thiện xứ.

Giả sử người chết đó, trong đời vị lai hoặc đời hiện tại, đắc được phần thánh, sẽ sanh vào cõi trời, cõi người; nhưng vì lúc lâm chung bị hàng quyến thuộc gây tạo ác nhân, làm cho người chết cũng chịu ương lụy, phải đối biện, chậm sanh vào chốn tốt lành.

Đoạn này rất hay và cũng là sự thật. 'Giả sử lai thế' là nói người lâm chung đã chết rồi, chết rồi thì thuộc về đời sau. 'Hoặc hiện tại sanh' tức là người này vẫn chưa tắt thở. Người này lúc còn sống là một người thiện, người tốt, chẳng tạo tội nghiệp gì nhưng vì người nhà của họ sát sanh cúng tế, cúng tế quỷ thần, cầu chư võng lượng, võng lượng tức là tà thần, tà đạo; lúc bịnh nặng, bịnh nguy ngặt cầu những quỷ thần này lại giúp đỡ, chẳng biết làm vậy là tạo tội nghiệp. Sát sanh cúng tế, vì người bịnh này mà sát sanh, kẻ ấy vốn có thể sanh vào cõi lành, có thể sanh cõi trời, cõi người, nhưng vì người nhà tạo tội nghiệp, người bịnh phải gánh chịu những tội nghiệp này, phải đến gặp vua Diêm La để biện luận, cho nên đình trệ việc sanh vào cõi lành, 'vãn sanh thiện xứ'. Nếu đã tắt thở rồi, họ phải biện luận với vua Diêm La, đình trệ việc sanh đến thiện đạo. Nếu chưa tắt thở, bạn thấy họ phải chịu nhiều đau khổ trên giường bịnh, thần hồn của họ đang đi biện luận, đây là thật chẳng phải giả.

Thế nên người học Phật [phải biết], lúc lâm chung là thời khắc quan trọng nhất của chúng ta, bạn bè thân quyến, người chăm sóc bạn phải hiểu đạo lý này, nhất định không được làm sai. Cho nên hiện nay cuốn Lâm Chung Nên Biết, hồi xưa sách này có tựa là Sức Chung Tân Lương (Hướng dẫn trọng yếu để giúp đỡ người khác lúc lâm chung) dùng chữ hơi khó hiểu, người hiện đại không dễ hiểu, cho nên [có người phát tâm] dùng văn Bạch Thoại viết lại, cuốn sách nhỏ này rất quan trọng. Người nhà, quyến thuộc của người bịnh nặng nhất định phải đọc, phải hiểu rõ cách tiễn đưa người mất, tiễn đưa đúng lý, đúng pháp thì là thật sự giúp đỡ họ. Cách tiễn đưa người mất trong dân gian có rất nhiều vấn đề; chúng ta đọc kinh này rồi tự mình suy nghĩ coi lời Phật dạy có lý hay cách làm thế tục có lý, phải bình tâm tịnh ý, bình tĩnh suy nghĩ, sự lợi ích, được mất trong đó quá lớn. Một khi bị đọa vào ba đường ác thì thời gian phải dùng 'kiếp' để tính, trong kinh thường gọi là vô lượng kiếp, dễ sợ lắm! Nếu chúng ta thương mến người nhà thì làm sao nhẫn tâm để cho họ đọa vào ba đường ác? Cho dù họ tạo ác nghiệp, chúng ta cũng phải tìm phương pháp để cho họ sớm siêu sanh, thoát khỏi ba đường ác, làm sao nhẫn tâm để cho họ đọa vào ba đường ác? Câu kế tiếp:

Hà huống lâm mạng chung nhân, tại sanh vị tằng hữu thiểu thiện căn, các cư bổn nghiệp, tự thọ ác thú, hà nhẫn quyến thuộc cánh vi tăng nghiệp.

Huống chi là người sắp chết lúc còn sống chưa từng có chút thiện căn, phải y theo bổn nghiệp mà tự đọa ác đạo, quyến thuộc nỡ nào tăng thêm nghiệp tội của người ấy!

Huống chi người này sắp mất, lúc còn sống làm lành ít, cả đời làm ác nhiều, làm lành ít nên sức ác thì lớn còn sức của thiện căn yếu kém. 'Các cư bổn nghiệp tự thọ ác thú', chúng ta ở thế gian thì thấy mang thân con người, quan sát kỹ càng coi kẻ ấy có phải là một con người hay không? Sách cổ Trung Quốc 'Tả Truyện' có ghi: 'Con người phế bỏ luân thường thì yêu quái hưng thịnh' 16[16], phải giải thích câu này như thế nào? Nếu con người đánh mất đạo làm người, thì thân này sẽ là yêu ma quỷ quái, chẳng phải là thân người nữa. 'Thường' là gì? Thường là ngũ giới, nhà Nho nói 'Thường' là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Người ấy chẳng nhân, chẳng nghĩa, chẳng giữ lễ, chẳng giữ tín dụng thì người ấy là yêu ma quỷ quái, chẳng phải là người. Hiện nay thì giống hình dáng của một con người, nhưng sau khi chết đi liền vào ba đường ác, cho nên ở đây nói 'các cư bổn nghiệp, tự thọ ác thú', người nhà, thân quyến làm sao nhẫn tâm tạo những ác nghiệp này để cho họ gánh chịu? Như vậy là sai lầm quá đỗi.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, (ngày 4 tháng 9 năm 2006)

16[16] Nhân khí thường, tắc yêu hưng

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 27 (Số 14-12-27)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 79, chúng ta đọc kinh văn một lần:

Hà huống lâm mạng chung nhân, tại sanh vị tằng hữu thiểu thiện căn, các cư bổn nghiệp, tự thọ ác thú, hà nhẫn quyến thuộc cánh vi tăng nghiệp

Huống chi là người sắp chết lúc còn sống chưa từng có chút thiện căn, phải y theo bổn nghiệp mà tự đọa ác đạo, quyến thuộc nỡ nào tăng thêm nghiệp tội của người ấy!

Lần trước giảng đến đây, xin xem thí dụ tiếp theo:

Thí như hữu nhân, tùng viễn xứ lai, tuyệt lương tam nhật, sở phụ đam vật cường quá bá cân, hốt ngộ lân nhân cánh phụ thiểu vật, dĩ thị chi cố chuyển phục khốn trọng.

Ví như có người từ xứ xa đến, tuyệt lương thực đã ba ngày, lại vác theo đồ vật nặng hơn trăm cân, bỗng gặp kẻ lân cận gởi ít món đồ nữa, vì thế mà càng khốn đốn, nặng nề thêm.

Trong thí dụ này, ý nghĩa rất rõ ràng, ví dụ có một người từ xa đến đây. Thời xưa giao thông chẳng phát triển, đi xa phần đông đều là đi bộ, đường xa thì đương nhiên sẽ rất mệt nhọc, tiêu hao thể lực. Nếu ba ngày chẳng ăn cơm, thì nỗi khổ này chúng ta có thể tưởng tượng mà biết. Người này chẳng phải chỉ đi bộ mà còn gánh hành lý nặng một trăm cân, gánh này rất nặng, ba ngày chẳng ăn cơm mà phải đi trên đường dài, như vậy đã rất mệt rồi. Đây là ví dụ người sắp chết nói ở trên, lúc còn sống chẳng làm việc gì tốt, sau khi chết đương nhiên sẽ y theo hạnh nghiệp mà nhận lấy quả báo. 'Hốt ngộ lân nhân, cánh phụ thiểu vật' (bỗng gặp người lân cận gởi ít món đồ nữa), ví dụ người nhà quyến thuộc chẳng hiểu biết mà còn sát sanh, cúng tế làm tăng thêm tội nghiệp [cho kẻ ấy], tiền đồ của kẻ ấy đương nhiên càng khốn khổ. Ví dụ này rất dễ hiểu. Chúng ta xem tiếp kinh văn, trang 80:

Thế Tôn, ngã quán Diêm Phù chúng sanh, đản năng ư chư Phật giáo trung, nãi chí thiện sự, nhất mao nhất trích, nhất sa nhất trần, như thị lợi ích tất giai tự đắc.

Bạch đức Thế Tôn, con xem xét chúng sanh cõi Diêm Phù Đề, ở trong giáo pháp của chư Phật, nếu có thể làm thiện sự chừng bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, thì tất cả đều tự được lợi ích.

Đây là lời của Địa Tạng Bồ Tát nói với Thế Tôn, thật ra nói với Thế Tôn tức là Thế Tôn chứng minh cho ngài, những lời ngài nói câu nào cũng là chân thật, dụng ý

thật ra là vì chúng ta. 'Diêm Phù chúng sanh' tức là chúng ta. 'Đản năng ư chư Phật giáo trung', hai chữ 'Phật giáo' là mấu chốt quan trọng, ngày nay nhắc đến Phật giáo có phải là ý nghĩa của chữ Phật giáo trong sự tưởng tượng của chúng ta chăng? Chẳng phải. Trong hết thảy những lời giáo huấn của chư Phật, Phật dạy chúng ta như thế nào, chúng ta có hiểu không? Chúng ta có làm được không? Thật sự hiểu rõ rồi, chịu làm, cho dù làm một việc thiện nhỏ xíu, 'nhất mao, nhất trích, nhất sa, nhất trần' rất ít, hình dung tu thiện ít. 'Mao' là sợi lông, lông trên thân thể, đây là vật nhỏ nhất trong chánh báo của chúng ta, 'trần sa' (hạt bụi, hạt cát) là vật nhỏ nhất trong y báo của chúng ta, cả hai đều hình dung việc thiện nhỏ. Bạn sẽ có được toàn bộ lợi ích của việc thiện nhỏ này, huống chi là việc thiện lớn. Những gì dạy trong Phật pháp, dù có nhỏ cũng xứng tánh. Đã xứng tánh thì nói thật ra việc thiện chẳng có lớn nhỏ, việc thiện lớn trọn khắp hư không pháp giới, việc thiện nhỏ cũng trọn khắp hư không pháp giới, thậm chí khi bạn khởi một niệm thiện, một niệm làm lợi ích chúng sanh thì quả báo cũng sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Những lời nói này của Địa Tạng Bồ Tát, người sơ học đích thật rất khó chấp nhận, có phải là Phật, Bồ Tát dùng những lời này để khuyến khích chúng ta, chưa chắc đã là thật. Chúng sanh tiếp xúc Phật pháp, đặc biệt là người sơ học, có thể nói những nghi hoặc này vô cùng phổ biến, hoàn toàn dùng tâm phàm phu của chúng ta để đo lường cảnh giới của Phật, Bồ Tát, vậy là sai lầm quá đỗi.

Phàm phu chúng ta dùng vọng tâm, chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, vọng tâm vĩnh viễn chẳng duyên đến cảnh giới chân thật. Kinh luận của Pháp Tướng Tông nói rất nhiều về công năng của Ý Thức, thức thứ sáu trong tám thức mạnh nhất, đối ngoại nó có thể duyên đến hư không pháp giới, đối nội nó có thể duyên đến A Lại Da thức, tiếc rằng nó không thể duyên đến tự tánh. Chư vị phải biết Nhất Chân pháp giới là tự tánh, nó có thể duyên hư không pháp giới, có thể duyên thập pháp giới, nhưng chẳng có cách chi để duyên Nhất Chân pháp giới, không có cách chi duyên tự tánh. Do đó kiến giải và trí huệ của phàm phu làm sao có thể biết cảnh giới của Phật, Bồ Tát? Dựa vào vọng tưởng của mình để tưởng tượng cảnh giới Phật, Bồ Tát là hoàn toàn sai lầm, đây là việc chúng ta phải biết. Trí huệ chân thật là gì? Khi 'hai chướng' đã bị phá thì trí huệ chân thật mới hiện ra. Chúng ta thử nghĩ chúng ta có Phiền Não Chướng, có Sở Tri Chướng, không những có, vả lại còn rất nặng nề thì lấy đâu ra trí huệ cho được! Tự mình cảm thấy rất có trí huệ, trong Phật pháp đó chỉ là 'thế trí biện thông', thế trí biện thông không thể giải quyết vấn đề được. Xin xem tiếp:

Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất trưởng giả danh viết Đại Biện. Thị trưởng giả cửu chứng Vô Sanh, hóa độ thập phương, hiện trưởng giả thân.

Nói lời như thế xong, trong pháp hội có một vị trưởng giả tên là Đại Biện, vị trưởng giả này từ lâu đã chứng Vô Sanh, hiện thân trưởng giả để hóa độ thập phương.

Đến đây là một đoạn nhỏ. Từ đoạn kinh này, chúng ta liền hiểu trưởng giả Đại Biện cũng là chư Phật Như Lai thị hiện. 'Cửu chứng vô sanh', câu này nói ngài đã thành Phật từ lâu rồi, độ chúng sanh trong mười phương thế giới 'hiện thân trưởng giả', đây là thị hiện. Nên dùng thân trưởng giả để được độ thì ngài liền hiện thân trưởng giả, tham dự pháp hội Địa Tạng, giúp đỡ Thế Tôn và Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Ngài đứng ra nêu câu hỏi, thông qua câu hỏi và câu trả lời này có thể phá trừ nghi hoặc của chúng ta. Sau đó:

Hiệp chưởng cung kính vấn Địa Tạng Bồ Tát ngôn:

Cung kính chắp tay hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng:

‘Hiệp chưởng cung kính’ là kính trọng tột cùng, là lễ tiết, thỉnh giáo Địa Tạng Bồ Tát.

Đại sĩ

Thưa Đại sĩ

Đây là lời xưng tán Bồ Tát.

Thị Nam Diêm Phù Đề chúng sanh mạng chung chi hậu, tiểu đại quyến thuộc vị tu công đức, nãi chí thiết trai, tạo chúng thiện nhân, thị mạng chung nhân đắc đại lợi ích, cập giải thoát phủ.

" Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề sau khi mạng chung được hàng quyến thuộc kẻ lớn người nhỏ, đều vì người chết mà tu công đức, cho đến thiết trai, tạo những thiện nhân, thì người chết ấy có được lợi ích lớn và được giải thoát chăng?"

Ý nghĩa của câu hỏi này chẳng khó hiểu. Đây là nói chúng sanh trong thế gian sau khi qua đời, người nhà của họ giúp họ làm một số công đức, thí dụ như ‘thiết trai’. Ý nghĩa của ‘thiết trai’ rất rộng, như tập tục hiện nay [những việc như] Phóng Diệm Khẩu, Mông Sơn Thí Thực, đều là thiết trai, đều nghĩa là mời quỷ thần dùng cơm; cũng như việc tu phước trên thế gian, [thiết trai cúng dường tăng chúng thì gọi là] “trai tăng”. Thời xưa những nhà giàu có thiết trai cúng dường cả ngàn vị tăng. Và tạo ra các thiện nhân khác, làm nhiều việc thiện hồi hướng cho người mất. Người mất này có phải nhờ người nhà thân quyến làm công đức cho họ nên họ có được lợi ích? Họ có thể được giải thoát không? Chúng ta hãy coi lời khai thị của Địa Tạng Bồ Tát:

Địa Tạng đáp ngôn, Trưởng Giả, ngã kim vị vị lai hiện tại nhất thiết chúng sanh, thừa Phật oai lực lược thuyết thị sự.

Địa Tạng Bồ Tát đáp: "Này ông trưởng giả, nay tôi vì tất cả chúng sanh trong hiện tại cùng vị lai, nương oai lực của đức Phật mà lược nói về việc đó.

Địa Tạng Bồ Tát đáp, xưng ‘trưởng giả’, đây là cung kính lẫn nhau. Trưởng giả xưng Bồ Tát bằng ‘Đại Sĩ’, Bồ Tát xưng ông là ‘Trưởng Giả’. Nhân vì ông đã hỏi, nay tôi vì ‘vị lai’, ‘vị lai’ là chỉ chúng ta, ‘hiện tại’ nghĩa là đương lúc đó, ‘nhất thiết chúng sanh thừa Phật oai lực, lược thuyết thị sự’. ‘Thừa Phật oai lực’ câu này ‘tôn sư trọng đạo’, chẳng dám cho rằng tự mình có thể nói; Lý và Sự của chuyện này quá sâu, quá rộng, tôi làm sao có thể nói? Nương nhờ oai thần gia trì của Phật nên mới có thể nói. Thật ra Địa Tạng Bồ Tát đã thành Phật từ lâu rồi, nhưng hiện nay thị hiện làm thân Bồ Tát. Vô lượng vô biên học sinh đều đã thành Phật, có lẽ nào thầy giáo còn chưa thành Phật! Đây là tỏ rõ chư Phật Như Lai đại từ đại bi, hạ thấp dùng thân phận Bồ Tát để thuận tiện độ chúng sanh. Chư vị cũng biết Phật pháp là sư đạo, chúng ta phải cung kính thầy giáo, phải đến nơi thầy giáo mà cầu học, chẳng thuận tiện bằng thân phận Bồ Tát. Bồ Tát là bạn đồng học với chúng ta, ngài là học trò của Phật, chúng ta cũng là học trò của Phật, ngài là học sinh lớp trước, là lớp đàn anh của chúng ta, cùng thân phận, cho nên chúng ta không cần phải cầu xin, ngài có thể đến tìm chúng ta. Chẳng có đạo lý thầy giáo đi tìm học trò, nhưng bạn đồng học có thể, làm vậy thì thuận tiện trong việc giáo huấn, ‘làm người bạn không mời của hết thảy chúng sanh’. Chỉ cần quan sát

thấy cơ duyên của chúng sanh chín muồi thì ngài sẽ chủ động đi đến, đây là điều thuận tiện của thân phận Bồ Tát trong việc giáo hóa chúng sanh. Do đó Địa Tạng Bồ Tát vĩnh viễn ở tại địa vị Bồ Tát, nguyên nhân là như vậy.

Trưởng giả, vị lai hiện tại chư chúng sanh đẳng, lâm mạng chung nhật đắc văn nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, nhất Bích Chi Phật danh, bất vấn hữu tội vô tội giai đắc giải thoát.

Này ông Trưởng Giả, các chúng sanh ở hiện tại hay vị lai, lúc sắp mạng chung mà nghe được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, danh hiệu của một vị Bích Chi Phật, thì bất luận là có tội hay không tội, thảy đều được giải thoát.

Lợi ích này nói thật ra quá lớn, lớn vô cùng. Chư vị nhất định phải biết, lúc lâm chung một niệm cuối cùng là mấu chốt quan trọng, đời sau sanh đến cõi nào là [quyết định] nơi một niệm cuối cùng này. Nghiệp bạn đã tạo cả đời rất nhiều, huống chi còn đời quá khứ, nghiệp tích lũy nhiều đời, nhiều kiếp vô lượng vô biên. Trong kinh đức Phật nói nếu nghiệp bạn đã tạo có thể tích, thể tích nhỏ như hạt bụi, những nghiệp đã tạo thì khắp cả hư không cũng chẳng dung chứa nổi. Nghĩ lại đời quá khứ, nhiều đời nhiều kiếp trong vô lượng kiếp qua, ví dụ này của Phật chẳng quá đáng, may là tội nghiệp chẳng có thể tích, chẳng có hình tướng. Nhưng nó lại có sức mạnh, sức mạnh này tạo nên luân hồi, biến thành những cảnh giới đau khổ. Nhưng một người sanh vào cõi nào đích thật quyết định tại một niệm cuối cùng, đương nhiên trong hết thảy tâm niệm (niệm đầu) này, một niệm này mạnh nhất. Trong kinh đức Phật nói nghiệp nhân của chúng ta nhiều vô lượng, cái nào mạnh thì dẫn đi trước, nghiệp nhân nào mạnh thì thọ báo trước. Nếu không nghe được Phật pháp thì người ta trong một niệm cuối cùng lúc lâm chung sẽ nghĩ về cái gì? Nếu họ nghĩ đến người nhà thân quyến, ân ái chẳng buông xả thì họ sẽ sanh đến cõi quỷ, do vì tâm tham nặng; nếu nghĩ đến kẻ thù còn chưa trả thù thì họ sẽ sanh vào địa ngục, do vì tâm sân khuể nặng; mê hoặc điên đảo, mơ mơ màng màng mà chết thì sẽ sanh vào cõi súc sanh; đây là [trường hợp] xảy ra nhiều nhất, phổ biến nhất. Do đó giờ phút ấy là giờ phút quan trọng, nghe được danh hiệu Phật, nhất tâm nghĩ tưởng Phật, họ làm sao không giải thoát được?

Nếu lúc lâm chung có thể nghe đến danh hiệu của đức Phật A Di Đà, người này cả đời chưa từng tiếp xúc đến Phật pháp, đến lúc lâm chung mới có người dạy họ niệm A Di Đà Phật. Dạy họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khi Phật đến tiếp dẫn thì đi theo đức Phật A Di Đà, họ bèn được vãng sanh. Năm xưa ở thủ đô nước Mỹ, Hoa Thạnh Đốn (Washington DC), chuyện của ông Châu Quảng Đại là một thí dụ rất rõ ràng. Ba ngày trước khi mất ông mới gặp được Phật pháp, người ta giảng cho ông nghe, ông bèn tin tưởng, tiếp nhận, niệm Phật được ba ngày thì được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đây là [trường hợp] người nhà, thân quyến là thiện tri thức. Gặp người dạy họ niệm danh hiệu Bồ Tát, danh hiệu Bích Chi Phật, cho dù không vãng sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới thì nhất định sẽ được phước báo ở cõi trời, cõi người. 'Giải thoát' tức là giải thoát từ ba cõi ác, sanh đến ba cõi thiện, đây là lời dạy trong nhà Phật. Nếu họ có thể hiểu sự tiêu biểu pháp, ý nghĩa của danh hiệu Phật, Bồ Tát, thì công đức lợi ích họ đạt được càng thù thắng, họ đích thật có thể khế nhập vào cảnh giới. Do đó chúng ta phải ghi nhớ việc này, khi tiễn đưa người sắp mất nhất định phải khuyên họ niệm Phật, nếu người nhà thân quyến đều có thể trợ niệm thì sẽ thù thắng vô cùng.

Niệm Phật hằng ngày đều là [chuẩn bị cho] một niệm cuối cùng lúc lâm chung, hy vọng lúc bình thường niệm Phật cho thật quen thuộc, lúc lâm chung mới không quên

niệm Phật, lúc bình thường phải buông xuống hết vạn duyên thì lúc lâm chung mới không có chướng ngại. Cái gì cũng phải buông xuống, thật sự đối với thế gian này chẳng có một tơ hào tham luyến thì sẽ được tự tại vãng sanh. Chỉ cần có một mảy may tham luyến, nhiễm trước thì sẽ chướng ngại cho sự niệm Phật vãng sanh lúc lâm chung. Tự chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ, lúc lâm chung có thể gặp thiện tri thức hay không? Có thể gặp được vài người giúp đỡ hay không? Rất khó nói! Do đó chúng ta biết được chuyện này thì thường ngày phải nên kết thiện duyên cho nhiều, phải tham gia trợ niệm cho nhiều. Bạn có thể thường giúp đỡ trợ niệm cho người lâm chung là nhân, đến lúc chính mình lâm chung thì nhất định sẽ có người đến giúp bạn. Lúc thường ngày bạn không chịu giúp đỡ người khác thì lúc lâm chung dứt khoát sẽ không có người giúp bạn, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Do đó lúc thường ngày phải trồng nhân lành thì bạn mới được quả lành, nhất định phải tin việc Địa Tạng Bồ Tát dạy ở đây. Xin xem đoạn kinh kế tiếp, đây đều là lời của Địa Tạng Bồ Tát dạy:

Nhược hữu nam tử nữ nhân tại sanh bất tu thiện nhân, đa tạo chúng tội, mạng chung chi hậu quyến thuộc tiểu đại, vi tạo phước lợi nhất thiết thánh sự, thất phần chi trung nhi nãi hoạch nhất, lục phần công đức sanh giả tự lợi.

Nếu có người nam hoặc người nữ lúc sống không tu thiện nhân mà lại tạo nhiều nghiệp tội, sau khi mạng chung lại được hàng quyến thuộc vì người chết mà tu tạo phước lợi lớn nhỏ; thì tất cả Thánh sự, trong bảy phần công đức, người chết được một phần, còn sáu phần thuộc về người sống hiện lo tu tạo đó.

Nhất định phải hiểu đạo lý này. Ngày nay chúng ta thấy người nhà quyến thuộc trên thế gian làm Phật sự giúp cho người mất, thông thường khi thỉnh người xuất gia thì nên thỉnh bảy người, tại sao? Trong bảy phần công đức, người mất chỉ được một phần. Tụng kinh phải tụng bảy bộ, việc này là từ kinh này nói. Người mất chỉ hưởng được một phần bảy, còn người niệm kinh, niệm Phật được sáu phần bảy, đây là nói về tỷ lệ [của phước đức]. Người mất hưởng được lợi ích bao lớn đều dựa trên sự lợi ích của người nhà. Nếu người tụng kinh khai ngộ chứng quả khi tụng kinh, 'chứng quả' tức là nhập cảnh giới trong kinh. Các vị đại đức thời xưa dạy chúng ta lúc đọc kinh phải tùy văn nhập quán (quán tưởng theo lời kinh), mọi người phải nghe rõ ràng, không phải vừa đọc kinh vừa khởi vọng tưởng, vậy thì hoàn toàn sai lầm. Chẳng phải vừa đọc kinh vừa nghĩ lời nói trong kinh có ý nghĩa gì, nếu đọc như vậy thì chẳng có ai được ích lợi gì cả, phải niệm cho thiết thật, thật thà. Từ 'Như thị ngã văn' đến 'tín thọ phụng hành' (từ đầu đến cuối) chẳng có một vọng niệm nào cả thì mới có công đức. Công đức này tức là tâm thanh tịnh, bạn tu tâm thanh tịnh, bạn tu Định thì họ được lợi ích. Nếu có thể 'nhập quán', 'quán' chẳng dùng tâm ý thức, dùng tâm ý thức là tư tưởng, là vọng tưởng, chẳng phải 'quán'; chẳng dùng tâm ý thức mà khế nhập vào cảnh giới ấy thì gọi là quán, đó là từ Định khai trí huệ. Đọc bộ kinh này, cảnh giới trong kinh biến thành cảnh giới của mình, tự tha bất nhị (mình và người chẳng hai), sanh Phật nhất như (chúng sanh và Phật là một), nhập cảnh giới này. Người mất đạt được lợi ích đó sẽ chẳng thể nghĩ bàn, họ đạt được công đức lợi ích thù thắng nhất. Công đức lợi ích thù thắng nhất cũng chỉ có thể giúp cho họ sanh lên trời Đao Lợi, nhưng sẽ được phước báo to lớn ở trời Đao Lợi.

Nếu người mất này lúc còn sống là người niệm Phật, là người hiểu rõ Phật pháp, sau khi họ mất và nghe tụng kinh, rất có thể sẽ nhắc nhở họ niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, vậy thì họ nhất định sẽ được sanh Tịnh Độ. Do đó hết thảy Phật sự siêu độ là nhằm tạo tăng thượng duyên cho người mất, sợ họ quên mất, cốt ý nhắc nhở họ. Nếu lúc còn sống họ chưa tiếp xúc Phật pháp thì rất khó, hoàn toàn dựa trên phước báo thì họ chỉ có

thể sanh đến trời Đao Lợi mà thôi. Lợi ích lớn nhỏ chẳng bằng nhau, trong kinh nói rất rõ ràng, rành rẽ, chúng ta phải tự suy nghĩ tại sao sự siêu độ này họ được lợi ích. Phía trước đã nói với chư vị rồi, nếu chẳng vì người ấy qua đời thì người nhà, thân quyến sẽ chẳng biết tu phước, sẽ chẳng được lợi ích thù thắng. Vì duyên cớ này nên người nhà mới tu phước, lễ lạy sám hối, tụng kinh, lạy Phật, đây là người mất tạo tăng thượng duyên cho người nhà, là vì nguyên nhân như vậy nên người mất mới được một phần bảy phước báo. Do đó phước người nhà quyến thuộc tu được càng lớn thì người mất được càng nhiều, đạo lý là như vậy.

Dĩ thị chi cố vị lai hiện tại thiện nam nữ đẳng, văn kiện tự tu, phần phần kỷ hoạch.

Thế nên, các thiện nam thiện nữ ở hiện tại và vị lai, nghe lời nói vừa rồi nên cố gắng tự tu hành, thì được hưởng trọn phần công đức.

Vì duyên cớ này nên Địa Tạng Bồ Tát nói 'vị lai hiện tại thiện nam nữ đẳng văn kiện tự tu', 'kiện' nghĩa là thân thể của bạn rất khỏe mạnh, 'văn' nghĩa là sáu căn rất thông minh. Bạn hiểu rõ đạo lý này, biết được sự thật này, thừa lúc thân thể còn khỏe mạnh phải nên sốt sắng nỗ lực tự tu hành, sẽ được trọn phần phước báo, tự mình sẽ hưởng trọn. Trong Chú Giải, Thanh Liên pháp sư trích dẫn một đoạn trong kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh, chúng ta hãy đọc đoạn kinh này, đoạn này là do Phổ Quảng Bồ Tát nói. Hàng thứ nhất trang 85 trong Kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh:

Phổ Quảng Bồ Tát bạch Phật ngôn, nhược thiện nam nữ vị chung chi thời, nghịch tu sanh thất, nhiên đăng huyền phan, thỉnh tăng chuyển kinh (thỉnh xuất gia nhân niệm kinh), đắc phước đa phủ. Phật ngôn kỳ phước vô lượng. (Phổ Quảng Bồ Tát hỏi đức Phật: "Nếu người thiện nam, thiện nữ khi còn chưa chết, tu trước cho mình, thắp đèn treo phan, thỉnh người xuất gia niệm kinh, được phước nhiều không?". Đức Phật dạy: "Phước đó vô lượng")

[Đoạn kinh vừa đọc trên đây] có thể ấn chứng cho kinh này. Lại nói:

"Phụ mẫu thân tộc mạng chung thọ khổ, vị kỳ tu phước, đắc phước đa phủ" (Khi cha mẹ, thân quyến chết thọ khổ, [người nhà] vì họ tu phước sẽ được phước nhiều không?)

Đây là tu phước dùm cho người ta.

"Phật ngôn, thất phần hoạch nhất" (Phật dạy: "Được một phần bảy").

Trong bảy phần công đức, họ hưởng được một phần, nói giống kinh này.

Phía trước Phổ Quảng Bồ Tát hỏi 'nghịch tu sanh thất', nghĩa là lúc người còn chưa chết, nói chúng ta tự mình tu, mời pháp sư đến tụng kinh, 'chuyển' nghĩa là mời pháp sư đến tụng kinh, mời pháp sư giảng kinh cũng gọi là 'chuyển kinh'. Phần đông người ta khi còn sống chẳng biết làm Phật sự siêu độ cho mình trước, rất ít người như vậy. Nhưng công đức thỉnh pháp sư giảng kinh này rất lớn, nếu có khả năng thì tự mình thỉnh thì công đức ấy bạn hưởng trọn; nếu tự mình không có khả năng thì cùng vài người đồng tham đạo hữu đi mời. Mời pháp sư giảng một bộ kinh hoặc mời pháp sư giảng kinh một ngày thì công đức chẳng thể nghĩ bàn. Bạn hãy nghĩ có người nào trong đời có dịp mời được pháp sư giảng kinh một lần? Vô cùng hiếm hoi. Giống như chúng tôi đi đến chỗ khác giảng kinh, chúng tôi thường đến Hương Cảng, qua đó giảng ba ngày. Những đồng tu bên đó, rất nhiều người hợp lại mướn một giảng đường, mời một số bạn đồng tu tới nghe giảng, đây là việc nói trong kinh này. Trong những tình huống

như vậy, chúng ta là người hiểu biết [đạo lý này] thì đừng làm những buổi diễn giảng thông thường, buổi giảng thường thì công đức ít, phải giảng kinh. Nếu mời chúng tôi giảng một, hai giờ đồng hồ, giảng một lần thì chúng tôi giảng kinh gì? Có thể trích dẫn một đoạn trong kinh để giảng, như vậy cũng là giảng kinh. Tôi không thể giảng toàn bộ kinh thì giảng đại ý của cả bộ kinh, hoặc trích một, hai đoạn trong kinh ra mà giảng, như vậy là [cách làm] của người hiểu biết, người trong ngành.

Lúc Hương Cảng được trao trả [cho Trung Quốc] được một năm, đồng tu bên đó mời tôi giảng kinh, thời gian chỉ có sáu ngày, mười hai giờ. Chúng tôi cảm kích nhiệt tâm hộ pháp của họ, tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ. Giảng kinh Vô Lượng Thọ thì mười hai giờ làm sao giảng cho hết? Chúng tôi trích lục ra một cuốn sách, cuốn này mọi người đều xem qua. Trích ra mười sáu đoạn trong kinh Vô Lượng Thọ, mỗi đoạn đều là kinh văn, như vậy chính là 'thỉnh tăng chuyển kinh', là họ mời, hợp lại với nhau mà mời. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, biết mình nên làm như thế nào. Đặc biệt là người nhà, thân quyến của mình, thấy họ cả đời chẳng làm việc gì tốt, họ mê hoặc điên đảo, người học Phật chúng ta hiểu rất rõ, có thể nhìn thấy tương lai của họ. Làm sao giúp họ? Giúp cách này tốt hơn bất cứ việc gì khác, [cách này là] mời pháp sư giảng kinh. Chúng ta phát khởi, bắt đầu rồi mời họ lại tham gia thì họ sẽ được phước, dùng phương pháp này để tiếp dẫn họ, thế nên phương tiện khéo léo như vậy nhiều lắm.

Chúng ta coi đoạn kinh kế tiếp, 'duyên tiền sanh bất tín đạo đức cố', 'duyên' nghĩa là lúc còn sống họ không tin đạo đức. Đoạn kế tiếp là 'nhược dĩ vong giả nghiêm thân chi cụ', 'nghiêm thân chi cụ' dùng cách nói bây giờ nghĩa là những thứ như vòng vàng, châu báu, đồ trang sức mà họ cất giữ, đó gọi là 'nghiêm thân chi cụ'. 'Ốc trạch viên lâm' là tài sản ruộng đất, 'ốc trạch' là nhà cửa, 'viên lâm' là đất đai. 'Dĩ thí Tam Bảo, khả bạt địa ngục chi khổ'. Cho dù cả đời tạo tội cực nặng, trước lúc chết nếu có thể đem hết thảy tài sản của người đó cúng dường Tam Bảo, phước báo này có thể vượt trội tội nghiệp đọa địa ngục của người đó. Nguyên nhân là gì? Cúng dường Tam Bảo, mỗi ngày đều có những người xuất gia tu hành, người tại gia tu hành, mỗi ngày ở nơi đó tụng kinh, lễ sám, một phần bảy công đức này sẽ rất lớn, quá lớn! Đạo lý là như vậy. Nhưng ở đây phải hiểu rõ, trong Tam Bảo có thật và giả. Đạo tràng Phật pháp chân chánh, đạo tràng Phật pháp chánh pháp mới có hiệu quả này. Nếu không phải là chánh pháp, thế gian hiện nay giống như lời nói trong kinh Lăng Nghiêm *'Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng'*, có rất nhiều nơi là đạo tràng giả, Phật pháp giả, mượn danh nghĩa Phật pháp để làm những việc trái nghịch với lời dạy của đức Phật, làm vậy là tạo tội nghiệp. Nếu bạn làm vậy *(nghĩa là cúng dường Tam Bảo giả, đạo tràng giả)* để bố thí cúng dường cho người mất thì sẽ giúp họ tạo tội nghiệp, thúc đẩy họ tạo tội nghiệp, phải đọa địa ngục càng đọa càng sâu, không những không thể thoát khỏi mà còn đọa sâu thêm, đây là việc chúng ta nhất định phải phân biệt rõ ràng.

Gần đây các bạn đồng tu ở Hương Cảng gọi điện thoại cho tôi, nói ở Hương Cảng có một vị pháp sư tám mươi mấy tuổi, ngài có một đạo tràng muốn hiến tặng cho người xuất gia. Điều kiện của ngài là phải có năm người xuất gia, có năm tỳ kheo thì ngài mới chịu tặng, ngài ở Thuyên Loan, Hương Cảng. Điều kiện này rất tốt, nhưng rất khó, sợ rằng đến khi ngài vãng sanh cũng chẳng tìm được năm vị tỳ kheo, đây là sự thật, rất khó tìm được! Cách suy nghĩ này đúng đắn, nhưng khá khó khăn. Do đó ở thời đại hiện nay, chúng ta phải biết tìm không ra năm tỳ kheo, cho dù là cư sĩ tại gia, là Phật giáo đồ có chánh tín làm việc hoằng pháp lợi sanh thì cũng là việc tốt. Thật sự là hoằng pháp lợi sanh, hoặc dùng là đạo tràng tu học cho mình, làm đạo tràng tu hành niệm Phật, đạo tràng lưu thông Phật pháp, đó là công đức chân thật. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

Vô thường đại quỷ, bất kỳ nhi đáo, minh minh du thần vị tri tội phước, thất thất nhật nội như si, như lung.

Đại quỷ Vô Thường không hẹn mà đến, thần hồn mù mịt, chưa rõ là tội hay phước, trong bốn mươi chín ngày như ngây như điếc.

Ở đây Bồ Tát nói với chúng ta trạng huống của người sau khi chết. Thế Tôn trong kinh điển thường nhắc chúng ta *'Cõi nước mong manh, mạng người vô thường'*, đây là lời Phật dạy chúng ta về chân tướng của cuộc đời. Dạy chúng ta luôn luôn đề cao cảnh giác, phải có tâm cảnh giác cao độ, tuyệt đối đừng nghĩ rằng mình còn trẻ tuổi, thọ mạng của mình còn lâu dài, nghĩ vậy là sai rồi. Người xưa thường nói: *'Trên đường đến suối vàng chẳng phân biệt già trẻ, phần mộ trơ trọi đều là của thiếu niên'* 1[1], chẳng có ai cúng tế, còn trẻ đã chết mất, chẳng có gia đình, chẳng có con cái, đều biến thành phần mộ cô độc, chúng ta nhất định phải đề cao cảnh giác. 'Vô thường đại quỷ, bất kỳ nhi đáo' câu này nói đời người vô thường, bất cứ lúc nào đều có thể chết, bạn cũng chẳng có cách chi để dự đoán nhân duyên gì mình sẽ chết. Đặc biệt là sanh vào thế gian hiện nay của chúng ta, tai nạn biến đổi quá nhiều, quá nhiều; bạn coi thử trên toàn thế giới chỗ nào cũng có tai nạn, có thủy tai; miền đông nước Mỹ hiện nay có gió lốc (phong tai), tin tức hôm qua nói có hơn năm mươi mấy vạn người bị ảnh hưởng, gió lốc rất lớn; còn động đất thì chẳng có cách chi để biết trước, chẳng hẹn mà đến. Cho nên tâm của người học Phật hiểu rất rõ ràng, rất rành rẽ, cho dù những tai nạn này xảy ra thì cũng không sợ hãi. Điều này vô cùng quan trọng! Khi tai nạn xảy ra lại kinh hoàng, sợ hãi thì hỏng hết, kinh hoàng sợ hãi sẽ rơi vào tam ác đạo.

Hôm trước cư sĩ Lý Mộc Nguyên báo cáo với mọi người, ông đi tiễn đưa những người vãng sanh, sau đó ông giúp họ tắm rửa, nhập liệm. Thân thể của một số người thì mềm mại, đại khái phần lớn những người niệm Phật vãng sanh thân thể đều mềm mại, đây là tướng tốt. Ngược lại có một số người thân thể cứng đờ, nguyên nhân là gì? [Khi chết mà] kinh hoàng sợ hãi thì thân thể sẽ cứng ngắc. Khi chết rất tự tại, chẳng sợ hãi thì thân thể của họ sẽ mềm mại. Do đó chúng ta có thể nhìn những người đã mất thì biết tình huống lúc họ ra đi, nếu họ ra đi một cách êm đềm thì chắc chắn sẽ chẳng sanh vào ác đạo. Khi ra đi họ rất thoải mái, rất an tường, rất sáng suốt, tinh thần trí óc sáng suốt thì chắc chắn sẽ không đọa ác đạo, lúc đó niệm Phật nhất định sẽ vãng sanh, thế nên khi tiễn đưa người vãng sanh có thể thấy được những tướng lành này, đạo lý là như vậy. Nếu không tin Phật pháp, chẳng gặp thiện tri thức [thì họ chẳng có phước]; lúc lâm chung có thể gặp thiện tri thức là đại phước báo, lúc ấy nếu có người nhắc nhở họ, giúp họ, dẫn dắt họ niệm Phật, cho dù cả đời có tạo ác nghiệp nặng cũng không sợ, [nếu họ tin tưởng, buông xuống vạn duyên, và thiết tha niệm Phật thì họ] có thể vãng sanh, đó gọi là đới nghiệp vãng sanh; chỉ sợ là lúc đó chẳng có người giúp họ, mà ngược lại quấy rối họ, người nhà khóc lóc, náo động thì sẽ hỏng mất, đó là chướng ngại to lớn. Bốn câu sau nói về trạng huống của họ: 'minh minh du thần', đây tức là hồn phách của họ, trong Phật pháp gọi là A Lại Da Thức, người thế tục gọi là linh hồn. 'Du thần' tức là linh hồn, nhà Phật gọi là 'du thần' rất đúng. Gọi bằng linh hồn là cách gọi tâng bốc, tại sao? [Linh hồn] nhất định chẳng 'linh', nếu nó 'linh' thì làm sao có thể rơi vào tam ác đạo được? Nó rơi vào tam ác đạo, do đó có thể biết nó chẳng 'linh'. Lời của Khổng Lão Phu Tử nói trong Kinh Dịch rất có lý, ngài gọi linh hồn bằng 'du hồn', ở đây chúng ta gọi là 'du thần', gọi như vậy rất có lý. Vì tốc độ của nó rất nhanh, trôi giạt chẳng định, đích thật là du hồn. Trong Kinh Dịch nói 'du hồn vi biến', 'biến' nghĩa là người

1[1] Hoàng tuyền lộ thượng vô lão thiếu, cô phần đô thị thiếu niên nhân.

đó đi đầu thai, đi đổi một thân thể khác, 'minh minh du thần'. 'Vị tri tội phước' lúc đó thật sự 'như si như lung', ngu dốt đần độn, trong bốn mươi chín ngày là trong trạng huống như vậy, chúng ta gọi là thân Trung Ấm, do đó thân Trung Ấm đều mê hoặc, ngu đần.

Hoặc tại chư ty, biện luận nghiệp quả, thẩm định chi hậu, cư báo thọ sanh. Vị trắc chi gian, thiên vạn sầu khổ, hà huống đọa ư chư ác thú đẳng.

Hoặc ở tại các ty sở để biện luận về nghiệp quả, sau khi thẩm định xong thì cứ y theo nghiệp mà thọ sanh. Trong lúc chưa biết ra sao đó thì đã ngàn muôn sầu khổ, huống là phải bị đọa vào các ác đạo!

'Hoặc tại chư ty' đây là cõi quỷ, những cơ quan làm việc trong cõi ngạ quỷ, biện luận trong những pháp đình đó, có người nói họ tạo bao nhiêu tội nghiệp, họ chẳng nhìn nhận nên phải ở đó biện luận. Người thế gian có khi quên mất những tội nghiệp mà mình đã tạo, có khi cố ý không nhìn nhận. Nhưng ở cõi âm, quỷ thần có sổ sách ghi chép, có câu nói rất đúng 'ngẩng đầu ba thước có thần linh'2[2]. Trong kinh đức Phật nói khi một người sanh ra liền có hai vị thần theo sát bên mình, một thần gọi là 'Đồng Sanh', một thần gọi là 'Đồng Danh', hết thảy những hạnh nghiệp mà bạn đã tạo, họ đều ghi chép lại. Đến lúc lâm chung nếu gặp vua Diêm La, những hồ sơ ở chỗ vua Diêm La rất đầy đủ, từng ly từng tí trong đời bạn đều chẳng chối cãi gì được, thế nên phải đến đó để biện luận. Sau khi phán định thì sẽ 'cư nghiệp thọ sanh', bạn đến cõi nào đầu thai thì phải đi thôi. Trong kinh Địa Tạng nói rất rõ ràng, vua Diêm La có quyền tăng thêm tội của bạn không? Hoặc là xá miễn tội của bạn không? Chẳng có quyền lực, ngài rất công bằng, chánh trực, y theo những gì bạn đã tạo mà phân phát, ngài chẳng có quyền lực tăng thêm tội, và cũng chẳng có quyền ân xá cho bạn; nếu nói ngài tăng thêm hoặc ân xá tội của bạn thì ngài phạm pháp. Do đó tiền đồ cả đời của mình đích thật là do chính mình nắm lấy, chẳng phải do họ chủ tể, [chúng ta] nhất định phải biết việc này.

Đến lúc đó người chết ở âm ty gánh chịu những sự phán xử này, lúc còn chưa định án thì họ rất buồn khổ, 'thiên vạn sầu khổ', đó là lúc chưa định án. Sau khi phán xử xong nếu là ác nghiệp nặng thì chắc chắn phải đi vào tam ác đạo thọ sanh. Thọ sanh trong tam ác đạo cũng có nghiệp duyên, trong cõi súc sanh tìm cha mẹ, cha mẹ ấy trong đời trước đều có duyên phận với họ; trong cõi ngạ quỷ và địa ngục thì phần nhiều là hóa sanh, trong cõi ngạ quỷ cũng có thai, noãn, thấp, hóa sanh, trong địa ngục thì hoàn toàn là hóa sanh. Nếu chẳng là hóa sanh, mà là thai sanh, là noãn sanh thì nhất định phải tìm cha mẹ. Đức Phật đã dạy rất rõ ràng, duyên này nói chung chẳng ra ngoài bốn thứ: 'báo ân, báo oán, trả nợ, đòi nợ', nếu không giác ngộ thì nhiều đời, nhiều kiếp phải làm những việc như vậy. Sau khi giác ngộ rồi thì sẽ khác, sau khi giác ngộ thì trong vòng một niệm, chuyển nghiệp lực thành nguyện lực, chuyển nghiệp báo thành thị hiện. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở cõi người, nên dùng thân gì để độ thì hiện thân ấy. Cho nên chuyển cảnh giới thật sự là ở trong vòng một niệm, một niệm này của chúng ta có thể chuyển trở lại hay không? Nói trên lý luận thì tuyệt đối có thể, trên sự tướng thì phải coi trình độ giác ngộ của bạn. Nếu bạn thật sự đã giác ngộ thì sẽ chuyển trở lại rất dễ dàng.

Làm sao biết mà chuyển trở lại? Người chuyển trở lại tuyệt đối chẳng có 'tự kỷ', nếu còn có 'Ta' thì dứt khoát chưa chuyển. Vì bạn còn ngã chấp, đó là phàm phu, chẳng phải Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát chẳng có Ta. Nếu dùng tiêu chuẩn kinh Kim Cang thì chư vị sẽ dễ hiểu *'Chẳng có tướng tôi, chẳng có tướng người, chẳng có tướng*

2[2] Cử đầu tam xích hữu thần minh

chúng sanh, chẳng có tướng thọ giả' thì bạn đã chuyển trở lại rồi. Nếu bạn vẫn còn bốn tướng trên thì bạn còn chưa chuyển. Có muốn chuyển cách mấy, có nỗ lực cách mấy để chuyển thì cũng chẳng chuyển nổi, tại sao? Vì bạn còn 'tưởng', còn 'niệm', 'tưởng' là vọng tưởng, bạn có phân biệt, có chấp trước thì bạn sẽ chẳng chuyển nổi. Do đó chân chánh muốn chuyển trở lại thì phải buông xuống hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến hết thảy chúng sanh thì bạn sẽ chuyển trở lại. Thân này của chúng ta có được từ cha mẹ, là thân nghiệp báo, một khi chuyển trở lại liền thành hóa thân thị hiện, nhất định chẳng có sanh tử, chẳng có phiền não, tuyệt đối chẳng có nhân ngã, thị phi, đó tức là bạn đã chuyển trở lại. Khi thật sự chuyển xong, thì đời sống, công việc đều giống như bình thường chẳng thay đổi gì hết, chỉ có trong tâm thay đổi. Lúc trước là vì mình, hoặc vì gia đình, hoặc vì đoàn thể [của mình], hiện nay thì vì tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng khác gì với sự thị hiện của chư Phật, Bồ Tát. Như vậy thì gọi là siêu phàm nhập thánh, thật sự liễu sanh tử, xuất tam giới, nhập cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Chúng ta học Phật phải có thể khế nhập vào cảnh giới này thì mới là thành tựu rốt ráo. Muốn nói đến phương pháp dụng công, nói thật ra chính là 'nhìn thấu, buông xuống', thật sự nhìn thấu, thật sự buông xuống mới được. Đoạn kinh văn này pháp sư Thanh Liên chú giải tương đối phong phú, quý vị có thể tham khảo. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị mạng chung nhân vị đắc thọ sanh, tại thất thất nhật nội, niệm niệm chi gian vọng chư cốt nhục quyến thuộc, dữ tạo phước lực cứu bạt.

Khi người chết đó chưa được thọ sanh, trong bốn mươi chín ngày luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục quyến thuộc tu tạo phước lực để cứu vớt cho.

Đây là sự thật, khi còn sống thì không biết, chết đi gặp phải khổ nạn nên lúc bấy giờ không nơi nương tựa, đích thật là khổ sở, cô độc lẻ loi. Hy vọng duy nhất của họ là mong người nhà có thể làm phước cho họ, có thể siêu độ họ. Nhưng rất nhiều thân quyến chẳng hiểu đạo lý này, tùy thuận theo tập tục thế gian sát sanh tế lễ quỷ thần như nói ở trên, cầu tà đạo, 'võng lượng' tức là tà đạo, không những chẳng ích lợi mà còn hại thêm. Đây là vì người thế gian vô tri, chẳng có ai chỉ dẫn, chúng ta nói đến sự đáng thương, nói đến sự thê thảm thì không ai hơn họ, còn nặng nề hơn lúc họ chịu khổ nạn lớn lao khi còn sống, chẳng biết lớn hơn gấp bao nhiêu lần. Sự tội phước nói trong kinh đích thật chính là thập thiện, thập ác, chúng ta đừng nói quá cao, quá huyền diệu, chỉ đơn giản dùng ngũ giới, thập thiện để làm tiêu chuẩn. Phá giới tạo ác là tội nghiệp vô biên; trì giới tu phước, tu phước nghĩa là sốt sắng làm theo thập thiện, đây là điều căn bản lớn lao để làm người. Con người sau khi chết đi rồi, những người khác có thể nhờ cậy để giúp đỡ được, chẳng biết được mấy kẻ? Đặc biệt trong thời đại hiện tại, những thành phần trông cậy được càng ngày càng thấp, người trong xã hội hiện thời cho đó là mê tín. Chúng ta xem thử những người trẻ tuổi hiện nay, nếu không có người dạy dỗ họ đàng hoàng, thì sẽ còn ai tin nữa? Nói cách khác, sau khi chết đi và gặp những sự khổ nạn này thì bạn phải dựa vào ai để giúp bạn? Chẳng có ai giúp hết. Sự thật này là một vấn đề thiết thật đối với chúng ta, hơn nữa vừa nghĩ đến thì liền là việc ở trước mắt, rất gần với thời gian của chúng ta. Ở đây đức Phật dạy chúng ta, nhắc nhở chúng ta, thừa lúc thân thể hiện nay còn khoẻ mạnh, nhất định phải hết lòng, nỗ lực tu học, thì công đức, phước đức này mình được trọn. Đây là y cứ trong kinh điển cho việc cúng thất cho người chết.

Quá thị nhật hậu, tùy nghiệp thọ báo

Qua khỏi những ngày ấy rồi thì cứ theo nghiệp mà thọ báo.

'Thị nhật' tức là [thời gian trong khoảng] bảy thất, tức bốn mươi chín ngày. Phần nhiều thì trong vòng 49 ngày đều chuyển thế, đều không biết luân hồi đến cõi nào. Cũng có số ít người trong bảy thất này chưa đi đầu thai, thậm chí đến vài năm, vài chục năm cũng chưa đầu thai, cũng ở trong trạng thái Trung Ấm. Đây là những hạng người nào? Là người vô cùng chấp trước, họ không đi đầu thai. Người vô cùng chấp trước thân thể, chúng ta thường gọi là 'quỷ giữ thây ma', họ chẳng đi đầu thai, chẳng nỡ xa lìa thân thể. Hơn phân nửa loại quỷ này là gì? Họ ở trong mồ mả. Ngoài ra còn những người chẳng nỡ xả bỏ căn nhà của họ, họ cũng không đi đầu thai nên căn nhà ấy trở thành nhà có quỷ. Có trường hợp như vậy nhưng rất ít, phần nhiều đều tùy theo nghiệp mà đi thọ báo hết, chấp trước nhẹ thì đều tùy theo nghiệp mà đi thọ báo.

Nhược thị tội nhân, động kinh thiên bá tuế trung, vô giải thoát nhật.

Nếu là tội nhân thì phải trải qua trong trăm ngàn năm, không có ngày được giải thoát;

Thời gian chúng ta sống ở thế gian rất ngắn ngủi, rất ít người có thể sống đến một trăm tuổi, quá ít. Những tội nghiệp [bạn] tạo trong thời gian ngắn này quá đủ [cho bạn] chịu, khi bạn thọ báo thì 'trong trăm ngàn năm, chẳng có ngày thoát ra', bạn phải thọ quả báo này. Đây là nói về cái gì? Bạn ở cõi ngạ quỷ, cõi súc sanh, thọ báo trong cõi súc sanh đừng tưởng là thọ mạng của nó rất ngắn, súc sanh ngu si, chấp trước, nên rất khó thoát nổi thân hình của chúng. Trong kinh đức Phật đã từng nói, năm xưa có ổ kiến ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, đức Phật nói với mọi người ổ kiến đó trải qua bảy vị Phật ra đời, những con kiến trong đó còn chưa thoát thân loài kiến. Chẳng phải thọ mạng của loài kiến rất dài, sau khi nó chết đi lại đầu thai làm kiến trong ổ đó, vì nó chấp trước ổ kiến tức là nhà của nó, chấp trước thân hình ấy chính là nó, sau khi chết vẫn trở lại làm kiến. Thông thường chúng ta nói một vị Phật ra đời là ba A Tăng Kỳ kiếp, bảy vị Phật tức là hai mươi mốt A Tăng Kỳ kiếp, nó vẫn không thể thoát khỏi thân loài kiến, bạn nói như vậy chịu sao nổi! Thế nên đây là một chuyện rất dễ sợ.

Những chuyện ngu ngốc này, nói thật ra mỗi người trong chúng ta đều đã làm qua, chẳng phải chỉ làm một lần, vô lượng kiếp đến nay không biết đã làm bao nhiêu lần. Hiện nay trong đời này gặp được Phật pháp, được đọc kinh điển, nghe được lời khai thị của đức Phật, hiểu rõ rồi. Có phải đã hiểu thật sự rồi chăng? Hiểu thật sự thì từ hôm nay trở đi nhất định không làm việc ngu si này nữa. Nếu còn muốn tạo mười nghiệp ác, còn muốn huỷ phạm ngũ giới thì bạn cũng chưa hiểu rõ, bạn chưa hiểu thật sự. Người hiểu thật sự sẽ chẳng tạo nữa, trong đời này hạ quyết tâm vĩnh viễn thoát ly luân hồi. Không những nói thân thể đời này là thân sau cùng, trong lục đạo luân hồi đầu thai thành thân này là thân sau cùng, còn tiến thêm một bước lập tức biến thân này thành ứng hóa thân, chuyển đổi nghiệp báo của chúng ta thành sự thị hiện. Đây là sự học Phật của bạn thật sự đạt được công phu, bạn thật sự có thành tựu, bạn đạt được lợi ích viên mãn.

Năm xưa tiên sinh Phương Đông Mỹ nói "Học Phật là sự hưởng thọ tối cao trong đời người", có lẽ sự hưởng thọ tối cao đó còn chưa đạt đến cảnh giới cao tột này, đích thật ngay trong đời này chuyển phàm thành thánh. Thầy Lý thường dạy chúng ta phải "sửa đổi tâm lý", sửa đổi tâm phàm phu, tâm luân hồi của chúng ta thành tâm Bồ Tát, thành tâm Phật. Tâm luân hồi tức là mười nghiệp ác. Còn mười nghiệp thiện [tức là không làm mười nghiệp ác]; tâm Bồ Tát tức là tâm Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, dùng tâm Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác để hành Lục Độ Ba La Mật. Chư vị phải biết Thanh

Tịnh, Bình Đẳng, Giác và hành Lục Độ Ba La Mật tức là Phổ Hiền Mười Đại Nguyện Vương, đây chính là một chuyển biến to lớn. Câu tiếp theo:

Nhược thị Ngũ Vô Gián tội đọa đại địa ngục thiên kiếp, vạn kiếp vĩnh thọ chúng khổ.

Nếu là tội Ngũ Vô Gián thì phải đọa vào đại địa ngục, chịu những sự đau khổ trong ngàn kiếp, muôn kiếp.

Đây là sự thật, trong xã hội ngày nay tạo năm tội Vô Gián rất dễ dàng. Người thời cổ đều coi trọng giáo dục, tuy trường học chẳng nhiều, hình như giáo dục chẳng phát triển như hiện nay, đây là cái nhìn từ hình tướng của nhiều người, thật ra hình tướng cũng chẳng thấy rõ ràng. Người đời xưa coi trọng giáo dục hơn người bây giờ, người không biết chữ cũng coi trọng giáo dục, chẳng giống ngày nay, hiện nay nói thật ra có rất nhiều trường học, rất nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, [nhưng mọi người đều] bỏ quên giáo dục. Người xưa thường nghĩ đến tương lai, đều biết có đời sau nên thường nghĩ tưởng cho đời sau, biết phải tích đức, phải làm việc thiện. Người hiện nay không hiểu đạo lý này, hành động của người hiện đại tự tư tự lợi, chỉ nghĩ cho mình, chẳng nghĩ đến kẻ khác, cho nên hành vi đều là làm những việc lợi ích cho mình, tổn hại người khác, đây là tư tưởng của người hiện đại. Nhưng tổn hại người khác thật sự có đem lại lợi ích cho mình không? Lợi cho mình ở đây tức là ví dụ "liếm mật trên lưỡi dao" trong kinh Phật, cứ tưởng mình có được lợi ích, thật ra tự mình tạo nên năm tội Vô Gián. Lợi ích bạn có được trong đời này có thể hưởng được mấy ngày? Bạn có thể hưởng được những gì? Nói thật ra, một thứ gì cũng không hưởng được.

Bạn nói bạn được tiền tài, của cải, tiền tài này ở đâu? Trên thân một cắc cũng không có, những con số này rất trống rỗng, trừu tượng. Tài sản đất đai của bạn càng nhiều, chỗ bạn đứng đó chiếm diện tích không tới một bộ [vuông], cái giường bạn ngủ ban đêm cũng chỉ là cái giường sáu bộ (cỡ một mét tám) mà thôi, bạn đạt được cái gì? Những gì bạn đạt được chính là vô lượng vô biên tội nghiệp, bạn đạt được có bấy nhiêu thôi. Những tội nghiệp này tương lai sẽ phải đọa vào địa ngục Ngũ Vô Gián để thọ báo, việc bạn làm chính là như vậy. Chư vị hãy thử nghĩ xem như vậy đâu phải là giáo dục? Đó chính là tà thuyết, là hố lửa, là âm mưu, hiện nay chẳng phải là giáo dục, giáo dục hiện nay đã chẳng tồn tại nữa. Giáo dục thời xưa ở Trung Quốc dạy luân lý đạo đức, khi bạn hiểu rồi, có thể thực hiện thì sẽ chẳng mất phước báo nhân thiên, đời sau còn có thể hưởng thọ phước báo nhân thiên, tuyệt đối sẽ chẳng đọa địa ngục, đó mới là giáo dục. Giáo dục nhà Phật còn thù thắng hơn nữa, giúp bạn siêu việt lục đạo, thoát khỏi luân hồi, giúp bạn làm Phật, làm Bồ Tát. Làm Phật, làm Bồ Tát là khôi phục tánh đức viên mãn của mình, không gian sanh hoạt của chúng ta sẽ là tận hư không, trọn cả pháp giới, cả hư không pháp giới đều là chính mình, bạn sẽ thật sự đạt được. Nếu bạn không giác ngộ, thì một phân một hào bạn cũng chẳng đạt được, nếu bạn thật sự giác ngộ thì tận hư không, trọn khắp pháp giới bạn sẽ đạt được hoàn toàn, như vậy thì làm sao giống nhau được? Xin xem tiếp:

Phục thứ trưởng giả, như thị tội nghiệp chúng sanh, mạng chung chi hậu, quyến thuộc cốt nhục, vị tu doanh trai, tư trợ đạo nghiệp. Vị trai thực cánh, cập doanh trai chi thứ, mễ cam thái diệp bất khí ư địa, nãi chí chư thực vị hiến Phật Tăng, vật đắc tiên thực.

Lại nữa, này ông Trưởng Giả, sau khi những chúng sanh gây nghiệp tội như thế mạng chung, hàng cốt nhục quyến thuộc vì họ mà làm chay cúng dường để trợ

giúp nghiệp đạo, thì khi thức ăn chưa làm xong cùng trong lúc đang làm, chớ có đem nước gạo, lá rau đổ vung vãi nơi đất, cho đến các thứ đồ ăn chưa dâng cúng cho Phật và chư Tăng thì chẳng được ăn trước.

Đây là nói rõ thân quyến, người nhà tu phước cho người mất, nêu ra một thí dụ. Trong thí dụ này, chư vị nhất định phải hiểu tinh thần của nó là gì. Tại sao họ lại được phước? [Được phước hay không] đều ở hai chữ 'thành kính'. Nếu chẳng có tâm thành kính thì làm theo phương pháp này cũng chẳng đạt được. Chí thành cung kính, chẳng có gì khác, tâm thành kính là tánh đức, tâm thành kính là chánh giác. Do đó quý vị nên biết chẳng thành chẳng kính là tướng mê hoặc, đó là nghiệp chướng. Thành kính là giác ngộ, là tánh đức tỏ lộ, là Bát Nhã phóng quang. Ở đây nêu một thí dụ, nêu 'doanh trai', 'doanh' là kinh doanh (lo liệu, chuẩn bị), là doanh tạo (lo liệu, nấu nướng), tức là bạn 'biện trai 3[3]'. Đây là trong nhà Phật thường gọi là cúng ngọ, cúng bữa trưa, đó tức là 'doanh trai'. Doanh trai bạn phải chú ý 'vị trai thực cánh, cập doanh trai chi thứ', lúc bạn nấu những món ăn để cúng này, lúc cúng cơm phải có tâm cung kính. 'Mễ cam thái diệp bất khí ư địa', đây là vật đáng kính. Mễ cam là gì? Là nước vo gạo. Cơm này là dùng để cúng ngọ, cúng dường chư Phật, cúng dường quỷ thần, đối với các ngài có kính trọng như vậy. Việc cúng ngọ này chưa làm xong, nước vo gạo cũng không được tuỳ tiện đổ xuống đất, chân thành cung kính đến mức độ như vậy. Phải đợi đến lúc cúng ngọ xong thì mới xử lý những vật phế thải này. 'Mễ cam thái diệp' đều là những vật không còn dùng nữa, đây là việc rất ít người nấu thức ăn để cúng dường biết đến, những rau cải lặt xong bèn vứt bỏ, huống chi là nước vo gạo?

'Nãi chí chư thực vị hiến Phật Tăng vật đắc tiên thực', 'tiên thực' là gì? nếm thử mùi vị, trong nhà bếp bạn nấu nướng rồi nếm mùi vị. Đó là gì? Bạn ăn xong rồi mới cúng Phật, vậy là đại bất kính. Đây là lỗi nhiều người thường phạm, chẳng biết, chẳng hay, không thể làm như vậy được. Trên điểm này, người Trung Quốc chúng ta chẳng bằng người ngoại quốc, những đầu bếp ngoại quốc tuyệt đối chẳng thử mùi vị, tại sao? Đồ ăn chẳng có vị thì họ nếm cái gì? Đồ ăn ngoại quốc lạt và không có vị, chẳng có vị. Các chai nhỏ đựng vật liệu nấu ăn đều để trước mặt, bạn tự pha chế. Bạn đi ra ngoại quốc ăn đồ ăn, thức ăn đều là thức luộc, chẳng có mùi vị gì hết. Nhưng những chai đựng gia vị đều để ở một chỗ, bạn tự pha chế, tự nếm, như vậy rất có lý. Khẩu vị của mỗi người đều khác nhau, người kia muốn có mùi vị ngon, bạn phải chịu sự chi phối của họ, tự mình pha nếm mùi vị là quyền của tôi, tôi thích ăn vị nồng một chút hoặc lạt một chút, tôi có quyền. Người ta làm sẵn cho bạn thì bạn chẳng có cách gì để lựa chọn, chỉ còn cách là nghe lời sắp đặt của họ. Thế nên điểm này tôi cảm thấy ngoại quốc tốt hơn Trung Quốc. Những món cải của họ đều là cải luộc, dầu muối gì cũng chẳng có. Ở Trung Quốc thời xưa khi tế lễ cũng làm như vậy, cũng chẳng nêm mùi vị, đó thật sự là tâm cung kính. Yêu cầu đối với thức ăn thì phải hiểu đạo lý này.

Như hữu vi thực, cập bất tinh cần, thị mạng chung nhân, liễu bất đắc lực.

Nếu ăn trái phép và không được tinh sạch kỹ lưỡng, thì người chết đó trọn không được trợ lực nào cả.

Những sự cúng dường này của bạn, người mất chẳng được mảy may. 'Vi thực' là gì? Chưa cúng dường Phật, Tăng mà bạn ăn trước, bạn lấy đồ ăn thừa đem cho người

3[3] Trai có nghĩa gốc là trong sạch, thanh khiết, nên cơm chay được gọi là Trai vì không dùng đến huyết nhục tanh hôi, đồng thời hàm nghĩa dùng cái tâm thanh khiết, không bẩn đục vì phiền não mà chuẩn bị nên gọi là "biện trai", người ăn vô bằng cái tâm rỗng rang, không tham chấp để thọ dụng vật cúng dường thanh khiết nên gọi là "thọ trai"

khác, đừng nói đối với Phật, Bồ Tát, [chỉ riêng] đối với quỷ thần, đối với người ta đã là không cung kính rồi. Hoặc là 'bất tinh cần', tức là bạn không sốt sắng làm công việc này, chẳng có thành tâm, chẳng có tâm cung kính để làm công việc này, người chết ấy cũng sẽ chẳng đắc lực, chẳng nhận được sự giúp đỡ của bạn. Nếu chúng ta cúng ngọ (cúng Phật bữa trưa), nếu có vi phạm thì đó thật là có tội với Phật, Bồ Tát. Nhưng Phật, Bồ Tát đại từ, đại bi, dứt khoát sẽ chẳng trách bạn, [tuy] Phật, Bồ Tát không trách bạn, nhưng thần hộ pháp chán ghét bạn, thần hộ pháp là phàm phu, họ chẳng phải là Phật, Bồ Tát, người 'gây ra rắc rối' đều là thần hộ pháp. Nếu bạn làm rất đúng như pháp, rất cung kính thì thần hộ pháp cũng cung kính bạn; nếu bạn làm chẳng đúng như pháp thì thần hộ pháp chán bỏ bạn, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Lúc bình thường khi chúng ta giảng kinh chẳng phải chư vị cũng phải thông đạt tình lý, nhìn thấy người khác [không làm đúng như pháp] thì cũng đừng nói, nói ra thì mắc lỗi với người khác, ai chịu nghe bạn? Người thế gian đều là như vậy, họ cảm thấy họ chẳng làm sai, khi bạn muốn nói họ [làm sai], họ còn nói bạn nhiều chuyện, chúng ta gây xích mích với người ta làm chi! Giảng kinh là Phật trong kinh giảng, họ nghe xong chẳng có lời gì để nói. Là Phật nói, chẳng phải tôi nói, tôi chẳng có gây phiền phức gì cho bạn, Phật dạy chúng ta làm như vây. Thế nên chúng ta đọc kinh, nghe kinh phải nên giác ngộ, phải biết tự mình làm thế nào để cải tiến, cải tiến tức là tu hành, tu sửa hành vi sai lầm của chúng ta. Câu kế tiếp:

Như tinh cần hộ tịnh.

Nếu có thể kỹ lưỡng giữ gìn tinh sạch

Chúng ta dùng tâm chân thành, cung kính để làm, 'biện Trai' đúng như lý, như pháp, mỗi ngày lo việc ăn uống tức là 'biện Trai'. Ý nghĩa thật sự của 'Trai' tức là ăn một bữa giữa ngày, hiện nay chúng ta mỗi ngày ăn ba bữa, ba bữa còn không đủ, ban đêm còn ăn 'tiêu dạ' (bữa ăn khuya), còn ăn thêm mấy món điểm tâm, mỗi ngày ăn bảy, tám lần, nói thật ra như vậy là quá đáng. Nhưng nếu [bạn] chịu thật thà niệm Phật thì thần hộ pháp cũng tha thứ cho bạn, thần hộ pháp mắt nhắm, mắt mở, bạn chịu niệm Phật thì kể là khá lắm rồi. Nếu còn chẳng chịu niệm Phật nữa thì thần hộ pháp sẽ trừng phạt. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, tu hành đúng như lý như pháp, thật sự sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên tôn kính bạn. Đó là 'tinh cần hộ tịnh'.

Phụng hiến Phật, Tăng

Đem dâng cúng cho Phật và Tăng,

Chữ 'Tăng' ở đây, chư vị phải nhớ chẳng riêng chỉ người xuất gia, chữ này có nghĩa rộng, Tăng là chúng hòa hợp. Đệ tử Phật bất luận là tại gia, xuất gia, bốn người ở chung với nhau cùng tu, tuân giữ Lục Hòa Kính đều gọi là Tăng Chúng, gọi là Tăng Đoàn. Hiện nay phần đông người ta nghĩ đến Tăng đều là người xuất gia, ý nghĩa này hơi thiên lệch; tức là tôn kính người xuất gia, chẳng tôn kính người tại gia, chúng ta [nghĩ vậy là] sai rồi. Có nhiều người tại gia thật sự tu Lục Hòa Kính, chúng ta lại quên lãng, người xuất gia chưa chắc đã tu Lục Hòa Kính, như vậy cách hành xử của chúng ta bị lộn ngược. Do đó chữ 'Tăng' ở đây phải khẳng định là Tăng đoàn hòa hợp, bất luận là tại gia, xuất gia, những người chân chánh phát tâm tu hành, hiểu đạo lý đều gọi là 'Tăng'. Những danh xưng trong nhà Phật này chúng ta phải rõ ràng. Còn thân phận của người xuất gia, chỉ có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Sa Di, Sa Di Ni là người xuất gia. Những danh xưng Pháp Sư, Hòa Thượng, A Xà Lê đều chẳng phân biệt tại gia, xuất gia, thế nên người tại gia cũng có thể gọi là Hòa Thượng.

Danh từ 'Hòa Thượng' nghĩa là gì? Hòa Thượng là tiếng Phạn dịch âm, ý nghĩa là thân giáo sư, tức là ngày nay chúng ta gọi là thầy giáo, thầy trực tiếp dạy mình, cổ Ấn Độ gọi là Hòa Thượng. Nếu không trực tiếp dạy mình, giống như chúng ta ở trong một trường học, học trong trường, thầy giáo trong trường đó rất nhiều, có vài thầy dạy tôi, còn nhiều thầy khác chưa từng dạy tôi; họ đều là thầy giáo trong trường nhưng rất nhiều thầy chưa dạy tôi, chúng ta quen gọi họ là thầy giáo. Trong Phật pháp những thầy chưa từng dạy chúng ta được xưng là 'A Xà Lê', xưng là 'pháp sư'; những thầy trực tiếp dạy chúng ta thì xưng là 'hòa thượng', quan hệ với hòa thượng rất gần gũi. Phần lớn những vị trụ trì trong một số chùa xưng là hòa thượng, cũng giống như hiệu trưởng trong trường học, tuy hiệu trưởng chưa có dạy lớp của bạn nhưng cũng được coi là trực tiếp dạy bạn. Vì hiệu trưởng chủ trì đường lối giáo dục, xếp đặt khóa học, ông ấy mời một số thầy giáo đại diện cho ông để dạy bạn, trên thật tế thì ông ta cũng là thân giáo sư, ông phải chịu trách nhiệm giáo học. Những thầy giáo [đến lớp dạy học] chỉ là người chấp hành mà thôi, trong Phật pháp có thể gọi chung là A Xà Lê; trong số A Xà Lê này có người đến lớp tôi dạy, có người chưa dạy trong lớp tôi. Do đó tại gia, xuất gia, nam nữ, già trẻ gì cũng có thể dùng danh từ 'hòa thượng'. 'Pháp sư' cũng là danh từ chung, tại gia, xuất gia đều có thể dùng. Thuật ngữ 'Sa Môn' trong kinh Phật cũng là danh từ chung, tại gia, xuất gia đều có thể dùng. Nhưng hiện nay ở Trung Quốc theo thói quen những danh từ này đều chỉ người xuất gia, thật ra đều là danh từ chung. Chúng ta phải biết những việc này. 'Tinh cần hộ tịnh, phụng hiến Phật, Tăng'.

Thị mạng chung nhân thất phần hoạch nhất

Người chết hưởng được một phần trong bảy phần công đức.

Bảy phần công đức, người đó được một phần. Nếu chúng ta làm chẳng đúng như pháp thì một phần cũng chẳng đạt được. Do đó nhất định phải nuôi dưỡng tâm thành kính này lúc ngày thường, không chỉ khi chúng ta đối với Phật, Bồ Tát, đối với những người tu hành mà thôi, đối với hết thảy tất cả chúng sanh đều phải tu tâm thành kính, [được vậy thì] khi chúng ta làm sự việc này sẽ có công đức, hiệu quả rất lớn.

Thị cố trưởng giả, Diêm Phù chúng sanh nhược năng vị kỳ phụ mẫu nãi chí quyến thuộc, mạng chung chi hậu thiết trai cúng dường chí tâm cần khẩn, như thị chi nhân tồn vong hoạch lợi

Thế nên này ông Trưởng Giả, những chúng sanh trong cõi Diêm Phù, sau khi cha mẹ hay quyến thuộc qua đời, nếu có thể thiết trai cúng dường, chí tâm cầu khẩn, thì những người như thế, kẻ còn lẫn người mất đều được lợi ích."

'Tồn' [chỉ người sống], người sống được sáu phần bảy của sự lợi ích, người mất được một phần bảy, chúng ta phải hiểu rõ cả Lý lẫn Sự. Trên Sự, ở đây Bồ Tát chỉ nêu lên một việc, phương pháp tu phước cho người mất rất nhiều, chẳng nói hết. Ở đây chúng ta tổng kết một cương lãnh quan trọng, đó là 'thành kính', bất luận tu phước gì cũng phải 'tinh cần hộ tịnh', bốn chữ này quan trọng vô cùng! 'Tinh' là thuần chứ không tạp, 'tịnh' là thanh tịnh chẳng nhiễm. Cho nên dùng tiền phải dùng tịnh tài, đích thật là tiền tài mình đáng có được thì chúng ta bố thí mới có công đức, mới có hiệu quả. Nếu là tiền tài bất nghĩa, như câu "của người Bồ Tát, của mình lạt buộc" 4[4], như vậy

4[4] Nguyên văn 'khảng tha nhân chi khái', nghĩa là "của người" tức tài sản của người khác thì mình rộng rãi, còn tiền tài của mình thì giữ chặt khư khư, không chịu nhả ra, giống như dùng dây lạt để buộc (cột) thật chặt!

thì không được, vậy là chẳng tịnh, chẳng thanh tịnh, chẳng phải là tịnh tài, bạn dùng của cải như vậy thì sẽ chẳng được phước, phải hiểu rõ ràng, rành rẽ.

Thuyết thị ngữ thời, Đao Lợi thiên cung hữu thiên vạn ức na do tha Diêm Phù quỷ thần giai phát vô lượng Bồ Đề chi tâm.

Nói lời này xong, tại cung trời Đao Lợi có ngàn muôn ức na-do-tha quỷ thần ở cõi Diêm Phù Đề đều phát tâm Bồ Đề vô lượng.

Phước báo này của Địa Tạng Bồ Tát và Phổ Quảng Bồ Tát tu được rất lớn, lớn ở chỗ nào? Một người hỏi một người trả lời làm cho đại chúng nghe xong, có nhiều chúng sanh như vậy phát Bồ Đề tâm, công đức là ở chỗ này. Thế nên phía trước nói 'Thỉnh Tăng chuyển kinh', ý nghĩa của chữ 'Tăng' ở đây mọi người đều biết không nhất định là người xuất gia, người tại gia cũng được; thỉnh những pháp sư này giảng kinh, người tại gia hay xuất gia cũng được. Theo thói quen của đa số ở Trung Quốc, người tại gia giảng kinh nhất định phải thọ Bồ Tát giới thì phù hợp với lời nói của Phật trong kinh, chẳng phải là 'người Bạch Y' thuyết pháp, người Bạch Y chưa thọ giới. Người đã thọ Bồ Tát giới thì có thể đắp Mạn Y5[5], chẳng gọi là Bạch Y; chưa thọ Bồ Tát giới thì không được đắp Mạn Y. Hiện nay có rất nhiều địa phương nói thọ năm giới có thể đắp Mạn Y, như vậy là sai lầm, tuyệt đối không thể. Đã thọ Bồ Tát giới mới được đắp Mạn Y, mới là Tăng Đoàn, mới tính là Tăng Chúng. Thọ Bồ Tát giới, bạn thăng tòa giảng kinh thì sẽ chẳng bị người ta phê bình. Nhất định phải thọ Bồ Tát giới [mới được] đắp y, chúng ta phải ghi nhớ việc này, năm giới dứt khoát không thể đắp. Nhưng mặc áo tràng (áo hải thanh) thì không sao, áo tràng là lễ phục của người Trung Quốc thời xưa, ai cũng có thể mặc, bạn chưa quy y cũng có thể mặc, đây là áo thời xưa. Đây là lễ phục của các thư sinh thời xưa, lễ phục triều nhà Hán. Áo của người tại gia phần đông có thêu hoa, còn người xuất gia thì không có thêu hoa, màu trơn, khác nhau như vậy.

Đại Biện trưởng giả, tác lễ nhi thoái

Trưởng giả Đại Biện lễ chào rồi lui ra.

Chúng ta cũng lễ chào rồi lui ra.

Tập 28 (Số 14-12-28)

PHẨM THỨ 8: CÁC VUA DIÊM LA VÀ QUYẾN THUỘC TÁN THÁN

Xin mở cuốn Khoa Chú, quyển trung, trang số 91, hàng thứ hai đếm ngược lại, Diêm La Vương Chúng Tán Thán Phẩm đệ bát, xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Thiết Vi sơn nội, hữu vô lượng quỷ vương dữ Diêm La thiên tử câu nghệ Đao Lợi lai đáo Phật sở.

5[5] Mạn Y (tiếng Phạn là patta), là một loại y của Tăng sĩ, vải để nguyên khổ không cắt ra [may thành y] thì gọi là Mạn Y. Mạn Y dành cho Sa Di và người thọ giới Bồ Tát đắp.

Lúc đó, trong núi Thiết Vi có vô lượng Quỷ Vương cùng với Diêm La Thiên Tử đồng lên cung trời Đao Lợi, đến chỗ của Đức Phật.

Chúng ta coi trước đoạn này, bộ kinh này nói rất cặn kẽ về tình huống trong lục đạo. Tương truyền thế gian có mười điện Diêm Vương, đích thật có việc này. Lúc trước tôi ở Đài Bắc, tổng cán sự của Tổng Hội Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim, cư sĩ Giản Phong Văn nói với tôi, lúc ông tĩnh tọa, trong thiền định ông nhìn thấy rất nhiều lần, ông nói với tôi vua Diêm La trong cõi quỷ, thoạt nhìn thì ông này không cao lắm, đại khái chỉ cao ba bộ, nhìn thấy rất rõ ràng. Còn chúng sanh trong quỷ đạo, rất nhiều người đích thân tiếp xúc đến, đặc biệt là ở y viện, các bác sĩ, y tá trong nhà thương, họ rất tin những chuyện này vì rất nhiều người đã từng gặp qua. Ở Đài Bắc có một tổng y viện Vinh Dân, trước kia tôi có vài bạn đồng học phục vụ ở đó, họ nói với tôi họ đích thân từng trải qua. Họ nói nếu thấy Đại Quỷ Vô Thường xuất hiện ở trước cửa phòng bịnh, trong tập tục Trung Quốc họ gọi là Bạch Vô Thường, Hắc Vô Thường; nếu gặp được, nhìn thấy ở phòng nào, thì người bịnh ở phòng đó nhiều nhất là ba ngày sẽ mất. Cho nên chúng ta nói đến chuyện quỷ thần trong nhà Phật, hầu như họ đều tin tưởng, chẳng nghi ngờ gì hết. Chúng ta đối với lời dạy của đức Phật, trong kinh Đại Thừa đức Phật nói với chúng ta *'Như Lai là người nói lời chân thật, lời thật thà, chẳng vọng ngữ, chẳng nói dối'*, những gì được nói đều là chân tướng sự thật. Tuy là chân tướng sự thật, nhưng cũng không ra ngoài nguyên tắc này, những tướng này cũng không chân thật, cũng giống như cõi người chúng ta. Những hiện tượng hiện tiền của chúng ta cũng không chân thật, trong kinh nói *'Phàm những gì có tướng đều là hư vọng', 'Hết thảy pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, bóng'.* Nhưng những hiện tượng này tồn tại, có tướng không tánh, chẳng có tự tánh, cho nên nói nó không tịch. Nhưng những hiện tượng này, nếu bạn không hiểu rõ, không rành rẽ, bạn khởi phân biệt chấp trước trong ấy thì bạn phải chịu khổ nạn, đây là điều nhất định không thể tránh khỏi. Nếu bạn hiểu rõ, rành rẽ, đối với những hiện tượng này không khởi phân biệt, không khởi chấp trước thì những hiện tượng này sẽ không chướng ngại, giống như kinh Hoa Nghiêm có nói 'Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại', bạn sẽ được đại tự tại trong đời sống. Nghĩa thú chân chánh của lời Phật dạy là ở chỗ này.

'Nhĩ thời' là lúc giảng xong phẩm Lợi Ích Cho Kẻ Còn Người Mất. Vì phẩm trước giảng đối với người qua đời nên làm thế nào để kỷ niệm, giúp đỡ họ, làm thế nào để siêu độ họ, có lợi ích chân thật cho người mất, bất luận họ đọa lạc vào cõi nào cũng có lợi ích. Cho dù sanh đến cõi trời, cõi người hưởng phước, sự siêu bạt này cũng có thể tăng thêm phước báo của họ, trong ác đạo có thể giúp họ siêu sanh. Từ địa ngục có thể siêu sanh đến cõi ngạ quỷ, lợi ích này đã rất lớn rồi, nếu có thể siêu sanh đến cõi người, cõi trời, thì phước đức đó càng lớn. Thế nên quan hệ giữa các vua Diêm La và chuyện này rất mật thiết, họ nghe xong vô cùng cảm động, đến tán thán. 'Thiết Vi sơn nội' phía trước đã nói, đây là nơi người thế gian chúng ta nói chỗ của Âm Tào Địa Phủ. Núi Thiết Vi thật sự là ở đâu, con người chúng ta chẳng nhìn thấy, những chỗ Thiết Vi, Tu Di, biển lớn nói trong kinh đều là nơi mắt thịt chúng ta chẳng nhìn thấy. Vừa nghe hình như không thể nghĩ bàn, trên thực tế khoa học gia ngày nay đã chứng minh cho chúng ta, đây là vì thời gian, không gian khác nhau. Không gian chúng ta đang cư trú hiện nay gọi là không gian ba chiều. Khoa học gia đã phát hiện không gian bốn chiều, nhưng phần đông chúng ta vẫn không cảm nhận, tiếp xúc được. Còn những không gian có duy thứ cao hơn thì chẳng phải là chỗ phàm phu chúng ta có thể hiểu được. Thế nên trạng huống trong lục đạo chính là thời gian, không gian khác nhau [mà thôi].

Ở đây có 'vô lượng quỷ vương', những quỷ vương này đều dưới quyền cai quản của vua Diêm La. Họ đều đến cung trời Đao Lợi, 'lai đáo Phật sở', đây là cùng Địa

Tạng Bồ Tát đến để tham dự pháp hội này. Từ chỗ này chúng ta có thể hiểu được đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hội ở cung trời Đao Lợi này, đây là hội cuối cùng, pháp hội cuối cùng trước khi ngài nhập niết bàn. Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, pháp hội lần thứ nhất là ở Bồ Đề Trường, trong thiền định, tức là pháp hội Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm được giảng trong định, phàm phu chúng ta chỉ thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở dưới cây Bồ Đề tĩnh tọa, chẳng biết ngài ở nơi đó khai diễn pháp hội lớn, trang nghiêm như vậy. Hội cuối cùng ở cung trời Đao Lợi, hội này cũng thù thắng vô cùng, trạng huống thù thắng nói thật ra chẳng thua hội kinh Hoa Nghiêm, chúng ta nhìn thấy trong phẩm tựa mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đều đến tham dự; bạn nghĩ xem hội này lớn biết mấy, đây cũng là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Họ đến chỗ của Phật. Sau đây nêu lên danh xưng của các vị quỷ vương, tổng cộng nêu lên ba mươi bốn vị:

Sở vị Ác Độc Quỷ Vương, Đa Ác Quỷ Vương, Đại Tranh Quỷ Vương, Bạch Hổ Quỷ Vương, Huyết Hổ Quỷ Vương, Xích Hổ Quỷ Vương, Tán Ương Quỷ Vương, Phi Thân Quỷ Vương, Điển Quang Quỷ Vương, Lang Nha Quỷ Vương, Thiên Nhãn Quỷ Vương, Đạm Thú Quỷ Vương, Phụ Thạch Quỷ Vương, Chủ Hao Quỷ Vương, Chủ Họa Quỷ Vương, Chủ Thực Quỷ Vương, Chủ Tài Quỷ Vương, Chủ Súc Quỷ Vương, Chủ Cầm Quỷ Vương, Chủ Thú Quỷ Vương, Chủ Mỵ Quỷ Vương, Chủ Sản Quỷ Vương, Chủ Mạng Quỷ Vương, Chủ Tật Quỷ Vương, Chủ Hiểm Quỷ Vương, Tam Mục Quỷ Vương, Tứ Mục Quỷ Vương, Ngũ Mục Quỷ Vương, Kỳ Lợi Thất Vương, Đại Kỳ Lợi Thất Vương, Kỳ Lợi Xoa Vương, Đại Kỳ Lợi Xoa Vương, A Na Tra Vương, Đại A Na Tra Vương.

Đó là: Ác Độc Quỷ Vương, Đa Ác Quỷ Vương, Đại Tranh Quỷ Vương, Bạch Hổ Quỷ Vương, Huyết Hổ Quỷ Vương, Xích Hổ Quỷ Vương, Tán Ương Quỷ Vương, Phi Thân Quỷ Vương, Điển Quang Quỷ Vương, Lang Nha Quỷ Vương, Thiên Nhãn Quỷ Vương, Đạm Thú Quỷ Vương, Phụ Thạch Quỷ Vương, Chủ Hao Quỷ Vương, Chủ Họa Quỷ Vương, Chủ Thực Quỷ Vương, Chủ Tài Quỷ Vương, Chủ Súc Quỷ Vương, Chủ Cầm Quỷ Vương, Chủ Thú Quỷ Vương, Chủ Mỵ Quỷ Vương, Chủ Sản Quỷ Vương, Chủ Mạng Quỷ Vương, Chủ Tật Quỷ Vương, Chủ Hiểm Quỷ Vương, Tam Mục Quỷ Vương, Tứ Mục Quỷ Vương, Ngũ Mục Quỷ Vương, Kỳ Lợi Thất Vương, Đại Kỳ Lợi Thất Vương, Kỳ Lợi Xoa Vương, Đại Kỳ Lợi Xoa Vương, A Na Tra Vương, Đại A Na Tra Vương.

Tổng cộng nêu ra ba mươi bốn vị, đây chỉ là nói sơ lược. Ba mươi bốn quỷ vương này, chư vị phải biết đó là ba mươi bốn loại, số lượng trong mỗi loại chẳng biết là bao nhiêu. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy những tạp thần chúng vậy, số lượng trong mỗi loại trong kinh Hoa Nghiêm đều nói 'vô lượng', ở đây cũng vậy. Trong các loại quỷ vương, đặt Ác Độc Quỷ Vương đầu tiên, trong chú giải cũng nói rất rõ ràng 'Ác Độc là thủ lãnh của các quỷ vương nên được đặt đầu tiên', đây là thủ lãnh của hết thảy quỷ vương. Ý nghĩa tượng trưng ở đây là 'thập ác tam độc, vừa ác vừa độc', danh xưng được lập từ đây. Những vị này có thể tham dự pháp hội của đức Phật nhất định chẳng phải thật là ngạ quỷ đạo, thật sự chúng sanh trong cõi ngạ quỷ chẳng có phước đức lớn như vậy để tham dự pháp hội nơi cung trời Đao Lợi. Những vị này giống như các vị trong hội kinh Hoa Nghiêm, đều là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ ứng hóa, như câu 'Nên dùng thân quỷ thần để độ được thì hiện thân quỷ thần để độ'. Phương pháp độ chúng sanh cũng chẳng giống nhau, nên dùng phương pháp ác độc để độ thì ngài sẽ dùng phương pháp ác độc. Thế nên đức Phật giáo hóa chúng sanh có hai môn: chiết phục và nhiếp thọ; thật ra người thế gian chúng ta thường nói thi ân

và ra oai, cũng cùng một đạo lý, hoàn toàn phải coi căn tánh của chúng sanh. Chúng ta không thể dùng phương pháp giáo hóa sai lầm, lúc cần dùng oai thì phải dùng oai, lúc nên dùng lòng từ nhiếp thọ thì phải dùng lòng từ. Trong kinh Phật gọi là 'ái ngữ', ái ngữ không nhất định phải là lời nói dễ nghe, mà là gì? Thật sự là lời nói thương mến bảo hộ chúng sanh, khi bạn trách móc, dạy dỗ, chửi mắng, bạn thật sự thương mến bảo hộ, bạn trừng phạt kẻ ấy cũng là thương mến bảo hộ kẻ ấy. Lục đạo chúng sanh tạo tác những tội nghiệp này, làm sao mới tiêu trừ được? Phải dùng những phương pháp ác độc này để tiêu trừ nghiệp chướng của họ, Bồ Tát thị hiện trong cõi quỷ, cõi địa ngục cũng là đại từ đại bi, giúp đỡ những chúng sanh tạo nghiệp này nhanh chóng tiêu trừ nghiệp chướng.

Trong chú giải, Thanh Liên pháp sư nói rất rõ ràng, ngài nói ở hàng cuối: 'Những vị quỷ vương đó đều là những Bồ Tát không thể nghĩ bàn, đại quyền ứng hóa, dùng ác công phá ác, dùng độc đối trị độc'. Thiên Thai đại sư giảng kinh Pháp Hoa, giảng đến tánh ác và tu ác; Thanh Liên pháp sư là học giả Thiên Thai nên ở trong chú giải ngài dùng giáo nghĩa Thiên Thai rất nhiều; đây tức là dùng độc công phá độc, dùng phương pháp này. Giáo học nhà Nho nói với chúng ta một người thầy tốt, người thầy dạy dỗ học sinh khéo léo nhất định phải hiểu cơ hội giáo dục, trong Phật pháp gọi là khế cơ, khế cơ nhất định phải nhận biết [thời] 'cơ', phải vận dụng khéo léo 'thời cơ' này. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy người học chân chánh chỉ thấy có một mình ta là học trò thôi, ngoài chính mình ra chẳng có ai không phải là thiện tri thức, chẳng có ai không phải là Phật, Bồ Tát cả. Nhà Nho dạy người ta 'Trong ba người cùng đi, phải có một người là thầy mình', ba người này: một là mình, thứ hai là người nói thiện, thứ ba là người nói ác. Ác Độc quỷ vương ở đây đại biểu cho người ác, họ đều là thầy của mình. Sự thị hiện của họ làm cho chúng ta hiểu về thiện ác, làm cho chúng ta biết dứt ác, tu thiện, hiểu rõ thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo, làm mọi thứ thị hiện để giáo hóa chúng sanh. Thế nên trong năm mươi ba lần tham vấn, chúng ta thấy Thắng Nhiệt Bà La Môn, Cam Lộ Hỏa Vương rất rõ ràng, đặc biệt là phương pháp dạy dỗ chúng sanh của Cam Lộ Hỏa Vương, đó chính là [phương pháp] ác độc.

Vị thứ hai là 'Đa Ác Quỷ Vương', đích thật là như vậy, nhưng tâm địa vô cùng từ bi. Dùng phương pháp [ác độc] để chiết phục chúng sanh, làm cho họ quay đầu hướng thiện. Căn tánh chúng sanh chẳng tương đồng, thủ đoạn giáo hóa của Bồ Tát chẳng giống nhau. Từ trong đó chúng ta giác ngộ, tỉnh ngộ thì đó là đại thiện tri thức. Do đó trong hết thảy cảnh duyên, chúng ta dùng tâm chân thành tiếp xúc, dùng tâm cung kính tiếp xúc, tổ Ấn Quang dạy *'Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích'*. Họ thị hiện như thế nào, chúng ta học tập như thế nào? Trong ấy đạt được đại lợi ích, trong ấy sanh trí huệ chân thật.

Thứ ba 'Đại Tranh Quỷ Vương', 'Tranh' tức là đấu tranh. Thế Tôn nói với chúng ta, trong thời đại hiện nay, năm lần năm trăm năm sau [khi đức Phật nhập niết bàn] là thời đấu tranh kiên cố, bất luận là y theo sự tính toán của người Trung Quốc hoặc của người Tây phương, đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay đã hơn năm lần năm trăm năm. Năm lần năm trăm năm tức là hai ngàn năm trăm năm, bất luận là dùng cách tính nào, thời đại hiện nay đều là thời đại đấu tranh kiên cố. Nếu bạn hỏi có đạo tràng nào không đấu tranh, đó thật là rất kỳ lạ, vậy thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni không phải nói sai rồi sao? Do đó chúng ta thấy trong thế gian hiện nay đấu tranh, trong cửa Phật cũng đấu tranh, chẳng có lúc nào, chỗ nào không có đấu tranh. Có bao nhiêu người từ trong sự đấu tranh có thể giác ngộ, tỉnh ngộ, thật sự giác ngộ thì sẽ tu nhẫn nhịn, họ có thể tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, có thể thành tựu Thiền Định Ba La Mật. Đấu tranh đến cuối cùng thì mọi người tỉnh ngộ trở lại, đấu tranh chẳng phải là biện

pháp, đấu tranh quá khổ. Nhưng nếu không trải qua sự đấu tranh đau khổ như vậy thì họ sẽ chẳng giác ngộ, khi bạn nói Phật pháp, thiện pháp với họ, họ sẽ chẳng nghe được. Những người này, những chuyện này chúng ta đều đích thân thể nghiệm rồi, không trải qua những giai đoạn này không được, [phải trải qua] thì họ mới quay về. Do đó Phật, Bồ Tát bèn thị hiện cảnh giới này, làm cho bạn nếm hết sự khổ thì bạn mới quay đầu trở lại được.

Ba vị thứ tư, năm, sáu này 'Bạch Hổ, Huyết Hổ, Xích Hổ Quỷ Vương', ba loại này chúng ta đều gọi là lão hổ, quỷ vương có đầu hổ thân người. Hổ là mãnh thú, đó là 'mãnh mà có oai, mạn mà nhiều bạo lực', kiêu mạn, bạo lực. Phần đông các quỷ vương đều ở trong cõi người tu hành có phước báo, càng là quỷ vương lớn thì phước báo càng lớn. Tại sao tu phước lớn mà lại rơi vào cõi quỷ? Trong kinh luận đức Phật dạy chúng ta về nghiệp nhân quả báo của mười pháp giới, [sanh vào] cõi quỷ là vì tâm tham, cõi địa ngục là vì tâm sân giận, ngạo mạn là một loại sân khuể. Cho nên khi bạn tu phước báo to lớn, nếu không đoạn dứt tham và sân giận thì quả báo tương lai sẽ làm quỷ vương. Quỷ vương của cõi ngạ quỷ, của cõi địa ngục, sẽ sanh làm những vị này.

Thứ bảy 'Tán Ương Quỷ Vương', 'Ương' tức là tai ương, người hiện đại chúng ta gọi là các loại ôn dịch. Người thế gian tạo ra tội nghiệp cực nặng, quỷ thần nơi đó trước hết tạo ra rất nhiều tai biến, những việc này đều là cảm ứng. Họ khởi tâm động niệm chẳng cảm ứng đến thiên thần, cảm ứng đến Phật, Bồ Tát, mà cảm ứng đến yêu ma quỷ quái, bạn coi như vậy thì làm sao được! Nếu nói cảm ứng đạo giao với thiên thần thì đó là thập thiện nghiệp đạo, tứ vô lượng tâm. Trong buổi giảng chúng ta dùng phương pháp khoa học hiện đại để nói, những làn sóng tư tưởng khi chúng ta khởi tâm động niệm còn nhanh hơn làn sóng điện; sóng điện, sóng ánh sáng chẳng thể sánh bằng làn sóng tư tưởng của chúng ta. Khi chúng ta khởi tâm động niệm, một niệm này vừa khơi dậy thì liền biến trọn hư không pháp giới; nói thật ra tốc độ của sóng điện và sóng ánh sáng còn rất có hạn, một giây chỉ đi được ba mươi vạn kilo mét, chẳng nhanh lắm. Còn một niệm của chúng ta vừa khởi lên, trong sát na liền biến trọn pháp giới, nên mới có thể khởi cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Chúng ta khởi lên một niệm gì? Khởi lên một niệm tham, sân, si, mạn, tự tư tự lợi, hại người lợi mình. Một niệm này cảm ứng đến ai? Cảm ứng đến ngạ quỷ, địa ngục, một niệm này vừa khởi lên thì những quỷ thần này liền đến. Họ đến chẳng đem đến chuyện tốt cho bạn, mà đem đến tai nạn vô cùng.

Chúng ta coi tên của những quỷ vương này có thể hiểu được, những tai biến trên thế gian hiện nay của chúng ta, những hiện tượng chẳng bình thường, tại sao trước kia chẳng có? Những gì chúng ta thấy trong lịch sử, người đời trước khởi tâm động niệm đều nhân từ, đôn hậu, tuy cũng có những người có tâm hại người lợi mình nhưng chỉ là số ít trong xã hội, phần lớn người ta đều có tâm nhân từ, đôn hậu, đều an phận mình. Nói cách khác cảm ứng với thiên thần thì nhiều, cảm ứng với quỷ thần thì ít. Thế nên hiện tượng đó là quốc thái dân an, xã hội an định, nhân dân đều có thể an cư lạc nghiệp.

Tâm người thời nay khác với thời xưa, tâm người thời đại này nhiều ác niệm, cảm ứng với quỷ thần nhiều, cảm ứng với thiên thần ít, quá ít, đây là nguyên nhân chư Phật, Bồ Tát không thể cứu vớt, đều quy về những nghiệp chúng ta đã tạo. Đức Phật nói trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, chúng ta hiểu được đạo lý này, trong thời đại này chúng ta hiểu rõ, chúng ta rành rẽ thì nhất định phải đoạn dứt ác, phải tu thiện, không thể nhìn thấy người ta tạo ác [rồi nói] hình như chẳng có quả báo. Nếu bạn rất bình tĩnh, lắng lòng quan sát thì bạn sẽ cảm thấy quả báo vô cùng dễ sợ. Không những quả báo đáng sợ, hoa báo cũng đáng sợ. Cho nên Tán Ương Quỷ Vương cảnh tỉnh chúng ta, cảnh cáo, cảnh giác chúng ta, hiện tượng này tức là các loại tai biến. Phàm hết thảy

những hiện tượng không bình thường, trong bản Chú Giải có nêu 'Đông Nhạc Kinh', Đông Nhạc Kinh là kinh của Đạo Giáo, nói: 'Chúng sanh trong thế gian chẳng tin nhân duyên thiện ác quả báo, chẳng kính thiên địa, chẳng hiếu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính sư trưởng, hiếp đáp thần lý, lưng quay ra trước, mặt quay ra sau, miệng nói có nhưng tâm không', tạo những nghiệp này. Đây chính là hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện nay. Do đó những quỷ vương này hoành hành chẳng ai ngăn cản, họ cảm ứng với nghiệp lực của những chúng sanh nói trên.

'Phi Thân Quỷ Vương' đây là một loại phi hành Dạ Xoa. 'Điện Quang Quỷ Vương' mắt giống như điện chớp, hình dáng vô cùng hung ác, vừa nhìn thấy liền sợ hãi. 'Lang Nha Quỷ Vương', răng của họ giống như chó sói vậy. 'Thiên Nhãn Quỷ Vương', trong chú giải Thanh Liên pháp sư giải thích rất thú vị: Quán Thế Âm Bồ Tát thiên thủ thiên nhãn, thiên nhãn của ngài ở trên tay, còn thiên nhãn của quỷ vương này không biết ở đâu? Cũng không nhất định là có thiên nhãn. Giống như thiên thủ thiên nhãn của Quán Thế Âm Bồ Tát là tiêu biểu pháp, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Nhãn quang của ngài vô cùng bén nhạy, vật cực kỳ nhỏ bé ngài cũng có thể quán sát rõ ràng, cho nên gọi là thiên nhãn. 'Đạm Thú Quỷ Vương' chuyên môn ăn những động vật nhỏ, [giống như câu nói kẻ] mạnh ăn hiếp yếu, chúng ta thấy sư tử, hổ báo đều thuộc loại này. Những quỷ vương này thị hiện trên thế gian ắt cũng dùng thân của sư tử, hổ báo, chuyên môn ăn những loài súc sanh, nó phải thọ các nghiệp báo này. Những súc sanh này trong đời quá khứ cũng tạo ác nghiệp trong cõi người nên mới đọa vào loài súc sanh, trong cõi súc sanh chúng còn nghiệp dư, phải chịu quỷ vương sát hại; những quỷ vương này hại chúng, đây cũng là quả báo của chúng. Kinh Phật nói về chúng sanh trong lục đạo, chịu tam đồ khổ báo; tam đồ, súc sanh tức là huyết đồ. Súc sanh rất ít khi chết tốt lành, đều là ăn nuốt lẫn nhau, đều là đổ máu mà chết, cho nên 'huyết đồ' là súc sanh. 'Đao đồ' là ngạ quỷ, đao là ví dụ, giống như có người cầm dao lúc nào cũng muốn giết họ, họ rất sợ hãi; quỷ sợ hãi, sống trong sự lo sợ, thân tâm chẳng yên ổn, đây là trạng huống của phần lớn cõi ngạ quỷ. Địa ngục gọi là 'Hỏa đồ', địa ngục Hàn Băng cũng là một màn lửa, địa ngục chẳng xa lìa lửa, đó gọi là Tam Đồ.

'Phụ Thạch Quỷ Vương' tức là những quỷ vác gạch, vác cát, lấp sông, lấp biển. Quỷ vương chuyên môn bắt những tiểu quỷ này, dùng những tiểu quỷ này để lấp sông lấp biển, đặc biệt là những lúc nước sông tràn ngập, lụt lội, đê gần bị vỡ, những quỷ vương này bèn bắt những tiểu quỷ lấp những lỗ vỡ trên đê. Đương nhiên họ tìm được đều là những kẻ tạo nghiệp báo này, nếu bạn chẳng tạo nghiệp này thì bạn chẳng nhìn thấy những quỷ vương này, cũng chẳng gặp họ. Phàm những gì bạn gặp thì đó là nghiệp hoặc của bạn. Đừng nói là gặp, nếu chẳng có nghiệp này thì ngay cả nằm mộng bạn cũng chẳng thấy. Nhưng dưới một trạng huống nào đó bạn có thể nhìn thấy, [ví như] trong định, trong định có thể thấy thì đó chẳng phải là nghiệp lực. Nếu chẳng phải là trong định nhìn thấy những quỷ thần này thì nhất định có liên quan đến nghiệp lực của mình.

Thứ mười bốn, mười lăm 'Chủ Hao Quỷ Vương, Chủ Họa Quỷ Vương', hai loại này khá gần gũi. 'Hao' nghĩa là tổn hao, tổn hao của cải. 'Họa' là tai họa. Trong chú giải có nêu vài câu trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, những câu này đều là thật. 'Thiên địa có Tư Quá thần' (thần cai quản việc lỗi lầm), 'Ty' là cai quản, điều tra, ghi chép, đích thật là có việc này. Trong đó có thiên thần, có quỷ thần, 'địa' tức là nói quỷ thần; thiên thần, quỷ thần thường đến nhân gian điều tra, quan sát. Y nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán (Dựa theo con người phạm tội nặng hay nhẹ mà định đoạt số mạng người ấy); 'toán' tức là 'số', thọ mạng là số, phước lộc bạn hưởng trong đời cũng là 'số', do đó khi bạn thật sự hiểu rõ, thông suốt thì đích thật như sách đã nói

‘Một miếng ăn, miếng uống đều đã định sẵn’. Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói rất thấu đáo, có Lý có Sự, những sự nhân quả báo ứng nói trong Liễu Phàm Tứ Huấn còn rõ ràng hơn Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên chỉ nói về một số điều mục, phân tích đạo lý còn Liễu Phàm Tứ Huấn nói rõ ràng hơn, bạn có thể coi cả hai rồi so sánh. Chúng ta sẽ hiểu trong đời này, người thế gian nói bạn có bao nhiêu của cải đều đã định sẵn trong vận mạng của bạn; nếu trong vận mạng chẳng có thì dù bạn dùng hết mọi cách cũng chẳng đạt được; những gì trong mạng có thì bạn không cần phải mong cầu, đúng lúc thì nó sẽ tự nhiên mang đến. Thế nên người xưa nói *‘quân tử vui làm người quân tử, tiểu nhân oan uổng làm người tiểu nhân’*, quân tử hiểu đạo lý này nên chẳng mong cầu gì cả. Trong mạng có sẵn thì một phần cũng chẳng thiếu, hà tất phải mong cầu?

Ông Viên Liễu Phàm được Vân Cốc thiền sư khai thị một phen xong, nên ông đã giác ngộ, buông bỏ hết thảy, mỗi ngày tịnh tọa, dưỡng thân tâm của mình, chẳng có một vọng niệm. Vân Cốc thiền sư rất khâm phục ông, ông ngồi suốt ba ngày ba đêm trong thiền đường chẳng có một vọng niệm. Thiền sư khen ngợi ông, nói công phu của ông rất khá. Ông Liễu Phàm nói lý do ông không khởi vọng niệm vì ông biết khởi vọng niệm chẳng làm được gì, chẳng ích gì, nên ông không khởi vọng niệm nữa. Vận mạng của ông đã được Khổng tiên sinh đoán chẳng sai mảy may, mỗi năm đi thi, thi đậu hạng mấy đều đoán trúng, mỗi năm được bao nhiêu tiền lương cũng đoán không sai, thế nên ông tin tưởng [vận mạng an bày] chẳng khởi vọng tưởng nữa. Sau khi nói rõ nguyên nhân, Vân Cốc thiền sư cười ông và nói: “Tôi cứ tưởng ông là thánh nhân, nhưng ông thật ra vẫn là phàm phu”, đúng là một phàm phu tiêu chuẩn. Sau đó Vân Cốc thiền sư dạy ông [phương pháp] sửa đổi vận mạng, mỗi một miếng ăn, miếng uống của ông đều do đời trước định sẵn. Làm thế nào định? Đều do chính mình tạo ra, ông đã học được đạo lý này nơi Vân Cốc thiền sư.

Của cải giàu có trong mạng của bạn từ đâu đến? Là từ bố thí tài vật mà có. Đời quá khứ bố thí tài vật nhiều thì đời này bạn được của cải rất nhiều, nếu bạn bố thí ít thì bạn được ít. Cho dù trong đời này dùng những thủ đoạn không chính đáng để đạt được thì cũng là những gì có sẵn trong vận mạng của bạn. Nếu trong mạng bạn chẳng có thì dùng thủ đoạn gì bạn cũng chẳng đạt được, vậy thì bạn cưỡng cầu làm chi? Dùng thủ đoạn không chánh đáng để hiện nay phát tài, thí dụ của cải trong mạng của bạn có thể dùng tám mươi năm, bạn có 80 năm mạng lộc, khi bạn dùng thủ đoạn không chính đáng liền phát tài tức khắc, đây là hoạnh tài, thí dụ khi bạn 40 tuổi thì đạt được hết những của cải trong 40 năm sau của bạn, phía sau chẳng còn nữa. Nếu bạn đạt được như vậy, khi hưởng dùng hết thì thọ mạng của bạn cũng sẽ hết luôn. Đây là như ngạn ngữ có nói ‘lộc tận người mất’. Bạn vốn còn thọ mạng, tuổi thọ vẫn còn nhưng lộc đã hết, bạn đã hưởng hết lộc thì phước của bạn cũng hết, đây là một loại. Còn có một loại người khác, họ rất tiếc phước, cũng chịu tu phước, khi thọ mạng của họ đã hết, thọ mạng hết nhưng phước của họ vẫn còn dư, trong trường hợp này thì họ sẽ kéo dài tuổi thọ. Thí dụ nói họ có phước lộc 60 năm, nhưng trong 60 năm này họ chẳng hưởng hết, vẫn còn phước dư nên tuổi thọ của họ có thể sẽ kéo dài mười năm, hai mươi năm, hưởng hết họ mới ra đi. Chúng ta phải biết đạo lý này, phải hiểu những chân tướng sự thật này.

Do đó nếu bạn muốn giàu có thì phải tu bố thí tài vật, càng bố thí thì càng được nhiều; nếu bạn muốn thông minh trí huệ thì phải tu bố thí pháp; nếu bạn muốn khoẻ mạnh sống lâu thì phải tu bố thí vô úy. Quả báo bạn muốn có, quả ắt phải có nhân, nếu không tu nhân thì làm sao có quả báo? Do đó người thế gian chẳng hiểu đạo lý này, tạo hết thảy tội nghiệp, cướp đoạt tài sản của người khác làm của mình, thủ đoạn phương pháp cướp đoạt nhiều vô lượng vô biên, đều làm tổn người lợi mình, cứ cho rằng mình

thông minh, tài giỏi, thật ra thì hoàn toàn tính sai cả! Đâu biết rằng thiên địa quỷ thần nhìn thấy rõ ràng. Làm ác thì ắt giảm phước, tổn thọ, đây chính là những vị Chủ Hao, Chủ Họa quỷ thần. Đây tức là như đoạn sau có nói: 'Dựa theo con người phạm tội nặng hay nhẹ mà định đoạt số mạng người ấy. Số mạng bị kém đi thì nghèo cùng, hao tổn, gặp nhiều chuyện lo lắng, hoạn nạn, ai cũng ghét bỏ, mắc phải tai ương tù tội, sự vui sướng, tốt lành tránh xa, thường gặp vận xấu'6[6]. Những chuyện nói trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên chính là những chuyện này.

Vị thứ mười sáu 'Chủ Thực Quỷ Vương', tập tục trong dân gian gọi là Thần Ngũ Cốc, hay là phần nhiều gọi là Táo Thần (ông Táo, thần bếp) chính là vị này, chuyên môn cai quản việc ăn uống trong dân gian, ông chuyên cai quản việc này. Cũng thuộc về những gì mà phần đông chúng ta gọi là phước báo, phước báo này nặng về việc ăn uống, đây là việc trong đời sống hằng ngày bất cứ người nào cũng chẳng thiếu. Sự ăn uống trong nhà Phật có lễ tiết. Trước khi ăn phải dùng tâm thanh tịnh, cung kính để cúng dường, đây là sự chí kính đối với loại quỷ thần, hy vọng họ có thể gia trì, bảo hựu. Nếu chúng ta ăn uống chẳng điều độ, chẳng biết lễ tiết thì những vị Chủ Thực Thần này sẽ chẳng hoan hỷ. Nếu lại chà đạp lương thực thì tội lỗi này rất nặng. Phải biết trên thế gian này có rất nhiều địa phương bị đói khát, chúng ta có đồ ăn uống, có nghĩ đến những người bị đói khát hay không? Nếu mỗi khi ăn uống đều có thể nghĩ đến thì đó là tâm từ bi tỏ lộ, đây tức là tích lũy công đức. Có tâm niệm này rồi, khi gặp những tai nạn này thì bạn nhất định sẽ cứu giúp, giúp đỡ, đừng coi thường chuyện này. Thánh hiền thế gian và xuất thế gian đều nói với chúng ta, dạy chúng ta phải ngăn chặn sai lầm ngay từ đầu mới có thể tránh khỏi hết thảy tai họa. Vi tiệm, vi là nhỏ nhiệm, tiệm nghĩa là chậm chạp, những việc nhỏ này mà bạn chẳng phòng bị thì dần dần sẽ biến thành tai họa lớn. Cho nên phải giữ tiểu lễ, phải phòng ngừa những lỗi nhỏ, nếu không phòng ngừa lỗi lầm nhỏ thì dần dần sẽ biến thành tai họa lớn, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Cổ thánh tiền hiền nói về chữ 'vi' (tinh tế, mầu nhiệm, nhỏ, ẩn dấu), 'vi' nghĩa là khởi tâm động niệm, phải phòng ngừa từ chỗ này. Phàm những chuyện không lợi cho chúng sanh, chẳng lợi cho xã hội, thì một niệm (niệm đầu) ấy không được khởi, nếu khởi một niệm ấy thì tuyệt đối sẽ có hại cho mình. Niệm niệm đều có thể vì chúng sanh, vì xã hội thì nhất định sẽ có lợi ích.

Tuy trước mắt bạn chẳng nhìn thấy sự lợi ích này, quỷ thần đã nhìn thấy rất rõ ràng, đã ghi chép rất rành rẽ, tích tiểu thiện sẽ thành đại thiện, tích tiểu công thì thành đại công, tích lũy càng sâu dầy, tích lũy càng nhiều thì ngay đời này sẽ thọ báo, chẳng cần đợi đến đời sau. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn chúng ta thấy, sau khi ông Viên Liễu Phàm hiểu rõ đạo lý, cả nhà đều tu tích công đức, ông được quả báo ngay hiện đời. Trong mạng ông chẳng có công danh, công danh lúc trước tức là thi đậu học vị tiến sĩ, học vị cao nhất này trong mạng ông vốn chẳng có, trong mạng ông chỉ có tú tài; sau này ông đậu cử nhân, đậu tiến sĩ đều do đời này tu được. Trong mạng chỉ sống tới 53 tuổi, ông sống đến bảy mươi mấy tuổi, ông chẳng cầu trường thọ; trong mạng chẳng có con cái, ông lại được hai người con trai ngoan. Đây đều do mạng hiện đời chuyển trở lại, ông tu tích nhiều, đây là gương tốt, mô phạm cho chúng ta. Cho nên người thế gian, thường thường người nghèo khốn còn có thể tu phước, còn vui làm phước, còn người giàu có lại sơ ý bỏ qua, chẳng biết tu phước, chúng tôi đã thấy rất nhiều. Người càng có tiền lại càng keo kiệt, càng chẳng dám xả, khi họ xài tiền thì nhất định phải có lợi cho họ, những gì chẳng đem lại lợi ích hiện tiền cho họ thì họ chẳng chịu xài, họ rất coi

---

6[6] Y nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán. Toán giảm tắc bần hao, đa phùng ưu hoạn, nhân giai ác chi, hình họa tùy chi, cát khánh tị chi, ác tinh tai chi.

trọng danh lợi. Người như vậy hưởng phước hết rồi thì chẳng còn phước dư, đời sau phải chịu tai ương, trừng phạt.

Vị thứ mười bảy 'Chủ Tài Quỷ Vương', người thế gian gọi là Thần Tài. Chủ Tài Quỷ Vương tức là Thần Tài. Lời giải thích trong cuốn Chú Giải rất hay: *Trong phủ của Đông Nhạc Đại Đế có Chủ Tài Án Chủ [là người chịu trách nhiệm quản lý tài chánh]*7***[7]*** , Nhạc Phủ chỉ Đông Nhạc đại đế, thật ra Ngũ Nhạc là đại quỷ vương, địa vị của ông chỉ thấp hơn vua Diêm La, vua Diêm La giống như vua một nước. Khu vực quản lý bởi Ngũ Nhạc rất lớn, quản lý rất nhiều tỉnh, cao hơn địa vị của tỉnh trưởng. Hình như Đông Nhạc đại đế cai quản sáu, bảy tỉnh, ông có khu vực cai quản lớn như vậy. Trước kia Chương Thái Viêm đã từng làm phán quan cho Đông Nhạc đại đế, chức vị phán quan rất lớn, tương đương với chức bí thư trưởng của chúng ta, do đó đối với sự việc trong quỷ đạo ông nói với người ta rất nhiều, rất chi tiết. Dưới ông ta (tức Đông Nhạc Đại Đế) có vị quỷ vương quản trị tài chánh, trong [phủ] Đông Nhạc gọi vị ấy là Chủ Tài Án Chủ, Chủ Tài Án Chủ tức là Chủ Tài Quỷ Vương, người thế gian chúng ta xưng là Thần Tài, Thần Tài này có lớn, có nhỏ.

Sau đây có hai câu chúng ta phải ghi nhớ, 'có của cải mà không chịu bố thí thì quỷ đứng nhìn, ganh ghét'. Bạn có tiền mà không chịu bố thí, quỷ cũng ghen ghét bạn, phiền phức này sẽ rất lớn! Quỷ sẽ thường tìm bạn, gây rắc rối cho bạn. Thái thượng cấm ngặt việc cướp đoạt tài vật của người khác8[8], đây là việc chúng ta đặc biệt phải chú ý đến, cướp đoạt vật của người khác, tội ấy sẽ cực nặng, cực lớn. Nếu chúng ta bình tĩnh, lắng lòng để quan sát, chẳng cần phải đợi đến quả báo đời sau, ngay đời này họ cũng sẽ chịu quả báo, ác báo, trong xã hội ngày nay có rất nhiều chuyện này. Chúng ta hãy xem cổ phiếu trên thế gian, cổ phiếu là gì? Cổ phiếu chính là cờ bạc, đều là cướp đoạt tài vật của người khác. [Có nhiều người] kiếm nhiều tiền từ việc chơi cổ phiếu, lúc cổ phiếu tuột giá thì họ liền nhảy lầu tự tử, nhà tan người mất, quả báo trước mắt. Những chuyện như vậy xảy ra rất nhiều, đây là thủ đoạn chẳng chánh đáng. Những gì họ đạt được, lúc nảy chúng ta đã nói qua đều là những gì trong mạng họ có sẵn, những gì chẳng có trong mạng thì tuyệt đối chẳng đạt được. Vật cướp đoạt người khác cũng là vật có sẵn trong mạng, giống như hưởng thọ sớm hơn mà thôi, tổn hại kẻ khác, tạo tội nghiệp. Sau khi hưởng phước báo của mình sớm hơn, cũng là tạo tội nghiệp. Thế nên chúng ta nhất định phải hiểu tài vật gì cũng có chủ của nó, những tài vật bất nghĩa dứt khoát không thể lấy, sau khi lấy xong thì nhất định sẽ bị tai nạn, chắc chắn sẽ không có lợi ích.

Phía sau có 'Chủ Súc Quỷ Vương', 'Súc' là súc sanh, là những con vật nuôi trong nhà. Những gia súc này cũng có quỷ thần giám sát, chúng ta đối xử với những súc sanh này cũng phải có lễ, súc sanh thông tánh người. Hôm qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với chúng ta ở Quang Minh Sơn có nuôi chó, [người ta] thả rất nhiều chó ở đó, họ quan sát thấy những súc sanh này có linh tánh. Khi chó gặp những người ưa thích chó, thương yêu chó thì nó sẽ ngoắc đuôi và tỏ vẻ rất thân thiết. Khi chó gặp những người ăn thịt chó, hay giết chó thì từ đằng xa nó đã tru lên, tỏ vẻ rất hung dữ đối với họ, chó có thể cảm biết được. Không những chỉ có loại súc sanh này mà thôi, hết thảy các loài chúng sanh nếu bạn không hại chúng thì chúng sẽ tuyệt chẳng bao giờ hại bạn.

Chúng ta xem truyện ký của Ấn Quang pháp sư, đó là sự thật, tuyệt chẳng có tơ hào khoa trương. Sau khi Ấn Quang pháp sư bảy mươi tuổi, những loại muỗi mòng, bọ

7[7] Nhạc Phủ hữu Chủ Tài Án Chủ giả

8[8] Nhiên thái thượng vưu cấm hoạnh thủ nhân tài giả

chét đều chẳng phá khuấy ngài nữa. Căn phòng ấy đích thật thường có ruồi, muỗi, kiến, sau khi Ấn Quang pháp sư dọn đến phòng ấy trú thì những côn trùng này đều dọn nhà đi hết. Tại sao vậy? Cả đời Ấn Quang pháp sư chẳng làm tổn thương đến các động vật nhỏ. Trước kia căn phòng này đã có những loại côn trùng này, những thị giả và tín đồ của ngài muốn dẹp, đuổi chúng đi, lão pháp sư nói: 'Không cần, hãy lưu chúng ở lại đó'. Tại sao? 'Vì đức hạnh của tôi không đủ, lưu chúng nó lại để cảnh sách tôi, nhắc nhở tôi', do đó nên mọi người đều không động đến chúng. Một thời gian sau những động vật nhỏ này đều bị cảm hóa. Đây là một thí dụ rất tốt, đại sư có thể làm được, tại sao chúng ta làm không được? Phải thường sanh tâm xấu hổ, phải hướng về Ấn Quang pháp sư mà học tập.

Thứ mười chín, hai mươi là 'Chủ Cầm Quỷ Vương, Chủ Thú Quỷ Vương', đây là nói về cầm thú, mỗi loại cầm thú đều có quỷ vương của loại ấy. Trong đó cũng có nói, Thiên Thai đại sư nói về mười hai con giáp trong Ngũ Hành9[9], mười hai con giáp đều là cầm thú, đều thuộc về loại này. Những quỷ vương này đều là Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ hóa thân. Thứ hai mươi mốt 'Chủ My Quỷ Vương', phần đông chúng ta gọi 'My' là yêu quái, là thuộc loại này. Người thế gian thường nói loại chúng sanh này năm tháng lâu ngày liền biến thành yêu quái, thành yêu tinh. Ở Trung Quốc rất nhiều thần cây, những cây lâu năm, cây ngàn năm đều có những quái vật này10[10]. Họ là gì? Trong Phật pháp chúng ta gọi là thần cây. Lâu đời rồi thì họ dần dần thông linh, họ có thể biến hóa, họ cũng tu hành, họ tu phương pháp gì thì chúng ta không biết. Trong sự tưởng tượng của chúng ta thì đại khái chắc cũng giống như nhân đạo, có rất nhiều pháp môn tu hành. Họ tu hành chẳng lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên biến thành những loại quỷ my này. Nếu lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ tương ứng với Phật đạo, sự khác biệt giữa Phật đạo và hết thảy đạo trong thế gian là ở chỗ này. Cho nên dù họ tu hành có được thần thông, được trí huệ thì cũng chẳng thoát ra khỏi tam giới, lục đạo là vì họ chẳng thể lìa khỏi phân biệt, chấp trước.

Vị sau đó là Chủ Sản Quỷ Vương, 'Sản' là sanh sản; ở đây nói rất rõ ràng, đón rước, giúp đỡ khi sanh sản. Loại quỷ vương này rất được dân gian tôn trọng, hình như ở thành phố Đài Bắc có một miếu của Bảo Sanh Đại Đế, chúng tôi chưa đi vào nhưng đã đi ngang qua cửa, nhìn thấy tấm biển ngạch ghi Bảo Sanh Đại Đế, là thuộc loại quỷ vương này. Hơn phân nửa những quỷ vương này là thân phận phụ nữ. Thứ hai mươi ba là Chủ Mạng Quỷ Vương, đây là trong kinh Phật nói "Tỳ Sa Môn, chủ hộ mạng người trong bốn thiên hạ". Tỳ Sa Môn là Bắc Phương Thiên Vương, một vị trong tứ đại thiên vương, đây là đức Phật phó chúc cho họ phải bảo hộ mạng người trong bốn thiên hạ. Thứ hai mươi bốn là Chủ Tật Quỷ Vương, 'Tật' là bịnh tật, phàm khi con người sanh bịnh thì vị quỷ vương này sẽ hiện ra. Nói thật ra khi sanh bịnh, người bịnh và bác sĩ đều có duyên phận với nhau. Cho nên khi sanh bịnh, quan trọng nhất là tâm địa phải thanh tịnh, từ bi, thành kính thì bạn sẽ cảm được sự giúp đỡ của Chủ Tật quỷ vương. Khi bạn gặp thầy thuốc, thầy thuốc ra toa cho bạn, ghi những thuốc men này cho bạn, ghi phương pháp chữa trị thường đều có quỷ thần ở đó giúp đỡ. Nếu tâm địa của bạn chẳng thanh tịnh, rất nhiều vọng tưởng, đặc biệt là tư tưởng tà ác thì quỷ vương này cũng sẽ gây phiền phức cho bạn, bịnh này của bạn sẽ [làm cho bạn] rất khổ, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

9[9] Sở dĩ nói như vậy là vì trong Dịch Học, người ta gán mỗi con giáp tương ứng với một hành, chẳng hạn Tý, Sửu thuộc Thổ, Ngọ, Mùi thuộc Thủy vân vân…

10[10] Trong bài giảng nào đó, Hòa Thượng có nói thật ra cây không có thần, mà do thần chấp trước, nương gá vào cây, coi đó như là cung điện của chính mình nên gọi là thần cây.

Vị thư hai mươi lăm là 'Chủ Hiểm Quỷ Vương', đây là nói về núi cao, biển lớn, những nơi nguy hiểm này là khu vực do họ cai quản. Hiện nay có nhiều người thích leo núi, cũng có nhiều người thích ra biển, đây đều là việc dễ gặp phải hiểm nạn, vô cùng nguy hiểm. Phải biết đây đều là những nơi có quỷ thần cai quản, chúng ta cũng có cơ hội đi đến những nơi này, ngày nay gọi là đi du lịch. Do đó kinh Địa Tạng nói trước khi chúng ta đi du lịch, tốt nhất là một tuần trước khi đi nên niệm kinh Địa Tạng, niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát đủ một vạn biến thì chuyến đi của bạn sẽ được thiện thần bảo hựu, được bình yên. Tại sao niệm kinh này, niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát thì được bình yên? Quan hệ giữa những quỷ thần này với Địa Tạng Bồ Tát vô cùng mật thiết, khi bạn có thể tôn kính Địa Tạng Bồ Tát, tu học theo pháp môn Địa Tạng thì họ nhìn thấy sẽ sanh tâm hoan hỷ, lễ kính đối với bạn cho nên ở những chỗ nguy hiểm này đều có thể tránh khỏi tai nạn, hung hiểm.

Phía sau nói 'Tam Mục Quỷ Vương', 'Tứ Mục Quỷ Vương', 'Ngũ Mục Quỷ Vương', đây là nói dựa trên hình trạng của họ, họ có ba con mắt, có bốn mắt, năm mắt. 'Kỳ Lợi Thất Vương', trong bản Chú Giải có nói ý nghĩa danh từ này chưa được phiên dịch rõ ràng, nhưng trong kinh Kim Quang Minh có dịch là Đại Lực Thiên, cũng có khi dịch là Hỏa Thần. Đối với [ý nghĩa danh xưng của] loại quỷ thần này, có thể tham khảo trong bản chú giải ấy. Năm xưa đức Phật giảng kinh tại Ấn Độ, thời gian giảng kinh tại lưu vực sông Hằng tương đối dài, Phật nhắc đến những quỷ thần này, nói Kỳ Lợi Thất Vương ở phía bắc sông Hằng, chắc là nói đến những quỷ thần tại Ấn Độ, [Kỳ Lợi Thất] là tên chung của những thần thuộc khu vực đó, tức những vùng ở phía Nam và Bắc sông Hằng. A Na Tra Vương, người Trung Quốc chúng ta gọi là Na Tra, là [danh xưng chung] của những vị ở giữa thiên thần và quỷ thần, đại khái họ do Tứ Vương Thiên cai quản. Tứ Vương Thiên có thể gọi là thiên thần, cũng có thể gọi là quỷ thần, họ là thủ lãnh của quỷ thần, do Đao Lợi Thiên Chủ cai quản, họ chịu sự cai quản của Đao Lợi Thiên Chủ. Do đó nói thật ra, ngài cũng là Đại Quỷ Vương, Tứ Thiên Vương là thủ lãnh của các quỷ vương. Xem tiếp đoạn kinh sau:

Như thị đẳng đại quỷ vương, các các dữ bá thiên chư tiểu quỷ vương, tận cư Diêm Phù Đề các hữu sở chấp, các hữu sở chủ.

Những vị Đại Quỷ Vương như thế, mỗi vị cùng với trăm ngàn tiểu quỷ vương, toàn cư ngụ ở cõi Diêm Phù Đề, ai nấy đều có chức trách, đều có phần chủ trị riêng.

Đây là nói về tổ chức của xã hội trong cõi quỷ, tình trạng của tổ chức này tương tợ với cõi người. Nói thật ra tình hình này trong lục đạo ở thế giới Sa Bà, thế giới của chư Phật ở nơi khác đại khái đều giống nhau, đó là vì người có cùng một tâm, tâm có cùng một lý, xét từ kết cấu thì đại khái đều giống nhau. Mỗi vị quỷ vương này đều có chức trách riêng của họ, 'các hữu sở chấp' tức là sự cai quản, chức trách của họ, 'sở chủ' tức là phạm vi cai quản của họ, những sự vật do họ cai quản.

Thị chư quỷ vương dữ Diêm La thiên tử, thừa Phật oai thần, cập Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lực, câu nghệ Đao Lợi, tại nhất diện lập.

Các Quỷ Vương đó cùng với Diêm La Thiên Tử nương oai thần của đức Phật và oai lực của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát cùng đến cung trời Đao Lợi và đứng qua một phía.

Đoạn này nói rõ họ làm sao có thể tham gia pháp hội ở cung trời Đao Lợi. Đây là nhờ oai thần của Phật gia trì, Địa Tạng Bồ Tát giáo huấn lúc thường ngày, vì duyên

cớ này nên họ mới cùng với Địa Tạng Bồ Tát đến cung trời Đao Lợi để tham gia pháp hội của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong pháp hội 'nhất diện lập', trong pháp hội có chỗ ngồi của họ. Đây là giới thiệu nhân vật, đoạn sau đây nói về các hoạt động của họ trong pháp hội:

Nhĩ thời Diêm La thiên tử, hồ quỳ hiệp chưởng

Lúc đó Diêm La Thiên Tử quỳ gối chắp tay

Đây là chí kính.

Bạch Phật ngôn, Thế Tôn, ngã đẳng kim giả dữ chư quỷ vương, thừa Phật oai thần cập Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lực, phương đắc nghệ thử Đao Lợi đại hội, diệc thị ngã đẳng hoạch thiện lợi cố. Ngã kim hữu tiểu nghi sự, cảm vấn Thế Tôn, duy nguyện Thế Tôn từ bi tuyên thuyết.

Bạch với đức Phật: "Thưa Thế Tôn, nay chúng con cùng các vị Quỷ Vương nương nhờ oai thần của đức Phật và oai lực của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mới được đến đại hội nơi cung trời Đao Lợi này, mà cũng là chúng con được thiện lợi vậy. Nay con có chút việc nghi ngờ, xin hỏi Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn từ bi tuyên thuyết".

Đây là hoạt động quan trọng của họ trong pháp hội: đến thỉnh pháp. 'Ngã đẳng', phạm vi của chữ 'đẳng' rất rộng, có thể nói tận hư không, trọn khắp pháp giới hết thảy 'Chủ' của các cõi U Minh. Trong kinh Hoa Nghiêm xưng họ là 'Thế Chủ', 'Thế gian chủ', Diêm La và quỷ vương cũng là một loại Thế Chủ, số lượng cũng vô lượng vô biên. Pháp hội Hoa Nghiêm xứng tánh, pháp hội Địa Tạng cũng xứng tánh, trong kinh này chúng ta nhìn thấy rất rõ ràng. Dùng cách nói hiện nay thì 'Xứng tánh' nghĩa là đột phá hết thảy thời gian, không gian, những gì pháp hội này hiển thị chính là Nhất Chân pháp giới, pháp giới bình đẳng, cùng với Hoa Nghiêm không hai không khác. Được Phật lực của đức Phật gia trì, oai thần của Địa Tạng Bồ Tát gia trì nên họ mới có cơ hội tham gia pháp hội này. Phía dưới nói 'diệc thị ngã đẳng hoạch thiện lợi cố', khi được tham gia pháp hội này họ hoan hỷ vô cùng, họ được đại thiện, được lợi ích to lớn. Nhưng sau khi nghe xong, họ có nghi vấn, cho nên 'cảm vấn Thế Tôn', hy vọng Thế Tôn khai đạo cho họ, phá tan nghi hoặc của họ. Họ đến đây là để thỉnh pháp.

Phật cáo Diêm La thiên tử, tứ nhữ sở vấn, ngô vị nhữ thuyết.

Đức Phật bảo Diêm La Thiên Tử: "Cho phép ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói rõ."

Thế Tôn vô cùng từ bi, nói với những vua Diêm La này, quý vị có câu hỏi gì thì nêu ra, tùy ý quý vị hỏi gì thì đức Phật sẽ trả lời hết. Trong Phật pháp quan trọng nhất là phá mê sanh tín, có nghi vấn thì phải hỏi; nếu có nghi vấn mà không hỏi thì sẽ sanh ra rất nhiều chướng ngại trong sự tu học. Chúng ta nói tu học, chư vị phải biết tu học tức là đời sống hiện thực của chúng ta, tu hành và đời sống là chung một việc, dứt khoát không phải là hai việc. Hiện nay có một số người cứ coi tu học và đời sống thành hai việc [riêng rẽ], vậy là hoàn toàn sai lầm. Do đó trong đời sống họ không thể cải thiện, họ chẳng đạt được lợi ích, chẳng được tốt đẹp, chính là vì quan niệm sai lầm này sanh ra.

Thị thời Diêm La thiên tử chiêm lễ Thế Tôn cập hồi thị Địa Tạng Bồ Tát.

Lúc đó, Diêm La Thiên Tử chiêm lễ đức Thế Tôn và ngoái nhìn Bồ Tát Địa Tạng.

Đây là lễ tiết, chỗ này chúng ta cũng phải học theo. Những người này là tùy tùng, cùng đi với Địa Tạng Bồ Tát đến đại hội này. Họ thỉnh giáo đức Thế Tôn, nhất định không thể quên thầy của họ, Địa Tạng Bồ Tát là thầy của họ, cũng phải thăm thầy, chào hỏi thầy, xin thầy gia trì.

Nhi bạch Phật ngôn

Rồi bạch Phật rằng

Rồi mới nói.

Thế Tôn, ngã quán Địa Tạng Bồ Tát tại lục đạo trung, bá thiên phương tiện nhi độ tội khổ chúng sanh, bất từ bì quyện, thị đại Bồ Tát hữu như thị bất khả tư nghị thần thông chi sự.

"Bạch Thế Tôn, con xem xét Bồ Tát Địa Tạng ở trong sáu đường dùng trăm ngàn phương chước để cứu độ những chúng sanh mắc phải tội khổ, chẳng từ mệt nhọc. Vị đại Bồ Tát này có những sự thần thông bất khả tư nghì như thế.

Đây là lời khen ngợi trước. Từ bi thần lực của Địa Tạng Bồ Tát, các vua Diêm La nhận biết Địa Tạng Bồ Tát rất rõ ràng, đối với từ bi, oai đức của Địa Tạng Bồ Tát đã vô cùng kính ngưỡng từ lâu. Lời nói của ngài hoàn toàn là sự thật, Địa Tạng Bồ Tát ở trong lục đạo, đặc biệt là ở trong ba đường ác, chúng sanh ở nơi nào chịu nạn khổ nhất thì Địa Tạng Bồ Tát nhất định sẽ đến nơi đó, nhất định sẽ không bỏ rơi chúng sanh. Phương pháp giáo hóa chúng sanh của ngài vô lượng vô biên, trong kinh này chỉ nói sơ lược, chỉ nói một nguyên tắc, cương lãnh, chúng ta từ trong bộ kinh này lắng lòng mà tìm hiểu, đâu phải chỉ có trăm ngàn phương tiện thôi đâu? Độ hóa những chúng sanh khổ nhất này vĩnh viễn chẳng mệt mỏi, cũng giống như Phổ Hiền Bồ Tát, hết đời vị lai chẳng mệt mỏi, chẳng chán chường. Câu cuối cùng là lời tán thán Bồ Tát 'hữu như thị bất khả tư nghì thần thông chi sự'.

Nhiên chư chúng sanh, thoát hoạch tội báo vị cửu chi gian hựu đọa ác đạo.

Nhưng các chúng sanh vừa được thoát khỏi tội báo, chẳng bao lâu lại đọa vào ác đạo nữa.

Đây chính là chỗ vua Diêm La có nghi vấn, là chuyện họ không thể hiểu, nên họ nói ra. Những chúng sanh này thoát khỏi ác đạo, 'tội báo' tức là tam ác đạo, 'thoát' là thoát ly, 'hoạch' được thoát lìa tội báo. Nhưng 'vị cửu chi gian, hựu đọa ác đạo', 'vị cửu' nghĩa là rất ngắn tạm. Trong chú giải có nêu lên một thí dụ, nêu Địa Ngục Đẳng Hoạt trong địa ngục, Đẳng Hoạt là một trong tám đại địa ngục. Thọ mạng trong địa ngục này giống như thọ mạng của Tứ Đại Vương thiên, năm chục năm ở cõi người là một ngày trong địa ngục, người này lìa khỏi địa ngục rồi đến cõi người, ở cõi người lại tạo tội nghiệp, cho dù sống được một trăm tuổi, sau khi chết đi lại quay trở về địa ngục, xem lại ở địa ngục mới trải qua hai ngày; một trăm năm ở cõi người chỉ bằng hai ngày ở địa ngục, họ đi rồi tại sao qua hai ngày liền trở về? Việc như vậy quá nhiều, quá nhiều.

Phần đông những cõi ngạ quỷ, quý vị đều biết, một ngày ở cõi quỷ bằng một tháng ở cõi người, người ta sống một năm thì ở cõi ngạ quỷ mới có mười hai ngày.

Cho nên họ thấy những người này tiếp nhận sự dạy dỗ của Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát khổ lòng mỏi miệng khuyên nhủ, [nếu] họ chịu giác ngộ, quay về, khi khởi lên một niệm quay về thì họ có thể thoát khỏi ác đạo, cho dù ở trong địa ngục A Tỳ cũng chẳng ngoại lệ. Chỉ cần bạn khởi một niệm hướng thiện, một niệm ấy liền siêu việt, cho nên chúng ta đừng coi thường một niệm này. Người thế gian chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ cũng là một niệm này, một niệm lúc lâm chung nếu bạn niệm A Di Đà Phật, bạn nghĩ về tây phương Cực Lạc thế giới thì với một niệm ấy liền vãng sanh. Lúc bình thường dạy chúng ta niệm Phật là huấn luyện, là sợ lúc lâm chung quên mất một niệm ấy, một niệm đó sai lầm thì sẽ hỏng hết. [Niệm Phật lúc] bình thường ví như luyện binh, một niệm cuối cùng lúc lâm chung là giao chiến, khi bạn tắt thở, bạn sanh vào cõi nào là dựa trên một niệm lúc lâm chung này, do đó chúng ta phải coi trọng một niệm này. Làm sao mới thật sự nắm chắc để cho một niệm này không bị mất? Nhất định phải biết tu phước. Người có phước báo, phước báo chân chánh không có nghĩa là hiện giờ có của cải, có địa vị, không phải vậy, phước báo đó là giả. Thật sự có phước báo thì lúc lâm chung không bị bịnh khổ, dự biết thời giờ đã đến, biết lúc nào mình ra đi, chẳng sanh bịnh, [đầu óc] sáng suốt rõ ràng, đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, vô cùng tự tại, người như vậy gọi là người có phước báo to lớn. Tại sao nói phước báo của người đó to lớn? Vì họ vĩnh viễn thoát ly luân hồi, sẽ chẳng tạo nghiệp lục đạo nữa. Nếu họ trở lại cõi người, trở vào lục đạo thì họ [dùng thân phận] Bồ Tát, chẳng phải phàm phu nữa. Họ đến thế gian tùy loại hóa thân, giống như những quỷ vương Diêm La cũng hóa thân đến, họ đến để cứu khổ cứu nạn, giúp đỡ những chúng sanh đang chịu khổ nạn, tuyệt đối chẳng tạo nghiệp thọ báo. Như vậy gọi là có phước báo to lớn, đó là phước báo thật sự, chúng ta nhất định phải thấy rõ ràng, rành rẽ. Thế nên [chúng ta] không nên mong cầu những phước báo hữu lậu của thế gian, chúng ta phải tu phước báo vô lậu, như vậy mới là một người thật sự có trí huệ, thật sự hiểu rõ, trong nhà Phật gọi là người chân chánh giác ngộ. Đây là hiện tượng họ nhìn thấy nên thưa hỏi đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thật ra những chuyện này, đâu phải là họ chẳng biết, như vậy gọi là đã biết mà cứ hỏi, hỏi để đức Phật nói ra cho mọi người đều tin tưởng. Nếu Bồ Tát nói ra, quỷ vương nói ra, lòng tin của mọi người cũng chẳng đủ nên phải thỉnh Phật giảng nói. Do đó cách hỏi này thuộc về 'Cách hỏi để lợi lạc hữu tình', không phải là họ không biết, họ hỏi thay chúng sanh, chúng ta nhất định phải học việc này. Muốn Phật pháp được hoằng dương rộng rãi, muốn Phật pháp trụ lâu dài trong thế gian thì nhất định phải biết nêu câu hỏi thay cho chúng sanh.

Thế Tôn, thị Địa Tạng Bồ Tát, ký hữu như thị bất khả tư nghị thần lực, vân hà chúng sanh nhi bất y chỉ thiện đạo, vĩnh thủ giải thoát, duy nguyện Thế Tôn vị ngã giải thuyết.

Bạch Thế Tôn, Bồ Tát Địa Tạng đã có thần lực bất khả tư nghì như thế, cớ sao chúng sanh chẳng chịu nương về thiện đạo để được giải thoát mãi mãi? Cúi xin Thế Tôn dạy rõ việc đó cho chúng con.

Đây đích thật là nghi hoặc lớn lao của chúng ta, các ngài rất từ bi nêu câu hỏi thay chúng ta. Trí huệ, từ bi, thần thông, đạo lực của Địa Tạng Bồ Tát cùng chư Phật Như Lai chẳng khác gì, điều này chúng ta phải biết. Số học trò của Địa Tạng Bồ Tát đã thành Phật rồi không thể tính biết được, chẳng có cách chi tính nổi, vị thầy này còn trụ ở địa vị Bồ Tát, đây là từ bi đến cùng cực. Tại sao cứ trụ ở địa vị Bồ Tát, chẳng dùng địa vị của Phật để độ chúng sanh? Điểm này mọi người nhất định phải biết, Phật là sư

đạo, pháp thế gian và xuất thế gian nhất định phải tôn sư trọng đạo. Cho nên 'chỉ nghe nói [học trò] đến học chứ chưa bao giờ nghe ông thầy đi dạy', chỉ có bạn đi đến đâu cầu học, chẳng nói thầy giáo đến để dạy cho bạn, chẳng có đạo lý đó. Nói cách khác, dùng thân phận của Phật để độ chúng sanh có nhiều việc bất tiện, không thể chủ động đi giáo hoá chúng sanh, cũng không thể nói là không có người mời đức Phật bèn nói, nhất định phải có người thỉnh, nhất định phải để cho người ta tôn trọng pháp, tôn trọng học thuật thì thầy giáo mới có thể dạy. Thân phận Bồ Tát thì không giống vậy, Bồ Tát là thân phận bạn đồng học, bạn lớp đàn anh nên giống như trong kinh Vô Lượng Thọ có nói 'làm người bạn không mời', đó là Bồ Tát. Phật thì không thể, cho nên Phật phải thoái lui đến địa vị Bồ Tát thì mới có thể rộng độ chúng sanh.

Trí huệ, thần thông, đạo lực của Địa Tạng Bồ Tát đích thật chẳng khác gì với chư Như Lai, tại sao những chúng sanh này không nghe lời? Không tuân theo lời dạy của Bồ Tát 'vĩnh thủ giải thoát'. Nói thật ra chúng ta thấy những tôn giáo khác trên thế gian, cho đến thấy Nhất Quán Đạo 11[11], kinh điển của Nhất Quán Đạo, trong đó cũng khuyên người niệm A Di Đà Phật cầu sanh tây phương Cực Lạc thế giới để được giải thoát vĩnh viễn, ở trong đó cũng có. Cũng khuyên người niệm Quán Thế Âm Bồ Tát hòng tiêu tai miễn nạn, tại sao người ta không chịu nghe theo? Chúng ta nói một cách chung chung là nghiệp chướng tập khí quá nặng, cũng nghĩa là tham, sân, si, vọng tưởng quá nặng, chẳng buông xuống nổi. Bên trong có phiền não tập khí [tích lũy] từ vô thỉ kiếp đến nay, bên ngoài lại bị dụ dỗ bởi ngũ dục lục trần, hiện nay trong ngũ dục lục trần lại cộng thêm yêu ma quỷ quái, sức mạnh càng tăng thêm. Thế nên vừa thoát ra khỏi địa ngục sanh đến cõi người chưa được bao lâu lại bị mê hoặc, lại tạo tội nghiệp, rồi đọa lạc trở lại. Chẳng phải là Địa Tạng Bồ Tát không có năng lực này, mà vì chúng sanh không chịu nghe lời, chẳng thể y giáo phụng hành, nên mới chuốc phải những khổ nạn này.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, ngày 4 tháng 9 năm 2006

11[11] Một giáo phái có nguồn gốc từ Trung Quốc Đại Lục, hiện nay là một giáo phái rất phát triển ở Đài Loan. Danh xưng Nhất Quán Đạo có từ năm 1886, đời Thanh Đức Tông, khởi thủy từ vùng Sơn Đông, sau đó được truyền đi nhiều nơi. Nhất Quán Đạo dung hợp năm tôn giáo: Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Thiên Chúa giáo, và Hồi giáo. Vị thần chính được tôn thờ gọi là Minh Minh Thượng Đế. Họ thường tiếp xúc với các loại quỷ thần bằng cách phù loan. Các buổi lễ tiếp đón tín đồ mới đều được diễn ra trong vòng bí mật, họ thường bắt tín đồ không được tiết lộ những gì họ đã tuyên thệ!

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 29 (Số 14-12-29)

Xin mở kinh, quyển trung, trang 102, bắt đầu xem từ hàng thứ hai:

Phật cáo Diêm La thiên tử, Nam Diêm Phù Đề chúng sanh kỳ tánh cang cường, nan điều nan phục.

Đức Phật bảo Diêm La Thiên Tử: "Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề tánh tình cang cường, khó điều khó phục.

Đức Thế Tôn trả lời vua Diêm La, nói rõ tại sao Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh ở thế gian, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Địa Tạng Bồ Tát có thể thoát ly cõi khổ, nhưng sau một thời gian rất ngắn họ lại đọa vào ác đạo; lý do là vì 'tánh tình cang cường', chữ 'tánh' ở đây là tập tánh, chẳng phải là bản tánh. Trong sách nhà Nho chúng ta thấy Mạnh Tử nói 'tánh thiện', Tuân Tử nói 'tánh người là ác', hai cách nói này đều là hai cực đoan nhưng cũng có đạo lý. Còn Khổng Phu Tử chẳng nói giống họ, theo Khổng Tử thì tánh người chẳng thiện, chẳng ác, cho nên kiến giải của thánh nhân đích thật chẳng giống hiền nhân, ngài nói 'tánh tương cận, tập tương viễn', tương cận là nói mọi người đều giống nhau, chẳng thiện chẳng ác, đó là tương cận; nói thiện ác đều là nói về tập tánh, chẳng phải bản tánh, chúng ta phải hiểu rõ điểm này. Tập tánh cũng giống như trong nhà Phật nói những hạt giống của tập khí chứa đựng trong A Lại Da Thức, có cả thiện lẫn ác. Thiện cũng là ác, tại sao? Đó chẳng phải là bản tánh. Trong nhà Phật, đặc biệt là trong Đại Thừa Phật pháp nói về Thiện, tiêu chuẩn của Thiện là tự tánh, [những gì] trong tự tánh vốn sẵn có là Thiện, cho nên chữ Thiện này chẳng phải chữ Thiện trong thiện-ác; chữ thiện trong thiện-ác cũng chẳng phải thiện, chúng ta phải hiểu rõ.

Nói đến chúng sanh trong lục đạo, Diêm Phù Đề có thể bao gồm lục đạo. Trong lục đạo, tại sao họ không thể thoát ra khỏi luân hồi? Tại sao không thể siêu việt tam giới? Vì tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá sâu, quá nặng. Trong kinh đức Phật nói với chúng ta hết thảy những chúng sanh hữu tình này xả thân xong rồi thọ sanh, chúng ta gọi là đầu thai nhận quả báo, đây là đạo lý gì? Đức Phật nói tập khí nào mạnh thì lôi đi trước. Mỗi chúng sanh có đầy đủ tập khí của mười pháp giới, cho dù chúng sanh trong địa ngục cũng có hạt giống Phật, nhưng tại sao họ không thể làm Phật? Tuy họ có hạt giống Phật, sức mạnh của hạt giống này yếu ớt, sức mạnh của tham, sân, si phiền não mạnh mẽ, hạt giống nào mạnh thì thọ báo trước, bởi vậy nên họ mới đọa ác đạo. Đức Phật nói rõ nguyên nhân, chúng ta hãy bình tĩnh suy nghĩ thì sẽ thấy đích thật là như vậy. Chúng sanh trong lục đạo 'khó điều, khó phục', 'điều' là hòa giải, hòa thuận, [việc này] thật chẳng dễ, 'phục' là hàng phục tập khí tham, sân, si, tương đối không dễ dàng. Đây là đã nói rõ nguyên nhân.

Thị đại Bồ Tát ư bá thiên kiếp đầu đầu cứu bạt.

Đại Bồ Tát đây trong trăm ngàn kiếp đã từng cứu vớt.

Câu 'thị đại Bồ Tát' là chỉ Địa Tạng Bồ Tát, thật ra Địa Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp qua chưa từng rời khỏi lục đạo. Lục đạo là chỗ khổ nhất của hết thảy chúng sanh, nhất là tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Địa Tạng Bồ Tát chẳng lìa khỏi những chỗ này. Ngài cũng giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng trăm ngàn ức hóa thân 'đầu đầu cứu bạt'. Địa Tạng Bồ Tát hóa ra thân gì? Không nhất định, tùy loại hóa thân. Chúng ta trong một đời đã gặp Địa Tạng Bồ Tát chưa? Thường thường gặp Địa Tạng Bồ Tát, nhưng chúng ta không thể nhận biết. Khi chúng ta khởi một niệm ác, muốn làm một chuyện xấu, có người đến khuyên chúng ta, đến dẫn dắt chúng ta, người ấy chính là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta đâu biết? Cho nên Địa Tạng Bồ Tát chẳng lúc nào là không có mặt, nơi nào cũng có. Ngài khuyên chúng ta, chúng ta có thể tin theo không? Chịu nghe theo không? Không nhất định, cho nên vẫn gây tạo tội nghiệp như cũ.

Chúng ta phải biết chân tướng sự thật này, hết thảy chư Phật, Bồ Tát hóa thân đều chẳng nhất định, phía trước tôi đã nêu thí dụ nói rõ cảm ứng đều thường chỉ trong vòng sát na, chỉ trong phút chốc. Chư Phật, Bồ Tát mượn người xung quanh chúng ta, quý vị biết quỷ thần có thể nhập vào thân người ta, mọi người đều biết, [vậy thì] không lẽ Phật, Bồ Tát chẳng thể nhập vào thân người ta sao? Phật, Bồ Tát nhập vào thân người ta thì đó là hóa thân của Phật, Bồ Tát, trong khoảng vài phút đó mượn thân thể của người, hoặc của vật, cả y báo và chánh báo đều được, chỉ cần có thể xúc động bạn, làm bạn giác ngộ, làm cho bạn quay đầu, thì đó đều là Phật, Bồ Tát. Khi yêu ma quỷ quái nhập vào thân thì đều giúp bạn làm ác, họ thấy bạn làm ác thì họ vui; họ thấy bạn làm ác thì họ khen ngợi. Đó là yêu ma quỷ quái, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Cho nên chúng ta hiểu đạo lý này, biết những chân tướng sự thật này, những gì nói trong kinh Hoa Nghiêm còn sai được sao? Chỉ có một mình ta là phàm phu, ngoài mình ra tất cả đều là chư Phật, Bồ Tát hóa thân thị hiện để độ mình, độ cho một mình tôi - một chúng sanh ương ngạnh khó giáo hóa này. Bất luận là người thiện, người ác, trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, hết thảy đều là hóa thân của chư Phật, Bồ Tát. Nếu bạn có thể quán như vậy, có thể quay đầu trở lại, thì thật sự quay đầu là bến bờ, đời này đương nhiên chúng ta có thể được độ. Câu kinh văn trong đoạn trên chính là nói về việc này.

Như thị chúng sanh tảo lịnh giải thoát.

Những chúng sanh đó, làm cho họ sớm được giải thoát.

Đây là kỳ vọng của chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh, hy vọng hết thảy chúng sanh sớm một ngày được độ. 'Giải thoát' tức là được độ, 'giải' là giải trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, giải trừ phiền não tập khí của bạn; 'thoát' là thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly biển khổ sanh tử. Đây là kỳ vọng của chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh.

Thị tội báo nhân nãi chí đọa đại ác thú, Bồ Tát dĩ phương tiện lực, bạt xuất căn bản nghiệp duyên, nhi khiển ngộ túc thế chi sự.

Những người bị tội báo cho đến bị đọa vào đường đại ác, Bồ Tát dùng sức phương tiện nhổ sạch cội gốc nghiệp duyên, làm cho họ hiểu được các việc đời trước.

'Tội báo nhân' là chỉ lục đạo chúng sanh. Nhìn từ mắt người giác ngộ thì trong lục đạo, người cõi trời cũng là người có tội báo. Không những lục đạo là tội báo, trong kinh Lăng Nghiêm chúng ta thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói những người Tiểu

Thừa cũng là tội báo. Tiêu chuẩn của ngài là 'kiến tánh', minh tâm kiến tánh thì mới là người 'thật sự bình thường', chưa kiến tánh đều là tội báo. Do đó có thể biết y theo tiêu chuẩn của kinh Hoa Nghiêm, y theo tiêu chuẩn của kinh này, kinh này và kinh Hoa Nghiêm chẳng khác, chúng sanh trong thập pháp giới đều là tội báo. 'Nãi chí đọa đại ác thú', câu này chuyên chỉ tam đồ, trong thập pháp giới thì ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh là đại ác thú. Cho nên chúng ta mới biết đối tượng độ hóa chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát, phạm vi bao gồm cả thập pháp giới, trong thập pháp giới đều có ứng hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. 'Bồ Tát dĩ phương tiện lực', 'phương tiện lực' đã được nói ở phía trước rất nhiều, được giải thích rất rõ ràng.

'Bạt xuất căn bản nghiệp duyên', Bồ Tát dùng phương pháp gì để cứu vớt chúng sanh khổ nạn? Chúng ta nhất định phải biết việc này. Bồ Tát chẳng dùng thần thông, thần thông chẳng cứu nổi chúng sanh; Bồ Tát dùng giáo học, khuyên dạy; chúng sanh tạo tội nghiệp thì họ nhất định phải thọ quả báo, Phật, Bồ Tát không thể chịu thay họ. Nếu Phật, Bồ Tát có khả năng chịu khổ báo thay hết thảy chúng sanh, ngài đại từ đại bi thì đã thay chúng ta chịu rồi, chúng ta còn phải tu hành làm chi nữa? Chẳng cần nữa. Nhà Phật nói Lý với bạn, chẳng giống như các tôn giáo, [tôn giáo] nói bạn tin thì sẽ được cứu, nhà Phật thì không nói vậy; bạn tin Phật thì bạn cũng không được cứu; bạn tin Bồ Tát, kính Bồ Tát, lạy Bồ Tát thì bạn cũng không thể được cứu. Làm sao mới được cứu? Bạn phải quay đầu (sửa sai đổi mới) thì bạn sẽ được cứu. Phật dạy chúng ta đạo lý này; tại sao bạn bị mê hoặc? Bạn tạo tội nghiệp như thế nào? Bạn thọ khổ báo như thế nào? Đức Phật nói những chuyện này rõ ràng, rành rẽ cho bạn để bạn hiểu rõ, giác ngộ. Sau khi hiểu rõ, bạn có thể dứt hết thảy việc ác, tu hết thảy việc thiện, đó là đã được độ! Trong kinh điển chúng ta đã thấy rất nhiều, chúng sanh trong địa ngục vừa khởi một niệm sám hối, vừa sanh một tâm niệm thiện, thì họ bèn thoát khỏi địa ngục. Do đó có thể thấy cho dù tội nghiệp cực nặng, chỉ cần khởi lên một thiện niệm nhỏ thì liền phá vỡ địa ngục, bèn siêu sanh. Ở cõi người thì một niệm thiện nhỏ bé này không đủ, cõi người là cõi thiện ác lẫn lộn, một niệm thiện nhỏ này thật sự chẳng đủ. Tại sao trong địa ngục một niệm thiện nhỏ lại quý như vậy? Địa ngục là cõi thuần ác, một niệm thiện nhỏ như vậy là hy hữu phi thường, vô cùng khó được, vật gì cũng quý ở chỗ hiếm hoi, ít có. Chúng sanh trong địa ngục rất khó sanh được một niệm thiện, thật sự là chẳng dễ, đây là chỗ khác nhau giữa các pháp giới, thiện ác quả báo chẳng giống nhau.

Chúng ta từ chỗ này quan sát, Phật pháp là [phương pháp] giáo hóa, dạy dỗ chúng sanh. Chúng sanh tiếp nhận sự dạy dỗ của Phật, Bồ Tát, sau khi giác ngộ thì có thể biến đổi cơ thể vật chất, có thể biến đổi hạnh nghiệp ác báo. Câu sau đây có thể nói là nội dung của giáo học Phật pháp, Phật dạy chúng sanh những gì? *'Khiến cho chúng sanh biết sự việc đời quá khứ'*, mức thấp nhất là Phật dạy chúng ta biết nhân quả ba đời, khẳng định quả báo thiện ác. Thiện nhân thì nhất định sẽ được thiện quả, ác nhân thì nhất định sẽ bị ác báo, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, đây là nhân quả rất cạn cợt. Nhân quả sâu hơn, đây là như kinh Đại Thừa nói *'Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả'*, bởi vậy chúng ta biết đức Phật giảng kinh thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh trong thập pháp giới, chẳng qua là giúp mọi người khai ngộ mà thôi. 'Khai thị ngộ nhập', bốn chữ này trong kinh Pháp Hoa nói rõ cương lãnh của chư Phật Như Lai giáo hóa hết thảy chúng sanh, một câu nói bèn nói rõ ra. 'Khai thị' có cạn sâu, rộng hẹp khác nhau, 'ngộ nhập' cũng như vậy. Xem tiếp kinh văn:

Tự thị Diêm Phù chúng sanh kết ác tập trọng, toàn xuất toàn nhập, lao tư Bồ Tát cửu kinh kiếp số nhi tác độ thoát.

Nhưng vì chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề kết ác tập nặng, vừa ra khỏi lại trở vào, làm nhọc cho Bồ Tát phải trải qua nhiều số kiếp để độ thoát.

'Tự thị' chỉ những chúng sanh trong lục đạo. Họ 'kết ác tập trọng', 'kết' nghĩa là như người thế gian chúng ta thường nói 'tổng kết, quy kết'. Chẳng phải tạo ác chỉ một đời mà thôi, nhiều đời nhiều kiếp từ vô lượng kiếp tổng kết tập khí ác. 'Ác' nói tóm lại tức là tham, sân, si tam độc, hết thảy tất cả ác nghiệp đều sanh khởi, phát triển từ ba độc này, đương nhiên sẽ phải tùy nghiệp thọ báo. 'Tập' là tập khí, tập khí nặng vô cùng. Thế nên trong ác đạo, đây chẳng phải nói lục đạo, tam thiện đạo và tam ác đạo 'toàn xuất toàn nhập', 'xuất' nghĩa là thoát lìa tam ác đạo, bạn sanh vào tam thiện đạo. Ngày nay chúng ta được thân người, cõi trời, cõi người, và Tu La được kể là tam thiện đạo; địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là tam ác đạo. 'Toàn xuất' nghĩa là thoát khỏi tam ác đạo, 'toàn nhập' là trở về tam ác đạo, 'toàn' nghĩa là rất nhanh. Nói thật ra sau khi đọa tam ác đạo thì thoát khỏi chẳng dễ, trong kinh nói rất rõ ràng, đạo lý này rất sâu rộng, kinh điển Đại Thừa cũng nói rất nhiều. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh trong tam ác đạo, chư vị nhất định phải biết, nếu chúng sanh này, chúng sanh đọa trong ác đạo chẳng đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên thì chư Phật, Bồ Tát trong ác đạo cũng chẳng làm gì được vì chúng sanh chẳng tiếp nhận, chẳng chịu nghe lời. Hiện tượng này chẳng khó hiểu, tại sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian chúng ta, cõi người thù thắng hơn cõi súc sanh quá nhiều, chư Phật, Bồ Tát đau lòng, rát miệng thị hiện ở tại thế gian, bạn hãy xem những người trong thế gian này, có mấy ai chịu tin tưởng?

Phật giáo từ khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni bắt đầu, nếu dùng cách tính của người ngoại quốc cũng hơn hai ngàn năm trăm năm, từng đời truyền trao tiếp nối. Những thiện tri thức tại gia, xuất gia, mọi người đều biết có rất nhiều vị thân phận được tiết lộ là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tái lai. Trong lịch sử có ghi Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái lai, Thiện Đạo đại sư cũng là A Di Đà Phật tái lai, Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, Hàn Sơn, Thập Đắc chư vị đều biết chính là Văn Thù, Phổ Hiền tái lai, thời cận đại Ấn Quang pháp sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, đây là những vị có thân phận được tiết lộ. Còn những vị không tiết lộ thân phận không biết là bao nhiêu người. Các ngài thị hiện ở thế gian này chẳng có mảy may vì mình, hết thảy đều vì chúng sanh, vì Phật pháp trụ thế lâu dài, có bao nhiêu người tin tưởng? Ngày nay nhân khẩu thế giới, báo ngày hôm qua đăng, hai ngàn năm sau người trên thế giới đã tới sáu mươi ức. Trong số sáu mươi ức người này có bao nhiêu người gặp được Phật pháp? Hiện nay là thời Mạt Pháp, Phật pháp cũng có giả mạo, không những phẩm vật thương mại có đồ giả, trong Phật pháp cũng có đồ giả, có mấy ai gặp được Phật pháp chân chánh? Cho dù gặp được Phật pháp chân chánh, bạn có tin được hay không? Như vậy lại loại bớt thêm rất nhiều người. Sau khi bạn tin xong, bạn có thể hiểu rõ được không? Sau khi hiểu rõ, bạn có thể y giáo phụng hành hay không? Nói cho bạn biết từng tầng, loại bớt đi từng tầng, người còn sót lại e rằng không đến một trăm người. Ở cõi người, Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh đã khó khăn như vậy, huống chi là trong ác đạo! Trong ác đạo, đức Phật giáo hóa chúng sanh không biết khó khăn hơn cõi người gấp bao nhiêu lần, việc tốt như vầy mà họ không tin tưởng thì đâu có cách chi khác? [Vì] họ chẳng chịu tiếp nhận.

Cho dù trong thời kỳ hoàng kim của Phật giáo Trung Quốc, triều Tùy, Đường, số cao tăng đại đức, trưởng giả cư sĩ có thể nói là rất nhiều, trong Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện chúng ta biết được, nhưng nếu so sánh với toàn bộ số người [trên thế giới] thì cũng là quá ít. Trong lịch sử Trung Quốc có thể nói pháp duyên thù thắng nhất là Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, lúc ngài còn tại thế, số người theo học với ngài, chúng ta thống kê đại khái chắc cũng có một vạn người, số người thường ở gần ngài cũng có

một, hai ngàn người. Nhưng thật sự thành tựu, trong Đàn Kinh có ghi số người thật sự được độ là bốn mươi ba người, còn những kẻ khác tuy tiếp nhận sự giáo huấn của ngài, nhưng vẫn phải 'toàn xuất toàn nhập', thật sự siêu việt lục đạo chỉ có bốn mươi ba người, do đó bạn mới biết việc này rất khó, chẳng phải dễ đâu. Lời Phật nói chẳng sai *'Tánh tình chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó điều phục'*. Chúng ta suy nghĩ cặn kẽ, hãy nghĩ thử xem, sau đó đừng nhìn kẻ khác, chỉ nghĩ về mình, chính mình có phải cũng 'khó điều khó phục' hay chăng? Trong đời này chúng ta có thể được độ hay không? Do đó mới biết pháp môn Tịnh Tông vô cùng quý báu, được hết thảy chư Phật tán thán, là có đạo lý vậy.

Tham Thiền nếu chẳng phải là người thượng căn thì chẳng thể khai ngộ, chẳng thể kiến tánh, nếu không kiến tánh thì vẫn phải 'toàn xuất toàn nhập', vẫn phải làm chuyện này; nói cách khác bạn sẽ chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Bạn có thể được thiền định, người được thiền định tương đối nhiều, bạn có thể sanh lên cõi trời Dục Giới, Sắc Giới, cao nhất là sanh đến trời Vô Sắc Giới. Sanh đến cõi trời Vô Sắc Giới thì cũng chẳng thể tránh khỏi quả báo trong tam đồ. Trong kinh giảng rất rõ ràng, người ở Tứ Thiền Thiên, Tứ Không Thiên sau khi mạng chung đều đọa địa ngục, sau khi đọa địa ngục thì thọ mạng [ở địa ngục] còn dài hơn thọ mạng ở Tứ Không Thiên. Đây là lời nói trong kinh Địa Tạng, thọ mạng người ở cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng là tám vạn đại kiếp, kinh Địa Tạng nói thọ mạng trong địa ngục là vô lượng kiếp, chẳng phải tám vạn, tám vạn so với vô lượng kiếp thì chẳng thấm vào đâu. Bạn nghĩ coi chuyện này phiền phức biết mấy, chúng ta hãy bình tĩnh suy nghĩ, chuyện này bày trước mặt đáng sợ dường nào! Đường đi trước mắt chúng ta phải chọn lựa ra sao là quyết định tại giờ phút này.

Sau đó bạn mới biết công đức của Niệm Phật Đường bao lớn, phiền não tập khí của người căn tánh trung hạ chúng ta rất nặng, chính mình đích thật không có khả năng đoạn phiền não, chẳng có khả năng hàng phục tập khí của mình, phải làm sao đây? Niệm Phật Đường là một lò đúc vàng, là một xưởng luyện thép. Khi bạn thật sự giác ngộ rồi, bước vào Niệm Phật Đường, thì thật thà niệm vài năm, niệm đến tự mình chắc chắn vãng sanh, vậy thì bạn đã đi đúng đường. So với quả báo của người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Tông Môn còn thù thắng hơn nhiều. Địa vị của người minh tâm kiến tánh trong Tông Môn là gì? Là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Trong Niệm Phật Đường vãng sanh bất thoái thành Phật, đến Cực Lạc thế giới là A Duy Việt Trí Bồ Tát, vậy thì làm sao sánh bằng! A Duy Việt Trí Bồ Tát là Thất Địa trở lên, minh tâm kiến tánh mới là Sơ Trụ, công đức lợi ích này chúng ta phải giác ngộ. Nhưng người học Phật mà có cơ hội gặp được pháp môn Niệm Phật cũng chẳng nhiều, cho dù đã gặp được cũng chẳng làm được đúng như pháp. Chính vì nguyên nhân này nên chúng tôi khuyến khích các bạn đồng tu niệm Phật ở khắp nơi nếu có cơ duyên nên đến Cư Sĩ Lâm ở Tân Gia Ba coi thử, chúng tôi cũng chẳng dám nói rằng chúng tôi làm đúng như pháp, nhưng chúng tôi tận tâm tận lực làm, có thể giúp cho mọi người tham khảo, chúng tôi tiếp nhận đề nghị của mọi người. Nguyện vọng của mỗi người trong đạo tràng này là không ngừng cải tiến, hy vọng Niệm Phật Đường có thể làm đến tận thiện tận mỹ, đúng như lý như pháp. Do đó chúng tôi mở rộng, chẳng đóng kín, bất cứ người nào đề ra ý kiến chúng tôi đều tham khảo rất thận trọng, chỉ cần là ý kiến tốt thì chúng tôi đều tiếp nhận.

Ở đây nói 'lao tư Bồ Tát', Bồ Tát ở đây là chỉ Địa Tạng Bồ Tát, và cũng có thể chỉ hết thảy chư Phật, Bồ Tát. 'Cửu kinh kiếp số, nhi tác độ thoát', từ vô lượng kiếp đến nay, Bồ Tát chẳng nhọc chẳng chán. Trong kinh điển, Phật cũng có ví dụ, ví dụ rất hay. Tâm nhẫn nại của Bồ Tát độ chúng sanh cũng giống như nông phu trồng cây ăn

trái vậy, mỗi ngày hái trái cây trong vườn, trái nào chín rồi thì hái trước, chưa chín thì đợi thêm vài ngày. Do đó chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh trong lục đạo, độ chúng sanh căn tánh chín muồi trước, kinh Di Đà nói *'chẳng thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên được sanh cõi ấy'*; khi thiện căn, phước đức, nhân duyên đều đầy đủ, chín muồi hết [thì mới được độ]. Thiện căn là gì? Khi tiếp xúc đến pháp môn này có thể tin, có thể hiểu, đây là thiện căn. Phước đức là gì? Có thể làm theo, có thể chứng được, đây là phước đức. Tông Tịnh Độ nói 'chứng' tức là vãng sanh. Họ chịu niệm Phật nên thật sự vãng sanh, đó là chứng quả rồi. Nhân duyên tức là gặp được chánh pháp, gặp được thiện tri thức, đồng tham đạo hữu tốt, đây là duyên phận. Đây là ví như cây trái trong vườn đã chín rồi, chín thì hái trước, chưa chín thì Phật, Bồ Tát sẽ chờ đợi. Nhưng phàm là chúng sanh căn tánh chín muồi đều chẳng phải ngẫu nhiên, đều huân tu từ vô lượng kiếp đến nay mới thành thục, cơ duyên này vô cùng khó được, vô cùng hiếm có.

Chúng ta xây dựng Niệm Phật Đường, hiện nay Niệm Phật Đường mỗi tuần niệm Phật chín mươi sáu giờ đồng hồ, mỗi ngày nghe kinh hai giờ; mỗi tuần có mười bốn giờ nghe kinh, chín mươi sáu giờ niệm Phật. Chúng tôi hy vọng Niệm Phật Đường này có thể vĩnh viễn giữ gìn lâu dài, giải hạnh tương ứng. Đồng tu vào Niệm Phật Đường đều có thể sanh tâm hoan hỷ, việc này đem lại niềm an ủi lớn lao cho chúng tôi, chúng tôi biết đã làm đúng như pháp. Nếu không đúng như pháp thì khi vào Niệm Phật Đường không thể sanh tâm hoan hỷ. Họ niệm được hoan hỷ thì một ngày nào đó chúng tôi tin tưởng họ sẽ thành tựu. Hiện tại có thể đạt được Niệm Phật Tam Muội, phần đông gọi là công phu thành phiến, pháp hỷ sung mãn, họ có thể đạt đến trình độ này thì nhất định sẽ được sanh tịnh độ. Thời gian tu học trong đời này phải đoạn dứt ngoại duyên, điểm này rất quan trọng. Phàm người niệm Phật ở Niệm Phật Đường tương lai không thể vãng sanh, chẳng có nguyên nhân nào khác, chính là vì họ chẳng đoạn dứt ngoại duyên, trong tâm vừa niệm Phật vừa lo nghĩ những chuyện bên ngoài, đây là chướng ngại. Lúc lâm chung lại phan duyên đến cảnh giới bên ngoài, vậy thì sẽ 'thoạt ra thoạt vô' nữa, vậy thì rất đáng tiếc. Phải tránh chướng ngại này, nhất định phải buông xuống hết thảy thân tâm, thế giới, bình thường chúng ta phải hạ công phu này, hết thảy đều phải buông xuống, đừng ôm chặt vào lòng nữa. Trong tâm chỉ có một câu ***'Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật'***. Điểm này vô cùng quan trọng! Trong đời này của chúng ta, có thành tựu được hay không là quyết định ở tại chỗ này. Nhất định phải biết nếu không buông xả được ngoại duyên thì đều là chướng ngại. Xin xem tiếp kinh văn, đây là Thế Tôn dùng ví dụ để nói:

Thí như hữu nhân mê thất bản gia, ngộ nhập hiểm đạo, kỳ hiểm đạo trung đa chư Dạ Xoa cập hổ lang sư tử, ngoan xà phúc hiết, như thị mê nhân tại hiểm đạo trung, tu du [1][1] chi gian tức tao chư độc.

"Ví như có người quên mất nhà mình, đi lạc vào đường hiểm; trong con đường hiểm đó có rất nhiều quỷ Dạ-xoa, cùng cọp, sói, sư tử, rắn độc, bò cạp. Người mê muội đó ở trong đường hiểm chỉ chừng giây lát là sẽ gặp các thứ độc."

'Thí như' tức là ví dụ, nói một ví dụ như sau. 'Hữu nhân', người này tức là chúng sanh trong lục đạo, 'mê thất bản gia', 'bản gia' là chỉ tự tánh của chúng ta, mê mất bản tánh. 'Ngộ nhập hiểm đạo', chữ 'ngộ' có nghĩa giống như chữ 'ngoa' (bậy, sai trái), đi lạc vào đường hiểm, 'hiểm đạo' chỉ lục đạo luân hồi, ở đây đặc biệt chỉ tam ác đạo. Thật ra nhà Phật thường nói đường luân hồi hiểm ác, lời này nói rất có lý, tại sao

---

[1][1] Tiếng Phạn là muhūrta, tiếng Pali là muhutta, dịch âm là Mâu Hô Lật Đa, nghĩa là thời gian rất ngắn, tạm thời. Câu Xá Luận quyển 12 ghi muhutta bằng 1/30 của một ngày một đêm, tương đương với 48 phút. Từ ngữ Tu Du nói đến trong kinh không nhất định là chỉ đoạn thời gian này, có khi được coi như 'sát na', nghĩa là một thời gian cực ngắn.

vậy? Trong lục đạo đều có tà ác, từ cõi trời Sắc Giới trở lên thì đỡ hơn một chút, vì họ có công phu định lực, chúng ta thường gọi là 'Định cộng Giới'[2[2]], họ chẳng tạo ác. Tuy chẳng tạo ác, những hạt giống tập khí ác này từ vô lượng kiếp đến nay vẫn còn tồn tại, chẳng đoạn mất, chỉ nhờ công phu định lực nên khống chế nổi hạt giống tập khí ác, chẳng phát khởi mà thôi. Một khi định lực của họ mất đi, sức mạnh của tập khí ác còn mạnh y như cũ, sẽ bộc phát ngay lập tức, thế nên họ đọa ác đạo, đọa địa ngục. Phần đông chúng ta cũng hiểu đạo lý này, càng chèn ép ý niệm ác, chèn ép là tạm thời khống chế, một khi chèn ép không nổi, thì khi bộc phát sẽ rất đáng sợ! Cũng cùng một đạo lý, huống chi là ở trong tam đồ?

Cho nên chúng ta quan sát kỹ càng hiện tượng này, trạng huống hiện nay trong xã hội, mọi người đều hiểu rõ. Trong xã hội hiện nay những gì mắt chúng ta nhìn thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài chẳng phải là như trong kinh nói 'Dạ xoa, hổ, sói, sư tử, rắn độc, bò cạp' hay sao? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần có thứ nào chẳng độc? Có một loại nào chẳng hại cho pháp thân huệ mạng của mình? Khắp cả cõi đất đều [độc]. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói thời đại ngày nay của chúng ta 'tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng', tà sư chính là những thứ nói ở đây 'Dạ xoa, hổ, sói, sư tử, rắn độc, bò cạp', bề ngoài bạn nhìn thấy là hình dáng con người, nhưng trong tâm tràn đầy tham, sân, si, mạn. Chúng ta sinh sống trong hoàn cảnh như vậy, đây là 'đường hiểm'.

'Như thị mê nhân tại hiểm đạo trung, tu du chi gian tứ tao chư độc', 'tu du' là rất ngắn tạm. Xã hội hiện nay dễ sợ, sáu bảy mươi năm về trước lúc chúng tôi còn trẻ, xã hội còn tương đối thuần phác, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài ô nhiễm rất ít, bạn chẳng nhìn thấy, cũng chẳng nghe đến. Chúng tôi sanh trưởng ở miền quê, rất mộc mạc, mười một mười hai tuổi vẫn còn ngây thơ, ngây thơ tức là chưa hiểu chuyện đời, sanh sống trong đại thiên nhiên. Thời gian thơ ấu lúc đó thật sự hạnh phúc, chẳng hiểu chuyện đời. Ở thời đại ấy, dân gian rất chú trọng các tiểu lễ, tiểu nghĩa, còn rất chăm chút [lễ nghĩa]. Hiện nay xã hội đã biến đổi, đừng nói về lúc trước, chỉ nói xã hội sáu mươi năm trước thì đã là một trăm tám mươi độ khác hẳn với xã hội hiện nay. Hiện nay những gì sáu căn chúng ta tiếp xúc toàn là dụ dỗ. Cho nên chúng ta quan sát con nít bây giờ, mới một hai tuổi đã hiểu chuyện, hiểu chuyện nghĩa là sao? Hết ngây thơ rồi. Nó biết giả bộ, biết chiều chuộng người lớn, lòng ngây thơ trong trắng chẳng còn nữa. Nó biết quan sát nét mặt để ứng phó với người lớn, thật là dễ sợ. Nó học được từ đâu? Chính là từ truyền hình. Còn chưa biết nói thì cả ngày từ sáng đến tối hai con mắt cứ nhìn chăm chăm vào máy truyền hình, nó đều học biết hết. Do đó hiện nay cha mẹ khó dạy dỗ con cái, tại sao vậy? Chúng nó hiểu biết quá nhiều. Máy truyền hình nói thật ra chẳng tốt lành gì cả, máy truyền hình là một dụng cụ rất tốt nhưng thiệt đáng tiếc là nội dung trong đó rất có hại. Chúng ta phải hiểu những Lý và Sự này; trong kinh nói, đặc biệt là xã hội hiện nay, chúng ta đọc tới kinh này, từng câu từng chữ đức Phật đích thật đã nói rõ trạng huống sanh hoạt hiện nay của chúng ta. Xin xem tiếp kinh văn:

Hữu nhất tri thức đa giải đại thuật, thiện cấm thị độc, nãi cập Dạ Xoa chư ác độc đẳng.

Có một vị tri thức hiểu nhiều phép thuật, khéo ngăn trừ thứ độc đó, cho đến quỷ Dạ-xoa cùng các loài ác độc v.v...

[2[2]] Theo A Tỳ Đàm Bà Sa Luận, quyển 13 và Câu Xá Luận quyển 14, hành nhân nhập sơ thiền, nhị thiền v.v… do sức thiền định tự nhiên phát sanh giới thể có công năng phòng ngừa điều sai, ngăn dứt điều ác nên gọi là Định Cộng Giới.

‘Tri thức’, chúng ta gọi là thiện tri thức. Họ có trí huệ, có kiến thức, họ biết hết những sự hiểm ác trong hoàn cảnh này, vả lại họ có phương pháp có thể giải độc. Khi bạn gặp những thứ độc hại này, họ có phương pháp giúp bạn giải độc. ‘Đa giải đại thuật, thiện cấm thị độc, nãi cập Dạ Xoa chư ác độc đẳng’. ‘Dạ Xoa chư ác độc đẳng’ là những quyến rũ bên ngoài, bên trong có tập khí ác: tham, sân, si, mạn, bên ngoài lại có những quyến rũ này thì làm sao bạn không bị nạn cho được? Hiểm đạo chính là xã hội hiện nay của chúng ta, chỉ trong khoảnh khắc bạn liền gặp các thứ độc hại này, [bạn chắc chắn sẽ] bị trúng độc. Trúng độc xong tương lai quả báo sẽ ở trong ba đường ác, đây chắc chắn là sự thật. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian, phía sau nói:

Hốt phùng mê nhân, dục tiến hiểm đạo, nhi ngữ chi ngôn, đốt tai nam tử, vi hà sự cố nhi nhập thử lộ, hữu hà dị thuật năng chế chư độc.

Chợt gặp người mê muội đang muốn đi vào đường hiểm, bèn vội bảo rằng: ‘Này ông kia! Tại sao ông lại đi vào con đường này? Ông có phép thuật lạ gì có thể ngăn trừ các thứ độc chăng?

Vị tri thức ở đây chính là Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có trí huệ, có đức năng, ngài đích thật có khả năng đoạn dứt tham, sân, si, có khả năng phòng ngừa tà ác bên ngoài. Ngài gặp ‘mê nhân’, người mê tức là những người tạo ác nghiệp trong lục đạo. Đã tạo ác nghiệp tham, sân, si chính là ‘muốn đi vào đường hiểm’, hiện nay bạn tạo nghiệp, quả báo chưa hiện ra, nhưng quả báo sẽ hiện ra rất nhanh; sau khi chết đi nhất định sẽ đọa ác thú, đi vào đường hiểm. Bồ Tát thấy những người này nên cảnh cáo họ ‘Đốt tai’ nghĩa là quát mắng. Tiếp theo sau lại hỏi họ: “Tại sao ông lại muốn đi đường này?” Và cũng là nói vì duyên cớ gì mà ông lại tạo những ác nghiệp này? Những chuyện tạo ác nghiệp phía trước đã nói rất nhiều, thật ra những chuyện này chúng ta không khó hiểu, có thể đó chính là đời sống hằng ngày của chúng ta, hết thảy những chuyện xử sự, đãi người, tiếp vật. Tại sao ông phải đi đường này? Đường này là đường dẫn đến tam ác đạo. Trong tâm có tham, sân, si, mạn, lời nói hành động đều hại người lợi mình, bạn làm những việc này, chính là bạn muốn vào tam ác đạo.

Bạn vào tam ác đạo, ‘hữu hà dị thuật’? ‘Dị thuật’ là phương pháp, bạn có phương pháp gì có thể tránh những độc hại này? Đây không phải là chuyện phàm phu có thể làm được, Bồ Tát mới có thể làm được, vả lại Bồ Tát ở đây không phải là những Bồ Tát nhỏ, Bồ Tát nhỏ còn không làm nổi. Trong kinh nói Pháp Thân Đại Sĩ mới làm được. Các ngài thị hiện trong lục đạo, ‘hòa quang đồng trần’ cùng với những tà ác này. Bề ngoài hình như chẳng khác gì với công việc của những người này, nhưng tâm địa thật sự thanh tịnh từ bi; hành động của các ngài là muốn giúp hết thảy chúng sanh giác ngộ, cho nên ngài ‘năng chế chư độc’. Vào trong cảnh giới ô nhiễm này nhưng chẳng bị ô nhiễm, hình tướng bên ngoài dường như bị ô nhiễm, thật ra trong tâm ngài chẳng tiêm nhiễm mảy may, như vậy mới được. Phàm phu chẳng có khả năng này nên phải biết tránh xa. Do đó người tu hành thời xưa, tại sao đạo tràng thường được xây trong rừng núi, ở những chỗ chân người ít tới? Vậy tức là ngăn cách với xã hội. Nếu không ngăn cách, lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài không thể không động niệm, không khởi lên ác niệm tham, sân, si. Thế nên người xưa xây đạo tràng nhất định phải xây trong núi sâu, làm cho bạn đi đến đó tương đối khó khăn. Khi bạn đến đạo tràng, bạn nhất định là đi cầu pháp, nếu không có chuyện cần thiết thì bạn tuyệt đối sẽ chẳng đến đó, đúng như câu *‘chẳng có chuyện thì không bước đến điện Tam Bảo’*, hoàn toàn ngăn cách [với thế giới bên ngoài] .

Trong xã hội hiện nay thì khó khăn hơn, lúc trước đi đến tự viện tòng lâm ở Trung Quốc đại lục vô cùng khó khăn, hiện nay tất cả đều mở đường cho xe cộ có thể chạy tới, thậm chí nghe nói còn có xe cáp nên càng thuận tiện; trên núi cao vẫn có truyền hình, có chương trình [truyền hình] vô tuyến điện. Hồi trước là muốn ngăn cách, hiện nay không những không muốn ngăn cách mà còn tìm đủ mọi cách để tiếp xúc, đó là như Phật nói ở đây bạn 'hữu hà dị thuật, năng chế chư độc' (có phép thuật lạ gì có thể ngăn trừ các thứ độc không?) Hai câu này rất hiện thực đối với con người chúng ta hiện nay, chúng ta phải thường ghi nhớ tám chữ này, thường nhắc nhở chính mình, nếu không có khả năng này thì tốt hơn nên tránh xa. Đạo tràng chúng ta tuy mỗi tầng lầu có rất nhiều máy truyền hình, nhưng những máy truyền hình này chẳng nối liền với bên ngoài, chẳng coi được tin tức, chương trình bên ngoài. Đều là những tiết mục giảng kinh, niệm Phật trong nội bộ chúng ta; đạo tràng chúng ta có cách làm như vậy, chúng ta phải phòng ngừa từng giờ từng phút. Xem tiếp kinh văn:

Thị mê lộ nhân, hốt văn thị ngữ, phương tri ác đạo tức tiện thoái bộ cầu xuất thử lộ.

Người lạc đường chợt nghe lời ấy mới biết là đường nguy hiểm, liền lùi lại, muốn ra khỏi con đường đó.

Đây là ví dụ chúng sanh nghe kinh, nghe pháp xong nên giác ngộ, biết tham, sân, si, mạn là chất độc gây ra bịnh tật của mình, biết ngũ dục lục trần bên ngoài là sự quyến rũ chẳng tốt đẹp, họ thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ, mới biết đó là ác đạo. Khởi tâm động niệm tương ứng với tham, sân, si, mạn thì chắc chắn sẽ tạo nghiệp tam ác đạo. Ngày nay bạn tạo nhân ác đạo thì lẽ nào không chịu quả báo trong ác đạo? Phải hiểu sự thật này, đúng như câu trồng thiện nhân được thiện quả, tạo ác nhân nhất định phải thọ ác báo. Họ biết đây là ác đạo thì tự nhiên sẽ lùi bước. 'Cầu xuất thử lộ' nhất định phải đoạn dứt duyên ác. Đoạn ác tu thiện, đoạn dứt duyên ác, tăng thêm thiện duyên, thiện lực của mình, hy vọng ngay trong đời này lúc lâm chung thì hạt giống thiện chín muồi trước, được vậy thì bạn có thể vãng sanh về cõi thiện. Trong hết thảy nhân thiện, đức Phật nói với chúng ta niệm Phật là việc thiện hạng nhất, đặc biệt là niệm A Di Đà Phật, thiện nhất trong các việc thiện, chẳng có việc gì hơn việc này. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, quả báo này thù thắng vô cùng. Đây thật sự là một pháp môn đốn siêu, nghĩa là vượt ngang ra khỏi tam giới, tức sanh thành Phật, thành Phật ngay trong đời này. Nếu họ thật sự hiểu rõ, chân chánh giác ngộ thì họ sẽ quay đầu lại, đây cũng chứng minh thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp của họ đã chín muồi.

Nói thật ra hạng người như vậy chẳng nhiều, chúng ta coi có bao nhiêu người học Phật, người tu hành, tập khí còn chưa đoạn, chúng ta có thể nhìn thấy rõ ràng khi họ xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống hằng ngày. Họ vẫn còn tham, sân, si, mạn, và vẫn không coi niệm Phật là việc quan trọng nhất. Niệm Phật tốt nhưng họ để ở hạng nhì, hạng ba, vẫn coi danh văn lợi dưỡng là hạng nhất. Đời này họ có thành tựu hay không? Rất khó, quá khó! Rất khó thành tựu. Vậy là chứng tỏ thiện căn niệm Phật của họ chẳng mạnh lắm, sức mạnh của tập khí ác vô cùng lớn mạnh, đời này như đời quá khứ cũng kết duyên với A Di Đà Phật, nhưng đời này vẫn chẳng vãng sanh nổi. Muốn chân chánh vãng sanh là phải triệt để buông xuống. Bởi vậy chúng ta muôn vàn không thể coi thường những ông cụ, bà cụ, đừng coi thường họ chẳng biết chữ, chúng ta coi thường họ là người không có trí thức, coi họ rất nghèo hèn, chẳng có địa vị trong xã hội, chẳng ai coi trọng họ. Thường thì hạng người này đều thật sự đi làm Phật, họ thật sự đều buông xả. Chúng ta cứ tưởng mình thông minh, rất có tài năng, cuối cùng vẫn trôi lăn trong lục đạo luân hồi, vẫn phải đọa ba đường ác. Cho nên tu đạo thì thật thà là

quý nhất, chuyện phiền phức của chúng ta là chẳng chịu thật thà, nghĩ muốn nhường bước nhưng chẳng thoái lui hoàn toàn, muốn thoát ly lục đạo luân hồi nhưng vẫn chẳng xả bỏ chỗ này nổi, vẫn còn lưu luyến rất nhiều sự việc ở đây!

Chính vì nguyên nhân như vậy nên đức Phật mới dạy người tu hành, răn dạy đệ tử 'lấy khổ làm thầy', lời này rất có lý. Nếu chúng ta sống đời sống rất khổ thì sẽ không lưu luyến thế gian này. Đây là nói rõ 'giàu sang học đạo khó', ở nơi đây bạn có vui sướng, có hưởng thọ nên bạn sẽ lưu luyến, chẳng buông xuống nổi, lối thoát của bạn sẽ khó khăn phi thường. Bạn hãy suy nghĩ cặn kẽ thì sẽ thấy đức Phật nói những lời ấy rất có lý. Chúng ta muốn thật sự buông bỏ tham, sân, si thì tự mình phải làm sao? Phải ngược đãi mình một chút; vậy là một người sáng suốt, một người giác ngộ. Chúng ta xem cư sĩ Lý Mộc Nguyên là một tấm gương rất tốt, ông thường thường chịu đói, chúng ta đều nhìn thấy, tại sao vậy? [Ông nói:] Tôi muốn ngược đãi tôi. Khi thân thể không khoẻ, không tốt thì tôi không ăn cơm; ông cũng không đi khám bác sĩ, cũng chẳng uống thuốc. Thường thường sinh sống cực khổ nên chẳng lưu luyến gì đối với thế gian này, đây là điều rất chính xác.

Tôi theo học với Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam mười năm, thầy Lý mỗi ngày ăn một bữa, sau khi người khác nhìn thấy thức ăn của thầy [sẽ hỏi] ăn như vậy thì làm sao ăn nổi? Thầy sống qua ngày như vậy, mấy chục năm cũng như một ngày. Thầy tự nấu ăn, nồi và chén của ngài chỉ là một, thầy dùng một cái chảo nhỏ có tay cầm [để làm nồi và chén]. Thầy là người tỉnh Sơn Đông, thường ăn mì, rất ít ăn đồ ăn, chỉ ăn vài cọng rau, thầy sống đời sống cực khổ như vậy. Nếu chư vị có cơ hội đến Đài Trung thì hãy đến Kỷ Niệm Quán của thầy Lý xem thử, trong đó có chưng bày các di vật của thầy. Quần áo của thầy đều được vá đi vá lại rất nhiều chỗ, thầy mặc quần áo rách. Ai vá cho thầy? Thầy tự vá. Người khác tuyệt đối sẽ chẳng vá cho thầy, nếu thầy đem quần áo nhờ người ta vá thì người ta nhất định sẽ bỏ vô thùng rác, mua quần áo mới cho thầy. Người ta cho thầy quần áo mới thì thầy liền cúng dường cho người khác, thầy tu phước đấy. Thầy vô cùng tiết kiệm, chẳng lãng phí những vật dụng thường ngày tí nào. [Thật đúng là] Bồ Tát hiện thân thuyết pháp. Chúng ta thấy cư sĩ Lý Mộc Nguyên cũng là nhân vật hạng nhất ở đây. Bạn coi ông ta tự mình cũng rất tiết kiệm, nhưng đối với đại chúng thì rất rộng rãi, niệm niệm đều vì lợi ích của chúng sanh. Đây là việc chúng ta phải cảnh tỉnh, phải cảnh giác, cực khổ một chút thì tốt hơn. Trong Giới Kinh thường nói 'Tỳ kheo thường mang ba phần bịnh', đó là bịnh gì? Không phải là kêu bạn giả bịnh, ba phần bịnh tức là ăn không no, mặc không ấm, là dạy bạn việc này. Từng giờ từng phút cảnh giác thế gian khổ, biết khổ mới có tâm muốn thoát ly, nếu bạn chẳng nếm mùi khổ thì sẽ quên mất ý niệm muốn thoát ly [thế giới này]. Xem tiếp kinh văn:

Thị thiện tri thức đề huề tiếp thủ, dẫn xuất hiểm đạo, miễn chư ác độc, chí ư hảo đạo, lịnh đắc an lạc.

Thiện Tri Thức ấy nắm tay dìu dắt, dẫn ra khỏi đường hiểm, tránh khỏi các sự ác độc, và đến con đường tốt lành, làm cho được an lạc.

Đây là việc khó gặp được thiện tri thức, gặp được một người tốt, người tốt dạy bạn, giúp bạn, đây tức là 'đề huề tiếp thủ', đưa tay ra kéo bạn, kéo bạn ra khỏi đường ác. Đường ác, tâm ác, miệng ác, hành động ác, đây tức là ác đạo; bạn tạo nghiệp của ác đạo, tương lai sẽ đọa tam ác đạo. Một khi đã đọa vào tam ác đạo thì rất khó được 'đề huề tiếp thủ', do đó tại sao đức Phật tiếp độ chúng sanh lại coi trọng cõi người? Cõi người là nơi bạn sắp đọa lạc nhưng chưa đọa lạc, bạn vẫn chưa bước vào cửa địa ngục, lúc này kéo bạn trở lại thì dễ, nếu đã bước vào [địa ngục] thì rất khó kéo ra, chẳng thể

kéo nổi. Nếu lúc này mà khuyên bạn, bạn nghe rõ ràng, rành rẽ, giác ngộ xong, lập tức quay đầu, quay đầu là bến bờ. 'Đề huề tiếp thủ dẫn xuất' đều chỉ kinh điển Đại Thừa, phải thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa, phải thường thường giảng giải thảo luận, nhắc nhở đại chúng đoạn ác tu thiện, y giáo phụng hành, như vậy thì bạn mới quay đầu. Sau khi quay đầu thì bạn chắc chắn sẽ đến được cõi tốt, cõi tốt tức là cõi Phật, cõi Bồ Tát, đây thật sự là cõi tốt. Bạn có thể đạt được an lạc vĩnh hằng, hiện giờ tâm yên ổn, thân yên ổn, thân tâm yên ổn thì sẽ pháp hỷ sung mãn, bạn sẽ đạt được ngay bây giờ. Đây là nói người này đã quay đầu giác ngộ rồi. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Nhi ngữ chi ngôn đốt tai mê nhân, tự kim dĩ hậu, vật lý thị đạo, thử lộ nhập giả tốt nan đắc xuất, phục tổn tánh mạng, thị mê lộ nhân diệc sanh cảm trọng.

Rồi bảo rằng: 'Này người lạc đường! Từ nay về sau chớ đi vào con đường đó nữa. Ai mà vào con đường đó ắt khó ra được, lại còn bị tổn tánh mạng!' Người lạc đường đó cũng sanh lòng cảm trọng.

Kêu họ quay đầu, thấy họ đã quay đầu, lại cảnh giác họ, nhắc nhở họ, từ nay về sau không được tái phạm, nhất định phải nghiêm trì giới luật. Giới luật của chúng ta chẳng nói rất cao, cao quá thì chẳng dùng được [vì] làm không nổi, mức thấp nhất thì ít nhất cũng là ngũ giới thập thiện. Trong Quán Kinh dạy chúng ta Tịnh Nghiệp Tam Phước, trình độ thấp nhất phải là 'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại, tu thập thiện nghiệp'. Nếu bạn lìa khỏi ác đạo, tu thiện đạo, đó là 'thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi', cho đến 'phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả', hành Bồ Tát đạo. Từ trong ác đạo quay đầu trở lại chuyển đến Bồ Tát đạo, đây là cõi tốt, được vậy bạn sẽ yên vui. Phải từng giờ từng phút ghi nhớ lời cảnh giác của Bồ Tát, tuyệt đối không được đi vào đường cũ. 'Thử lộ nhập giả' đây là nói tam ác đạo, nếu bạn đi vào con đường này thì bạn sẽ rất khó thoát ra. 'Phục tổn tánh mạng' tánh mạng là chỉ pháp thân huệ mạng, nghiêm trọng đến làm hại pháp thân huệ mạng. Người này được Phật, Bồ Tát răn dạy, sau khi giác ngộ vô cùng cảm kích Phật, Bồ Tát, và cũng tôn kính phi thường, thật sự có thể y giáo phụng hành.

Lâm biệt chi thời tri thức hựu ngôn nhược kiến thân tri cập chư lộ nhân nhược nam nhược nữ, ngôn ư thử lộ đa chư độc ác, táng thất tánh mạng, vô lịnh thị chúng tự thủ kỳ tử.

Lúc từ biệt nhau, vị tri thức lại nói thêm: 'Nếu gặp người thân quen, cùng những người đi đường hoặc trai hoặc gái, thì hãy bảo với họ rằng con đường đó có nhiều sự ác độc, [vào đó có thể] mất cả tánh mạng, đừng để cho những người ấy tự vào chỗ chết.

Kinh văn đến chỗ này toàn là ví dụ. Lúc thiện tri thức từ biệt với kẻ ấy, lại đặc biệt căn dặn rằng kẻ ấy đã hiểu rõ rồi, đã quay trở về, rất tốt! Bạn phải giúp đỡ kẻ khác, thân thích, bạn bè, 'tri' là bạn bè, thân quyến bạn bè của bạn, bạn tri giao, đây là những người gần gũi bạn nhất. 'Cập chư lộ nhân' là những người bạn không quen biết. Nói cách khác chỉ cần gặp người đi vào tam ác đạo, khi bạn gặp thì nên khuyên họ. Bất luận là nam hay nữ, bạn nên nói với họ con đường này 'có nhiều việc ác, độc, đánh mất tánh mạng', đây là sự thật, chẳng giả dối tí nào. Tham, sân, si là bịnh độc nghiêm trọng nhất, lục đạo tam đồ là do chúng biến hiện ra. Trong đời chúng ta thường thường có bịnh khổ, tại sao con người sanh bịnh? Tại vì trong tâm bạn có ba thứ bịnh độc nên bạn mới sanh bịnh. Nếu trong tâm bạn chẳng có tam độc này, thì bạn làm sao sanh bịnh

được? Bên trong có bịnh độc, bên ngoài có tà nhiễm, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần là tà nhiễm, bên trong kết hợp với bên ngoài thì bạn làm sao không sanh bịnh cho được? Bịnh phát sanh từ chỗ này vậy. Nếu tâm bạn thanh tịnh thì thân sẽ thanh tịnh, cảnh giới sẽ thanh tịnh, làm sao sanh bịnh cho được?

Chúng ta thấy ở đây có chẳng ít người niệm Phật vãng sanh, cư sĩ Lý Mộc Nguyên đã từng báo cáo, rất nhiều đồng tu vãng sanh đều biết trước ngày giờ vãng sanh, chẳng sanh bịnh, đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, vãng sanh vô cùng thong dong, vô cùng tự tại, nguyên nhân là gì? Họ đã đoạn dứt tam độc phiền não bên trong, đây là công phu niệm Phật đắc lực. Niệm Phật đến lúc tham, sân, si dứt hết, niệm dứt thị phi, nhân ngã, ngũ dục lục trần, nên họ có được quả báo thù thắng như vậy. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, chúng ta đã nhìn thấy sự thật này rất nhiều. Hiện nay quan trọng nhất là chính mình, chúng ta có thể đoạn dứt tham, sân, si tam độc hay không? Có thể tương lai vãng sanh được tự tại như họ không? Họ có thể làm được thì tại sao chúng ta làm không được. Phải thường suy nghĩ, chuyện này chẳng vì ngoại duyên, hoàn toàn ở tại chính mình. Việc này chư Phật, Bồ Tát không thể giúp được, chư Phật, Bồ Tát giúp mình chỉ là khai thị, kinh điển chính là lời khai thị, dạy rõ những chân tướng sự thật này cho chúng ta. Làm thế nào sửa đổi tâm lý, chuyển đổi cảnh giới, đây là chuyện của chúng ta. Chúng ta phải giác ngộ, phải khế nhập vào cảnh giới, 'nhập' tức là sửa đổi tâm lý, sửa đổi cảnh giới, lợi ích hiện tại là thân tâm được khỏe mạnh.

'Vô lịnh thị chúng tự thủ kỳ tử' đây là đại từ đại bi, nhìn thấy chúng sanh tạo ác nghiệp, không thể không nói, không thể không khuyên nhủ. Thuyết pháp, khuyên nhủ cũng cần có duyên phận, người giác ngộ biết được. Duyên phận này, nếu có khả năng thì xây đạo tràng, đây là duyên phận. Chư vị nghĩ xem nếu Tân Gia Ba chẳng có đạo tràng Cư Sĩ Lâm này, chẳng có đạo tràng Tịnh Tông Học Hội thì chúng ta sẽ chẳng có duyên. Còn phải biết cách thỉnh mời, phải quen biết thiện tri thức, chúng ta biết thì mời họ đến chỗ này giảng kinh thuyết pháp, dạy chúng ta tu hành; phải có người mời, nếu không ai mời thì thiện tri thức chẳng tự đến. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật, người thế gian chúng ta chẳng có người nhận biết được, chẳng có người mời ngài. Trong tình trạng như vậy thì đức Phật Thích Ca sẽ nhập niết bàn, chỉ có thể ra đi. May nhờ có người ở cõi trời Tịnh Cư nhìn thấy, Trời Tịnh Cư ở cõi Tứ Thiền, người ở Ngũ Bất Hoàn Thiên nhìn thấy, nhìn thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề, họ bèn xuống đây thay chúng ta khải thỉnh.

Câu 'vô lịnh thị chúng tự thủ kỳ tử' tức là khuyên chúng ta nên thay mặt những người mê này lễ thỉnh, thỉnh pháp. Hiện nay phương thức thỉnh pháp rất nhiều, chúng ta có thể lợi dụng phương tiện khoa học kỹ thuật tối tân. Thời quá khứ thật sự là rất khó khăn, nơi chốn giảng kinh có hạn, có thể dung nạp số lượng đại chúng cũng có hạn. Ngay cả ba, bốn mươi năm trước những thiết bị khuyếch âm cũng vô cùng sơ sài, thật là chẳng dễ. Hiện nay chúng ta lợi dụng khoa học kỹ thuật tân tiến nên rất thuận tiện. Đặc biệt là chúng ta lợi dụng mạng lưới điện toán, chúng ta biết thế kỷ hai mươi mốt nhất định sẽ bước vào thời đại mạng lưới điện toán, mọi người đều nhìn thấy rõ ràng. Tôi tin tưởng máy điện toán tương lai sẽ mỏng, sẽ nhỏ hơn cuốn sách trong tay chúng ta, có thể máy điện toán nhỏ có thể bỏ vào túi của quý vị, bạn có thể lợi dụng thiết bị này để thâu nhận thông tin toàn thế giới, đây là xu hướng nhất định. Đây là việc tương lai ai cũng chẳng tách lìa, sẽ là vật cần dùng trong đời sống của bạn, nên người hiện đại không thể không học [sử dụng] máy điện não, không thể không có hiểu biết về điện não. Chúng ta lợi dụng phương tiện này để truyền bá, cho nên hiện trường giảng kinh lớn nhỏ chẳng thành vấn đề, thính chúng nhiều ít cũng chẳng quan trọng, chúng ta

truyền bá đi khắp thế giới cùng lúc, ở bất cứ nơi đâu bạn chỉ cần bấm vài cái nút thì bạn liền có thể nghe được. Qua vài ngày nữa màn ảnh này của chúng ta cũng sẽ được phát ra, chẳng khác gì với màn ảnh trên TV của bạn. Cho nên khuynh hướng dùng mạng lưới điện toán để truyền thông, chúng ta tin tưởng tương lai sẽ thay thế máy truyền hình, tiền vốn của máy truyền hình quá cao, nhất định [mạng lưới điện toán] sẽ thay thế truyền hình, máy truyền hình sẽ bị đào thải. Hiện nay chúng ta làm công việc này rất dễ dàng, chúng ta nói cho họ biết địa chỉ trên mạng là được, liền có thể giới thiệu Phật pháp cho họ. Nói rõ sự tốt lành, lợi ích của Phật pháp, nói với họ vào địa chỉ trên mạng này tìm xem những thông tin về Phật pháp. Chẳng giống khi trước phải mất rất nhiều công sức, thật chẳng thuận tiện, hiện nay làm việc hoằng pháp lợi sanh thuận tiện hơn nhiều.

Nhưng tự mình phải hết lòng tu học, phải làm một gương tốt cho người ta coi. Nếu không, khi bạn giới thiệu cho họ, [họ sẽ hỏi] Phật pháp tốt như vậy tại sao chính bạn lại không tu? Lòng tin của người ta sẽ mất đi. Tự mình bạn phải chân tu, tự mình phải làm một tấm gương tốt, làm cho người ta nhìn thấy bạn liền sanh lòng ngưỡng mộ, sanh tâm hoan hỷ, vậy thì họ mới tin tưởng, điều này vô cùng quan trọng! Thế nên chúng ta giới thiệu Phật pháp cho người ta, trước hết phải chuẩn bị hình tượng Phật pháp cho tốt đẹp, làm cho chiêu bài tốt đẹp, có bao bì đẹp đẽ, sáng sủa làm cho người ta vừa nhìn liền ưa thích, đây là việc rất quan trọng. Đó là tự mình phải y giáo phụng hành, phải có được thành tích trong sự tu học của mình, được vậy thì khi chúng ta giới thiệu cho người ta, người ta mới tin tưởng. Chúng ta đích thật từ trong chỗ độc, chỗ ác quay đầu trở lại, đạt được thiện lợi chân thật, làm cho họ nhận thấy rõ ràng thì họ mới tin tưởng; khi họ có thể quay đầu thì chúng ta mới thâu được hiệu quả. Xem tiếp kinh văn, đây là 'pháp hợp', kết hợp ví dụ nói trên với lời dạy của Bồ Tát:

Thị cố Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi cứu bạt tội khổ chúng sanh. Sanh nhân thiên trung lịnh thọ diệu lạc, thị chư tội chúng tri nghiệp đạo khổ, thoát đắc xuất ly vĩnh bất tái lịch.

Thế nên Bồ Tát Địa Tạng đầy đủ đức đại từ bi, cứu vớt những chúng sanh mắc tội khổ, khiến cho họ được sanh trong cõi trời, cõi người, hưởng sự vui sướng vi diệu. Những kẻ có tội đó biết rõ sự khổ trong nghiệp đạo rồi, khi đã được ra khỏi, vĩnh viễn chẳng trở vào nữa.

Chữ 'tái' 載 , ngày nay chúng ta không viết chữ này, chữ 'tái' thời xưa với chữ 'tái' 再 trong chữ tái lai, là đồng âm, đồng nghĩa. Đây là nói trong bản văn này, Địa Tạng Bồ Tát đại từ đại bi, cứu vớt những chúng sanh chịu tội khổ trong tam đồ lục đạo, thoát khỏi ác đạo rồi đến cõi người, cõi trời; sự vui trong cõi trời người so với tam ác đạo thì thật là sự vui sướng vi diệu. Ngày nay chúng ta được thân người [nên chúng ta biết] những việc ở cõi người thọ nhận đích thật là khổ. Đặc biệt là xã hội ngày nay, nửa thế kỷ gần đây, chúng ta cảm thấy mỗi năm khổ hơn năm trước. Xã hội thời xưa đích thật [yên vui hơn bây giờ] nếu chúng ta so sánh kỹ càng, người thời xưa hưởng thọ thật sự là 'thọ diệu lạc'. Nhân khẩu thời xưa chẳng nhiều như hiện nay, cuối triều Thanh đầu thời Dân Quốc nhân khẩu Trung Quốc thời đó thống kê là bốn vạn vạn người, [nghĩa là] bốn ức, ngày nay là mười ba ức. Nhân khẩu ít thì xã hội đơn thuần, phong tục thuần phát, nhân tâm đôn hậu, xã hội như vậy thật đáng hoài niệm.

Xã hội ngày nay là gì? Nếu là người hiểu rõ ràng thì sẽ chẳng hoài niệm xã hội hiện nay. Đích thật là như thánh hiền thế gian, xuất thế gian nói thời thế đại loạn, thiên

hạ đại loạn, hoàn toàn đi lệch ra ngoài quỹ đạo. Nhân sự thoát khỏi quỹ đạo, quỹ đạo tức là luân thường đạo đức, là quỹ đạo của nhân sự. Con người thoát ra khỏi quỹ đạo luân thường thì địa cầu cũng chẳng bình thường nữa, hoàn cảnh cư trú của chúng ta xảy ra tai biến khác thường. Ngày nay mọi người cảm thấy rất rõ rệt khí hậu khác thường, chẳng bình thường. Căn cứ theo sự ghi chép từ đó đến giờ thì sẽ thấy vô cùng rõ ràng, khí hậu trên toàn thế giới có sự biến hóa to lớn. Chư vị phải biết sự thay đổi này ảnh hưởng rất lớn, ảnh hưởng đời sống của chúng ta, ảnh hưởng sự canh tác của nông dân tức là ảnh hưởng đến sự sản xuất của nông sản, trực tiếp ảnh hưởng đến thức ăn, quần áo, cư trú, hành động trong đời sống chúng ta, do đó bạn mới hiểu được đây là thời thế đại loạn. Tại sao lại tạo thành hiện tượng này? Người xưa nói *'lỗi do không đọc sách thánh hiền',* đạo lý là ở chỗ này. Sách thánh hiền là giáo dục, nói đến rốt ráo tức là giáo dục hoàn toàn thất bại, tạo nên hiện tượng đại loạn ngày nay, đời sống của chúng ta khổ chẳng nói nổi. Ngày nay bạn hưởng thọ niềm vui của ngũ dục lục trần, niềm vui này là gì? Nói thật ra niềm vui này cũng giống như hút thuốc phiện, chẳng phải là niềm vui thật sự, hậu quả chẳng lường được, quý vị hãy bình tĩnh suy nghĩ lời tôi nói thì sẽ hiểu.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 30 (Số 14-12-30)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 110, kinh văn phía trước có nêu một ví dụ, ví dụ rất cạn cợt, dễ hiểu, kinh văn phía sau là pháp hợp, hợp lại đoạn ví dụ này. Xin xem kinh văn, hàng thứ nhất:

Thị cố Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi cứu bạt tội khổ chúng sanh. Sanh nhân thiên trung lịnh thọ diệu lạc, thị chư tội chúng tri nghiệp đạo khổ, thoát đắc xuất ly vĩnh bất tái lịch.

Thế nên Bồ Tát Địa Tạng đầy đủ đức đại từ bi, cứu vớt những chúng sanh mắc tội khổ, khiến cho họ được sanh trong cõi trời, cõi người, hưởng sự vui sướng vi diệu. Những kẻ có tội đó biết rõ sự khổ trong nghiệp đạo rồi, khi đã được ra khỏi, vĩnh viễn chẳng trở vào nữa.

Đoạn văn này đáng được chúng ta cảnh tỉnh, phòng bị. Bồ Tát khuyên răn hết thảy chúng sanh trong ác đạo, làm cho họ giác ngộ, sám hối, quay đầu. Phàm là ai trong ác đạo có thể sanh lên một niệm sám hối chân thật thì có thể thoát ra khỏi ác đạo liền, chúng ta thấy những sự việc này [được ghi chép] trong kinh điển rất nhiều. Có rất nhiều đồng tu coi xong nhưng không thể tin tưởng, cứ cho rằng cả đời tạo rất nhiều tội nghiệp, đọa vào ác đạo thì rất khó thoát ra, trong kinh này cũng nói đọa vào ác đạo rất khó thoát khỏi. Tại sao một niệm chân thật sám hối thì họ thoát ra khỏi rất dễ dàng? Nói thật ra chính là chúng sanh tạo ác nghiệp thật rất khó khởi lên một niệm chân thành sám hối [cho dù] nhỏ bé, đạo lý là như vậy. Họ có thể dấy khởi một niệm, họ thật sám hối, chẳng phải giả, thật sự quay đầu. Ngạn ngữ đời xưa ở Trung Quốc có nói 'lãng tử quay đầu, vàng cũng không đổi', một khi họ quay về thì họ là người tốt nhất trong các người tốt, vô cùng hiếm hoi! Vấn đề là họ ở trong ác đạo. Trong cõi người chúng ta có được bao nhiêu người sanh lên một niệm chân tâm [sám hối] quay về? Đầu óc của con người tỉnh táo hơn đầu óc của chúng sanh trong tam ác đạo rất nhiều. Chúng ta cũng có

thể nói theo cách này, trong thập pháp giới càng lên cao thì đầu óc càng tỉnh táo, càng không mê; càng đi xuống thì càng mê hoặc, càng không tỉnh táo, ở cõi địa ngục thì mê đến cùng cực. Trong hoàn cảnh ấy, họ muốn sanh một tâm niệm thanh tịnh, một tâm niệm sám hối thì bạn phải biết đó là hy hữu, khó được biết mấy. Bởi vậy Phật mới nói rất khó thoát ra khỏi ác đạo, đạo lý là như vậy. Cùng một đạo lý, tại sao chúng ta đọa lạc trong luân hồi, vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp đều chẳng thoát ra khỏi lục đạo luân hồi, nguyên nhân là gì? [Từ đây] bạn mới biết một niệm chân tâm sám hối ấy khó phát khởi vô cùng, đạo lý là như vậy.

Phàm thánh thật sự chỉ cách nhau ở một niệm, một niệm giác thì siêu phàm nhập thánh, một niệm mê thì vĩnh viễn đọa trong luân hồi, chỉ ở trong vòng một niệm mà thôi. Phật, Bồ Tát cứu độ chúng sanh chẳng có gì khác ngoài việc khuyên chúng sanh khởi một niệm giác, khởi một niệm giác này họ liền siêu sanh. Siêu sanh đến cảnh giới gì? Vậy thì phải coi mức độ giác ngộ của họ. Nếu là triệt để giác ngộ, từ địa ngục liền có thể thành Phật, bạn tin không? Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thì sẽ tin, bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ có thể làm cho chúng sanh trong chín pháp giới bình đẳng thành Phật, đây là điểm thù thắng của pháp môn này, công đức lợi ích của pháp môn này không thể nghĩ bàn. Nếu Phật không thể dạy cho chúng sanh trong địa ngục lập tức thành Phật thì trí huệ, khả năng của Phật đáng để cho chúng ta hoài nghi, Phật còn chuyện gì không thể làm được nữa chăng? Đức Phật thật sự có thể làm được, vấn đề là chúng sanh trong địa ngục có chịu hợp tác hay không? Nếu không chịu hợp tác, không chịu tin tưởng, không chịu y giáo phụng hành thì Phật cũng chẳng có cách chi. Đây không phải là năng lực của Phật không đủ, mà là đối phương có chướng ngại, có nghiệp chướng. Mọi người hiểu rõ đạo lý này xong thì mới biết chân tâm rất đáng quý. Ngày nay chúng ta trong xã hội, bạn đã học Phật rồi, như thế nào gọi là học Phật? Bạn thật sự học Phật hay học giả. Thật sự học Phật thì chẳng có gì khác, phải dùng chân tâm, chẳng lừa gạt mình, chẳng lừa gạt chúng sanh, bạn dùng chân tâm. Nếu còn tự gạt mình và gạt người, một ngày bạn niệm mười vạn câu Phật hiệu cũng không dùng được, đúng như cổ đức có nói 'Hét bể cổ họng cũng luống công'. Chúng ta bước vào Niệm Phật Đường có bao nhiêu người đạt được nhất tâm, bao nhiêu người có thể vãng sanh phẩm với vị cao, phải coi người ấy dùng tâm gì. Vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, bạn sanh vào phẩm nào cũng xem bạn dùng tâm gì. Nếu bạn dùng tâm chân thành rốt ráo viên mãn thì bạn nhất định sẽ sanh đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thượng phẩm thượng sanh. Chư vị phải biết, Thật Báo Độ thượng phẩm thượng sanh, đến đó bèn làm Phật, bèn thành Phật. Do đó phải coi mức độ trong chân tâm của bạn.

Chân tâm còn có sai khác nữa ư? Có chứ, làm sao không sai khác được! Kinh Hoa Nghiêm nói về bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Đại Sĩ đều dùng chân tâm, dùng chân tâm nhiều ít chẳng đồng đều. Chỉ dùng một ít, dùng một chút chân tâm, thì đó là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát; thêm một chút nữa thì đó là Nhị Trụ Bồ Tát. Do đó rốt ráo viên mãn chân tâm thì bạn sẽ ở quả vị Phật, quả địa Như Lai. Trong chân tâm của Đẳng Giác Bồ Tát còn xen tạp một phẩm vọng, bốn mươi mốt phẩm hư vọng này gọi là Vô Minh, bốn mươi mốt phẩm vô minh, ngài còn một phần vô minh chưa đoạn thì vẫn chưa viên mãn. Cho nên việc này hoàn toàn phải coi chúng ta dùng chân tâm hết bao nhiêu phần. Khi hiểu được đạo lý này, sự thật này thì tại sao không hoàn toàn dùng chân tâm? Chúng ta tận lực dùng tâm chân thành để cư xử với người, dùng đức báo đức, dùng đức báo oán, đó là Bồ Tát đạo. Quên ơn phụ nghĩa, dùng oán báo oán, đó là ác đạo chúng sanh, trong lục đạo chẳng phải là tam thiện đạo mà là tam ác đạo. Dùng vọng tâm bèn đọa ác đạo, lục đạo đều là ác đạo, dùng chân tâm thì siêu phàm nhập thánh. Do đó chúng ta đừng lo người ta dùng tâm gì để đối xử với chúng ta, họ dùng

vọng tâm, thậm chí huỷ báng mình, sỉ nhục mình, hãm hại mình, thì mình cũng vui vẻ tiếp nhận, vẫn cứ dùng tâm chân thành để đối xử với họ. Tại sao vậy? Mình muốn làm Phật, mình muốn vãng sanh được phẩm vị cao; họ chẳng muốn làm Phật, họ muốn vào tam ác đạo. Đây là việc "sanh tử đại sự" mà tôi thường nhắc đến, sau khi chết đi mười pháp giới bày trước mặt, chúng ta chọn cõi nào? Việc này rất quan trọng. Tôi chọn cõi Phật, Bồ Tát, họ vẫn chọn lục đạo luân hồi y như cũ, họ chọn đường của họ, tôi đi đường của tôi. Không thể vì họ vu oan chúng ta, hãm hại chúng ta rồi chúng ta phải trả đũa, [người có] tư tưởng này, hành vi này sẽ đọa vào tam ác đạo, mình [khởi tâm niệm này thì mình] cũng đi theo mà đọa vào tam ác đạo, đó là người ngu.

Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi răn dạy chúng ta, đây tức là hai câu nói trong kinh 'cụ đại từ bi, cứu bạt tội khổ chúng sanh'. Vì tâm họ dùng không phải là tâm chân thành, cái thiện tâm trong vọng tâm ấy cũng chẳng tệ lắm, họ chẳng dùng tâm ác mà dùng tâm thiện, một tâm niệm thiện này khởi lên, họ có thể thoát ly tam ác đạo, sanh đến cõi trời, người. Đến cõi trời người, chư Phật, Bồ Tát vẫn [lo lắng cho họ] như cũ, vẫn chẳng bỏ họ, đây gọi là đại từ bi. "Trong nhà Phật chẳng xả một người nào cả", có phải là sự việc như vậy không? Đúng vậy, chư Phật, Bồ Tát thường thường chăm sóc mỗi người chúng ta; nhưng giống như trong kinh ví dụ, khi sanh đến cõi trời, chúng ta rất dễ bị mê hoặc, đọa lạc. Cõi trời người sung sướng hơn tam ác đạo nhiều, nhưng nếu hưởng vui trong cõi trời, người thì sẽ mê trở lại. Do đó khi Phật, Bồ Tát chăm sóc thì chúng ta nhất định phải hợp tác với quý ngài, cũng là nói khi gặp nhân duyên thì tự mình phải biết nắm lấy, đừng bỏ qua, sau đó những sự an lạc mà chúng ta thọ nhận được mới gọi là 'diệu lạc'. 'Diệu lạc' là sự thọ dụng trong một đời vẫn niệm niệm giác chứ không mê, 'sự an lạc' như vậy mới là 'diệu'. Trong ngũ dục lục trần khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì liền chẳng an lạc nữa. Ở nơi nào cũng phân bì với người ta, những gì người khác có thì mình cũng có, người khác không có thì mình cũng muốn có, có rồi còn muốn vượt trội hơn kẻ khác, cái 'lạc' như vậy sẽ chẳng 'diệu'. Cái lạc này đối với tinh thần, vật chất của chính mình đều có áp lực rất lớn, cái lạc như vậy đâu có 'diệu' gì đâu.

Nếu chúng ta so sánh người Trung Quốc và người ngoại quốc thì liền biết rõ. Người Trung Quốc ngưỡng mộ người ngoại quốc, họ ở nhà lầu, mỗi người đều có xe hơi, đi ra đường đều có xe, trong gia đình đều được điện khí hóa, hiện đại hóa, gia đình sinh sống rất thoải mái. Người Trung Quốc nhìn thấy thì rất ngưỡng mộ, cứ cho rằng mình rất lạc hậu, tự cảm thấy rất buồn bực, cảm thấy rất khổ. Bạn chỉ nhìn thấy bề ngoài, chẳng nhìn sâu thêm một tầng; nếu đi sâu thêm một tầng sẽ thấy người Trung Quốc vui sướng, người ngoại quốc rất khổ thì bạn mới nhìn thấy chân tướng sự thật. Tại sao nói người ngoại quốc khổ? Hết thảy những hưởng thọ [vật chất] của họ đều là do mua thiếu chịu hết, ngân hàng cho vay, công ty bảo hiểm cho vay để mua, đều gánh rất nhiều nợ nần trên thân, họ đâu có vui sướng gì đâu? Mỗi ngày làm việc cực khổ như trâu như ngựa để kiếm tiền trả nợ, họ sống cuộc đời như vậy. Tuy người Trung Quốc sống cuộc đời thanh bần, ở trong lều tranh, xây bức tường gạch, lợp mái nhà lá, nhưng không chịu nợ nần, không nợ thì cả thân khỏe khoắn. Cuộc sống như vậy người ngoại quốc có nằm mơ cũng chẳng nghĩ tới. Người Trung Quốc làm việc xong, về nhà đầu óc nhàn rỗi, rất tự tại, mấy người bạn thân tụ lại tán dóc, ăn đậu phộng, nhâm nhi ly rượu, [thiệt là] vui sướng quá chừng. Người ngoại quốc làm sao có được những sự hưởng thụ này? Khi nghỉ phép thì họ đi tìm kích thích, tìm kích thích cũng như hút thuốc phiện, làm cho đời sống của họ thư giãn một chút. Vĩnh viễn khẩn trương, luôn chịu nợ, trả nợ, bị nợ nần bức bách, có vui sướng gì đâu? Tôi cư trú ở Mỹ hết mười lăm năm, tôi cảm thấy người Mỹ chẳng vui sướng bằng người Trung Quốc, đây là vì văn hóa khác

nhau, bối cảnh lịch sử khác nhau. Đương nhiên chúng ta cũng nên nâng cao phẩm chất sinh hoạt, càng nên nâng cao phẩm chất của đời sống tinh thần.

Tôi còn nhớ lúc thọ giới, đây là việc bốn mươi năm trước. Đắc Giới Hòa Thượng là Đạo Nguyên lão pháp sư, trong giới đàn ngài kể cho chúng tôi một câu chuyện, ấn tượng của chúng tôi rất sâu đậm, đây là một câu chuyện thật, chẳng giả. Ngài là người Tô Bắc, lúc nhỏ xuất gia làm tiểu sa di, chỗ ngài ở có một người ăn xin, con trai của người ăn xin này là một thương gia rất giàu có ở địa phương, buôn bán giàu có. Người con phát tài, còn người cha thì đi ăn xin nên bạn bè thân thích thấy vậy ai cũng trách mắng người con, người con cảm thấy cũng khó chịu, mất thể diện nên phái rất nhiều người đi tìm cha mình, rất khó khăn lắm mới tìm được người cha. Rước về nhà xong thay quần áo cho ông, chăm sóc cúng dường cho ông đàng hoàng, sai mấy người hầu hạ ông, để cho ông hưởng phước. Người cha này rất kỳ lạ, ở nhà gần một tháng thừa lúc không ai để ý ông ta lại lén trốn đi, trốn đi ăn xin như cũ. Về sau người ta cảm thấy rất hiếu kỳ nên hỏi ông: 'Con ông rước ông về nhà hưởng phước, tại sao ông lại trốn đi?' Ông nói: 'Tôi về đó cũng như chịu tội vậy, giống như bị người ta nhốt trong chuồng, giống như con chim bị nhốt trong lồng, mỗi ngày được đút cơm, ngày tháng như vậy rất bực bội'. Ông nói tiếp 'Tôi ra ngoài xin ăn, trên thân tôi chẳng có cái gì hết, đi đâu cũng có cơm ăn, ngày nào cũng đi đây đi đó, mệt thì kiếm chỗ nghỉ ngơi, ngày tháng như vậy vô cùng vui sướng!'. Người này hiểu được 'thọ diệu lạc'. Do đó có thể biết người ta mỗi ngày ở nhà hưởng những thọ dụng vật chất, đó chẳng phải là diệu lạc, đó là 'tục lạc', tục nghĩa là chẳng nhã, tục chẳng kham nổi, là sự vui như vậy, đâu biết được diệu lạc?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta, ba y một bình bát, ngài thọ dụng diệu lạc. Những nhu cầu con người sống trên đời cần có như ăn no, mặc ấm là đủ rồi. Thật sự hiểu được sanh hoạt, đó chính là đi đây đi đó, tiêu diêu tự tại, vậy mới gọi là nhân sanh, gọi là vui sướng. Có duyên thì tận tâm tận lực giúp đỡ chúng sanh, giúp đỡ xã hội, hy sinh dâng hiến cũng là diệu lạc. Chẳng cần danh, chẳng cần lợi, chẳng cần uy quyền chẳng cần địa vị, ngày nay gọi là làm việc thiện nguyện, bất luận ở địa vị nào cũng đều là làm việc thiện nguyện, trong đó có niềm vui chân thật, đó gọi là 'diệu lạc'. Trong kinh Phật đã nói quá nhiều, đáng tiếc là chúng ta nghe xong, đọc xong nhưng vẫn chẳng giác ngộ, vẫn bị phiền não trói buộc y như cũ. Lỗi lầm này là ở tại chúng ta, chẳng thể oán trời, trách người. Đời người ngắn ngủi, mấy mươi năm chỉ như một khảy ngón tay, nhất định phải giác ngộ, nhất định phải biết làm thế nào sống qua ngày, sanh hoạt như thế nào mới là đúng đắn, lời dạy của đức Phật mới là đúng đắn. Phải nên nhìn thấu thế tục, phải thoát ly thế tục, đây chính là như nhà Phật thường nói siêu phàm nhập thánh, phải nhìn thấu suốt thế tục, siêu việt thế tục.

'Thị chư tội chúng, tri nghiệp đạo khổ', hai câu này vô cùng quan trọng. Kinh này vừa mở đầu, hết thảy chư Phật tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong ngũ trược ác thế thị hiện thành Phật, 'tri khổ lạc pháp'. Đức Phật biết pháp gì là khổ, pháp gì là vui. Chúng ta nghe lời dạy của đức Phật thì phải biết nghiệp đạo khổ. 'Nghiệp đạo' là gì? Tạo nghiệp mà không giác ngộ thì gọi là nghiệp đạo. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, mê chứ chẳng giác, tà chứ chẳng chánh, nhiễm chứ chẳng tịnh thì gọi là nghiệp đạo. Ngược lại khi chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều có thể giác mà không mê, chánh mà chẳng tà, tịnh mà chẳng nhiễm thì đó gọi là Bồ Tát đạo, đó là Phật đạo. Phật đạo và nghiệp đạo trên Sự chẳng sai khác, sai khác ở tại một niệm (niệm đầu), một niệm giác thì là Phật, Bồ Tát, một niệm mê thì là nghiệp đạo khổ. Làm thế nào mới có thể 'thoát đắc xuất ly'? 'Thoát' là thoát khỏi ác đạo. Không những thoát ra khỏi tam ác đạo, mà phải thoát ra khỏi lục đạo luôn. Khi nào thoát khỏi?

Hiện nay thoát khỏi. Hiện nay thoát khỏi như thế nào? Trong tâm đối với hết thảy pháp chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì thoát ra rồi.

Thoát khỏi chẳng phải là thoát khỏi hoàn cảnh này, chẳng phải vậy, chẳng nói bạn chạy trốn thế gian, đó là sai lầm; [thoát khỏi là] ngay trong thế gian nhưng vượt thoát thế gian. Chúng ta ăn cơm, ăn cơm cũng là thoát ly. Người thế gian ăn cơm, đối với việc ăn cơm vẫn còn phân biệt chấp trước, đó là nhiễm, là mê. Sống đời sống mê, tà, nhiễm, khi ăn cơm vẫn tương ứng với mê, tà, nhiễm, vậy là tạo nghiệp lục đạo, tạo nghiệp tam ác đạo, đó là nghiệp đạo khổ. Ăn cơm như thế nào mới thoát ly? Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, cái gì cũng ngon hết. Lạt có mùi vị của lạt, mặn có mùi vị của mặn, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Trong sự ăn cơm, thoát ly lục đạo; trong khi mặc áo cũng vậy, nghĩa là từng ly từng tí trong đời sống hằng ngày, sinh hoạt chẳng khác mọi người; một người thì sống đời sống lục đạo, còn người kia thì sống đời sống thoát ly; một bên thì phân biệt chấp trước, một bên thì chẳng có phân biệt, chấp trước; một người tâm không thanh tịnh, còn người kia thì tâm vô cùng thanh tịnh. Có thể vĩnh viễn giữ được tâm thanh tịnh, vĩnh viễn không sanh phân biệt, chấp trước, đó là 'vĩnh bất tái lịch', bạn sẽ không trở lại con đường cũ, vĩnh viễn thoát ly lục đạo, lục đạo đều là ác đạo. Nói thêm với quý vị thập pháp giới cũng là ác đạo. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, chúng ta đã nghe rõ ràng, thật sự nghe rành rẽ, tại sao không chịu làm theo? Xin xem tiếp kinh văn:

Như mê lộ nhân, ngộ nhập hiểm đạo.

Như người lạc đường đi lầm vào con đường hiểm.

Việc này phù hợp với ví dụ ở trên, giống như bạn đi đường, bị lạc phương hướng. 'Ngộ nhập hiểm đạo', trên đường có sư tử, sói, hổ, báo, rắn độc, thú dữ, rất nguy hiểm.

Ngộ thiện tri thức, dẫn tiếp lịnh xuất, vĩnh bất phục nhập.

Gặp vị Thiện Tri Thức dẫn cho ra, không bao giờ còn lạc vào nữa.

Bạn gặp một người tốt, ông ta hiểu rõ các thứ nguy hiểm trên đường, khuyên bạn không nên đi theo con đường ấy. Bạn hiểu rõ rồi nên đổi hướng đi, đi đường khác, chẳng cần phải mạo hiểm. Sau khi bạn biết được, thấy kẻ khác đi vào con đường ác này thì bạn cũng phải khuyên họ.

Phùng kiến tha nhân, phục khuyến mạc nhập.

Gặp gỡ người khác lại khuyên chớ vào đường ấy.

Đây là dạy lại cho người khác.

Tự ngôn nhân thị mê lộ đắc giải thoát cánh, tiện bất phục nhập.

Còn tự nói rằng: 'Tôi bị mê lầm, nay được thoát ra rồi, không còn trở vào đó nữa.

Nói với người ấy, con đường họ đi hiện nay, lúc trước tôi đã từng lạc đường, đi lạc vào đường này, gặp được một vị thiện tri thức, vị ấy khuyên tôi, tôi quay đầu lại. Giúp đỡ người khác quay đầu, từ đâu quay trở lại? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quay trở lại, từ thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn quay trở lại, [thị phi, nhân

ngã, tham, sân, si, mạn đều] là ác đạo. Chúng ta gặp Phật, Bồ Tát, thiện tri thức này, Phật, Bồ Tát dạy những đạo lý này cho chúng ta, chúng ta giác ngộ, chúng ta cũng quan sát rõ ràng những sự tướng mà họ nói, chúng ta sẽ chẳng đi lạc vào đường đó nữa. Trong mọi lúc, mọi nơi, khi đối người, đối sự, và đối vật nhất định không mê hoặc nữa, sẽ không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước nữa thì bạn đã giác ngộ rồi. Nếu bạn còn khởi tâm động niệm, còn phân biệt chấp trước thì bạn lại sai lầm nữa rồi, lại đi lạc vào đường ác nữa rồi. Cảnh giới trong ấy vô cùng nhỏ nhiệm, sợ mọi người nghe xong lại hiểu lầm. Như vậy có phải là hết thảy người, hết thảy vật trên thế gian này không cần phải chú ý đến nữa ư? Tôi chẳng dạy bạn không chú ý đến, tôi chẳng dạy bạn không làm, chỉ dạy bạn không khởi tâm phân biệt, không khởi chấp trước, chứ không phải kêu bạn đừng ăn cơm. Vẫn ăn cơm như thường, một ngày vẫn ăn ba bữa, chẳng thiếu bữa nào. Phật dạy chúng ta ăn cơm đừng phân biệt, đừng kén chọn, chứ đâu có kêu bạn không ăn cơm? Đối với xã hội, hết thảy chúng sanh, Bồ Tát đại từ đại bi, tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp, chư Phật, Bồ Tát bận rộn cũng chẳng vui sướng sao! Chẳng phải họ không làm, cái gì họ cũng làm, thị hiện trong các ngành các nghề, trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta nhìn thấy, trong ngành nghề nào cũng đều làm ra thành tích tốt nhất, làm gương cho hết thảy chúng sanh, đâu phải họ không làm; họ đều làm hết.

Trên Sự thì làm viên mãn như vậy, trong tâm trong sạch chẳng nhiễm mảy trần. Người thế gian chúng ta làm xong thì kiêu ngạo, giành công, [cho rằng] tôi đã làm bao nhiêu chuyện tốt rồi, đối với xã hội, đối với chúng sanh tôi đã cống hiến nhiều như vậy. Vậy là đã bị ô nhiễm, bạn sẽ chẳng thoát ra khỏi lục đạo; làm càng nhiều chuyện tốt, hưởng phước báo trong lục đạo thì phước báo đó chẳng phải là 'diệu lạc'. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện làm càng nhiều chuyện tốt hơn nữa, trong tâm chẳng lưu lại một chút dấu vết nào, đúng như câu nói 'làm mà không làm, không làm mà làm', đó mới là 'diệu'. 'Làm' thì chúng ta tận tâm tận lực mà làm, 'không làm' nghĩa là tâm địa thanh tịnh, tuyệt chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Phải hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ ý nghĩa này, để không đến nỗi hiểu lầm. Những gì mình làm đều vì hết thảy chúng sanh, chúng ta tuyệt đối tận tâm tận lực, làm thành công thì chúng sanh có phước, chẳng phải tôi có công, tôi có công gì đâu? Nếu không thành công thì phước đức nhân duyên của chúng sanh chưa chín muồi, tôi cũng chẳng có lỗi. Do đó tự hành, hóa tha đều là tùy duyên chứ chẳng phan duyên, phan duyên nghĩa là gì? Trước tướng (chấp trước) thì sẽ phan duyên, ly tướng tức là tùy duyên; có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tức là phan duyên, rời khỏi phân biệt, chấp trước tức là tùy duyên. [Chúng ta] phải hiểu rõ những Sự, Lý này, phải hiểu rành rẽ để chẳng hiểu lầm. Xem tiếp kinh văn:

Nhược tái lý tiễn, do thượng mê ngộ, bất giác cựu tằng, sở lạc hiểm đạo, hoặc trí thất mạng, như đọa ác thú.

Nếu đi vào nữa và còn mê lầm, không biết đó là con đường hiểm nạn mà mình đã từng lạc vào, thì có thể đến phải mất mạng, như đọa vào ác đạo.

Đây là nói hợp cùng ví dụ phía trên, tập khí ác của chúng ta quá nặng, rất khó khắc phục. 'Nhược tái lý tiễn, do thượng mê ngộ' hai câu này nghĩa là tánh cảnh giác của chúng ta không đủ, mặc áo ăn cơm lại khởi phân biệt, lại kén chọn. Chúng ta làm bắt đầu từ chuyện nhỏ nhất, mỗi ngày bạn ăn cơm, hôm nay kén chọn món này ăn ngon, ngày mai kén chọn món kia, bạn phải biết đó là nghiệp đạo khổ. Tham khẩu vị, tham hưởng thọ là bạn đang tạo nghiệp, bạn chẳng giác ngộ. Khi chúng ta ăn cơm, lúc chắp tay niệm chú cúng dường để cúng dường Phật hãy nghĩ đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni

năm xưa đi trì bát, người ta cho gì thì ăn món đó. Ngài có kén chọn 'Hôm nay bạn cho tôi đồ ăn chẳng ngon, chẳng hợp khẩu vị của tôi' không? Phật có nói như vậy bao giờ chưa? Đệ tử Phật có khởi tâm niệm như vậy chăng? Chẳng có. Ngày nay chúng ta thứ nào cũng kén chọn, chúng ta đang tạo nghiệp nhưng chẳng biết. Uống trà phải lựa trà nào ngon, tôi chưa từng biết trà nào là trà ngon, trà nào dở, tôi chẳng biết. Người ta tặng trà cho tôi, tôi đều chuyển tặng cho người khác. Tặng món đồ gì quý giá cho tôi đều là rất uổng, tại sao vậy? Vì tôi chẳng biết giá trị, tôi chẳng biết quý hay hèn, có ăn là được rồi, có mặc là được rồi. Nhất định phải thực hiện những lời răn dạy trong kinh này vào sinh hoạt hằng ngày, phải bắt đầu tu từ đâu? Mỗi ngày đều ăn cơm, mỗi ngày đều mặc áo, mỗi ngày đều làm việc, phải phản tỉnh từ đời sống hiện thực, phải quay đầu từ đời sống hiện thực, quay đầu là bến bờ, sửa thói quen, sửa tật xấu.

'Bất giác cựu tằng sở lạc hiểm đạo', đây là vì bạn chẳng giác ngộ, trong quá khứ chúng ta đã từng trải qua trong tam ác đạo, không những chỉ là từng trải qua, mà đã trải qua vô số lần. Ngày nay chúng ta có thể thoát ra khỏi tam ác đạo và được thân người, cũng không phải được Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt sao? Tất cả hết thảy chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong cõi ngạ quỷ, địa ngục để độ chúng sanh đều gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Tương lai chúng ta thành tựu, nhìn thấy chúng sanh trong địa ngục khổ, chúng ta cũng sẽ hóa thân đến địa ngục độ hóa chúng sanh, người trong địa ngục cũng xưng chúng ta là Địa Tạng Bồ Tát; Địa Tạng Bồ Tát là một tên chung, chẳng phải tên riêng của một người. Ngày nay chúng ta được thân người [nhưng] đã quên ráo trọi những sự đau khổ trong tam ác đạo. Khi chúng ta thấy chúng sanh trong tam ác đạo có khởi tâm giác ngộ không? Thấy súc sanh thì giác ngộ cái khổ của súc sanh, tôi đã từng làm súc sanh. Thấy ngạ quỷ, địa ngục, thì giác ngộ cái khổ của ngạ quỷ, địa ngục, tôi đã từng đọa vào cõi địa ngục, đã từng làm ngạ quỷ, có còn muốn làm thêm nữa không? Tại sao chúng nó biến thành súc sanh? Vì ngu si. Tại sao đọa ngạ quỷ? Vì tham dục. Tại sao đọa địa ngục? Vì sân giận. Vẫn còn tham sân si thì sẽ đọa vào tam ác đạo, ngày nay trong tâm tôi vẫn thường khởi tham sân si thì tôi đã 'nhược tái lý tiễn', tôi đã đi ngược vào đường cũ rồi.

Chẳng dễ gì thoát ra khỏi tam ác đạo và được thân người, được thân người xong lại không ngừng tạo nghiệp tam ác đạo, một khi thân người của bạn bị mất thì liền trở lại tam ác đạo nữa. Không phải giống như đã nói trong đoạn kinh phía trên sao? Vừa mới thoát ra khỏi ác đạo, vừa [thoát ra xong] đánh một vòng chẳng bao lâu bèn quay trở lại nữa. Mức sai biệt giữa thời gian ở cõi người và tam ác đạo rất lớn, phần đông nói một tháng ở cõi người bằng một ngày ở cõi ngạ quỷ; thật ra sự sai khác giữa thời gian trong cõi ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục cũng chẳng giống nhau. Trong địa ngục có chỗ một ngày bằng mấy trăm năm ở cõi người, có chỗ bằng mấy ngàn năm, sai khác rất lớn. Chúng ta tính thời gian sai khác nhỏ thôi, chỉ tính một trăm năm, bạn thoát ra khỏi địa ngục được thân người, cho dù bạn sống đến một trăm tuổi, bạn lại tạo tội ngũ nghịch, thập ác, sau khi thọ mạng một trăm năm hết lại phải đọa địa ngục nữa; lúc những kẻ trong địa ngục nhìn thấy bạn, bạn chỉ mới ra khỏi một ngày thôi liền quay trở lại nữa rồi? Chính là sự việc như vậy. Quên hết trơn những lời răn dạy của Bồ Tát. Xin xem tiếp kinh văn:

Địa Tạng Bồ Tát, phương tiện lực cố, sử lịnh giải thoát, sanh nhân thiên trung, toàn hựu tái nhập.

Bồ Tát Địa Tạng dùng sức phương tiện khiến họ được giải thoát, sanh trong cõi trời, cõi người, nhưng rồi họ lại trở vào lần nữa.

Đây chính là ví dụ tôi nói lúc nãy. 'Toàn' là rất nhanh, vừa thoát ra liền quay trở lại. Nếu chiếu theo cách nói thông thường, lúc trước lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam ở Đại Chuyên Phật Học Giảng Tọa nói trạng huống của địa ngục cho chúng tôi nghe. Thầy nói một ngày ở địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm ở cõi người chúng ta, vậy thì cho dù bạn sống đến một trăm tuổi, hai trăm tuổi ở cõi người thì cũng không phải chỉ là vài phút [trong địa ngục] là quay trở lại hay sao? Vừa ra khỏi địa ngục hít một hơi liền quay trở lại. Thật đúng là như vậy. Đây là nhờ bạn học Phật tương đối có gốc rễ, Địa Tạng Bồ Tát vừa khuyên bạn, bạn liền khởi lên một tâm niệm thiện thì bạn thoát ra, vừa thoát khỏi xong lập tức mê trở lại.

Nhược nghiệp kết trọng, vĩnh xứ địa ngục, vô giải thoát thời.

Nếu kết nghiệp nặng nề thì phải ở mãi trong địa ngục, không lúc nào được giải thoát.

Đây là nói nghiệp của bạn rất nặng, Địa Tạng Bồ Tát ở đó dạy bạn chẳng nghe, chẳng tin. [Nếu bạn có] nghiệp chướng nặng nề như vậy ở trong địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát thường vào địa ngục giáo hóa thì bạn cũng chẳng nhận ra, gặp Bồ Tát cũng chẳng màng tới. Chư Phật, Bồ Tát ở cõi nào giáo hóa chúng sanh, nhất định sẽ thị hiện cùng thân tướng với chúng sanh ở cõi đó thì mới có thể giáo hóa. Các ngài chẳng dùng thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân này người không có phước báo chẳng nhìn thấy, chỉ nhìn thấy thân giống với mình, thân giống mình thì càng không dễ nhận ra. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian chúng ta rất nhiều, đời xưa nhiều, ngày nay càng nhiều nữa. Tại sao nói ngày nay càng nhiều hơn? Ngày nay chúng sanh khổ hơn thì Phật, Bồ Tát nhất định sẽ thị hiện nhiều hơn. Nhưng thị hiện thân giống như chúng ta thì chúng ta không nhận ra. Người nào là Phật? Người nào là Bồ Tát? Chúng ta làm sao biết được. Nhất định phải hiểu sâu Phật pháp, bạn hiểu Phật lý tương đối thấu triệt, tâm địa thanh tịnh, tâm cảnh giác cao, dần dần bạn sẽ phát hiện ở chung quanh thật sự có rất nhiều Phật, Bồ Tát luôn luôn chăm sóc cho chúng ta. Hình tướng của những vị Phật, Bồ Tát này thị hiện chẳng giống nhau, có thiện, có ác, cảnh giới thị hiện có thuận, có nghịch, hết thảy đều nhằm giúp cho chúng ta giác ngộ, quay về. Trong cảnh thuận giúp chúng ta đoạn dứt tham, cắt đứt tham ái, trong cảnh nghịch giúp chúng ta đoạn dứt sân giận, giúp tâm chúng ta trong cảnh giới thiện - ác, thuận - nghịch đều có tâm thanh tịnh, có tâm bình đẳng. Trong cảnh thuận chúng ta sanh tham ái, trong cảnh nghịch sanh tâm sân giận, trong kinh nói như vậy là mê rồi, lại đọa lạc rồi, thoát ra khỏi ác đạo chẳng được mấy ngày liền quay trở lại. Đây cũng tức là đức Phật trong kinh thường nói chỉ cần trong lục đạo luân hồi thì nhất định thời gian ở trong tam ác đạo dài, trong tam thiện đạo thời gian ngắn, đây là đạo lý nhất định. Nếu bạn không thể nhận biết rõ hoàn cảnh, chẳng tiếp nhận lời giáo huấn thì đó là nghiệp chướng của bạn quá nặng, 'ở mãi trong địa ngục, chẳng có lúc nào được giải thoát'. Đây là chân tướng sự thật, cho nên đọa trong địa ngục thì thọ mạng vô lượng kiếp. Xem tiếp kinh văn:

Nhĩ thời Ác Độc Quỷ Vương hiệp chưởng cung kính bạch Phật ngôn, Thế Tôn, ngã đẳng chư quỷ vương kỳ số vô lượng tại Diêm Phù Đề hoặc lợi ích nhân, hoặc tổn hại nhân, các các bất đồng, nhiên thị nghiệp báo, sử ngã quyến thuộc du hành thế giới, đa ác thiểu thiện.

Bấy giờ, Ác Độc Quỷ Vương chắp tay cung kính bạch đức Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Hàng Quỷ Vương chúng con số đông vô lượng, ở cõi Diêm Phù Đề hoặc

làm lợi ích cho người, hoặc làm tổn hại cho người, mỗi mỗi không giống nhau. Nhưng vì nghiệp báo khiến quyến thuộc chúng con đi khắp thế giới làm ác nhiều, làm thiện ít.

Phía trước chúng ta đã đọc thấy những đại quỷ vương trong hội này, trong kinh nêu ra mười mấy vị, Ác Độc Quỷ Vương là thủ lãnh, vị này là đại biểu, xếp tên hàng đầu. Phật nói với chúng ta những đại quỷ vương này đều là Pháp Thân Đại Sĩ, đều là chư Phật, Bồ Tát thị hiện, chẳng phải là quỷ vương thật. Nếu thật sự từ cõi ngạ quỷ thì đâu có thể tham gia pháp hội thù thắng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni được? Ngài hiện thân quỷ vương trong quỷ đạo độ chúng sanh, trên thực tế thì ngài là Bồ Tát. Giống như trong nhà Phật thường phóng Diệm Khẩu, đối diện bàn Diệm Khẩu thì thường dùng giấy làm thành tượng một quỷ vương, mặt xanh răng nhọn, hình dạng rất dễ sợ, gọi là Tiêu Diện Đại Sĩ. Vị này là ai? Ngài chính là Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong quỷ đạo cũng thị hiện thân phận quỷ vương, nếu ngài thị hiện thân người, trời thì sẽ chẳng độ nổi những chúng sanh này, trong quỷ đạo nhất định phải hiện thân ngạ quỷ, đó là Quán Thế Âm Bồ Tát.

Quỷ Vương 'hiệp chưởng cung kính' nói với đức Phật; phía trước là lễ tiết, chúng ta cũng chẳng cần nói chi tiết. 'Thế Tôn' là tôn xưng đức Phật Thích Ca Mâu Ni. 'Ngã đẳng chư quỷ vương, kỳ số vô lượng, tại Diêm Phù Đề', số lượng trên thế gian này quá nhiều đi thôi, quỷ còn nhiều hơn người ta. Nói thật ra, phàm nơi có người cư trú thì cũng có quỷ ở đó, người và quỷ cùng ở một nơi, chúng ta sinh sống trong hai không gian khác nhau cho nên có thể xếp chung một chỗ, chẳng gây trở ngại lẫn nhau; nhà của người có thể xếp chồng lên nhà của quỷ mà chẳng ngăn ngại lẫn nhau. Tường vách của chúng ta chẳng ngăn ngại đối với quỷ, họ có thể đi xuyên qua, nhưng nhà của họ thì họ không thể đi xuyên qua; cũng giống vậy vách tường nhà của quỷ chúng ta có thể đi xuyên qua mà không có chướng ngại, còn họ thì có chướng ngại. Đây là hai không gian khác nhau, xếp chồng tại một chỗ. Con người nói thật ra có nhiều khi thường thấy quỷ, nếu chúng ta bình tĩnh suy nghĩ, tự mình chắc chắn đã từng gặp quỷ rồi. Nhiều khi chúng ta trong nhà, hoặc trong phòng đột nhiên cảm thấy không thoải mái, lông tóc dựng đứng, đó là gì? Đó là gặp quỷ. Bởi làn sóng của quỷ ảnh hưởng, hiện nay khoa học gia gọi là từ trường. Từ trường của chúng ta tiếp xúc với từ trường của họ, nếu từ trường của ta mạnh thì sẽ chẳng bị quấy nhiễu, nếu từ trường của ta yếu thì sẽ bị quấy nhiễu, bị quấy nhiễu sẽ cảm thấy không thoải mái. Họ có thể quấy nhiễu chúng ta, chúng ta cũng có thể quấy nhiễu họ, lúc từ trường của chúng ta quá mạnh thì họ sẽ tránh xa, họ sẽ chẳng đến gần, tại sao vậy? Đến gần thì họ cũng chẳng thoải mái.

Thế nên trong Phật pháp, trong kinh điển thường nói một người tu hành đến mức công phu thật sự đắc lực, trong phạm vi bốn mươi dặm những ác quỷ, ác thần đều tránh né, tại sao? Từ trường của người ấy quá mạnh, khi họ đi vào liền cảm thấy không thoải mái, sức mạnh của từ trường có thể khống chế trong phạm vi bốn mươi dặm thì họ đều phải tránh né. Khi người tu hành còn gặp quỷ thì nói cách khác, công phu tu hành của bạn quá kém, quỷ cũng hiếp đáp bạn, cũng cười bạn. Công phu tu hành của bạn là giả, chẳng phải thiệt, chỉ làm dáng bề ngoài còn trong tâm vẫn còn tham, sân, si, mạn, thế nên quỷ cũng khinh thường bạn, là sự việc như vậy. Người sợ quỷ, quỷ càng sợ người, không phải có câu nói như vầy sao 'người sợ quỷ ba phần, quỷ sợ người bảy phần', nhưng rất nhiều người thường sợ quỷ, thật là rất kỳ lạ. Đáng lý quỷ sợ người mới đúng, tại sao người lại sợ quỷ? Tâm địa ngay thẳng thì quỷ cũng tránh né bạn ba phần, quỷ tôn kính người tốt. Tâm địa ngay thẳng, thanh tịnh, từ bi, quỷ thần cũng tôn kính bạn, làm sao dám hại bạn! Quỷ thần ủng hộ bạn thì đó là [loại quỷ làm] lợi ích người, quỷ thần đến phá bạn thì đó là [loại quỷ] làm hại người, mỗi loại khác nhau. Nếu chúng ta

hỏi quỷ thần làm lợi người nhiều hay làm hại người nhiều? Vấn đề này chẳng ở tại họ mà ở tại bản thân chúng ta. Nếu chúng ta giữ lòng tốt, làm việc tốt, lợi ích cho xã hội, lợi ích đại chúng thì quỷ thần nhất định sẽ làm lợi cho, hộ niệm và ủng hộ chúng ta. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm tà ác, làm chuyện gì cũng gây hại kẻ khác, gây hại cho xã hội, chỉ lo cho lợi ích của mình, thì quỷ thần sẽ làm hại chúng ta. Do đó [lợi hay hại] chẳng (phải) ở đối phương mà ở chính mình. Đoạn sau ngài nói rất hay 'nhiên thị nghiệp báo, sử ngã quyến thuộc, du hành thế giới, đa ác thiểu thiện', 'ác nhiều thiện ít' nói rõ người thế gian tạo ác nghiệp nhiều, ác giao cảm cùng ác, thiện cảm ứng với thiện. Tiêu chuẩn của thiện ác, tiêu chuẩn đơn giản nhất là ngũ giới thập thiện. Sau đó lại nêu ví dụ, những lời này đều do Ác Độc Quỷ Vương nói:

Quá nhân gia đình hoặc thành ấp tụ lạc, trang viên phòng xá, hoặc hữu nam tử nữ nhân tu mao phát thiện sự, nãi chí huyền nhất phan nhất cái, thiểu hương thiểu hoa, cúng dường Phật tượng cập Bồ Tát tượng, hoặc chuyển độc tôn kinh, thiêu hương cúng dường nhất cú nhất kệ.

Đi qua gia đình người ta, hoặc thành phố, xóm làng, trang trại, vườn cây, buồng nhà, trong đó như có người nam kẻ nữ nào làm được việc thiện bằng mảy lông sợi tóc; cho đến treo một tràng phan, một bảo cái và dâng chút hương, chút hoa cúng dường tượng Phật cùng tượng Bồ Tát, hoặc chuyển đọc tôn kinh, đốt hương cúng dường cho một bài kệ, một câu kinh.

Đây là quỷ thần nhìn thấy người tu thiện, chúng ta nói sơ lược về đoạn này. Quỷ thần đi qua nhà người ta, đây là chuyện thường, rất thường xảy ra, hầu như mỗi ngày đều có. 'Thành ấp tụ lạc' tức là thành thị, trong đô thị có quỷ thần, trên đường lộ ban ngày dương khí quá thịnh thì họ tránh né, phàm là quỷ thần đều sợ ánh sáng mặt trời, cho nên khi họ xuất hiện đều là lúc tối. Đại khái đến hoàng hôn lúc mặt trời lặn thì quỷ thần liền xuất hiện, nhưng số lượng rất ít, giống như trời tờ mờ sáng, lúc bốn, năm giờ trời vừa mới sáng, có một số ít người đi ra ngoài trời vận động, phần đông còn đang ngủ. Lúc nào nhiều nhất? Đại khái mười một, mười hai giờ khuya, ngoài đường có rất đông quỷ thần, rất náo nhiệt. Con người chúng ta có tiệm buôn, có đường phố, quỷ cũng có tiệm buôn, đường phố của họ. Lần trước bác Lôi ở đây báo cáo với quý vị, [những chuyện] đó đều là thật, chẳng phải giả, chuyện thật người thật, người và quỷ cùng ở một nơi. 'Trang viên xá trạch', những chỗ họ đi qua, thôn trang vườn tược, những chỗ có nhà người ta. Họ thấy có người hành thiện nơi đó, đây là một niệm thiện, họ làm việc này. 'Hoặc hữu nam tử nữ nhân, tu mao phát thiện sự', việc thiện nhỏ, ở đây làm một việc thiện nhỏ.

Những việc thiện nào? Sau đó nêu ra vài việc 'nãi chí huyền nhất phan nhất cái', ý nghĩa của 'phan cái' đã nói phía trên; thời xưa treo phan, treo tràng là việc mà ngày nay chúng ta gọi là tuyên truyền Phật pháp, thời trước dùng cách này để truyền bá tin tức, nói với mọi người chỗ đó có giảng kinh, có pháp hội, mọi người biết được, ai muốn thì đến đó tham dự, đó là để truyền thông tin tức. Hiện nay chẳng cần nữa, ngày nay thông tin phát triển, [phương tiện thông tin] tiến bộ, thù thắng, nhanh chóng hơn ngày xưa. Nhưng tác dụng của những thứ 'phan' và 'cái' này đối với người chẳng còn nữa, đối với quỷ thần vẫn còn dùng được. Nhưng chư vị nên nhớ đây là để truyền thông tin tức. 'Thiểu hương thiểu hoa' là tiêu biểu tu hành, một cây nhang, một cánh hoa, chẳng phải là một đóa, chỉ là một cánh hoa, tiêu biểu cái gì? Tiêu biểu tu hành. Mọi người đều biết hương tiêu biểu Giới Định, hoa tiêu biểu Lục Độ, họ khởi một niệm Giới Định, Lục Độ, chúng ta đốt hương, cúng hoa sẽ phát sinh ra lợi ích chân thật. Tuy một niệm này rất yếu ớt, việc thiện nhỏ như cọng lông, sợi tóc, nhưng đó thật sự là một niệm, một

niệm thiện này. Tuy thiện niệm này rất yếu, thời gian khởi thiện niệm rất ngắn nhưng cũng đáng được tán thán; khởi lên một niệm thiện không dễ gì, vì những tâm niệm lúc bình thường đều là ác niệm.

'Cúng dường Phật tượng, cập Bồ Tát tượng', 'cúng dường' tức là chiêm lễ, chiêm ngưỡng, lễ bái. Hoặc là 'chuyển độc tôn kinh', là bạn đang đọc kinh. 'Thiêu hương cúng dường nhất cú nhất kệ', lúc đọc kinh có thể đốt hương, đốt hương là cúng dường Pháp bảo. Lúc bạn đọc kinh có quỷ thần nghe, người đời xưa đọc kinh thường đốt hương, hiện nay người đọc kinh rất ít đốt hương. Chúng ta chỉ đốt hương lúc cúng Phật, lúc đọc kinh chúng ta rất ít đốt hương. Nhưng lúc đọc kinh niệm Phật chẳng ở Niệm Phật Đường, ở tại những chỗ khác, chúng ta đọc kinh niệm Phật có khi nghe được hương lạ, nghe được mùi hương thoang thoảng, chẳng giống với những loại hương chúng ta thường đốt, mùi hương rất nồng, có thể có trạng huống này xảy ra. Đây là việc gì? Đây là lúc chúng ta đọc kinh, có những thiên thần đi ngang qua, quỷ thần đi ngang qua, họ cung kính cúng dường, chúng ta rất khó nhận biết được. Thiên thần đi ngang qua, nhìn thấy thì họ ngừng lại ở đó chắp tay, trên thân người Trời này có mùi hương, cho nên bạn ngửi được mùi hương, hiện tượng này rất thường xảy ra, có nhiều đồng tu đều từng trải qua. Chúng ta gặp những cảnh giới này cũng chẳng phải sanh tâm vui mừng, đây là chuyện rất phổ thông, rất bình thường. Nếu bạn gặp những chuyện này, bạn cảm thấy kỳ lạ, cảm thấy bất bình thường, rất vui thích rồi sanh tâm cống cao ngã mạn, vậy thì bạn sai rồi, bạn bị ma chọc phá rồi. Nếu dùng tâm bình thường để đối xử thì đây là cảnh giới tốt. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Ngã đẳng quỷ vương, kính lễ thị nhân.

Thì hàng quỷ vương chúng con sẽ kính lễ người đó.

Đối với người tu thiện, những quỷ thần này đều tôn kính, đều kính lễ bạn.

Như quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật.

Như kính lễ các đức Phật thuở quá khứ, hiện tại cùng vị lai.

Họ đối với người tu thiện, đương nhiên đây chẳng phải là quỷ thông thường, quỷ thường chẳng có cảnh giới này. Con người khởi một niệm thiện, làm một chuyện thiện nhỏ liền xem người đó như chư Phật, đây là thật chẳng giả. Cho nên tôi thường nói đại chúng niệm Phật trong Niệm Phật Đường, mỗi người đều là Phật, chẳng khác gì với lời nói trong kinh này. Vì lúc bạn ở trong Niệm Phật Đường, vạn duyên buông xuống, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, bạn tương ứng với A Di Đà Phật, *'một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật'*, vậy bạn không phải là Phật thì ai là Phật? Ngày nay những người hộ trì, hộ pháp, người cúng dường, chúng ta thật sự đang cúng dường chư Phật Như Lai, phước này bao lớn! Khi bạn ra khỏi Niệm Phật Đường, tiếp xúc với người, sự, vật lại khởi tâm động niệm, vậy thì bạn đã thoái chuyển rồi, sự tu hành như vậy cứ tiến lên rồi lại thoái lui. Nhưng hiện nay bạn còn chưa đến tam ác đạo, bạn thoái chuyển xong lại tạo nghiệp tam đồ, quả báo tam đồ còn chưa hiện ra, vậy thì chưa quan trọng lắm. Thế nên thời gian huân tập trong Niệm Phật Đường, trong giảng đường càng dài càng tốt.

Chúng tôi hy vọng tương lai làng Di Đà xây xong, người niệm Phật trong Niệm Phật Đường mỗi ngày hai mươi bốn giờ không gián đoạn, hiện nay đã làm được mười hai tiếng đồng hồ, tương lai hy vọng làm được hai mươi bốn giờ. Đạo tràng như vậy, nếu ở đó an định tâm được, trụ ở đó ba năm thì làm sao không có thành tựu cho được!

Đây tức là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, sức mạnh như vậy rất lớn, ba năm đến năm năm nhất định sẽ thành công. Pháp môn Tịnh Tông đích thực có thể làm cho hết thảy chúng sanh đang chịu tội khổ có thể thành Phật ngay trong một đời, pháp môn này thù thắng vô cùng. Chúng ta đều là tội khổ chúng sanh, tại sao chúng ta một đời chẳng thể thành tựu? Vì duyên chẳng đủ, chẳng có cơ hội. Nói thật ra có thiện căn, có phước đức nhưng không có nhân duyên. Ngày nay xây dựng Niệm Phật Đường, xây dựng làng Di Đà chính là xây dựng nhân duyên đắc độ cho hết thảy chúng sanh, làm cho thiện căn, phước đức, nhân duyên cả ba điều kiện của bạn đều đầy đủ thì bạn sẽ thành tựu được. Có nắm chắc trong đời này vãng sanh bất thoái thành Phật thì đời này sẽ thành tựu. Thế nên chúng ta biết phát khởi một niệm thiện, quỷ thần đều đối xử bạn như đối với Phật, bạn là quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật, họ xem bạn như chư Phật ba đời.

Sắc chư tiểu quỷ, các hữu đại lực cập Thổ Địa phần tiện lịnh vệ hộ.

Chúng con ra lệnh cho các tiểu quỷ có oai lực lớn và thần Thổ Địa đều phải bảo vệ, che chở.

Đại quỷ vương nhìn thấy, sai các tiểu quỷ đi chăm sóc. 'Cập Thổ Địa Phần' Chữ 'Thổ Địa', chúng ta gọi là thần Thổ Địa; [đại quỷ vương] sai những tiểu quỷ, phái thần Thổ Địa đi bảo vệ, che chở, phần đông người ta gọi là bảo hựu. Họ chẳng phải bảo hộ người, tại vì bạn làm việc thiện nên họ mới bảo hựu. Việc thiện này nhất định là một tâm thiện, niệm thiện ấy cảm động quỷ thần đến hộ vệ bạn. Thế nhưng người thế gian thường hiểu sai ý nghĩa, họ mong cầu quỷ thần bảo hộ, bảo hộ cái gì? Bảo hộ tâm tham sân si của họ, vậy là sai rồi. Bảo hộ cho họ thăng quan, phát tài, phát đại tài xong họ sẽ cúng dường quỷ thần, ra điều kiện với quỷ thần: "Nếu ông giúp tôi giàu một trăm vạn, tôi sẽ lấy một vạn cúng dường ông." Đây tức là gì? Hối lộ quỷ thần. Họ làm việc ác, hy vọng quỷ thần giúp họ, giúp họ làm chuyện ác, như thế thì không những không được quỷ thần giúp đỡ, [trái lại] quỷ thần còn gây họa hại cho họ, cho nên quỷ thần làm ác cũng rất nhiều. Cảm được ác quỷ ác thần, cũng có thể giúp bạn phát tài, phát tài xong lại làm cho bạn thất bại. Vị thần bạn cảm được chẳng phải chánh thần, đó là tà thần, tà mỵ, là yêu ma quỷ quái. Chánh thần sẽ tránh xa bạn, chẳng hộ vệ bạn, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Chuyện thiện của bạn nhất định là thiện tâm, thiện niệm, sai khác ở chỗ này. Nếu có tâm địa tà ác, mỗi ngày lạy thần, lạy Bồ Tát đều chẳng có ích gì, tuyệt đối sẽ chẳng tương ứng. Thế nên một đạo tràng, người chủ trì đạo tràng, tâm đại chúng trong ấy chẳng ở tại đạo, trong tâm đều là tiếng tăm lợi dưỡng, tham sân si mạn, thử hỏi xem đạo tràng này có Phật, Bồ Tát hay không? Không có. [Hình tượng được] nặn đúc là hình tượng Phật, Bồ Tát, [nhưng thật sự thì] Phật, Bồ Tát chẳng bao giờ đến đó. Ai sẽ đến? Yêu ma quỷ quái giả mạo Phật, Bồ Tát, ở đó lường gạt chúng sanh. Bạn sẽ cảm được yêu ma quỷ quái, bạn lạy yêu ma quỷ quái, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Những quỷ thần này bảo hộ bạn, đoạn tiếp theo nói:

Bất lịnh ác sự hoành sự, ác bịnh hoành bịnh, nãi chí bất như ý sự, cận ư thử xá đẳng xứ, hà huống nhập môn.

Chẳng để cho các việc dữ, các tai nạn bất kỳ, hoặc bệnh nan y, bệnh hiểm nghèo bất kỳ, cho đến những việc không vừa ý đến gần chỗ của các nhà đó, huống là để cho vào cửa!

Đều ở tại một niệm chân thiện, thiện cảm ứng cùng thiện, bạn có quỷ thần bảo hộ bạn. Trong Giới Kinh của Phật có nói khi bạn có thể thọ trì Tam Quy thì liền có ba

mươi sáu vị thần hộ pháp ngày đêm bảo hộ bạn. Bạn trì ngũ giới, trì một giới liền có năm vị thần hộ giới bảo hộ bạn, trì hết năm giới thì có hai mươi lăm vị thần hộ giới bảo hộ bạn. Bạn tu thập thiện, tức là trong kinh này nói những quỷ vương này sai tiểu quỷ, thần Thổ Địa vệ hộ bạn. Chúng ta đều đã thọ Tam Quy Y, cũng thọ ngũ giới, Bồ Tát giới, có thần hộ pháp bảo hộ không? Chẳng thấy. Tại sao nói chẳng thấy? Bạn thọ 'danh tự giới', là hình thức chứ chẳng phải thật chất. Bạn thọ Tam Quy, bạn có 'quy' hay không? Có 'y' hay không? Nếu chỉ mời một pháp sư giúp bạn làm một nghi thức, trên thực tế bạn chẳng có quay đầu, cũng chẳng có nương tựa, bạn vẫn giống như lúc trước, như vậy thì chẳng có thần hộ pháp. Tam Quy, 'quy' tức là thật sự quay đầu, 'y' tức là từ nay trở về sau đích thật có nơi nương tựa, phải tương ứng với những gì bạn nương tựa, được vậy thì bạn mới chân chánh quy y, bạn mới có thể cảm được thần hộ pháp bảo hộ bạn; nếu bạn chỉ làm một hình thức thì chẳng dùng được.

Cho nên từ đoạn kinh văn này chúng ta có thể hiểu được [những cảm ứng này] đều ở tại một niệm chân tâm, dứt khoát không phải hư vọng. Quy là quay đầu, quay đầu từ đâu? Quay đầu từ mê, tà, nhiễm, phải nương dựa vào Giác, Chánh, Tịnh, đây là điều kiện và nguyên tắc cơ bản khi học Phật. Quy y Phật, Phật có nghĩa là Giác, chúng ta từ mê hoặc quay trở lại nương dựa vào Giác, Giác chứ chẳng mê; đối người, đối sự, đối vật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều Giác chứ chẳng mê thì bạn mới gọi là quy y Phật. Trong Tam Quy bạn thọ nhận một điều, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chúng ta lúc nảy đã nói, khi khởi tâm động niệm nếu phân biệt chấp trước tức là mê, là chẳng giác; chẳng khởi tâm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước là giác, đó là chẳng mê. Chúng ta có làm được chưa? Làm được thì bạn mới chân chánh quy y. Pháp nghĩa là chánh tri chánh kiến, Phật tri Phật kiến, chẳng phải vọng tưởng, vọng tưởng là tà tri tà kiến, từ tà tri tà kiến quay trở lại nương vào chánh tri chánh kiến, vậy gọi là quy y Pháp. Tăng nghĩa là thanh tịnh, hòa hợp. Không những phải lục căn thanh tịnh, vả lại lúc đối xử với đại chúng tuyệt đối tuân thủ Lục Hòa Kính; người khác có giữ hay không thì chẳng liên quan gì đến mình, còn mình nhất định phải tuân thủ. Được vậy thì mới gọi là Tam Quy, Danh hợp với Thật, bạn mới được ba mươi sáu vị thần hộ pháp bảo hựu bạn. Nếu chỉ quy y trên hình thức, vẫn mê chứ chẳng giác như cũ, tà chứ chẳng chánh, nhiễm chứ chẳng tịnh, thì một vị thần hộ pháp cũng chẳng có. Thần hộ pháp coi bạn có phải thật sự quy y không? Nếu thật sự quy y, tuy chẳng có hình thức thì thần hộ pháp cũng hộ trì bạn, thần hộ pháp chỉ dựa trên thật tế chứ không dựa trên hình thức. Trên hình thức càng có tu hành, càng có cao tăng đại đức nổi tiếng làm nghi thức cho bạn cũng chẳng dùng được, vấn đề là bạn phải thật sự làm được, chẳng có người làm nghi thức quy y cho bạn cũng dùng được.

Năm xưa lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư đã dạy tôi như vậy. Chương Gia đại sư kêu tôi học Giới, làm được một điều thì bạn thật sự thọ một điều, chẳng ở chỗ đăng đàn hình thức, cái đó chẳng dùng được. Ngài kêu tôi đi học Giới, nhất định phải thật sự làm được, làm được một điều, một điều này bạn liền thật sự đắc được một điều giới, bạn sẽ cảm được thần hộ giới bảo hộ cho bạn. Trên hình thức thọ giới mà không thể thọ trì, chẳng thể làm được, đó là phạm hết hai tội: một là bạn phạm tội làm ác, hai là bạn phạm tội phá giới, cho nên tạo nên tội hai tầng. Nhất định phải làm cho được, hết lòng nỗ lực mà làm, cảnh tỉnh mình từng giờ, từng phút. Cho nên ngày nay, đọc tụng Đại Thừa vô cùng quan trọng, Tam Phước nói trong Quán Kinh, 'Tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa' đối với người hiện đại quá quan trọng, tuyệt đối không thể coi thường. Nếu mỗi ngày bạn đều đọc thì bạn mới biết mình nên làm như thế nào, nếu không đọc thì bạn làm sao biết được? Tin sâu nhân quả thì tâm cảnh giác của bạn sẽ cao, mới thật sự làm được chẳng mê, chẳng tà, chẳng nhiễm, phải biết mê, tà, nhiễm nhất định sẽ đọa tam ác đạo. Sanh mạng của chúng ta quá ngắn tạm, mấy mươi năm

khảy một ngón tay liền trôi qua, hà tất phải tạo tội nghiệp làm chi? Hà tất phải tạo quả báo khổ sở như vậy? Thế nên bạn thật sự tin tưởng thì bạn sẽ chẳng làm việc này. Trước mắt cho dù đời sống cực khổ một chút thì cũng có thể cắn chặt răng chịu đựng cho qua, không hề gì! Một chút cực khổ này mà thấm vào đâu? Sau này được đại tự tại, có được niềm vui to lớn, nếu tham một chút tiện nghi trước mắt, sau này phải chịu khổ nặng nề. Cho nên người không hiểu nhân quả, người không tin nhân quả mới dám làm; người tin tưởng nhân quả sẽ tuyệt đối chẳng làm. Quỷ vương nói họ đối với những người có tâm thiện, làm việc thiện, họ dùng tâm trạng thái độ như thế nào [đối xử với họ], ở đây chúng ta hiểu được. Tâm thiện hạnh thiện thì ác quỷ cũng ủng hộ bạn, cũng sẽ chẳng hại bạn.

Phật tán quỷ vương, thiện tai, thiện tai.

Đức Phật khen ngợi quỷ vương: "Lành thay! Lành thay!

Phật nghe họ báo cáo xong vô cùng hoan hỷ, và khen ngợi họ.

Nhữ đẳng cập dữ Diêm La

Các ông cùng với vua Diêm La

Diêm La là quỷ vương lớn nhất.

Năng như thị ủng hộ thiện nam nữ đẳng

Có thể ủng hộ các thiện nam thiện nữ như thế

Họ tham dự pháp hội ở cung trời Đao Lợi này, pháp hội của Như Lai là pháp hội chân thật, lời nói của mỗi người, biểu hiện của mỗi người trong ấy đều từ tâm chân thành tỏ lộ ra, tuyệt đối chẳng có mảy may hư vọng. Do đó những biểu hiện này của họ được đức Phật khen ngợi. Đức Phật khích lệ họ và cũng đem lại lợi ích cho những quỷ vương này.

Ngô diệc cáo Phạm Vương Đế Thích lịnh vệ hộ nhữ.

Ta cũng bảo Phạm Vương, Đế Thích hộ vệ các ông.

Đây là quả báo của họ, họ có thể phát tâm hộ niệm những người thiện này, đức Phật cũng khuyên Đại Phạm Thiên Vương, Đao Lợi Thiên Chủ hộ vệ họ. Đây là làm thiện thì được quả báo thiện, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này một cách thật sâu sắc, hiểu sơ sài không được, phải hiểu thật sâu, được vậy bạn mới biết tu thiện, biết được chỗ tốt của sự tu thiện, lợi ích của sự tu thiện, nên bạn cũng chịu làm theo. Sự việc bày trước mắt chúng ta, người hiện đại bất kể là người Trung Quốc, người ngoại quốc, có ai không ưa thích của cải? Mọi người đều bị của cải mê mất. Lúc trước thế hệ tôi, đại khái trước khi ba mươi tuổi thì những người trẻ tuổi coi tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ rất lợt lạt, họ đều có một chút hoài vọng muốn lập công, ra sức làm một việc gì cho quốc gia, dân tộc, họ có tâm niệm như vậy. Bạn hãy hỏi những người trẻ tuổi hiện nay thử coi? Phát tài là hạng nhất, làm thế nào kiếm tiền, cách suy nghĩ của họ khác hẳn với thế hệ chúng tôi lúc trước. Đừng nói là hiểu chuyện, trên hai mươi tuổi hiểu chuyện rồi, đầu óc mỗi người đều suy nghĩ làm thế nào kiếm tiền? Vào trường học, họ phải học ngành nào kiếm được tiền, phải học những ngành này, tương lai dấn thân vào xã hội nhất định phải làm những sự nghiệp

kiếm được tiền, không kiếm được tiền thì không làm. Nếu bạn quan sát kỹ càng, bạn hỏi những học sinh tiểu học, những đứa học lớp một, lớp hai làm sao kiếm tiền? Việc kiếm tiền được đặt ở hàng đầu, như vậy thì làm sao được! Như vậy là giáo dục thất bại triệt để. Tự tư tự lợi đạt đến mức cùng cực, xã hội còn có thể an định được sao? Mạnh Phu Tử có nói: "Kẻ trên, người dưới tranh nhau thủ lợi"[3[3]] , quốc gia như vậy sẽ nguy hiểm lắm.

Xã hội hiện nay đích thật từ trên tới dưới đều như thế nào? 'Lợi' được đặt ở hàng đầu, chẳng còn 'đạo', chẳng còn 'nghĩa', chẳng còn 'lễ', cái gì cũng không muốn, chỉ muốn tranh lợi mà thôi. Mỗi người đều tranh lợi, như vậy không phải sẽ đánh lộn tới bể đầu chảy máu hay sao? Xã hội hiện nay, chúng ta thấy [phản ảnh] trong tin tức, mỗi địa phương đều bạo động, cướp giựt, [mọi người] đều làm gì? Đều tranh lợi, tranh không được thì giựt. [Mọi người] đều làm chuyện gì? Đều là chuyện tổn hại người, lợi mình. Câu 'tổn hại người, lợi mình' sai rồi, không thể nói như vậy, nếu mọi người đều nói như vậy thì mỗi người đều làm việc tổn hại người, lợi mình cả. Chúng ta phải sửa câu này lại cho đúng, tổn hại người thì không lợi mình, tổn hại người thì sẽ hại mình. Mọi người nghe nói tổn hại người sẽ hại mình, thì họ sẽ không làm chuyện tổn hại người nữa. Tại sao? Họ sẽ không hại chính họ. Tổn hại người, lợi mình thì không sao cả, giết thêm vài người cũng không sao, mình tôi giàu có [là được rồi, còn người khác thì mặc kệ], suy nghĩ như vậy thì sai rồi! [Thật ra] tổn hại người chắc chắn sẽ không lợi mình, không lợi mình còn ở phía sau, tương lai nhất định sẽ đọa tam ác đạo.

Phật pháp nói nhân quả báo ứng rất thấu triệt, rất rõ ràng, thiếu nợ nhất định phải trả nợ, thiếu mạng nhất định phải đền mạng, bạn giết người thì tương lai nhất định sẽ bị người giết, trốn không khỏi. Bạn giết thêm một người, giết thêm một chúng sanh, tương lai bạn sẽ bị họ giết thêm một lần. Ngay cả động vật rất nhỏ cũng không thể giết; chúng có sanh mạng, cũng có tâm sân giận. Bạn giết chúng, tương lai khi chúng có thế lực, chúng nhất định sẽ giết bạn. Phật dạy rất hay 'lúc nhân duyên gặp gỡ, quả báo vẫn phải tự thọ'. Bạn gạt kẻ khác thì nhất định bạn sẽ gặp người khác gạt lại; bạn hiếp đáp người khác thì kẻ khác nhất định sẽ hiếp đáp bạn; gieo nhân gì thì chắc chắn sẽ được quả báo đó. Chúng ta hiểu đạo lý này một cách sâu xa thì tại sao không làm người tốt? Tại sao không làm thêm chuyện tốt? Làm người tốt, làm chuyện tốt thì bạn sẽ có quả báo tốt. Chuyện tốt là gì? Tiêu chuẩn của chuyện tốt là gì? Nhất định phải đọc kinh Đại Thừa thì bạn mới biết chuyện gì là chuyện tốt, quả báo của chuyện tốt là gì.

Chuyện tốt thật sự trong thế gian là sự nghiệp của Bồ Tát, ngày nay chúng ta phần đông gọi là Phật sự, Phật sự là chuyện tốt thiệt. Nhưng dùng danh từ 'Phật sự' sợ người ta hiểu lầm, Phật sự là gì? [Người ta thường nghĩ rằng] tụng kinh cho người chết gọi là Phật sự, vậy thì lạc quá xa rồi! Do đó hiện nay thuyết pháp là chuyện vô cùng khó khăn, thường thường làm cho người ta hiểu lầm. Chữ 'Phật' là Phạn ngữ Ấn Độ dịch âm ra, ý nghĩa của nó là trí huệ, giác ngộ, 'Phật sự' tức là trong đời sống sanh hoạt của chúng ta, trong hết thảy sự việc bạn đều có trí huệ, có giác ngộ thì hết thảy sự việc đều gọi là Phật sự. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ những danh từ thuật ngữ này. Chúng ta đối với người, với sự, với vật đều dựa vào trí huệ cao độ, dùng cách nói hiện nay là dùng lý trí chứ không dùng cảm tình, cảm tình là mê, lý trí là giác; khi xử sự đãi người tiếp vật chúng ta có lý trí, chẳng dùng cảm tình. Trong đời sống chúng ta dùng trí huệ cao độ thì [mọi việc] đều gọi là Phật sự, Phật sự như vậy thì mọi người đều vui vẻ, ai nấy đều vui thích, chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Thế nên trong tất cả tâm hạnh, sự tướng, các sự việc của Phật, Bồ Tát là viên mãn, thù thắng nhất. Những gì Phật, Bồ Tát làm chẳng khác gì với đời sống hiện thật của chúng ta, chỉ là chuyển đổi

---

[3[3]] 'Thượng hạ giao chinh lợi'

tâm niệm trở lại, chuyển đổi mê, tà, nhiễm trở thành Giác, Chánh, Tịnh. Đời sống của bạn là Phật sự, quả báo của Phật sự vô cùng thù thắng. Chân chánh hạnh phúc, mỹ mãn chính là sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát.

Hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 31 (Số 14-12-31)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 118, xin xem kinh văn:

Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất quỷ vương, danh viết Chủ Mạng, bạch Phật ngôn Thế Tôn, ngã bổn nghiệp duyên chủ Diêm Phù nhân mạng, sanh thời tử thời ngã giai chủ chi. Tại ngã bổn nguyện, thậm dục lợi ích. Tự thị chúng sanh, bất hội ngã ý chí mạng sanh tử cụ bất đắc an.

Đức Phật nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Quỷ Vương tên là Chủ Mạng bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nghiệp duyên căn bản của con là chủ về nhân mạng ở cõi Diêm Phù Đề, khi sanh khi tử đều do con làm chủ. Bổn nguyện của con là rất muốn làm lợi ích, nhưng vì chúng sanh không hiểu ý con nên đến nỗi khi sanh khi tử đều không được an ổn;

Chúng ta coi trước đoạn này. 'Thuyết thị ngữ thời', câu này tiếp theo câu trước và dẫn đến câu sau, trong đoạn trước lúc Ác Độc quỷ vương thưa với Thế Tôn xong, lúc ấy trong pháp hội lại có một vị quỷ vương tên là Chủ Mạng. Từ danh hiệu chúng ta có thể hiểu vị quỷ vương này cai quản về việc sanh tử của tất cả mọi người trong thế gian, chuyên môn cai quản về việc này nên được gọi là Chủ Mạng quỷ vương. 'Bạch Phật ngôn Thế Tôn, ngã bổn nghiệp duyên' dùng cách nói hiện nay 'nghiệp duyên' chính là chức vụ của ông ta. Sự việc của ông là cai quản nhân mạng của người ở cõi Diêm Phù Đề; một người nào đó gần được sanh ra, đầu thai, ông ta chăm lo những việc này; người nào đó chết đi thì ông cũng lo lắng cho người ấy, 'ngã giai chủ chi'. Từ chỗ này chúng ta hiểu được con người từ lúc sanh đến lúc chết đều có quan hệ mật thiết đối với thiên địa quỷ thần. Nhưng người hiện đại đọc những đoạn kinh văn này đều cho là mê tín, dùng hai chữ 'mê tín' bèn cự tuyệt, bài xích những việc này. Nếu vậy thì bạn có chịu sự cai quản của quỷ vương không? Vẫn phải chịu sự cai quản của ông ta, bất kể là bạn tin hay không tin; chẳng phải nói nếu tin thì có, còn không tin thì không có, nếu vậy thì đơn giản quá rồi. Chúng ta có thể tận lực không tin lục đạo luân hồi thì lục đạo luân hồi sẽ không tồn tại, không tin sanh tử thì sanh tử sẽ không có, lẽ nào có chuyện như vậy! Bạn tin tưởng cũng có mà không tin vẫn có. Giáo dục thời xưa chẳng giống bây giờ, giáo dục thời xưa ít nhiều gì cũng có liên quan đến ba đời, nói về đời quá khứ, đời hiện tại, và cũng nói về đời tương lai. Tương lai là nói sau khi chết đi, sau khi con người chết đi, đời quá khứ là lúc chúng ta chưa sanh ra, đó là ba đời.

Nội dung của giáo dục cổ xưa Trung Quốc có ba trọng điểm, thứ nhất là dạy bạn làm người, hiểu quan hệ giữa người với người, nếu bạn không hiểu thì bạn sẽ không biết cách làm người [cho đàng hoàng]. Nếu không biết làm người thì nhân gian này giống như một con đường nguy hiểm như trong kinh nói, mỗi bước đều lần lần dẫn đến ba đường ác; nếu bạn biết làm người thì bạn có thể tránh khỏi đi vào đường nguy hiểm, bạn được thân người rồi còn có thể giữ được thân người, tương lai còn có thể sanh làm người, nhất định sẽ sống hạnh phúc tốt đẹp hơn bây giờ, đó là giáo dục. Trọng điểm thứ nhì là hiểu rõ quan hệ giữa người và thiên nhiên, giữa người và hết thảy động vật, thực vật, giữa người và môi trường tự nhiên; một khi bạn hiểu được thì mới biết đạo dưỡng sanh. Trọng điểm thứ ba là dạy bạn quan hệ giữa người và thiên địa quỷ thần,

nếu quan hệ này được xây dựng tốt đẹp thì bạn sẽ được thiên địa quỷ thần ủng hộ, giúp đỡ; nếu quan hệ chẳng đẹp, làm gì cũng có lỗi đối với thiên địa quỷ thần thì bạn sẽ gặp phiền phức lớn lắm. Chư vị phải biết thiên địa quỷ thần chẳng phải là Phật, Bồ Tát, họ vẫn còn là phàm phu, phàm phu vẫn chưa lìa khỏi thất tình ngũ dục; khi nhìn thấy người tu thiện thì họ vui vẻ, họ khen ngợi bạn, làm lợi cho bạn; khi nhìn thấy người làm ác thì họ không vui, họ sẽ tức giận, sẽ gây phiền phức cho bạn, sẽ trừng phạt bạn. Do đó thiên địa quỷ thần là phàm phu, chúng ta phải nhớ họ là lục đạo phàm phu. Giáo dục cổ xưa và Phật pháp đều dạy về những chân tướng sự thật này.

Nói thật ra, người xưa bất luận là pháp thế gian hay xuất thế gian đều coi trọng thiền định, trong Phật pháp gọi là thiền định, tuy người thế gian không gọi là thiền định nhưng họ đề cao tâm thanh tịnh, ít ham muốn, trầm tịnh đến cùng cực. Trong sự tu dưỡng hằng ngày đều coi trọng tâm thanh tịnh, khi tâm thanh tịnh đạt đến mức độ nhất định thì trạng huống đời sống của quỷ thần bạn đều có thể nhận biết được, nhìn thấy được, những người học Phật thường thường nhìn thấy lúc họ trong thiền định, do đó quỷ thần nhất định là có thật. Quan hệ của quỷ thần đối với chúng ta vô cùng mật thiết, cũng giống như tổ chức hành chánh trong thế gian chúng ta vậy, mỗi cơ cấu của quốc gia đối với đời sống của chúng ta đều có liên quan lẫn nhau, chúng ta nhất định phải biết đạo lý này. Người hiện đại dùng nhãn quan khoa học để quan sát, nếu đi sâu thêm một tầng, đối với những sự tướng nói trong kinh Phật, tôi tin rằng họ cũng có thể nhận biết được. Ở Trung Quốc thường gọi là khí phận, người ngoại quốc gọi là từ trường. Một khi bạn tiếp xúc đến thì trong tâm bạn liền cảm nhận được, giống như ở một nơi nào đó, khí phận lúc có nhiều người và lúc có ít người sẽ khác nhau; khí phận ban ngày và ban đêm cũng không giống nhau, chúng ta thường có cảm xúc rất rõ ràng đối với những chuyện này. Nếu dùng sự quan sát hoặc cách nói của khoa học gia hiện đại thì những cảm xúc này chính là sự tiếp xúc giữa các làn sóng, nếu tần số của các làn sóng rất gần nhau thì chúng ta sẽ cảm nhận rất thoải mái; nếu những làn sóng này cường độ dao động rất lớn, rất nhanh thì chúng ta sẽ cảm thấy không yên ổn, không tự tại, những sự lý này không khó hiểu cho lắm.

Thân thể của chúng ta có hiện tượng làn sóng, làn sóng từ sự suy nghĩ, tưởng tượng trong tâm càng rõ ràng hơn, tất cả các vật thể có hình tượng đều có sóng. Hoạt động của thiên địa quỷ thần cùng với làn sóng tư tưởng của chúng ta chẳng khác, khi con người chết đi thì sanh mạng kết thúc, thân thể chỉ là vật chất, [nhưng] tư tưởng của người ấy chẳng đoạn dứt, chẳng diệt mất theo thân thể người ấy. Có thể nói sự thật này đã được hết thảy các nhà tôn giáo thừa nhận, những người thật sự có học vấn, có đức hạnh cũng khẳng định, chẳng phải nói người ta chết đi thì hết thảy đều chấm dứt, nếu chết đi mà tất cả đều chấm dứt thì dễ rồi. Không những con người chết đi chẳng phải hoàn toàn chấm dứt mà hết thảy vật chất tiêu mất cũng chẳng phải hoàn toàn mất hẳn; [chúng ta] không phải đã nghe các khoa học gia từng nói ‘ tinh thần chẳng diệt, vật chất chẳng diệt’ rồi sao; hai câu này là chân lý, hai câu này trong Phật pháp có thể gọi là ‘chư pháp thật tướng’, nghĩa là tướng chân thật [của mọi sự việc]. Trong Phật pháp sự sanh diệt của vật chất được gọi là duyên tụ, duyên tan, lúc duyên tụ hợp lại chẳng sanh, lúc duyên tan rả chẳng diệt, các vật có hình tượng còn như vậy huống chi là tinh thần? Do đó tuyệt đối chẳng phải là mê tín, nhất định là sự thật; có rất nhiều người trong đời có dịp tiếp xúc với quỷ thần, cảm ứng với quỷ thần nhiều lần, nếu suy nghĩ kỹ thì [sẽ biết] họ làm sao không tồn tại cho được? Làm sao họ chẳng liên quan gì với đời sống của chúng ta cho được? Quan hệ của Chủ Mạng quỷ vương đối với chúng ta đặt biệt mật thiết hơn, ở đây ngài nói ‘tại ngã bổn nguyện, thậm dục lợi ích’, ‘lợi ích’ là giúp đỡ, lúc con người sanh ra, lúc con người chết đi, ý nguyện của Chủ Mạng quỷ vương đều là muốn giúp đỡ người đó, hy vọng kẻ ấy được yên ổn. ‘Tự thị chúng sanh bất hội ngã ý’,

hết thảy chúng sanh không hiểu ý nguyện của quỷ thần, ý nguyện của quỷ thần là gì? Ưa thích nhìn thấy người ta làm việc thiện, chán ghét chúng sanh làm việc ác, cho nên trong kinh này nói ngay cả một niệm thiện nhỏ cũng được quỷ thần ủng hộ, được chư Phật, Bồ Tát tán thán, huống chi việc bạn làm là việc thiện lớn? Chúng sanh không hiểu được ý nguyện của thiên địa quỷ thần, làm cho sống chết đều chẳng được yên ổn. Lời này nghĩa là thế nào? Phần sau sẽ nói rõ:

Hà dĩ cố.

Tại sao vậy?

Thị Diêm Phù Đề nhân, sơ sanh chi thời bất vấn nam nữ, hoặc dục sanh thời đãn tác thiện sự, tăng ích xá trạch, tự lịnh thổ địa vô lượng hoan hỷ, ủng hộ tử mẫu, đắc đại an lạc lợi ích quyến thuộc.

Người cõi Diêm Phù Đề lúc mới sanh xong, không kể là con trai hay con gái, hoặc khi sắp sanh, chỉ nên làm thiện sự để thêm sự lợi ích cho nhà cửa, thì tự nhiên Thần Thổ Địa sẽ vô cùng hoan hỷ, ủng hộ cho cả mẹ lẫn con đều được sự an lạc lớn, hàng quyến thuộc cũng được lợi ích.

Đây là nói rõ khi người nhà sanh con, trong thế gian đây là việc vui mừng, có con nối dõi, người Trung Quốc rất coi trọng việc tiếp nối giòng họ, cho nên không thể không vui mừng. Vui mừng thì nên làm việc tốt, phải biết làm việc thiện mới có thể tăng thêm lợi ích cho gia đình ấy. Vị thần Thổ Địa cai quản vùng ấy, thần Thổ Địa giống như xã trưởng, trưởng làng ở Trung Quốc thời xưa, các ‘bảo trưởng, ấp trưởng’ cai quản một làng, một vùng như vậy. Những quỷ thần này thấy bạn làm lành, trong nhà bạn lại có thêm một đứa con thì họ ‘ủng hộ tử mẫu, đắc đại an lạc’, mẹ con bình yên, quyến thuộc của bạn được lợi ích, quỷ thần che chở, gia bị. Xin xem tiếp, nếu không biết ý của thiên địa quỷ thần thì sẽ tạo tội nghiệp.

Hoặc dĩ sanh hạ thận vật sát hại, thủ chư tiên vị, cúng cập sản mẫu, cập quảng tụ quyến thuộc, ẩm tửu thực nhục, ca nhạc huyền quản, năng lịnh tử mẫu bất đắc an lạc.

Hoặc khi đã sanh rồi thì nên cẩn thận, chớ giết hại để lấy những vị tươi ngon cung cấp cho người sản mẫu, cùng nhóm họp hàng quyến thuộc lại để uống rượu, ăn thịt, ca hát, đánh đàn, thổi sáo; vì có thể khiến cho cả mẹ lẫn con chẳng được an lạc.

Người trong thế gian chẳng biết sự lợi hại này, khi sanh con bèn làm tiệc ăn mừng, ăn mừng bèn sát sanh. Chư vị nghĩ thử xem, sát sanh kết oán thù với những chúng sanh ấy, bạn tạo những tội nghiệp như vậy, món nợ sát sanh này sẽ trút lên đầu hai mẹ con người ấy, tại sao vậy? Vì nếu không sanh con thì họ sẽ không sát sanh [ăn mừng], khi sanh con bèn sát hại những con vật ấy để ăn mừng. Người thế gian sát sanh lúc sanh con, lúc chết đi cũng sát sanh, mỗi năm ăn mừng tuổi thọ cũng sát sanh, như vậy thì làm sao được! Tội nghiệp ấy nặng biết bao! Không những không nên sát sanh, những lời nói trong kinh có mấy ai hiểu được? Có mấy ai chịu làm theo? ‘Thủ chư tiên vị, cung cấp sản mẫu’, sau khi sanh con thì phần đông người ta phải tẩm bổ. Phương pháp tẩm bổ rất nhiều, không lẽ phải sát sanh thì mới được sao? Không lẽ phải ăn thịt mới được sao? Đạo lý này, chỉ có người thật sự học Phật và người hiểu rõ những chân tướng sự thật này mới chọn ăn chay. Cho người mẹ [vừa mới sanh con] ăn chay tuyệt đối khoẻ mạnh, thứ nhất là tâm họ được yên ổn, thứ nhì là được Phật, Bồ Tát, thiên địa

quỷ thần ủng hộ, họ làm sao không yên ổn được! Chúng tôi thường tiếp xúc với một số bạn đồng tu, trong số người này có người nói đến 'thai lý tố' (ăn chay lúc mang thai). Ở Đài Loan, tôi biết có vài vị đồng tu từng trải qua việc này, lúc người mẹ mang thai mà ăn thịt thì ói mửa nên phải ăn chay, đứa con sanh ra liền ăn chay, mãi đến khi mấy chục tuổi cũng ăn chay, thân thể rất khoẻ mạnh. Chẳng phải là không ăn thịt thì không được, không ăn thịt thì thân thể không khoẻ mạnh, lẽ nào lại như vậy! Sát sanh tạo nghiệp, tựa đề của đoạn này [trong cuốn chú giải] gọi là 'Nên bảo thẳng thừng với mọi người đừng sát sanh', nhất quyết không thể sát sanh.

'Quảng tụ quyến thuộc', đây là lúc bạn bè thân quyến đến nhà chúc mừng, chẳng tránh khỏi uống rượu ăn thịt, gia đình giàu có thì còn 'ca nhạc huyền quản', hiện nay gọi là mở hội khiêu vũ. Những nhà giàu có, trưởng giả ở Trung Quốc, trong dịp này còn có hát tuồng, mời đoàn hát lại hát kịch để ăn mừng. Cách làm này 'năng lịnh tử mẫu, bất đắc an lạc', tại sao vậy? Quý vị vui mừng, quỷ thần ở kế bên nhìn thấy rất bực tức, sẽ chẳng che chở, gia bị cho quý vị. Sát hại những chúng sanh này thì tương lai sẽ bị họ đến đòi mạng. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý nhân quả báo ứng, đúng như câu *'ăn thịt nó nửa cân, tương lai phải trả nó tám lượng'*, một tí tiện nghi gì cũng chẳng chiếm được. Chúng ta hiểu được đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì nhất định sẽ chẳng dám ăn thịt chúng sanh, làm hại chúng sanh, biết rằng làm hại chúng sanh là làm hại chính mình, gây phiền phức cho chúng sanh tức là gây họa cho mình, như vậy là trái nghịch với lòng tốt của quỷ vương và thần Thổ Địa. Chúng ta xem tiếp đoạn kế:

Hà dĩ cố. Thị sản nan thời hữu vô số ác quỷ, cập võng lượng tinh mỵ dục thực tinh huyết.

Vì sao thế? Bởi vì lúc sanh nở khó khăn đó, có vô số ác quỷ cùng võng lượng, tinh mỵ, muốn tới ăn huyết tanh.

Đây là việc phàm phu mắt thịt chúng ta chẳng nhìn thấy được, đích thật có những ác quỷ như vậy, số lượng rất nhiều. 'Võng lượng tinh mỵ', họ làm gì? Đây là những thứ chúng ta thường gọi là yêu quỷ, họ thích ăn những vật này. Hiện nay y học phát triển, mức độ nguy hiểm khi sanh sản thấp hơn lúc trước, chúng ta thử hỏi những trạng huống kể trên còn hay không? Vẫn còn, nếu bạn muốn hiểu trạng huống của quỷ thần thì trong bịnh viện có nhiều nhất. Tôi có vài người bạn đều học ngành Y khoa, lúc chúng tôi gặp nhau họ thường kể những chuyện ma quỷ này cho chúng tôi nghe. Bác sĩ, y tá, người làm việc trong bịnh viện đều tin tưởng. Chính mắt họ nhìn thấy, chính tai họ nghe được, đặc biệt là ở trong bịnh viện lớn, bịnh viện xưa càng có nhiều quỷ, chẳng khác gì với những lời nói trong kinh. Cho nên lúc người còn sống, lúc người chết thì những quỷ thần này nhiều vô cùng. Trong số các ác quỷ, có thể nói phần lớn đều là oán thân trái chủ; nói thật ra nếu họ chẳng có liên quan gì với bạn, ngay cả một chút cũng chẳng thể dính líu. Phàm những ai có thể đến gần thì họ nhất định có quan hệ với bạn trong đời trước. Nhưng những ác quỷ này cũng có người cai quản, là những quỷ vương này cai quản họ. Đối với phần đông chúng ta mà nói, Thổ Địa được kể như vị thần hộ pháp, là đến bảo vệ cho chúng ta, hộ vệ địa phương ấy.

Thị ngã tảo lịnh xá trạch thổ địa linh kỳ 1[1], hà hộ tử mẫu, sử lịnh an lạc, nhi đắc lợi ích.

1[1] Kỳ, gọi đủ là Địa Kỳ, là thần cai quản trên mặt đất, sống trên mặt đất, nương gá vào núi non, cây to, dinh thự v.v… Còn những vị thần cai quản trên không hoặc cung điện nương trên hư không gọi là "thiên thần".

Chính con sớm đã sai các thần linh của nhà cửa đất đai phải bảo hộ người mẹ và đứa con, làm cho họ được an vui mà hưởng nhiều sự lợi ích.

Quỷ vương đã sớm ra lịnh cho những thần Thổ Địa, 'linh kỳ' cũng là những tiểu quỷ dưới quyền cai quản của ông, bảo hộ mẹ con được bình yên.

Như thị chi nhân, kiến an lạc cố, cánh hiệp thiết phước, đáp chư thổ địa.

Những người này thấy sự an ổn vui vẻ thì nên tạo phước để báo đáp các thần Thổ Địa

Lúc sanh sản mẹ con được bình yên, phải nên tạ ơn quỷ thần bảo hộ, làm thế nào để tạ ơn? Tu thiện, làm việc thiện mới là tạ ơn.

Phiên vi sát hại, tập tụ quyến thuộc.

Thế mà trái lại, họ còn giết hại, tụ tập quyến thuộc;

Như vậy là sai, như vậy chẳng phải là tạ ơn quỷ thần. Thanh Liên pháp sư trong Chú Giải, trích dẫn một câu chuyện, là chuyện triều Minh, năm Vạn Lịch, chuyện này rất đáng để cho chúng ta tham khảo, nói rõ sự hưởng dùng của quỷ thần khác với chúng ta. Câu chuyện của ngài ở trang 123, chữ nhỏ hàng thứ hai đếm ngược lại, nói rõ không thể dùng rượu thịt để cúng dường quỷ thần. Thời xưa cúng tế quỷ thần, tuy nói là dùng rượu nhưng thật ra là nước, trong cổ lễ được gọi là 'huyền tửu', đó là nước, dùng nước để cúng tế thiên địa quỷ thần, dùng đồ chay mới đúng. Nhưng người thế gian chúng ta chẳng biết đạo lý này, cứ cho rằng nếu không sát sanh để cúng tế thì hình như đại bất kính, [cứ nghĩ] nhất định phải sát sanh để cúng tế. Chẳng biết sát sanh để cúng tế là tạo tội nghiệp rất lớn, chắc chắn sẽ không được thiên địa quỷ thần che chở, gia bị. Ngạn ngữ thường nói 'ông trời có đức háo sanh' (thượng thiên hữu háo sanh chi đức). Đã là háo sanh thì làm sao bạn có thể sát sanh để cúng tế họ, lẽ nào như vậy được! Kết luận sau đây nói với chúng ta:

Dĩ thị chi cố, phạm ương tự thọ, tử mẫu cụ tổn.

V***ì lẽ này, hễ phạm tội tất phải tự gánh chịu, người mẹ và đứa con đều bị tổn hại.***

Vì trong tiệc vui bạn tạo những tội nghiệp này, chẳng được quỷ thần bảo hộ, ngược lại còn dẫn nhiều ác ma, ác quỷ, yêu tinh quỷ quái đến, họ đến làm loạn, làm cho mẹ con đều không được yên ổn. Nếu chúng ta quan sát kỹ những việc này, tâm tình của người mẹ không yên, sau đó bạn coi đứa con, quan sát kỹ thì thấy đứa bé thường bị sợ hãi, kinh sợ. Chỉ cần bạn lắng lòng quan sát, bạn sẽ thấy hình như nó rất run sợ, rất sợ hãi, tuy nó không biết nói, không biết biểu lộ tình cảm, bạn chỉ cần nhìn động tác trên thân thể nó thì biết được. Đoạn này là nói lúc sanh con, chúng ta phải làm thế nào để tu phước, không thể tạo tội. Xem tiếp đoạn sau:

Hựu Diêm Phù Đề lâm mạng chung nhân, bất vấn thiện ác, ngã dục lịnh thị mạng chung chi nhân bất lạc ác đạo, hà huống tự tu thiện căn, tăng ngã lực cố.

Lại ở cõi Diêm Phù Đề, những người sắp mạng chung, bất luận là thiện hay ác, con đều muốn cho họ không bị đọa lạc vào đường ác; huống chi là kẻ tự tu thiện căn, làm tăng oai lực của con.

Chủ Mạng quỷ vương cũng rất từ bi, không những Chủ Mạng quỷ vương từ bi, phía trước chúng ta coi Ác Độc quỷ vương cũng từ bi, ngài chẳng nỡ nhìn thấy chúng sanh đọa tam ác đạo. Nói thật ra ngài cũng lưu ý từng giờ từng phút để giúp đỡ những người làm ác này, làm thế nào có thể miễn thọ quả báo trong tam ác đạo, cho nên lúc lâm chung chẳng cần biết những người này lúc sanh tiền làm thiện hay làm ác, ngài đều dùng tâm từ bi để giúp đỡ. Nếu người lâm chung này lúc sanh tiền có thể tu một chút thiện căn thì sự giúp đỡ của ngài càng thêm được lợi ích; nói cách khác, ngài càng có thêm lý do để giúp đỡ người ấy.

Thị Diêm Phù Đề, hành thiện chi nhân, lâm mạng chung thời diệc hữu bá thiên ác đạo quỷ thần hoặc biến tác phụ mẫu, nãi chí chư quyến thuộc, dẫn tiếp vong nhân lịnh lạc ác đạo, hà huống bổn tạo ác giả.

Những người làm thiện ở cõi Diêm Phù Đề, đến lúc lâm chung còn có trăm ngàn quỷ thần trong ác đạo hoặc biến làm cha mẹ, cho đến hàng quyến thuộc, dẫn dắt người chết khiến cho lạc vào ác đạo; huống chi là những kẻ vốn đã tạo ác.

Đoạn kinh này rất quan trọng. Người lâm chung, chúng ta đã gặp qua rất nhiều, lúc lâm chung người ấy sẽ nói với những người ở xung quanh rằng họ nhìn thấy người nào đến. Những người mà họ nhìn thấy đều là những bà con, họ hàng đã qua đời. Có phải thiệt là bà con, họ hàng hay không? Không phải, thật ra đó là những oan gia, chủ nợ biến hiện thành bà con họ hàng, bạn bè đến để dẫn người ấy đi, dẫn đi xong rồi sẽ báo thù, chúng ta phải biết việc này. Vì khi nhìn thấy bà con, họ hàng thì rất dễ đi theo họ. Đặc biệt là lúc chúng ta niệm Phật trợ niệm, việc quan trọng nhất chúng ta phải đề phòng là việc này. Một khi người [lâm chung] nói họ 'nhìn thấy một người nào đó', thì lập tức phải nhắc họ đừng để ý tới người đó, nhất định phải chờ A Di Đà Phật hiện ra mới đi theo đức Phật A Di Đà. Nếu chẳng phải là đức Phật A Di Đà, bất luận là người nào hiện ra cũng không cần để ý tới. Nếu không để ý, không chú ý thì hiện tượng đó sẽ biến mất rất nhanh, người đó sẽ rời khỏi, điểm này là điểm quan trọng nhất. Trong sự khai thị lúc lâm chung, câu này vô cùng quan trọng! Luôn luôn nhắc nhở họ, suốt hai mươi bốn giờ ngày đêm không thể gián đoạn. Chỉ sợ một khi gián đoạn, một khi sơ suất thì bị những oan gia, chủ nợ biến thành bà con, họ hàng dẫn họ đi mất, đây là việc người trợ niệm lúc lâm chung không thể không biết, như vậy thì trợ niệm mới có lợi ích lớn lao. Người trợ niệm dùng tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi để niệm câu Phật hiệu này, người trợ niệm càng nhiều càng tốt, từ trường đó thù thắng, có thể làm cho những quỷ thần cõi ác này chẳng dám đến gần. Nếu người trợ niệm ít, người trợ niệm chẳng có thành tâm, thì quỷ thần ác đạo sẽ thắng thế, sẽ thừa dịp [người trợ niệm] không đề phòng bèn đi vào [phá khuấy], chúng ta phải đặc biệt chú ý điểm này. Thế nên có người hỏi nếu lỡ không tìm được người trợ niệm, chúng ta dùng máy niệm Phật được không? Chỉ có thể nói [dùng máy niệm Phật] tốt hơn một chút mà thôi, tốt nhất là có người đến niệm, như vậy thì sẽ [có hiệu quả] khác nhau.

Phàm khi gặp những chuyện này lúc lâm chung, thì người mất chắc chắn sẽ rơi vào ba đường ác, nếu lúc còn sống người ấy lại làm nhiều ác nghiệp thì còn tệ hại hơn nữa! Địa Tạng Bồ Tát cũng cứu chẳng nổi. Sanh tử là việc quan trọng lớn lao, sau khi chết đi sanh vào cõi nào là một vấn đề vô cùng nghiêm túc. Cho nên khi người mắc bịnh, yêu ma ác quỷ đến phá khuấy, trong kinh này nói những người làm việc thiện cả đời cũng rất khó tránh khỏi, huống chi là người làm ác! Nhân thiện thì được quả thiện, nhân ác thì có quả ác, chắc chắn là chẳng sai; quả báo hiện ra hay không là do duyên đầy đủ hay không. Nếu duyên đầy đủ thì quả báo sẽ hiện ra. Thế nên chúng ta tiễn đưa người vãng sanh nói thật ra là giúp đỡ một người đi làm Phật, cả đời chúng ta làm việc

thiện, còn việc thiện nào lớn hơn việc tiễn đưa một người đi làm Phật? Chẳng có việc nào lớn hơn việc này hết. Nếu lúc một người lâm nguy, bạn có thể dốc toàn tâm toàn lực để chăm sóc họ, từng giờ từng phút nhắc nhở họ, đây tức là chiến đấu với vô số ác quỷ ác thần, nhất định phải chiến thắng họ, thì người mất mới có thể vãng sanh một cách thuận lợi, được Phật tiếp dẫn. Cho dù người tạo ngũ nghịch, thập ác, nếu gặp tăng thượng duyên này cũng có thể vãng sanh.

Tôi nghĩ chư vị coi Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện đều biết chuyện ông Trương Thiện Hòa đời Đường. Trương Thiện Hòa là một kẻ làm nghề giết trâu, cả đời chẳng biết đã làm thịt bao nhiêu con trâu, đã làm bao nhiêu ác nghiệp, cho nên lúc lâm chung ông ta nhìn thấy rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, trong Phật pháp gọi là tướng địa ngục hiện lên, lúc đó ông ta mới kêu cứu. Duyên của ông rất tốt, may sao có một người xuất gia đi ngang, nghe tiếng kêu cứu trong nhà, người xuất gia ấy liền vào nhà ông để coi là chuyện gì. Ông nói ông nhìn thấy rất nhiều người đầu trâu, họ nói phải đền mạng cho họ. Vị xuất gia đó mới đốt một cây nhang rồi kêu ông cầm trong tay, kêu ông gấp rút niệm A Di Đà Phật. Do vì muốn thoát khỏi cảnh tượng ấy ông bèn niệm lớn tiếng "A Di Đà Phật", mới niệm mười mấy tiếng, ông liền nói với người nhà "người đầu trâu đã biến mất, đều đi mất, A Di Đà Phật đã đến", nói xong ông bèn vãng sanh. Do đó bạn mới biết đã tạo ác nghiệp cũng không sao, nếu lúc lâm chung gặp duyên thù thắng, vận may của ông Trương Thiện Hòa thiệt là quá tốt, gặp được thiện tri thức, nếu ông chẳng gặp vị xuất gia ấy thì nhất định sẽ đọa tam ác đạo, chắc chắn là phải đọa địa ngục. Sau khi thọ tội ở địa ngục xong cũng phải làm trâu để đền mạng, bạn giết một con trâu thì phải đền mạng một lần, bạn giết bao nhiêu con trâu thì phải đền mạng bấy nhiêu lần.

Giết trâu [bị quả báo] như vậy, chư vị phải biết, giết hại bất cứ chúng sanh nào cũng phải đền mạng, cho dù động vật nhỏ đến đâu cũng phải đền mạng, bạn làm sao đền mạng cho hết? Bạn giết một con trùng, một con kiến đều phải đền mạng, muôn vàn xin bạn đừng tưởng đây là những côn trùng gây hại [thì không sao, chúng ta không thể coi thường] sanh mạng của chúng, chúng cũng là chúng sanh đã làm chuyện ác rồi đầu thai vào cõi súc sanh, biến thành những hình trạng như vậy. Chúng ta trong sáu nẻo luân hồi cũng đã thường làm những chuyện này cả rồi, đời này may mắn được thân người, làm sao biết được sau khi chúng ta mất thân người thì sẽ có thân hình của con vật gì? Thế nên có được thân hình [con người] này cũng không thể kiêu ngạo, không thể dựa vào thế lực của thân hình này mà tàn sát những động vật nhỏ, vừa chớp mắt thì bạn cũng sẽ phải làm thân hình của chúng, bạn cũng sẽ chịu người khác giết hại, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

Thế Tôn, như thị Diêm Phù Đề nam tử nữ nhân lâm mạng chung thời, thần thức hôn mê, bất biện thiện ác, nãi chí nhãn nhĩ cánh vô kiến văn.

Bạch Đức Thế Tôn! Những kẻ nam người nữ ở cõi Diêm Phù Đề, lúc lâm chung thì thần thức hôn ám mê muội, không phân biệt được thiện ác, cho đến mắt và tai đều không còn thấy nghe gì nữa.

Đây là lúc lâm chung, chúng ta gọi là trạng thái hấp hối, đoạn thời gian này rất ngắn. Đích thật là họ hôn mê chẳng hay chẳng biết, họ chẳng nhận biết được người nhà, sức trí nhớ hoàn toàn tiêu mất, đây là trạng thái cực kỳ nguy hiểm. Duy chỉ có người đầu óc còn tỉnh táo mới dễ được giúp đỡ, một khi đầu óc không tỉnh táo thì sự việc sẽ rất phiền phức. Khi người lâm chung gặp phải trường hợp này, cho dù gặp được thiện tri thức cũng chẳng giúp được gì, đây là nghiệp chướng rất nặng, chúng ta phải ghi nhớ lời dạy trong kinh Địa Tạng, họ hoàn toàn nương nhờ vào sự giúp đỡ của người

khác. Hiện nay có một số người mạng sống còn chưa hết, phước báo còn chưa hưởng hết, người hiện nay gọi là chứng người già mất trí nhớ, chính là trạng thái này. [Việc nói ở đây] là họ chưa đến lúc lâm chung 'thần thức hôn mê, bất biện thiện ác, nãi chí nhãn nhĩ cánh vô kiến văn', đây là chứng người già mất trí nhớ. Phải coi phước báo của người ấy, nếu phước báo lớn thì có thể kéo dài thời gian này suốt mười năm, tám năm, họ còn thở, vẫn còn hô hấp, nhưng mê man chẳng tỉnh táo, người thân nhất trong nhà, người mình thương mến nhất cũng chẳng nhận ra, mỗi ngày hai mươi bốn giờ đều ở trong trạng thái hôn mê. Những người này thiệt đáng thương, cầu sống không được cầu chết cũng không xong, sau khi chết đi nhất định sẽ bị nghiệp lực lôi kéo, sẽ chẳng sanh vào cõi thiện, chắc chắn sẽ đọa nẻo ác. Chúng ta có khả năng bảo đảm chính mình tương lai sẽ không rơi vào tình trạng này hay không? Ai cũng chẳng dám bảo đảm. Ngày nay chúng ta nhìn thấy những tình trạng này, tự mình phải có tâm cảnh giác cao độ, đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp [cứu chữa], chúng ta phải ghi nhớ.

Thị chư quyến thuộc, đương tu thiết đại cúng dường chuyển độc tôn kinh, niệm Phật Bồ Tát danh hiệu. Như thị thiện duyên năng lịnh vong giả ly chư ác đạo, chư ma quỷ thần tất giai thoái tán.

Hàng quyến thuộc phải nên thiết đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật cùng Bồ Tát; những thiện duyên như thế có thể khiến cho người chết thoát khỏi các đường ác, và các ma quỷ, ác thần đều phải rút lui hoặc giải tán.

Chữ quan trọng ở đây là 'đại cúng dường', người nhà quyến thuộc có chịu làm hay không? Rất nhiều người bị chứng người già mất trí nhớ, nói thật ra họ đều là người giàu có, trưởng giả, giòng dõi giàu sang. Quyến thuộc người nhà của họ bận bịu để tranh giành tài sản, có mấy ai chịu làm việc đại cúng dường cho họ? Sống chết gì cũng chẳng có người hỏi thăm, [con cháu] tìm hết đủ mọi cách để đoạt gia tài, người này thiệt đáng thương, [rốt cuộc] cũng phải sanh vào ba đường ác. Nếu người nhà thật sự là người thông minh, người hiểu rõ Lý muốn cứu họ thì phải dùng hết thảy tài sản của người ấy để tu đại cúng dường, giống như đoạn trước có nói cô Bà La Môn, cô Quang Mục, vì muốn cứu mẹ nên bán hết đất đai tài sản của mình để làm việc cúng dường. Ngày nay trong thế gian này đi đâu tìm được con cháu hiếu thuận như vậy? Bạn sẽ tìm chẳng được, cũng tìm chẳng được một người bạn đáng tin cậy, thiệt là nguy hiểm! Nguy hiểm đến cùng cực, vậy thì phải làm sao? Không bằng tu đại cúng dường ngay bây giờ, trong kinh nói lúc bạn còn sống làm việc này thì bạn có được trọn tất cả lợi ích, bạn sẽ tránh khỏi lúc già bị bịnh khổ như vậy, hiện nay phải giác ngộ, phải thật sự giác ngộ, con cái cũng tin không nổi, bạn bè cũng tin không nổi, người thân thích nào đến sau cùng [lòng dạ] cũng sẽ thay đổi, chẳng có ai đáng tin, người thật sự đáng tin được là chính mình. Thừa lúc mình còn khoẻ mạnh, còn hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta phải hết lòng tu (chữ tu ở đây nghĩa là làm việc) đại cúng dường, dốc hết tâm hết sức để cúng dường.

Phải tu cúng dường như thế nào, bạn phải có trí huệ, phải thân cận thiện tri thức. Trong việc tu hành, bất luận là Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, tại gia, xuất gia, điều kiện cần thiết đầu tiên là phải hiểu rõ Lý, không thể không hiểu những đại đạo lý của vũ trụ nhân sinh mà đức Phật đã dạy, không thể không hiểu rõ các hiện tượng y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới. Sau khi bạn hiểu rõ ràng thì bạn sẽ biết phải làm thế nào để tu đại cúng dường. Trong tình trạng cụ thể của chúng ta hiện nay mà nói, nguyên lý nguyên tắc cơ bản của nó chính là làm thế nào giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, việc cúng dường này sẽ rất lớn. Làm thế nào có thể giúp cho hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, việc vui chân chánh chính là vãng sanh Cực

Lạc thế giới. Chư vị có thể hiểu được, Cư Sĩ Lâm ngày nay, Tịnh Tông Học Hội đang làm việc 'tu đại cúng dường', mỗi ngày giảng kinh hai giờ, đây là đại cúng dường, giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Hiện nay trong Niệm Phật Đường mỗi ngày [tổ chức] niệm Phật mười hai giờ đồng hồ, giúp cho người ta lìa khổ được vui, đây cũng là đại cúng dường. Cư sĩ Lý [Mộc Nguyên] phát tâm hy vọng có thể làm một việc đại cúng dường lâu dài, xây Thôn Di Đà, tiếp đón người thập phương chân chánh phát tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, giúp cho họ có đầy đủ điều kiện để niệm Phật, đây là đại cúng dường. Ngoài ra những chuyện thiện khác, khi chúng ta gặp thì không thể không làm, cũng phải dốc hết tâm hết sức đi làm, đó cũng thuộc về đại cúng dường. Giống như những tai nạn [thiên nhiên] to lớn trong nước hiện nay, nước Trường Giang tràn ngập, vùng Đông Bắc Nộn giang , nước sông Tùng Hoa ngập lụt, tạo nên tai hại cực nặng, chúng ta nghe được thì phải dốc hết sức lực để cứu trợ. Không thể nói sự cúng dường này chắc là sự cúng dường nhỏ nhoi, không phải vậy đâu, đây cũng là đại cúng dường.

Nhà Phật thường nói 'Phật chẳng độ người vô duyên', đức Phật muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, thì trước tiên phải bố thí kết duyên. Chúng ta kết pháp duyên với những chúng sanh này, kết thiện duyên, tương lai khi nhân duyên chín muồi thì họ sẽ rất vui vẻ tiếp nhận Phật pháp, do đó bố thí tài vật là điều kiện đầu tiên nhất định phải có để Phật độ chúng sanh. Pháp thứ nhất trong Tứ Nhiếp Pháp của Phật chính là Bố Thí, kế đó là Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự, xả bỏ tài vật để tu phước, chỉ cần chịu xả thì tài vật giàu có cuồn cuộn mang đến, do đó đừng nên keo kiệt, giàu có thì phải biết bố thí. Vui vẻ bố thí thì người ấy sẽ có phước, người ấy chắc chắn sẽ chẳng thiếu thốn tiền tài, càng bố thí thì càng giàu có, càng giàu thì càng phải bố thí cho nhiều hơn. Gần đây kinh tế vùng Đông Nam Á xuống dốc, đời sống dân chúng khốn khổ, nguồn thâu nhập giảm xuống, nhà đất mất giá không chỉ phân nửa. Chúng tôi đi ra ngoài đường thấy rất nhiều chỗ đang xây cất giữa chừng phải ngưng lại, nhà bán không được. Chúng ta hãy xem Cư Sĩ Lâm, nguồn thâu nhập của Cư Sĩ Lâm cũng chịu ảnh hưởng, lợi tức của tín đồ ít đi thì đóng góp cũng bớt đi. Thế nhưng từ khi chúng tôi bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm tới nay, Niệm Phật Đường này mở cửa, cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi không những số thâu nhập của Cư Sĩ Lâm không giảm bớt mà còn tăng thêm, rất nhiều người nói với tôi hiện tượng Cư Sĩ Lâm hưng vượng từ trước tới giờ chưa từng thấy được. Tại sao vậy? Là do bố thí, càng thí thì có càng nhiều. Những lời đức Phật nói trong kinh, chúng ta ở nơi đây nhìn thấy tận mắt. Bạn thí tiền tài thì tiền tài nhất định sẽ cuồn cuộn đến; bạn thí pháp thì nhất định sẽ thông minh trí huệ; bạn thí vô uý thì nhất định sẽ được khoẻ mạnh sống lâu. Nếu quy nạp toàn bộ Phật pháp thì đó chính là một chữ Bố Thí.

Trong các việc bố thí, thí tài vật, thí pháp, thí vô uý, chúng ta ai nấy đều hy vọng giàu sang, thông minh, khoẻ mạnh sống lâu, nếu bạn không tu nhân thì làm sao có được quả báo? Chỉ cần bạn chịu tu nhân [thiện] thì chắc chắn sẽ được quả báo thiện, đây chính là như câu nói: *"Trong cửa nhà Phật có cầu ắt có cảm ứng"*. Tôi rất hy vọng các bạn đồng tu tu pháp Niệm Phật ở mọi nơi trên khắp thế giới, hy vọng mọi người đến đây để tham học, những lời đức Phật dạy trong kinh, những lời tôi nói trong giảng đường, giảng không rõ ràng, không rành rẽ, bạn nghe xong cũng rất khó hiểu được, nhất định phải đến đây đích thân cảm nhận thì bạn mới hiểu được, lời giáo huấn trong Phật pháp chân thật chẳng hư dối. Làm vậy mới có thể tăng thêm lòng tin của bạn, tăng thêm tâm nguyện của bạn, để cho bạn tin tưởng chắc chắn y giáo phụng hành, tương lai của bạn sẽ tươi sáng rạng rỡ. Dù bạn có gặp khó khăn lớn hơn hoặc tai nạn lớn hơn thì bạn cũng vượt qua một cách yên ổn, bạn nhất định sẽ chẳng đánh mất lòng thanh tịnh tự tại, đó chính là lợi ích ngay trước mắt khi chúng ta học Phật. Trước mắt có thể đạt

được lợi ích thù thắng như vậy thì lợi ích tương lai sẽ vô lượng vô biên. [Quả báo] hiện tiền nhà Phật thường gọi là 'Hoa Báo', tương lai là 'quả báo', quả báo nhất định là sẽ vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, đó là việc thù thắng không chi sánh bằng. Do đó chúng ta phải biết cách tu đại cúng dường, phải tu mau lên, không thể chậm trễ, một khi cơ hội mất đi thì muốn gặp lại thật không dễ. Người thật sự có trí huệ, có phước đức chẳng có gì khác ngoài việc họ nhìn thấy cơ hội, có thể nắm lấy cơ hội để thành tựu trí huệ, phước đức vô lượng vô biên của họ.

'Chuyển độc tôn kinh' tức là đọc tụng Đại Thừa, mỗi ngày phải đọc thì không đến nỗi mê hoặc, không đến nỗi bị lay động bởi cảnh giới bên ngoài. Tụng kinh chính là nghe lời dạy của Phật, Bồ Tát. 'Niệm Phật, Bồ Tát danh hiệu' tức là trì danh niệm Phật. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu hành thù thắng nhất, ổn thỏa nhất, nhanh chóng nhất, có hiệu quả nhất chính là 'nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật'. Bạn phải hiểu rõ 'nhất tâm xưng niệm' thì bạn sẽ được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ; tâm không thanh tịnh sẽ sanh phiền não, khi có phiền não thì bạn sẽ tạo ác nghiệp, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ, khi bạn có trí huệ thì bạn mới tạo hết thảy thiện nghiệp. Đây là vài phương pháp đức Phật dạy trong kinh, cảnh giới của những phương pháp này cũng vô cùng rộng lớn, 'như thị thiện duyên, năng lịnh vong giả ly chư ác đạo', tu phước lớn như vậy, đó là việc tu phước. Đoạn kinh phía trước đã nói những quyến thuộc giúp họ tu phước này được sáu phần bảy công đức, người mất chỉ được một phần bảy. Đích thật có thể giúp họ lìa khỏi ác đạo, tại sao vậy? Khi lâm chung đầu óc họ hôn mê, bất tỉnh nhân sự thì họ nhất định sẽ đọa ác đạo. Lúc đó chúng ta trợ niệm cũng chẳng giúp được gì, [người được] trợ niệm nhất định phải có đầu óc tỉnh táo thì mới có thể vãng sanh. Trong tình trạng [hôn mê] này có trợ niệm cũng không giúp họ được, vì họ chẳng tỉnh táo, bạn trợ niệm cho họ thì họ cũng chẳng niệm Phật theo bạn, họ cũng chẳng biết 'Phật' là gì, đó là lúc vô cùng đáng thương, chết đi sẽ sanh vào cõi nào lúc này là giờ phút quan trọng nhất.

Nếu người nhà của họ không có tâm từ bi, không có trí huệ thì họ sẽ vô cùng đáng thương. Nếu thân quyến họ thật sự có thể hiếu thuận, từ bi, có thể hiểu đạo lý, thì nhất định phải làm như thế, họ mới có thể lìa khỏi ác đạo, mới có thể sanh vào cõi lành. Vì họ có phước báo lớn như vậy, lúc lâm chung những oán gia chủ nợ, những quỷ thần này sẽ thoái lui, tạm thời cũng không dám lại khuấy rối họ. Tuy thoái lui, chẳng có nghĩa là xong chuyện đâu, những quỷ thần này sẽ đợi cơ hội sau này, đợi tới lúc nào bạn mê mờ, chẳng có ai giúp đỡ thì họ sẽ quay trở lại. Do đó chư vị phải biết [khi bạn] kết oán thù sâu đậm với chúng sanh, ai chịu tha thứ cho bạn? Nếu bạn hiểu đạo lý này thì nhất định phải đừng kết oán thù với tất cả chúng sanh. Trong thế gian chúng ta thấy có một số người có ấn tượng không tốt đối với chúng ta, nhìn rất gai mắt, họ là những oan gia đời trước, họ ác ý huỷ báng, thậm chí còn hãm hại, chúng ta phải đối đãi như thế nào? Phải dùng tâm chân thành cung kính để đối đãi, chúng ta phải dùng tâm sám hối đối xử với họ, tuyệt đối không thể có tâm niệm báo thù. Nếu bạn có tâm niệm muốn trả đũa thì gút mắt này lại càng buộc chặt thêm, đời đời kiếp kiếp báo đền lẫn nhau, dây dưa chẳng dứt. Không bằng cứ tiếp nhận hoàn toàn chẳng than trách, đối với những người ác không những chẳng có ác ý, chúng ta còn có ý kính trọng, thì gút mắt này sẽ được tháo gỡ, món nợ này sẽ tiêu mất, xóa sạch sổ nợ, đó là chuyện tốt! Ấn Quang đại sư trong Văn Sao dạy chúng ta *'Nghĩ như là mình trả nợ'* thì chuyện gì cũng sẽ được kết thúc. Không kết oán thù với bất cứ người nào, chúng ta phải học *'dùng Đức báo Đức, dùng Đức báo oán'*, được vậy thì trên con đường Bồ Đề chúng ta sẽ giảm bớt rất nhiều chướng ngại, trên thế gian bất luận chúng ta làm sự nghiệp gì thì cũng sẽ giảm bớt trở ngại, cơ hội thành công sẽ nhiều hơn. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, phải biết thế nào để làm người. Xin xem tiếp kinh văn:

Thế Tôn, nhất thiết chúng sanh lâm mạng chung thời, nhược đắc văn nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh hoặc Đại Thừa kinh điển, nhất cú nhất kệ, ngã quán như thị bối nhân trừ ngũ Vô Gián sát hại chi tội, tiểu tiểu ác nghiệp, hiệp đọa ác thú giả tầm tức giải thoát.

Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh lúc lâm chung nếu được nghe đến danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, hoặc một câu hay một bài kệ trong kinh điển Đại Thừa, con xem xét thấy hạng người ấy, trừ năm tội Vô Gián và tội sát hại, còn những nghiệp ác nho nhỏ đáng phải đọa vào đường ác thì chẳng bao lâu đều được thoát khỏi cả.

Đoạn kinh này nói cho chúng ta tu thiện đáng quý như thế nào, cho dù một việc thiện nhỏ cũng đáng quý, huống chi là việc thiện to lớn? Lúc quan trọng, lúc sắp mất, 'lâm mạng chung nhược đắc văn nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh', đầu óc người sắp mất nhất định phải tỉnh táo thì mới làm được. Lúc lâm chung đầu óc còn tỉnh táo, còn rõ ràng, rành rẽ, nếu có thiện tri thức ở kế bên giúp kẻ ấy, chúng ta có thể khẳng định kẻ ấy chắc chắn sẽ không đọa ba đường ác. Chư vị phải biết những người đọa ba đường ác đều đi vào đó một cách mờ mờ mịt mịt, lẽ nào người có đầu óc còn sáng suốt lại đi làm ngạ quỷ, làm súc sanh, không lẽ nào như vậy cả? Chúng ta phải biết rất ít người lúc lâm chung còn sáng suốt, trong mười người thì hết tám chín người bất tỉnh nhân sự, mù mù mịt mịt, bạn coi như vậy đáng sợ biết bao! Phàm những người lâm chung mà đầu óc còn sáng suốt, cho dù tạo ác nghiệp, tâm địa của họ cũng rất thiện, tạo ác nghiệp là vì họ vô tri, họ chẳng biết làm như vậy là tạo ác nghiệp, [thí dụ như việc] sát sanh ăn thịt, họ cảm thấy sát sanh ăn thịt là việc rất bình thường, họ chẳng cảm thấy làm vậy là tạo ác nghiệp, nhưng tâm địa người này vẫn là rất tốt, đây là việc chúng ta quan sát kỹ càng thấy được. Nếu tâm người ấy chẳng thiện, thường muốn hại người, cướp đoạt tài sản của người khác, làm những việc lợi mình hại người, những người này lúc lâm chung hơn phân nửa đều mê hoặc điên đảo. Cả đời dựa oai thế để hiếp đáp người khác, thậm chí đến tuổi già mắc chứng mất trí nhớ, trí nhớ hoàn toàn tiêu mất, bất tỉnh nhân sự, hơi thở còn chưa đứt, cứ nằm trên giường bịnh suốt tám năm, mười năm, trong thời đại ngày nay chúng ta thấy những người như vậy rất nhiều, do đó tu thiện là việc vô cùng quan trọng.

Đoạn này chúng ta phải ghi nhớ, đây là lý luận y cứ cho việc trợ niệm, con người lúc lâm chung, nếu chúng ta gặp phải, chúng ta làm thế nào giúp đỡ họ, lúc lâm chung, thời khắc mấu chốt nhất vô vùng ngắn ngủi này, phải dùng phương pháp có hiệu quả cao nhất [để giúp họ]. Bất luận họ cả đời học Phật hoặc chẳng học Phật, thậm chí phản đối Phật, hủy báng đức Phật [mình] cũng không cần để ý tới, lúc lâm chung họ mang bịnh nặng nằm trên giường, họ chẳng làm chủ được thì chúng ta làm chủ [thay họ], chúng ta niệm A Di Đà Phật cho họ nghe, họ không muốn nghe thì cũng phải nghe, trồng thiện căn cho họ. Vả lại còn phải khuyến dụ họ, phần lớn hầu hết lúc lâm chung cả đời chẳng tin Phật, đến lúc lâm chung hoặc có thể sẽ tin, lúc đó mình nhắc họ, nói cho họ biết lợi ích của sự niệm Phật. Trong lúc đó nếu họ có thể nghe được danh hiệu một vị Bồ Tát, một vị Phật, lúc ấy dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát đối với họ là việc có lợi ích lớn nhất. 'Kinh điển Đại Thừa, nhất cú nhất kệ', nói 'nhất cú nhất kệ' thì không cần phải đi tìm kinh nào, trong lúc quan trọng nhất này phải buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, bất luận cảnh giới gì hiện ra, bạn có thể nói cho họ nghe câu kinh 'phàm những gì có tướng đều là hư vọng', hết thảy đều đừng để ý tới, cứ nói một cách dứt khoát với họ, chẳng có mảy may nghi ngờ gì hết thì mới thật sự là

giúp đỡ họ. Cho dù trong đời họ đã tạo tội cực nặng, nhờ thiện duyên này mà tội nghiệp và tội báo của họ sẽ [tạm thời] không thể hiện ra.

Cho nên quỷ vương nói *'Ngã quán như thị bối nhân, trừ Ngũ Vô Gián sát hại chi tội'*, tội này chẳng có cách chi hết, tại sao vậy? Tội này quá nặng, Ngũ Vô Gián là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp tăng, tội này quá nặng. Ngài nói ngoại trừ tội Ngũ Vô Gián, quỷ vương chẳng giúp được. Nhưng chúng ta hiểu rõ, cho dù tạo tội Ngũ Vô Gián nếu lúc lâm chung đầu óc còn tỉnh táo, nếu có thể sám hối niệm Phật cũng được vãng sanh, trong kinh có nêu thí dụ. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói với chúng ta, vua A Xà Thế tạo tội sát hại Ngũ Vô Gián, lúc lâm chung sám hối, niệm Phật cũng được vãng sanh; đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta, người đó vãng sanh phẩm vị rất cao, Thượng Phẩm Trung Sanh. Cho nên chúng ta đối với người tạo tội nghiệp cũng chẳng dám coi thường, không chừng họ vãng sanh phẩm vị còn cao hơn chúng ta, chẳng thể coi thường. Chỉ cần chưa chết thì vẫn còn cứu được, đến phút lâm chung một hơi thở còn chưa đứt thì vẫn còn cứu được, nếu đứt hơi rồi thì chẳng có cách gì, chẳng cứu nổi. Như việc người nhà thân quyến giúp họ tu đại bố thí cũng chỉ có thể độ họ, cao nhất cũng chỉ độ họ lên trời Đao Lợi mà thôi, họ chẳng được vãng sanh, chẳng thể thoát ra khỏi tam giới. Nếu chưa tắt thở thì có thể giúp họ vãng sanh, khuyên họ thật sự tin tưởng, thật sự sám hối, thật sự niệm Phật cầu vãng sanh, chẳng có người nào không được độ, do đó mới biết pháp môn Tịnh Tông chẳng thể nghĩ bàn. Một đời tạo ác nghiệp nhỏ 'hiệp đọa ác thú giả', đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục nhỏ, những tội nghiệp trên đây nếu bạn tu những điều thiện này thì 'tầm tức giải thoát', 'tầm' nghĩa là thời gian rất ngắn. Do đó công đức nghe danh hiệu Phật chẳng thể nghĩ bàn, đây là lời những người niệm Phật thường nói *'công đức danh hiệu Phật chẳng thể nghĩ bàn'*. Xin xem tiếp:

Phật cáo Chủ Mạng quỷ vương nhữ đại từ cố, năng phát như thị đại nguyện ư sanh tử trung hộ chư chúng sanh.

Đức Phật bảo Chủ Mạng Quỷ Vương rằng: "Ông vì lòng đại từ nên có thể phát đại nguyện, ở trong sanh tử cứu hộ chúng sanh như thế.

Đây là lời đức Phật tán thán quỷ vương. Chữ 'Đại từ' [ở đây] cùng với lòng đại từ bi hộ niệm hết thảy chúng sanh của đức Phật chẳng khác, ngài lại có một nguyện vọng lớn như vầy, trong giờ phút sanh tử ngài sẽ hộ niệm hết thảy chúng sanh, chẳng khác gì bi nguyện của Bồ Tát. Cho nên những quỷ vương này đều là Bồ Tát hóa hiện, nơi cõi này nên dùng thân quỷ vương để độ được thì hiện thân quỷ vương để nói pháp, đích thật họ chẳng phải là phàm phu.

Nhược vị lai thế trung hữu nam tử nữ nhân chí sanh tử thời, nhữ mạc thoái thị nguyện, tổng lịnh giải thoát, vĩnh đắc an lạc.

Như trong đời sau có kẻ nam người nữ nào đến thời điểm sanh tử, thì ông chớ rút lại lời nguyện đó, mà nên làm cho họ thảy đều được giải thoát, mãi mãi được an vui.

Những câu này là lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyến khích quỷ vương, khuyên ngài từ bi hoằng nguyện chẳng nên thoái tâm, lời khuyến khích này vô cùng quan trọng. Vì càng vào sâu trong thời Mạt pháp, chúng sanh tạo ác nghiệp càng nhiều, tạo tội càng sâu, càng nặng, càng rộng lớn. Trong trạng huống như vậy chỉ sợ là quỷ thần nhìn thấy sẽ thoái tâm, cho nên lời dặn dò này vô cùng quan trọng. Chúng ta đọc kinh hiểu rõ những trạng huống này cũng phải phát nguyện, dốc hết tâm lực giúp

đỡ hết thảy chúng sanh đoạn ác tu thiện, làm như vậy cũng gián tiếp giúp các quỷ vương này sanh tâm vui vẻ, giữ vững lòng tin, tâm nguyện của họ để họ chẳng đến nỗi phải thoái tâm. Tuy chúng sanh tạo ác nghiệp rất nhiều, vẫn còn một số người làm việc thiện, người hồ đồ mê muội tuy nhiều, nhưng vẫn có một số người hiểu rõ, điều này đối với quỷ vương là một sự an ủi. Xin xem tiếp kinh văn:

Quỷ vương bạch Phật ngôn, nguyện bất hữu lự, ngã tất thị hình, niệm niệm ủng hộ Diêm Phù chúng sanh, sanh thời tử thời cụ đắc an lạc'

Quỷ Vương bạch cùng Đức Phật rằng: "Xin Đức Thế Tôn chớ lo! Trọn đời con luôn luôn ủng hộ chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề, làm cho lúc sanh lúc tử đều được an vui.

Quỷ vương là Bồ Tát thị hiện chứ chẳng phải là phàm phu, ngài phát nguyện đến độ chúng sanh. Nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán, khuyến khích ngài, ngài tiếp nhận lời dạy của đức Phật, xin đức Phật đừng lo lắng 'Nguyện bất hữu lự, ngã tất thị hình'. Tất thị hình nghĩa là 'tận hết mạng sống và thân hình này'. 'Niệm niệm ủng hộ Diêm Phù chúng sanh', ngài hiện thân này, hiện thân quỷ vương làm sự nghiệp này, sự nghiệp này chính là hộ niệm hết thảy chúng sanh trên thế gian trong lúc sanh tử, hy vọng trong giờ khắc sanh tử quan trọng ấy đều có thể được yên vui'.

Đãn nguyện chư chúng sanh, ư sanh tử thời tín thọ ngã ngữ, vô bất giải thoát, hoạch đại lợi ích.

Chỉ mong các chúng sanh trong lúc sanh cùng lúc tử đều tin theo lời con, thì không ai là không được giải thoát và được lợi ích lớn cả.

Đây là điều mong muốn của Chủ Mạng quỷ vương đối với chúng sanh trong lúc sanh tử, chúng ta trong lúc sanh hay lúc chết phải ghi nhớ lời nói của Chủ Mạng quỷ vương, trong những lúc này phải đoạn ác tu thiện. Nếu thật sự hiểu rõ, lúc sanh phải biết tu đại cúng dường, đại bố thí, quỷ vương sẽ sanh tâm hoan hỷ lớn lao, toàn tâm toàn lực ủng hộ bạn, bạn nhất định sẽ chẳng đọa ba đường ác. Trong Chú Giải, Thanh Liên đại sư trích dẫn kinh để thuyết minh, trong đoạn này ngài trích ba đoạn, ý tứ trong ba đoạn đều hay. Đoạn thứ nhất trong kinh Thế Ký, đức Phật dạy: *'Nhất thiết nam nữ nhân sơ thỉ sanh thời giai hữu quỷ thần, tùy trục ủng hộ. Nhược kỳ tử thời bỉ thủ hộ quỷ nhiếp kỳ tinh khí kỳ nhân tắc tử'. (Hết thảy người nam người nữ lúc mới sanh liền có quỷ thần đi theo ủng hộ. Lúc chết thì quỷ thủ hộ ấy thu hút tinh khí của người ấy, người ấy sẽ chết).* 'Cố' nghĩa là do vì duyên cố này, Chủ Mạng quỷ vương *'Nguyện nhân sanh thời, tử thời thận vật sát hại, ứng tu thiện duyên', (Mong con người lúc sanh lúc chết nên cẩn thận, đừng giết hại, nên làm việc thiện)* điều này rất quan trọng, đây tuyệt đối không phải là mê tín. Đoạn thứ nhì trích dẫn kinh Đại Tập : "*Nếu là người tu tâm từ, lúc mạng chung, thấy mười phương Phật lấy tay xoa đảnh, nhờ tay xoa chạm vào, tâm người đó được yên ổn, vui vẻ, liền được vãng sanh về cõi Phật thanh tịnh* ***2[2]***". Đây là việc niệm Phật lúc lâm chung. Người lúc còn sống có tâm từ bi, tâm từ bi tức là có thể xả, hoan hỷ bố thí cúng dường, phước huệ song tu, lâm chung sẽ thấy Phật.

Cuối cùng trích dẫn một đoạn khai thị của Liên Trì đại sư, lời nói tuy chỉ có hai câu, nhưng rất quan trọng: "Do vậy, ngài Vân Thê có dạy khi cúng giỗ tổ tiên chớ nên

---

2[2] *'Nhược tu từ giả, đương xả thân mạng thời'* xả thân mạng tức là lúc lâm chung, *'kiến thập phương Phật, thủ ma kỳ đảnh, mông thủ xúc cố, tâm an khoái lạc, tầm đắc vãng sanh thanh tịnh Phật độ'*

sát sanh, để giúp thêm phước cho người đã khuất" 3[3], câu này là của Liên Trì đại sư nói. Cúng tế người quá cố, tổ tiên không thể sát sanh, bạn cúng tế người quá cố, tế tổ tiên mà sát sanh, món nợ của nghiệp sát sanh này sẽ phải trút lên đầu của tổ tiên, tại sao vậy? Vì họ nên mới sát sanh, nếu không cúng tế thì chẳng phải sát sanh, sát sanh là vì họ mà sát, do đó việc này tăng thêm tội nghiệp của tổ tiên, đây là việc bất hiếu to lớn. Nhưng sát nghiệp này cũng giống như công đức nói ở phía trước, bạn đừng nghĩ là nghiệp sát này do tổ tiên gánh chịu, bạn không liên lụy gì cả, nghĩ vậy thì bạn sai rồi. Sát nghiệp này có bảy phần, người sát sanh phải chịu sáu phần, tổ tiên chỉ chịu một phần, cùng một đạo lý, bạn phải hiểu như vậy. Bạn đã gieo họa cho người ta, họ chẳng kêu bạn đi sát sanh, bạn vì họ mà sát sanh, cho nên trách nhiệm của sát nghiệp này, tự mình phải gánh sáu phần, tổ tiên chỉ gánh một phần, kẻ còn lẫn người mất đều chẳng được lợi. Liên Trì đại sư cũng là người tái lai, ngài biết rõ những chân tướng sự thật này. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh tiếp theo, trong Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú đặt tựa đề cho phần này là 'Như Lai Phát Bổn' (Như Lai nêu rõ Bổn Địa của Chủ Mạng Quỷ Vương 4[4]), nói rõ chân tướng sự thật này:

Nhĩ thời Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát.

Lúc đó đức Phật nói với Địa Tạng Bồ Tát rằng:

Nói với Địa Tạng Bồ Tát, trên thật tế là nói với mọi người chúng ta.

Thị đại quỷ vương Chủ Mạng giả.

Vị Đại Quỷ Vương chủ về sanh mạng,

Đây là Chủ Mạng quỷ vương

Dĩ tằng kinh bá thiên sanh, tác đại quỷ vương, ư sanh tử trung, ủng hộ chúng sanh.

Đã từng trải qua trăm ngàn đời làm vị Đại Quỷ Vương, ủng hộ chúng sanh trong lúc sanh và lúc tử.

Quỷ vương này từ bi đến cùng cực.

Thị đại sĩ từ bi nguyện cố, hiện đại quỷ thân, thật phi quỷ dã.

Bậc Đại Sĩ này vì lòng từ bi phát nguyện hiện thân đại quỷ, chớ thật ra không phải quỷ.

Ngài là Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ, ngài chẳng phải là quỷ thiệt, quỷ thiệt đâu có tâm địa tốt như vậy! Bồ Tát thị hiện thân tướng quỷ, đến để chủ trì sự việc lúc sanh lúc tử của hết thảy chúng sanh, chúng ta phải hiểu những chân tướng sự thật này. Trong cuốn chú giải, Thanh Lương đại sư, trang 131 hàng thứ nhất, trong đó ngài kể một chuyện, ngài nói 'Xưa kia ngài Đạo Sanh thuyết pháp tại Hổ Khưu 5[5]', đây là Đạo

---

3[3] *'Cố Vân Thê hữu tế tiên bất nghi sát sanh, dĩ tư minh phước'*

4[4] Bổn địa của ngài Chủ Mạng là Bồ Tát, thị hiện thân Quỷ Vương (đó là Tích).

5[5] Hổ Khưu còn gọi là Hải Dũng Sơn, Hải Dũng Phong, Hổ Phụ, là một thắng cảnh phía tây bắc cổ thành Tô Châu, cách Xương Môn 3.5 km.

Sanh 6[6] pháp sư, tôi nghĩ quý vị cũng rất quen thuộc, rất nhiều người đến từ Tô Châu đều từng thấy Hổ Khưu. 'Sanh Công thuyết pháp ngoan thạch điểm đầu' (Ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá cứng cũng gật đầu), mọi người đều thường xem những cổ tích này. Ngài nói có một lần ngài Đạo Sanh thuyết pháp, thấy một con quỷ, quỷ này đều hiện thân mỗi ngày đến nghe pháp. Ngài Đạo Sanh nói với quỷ đó: 'Ngươi hiện nay là quỷ, tại sao không đầu thai đến cõi người?' Ngài Đạo Sanh khuyên quỷ này đầu thai đến làm người. Quỷ dùng thơ đáp:

"Tác quỷ kinh kim ngũ bá thu", nói rõ nó đã làm quỷ hết năm trăm năm.

"Dã vô phiền não dã vô sầu", con quỷ này làm quỷ chẳng có phiền não, chẳng có sầu khổ,

"Sanh Công khuyến ngã vi nhân khứ

Chỉ khủng vi nhân bất đáo đầu"

(Tôi làm quỷ đã được năm trăm năm,

Không có phiền não cũng không sầu,

Ngài Đạo Sanh khuyên tôi đi làm người,

Chỉ sợ làm người chẳng tới đâu!)

Con quỷ này nói làm quỷ tốt hơn, quỷ nghe giảng kinh cũng có thể khai ngộ. Cho nên Chủ Mạng quỷ vương, đây là đại quỷ vương của Diêm La Thiên Tử, cai quản việc lớn sanh tử của con người, đây là Bồ Tát hóa thân đến, chẳng phải quỷ thật. Phía sau đức Phật còn nói thêm một đoạn, chúng ta hãy đọc qua một lần:

6[6] Sư họ Ngụy, người rất dĩnh ngộ, không ưa sự ồn náo trần tục, cạo tóc xuất gia thọ giới. Ban đầu Sư vào Lô Sơn, ở U Thê bảy năm. Sau dạo đến Quan Trung, theo ngài La Thập thọ nghiệp. Tăng chúng khâm phục như thần.

Lúc trước, Sư thấy phần đầu kinh Niết Bàn nói "*Trừ hạng Nhất xiển đề ra, tất cả đều có Phật tánh*". Sư bèn nói: "Xiển đề sao lại riêng không có Phật tánh được? Kinh này đến đây chưa đủ. Rồi xướng thuyết "Xiển đề đều sẽ thành Phật". Các vị sư khác đời ấy đều trách mắng Sư, cho là tà thuyết, theo luật đáng bị tẩn xuất. Sư bèn thề:

- Nếu tôi nói không hợp với nghĩa kinh, thì xin cho hiện thân chịu ác báo. Nếu thật khế hợp tâm Phật, nguyện lúc xả thọ mạng, ngồi tòa sư tử.

Và Sư rũ áo vào Hổ Khưu sống lặng lẽ. Khi tâm có chỗ hội, Sư đến chùa Thanh Viên, ngồi dưới rặng tùng, xếp đá làm đồ chúng, giảng kinh Niết Bàn. Một hôm giảng đến chỗ Xiển đề, bèn nói có Phật tánh. Lại nói:

- Lời của ta có hợp với tâm Phật chăng?

Hàng đá đều gật đầu. Mùa hạ năm đó, sấm rền Phật điện Thanh Viên, người ta chợt thấy một con rồng bay lên múa lượn, ánh sáng trời phát ra, bóng hiện ở vách Tây. Chùa liền được đổi tên là Long Quang. Người đời đó than:

- Rồng đã bay, Sư chắc cũng đi!

Mấy ngày sau, quả nhiên Sư trở về Lô Sơn, để lại một di ảnh rơi trong hang núi. Tăng chúng đều đến chiêm lễ. Sau Sư nghe Đàm Vô Sấm dịch lại phẩm sau của kinh Niết Bàn, quả nhiên có nói: "Người Nhất xiển để tuy đoạn thiện căn, vẫn có Phật tánh". Sư rất mừng rỡ.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ chín (432). Sư đến Kim Lăng, chưa bao lâu trở lại Lô Sơn. Trụ tịnh xá Lô Sơn, giảng kinh Niết Bàn. Tháng mười một, niên hiệu Nguyên Gia thứ mười một (434)*, Sư thăng tòa luận nghĩa mấy phen, mọi người nghe đều vui vẻ. Chợt thấy phất trần rơi xuống đất, Sư ngồi ngay ngắn, nghiêm trang tựa ghế mà tịch, thọ 80 tuổi. Sớ luận để lại là những tác phẩm rất quý báu. * *Có thuyết nói Sư tịch năm Nguyên Gia thứ 9 (432).* (Trích Cao Tăng Dị Truyện, Hạnh Huệ biên soạn)

Khước hậu quá nhất bá thất thập kiếp đương đắc thành Phật, hiệu viết Vô Tướng Như Lai, kiếp danh An Lạc, thế giới danh Tịnh Trụ. Kỳ Phật thọ mạng bất khả kế kiếp.

Quá một trăm bảy mươi kiếp sau, ông ấy sẽ được thành Phật hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp tên là An Lạc, thế giới tên là Tịnh Trụ, thọ mạng của Đức Phật đó đến số kiếp không thể tính đếm được.

Đây là Phật thọ ký, nói rõ Chủ Mạng đại quỷ vương tương lai thành Phật, hiện nay ngài dùng thân phận quỷ vương để hành Bồ Tát đạo, tu pháp Lục Độ. Do đó hành Bồ Tát đạo dùng các thân phận khác nhau, các ngành nghề khác nhau, ngay trong sanh hoạt hằng ngày của bạn, trong công việc làm của bạn để tu học, ở đây Chủ Mạng quỷ vương thị hiện nêu gương cho chúng ta. Hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 32 (Số 14-12-32)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 131, xin xem kinh văn:

Khước hậu quá nhất bá thất thập kiếp đương đắc thành Phật, hiệu viết Vô Tướng Như Lai, kiếp danh An Lạc, thế giới danh Tịnh Trụ, kỳ Phật thọ mạng bất khả kế kiếp.

Quá một trăm bảy mươi kiếp sau, ông ấy sẽ được thành Phật hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp tên là An Lạc, thế giới tên là Tịnh Trụ, thọ mạng của Đức Phật đó đến số kiếp không thể tính đếm được.

Đây là lời đức Thế Tôn nói cho chúng ta biết, Chủ Mạng Quỷ Vương trong thời gian rất dài đã dùng thân phận đại quỷ vương để giúp đỡ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn. Phần trước nói việc ngài tu nhân, làm nhân thiện thì nhất định sẽ cảm được quả báo thiện, Phật nói cho chúng ta một trăm bảy mươi kiếp về sau thì ngài sẽ thị hiện thành Phật, danh hiệu là Vô Tướng Như Lai. Thời đại đó cũng có danh hiệu, giống như thời đại đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, tên của kiếp này gọi là Hiền Kiếp. Thời đại đó gọi là An Lạc, từ tên này [liền biết] thời đại lúc đức Phật ấy ra đời vô cùng tốt đẹp. Danh xưng của thế giới, hiện nay thế giới của chúng ta gọi là Sa Bà, Sa Bà là tiếng Phạn, nghĩa là Kham Nhẫn, người trên thế gian này rất khổ [mà] họ có thể nhẫn chịu được [nên thế giới này được gọi là] thế giới Kham Nhẫn. Thế giới của Vô Tướng Như Lai gọi là Tịnh Trụ, chúng ta coi hai chữ Tịnh Trụ này, rất giống với thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà, hơn nữa thọ mạng cũng là vô lượng thọ.

Đoạn khai thị này của Thế Tôn khơi gợi cho chúng ta rất nhiều, phía trước đã báo cáo với chư vị xong, rất nhiều quỷ vương trong ác đạo đều là chư Phật Như Lai ứng hóa ở trong ấy, cũng có rất nhiều pháp thân đại sĩ tu hành ở đó. Giống như phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa có nói nên dùng thân gì để được độ thì ngài sẽ hiện thân đó. Lại nữa hiện thân thuyết pháp thì duyên phần đối với những chúng sanh này nhất định phải chín muồi, nhà Phật thường nói 'Phật chẳng độ người vô duyên'. Thế nên chúng ta trong thế gian này, chẳng phải chỉ có đời này mà thôi, nhiều kiếp trong quá khứ đến nay, chúng ta đối với hết thảy chúng sanh chẳng thể không kết duyên. Duyên thì có thiện duyên, có ác duyên, có duyên nhiễm, có duyên tịnh, nếu trong Phật pháp thì còn có pháp duyên, hết thảy đều là duyên, có duyên mới được độ, chẳng có duyên thì chẳng độ nổi, cho dù duyên đã kết là ác duyên cũng được. Như Chủ Mạng Quỷ Vương, họ hiện thân trong tam ác đạo, độ chúng sanh trong ác đạo, đó là ác duyên của những

chúng sanh này đã chín muồi, họ đọa vào ác đạo, Bồ Tát cũng chẳng chê bỏ, cũng vào ác đạo thị hiện thân cùng loại với họ, để khuyên họ nên quay đầu, khuyên họ đoạn ác tu thiện. Chúng ta phải hiểu rõ những Sự, Lý này, phải biết là sự việc như thế nào, cũng nên biết hiện nay chúng ta phải làm như thế nào.

Tuy nhiên, trên nguyên tắc thì chỉ là vấn đề của một chữ Duyên. Đối với hết thảy chúng sanh thì kết pháp duyên là thù thắng nhất. Trong pháp duyên chẳng có phiền não, cho nên đối với mình, đối với người đều giảm bớt chướng ngại. Cho dù duyên này là thiện duyên, chư vị phải biết, thiện cũng có thể biến thành ác, trong ngạn ngữ gọi là "vui quá sanh ra buồn", thương đến cùng thì sanh ra giận hờn. Chư vị phải biết ác sẽ chẳng biến thành thiện, hận thù rất khó biến thành thương yêu, nhưng thương biến thành ghét rất dễ dàng. Cho nên thế giới này là thế giới cực khổ, học Phật là học làm một người minh bạch. Chúng ta là người hiểu rõ ràng, rành rẽ thì chúng ta kết tịnh duyên với chúng sanh, duyên thanh tịnh nghĩa là buông xả cả thiện và ác. Buông xả chẳng phải xả trên Sự, mà phải xả trong Tâm, trên Sự thì khi gặp chuyện thiện ác, chẳng tránh khỏi phải tiếp xúc, phải qua lại, như vậy thì sẽ kết duyên thiện ác; [khi ấy] tâm địa thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm, thiện duyên cũng trở thành tịnh duyên, ác duyên cũng là tịnh duyên, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nếu trong hết thảy cảnh giới, bất luận là hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh nhân sự, nếu chúng ta sanh tâm, khởi tâm động niệm có tốt-xấu, có lấy-bỏ thì duyên ấy sẽ thành duyên nhiễm trước, quả báo của duyên nhiễm trước rất khổ. Khi tiếp xúc hết thảy hoàn cảnh nhân sự, nếu tự mình thật sự làm được "không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước", thì cảnh giới thiện ác gì cũng là tịnh duyên, trong Tịnh Tông chúng ta gọi là tịnh nghiệp. Quả báo của tịnh nghiệp, niệm Phật là nhất định cầu sanh tịnh độ, nếu không biết niệm Phật cầu sanh tịnh độ thì quả báo của tịnh nghiệp hơn phân nửa là ở cõi trời Sắc Giới, vì ở trời Dục Giới còn có nhiễm trước, trời Sắc Giới thì nhiễm trước nhẹ hơn, không được vãng sanh thì cũng sanh lên cõi trời, do đó chúng ta phải hiểu đạo lý này, thiện thì nhất định có thiện quả.

Không những Chủ Mạng quỷ vương tương lai sẽ thành Phật, chúng ta biết hết thảy chúng sanh tương lai đều sẽ thành Phật. Đây là lời đức Phật nói trong kinh rất rõ ràng, *'Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh'*, do vì có Phật tánh nên đương nhiên sẽ thành Phật, chỉ là thành Phật sớm hay trễ mà thôi. Do đó chư Phật Như Lai xem hết thày chúng sanh đều là chư Phật. Ngày nay chúng ta học Phật, muốn công phu đắc lực thì trước hết phải đổi quan niệm này trở lại, điểm này vô cùng quan trọng! Tuyệt đối phải xem hết thảy chúng sanh là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai; khi bạn có thể giác ngộ được như vậy, có cách suy nghĩ, cách nhìn như vậy thì bạn sẽ gần gũi với Phật. Tại sao vậy? Đó là cách nhìn của Phật, cách suy nghĩ của Phật. Cách nhìn, cách nghĩ này tuyệt đối là sự thật, chẳng phải nói mình nên quán như vậy, đó là sự thật, chúng sanh mê hoặc chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Chúng ta muốn thành Phật, thành Phật nhanh chóng, con đường tắt để thành Phật chẳng có gì khác hơn là chuyển quan niệm này trở lại, thế nên đối với hết thảy chúng sanh có thể tận hết lòng hiếu kính, có thể cung kính tuyệt đối, tại sao vậy? Họ là chư Phật, đó là tu hành, chúng ta nói [đây là phương pháp] tu hành ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng nhất, đích thật là con đường tắt.

Trong đời này tự mình nên nghĩ thử xem, nên tự hỏi, đời này tôi đến thế gian này để làm gì? Vì sao tôi phải đến đây? Đời này được thân người có ý nghĩa gì? Có giá trị gì? Người có thể thường thường phản tỉnh như vậy thì đã giác ngộ rồi! Chẳng đến nỗi mê trong vọng tưởng, chấp trước, chẳng đến nỗi lạc mất trong ngũ dục lục trần. Những người không học Phật, rất ít người có ý thức này, [trong số những] người học Phật có được bao nhiêu người tỉnh ngộ? Sau khi thật sự tỉnh ngộ, đi tìm câu trả lời trong đó, khi có câu trả lời thì tâm tình của bạn trong đời này sẽ rất yên định. Tại sao vậy? Bạn làm

người bất luận là thời gian dài ngắn, thời gian dài ngắn tức là thọ mạng dài ngắn; bạn đều có mục tiêu, có phương hướng, đời này bạn sinh sống rất có ý nghĩa, rất có giá trị.

Đây là trước hết tự mình xác định vị trí của mình, việc này rất quan trọng. Chúng ta được thân người, được nghe Phật pháp, xác định vị trí của mình ở tại đâu? Xác định vị trí ở nơi hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải làm việc này cho hoàn hảo, tận tâm tận lực làm cho được viên mãn, [vậy thì] cuộc đời này của bạn mới có ý nghĩa, có giá trị. Xác định vị trí ở Niệm Phật Đường hướng dẫn đại chúng tu hành, vạn duyên buông xuống, chết lòng trọn ý chấp trì danh hiệu, lãnh đạo đại chúng, giúp đỡ đại chúng thật thà niệm Phật, việc này có ý nghĩa tốt đẹp vô cùng, có giá trị phi thường. Đây là nói về người xuất gia, chúng ta nêu lên ví dụ đơn giản như vậy. Nếu là người lãnh chúng, hết lòng phát tâm, lãnh chúng là chăm sóc đại chúng, phục vụ cho đại chúng, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Những [người giữ] chức vụ trụ trì trong chùa, sư đương gia, thời xưa nói họ là Bồ Tát, chẳng phải người phàm, thanh chúng (đại chúng thanh tịnh) trong đạo tràng là người phàm. Những vị Phật, Bồ Tát này đến phục vụ cho đại chúng, [các ngài] chẳng bao giờ làm ra vẻ như những người có quyền uy, thế lực, có địa vị tác oai tác phước, làm vậy thì không tốt rồi, trái nghịch với pháp. Pháp gì? Trái nghịch với tánh đức, trái nghịch với tánh đức thì quả báo sẽ ở ba đường ác.

Cho nên những người lãnh đạo trong xã hội, bất luận là ở tầng lớp nào, nếu tương ứng với tánh đức, dùng cách nói hiện nay nghĩa là phục vụ đại chúng, thì đó là tích lũy công đức, chúng ta phải từ những chỗ này tỉnh ngộ trở lại. Ở địa vị càng cao, giống như vị chủ tịch trong tòng lâm, bạn làm trụ trì trong đạo tràng, bạn phục vụ cho cả đạo tràng. Nếu bạn dùng tâm niệm và thái độ này thì bạn tu hành, thật sự tu hành, phục vụ là tu hành. Có trở ngại cho sự dụng công của mình không? Chẳng trở ngại. Lúc Trí Giả đại sư vãng sanh, học trò hỏi 'Ngài vãng sanh phẩm vị gì?' Ngài nói 'Nếu tôi không lãnh chúng, không làm những công chuyện này, nhất tâm niệm Phật thì phẩm vị tôi rất cao. Nhưng vì lãnh chúng thường thường phải phân tâm, tinh thần không thể tập trung, cho nên chỉ được ngũ phẩm vãng sanh'. Lời này có phải là thật không? Có thể nói là thật, cũng có thể nói là giả, chúng ta phải hiểu ý nghĩa thật sự của lời Tổ sư nói, ý tứ của lời này rất sâu. Nếu là phàm phu giữ chức vụ trụ trì, đương gia, quản lý sự vụ, hành chánh trong đạo tràng, đích thật đối với phẩm vị vãng sanh của mình có phương hại, nhưng tiêu chuẩn thấp nhất là có thể vãng sanh, phẩm vị thấp một chút chẳng sao cả, xả mình vì người, đây là đối với phàm phu tăng mà nói. Nếu đối với thánh hiền tăng thì lại khác, công việc, phục vụ chính là tu hành, trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, [họ] phục vụ đại chúng, cả ngày từ sáng đến tối vô cùng bận rộn, trên Sự thì bận bịu chứ trong tâm thì thanh tịnh, tam luân thể không, mảy trần chẳng nhiễm, Tam Học Giới Định Huệ của họ đều hoàn thành cùng lúc, vậy thì họ làm sao không phải là tu hành được?

Chúng ta thấy Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở Hoàng Mai, công việc làm mỗi ngày của ngài là phục vụ đại chúng, chẻ củi, xay gạo trong nhà bếp có trì trệ công phu của ngài không? Chẳng có! Không những không có mà còn thành thục công phu của chính mình. Người khác tu thiền định phải đến thiền đường tọa thiền, còn ngài tu thiền định thì xay gạo là tu thiền định, chẻ củi là tu thiền định, mỗi ngày tiếp xúc với thường trụ đại chúng là tu thiền định, không có giờ phút nào chẳng ở trong thiền định, Huệ Năng đại sư có thể làm được, đâu có lý nào Trí Giả đại sư không làm được? Cho nên chúng ta liên tưởng đến những chuyện này thì biết lời nói trên của Trí Giả đại sư có hàm chứa thêm ý nghĩa trong đó, vấn đề là bạn biết học hay không? Nhưng rốt cuộc thì người giác ngộ ít, người không giác ngộ nhiều, cho nên lời nói này của Trí Giả đại sư có dụng ý rất sâu. Dụng ý này của ngài chính là cảnh cáo những người làm công tác phục vụ, ý nghĩa của lời cảnh cáo là nói nếu cách làm của bạn không đúng như pháp,

chẳng tương ứng với pháp, thì sẽ tổn hại đến chính mình; nếu tương ứng với pháp, bất luận làm công việc gì đối với sự tu trì của mình đều là thành tựu. Trong nhà Phật thì có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Nếu tương ứng thì pháp nào cũng vậy. Đại đức trong Tông Môn thường nói *'tả hữu phùng nguyên, đầu đầu thị đạo' (trái phải đều về nguồn, nơi đâu cũng là đạo)*, đó là thành tựu chân chánh. Do đó, truy về cội nguồn thì chính là hai chữ 'Giác' và 'Mê'. Chúng ta làm thế nào trong đời sống hằng ngày, trong công việc thường thường giữ được giác mà không mê? Giác, Mê phải giữ như thế nào? Một niệm riêng tư thì mê, đây là mấu chốt, là cái nút [điều khiển], khởi một niệm háo ác thì mê rồi, vừa khởi tâm động niệm là mê rồi. Khi bạn khởi tâm động niệm có thể nhằm phục vụ hết thảy chúng sanh thì đó là giác, chẳng có [ý niệm về] mình, dốc hết tâm lực phục vụ đại chúng thì đó là giác.

Từ đây có thể biết, chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát ở trong chín pháp giới, hiện thân thuyết pháp phục vụ đại chúng. Thân phận các ngài thị hiện, trong năm mươi ba lần tham vấn chúng ta thấy, nói theo cách nói hiện nay thì trong từng ngành từng nghề, trong ngành nghề nào các ngài đều thị hiện, công việc gì các ngài đều làm. Không những chẳng phương hại đến đạo nghiệp của chính mình mà mỗi ngày còn nâng cao thêm. Chúng ta thấy trong kinh [có nói] từ Thập Trụ nâng lên Thập Hạnh, từ Thập Hạnh nâng lên Hồi Hướng, từ Hồi Hướng nâng lên Thập Địa. Nói chung thì là phục vụ xã hội, phục vụ nhân dân, phục vụ hết thảy chúng sanh, nâng cao địa vị Bồ Tát của mình, đó gọi là tu hành. Tu hành gì? Tu để bỏ hết tâm riêng tư, bỏ hết tự lợi, cho dù ở địa vị thật cao cũng là phục vụ đại chúng, chẳng phải ở đó phô trương quyền vị, tác oai tác phước, mà là phục vụ đại chúng, tức là chuyển đổi tâm niệm này trở ngược lại. Sau khi chuyển đổi tâm niệm này, [hết thảy] đều là Bồ Tát hạnh, bất luận ở chức vị gì, bất luận là làm công việc gì, chỉ cần là phục vụ xã hội, phục vụ nhân dân, phục vụ chúng sanh, đều là sự nghiệp Bồ Tát. Một niệm vì mình thì đó là tạo nghiệp, trong kinh chúng ta thấy [những việc này], còn sự việc bên ngoài thì càng nhiều nữa. Do đó đoạn kinh này đem lại cho chúng ta khải thị rất lớn, nhất định phải biết tu thiện nhân mới được thiện quả. Thiện và Ác, một niệm vì chúng sanh là thiện, một niệm vì mình nhất định là ác, đây là việc chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải nắm chắc. Làm thế nào để xả bỏ hết 'cái Tôi', 'cái riêng của Tôi', đây là chỗ chúng ta nhập môn, bắt đầu tu hành, được vậy thì công phu của bạn mới đắc lực. Xem tiếp kinh văn, trang 132:

Địa Tạng, thị đại quỷ vương, kỳ sự như thị, bất khả tư nghị, sở độ thiên nhân, diệc bất khả hạn lượng.

Này Địa Tạng Bồ Tát, những việc của vị Đại Quỷ Vương đó thì không thể nghĩ bàn như thế; hàng trời, người được độ thoát cũng đến số không thể hạn lượng.

(Chữ Như Lai ở đây, chữ 'Lai' này là một chữ in sai, trong bản kinh của quý vị là chữ Lai hay không? Đáng lý phải là 'kỳ sự như thị'. Tra trong bản kinh khác coi, tra trong bản kinh Địa Tạng khác xem, tra chữ này, đáng lý phải là 'Như thị', thì dễ hiểu hơn. Bản của bạn thuộc loại nào? Đúng rồi, không sai! Đây là lúc chúng ta xem, đáng lý là 'Như thị', mọi người hãy sửa lại) Đây là lời đức Thế Tôn nói với Địa Tạng Bồ Tát, nói với ngài 'thị đại quỷ vương' tức là nói về Chủ Mạng Quỷ Vương, nghĩa rộng là chỉ hết thảy những quỷ vương trong cõi địa ngục, ngạ quỷ đều là Phật, Bồ Tát thị hiện. Trong chú giải nói: 'Việc này chẳng thể nghĩ bàn, ước trên Bổn mà khen Tích. Bản lai diện mục của họ vốn là Phật, Bồ Tát, là Pháp Thân Đại Sĩ, tướng các ngài hiện là tướng quỷ vương, chúng ta phải biết. Cuối bản chú giải của Ngài có mấy câu chúng ta hãy đọc xem. Hai hàng chót trong bản chú giải là: "Lại nữa, hãy nên biết: hết thảy đều là

tướng huyễn vọng của phù trần7[7], từ đâu sanh ra thì sẽ diệt mất ở ngay nơi đó8[8]". Hai câu này trích từ kinh Lăng Nghiêm. "Huyễn vọng gọi là Tướng, nhưng tánh của nó thật sự có bản thể là diệu giác minh 9[9] (mầu nhiệm, thấu hiểu cùng tột, sáng suốt)". [Kế đó, pháp sư Thanh Liên nhận định] "Nếu hiểu rõ ý này thì các môn hóa hiện dù Quyền hay Thật của chư Thánh đều có hiểu được quá nửa". Ở đây, ngài dùng mấy câu kinh Lăng Nghiêm để tổng kết, kết thúc [đoạn này] rất hay. Đích xác là như vậy đó!

Do đó chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, nói thật ra còn nhiều hơn phàm phu nữa. Phàm phu đã nhiều nhưng Phật, Bồ Tát càng nhiều hơn, hóa hiện ở xung quanh chúng ta, mỗi ngày tiếp xúc với chúng ta, đáng tiếc là chúng ta không nhận ra. Có lẽ có người sẽ hỏi 'Tại sao Phật, Bồ Tát không nói rõ?', nói ra thì bạn cũng chẳng tin. Khi họ nói với bạn 'Tôi là Bồ Tát nào đó trở lại đây, tôi là vị Phật nào đó trở lại đây', bạn có thể tin hay không? [Nếu bạn phỉ báng thì] nghiệp tạo càng nặng. Cho nên Phật giáo hóa chúng sanh có một quy tắc, tuyệt đối không tiết lộ thân phận, khi tiết lộ thân phận thì nhất định phải ra đi, không thể lộ xong rồi còn lưu lại thế gian này, phiền phức sẽ rất lớn, [sẽ khởi lên] lời yêu mị mê hoặc đại chúng. Nếu có người nói đây là vị Phật nào đó trở lại, vị Bồ Tát nào đó trở lại thì mọi người đều đến cúng dường. Yêu ma quỷ quái có thể sẽ dùng cách này để lừa gạt chúng sanh, tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp, mê hoặc chúng sanh, do đó người thật sẽ không lộ [hình] tướng, người lộ [hình] tướng chắc chắn không phải người thật. Nếu người đó nói họ là Phật nào đó trở lại, Bồ Tát nào đó trở lại, nói xong bèn ra đi tức khắc, thì đó mới là thiệt, chẳng phải giả. Nếu nói xong rồi không ra đi thì đó là giả, chẳng phải thật. Do đó nếu gặp người như vậy, bạn có thể hỏi họ 'Người xưa nói xong thì ra đi, tại sao ông còn chưa đi?'. Phẩm này chúng ta nói đến đây thôi. Xin xem phẩm kế: Xưng Phật Danh Hiệu Phẩm Đệ Cửu.

PHẨM THỨ CHÍN: XƯNG DANH HIỆU CHƯ PHẬT

Thánh Nhất pháp sư gọi phẩm này là Phật Bảo, ba phẩm sau cùng này, thầy tổng kết thành Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, nói vậy rất hay! Năm xưa thầy giảng ở núi Cửu Hoa, thầy gởi giảng ký của thầy đến cho tôi xem, tôi xem cách nói của thầy trong ba đoạn này, tôi rất khâm phục thầy, kết quy đến Tam Bảo mới có lợi ích chân thật. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn, Thế Tôn, ngã kim vị vị lai chúng sanh diễn lợi ích sự, ư sanh tử trung đắc đại lợi ích, duy nguyện Thế Tôn thính ngã thuyết chi.

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay con vì chúng sanh đời sau mà diễn nói về sự lợi ích, làm cho họ trong lúc sanh cùng lúc tử đều được những lợi ích lớn lao. Cúi xin Đức Thế Tôn nghe con nói."

7[7] Trần ở đây là Lục Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp), bản chất của Lục Trần là không thật có. Do vọng tâm còn mê, tâm tánh bị mê nhiễm che lấp, đối các cảnh liền bị mê nên gọi đó là Trần. Do tánh nhiễm mê không thật có (vì tâm ta mê chứ cảnh không làm cho tâm bị mê) nên gọi là Phù Trần. Khi đã giác thì chân tâm nhận biết các cảnh đúng với bản chất thanh tịnh của nó nên gọi là Cảnh chứ không còn là Trần nữa.

8[8] "Hựu phục ưng tri, nhất thiết giai thị phù trần huyễn vọng tướng, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"

9[9] "Huyễn vọng sanh tướng kỳ tánh chân vi diệu giác minh thể"

Trong kinh Bồ Tát muốn nói chuyện lợi ích cho chúng ta nghe, chuyện lợi ích gì? 'Ư sanh tử trung, đắc đại lợi ích', đây tức là nói lợi ích của sự liễu sanh thoát tử, lợi ích này đích thật là lợi ích to lớn, đích thật là lợi ích chân thật. Làm sao có thể làm cho phàm phu, đặc biệt là chúng sanh trong thời Mạt pháp, chữ 'vị lai' ở đây là chỉ thời Mạt pháp, chúng sanh thời Mạt pháp so với bất kỳ thời đại nào cũng khổ hơn. Chúng ta quán sát trong lịch sử, trong đời sống hiện thực, dựa vào trí nhớ của chúng tôi, những người lớn tuổi khoảng bảy, tám mươi tuổi, nhớ lại đời sống khoảng nửa thế kỷ về trước, tuy lúc đó thời thế đã loạn rồi, nhưng tâm cảnh vẫn còn bình hòa như cũ, tuy trong thời gian chiến tranh loạn lạc, phải chạy giặc khắp nơi nhưng tâm tình của họ cũng yên ổn. Còn ngày nay tuy đời sống vật chất vô cùng phong phú, đời sống việc làm cũng an định, nhưng tâm tình của bạn chẳng yên, thật sự có thể nói là tâm ý hoảng hốt, rối loạn, nguyên nhân là gì? Nếu không tìm ra nguyên nhân này, thì bạn làm sao giải quyết vấn đề được?

Vả lại Phật pháp đích thật giải thích những nguyên nhân này rất rõ ràng, so sánh nửa thế kỷ về trước và nửa thế kỷ sau này sẽ thấy nhân tâm của con người thời ấy rất đôn hậu, tuy sánh chẳng bằng thời trước đó, đúng là lòng người mỗi đời càng sa sút, [đời sau] chẳng bằng đời trước. Lúc chúng tôi còn nhỏ thường nghe người lớn tuổi nói 'đời này không bằng đời trước', nghe câu này rất quen thuộc nhưng không cảm nhận được, hiện nay nghĩ lại những câu này có cảm nhận rất sâu sắc. Lòng người thời đó tham sân si ít hơn người đời nay quá nhiều, hơn phân nửa nếu có đủ ăn, đủ mặc thì lòng họ yên rồi. Hiện nay lòng người hoảng hốt, chúng ta có thể hiểu được là vì nguyên nhân gì gây ra? Lòng tham không đáy, tham sân si mạn chẳng ngưng dứt, ngược lại còn tăng thêm mạnh mẽ, nếu những người này có lên thiên đường, sanh tới Cực Lạc thế giới thì thân tâm của họ cũng không yên ổn, đạo lý là như vậy.

Thời xưa lúc chúng tôi vừa tới Đài Loan vào năm 1949, tất cả đều mới mẻ, xa lạ, khi chúng tôi muốn đến một nơi nào đó để tìm người quen, chẳng biết đường đi, khi đi ngoài đường tùy tiện gặp người ta hỏi đường kiếm nhà. Họ rất nhiệt tâm, không những chỉ đường tường tận, nhiều khi họ còn đích thân dẫn mình đi tìm. Hiện nay không còn nữa, khi bạn hỏi họ, họ đều nói không biết, chẳng thèm đếm xỉa tới bạn. Hiện nay những gì đối với họ có lợi thì họ mới làm, còn không có lợi thì họ đều gạt qua một bên hết. Thời xưa rất ít nghe nói chuyện bỏ phế cha mẹ, không thèm chăm sóc cha mẹ già cả, còn bây giờ thì đi đâu cũng gặp chuyện này. Mức độ thời thế sa sút thiệt là đáng sợ! Xã hội ngày nay như thế nào?

Cho nên rất nhiều lời tiên đoán của Đông phương và Tây phương đều nói thời đại hiện nay có tai nạn to lớn; chúng ta nhìn thấy những dấu hiệu này hình như không thể không tin, những dấu hiệu, những điềm báo trước này tuyệt đối chẳng phải là một chuyện tốt. Chúng ta phải dùng cách nói của một số khoa học gia, họ nói về 'làn sóng', làn sóng tư tưởng. Thánh hiền thế gian và xuất thế gian rát lòng mỏi miệng dạy dỗ hết thảy chúng sanh dứt ác, tu thiện, tích lũy công đức, nền giáo dục thời xưa dùng câu 'dập tắt tham sân si, siêng tu giới, định, huệ' làm trung tâm; nói cách khác là giúp cho làn sóng tư tưởng của chúng ta trở nên bình hòa. Cho dù có tham sân si mạn, mức độ làn sóng dao động lên xuống không quá lớn, nó có một tiêu chuẩn, một nguyên tắc là không quá lố, mức độ dao động chỉ ở trong mức bình ổn. Ngày nay bỏ phế nền giáo dục này, dựa vào vọng tưởng của phàm phu, dùng [chiêu bài] dân chủ tự do mở rộng, đây chính là điều đức Phật đã nói trước 'tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng'. Tà sư là gì? Cứ nói dựa trên sự hiểu biết của mình, sự hiểu biết của mình chỉ là vọng tưởng, dựa theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình, tạo thành thế giới đại loạn, làm cho mức dao động của làn sóng tư tưởng quá lớn, vượt hơn mức tiêu chuẩn quá xa, hiện tượng đó chính là lòng người hoảng hốt, chẳng yên ổn. Đời sống vật chất của người thời xưa

thiếu thốn như vậy, sinh sống rất khổ cực nhưng họ sống rất vui sướng. Người đời nay sinh sống rất giàu sang, [vật chất] đầy đủ nhưng lòng người hoảng hốt, chẳng yên ổn, hiện tượng này thường được gọi là hời hợt, bộp chộp, xao động, nóng nảy, do nguyên nhân gì tạo ra vậy? Đều do sóng tư tưởng tạo thành.

Chúng ta vô cùng may mắn gặp được Phật pháp, chúng ta có thể tin tưởng, có thể hiểu, còn có thể y giáo phụng hành. Tư tưởng, cách suy nghĩ, cách nhìn của chúng ta rất kề cận với tiêu chuẩn của đức Phật cho nên trong khi xã hội động loạn, thế giới động loạn, chúng ta còn bảo trì được mấy phần bình tịnh là điều vô cùng khó được. Càng học tập hết lòng, trước hết phải giác ngộ, [nghĩa là phải] tin lời dạy của đức Phật là chính xác, những gì mình nghĩ là sai lầm, phải khẳng định như vậy. Cũng giống như lời đức Phật nói trong kinh, trước khi bạn chứng được A La Hán, dứt khoát đừng tin tưởng ý tứ của bạn, nếu bạn tin ý tứ của bạn, tự mình nghĩ làm thế nào cũng sẽ làm sai; sau khi bạn chứng được A La Hán thì có thể tin ý tứ của bạn. Tiêu chuẩn của A La Hán là gì? Điều này quá rõ ràng rồi, A La Hán đã phá ngã chấp, vô ngã, niệm niệm đều vì hết thảy chúng sanh, chẳng còn 'Ta' nữa, đến lúc đó thì sự suy nghĩ của bạn mới đáng tin. Cho nên đức Phật định ra tiêu chuẩn là A La Hán, chúng ta phải hiểu ý nghĩa chân chánh của giới định này là ở chỗ nào? Nói cách khác, nếu còn 'Ta', nếu còn tự tư tự lợi thì cách suy nghĩ của bạn sẽ không chính xác, sẽ không đáng tin. Khi bạn thật sự làm được vô ngã, vô tư, niệm niệm đều vì xã hội, niệm niệm vì chúng sanh thì sự suy nghĩ của bạn mới đáng tin. Chúng ta vẫn còn 'Ta', có lúc vẫn còn tâm riêng tư thì phải làm như thế nào? Phải xả bỏ cách suy nghĩ của mình, tuân theo lời dạy của đức Phật, như vậy mới chẳng phạm lỗi lầm lớn. Pháp của đức Phật dạy chúng ta làm lợi ích cho chúng sanh, đương nhiên nếu việc đó trái nghịch với lợi ích của mình thì trong tâm chúng ta phải khắc phục. Người hiện nay gọi là hy sinh, dâng hiến, hy sinh lợi ích của chính mình, giúp cho lợi ích của đại chúng, đây là lời Phật dạy cho những chúng sanh chưa giác ngộ. Người đã giác ngộ thì chẳng cần dạy, cách suy nghĩ, cách làm của họ tự nhiên sẽ tương ứng, sẽ tương ứng với lời dạy của Phật, Bồ Tát.

Hiện nay không những người tại gia chúng ta phải hiểu đạo lý này, người xuất gia học Phật càng nên hiểu đạo lý này. Vì thân phận người xuất gia là một vị thầy, người ta gặp bạn, xưng bạn là pháp sư. 'Sư' là mô phạm, là gương mẫu cho xã hội đại chúng, chúng ta lấy gì để làm gương mẫu? Lấy gì làm mô phạm? Chính là lòng vô tư. Nếu tự mình còn tâm riêng tư, người ta xưng bạn là pháp sư, bạn suy nghĩ xem bạn có cảm giác như thế nào? Không thể làm gương mẫu, làm mô phạm cho đại chúng thì khi người ta xưng bạn là 'sư', bạn sẽ rất khó chịu, danh chẳng phù hợp với thật. Khi nào bạn có thể khởi tâm xấu hổ, có thể quay trở lại, sửa sai thì đó là việc tốt. Nếu vẫn ngu si mê muội như cũ, cho dù dám làm thì lẽ nào không tạo tội nghiệp cho được! Khi đảm nhận cách xưng hô này thì chúng ta đã có tội, đã tạo tội rồi. [Tội đó là] mạo xưng pháp sư, chẳng phải 'Sư' (thầy giáo) mà giả mạo làm 'Sư', khi người ta xưng bạn một tiếng 'Sư' thì bạn đã tạo tội một lần, xưng hai tiếng thì bạn tạo tội hai lần. Đức Phật dạy chúng ta tích lũy công đức, chúng ta lại tích lũy tội nghiệp, như vậy thì làm sao được! Do đó người xưa mới nói 'Trước cửa địa ngục có nhiều tăng sĩ', ai đọa địa ngục? Người hiện nay đọa địa ngục càng nhiều nữa, người xưa đọa địa ngục ít, người tạo tội ngũ nghịch thập ác ít. Vả lại một vị tăng chẳng làm tròn trách nhiệm của mình thì sẽ chẳng tránh khỏi phải đọa lạc. Sự nghiệp to lớn của một người xuất gia, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta là phải 'vị vị lai chúng sanh, diễn lợi ích sự' (làm lợi ích cho chúng sanh đời vị lai), câu này chính là sự nghiệp của người xuất gia chúng ta. 'Diễn' là biểu diễn, làm ra gương tốt cho người ta coi, 'thuyết' là giải thích, phải vừa làm vừa nói. Ngày nay chúng ta vạch định thân phận của chúng ta, biết mình phải làm việc gì, làm

việc ấy cho hoàn hảo thì đời sống này của chúng ta mới có giá trị, mới có ý nghĩa. Xin xem kinh văn, trang 134:

Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát, nhữ kim dục hưng từ bi, cứu bạt nhất thiết tội khổ lục đạo chúng sanh, diễn bất tư nghị sự, kim chánh thị thời, duy đương tốc thuyết.

Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Nay ông muốn khởi lòng từ bi, cứu vớt tất cả chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo mà diễn nói sự chẳng thể nghĩ bàn. Bây giờ chính đã phải lúc, ông nên nói ngay đi.

Địa Tạng Bồ Tát bạch với đức Phật, không những đức Phật hứa khả mà còn hối thúc nói mau. Tại sao? Đối với hết thảy chúng sanh vô cùng quan trọng! Mấy câu phía trước là lời tán thán 'nhữ kim dục hưng từ bi', 'hưng' nghĩa là 'phát khởi', bạn khởi lòng từ bi. Vì muốn 'cứu giúp hết thảy chúng sanh đang chịu tội khổ trong lục đạo', đây là sự lợi ích to lớn, tuy chúng sanh tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, bất luận là đời này hoặc đời trước đã tạo tội cực nặng, chỉ cần họ còn một hơi thở, chúng ta biết họ đều còn có thể được cứu. Nếu lúc đó đầu óc họ còn tỉnh táo, khởi lên một niệm quay trở lại (sám hối) thì họ sẽ được cứu, đúng như câu nói 'quay đầu là bến bờ'. Chúng ta đọc kinh A Xà Thế Vương Tử thấy vị vua này có địa vị, có quyền thế trên thế gian, tạo tội ngũ nghịch thập ác cực nặng, nhất định sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Ông vua này rốt cuộc vẫn còn thiện căn, lúc cuối cùng có thể giác ngộ, biết được việc mình làm cả đời đều sai lầm, quay đầu lại nương vào lời dạy của Tam Bảo, lúc lâm chung niệm Phật vãng sanh. Phật nói với chúng ta, phẩm vị vãng sanh của vua là Thượng phẩm Trung sanh, ngài sám hối vãng sanh. Từ việc này có thể nói 'tạo tội nghiệp cực nặng cũng không sợ, vẫn có thể được cứu, chỉ cần chịu quay đầu trở lại, chỉ cần chịu thật sự sám hối, sửa lỗi, đổi mới thì vẫn có thành tựu thù thắng.

Ngày nay chúng ta cũng phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta ở địa phương này xây đạo tràng, đạo tràng có loại tạm thời, có loại lâu dài. Loại tạm thời là mướn một chỗ, ở nơi đó giảng kinh một ngày, hai ngày, ba ngày, nơi giảng kinh tức là đạo tràng, đây là đạo tràng tạm thời. Bất luận là tạm thời hay lâu dài, tâm bạn phát nơi đó thật sự là tâm từ bi, chân thành, thanh tịnh, từ bi, giảng kinh thuyết pháp khuyên hết thảy chúng sanh quay đầu là bến bờ, đều là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Người nghe rất nhiều, đương nhiên chúng ta không thể dự đoán ai cũng có thể thành tựu, đều có thể quay trở lại, đó là việc không thể làm nổi. Trong số người nghe nhất định sẽ có vài người có duyên, khi xây một đạo tràng, bạn ở đạo tràng đó độ được một người thì đạo tràng đó cũng có vô lượng công đức. Bất luận là tạm thời hay lâu dài, có một người ở đạo tràng này nghe giảng kinh pháp, giác ngộ, có một người thật sự niệm Phật vãng sanh thì đạo tràng này có vô lượng công đức. Do đó trong kinh này, phía trước chúng ta đã đọc qua trong kinh Địa Tạng, đức Phật khuyên bạn xây đạo tràng, đúc tượng Phật, tu cúng dường đều nói công đức chẳng thể nghĩ bàn, đạo lý là như vậy. Chỉ cần có một người được độ thì công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn, huống chi có càng nhiều người ở nơi đó có thể giác ngộ, quay đầu trở lại, đó chính là 'chân chánh cứu bạt nhất thiết tội khổ chúng sanh'.

Những chúng sanh tạo tội nghiệp này tương lai nhất định phải đọa ác đạo, 'khổ' là ác đạo, 'tội' là tạo tác hiện thời, tội là nhân, khổ là quả; nhân và quả đều phải cứu, nhưng nhất định phải cứu lúc họ còn sống thì mới được, lúc đó chúng ta mới có biện pháp, nếu họ đã chết rồi và đã đọa vào ác đạo thì không có cách chi, chúng ta dứt khoát chẳng cứu nổi. Do đó khi họ đọa vào tam ác đạo, chỉ có chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ vào ác đạo, thị hiện thân đồng loại để giúp đỡ họ, chúng ta không có khả năng

này, việc mà ngày nay chúng ta có thể cứu là khi họ còn chưa tắt thở. Đây là việc lớn. Phía sau là hai câu đức Phật hối thúc ngài 'Kim chánh thị thời', hiện nay đúng là lúc [phải nói ra]. 'Duy đương tốc thuyết', hãy nói nhanh. Ngày nay chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, nói thật ra cũng giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni hối thúc chúng ta vậy, chúng ta phải làm việc này mau lên, hiện nay đúng là lúc, cho nên hai câu này dùng cho chúng ta hiện nay vô cùng chính xác. Sau đó đức Phật nói:

Ngô tức niết bàn, sử nhữ tảo tất thị nguyện, ngô diệc vô ưu hiện tại vị lai nhất thiết chúng sanh.

Ta sắp sửa vào Niết Bàn rồi! Ông hãy sớm hoàn tất lời nguyện đó, thì Ta cũng không còn phải lo nghĩ gì đến tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai nữa."

Đọc câu kinh này chúng ta cảm xúc thật sâu sắc, chúng ta học Phật bắt đầu từ đâu? Bạn xem đức Phật Thích Ca Mâu Ni có tâm gì? Trong tâm Phật chỉ có hết thảy chúng sanh hiện tại và vị lai, chẳng có 'Ta', đó chính là tâm Phật. Mỗi niệm đức Phật đều phục vụ cho chúng sanh, đều để cứu vớt hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn. Kinh này là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng trước khi ngài nhập diệt, có thể nói là lời dạy cuối cùng, sau khi giảng xong kinh này là ngài giảng bộ kinh Niết Bàn, cho nên đây là kinh giảng ngay trước kinh Niết Bàn, có thể nói đây là lời dạy cuối cùng.

'Ngô tức niết bàn', 'niết bàn' là Phạn ngữ dịch âm, thông thường dịch là 'diệt độ', trong Tứ Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, 'Diệt' tức là niết bàn. Ở Trung Quốc cách dịch được dùng nhiều nhất là 'viên tịch', viên là viên mãn, công đức viên mãn, tịch là tịch diệt, thanh tịnh tịch diệt. Trong Chú Giải ghi là 'Niết bàn, Huyền Trang Tam Tạng Pháp Sư dịch là viên tịch' Huyền Trang đại sư tóm gọn lại rất hay! 'Đức chẳng không đầy đủ gọi là Viên', công đức viên mãn, chẳng có một tơ hào thiếu sót gọi là 'viên', 'Chướng không còn chỗ chẳng tận gọi là Tịch', cũng rất hay, ý nghĩa rất hay! Chướng tức là Tam Chướng, Nhị Chướng, 'Nhị Chướng' là Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng. Tam Chướng là Hoặc, Nghiệp, Khổ, cả ba đều đoạn dứt hết thì gọi là 'Tịch'. Do đó có thể biết Niết Bàn, Viên Tịch chẳng phải danh từ thay thế cho chữ 'chết', hiện nay mọi người đều dùng nó như là danh từ thay thế cho chữ 'chết'. Khi người xuất gia 'chết', [người ta thường nói] người nào đó viên tịch, người nào đó nhập niết bàn. Vậy thì có ai tương lai không nhập niết bàn không? Ai cũng phải 'nhập niết bàn', bất kể là học Phật hay không học Phật đều phải 'nhập niết bàn', đây là quan niệm sai lầm. Nói thật ra 'niết bàn' là khi sống đã chứng được, chứ chẳng phải là từ ngữ thay thế cho chữ 'chết'.

Ở đây nói 'ngô tức niết bàn', là trong thời gian này duyên giáo hóa chúng sanh của đức Phật đã hết, công đức viên mãn, ngài thị hiện rời khỏi thế gian này, là tướng 'nhập niết bàn' trong tám tướng thành đạo, [nhập niết bàn] có ý nghĩa như vậy. Khi duyên hết thì đức Phật không trụ trong cõi đời, trụ ở đời chẳng còn ý nghĩa, những người có duyên, đáng được độ đều đã được ngài độ, những người chẳng được độ đều đã được ngài gieo hạt giống Phật pháp, nhưng hạt giống ấy còn chưa chín muồi đương nhiên ngài phải rời khỏi thế gian này.

'Sử nhữ tảo tất thị nguyện', bạn phát tâm tiếp tục làm công việc này, rất tốt! Cho nên lúc đức Phật không trụ ở đời, trước lúc Di Lặc Bồ Tát thị hiện thành Phật, khoảng giữa này là do Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa thay thế đức Phật, trong hết thảy Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát thay thế đức Phật, trong thời gian này thân phận của ngài rất đặc biệt. Địa Tạng Bồ Tát thay mặt đức Phật là có ý nghĩa gì? Trong kinh này có nói 'Hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng', cương lãnh giáo học 'Hiếu thân tôn sư' thay thế lời dạy của đức Phật trong suốt khoảng thời gian dài này, vì lời dạy của hết thảy chư Phật Như Lai đều dựa trên căn bản 'Hiếu thân tôn sư'. Đức Phật chẳng còn tại thế, công việc

chúng ta phải làm là duy trì ủng hộ cơ sở giáo học này, chúng ta không có năng lực nâng cao giáo học này lên nhưng cơ sở này nhất định phải giữ gìn, không thể đánh mất. Công việc này rất quan trọng, đây là tinh thần được nói rõ trong bộ kinh này.

Tin sâu nhân quả, đoạn ác tu thiện, hiếu thân tôn sư, đây là những gì kinh Địa Tạng dạy. Nếu dùng giáo nghĩa của Tịnh Tông, cơ sở tu học của Tịnh Tông là lời đức Phật dạy 'Tịnh Nghiệp Tam Phước' trong Quán Kinh, khi chưa tu pháp môn niệm Phật thì phải củng cố cơ sở này, Tịnh Tông được xây dựng trên cơ sở này. Điều thứ nhất trong đó là 'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại, tu thập thiện nghiệp'. Chư vị nghĩ coi bốn câu này có phải là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện hay không, đúng vậy. Điều thứ hai 'Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi'. Điều thứ ba 'Phát tâm Bồ Đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả', bảy câu trong hai câu cuối này hoàn toàn tương ứng với năm phẩm cuối của kinh Địa Tạng, từ phẩm [thứ chín] đến hết kinh, tổng cộng là mười ba phẩm. Nói một cách khác bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện chính là lời giải thích rõ ràng cho Tịnh Nghiệp Tam Phước, không những là cơ sở của Tịnh Tông, mà trong Phật pháp bất luận Đại Thừa, Tiểu Thừa, bất luận Tông Môn Giáo Hạ, Hiển Giáo Mật Giáo đều được xây dựng trên cơ sở này. Lúc đức Phật không còn tại thế, chẳng có người hoằng pháp, giáo huấn, chúng ta có thể duy trì bảo hộ cơ sở này là được rồi, duy trì bảo hộ cơ sở này sẽ có thể cứu vớt hết thảy chúng sanh đang chịu tội khổ trong lục đạo. Cho nên thời Mạt pháp kiên quyết củng cố cơ sở này, khuyên người thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì sẽ thành công, đây thật sự là việc chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta muốn hoằng dương kinh luận khác, tự mình chưa khai ngộ, chưa kiến tánh sợ nói sai, rất khó được thọ dụng chân thật. Duy chỉ có kiên quyết giữ gìn cơ sở này, thật thà niệm Phật thì nhất định là chẳng sai, cho dù ngày nay chư Phật Như Lai thị hiện giáo hóa chúng sanh cũng nhất định phải làm như vậy. Cho nên chúng ta đọc đoạn kinh văn này sẽ biết trong tâm chư Phật Như Lai nghĩ việc gì, việc các ngài làm là việc gì, chúng ta phải học tập, làm theo.

Trong chú giải của Thanh Liên pháp sư có một đoạn, chúng ta đọc thử, trang 135, hàng thứ tư đếm ngược từ dưới lên, chúng ta coi từ đầu 'Thử pháp chi diệu' (Chỗ nhiệm mầu của pháp ấy), pháp ấy chính là lời dạy trong phẩm kinh Địa Tạng Bồ Tát, pháp đó là gì? Pháp môn 'Xưng danh hiệu Phật' tức là pháp môn 'Niệm Phật'. Cho dù ta nhập Niết Bàn ngay, hoặc cho dù ông đã sớm hoàn tất nguyện [cứu độ chúng sanh] ấy rồi, ta vẫn không lo cho hết thảy chúng sanh trong đời hiện tại hay vị lai. Vì sao? Đã có pháp Xưng Danh này thì ai cũng chẳng bị đọa vào cảnh khổ, đều cùng tu hành để sanh vào đường trời người cho đến rốt cuộc thành Phật không còn nghi ngờ chi nữa.10[10] Nói rất hay! "Hiểu được tâm Phật, rõ được ý Phật, khéo noi theo chí hướng để kế tục sự nghiệp ấy, không ai hơn được đức Từ Tôn Địa Tạng của chúng ta". Địa Tạng Bồ Tát thật sự hiểu được ý Phật, kế thừa nguyện vọng của Phật, chúng ta thường gọi là 'tiếp nối huệ mạng của Phật', Địa Tạng Bồ Tát hiểu được ý tứ này. Đức Phật không còn tại thế, ngài Địa Tạng nhận lấy và tiếp tục [giáo hóa chúng sanh], ngài dùng pháp môn gì? Pháp môn Xưng Danh. Do đó Thế Tôn tán thán ngài, hối thúc ngài nói mau lên. Sau đó là lời Địa Tạng Bồ Tát, ý nghĩa của lời nói rất sâu, Địa Tạng Bồ Tát nói ra mười danh hiệu của mười vị Phật, thứ tự của mười vị Phật này là từ vị gần đây nhất cho đến vị xa nhất, nói trên thời gian thì vị gần gũi với chúng ta nói trước, càng về sau càng xa. Xin xem kinh:

10[10] 'Túng ngô tức nhập niết bàn, túng tiện nhữ tảo tất thị nguyện, ngô diệc bất ưu hiện tại vị lai nhất thiết chúng sanh hỹ. Hà dã, hữu thử xưng danh chi pháp, nhân nhân khả bất đọa khổ, tinh thú nhân thiên tu hành, chung chí thành Phật vô ngại'

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật ngôn, Thế Tôn, quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp.

Bồ Tát Địa Tạng bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ.

Tuy gần, đây là vị gần nhất, gần nhưng cũng không gần lắm.

Hữu Phật xuất thế, hiệu Vô Biên Thân Như Lai.

Có đức Phật ra đời hiệu là Vô Biên Thân Như Lai.

Đây là nói ra danh hiệu của đức Phật.

Nhược hữu nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh, tạm sanh cung kính tức đắc siêu việt tứ thập kiếp sanh tử trọng tội. Hà huống tố họa hình tượng, cúng dường tán thán, kỳ nhân hoạch phước vô lượng vô biên.

Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này mà tạm thời sanh lòng cung kính, thì liền được vượt thoát tội nặng sanh tử trong bốn mươi kiếp; huống là vẽ đắp hình tượng, cúng dường, tán thán! Người này sẽ được vô lượng vô biên phước báo.

Chúng ta đọc đoạn kinh này, nghe cách nói như vậy xong có thể tin được không? Cũng có chúng sanh y giáo phụng hành, họ có được phước như vậy không? [Đoạn kinh này] làm cho người ta rất nghi ngờ. Chúng ta làm theo phương pháp Địa Tạng Bồ Tát dạy, quả báo chẳng được như vậy, tự mình vẫn phải gánh chịu tội nặng sanh tử, đáng đọa địa ngục thì vẫn phải đọa địa ngục, vậy thì phải giải thích lời này ra sao? Có phải Địa Tạng Bồ Tát đã nói sai rồi chăng? Địa Tạng Bồ Tát chẳng nói sai, chúng ta coi kinh văn, coi sai rồi, chúng ta nghe sai rồi. Địa Tạng Bồ Tát nói 'Văn thị Phật danh, tạm sanh cung kính', ý của hai câu này chúng ta chưa hiểu rõ ràng. 'Văn' là một trong Tam Huệ của Bồ Tát, nói một chữ thì nhất định phải bao gồm hai chữ kia 'Văn, Tư, Tu'. Làm sao biết được? Nếu không có Tư và Tu thì làm sao có thể tạm sanh cung kính? Cung kính chính là Tư, Tu. 'Tư' nghĩa là trong tâm của bạn thật sự có Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, như vậy là tương ứng. Cung kính chẳng phải tạo tượng Phật để ở đó xong rồi lễ lạy, cúng dường, cung kính như vậy chỉ là trên hình thức, là giả, chẳng dùng được. Một niệm tương ứng, khi niệm tương ứng thì đương nhiên hành động cũng tương ứng, tâm hạnh cũng tương ứng, lời nói đương nhiên cũng tương ứng, ba nghiệp thân khẩu ý của bạn đều phải tương ứng. Cho dù thời gian rất ngắn, chỉ cần tương ứng, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn! Đây tức là một niệm Giác cho nên mới được lợi ích thù thắng như vậy, 'tức đắc siêu việt tứ thập kiếp sanh tử trọng tội'.

Phật hiệu 'Vô Biên Thân Như Lai', trong Chú Giải, Thanh Liên đại sư chú thích rất rõ ràng; đối với Phật hiệu bạn phải hiểu rõ, nếu bạn không hiểu rõ không lý giải thì làm sao tương ứng được? 'Vô Biên Thân' nghĩa là gì? Phần chú giải ghi 'Ba Thân đều có ý nghĩa như vậy', Ba Thân là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Pháp Thân chính là tự tánh, Pháp Thân chẳng có hình tướng, Pháp Thân là Lý chứ chẳng phải là Sự tướng, Lý trùm khắp mọi nơi, đó là Vô Biên Thân. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Tỳ Lô Xá Na, đây là tên tiếng Phạn, nghĩa của danh từ này là 'Biến Nhất Thiết Xứ', đây là bản thể, lý thể. Trong kinh Hoa Nghiêm cũng được gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới chính là Pháp Thân, trong Tịnh Độ gọi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thường Tịch Quang chẳng có hình tướng. Trong bốn cõi ở tây phương Cực Lạc thế giới, Thường Tịch Quang chẳng có tướng, Thật Báo Độ chính là

Báo Thân, Phương Tiện Độ, Đồng Cư Độ là Ứng Hóa Thân; Ứng Hóa Thân tùy loại hóa thân, chúng sanh có cảm thì lập tức liền hiện tướng, cũng hiện vô lượng vô biên. Khi bạn hiểu ý nghĩa này thì hãy hỏi đức Phật Thích Ca Mâu Ni có nhập niết bàn không? Chẳng có, chẳng những trên Lý chẳng có, trên Sự cũng chẳng có, đó là sự thật. Tại sao lại nói trên Sự cũng chẳng có? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập diệt, thay đổi một thân phận khác, chẳng dùng thân có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ngài chẳng dùng thân này nữa. Tại sao chẳng dùng thân này? Chúng sanh phước mỏng, cho nên đức Phật phải hiện một thân tướng khác. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trên thế gian này có thể hiện vô lượng vô biên thân tướng, thị hiện nam nữ, già trẻ, các ngành các nghề, mỗi một vị Phật đều có thể hiện vô biên thân tướng, đặc biệt là lúc chúng sanh có tai nạn, chịu đựng nỗi khổ to lớn, tạo tội nghiệp to lớn thì tâm từ bi của chư Phật, Bồ Tát càng to lớn. Chúng ta phải nhận biết, phải hiểu rõ.

Làm sao bạn có thể nhận biết? Làm sao mới có thể tiếp xúc đến? Bạn hãy thử xem, xem hết thảy chúng sanh như cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, thì bạn sẽ tiếp xúc được, thì bạn sẽ cảm nhận được chư Phật, Bồ Tát đang ở trong thế giới này của chúng ta, chẳng hề rời khỏi chúng sanh đang chịu tội khổ, ngay vào lúc đó nếu chúng ta có một niệm tương ứng thì sẽ được cứu, sẽ được độ. Sau đó bạn mới hiểu quả báo nói trong kinh là thật chứ chẳng phải giả, tâm cung kính của bạn mới thật sự có thể khởi lên. Cung kính chẳng ở trên hình thức, cung kính là lý giải, hiểu rõ, giác ngộ, y giáo phụng hành, dứt khoát chẳng ở trên hình thức. Hình thức là để biểu diễn cho những người có thiện căn ít ỏi; chúng ta tạo hình tượng Phật, Bồ Tát, mỗi ngày cung kính lễ bái, cúng dường là đóng kịch, để cho những người còn chưa học Phật, còn chưa tiếp xúc đến Phật pháp coi. Họ coi xong sẽ cảm thấy rất kỳ lạ, tại sao phải làm những động tác, bày tỏ [cung kính] này trước hình tượng Phật, Bồ Tát? Khi họ đặt dấu hỏi xong sẽ đến tìm bạn, lúc đó bạn giải thích, bạn giảng giải cho họ hiểu, công đức là như vậy, đây là 'cơ hội giáo dục'. Hiện nay thực hiện cơ hội giáo dục phải nói là có hiệu quả thù thắng hơn thời xưa. Thời xưa [những người] đến đạo tràng nhất định là người cầu pháp, đúng như câu nói *'chẳng có việc gì thì chẳng lên điện Tam Bảo'*, đặc biệt là đạo tràng nhà Phật đều được xây dựng trong núi sâu, chỗ dấu chân người ít tới. Vì giao thông chẳng thuận tiện, vô cùng khó khăn, nếu họ không có chuyện gì thì đến đó làm chi? Khi đến đạo tràng thì nhất định phải là đến cầu pháp, cho nên cơ hội giáo dục ít hơn ngày nay.

Hiện nay giao thông thuận tiện, nhanh chóng, những người đi du lịch ngắm cảnh muốn đến những chỗ [có đạo tràng] ấy để xem, để thưởng thức; những người xuất gia ở trong đạo tràng mỗi ngày sẽ có thể làm [công tác] cơ hội giáo dục. Có người ở chánh điện đốt hương, lễ lạy, làm ra những hình thức như vậy cho các du khách coi, họ chưa từng thấy, chưa từng tiếp xúc đến, cần có người giải thích cho họ hiểu. Nhờ vậy trong chuyến đi du lịch của họ sẽ vô hình trung được tiếp xúc đến Phật pháp, chẳng hay chẳng biết hạt giống Phật pháp được gieo xuống nên họ sẽ học Phật, bạn coi công đức ấy bao lớn. Do đó những đạo tràng này [có thể thực hiện] cơ hội giáo dục, tiếp dẫn quảng đại chúng sanh, thật sự là đang cứu độ hết thảy tội khổ chúng sanh, họ đang làm sự nghiệp này. Nhất định phải có tâm lượng như Phật, có tấm lòng của Phật, niệm niệm đều nghĩ đến hết thảy chúng sanh đang chịu tội khổ, tuyệt đối chẳng vì chính mình. Người đi du lịch đem nguồn thâu nhập đến cho chúng ta, nếu mục tiêu của chúng ta chỉ đặt ở chỗ này thì sai rồi, hoàn toàn sai lầm. Mục đích của chúng ta phải đặt trên việc cứu độ hết thảy chúng sanh đang chịu tội khổ, làm cho họ nhận biết Phật pháp, hiểu rõ Phật pháp, sửa đổi quan niệm của họ về vũ trụ nhân sanh, đó là việc cứu độ cho họ. Phần cúng dường của họ cho đạo tràng mới là công đức chân thật. Đây là nói về việc

‘tạm sanh cung kính’, ‘tạm thời’ tức là ‘một niệm tương ứng’, một niệm ấy thật sự tương ứng thì sẽ có thể đạt được mức ‘siêu việt bốn mươi kiếp sanh tử trọng tội’.

‘Huống chi là nặn đúc hình tượng, cúng dường tán thán’. Đây là người đã bước vào cửa, đã nhập cảnh giới rồi mới chịu làm như vậy. [Nói đến việc] tạo tượng Phật, hiện nay tạo tượng Phật rất dễ dàng, thuận tiện hơn lúc trước nhiều. Lúc trước tượng Phật đều là đồ thủ công nghệ; hiện nay làm tượng Phật có thể đúc một cái khuôn thì có thể làm ra mấy ngàn, mấy vạn tượng Phật một cách nhanh chóng, lợi dụng máy móc để làm [cho nhanh]. Lúc trước mỗi tượng Phật đều dùng sức người điêu khắc thành. Chư vị ở Trung Quốc Đại Lục, bạn thấy động Vân Cương, Đôn Hoàng đều phải trải qua mấy chục năm, mấy trăm năm mới hoàn thành. Hiện nay muốn làm thì rất thuận tiện. Nói một cách khác, người hiện đại tu phước thuận tiện hơn thời xưa, nhưng khó ở chỗ nào? Bốn chữ sau ‘cúng dường, tán thán’. Cúng dường là gì? Y giáo phụng hành, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện dạy chúng ta ‘Rộng tu cúng dường’, trong đó đặc biệt dạy chúng ta ‘Pháp cúng dường là quý nhất’. Bồ Tát nói ra bảy loại Pháp cúng dường, thứ nhất là ‘Cúng dường bằng cách y theo lời dạy tu hành’, đức Phật dạy chúng ta làm sao, chúng ta phải làm theo, như vậy mới gọi là cúng dường. Nói một cách cạn cợt, đức Phật dạy chúng ta không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, chúng ta đều có thể làm được thì gọi là cúng dường. Tán thán tức là ‘vì người diễn nói’, giới thiệu Phật pháp cho người thì gọi là tán thán. Do đó tán thán là hoằng pháp lợi sanh, cúng dường là tự mình y giáo phụng hành. Người có thể làm như vậy thì phước báo của họ đương nhiên sẽ lớn, ‘kỳ nhân hoạch phước vô lượng vô biên’. Cho nên sau khi hiểu rồi thì đọc đến kinh này chúng ta sẽ tin tưởng, sẽ chẳng còn nghi ngờ nữa. Phần đông người ta đọc kinh rất sơ ý, chỉ làm hình thức chứ chẳng có nội dung thực tế, tâm cảnh đều không tương ứng, thì họ làm sao có phước được? Khi không có phước thì họ sẽ chê bai, huỷ báng kinh, nói lời Phật dạy trong kinh đều là giả, tôi làm theo chẳng có cảm ứng, tội báng Phật, báng pháp cực nặng, không những chẳng được lợi ích mà còn đọa lạc. Nói thật ra trong kinh đức Phật nói rất rõ ràng, bạn lại hiểu sai ý tứ, dùng ý tứ của bạn để giải thích kinh Phật, giải sai kinh Phật, hiểu méo mó lời của Phật dạy, lỗi đó là tại mình chứ chẳng phải tại kinh, cho nên kinh Kim Cang dạy chúng ta ‘thâm giải ý thú’, bốn chữ này rất quan trọng, phải lý giải một cách chính xác, phải hiểu sâu thì bạn mới có được thọ dụng chân thật. Coi tiếp vị thứ hai:

Hựu ư quá khứ Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế hiệu Bảo Tánh Như Lai, nhược hữu nam tử nữ nhân khai thị Phật danh, nhất đàn chỉ khoảnh, phát tâm quy y, thị nhân ư vô thượng đạo vĩnh bất thoái chuyển.

Lại Hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tánh Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này và trong khoảnh khắc bằng khảy móng tay liền phát tâm quy y, người đó sẽ vĩnh viễn không còn thoái chuyển nơi Đạo Vô Thượng.

Đoạn trước có nói Vô Biên Thân Như Lai cách chúng ta vô lượng A Tăng Kỳ kiếp, Bảo Tánh Như Lai cách chúng ta số kiếp bằng số cát sông Hằng, vô cùng lâu xa. Do đó trong Chú giải vừa mở đầu liền nói ‘Hằng hà sa kiếp, giác tiền cánh đa hỹ’ (Số kiếp như số cát sông Hằng, còn nhiều hơn đoạn trước), so sánh với vị Phật trước, thời gian càng lâu dài hơn. Bảo Tánh Như Lai ở đây cũng có lời giải thích đơn giản, kinh Liên Hoa Diện nói ‘chư Phật Như Lai thị chúng sanh bảo’ (Chư Phật Như Lai là vật báu của chúng sanh). Sau đó nói ‘của báu có bảy thứ’, đây là bảy thứ báu thường được nói đến trong kinh Phật. ‘Tánh’ là tỷ dụ cho Pháp Thân, trong chú giải cũng có [giải thích], chư vị coi thử sẽ hiểu. Thí dụ ‘Thường, Lạc, Ngã, Tịnh’ của Pháp Thân gọi là Tứ Tịnh

Đức, trong tự tánh vốn sẵn có, khi mê mất tự tánh thì bốn thứ này mất hết. Nếu bạn giác ngộ rồi, kiến tánh rồi, kiến tánh tức là tư tưởng, kiến giải, hành vi tương ứng với tự tánh, lúc ấy Tứ Đức sẽ hiện ra. Đích thật có 'Thường', Thường nghĩa là không sanh không diệt, trong Phật pháp thường gọi Vô Lượng Thọ nghĩa là Thường. Chữ Vô Lượng ở đây là thật sự vô lượng, chẳng phải giả, chẳng phải là hữu lượng Vô Lượng, thật sự là vô lượng. 'Tịnh' là thanh tịnh chẳng nhiễm, cả hai bên nhiễm tịnh cũng chẳng lập. 'Ngã' là tự tại, là chủ tể, cái gì là chủ tể? Vũ trụ là chủ tể, pháp giới là chủ tể, thật sự là chủ tể. 'Lạc' là chân lạc, cả hai Khổ và Lạc đều chẳng có mới gọi là Lạc thật sự, đó là tuyệt đối chứ không phải là tương đối. 'Bảo Tánh Như Lai' là ai? Là chính mình, là Pháp thân thanh tịnh của chính mình. Phía trước Vô Biên Thân Như Lai là ba thân của chính mình, tương ứng với Phật tức là tương ứng với tự tánh ba thân. Bảo Tánh Như Lai, niệm danh hiệu của vị Phật này, một niệm tương ứng là tương ứng với tự tánh của tánh đức.

Phía sau nói 'Nhược hữu nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh, nhất đàn chỉ khoảnh', đây là nói thời gian rất ngắn, tỏ rõ công đức chẳng thể nghĩ bàn. 'Phát tâm quy y', chúng ta phải hiểu ý nghĩa của hai chữ 'quy y', 'quy' nghĩa là quay về, thật sự quay về; 'y' nghĩa là nương dựa, nương dựa vào cái gì? Nương dựa vào Bảo Tánh Như Lai, tức là nương dựa vào tự tánh của tánh đức, một niệm này tương ứng. Sau đó nói đến lợi ích mà người ấy đạt được 'thị nhân ư vô thượng đạo, vĩnh bất thoái chuyển', 'vô thượng đạo' là con đường thành Phật, phàm phu chúng ta học Phật tại sao phải trải qua vô lượng kiếp? Trong kinh gọi là 'vô ương kiếp số', nguyên nhân là vì thoái chuyển, nói thật ra tiến lên thì ít, thoái lui thì nhiều, chư vị hãy suy nghĩ thử thì sẽ hiểu được. Chúng ta xoay vần trong lục đạo, cơ hội được thân người thì ít, cơ hội nghe được Phật pháp lại càng ít, khi bạn được thân người mà không có cơ hội được nghe Phật pháp thì sẽ thoái chuyển, chẳng phải chỉ là 'một ngày nóng, mười ngày lạnh' mà thôi. Thí dụ đời này chúng ta được thân người, được nghe Phật pháp, nếu không thể thành tựu thì nhất định sẽ xoay vần theo nghiệp, lưu chuyển theo nghiệp thì nhất định sẽ đọa tam ác đạo, tại sao vậy? Chúng ta hãy bình tĩnh, thành thật suy nghĩ thử coi, chẳng cần nghĩ về đời quá khứ, chỉ nghĩ về đời này, chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói hành động tương ứng với tham sân si mạn thì là tam ác đạo, nếu tương ứng với ngũ giới thập thiện thì là cõi trời, người, mỗi ngày chúng ta có bao nhiêu tâm niệm tương ứng với ngũ giới thập thiện? Có bao nhiêu tâm niệm tương ứng với tham sân si, thập ác nghiệp? Như vậy không phải là đã rõ ràng rồi sao. Một khi rơi vào ác đạo, trong kinh này nói thời gian trong địa ngục đều là vô số kiếp. Ở cõi người mấy mươi năm ngắn ngủi được nghe Phật pháp, sau đó là vô số kiếp không được nghe Phật pháp, bạn mới biết mức độ thoái chuyển bao lớn! Sau khi nhận lãnh khổ báo trong vô số kiếp xong mới được thân người, khi được thân người chưa chắc sẽ được nghe Phật pháp trở lại, cho nên trong kinh đức Phật nói 'Thân người khó được, Phật pháp khó nghe' là thật chứ chẳng phải giả, thiệt là rất khó! Vì nguyên nhân này nên bạn học Phật muốn được thành tựu phải trải qua vô ương kiếp số.

Vô ương kiếp số bạn đạt được hiệu quả gì? Thoát khỏi lục đạo, thoát khỏi thập pháp giới, chứng được quả vị Sơ Trụ Bồ Tát phải trải qua vô ương kiếp số. [Thời gian] từ Sơ Trụ Bồ Tát đến khi thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn, thông thường nói đến ba A Tăng Kỳ kiếp, con số này có thể xác định, còn con số phía trước chẳng có cách gì xác định được. Tới bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo cũng ví như bạn đi học, bạn học cấp một, bạn có thể dự định bao nhiêu năm có thể tốt nghiệp, nhập học rồi thì con số này có thể tin được. Thường thường nói thành Phật cần phải trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp, chư vị phải biết, chẳng phải nói chúng ta, mà là nói Sơ Trụ Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới đến Phật quả cứu cánh, trong đó trải qua bốn mươi mốt địa vị: Thập Trụ, Thập

Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, trải qua bốn mươi mốt địa vị phải cần ba A Tăng Kỳ kiếp, quá khó! Thật là quá khó! Nhưng khi bạn có một niệm quy y, quy y phải là quy y thật, chẳng phải quy y trên hình thức. Quy y này là nương về Bảo Tánh Như Lai, là quy y Tự Tánh, Bảo Tánh Như Lai là Tự Tánh Tam Bảo, chân chánh quy y Tự Tánh Tam Bảo thì công đức ấy sẽ rất lớn, tại sao vậy? Mỗi niệm bạn đều có thể xứng tánh thì đương nhiên sẽ chẳng thoái chuyển. Người như thế nào mới có thể làm được việc này? Sơ Trụ Bồ Tát, trong kinh chúng ta thấy, 'Đại Thừa Khởi Tín Luận' là cảnh giới của Sơ Trụ Bồ Tát, Kinh Kim Cang cũng là cảnh giới của Sơ Trụ Bồ Tát, họ thật sự quy y Tự Tánh Tam Bảo. Chiếu theo tiêu chuẩn của kinh Kim Cang mà nói thì "quy y Tự Tánh Tam Bảo" nghĩa là lìa bốn tướng 'Chẳng có tướng Ngã, chẳng có tướng Người, chẳng có tướng Chúng Sanh, chẳng có tướng Thọ Giả', đó là thật sự quy y. Nếu vẫn còn bốn tướng này thì chẳng phải quy y, bạn vẫn chưa quay về, cũng chẳng nương dựa, đây là việc chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải biết rõ.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 33 (Số 14-12-33)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 138:

Hựu ư quá khứ hữu Phật xuất thế, hiệu Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Nhược hữu nam tử nữ nhân văn thị Phật danh, lịch ư nhĩ căn thị nhân đương đắc thiên phản sanh ư Lục Dục thiên trung, hà huống chí tâm xưng niệm.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này thoáng qua tai, người đó sẽ được một ngàn lần sanh trong Lục Dục Thiên, huống chi là chí tâm xưng niệm.

Đây là lời Địa Tạng Bồ Tát giảng về đức hiệu của vị Phật thứ ba cho chúng ta, thời gian [lúc đức Phật này ra đời] còn lâu xa hơn hai vị trước. Danh hiệu của đức Phật này là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. 'Ba Đầu Ma' là Phạn ngữ, nghĩa là hoa sen màu đỏ. Trong kinh đức Phật nói, thông thường nói hoa sen bốn màu, trên thực tế hoa sen không phải chỉ có bốn màu thôi đâu, bốn màu có thể nói là bốn màu chánh, nếu pha trộn bốn màu này với nhau thì sẽ biến thành vô lượng, vô số màu sắc. Kinh nói trong các màu sắc thì màu đỏ đẹp nhất, đương nhiên đây là dựa trên tập quán của chúng sanh, Phật pháp là pháp bình đẳng, nhưng chúng sanh ưa thích màu đỏ, đại khái thời cổ Ấn Độ cũng vậy, người Trung Quốc cũng thích màu đỏ, nhưng người ngoại quốc không nhất định sẽ thích màu đỏ, do đó màu nào đẹp nhất rất khó nói, hoàn toàn dựa trên sự ưa thích của chúng sanh. Đây là vì thời xưa ở Ấn Độ và Trung Quốc đều thích hoa sen màu đỏ.

Giả sử nói có người nam, người nữ nghe đến danh hiệu này, vừa nghe lọt vào tai thì liền có quả báo thù thắng như vậy, tu nhân được quả, chúng ta có thể tin tưởng hay không? Do đó mấu chốt vẫn chú trọng ở chữ 'Văn', 'văn thị Phật danh, lịch ư nhĩ căn', tám chữ này rất quan trọng. 'Văn' không phải là chúng ta nghe người ta niệm Phật, chúng ta nghe xong, làm gì có lợi ích thù thắng như vậy! Sự nghe danh hiệu này thông thường chỉ có thể nói *'Một phen lọt vào tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo'*, công đức đó đích thật cũng rất thù thắng. Nhưng muốn được một ngàn lần sanh về cõi trời Lục Dục hưởng phước báo, đây là chuyện không thể có được; chỉ là gieo một hạt giống thành Phật trong A Lại Da thức mà thôi, cũng giống như câu *'Xưng niệm một câu Nam Mô Phật thì đều đã thành Phật đạo'* nói trong kinh Pháp Hoa, là có ý nghĩa như vậy.

Nếu chữ 'Văn' này là một trong ba Huệ, thì quả báo này sẽ hiện lên, nghe danh hiểu nghĩa, chẳng phải là không hiểu nghĩa. Hoa sen đỏ có thể giải thích cho nghĩa này, hoa sen mọc trong bùn nhơ nhưng không nhiễm, họ từ chỗ này giác ngộ trở lại, tự mình sống trong hồng trần, trong lục đạo, đặc biệt là trong Dục Giới, có thể không nhiễm ngũ dục lục trần, thì công đức ấy sẽ lớn. Nếu có thể buông xuống hết ngũ dục lục trần thì quả báo của họ sẽ không chỉ ở trời Dục Giới mà thôi, họ sẽ chứng quả, sự ham muốn trong thế gian đã bớt, đã giảm nhẹ, chẳng phân biệt chấp trước như trước, cho nên họ có

thể từ cõi người siêu sanh đến cõi trời, đạo lý là như vậy. 'Lịch ư nhĩ căn' nghĩa là họ ghi trong tâm, nghe đến danh hiệu này thì trong tâm họ có giác ngộ được đôi chút.

Lời ghi trong Chú Giải rất hay, hàng thứ hai trang 139, chúng ta đọc đoạn này: "Nêu tỏ người nghe được danh hiệu, tuy sanh cõi trời Dục Giới" 1[1] , tuy là sanh đến cõi trời Dục Giới, "thật sự chẳng chấp trước ngũ dục lục trần thô hèn" 2[2], đối với ngũ dục lục trần thô tục, họ đã không còn chấp trước, có thể buông xuống; "Do hiểu rằng Tánh của lìa sự nghe vốn là không nên sanh lên cõi trời cũng tịch tịnh. Do cõi trời Không Xứ chính là giả, nên quyền biến thị hiện thân trời để độ kẻ thật sự sanh lòng tham chấp ngũ dục" 3[3], vừa nghe liền khai ngộ, khai ngộ xong họ đích thật có khả năng siêu việt, nhưng lòng từ bi của họ rất nặng, họ còn lưu lại cõi Dục Giới, độ những chúng sanh còn đang tham trước hưởng thọ ngũ dục. Trời Dục Giới vẫn còn ngũ dục lục trần, chẳng qua là lợt lạt hơn cõi người mà thôi. Sáu cõi trời Dục Giới càng lên cao càng lợt. Đoạn cuối trong Chú Giải rất hay 'Hoa sen Phật có ngàn cánh, tiêu biểu cho ngàn pháp minh môn, cho nên gọi là thiên phản', "thiên phản" cũng không phải thật là một ngàn lần, không nên nghĩ thực sự [là một ngàn lần], đây là tiêu biểu pháp. Chỗ này tiêu biểu pháp, chúng ta phải hiểu, chỗ nào cũng là tiêu biểu pháp. Nghe pháp quan trọng ở chỗ ngộ nhập, nếu không thể ngộ nhập, thì bạn không được lợi ích, ngộ nhập thì mới có lợi ích thật sự. Cho nên niệm danh hiệu Phật, không thể không hiểu ý nghĩa của danh hiệu Phật, đặc biệt là công đức của danh hiệu A Di Đà Phật không thể nghĩ bàn, tại sao không thể nghĩ bàn? Không thể nghĩ bàn ở chỗ nào? Bạn phải hiểu rõ ràng, rành rẽ, có thể giải thích được thì sau đó bạn mới thật sự có thể cảm nhận được, khế nhập vào cảnh giới. Đoạn cuối nói 'hà huống chí tâm xưng niệm', 'chí tâm xưng niệm' hồi hướng Tịnh Độ chắc chắn sẽ được vãng sanh, đây là việc chúng ta nhất định phải biết. Chí tâm nghĩa là nhất tâm xưng niệm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hoàn toàn hết sạch, dẫu chưa đoạn hết nhưng cũng rất lợt lạt, tới lúc đó mới có thể chí tâm xưng niệm. 'Chí' nghĩa là chuyên chí. Xin xem tiếp:

Hựu ư quá khứ bất khả thuyết, bất khả thuyết a tăng kỳ kiếp.

Lại bất khả thuyết, bất khả thuyết a-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ

Ở đây dùng con số này, con số này thật quá lớn.

Hữu Phật xuất thế, hiệu Sư Tử Hống Như Lai, nhược hữu nam tử nữ nhân văn thị Phật danh, nhất niệm quy y, thị nhân đắc ngộ vô lượng chư Phật, ma đảnh thọ ký.

Có đức Phật ra đời hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này mà nhất niệm quy y, người ấy sẽ được gặp vô lượng chư Phật xoa đảnh thọ ký cho.

Sư Tử Hống là dùng ví dụ để đặt danh hiệu, ví dụ oai đức của Phật thuyết pháp. Phật thuyết pháp mỗi phương diện đều đầy đủ, Lý Sự đều viên dung; khi đức Phật thuyết pháp, hết thảy tà ma, ngoại đạo trong thế gian đều bị khuất phục, không thể tranh biện được, cho nên ví như Sư Tử Hống, [tức là] dùng trạng huống lúc đức Phật thuyết pháp để lập danh hiệu. Sau đó nói về quả báo của 'Nhất niệm quy y', 'nam tử nữ nhân

---

1[1] 'Biểu văn danh giả, tuy sanh Dục thiên'

2[2] 'thật bất trước thô tệ ngũ trần'

3[3] 'Dĩ giải ly văn tánh bổn không, sanh thiên diệc tịch. Dĩ không xứ tức giả, quyền thị thiên thân dĩ độ thật sanh trước dục chi giả'

văn thị Phật danh', nghe được danh hiệu của Phật thì nghĩ đến oai đức khi đức Phật thuyết pháp, cho nên là 'nhất niệm quy y'. Từ hết thảy tà tri tà kiến quay về, nương dựa vào chánh tri chánh kiến của đức Phật, lời giáo huấn của Phật là chánh tri chánh kiến, như vậy thì sẽ tương ứng, sẽ là đệ tử chân chánh của Phật. Chúng ta biết nhà Phật thường nói 'Trong cửa nhà Phật chẳng xả một ai'. Lời Phật nói nhất định chẳng dối, chỉ cần tâm hạnh của bạn tương ứng thì sẽ được chư Phật Như Lai gia bị, che chở, được chư Phật Như Lai gia trì, đó là ý nghĩa của 'ma đảnh thọ ký'. Tâm của bạn tương ứng với tâm Phật, hạnh của bạn tương ứng với hạnh của Phật, lẽ nào không được chư Phật Như Lai gia trì! Tại sao Phật phải gia trì cho bạn? Mục đích là rộng độ chúng hữu tình, hôm nay bạn phát tâm giúp Phật rộng độ hữu tình, đức Phật đương nhiên sẽ gia trì cho bạn, nếu bạn khởi tâm động niệm gì cũng chỉ lo cho bản thân của mình, Phật dù muốn gia trì cũng không được, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Độ chúng sanh phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ kinh Địa Tạng này là tốt nhất, kinh Địa Tạng đích thật có thể độ chúng sanh trong chín ngàn năm đời Mạt pháp. Mạt pháp kéo dài một vạn năm, đã trải qua một ngàn năm rồi, sau này còn chín ngàn năm nữa, thật sự có thể độ. Nội dung của kinh này dạy rõ về nhân quả, nếu có thể y giáo phụng hành thì nhất định sẽ được hết thảy chư Phật xoa đảnh thọ ký. Xem tiếp vị Phật thứ năm:

Hựu ư quá khứ hữu Phật xuất thế hiệu Câu Lưu Tôn Phật. Nhược hữu nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh, chí tâm chiêm lễ hoặc phục tán thán, thị nhân ư Hiền kiếp thiên Phật hội trung vi đại Phạm Vương đắc thọ thượng ký.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Câu Lưu Tôn Phật. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này mà chí tâm chiêm lễ hoặc lại tán thán, người ấy nơi pháp hội của một ngàn đức Phật trong thời Hiền Kiếp sẽ làm vị Đại Phạm Vương, được thọ thượng ký.

Câu Lưu Tôn Phật có phải là Phật trong Hiền Kiếp này của chúng ta hay không? Trong phần chú thích có nói, chẳng phải là Hiền Kiếp mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta, trong Chú Giải nói: 'Đó không phải là Hiền Kiếp thứ chín, lúc đức Phật ra đời trong kiếp giảm đến sáu vạn tuổi'. Sau đó lại nói 'Căn cứ theo Vạn Phật Danh kinh có vô lượng Thất Phật'. Lời này giải thích rất hay, có rất nhiều Phật, Bồ Tát có cùng danh hiệu, tên kiếp cũng giống nhau, tên thế giới cũng giống nhau, do đó khẳng định chẳng phải vị Câu Lưu Tôn Phật trong Hiền Kiếp của chúng ta. Nếu là Câu Lưu Tôn Phật của Hiền Kiếp chúng ta thì phải được đặt ở phía trước, vì ngài cách chúng ta gần nhất, cách sắp xếp ở đây là càng trở về sau thì càng cách xa chúng ta. 'Câu Lưu Tôn' là Phạn ngữ, nghĩa là 'Sở Ứng Đoạn', hoặc 'Tác Dụng Trang Nghiêm', thật ra tên thứ nhất tốt nhất. Vật gì bạn phải nên đoạn? Phải nên đoạn phiền não, nên đoạn sanh tử, cho nên danh hiệu của ngài được đặt ra từ chỗ này, cũng như Phật pháp thường gọi 'Đoạn Đức'. Pháp Đại Thừa thường nói phải nên đoạn Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh. Đoạn Kiến Tư thì chứng Tiểu Thừa A La Hán, ra khỏi lục đạo; đoạn thêm Trần Sa, phá một phẩm Vô Minh sẽ ra khỏi thập pháp giới, đến Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới còn bốn mươi phẩm Vô Minh, đoạn hết bốn mươi phẩm Vô Minh này thì chứng được quả vị viên mãn cứu cánh, ý nghĩa này trong Phạn ngữ gọi là Câu Lưu Tôn. Do đó danh hiệu [nhắc nhở chúng ta khi] nghe đến danh hiệu này thì tự mình biết phải đoạn phiền não, phải hết lòng học tập.

Đoạn phiền não ở đâu? Ngay ở trong cảnh duyên, và cũng là trong đời sống, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự, trong hoàn cảnh vật chất có cảnh thuận, có cảnh nghịch; trong hoàn cảnh nhân sự có duyên thiện, có duyên ác, trong duyên thiện, cảnh thuận chẳng sanh tham ái, trong duyên ác, cảnh nghịch chẳng sanh

sân khuể thì bạn đã đoạn dứt phiền não. Trong duyên thiện, cảnh thuận còn sanh tâm hoan hỷ thì là phiền não, trong duyên ác, nghịch cảnh cảm thấy không vui, sanh tâm sân khuể, thì phiền não của bạn đã hiện lên. Do đó đoạn phiền não ở đâu? Đoạn ngay trong đời sống hằng ngày khi tiếp xúc với hết thảy người, sự, vật. Người thật sự biết đoạn phiền não đối với hết thảy người, sự, vật thường giữ một tâm niệm cảm ân, nếu chẳng có những cảnh giới này hiện ra thì phiền não của bạn làm sao có thể đoạn dứt! Mỗi ngày ở trong hoàn cảnh này đoạn sân khuể trước, xong mới đoạn tham ái. Sân khuể vô cùng nghiêm trọng, trong hết thảy kinh luận đức Phật nói với chúng ta *'Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng ngại mở ra'*, trong tâm có một tí xíu chẳng vừa ý thì toàn bộ công đức của bạn đều bị mất hết, 'lửa [sân] thiêu trụi rừng công đức', đây là việc chúng ta không thể không biết, không thể không cảnh giác. Ai hủy hết công đức của bạn? Là do chính bạn hủy hết công đức của mình, tuyệt chẳng thể oán trời trách người, bất cứ sức lực bên ngoài nào cũng chẳng thể hủy diệt công đức của bạn được. Ác duyên, nghịch cảnh bên ngoài hiện lên thì bạn phải nhận chịu, đâu có cách chi khác! Tâm bạn bị cảnh giới chuyển; lỗi là ở tại chính mình. Phật dạy chúng ta tu hành là luyện công phu ngay tại những lúc này, luyện đến mức tâm chẳng bị ngoại cảnh chuyển, chính mình trong cảnh giới [thuận hay nghịch đều] có thể làm chủ được thì công đức của bạn đã thành tựu, công đức của bạn có thể giữ gìn, do đó nhẫn nhục ba la mật thì sẽ thành công.

Trong kinh Kim Cang Bát Nhã, đức Phật nói rõ cho chúng ta, Bố Thí Ba La Mật là tích lũy công đức, phải nhờ Bố Thí, Trì Giới. Có thể giữ gìn Nhẫn Nhục Ba La Mật làm cho công đức của bạn không bị phá hoại, không bị mất. Nếu bạn không thể nhẫn thì công đức Bố Thí, Trì Giới của bạn hoàn toàn bị phá hủy mất. Sau khi bị phá mất bạn còn gì? Còn phước đức. Còn phước đức không sao, tánh tình bạn có nóng nảy hơn nữa, tánh tình có xấu đến đâu thì bạn vẫn còn phước báo, tương lai sẽ sanh đến đâu? Kinh Hoa Nghiêm nói tương lai sanh đến cõi A Tu La hưởng phước, chúng sanh ở cõi A Tu La tánh tình rất nóng nảy, tâm đố kỵ, sân khuể rất nặng, họ có phước, cho nên A Tu La có phước báo lớn đều là nhờ tu được trong cửa Phật, chỉ vì chẳng chống nổi sự dụ hoặc từ cảnh giới bên ngoài nên thường sanh phiền não. Ở chỗ này chúng ta nhất định phải học Phật, Bồ Tát, trong hết thảy cảnh duyên phải tu những gì? Tu 'như như chẳng động', tu 'chẳng chấp vào tướng' thì bạn sẽ thành công. Hai câu trong kinh Kim Cang là tổng cương lãnh tu hành, là bí quyết tu hành của Đại Thừa Bồ Tát từ sơ phát tâm đến khi thành Phật. Bên ngoài chẳng trước tướng, bên trong không động tâm, có thể hòa quang đồng trần, thành tựu đạo nghiệp của mình, và cũng độ hóa hết thảy chúng sanh. Độ chúng sanh, trong kinh đã nói chẳng phải vài vạn lần thôi đâu, đức Phật dạy chúng ta *'Thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói'*, ngài đã nói câu này hết bao nhiêu lần? Trong kinh Kim Cang, vỏn vẹn chỉ có năm ngàn chữ mà đã lập đi lập lại câu này hết mười mấy lần, số lần lập lại càng nhiều thì câu nói đó càng quan trọng!

'Thọ trì' là chúng ta thọ nhận lời dạy của đức Phật, phải hết lòng mà làm, đó gọi là thọ trì. 'Đọc tụng' là mỗi ngày đều ôn lại kinh điển, mỗi ngày đều nghe Phật giáo huấn, đọc kinh qua một lần tức là nghe đức Phật dạy chúng ta một lần, mỗi ngày đều phải đọc, mỗi ngày đều phải tiếp nhận sự giáo huấn của đức Phật, nếu một ngày bạn không đọc thì sẽ quên mất. Nói thật ra mỗi ngày đọc tụng mà chúng ta còn phạm lỗi lầm, nếu không đọc thì chịu sao nổi! Tại sao mỗi ngày đọc tụng mà vẫn còn phạm lỗi? Nguyên nhân trong đó thứ nhất là chẳng chịu nổi sự dụ hoặc của cảnh giới bên ngoài, thứ hai là phiền não tập khí của mình quá nặng, chẳng thể đè nén cho nên mỗi ngày đọc tụng Đại Thừa mà vẫn tạo tội nghiệp. Vậy thì phải làm sao? Không sợ tạo tội nghiệp, phải tăng thêm công phu, nếu không gắng lên thì chắc chắn sẽ đọa lạc. Làm sao tăng thêm công phu? Nhất định phải có chánh tín, chánh giải, chánh hạnh; những gì đức

Phật dạy, chúng ta phải nỗ lực làm cho bằng được, đó là chân tu, làm chân thật! Phải bắt đầu từ đâu? Phía trước chúng ta đã nói qua, trong Quán Kinh đức Phật dạy chúng ta bắt đầu từ Tam Phước, bộ kinh Địa Tạng này chính là lời thuyết minh cho Tam Phước. Mười một câu trong Tam Phước chính là cương lãnh của kinh Địa Tạng, những gì nói trong kinh Địa Tạng đều chẳng rời khỏi mười một câu này, bạn phải biết cách thực hiện mười một câu này, phải đọc thuộc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Kinh này nói rất rõ nghiệp nhân quả báo, đặc biệt là nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, chúng ta dứt khoát không thể phạm, phạm thì chắc chắn phải đọa ác đạo, một khi đọa ác đạo rồi muốn thoát ra rất khó, khó vô cùng, chúng ta nhất định phải biết việc này.

Học Phật chẳng có gì khác ngoài việc khắc phục sự khó khăn của mình mà thôi. Giáo học nhà Nho cũng nói về việc này, 'khắc kỷ phục lễ', khắc phục phiền não của mình, khắc phục tập khí của mình mới gọi là tu hành chân chánh. Nói thật ra tu hành chân chánh chẳng phải nói bạn một ngày đọc bao nhiêu cuốn kinh, mỗi ngày đọc mười cuốn kinh Vô Lượng Thọ có ích lợi gì đâu? Vẫn còn tạo tội nghiệp. Chẳng phải nói mỗi ngày bạn niệm bao nhiêu tiếng Phật hiệu, người xưa nói mỗi ngày niệm mười vạn Phật hiệu, hét bể cổ họng cũng uổng công. Thật sự tu hành, công phu đắc lực là ở tại một niệm quay về, chuyển tâm luân hồi trở lại thành tâm Bồ Đề. Nói cách khác lúc chúng ta chưa học Phật thì sống cuộc đời lục đạo luân hồi, sau khi học Phật thì sống cuộc đời của chư Phật, Bồ Tát, vậy mới đúng. Chư Phật, Bồ Tát trong các cảnh duyên có hoan hỷ không? Chư Phật, Bồ Tát trong hết thảy cảnh giới có buồn rầu hay không? Chẳng có! Tuyệt đối chẳng có. Nhưng chúng ta trong kinh điển thấy chư Phật, Bồ Tát thị hiện có khi cũng hoan hỷ, cũng có phiền não, đó là gì? Đó là thủ đoạn giáo hóa chúng sanh, chẳng phải thiệt, giống như câu nói của Vĩnh Gia 'Phân biệt cũng chẳng phải ý', ngài đang biểu diễn, biểu diễn trên khán đài, biểu diễn cho người dưới khán đài coi, chẳng phải là thật sự có hoan hỷ, thật có phiền não. Những sự biểu diễn đó giúp cho chúng sanh giác ngộ, trong tâm đích thật mảy trần chẳng nhiễm, đích thật ngoài chẳng trước tướng, trong chẳng động tâm. Niệm niệm thị hiện thân này trên thế gian là vì ai? Vì hết thảy chúng sanh, tuyệt đối chẳng phải vì mình, tuyệt chẳng phải vì cái thân này của mình, đó là tư tưởng của Bồ Tát, hành vi của Bồ Tát, chúng ta phải nên học theo. Do đó chúng ta muốn học Phật, đoạn dứt hết thảy phiền não, đoạn dứt hết thảy tập khí, bạn phải bắt đầu làm từ chỗ này.

Người thế gian vô tri, Phật, Bồ Tát dùng tâm chân thành đến cùng cực, thanh tịnh, từ bi cùng cực để đối đãi chúng sanh; chúng sanh mê hoặc, vô tri, không những không lãnh hội, tiếp nhận, mà còn muốn chà đạp Phật, Bồ Tát. Giống như trong kinh thường nói, hủy báng, sỉ nhục thậm chí hãm hại Phật, Bồ Tát; [lúc đó] Phật, Bồ Tát có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có. Các ngài tại sao chẳng khởi tâm động niệm? Các ngài hiểu rõ ràng, rành rẽ về quá khứ, hiện tại, vị lai của người đó; nghiệp chướng, tập khí của chúng sanh đó từ vô lượng kiếp đến nay khởi lên thì đâu còn cách chi khác. Tuy là từ bi giáo hóa nhưng họ vẫn không giác ngộ, đây là như trong kinh đức Phật thường hay cảm thán [gọi họ là] 'những người đáng thương xót'. Họ tạo những nhân ác như báng Phật, báng Pháp, báng Tăng thì chắc chắn phải đọa địa ngục, bạn nói có đáng thương hay không? Chúng ta hãy hỏi những người ấy có được cứu hay không? Vẫn có thể được cứu, chỉ cần họ còn chưa tắt thở và họ chịu quay về thì vẫn còn cứu được, nếu họ không chịu quay về thì không cứu nổi, cho nên [quan trọng là] phải biết quay về.

Như trong kinh A Xà Thế Vương có nói vua tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác nhưng lúc lâm chung có thể quay về, có thể giác ngộ, thật sự sám hối, cho nên vua niệm Phật vãng sanh tây phương Tịnh Độ, phẩm vị cũng rất cao, Thượng phẩm Trung sanh. Vì

sao vua chẳng được Thượng phẩm Thượng sanh? Sám hối còn chưa đến mức rốt ráo. Cho nên tạo tội nghiệp cực nặng, lâm chung niệm Phật vãng sanh thuộc về sám hối vãng sanh, phẩm vị cao thấp phải coi công đức sám hối của người đó, nếu là sám hối rốt ráo viên mãn thì đương nhiên sẽ được Thượng phẩm Thượng sanh. Công phu sám hối của vua A Xà Thế tương đối rất tốt, thật sự là phần đông những người tạo tội chẳng làm nổi. Nhưng chỉ cần được vãng sanh, Phàm Thánh Đồng Cư độ Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng là thành tựu thật sự. Do đó chúng ta phải khuyên những chúng sanh tạo tội nặng phải biết quay về, ăn năn sám hối, sửa lỗi. Chúng ta thấy trong lịch sử có rất nhiều sự tích thị hiện của chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát như vậy.

Vào thời quá khứ tại Ấn Độ, Thiên Thân Bồ Tát đã từng hủy báng Tam Bảo. Lúc đầu ngài học Tiểu Thừa, ngài viết ra năm trăm bộ luận về pháp Tiểu Thừa, ngài là người thông minh tuyệt đỉnh; 'Luận' là chú giải của hết thảy kinh điển; ngài viết [năm trăm bộ luận] hủy báng Đại Thừa. Anh của ngài là Vô Trụ 4[4] Bồ Tát học Đại Thừa, anh ngài có thiện xảo phương tiện hướng dẫn ngài tiến vào Đại Thừa, sau khi học Đại Thừa mới biết mình đã phạm tội nghiệp to lớn nên ngài hết sức hối hận. Vì dùng ngôn ngữ hủy báng cho nên ngài muốn cắt đứt lưỡi trước Phật xin sám hối; dùng tay viết văn chương nên ngài muốn chặt tay xin sám hối. Anh ngài nói: "Không cần làm vậy, trước kia em dùng lưỡi để hủy báng Đại Thừa thì tại sao bây giờ không dùng lưỡi ấy để tán thán Đại Thừa? Trước kia dùng tay viết văn hủy báng Đại Thừa thì tại sao không dùng bàn tay ấy để viết văn tán thán Đại Thừa?" Từ đó ngài giác ngộ và soạn năm trăm bộ luận [tán thán] Đại Thừa, trong lịch sử xưng ngài là 'Thiên Bộ Luận Sư', do đó có thể thấy trong cửa nhà Phật quay về là bến bờ. Những chuyện giống như vậy hầu như đời nào cũng có.

Chúng ta coi vị tổ sư gần thời đại chúng ta nhất là Ấn Quang đại sư, chư vị kiếm cuốn Ấn Quang Đại Sư Hành Nghiệp Ký, tức là truyện ký của Ấn Quang đại sư, trong 'Toàn Tập' có, mỗi người trong quý vị đều có một bộ 'Toàn Tập'. Bạn coi truyện ký của Ấn Quang đại sư, lão nhân gia lúc trẻ tuổi hủy báng Tam Bảo, ngài đọc sách của Khổng Tử, coi Nho gia là chánh thống, Phật pháp là bàng môn. Sau này khi tiếp xúc Phật pháp mới biết mình đã tạo tội nghiệp, lúc trước đã sai lầm. Ngài có thể sám hối, quay về, xuất gia tu hành, hoằng dương Phật pháp, tẩy trừ tội nghiệp hủy báng Tam Bảo lúc còn trẻ. Sau này chúng ta biết ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, nói cách khác, những việc ngài làm cả đời đều là biểu diễn, diễn kịch cho chúng ta coi. Đó chẳng phải là thật, ngài diễn cho chúng ta coi, ngài biết đời này chúng ta rất dễ phạm tội hủy báng Tam Bảo, rất nhiều người phạm, lão nhân gia làm một gương mẫu cho chúng ta xem. Phạm những tội nặng này vẫn có thể được độ, chúng ta coi trong lịch sử, truyện ký thấy có rất nhiều. Quan trọng nhất là phải quay về, quan trọng là phải đoạn phiền não, đoạn dứt tập khí, phải coi trọng việc này, phải mang việc này vào trong đời sống sanh hoạt của chúng ta, coi nó như là một việc lớn phải làm, được vậy thì đời này chúng ta tu học mới mong thành tựu. [Nếu được vậy thì] khi chúng ta giúp đỡ chúng sanh tu học Phật pháp mới nói được là có [chút ít] công đức, nếu không thì bạn giúp đỡ hết thảy chúng sanh tu học Phật pháp đều là phước đức. Phước đức khác công đức, trong Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục Tổ nói rất hay *'Phước đức không thể giúp con người liễu sanh tử, xuất tam giới, người dù có phước đức to lớn cách mấy thì cũng chỉ sanh lên cõi trời hưởng phước mà thôi, chẳng thể thoát khỏi tam giới, [chỉ có] công đức mới có thể thoát tam giới'*. Chúng ta phải phân biệt công đức và phước đức cho rõ ràng. Dùng tâm

---

4[4] Vô Trụ là cách dịch khác của danh hiệu phổ biến hơn là Vô Trước (Asanga) Bồ Tát.
Cũng như ngài Thiên Thân thường được biết dưới danh hiệu phổ biến hơn là Thế Thân Bồ Tát.

thanh tịnh tu hết thảy thiện pháp, đoạn hết thảy điều ác là công đức, dùng tâm tạp nhiễm để đoạn ác tu thiện là phước đức, quan trọng là ở chỗ này.

Một người nghe danh, 'chí tâm chiêm lễ' tức là thọ trì, nếu không thọ trì thì không thể gọi là chí tâm chiêm lễ. Có thể có 'chiêm lễ', nhưng không có 'chí tâm'. Đây là chân tâm, tâm chân thành chiêm lễ. 'Hoặc phục tán thán', tán thán là lợi tha, tự hành hóa tha. 'Thị nhân ư Hiền Kiếp thiên Phật hội trung vi đại Phạm Vương' (Người ấy trong hội ngàn Phật ở Hiền Kiếp làm đại Phạm Thiên Vương), phước báo làm đến 'Đại Phạm Thiên Vương' rất lớn, tại sao vậy? Người ấy có thể đoạn ác tu thiện. Đương nhiên cùng một đạo lý với đoạn trước, trên thực tế nói người này là Bồ Tát chân chánh, Bồ Tát [khác với] phàm phu ở tại một niệm mà thôi, một niệm chuyển trở lại thì thành Bồ Tát, chuyển không được thì là phàm phu. Phật, Bồ Tát và phàm phu chỉ khác nhau ở trên quan niệm mà thôi. Một niệm chuyển trở lại thì người đó là Bồ Tát, tại sao Bồ Tát lại đi làm Đại Phạm Thiên Vương? Dùng thân phận Đại Phạm Thiên Vương giúp đỡ những người cõi trời đoạn phiền não, phiền não tập khí của người trời chưa đoạn hết cho nên chẳng thoát ra khỏi tam giới. Nếu họ có thể đoạn dứt, lại hiện thân thuyết pháp giúp kẻ khác đoạn dứt, cho nên 'đắc thọ thượng ký', 'thượng ký' là thọ ký thành Phật. Trong Chú Giải của Thanh Liên pháp sư có trích dẫn kinh điển, trong đó có rất nhiều công án có thể xem, rất đáng tham khảo. Chúng ta xem tiếp vị Phật thứ sáu:

Hựu ư quá khứ hữu Phật xuất thế hiệu Tỳ Bà Thi, nhược hữu nam tử nữ nhân văn thị Phật danh, vĩnh bất đọa ác thú, thường sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi Phật. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này, thì vĩnh viễn không đọa vào ác đạo, thường được sanh vào chốn trời, người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

'Tỳ Bà Thi' là Phạn ngữ dịch âm, ý nghĩa là 'Thắng Quán', Thắng là thù thắng, Quán là quán sát. Phàm phu chúng ta đối với hết thảy vạn vật thường nhìn thấy thiên lệch, coi sai lạc, nói cách khác là không thù thắng. Thù thắng ở đây là đối với hết thảy chân tướng của chư pháp nhìn thấy rõ ràng, rành rẽ, cái nhìn như vậy gọi là Thắng Quán. Mọi người nghe cách nói này xong sẽ cảm thấy rất mơ hồ, chúng ta không thể học tập. Nói thật ra 'quán' tức là quan niệm của bạn. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, quán như thế nào mới thật sự là thù thắng quán, Giao Quang đại sư trong Chú Giải dạy chúng ta 'Xả Thức dùng Căn', đó thật sự là thắng quán, Danh phù hợp với Thật. Nói thì không sai nhưng phàm phu chúng ta không làm nổi, phàm phu dùng thức thứ sáu –Ý Thức, 'xả Thức dùng Căn' thì chẳng dùng Ý thức. Căn là tánh ở trong Căn, và cũng là nói chúng ta dùng Tánh Thấy để nhìn sự vật, 'Quán' như vậy mới thù thắng. Chư vị phải biết trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta rất rõ ràng, pháp môn tu của Quán Thế Âm Bồ Tát chính là pháp này *'Nghe trở lại tự tánh, tánh thành đạo vô thượng'*, Quán Âm Bồ Tát nêu ra báo cáo tu học, ngài làm thế nào để tu hành thành công? Chính là dùng Tánh trong Căn, Tánh trong Căn là chân tâm. Nói cách khác dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Dùng tánh Thấy để thấy Sắc (nhìn sự vật), thấy Sắc chẳng phải là Sắc trần, chúng ta dùng Nhãn Thức để thấy Sắc là sắc trần, trần là nhiễm ô; Nếu dùng tánh Thấy để nhìn sắc thì sẽ thấy tánh của sắc. Trong Thiền Tông gọi là minh tâm kiến tánh. Khả năng của họ lớn, còn khả năng của chúng ta vô cùng kém cỏi. Dùng 'tánh nghe' để nghe tánh của âm thanh, dùng tánh ngửi để ngửi tánh của hương, dùng tánh nếm để thưởng thức tánh của vị, [đó là] minh tâm kiến tánh. Chúng ta rất hèn tệ, sáu căn chúng ta tiếp xúc sáu cảnh giới bên ngoài đều là sáu thứ ô nhiễm, người ta khi sáu căn tiếp xúc sáu [cảnh giới] bên ngoài liền kiến tánh, do đó sau

khi kiến tánh mới nói 'nơi nơi đều là đạo, trái phải đều về nguồn', đó là việc đương nhiên vì những gì sáu căn tiếp xúc đến đều là chân như bản tánh, kiến tánh thành Phật.

Người kiến tánh là người như thế nào? Nói cho chư vị biết đó là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, cho nên chúng ta mới biết hai mươi lăm vị Bồ Tát trong kinh Lăng Nghiêm đều là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Đây là điều chúng ta thấy trong kinh Lăng Nghiêm, chương Hai Mươi Lăm Viên Thông. [Mỗi vị trong] hai mươi lăm vị Bồ Tát đều tự thuật mình dùng phương pháp gì để tu hành chứng quả, họ làm một đại biểu. Số hai mươi lăm này là hai mươi lăm loại lớn, số lượng trong mỗi loại rất nhiều, rất nhiều, tất cả tượng trưng cho tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, quy nạp vô lượng pháp môn thành hai mươi lăm loại, chẳng phải chỉ có hai mươi lăm pháp môn mà thôi, bạn phải hiểu đạo lý này. Hai mươi lăm vị này đều là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, thân phận Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện trong hội giảng kinh Lăng Nghiêm là Sơ Trụ Bồ Tát; thị hiện trong kinh Hoa Nghiêm, tương lai chư vị đọc đến đoạn Năm mươi ba lần tham vấn [sẽ biết], là Thất Hồi Hướng; trong phẩm Phổ Môn, kinh Pháp Hoa, địa vị của ngài là Đẳng Giác Bồ Tát, cho nên trong hội kinh nào ngài sẽ thị hiện thân phận [thích hợp].

Ở đây chúng ta nói trở lại [vấn đề, chúng ta] phải bắt đầu từ đâu? Trên thật tế mỗi người chúng ta dùng sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, một niệm đầu tiên là tánh Thấy nhìn thấy, khi chúng ta vừa mở mắt nhìn cảnh giới bên ngoài, còn chưa khởi tâm động niệm, lúc còn chưa phân biệt chấp trước gọi là một niệm thứ nhất, một niệm này [là] Phật tri, Phật kiến, một niệm này là 'kiến tánh' (tánh Thấy). Nhưng phàm phu không có khả năng duy trì, tới niệm thứ hai bèn khởi phân biệt chấp trước, niệm thứ hai bèn rơi vào trong Ý Thức, nếu bạn có thể duy trì một niệm thứ nhất thì không phải bạn đã thành Phật rồi sao? Chẳng có phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, mắt mở ra nhìn thấy rõ ràng, rành rẽ, lúc đó là tánh Thấy nhìn thấy sắc tánh, cái Thấy của bạn lúc đó mới chân thật, sắc bên ngoài cũng chân thật, chư vị biết đó là Nhất Chân pháp giới. Nhưng niệm thứ hai khởi lên thì đã có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng; phân biệt, chấp trước khởi lên ngay lập tức. Từ chỗ này chúng ta hiểu được, khi sáu căn chư Phật, Bồ Tát tiếp xúc cảnh giới sáu trần rốt cuộc khác với chúng ta ở chỗ nào? Tại sao các ngài [thấy] Nhất Chân pháp giới? Vì rời khỏi hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì thời gian, không gian là một chứ chẳng phải hai, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có mười phương, là cảnh giới như vậy. Lúc niệm thứ hai khởi lên thì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khởi lên bèn biến Nhất Chân pháp giới có vô lượng vô biên chướng ngại. Chẳng phải chỉ có mười pháp giới mà thôi, mười pháp giới là nói về những điểm khác nhau chính yếu, 'Mười' nói thật ra không phải là con số, 'mười' tượng trưng cho vô tận, vô lượng, đạo lý là như vậy.

Đại Thừa Phật pháp nói đến tu hành, tu hành là tu quán, không phải chỉ có Tông Môn mới tu quán, Giáo Hạ cũng tu quán, [thường gọi là] Chỉ Quán. Do đó tu quán trong Phật pháp cũng là một tổng cương lãnh, thuật ngữ trong cửa Phật gọi là 'Đại đà ra ni môn', là tổng cương lãnh. Không tu quán nên mới dạy bạn thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đới nghiệp vãng sanh, tu quán thì sẽ không đới nghiệp. Mỗi niệm của bạn đều thanh tịnh, bình đẳng, giác, đây là việc mà nhà Phật thường nói *'một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng, niệm niệm Phật',* tương ứng với gì? Với thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh thì không chấp trước, chẳng có chấp trước; bình đẳng thì không có phân biệt. Không phân biệt thì sẽ bình đẳng, không chấp trước thì sẽ thanh tịnh, chẳng có vọng tưởng thì sẽ giác. Thanh tịnh, bình đẳng, giác nghĩa là đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, có thể tương ứng với những điều này thì đương nhiên bạn đã thành Phật. Phật chính là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh,

bình đẳng, giác chính là tự tánh của chúng ta. Do đó một niệm khởi lên thì sẽ hư hết, tốc độ của nó còn nhanh hơn ánh sáng, nhanh hơn điện không biết gấp bao nhiêu lần, nhanh chóng biến mất, biến đổi mau lẹ. Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì mới thật sự hiểu được câu đức Phật trong kinh Đại Thừa thường nói *'Chúng sanh và Phật chẳng cách xa mảy may, chỉ ở tại một niệm mà thôi'5**[5]**.*

Cách nhìn của chúng ta, sự tiếp xúc của sáu căn và cảnh giới sáu trần của chúng ta là tiếp xúc sai lầm; sự tiếp xúc của chư Phật, Bồ Tát là tiếp xúc chính xác; các ngài tiếp xúc đại giác, chúng ta tiếp xúc mê tà. Việc này đức Phật đã nói rõ ràng, nói rành rẽ rồi, chuyển biến là ở nơi chính mình, Phật, Bồ Tát chẳng có cách gì giúp chúng ta chuyển biến. Chúng ta biết cách chuyển biến, chịu chuyển biến thì Phật, Bồ Tát nhìn thấy hoan hỷ. Nếu chúng ta không biết chuyển biến, không chịu chuyển biến thì Phật, Bồ Tát cũng không làm sao được. Đây là nói về ý nghĩa của 'Thắng Quán' của đức Phật Tỳ Bà Thi.

Phần cuối trong Chú Giải trích dẫn một bài kệ trong 'Đại Trang Nghiêm Luận', trên hàng cuối của trang 142, chúng ta phải ghi nhớ bốn câu trong bài kệ này. 'Vô bịnh đệ nhất lợi' (Chẳng có bịnh là lợi ích hạng nhất), lợi là lợi ích, lợi ích chân thật là gì? Là chẳng có bịnh. 'Tri túc đệ nhất phú' (Biết đủ là giàu có hạng nhất), người thế gian theo đuổi giàu có, giàu có là gì? Biết đủ là giàu có. Thời xưa đức Phật và đệ tử chỉ có ba y, một bình bát, mỗi ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đó là giàu có nhất, [vì họ] biết đủ. 'Thiện hữu đệ nhất thân' (Bạn tốt là người thân hạng nhất), chư Phật, Bồ Tát là bạn tốt của chúng ta. 'Niết Bàn đệ nhất lạc' (Niết Bàn là niềm vui hạng nhất), phía trước có nói về Niết Bàn, Huyền Trang pháp sư dịch nghĩa chữ Niết Bàn rất hay, nghĩa là 'Viên tịch', công đức viên mãn, thanh tịnh tịch diệt, đó là niềm vui hạng nhất. Hai câu cuối 'Thử nãi thọ tức bất thọ, vô thọ tức thọ dã' (Đó là: thọ là không thọ, không thọ là thọ vậy), ý vị của hai câu này rất dài, ý nghĩa rất sâu sắc. Chúng ta hiểu đạo lý này, quả thật có thể quay về, có thể giác ngộ, có thể hết lòng nỗ lực học tập, đó là nói 'Nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh, vĩnh bất đọa ác đạo', đương nhiên họ sẽ chẳng đọa ác đạo. 'Thường sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc', 'thắng diệu lạc' chính là những gì bốn câu kệ trên diễn tả, tuyệt đối chẳng phải niềm vui của ngũ dục lục trần trong thế gian, chẳng phải niềm vui của tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, nếu bạn xem những thứ này là niềm vui thì sai lầm quá đỗi. Niềm vui (Lạc) này trong Phật pháp gọi là Hoại Khổ, chẳng phải chân lạc (niềm vui chân thật). Thắng diệu lạc là chân lạc, bài kệ nói trên chính là 'thọ thắng diệu lạc', ngài nói 'thọ tức bất thọ, vô thọ tức thọ', như vậy mới thật sự là thắng diệu lạc, tương ứng với nhân hạnh 'Thắng Quán' nói phía trên, thắng quán mới được thắng diệu lạc. Chúng ta xem tiếp vị thứ bảy:

Hựu ư quá khứ vô lượng vô số hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế hiệu Bảo Thắng Như Lai, nhược hữu nam tử nữ nhân văn thị Phật danh tất cánh bất đọa ác đạo, thường tại thiên thượng thọ thắng diệu lạc.

Lại vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này, thì sẽ không bao giờ bị đọa vào ác đạo, mà thường ở trên cõi trời, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Bảo Thắng Như Lai, 'Bảo' nghĩa là trân bảo, người thế gian chúng ta coi trọng bảy thứ báu, đây là thất bảo thường được nói tới trong kinh Phật. Người xưa coi trọng, mong muốn có được; người hiện nay cũng coi trọng, cũng hy vọng có được. Vật báu

---

5[5] *(Sanh Phật bất cách hào đoan, tựu tại nhất niệm chi gian)*

tượng trưng cho sự giàu có của bạn, có thể làm cho đời sống vật chất của bạn được phong phú, chẳng thiếu thốn. Trong Phật pháp cũng có vật báu. Đối với chữ Bảo ở đây, trong sách Chú Giải nói đến bốn thứ báu "Thường, Lạc, Ngã, Tịnh", đó là bốn thứ báu xuất thế gian, và cũng là những món báu mọi người đều hy vọng đạt được. Đây là cách dùng vật chất làm tỷ dụ để nói. Trên thực tế thì nên nói Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Trong Tam Bảo mới có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Rời khỏi Tam Bảo thì đi đâu tìm được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh? Tìm không ra. Tam Bảo, mọi người đều biết Phật, Pháp, Tăng, nhưng người biết rõ ý nghĩa thật sự của Tam Bảo không nhiều, cho nên chúng ta thấy rất nhiều người quy y Tam Bảo, có phải họ thật sự đã quy y hay không? Họ chẳng có quy y, chỉ làm một hình thức, hình thức ấy trống rỗng, là giả, chỉ là hình thức, chẳng có thật chất. Tại sao? Vì họ chẳng hiểu ý nghĩa của Tam Bảo, chẳng rõ Tam Bảo, cho nên họ cũng chẳng được Tam Bảo. Người đã thọ giới đều biết Giới có Giới Thể, họ chẳng được Giới Thể. Tam quy cũng là giới, cùng một ý nghĩa, họ chẳng được Giới Thể. Giới Thể là gì? Là Tự Tánh.

Lục Tổ Huệ Năng đại sư trong Đàn Kinh giảng về Tam Bảo rất hay: Phật Bảo là Tự Tánh Giác, Pháp Bảo là Tự Tánh Chánh, Tăng Bảo là Tự Tánh Tịnh. Lúc chúng ta thọ tam quy có đạt được Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh hay không? Nếu lúc bạn thọ Tam Quy đạt được thì bạn đã quy y thật sự, 'quy y' nói trong kinh là việc này, chẳng phải là nói trên hình thức. 'Quy' nghĩa là quay về, từ chỗ nào quay về? Từ chỗ mê, tà, nhiễm lúc trước. 'Y' là gì? Nương theo Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh, đó là thật sự quy y, một niệm này đã quay về, đó thật sự là đệ tử Phật. Nếu chẳng xả bỏ mê, tà, nhiễm, chẳng nương theo Giác, Chánh, Tịnh thì sự quy y đó là mạo danh, nói dễ nghe một chút, như tông Thiên Thai nói trong Lục Tức, đây là Danh Tự Quy Y. Danh Tự Quy Y nghĩa là gì? Có danh không thật, một chút tác dụng gì cũng chẳng có. Muốn thật sự có thể hữu dụng, mức tối thiểu bạn cũng phải là 'Quán Hạnh Quy Y', nếu chúng ta tu học không thể khế nhập vào địa vị Quán Hạnh, chỉ ở địa vị Danh Tự thì sẽ luống uổng. Nói thật ra địa vị Danh Tự rất dễ tạo tội nghiệp, rất dễ đọa ba đường ác; khi đến địa vị Quán Hạnh, khi công phu quán hạnh được đắc lực thì có thể được phước báo nhân thiên, sẽ chẳng đọa tam đồ. Nếu vào địa vị Tương Tự thì bạn sẽ thành công, trên Bồ Tát đạo bạn tu hành chứng quả rồi. Tương Tự vị là quả vị gì? Nếu dùng quả vị nói trong kinh Hoa Nghiêm, 'Địa vị Tương Tự' chính là Thập Tín Bồ Tát, bạn đã chuyển phàm thành thánh. 'Phần Chứng' tam quy tức là quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên.

Công đức quy y không thể nghĩ bàn, bạn phải thật sự quy y, trong kinh Phật nói bạn chân chánh quy y thì có ba mươi sáu vị thần hộ pháp ngày đêm hộ vệ bạn, đây là việc đương nhiên. Tại sao họ phải bảo hộ bạn? Vì tôn kính bạn, khâm phục bạn, ngưỡng mộ bạn, chẳng phải có ai phái họ đến bảo hộ bạn mà họ tự động bảo hộ bạn. Đó mới gọi là Tam Bảo. Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh mới là Tam Bảo, đây là tổng nguyên tắc, tổng cương lãnh để tu hành chứng quả trong nhà Phật. Vừa vào cửa Phật, vào lớp đầu tiên liền truyền thọ tổng cương lãnh của việc tu hành chứng quả cho bạn, đó gọi là truyền thọ Tam Quy, làm cho bạn trong đời này, đời đời kiếp kiếp đều hướng về phương hướng này, nỗ lực tiến đến mục tiêu này, bạn mới có thể thành Bồ Tát, thành Phật. Nền giáo học trong Phật pháp thật sự là tốt đẹp đến cùng cực! Chân thật viên mãn, vừa mở đầu liền chỉ rõ ràng, chỉ rành rẽ con đường này.

Nhưng hiện nay [việc quy y] chúng ta thường thấy là quy y một vị pháp sư nào đó, như vậy là hỏng hết. Thói tệ 'quy y một pháp sư nào đó' đã bắt đầu từ lâu rồi, trong trước tác của Ngẫu Ích đại sư chúng ta thấy được. Ngẫu Ích đại sư là người cuối triều Minh, lúc đó ngài đã nêu ra sự hiểu lầm của việc quy y. Cho nên có thể biết vào thời đại đó, cách chúng ta năm trăm năm, năm trăm năm trước đã có việc 'quy y một pháp

sư nào đó' rồi, chẳng phải quy y Tam Bảo. "Đây là sư phụ của tôi, vị kia không phải sư phụ của tôi", nghĩ như vậy là phá hòa hợp tăng. Tăng đoàn là một gia đình hòa hợp, những đệ tử quy y trong đó có phân biệt, chấp trước đây là sư phụ của tôi, đây là đạo tràng của sư phụ tôi nên tôi phải ủng hộ, còn kia chẳng phải nên tôi bài xích, làm vậy là đã phá hòa hợp tăng. Mọi người đều biết việc phá hòa hợp tăng là tạo tội nghiệp đọa Vô Gián địa ngục; nói cách khác khi bạn chưa quy y thì còn chưa tạo tội nghiệp, sau khi quy y lại tạo nên tội nghiệp này, đến cuối cùng quy đến chỗ nào? Quy đến A Tỳ địa ngục, như vậy có oan uổng không? Sai lầm quá đỗi.

Tại sao lại sanh ra sự sai lầm này? Do một niệm mê tình, một niệm tự tư, tạo thành sai lầm to lớn này. Sự sai lầm này từ từ lan rộng ra, làm cho nhiều người đối với ý nghĩa chân chánh của sự quy y mê mất, không những có ảnh hưởng rộng lớn, mà thời gian ảnh hưởng cũng dài, từng đời truyền mãi về sau, chúng ta cứ tưởng như vậy là đúng, ai có thể phát hiện được sự sai lầm này? Nếu chúng ta không đọc Lục Tổ Đàn Kinh, nếu không đọc những trước tác của Ngẫu Ích đại sư thì làm sao chúng ta biết được? Đàn Kinh khơi gợi cho chúng ta, khi Lục Tổ truyền quy y, ngài chẳng nói 'Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng', ngài chẳng giải thích như vậy. Ngài nói 'Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh'. Năm xưa lúc tôi đọc kinh này đã đem lại sự khơi gợi rất lớn cho tôi, tại sao ngài lại nói như vậy? Ngài là người đời Đường, cách chúng ta hơn một ngàn ba trăm năm, chắc chắn lúc đó mọi người đã hiểu lầm Tam Bảo, mê trong 'Phật, Pháp, Tăng', chẳng biết ý nghĩa thật sự của Phật, Pháp, Tăng, cho nên ngài mới nói 'Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh', sau đó nói 'Phật nghĩa là Giác, Pháp nghĩa là Chánh, Tăng nghĩa là Tịnh' ngài nói như vậy. Ngài nói như vậy là vì người thời đó chắn chắn đã hiểu sai ý nghĩa chân chánh của Phật, Pháp, Tăng rồi cho nên Huệ Năng đại sư truyền thọ Tam Quy mới dùng cách nói [như trên], nhằm thức tỉnh mọi người, việc này rất có lý.

Muốn tu hành chứng quả trong nhà Phật, việc thứ nhất là phải xả bỏ cái 'Tôi', xả bỏ cái 'Tư', bạn chấp trước có một cái 'Tôi', tất cả đều vì tôi, chấp trước có một ý niệm [riêng] 'Tư', thì đó là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, chẳng phải là Phật pháp. Phật có nghĩa là Giác, Phật pháp là pháp giác ngộ, khi bạn có một niệm riêng tư xen lẫn trong ấy, đó là 'Mê pháp', là pháp mê hoặc điên đảo, chẳng phải là Phật pháp. Ngày nay chúng ta coi pháp Mê Nhiễm thành Phật pháp thì bạn tu học trong Phật pháp có thành tựu gì không? Chúng ta không thể không biết đạo lý này. Do đó Giác, Chánh, Tịnh là của báu, là của báu thù thắng nhất trong các của báu, Tam Bảo thuộc về tự tánh, chẳng ở bên ngoài, cũng chẳng ở tại người khác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng dạy chúng ta phải quy y ngài, thời xưa dạy chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, chẳng có nói quy y ngài, mọi người đều hiểu Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh là Tam Bảo, gọi là Tự Tánh Tam Bảo. Nhưng đối với Hình Tướng Tam Bảo chúng ta cũng phải tôn trọng, tại sao vậy? Nếu chẳng có Hình Tướng Tam Bảo thì làm sao bạn biết Tự Tánh Tam Bảo, nhất định phải dùng Hình Tướng Tam Bảo thường thường khơi gợi bạn, hướng dẫn bạn, làm cho bạn luôn luôn hướng về Tự Tánh Tam Bảo, do đó hình tướng có thể khởi tác dụng lớn như vậy. Chúng ta nhìn thấy tượng Phật, nghe đến danh hiệu Phật lập tức liền quay trở về Tự Tánh Giác; khi nhìn thấy kinh sách, thấy Pháp bảo liền quay về Tự Tánh Chánh; khi nhìn thấy hình tượng người xuất gia thì liền biết quay về Tự Tánh Tịnh, do đó công đức của hình tướng là vô lượng vô biên. Hình tướng thức tỉnh chúng ta từng giờ, từng phút, nếu không có những hình tướng ấy thì rất dễ quên, [một khi quên thì sẽ] mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp, và phải chịu khổ báo tiếp tục, đó mới là chân chánh Tam Bảo, chân thật Tam Bảo. 'Nếu có kẻ nam người nữ nghe được danh hiệu Phật', nghe danh hiệu

tức là quy y, nghe danh liền quay về, nhất định sẽ không đọa ác đạo. Hành vi của họ có thể tương ứng với Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh thì làm sao họ đọa ác đạo được? Cho dù đã tạo nhân ác đạo, nhưng đã đoạn dứt duyên của ác đạo nên sẽ không đọa ác đạo nữa. 'Thường ở tại cõi trời hưởng thọ niềm vui thù thắng vi diệu', câu này có cùng ý nghĩa với câu 'thường sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc' phía trên. Xin xem tiếp vị thứ tám:

Hựu ư quá khứ, hữu Phật xuất thế hiệu Bảo Tướng Như Lai. Nhược hữu nam tử nữ nhân văn thị Phật danh, sanh cung kính tâm, thị nhân bất cửu đắc A La Hán quả.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tướng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này bèn sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu sẽ đắc quả A La Hán.

Phía trước có đức Phật Bảo Thắng, ở đây nói đức Phật 'Bảo Tướng', ý nghĩa của Bảo Thắng rộng, Bảo Tướng hoàn toàn từ hình tướng mà nói. Nhưng khi nói tới 'Tướng', chúng ta liền nghĩ đến 'Tánh', tại sao? Tướng là Tánh biến hiện ra, Tánh là chủ tể năng hiện năng biến, tướng là cái được hiện, được biến. Chúng ta từ chỗ cạn cợt nhất để nói, đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Nghe đến danh hiệu Phật chúng ta có thể hiểu đến Bảo Tướng. Bảo tướng của Phật từ đâu tới? Do tu nhân nên có được quả báo này. Người người ai cũng hy vọng có tướng tốt, đều hy vọng tướng mạo trang nghiêm, tốt đẹp, phải biết đây là quả báo. Dung mạo là quả báo, thể chất cũng là quả báo, thân thể bạn khoẻ mạnh, sống lâu là quả báo, dung mạo tốt xấu cũng là quả báo. Tu nhân gì thì được quả đó, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều thuộc về quả, tu nhân gì [mới được quả như vậy]? cư sĩ Giang vị Nông trong Kim Cang Kinh Giảng Ký trích dẫn một số kinh điển, [chúng ta] có thể tham khảo. Nếu bạn tìm trong nguyên văn của bản kinh này, hay tra Đại Tạng Kinh thì quá phiền phức. Kim Cang Kinh Giảng Ký rất phổ biến, ai nấy đều có, chư vị hãy coi thử.

Thí dụ tướng lưỡi rộng dài của đức Phật là một tướng tốt, phải tu nhân gì mới được? Đời đời kiếp kiếp chẳng nói dối. Cho nên nếu bạn thật sự tu nhân thiện thì bạn mới được quả báo thiện, được bảo tướng thiện; nếu không tu nhân thiện thì tướng mạo của bạn sẽ không viên mãn. Trên thế gian này cũng có một số người có tướng tốt, tướng có phước, bạn hãy quan sát kỹ lưỡng, họ có phước tướng, bảo tướng, trong bảo tướng có chân, có thiện, có mỹ; trong phước tướng có mỹ chứ chẳng có chân, chẳng có thiện. Cho nên khi tiếp xúc với những người này, hiện nay chúng ta gọi là từ trường, lúc bạn tiếp xúc với họ, từ trường ấy sẽ không thoải mái, sẽ không vui vẻ cho lắm, đó là vì họ chỉ có mỹ, chứ chẳng có chân, chẳng có thiện.

Nếu chúng ta tiếp xúc với một người tu hành, họ chẳng có địa vị, chẳng giàu sang, chẳng có nhiều của cải, họ chỉ là một người rất bình thường, rất bình dân, họ cũng chẳng đẹp, nhưng họ có chân tâm, họ lương thiện, lúc chúng ta tiếp xúc với họ, từ trường đó sẽ khác, cảm thấy rất thoải mái, đó gọi là 'bảo tướng', quý vị hãy thí nghiệm thì dần dần sẽ hiểu. Chúng ta đọc đến danh hiệu Bảo Tướng Như Lai này, lập tức phải biết tu nhân chứng quả, tức là tiêu biểu cho sự trồng thiện nhân được thiện quả, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Bạn nghe danh hiệu này liền có thể đoạn ác tu thiện, ác tức là phiền não tập khí, bạn có thể đoạn Kiến Tư phiền não, có thể đoạn thập ác, có thể tu thập thiện, đây là nền tảng cho bạn tu hành chứng quả.

Phần cuối của đoạn kinh nói 'Nếu có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này bèn sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu sẽ đắc quả A La Hán.'. Trong Chú Giải có một đoạn chúng ta hãy đọc thử, trang 144 đếm ngược

lại hàng thứ hai, coi từ câu cuối cùng. Ngài nói "Đem quả vị trong Tạng Giáo so sánh với quả vị trong Viên giáo" 6[6], Tạng Giáo là Tiểu Thừa, Viên Giáo là Đại Thừa viên mãn, so sánh những vị thứ, đoạn chứng của họ 'được quả vị Sơ Tín đến Thất Tín', đây là quả vị Viên Giáo, Viên Giáo Sơ Tín Bồ Tát đến Thất Tín Bồ Tát. "Đã tùy ý đoạn dứt hết Tam Giới Kiến Tư [phiền não], tương đương với Tứ Quả A La Hán trong Tạng Giáo" 7[7]. Từ đó có thể biết trong đoạn kinh này nói 'đắc A La Hán quả', chẳng phải thật sự là A La Hán Tiểu Thừa, mà là gì? Là quả vị Đại Thừa Sơ Tín đến Thất Tín Bồ Tát, ý nghĩa là ở chỗ này.

Vì Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh là kinh Đại Thừa, chẳng phải kinh Tiểu Thừa, tại sao lại chứng quả vị Tiểu Thừa? Là dùng quả vị Tiểu Thừa để thí dụ thứ lớp đoạn phiền não của họ, đã đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể đạt được Bảo Tướng trang nghiêm. Cho nên chúng ta nhìn người, tâm họ thanh tịnh thì họ có tướng thanh tịnh, tâm họ từ bi thì họ có tướng từ bi. Nếu họ rất hung ác thì họ có tướng hung ác, bạn hãy quan sát kỹ lưỡng, đúng như câu nói 'sự chân thành ở bên trong, hiển rõ bên ngoài', tướng mạo chính là sự biểu hiện của tâm lý, tánh tình của bạn, từ tướng trạng có thể biết tâm lý, tư tưởng của một con người, biết được cá tính của bạn. Do đó đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức là tu nhân chứng quả. Đoạn sau nói về vị thứ chín:

Hựu ư quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế hiệu Ca Sa Tràng Như Lai. Nhược hữu nam tử nữ nhân văn thị Phật danh giả siêu nhất bá đại kiếp sanh tử chi tội.

Lại vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sa Tràng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này, thì sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp.

Đây là Ca Sa Tràng Như Lai, 'Ca Sa' nghĩa là gì? Trong Chú Giải nói "Ở đây, hồng danh của đức Phật được lập bằng cách nêu bày cái tướng trên phương diện trang nghiêm để phô bày rõ rệt tánh đức của Ngài." 8[8], sau đó trích dẫn 'Tâm Địa Quán Kinh nói Ca Sa tức là tướng bảo tràng của Như Lai'. Trước hết phải hiểu ý nghĩa của "Ca Sa", "Ca Sa" là tiếng Phạn, đó chẳng phải là một cái đơn thuần, mà là một cái hỗn tạp, phàm những gì hỗn tạp đều gọi là Ca Sa. Cho nên khi trì bát 9[9], bát cơm đó gọi là Ca Sa Phạn, tại sao vậy? Cơm và thức ăn của nhiều nhà cúng dường đều trộn lẫn trong đó. Y của chúng ta tại sao được gọi là Ca Sa? Rất nhiều màu sắc trộn lẫn nhau rồi được nhuộm, nên màu đó không phải là màu chánh. Màu chánh là năm màu đỏ, vàng, lam, trắng, đen, màu đen cũng là màu chánh. Đệ tử Phật không mặc áo màu chánh, y này gọi là Y Ca Sa, năm thứ màu sắc trộn lẫn nhau rồi nhuộm thành màu này nên gọi là Ca Sa, Ca Sa là nói từ phương diện màu sắc.

Thời quá khứ, nói tới vật liệu làm y của Phật cũng lấy từ vật liệu hỗn tạp. Thời xưa xin được một chén cơm thì dễ, mọi người cúng dường dễ dàng. Thời xưa vật chất, tài nguyên thiếu thốn, vải đều phải dệt bằng tay, cho nên có được một chiếc áo tương đối chẳng dễ. Làm sao mới có được một chiếc Y? Quần áo của những người tại gia đã cũ, đã rách, đã bỏ đi, chẳng dùng được nữa, người xuất gia lượm những áo rách này.

6[6] 'Kim ước Tạng Giáo dĩ đối Viên Vị'

7[7] 'Tam Giới Kiến Tư nhậm vận đoạn tận, dữ Tạng Giáo đệ Tứ Quả A La Hán tề'

8[8] 'Thử ước trang nghiêm tiêu tướng, dĩ chương Phật đức hồng danh'

9[9] "trì bát" còn gọi là "thác bát" nghĩa là ôm bình bát đi khất thực. 'Bát' (patta, phiên âm là Bát đa la, dịch nghĩa là ứng lượng khí (dụng cụ chứa đựng vừa đủ). Ngày xưa các vị tăng đi khất thực chỉ được đi tới bảy nhà mà thôi, nếu đi hết bảy nhà mà vẫn chưa đủ thì phải trở về.

Nhưng chư vị phải biết, áo người Ấn Độ là cả một miếng vải lớn quấn trên mình, khi họ mặc cũ rồi, rách rồi, bỏ đi xong, người xuất gia lượm về, trong đó có những chỗ còn dùng được, cắt bỏ đi những chỗ rách, cứ như vậy cắt những khúc vải lành từ nhiều miếng áo rách rồi ghép những miếng vải này thành một chiếc y, do đó y này cũng gọi là Ca Sa. Vì các khúc vải khác nhau, màu sắc khác nhau cho nên sau khi ghép lại nhuộm màu thành y Ca Sa. Từ đây có thể biết ý nghĩa thật sự của Ca Sa là tùy duyên chứ chẳng chấp tướng, quần áo, ăn uống, chỗ ở đều tùy duyên, tuyệt đối chẳng kén chọn. Lúc đức Phật còn tại thế, quần áo, thức ăn, chỗ ở trong sanh hoạt thường ngày đều vô tâm, vô tâm tức là không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước, mọi người cúng dường cái gì cũng được, hết thảy đều dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để đối xử, như vậy mới đúng.

'Tràng' có nghĩa là cao hiển (rõ rệt), đây là thể hiện ý nghĩa về mặt pháp. Thái độ trong sanh hoạt của nhà Phật, nói rõ với hết thảy chúng sanh trong thế gian, đây là tự hành dạy người, dạy mọi người trong sanh hoạt đừng nên chấp trước quá mức, đừng nên tham muốn, hưởng thọ quá mức, khi bạn có thể hết thảy đều tùy duyên thì tâm bạn sẽ thanh tịnh, vô cùng tự tại, trong đó thật sự sung sướng. Nếu đòi hỏi yêu cầu quá mức thì sẽ khổ lắm, đời sống của họ sẽ là đời sống rất khổ, dù giàu sang cũng là khổ. Cho nên người biết đủ, hết thảy đều không yêu cầu đòi hỏi, hết thảy đều tùy duyên, dù nghèo hèn thì họ cũng vui sướng, đời sống của họ sẽ là đời sống sung sướng. Từ điểm này có thể biết khổ hay vui đều ở tại một niệm, hết thảy đều tùy duyên thì làm sao không tự tại? Làm sao không vui sướng?

Cho nên dụng ý của chiếc Ca Sa này rất sâu sắc. Nhưng hiện nay dù [một vị xuất gia] đắp ca sa đi khắp mọi nẻo đường người ta cũng không biết, không hiểu ý nghĩa này, người đời xưa hiểu được, vừa nhìn thấy Ca Sa thì họ liền giác ngộ, họ có thể đè nén hết thảy tâm tham nhiễm trong thế gian, đều có thể đè nén xuống. Người hiện nay không biết, không hiểu, đây là vì Phật pháp được hoằng dương quá ít, người thế gian hiểu lầm rất lớn đối với Phật pháp. Việc này chính là việc mà đệ tử Phật trong thời đại ngày nay phải nên nỗ lực, tận hết tâm lực để tuyên dương Phật pháp, làm cho xã hội đại chúng đối với nền giáo dục của đức Phật có một sự thấu hiểu chính xác, khẳng định trở lại, đây là bổn phận, công tác của chúng ta. Khi chúng ta làm hoàn hảo việc này thì cuộc đời của chúng ta mới có ý nghĩa, mới có giá trị. Cho nên công đức 'nghe đến danh hiệu của đức Phật này thì sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp', trong đó bao hàm ý nghĩa tự hành hóa tha, công đức vô lượng. Vị Phật sau cùng:

Hựu ư quá khứ hữu Phật xuất thế hiệu Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Nhược hữu nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh giả, thị nhân đắc ngộ hằng hà sa Phật, quảng vi thuyết pháp, tất thành Bồ Đề.

Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này, thì người ấy sẽ được gặp Hằng hà sa chư Phật quảng thuyết giáo pháp cho và tất thành Đạo Bồ Đề.

Sơn Vương tức là núi Tu Di, trong một thế giới, một vùng, núi Tu Di được gọi là Diệu Cao Sơn, Tu Di là tiếng Phạn, ngọn núi cao nhất trong vùng đó được gọi là núi Tu Di, núi Tu Di của vùng đó. Ở thế gian này, núi cao nhất trong thế giới này được gọi là núi Tu Di. Thế nên Tu Di chẳng phải chỉ một núi nào cố định, phải coi phạm vi của nó. Nếu nói về thế giới Sa Bà, núi Tu Di ở thế giới Sa Bà rất cao, đó là núi cao nhất trong thế giới Sa Bà. Thông thường thì địa cầu chúng ta gọi là châu Diêm Phù Đề, ngọn núi cao nhất trên địa cầu là núi Tu Di của châu Diêm Phù Đề. Sơn Vương là chỉ ngọn núi

cao nhất. 'Đại Thông' hình dung sơn vương, vị sơn vương này cao lớn, 'thông' là thí dụ, nếu từ ý nghĩa tiêu biểu pháp mà nói về 'đại' và 'thông', trang 146 trong cuốn Chú Giải, từ giữa hàng thứ ba có nói 'Đại Thông là nhân Bát Nhã, Sơn Vương là quả báo thân, bốn trí cứu cánh trang nghiêm', đây là nói từ sự tiêu biểu pháp.

Trong kinh đức Phật nói núi Tu Di do bốn thứ báu hợp thành, dùng tứ bảo ví cho tứ trí, tứ trí là 'Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí'. Tứ Trí hợp thành Bát Nhã, ý tứ này đã tỏ rõ 'chuyển tám thức thành bốn trí' rất rõ ràng, bốn trí là núi Tu Di, bốn trí ấy vừa Đại vừa Thông, vừa Vô Chướng Ngại. Thành tựu bốn trí Bồ Đề ấy thì bốn trí Bồ Đề chính là Bát Nhã Ba La Mật Đa. Sơn Vương là quả báo, ví cho báo thân của Phật, chúng ta hiểu ba thân của Phật tức là một thân, một thân cũng tức là ba thân. Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân là một, một mà là ba, ba mà là một, ý tứ này rất sâu rất rộng. Từ đó có thể biết đức hiệu của một vị Phật nói về sự tu nhân chứng quả, nhân là tu tứ trí, quả nhất định sẽ là chứng Báo Thân. Vì Báo Thân Phật là do trí huệ thành tựu, Pháp Thân là tự tánh vốn có đủ, Báo Thân là do trí huệ tu thành, cho nên 'nếu có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này', thì sẽ 'được gặp Hằng hà sa chư Phật, quảng thuyết giáo pháp cho', tương ứng với ý nghĩa này.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 34 (Số 14-12-34)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 146, xin xem kinh văn:

Hựu ư quá khứ hữu Tịnh Nguyệt Phật, Sơn Vương Phật, Trí Thắng Phật, Tịnh Danh Vương Phật, Trí Thành Tựu Phật, Vô Thượng Phật, Diệu Thanh Phật, Mãn Nguyệt Phật, Nguyệt Diện Phật, hữu như thị đẳng bất khả thuyết Phật'

Lại về thuở quá khứ có đức Tịnh Nguyệt Phật, đức Sơn Vương Phật, đức Trí Thắng Phật, đức Tịnh Danh Vương Phật, đức Trí Thành Tựu Phật, đức Vô Thượng Phật, đức Diệu Thanh Phật, đức Mãn Nguyệt Phật, đức Nguyệt Diện Phật, và bất khả thuyết đức Phật như thế.

Ở đây Địa Tạng Bồ Tát giới thiệu cho chúng ta mười vị Phật xong, lại nói tiếp chín vị. Sau cùng nói với chúng ta như lời ngài nói về số những vị Phật này đều là vô lượng vô biên, chẳng thể bàn. Đây là để dạy cho chúng ta phải xưng niệm danh hiệu chư Phật, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Thông thường chúng ta chỉ khen ngợi riêng đức Phật A Di Đà, công đức của danh hiệu Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, thiệt ra đức hiệu của mỗi vị Phật đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng khác gì đức Phật A Di Đà, đó mới thật sự làm nổi bật điều mà Phật pháp thường nói 'pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp', cho nên xưng niệm bất cứ danh hiệu của một vị Phật nào đều có thành tựu như nhau. Thế Tôn trong những danh hiệu này, đặc biệt giới thiệu A Di Đà Phật cho chúng ta, nguyên nhân này là ở chỗ nào? Nhà Phật thường nói 'Phật chẳng độ người vô duyên', tuy trên Lý là bình đẳng, nhưng trên Sự thì vẫn có sai khác, sai khác ở duyên phận, cũng giống như lời Thiện Đạo đại sư 'đều vì gặp duyên sai khác', do đó sự thành tựu của chúng ta sẽ không giống nhau. Lại nữa, A Di Đà Phật có duyên phận đặc biệt với chúng ta, trong các Bồ Tát thì Quán Thế Âm Bồ Tát, trong các vị Phật thì đức Phật A Di Đà [là hai vị] có duyên phận sâu đậm phi thường đối với thế giới Sa Bà chúng ta.

Có duyên phận vả lại có duyên rất sâu đậm thì cảm ứng sẽ rất nhanh, vô cùng nhanh chóng và sâu đậm, đây là nguyên nhân đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu cho chúng ta.

Thanh Liên pháp sư có chú giải danh hiệu của chín vị Phật này, chư vị có thể tham khảo. Nói tóm tắt 'Tịnh Nguyệt Phật', Tịnh nghĩa là thanh tịnh, Nguyệt là ánh trăng, ánh trăng thanh tịnh ban đêm, chẳng có ai không ưa thích, đặc biệt là hiện nay chúng ta gần đến Trung Thu, ánh trăng trung thu hiện ra đặc biệt thanh tịnh, giống như câu nói 'tiết Thu trong lành'. Ví dụ như pháp thân Phật quang minh chiếu khắp, kinh Hoa Nghiêm nói danh hiệu của pháp thân Phật gọi là Tỳ Lô Giá Na, đây là Phạn ngữ, ý nghĩa là 'Biến Nhất Thiết Xứ' (Biến trọn hết khắp mọi nơi), pháp thân đích thật là biến khắp hết thảy nơi chốn. Từ đó có thể biết tận hư không, trọn khắp pháp giới cùng một pháp thân, đây là như trong kinh luận thường nói 'thập phương tam thế Phật, có cùng một pháp thân'. Nếu bạn có thể hiểu rõ 'cùng một pháp thân' thì sau đó mới biết trọn hư không, khắp pháp giới đều là chính mình, là một cái thể hoàn chỉnh, cảnh giới này trong Đại Thừa pháp gọi là Viên Mãn đại giác, họ đích thật hiểu rõ, nhận biết hư không pháp giới đều là chính mình, thiên địa vạn vật đều là chính mình, là tướng phần của chính mình, pháp thân, pháp giới là bản thể của chính mình. Quang minh chiếu khắp chính là trí huệ chiếu khắp, tâm thức biến khắp rộng lớn, tác dụng rộng khắp, sau khi nhập vào cảnh giới này trong hư không pháp giới, trong pháp giới có quá khứ, có vị lai chẳng nơi nào không hiện thân, đều là tùy loại hiện thân, đạo lý là ở chỗ này. Chú giải chỗ này cũng rất hay, chú giải ghi 'tùng chân thùy ứng' (từ Chân Thân (Pháp Thân) mà hiện ra Ứng Thân), 'chân' là Pháp Thân, 'ứng' tức là Báo Thân và Ứng Hóa Thân; chân thân chẳng có hình tướng, chẳng phải là vật chất, Ứng Hóa Thân có hình tướng, Báo Thân cũng kể là Ứng Thân. Chúng ta nói phạm vi rộng thêm một chút, từ Thể khởi Dụng, Báo Thân là tự thọ dụng, cùng thọ dụng với Địa Thượng Bồ Tát, Ứng Hóa Thân là vì chúng sanh ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, là vì tha thọ dụng, cho nên Ứng Hóa Thân hoàn toàn là tha thọ dụng, chẳng phải là tự thọ dụng, tự thọ dụng là Báo Thân. Thế nhưng Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân là một mà ba, ba mà là một. Câu cuối nói rất hay 'đó là ba thân một thể', 'Tịnh Nguyệt' ví dụ cho ba thân một thể.

Vị thứ hai 'Sơn Vương Phật', 'Sơn Vương' hình dung Báo Thân của Phật như núi lớn, vương nghĩa là lớn nhất, chúng ta thường gọi núi lớn nhất trong các núi là Tu Di Sơn Vương. Thông thường là nói về Báo Thân của Phật, trong kệ tán Phật chúng ta tán thán A Di Đà Phật 'A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân', quý vị hãy nghĩ về cảnh giới này 'Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di', bạn hãy nghĩ coi thân này bao lớn, Bạch Hào là hai sợi lông chính giữa hai chân mày quấn tròn vào nhau, bao lớn? Lớn bằng năm ngọn núi Tu Di vậy, bạn hãy nghĩ thân tướng của vị Phật này bao lớn? Địa cầu chúng ta chẳng dung chứa nổi, cho nên trong pháp tướng trang nghiêm của đức Phật thì địa cầu chỉ là một sợi lông mày mà thôi, đức Phật có thể hiện thân tướng lớn như vậy nên xưng là Sơn Vương Phật. Đây là lời tán thán Phật, cũng tỏ rõ thần thông, năng lực của Phật rất thù thắng, có thể hiện thân lớn như vậy.

Vị thứ ba 'Trí Thắng Phật', 'Trí' là hết thảy chủng trí. Trong Phật pháp có ba thứ Trí, 'Nhất Thiết Trí', trong Chú Giải trích dẫn 'Đại Phẩm Bát Nhã', 'Tát Bà Nhã' tức là 'Nhất Thiết Trí', Nhất Thiết Trí là trí huệ của người Nhị Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác chứng được. Nhất Thiết Trí là gì? Biết Không, vạn pháp đều là không. Người Tiểu Thừa hiểu đạo lý này, họ nhận biết được, do đó họ trụ ở Thiên Chân Niết Bàn, họ trụ Không. Đây là Lý của hết thảy pháp, đó chẳng phải là Sự, mà là Lý. Lý là không. Chư vị nhất định phải hiểu rõ cái Không này chẳng phải là tánh Không, họ hiểu rõ lý của vạn sự vạn pháp là Không, hết thảy pháp đều do nhân duyên sanh khởi, trọn chẳng thể

được, do đó người Nhị Thừa tâm địa rất thanh tịnh vì họ biết chân tướng của hết thảy pháp, chân tướng trên mặt Lý. 'Đạo Chủng Trí là Bồ Tát Trí', 'Đạo' là lý luận, 'Chủng' là "chủng chủng" (đủ mọi thứ), là nói trên mặt Sự, do đó Bồ Tát tiến bộ hơn Nhị Thừa rất nhiều. Lý Sự của người Nhị Thừa chẳng thể viên dung, cũng như trong kinh Hoa Nghiêm có nói, Lý Sự của họ có chướng ngại, Lý Sự có chướng ngại thì đương nhiên Sự Sự cũng có chướng ngại, họ trong cảnh giới này, Lý của người Nhị Thừa chẳng có chướng ngại, nhưng Lý hợp với Sự thì có chướng ngại. Trí huệ của Bồ Tát thì cao hơn, Lý và Sự đều có thể viên dung, có thể Lý Sự vô ngại. Trong pháp giới Tứ vô ngại họ đạt được ba thứ 'Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại', đây là Đạo Chủng Trí, Chủng là "chủng chủng" (đủ mọi thứ). 'Nhất Thiết Chủng Trí', đã viên mãn chứng được hết 'Tứ vô ngại', không những Lý Sự vô ngại, Sự Sự đều vô ngại, do đó mới gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. 'Nhất thiết' tức là Nhất Thiết Trí nói ở trên, 'Chủng Trí' tức là Đạo Chủng Trí mà Bồ Tát chứng được, 'Nhất Thiết Trí' và 'Đạo Chủng Trí' chẳng hai, có thể dung hòa với nhau nên gọi là 'Nhất Thiết Chủng Trí'. Nhất Thiết Chủng Trí là nơi Như Lai chứng được trên quả địa, Trí này rất thù thắng, vượt trội Nhị Thừa, Bồ Tát, cho nên xưng là Trí Thắng Phật.

Vị thứ tư 'Tịnh Danh Vương Phật', Tịnh là thanh tịnh, Vương là ví dụ tự tại. Thời xưa chỉ có nhà vua mới có thể phát ra hiệu lịnh, hết thảy nhân dân đều phải nghe theo, người phải nghe theo kẻ khác không được tự do, người phát ra mệnh lệnh tự do, cho nên xưng là Vương. Trong kinh Phật, chữ Vương có nghĩa là tự do, tự tại, có thể tự làm chủ. Tịnh Danh là thanh tịnh, đã đoạn phiền não, liễu thoát sanh tử nên được thanh tịnh. Siêu việt lục đạo luân hồi, siêu việt thập pháp giới. Trong kinh nói 'ngũ trụ, nhị tử tịnh tận', viên mãn thanh tịnh; ngũ trụ là phiền não, nhị tử là hai thứ sanh tử, đó là 'Phần Đoạn sanh tử, Biến Dị 10[10]sanh tử'. Phần Đoạn sanh tử là nói từ trên Tướng, nếu chúng ta nói một cách tổng quát, thô thiển một chút thì mọi người đều có thể hiểu, thân thể này của chúng ta từ khi sanh ra đến khi chết đi là một giai đoạn, giai đoạn này gọi là Phần Đoạn sanh tử, nói như vậy thì mọi người dễ hiểu. Thật ra Phần Đoạn sanh tử đâu phải chỉ nói về cả đời người, chư vị hãy suy nghĩ, cứ kể một năm là một giai đoạn, một năm trôi qua, một năm này kể như đã chết đi (tử), năm tới kể như sanh. Lại quán sát cặn kẽ hơn nữa, mỗi tháng đều có sanh tử, mỗi ngày đều có sanh tử, hiện tượng này thuộc về Phần Đoạn sanh tử. Phần Đoạn sanh tử nói đến cùng cực là sát na sanh diệt, sát na sanh diệt là Phần Đoạn sanh tử, đây là nói trên mặt Tướng.

Biến Dị sanh tử chẳng nói từ Tướng, nói thật ra Biến Dị chẳng có sanh tử, vậy thì tại sao lại gọi là Biến Dị sanh tử? 'Biến Dị' có khổ, 'sanh tử' có nghĩa là khổ. Chúng ta dùng Pháp Thân Đại Sĩ của kinh Hoa Nghiêm để nói, họ đã hết Phần Đoạn sanh tử, giống những người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, ai nấy đều vô lượng thọ, người nào cũng được thân kim cang bất hoại, nhưng họ còn Biến Dị sanh tử. Từ đâu nhìn thấy có Biến Dị sanh tử? Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm đều là Biến Dị. Bạn từ Hạ Phẩm chuyển lên Trung Phẩm, từ Trung Phẩm chuyển lên Thượng Phẩm, như vậy gọi là Biến Dị, cảnh giới của bạn không ngừng nâng cao lên. Hoa Tạng thế giới nói trong kinh Hoa Nghiêm, những Pháp Thân Đại Sĩ này chẳng còn Phần Đoạn sanh tử nhưng trong kinh có nói họ vẫn còn bốn mươi mốt địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác mỗi lần tăng lên một địa vị là một lần Biến Dị. Sự Biến Dị này đòi hỏi họ dụng công tu hành, sự tu hành đó gọi là 'sanh tử', tu rất khổ, họ phải tu hành, phải dụng công mới có thể nâng cao cảnh giới của mình, cho nên Biến Dị đích thật chẳng phải sanh tử. Vì họ phải nâng cao cảnh giới của họ nên họ phải hết lòng nỗ lực tu học, tu học là một việc khó nhọc, chúng ta ví dụ như sanh tử. Cho nên cả hai thứ sanh tử

10[10] Biến Dị nghĩa là thay đổi, biến đổi, đổi khác.

này đều đoạn dứt, đó là địa vị gì? Quả vị Như Lai, Phật quả trong Viên Giáo. Làm sao biết được? Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm Sanh Tướng Vô Minh chưa phá, cho nên vẫn còn một lần Biến Dị sanh tử, đến quả vị Như Lai thì hoàn toàn không còn nữa. Cho nên danh hiệu Tịnh Danh Vương Phật, chúng ta sẽ thấy đó là quả vị Phật cứu cánh viên mãn trong Viên Giáo mới xứng với danh hiệu này.

Vị thứ năm 'Trí Thành Tựu Phật', ý nghĩa của danh hiệu này là đem lại lợi ích cho chúng sanh, giống như danh hiệu Tịnh Danh Vương Phật hoàn toàn xây dựng từ 'tự lợi, đoạn phiền não, đoạn và chứng'. Trí Thành Tựu là nói từ việc độ hóa chúng sanh. Trí là trí huệ, 'hai trí Quyền và Thật', trong kinh Bát Nhã nói đến Bát Nhã Vô Tri, Vô Tri là Căn Bản Trí, tại sao nói trí đó Vô Tri? Nó không khởi tác dụng, chẳng có tác dụng. Chẳng khởi tác dụng thì tại sao gọi đó là Căn Bản Trí? Vô Tri chính là Căn Bản Trí, Vô Tri chẳng có nghĩa là không có trí huệ, nếu thấy trong kinh nói 'Bát Nhã Vô Tri' rồi cho rằng đó là hoàn toàn không có trí huệ thì bạn đã hiểu sai rồi. Vô Tri nghĩa là thật sự có trí huệ, trí huệ chẳng khởi tác dụng, là có ý nghĩa như vậy. Người đó đối với vạn sự vạn pháp Tánh, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả chẳng có gì là không rõ ràng, chẳng có gì là không hiểu rõ, nhưng cảnh giới của họ là 'như như chẳng động', chúng ta thường gọi là không dấy khởi tâm niệm, không phân biệt, không chấp trước, trong trạng thái như vậy thì gọi là Vô Tri. Lúc họ khởi tác dụng, khởi tác dụng gì? Giáo hóa chúng sanh, giải đáp câu hỏi của chúng sanh, đến lúc đó mới tỏ rõ 'vô sở bất tri' (chẳng có gì là không biết), cho nên 'vô sở bất tri' gọi là 'Quyền Trí', trong Phật pháp thường gọi là thiện xảo phương tiện. Thiện xảo phương tiện thuộc về sự ứng dụng của trí huệ, lúc ứng dụng thì chẳng có gì là không biết, do đó 'vô sở bất tri' chính là biểu hiện của 'Vô Tri', chúng ta phải hiểu rõ hai câu này trong kinh Bát Nhã, tuyệt đối không thể hiểu lầm. Cho nên 'Vô Tri' là tự thọ dụng 11[11], 'Vô sở bất tri' là tha thọ dụng (sự thọ dụng của kẻ khác)

Chư Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới, trong sáu nẻo giáo hóa hết thảy chúng sanh, bất luận hiện thân tướng gì, điểm này chúng ta phải ghi nhớ, Phật chẳng có thân tướng, Pháp Thân chẳng có thân tướng, thân tướng đều là tùy loại mà hiện. Không những Ứng Hóa Thân là tùy loại mà hiện, Báo Thân cũng tùy loại mà hiện. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta nhìn thấy được Báo Thân Phật, Lô Xá Na Phật. Ở Cực Lạc thế giới nhìn thấy A Di Đà Phật, Báo Thân cũng tùy loại mà hiện. Lô Xá Na Phật ở tại Hoa Tạng thế giới, độ bốn mươi mốt vị Pháp Thân Đại Sĩ; A Di Đà Phật ở tại tây phương Cực Lạc thế giới độ những Bồ Tát ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, từ điểm này chúng ta có thể nhận biết Báo Thân cũng là tùy loại mà hiện, chữ 'loại' ở đây là chỉ Pháp Thân Đại Sĩ. Đức Phật nói với chúng ta có vô lượng vô biên thế giới, chư Phật Như Lai vô lượng vô biên, từ danh hiệu Phật mà xem thì chúng ta biết được có nhiều Phật như vậy. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chuyên giới thiệu danh hiệu của mười phương chư Phật cho chúng ta, chư vị có lẽ đã đọc qua kinh Vạn Phật Danh, Thế Tôn tùy tiện nói với chúng ta bèn nói ra trên một vạn hai ngàn danh hiệu Phật, danh hiệu của chư Phật trong hư không pháp giới nói chẳng hết, cho dù đức Phật Thích Ca Mâu Ni mỗi ngày nói với chúng ta, nói cả kiếp cũng nói chẳng hết. Nói rõ Báo Thân của Phật không phải chỉ có

11[11] Tự thọ dụng là nói về bản thể của trí ấy, tuy là "Vô tri" nhưng không phải là không hay biết gì, biết nhưng không chấp trước, không vướng mắc nên biết mà như không biết, tâm tánh vắng lặng, như như bất động. Đấy là bản thể thường hằng (thường được diễn tả bằng chữ Tịch) nên gọi là Tự Thọ Dụng. Từ bản thể Tịch ấy, không gì chẳng biết, tùy duyên biến hiện, nên gọi là Tha Thọ Dụng (cho người khác được hưởng dụng), chẳng hạn khi có người đến hỏi, từ Nhất Thiết Chủng Trí đức Phật sẽ trả lời không cần phải vận dụng suy nghĩ, chỉ là từ bản thể lưu lộ ra câu trả lời khiến cho người hỏi được hiểu đạo, phá mê khai ngộ nên người ấy được thọ dụng tác dụng huyền diệu nơi tự tánh của đức Phật, vì thế gọi là Tha Thọ Dụng.

một, tùy theo trạng huống khác biệt ở mỗi thế giới, vì Pháp Thân Đại Sĩ mà hiện. Nếu hiện cho những phàm phu ở Phương Tiện Độ, Đồng Cư Độ thì là Ứng Hóa Thân. Đây là Trí Thành Tựu Như Lai.

'Vô Thượng Phật', 'Vô Thượng' là danh xưng tôn trọng đến cùng cực. Những lời ghi trong Chú Giải rất hay "Kẻ có cái để đoạn gọi là Hữu Thượng Sĩ, đã không có gì để đoạn thì gọi là Vô Thượng vậy" 12[12], cách giải thích này rất viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát còn có sở đoạn, vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh để đoạn, nên gọi là Thượng Sĩ, không thể gọi là Vô Thượng, ngài vẫn còn chỗ để đoạn. Đến quả vị Như Lai thì không còn gì để đoạn nữa, những gì phải đoạn đều đã đoạn sạch, chẳng còn chỗ để đoạn nên gọi là Vô Thượng, do đó Vô Thượng cũng là tôn xưng của quả vị Phật cứu cánh.

Diệu Thanh Phật, [Diệu Thanh] là tán thán âm thanh của Phật vi diệu, viên mãn, 'Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều được hiểu', đó gọi là vi diệu, âm thanh của Phật thuyết pháp vui tai nên gọi là mỹ diệu. Sự mỹ diệu, vi diệu này từ đâu mà có? Từ tâm tánh tự nhiên tuôn chảy ra, điểm này chúng ta phải hiểu, phải ghi nhớ, phải học tập. Tâm địa của bạn chân thành thì lời nói của bạn sẽ chân thành, tâm bạn thanh tịnh thì dung mạo, âm thanh của bạn sẽ thanh tịnh. Do đó có thể biết người xưa thường nói *'lòng thành ở bên trong biểu lộ ra hình tướng bên ngoài' 13**[13]***, câu này là thật chẳng giả. Tâm của bạn vi diệu thì tướng mạo, âm thanh của bạn cũng vi diệu; tâm bạn chân thiện mỹ thì dung mạo, âm thanh bạn sẽ hiện ra chân, thiện, mỹ; âm thanh, dung mạo là biểu lộ bên ngoài, đó là tự tánh tỏ lộ, nếu bạn muốn có tướng tốt thì tâm của bạn phải tốt, nếu tâm không tốt mà muốn có tướng tốt, chẳng có đạo lý như vậy, có sửa đổi cách mấy cũng uổng công!

Trong kinh đức Phật thường nói 'tướng tùy tâm chuyển', không những thân thể, dung mạo chúng ta tùy tâm chuyển, mà núi sông, đại địa nơi chúng ta nương nhờ để sinh sống cũng chuyển theo tâm của mình. Cho nên tâm tốt thì không những tướng mạo tốt, tướng tốt là có phước, người đó có tướng phước đức, chỗ người đó ở cũng có phước, 'phước địa thì người có phước ở, người có phước cư trú ở nơi phước đức' 14[14], ngay cả đất cũng có phước nữa. Đất làm sao có phước? Đất cũng chuyển theo tâm. Nếu tâm tà vạy, ác độc thì tướng của người đó cũng tà ác, núi sông đại địa chỗ họ cư trú cũng tà ác, đạo lý này rất đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa. Rất nhiều người nói hiện nay địa cầu đã bị bịnh rồi, trạng thái sanh hoạt hoàn cảnh thay đổi quá lớn thì làm sao nó không bịnh cho được? Làm sao bất bình thường như vậy? Bạn hãy suy nghĩ về những đạo lý mà đức Phật đã dạy, tâm tánh con người chẳng bình thường. Đặc biệt là những năm gần đây, chúng ta thường đi du lịch khắp nơi trên thế giới, chúng ta tiếp xúc đến một số người, sự, vật, phát hiện tâm người chao động không yên, ngay cả một sự kích thích rất nhỏ cũng chẳng chịu nổi, vừa gặp một chuyện gì không hợp ý thì liền nổi giận, như vậy là chẳng bình thường. Do đó âm thanh, dung mạo, thể chất của họ có nhiều bịnh, chẳng bình thường. Lại ảnh hưởng tới hoàn cảnh cư trú của họ, hoàn cảnh cũng chẳng bình thường, chúng tôi đã báo cáo tường tận đạo lý của việc này cho quý vị ở đoạn trước. Dùng cách nói của các nhà khoa học thì nguyên lý của nó là 'làn sóng'; tà tri, tà kiến, tà hạnh có làn sóng rất xấu, những làn sóng này ảnh hưởng thế giới vật chất, ảnh hưởng đến sự thay đổi của địa cầu, thậm chí ảnh hưởng đến sự vận hành của địa cầu trong không gian, ảnh hưởng đến quỹ đạo, tốc độ, do đó sanh ra những biến hóa rất lớn trên địa cầu. Khoa học gia còn chưa phát hiện được những quan hệ liên đới

---

12[12] 'sở hữu đoạn giả danh hữu thượng sĩ, ký vô sở đoạn danh vô thượng hỹ'

13[13] *(thành ư trung nhi hình ư ngoại)*

14[14] *(phước địa phước nhân cư, phước nhân cư phước địa)*

này, nhưng trong kinh đức Phật đã nói rất rõ ràng, thấu suốt rồi, 'tướng chuyển theo tâm, cảnh chuyển theo tâm'.

Ngày nay có nhiều người phát hiện trạng thái [địa cầu] bị tàn phá nghiêm trọng nên cực lực đề xướng gia tăng ý thức bảo vệ môi sinh, có thể thâu được kết quả hay không? Chúng ta hãy đứng ở một bên bình tĩnh quan sát, sẽ không thâu được kết quả. Nguyên nhân ở tại chỗ nào? Họ chỉ trị triệu chứng chứ không trị gốc bịnh, họ không biết sự biến đổi của hoàn cảnh tự nhiên, nguyên nhân căn bản là ở nơi tâm con người, họ chẳng biết điều này. Muốn thật sự làm việc bảo vệ môi sinh cho tốt đẹp, trước hết phải bảo vệ tâm thanh tịnh, tâm chân thành, từ bi của mình, như vậy mới có hiệu quả, mới là trị gốc bịnh. Trị cả gốc lẫn ngọn thì hiệu quả sẽ rất lớn, rất nhanh chóng; đáng tiếc là hiện nay các nhà khoa học không biết nguyên nhân căn bản. Đây là vì người hiện đại đam mê khoa học kỹ thuật, đam mê kinh tế của cải, sanh ra cái nhìn sai lệch, tạo thành hiện tượng môi sinh bất bình thường. Nhưng đức Phật nói rất hay, trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp, nên chúng ta muốn cứu chính mình cũng còn biện pháp, tuy là cứu vãn chính mình cũng phải có tâm nguyện chân thành giúp đỡ người khác, phải làm thật sự, còn việc làm được bao nhiêu thì đừng quan tâm đến. Tai nạn bức bách ở trước mắt, chúng ta cũng phải noi gương những người có tâm từ bi sâu nặng thời xưa, đã biết rõ không thể làm được nhưng vẫn cứ làm. Chẳng lo lắng cho mình, phải vì hết thảy chúng sanh, vì lợi ích, hạnh phúc của chúng sanh, hy sinh tánh mạng của mình cũng chẳng tiếc. Chúng ta vừa nói về hai loại sanh tử đều chẳng phải thật, không thể tham sống sợ chết, dốc hết tâm sức phục vụ chúng sanh, tạo phước lợi cho chúng sanh, tự nhiên sẽ cảm được chư Phật Như Lai gia trì, chư Bồ Tát thiện thần ủng hộ, vấn đề là chúng ta có chịu phát tâm hay không?

Nói thật ra, chẳng phải vì chúng ta có trí huệ, năng lực hay không, đó là thứ yếu, khi bạn có thể phát tâm chân thật, nếu trí huệ không đủ thì Phật, Bồ Tát sẽ gia trì, khả năng không đủ thì có một số thần hộ pháp sẽ giúp bạn. Nếu mọi người không tin, hãy nhìn cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Cư Sĩ Lâm thì sẽ hiểu rõ. Cư sĩ Lý là loại người này, không đủ trí huệ khả năng nhưng ông có thể phát tâm chân thật, ông được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, được long thiên, thiện thần ủng hộ, nên mới có thể làm được 'tâm tưởng sự thành'. Nhà Phật thường nói *'Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt có cảm ứng'*, ở đây chúng ta đã nhìn thấy. Tâm nguyện này của bạn là tâm thiện, chẳng tự tư, mà vì Phật pháp thường trụ nơi thế gian, vì giúp chúng sanh liễu sanh tử, vượt thoát tam giới, đắc độ thành Phật, tâm nguyện này chẳng khác [tâm nguyện] của chư Phật Như Lai, cho nên phát tâm nguyện này mới có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát, có cùng tâm cùng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với chư Phật, Bồ Tát, thì tự nhiên [các ngài] sẽ gia trì. Làn sóng của tâm bạn, nguyện của bạn, tư tưởng của bạn, tần số của làn sóng này giống như tần số sóng của chư Phật thì sẽ tiếp nối được, đây là đạo lý của việc Phật lực gia trì, cho nên mới giúp bạn được tâm tưởng sự thành.

Vị thứ tám là 'Mãn Nguyệt Phật', 'Nguyệt Diện Phật', ý nghĩa của chữ 'Nguyệt Diện' và 'Mãn Nguyệt' giống nhau, trong chú giải cũng nói đại ý hai vị Phật này giống nhau. 'Mãn Nguyệt', người Trung Quốc gọi là trăng ngày rằm, trong thiên văn gọi là 'Vọng', Sóc Vọng, trăng ngày rằm gọi là Mãn Nguyệt. Trong kinh Phật chúng ta thường thấy, trong kệ tán Phật có câu 'Gương mặt Phật thanh tịnh như trăng rằm'. Có người hỏi tôi: 'Pháp sư, mặt Phật tròn xoe có gì đẹp đâu?' Họ không hiểu được ý nghĩa chân chánh của câu này, cho nên 'nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa' vô cùng quan trọng. Mãn Nguyệt ví cho cái gì? Ví cho sự không khiếm khuyết, bạn nhìn thấy tướng tốt của Phật, bạn chẳng tìm ra một tí khuyết điểm gì cả, chứ không phải gương mặt của Phật tròn xoe, nghĩ vậy thì bạn hoàn toàn nghĩ sai rồi, cách giải thích này gọi là 'nhìn

chữ đoán ra ý nghĩa, ba đời chư Phật cũng kêu oan uổng'. Phật chẳng có ý này, 'mãn' là ví cho ý nghĩa viên mãn, chẳng có khiếm khuyết, đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu rõ. 'Nhìn chữ đoán nghĩa' thì sẽ hiểu sai, hiểu sai nên chẳng muốn học Phật nữa, vì học Phật thì tương lai sẽ thành Phật, sẽ biến thành [gương mặt tròn xoe] rất khó coi, họ chẳng học Phật nữa. Do đó phải hiểu rõ ý nghĩa chân thật của nó, chữ này có nghĩa là viên mãn, chẳng khiếm khuyết. Tại sao Phật là viên mãn? Tại sao không khiếm khuyết?

Đức Phật đã chứng được tự tánh viên mãn, cho nên [những gì ngài] biểu lộ ra ngoài đều viên mãn, kinh này trong đoạn mở đầu liền nói với chúng ta về 'Đại Viên Mãn', đây là việc chúng ta phải ghi nhớ. Kinh văn này ở chỗ nào? Chúng ta hãy tìm xem, trong cuốn Khoa Chú, quyển thượng, trang 13, câu mở đầu: "Bấy giờ, Như Lai mỉm cười, phóng ra trăm ngàn vạn ức vầng mây sáng rỡ lớn" 15[15], câu này là nói tóm tắt. Sau đó, nói với chúng ta mười loại, ý nghĩa tiêu biểu pháp của 'mười' giống như chữ 'mười' trong kinh Hoa Nghiêm. 'Viên mãn, từ bi, trí huệ, Bát Nhã, Tam Muội, kiết tường, phước đức, công đức, quy y, tán thán', đây là vô tận pháp môn, bao gồm cả những việc li ti trong đời sống chúng ta, chẳng có một thứ nào không đẹp đẽ, chẳng có thứ nào bị khiếm khuyết, vậy mới gọi là viên mãn. Ngày nay chúng ta nói bao quát, đời sống, công việc của chúng ta, mỗi ngày chúng ta tiếp xúc với bên ngoài, tiếp xúc hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, đều là chân, thiện, mỹ, huệ đến mức viên mãn, như vậy mới được gọi là đại viên mãn. Cũng giống như trong kinh có nói mười thứ viên mãn. Mười thứ này trong từng ly từng tí của đời sống chúng ta, bất cứ một chút nào cũng đầy đủ, viên mãn, như vậy mới được gọi là "Trăng Tròn', mới gọi là không có khiếm khuyết. Đức Phật đã làm được, Bồ Tát tuy cũng làm nhưng chẳng rốt ráo bằng Phật. Nói cách khác mức viên mãn của Bồ Tát cũng chưa thể gọi là đại viên mãn, đây là việc chúng ta phải học. Chúng ta đối với đời sống, sanh hoạt của Phật, Bồ Tát có thể nói là rất hâm mộ, vô cùng mong mỏi, có thể làm được không? [Dĩ nhiên là] có thể. Phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ trong tâm. Nói cách khác bạn có thể đem mười thứ viên mãn này thực hiện trong tâm của bạn là được.

Tịnh Tông Học Hội chúng ta cũng đề ra mười điều, ngay trong hoàn cảnh sanh hoạt của chúng ta, chúng ta đề ra nguyên tắc 'Giữ tâm niệm', trong đời sống hằng ngày chúng ta dùng tâm gì? 'Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi', chúng ta phải dùng tâm này. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm trái nghịch với năm điều này thì hãy mau sửa đổi trở lại, [đó gọi là] tu tâm. Đó gọi là tu từ căn bản, phải dụng công từ chỗ này. Lúc tiếp xúc với quảng đại quần chúng trong đời sống hằng ngày, và cũng là tu từ trên Sự, tu từ trên Tướng, chúng ta nắm vững 'Nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên', nắm vững bốn nguyên tắc này, và dùng 'niệm Phật' làm chỗ quy y rốt ráo, 'đại quy y' trong 'vầng mây sáng rỡ', đại quy y của chúng ta là 'niệm Phật'. Như vậy mới có thể cải thiện đời sống của chúng ta, nâng cao đời sống phàm phu của chúng ta lên đến đời sống của chư Phật, Bồ Tát, chẳng nói phải sửa đổi cách thức sinh sống của chúng ta, chư vị nhất định phải hiểu rõ điểm này, tuyệt đối chẳng nói chúng ta phát tài, thăng quan, nếu bạn nghĩ như vậy thì sai rồi. Nghèo hèn thì vẫn sống đời sống nghèo hèn, giàu sang thì vẫn sống đời sống giàu sang, như vậy thì rốt cuộc là thay đổi ở chỗ nào? Thay đổi trong tâm, thay đổi trên quan niệm, sau khi thay đổi rồi thì cách suy nghĩ, cách nhìn hoàn toàn khác hẳn với phần đông người ta, bạn thật sự hiểu được sang hèn chẳng hai, giàu nghèo chẳng hai, thậm chí Phật và chúng sanh chẳng hai, Lý Sự chẳng hai, Tánh và Tướng chẳng hai, bạn nhập vào pháp môn Bất Nhị. Nhập vào pháp

---

15[15] 'Thị thời Như Lai hàm tiếu, phóng bá thiên vạn ức đại quang minh vân'

môn Bất Nhị là cảnh giới gì? Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới là đời sống của chư Phật Như Lai.

Bồ Tát thị hiện nơi cõi người chúng ta, không phải Bồ Tát nào cũng thị hiện làm người giàu sang. Có rất nhiều Phật, Bồ Tát thị hiện làm người ăn mày, làm người làm công, các ngài nhập Bất Nhị pháp môn, các ngài hết sức tự tại. Trong lịch sử Phật giáo được ghi lại, phần đông chư vị đều biết Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát hóa sanh đến. Họ sống cuộc đời ra sao? Đời sống như thế nào? Căn cứ theo sách vở thì [họ sống] lôi thôi, lếch thếch, điên điên, khùng khùng, đồ vật dơ dáy gì cũng ăn, chẳng để ý tới vệ sinh. Phần đông chúng ta coi đó là người ăn mày, [nhưng] họ lại sống cuộc đời Phật, Bồ Tát, họ sống cuộc đời nơi Nhất Chân pháp giới.

Vào những năm đầu Dân Quốc, có lẽ chư vị đồng tu đều biết vị Phật sống Kim Sơn, danh hiệu của ngài là Diệu Thiện, giống tên của lão hòa thượng ở Phổ Đà Sơn hiện nay, Diệu Thiện pháp sư, người ta tôn xưng ngài là Phật sống Kim Sơn, ngài trụ ở chùa Kim Sơn, Trấn Giang. [Thoạt nhìn thì] ngài cũng điên điên khùng khùng, quanh năm suốt tháng chỉ mặc một chiếc áo khoác rách rưới, cả đời chưa từng tắm rửa. Thiệt là kỳ lạ, mùa hạ ngài cũng không cảm thấy nóng, mùa đông cũng không cảm thấy lạnh, chỉ mặc một chiếc áo, [tài sản] đồ vật gì cũng chẳng có, ngài sống rất thong dong, tự tại. Truyện ký có ghi, tôi coi trong cuốn Truyện Phật sống Kim Sơn do pháp sư Lạc Quán ở Đài Loan viết lúc trước. Ở Đài Loan có hai cuốn sách kể những câu chuyện của ngài, một cuốn do Chử Vân pháp sư viết, còn cuốn kia do Lạc Quán pháp sư viết. Cuốn của pháp sư Chử Vân không đáng tin mấy vì pháp sư Chử Vân chưa từng gặp [Phật sống chùa Kim Sơn], đều nghe người khác kể lại, Chử Vân pháp sư cũng chịu khó đi tìm, xin người ta kể lại chuyện [của Phật sống Kim Sơn] rồi chép lại thành sách. Còn pháp sư Lạc Quán đã từng cư trú cùng một chỗ với pháp sư Diệu Thiện, do đó cuốn do pháp sư Lạc Quán viết đáng tin hơn.

Pháp sư Lạc Quán nói người này là một người rất đặc biệt, ngày nay chúng ta gọi là người có công năng đặc biệt khác thường. Những thức ăn ngài ăn rất kỳ lạ, những vật dơ bẩn gì ngài cũng ăn, rác rưởi người ta liệng thì ngài lấy ăn, [tuy vậy] ngài chẳng sanh bịnh, người ta cúng dường tiền bạc cho ngài, ngài cũng nuốt tiền bạc vô bụng hết trơn. Chúng ta cũng biết giấy tiền rất dơ, vì có bao nhiêu tay người sờ mó vào, [tiền bạc gì đến tay] ngài đều nuốt vào bụng hết. Cả đời ngài chẳng tắm rửa, cũng chẳng thay quần áo, nhưng trên thân ngài có mùi thơm. Có một lần các tín đồ ép ngài đi tắm một lần, thật là hiếm có. [Ngài nói:] "Được rồi, quý vị ép buộc thì tôi phải tắm thôi". Nước ngài tắm có thể trị bịnh, những bịnh kỳ quái trị [bằng thuốc men] không hết nhưng vừa uống nước của ngài tắm xong là bịnh hết liền, rất giống với chuyện kể trong Tế Công Truyện. Các ngài sống đời sống trong Nhất Chân pháp giới chứ chẳng phải đời sống của phàm phu, tâm địa các ngài thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Nói thật ra chúng ta ba ngày không tắm thì cả mình bức rức khó chịu, cả đời ngài không tắm cũng tự tại như vậy, còn chúng ta một tuần không tắm là trên mình có mùi hôi, người khác chẳng dám đến gần [còn ngài thì khác], trên mình lại có mùi thơm. Do đó thân thể của ngài khác với chúng ta, bạn sẽ hỏi tại sao lại không giống nhau? Vì tâm không giống nhau, thân thể là vật chất, 'hiện tướng' gần với chúng ta nhất, tướng tùy tâm chuyển.

Cho nên mọi người hiểu được đạo lý này, chúng ta hiểu sự thật này [mới biết] tu tâm rất quan trọng. Tâm tốt thì tướng tốt, tâm tốt thì thân thể sẽ khỏe mạnh. Có tâm vì chúng sanh, vì xã hội thì rất tốt, vì chính mình thì sẽ không tốt. Đây là lời chư Phật xót lòng rát miệng, dùng muôn vạn lời nói để dạy dỗ chúng ta, chúng ta phải lắng lòng hiểu rõ, phải có thể y giáo phụng hành. Tu hành chẳng có gì khác ngoài việc có một tâm tốt, có một tâm chân thành. Kinh Vô Lượng Thọ ghi cương lãnh và mục đích của sự tu

hành trong đề kinh "Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác". Noi theo cương lãnh và mục đích này là được, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác tức là tâm Phật. Phía trước chữ Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, chúng ta thêm chữ Chân Thành, phía sau thêm chữ Từ Bi, như vậy rất tốt. Sợ có một số người mê hoặc, cho rằng tâm mình rất thanh tịnh, rất bình đẳng, rất giác rồi, [nhưng] chẳng có tâm từ bi, vẫn còn tự tư tự lợi. Vẫn còn vì mình thì thanh tịnh, bình đẳng, giác chẳng còn nữa! Bạn cứ cho mình có, đó là giả chứ chẳng phải thiệt. Thật sự thanh tịnh, bình đẳng, giác thì nhất định sẽ vô cùng từ bi, ngày nay chúng ta gọi là tâm thương mến, đối với hết thảy người, hết thảy vật, hết thảy sự đều có tâm thương mến rốt ráo, tâm thương mến này chính là Từ Bi. Hai chữ 'Bác Ái' phát xuất từ kinh Vô Lượng Thọ, bác ái là tâm thương yêu bình đẳng, thương yêu thanh tịnh, chúng ta có thể dùng tâm thương yêu đối đãi với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật thì chúng ta sẽ sống đời sống của Phật, Bồ Tát, bạn mới đạt được viên mãn. Sau cùng tổng kết 'có bất khả thuyết đức Phật như thế', giống như chư Phật Như Lai nói phía trước, vô lượng vô biên nói chẳng cùng tận. Xin xem tiếp kinh văn:

Thế Tôn

Bạch đức Thế Tôn

Đây là Địa Tạng Bồ Tát xưng Phật Thích Ca Mâu Ni, xưng là Thế Tôn.

Hiện tại vị lai, nhất thiết chúng sanh.

Hết thảy chúng sanh trong thời hiện tại và vị lai,

'Hiện tại' là lúc pháp hội đương diễn ra, 'vị lai' là bao gồm thời gian chúng ta hiện nay, lúc đó họ gọi thời mạt pháp của chúng ta là vị lai. Nói 'hiện tại vị lai, hết thảy chúng sanh', tám chữ này bao gồm hết thảy chúng sanh và chúng ta trong đó.

Nhược thiên nhược nhân, nhược nam nhược nữ.

Hoặc trời hoặc người, hoặc nam hoặc nữ,

Hai câu này bao gồm hết thảy chúng sanh trong lục đạo.

Đản niệm đắc nhất Phật danh hiệu, công đức vô lượng, hà huống đa danh.

Chỉ niệm được danh hiệu của một đức Phật thôi, thì sẽ được vô lượng công đức, huống là niệm được nhiều danh hiệu!

Đây là duyên phận, nếu có cơ duyên gặp được Phật pháp, trong đời này bạn có thể niệm một câu danh hiệu, công đức đã chẳng thể nghĩ bàn. Giống như trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có nói: *"Vừa xưng Nam Mô Phật, đều đã thành Phật đạo"*. Đó là trong cả đời chỉ niệm một câu, chỉ niệm một tiếng Nam Mô Phật, nhiều đời nhiều kiếp về sau, một câu Phật hiệu này khởi tác dụng có thể gặp Phật, tu hành, chứng quả. Đây là hạt giống của một câu Phật hiệu, gieo trong A Lại Da Thức, gọi là hạt giống Kim Cang, vĩnh viễn chẳng hư hoại, lúc nào gặp duyên hiện lên, nhân duyên của mỗi người chẳng giống nhau. Tuy nói nhân duyên chẳng giống nhau, trong đó vẫn có một nguyên lý, nguyên lý đó là háo thiện, háo đức. Trong nhà Phật gọi là thiện căn, người có thiện căn dễ gặp cơ hội này. Thiện cảm ứng cùng thiện, ác cảm ứng cùng ác, bạn sẽ gặp được thiện duyên, gặp được cơ hội này, huống chi trong nhà Phật thường nói *'Trong cửa nhà Phật chẳng xả một ai'*. Bạn có thiện căn, Phật, Bồ Tát thường thường quan sát

bạn, chăm sóc cho bạn, khi thiện căn của bạn chín muồi thì Phật, Bồ Tát sẽ đến giúp bạn, là đạo lý như vậy.

Bạn niệm nhiều Phật hiệu thì thiện căn của bạn càng sâu đậm, tương lai cơ hội bạn được độ sẽ nhiều hơn. Nếu nói vậy thì có phải chúng ta nên niệm nhiều danh hiệu Phật không? Mỗi ngày lạy Vạn Phật Sám không? Những nơi khác thì tôi không rành lắm, còn ở Đài Loan, mỗi lần tết đến, mỗi đạo tràng, chùa chiền đều có cúng Vạn Phật Sám. Có ích lợi hay không? Đương nhiên có ích lợi, ích lợi là như nói ở phía trước. Ở chỗ này chúng ta phải hiểu, Thế Tôn đặc biệt khuyến khích chúng ta, người có thiện căn chín muồi chuyên niệm A Di Đà Phật, còn người lạy Vạn Phật Sám là những ai? Là những người vừa mới tiếp xúc Phật pháp, là người sơ học, đối với Phật pháp vẫn chưa biết gì, thoạt có thoạt không, lòng tin trôi nổi chẳng định, chẳng có cội gốc, những người như vậy thì để cho họ niệm vài tiếng Phật hiệu sẽ có ích lợi cho họ. Người đã có lòng tin, đã hiểu thì chẳng cần phải rớ vào phiền phức này, chỉ niệm A Di Đà Phật. Danh hiệu A Di Đà Phật gọi là 'danh hiệu của chư Phật', trong kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà chẳng thường nói 'danh hiệu chư Phật', danh hiệu chư Phật tức là A Di Đà Phật. Ý nghĩa này là nói bạn niệm một câu A Di Đà Phật thì cũng giống như niệm hết thảy danh hiệu của mười phương ba đời chư Phật, là danh hiệu chung của hết thảy chư Phật, công đức ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Do đó khi chúng ta đọc đến đoạn này, đừng nghĩ rằng chúng ta hiện nay niệm A Di Đà Phật là không đúng, chỉ niệm một vị Phật, phải mau niệm vạn Phật, vậy thì bạn đã phá hoại công phu của bạn rồi.

Cho nên Địa Tạng Bồ Tát ở đây rát lòng mỏi miệng là để độ chúng sanh tạo tội nghiệp cực nặng, bình thường không thể tiếp xúc đến Phật pháp, chẳng có tín ngưỡng, là dạy riêng cho họ. Chúng ta coi hết kinh, mục đích Địa Tạng Bồ Tát độ họ đều là giúp họ sanh đến cõi trời, cõi người, chẳng phải độ họ thành Phật, tại sao? Họ còn một đoạn rất xa nữa mới có thể thành Phật, có thể từ tam ác đạo sanh đến cõi người đã là một thành tựu rất lớn rồi. Lại từ cõi trời ra công ra sức, sau khi sanh đến cõi trời rồi mới khuyên họ niệm Phật, khuyên họ chuyên tu Tịnh Độ phát nguyện vãng sanh, công đức sẽ viên mãn. Ở đây Bồ Tát khuyến khích chúng ta, giống như Đại Thế Chí Bồ Tát dạy trong kinh Lăng Nghiêm: *"Nhớ Phật, niệm Phật, hiện thời tương lai nhất định thấy Phật"*. Chúng ta niệm A Di Đà Phật là 'hiện giờ tương lai' nhất định thấy Phật, ở đây ngài dạy hết thảy đại chúng trời người là 'tương lai' nhất định thấy Phật, hiện nay có khó khăn [trở ngại], tương lai nhất định sẽ thấy Phật.

Thị chúng sanh đẳng.

Những chúng sanh đó

Đây là chỉ những chúng sanh niệm danh hiệu Phật

Sanh thời, tử thời tự đắc đại lợi, chung bất đọa ác đạo.

Lúc sanh lúc tử đều được lợi ích lớn lao, cuối cùng không phải đọa vào ác đạo.

Rất nhiều bạn đồng tu đọc đến đoạn này chưa chắc không hoài nghi, trên thế gian làm gì có chuyện tiện nghi như vậy! Cả thân đầy dẫy tội nghiệp, chỉ niệm vài danh hiệu Phật liền có thể không đọa ác đạo sao? Người niệm Phật rất nhiều, nhưng người xưa thường nói "Người vãng sanh được rất ít", người niệm Phật đọa ác đạo cũng rất nhiều? Ngạn ngữ thường nói 'Trước cửa địa ngục có rất nhiều Tăng lữ'. Bạn nói những vị Tăng đó không lẽ cả đời chưa từng niệm Phật sao? Không biết là họ đã niệm bao nhiêu

tiếng Phật hiệu rồi, tại sao vẫn còn đọa địa ngục? Đó không phải hoàn toàn trái ngược với việc nói ở đây 'vĩnh viễn không đọa ác đạo' hay sao? Mấu chốt quan trọng là ở tại chữ 'niệm', miệng niệm thì không được, chẳng dùng được. Bạn coi chữ 'niệm' này, chữ này viết theo lối 'Hội Ý', văn tự Trung Quốc rất có trí huệ, bạn hãy coi ý nghĩa của chữ 'Niệm' là gì? [Chữ niệm gồm hai chữ] 'Kim' và 'Tâm' gộp lại. 'Kim' nghĩa là hiện nay, hiện nay trong tâm bạn thật sự có Phật, trong miệng niệm Phật, trong tâm không có Phật thì đâu có ích lợi gì? Đó là như người xưa thường nói 'Hét bể cổ họng cũng luống công', niệm được nhiều đến bao nhiêu cũng uổng công. Trong tâm bạn phải thật sự có Phật thì sẽ khởi tác dụng, thật sự 'Lúc sanh lúc tử đều được lợi ích lớn lao', chắc chắn không đọa ác đạo, trong tâm bạn thật sự có chứ không phải chỉ có trong miệng. Niệm trong miệng thì đó là nói 'vừa lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo', hiện tại không đạt được lợi ích, đáng đọa địa ngục thì vẫn phải đọa địa ngục, chẳng được lợi ích. Nếu trong tâm bạn thật sự có [Phật] thì hiện tại bạn sẽ được lợi ích.

Do đó có thể biết, chữ 'Niệm' chẳng phải là miệng niệm, mà là trong tâm bạn thật sự có. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta 'Nhớ Phật niệm Phật' cũng cùng ý nghĩa này, 'Nhớ' là thường thường nghĩ đến, thường thường tư duy, 'Niệm' là như phần đông chúng ta gọi là 'mong nhớ', trong tâm thường thường nhớ nghĩ đến Phật. Nghĩ đến tướng hảo của Phật, nghĩ đến công đức của Phật, cách tồn tâm của Phật, có thể nghĩ tưởng như vậy thì đương nhiên bạn sẽ có thể hết lòng hết dạ học theo đức Phật, có thể học theo một phần, hai phần thì đó là lợi ích lớn lao, sẽ chẳng đọa địa ngục. Sự hành trì của Phật biểu lộ ra ngoài chính là Sáu Ba La Mật, Phật thích bố thí, còn chúng ta thích tham lam, chúng ta niệm Phật là niệm Thí. Nhà Phật có Lục Niệm Pháp, pháp Lục Niệm dạy chúng ta cách giữ tâm niệm, thường giữ tâm bố thí. 'Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thiên, niệm Giới, niệm Thí' đó là niệm Phật thật sự. Do đó mọi người muôn vàn xin đừng hiểu lầm niệm Phật là chỉ dùng miệng niệm còn tâm chẳng làm theo, miệng niệm Di Đà còn trong tâm vẫn lưu luyến thế giới Sa Bà, vẫn còn tình chấp sâu nặng, như vậy là vô cùng sai lầm! Xem tiếp kinh văn:

Nhược hữu lâm mạng chung thời, gia trung quyến thuộc, nãi chí nhất nhân vị thị bịnh nhân cao thanh niệm nhất Phật danh. Thị mạng chung nhân trừ ngũ Vô Gián tội, dư nghiệp báo đẳng tất đắc tiêu diệt.

Như có người nào sắp mạng chung, hàng quyến thuộc trong nhà dù chỉ một người, vì người bịnh đó mà cất cao tiếng niệm một danh hiệu Phật, thì người sắp chết đó, trừ năm tội Vô Gián, còn các nghiệp báo khác đều được tiêu tan.

Đây là lợi ích của sự niệm Phật lúc lâm chung. 'Gia trung quyến thuộc', chẳng có người tin Phật, nếu gặp được một người tin Phật nhắc họ niệm danh hiệu của một đức Phật, sau khi người bịnh nghe danh hiệu Phật này xong phải giác ngộ, phải sám hối thì mới trừ được năm tội Vô Gián. Nếu người bịnh này nghe xong danh hiệu Phật, chẳng có cảm giác, chẳng có ý muốn sám hối, tại sao? Lúc còn sanh tiền họ chẳng tin tưởng Phật pháp, chẳng chịu niệm Phật, thì đó là 'một phen lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo', lợi ích của họ là ở chỗ này. Nếu họ tạo năm tội Vô Gián thì phải đọa địa ngục Vô Gián hay không? Hay là vẫn phải bị đọa lạc? Niệm Phật đối với họ có lợi ích hay không? Có lợi ích lớn lao, lợi ích lớn lao này chẳng khởi lên trong đời này, đó là sau khi họ thọ tội nghiệp trong địa ngục xong xuôi, lại gặp được pháp duyên thù thắng này khởi tác dụng, cho nên lợi ích đó là ở tương lai. Nếu người này là người học Phật, hiểu Phật pháp, tạo tội cực nặng, lúc lâm chung có người nhắc họ, trải qua sự nhắc nhở ấy họ bèn hối hận, họ thật sự sanh tâm xấu hổ, tâm sám hối, dứt ác tu thiện; lúc họ nằm trên giường bịnh sắp chết thì làm sao dứt ác tu thiện? Dứt ác chính là thiện, một

niệm sám hối đó là thiện, đích thật có thể trừ năm tội Vô Gián. Nếu sức mạnh của sự sám hối mạnh mẽ thì họ có thể sanh lên cõi trời, có thể giúp cho họ sanh lên trời Đao Lợi, có thể sanh đến cõi người hưởng phước. Chúng ta phải hiểu rõ những Sự và Lý này cho rành rẽ thì khi đọc xong mới không đến nỗi nghi ngờ, đích thật có hiệu quả như vậy. Nếu là tội nghiệp rất nhẹ thì tội nghiệp sẽ tiêu trừ, tiêu trừ xong thì chắc chắn sanh đến cõi trời, cõi người.

Trong chú giải của Thanh Liên pháp sư, trong đoạn này ngài chú thích rất nhiều, còn trích dẫn một số công án, nhân duyên, ở đây chúng ta nhắc sơ lược, đặc biệt nhấn mạnh. Mọi người coi trang 150, hàng thứ nhất, "Đọc cuốn Thập Nghi Luận16[16] của ngài Thiên Thai", cuốn này là trước tác của Trí Giả đại sư có ghi "Sơ phát tâm Bồ Tát chưa chứng Vô Sanh Nhẫn, phải thường chẳng lìa Phật", câu này vô cùng quan trọng! Trong truyện ký tương truyền Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, [vậy thì] câu này cũng như lời đức Phật Thích Ca đích thân nói vậy. Sơ tâm Bồ Tát là Bồ Tát vừa mới phát tâm, thường chỉ Bồ Tát Đại Thừa thuộc địa vị Thập Tín, từ Sơ Tín đến Thập Tín đều gọi là Sơ Tâm Bồ Tát. 'Vị đắc Vô Sanh Nhẫn' tức là chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, câu này thật ra là nói Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo, trong Biệt Giáo địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng đều chưa đạt Vô Sanh Pháp Nhẫn, ở những địa vị này phải thường thân cận đức Phật. Sự khai thị này của Thiên Thai đại sư tức là khuyên chúng ta nhất định phải cầu sanh tây phương Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật thì chúng ta mới có thể không thoái chuyển, mới có thể giữ được thường tinh tấn.

Do đó có thể biết thật sự muốn tu học được thành công, chúng ta phước mỏng sanh vào thời gian trước và sau khi đức Phật ra đời, sanh sau thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sanh ra khi đức Phật Di Lặc còn chưa ra đời nên chúng ta chẳng thấy được Phật. May thay thế gian còn đệ tử của Phật, chúng ta có thể thân cận những vị thiện tri thức này. Thiện tri thức, thầy tốt chỉ có thể gặp chứ không thể mong cầu, khi có duyên gặp được thì phải thường đừng rời khỏi, việc này vô cùng quan trọng. Trừ phi là bạn đã khai ngộ, đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn thì [việc thân cận thiện tri thức] không quan trọng nữa. Như trong Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta thấy khi đại sư Vĩnh Gia tới gặp Lục Tổ, Lục Tổ ấn chứng cho ngài, ấn chứng xong thì ngài lập tức ra đi, Lục Tổ lưu ngài ở lại một ngày, ngài lưu lại đạo tràng Tào Khê một đêm, chuyện này gọi là 'một đêm giác ngộ', ngài có thể làm được.

Chúng ta lại xem tiếp những người khác, có rất nhiều người thân cận đại sư Huệ Năng cả mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, có người thân cận cả đời, mãi đến khi đại sư viên tịch mới rời khỏi đạo tràng, đây chẳng phải là người bình thường, cũng là người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tại sao có những người kiến tánh xong lại gấp rút rời khỏi? Đó là thị hiện cho chúng ta thấy [họ] có khả năng độ hóa chúng sanh, việc giáo hóa chúng sanh quan trọng hơn. Còn một số [ở lại thì họ] thị hiện cho chúng ta thấy, khuyên chúng ta phải thường thân cận thiện tri thức, họ đã đại triệt đại ngộ rồi còn phải thân cận [thiện tri thức], huống chi chúng ta là kẻ chưa kiến tánh? Cho nên hai sự thị hiện này nói lên hai ý nghĩa. Hai ý nghĩa này phải coi duyên phận, nếu bạn có duyên phận độ chúng sanh thì bạn nên đi độ chúng sanh; nếu bạn không có duyên phận này thì không thể rời khỏi thầy giáo, ở một bên thầy giáo để giúp đỡ những kẻ hậu học, còn có những người vừa mới đến học, giúp đỡ thầy giáo có nghĩa là làm người giúp thầy dạy học, chẳng rời khỏi thầy giáo. Do đó hai sự thị hiện này có hai ý nghĩa như vậy.

16[16] thường được gọi là Tịnh Độ Thập Nghi Luận

Câu sau là lời trong 'Đại Trí Độ Luận', câu này nói rất hay, "phàm phu còn bị trói buộc có tâm đại bi, nguyện sanh đến đời ác trược để cứu khổ chúng sanh, chẳng có chuyện như vậy" 17[17], lời này là lời của Phật nói. Phàm phu còn bị trói buộc, chưa đoạn phiền não, bạn vẫn còn Kiến Tư phiền não, nói cách khác, bạn vẫn còn thị phi nhân ngã, tham sân si mạn. Trong cảnh giới này tuy có tâm từ bi to lớn, phát nguyện sanh vào đời ác ngũ trược để cứu độ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn, được không? Không được, chẳng có chuyện như vậy, chẳng lẽ nào như vậy. Bạn độ chính mình còn không được thì làm sao độ người khác? Chúng tôi đã từng gặp có một số người xuất gia phát tâm, họ chẳng cầu sanh tịnh độ, họ phát tâm: "Đời sau tôi còn muốn làm pháp sư, sẽ đến nơi đây để độ chúng sanh". Chúng ta quán sát kỹ càng vị pháp sư này, tiếng tăm lợi dưỡng còn chưa buông xuống nổi, vẫn còn tranh đoạt quyền lợi, đó chính là như lời Đại Trí Độ Luận đã nói, họ hy vọng đời sau còn sanh đến cõi này làm pháp sư, [nhưng] đời sau họ có thể sanh đến cõi người không? Không chắc lắm. Thật sự đời sau không mất thân người, chúng ta căn cứ vào lời Phật dạy trong kinh điển, tối thiểu ngũ giới thập thiện của bạn phải làm đến tám mươi phần trăm thì đời sau bạn mới có thể được thân người, chẳng đánh mất thân người. Nếu ngũ giới thập thiện của bạn chỉ đạt đến sáu mươi phần trăm thì chẳng đáng tin cậy. Bạn tự suy nghĩ coi, ngũ giới thập thiện của bạn đạt đến tiêu chuẩn tám mươi điểm thì đời sau mới mong được thân người. Nếu ngũ giới thập thiện của bạn đạt đến hơn chín mươi điểm, thì bạn mới nắm chắc không mất thân người. Đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ.

Nếu tự mình không có khả năng này, mình đích thật là một phàm phu đầy dẫy nghiệp chướng sanh tử, thì phải ghi nhớ lời dạy của đại sư, phần chú thích hàng thứ hai, câu cuối cùng nói đến 'tự buông bỏ những gì mình đã học cả đời, chuyên tìm giáo môn Tịnh Độ, hơn mười năm nay, chưa từng tạm rời bỏ', đây tức là mong cầu tự độ. Đây là một người học Phật, những gì cả đời học rộng nghe nhiều, đến lúc bấy giờ thật sự giác ngộ, chân chánh hiểu rõ, biết những pháp môn mà bạn đã tu học, đến giờ phút lâm chung đều chẳng dùng được, bạn phải giác ngộ sớm, hãy buông bỏ hết những gì bạn đã học, chuyên tu Tịnh Độ, cầu nguyện vãng sanh. Hôm nay ở Tân Gia Ba có nhân duyên hy hữu, xét về không gian thì cả thế giới chỉ có một chỗ này, xét về thời gian thì cả mấy trăm năm mới có một cơ hội này, xây dựng làng Di Đà, Niệm Phật Đường, cơ hội này vô cùng hy hữu, khó gặp gỡ. Có thể xây dựng đạo tràng này ở đây, bạn phải thật sự giác ngộ, vạn duyên buông xuống, bước vào Niệm Phật Đường này phải thật thà niệm Phật, thì bạn sẽ thành Phật. Niệm Phật Đường ở đây là nơi bảo đảm cho phàm phu thành Phật ngay trong một đời này, nhân duyên hy hữu này chẳng phải là ai trong đời đều có thể gặp được đâu. Chúng ta giảng kinh thuyết pháp là để nói công đức, lợi ích này cho rõ ràng, cho rành rẽ, khuyên mọi người buông bỏ lục đạo, buông bỏ thập pháp giới để đi làm Phật, mục đích của sự giảng kinh, thuyết pháp là như vậy, là khuyên người làm Phật. Xin xem đoạn kinh tiếp theo:

Thị ngũ vô gián tội, tuy chí cực trọng, động kinh ức kiếp liễu bất đắc xuất, thừa tư lâm mạng chung thời, tha nhân vị kỳ xưng niệm Phật danh, ư thị tội trung diệc tiệm tiêu diệt.

Năm tội Vô Gián kia dầu rất nặng nề, trải qua ức kiếp không được ra khỏi, nhưng nhờ lúc lâm chung được người khác vì mình mà xưng niệm danh hiệu của Phật, cho nên những tội đó cũng lần lần tiêu sạch;

17[17] 'cụ phược phàm phu, hữu đại bi tâm, nguyện sanh ác thế cứu khổ chúng sanh, vô hữu thị xứ'

Chú giải cho đoạn này rất hay, vừa mở đầu liền nói 'nghi vân', mọi người nghe xong câu này sẽ thắc mắc 'tội nặng Vô Gián, làm sao một người xưng một danh hiệu Phật liền tiêu diệt được?', đích thật làm cho người ta rất hoài nghi. Từ khi chúng tôi bắt đầu giảng bộ kinh này cho đến nay, chư vị có thể hiểu do tâm niệm của bạn đã chuyển đổi thì tội sẽ tiêu. Nếu tâm niệm không đổi thì [chỉ được] như câu 'vừa lọt vào tai thì vĩnh viễn làm hạt giống đạo'. Trong chú giải trang 151, hàng thứ nhất, câu cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm có nói. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nếu nghe danh hiệu của Như Lai và nghe thuyết pháp không sanh lòng tin và hiểu thì vẫn có thể gieo được hạt giống [thành Phật trong tương lai]" 18[18], lợi ích là ở chỗ này. Nói cách khác, vẫn phải đọa, khi thiện tri thức nhắc nhở bạn, bạn phải tự giác ngộ, phải quay trở lại, giác ngộ ngay lúc đó thì cùng với thiện tri thức nhất tâm xưng niệm, đó là sám hối thực sự. Tâm niệm cuối cùng của bạn là Phật, chẳng có gì khác, vạn duyên buông xuống, nhất tâm xưng niệm, như vậy mới được! Như vậy mới tiêu tội được. Nếu xưng niệm đức Phật A Di Đà, khuyên họ vãng sanh, dù trong đời này đã tạo tội nghiệp ngũ Vô Gián cũng có thể vãng sanh, đây là việc thiện to lớn. Tại sao tạo tội nghiệp cực nặng trong đời này, lúc lâm chung niệm A Di Đà Phật có thể vãng sanh? Trong kinh đức Phật thường nói, sau khi người ta chết đi đầu thai, đi thọ sanh là do nghiệp lực làm chủ. Nghiệp lực trong đời bạn làm gồm có thiện nghiệp và ác nghiệp, nghiệp nào làm chủ tể và dẫn bạn đi đầu thai? Nghiệp nào nặng thì nghiệp đó sẽ dẫn đi. Trong A lại da thức của bạn có vô lượng vô biên nghiệp lực, nghiệp nào mạnh nhất thì sẽ dẫn bạn đi đầu thai. Nếu trong giờ phút vô cùng quan trọng này, sức mạnh bạn niệm A Di Đà Phật mạnh nhất, vậy thì không phải bạn sẽ sanh đến Cực Lạc thế giới rồi sao! Là đạo lý như vậy. Nếu lúc thiện tri thức, bạn bè đến trợ niệm, giúp bạn niệm Phật, bạn lại không chịu nghe theo, bạn vẫn còn tham luyến sự hưởng thụ ở thế gian, vẫn chẳng buông xả hết ân và oán, vậy thì không có cách chi hết, bạn vẫn phải sanh vào ác đạo mà thôi.

Sau khi người ta chết rồi sanh đến cõi nào là do một niệm cuối cùng quyết định, ai có thể nắm chắc được tâm niệm cuối cùng ấy? Đích thật không ai nắm chắc được, do đó khi con người sắp mất là một việc trọng đại [việc ấy sẽ quyết định] bạn sanh đến cõi nào sau khi mất. Bạn ra đi như thế nào? Đây là một việc trọng đại. Do đó đức Phật dạy chúng ta, cả đời chúng ta phải tu thiện, tu phước, phải tích lũy công đức, làm những việc tốt này là để làm gì? Để khi lâm chung có chút ít phước báo, phước báo này chính là lúc lâm chung đầu óc có thể tỉnh táo, chẳng mê muội, chẳng lầm lẫn, lúc lâm chung có thiện tri thức giúp đỡ, đó là phước báo to lớn. Nếu người chẳng có phước báo thì khi lâm chung sẽ mê hoặc điên đảo, đầu óc chẳng tỉnh táo, vậy thì rất phiền phức! Dù gặp được thiện tri thức cũng không giúp gì được, đầu óc họ không tỉnh táo, mê hoặc điên đảo thì nhất định sẽ đọa ác đạo. Do đó việc này phải có điều kiện, diệt tội là thật chứ chẳng phải giả, họ nhất định phải có đầy đủ ba điều kiện, nếu có đủ ba điều này thì mới được, chẳng khác gì lời nói trong kinh.

Điều kiện thứ nhất là đầu óc tỉnh táo, không mê man.

Thứ hai là gặp được bạn lành nhắc nhở, khuyên nhủ họ.

Thứ ba là khi được bạn lành nhắc nhở, họ lập tức có thể sám hối, có thể nghe theo bạn lành, buông xuống hết thảy để niệm Phật cầu vãng sanh. Họ phải có đủ ba điều kiện này.

Nếu khi bạn lành nhắc họ, họ chẳng thèm nghe hoặc còn bán tín bán nghi thì không được; vậy thì họ chẳng được lợi ích ngay lúc đó, chỉ như câu nói 'Một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn thành hạt giống đạo', lợi ích sẽ được trong đời sau; đời này vẫn

---

18[18] "Hoa Nghiêm Kinh vân, thiết văn Như Lai danh, cập dữ sở thuyết pháp bất sanh tín giải diệc năng thành chủng"

phải trôi lăn theo nghiệp, đây là chuyện rất đáng sợ. Giờ phút ấy mỗi người trong chúng ta ai cũng phải trải qua, ai cũng không tránh khỏi, do đó người thông minh trong đời này phải mưu tính cho 'giây phút lâm chung ấy'. Chúng ta chịu đựng một chút khổ nạn khi còn sống chẳng sao cả, thời gian đó rất ngắn ngủi, nếu giây phút [lâm chung] ấy có chi sai sót thì bạn sẽ đọa vào ác đạo, thì thời gian chịu khổ sẽ dài đăng đẳng, chúng ta nhất định phải cân nhắc rõ ràng, phải cảnh giác cao độ, phải hết lòng, nỗ lực dứt ác, làm lành, tích lũy công đức. Việc thiện là gì? Việc ác là gì? Công là gì? Đức là gì? Phải hiểu rõ ràng, rành rẽ, muôn vàn xin đừng tưởng lầm tạo tội nghiệp như là công đức, như vậy thì bạn chắc chắn sẽ đọa địa ngục. Đây là việc chúng ta dứt khoát phải hiểu rõ ràng, rành mạch thì mới được độ thoát ngay trong đời này, mới chẳng uổng phí cuộc đời này.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 35 (Số 14-12-35)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang 151, xin xem kinh văn:

Hà huống chúng sanh tự xưng tự niệm hoạch phước vô lượng, diệt vô lượng tội.

Huống hồ chúng sanh tự xưng tự niệm sẽ được vô lượng phước báo, diệt trừ vô lượng nghiệp tội.

Kinh văn giảng tới chỗ này nói đến việc niệm Phật diệt tội, chúng ta phải hiểu cặn kẽ lời đức Phật dạy trong kinh, tuyệt đối không thể sơ ý chỉ coi và hiểu trên mặt chữ thì sai rồi. Thật ra trong phần đầu của kinh này, Thế Tôn đã nêu ra hai chuyện cô Bà La Môn và cô Quang Mục, mẹ của hai vị này đều tạo tội cực nặng, đọa vào địa ngục, may nhờ có người con hiếu thảo giúp họ. Dùng phương pháp gì để giúp đỡ? Đức Phật đều dạy họ dùng pháp môn Niệm Phật. Có phải cứ niệm như chúng ta thường ngày niệm qua loa bèn có thể diệt tội hay chăng? Bèn có thể giúp cho họ được thoát ra khỏi địa ngục? Không thể được, niệm qua loa chắc chắn không thể nào giúp được. Phải niệm Phật như thế nào mới thật sự có hiệu quả? Phải niệm giống như cô Bà La Môn, cô Quang Mục thì mới được.

Cho nên khi chúng ta trợ niệm, nếu trợ niệm bằng miệng mà không có tâm thì không có hiệu quả! Nếu trong lúc trợ niệm mà người trợ niệm có thể đạt được công phu thành phiến, có thể đạt được nhất tâm bất loạn, thì người đó sẽ được siêu độ, đạo lý là như vậy, chúng ta phải hiểu cặn kẽ. Nếu người này không tạo nghiệp, không đọa lạc thì tâm người trợ niệm sẽ không thành khẩn như vậy, nhưng vì thấy người đó tạo tội, đọa lạc, nên dùng tâm hết sức thành khẩn để niệm Phật hồi hướng cho người mất, [nhờ niệm Phật] giúp họ nên nâng cao cảnh giới của mình, mình vốn là một phàm phu đã trở thành một vị Bồ Tát. Bạn làm sao có thể trở thành Bồ Tát? Do người tạo tội giúp cho bạn, tạo tăng thượng duyên cho bạn; bạn nghĩ thử coi nếu mẹ của cô Bà La Môn và cô Quang Mục không tạo tội nghiệp, không đọa lạc, thì hai cô ấy làm sao thành tựu được? Họ không lẽ nào thành tựu được hết. Thế nên cái duyên làm cho họ thành tựu là do người tạo tội nghiệp giúp họ, giúp họ siêu phàm nhập thánh, bạn coi công đức ấy bao lớn!

Đại Từ Bồ Tát nói [phước đức] khi bạn khuyên hai người niệm Phật vãng sanh còn lớn hơn công phu tu hành của bạn nữa. Vì sao hai người đó có thể vãng sanh, vì sao có thể thành Phật? Là do bạn khuyên họ đấy. Nếu bạn khuyên một vạn người, mười vạn người nhưng họ niệm Phật không thể vãng sanh thì bạn cũng chẳng có cách gì, bạn sẽ không đạt được lợi ích gì cả. [Nếu] họ thật sự thành Phật, tại sao họ có thể thành Phật? Là vì bạn giúp họ thành Phật, họ thật sự thành Phật thì công đức của bạn mới lớn, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tuyệt đối không thể nói bạn khuyên bao nhiêu người niệm Phật, hiệu quả của việc này không lớn, [chỉ khi nào những] người được bạn khuyên thật sự niệm Phật, thật sự vãng sanh, nếu bạn khuyên được mười mấy người

vãng sanh, Đại Từ Bồ Tát nói phước đức của bạn sẽ là vô lượng vô biên. Nếu bạn khuyên được đến một trăm người, một ngàn người thì bạn thật sự là Bồ Tát tái lai. Cho nên trong việc này chúng ta phải nhận định rõ ràng, tuyệt đối chẳng phải chúng ta xây đạo tràng, ở đây có mấy ngàn người, mấy vạn người niệm Phật, không thể dựa vào con số đó mà tính được. Phải thật sự đạt được nhất tâm, thật sự đạt được công phu thành phiến, thật sự được vãng sanh, phải dùng việc này làm tiêu chuẩn. Kinh này cũng nói về tiêu chuẩn này, nếu bạn dùng tiêu chuẩn này thì chúng ta sẽ không nghi ngờ công đức lợi ích nói trong kinh, sẽ biết đó là thật.

Cô Bà La Môn, cô Quang Mục đều vì mẹ của mình, thành tâm thành ý niệm Phật hồi hướng cho mẹ. Cùng một đạo lý ấy, nếu chúng ta rất xa lạ đối với người lâm chung, chẳng quen biết họ, khi gặp cơ duyên này, tâm trạng và thái độ trợ niệm cũng phải coi họ là người thân, dùng tâm hết sức chân thành để niệm, thì kẻ còn người mất đều được lợi, chính chúng ta được lợi, họ cũng được lợi. Nếu chỉ làm qua loa cho xong chuyện thì cả hai bên đều chẳng được lợi ích thật sự, lợi ích đó cũng như việc đã nói cho mọi người ở đoạn trước *'một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn thành hạt giống đạo'*. Nghiệp báo hiện tiền chẳng thể chuyển trở lại, đây là việc chúng ta có thể thâu nhận từ kinh Địa Tạng. Khi biết dụng ý trong lời dạy của đức Phật, hiểu rõ chân tướng sự thật, phần đông những việc siêu độ này có hiệu quả hay không thì phải coi người chủ trì việc siêu độ này có tâm chân thành, cung kính hay không; nếu thật sự có lòng chân thành, coi người mất như là cha mẹ ruột của mình, coi như người thân nhất của mình, dùng tâm trạng, thái độ này để siêu độ thì mới có lợi ích. Nếu coi họ như người lạ, chẳng liên quan gì với mình, thì lợi ích rất nhỏ, đạo lý là như vậy. Cùng làm một chuyện giống nhau nhưng hiệu quả không đồng đều, đây là việc chúng ta nhất định phải biết.

Đoạn kinh 'Hà huống chúng sanh, tự xưng tự niệm', đây là tu cho mình, chẳng phải tu dùm người khác, [chúng ta phải] làm việc này lúc nào? Phải làm lúc thân thể mình còn khỏe mạnh, cường tráng, phải tu phước cho mình, tích lũy công đức cho mình, việc này quan trọng nhất. Con người đến thế gian này để làm gì? Tại sao phải đến? Có mấy ai đã suy nghĩ về vấn đề này? Chắc có người đã suy nghĩ rồi, nhưng chúng ta phải hỏi có bao nhiêu người suy nghĩ kỹ càng? Vậy thì càng ít nữa, ai suy nghĩ kỹ càng về vấn đề này thì người ấy sẽ giác ngộ. Thế gian có chẳng ít người thông minh, đặc biệt là những nhà triết học, nhà tôn giáo suy nghĩ về vấn đề này tương đối nhiều hơn, họ có câu trả lời hay không? Rốt cuộc cũng chẳng có câu trả lời nào hợp tình hợp lý hết. Chính vì lý do này nên đức Phật phải thị hiện ở thế gian, giúp những người thông minh này giải đáp vấn đề, cho họ câu trả lời chính xác.

Đức Phật nói với chúng ta con người sanh tới thế gian này là để 'báo đền nghiệp báo' mà thôi; nghiệp bạn đã tạo trong đời quá khứ, bạn tạo nghiệp thiện thì bạn đến đây hưởng phước, bạn tạo nghiệp ác thì bạn đến đây để nhận chịu quả báo, đây là lời đức Phật nói cho chúng ta biết, đây là chân tướng sự thật của chúng sanh trong lục đạo xả thân, thọ thân. Chân tướng này không hay ho gì, nhân duyên quả báo dây dưa chẳng dứt, đời đời kiếp kiếp cứ vẫn làm những chuyện này, cho nên trong kinh đức Phật nói 'sanh tử bì lao' (sanh tử mệt mỏi), 'người đáng thương xót', thật sự là người đáng thương. Người thông minh nghĩ về vấn đề này thì tại sao vẫn còn đến? Đến để làm gì? Có ý nghĩa gì không? Có giá trị gì không? Cảm động chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong cõi người để giải đáp những vấn đề này cho chúng ta, thật sự giác ngộ bốn vấn đề này thì sẽ giải quyết vấn đề một cách rốt ráo. Người giác ngộ biết lợi dụng cái thân nghiệp báo này của mình, chúng ta phải làm việc to lớn là siêu phàm nhập thánh, giải quyết triệt để cho đời sống con người, như vậy mới có ý nghĩa, mới có giá trị.

Muốn hiểu rõ vấn đề này thì trước tiên phải hiểu rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh, kinh Địa Tạng nói rõ chân tướng của lục đạo luân hồi, nói cho chúng ta về sự thật trong cõi địa ngục, ngạ quỷ, về nghiệp nhân quả báo, lý - sự, tánh - tướng đều nói rõ, sau khi hiểu rõ thì chúng ta sẽ có biện pháp vượt thoát, đây là việc lớn nhất trong đời chúng ta, có thể nói là bạn học Phật có được thành tựu thật sự. Trong vô lượng pháp môn, kinh Địa Tạng đề xướng pháp môn Niệm Phật, chỉ có pháp môn này là có hiệu quả nhất, ổn thỏa thích đáng nhất, nhanh chóng nhất, thuận tiện nhất, vấn đề là chúng ta phải niệm thật sự. Thật sự niệm là trong mọi lúc, mọi nơi, trong tâm phải có Phật, như vậy mới là niệm thật sự; niệm thật sự không nhất định phải niệm nơi miệng. Tâm như tâm của Phật, tâm Phật là như thế nào? Kinh Kim Cang dạy cho chúng ta rất hay 'vô trụ sanh tâm' (chẳng trụ ở đâu để sanh tâm ấy), đó chính là tâm Phật, vô trụ nghĩa là tâm thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm. Huệ Năng đại sư nói 'bổn lai vô nhất vật' (từ trước đến giờ chẳng có một vật), đó là vô trụ. Sanh tâm nghĩa là sanh tâm đại từ bi, quan tâm, thương yêu hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đó là sanh tâm. 'Sanh tâm' và 'vô trụ' cùng lúc, trong đó chẳng có phân biệt, chẳng có giới hạn, 'vô trụ' chẳng gây trở ngại 'sanh tâm', 'sanh tâm' chẳng gây trở ngại 'vô trụ', đây là câu 'Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại' trong kinh Hoa Nghiêm. Chỗ phiền phức của phàm phu chúng ta là 'sanh tâm' liền gây trở ngại cho 'vô trụ', 'vô trụ' chắc chắn sẽ trở ngại 'sanh tâm'. Khi chúng ta quan tâm người khác, tâm liền không thanh tịnh, muốn tâm được thanh tịnh thì tuyệt đối chẳng thể quan tâm, không thể để ý, lo lắng cho chuyện của kẻ khác, đó là phàm phu, hai thứ này không thể hợp thành một. Việc chúng ta phải học chính là việc này, hai thứ này là một chứ chẳng phải hai, quan tâm cũng thanh tịnh, thật sự làm được lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đây là việc chúng ta phải hết lòng học tập.

Công việc làm được rất viên mãn, trong tâm sạch sẽ, trống rỗng, mảy trần chẳng nhiễm, tại sao vậy? Vì chúng ta triệt để hiểu được câu *'phàm những gì có tướng đều là hư vọng'*. Kinh Kim Cang dạy *'hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng'*. Hiện tượng này làm sao có thể hiện ra? Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng 'duy tâm hiện, duy thức biến', cả tâm lẫn thức đều là chính mình, lìa ra ngoài tâm thức, chẳng có một pháp nào có thể được. Khi đã thấu triệt lý này thì bạn sẽ có thể 'trụ trong trần thế nhưng không nhiễm', mới có thể khế nhập vào "sự sự vô ngại". Việc này cần phải có công phu, phải rèn luyện trong đời sống hằng ngày, lúc rèn luyện sẽ [gồm cả hai công phu] tiến lên và thụt lùi, lúc tiến lên là rèn luyện, nếu phát hiện tự mình vẫn còn nhiễm trước, thì phải mau lui trở lại, lui đến đâu? Lui đến vô trụ. Khi tâm định trở lại rồi mới thử coi, thử xong nếu không thành công thì phải lui về, dần dần từ chỗ này tìm cầu tiến bộ, phương pháp Bồ Tát tu hành viên mãn trong ba A-tăng-kỳ kiếp chính là phương pháp này. Đến lúc thật sự có thể nắm chắc, duy trì tâm thanh tịnh mà chẳng bị ô nhiễm, thì bạn mới có thể buông tay đi giúp đỡ hết thảy chúng sanh, thông thường đây là cảnh giới gì? Quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Nói cách khác, Bồ Tát trong mười pháp giới đều chưa được, đều phải thường chăm sóc cho tâm thanh tịnh của mình. Giúp đỡ người khác tuyệt đối chẳng đánh mất thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nói cách khác thanh tịnh, bình đẳng, giác là nơi nương dựa của chúng ta, là ranh giới cuối cùng của chúng ta. Một khi phát hiện không thanh tịnh, không bình đẳng thì phải quay trở lại cho nhanh, điểm này vô cùng quan trọng. Nếu tự mình không có khả năng này thì hãy thật thà niệm Phật cầu sinh tịnh độ, sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới để thân cận đức Phật A Di Đà, rồi quay trở lại để giúp đỡ hết thảy chúng sanh cũng chưa trễ, đây là sự lựa chọn đúng đắn.

Cho nên ở đây khuyến khích chúng ta, thừa dịp thân thể mình còn khỏe mạnh, cường tráng, thì 'tự xưng tự niệm', 'xưng' tức là niệm bằng miệng, 'niệm' là trong tâm

có Phật, trong tâm thật sự có Phật thì gọi là 'niệm', 'niệm' là niệm bằng tâm, xưng nghĩa là xưng danh, là niệm từ miệng, 'xưng' và 'niệm' khác nhau. Xưng tương ứng với niệm thì sẽ có lợi ích, nếu xưng chẳng tương ứng với niệm, đó chính là như câu thường nói 'có miệng không có tâm', có xưng nhưng không có niệm. Miệng niệm A Di Đà Phật, nhưng trong tâm suy nghĩ lung tung, thì là có xưng không có niệm, như vậy không được. Xưng niệm hợp thành một chính là tâm miệng hợp thành một, cho nên 'hoạch phước vô lượng, diệt tội vô lượng' 1[1], công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn. Công đức của danh hiệu là ở chỗ nào? Trong toàn bộ kinh văn, danh hiệu chính là tựa đề. Kinh Vô Lượng Thọ trong năm bản dịch gốc của người xưa có một bản gọi là 'Đại A Di Đà Kinh', cho nên danh hiệu Phật A Di Đà này là đề mục của kinh, công đức của danh hiệu là những gì được nói trong toàn bộ kinh. Niệm danh hiệu này thì trong tâm phải nghĩ tới lời dạy trong kinh, đạo lý đức Phật dạy chúng ta, lời giáo huấn của đức Phật cho chúng ta, dạy chúng ta sinh sống, xử sự, đãi người, tiếp vật như thế nào, một câu danh hiệu liền nhớ lại hết tất cả, được vậy thì mới dùng được. Nếu chỉ niệm một câu danh hiệu này, chẳng liên quan gì đến đời sống, ngôn hạnh của chúng ta, vậy thì danh hiệu này chẳng dùng được, giống như lời người xưa 'hét bể cổ họng cũng uổng công'. Việc niệm Phật, đại đức thời xưa thường nói phải tương ứng, *'một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật'*, tương ứng với cái gì? Tương ứng với ý của kinh, bạn niệm một câu A Di Đà Phật này tương ứng với nghĩa lý trong kinh A Di Đà, trong kinh Vô Lượng Thọ, đó gọi là niệm Phật thật sự, do đó họ thật sự được phước, thật sự diệt tội, phước báo thiệt là vô lượng.

Ở chỗ này chẳng có một tí gì khoa trương, câu nào câu nấy đều là lời chân thật. Chúng ta đọc xong, nghe xong còn không tin được là do chính mình chẳng biết niệm, bạn niệm chẳng tương ứng nổi. Nếu tương ứng rồi, khi bạn nhìn thấy lời dạy trong kinh này thì bạn liền tin tưởng, bạn sẽ chẳng hoài nghi nữa. Trong vô lượng pháp môn thì pháp môn này đặc biệt thù thắng, tại sao vậy? Pháp môn này là pháp môn viên mãn, vừa xưng danh hiệu Phật thì vô lượng vô biên công đức đều ở trong đó, chẳng có mảy may thiếu sót; học pháp môn khác thì tuy là công đức đương nhiên sẽ lớn, trong đó vẫn còn thiếu sót, không thể bao gồm hoàn chỉnh như vậy. Vừa xưng một danh hiệu Phật thì bao gồm viên mãn rốt ráo.

Trong giảng đường của chúng ta, các vị đồng tu đáng lẽ đều có nhận thức tương đối sâu đậm, nói sơ lược thì ý nghĩa của danh hiệu là Vô Lượng Thọ Kinh, nói rộng ra tức là hết thảy pháp mà đức Phật đã thuyết giảng trong bốn mươi chín năm, chẳng có một câu nào vượt ra ngoài phạm vi của danh hiệu, không những chỉ là những gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy trong bốn mươi chín năm, nếu chúng ta dẫn dụ, suy rộng, có thể nói vô lượng vô biên pháp tạng do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã nói cũng chẳng có một câu nào lìa khỏi A Di Đà Phật, từ đó mới biết công đức của danh hiệu A Di Đà Phật không thể nghĩ bàn. Chúng ta niệm cũng phải cầu Giải (cầu hiểu rõ), nếu chỉ niệm mà không muốn hiểu rõ thì cũng tốt, thì cũng khó được, cảnh giới của chúng ta sẽ nâng cao rất chậm. Nếu khi bạn niệm mà có thể Giải thì sẽ nâng cao cảnh giới của mình rất nhanh chóng. Nâng cao cảnh giới của mình trong kinh gọi là phẩm vị, kinh Hoa Nghiêm nói về những cấp bậc của Bồ Tát, từ Thập Tín nâng lên Thập Trụ, từ Thập Trụ nâng lên Thập Hạnh, từ Thập Hạnh nâng lên Thập Hồi Hướng, phải hiểu rõ triệt để thì mới nâng cao được.

1[1] Xưng là đọc ra tiếng tức niệm danh hiệu Phật ra tiếng, còn niệm là trong tâm thầm nghĩ. Như vậy xưng niệm hợp thành một chính là tâm và miệng đã hợp thành một. Niệm niệm chẳng rời Phật nên mới được phước vô lượng, diệt tội vô lượng.

Nâng cao phẩm vị, nói cho chư vị biết đó cũng chính là nâng cao đời sống của chúng ta, do đó lợi ích của Phật pháp tuyệt đối chẳng nói chỉ là ở đời sau, mà ngay bây giờ, ngay trước mắt bèn có được lợi ích, nâng cao phẩm chất của đời sống chúng ta, đời sống nói ở đây tức là đời sống tinh thần. Đời sống tinh thần được nâng cao, nói thêm với quý vị, đời sống vật chất cũng sẽ được nâng cao. Đời sống vật chất, thử hỏi có phải những gì bạn có sẽ càng thêm phong phú? Lời này nói chẳng sai, phong phú chẳng dựa trên số lượng. Bạn làm việc ở chỗ đó, mỗi tháng lãnh được ba ngàn đồng thì vẫn là ba ngàn đồng, chẳng phải nói vừa học Phật thì liền kiếm được sáu ngàn đồng, chẳng có ý nghĩa này, bạn vẫn lãnh được bao nhiêu đó tiền. Vậy thì phong phú ở chỗ nào? Lúc nãy tôi nói phong phú là nói về phẩm chất. Nói cách khác, giá trị của ba ngàn đồng lúc trước khác với hiện nay, bạn thọ dụng được khác nhau, rất ít người hiểu được đạo lý này.

Chúng ta nêu lên một thí dụ rất cạn cợt, chúng ta ăn cơm cũng có mấy món ăn này, khi cảnh giới của bạn chưa nâng cao thì mùi vị của những món ăn này rất bình thường, nhưng khi cảnh giới nâng cao rồi thì bạn nhìn thấy những món ăn này sẽ phóng ánh sáng, màu sắc là thất bảo, khẩu vị bạn thưởng thức được là mùi vị vi diệu, người khác chẳng nếm thấy được, [mùi vị] sẽ khác nhau vì [bản] chất của nó đã thay đổi. Tại sao lại thay đổi? Cảnh chuyển tùy theo tâm. Lời tôi nói với quý vị là lời chân thật, những món ăn này phóng ánh sáng, bạn nếm được mùi vị vi diệu, rất khác với lúc bạn chưa nâng cảnh giới, cho nên chất bổ dưỡng cho thân thể của bạn cũng khác nhau, tinh thần của bạn sung mãn, dung mạo tươi sáng, cảnh giới phải nâng cao thì mới được như vậy. Khi chúng ta cùng bày ra mấy món ăn, có phàm phu, Bồ Tát, có Phật cùng ăn thì mùi vị [của thức ăn] mỗi người nếm được sẽ khác nhau, bạn đừng tưởng là [món ăn] của các ngài giống [món ăn] của chúng ta, vậy là sai rồi! Mùi vị của mỗi người cảm nhận được đều chẳng giống nhau, phàm phu còn do nghiệp lực, còn Phật, Bồ Tát chẳng do nghiệp lực, chúng ta phải hiểu rõ việc này.

Từ đó mới biết Phật pháp thù thắng, vi diệu, chân thực, chẳng phải chỉ có một mình tôi nói, diện mạo của bạn có thể thay đổi, thân thể có thể thay đổi, núi sông đất đai, đời sống chỗ ở đều có thể thay đổi. Sự thay đổi này là do tâm thay đổi, hy vọng mọi người suy nghĩ cặn kẽ ý nghĩa này, chỉ có pháp này là pháp chân thật. Trong kinh nói đến Nhất Chân pháp giới, tây phương gọi là Cực Lạc thế giới, Cực Lạc thế giới bao lớn? Cũng là tận hư không, trọn khắp pháp giới. Phàm phu chúng ta nhìn thấy hoàn cảnh của chúng ta là một mảnh đất bùn lầy, sỏi đá, đây là cảnh giới mà mắt thịt phàm phu chúng ta nhìn thấy. Nếu người ở tây phương Cực Lạc thế giới đến nơi này của chúng ta, họ nhìn thấy [nơi này] cũng là lưu ly, bảy báu, họ đi đến bất kỳ nơi nào đều nhìn thấy lưu ly, bảy báu, tại sao vậy? Cảnh ấy chuyển tùy theo tâm họ. Giả sử phàm phu chúng ta cũng có thể đến Cực Lạc thế giới tham quan, chúng ta đến Cực Lạc thế giới nhìn thấy mặt đất cũng giống hệt như mặt đất ở địa cầu chúng ta, cũng là bùn lầy, sỏi đá. Đây là đạo lý gì? Tâm chúng ta biến hiện ra, tâm của họ biến hiện ra chẳng giống tâm chúng ta. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa ở thế gian này, nơi ngài cư trú là tịnh độ, trong kinh cũng đã nói, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng thần lực của ngài biến hiện cảnh giới mà ngài tự thọ dụng cho mọi người thấy, [cảnh giới đó] cũng giống như Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng thế giới, còn phàm phu [chúng ta] chẳng nhìn thấy.

Đạo lý này nếu dùng cách nói của khoa học gia ngày nay thì đó là duy thứ 2[2] thời gian, không gian chẳng giống nhau. Ngày nay chúng ta ở trong không gian ba chiều, khoa học gia chứng minh đích thật có không gian bốn chiều, năm chiều, thậm chí đến không gian mười một chiều, việc này đã được chứng minh. Không biết còn có bao

2[2] Duy thứ nghĩa là kích thước

nhiêu việc chưa phát hiện, chưa chứng minh được. Khả năng của Phật, Bồ Tát hoàn toàn đột phá các thời gian, không gian này, hết thảy không gian các ngài đều nhìn thấy, ngài nhìn thấy ngài tự thọ dụng, cũng nhìn thấy hết thảy chúng sanh thọ dụng, các ngài có khả năng này. Ngài dùng phương pháp gì để đột phá? Hiện nay khoa học gia đang nghiên cứu vấn đề này, người thật sự có thể đột phá có thể trở về quá khứ, cũng có thể đi vào tương lai một cách tự tại, trên Lý thì khoa học gia đã khẳng định, biết được 'quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại cùng lúc', họ hiểu Lý này. Tồn tại cùng lúc, chúng ta làm sao đi về quá khứ? Làm sao đi đến tương lai? Chúng ta không làm nổi, nguyên nhân là chúng ta không biết thời gian và không gian hình thành như thế nào, tức là không cùng pháp giới, nhà Phật chúng ta gọi là pháp giới chứ không gọi là 'thời gian, không gian', mười pháp giới chỉ là nói sơ lược, nói kỹ thì là vô lượng pháp giới. Tại sao nói là vô lượng pháp giới? Pháp giới của mỗi người đều khác nhau, chúng ta cùng nhìn một người, cùng nhìn một đóa hoa, cùng nhìn một sự việc, có người nhìn xong thì ưa thích, có người lại chán ghét, đó chính là pháp giới chẳng giống nhau. Trình độ mỗi người ưa thích cũng khác nhau, pháp giới cũng là không giống nhau, không thể thật sự tìm được hai người có cùng cách nhìn đối với một sự việc, chẳng bao giờ tìm được hai người như vậy.

Phật nói khi nào hai người có cách nhìn hoàn toàn giống nhau? Khi thành Phật, Phật Phật đạo đồng. Còn Đẳng Giác Bồ Tát, hai vị Đẳng Giác Bồ Tát cùng nhìn một việc vẫn còn có chỗ khác nhau, sự giác ngộ của các ngài còn chưa viên mãn, tâm của các ngài còn chưa đạt đến mức thuần tịnh. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phần Sanh Tướng Vô Minh chưa phá, cách nhìn của họ vẫn chưa thể hoàn toàn giống nhau, chúng ta nói có thể đạt đến chín mươi mấy phần trăm giống nhau, chứ chẳng đạt đến một trăm phần trăm. Do đó có thể biết, sự hình thành của pháp giới, hình thành của duy thứ không gian, thời gian, đức Phật nói rất có lý, [đó là do] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước từ nơi này sanh ra. Làm sao có thể phá được? Đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ phá được, lúc đó có thể nhìn thấy vô lượng vô biên pháp giới sai khác. Do đó điều đức Phật dạy chúng ta chẳng có gì khác ngoài việc phá vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà thôi; sau khi phá được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì cảnh giới ấy sẽ là cảnh giới nơi quả địa của Như Lai. Ngày nay chúng ta nâng cao, không ngừng nâng cao cảnh giới, đây là mục tiêu của chúng ta, trong kinh thường gọi mục tiêu này là "A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề". Phá xong chấp trước thì là Chánh Giác, sau đó phá phân biệt thì là Chánh Đẳng Chánh Giác, phá thêm vọng tưởng nữa thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong Phạn ngữ gọi là "A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề". Do đó phải không ngừng nâng cao cảnh giới của mình, [đối với chúng ta thì xưng niệm là] phương pháp duy nhất để nâng cao cảnh giới, 'xưng niệm' phải tương ứng, nếu xưng niệm không tương ứng thì tuyệt đối sẽ không nâng cao được, chỉ trồng được hạt giống Phật trong A Lại Da Thức mà thôi, tương lai mới có thể dùng được, hiện nay không dùng được và cũng không thể diệt tội. Khi chư vị hiểu thấu đáo những Sự Lý này xong, [rồi mới biết] câu nào câu nấy trong kinh Phật đều là chân thật, một tí gì cũng không quá đáng. Quyển Trung đến đây là hết, chúng ta xem tiếp quyển Hạ:

Giảo Lượng Bố Thí Công Đức Duyên Phẩm đệ thập.

PHẨM THỨ MƯỜI: NHÂN DUYÊN VÀ SO SÁNH CÔNG ĐỨC BỐ THÍ

Lúc trước pháp sư Thánh Nhất ở núi Đại Dự, Hương Cảng, vào năm 1980 nhận lời mời của lão pháp sư Nhân Đức giảng kinh Địa Tạng ở Cửu Hoa Sơn. Thầy vừa viết Giảng Ký vừa giảng kinh, khi về đến Hương Cảng thầy thuật lại tình hình ở đó và đem cuốn Giảng Ký cho tôi coi, tôi đã viết một bài tựa cho thầy. Thầy nói phẩm trước (phẩm thứ chín) là Phật Bảo, phẩm thứ mười 'Nhân duyên và So sánh công đức bố thí' là Pháp Bảo; cách nhìn này vô cùng chính xác, quy nạp phần cuối của kinh này thành Tam Bảo, vô cùng quý báu, người xưa viết Chú Giải chẳng nói như vậy, thế nên tôi vô cùng tán thành cách nói này của pháp sư Thánh Nhất, quy kết về Tam Bảo. Trong Pháp Bảo, nói thật ra chính là phương pháp tu hành, tổng cương lãnh của phương pháp tu hành trong Phật pháp Đại Thừa là dạy chúng ta 'bố thí, kết duyên', dùng phương pháp này có thể thành Vô Thượng Đạo. Phía trước chúng tôi đã nói qua, tu học Phật pháp nâng cao cảnh giới của chính mình, quan trọng nhất là phải phá trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vả lại bố thí chính là phương pháp hay nhất. Bố thí là 'xả', xả chấp trước, phân biệt, vọng tưởng mất hết, không những trên lý luận, quan niệm như vậy, trên thật tế cũng phải làm như vậy, nếu bạn không thật sự làm trên Sự, chỉ nói suông trên Lý thì không được, vậy thì không thể nâng cao cảnh giới của mình được, nói thật ra cũng không có cách gì đoạn dứt phiền não, nhất định phải hạ thủ công phu trên Sự. Đức Phật dạy chúng ta hai chữ 'Xả Đắc'. Bạn phải hiểu hai chữ này thật sâu, tại sao? Vì càng xả thì càng đắc (được), đây là định luật nhân quả.

Cơn bão kinh tế lần này, [đây là tình trạng] kinh tế suy thoái, chư vị thấy rất rõ ràng, hầu như mỗi người đều chịu ảnh hưởng, chúng ta quán sát kỹ mới thấy Cư Sĩ Lâm chẳng bị ảnh hưởng, không những chẳng bị ảnh hưởng, nguồn thâu nhập của Cư Sĩ Lâm còn tăng lên. Nói theo cách thông thường thì mọi người đều bị ảnh hưởng bởi kinh tế khó khăn, đương nhiên sự bố thí cúng dường tương đối sẽ giảm bớt, đây là lẽ đương nhiên. Vậy thì tại sao nguồn thâu nhập của Cư Sĩ Lâm không giảm bớt mà ngược lại còn tăng lên, đạo lý là ở chỗ nào? Là do bố thí. Cư Sĩ Lâm bố thí nhiều, bố thí lớn lao. Trong lúc khó khăn như vậy, sự bố thí của Cư Sĩ Lâm chỉ tăng lên chứ không giảm bớt, cho nên thâu nhập cũng tăng lên chứ không giảm bớt. Việc này chứng minh lời Phật dạy chẳng sai, càng bố thí tài vật thì càng giàu có, bạn không ngại bố thí thì càng thí càng nhiều, chúng ta đã chứng minh tại Cư Sĩ Lâm trong vòng một năm gần đây. Nếu bạn không bố thí thì sẽ không có, nguồn thâu nhập của phần đông đạo tràng đều giảm bớt, tại sao vậy? Khi thấy kinh tế tiêu điều, chúng ta phải tiết kiệm tiêu xài, phải bố thí ít lại. Bố thí ít thì nguồn thâu nhập của bạn sẽ ít, quả báo sẽ ít. Ông Lý Mộc Nguyên ở Cư Sĩ Lâm có trí huệ, thâu nhập ít cũng phải bố thí nhiều, ông ấy chẳng sợ bố thí làm cho Cư Sĩ Lâm hết sạch sành sanh, ông chẳng sợ, bạn thấy nguồn thâu nhập của Cư Sĩ Lâm cứ cuồn cuộn chảy vô. [Việc này] chứng minh lời Phật dạy 'thí tài thì được giàu sang, thí pháp thì được thông minh trí huệ, thí vô úy thì được khoẻ mạnh, sống lâu', nếu bạn không chịu bố thí thì làm sao được? Bạn làm sao được [những quả báo này]? Sau khi bố thí sẽ có quả báo, khi có quả báo lại sợ bạn khởi tâm tham, việc này rất phiền phức, do đó đức Phật dạy chúng ta 'xả đắc'. Ý nghĩa sâu thêm một tầng của 'xả đắc' là những gì bạn đắc được thì hãy mau xả hết, chẳng nên lưu lại. Nếu bạn thí, bạn không chịu xả những gì bạn được vậy thì hỏng hết, bạn lại mê, lại đọa lạc. Cứ thí mãi mãi, càng thí càng có nhiều, càng thí càng được nhiều.

Bạn hãy coi chư Phật Như Lai, chúng ta phải lắng lòng tìm hiểu hai bộ kinh chúng tôi giảng gần đây, đức Phật A Di Đà đại bố thí, nên phước báo của ngài lớn, thành tựu được Cực Lạc thế giới, Cực Lạc thế giới thành tựu rồi, ngài không tự thọ dụng, ngài cúng dường những người tu học niệm Phật ở mười phương thế giới, đây là việc bố thí lớn lao của đức Phật A Di Đà. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật Tỳ Lô Giá Na đại bố thí, xây dựng Hoa Tạng thế giới, tiếp dẫn mười phương hết thảy những người

tu học Đại Thừa, cho họ hưởng thọ, tự ngài chẳng hưởng thọ, làm gương tốt nhất cho chúng ta. Nếu chúng ta từ việc bố thí được quả báo phong phú, thịnh vượng, tự mình muốn hưởng thọ thì sẽ khởi tâm tham, mê trở lại. Do đó đức Phật dạy chúng ta 'xả đắc', cứ xả những gì bạn có được, xả xong thì nó liền trở lại, trở lại thì xả nữa. Cũng như nước vậy, nước là chất sống động, lưu chuyển mãi, nhất định đừng để nó đọng lại một chỗ. Khi bạn hiểu đạo lý này, hiểu sự thật này, thì bạn dám xả, bạn hiểu được càng xả càng được, cuồn cuộn đến không ngừng, đây là như ngạn ngữ thường nói *'Trong mạng của bạn có thì bạn nhất định sẽ có, nếu trong mạng của bạn không có thì mong cầu cũng chẳng được, giữ cũng giữ không được'*, gần đây chúng ta đều đã thấy rõ. Có nhiều người dùng hết cạn tâm tư để được giàu xụ, gom góp tài sản được ức vạn, khi cơn bão kinh tế vừa tới liền xụp đổ, có nhiều người nhảy lầu tự tử, trong mạng không có thì muốn giữ cũng giữ không được. Nếu những người này thông minh giống ông Lý Mộc Nguyên, đem tài sản của mình đi làm việc từ thiện thì sẽ không thể lường được! Họ làm sao thất bại được!

Do đó những đồng tu học Phật, đặc biệt là những đồng tu tại gia, bất luận làm nghề nào, bạn đã học Phật thì phải xây dựng một quan niệm đúng đắn, mình phục vụ cho xã hội, phục vụ cho chúng sanh, bất luận làm nghề gì cũng vì xã hội, vì chúng sanh. Bạn dùng thái độ phục vụ để làm việc, bạn sẽ làm được vô cùng hưng vượng, bạn sẽ có thành tựu thù thắng, sự nghiệp của bạn càng làm càng phát đạt, càng phát đạt thì phải giúp đỡ người khác, càng phải giúp đỡ xã hội. Đời sống của chính mình thì tiết kiệm là tốt, nhất định sẽ khỏe mạnh, sống lâu, không thể hưởng phước. Nếu mình giàu có, mỗi ngày đều tẩm bổ, sự tẩm bổ như vậy làm cho thân thể của bạn hư hết, thân thể khỏe mạnh thì chẳng cần tẩm bổ, một khi tẩm bổ thì sẽ sanh bịnh, càng tẩm bổ thì bịnh càng nhiều, đến cuối cùng không có thuốc chữa. Chúng ta quán sát cặn kẽ cổ thánh tiền hiền, họ đã làm gương tốt cho chúng ta, làm cho chúng ta biết phải học tập như thế nào. Phật pháp nói lợi ích thế gian và xuất thế gian thù thắng nhất, to lớn nhất, chẳng gì sánh bằng bố thí, do đó đức Phật xếp Bố Thí vào hàng đầu trong các Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh có sáu nguyên tắc, trong sáu Ba La Mật thì Bố Thí được xếp hàng đầu, trong kinh này cũng đặc biệt nêu lên, giáo huấn chúng ta. Trong hết thảy kinh điển Đại Thừa, nếu bạn lưu ý một chút thì sẽ thấy Thế Tôn giảng về Bố Thí nhiều nhất, trong đó có lý chứ chẳng phải không, xin xem tiếp kinh văn:

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thừa Phật oai thần, tùng tọa nhi khởi, hồ quỳ hiệp chưởng.

Lúc đó Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nương oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay.

'Nhĩ thời' là nói về thời gian, đoạn trước Địa Tạng Bồ Tát nói rõ về công đức lợi ích của sự niệm Phật, là thời gian sau khi nói xong. Không những phải hiểu niệm Phật mà còn phải biết cách niệm. Trong đoạn kinh này chúng ta phải coi trọng bốn chữ 'thừa Phật oai thần'. Đây là Bồ Tát dạy cho người đời sau phải nên khiêm tốn, phải kính trọng. Tuy mình đã nhập vào cảnh giới này cũng chẳng dám nói mình có khả năng, có thể giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, chỉ nói nhờ oai thần của Phật nên mới có thể làm nổi, nếu không có Phật gia trì thì tự mình chẳng làm nổi, có ý khiêm tốn, kính trọng, đây là việc chúng ta phải học tập.

Phiền não, tập khí của phàm phu trong lục đạo sâu nặng, đức Phật dạy chúng ta căn bản phiền não có sáu thứ: tham, sân, si, mạn, sau đó còn có nghi, ác kiến; mạn là kiêu mạn, hết thảy chúng sanh đều có đầy đủ tập khí ngạo mạn. Có ai không ngạo mạn

đâu? [Ai cũng nói] tôi, [đều nghĩ] tôi giỏi hơn người khác, đây chính là tâm ngạo mạn. Chư vị đã học Pháp Tướng Duy Thức thì sẽ biết Mạt Na Thức, có 'bốn thứ phiền não thường đi theo', ngạo mạn, cho dù nghèo hèn đến cùng cực, làm người ăn mày, ăn mày là kẻ nghèo hèn bậc nhất trong xã hội, kẻ nghèo chẳng có của cải, kẻ hèn chẳng có địa vị, nhưng họ rất ngạo mạn, khi thấy người giàu sang đi ngang qua trước mặt liền bĩu môi nói một câu: "[Mấy người đó] có tài giỏi gì đâu, chẳng qua chỉ là có mấy đồng tiền thối mà thôi", bạn xem! cũng vẫn ngạo mạn. Phiền não này không thể không đoạn, nếu không đoạn thì sẽ gây chướng ngại rất lớn cho sự tu học của chúng ta. Chúng ta thấy trong kinh văn, Địa Tạng Bồ Tát là người như thế nào, ngài tự nguyện ở địa vị Đẳng Giác Bồ Tát, nếu muốn thành Phật thì ngài đã thành Phật từ lâu rồi. Trong phẩm Tựa chúng ta thấy, có bao nhiêu học trò của ngài đều đã thành Phật, thầy hiện nay còn làm Bồ Tát. Là Bồ Tát thì phải giữ bổn phận của một vị Bồ Tát, đối với Phật vẫn khiêm tốn, vẫn nói ngài 'thừa Phật oai thần gia trì', đây là việc chúng ta nhất định phải học tập. Tự mình có thành tựu hơn nữa, có trí huệ, có khả năng hơn nữa cũng không thể kiêu mạn, phải từ nội tâm lưu lộ sự khiêm tốn, cung kính thì bạn mới có thể đoạn phiền não. Nếu bạn chẳng lưu ý từ việc này, cứ cho rằng mình có tài, người khác chẳng có, hiện nay người ta thường nói là "rất đáng kiêu ngạo", vậy thì hỏng hết. Nói đáng kiêu ngạo nghe không hay, [mà phải nói là] đáng đọa lạc, đáng vào tam đồ, không phải là có ý này sao? Do đó chúng ta nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật. Ở đâu cũng có thể thấy những kinh văn giống như vầy, mỗi lần đọc được phải nâng cao sự giác ngộ của mình. Chúng ta hãy xem Địa Tạng Bồ Tát thỉnh pháp:

Bạch Phật ngôn, Thế Tôn, ngã quán nghiệp đạo chúng sanh, giảo lượng bố thí, hữu khinh hữu trọng, hữu nhất sanh thọ phước, hữu thập sanh thọ phước, hữu bá sanh, thiên sanh thọ đạo phước lợi giả. Thị sự vân hà, duy nguyện Thế Tôn vị ngã thuyết chi.

Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh trong nghiệp đạo, so sánh về sự bố thí thì có nhẹ có nặng. Có người hưởng phước trong một đời; có người hưởng phước trong mười đời; có người hưởng phước lợi lớn trong trăm đời, ngàn đời. Những việc này là như thế nào? Cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy cho con rõ.

Việc này đâu phải là Địa Tạng Bồ Tát không biết? Một người hỏi, một người đáp là để cho chúng ta nghe, làm cho chúng ta giác ngộ. 'Nghiệp đạo chúng sanh' nghĩa là chúng sanh trong lục đạo, trong lục đạo chúng sanh đặc biệt chỉ Người và Trời, hai nẻo Người và Trời, trong hai nẻo này lại đặc biệt chỉ loài người. Pháp hội này ở cung trời Đao Lợi, trời Dục Giới. Giảo lượng Bố thí, giảo lượng là so sánh, cân nhắc; so sánh, cân nhắc bố thí có nhẹ có nặng. Sau đó nêu ra thí dụ. 'Hữu nhất sanh thọ phước', đây là nhẹ. 'Thập sanh thọ phước', thì nặng hơn, 'hữu bá sanh thiên sanh thọ đại phước lợi giả', sự bố thí này rất nặng. Đó là vì nguyên nhân gì? Chư Phật nói rõ cho chúng ta biết. Thường thường thì Bố thí có ba loại: 'thí tài vật, thí pháp, thí vô uý'. Tài nghĩa là tài vật, trong tài vật có phân ra hai loại nội tài và ngoại tài; ngoại tài là những vật ngoài thân; nội tài là nói về thân thể chúng ta. Thí dụ chúng ta dùng trí huệ, dùng sức lực, dùng tài khéo léo phục vụ cho xã hội đại chúng thì đó gọi là bố thí nội tài. Công đức của bố thí nội tài vượt hơn ngoại tài. Ngày nay đạo tràng này có rất nhiều người phát tâm làm việc thiện nguyện, những việc thiện nguyện này đều thuộc về bố thí nội tài.

Như mỗi ngày quý vị đều thấy rõ ràng, phước báo của những người ở Cư Sĩ Lâm rất lớn. Có rất nhiều cư sĩ lớn tuổi giúp rửa rau, lặt rau, rửa chén, rửa dĩa trong phòng ăn, họ làm việc rất hết lòng, rất có trách nhiệm, làm rất sạch sẽ để cúng dường đại

chúng, đây là bố thí nội tài. Hình như đời này cuộc sống rất cực khổ nhưng phước báo đời sau sẽ không tưởng tượng nổi! Phước báo này tuyệt đối chẳng thể hưởng hết trong một đời. Đặc biệt là những người đến đây ăn cơm, những người đến dùng cơm ở Cư Sĩ Lâm thiệt là quá nhiều, giả sử trong những người đến đây dùng cơm có được vài người vãng sanh thành Phật, bạn nghĩ thử coi phước báo của những người ở Cư Sĩ Lâm bao lớn! Họ đã cúng dường Phật.

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta, dùng một bát cơm cúng dường một vị Bích Chi Phật sẽ được quả báo chín mươi mốt kiếp chẳng bị nghèo khổ, nếu như ở đây cúng dường, nếu ở đây có vài người thật sự vãng sanh bất thoái thành Phật, thì phước báo họ được sẽ vượt hơn cúng dường Bích Chi Phật. Đối với những sự lý này, những người thông suốt hiểu rõ có thể nhìn thấy được, còn phần đông người thường thì nhìn không ra. Trong Niệm Phật Đường, đặc biệt là niệm Phật vào ban đêm, quý vị niệm Phật ba mươi sáu giờ một tuần, những người làm việc thiện nguyện này cũng chẳng ngủ, chẳng nghỉ, vẫn có đầy đủ tinh thần để chăm sóc cho đại chúng, ban đêm cung cấp các món ăn điểm tâm, thức uống, chăm sóc rất chu đáo, làm vậy là tu phước to lớn! Cúng dường cả nội tài lẫn ngoại tài, đến làm viện thiện nguyện, đến để phục vụ, đó là nội tài bố thí, họ còn đem rất nhiều thức ăn đến cho mọi người ăn buổi tối, đó là ngoại tài bố thí. Bố thí cả nội lẫn ngoại, đó là tu phước.

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta, phước báo của tài thí chẳng bằng pháp thí, công đức của việc bố thí pháp quá lớn, thiệt là rất lớn! Nhưng trong nhà Phật, cả ba loại bố thí tài, pháp, vô úy đều nối liền với nhau, chẳng tách riêng rẽ, đối với người thế gian thì ba thứ bố này tách riêng ra, còn trong nhà Phật thì ba thứ bố thí này nhập chung với nhau. Trong tài thí có pháp thí, trong pháp thí có vô úy thí. Họ cúng dường mọi người, bố thí cho mọi người, hằng ngày mọi người ở đây nghiên cứu kinh điển, suy nghĩ, niệm Phật, đó là pháp, cho nên sự cúng dường bố thí này của họ là đối với pháp. Cúng dường Phật, bố thí pháp, cho nên cả hai đều đầy đủ. Sự tu học Phật pháp, khế nhập vào Phật pháp làm cho người ta có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, đoạn phiền não, thành Phật đạo, đây là thí vô úy to lớn, vô cùng thù thắng.

'Thọ phước' tức là việc mà người thế gian chúng ta gọi là hưởng phước, đây là việc hết thảy chúng sanh đều mong muốn đạt được, có ai không muốn hưởng phước? Những người làm việc thiện nguyện coi việc làm thiện nguyện như sự hưởng phước của họ, tu phước kết hợp với hưởng phước, tu phước chính là hưởng phước, hưởng phước chính là tu phước, phước báo của họ sẽ kéo dài mãi chẳng dứt, chẳng phải chỉ có một đời mà thôi. Một người có thể hưởng phước suốt cả đời đại đa số là nhờ đời trước có tu phước, nhưng đời này một khi họ hưởng phước lại không chịu tu phước, phước báo đời này hưởng hết thì chẳng còn nữa. Nếu phước lớn thì có thể hưởng cả đời, đến lúc chết vẫn còn phước báo; nếu phước báo kém một chút thì đến lúc già họ rất đáng thương, phước báo hưởng hết, đến lúc già không có người chăm sóc, khổ chẳng nói nổi! Đó là gì? Đó là bạc phước, những việc này rất nhiều, đều thường bày ra trước mặt chúng ta. Nếu người này cả đời chẳng có bịnh khổ, chẳng có khổ lúc già, chứng tỏ phước báo của họ rất tốt, cả đời hưởng phước. Nếu đến lúc họ chết, lúc chết có tướng lành thì họ hưởng phước không những chỉ trong một đời mà thôi, đời sau vẫn còn hưởng phước; họ ra đi rất an vui, rất tự tại, [lúc chết đầu óc] rất sáng suốt, chẳng mê hoặc, thì nhất định đời sau họ sẽ hưởng phước cõi trời, người, phước này chẳng phải chỉ có một đời mà thôi.

Nếu mười đời, trăm đời, ngàn đời [đều hưởng phước] thì nhất định họ đã tu đại bố thí cho xã hội, cho hết thảy chúng sanh thì mới có thể hưởng phước lớn như vậy. Đời xưa chúng ta thấy vua chúa, những gia đình trọng vọng có thể truyền nhiều đời mà

gia đạo chẳng suy, đó là nhờ tổ tiên tu phước lớn, cho nên con cháu đời đời đều hưởng chẳng cùng tận. Nếu [hưởng phước cả] trăm đời, ngàn đời thì họ đã tạo phước, bố thì càng nhiều hơn nữa; [trường hợp] mười đời hưởng phước, chúng ta thấy nhiều vua chúa thời xưa, những nhà có tiếng tăm được ghi trong lịch sử. Nhưng [những nhà hưởng phước] cả trăm đời, ngàn đời thì sẽ khác, ở Trung Quốc chúng ta chỉ thấy Khổng Lão Phu Tử, đúng là phước lớn cả trăm đời. Khổng Tử đã bố thí những gì? Dạy học, dùng tâm chân thành giáo huấn chúng sanh, bạn hãy xem Khổng Tử truyền đến nay đã trải qua bảy mươi mấy đời, con cháu của ngài vẫn còn được người đời nay tôn kính. Tôn kính tổ tiên của họ, nghe nói con cháu của Khổng Phu Tử được người ta đối đãi một cách đặc biệt, đặc biệt đối đãi lễ độ. Khi ông Khổng Đức Thành đến Mỹ, tiếp nhận sự tiếp đãi [nồng hậu] của người Mỹ vì họ nghe nói ông [Khổng Đức Thành] là con cháu của Khổng Phu Tử, đây là [thí dụ cho sự] hưởng phước cả trăm đời.

Trong nhà Phật, sự bố thí của chư Phật, Bồ Tát đều là phước báo lớn lao trăm đời, ngàn đời, vô lượng vô biên, những việc đức Phật tu là gì? Ngài cũng tu đại bố thí, bố thí pháp. Sau khi đức Phật Thích Ca thị hiện thành Phật, vì chúng sanh giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, tu bố thí pháp. Trong pháp thí có tài thí hay không? Có chứ, nhưng chẳng có ngoại tài, chỉ có nội tài. Họ cần tinh thần, cần thể lực, hao tổn tinh thần, sức lực của họ, đó là tài thí, cho nên có 'tài thí' trong đó. Như trong kinh có nói, sau khi bạn khai ngộ, xa lìa lo sợ, điên đảo, vọng tưởng, đây là thuộc về vô uý thí. Cả đời thành tâm thành ý chuyên làm việc này, do đó họ được phước báo 'cả trăm đời, ngàn đời, hưởng phước to lớn'. Chúng ta phải biết việc này.

Đối tượng của việc bố thí, trong kinh Phật gọi là ruộng phước, bố thí là trồng phước, bạn phải nhận ra cái nào là ruộng phước, phải tìm ruộng phước để trồng phước, vậy thì phước của bạn sẽ vô lượng vô biên, bạn vĩnh viễn hưởng dùng chẳng cùng tận. Thật sự hiểu rõ đạo lý này thì phải nỗ lực sốt sắng mà làm, đừng sợ cực nhọc, cũng đừng sợ mình lớn tuổi, sức lực suy yếu muốn làm một chút chuyện tốt cho xã hội nhưng không được! [Nếu nghĩ vậy] thì sẽ không được, tại sao vậy? Trong tâm người đó nghĩ là không được thì đương nhiên sẽ không được. Nếu bạn nghĩ là được thì bạn sẽ chẳng suy yếu, nếu bạn cảm thấy không được thì mỗi ngày đều nghĩ đến già, nghĩ đến bịnh, nghĩ sức lực suy yếu, Phật pháp nói "tướng chuyển theo tâm" thì đương nhiên bạn sẽ suy yếu. Nếu bạn có can đảm thật sự giác ngộ, [nghĩ rằng] tôi không già, tôi không bịnh, không suy yếu, kết duyên với hết thảy chúng sanh, làm việc bố thí lớn lao, vậy thì sẽ được! Không phải là không được, cũng sẽ làm được rất viên mãn, chỉ vì bạn có giác ngộ hay không, có chịu phát tâm hay không.

Ngày nay phước điền thật sự, phước điền hạng nhất, phước điền thù thắng không chi sánh bằng là gì? Mỗi ngày chúng ta thường nghĩ đến 'Làng Di Đà' 'Niệm Phật Đường' đây là phước điền vô thượng, vì [đó là nơi] giúp đỡ hết thảy chúng sanh thành Phật. Tôi hiểu được đạo lý này, biết sự thật này, nhưng chẳng có duyên, sức lực của mình chẳng làm nổi cho nên chỉ thường nói [về việc này] mà thôi, đã nói hết ba mươi mấy năm rồi. Chẳng ngờ ở nơi đây gặp được Bồ Tát Lý Mộc Nguyên, ông ấy nghe rõ xong, ông ấy thật sự làm. [Nghe] ông ấy làm, tôi có vui mừng không? Không có. Tại sao không có tâm vui mừng? Tôi chỉ nghĩ nghe thì nghe tạm vậy thôi, có thật sự làm được hay không thì rất khó nói. Nếu tôi vui mừng, nhưng ông ấy làm không nổi, thì không phải tôi sẽ thất vọng hay sao? Do đó tôi không hy vọng nên cũng sẽ không thất vọng; nếu bạn làm thành công thì rất tốt! Còn nếu không thành công, tôi vốn chẳng hy vọng [nên sẽ chẳng thất vọng] tâm chúng ta vĩnh viễn giữ được bình yên, thanh tịnh. Thế nhưng ông ấy nỗ lực làm hết lòng, chúng ta phải giúp ông ấy, giúp cho ông ấy thành tựu. Cho nên chúng tôi thí nghiệm trước, ở Cư Sĩ Lâm mở Niệm Phật Đường để

thí nghiệm; thí nghiệm xong làm cho chúng tôi có lòng tin, mọi người đều khởi lòng tin. Nếu không thí nghiệm thì bạn sẽ chẳng có lòng tin, thì bạn sẽ rất khó làm cho được thành công. Nhờ làm thí nghiệm này, tuy thời gian thí nghiệm chẳng dài, Niệm Phật Đường tính đến nay được thành lập chưa tới ba tháng, trong thời gian ngắn như vậy, làm cho các vị đồng tu từ trên xuống dưới, từ những vị Đổng Sự ở Cư Sĩ Lâm, các vị lãnh đạo đến các vị đồng tu mỗi ngày đến niệm Phật, thậm chí các vị đến làm việc thiện nguyện, mọi người ai nấy đều tràn đầy lòng tin, thật là chẳng thể nghĩ bàn, đây chẳng phải là sức lực của con người mà chính là do Phật lực gia trì.

Do đó tôi thường nói, lời tôi nói là lời chân thật, Niệm Phật Đường này có chư Phật trong đó niệm Phật, có Bồ Tát trong đó niệm Phật, còn thần hộ pháp thì quá nhiều, không kể hết. Có người nói với tôi, có người thấy thần hộ pháp đều đang xếp hàng, đó là thật chứ chẳng giả. Cho nên mỗi người bước vào Niệm Phật Đường đều cảm nhận vô cùng đặc biệt, khí phận rất khác biệt, người ngoại quốc gọi là từ trường khác lạ. Sau khi bước vào liền sanh tâm hoan hỷ, sanh khởi lòng tin. Thí dụ [nhiều người] niệm suốt bốn mươi tám giờ, suốt hai ngày hai đêm không ngủ không nghỉ, có nhiều người nói sức lực họ làm không nổi, nhưng rốt cuộc rồi cũng làm nổi, niệm suốt hai ngày hai đêm xong nên họ tăng trưởng lòng tin, cảm thấy họ cũng khá lắm! Đây là Phật lực gia trì, thiện căn, phước đức, nhân duyên của mình thành thục; kinh Di Đà có nói *'Chẳng thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy'*, lại còn được chư Phật Như Lai gia trì, chúng ta phải biết việc này. Chúng ta vô cùng may mắn, lúc trước người tu hành nhiều, đạo tràng đúng pháp nhiều, Phật, Bồ Tát chăm lo săn sóc trọn khắp, hiện nay không có, chỉ còn lại một nơi, hết thảy Phật, Bồ Tát đều gia trì một người, một đạo tràng, việc này chẳng thể nghĩ bàn. Do đó nhất định phải tự mình phát tâm, phải tự mình có lòng tin, làm đúng như lý như pháp, đúng như lời nhà Phật thường nói 'tâm tưởng sự thành', 'hết thảy pháp đều do tâm tưởng sanh ra', chỉ cần những gì bạn làm là lợi ích chân thật. Mục đích chúng ta là mong cầu chánh pháp trụ thế lâu dài, hết thảy chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích chân thật, thì chúng ta sẽ vui vẻ hy sinh, vui vẻ cống hiến.

Có một số đồng tu rất quan tâm cho tôi và nói 'Pháp sư đã lớn tuổi rồi, mỗi ngày đều phải giảng kinh, ngày nào cũng không nghỉ ngơi, mệt cho thầy quá'. Tôi rất cám ơn sự quan tâm của những người này, họ khuyên tôi giảm bớt thời gian giảng kinh, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi thôi, đừng giảng hết hai tiếng, mỗi tuần giảng nhiều nhất là năm ngày, nghỉ ngơi hai ngày, đó là ý tốt, tôi rất cảm ơn. Nhưng bạn phải biết, nếu chúng ta giảm bớt thời gian giảng kinh nửa giờ, sợ rằng giảng bộ kinh Hoa Nghiêm này phải mất mười lăm năm, hiện nay tôi nghĩ mười năm chưa chắc đã giảng xong, nếu còn giảm bớt nửa tiếng thì sợ là phải kéo dài hai mươi năm, vậy thì sao được! Nói ra thì nghe hay lắm, mọi người đều vô lượng thọ, nhưng cũng hy vọng giảng xong bộ kinh này sớm hơn, mau hoàn thành viên mãn. Hiện nay mỗi ngày tôi giảng hai tiếng đồng hồ chẳng cảm thấy mệt, giảng được rất hoan hỷ, do đó trong tình trạng trước mắt hiện nay vẫn còn được! Có thể duy trì, chẳng cần phải giảm bớt thời gian. Ngạn ngữ thế gian cũng thường nói *'Khi người gặp chuyện vui thì tinh thần hăng hái'*, giảng kinh là chuyện vui, chuyện tốt, chẳng phải là chuyện cực nhọc. Phần đông người ta cho rằng dạy học trong trường là một chuyện cực khổ, đó có thể là chuyện cực khổ, nhưng giảng kinh là một chuyện vui sướng, chẳng giống như chuyện dạy học trong trường, đây là một chuyện vô cùng vui sướng. Nếu giảm bớt chuyện làm vui sướng này, tôi nghĩ ai cũng chẳng mong muốn, giảm bớt chuyện cực khổ thì được, chứ đừng giảm bớt chuyện vui sướng.

Đây là nói rõ phước điền, phước điền chân thật là đem lại lợi ích cho chúng sanh. Lúc trước tôi khuyên người ta tu phước đều là khuyên người ta phát tâm lưu truyền Phật pháp. Phương pháp lưu truyền Phật pháp là in kinh, thời quá khứ chỉ có in kinh bố thí, in kinh bố thí có đầy đủ ba thứ tài, pháp, vô úy thí, đây là việc tốt. Kế đó tôi thường khuyên người ta chăm sóc cho người bịnh khổ, một số người bịnh, những người có đời sống rất cực khổ, chúng ta bố thí cho họ, cho họ thuốc men, cứu tế người nghèo khổ. Thứ ba là tôi khuyên người ta phóng sanh, phóng sanh là vô úy thí. Đây là những việc mà nhiều năm nay tôi giảng kinh thuyết pháp khuyên nhắc chư vị, đây thật sự là phước điền, tuyệt đối chẳng có lỗi lầm, tệ đoan. Tôi chẳng khuyên người ta xây đạo tràng, xây đạo tràng chưa chắc đã là phước điền thật sự, nếu [người ở] đạo tràng ấy chẳng tu học, hoằng dương chánh pháp thì phước điền ấy là giả, chứ chẳng phải thật, chúng ta trồng phước [ở những nơi] này là bị lầm rồi. Đạo tràng chánh pháp chẳng dễ gặp, vô cùng khó khăn mới gặp được, thực sự là có thể gặp chứ chẳng thể mong cầu, một khi gặp được đạo tràng [hoằng dương] chánh pháp chúng ta phải dốc sức để tu bố thí cúng dường, bố thí cúng dường nhất định phải đúng như pháp.

Gần đây Lý cư sĩ tìm được một miếng đất, chúng tôi muốn xây Làng Di Đà ở đó. Ông ấy đến hỏi tôi: “Cần phải xây theo lối cung điện vua chúa hay không?” Tôi trả lời: “Không cần, xây theo lối cung điện tốn rất nhiều tiền, chưa chắc có thể thích hợp”. Tôi nói “Chúng ta xây theo kiến trúc hiện đại, bỏ hình tượng chùa miếu, chúng ta đề xướng giáo dục Phật giáo, nên dùng kiến trúc hiện đại”. Hôm qua họ đem họa đồ lại cho tôi coi, Niệm Phật Đường có hình tròn, trên đỉnh còn có một tượng Phật, tôi kêu ông đừng làm tượng Phật, đừng để tượng Phật ở đó phơi nắng, phơi mưa, như vậy không cung kính, đừng làm tượng Phật như vậy. Dùng kiến trúc hiện đại, tốn ít tiền, sử dụng thích hợp mới quan trọng. Cốt yếu là mong thành tựu cho công phu niệm Phật của mọi người, hy vọng những người đến đây niệm Phật có thể được công phu thành phiến, được nhất tâm bất loạn. Được công phu thành phiến thì nhất định vãng sanh, như vậy mới thật sự là phước điền, phước điền chân thật. Phần trường học chúng tôi tiếp nhận, sửa sang một chút thì có thể làm Phật Học Viện, giải hành tương ứng, điểm này rất quan trọng! Người niệm Phật mỗi ngày phải nghe kinh, nếu không nghe giảng kinh thì niệm Phật ba ngày liền giải đãi, nghe giảng kinh là mỗi ngày khuyên nhắc, mỗi ngày khích lệ họ, chúng ta ở đó giúp họ không thoái chuyển. Mỗi ngày giảng kinh là vì việc này, giúp họ dũng mãnh tinh tấn.

Đây là phước điền chân thật, chúng tôi nhìn thấy vô cùng rõ ràng, rành rẽ, một xu cũng không thể lãng phí thì mới thành tựu được tấm lòng bố thí của thí chủ, không thể lãng phí [đồng tiền ấy]. Nhà Phật thường nói ‘trước cửa địa ngục nhiều tăng sĩ’, ai đọa địa ngục? Người xuất gia đọa địa ngục. Tại sao lại đọa địa ngục? Vì chẳng biết tiết kiệm, cung kính, lãng phí đồng tiền của thí chủ, trong đó tạo rất nhiều tội nghiệp, chính bạn tu trì có công phu gì? Bạn được nhất tâm hay chưa? Được công phu thành phiến chưa? Nếu chưa, nói một cách khác, [sanh đến được] tây phương Cực Lạc thế giới [hay không] vẫn còn là một dấu hỏi, bạn chưa chắc có thể sanh được. Nếu bạn không được vãng sanh, thì những sự thọ dụng này, đây là việc mà nhà Phật thường nói:

‘Một hạt gạo của thí chủ, lớn như núi Tu Di,

Đời này không liễu đạo, đội lông sừng mà trả’

Do đó nhất định phải biết tiết kiệm, tu phước, tiếc phước, [việc gì] có thể tiết kiệm thì nhất định phải tiết kiệm, cần dùng thì phải dùng, cần dùng thì tuyệt đối không thể hà tiện.

Hiện nay việc bố thí, trừ việc in kinh ra, phạm vi của sự bố thí pháp rộng hơn lúc trước rất nhiều. Hiện nay chúng ta có băng thâu âm, có băng thâu hình, có CD, thậm chí hiện nay chúng ta còn lợi dụng truyền hình vệ tinh, lợi dụng màng lưới điện toán quốc tế, tất cả đều thuộc về bố thí pháp. Rất nhiều người làm công việc này, họ dùng nội tài và ngoại tài tu công đức bố thí chân thật, phạm vi [của việc thí pháp] hiện nay của chúng ta rộng lớn hơn lúc trước rất nhiều. Tối hôm qua có bạn đồng tu đến nói với tôi, hiện nay chúng ta ở đây làm CD, số lượng rất lớn, các nơi trên khắp thế giới đều xin chúng tôi, chúng tôi nhờ những xưởng khác làm dùm, giá tiền rất rẻ, mỗi dĩa tốn một đồng rưỡi. Họ nói với tôi, nếu tự mình lập ra xưởng, tự mình sản xuất thì tiền vốn mỗi dĩa chỉ có nửa đồng; nói cách khác, lúc trước chúng ta tặng cho người ta một dĩa CD thì hiện nay chúng ta có thể tặng cho người ta 3 dĩa. Tôi nói chuyện này rất tốt, tôi tán thành, đợi Lý cư sĩ trở về, chúng ta sẽ nghiên cứu việc tự lập xưởng để làm CD. Tu phước như vậy thì trăm đời, ngàn đời sẽ được phước lớn, chỉ cần người thật sự hiểu rõ đạo lý nhà Phật, hiểu rõ chân tướng sự thật thì mới biết tự mình tu phước như thế nào, làm sao mới có phước lợi to lớn.

'Phước lợi to lớn' nói ở đây chẳng phải là phước lợi ở cõi trời, người, phước lợi cõi trời, người chẳng lớn; vãng sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới thành Phật thành Bồ Tát thì phước lợi ấy mới lớn. Phước lợi của chúng sanh trong lục đạo, các bạn đã đọc kinh Vô Lượng Thọ, phước lợi của chúng sanh trong lục đạo lớn nhất là Đại Phạm thiên vương, nếu so sánh Đại Phạm thiên vương với người Hạ Hạ phẩm vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Cực Lạc thế giới thì còn thua xa. Phước báo của người ở tây phương Cực Lạc thế giới ví như Đại Phạm thiên vương, còn phước của Đại Phạm thiên vương ví như người nghèo ở thế gian chúng ta, không thế nào so sánh được, [phước của người vãng sanh cõi Cực Lạc] mới thật sự là đại phước lợi. Chúng ta chịu giúp người khác thành Phật thì chúng ta nắm chắc sự thành Phật của chính mình. Thật sự giúp đỡ người khác thành Phật thì nhất định phải tạo ra tăng thượng duyên cho mọi người. Chúng ta biết những người niệm Phật này có thiện căn, có phước đức, thiếu nhân duyên, cho dù có thiện căn, phước đức, nhưng thiếu nhân duyên thì đời này vẫn không thể thành tựu. Họ ở nhà niệm Phật, họ ở các đạo tràng khác niệm Phật, bị khuấy nhiễu, tâm chẳng thể định được. Chúng tôi thường nghe đồng tu nói, ở nhà niệm Phật, con cháu trong nhà thường lại phá phách, bạn bè thường gọi điện thoại lại khuấy nhiễu nên tâm chẳng yên định được. Khi chúng ta có một Niệm Phật Đường, trong đó không có điện thoại, chẳng gắn điện thoại, trong các phòng nghỉ ngơi hoàn toàn không có điện thoại, được vậy thì tâm bạn sẽ định, chẳng có ai đến tìm bạn, chẳng bị khuấy nhiễu. Đây là việc chúng ta cung cấp nhân duyên và hoàn cảnh cho họ tu học.

Lý cư sĩ rất gan dạ, tôi rất khâm phục ông ta; tương lai những người cư trú ở Làng Di Đà khỏi phải trả một đồng nào cả, [nhưng cần phải có] điều kiện gì? "Chịu niệm Phật", chỉ cần một điều kiện này, nam nữ già trẻ gì cũng được, chỉ cần chịu niệm Phật thì bạn có thể trú ở đó, Làng Di Đà sẽ cúng dường bạn cả đời mãi cho đến khi bạn vãng sanh. Ngày nay trên thế giới có bao nhiêu chánh phủ làm sự nghiệp phước lợi đều chẳng sánh bằng Làng Di Đà. Những viện dưỡng lão, chỗ về hưu ở ngoại quốc tuy là làm được rất tốt, vẫn còn rất nhiều hạn chế, thủ tục còn rất phiền phức. Tương lai thủ tục xin ở Làng Di Dà chỉ cần một điều kiện "bạn chịu niệm Phật" thì bạn sẽ được nhận. Người ngoại quốc chỉ cần có được quyền cư trú hợp pháp ở Tân Gia Ba thì sẽ được nuôi cả đời, bạn không cần phải bận tâm gì hết, [Làng Di Đà sẽ] cúng dường hết tất cả quần áo, nơi ăn chốn ở. Lý cư sĩ muốn thiết kế đồng phục, đến trú ở Làng Di Đà thì phải thay đổi đồng phục của Làng Di Đà, quần áo cũ của bạn đều không dùng nữa, tứ sự cúng dường trong đời sống đều được lo lắng đầy đủ, đây là đại bố thí! Tiền từ đâu tới? Vẫn chưa biết. Lý cư sĩ có lòng tin, chúng ta không có phước báo, đức Phật A Di

Đà có phước báo, chúng ta làm công cho đức Phật A Di Đà thì đương nhiên ngài sẽ chăm sóc, lòng tin được xây dựng từ chỗ này. Phật có phước báo, chúng ta phục vụ thay thế A Di Đà Phật, ông chủ ở phía sau ủng hộ là đức Phật A Di Đà, cho nên cần gì phải sợ? Cứ vững tâm mà làm, dốc hết tâm sức để làm, nhất định sẽ thành công, chắc chắn làm được viên mãn. Đặc biệt là khoảng thời gian gần đây ở Cư Sĩ Lâm, chúng ta thấy càng bố thí thì càng có nhiều, chẳng phải là bố thí sẽ giảm bớt, bố thí sẽ thiếu thốn, mà là càng bố thí thì có càng nhiều, việc này đem lại lòng tin to lớn cho chúng ta. Do đó nhất định phải nhận biết phước điền một cách rõ ràng, đó là phước điền chân thật, phước điền này chắc chắn được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên thiện thần gia trì, che chở.

Hiện nay đạo tràng này, Lý cư sĩ nói với tôi rất rõ ràng, chúng tôi làm một đạo tràng gương mẫu cho thế gian, làm một khuôn mẫu. Sau khi làm được thành công, hy vọng mọi người từ khắp nơi đến đây tham học, cho nên nơi đây hoan nghênh người niệm Phật từ mọi nơi trên thế giới đến đây niệm Phật, thông thường khi đến đây thì hải quan Tân Gia Ba sẽ cho bạn một tháng đến ba tháng, bạn có thể tạm trú ở đây một thời gian để niệm Phật, [sau đó] đem kinh nghiệm và cách làm ở nơi đây mang về [chỗ ở của mình]. Hy vọng tương lai khắp nơi trên toàn thế giới đều có những Niệm Phật Đường như vậy, đều xây dựng Làng Di Đà giống như vậy, đích thật có thể tiêu trừ tai nạn cho xã hội, cho thế gian, cho hết thảy chúng sanh, đem lại ổn định, hòa bình, hưng vượng. Cho nên sự bố thí này, sự tu phước này thật sự là trăm đời, ngàn đời được đại phước lợi. Chúng ta vô cùng may mắn gặp được duyên này, chúng ta tu một chút tùy hỷ công đức, sự tùy hỷ công đức này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể quý tiếc duyên này thì đời này chúng ta sẽ chẳng luống uổng, đời này sẽ rất có ý nghĩa, có giá trị.

Phật Học Viện phải tổ chức, thâu nhận học sinh, mở rộng, cách suy nghĩ này đúng đắn, vì tương lai những nơi khác xây làng Di Đà, nhân lực của chúng ta chẳng đủ, nhất định phải đào tạo rất nhiều nhân tài, giúp các nơi xây dựng làng Di Đà, đẩy mạnh sự hoằng dương Tịnh Tông. Cho nên việc thâu nhận học sinh, Lý cư sĩ thương lượng với tôi rằng không hạn chế người Trung Quốc, các người tại gia, xuất gia ở khắp nơi trên thế giới đều được thâu nhận. Đạo tràng chánh pháp do cư sĩ chủ trì rất nhiều, Cư Sĩ Lâm ở đây là do cư sĩ chủ trì, Tịnh Tông Học Hội ở đây cũng do cư sĩ chủ trì. Lúc trước khi tôi thân cận lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, Phật Giáo Liên Xã Đài Trung, Thư Viện Từ Quang ở Đài Trung đều do cư sĩ chủ trì, do đó chúng ta đừng có tâm phân biệt, muôn vàn không thể cho rằng người xuất gia cao hơn người tại gia, vậy là sai rồi. Cao thấp là phải coi công phu tu hành của bạn cao thấp, chẳng ở tại hình tướng, điểm này chúng ta phải hiểu rõ.

Việc này vào năm đầu Dân Quốc, trong lời giáo huấn của đại sư Âu Dương Cánh Vô ở Học Viện Chi Na có một bài rất dài lập đi lập lại lời dạy về việc này, thường thường người xuất gia tự cao tự đại đến cuối cùng lại phải đọa lạc, tạo rất nhiều tội nghiệp, người tại gia thường khiêm tốn trái lại có thể vãng sanh Tịnh Độ bất thoái thành Phật, rất đáng cho chúng ta cảnh giác. Âu Dương đại sư đặc biệt nhấn mạnh một câu 'Phật pháp là sư đạo', ngài nói 'Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, là việc mà đời nay vô cùng cần thiết', ngài nói Phật pháp là sư đạo, trong sư đạo thì thầy giáo lớn nhất, đặc biệt đề xướng tôn sư trọng đạo. Thầy giáo có người tại gia, người tại gia là thầy của tôi, tôi học theo thầy, thầy là người lớn nhất. Tuyệt đối không thể nói tôi có thân phận xuất gia, thầy là thân phận tại gia, tôi phải lớn hơn thầy, vậy là sai rồi. Cư sĩ tại gia là thầy của chúng ta, chúng ta cũng gọi thầy là hòa thượng, hòa thượng là tiếng Phạn, ý nghĩa là thân giáo sư, pháp của tôi là do thầy truyền cho tôi, là

do thầy dạy tôi, người này là thân giáo sư của tôi, thân giáo sư gọi là hòa thượng. Hòa thượng chẳng phân biệt nam nữ, già trẻ, chẳng phân biệt tại gia, xuất gia. A-xà-lê là thân phận thầy giáo, ngôn hạnh của ngài có thể làm gương mẫu cho tôi, tôi phải nên học theo ngài, cho nên A-xà-lê cũng không phân tại gia, xuất gia. Hiện nay rất nhiều Mật Tông Thượng Sư A-xà-lê là người tại gia, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chính là một vị Mật Tông A-xà-lê, người xuất gia tu học theo ngài cũng phải đảnh lễ ba lạy, nhiễu quanh bên phải ba vòng. Lúc đức Phật còn tại thế, cư sĩ Duy Ma là người tại gia, khi Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên gặp cư sĩ Duy Ma hành lễ chẳng khác khi gặp Thế Tôn, cũng là đảnh lễ ba lạy, nhiễu quanh bên phải ba vòng, hành lễ thầy trò, chẳng coi người đó là người tại gia. Chúng ta phải đổi quan niệm này trở lại, trong Phật pháp thì thầy giáo là hạng nhất, thậm chí là nữ cư sĩ tại gia, họ giảng kinh thuyết pháp, họ dạy học, chúng ta cũng phải coi họ là Phật vậy, chẳng được có một tơ hào phân biệt, không thể có tâm khinh mạn, như vậy thì chúng ta mới có thể thành tựu.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 36 (14-32-36)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 3, xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát, ngô kim ư Đao Lợi thiên cung, nhất thiết chúng hội, thuyết Diêm Phù Đề bố thí, giảo lượng công đức khinh trọng, nhữ đương đế thính, ngô vị nhữ thuyết.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Nay Ta ở trong toàn thể chúng hội nơi cung trời Đao Lợi này, giảng về sự so sánh công đức khinh trọng của việc bố thí ở Diêm Phù Đề. Ông phải lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.

Đoạn trước có nói Địa Tạng Bồ Tát thỉnh giáo đức Thế Tôn, chúng sanh trong lục đạo tu phước, tu phước chẳng giống nhau, quả báo cũng chẳng giống nhau, xin đức Phật giảng rõ chân tướng sự thật này cho chúng ta biết, đoạn kinh này là lời Thế Tôn giảng giải. Chữ ‘Nhĩ thời’ trong kinh văn là lúc Địa Tạng Bồ Tát thưa hỏi về việc này. Thế Tôn nói với Địa Tạng Bồ Tát, ‘ngô’ là lời đức Phật tự xưng, hôm nay tại cung trời Đao Lợi, trong tất cả chúng hội, ‘nhất thiết chúng hội’ bao gồm đại chúng trong mười pháp giới, hội này vô cùng thù thắng, hy hữu. Trong phẩm Tự chúng ta đã thấy mười phương hết thảy chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát, đương nhiên trong đó bao gồm chúng sanh trong chín pháp giới, do đó trong hội này trên thật tế cùng với hải hội Hoa Nghiêm chẳng hai chẳng khác, bất quá hội này là mở ở tại cung trời Đao Lợi, kỳ thật đã phá vỡ thời gian và không gian. Chúng ta nhìn thấy lục đạo chúng sanh trong tận hư không, trọn khắp pháp giới tham dự pháp hội này, cũng giống như tình huống trong kinh Hoa Nghiêm, đều là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa trong ác đạo, dùng thân phận của những quỷ vương này tham dự đại hội, do đó hết thảy đại chúng trong hội vô cùng hy hữu. ‘Thuyết Diêm Phù Đề bố thí, giảo lượng công đức khinh trọng’, đây là đáp ứng lời thỉnh cầu của Địa Tạng Bồ Tát, ‘Diêm Phù Đề’ tức là địa cầu của chúng ta, những người trên địa cầu tu phước được quả báo nặng nhẹ. Hai câu cuối cùng này đặc biệt căn dặn Địa Tạng Bồ Tát, trên thực tế là dặn dò mọi người chúng ta, ‘nhữ đương đế thính’, ‘đế thính’ là nghe cho kỹ, ‘ngô vị nhữ thuyết’, sau đó là Thế Tôn thuyết pháp cho chúng ta. Xin xem kinh văn:

Địa Tạng bạch Phật ngôn, ngã nghi thị sự, nguyện nhạo dục văn.

Bồ Tát Địa Tạng bạch Phật rằng: "Con đang hoài nghi việc ấy, nên rất muốn được nghe".

Thật ra nói Địa Tạng Bồ Tát hoàn toàn là thay thế chúng ta, ngài nói 'Đối với sự việc này con rất hoài nghi, vô cùng hoan hỷ mong Thế Tôn vì chúng con mà giảng chân tướng sự thật này. Thanh Liên pháp sư trong chú giải đã nói với chúng ta vài câu, những câu này đều là tình hình trong đời sống hiện thật, chúng ta hãy đọc phần chú giải 'Những người ở Diêm Phù Đề có thể bố thí, nhất định sẽ sanh lên trời'. Thật sự tu bố thí, bố thí đúng lý đúng pháp, bố thí là phước, khi tu phước có phước báo lớn thì kẻ ấy sanh lên trời để hưởng phước. Cho nên Thế Tôn giảng về công đức khinh trọng của việc bố thí ở tại cõi trời, tại sao không nói ở cõi người mà nói ở cõi trời? Đây là chỉ rõ ý nghĩa này cho chúng ta. Nói 'hãy lắng nghe, nghiệp của sự bố thí là nguồn gốc của các hạnh', hai câu này là cương lãnh, nói tổng quát. 'Tài vật vô thường, năm nhà3[3] tranh đoạt, kẻ phàm ngu keo kiệt, chẳng có tâm xả', đây là nói về tình trạng của con người trong thế gian, xã hội trước mắt càng nhiều hơn nữa, chẳng từ chối bất cứ thủ đoạn gì để cướp lấy tài vật, làm vậy sẽ tạo tội nghiệp. 'Làm cho vợ con dòm chừng nhau', đây là gia đình bất hòa, 'anh em bất hòa, quyến thuộc trái ngược xa lìa, bạn thân tách lìa', đây đều là những tình trạng hiện thực trong xã hội chúng ta. Rốt cuộc là do nguyên nhân gì tạo thành? Hiện nay tình trạng này quá bình thường, quá nhiều rồi. Ở Trung Quốc, ở ngoại quốc hầu như những gì sáu căn chúng ta tiếp xúc đến đều là cảnh giới này, chúng ta phải hiểu nghiệp nhân quả báo này, vậy thì phải lắng nghe lời khai thị sau đây của Thế Tôn. Xin xem kinh văn:

Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát, nam Diêm Phù Đề hữu chư quốc vương, tể phụ đại thần, đại trưởng giả, đại Sát Lợi, đại Bà La Môn đẳng.

Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Ở cõi Nam Diêm Phù Đề, có các Quốc Vương, hàng Tể Phụ, Đại Thần, Đại Trưởng Giả, Đại Sát Lợi, Đại Bà La Môn v.v...

Những người này đều là những người có địa vị, có tài sản, có thể bố thí trong xã hội.

Nhược ngộ tối hạ bần cùng nãi chí lung tàn âm á, lung si vô mục như thị chủng chủng bất hoàn cụ giả.

Gặp những kẻ bần cùng thấp kém nhất, cả đến những kẻ gù lưng, tàn phế, ngọng, câm, điếc, ngu si, không mắt, những người không được vẹn toàn như thế;

Đây là những đối tượng được bố thí. Trong Phật pháp gọi là phước điền (ruộng phước), phước điền có ba loại, loại này là 'bi điền', là những người đáng thương nhất trong thế gian. Những người này chẳng tu phước trong đời trước, tuy được thân người, cuộc sống vô cùng khốn khổ, những người có khả năng như chúng ta nhìn thấy những chúng sanh này phải nên dùng tâm đại từ bi tận tâm tận lực để giúp đỡ họ. Nghiệp nhân quả báo, Thanh Liên pháp sư cũng có đề cập sơ lược trong Chú Giải. Câu cuối cùng thầy trích dẫn lời trong kinh *'Muốn biết nhân đời trước, những gì đời này thọ nhận chính là nó. Muốn biết quả đời sau, những gì đời này làm chính là nó.'* (Quý vị coi trong Chú Giải có ghi 'quả đời sau' không, sửa lại thành 'Muốn biết nhân đời trước,

---

3[3] năm nhà: vua, giặc cướp, lửa, nước, và kẻ ác. (năm thứ này có thể đoạt mất tài sản của ta bất cứ lúc nào)

những gì đời này thọ nhận chính là nó. Muốn biết quả đời sau, những gì đời này làm chính là nó.' mới đúng. Ở đây có một chữ sai, phải sửa lại). Phước báo cũng giống như bóng, như tiếng vang, không thể không biết. Trồng phước thì được phước như bóng theo hình, phải hiểu đạo lý này. Sau đó là lời Thế Tôn dạy chúng ta, phải dùng tâm niệm, thái độ như thế nào để tu bố thí.

Thị đại quốc vương đẳng.

Khi các Đại Quốc Vương đó

Chữ 'đẳng', phía trước đã nói về tể tướng, đại thần, trưởng giả, Sát Lợi, Bà La Môn, tức là nói về những người trong xã hội có địa vị, có của cải, có khả năng nên tu bố thí. Trong kinh đức Phật thường nói có phước báo thì nên chia sẻ với hết thảy chúng sanh, phước báo ấy sẽ lớn, phước báo đó sẽ vĩnh viễn hưởng chẳng hết. Nếu tham lam, keo kiệt chỉ dành riêng mình hưởng thọ, cho dù phước báo của bạn rất lớn, đời này bạn thọ dụng hết rồi thì đời sau sẽ chẳng còn phước nữa. Nếu chẳng có phước báo thì họ sẽ đi đâu? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, rất rành rẽ, nếu không đi đến ác đạo, ở cõi người cũng sẽ nghèo hèn, các căn chẳng đầy đủ, cũng sẽ phải đọa lạc vào tầng lớp này. Do đó chúng ta hiểu đạo lý này, hiểu chân tướng sự thật này thì phải nên tu phước. Người giàu sang có thể tu phước, người nghèo hèn cũng có thể tu phước, vả lại tương lai được quả báo cũng sẽ bình đẳng, chỉ cần tận tâm tận lực tu phước thì sẽ viên mãn.

Dục bố thí thời

Lúc muốn bố thí

Lúc bố thí, nói thật ra nói bố thí là hết thảy thời, hết thảy nơi, không thể gián đoạn, quan trọng là bạn dùng tâm gì để giúp đỡ người ta.

Nhược năng cụ đại từ bi, hạ tâm hàm tiếu, thân thủ biến bố thí, hoặc sử nhân thí, nhuyễn ngôn úy dụ.

Nếu có thể đủ lòng đại từ bi, mỉm cười hạ mình, tự tay bố thí cùng khắp hoặc sai bảo người khác bố thí, lại dùng lời ôn hòa, dịu dàng an ủi;

Sự bố thí này thù thắng nhất, có tâm từ bi thật sự. 'Đại từ bi' là tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, đối với hết thảy chúng sanh đều có tâm yêu mến giống nhau, vậy gọi là đại từ bi. 'Hạ tâm' là khiêm hư, tôn trọng người, chẳng có tập khí ngạo mạn, càng không thể có thái độ ngạo mạn. 'Mỉm cười hạ mình, tự tay bố thí cùng khắp, đích thân làm việc này'. Nếu lúc nhân duyên chẳng đầy đủ, tự mình chẳng có cách đích thân đến chỗ đó để bố thí, vậy thì phải phái người đi, phái người đi thay mình, phái người đi cũng phải chỉ họ tâm niệm và thái độ khi bố thí, 'dùng lời dịu dàng, ôn hòa an ủi', dùng sắc mặt hòa nhã, lời nói trìu mến để an ủi những người mà mình bố thí, giúp đỡ. Họ đều đang sinh sống trong hoàn cảnh khốn khổ, mình phải an ủi họ.

Thị quốc vương đẳng, sở hoạch phước lợi như bố thí bá Hằng hà sa Phật công đức chi lợi

Thì các Quốc Vương đó sẽ được phước lợi bằng phước lợi của công đức cúng dường cho một trăm Hằng hà sa chư Phật.

Mọi người đều biết công đức bố thí cúng dường chư Phật lớn nhất, mọi người đều thích cúng dường Phật mà quên mất những người nghèo hèn này. Phía sau nói về những người bị tàn phế trong xã hội, phước báo có được do sự bố thí cho họ cùng với bố thí [cúng dường] chư Phật chẳng có sai khác. Chúng ta bố thí cho chư Phật Như Lai là dùng lòng cung kính, kiền thành đến cùng cực, phải dùng thái độ và tâm niệm ấy mà bố thí cho những người nghèo hèn này, phước báo ấy đều giống nhau. Tại sao vậy? Vì bạn dùng tâm bình đẳng, phước bạn được sẽ bình đẳng, thật sự là cảnh tùy tâm chuyển. Do đó nếu chư vị muốn chân chánh học Phật, muốn thật sự làm Phật ngay trong đời này, không phải là không làm được, lời đức Phật trong kinh dạy chúng ta là lời thật chứ chẳng giả, nhất định phải coi hết thảy chúng sanh như cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai.

Chúng sanh có người giàu sang, chúng ta biết họ đời trước có tu phước, là cha mẹ đời trước của chúng ta. Chúng sanh có người nghèo hèn, chúng ta cũng biết họ đời trước chẳng có tu phước, họ cũng là cha mẹ đời trước của chúng ta. Chúng ta dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng để hiếu thuận, bố thí cúng dường là hiếu dưỡng cha mẹ, là phụng sự chư Phật. Cho nên Phật dạy chúng ta, hết thảy chúng sanh có quan hệ gì với chúng ta? Là cha mẹ đời quá khứ, là chư Phật vị lai. Nếu chúng ta dùng tâm này để xem hết thảy mọi người, hết thảy chúng sanh thì thời gian bạn thành Phật sẽ rút ngắn rất nhanh. Nếu bạn niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới thì đời này chắc chắn sẽ vãng sanh. Nói cách khác bạn niệm Phật tại sao không thể vãng sanh thành Phật? Vì bạn coi thường chúng sanh, dùng thái độ cống cao ngã mạn nên bỏ qua cơ hội tự mình vãng sanh bất thoái thành Phật ngay trong đời này. Không phải là chư Phật, Bồ Tát không giúp đỡ bạn, mà là bạn bỏ qua cơ hội trước mắt, việc này rất đáng cho chúng ta phản tỉnh, đáng cho chúng ta kiểm điểm. Nếu trên những việc này thật sự đã giác ngộ, hiểu rõ rồi, lộ trình Bồ Tát đạo của chúng ta sẽ thuận buồm xuôi gió, làm sao có chướng ngại cho được!

Bất cứ người nào cũng vậy, chỉ cần đầy đủ thái độ này, chẳng phải nói là coi hết thảy chúng sanh 'cũng như' cha mẹ đời quá khứ của mình, chư Phật vị lai, 'coi như' thì tâm địa của bạn cũng chưa thanh tịnh; nói một cách khác, bạn hãy suy nghĩ kỹ đi, bạn vẫn còn một chút ngạo mạn chưa dứt. Nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, đời quá khứ của chúng ta, quá khứ còn có đời quá khứ trước đó, quá khứ vô thỉ, vô lượng vô biên kiếp đến nay có quan hệ thân thích với chúng sanh này. Quan hệ thân thích tại sao lại không tốt đẹp? Hơn phân nửa là vì keo kiệt, tạo ra rất nhiều tội nghiệp, trong tâm nhìn thấy những tài sản này bèn khởi tâm tham, sân, si, mạn, tạo ra rất nhiều ác nghiệp, thọ những quả báo trước mắt này. Ngày nay chúng ta may mắn gặp được Phật pháp, gặp được Đại Thừa, đức Phật giảng giải rõ ràng những chân tướng sự thật này cho chúng ta, làm cho chúng ta giác ngộ. Sau khi giác ngộ trong tâm chúng ta có sự thay đổi rất lớn.

Ngày nay chúng ta đề xướng xây dựng làng Di Đà, hoan nghinh các bạn đồng tu đến đây cùng tu, tất cả những người phục vụ tại làng Di Đà từ lớn tới nhỏ đều coi các vị đồng tu như là cha mẹ, như bậc trưởng bối, chư Phật Như Lai, chúng ta dùng tâm chân thành, hiếu thuận để cúng dường đại chúng, phước báo này cũng giống như lời nói trong kinh này 'giống như công đức lợi ích khi bố thí Hằng hà sa chư Phật', cơ duyên vô cùng khó được, hy hữu khó gặp. Đời này chúng ta có dịp gặp mặt tại Tân Gia Ba này là một điều vô cùng may mắn! Càng nghĩ thì càng thấy việc này vô cùng khó được, càng nghĩ càng cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn. Thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ thì tự nhiên sẽ dốc hết sức lực để cống hiến cho sự nghiệp to lớn này, sự nghiệp to lớn này chính là cúng dường cha mẹ, cúng dường chư Phật. Xin xem tiếp kinh văn:

Hà dĩ cố

Tại sao vậy?

Thế Tôn giải thích đạo lý này cho chúng ta.

Duyên thị quốc vương đẳng, ư thị tối bần tiện bối cập bất hoàn cụ giả, phát đại từ tâm

Bởi các Quốc Vương đó đã phát tâm đại từ bi đối với những kẻ bần cùng thấp kém nhất cùng những người khuyết tật kia.

Đây là một điều kiện quan trọng nhất, vì người tu bố thí phát tâm đại từ bi, tâm đại từ bi giống với tâm Phật. Nhà Phật lược nói từ bi có bốn thứ, người thế gian chỉ có 'ái duyên từ bi', nếu họ thương mến bạn thì đối với bạn từ bi; khi họ không thương bạn thì sẽ chẳng từ bi với bạn. Từ bi là thương mến, quan tâm, toàn tâm toàn lực giúp đỡ bạn, một khi họ không thương bạn thì sẽ không từ bi. Người thế gian có trí huệ, có phước đức to lớn, họ có 'chúng sanh duyên từ bi', họ hiểu được thương chính mình và cũng thương người nhà, thương người nhà thì họ cũng mến quốc gia, thương dân tộc, thậm chí thương mến hết thảy chúng sanh trên thế giới, tâm lượng người này sẽ rất lớn. Người có tâm lượng lớn, đại đa số trong xã hội đều thuộc những người ở tầng lớp lãnh đạo, họ có tâm thương yêu rộng lớn, phạm vi họ bố thí cúng dường phục vụ cũng sẽ rất lớn.

Lúc đến quả vị Bồ Tát, Bồ Tát đã giác ngộ, tâm từ bi của Bồ Tát gọi là 'pháp duyên từ bi'. Giống như chúng ta vừa nói, chúng ta coi hết thảy chúng sanh như cha mẹ đời quá khứ của chính mình, vị lai chư Phật, chúng ta tu hiếu kính, tu cúng dường như vậy thuộc về pháp duyên từ bi, pháp duyên vẫn còn có điều kiện. Tâm đại từ bi của quả địa Như Lai chẳng có điều kiện gì cả, tuyệt đối chẳng có phân biệt, chẳng chấp trước, hoàn toàn là tự nhiên, trong Phật pháp gọi là 'pháp nhĩ như thị' (pháp đương nhiên là như vậy), như vậy mới gọi là 'đại từ bi', phước báo ấy mới vô lượng vô biên, tuyệt chẳng phải chúng sanh duyên, pháp duyên có thể so sánh được. Người này phát tâm đại từ bi, giống như Phật. Ngày nay chúng ta phải học Phật, phải tu phước báo to lớn, khi bạn hiểu đạo lý này, hiểu sự thật này thì bạn sẽ làm được. Người có tiền, có của cải bố thí, họ bố thí nhiều, còn chúng ta không có của cải, chẳng có khả năng, mỗi tháng tôi chỉ kiếm được hai ngàn đồng, nếu tôi có thể bố thí hết hai ngàn đồng thì công đức của tôi sẽ viên mãn. Người ta mỗi tháng kiếm được mấy chục vạn, mấy trăm vạn, họ bố thí vài vạn thì công đức của họ không viên mãn, tại sao? Đó là chỉ một phần nhỏ trong số mà khả năng của người đó có thể bố thí. Phước báo tôi nhỏ nhưng tôi đã đem hết toàn bộ để bố thí, tính tỷ lệ thì sự cúng dường của tôi là một trăm phần trăm, tâm cũng một trăm phần trăm, trên 'sự' cũng là một trăm phần trăm, quả báo có được cũng là một trăm phần trăm, như vậy thì Phật pháp mới gọi là pháp bình đẳng. Tuyệt đối chẳng phải người có thế lực, có của cải mới có thể tu bố thí, còn người nghèo hèn thì không thể bố thí, nếu vậy thì người nghèo sẽ mãi mãi nghèo hoài sao? Giàu sang cũng không phải đời đời kiếp kiếp đều giàu sang? Lẽ nào như vậy! Do đó chúng ta mới thực sự hiểu được lời của đức Phật dạy, thường thường thì người nghèo hèn đời sau sẽ giàu xụ, đời này người giàu sang đến đời sau đều giàu bớt đi, đều giảm xuống, tại sao? Lúc hưởng giàu sang, rất khó bố thí đến mức viên mãn, đạo lý là như vậy, do đó mới gọi là thiên đạo công bình, người nghèo hèn có thể tu đại phước báo.

Trong kinh đức Phật cũng đã từng nêu thí dụ cho chúng ta biết, hình như ở đây không có kể câu chuyện này, trong kinh Tiểu Thừa có nói. Có một người đi ăn xin, đây là một người nghèo hèn đến cùng cực, người ta cho bà một xu, đây là số tiền rất ít.

Người ăn xin này gặp lúc đức Phật đang đi trì bát, nghĩ đến thân thế vô cùng thê thảm, đời quá khứ không có tu phước báo, khi nhìn thấy đức Phật đang trì bát bèn cung kính đem một đồng xu này cúng dường đức Phật. Người ăn xin này là một người đàn bà, bảy ngày sau bà chết mất, vì đã trồng phước này nên đời sau bà sanh vào một nhà trưởng giả giàu sang để hưởng phước, sau khi trưởng thành bà làm hoàng hậu. Đem một xu cúng dường đức Phật được phước báo lớn như vậy, đây là điều mà phần đông người ta rất khó tin nổi. Tại sao lại được phước báo lớn như vậy? Tâm bà phát là tâm đại từ bi, tâm chân thành cung kính, phước là do chỗ này mà sanh ra; chẳng phải từ một đồng xu, một xu đáng giá bao nhiêu? [Phước báo có được] là do nơi tâm bà.

Quốc vương có của cải nhiều, bố thí cho nhân dân, nuôi nấng dân chúng, dạy dỗ dân chúng, nếu không dùng tâm đại từ bi, khiêm nhường hạ mình thì phước báo của vua sẽ không hoàn toàn. Đời này làm vua, đời sau sẽ làm đại thần, đời sau nữa chức quan sẽ càng ngày càng nhỏ, sẽ càng đi xuống. Tuy trên mặt của cải bố thí được nhiều, nhưng tâm chẳng thanh tịnh, chẳng từ bi. Cho nên từ mức đại từ bi giảm xuống thành pháp duyên từ bi, chúng sanh duyên từ bi, ái duyên từ bi, đó là từng đời không bằng đời trước. Đức Phật trong kinh nói đạo lý này với chúng ta rất nhiều, nói rất rõ ràng, chúng ta phải hiểu kỹ lưỡng, phải ghi nhớ trong mọi lúc, mọi chỗ, khi xử sự, đãi người, tiếp vật, phải nhớ lời đức Phật dạy chúng ta đều là thật, nên phải dùng tâm khiêm hạ, cung kính đối xử với hết thảy người, dốc hết sức giúp đỡ mọi người. Giúp mọi người chính là giúp cha mẹ mình, giúp đỡ chư Phật Như Lai, vậy thì bạn coi tâm này của chúng ta sẽ vui vẻ, sung sướng bao nhiêu! Quả báo và phước lợi lớn nhỏ hoàn toàn dựa trên sự dụng tâm của bạn, chẳng dựa trên vật bạn bố thí nhiều hay ít, mà dựa trên tâm của bạn. Sau đó là nói đến quả báo.

Thị cố phước lợi.

Cho nên được phước lợi

Phước mà họ có được, lợi ích họ đạt được.

Hữu như thử báo.

Quả báo như thế

Đây là như thí dụ ở phía trước, quả báo của kẻ ấy được bằng với bố thí Hằng hà sa số chư Phật Như Lai. Do đó có thể biết, chúng ta muốn bố thí một trăm Hằng hà sa số chư Phật Như Lai, làm sao có được cơ hội như vậy, bạn làm sao có thể tu nổi phước báo này? Nhưng có phước báo giống như vậy, khi bạn có thể khởi tâm đại từ bi, như Phật đã nói, đích thật là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, bạn dùng tâm chân thành cung kính này để bố thí cúng dường những người nghèo hèn, hạ tiện thì bạn sẽ được phước, đây là bố thí bằng với bố thí Hằng hà sa số chư Phật Như Lai. Cát sông Hằng rất mịn, giống như bột mì vậy, sông Hằng còn dài hơn Trường Giang ở Trung Quốc, bạn nghĩ coi trong đó có bao nhiêu cát? Khi đức Phật nói tới con số lớn thông thường đều dùng Hằng hà sa để thí dụ, cát trong một sông Hằng đã rất nhiều thì số cát trong một trăm sông Hằng chẳng có cách nào nói hết. Phía trước trong câu chuyện đức Phật có kể một bà cụ nghèo dùng tâm chân thành cung kính cúng dường một đồng xu cho Phật, đời sau có quả báo được làm hoàng hậu. Bạn có thể cúng dường bố thí một trăm Hằng hà sa số chư Phật Như Lai thì quả báo đó bao lớn? Chẳng có cách chi diễn tả được. Đức Phật nói những lời này, thật ra chẳng phải là thiện xảo phương tiện để dạy chúng ta chăm sóc người nghèo hèn, người già nghèo khổ, đức Phật chẳng có ý như vậy. Lời Phật nói đều

chân thật, chẳng có mảy may giả dối, sự thật là như vậy. Phàm phu chúng ta mê mất tự tánh, chẳng thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sanh, cho nên ở khắp nơi xung quanh chúng ta đều là phước điền, chúng ta không biết trồng phước mà còn tạo tội nghiệp, đúng như lời Phật thường nói trong kinh '[chúng ta là] những người đáng thương xót', phước điền ở xung quanh nhưng bạn không biết trồng phước, còn tạo nghiệp, bạn coi đáng thương biết bao!

Bồ Tát hạnh là như thế nào? Người nào biết tu phước đều là Bồ Tát, người biết bố thí, cúng dường đều là Bồ Tát. Trong đời sống chúng ta bố thí, cúng dường, trong công việc làm của chúng ta cũng bố thí cúng dường, bất luận bạn làm ngành nghề gì, ngành của tôi, việc làm của tôi phục vụ cho xã hội đại chúng, là phục vụ cho chúng sanh, chỉ cần bạn có một tâm niệm, thái độ như vậy thì là bố thí cúng dường. [Tôi làm] nghề này là vì giúp cho tôi kiếm tiền, giúp cho gia đình tôi, vì con cháu của tôi, [nếu nghĩ vậy thì] bạn đã bỏ sót, uổng phí phước điền này rồi. Bạn hãy xem, cùng làm một công việc chỉ có một ý niệm sai khác, khởi một niệm riêng tư thì là phàm phu tạo nghiệp, khởi một niệm vì chúng sanh, vì xã hội thì đó là Bồ Tát, là Phật, chỉ sai khác trong vòng một niệm. Đổi ý niệm này trở lại thì siêu phàm nhập thánh, phước lợi của bạn đạt được sẽ vô lượng vô biên, giống như quả vị của chư Phật Như Lai. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Tỳ Lô Xá Na Phật, trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy A Di Đà Phật, những phước lợi mà các ngài có được thì chúng ta cũng có được, các ngài biết tu, nếu chúng ta biết những chân tướng sự thật này thì chúng ta cũng biết tu, phước lợi cũng sẽ bằng với chư Phật Như Lai.

Bá thiên sanh trung thường đắc thất bảo cụ túc, hà huống y thực thọ dụng.

Trong trăm ngàn đời thường được đầy đủ những đồ thất bảo, huống là những thứ thọ dụng như y phục, đồ ăn thức uống.

Phước báo này không phải là một đời, một chỗ, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn hưởng không hết, chỉ coi ý niệm của bạn có thể chuyển đổi trở lại hay không. Người có phước báo, trí huệ đã mở mang, đúng như câu nói 'phước tới thì tâm linh', phước báo hiện ra thì tâm tư cũng linh mẫn, trí huệ sẽ hiện ra, Phật dạy chúng ta phước huệ song tu. Nói thật ra 'huệ' chính là giác ngộ, chính là hiểu rõ, một khi hiểu rồi, hiểu rõ chân tướng sự thật thì trí huệ sẽ mở mang. Biết vì hết thảy chúng sanh là đúng đắn, là việc nên làm, vì chính mình là sai lầm, là việc không nên làm, [hiểu vậy] là trí huệ của bạn đã mở mang. Từ đây về sau khi khởi tâm động niệm, niệm niệm đều vì chúng sanh, vì xã hội, vì nhân dân, chẳng còn một tơ hào tâm riêng tư, đó là trí huệ của bạn đã mở mang. Trong đời sống hằng ngày, từ sáng đến tối, từ mồng một tết tới ba mươi tháng Chạp, chẳng có gì là chẳng cống hiến, chẳng có gì là chẳng bố thí cúng dường, phước báo này của bạn bao lớn. Các vị hãy tự xem chú giải của Thanh Liên pháp sư, ngài chú giải rất hay, đều trích dẫn từ kinh điển. Xin xem tiếp kinh văn:

Phục thứ Địa Tạng, nhược vị lai thế hữu chư quốc vương, chí Bà La Môn đẳng.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có các Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn v.v...

Đây là nói về các người có thể bố thí.

Ngộ Phật tháp tự, hoặc Phật hình tượng, nãi chí Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật tượng cung tự doanh biện, cúng dường bố thí.

Gặp chùa tháp thờ Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến tượng Bồ Tát, Thanh Văn hoặc Bích Chi Phật, bèn đích thân thu xếp sửa sang, cúng dường, bố thí.

Phần trước nói về bố thí những người bần khổ, đây là 'Bi Điền'. Đoạn thứ hai nói về bố thí tháp tự, thánh tượng, đây là 'Kính Điền'. Trước hết nói về người có thể bố thí, thí dụ nói thật ra việc tu phước này là ai nấy đều có thể làm, chỉ cần có tâm chân thành, cung kính để tu bố thí, quả báo cũng sẽ giống như trong kinh đã nói. Ở đây chúng ta nhất định phải hiểu chân tướng sự thật, ngày nay chúng ta xây tháp, xây chùa, đúc hình tượng Phật, tương lai được quả báo sẽ giống như lời nói trong kinh hay không? Đương nhiên sẽ giống, nhưng duyên bố thí phải đầy đủ thì mới giống, nếu duyên chẳng đầy đủ thì bạn sẽ không được phước báo nói trong kinh. Phần trước nói phước báo lớn như vậy là dùng tâm từ bi của Phật mà làm, việc này dễ làm được. Ngày nay bố thí tháp tự của Phật, bố thí đạo tràng của Phật, trước tiên bạn phải quan sát chỗ đó thật sự có 'đạo' hay không? Xây đạo tràng, tôi đã từng nói với các bạn đồng tu, từ xưa đến nay không phải nói xây đạo tràng [xong rồi] đi khắp nơi tìm người tu hành, không phải vậy. Đó là phan duyên chẳng được phước. Phải tu như thế nào? Nhìn thấy có người thật sự tu đạo thì bạn xây đạo tràng cho họ, phước báo như vậy mới lớn. Dùng khả năng của bạn để giúp họ, thành tựu cho họ, đó là phước báo chân thật.

Ngày nay chúng ta đích thật thấy có một số đạo tràng không đúng như pháp, hầu như nơi đâu cũng có đạo tràng không đúng pháp, đạo tràng được xây cho thật huy hoàng, tráng lệ, nhưng trong đó không làm việc đạo, chỉ có vài người ở trong đó hưởng phước, ở trong đó tạo nghiệp, vậy thì chúng ta bố thí cúng dường là giúp cho họ tạo nghiệp, bạn còn có phước hay sao? Họ tạo nghiệp là do bạn giúp họ, khi họ đọa lạc thì bạn cũng phải liên lụy. Đến lúc đó bạn lại hủy báng Tam Bảo, [bạn nói] "Trong kinh Địa Tạng nói rõ ràng rằng bố thí tháp tự, đúc hình tượng được phước nhưng tôi [làm xong lại] bị ác báo, lời Phật nói không linh", do đó bạn báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, tạo tội nghiệp nặng thêm, [đến nỗi] đọa địa ngục A Tỳ. Phật chẳng nói sai, mà vì bạn hiểu sai ý nghĩa, đây là việc chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng. Phần trước nói về bố thí cho người nghèo hèn chẳng có vấn đề, phần này nói về bố thí tháp tự có vấn đề, phải [bố thí cho nơi] thật sự có người tu đạo [thì mới không có vấn đề]. Làm thế nào để bố thí cúng dường đúng như lý như pháp? [Thí dụ] ở chỗ này có hai ba người tu hành, xây cho họ một túp lều tranh nhỏ là được rồi, người ít không cần phải có chỗ rộng lớn; nói một cách khác, đạo tràng lớn hay nhỏ, hình thức phải thích hợp với sự làm việc đạo của họ, như vậy là đúng như pháp. Nếu vượt trội hơn, [thí dụ] nơi đó chỉ có vài người tu hành lại đi xây một đạo tràng rất lớn, vậy thì sẽ có lỗi. Tại sao? Đạo tràng lớn như vậy nếu trong đó chỉ có năm, sáu người ở, thời gian quét dọn mỗi ngày còn không đủ, không phải là bạn làm cho người ta mệt tới chết hay sao, họ có thời gian ở đâu nữa mà tu hành? Chúng tôi đã thấy đạo tràng rất lớn, rất trang nghiêm, khi hỏi ở đó có bao nhiêu vị? Họ nói có năm, sáu người. Làm sao có thể quét dọn? Có nhiều gian nhà phải đóng kín lại, vì chẳng có thời gian quét dọn, một năm chỉ mở mấy lần để làm pháp sự, tìm vài tín đồ giúp đỡ dọn dẹp, lúc thường ngày thì chẳng dùng tới. Như vậy thì không đúng như pháp.

Cho nên trong thời đại, giai đoạn hiện nay, việc tu phước nào trong nhà Phật quan trọng? Huấn luyện, đào tạo nhân tài hoằng pháp. Trước kia có thể bố thí tháp tự, cúng dường tượng Phật có đại phước báo, vì xã hội đại chúng đều có nhận thức về Phật pháp, đều hiểu rõ, đều có tâm cung kính, vậy thì phước báo mới lớn. Tu phước trong nhà Phật, chúng ta phải nhận thức rõ ràng, thời xưa Phật pháp có thể tuyên dương, mở

rộng phổ biến vì xã hội đại chúng đều có nhận thức về Phật pháp, đều biết tôn kính, sự cung kính này vượt trội hơn phần đông những người trong thế gian. Nói thật ra tín đồ cung kính Phật, Bồ Tát còn hơn cha mẹ, hơn những người tôn trưởng, nguyên nhân là do vua chúa thời xưa đề xướng, vua hết lòng học tập, Phật, Bồ Tát là thầy của vua, người dân tôn kính nhà vua thì đương nhiên phải tôn kính thầy của vua, có thể có tâm cung kính này thì được phước. Thay đổi tâm tôn kính Phật, Bồ Tát thành cung kính xã hội đại chúng, tôn kính hết thảy chúng sanh, đó là học theo Phật, Bồ Tát, do đó phước báo của sự tu phước này mới lớn. Hiện nay Phật pháp đã suy thoái, đặc biệt là hai trăm năm gần đây, nền giáo dục Phật Đà đã biến thành tôn giáo, xã hội đại chúng coi Phật pháp là mê tín, nhìn thấy chùa miếu đều là mê cung, thấy hình tượng Phật, Bồ Tát là ngẫu tượng. Nói một cách khác chẳng có tâm cung kính gì hết, không những chẳng có tâm cung kính, còn giúp họ tạo nghiệp. Đo đó có thể biết, ngày nay xây tháp tự, tạo tượng Phật, xã hội đại chúng cho rằng bạn đề xướng mê tín, thì làm sao tu phước được? Xã hội đại chúng phải hiểu Phật pháp là gì, phải hiểu rõ Phật pháp đích thật có ích lợi cho chúng ta, lúc đó khi bạn cúng dường tháp tự, đúc tượng Phật thì mới có công đức. Làm việc này bạn có thể có phước hay không thì phải coi phản ứng của xã hội đại chúng, coi nhận thức của xã hội đại chúng, mọi người nghĩ thử coi có lý hay không? Do đó muốn thật sự tu phước thì phải lay tỉnh xã hội đại chúng.

Tháp là nơi giữ xá lợi của đức Phật. Đây là kỷ niệm, niệm niệm đều chẳng quên ân đức của Phật, [tháp] dạy cho người ta tri ân báo ân, là có ý nghĩa như vậy. Xây chùa (Tự), chùa là gì? Phía trước đã nói với quý vị, 'Tự' là cơ cấu làm việc. Làm việc gì? Làm việc giáo dục Phật Đà, việc dạy học của Phật. Nếu chỗ này không làm việc giáo dục Phật Đà, chẳng làm việc dạy học của Phật thì không thể gọi là 'Tự'. Đúc tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát có hai ý nghĩa: thứ nhất là quay về cội nguồn báo ân (phản bổn báo thỉ), hai là nhìn thấy thánh hiền mong sao cho bằng (kiến hiền tư tề). Nhìn thấy tượng Phật, Bồ Tát, thấy Quán Âm Bồ Tát thì lập tức phải nghĩ mình phải khởi tâm đại từ đại bi đối với hết thảy chúng sanh, mình phải học Quán Âm, phải học theo Quán Âm Bồ Tát. Khi người ta nhìn thấy tượng Quán Âm Bồ Tát có thể sanh lên ý niệm này hay không? Nếu có thể sanh lên ý niệm này thì phước báo bạn tạo tượng sẽ rất lớn, nếu không thể khởi lên ý niệm này thì phước bạn tạo sẽ rất nhỏ.

Nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát lập tức nghĩ mình phải hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, liền nghĩ đến lời dạy trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, dùng hình tượng này nhắc nhở chúng ta. Nếu không hiểu được ý nghĩa này, khi nhìn thấy 'thần tượng' của Địa Tạng Bồ Tát, đi đến đó thắp nhang, đi bố thí, cúng dường, cầu Phật, Bồ Tát gia bị, che chở thăng quan, phát tài, vậy là sai rồi, đó là mê tín! Hoàn toàn sai lầm. Vậy thì bạn làm sao được phước nổi? Do đó có thể biết, tu phước trong nhà Phật nhất định phải hiểu rõ Phật pháp, thật sự thấu hiểu. Ai giải thích cho xã hội đại chúng? Phải có một số đại đức xuất gia, tại gia thật sự hiểu rõ, đi giảng kinh thuyết pháp trong xã hội đem những đạo lý, chân tướng sự thật này giảng rõ ràng, rành rẽ để cho xã hội đại chúng không đến nổi hiểu lầm, hiểu sai, sau đó bạn bố thí cúng dường mới có phước. Đây là việc mà chúng ta hiện nay nhất định phải nói rõ ràng, giảng rành rẽ, không thể hiểu lầm. Trong Phật pháp tuyệt đối chẳng có mê tín, nhưng những hình tượng hiện nay đích thật có quá nhiều mê tín.

Do đó có thể biết, người thật sự giác ngộ, hiểu rõ thì sự suy nghĩ, cách nhìn của họ sẽ khác với người khác, những gì họ làm đối với xã hội, đối với nhân dân, đối với đại chúng tuyệt đối có lợi ích chân thật. Phật pháp là giáo dục, Phật pháp là sự dạy học, dạy người ta dứt ác tu thiện, dạy người ta phá mê khai ngộ, kết quả của sự dạy học trong Phật pháp là giúp cho người ta lìa khổ, hưởng vui, đây là sự giáo dục tốt nhất

trong thế gian. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, kết hợp thành một thể với truyền thống sẵn có của Trung Quốc, biến thành văn hóa Trung Quốc, ngày nay chúng ta nói Đại Thừa Phật pháp chẳng còn là của Ấn Độ, đã dung hợp, hợp nhất với văn hóa truyền thống của Trung Quốc, chẳng thể tách rời nữa, cũng giống như sữa hòa với nước. Ngày nay trên khắp thế giới, khi nói tới Phật pháp là nói tới Phật pháp Trung Quốc, chẳng phải là Phật pháp Ấn Độ, Phật pháp Ấn Độ đã mất từ lâu rồi, Phật pháp hoàn toàn dời đến Trung Quốc.

Hậu nhân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vào thế kỷ thứ mười lúc Hồi Giáo chinh phục Ấn Độ, bộ tộc này đã tỵ nạn sang Tây Tạng, sau đó định cư ở Hậu Tạng, chẳng trở về Ấn Độ nữa. Vào thế kỷ thứ mười một họ lại di dân đến Trung Quốc, đã ở Trung Quốc hết một ngàn năm, một ngàn năm sau thì đương nhiên trở thành người Trung Quốc, làm sao có thể nói là người Ấn Độ nữa? Ngày nay chúng ta ở nước ngoài hết mười, hai mươi năm, người ngoại quốc đã thừa nhận chúng ta là công dân của họ, bộ tộc Thích Ca đã ở Trung Quốc hết một ngàn năm, chúng ta vẫn không coi họ là người Trung Quốc hay sao? Do đó toàn bộ đã di dân đến Trung Quốc. Ngày nay nói đến Phật pháp thì phải nói đến Phật pháp ở Trung Quốc, Đại Thừa ở Trung Quốc, hiện nay Phật pháp ở Ấn Độ mới được phục hưng dần dần, là từ Trung Quốc truyền trở lại. Tương lai người Ấn Độ học Phật pháp là học Phật pháp từ Trung Quốc, chúng ta phải hiểu sự thật này.

Đại Thừa Phật pháp có thể cứu vãn thế giới, có thể giúp cho nhân loại thế kỷ 21 được hạnh phúc, hòa bình, phồn vinh, hưng vượng. Do đó chúng ta phải mở rộng tâm lượng, chăm sóc cho mình và cũng phải chăm sóc cho kẻ khác, mình và người không hai, thì mới đạt được cả thế giới hòa bình ổn định vĩnh viễn. Nếu chúng ta có tâm riêng tư, có cái nhìn sai lạc thì sẽ không có cách chi làm nổi. Thật sự làm được thương người như thương mình, thương thế giới này giống như nhà mình vậy thì mới đạt được thế giới hòa bình, phồn vinh, hưng vượng. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Thị quốc vương đẳng đương đắc tam kiếp vi Đế Thích thân, thọ thắng diệu lạc.

Thì các Quốc Vương đó sẽ được trong ba kiếp làm thân Đế Thích, thọ hưởng sự vui sướng thù thắng, vi diệu.

Đây là nói về phước báo có được từ sự bố thí. Ba kiếp là ba tiểu kiếp, cũng rất khó được, phước báo này đã rất lớn rồi! 'Ba kiếp đều làm Đế Thích', người Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng đại đế, ngài đến cung trời Đao Lợi làm thiên vương. Cho nên có rất nhiều người đọc đoạn kinh này xong rồi u mê, đi khắp nơi xây tháp, xây chùa, đúc tượng Phật, cầu mong đời sau có thể sanh làm vua ở cõi trời Đao Lợi, có thể làm được không? Vậy thì phải đánh rất nhiều dấu hỏi. Mọi người hãy suy nghĩ kỹ về đoạn tôi vừa nói, ngày nay trong nhà Phật tu phước, đề xướng giáo dục Phật Đà, đây mới thật sự là tu phước, thật sự có những người nhiệt tâm làm công tác này, chúng ta giúp họ xây dựng đạo tràng, hoằng dương Phật pháp. Chúng ta phải nhận rõ từ bản thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni và các đệ tử của ngài, kể cả những đệ tử xuất gia, tại gia chúng ta ngày nay. Đặc biệt là người xuất gia, họ đích thật là thân phận gì, chúng ta phải xác định vị trí, khẳng định [vai trò] cho họ, họ là người làm công tác giáo dục xã hội, đây là thân phận của họ, việc họ làm là giáo dục xã hội. Vả lại việc họ làm đều là giáo dục thiện nguyện, giảng kinh thuyết pháp tức là dạy học, phần đông người dạy trong trường học còn tính giờ, lãnh tiền lương. Còn những người Phật tử xuất gia, giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng chẳng có lương bổng, chẳng có tính tiền từng giờ, chẳng mong cầu

gì cả, cho nên đây là việc giáo dục xã hội thiện nguyện. Nếu chúng ta dùng nhãn quan này để xem xét thì bạn sẽ thật sự khởi tâm cung kính đối với những người làm công tác giáo dục xã hội này, tại sao vậy? Người khác làm không nổi, nói theo cách thông thường thì họ thật sự hy sinh, cống hiến. Lúc đi học rất cực khổ, sau khi học xong phục vụ cho xã hội cũng rất cực khổ, cả đời vĩnh viễn sống cuộc đời cực khổ, làm gương mẫu cho đại chúng trong xã hội, giúp cho mọi người giác ngộ.

Đương nhiên trong Phật môn cũng có rồng rắn lẫn lộn, có người xuất gia thật sự phát tâm, làm học trò tốt của đức Phật. Cũng có những người mượn chiêu bài của Phật để làm chuyện gian dối, lường gạt tín đồ, tham hưởng cúng dường. Có những người này chứ không phải là không có. Người tu phước chúng ta phải có huệ nhãn, phải nhìn rõ ràng, nếu gặp những người tham hưởng cúng dường, lường gạt chúng sanh, những người xuất gia không xứng đáng này, chúng ta cũng không cần phải trách mắng, chúng ta chỉ không cúng dường họ, không giúp họ tạo nghiệp, vậy là được rồi. Hy vọng họ có thể quay đầu, con người làm sao không có lỗi lầm cho được, người xưa thường nói *"Con người chẳng phải là thánh hiền, ai chẳng có lỗi lầm, có lỗi mà có thể sửa lỗi chẳng có việc thiện nào lớn hơn"*. Cho nên chúng ta cúng dường họ, phải khuyên họ, nhắc họ, hy vọng họ sớm quay đầu. Khi họ quay về, có thể tu phước, có thể dùng thân thể trí huệ của mình, thật sự làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện, đây là việc bố thí to lớn, dùng hết thân tâm để cống hiến cho xã hội, cống hiến cho nhân dân, cống hiến cho chúng sanh.

Ở Bắc Kinh tôi nhìn thấy chiêu bài rất lớn, hàng trên là câu 'Phục vụ cho nhân dân', Phật giáo thật sự phục vụ cho nhân dân, phục vụ cho hết thảy chúng sanh, tuyệt đối chẳng có tâm riêng tư, tuyệt chẳng có mảy may muốn được đền đáp, đó gọi là Phật, Bồ Tát. Nếu trong lúc phục vụ vẫn còn tâm muốn chiếm hữu, tham muốn hưởng thụ thì đó là phàm phu chứ chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Hy vọng người học Phật chúng ta phải thấu hiểu nghĩa thú trong kinh Phật, trong kinh thường nói 'thâm giải nghĩa thú', bạn hiểu cạn cợt không được, phải hiểu cho sâu. Quả báo nói trong kinh, đức Phật đích thật chẳng giả dối tí nào, quả báo có được nói bạn làm thiên vương ba kiếp, lại dùng thân thiên vương để tiếp tục tu bố thí, nhà Phật gọi là 'xả đắc', quả báo bạn có được cũng xả luôn. Xả cách nào? Chia sẻ phước báo với chúng sanh, chẳng hưởng riêng một mình, hưởng chung với đại chúng thì phước báo đó đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chẳng hưởng hết. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

Nhược năng dĩ thử bố thí phước lợi, hồi hướng pháp giới thị đại quốc vương đẳng ư thập kiếp trung thường vi Đại Phạm thiên vương.

Nếu có thể đem phước lợi bố thí này hồi hướng cho Pháp Giới, thì các Đại Quốc Vương đó, trong mười kiếp thường được làm vị Đại Phạm Thiên Vương.

Việc bố thí cũng giống vậy, chẳng tăng thêm, bố thí bao nhiêu đó nhưng tâm không giống nhau thì phước báo sẽ khác nhau, phước của sự bố thí tùy tâm lượng mà thay đổi. Nếu có thể chính mình không hưởng những phước báo có được do sự bố thí, chịu đem phước báo của sự bố thí, phước báo của sự tu hành cho hết thảy chúng sanh trong tận hư không, trọn khắp pháp giới hưởng thọ, tự mình hoàn toàn xả bỏ, vậy thì có phải phước báo của bạn hoàn toàn mất hết hay chăng? Chẳng phải vậy, trái lại phước báo còn lớn hơn nữa! Phía trước nói đến ba tiểu kiếp, đoạn này nói mười đại kiếp. 'Thường vi Đại Phạm thiên vương', làm sao có thể bỏ hết phước báo của bạn? Không xả hết được, càng xả thì càng nhiều, càng bố thí thì phước báo càng lớn. Phải thật sự hiểu đạo lý này, thật sự hiểu chân tướng sự thật này thì họ mới chịu làm, vui vẻ làm,

tuyệt đối không hà tiện, dốc hết tâm lực mà làm, chẳng lưu giữ mảy may. Họ hiểu được đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, biết cách làm này mới đúng, phải nên làm. Đoạn này Thanh Liên pháp sư chú giải rất nhiều, rất cặn kẽ, nói rõ tại sao phải hồi hướng, chư vị có thể coi và hiểu, chúng tôi không nói nhiều nữa. Xem tiếp kinh văn:

Phục thứ Địa Tạng, nhược vị lai thế hữu chư quốc vương chí Bà La Môn đẳng.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có các Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn v.v...

Câu này là nói về những người có thể bố thí. Chữ 'đẳng' bao gồm mọi người chúng ta.

Ngộ tiên Phật tháp miếu hoặc chí kinh tượng huỷ hoại phá lạc nãi năng phát tâm tu bổ.

Gặp tháp miếu của chư Phật thuở trước, hoặc cả kinh điển, hình tượng bị hủy hoại, rách nát, liền có thể phát tâm tu bổ lại.

Đoạn này dạy chúng ta tu bổ chùa miếu, tháp tượng cũ, công đức vượt trội hơn xây mới. Đạo lý này là như thế nào? Lý vô cùng sâu rộng, chúng ta dùng cách nói hiện nay thì đạo tràng cũ có nguồn gốc lịch sử, có bối cảnh văn hóa. Trong đó có ba ý nghĩa, thứ nhất 'tiêu biểu người thù thắng', quá khứ có rất nhiều người tu hành chứng quả ở nơi đó, chúng ta bước vô đạo tràng này, thật sự sẽ tự nhiên khởi lên ý niệm "nhớ đến thánh hiền thì nghĩ mình phải học theo quý ngài", khởi lên tâm niệm này, sức mạnh này rất lớn. Giống như ngày nay chúng ta đến chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, lập tức liền nghĩ đến năm xưa đại sư Huệ Viễn ở đó niệm Phật, thành tựu ở đó thì tâm tôn kính, tâm bắt chước học theo lập tức khởi lên. Đạo tràng mới xây dựng không có sức mạnh này, do đó công đức tu bổ đạo tràng cũ vượt hơn đạo tràng mới. Thứ nhì 'làm cho người ta tin tưởng', đạo tràng này có nguồn gốc xa xưa, nhiều đời tiếp nối truyền mãi không ngừng, vì người ta đến thăm viếng đạo tràng mới xây dựng, không khởi lên lòng tin vững chắc bằng khi tới những đạo tràng cũ. Thứ ba là 'vì muốn báo ân', báo đáp ân đức của tổ sư đại đức, phải duy trì bảo vệ đạo tràng của tổ sư, đại đức. Ngày nay chúng ta đến đạo tràng ở núi Linh Nham, Tô Châu sẽ nhớ đến đức hạnh của Ấn Quang đại sư, đây là đạo lý nhất định. Các đệ tử hải ngoại, chỉ cần có cơ duyên liền ra sức, ra tiền khôi phục lại đạo tràng của tổ sư, hầu báo đáp ân đức của tổ sư. Đây là lý do tu bổ đạo tràng cũ có công đức hơn xây dựng đạo tràng mới.

'Ngộ tiên Phật tháp miếu' [nghĩa là] đạo tràng của tổ sư. 'Hoặc chí kinh tượng', kinh thư, kinh sách cũ có giá trị cao. Kinh sách cũ đã được truyền qua bao nhiêu đời, bạn hãy nghĩ đời trước có bao nhiêu người đã đọc qua, ngày nay truyền đến tay chúng ta, đọc xong chúng ta còn phải truyền đến đời sau, niềm ân tình chứa đựng trong đó sâu đậm biết bao? Đây là lý do tu bổ kinh sách cũ vượt trội hơn in kinh sách mới. Trong đó ẩn chứa ân đức, cảm tình mà sách mới in không thể nào có; sách cũ có niềm ân tình này nên phải tu bổ những sách cũ này. Nhưng những sách vở ấn loát ngày nay không dễ tu bổ, đây đích thật là quan niệm của người phương tây, những gì cũ đều không coi trọng, đều phế bỏ. Sách cổ của Trung Quốc ngày xưa có thể tu bổ, giấy dùng cho sách đóng bằng chỉ rất mềm, giấy dùng phổ biến nhất ở Trung Quốc đại lục là giấy Mao Biên. Giấy ngày nay chúng ta dùng làm sách là giấy Đạo Lâm, giấy này có thể giữ được bao lâu? Đại khái có thể giữ được một trăm năm, hơn một trăm năm sau thì giấy

này sẽ biến thành tro, thành bột, bạn thấy giấy này coi rất đẹp nhưng chẳng chịu nổi sự khảo nghiệm của thời gian. Giấy Mao Biên của Trung Quốc, bạn trông thấy nó rất quê mùa, vàng khè, mềm mỏng, chẳng đẹp bằng giấy ngoại quốc, giấy Mao Biên có thể giữ được năm trăm năm. Tốt hơn nữa là giấy Liên Sử, không biết ngày nay sách đóng bằng chỉ ở Trung Quốc có dùng giấy Liên Sử không, giấy Liên Sử mềm vô cùng, trước kia vào năm đầu Dân Quốc, Tần Già Tạng in ở Hiệp Đồng, Thượng Hải dùng giấy Liên Sử. Lúc trước sách tốt đều dùng giấy Liên Sử, giấy Liên Sử rất mềm, có thể giữ được một ngàn năm, nếu bị hư thì có thể bồi 4[4] lại. Cho nên đích thật có thể giữ được mấy ngàn năm cũng không sao. Đây là chỗ khác nhau giữa văn hóa Trung Quốc và ngoại quốc, đồ ngoại quốc hào nhoáng nhưng không bền, đồ Trung Quốc không hào nhoáng nhưng bền bỉ. Tu bổ kinh cũ, tượng Phật cũ, những tượng Phật cũ này đã có bao nhiêu người lễ bái, bao nhiêu người cúng dường, [đó là] 'hủy hoại phá lạc, nãi năng phát tâm tu bổ'. Cho nên chúng ta phải có một quan niệm đúng đắn, đừng tưởng rằng công đức tu bổ tượng Phật cũ không lớn, đúc tượng mới thì công đức lớn. Kiến trúc mới thì lộng lẫy, vô cùng đẹp đẽ, chứ chẳng biết tu bổ đồ cổ có công đức lớn hơn rất nhiều! Thật ra thì không có cách gì để diễn tả cho hết được. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị quốc vương đẳng, hoặc tự doanh biện, hoặc khuyến tha nhân, nãi chí bá thiên nhân đẳng bố thí kết duyên.

Các Quốc Vương đó, hoặc tự mình lo liệu sửa sang, hoặc khuyến hóa người khác, thậm chí cả trăm ngàn người cùng bố thí để kết [Pháp] duyên;

Đây là nói về những đạo tràng chùa chiền cũ, hình tượng Phật, Bồ Tát cũ, kinh điển cũ, sau khi bạn gặp liền phát tâm tu bổ. Tự mình bạn có khả năng làm thì rất tốt! Công đức của bạn viên mãn; nếu một mình không có khả năng thì khuyên bạn bè mọi người cùng nhau làm, cho đến khuyên một trăm người, ngàn người, tập hợp sức mạnh của quần chúng, bạn đề xướng nói rõ chân tướng sự thật, lợi ích này cho mọi người. Nhưng tu bổ đạo tràng cũ thì nhất định phải lễ thỉnh pháp sư tới chủ trì, nếu ở đó đã có pháp sư thì phải mời pháp sư hoằng pháp lợi sanh. Việc này lúc trước ở đây tôi thường khuyến khích thính chúng, thính chúng thường nói chẳng có pháp sư đến đây giảng kinh thuyết pháp, Phật pháp khó nghe. Tôi nói với mọi người: 'Không phải là không có pháp sư đến giảng kinh thuyết pháp, mà là vì quý vị không thích nghe Phật pháp'. Họ nghe xong cũng không hiểu. Mọi người đều không hiểu. Tôi ở đây giảng kinh thuyết pháp, người nghe nhiều như vậy, tại sao lại nói người nghe không thích nghe Phật pháp? Tôi giải thích: Quý vị nghe tôi giảng, tôi đã giảng hết bao nhiêu năm rồi? Giảng Phật pháp, trên giảng đài trui luyện bao lâu mới có thành tựu như ngày nay, quý vị đến hưởng thụ quả báo, quý vị đến hưởng thụ thành tựu. Lúc tôi mới tập giảng cũng vấp lên vấp xuống, quý vị chịu nghe không? Bạn không thích nghe, thì pháp sư giảng kinh sẽ nản chí, sẽ không tiếp tục giảng nữa?

Bạn phải biết đào tạo pháp sư giống như trồng cây vậy, bạn phải chịu trồng cây thì tương lai mới có trái cây, mới có gặt hái được. Việc này đã được nói qua rất nhiều lần nên ở đây các vị đồng tu dần dần đều hiểu được. Người mới bắt đầu học thì làm sao có thể giảng cho hay được? Giảng không hay thì [chúng ta] cũng phải mỗi ngày đi nghe, giảng hay rồi thì không nghe cũng không sao. Người mới bắt đầu học giảng kinh cần có người đến ủng hộ, cần người khuyến khích, nếu mọi người đều không chịu nghe thì lòng tin của họ sẽ hoàn toàn mất hết. Cho nên tôi nói ưa thích nghe kinh nghĩa là sao? Là ưa thích nghe những người mới học giảng kinh, tuyệt đối không vắng mặt, làm

---

4[4] "bồi" tức là dán chồng một mảnh giấy ra sau, làm cho các mảnh rách được liên kết lại, không bị rách nát nữa, dặm sửa những nét chữ, nét vẽ bị mất.

cho những vị pháp sư mới học giảng kinh này có được lòng tin 'đại khái chắc mình giảng cũng không tệ, người đến nghe không ít', đồng thời các vị thính chúng [vô hình trung] tạo áp lực cho họ phải giảng mỗi ngày, họ mới có thể học được, họ mới gắng sức, nỗ lực tu học. Tại sao vậy? Nếu họ không gắng sức thì họ không còn thể diện, nhất định phải chuẩn bị cho thiệt chu đáo, cho dù giảng không hay nhưng cũng giảng được hết buổi. Cho nên thính chúng là người giám học, là thầy giáo, đốc thúc họ, cứ như vậy trải qua ba năm, năm năm, trên giảng đài họ mới có thể giảng được, mới giảng được đúng như pháp. Thật sự giảng cho hay thì tối thiểu phải có mười năm kinh nghiệm, mười năm liên tục không gián đoạn. Cho dù không thể giảng mỗi ngày, mỗi tuần không thể ít hơn ba lần, phải duy trì như vậy suốt mười năm liên tục thì bạn mới có kinh nghiệm trên giảng đài, đúng như câu nói 'Vừa mở cuốn kinh thì tâm nghĩ gì, tay liền làm ngay được, trái phải gì cũng hợp với cội nguồn'5[5]. Nếu không có nơi chốn để tập luyện, cho dù bạn học biết [cách giảng] rồi cũng không dùng được, ba tháng, nửa năm không giảng thì sẽ quên mất.

Do đó đặc điểm của lớp đào tạo giảng sư của chúng ta, học sinh mỗi tuần tối thiểu phải lên giảng đài một lần, đây là các người sơ học. Sau khi bạn giảng một lần, giảng đến lần thứ hai thì hy vọng mỗi tuần có thể giảng hai buổi, vì khi bạn giảng qua một lần, có cơ sở xong phải nỗ lực mỗi tuần giảng hai buổi; đến lần thứ ba thì hy vọng bạn mỗi tuần có thể giảng ba buổi; nói một cách khác, đến lúc giảng lần thứ tư thì mỗi tuần bạn có thể giảng được bốn buổi, được vậy thì bạn mới có thể học thành công, nếu không thì bạn không thể thành tựu. Do đó chúng ta xây đạo tràng mới cũng tốt, tu bổ đạo tràng cũ cũng tốt, nhất định phải thỉnh pháp sư giảng kinh, đương nhiên nếu vị pháp sư đó giảng không hay, giảng không hay mình cũng tới nghe, mỗi ngày mình đều tới nghe, mình còn mời một số người khác đến nghe; làm cho pháp sư không giảng thì không được, buộc pháp sư phải gắng sức, buộc pháp sư phải tu học, không những buộc pháp sư phải nghiên cứu giáo lý, vả lại còn buộc pháp sư phải làm gương mẫu cho chúng ta, ép cho pháp sư phải tu hành, vậy thì công đức của bạn sẽ rất lớn. Tương lai những vị pháp sư này thành tựu, ở khắp mọi nơi trên thế giới giảng kinh thuyết pháp phổ độ chúng sanh, đó đều là công đức của bạn. Họ làm sao thành tựu được? Là do bạn giúp họ thành tựu.

Lúc tôi còn trẻ, năm hai mươi sáu tuổi tôi học Phật, trong thời gian này tôi theo học với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam mười năm. Trên giảng đài tôi chưa từng gián đoạn giữa chừng, hầu như mỗi ngày đều có giảng, cơ hội này là do cư sĩ Hàn Anh giúp tôi tạo thành, bà hiểu được, biết được đây là một việc tốt. Bà chẳng có tài lực, chẳng thể xây cho tôi một đạo tràng. Lúc đó vì phát tâm giảng kinh, đáng tiếc là chẳng có nơi cư trú, đến quải đơn ở chùa thì phải đi làm việc kinh sám Phật sự, đạo tràng nào cũng hoan nghinh bạn, còn nếu bạn đến đạo tràng để giảng kinh thì chẳng có đạo tràng nào hoan nghinh bạn, tôi chẳng có lối thoát. Bà giúp tôi, cho tôi cư trú ở nhà của bà, tôi ở nhà bà hết mười bảy năm, bà dành cho tôi một phòng trên lầu. Đi đâu giảng kinh? [Còn phải lo việc] mướn phòng, mượn chỗ. Bạn bè của bà rất nhiều, bà mượn văn phòng của bạn bè, buổi tối người làm việc đều về nhà nên mượn văn phòng của họ để giảng, do đó nơi chốn giảng kinh phải thường thay đổi, đại khái mỗi nơi giảng được hai ba tháng rồi phải đổi chỗ khác. Thính chúng có khoảng năm, sáu chục người, lúc nhiều nhất có tới hơn một trăm người, cứ như vậy tiếp tục chẳng gián đoạn trong vòng mấy chục năm. Trong đó có một thời gian chừng ba bốn năm, một ngày giảng ba lần, sáng chiều tối đều giảng.

5[5] (Triển khai kinh bổn, đắc tâm ứng thủ, tả hữu phùng nguyên), câu này ngụ ý: Khi pháp sư đã hiểu thông suốt một bộ kinh, dẫu gặp một câu kinh nào chưa hề nghiên cứu đến trong một bộ kinh, vừa đọc liền hiểu rõ ý chỉ, có thể giảng thông suốt, tâm nghĩ sao miệng liền nói ra không cần phải tra cứu tài liệu, hoặc tìm tòi cách giải thích, cứ thao thao nói ra mà không sai ý chỉ của kinh.

Lúc đó tôi còn nhớ, mỗi tuần giảng hơn ba mươi mấy giờ, tôi chịu khó, thích giảng, vui vẻ giảng, tôi có cơ hội luyện tập. Dần dần thính chúng nhiều hơn, tập hợp sức mạnh của đại chúng lại để mua một tầng lầu ở Đài Bắc, mua một căn chung cư, đó chính là thư viện Hoa Tạng Cảnh Mỹ ở Đài Bắc.

Lúc mới mua, căn nhà này rất nhỏ, người ở Đài Loan tính bằng 'bình' 6[6], căn này rộng 50 bình, ở đây thì tính bằng mét vuông, 1500 mét vuông, một đạo tràng nhỏ như vậy, đại khái lớn hơn phòng này khoảng một phần ba, chỉ có một chỗ nhỏ xíu như vậy. Sau đó từ từ mở rộng ra, mua căn kế bên, ngày nay đạo tràng này mở rộng gần 300 bình, gần một vạn thước, hiện nay có quy mô như vậy cũng chỉ là một đạo tràng trong chung cư, mấy chục năm nay cũng vẫn như vậy. Sự giảng kinh ở nước ngoài cũng do bà lo liệu, giúp cho tôi đi giảng khắp nơi trên thế giới, bà đi kết duyên, đi tìm thính chúng, tìm nơi làm giảng đường, cho nên ngày nay chúng ta có được thành tựu như vậy thì công đức của Hàn Quán Trưởng suốt ba mươi năm hộ trì không thể không nhắc đến. Ngày nay trong giảng đường chúng ta, ở đối diện giảng đài tại sao phải treo tấm hình của bà? Là để cảm ân, thờ lúc bà mất cũng như bà còn sống, giống như bà đang ở tại hiện trường nghe kinh vậy, bà nhìn thấy cũng hoan hỷ. Chúng ta dùng tâm báo ân để thuyết pháp, dùng tâm báo ân để dạy học, nếu chúng ta không nỗ lực, không gắng sức, không tu trì cho tốt, không hoằng pháp lợi sanh cho hoàn hảo thì có lỗi đối với họ; cho nên chúng ta ở trong đạo tràng, trong giảng đường, Niệm Phật Đường, nếu là đạo tràng của tôi thì sẽ treo hình của thầy tôi, hình của các vị hộ pháp. Đạo tràng Cư Sĩ Lâm không phải là đạo tràng của tôi cho nên mỗi lần chúng tôi giảng kinh, tôi đều hồi hướng cho bà, quý vị niệm kệ hồi hướng của quý vị, tôi niệm kệ hồi hướng của tôi, [kệ của tôi] khác với quý vị, tôi hồi hướng cho thầy tôi, hồi hướng cho hộ pháp, đức Phật dạy chúng ta 'Tri ân Báo ân''. Đoạn kinh sau đây nói về phước báo của việc bố thí:

Thị quốc vương đẳng, bá thiên sanh trung thường vi Chuyển Luân vương thân.

Thì các vị Quốc Vương đó trong trăm ngàn đời thường được làm thân Chuyển Luân Vương.

Như thị tha nhân đồng bố thí giả, bá thiên sanh trung thường vi tiểu quốc vương thân.

Còn những người cùng chung làm việc bố thí đó, trong trăm ngàn đời thường được làm thân Tiểu Quốc Vương.

Người đứng ra hướng dẫn [mọi người] tu bố thí được phước báo lớn nhất, những người làm theo đều kết duyên này, tương lai quả báo sẽ tụ hợp với nhau. Thân phận tiểu quốc vương là những 'Chư Hầu' thời xưa, đại quốc vương cũng giống như chức tổng thống ngày nay, tiểu quốc vương cũng giống như chức bộ trưởng, tỉnh trưởng, quận trưởng ngày nay. Do đó có thể biết [người trong] một quốc gia, một chánh thể, từ trên tới dưới đều có duyên phận, chẳng phải ngẫu nhiên, cùng một sự việc tu phước báo to lớn như vậy. Trong Chú Giải nói rất hay, đều là ý nghĩa nói trong kinh điển, chúng ta hãy đọc đoạn Chú Giải này 7[7]. 'Quốc vương đẳng hành thí' (Làm hạnh bố thí

6[6] một bình bằng 36 nhật xích, tương ứng với khoảng 3.3 mét vuông.

7[7] Nguyên văn đoạn chú giải: "Làm hạnh bố thí giống như quốc vương, lẽ ra phải được sanh lên trời, sao lại hưởng báo là vua trong loài người? Theo như kinh Ngũ Đạo Tội Phước dạy, những kẻ giàu

giống như quốc vương). Ý nghĩa của sự bố thí rất rộng, phục vụ cho quần chúng chính là bố thí, thật sự dùng tâm từ bi, tâm thanh tịnh, cung kính phục vụ cho xã hội đại chúng, phục vụ cho nhân dân, phước báo này rất lớn! 'Tự hiệp thượng thăng', 'thượng thăng', họ đáng lẽ phải sanh lên trời, 'hà phục báo vi nhân vương dã', tại sao quả báo của họ là Chuyển Luân Thánh Vương? Tại sao họ chẳng sanh lên trời?

Phần sau trích dẫn [kinh điển], kinh Ngũ Đạo Tội Phước nói 'người giàu sang phú quý, quốc vương trưởng giả đều [được giàu sang do] sự lễ bái Tam Bảo mà ra'. Đây là nói rõ cả toàn thế giới đều không ngoại lệ, không những người lãnh đạo chính trị, những người lãnh đạo trong bất cứ ngành nghề nào đều [đã từng] lễ bái Tam Bảo mà có [quả báo như vậy], đây là nói rõ nghiệp nhân của họ. 'Những người giàu có, của cải vô hạn do sự bố thí mà ra', trong xã hội hiện nay chúng ta có thể thấy, trên thế giới đích thật có rất nhiều người giàu sang, của cải mấy chục ức, mấy trăm ức Mỹ kim, họ làm sao có của cải nhiều như vậy? Là do đời trước làm việc bố thí to lớn mà được. Nhưng những người này chắc đời trước chỉ tu phước chứ không tu huệ, đời này giàu sang không biết tu phước tiếp tục, cho dù có tu phước, làm một chút sự nghiệp tạo phước lợi cho xã hội, đem lại cho xã hội rất ít, tỷ lệ số này so với của cải của họ còn rất ít, chẳng thấm vào đâu, đây là vì họ chẳng có trí huệ, họ chỉ tu phước mà không tu huệ. Nếu họ có trí huệ thì sẽ hoàn toàn khác hẳn, họ có thể lấy của cải của họ giúp cho một quốc gia, một vùng, tương lai họ sẽ làm vua nước đó, nhất định sẽ làm người lãnh đạo vùng đó, phước báo họ tu rất lớn. 'Do đó mới biết nếu chẳng tu bố thí trong Phật pháp thì rốt cuộc sẽ chẳng đạt được quả báo thù thắng như vậy', chẳng được phước báo lớn như vậy. Phước báo lớn ấy chắc chắn có được từ sự bố thí. Chỉ cần bạn có thể tu học đúng lý, đúng pháp thì chắc chắn sẽ được quả báo thù thắng.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, ngày 4 tháng 9 năm 2006

---

sang trong loài người, quốc vương, trưởng giả, đều do lễ bái, phụng sự Tam Bảo mà ra. Do vậy biết: Nếu chẳng tu hành bố thí trong Phật pháp sẽ trọn chẳng thể đạt được quả báo ấy"

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba 5-1998

Tập 37 (Số 14-12-37)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 13, xin xem kinh văn:

Cánh năng ư tháp miếu tiền phát hồi hướng tâm, như thị quốc vương nãi cập chư nhân tận thành Phật đạo dĩ thử quả báo vô lượng vô biên.

Nếu lại có thể ở trước chùa tháp mà phát tâm hồi hướng, thì các Quốc Vương cho đến những người đó, thảy đều thành Phật Đạo, bởi quả báo ấy là vô lượng vô biên.

Đoạn này nói về công đức có được khi bố thí trong đạo tràng nhà Phật, tu bổ kinh sách cũ, hình tượng Phật, Bồ Tát. Phía trước nói trồng nhân này sẽ có quả báo làm Chuyển Luân Thánh Vương trong trăm ngàn năm; do đó có thể biết phước báo của sự bố thí chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta, trong cõi người, người giàu sang nhất là Chuyển Luân Thánh Vương, trong kinh nói nghiệp nhân Chuyển Luân Thánh Vương đã tạo, chú giải ở đây có trích dẫn lời cổ đức, trang 13, câu cuối cùng hàng thứ nhất: "Diệu Huyền vân", chữ 'Diệu' là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, 'Huyền' là Huyền Nghĩa, quyển này do Trí Giả đại sư soạn. Những lời này của Trí Giả đại sư đều dẫn từ kinh điển, đoạn này nói 'phước này đều do tán tâm trì giới, và dùng từ tâm khuyên kẻ khác', câu này vô cùng quan trọng! Tại sao họ được phước lớn như vậy? Tương đương với Chuyển Luân Thánh Vương trong cõi người chúng ta, giống như những vị lãnh đạo các nước lớn nhất, những vị này giống như Chuyển Luân Vương. Hiện nay nước Mỹ là nước giàu mạnh nhất trên thế giới, tuy có rất nhiều quốc gia người Mỹ không thể thống trị nhưng cũng chịu ảnh hưởng của Mỹ, thậm chí chịu sự chi phối của thế lực nước Mỹ. Tổng thống Mỹ đích thật có đầy đủ ý nghĩa như Chuyển Luân Vương, nhưng chẳng có phước báo lớn bằng Chuyển Luân Thánh Vương, tại sao? Nhiệm kỳ của họ chỉ có bốn năm, vả lại còn phải chịu các sự ràng buộc của Quốc Hội, chẳng thể làm theo ý riêng của mình, do đó còn thua xa Chuyển Luân Thánh Vương. Hơn hai trăm năm trước, ba đời vua Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long ở Trung Quốc có thể nói cũng khá giống Chuyển Luân Thánh Vương, lúc đó Trung Quốc vô cùng cường thịnh, các nước nhỏ ở Á Châu đều triều cống Thanh triều, đều là chư hầu của đế quốc nhà Thanh. Cho nên chúng ta mở bản đồ lúc triều Thanh hưng vượng nhất, có lẽ lớn gấp ba diện tích Trung Quốc hiện nay, đất đai Trung Quốc hiện nay chỉ sánh bằng một phần ba Trung Quốc dưới triều Càn Long, do đó quốc vương thời đó khá giống với Chuyển Luân Thánh Vương.

Họ làm sao tu được phước báo ấy? Đây là Trí Giả đại sư trong Huyền Nghĩa Kinh Pháp Hoa nói với chúng ta 'tán tâm trì giới', họ chẳng chú tâm, họ có trì giới không? Họ có trì giới 'và dùng tâm từ để khuyên kẻ khác', tâm địa họ lương thiện, họ tu phước và còn khuyên nhắc rất nhiều người tu phước, lúc phước báo của họ hiện ra, chính họ làm đế vương, còn những người tu phước với họ đều là đại thần, bộ hạ của họ, những kẻ phước lớn trong đó sẽ làm tiểu vương. Chế độ thời xưa, Tổng Đốc chính là tiểu vương, Tuần Phủ cũng là tiểu vương, Tuần Phủ tương đương với chức tỉnh trưởng hiện nay, còn Tổng Đốc thường là [vị quan] cai quản hai tỉnh, [hai chức này] đều là thân phận tiểu vương. Vua các nước, các vùng xa xôi, vua các nước nhỏ đều tu được phước báo như vậy.

[Câu kế tiếp trong Khoa chú là] "Thích Thiêm vân", phần sau nói về Thích Thiêm, câu cuối hàng thứ hai; Thích Thiêm là 'Thích Thiêm Huyền Nghĩa', 'Huyền Nghĩa' là do Trí Giả đại sư soạn, ['Thích Thiêm'] là chú giải cho Huyền Nghĩa, do Trạm Nhiên pháp sư soạn. Ngài giảng khá cặn kẽ, trích dẫn kinh để thuyết minh, ngài nói 'Làm bảy pháp trước', đây là nói làm thiện cả đời, họ làm những việc thiện nào? Thứ nhất là 'Thí cho những người nghèo cùng', họ rất nhiệt tâm lo lắng cho những người bần cùng, cho nên họ cảm được quả báo có rất nhiều người ủng hộ, đây là có ân đức, là báo ân. Thứ hai 'Kính dâng hiếu dưỡng', họ tôn kính người khác, có thể hiếu dưỡng. Đặc biệt là có thể hiếu dưỡng cha mẹ, hiếu dưỡng kẻ bề trên, họ tôn kính một cách đặc biệt. Thứ ba 'Bốn thời, tám tiết cúng tế tứ hải', đây tức là cung kính quỷ thần. Hai điều trước là đối với người, điều này là đối với thiên địa quỷ thần, người hiện nay sơ sót việc này. Đời sống con người chúng ta có quan hệ mật thiết đối với thiên địa quỷ thần, quan hệ giữa người với nhau phải làm cho tốt đẹp, quan hệ giữa người với thiên địa quỷ thần cũng phải làm cho tốt đẹp, người xưa hiểu chuyện này; không những cổ nhân Trung Quốc hiểu được, chúng ta thấy cổ nhân trên thế giới cũng biết việc cúng tế quỷ thần. Người hiện nay coi chuyện này là mê tín, cực lực bài xích, làm quan hệ đối với quỷ thần bị hư hỏng. Nói cách khác, chẳng được sự giúp đỡ của quỷ thần, nếu quỷ thần do đó làm loạn, phá hoại, thì chúng ta phải chịu khổ, chúng ta không có khả năng chống đỡ. Tới lúc nào thế giới này mới có thể khôi phục, được an định, phồn vinh, hưng vượng giống như ngày xưa thì mọi người phải giác ngộ, chúng ta phải đối xử hòa hài với thiên địa quỷ thần. Cổ lễ của Trung Quốc, chư vị coi thử về ba bộ sách nói về Lễ: 'Châu Lễ', 'Nghi Lễ', 'Lễ Ký' đều đặt việc cúng tế ở hàng đầu, cúng tế tức là giao thiệp với thiên địa quỷ thần, giữ mối quan hệ tốt đẹp với họ. Đây là sự thật, chẳng phải giả. Chẳng phải nói nếu bạn tin thì có, không tin thì chẳng có, chẳng phải đơn giản như vậy; bạn tin thì có sự việc này, không tin thì vẫn có sự việc này, đây là sự thật, chúng ta nhất định phải hiểu. Người thế gian tuy miệng nói một cách cứng rắn là họ không tin, sự thật thì họ đều đã từng trải qua, đã từng thể nghiệm trong đời sống, nghe đến rất nhiều, có nhiều người đã đích thân trải qua. Chúng ta nhất định phải coi trọng sự thật này, phải cúng tổ tiên, cúng thiên địa quỷ thần. Thứ tư là 'Thường tu nhẫn nhục', cho nên họ có thể giữ gìn được phước báo, có thể hưởng dùng trong trăm ngàn đời, nguyên nhân chính là họ có thể nhẫn nhục; nếu không thể nhẫn nhục, dẫu phước báo lớn lao thì cũng sẽ hưởng hết trong một đời; nhà Phật nói rất hay, bố thí là tu phước, nhẫn nhục là giữ gìn [phước báo]; nếu bạn không thể nhịn thì bạn không giữ nổi, sẽ đánh mất rất nhanh. Phía sau còn ba điều, nhất định phải đoạn tham, sân, và si, đây là tam độc phiền não. Đây là lúc còn sống tạo bảy thứ nhân thiện, thù thắng, sau đó lại phát tâm phục vụ đại chúng nên mới được cảm ứng thù thắng, được quả báo tốt như vậy.

Trong cả bộ kinh Địa Tạng, phẩm này là phẩm quan trọng nhất, phần cuối cùng của kinh quy kết về Tam Bảo, 'Danh Hiệu Phẩm' là Phật Bảo, 'Bố Thí Phẩm' là Pháp Bảo, sau đó 'Lợi Ích Tồn Vong Phẩm' là Tăng Bảo. [Hiện nay] Phật chẳng còn tại thế, trong Tam Bảo thì Pháp Bảo trọng yếu nhất, khuyên chúng ta tu bố thí. [Chúng ta nhất định phải hiểu] định nghĩa của hai chữ 'Bố Thí'cho rõ ràng. Bố thí chính là phục vụ, bố thí hết thảy chúng sanh tức là phục vụ cho nhân dân, cho xã hội, phục vụ cho chúng sanh trong thập pháp giới, đó là Phật đạo, Bồ Tát đạo. Do đó chúng ta không thể nhìn sai việc Bố Thí, cứ cho rằng quyên tặng một ít của cải thì trong nhà Phật gọi là bố thí, vậy thì bạn hiểu việc bố thí một cách quá đơn giản, quá hạn hẹp rồi. Trong Bồ Tát hạnh, đức Phật dạy cho chúng ta sáu nguyên tắc, sáu điều, trong kinh điển gọi là Lục Độ, Lục Ba La Mật, tức là sáu nguyên tắc cho hành vi của Bồ Tát. Thứ nhất là Bố Thí, thứ hai cũng là Bố Thí, thứ ba vẫn là Bố Thí. Đức Phật giảng Bố Thí chia thành ba loại: thứ nhất là Bố Thí Tài, thứ nhì là Bố Thí Pháp, thứ ba là Bố Thí Vô Úy; điều thứ

nhất trong Lục Độ là Bố Thí, Bố Thí bao gồm cả ba thứ: tài, pháp, và vô úy. Thứ hai là Trì Giới, trì giới là tuân giữ pháp luật. Thứ ba là Nhẫn Nhục, tuân giữ pháp luật và nhẫn nhục đều thuộc về Vô Úy Bố Thí; sau đó là 'Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã' đều thuộc về Pháp Bố Thí. Do đó nếu bạn quy nạp Bồ Tát hạnh thì đó chính là hai chữ Bố Thí; giải thích hai chữ Bố Thí chính là phục vụ cho hết thảy đại chúng.

Bất luận bạn có thân phận gì, bạn làm nghề gì, hết thảy bạn đều vì chúng sanh, vì xã hội, vì nhân dân thì đó là tu bố thí ba la mật. Mỗi người chúng ta lợi sanh là làm một gương mẫu tốt cho chúng sanh, đó là tu bố thí ba la mật. Tâm địa một người trên thế gian tốt, phẩm đức tốt, hành vi tốt, làm gương tốt cho xã hội, thì đã bố thí 'thân' mình, cả thân và tâm đều tu bố thí. Đời sống chúng ta, bất luận là giàu sang hay nghèo hèn, giàu sang thì làm một gương giàu sang tốt, nghèo hèn thì làm một gương nghèo hèn tốt. Người nghèo hèn giữ vững bổn phận, vui với cái nghèo, vậy chính là bố thí; người giàu sang làm gương tốt của một người giàu, dùng những gì mình dư dả giúp cho những người nghèo, đó là gương tốt cho người giàu, có phước thì cùng hưởng với hết thảy chúng sanh. Bạn làm trong chánh phủ, phục vụ cho nhân dân, bạn buôn bán cũng phục vụ cho nhân dân, bạn làm công cũng phục vụ cho nhân dân. Chúng ta đã xuất gia, người xuất gia nghiên cứu Phật pháp, kinh giáo cho thấu triệt, giảng giải tường tận cho hết thảy chúng sanh, đó là phục vụ nhân dân, giúp mọi người phá mê khai ngộ, giúp mọi người nâng cao mức sống, người xuất gia cũng phục vụ nhân dân. Tất cả Phật pháp chẳng có gì khác, nói đến cuối cùng tổng kết lại chỉ là phục vụ hết thảy chúng sanh mà thôi. Chúng ta phát tâm phục vụ cho chúng sanh, và cũng khuyên hết thảy chúng sanh cũng phải phục vụ chúng sanh, thực sự có thể hy sinh chính mình, xả mình vì người thì người đó gọi là Bồ Tát. Niệm niệm đều nghĩ đến chúng sanh, nghĩ đến toàn thể xã hội, nghĩ đến hết thảy nhân dân, chẳng nghĩ đến mình, chẳng nghĩ đến nhà mình; mình và nhà mình là một phần tử của đoàn thể, cả đoàn thể tốt thì lẽ nào mình không tốt được. Cho nên họ có phước báo lớn như vậy, phước báo có nguồn gốc từ đâu, chúng ta hiểu được. Đoạn kinh văn sau đây [nói] nếu bạn có thể mở rộng tâm lượng phục vụ thì phước báo của bạn còn lớn hơn nữa.

Cánh năng ư tháp miếu tiền phát hồi hướng tâm

Nếu lại có thể ở trước chùa tháp mà phát tâm hồi hướng.

'Tâm hồi hướng' là tâm gì? Ngày nay chúng ta phục vụ một khu vực, hoặc càng nhỏ hơn nữa là một đoàn thể, một đoàn thể xã hội, một khu vực. Mở rộng ra tới cả nước, ngày nay nói đến cả thế giới, đây là việc chúng ta có thể làm trên phương diện sự tướng. Tâm hồi hướng, tuy trên mặt Sự chúng ta chẳng làm được, nhưng tâm nguyện của chúng ta đã đạt được. Tâm phục vụ của chúng ta là tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng hạn chế tại địa cầu này, lời nói này có phải là lời nói suông hay không? Không phải, khi thật sự có tâm nguyện thì chẳng phải nói suông. Tiếc là hiện nay chúng ta chẳng có khả năng, nếu một ngày nào đó chúng ta có thần thông, bay đi biến hóa tự tại, đích thật chúng ta rất hoan hỷ giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới, giống như chư Phật, Bồ Tát vậy, tùy loại hóa thân ở tận hư không, trọn khắp pháp giới, tùy cơ thuyết pháp, đây là tâm hồi hướng. Tâm của bạn đã mở rộng, một khi tâm đã mở rộng thì phước báo của bạn chẳng phải chỉ làm Chuyển Luân Vương trăm ngàn đời mà thôi.

Như thị quốc vương nãi cập chư nhân tận thành Phật đạo dĩ thử quả báo vô lượng vô biên.

Thì các Quốc Vương cho đến những người đó, thảy đều thành Phật Đạo, bởi quả báo ấy là vô lượng vô biên.

Tại sao vừa hồi hướng thì liền thành Phật? Tâm hồi hướng này là tâm Phật, tâm là tâm Phật thì làm sao không thành Phật cho được? Đương nhiên sẽ thành Phật. Tâm nói ở phía trên [1][1] chẳng phải tâm Phật, mà là tâm người, trong bốn thứ từ bi, đó là 'Chúng Sanh Duyên Từ Bi', cho nên quả báo đó sẽ là thân Chuyển Luân Vương. Một khi đã phát nguyện hồi hướng thì tâm đó là tâm Phật, từ bi đó là đại từ đại bi, chẳng có điều kiện gì cả, 'Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi', cho nên chắc chắn thành Phật. Bất luận là phát tâm dẫn dắt, khuyên dạy mọi người, hoặc là cùng nhau làm đều thành Phật đạo. 'Đều thành Phật đạo', chư vị phải biết, những người này đều phát tâm hồi hướng thì họ mới có thể thành Phật đạo. Trong đó có nhiều người như vậy, nếu có người không phát tâm rộng lớn này thì họ sẽ không thành Phật đạo được, người chân chánh phát tâm mới thành Phật được. Quả báo thành Phật mới rốt ráo, viên mãn, trên quả vị Phật, nên dùng thân Chuyển Luân Vương để độ được thì ngài sẽ hiện thân Chuyển Luân Vương, nên dùng thân thiên vương để độ được thì ngài sẽ hiện thân thiên vương, bạn coi các ngài tự tại biết bao. Nếu chẳng có tâm lượng to lớn này, tuy tu phước báo lớn làm Chuyển Luân Vương, thân cũng không tự tại, họ không thể tùy ý mình đi làm thiên vương, đi làm quỷ vương, họ không thể làm những gì tâm họ muốn. Nếu thành Phật, thành Bồ Tát thì mới làm được tùy tâm mong muốn. Bất cứ thân phận gì cũng có thể thị hiện, vả lại thị hiện không chỉ [hạn chế] một thân, cùng lúc, cùng một nơi có thể hiện vô lượng thân, hiện các thân phận khác nhau, chỉ có quả địa Phật và đại Bồ Tát mới có thể làm được, do đó phát nguyện hồi hướng rất quan trọng.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Thế Tôn giảng cho chúng ta về Bồ Đề Tâm, chí thành tâm là Thể của Bồ Đề tâm, [Thể tức] là bản thể. Hết thảy pháp đều lưu xuất từ tâm này, đều được xây dựng từ tâm này. Tâm người phải chân thành, chân thành đến cùng cực, không những không có tâm riêng tư, ngay cả vọng tưởng cũng không có, đây là nói về Thể, tức là bản thể [của cái tâm]. Có [bản] Thể thì đương nhiên cũng có Dụng, trong Dụng có chia thành hai loại, một là Tự Thọ Dụng, hai là Tha Thọ Dụng. Nếu dùng cách nói hiện nay mà nói thì bạn dùng tâm gì đối với chính mình, thì dùng tâm đó để đối xử với kẻ khác, đối với mình là tự thọ dụng, đối với kẻ khác là tha thọ dụng. Phật dạy chúng ta, đối với mình là Thâm Tâm, thâm tâm là tâm háo thiện, háo đức, tự mình có thể tu thiện, tích đức, đây là đối với chính mình; đối với kẻ khác là Tâm Phát Nguyện Hồi Hướng.

Phát nguyện hồi hướng là đại từ đại bi, phát nguyện hồi hướng tức là phát nguyện phục vụ cho hết thảy chúng sanh. Bất luận ở lúc nào, bất luận ở nơi đâu, toàn tâm toàn lực phục vụ cho đại chúng, sự phục vụ này hoàn toàn là nghĩa vụ, chẳng mong cầu báo đền gì hết. Người thế gian phục vụ thì phải nói tới đền đáp, còn chư Phật, Bồ Tát phục vụ thì không có đền đáp, tất cả đều là hiến dâng, nói theo hiện nay thì gọi là nghĩa vụ, hoàn toàn là tình nguyện. Nếu có quan niệm tình nguyện này thì cũng chưa phải là Phật, Bồ Tát, tại sao vậy? Tâm thương yêu của họ còn thấp một cấp, 'pháp duyên từ' chứ không phải là đại từ đại bi. 'Đại từ đại bi' thì ngay cả ý niệm nghĩa vụ cũng không có, những gì họ làm thật sự là công việc nghĩa vụ, nhưng tuyệt đối không có ý niệm nghĩa vụ, đó mới thật sự là Phật, Bồ Tát, quả báo đó mới là vô lượng vô biên. Pháp sư Thanh Liên trong Chú Giải cũng trích dẫn một số sự tích, chư vị hãy coi những chuyện này, sau khi chư vị nghe tôi nói xong thì sẽ coi và hiểu những chuyện này, vậy thì

[1][1] Tâm phía trước chính là cái tâm khuyến hóa tu bổ kinh tượng, chùa miếu bị hư hỏng. Do phát tâm nhưng không biết hồi hướng nên quả báo nhỏ hơn, trong đoạn này, do hành nhân đã làm những thiện sự ấy lại biết phát tâm hồi hướng nên quả báo vô cùng rộng lớn.

chúng ta không cần phải nói nhiều nữa. Xin xem phần kinh văn dưới đây, phần này là đoạn thứ tư nói về Bố Thí, phước báo có được khi 'bố thí cho người già, người bịnh, sản phụ'.

Phục thứ,

Lại nữa

Trong kinh thêm chữ 'Phục thứ', nghĩa là phần mở đầu của một sự việc khác. Đức Phật giảng cho chúng ta các thứ bố thí, đây là loại thứ tư. Gọi là:

Địa Tạng, vị lai thế trung hữu chư quốc vương cập Bà La Môn đẳng.

Này Địa Tạng! Trong đời vị lai, như có các vị quốc vương cùng hàng Bà La Môn v.v...

Câu này nói về người có thể bố thí, người phát tâm bố thí nhiều như vậy, thân phận, địa vị, phước báo của họ đều chẳng bằng nhau, nhưng họ đều có thể phát tâm bố thí, phước có được từ sự bố thí hoàn toàn dựa trên tâm niệm và thái độ của người bố thí, tuyệt chẳng dựa trên địa vị của họ cao hay thấp, được phước báo lớn nhỏ chẳng liên quan gì tới địa vị của họ, cũng chẳng liên quan đến tài lực, vật lực của họ. Quan hệ ở chỗ họ phát tâm, họ có dùng tâm chân thành hay không, tâm có rốt ráo hay không, có tận tâm tận lực hay không, phước báo lớn hay nhỏ là dựa trên những điểm này mà xét. Do đó có thể thấy tu vô lượng vô biên phước báo là việc mà mỗi người chúng ta đều có phần, mỗi người đều có thể làm được. Phần sau là đối tượng của sự bố thí.

Kiến chư lão bịnh cập sanh sản phụ nữ nhược nhất niệm gian cụ đại từ tâm

Gặp những người già yếu, tật bịnh và phụ nữ sinh đẻ, nếu trong một niệm đầy đủ lòng đại từ

Quan trọng ở chỗ 'đại từ tâm', tâm đại từ là tâm Phật, tâm niệm và thái độ của Pháp Thân Đại Sĩ, đây chẳng phải là người bình thường. [Họ] chẳng đòi hỏi điều kiện gì cả, khi gặp là nhất định sẽ giúp đỡ.

Bố thí y dược, ẩm thực, ngọa cụ sử lịnh an lạc

Đem thuốc men, đồ ăn thức uống, mền chiếu bố thí cho, khiến cho họ được an vui

Thấy người ta có khổ nạn thì lập tức ra tay giúp đỡ. Hiện nay trong xã hội có rất nhiều người già, người bịnh đáng thương xót, chẳng có người chăm sóc, tại sao cả xã hội trở thành như vậy? Vì đường lối giáo dục sai lầm. Giáo dục hiện nay đều là giáo dục của Công Lợi chủ nghĩa [2[2]], chẳng giống với Trung Quốc thời xưa, giáo dục thời xưa ở Trung Quốc là giáo dục đạo đức, giáo dục nhân nghĩa, tôn trọng đạo đức nhân nghĩa. Giáo dục hiện nay là công lợi, là giáo dục lợi hại, đối với mình có lợi là bạn bè, đối với mình không có lợi thì là kẻ thù, bạn nói như vậy thì làm sao được! Xã hội này, Mạnh Tử nói [nếu] 'Kẻ trên, người dưới tranh nhau thủ lợi', đất nước này sẽ bị nguy hiểm. Sự nguy hiểm này nói rõ sẽ có tai nạn lớn xảy ra, hoặc là thiên tai, hoặc là nhân họa, đều do nghiệp cảm của chúng sanh tạo ra, vì mọi người đều tạo nghiệp chẳng thiện. Thế nên tại sao người đời sau tôn kính cổ thánh tiền hiền đời xưa? Tại sao sùng

---

[2[2]] Công lợi chủ nghĩa là chủ nghĩa chú trọng lợi ích trước mắt của mình, làm việc gì cũng đặt lợi ích của mình lên trên hết.

bái họ? Vì họ có trí huệ, họ dựng nên một đường lối giáo hóa chúng sanh, dạy chúng sanh 'đạo đức, nhân nghĩa, lễ nghĩa', minh đạo, tu đức, hành nhân, tận nghĩa, giữ lễ, xã hội sẽ an định, nhân dân sẽ yên vui, biết hợp tác lẫn nhau, chung sống hòa mục, đó là đế vương phục vụ cho nhân dân, làm gương tốt cho xã hội đại chúng.

Trong xã hội công lợi hiện nay, mỗi người chỉ cầu cho lợi ích của cá nhân mình, gia đình cũng chẳng lo đến, đúng là vong ân, bội nghĩa. Cha mẹ nhọc nhằn nuôi con khôn lớn, đến lúc cha mẹ già thì con cái bỏ xó, vứt bỏ, cho rằng hiếu dưỡng cha mẹ là một gánh nặng, họ không chịu gánh vác gánh nặng này, họ bỏ đi, cha mẹ sống chết gì cũng chẳng liên quan tới mình, cha mẹ bị bịnh chẳng có người chăm sóc, cha mẹ già bỏ xó cũng chẳng có người săn sóc. Hiện nay ở ngoại quốc có chế độ phước lợi cho người già, quốc gia đứng ra nuôi người già, quốc gia phải có tài lực mới được. Sự nghiệp phước lợi xã hội là do người Mỹ đề xướng đầu tiên, sau khi thế chiến thứ hai chấm dứt, nước Mỹ giàu mạnh nhất nên họ khởi xướng chế độ này; rất nhiều dân tộc, quốc gia trên thế giới đều bắt chước. Hiện nay mối tệ xảy ra, gánh nặng quốc gia quá lớn, làm cho chính sách kinh tế quốc gia suy xụp. Nhưng có ai dám phế trừ chế độ này không? Chẳng ai dám. Quốc gia đó là xã hội dân chủ, nếu bạn muốn phế trừ chế độ này thì dân chúng sẽ không bỏ phiếu cho bạn, thì bạn sẽ không đắc cử, vì [người ứng cử] muốn lấy lá phiếu nên cắn chặt răng vẫn phải duy trì chế độ này. Nước Mỹ hiện nay thiếu nợ, hầu như mỗi người trên thế giới đều biết, bốn đời còn chưa trả hết, họ vốn là nước [dư dả] cho người ta vay mượn, hiện nay biến thành nước thiếu nợ, đây đều là do chánh sách sai lầm.

Cho nên chánh phủ Tân Gia Ba rất thông minh, thấy được trạng thái bịnh hoạn này của xã hội. Tân Gia Ba có phước lợi xã hội không? Có chứ, cội nguồn chủ yếu của phước lợi xã hội là số tiền dành dụm của nhân dân, họ gọi là 'công tích kim' (tiền tích trữ chung), đây là tiền chánh phủ buộc bạn phải dành dụm. Số dành dụm này là để phòng hờ khi bạn sanh bịnh, khi bạn đến tuổi già, có thể tự nuôi mình. Thật ra khi có khó khăn, chánh phủ trợ giúp một ít, quy chế này tốt! Ở ngoại quốc vì có chế độ phước lợi xã hội nên người dân chẳng có quan niệm dành dụm, [họ thường nghĩ] già cũng không sao, có nhà nước nuôi. Cho nên tiền thu nhập hằng tháng, họ đều tiêu xài hết trơn, nhiều người còn xài quá lố, tạo nên hiện tượng thiếu nợ rất nhiều.

Trong quan niệm giáo dục cổ xưa Trung Quốc, thiếu nợ là nhục nhã, bạn làm sao có thể mượn tiền để sống qua ngày? Ngạn ngữ thường nói 'Không nợ cả mình khoẻ re'. Đời sống nghèo khổ một tí cũng không sao, không thiếu nợ thì đời sống chẳng có áp lực, đời sống của họ rất thoải mái. Còn những quốc gia tiên tiến ở ngoại quốc hầu như là không có ai không thiếu nợ, áp lực đời sống rất lớn. Xã hội như vậy, tôi sống ở bên đó hai mươi mấy năm, tôi nhìn thấy rất khó chịu, con người sống ở trên thế gian là để làm gì? Là để trả nợ, bạn coi có đáng thương hay không, bi ai biết bao! Mỗi ngày nỗ lực làm việc là để trả nợ. Trả tiền nợ của ngân hàng, mượn tiền ngân hàng, đất đai, căn nhà của bạn ở là do mượn tiền mua trả góp, chiếc xe hơi bạn lái cũng do tiền mượn ngân hàng, mượn công ty bảo hiểm trả góp để mua. Số tiền mỗi tháng kiếm được thì trước tiên phải trả ngân hàng, trả công ty bảo hiểm, còn lại một phần nhỏ mới dành để chi dụng cho sanh hoạt. Lúc tôi ở Mỹ, phần đông các người Mỹ có thể nói là tiền thu nhập rất khả quan, mỗi tháng có thể kiếm được ba ngàn Mỹ kim, số ba ngàn này phải đóng thuế, phải trả góp cho ngân hàng, trả góp cho công ty bảo hiểm, trên thực tế kiếm được ba ngàn đồng còn lại chỉ được tám trăm đồng, do đó tiền lương ba ngàn đồng nhưng thật ra chỉ còn tám trăm đồng. Tám trăm đồng tiền chi dụng cho sanh hoạt so với Trung Quốc chúng ta cao hơn rất nhiều, nhưng chỉ miễn cưỡng đủ cho họ chi dùng trong một tháng. Người Trung Quốc đỡ hơn người ngoại quốc vì người Trung Quốc biết tiết kiệm. Mỗi tháng họ có thể dành dụm hai trăm đồng là điều rất khó khăn, rất

hiếm có. Cho nên số tiền thâu nhập ba ngàn đồng, họ có thể thật sự dành dụm chỉ bất quá là hai trăm đồng mà thôi, [từ chuyện này chúng ta mới biết] họ sinh sống như thế nào?

Còn người đến tuổi già, mỗi tiểu bang ở Mỹ có tài chính riêng rẽ, nước Mỹ là nước liên bang, mỗi tiểu bang cũng giống như một nước nhỏ, có rất nhiều luật lệ riêng rẻ, nhưng không trái nghịch với hiến pháp liên bang. Vì của cải của mỗi tiểu bang không giống nhau nên phước lợi xã hội cũng khác nhau. Như tiểu bang Cali khá sung túc, người già ở Cali mỗi tháng có thể lãnh được năm trăm đồng tiền dưỡng già, năm trăm đồng có thể chi dụng cho một tháng, chẳng thành vấn đề. Tôi ở tiểu bang Texas, hoàn cảnh kinh tế của Texas thua Cali nên tiền dưỡng già ở Texas chỉ có hơn ba trăm đồng, đời sống vật chất có thể miễn cưỡng sống qua ngày, còn đời sống tinh thần rất đau khổ, thật sự là họ chỉ ngồi ăn rồi chờ chết. Họ mỗi ngày ăn no xong rồi phơi nắng, chẳng có người nói chuyện với họ. Chúng tôi đến thăm viện dưỡng lão, người già nhìn thấy chúng tôi đều thích nói chuyện với chúng tôi, có người nói chuyện với họ thì họ mới cảm thấy an ủi.

Chúng tôi nhìn thấy hiện tượng thê thảm của người già, nên chúng tôi có ý định muốn xây làng Di Đà, giúp đỡ họ giải quyết sự khổ nạn, tìm cho họ một đời sống tinh thần. Có một số viện dưỡng lão tổ chức rất khá, mỗi tuần có tổ chức một buổi họp có tính chất giúp vui, trong đó có biểu diễn, có ca hát, khiêu vũ, do ai tổ chức? Đều do người già tự tổ chức. Những người trẻ tuổi một chút, sức khoẻ còn khá đứng ra biểu diễn, còn nhiều người lớn tuổi đi đứng không được phải ngồi xe lăn, họ xúm lại làm khán giả, như vậy kể là rất khá rồi. Nhưng chúng tôi cảm thấy như vậy cũng chưa đủ, chúng ta phải thường có người trẻ tuổi đến đó biểu diễn, đặc biệt là khích lệ học sinh trẻ tuổi, các em nhỏ có thể thường xuyên đến làng Di Đà biểu diễn, làm cho người già có thể thường gặp mặt, tiếp xúc các em nhỏ, làm cho tinh thần của họ được an ủi. Rất nhiều đoàn ca vũ trên thế giới, các đoàn diễn xiếc Trung Quốc, chúng ta có thể mời những đoàn biểu diễn giỏi đến làng Di Đà biểu diễn. Cho nên làng Di Đà không chỉ đơn thuần niệm Phật, trong đó có nhiều sinh hoạt giúp vui này. Chúng tôi hy vọng có thể giúp người già trải qua thời gian mà họ cảm thấy hạnh phúc nhất trong đời của họ, chúng tôi hướng về mục tiêu này mà làm, phục vụ cho người già, người bịnh.

Trong kinh đề cập tới ‘sanh sản phụ nữ’, hiện nay y dược phát triển, chăm sóc phụ nữ sanh sản chẳng cần chúng ta phải bận tâm. Thời xưa người phụ nữ sanh sản vô cùng khổ sở, chẳng có người chăm sóc. Cho nên lúc sanh sản là lúc quan hệ tới tánh mạng, là lúc cần người giúp đỡ nhất. Hiện nay trừ phi là những chỗ vô cùng lạc hậu, chưa phát triển, còn những chỗ đã phát triển, hoặc những quốc gia đang phát triển đại khái đều không thành vấn đề. Ở đây đức Phật khuyến khích chúng ta phải bố thí thuốc men, thức ăn, mền chiếu cho những chúng sanh khổ nạn, cần chúng ta giúp đỡ, họ rất cần những vật này, nếu bạn có thể chăm sóc được, mục đích là ‘sử lịnh an lạc’, làm cho họ được thân tâm bình yên, làm cho họ lìa khổ hưởng vui. Xin xem tiếp kinh văn:

Như thị phước lợi tối bất tư nghị, nhất bá kiếp trung, thường vi Tịnh Cư Thiên Chủ, nhị bá kiếp trung thường vi Lục Dục Thiên Chủ, tất cánh thành Phật vĩnh bất đọa ác đạo, nãi chí bá thiên sanh trung nhĩ bất văn khổ thanh.

Thì phước lợi đó không thể nghĩ bàn, trong một trăm kiếp thường được làm Thiên Chủ trời Tịnh Cư, trong hai trăm kiếp thường được làm Thiên Chủ cõi Lục Dục Thiên và rốt ráo sẽ được thành Phật, vĩnh viễn không còn đọa vào ác đạo, thậm chí trong trăm ngàn đời, tai không hề nghe đến tiếng khổ.

Đoạn kinh văn này nói về quả báo của sự bố thí. Bố thí là nhân của phước đức, ba nghiệp đều phải biết tu học. Trong tâm thường giữ ý niệm bố thí, bố thí chính là phục vụ chúng sanh, chúng ta nói như vậy thì mọi người dễ hiểu, mỗi niệm đều có tâm nguyện phục vụ chúng sanh, đó là tâm bố thí. Lúc thường ngày dùng lời nói để khuyên người, phục vụ xã hội, phục vụ nhân dân, đó là miệng bố thí. Trong đời sống hằng ngày, chúng ta thật sự làm được, ngay ở chỗ làm, ngay trong cách sinh sống hằng ngày, phải làm việc có lợi ích cho xã hội, cho chúng sanh, đó là thân bố thí, [làm vậy] thì bạn nhất định sẽ có phước. 'Tài thí' gồm có nội tài và ngoại tài, ngoại tài là vật ngoài thân, nội tài là thân thể, tôi dùng thân thể của tôi, dùng sức lực của tôi phục vụ mọi người, đây là 'nội tài bố thí', thí tài thì sẽ được giàu sang. 'Pháp thí' là dùng trí huệ, dùng kỹ thuật, khả năng của mình để giúp đỡ người khác, quả báo sẽ được thông minh, trí huệ. 'Vô úy thí' là làm cho mọi người thân tâm yên ổn, xa lìa lo sợ, buồn rầu, phiền não, quả báo là được khoẻ mạnh, sống lâu. Như vậy thì phước báo của bạn mới viên mãn, trong đời sống vật chất của bạn chẳng thiếu thốn, chẳng cần quá nhiều, không thiếu thốn là được rồi, là viên mãn rồi. Cái ăn, cái mặc đầy đủ, thông minh, trí huệ, khoẻ mạnh, sống lâu, thì phước báo của người đó mới viên mãn. Ngày nay chúng ta thấy thế gian này, có rất nhiều người giàu sang nhưng không có trí huệ, họ thật sự giàu có [nhưng] ngu si. Lại thấy có người thông minh, rất có trí huệ, thân thể không khoẻ, nhiều tai nạn, nhiều bịnh, đó là gì? Đời trước họ chẳng tu vô úy thí, thường làm tổn thương hết thảy chúng sanh, [nên họ] bị nhiều tai họa, nhiều bịnh. Họ nói: 'Tôi đâu có hại chúng sanh gì đâu, chẳng hại ai hết', mỗi ngày ăn thịt chúng sanh thì đã là phiền phức rồi.

Tôi nhớ có một lần, cư sĩ họ Lôi ở Hương Cảng làm báo cáo tại đây, bà thấy quả báo ngay trong đời này, có một người thích ăn đồ biển, lúc chết bị một bịnh giống như con cua vậy, giống cá tôm vậy, lúc quả báo hiện lên mọi người đều nhìn thấy, làm cho rất nhiều người sợ hãi, những người thích ăn đồ biển đều không dám ăn nữa. Bà ở đây thuật lại chuyện này, chúng tôi có thâu hình, cuộn băng thâu hình này có thể lưu thông cho mọi người coi, chuyện bà kể lại là chuyện thật, người thật. Trong Giới Kinh tuy đức Phật chẳng cấm mọi người ăn thịt, đức Phật khuyên người ăn 'Tam Tịnh Nhục'. Tam tịnh nhục nghĩa là thứ nhất không trông thấy [con vật đang] bị giết, bạn chẳng thấy sự sát sanh, thứ hai bạn chẳng nghe thấy âm thanh [lúc con vật bị] giết, thứ ba là tuyệt đối chẳng giết cho mình ăn, đó gọi là tam tịnh nhục. Nhưng có một số người thích ăn thịt sống, tận mắt nhìn thấy con vật bị giết, đích thân kêu người đầu bếp giết con vật ấy, họ muốn ăn đồ tươi, ăn như vậy thì tạo nghiệp nặng lắm. Cho dù bạn tu bố thí được phước, dù bạn tu pháp bố thí được thông minh trí huệ, quả báo bạn được sẽ là thân thể bị nhiều tai họa, nhiều bịnh.

Thông thường thì thân thể người Trung Quốc chẳng bằng người ngoại quốc, người ngoại quốc ăn thịt, họ thật sự ăn tam tịnh nhục, vả lại lúc ăn thịt cũng tương đối đơn thuần. Ở ngoại quốc chúng ta thấy họ ăn nhiều nhất là thịt bò, thịt gà, những thịt động vật khác họ không ăn, rất ít ăn, họ yêu thương động vật. Nếu họ thấy bạn làm tổn thương động vật thì họ không thích, họ sẽ không tha thứ cho bạn. Ở Úc Châu nếu làm tổn thương động vật bừa bãi thì phải bị phạt, phải bị phạt tiền thậm chí phải bị ở tù, đây là [luật lệ] bảo hộ động vật. Gà và bò của họ được [chuyên môn] nuôi để làm thịt, như vậy thì sự tạo nghiệp sẽ nhẹ. Hãy coi người Trung Quốc, đặc biệt là người miền nam cái gì cũng ăn, cái gì cũng muốn ăn sống, như vậy thì tạo nghiệp rất nặng, sẽ chịu tai nạn rất nhiều. Do đó chúng ta phải biết làm cách nào để tu phước.

[Nói đến] phương pháp sống khoẻ mạnh, trường thọ, cố nhiên phương thức sống của chúng ta rất quan trọng, đó đều là duyên. Nguyên nhân thật sự là do đời quá khứ tu vô úy thí, làm cho hết thảy động vật, làm cho các loài hữu tình, động vật có sinh mạng được yên ổn, được vui sướng, không thể sát hại chúng nó, đó thuộc về vô úy thí, ngày

nay gọi là thương yêu động vật. Chúng tôi thấy những động vật sanh trưởng trong vùng hoang dã ở Mỹ, ở Gia Nã Đại, ở Úc Châu chẳng sợ con người. Bạn coi những động vật nhỏ ấy, bạn ngoắc tay thì nó liền đi tới, chim cũng không sợ người ta, nó bay xuống đậu trên thân bạn, con sóc [nhìn thấy bạn] vừa ngoắc tay nó liền chạy lên tay bạn. Động vật ở Trung Quốc khác ở ngoại quốc, vừa thấy người ta nó liền chạy mất, động vật cũng thông hiểu tánh người, sống ở chỗ nào mà nó biết con người không hại nó, con người là bạn của nó, thì nó mới dám lại gần [người ta]. Còn ở Trung Quốc hay Đài Loan thì làm sao được, chim vừa nhìn thấy người ta thì liền bay mất, nó biết những người này là kẻ thù của nó, là oán gia, chắc chắn sẽ giết hại chúng nên chúng mau mau chạy trốn.

Đoạn này dạy chúng ta làm thế nào để tu bố thí, làm sao tu phước, bố thí tức là tu phước, nếu bạn có thể tu học như vậy, tu bố thí như vậy, quả báo sẽ là 'trong vòng một trăm kiếp, thường làm Thiên Chủ cõi trời Tịnh Cư'; cõi trời Tịnh Cư là cõi Tứ Thiền thiên, quả vị này cao, họ sẽ được quả báo như vậy. Cội nguồn của quả báo đều ở chỗ phát tâm, bạn biết phát tâm thì sẽ tin lời Phật nói, tin quả báo đều là chân thật. 'Hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh', hết thảy pháp đều do tâm niệm mà chuyển biến, trong nhân nói phía trước, quan trọng nhất là phải có đại từ tâm thì bạn mới có quả báo này. Nếu bạn chỉ có "ái duyên từ, chúng sanh duyên từ", thì quả báo sẽ chẳng lớn như vậy, đây là lòng đại từ đại bi giống như chư Phật, Bồ Tát, quả báo này sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Thời gian một trăm kiếp dài như vậy, bạn sẽ làm Đại Phạm thiên vương, đây là [thiên vương] cõi trời Sắc Giới.

'Trong hai trăm kiếp thường là thiên chủ cõi trời Lục Dục', Đại Phạm thiên vương, phước báo của thiên chủ cõi Tịnh Cư hết thì sẽ đọa trở xuống, nhưng họ còn phước dư. Phước đó tuy không đến cõi trời Sắc Giới, nhưng sẽ hưởng phước tiếp ở trời Dục Giới. 'Nhất định thành Phật, vĩnh viễn không đọa ác đạo', 'Nhất định thành Phật' là nói hạt giống Kim Cang gieo trong A Lại Da Thức sẽ không hư hoại, nếu gặp được nhân duyên thù thắng, duyên thù thắng này giống như lời nói của Thiện Đạo đại sư 'gặp duyên không đồng'. Nếu họ gặp được Đại Thừa Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, dựa trên thiện căn, phước đức, và thêm nhân duyên, thì họ nhất định sẽ vãng sanh thành Phật, vậy thì vĩnh viễn sẽ chẳng đọa ác đạo, sanh đến tây phương thế giới thì đương nhiên 'sẽ chẳng nghe tiếng khổ'. Đoạn này nói về quả báo của họ.

Đoạn này trong Chú Giải, Thanh Liên pháp sư chú thích rất nhiều, nói rõ những sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong đó ngài trích dẫn kinh, luận, nêu ra các vật bố thí gồm có nhà cửa, giường, đồ ăn, thuốc men, nói rõ những thứ này đều là thế pháp, làm sao có thể nói là chẳng thể nghĩ bàn? Sau đó nói 'Đó là do lúc bố thí, một niệm có đủ tâm đại từ, bèn là căn bản thành Phật?', cho nên quan trọng ở ba chữ 'đại từ tâm'. Nếu thật sự dùng tâm đại từ đại bi, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, một tâm niệm này liền chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được phước cũng chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Phần chú thích còn lại, chư vị có thể tự xem. Xin xem tiếp kinh văn:

Phục thứ Địa Tạng, nhược vị lai thế trung hữu chư quốc vương, cập Bà La Môn đẳng, năng tác như thị bố thí, hoạch phước vô lượng, cánh năng hồi hướng, bất vấn đa thiểu tất cánh thành Phật. Hà huống Thích Phạm Chuyển Luân chi báo

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, như có các vị Quốc Vương cùng hàng Bà La Môn v.v..., có thể làm những việc bố thí như thế, sẽ được vô lượng phước lành. Nếu lại có thể đem hồi hướng, thì không kể là nhiều hay ít, rốt ráo đều sẽ thành Phật; huống gì là những quả báo Thích, Phạm, Chuyển Luân.

Đức Phật tổng kết lại, một khoa 'kết hướng thành Phật'. Đức Phật lại nói với Địa Tạng Bồ Tát, hàng kinh văn này có hai đoạn, đoạn trước là tổng kết phước của sự bố thí, đoạn sau tổng kết phước của sự hồi hướng. Tổng kết bố thí đặc biệt nhắc đến 'trong đời vị lai', câu này chỉ đời hiện tại của chúng ta, năm xưa lúc đức Phật giảng kinh thuyết pháp nói về đời vị lai, 'vị lai' bao gồm thời đại chúng ta. 'Có các quốc vương và Bà La Môn, v.v..', đây là những người có thể bố thí, 'v.v..' bao gồm chúng ta, mọi người đều bao gồm trong đó. Khi bạn hiểu được đạo lý này, hiểu rõ được chân tướng sự thật thì nên sốt sắng nỗ lực phục vụ cho xã hội, đại chúng, đây tức là tu bố thí ba la mật. Phục vụ cho xã hội đại chúng quan trọng nhất là phải có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, chúng ta làm tròn nghĩa vụ chẳng mong đền đáp, quần áo thức ăn trong đời sống mình đầy đủ là được rồi, tuyệt chẳng tham lam hưởng thọ xa xỉ, nếu tham các thứ này thì những gì bạn tu được đều báo trọn hết, đều hết sạch. Nếu bạn không mong cầu phước báo, thì phước báo tích lũy ở đó càng ngày càng nhiều, sẽ biến thành đại phước báo chẳng thể nghĩ bàn! Đại phước báo chính mình cũng chẳng nhận lấy, đem đại phước báo này cúng dường hết thảy chúng sanh, thành tựu vô lượng vô biên phước báo cho mình. Có vô lượng vô biên phước báo cũng không hưởng dùng, đem hết thảy phước báo ấy đều cúng dường tận hư không, trọn khắp pháp giới hết thảy chúng sanh, bạn nói như vậy viên mãn, vui vẻ biết bao! Việc vui lớn nhất trong đời người chẳng vượt quá niềm vui này.

Chúng ta ở nhà nhỏ, sống một đời sống đơn giản có gì là không tốt? Sống rất tự tại, cần gì phải ở trong nhà lộng lẫy, bước ra cửa có rất nhiều người tung hô, đưa đón, tôi cảm thấy đời sống như vậy rất bất tiện. Bước ra khỏi cửa phải dẫn theo nhiều người hộ vệ, tới lui không tự do, giàu sang quá mức. Ở nhà thì sợ người ta trộm cướp, phải mướn rất nhiều nhân viên bảo vệ, nói thật ra như vậy là vô hình trung giam lỏng chính mình trong nhà, chẳng được tự do, tự tại. Làm chi phải như vậy! Bạn có của cải tại sao không bố thí? Bố thí mới thật sự được tự do tự tại, trong kinh Phật thường nói 'đời sống giải thoát', đó là đời sống tốt đẹp nhất, chẳng bị gò bó, được tự do tự tại, như vậy mới đúng. Chúng ta học Phật phải hiểu lý, phải hiểu rõ chân tướng sự thật thì mới chịu tu bố thí, chịu phục vụ cho xã hội đại chúng, cống hiến thân tâm của chúng ta, cống hiến trí huệ, khả năng của chúng ta, tạo phước cho mọi người chứ đừng hưởng phước, vậy thì bạn sẽ có vô lượng phước. Đây là đoạn tổng kết phước của sự bố thí.

'Còn có thể hồi hướng, chẳng hỏi là nhiều hay ít, rốt cuộc sẽ thành Phật', sau đó là tổng kết phước báo của sự hồi hướng. 'Có thể hồi hướng, chẳng kể nhiều ít, rốt cuộc sẽ thành Phật', vì nguyên nhân gì? Vì phía trước nói bạn có đại từ tâm, đại từ tâm là tâm Phật, chẳng hỏi công đức bạn tu được nhiều ít, bạn đều sẽ thành Phật, vì bạn dùng tâm Phật để phục vụ xã hội đại chúng. 'Huống chi là quả báo Thích Phạm Chuyển Luân', đây là thí dụ ngay cả việc thành Phật bạn còn có thể làm được, huống chi là những phước báo nhỏ của cõi trời, cõi người. 'Thích' là thiên chủ cõi Dục Giới, 'Phạm' là thiên chủ cõi Sắc Giới, 'Chuyển Luân' thánh vương là người có phước báo lớn nhất trong cõi người, bốn chữ này nói về đại phước báo trong lục đạo. Làm Phật là phước báo rốt ráo viên mãn trong cả thế gian và xuất thế gian, phước báo rốt ráo viên mãn bạn còn có thể được, huống chi là phước báo nhỏ trong lục đạo. Trăm đời, ngàn đời là phước báo nhỏ trong lục đạo thì đương nhiên sẽ được. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật xong, thì mới biết không thể không tu bố thí, đối với chính mình có lợi ích chân thật, hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian, chỉ có pháp này là thật, những thứ khác đều là giả. 'Phàm những gì có tướng đều là hư vọng', nhà Phật thường nói *'Tất cả đều không mang theo được, chỉ có nghiệp đi theo thân'*, trong thế gian này có cái gì bạn có thể đem theo được? Lời Phật dạy chúng ta phải ghi nhớ *'Cõi nước mong manh, mạng người vô thường'*, được thân người là quý báu nhất, ngày nay

chúng ta có được thân người, thì việc có ý nghĩa nhất, có giá trị nhất là tu phước, phục vụ cho hết thảy chúng sanh, được vậy thì đời này bạn mới có ý nghĩa, có giá trị. Chúng tôi nói có ý nghĩa, có giá trị, nói thật ra là rất trống rỗng, rất trừu tượng, ý nghĩa của nó là ở chỗ nào? Giá trị ở đâu? Đoạn kinh văn này giảng rất tường tận, sát thật, ý nghĩa và giá trị này là phước báo vĩnh hằng, phước báo đời đời kiếp kiếp bạn hưởng chẳng cùng tận, ý nghĩa và giá trị ở chỗ đó. Nếu chúng ta còn một tâm niệm tham, còn một tâm bỏn xẻn, còn không chịu phục vụ rốt ráo cho mọi người, chính mình còn lưu lại một chút thì phước báo bạn tu được sẽ nhỏ, quả báo của bạn sẽ chẳng thù thắng.

Cho nên một người có phước báo hay không đều ở tại một niệm. Một niệm này của chúng ta có phải vì người khác hay không, vì cả xã hội, vì quốc gia, vì toàn nhân loại không, nếu vậy thì phước báo của bạn sẽ lớn. So đo từng chút vì chính mình, vì gia đình mình thì phước báo của bạn sẽ nhỏ, rất nhỏ. Bạn vì một người thì phước báo bạn tu được, đời sau bạn được phước báo của một người, vì một người hoặc vì gia đình mình, thì phước báo của bạn sẽ lớn bấy nhiêu. Bạn vì một người, thì tương lai thân thể bạn khoẻ mạnh, cường tráng. Nếu bạn vì một gia đình, bạn là gia trưởng trong gia đình, thì cả gia đình bạn được hạnh phúc, đâu có giống như đã nói trong kinh, mà làm Đại Phạm thiên vương, làm Đao Lợi thiên vương, bạn chẳng có phước phần này, tại sao vậy? Vì tâm lượng quá nhỏ.

Cho nên cùng một sự việc tu bố thí, quả báo lớn hay nhỏ, tên của phẩm này là 'So sánh phước báo', đều ở tại tâm của bạn, đều ở tại [tâm bạn] lớn hay nhỏ, có một tâm niệm đại từ bi, tâm đó là 'tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp pháp giới', cho nên phước báo của một sự bố thí nhỏ được tâm lượng phóng lớn lên, rốt cuộc thành Phật, cho nên sự hồi hướng đó sẽ lớn, tâm lượng sẽ lớn. Tại sao chúng ta không dùng tâm lượng lớn? [Chúng ta] phải học dùng tâm lượng lớn thì tất cả đều sẽ lớn, một việc thiện nhỏ nhoi cũng biến thành quả báo trùm hư không pháp giới. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã học mở rộng tâm lượng, trong hội giảng kinh này đức Phật cũng dạy chúng ta mở rộng tâm lượng, cho nên kinh này cùng kinh Hoa Nghiêm chẳng có gì sai khác, đều có cùng cảnh giới. Mở rộng tâm lượng phục vụ cho hết thảy chúng sanh, cho dù hy sinh tính mạng cũng chẳng tiếc nuối, cũng rất hoan hỷ, rất cao hứng, chúng ta hy sinh làm cho hết thảy chúng sanh được phước, lìa khổ được vui, thì chúng ta cũng cảm thấy rất vui sướng, rất đáng giá! Nhất định không vì chính mình, không vì sự tham dục của mình thì mới thật sự là đệ tử của Phật, đó mới thật sự thực hiện lời giáo huấn của đức Phật.

Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây, trang thứ mười tám vừa mở đầu phần chú giải có vài câu, chúng ta nên ghi nhớ, Thanh Liên pháp sư trích một đoạn trong kinh 'Ngũ đạo tội báo', chúng ta hãy đọc một lượt. 'Hiền giả hảo bố thí' (Kẻ hiền thích bố thí', chữ 'Hiền giả' ở đây chính là Bồ Tát, người thích bố thí chính là Bồ Tát, 'thích bố thí' nói theo hiện nay là thích phục vụ cho nhân dân, nhiệt tâm phục vụ cho nhân dân, dốc hết tâm lực phục vụ cho dân chúng, đó chính là 'kẻ hiền thích bố thí'. 'Thiên thần tự phù tướng' (thiên thần tự nhiên giúp đỡ), 'phù tướng' là giúp đỡ, bạn có thể cảm động đến thiên địa quỷ thần giúp đỡ. 'Thí nhất đắc vạn bội' (bố thí một sẽ được gấp vạn lần), đây là nói về quả báo, quả báo của sự bố thí chẳng thể nghĩ bàn, vượt trội hơn sự bố thí của bạn không chỉ vạn lần thôi đâu. 'An lạc thọ mạng trường' (Yên vui thọ mạng dài), đây là bài kệ thứ nhất, nói rõ về phước báo của sự bố thí. Bài kệ thứ hai,

'Kim nhật đại bố thí,

kỳ phước bất khả lượng,

giai đương đắc Phật đạo,

độ thoát ư thập phương'.

(Hôm nay đại bố thí,

phước ấy chẳng thể lường,

nhất định thành Phật đạo,

độ thoát khắp mười phương).

Hai bài kệ này, ý nghĩa của bài thứ nhất là tổng kết phước của sự bố thí chúng ta vừa mới nói, bài thứ nhì là tổng kết phước của sự hồi hướng.

Chúng ta nhất định phải tỉnh ngộ, lúc trước mê hoặc điên đảo, tham lam bỏn xẻn, bây giờ tỉnh ngộ, giác ngộ trở lại, hoàn toàn vứt bỏ những quan niệm, cách suy nghĩ, cách làm sai lầm lúc trước, chúng ta phải học theo Phật, nghe theo lời dạy của đức Phật, sửa đổi tư tưởng của chúng ta, sửa đổi cách làm của chúng ta. Từ đây trở về sau khi chúng ta khởi tâm động niệm, phải nghĩ đến sự khổ vui của xã hội đại chúng, phải nghĩ đến họa phước của xã hội đại chúng, tuyệt đối không thể làm những gì bất lợi đối với xã hội, ngay cả suy nghĩ cũng không được, những gì có lợi cho xã hội thì chúng ta phải tận tâm tận lực mà làm, phải hiểu rõ đạo lý này. Nếu chúng ta tham tiền, chiếm tài sản của xã hội đại chúng làm của riêng mình, quả báo nhất định là đọa địa ngục, nhất là những của cải dành để cứu trợ kẻ hoạn nạn.

Trước kia lúc tôi mới học Phật, lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể một câu chuyện cho tôi nghe, sau này ông có chép chuyện này trong sách, ông để lại mấy cuốn sách cho đời sau, hình như trong 'Giảng ký kinh Bát Đại Nhân Giác' có kể câu chuyện này. Hình như trong cuốn 'Ảnh Trần Hồi Ức Lục' cũng có kể chuyện này. 'Ảnh Trần Hồi Ức Lục' là tự truyện của Đàm Hư pháp sư, đây là chuyện đời trước, [lão cư sĩ Châu Kính Trụ và pháp sư Đàm Hư] cả hai đều cùng một thời đại, tuổi cũng xấp xỉ, họ đều đích thân nhìn thấy. Năm đầu thời Dân Quốc ở Thượng Hải có một người giàu có, sống ở vùng Tô Giới. Người này vô cùng giàu có, làm quan đời nhà Thanh, chức quan rất lớn, sau khi chế độ Dân Quốc thành lập, triều đình nhà Thanh bị lật đổ, ông lánh nạn sang Tô Giới, lúc đó vùng này được sự bảo hộ của người ngoại quốc. Lúc về già ông học Phật, thường làm việc sửa sang đường xá, trong nhà Phật cũng tu bố thí cúng dường, ông thường tu phước không kém ai cả, trong nhà Phật phần đông người ta gọi ông là một đại thiện nhân, kính trọng ông như Phật, Bồ Tát.

Mấy năm sau ông mất, ông có mấy bà vợ nhỏ, hình như bà vợ thứ tư, tôi nhớ không rõ. Sau khi ông mất bà vợ này rất tưởng nhớ ông. Đúng lúc đó có một người Pháp biết thuật 'thông linh', có thể nói chuyện với người mất. Bà vợ thứ tư nghe nói nên đi tìm ông người Pháp này. Bà nhờ ổng tìm người chồng vừa mất về cho bả gặp mặt. Ông người Pháp này chịu giúp bà nhưng với giá rất mắc, hình như lúc đó ông ra giá một ngàn đồng, nếu không phải là nhà giàu có sẽ không trả nổi, bà ta quá giàu nên bà ta mướn ông [chẳng do dự]. Bà đưa tên họ cho ông ta, giờ sanh, giờ chết lúc nào, chết rồi chôn ở nơi đâu, [dùng những dữ kiện này] ông ta có thể đi tìm; nhưng kết cuộc là ông tìm không ra. Đương nhiên bà vợ nhỏ này rất tức giận và nói 'ông có gạt tôi không?'. Ông nói 'Tôi tuyệt đối không gạt bà'. Và nói tiếp 'nếu bà có bạn bè thân thích vừa mới qua đời, tôi sẽ tìm cho bà coi, tôi chẳng gạt bà đâu, tôi sẽ nhận một nửa giá thôi'. Bà [không còn cách nào khác] nên phải chịu cho ổng tìm thử. Đúng lúc đó con trai lớn của chồng bà cũng vừa mất chẳng lâu nên bà kêu đứa con dâu tới, nhờ ông người Pháp [tìm người con trai của chồng bà] với giá phân nửa. Quả nhiên chẳng lâu sau đó, ông ta tìm được hồn của người con trai trưởng này về và nhập vào một người, người này [sau khi bị nhập vào] có hành động, thái độ y hệt như người con trai vừa chết của chồng bà, ngay cả tiếng nói cũng giống hệt. Bà hỏi người con trai: 'Cha con vừa

mất tại sao lại tìm không ra?' Người con nói 'Cha con mất đi liền đọa địa ngục rồi', do đó người Pháp này không tìm ra, hồn ở cõi quỷ thì ông còn tìm được chứ cõi địa ngục thì ông không tìm nổi, người mất đó đích thật đã đọa địa ngục rồi.

Ông ấy là một người tốt, thường sửa sang đường xá, mỗi ngày đều lạy Phật, niệm kinh, đã làm rất nhiều chuyện tốt trong nhà Phật, tại sao ổng vẫn đọa địa ngục, lẽ nào như vậy? Người con trai đó nói "Lúc cha làm quan trong triều đình nhà Thanh, có một lần nhà vua phái ông đi cứu trợ dân chúng đang bị thiên tai, chắc ổng nuốt hết số tiền cứu trợ cho dân bị nạn, cho nên rất nhiều người chẳng được cứu trợ và chết mất, tội nghiệp đó quá nặng, sau này bất kể ông tu hành tới đâu đều không có cách nào bù đắp nổi nên vẫn phải đọa địa ngục. Chuyện này chẳng ai biết, ông có một người bạn còn sống, có thể người bạn này biết đôi chút, quý vị có thể đi hỏi người bạn này coi". Sau đó bà vợ thứ tư của ông quan kể trên tìm được người bạn này, hỏi coi có chuyện như vậy xảy ra hay không? Người bạn đó suy nghĩ một hồi và đáp đúng là có chuyện như vậy, ông ta đã làm quan khâm sai đại thần, đi phát tiền cứu trợ cho dân chúng. Ông quan đó đã cướp đoạt số tiền, bao nhiêu tiền thì không ai biết, người bạn này cũng chẳng biết, chỉ nói đích thật là có sự việc như vậy. Đây là một việc sai lầm to tát mà ổng đã phạm, bạn nghĩ coi chỉ tham một số tiền như vậy, đủ sống giàu sang được bao lâu? Đến lúc già làm bao nhiêu chuyện tốt cũng chẳng bù đắp nổi, vẫn phải đọa địa ngục. Việc đọa địa ngục, như trong kinh này nói chúng ta thấy [đọa địa ngục] sẽ chịu khổ vô số kiếp.

Cho nên tiền cứu trợ tuyệt đối không thể cướp đoạt được, tội lỗi này sẽ không thể tính nổi! Số tiền đó là để cứu mạng người ta. Khi thấy tiền này mà muốn cướp đoạt, quả báo sẽ đọa địa ngục. Khi gặp tai nạn xảy ra, dốc hết sức lực, tâm lực giúp đỡ còn không kịp, khi thấy người ta ra sức, ra của để cứu trợ thì phải sanh tâm hoan hỷ, phải tu tùy hỷ công đức, làm sao có thể khởi tâm tham được! Đó là tạo tội cực nặng. Phàm là việc cứu trợ, cứu tế thì công đức đều rất lớn, trong kinh chúng ta thấy được, nếu khởi tâm niệm ác, gây trở ngại, phá hoại, cướp đoạt số tiền cứu trợ đó thì tội này sẽ đọa địa ngục. Tài thí đã như vậy thì pháp thí cũng như vậy, đặc biệt là bố thí Phật pháp, Phật pháp là sự giáo dục nhằm cứu độ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn, gây trở ngại cho sự lưu thông Phật pháp là cắt đứt pháp thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh, quả báo sẽ ở A Tỳ địa ngục, năm địa ngục Vô Gián.

Nếu chư vị đọc kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo thì sẽ hiểu, kinh này là kinh Đại Thừa, là một phần trong kinh Bảo Tích, là một đoạn lớn trong Kinh Bảo Tích, kinh Vô Lượng Thọ cũng trong kinh Bảo Tích. Trong kinh này, đức Phật đã nói toạc ra các tội nghiệp của người xuất gia thời Mạt Pháp, nói một cách tường tận, chúng ta đọc kinh này đều lông tóc dựng đứng. [Tự hỏi] chính mình có phạm tội không, có làm gì sai trái không? Nếu đã làm sai, còn không sám hối, còn không sửa đổi, thì niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh! Nhất định phải hiểu việc này. Đã tạo tội này cũng không sao, chỉ cần [người đó thật tâm] sám hối thì sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, sự sám hối này hoàn toàn chuyển đổi trở lại, tuyệt đối không thể tái phạm lỗi lầm, phải sốt sắng dứt ác tu thiện, tích lũy công đức, thay đổi những quan niệm, hành vi sai lầm trước kia, chuyển đổi một trăm tám mươi độ trở lại, như vậy mới có thể cứu chính mình. Do đó [chúng ta] phải lưu thông kinh này rộng rãi, phải giảng nhiều lần, phải sốt sắng học tập. Tôi nhớ tôi đã giảng kinh này ba lần, ở Mỹ giảng một lần, ở Đài Loan một lần, ở đây cũng giảng một lần, có băng thâu âm, băng thâu hình, hình như cũng có đồng tu chép lại thành sách. Bài viết thành sách này tôi chưa coi lại, khi tôi coi xong và biết trong đó đích thật không có sai lầm thì có thể đem lên mạng lưới điện toán, lưu truyền trên mạng lưới, chắc hiện nay đã có băng thu âm và thu hình trên mạng.

Cho nên phước báo của sự lưu thông Phật pháp, sự phục vụ hết thảy chúng sanh của Phật pháp, phước báo này lớn nhất. Chúng ta phải noi theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bố thí trí huệ cả đời, đây là pháp thí, bố thí trí huệ bao gồm tài thí, tại sao vậy? Hoàn toàn là sự dạy học thiện nguyện, dùng thân thể, sức mạnh của chúng ta để khuyên xã hội đại chúng khuyến thiện sửa lỗi, dùng thể lực của chúng ta [để làm việc này] thì đó thuộc về tài thí. Chúng ta quan tâm xã hội đại chúng, yêu mến xã hội đại chúng, dốc hết tâm sức để giúp đỡ xã hội đại chúng, giúp họ giác ngộ, sửa sai cải tiến, giúp họ phát tâm phục vụ xã hội, phục vụ nhân dân, phục vụ chúng sanh, đó chính là pháp thí, pháp cúng dường, phước báo đó lớn nhất. Tuy có phước báo lớn, chúng ta cũng không hưởng thọ, hồi hướng phước báo đó cho hết thảy chúng sanh hưởng dùng. Cả đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni sống rất đơn giản, trong các đệ tử có một số đại quốc vương, vua của mười sáu nước lớn ở Ấn Độ thời bấy giờ đều quy y đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đều làm học trò của đức Phật. Đức Phật cũng vẫn ba chiếc y, một bình bát, chẳng thay đổi cách sinh hoạt của ngài, đây là sự răn dạy của đức Thế Tôn cho chúng ta, làm gương cho chúng ta, [làm vậy] mới có thể làm cho xã hội đại chúng tôn trọng, kính ngưỡng.

Phàm phu thế gian có ai không tham tiền tài, có ai không tham hưởng thọ? Khi đọa lạc vào sự tham dục thì sẽ tạo tội nghiệp, gây phiền phức cho chính mình, đức Phật hiện thân thuyết pháp, làm gương cho chúng ta. Đời người ở thế gian có ba bữa cơm no là được rồi, chẳng cần theo đuổi khẩu vị, ăn no là được rồi. Quần áo vải thô có thể che thân là được rồi. Ban đêm có một giường ngủ thoải mái, ngủ rất tự tại là đủ rồi, còn mong cầu gì nữa? Nếu còn dư thì chia xẻ cho hết thảy đại chúng hưởng dùng, như vậy gọi là Phật, Bồ Tát, đó gọi là hành Bồ Tát đạo, đó gọi là học Phật. Trong thế gian bất luận chúng ta là thân phận gì, địa vị gì, bất luận làm ngành nghề nào, sống cách nào, chỉ cần mỗi niệm đều vì chúng sanh, vì xã hội, vì nhân dân thì người đó chính là Bồ Tát, người đó thật sự hành Bồ Tát đạo. Tâm họ chính là tâm Bồ Tát, phước báo cũng giống như đã nói trong kinh, đều chẳng cùng tận.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 38 (Số 14-32-38)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 17, lần trước đã nói qua đoạn kinh này, chúng ta đọc lại một lần:

Phục thứ Địa Tạng, nhược vị lai thế trung hữu chư quốc vương, cập Bà La Môn đẳng, năng tác như thị bố thí, hoạch phước vô lượng, cánh năng hồi hướng, bất vấn đa thiểu tất cánh thành Phật. Hà huống Thích Phạm Chuyển Luân chi báo

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, như có các vị Quốc Vương cùng hàng Bà La Môn v.v..., có thể làm những việc bố thí như thế, sẽ được vô lượng phước lành. Nếu có thể đem hồi hướng, thì không kể là nhiều hay ít, rốt ráo đều sẽ thành Phật; huống gì là những quả báo Thích, Phạm, Chuyển Luân.

Phía trước đã báo cáo tường tận rồi, trong đoạn này quan trọng nhất là tâm lượng, ngạn ngữ Trung Quốc có nói '[tâm] lượng lớn thì phước lớn'. Tại sao lại trồng phước nhỏ, bố thí ít có thể được phước báo lớn như vậy? Đây là điều người mới học Phật như chúng ta nghe lời dạy trong kinh sẽ không khỏi hoài nghi. Sự hoài nghi này đều [là vì chúng ta] dùng nhân tình thế gian để đo lường, chứ không biết việc này nhân tình chẳng thể tưởng tượng nổi. Lý luận trong đó là vì 'xứng tánh', chỉ cần xứng tánh thì dù bố thí

rất ít, thật sự như một sợi lông, một hạt bụi nhỏ xíu, công đức đó cũng bằng tận hư không, trọn khắp pháp giới. Phật pháp thù thắng ở chỗ này, chỗ khó [hiểu trong] Phật pháp cũng ở tại chỗ này, khó ở chỗ phàm phu vĩnh viễn không thể mở rộng tâm lượng, tâm lượng vẫn còn nhỏ, tâm lượng nhỏ thì dù có bố thí cho nhiều đi nữa, phước báo cũng có hạn; nếu có tâm lượng lớn, bố thí nhỏ nhoi thì phước báo cũng không thể nghĩ bàn, [chúng ta] phải lắng lòng thể hội đạo lý này. Trong Chú Giải có vài câu, trang 17, hàng thứ ba đếm ngược lại, coi từ chính giữa, tôi đọc cho mọi người nghe 'Nhược bất vị tự cầu nhân thiên phước báo' (Nếu không tự cầu phước báo nhân thiên), 'Nhược' là giả thiết, giả sử chúng ta nhất định chẳng vì cầu phước báo nhân thiên cho mình, mục đích của sự bố thí là gì? 'Đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh', chỉ hy vọng hết thảy chúng sanh được phước, được lợi ích, tuyệt đối chẳng nghĩ đến mình, vậy thì phước báo của sự bố thí này sẽ rất lớn. Do đó 'Tắc bất vấn thí chi đa thiểu, tất cánh thành Phật (nên không hỏi bố thí bao nhiêu, rốt cuộc sẽ thành Phật). Dùng bốn chữ 'tất cánh thành Phật' để hình dung phước báo đó bao lớn, vì phước báo thế gian và xuất thế gian chẳng có gì lớn hơn việc thành Phật, nói đến thành Phật thì phước báo đó đạt tới mức rốt ráo viên mãn. Chúng ta phải hiểu đạo lý này thì chúng ta sẽ không hoài nghi nữa. Sau cùng đức Phật tóm tắt lại:

Thị cố Địa Tạng phổ khuyến chúng sanh, đương tri thị học.

Vì thế, này Địa Tạng, ông nên khuyến hóa chúng sanh đều phải học theo như thế.

Câu này tổng kết đoạn trước, vì đoạn trên nói về duyên cố, trồng thiện nhân được thiện quả, quả báo thù thắng như vậy thì ai mà không mong cầu? Tại sao chúng sanh cầu không được? Phương pháp tu học của chúng sanh không đúng như lý, không đúng như pháp, cho nên được phước có hạn; nếu tu học đúng như lý, như pháp thì sẽ được phước vô lượng vô biên. Nhưng [muốn biết] lý luận và phương pháp thì nhất định phải đi sâu vào Kinh Tạng, nếu không đọc kinh, không nghiên cứu giáo lý thì làm sao bạn hiểu được lý luận này? Làm sao biết được phương pháp này? Cho nên chư Phật, Bồ Tát, chư tổ sư đại đức xưa nay thường khuyến khích chúng ta 'không thể không đọc kinh điển', đạo lý là ở chỗ này. Xem tiếp đoạn sau, thứ hai là 'Nam nữ thí phước', xin xem kinh văn:

Phục thứ Địa Tạng

Lại nữa, này Địa Tạng

Lại gọi Địa Tạng Bồ Tát thêm một lần nữa.

Vị lai thế trung nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư Phật pháp trung, chủng thiểu thiện căn, mao phát sa trần đẳng hứa, sở thọ phước lợi bất khả vi dụ.

Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào ở trong Phật Pháp mà gieo trồng chút ít thiện căn chừng bằng mảy lông, sợi tóc, hạt cát, hạt bụi, thì phước lợi được thọ hưởng sẽ không thể ví dụ thế nào cho được.

Đoạn kinh này cũng thường làm cho đại chúng khởi nghi hoặc, có nhiều người tự cho rằng mình ở trong nhà Phật trồng phước tu thiện rất nhiều rồi, nhưng tại sao không được phước? Trong lịch sử Trung Quốc nổi tiếng nhất là Lương Võ Đế, Lương Võ Đế cả đời tu bố thí có ai sánh bằng? Lúc đó ông dùng quyền lực, oai thế của một ông vua để hộ trì Phật pháp, xây dựng chùa chiền, trong lịch sử ghi đến bốn trăm tám chục ngôi

chùa. Nhà Phật chúng ta thường nói xây một ngôi tháp, đúc một tượng Phật thì được phước báo chẳng thể nghĩ bàn rồi, huống chi ông vua đã xây bốn trăm tám mươi ngôi chùa! Bạn có thể tính số tượng Phật ông đã đúc là bao nhiêu chăng? Không thể nói mỗi chùa chỉ có một tượng Phật thôi đâu, vậy thì ông tạo bao nhiêu tượng Phật, tượng Bồ Tát. Bố thí cúng dường người xuất gia, ông rất thích [giúp cho] người ta xuất gia, khi có người xuất gia thì ông nhất định sẽ bố thí cúng dường, trong sách ghi [ông cúng dường] mấy trăm ngàn người, phước báo đó bao lớn! Phước báo thì nhất định là có, nghiệp lực của ông chẳng thể chuyển đổi trở lại, vì lý do gì? Tâm lượng không lớn, chẳng có trí huệ, đây là việc mà nhà Phật thường nói 'chỉ tu phước, chứ không tu huệ', ông chỉ tu tài thí, hình như cũng có pháp thí, nhưng vẫn thiếu trí huệ, [vì] tâm lượng chẳng lớn.

Do đó lúc Đạt Ma tổ sư gặp vua, dùng cách nói hiện nay gọi thái độ của vua là 'đáng được kiêu ngạo'. Vua làm nhiều chuyện tốt trong nhà Phật như vậy rất đáng kiêu ngạo, hãnh diện về những việc mình đã làm nên hỏi Đạt Ma tổ sư: 'Công đức của tôi như vậy lớn không?', Đạt Ma tổ sư đáp: 'Chẳng có công đức'. Lời Đạt Ma tổ sư nói là lời chân thật, tại sao chẳng có công đức? Khi bạn có thái độ kiêu mạn thì công đức liền mất, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Bố thí thật sự là có công đức, nhưng khi kiêu mạn khởi lên thì mất hết, chẳng còn công đức nữa, kiêu mạn là lửa thiêu rừng công đức. Đạt Ma tổ sư là một người bất phàm, nói chuyện với Lương Võ Đế không hợp lắm nên Lương Võ Đế không hộ trì ngài, do đó sau khi rời khỏi, ngài phải đến chùa Thiếu Lâm ngồi nhìn vách, chẳng có ai biết, một vị tổ sư đại đức như vậy đến Trung Quốc, chẳng có ai nhận biết, chẳng ai hộ trì. Ngồi nhìn vách hết chín năm, kể ra cũng khá, cũng đợi được tới lúc truyền pháp cho ngài Huệ Khả. Nếu năm xưa Lương Võ Đế chịu hộ trì ngài thì Thiền Tông sẽ phát triển sớm hơn, chẳng cần phải đợi đến đời thứ sáu là đời ngài Huệ Năng, đã phát triển sớm hơn rồi. Chẳng có ai nhận biết, đây là vì không có huệ nhãn, Lương Võ Đế không nhận ra, cơ hội thật sự trồng phước báo to lớn bị luống qua, chẳng thể hộ trì Đạt Ma tổ sư, đã bỏ lỡ cơ duyên. Quan trọng ở chỗ khiêm tốn, cung kính, tâm lượng rộng lớn, đây đều là biểu hiện của trí huệ. Cho nên từ thái độ của Lương Võ Đế mà nhìn, ông ta chẳng có trí huệ, tâm lượng quá nhỏ, tuy làm rất nhiều việc bố thí, nhưng được phước không lớn, nguyên nhân là ở chỗ này.

Trong câu kinh này có chữ quan trọng, mọi người phải nhìn rõ ràng, chữ 'Thiện'. Chứ không nói 'Nhược nam tử, nữ nhân, ư Phật pháp trung, chủng thiểu thiện căn', [mà phải] là 'thiện nam tử, thiện nữ nhân', 'thiện' là chữ quan trọng. Tiêu chuẩn của thiện là gì? Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy rất rõ ràng, tiêu chuẩn của thiện trong thế gian nhất định phải làm được bốn câu 'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát hại, tu mười thiện nghiệp', người như vậy mới gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân, cho nên Phật pháp nói đến 'thiện' là có tiêu chuẩn hẳn hòi. Nếu chỉ nói nam tử, nữ nhân mà không có chữ 'thiện', thì người thông thường chúng ta cũng có phần, nếu thêm chữ thiện thì chúng ta phải nghĩ coi mình có đủ tiêu chuẩn này không. Nhưng kinh này là kinh Đại Thừa, không những là kinh Đại Thừa, chúng ta quan sát kỹ từ đầu tới cuối, có thể nói kinh này là đại kinh liễu nghĩa Nhất Thừa; nói một cách khác, tiêu chuẩn của 'thiện' phải nâng cao, nâng cao thêm một tầng là 'thiện' Nhị Thừa, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, người Trung Quốc gọi là La Hán, Bích Chi Phật. 'Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi', đây là thiện Nhị Thừa, chúng ta làm được ba câu này chưa? Còn phải nâng cao hơn, kinh này là kinh Đại Thừa, tiêu chuẩn thiện Đại Thừa còn phải thêm bốn câu 'Phát Bồ Đề Tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa', đây là tự lợi. Tự lợi xong rồi lợi người, đây là Bồ Tát Đại Thừa, lợi người là 'khuyến tấn hành giả', đây mới là khuyến hóa hết thảy chúng sanh, thiện nam tử, thiện nữ nhân là tiêu chuẩn này. Nói cách khác mười một câu trong

Tịnh Nghiệp Tam Phước đều làm được hết, vậy thì còn vấn đề gì nữa? Chúng ta vừa nói [tâm] lượng lớn thì phước lớn, người phát Bồ Đề tâm, phát Bồ Đề tâm thì lượng sẽ lớn, Bồ Đề tâm tuyệt chẳng có tâm vì mình, chẳng có tự tư tự lợi; tâm tự tư tự lợi là mê hoặc, là tâm luân hồi, tâm phàm phu. Niệm niệm vì hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới, đó là Bồ Đề tâm.

Do đó người như vậy trong Phật pháp 'trồng thiện căn ít ỏi', ít tới mức độ nào? 'Mao phát sa trần', mao là lông trên thân chúng ta, ví dụ ít; 'phát' là tóc trên đầu, một cọng tóc. Một hạt cát, một hạt bụi, đây là hình dung bạn trồng thiện căn ít, ít đến cùng cực. Tuy ít như vậy, phước bạn có, lợi ích đạt được chẳng thể so sánh được, chẳng có cách gì nói ra được, Phật cũng nói không hết. Cho nên mọi người phải biết Tam Bảo là phước điền hạng nhất trong thập pháp giới. Nhưng Phật pháp truyền đến nay đã trải qua ba ngàn năm nên chẳng tránh khỏi bị biến chất. Chúng ta coi thế giới hiện nay, bất luận hàng hóa gì, lúc vừa mới ra thị trường thì tốt nhất, chiêu bài được làm cho sáng rỡ, hai ba năm sau liền bị biến chất, đồ giả mạo cũng nhiều, tuyệt đối chẳng bằng lúc đầu; Phật pháp đã truyền hết ba ngàn năm làm sao không biến chất được! Rất khó tránh được. Đặc biệt là nhằm thời Mạt pháp, như kinh Lăng Nghiêm đã nói thời đại chúng ta hiện nay 'tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng';[nhiều chỗ] trên hình thức là một đạo tràng nhà Phật, nhưng trên thực chất thì chưa chắc. Do đó bạn muốn trồng phước trong nhà Phật thì phải nhìn rõ cái 'tràng' này có 'đạo' không? Có người thật sự tu hành trong đó hay không? Nếu không thì bạn trồng phước sai chỗ, bạn nhận lầm phước điền. Bạn trồng phước nhưng tương lai chẳng được phước, bạn không thể trách Phật nói sai, Phật chẳng nói sai, mà vì bạn thô tâm sơ ý, tưởng lầm hàng giả là hàng thiệt, phải trách chính bạn, chính bạn sơ ý thô tâm chẳng biết hàng thiệt, bạn mắc lừa, bị thiệt thòi rồi.

Nhưng muốn thật sự có thể nhận biết sự việc cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, bạn phải có trí huệ, phải có kiến thức, trí huệ và kiến thức từ đâu mà có? Từ 'Đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả', đó là 'vì người diễn nói', vì người diễn nói có lợi ích rất lớn, đúng như câu 'nương theo giáo học mà trưởng thành', nếu chẳng thông qua giáo học, khai trí huệ là chuyện vô cùng khó khăn. Nếu bạn thật sự phát tâm dạy học, nhiệt tâm dạy học, cơ hội khai trí huệ sẽ rất nhiều, nếu bạn không theo đuổi việc giáo học thì cơ hội này sẽ ít. Trong quá trình giáo học, lúc bạn chuẩn bị, sưu tập tài liệu tham khảo, sẽ thường giúp bạn giác ngộ, nếu bạn không làm việc giáo học thì sẽ không tìm những tài liệu này. Trong quá trình giáo học bạn có dịp tiếp xúc với người làm giáo học, khi trả lời câu hỏi giải quyết vấn đề cho họ thường giúp mình giác ngộ, do đó trong sư đạo có câu 'sư tư đạo hiệp', thầy giáo dạy học trò, học trò trợ giúp thầy giáo khai trí huệ, giúp trí huệ thầy, giúp đức hạnh của thầy, tạo cơ hội cho thầy, đó mới gọi là giáo học giúp nhau phát triển, cả hai đều có tiến triển, tăng trưởng lẫn nhau, [chúng ta] phải hiểu đạo lý này. Trong Chú Giải đoạn này có trích dẫn kinh luận, nêu ra rất nhiều thí dụ, trong những thí dụ này quan trọng nhất là phải có tâm chân thành, tâm cung kính, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi, chư vị hãy ghi nhớ mười chữ này, dùng tâm này để bố thí cúng dường tu phước thì quả báo sẽ giống như đã nói trong kinh. Tâm thanh tịnh chẳng ô nhiễm, tâm bình đẳng chẳng phân biệt, tâm chẳng ô nhiễm, chẳng phân biệt thì sẽ bao trùm hư không, lượng gồm thâu thế giới nhiều như cát, do đó họ sẽ được phước lớn. Xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Phục thứ Địa Tạng, vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngộ Phật hình tượng, Bồ Tát hình tượng, Bích Chi Phật hình tượng, Chuyển Luân Vương hình tượng, bố thí cúng dường, đắc vô lượng phước, thường tại nhân thiên, thọ thắng diệu lạc.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp hình tượng Phật, hình tượng Bồ Tát, hình tượng Bích Chi Phật, hình tượng vua Chuyển Luân mà bố thí cúng dường, thì sẽ được vô lượng phước báo, thường ở cõi người, cõi trời, hưởng sự vui thù thắng, vi diệu.

Kinh Địa Tạng được lưu thông rất rộng rãi, rất phổ biến, có lẽ mỗi đồng tu học Phật đều đã từng tụng qua bộ kinh này, thấy phước báo của sự bố thí cúng dường nói trong kinh cho nên rất thích tạo tượng Phật, Bồ Tát. Phước báo của sự tạo tượng rất lớn, kinh nói [người ấy] thường ở cõi trời, cõi người, sẽ chẳng đọa tam ác đạo, có bao nhiêu người mỗi ngày niệm Phật nhưng vẫn đọa tam ác đạo. Chư vị có thể coi đoạn tổng kết trong cuốn Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao do Quán Đảnh pháp sư soạn. Lúc học bộ kinh này, tôi coi đoạn này vô cùng thắc mắc nên đi hỏi thầy Lý, tôi nói coi xong không hiểu. [Trong Sớ Sao] ngài nói người niệm Phật có một trăm loại quả báo, thứ nhất là 'niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục', tôi thật không hiểu. Phước báo của sự niệm Phật rất lớn, tại sao lại đọa địa ngục A Tỳ được? Đây là chuyện không thể nào xảy ra. Thầy Lý nghe tôi hỏi xong bèn nói: 'Câu hỏi này rất hay, vấn đề này rất quan trọng, tôi không nói cho ông nghe [liền bây giờ], đợi đến lúc giảng kinh sẽ nói cho mọi người cùng nghe'. Tại sao họ làm vậy còn đọa địa ngục? Nguyên nhân là họ dùng tâm địa ngục để tu phước, nên vẫn phải đọa địa ngục. Tâm địa ngục là tâm gì? Tham, sân, si. Họ bố thí cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát để làm gì? Vì thấy lợi ích của việc này quá lớn, giống như làm ăn buôn bán vậy, đây là [đổi] vốn một, [để được] lời cả vạn, chuyện này không thể không làm; họ dùng tâm như vậy, họ chẳng có tâm thiện. 'Thiện nam tử, thiện nữ nhân', họ quên mất chữ 'thiện' này. Dùng tâm tham, sân, si, dùng tâm buôn bán tham lời, vậy thì làm sao được!

Ở Cư Sĩ Lâm chúng ta, cư sĩ Lý nói với tôi, lúc trước Cư Sĩ Lâm có một số Đổng Sự quản lý đạo tràng chẳng hiểu Phật pháp, họ quản lý đạo tràng này giống như quản lý một công ty, cửa hàng, đạo tràng này mỗi năm phải thâu nhập bao nhiêu tiền, làm sao để số tiền này sanh lời, làm sao để cho nó làm ra nhiều tiền hơn, mục đích là ở chỗ này, họ chẳng nghĩ đến làm việc đạo, cho nên đạo tràng này tích lũy rất nhiều tiền. Khi Lý cư sĩ nắm quyền, ông đem số tiền đó xài hết, có nhiều người biết được rất không hài lòng, trong ánh mắt của họ thì Lý cư sĩ là một người con phá hoại gia sản, nhưng khi nhìn thấy đạo tràng ngày nay hưng vượng như vậy, tôi tin tưởng họ cũng sẽ dần dần tỉnh ngộ. Hết thảy [số tiền người ta] cúng dường là để cho bạn làm việc đạo, mỗi ngày Cư Sĩ Lâm cúng dường ba bữa ăn miễn phí cho đại chúng, có ai dám làm? Chẳng ai dám làm việc này. Cánh cửa này vừa mở ra, về sau làm thế nào thu xếp? Làm sao có nhiều tiền để cúng dường như vậy? Do đó nếu bạn không có trí huệ thì không được, nếu bạn không có lòng tin thì bạn sẽ không dám làm.

Lý cư sĩ có trí huệ, có lòng tin, lúc khai trương tới nay chưa hề phải mua gạo, mua cải, mua dầu, mọi người biết Cư Sĩ Lâm làm chuyện tốt này, hiện nay trên thế giới [Cư Sĩ Lâm] là chỗ đầu tiên làm việc này, chẳng có chỗ thứ hai [nào như vậy]. Ba bữa ăn mỗi ngày, suốt một năm chẳng thiếu ngày nào hết, bất luận bạn tin Phật hay không, khi bạn đến đây thì có thể dùng một bữa ăn tự dọn, tôi nghe nói còn có người dẫn cả nhà tới ăn, cho nên những người ở gần Cư Sĩ Lâm, trong nhà có thể khỏi cần bếp núc; tuy nhiên đến đó ăn thì phải ăn chay, bạn thích ăn chay thì bạn cứ tới, nếu bạn không thể ăn chay thì không có cách chi. Rất nhiều bạn đồng tu tự động đem gạo, đem dầu, đem rau cải, đem đồ ăn đến [Cư Sĩ Lâm nhiều đến nỗi] chất cao như núi, ăn chẳng hết. Ăn không hết lại sợ hư nên phải đem cho viện dưỡng lão, cô nhi viện, phải lấy xe chở đi cho vì ăn chẳng hết. Thức ăn ở đó rất ngon, tôi đã ăn qua vài lần, có lúc họ còn nấu cho tôi vài món đặc biệt, tôi nói khỏi cần, chỉ đem vài món ở dưới [phòng ăn Cư Sĩ Lâm] cho tôi ăn thử, tôi ăn cảm thấy rất ngon. Bố thí cúng dường thật thì phước báo ấy rất

lớn. Chẳng như nhiều người hằng ngày đều phải tính toán, so đo từng chút, làm vậy thì được bao nhiêu lợi ích? Càng bố thí càng có nhiều, bạn thí tài, thì sẽ giàu sang, thí pháp thì có nhiều pháp. Cho nên đạo tràng Cư Sĩ Lâm, ngày nay mọi người tới tham quan, bạn coi chỗ đó hưng vượng, người hưng vượng, tài sản cũng hưng vượng, tại sao có thể hưng vượng như vậy? Là do bố thí, trồng phước mà ra.

Lý cư sĩ có tâm lượng to lớn, muốn xây làng Di Đà, người cư trú ở trong làng Di Đà chỉ cần có một điều kiện, đó là 'chịu niệm Phật'. Chỉ cần kẻ ấy chịu niệm Phật, thì chẳng cần bất kỳ một điều kiện nào khác, chẳng nhận một xu nào cả, [làng Di Đà] sẽ nuôi bạn tới già, cúng dường bốn món cần thiết, tốt hơn chánh sách phước lợi của bất cứ chính phủ, quốc gia nào trên thế giới hiện nay. Bất cứ quốc gia nào chăm sóc người già đều chẳng bằng Cư Sĩ Lâm. Đối với người già dưỡng lão, phước lợi của người già là hạng nhất trên thế giới. Người ngoại quốc chỉ cần lấy được quyền cư trú hợp pháp ở Tân Gia Ba [thì sẽ được cư trú ở làng Di Đà]; đệ tử Phật tuyệt đối phải tuân giữ pháp luật, tuyệt đối không thể phạm pháp, ai có thể cư trú hợp pháp thì làng Di Đà sẽ nuôi người đó tới già. Bạn cư trú ở đó thân tâm yên ổn, có thể bảo đảm bạn vãng sanh, một khi ở đó thì tương lai nhất định sẽ thành Phật, đó là đạo tràng hạng nhất trên thế giới. Tối hôm qua ông Lý bàn với tôi phải lập Phật Học Viện, đã làm đơn xin chính phủ, hoạch định của ông ta là lớp dự bị một năm, lớp chánh thức ba năm, lớp nghiên cứu ba năm, thời gian theo học là bảy năm, học sinh tới đó học hoàn toàn miễn phí, thức ăn quần áo, nơi ăn chốn ở đều do Phật Học Viện cúng dường, chẳng thâu một xu [của học sinh]; trên thế giới ai dám lập ra Phật Học Viện như vậy? Trường nào cũng phải thâu học phí, phải trả tiền ăn uống, còn Phật Học Viện này chẳng thâu tiền gì hết, trên thế gian này hiếm hoi nhất! Ở nơi đạo tràng như vậy, bạn tu một chút phước thì đó là thật sự trồng ruộng phước.

Do đó khi chúng ta quan sát một đạo tràng, thứ nhất là phải coi đạo tràng đó có đạo phong, có học phong, [những người ở] đạo tràng đó học những gì, tu những gì, có sốt sắng học tập, sốt sắng tu trì hay không. Nếu mọi người trong đạo tràng này đều sốt sắng học tập, nỗ lực tu trì thì đó là đạo tràng đúng như pháp; tu phước ở đạo tràng này mới có được quả báo tương ứng với lời nói trong kinh. Có hoàn toàn tương ứng hay không, tương ứng một cách viên mãn không? Không hẳn. Tại vì sao? Phải xét coi bạn là 'thiện nam tử, thiện nữ nhân' hay không? Phước điền thật sự không sai, nếu bạn dùng tâm 'một vốn vạn lời' đến đó trồng phước, phước bạn được sẽ nhỏ, chẳng tương ứng với lời đức Phật dạy trong kinh, bạn chắc chắn sẽ được phước, nhưng phước không lớn. Nếu bạn thật sự phát tâm Bồ Đề, chẳng vì chính mình mà vì chúng sanh, vì Phật pháp thường trụ thế gian, quyết chẳng vì lợi ích của mình, vậy thì được phước sẽ giống như lời nói trong kinh. Thế nên việc trồng phước, thứ nhất phải là phước điền chân thật. Thứ hai là bạn phải có thiện tâm chân chánh, thì phước báo đó mới viên mãn. Cho nên phía sau, trong Chú Giải có ghi 'Chư Phật, Bồ Tát, … dạy cho người thoát khổ, là Kính Điền của chúng sanh', ở đây nói về 'Kính Điền' và 'Ân Điền', các bạn đồng tu hãy tự coi Chú Giải.

Trong Chú Giải có vài câu rất quan trọng, tôi đọc qua một lượt, trang 20 hàng thứ hai, bắt đầu từ câu thứ hai, 'Đại Luận nói', Đại Luận tức là Đại Trí Độ Luận, trong Đại Trí Độ Luận có một đoạn 'tài là nhân duyên của ác tâm', tại sao? Tài vật luôn luôn làm cho người ta khởi tâm tham, tham là một trong tam độc, vô lượng vô biên phiền não đều sanh từ chỗ này, do đó 'tham' là đầu mối của tâm ác. 'Thường nên xả bỏ', một người thông minh, có trí huệ, biết họa hại của 'tham' nên họ có thể buông xả, có thể buông xuống tâm tham. 'Huống chi bố thí được phước lớn, mà không bố thí', có lẽ nào như vậy? Tham là họa hại, Thí thì được phước lớn. Bạn bố thí, xa lìa họa hại, còn được phước lợi, người có trí huệ sao không làm cho được? 'Xan tham là tướng hung, sanh ra

lo sợ' 'xan tham (keo kiệt)' là bạn có mà không chịu bố thí, không chịu làm việc tốt, đây là tướng hung, tướng suy thoái, đem đến cho người ta những sự âu sầu, lo lắng, sợ hãi. Người có tiền lo sợ của cải của mình mất hết, mỗi ngày đều lo được lo mất, tâm lo lắng nặng trĩu. Tôi thường nghe người ta nói các ông chủ lớn trong thương trường, nếu mỗi đêm không uống thuốc an thần thì không thể ngủ, nguyên nhân là gì? Lo lắng quá sức, vậy không phải là 'tiền tài' đã hại họ rồi sao? Uống thuốc an thần nhiều quá, lẽ nào không bị bịnh ung thư? Nó khởi tác dụng phụ, thật là tướng hung, suy thoái, lời Phật nói chẳng sai. 'Tẩy chi dĩ thí thủy, tắc vi sanh phước lợi' (dùng nước bố thí để tẩy thì sẽ sanh ra phước lợi), đây là một bài kệ, trong đó có hai bài kệ. Dùng phương pháp gì để tẩy bỏ sự lo lắng, sợ sệt? Dùng bố thí, bố thí có thể đem đại phước đại lợi cho bạn, 'do đó được phước vô lượng', tại sao không chịu bố thí?

Không chịu bố thí vì không biết lợi ích của sự bố thí, cho nên họ không chịu bố thí. Khi biết lợi ích của sự bố thí thì bạn sẽ thích bố thí, thường bố thí, tận tâm tận lực bố thí, phước báo chẳng cùng tận. Hiện tượng này, trong các đoàn thể chư vị hãy coi Cư Sĩ Lâm, coi Tịnh Tông Học Hội, sự thật bày trước mắt bạn; còn về cá nhân thì các bạn có thể coi cư sĩ Lý Mộc Nguyên, bạn cũng có thể coi tôi. Khi tôi học Phật liền học bố thí, ngày đầu tiên Chương Gia đại sư gặp tôi liền dạy tôi tu bố thí; tôi cũng thật sự nghe theo lời ngài dạy, ngài có trí huệ, ngài thấy tôi không có phước báo vả lại đoản mạng, ngài thương xót tôi nên dạy tôi tu bố thí. Ngày nay tôi có một chút phước báo, đó là nhờ tôi tu bố thí trong đời này mà được, chẳng liên quan gì đến đời trước. Ngày nay chúng ta hiểu Phật pháp, hiểu được một chút về nhân quả. Đời quá khứ chắc tôi tu huệ chứ chẳng tu phước, [nên đời này tôi] có một chút trí huệ, khi thầy nói xong, tôi vừa nghe liền hiểu; [sự sinh sống trong] đời này vô cùng gian khổ, chúng tôi đã sống qua những ngày tháng rất khổ sở, quý vị có nằm mộng cũng không nghĩ tới.

Hôm qua ở Cư Sĩ Lâm, thầy Vĩnh nói với tôi, thầy đi Đại Lục và có dịp đến viếng căn phòng của Ấn Quang pháp sư, ban đêm chẳng có đèn, khi coi sách, viết lách ở tại bàn đặt kế cửa sổ, dùng ánh sáng bên ngoài, thầy coi xong rất cảm động. Ngày nay chúng ta có nhiều thiết bị để chiếu sáng mà còn chê lên chê xuống, ngày nay phước báo hưởng thọ vật chất của con người quá lớn. Tôi nói với thầy, lúc nhỏ chúng tôi đi học, lúc học trung học ở tại Quý Châu, vào thời kỳ kháng chiến, học ban đêm phải thắp đèn dầu, ánh sáng của cây đèn dầu còn nhỏ hơn cây đèn cầy. [Nếu muốn sáng như] một cây đèn cầy, phải thắp cây đèn dầu có năm tim đèn, thắp hết năm tim đèn mới sáng bằng ngọn đèn cầy; cây đèn dầu lúc đó chúng tôi dùng dầu đồng, độ sáng chỉ bằng một phần năm của đèn cầy, chúng tôi dùng đèn dầu để coi sách như vậy, quý vị không thể nào nghĩ tới. Con người ngày nay có phước nhưng không chịu đọc sách, ngày xưa chúng tôi nghèo như vậy mà lại thích đọc sách. Phía sau là một bài kệ trong Đại Trí Độ Luận, chúng ta hãy đọc thử, hàng cuối trong Chú Giải, 'Đại Luận nói: 'Người tu bố thí, danh vang khắp mười phương, người có trí đều kính mến, khi nhập chúng chẳng lo sợ, mạng chung sanh lên trời, lâu dần ắt được Niết Bàn', lời Phật nói là lời chân thật. Phật dạy Bồ Tát cách sinh hoạt, Sáu Ba La Mật chính là sinh hoạt của Bồ Tát, điều thứ nhất chính là Bố Thí, bố thí tức là buông xả, buông xuống, lúc đó bạn sẽ được thoải mái, được tự tại, sẽ mở mang trí huệ. Người không chịu bố thí, tâm nhãn rất nhỏ, tâm niệm luôn vì mình, người như vậy làm sao mở mang trí huệ cho được, không thể nào được. Xin coi đoạn kinh kế tiếp:

Nhược năng hồi hướng pháp giới, thị nhân phước lợi bất khả vi dụ.

Như có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì phước lợi của người ấy sẽ không thể ví dụ thế nào cho được.

Chúng ta coi chú thích cho đoạn này trước, chú thích chỉ có ba hàng, 'Đại Luận chép: Trong hai thứ bố thí mà Phật nói', hai thứ bố thí là tài thí và pháp thí, 'pháp thí hạng nhất, vì quả báo của việc tài thí có hạn, còn [quả báo của] pháp thí là vô lượng. Tài thí được quả báo ở cõi Dục Giới, pháp thí được quả báo trong Tam giới, và ngoài Tam giới', đây là trích dẫn lời nói trong Đại Trí Độ Luận. Sau đó còn nói 'Nếu không cầu danh tiếng, tài lợi thế lực' bạn bố thí không cầu danh, cũng không cầu tài, cầu lợi, quyền lợi, địa vị, bạn không cầu gì hết. 'Chỉ vì học Phật đạo', Phật đạo là gì? Trí huệ chân thật, giải thoát chân thật, chỉ vì đoạn phiền não, chỉ vì đoạn dứt lo âu, được thanh tịnh, tự tại, sung sướng, đó là Phật đạo. 'Hoằng đại từ bi tâm, độ các thứ khổ của sanh lão bịnh tử, đó gọi là thanh tịnh pháp thí', như vậy thì đúng như lý như pháp. Chúng ta dùng tâm thanh tịnh, dùng tâm chẳng mong cầu để giúp hết thảy chúng sanh, đặc biệt là hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn, đó là thanh tịnh pháp thí.

Trong pháp thí bao gồm cả tài thí, chúng ta ra tiền, ra sức là tài thí, chúng ta tồn tâm là pháp thí, chẳng có một mảy may mong cầu, tham vọng. Nghĩ đến chúng sanh khổ, giúp đỡ hết thảy chúng sanh là nghĩa vụ chúng ta phải làm. Khi giúp những người này dứt khoát không có tâm thiên lệch, bố thí một cách bình đẳng, thanh tịnh. Do đó tôi thường khuyên các bạn đồng tu, tầm mắt phải xa và lớn, còn [đối với] sự hoằng truyền của Phật pháp và lợi ích chúng sanh, mức độ tối thiểu là chúng ta phải lấy chúng sanh trên toàn thế giới làm đối tượng, chẳng [hạn chế ở tại] một khu vực nào, bạn nhất định phải mở rộng tâm lượng. Nếu chỉ là một khu vực, khu vực đó tốt, còn khu vực khác nghèo hèn, lạc hậu, thì thế giới này vĩnh viễn sẽ chẳng được hòa bình, cho nên phải nghĩ đến toàn diện, giáo học và nâng cao toàn diện, làm cho hết thảy chúng sanh đều được phá mê khai ngộ, xã hội mới đạt được an định, thế giới mới đạt được hòa bình vĩnh viễn. Tuy trong đời quá khứ hết thảy chúng sanh trồng nhân chẳng giống nhau, duyên đời này không giống nhau, [chỉ cần] giác ngộ là được, có thể chăm sóc lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, miễn trừ hết thảy tranh chấp, tránh khỏi hết thảy tai họa.

Chúng ta coi phần chú thích kế tiếp, 'Nếu không như vậy, thì là pháp giao dịch trong thương trường', đây là nói bạn không có tâm đại từ bi, tại sao bạn đến cửa Phật để bố thí? Nghe nói trong cửa Phật 'bố thí một thì sẽ được quả báo hàng vạn', sự trao đổi này tốt lắm, có sự mua bán nào vốn một mà lời hàng vạn? Bố thí trong cửa Phật là 'bố thí một được quả báo hàng vạn', hãy mau đến đó bố thí, nếu có ý niệm này thì đó là đổi chác trong thương trường. [Mục đích] là mua chác, trao đổi, tâm cầu lợi thiết tha, tìm đúng chỗ rồi, vốn một lời hàng vạn, có thể lời to; tâm đó tuyệt đối là sai lầm, chẳng tương ứng. Sau đó lại nói 'Lại nữa này Bồ Tát, biết thật tướng của chư pháp, như Niết Bàn chẳng tận', Bồ Tát có trí huệ, hiểu rõ chân tướng của hết thảy pháp trong thế gian và xuất thế gian. 'Niết Bàn' là Phạn ngữ, có nghĩa là 'không sanh, không diệt'. Không sanh không diệt là thật chứ chẳng giả. Phàm những gì có sanh có diệt đều là giả, chẳng phải thiệt. 'Phước đức nhập thật tướng của chư pháp cũng chẳng cùng tận', làm sao nhập? Tương ứng với chư pháp thật tướng. Làm sao mới tương ứng? Tâm tương ứng, tâm niệm bạn dấy khởi lúc bố thí tương ứng với chư pháp thật tướng. Hiện tượng tương ứng là gì? Thanh tịnh không ô nhiễm, thanh tịnh bình đẳng, tuy bố thí nhưng không nhiễm trước bố thí. Bố thí là tướng, phàm những gì có tướng đều là hư vọng'. Do đó bất luận tu bố thí như thế nào, nói thật ra Phật pháp nói hết thảy pháp đều là bố thí, bố thí bao trùm hết thảy Phật pháp. Phật dạy người không ngoài ba loại tài thí, pháp thí, và vô úy thí; cho nên những gì chúng ta tu học trong đời sống hằng ngày đều chẳng vượt ra khỏi ba loại này. Có thể dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành để phục vụ hết thảy chúng sanh, phục vụ xã hội, phục vụ nhân dân thì đó là bố thí; phải có tâm bố thí, chỉ có phục vụ chứ không cầu lợi. Thế nên Phật, Bồ Tát là người có trí huệ làm công tác nghĩa vụ giáo dục, học trò của đức Phật cũng như vậy, đây là sự giáo học trí

huệ, giáo học nghĩa vụ, cho nên được phước chẳng thể nghĩ bàn, như vậy sẽ nhập chư pháp thật tướng. 'Do đó phước lợi chẳng thể ví dụ', đây là phước báo chân thật, lợi ích chân thật, chẳng có cách gì ví dụ nổi.

'Hồi hướng pháp giới', hồi hướng tức là phục vụ, gần đây [trong lúc] giảng kinh Hoa Nghiêm vào đoạn [nói đến các] quỷ vương, thiên vương đại biểu Thập Hồi Hướng. Thập Trụ, Thập Hạnh nói trong Đại Kinh thành tựu khả năng trí huệ của chính mình, sau khi trí huệ đức năng thành tựu thì phải phục vụ đại chúng, vì đại chúng phục vụ thì gọi là hồi hướng, hồi tự hướng tha, đem trí huệ đức năng cống hiến cho xã hội, cống hiến cho hết thảy chúng sanh, đó gọi là hồi hướng. Pháp giới là phạm vi, phạm vi này quá lớn, quá lớn! Chẳng phải là một quốc gia, một tinh cầu, mà là tận hư không, trọn khắp pháp giới, tâm lượng này bao lớn. Do đó phước đức, lợi ích của nó sẽ vô lượng vô biên, cùng quả vị chư Phật Như Lai không hai, không khác. Đoạn này nói phước bạn có được khi tạo tượng Phật, tạo hình tượng Bồ Tát, tạo tượng Chuyển Luân Thánh Vương. Xin xem đoạn kế:

Phục thứ Địa Tạng, vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngộ Đại Thừa kinh điển, hoặc thính văn nhất kệ nhất cú, phát ân trọng tâm, tán thán cung kính, bố thí cúng dường, thị nhân hoạch đại quả báo vô lượng vô biên.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp kinh điển Đại Thừa, hoặc nghe thấy một bài kệ, một câu kinh, rồi phát tâm ân cần trân trọng, cung kính ngợi khen, bố thí cúng dường, thì người ấy sẽ được đại quả báo vô lượng vô biên.

Đoạn trước nói về người có thể bố thí, có thể tu phước, 'thiện nam tử, thiện nữ nhân'. Đoạn sau nói họ tu phước, được phước, đây là khi gặp kinh điển Đại Thừa, hoặc là 'nghe một câu một kệ', chỉ gặp được chút pháp Đại Thừa, nhưng sau khi nghe xong họ có thể phát tâm, phát tâm chân thành, 'ân trọng' tức là chân thành, ưa thích tán thán, cung kính bố thí cúng dường, đây là những gì họ tu. Chư vị ở đây chắc chắn phải chú ý đến, thứ nhất nói họ là 'thiện nam tử, thiện nữ nhân', người có đủ thiện căn phước đức, chẳng phải là người thường, tức là đoạn trước nói họ hoàn toàn làm được Tịnh Nghiệp Tam Phước dạy trong Quán Kinh, họ là người như vậy. Gặp được kinh điển Đại Thừa dù chỉ một câu một kệ, họ hiểu sâu nghĩa thú, trong kinh Kim Cang đức Phật dạy 'hiểu sâu nghĩa thú', một câu một kệ tuy ít, hiểu sâu nghĩa thú thì chẳng ít; nói một cách khác họ nghe xong và hiểu rõ ràng, rành rẽ.

Vào đời Đường, Huệ Năng đại sư trong Thiền Tông là một người làm công cực khổ, ngài bán củi kiếm sống, trong xã hội ngày nay không có người làm nghề này nữa. Trước thời kháng chiến, lúc kháng chiến vừa mở đầu, đại khái khoảng sáu mươi năm trước, tôi ở Phước Kiến, đời sống lúc đó còn có rất nhiều người bán củi, bán nước, chẳng có nước máy, [nên người ta] gánh nước từ bờ sông, từ giếng đi bán, một gánh nước lúc đó là ba bản đồng, bằng một xu, lúc đó dùng bản đồng. Người bán củi, đốn củi trên núi gánh xuống thành thị bán, rất cực khổ, ngài Huệ Năng bán củi sinh sống. Bán củi xong, đem tiền về, lúc đó nghe một người đang tụng kinh Kim Cang, [người đó] tụng kinh trong phòng, ngài đứng ở kế cửa sổ lắng nghe. Thời xưa cửa sổ không có cửa kiếng, nếu có kiếng thì bên ngoài nghe không được, lúc đó cửa sổ dùng giấy dán bít lại, mùa đông cũng dán giấy, mùa đông thường dán hai lớp giấy. Cửa sổ dán bằng giấy cho nên bên trong nói chuyện, bên ngoài có thể nghe được. Ngài ngẫu nhiên nghe được vài câu, nghe đến câu *'Không nên trụ ở đâu mà sanh tâm ấy' (Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm)* trong kinh Kim Cang, ngài bèn ngộ nhập.

Nếu bạn hỏi, ngài làm sao có thể ngộ nhập? Ngài là thiện nam tử, người niệm kinh hằng ngày cũng chẳng ngộ nhập vì người đó chẳng phải là thiện nam tử. Kẻ chẳng phải là thiện nam tử niệm kinh cho thiện nam tử nghe, nên thiện nam tử khai ngộ. Chư vị thử nghĩ xem, Tịnh Nghiệp Tam Phước dạy trong Quán Kinh, bạn coi kỹ xem ngài Huệ Năng có thực hiện được chưa? Ngài đã thực hiện được. Ngài thật sự đã hiếu dưỡng cha mẹ, ngài bán củi mua gạo về nhà cúng dường mẹ. Tuy ngài chẳng đi học, chúng ta không thấy ngài phụng sự sư trưởng, nhưng sau này khi ngài đến Hoàng Mai, chúng ta thấy [ngài đã làm được], thật sự đã hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp vô cùng rõ ràng. Ngài chẳng có học nhưng đều đã làm trọn, đó là thiện căn phước đức trong đời quá khứ cho nên ngẫu nhiên được nghe người ta đọc kinh, [đó là] cơ duyên, là duyên phận. Duyên phận này làm cho ngài trở thành một vị Tổ Sư. Nếu lúc ngài bán củi chẳng nghe được người ta đọc kinh thì sẽ phải bán củi vĩnh viễn, làm sao có thể nghe đến Phật pháp? Vừa nghe được một lần, nghe được một câu một kệ, nghe xong ngài thật sự hiểu được, thật sự nghe rõ ràng, nên ngài liền phát tâm ân trọng, ngài liền tán thán, cung kính, thật sự muốn học, thật sự đi hỏi 'cuốn sách ông niệm đó là sách gì?', ông đó niệm kinh. '[Kinh này] từ đâu mà có?'. 'Từ Hoàng Mai tới', nghe xong ngài liền muốn đi [đến Hoàng Mai] để học hỏi.

Việc cúng dường nói ở đây, bốn chữ 'bố thí cúng dường' là pháp cúng dường, quan trọng nhất trong pháp cúng dường là 'y giáo tu hành cúng dường'. Phải giải thích 'bố thí' như thế nào? Bố thí là bỏ hết thảy những điều sai trái từ trước, đó chính là bố thí, noi theo Phật pháp mà tu học chính là 'cúng dường', sự bố thí này chẳng dính dáng tới tiền tài, cúng dường cũng chẳng liên quan đến phẩm vật. Bỏ hư vọng, học chân thật, "xả vọng" chính là bố thí, "học chân" là cúng dường, người như vậy sẽ 'có được quả báo to lớn, vô lượng vô biên'. Chú Giải nói rõ cho chúng ta, trích Khởi Tín Luận, giải thích Đại Thừa, Thể của kinh Đại Thừa lớn, Tướng lớn, Dụng lớn, do đó công đức vô lượng vô biên. Chúng ta lật cuốn Chú Giải tới trang 22, đoạn cuối này rất quan trọng, chúng ta hãy đọc qua một lần bắt đầu từ hàng thứ nhất, câu thứ hai hàng đầu 'Kim tức văn thị chương cú, tín tâm thanh tịnh, tắc sanh thật tướng pháp nhãn' (Nay nghe được lời này, khởi lòng tin, khởi tâm thanh tịnh, ắt sanh thật tướng pháp nhãn) đây là nói lý luận y cứ của một câu một kệ được vô lượng phước. Làm sao có thể như vậy được? Đạo lý là ở chỗ này. Giống như kinh Kim Cang có nói 'lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng', sanh thật tướng nghĩa là gì? Minh tâm kiến tánh, phước báo và lợi ích ấy có gì sánh bằng? Phước báo họ được là minh tâm kiến tánh. 'Tức sử nhất kệ nhất cú, diệc phục tăng tiến Bồ Đề', (Dù chỉ là một câu một kệ, cũng tăng tiến Bồ Đề), từ sự tích của Lục Tổ Huệ Năng chúng ta nhìn thấy vô cùng rõ ràng, việc này có thể chứng thật cho lời đức Phật dạy trong kinh là chân thật, chẳng hư dối.

Thời đại ngày nay của chúng ta, tu pháp bố thí tiện lợi hơn ngày xưa rất nhiều, nhưng phước chúng ta được không bằng người xưa, vì dụng tâm chẳng bằng người xưa. Người xưa chân thành cung kính, người hiện nay khởi tâm động niệm còn tâm riêng tư, chưa xả chính mình, do đó phước của sự bố thí chẳng giống như kinh đã nói, đạo lý là như vậy. Ngày nay quan trọng nhất là chúng ta xả hết thảy những điều hư vọng chẳng chân thật, Thiện Đạo đại sư dạy chúng ta *'Hết thảy đều phải làm từ tâm chân thật'*, câu này rất quan trọng! Hết thảy đều dùng tâm chân thật làm cơ sở, khởi đầu từ tâm chân thật mới đúng, chẳng có mảy may hư vọng, chẳng dối mình, chẳng gạt người, niệm niệm đều chân thật, bất luận là tu pháp môn gì, bất luận tu bố thí gì, đều được phước chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn sau cùng trích một đoạn trong lời dạy của đức Phật, nói rõ một câu một kệ được vô lượng phước, chúng ta coi hàng thứ hai trong phần chú thích, trang hai mươi hai, hàng thứ hai bắt đầu từ câu cuối cùng.

'Phật cáo A Nan nhược hữu tùng tha văn nhất tứ cú kệ' (Đức Phật nói với ngài A Nan, nếu có người nghe được bốn câu kệ), đây là giả thiết, nếu nói có duyên nghe người ta tụng kinh hoặc giảng kinh, thời gian rất ngắn, chỉ nghe người ta nói bốn câu kệ. 'Hoặc thư chi trúc bạch' (Hoặc viết trên tre hay trên vải), thời xưa chẳng có giấy, thời xưa ở Trung Quốc dùng thẻ tre, viết chữ trên thẻ tre, nếu quý vị đến Cố Cung Bảo Tàng Viện tham quan [thì sẽ thấy] những điển tịch trước triều Hán vẫn còn viết trên thẻ tre. Bạch là một miếng vải dệt bằng tơ, lúc đó chẳng có giấy, cũng được viết trên những miếng tơ này, hiện nay gọi là sách, thư tịch. 'Sở hữu danh tự ư nhược can kiếp, thủ bỉ hòa thượng A Xà Lê đẳng, hà đảm kiên thượng hoặc bối phụ đảnh đới. Thường tương nhất thiết âm nhạc chi cụ, cúng dường thị sư, thượng bất năng cụ báo sư ân' (Hết thảy danh tự trong bao nhiêu đó kiếp, đem hòa thượng, A Xà Lê cõng trên vai, hoặc đội trên đỉnh đầu. Thường dùng những nhạc cụ cúng dường thầy cũng chẳng thể báo đền ân thầy), câu này nói về tri ân báo ân. Bạn làm sao khai ngộ? Vì người khác truyền thọ cho bạn một câu một kệ, cho bạn cơ hội này, bạn có thiện căn, sau khi nghe xong có thể hiểu sâu nghĩa thú, bạn khai ngộ, bạn thành Phật rồi. Người truyền trao cho bạn một câu một kệ là thầy của bạn, là ân sư của bạn, ân đức đó bao lớn? Đức Phật nêu một thí dụ, chúng ta coi thí dụ này, báo đáp chẳng cùng tận. Ví dụ nói bạn cõng thầy trên vai, hoặc cõng trên lưng, hoặc trên đỉnh đầu, dùng hết thảy những nhạc khí để cúng dường cũng báo đáp không hết, đây là một người thật sự tri ân báo ân.

Sau đó nói 'Nhược ư hòa thượng sở, khởi bất kính tâm, hằng thuyết ư quá, ngã thuyết ngu si, cực thọ đa khổ. Ư đương lai thế tất đọa ác đạo' (Nếu đối với hòa thượng, khởi tâm bất kính, luôn kể lỗi thầy, ta nói kẻ ấy ngu si, sẽ chịu nhiều sự khổ cùng cực. Trong đời tương lai, ắt đọa ác đạo), vị thầy này có ân đối với bạn, bạn đối với thầy chẳng có tâm cung kính, còn thường nói đến lỗi của thầy. Thầy có lỗi hay không? Rất khó nói. Tại sao rất khó nói? Có lỗi hay không là ở chỗ bạn khởi tâm động niệm, nếu bạn dùng tâm phiền não nhìn, [sẽ thấy] lỗi của thầy vô lượng vô biên, nếu dùng tâm thanh tịnh nhìn thì [sẽ thấy] thầy đích thật chẳng có lỗi. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: "*cảnh duyên chẳng có tốt ác, chẳng có đẹp xấu*", cảnh là gì? Là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự, hết thảy người, hết thảy vật, nói cho chư vị biết chẳng có thiện cũng chẳng có ác, chẳng có đẹp chẳng có xấu, thiện ác, đẹp xấu là ở tại nơi tâm mình. Tâm bạn thiện thì nhìn hết thảy người đều là người thiện, thấy hết thảy pháp đều là thiện pháp; nếu tâm bạn ác thì nhìn hết thảy người đều là người ác, thấy hết thảy pháp đều là pháp ác. Lời của Ngẫu Ích đại sư nói rất đúng. Cũng giống như lời nói gió động, phan động trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư thấy được, chẳng phải gió động cũng chẳng phải phan động, mà là tâm bạn đang động. Một câu nói liền nói toạc chân tướng sự thật ra. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy chư Phật, Bồ tát thị hiện biểu diễn, biểu diễn trên Tích Tướng[3][3] năm mươi ba lần tham vấn có thiện có ác, trong đó còn có sát, đạo, dâm vọng, Thiện Tài đồng tử vẫn tới tham phỏng. Sát, đạo, dâm là ba độc phiền não [thường được đề cập] trong Phật pháp, Bồ Tát thị hiện, Thiện Tài tham học được vô lượng công đức. Ngài làm sao đạt được? Nếu chúng ta tiếp xúc những thứ

---

[3][3] Bổn và Tích là hai khái niệm của kinh Pháp Hoa, Bổn là quả địa thật sự, còn Tích là sự biến hiện trong phương diện hóa độ. Xin dùng một thí dụ minh họa như sau: Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị cổ Phật có hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng vì bi tâm độ sanh, ngài thị hiện thân Bồ Tát để phụ trợ Phật Thích Ca giáo hóa chúng sanh trong cõi Sa Bà, thị hiện tu nhân trong cõi Sa Bà, vãng sanh qua Cực Lạc để làm pháp vương tử phù tá đức Phật Di Đà. Như vậy, Bổn của Quán Thế Âm Bồ Tát là Chánh Pháp Minh Như Lai, còn Tích là thân Quán Thế Âm Bồ Tát. Tích tướng chính là những sự hóa hiện, hình tướng nơi Tích. Chẳng hạn, Bà Tu Mật Đa Nữ có bổn địa là Bồ Tát, nhưng ngài thị hiện thân dâm nữ nhằm hóa độ khách làng chơi, hoặc bổn địa của Phú Lâu Na là Bồ Tát, nhưng ngài lại thị hiện thân Thanh Văn, đúng như kinh Pháp Hoa đã dạy: "Nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại thị hiện Thanh Văn".

này thì nhất định sẽ đọa A Tỳ địa ngục, tại sao người ta tiếp xúc có thể thành vô thượng đạo? Vì dùng tâm chẳng giống nhau. Chúng ta dùng tâm gì? Bồ Tát dùng tâm gì? Cho nên đoạn này rất quan trọng. Sau đó nói tiếp 'Thị cố ngã giáo nhữ đẳng thường hành cung kính tôn trọng chi tâm, ái trọng Tam Bảo thậm thâm chi pháp, tất hoạch vô lượng vô biên chi đại quả hỹ' (Do đó Ta dạy các ông thường giữ tâm cung kính tôn trọng, trân quý, yêu tiếc pháp thậm thâm của Tam Bảo, ắt sẽ gặt được vô lượng vô biên quả báo), chỗ này trích dẫn lời đức Phật dạy. Câu sau cùng:

Nhược năng hồi hướng pháp giới, kỳ phước bất khả vi dụ.

Nếu có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì phước báo này sẽ không thể ví dụ thế nào cho được.

Phần chú thích nói, Chú Giải trích dẫn Phó Pháp Tạng Kinh, lời Phật nói 'Pháp thị chúng sanh chân thiện tri thức, tác đại lợi ích, tế chư khổ não' (Pháp là chân thiện tri thức của chúng sanh, làm lợi ích lớn lao, tế độ các khổ não), có thể giúp hết thảy chúng sanh vượt qua hết thảy khổ nạn, nhất định phải nương vào Phật pháp, cho nên Phật pháp mới là chân thiện tri thức của chúng sanh. Trong Phật pháp đặc biệt là pháp Đại Thừa, pháp ngày nay chúng ta tu học là phần thù thắng, tinh hoa nhất trong Đại Thừa, bao gồm Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh. Chúng ta có được lợi ích, chúng ta tuân giữ giáo giới của đức Phật phải nên giới thiệu rộng rãi lợi ích này cho hết thảy chúng sanh. Đó là gì? Hồi hướng pháp giới, chẳng hưởng riêng mình, phải đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh, nhất định không sợ gian khổ, sốt sắng nỗ lực mà làm. Sống một ngày thì làm một ngày, đến hết đời này phải làm việc này cho tốt đẹp, đó gọi là công đức viên mãn. Không sợ gian khổ, không thể tham hưởng thọ ngũ dục lục trần trong thế gian, lãng phí mạng sống quý báu của mình. Nếu Bồ Tát tham hưởng thụ, trong đó có thể được tự lợi, không thể lợi người, điểm quý báu của Phật pháp là ở chỗ lợi người. Muốn lợi người thì nhất định phải buông bỏ sự yên vui của riêng mình. Lúc trước thầy Lý nói với tôi đâu có ai mà không thích ở túp lều trên núi? Đó là sự hưởng thụ cá nhân, hưởng thụ niềm vui đại tự nhiên, tiêu dao sơn thủy, niềm vui hạng nhất trong đời người. Nhưng làm vậy không thể đem lại lợi ích cho chúng sanh, chỉ có thể tự lợi, chẳng thể lợi người. Phật, Bồ Tát, [và những] người đắc đạo minh tâm kiến tánh đích thật có thể hưởng thụ vì họ đạt được đại tự tại. Nhưng họ buông bỏ sự hưởng thụ của mình, chẳng từ lao nhọc mỗi ngày giáo hóa chúng sanh, đi vào đô thị, thôn trang chỉ cần có người chịu nghe, chịu tiếp nhận, đúng như câu 'Trong cửa nhà Phật không xả một ai', các ngài đều hoan hỷ, sẵn sàng giải thích, thuyết giảng tường tận cho người.

Cả đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn, mỗi ngày đều phục vụ cho mọi người, giảng giải cho đại chúng, mãi cho đến già cũng chưa từng buông bỏ công việc giảng kinh thuyết pháp dạy dỗ chúng sanh, rất đáng cho người đời sau chúng ta tôn kính, đáng cho người đời sau bắt chước. Chúng ta có khi nào nghe, coi trong kinh thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi nghỉ mát ở chỗ nào đó chăng? Chưa từng thấy qua. Ngày nay dù công việc rất gian khổ, mỗi ngày đều phải làm việc, [người ta] vẫn tìm thời gian đi nghỉ mát, chưa bao giờ nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi nghỉ mát cả. Cũng chẳng nghe một ngàn hai trăm năm mươi người [đệ tử của Phật] đi nghỉ mát, chưa hề nghe tới. Ở đây chúng ta lập Phật Học Viện, nghe nói còn có nghỉ mùa Hè, nghỉ mùa Đông, còn nghỉ học, do đó những điểm này chúng ta phải nghĩ tới. Tương lai lập Phật Học Viện nhất định phải nghỉ hè, phải tùy thuận thế gian, vì trường học trong thế gian đều nghỉ hè. Nhưng khi chúng ta nghỉ hè thì phải làm sao? Phải làm gì? Hy vọng mọi người học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đi khắp nơi giảng kinh thuyết pháp để nghỉ mát, đem những điều bạn đã học trong khóa học này

tìm một chỗ để giảng kinh trong dịp nghỉ hè, làm vậy thì dịp nghỉ hè này bạn chẳng luống qua, lợi dụng khoảng thời gian này kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh. Nếu các bạn có ý này, tôi có thể sắp xếp cho các bạn, mời nhiều chỗ ở nước ngoài gởi thiệp mời các bạn, nghỉ hè một tháng thì giảng kinh một tháng, nghỉ hè hai tháng thì giảng kinh hai tháng, chẳng luống qua. Không thể nghỉ hè rồi đi du ngoạn sơn thủy, vậy thì sai rồi! Nếu nghỉ hè như vậy, những gì bạn học được trong học kỳ này đều mất hết, bạn làm sao tiến bộ được? Tiến bộ là niệm niệm đều cần cù gắng sức, chẳng buông bỏ, phải hiểu đạo lý này.

Xin xem đoạn kinh tiếp theo, đoạn này nói về phước báo bố thí, tu bổ kinh điển, tháp tự. Phần chú thích nói trên còn một đoạn rất quan trọng, trang 22, hàng thứ năm, đoạn sau, chúng ta hãy đọc! 'Thị cố trí giả, dục đắc vô thượng an ổn khoái lạc, ưng đương chí tâm cần thính kinh pháp' (Do đó những người có trí huệ muốn được niềm vui sướng yên ổn vô thượng thì phải nên chí tâm, siêng năng nghe kinh pháp), câu này tóm lại một đoạn trong Phật Thuyết Kiên Ý Kinh, đoạn này chúng ta phải đem ra lưu thông, in ra để phổ biến rộng rãi. Đoạn này ở trang 23, hàng thứ ba, mọi người hãy ghi nhớ. Trong kinh Phật Thuyết Kiên Ý, trong đoạn kinh này 'Phật cáo A Nan, kỳ hữu hảo tâm thiện ý chi nhân, văn Phật minh pháp, nhất tâm nhi thính năng nhất nhật khả, bất năng nhất nhật, bán nhật khả, bất năng bán nhật, nhất thời khả' (Đức Phật bảo ngài A Nan nếu có người hảo tâm có thiện ý nghe Phật hiểu pháp, hết lòng mà nghe thì có thể nghe một ngày, không thể nghe một ngày thì nghe nửa ngày, không thể nghe nửa ngày thì nghe một thời cũng được), một thời ở đây là chỉ một thời của cổ Ấn Độ, tức là bốn giờ ngày nay, ngày đêm chia ra sáu thời, một thời tương đương với bốn giờ hiện nay. 'Bất năng nhất thời, bán thời khả' (Không thể nghe một thời thì nghe nửa thời cũng được), bán thời tức là hai giờ ngày nay. 'Bất năng bán thời tu du khả' (không thể nghe bán thời thì nghe một lát cũng được), nếu bạn không rảnh nghe hai giờ thì nghe mấy phút cũng được. 'Kỳ phước bất khả lượng' (Phước ấy chẳng thể tính đếm). *Chúng ta đổi một chữ ở phần dưới, [tức là] "kỳ phước bất khả lượng" (phước ấy không tính đếm được) thành "kỳ phước bất khả hạn" (phước ấy không có giới hạn). Dùng chữ "giới hạn" thì dễ hiểu hơn. Phía trước đoạn kinh [vừa dẫn trên đây trong Chú Giải] có ghi một chữ "văn", ý nói đoạn văn vừa dẫn trên đây là kinh văn [trích từ Phật Thuyết Kiên Ý Kinh].* Tiếp theo 'thị cố trí giả dục đắc vô thượng an ổn khoái lạc, ưng đương chí tâm cần thính kinh pháp' (Do đó những người có trí huệ muốn được niềm vui sướng yên ổn vô thượng thì phải nên chí tâm, siêng năng nghe kinh pháp). Chúng ta dùng đoạn kinh này để khuyên mọi người hãy thường nghe kinh, cho nên đoạn kinh này rất quan trọng! Quý vị hãy đánh máy đoạn này ra thành một bài ngắn, có thể dùng để khuyên người ta đến nghe kinh. Xin xem tiếp:

Phục thứ Địa Tạng nhược vị lai thế trung

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai

Trong kinh nói 'vị lai thế trung' tức là thời đại hiện nay của chúng ta.

Hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân

Như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào

[Người] có đầy đủ điều kiện của chữ 'thiện' này vô cùng hy hữu, vô cùng hiếm có.

Ngộ Phật tháp tự Đại Thừa kinh điển, tân giả bố thí cúng dường, chiêm lễ tán thán, cung kính hiệp chưởng. Nhược ngộ cố giả hoặc hủy hoại giả tu bổ doanh lý, hoặc độc phát tâm hoặc khuyến đa nhân đồng cộng phát tâm.

Gặp chùa tháp thờ Phật và kinh điển Đại Thừa—nếu còn mới thì bố thí cúng dường, chiêm ngưỡng, lễ lạy, khen ngợi, chắp tay cung kính; nếu đã cũ kỹ hoặc hư hoại thì sửa sang tu bổ, hoặc riêng mình phát tâm, hoặc khuyên nhiều người khác cùng phát tâm.

Đoạn này nói về việc tu phước. Ý nghĩa của chữ 'Tự' phần trước đã nói qua, nếu dùng cách nói hiện nay thì 'Tự' nghĩa là một cơ cấu vĩnh cửu, chẳng phải là một thiết bị tạm thời, mà là vĩnh viễn. Ngày xưa cơ cấu làm việc của nhà vua gọi là 'Tự', cơ cấu làm việc của quan chức từ Tể tướng trở xuống thì gọi là 'Bộ', thường có thể thay đổi, có thể phế trừ, có thể xây dựng sửa đổi mới lại. Cơ cấu làm việc của nhà vua vĩnh viễn chẳng thay đổi. Ở Trung Quốc từ triều Hán đến triều Thanh có thể nói đều chẳng thay đổi, cho nên 'Tự' là một cơ cấu làm việc lâu dài, chúng ta phải hiểu nghĩa của chữ Tự. Nhưng ngày nay khi mọi người thấy 'Tự', ngay cả cách suy nghĩ cũng không đúng, 'Tự' thường đại diện cho mê tín, đại diện quỷ thần, vừa nghe chữ 'Tự' và 'miếu' bèn nối liền thành 'chùa miếu', trong đó cúng quỷ thần, làm việc mê tín, đây là một sai lầm rất lớn. 'Tự' ngày xưa là cơ cấu làm việc giáo dục của Phật giáo, giáo dục Phật giáo phải làm việc vĩnh viễn, không thể phế trừ, đình chỉ, không thể tạm ngưng cho nên gọi là 'Tự'. Nhưng ngày nay nhiều người hiểu sai chữ này, cho nên chúng ta phải đổi một danh xưng mới, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đề xướng đừng dùng danh từ 'tự viện, am đường' nữa, hãy dùng 'Học Hội', chữ 'Học Hội' này là do cụ Hạ đề xướng. Ngày nay chúng ta dùng tên Tịnh Tông Học Hội, chúng ta không dùng tên Tịnh Tông Tự, không dùng tên Di Đà Tự mà dùng Tịnh Tông Học Hội, làm cho người ta nghe đến danh xưng này liền cảm thấy mới mẻ, chẳng bị hiểu lầm, ý kiến này rất hay. Chúng ta đọc sách của cụ nên tuân theo ý của cụ, chúng ta thành lập Tịnh Tông Học Hội.

Tháp Phật là nơi cúng dường xá lợi của Phật, Tự là nơi tuyên dương truyền bá Phật giáo. 'Đại Thừa kinh điển' là pháp bảo quan trọng nhất trong nền giáo dục Phật Đà, phần trước có nói đây là chân thiện tri thức của chúng sanh. '[Tháp Tự] mới thì bố thí cúng dường, chiêm lễ tán thán, cung kính chắp tay', khi gặp chùa tháp mới xây, ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta tạo ra những kinh luận này dễ dàng, nhưng nhất định phải làm cho đẹp đẽ, trang trọng, làm cho người ta nhìn thấy liền sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm cung kính tán thán, cho nên in kinh không thể in một cách sơ sài. Nếu in một cách sơ sài thì người ta nhìn thấy không sanh hoan hỷ, đó là lỗi của chúng ta. Kinh điển nhất định phải in cho hoàn hảo, ráng hết sức in cho đẹp. Lần này chúng ta in bộ kinh này, chư vị nhìn thấy đều sanh tâm hoan hỷ. Bản in này không dễ tìm, ở Đài Loan bản in này đã được in đi in lại rất nhiều lần nên chữ đều bị mờ, bản in tôi dùng là bản cũ, nét chữ đã bị phai mờ, cho nên tôi phải đi kiếm bản gốc.

Lần trước tôi đến Hương Cảng, tôi đã lưu ý đi tìm, cũng nhờ Phật, Bồ Tát gia trì, khi đến thư viện Trung Hoa Phật Giáo tôi tìm được một bản, đây là bản in đầu tiên ở Hương Cảng, Húc Lãng pháp sư in, bản in này rất cũ rồi, giấy đã phai màu. Một lần khác tôi đi thăm Giác Quang pháp sư, Giác Quang pháp sư gọi điện thoại tìm tôi, chúng tôi gặp mặt và đến chỗ của thầy dùng cơm, trong tủ sách của thầy có một cuốn, cuốn này đều cùng một bản in nhưng được giữ kỹ hơn bản in của Sướng Hoài pháp sư. Thầy để trong tủ sách rất sạch sẽ, chúng tôi đem về hai cuốn này, phía trước là hình trắng đen, chẳng phải hình màu, khi tới Đài Loan chúng tôi đi tìm hình có màu, bản in của chúng ta hiện nay so với những bản cũ tốt hơn nhiều, đẹp hơn những bản gốc. Chúng tôi tặng mười cuốn cho Thường Hoài pháp sư, và mười cuốn cho Giác Quang pháp sư,

chúng tôi nhận một cuốn sau đó tặng cho họ mười cuốn, tặng cho họ cuốn kinh đẹp hơn cuốn của họ cho chúng tôi rất nhiều. Chúng tôi làm như vậy, về sau khi có chỗ nào tặng cho họ sách tốt, sách đẹp, họ sẽ đem cho chúng tôi, họ biết cho chúng tôi chẳng mất mát mà còn có báo đền. Chúng tôi đã in hai vạn cuốn, nghe nói hiện nay rất nhiều người ở Đài Loan thấy bản in này đẹp như vậy, họ cũng muốn in, phát tâm như vậy rất tốt! In cho thật nhiều, bản in của chúng tôi để tại xưởng in Thế Hoa ở Đài Bắc, giữ nguyên bản ở đó nên [sau này ai muốn in] khỏi phải trả tiền làm bản gốc, ai thích in đều có thể lấy bản đó đi in, như vậy thì giá vốn sẽ thấp hơn. [Kinh sách] mới chúng ta nhất định phải làm cho thật đẹp, thật trang nghiêm, khi người ta thấy liền sanh tâm hoan hỷ, [họ mới sanh tâm] 'bố thí cúng dường, chiêm lễ tán thán, cung kính chắp tay'. Do đó nếu kinh sách in không đẹp thì sẽ chẳng được. Đây là điều mà Phật dạy chúng ta ở chỗ này, phải dốc hết sức làm cho được hoàn hảo.

'Nếu gặp [kinh sách] cũ, hoặc bị hư hoại', chữ 'cố' nghĩa là cũ, sách cũ có giá trị cao. Cao ở chỗ nào? Thứ nhất là sách đó đã lưu truyền rất lâu, đã có rất nhiều người đọc qua, năm tháng lâu đời chứng tỏ kinh này là kinh chân thật. Nếu là giả, ngụy tạo thì đã bị đào thải sớm rồi, cho nên nó có giá trị lịch sử. Lại được rất nhiều cao tăng đại đức đọc qua, nếu dùng cách nói hiện nay thì từ trường của nó rất khác thường, đồ mới như thế nào cũng không bằng đồ cũ, chư vị phải biết, nó có giá trị kỷ niệm, có sức lôi cuốn rất mạnh mẽ. Nhưng đồ vật truyền lâu đời thì sẽ bị hư hao, hiện nay tôi còn cỡ ba mươi, bốn mươi cuốn sách đời Minh, tính sơ sơ cũng đã sáu trăm năm, giấy rất mỏng manh, giòn rụm, khi lật cứ sợ nó bị rách, do đó những sách này tôi làm sao đọc được? Tôi chụp (photocopy) lại, tôi đọc bản copy, còn sách gốc thì giữ nguyên, không thường mở ra. Ở đây không thuận tiện cho lắm, ở Đài Loan thì tiện hơn, nếu ở Đài Loan thì tôi sẽ đem đi 'bồi' lại, giống như trang hoàng bức họa vậy, bên trong lót một miếng giấy bông, lót lớp giấy này thì sách có thể bảo tồn ít nhất một ngàn năm. Vì hiện nay những sách này hơn phân nửa là in bằng giấy Mao Biên, chẳng phải giấy tốt lắm, chỉ là giấy Mao Biên thường. Giấy Mao Biên chỉ giữ được năm trăm năm cho nên hiện nay nhất định phải tu bổ. Tu bổ nghĩa là phải bồi, sau đó đóng (xỏ chỉ) lại, làm như vậy có thể giữ được thêm một ngàn năm, sách này đã trở thành đồ cổ rồi. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, đừng cho rằng đồ cũ rách thì nên liệng bỏ, cũ rách vẫn có giá trị. Thật sự là người trong nghề, người biết [giá trị] món hàng, [khi tới] Cố Cung Bảo Tàng Viện ở Đài Loan, không phải là người sành điệu thì thích coi cái gì? Coi đồ ngọc đời Minh, Thanh, ngọc ấy vô cùng đẹp đẽ. Còn người sành điệu thì coi cái gì? Coi đồ đồng đời Hạ, Thương, Châu, [những đồ ấy là] đồng hư sắt vụn, đồ đạt không hoàn hảo, nhiều khi chỉ là một miếng vụn, [nhưng đó lại là] báu vật vô giá. Làm sao sánh bằng những đồ bằng vàng bạc, ngọc ngà đời Minh, Thanh? Không sánh bằng, [nhưng nó có] giá trị lịch sử, do đó [chúng ta] phải hiểu đạo lý này.

Sách cũ chúng ta phải tu bổ, tháp tự cũ chúng ta cũng phải tu bổ, trên phương diện này thì chúng ta thua xa người Nhật. Khi tôi đi Nhật tham quan, tham học, đối với việc người Nhật bảo tồn tháp tự, tu bổ đồ cổ, tôi khâm phục năm vóc sát đất. Những thứ này họ đã học được từ Trung Quốc, sau khi học xong vẫn giữ gìn mãi cho đến ngày nay; họ có thể giữ gìn lâu như vậy sao? Mỗi năm họ đều tu bổ, cây cột này bị mối mục rồi, họ dùng gỗ giống hệt, vật liệu giống hệt, hình thức giống hệt để làm cây cột khác thay thế. Do đó khi bạn đi Nhật sẽ thấy chùa miếu trang nghiêm, [phỏng theo] mô thức đời nhà Hán. Học sinh người Nhật du học đến Trung Quốc vào đời Đường nhiều nhất, họ học các lối kiến trúc cổ đại, Trung Quốc có rất nhiều phi diêm (mái cong vút), phi diêm thuộc đời nhà Minh; đời Hán, Đường còn chưa có phi diêm, do đó khi đi Nhật bạn sẽ thấy được rất nhiều kiến trúc đời Hán, Đường, hoàn toàn giống với những gì ghi trong sách cổ Trung Quốc. Hiện nay chúng ta đọc Lễ Ký, coi không hiểu rất nhiều cách

thức sinh hoạt thời đại đó, nhưng khi tới Nhật bèn hiểu ngay, những thứ đó chính là cách sinh hoạt của người Nhật. [Còn về] y phục, người Nhật mặc 'hòa phục', quần áo người Nhật gọi là 'hòa phục', hay 'Ngô phục', nói 'Ngô phục' thì bạn sẽ có ấn tượng, 'Ngô' là Giang Tô, phục trang của thời đại Ngô Việt, truyền qua tới ngày nay người Nhật vẫn còn mặc, vẫn giống y như vậy, người Nhật bảo tồn văn hóa cổ đại của Trung Quốc. Cách thức tu bổ tháp tự của họ đích thật đáng cho chúng ta học tập, nhất định phải dùng vật liệu gốc, dùng cách thức thời xưa để tạo ra vật mới [giống hệt như vậy. Họ giữ được] giống y như thời xưa, bảo tồn được vô cùng hoàn chỉnh, đây là việc chúng ta tới đó tham quan không thể không khâm phục.

Người Nhật có thể hấp thụ văn hóa kỹ thuật tân tiến nhất của tây phương, lại có thể bảo tồn những vật cố hữu, chẳng phế bỏ, đây là chỗ họ cao minh hơn người Trung Quốc. Thậm chí đối với một con đường cũ xưa, họ cũng không phá bỏ con đường xưa, khi mở đường mới họ làm kế bên con đường cũ, bảo tồn con đường cũ. Đường cũ dùng gạch trải đường, có xe ngựa dành cho khách du lịch tới coi, ngồi xe ngựa rất thích thú. Lúc tôi đi tham quan Nhật khoảng hơn hai mươi năm trước, tôi có ấn tượng rất sâu đậm. Nói thật ra ở Trung Quốc có thể khôi phục vài cổ thành, hôm kia nhân dịp tết Trung Thu quý vị đến Đường Thành để hội họp [ăn mừng], ở Hong Kong có một chỗ gọi là Tống Thành. Nói thật ra nếu Trung Quốc có thể khôi phục diện mạo của Khai Phong trở về đời Tống, khôi phục diện mạo của Tây An trở về quy mô đời Đường, một thành phố đời Đường, một cái đời Tống, người ở đó có thể khỏi làm việc gì cả, chỉ bán đồ ăn cho khách du lịch là có thể kiếm lời, người trên toàn thế giới sẽ đến đó tham quan. Có ai không muốn đi tới đó coi thử? Coi đời sống của người đời Đường, đời Tống, quần áo trang sức hoàn toàn khôi phục trở về thời xưa, dụng cụ cũng thuộc đời xưa, [thu hút mọi người] đến đó du lịch, họ sẽ tiếp đãi du khách, thu hút người trên toàn thế giới đến đó du lịch, đây là một chuyện tốt. Khi tôi đi Nhật tham quan bèn nghĩ đến chuyện này, bạn đừng tưởng là không có thu nhập, thu nhập sẽ rất khả quan, rất khá. Bạn bán đồ lưu niệm, mượn cơ hội này để tuyên dương văn hóa Trung Quốc, lợi ích vô lượng vô biên. Khi ở Mỹ tôi có tham quan một thành phố [của người] Đan Mạch, thành phố đó chẳng lớn, người Âu Châu di dân tới đó. Cách thức sinh hoạt, kiến trúc của Đan Mạch ở đó, hoàn toàn là cách sinh hoạt đời xưa của người Đan Mạch, đi tới chỗ đó cũng giống như bạn đi tới Đan Mạch vậy, rất có ý nghĩa, rất thú vị. Đường phố ở đó có xe ngựa. Đây là việc bảo tồn văn hóa cổ, có giá trị, có ý nghĩa. Đoạn này dạy chúng ta làm thế nào để tu bổ, khôi phục tháp tự xưa, điển tịch, kinh điển đời xưa, [chúng ta] phải nên coi trọng.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 39 (Số 14-12-39)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 23, chúng ta hãy đọc kinh văn một lần:

Phục thứ Địa Tạng, nhược vị lai thế trung hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngộ Phật tháp tự, Đại Thừa kinh điển. Tân giả bố thí cúng dường, chiêm lễ tán thán, cung kính hiệp chưởng. Nhược ngộ cố giả hoặc huỷ hoại giả, tu bổ doanh lý, hoặc độc phát tâm, hoặc khuyến đa nhân đồng cộng phát tâm.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp chùa tháp thờ Phật và kinh điển Đại Thừa - nếu còn mới thì bố thí cúng dường, chiêm ngưỡng, lễ lạy, khen ngợi, chắp tay cung kính; nếu đã cũ kỹ hoặc hư hoại thì sửa sang tu bổ, hoặc riêng mình phát tâm, hoặc khuyên nhiều người khác cùng phát tâm.

Nửa phần trước trong đoạn kinh này đã giới thiệu qua, nửa phần sau này dạy [cách chúng ta xử lý] những đồ cũ. Quy mô của tháp tự cũ rất lớn, chẳng phải đơn độc một hai người thường có thể làm, có thể tu sửa, do đó ở đây đức Phật dạy nếu bạn có khả năng thì một người phát tâm, rất tốt! Công đức vô cùng thù thắng, nếu một mình không có khả năng thì khuyên mọi người cùng phát tâm, cả hai đều là vô lượng công đức. Còn sau khi tu bổ kinh điển, nhất định phải có nơi chốn đàng hoàng để cất giữ; thời xưa có một số gia đình chứa của báu trong nhà, đời đời tương truyền, đại gia đình có nề nếp có thể truyền được lâu dài. Hiện nay là quy chế gia đình nhỏ, vả lại phải thường dời chỗ ở. Chẳng giống như hồi trước ở Trung Quốc chọn một nơi xây nhà, một khi cư trú chỗ nào là mấy trăm năm ở mãi trong một ngôi nhà. Con người hiện nay thường dọn nhà, ở ngoại quốc chỉ cần cắm một cái bảng thì tùy tiện có thể bán nhà, do đó bảo tồn những điển tịch cổ này rất khó khăn. Khi gặp trường hợp như vậy chúng ta phải có trí huệ, tốt nhất là đem để ở trường, hoặc thư viện chính phủ. Ở Trung Quốc chùa lớn, đại tòng lâm, chúng ta biết những chỗ đó có thể giữ được lâu dài, có thể bảo quản, như Tứ Đại Danh sơn ở Trung Quốc, những đạo tràng này bất luận có thay đổi như thế nào, thì những đạo tràng này vẫn được duy trì. Ở nơi đó có lầu tàng kinh, có thể giữ ở những chỗ đó. Đây là giữ những cuốn kinh cũ, sau khi tu bổ, sửa sang xong đem cất giữ ở những chỗ nói trên. Còn những cuốn cũ quan trọng, chúng ta có thể in lại. In lại có thể lưu thông rộng rãi, còn bản gốc thì giữ gìn cẩn thận, bản in lại thì lưu truyền rộng rãi. Thậm chí có thể đem vào máy điện toán, giữ trong máy điện toán có hai cách, một là dùng cách chụp hình để giữ trong máy, có thể nhìn thấy hình dáng của bản in gốc trên máy điện toán, hình dáng của chữ in trong bản in gốc, làm vậy rất có giá trị nghệ thuật. Còn một cách nữa là làm bản in mới để lưu thông trên mạng, cách này cũng tốt.

Nói chung, Phật pháp coi trọng ở chỗ lưu thông phổ biến, chứ không coi trọng ở chỗ cất giữ, vì bạn cất giữ thì có ích lợi cho ai? Do đó nhất định phải lưu thông, công đức của sự lưu thông thù thắng vô cùng. Ngày nay chúng ta thấy nhiều chỗ in kinh, trong thị trường người đời in kinh phía sau có ghi câu 'Sở hữu bản quyền, in lại nhất định truy cứu', như vậy còn được. Nếu là tứ chúng đệ tử trong cửa Phật, hoặc là đạo

tràng, nếu trang bản quyền lại in câu này thì phiền phức lớn lắm, cả đời bạn tu hành có tốt tới đâu, công đức có làm lớn tới đâu đi nữa, bạn sẽ không tránh khỏi đọa lạc. Nguyên nhân là gì? Bạn gây chướng ngại cho sự lưu thông Phật pháp, tội này nặng hơn bất cứ tội gì khác, bạn có làm bao nhiêu chuyện tốt gì cũng chẳng chống chọi nổi tội này; bạn đã làm cho pháp thân huệ mạng của bao nhiêu người đoạn dứt vì câu [bản quyền] này, do đó chúng ta phải rõ ràng rành rẽ về sự lợi hại được mất của chuyện bản quyền. Phàm có thể đem lại lợi ích cho xã hội, lợi ích đại chúng, lưu thông là bố thí. Phía trước đã nói qua, thí tài thì được giàu sang, thí pháp thì được trí huệ, nếu bạn không chịu bố thí, gây trở ngại cho sự bố thí, không những bạn chịu quả báo nghèo hèn mà còn phải bị quả báo ngu si. Ngu si rất đáng sợ, người tạo tội cực nặng, nguyên nhân căn bản đều là ngu si. Thời gian thọ báo trong tam ác đạo, như kinh đã nói đều là 'vô số kiếp', người ta phải chịu nạn to lớn này đều vì họ chẳng hiểu đạo lý. Một niệm chuyển đổi trở lại, phát tâm bố thí, phát tâm cúng dường, thì được phước vô lượng.

Xin xem đoạn kinh tiếp theo. Trong phần chú thích có một đoạn, chúng ta hãy đọc xem, hàng thứ nhất trang 24, bắt đầu từ câu thứ hai. "*Nếu gặp những thứ bị hư tổn, hủy hoại thì phải nên tu bổ, tu bổ xong phải xếp đặt"*, câu này nói về kinh luận Đại Thừa, "Tích Hiền vân" nghĩa là người xưa nói, đại đức nói, *"nếu để trong rương tráp để trùng mọt đục, giấy mực phai mờ, rách nát, tự mình chẳng tu bổ, chẳng chịu lưu truyền, chưa khỏi mắc tội với pháp bảo, trái nghịch cấm chế của Phật"*. Sách vở để lâu sẽ sanh mọt, do đó trách nhiệm của người giữ kinh sách rất lớn, nhất định phải thường đem sách mở ra, không coi cũng phải lật ra để khỏi bị mọt. Vì giấy Trung Quốc khác giấy ngoại quốc, mỗi năm phải đem phơi để khỏi bị ẩm thấp, hiện nay kỹ thuật phát triển có thể khỏi cần phải đem phơi nắng, phơi nắng rất phiền phức, có thể dùng máy hút ẩm thấp, dùng chất bột hút ẩm thay thế, cho nên khỏi cần phải phơi nắng. Ở thư viện ngoại quốc, chúng ta thấy họ điều chỉnh không khí, nhiệt độ vô cùng nghiêm ngặt, nên sách vở có thể giữ được lâu, chúng ta phải học hỏi những kỹ thuật này. Đặc biệt là những lầu tàng kinh ở Trung Quốc, người phụ trách quản lý sách vở ở lầu tàng kinh nên đi đến các thư viện đại học trong nước và ngoài nước để tham quan, học hỏi; hiện đại hóa những thiết bị này. Chúng ta nhất định phải hiện đại hóa, làm vậy là hy vọng điển tịch có thể bảo tồn được tốt đẹp, được lâu dài, phí tổn cho việc này trong đạo tràng tuyệt đối không thể tiết kiệm. Phía trước đã nói kinh tạng chính là thiện tri thức của chúng ta, Phật chẳng còn tại thế, chúng ta tu hành chứng quả phải nương nhờ nơi kinh tạng.

Những câu sau đây rất quan trọng, chúng ta cứ thường sơ sót, *'Nếu không thể tu bổ, thì không được thiêu đốt'*, có nhiều người không hiểu, khi kinh Phật hư rách rồi bèn đem thiêu, như vậy là có tội. Nếu bạn không thể tu bổ, phải tìm người phát tâm tu bổ, phải chú ý việc này. Sau đó ngài trích dẫn *'Như sách Năm Trăm Câu Hỏi có ghi nếu kinh bổn ghi Giới Luật không dùng nữa, rời rạc rồi có thể đốt không?'*. Đây là nói về Giới Kinh, chẳng có người coi, chẳng còn dùng nữa, cũ rách rồi, có thể đốt không? *'Đáp: Không được. Không biết là phạm tội, cứ thiêu thì phạm tội Xả Đọa'*. *'Nếu biết thiêu là có tội mà vẫn cứ thiêu, phạm tội Quyết Đoán1[1]'*. Giống như 'phương tiện phá Tăng', 'phá Tăng' là phá hòa hợp tăng, tội này nặng lắm. 'Giống như thiêu cha mẹ', tội đó bao nặng. Hôm nay chúng ta hãy nghĩ xem trong các vị tứ chúng đồng tu, có bao nhiêu người tạo tội này? Tùy ý liền hủy bỏ kinh tạng, tạo tội nghiệp cực nặng. Đương nhiên có rất nhiều người không biết đã tạo tội nặng như vậy, họ đã tạo rồi; ở đây nói rất rõ ràng, không biết mà tạo thì tội đó còn nhẹ; đã biết mà còn tạo thì tội đó cực nặng. Thiêu cha mẹ, phá hòa hợp tăng là tội Ngũ Nghịch, sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Không biết mà phạm tuy tội chẳng nặng bằng, quả báo vẫn là trong ba đường ác. Nếu

1[1] Tội Quyết Đoán là tên gọi khác của tội Tăng Tàn

đã phạm tội nặng này thì phải sám hối thật sự, sám trừ tội nghiệp, phát tâm tu thiện, phát tâm tu sửa tháp tự, tu bổ lưu thông kinh giáo Đại Thừa, như vậy mới gọi là thật sự sám hối. Đoạn kinh sau nói về quả báo:

Như thị đẳng bối tam thập sanh trung, thường vi chư tiểu quốc vương.

Như những người này, trong ba mươi đời thường được làm Tiểu Quốc Vương;

Đoạn này nói quả báo của người phát tâm tu bổ tháp tự, kinh sách cũ là 'trong ba mươi đời thường làm các quốc vương nhỏ'. Quốc vương nhỏ hiện nay là thị trưởng, huyện trưởng, chúng ta coi thời cổ Ấn Độ cùng với thời đại Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Quốc, Sử Ký có ghi nước lớn rộng cỡ một trăm dặm, nước nhỏ cỡ hai mươi, ba mươi dặm. Hai mươi, ba mươi dặm giống như hiện nay làng, xã, một trăm dặm vuông đại khái bằng một đô thị. Vào thời cổ những vùng như vậy là một quốc gia, triều nhà Châu có tám trăm chư hầu, tức là tám trăm nước nhỏ. Tám trăm nước nhỏ này chia ra ở chỗ nào? Ở lưu vực Hoàng hà và Trường giang, hiện nay gọi là vùng trung nguyên, khu vực này hiện nay chiếm một diện tích không lớn lắm ở Trung Quốc, chỉ là một khu vực rất nhỏ mà trong đó có tám trăm nước. Chư hầu tức là quốc vương nhỏ, tương đương với huyện trưởng, thị trưởng, trấn trưởng, những vị này đều được gọi là quốc vương nhỏ. Như vậy đủ biết những người có thể làm chức quận trưởng, thị trưởng, bất luận là trung ương nhậm chức, hoặc được trúng tuyển ở địa phương đều đã tu phước trong đời trước, nếu không tu phước thì họ không làm nổi chức đó. Bất quá là có một điểm khác nhau, thời đại vua chúa ngày xưa những chư hầu này đều là đời đời nối tiếp; nói cách khác chức tước của họ là chức vụ cả đời, đời trên mất đi thì con cái tiếp tục, đó thật là phước báo, phước báo đó rất lớn. Người hiện nay tu phước chẳng bằng người xưa, phước báo nhỏ, tại sao? Có thể nhậm chức hai, ba năm trong một nhiệm kỳ thôi, nhiều nhất là tiếp tục một kỳ, hai kỳ là hiếm lắm rồi, điều này nói rõ phước người ngày nay mỏng hơn người xưa, [phước ấy] đều do nhân đã tu đời trước.

Đàn việt chi nhân thường vi Luân Vương hoàn dĩ thiện pháp giáo hóa chư tiểu quốc vương.

Còn vị Đàn Việt thì thường làm Luân Vương, lại dùng thiện pháp mà giáo hóa các Tiểu Quốc Vương.

Đàn việt là người dẫn đầu làm. Do đó có thể biết nếu làm việc này một mình thì họ sẽ là đại quốc vương, những người cùng họ làm việc này là tiểu quốc vương. Chúng ta phải suy nghĩ cặn kẽ về sự tu nhân và quả báo này thì bạn mới có thể hiểu, hiểu xong rồi chúng ta mới biết phải tu phước như thế nào. Phật pháp vô cùng coi trọng việc tu phước, không phải người học Phật không tu phước, [nếu nghĩ vậy thì] hoàn toàn sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta đừng hưởng phước, nhưng phải tu phước, đó là ý của Phật, chúng ta phải hiểu. Có phước thì để cho hết thảy chúng sanh hưởng, đừng hưởng riêng mình, tại sao? Vì phiền não tập khí của mình chưa dứt, thường thường một khi hưởng phước thì sẽ mê hoặc điên đảo, sẽ đọa lạc, vì muốn phòng ngừa tác dụng phụ này cho nên đức Phật dạy chúng ta đừng hưởng phước. Phật thường thường tán thán khổ hạnh, khổ hạnh thì đạo tâm của người mới vững chắc, sẽ chẳng thoái chuyển, những vị Tăng thường tu khổ hạnh cũng tu phước chứ chẳng phải không tu phước, hết thảy phước báo dành cho đại chúng hưởng, đó là bố thí càng lớn. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Tỳ Lô Xá Na Như Lai, trong kinh Tịnh Độ thì thấy đức Phật A Di Đà, chúng ta thấy y báo, chánh báo thế giới đó trang nghiêm, phước báo vô cùng, đức Phật có hưởng

riêng mình không? Chẳng có, Phật chia sẻ phước báo đó cho mười phương chúng sanh, cho hết thảy những người vãng sanh đến cõi nước đó hưởng thọ. A Di Đà Phật cũng vậy, cho người khắp mười phương vãng sanh đến tây phương tịnh độ hưởng thọ, ngài chẳng hưởng riêng một mình.

Vậy thì chúng ta sẽ hỏi 'Rốt cuộc A Di Đà Phật có hưởng không? Quý vị hãy tự suy nghĩ về vấn đề này. A Di Đà Phật phát nguyện tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh, bạn phải biết bao nhiêu người niệm Phật ở mười phương thế giới, A Di Đà Phật phải tiếp dẫn hết, chúng ta cứ nghĩ A Di Dà Phật bận rộn vô cùng, làm sao rảnh rỗi? Có thể nói mỗi phút, mỗi giây ngài đều phải tiếp dẫn người vãng sanh, chưa hề gián đoạn, chuyện này người thế gian chúng ta chẳng có cách gì làm nổi! A Di Đà Phật có khả năng, ngài có thể hóa thân, chúng ta không thể hóa thân, ngài có thể hóa vô lượng vô biên thân, đồng thời tiếp dẫn vô lượng vô biên người vãng sanh, ngài có khả năng như vậy. Trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy những nguyện đức Phật A Di Đà đã phát, nguyện nào cũng đã thực hiện, chẳng có nguyện nào hư dối, đây là pháp tối thượng thừa trong Phật pháp. Trong kinh Địa Tạng hơn phân nửa là nói về chúng sanh có nghiệp chướng cực nặng, do đó trong kinh thường nói quả báo cõi trời, cõi người, rất ít khi nhắc tới quả báo tương lai thành Phật. Chúng ta xem tiếp đoạn kế:

Phục thứ Địa Tạng, vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, ư Phật pháp trung sở chủng thiện căn hoặc bố thí cúng dường, hoặc tu bổ tháp tự, hoặc trang lý kinh điển, nãi chí nhất mao nhất trần, nhất sa nhất chước.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào ở trong Phật Pháp đã gieo trồng thiện căn—hoặc là bố thí cúng dường, hoặc là tu bổ chùa tháp, hoặc sửa sang kinh điển, cho đến chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước.

Đây là lời tóm tắt những gì đã nói phía trên. Vị lai thế trung, là chỉ hiện tại chúng ta, thiện nam tử thiện nữ nhân là người tu phước, 'bố thí cúng dường', 'tu bổ tháp tự', 'trang lý kinh điển', là những nghiệp thiện mà họ tu, việc thiện mà họ làm, hiện nay có nhiều người không biết những việc thiện này, sơ sót hết. Thí dụ nói chuyện in kinh, tạo tượng Phật, nhiều người giàu sang, có địa vị, thế lực trên thế gian nghe xong họ bèn cười mỉa mai nói đó là mê tín, họ đối với những chuyện này không ra sức [dù nhẹ như] một cọng tóc mà còn khuyên người khác đừng làm việc này. 'Đó là mê tín, bạn làm việc đó làm chi, làm vậy có ích gì?', họ đề xướng việc gì? Họ tán thán việc cứu tế xã hội, từ thiện xã hội, họ rất sốt sắng nỗ lực làm việc cứu trợ chúng sanh chịu khổ nạn trong xã hội, cứu tế những chúng sanh đang chịu bịnh khổ, hiện nay gọi là sự nghiệp từ thiện phước lợi. Vì xã hội đề xướng, chính phủ coi trọng, phần tử trí thức tán thán, do đó đệ tử trong nhà Phật cũng làm theo, coi chuyện này là công chuyện chính thức, và coi Phật pháp là công chuyện phụ, cho rằng chúng ta học Phật tức là phải làm sự nghiệp phước lợi xã hội, làm cho người đời tán dương. Chuyện này đúng hay không? Không thể nói không đúng, nhưng cũng không thể nói hoàn toàn đúng. Câu này nghĩa là sao? Sự nghiệp phước lợi xã hội là chuyện phải làm, phước lợi của Phật pháp chẳng có người biết, mọi người đều đi làm sự nghiệp từ thiện, có thể cứu vãn xã hội hay không? Không thể, xã hội vẫn hướng đến động loạn. Lợi ích của Phật pháp là dạy con người dứt ác tu thiện, giải quyết vấn đề từ căn bản, mục tiêu là nhằm làm cho xã hội này được vĩnh viễn thịnh trị, yên ổn, giúp chúng sanh giác ngộ, bỏ hết phiền não, bỏ hết dục vọng, mở mang trí huệ đức năng của tự tánh.

Làm việc từ thiện, cứu người bị bịnh khổ, nếu có phương pháp làm cho người không bịnh không khổ, có phải là hay hơn là đi cứu khổ hay không! Có phương pháp đó không? Có chứ, Đại Thừa có thể cứu hết thảy chúng sanh không bịnh không khổ. Giáo học Phật pháp thường dùng hai câu tỏ rõ tông chỉ 'phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui'. Sự nghiệp từ thiện là cứu khổ, còn chưa được vui, chỉ làm mức khổ giảm bớt và dời lại về sau mà thôi, chẳng có cách chi làm được vui. Vui là sau khi giác ngộ xong họ mới được vui, tâm khai ý giải, pháp hỷ sung mãn, việc này phải nhờ Phật pháp. Trong kinh đức Phật nói bố thí cúng dường, tu bổ tháp tượng, ấn tống kinh điển trong nhà Phật là phước báo hạng nhất trên thế gian. Các bạn nói từ thiện cứu tế, thì đây là việc từ thiện cứu tế rốt ráo viên mãn nhất trên thế gian và xuất thế gian, cứu pháp thân huệ mạng của người, cứu con người vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Không chỉ là tam ác đạo, giúp người trong một đời siêu việt mười pháp giới, làm Phật, làm Bồ Tát, sự nghiệp từ thiện gì trên thế gian có thể sánh bằng? Trên lịch sử trong và ngoài nước xưa nay chẳng thiếu nhà từ thiện, họ đem ra rất nhiều tài vật để cứu trợ xã hội. Phước báo của họ còn có hạn, ngay lúc đó có người tán thán, sau đó thì người ta bèn quên mất, thậm chí muốn tra tìm trong lịch sử cũng tìm không ra, cũng tiêu mất theo mây khói. Người theo đuổi sự nghiệp giáo học, bạn coi đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Khổng Lão Phu Tử ở Trung Quốc, hai vị này lúc còn tại thế chẳng có tiền tài, chẳng có thí tài, các ngài chỉ thí pháp, thí vô úy. Nếu nói tài bố thí? Các ngài dùng thể lực, lao lực, trong Phật pháp gọi là nội tài bố thí, truyền đến nay đã hơn hai ngàn năm trăm năm, người thế gian hiện nay nghe đến tên các ngài đều hoan hỷ, tán thán. Nghiệp nhân, quả báo thù thắng tỏ rõ trước mắt chúng ta.

Chúng ta phải biết, khi bố thí tài vật thì người ta sẽ có được lợi ích nơi thân, bố thí pháp thì người ta sẽ có được lợi ích nơi tâm, tâm được lợi ích thì thân chắc chắn sẽ được lợi ích, nhưng khi thân được lợi ích thì tâm chưa chắc đã được lợi ích. Trong tâm chẳng lìa phiền não, lo lắng, vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là việc mà bố thí tài vật tuyệt chẳng thể làm nổi. Pháp bố thí có thể phá vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, có thể giúp người ta vĩnh viễn buông bỏ phiền não, cho dù thân này có nghèo hèn, họ cũng vui sướng. Nhan Hồi là học trò của Khổng Phu Tử, ông là một thí dụ [điển hình], ông vô cùng nghèo hèn nhưng sinh sống vô cùng vui sướng. Ngày nay có một số bạn đồng tu nghe đến Phật pháp, tâm khai ý giải, được lợi ích của Phật pháp, bạn tặng tiền tài cho những người này họ không lấy, họ chẳng mong muốn những thứ này. Tiền tài họ có thể không cần, họ chỉ cần Phật pháp, khi bạn tặng cho họ một cuốn kinh, một cuộn băng, họ coi như trân bảo, coi như đồ quý vô giá, những người này đã giác ngộ, trong Phật pháp gọi là đã khai ngộ rồi. Những người này chắc chắn sẽ thành công trong hiện tại, lìa khổ được vui. Lìa khổ được vui chẳng ở chỗ giàu sang, tương lai chắc chắn có thể vãng sanh bất thoái thành Phật, chư vị nghĩ coi có sự bố thí cúng dường nào sánh bằng?

Rất đáng tiếc là nhiều người trong thế gian không biết, [mặc dù] họ không biết, chúng ta không thể trách họ, chúng ta phải quay trở lại trách chúng ta, tại sao họ không biết? Chẳng có ai nói cho họ biết thì họ làm sao biết được? Do đó quảng đại quần chúng trong xã hội ngày nay hiểu lầm Phật giáo, lỗi này là lỗi của ai? Lỗi này là người xuất gia chúng ta chẳng làm tròn trách nhiệm, chúng ta có lỗi đối với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có lỗi đối với các vị tổ sư truyền pháp trong nhiều đời, chúng ta chẳng làm tròn trách nhiệm. Người xuất gia chuyên làm việc gì? Hoằng pháp lợi sanh, mọi người đều biết, bạn cũng biết nói. Bạn đã làm tròn việc hoằng pháp lợi sanh hay chưa? Bạn làm sao? Sơ sót rồi, do đó lỗi lầm là của chúng ta. Không những có lỗi đối với Phật tổ, chúng ta cũng có lỗi đối với quảng đại chúng sanh, làm cho họ hiểu lầm, làm họ bỏ qua cơ hội tu phước trước mắt. Sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật, tự mình phải sám hối,

phải sốt sắng nỗ lực tu học, tận tâm tận lực giới thiệu Phật pháp cho quần chúng, cho hết thảy chúng sanh, đó mới là sám hối thật sự, mới có thể tiêu trừ tội nghiệp quá khứ của mình. Xin xem tiếp kinh văn:

Như thị thiện sự, đãn năng hồi hướng pháp giới thị nhân công đức bá thiên sanh trung thọ thượng diệu lạc.

Những thiện sự như thế mà đều có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì công đức của người này sẽ là trong trăm ngàn đời đều được hưởng sự vui sướng vi diệu, tối thượng.

Đây là nói việc hồi hướng và không hồi hướng. Nếu bạn không chịu hồi hướng thì quả báo như đã nói phía trước 'trong ba mươi đời thường làm quốc vương nhỏ', làm huyện thị trưởng, trấn trưởng, bạn sẽ được phước báo này. Nếu bạn có thể hồi hướng pháp giới, 'hồi hướng pháp giới' nghĩa là gì? Tôi tu được phước đều không hưởng riêng mình, tôi cúng dường phước của tôi cho hết thảy chúng sanh, cho mọi người hưởng thọ, công đức đó sẽ to lớn. Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta 'Pháp giới tức thị nhất tâm', dùng nhất tâm để tu phước để tu thiện thì phước đó, thiện đó lớn bằng hư không pháp giới, nghĩa là rất lớn. 'Thượng diệu lạc' là niềm vui Bồ Đề Niết Bàn trên quả địa Như Lai, niềm vui này chúng ta nói không nổi, có nói ra cũng không có ai hiểu nổi. Tại sao? Chẳng có ai từng trải qua thì làm sao hiểu được? Quả báo cõi trời, cõi người không cách chi sánh bằng, đó là hồi hướng. Cho nên người hiểu rõ, người giác ngộ, niệm niệm đều vì chúng sanh, niệm niệm đều vì pháp giới, đó là tâm Bồ Đề, tâm Bồ Tát. Xin xem tiếp kinh văn:

Như đãn hồi hướng tự gia quyến thuộc hoặc tự thân lợi ích như thị chi quả, tức tam sanh thọ lạc xả nhất đắc vạn báo.

Còn như chỉ hồi hướng cho thân quyến trong gia đình hoặc cho lợi ích của riêng mình, thì quả báo là sẽ được hưởng sự vui sướng trong ba đời, cứ thí xả một thì được báo đáp vạn lần trội hơn.

Giả sử những việc thiện mà bạn đã làm, phía trước có nói về bố thí cúng dường, tu bổ tháp tự, kinh lý những điển tịch. Bạn làm những việc thiện này, nếu chỉ làm vì mình, hoặc vì một nhà thì quả báo này sẽ nhỏ. Quả báo sẽ là hưởng thọ sự vui trong ba đời, chẳng phải làm tiểu quốc vương trong ba mươi đời, đây là nói bạn vì chính mình, vì gia đình mình. 'Xả một được quả báo hàng vạn' là thiệt chứ chẳng phải giả, bạn sẽ được phước báo đời sau. Trong chú giải có trích dẫn vài câu trong 'Ngũ khổ chương cú kinh', nhắc nhở chân tướng của quyến thuộc trong gia đình bạn là gì. Đoạn này ở trang hai mươi tám, hàng thứ ba đếm ngược lại, bắt đầu từ chính giữa, trong đó có nói 'quyến thuộc của nhà mình', giải thích như thế nào là quyến thuộc của gia đình mình. *'Ngũ khổ chương cú kinh vân'*, đây là lời Phật nói *'phụ tử, phu phụ, huynh đệ, gia thất, tri thức, nô tỳ' (cha con, vợ chồng, anh em, gia thất, tri thức, nô tỳ)*, đây là nói về 'gia', quyến thuộc trong gia đình. Phật nói có năm nhân duyên, nếu không phải là năm duyên này thì nhất định sẽ không thành người trong nhà, không thành quyến thuộc trong một nhà; quyến thuộc gồm có bạn bè, tri thức chính là bạn bè, bạn tốt của bạn.

Duyên thứ nhất trong năm nhân duyên là 'oán gia', phần tiểu chú ghi 'cha con sát hại lẫn nhau', đó là oán gia. Thứ nhì là 'trái chủ' (chủ nợ), 'tài sản của cha mẹ, con cái xài phí, phá tan', sanh ra một đứa con phá nhà, cha mẹ gầy dựng tài sản cực khổ, khó nhọc vừa tới tay con mới mấy ngày đã phá tan, [người con này chính] là chủ nợ! Cha

mẹ thiếu nợ người con, người con đến là để đòi nợ. Thứ ba 'thưởng trái' (trả nợ), cha mẹ là người chủ nợ, con cái đến để trả nợ, cho nên con cái kiếm tiền để cúng dường cha mẹ, đó là để trả nợ. Người con chẳng có tâm hiếu kính gì đối với cha mẹ, chẳng có tâm cung kính, nhưng chẳng để cho cha mẹ thiếu thốn vật chất, cung cấp rất châu đáo. Trong đó cũng phải coi thiếu nợ nhiều ít, nếu người con đời trước thiếu rất nhiều thì phụng dưỡng rất chu đáo, đầy đủ đối với cha mẹ; nếu thiếu ít thì cúng dường cho cha mẹ rất ít, trong xã hội hiện nay chúng ta cũng có thể nhìn thấy. Thứ tư là 'bổn nguyện', nương theo nguyện trở lại, trong đó có ân đức, chúng ta gọi là báo ân, con cái loại này có tâm hiếu thuận cha mẹ, tâm hiếu kính, đây là bổn nguyện. Thứ năm là 'chân hữu' (bạn bè chân thật), đời trước là bạn đồng tham, đạo hữu, có cùng chí hướng, đời này gặp lại, đây thật sự là thiện tri thức. 'Tri thức' nói phía trước chính là duyên này, thật sự là bạn đồng tham, đạo hữu. Trên đây là nói về phạm vi của 'quyến thuộc nhà mình'. Nếu hết thảy công đức tu học của chúng ta đều hy vọng chính mình được lợi ích, hy vọng nhà mình được lợi ích, tâm lượng như vậy rất nhỏ, quả báo sẽ rất hữu hạn, chỉ có thể thọ lạc trong ba đời, đây gọi là 'xả một, được quả báo hàng vạn'.

Do đó chúng ta tu học, tu thiện, tu phước, tâm lượng nhất định phải lớn, dụng tâm nhất định phải chân thật. Có nhiều người, thí dụ những nạn lụt ở Trung Quốc đại lục, có rất nhiều người nghe tới tin này vẫn chưa chịu phát tâm, tôi hỏi họ tại sao? Họ nói tiền cứu trợ này có thật sự là đến tay những người bị nạn hay không? Có bị người trung gian cắt xén bớt không? Họ thường có những lo âu như vậy, làm cho việc thiện bị cắt đứt, bỏ mất cơ hội này. Chúng ta phải biết người nào có nhân quả riêng của người đó, nếu ai cũng sợ tiền cứu trợ bị người ta lấy bớt thì những người chịu nạn này sẽ không được cứu trợ rồi. Cho dù có bị lấy bớt cũng không sợ, chúng ta cũng phải làm. Chính bạn không thể đích thân đi cứu trợ thì phải nhờ người trung gian, không thể không làm. Trong những sự bố thí cúng dường thì [cúng dường] Phật pháp càng quan trọng hơn, tại sao vậy? Người hiểu được Phật pháp, người tin nhân quả, khi chúng ta nhờ vả họ, họ nhất định sẽ làm hoàn hảo, viên mãn. Xin coi đoạn sau chót:

Thị cố Địa Tạng, bố thí nhân duyên, kỳ sự như thị.

Cho nên, này Địa Tạng! Những nhân duyên của sự bố thí là như thế!

Ở đây đức Phật tổng kết, ý tứ chẳng cùng tận. Câu này nói rõ, nhân bạn đã làm và quả báo có được sẽ giống như trong kinh đã nói. Trong chú giải có vài câu vô cùng cảm động, chúng ta xem chú giải hàng thứ nhất, bắt đầu từ phía dưới: *'Tổng chỉ vương thần nam nữ đẳng, sở tu chi nhân, sở đắc chi quả, cố vân kỳ sự như thị' (Chỉ chung những người như vua, quan, nam, nữ, v.v..., những nhân mà họ đã làm, những quả báo có được, cho nên mới nói sự việc ấy là như vậy).* 'Kỳ sự như thị' là chỉ những nghiệp nhân quả báo nói ở phía trước. *'Vô nại thế nhân, tín giả thí bất tận lực, bất tín giả toàn bất năng hành' (Hiềm rằng người trong thế gian kẻ tin được thì bố thí không hết sức, người không tin thì hoàn toàn không thể bố thí)*, hai câu này nói rõ sự tướng của chúng sanh. Những người trong xã hội tin tưởng lời đức Phật đã làm rồi nhưng không làm hết sức mình, cho nên được phước ấy không giống như quả báo đã nói trong kinh. Tại sao vậy? Vì bạn không dốc hết sức làm. Chúng ta thấy có rất nhiều người tu phước, nhìn thấy họ có nghiệp chướng, họ chẳng thể chuyển đổi nghiệp chướng trở lại, do đó làm cho người khác khởi lòng nghi ngờ: "Người đó thường làm việc từ thiện, thường làm chuyện thiện, nghiệp chướng của họ còn chưa thể chuyển đổi trở lại, Phật, Bồ Tát chẳng bảo hựu họ", làm cho xã hội đại chúng mất lòng tin đối với Phật pháp. Họ làm phước nhưng tại sao không thể chuyển nghiệp? Vì chẳng dốc hết sức, họ có mười phần sức lực, chỉ dùng một phần để tu phước, vậy thì làm sao có thể chuyển nghiệp?

Chúng ta thấy rất nhiều người giàu có hiện nay, những người sáng lập các công ty lớn, những người giàu xụ. Lúc trước tôi ở Đài Loan, có một khoảng thời gian ông Đổng Sự Trưởng của công ty mỏ than Thụy Tam mời tôi giảng kinh tại nhà ông, ông lấy một phòng lớn làm giảng đường, đại khái có thể đủ chỗ một trăm người nghe. Cư sĩ Lý Kiến Hưng rất nổi tiếng ở Đài Loan. Lúc tuổi xế chiều bị chứng lãng trí vì tuổi già, cầu sanh không được, cầu chết cũng không xong, có lẽ phải kéo dài mười mấy năm mới thoát được. Tại sao ông ta không thể chuyển trở lại được? Vì phước báo quá lớn, tài sản quá nhiều, làm một chuyện nhỏ này đối với ông chỉ là 'một cọng lông của chín con trâu', huống chi làm chẳng có tâm cung kính, chân thành, cho nên chẳng chuyển nghiệp lực nổi. Nếu làm đúng như lời đức Phật dạy trong kinh, bạn phải tận tâm tận lực bố thí cúng dường thì nghiệp chướng gì cũng sẽ tiêu mất hết. Bạn nghĩ coi bạn có thể nào xả hết tài sản của bạn không? Không thể nào xả hết nổi, càng xả thì càng có nhiều, người thế gian không tin tưởng. Tôi có tài sản mười triệu, tôi xả một vạn thì cũng là khá lắm rồi, hôm nay tôi lấy một vạn [đồng] làm công đức, thì đó chỉ là một phần ngàn, ông ta nghĩ vậy là cũng đáng kiêu ngạo lắm rồi, so với người khác là nhiều lắm rồi, [vậy thì] làm sao chuyển nghiệp của ông ta nổi! Nếu ông ta dùng trọn hết tài sản để làm phước, thì tiền tài sau đó sẽ đến lập tức.

Bạn sẽ hỏi, lời nói này có gì chứng minh không? Có chứ, Phạm Lãi thời đại Xuân Thu chính là một thí dụ rất rõ ràng. Ông này là đại thần của Việt Vương Câu Tiễn, là một người thông minh tuyệt đỉnh, ông giúp Việt Vương Câu Tiễn đánh bại Ngô Vương Phù Sai, phục hưng đất nước. Ông biết rõ tánh tình của Câu Tiễn, biết Câu Tiễn là người có thể cùng hoạn nạn chứ không thể cùng giàu sang, lúc đất nước bị nạn thì có thể hợp tác mật thiết với nhau, lúc không hoạn nạn thì có tâm đố kỵ, không thể nào dung nạp người khác, Phạm Lãi biết rất rõ. Cho nên khi đất nước vừa phục hưng thì ông liền trốn đi, thay đổi tên họ thành Đào Châu Công, đi làm ăn buôn bán. Ông bắt đầu bằng việc làm ăn nhỏ, chưa được mấy năm liền giàu to, sau khi giàu có liền đem hết tài sản đi cứu trợ những người nghèo khổ, dùng hết tiền tài để cứu trợ. Sau đó lại bắt đầu công chuyện làm ăn nhỏ, qua vài năm sau cũng giàu to, [cứ như vậy] giàu ba lần rồi đem tài sản phân tán [cứu trợ người nghèo khổ] ba lần nữa. Việc này có thể chứng minh cho lời đức Phật nói chẳng sai, trong mạng của bạn có bao nhiêu tiền của thì đem đi đâu bỏ cũng chẳng mất, bỏ đi hết sạch qua mấy ngày sau nó vẫn trở lại, [do đó mới biết] trong mạng mình sẵn có thì sẽ không bao giờ mất hết.

Ngày nay người ta không tin lời đức Phật dạy, cứ cho rằng bao nhiêu tài sản của mình bỏ đi thì ngày mai làm sao có cơm ăn? Ngày mai lấy gì sinh sống? Nghĩ tới ngày mai, năm tới, cả cuộc đời, còn nghĩ tới đời con đời cháu, một đồng xu cũng không chịu bỏ ra, đây là một sự suy nghĩ sai lầm. Không chịu xả thì phước báo sẽ hưởng hết rất nhanh, sau khi hưởng xong thì không còn nữa, tới lúc đó mới thật sự khổ, họ chẳng biết rằng càng xả thì sẽ càng giàu. Những người tin Phật trong thế gian, nói thật ra họ rất kém cỏi, tại sao vậy? Họ không hiểu thấu triệt những đạo lý trong Phật pháp, không thể thâm nhập, không thể khởi lên lòng tin. Nguyên nhân này cũng là vì chúng ta, những người xuất gia làm công việc hoằng pháp chưa tận hết trách nhiệm, chẳng giảng rõ ràng, nói rành rẽ; một người không hiểu rõ ràng mà nghe pháp sư giảng xong liền khởi lòng tin thì rất khó! Cũng có chứ chẳng phải không có, đó là những người thiện căn phước đức đời trước [đến lúc đó] chín muồi. Tuy không hiểu rõ, lão hòa thượng giảng xong tôi bèn tin, tôi tin lời của ngài, tôi chịu thật sự làm theo, người như vậy rất ít, rất hiếm. Phần đông người ta đều là 'người tin thì không tận tâm bố thí, người không tin thì hoàn toàn không thể làm', hai câu này nói rõ tình trạng của chúng sanh trong đời.

Sau đó ngài đưa ra những sự thật để chứng tỏ, trong kinh 'Thí Dụ' có hai câu chuyện, quý vị hãy tự xem, ở đây chúng ta không cần phải nói thêm. Chúng ta nêu câu chuyện của Phạm Lãi, ông là người Trung Quốc, những người đọc sách đều biết. Ở Trung Quốc đại lục trước kia thờ cúng thần tài, thần tài là ai? Chính là Phạm Lãi, [thờ cúng như vậy] rất có đạo lý. Hiện nay thờ cúng thần tài, tôi không biết là thờ cúng vị nào? Có lẽ thần tài đã thay đổi thành người khác. Ở Đài Loan người ta coi Quan Công là thần tài, không có lý chút nào. Quan Công chẳng liên quan gì tới chuyện phát tài? Thờ Quan Công chẳng có lý. Quan Công tiêu biểu cho nghĩa khí, đích thật là nghĩa khí ngút trời, ngài là một người tri ân báo ân, việc này rất đáng đề xướng, ngài rất đáng cho người ta tôn kính; còn nói thờ Quan Công thì sẽ phát tài thì chưa chắc. Vì nhìn từ lịch sử hay đọc sách của ngài, hình như sự phát tài chẳng liên quan gì với ngài; [nghĩa là nếu] chúng ta mời ngài làm Bộ Trưởng Tài Chánh thì là sai rồi, mời ngài làm Bộ Trưởng Quốc Phòng thì được. Mời ngài làm Bộ Trưởng Tài Chánh thì sai rồi, ngài chẳng phải là người lo về tài chánh. Mời Phạm Lãi làm thần tài thì vô cùng hợp lý, ngài thật sự biết cách phát tài, có phương pháp, phương pháp đó chẳng khác gì lời dạy của Phật, [cả hai] đều cùng một đạo lý.

Chúng ta học Phật phải thấu hiểu Lý rõ ràng, sau khi thấu suốt mới có thể khởi lòng tin, thật sự chịu làm, tự cầu mong phước báo. Do đó nếu bạn có phước báo viên mãn thì chỉ cần tu học đúng như lý như pháp. Tài thí thì tiền tài của bạn sẽ chẳng thiếu thốn, sự hưởng thụ vật chất của bạn cũng sẽ chẳng thiếu, cho dù trong lúc có tai họa to lớn thì bạn cũng sẽ không bị thiếu thốn. Pháp thí sẽ được thông minh trí huệ. Vô úy thí được khỏe mạnh sống lâu. Điều tốt nhất trong vô úy thí là ăn chay, ăn chay là vô úy thí, tuyệt đối chẳng làm tổn hại hết thảy chúng sanh hữu tình, không ăn thịt chúng sanh, vun bồi tâm từ bi, đó là vô úy thí. Tâm địa từ bi thì các động vật nhỏ nhìn thấy bạn cũng vui vẻ, sẽ không làm hại bạn, sẽ rất gần gũi với bạn. Điều thứ nhì là thường giữ tâm niệm, dốc hết sức lực để giúp đỡ những người đang chịu khổ nạn, đó đều thuộc về vô úy thí. Họ không có đồ ăn thì chúng ta cho họ thức ăn, họ sẽ chẳng sợ hãi, sẽ chẳng lo lắng; khi họ không có quần áo mặc thì chúng ta cho họ quần áo, làm cho họ được ấm áp, chẳng sợ bị lạnh, đó cũng là vô úy thí; phàm những việc giúp cho chúng sanh được thân tâm yên ổn đều thuộc về vô úy thí, quả báo là chính mình sẽ được khoẻ mạnh sống lâu. Ngày nay đồng bào ở đại lục đang chịu những sự khổ nạn lớn lao, chúng ta phải dốc hết sức lực đi cứu trợ, đừng sợ xả, phải biết càng xả thì phước báo càng nhiều.

Trong chú giải phần cuối từ dòng thứ năm đếm ngược lại, câu sau chót *'hành đạo chi nhân bất đãn trì giới thiền tụng, diệc đương bố thí tác phước' (người hành đạo không những chỉ trì giới, thiền định, tụng niệm mà còn phải bố thí làm phước)*, đây là lời Phật dạy trong kinh. [Đức Phật] dạy cho đệ tử đời sau, khi tu hành làm việc đạo, không phải chỉ trì giới, tham thiền, đọc tụng Đại Thừa, đây đều là công khóa thường nhật, 'mà còn phải bố thí làm phước', bạn phải biết nên thường bố thí, nên làm cả ba việc tài thí, pháp thí, và vô úy thí. Tiếp theo sau, chúng ta coi *'Đại Ái Đạo Kinh vân, kim thế diệt tội, hậu thế đắc thân' (Đời này diệt tội, đời sau được rộng rãi hơn). Chữ "Thân" [ở đây] là thân trương (mở rộng ra). 'Hữu tài bất thí, thế thế thọ bần' (có tiền tài mà không chịu bố thí, đời đời sẽ chịu nghèo hèn)*, đây là gì? Bỏn xẻn tiền tài, bỏn xẻn thì sẽ bị quả báo bần cùng, bỏn xẻn pháp thì bị quả báo ngu si, bỏn xẻn vô úy thì bị quả báo bịnh khổ, tai nạn. Những thứ thọ dụng của con người trong thế gian từ đâu đến? Bạn có tin hay không? Có tin lời Phật dạy không? Nếu tin, hiện nay tôi nghèo hèn thì hãy mau tu bố thí, tại sao vậy? [Có bố thí] mới thoát khỏi cảnh nghèo túng. Khi nghèo túng thì tôi đâu có gì để bố thí, bạn hãy nghĩ lại coi có không? Hôm nay tôi ăn cũng ăn không no, ăn không no thì tôi nhịn một bữa, lấy bữa ăn đó đem bố thí cho người khác, vậy thì bạn cũng bố thí được, lẽ nào không thể bố thí? Thật sự có tâm bố

thí cúng dường, như phía trước có nói bố thí cúng dường rất ít như 'một hạt bụi, một cọng lông, một hạt cát, một giọt', mà có tâm rộng lớn, tâm chân thật thì sẽ được quả báo không thể nghĩ bàn. Đức Phật đã mở ra con đường cho chúng ta đi, người nghèo túng cũng có thể tu bố thí và được phước báo to lớn, vậy thì mới công bình.

Sau đó nói *'cố nhập đạo tất dĩ trí huệ vi bổn, trí huệ tất dĩ phước báo vi cơ' (cho nên khi nhập đạo phải lấy trí huệ làm gốc, trí huệ phải lấy phước báo làm nền tảng)*, hai câu này rất hay, không thể thiên về một bên. Trong kinh Phật có kể hai câu chuyện nói về sự 'thiên về một bên', có một người tu hành coi trọng tu trí huệ, một người lại chú trọng tu bố thí, đời sau khi quả báo của hai người này hiện đến, người chú trọng tu trí huệ, tu thiền định chứng được quả vị A La Hán, vậy là rất hay rồi. Tuy chứng quả A La Hán nhưng ông ta không có phước báo, thường thường đi trì bát, nhưng chẳng có ai chịu cúng dường, đúng như câu *'La Hán trì bình trống không'*, phải chịu đói, rất khổ! Có ai biết được ông ta chứng A La Hán? Người ta vừa nhìn thấy ông liền ghét, chẳng có duyên phận, chẳng có ai cúng dường ông ta. Còn người chú trọng tu phước thì khá hơn, nhưng lại đọa vào loài súc sanh, làm một con voi lớn, đầu thai làm con voi lớn. Con voi này có phước, được vua thích cỡi, khi vua đi đâu đều cỡi con voi này, do đó con voi này được nuôi nấng rất tốt, được rất nhiều người hầu hạ nó, đút cho nó ăn, khi đi ra ngoài đường thì đeo anh lạc, châu báo đầy mình, [do đó mới có câu] *'Tu phước không tu huệ, voi lớn đeo anh lạc'*, phước báo đó rất lớn. Đức Phật dạy chúng ta phước huệ song tu, cho nên khi thành Phật, đức Phật được xưng là Nhị Túc Tôn, "túc" nghĩa là đầy đủ, viên mãn, "nhị" nghĩa là hai, đó là trí huệ viên mãn và phước báo viên mãn, do đó Phật là người [trọn đủ] phước huệ. Đức Phật chẳng dạy chúng ta không tu phước, nếu bạn cho rằng đức Phật dạy chúng ta không tu phước thì bạn hoàn toàn sai lầm, [nếu vậy thì] đức Phật làm sao được gọi là Nhị Túc Tôn được?

Nhưng đức Phật thường cảnh giác chúng ta, cảnh cáo chúng ta, tu phước chứ đừng hưởng phước, sợ chúng ta hưởng phước bị mê mất. Nếu bạn hưởng phước mà không bị mê thì được! Vậy thì đức Phật cũng tán thành bạn hưởng phước. Do đó đến khi nào mới hưởng phước? Sau khi minh tâm kiến tánh thì có thể hưởng phước, tại sao vậy? Kiến tánh rồi, sẽ không mê nữa. Đây là chỗ khác nhau giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Bồ Tát Đại Thừa có thể hưởng phước, bậc thánh Tiểu Thừa không thể hưởng phước, khi hưởng phước thì họ sẽ mê mất. Thế nên [đối với người] Tiểu Thừa, đức Phật tán thán khổ hạnh. Trong số đệ tử của đức Phật, chúng ta có thể thấy tôn giả Đại Ca Diếp tu khổ hạnh, [ngài có tiếng là] 'Đầu Đà hạnh bậc nhất', tôn giả Ca Diếp xuất thân từ nhà giàu có, trưởng giả, ngài chẳng phải là người nghèo hèn, sau khi xuất gia tu khổ hạnh, nhận lấy những cái khổ mà người khác không chịu, ngài hoan hỷ, vui vẻ làm gương cho người sơ học.

Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử tượng trưng cho Đại Thừa, [là người có thể] hưởng phước. Khi Thiện Tài đồng tử được sanh ra, trong nhà ngài, trong sân nhà, các cây, cỏ đều biến thành vàng bạc, lưu ly bảy báu, đó là tiêu biểu Đại Thừa. [Người tu học] Đại Thừa có thể hưởng thọ [vì] họ chẳng mê, cảnh giới của Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Chúng ta có căn cơ gì? Tuy chúng ta tu học pháp Đại Thừa, nói thật ra ngay cả căn cơ Tiểu Thừa chúng ta cũng không bằng, chúng ta hoàn toàn là phàm phu, điểm này chúng ta phải biết. Nếu phàm phu không niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ thì chẳng có con đường nào khác, muôn vàn xin đừng tưởng là học pháp Đại Thừa, cứ cho mình là Bồ Tát, tự hào mình là Bồ Tát, đi đâu cũng kiêu ngạo, như vậy thì chắc chắn sẽ đọa ác đạo, đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, chúng ta đích thật chỉ là phàm phu. Chúng ta đã đọc, đã nghe kinh Đại Thừa, đã tăng trưởng không ít kiến thức, nếu thật sự nghe hiểu, thật sự giác ngộ, phải nên phát tâm sốt

sắng nỗ lực tu học, vậy mới đúng. Phần Chánh Tông của kinh này đến đây là hết, đoạn kinh văn sau đây thuộc về phần Lưu Thông, xin xem kinh văn. Khoa Chú quyển Hạ, trang ba mươi mốt: Địa Thần Hộ Pháp Phẩm đệ thập nhất.

PHẨM THỨ 11: ĐỊA THẦN HỘ PHÁP

Từ đây về sau là phần Lưu Thông của kinh. Phần Lưu Thông gồm có ba phần: Địa Thần Hộ Pháp lưu thông, Kiến Văn Lợi Ích lưu thông, Chúc Lụy Nhân Thiên lưu thông. Chúng ta coi kinh Địa Tạng chẳng dài lắm, từ xưa tới nay kinh này có khi in thành một quyển, có khi in thành hai quyển, ở đây được in thành ba quyển, kinh văn không dài lắm, nếu xét về tầm vóc thì kinh này có tầm vóc của một đại kinh. Phần đông kinh điển, kinh Đại Thừa cũng chẳng ngoại lệ, phần Lưu Thông chỉ có vài hàng mà thôi, phần Tựa cũng chỉ có vài hàng, chỉ có đại kinh thì phần Tựa, Chánh Tông, Lưu Thông đều khá phong phú. Phần Tựa của kinh này chiếm hết một phẩm, 'Thần Thông trên cung trời Đao Lợi', phần Lưu Thông dài ba phẩm, đây là tầm vóc của đại kinh. Giống kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, kinh Vô Lượng Thọ cũng vậy. Chúng ta coi tầm vóc của kinh liền biết, đó là những kinh luận quan trọng nhất trong Đại Thừa, có thể nói là Đại Thừa trong Đại Thừa, Nhất Thừa trong Nhất Thừa, đích thật là như vậy. Chữ Lưu (trong chữ Lưu Thông) có ý nghĩa của chữ 'Nước', nước luôn di chuyển, lưu chuyển ba đời, thông đạt mười phương.

Đức Phật dạy chúng ta, Phật pháp phải đem lợi ích rộng rãi cho hết thảy chúng sanh. Bất cứ một người nào, tứ chúng xuất gia và tại gia, chỉ cần bạn quy y Phật môn, làm đệ tử Phật, thì bạn đều có trách nhiệm và sứ mạng lưu thông Phật pháp. Do đó đức Phật trong phần cuối của một bộ kinh đều khuyên chúng ta phải lưu thông bộ kinh ấy, chấp trì và tiếp nối pháp môn, đây là đại từ đại bi, giúp Như Lai rộng độ chúng hữu tình. Nếu chúng ta không thể làm hết trách nhiệm này, cho dù chính mình tu rất tốt thì cũng có lỗi đối với Như Lai. Pháp thế gian coi trọng việc *'bất hiếu gồm có ba chuyện, không có người tiếp nối là tội lớn nhất'*, dù bản thân bạn rất hiếu dưỡng cha mẹ, nhưng bạn không có người nối dõi, chẳng có người tiếp tục hương hỏa, dòng dõi truyền tới đời bạn thì đứt mất, đó gọi là đại bất hiếu. Phật pháp cũng như vậy, tổ tổ tương truyền, truyền đến đời mình, mình tu cũng khá tốt, học cũng khá giỏi, nếu không thể truyền Phật pháp cho người khác, Phật pháp truyền đến mình thì bị đứt mất, dù có tu học tốt hơn nữa bạn cũng không thể thành Phật, cũng không thể vượt thoát luân hồi, tại sao vậy? Việc làm của bạn có lỗi đối với Phật, Bồ Tát, có lỗi đối với Tổ Sư đại đức, làm sao có thể nhẫn tâm truyền đến đời bạn bèn bị đứt mất? Nhất định phải truyền pháp, mỗi đời đều có người [kế thừa], làm cho Phật pháp thường trụ thế gian, chẳng đến nỗi bị đứt mất, đây là ý nghĩa sâu xa của sự Lưu Thông, chúng ta phải hiểu như vậy.

Trong sự tu học Phật Pháp, chúng ta đã đọc trong kinh này, đã đọc phần Chánh Tông, công đức gì lớn nhất? Phước báo gì lớn nhất? Lưu Thông, phần trước đã nói với bạn, tu sửa tháp tự cũ, tu bổ kinh sách cũ đều thuộc về việc Lưu Thông [Phật pháp]. Thân hành, 'thân' là gương cho người khác thấy, thì đó là dùng thân để lưu thông Phật pháp, làm cho người khác thấy, đó là thị hiện. 'Khẩu' tuyên nói là lưu thông. Đừng sợ mệt, bạn hãy coi đức Phật Thích Ca cả đời thị hiện cho chúng ta coi, ngài cũng thị hiện già, bịnh, nhưng già và bịnh chẳng gián đoạn sự giảng kinh thuyết pháp, người khác khuyên ngài ngưng nghỉ, ngài không ngưng nghỉ vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sanh. Những sự thị hiện này đều là dạy chúng ta, đừng nghĩ là "già, bịnh thì có thể nghỉ ngơi, có thể về hưu". Đến lúc lâm chung đức Phật Thích Ca còn giảng kinh Đại Bát

Niết Bàn, kinh này được ngài giảng ba tháng trước khi lâm chung, đây là lời dạy sau cùng. Sau khi ngài từ cõi trời Đao Lợi trở về, giảng kinh Đại Bát Niết Bàn trong một ngày một đêm rồi viên tịch. Ngài dạy chúng ta đến chết cũng không nghỉ ngơi, đây là tinh thần gì? Đức Phật làm gương cho chúng ta coi, không phải chỉ nói khơi khơi để khuyên chúng ta mà thôi, không phải vậy, ngài làm gương thật sự, đây là điều chúng ta phải học, noi gương đức Phật Thích Ca, phải làm giống y hệt ngài, làm việc hoằng pháp lợi sanh lưu thông Phật pháp mãi cho đến hơi thở cuối cùng, đó mới thật sự là đệ tử của Phật, truyền nhân của chư Phật Như Lai. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Kiên Lao địa thần bạch Phật ngôn, Thế Tôn, ngã tùng tích lai chiêm thị đảnh lễ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, giai thị đại bất khả tư nghị thần thông trí huệ, quảng độ chúng sanh.

Lúc đó Kiên Lao Địa Thần bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ trước đến nay, con từng chiêm ngưỡng đảnh lễ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, đều là những bậc đại thần thông trí huệ bất khả tư nghị, quảng độ chúng sanh.

Kiên Lao địa thần là địa thần ở cõi Diêm Phù Đề, người thế gian chúng ta thường gọi địa thần là 'Thổ Địa Công', sơn thần cũng thuộc loại địa thần này. 'Thổ Địa' là tên gọi của địa thần, khu vực cai quản rất nhỏ, cỡ một làng, một trấn. Kiên Lao địa thần là "Tổng địa thần", cai quản cả Diêm Phù Đề, dùng cách nói hiện nay của chúng ta thì đó là cai quản địa cầu. 'Địa' rất cứng rắn, cho nên xưng ngài là Kiên Lao Địa Thần. Chú thích trong cuốn Chú Giải rất tường tận, trong kinh A Hàm đức Phật nói với tỳ kheo, có 'Tứ đại thiên thần', thứ nhất là 'Địa Thần', thứ nhì là 'Thủy Thần', thứ ba là 'Phong Thần', thứ tư là 'Hỏa Thần', địa, thủy, phong, hỏa (đất, nước, gió, lửa) là tứ đại. Địa Thần cũng tham dự pháp hội này, sau khi nghe đức Phật giảng kinh thuyết pháp, ngài đứng ra thỉnh pháp, trước tiên nói về kinh lịch của ngài lúc trước. Ngài nói 'Con từ trước tới nay', đó là những việc ngài đã thấy từ trước tới nay. 'Chiêm thị, đảnh lễ vô lượng vô số Bồ Tát, Ma Ha Tát', chúng ta xem từ câu trên biết thời gian tu hành của vị địa thần này rất lâu dài. Từ chỗ này chúng ta hiểu được Kiên Lao địa thần cũng là Pháp Thân Đại Sĩ thị hiện, trong những đời quá khứ ngài đã gặp vô lượng Bồ Tát, Ma Ha Tát, ngài đã từng bố thí, cúng dường, thân cận số Bồ Tát, Ma Ha Tát như vậy. 'Ma Ha Tát' là Địa Thượng Bồ Tát, 'Bồ Tát' là địa vị Tam Hiền, ngài cũng đã từng gặp, bố thí cúng dường vô lượng vô số Tam Hiền thập thánh Bồ Tát. 'Đều là những vị có thần thông trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, rộng độ chúng sanh', đây là những vị ngài từng gặp. Xin xem tiếp:

Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ư chư Bồ Tát thệ nguyện thâm trọng. Thế Tôn thị Địa Tạng Bồ Tát ư Diêm Phù Đề hữu đại nhân duyên.

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đây so với chư Bồ Tát, thì thệ nguyện thâm trọng. Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng đây có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề.

Đây là lời của Kiên Lao Địa Thần nói, đây là người ngài đã gặp. So với những Bồ Tát khác, Địa Tạng Bồ Tát càng đáng cho địa thần kính phục, tại sao vậy? Lời thệ nguyện của ngài sâu nặng, sau đó ngài có nói rõ. [Địa Tạng Bồ Tát] 'có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề', Kiên Lao là địa thần ở cõi Diêm Phù Đề, ngài biết Địa Tạng Bồ Tát có duyên phần đặc biệt đối với cõi này. Chúng ta phải hiểu lời nói này, Địa Tạng Bồ Tát đối với địa phương nào cũng có duyên phần, duyên này tuyệt đối đều là bình đẳng, tuyệt đối không thiên lệch. Tại sao địa thần nói như vậy? Là nói cho chúng ta nghe. Trong phẩm Tựa chúng ta đã thấy Địa Tạng Bồ Tát phân thân trăm

ngàn ức, ngài ở mười phương tam thế hết thảy cõi nước chư Phật độ những chúng sanh khổ nhất, tâm Bồ Tát đều thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, làm sao có thể thiên lệch được? Lời nói này của Kiên Lao địa thần là lời nói tùy thuận cơ duyên, ngày nay chúng ta sanh tại Diêm Phù Đề, hiện giờ là chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề cho nên địa thần nói với chúng ta, Bồ Tát có nhân duyên to lớn với chúng ta, chúng ta cảm thấy thân thiết đối với ngài, dụng ý là như vậy. Nói thật ra bắt đầu học Phật thì phải bắt đầu từ kinh Địa Tạng, phía trước có nói 'Địa' là tâm địa, 'Tạng' là kho báu, học Phật trước hết phải khai phá kho tàng trong tự tánh, hết thảy những lời dạy trong kinh này đều dạy chúng ta phương pháp mở kho tàng trong tự tánh. Tự tánh có vô tận trí huệ, đức năng, có vô tận phước báo, làm thế nào mới khai mở được? Trong kinh này đức Phật nói rõ ràng cho chúng ta. Hiện nay điều quan trọng là chúng ta có thể tin sâu không hoài nghi, có thể y giáo tu hành hay không? Nếu có thể tin sâu không hoài nghi, y theo lời dạy mà tu hành thì bạn sẽ có phước, trí huệ sẽ mở mang, phước báo sẽ hiện tiền.

Vấn đề là chúng ta đích thật tin chẳng sâu, hiểu không rốt ráo, cho nên làm theo không dốc sức, không sốt sắng. Chúng ta được phước rất mỏng, nhân tố đều ở tại chính mình, Phật chẳng sai, pháp cũng chẳng sai, cổ thánh tiền hiền cũng không có sai. Họ rất từ bi, sợ chúng ta coi xong kinh này không hiểu nên mới viết chú giải tường tận, chú giải này chính là bố thí cúng dường. Khi chúng ta có khả năng, tốt lắm! Giảng giải bộ kinh này, chính mình cũng có thể viết chú giải. Nếu chính mình không có khả năng thì phải lấy Chú Giải của người xưa đem in ra, lưu truyền rộng rãi cúng dường đại chúng. Phía trước trong kinh này có nói, người soạn Chú Giải này là người dẫn đầu, ngài khởi đầu tu bố thí cúng dường, ngày nay chúng ta đọc Chú Giải này, chúng ta hưởng ứng và phát tâm in ra để lưu truyền kết duyên. Còn quả báo thì người dẫn đầu làm Chuyển Luân Thánh Vương, chúng ta tùy hỷ thì làm tiểu quốc vương, quả báo cũng được giải thích rất rõ ràng. Việc tu phước, người có khả năng sức lực thì tự mình làm, còn người không có khả năng sức lực thì khuyên đại chúng cùng nhau làm, phước không bị lãng phí, mất mát. Còn được phước nhiều hay ít là do sự dụng tâm của bạn, nếu tâm bạn chân thành thì phước bạn được sẽ chắc thật, chân thật, tâm lượng bạn lớn thì phước báo bạn cũng sẽ lớn. Cho nên tu bố thí cúng dường, chẳng có nói người nào đó ra tiền nhiều thì họ sẽ được phước lớn, ra tiền ít thì được phước ít, chẳng lẽ nào như vậy. Nếu người ra tiền nhiều nhưng tâm của họ không chân thành, chẳng tận tâm tận lực thì họ sẽ được phước báo nhỏ. Còn người ra tiền rất ít, như hiện nay cuốn kinh này chúng ta in ra hình như là giá bảy mươi đồng Đài Loan, cỡ ba đồng mấy tiền Tân Gia Ba, chưa tới bốn đồng. Họ chỉ in một cuốn, đây là người ra sức ít. Nếu tâm lượng của họ lớn, tu phước chẳng vì chính mình, chẳng vì nhà mình mà vì chúng sanh, vì Phật pháp, hy vọng thế gian này có thêm một cuốn sách lưu truyền, phát tâm như vậy thì họ sẽ được quả báo lớn, tâm này rất thù thắng, rất quý báu. Chúng ta xem tiếp:

Như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc diệc hóa bá thiên thân hình độ ư lục đạo, kỳ nguyện thượng hữu tất cánh.

Như các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc cũng hóa hiện trăm ngàn thân hình để độ [chúng sanh] trong Lục Đạo, nhưng nguyện của các ngài còn có lúc hoàn mãn.

Ở đây địa thần so sánh, những Bồ Tát khác phát nguyện không lớn bằng nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, [nguyện của các Bồ Tát khác] còn có lúc cùng tận; còn nguyện của Địa Tạng Bồ Tát chẳng có cùng tận. *'Địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật'*, địa ngục có thể trống không được sao? Cho nên thử hỏi Địa Tạng Bồ Tát có thể làm Phật được không? Chư vị thử nghĩ coi Địa Tạng Bồ Tát có thể làm Phật được

không? Người thông suốt sẽ biết rằng Địa Tạng Bồ Tát đã thành Phật từ lâu rồi, tại sao vậy? Hết thảy chư Phật, Bồ Tát là một người, chẳng phải rất nhiều, ngài làm sao không thành Phật? Nên hiện thân gì để độ được bèn hiện thân đó, nên dùng thân Địa Tạng Bồ Tát để độ bèn hiện thân Địa Tạng Bồ Tát, nên hiện thân Quán Âm Bồ Tát để độ bèn thị hiện thân Quán Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát, Di Lặc vẫn là một người, đây là thật, đây là chân tướng sự thật, chư Phật Như Lai tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp. Ở đây chỉ là nhấn mạnh, nói với người sơ học rằng Địa Tạng quan trọng, vun bồi cơ sở từ pháp môn Địa Tạng. Địa Tạng dạy những gì? Hiếu kính cha mẹ, tôn kính sư trưởng, hiếu kính chính là tu phước tu huệ, bạn có thể hiếu kính là phước, bạn hiểu rõ hiếu kính là huệ, phước huệ song tu. Kinh này là hiếu kinh trong nhà Phật, Đại Thừa Phật pháp được xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo, hiếu đạo viên mãn tức là Phật đạo viên mãn, thành tựu, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm danh tướng vô minh chưa phá trừ nên hiếu đạo còn chưa viên mãn. Cho nên Đại Thừa Phật pháp được xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo viên mãn, đây là điều chúng ta phải biết. Kinh dạy chúng ta những gì nên làm, những gì không thể làm, đó đều thuộc về hiếu kính, người thật sự hiếu kính cha mẹ, tôn kính sư trưởng nhất định có thể hiểu ý này, biết phải y giáo phụng hành. Y giáo phụng hành thì cha mẹ vui mừng, đó là tận hiếu, sư trưởng vui mừng, đó là tôn sư trọng đạo.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 40 (Số 14-12-40)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 32, xin xem kinh văn:

Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ư chư Bồ Tát thệ nguyện thâm trọng. Thế Tôn thị Địa Tạng Bồ Tát ư Diêm Phù Đề hữu đại nhân duyên, như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc diệc hóa bá thiên thân hình độ ư lục đạo, kỳ nguyện thượng hữu tất cánh.

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đây so với chư Bồ Tát, thì thệ nguyện thâm trọng. Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng đây có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề. Như các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc cũng hóa hiện trăm ngàn thân hình để độ Lục Đạo, nhưng nguyện của các ngài còn có lúc hoàn mãn.

Đoạn kinh này so sánh cho chúng ta coi, chỉ rõ Địa Tạng Bồ Tát có duyên phận đặc biệt với thế gian này; Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc cũng có duyên phận rất sâu với thế gian chúng ta, chẳng thua gì Địa Tạng Bồ Tát. Ở chỗ này so sánh thệ nguyện, nói nguyện của các Bồ Tát khác độ hóa chúng sanh trong lục đạo còn có khi chấm dứt, chỉ có nguyện của Địa Tạng Bồ Tát chẳng có khi chấm dứt, *'địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật'*. Nguyện này đích thật sâu nặng hơn nguyện của các Bồ Tát khác. Chúng ta biết Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc đều là cổ Phật tái lai, thị hiện thân Bồ Tát trong lục đạo để độ hóa chúng sanh. Trong kinh đức Phật có nói, Văn Thù Bồ Tát trước kia đã từng làm Long Chủng Thượng Vương Phật, điều này chỉ rõ trong kiếp lâu xa trước kia các ngài đã thành Phật rồi, hiện nay giúp đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy dỗ chúng sanh trong thế gian này, đúng như câu *'Một đức Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ'*, là ý nghĩa như vậy, chúng ta phải hiểu. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị Địa Tạng Bồ Tát, giáo hóa lục đạo nhất thiết chúng sanh sở phát thệ nguyện kiếp số như thiên bá ức Hằng Hà sa.

Còn Bồ Tát Địa Tạng đây phát thệ nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh trong Lục Đạo, trải đến kiếp số như số cát của trăm ngàn ức sông Hằng."

Câu này nói rõ Địa Tạng Bồ Tát dùng thân phận Bồ Tát để giúp đỡ hết thảy chúng sanh, thời gian dài chẳng có cách chi tính kể, Bồ Tát đời đời kiếp kiếp đều đã phát lời trọng nguyện. Trong hội này chúng ta thấy, trong phẩm Tựa đại chúng tham dự pháp hội là mười phương chư Phật Như Lai. Phía trước đã báo cáo với chư vị, các chư Phật Như Lai này đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát, con số học trò thành Phật đã chẳng thể nghĩ bàn, còn thầy giáo vẫn dùng thân phận Bồ Tát để giúp đỡ hết thảy chúng sanh, đây là điều chúng ta phải nên học tập. Tích lũy công đức, giáo hóa chúng sanh, chẳng màng đến địa vị của mình, chẳng màng lợi ích cá nhân, Địa Tạng Bồ Tát hầu như lấy việc này để tỏ rõ cho chúng ta, dạy chúng ta phải học tập như thế nào. Có lẽ có bạn đồng tu sẽ hỏi trong Phẩm Phổ Môn có nói *'Nên dùng thân Phật để độ được, Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật để nói pháp'*. Địa Tạng Bồ Tát có thể hiện thân Phật để thuyết pháp hay không? Đương nhiên là có thể, nếu Địa Tạng Bồ Tát gặp hạng chúng sanh này, nên dùng thân Phật để độ được, đương nhiên ngài sẽ hiện thân Phật để thuyết pháp, chúng ta phải hiểu rõ cả Lý lẫn Sự, không thể nghiêng về một bên. Do đó có thể biết chư Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh đều rất linh động, tùy cơ ứng biến, tuyệt chẳng phải cứng chắc như khúc gỗ, vô cùng hoạt bát, cho nên mới làm cho hết thảy chúng sanh khai ngộ, làm cho chúng sanh được lợi ích chân thật. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

Thế Tôn, ngã quán vị lai cập hiện tại chúng sanh, ư sở trú xứ, ư nam phương thanh khiết chi địa, dĩ thổ thạch trúc lâm, tác kỳ khám thất, thị trung năng tố họa nãi chí kim ngân đồng thiết. Tác Địa Tạng hình tượng, thiêu hương cúng dường, chiêm lễ tán thán.

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh đời hiện tại và vị lai, nơi chỗ sạch sẽ ở phương Nam trong cuộc đất mình trú ngụ, mà dùng đất, đá, tre, gỗ dựng cất cái khám hoặc cái thất; ở trong đó có thể tô vẽ cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt làm hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, đốt hương cúng dường, chiêm lễ, ngợi khen.

Đoạn này nói người có thể cúng dường tu phước, đặc biệt chữ 'vị lai' là chỉ thời đại ngày nay của chúng ta. Câu 'Hiện tại chúng sanh' có hai cách giải thích, một là nói lúc Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp ở cung trời Đao Lợi, đại chúng tham gia lúc đó chính là 'hiện tại chúng sanh'. Còn một ý nghĩa nữa là vị lai hiện tại, thời gian vị lai quá dài, quá dài, hãy dùng sự tích Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, thời gian kể từ sau lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ cho đến trước lúc Di Lặc Bồ Tát hạ sanh đều thuộc về đời vị lai. Vị lai, hiện tại chúng sanh, đó chính là các thời đại, các vùng, chỉ cần chúng ta gặp bộ 'Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện', chỉ cần nghe đến pháp môn này, thì chúng ta thuộc về [những chúng sanh] nói trong câu trên. Nói một cách khác, câu này chính là nói về chúng ta.

Phải tu cách nào? Ở nơi mình cư trú, 'ở phía nam của chỗ đất thanh khiết', có phải lựa hướng nam trong bốn hướng đông, tây, nam, bắc hay không? Chúng ta phải hiểu, nếu nhà người đó hướng về hướng bắc thì rất tốt, hướng đó đúng rồi. Nếu căn nhà của họ hướng về hướng nam, vậy thì hướng nam là hướng ngay cửa nhà họ, bạn nghĩ xem có cúng Địa Tạng Bồ Tát ngay cửa nhà mình hay không? Chắc chắn là không. Nhất định phải như sự tiêu biểu pháp trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử năm mươi ba lần tham vấn đều hướng về phương nam, 'Nam' chẳng chỉ hướng nam, Nam là chỉ hướng 'trí huệ', phàm những nơi có thiện tri thức cư trú đều gọi là hướng nam; khi chúng ta hiểu ý nghĩa này thì sẽ dễ hiểu hơn, phàm nơi thờ cúng Địa Tạng Bồ Tát đều gọi là hướng Nam, chư vị nhất định phải hiểu đạo lý này.

Trong nhà mình có phòng riêng làm nơi thờ Phật [thì rất tốt], còn nếu không có nơi làm phòng thờ Phật thì thờ ở phòng khách, nhưng phải thờ ở hướng 'thượng' trong phòng này. Hướng nào được gọi là hướng 'thượng'? Phòng này chỉ có một cửa hoặc có nhiều cửa, bất luận là từ cửa nào bước vô phòng, chỗ mà mình vừa bước vô liền nhìn thấy thì đó là 'hướng thượng'. Giống như phòng học này của chúng ta, chỗ chúng ta ngồi là hướng 'thượng'. Ở đây chỉ có hai cánh cửa, [chỗ này là chỗ] khi chúng ta vừa bước vô liền nhìn thấy. Còn [cánh cửa] kia, chỗ này cũng được gọi là hướng 'thượng', [chỗ này] khi vừa bước vào liền nhìn thấy. Còn chỗ ngồi của Hứa cư sĩ thì không được gọi là hướng 'thượng', chỗ ngồi của Khoan Dung pháp sư cũng không phải là hướng 'thượng', khi người ta bước vô thì không thấy [chỗ đó]. Hướng 'thượng' là chỗ chúng ta phải chú ý đến, là chỗ cung kính nhất, thờ Địa Tạng Bồ Tát ở chỗ này, chỗ này chính là hướng Nam. Không nhất định phải tìm vị trí của bốn hướng đông, tây, nam, bắc, [chúng ta] phải hiểu đạo lý này. Hướng Nam tượng trưng cho quang minh, trí huệ.

Câu 'Chỗ đất thanh khiết' rất quan trọng! Nơi cúng Phật nhất định phải thanh khiết. Ấn Quang đại sư đã từng nói có người thờ tượng Phật trong phòng ngủ của mình, hỏi Ấn Quang đại sư có đúng như pháp không? Đại sư nói 'Nơi thờ hình tượng của Tam Bảo cũng giống như đại hùng bảo điện', ở nơi đó phải khởi tâm cung kính, do đó phần nhiều không nên thờ Phật trong phòng ngủ của mình. Trong trường hợp nào mới có thể thờ tượng Phật trong phòng ngủ? Trong lúc bịnh nặng, lúc cầu vãng sanh, trong lúc đó thì không kiêng kỵ gì hết, trong mọi lúc, mọi nơi, trong tâm niệm đều không được lìa Phật thì mới được! Lúc đó thì có thể thờ tượng Phật. Trường hợp thứ hai là tuy không sanh bịnh, tâm cầu vãng sanh thiết tha, hy vọng vãng sanh sớm hơn, hy vọng được gặp Phật sớm hơn, tuyệt đối không dùng tâm giải đãi, kiêu mạn để cúng dường, mà là vô cùng cung kính; giống như con cái trong ngóng cha mẹ vậy, phải dùng tâm vô cùng kiền thành, hiếu kính mới được. [Chúng ta] nhất định phải hiểu việc này. Chẳng phải nói cúng dường tượng Phật thì Phật, Bồ Tát sẽ che chở, gia trì, trong phòng mình có yêu ma quỷ quái, cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát để tránh tà, hoặc thờ tượng Phật coi như thưởng thức [tác phẩm] nghệ thuật, vậy thì sẽ có tội lỗi, vậy là tuyệt đối không được. Cho nên 'phàm nơi có hình tượng Tam Bảo thì nơi đó giống như đại hùng bảo điện vậy', lời khai thị này của Ấn Quang đại sư rất có lý, chúng ta phải y giáo phụng hành.

Phía sau nói 'làm khám thờ', 'khám' là căn nhà nhỏ để cúng dường tượng Phật, dùng đất, dùng gạch, dùng trúc, dùng gỗ để làm khám đều được. Hiện nay người Trung Quốc chẳng đòi hỏi làm cho được tỉ mỉ, còn người Nhật rất chăm chút khi làm khám, bất luận là tượng Phật lớn, tượng Phật nhỏ, người Nhật đều nhất định phải làm khám để thờ, khi cúng thì họ mở cửa khám này ra, cúng xong thì họ đóng cửa lại, như vậy rất có lý. Thật ra người Nhật học được từ thời Tùy Đường và vẫn giữ gìn mãi cho đến ngày nay, họ chẳng thay đổi, tinh thần này của người Nhật rất đáng cho chúng ta học theo, không thay đổi những lời dạy của cổ thánh tiền hiền. 'Trong đó có thể tô vẽ, thậm chí đúc hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát bằng vàng bạc', cúng dường hình tượng Bồ Tát trong khám thờ, hình tượng này vẽ cũng được, tô đắp cũng được. Bất luận dùng chất liệu gì để làm, phía sau nêu lên vài thí dụ, vàng, bạc, đồng, thiết đều thuộc về kim loại, dùng gỗ để điêu khắc cũng được, dùng đất sét đắp cũng tốt.

Bạn có thể cúng dường, 'đốt hương cúng dường, chiêm lễ tán thán'. Ý nghĩa của việc cúng dường hình tượng Địa Tạng Bồ Tát là gì, chúng ta nhất định phải hiểu. Thứ nhất là làm cho chúng ta khởi lên tâm lễ kính, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp tu hành, trong mười cương lãnh thì thứ nhất là 'Lễ kính chư Phật', nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát thì liền khởi lên tâm lễ kính. Chúng ta phải dùng tâm lễ kính chư Phật, Bồ Tát trong đời sống hằng ngày, đối với mọi người cũng lễ kính như vậy, đối với mọi sự việc đều phải lễ kính. Kính sự tức là hết lòng phụ trách, tận tâm tận lực làm

việc đó cho viên mãn, đó nghĩa là lễ kính đối với sự việc. Đối với vật cũng như vậy, đối với bàn ghế chúng ta cũng phải lễ kính, chẳng phải là lễ lạy, mà là sắp xếp những vật này cho ngay ngắn, lau chùi sạch sẽ, đó là lễ kính. Nếu sắp méo xẹo, trong đó đóng bụi, dơ dáy không lau chùi thì đó là không kính. Do đó đối người, đối sự, đối vật chỉ có một tâm chân thành cung kính, đó là ý nghĩa thứ nhất của việc cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát, chúng ta thật sự đạt được thọ dụng chân chánh.

Ý nghĩa thứ hai là *'nhìn thấy thánh hiền thì nghĩ mình phải [học theo] cho giống'*, Phật, Bồ Tát cũng là từ phàm phu tu thành, ngày nay các ngài thành Bồ Tát, thành Phật, tại sao chúng ta còn là phàm phu, do đó chúng ta phải noi gương Bồ Tát, học theo Bồ Tát, đời này chúng ta cũng phải làm Phật, làm Bồ Tát, thúc đẩy ý chí hướng thượng của chúng ta, đây là ý nghĩa thứ nhì.

Ý nghĩa thứ ba là khi nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, thì liền nghĩ đến lời dạy của Phật, Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát liền nghĩ đến lời dạy của đức Thế Tôn trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Chúng ta phải ghi nhớ kỹ lưỡng, phải giải sâu nghĩa thú, y giáo phụng hành. Do đó cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát có ba ý nghĩa này, chẳng phải là mê tín, phần đông người ta nói chúng ta cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát là cúng bái ngẫu tượng, đó là sai rồi, họ hoàn toàn hiểu lầm. Do đó có thể biết việc cúng dường tượng Phật, Bồ Tát trong nhà Phật có ý nghĩa rất sâu, rất rộng; nói tóm lại thì đó là giáo học, chẳng lìa giáo dục, hơn nữa trong đó có ý nghĩa quay trở về cội gốc, báo đáp ân đức cội nguồn. Chúng ta làm đệ tử Phật, bất luận tại gia, xuất gia, khi gặp người có hoài nghi, chúng ta phải giải thích, làm cho họ hiểu sự lợi ích chân thật của sự cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát. Lợi ích này là lợi ích thân thiết với mình, lợi ích ngay trước mắt, chẳng có gì là mê tín! 'Chiêm lễ tán thán', tán thán tức là giải thích, diễn thuyết cho người. Tự mình y giáo phụng hành là tán thán, vì người diễn nói cũng là tán thán. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị nhân cư xứ, tức đắc thập chủng lợi ích
Thì ngay chỗ những người đó ở sẽ được mười điều lợi ích.
Phần sau này nói về mười điều lợi ích.

Hà đẳng vi thập, nhất giả thổ địa phong nhưỡng, nhị giả gia trạch vĩnh an, tam giả tiên vong sanh thiên, tứ giả hiện tồn ích thọ, ngũ giả sở cầu toại ý, lục giả vô thủy hỏa tai, thất giả hư hao tịch trừ, bát giả đỗ tuyệt ác mộng, cửu giả xuất nhập thần hộ, thập giả đa ngộ thánh nhân.

Những gì là mười? Một là đất đai mầu mỡ; Hai là nhà cửa yên ổn mãi mãi; Ba là người đã mất được sanh thiên; Bốn là người hiện còn được tăng tuổi thọ; Năm là mọi mong cầu đều được toại ý; Sáu là không có tai họa về nước và lửa; Bảy là trừ sạch việc hư hao; Tám là dứt hẳn ác mộng; Chín là ra vào đều có thần theo hộ vệ; Mười là thường gặp nhân Thánh.

Đây là mười điều lợi ích của sự cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát, đâu có ai không muốn đạt được! Nhưng chư vị nhất định phải nhớ, vừa rồi nói về ba ý nghĩa của việc cúng dường tượng Phật, nếu bạn không hiểu thì sẽ không được mười lợi ích này, bạn cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát nói thật ra là mê tín. Bạn làm sao được lợi ích như trong kinh đã nói! Đây là vì bạn cúng dường không đúng như pháp, chẳng đúng như lý, chỉ cúng dường trên hình thức, chẳng có thật chất. Bạn có thể có lợi ích hay không đều ở chỗ bạn dụng tâm như thế nào. Tâm hạnh của bạn tương ứng với lời dạy của Phật thì bạn sẽ được lợi ích, mức độ tương ứng càng cao thì lợi ích càng lớn. Tương ứng như thế nào? Chẳng ra ngoài ba chữ Tín, Nguyện, Hạnh; chúng ta có thể tin tưởng lời dạy của Phật, Bồ Tát, có thể hiểu rõ, có thể phát nguyện, có thể phụng hành.

Trong bộ kinh này, chữ nghĩa vừa xem hình như không sâu cho lắm, hình như là kể một vài câu chuyện, nhưng Lý rất sâu, rất rộng. Lần này chúng tôi giới thiệu, báo cáo cho quý vị, bị thời gian hạn chế, không thể giảng kỹ được, chỉ giảng sơ lược; tương lai nếu có nhân duyên tôi sẽ giảng kỹ thêm một lần nữa. Đặc biệt là Chú Giải của Thanh Liên pháp sư, ngài trích dẫn kinh điển để làm chứng cứ, trích dẫn nhiều kinh khác để chứng minh nên nội dung của bản chú giải hết sức phong phú. Bạn có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể thực hành thì sẽ được lợi ích, lợi ích vô biên tóm lại thành mười loại.

Thứ nhất 'đất đai trù phú', thứ nhì 'nhà cửa vĩnh an', hai câu này ngày nay người ta gọi là phong thủy, phong thủy rất tốt. Vì sao bạn có được phong thủy tốt như vậy? Vì khi tâm tốt, cảnh sẽ chuyển theo tâm, bạn đi coi phong thủy làm chi, [nếu hiểu rồi thì bạn] không cần coi. Chỉ cần bạn *'giữ tâm tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt'*, có tâm thiện, hành vi thiện thì hoàn cảnh cư trú, hoàn cảnh sinh hoạt tự nhiên sẽ chuyển đổi tốt hơn. Hoàn cảnh sinh hoạt và hoàn cảnh tự nhiên chính là việc mà người thế gian gọi là phong thủy. Nhà Phật thường nói 'Mỗi ngày đều là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt, chỗ nào cũng là chỗ tốt', ở đâu cũng nói hoàn cảnh làm sao không tốt được? Hết thảy nơi cư trú của Phật, Bồ Tát đều tốt, chẳng có gì xấu cả. Trong kinh Lăng Nghiêm nói đạo lý này *'Nếu có thể chuyển cảnh thì giống như Như Lai'*, Như Lai tức là giờ nào cũng là giờ tốt, ngày nào cũng là ngày tốt, nơi nào cũng là nơi tốt. Tại sao vậy? Như Lai có thể chuyển cảnh giới, phàm phu không thể chuyển cảnh giới, mà ngược lại còn bị cảnh giới chuyển, phiền phức sẽ lớn lắm. Bạn mong cầu có ngày tốt, giờ tốt, nơi chốn tốt, đi đâu tìm được? Cả đời cũng chẳng gặp được, đi mọi nơi tìm cũng tìm không ra. Tìm được một chỗ núi sông thanh tú, hùng vĩ thì rất tốt, xây một căn nhà ở đó để cư trú, đâu biết rằng ở đó có yêu ma quỷ quái, có rất nhiều dã thú, làm cho bạn ở đó không yên, vậy là do nguyên nhân gì? Vì tâm tà, tâm mê nên bạn không chuyển được cảnh giới, bạn sẽ bị cảnh giới chuyển; bị cảnh giới chuyển là phàm phu, người có thể chuyển cảnh giới là thánh nhân. Thánh nhân là người như thế nào? Phía trước chúng tôi cũng đã giải thích, mọi người đừng quên, thánh nhân là người hiểu rõ sự lý, người Trung Quốc gọi là thánh nhân, người Ấn Độ gọi là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là người hiểu rõ chân tướng sự thật của nhân sanh. Ở Trung Quốc xưng người hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sanh là thánh nhân.

Cho nên mười điều lợi ích này, thứ nhất là đất đai biến đổi. Chúng ta coi hoàn cảnh cư trú của chúng ta, đại hoàn cảnh là địa cầu, địa cầu hiện nay đã biến thành như thế nào? Hầu như hiện nay mỗi người đều biết sanh thái tự nhiên đã bị phá hoại rồi, những năm gần đây năm nào cũng xảy ra tai biến quá nhiều, số lần mỗi năm xảy ra đều gia tăng, phạm vi mỗi lần xảy ra đều lớn hơn, càng ngày càng nghiêm trọng, như vậy thì chịu sao nổi! Tại sao sanh thái tự nhiên trên địa cầu bị phá hoại đến mức như vậy? Vì tư tưởng của con người, ngôn hạnh trái nghịch với tánh đức, người thế gian không hiểu, cho rằng những tai hại này chẳng ăn nhằm gì tới mình, chẳng ăn nhằm gì tới tư tưởng hành vi của nhân loại, nghĩ vậy là sai rồi. Đức Phật biết rất rõ ràng, trong kinh thường nói *'Y báo chuyển theo chánh báo'*, địa cầu là y báo, chánh báo là tâm người. Tâm người thiện, đất đai trù phú, nhà cửa bình yên; tâm người chẳng thiện, tai nạn liên tiếp xảy ra. Tai nạn do con người gây ra là chiến tranh, tai nạn tự nhiên hiện nay càng ngày càng nhiều. Thủy tai, hỏa tai, động đất, hiện nay nhiệt độ địa cầu biến đổi 2[2], thậm chí tầng ozone bao bọc ngoài địa cầu bị lủng lỗ, báo chí gần đây có đăng tin này, vết nứt càng ngày càng nghiêm trọng, diện tích chỗ bị lủng hồi trước vốn chẳng lớn, nghe nói hiện nay diện tích của chỗ bị lủng bằng diện tích nước Mỹ, vậy thì rất phiền phức. Tầng ozone này bảo vệ địa cầu, tiếp thâu tia tử ngoại tuyến trong ánh sáng mặt

2[2] hiện tượng global warming

trời, nếu không có tầng ozone này bảo vệ, tia tử ngoại tuyến trực tiếp chiếu xuống địa cầu, hai phần ba động vật, thực vật trên địa cầu không thể sống sót, do đó tầng ozone này có tác dụng rất lớn.

Khoa học gia nghiên cứu nếu tầng ozone được khôi phục lại như cũ, tối thiểu cũng cần mấy trăm năm, đây là khoa học gia căn cứ trên thống kê tính toán ra. Chúng ta biết không cần như vậy, chỉ cần lòng người hướng thiện. Tầng ozone vì sao bị phá hoại? Do lòng người, đây là yếu tố thứ nhất. Nếu bạn nói vì những khí phế thải từ địa cầu làm ô nhiễm, vậy thì phải bị ô nhiễm toàn diện, mỗi quốc gia đều thải ra những khí này, tại sao [những khí này] lại bay tới Nam Cực? Không lẽ khí phế thải từ khắp nơi trên thế giới hoàn toàn tập trung tới Nam Cực hết, đâu có lẽ nào như vậy! [Thực ra là vì] lòng người. Hiện nay sanh thái tự nhiên bị phá hoại, ngày càng nghiêm trọng. Tai hại do con người gây ra, nguy cơ này cũng ngày càng rõ rệt, do đó mười thứ lợi ích này làm sao mới đạt được! Trong kinh đức Phật dạy *'trong cộng nghiệp còn có bất cộng nghiệp'*, lời này đem lại một chút hy vọng, trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp, cũng như câu nói *'ông tu ông được, bà tu bà được, không tu thì không được'*. Nếu chúng ta thật sự có thể tu trì chân thật thì mới được! Chúng ta vẫn được lợi ích này, vấn đề là bạn có chịu tu thật sự hay không?

Gần đây một việc rất rõ rệt, chúng tôi tìm được một miếng đất ở Dương Thổ Cảng, thảo kế hoạch xây làng Di Đà. Làng Di Đà dùng để làm gì? Nhằm thành tựu cho người niệm Phật vãng sanh thành Phật, đây là công đức hạng nhất trong thế gian và xuất thế gian, có công đức nào lớn hơn công đức giúp người làm Phật? Chẳng phải giúp họ tương lai thành Phật, mà là hiện nay thành Phật, pháp môn này là pháp môn thành tựu ngay trong đời này. Chủ đất Hồng lão cư sĩ vô cùng khó được, ông bị bịnh ung thư nặng, trên cổ họng của ông bị khoét một lỗ hổng đã ba năm rồi, thân thể vô cùng suy yếu, tôi từng gặp mặt ông một lần. Ông đã đến lúc "sáng không bảo đảm được tới tối", sống ngày nào hay ngày nấy; ông tìm cư sĩ Lý Mộc Nguyên muốn làm một chuyện tốt trước khi ông từ giả cõi đời, làm một chút phước báo. Ông Lý Mộc Nguyên thuật lại ý tưởng xây làng Di Đà cho ông nghe, ông vô cùng hoan hỷ. Miếng đất này là tài sản riêng của ông, nhưng ông đã quyên tặng cho một hội tên là 'Bồi Hoa Cơ Kim'. Hội này cho một trường học mướn đất, lấy tiền mướn làm việc từ thiện mỗi năm. Nhưng lão cư sĩ Hồng còn có thể quyết định về miếng đất này, ông là chủ tịch hội cơ kim, cho nên họ mở cuộc họp đồng ý quyên tặng miếng đất này cho Cư Sĩ Lâm làm làng Di Đà, đồng thời yêu cầu Cư Sĩ Lâm tặng 25 triệu cho hội cơ kim Bồi Hoa, giữ số tiền này trong ngân hàng và lấy tiền lời làm chuyện từ thiện, đây là chuyện tốt! Miếng đất này rộng 208000 thước, hiện nay tìm một miếng đất rộng như vậy ở Tân Gia Ba tương đối không dễ dàng, đây đúng là Tam Bảo gia trì nên mới có cảm ứng thù thắng như vậy.

Hồng lão cư sĩ cũng lo đến vấn đề kinh tế của Cư Sĩ Lâm, vì có miếng đất này xong còn phải xây làng Di Đà, xây Niệm Phật Đường, làm sao có tiền nhiều như vậy? Do đó ông mới tìm cư sĩ Lý Mộc Nguyên, giảm số tiền 25 triệu còn 15 triệu, Cư Sĩ Lâm chỉ giao 15 triệu cho hội Bồi Hoa làm tài khoản, việc này đối với Cư Sĩ Lâm vô cùng dễ dàng. Cư sĩ Lý hỏi ông nếu hội Đổng Sự vẫn đòi 25 triệu thì phải làm sao? Cụ Hồng nói nếu họ vẫn đòi 10 triệu này thì cụ sẽ trả. Tâm này vừa mới phát thì cảm ứng lập tức hiện lên. Hôm trước lúc bác sĩ khám thì thấy tế bào ung thư đã biến mất, bác sĩ nói với cụ hai tháng sau cụ sẽ khỏe trở lại, sẽ bình phục như cũ, nghe nói hiện nay tinh thần cụ rất phấn chấn, tiếng nói cũng vô cùng cứng cỏi, thật là chẳng thể nghĩ bàn! Cụ lập tức liền có thể biến đổi [vận mạng].

Người ta ai cũng muốn tu phước, ai cũng muốn trồng phước, ruộng phước ở đâu? Điểm này nhất định phải hiểu rõ. Nếu vì lợi ích của chính mình thì không phải là ruộng phước, vì lợi ích đoàn thể của mình cũng không phải là ruộng phước. Cư sĩ Lý Mộc

Nguyên phát tâm xây làng Di Đà là để cúng dường toàn thế giới, các bạn đồng tu niệm Phật cầu vãng sanh đến đạo tràng này nên làng Di Đà này chẳng phải của địa phương mà là của cả thế giới. Vả lại người đến đó niệm Phật chẳng phải trả một đồng xu nào cả, chỉ cần người đó chịu niệm Phật thì tứ sự cúng dường đều do đạo tràng phụ trách. Nếu nói đến phước lợi xã hội, thì bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới đều chẳng có sự nghiệp phước lợi xã hội bằng làng Di Đà; ở đó chẳng đòi hỏi bất kỳ một điều kiện nào hết, chỉ cần bạn chịu niệm Phật, bạn phát nguyện cầu sanh tịnh độ, thì làng Di Đà sẽ phát tâm cúng dường cho bạn. Không những chỉ cúng dường, càng khó được nữa là chúng ta coi mỗi người niệm Phật trong làng Di Đà như "cha mẹ của chính mình, chư Phật vị lai", dùng tâm hiếu thuận, tâm cung kính để đối xử với những người niệm Phật này, điểm này rất khó làm được! Trong những việc làng Di Đà làm, cúng dường trên phương diện vật chất chẳng phải là việc khó, làm trong tâm mới khó! Cư Sĩ Lâm từ trên tới dưới, từ người lãnh đạo cho đến những người làm việc thiện nguyện, họ dùng tâm trạng thái độ gì để phục vụ? Dùng tâm hiếu thuận, tâm cung kính. Do đó bệnh của Hồng lão cư sĩ lập tức liền khỏi, đạo lý là ở chỗ này. Chư vị nghĩ coi đó có phải là tâm chuyển cảnh giới hay không? Bệnh của cụ thật sự đã đến giai đoạn nguy ngập, bản thân cụ hiểu rất rõ. Cụ nói với ông Mộc Nguyên là cụ đang chờ ngày ra đi, hối thúc cư sĩ Lý Mộc Nguyên phải mau mau làm việc này cho xong, bịnh cụ thật sự đã đến mức "hôm nay không biết chuyện ngày mai."

Do đó sự chuyển biến này làm cho chúng ta khởi lòng tin đối với lời dạy của đức Phật trong kinh điển, đích thật là tâm chuyển cảnh giới, thân thể chúng ta là cảnh giới gần nhất, tướng tùy tâm chuyển, thể chất cũng sẽ tùy tâm chuyển, đâu có chuyện gì mà chuyển không nổi đâu! Vấn đề là nếu bạn không hiểu đạo lý này, không biết phương pháp, không sốt sắng làm thì bạn chuyển không nổi. Khi bạn hiểu lý luận, biết phương pháp, và sốt sắng làm thì bạn sẽ chuyển rất nhanh. Dung mạo sẽ thay đổi, thể chất sẽ thay đổi, hoàn cảnh nơi bạn cư trú sẽ thay đổi, hoàn cảnh nhỏ chung quanh sẽ thay đổi, hoàn cảnh lớn cũng sẽ thay đổi. Ngày nay chúng ta thấy tai nạn toàn thế giới, đạo tràng Cư Sĩ Lâm có cống hiến gì không đối với cả thế giới? Cống hiến lớn vô cùng! Người thế gian không thừa nhận, quý vị ở đây tụng kinh, niệm vài câu Phật hiệu có cống hiến gì đâu? Họ không thừa nhận nhưng chư Phật, Bồ Tát thừa nhận, thiên long quỷ thần thừa nhận. Lý luận này trong các buổi giảng chúng tôi đã báo cáo cho quý vị rất nhiều rồi, dùng cách nói của khoa học gia là các làn sóng nhiễu sóng lẫn nhau. Chúng ta biết hết thảy các vật chất đều có hiện tượng dao động, nguyên tử là đơn giản nhất, nguyên tử khinh khí (hydrogen) là đơn thuần nhất, [chỉ gồm] một nhân nguyên tử 3[3] và một điện tử, điện tử xoay quanh hạt nhân. Giống như gì? Chuyển động, do có chuyển động thì sẽ sanh ra sóng, đại khái sóng có thể chia thành ba loại: sóng ánh sáng, sóng âm thanh, sóng chấn động đều có thể gọi là sóng điện từ, nó có hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động bình thường thì sanh thái sẽ bình thường, nếu hiện tượng dao động không bình thường thì làn sóng không bình thường quấy nhiễu làn sóng bình thường; sanh thái tự nhiên của địa cầu bình thường nhưng sóng của tâm con người không bình thường nên ảnh hưởng đến sóng của địa cầu, ảnh hưởng đến sóng của hết thảy vật chất, đạo lý là như vậy.

Hiện nay chúng ta niệm Phật, sóng của sự niệm Phật này là sóng thù thắng nhất, sóng bình thường nhất, sóng này chân thành có thể kết hợp với sóng của tâm từ bi của chư Phật Như Lai, sẽ sanh ra sức mạnh rất lớn, có thể giảm bớt, trấn áp sóng tham sân si mạn tà ác của con người trên thế gian, do đó giảm bớt tai nạn, đạo lý là như vậy. Hiện nay sự nghiên cứu của khoa học gia nghiên về sóng vật chất, bỏ sót những làn sóng từ sự khởi tâm động niệm, tư tưởng, họ đã sơ sót, họ không biết sóng tâm lý, tư

3[3] (proton+neutron)

tưởng có thể thay đổi sóng vật lý, đây chính là như câu nói trong nhà Phật *'cảnh chuyển theo tâm'*; đức Phật đã dạy *'Hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh'*, từ đó bạn mới biết làn sóng tư tưởng chủ tể hết thảy vạn sự vạn vật. Ngày nay làn sóng niệm Phật của chúng ta tốt, tôi nghe bạn đồng tu nói, ở ngoại quốc rất nhiều người nghe tiếng niệm Phật họ vô cùng hoan hỷ, sau khi họ nghe được họ nói "âm nhạc" này, họ coi tiếng niệm Phật như âm nhạc, họ nói "âm nhạc" này làm cho tâm họ rất bình yên, an tịnh, âm nhạc này từ đâu tới? Họ muốn băng thâu âm tiếng niệm Phật, đây là chứng minh rất rõ ràng sóng tư tưởng có thể lắng đọng, làm êm dịu sóng vọng tưởng của họ, có thể dẹp yên sóng tư tưởng, sóng vọng tưởng của chúng sanh, thế nên nó có thể thay đổi sóng của vật chất, từ đó mới có việc 'đất đai trù phú, gia trạch vĩnh an'.

Trước kia có người hỏi tôi biết coi phong thủy không?

Tôi nói 'Tại sao ông lại nghĩ tới việc này?'.

Ông ta nói 'Các vị hòa thượng có lẽ đều biết coi phong thủy'.

'Tại sao vậy?'

'Ngài coi những tòng lâm tự viện ở Trung Quốc đều được xây ở nơi phong thủy tốt nhất', do đó ông ta cho rằng những vị hòa thượng đều biết coi phong thủy.

Tôi nghe xong mới cười to và nói với ông ta: 'Không phải là hòa thượng biết coi phong thủy, hòa thượng thật sự là không biết coi phong thủy. Tâm của hòa thượng tốt lành, hành vi tốt lành, là người tốt, chỗ người tốt cư trú thì phong thủy không tốt cũng trở thành tốt, là nguyên do như vậy'.

Phong thủy thay đổi theo tâm con người, chứ chẳng phải là con người thay đổi theo phong thủy, chẳng có đạo lý này. Do đó những người nghiên cứu về phong thủy đã từng nói *'Đất phước người có phước ở, người có phước ở nơi đất phước'*, đất phước có phong thủy tốt, người không có phước báo, người bạc phước ở nơi đó chẳng được mấy ngày liền chết ngang vì họ không có phước! Lời này nói rất có đạo lý. Quan trọng nhất là bạn phải tu phước, khi bạn có thể tu phước thì tất cả đều chuyển đổi trở lại, do đó mười thứ lợi ích này là thuyết minh cho việc tâm chuyển cảnh giới.

Bạn hãy nghĩ thử xem, bạn có thể học theo tấm lòng của Bồ Tát, sự phát nguyện của Địa Tạng Bồ Tát hay không? Địa Tạng Bồ Tát giữ tâm niệm gì? Tâm hiếu kính. Dùng tâm hiếu dưỡng cha mẹ, hiếu dưỡng pháp giới hết thảy chúng sanh, việc này quá sức [tưởng tượng]! Dùng tâm phụng sự sư trưởng, phụng sự hết thảy pháp giới chúng sanh. Để giúp đỡ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn, vĩnh viễn chẳng gián đoạn đến tận tương lai, do đó nói *'Địa ngục chẳng không thề chẳng thành Phật'*, tâm hạnh này, lời nguyện rộng lớn này quá vĩ đại! Do đó cảnh giới của ngài hoàn toàn chuyển đổi. Chúng ta có thể nắm vững cương lãnh quan trọng, tu hành đúng như lý như pháp thì mười điều lợi ích này đương nhiên sẽ hiện ra, lẽ nào không hiện được! Nếu bạn không hiểu lý luận, phương pháp, coi đoạn kinh văn này, bạn cũng làm theo cách này, [nhưng sẽ] không giống, không được như vậy. Họa một bức hình Địa Tạng Bồ Tát, đúc một tượng Địa Tạng Bồ Tát để ở nhà cúng dường, thì bạn liền có thể đạt được, làm gì có chuyện đó. Nhất định phải hiểu lý luận, phải biết phương pháp, làm sao chuyển đổi chính mình, những sự sai lầm trước kia của mình, sai lầm trên tư tưởng, trên sự suy nghĩ, trên hành vi, mỗi một việc đều sửa đổi trở lại, phải hạ công phu từ trong tâm. Trong tâm khoẻ mạnh, thân thể chúng ta thuộc về vật chất, vật chất sẽ bình thường, thì sẽ khôi phục sanh thái tự nhiên, sanh thái tự nhiên là sanh thái khoẻ mạnh nhất. Do đó đọc đoạn kinh này thì nhất định phải hiểu đạo lý này, từ đó mới biết câu nào trong kinh Phật cũng đều chân thật, chẳng có câu nào hư dối.

'Đất đai trù phú', tức là người thế gian gọi là thâu hoạch tốt, ngũ cốc đầy kho, mưa thuận gió hòa. 'Nhà cửa vĩnh an', nhà cửa là nơi bạn cư trú, bình an hạnh phúc. 'Người mất trước kia được sanh cõi trời', việc này trong kinh cũng nói rất nhiều, con cháu hiếu thuận, con cháu học Phật, tổ tiên cũng hưởng lây. Con cháu làm Bồ Tát, họ

là tổ tiên của Bồ Tát, bất kể họ ở cõi nào cũng được kẻ khác tôn kính. Ở đây chúng ta thấy mẹ của cô Bà La Môn, cô Quang Mục đều đọa trong ác đạo, con gái hiếu thuận, con gái học Phật, như lý như pháp chứng được quả vị Bồ Tát, do đó mẹ của họ lập tức được những quỷ thần này đưa đến cõi trời Đao Lợi để hưởng phước. Tại sao vậy? Làm sao có thể giam cha mẹ của Bồ Tát trong tam đồ! Cho nên trong nhà Phật thường nói *'Nhất tử thành Phật, cửu tổ sanh thiên'*, [khi một người con thành Phật thì] tổ tiên chín đời quá khứ đều sanh lên trời, lời này là thật chứ chẳng giả. Hiện nay chúng ta làm sao thành Phật? Nói cho chư vị biết, vãng sanh Cực Lạc thế giới chính là thành Phật. Cho nên niệm Phật thật sự cầu vãng sanh, sanh tới tây phương Cực Lạc thế giới thì chín đời tổ tiên của bạn đều sanh lên trời, như vậy mới là báo ân thật sự.

Chúng ta muốn cầu siêu cho tổ tiên, cứu bạt tổ tiên, thì phải làm sao? Phải niệm Phật, nhất định tự mình phải có thành tựu. Trong kinh văn chúng ta thấy cô Bà La Môn niệm Phật đắc định, trong pháp môn niệm Phật thì ít nhất là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, cô đắc được Niệm Phật Tam Muội. Trong lúc nhập định cô nhìn thấy địa ngục, đi đến địa ngục, quỷ vương ở địa ngục nhìn thấy liền xưng cô là Bồ Tát, chính bản thân cô cũng không biết mình đã thành Bồ Tát, quỷ vương xưng cô là Bồ Tát. Cô Quang Mục cũng niệm Phật, công phu ở mức thấp hơn, cảnh giới cô thấy là ở trong mộng chứ không phải trong định, hiệu quả chẳng thù thắng bằng cô Bà La Môn, nhưng cảm ứng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Trong sự tưởng tượng của chúng tôi, đó cũng tương đương với công phu thành phiến, nếu không được công phu thành phiến thì đạt không được hiệu quả này. Do đó bạn độ người đã mất, bạn độ họ đến cõi nào, họ được lợi ích lớn nhỏ hoàn toàn dựa trên công phu tu hành của bạn, công phu của bạn sâu thì người mất được lợi ích lớn, bạn tu học có công phu thấp thì họ được lợi ích nhỏ. Chúng ta muốn báo ân thì phải báo ân như thế nào, [đọc đến đoạn này] thì có thể hiểu nhất định phải dứt ác, tu thiện, nhất định phải phát tâm làm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ nói về cảnh giới của đức Phật A Di Đà, kinh này nói về cảnh giới của Địa Tạng Bồ Tát, từng câu từng chữ trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đều thực hiện trong đời sống thì chúng ta là A Di Đà Phật, chính bạn đã làm Phật. Thực hiện từng câu từng chữ trong kinh này vào trong đời sống thì bạn đã thành Bồ Tát rồi. Lời Phật dạy chúng ta phải làm theo, chứ không phải chỉ nói suông mà thôi, nói chẳng dùng được, phải sốt sắng mà làm.

Thứ tư 'Hiện tồn ích thọ', 'hiện tồn' là ai? Là người thân, quyến thuộc, chẳng phải chính bạn, chính bạn thì không cần phải nói, cha mẹ anh em, vợ con còn sống đều được hưởng lây. Một mình bạn tu hành, cả nhà được phước, người đã mất cũng được phước. Không những cả nhà bạn được phước, những người hàng xóm láng giềng nơi bạn cư trú [cũng hưởng lây], bạn tu hành có thành tựu càng lớn thì phạm vi được phước càng lớn, có thể làm cho cả địa phương được phước, cả quốc gia được phước, cả thế giới được phước. Bạn có chịu làm thật sự hay không? Muốn khu vực này, xã hội, quốc gia, thế giới được phước thì nhất định phải quên mình, tuyệt đối không có tâm niệm tự tư, niệm niệm đều vì xã hội, niệm niệm vì nhân dân, vì hết thảy chúng sanh, tu hành như vậy thì thế giới được phước, do đó 'hiện tồn' sẽ mở rộng đến cả thế giới, 'tiên vong' cũng là cả thế giới. Bài vị lớn thờ trong đạo tràng chúng ta chẳng phải là của một nhà nào, mà là cả thế giới, chúng ta cúng những chúng sanh tử nạn trên toàn thế giới. Còn những người còn sống trên thế giới, chúng ta hy vọng họ có thể sống bình an, hạnh phúc. Chúng ta hồi hướng công đức của các bạn đồng học, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng pháp giới.

'Thứ sáu, sở cầu toại ý', đây tức là câu *'trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng'*, cầu đúng như lý như pháp thì nhất định sẽ có cảm ứng. Chúng ta mong cầu đúng lý đúng pháp mà còn chưa có cảm ứng là vì nguyên nhân gì? Duyên chưa chín muồi. Một niệm mong cầu này của bạn rất quý, mong cầu cho chúng sanh chứ chẳng cho mình; cầu cho chúng sanh mà chưa có cảm ứng là vì phước chúng sanh chưa đủ. Chúng ta hy

vọng xây một Niệm Phật Đường, nếu xây xong mà không có người đến niệm nên sự mong cầu này sẽ chẳng có cảm ứng. Chúng ta coi hiện nay những việc người ta mong cầu, hầu như là thật sự có cầu liền có ứng, tại sao vậy? Mọi người đều muốn niệm Phật, thật sự chịu niệm Phật, thật sự biết niệm Phật, chẳng phải là thiểu số mà là đa số, do đó cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Quý vị ở đây đã thấy tận mắt, tòa cao ốc xây kế bên Cư Sĩ Lâm, kể từ ngày đào móng trở đi, cư sĩ Lý Mộc Nguyên đều ở đó niệm Phật, cầu mong ngôi nhà lầu này xây xong sẽ cho chúng ta, ông ta nói với tôi mỗi ngày ông đều đến đó sáu, bảy lần cho nên người chủ đất chú ý và đến hỏi ông: Ông có ý muốn ngôi nhà này không? Muốn chứ, ông ra giá bao nhiêu? Người chủ đó tính giá tiền, cả vốn lẫn lời là bốn mươi tám triệu. Ông Lý Mộc Nguyên lúc đó trả giá là ba mươi lăm triệu, ông ta không chịu bán, còn nói chắc cái đầu ông Lý Mộc Nguyên bị "mát dây" rồi. Ông ta nói: Giá tiền bốn mươi tám triệu của tôi ông trả có ba mươi lăm triệu thì sao được?

Năm nay kinh tế suy thoái, giá nhà đất xuống dốc quá chừng, người chủ này lại đến tìm ông Lý Mộc Nguyên và nói ông chịu bán với giá ba mươi lăm triệu. Lý Mộc Nguyên nói bây giờ nhà ốc xuống giá, chẳng còn giá trị đó nữa. Trả giá còn hai mươi lăm triệu. Ông chủ đất cũng khá thú vị, ông ta nói để tôi về tính lại. Vài tuần sau nói với cư sĩ Lý, đôi bên nhượng bộ một chút, ông ta giảm một chút còn mình thêm giá một chút, cuối cùng thì đôi bên đồng ý với là hai mươi bảy triệu rưỡi. Ngay ngày hôm đó [chúng tôi] đã tuyên bố trong buổi giảng kinh, chư vị đồng tu đều có tham dự. Tiền đặt cọc là một phần mười, tức là hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn, Cư Sĩ Lâm viết chi phiếu giao cho ông chủ đất và đôi bên ký tên vào hợp đồng mua bán. Người chủ đất này quá tham lam, ông ta thấy chúng tôi tuyên bố với nhiều người [trong buổi giảng kinh ngày hôm đó], rồi lại tuyên bố trên mạng lưới điện toán, [nên ông ta nghĩ] chúng tôi không thể nào không mua, không mua không được. Ông tăng giá tiền lên thêm hai triệu, Lý cư sĩ không chịu, nói là đã ký giấy rồi. [Ông ta nói] Ông ký tên chứ tôi đâu có ký tên, [ông ta] trả lại tấm chi phiếu. Cư sĩ Lý thấy vậy bèn tìm chỗ khác, tìm được Dương Thổ Cảng, tìm xong vô cùng thỏa mãn, chỗ đó rộng hai mươi tám ngàn thước.

Hiện nay miếng đất ở Cư Sĩ Lâm, chắc là vì chủ đất phá sản bị ngân hàng bán đấu giá, người chịu trách nhiệm quản lý của ngân hàng đến gặp cư sĩ Lý Mộc Nguyên, cư sĩ Lý đợi họ bán đấu giá. Cư sĩ Lý nói với tôi rằng ông chuẩn bị trả giá là mười hai triệu, nếu được giá thì chúng tôi sẽ mua, còn không thì thôi, chúng tôi tính xây ở khu Dương Thổ Cảng trước, nếu họ không chịu bán [với giá đó]. Nhưng chúng tôi quan sát kỹ, căn lầu đó chẳng có ai chịu mua, cho nên cuối cùng tôi nghĩ chắc cũng sẽ bán cho Cư Sĩ Lâm với giá mười hai triệu. Các bạn nghĩ coi căn nhà này giá mười hai triệu, miếng đất lớn ở Dương Thổ Cảng giá mười lăm triệu, cộng lại là hai mươi bảy triệu, [đó có phải là do] đức Phật A Di Đà tặng cho chúng ta [hay không?]. Lúc đầu vốn là chỉ mua được một chỗ, bây giờ trở thành hai chỗ, tương lai phát triển rất khả quan, sức mạnh của chúng ta chỉ nên dồn vào chỗ này, chẳng còn khả năng đi kiếm chỗ khác nữa. 'Những gì mong cầu đều toại ý', Phật, Bồ Tát sắp đặt, an bài đều khít khao vừa đúng. Do đó khi con người có thiện tâm, vì chúng sanh, vì chánh pháp trụ lâu dài ở thế gian. Cả đời chúng ta làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, chẳng phải vì một khu vực mà vì cả thế giới, vì hết thảy chúng sanh, hy vọng hết thảy mọi người trên địa cầu này đều có thể chung sống hòa đồng, có thể tôn trọng lẫn nhau, hỗ tương hợp tác, cùng nhau xây dựng một xã hội hòa bình, hưng vượng, phồn vinh, đây là nguyện vọng của chúng ta. Chúng ta tuyệt đối không tham tiếng tăm lợi dưỡng, chúng ta chấp nhận sống một cuộc đời thanh bần tự tại, đó mới là niềm vui chân chánh.

'Thứ sáu, chẳng có tai nạn nước lửa'. Năm nay tai nạn nước lửa rất nhiều, mọi người đều cho rằng đây là tai nạn thiên nhiên. Tai nạn thiên nhiên có nhân tố của con người, nhân tố của con người là duyên, [nhân tố này là những] quan niệm sai lầm, tư

tưởng sai lầm, tự tư tự lợi, tham sân si mạn, đây là nhân của tai nạn thiên nhiên. Nếu trừ được nhân này, người thế gian đều có thể giác ngộ, tiêu trừ sự ngăn cách chủng tộc, tiêu trừ cái nhìn lầm lạc của các tôn giáo tín ngưỡng, đều có thể làm theo Phật, Bồ Tát, giống như Thượng Đế yêu thương người đời, sẽ chẳng làm tổn thương một chúng sanh nào cả, giúp đỡ hết thảy chúng sanh chung sống hòa bình. Chúng sanh biết tôn trọng lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, thì tất cả những tai hại do con người gây ra, tai hại thiên nhiên đều có thể miễn trừ.

Thứ bảy 'Hư hao tịch trừ', dùng 'hư hao' để nói về cơn bão kinh tế hiện nay vô cùng thích hợp, ngày nay gọi là nguy cơ kinh tế, tai nạn này cũng có thể tiêu trừ. Nửa thế kỷ trở lại đây có rất nhiều lời tiên đoán đông và tây phương, phần nhiều đều là những lời tiên đoán cổ xưa, ba ngàn năm trước, mấy trăm năm trước đều xuất hiện, đều được lưu hành khắp nơi. Những lời tiên đoán này có một điểm giống nhau là dự đoán cuối thế kỷ này sẽ có tai nạn to lớn xảy ra. Quy nạp những tai nạn này đại khái có ba loại: thứ nhất là chiến tranh nguyên tử do con người tạo, thế chiến thứ ba, đây là chiến tranh có tiềm năng tiêu diệt [cả thế giới]; thứ hai là kinh tế hoàn toàn khủng hoảng, hư hao; thứ ba là tai hại tự nhiên, trên thế giới sẽ xảy ra địa hình biến đổi (vỏ trái đất biến dạng), vấn đề này rất nghiêm trọng. Địa cầu xoay vần trong không gian, độ nghiên của địa cầu cũng sẽ thay đổi, sẽ làm cho khí hậu cả thế giới hoàn toàn thay đổi, bất bình thường, có thể là Nam Bắc Cực biến thành Xích Đạo, những vùng đất Xích Đạo hiện nay biến thành Nam Bắc Cực. Sự thay đổi này ảnh hưởng toàn thể sanh vật trên địa cầu, sanh vật sẽ bị hủy diệt, sau đó [những sanh vật sống sót mới] từ từ thích nghi với khí hậu và sanh trưởng trở lại, chẳng biết sẽ phải trải qua bao nhiêu vạn năm mới hình thành giống như thế giới hiện nay, tai nạn này vô cùng đáng sợ! Hiện nay mọi người đều gán vào tai nạn thiên nhiên, chẳng phải sức con người có thể kháng cự.

Người nói những lời này chẳng hiểu rõ triệt để chân tướng sự thật, trong kinh điển đức Phật nói với chúng ta, người Trung Quốc cổ xưa cũng có một câu nói *'Con người nhất định có thể thắng Thiên'*. Thiên là gì? Thiên chính là tự nhiên. Lòng người chẳng an định thì chẳng có cách gì khác, lòng người phải yên định thì tai hại tự nhiên sẽ có thể miễn trừ, cách nói này rất có đạo lý. Ngày nay chúng ta phải dốc hết tâm lực để phổ biến Phật pháp, tại sao? Hy vọng có thể cứu vãn tai nạn. Dù chúng ta không có năng lực có thể tiêu trừ tai nạn, hy vọng là tai nạn này có thể giảm bớt, dời về sau, hy vọng sức tàn phá của tai nạn sẽ giảm bớt. Còn giảm đến mức độ nào, dời đến khi nào thì phải dựa trên công hạnh của chúng ta. Do đó chúng ta phải tận tâm tận lực mà làm, nhất định phải dứt ác tu thiện, phải xả mình vì người, chúng ta và cả xã hội đại chúng là một thể, đây là việc chúng ta nên khẳng định trước tiên. Hết thảy chúng sanh có quan hệ gì với chúng ta? Hoàn cảnh tự nhiên có quan hệ gì với chúng ta? Phải hiểu thật rõ ràng, thật rành rẽ. Sau đó chúng ta phải phát tâm, tự hỏi mình làm sao báo đáp ơn chúng sanh? Mỗi ngày chúng ta đều niệm kệ hồi hướng *'Trên đền bốn ơn nặng, dưới độ khắp ba đường khổ'*, làm thế nào thực hiện? Phải biết báo ân của chúng sanh, báo đáp ân đức của hoàn cảnh tự nhiên, báo đáp ân đức của thiên địa quỷ thần thì mới tiêu trừ được hết thảy tai nạn, những vấn đề này vô cùng hiện thực.

'Thứ tám, đỗ tuyệt ác mộng', cho dù mình có nằm mơ cũng tuyệt đối sẽ chẳng bị ác mộng, không ác mộng thì sẽ ngủ ngon, ngủ vô cùng yên ổn. Người có tâm tư tà ác, 'tà' nghĩa là tà tri tà kiến, tư tưởng kiến giải của họ sai lầm, sai ở chỗ nào? Tự tư tự lợi, niệm niệm đều gây tổn hại cho người, lợi cho mình thì đó là tư tưởng tà vạy. Ác là 'thập ác', thân tạo 'sát, trộm, dâm', khẩu tạo 'nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời ác độc, nói thêu dệt', ý có 'tham, sân, si', đó là thập ác. Nếu là người tà ác thì sẽ thường bị ác mộng. Nói cách khác ngủ cũng không yên ổn, ngày tháng như vậy sẽ vô cùng đau khổ. Nếu chúng ta có thể đoạn dứt tà ác, vun bồi tâm chân thành, bất luận là đối người, đối sự, đối vật đều là một lòng chân thành, chẳng dối mình, chẳng dối người, hoàn toàn

thanh tịnh. Thanh tịnh là tuyệt chẳng ô nhiễm, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm, và cũng không bị phiền não trong tâm mình làm ô nhiễm, tâm của bạn được thanh tịnh. Tu tâm bình đẳng, chánh giác, từ bi. Từ bi là thương yêu hết thảy chúng sanh một cách bình đẳng, chẳng có điều kiện, trong đời này chúng ta thật sự sống trong lòng thương yêu rộng lớn, có thể xả mình vì người. Chỉ cần làm cho hết thảy chúng sanh được phước lợi, cho dù phải hy sinh tánh mạng của mình thì cũng chẳng tiếc, đây thật sự là đại từ đại bi. Thân tâm yên ổn thì làm sao có ác mộng được? Người học Phật nếu còn ác mộng thì tự mình phải cảnh giác, vì nguyên nhân gì? Công phu chẳng đắc lực, bất luận bạn tu học pháp môn nào, dấu hiệu đầu tiên của công phu đắc lực là sẽ không có ác mộng, nếu còn ác mộng thì công phu chưa được đắc lực.

'Thứ chín, ra vào có thần hộ vệ', 'thần' là thiện thần hộ pháp, 'ra' là nói đi chơi, đi du lịch, hiện nay cơ hội du lịch rất nhiều, 'vào' là trở về. Bất luận đi đâu chơi, hay cũng có khi đi học thêm, đi học hay đi du lịch cũng vậy, bất cứ nơi nào bạn cũng được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ, sẽ chẳng gặp tai nạn, bạn sẽ không bao giờ gặp [tai nạn]. Bạn có những thiện thần này bảo hộ, người cùng đi với bạn cũng được nhờ, họ cũng sẽ được bình yên, cũng được những thiện thần hộ pháp bảo vệ. Tu hành chân thật rất quan trọng! Phật pháp đích thật đem lại cho chúng ta lợi ích chân thật, lợi ích hiện thực chứ chẳng phải nói suông, chẳng phải mê tín, trong đó hàm chứa đạo lý rất sâu.

Sau cùng 'gặp nhiều nhân duyên thánh thiện', 'nhân thánh' tức là nói về duyên phận, bạn sẽ thường gặp duyên phận tốt lành. Nhân duyên này là gì? Là nhân duyên thành Phật, thành Bồ Tát, đó chính là nhân thánh. Thường gặp nhân duyên khai ngộ, gia tăng đạo nghiệp, giống như Thiện Đạo đại sư đã dạy, đồng tu học Phật thành tựu được cao hay thấp đều do gặp duyên chẳng đồng, nếu gặp duyên thù thắng, thì bạn sẽ thành tựu tốt đẹp. Trước triều nhà Tùy, khi giáo pháp Tịnh Độ được truyền vào Trung Quốc, các đại đức đời xưa đều cho rằng người vãng sanh Thượng Phẩm Thượng Sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới đều phải là Bồ Tát, chỉ có Bồ Tát mới vãng sanh Thượng Phẩm Thượng Sanh, phàm phu làm không nổi, phàm phu phần nhiều đều là Hạ Phẩm vãng sanh, người xưa có cách nói như vậy. Thiện Đạo đại sư đã thay đổi cách nói này, truyện ký Trung Quốc có ghi rằng Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật thị hiện, nếu thật sự như vậy thì sự đính chánh này là do đích thân A Di Đà Phật nói ra. Thiện Đạo là tổ thứ hai của tông Tịnh Độ, chúng ta phải tin sâu chẳng nghi, [tất cả đều do] 'gặp duyên chẳng đồng'.

Ngày nay Cư Sĩ Lâm và Tịnh Tông Học Hội dự trù xây làng Di Đà, duyên này là nhân duyên thù thắng hạng nhất, thật sự là hy hữu, khó gặp. Chẳng phải chỉ là trăm ngàn vạn kiếp [mà là vô lượng kiếp] khó gặp gỡ, chúng ta vô cùng may mắn gặp được, gặp được nhân duyên thù thắng này, đây đích thật là 'nhân thánh'. Có thể tu một ngày trong đó đều là phước báo của bạn đã tích lũy nhiều đời nhiều kiếp, nếu chẳng phải thiện căn đời trước thì bạn muốn niệm Phật một tiếng đồng hồ trong đạo tràng này cũng không được, cho dù họ niệm trong thời gian rất ngắn, niệm một cây hương, hai cây hương, có người nói với tôi cảm nhận của họ đích thật khác thường. Cả đời họ đã gặp rất nhiều đạo tràng, tham dự rất nhiều pháp hội cùng tu, đều chẳng thù thắng bằng chỗ này, chẳng cảm nhận tốt như nơi này. Rất nhiều người nói 'từ trường' ở đây rất tốt, thật sự bước vào Niệm Phật Đường đều chẳng muốn đi ra, điều này chứng tỏ đạo tràng này có sức nhiếp thọ rất mạnh. Sức mạnh đó của ai? Tuyệt đối chẳng phải chính chúng ta có sức mạnh này. Là do Tam Bảo gia trì, thật là được chư Phật hộ niệm, thiện thần ủng hộ, cho nên mới có khí phận thù thắng, làm cho mọi người có được thọ dụng tốt đẹp như vậy.

'Gặp nhiều nhân thánh', duyên phận của bạn tốt, thường gặp chánh pháp, gặp thiện tri thức, gặp bạn đạo tốt, đây là duyên phận. Duyên cũng nhờ chính mình tu hành

chân thật mới có cảm ứng. Như chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm có câu 'tịnh tâm gặp duyên' thì bạn mới thật sự được lợi ích, dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm từ bi khi gặp duyên mới có thể có thọ dụng. Nếu tâm không chân thành, không thanh tịnh, không từ bi, gặp duyên này cũng như không gặp, cũng bỏ lỡ. Quan hệ của kinh Địa Tạng đối với sự tu học, làm người, đối với đời sống của chúng ta quá lớn. Giáo nghĩa của trọn bộ kinh này quy nạp thành hai chữ 'hiếu kính', hiếu kính cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Do đó cổ đức có nói bộ kinh này là Hiếu Kinh trong Phật giáo, cách nói này rất đúng.

'Hiếu kính' chẳng xa lạ gì đối với chúng ta, trên thật tế phải giảng hai chữ 'Hiếu Kính' này như thế nào thì e rằng rất ít người có thể giảng được, thật là rất ít. Nếu nói sâu vào thì người biết được càng ít. Hàm nghĩa của hai chữ 'Hiếu Kính' sâu rộng vô tận, thực hiện được hai chữ này một cách rốt ráo thì thành Phật rồi, Bồ Tát còn chưa viên mãn, khi thành Phật mới viên mãn. Do đó chúng ta thường nói Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm Sanh Tướng Vô Minh chưa đoạn thì Hiếu Kính còn chưa viên mãn. Do đó mới biết hai chữ Hiếu Kính là pháp môn đại tổng trì của Phật pháp, pháp môn tổng trì nghĩa là tổng cương lĩnh, nguyên tắc chính của sự giáo học, Phật giáo dạy người cái gì? Dạy Hiếu, dạy Kính. Phải mở rộng Hiếu Kính, mở rộng hiếu thuận cha mẹ thành hiếu thuận hết thảy chúng sanh, phụng sự sư trưởng thành phụng sự hết thảy chúng sanh, đó chính là tâm Bồ Tát, tâm Phật.

Từ đó bạn mới thường gặp được Phật, Bồ Tát, 'gặp được nhiều nhân thánh' là thường gặp được Phật, Bồ Tát, thường có người dạy chánh pháp cho bạn. Người thế gian chúng ta nói bạn là người may mắn, người khác muốn gặp cũng không gặp được, còn bạn thì may mắn gặp được. Tự mình phải có đủ lòng kiền thành, háo học, luôn mong muốn đem lại lợi ích cho chúng sanh thì bạn sẽ gặp. Nói thật ra chư Phật, Bồ Tát, thiện tri thức, chỗ nào mà không có? Lúc nào mà không có? Mọi lúc, mọi nơi đều có rất nhiều. Chỉ vì mình có mắt mà nhìn không ra, đã gặp rồi nhưng cũng như không gặp, thiệt là đáng tiếc. Vì chúng ta không đủ điều kiện, đã gặp mà luống qua. Hy vọng mọi người lưu ý điểm này, thiện tri thức chân chánh niệm niệm đều có nguyện vọng truyền pháp, tiếc là tìm không ra người, chỉ cần tìm được người phát tâm muốn học hỏi liền hết lòng giáo huấn, vả lại đều là làm việc thiện nguyện. Trong giảng đường của chúng ta, mọi người đều thấy, [mấy tấm hình này] là ba vị thầy của tôi, [các thầy] đều dạy tôi miễn phí, tôi chẳng có khả năng trả học phí, tôi không có khả năng cúng dường, lúc đó đời sống của tôi vô cùng cực khổ, tôi không thể cúng dường cho thầy, [trái lại] thầy lại còn cúng dường cho tôi, còn chăm sóc đời sống cho tôi, cả đời này tôi không lúc nào quên. Tuy các thầy đều chẳng còn nữa, Hàn Quán Trưởng hộ trì tuy không còn nữa, nơi chúng tôi tu học trong giảng đường chúng tôi thờ hình của họ, vậy thì cũng giống như quý thầy hiện diện ở đây vậy, [chúng tôi] không quên ân đức [của quý thầy] nên mới có thể gặp được nhân thánh.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Nhóm Diệu Âm, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba,
tháng 5 năm 1998

Tập 41 (Số 14-12-41)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 39, chúng ta hãy xem đoạn kinh thứ nhất:

Thế Tôn, vị lai thế trung cập hiện tại chúng sanh nhược năng ư sở trụ xứ phương diện, tác như thị cúng dường, đắc như thị lợi ích.

Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh trong đời vị lai cùng hiện tại, nếu có thể ở nơi mình trú ngụ mà làm những sự cúng dường như thế, thì sẽ được sự lợi ích như vậy.

Hôm qua giảng đến đoạn này. Đây là nói người noi theo lời dạy trong kinh để tu cúng dường có thể được chư Phật, thiện thần gia trì, đạt được mười điều lợi ích như đã nói phía trước. Chín điều lợi ích đầu tiên đều là lợi ích thế gian, điều sau cùng 'đa ngộ thánh nhân' 1[1] (gặp nhiều nhân duyên thánh), đây là điều lợi ích xuất thế gian, vả lại điều này là lợi ích vô cùng thù thắng; tức là nói phương pháp tu hành siêu việt thế gian, như việc 'nghe pháp khai ngộ, tu hành bố thí' thường nói trong kinh, là việc tu phước trong Tam Bảo. Trong kinh đức Phật dạy 'đa ngộ thánh nhân' tức là có nhiều cơ hội gặp thiện tri thức, sẽ thường gặp hóa thân của những vị thánh nhân, Phật, Bồ Tát, La Hán, họ có thể giúp chúng ta xa lìa ác pháp, tăng trưởng thiện pháp, có thể giúp chúng ta khôi phục 'Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến', đây là Ngũ Phần Pháp Thân nói trong kinh; đây là nhân duyên thánh thiện, nếu chúng ta thường gặp được thì đó là chuyện tốt, chuyện may mắn vô cùng trong thế gian, xuất thế gian. Đức Phật dạy chúng ta nên thường cúng dường, trong đó quan trọng nhất là Y Giáo Tu Hành Cúng Dường, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát thì được oai thần của Địa Tạng Bồ Tát gia trì, mới có được sự gặp gỡ thù thắng này, 'cúng dường như vậy, được lợi ích như vậy'. Xem tiếp đoạn thứ nhì là lợi ích của sự đọc kinh, cúng dường. Xin xem kinh văn:

Phục bạch Phật ngôn, Thế Tôn, vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Lại bạch cùng Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Trong đời vị lai, như có người thiện nam kẻ thiện nữ nào.

Đây là người có thể tu, đặc biệt phải chú ý đến chữ 'thiện' trong câu kinh này, đây là chữ quan trọng, then chốt trong câu này.

Ư sở trụ xứ, hữu thử kinh điển cập Bồ Tát tượng.

Ở nơi mình cư ngụ mà có kinh điển này cùng hình tượng của Bồ Tát.

'Hữu thử kinh điển' là chỉ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Trong nhà của bạn có bộ kinh này, và cúng dường hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, đây là nhân duyên được phước.

Thị nhân cánh năng chuyển độc kinh điển, cúng dường Bồ Tát, ngã thường nhật dạ dĩ bổn thần lực vệ hộ thị nhân, nãi chí thủy hỏa đạo tặc, đại hoạnh tiểu hoạnh, nhất thiết ác sự, tất giai tiêu diệt.

Người đó lại có thể đọc tụng kinh điển này và cúng dường hình tượng của Bồ Tát, thì con thường ngày đêm dùng thần lực của mình hộ vệ người đó, cho đến tất cả

1[1] **Nguyên văn** 多遇聖因

ác sự, các nạn nước, lửa, trộm cướp, và các tai họa bất trắc lớn nhỏ thảy đều tiêu sạch.

Đây là lời Kiên Lao địa thần báo cáo với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài phát tâm hộ pháp. Dùng cách nói hiện nay của chúng ta thì Kiên Lao địa thần là vị địa thần lớn nhất, địa vị còn cao hơn vua Diêm La, vua Diêm La là vua một nước, còn Kiên Lao địa thần là vua của toàn thế giới, vua Diêm La cũng phải nghe lời ngài, ngài là địa thần ở Diêm Phù Đề. Giống như ngày nay chúng ta gọi là vị lãnh đạo toàn thế giới, phước báo và quyền lực của ông rất lớn, oai thế hơn người. Đoạn cuối cùng trong kinh văn là đoạn then chốt: *'người ấy có thể chuyển đọc kinh điển, cúng dường Bồ Tát'*, những chữ này rất quan trọng, ngài chẳng nói 'người ấy có thể đọc kinh điển', mà là 'chuyển đọc kinh điển', chữ 'chuyển' này nghĩa là gì? Mỗi ngày bạn đọc tụng kinh điển, mỗi ngày đọc một trăm lần cũng không dùng được gì, Kiên Lao địa thần sẽ che chở bạn hay không? Nếu bạn 'chuyển đọc' kinh điển thì sẽ tương ứng với nguyện của ngài, các bạn suy nghĩ coi chữ 'chuyển' này nghĩa là gì? Cổ đức thường nói 'tùy văn nhập quán' thì đó là 'chuyển', đọc đến lời dạy trong kinh thì tâm niệm sẽ chuyển, do đó 'chuyển' là y giáo phụng hành, mỗi ngày bạn đều đọc, mỗi ngày tưởng, mỗi ngày làm theo. 'Chuyển' là chuyển đổi tâm niệm của chúng ta trở lại, chuyển đổi hành vi của chúng ta, noi theo lời dạy lý luận trong kinh điển, do đó chuyển đọc kinh điển chính là noi theo lời dạy tu hành cúng dường, đó gọi là 'chuyển'. Dùng công đức ấy để cúng dường Bồ Tát, cho nên cúng dường Bồ Tát chẳng ở trên hình thức, mỗi ngày thắp hương, cúng nước, cúng trái cây, [các ngài] chẳng coi trọng những thứ này mà muốn bạn sốt sắng tu hành, dùng tâm kiền thành tu hành để cúng dường, điểm này mới quan trọng. Bạn có tâm chân thành, trên hình thức thì bạn đương nhiên làm được. Nếu chẳng có tâm chân thành, chỉ làm trên hình thức thì chẳng dùng được, quan trọng nhất là bạn có thành ý. Quan trọng ở chữ 'chuyển', chuyển nghĩa là chuyển phàm thành thánh, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển mê thành ngộ, chuyển nhiễm thành tịnh đều ở chữ 'chuyển' này, chữ này là chữ quan trọng.

Nếu có thể noi theo lời dạy mà chuyển đổi trở lại, 'ngã thường nhật dạ', 'ngã' là Kiên Lao địa thần tự xưng, ngài sẽ suốt ngày đêm *'dùng thần lực bảo vệ, hộ trợ người ấy'*, ngài sẽ bảo hộ họ. Cho nên *'hết thảy các nạn nước, lửa, trộm cắp, nạn lớn, nạn nhỏ, hết thảy các việc ác đều bị tiêu diệt'*, những việc ác này là do ác nghiệp của bạn tạo từ đời trước, đời này chiêu cảm, bạn vốn sẽ bị, nhưng vì bạn có thể y giáo phụng hành, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, nên Kiên Lao địa thần sẽ bảo hộ bạn, tuy trong số mạng bạn sẽ gặp nạn, nhưng bạn đều có thể tránh khỏi. Đoạn này trong Chú Giải có vài câu quan trọng, chúng ta hãy đọc xem, bắt đầu từ chính giữa hàng đầu, *'Do đó thấy tâm hộ pháp của địa thần'*, trong đoạn này chúng ta thấy *'giống như lời phát nguyện trong hội Kim Quang Minh'*, ý nghĩa này giống nhau. *'Ngài nói ở những nơi kinh điển này được phổ biến lưu thông, tôi đều ở đó thường bảo vệ kinh điển'*. Đây là lời phát nguyện hộ kinh trong hội Kim Quang Minh, lời này được ấn chứng nơi đây; Kiên Lao địa thần đích thật đã phát nguyện này, vả lại chẳng phải chỉ phát nguyện một lần. Ba hàng trong đoạn cuối của Chú Giải, bắt đầu từ giữa hàng thứ ba đếm ngược từ dưới lên, chúng ta đọc xem *'Trên thế gian có người không tin, nói đó là lời khuyến dụ'*, đây là nói người đời không tin, họ cho rằng đó là lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng để khuyên người ta làm việc thiện, lời này chẳng phải thật; những người có cách nhìn và nghĩ như vậy rất nhiều, họ cứ cho rằng đức Phật nói những sự việc nhân quả báo ứng này, làm gì có chuyện như vậy! Không phải đây là lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên người ta làm thiện hay sao, đây là lời nói phương tiện mà thôi. Kế đó [trong Chú Giải] nói "Họ không hề nghe câu *Nhà tích thiện ắt sự vui sướng có thừa, nhà không tích thiện ắt tai ương có thừa*", câu này chẳng phải là lời của Phật, mà là lời người Trung Quốc đời xưa nói, lời này xuất phát từ kinh Dịch.

Sau đó *'Lại chẳng nghe câu "Phát ra lời nói lành, ngoài ngàn dặm cũng hưởng ứng, phát ra lời chẳng lành, ngoài ngàn dặm cũng tránh xa"*, bạn chưa nghe câu này sao? Hai câu này cũng là lời của cổ đức, đó là sự thật hay chăng? Đúng là sự thật. Nếu chúng ta phát ra lời nói lành, đặc biệt là thời đại ngày nay, bạn phát ra lời lành từ tâm chân thành, vì lợi ích của xã hội, lợi ích của chúng sanh, chẳng vì mình, một khi lời này phát ra, hiện nay dụng cụ thông tin phát triển hơn đời xưa, đặc biệt là những máy thâu hình, thâu âm, sau khi được truyền ra ngoài người ta nghe xong sanh lòng hoan hỷ thì họ sẽ hưởng ứng làm theo. Người nghe sanh tâm vui mừng, không những tự mình vui mừng, họ sẽ tự động giới thiệu cho bạn bè, một truyền ra mười, mười truyền ra trăm, đích thật là ngoài ngàn dặm cũng hưởng ứng. Hiện nay ở đây chúng ta tuyên dương lời tốt lành, giáo huấn tốt lành của Thế Tôn, giới thiệu cho quảng đại quần chúng trên toàn thế giới, sự hưởng ứng có được sẽ làm cho chúng ta vui mừng, trong thời gian ngắn sẽ được vạn ức người trên thế giới vui mừng, hân hoan tiếp nhận.

Chúng ta chẳng làm công tác tuyên truyền gì đặc biệt, chúng ta cũng không có tổ chức, cũng không ra tiền, chẳng dùng tiền bạc hay phương pháp gì khác để đẩy mạnh hoạt động. Chỉ nói ra những lời thiện, hạnh thiện trong Phật pháp, dùng tâm chân thành nói cho mọi người nghe mà thôi. Đồng thời chúng ta cũng có thể thấy *'Thốt ra lời chẳng lành, ngoài ngàn dặm cũng tránh xa',* có một số tà giáo cũng lợi dụng phương tiện truyền thông đại chúng, nghe nói cũng đã hưng thịnh một thời, giống như ngạn ngữ có nói *"Hàng không sợ lầm giá, chỉ sợ hàng so hàng"*, thính chúng so sánh lời tà sư nói và lời chư Phật, Bồ Tát nói liền biết lựa chọn, cho nên sự truyền bá Phật pháp hiện nay ngày càng hưng thịnh, sự truyền bá của tà giáo ngày càng gian nan, nguyên do là như vậy. Thế mới biết người xưa nói câu này không sai tí nào.

"Ngôn hạnh là mấu chốt của người quân tử, động thiên địa, cảm quỷ thần, có thể bất kính, không cẩn thận sao?" Câu cuối cùng này khích lệ chúng ta. Cổ đức có câu *'Thế gian hảo ngữ Phật thuyết tận'*, nghĩa là lời nói tốt lành trong thế gian đức Phật đã nói hết trơn rồi, chúng ta làm thế nào cũng không vượt hơn phạm vi [mà đức Phật đã nói]. Thật ra những gì đức Phật đã nói đều là trong tự tánh chúng ta tuôn trào ra, đều là khởi dụng của tánh đức, trong kinh điển Đại Thừa thường nói '*Thập phương tam thế Phật, cùng chung một pháp thân'*, từ pháp thân lưu xuất. Pháp thân của chúng ta cùng pháp thân của chư Phật Như Lai là một chẳng hai; nói cách khác những gì đức Phật nói đều từ tánh đức tuôn trào ra, đúng như câu nói *'ngoài tâm không pháp, ngoài pháp vô tâm'*. Lời Phật nói là điều thiện lành trong tánh đức chúng ta, chúng ta phải hiểu rõ, cho nên nó có thể cảm động hết thảy chúng sanh, không những có thể cảm động con người mà còn có thể cảm động hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới. Xin xem tiếp kinh văn:

Phật cáo Kiên Lao địa thần, nhữ đại thần lực chư thần thiểu cập.

Đức Phật bảo Kiên Lao Địa Thần rằng: "Thần lực rộng lớn của ông, các thần khác ít ai bằng.

Đây là lời đức Phật tán thán địa thần. 'Chư thần thiểu cập', 'chư thần' là chỉ các địa thần, Kiên Lao là địa thần lớn trên địa cầu, các châu khác cũng có địa thần, mỗi quốc gia cũng có địa thần. Giống như người Trung Quốc thường nói về thần núi, thần đất, thành hoàng đều là các địa thần nhỏ. Thành Hoàng là địa thần của một huyện, Thổ Địa là địa thần của một hương trấn, do đó địa thần có chia cấp lớn nhỏ khác nhau, Kiên Lao địa thần là vị lớn nhất, những địa thần khác đương nhiên chẳng bằng ngài. Trong phần chú thích có ghi '*Thiện Tài tham học nơi An Trụ địa thần'*, Thiện Tài đồng tử cũng có tham phỏng địa thần này. *'Lúc đó trăm vạn địa thần đều phóng quang minh'*, địa thần nhiều như vậy, Kiên Lao địa thần là vị lớn nhất trong số địa thần này. Sau đó nói:

Hà dĩ cố, Diêm Phù thổ địa tất mông nhữ hộ.

Vì cớ sao? Vì đất đai trong cõi Diêm Phù đều nhờ ông hộ trợ;

[Kiên Lao địa thần] là tổng địa thần ở Diêm Phù Đề.

Nãi chí thảo mộc sa thạch, đạo ma trúc vi, cốc mễ bảo bối, tùng địa nhi hữu, giai nhân nhữ lực.

Cho đến cỏ, cây, cát, đá, lúa, mè, tre, lau, gạo thóc, của báu, từ đất mà có, đều nhờ nơi sức của ông cả.

Những sanh vật trên mặt đất này, vô lượng khoáng vật ẩn chứa dưới lòng đất, 'bảo bối' là khoáng vật, đều chẳng tách lìa khỏi đại địa, những vật này đều do Kiên Lao địa thần coi quản, ngài có sức mạnh to lớn để hộ trì. Tuy ngài có thể hộ trì, nhưng thân nhân duyên vẫn là nghiệp lực của chúng sanh, Kiên Lao địa thần chỉ là tăng thượng duyên mà thôi. Giống như lời giáo huấn của chư Phật Như Lai, tạo tăng thượng duyên cho chúng ta, 'thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên' 2[2] nhất định là do chính mình tạo ra, 'thân nhân duyên' chính là tâm niệm thiện ác. Ngày nay khoa học gia hiểu được nguyên tố cơ bản của hiện tượng vật chất, nguyên tố được phân tích ra thành phân tử, nguyên tử, lạp tử, [đơn vị vật chất] được chia ra đến cuối cùng đều giống nhau. Hết thảy hiện tượng vật chất trên thế gian này đều được làm thành từ cùng một vật, giống như đức Thế Tôn trong kinh Kim Cang gọi là 'nhất hiệp tướng'. Ý nghĩa của danh từ 'nhất hiệp tướng' này rất sâu, 'hiệp' là tổ hợp, là một [đơn vị] vật chất hợp lại thành nguyên tử, nguyên tử hợp lại thành phân tử, phân tử hợp lại thành các nguyên tố khác nhau, cứ như vậy dần dần phát triển thành thế giới, vô lượng vô biên hình thể màu sắc của các cảnh giới, cảnh tượng, vật chất, đó là nhất hiệp tướng. Nhiều lạp tử tạo thành nguyên tử, nguyên tử tạo thành phân tử, phân tử tạo thành nguyên tố, sức mạnh gì chủ trì sự việc này? Hiện nay khoa học gia quan sát [nghiên cứu] thì đó là hóa học. 'Hóa' là biến hóa, họ cho rằng đây là hiện tượng vật lý, hóa học, đây là dựa trên sự quán sát bên ngoài. Ai chủ trì hiện tượng vật lý, hóa học này? Tâm con người chủ trì, đức Phật dạy *'hết thảy đều từ tâm tưởng sanh'*. Nếu tâm mỗi người đều thiện, đều tịnh, đều từ bi, đều chân thành thì nó sẽ tụ hợp thành trân bảo, người thế gian chúng ta gọi là bảy thứ báu, cát đá cũng biến thành bảy thứ báu, làm sao biến đổi được? Là do tâm con người [chi phối làm cho nó] biến đổi. Nếu tâm con người chúng ta tà ác, thì cấu trúc của bảy báu sẽ biến thành hạt cát, thành đá sỏi.

Do đó tại sao chư Phật, Bồ Tát xuất thế? [Vì] tâm con người trên thế gian này lương thiện, ngũ cốc phong phú, thất bảo tràn đầy. Lúc con người tạo thập ác nghiệp, tà tri tà kiến đầy dẫy thì những thất bảo này biến mất, ẩn dấu mất, trong kinh đức Phật thường dùng chữ 'ẩn mất' để nói về việc này. Chẳng phải ẩn mất, [ẩn mất ở đây có nghĩa là] phân tán biến hóa hết, biến đổi thành hạt cát, đá sỏi. Đúng như đức Phật trong kinh có nói *'hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh',* và thường nói *'cảnh tùy tâm chuyển'*,

---

2[2] a. Thân nhân duyên: tức là hạt giống nghiệp thức trong tâm, là chánh nhân để thành tựu tâm pháp.
b. Vô gián duyên (còn gọi là Đẳng Vô Gián Duyên): tức là tâm phan duyên của chúng sanh, ý niệm sau tiếp theo ý niệm trước liên tục không dứt, cho nên gọi là vô gián duyên.
c. Sở duyên duyên: những sự vật mà tâm niệm của chúng sanh phan duyên. Kinh nói: 'Tâm vốn chẳng sanh, do cảnh mà có', do đó hết thảy ngoại cảnh đều là sở duyên duyên.
d. Tăng thượng duyên: ngoài ba thứ duyên kể trên, những sức mạnh tăng thêm bên ngoài đều gọi là tăng thượng duyên. Bốn pháp duyên sanh này, thí dụ như người hút thuốc, ý muốn hút thuốc do hạt giống tập khí trong tâm khởi lên là thân nhân duyên; lòng ham muốn hút thuốc cứ khởi lên không dứt tức là vô gián duyên; khi gặp được gói thuốc lá thì đó là sở duyên duyên; khi cơn ghiền thuốc khởi lên tức là tăng thượng duyên; bốn duyên này thành thục nên tạo thành thói hút thuốc.

tâm Phật chân thành, tâm Phật chí thiện, tâm Phật đại từ bi cho nên cõi nước đức Phật cư trú [đều đẹp đẽ kỳ diệu], trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Hoa Tạng thế giới, trong kinh vãng sanh chúng ta thấy đó là Cực Lạc thế giới, ngay cả cây cối, hoa cỏ đều làm bằng các thứ trân bảo, chẳng giống như cây cối, hoa cỏ ở thế gian chúng ta, cây cối ở tây phương Cực Lạc thế giới đều làm bằng trân bảo. Có phải do người ở đó cố ý tạo thành hay không? Không phải, tự nhiên biến thành như vậy, chúng ta phải hiểu đạo lý này, y báo và chánh báo trang nghiêm và các thứ thọ dụng đều chẳng lìa tự tâm; tâm địa chân thành, hiền lương, từ bi là điều vô cùng quan trọng. Chúng ta hy vọng sống cuộc đời hạnh phúc, hy vọng ngày tháng trôi qua tốt đẹp thì phải tu từ chỗ nào? Phải tu từ trong tâm của mình.

Nghe nói gần đây người niệm Phật rất nhiều, người tụng kinh Vô Lượng Thọ cũng rất nhiều, tôi nghe xong rất hoan hỷ. Đức Phật là người thiện lành hạng nhứt trong thế gian và xuất thế gian, khi mọi người đều có thể dứt ác tu thiện; nhiều người nói thế gian này có rất nhiều tai nạn, tâm thiện hạnh thiện, trong kinh nói 'nước lửa trộm cướp, nạn lớn nạn nhỏ, hết thảy chuyện xấu ác đều bị tiêu diệt', người hiền lành sẽ không bị nạn. Làm sao biết sẽ không bị nạn? Trong kinh đức Phật nói, người nào tin tưởng lời Phật, Bồ Tát dạy, noi theo lời dạy của Phật, Bồ Tát mà sửa lỗi, tu thiện, thì tự nhiên sẽ có quả báo tốt đẹp, quốc gia vùng đất này được chư Phật hộ niệm, thiện thần ủng hộ thì làm sao bị nạn được?

Trong Chú Giải có trích dẫn một đoạn trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, tôi đọc một lần, trang 41 trong Chú Giải, hàng thứ sáu đếm ngược từ dưới lên, bắt đầu từ câu cuối *'Chuẩn Nghiệp Báo Sai Biệt kinh vân'*, 'chuẩn' tức là y cứ, dựa trên lời dạy trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt. Kinh nói như vầy *'Phục hữu thập nghiệp, năng lịnh chúng sanh đắc ngoại ác báo. Nhược hữu chúng sanh ư thập bất thiện nghiệp đa tu tập cố, cảm chư ngoại vật tất bất cụ túc' (Lại có mười nghiệp có thể làm cho chúng sanh bị ác báo bên ngoài. Nếu có chúng sanh thường làm những thứ trong số mười nghiệp bất thiện, cảm đến [quả báo] các ngoại vật đều không đầy đủ)*. Mấy câu này nói về mười nghiệp ác. Nếu hết thảy chúng sanh ở vùng đó đều tạo mười nghiệp ác, mọi người đều biết rõ về mười nghiệp ác này. 'Thân' tạo sát sanh, trộm cắp, tà dâm. 'Miệng' nói lời vọng ngữ, nói lưỡi hai chiều, lưỡi hai chiều tức là kiếm chuyện thị phi; ác khẩu, ỷ ngữ, ỷ ngữ là lời nói bóng gió, lừa gạt chúng sanh. 'Ý' thì trong tâm tràn đầy tham, sân, si, đây là mười ác nghiệp. Những người ở vùng đó đều làm mười nghiệp ác, thì họ sẽ chiêu cảm ác báo. Phần trước trong kinh có nói về thủy tai, hỏa tai, trộm cắp, chiến tranh, những nạn lớn nhỏ, họ thường gặp những chuyện ác này. Thiên tai nhân họa cứ liên tiếp xảy ra, [các tai họa này] từ đâu tới? Là do mười ác nghiệp chiêu cảm. Ngày nay chúng ta phát tâm học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, học theo Vô Lượng Thọ Phật, học theo Địa Tạng Bồ Tát, xa lìa mười nghiệp ác, không những chúng ta không tạo mười nghiệp ác, mà còn tu mười nghiệp thiện.

Xem tiếp phần sau, phần này còn là kinh văn, vì phần kinh văn trong đó bị lược bớt, *'nhược tu thập thiện nghiệp, dữ thượng tương vi' (nếu tu mười nghiệp thiện thì trái nghịch với [mười nghiệp ác nói ở] phần trên)*, chúng ta tu thập thiện. Thập thiện là: thân không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, đây là thân thiện; khẩu không nói dối, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời ác độc, không nói lời thêu dệt, đây là khẩu thiện; ý không tham, không sân, không si, chúng ta đổi ngược trở lại tu mười nghiệp thiện. *'Thử nhân chúng sanh ác nghiệp xí thạnh, dĩ chí địa thần bất hộ, giảm tổn vạn vật' (Do vì ác nghiệp của chúng sanh quá mạnh, đến nỗi địa thần chẳng hộ vệ, giảm tổn vạn vật)*, câu này nói về việc làm mười nghiệp ác, chúng sanh tạo mười nghiệp ác thì địa thần chẳng hộ trì, do đó hết thảy vạn vật đều giảm bớt, đời sống dân chúng sẽ bị khổ. *'Nhược đa tu đức, tăng kỳ oai lực, vạn vật gia mỹ' (Nếu tu đức nhiều, tăng oai lực làm cho vạn vật trở nên tốt đẹp)*. Nếu chúng ta quay lại, đoạn mười nghiệp ác, tu mười

nghiệp thiện, việc này sẽ gia tăng oai đức của địa thần, địa thần thấy mọi người đều tu thiện thì ngài rất vinh dự, rất hiển hách, ngài sẽ sai thuộc hạ của ngài hộ trì chúng sanh, làm cho vạn vật trở nên tốt đẹp hơn. Những lời này do đức Phật nói, ai có thể tin lời Phật dạy? Chúng ta có trách nhiệm giới thiệu tuyên dương cho đại chúng, nhất định phải nói lý luận của việc này cho rõ ràng, giải thích rành rẽ thì mọi người mới khởi lòng tin. Trước hết xây dựng lòng tin, hiểu rõ chân tướng sự thật thì chúng ta mới thật sự chịu quay về, y giáo phụng hành, sẽ được lợi ích vô lượng vô biên. Xem tiếp kinh văn:

Hựu đương xưng dương Địa Tạng Bồ Tát lợi ích chi sự, nhữ chi công đức cập dĩ thần thông bá thiên bội ư thường phân địa thần.

Ông lại luôn khen ngợi những sự lợi ích của Bồ Tát Địa Tạng, thì công đức và thần thông của ông sẽ trăm ngàn phần trội hơn của các địa thần bình thường.

Đây là lời đức Thế Tôn tán thán Kiên Lao địa thần. Ngài có thể giữa đại chúng trong pháp hội, xưng dương những sự lợi ích chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát, đây là điều chúng ta đọc được trong kinh này, công đức của sự lễ kính, xưng dương, tán thán, cúng dường vô lượng vô biên, ở đây đức Phật tán thán công đức của ngài. 'Và thần thông', năng lực của ngài hộ trì Phật pháp, hộ trì chúng sanh, hộ trì đại địa vạn vật, năng lực này rất lớn. *'Gấp trăm ngàn phần trội hơn các địa thần thường'*, đây là điều phần đông các vị địa thần chẳng sánh bằng. Trong đoạn Chú Giải này có vài câu chúng ta hãy đọc xem, *'xưng dương tán thán là môn thứ hai của mười nguyện Phổ Hiền'*, nguyện Phổ Hiền có mười môn, thứ nhất là 'Lễ Kính Chư Phật', thứ hai là 'Xưng Tán Như Lai', do đó ở đây ngài xưng dương tán thán hạnh Phổ Hiền. Phần sau nói *'Một niệm xưng dương, vạn đức tự đầy đủ',* rất nhiều người không biết cái hay của sự xưng dương, chẳng biết lợi ích của sự xưng dương. Nếu hỏi lợi ích chân thật của sự giảng kinh thuyết pháp là ở chỗ nào? Đại khái ngay cả người giảng kinh thuyết pháp cũng rất ít người biết, cái hay thật sự là tỏ lộ tánh đức của chính mình.

Hết thảy kinh luận do đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng đều từ tự tánh lưu lộ ra, chúng ta đọc tụng tán dương, tuyên giảng là tán dương, chính là tán dương tánh đức của chính mình, mượn tánh đức do đức Phật Thích Ca Mâu Ni tỏ lộ để dẫn dắt tánh đức của chính mình, đây là công đức chẳng thể nghĩ bàn, lợi ích chân thật, cái hay thật sự. Một người tu hành không thể minh tâm kiến tánh, nếu thường giảng kinh, giả sử tiếp tục qua nhiều năm chẳng gián đoạn, kẻ ấy nhất định sẽ minh tâm kiến tánh, tại sao vậy? Mỗi ngày đều tuyên dương tánh đức, mỗi ngày đều huân tu, mỗi ngày đều huân tập, không hay không biết dần dần tánh đức cũng sẽ bộc lộ ra ngoài, là lý lẽ như vậy. Chỉ sợ là bạn không chịu tuyên giảng, sợ là bạn thường gián đoạn nửa chừng, vậy thì không có cách chi khác. Nếu không gián đoạn giữa chừng, vui vẻ mà giảng, hoan hỷ giảng là loại thứ tư 'Nhạo thuyết vô ngại biện' trong 'tứ vô ngại biện tài', chữ 'nhạo' ở đây chính là hoan hỷ giảng; vui vẻ giảng cho người khác nghe, khuyên người dứt ác tu thiện, thấy người ta được phước, đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn của việc xưng tán. Sau đó nói *'Một niệm xưng dương, vạn đức đều tự đầy đủ'*, hai chữ 'tự đủ' rất quan trọng.

'Do đó các Phật tử, khi đến pháp hội, kẻ sơ học, người tu đã lâu, tuyên lưu Phạm Bối', vì duyên cớ này, Phật tử là học trò của Phật, kẻ phát nguyện học theo Phật đến pháp hội 'sơ kiến' là người sơ học, 'cửu văn' là người tu lâu năm, bất kể bạn là người sơ học hay người tu lâu năm, bạn đều có trách nhiệm tuyên lưu Phạm Bối. Tuyên lưu Phạm Bối chính là giảng kinh thuyết pháp, tán thán lời dạy của đức Phật. Phần sau nói *'Lịnh địa thần bất duy năng chủ Diêm Phù Đề vật' (làm cho địa thần không những chỉ có thể chủ quản vạn vật ở Diêm Phù Đề)*, 'chủ' nghĩa là chủ quản, ngài cai quản hết thảy vạn vật ở đại địa cõi Diêm Phù Đề, đây là chức vụ của ngài. *'Phục cánh tán dương Địa Tạng lợi ích chi sự' (lại còn có thể tán dương sự lợi ích của ngài Địa Tạng),*

đây là việc hy hữu khó được, ngài xứng đáng là đệ tử của Phật, ngài có thể tán thán. *'Tắc vi hộ pháp địa thần' (ắt làm vị địa thần hộ pháp)*, ngài làm trọn bổn phận trách nhiệm của một vị địa thần, vả lại còn có thể hộ trì Phật pháp, có thể y giáo phụng hành. *'Kỳ phước nghiệp huệ nghiệp, tự nhiên thâm quảng, công đức thần thông, diệc phả tư nghị' (phước ấy và huệ ấy tự nhiên sâu rộng, công đức thần thông cũng chẳng thể nghĩ bàn),* đây là lời tán dương, khen ngợi địa thần. Lời trong kinh là do đức Phật khen ngợi, lời trong Chú Giải là do Thanh Liên pháp sư khen ngợi. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa trong đó. Xin xem tiếp kinh văn:

Nhược vị lai thế trung hữu thiện nam tử thiện nữ nhân cúng dường Bồ Tát, cập chuyển độc thị kinh, đản y Địa Tạng Bổn Nguyện kinh. Nhất sự tu hành giả, nhữ dĩ bổn thần lực nhi ủng hộ chi, vật lịnh nhất thiết tai hại cập bất như ý sự triếp văn ư nhĩ, hà huống lịnh thọ.

Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào cúng dường Bồ Tát cùng đọc tụng kinh điển này, dù chỉ y theo một việc trong Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện mà tu hành, thì ông nên dùng thần lực của mình mà ủng hộ, chớ để mọi tai hại cùng sự không vừa ý lọt vào tai người đó, huống nữa là để cho phải chịu đựng.

Chúng ta coi đoạn này, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giao phó việc hộ trì chúng sanh cho địa thần, phó chúc cho địa thần làm việc hộ pháp, hộ trì những người y giáo phụng hành. Cửu Hoa là đạo tràng của Bồ Tát, là nơi Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, nếu chúng ta hiểu rồi thì biết sẽ nên làm gì. Chúng ta nên phát tâm cúng dường đạo tràng này, nên phát tâm xây dựng làm cho đạo tràng này tỏa rạng rộng lớn. Chúng ta phải giúp Kiên Lao địa thần, giúp Địa Tạng Bồ Tát, hoằng dương tinh thần của Địa Tạng tới khắp nơi trong nước, hoằng dương tới toàn thế giới, chúng ta sẽ được phước vô lượng vô biên.

Giảng tới đoạn kinh này làm cho chúng tôi có cảm xúc rất sâu, sau khi đức Thế Tôn diệt độ, trước khi vị Phật kế là đức Phật Di Lặc xuất hiện trên thế gian, đoạn thời gian này vô cùng lâu dài, trong 'Kinh Di Lặc Hạ Sanh' đức Phật nói với chúng ta, dùng cách tính của thế gian chúng ta là khoảng chừng hơn năm mươi sáu ức năm. Trong đoạn thời gian dài đăng đẳng này chẳng có Phật xuất thế, chẳng có người giáo hóa chúng sanh, chúng sanh chẳng được nghe thiện pháp, sẽ thuận theo tham, sân, si, mạn của mình tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, nhận chịu khổ báo, khổ chẳng nói nổi. Thế Tôn đại từ đại bi phó thác trách nhiệm giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát. Nói cách khác khi Phật chẳng trụ thế, Địa Tạng Bồ Tát thay thế đức Phật, địa vị của Địa Tạng Bồ Tát chẳng giống như những Bồ Tát khác. Như Kiên Lao địa thần đã nói phía trước, những đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm cũng đều vô cùng từ bi giáo hóa chúng sanh, Thế Tôn chẳng nhờ họ mà đặc biệt giao phó trọng trách này cho Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta thử nghĩ coi nguyên nhân là gì? Chúng ta có thể hiểu được.

Ở những địa phương chẳng có Phật pháp, chúng sanh quen thói tạo tội nghiệp, làm thế nào mới có thể cứu độ những chúng sanh này tránh khỏi phải đọa vào tam ác đạo, mọi người hãy suy nghĩ phải dùng phương pháp gì để dạy họ? Phương pháp có thể cứu vãn chẳng có gì hơn là 'hiếu kính', [bạn dùng 'hiếu kính'] để khuyên lơn những chúng sanh đang tạo tội nghiệp, họ có thể tiếp nhận. Giúp mọi người thiết lập từ trong tâm, chữ Địa là tâm địa, chữ Tạng nghĩa là những trí huệ đức năng chân thật chứa đựng trong tâm địa, đó là kho báu chứa trong tâm địa. Do đó pháp môn này đối với chúng sanh trong đoạn thời gian năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm này là pháp môn khế cơ nhất. Do đó muốn giúp đỡ chúng sanh, cứu tế chúng sanh khỏi đọa ác đạo thì kinh này là kinh cứu mạng, kinh này dạy chúng ta đứng vững trong cõi người, cõi trời, chẳng mất thân người, chẳng đọa ác đạo, công đức lợi ích vô cùng thù thắng của kinh Địa Tạng là ở chỗ này. Dùng kinh này làm nền tảng, dùng kinh Vô Lượng Thọ và các kinh luận

vãng sanh giúp chúng ta siêu việt lục đạo luân hồi, siêu việt thập pháp giới, trong một đời làm Phật làm Tổ, đây là pháp môn bất nhị để cho Phật độ chúng sanh trong thời Mạt pháp. Nhưng đời Mạt pháp chỉ kéo dài chín ngàn năm, sau chín ngàn năm kinh này chẳng còn nữa, chúng sanh rất khổ, hoàn toàn phải nhờ Địa Tạng Bồ Tát thị hiện, đó chẳng phải là Phật thuyết kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Chúng ta có thể tưởng tượng Địa Tạng Bồ Tát nhất định sẽ giúp chúng sanh đoạn mười điều ác, tu mười điều thiện, hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, như vậy mới tránh khỏi đọa ác đạo. Cho nên pháp môn Địa Tạng Bổn Nguyện đối với bất cứ một ai cũng đều vô cùng quan trọng, vô cùng thân thiết, chúng ta phải phát tâm sốt sắng tu học, sốt sắng tuyên dương.

Chữ quan trọng trong đoạn kinh này là 'cúng dường', 'chuyển đọc', 'chỉ y theo và tu hành theo một thứ trong kinh này', [tất cả đều] dạy chúng ta chuyên tu, chuyên hoằng. Trong Chú Giải trích lời Phật dạy *'Trụ tâm ở một chỗ, chẳng có việc gì không thành'*, việc quý nhất trong thế gian và xuất thế gian là nhất tâm, chuyên tinh chẳng có gì không thể thành tựu, sợ nhất là phân tâm, học quá nhiều môn, học quá tạp thì sẽ không có cách gì thành tựu được. Không phải chỉ có Phật pháp như vậy, ngay cả thế pháp muốn thành tựu cũng rất khó. Thế pháp có nghiệp nhân quả báo của thế pháp, Phật pháp muốn thành tựu phải hoàn toàn nhờ tinh tấn, trong kinh đức Phật thường nói có ba thứ thiện căn trong thế pháp 'không tham, không sân, không si'; còn thiện căn xuất thế chỉ có một thứ, đó chính là 'tinh tấn'. Tinh nghĩa là chuyên nhất, thuần nhất chứ không tạp, *'Trụ tâm ở một chỗ, chẳng chuyện gì không thành'*, bạn mới có thể thành công.

Lúc tôi mới bắt đầu học Phật, sau khi xuất gia tôi liền đi dạy ở Phật Học Viện, tôi chưa làm học sinh. Lúc dạy ở Phật Học Viện, tôi có một quan niệm muốn nói với người phụ trách Phật Học Viện. Tôi hy vọng Phật Học Viện có một phương thức tốt, để cho mỗi học sinh chuyên học một bộ kinh, hoặc một bộ luận, hy vọng học sinh có thể tập trung toàn thể tinh thần, sức lực chuyên chú vào một môn, chứ đừng học thiệt nhiều, thiệt tạp, tôi nghĩ như vậy rất khó thành tựu. Nếu trong Phật Học Viện có một trăm người, hai trăm người, mỗi người học một bộ kinh thì sẽ được một trăm bộ kinh, hai trăm bộ kinh, mỗi bộ kinh đều có chuyên gia. Học kinh Địa Tạng thì cả đời chuyên chú vào kinh Địa Tạng. Mỗi ngày chuyên niệm kinh Địa Tạng, chuyên tu y theo kinh Địa Tạng, chuyên giảng kinh Địa Tạng, người này chính là Địa Tạng Bồ Tát, sẽ là chuyên gia, hạng nhất trên thế giới. Ở đâu muốn thỉnh người giảng kinh Địa Tạng, thì thỉnh Địa Tạng Bồ Tát đi giảng. Người chuyên học phẩm Phổ Môn, cả đời chỉ chuyên chú vào bộ kinh này, y theo phẩm Phổ Môn để tu hành, mỗi ngày đọc tụng phẩm Phổ Môn, giảng phẩm Phổ Môn, người này chính là Quán Âm Bồ Tát. Chẳng nên học nhiều, học tạp, chỉ học một môn, làm chuyên gia, đừng làm thông gia, làm thông gia rất khó, thông gia nhất định phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới có thể làm được, phàm phu căn tánh trung hạ tuyệt đối không thể. Nhưng người hạ hạ căn nếu chuyên tu, chuyên chú vào một môn thì có thể thành tựu. Tại sao vậy? *'Đặt tâm vào một chỗ, chẳng có chuyện gì không thành'.*

Người học Lăng Nghiêm thì chuyên học kinh Lăng Nghiêm. Mỗi ngày đọc kinh Lăng Nghiêm, tu hành theo kinh Lăng Nghiêm, chuyên hoằng dương kinh Lăng Nghiêm, người đó chính là Thủ Lăng Nghiêm Vương. Năm 1977 tôi giảng kinh Lăng Nghiêm ở Hương Cảng, lúc đó hình như tôi giảng kinh này lần thứ 7. Một hôm pháp sư Diễn Bồi tìm tôi, ngài nói 'Thầy là Thủ Lăng Nghiêm Vương'. Tuy là nói chơi, nhưng chuyên công chuyên hoằng rất có hiệu quả. Tôi học Lăng Nghiêm từ nơi thầy Lý Bỉnh Nam, trong thời gian mười năm theo học với thầy Lý, tôi học được năm bộ kinh. Bộ thứ nhất là 'A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh', bạn coi bản kinh này, đây là kinh mà tôi học đầu tiên. Thứ nhì là 'Phật thuyết A Di Đà Kinh', thứ ba là 'Phổ Hiền Bồ Tát

Hạnh Nguyện Phẩm', thứ tư là 'Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh', thứ năm là 'Lăng Nghiêm Kinh', trong mười năm tôi học năm kinh này. Hơn nữa tôi dồn hết sức lực, tinh thần vào kinh Lăng Nghiêm, tổng cộng tôi giảng kinh Lăng Nghiêm được bảy lần.

Vào những năm cuối của thầy Lý, tám người bạn đồng học chúng tôi thỉnh thầy Lý giảng kinh Hoa Nghiêm, vì lý do gì mà chúng tôi mời thầy Lý giảng kinh này? Một lần nọ thầy giảng kinh tại làng Trung Hưng Tân, chúng tôi là thường tùy chúng, đại khái có chừng hai mươi, ba mươi người, thầy đi đâu chúng tôi đều đi theo. Trong lúc giảng kinh thầy từng nói, thầy nói với mọi người thầy đã 'sanh tử tự tại, thầy muốn vãng sanh lúc nào thì vãng sanh lúc đó, trụ thế thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại'. Sau khi chúng tôi nghe xong trở về thương lượng với các bạn đồng học, thầy đã sanh tử tự tại, hy vọng thầy có thể thường trụ thế gian, dùng phương pháp gì để lưu thầy thường trụ ở thế gian? Thầy Lý trụ thế chẳng có chuyện gì khác ngoài chuyện giảng kinh, suy nghĩ thấy kinh Hoa Nghiêm rất dài, chúng tôi kiếm một bộ kinh dài để thỉnh thầy giảng, thầy giảng chưa xong thì không thể nào ra đi, do đó tám người chúng tôi liên danh thỉnh thầy giảng kinh Hoa Nghiêm. Tôi còn cúng dường một bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, bộ Sớ Sao này là bộ xỏ chỉ 3[3], do Thượng Hải Hoa Nghiêm Kinh Hội in, bộ kinh này gồm có bốn mươi quyển, tôi tặng bộ Sớ Sao này cho thầy. Thầy còn đặc biệt nói 'Tôi phải đánh dấu [ghi chú] trên cuốn Sớ Sao'. Tôi nói 'Không sao đâu, con cúng dường cho thầy, thầy muốn đánh dấu thì cứ đánh dấu'. Lúc đó thầy Lý dự định dùng ba năm để giảng kinh Hoa Nghiêm, mỗi tuần thầy giảng một lần, và còn có phiên dịch sang thổ ngữ Đài Loan, giảng như vậy thì rất chậm, nghe xong một quyển, tôi tới Đài Bắc cũng giảng kinh Hoa Nghiêm, nhưng tôi giảng nhanh hơn thầy, giảng kỹ hơn thầy nên dùng thời gian nhiều hơn thầy.

Thầy giảng được một nửa thì vãng sanh, chuyện này cũng có nguyên nhân đặc biệt. Thầy vốn có nói rằng giảng kinh Hoa Nghiêm xong sẽ giảng thêm một bộ kinh A Di Đà, rồi sẽ vãng sanh. Tôi dựa trên tốc độ thầy giảng để tính thì tối thiểu thầy phải sống đến một trăm ba mươi tuổi thầy mới giảng hết kinh này, [đáng tiếc là] năm chín mươi bảy tuổi thầy đã ra đi. Nguyên nhân là gì? Thầy bị trúng độc vì ăn thực phẩm do một vị đồng tu cúng dường; thầy Lý vô cùng từ bi, luôn luôn ăn trước mặt người cúng dường để cho họ sanh tâm hoan hỷ, đây là thói quen của thầy Lý. Ăn xong thầy cảm thấy không khoẻ, đương nhiên không phải là đồng tu hại thầy, đồng tu chân thành cúng dường cho thầy, cúng dường với tâm tốt lành, tâm thiện cúng dường, nhưng có thể vì đồ ăn để quá lâu, chẳng sạch sẽ. Đặc biệt là hiện nay trong thức ăn có rất nhiều chất hóa học, có nhiều thức ăn có để chất bột chống hư hoại. Đối với một người lớn tuổi thì sức kháng cự hơi yếu cho nên thầy ăn xong, thầy là một vị thầy thuốc Trung Y rất giỏi, ăn xong khi người ta ra về thì thầy [uống thuốc] giải độc. Cho nên lần đầu thầy giải độc xong chẳng bị ảnh hưởng gì. Mấy tháng sau lại gặp thêm một lần nữa, thầy cũng ăn, sau khi người cúng dường ra về, thầy kiếm thuốc uống giải độc nhưng không kịp nữa, chất độc lan ra quá nhanh, lần đó thầy bịnh hết ba tháng, sức lực suy yếu thật nhanh. Tôi đến Đài Trung thăm thầy, thầy cảnh cáo nói đừng ăn ở trong tiệm, do đó ở Đài Loan tôi chưa bao giờ đi tới tiệm ăn. Câu này thầy đã nhắc đi nhắc lại mười mấy lần, tôi có ấn tượng rất sâu, thầy dặn tôi nhất định phải để ý đến sự ăn uống.

Hiện nay thức ăn thường được gói ghém rất đẹp, thật ra không sạch sẽ, không những ở Đài Loan, Trung Quốc như vậy, ở Mỹ cũng vậy. Đừng tưởng là những nước tiên tiến thì tốt hơn, không hẳn vậy đâu. Những thứ hoàn bảo 4[4] (organic), vệ sinh ở

3[3] xỏ chỉ: đây là những sách vở chữ Hán thời xưa, chuyên dùng chỉ để buộc nơi gáy sách, để đóng thành sách.

4[4] Hoàn bảo nghĩa là 'bảo vệ môi trường'. Ở Mỹ, những thứ trái cây không dùng phân bón hóa học được gọi là organic cũng nhằm mục đích giảm bớt ô nhiễm môi trường, bảo vệ người dùng tránh ô nhiễm vì phân bón, các chất kích thích sinh trưởng hoặc thuốc sát trùng.

Mỹ chưa chắc đã làm cho người ta như ý, nói chung phải luôn luôn cẩn thận. Đây là thầy Lý từ bi, thầy đã ra đi, nói thật ra cũng là vì chúng sanh không có phước báo. Nếu chúng sanh có phước thì thầy nhất định có thể trụ thế thêm một thời gian nữa. Cho nên kinh Hoa Nghiêm, thầy giảng tới phẩm 'Thập Hồi Hướng' xong. Tiếp theo là phẩm Thập Địa, chưa giảng phẩm Thập Địa, mới giảng xong phẩm 'Thập Hồi Hướng' thì thầy đã ra đi. Bộ kinh này muốn giảng cho viên mãn tương đối chẳng dễ, chúng sanh ở địa phương này có phước báo to lớn, chúng sanh ở vùng này có phước lớn nên mới có cảm ứng như vầy. Chư vị phải biết giảng kinh Địa Tạng, Kiên Lao địa thần, rất nhiều thần chúng đến hộ trì đạo tràng, vậy thì giảng kinh Hoa Nghiêm còn không thể tưởng tượng nổi.

Ngày nay đạo tràng Cư Sĩ Lâm vô cùng thù thắng, người hiểu Lý sẽ biết, khi giảng kinh có tầm vóc lớn thì chư Phật hộ niệm, hết thảy những long thiên, thiện thần đều tập trung đến hộ trì đạo tràng, cho nên đâu lẽ nào đạo tràng không hưng vượng cho được! Cộng thêm người ở Niệm Phật Đường niệm Phật, đức Phật Tỳ Lô Giá Na và đức Phật A Di Đà đều hộ trì, hiện tượng này làm sao có thể kiếm được? Thật là trăm ngàn muôn kiếp khó gặp. Chúng ta đã may mắn gặp được thắng hội này, nhân duyên đã chín muồi nơi đây, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Chúng tôi tin tưởng nhân duyên thù thắng này tương lai nhất định sẽ thành tựu ở Trung Quốc, hơn nữa tôi tin tưởng thời cơ sẽ càng ngày càng gần. Dựa vào đâu mà biết được? Từ tin tức truyền đến, người niệm Phật, niệm kinh Vô Lượng Thọ ở Trung Quốc càng ngày càng nhiều, đây là dấu hiệu vô cùng tốt lành. Tân Gia Ba là Phật quốc ở Nam Dương, địa phương này nhỏ; nếu Trung Quốc trở thành Phật quốc thì người trên cả thế giới sẽ có phước. Trong kinh này chúng ta thấy, trong thời tu nhân ở quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát đã từng làm tiểu quốc vương, bạn vua cũng là vua ở nước kế bên, cả hai vị vua này đều dùng Phật pháp để trị nước, dùng thập thiện nghiệp đạo để dạy dân. Chúng ta thấy trong kinh, vị vua dùng thập thiện nghiệp làm căn bản để trị nước là vị vua Bồ Tát, là hóa thân Như Lai, đây là vì hết thảy chúng sanh, hết thảy người dân có phước báo, cảm được chư Phật Như lai, chư đại Bồ Tát hóa thân làm người lãnh đạo quốc gia, đây là chuyện hiếm hoi khó gặp. Có thể trong đời này chúng ta sẽ gặp người lãnh đạo quốc gia là chư Phật Như Lai thị hiện, các quan viên trong chánh phủ là Bồ Tát thị hiện, thì nhân dân có phước.

Đoạn cuối hàng thứ ba trong Chú Giải, chúng ta bắt đầu coi từ câu này, tôi đọc cho mọi người nghe: *'Kim chuyên độc bất tư nghị khai hiển chi kinh' (Nay chuyên đọc kinh mở mang trí huệ hiển thị chân lý chẳng thể nghĩ bàn),* câu này quan trọng. Cho nên kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện nói thật ra, cùng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm đều cùng một loại. Kinh Vô Lượng Thọ vừa mở đầu liền nói với chúng ta: *'khai hóa hiển thị chân thật chi tế'* và *'bất tư nghị khai hiển'* đều có cùng ý nghĩa. Vậy thì Hoa Nghiêm không cần nói nữa, ở đây chúng ta đã giảng được bảy mươi buổi, tuy kinh văn được giảng không kể là dài, nhưng giảng rất kỹ lưỡng. Chư vị đều thể hội được 'bất tư nghị khai hiển chi kinh', cả ba bộ kinh này đều là kinh khai hiển chẳng thể nghĩ bàn. *'Tội đốn tiêu nhi công tốc thành, hà sự đa cầu, tạp loạn tâm chí' (Tội tiêu mau lẹ, công chóng thành tựu. Cần gì phải mong cầu cho nhiều đến nỗi tâm chí tạp loạn)*, đây là lời khuyên chúng ta chỉ y theo một việc dạy trong kinh Địa Tạng Bổn Nguyện mà tu hành. Kinh Hoa Nghiêm lớn, nếu bạn có thể chuyên y theo một phẩm, một chương mà tu hành thì đều thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn, cho nên 'tội đốn tiêu', diệt tội nhanh chóng, công đức thành tựu rất nhanh chóng. *'Hà sự đa cầu, tạp loạn tâm chí'*, hai câu này vô cùng quan trọng! Ngày nay có bao nhiêu đại đức nhỏ tuổi tại gia, xuất gia dũng mãnh tinh tấn, nhưng tới cuối cùng chẳng có thành tích tốt đều vì họ học quá nhiều, tu quá tạp.

Kinh nghiệm trong đời này cho tôi biết, tôi chuyên tu chuyên hoằng, một môn thâm nhập, tôi chuyên y theo kinh A Di Đà, lúc về già giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh

Vô Lượng Thọ chính là đại bổn của kinh A Di Đà, tôi dồn sức vào bộ Yếu Giải kinh Di Đà của đại sư Ngẫu Ích, Sớ Sao của đại sư Liên Trì, công sức cả đời của tôi được dồn vào hai bộ này. Giảng những kinh khác đều vì nhận lời mời, thấy chẳng có ai giảng [nên mới giảng]. Vì lúc đó (lúc bắt đầu học giảng kinh), tôi phải tập giảng trên giảng đài, tôi phát tâm giảng kinh, kinh nghiệm trên giảng đài vô cùng quan trọng, [người học giảng kinh] không thể lìa khỏi giảng đài. Đây là lời thầy Lý đã từng dặn dò, thầy nêu một thí dụ *'khúc bất ly khẩu, quyền bất ly thủ' (khúc điệu chẳng lìa miệng, bài quyền chẳng rời tay)*. Chữ 'khúc' chỉ [ca khúc] trong ca hát, người ca sĩ mỗi ngày phải ca hát, mỗi ngày đều phải luyện giọng, người đánh võ mỗi ngày cũng phải luyện tập, ba tháng không luyện tập thì gân cốt gì cũng cứng ngắc. Giảng kinh cũng vậy, mỗi ngày phải lên giảng đài luyện tập. Do đó người ta mời tôi giảng kinh gì thì tôi giảng kinh đó, tôi coi đó là cơ hội thực tập, thâu thập kinh nghiệm trên giảng đài. Nếu theo ý của tôi để giảng thì tôi chỉ giảng kinh Di Đà mà thôi, tôi sẽ không giảng kinh khác, nhưng nếu tôi chỉ giảng kinh này mà thôi thì nhiều người không thích, họ thích nghe kinh này kinh nọ, [tôi phải] hằng thuận chúng sanh. Khi hằng thuận chúng sanh cũng học tùy hỷ công đức, tùy hỷ công đức là gì? Kết pháp duyên với mọi người, thu thập kinh nghiệm trên giảng đài, là đạo lý như vậy.

Ngoài ra còn một nguyên nhân khác, vì người giảng kinh quá ít, nên tôi phải giảng thêm vài bộ kinh để lưu lại băng thâu âm, thâu hình cho kẻ hậu học làm tài liệu tham khảo, giúp đỡ cho kẻ hậu học, đây cũng là một nguyện vọng của tôi. Cho nên những gì tôi giảng chẳng phải là những gì tôi học. Những gì tôi học chính là một bộ kinh A Di Đà. Do đó 'tu hành theo một sự [dạy trong kinh] là vô cùng quan trọng! Buông xuống hết thảy thân tâm thế giới, ngay cả Phật pháp cũng phải buông xuống. Phật dạy chúng ta *'Pháp còn phải xả, huống chi là phi pháp'*. Lúc về già ở đây tôi giảng qua một bộ kinh Kim Cang, cũng giảng khá tường tận, bộ kinh này là do Hàn Quán Trưởng và một vị đồng tu ở đây là cư sĩ Trịnh Anh Lương khải thỉnh. Tôi nghĩ có một số người niệm Phật niệm không đúng như pháp, chẳng đạt được thọ dụng, cho nên họ mời tôi giảng cũng tốt, giảng cho họ nghe pháp môn Bát Nhã, giúp cho họ nhìn thấu, giúp cho họ buông xuống, sau đó câu Phật hiệu này mới được đắc lực, dùng phương pháp này để trợ giúp công đức niệm Phật.

Chúng ta coi tiếp *'thử tức Nam Nhạc hữu tướng an lạc hành dã' (Đây chính là An Lạc Hạnh hữu tướng của ngài Nam Nhạc5****[5]*** *vậy)*, Nam Nhạc chính là tông Thiên Thai. *'Ngôn tu hành giả, vị như thuyết nhi hành. Nhược văn nhi bất hành, như thuyết thực sổ bảo hà tế cơ bần. Nhan vân thuyết đắc nhất trượng, bất như hành đắc nhất thốn, thị chân thật huấn thế ngữ nhĩ' (Nói tu hành là làm theo lời dạy. Nếu nghe xong mà không làm theo thì như kể chuyện ăn, đếm của báu, làm sao bớt đói nghèo. Nhan Hồi nói: "Nói một trượng không bằng đi được một tấc", đó là lời dạy chân thật cho người đời).* Những câu sau này rất hay! Khuyên chúng ta phải chân tu. Học Phật thứ nhất phải xây dựng lòng tin, chúng ta tin tưởng thầy giáo, thầy giáo là đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thầy giáo nhất định chẳng lừa gạt chúng ta, tin chắc thầy giáo từ bi dạy dỗ, sau đó hiểu rõ ý nghĩa của lời dạy, phải hiểu rõ ý nghĩa. Sau khi hiểu rõ thì phải sốt sắng thực hành, y giáo phụng hành, như vậy mới đạt được lợi ích thật sự. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Nhữ dĩ bổn thần lực nhi ủng hộ chi, vật lịnh nhất thiết tai hại cập bất như ý sự, triếp văn ư nhĩ, hà huống lịnh thọ.

5[5] Nam Nhạc ở đây chính là ngài Nam Nhạc Huệ Tư, thầy của ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư). An Lạc Hạnh là tên một phẩm trong kinh Pháp Hoa, dạy về bốn hạnh cần có của người thọ trì, hoằng dương kinh Pháp Hoa. Gọi là "hữu tướng" vì nói về phương diện hành trì (sự tu).

Thì ông nên dùng thần lực của mình mà ủng hộ, chớ để mọi tai hại cùng sự không vừa ý lọt vào tai người đó, huống nữa là để cho phải chịu đựng.

Đây là lời Thế Tôn nói với Kiên Lao địa thần. 'Nhữ dĩ', 'Nhữ' chỉ Kiên Lao địa thần, ông nên dùng thần lực của mình để ủng hộ 'người tu hành theo một điều [dạy trong kinh, nghĩa là]' người chuyên tu chuyên hoằng này; ông dùng thần lực của mình để ủng hộ cho người đó, người thế gian chúng ta gọi là 'bảo hựu, gia trì', làm cho những tai hại và những sự chẳng như ý họ chẳng còn nghe tới huống chi là để cho họ nhận chịu, đương nhiên họ sẽ không gặp phải. Đoạn này là đức Thế Tôn dặn dò Kiên Lao địa thần, ân cần thỉnh Kiên Lao địa thần bảo hộ những người này, giúp đỡ họ thành tựu. Chúng ta hãy đọc một đoạn trong Chú Giải, đoạn này chú thích rất hay *'Sắc địa thần ủng hộ giả'*, 'Sắc' là bề trên nói với kẻ dưới, bảo kẻ dưới làm. *'Dĩ thử thiện tín nhược Phật hiện tại túc xưng Tứ Tín. Kim ư diệt hậu khả đương ngũ phẩm' (Do vậy Thiện Tín, nếu Phật còn tại thế, đáng xưng là bậc chứng Tứ Tín, nay do Phật đã diệt độ, họ sẽ có thể đạt được Ngũ Phẩm.)* 'Tứ Tín' và 'Ngũ Phẩm' 6[6] là danh xưng địa vị của tông Thiên Thai. Đại sư Trí Giả của tông Thiên Thai là Như Lai thị hiện, rất nhiều người đều biết chuyện này, trong Sử Truyện cũng có ghi chép, nói ngài là đức Phật Thích Ca Mâu Ni tái lai, đức Phật Thích Ca ứng hóa ở Trung Quốc. Chư Phật, Bồ Tát trở lại thị hiện rất nhiều, không lộ thân phận, phàm phu chúng ta không nhận biết được.

Trí Giả đại sư thị hiện niệm Phật vãng sanh tây phương thế giới, lúc vãng sanh học trò của ngài hỏi: 'Thưa thầy, thầy vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới sẽ được phẩm vị gì?'. Trí Giả đại sư vô cùng khiêm tốn: 'Vì tôi phải lãnh chúng', lãnh chúng nghĩa là gì? Lo công chuyện, lo lắng; 'do đó phẩm vị không cao, ngũ phẩm vị7[7] vãng sanh'. Ngũ phẩm vị là sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ, đây là ngài thị hiện dạy chúng ta, phục vụ đại chúng, quản lý những công chuyện hành chánh là hy sinh chính mình, xả mình vì người. Ý ngài là nói nếu ngài không lãnh chúng, không lo lắng công việc, ngài chỉ thanh tu thì phẩm vị sẽ cao. Hy sinh phẩm vị của chính mình để thành tựu cho đại chúng, công đức vô lượng vô biên! Đây là đại từ đại bi. Chẳng cầu lợi ích cho chính mình, hy sinh lợi ích của chính mình để thành tựu cho đại chúng, đây là Bồ Tát. Nhưng ở chỗ này chúng ta phải quan sát kỹ lưỡng, sự hy sinh của ngài là có giới hạn, chẳng có nói quản lý sự việc, [phục vụ] đại chúng, tương lai không thể vãng sanh, vẫn bị luân hồi trong lục đạo, vậy thì sai lầm quá đỗi! Phải có mức giới hạn, nhất định phải vãng sanh, phẩm vị vãng sanh thấp một chút cũng không sao, hy vọng đại chúng vãng

---

6[6] Tổ Ấn Quang giảng:

Nam Nhạc Tư đại thiền sư, là thầy đắc pháp của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lâm chung có người hỏi đến sở chứng, bèn nói: "Thoạt đầu ta mong được Đồng Luân (tức địa vị Thập Trụ, phá vô minh, chứng Thật Tướng, vừa dự vào Thật Báo, phần chứng Tịch Quang. Bậc Sơ Trụ có thể thị hiện làm thân Phật trong tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa chúng sanh. Bậc Nhị Trụ có thể hiện trong một ngàn tam thiên đại thiên thế giới, Tam Trụ thì một vạn, địa vị càng cao lên thì con số càng tăng gấp mười, há tiểu căn làm được ư?). Nhưng vì lãnh chúng quá sớm, chỉ chứng được Thiết Luân mà thôi! (Thiết Luân là địa vị Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc. Bát, Cửu, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở vào địa vị Thập Tín, còn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Nếu phá một phẩm vô minh, liền dự vào Sơ Trụ, mới có thể nói là viên chứng pháp Thật Tướng). (Trích từ Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia)

Như Trí Giả đại sư thật sự là hóa thân của Phật Thích Ca, đến lúc lâm chung, có người hỏi đến địa vị chứng nhập, bèn đáp: "Nếu ta không lãnh chúng, ắt tịnh sáu căn. Do tổn mình lợi người nên chỉ dự vào Ngũ Phẩm", tức là vẫn còn thuộc địa vị phàm phu. Ngũ Phẩm chính là địa vị Quán Hạnh trong Viên Giáo, sở ngộ ngang với Phật, đã khuất phục trọn vẹn Ngũ Trụ Phiền Não, nhưng chưa thể đoạn Kiến Hoặc. (Văn Sao Chánh Biên, thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận – 2)

7[7] Tứ Tín là một trong bốn địa vị đầu của Thập Tín. Ngũ Phẩm là Quán Hạnh địa.

Trong tông Thiên Thai, Quán Hạnh địa tu trọn đủ năm thứ Ngũ Phẩm Vị (Tùy Hỷ, Đọc Tụng, Thuyết Pháp...) Tổ Trí Khải tu trọn năm phẩm vị này nên nói là chứng Ngũ Phẩm.

sanh tới phẩm vị cao hơn mình, mình chịu phẩm vị thấp hơn cũng được! Nhưng mình nhất định phải được vãng sanh. Do đó việc này có giới hạn chứ không phải nói là không được vãng sanh, nhất định phải sanh Tịnh Độ. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, chẳng có nói chuyên vì người khác, tương lai mình không thể vãng sanh, chẳng phải như vậy. Đây là Trí Giả đại sư thị hiện, dạy cho chúng ta.

Ngũ phẩm Vị là gì? Trong Chú giải chỗ này cũng nói về Ngũ Phẩm Vị, người y theo một sự việc [dạy trong kinh] để tu hành, cúng dường, chuyển đọc, noi theo lời dạy trong kinh mà tu hành, một môn thâm nhập. Thiên Thai ngũ phẩm vị thứ nhất là 'Tùy Hỷ', trong tùy hỷ dứt nghi ngờ, đoạn dứt tâm tán loạn. Chuyên tu chuyên hoằng. 'Chuyên' thì sẽ phá trừ tâm tán loạn, tâm thần của họ được chuyên chú, không tán loạn; nói cách khác, vọng tưởng của họ ít. Thứ nhì 'Đọc Tụng', họ chuyên tụng một bộ kinh, chuyên học một bộ kinh, không tạp, giảm bớt ô nhiễm. Thứ ba 'Hoan Hỷ Thuyết Pháp', phá trừ keo pháp. Người thế gian keo kiệt tiền tài, người học Phật, người xuất gia không có tiền tài, chỉ có pháp. Sợ họ keo pháp, bạn có pháp nhưng không chịu dạy người ta, không chịu truyền pháp cho người khác, hoan hỷ thuyết pháp phá trừ được lỗi này, keo pháp là chướng ngại, là đại phiền não. Thứ tư 'Kiêm Hạnh Lục Độ', thứ năm 'Chánh Hạnh Lục Độ'. Kiêm Hạnh Lục Độ nghĩa là gì? Là tự mình tu, lục độ ở đây là tự lợi, chẳng phải lợi tha, cho nên gọi là 'Kiêm Hạnh'. Bố thí là gì? Bố thí là buông xuống, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đó là bố thí, bố thí này chẳng có ích lợi gì cho người khác. Trì giới là tự mình giữ gìn theo nề nếp trong đời sống hằng ngày, tự mình dụng công, làm theo dần dần, tuân theo quy củ, đều vì chính mình. Nhẫn nhục là tâm nhẫn nại, có tâm nhẫn nại trong sự tu học. Do đó lục độ này hoàn toàn đối nội, đối với chính mình, đó là Kiêm Hạnh Lục Độ; hiệu quả của nó là phá vô minh, sanh trí huệ.

Chánh hạnh Lục Độ là giúp đỡ chúng sanh trên sự tướng, Chánh Hạnh Lục Độ và Kiêm Hạnh Lục Độ sai khác ở chỗ này. Chánh hạnh bố thí là đem lại lợi ích cho chúng sanh, tài thí, pháp thí, vô úy thí, đây là đối với người khác, chẳng phải vì chính mình. Kiêm Hạnh Lục Độ là vì chính mình, Chánh Hạnh Lục Độ là đối với người khác. Do đó trong Chánh hạnh phải phá 'bốn tướng' như trong kinh Kim Cang có nói 'tức tướng ly tướng', chẳng phải là không làm, rất sốt sắng mà làm, nỗ lực làm, tuy làm nhưng không chấp tướng, trong đó tu 'chẳng có tướng Ta, chẳng có tướng Người, chẳng có tướng Chúng Sanh, chẳng có tướng Thọ Giả'. Trong kinh Bát Nhã có nói 'tam luân thể không', phương pháp tu học này tự lợi lợi tha. Lãnh chúng tu hành là Chánh Hạnh Lục Độ. Nhưng trong Chánh Hạnh Lục Độ, có thể lìa hết thảy tướng thì đó là Kiêm Hạnh Lục Độ, Chánh hạnh tức là lợi tha, Kiêm hạnh là tự lợi. Chẳng chấp tướng là tự lợi, có thể phá vô minh; Chấp tướng không thể phá vô minh, chấp tướng thì biến thành phước báo thế gian, đó là tu phước. Tu phước như vậy, giống như ngày nay cư sĩ Lý Mộc Nguyên chủ trì Cư Sĩ Lâm, Tịnh Tông Học Hội, nói thật ra cũng giống như Trí Giả đại sư, nếu ông Lý chấp tướng thì quả báo tương lai là Đại Phạm thiên vương, nếu ông ta không chấp tướng thì sanh về tây phương làm Phật, tu như vậy là phước báo chân thật, phước báo to lớn.

Do đó công đức tu hành của họ, tông Thiên Thai nói cũng giống như 'Ngũ Đình Tâm Quán' trong Tạng Giáo, cảnh giới cũng gần giống nhau. Ngũ Đình Tâm Quán là Sổ Tức (đếm hơi thở) để dẹp tán loạn, 'đình' nghĩa là dứt, Sổ Tức quán là để dứt tán loạn, Bất Tịnh Quán là để dứt tâm tham, dứt tham dục, Từ Bi Quán là để dứt sân khuể, Nhân Duyên Quán là để dứt ngu si, Niệm Phật là để dứt hết thảy nghiệp chướng, cho nên cũng giống cảnh giới của Ngũ Đình Tâm Quán. Trí Giả đại sư nói ngài vãng sanh chỉ được mức 'Ngũ Phẩm Vị', *'Khả đương ngũ phẩm, dĩ độc kinh, thị đệ nhị phẩm. Cúng dường nãi đệ tứ Kiêm Hạnh lục độ phẩm' (Có thể được Ngũ Phẩm. Đọc kinh là phẩm thứ nhì. Cúng Dường cho đến phẩm thứ tư Kiêm Hạnh Lục độ)*, đây là giới thiệu

sơ lược đại ý của Ngũ Phẩm Vị cho chư vị. Chúng ta coi tiếp hàng thứ hai trong Chú Giải *'Thỉ do nhất niệm tín giải' (đó là do một niệm tin, hiểu ban đầu),* lúc ban đầu người sơ học chúng ta tiếp xúc, tin tưởng, hiểu được, hiểu rõ. *'Dĩ chí thâm tín quán thành' (cho đến tin sâu quán thành),* sau khi hiểu rõ thì có thể y giáo phụng hành, lòng tin sẽ tăng thêm. Quán thành là gì? Cái nhìn vũ trụ nhân sanh của chúng ta thay đổi, dần dần cách nhìn, cách suy nghĩ của chúng ta rất giống với cách nhìn, cách suy nghĩ của Như Lai, Bồ Tát, như vậy là siêu phàm nhập thánh. Siêu phàm là siêu việt kiến giải của phàm phu, gần kề với kiến giải của Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là thánh nhân, cách suy nghĩ, cách nhìn của bạn giống với cách nhìn của Phật, Bồ Tát. *'Đương tri Ngũ Phẩm Quán Hạnh vi như Phật' (Nên biết Ngũ Phẩm Quán Hạnh cũng như Phật)*, Ngũ Phẩm Quán tuy chẳng rất cao, cao quá thì phàm phu làm không nổi. Ngũ Phẩm Quán thì phàm phu có thể làm nổi, tâm hạnh này của phàm phu cũng giống Phật, gần giống Phật, rất giống Phật. *'Cố lịnh ủng hộ dã' (do đó ông nên ủng hộ).* Cho nên đức Thế Tôn dặn dò 'người tu hành một môn này' tuy là phàm phu, nhưng cũng rất gần Phật, có cùng một mục tiêu, cùng phương hướng với Phật, dặn dò Kiên Lao địa thần phải bảo hộ người đó, ủng hộ người đó.

Hàng sau cùng, đây là lời nói trong kinh Kim Quang Minh, trang bốn mươi ba phần cuối, bắt đầu coi từ câu cuối *'Kiên Lao bạch Phật ngôn'* đây là lời Kiên Lao địa thần nói, tuy chẳng phải trong pháp hội này, chẳng phải trong kinh này, có thể thấy Kiên Lao địa thần đã phát nguyện nhiều lần giống như Địa Tạng Bồ Tát vậy. Ngài nói *'Thuyết pháp tỳ kheo, tọa pháp tòa thời, ngã thường trú dạ, vệ hộ bất ly, ẩn tế kỳ hình, tại pháp tòa hạ, đỉnh tải kỳ túc' (Tỳ kheo thuyết pháp, lúc ngồi trên pháp tòa, đêm ngày tôi thường hộ vệ chẳng rời khỏi, ẩn hình dưới pháp tòa, đầu đội chân [của tỳ kheo thuyết pháp]).* Chúng ta tin lời nói của địa thần là thật. Cho nên thật sự phát tâm thuyết pháp, dùng tâm chân thành, tâm vô tư, tâm lợi ích chúng sanh mà thuyết pháp, khi bạn ngồi trên ghế này thì Kiên Lao địa thần sẽ ở phía dưới ghế, địa thần cung kính đội [chân người thuyết pháp] trên đỉnh đầu. Từ đây có thể biết thăng tòa thuyết pháp không phải nói giỡn chơi, phải dùng tâm ân cần kính trọng, một tơ hào lơ đễnh cũng không được, bạn lơ đễnh thì sẽ mắc lỗi với địa thần. Do đó người đăng đàn thuyết pháp không đúng như pháp thì yêu ma quỷ quái vây quanh, đây là đạo lý nhất định. Ở những chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, phải tin sâu lời của Phật, lời Phật nói câu nào cũng chân thật, ý của đoạn này rất dài.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 42 (14-32-42)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 44, xin xem kinh văn:

Phi đản nhữ độc hộ thị nhân cố, diệc hữu Thích Phạm quyến thuộc, chư thiên quyến thuộc ủng hộ thị nhân.

Chẳng phải chỉ riêng mình ông hộ trì người đó, mà cũng có hàng quyến thuộc của Phạm Vương, Đế Thích, và quyến thuộc của chư thiên ủng hộ người đó nữa!

Đoạn kinh này tiếp theo đoạn trước, Kiên Lao địa thần hộ trì, cúng dường cho người chuyển đọc, tu hành y theo lý luận phương pháp của kinh này, Thế Tôn lại nói với chúng ta, không phải chỉ có địa thần hộ pháp hộ trì, 'Thích Phạm', 'Thích' là thiên vương Đế Thích, chúng ta thường gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, các tôn giáo ngoại quốc gọi là Thượng Đế, Thiên Chủ, 'Phạm' là Đại Phạm Thiên Vương. Những thiên vương và thiên thần này, chữ 'quyến thuộc' đều là thiên thần, chẳng có ai không ủng hộ người tu hành này. Người tu hành này là người như thế nào? Trang 42 phía trước, hôm nay

có vài vị đồng tu mới đến chưa nghe qua nên chúng ta hãy đọc một lượt hàng cuối trang 42: *'Nhược vị lai thế trung, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường Bồ Tát, cập chuyển độc thị kinh. Đản y Địa Tạng Bổn Nguyện kinh, nhất sự tu hành giả' (Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào cúng dường Bồ Tát cùng chuyển đọc kinh điển này, dù chỉ y theo một việc trong Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện mà tu hành)* họ chính là hạng người này. Chữ 'vị lai thế' tức là chỉ chúng ta ngày nay, năm xưa khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thường dùng chữ 'vị lai thế' hay chữ 'mạt pháp' để nói tới thời đại chúng ta ngày nay. Quan trọng là chữ 'Thiện', 'thiện nam tử, thiện nữ nhân', chữ 'thiện' ở đây là dùng tiêu chuẩn gì, người như thế nào mới gọi là thiện? Tiêu chuẩn đơn giản nhất là Tam Phước dạy trong Quán Kinh, trong phần tổng kết, đức Phật nói *[Tam Phước] là tịnh nghiệp chánh nhân của chư Phật ba đời*. Phước thứ nhất gồm có bốn câu: *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp'*. Làm được hết bốn điều này mới được gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân; đây là tiêu chuẩn thấp nhất của chữ 'thiện'. Nếu bốn điều này cũng không làm nổi thì không thể gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân, đây là điều chúng ta nhất định phải ghi nhớ, phải hiểu rõ. Tại sao chúng ta đọc kinh, y theo phương pháp dạy trong kinh để tu hành, kết quả không giống như kết quả nói trong kinh? Nguyên nhân là ở chỗ nào? Đều ở tại chữ 'thiện' này, trong kinh đã nói rất rõ ràng, phải là 'thiện' nam tử, 'thiện' nữ nhân. Nếu không phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân thì tu hành theo phương pháp này, quả báo sẽ thua rất xa, chẳng thù thắng như vậy, đây là việc mà chúng ta phải hiểu.

Tối hôm qua, trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc tới *'thiên vương ở cõi Tam thập tam'* đại biểu cho Sơ Địa Bồ Tát 'Hoan Hỷ Địa'. Tam thập tam thiên vương chính là thiên chủ cõi trời Đao Lợi, ngài tượng trưng cho ý nghĩa gì? Ngũ giới thập thiện. Nói cách khác, đó vẫn là phước thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, 'hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng', dùng tâm đại từ bi để tu mười nghiệp thiện, đó chính là 'Hoan Hỷ Địa'. Nếu chúng ta không thể y giáo phụng hành, ngay cả tiêu chuẩn thấp nhất của thiện nam tử, thiện nữ nhân cũng không đạt được, thì chúng ta học Phật cả đời có thể nói là chỉ kết thiện duyên với Phật mà thôi, có thể thành tựu hay không? Không thể thành tựu. Thành quả cao nhất cũng chẳng qua là đời sau được phước báo nhân thiên, không thể nào liễu sanh tử, thoát luân hồi, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Trong hết thảy kinh luận đều nói tới chữ 'thiện' này, chúng ta nhất định phải sốt sắng học theo. Phải đạt được tiêu chuẩn 'thiện' trong kinh, quả báo nói trong kinh quá thù thắng. Tiêu chuẩn này có thể đạt được quả báo thù thắng đó hay không? Không thể. Tại sao? Thiện này của bạn vừa đạt tới tiêu chuẩn, là thiện sơ cấp, chỉ là 'tiểu thiện'. Kinh Địa Tạng Bồ Tát là kinh Đại Thừa, không phải là Tiểu Thừa, do đó tiêu chuẩn của chữ 'thiện' này phải nâng cao lên, phước thứ hai trong Tam Phước: *'Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi'*. Đây là 'thiện' của Nhị Thừa, của A La Hán, Bích Chi Phật, cao hơn chữ thiện nói ở phần trước. Họ tu hành có thể đạt được quả báo này không? Vẫn chưa được, còn thiếu một chút. Nâng cao lên nữa là 'thiện' Đại Thừa, đó là '*Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả',* đây là tiêu chuẩn của chữ 'thiện' nói trong kinh này.

Bạn dùng tâm thiện, hạnh thiện này cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, chuyển đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, noi theo lý luận phương pháp của kinh này để chuyên tu, chuyên hoằng, 'nhất sự tu hành' là chuyên tu, chuyên hoằng, bạn mới được Kiên Lao địa thần ủng hộ, bạn mới được thiên vương, thiên thần của cõi trời Dục Giới, Sắc Giới ủng hộ. Họ dựa vào cái gì mà ủng hộ bạn? Vì bạn là Bồ Tát, thiện nam tử, thiện nữ nhân chẳng phải là người nào khác, là Bồ Tát thì họ làm sao không ủng hộ được? Bạn làm được điều thứ nhất trong Tam Phước thì bạn chỉ là người thiện trong thế gian, những thiện thần ở trời Dục Giới sẽ bảo hộ bạn, thần thổ địa ở nơi bạn ở sẽ bảo hựu bạn. Kiên Lao địa thần là Tổng địa thần của toàn thế giới, [làm tới mức thiện

thứ nhất thì] không cần ngài, ngài chỉ phái vài vị thổ địa là được. Nếu thiện của bạn đạt đến mức thiện của Nhị Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác, bạn chẳng còn là phàm phu nữa, trong Tiểu Thừa bạn đã dự vào dòng thánh, bạn có thể cảm được thiên thần ủng hộ bạn, những thiên vương này tôn kính bạn, thiên thần ủng hộ bạn. Khi bạn là Bồ Tát thì thiên vương tôn kính bạn, ủng hộ bạn.

Phía trước Kiên Lao địa thần đã nói, trong Chú Giải ghi lời trong kinh Kim Quang Minh, hàng thứ nhất trang 43 trong Chú Giải, bắt đầu từ câu cuối cùng *'Kiên Lao bạch với Phật'*, Kiên Lao địa thần là địa thần của toàn thế giới, chẳng phải địa thần thường. *'Khi Tỳ kheo thuyết pháp, lúc ngồi trên pháp tòa, ngày đêm tôi thường hộ vệ chẳng rời khỏi, ẩn hình dưới pháp tòa, đầu đội phía dưới chân [của tỳ kheo thuyết pháp]',* do đó đây không phải là việc thiện nhỏ có thể cảm được. Địa vị của Kiên Lao địa thần còn cao hơn vua Diêm La; vua Diêm La chỉ thống trị một nước, một quốc gia, còn Kiên Lao địa thần cai trị toàn thế giới. Thế giới của chúng ta vẫn chưa được như thế, khi toàn thế giới thống nhất rồi, vị quốc vương khi ấy mới là Kiên Lao địa thần. Kiên Lao địa thần [núp] ở dưới chỗ ngồi của bạn, đầu đội chân của bạn, [bạn nghĩ coi] bạn có phước báo lớn hay không! Do đó thiện nam tử, thiện nữ nhân nói ở đây là sự thiện to lớn, không phải là thiện nhỏ. Thiện nhỏ cảm được vị thổ địa nhỏ, đầu đội dưới ghế của bạn, bạn đã rất vinh dự rồi. Vị thần Thổ Địa cũng như làng trưởng, thôn trưởng. Do đó chúng ta phải hiểu rõ mỗi chữ, mỗi câu trong kinh thì mới không đến nỗi hiểu lầm. Từ đây có thể biết nếu bạn không phát đại tâm thì làm sao được? Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ [Bồ Tát] có tâm lượng lớn. Chư vị đã tham gia rất nhiều pháp hội, Phật sự, khi niệm sớ văn vừa mở đầu liền có câu *'tâm bao trùm hư không, lượng gồm hết thế giới nhiều như cát'*, hai câu này nghĩa là gì? Chính là phát Bồ Đề tâm. Vừa phát Bồ Đề tâm xong, tâm lượng đó liền bằng hư không pháp giới, người tâm lượng nhỏ nhoi còn chưa phát Bồ Đề tâm thì tâm đó là tâm mê muội; Bồ Đề nghĩa là giác ngộ, tâm giác ngộ bao trùm tận hư không, gồm hết pháp giới. Lượng gồm hết thế giới nhiều như cát, lượng lớn phước lớn, cảm động đến chư thiên, thiên vương, thiên thần tới ủng hộ bạn, cảm động được Kiên Lao địa thần dùng đầu đội chân của bạn, cung kính bạn như vậy.

Đoạn này trong Chú Giải rất quan trọng, chúng ta hãy đọc một lượt *'sơ cú, vị bất đản nhữ địa thần độc hộ' (Câu đầu, đức Phật nói: 'Chẳng chỉ có riêng mình ông là vị địa thần ủng hộ người thọ trì kinh')*, đây là khẩu khí của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. 'Nhữ' là chỉ Kiên Lao địa thần, nói người cúng dường, đọc kinh, y giáo phụng hành, không những địa thần ủng hộ kẻ ấy, ông (Kiên Lao địa thần) phát nguyện hộ trì kẻ ấy. *'Nhược quả như thượng tu vi' (nếu bạn có thể làm theo lời dạy ở trên)*, 'nhược' nghĩa là giả sử, nếu bạn có thể y giáo phụng hành như lời dạy trong kinh, nếu dùng cách nói hiện nay thì bạn có thể thực hiện được, bạn có thể làm được, người hộ trì nhiều *'diệc hữu Thích Phạm chư thiên quyến thuộc giai lai ủng hộ' (cũng có quyến thuộc chư thiên Thích Phạm đến ủng hộ)*. Phía sau Thanh Liên đại sư trích dẫn kinh điển để chứng minh câu này *'như Tứ Thiên Vương bạch Phật ngôn' (Như Tứ Thiên Vương bạch với đức Phật)*, đây là Tứ đại thiên vương của trời Dục Giới, *'thị nhân nhược đắc văn thị kinh điển, năng đắc vị lai hiện tại chủng chủng vô lượng công đức. Ngã đương ẩn tế, bất hiện kỳ thân. Vị thính pháp cố, đương chí sở chỉ giảng pháp chi xứ' (nếu người đó được nghe kinh điển này sẽ được vô lượng công đức trong hiện tại, vị lai. Vì để nghe pháp, tôi sẽ tới chỗ đang giảng pháp, ở lại đó, nhưng ẩn hình không hiện thân)*. Đây là nói tỳ kheo thăng tòa giảng kinh, Tứ đại thiên vương suất lãnh bát bộ quỷ thần đến nghe kinh nghe pháp, họ đến hộ trì đạo tràng. Trong đây quan trọng nhất là chúng ta phải suy nghĩ, chúng ta dựa vào cái gì mà có thể cảm động những thiên thần, những vị thần hộ pháp như vậy? Dựa vào đức hạnh của chính mình. Đức gì? Tánh đức trong tự tánh, tánh đức lưu lộ ra ngoài chính là đức hạnh, sự khởi tâm động niệm, lời nói hành động,

tương ứng với những lời dạy trong kinh luận của Phật, những lời dạy trong kinh luận của Phật đều là lời từ tự tánh của Như Lai lưu lộ ra, tương ứng với kinh điển tức là tương ứng với tánh đức trong tự tánh, cho nên mới có thể cảm động đến thiên địa quỷ thần, đạo lý là như vậy.

Sau đó lại nói 'Đại Phạm thiên vương', là thiên vương ở cõi trời Sắc Giới, Sơ Thiền Thiên. 'Thích Đề Hoàn Nhân' là thiên chủ cõi trời Đao Lợi. *'Đại Biện thiên thần, công đức tôn thiên, Tán Chi quỷ thần, đại tướng quân đẳng, nhị thập bát bộ quỷ thần đại tướng, Ma Hê Thủ La, Ma Ni Bạt Đà quỷ thần đại tướng. Quỷ Tử Mẫu cập ngũ bá quỷ tử' (Đại Biện thiên thần, công đức tôn thiên, Tán Chi8**[8]** quỷ thần, đại tướng quân, v.v., hai mươi tám bộ quỷ thần đại tướng, Ma Hê Thủ La, Ma Ni Bạt Đà quỷ thần đại tướng. Quỷ Tử Mẫu9**[9]** và năm trăm quỷ con)*, phía sau là *'vô lượng bá thiên vạn ức na do tha quỷ thần chư thiên, như thị đẳng chúng, vị thính pháp cố, tất tự ẩn tế, bất hiện kỳ thân, chí thị nhân sở chỉ giảng pháp chi xứ' (vô lượng trăm ngàn vạn ức na do tha quỷ thần cõi trời, những vị này vì muốn nghe pháp nên phải tự ẩn hình, chẳng hiện ra, và đến đứng ở chỗ người đó giảng kinh).* Ngày nay chúng ta tự mình tu học chẳng đạt tới trình độ này, không thể đạt tới trình độ thượng thiện, chưa chắc đã đạt được trình độ trung thiện, đây là trình độ thấp nhất, trước kia chúng tôi đã nói rất nhiều, chư vị có thể tìm những băng ghi âm này để tham khảo. Trong đó có một nguyên tắc chung, đó là phải dùng chân tâm, dùng tâm chân thành, chẳng lừa gạt chính mình, chẳng lừa gạt người khác, *'hết thảy phải làm từ tâm chân thật'*, thì bạn mới có thể đạt tới tiêu chuẩn của 'thiện', bạn mới là 'thiện nam tử, thiện nữ nhân' như trong kinh nói.

Cuối cùng ngài còn nêu 'kinh Kim Quang Minh, viên kinh Phương Đẳng'. câu này hàm chứa rất nhiều kinh luận, Viên nghĩa là kinh điển thuộc Viên Giáo. *'Thiên long thần quỷ ủng hộ nhược tư. Huống kim khai hiển tối thượng chi điển' (Thiên long quỷ thần ủng hộ cũng như vậy, huống chi nay khai hiển kinh điển tối cao)*, câu này cổ đức thừa nhận kinh "Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện' là kinh điển tối cao. Hai chữ 'Khai hiển', giống ý nghĩa của câu *'khai hóa hiển thị chân thật chi tế'* trong kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện này cũng khai hóa hiển thị chân thật chi tế. *'Kỳ Phạm Thích thiên đẳng ủng hộ chi lực, hề sĩ cánh ngôn tai (Sức ủng hộ của các Phạm Thiên, Thích Đề Hoàn Nhơn đâu cần nói thêm),* nói nhiều thêm làm chi, nhất định sẽ cảm được thiên vương và thiên thần cõi trời Sắc Giới và Dục Giới ủng hộ. Người phát tâm học Giáo, bất luận tại gia, xuất gia, người hoằng pháp lợi sanh, không thể không biết chân tướng sự thật này, khi bạn hiểu rõ việc này xong thì phải dốc hết sức lực, sốt sắng mà làm; nếu bạn không sốt sắng nỗ lực, chỉ làm một cách qua loa, không những có lỗi đối với người ta mà còn có lỗi đối với những quỷ thần này, chúng ta nhất định phải hiểu như vậy. Ý nghĩa đoạn kinh sau còn hay hơn nữa:

Hà cố đắc như thị thánh hiền ủng hộ.

Tại sao người đó lại được chư hiền thánh ủng hộ như thế?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặt ra một câu hỏi, nhắc nhở mọi người chú ý, vì nguyên nhân, lý do gì mà bạn được chư thánh hiền ủng hộ như vậy? Phật dùng hai chữ 'thánh hiền' nghĩa là nói rõ những thiên vương, thiên thần, gồm cả Kiên Lao địa thần chẳng phải là phàm phu, mà là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, trong sáu cõi được họ ủng hộ tức là được chư Phật, Bồ Tát ủng hộ, làm sao bạn được như vậy? Phần sau nói:

8[8] Tán Chi là một vị đại tướng trong số tám đại tướng của Tỳ Sa Môn thiên vương. Như vậy Tán Chi quỷ thần chính là Tán Chi đại tướng và các vị quỷ thần do Ngài thống lãnh.

9[9] Quỷ Tử Mẫu (Ha Rị Đế, Ha Lợi Đế) là một vị thần được sùng phụng trong Mật Giáo như thần hộ pháp.

Giai do chiêm lễ Địa Tạng hình tượng cập chuyển độc thị bổn nguyện kinh cố.

Ấy đều do chiêm lễ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng đọc tụng Kinh Bổn Nguyện này,

Có phải 'Chiêm lễ' là thờ một tượng Bồ Tát Địa Tạng, mỗi ngày vái chào, cúi đầu lạy? Mỗi ngày đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện từ đầu tới cuối? Có phải làm xong thì bạn liền được lợi ích to lớn như vậy? Hãy nhớ một câu ở đoạn trên 'chuyên tu chuyên hoằng, y giáo phụng hành' thì mới được! 'Chiêm lễ' chẳng phải chỉ ở trên hình thức, phải *'nhìn thấy thánh hiền mong được bằng',* học Địa Tạng Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát thì [phải nghĩ] mình phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, phải bắt chước ngài, dùng Địa Tạng Bồ Tát làm mô phạm, gương mẫu cho mình học Phật, chúng ta phải làm theo giống y như ngài, đó gọi là 'chiêm lễ'. 'Chuyển độc' quan trọng ở chữ 'chuyển', ngày nay chúng ta biết đọc chứ chẳng biết 'chuyển'. 'Chuyển' nghĩa là gì? Chuyển đổi cảnh giới của mình, lúc chưa biết đọc kinh thì chúng ta có rất nhiều cách suy nghĩ, nhiều cách nhìn, cách nói, cách làm, tất cả đều sai lầm! Bây giờ mở cuốn kinh này ra đọc xong mới hoát nhiên đại ngộ, hiểu rõ xong sửa đổi những sai lầm thuở trước, làm giống như [lời dạy của chư] Phật, Bồ Tát, đó gọi là chuyển. Chữ chuyển này nói đơn giản nghĩa là chuyển biến, chúng ta thường nói 'chuyển phàm thành thánh', đọc kinh này xong bạn biết 'chuyển' thì công đức này rất lớn. Sự chuyển biến, thay đổi này của bạn vô cùng hiếm có, quý báu, bạn chẳng phải Tiểu Thừa, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Bích Chi Phật, chẳng phải là Bồ Tát thông thường, mà là Địa Tạng Bồ Tát chứ không phải thường.

Cho nên phải thường đọc kinh, mỗi ngày đọc, mỗi ngày chuyển. Nếu bạn không đọc, bạn làm sao chuyển được? Câu 'đọc tụng Đại Thừa' trong Tịnh Nghiệp Tam Phước rất quan trọng, mỗi ngày phải đọc kinh, phải đọc cho thiệt thuộc thì khi dấy khởi tâm niệm bạn mới có thể 'chuyển' đổi, đạo lý là ở chỗ này. Đọc kinh nhưng chẳng thể chuyển đổi cảnh giới thì cũng như không đọc. Cho nên có người biết đọc kinh, có người không biết đọc, người không biết đọc thì đọc cho Phật, Bồ Tát nghe, chẳng ăn nhằm gì tới mình, còn người biết đọc thì đọc cho chính mình nghe, chẳng ăn nhằm gì tới người khác, chắc chắn chuyển đổi cảnh giới của mình. Trong 'Đàn Kinh' có nhắc tới chuyện Pháp Đạt thiền sư tụng kinh Pháp Hoa hết 3000 lần cũng chưa khai ngộ. Sau khi ngộ xong ngài rất cảm khái và nói với Lục Tổ đại sư: 'Lúc trước tuy mỗi ngày tụng kinh Pháp Hoa, tụng hết ba ngàn biến đều là bị Pháp Hoa chuyển, ngày nay ngộ xong mới chuyển Pháp Hoa', như vậy gọi là 'chuyển đọc', pháp sư Pháp Đạt làm tấm gương sáng cho chúng ta. Tới lúc nào bạn có thể 'chuyển kinh' mà không bị kinh chuyển? Bị kinh chuyển là kẹt cứng vào câu kinh, bạn đọc sách 'chết cứng', bạn chẳng thể khai ngộ. Khi bạn có thể chuyển kinh, bạn khai ngộ từ cuốn kinh này. Ngộ xong thì từng câu, từng chữ đều hết sức sống động, từng câu, từng chữ đều có vô lượng nghĩa. Bạn giải thích cho chúng sanh, giải thích dài cũng được, ngắn cũng được, giải thích sâu hay cạn đều được hết, đều tự tại. Do đó tụng kinh có phải là tu hành hay không? Chính là tu hành, người biết đọc thì là tu hành, người không biết đọc thì không phải là tu hành. Cổ đức dạy chúng ta 'tùy văn nhập quán', đó là tu hành, chúng ta quán tưởng thuận theo lời Phật dạy thì sẽ tương ứng, sẽ khế nhập, đó là chân tu, viên tu viên chứng.

Ai đã làm nổi? Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm. Bạn coi Thiện Tài đồng tử nghe pháp, mỗi lần thăm hỏi một vị thiện tri thức xong thì địa vị của ngài nâng lên một tầng. Lúc ngài tham phỏng tỳ kheo Đức Vân là Sơ Trụ Bồ Tát, tham phỏng tới tỳ kheo Hải Vân là Nhị Trụ Bồ Tát, tham phỏng tỳ kheo Diệu Trụ là Tam Trụ Bồ Tát, không ngừng nâng cao. Tới sau cùng tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát

dùng thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, ngài liền thành Phật, ngài chứng quả vị Phật viên mãn. Tại sao Thiện Tài đồng tử có thể? Tùy văn nhập quán, tùy theo lời dạy của thiện tri thức, ngài liền có thể khế nhập cảnh giới. Ngày nay chúng ta tu học, tu hết mấy chục năm mà vẫn còn là phàm phu, chẳng có chuyển đổi, khổ ở tại chỗ [chúng ta không thể 'chuyển']; niệm niệm vẫn tùy thuận theo phiền não, như vậy thì làm sao được! Tới lúc nào chúng ta có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, bạn có thể tùy thuận Bồ Đề, chẳng tùy thuận phiền não thì bạn sẽ thành tựu, bạn sẽ thành Phật. Do đó chữ quan trọng nhất trong đoạn kinh này là 'chuyển', vấn đề là bạn chuyển nổi không? Nếu có thể chuyển đọc bộ kinh này, phần sau nói quả báo của việc này.

Tự nhiên tất cánh xuất ly khổ hải, chứng Niết Bàn lạc

Nên tự nhiên được rốt ráo xa lìa biển khổ, chứng được Niết Bàn yên vui.

Đây là quả báo. 'Xuất ly khổ hải', phía trước thêm chữ 'tất cánh'; nếu không thêm chữ 'tất cánh' thì chữ 'xuất ly khổ hải' chỉ cho lục đạo luân hồi, nếu thêm chữ 'tất cánh' thì không chỉ lục đạo luân hồi mà còn bao gồm thập pháp giới. 'Tất cánh xuất ly khổ hải' là siêu việt mười pháp giới, chứng đại Niết Bàn. Đây là quả vị gì? Thấp nhất là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát, đây là nói tiêu chuẩn thấp nhất. Trên thật tế thì sao? Trên thật tế thì không phải là địa vị này, mà siêu việt Thập Địa mới gọi là 'rốt ráo thoát ly khổ hải'. Cũng có nghĩa là phá hết vô minh, chứng được niềm vui đại Niết Bàn trong quả vị Như Lai của Viên Giáo.

Dĩ thị chi cố, đắc đại ủng hộ.

Vì thế mà được sự ủng hộ lớn lao.

Là đạo lý và nguyên nhân như vậy, cho nên được chư Phật Như Lai hộ niệm, thiên vương, thiên thần ủng hộ. Chúng ta phải hỏi chúng ta có thể làm được không? Đương nhiên là có thể, nếu không thì đức Phật sẽ không nói những lời này với chúng ta. Phật nói ra nhưng chúng ta làm không nổi thì đó không phải là nói giỡn chơi, nói để dụ chúng ta hay sao? Nói vậy thì Phật cũng có lỗi. Những lời đức Phật nói đều là việc chúng ta có thể làm được, vấn đề là bạn chịu làm hay không. Nếu bạn chịu làm thì không có gì không thể làm được hết, chỉ chuyển biến từ trong một niệm. Trong đại giáo viên đốn, chỉ cần xả bỏ tâm niệm tự tư tự lợi thì bạn liền có thể làm được. Chỉ cần bạn khởi tâm động niệm đều vì hết thảy chúng sanh, chữ 'hết thảy' chẳng phải chỉ là một địa phương này, chẳng phải là một quốc gia, cũng chẳng phải là một thế giới, cũng chẳng phải là một cái tam thiên đại thiên thế giới, mà là hết thảy chúng sanh trong tận hư không trọn hết pháp giới. Như vậy thì bạn mới thật sự làm được *'tâm bao trùm hư không, lượng gồm thâu thế giới nhiều như cát'*, cảnh giới của bạn sẽ chuyển đổi trở lại, sẽ nhập vào cảnh giới của chư Phật Như Lai, bạn sẽ được chư Phật Như Lai gia trì, hộ niệm, trí huệ sẽ mở mang, phiền não sẽ đoạn dứt. Làm sao đoạn phiền não? Bạn phải biết cội gốc của phiền não là gì? Cội gốc chính là ngã chấp, tự tư tự lợi, đó là cội nguồn của phiền não. Nếu ngày nay bạn không có tâm niệm tự tư tự lợi, niệm niệm đều vì chúng sanh, niệm niệm đều vì Phật pháp, vì hư không pháp giới, thì cội nguồn phiền não của bạn sẽ mất hết, vậy thì làm sao đoạn không dứt? Không đoạn nhưng tự nhiên mất hết. Phiền não mất hết thì tự tánh Bát Nhã trí huệ sẽ hiện ra.

Các bạn mỗi ngày đều mong cầu trí huệ, nhưng không chịu phát tâm vì hết thảy chúng sanh thì trí huệ làm sao mà có? Trí huệ làm sao hiện ra nổi? Niệm niệm đều tự tư tự lợi thì đây là chướng ngại to lớn. Không những bạn không siêu việt thập pháp giới, mà cũng không siêu việt nổi lục đạo, không những không siêu việt lục đạo, ngay cả Dục Giới cũng không siêu việt nổi, không gian sinh hoạt của bạn quá nhỏ! Bạn sinh sống rất cực khổ, rất đáng thương! Nguyên nhân là gì? Ngã chấp quá cứng chắc, phân biệt chấp trước từ vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp đều bị nó hại. Tự bạn phải

hiểu rõ, nhất định phải sáng suốt, buông xuống phân biệt chấp trước, buông xuống tự tư tự lợi thì tương lai của bạn sẽ rạng rỡ, bạn sẽ được đại tự tại, phước đức to lớn. Chúng ta đã từng nghe đức Phật nói như vậy trong kinh điển, bộ kinh này rất hay, vừa mở đầu đức Phật phóng hào quang, đức Thế Tôn nói ra mười vầng mây quang minh, đó là từ tự tánh tuôn trào ra. Trong đó có Đại Phước Đức, Đại Cát Tường, Đại Viên Mãn, chỉ cần xả bỏ một niệm tự tư thì bạn liền đạt được hết thảy. Chư Phật Bồ Tát đạt được, các ngài chẳng có tâm riêng tư, chẳng có tư dục; phàm phu chúng ta không đạt được vì chúng ta bị tư dục chướng ngại mất. Trong kinh Phật thường nói tới Nhị Chướng, Tam Chướng; Nhị Chướng là Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng. Phiền Não Chướng chính là dục vọng, tự tư tự lợi, Sở Tri Chướng chính là thành kiến, sự suy tưởng của mình, cách nhìn của mình đều là Sở Tri Chướng, gây chướng ngại làm cho tánh đức của bạn không thể hiện ra. Bạn nói có đáng thương hay không!

Trong Chú Giải có vài câu rất quan trọng, chúng ta hãy đọc xem, trang 45 hàng thứ ba đếm ngược lại, bắt đầu từ chữ thứ tư, đây là nói *'tất cánh xuất ly khổ hải' (nhất định thoát lìa biển khổ)*, 'khổ hải' nghĩa là gì? *'Kim chỉ nghiệp hải, khổ hữu vạn đoan' (ở đây chỉ biển nghiệp, khổ có vạn mối)*, khổ hải ở đây là nghiệp hải, biển nghiệp này rất lớn, bạn tạo nghiệp, bạn tạo thiện nghiệp thì được thiện báo, tạo ác nghiệp thì có ác báo, thiện báo, ác báo đều chẳng tự tại. Nếu nói từ lục đạo, mọi người thường nghe tới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba đường ác, còn cõi trời, người, A Tu La là ba đường thiện, lục đạo chính là biển nghiệp. Nếu phóng lớn ra, tứ thánh pháp giới là thiện nghiệp, lục đạo đều là ác nghiệp, tất cả đều là biển nghiệp. Thập pháp giới là biển nghiệp lớn, lục đạo là một phần trong cái biển nghiệp lớn này, là nơi khổ nhất. Thoát khỏi biển nghiệp, thoát khỏi thập pháp giới. Trong Chú Giải nói *'ký do lễ độc' (đều do lễ, đọc),* chiêm lễ, chuyển đọc. *'Xuất ly vô nan' (thoát ly không khó)*, mỗi ngày bạn chiêm ngưỡng, lễ bái tượng Địa Tạng Bồ Tát, ngưỡng mộ, tôn trọng Địa Tạng Bồ Tát, noi gương học theo Địa Tạng Bồ Tát, lại có thể đọc kinh, y giáo phụng hành thì thoát ly biển nghiệp sẽ không khó. *'Ngôn tự nhiên, tự nhiên tất cánh' (nói tự nhiên, thì tự nhiên rốt ráo)*; '*tắc bất gia miễn cưỡng. Thuyết tất cánh tắc đáo để bất hư' (nói tự nhiên thì chẳng miễn cưỡng, nói rốt ráo thì đích thực chẳng hư dối)*, những chữ này vô cùng quan trọng.

Cho nên tu hành nhất định phải tu tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác, thì hết thảy đều là tự nhiên. Có nguyện không mong cầu, nguyện sanh tây phương Tịnh Độ, nguyện này chẳng có mong cầu. Nguyện là chân tâm, cầu là vọng tâm, chúng ta phải hiểu sự khác biệt giữa hai chữ này; nguyện là tùy duyên, cầu là phan duyên. Tôi nêu ra một thí dụ cho mọi người dễ hiểu, chúng ta mong cầu có một Niệm Phật đường tốt, sự mong cầu này là nguyện. Tôi mong cầu từ lúc nào? Các bạn coi trong cuốn bút ký của tôi có ghi, năm 1961 tôi đã mong cầu. Đây là nguyện cầu, tôi chẳng phan duyên, tôi chẳng đi khắp nơi kêu mọi người quyên góp, để xây dựng, tôi chẳng làm vậy, ba mươi năm nay tùy thuận tự nhiên. Tới đây chỉ nói khơi khơi thì họ đã thật sự làm được, đây là tùy duyên. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên và các bạn đồng tu ở đây làm thật sự, làm hết lòng, chúng tôi bất quá chỉ khởi lên một vọng tưởng mà thôi, đã khởi lên vọng tưởng 30 năm, chẳng hy vọng mong cầu trong đời tôi thật sự xây dựng một đạo tràng, chẳng có tâm niệm này, chẳng móng ý niệm này. Họ nghe tôi nói xong liền sốt sắng làm, đây là chuyện tốt, tôi liền thuận theo dòng nước mà đẩy thuyền. Từ điểm này chư vị có thể thấy được 'nguyện' khác với 'cầu', tùy thuận tự nhiên mà thành tựu, chẳng có tơ hào miễn cưỡng thì bạn được tự tại. Nếu mỗi ngày đều mong cầu, hy vọng mau mau thành công, như vậy thì mệt chết, như vậy thì quá khổ, cái gánh nặng này quá nặng, có nguyện chẳng cầu thì chẳng có gánh nặng gì cả. Chúng sanh có phước thì chư Phật thiện thần ủng hộ, nó tự nhiên sẽ xuất hiện; nếu chúng sanh chẳng có phước báo, chúng ta có miễn cưỡng như thế nào đi nữa cũng sẽ không thành.

Nhà Phật thường nói 'Trong nhà Phật có cầu ắt ứng', chữ 'cầu' này là 'nguyện', nguyện là tùy duyên, chẳng phải sự mong cầu của người thế gian, mong cầu là phan duyên. Dù phan duyên được thành tựu, phiền phức rất nhiều, nó chẳng thành tựu một cách tự nhiên, thành tựu rất gượng ép, hậu quả sau đó sẽ chẳng vừa ý, chẳng lý tưởng. Rất nhiều đại đức từ xưa tới nay, từ hành nghi thị hiện độ hóa chúng sanh của họ chúng ta có thể nhìn thấy, họ chẳng gượng ép.

Trong đời tôi chưa từng khởi lên ý niệm phải xây đạo tràng, tại sao? Vì phước của tôi rất mỏng, cả đời tôi chưa từng mở miệng quyên góp xin tiền, đây là tánh tình vốn có của tôi, ngửa tay xin tiền người ta tôi cảm thấy rất ái ngại, rất khó chịu. Vì chính bản thân tôi cũng không chịu làm thì làm sao làm cho người khác được, làm gì có đạo lý này? Do đó đôi lúc tôi chỉ nói khơi khơi trên giảng đài mà thôi. Người nói thì không có tâm, người nghe lại có ý định như vậy, họ đã làm thật sự, làm thiệt hoàn hảo! Quý vị làm, tôi cũng không phản đối, cũng chẳng ngăn cản. Thư viện Hoa Tạng ở Cảnh Mỹ, Đài Bắc cũng thành tựu giống như vậy; Nhiều người chẳng biết sự thành tựu của thư viện Hoa Tạng đều do thính chúng tức giận mà có được. Năm ấy trong pháp hội Nhân Vương, lúc đó trong hội thí pháp Hoa Tạng, Hàn Quán Trưởng dẫn đầu, lúc đó cũng có Đạo An lão pháp sư tham dự, chúng tôi mướn và mượn đạo tràng của hội Trung Quốc Phật Giáo, mượn đạo tràng này để giảng kinh Nhân Vương trong vòng 20 ngày. Những pháp sư và đại đức trong hội Phật Giáo này bắt bẻ gây khó khăn cho chúng tôi, tìm đủ mọi cách để cản trở làm cho pháp hội giảng kinh không được viên mãn, vì giảng kinh này là cầu phước cho quốc gia, chúng tôi kiên quyết phải giảng cho được viên mãn, bởi vậy nên làm cho sự việc không được xuông xẻ lắm, nhưng rốt cuộc cũng giảng xong bộ kinh này. Thính chúng biết chuyện này nên rất tức giận, họ nói 'Quý vị không chịu cho mượn thì chúng tôi tự xây đạo tràng', sau đó mọi người hùn tiền nhau mua thư viện Cảnh Mỹ; tôi chẳng có kêu gọi họ đóng góp, đều là họ tự phát tâm, cho nên thư viện Cảnh Mỹ là do thính chúng nổi giận mà có được. Như vậy cũng tốt, [thư viện Cảnh Mỹ] là nơi giảng kinh trên hai mươi năm qua, củng cố cơ sở cho công việc hoằng pháp của chúng ta, đây là tùy duyên tự nhiên thành tựu.

Đạo tràng thứ hai ở Đài Loan là Hội Cơ Kim Giáo Dục Phật Đà; chẳng phải do tôi tìm họ, mà là họ tìm tôi, đó là tài sản của cư sĩ Giản Phong Văn, ông ta xây căn lầu này, phát tâm tặng cho tôi một tầng để làm giảng đường. Ban đầu tôi cũng chẳng quen biết gì với ông ta, chưa từng gặp mặt, một hôm đột nhiên ông ta tới và nói muốn tặng một tầng lầu cho tôi, tầng lầu đó nhiều tiền lắm chứ chẳng rẻ gì. Ông nói xong tôi đánh dấu hỏi, nhưng cứ tạm nghe cho xong chuyện, ông có cho thì cũng tốt, không cho thì cũng tốt, chẳng để ý tới, ông ta cũng biết là tôi chẳng tin ông ta. Hai tuần sau, ông ta viết một lá thơ tới nói ông thành tâm thành ý cúng dường đạo tràng này. Lá thơ đó chẳng có hiệu quả gì trên pháp lý, chỉ là biểu lộ tấm lòng thành của ông ta mà thôi. Chúng tôi cũng vui mừng tiếp nhận, nói 'Tốt quá, quý quá', khen ngợi vài câu rồi thôi! Sau đó tôi đi hoằng pháp ở Mỹ, ở Mỹ tính làm thẻ xanh cho nên lúc đó lưu lại Mỹ hết 11 tháng, đó là thời gian ở Mỹ lâu nhất. Sau khi trở về Đài Loan, căn lầu này đã xây xong, ông ta tới phi trường đón tôi, đưa cho tôi hết thảy giấy tờ chủ quyền của căn lầu này, lúc đó mới thật sự là đã cúng dường căn lầu này. Tôi hỏi ông: 'Ông quyên căn lầu, sau này có muốn lấy lại không?'. Ông nói: 'Không, tuyệt đối sẽ không lấy lại'. Tôi nói 'Tốt, nếu không lấy lại thì chúng ta hãy đi làm giấy công chứng, chuyển nhượng căn lầu này biến thành Hội Cơ Kim Giáo Dục Phật Đà, căn lầu này sẽ trở thành tài sản của hội Cơ Kim Giáo Dục Phật Đà. Một ngày nào đó hội này giải tán, không hoạt động nữa thì tài sản này biến thành tài sản của quốc gia, chẳng thuộc bất cứ một người nào. Ông ta đồng ý nên chúng tôi đã làm như vậy. Ông ta tặng cho tôi, tôi chẳng muốn nhận. Bạn hãy xem, đạo tràng này được thành lập một cách tự nhiên như vậy, [lúc ban đầu] tôi chẳng có yêu cầu mong muốn gì nơi ông ta.

Đạo tràng ở Dallas, Mỹ quốc của chúng ta, tôi không mấy gì thích khu vực đó, Hàn Quán trưởng cũng chẳng thích, nhưng cứ được xây dựng nơi đó, là do Phật, Bồ Tát xây dựng vậy. Mọi người mang tiền tới [xây dựng đạo tràng], đến khi đạo tràng xây dựng xong thì tiền ngưng tới, chúng tôi chẳng có quyên tiền gì hết, chẳng xin người ta, đạo tràng tự nhiên thành tựu. Cho nên cả đời này chúng tôi sinh sống vô cùng thoải mái, vô cùng hạnh phúc, chẳng có áp lực gì hết, chúng tôi tuyệt đối chẳng tìm phiền phức cho mình, chẳng để cho mình sinh sống trong đau khổ. Cầu xin người ta rất khổ, phải coi nét mặt của người ta, vậy thì rất khổ. Ở ngoại quốc phải mượn tiền ngân hàng [để xây đạo tràng], bạn coi cái gánh đó nặng đến mức độ nào! Tôi [thiếu nợ] không được, nếu tôi có thiếu nợ thì ban đêm sẽ ngủ không yên. Có nhiều người rất phi thường, mang nợ đầy mình nhưng họ cũng ngủ ngon lành, tôi rất khâm phục họ. Tôi tuyệt đối không thể làm việc mà đòi hỏi phải phụ trách, tuyệt đối không thể cầu người. Chúng tôi sống thanh bần, thân tâm yên ổn, tự tại vui vẻ, chẳng có một tí gánh nặng gì hết. Như vậy thì bạn mới có thể thoát ra khỏi biển khổ, tu hành cũng như vậy. Niệm Phật thì thật thà niệm là được, phát nguyện cầu sanh tây phương Cực Lạc thế giới, chẳng cần phải nôn nóng, đừng cứ trông ngóng mỗi ngày, đừng hỏi 'A Di Đà Phật khi nào mới tới? [Tại sao] tôi còn chưa thấy Phật? Nếu bạn có tâm này, như vậy là có tâm mong cầu, tâm phan duyên, sợ là chẳng thể vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới được, tại sao vậy? Lúc bạn niệm Phật bị xen tạp, xen tạp vô vọng tưởng. Chỉ cần niệm một câu Phật hiệu này tới cùng, phát nguyện sanh tây phương, ngày nào vãng sanh cũng được, lúc nào đức Phật tới cũng được, đừng có phan duyên, tùy duyên mới tốt. Khi còn chưa vãng sanh, tấm thân này còn giữ lại trên thế gian thì hãy tận tâm tận lực giới thiệu pháp môn này cho chúng sanh, giải thích rõ ràng công đức lợi ích của pháp môn này cho mọi người thì rất tốt. Cứ như vậy yên tâm đợi đức Phật A Di Đà tới tiếp dẫn bạn, chẳng có nôn nóng gì hết, như vậy mới được.

Chúng ta xem phần Chú Giải tiếp theo *'Thị cố hành giả ưng đương chí tâm. Nhược chí tâm giả sở cầu tất hoạch, xuất khổ chứng lạc' (do đó hành giả nên chí tâm, nếu chí tâm thì cầu gì đều được, thoát khổ đạt được vui sướng)*, mấy câu này nói thiệt hay. 'Hành giả' nghĩa là người y giáo phụng hành, bạn nên tu hành như thế nào? Nên dùng chân tâm, chí tâm tức là chân tâm, bạn nên dùng chân tâm để tu. Xen tạp vọng tưởng tức là không phải chân tâm, [chúng ta ráng] đừng xen tạp vọng tưởng, chỉ cần dùng chân tâm để tu học thì nhất định sẽ có cảm ứng. 'Sở cầu tất hoạch', sự mong cầu này là nguyện, bạn nhất định sẽ được mãn nguyện. 'Xuất khổ chứng lạc', không những siêu việt lục đạo, mà còn phải siêu việt thập pháp giới, vãng sanh bất thoái thành Phật. Sanh tới tây phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Chí Bồ Tát, công đức lợi ích thù thắng như vậy thiệt là hiếm hoi, khó gặp. Những câu cuối *'thử chánh Giáo Chủ thiên cung phó chúc chi tâm' (đó chính là tâm của Giáo Chủ phó chúc ở nơi cung trời)*, Giáo Chủ chính là đức Phật Thích Ca Mâu Ni; thiên cung là cõi trời Đao Lợi, nơi đức Phật giảng bộ kinh này. Đức Thế Tôn phó chúc sự nghiệp giáo hóa chúng sanh sau khi đức Phật diệt độ cho Địa Tạng Bồ Tát. *'Diệc Địa Tạng u đồ hóa nhân chi niệm thiết tại chuyên hành, nhân quả bất sảng như mao phát giả' (Cũng là ý niệm của Địa Tạng giáo hóa chúng sanh ở chốn u đồ khẩn thiết ở chỗ chuyên hành, nhân quả dẫu nhỏ như sợi tóc cũng chẳng sai)*, một bên là người phó thác, còn một bên là người nhận sự phó thác, Địa Tạng Bồ Tát là người nhận sự phó thác của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài vô cùng từ bi, phát nguyện làm U Minh giáo chủ. U Minh, mọi người thường nhìn hai chữ này liền nghĩ tới ngạ quỷ, địa ngục, thật ra ý nghĩa của hai chữ này rất rộng. U Minh nghĩa là vô minh, chẳng phá vô minh là ở trong U Minh, từ nghĩa này mà nói thì thập pháp giới đều là U Minh. Phật, Bồ Tát trong thập pháp giới còn chưa phá vô minh, chưa thấy pháp thân, do đó phạm vi của hai chữ U Minh này rất rộng. Địa Tạng Bồ Tát phải gánh vác sứ mạng giáo hóa chúng sanh trong thập pháp giới. 'Vì thế nên được sự

ủng hộ to lớn', câu này là tổng kết, vì hai duyên cớ này nên ngài được chư thiên, thiên vương, thiên thần ủng hộ.

Phẩm này giảng tới đây là chấm dứt, phẩm sau là phẩm 'Kiến Văn Lợi Ích', trong phần Lưu Thông đây là 'Kiến Văn Lợi Ích Lưu Thông'. Trong Chú Giải trang 46, hàng thứ nhất có một đoạn giới thiệu đơn giản, giới thiệu chương này, *'vị kiến Địa Tạng chi tượng, văn Địa Tạng chi danh, vô bất hoạch đại lợi ích. Liệt đồng Quán Âm văn danh, kiến thân, tâm niệm giả giai năng diệt khổ' (nói nhìn thấy tượng Địa Tạng Bồ Tát, nghe danh hiệu Địa Tạng, chẳng có ai không đạt được lợi ích to lớn. Giống như nghe danh hiệu, nhìn thấy hóa thân, tâm niệm Quán Âm đều có thể diệt khổ)*, ý nghĩa câu này rất sâu. Nhìn thấy hình tượng của Bồ Tát, nghe tới danh hiệu Bồ Tát thật là có thể diệt khổ hay không? Đúng vậy, nhưng không phải ngay hiện tại, mà là trong tương lai. Hiện nay trồng nhân, như câu nói *'một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn thành hạt giống đạo'*, mắt bạn nhìn thấy tướng, đó là 'một phen lọt vào mắt thì vĩnh viễn thành hạt giống đạo', do đó lợi ích này không thể nghĩ bàn. Khi nào mới đạt được lợi ích này? Tới khi nào tâm hạnh của bạn tương ứng với tâm hạnh của Bồ Tát thì lúc đó lợi ích sẽ hiện ra. Tuy nhìn thấy hình tượng, nghe danh hiệu, nhưng tâm của bạn, hành vi của bạn chẳng tương ứng với Bồ Tát thì lợi ích đó sẽ không thể hiện ra, đạo lý là như vậy. Phía dưới nói *'Kiến thân trí lễ, tức thân nghiệp cơ' (Thấy thân biết lễ, đó là thân nghiệp),* nhìn thấy thân Bồ Tát thì bạn biết lễ kính, đó thuộc về thân nghiệp; nghe danh bạn cũng biết xưng niệm, bạn cũng biết niệm một câu 'Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát', đó là khẩu nghiệp; bạn có thể dùng thân lễ bái, dùng miệng xưng danh, đó là ý nghiệp.

'Cơ cảm ký thành, minh hiển tự ứng' (Cơ cảm đã thành, minh và hiển tự ứng), phía sau dùng thí dụ, cảm ứng đạo giao có minh ứng, có hiển ứng. Khi chúng ta nói công đức lợi ích không thể hiện ra, đó là minh ứng; còn công đức lợi ích có thể hiện ra là hiển ứng; hiển ứng là sự lễ kính, xưng danh, tâm hạnh của bạn tương ứng với Bồ Tát. Nói cách khác tương ứng với lý luận, phương pháp, cảnh giới nói trong kinh điển, sự cảm ứng này thật rõ ràng, đó là hiển ứng. Nếu chúng ta cũng lễ kính, cũng xưng danh, cũng đọc kinh nhưng tư tưởng, hành vi của chúng ta chẳng tương ứng với những gì dạy trong kinh điển, chúng ta đều chẳng thể thực hiện như lời dạy trong kinh thì cảm ứng đó gọi là minh ứng, chẳng có hiện ra rõ ràng. Cũng là nói trước mắt bạn vẫn phải chịu khổ, vẫn sẽ gặp nạn, thậm chí còn có thể đọa lạc, vẫn rơi vào lục đạo luân hồi y như cũ. Bạn không thể nói là không có cảm ứng hoặc là minh ứng, chỉ vì sức cảm ứng rất nhỏ. Nhất định là có cảm ứng nhưng không mạnh mẽ, cảm ứng này rất yếu ớt. Sức mạnh của phiền não tập khí của bạn vô cùng mạnh mẽ, do đó hiển thị chẳng thấy Phật, Bồ Tát bảo hựu cho bạn, gia trì bạn. Nếu bạn thật sự có thể y giáo phụng hành, bạn có thể làm được, sức 'Cảm' của bạn rất mạnh thì sức chư Phật, Bồ Tát 'Ứng' cũng mạnh mẽ, ngay trong hiện tại có thể chuyển nghiệp, đó là việc vô cùng rõ ràng. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, hiểu rõ sẽ giúp đỡ rất nhiều cho sự tu học của chúng ta.

Kiến văn Lợi Ích Phẩm đệ thập nhị.

PHẨM THỨ 12: THẤY NGHE ĐƯỢC LỢI ÍCH

Trong đoạn này, pháp sư Thánh Nhất ở núi Đại Dự gọi phẩm kinh này là Tăng Bảo, ngài quy kết đoạn cuối của kinh này vào Tam Bảo, điều này cổ đại đức chưa nói qua. Pháp sư Thánh Nhất giảng bộ kinh này lần đầu ở Cửu Hoa Sơn, đoạn cuối quy kết vào Tam Bảo, nói hay vô cùng. Tôi rất tán thán ngài, quy kết về Tam Bảo mới là lợi ích chân thật. Cấu trúc của bộ kinh này rất hay, phần mở đầu kinh, đức Phật phóng hào quang thành những vầng mây sáng rỡ, phần kết thúc của kinh lại phóng hào quang rực rỡ. Chúng tôi đọc qua nhiều kinh điển Đại Thừa, trong kinh nói đức Phật phóng hào

quang hơn phân nửa đều chỉ phóng một lần, còn hai lần, ba lần, nhiều lần thì rất ít. Trong kinh này, phần đầu và cuối đều phóng hào quang, xin xem tiếp:

Nhĩ thời Thế Tôn, tùng đảnh môn thượng phóng bá thiên vạn ức đại hào tướng quang

Lúc đó, từ trên đảnh môn Đức Thế Tôn phóng ra cả trăm ngàn vạn ức tướng tia sáng lớn.

'Nhĩ thời', là lúc đức Thế Tôn nói xong việc người y giáo tu hành được Kiên Lao địa thần, thiên vương và thiên thần cõi trời Dục Giới, trời Sắc Giới ủng hộ và nói rõ lý do người đó được ủng hộ, nói xong đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang từ đỉnh đầu. Trong Chú Giải cũng có nói, chúng ta hãy đọc một lượt *'Tự Nhĩ Thời chí cáo chư đại chúng, giai kinh gia sở thuật chi văn' (Từ chữ 'Nhĩ thời' tới chữ 'cáo chư đại chúng' đều là lời các vị kết tập kinh thuật lại),* chữ 'kinh gia' là chỉ những người kết tập kinh tạng, họ thuật lại chuyện này, vì đây không phải là do đức Phật Thích Ca nói, đây là lời ghi lại tình huống lúc bấy giờ. *'Kháp ư Địa thần hộ pháp phẩm hậu phóng quang giả, vi chứng tiền khởi hậu, lịnh chư chúng sanh đổ tướng ngộ tâm, các các tự tri nhất đoạn bất tư nghị bổn hữu chi thường quang dã' (Ở ngay sau phẩm Địa Thần Hộ Pháp, đức Phật liền phóng quang là để chứng minh những điều đã nói trong phần trước, dẫn khởi những điều sẽ giảng trong phần sau, khiến cho chúng sanh thấy tướng liền ngộ tâm, ai nấy đều biết tới một đoạn thường quang chẳng thể nghĩ bàn mà chính mình sẵn có),* đây là nói rõ dụng ý của đức Phật phóng hào quang. 'Chứng tiền khởi hậu', phần trước trong phẩm Thần thông trên cung trời Đao Lợi (Đao Lợi Thiên Cung Tập Hội), trong phẩm Tựa đức Phật phóng đại quang minh vân, tiền hô hậu ứng. Dụng ý ở đây, mọi người nghe kinh cũng gần hết bộ kinh này rồi, làm cho đại chúng nhìn thấy thoại tướng này có thể khai ngộ. Ngộ cái gì? Thế Tôn nói từ đầu tới cuối đều là nói về tự tánh của chúng ta, đó chính là câu *'ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm'.* Nhưng những gì nói trong kinh này đều là tình huống trong lục đạo tam đồ, [vậy thì] lục đạo tam đồ từ đâu đến? Từ tự tánh biến hiện ra, chẳng lìa tự tánh, chúng ta phải suy sét cặn kẽ điểm này.

'Đảnh môn' là đỉnh đầu, phóng quang từ đỉnh đầu, nói rõ đây chẳng phải là hào quang bình thường, mà là phóng quang hiện thoại tướng. Trong Chú Giải cũng có giải thích về việc phóng quang từ đỉnh đầu, tiêu biểu 'Nhất Thiết Chủng Trí', giống như ý nghĩa của sự phóng quang hiện tướng lành trong hội Lăng Nghiêm. Chú Giải dạy chúng ta, làm cho chúng ta hiểu được ý nghĩa của tướng lành này *'Do thử Địa Tạng diệu tượng gia danh, chiêm lễ xưng niệm nhi tiến ư cực quả giả' (từ danh hiệu tốt đẹp và hình tượng nhiệm mầu của ngài Địa Tạng, [hành nhân] chiêm lễ xưng niệm sẽ đạt đến cực quả),* làm cho chúng ta ngộ nhập vào ý tứ này. Ở Trung Quốc, bốn đại Bồ Tát tượng trưng cho các tầng lớp trong sự tu học, bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu từ Địa Tạng. Nếu dùng ngôn ngữ hiện đại mà nói thì Địa Tạng tượng trưng cho sự xây dựng tâm lý, nếu không dùng tâm tốt, không dùng tâm thiện, thì sẽ không biết bắt đầu tu học từ đâu. Địa là tâm địa, Tạng là bảo tàng (kho báu), bảo tạng thí dụ cho trí huệ, đức năng. Trong tâm chúng ta chứa đựng vô lượng trí huệ, đức năng, đó chính là Địa Tạng. Bạn phải thể hội được, phải mở mang trí huệ đức năng trong tự tánh. Dùng phương pháp gì để mở mang? Dùng Hiếu Kính, do đó kinh này là hiếu kinh trong nhà Phật. Làm thế nào thực hiện hiếu kính? Gần đây lúc giảng kinh chúng tôi thường nhắc nhở chúng ta phải coi hết thảy chúng sanh hữu tình như 'cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai', bạn phải thực hiện hiếu kính tới mức này. Hết thảy tất cả chúng sanh chính là cha mẹ của mình, chính là chư Phật tương lai. Đối với cha mẹ chính mình thì bạn biết hiếu kính, vị lai chư Phật bạn sẽ có thể tôn sư, đó là thực hiện hiếu kính. Tôi đã từng nói qua nhiều lượt, nếu nói

‘coi như’ thì cũng còn cách xa một tầng, [chúng ta phải nghĩ] họ thật sự là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai. Không thể ‘coi như’, ‘coi như’ thì xa rồi. [Chúng ta phải nghĩ họ] thật sự là mới đúng.

Do đó tôi khuyến khích hết thảy những vị hộ pháp trong Niệm Phật Đường phải coi mỗi người niệm Phật như cha mẹ chính mình, coi như chư Phật vị lai. Nếu bạn dùng tâm này để phục vụ trong làng Di Đà, phục vụ trong Niệm Phật Đường thì bạn mới có thể cảm động được hết thảy chư Phật hộ niệm, trong kinh nói các vị thiên vương, thiên thần ở các cõi trời đều tới ủng hộ. Đó là đạo lý gì? Tâm chân thành cảm ứng được. Ở đây khác với các viện dưỡng lão. Hiện nay trong xã hội, con cái của bạn chưa chắc đã hiếu thảo với bạn, tôn kính bạn. Khi bạn tham dự vào làng Di Đà và Niệm Phật Đường thuộc Cư Sĩ Lâm ở Tân Gia Ba, mỗi người ở đó đều coi bạn như cha mẹ chính mình, như chư Phật Như Lai. Tại sao đạo tràng này lại hưng vượng như vậy? Các bạn ở đây niệm Phật vài ngày thì bạn sẽ cảm thấy khí phận ở đây chẳng giống với các đạo tràng khác, lòng người cũng khác nhau, tâm tình của họ đối xử với bạn khác nhau, đây là điểm mà các đạo tràng khác không có. Tại sao người ở đạo tràng này có thể làm được? Vì họ mỗi ngày nghe kinh, mỗi ngày nghe pháp, mỗi ngày chúng tôi đều giảng giải, mỗi ngày đều khuyên nhủ thì dần dần họ sẽ giác ngộ, họ sẽ hiểu rõ, họ sẽ chuyển đổi tâm niệm trở lại. Chúng ta dùng tâm hiếu thuận, tâm cung kính để đối đãi với hết thảy chúng sanh. Chẳng phải chỉ riêng đối với Niệm Phật Đường mà hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, chúng ta cũng dùng tâm hiếu thuận, tâm cung kính để đối xử. Khi tâm đã chuyển đổi, tư tưởng cũng thay đổi, thì đó là tư tưởng chuyển biến, kiến giải chuyển biến, đây chính là chuyển phàm thành thánh.

Xây một đạo tràng không khó, hiện nay mọi người đều có tiền của, khó là khó ở chỗ đi đâu tìm con hiếu, cháu hiền như vậy, bạn đi đâu tìm được? Con hiếu, cháu hiền là ai? Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ, họ mới chính là con hiếu, cháu hiền, rất khó tìm họ được. Có những người này hộ niệm, có những người này ủng hộ, ủng hộ chính là hộ pháp, thì đạo tràng này mới thù thắng, đạo tràng này mới có thể thành tựu cho người vãng sanh bất thoái thành Phật ngay trong một đời, cho nên đạo tràng hiếm có là ở chỗ này, khó tìm cũng là ở chỗ này. Có đạo tràng, nếu không có người giảng rõ ràng, giảng giải một cách thâm nhập thì cũng không được, không thể tương ứng. Công tác này phải nhờ các bạn đồng học, những người xuất gia phát tâm học Giáo, các bạn phải phát tâm gánh vác trách nhiệm này. Hết thảy đại chúng làm thế nào tương ứng với kinh giáo, tương ứng với chư Phật Như Lai, phải nhờ các bạn hết lòng sốt sắng giảng giải, khuyến hóa. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

Sở vị Bạch Hào Tướng quang, Đại Bạch Hào Tướng quang, Thụy Hào Tướng quang, Đại Thụy Hào Tướng quang, Ngọc Hào Tướng quang, Đại Ngọc Hào Tướng quang, Tử Hào Tướng quang, Đại Tử Hào Tướng quang, Thanh Hào Tướng quang, Đại Thanh Hào Tướng quang, Bích Hào Tướng quang, Đại Bích Hào Tướng quang, Hồng Hào Tướng quang, Đại Hồng Hào Tướng quang, Lục Hào Tướng quang, Đại Lục Hào Tướng quang, Kim Hào Tướng quang, Đại Kim Hào Tướng quang, Khánh Vân Hào Tướng quang, Đại Khánh Vân Hào Tướng quang, Thiên Luân Hào quang, Đại Thiên Luân Hào quang, Bảo Luân Hào quang, Đại Bảo Luân Hào quang, Nhật Luân Hào quang, Đại Nhật Luân Hào quang, Nguyệt Luân Hào quang, Đại Nguyệt Luân Hào quang, Cung Điện Hào quang, Đại Cung Điện Hào quang, Hải Vân Hào quang, Đại Hải Vân Hào quang.

Như là: Tia sáng tướng màu trắng, tia sáng tướng màu trắng lớn; tia sáng tướng tốt lành, tia sáng tướng tốt lành lớn; tia sáng tướng ngọc, tia sáng tướng ngọc lớn; tia sáng tướng màu tía, tia sáng tướng màu tía lớn; tia sáng tướng màu xanh, tia sáng tướng màu xanh lớn; tia sáng tướng màu xanh biếc, tia sáng tướng màu

xanh biếc lớn; tia sáng tướng màu đỏ, tia sáng tướng màu đỏ lớn; tia sáng tướng màu lục, tia sáng tướng màu lục lớn; tia sáng tướng màu vàng y, tia sáng tướng màu vàng y lớn; tia sáng tướng mây lành, tia sáng tướng mây lành lớn; tia sáng ngàn vòng tròn, tia sáng ngàn vòng tròn lớn; tia sáng vòng tròn báu, tia sáng vòng tròn báu lớn; tia sáng vầng mặt trời, tia sáng vầng mặt trời lớn; tia sáng vầng mặt trăng, tia sáng vầng mặt trăng lớn; tia sáng cung điện, tia sáng cung điện lớn; tia sáng mây biển, tia sáng mây biển lớn.

Tổng cộng là mười sáu câu, ba mươi hai loại hào quang. Đoạn này trong Chú Giải chép rất tường tận, hào quang từ đỉnh môn phát ra, hào nghĩa là gì? Bạch hào. Đỉnh môn của Phật, giữa hai chân mày có hai sợi bạch hào. Bạch hào là một trong ba mươi hai tướng tốt, chúng ta thường niệm bài kệ tán Phật 'Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di'. Báo thân của Phật rất lớn, hai sợi bạch hào của ngài cuốn tròn vào nhau, thành ra như một hạt châu ở chính giữa hai chân mày, thật ra đó không phải là hạt châu mà là hai sợi bạch hào cuốn tròn vào nhau. Đức Phật thường phóng quang từ bạch hào. Trong Chú Giải nói *'Hào tướng thị nhất, tức dụng chi thể, quang sắc bất đồng, tức thể chi dụng' (Hào tướng là một, là thể của dụng. Quang sắc khác nhau, là dụng của thể).* Đây là nói rõ mười sáu câu đều nói về một thứ *'một tức là nhiều, nhiều tức là một'*. Kinh Hoa Nghiêm nói về pháp giới 'lý sự vô ngại, sự sự vô ngại'. Trong Chú Giải chia ra thành ba mươi hai câu để nói, bai mươi hai tức là một, hào tướng quang, 'nhiều tức là một'. Trong hào quang có rất nhiều màu sắc khác nhau, 'một tức là nhiều'. Nói 'một' là nói về Thể, nói 'nhiều' là nói về Dụng, Thể tuy là một, tác dụng của nó khác nhau. Ở đây, Thanh Liên pháp sư chú giải, ngài trích dẫn 'Pháp Hoa Văn Cú', dùng năm màu ví dụ cho năm nẻo, màu xanh ví dụ cho nhân quả địa ngục, màu vàng ví dụ cho nhân quả ngạ quỷ, màu đỏ ví dụ cho nhân quả súc sanh, màu trắng ví dụ cho nhân quả người, trời. Trong đó chia ra đại sắc, tiểu sắc, tiểu sắc tượng trưng Nhị Thừa, đại sắc tượng trưng Bồ Tát; phía sau còn có sắc ngắn ví dụ Bồ Tát trong Biệt Giáo, sắc dài ví dụ nhân quả của Phật, nhân quả của Phật tức là Bồ Tát trong Viên Giáo.

'Chư văn khai hiệp tùy ý' (Các đoạn kinh văn có thể hiểu theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp tùy ý), sự giải thích kinh văn có thể dùng ý hiểu được, chẳng có cách nói nhất định, giống như ý nghĩa của sự tiêu biểu pháp trong kinh Hoa Nghiêm, người nhân thấy điều nhân, người trí thấy điều trí. Tùy theo kiến địa của bạn, bạn nhìn được sâu thì sẽ giải thích được sâu; bạn nhìn được rộng thì sẽ nói được rộng. Nhưng sâu rộng cũng phải khế cơ, vì giảng kinh thuyết pháp trên giảng đài không phải là tự thọ dụng, mà vì làm lợi ích cho kẻ khác, nhất định phải quan sát căn cơ của thính chúng, họ tiếp nhận được bao nhiêu thì bạn giảng bấy nhiêu. Nếu dựa vào cảnh giới của chính mình để giảng thì thính chúng chưa chắc có thể tiếp nhận, họ không thể tiếp nhận nghĩa là thuyết pháp không khế cơ, có khế lý khế cơ thì mới là Như Lai thuyết, Bồ Tát thuyết, chúng ta phải nên học điều này. Trong đại kinh, đức Phật nói với chúng ta khế lý chẳng khế cơ thì không phải là lời đức Phật nói. Đối với hiện tượng này, đức Phật nói rất đúng, những lời nói tán dóc khế lý chẳng khế cơ. Không thể nói là bạn sai, nhưng người nghe xong không hiểu, không thể hiểu ý nghĩa, chẳng được ích lợi gì. Những lời tán dóc, nếu nói khó nghe một chút thì nó chính là lời nói vô ích. Nếu khế cơ nhưng không khế lý thì đức Phật dạy đó chính là lời của ma nói. Điểm lợi ích của lời Phật, Bồ Tát thuyết pháp là đều khế cơ và khế lý. Khế lý thì tương ứng với tánh đức, khế cơ là thích hợp với trình độ của thính chúng. Đây là việc chúng ta phải chú ý. Ý nghĩa tiêu biểu pháp này trong Tông Thiên Thai, phần cuối có hai câu rất hay '*Thử do Pháp Hoa cửu giới đồng quy, Tam Thừa hàm hội'10**[10]***, hai câu này rất hay. Cửu giới là chỉ chín pháp

---

10[10] Hội nghĩa là cùng gom lại một chỗ. Tức là Tam Thừa gom về Nhất Thừa, cửu giới cùng thành Phật giới nên gọi là đồng quy.

giới, Tam Thừa là Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Cũng có người nói Ngũ Thừa, Ngũ Thừa thì thêm Nhân, Thiên. Như trong Tịnh Độ Tông nói 'Ngũ Thừa khế nhập báo độ', đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn phi thường.

Sau đây là tướng thứ nhất 'Bạch Hào Tướng quang', thứ nhất nói màu trắng, màu trắng là màu căn bản, cách nói này là nói thuận theo chúng sanh, chúng sanh cho rằng màu trắng là màu căn bản, đức Phật hằng thuận chúng sanh tùy hỷ công đức nên cũng nói màu trắng là màu căn bản. Tại sao vậy? Chỉ có màu trắng mới có thể hòa hợp với những màu khác, bạn vẽ trên một trang giấy trắng rất dễ dàng, muốn vẽ gì thì vẽ cái đó, nếu bạn dùng giấy màu để vẽ thì bạn sẽ cảm thấy khó khăn. Giấy màu đỏ không thể tiếp nhận sơn màu đỏ, nhất định phải dùng màu khác với màu đỏ mới thấy được. Giấy màu xanh không thể dùng sơn màu xanh, chỉ có giấy màu trắng mới có thể dùng bất cứ sơn màu gì cũng được, cho nên dùng nó để tiêu biểu cho màu căn bản. Bạch hào của đức Phật ở chính giữa hai chân mày, đó cũng có ý nghĩa tiêu biểu pháp, hàng thứ sáu trong Chú Giải ghi *'Đại Luận vân' (Đại Luận nói)*, Đại Luận là Đại Trí Độ Luận, trong Đại Trí Độ Luận có nói như vầy *'Bạch hào my gian trì, bạch quang dụ lưu ly' (Bạch hào ở chính giữa chân mày, bạch quang ví dụ như lưu ly),* câu thứ nhất nói vị trí của bạch hào ở chính giữa hai chân mày, lúc phóng quang thì nó siêu việt lưu ly. Ý nghĩa phía sau rất quan trọng, *'tại nhân hạnh bố thí thời, thích khả tiền nhân ý, khởi tự tại nghiệp nhân duyên' (lúc tu nhân bố thí, nếu bố thí các vật vừa ý người nhận sẽ tạo được nhân duyên các nghiệp tự tại.)*. Mấy câu này vô cùng quan trọng! Trong các tướng hảo của Như Lai, tu như thế nào mới được tướng bạch hào? Tu bố thí. Bố thí cái gì? [Bố thí những vật] rất vừa ý của người nhận bố thí; nói cách khác, những gì bạn bố thí chính là những gì họ cần, nhân hạnh này có thể cảm được quả báo bạch hào.

'Khởi tự tại nghiệp nhân duyên', câu này rất hay, đức Phật được đại tự tại, tại sao ngày nay chúng ta không được tự tại? Chúng ta cũng tu bố thí, kết quả của việc bố thí như thế nào? Không được đúng như ý muốn. Hoặc là bạn tu bố thí, bạn phát tâm miễn cưỡng, trong đó có ngờ vực, lo lắng. Thí dụ như việc cứu trợ tai nạn, chúng ta thấy những tai nạn ở Đại lục, thủy tai lần này nghiêm trọng chưa từng thấy, nhiều người muốn bố thí, bố thí xong nhưng cứ đặt câu hỏi: "Không biết tiền của tôi bố thí có thể trao đến tay của người bị nạn hay không?" Có bị người trung gian cắt xén không? Ngờ vực lo lắng rất nhiều nên không dám bố thí, muốn bố thí nhưng không dám, vậy thì bạn làm sao được tự tại! Những chuyện giống như vậy rất nhiều. Biết đó là chuyện tốt, muốn làm nhưng không dám làm, lúc bố thí cứ suy đi nghĩ lại, lo lắng quá nhiều thì bạn sẽ được quả báo không vừa ý. Đức Phật trong kinh thường dạy tài thí thì được giàu sang, [lý do] bạn kiếm được đồng tiền nhưng không toại ý, kiếm tiền rất vất vả là vì lúc bạn tu bố thí chẳng như ý, bạn chẳng bố thí một cách sảng khoái, bạn bố thí một cách miễn cưỡng, tương lai bạn được quả báo cũng rất nhọc nhằn, không được tự tại, là đạo lý như vậy. Tướng bạch hào của đức Phật là do bố thí rất tự tại, bố thí vừa ý, hợp ý người ta nên mới thành tựu được tướng hảo này.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta giảng tới đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Nhóm Diệu Âm, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 43 (Số 14-12-43)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 48, đoạn này giới thiệu đơn giản tác dụng của việc Thế Tôn phóng hào quang, trước hết chúng ta giới thiệu sơ những danh tướng này rồi mới tổng hợp lại.

Sở vị bạch hào tướng quang, đại bạch hào tướng quang, thụy hào tướng quang, đại thụy hào tướng quang, ngọc hào tướng quang, đại ngọc hào tướng quang, tử hào tướng quang, đại tử hào tướng quang, thanh hào tướng quan, đại thanh hào tướng quang, bích hào tướng quang, đại bích hào tướng quang, hồng hào tướng quang, đại hồng hào tướng quang, lục hào tướng quang, đại lục hào tướng quang, kim hào tướng quang, đại kim hào tướng quang, khánh vân hào tướng quang, đại khánh vân hào tướng quang, thiên luân hào quang, đại thiên luân hào quang, bảo luân hào quang, đại bảo luân hào quang, nhật luân hào quang, đại nhật luân hào quang, nguyệt luân hào quang, đại nguyệt luân hào quang, cung điện hào quang, đại cung điện hào quang, hải vân hào quang, đại hải vân hào quang.

Như là: Tướng hào quang màu trắng, tướng hào quang màu trắng lớn; tướng hào quang tốt lành, tướng hào quang tốt lành lớn; tướng hào quang ngọc, tướng hào quang ngọc lớn; tướng hào quang màu tía, tướng hào quang màu tía lớn; tướng hào quang màu xanh, tướng hào quang màu xanh lớn; tướng hào quang màu xanh biếc, tướng hào quang màu xanh biếc lớn; tướng hào quang màu đỏ, tướng hào quang màu đỏ lớn; tướng hào quang màu lục, tướng hào quang màu lục lớn; tướng hào quang màu vàng y, tướng hào quang màu vàng y lớn; tướng hào quang mây lành, tướng hào quang mây lành lớn; tia sáng ngàn vòng tròn, tia sáng ngàn vòng tròn lớn; tia sáng vòng tròn báu, tia sáng vòng tròn báu lớn; tia sáng vầng mặt trời, tia sáng vầng mặt trời lớn; tia sáng vầng mặt trăng, tia sáng vầng mặt trăng lớn; tia sáng cung điện, tia sáng cung điện lớn; tia sáng mây biển, tia sáng mây biển lớn.

Thứ nhất là 'bạch hào tướng quang'.

Thứ nhất là Tướng hào quang màu trắng.

Bạch hào là một trong ba mươi hai tướng tốt [của đức Phật], trong chú giải có nói đến nghiệp nhân của hảo tướng này, tuy chỉ có một hai câu nhưng vô cùng quan trọng. *'Trong lúc bố thí, có thể làm vừa lòng người nhận'*, hai câu này quan trọng. Chúng ta biết đức Phật dạy hết thảy chúng sanh, dạy những gì? Dạy bố thí, bố thí chính là xả, chính là buông xuống. Có thể xả hết thảy thì người đó sẽ thành Phật. Có xả nhưng không rốt ráo, thì người đó là Bồ Tát, còn phàm phu thì hoàn toàn không biết xả. Phạm vi của chữ 'Xả' này rộng vô cùng, có thể nói hết thảy pháp mà Thế Tôn giảng trong suốt bốn mươi chín năm đều nói về một việc bố thí, chư vị hãy lắng lòng suy nghĩ về ý

nghĩa này. Bên trong thì phải xả hết thảy phiền não; tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến là những thứ bên trong, khi nào bạn có thể xả hết thì bạn siêu việt luân hồi. Do đó có thể biết, luân hồi hình thành như thế nào? Luân hồi là do tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến tạo thành, chẳng do người khác tạo ra, mà do chính mình tạo ra. Bên ngoài là ngũ dục lục trần, tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tất cả đều phải xả hết.

Đức Phật dạy chúng ta xả dựa trên đạo lý gì? Đức Phật đã giảng đạo lý này rất rõ ràng, rành rẽ, trong suốt bốn mươi chín năm giảng dạy chẳng khi nào, chẳng nơi nào ngài không nói, đặc biệt là trong kinh Bát Nhã, đức Phật dạy chúng ta *'vạn pháp vô sở hữu, tam tâm bất khả đắc' (vạn pháp chẳng có cái sở hữu, tam tâm chẳng thể được)*, câu này đã nói toạc chân tướng sự thật ra rồi. Hết thảy hiện tượng bên ngoài ngũ dục lục trần đều vô sở hữu, trong kinh dạy *'Phàm những gì có tướng đều là hư vọng', 'Hết thảy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng'*, bạn làm sao có thể có được? Bạn mong muốn có được thì sai rồi! Một niệm này vừa khởi lên thì lục đạo liền hiện ra, bạn bèn rơi vào lục đạo luân hồi, chẳng biết hết thảy pháp huyễn có, chẳng phải thật có, đó là giả. Tam tâm chẳng thể được, 'tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được'. Cái tâm có thể được thì không tồn tại, những pháp có thể được đều chẳng tồn tại, đức Phât dạy bạn cách sống một cuộc sống bình thường, đó chính là vạn duyên buông xuống, thân tâm thế giới đều chẳng thể được, đây là cảnh giới Phật. Đây chính là đời sống của một người bình thường, cảnh giới của người bình thường. Bên trong bạn có một tâm niệm 'có được', bên ngoài [bạn nghĩ rằng] có hết thảy những thứ có được, vậy thì bạn đã hoàn toàn mê mất rồi. *'Lúc hành bố thí, có thể làm vừa lòng người nhận'*, ý này rất sâu, bạn làm thế nào mới làm vừa lòng người khác? Làm việc bố thí, làm cho người ta giác ngộ, đó mới là làm vừa lòng người khác. Chẳng phải họ muốn tiền tài, họ được tiền tài thì sẽ thỏa mãn, đó là thỏa mãn lòng tham, sân, si, hoàn toàn trái ngược với chân tướng sự thật.

Do đó có thể biết, hết thảy hiện tượng được hình thành như thế nào? Đều do duyên sanh. Duyên cũng chẳng phải thật, 'duyên' là gì? Sát na sanh diệt, cho nên sanh sanh chẳng trụ1[1], đó là duyên. Ngày nay chúng ta có được thân này là duyên, những người mình gặp, hết thảy sự, vật trong đời này đều là duyên, nhất định phải biết hết thảy duyên đều sanh sanh chẳng trụ, sát na sanh diệt. Hiểu rõ chân tướng sự thật thì tự nhiên chúng ta sẽ làm giống như Phật, Bồ Tát, chỉ kết thiện duyên với người trong thế gian, tuyệt chẳng kết ác duyên, hết thảy ác duyên phải hóa giải hết, oán gia nên cởi mở chứ đừng nên kết. Làm sao hóa giải? Khi gặp oán gia đối đầu đến dày vò mình, mình phải vui vẻ tiếp nhận, chẳng có mảy may oán hận, hơn nữa còn phải sanh lòng hoan hỷ, tại sao vậy? [Vì họ tạo cơ hội cho mình giảm bớt nghiệp chướng, tạo cơ hội cho mình] trả dứt món nợ này. Tại sao họ dày vò mình, họ gây phiền phức cho mình, tại sao họ không gây phiền phức cho người khác? Nghĩ tới đó mình liền nhận biết nhân duyên này; chắc là đời quá khứ mình đã gây khó khăn cho họ, đời này họ mới gây khó khăn cho mình, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, chỉ có người hiểu biết, người giác ngộ hoan hỷ tiếp nhận. Trả dứt nợ rồi thì khi gặp gỡ lần sau sẽ vui vẻ.

Cho dù sát hại [thì người giác ngộ cũng hoan hỷ tiếp nhận], giống như trong kinh đức Phật kể chuyện vua Ca Lợi bị lóc thịt, chuyện này xuất xứ từ kinh Niết Bàn, đức Phật kể rất rõ ràng. Có một vị Bồ Tát tu hành trong núi, chẳng gây chướng ngại cho ai, khi vua Ca Lợi đi săn, vua đi ngang chỗ Bồ Tát tu hành. Bồ Tát đang tĩnh tọa, nhà vua

---

1[1] Do sự vật sanh rồi diệt, thường gọi là "sanh diệt đồng thời", vừa diệt rồi lại sanh, cho nên nhìn từ hiện tượng mọi pháp liên tục được sanh ra nên gọi là "sanh sanh", do nó liên tục sanh diệt, biến đổi không ngừng nên gọi là "chẳng trụ".

dẫn theo rất nhiều người, trong đó có không ít cung nữ, họ nhìn thấy Bồ Tát trang nghiêm, thanh tịnh, từ bi nên hoan hỷ đến thỉnh giáo Bồ Tát, rất nhiều người vây quanh Bồ Tát. Nhà vua nhìn thấy bèn không vui, còn nổi giận và ra lệnh lăng trì Bồ Tát, lăng trì nghĩa là dùng dao xẻ từng miếng thịt xuống. Bồ Tát chẳng có mảy may oán hận, ngài thành tựu được nhẫn nhục Ba La Mật rốt ráo, hơn nữa Bồ Tát còn phát nguyện, tương lai khi thành Phật thì ngài sẽ độ ông vua này trước nhất. Phật nói lúc đó vị Bồ Tát bị vua Ca Lợi lóc thịt chính là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vua Ca Lợi là ai? Chính là tôn giả Kiều Trần Như. Lần sau khi hai người gặp lại thì quan hệ giữa hai người rất tốt, oán kết đã được cởi mở. Người thế gian gặp chút xíu chuyện gì không vừa ý thì ấm ức trong lòng, đó là chuyện phiền phức! Đời đời kiếp kiếp, oan oan tương báo chẳng bao giờ dứt, vô cùng đáng thương. Tại sao lại làm những chuyện khờ dại này? Nhẫn Nhục tiên nhân bố thí những gì cho vua Ca Lợi? Bố thí từ bi, nhẫn nhục, bố thí thiền định, trí huệ, đó mới là 'làm vừa lòng người'. [Làm vậy nên] được tướng bạch hào. Câu thứ hai:

Tướng đại bạch hào quang.

Tướng hào quang màu trắng lớn

Ý nghĩa của chữ 'Đại' còn thù thắng hơn phía trước, mười sáu cặp trong ba mươi hai câu này, câu sau trong mỗi cặp đều thêm chữ 'đại', ý nghĩa đều giống nhau, ý nghĩa của chữ 'đại' là 'càng vượt trội hơn'. Thứ ba:

'Thụy hào tướng quang'

Tướng hào quang tốt lành

'Thụy' là tường thụy2[2] (cát tường, tốt lành), thời xưa dùng ngọc để làm vật tiêu biểu cho sự cát tường, tốt lành, ngọc là một loại đá quý nên người xưa thường đeo ngọc, bất kể là người nam hay nữ. Và cũng dùng ngọc để làm tín vật, ngày nay gọi tín vật là bằng cứ, chứng cứ. Ở đây tiêu biểu lục đạo thừa sức oai thần của Địa Tạng Bồ Tát, và cũng là Địa Tạng Bồ Tát lấy đó làm bằng cứ cho chúng sanh trong lục đạo, noi theo lý luận và phương pháp của Địa Tạng Bồ Tát để tu hành thì sẽ siêu việt tam đồ, siêu việt lục đạo, đây là chứng cứ cát tường, tốt lành nên gọi là 'thụy hào tướng quang'.

'Đại thụy hào tướng quang'

Không cần phải nói nữa, đây là tướng thù thắng nhất trong các thụy hào tướng quang, nên thêm chữ 'đại'. Thứ năm:

'Ngọc hào tướng quang'

Tướng hào quang ngọc

Tiêu biểu cho chúng sanh trong lục đạo. Người xưa vô cùng coi trọng 'Ngọc', bởi lẽ tánh chất của 'ngọc' ôn hòa, nhuận trạch, gọi là đức ôn nhuận; [ngọc được] mài dũa có thể làm ra rất nhiều dụng cụ. Phàm phu trong lục đạo, tánh tình hấp tấp nên thời xưa quân tử đeo ngọc, ngọc là vật trân quý, khi bạn đeo trên người lúc nào cũng phải giữ gìn nó nên bạn không thể vọng động, lao chao, dụng ý của sự đeo ngọc là vậy. Trên

---

2[2] Nguyên nghĩa của chữ 'Thụy' vốn là một loại ngọc dùng làm tin (tín phù), hoặc các thứ ngọc quý được các chư hầu cầm ở tay tượng trưng cho oai quyền.

tay bạn đeo chiếc vòng ngọc, nếu bạn nổi giận lấy tay đập bàn thì vòng ngọc liền bể nát, dụng ý là như vậy. Dạy bạn ôn hòa, nhu mì như ngọc, tránh hấp tấp, nóng nảy, ngọc có ý nghĩa như vậy. 'Ngọc hào tướng quang' tiêu biểu cho phàm phu trong lục đạo, buông xả sự nóng nảy trong căn nhà lửa, nhà lửa chính là lục đạo, xả bỏ tập khí không tốt trong lục đạo, tăng trưởng tánh đức. Đức năng trong tự tánh không gọi là tập khí, tại sao? Vốn đã đầy đủ, nó chẳng hình thành từ sự huân tập. Phàm phu gọi là tập khí, tập khí là do huân tập mà thành, chẳng phải bản tánh, đó gọi là tập tánh. Khổng lão phu tử có câu *'tánh tương cận, tập tương viễn' (Về bản tánh thì giống nhau, nhưng do được giáo dục (tập luyện, huấn luyện, tu tập) mà trở thành khác nhau)*, tánh là Chân Như bản tánh, Chân Như bản tánh của mọi người đều giống nhau, Phật pháp nói càng thấu triệt hơn; nhưng tập tánh của mỗi người chẳng giống nhau. Không những xa lìa bản tánh của chính bạn, tập tánh của bạn cũng hoàn toàn khác với [tập tánh của] hết thảy đại chúng, dù cho ý chí của các bạn hợp nhau nhưng thời gian [hợp nhau] cũng sẽ không lâu dài.

Ngạn ngữ thường nói *'Hoa chẳng tươi hết một trăm ngày'*, đây là thí dụ, hoa có tốt tới đâu cũng không thể duy trì suốt ba tháng được. Dùng thí dụ thiển cận này để nói rõ sự giao tiếp giữa người với nhau, lúc [quan hệ] tốt đẹp cũng giống như lúc hoa nở vậy. [Quan hệ giữa] người [với nhau] chẳng kéo dài tới ngàn ngày, ngàn ngày là ba năm, ở lâu rồi thì thói quen [tốt xấu] gì cũng đều lộ ra, lúc mới gặp mặt thì không biết tập khí của bạn, rất cung kính bạn, vậy thì còn khá! Ở chung lâu rồi thói quen tật xấu gì cũng lộ ra, tâm cung kính gì cũng mất hết, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Làm sao mới có thể giữ được tốt đẹp lâu dài? Phải kiến tánh, khi tánh đức tỏ lộ thì sẽ có thể giữ được tốt đẹp lâu dài, nó chẳng phải là tập khí, mà là bản tánh. Đại thánh đại hiền thế gian và xuất thế gian, kiến giải lời nói của họ thật sự có học vấn, họ dạy chúng ta giao tiếp giữa người và người với nhau phải dùng thái độ như thế nào? Phải lợt lạt, [ngạn ngữ có câu] *'sự giao thiệp giữa quân tử với nhau lạt như nước'*, lợt lạt thì mới có thể giữ được lâu dài. Thân cận quá mức thì tương lai nhất định sẽ xa cách, hời hợt, đó là đạo lý tự nhiên, chúng ta phải biết. Do đó sự tiêu biểu của 'ngọc hào tướng quang' dạy chúng ta buông bỏ tập khí, vun bồi thiên tánh, thiên tánh chính là tánh đức, xa lìa lục đạo, khế nhập vào cảnh giới thánh hiền. Câu thứ bảy:

'Tử hào tướng quang'

Tướng hào quang màu tía

Màu tía ở đây tiêu biểu 'tạp loại chúng sanh được lợi ích'. Phạm vi của tạp loại vô cùng rộng lớn, như phía trước có nói tập khí của hết thảy chúng sanh chẳng giống nhau, nhiễm ô không giống nhau, tạo nghiệp khác nhau, quả báo khác nhau, chỉ cần nhìn thấy hào quang của Phật liền được lợi ích. Lợi ích lớn nhỏ, dày mỏng cũng tùy theo chúng sanh mà sai khác. Kinh điển nói về nhân duyên khác nhau rất nhiều, chúng ta phải lắng lòng tìm hiểu. Câu thứ chín:

'Thanh hào tướng quang'

Tướng hào quang màu xanh

Màu xanh này tiêu biểu cho địa ngục. Tại sao dùng màu xanh để tiêu biểu địa ngục? Trong phần chú thích cũng có nói màu này tiêu biểu địa ngục Hắc Nghiệp. [Chúng sanh trong] địa ngục này tạo tội cực nặng. Tội gì cực nặng? Tội đoạn dứt pháp thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh nặng nhất. Khi bạn giết một người, trong Phật pháp nói, nếu người đó tội nghiệp không nặng lắm thì trong vòng bốn mươi chín ngày

liền đầu thai trở lại, trong lục đạo xả thân thọ thân là một hiện tượng rất bình thường. Do đó tội giết sanh mạng của một người không nặng lắm, tội đoạn huệ mạng của người mới nặng. Nói một cách dễ hiểu một chút, gây chướng ngại cho người cầu đạo, chướng ngại người ta học Phật, phá hoại cơ duyên học Phật của đại chúng thì tội đó chính là đoạn pháp thân huệ mạng của chúng sanh, tội này mới nặng. Nặng ở chỗ nào, chư vị nhất định phải biết rõ ràng. Sanh mạng mất đi thì có lại rất nhanh, có thể khi xả tấm thân này được thân khác càng tốt hơn thân này, trang nghiêm hơn thân này. Kẻ hại người tạo tội nghiệp, kẻ bị hại chẳng tạo tội nghiệp, kẻ giết người có tội, kẻ bị giết chẳng có tội gì cả? Do đó kẻ bị hại, bị giết khi chuyển thế phước báo còn lớn hơn phước đời trước. Những chuyện này rất nhiều, nhưng hơn phân nửa kẻ giết người khi chết đi sẽ đọa ác đạo, quả báo sẽ không tốt hơn đời này. Do đó thân người, thân trong lục đạo, sanh mạng rất dễ được, nhưng cơ hội học Phật thì khó lắm, chẳng dễ gì gặp được. Kệ khai kinh có câu *'trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được',* đó là sự thật.

Kẻ ấy gặp được cơ hội hiếm hoi này nhưng bạn lại phá hoại cơ hội đó, bạn gây chướng ngại cho họ, bạn nghĩ coi tội này nặng hay không? Nếu kẻ ấy nghe pháp, thật sự hiểu rõ ràng, rành rẽ, sốt sắng tu học thì có thể trong đời này vãng sanh bất thoái thành Phật. Bạn cắt đứt cơ hội của người ấy trong đời này có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, thành Phật thành Tổ, tội đó nặng không? Giả sử chúng ta thật sự hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật này, chuyện xấu gì đều có thể làm nhưng nhất định sẽ không gây chướng ngại cho người tu đạo, đặc biệt là [người] niệm Phật. Vì tu học các pháp môn khác trong đời này rất khó vượt thoát luân hồi, nhưng phước báo nhân thiên thì rất dễ đạt được, chỉ có pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ trong đời này bạn có thể vĩnh viễn vượt thoát luân hồi, viên thành Phật đạo. Cơ hội gặp được pháp môn này khó khăn vô cùng. Bạn làm mất cơ hội này của người ta thì tội nghiệp ấy sẽ rất nặng.

Khi đọa địa ngục, chúng sanh ở địa ngục nhìn thấy hào quang của Phật, nói cho chư vị biết [chúng sanh ở địa ngục nhìn thấy] hào quang đó màu xanh. Mỗi loài chúng sanh nhìn thấy hào quang Phật sẽ thấy màu sắc khác nhau, cũng vậy mỗi loài chúng sanh nhìn thấy tướng Phật cũng sẽ khác nhau. Năm 1982, Thánh Nhất pháp sư ở Hương Cảng đi triều bái núi Phổ Đà, nhóm họ rất ít, hình như gồm ba, bốn người, khi đến động Phạn Âm họ ở cửa động lễ lạy cầu mong được thấy Quán Âm Bồ Tát. Họ gồm có ba người, đúng rồi, Thánh Nhất pháp sư nói với tôi, đại khái thầy lạy chừng nửa giờ thì thấy Quán Âm Bồ Tát hiện ra, ba người đều nhìn thấy nên vô cùng hoan hỷ. Sau khi ra về ba người trò chuyện trao đổi lẫn nhau coi mỗi người nhìn thấy Quán Âm Bồ Tát ra sao? Thánh Nhất pháp sư nhìn thấy Quán Âm Bồ Tát thân màu hoàng kim, đội mão Tỳ Lô, tướng ấy giống như tượng Địa Tạng vậy, Địa Tạng Bồ Tát đội mão Tỳ Lô, thân màu hoàng kim, có hào quang màu vàng. Ba người đều là người xuất gia, một người thì nhìn thấy thân tướng như Bạch Y đại sĩ, còn người kia thì nhìn thấy tướng một vị tỳ kheo, tức là tướng người xuất gia. Ba người cùng lạy một lúc, đều nhìn thấy cùng lúc, thấy tướng [Bồ Tát Quán Âm] hiện ra đều khác nhau. Từ chuyện này, bạn sẽ hiểu đức Phật phóng hào quang làm gì có nhiều màu sắc khác nhau! Cùng một hào quang ấy, mỗi loài chúng sanh nhìn thấy đều khác nhau. Phật hiện tướng cũng chỉ là một tướng nhưng mỗi loài chúng sanh nhìn thấy cũng sẽ khác nhau. Đức Phật nói ra cũng chỉ là một âm thanh, mỗi loài chúng sanh sẽ nghe thành âm thanh khác nhau. Đạo lý này trong kinh đức Phật cũng đã giảng rất rõ ràng, 'cảnh tùy tâm chuyển', đức Phật thị hiện một cảnh giới, mỗi chúng sanh có tâm niệm khác nhau, mỗi người chuyển đổi thành cảnh giới tự thọ dụng của riêng mình. Nhưng bất luận là nhìn thấy hình tướng như thế nào, màu sắc gì, chẳng có ai không được lợi ích, mọi người đều có lợi ích. Câu thứ mười:

Bích hào tướng quang

Tướng hào quang màu xanh biếc

Bích là màu xanh đậm (xanh biếc), màu xanh thì lợt, còn xanh biếc thì đậm, chúng ta gọi là màu lục bích. Trong phần chú thích có nói *'tiêu biểu hạng lợi căn trong địa ngục, như Điều Đạt ở trong ngục mà cảm thấy vui thích như đang ở trong cõi trời Tam Thiền'*, Điều Đạt là Đề Bà Đạt Đa, Đề Bà Đạt Đa tạo tội nghiệp rất nhiều, tội nặng vô cùng nên đã đọa địa ngục. Nhưng chúng ta biết Đề Bà Đạt Đa là Bồ Tát thị hiện, ngài chẳng phải là phàm phu, cũng là chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian, giống như đóng kịch, ngài đóng vai kẻ ác. Ngài đóng vai này rất giống thật, tạo nhân ác nên cũng cảm lấy quả báo ác, phải đọa địa ngục. Ngài đọa địa ngục thật, trong địa ngục có thọ tội hay không? Chẳng có, [ngài cảm thấy] 'vui như Tam Thiền'. Trong các cõi Tứ Thiền thiên thì vui sướng nhất là cõi Tam Thiền. Đây là cách dạy chúng sanh từ mặt trái, thị hiện cho người thế gian thấy, [dạy họ] không thể làm việc ác, làm ác thì nhất định sẽ chịu quả báo khổ. Vua A Xà Thế vô ngục, vua A Xà Thế cũng là Bồ Tát thị hiện, lúc lâm chung ngài sám hối kịp lúc nên lúc tướng địa ngục hiện ra vua chẳng bị đọa.

Ông Trương Thiện Hòa đời Đường ở Trung Quốc là một thí dụ điển hình, mọi người đều biết, lúc lâm chung ông ta cũng thấy cảnh giới địa ngục hiện lên. Ở đây, chú giải nói 'tạm vào liền ra', tạm vào chẳng phải là thật vào, tướng địa ngục hiện lên họ nhìn thấy, vừa nhìn thấy liền lập tức sám hối. Tăng thượng duyên của Trương Thiện Hòa rất tốt, ngay lúc đó gặp được một vị pháp sư đi ngang, nghe tiếng ông la hét kêu cứu. Vị pháp sư này bước vào coi, và hỏi duyên cớ? Ông Trương làm nghề giết trâu, ông nhìn thấy rất nhiều người đầu trâu đòi mạng ông. Vị pháp sư này liền thắp một cây nhang đưa cho ông, dạy ông lớn tiếng niệm A Di Đà Phật, niệm được vài câu A Di Đà Phật, ông nói những người đầu trâu đều biến mất, A Di Đà Phật đã tới [tiếp dẫn] ông vãng sanh Cực Lạc thế giớiDo đó sức mạnh của sự sám hối không thể nghĩ bàn. Đây là nói những chúng sanh có căn tánh lanh lợi, tuy đã tạo tội địa ngục, nhưng biết sám hối, biết quay về, đã quay về nhanh chóng. Câu thứ mười ba:

Hồng hào tướng quang.

Tướng hào quang màu đỏ

[Màu đỏ] tiêu biểu cõi súc sanh. Chúng ta biết có nhiều chúng sanh trong cõi súc sanh cũng biết tu hành, người xưa có viết một cuốn sách chuyên kể những chuyện súc sanh tu hành và được quả báo thiện. Lúc trước Hoằng Hóa Xã của Ấn Quang đại sư đã in chẳng ít, [cuốn đó tựa là] "Vật Do Như Thử", có lẽ các bạn đồng tu đã coi qua cuốn sách này, trong đó ghi toàn là những chuyện súc sanh niệm Phật. Đàm Hư pháp sư lúc trước ở Hương Cảng giảng khai thị trong Phật thất có kể một chuyện, một con gà trống ở chùa Đầu Đà, Ôn Châu, ngài kể chuyện này, đây là một chuyện thật. Có người đem một con gà trống thả trong chùa, linh tánh của con gà này rất nhạy bén, mỗi ngày đều theo đại chúng tụng hai khóa sáng tối, tụng niệm xong nó cũng đi ra theo mọi người. Một ngày nọ tụng xong nó không theo mọi người ra ngoài, mọi người ra hết, nó còn nhiễu Phật trong chánh điện, thầy Hương Đăng nói với nó, kêu nó đi ra. Con gà này cũng chẳng nghe theo, đứng trong chánh điện ngước đầu nhìn tượng Phật, kêu lên ba tiếng rồi chết, đứng mà vãng sanh. Lúc đó Đế Nhàn lão pháp sư là phương trượng chùa Đầu Đà, đây là một chuyện súc sanh vãng sanh. Súc sanh nhìn thấy hào quang Phật màu hồng. Câu kế:

Lục hào tướng quang

Tướng hào quang màu lục

Màu lục, trong chú giải ghi 'tiêu biểu chung cho địa ngục, ngạ quỷ cùng nhập pháp lưu', màu lục tiêu biểu cho tam ác đạo. Chúng sanh trong tam ác đạo nhìn thấy Phật quang có màu lục, khi [chúng sanh trong ác đạo] nhìn thấy hào quang Phật đều có thể thoát ly ác đạo. Chúng ta biết rõ những súc sanh này đều là người tu hành đời quá khứ, lúc lâm chung khởi lên một niệm sai lầm bèn đọa vào cõi súc sanh; súc sanh ngu si, [những người này] không thể khởi chánh niệm lúc lâm chung nên đọa vào ác đạo. Sau khi đọa vào ác đạo nhưng rốt cuộc thiện căn cũng còn sâu đậm, họ không phải không biết hiện giờ mang thân súc sanh, nhưng vẫn không quên niệm Phật, do đó vẫn còn duyên phận này, vẫn có thể tiếp cận đạo tràng, vẫn có thể nhìn thấy tượng Phật, nghe tới âm thanh của Phật. Súc sanh nhìn thấy hào quang của Phật có màu lục. Kế tiếp là câu thứ mười bảy:

Kim hào tướng quang.

Tướng hào quang màu vàng y

Rất nhiều người trong chúng ta thấy hào quang Phật có màu vàng, màu vàng kim, [người có] căn tánh này không những lanh lợi mà còn rất sâu đậm, trong kinh Phật gọi là thiện căn, phước đức, nhân duyên chín muồi. Chú giải ghi "tiêu biểu ngạ quỷ", chư vị phải ghi nhớ, ngạ quỷ không nhất định là chỉ cõi ngạ quỷ, có thể coi là nghiệp nhân ngạ quỷ, nghiệp nhân của ngạ quỷ là tham lam. *'Tuy chôn vùi lâu trong ác thú, nhưng Phật tánh không mất'*, chúng ta có thể khẳng định hết thảy chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều có Phật tánh, đây là điều mà đức Phật thường nói trong kinh. Hết thảy chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay đều đã từng học Phật, đều đã từng nghe pháp, đều đã từng thân cận chư Phật Như Lai, chỉ là không nghe lời dạy, vẫn tùy thuận tập khí của mình, vẫn tạo nghiệp lục đạo luân hồi như cũ, chẳng may đọa vào tam đồ. Những chủng tử đã huân tập trong vô lượng kiếp đến nay rất nhiều, thiện căn vẫn tương đối sâu dày, tuy đọa ác đạo, gặp được duyên Phật, thiện căn sẽ hiện ra. Đặc biệt là pháp môn niệm Phật, vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, [chúng sanh cõi] quỷ và súc sanh vãng sanh cũng sẽ thấy hào quang màu vàng, cũng sẽ thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Nghiệp chướng tam ác đạo [của chúng sanh] trong những cõi này nặng nề, rất khó giác ngộ, nhưng một khi giác ngộ thì chẳng thua gì cõi người. Đức Phật A Di Đà độ chúng sanh là độ chín pháp giới chúng sanh, trong kinh chúng ta cũng thấy rất rõ ràng cho nên nói trong tam ác đạo, nếu vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, thấy hào quang của A Di Đà Phật chiếu soi cũng sẽ là màu vàng. Kế tiếp là câu thứ mười chín:

Khánh vân hào tướng quang

Tướng hào quang mây lành

Khánh vân, người Trung Quốc cũng gọi là 'Cảnh Vân'. Chú giải nói *"Đó tiêu biểu cho điềm lành 'lìa khỏi ngũ trụ phiền não, tỏ lộ ngũ phần pháp thân'"*. Khánh vân cũng là mây màu, giống như cầu vồng buổi sáng và buổi chiều vậy, đó gọi là khánh vân. Nó có rất nhiều màu, tiêu biểu xa lìa ngũ trụ phiền não. Ngũ Trụ phiền não là gì? Đây là danh từ Phật học mà cũng là thường thức phổ thông. Trên thật tế chính là 'Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não', thông thường chúng ta chia phiền não thành ba loại. Nói ngũ trụ cũng là ba thứ này mở rộng ra, Kiến Tư phiền não, [hay gọi là] Kiến phiền não là một trụ, Kiến Hoặc, trong Phật pháp gọi là 'Kiến Nhất

Thiết Xứ Trụ Địa', nó sanh ra từ Phân Biệt chứ chẳng phải có sẵn, Kiến là một trụ. Trong Tư Hoặc có ba trụ, có Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đây là Tư Hoặc, cả ba đều gọi chung là 'Ái Trụ Địa', phiền não này có sẵn khi sanh ra, là tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay. Tư Hoặc là gì? Là 'tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến', đây là tập khí tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp tới nay, gọi là phiền não có sẵn khi sanh ra. Hợp lại thành tứ trụ, Kiến là một trụ, Tư có Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, bốn trụ này cộng lại là phiền não chướng, thông thường chúng ta cũng gọi là Kiến Tư phiền não. Sau đó là Trần Sa, Vô Minh. Trần Sa cộng với Vô Minh thành một trụ gọi là Vô Minh Trụ Địa, cộng lại là Ngũ Trụ. Vô Minh Trụ Địa là cội gốc, thuộc về Sở Tri Chướng, bốn trụ đầu là Phiền Não Chướng, Trụ thứ năm Trần Sa và Vô Minh hợp lại gọi là Sở Tri Chướng, cũng gọi là Ngũ Trụ Vô Minh, hay Ngũ Trụ Phiền Não. Do đó có thể biết nếu phá hết Ngũ Trụ thì đạt đến quả địa Như Lai. A La Hán chỉ phá bốn trụ, nên siêu việt Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới, còn Trần Sa và Vô Minh chưa phá, Vô Minh Trụ Địa chưa phá do đó họ không thể thoát Tam Giới. Khi phá Trần Sa, Trần Sa thí dụ cho 'nhiều', Vô Minh chính là căn bản. Phá một phẩm Căn Bản Vô Minh thì siêu việt thập pháp giới, bắt đầu phá Sở Tri Chướng. Ở đây dùng Khánh Vân Hào Tướng Quang để tiêu biểu pháp, lìa Ngũ Trụ phiền não, hiển lộ Ngũ Phần pháp thân, cảnh giới này trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, họ nhập vào cảnh giới này. Thứ hai mươi mốt:

Thiên Luân Hào Quang

Tia sáng ngàn vòng tròn

Ý nghĩa này chẳng giống phía trước, hào quang nói phía trước chẳng có tướng hình bánh xe, trong Chú Giải gọi là Tán Quang (hào quang phân tán), hào quang hình bánh xe viên mãn hơn tán quang, nó tiêu biểu pháp viên mãn, lợi ích cho chúng sanh căn tánh viên đốn. Trong căn tánh của những chúng sanh học Phật, căn tánh quý nhất, hiếm nhất là căn tánh viên đốn; chúng ta có phải thuộc loại căn tánh này không? Không phải, nếu là căn tánh viên đốn thì tu học sẽ chẳng khó khăn như vậy, vừa tiếp xúc đến liền khai ngộ, đúng như câu 'nghe một, ngộ ngàn', ngộ nhập vào cảnh giới của Phật rất dễ dàng. Trong hết thảy căn tánh, những người có căn tánh viên đốn rất ít, căn tánh này chính là hạng người Thượng Thượng Thừa như Đàn Kinh đã nói đến, càng hiếm hơn là [căn tánh] Đại Thừa. Chúng ta nghe xong trong tâm liền vô cùng ngưỡng mộ, có phương pháp gì vun bồi cho chúng ta trở thành căn tánh viên đốn? Có chứ không phải là không có. Vấn đề là bạn chịu tiếp nhận hay không, bạn có chịu y giáo phụng hành hay không, phương pháp đó là gì? Huân tập, tất cả căn tánh của chúng sanh đều có được từ sự huân tập, Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ, Phật pháp do nhân duyên sanh. Làm thế nào huân tập? Phải thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa viên đốn, bạn thường đọc tụng, dần dần không hay không biết bạn trở thành căn tánh viên đốn. Khi đọc tụng bạn phải hiểu rõ, sau khi hiểu rồi thì phải y giáo tu hành, hoàn toàn thực hiện những đạo lý, phương pháp, cảnh giới được nói trong kinh điển vào đời sống thì dần dần bạn sẽ trở thành căn tánh viên đốn mà bạn cũng không biết. Đó cũng như việc nói ở trên *'thuyết viên pháp, bị viên căn, nhập viên môn, hoạch viên ích' (thuyết pháp viên đốn, đầy đủ căn tánh viên đốn, vào cửa viên đốn, gặt được lợi ích viên đốn)*. Nhà Phật thường nói *'Người viên đốn thuyết pháp, chẳng pháp nào không viên đốn'*, thuyết pháp như vậy, nghe pháp cũng như vậy, *'người viên đốn nghe pháp, chẳng pháp nào không viên đốn; pháp người viên đốn tu, chẳng pháp nào không viên đốn'.*

Quan trọng là phải biết cách học, bạn biết học mới được, nếu bạn không biết học thì để ngay trước mắt bạn cũng chẳng học được. Pháp gì là pháp viên đốn? Nói cho

chư vị biết, pháp nào cũng viên đốn. Không những hết thảy những pháp mà đức Phật đã nói là pháp viên đốn, hết thảy những pháp thế gian cũng viên đốn, một viên đốn thì hết thảy đều viên đốn. Nếu bạn nói bộ kinh này là Viên Giáo Đại Thừa, bộ kinh kia là Biệt Giáo thì bạn sai rồi, bạn chưa viên đốn. Làm sao mới viên đốn? Lìa hết thảy phân biệt, chấp trước thì sẽ viên đốn. Viên là chân, và cũng chính là 'chân tướng sự thật', 'chân thật chi tế' mà tôi thường nói; trong Hiển Giáo, Mật Giáo gọi là 'đại viên mãn', đó là pháp viên mãn. Đem pháp viên mãn rồi khởi phân biệt thì pháp đó trở thành không viên, đây là việc mà chúng ta tạo thành, tuyệt đối không phải pháp có thiên, có viên. Bạn nói "pháp có cạn, có sâu" thì đó là sai lầm; nói "pháp có cao, có thấp", thì bạn hoàn toàn sai lầm. Pháp là bình đẳng, pháp tuyệt đối không có thiên và viên, tuyệt đối không có cao và thấp, tuyệt đối không có cạn và sâu. Do đó kinh Hoa Nghiêm nói rất hay *'một là tất cả, tất cả là một'*. Sở chứng của Sơ Trụ Bồ Tát thì cạn, sở chứng của Đẳng Giác Bồ Tát thì sâu, cạn sâu chẳng hai. Trong sở chứng của Sơ Trụ Bồ Tát có pháp của bậc Đẳng Giác, trong pháp tu của Đẳng Giác Bồ Tát có pháp của bậc Sơ Trụ, như vậy mới gọi là 'viên'. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, nhất định phải thật sự áp dụng vào trong đời sống, thật sự luyện tập. Luyện cái gì? Lìa hết thảy vọng tưởng, chấp trước. 'Thiên Luân hào quang' có tướng hình bánh xe. Trong phần chú thích có nói *'Bánh xe có ngàn căm tiêu biểu 'nhất niệm thiên như' trong lục đạo, cho đến hiển rõ viên chuyển vô ngại'*, vô ngại là cảnh giới của kinh Hoa Nghiêm. *'Di luân châu táp' (trọn khắp, không xen hở)* tức là tận hư không, trọn khắp pháp giới là một thể hoàn chỉnh, vậy mới là đại viên mãn, mới là hào quang luân tướng. Phần sau nói về tướng thù thắng sai khác trong luân tướng. Thứ hai mươi ba:

Bảo Luân hào quang

Tia sáng vòng tròn báu

'Bảo luân' có cùng ý nghĩa như 'thiên luân', trong đó thêm một chữ 'Bảo', câu này quan trọng ở chữ 'bảo'. Trong sự tiêu biểu pháp, [chữ 'bảo'] tiêu biểu 'kẻ có căn tánh viên mãn, đầy đủ trong ngũ đạo'. Do đó mới biết căn tánh viên đốn là của quý, tại sao nói đó là của báu? Khi họ tiếp xúc đến Phật pháp, trong đời này tuyệt đối thành tựu. Phần đông khi đại chúng tiếp xúc đến Phật pháp chưa chắc có thể thành tựu trong một đời, nguyên nhân là vì sao? Vì căn tánh chẳng giống nhau, duyên phận chẳng giống nhau. Tự mình đầy đủ căn tánh viên đốn, khi gặp duyên phận tốt sẽ nhất định thành tựu. Duyên chỗ này là Địa Tạng Bồ Tát, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, duyên này thù thắng vô cùng. Nếu có thể tu học noi theo lý luận, phương pháp, cảnh giới của kinh này thì sẽ có thể thành Phật thành Tổ, không những siêu việt lục đạo mà còn siêu việt thập pháp giới. Đây chính là người có đại căn tánh, căn tánh lanh lợi như Lục Tổ Đàn Kinh đã nói. Người có căn tánh này sau khi tiếp xúc liền có thể tin, có thể hiểu, có thể làm theo. Nếu không phải là căn tánh này, sau khi tiếp xúc đôi khi họ sẽ không tin, hoặc đã tin nhưng không hiểu, hiểu rồi nhưng không chịu làm theo. Dù làm nhưng lúc đó còn nghi ngờ, lo lắng, làm không thoải mái cho lắm. Họ vẫn rơi vào vọng tưởng chấp trước, quả báo của họ được đương nhiên sẽ không giống nhau. Ở đây chúng ta có thể thấy người có căn tánh viên đốn là người như thế nào? Họ nhìn sự việc rõ ràng, rành rẽ, họ làm việc thoải mái, nhanh nhẹn, đem lợi ích cho chúng sanh, tự mình thanh tịnh vô vi, chẳng nhiễm mảy may, họ có thái độ như vậy. Thứ hai mươi lăm:

Nhật luân hào tướng

Tia sáng vầng mặt trời

Chỗ này cũng có vài câu rất hay, nói Bồ Tát *'từ lúc mới phát tâm vì độ chúng sanh chẳng bao giờ ngưng nghỉ, giải đãi. Đến thế gian, trụ ngũ thần thông, ở nơi hư không, phóng trí huệ quang minh, diệt tà kiến hý luận'*, những câu này đều nói từ cảnh giới [của Bồ Tát], họ đích thật chẳng giống như phàm phu thông thường. Tâm địa càng thanh tịnh thì trí huệ càng viên mãn, đối với nghiệp nhân quả báo của vạn sự vạn pháp thế gian, xuất thế gian đều thấy rõ ràng. Tuy thấy rõ ràng, Bồ Tát ứng hóa nơi thế gian vẫn tùy duyên y như cũ. Giống như câu *'hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức'* dạy trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện, quý vị thích làm như thế nào thì làm như vậy, thiện nhân sẽ cảm thiện quả, ác nhân sẽ cảm ác báo, nhân duyên quả báo nhất định sẽ tương ứng lẫn nhau, nhất định sẽ không sai. Chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh, nhất định sẽ chẳng có mảy may miễn cưỡng, xen tạp trong đó. Sự hằng thuận này chúng ta thật chẳng dễ làm được, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật đều thêm một chút ý tứ của mình, thêm vào một chút ý tứ của mình thì không gọi là tùy thuận. Tùy thuận là thuận theo tự nhiên, chẳng thêm mảy may ý tứ gì cả, do đó Phật giảng kinh thuyết pháp chỉ là khuyên cho bạn nghe, khi bạn ngộ rồi thì bạn sẽ tùy thuận theo chỗ ngộ của bạn; khi mê thì thuận theo chỗ mê của bạn. Phật, Bồ Tát chẳng thêm một ý tứ gì hết. Nếu bạn hỏi vì sao? Đạo lý này rất sâu. Chúng ta phải lắng lòng để hiểu, phải sốt sắng học theo, như vậy mới gọi là học Phật, học giống y như Phật, rồi sau đó được đại tự tại trong đời sống. Thứ hai mươi bảy:

Nguyệt luân hào tướng

Tia sáng vầng mặt trăng

Ở đây tiêu biểu Bồ Tát, *'Cụ trí đoạn nhị đức, cố năng trừ ngũ đạo nhiệt não, ích tứ chúng thanh lương. Nhiên thử nhị luân' (Đầy đủ Trí đức và Đoạn đức, nên có thể diệt trừ năm thứ nhiệt não, làm cho tứ chúng thanh lương. Hai luân đó)*, 'nhị luân' nghĩa là nhật, nguyệt. *'Chánh biểu đại sĩ quyền thật nhị trí, chiếu lý giám cơ dã' (tiêu biểu cho hai trí Quyền và Thật của đại sĩ, soi rõ Lý, quán rõ căn cơ)*. Trong đoạn này quan trọng nhất là câu cuối 'chiếu lý giám cơ', Thực Trí chiếu lý, Quyền Trí giám cơ. Cơ nghĩa là căn cơ của chúng sanh, chúng ta thường nói quán cơ, 'giám' nghĩa là 'quán', bạn có thể nhận biết cơ duyên của hết thảy chúng sanh, bạn có thể giúp chúng sanh nghĩa là khế cơ. Bạn có Thực Trí chiếu lý, chẳng mê chân tướng của vũ trụ nhân sanh mảy may, đó là chiếu lý. Khế cả lý và cơ, như vậy mới có thể đem lại lợi ích chân thật cho hết thảy chúng sanh. Do đó không thể không giảng kinh, không thể không giảng kỹ càng. Phần đông đại chúng ngày nay rất sơ ý, tâm trí vọng động, ngày nay không thể giảng kinh như người xưa, người xưa nói chuyện rất hàm súc, trong lời nói có hàm ý, bạn phải biết cách nghe. Nếu bạn không biết nghe thì bạn sẽ không hiểu ý nghĩa. Nếu dùng cách nói hàm súc như người xưa thì chẳng có ai hiểu nổi, bạn nói cũng uổng công. Một tí hàm súc gì cũng không được, nói như vậy người ta chưa chắc đã hiểu, cho nên chúng ta phải cầu Tam Bảo gia trì. Trong việc nghiên cứu giáo lý, giảng kinh là quan trọng hơn hết. Vậy thì niệm Phật quan trọng hay không? Cũng quan trọng, giống như hai bánh xe của chiếc xe, nếu thiếu một bánh thì xe không chạy được, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta phải quan sát 'nguy cơ' trong thế gian hiện nay nguy cấp đến cùng cực. Mục đích của Bồ Tát trụ trong thế gian là giúp con người phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Mỗi một dấu hiệu, thái độ chuyển biến của người trong thế gian dù nhỏ cách mấy chúng ta cũng phải nhận biết, nếu không nhận biết thì bạn làm sao dạy người ta? Do đó khi lục căn chúng ta tiếp xúc với sáu trần đều phải quán chiếu. Hiện nay là thế giới như

thế nào? Dân chủ tự do mở rộng, khuynh hướng tương lai nhất định sẽ dân chủ, tự do, mở rộng tới mức không hạn chế, chuyện này rất phiền phức. Tại sao vậy? Chúng ta là phàm phu chứ chẳng là thánh nhân. Mức thấp nhất trong Phật pháp là Tứ Thánh Pháp Giới: A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, các ngài mới là thật sự dân chủ, tự do, mở rộng, các ngài có đức hạnh, có trí định, có đức năng, như vậy mới được, mới được thọ dụng chánh đáng, đúng mức! Trong Nhất Chân pháp giới đạt tới mức mở rộng rốt ráo, thật sự chẳng có giới hạn, kinh Hoa Nghiêm gọi đó là 'lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại', ở đó thì dân chủ, tự do, mở rộng đạt tới mức cứu cánh viên mãn. Nhưng nếu phàm phu làm như vậy thì sẽ tùy thuận phiền não, một khi phiền não được mở rộng thì chịu sao nổi! Phật, Bồ Tát có trí huệ, trí huệ mở rộng thì rất tốt! Còn phiền não thì không thể mở rộng, phiền não nhất định phải được thu hẹp, ngăn chận không cho nó vượt ra ngoài giới hạn, như vậy mới có thể duy trì cho xã hội được an toàn, an định, chúng ta phải hiểu việc này.

Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm có nói tới sát, trộm, dâm. Sát trộm dâm này có trí huệ viên mãn, không những không đọa tam đồ, ngay cả thập pháp giới cũng không đọa. Còn phàm phu chúng ta tùy thuận phiền não, nếu chúng ta phạm sát, trộm, dâm thì chắc chắn sẽ đọa tam đồ. Tùy thuận trí huệ thị hiện tạo sát trộm dâm chẳng đọa tam đồ là tại sao? Thí dụ những kẻ giết người, đốt nhà trong xã hội liền bị kết tội giam vào tù, còn diễn viên hát trên sân khấu giết người, đốt nhà thì không phạm tội, chẳng có ai kết tội họ vì đó là giả, đó là đóng kịch, chẳng phải thiệt. Bồ Tát làm việc sát, trộm, dâm cũng là đóng kịch, chẳng phải thiệt, các ngài tùy thuận trí huệ, còn người trong thế gian tùy thuận phiền não. Dân chủ phải dành riêng cho ai? Là dành cho Phật, Bồ Tát. Còn những người trong một quốc gia, có phải ai cũng là Phật, Bồ Tát hay không, nếu phải thì có thể nói đến dân chủ; nếu không phải là Phật, Bồ Tát thì dân chủ sẽ rất nguy hiểm, việc này là thật chứ chẳng phải giả.

Có một năm tôi trú ở Mộc Sách, Đài Loan, cách đây cũng khoảng bốn mươi năm. Tôi ở đó giảng kinh, tôi nhớ là giảng kinh Lăng Nghiêm. Cụ Triệu Hằng Dương đến nghe vài lần, ông này là một vị quân phiệt thời đầu Dân Quốc, lúc đó ai cũng gọi ông là Hồ Nam Vương. Ở Đài Loan, ông là người có vai vế giống như Tưởng Giới Thạch, ông Tưởng rất tôn kính cụ Triệu, lúc đó cụ Triệu cỡ chín mươi tuổi. Một hôm giảng kinh xong, chúng tôi đi tản bộ tiễn cụ về nhà, trên đường về cụ vô cùng cảm khái và nói một câu, cụ hối hận, đến tuổi xế chiều cụ mới học Phật, cụ nói: 'Hồi còn nhỏ tuổi bồng bột, ngu ngốc, làm cách mạng là sai rồi!'. Tôi hỏi cụ: 'Sai ở chỗ nào?'. Cụ nói 'Trong chế độ dân chủ chẳng có nhân tài', tôi nghe xong liền hiểu. Bạn nghĩ coi ở Trung Quốc hồi đó, thời đế vương chuyên chế, nhân tài làm thế nào xuất hiện? [Nhờ người ta] cầu mới có! Lưu Bị đi tìm Gia Cát Lượng phải ba lượt đi đến lều tranh [để mời Gia Cát Lượng ra giúp mình]. Còn người hiện nay thì như thế nào? Đâu cần mời? [Khi tranh cử họ nói] Tôi rất giỏi, hãy bầu cho tôi đi, tôi làm việc rất đắc lực, ai cũng chẳng bằng tôi. Người thật sự có học vấn, có khả năng đều rút lui, chẳng bao giờ tranh với kẻ khác. Do đó trong chế độ dân chủ phải đi đâu tìm nhân tài? Nhân tài đều không lộ diện, đều dấu mặt, chắc chắn sẽ không ra tranh cử, chẳng bao giờ. Người thật sự có đạo đức, có học vấn, sẽ không làm những chuyện này. Phương pháp phục vụ xã hội, cống hiến cho chúng sanh rất nhiều, họ sẽ không đi theo con đường này, họ sẽ ẩn cư, ẩn cư ở đâu? Ở trong các ngành công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, họ làm những nghề này để cống hiến cho xã hội, phục vụ nhân dân. Cho nên ẩn cư không nhất định phải ẩn cư trong rừng núi, người ẩn cư trong rừng núi cũng có, nhưng ẩn mặt trong giới công, thương càng nhiều hơn, đương nhiên phạm vi phục vụ của họ khá nhỏ. Cho nên cụ Triệu lúc về già học Phật, dần dần giác ngộ, hiểu rõ những đạo lý này.

Có bao nhiêu người hiểu được đạo lý này? Bao nhiêu người giác ngộ? Ngày nay cho dù chúng ta hiểu rõ nhưng cũng chẳng dám phản đối, tại sao vậy? Dân chủ tự do là một trào lưu, bạn có thể phản đối cả trào lưu hay sao! Do đó Phật, Bồ Tát thuận theo tự nhiên, trào lưu dân chủ thì thuận theo dân chủ, tự do thì thuận theo tự do, khi tự do dân chủ tới cuối cùng rồi họ cũng sẽ giác ngộ, sẽ quay trở lại. Do đó đối với chuyện này, trí huệ của ông Tôn Trung Sơn đáng cho chúng ta kính phục, tiếc là thọ mạng ông ta quá ngắn, và cũng là vì chúng sanh phước mỏng, ông ta chết quá sớm. Ông đã quán sát, rút tỉa những truyền thống tốt đẹp của Trung Quốc cổ xưa kết hợp với những ưu điểm của Tây Phương; ông đề xướng cách mạng, đề xướng chánh sách chuyên chế nhất đảng, ông chẳng tán thành tự do dân chủ mở rộng. [Ông chủ trương] tập hợp nhân tài toàn quốc lại thành một đoàn thể điều khiển quản lý quốc gia, thay thế cho vua chúa, vua chúa là một nhà, một nhà này thống trị cả nước. Ông chủ trương những người tài giỏi thông minh trong nước hợp lại để thống trị quốc gia, phương pháp này tốt, đây chẳng phải là chế độ có nhiều đảng. Khi có nhiều đảng thì sẽ tranh giành với nhau, hễ có tranh thì sẽ loạn, Mạnh Tử nói *'Trên dưới tranh giành quyền lợi với nhau'*, quốc gia sẽ loạn, sẽ nguy hiểm. Ông Tôn đọc sách nhiều nên hiểu được đạo lý này, làm sao để thật sự tạo phước cho xã hội, cho quần chúng, làm cho mọi người đều có đời sống hạnh phúc mỹ mãn thật sự, đây là đại nhân, đại trí; nhân vật như vậy trong lịch sử cũng rất hiếm có. Trên đây là đoạn nói về 'chiếu lý giám cơ'. Thứ hai mươi chín:

Cung điện hào quang

Tia sáng cung điện

Cung điện nói theo cách nói hiện nay là những kiến trúc cao lớn, hồi xưa thông thường cung điện cao hơn những căn nhà thường. Ở đây khi nói tới 'cung điện' chúng ta không thể nghĩ tới cung điện [vua chúa] ngày xưa, như vậy không đúng, chúng ta phải nghĩ tới những tòa nhà cao lớn trong đô thị ngày nay. Chữ này ở đây *'tiêu biểu vượt khỏi tam đồ đến nhân thiên, hiển thị ngũ đạo cùng quy Phật quả, hiện tướng cao hiển'*. Tam đồ là tầng thấp nhất, vượt ra khỏi tam đồ sanh tới cõi cao hơn tức là cõi trời, cõi người. Hai cõi này cũng chưa kể là cao cho lắm, ngũ đạo trên thực tế chính là lục đạo, gồm có trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. 'Ngũ đạo cùng quy về Phật quả', chỉ có Tịnh Độ thật là 'bao gồm cả ba căn, lợi độn đều thâu trọn', có thể làm cho chúng sanh ở địa ngục thành Phật ngay trong một đời. Trong Phật pháp, trong vô lượng vô biên pháp môn chỉ có pháp môn này là thù thắng nhất. Nghĩa là trong hết thảy pháp môn thì pháp môn Tịnh Độ này là cao nhất, thù thắng nhất. Chư vị phải biết pháp môn càng thù thắng thì càng đơn giản, vì vậy kinh luận của Tịnh Tông ít nhất, chỉ có năm kinh và một luận, càng ít thì càng dễ học.

Chúng ta phải học hết năm kinh một luận hay chăng? Không hẳn vậy, trong sáu thứ này, bất kể học theo một thứ nào đều có thể thành tựu. Năm kinh và một luận này dài ngắn khác nhau, kinh Vô Lượng Thọ dài, chữ nhiều; Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông ngắn, chữ ít, chỉ có 244 chữ, nhưng lý luận, nguyên tắc, cảnh giới, thành tựu chẳng khác; chỉ cần noi theo một trong sáu thứ này đều có thể vãng sanh bất thoái thành Phật, đây là điểm thù thắng của pháp môn này, hết thảy chúng sanh gặp được đều có lợi ích to lớn. Dù đời này không thể hoàn toàn tin tưởng, không thể hoàn toàn hiểu rõ, chẳng sốt sắng tu hành, sự lợi ích chân thật ấy vẫn tồn tại. Đời sau, đời sau nữa khi gặp pháp môn này, thiện căn ấy được khơi dậy thì nhất định sẽ thành tựu. Chúng ta cũng vậy, chẳng phải là chúng ta chỉ gặp pháp môn Tịnh Độ trong đời này mà thôi, mà là nhiều đời trước, đời nào cũng đã từng gặp qua. Đã gặp qua nhưng tại sao ngày nay vẫn còn trôi lăn trong lục đạo luân hồi? Vì lúc trước gặp rồi nhưng chẳng tin

sâu, chẳng hiểu thấu, chẳng sốt sắng làm theo, vẫn tùy thuận phiền não như cũ, vẫn trôi lăn trong lục đạo luân hồi, cho nên ngày nay mới ra nông nỗi này. Hôm nay may mắn gặp lại là do thiện căn đời trước hiện ra, nhất định phải đừng hoài nghi, phải hạ quyết tâm đời này y giáo phụng hành, thì sẽ thành công và thoát ra khỏi lục đạo. Do đó đời này có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể hành vẫn là nhờ thiện căn của đời trước, đây là thói quen nghe pháp tu học, thói quen này là thói quen tốt, có thể tùy thuận theo thói quen này thì tốt! Câu cuối cùng:

Hải Vân hào quang.

Tia sáng mây biển

'Biểu Sanh Phật nhất như, Y Chánh bất nhị, nhiễm tịnh đồng nguyên, khổ lạc vô dị. Như hải mạc trắc biên nhai, như vân nguyên vô phân biệt. Cố tri tình sanh phân biệt, pháp pháp điều nhiên. Trí nhập nhất vô, sự sự bình đẳng. Chung ư Hải Vân, lương hữu dĩ dã' (Tượng trưng chúng sanh và Phật như một, Y báo Chánh báo chẳng hai, nhiễm tịnh đều có cùng cội gốc, khổ và vui chẳng khác. Như biển chẳng dò được bến bờ, như mây vốn chẳng phân biệt. Do đó, biết do tình (vọng tưởng, tình thức) mà sanh phân biệt, nên mới có từng pháp rạch ròi. Nếu trí nhập vào Nhất Vô (nhất chân pháp giới) thì mọi sự bình đẳng. [Vì thế, quang minh từ tướng bạch hào của Phật] kết thúc bằng Hải Vân là rất hợp lý vậy). Đây là đoạn kinh văn nói đức Phật phóng quang, bắt đầu từ Bạch Hào, kết thúc là Hải Vân, ý nghĩa này rất sâu rất rộng, chúng ta phải lắng lòng thể hội. Câu này ở đây tiêu biểu, đầu tiên là 'Đại viên mãn quang minh vân', trong phẩm thứ nhất được đặt đầu tiên. Đoạn kinh này ở đây, lại đặt ý này ở sau chót, ý nghĩa trong đó sâu rộng vô tận, mọi người phải lắng lòng tìm hiểu, như vậy mới thật sự khế nhập vào Nhất Chân pháp giới. Hiển rõ ngũ đạo đều quy về tịnh độ, quy vào Tịnh Độ tức là vào pháp bình đẳng, vào Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân thì sẽ bất nhị, mọi thứ đều chẳng hai. Cho nên hiện nay chúng ta cúng dường tượng Phật, chúng ta cúng dường ba tượng A Di Đà Phật hoàn toàn giống nhau. Có người hỏi: "Thưa pháp sư, cúng dường như vậy có ý nghĩa gì?" Tôi nói: "Đó là Tây Phương Tam Thánh". Họ nói: "Cả ba đều là A Di Đà Phật?" Tôi nói "Không phải. Vị chính giữa là A Di Đà Phật, bên đây là Quán Âm Bồ Tát, bên kia là Đại Thế Chí Bồ Tát; làm sao hoàn toàn giống nhau được?" Thế giới tây phương Cực Lạc là pháp bình đẳng, chẳng có sai khác, tượng của quý vị có sai khác là vì phàm phu quý vị có tâm phân biệt. Trên thực tế mỗi người vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều có tướng mạo giống y hệt như đức Phật A Di Đà, không phải quý bạn đã đọc và biết việc này trong kinh Vô Lượng Thọ rồi sao?

Tương lai, làng Di Đà của chúng ta được xây dựng xong, tôi nói với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, Niệm Phật Đường hình tròn, bốn bên của Niệm Phật Đường đều đặt tượng A Di Đà Phật; thật ra hiện nay chúng ta nói A Di Đà Phật thì bạn mới biết, còn không nói A Di Đà Phật thì bạn không hiểu, đó là người như thế nào? Liên Trì hải hội, mỗi người vãng sanh tới thế giới Cực Lạc đều có tướng mạo giống y hệt đức Phật A Di Đà, đều có một hình tướng. Một hình tướng là tướng bình đẳng, chẳng có sai khác, tướng mạo giống nhau, âm thanh giống nhau, thể chất giống nhau, đều là sắc thân màu vàng tía, như vậy mới đúng như pháp. Do đó những gì bạn nhìn thấy đều là đại chúng trong Liên Trì hải hội, những vị thánh vãng sanh từ mười phương thế giới, trong kinh gọi là 'nơi những vị thượng thiện tụ tập'. Người không hiểu thì [nhìn thấy] trong đó toàn là A Di Đà Phật, còn người hiểu rõ thì [sẽ thấy] đó là Liên Trì hải hội.

Đây là vấn đề thuộc về phương diện cảnh giới, dùng phương pháp này dẫn dắt chúng ta dần dần khế nhập cảnh giới, sau đó chúng ta quay lại coi kinh văn của cả đoạn. Trong đó nói nhiều ánh sáng có màu sắc khác nhau, thật ra chỉ là một ánh sáng. Một

luồng ánh sáng hiện ra nhiều màu sắc, hiện ra nhiều tướng, bạn phải biết chân tướng sự thật trong đó là gì? Ánh sáng (quang) này từ đâu tới? Từ Thật Trí, Trí huệ chân thật. Thật Trí, trong kinh Bát Nhã gọi là 'Bát Nhã Vô Tri', Trí vô tri là Thật Trí, Thật Trí biến trọn hư không pháp giới, giống như cái gì? Giống biển lớn, nước biển [ở đâu cũng] đều giống nhau, trọn khắp biển lớn, nước là Thật Trí. Quang là gì? Quang là ba động (làn sóng), ngày nay phần đông chúng ta đều biết, quang là hiện tượng ba động, âm thanh là hiện tượng ba động, điện cũng là hiện tượng ba động, 'ba' (làn sóng) là tác dụng. Quý vị nghĩ thử coi nếu không có nước thì làm sao có sóng? Sóng trên mặt nước là nhờ có nước mà có. Chư Phật, Bồ Tát phóng quang, nhờ vào cái gì? Nếu không dựa trên cái gì [thì quang làm sao phóng được, cũng như] sóng không có nước thì sóng làm sao thành hình được? [Nếu không có nước thì] nhất định sẽ không có sóng. Chư vị nên biết 'sóng' là 'Quyền Trí', Quyền Trí phải dựa vào Thật Trí, dựa vào Thật Trí để khởi quang ba (sóng ánh sáng), âm thanh của Như Lai phát ra là âm ba (sóng âm thanh), quang là quang ba. Như Lai, chúng ta gọi là Pháp Thân Đại Sĩ, quang ba (sóng ánh sáng), thanh ba (sóng âm thanh), từ ba (sóng điện từ) do họ phát ra đều phát ra từ Thật Trí. Là đạo lý như vậy.

Chúng ta có Thật Trí hay không? Có chứ, [Thật Trí này] đều bình đẳng, chẳng phải do tu mà có, trong tự tánh vốn sẵn có đầy đủ. Chúng ta vốn có đầy đủ, nhưng chúng ta đã mê mất. Mê mất thì Thật Trí này biến thành gì? Biến thành Vô Minh, cho nên lục đạo phàm phu khởi tâm động niệm gì cũng là 'ba động' (làn sóng). Làn sóng này dựa trên cái gì? Dựa trên Vô Minh, vô minh tức là tự tánh, tự tánh đã mê thì gọi là vô minh, vô minh đã giác ngộ thì gọi là tự tánh, do đó vô minh và tự tánh là một. Khi khởi tác dụng thì nó biến thành hai kết quả, khi ngộ thì là Nhất Chân pháp giới, được đại tự tại; khi mê thì là lục đạo luân hồi, khổ nạn vô biên. Chỗ quý báu của Phật pháp là một niệm Giác ngộ, đây là đạo lý của sự phóng quang trong đoạn này. Sau khi bạn hiểu rõ rồi, khi bạn nhìn thấy đức Phật phóng quang, chẳng nói một lời, ý tứ viên mãn trong đó bạn đã hiểu rõ hết, thì đâu cần phải nói nhiều lời thừa thãi nữa? Tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là tác dụng này mà thôi, một cái là thể, một cái là dụng, Quyền Trí là dụng, Thật Trí là thể, Thể biến trọn khắp hư không pháp giới, Dụng cũng biến trọn khắp hư không pháp giới; Thể này là tĩnh, thanh tịnh tịch diệt. Dụng là động; Thể vô tướng, Dụng có tướng, Dụng có làn sóng, làn sóng thì có tướng. Có nhiều hiện tượng mắt thịt chúng ta không nhìn thấy, đức Phật có thể thấy, [ngài có] ngũ nhãn viên minh, ngài có thể nhìn thấy. Ngày nay chúng ta nhìn thấy quang, nghe được âm thanh, nhưng không thấy được hiện tượng ba động của hào quang, không cảm được hiện tượng ba động của âm thanh. Nhưng hiện nay nhờ vào máy móc chúng ta có thể cảm thấy được. Trên máy móc chúng ta có thể thấy âm thanh cao thấp, âm thanh cao thì [làn sóng] tương đối tập trung, âm thanh tập trung lại thì phát ra âm thanh cao. Còn âm thanh thấp thì [làn sóng] rời rạc, đây là dựa vào máy móc khoa học chúng ta có thể thấy [hình tướng của] âm thanh cao thấp. Làn sóng của ánh sáng (quang ba) cũng có dài ngắn, có quang ba có làn sóng rất dài, có quang ba có làn sóng rất ngắn, hiện tượng làn sóng dài ngắn này có thể thấy được; hiện tượng làn sóng dài ngắn này sẽ hiện ra màu sắc khác nhau.

Do đó có thể biết, chúng ta hiểu được nguyên lý này, làn sóng ánh sáng đức Phật phát ra là một; nói cách khác ánh sáng này phát ra đều bằng phẳng, bình lặng, chẳng có sóng. Âm thanh của đức Phật phát ra cũng bằng phẳng, bình lặng, chẳng có sóng. Cho nên *'Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều hiểu được'*. Còn làn sóng của chúng sanh phát ra [không bằng phẳng] có sóng, khi tiếp xúc đến sóng của đức Phật, sóng của Phật hòa nhập vào sóng của chúng sanh, hằng thuận chúng sanh. Nhưng khi hai làn sóng này trộn lẫn vào nhau, sẽ giúp chúng sanh khai trí huệ,

làm cho họ lãnh ngộ, nguyên lý là như vậy. Sau đó bạn mới biết ngày nay thế giới động loạn như vậy, chúng sanh khổ sở như vậy, làn sóng trong tâm của mọi người phát ra là như thế nào? Sóng của tham sân si rất xấu, hơn nữa cường độ của làn sóng lên xuống rất lớn. Ngày nay chúng ta niệm Phật tu định, làm cho làn sóng chúng ta phát ra êm dịu, làn sóng của họ rất lớn, khi hai làn sóng này đụng nhau, làn sóng của chúng ta tăng lên, làn sóng của họ giảm xuống. Đây là lý do tại sao tai nạn trên thế gian được giảm bớt hoặc dời về sau.

Cho nên làn sóng chúng ta niệm Phật trong Niệm Phật Đường cũng hòa theo làn sóng điện được truyền khắp toàn thế giới. Niệm Phật có lợi ích gì? Lợi ích ở chỗ này. Khi bạn thật sự hiểu rõ thì bạn sẽ khởi lòng tin, chúng ta ở đây niệm Phật thì cả thế giới được lợi ích, chứ chẳng phải là chỉ có chúng ta được lợi ích mà thôi. Do đó khi bạn phát tâm chân thật, tâm khẩn thiết, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để niệm Phật [thì bạn đầy đủ] tự lợi lợi tha. Nếu bạn không hiểu được đạo lý này, bạn ở nhà niệm vài câu Phật hiệu có ích lợi gì cho xã hội không? Thật sự có ích lợi, người trong xã hội không nhìn thấy, nhưng họ được thọ dụng, họ được lợi ích. Họ không biết sự ích lợi này từ đâu tới, cũng không biết làm thế nào thay đổi, đó là mê hoặc; chỉ có người giác ngộ, người sáng suốt hiểu được đạo lý này. Cho nên mỗi chữ, mỗi câu trong kinh Phật, mọi người càng dễ hiểu được. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp, phóng quang hiện tướng lành để làm gì? Để hiển thị đạo lý này. Ngày nay [khoa học gia] nói về Sanh Hóa, về Vật Lý, về Hóa Học, đức Phật đều đã nói rõ trong đó, hơn nữa nói rất rốt ráo viên mãn, hy vọng mọi người đều lắng lòng tìm hiểu. Phật pháp là một khoa học cao siêu, sâu sắc, hoàn toàn chẳng thua gì những khoa học tân tiến hiện nay, vả lại còn cao minh hơn họ, khoa học kỹ thuật của họ không thể giải quyết vấn đề, khoa học kỹ thuật của Phật pháp có thể giải quyết. Cho nên hy vọng các bạn đồng tu phải sốt sắng, nỗ lực, tuyệt đối chẳng có gì mê tín ở trong đó.

Được rồi, hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

Tập 44 (14-12-44)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 51 và xem kinh văn:

Ư đảnh môn thượng, phóng như thị đẳng hào tướng quang dĩ, xuất vi diệu âm, cáo chư đại chúng, thiên long bát bộ. Nhân phi nhân đẳng, thính ngã kim nhật ư Đao Lợi thiên cung, xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát ư nhân thiên trung lợi ích đẳng sự, bất tư nghị sự. Siêu thánh nhân sự, chứng thập địa sự, tất cánh bất thoái A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề sự.

Từ trên đảnh môn phóng ra những tướng tia sáng như thế xong, lại nói ra tiếng vi diệu mà bảo đại chúng, Thiên Long Bát Bộ, nhân cùng phi nhân v.v... rằng: "Hãy lắng nghe hôm nay Ta tại cung trời Đao Lợi, tuyên bày ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng về những sự lợi ích trong hàng trời, người, những sự không thể nghĩ bàn, những sự siêu vượt nhân Thánh, những sự chứng quả Thập Địa, những sự rốt ráo không thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề 3[3] .

Phía trước chúng ta thấy Thế Tôn phóng quang, thụy tướng phóng quang trước khi nói câu tổng kết. Kế tiếp đức Phật nói với mọi người, ngài dùng âm vi diệu, hàm ý

3[3] A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề nghĩa là 'Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây là quả vị của Phật

trong 'âm vi diệu' rộng sâu vô hạn, một âm hàm chứa hết thảy âm, mỗi một âm hàm chứa hết thảy sự, do đó gọi là vi diệu âm. Nói với đại chúng ở trong hội bao gồm thiên long bát bộ, nhân và phi nhân, đây đều là những đại chúng được Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa. *'Thính ngã kim nhật, ư Đao Lợi thiên cung, xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát' (Nghe tôi hôm nay xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát ở cõi trời Đao Lợi)*, câu này là lời tổng kết từ lúc pháp hội khai mạc đến lúc bấy giờ, toàn bộ kinh văn đều xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Mấy câu sau này là tổng kết *'ư nhân thiên trung lợi ích đẳng sự' (những sự lợi ích trong cõi người và cõi Trời)*, sau đó nói rất cụ thể, tóm tắt toàn bộ kinh. Câu này là nhằm kết danh (tổng kết những giáo nghĩa của danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát) mà cũng là nói tới Giáo, [tức là nếu] chúng ta dùng bốn thứ 'Giáo, Lý, Hành, Quả' để nói, thì câu này nói về Giáo. Lần này chúng tôi đi Úc Châu hai mươi ngày, quán sát sự khuếch trương văn hóa đa nguyên, dần dần cũng đã có thành quả. Chúng ta quay lại nhìn nền giáo học của nhà Phật, đích thật là tài liệu dạy học cho những người theo đuổi công việc đa nguyên văn hóa, đây chính là kinh điển Đại Thừa.

'Ư nhân thiên trung lợi ích đẳng sự', nhân thiên là chỉ cõi trời, cõi người, và cũng là những cõi trong lục đạo. Những cõi trong lục đạo đương nhiên là thể sanh hoạt đa nguyên văn hóa. Địa Tạng Bồ Tát, Thích Ca Thế Tôn, làm sao có thể đối với hết thảy chúng sanh, chủng loại khác nhau, tộc quần khác nhau, phương thức sinh hoạt khác nhau, thậm chí đối với tư tưởng kiến giải khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, có thể giúp họ tiêu trừ những thứ khác nhau này, giúp họ dung hợp thành một thể cộng đồng. Thể cộng đồng tức là Nhất Chân Pháp Giới, thể đa nguyên bất đồng là Thập Pháp Giới, đây là lợi ích chân thật, đây là trí huệ cao độ của Thế Tôn, sự dạy dỗ thiện xảo phương tiện. Do đó giáo học trong Phật pháp, đức Phật dạy chúng ta những gì? Đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Thứ nhất là đức Phật dạy con người chúng ta phải cư xử như thế nào, đức Phật dạy phải tuân theo 'Lục Hòa Kính'. Nếu chúng ta không thể sống chung, hòa đồng với người khác thì nói chi đến thành tựu? Quan hệ giữa người với người vô cùng phức tạp, nói thật ra mỗi người, mỗi chúng sanh, đều là một hình thể đa nguyên văn hóa. Vì mỗi người, mỗi chúng sanh trong đời trước, đời đời kiếp kiếp luân hồi trong lục đạo, A Lại Da thức đã chứa đựng nhiều hạt giống, nhiều tập khí khác nhau, đó không phải là một kết cấu đa nguyên văn hóa hay sao? Huống chi lúc mọi người tiếp xúc với nhau thì phải đối xử như thế nào, đây là cả một sự học vấn. Có thể dẹp hết sự kỳ thị, hiểu lầm, ngăn cách. Có thể tôn kính, hợp tác, quan tâm lẫn nhau, đây là điều đức Phật hy vọng nơi chúng ta. Đặc biệt là tu học Đại Thừa, trong kinh thường dạy chúng ta *'tâm bao thái hư, lượng châu sa giới' (tâm bao trùm hư không, lượng gồm thâu các thế giới nhiều như cát)*, trong hết thảy cảnh giới của chúng sanh vẫn còn vạch ranh giới, như vậy là sai rồi, trái nghịch với lời dạy của đức Phật, trái nghịch lời dạy của Bồ Tát. Cho nên học Phật điều thứ nhất là phải mở rộng tâm lượng, phải bao dung hết thảy thì bạn mới có thể vào cửa Phật, mới hiểu được lời Phật dạy, mới được lợi ích chân thật. Lợi ích chính mình, lợi ích xã hội, lợi ích hết thảy chúng sanh, những gì trong kinh giảng đều là những việc này.

Câu thứ nhì nói 'bất tư nghị sự', đây là tổng kết từ mặt Thể; Lý là một, tại sao những thứ khác nhau có thể dung hợp thành một Thể? Vì Lý là một. Tướng có nhiều thứ, Sự có nhiều thứ, Dụng có nhiều thứ, Lý chỉ có một, do đó có thể quy về một. Kinh Hoa Nghiêm có câu *'nhất tức thị đa, đa tức thị nhất' (một chính là nhiều, nhiều chính là một)*, nó có thể quy về một vì Thể chỉ là một. Giống như biển lớn, biển là Thể, những bọt nước trong biển, có cả ngàn cả vạn bọt nước khởi lên, mỗi bọt nước đều khác nhau, mỗi bọt nước là một vòng nho nhỏ riêng biệt, nhưng hết thảy những bọt nước này khởi lên từ đâu? Đều từ biển lớn. Chúng sanh mê muội, mê mất rồi, chẳng biết Thể là một, nên mới khởi lên mọi thứ hiểu lầm; nếu biết Thể là một thì tâm bình đẳng, thanh

tịnh, từ bi sẽ tự nhiên khởi lên. Cho dù là oán gia, kẻ thù cũng phải biết Thể của chúng ta đều là một, lìa khỏi Lý Thể thì đi đâu tìm Hiện Tướng? Thể là gì? Chân Như Bản Tánh, Chân Như Bản Tánh chẳng thể nghĩ bàn, 'bất tư nghị sự' là kết thể.

'Siêu thánh nhân sự, chứng Thập Địa4[4] sự', đây là nói về Hành, là Kết Tông, Tông chính là phương pháp tu hành, cương lãnh tu học của chúng ta, đây là Hành. "Siêu thánh nhân" 5[5] là nhân hạnh tu của Bồ Tát, 'chứng Thập Địa' là quả, tu nhân chứng quả. Thập Địa dù là Biệt Giáo Bồ Tát cũng đã vào Nhất Chân pháp giới, siêu việt thập pháp giới, khế nhập Nhất Chân pháp giới. Nếu nói Tam Hiền Bồ Tát, thì phải là Viên Giáo Tam Hiền Bồ Tát mới siêu việt thập pháp giới. Nếu là Biệt Giáo Tam Hiền Bồ Tát thì vẫn còn trong thập pháp giới. Nói Thập Địa thì nhất định đã siêu việt thập pháp giới, nhập Nhất Chân pháp giới. Câu cuối cùng là kết luận, dùng 'tất cánh bất thoái A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề sự'. Tổng kết này chẳng phải Thế Tôn vì chúng ta nói, mà đây là tổng kết những gì đã nói trong Địa Tạng pháp hội, thật ra những gì đức Phật Thích Ca đã nói trong 49 năm cũng có thể dùng những câu này để tổng kết. Đức Phật giảng cho chúng ta là giảng những điều này. Thậm chí mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai giảng cho hết thảy chúng sanh cũng chẳng vượt ra ngoài tổng kết này.

Hiểu ý nghĩa của những câu này thì chúng ta sẽ hiểu đức Phật dạy chúng ta, dạy chúng ta làm người phải biết quan hệ giữa người với người, phải biết làm sao đối xử với kẻ khác.

Thứ nhì, hiểu rõ quan hệ giữa người với thiên nhiên, hiện nay chúng ta gọi là hoàn cảnh thiên nhiên, sanh thái tự nhiên, làm thế nào để sinh hoạt trong hoàn cảnh thiên nhiên, đối xử với động vật, thực vật, sơn hà đại địa. Hoàn cảnh thiên nhiên [cung ứng,] chăm sóc cho chúng ta, chúng ta cũng phải yêu mến, bảo vệ thiên nhiên; hoàn cảnh thiên nhiên cống hiến cho chúng ta, quần áo, thức ăn, chỗ ở; mọi việc trong cuộc sống chúng ta đều phải nhờ hoàn cảnh tự nhiên mới có thể sinh tồn. Chúng ta làm sao báo đáp hoàn cảnh thiên nhiên, có ai đã nghĩ về vấn đề này chưa? Đức Phật đã nghĩ tới, Bồ Tát đã nghĩ tới.

Thứ ba, con người ứng xử như thế nào đối với quỷ thần? Giáo dục của nhà Phật dạy những chuyện này. Trong ba thứ này nếu có một thứ nào sai trái thì sẽ đem đến phiền phức, trong Phật pháp gọi là tạo nghiệp. Nếu cả ba thứ đều hoàn hảo thì sẽ có công đức, tích lũy công đức, nếu một thứ nào làm không tốt thì sẽ tạo nghiệp. Muốn ba quan hệ này đều tốt đẹp thì trước hết phải hiểu rõ ràng, rành rẽ hoàn cảnh, chân tướng sự thật. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta chính là giảng rõ những chân tướng sự thật này, dạy chúng ta làm sao tiếp xúc, đối xử với người, với vật, với sự, với thiên địa quỷ thần, đây cũng là mục tiêu của con người hiện nay theo đuổi văn hóa đa nguyên. Mục tiêu này đều ở trong Đại Thừa Phật Giáo, hy vọng mọi người hãy lắng lòng thể hội kinh điển Đại Thừa.

Tại sao chúng ta không thể hiểu được? Vì chẳng thiết thật thực hành. Trong đời sống hằng ngày vẫn tùy thuận phiền não, tập khí, như vậy thì làm sao được. Đừng nói bạn coi kinh không hiểu, bạn coi chú giải cũng không hiểu, tôi nói những thứ này bạn nghe cũng không hiểu. Những gì bạn có thể hiểu được chỉ là ở bề ngoài, chỉ là ở ngoài

---

4[4] "Thập Địa" là quả vị của hàng Bồ Tát. Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng được gọi chung là "Tam Hiền Vị," tức là quả vị của Tam Hiền. Quả vị của Bồ Tát Thập Địa gồm có: Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diễm Huệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa, Viễn Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Huệ Địa, và Pháp Vân Địa.

5[5] Những nhân duyên vượt trỗi của bậc thánh, tức là vượt trỗi nhân duyên của các địa vị thuộc Tam Hiền.

da, chứ chẳng thấm thía gì tới bên trong. Kinh điển nhà Phật, tôi đã từng nói với quý vị, mỗi chữ mỗi câu đều sâu rộng không bờ bến, vậy thì làm sao thâm nhập được? *'Siêu thánh nhân sự, chứng Thập Địa sự'* là nói chúng ta phải làm được, 'bất tư nghị sự' là chúng ta phải thấu hiểu, 'nhân thiên lợi ích đẳng sự' là những gì chúng ta phải học tập, được vậy thì bạn mới đạt đến đại dụng cứu cánh viên mãn, vậy thì mới đạt đến bất thoái vô thượng Bồ Đề. Chư vị hãy tự coi Chú Giải của Thanh Liên pháp sư, ngài chú thích rất hay. Xin xem đoạn kinh tiếp theo:

Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát Ma Ha Tát danh Quán Thế Âm tùng tòa nhi khởi, hồ quỳ hiệp chưởng, bạch Phật ngôn, Thế Tôn, thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát cụ đại từ bi, lân mẫn tội khổ chúng sanh, ư thiên vạn ức thế giới hóa thiên vạn ức thân, sở hữu công đức cập bất tư nghị oai thần chi lực.

Nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát hiệu là Quán Thế Âm từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay mà bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đầy đủ đức đại từ bi, thương xót chúng sanh mắc tội khổ. Bồ Tát ở trong ngàn vạn ức thế giới hóa hiện ra ngàn vạn ức thân, tất cả công đức cùng sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn."

Chúng ta coi tới đây. Đây là đoạn nói về Quán Thế Âm Bồ Tát, ngài cũng tham gia pháp hội này, và cũng là thính chúng trong pháp hội. Ngài nghe đức Thế Tôn hết sức tán thán Địa Tạng Bồ Tát, sau khi nghe xong ngài đứng ra thay mặt các Bồ Tát khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta phải lưu ý học tập. Bạn coi lúc đầu pháp hội mở đầu như thế nào, đến cuối cùng pháp hội chấm dứt như thế nào, đây là điều chúng ta phải học tập. Pháp hội trong thế gian thì nhất định sẽ bắt đầu bằng diễn văn khai mạc, lúc kết thúc cũng có một bài cảm tạ. Lần này chúng ta tới Tịnh Tông Học Hội tại Tây Úc Đại Lợi, tôi không rõ tình hình ở đó, Học Hội này vừa mới thành lập. Trên thực tế lúc chúng tôi đi tới đó thì nhân duyên chưa đầy đủ, họ thành lập quá sớm, tối thiểu họ phải học thêm ba năm, ba năm sau thành lập Tịnh Tông Học Hội thì mới đúng như pháp. Pháp hội ở đó mở đầu và kết thúc đều đột nhiên, phần đầu không có giới thiệu, phần sau không có kết thúc, không thành lề lối quy củ gì cả, đây là lần đầu tiên trong đời tôi gặp pháp hội như vậy. Họ chẳng có kinh nghiệm, cũng chưa từng tham dự những pháp hội khác, do đó chẳng biết nghi thức trong pháp hội, chẳng biết phải bắt đầu từ đâu. Họ tiếp đãi chúng tôi rất nhiệt tình, chúng tôi rất cảm tạ, Hội Trưởng của họ tiễn tôi ra phi trường, ông ta hỏi tiếp đón chắc không được chu đáo lắm? Tôi nói [quý vị] tiếp đón rất chu đáo, chúng tôi rất cảm tạ, nhưng pháp hội không chu đáo, nên học hỏi thêm. Ông nói sẽ kiếm một ngày để tới Tân Gia Ba học tập. Tôi nói: Không được! Một ngày liền học xong thì ông phải là thiên tài mới học nổi. Thực sự muốn học đến nơi đến chốn thì phải lưu lại Tân Gia Ba ít nhất là ba tháng, làm sao chỉ học một ngày là xong cho được? Nếu là người lãnh đạo một đoàn thể, giúp đỡ mọi người trong một địa phương học Phật, đó là Bồ Tát phát tâm, chẳng thể làm qua loa sơ sài, thật sự phải sốt sắng học tập.

Bây giờ là lúc pháp hội gần kết thúc, Quán Thế Âm Bồ Tát thay mặt chúng Bồ Tát ra nói chuyện. Mọi người đều rất quen thuộc với Quán Thế Âm Bồ Tát, danh tiếng của ngài được xếp vào hạng nhất, còn Địa Tạng Bồ Tát thì có nhiều người chẳng biết đến, nhưng chẳng có ai không biết đến Quán Thế Âm Bồ Tát, do đó việc Quán Thế Âm Bồ Tát đứng ra khen ngợi có ý nghĩa rất sâu. Bồ Tát 'bạch Phật' và nói 'Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát có đầy đủ đại từ bi', lời này do Quán Thế Âm Bồ Tát nói ra, có ai không tin cho được? Chúng ta đều biết Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ đại bi, [ở đây]

Quán Thế Âm tán thán Địa Tạng Bồ Tát là đại từ bi. Hơn nữa lòng đại từ bi của Địa Tạng Bồ Tát chẳng thua gì Quán Thế Âm Bồ Tát. 'Trong ngàn vạn ức thế giới', 'ngàn vạn ức' chẳng phải là con số mà là một hình dung từ, hình dung vô lượng vô biên thế giới, nơi nào có chúng sanh thì nơi đó có mặt Địa Tạng Bồ Tát, hóa ngàn vạn ức hóa thân.

'Hết thảy công đức và sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn', hai câu trên là lời đức Thế Tôn [tán thán Địa Tạng Bồ Tát] trong kinh này. Chúng ta phải có khả năng phân biệt cái gì là công đức, cái gì là phước đức. Đoạn ác tu thiện, y giáo phụng hành, quý vị nghĩ coi đó là phước đức hay công đức? Nếu bạn còn có 'tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng sanh, tướng Thọ giả' thì những gì bạn tu chỉ là phước đức, chẳng thể ra khỏi tam giới. Nếu bạn xa lìa hết bốn tướng kể trên thì đó là công đức. Trong hội kinh Kim Cang đức Phật dạy chúng ta phải dùng 'chẳng có tướng Ta, chẳng có tướng Người, tướng Chúng sanh, tướng Thọ giả mà tu những việc thiện' thì đó là công đức. Chúng ta hãy nghĩ những việc chúng ta tu hiện nay là gì? Đều là phước đức, chẳng phải là công đức. Khi khởi tâm động niệm vẫn còn ngã chấp, niệm niệm đều vì mình, cứ để 'Ta' ở tại hàng đầu. Chư vị muốn vãng sanh ngay trong đời này thì chừng nào mới luyện tập? Phải luyện tập ngay bây giờ, đừng đợi. [Nếu bạn nói] 'Bây giờ tôi còn chưa tới lúc lâm chung, đợi tới lâm chung thì tôi mới xa lìa'. Lúc lâm chung bạn có nắm chắc không, bạn có thể xa lìa không? [Không thể nào. Do đó] lúc thường ngày chúng ta phải luyện tập thật sự.

Đối với cảm tình thế gian, chúng ta nói tình cảm phải lợt lạt, càng lợt lạt thì càng tốt. Niệm niệm đều vì chúng sanh, vì xã hội, đừng nghĩ cho mình, nghĩ cho mình thì là tạo nghiệp, tạo tội. Người ta ai cũng vì chính mình, đó là chuyện của người ta, họ muốn ở trong lục đạo luân hồi, đức Phật cũng chẳng làm gì được thì chúng ta làm gì được! Sự tu hành chứng quả phải dựa vào sự nỗ lực của mỗi người, người khác không giúp gì được, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi cũng chẳng giúp gì được, đây là việc riêng của mỗi người. Mười pháp giới, mười con đường bày trước mặt, chúng ta chọn con đường nào? Phật nói rõ cho chúng ta, cho chúng ta tự lựa chọn. Chính mình muốn tùy thuận phiền não, tùy thuận tập khí, đại đa số là đi vào tam ác đạo. Thật sự giác ngộ rồi, xa lìa hết thảy phiền não, tùy thuận theo lời dạy của Phật, Bồ Tát, thành tựu công đức. Chúng ta phải phân biệt công đức và phước đức thật rõ ràng. 'Và sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn', đây là nói Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt trong lục đạo, ngài cần mẫn dạy dỗ, dùng trí huệ viên mãn, phương tiện khéo léo đặc biệt giúp đỡ chúng sanh trong lục đạo. Xin xem tiếp kinh văn:

Ngã văn Thế Tôn dữ thập phương vô lượng chư Phật dị khẩu đồng âm tán thán Địa Tạng Bồ Tát vân, chánh sử quá khứ hiện tại vị lai chư Phật, thuyết kỳ công đức do bất năng tận.

Con được nghe Đức Thế Tôn cùng vô lượng chư Phật trong mười phương, khác miệng đồng lời ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng rằng dầu cho chư Phật trong thuở quá khứ, hiện tại và vị lai đều tuyên nói về công đức đó, vẫn chẳng thể nói hết được.

Chúng ta biết được chân tướng sự thật này từ Quán Thế Âm Bồ Tát. Chẳng phải chỉ có một mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán Địa Tạng Bồ Tát, mười phương chư Phật cùng thốt ra lời khen ngợi, chẳng ai không tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Hết thảy chư Phật Như Lai cùng tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng hết. Phía sau nói 'Dù chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai', tức là chư Phật mười phương ba đời nói về công đức của Địa Tạng Bồ Tát cũng nói chẳng hết. Địa Tạng tượng trưng cho

cái gì? Chư vị phải biết Địa Tạng tượng trưng cho 'hiếu dưỡng cha mẹ tôn kính sư trưởng', công đức của Địa Tạng Bồ Tát tức là công đức của 'hiếu thân tôn sư'. Phía trước đã báo cáo với chư vị đồng tu rồi, sau khi diệt độ tại sao đức Phật Thích Ca chẳng giao phó việc giáo hóa chúng sanh cho những Bồ Tát khác mà phải đặc biệt giao phó cho Địa Tạng Bồ Tát? Tại sao không giao cho Quán Thế Âm Bồ Tát? Phía trước cũng đã nói với chư vị rồi, giao cho Quán Thế Âm Bồ Tát thì ngài không làm nổi. Giao cho Văn Thù, Phổ Hiền, thì hai ngài cũng không làm nổi. Giao phó cho Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát tượng trưng cho hiếu kính, hiếu kính là cội rễ; Quán Thế Âm Bồ Tát là hiếu kính phát triển rộng ra, nếu chẳng có cội rễ thì làm sao phát triển rộng ra? Do đó chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này.

Từ đó bạn mới biết chúng ta học Phật phải học từ chỗ nào? Phải học từ *'hiếu dưỡng cha mẹ tôn kính sư trưởng'*. Ngày nay xã hội động loạn, nguyên do của sự động loạn này là ở chỗ nào? Ở chỗ mê mất Địa Tạng, chẳng biết hiếu thân tôn sư. Do đó cội rễ của sự an nguy, trị an, họa hại của xã hội ở tại gia đình, cội rễ của gia đình ở tại vợ chồng. Giáo học thế gian và xuất thế gian đều biết đạo lý này, đều tốn rất nhiều tâm huyết để giáo huấn vun bồi cội rễ này, hy vọng mọi người giác ngộ. Hai người kết hợp thành vợ chồng chẳng phải là chuyện của hai người, mà đối với xã hội cả hai đều có trách nhiệm. Hai vợ chồng chẳng hòa hợp thì gia đình sẽ rạn nứt, gia đình đổ vỡ thì xã hội sẽ động loạn, người trên toàn thế giới sẽ chịu ảnh hưởng, sẽ chịu vạ lây, có ai hiểu được đạo lý này? Giáo dục của nhà Phật rất coi trọng gia đình, giáo học nhà Nho dạy *'Giữ vẹn luân thường, làm tròn trách nhiệm'*. Ngày nay xã hội động loạn, mọi người đều sơ ý giáo dục gia đình, cho nên nếu bạn không biết nguyên do gây ra động loạn, gây ra tai họa từ nơi nào thì bạn làm sao phòng ngừa? Bạn làm sao có thể cứu vãn? Người trong một nhà tụ hội với nhau đương nhiên đều có nguyên nhân, trong kinh đức Phật dạy con người tụ hội với nhau có bốn nguyên nhân: báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Ân ân oán oán chẳng bao giờ dứt, đây là chân tướng sự thật.

Tại sao con người phải tiếp nhận giáo dục? Tạo sao phải tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền? Vì thánh hiền hiểu rõ chân tướng sự thật, sau khi hiểu rõ thì bạn mới có thể hóa giải. Dù người trong một gia đình đều vì báo oán mà hợp lại, [người hiểu biết cũng có thể tìm cách hóa giải], tấm gương sáng ở Trung Quốc là vua Thuấn, mọi người trong nhà vua Thuấn đều vì báo oán mà tụ hợp, chẳng vì báo ân. Cả nhà bất hòa, vua Thuấn có trí huệ, biết tận hiếu, có thể hóa giải oán thù trong nhà, có thể làm cho người trong nhà tôn trọng lẫn nhau, tương thân tương ái, hợp tác lẫn nhau, nói theo Phật pháp thì đây là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng tránh né khi gặp oán gia trái chủ mà sẽ tìm cách hóa giải oán thù; tránh né chẳng thể giải quyết vấn đề, đời sau kiếp sau cũng sẽ gặp lại, [người hiểu rõ] phải biết tìm cách hóa giải. Do đó oan gia nên giải chớ nên kết. Nhỏ thì là người trong một nhà, phải có trí huệ, phải nhẫn nại tìm cách hóa giải, giải oan mở kết, vun bồi ân nghĩa thì cả nhà sẽ tự nhiên hòa hợp, có hòa hợp thì nhà này mới hưng vượng, việc này có đạo lý của nó. Đây là khái niệm căn bản, khóa trình cơ sở trong sự giáo hóa chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát, do đó cho dù ba đời chư Phật Như Lai tán thán công đức lợi ích này cũng tán thán không hết. Sau đó Quán Thế Âm Bồ Tát lại nói:

Hướng giả, hựu mông Thế Tôn phổ cáo đại chúng dục xưng dương Địa Tạng lợi ích đẳng sự

Vừa rồi lại được Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng rằng muốn tuyên nói các sự lợi ích của Bồ Tát Địa Tạng.

Trong chú giải giảng chữ "hướng giả" (trước đó, trên đây, vừa rồi) có cả ý nghĩa xa và ý nghĩa gần. Nếu hiểu "hướng giả" theo ý nghĩa gần thì "hướng giả" chính là văn tự trong phẩm này, còn hiểu theo ý nghĩa xa thì "hướng giả" chính là những phần văn tự ở đầu phẩm Tán Thán (tức phẩm thứ sáu, Như Lai Tán Thán), tức là những câu chữ thuộc trang hai mươi lăm trong quyển Trung của kinh này.

Duy nguyện Thế Tôn vị hiện tại vị lai nhất thiết chúng sanh xưng dương Địa Tạng bất tư nghị sự, lịnh thiên long bát bộ chiêm lễ hoạch phước.

Cúi mong Đức Thế Tôn, vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai, mà tuyên nói những sự chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng, khiến cho Thiên Long Bát Bộ chiêm lễ được phước.

Không những Quán Thế Âm Bồ Tát chứng minh cho chúng ta, lại khải thỉnh cho chúng ta. Lời khải thỉnh của ngài 'vì hết thảy chúng sanh hiện tại và vị lai', 'hiện tại' là những vị tham gia pháp hội lúc bấy giờ, 'vị lai' bao gồm chúng ta. Ngày nay chúng ta đọc tới kinh này, nghiên cứu đoạn kinh này, bao gồm câu kinh này. Thỉnh Thế Tôn giới thiệu thêm lần nữa những sự chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, mục đích là làm cho những vị quỷ thần hộ pháp, thiên long bát bộ chiêm lễ được phước. 'Chiêm lễ' là gì? Là khởi tâm hiếu kính, sanh tâm này liền được phước. Quỷ thần sanh tâm thì quỷ thần được phước, chúng ta sanh tâm thì chúng ta được phước. Phần sau là Thế Tôn tiếp nhận lời thỉnh cầu của Quán Thế Âm Bồ Tát nói pháp cho chúng sanh.

Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát: Nhữ ư Sa Bà thế giới hữu đại nhân duyên.

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: "Ông có đại nhân duyên với thế giới Sa Bà".

Thế Tôn nhân dịp này trước hết tán thán Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát có duyên rất sâu với thế giới chúng ta, *'Phật chẳng độ người vô duyên'*, do đó chúng ta học Phật thì phải biết kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh. Chúng ta phải hiểu rõ ý này, kết pháp duyên chứ không thể kết tình duyên, kết 'tình' duyên một đời thì phiền phức rất lớn, đời đời kiếp kiếp dây dưa chẳng dứt, sẽ phải tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, phải chịu khổ báo dài lâu, do đó nhất định đừng kết tình duyên, chỉ kết pháp duyên mà thôi. Pháp duyên là giới thiệu Phật pháp cho họ, giúp họ nhận biết Phật pháp, hiểu rõ Phật pháp, tu học Phật pháp, vậy gọi là kết pháp duyên. Vĩnh viễn tự giữ thanh tịnh, bình đẳng, giác, trong đó nhất quyết không sanh thương yêu, chán ghét, đó là pháp duyên. Nếu trong đó còn có vui mừng, có chán ghét thì sẽ biến thành tình duyên, vô cùng đáng sợ! Từ xưa tới nay, bao nhiêu vị đại đức tại gia, xuất gia kết duyên với hết thảy chúng sanh, biến pháp duyên trở thành tình duyên, họ đều đọa lạc, thiệt là quá nhiều! Do đó Bồ Tát Đại Thừa nếu không có định huệ tương đối thì ngược lại chẳng bằng Tiểu Thừa. Tiểu Thừa không giảng kinh, không thuyết pháp, xa lìa xã hội đại chúng, chỉ tu thiện cho riêng mình, họ chẳng dễ đọa vào ác đạo. Đại Thừa Bồ Tát tiếp xúc với đại chúng, như câu 'hòa quang đồng trần', nếu chính mình không có định huệ, tự mình không thể an trú trong Niệm Phật Tam Muội, vẫn tùy thuận phiền não tập khí, chẳng có ai không đọa lạc. Giảng kinh thuyết pháp hay tu hết thảy thiện nghiệp đều biến thành phước báo hữu lậu.

Dù chúng ta phát tâm tu thiện, nói thật ra cũng chẳng phải là chuyện dễ, cái thiện đó có phải là chân thiện hay không. Nếu chư vị có đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, ông Viên Liễu Phàm nói rất hay: *"Thiện có chân thiện, có giả thiện, có đại thiện, có tiểu thiện, có thiên thiện, có viên thiện"* (chữ 'thiên' nghĩa là lệch lạc). Ngài nói rất nhiều, bạn biết

đâu là lời thật không? Hiện nay chúng ta thấy thế gian có không ít người thật tâm muốn làm việc tốt, nhưng vì không có huệ nhãn, không nhận biết ruộng phước thật sự. Trái lại họ dùng tài lực, vật lực của họ để tạo tội nghiệp, cho dù không cốt ý, tâm họ cũng muốn tu thiện, kết quả lại trở thành ác. Tuy họ chẳng có tội, họ vẫn có lỗi. Chúng ta không thể không cẩn thận, làm sao có thể phân biệt, có thể nhận ra? Phương pháp duy nhất là đọc tụng Đại Thừa, được vậy thì chúng ta mới hiểu rõ hết thảy sự vật. Hiện nay có nhiều người đều cho rằng xây dựng đạo tràng là việc tốt, Địa Tạng Bồ Tát trong kinh này cũng dạy chúng ta xây đạo tràng, tu sửa những đạo tràng cũ, công đức cũng rất lớn. Nhưng bạn phải nghĩ coi 'đạo tràng' này có 'đạo' hay không? Chẳng phải là xây một ngôi chùa thì gọi là đạo tràng, chùa đó có 'đạo' hay không? Nếu không có đạo, bạn xây dựng chỗ đó làm cho rất nhiều người ở đó tranh giành với nhau, làm cho họ tạo tội nghiệp, bạn có lỗi hay không? Chuyện này không thể không cẩn thận.

Do đó cả đời tôi rất cẩn thận đối với chuyện này, chẳng dám làm chuyện này. Sau khi bạn làm xong, người trong đạo tràng nhiều thêm, ai cũng tranh giành quyền lợi, làm chỗ đó trở thành một nơi tạo tội, chẳng bằng không xây thì hơn. Do đó chúng tôi thường khuyên người ta ấn tống kinh, bố thí, chuyện này chẳng có lỗi lầm. Kinh chúng ta in xong [cho dù] có người đem đi bán, nếu bán cũng tốt, có người mua kinh thì có người đọc kinh, chuyện này chẳng có tội. Chỉ có lợi ích, chẳng có lỗi lầm. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Nói thật ra những chuyện này, chỉ cần chúng ta lưu ý một chút thì sẽ có thể thấy rõ ràng, tự mình phải thường phản tỉnh, những gì chúng ta tạo tác là công đức hay là tội lỗi.

Trong Phật pháp gọi là đúng như pháp hay không như pháp, đây là chuyện chúng ta coi trọng, tuyệt đối không thể dùng cảm tình để làm việc. Ngày nay chúng ta ở đạo tràng này của Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba, tôi khuyên mấy vị đồng tu phát tâm hộ trì, đây là lần đầu tiên trong bốn mươi mấy năm học Phật. Vì ở đây tôi thấy có 'đạo' có 'học', bạn hộ trì [đạo tràng như vậy] thì có công đức, đây là việc tốt. Nếu nơi đây chẳng có đạo, chẳng có người tu học đúng như pháp thì hộ trì chỗ này sẽ thành vấn đề. Do đó chúng ta phải bình tĩnh mà quan sát, những gì họ nghĩ, họ nói, họ làm có tương ứng với những lời đức Phật dạy trong kinh điển hay không. Kinh điển là tiêu chuẩn, dùng tiêu chuẩn này để đo lường thì tự nhiên chúng ta sẽ hiểu rõ, chẳng cần đi hỏi người khác. Đời này trong mấy chục năm ngắn ngủi, chúng ta gặp được cơ duyên có thể làm một chút việc tốt, việc này rất có ý nghĩa, rất có giá trị. Ở đây đức Phật cũng tán thán Quán Thế Âm Bồ Tát, ngài có nhân duyên lớn lao đối với thế giới Sa Bà giống như Địa Tạng Bồ Tát.

Nhược thiên nhược long, nhược nam nhược nữ, nhược thần nhược quỷ, nãi chí lục đạo tội khổ chúng sanh văn nhữ danh giả, kiến nhữ hình giả, luyến mộ nhữ giả, tán thán nhữ giả, thị chư chúng sanh ư vô thượng đạo tất bất thoái chuyển, thường sanh nhân thiên, cụ thọ diệu pháp, nhân duyên tương thục, ngộ Phật thọ ký.

Nếu hàng trời hoặc rồng, hoặc kẻ nam người nữ, hoặc thần hoặc quỷ, cho đến các chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo nghe danh hiệu của ông, thấy hình tượng của ông, mến tưởng đến ông, khen ngợi ông, thì những chúng sanh ấy đều ở nơi Đạo Vô Thượng quyết chẳng còn thoái chuyển, thường được sanh vào cõi người, cõi trời, hưởng đủ sự vui vi diệu; khi nhân quả sắp thành thục liền được gặp Phật thọ ký cho.

Trong đoạn này đức Phật khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát, đích thật ngài có nhân duyên to lớn đối với thế giới chúng ta. Thế gian này bao gồm mười pháp giới ở Sa Bà,

phạm vi rất lớn. Chúng sanh trong mười pháp giới, đặc biệt là chúng sanh đang chịu khổ nạn trong lục đạo, trong kinh Vô Lượng Thọ đức Thế Tôn dạy chúng ta, lúc chúng ta gặp tai nạn to lớn thì phải nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, lúc đó liền có thể thoát khỏi tai nạn. Lời này chúng ta vừa nghe hình như là mê tín, thật ra lời này là có căn cứ, lý luận đích xác. Trong đó quan trọng nhất là 'nhất tâm xưng niệm' thì mới có thể hóa giải được tai nạn. Tai nạn hình thành như thế nào? Là do làn sóng của những thói quen ác hiện ra, khi bạn nhất tâm xưng niệm thì tâm bạn thanh tịnh bình đẳng, làn sóng phát ra từ tâm bạn sẽ hòa lẫn với làn sóng lên xuống bất thường [của những tâm niệm ác]. Nếu sức mạnh làn sóng của bạn mạnh, bạn sẽ khuấy nhiễu làn sóng ác chứ nó không thể khuấy nhiễu làn sóng của bạn, làn sóng thanh tịnh bình đẳng sẽ làm cho làn sóng của ác niệm êm dịu xuống, do đó hiện tượng của tai nạn sẽ được hóa giải, đạo lý là như vậy.

Hiện nay khoa học gia cũng biết đạo lý này, nhưng chẳng giải thích rõ ràng được. Họ phát hiện, trong quá khứ họ cho rằng vật chất tồn tại trong thế giới chúng ta, hiện nay thì họ nói vật chất trên căn bản chẳng tồn tại, vật chất đều do hiện tượng làn sóng tạo thành. Do đó nhất tâm xưng niệm, làn sóng này tốt nhất. Nhất tâm tức là Nhất Chân pháp giới, là chân tâm; hết thảy các làn sóng khác là vọng tâm. Chúng ta dùng chân tâm hóa giải vọng tâm thì tai nạn có thể bị tiêu trừ. Những gì chân tâm hiện ra là Nhất Chân pháp giới của chư Phật Bồ Tát, ở đó rất yên định, rất hòa bình, cát tường, an vui. Chúng ta phải lắng lòng thể hội đạo lý này, sau đó đức khi Phật dạy chúng ta phương pháp, chúng ta liền có thể khẳng định, chúng ta biết làm vậy thật sự sẽ có hiệu quả. Đây chính là được Phật, Bồ Tát gia trì, người thế gian gọi là bảo hựu. Nếu tự mình chẳng đạt được nhất tâm thì Phật, Bồ Tát gia trì không tới, khi bạn niệm tới nhất tâm thì liền cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát, là đạo lý như vậy, do đó trong Phật pháp đích thật là không có mê tín.

Nơi đây nói *'Nghe danh hiệu, nhìn thấy hình tượng'* là duyên. *'Luyến mộ, tán thán'*, luyến mộ là học theo Phật, Bồ Tát, tán thán là khen ngợi, nghĩa là giới thiệu Phật, Bồ Tát cho đại chúng, chúng ta gọi là hoằng pháp lợi sanh. Tán thán là hoằng pháp lợi sanh, luyến mộ là y giáo phụng hành. Từ đây mới biết, người như vậy nhất định có thiện căn phước đức. *'Nghe danh hiệu nhìn thấy hình tượng'* là nhân duyên, người có thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ cho nên người này sẽ *'nhất định không thoái chuyển trên đạo vô thượng'*, đây là quả báo của họ. *'Thường sanh nhân thiên, thọ nhận đầy đủ niềm vui vi diệu',* đây là lúc họ còn chưa phát tâm cầu thoát khỏi lục đạo, thập pháp giới. Họ ở trong lục đạo hưởng niềm vui vi diệu của cõi trời, người, chắc chắn sẽ không đọa tam ác đạo, cũng sanh tới cõi A Tu La. Sanh tới cõi A tu la tuy hưởng thọ, hưởng lạc, nhưng lại tạo nghiệp, khi hưởng hết phước báo thì chắc chắn sẽ đọa lạc. Trong cõi trời, cõi người nhất định sẽ gặp bạn tốt, gặp thầy tốt, tạo tăng thượng duyên cho họ. Người có thiện căn, phước đức gặp thiện tri thức, cũng có thể sanh khởi lòng tin, có thể hiểu rõ, y giáo phụng hành, đây là nhân duyên thù thắng. 'Nhân quả gần chín muồi', là lúc thật sự giác ngộ, giác ngộ rằng phước báo nhân thiên chẳng thể hưởng dài lâu, khi hưởng phước thì không thể không tạo nghiệp, tạo nghiệp mà chính mình cũng không biết, họ có thể bỏ phước báo của mình, chuyên tu Tịnh Độ, do đó 'gặp Phật được thọ ký'. Chúng ta phải biết trong thời đại này, chư Phật Như Lai đã dạy *'thời Mạt Pháp, chỉ có tu Tịnh Độ mới thành công'*, trong pháp môn Tịnh Độ thì quan trọng nhất là tâm thanh tịnh.

Hôm qua lúc chúng tôi ở trên máy bay thấy tin tức hàng đầu trên báo Anh ngữ ghi "Kinh tế Tân Gia Ba suy thoái, họ đoán trước mùa Xuân năm sau còn khó khăn hơn bây giờ, chính phủ nhắc dân chúng phải chuẩn bị tâm lý". Chúng tôi đã nghe về việc này lâu rồi. Tai nạn trong thế gian ngày càng nhiều, ngày càng cấp bách, chúng ta phải

làm sao? Thầy Lý đã dạy *'Chỉ có một phương pháp duy nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ'*, câu này của thầy là lời dạy chân thật. Cầu sanh Tịnh Độ nhất định phải buông xuống vạn duyên, do đó xây dựng Thôn Di Đà và Niệm Phật Đường là một nhân duyên to lớn, không những hiếm có trong thời đại ngày nay, mà trong vô lượng kiếp cũng khó gặp được nhân duyên này, chúng ta phải biết [trân quý nhân duyên ấy]. Chúng tôi đi đến nhiều nơi ở hải ngoại, đi tới đâu người ta cũng nói 'Xin pháp sư thường trú ở đây, lưu lại đây giảng kinh độ chúng con', bạn phải biết đó là phá hoại đạo tràng này. Một đạo tràng thù thắng có thể cứu giúp cả thế giới, đạo tràng này bị phá hoại thì cả thế giới sẽ chịu vạ lây. Đạo tràng này cũng như đài truyền hình, đài này phát ra làn sóng tư tưởng bình lặng nên có sức mạnh rất lớn. Bạn phân chia ra bốn năm phần rời rạc, mỗi đạo tràng sẽ rất yếu ớt, chẳng thể làm việc, chẳng giúp đỡ gì được trong việc giảm bớt tai nạn.

Do đó quý vị hiểu rõ đạo lý này rồi, chúng ta hãy tập trung người niệm Phật trên toàn thế giới để có thể tạo nên một sức mạnh to lớn. Nhưng người trên thế gian ai cũng coi trọng cảm tình, họ nói '[Pháp sư] ở Tân Gia Ba, tại sao không đi tới đây, không tới địa phương này của chúng tôi [để xây đạo tràng]?'. Việc này đều do nhân duyên, mỗi chỗ đều có nhân duyên, chứ không phải là ưa thích một địa phương nào, làm gì có đạo lý như vậy! Địa phương nào có duyên thì sẽ xây dựng ở nơi đó. Người thế gian đều trọng cảm tình, đều vì mình, [họ nói] xây [đạo tràng] ở đây, tốt nhất là làm ở nhà tôi, [họ chỉ nghĩ đến] một phạm vi nhỏ của mình. Làm ở quốc gia mình còn chưa chịu, hãy làm ở tỉnh của tôi, ở thành phố của tôi, tốt nhất là ở nhà tôi, như vậy thì làm sao thoát khỏi Tam giới? Làm sao có thể thoát khỏi luân hồi? Tâm lượng như vậy quá nhỏ, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Chúng ta cảm thấy những người này rất nhiệt tình, rất dễ thương, chúng tôi cũng rất cảm kích. Nhưng tuyệt đối không thể nghe theo họ, mục tiêu của chúng ta là vì hết thảy chúng sanh, vì thế giới hòa bình, an định. Lớn có thể bao gồm nhỏ, nhỏ không thể bao gồm lớn. Chúng ta xem tiếp:

Nhữ kim cụ đại từ bi, lân mẫn chúng sanh cập thiên long bát bộ, thính ngô tuyên thuyết Địa Tạng Bồ Tát bất tư nghị lợi ích chi sự.

Nay ông sẵn lòng đại từ bi, thương xót các chúng sanh cùng Thiên Long Bát Bộ, mà muốn nghe Ta tuyên nói những sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng.

Trong phẩm kinh này, Quán Thế Âm Bồ Tát đại diện chúng ta đứng ra khải thỉnh. Lòng từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng khác gì Địa Tạng Bồ Tát, đều thương xót chúng sanh đang chịu khổ nạn, nếu thiên long bát bộ không nghe kinh nghe pháp thì cũng sẽ tạo tội nghiệp. Sau đó là lời dạy Quán Thế Âm Bồ Tát, thật ra cũng là lời dạy cho đại chúng có mặt trong hội, 'thính' là lắng nghe, 'ngô' là lời Thế Tôn tự xưng, tuyên dương sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát.

Nhữ đương đế thính, ngô kim thuyết chi.

Ông hãy lắng nghe, nay Ta sẽ nói rõ.

Quán Thế Âm ngôn, duy nhiên Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn.

Ngài Quán Thế Âm bạch rằng: "Vâng, bạch Đức Thế Tôn! Con xin vui lòng nghe."

Những câu này không cần giải thích. Sau đó Thế Tôn tuyên dương:

Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm

Quán Thế Âm Bồ Tát là người đại diện cho chúng ta.

Vị lai hiện tại chư thế giới trung hữu thiên nhân thọ thiên phước tận, hữu ngũ suy tướng hiện, hoặc hữu đọa ư ác đạo chi giả.

Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, có vị thiên nhân nào phước trời thọ hưởng đã hết, có Ngũ Suy Tướng hiện ra, hoặc có vị phải đọa lạc nơi chốn ác đạo

Đoạn này rất quan trọng! Chúng ta phải ghi nhớ, đây là lời giải thích chân tướng sự thật. Sanh lên cõi trời, người trên trời hưởng phước cũng có ngày hết, khi hưởng hết phước thì chết. Ở đây nói rõ thọ mạng người cõi trời dài lâu, nhưng không thể không chết, hết thảy lục đạo đều có sanh tử. Hai thứ sanh tử đều đầy đủ 'Phần đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử', cho dù sanh tới cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng còn sanh tử, như vậy thì không rốt ráo. Có bao nhiêu người mong sanh lên trời? Lên trời cũng không rốt ráo. Không những phước trời hưởng hết, người Trời có sanh tử, vả lại sẽ đọa ác đạo. Khi thọ mạng cõi trời hưởng hết rồi đọa tam ác đạo, đó là sự thật, chúng ta không thể không biết. Trong Chú Giải, vài hàng đầu nói rất hay, chúng ta hãy đọc: *'Chư thiên trong Tam giới đều mang túc nghiệp'*, Tam giới gồm có sáu tầng trời Dục Giới, mười tám tầng trời Sắc Giới, và bốn tầng trời Vô Sắc Giới, tổng cộng có 28 tầng. Làm sao có thể sanh lên trời? Nghiệp tu đời trước khác nhau, sanh lên trời là do tu nghiệp thiện, trong kinh đức Phật dạy điều kiện sanh lên trời là phải tu 'Thập thiện nghiệp và tứ vô lượng tâm'.

Ngày nay trong đời sống hằng ngày chúng ta xử thế, đối người, tiếp vật, có làm tròn mười nghiệp thiện hay không? Chư vị đồng tu muốn được một chút thành tựu trong Phật pháp, đời này nhất định không thể làm việc hại người lợi mình, tuyệt đối không được làm. Tuyệt đối không thể có tâm niệm hại người, đương nhiên không thể làm việc tổn hại tới người khác. Bất luận trong trường hợp nào, miệng không nói lời ác độc, chúng ta phải biết đạo lý làm người căn bản này, phải làm cho bằng được. Nếu có thể niệm niệm đều đem lại lợi ích cho chúng sanh, có thể xả mình vì người, đó là bạn tu tích phước đức, vậy thì bạn mới được phước báo cõi trời. Khi khởi tâm động niệm đều vì xã hội, vì nhân dân, vì hết thảy chúng sanh, thì tiền đồ của bạn sẽ tươi sáng. Cho dù không biết vãng sanh Tịnh Độ, cũng chắc chắn sẽ sanh lên trời, hưởng phước trời. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ những sự thiện ác, tội phước mà đức Phật đã dạy trong kinh. Kinh Địa Tạng cũng rất rõ ràng, chúng ta thường đọc tụng, thường suy nghĩ, trong đời sống hằng ngày mỗi khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác có phạm lỗi hay không? Khi đọc tụng bạn hãy kiểm điểm tâm hạnh của mình, đó mới là thật sự tu hành. Nếu phạm lỗi thì phải thật sự sám hối sửa lỗi, tuyệt đối không thể chất chứa, không thể che đậy, che đậy thì tội ấy sẽ nặng, tội nghiệp của bạn càng tích lũy càng nặng. Bạn phải biết sám hối, phải thật sự sửa lỗi. Tuyệt đối đừng lợi dụng người ta, làm vậy chẳng có ích lợi gì hết. Bạn lợi dụng người ta thì đời sau cũng phải trả nợ, vậy thì có đáng gì đâu! Như vậy không phải là gây phiền phức cho chính mình hay sao? Đời sống của chúng ta càng đơn giản càng tốt.

Lần này chúng tôi đi tham quan một đạo tràng thuộc phái Tiểu Thừa ở Bách Tư Sâm (Perth, Úc Châu), tham quan xong tôi rất cảm động. Nơi đó hiện nay có 17 vị xuất gia từ nhiều quốc gia đến đó tu học, họ được tín đồ cúng dường, đó là một miếng đất khoảng 9.600 acre toàn là rừng núi, họ xây đạo tràng tại đó, phòng ốc đều do chính họ

thiết kế, họ tự xây cất chứ không mướn công nhân, xây cũng rất khá. Họ có một Phật đường trang nghiêm, đơn giản mộc mạc. Có một thư viện nho nhỏ, có phòng tắm, phòng tắm rất lớn chia ra nhiều gian. Phòng nghỉ ngơi của họ có được 20 gian nhà, mỗi gian cách nhau chừng 5 phút đi bộ, gian phòng nghỉ ngơi này rất nhỏ, mỗi người một gian nhỏ tôi nhắm chừng khoảng 4 mét vuông, chẳng lớn lắm, nếu để giường thì để được vừa đủ ba chiếc giường. Phòng nhỏ này sạch sẽ, gọn gàng, giống như túp lều nhỏ vậy, phân tán trong khu vực này. Họ nói hy vọng trong tương lai đạo tràng này tối đa chỉ có 20 người trú ở đó. Chẳng có nhà bếp, người theo Tiểu Thừa chẳng có nhà bếp, chẳng nấu nướng, chỉ nhận sự cúng dường của người ta, mỗi ngày có cư sĩ đem cơm đến cúng dường cho họ. Mỗi ngày họ ăn một bữa ngọ, coi xong tôi rất cảm động, họ chỉ chuyên tâm để làm việc đạo. Trong thành phố họ có một đạo tràng chi nhánh, có một giảng đường, mỗi thứ sáu có hai pháp sư tới đó giảng kinh thuyết pháp, mỗi tuần một lần, thính chúng có khoảng hơn bốn trăm người đều là tín đồ của họ. Có bạn đồng tu cùng đi với chúng tôi hỏi họ, nếu gặp lúc trời mưa, gió bão, chẳng có người đem cơm nước tới thì làm sao? Họ nói trước giờ chưa từng gặp qua trường hợp như vậy. Mấy năm trước bị cháy rừng, cây cối ở đó cũng bị thiêu trụi, nhưng gian nhà nghỉ ngơi của họ chẳng sao cả, thật là chẳng thể nghĩ bàn, do đó thật sự tu đạo thì có thần hộ pháp hộ vệ. Chúng tôi tham quan xong rất cảm động, nhìn thấy hình dáng của người thật sự tu hành, đây là nơi [xứng đáng để cho] chúng ta đến để học hỏi.

Đoạn kinh này nói người cõi trời lúc 'hưởng hết phước trời, có năm tướng suy kém hiện ra'. Phước báo của người cõi trời lớn nhỏ khác nhau, cũng giống như người trong thế gian chúng ta. Chúng ta được thân người, ai cũng được thân người, mọi người đều cư trú trên địa cầu này, phước báo của mỗi người không giống nhau. Chúng tôi tới Úc Châu tham quan, phước báo người Úc Châu lớn hơn chúng ta, chúng ta đông người như vậy chen chúc trong một căn lầu nhỏ cũng như cái lồng chim bồ câu vậy, phòng nghỉ ngơi của người ta, một người trú ở một phòng thiệt lớn. [Còn đạo tràng ở Perth nói trên] tuy phòng nghỉ ngơi nhỏ nhưng khoảng không gian sinh hoạt rất lớn; từ phòng này tới phòng khác phải đi bộ khoảng năm, sáu phút, [họ cư trú trong hoàn cảnh] núi non thanh tú như vậy. Ngày nay chúng ta nói là từ trường khác nhau, khi bước vào đạo tràng thì tâm bạn liền thanh tịnh, liền hoan hỷ. Dã thú trên núi rất nhiều, nhưng người xuất gia đều có tâm từ bi, dã thú cũng không hại người, con người có thể tiếp xúc với dã thú, dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi để tiếp xúc thì rắn độc, thú dữ cũng không hại bạn, vì tâm địa bạn từ bi, chẳng có tâm độc ác. Nếu tâm bạn độc ác thì sẽ xung đột với chúng nó, nếu tâm bạn từ bi, thanh tịnh thì sẽ không xung đột. Ở Trung Quốc cũng có rất nhiều người tu hành trong rừng sâu, họ thường ở gần cọp và những thú dữ khác. Những thú dữ đó giống như những con vật bạn nuôi trong nhà vậy, nó biết nghe lời, đạo lý là như vậy. Đúng như lời dạy của đức Phật, làm thế nào để sống chung hòa bình với chúng sanh trong lục đạo, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau.

Con người có thể chung sống hòa bình với rắn độc, thú dữ thì lẽ nào không thể chung sống hòa bình với người khác? Do đó niệm niệm phải quay lại và suy nghĩ chính mình, đừng nghĩ tới người khác, lỗi lầm ở tại đâu? Lỗi lầm chắc chắn là của mình, người khác không có lỗi, như vậy thì bạn mới có thể sống chung với người khác. Nếu khởi tâm động niệm đều nghĩ mình chẳng có lỗi, người khác đều có lỗi, thì bạn sẽ đối lập với người ta, kình chống kẻ khác, mối thắt gút này vĩnh viễn không được hóa giải, cho nên thường phản tỉnh lỗi lầm của mình, sửa đổi lỗi lầm của mình, đừng yêu cầu người khác phải tùy thuận theo mình, phải yêu cầu mình tùy thuận theo mọi người, làm vậy mới đúng. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta 'hằng thuận chúng sanh', chứ chẳng kêu chúng sanh thuận theo mình. Sau đó mới có thể tùy hỷ tu tập tích lũy công đức, công

đức là Định và Huệ. Định là 'nhất tâm bất loạn' nói trong kinh Di Đà, Định khởi tác dụng chính là Huệ, Định Huệ mới có thể giải quyết vấn đề.

Nếu phước báo của người cõi trời chẳng lớn, lúc lâm chung những hạt giống thói quen xấu trong A Lại Da Thức khởi lên làm cho họ đọa ác đạo. Đây là điều đức Phật thường nói trong kinh, lúc lâm chung nghiệp lực mạnh nhất sẽ lôi đi, ý niệm nào mạnh thì người đó sẽ theo ý niệm đó đi đầu thai, do đó lúc lâm chung ý niệm thiện mạnh thì người đó sẽ sanh thiện đạo, ác niệm mạnh thì người đó sẽ sanh ác đạo. Chẳng phải vua Diêm La phán cho bạn sanh vào cõi nào, mà do ý niệm của bạn dẫn bạn đi. Nếu ý niệm ngu si của bạn mạnh sẽ dẫn bạn vào cõi súc sanh. Ý niệm tham ái mạnh sẽ dẫn vào cõi ngạ quỷ; ý niệm sân giận mạnh sẽ dẫn vào cõi địa ngục. Do đó có thể biết nếu ý niệm cuối cùng của chúng ta, ý niệm Phật mạnh thì sẽ sanh Tịnh Độ, lúc bình thường chúng ta phải vun bồi ý niệm này, chứ đừng đợi tới lúc lâm chung thì không kịp nữa. Lúc lâm chung, mười niệm có thể vãng sanh là không sai, trên mặt Lý thì được, còn trên mặt Sự thì rất ít [người làm được như vậy]. Một ít người này đều do sức thiện căn đời trước mạnh mẽ, chỉ vì một lúc mê hoặc tạo tác ác nghiệp, lúc lâm chung có người nhắc nhở nên túc căn của họ được khơi dậy, như vậy mới vãng sanh, tuyệt đối chẳng phải là may mắn. Nếu bạn muốn may mắn được sanh thì tuyệt đối chẳng có lẽ này, nhất định phải vun bồi, nỗ lực, dốc sức hằng ngày, chúng ta phải biết đây là *'một đại sự nhân duyên trăm ngàn vạn kiếp khó gặp'*. Nếu đã hiểu được đạo lý và chân tướng sự thật này rồi thì bạn làm sao không buông xuống được? Bạn chắc chắn sẽ buông xuống được. Nếu bạn nói bạn chưa buông xuống được, đó là vì bạn chưa nhận thức rõ ràng chân tướng sự thật, chưa hiểu rõ đạo lý. Sau khi thấu triệt thì nhất định sẽ buông xuống, tuyệt đối sẽ không tiêm nhiễm.

Trong kinh nói 'năm tướng suy kém' gồm có hai thứ: 'năm tướng nhỏ và năm tướng lớn'. Năm tướng suy kém nhỏ, thứ nhất là thân thể có mùi hôi. Lúc bình thường thì thân thể của người cõi trời thanh tịnh, có mùi thơm. Rất nhiều đồng tu niệm Phật, hoặc trong lúc niệm Phật, hoặc tụng kinh, thậm chí trong lúc kinh hành, thảo luận Phật pháp ngửi được mùi thơm lạ. Mùi thơm lạ này từ đâu tới? Có thể là mùi thơm lạ này từ trước tới giờ bạn chưa hề ngửi được, bạn chẳng diễn tả được, mùi thơm này rất lạ, thậm chí là một mùi thơm thật nồng. Có lúc kéo dài cả mấy phút, mọi người đều ngửi được. Cổ đại đức nói, khi chúng ta ở đó niệm Phật, tụng kinh, thảo luận Phật pháp, gặp lúc có người cõi trời đi ngang qua, họ nhìn thấy sanh tâm hoan hỷ, họ dừng lại chắp tay, lúc đó là lúc bạn ngửi được mùi thơm lạ. Những trường hợp này rất nhiều, nhiều người đã từng trải qua. Đến lúc năm tướng suy kém nhỏ hiện ra là lúc phước báo của họ sắp hết, chẳng còn mùi thơm. Thứ hai trên thân người cõi trời đều có hào quang, [lúc tướng suy kém nhỏ hiện ra thì] hào quang này sẽ yếu đi. Thứ ba là lúc tắm rửa thì nước dính trên thân thể; khi chúng ta tắm xong thì phải lau cho khô, người cõi trời không cần, nước sẽ không dính ướt trên thân. Khi nước dính trên thân thì đó là tướng suy kém. Thứ tư là họ sẽ khởi lên một ý niệm tham luyến đối với cảnh giới xung quanh, khởi lên ý niệm nhiễm trước. Thứ năm là nháy mắt, lúc bình thường thì người cõi trời không nháy mắt, khi có nháy mắt thì đó là tướng suy kém. Đây là năm tướng suy kém [chứng tỏ] họ hưởng gần hết phước báo.

Khi phước báo hưởng hết thì 'năm tướng suy kém lớn' hiện ra, tướng thứ nhất trong 'năm tướng suy kém' là quần áo dơ. [Lúc bình thường thì] quần áo của người cõi trời chẳng cần phải cắt may, chẳng cần phải giặt giũ, quần áo của họ không nhiễm chất dơ, nhưng tới lúc này thì sẽ nhiễm bụi bặm. Thứ nhì, người cõi trời đều đội mão, trên mão có cài hoa tươi, hoa này sẽ khô đi, sẽ héo đi, đây là tướng suy thoái, lúc đó họ sẽ rất đau khổ. Thứ ba là chảy mồ hôi. Lúc có những tướng này xảy ra thì thọ mạng của họ đã gần hết, trong kinh nói đại khái không quá bảy ngày thì họ sẽ chết. Thứ tư là thân

thể có mùi hôi. Thứ năm là họ đứng ngồi không yên. Lúc năm tướng suy thoái nhỏ hiện ra, nếu họ có duyên gặp được chư Phật, Bồ Tát, gặp thiện tri thức, nếu họ có thể sám hối, quy y, noi theo lời dạy mà tu học thì họ có thể khôi phục, có thể gia tăng phước trời. Nói cách khác, gia tăng thọ mạng của họ. Năm tướng suy thoái lớn hiện ra thì không được, nhất định sẽ đọa lạc. Do đó thiên nhân càng lên cao, đọa lạc càng khổ. Trời Dục Giới, trời Sắc Giới, lúc phước hưởng hết có rất nhiều người sanh tới cõi người, đổi lấy thân người. Sau khi thọ mạng của người ở cõi Tứ Thiền Thiên, Tứ Không Thiên hết, hơn phân nửa đều đọa tam đồ, 'hoặc đọa ác đạo' như người ta thường nói 'trèo cao, té đau', việc này có đạo lý trong đó. Xin xem tiếp kinh văn:

Như thị thiên nhân nhược nam nhược nữ, đương hiện tướng thời, hoặc kiến Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, hoặc văn Địa Tạng Bồ Tát danh, nhất chiêm nhất lễ, thị chư thiên nhân, chuyển tăng thiên phước, thọ đại khoái lạc, vĩnh bất đọa tam ác đạo báo.

Các vị thiên nhân đó, hoặc nam hoặc nữ, đương lúc tướng suy hiện ra, mà hoặc thấy được hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng hoặc nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, rồi một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, thì các vị thiên nhân đó được phước trời thêm lớn, hưởng nhiều sự vui sướng, vĩnh viễn không phải đọa lạc vào ba ác đạo nữa.

Việc này phải coi duyên phận, nếu duyên phận của người đó tốt, gặp được Địa Tạng Bồ Tát, lúc năm tướng suy thoái của họ hiện ra, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát hoặc nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát. Không nhất định phải gặp tận mặt Bồ Tát, giống như hiện nay chúng ta đúc nặn hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, bạn nhìn thấy tượng, nghe đến danh hiệu của Bồ Tát, cũng có thể 'nhất chiêm nhất lễ'. Câu 'nhất chiêm nhất lễ' ở đây, chúng ta đừng hiểu lầm, chỉ lạy Địa Tạng Bồ Tát một lần là thôi, làm gì có chuyện tiện nghi dữ vậy? 'Nhất' là nhất tâm, phải hiểu như vậy, đó là chân tâm. Dùng tâm chân thành để chiêm lễ, trong tâm chân thành có đầy đủ tâm sám hối, đầy đủ lễ kính. Thiên Thân Bồ Tát trong Vãng Sanh Luận có dạy năm cương lãnh tu học, chữ 'chiêm lễ' trong câu 'nhất chiêm nhất lễ' có đủ [năm cương lãnh tu học nói trên]. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư y cứ nguyên tắc này, đặt ra một công khóa cho người sơ học chúng ta 'Tịnh Tu Tiệp Yếu', ngài y theo năm nguyên tắc trong Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát mà đặt ra. Trong đó có lễ kính, xưng danh, sám hối, quan trọng nhất là sám hối. 'Những vị thiên nhân đó chuyển tăng thiên phước', nghiệp chướng tiêu trừ, phước báo liền hiện ra, họ có thể kéo dài thời gian hưởng phước ở cõi trời. 'Vĩnh viễn không đọa quả báo trong tam ác đạo'. Trong Chú Giải có ghi một câu chuyện 6[6], quý vị coi sẽ biết. Từ những câu chuyện của người xưa, không những chúng ta có thể sanh khởi lòng tin, mà còn có thể nhận biết được chân tướng sự thật, biết làm sao tu học, đây là nói chiêm lễ, sám hối, tu phước. Câu kế:

Hà huống kiến văn Bồ Tát dĩ chư hương, hoa, y phục, ẩm thực, bảo bối, anh lạc bố thí cúng dường, sở hoạch công đức phước lợi vô lượng vô biên

---

6[6] Câu chuyện trong bản Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú, trang 435 như sau: Như Thiên Đế Thích, tướng suy lớn và nhỏ đột nhiên xuất hiện, lòng sanh hoảng sợ, nghĩ như thế này: "Ai có thể cứu giúp tai ách tướng suy như thế này cho tôi, tôi sẽ quy y người ấy". Liền tự hiểu rõ, trừ Phật Thế Tôn ra, không ai có thể cứu giúp được, liền đến chỗ Phật, xót xa cầu thỉnh. Phật thuyết pháp cho ông ta, ông ta liền thấy được chân lý, khiến cho những tướng suy đều tiêu diệt ngay lập tức, nên ông ta hoan hỷ, nói bài kệ Ái Ngữ.

Huống chi là được thấy tượng, được nghe tên của Bồ Tát, rồi đem các thức hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, vật báu, chuỗi anh lạc... mà bố thí cúng dường, thì công đức phước lợi có được sẽ vô lượng vô biên.

Đây là nói phước báo của sự thấy, nghe, chiêm lễ rất lớn, nếu cộng thêm cúng dường, thì phước của họ được đương nhiên sẽ càng lớn. Ở đây nêu lên vài thí dụ 'hương, hoa, y phục, thức ăn', chúng ta phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp. 'Hương' tượng trưng cho Tín, Giới, Định, Ngũ Phần Pháp Thân. Chắc chắn không phải là chúng ta mang theo một chút hương đem đốt trước mặt Phật, Bồ Tát để cúng dường là được, đó chỉ là hình thức, [chúng ta] phải biết từ hình thức này mà hiểu được thật chất, đó mới là chân hương. Do đó có thể xả bỏ tham, sân, si, tu Giới, Định, Huệ, mới thật sự là dùng hương cúng Phật. Chúng ta đốt cây hương này có ý nghĩa như vậy, [đốt hương nhắc chúng ta] xa lìa tham, sân, si, siêng tu Giới, Định, Huệ. 'Hoa' tiêu biểu cho Lục Độ, Vạn Hạnh, 'Y' [phục] tiêu biểu Nhẫn Nhục, chúng ta phải hiểu những nghĩa này. 'Thức Ăn' tiêu biểu pháp vị, 'bảo bối, anh lạc' tiêu biểu dụng cụ trang nghiêm. Chúng ta thật sự có thể y theo những phương pháp này để tu học, thì phước báo, lợi ích đạt được sẽ vô lượng vô biên.

'Vô lượng vô biên', trong Chú Giải có nói, phần cuối nói *'Nay nhận được công đức phước lợi', 'tương ứng với Bát Nhã, giống như hư không vô lượng vô biên'*. Làm sao tương ứng với Bát Nhã? Đó là như kinh Kim Cang dạy chúng ta, Bồ Tát dùng câu *'chẳng có ngã tướng, chẳng có nhân tướng, chẳng có chúng sanh tướng, chẳng có thọ giả tướng'*, tu tích hết thảy thiện pháp, điều thiện lành tuy là nhỏ, nhưng công đức, phước lợi thâu hoạch được vô lượng vô biên, đó là đạo lý như vậy. Nếu chấp tướng tu hành, phước báo tu học được càng lớn, nhưng thâu hoạch được phước báo rất nhỏ, sự thật này đức Thế Tôn đã nói rất nhiều lần trong kinh điển, đặc biệt là kinh Đại Thừa, chúng ta phải lắng lòng tìm hiểu. Do đó có thể biết mở rộng tâm lượng là đề mục tu học thứ nhất của người tu theo Đại Thừa chúng ta. Nếu không thể mở rộng tâm lượng, nói thật ra thì thành tựu của chúng ta thua xa Tiểu Thừa. Người Tiểu Thừa cho dù không thể chứng quả, đây là sự thật, ngay cả sơ quả Tiểu Thừa là Tu Đà Hoàn cũng không dễ gì chứng được, rất khó chứng được, nhưng phước báo nhân thiên họ chắc chắn sẽ đạt được. Chúng ta coi xong chắc chắn sẽ không hoài nghi, họ tu thiên phước. Nếu có thể đoạn được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thì mới có thể chứng được quả vị Tu Đà Hoàn, nhưng tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong Tam Giới rất khó đoạn dứt được.

Người tu học Đại Thừa như chúng ta, nếu không thể buông xuống thân tâm thế giới thì niệm Phật không thể vãng sanh. Đây là câu khẩu đầu thiền mà vị 'đường chủ' trong Niệm Phật Đường thường nói, nhắc nhở đồng tu niệm Phật từng giờ từng phút, 'buông xuống hết thảy thân tâm thế giới'. Buông xuống thân tâm thế giới là buông xuống bốn tướng 'ta, người, chúng sanh, thọ giả', tương ứng với Bát Nhã, đến lúc đó thì thật sự là 'một niệm tương ứng một niệm Phật', bạn sẽ có thể nắm chắc sự vãng sanh. Nếu không nắm chắc vãng sanh thì [có thể là] bạn còn tiếc nuối một cái gì đó trên thế gian này, chỉ cần có một tơ hào tiếc nuối thì sẽ gây chướng ngại cho sự vãng sanh của bạn, do đó chúng ta nhất định phải xả sạch sành sanh. Cái gì bạn có thì hãy bố thí, đem lại lợi ích cho chúng sanh, những gì thân thể này cần dùng đều rất có hạn, sở phí chẳng nhiều, cần gì phải tích lũy những vật dụng hằng ngày quá nhiều, để cho thân mình tạo tội nghiệp? Do đó nhất định phải biết bố thí, phải biết chia xẻ phước báo của mình với hết thảy chúng sanh, vậy thì phước báo của bạn sẽ lớn, đó là phước báo thật sự. Lời tán thán của đức Thế Tôn trong đoạn này rất dài, đến đây là hết một đoạn, phía sau là việc chuyển ác nghiệp lúc lâm chung, cũng vô cùng quan trọng, ngày mai chúng tôi sẽ nói tiếp.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Nhóm Diệu Âm, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 45 (Số 14-12-45)

Xin mở cuốn Khoa Chú, quyển hạ, trang 61, xin xem kinh văn:

Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát, nhược vị lai hiện tại chư thế giới trung, lục đạo chúng sanh lâm mạng chung thời, đắc văn Địa Tạng Bồ Tát danh, nhất thanh lịch nhĩ căn giả, thị chư chúng sanh, vĩnh bất lịch tam ác đạo khổ, hà huống lâm mạng chung thời, phụ mẫu quyến thuộc, tương thị mạng chung nhân xá trạch, tài vật, bảo bối, y phục, tố họa Địa Tạng hình tượng, hoặc sử bịnh nhân vị chung chi thời, nhãn nhĩ kiến văn, tri đạo quyến thuộc, tương xá trạch bảo bối đẳng vị kỳ tự thân, tố họa Địa Tạng Bồ Tát hình tượng.

Lại nữa, này Quán Thế Âm! Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, nếu những chúng sanh trong Lục Đạo lúc sắp mạng chung mà được nghe một tiếng danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng thoáng qua lỗ tai, thì các chúng sanh đó vĩnh viễn không còn phải trải qua nỗi khổ nơi Tam Ác Đạo nữa, huống chi là lúc sắp mạng chung, cha mẹ cùng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, tài vật, của báu, y phục v. v... của người sắp chết đó mà đắp, vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc làm cho người bịnh lúc chưa chết, được mắt thấy tai nghe, biết rằng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, vật báu v. v... vì mình mà đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng.

Trước hết chúng ta hãy coi đoạn này, đây là việc chuyển ác nghiệp lúc lâm chung. Việc này đã có nhiều người chú ý tới. Ở Úc Châu có bạn đồng tu hỏi tôi, khi người lớn tuổi trong nhà lâm chung, phải giúp họ như thế nào. Đối với Phật pháp chưa chắc những vị đồng tu này đã nhận thức được sâu lắm, nhưng họ đều quan tâm tới đại sự lúc lâm chung. Nhà Phật thường nói 'việc sanh tử trọng đại'. Vì con người lúc lâm chung, chẳng phải nói một người khi chết đi thì hết thảy đều chấm dứt, vậy thì chẳng phải lo lắng gì hết. Nhưng thế gian này có không ít người thông minh, người có trí huệ, và những tín đồ các tôn giáo, dù họ không hiểu rõ duyên do của việc sanh tử, nhưng sự thật này vẫn tồn tại, họ có thể tin sâu không nghi, đều băn khoăn tới chuyện sau khi chết rồi mình sẽ đi đầu thai ở cõi nào, sanh tới cõi nào? Có thể giác ngộ tới mức này đã là tương đối không dễ rồi. Nếu họ có thể nhận thức rằng việc này là nhân duyên quả báo thì lúc khởi tâm động niệm hằng ngày, họ làm bất cứ việc gì cũng sẽ dè dặt một chút. Đây cũng là việc mà Ấn Quang đại sư muốn cứu vãn thế đạo nhân tâm, tiêu trừ kiếp nạn trên thế gian, nên đã đặc biệt đề xướng giáo dục nhân duyên quả báo, đạo lý là ở chỗ này. Nếu nói với họ về đại đạo lý của vũ trụ nhân sanh, người thật sự có thể hiểu được cũng chẳng nhiều, nhưng nói về lý luận và sự thật của nhân quả báo ứng thì người thường cũng có thể hiểu được. Đối với việc thay đổi nhân tâm, khuyên mọi người dứt ác tu thiện, tiêu trừ hết thảy tai nạn trong thế gian có thể thâu được hiệu quả tốt đẹp. Đối với quan niệm lý luận này, có thể nói kinh Địa Tạng có phân lượng rất nặng trong nền giáo học này. Đây cũng là việc mà chúng ta đã nhắc tới trong phần trước, sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, tại sao đức Phật giao phó trọng trách giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, đạo lý là như vậy.

Kinh văn vừa mở đầu, đức Phật gọi Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm ở đây đại biểu cho chúng sanh trong lục đạo, nên gọi Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như gọi tên của chúng ta vậy. Đoạn kinh sau khai thị, đối với chúng ta mà nói vô cùng thân thiết, đặc biệt là khi chúng ta thấy câu 'các thế giới vị lai và hiện tại', chữ 'vị lai' được đặt ở hàng đầu, chữ 'hiện tại' là chỉ đại chúng hiện diện trong pháp hội lúc đó được đặt ở hàng nhì, 'vị lai' đặt ở hàng nhất. Từ đó có thể thấy kinh này thật ra là nhằm giảng cho chúng ta nghe. 'Chư thế giới trung' chẳng phải chỉ là thế giới Sa Bà mà thôi, nó chỉ rõ pháp môn Địa Tạng gồm tận hư không, trọn khắp pháp giới, cùng với kinh Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm không hai không khác. Từng chi tiết nhỏ đều tỏ rõ phạm vi của pháp Đại Thừa gồm tận hư không, trọn khắp pháp giới. Đối tượng của Đại Thừa là hết thảy chúng sanh trong pháp giới, chúng ta hiểu được ý nghĩa này thì tâm lượng của chúng ta mới được mở rộng, đây là chân tâm, đây là tâm lượng vốn sẵn có của chúng ta, đúng như câu *'tâm bao trùm hư không, lượng gồm hết thế giới nhiều như cát'*, hết thảy chúng sanh vốn có sẵn [tâm này], cùng chư Phật Như Lai không hai không khác. Bây giờ tại sao tâm lượng nhỏ như vậy? Tâm lượng nhỏ nên mới bị tà môn ngoại đạo gạt gẫm, nên mới có chuyện bị lừa gạt, bị thiệt thòi, tâm lượng mở rộng thì sẽ không như vậy. Chẳng có gì hư không pháp giới chẳng bao gồm, do đó mỗi chữ mỗi câu trong kinh đều có ý nghĩa sâu rộng vô hạn, chúng ta phải thấu hiểu, phải học hỏi từ đó. Cho nên đoạn này ghi 'chư thế giới trung', chẳng ghi là Sa Bà thế giới.

Trong đoạn này đặc biệt nói tới 'lục đạo chúng sanh', các cõi nước chư Phật đều có lục đạo chúng sanh, trong đó cũng có cõi chẳng có lục đạo chúng sanh nhưng chẳng nhiều. Thí dụ như Tây phương Cực Lạc thế giới chẳng có lục đạo chúng sanh, đại đa số cõi nước chư Phật đều có lục đạo chúng sanh, họ đều rất khổ, mê hoặc sâu đậm. *'Lúc lâm chung được nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát'*, chữ quan trọng là chữ 'văn' (nghe), chữ 'văn' ở đây là 'Văn Huệ' trong Tam Huệ của Bồ Tát, chứ không phải là tùy tiện 'nghe' mà được, người thế gian chúng ta đều hiểu sai chữ 'văn' trong câu này. Đây là kinh Đại Thừa, hết thảy đều phải dùng tiêu chuẩn của Bồ Tát Đại Thừa để đo lường. Tam Huệ của Bồ Tát được xây dựng trên cơ sở Tam Học của Thanh Văn. Hiện nay nhiều người nói họ niệm kinh Địa Tạng, noi theo lời dạy trong kinh Địa Tạng mà tu hành nhưng không đạt được hiệu quả, do đó họ phỉ báng Phật, phỉ báng Pháp và nói kinh Địa Tạng không linh nghiệm. Họ chẳng nghĩ rằng họ đã hiểu sai chân thật nghĩa của Như Lai chứ chẳng phải kinh không linh nghiệm. Trong kinh nói tới 'thiện nam tử, thiện nữ nhân', bạn đã đạt tới tiêu chuẩn của chữ 'thiện' này chưa? Chẳng có ai nghĩ tới. Tiêu chuẩn của 'thiện' là gì? Là 'Tam Phước', chúng ta đã giảng rất rõ ràng, tiêu chuẩn 'người thiện' của thế gian là *'hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp'*, bạn đã làm được chưa? Nếu bạn đã làm được thì bạn là người thiện trong thế gian. Phật pháp được xây dựng trên cơ sở 'thiện' của thế gian, ngay cả tiêu chuẩn này bạn cũng chẳng làm nổi thì bạn học Phật chỉ là ở ngoài cửa mà thôi chứ chưa nhập môn, có tu tới đâu cũng chỉ ở ngoài cửa. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Sau khi làm được nền tảng này thì mới có thể bước vào cửa Phật. Tiêu chuẩn vào cửa Phật là phước thứ nhì: *'Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi'*, bạn đã làm được chưa? Tam Quy, trên hình thức mọi người đã làm xong, nhưng chẳng có nội dung thì làm sao có cảm ứng? Giới kinh đã nói rõ ràng, bạn thật sự thọ trì Tam Quy thì bạn sẽ được 36 vị thần hộ pháp ngày đêm bảo vệ, hộ trì bạn. Hôm nay bạn đã thọ Tam Quy, chẳng có vị thần hộ pháp nào cả. Khi bạn thọ ngũ giới, thọ một giới thì bạn có năm vị thần hộ pháp bảo hộ bạn, đầy đủ năm giới thì có 25 vị thần hộ pháp ngày đêm hộ vệ. Ngày nay bạn chẳng có vị thần hộ pháp nào cả, một vị cũng chẳng có thì bạn đã thọ suông rồi. Phật giáo ngày nay, chúng ta phải hiểu rõ, mọi người

phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh là một sự nghiệp to tát! Bất cứ sự nghiệp nào trên thế gian cũng không sánh bằng, do đó Phật pháp chú trọng ở nơi 'hành' chứ không ở nơi 'nói', nói càng nhiều cũng chẳng dùng được, nhất định phải làm được. Đầy đủ phước thứ hai thì 'Văn Huệ' mới có cơ sở. Đây là Phật pháp sơ cấp, tu Giới Định Huệ Tam Học, do giữ Giới được Định, do Định khai Huệ, sau khi khai Huệ xong rồi thì mới có 'Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ'. Chữ 'đắc văn' (được nghe) ở đây, nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, vừa nghe danh liền tương ứng, tương ứng với cái gì? Tương ứng với cả bộ kinh. Tên của bộ kinh này là Địa Tạng Bồ Tát, nghe tới danh hiệu này thì lý luận, phương pháp, cảnh giới của cả bộ kinh đều hiện ra, được vậy thì bạn mới có thể ngộ nhập cảnh giới này.

Do đó mới nói *'Vừa lọt vào tai, là chư chúng sanh vĩnh viễn chẳng trải qua nỗi khổ trong tam ác đạo'*, vĩnh viễn chẳng đọa tam ác đạo, đây là cảnh giới gì? Các bạn đồng tu đều hiểu rõ, các bạn đều học Giáo rồi, chứng quả Tu Đà Hoàn thì vĩnh viễn chẳng rơi vào tam ác đạo. Nếu không chứng quả Tu Đà Hoàn thì sẽ không tránh miễn tam ác đạo. Ở đây nói nghe được danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát liền chứng Sơ Quả, địa vị này trong Đại Thừa Viên Giáo chính là Bồ Tát Sơ Tín, đó không phải là siêu phàm nhập thánh mà tôi đã nói với bạn rồi sao? Nếu bạn nói làm sao người đó vừa nghe danh hiệu Bồ Tát liền có thể nhập cảnh giới này? Chư vị hãy nghĩ về những công án của Thiền Tông Trung Quốc hồi trước, không nhất định là nghe danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ Tát, không chừng khi bạn nhìn thấy một vật gì đó, nghe một âm thanh gì đó thì liền đột nhiên khai ngộ. Chúng ta thấy những chuyện này rất nhiều trong các công án Thiền Tông. Chuyện đó rất khó, đó là khế nhập vào cảnh giới của tự tánh. Còn chuyện này dễ, Giáo Hạ dễ hơn Thiền Tông, nhưng sự ngộ nhập của Giáo Hạ chẳng triệt để bằng Tông Môn. Tông Môn khi chưa ngộ thì chẳng có cách gì khác, nhưng một khi ngộ rồi thì sẽ kiến tánh. Còn sự ngộ nhập [khi nghe danh hiệu nói trên] thì không chắc sẽ kiến tánh. Nhưng một niệm nghĩ tới những lời dạy, những lời giáo huấn trong kinh giáo tự nhiên khởi lên trong tâm mình, ngay lúc đó liền có thể sám trừ nghiệp chướng, liền có thể phát tâm noi theo hành nghi của Địa Tạng Bồ Tát, liền đạt được quả vị Sơ Tín Bồ Tát. Quả vị Sơ Tín trên phương diện đoạn đức thì tương đương với quả vị Sơ Quả của Tiểu Thừa, thật sự vĩnh viễn không đọa tam ác đạo. Tuy chẳng thoát ly lục đạo luân hồi, chắc chắn sẽ không đọa tam ác đạo. Bạn sẽ hỏi tại sao không đọa tam ác đạo? Vì đã cắt đứt duyên tam ác đạo rồi.

Duyên tam ác đạo là gì? Tham, sân, si, mạn. Người này trong mỗi tâm niệm đều nghĩ tới Bồ Tát, niệm niệm đều học theo Bồ Tát thì những tâm tham, sân, si, mạn, nghi đều đoạn hết, thật sự đã hết. Niệm niệm đều tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, từ bi. Người mê thì khi khởi tâm động niệm chẳng quên mình, luôn luôn nghĩ về ta, nghĩ vậy là mê, là chấp trước, chẳng buông xuống nổi. Người giác ngộ rồi thì niệm niệm đều nghĩ tới hết thảy chúng sanh. Tai nạn trong thế gian này nhiều như vậy, chúng sanh khổ như vậy, người giác ngộ khởi tâm động niệm đều nghĩ mình phải làm như thế nào để giúp đỡ chúng sanh, làm sao cứu giúp những người bị nạn. Chính mình không đủ trí huệ, không đủ khả năng, cũng chẳng có phước báo thì khởi tâm này, khởi ý niệm này chẳng phải là khởi vọng tưởng hay sao? Đúng vậy, đó là vọng tưởng. Nếu thật tâm nghĩ về vấn đề này thì tự nhiên sẽ được Phật, Bồ Tát gia trì. Chúng ta không có trí huệ, Phật có trí huệ, chúng ta không có khả năng, Phật có khả năng, chúng ta không có phước báo, Phật có phước báo. Đây là điều Chương Gia đại sư dạy tôi thuở trước, lão nhân gia dạy tôi phải nương nhờ Phật, Bồ Tát mới được, không thể nương nhờ người ta. Những người có đại hộ pháp, ở thế gian này làm quan lớn, giàu to, bạn nương nhờ những người đó cũng không đáng tin, nương nhờ Phật, Bồ Tát mới đáng tin. Chúng ta dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác, dùng tâm đại từ bi vì xã hội

vì chúng sanh, đặc biệt là vì những chúng sanh đang chịu khổ nạn, [tâm niệm ấy] sẽ tương ứng với Địa Tạng Bồ Tát. Pháp thân, báo thân, và ứng hóa thân của chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát đều tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới, nơi nào có cảm thì nơi đó có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng sai chạy mảy may.

Chúng ta phải thông suốt hiểu rõ đại đạo lý này, từ đó tâm chúng ta mới thanh tịnh, mới có thể có cảm ứng. Chúng ta học Phật nhờ cậy vào cái gì? Nhờ vào điểm này. Chúng ta thành tựu là phước của chúng sanh; chúng ta không thể thành tựu thì chúng sanh phải chịu khổ, phải chịu tai nạn. Cho nên sự khổ nạn của hết thảy chúng sanh, lúc trước tôi thường nhắc nhở các bạn đồng tu, ai tạo ra những sự khổ nạn này? Chính chúng ta tạo thành, chúng ta tu không tốt nên mới làm cho chúng sanh chịu khổ. Chúng ta phải gách vác trách nhiệm này, tuyệt chẳng thể đẩy cho người khác, [nếu nói] 'chuyện này chẳng liên quan gì tới mình', có vị Phật, Bồ Tát nào nói chúng sanh khổ nạn không liên quan tới mình? Bạn hãy tra hết trong kinh điển cũng không có nói như vậy. Phật, Bồ Tát chẳng giống với người trong thế gian, mọi người ai cũng biết mê với giác. Người mê hoặc sẽ thoái thác trách nhiệm, người giác ngộ tuyệt đối sẽ chẳng thoái thác trách nhiệm. Cho nên 'đoạn đức' giống nhau, trí huệ chẳng giống nhau, trí huệ của Bồ Tát Sơ Tín lớn hơn quả vị Sơ Quả Tiểu Thừa quá nhiều, đây là việc chúng ta đáng học tập, bạn hiểu được đạo lý, chân tướng sự thật này thì bạn đọc đoạn kinh trên sẽ không khởi nghi vấn, sẽ biết đây là lời chân thật

Phần sau nói về tu phước, có thể tu phước thì càng tốt. Đây là nói *'Huống chi lúc lâm chung, cha mẹ quyến thuộc'*, người nhà thân quyến *'đem nhà cửa, tài sản, của quý, y phục của người lâm chung'*, đoạn này rất quan trọng! Nhất định phải dùng tài sản của người đó để tu phước, như vậy mới có công đức. Lấy tài vật của người khác để tu tích công đức, tự mình đều không được gì, những công đức có được đều là của người khác, còn mình lại mang tội, chúng ta phải hiểu việc này. Nhất định phải là tài vật của chính mình mới gọi là tịnh tài. Nếu phước báo của họ trên thế gian rất lớn, nhà cửa của họ rất lớn, đất đai rất nhiều, ở Trung Quốc đời xưa chúng ta đã biết những người như vậy, thường thường thì họ dâng hiến nhà cửa của mình ra để làm đạo tràng, chúng ta thấy có nhiều người như vậy trong lịch sử Trung Quốc. Như cư sĩ Dương Nhân Sơn thời cận đại, ông là một trưởng giả giàu có, lúc gần vãng sanh, trước khi vãng sanh ông lập di chúc, quyên tặng nhà cửa của mình làm Kim Lăng Khắc Kinh Xứ, quý vị hiện nay đi đến Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ở Nam Kinh, đó chính là căn nhà cũ của Dương Nhân Sơn. Những tài sản này của ông không lưu lại cho con cháu ông ta, ông quyên ra để làm sự nghiệp Phật giáo, đây là một tấm gương tốt cho chúng ta. Tài sản và đồ vật quý báu của ông đều quyên ra. Bố thí quần áo, quần áo của bạn quá nhiều hãy đem cho người ta, những người khổ nạn trong thế gian rất nhiều, họ không có cơm ăn, không có quần áo mặc, tại sao không quyên ra để bố thí? Đó gọi là tu phước chân thật. Tự mình dùng vài bộ quần áo để thay đổi là đủ rồi, có vài đôi giày để thay đổi cũng đủ rồi. Lúc trước chúng tôi thấy trên báo nói tới một người giàu, đó là một phu nhân tổng thống, bà ta có tới mấy ngàn đôi giày, còn nhiều hơn tiệm bán giày, quần áo không biết có tới mấy ngàn bộ, chúng tôi không biết vì báo không có đăng. Một người làm sao dùng cho hết! [Chúng ta phải biết] bố thí là tu phước.

Phương pháp bố thí tu phước rất nhiều, nơi đây chỉ nêu ra một thí dụ, chúng ta đọc kinh cũng không nên đọc chết cứng trên câu kinh, đó là sai lầm. Phương pháp bố thí rất nhiều, nơi đây chỉ nêu một thí dụ, 'đúc vẽ hình tượng Địa Tạng', tại sao? Việc này dễ làm nhất. Nếu kêu bạn làm giống ông Dương Nhân Sơn quyên nhà cửa để làm đạo tràng thì khó lắm. Có nhiều người nói 'Tôi không có khả năng lớn như vậy, nhà tôi rất nhỏ'. Dù quyên tặng cũng không thể làm đạo tràng, ở đây chỉ nêu ra để làm một thí dụ. Nếu nói đắp nặn tô vẽ hình tượng Địa Tạng thì không khó, nếu tài lực khả năng của

bạn lớn, thì bạn tô nặn hình tượng Địa Tạng cao lớn trang nghiêm. Nếu sức lực của bạn nhỏ thì bạn nhờ người ta vẽ một tượng Địa Tạng Bồ Tát, đó là việc tùy sức lực của mỗi người [mà làm việc tô vẽ, đúc nặn hình tượng Địa Tạng Bồ Tát]. Nhưng thời xưa thì được, chẳng có vấn đề, công đức tạo tượng rất lớn. Thời đại ngày nay tạo tượng, thử hỏi bạn có công đức hay không? Không thể phủ nhận, công đức cũng có, nhưng không rõ ràng, không được quả báo ngay bây giờ. Tại sao vậy? Vì Phật pháp hoằng dương không được rõ rệt, người niệm kinh Địa Tạng rất nhiều nhưng có bao nhiêu người hiểu được ý nghĩa trong kinh? Do đó có thể biết, nếu muốn hết thảy chúng sanh làm công đức chân thật trong nhà Phật, có thể có được công đức ngay trong hiện tại, thì nhất định phải có người tuyên dương, giảng giải pháp môn Địa Tạng cho thấu triệt, cho rõ ràng thì người ta nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát sẽ cảm nhận một cách khác biệt.

Nếu hoàn toàn không hiểu Phật pháp, thậm chí hiểu lầm, cho rằng [hình tượng Bồ Tát là] ngẫu tượng, người thờ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng cũng không cung kính, vả lại còn phê bình đó là ngẫu tượng, cho là mê tín! Chúng ta thử nghĩ xem đối với những người phê bình, những người chỉ trích [việc đúc vẽ hình tượng này] có ích lợi gì không? Cũng có ích lợi, đúng như câu *'một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn thành hạt giống đạo'*, nhưng sự lợi ích ấy vô lượng kiếp về sau mới khởi tác dụng, hiện nay không khởi tác dụng nổi. Trong kinh đã nói rất rõ ràng, tạo tội hủy báng vẫn phải đọa địa ngục để thọ tội, đến khi thọ hết tội, hạt giống đạo này tương lai lúc gặp thiện duyên mới có thể khởi hiện hành. Do đó có thể biết công việc hoằng pháp hiện thời quan trọng hơn bất cứ việc gì khác, bất cứ sự nghiệp thế gian, xuất thế gian khác đều không quan trọng bằng sự nghiệp hoằng dương Phật pháp. Những bạn đồng học chúng ta đã phát tâm xuất gia, bất luận nhân duyên xuất gia của bạn là gì đều là thiện căn phước đức, nhân duyên đầy đủ, nhân duyên phát tâm có thể khỏi phải xét tới. Đời này bạn có cơ hội tiếp xúc đến chánh pháp, có cơ hội nghe được chánh pháp, tu học chánh pháp thì quá đủ rồi. Đây không những là việc đáng cho chúng ta hân hoan, đúng như cổ đức đã nói đây là *'cơ hội hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp tới nay'*, đời này chúng ta đã [may mắn] gặp được. Chúng ta nhất định phải coi trọng, nhất định phải phấn chấn, nỗ lực khắc phục phiền não tập khí của chính mình, được vậy thì chúng ta mới không uổng phí gặp được cơ hội này. Không thể khắc phục được phiền não tập khí của mình, tùy thuận phiền não tập khí của mình là việc vô cùng đáng tiếc, trong kinh gọi [những người như vậy] là những 'người đáng thương xót'; 'người đáng thương xót' ấy không phải là chỉ người nào khác, một người trong đời này chẳng gặp được Phật pháp thì đâu có gì đáng thương? Đã gặp được Phật pháp nhưng để cho luống uổng, người như vậy mới là đáng thương. Do đó có thể biết trong kinh nói 'người đáng thương' là những người nào? Là những người như chúng ta, bỏ lỡ cơ hội trước mắt, không thể trong đời này khế nhập cảnh giới, nguyên nhân là chúng ta vẫn tùy thuận phiền não tập khí, chúng ta vẫn không thể khắc phục chính mình.

Sau khi Niệm Phật Đường được xây dựng, rất nhiều bạn đồng tu đã làm gương tốt cho chúng ta, họ tự khắc phục [phiền não của] chính mình. Phiền não của mình vốn rất nặng, tập khí rất nặng, ngủ nghỉ rất nhiều, ủy mị không phấn chấn, bước vô Niệm Phật Đường không có lòng tin, làm sao có thể ở trong đó suốt 24 giờ, 36 giờ đồng hồ? Sau khi vô Niệm Phật Đường, niệm vài lần liền khắc phục phiền não tập khí của mình, đây là tấm gương rất rõ ràng. Do đó Niệm Phật Đường đã thành tựu cho rất nhiều người, công đức của Niệm Phật Đường vô cùng thù thắng. Người già thấy người trẻ tuổi tinh tấn như vậy, cảm thấy mình ngày tháng chẳng còn bao lâu nên họ càng tinh tấn thêm, họ được khích lệ. Còn người trẻ tuổi thấy người già đã lớn tuổi như vậy mà nhiễu Phật suốt 24 giờ, 36 giờ đồng hồ chẳng ngủ chẳng nghỉ, người trẻ tuổi cảm thấy xấu hổ; người già và người trẻ khích lệ và nhắc nhở lẫn nhau như vậy nên có thể đạt

được hiệu quả tốt đẹp. Người niệm Phật một mình thì dễ làm biếng, dễ thuận theo phiền não tập khí, đây là lý do tại sao đại sư Mã Tổ và Bách Trượng đời Đường xây dựng tòng lâm, mục đích là đề xướng việc cùng tu (cùng nhau tu tập), ích lợi của việc cùng tu là như vậy, đó là nương vào đại chúng, nhờ đại chúng. Từ đó trở về trước, đức Phật giảng kinh thuyết pháp, dạy đại chúng [chứ không có tu chung], tu hành là việc làm của mỗi cá nhân. Trong kinh chúng ta thấy đức Phật chưa hề hướng dẫn đại chúng tu hành, đức Phật chỉ giảng kinh thuyết pháp, tu hành là việc của từng cá nhân riêng rẽ. Thời đó mỗi cá nhân đều dụng công [tinh tấn], chẳng cần người khác đốc thúc, mỗi người đều thành tựu.

Từ Chánh Pháp tới Tượng Pháp, rồi từ Tượng Pháp chuyển tới Mạt Pháp, căn tánh con người đời này không bằng đời trước, dần dần giải đãi, làm biếng, phóng dật [hơn người đời trước], rất khó khắc phục phiền não tập khí của mình, do đó các vị Mã Tổ, Bách Trượng mới đề xướng cùng tu. Mã Tổ, mọi người hãy nghe rõ, chẳng phải là vị Mã Tổ mà dân gian cúng bái, nếu bạn hiểu như vậy thì bạn sai lầm quá đỗi. Chữ 'Tổ' là tổ sư Thiền Tông, họ của ngài là họ Mã, phần đông người ta xưng ngài là Mã Tổ, pháp danh của ngài là Đạo Nhất Thiền sư; người ta quen xưng ngài là Mã Tổ, chẳng phải là vị Mã Tổ 1[1] mà dân gian cúng tế. Đạo Nhất và Bách Trượng thiền sư đề xướng xây dựng tòng lâm, đề xướng cùng tu, nương nhờ đại chúng, đây là đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Đặc biệt là vào thời Mạt pháp, lúc trước thầy Phương Đông Mỹ đã nói với tôi nhiều lần rằng muốn phục hưng Phật giáo thì nhất định phải khôi phục chế độ tòng lâm, nghĩa là khôi phục chế độ cùng tu. Ngày nay chúng ta đề xướng làng Di Đà, làng Di Đà chính là tòng lâm được hiện đại hóa. Trên hình thức thì khác với tòng lâm lúc trước, nhưng thật chất thì giống nhau, đây là điều nhà Phật thường gọi là nối tiếp huệ mạng của Phật, chúng ta chỉ thay đổi hình thức chứ chẳng thay đổi thật chất.

Cho nên đối với giáo học nhà Phật, chúng ta phải làm cho xã hội nhận biết phương thức giáo học của chúng ta khác với giáo học của xã hội. Tại sao khác nhau? Vì mục đích khác nhau. Giáo dục xã hội nhằm dạy kỹ năng, còn mục đích giáo dục nhà Phật nhằm mở mang trí huệ, phá mê khai ngộ, cầu chân thật trí huệ, chẳng đặt khả năng kỹ thuật ở hàng đầu, chúng ta đặt trí huệ chân thật ở hàng đầu, hoàn toàn khác nhau. Giáo học nhà Phật ở tại Giới Định Huệ, sách giáo khoa của chúng ta cũng là Giới Định Huệ Tam Học, Đại Tạng Kinh thường được người ta gọi là Tam Tạng, Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận, trong đó nói về Tam Học Giới Định Huệ, hoàn toàn khác với giáo học thế gian, chúng ta phải nói rõ điều này cho người ta biết. Nếu dùng khái niệm của họ mà nói, nhà Phật chú trọng nơi giáo dục Đức Hạnh, hiện nay giáo dục xã hội thiếu tầng này, chẳng có môn này. Nếu muốn xã hội an định, thế giới hòa bình thì phải đa nguyên hóa xã hội, muốn đạt đến mục tiêu mọi người tôn trọng lẫn nhau, kính ái lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, thì giáo dục đức hạnh vô cùng quan trọng. Đây là một giáo dục đặc biệt, chẳng phải giáo dục phổ thông, nếu dùng khái niệm giáo dục phổ thông, chiếu theo những quy định, chương trình bắt buộc của chánh quyền, giáo dục nhà Phật sẽ không thể đạt tới mục tiêu của chính mình, đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Giáo dục thời xưa ở Trung Quốc rất giống với giáo học trong nhà Phật, nhưng giáo học hiện đại và giáo học cổ đại Trung Quốc và giáo học nhà Phật hoàn toàn khác nhau. Chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng, và cũng phải làm cho xã hội đại chúng đều nhận biết, làm cho giáo dục nhà Phật có thể phát triển chẳng có chướng ngại trong

---

1[1] Mã Tổ mà dân gian thờ phụng chính là Thiên Hậu, còn gọi là Thiên Phi, hay Thiên Hậu Nguyên Quân. Do bà được dân Phước Kiến, Mân Nam, Quảng Đông thờ phụng như một vị thánh mẫu bảo hộ dân chài nên được xưng tụng là Ma Tổ 媽祖, dần dần danh hiệu này bị người Việt đọc trại thành Mã Tổ.

tương lai, chúng ta sẽ đưa thành quả của chúng ta cho xã hội đại chúng coi. Chúng ta bồi dưỡng các pháp sư này, pháp sư có pháp sư xuất gia, có pháp sư tại gia, cả hai pháp sư tại gia và xuất gia đều có thể cống hiến cho xã hội. Đây là một đoạn nói về việc tu phước.

Đoạn sau nói về việc chuyển nghiệp, chuyển nghiệp tốt nhất là làm cho người bịnh biết người nhà của họ tu phước dùm họ, tại sao vậy? Trong kinh luận thường nói 'cảnh tùy tâm chuyển', nếu người bịnh không biết người nhà giúp họ tu phước thì họ rất khó chuyển biến, chuyển rất chậm, vì họ không biết chính mình có phước, họ có tâm tự ti. Nếu biết chính mình có phước thì họ sẽ chuyển biến nhanh chóng. Trong kinh Đại Thừa thường nói 'cảnh tùy tâm chuyển', 'hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh', do đó chúng ta tu phước dùm họ thì nhất định phải cho họ biết, họ biết tự mình đã tu phước báo gì, biết có phước báo chân thật họ sẽ sanh tâm hoan hỷ, do đó chuyển nghiệp dễ dàng. Vì lý do này khi người bịnh sắp chết, lúc đầu óc họ còn sáng suốt, hãy nói với họ: 'người nhà đem tài sản của họ đi làm nhiều phước báo'.

Hiện nay chư vị có thể thấy Hồng lão cư sĩ, lúc chúng tôi đi thăm ông, lúc đó ông đang ở thời kỳ nguy cấp, cụ cũng nghĩ như vậy và sợ chẳng sống được bao lâu nữa, cụ gấp muốn lo cho xong việc quyên tặng miếng đất để cho cư sĩ Lý Mộc Nguyên làm chuyện tốt, cụ sợ gì mà mỗi ngày đều hối thúc ông ta? Cụ sợ sau khi cụ chết đi thì chuyện này không thành, mỗi ngày cụ đều gọi rất nhiều cú điện thoại [hối thúc]. Ông Lý Mộc Nguyên cũng rất nhiệt tâm, mỗi ngày phải chạy tới chạy lui nhiều lần. Tự mình biết rõ, đặc biệt là lúc ông Lý Mộc Nguyên nói về kế hoạch xây làng Di Đà cho cụ nghe, cụ rất hoan hỷ, cụ đã làm được một chuyện tốt, nhờ vậy cụ thật sự có thể chuyển trở lại, còn chuyển nhanh chóng như vậy. Tế bào ung thư ở cổ họng của cụ có thể thay đổi, nghe nói hiện nay có thể bít lỗ hổng lại, cụ bị lủng lỗ ở cổ họng đã ba năm nay, bây giờ đã lành rồi. Cụ chuyển đổi nhanh chóng như vậy. Phước báo mà cụ đã tu được thù thắng hơn đắp vẽ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát quá nhiều, cụ có phước, có tiền bạc, và có thành ý để xây Niệm Phật Đường.

Hôm qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên thương lượng với tôi, tôi đề nghị thờ một vạn tượng Phật A Di Đà trong Niệm Phật Đường, ông thảo luận với tôi coi một vạn tượng Phật A Di Đà này dùng gỗ khắc hay dùng cách khắc nổi [trên tường]. Trong Niệm Phật Đường, tại sao chúng ta thờ nhiều tượng Phật như vậy? Có hai ý nghĩa: thứ nhất là hết thảy chư Phật Như Lai gia trì, hết thảy chư Phật Như Lai đều niệm A Di Đà Phật, do đó khi bạn bước vào Niệm Phật Đường, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều tiếp cận hết. Ý thứ hai là người niệm Phật chúng ta tương lai đều thành Phật, niệm A Di Đà Phật đều làm A Di Đà Phật, mỗi người chúng ta đều là hóa thân của A Di Đà Phật, khi bước vào Niệm Phật Đường, trong số các tượng Phật trong Niệm Phật Đường có một tượng là chính mình, bạn coi như vậy thân thiết biết bao. Do đó bước vào Niệm Phật Đường thì 'tự tha bất nhị' (ta và người không hai), sanh Phật bất nhị, chúng sanh và Phật là một. Trong đó có ý nghĩa tiêu biểu pháp, công đức này vô cùng thù thắng, vô cùng trang nghiêm. Mỗi người bước vào Niệm Phật Đường đều cảm thấy thân thiết, do đó những tượng Phật này phải đúc cho thật trang nghiêm. Chúng ta dùng phương thức này để phát triển đạo tràng, làm cho mọi người đều sanh tâm hoan hỷ, dốc hết tâm hết sức để hộ trì đạo tràng này, hy vọng đạo tràng này trở thành đạo tràng gương mẫu cho hết thảy đạo tràng niệm Phật trên thế giới. Hiện nay mỗi tháng nhiều người từ các địa phương ở hải ngoại phát tâm tổ chức tới đây [tu học] càng ngày càng nhiều, nơi đây tự nhiên trở thành một Niệm Phật Đường trung tâm, cho nên có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Sanh nhật 79 tuổi của cụ Hồng vừa qua, chúng tôi nghe được tin mừng, Tam Bảo gia trì, làm cho lòng tin của chúng tôi càng thêm vững chắc. Chúng ta có thể nêu ra thí dụ trước mắt cho đoạn kinh văn này. Phần sau là quả báo, chư vị hãy mở xem:

Thị nhân nhược thị nghiệp báo hiệp thọ trọng bịnh giả, thừa tư công đức, tầm tức trù dũ, thọ mạng tăng ích.

Người đó nếu do nghiệp báo phải chịu bịnh nặng, thì nhờ công đức này liền được khỏi bịnh, tuổi thọ thêm lâu dài.

Hiện nay quả báo của cụ Hồng thật sự là giống như trong kinh đã nói, nghiệp báo của cụ đáng lẽ là phải bị bịnh nặng, sau khi làm công đức này xong thì bịnh của cụ đã hết. Không những hết bịnh mà còn kéo dài tuổi thọ, không giả dối tí nào. Chú Giải nói rất hay, chúng ta hãy đọc coi: *'Hà cố tu vị bịnh nhân ư Địa Tạng xứ, tu cúng tố tượng' (tại sao phải vì bịnh nhân đắp nặn, thờ tượng Địa Tạng),* trước hết nêu lên câu hỏi tại sao phải làm vậy? *'Nhằm có thể lành bịnh, trường thọ'*, nguyên nhân là như vậy, có thể miễn trừ tật bịnh, có thể kéo dài tuổi thọ, phước báo. Được trường thọ nhưng không có phước thì cũng rất khổ. Được trường thọ lại có phước, vì họ tu nên có phước, cúng Phật được kéo dài tuổi thọ. Phần sau ghi *'Chỉ Quán vân'* (sách Ma Ha Chỉ Quán viết) Chỉ Quán là giáo nghĩa Thiên Thai; *'bố úy ác đạo, nhân mạng vô thường, nhất tức bất truy, thiên tải trường vãng' (ác đạo đáng kinh sợ, mạng người vô thường, một hơi thở ra không hít vào được thì sẽ đi vào đó cả ngàn năm)* đây là lời đức Phật cảnh cáo chúng ta, đây là chân tướng sự thật. Trong thế gian có người thật sự không sợ ác đạo, trong kinh gọi là Nhất Xiển Đề, nghĩa là người không có thiện căn, họ không biết sự dễ sợ trong ác đạo, họ cứ vẫn tạo tội nghiệp như cũ. Đặc biệt là những người dùng chiêu bài Phật Giáo để lừa gạt chúng sanh, cầu danh văn lợi dưỡng, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, tạo nghiệp báo địa ngục. Thọ mạng con người rất ngắn ngủi, *'nhân mạng vô thường, nhất tức bất truy'*, một hơi thở không trở lại thì đã đọa lạc rồi. *'Thiên tải trường vãng, u đồ miên mạc' (Đi vào đó (trụ trong đó) cả ngàn năm, đường tối tăm dài dằng dặc, mông lung)*, đây là hình dung ba đường ác, ba đường ác rất dễ đọa vào, rất khó thoát ra.

Phía sau nói *'chẳng có tư lương'*, dùng cách nói hiện nay thì đó là chẳng có điều kiện để thoát ra khỏi ba đường ác. Lúc đó bạn phải làm sao đây? Sau khi đọa vào ba đường ác, muốn tu phước cũng không có duyên. Con người chúng ta ở trên thế gian này có bao nhiêu người giàu sang, bao nhiêu người có khả năng, cả đời chẳng gặp nhân duyên tu phước. Muốn tu phước nhưng chẳng có chỗ để tu phước, cứ vì ngu si chẳng nhận biết ruộng phước chân chánh, dùng tài lực của mình để hộ trì tà đạo, không những chẳng trồng phước, trái lại chiêu cảm một số ương họa, tội lỗi, chuyện này rất nhiều, chúng ta thường thấy.

Do đó mới biết, câu tiêu trừ nghiệp chướng này nói thì dễ, bắt đầu làm đích thật là không dễ, nhất định phải có huệ, có phước, chẳng có phước huệ muốn tiêu trừ nghiệp chướng cũng tiêu trừ không nổi. Nếu chúng ta bình tĩnh quan sát, đừng coi gì khác, chỉ coi những đồng tu học Phật, tức là những người chung quanh chúng ta, bạn hãy quan sát cặn kẽ. Họ rất hy vọng tiêu nghiệp chướng, cũng rất sốt sắng nỗ lực làm việc tiêu nghiệp chướng, tự mình cho rằng tu phước là tiêu nghiệp chướng, nhưng nếu bạn quán sát kỹ những gì họ làm tương phản với mục đích của họ, muốn tiêu nghiệp chướng nhưng những gì họ làm lại tăng thêm nghiệp chướng, chứ chẳng tiêu trừ nghiệp chướng. Tại sao họ lại làm như vậy? Vì chẳng có trí huệ. Tại sao không có trí huệ? Vì đọc kinh quá ít, đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh vẫn còn mê hoặc, vẫn chưa hiểu rõ. Trong Phật pháp đâu là chánh pháp? Đâu là tà pháp? Họ chẳng có khả năng phân biệt, cứ lấy giả cho là thiệt. Ngạn ngữ thường nói *'nhận giả chẳng nhận chân, nghe gạt chứ*

không nghe lời khuyên', đó là ngu si! Người thế gian thường nói *'xả tài tiêu tai'*, họ đã xả tiền tài nhưng tai chướng tiêu không nổi, không những chẳng tiêu tai nổi mà ngược lại còn tăng thêm tai họa, ngu si tới mức như vậy, bạn nói có đáng thương hay không!

Do đó chúng ta mới biết, đức Phật trong kinh cứ lập đi lập lại, không những chúng ta phải hiểu nghĩa, còn phải hiểu sâu nghĩa thú. Bạn hiểu cạn cợt cũng không được, phải hiểu cho sâu. Sau đó mới biết làm thế nào để tu phước, làm thế nào tích công lũy đức, làm thế nào tiêu trừ nghiệp chướng, làm thế nào nhập cảnh giới Phật. Then chốt vẫn ở câu 'thâm giải nghĩa thú' này. Cho nên chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trong thế gian, sự nghiệp của họ là làm việc này cho hết thảy chúng sanh. Thế Tôn làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, ngài giảng kinh thuyết pháp mỗi ngày trong suốt 49 năm, giúp cho đại chúng thâm giải ý thú. Đến đời sau này mới có người xuất gia bỏ việc giảng kinh để hướng dẫn đại chúng huân tu, đây cũng là biểu hiện đại từ bi. Họ có thể giảng không? Họ có thể giảng chứ chẳng phải không. Tại sao họ bỏ việc giảng kinh để hướng dẫn đại chúng tu hành? Mục đích cũng giống vậy, là giúp đại chúng mau chóng thành tựu ngay trong đời này, đạo lý là như vậy. Ngày nay phải coi trọng cả hai việc này thì mới có hiệu quả, nếu chỉ dựa vào việc giảng kinh, không đề xướng tu hành, người ta chỉ có văn huệ, chỉ có giải ngộ. Giải ngộ không thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát ra khỏi Tam Giới; cho dù tu phước, phước đó cũng là phước báo nhân thiên, hoặc là phước báo hữu lậu trong lục đạo. Chỉ có thể cứu nỗi khổ nhất thời, chẳng thể giải thoát, do đó nhất định phải đề xướng Hành Môn. Có Giải có Hành, Giải và Hành cùng quan trọng, tu học cả Định lẫn Huệ thì chúng sanh đời Mạt pháp mới có hiệu quả. Nếu không, chỉ có Hành không có Giải, công phu tu hành lâu nếu không đạt được hiệu quả thì họ sẽ khởi tâm ngờ vực, nghi hoặc, họ sẽ thoái chuyển vì họ không hiểu nghĩa lý. Trong đạo tràng hiện nay, Giảng Đường phải kết hợp với Niệm Phật Đường thì mới tốt. Đây là điều chúng tôi đề xướng, chúng ta tận tâm tận lực đẩy mạnh, hết lòng mà làm, chúng ta nhất định sẽ đạt được quả báo như trong kinh đã nói. Xem tiếp đoạn chót:

Thị nhân nhược thị nghiệp báo mạng tận, ứng hữu nhất thiết tội chướng nghiệp chướng, hiệp đọa ác thú giả, thừa tư công đức mạng chung chi hậu, tức sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc, nhất thiết tội chướng tất giai tiêu diệt.

Còn nếu người đó nghiệp báo sanh mạng đã hết, đáng phải chịu tất cả tội chướng, nghiệp chướng, và đọa vào đường ác, song nhờ công đức này nên sau khi mạng chung liền được sanh vào cõi trời, cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu, tất cả tội chướng đều được tiêu trừ.

Cho nên y giáo phụng hành có hai loại quả báo khác nhau, một là lúc thọ mạng chưa hết có thể tiêu trừ nghiệp chướng, kéo dài phước thọ. Còn thứ nhì là lúc nghiệp báo hết rồi, những tội nghiệp mà người đó đã tạo trong đời này nhất định đọa ba đường ác. Trước lúc lâm chung nếu nghe danh hiệu Phật, Bồ Tát, thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, họ có thể sanh tâm sám hối chân thật. Chiêm lễ, phía trước đã nói rồi, trong lúc chiêm lễ sanh tâm hối hận, sanh tâm sám hối, thật sự phát tâm sửa lỗi. Nếu không thể sanh tâm sám hối thì hiệu quả của sự chiêm lễ rất yếu ớt. Vẫn phải đọa ba đường ác, trong A Lại Da Thức được trồng một hạt giống thiện mà thôi chứ chẳng thể khởi tác dụng. Nếu lúc chiêm lễ sanh tâm hối hận, sám hối thì họ có thể chuyển nghiệp ngay lúc đó, hạt giống đó lập tức nẩy mầm, họ liền có thể thoát lìa nỗi khổ trong ba đường ác, chắc chắn được quả báo nhân thiên. Làm sao biết là họ sanh cõi trời hay cõi người? Dựa trên sức mạnh của một niệm sám hối này, nếu thành tâm khẩn thiết sám hối thì sức mạnh đó rất lớn, sức mạnh ấy có thể chuyển quả báo sanh ba đường ác trở thành sanh

cõi trời. Nếu có tâm xấu hổ, sám hối nhưng không mạnh mẽ thì họ sẽ sanh cõi người. Quả báo thọ sanh đến hai cõi trời và người khác nhau rất lớn, quả báo này đều chuyển biến từ một tâm niệm. Nếu lúc lâm chung có thể nghe được pháp môn Tịnh Độ, nhất tâm khẩn thiết nguyện sanh tây phương Tịnh Độ, phước báo ấy vô cùng thù thắng. Do đó mười phương hết thảy chư Phật tán thán, hết thảy chư Phật, Bồ Tát tuyên dương pháp môn Tịnh Độ, khuyến khích hết thảy chúng sanh phát nguyện vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, việc này có đạo lý của nó, chỉ có pháp môn này mới có thể làm cho hết thảy chúng sanh được giải thoát rốt ráo. Nhưng then chốt vẫn ở tại câu *'nếu không thể khắc phục phiền não tập khí của mình thì chỉ có thể kết pháp duyên với Tịnh Độ mà thôi'*, đời này vẫn không thể thành tựu. Những người vãng sanh Tịnh Độ, kinh A Di Đà nói rất rõ ràng *'Chẳng thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên được sanh cõi ấy'*, do đó có thể biết phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên mới có thể trong đời này được vãng sanh.

Người như thế nào mới là người nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên? Điều kiện thứ nhất là được thân người, thứ hai là nghe Phật pháp, được nghe tới kinh luận Tịnh Độ, những điều này chứng minh người đó có nhiều thiện căn. Nhiều phước đức là như thế nào? Tiếp xúc Tịnh Độ, nghe tới pháp môn này liền sanh tâm hoan hỷ, có thể tin có thể phát nguyện, có thể y giáo phụng hành, đó là nhiều phước đức. Chúng ta nghe xong, nghe xong không thể tin, tin xong không thể hiểu rõ, hiểu rõ rồi nhưng không chịu làm theo, không chịu thật sự tu hành, tu hành không thể khắc phục phiền não tập khí của mình, đó là thiếu phước đức. Tuy có thiện căn, bạn có duyên đã gặp được, nhưng phước báo của bạn rất mỏng, vẫn cứ thiếu một chút, thì đời này không thể vãng sanh, phải đợi đến đời tương lai. Đời tương lai không phải là đời sau [kế tiếp đời hiện tại], không hẳn vậy. Cơ hội kế tiếp có thể phải đợi vô lượng kiếp sau, như vậy bạn mới biết chuyện này phiền phức. Cho nên gặp cơ hội này, người thông minh lập tức nắm chắc trong đời này, chứ không đợi tới lần kế tiếp; lần kế tiếp không biết phải đợi tới bao giờ mới gặp lại, tuyệt đối không phải là đời kế tiếp, đời thứ nhì, thứ ba, không phải vậy, lần kế tiếp có thể sẽ là bao nhiêu kiếp, bao nhiêu vạn ức năm bạn mới gặp được, chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Trong đời hiện tại, làm thế nào để nắm chắc cơ hội [vãng sanh]? Chẳng có gì khác ngoài việc buông xuống, thực sự phải buông xuống được. Nếu không buông nổi thì làm sao? Đại sư Ấn Quang dạy cho chúng ta một phương pháp rất hay, ngài dạy chúng ta dán một chữ Tử (chết) ở trên trán, niệm niệm đều nghĩ mình sắp chết, chết thì bạn có thể mang theo được không? Bạn còn chuyện gì không buông xuống được? Bạn hãy coi những người đã chết [trong số những người bạn quen biết], có vật gì họ có thể mang theo được không? Do đó Tổ Ấn Quang dạy người ta thường nghĩ tới việc 'chết', cứ nghĩ tôi gần chết rồi, phương pháp này hay vô cùng! Lão nhân gia làm một tấm gương cho chúng ta, trong phòng niệm Phật nhỏ của ngài, trong phòng nghỉ của ngài chỉ thờ một tượng A Di Đà Phật, phía sau tượng Phật viết một chữ Chết, giờ phút nào cũng nhắc nhở chính mình đối với danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần của thế gian chẳng tiêm nhiễm mảy may, triệt để buông xuống, nhất tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ, [nếu làm được vậy thì] chắc chắn được sanh! Tại sao người thế gian niệm Phật không thể vãng sanh? Vì không buông xuống, vẫn cứ lưu luyến [sự việc thế gian].

Chữ 'buông xuống' ở đây, quý bạn cũng đừng hiểu lầm, không phải là dạy bạn hết thảy đều buông xuống trên mặt Sự, đều không làm nữa, chỉ nhất tâm niệm Phật trong Niệm Phật Đường, nếu [muốn làm được như] vậy thì cũng phải có phước báo to lớn. Ngày nay chúng ta xuất gia, ngạn ngữ thường nói *'làm hòa thượng một ngày, đánh chuông một ngày'*, đây là nói rõ bổn phận của chính mình, chúng ta sống một ngày thì làm một ngày, tuy làm tuyệt đối không chấp trước, đó chính là buông xuống. Tuyệt đối

không lưu luyến, giữ tâm thanh tịnh, điều này rất quan trọng, chẳng nhiễm trước mảy may. Những việc hôm nay tôi nên làm, tôi đều đã làm xong, ngày mai làm nữa không? Đừng nghĩ tới nó, niệm niệm nghĩ A Di Đà Phật tới tiếp dẫn, niệm niệm mong muốn vãng sanh Cực Lạc thế giới, như vậy mới đúng. Ngày mai còn chưa vãng sanh, ngày mai làm thêm một ngày, chúng ta cũng đừng mong cầu đức Phật A Di Đà mau mau tới tiếp dẫn chúng ta, hết thảy đều tùy duyên, tùy thuận tự nhiên, hết thảy đều để cho đức Phật sắp đặt. Phật A Di Đà còn chưa tới, nghĩa là chúng ta phải làm thêm vài ngày nữa, chúng ta hãy sốt sắng, nỗ lực mà làm, niệm niệm đều tương ứng với A Di Đà Phật. Thọ mạng chưa hết thì hãy giúp thêm một số người, tận tâm tận lực giới thiệu pháp môn này cho đại chúng, hướng dẫn cho đại chúng, ngày nay việc chúng ta làm là việc này, ngoài việc này ra, hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng liên can gì với mình, như vậy mới được. Cách này tức là 'thường dán chữ Tử (Chết) trên trán mình', chẳng phải nói dán chữ Tử trên trán thì chuyện gì cũng không làm, vậy thì hoàn toàn hiểu lầm ý của tổ sư. Dán chữ Tử này trên trán nghĩa là vạn duyên buông xuống, buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, niệm niệm đều vì chúng sanh, niệm niệm vì Phật pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, chúng ta dốc hết tâm lực để làm. Xin xem đoạn kinh kế tiếp, đây là đoạn thứ ba, 'thị tiên vong thế giới', đây cũng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát, nhược vị lai thế hữu nam tử nữ nhân, hoặc nhũ bộ thời, hoặc tam tuế, ngũ tuế, thập tuế dĩ hạ vong thất phụ mẫu, nãi chí vong thất huynh đệ tỷ muội, thị nhân niên ký trưởng đại, tư ức phụ mẫu cập chư quyến thuộc bất tri lạc tại hà xứ, sanh hà thế giới, sanh hà thiên trung.

Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ nam người nữ nào, hoặc lúc còn bú mớm, hoặc lúc lên ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà chết mất cha mẹ, cho đến chết mất anh em chị em, người đó khi khôn lớn thường nhớ tưởng đến cha mẹ cùng hàng quyến thuộc, song không rõ họ lạc vào chốn nào, sanh về thế giới nào, hoặc sanh trong cõi trời nào.

Những việc này trong thế gian đều có, lúc trước thường có, hiện nay ít rồi. Người hiện nay còn có thể nghĩ tới cha mẹ, anh em chị em thật sự là chẳng nhiều, đây là vì nhân tâm và thân tình ngày càng bạc bẽo, đạo nghĩa ngày càng sa sút. Ngược lại thì hiện nay phiền não ngày càng nặng nề, tạo ác ngày càng nghiêm trọng, chỉ lo tự lợi chẳng màng kẻ khác, thậm chí không chăm sóc cho người nhà, thân quyến. Cư sĩ Lý thường nói với tôi rằng có một số người khi cha mẹ già rồi liền cho cha mẹ vô viện dưỡng lão, tháng đầu còn gởi một số tiền, viện dưỡng lão thâu nhận nuôi dưỡng người già, thí dụ lệ phí nuôi người già mỗi tháng là năm trăm đồng, tháng đầu tiên thì họ còn gởi tiền trả lệ phí. Tới tháng thứ nhì thì đợi thiệt lâu mới gởi tiền tới, tới tháng thứ ba thì thôi không gởi nữa, sau đó đi mất biệt, không tới nữa, chẳng tới thăm cha mẹ nữa. Nói thật ra người như vậy hiện nay rất nhiều, ngay cả súc sanh cũng không bằng, súc sanh còn biết nuôi cha mẹ, bạn nghĩ coi thế gian này có bi thảm hay không, người già đáng thương biết mấy! Người già chẳng có khả năng làm việc, sức lực suy yếu, để dành được chút ít tiền cũng bị con cái tìm đủ mọi cách để cướp giựt, tới già có nhiều người phải nhờ chính phủ trợ giúp, có người phải nhờ xã hội cứu trợ, bi thảm biết mấy! Đây là chuyện mà nơi đâu, bất cứ lúc nào cũng có thể thấy được.

Những người già chẳng có ai nuôi dưỡng phải nương nhờ vào sự cứu trợ của những người có lòng từ trong xã hội. Những cơ quan làm việc từ thiện xã hội này có thật mà cũng có giả nữa. Thật thì đương nhiên là việc tích lũy công đức, quả báo thù

thắng. Nhưng cũng có giả, giả là vì họ mượn danh nghĩa làm việc từ thiện xã hội để mong cầu danh lợi cho mình, dùng danh nghĩa làm việc từ thiện rồi đi khắp nơi quyên tiền, phân nửa tiền quyên được họ bỏ vô túi để tự hưởng thụ, còn phân nửa còn lại mới dùng để chăm sóc cho người già. Người xưa có một câu nói rất khó nghe *'từ thiện gia, từ thiện khởi gia' (người làm việc từ thiện, dùng việc từ thiện để xây dựng sự nghiệp của mình)*, câu sau là nói họ làm việc từ thiện, họ làm sao làm giàu? Nhờ đi quyên tiền, nhờ làm việc này mà xây dựng sự nghiệp. Trước mắt hiện giờ thì họ có chút hưởng thụ, quả báo sau này đều ở trong ba đường ác, vì họ không làm tròn trách nhiệm của người làm việc từ thiện. Thật sự làm việc từ thiện, cơ cấu làm việc từ thiện này rất lớn, chăm sóc cho người già phải dùng nhiều nhân công, chắc chắn phải có phí tổn cần thiết, trừ những phí tổn nhất định cần thiết này ra, những tài khoản còn lại đều phải dùng để cúng dường cho người già, như vậy mới đúng.

Chúng tôi có tham quan một làng của những người về hưu ở Úc Châu, làng này do tư nhân kinh doanh, chuyên môn chăm sóc người già, có thâu lệ phí. Chúng tôi đi quan sát, tìm hiểu, lệ phí của họ rất hợp lý, trong lệ phí đó gồm có lệ phí phục vụ, lệ phí phục vụ là gì? Là tiền trả lương cho những người làm công ở đó. Thâu bao nhiêu? Năm phần trăm. Người già cư trú ở đó phải đóng lệ phí, mỗi tuần 170 đồng là lệ phí sanh hoạt của họ, bao gồm tiền quét dọn và những lệ phí khác, tổng cộng là 170 đồng. Dùng năm phần trăm của 170 đồng để trả lương cho những người làm công, như vậy rất hợp lý. Cho nên tôi rất kính trọng họ, việc họ làm thật sự là sự nghiệp từ thiện. Họ chỉ nhận lấy một phần lương bổng rất thấp, chỉ tạm đủ sống, cống hiến tinh thần, khả năng của mình cho làng của người về hưu này, dốc hết tâm lực để chăm sóc cho những người già về hưu này; không thể nói chỉ chăm sóc cho người ta rồi mình không đủ tiền sinh sống, như vậy cũng không được, họ cũng phải lo cho đời sống của họ, cho nên họ cũng nhận tiền công một cách hợp lý, vậy là đúng như pháp. Những sự nghiệp từ thiện theo phương thức như vậy rất đáng cho chúng ta khen ngợi, đáng cho chúng ta giới thiệu và khuếch trương. Nếu không phải là cơ quan từ thiện chăm sóc cho người già, mà [dùng chiêu bài của cơ quan từ thiện] để quyên tiền thì làm vậy là tạo tội nghiệp.

Xã hội ngày nay vô cùng phức tạp, trong đó chư Phật, Bồ Tát đem lại lợi ích cho chúng sanh, cũng có yêu ma quỷ quái mượn danh nghĩa từ thiện để tìm cầu danh lợi cho mình, gây tổn hại cho chúng sanh. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải có khả năng phân biệt, do đó thế gian hiện nay vô cùng bi thảm đáng thương. Cũng còn người có đạo nghĩa, tâm địa vẫn còn đôn hậu chứ không phải chẳng có, nhưng càng ngày càng ít. Những người biết tri ân báo ân, kinh này nói tới những người này. Trong kinh đặc biệt nói 'đời vị lai', chẳng nói hiện tại mà nói đời vị lai. *'Có người nam, người nữ, hoặc lúc bú mớm'*, lúc đó là lúc nhỏ xíu, lúc còn bú đã bất hạnh sanh ra đúng lúc cha, mẹ, hoặc anh em qua đời. Hoặc lúc 'ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống', lúc đó người thân đã qua đời, lớn lên nhớ không rõ, trí nhớ rất mơ hồ. Hiện nay rất thuận tiện, hiện nay có thể chụp hình, hình màu, lại có thể thâu hình, cho nên tuy lúc còn nhỏ cha mẹ qua đời, nếu người nhà giữ được những hình ảnh, những cuộn phim này, lúc lớn lên họ vẫn có thể nhìn thấy hình dáng người đã khuất. Nếu có thể thâu âm, âm thanh và hình dáng đều có thể thâu lại thì tiện lợi hơn đời xưa quá nhiều. Khi coi tới những đoạn kinh này, chúng ta phải biết, những băng thâu hình, thâu âm đời sống gia đình, đặc biệt là sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ đối với con cái lúc còn nhỏ, [những việc này] rất tốt! Đợi tới lúc người đó lớn lên quên mất hình dáng của cha mẹ, đem ra chiếu cho họ coi và nói: 'Hồi nhỏ cha mẹ họ đã chăm sóc họ như thế nào', nhắc họ biết hiếu đạo, ngày nay họ phải dùng thái độ như thế nào để đối xử với cha mẹ?

Chúng ta đọc kinh phải hiểu đạo lý này, cách làm này. Kinh Địa Tạng dạy họ cách suy tư, suy nghĩ thì sẽ biết tình trạng của người nhà, thân quyến sau khi mất, họ

phải có trí huệ, suy nghĩ nhiều rồi cũng có thể hiểu được. Hành trì cả đời của cha mẹ lúc còn sống, thiện nhân chắc chắn sẽ cảm thiện quả, ác nhân chắc chắn sẽ được ác báo, nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai. Ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển vô cùng thuận tiện, mỗi gia đình đều có thể thu hình cuộc sống của mình. Ngày xưa chẳng có những công cụ khoa học này, người tới tuổi già thường tưởng nhớ tới cha mẹ mình, tưởng nhớ tới người nhà thân quyến, chẳng biết họ sanh tới cõi nào, ở thế giới nào? Sanh tới cõi trời nào? Người có ý tưởng như vậy đa số đều là người học Phật, đều là những tín đồ có tín ngưỡng tôn giáo nhiệt thành, thì họ mới nghĩ tưởng như vậy. Người chẳng tin tôn giáo sẽ chẳng nghĩ tới việc người nhà thân quyến thác sanh tới cõi nào? Sanh cõi trời nào? Họ sẽ chẳng nghĩ tới việc này. Chỉ có người có tín ngưỡng tôn giáo mới nghĩ như vậy. Ở ngoại quốc những người có tín ngưỡng tôn giáo đều coi trọng, lúc trước tôi đã cư trú ở Mỹ rất lâu, bậc tiểu học ở Mỹ đã coi trọng tín ngưỡng tôn giáo rồi, thầy giáo khuyên học trò lựa chọn một tôn giáo; nếu học trò không có tín ngưỡng tôn giáo thì thầy sẽ cho rằng học trò là học sinh có vấn đề. Nếu học trò có tín ngưỡng tôn giáo, bất luận là tín ngưỡng tôn giáo nào, thầy giáo đều rất vui vẻ, tôn trọng, ái hộ, giúp đỡ học trò. Người ngoại quốc vô cùng coi trọng tín ngưỡng [vì] tôn giáo có thể duy trì phẩm đức của con người, họ có thể kính thần, đọc kinh thì tư tưởng hành vi tự nhiên sẽ dè dặt, không dám làm chuyện bậy bạ, họ coi đó là giáo dục đạo đức. Ngược lại người đông phương thời nay lại sơ sót trong việc này. Chúng ta đọc đoạn kinh tiếp theo:

Thị nhân nhược năng tố họa Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, nãi chí văn danh, nhất chiêm nhất lễ, nhất nhật chí thất nhật, mạc thoái sơ tâm văn danh kiến hình chiêm lễ cúng dường.

Nếu người đó có thể đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, thậm chí nghe danh hiệu, một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, từ một ngày cho đến bảy ngày đừng thoái thất tâm nguyện ban đầu mà nghe danh hiệu, ngắm hình tượng, chiêm lễ, cúng dường.

Đây là phương pháp đức Thế Tôn dạy chúng ta tu hành, bạn muốn biết sau khi mất người nhà thân quyến sanh tới cõi nào, thế giới nào, [dùng phương pháp này] có thể thỏa mãn nguyện vọng của bạn, Phật dạy bạn phương pháp tu hành. Câu quan trọng trong phương pháp này tức là 'đừng thoái thất tâm ban đầu', bốn chữ 'mạc thoái sơ tâm'. Phương pháp tu hành có mấy loại, *'đắp vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát'* là một loại, *'nghe danh chiêm lễ'* là loại thứ nhì; nói cách khác pháp môn rất nhiều, chỉ nêu ra một hai mà thôi. Quan trọng nhất là *'một ngày tới bảy ngày, đừng thoái tâm ban đầu, nghe danh thấy hình tượng, chiêm lễ cúng dường'*, lập lại thêm lần nữa. Việc này trong sách xưa của Trung Quốc có ghi chép rất nhiều, người Trung Quốc coi trọng hiếu đạo, đề xướng giáo dục hiếu kính, do đó căn bản giáo dục Trung Quốc chính là dạy hiếu, dạy kính. Tư tưởng của nền giáo học này từ xưa tới cuối đời nhà Thanh chẳng hề thay đổi, có thể nói tông chỉ của nền giáo dục ở Trung Quốc là hiếu kính. Hiếu Kính được thực hiện trong việc cúng tế, cho nên trong đời sống của dân chúng đời xưa, cúng tế là một vấn đề quan trọng nhất trong cuộc sống.

Chúng ta đọc Cổ Lễ, trong đó quan trọng nhất, trong sáu lễ, thứ nhất là Tế Lễ, Tế Lễ cũng gọi là Cát Lễ, chữ Cát ở đây là chữ Cát trong từ ngữ "cát tường" (tốt lành), Cát Lễ tức là Tế Lễ, cúng tế. Đối tượng cúng tế của người Trung Quốc là cúng tổ tiên, kinh điển nhà Phật gọi là quỷ thần, quỷ thần là tổ tiên, chẳng phải là ai khác, là tế tổ tiên. Nếu không phải là tổ tiên của mình mà bạn cúng tế thì là nịnh hót, nịnh nọt, chẳng liên can gì tới bạn thì bạn nịnh hót họ làm gì? Cúng tế tổ tiên là việc đáng làm, là việc đương nhiên. Cúng tế quan trọng nhất là 'cúng thần như thần hiện diện ở đó', là ý nghĩa

nói trong đoạn này. Người chủ trì việc cúng tế gọi là 'tế công', tức là người trai giới tế lễ, chủ trì việc cúng tế. Chữ 'trai' nghĩa là gì? Trai giới. Ba ngày trước khi cúng tế, người chủ trì phải trai giới. Trai nghĩa là gì? Trai nghĩa là tu tâm thanh tịnh, dùng cách nói hiện nay của chúng ta, người chủ lễ phải bế quan ba ngày, trịnh trọng như vậy. Ba ngày này không tiếp khách, buông bỏ hết thảy sự việc. Ba ngày này ở trong một căn phòng nhỏ, ăn uống có người trông nom, cung cấp, cũng giống như bế quan vậy. Trong ba ngày này họ làm gì? Suy nghĩ, vì người đó cúng tế cha mẹ tổ tiên của mình, người đó nghĩ về đời sống của cha mẹ tổ tiên lúc còn sanh tiền, nhà Phật chúng ta gọi là quán tưởng, phải nghĩ tưởng để mời họ đến, được vậy thì tế lễ mới có cảm ứng. Trong ba ngày ba đêm tưởng nhớ tới âm thanh, dung mạo, nhất cử nhất động của tổ tiên lúc còn sống, đó gọi là tưởng nhớ. Do đó lúc cúng tế phảng phất nghe đến âm thanh, phảng phất nhìn thấy hình tướng thì buổi tế lễ đó mới có hiệu quả. Đâu giống như tế lễ bây giờ, đều dùng tâm loạn xạ, ngay cả khái niệm căn bản cũng không có, chỉ tới đó cúi xuống vái một hai lần cho có rồi thôi, chẳng có một chút thành ý gì hết, hoàn toàn chỉ làm lấy có thì làm sao có cảm ứng!

Phật pháp còn coi trọng việc tế lễ này hơn người Trung Quốc, bảy ngày bảy đêm, một ngày tới bảy ngày, người Trung Quốc chỉ tế lễ ba ngày, còn Phật pháp nói bảy ngày. Do đó *'Đừng thoái tâm ban đầu, nghe danh thấy hình, chiêm lễ cúng dường',* cúng dường là tịnh tâm cúng dường, chẳng đặt nặng ở những phẩm vật, tâm cung kính tức là cúng dường. Dùng cách bình thường của chúng ta mà nói, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là cúng dường. Do đó có thể biết, cúng dường chẳng phải là cúng những phẩm vật này, chẳng đặt nặng ở chỗ này, hình thức không quan trọng. Trên hình thức thì tận tâm tận lực làm, chẳng cần phải cầu kỳ, chẳng quá đáng, chỉ tùy phần tùy sức, tượng trưng cho tâm tôn kính, ý chân thành của chúng ta. Thật ra nếu hoàn cảnh gia đình rất thanh bần, rất nghèo túng thì cúng một ly nước là đủ rồi, tâm thành kính của chúng ta cũng có thể biểu đạt được. Nếu nhất định phải làm cho đẹp đẽ, làm ra vẻ long trọng, đi muợn tiền để mua những phẩm vật ấy thì sai rồi, tổ tiên của bạn nhất định chẳng hy vọng bạn mắc nợ, nếu chúng ta mắc nợ để cúng dường thì là chẳng cung kính, đó là đại bất kính. Tại sao vậy? Cha mẹ, tổ tiên của bạn thấy vậy sẽ lo lắng, bạn mắc nợ như vậy thì tương lai làm sao trả đây? Không mắc nợ thì khoẻ khoắn, tùy khả năng của mình mà cúng dường, viên mãn rốt ráo, chúng ta phải hiểu đạo lý này, đặc biệt trong Phật pháp rất chú trọng vấn đề này. Trong hết thảy sự cúng dường, pháp cúng dường là tốt nhất, trong pháp cúng dường thì y giáo tu hành cúng dường là quý nhất, nghĩ tới lời dạy của cha mẹ tổ tiên là gì? Chúng ta có làm được chưa? Chúng ta học Phật, lời dạy của Phật, Bồ Tát chúng ta có hiểu không, có ghi nhớ không, có làm theo hay không? Đó mới là cúng dường thật sự.

'Văn danh kiến hình' đều là nhắc nhở, nghe đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, nghĩ tới những lời dạy trong kinh này, không phải chỉ nói danh hiệu này mà thôi, trong danh hiệu còn có ý nghĩa, trong ý nghĩa có Lý có Hạnh, đây chính là điều Phật pháp Đại Thừa thường nói *'một tức là hết thảy' (nhất tức nhất thiết)*, một danh hiệu có thể bao gồm hết thảy Phật pháp vào trong đó. Không chỉ là Đại Phương Quảng, danh hiệu A Di Đà Phật bao gồm hết thảy mà danh hiệu của bất cứ một vị Phật, Bồ Tát nào cũng bao gồm hết thảy, cho nên 'nhất' chẳng phải là 'một' nhất định nào, 'nhất' là bất cứ 'nhất' nào. Không những là Phật pháp, thế pháp cũng không ngoại lệ, có pháp nào không bao dung hết thảy pháp? Pháp pháp đều viên dung, như vậy mới nói tới chỗ chân thật, chỗ cứu cánh. Như vậy chúng ta mới biết như thế nào là tu kính. Ngày nay Niệm Phật Đường chúng ta chính là tu pháp môn này. Quan trọng nhất là không thoái thất tâm ban đầu, tâm ban đầu rất quý, người xưa thường nói *'sơ phát tâm, thành Phật còn có dư'*, nhưng tại sao nhiều người đều không thành công? Vì họ chẳng giữ nổi tâm ban đầu,

tâm ban đầu là chân tâm, lâu rồi thì họ sẽ mệt mỏi, sẽ giải đãi, sẽ chán ghét, tâm [ban đầu ấy sẽ] thay đổi. Dù có tu đều là trên hình thức, cái tâm chân thành đó chẳng còn nữa, nên chẳng đạt được hiệu quả. Cúng dường ở đây chúng ta phải hiểu là *'cúng dường bằng cách tu hành y như lời dạy'*. Xin xem tiếp đoạn sau, đoạn sau nói về quả báo:

Thị nhân quyến thuộc, giả nhân nghiệp cố đọa ác thú giả, kế đương kiếp số.

Thì quyến thuộc của người đó nếu do ác nghiệp mà bị đọa vào đường ác lẽ ra phải chịu đến nhiều số kiếp.

'Thị nhân' tức là người đã khuất, 'giả nhân nghiệp cố', 'nghiệp' là nghiệp báo mà họ đã tạo trong đời quá khứ, họ đã tạo ác nghiệp. Tạo ác nghiệp thì nhất định sẽ đọa cõi ác, chữ 'ác thú' là ba đường ác, thời gian đọa ác thú rất dài.

Thừa tư nam nữ huynh đệ tỷ muội, tố họa Địa Tạng hình tượng, chiêm lễ công đức, tầm tức giải thoát.

Nay nhờ công đức đắp vẽ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và chiêm lễ của con cái, anh em chị em, nên liền được giải thoát

Người nhà quyến thuộc của họ thường thường nghĩ nhớ họ, thường có thể y giáo phụng hành, hồi hướng công đức này cho họ thì họ sẽ được lợi ích, có thể nhờ đó mà thoát ra khỏi tam ác đạo. Kinh này cũng nói lúc bình thường chúng ta, đặc biệt là người học Phật, mộng thấy người nhà, mộng thấy cha mẹ hoặc thân quyến đã mất, họ tới tìm mình để làm gì? Họ nhờ bạn giúp đỡ. Sau khi bạn tỉnh dậy, tốt nhất là bạn tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho họ, lý do họ tới là như vậy. Người thế gian, người không học Phật, nằm mộng thấy như vậy thì làm sao? Đốt giấy tiền vàng bạc cho người mất, vì họ cần giúp đỡ. Hơn phân nửa những người đã khuất mà bạn mộng thấy đều ở cõi ngạ quỷ, nếu ở cõi súc sanh và cõi người thì họ sẽ không tìm bạn, chúng sanh ở cõi địa ngục không có khả năng thoát ra khỏi địa ngục, do đó hơn phân nửa những người đến tìm bạn đều ở cõi ngạ quỷ.

Lúc tôi vừa học Phật, tôi có một người bạn làm chung sở, cả nhà họ đều tin Cơ Đốc Giáo. Vợ của ông này chết đi, người hàng xóm cũng là người làm chung sở và là một người học Phật, họ thường tiếp xúc nên chúng tôi rất thân. Vợ người bạn học Phật này nằm mộng liên tiếp ba lần trong một tuần, mộng thấy vợ người bạn tin Cơ Đốc Giáo đến xin tiền. Vì trong mộng bà ấy cũng quên là người kia đã khuất nên bà nói: 'Nếu cần tiền, chị nên xin chồng chị chứ sao lại xin tôi'. Bà kia nói 'Chồng tôi không có tiền, xin chị giúp đỡ'. Bà này kể chuyện nằm mộng cho tôi nghe, tôi nói: 'Họ tin Cơ Đốc Giáo nên không đốt giấy tiền vàng bạc, nên bà ấy không có tiền. Bà ấy đến tìm bà để làm gì? Là để xin tiền, bà hãy đốt chút giấy tiền cho bà ấy'. Sau khi đốt giấy tiền vàng bạc cho bà ấy thì chẳng nằm mộng thấy bà ấy lại nữa. Đây đều là chân tướng sự thật, do đó ở cõi ngạ quỷ, đốt giấy tiền vàng bạc cũng khá hữu dụng.

Chúng ta học Phật nên biết tốt nhất là tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho họ, làm vậy rất có hiệu quả. Thí dụ nếu nằm mộng thấy họ thì bạn hãy tụng một cuốn kinh Địa Tạng, hoặc niệm ba cuốn, hoặc niệm một vạn danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hồi hướng cho họ, định số để hồi hướng cho họ. Họ đến tìm bạn, bạn giúp như vậy đích thật có thể giúp họ thoát khổ. Bạn tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho họ, họ được lợi ích bao nhiêu thì phải coi bạn tụng niệm có thành tâm hay không, tâm bạn càng kiền thành, càng thanh tịnh thì phước họ được càng lớn. Nếu bạn tụng kinh, niệm Phật có

xen tạp, dùng tâm tạp loạn mà niệm thì họ sẽ được lợi ích rất nhỏ. Do đó càng cung kính, càng thành tâm thì phước càng lớn, phước mình tu được cũng lớn, trong kinh nói chúng ta được sáu phần bảy, họ được một phần bảy.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây.

Tập 46 (Số 14-12-46)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển hạ, trang 65, xin xem kinh văn:

Sanh nhân thiên trung thọ thắng diệu lạc, thị nhân quyến thuộc như hữu phước lực, dĩ sanh nhân thiên thọ thắng diệu lạc giả, tức thừa tư công đức, chuyển tăng thánh nhân thọ vô lượng lạc.

Sanh trong cõi trời cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu. Nếu quyến thuộc của người đó có phước lực, đã được sanh vào cõi trời, cõi người và hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu rồi, thì sẽ nhờ công đức này mà nhân Thánh tăng trưởng, hưởng vô lượng sự vui.

Trong Chú Giải vừa mở đầu liền nói *'đã sanh vào cõi thiện, tăng ích công huân, chưa thoát khổ luân, sớm sanh Tịnh Độ'*, giống như ý nghĩa của đoạn kinh này. Đây là nói rõ nếu quyến thuộc trong nhà lúc còn sống làm việc thiện, tu phước, đời sau còn được thân người. Nếu sức mạnh của thiện hạnh, phước đức ấy rất lớn thì họ có thể sanh lên trời hưởng phước cõi trời. Quyến thuộc vì người đó cúng dường hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, tu học noi theo phương pháp dạy trong kinh điển, để siêu độ cho họ, vun bồi phước đức cho họ, họ có thể thành tựu công đức như vậy. Kinh này nói rất rõ ràng *'Quyến thuộc người đó, nếu có phước lực'*, làm theo phương pháp này là tu phước, tu học như vậy họ có thể được lợi ích hay không? Có thể được lợi ích, tăng thêm phước báo của họ. Ở đây nói 'Nhờ vào công đức đó chuyển tăng nhân Thánh', nhân Thánh là cơ duyên gặp Phật pháp, trong lúc họ thọ phước báo cõi người hoặc cõi trời họ có duyên gặp Phật pháp, đương nhiên chúng ta có thể thấy việc này là do oai thần của Địa Tạng Bồ Tát gia trì làm cho họ có thể tiếp nhận Phật pháp, tín ngưỡng và hiểu rõ Phật pháp, y giáo tu hành, được vậy thì quả báo của họ sẽ rất thù thắng, 'thọ vô lượng niềm vui'. 'Vô lượng niềm vui' là một tiêu chuẩn, đến lúc nào mới thật sự được vô lượng niềm vui? Tổng quy về pháp môn Tịnh Độ mới thật sự được vô lượng niềm vui, vả lại trong thời gian rất ngắn liền có thể đạt được, cổ đức thường nói 'Phật pháp thành tựu ngay trong đời này', chẳng cần phải đợi tới đời sau.

Do đó có thể biết, pháp môn này thật sự đúng như Thiện Đạo đại sư đã dạy, ngài nói *'chín phẩm vãng sanh đều do gặp duyên chẳng giống nhau'*. Từ lời dạy của ngài chúng ta có thể hiểu được sau khi con người chết đi thác sanh vào cõi nào cũng là do gặp duyên khác nhau, quý bạn nghĩ coi đúng không? Trong đời này nếu chúng ta gặp ác duyên, hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất đều không tốt, trong tâm phiền muộn, bồn chồn, thường khởi tham sân si mạn thì sẽ đọa tam ác đạo. Tại sao đọa tam ác đạo? Vì gặp duyên chẳng giống nhau. Nếu trong đời này bạn gặp được thiện tri thức, gia đình êm ấm, học trường tốt, gặp thầy giáo tốt, bạn bè tốt thì bạn nhất định có tâm thiện, hành vi thiện, bạn nhất định sẽ ở trong tam thiện đạo, do vậy mới biết 'duyên' rất quan trọng. Trong Phật pháp gọi là duyên, hiện nay người trong thế gian gọi là cơ hội, tuy ngôn từ khác nhau nhưng ý nghĩa đều giống nhau. Do đó trong sách xưa chúng ta đọc thấy chuyện 'Mẹ ngài Mạnh Tử ba lần dời chỗ ở', việc này rất có đạo lý. Mẹ ngài Mạnh Tử dọn nhà ba lần, chư vị nên biết hiện nay dọn nhà rất bình thường, nhất là ở ngoại quốc, dân tộc du mục thường xuyên dọn nhà, còn Trung Quốc thời xưa dọn nhà chẳng dễ, [phần đông người ta] đều cư trú mãi ở một địa phương, bao nhiêu

đời cũng ở một chỗ, ở trong ngôi nhà xưa, làm gì có việc thường thường dọn nhà? Tại sao mẹ Mạnh Tử phải dọn nhà ba lần? Đều vì con cái, vì hoàn cảnh sinh hoạt của con nhỏ, nơi đó duyên không tốt thì phải dọn nhà, chọn lựa nơi nào người hàng xóm đều là người thiện, người tốt, để cho con nhỏ sinh hoạt trong hoàn cảnh tốt đẹp, từ nhỏ đứa con có thể huân tập những sự tốt lành. Lý do Mạnh Tử có thể trở thành thánh nhân là nhờ được mẹ dạy dỗ, được mẹ săn sóc chu đáo. Hiện nay chúng ta thấy rất nhiều gia đình con cái chẳng thuận thảo, con cái chẳng nghe lời, nguyên nhân là gì? Con cái tiếp xúc với những đám bạn xấu, hoàn cảnh sinh sống không tốt, nguyên nhân này rất lớn.

Đời này chúng ta học Phật, nếu muốn thành tựu thì chúng ta phải chọn một hoàn cảnh tốt đẹp [thuận tiện] cho sự học Phật. Đây cũng là lý do chúng tôi muốn xây làng Di Đà, xây Niệm Phật Đường, chẳng qua là muốn tạo dựng một hoàn cảnh tu hành tốt đẹp. Mọi người đều biết tây phương Cực Lạc thế giới, tại sao [những người ở đó] có thể thành tựu nhanh chóng? Vì hoàn cảnh tu học tốt đẹp, cõi nước chư Phật ở mười phương cũng không thể so sánh với thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là nơi 'chư thượng thiện nhân tụ hợp tại một chỗ', bạn nói hoàn cảnh này tốt biết mấy? Cổ đại đức giải thích chữ 'thượng thiện', 'thượng thiện' là chỉ những người nào? Là chỉ Đẳng Giác Bồ Tát. Thập Địa Bồ Tát đã rất 'thiện', còn thêm chữ 'thượng', 'thượng thiện' là Đẳng Giác Bồ Tát. Do đó có thể biết Bồ Tát ở tây phương Cực Lạc thế giới đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Ở trong hoàn cảnh này tu học thì làm sao bạn không thành Phật cho được? Đây là nơi mười phương cõi nước chư Phật cũng không thể sánh bằng, đạo lý là như vậy. Khi chúng ta chọn hoàn cảnh tu học, tại sao lại chọn thế giới Cực Lạc? Tại sao chư Phật Như Lai đều khuyên chúng ta chọn thế giới Cực Lạc? Đạo lý là như vậy. Hoàn cảnh tu học ở mười phương cõi nước chư Phật tuy là tốt, nhưng làm sao tìm được nhiều Đẳng Giác Bồ Tát ở chung một chỗ như vậy, không thể nào tìm được. Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều có, vả lại tu học đều thành tựu theo thứ lớp, phải từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng dần dần nâng cao lên. Cho dù tây phương Cực Lạc thế giới hạ hạ phẩm vãng sanh, khi sanh tới đó 'đều làm A Duy Việt Chí Bồ Tát', đây là lời đức Phật A Di Đà nói trong bốn mươi tám lời nguyện của ngài. Câu này là bổn nguyện công đức của Phật A Di Đà, nguyện của ngài đều đã thành hiện thực, ngài đã thành Phật. Sanh tới tây phương Cực Lạc thế giới liền làm A Duy Việt Chí Bồ Tát, đây là pháp khó tin, ai tin nổi việc này? Đây là lời đức Phật nói. Phật chẳng thể nào vọng ngữ, lời Phật nói tuyệt đối là chân thật, chúng ta phải nên tin sâu chẳng nghi, cho nên chúng ta phải lựa chọn hoàn cảnh tu học [tốt đẹp nhất ở cõi Cực Lạc]. Câu này tuy không nói rõ nhưng đã bao gồm ý nghĩa *'chuyển tăng nhân thánh, thọ nhận vô lượng niềm vui'* trong đó. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị nhân cánh năng tam thất nhật trung, nhất tâm chiêm lễ Địa Tạng hình tượng, niệm kỳ danh tự, mãn ư vạn biến, đương đắc Bồ Tát hiện vô biên thân, cụ cáo thị nhân quyến thuộc sanh giới.

Nếu người đó lại có thể trong hai mươi mốt ngày nhất tâm chiêm lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và niệm danh hiệu của Ngài đủ một vạn biến, thì sẽ được Bồ Tát hiện thân vô biên, nói cho người đó cõi giới mà quyến thuộc của họ đã sanh về.

Phía trước nói thời gian tu hành là một ngày cho tới bảy ngày, chẳng thoái tâm ban đầu. Chỗ này tăng thêm một bậc 'có thể trong vòng ba tuần', chữ quan trọng then chốt nhất trong sự tu hành là ở chỗ 'nhất tâm', hai chữ này rất quan trọng! Nếu là loạn tâm, tạp tâm thì hiệu quả sẽ không được vậy, chỉ có thể được một chút phước báo, do đó trong kinh nói nhất tâm, nhất lễ, nhất chiêm, chữ này rất quan trọng. Ở đây nói rõ

hơn đoạn trước, *'nhất tâm chiêm lễ hình tượng Địa Tạng, niệm danh hiệu ngài, đủ một vạn lần'*. Chữ 'vạn' ở đây không phải là con số, chữ này tiêu biểu ý viên mãn, rốt ráo. Viên mãn nghĩa là trong ba tuần, 21 ngày bạn dốc hết sức niệm, thật ra nói niệm cũng chẳng phải là niệm bao nhiêu danh hiệu, quan trọng là niệm được tương ứng, vậy mới quan trọng! Niệm được nhiều nhưng nếu không tương ứng thì cũng như người xưa nói *'Hét bể cổ họng cũng uổng công!'* Do đó quan trọng nhất là phải tương ứng, *'một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật'*, quan trọng là ở chỗ tương ứng. Như thế nào mới là tương ứng? Lúc niệm Địa Tạng Bồ Tát, tâm là tâm của Địa Tạng Bồ Tát. Tâm Địa Tạng Bồ Tát là tâm gì? Độ thoát hết thảy chúng sanh khổ nạn trong pháp giới, hiếu kính hết thảy chúng sanh trong pháp giới, đó là tâm Địa Tạng.

Tâm chúng ta tương ứng với tâm của Địa Tạng Bồ Tát, hạnh cũng phải tương ứng. Hạnh là hành vi, thật sự là cống hiến thân tâm để phục vụ hết thảy chúng sanh, tạo tăng thượng duyên cho mọi chúng sanh được độ, đó là hạnh. Tùy lúc tùy chỗ tận tâm tận lực khuyến hóa hết thảy chúng sanh, giúp cho hết thảy chúng sanh hiểu rõ trạng huống trong thập pháp giới, đặc biệt là trong sáu nẻo luân hồi. Chúng ta phải nói cho họ biết rõ tình huống trong sáu nẻo luân hồi, để họ biết lựa chọn. Không những phải nói cho họ nghe, mà còn phải làm khuôn mẫu cho họ thấy, giúp họ giác ngộ. Nếu bạn chỉ nói mà làm không nổi, người ta nghe cũng không tin. Bạn phải làm cho bằng được thì người ta nhìn thấy mới có thể tiếp nhận, tin tưởng, học tập, đó là hạnh tương ứng. 'Tâm hạnh tương ứng' thì gọi là 'niệm', nhất tâm xưng niệm, do đó chư Phật, Bồ Tát chẳng có niệm thứ nhì, chỉ có [một niệm] là giúp đỡ chúng sanh, đây là điều chúng ta phải nên học tập. Nhất tâm, chân thành tới mức cùng cực, người xưa có câu 'thành thì linh', linh nghĩa là cảm ứng, chân thành tới cùng cực thì cảm ứng vô cùng rõ ràng, cho nên bạn có thể cảm ứng được Địa Tạng Bồ Tát hiện thân, nói cho bạn biết thân quyến của bạn hiện nay sanh tới cõi nào, không phải bạn đang quan tâm tới họ sao? Vì quan tâm muốn biết thân quyến ở nơi nào, bạn mới nhất tâm tu học pháp môn này, Bồ Tát chẳng làm bạn thất vọng, ngài sẽ hiện thân thuyết pháp cho bạn.

Nhất tâm, trong Chú Giải có nói về Sự Nhất Tâm và Lý Nhất Tâm, bạn có thể chuyên tâm lễ lạy, lễ lạy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, chuyên tâm niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, đó là Sự Nhất Tâm. Đó cũng là nguyên tắc mà chúng ta thường nói *'không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn'*. Đoạn sau nói 'khế nhập như hư không vô biên', đây là Lý Nhất Tâm. Đây là nói tương ứng với Chân Như tự tánh là Lý Nhất Tâm, hoặc nói tương ứng với Nhất Chân thì là Lý Nhất Tâm. Chân tâm chính là pháp giới, chính là Chân Như, chính là tự tánh. Tâm tánh rộng lớn như hư không, chẳng có biên giới, khế nhập cảnh giới này là đã siêu việt thập pháp giới. Thập pháp giới còn có biên giới, còn có phạm vi, do đó siêu việt thập pháp giới là Lý Nhất Tâm. Cảnh giới này rất khó hiểu, chẳng dễ gì đạt được. Trong những kinh thông thường đức Phật nói để chúng ta hiểu được, phải niệm tới lúc phiền não dứt hết, phá được Phiền Não Chướng, phá luôn Sở Tri Chướng, đó là Lý Nhất Tâm. Phiền não chướng rất rộng, [bao gồm] Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não. Trần Sa và Vô Minh thuộc về Sở Tri Chướng, Kiến Tư là Phiền Não Chướng. Chư vị cũng hiểu rất rõ ràng, chúng ta có khả năng đoạn dứt hay không? Khởi tâm động niệm vẫn còn nhân ngã thị phi, chúng ta bị phiền não trói buộc chẳng có khả năng dứt trừ. Nhưng chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đều cho chúng ta biết phiền não đều là hư vọng, chẳng phải thật. Đã là hư vọng thì nhất định có thể dứt trừ. Tự tánh chân tâm là sẵn có, vì là sẵn có nên nhất định có thể chứng được. Làm sao dứt trừ phiền não, chứng được Chân Như đều ở trong vòng một niệm, một niệm này nhất định phải do chính người đó hạ công phu, ai cũng chẳng thể giúp được. Do đó những gì đức Phật có thể giúp cho chúng ta chỉ là nói rõ ràng những chân

tướng sự thật này cho chúng ta biết, dạy rõ những kinh nghiệm phương pháp mà ngài đã dùng để dứt trừ phiền não, chứng nhập tự tánh cho chúng ta tham khảo, ngài chỉ có thể làm tới mức này, còn những chuyện khác thì ngài không thể giúp được.

Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, đây là lời chân thật. Người thật sự có thể giúp chúng ta là chính mình, đúng như câu nói *'tự mình ngộ, tự mình tu, tự mình chứng'*, chẳng kêu bạn phải nương nhờ người khác. Chúng ta nghe Phật, Bồ Tát, nghe tổ sư đại đức giảng kinh thuyết pháp, tự mình giác ngộ rồi, sau khi giác ngộ thì chính mình sẽ chịu tu, tu cái gì? Tu chỉnh hết thảy sự sai lầm. Bấy lâu nay khi đối người, đối sự, đối vật chúng ta nghĩ sai, thấy sai, nói sai, làm sai nên mới tạo nghiệp, sai lầm tức là tạo nghiệp, chiêu cảm khổ báo trong tam đồ lục đạo, đó là phàm phu. Đúng là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, những gì chúng ta làm đều là như vậy. Trong đời này chúng ta gặp nhân duyên thù thắng, hiếm có, khó gặp, có thật sự hiểu rõ thì chúng ta mới sanh lòng cảm ân, mới biết tri ân báo ân. Ân đức của Phật pháp đối với chúng ta quá lớn! Nếu đời này không gặp được, bạn làm sao có cơ hội thoát ly luân hồi? Chẳng có cơ hội, chắc chắn bạn sẽ tạo nghiệp tiếp tục. Cho nên có duyên gặp được [Phật pháp] mới tỉnh ngộ, sau khi tỉnh ngộ thì phải chân tu, tu cái gì? Tuyệt đối không tạo nghiệp. Không những không tạo ác nghiệp, nói với chư vị biết, thiện nghiệp cũng không tạo luôn. Mọi người phải hiểu câu này, nếu nói thiện nghiệp cũng không tạo thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, thuyết pháp có phải là thiện nghiệp hay không? Độ chúng sanh có phải là việc tốt hay không? Nếu chuyện tốt cũng không làm thì đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn rồi, chẳng cần phải giảng kinh thuyết pháp nữa.

Phật, Bồ Tát vẫn thị hiện những việc đoạn ác, tu thiện cho người ta coi, cả hai thứ thiện ác ngài cũng không tạo. Không làm ác thì chúng ta dễ hiểu, còn không làm thiện nghĩa là gì? Ngài làm hết thảy pháp thiện nhưng tuyệt đối không khởi lên ý niệm mong cầu quả báo thiện, như vậy gọi là không tạo nghiệp thiện, nhất định không mong cầu thiện quả. Người thế gian trồng thiện nhân muốn được thiện quả, tại sao họ tu thiện? Vì mong có thiện quả nên họ mới chịu tu thiện. Phật, Bồ Tát đã giác ngộ thật sự nên không cầu thiện quả. Đó gọi là không suy nghĩ ác, không suy nghĩ thiện, cắt đứt cả thiện lẫn ác, đó mới là người tu hành thật sự. Bạn hãy quan sát kỹ càng họ thật sự được đại tự tại. Chỉ có cắt đứt cả thiện lẫn ác thì mới được tự tại. Nếu vẫn còn mong cầu thiện quả thì sẽ không tự tại, quả báo của họ ở tại nhân thiên; nhân thiên có thiện quả, chẳng thể thoát lìa Tam Giới, chẳng thể thoát mười pháp giới. Vì chẳng dứt cái niệm mong cầu thiện quả này, đây là điều chúng ta phải hiểu rõ. Nếu chúng ta cắt đứt ý niệm về quả báo thiện phước trong thế gian thì bạn chắc chắn sẽ thoát khỏi Tam Giới, bạn mới có thể siêu việt thập pháp giới.

Nếu trong đời sống hằng ngày có thể dụng công như vậy, không những chắc chắn vãng sanh, vả lại nhất định sẽ vãng sanh tới Thật Báo Độ, không tới Đồng Cư Độ và Phương Tiện Độ. Có bao nhiêu người niệm Phật cầu vãng sanh, mong cầu tây phương Cực Lạc thế giới, mong gặp A Di Đà Phật, họ có tâm này. Chúng ta thường nói đới nghiệp vãng sanh, khi vãng sanh Cực Lạc là sanh về Đồng Cư Độ, Phương Tiện Độ. Cõi Đồng Cư và Phương Tiện ở thế giới Cực Lạc khác với mười phương thế giới, giống như cõi Thật Báo, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cho nên chư Phật nói đây là pháp khó tin. Chúng ta hiểu đạo lý và chân tướng sự thật này thì nhất định phải cầu tương ứng, làm thế nào mới tương ứng? Bạn hãy tự suy nghĩ, bạn có thể suy nghĩ được, một niệm tương ứng thì một niệm Phật.

Do đó trên mặt sự tướng có cần mỗi ngày lễ lạy Địa Tạng Bồ Tát hay không? Cần chứ, rất cần. Cần xưng niệm hay không? Cần chứ. Chúng ta chuyên tu Tịnh Tông, mỗi ngày lễ Phật A Di Đà, xưng niệm A Di Đà Phật thì cũng được. Nếu chúng ta kính ngưỡng Địa Tạng Bồ Tát thì có thể thỉnh một tượng Địa Tạng Bồ Tát thờ ở một bên tượng A Di Đà Phật, chúng ta xưng niệm A Di Đà Phật thì đã bao gồm Địa Tạng Bồ Tát trong đó; chúng ta lễ Phật A Di Đà thì cũng bao gồm Địa Tạng Bồ Tát ở trong đó, như vậy dễ đạt được nhất tâm. Chẳng cần phải niệm bao nhiêu tiếng A Di Đà Phật, lại niệm thêm bao nhiêu tiếng Địa Tạng Bồ Tát, rồi lại niệm bao nhiêu tiếng Quán Âm Bồ Tát, như vậy thì sẽ phân tâm. Do đó chúng ta thờ Tây Phương Tam Thánh, niệm một câu A Di Đà Phật thì đã niệm hết thảy, như vậy thì dễ nhiếp tâm hơn. Đoạn này nói về việc tưởng nhớ người nhà quyến thuộc quá vãng, thậm chí những vị chưa từng gặp mặt, hoặc lúc nhỏ đã gặp mặt, khi lớn lên dần dần quên mất, thường tưởng nhớ người nhà không biết họ đang ở cõi nào thì dùng phương pháp tu học như trên, Bồ Tát sẽ nói cho bạn biết, trong lúc cảm ứng sẽ nói cho bạn biết người nhà của bạn hiện nay đang ở cõi nào? Chữ 'sanh giới' nghĩa là cõi nào. Xin xem tiếp kinh văn:

Hoặc ư mộng trung, Bồ Tát hiện đại thần lực thân lãnh thị nhân ư chư thế giới kiến chư quyến thuộc.

Hoặc trong giấc mộng, Bồ Tát hiện đại thần lực, đích thân dắt người đó đến các thế giới để thấy hàng quyến thuộc của mình.

Cảm ứng này rất rõ ràng, hoặc trong mộng bạn thấy Bồ Tát, Bồ Tát dắt bạn đi tới các thế giới bạn sẽ thấy được người nhà quá vãng của bạn. Chúng ta hãy đọc một đoạn trong Chú Giải: *'thượng thị hiển cơ hiển ứng cố ư xưng lễ chi tế, hiện thân cáo tri kỳ giới' (trên đây hiển thị cảm ứng rõ ràng, nhờ xưng niệm lễ bái nên [Bồ Tát] hiện thân cho biết [người nhà quá vãng] sanh tới cõi nào)*, đây là câu kết luận cho đoạn trên. Hiển cảm hiển ứng, rất rõ ràng giống như cô Bà La Môn nói ở đoạn trước, cảm ứng vô cùng rõ ràng, tuy Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật chẳng hiện thân, nhưng có âm thanh nói cho cô biết mẹ cô hiện đang ở cõi nào. Như vậy là rất rõ ràng. *'Quyến thuộc minh cơ minh ứng, cố ư mộng trung tương cáo' (Quyến thuộc cảm ứng âm thầm, nên [Bồ Tát] hiện trong mộng cho biết),* đoạn này nói [Bồ Tát hiện] trong mộng. Rất nhiều người trong mộng thấy Phật, Bồ Tát đến chỉ dạy, việc này chúng ta thường gặp, thường nghe nói, còn hiển cảm hiển ứng khá ít, minh cảm minh ứng nhiều hơn. Phía sau ngài nêu một thí dụ, việc này *"giống như chuyện người cõi trời hiện ra trong mộng như trong luật Thiện Kiến2**[2]** đã nói, đấy chính là giấc mộng chân thật"*, giấc mộng này chẳng phải từ vọng tưởng biến hiện ra, thông thường khi phàm phu nằm mộng đều là do vọng tưởng trong ý thức biến hiện ra. Còn mộng này thật sự là Phật, Bồ Tát hoặc thiện thần cảm ứng hiện ra cảnh trong mộng như vậy, mộng như vậy mới đáng tin.

Phía sau ngài nói ba câu rất hay, *'nhiên tu liễu tri thiện ác phàm thánh chi sự vô phi thị mộng' (sau đó nên biết những chuyện thiện ác phàm thánh chẳng qua cũng là mộng)*, đây là lời đức Phật dạy chúng ta trong kinh Kim Cang *'Hết thảy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng'*. Chúng ta hiện nay sanh sống trong thế giới này, bạn hãy quan sát kỹ càng nó cũng là cảnh trong mộng. Nói tới hôm qua, hôm qua đã đi mất,

---

2[2] Luật Thiện Kiến là gọi tắt của bộ luật Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa (tức là bộ chú giải về Luật Tứ Phần) do ngài Giác Âm (Buddhaghosa) biên soạn, do ngài Tăng Già Bạt Đà La (Sanghabhadra) dịch sang tiếng Hán, được đánh số 1462 trong tập 24 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh.

hôm qua vĩnh viễn sẽ chẳng trở lại, chuyện ngày hôm qua rõ ràng cũng chỉ là cảnh trong mộng. Nói tới hôm nay, hôm nay lại biến thành quá khứ nữa rồi, chúng ta sống một trăm năm, mỗi ngày đều ở trong mộng, có thứ nào là chân thật? Trong mộng đừng tạo nghiệp thì kể như bạn cũng giác ngộ rồi. Chẳng có việc gì là thật cả, vậy thì so đo tính toán làm chi! Tại sao ở trong cảnh mộng không làm việc tốt? Làm thêm một chuyện thiện, tích lũy công đức, thì sau này bạn còn tiếp tục có giấc mộng đẹp. Nếu tạo tội nghiệp thì sau này giấc mộng của bạn sẽ toàn là ác mộng. Nếu bạn không muốn ác mộng, chỉ muốn mộng đẹp thì bạn phải làm việc tốt. Biết niệm niệm đều ở trong mộng, mỗi ngày đều ở trong mộng thì chúng ta mới thật sự khâm phục đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khâm phục tới năm vóc sát đất, lời ngài nói đều là sự thật, 'mộng huyễn bọt bóng', 'như sương cũng như điện chớp', có phải thật sự tồn tại hay chăng? Chẳng phải! [Tất cả đều biến đổi] trong từng sát na.

Tối hôm qua trong buổi giảng kinh Hoa Nghiêm, tổng kết đoạn kinh Đâu Suất Thiên Vương, quy kết về niệm Phật, chư vị nên lắng lòng tìm hiểu. Người học Phật chúng ta nhất định phải hiểu nguyên lý, nguyên tắc trong đó, nhất định phải thâm giải ý thú. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói hết thảy pháp, bao gồm pháp thế gian, xuất thế gian, hư không pháp giới 'duy tâm hiện'. Tướng hiện nay của chúng ta, tướng này từ đâu đến? Do tâm hiện. Tâm hiện tướng, hết thảy những tạo tác trong tướng là 'thức', 'duy thức biến', thức đang tạo tác, tâm hiện tướng. Nói cho chư vị biết tướng là vọng tướng, thức cũng là vọng thức, đều chẳng phải thật. Do đó tướng được hiện và thức được biến ấy, trong Bách Pháp đều thuộc về pháp hữu vi, pháp hữu vi đều là giả, đều là mộng huyễn bọt bóng. Cái có thể hiện tướng là thật, chân như vô vi. Chúng ta trong giả tướng, vọng thức giác ngộ xong, có thể tương ứng với Chân Như Vô Vi, vọng thức tới tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, giúp hết thảy chúng sanh giác ngộ, đó là Bồ Tát hạnh.

Bồ Tát nói chuyện, Bồ Tát sinh hoạt, khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác đều nhằm giác ngộ chúng sanh. Tuy giác ngộ chúng sanh, chẳng có mảy may mong cầu, chỉ cần có một ý niệm mong cầu thì liền không tương ứng với tự tánh. Ngày nay chúng ta khuyên người cầu sanh tây phương Cực Lạc thế giới có phải là mong cầu hay không? Tương ứng với tự tánh hay không? Chẳng tương ứng. Tuy chẳng tương ứng, nhưng đang đi trên con đường tương ứng với tự tánh, cùng phương hướng này, cùng mục tiêu này, dần dần tới gần minh tâm kiến tánh. Đến Cực Lạc thế giới để làm gì? Để minh tâm kiến tánh, hoàn cảnh tu học ở nơi đó tốt đẹp, đạo lý là như vậy, đây gọi là 'đới nghiệp vãng sanh', đới nghiệp vãng sanh Cực Lạc thế giới là tốt nhất! Thù thắng nhất! Sau khi hiểu rõ rồi chúng ta mới không hoài nghi, mới chết lòng trọn ý tu học pháp môn này, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều không mong cầu, đều buông xuống, chỉ cầu sanh Tịnh Độ, chỉ cầu gặp A Di Đà Phật, đó gọi là đới nghiệp. Đây là việc phàm phu chúng ta trong một đời này chắc chắn có thể thành tựu, khẳng định không luống uổng. Sanh tới tây phương Cực Lạc thế giới rồi mới buông xả ý niệm mong cầu này sạch sành sanh, lúc đó mới rốt ráo thành Phật đạo.

Các đồng tu học Phật hiện nay, việc khó xả nhất là tâm cầu nguyện. Những sở cầu, sở nguyện đều là hư vọng, họ mong cầu phú quý, phước đức hiện tiền; nói thật ra những thứ này đều có thể đạt được nếu bạn biết đạo lý nhân quả. Bạn muốn được thiện quả thì phải tu thiện nhân; nếu tâm hạnh của bạn không thiện thì chắc chắn sẽ không được thiện quả, đây là cầu phước báo trong lục đạo, chẳng rốt ráo. Nhưng đại đa số con người chỉ nhìn việc trước mắt, chẳng có nhãn quang lâu dài rộng lớn; chỉ có người thật sự giác ngộ mới thật sự phát tâm thoát ra khỏi sáu nẻo luân hồi, tâm đó là tâm thuần

thiện. Mong cầu vãng sanh, mong cầu thoát ra khỏi sáu nẻo luân hồi, niệm niệm vẫn còn tạo nghiệp thì nguyện vọng này của bạn vĩnh viễn sẽ không đạt được. Tại sao vậy? Vì những gì bạn làm trái nghịch với tâm nguyện của bạn, trái nghịch thì bạn làm sao mãn nguyện được? Muốn vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, thế giới Cực Lạc là thế giới như thế nào? Trong kinh nói rất rõ ràng, rất rành rẽ, đó là thế giới Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát thông thường. Nói cách khác, hạnh của Bồ Tát thông thường không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc thì phải tu hạnh Phổ Hiền. Kinh Vô Lượng Thọ giảng vô cùng rõ ràng, kinh Hoa Nghiêm cũng giảng rõ ràng như vậy. Có lẽ bạn đồng tu sẽ hỏi chúng tôi thấy rất nhiều bà cụ, ông cụ niệm Phật vài năm liền được vãng sanh, đó là thật chứ chẳng giả. Lúc lâm chung họ nói với những người xung quanh 'A Di Đà Phật tới tiếp dẫn tôi, tôi đi theo ngài', đó là thiệt chẳng phải giả. Chúng ta hãy hỏi 'Họ có tu hạnh Phổ Hiền hay không?' Có chứ! Niệm cuối cùng là niệm của hạnh Phổ Hiền thì chắc chắn được sanh, đạo lý là như vậy.

Hạnh Phổ Hiền là gì? Là tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng; tâm thanh tịnh là 'Phổ', tâm bình đẳng là 'Phổ'. Tâm bạn không thanh tịnh, không bình đẳng thì có giới hạn, có giới hạn thì sẽ không bình đẳng. Nói cách khác bạn vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước thì không phải hạnh Phổ Hiền. Chúng ta bố thí, cúng dường, chiêm lễ, xưng danh đều là tu hành, đều là những việc mọi người làm hằng ngày, nhưng nếu bạn có phân biệt, có chấp trước thì đó không phải là hạnh Phổ Hiền, chỉ có thể nói là hạnh Bồ Tát chứ không phải là hạnh Phổ Hiền. Trong hạnh Phổ Hiền không có phân biệt, không có chấp trước. Xa lìa hết thảy phân biệt chấp trước thì một lần chiêm lễ là hạnh Phổ Hiền, bố thí cúng dường cũng là hạnh Phổ Hiền, thậm chí nói chúng ta mặc áo ăn cơm cũng là hạnh Phổ Hiền. Khởi lên phân biệt chấp trước thì không phải là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền tương ứng với pháp giới, chẳng có giới hạn, thường thì chúng ta nói công đức đó lớn nhất, chẳng thể nghĩ bàn. Niệm niệm đều tương ứng với hư không pháp giới, đó thuộc về Lý Nhất Tâm. Phàm là người vãng sanh, niệm sau cùng nhất định sẽ không có hết thảy phân biệt chấp trước rồi mới ra đi. Nếu niệm sau cùng còn phân biệt chấp trước thì họ sẽ đọa lạc. Chúng ta làm sao có thể bảo đảm niệm sau cùng của mình không có phân biệt chấp trước? Việc này quá khó, quá khó.

Do đó tu hành là sửa đổi tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm của chúng ta, nhất định phải trong đời sống hằng ngày của chúng ta xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, công phu đắc lực rồi thì tự mình mới thật sự nắm chắc việc vãng sanh. Trong đời sống sanh hoạt thường ngày, bất luận là đời sống vật chất hay đời sống tinh thần, có cũng được, không có cũng được. Có cũng không phân biệt, không chấp trước, không có cũng đừng phân biệt đừng chấp trước thì bạn sẽ được tự tại. Không có thì muốn cho có, khi có rồi lại sợ mất đi, lo được lo mất, vậy thì một ngày bạn niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, mỗi ngày lạy mười vạn lạy cũng chưa chắc thoát ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Nguyên nhân là gì? Sáu nẻo luân hồi là do chấp trước tạo thành, nếu bạn vẫn còn chấp trước nặng nề như vậy thì làm sao có thể thoát được? Thập pháp giới là do phân biệt tạo thành, chỉ cần có phân biệt, có chấp trước thì bạn sẽ không có cách chi thoát ra khỏi sáu nẻo và thập pháp giới, những gì bạn tu chẳng phải là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền nói một cách đơn giản cho quý vị đồng tu nghĩa là đối với hết thảy pháp đều không sanh tâm phân biệt, không sanh tâm chấp trước thì bất luận bạn tu pháp gì cũng là hạnh Phổ Hiền, lúc nảy có nói mặc áo ăn cơm cũng là hạnh Phổ Hiền, điểm này rất quan trọng!

Nếu hết thảy đều không phân biệt, không chấp trước thì bạn sẽ chuyển được cảnh giới, sẽ không bị cảnh giới chuyển. Năm mươi ấm ma nói trong kinh Lăng Nghiêm, bất

cứ loại ấm ma nào cũng không thể bén sát thân bạn. Bạn sẽ hỏi tại sao không bén sát thân bạn được? Vì bạn chẳng có thân thì [ấm ma] bén sát vào cái gì? Nếu bạn có thân thì nó mới có thể bén sát vào được. Rõ ràng là có tấm thân này, tại sao lại nói không có thân? Có tức là không, [nghĩa là] bạn có thân này, nhưng bạn không chấp trước thân này là thân nên thân này không tồn tại. Tại sao oán gia chủ nợ tìm được thân của bạn? Bạn chấp trước vật này là thân của bạn thì oán gia trái chủ sẽ tìm được; nếu bạn không chấp trước thân này thì họ không nhìn thấy bạn, không tìm thấy bạn. Vì chấp trước thân này là 'tôi', nên họ nhìn thấy, tìm bạn báo thù. Nếu bạn không chấp trước vật này là thân của bạn thì họ tìm không thấy bạn, [bạn chẳng hiện hữu] chẳng có. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, yêu ma quỷ quái gì cũng không thể bén sát thân bạn được. Vậy thì bạn ở đâu? Tận hư không trọn khắp pháp giới đều là bạn, yêu ma quỷ quái cũng không lìa khỏi hư không pháp giới, bạn bao gồm họ, họ không thể bao gồm bạn. Bất luận họ phá phách như thế nào, đó chỉ là một chút bịnh nhẹ thôi, giống như thân thể bạn có chỗ nào đau ngứa, gãi gãi một chút là xong, không thể bị tổn hại. Nếu bạn có phân biệt chấp trước thì phiền phức sẽ lớn lắm.

Cho nên nói lời chân thật với bạn, con người sẽ không sanh bịnh. Bịnh từ đâu đến? Bịnh đến từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Con người cũng không suy già, [vậy thì] tại sao lại già? Vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên mới già. Con người cũng không chết, [vậy thì] tại sao lại chết? Vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên bạn mới chết. Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tất cả [bịnh, già, chết] đều không có! Trong hư không pháp giới, đối với hết thảy chúng sanh có duyên, trong kinh nói tùy loại hóa thân, tùy theo căn cơ mà thuyết pháp, bạn coi như vậy tự tại biết bao! Tùy loại hóa thân, hiện tướng cũng như vô tướng, không có thân cũng như có thân, có và không có là một chứ chẳng phải hai. Thuyết pháp là để giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, tuy tận tâm tận lực giúp đỡ họ nhưng dường như có dường như không. Trong kinh Kim Cang đức Phật nói *'độ vô lượng vô biên chúng sanh nhưng thật ra không có chúng sanh được độ'*. Do đó bạn gây phiền phức cho Phật cũng không được, thật là không có chúng sanh được độ. Bạn muốn hủy báng đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật Thích Ca nói suốt đời ngài chưa từng nói một câu nói, nếu bạn nói đức Phật thuyết pháp là bạn báng Phật, bạn làm sao phê bình ngài? Ngài chẳng nói một câu, chẳng nói một chữ, *'nói tức là không nói, không nói mà nói'*, nói và không nói là một chứ chẳng phải hai, bạn hãy lắng lòng tìm hiểu ý tứ này, thật là cao minh. Nếu nói người ta dựa vào đó mới có thể hủy báng chúng ta, thì chúng ta sai rồi. Nếu họ không nói thì họ làm sao sai được? Có nói là có lỗi, không nói thì không lỗi, quý bạn hãy lắng lòng suy nghĩ về ý này. Họ *'làm nhưng không làm, không làm mà làm'*.

Thế gian này chúng ta có giảng kinh thuyết pháp, đức Phật nói với chúng ta tây phương Cực Lạc thế giới cũng có giảng kinh thuyết pháp, nếu bạn thật sự tới tây phương Cực Lạc thế giới, bạn nghe đức Phật A Di Đà giảng kinh gì, giảng pháp gì? Chẳng có. Giảng kinh thuyết pháp là đối với phàm phu chúng ta nói, tây phương Cực Lạc thế giới có giảng kinh thuyết pháp hay không? Không có. Không giảng tức là giảng, giảng tức là không giảng, đó là thuyết pháp thật sự, bạn nghe thật sự. Trong kinh nói không sai, lục trần cũng thuyết pháp, sáu trần có nói không? Không có, đó là tiêu biểu pháp, bạn nhìn sắc tướng, tai nghe âm thanh liền khai ngộ, càng ngộ càng sâu, càng ngộ càng rộng, chẳng có ai nói từng câu, từng câu dài dòng cho bạn nghe, chẳng cần phiền phức như vậy! [Nếu nói vậy thì là] coi thường thế giới Cực Lạc quá đỗi. Mỗi ngày cúng dường mười phương chư Phật, trong lúc cúng dường bạn liền ngộ được diệu pháp, thật ra cảnh giới này kinh Hoa Nghiêm đã hiển thị quá rõ ràng, do đó lúc bạn mở kinh Hoa Nghiêm ra vô cùng hoan hỷ, chỉ cần bạn đọc và hiểu ý nghĩa trong đó thì

bạn sẽ hoan hỷ không cùng tận. Đâu cần phải nói chi dài dòng? Chỗ nào cũng là tiêu biểu pháp, tiêu biểu pháp tức là thuyết pháp. Tại sao đức Phật không trực tiếp thuyết pháp cho chúng ta, nói tên của những quỷ thần, các vị thiên vương, cứ nói trực tiếp đi. Những vị đó đều là chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ, tại sao không nói vị Đẳng Giác Bồ Tát này, vị Pháp Vân Địa Bồ Tát kia, tại sao không nói như vậy? Nếu nói như vậy thì mệt chết được.

Đức Phật dùng những tạp thần, dùng chư thiên, thiên vương để tiêu biểu pháp, [những vị này đều] sống động, dạy bạn khi thấy hết thảy vạn vật thì liền biết đó là cảnh giới Hoa Nghiêm. Thấy cây cối, thần cây, thấy nước, thần nước hết thảy đều là cảnh giới Hoa Nghiêm. Cảnh giới Hoa Nghiêm ở đâu? Những gì lục căn chúng ta tiếp xúc đến đều là [cảnh giới Hoa Nghiêm]. Nhìn thấy hết thảy chúng sanh đều là Pháp Thân đại sĩ, đều là những vị tạp thần. Thấy những vị lãnh đạo các tầng lớp trong xã hội đều là các vị thiên vương, nhân vương, do đó kinh này biến thành rất sống động. Thì ra kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm chính là xã hội của chúng ta, bạn nói con người sống trong hoàn cảnh này, một hạt bụi một cọng lông, một hạt cát một giọt nước, chẳng có gì không phải là cảnh giới Hoa Nghiêm, con người sanh hoạt trong đó làm sao không vui sướng cho được? Làm sao không hoan hỷ cho được? Hoàn cảnh xung quanh đều là chư Phật Như Lai, đều là Pháp Thân đại sĩ. Nếu bạn hiểu được thì cõi này chính là [cảnh giới Hoa Nghiêm]; nếu bạn không hiểu thì hãy tới thế giới Cực Lạc, tới đó để huân tập, để hun đúc. Nếu hiểu được thì tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là Cực Lạc thế giới, đều là Hoa Tạng thế giới.

Chúng ta có thể khế nhập vào tầng này thì bạn mới thật sự cảm được ân đức của chư Phật, mới biết lời Thiện Đạo đại sư đã nói tới tuyệt mức rồi, [ngài nói] *'gặp duyên chẳng giống nhau'*, chúng ta gặp được duyên này quá thù thắng, vô cùng thù thắng. Đúng như câu Bành Tế Thanh đã nói *'một ngày hiếm có khó gặp được trong vô lượng kiếp qua'*, chúng ta đã gặp được ngày này. Bạn làm thế nào mới có thể khế nhập? Bạn phải chân tu, sau khi hiểu rõ rồi phải buông xuống, buông xuống hết thảy thân tâm thế giới, chẳng mong cầu gì hết. Chẳng cầu thì tự tánh sẽ hiện tiền, bản tánh sẽ hiện tiền. Nếu cầu thì một niệm mong cầu ấy chính là chướng ngại của tự tánh. Đây là chân tướng sự thật, đích thật là mộng huyễn bọt bóng, chúng ta nằm mộng hằng ngày, liên tục từng sát na nối tiếp nhau. Câu cuối trong Chú Giải rất hay, hàng thứ hai trang 67 bắt đầu từ chính giữa, *'Cố viết như mộng cần gia, không danh hoặc tuyệt. Hồi quán thế gian giai mộng trung sự. Duy đại giác lãng nhiên xưng đại mộng giác nhĩ'* (*Cho nên nói: Trong mộng càng thêm siêng gắng, danh từ (tức ngôn ngữ) rỗng không, phiền não dứt bặt, nhìn lại thế gian đều là chuyện trong mộng. Chỉ có đại giác rành rành nên gọi [đại giác] là sự giác ngộ trong giấc mộng lớn vậy 3**[3]***). Cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát là đại giác lãng nhiên, từ trong giấc mộng lớn tỉnh ngộ trở lại, đây là chư Phật, Bồ Tát. Tốt lắm, xin mời xem tiếp đoạn kinh sau:

Cánh năng mỗi nhật niệm Bồ Tát danh thiên biến chí ư thiên nhật.

Nếu người đó lại có thể mỗi ngày đều niệm danh hiệu Bồ Tát một ngàn biến, luôn đến một ngàn ngày.

3[3] Ý nói: Tất cả đều là huyễn, chỉ có giác ngộ là chân thật. Do từ trong huyễn cảnh có thể siêng tu, dứt bặt đối đãi để đạt đến giác ngộ, cho nên sự giác ngộ ấy có thể gọi là từ trong giấc mộng lớn mà giác ngộ vậy.

Đây là nói về việc tu nhân, thời gian dài hơn, phía trước nói một ngày tới bảy ngày, sau đó nói ba tuần. Tới đoạn này thời gian dài hơn, một ngàn ngày, là ba năm, ba năm không gián đoạn, đủ thấy tâm bền bĩ và nghị lực của người đó. Ba năm không gián đoạn, tức là mỗi ngày bạn có định khóa, định khóa tuy không nhiều, nhưng một ngày cũng không thiếu, đây là sự liên tục nói trong kinh, phù hợp yêu cầu tịnh niệm tương tục. Tới giờ thì nhất định phải làm công khóa, niệm một ngàn danh hiệu Bồ Tát, thời gian này cũng không dài lắm, phải có tâm bền bỉ, suốt ba năm không gián đoạn.

Thị nhân đương đắc Bồ Tát khiển sở tại thổ địa quỷ thần chung thân vệ hộ.

Thì người đó sẽ được Bồ Tát sai các quỷ thần và thổ địa sở tại hộ vệ trọn đời.

Bồ Tát phái thần hộ pháp bảo hộ bạn, thật ra là vì bạn tu trì có công phu, những quỷ thần này kính trọng ngưỡng mộ bạn, Địa Tạng Bồ Tát hoan hỷ, cảm được quỷ thần hộ vệ. Đây đều là quả báo, bạn được quỷ thần hộ vệ.

Hiện thế y thực phong ích, vô chư tật khổ, nãi chí hoạnh sự, bất nhập kỳ môn hà huống cập thân.

Hiện đời y phục thức ăn dư dật, không có các thứ bịnh khổ, cho đến các hoạnh sự còn không hề vào đến cửa, huống nữa là đến nơi thân!

Chúng ta coi đoạn kinh này, đây là những gì hoàn cảnh sinh hoạt trước mắt chúng ta cần đến. Hiện nay thế gian này có tai nạn, tai nạn quá nhiều chúng ta không thể nào dự liệu được, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu đều có thể gặp, chúng ta làm sao đối phó? Lúc trước thầy Lý dạy chúng ta chỉ có cách duy nhất là nhất tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Do đó trong tai nạn lớn lao bạn vẫn có thể được bình yên, y phục thức ăn của bạn không thiếu thốn, phải tu như thế nào? Phải tu bố thí, đừng sợ chúng ta bố thí hết sạch thì chẳng còn gì để ăn, chẳng có mặc thì phải làm sao? Bạn bố thí hết sạch, bạn chẳng có ăn chẳng có mặc thì Phật, Bồ Tát sẽ gởi đồ ăn, đồ mặc tới cho bạn, bạn phải có lòng tin như vậy. Nếu tới lúc đó Phật, Bồ Tát không đem tới thì làm sao? Nghiệp chướng của mình quá nặng, nỗ lực cố gắng nhất tâm niệm Phật, tuyệt đối không oán trời, trách người, cảm ứng đạo giao. 'Không có các tật bịnh, khổ đau'. 'Tật' là bịnh, bạn sẽ không bị bịnh tật, sẽ không bị khổ nạn. 'Hoạnh sự' là tai họa, thiên tai nhân họa, những sự việc không thể đoán trước được, bạn sẽ không gặp phải những sự việc này. Những tai biến này 'không hề đến cửa huống chi là đến thân', nghĩa là nơi bạn cư trú sẽ chẳng xảy ra những chuyện này, đương nhiên thân bạn sẽ không bị những tai nạn này. Nghĩ tới điều này thì bạn sẽ niệm Phật, niệm Bồ Tát rất thiết tha, hiện giờ đích thật có thể dứt trừ nghiệp chướng, miễn trừ hết thảy tai nạn, tiêu tai miễn nạn, đây là phương pháp tu học duy nhất.

Niệm A Di Đà Phật rất tốt, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng tốt, niệm Địa Tạng Bồ Tát cũng tốt, [nhưng] phải nhất tâm xưng niệm. Ghi nhớ tâm hạnh tương ứng, cảm ứng sẽ thù thắng. Nếu miệng niệm mà tâm không tương ứng, vẫn còn làm những chuyện tổn hại người ta lợi ích cho mình, tổn hại chúng sanh, tổn hại xã hội, bạn niệm như thế nào đi nữa cũng uổng công, tại sao vậy? Vì chẳng tương ứng. Nhất định phải ghi nhớ [lời dạy] trong kinh này, nguyên tắc nói ở đoạn trước, mỗi ngày xưng niệm một ngàn tiếng trong vòng một ngàn ngày, không thể rời khỏi nguyên tắc này, đó chính là 'nhất tâm xưng niệm'. Trong nhất tâm nhất định không có xen tạp, không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước thì mới gọi là nhất tâm. Vả lại phải biết cách niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, đây là một bài tập trong lớp, bài học trong lớp, sau khi học xong phải áp dụng vào đời sống thì mới có ích lợi. Không thể nói tôi ở

trong chùa niệm Phật nhất tâm được một tiếng đồng hồ, nửa tiếng đồng hồ, niệm xong bước ra ngoài lại làm chuyện thị phi nhân ngã, chuyện tham sân si mạn, vậy thì không được. Phải giữ được nhất tâm suốt ngày; tôi đối sự, đãi người, tiếp vật đều thành tâm, thành ý, đều đem lại lợi ích cho chúng sanh, lợi ích cho người khác, đó mới là tu hành chân thật, mới gọi là biết dụng công thật sự, mới có cảm ứng đạo giao. Tuyệt đối không phải là hối lộ Phật, Bồ Tát, mỗi ngày đều nghĩ nhớ tới các ngài, làm theo phương pháp này, các ngài sẽ bảo hựu cho tôi được thăng quan, phát tài. Còn đối với oan gia, tôi hy vọng người đó chết sớm, bạn khởi ý niệm như vậy thì sai rồi, hoàn toàn không đúng. Phải tu như thế nào? Phải khởi tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi đối sự, đãi người, tiếp vật. Niệm Phật, tâm của mình phải giống tâm Phật, nguyện của mình giống nguyện của Phật, hạnh giống hạnh của Phật, áp dụng vào đời sống hằng ngày. Sáng mai niệm, sợ ngày mai quên mất, ngày mai niệm thêm một lần nữa. Mỗi ngày đều làm vậy, làm suốt ba năm thì bạn sẽ quen, bạn sẽ làm mãi mãi, do đó mới được thiện thần ủng hộ, Phật, Bồ Tát hộ niệm.

Thị nhân tất cánh đắc Bồ Tát ma đảnh thọ ký

Người đó rốt ráo sẽ được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho.

Đây là được quả báo cứu cánh viên mãn. Ở đây chữ Bồ Tát là Địa Tạng Bồ Tát, nhất định sẽ được Địa Tạng Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho bạn, bạn tu nhân chân thật thì quả báo đương nhiên sẽ thù thắng. Phật, Bồ Tát dạy bạn làm thế nào tu nhân chứng quả, đó là xoa đảnh thọ ký. Xem tiếp đoạn sau, đây là đoạn thứ tư, 'thành độ sanh chứng quả'. Kinh văn càng về sau càng thù thắng, càng gần tới kết thúc, càng tỏ rõ Phật, Bồ Tát từ bi. Chúng ta hãy lắng lòng quan sát, coi Bồ Tát đau lòng rát miệng khuyên chúng ta.

Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát, nhược vị lai thế hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục phát quảng đại từ tâm, cứu độ nhất thiết chúng sanh giả, dục tu vô thượng Bồ Đề giả, dục xuất ly Tam Giới giả.

Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn phát lòng từ rộng lớn để cứu độ tất cả chúng sanh, muốn tu Đạo Bồ Đề Vô Thượng, muốn ra khỏi Tam Giới.

Trước hết nói rõ điều kiện, đây là những hạng người nào? Đây là người rất phi thường, đích thật là Bồ Tát. *'Thiện nam tử, thiện nữ nhân'*, chữ 'thiện' này nhất định phải đầy đủ Tịnh Nghiệp Tam Phước mới là thiện, không phải là thiện thông thường [của người thế gian]. Người thiện trong thế gian không có tâm lượng lớn như vậy, người thiện Nhị Thừa cũng không có tâm lượng này, đây là thiện của Bồ Tát Đại Thừa. Họ phát tâm từ bi rộng lớn, bốn chữ *'quảng đại từ tâm'* bao gồm mười một điều trong Tịnh Nghiệp Tam Phước. Sau đó nói cụ thể, *'cứu độ hết thảy chúng sanh'*, 'hết thảy' nghĩa là tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng hạn định ở một địa phương nào, ngài phát tâm rộng lớn 'chúng sanh vô biên thệ nguyện độ' trong tứ hoằng thệ nguyện. 'Muốn tu đạo Bồ Đề vô thượng', đây là nguyện *'Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành'* trong tứ hoằng thệ nguyện. 'Muốn thoát ra khỏi Tam Giới' chính là *'phiền não vô biên thệ nguyện đoạn'*, như vậy thì bạn mới thoát ra khỏi Tam Giới, đó mới là thật sự giác ngộ.

Lời chú thích trong Chú Giải rất hay *'thử thị đại Bồ Tát tâm, tập hạnh Bát Nhã Ba La Mật, cố năng phát khởi độ nhân chi tâm. Nhiên từ bi bổn cụ, tích giả ngã nhân cố phân bỉ thử. Kim tri đồng thể cố phát đẳng tâm' (Đó là tâm to lớn của Bồ Tát, tập*

hạnh Bát Nhã Ba La Mật, cho nên có thể khởi tâm độ người. Từ bi vốn đầy đủ, lúc trước còn phân chia mình và người nên còn đối đãi. Nay biết hết thảy đều cùng chung một thể nên khởi tâm bình đẳng), chúng ta có phát tâm này chưa? Nếu chưa thì hãy mau phát tâm này, tuy phát tâm nhưng trong đời sống thường ngày vẫn còn khi có khi không thì tâm ấy không khẩn thiết, không chân thật, cho nên công phu tu học không đắc lực, không thể chuyển cảnh giới thì cũng như không thật sự phát tâm, do đó phát tâm nhất định phải chân thật. Tâm chân thật nhất định phải 'trụ chân thật huệ', ở đây nói 'tập hạnh Bát Nhã Ba La Mật', trong kinh Vô Lượng Thọ gọi là 'trụ chân thật huệ', tâm của bạn mới có thể phát được, do đó 'từ bi vốn đầy đủ'. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều là những gì tự tánh chúng ta vốn đầy đủ, vốn đã có, cùng hết thảy chư Phật Như Lai không hai, không khác.

Tại sao bây giờ bạn không có tâm này? Vì bạn chấp vào Ta và Người (nhân ngã), kinh Kim Cang nói về bốn tướng 'ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng'. Bốn tướng này trên thật tế chính là vì bạn trong cảnh giới khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bạn sai ở chỗ này. Bạn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên bạn chia ranh giới, cho rằng có ta có người, tâm từ bi của bạn không thể khơi dậy. Chẳng những không thể khởi tâm từ bi, tâm chân thành cũng không khởi được, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác đều hoàn toàn không thể khởi lên, tánh đức vốn sẵn có không thể khởi tác dụng. [Nếu vậy thì] cái gì khởi tác dụng? Phiền não, vọng tưởng khởi tác dụng, đời sống của bạn làm sao yên ổn được? Dĩ nhiên là sẽ không yên ổn, không dễ chịu. Nếu trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tánh đức của bạn khởi tác dụng thì đời sống của bạn sẽ yên ổn, sẽ vui sướng, bạn sẽ sống đời sống của Phật, Bồ Tát. Trong các buổi giảng chúng tôi thường nói bạn sẽ sống một cuộc đời có trí huệ cao độ, người đời nay gọi là đời sống có nghệ thuật cao, thật ra người thế gian nói về đời sống có nghệ thuật chỉ là có danh vô thực. Giống như người thế gian nói về 'chân thiện mỹ', chân thiện mỹ của người thế gian cũng có danh vô thật, chỉ có Phật, Bồ Tát mới thật, đời sống các ngài mới thật sự chân thiện mỹ. Do đó nhất định phải phát tâm này, phải phát tâm độ hết thảy chúng sanh, xả mình vì người.

Chúng ta thờ Phật, chúng ta dùng đèn, [hương, và nước] để cúng Phật, đèn tượng trưng cho ý nghĩa thiêu đốt chính mình chiếu soi kẻ khác. Đèn đời xưa đều là đèn dầu, dầu đốt một thời gian thì cạn dần, phát ra ánh sáng chiếu soi kẻ khác, đèn cầy còn sáng hơn nữa. Do đó khi nhìn thấy đèn, bạn liền biết hy sinh chính mình để thành tựu kẻ khác, nếu không thì bạn cúng đèn cũng uổng công. Còn hương tiêu biểu Ngũ Phần Pháp Thân: Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Nước tiêu biểu thanh tịnh, bình đẳng. Những vật này đều nhằm nhắc nhở bạn khi nhìn thấy đèn, hương, nước thì bạn phải biết tu học như thế nào, chứ Phật, Bồ Tát đâu cần những thứ này làm chi! [Đèn, hương, và nước] chẳng qua là để giúp chúng ta, làm tăng thượng duyên cho chúng ta tự độ mà thôi.

Câu cuối trong Chú Giải nói về việc thoát ly Tam Giới, chúng ta hãy đọc: *'Xuất ly Tam Giới giả, tức Viên Giáo Sơ Tín chí Thất Tín, Kiến Tư tiên khử, trường biệt Tam Giới khổ luân dã' (Người thoát ra khỏi Tam Giới là Bồ Tát Viên Giáo Sơ Tín đến Thất Tín, đã đoạn dứt Kiến Tư phiền não, vĩnh viễn xa lìa nỗi khổ trong Tam Giới)*. Đây là lời nhắc nhở chúng ta, Bồ Tát Sơ Tín trong Viên Giáo đã đoạn hết 88 phẩm Kiến Tư Hoặc trong Tam Giới, công phu đoạn phiền não của Bồ Tát Sơ Tín tương đương với quả vị Sơ Quả của Tiểu Thừa. Chúng ta biết quả vị Sơ Tín nhập dòng Thánh, nghĩa là nhập vào cảnh giới thánh nhân, chẳng còn là phàm phu. Tuy Bồ Tát Sơ Tín chưa thoát ra khỏi Tam Giới, vẫn ở trong hai cõi Trời, Người tu hành, chắc chắn không đọa vào ba cõi ác, họ bảo đảm không đọa tam đồ. Tại sao không đọa tam đồ? Vì họ không tạo ác nghiệp của tam đồ nữa, đã đoạn nghiệp nhân sanh vào cõi ác. Nói cách khác họ chẳng

còn vì chính mình nữa. Trong Kiến Hoặc tuy nói có 88 phẩm, nhưng quy nạp chẳng ra ngoài năm loại. Thứ nhất là Thân Kiến, họ không chấp trước cái thân này là Ta, phần trước có nói yêu ma quỷ quái sẽ không thể bén sát vào thân họ được, họ biết thân này không phải là Ta. Cách nói thông thường của chúng ta, thân là đồ vật mà ta có cũng giống như ta có quần áo vậy, quần áo này của ta chứ không phải là ta, xả bỏ rất dễ, bỏ cái cũ để đổi lấy cái mới. Họ biết thân chẳng phải ta, thân là vật của ta, do đó trong mười pháp giới thọ thân, xả thân rất dễ, họ chẳng chấp trước. Thân này hư rồi bèn đổi một thân khác, cũng như không thích quần áo này đổi quần áo khác, không nhất định phải đợi mặc cũ rách rồi mới đổi, có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Đây là nói sanh tử rất tự tại, không chấp trước mảy may.

Phàm phu mê hoặc, họ cho rằng thân này là ta nên họ rất khó xả, rất khó buông bỏ, cứ thương tiếc không chịu buông bỏ thân này. Giống như mấy đứa con nít, chúng nó rất tham trước mặc quần áo đẹp, kêu nó thay quần áo khác thì nó la khóc um sùm không chịu thay, nó cũng giống như chúng ta [không chịu xả bỏ thân này vậy]. Cho nên hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì xả thân thọ thân chẳng khó khăn gì cả, chẳng sợ hãi, vậy thì sau khi thay đổi họ được thân tốt hơn, trang nghiêm hơn. Nếu tham luyến, chấp trước, không chịu buông xả thân này, thì ngược lại càng đổi càng xấu, mất đi thân người, đổi thân ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, lý do đều vì chẳng buông bỏ tham sân si. Đức Phật dạy chúng ta tu hành phải dồn sức vào những việc này, dứt trừ tâm tham, tâm sân giận. Đoạn được tâm tham thì không đọa ngạ quỷ, đoạn tâm sân giận thì không đọa địa ngục, đoạn tâm ngu si thì không đọa súc sanh, vĩnh viễn xa lìa tam ác đạo. Xin xem tiếp:

Thị chư nhân đẳng kiến Địa Tạng hình tượng cập văn danh giả, chí tâm quy y.

Những người đó thấy hình tượng Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe danh hiệu, rồi chí tâm quy y.

Đây là phương pháp tu hành. Trong câu này quan trọng nhất là ở chỗ 'chí tâm'. 'Quy' nghĩa là trở về, 'y' nghĩa là nương tựa, chân tâm quay về noi theo kinh Địa Tạng Bổn Nguyện mà tu hành, đó gọi là quy y Địa Tạng Bồ Tát. Nếu bạn không chịu tu hành noi theo kinh giáo thì không gọi là quy y, bạn chẳng quay về, bạn không làm theo, 'y' là phải làm theo. Những gì trong kinh dạy, chúng ta phải làm cho được, những gì kinh dạy không được làm thì chúng ta nhất định không làm, y giáo phụng hành mới kể là quy y, làm với tâm chân thành thì bạn 'chí tâm quy y', công đức này rất lớn, quá lớn, phải quay lại từ trong tâm. Câu sau nêu lên những sự tướng:

Hoặc dĩ hương hoa y phục bảo bối ẩm thực cúng dường chiêm lễ.

Hoặc đem hương hoa, y phục, vật báu, đồ ăn thức uống để cúng dường chiêm lễ.

Hương hoa tiêu biểu cho ý nghĩa gì chúng ta phải hiểu rõ, 'hương' là giới hương, phải trì giới, phải tuân giữ pháp luật. 'Hoa' tiêu biểu Lục Độ, 'y' tiêu biểu Nhẫn Nhục. 'Vật báu' là vật người thế gian trân quý, tiêu biểu tài vật; 'ẩm thực' để nuôi dưỡng sanh mạng, chẳng thể thiếu. Dùng những thứ này để cúng dường chiêm lễ, cúng trước hình tượng Bồ Tát, đây là việc làm trong mỗi khóa tụng niệm hằng ngày. Ứng dụng vào sanh hoạt nghĩa là phải cứu giúp hết thảy chúng sanh, đặc biệt là những chúng sanh đang chịu khổ nạn, chúng ta làm sao dùng 'hương' để cúng dường cho họ? Dạy họ tuân giữ pháp luật, dạy họ giữ giới, vậy nghĩa là dùng hương để cúng dường chúng sanh.

Làm thế nào dùng hoa để cúng dường? Dạy họ bố thí, dạy họ làm nhân thiện mới được quả thiện, dạy họ xử sự đãi người tiếp vật phải nhẫn nại, phải nhẫn nhịn, đó là bố thí cúng dường. Dạy họ học Phật, quy y Tam Bảo, tiếp nhận lý luận, phương pháp của Phật dạy để tu hành, đó là cúng dường của báu. Lúc họ bị khổ nạn, chúng ta chăm sóc đời sống vật chất cho họ là ẩm thực cúng dường. Chúng ta phải đem những bài tập trong lớp học ứng dụng vào đời sống thì mới gọi là tu hành. Nếu nói chỉ làm ở trong chùa hoặc chỉ làm trong gia đình mình, mỗi ngày đều cúng dường Phật, Bồ Tát như vậy, chiêm lễ xưng danh, bạn có thể cứu độ hết thảy chúng sanh hay sao? Bạn có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề hay sao? Bạn có thể thoát ly Tam Giới hay sao? Không thể được.

Cho nên chúng ta trong khóa tụng sáng tối, bất luận là ở trong chùa hay là trong phòng thờ Phật ở nhà, bạn phải hiểu ý nghĩa của khóa tụng sáng tối, tôi đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, khóa tụng buổi sáng là nhắc mình phải làm, phải thực hiện [những lời dạy của Phật], vậy thì cây hương bạn đốt buổi sáng không uổng phí. Đốt cây hương này là nhắc mình hôm nay xử sự, đối người, tiếp vật phải đúng như pháp, như pháp nghĩa là giữ giới, và cũng khuyên người khác tuân giữ pháp luật, giữ quy củ. Khuyên người ta trồng thiện nhân, đoạn ác tu thiện, đó là 'cúng hoa', thì hoa đó mới không uổng phí. Do đó những sự tiêu biểu pháp này đều nhắc nhở chính mình, tự mình phải làm, phải khuyên người khác làm. Khóa tụng buổi tối phản tỉnh, kiểm điểm, thành tích của mình hôm nay ra sao? Mình có làm được hay không? Có sốt sắng làm không? Tự mình thỏa mãn thành tích của mình hay không? Nếu tự mình cảm thấy không thỏa mãn thì phải sám hối, phải sửa lỗi, ngày mai làm tốt hơn hôm nay, đó gọi là tu hành; khóa tụng sáng tối này của bạn thành tựu công đức chân thật, chẳng phải chỉ làm trên hình thức. Ngày nay người ta tu hành chỉ có hình thức, chẳng có thật tế, do đó họ không thể thành công. Câu cuối cùng:

Thị thiện nam tử đẳng, sở nguyện tốc thành, vĩnh vô chướng ngại.

Thì điều nguyện cầu của các thiện nam thiện nữ đó sẽ chóng được thành tựu, vĩnh viễn không bị chướng ngại.

'Sở nguyện' là ba nguyện nói ở phần trước, nguyện độ chúng sanh, nguyện thành Phật đạo, nguyện thoát ra khỏi Tam Giới, lục đạo đều có thể thành tựu. Chúng ta phải ghi nhớ, hiểu rõ việc này.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Nhóm Diệu Âm, ngày 4 tháng 9 năm 2006

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 47 (Số 14-12-47)

Xin mở cuốn Khoa Chú, quyển Hạ, trang 69.

Phục thứ Quán Thế Âm nhược vị lai thế hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu hiện tại vị lai bá thiên vạn ức đẳng nguyện, bá thiên vạn ức đẳng sự, đản đương quy y chiêm lễ cúng dường tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, như thị sở nguyện sở cầu tất giai thành tựu.

Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn cầu trăm ngàn vạn ức điều nguyện, trăm ngàn vạn ức sự việc về hiện tại cùng vị lai, chỉ nên quy y, chiêm lễ, cúng dường, ngợi khen hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng; thì các điều sở nguyện sở cầu như thế ắt đều thành tựu cả.

Đây là đoạn thứ năm, dùng cách hiện nay để nói chính là có cầu ắt ứng, có nguyện ắt thành. Đây là nói về người thế gian, bất luận là trong quá khứ hay trong hiện tại, bất luận là người Trung Quốc hay ngoại quốc, có thể nói chẳng có một chúng sanh nào chẳng mong cầu như vậy. Ai cũng có mong cầu, mấy ai trong đời có thể thỏa mãn tâm nguyện của mình? Chắc chắn là người mong cầu rất nhiều, người thật sự được toại nguyện vô cùng hiếm hoi. Người thế gian có mong cầu, khi nguyện ấy được toại nguyện, đại đa số đều là trong mạng của người đó có sẵn. Họ cầu tiền tài, trong mạng người ấy đích thật có tiền tài, khi thời cơ, nhân duyên chín muồi thì họ sẽ phát tài. Trong mạng họ có địa vị, tới lúc thời cơ nhân duyên chín muồi thì họ sẽ được làm quan, đó đều là trong mạng có sẵn. Sự mong cầu nói trong đoạn này là trong mạng bạn chẳng có, chẳng có mà bạn cầu được mới gọi là có cầu ắt ứng. Trong mạng có sẵn thì không tính, đây là trong mạng chẳng có. Nếu chẳng có mà muốn cầu được thì rất khó, chẳng dễ đâu. Đây là oai thần chư Phật Bồ Tát gia trì, nói thật ra gia trì vẫn thuộc về tăng thượng duyên, thật sự nguyên nhân chủ yếu cũng là chính mình, chính mình y theo lời dạy của Phật, sốt sắng nỗ lực tu học, bây giờ tu thì bây giờ được cảm ứng. Đây chẳng phải là do đời trước, mạng đời trước của bạn chẳng có, là do bạn tạo ngay bây giờ. Chúng ta phải hiểu rõ quan hệ nhân quả trong đó, hiểu rành rẽ thì bạn sẽ không ngờ vực, và cũng không trách Phật, Bồ Tát bảo hựu người khác mà chẳng bảo hựu bạn? Vì họ làm theo, bạn không làm theo, nếu bạn hiểu được việc này thì mới biết thật sự là có cầu ắt ứng.

Phía trước nói người mong cầu, việc được mong cầu, trong kinh nói rất rõ ràng, đặc biệt nói 'nếu trong đời tương lai', trong đoạn này mỗi một tiết đều nói về đời vị lai, thời đại hiện nay của chúng ta thuộc 'đời vị lai' này. Điều kiện của người mong cầu, phát nguyện này nhất định phải là 'thiện nam tử, thiện nữ nhân', 'thiện' là chữ then chốt; nếu không phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân, bạn y theo phương pháp này để cầu chưa chắc sẽ được cảm ứng, do đó chữ này là chữ then chốt. Hồi trước tôi giảng kinh Địa Tạng có thính chúng từng hỏi, tại sao họ tu học y theo kinh điển này, họ rất thành tâm, rất thành khẩn, thiết tha, nhưng cầu không được? Do đó họ nghi ngờ lời dạy trong kinh không đáng tin, họ tới hỏi tôi. Tôi chỉ chữ này, tôi nói: 'Ông có làm được [tới tiêu chuẩn của] chữ 'thiện' này hay không?' Ông ta suy nghĩ và hiểu được [rằng

ông chưa làm đến tiêu chuẩn của chữ thiện này]. Vì kinh này là kinh Đại Thừa, bạn tu học y theo phương pháp này, nguyện của bạn là nguyện nhỏ thì bạn chỉ cần có thiện nhỏ là được. Nếu nguyện của bạn là nguyện to lớn thì bạn nhất định phải có thiện lớn. Tiêu chuẩn của thiện là Tam Phước, bạn muốn cầu được sự việc thù thắng và quả báo thù thắng trong cõi trời và người, thì bạn phải làm việc thiện trong cõi trời người *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười nghiệp thiện'*, bạn làm được hay chưa? Nếu bạn thật sự làm được thì bạn là thiện nam tử, thiện nữ nhân trong thế gian, phước báo thù thắng trong thế gian bạn có thể cầu được. Còn quả báo thù thắng xuất thế gian bạn chưa chắc sẽ cầu được, tại sao vậy? Tiêu chuẩn thiện ấy cần phải nâng cao lên mới được.

Cho nên bạn mong cầu quả báo Nhị Thừa thì nhất định phải *'thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi'*, ba câu này thoạt nghe hình như chẳng khó hiểu, nhưng thật ra chẳng dễ, chẳng dễ hiểu. Tam quy là gì? Hiện nay rất nhiều người coi nhẹ việc này, họ coi việc này rất đơn giản, rất dễ dàng. Cứ tìm pháp sư, ở trước tượng Phật niệm vài câu kệ thì tưởng là đã quy y, làm gì có chuyện tiện nghi như vậy? 'Quy' là thực sự quay về, 'y' là thực sự nương tựa. 'Quy y Phật' là từ mê hoặc điên đảo quay lại, thực sự nương vào tự tánh giác. Quy y Pháp là từ tà tri tà kiến, tức là tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm quay lại, nương vào chánh tri chánh kiến. Quy y Tăng là từ hết thảy ô nhiễm quay trở lại nương vào tâm thanh tịnh, dễ gì làm được như vậy? Đây là thiện pháp xuất thế gian. Điều thứ nhất trong Tam Phước là thiện pháp thế gian, điều thứ hai là thiện pháp xuất thế gian. Do đó có thể biết ngày nay chúng ta thọ Tam Quy và thọ giới, người xưa nói chẳng sai 'có danh không thật', tự mình phải hiểu rõ. Hiện nay người xuất gia thọ giới Tỳ Kheo tự cho mình đã thuộc vào hàng tỳ-kheo, đại sư Ngẫu Ích nói đó là vọng ngữ. Họ chẳng đắc giới tỳ kheo, cứ tưởng là mình là tỳ kheo, lỗi này rất nặng. Đại sư Ngẫu Ích nói từ đời Nam Tống trở về sau ở Trung Quốc đã chẳng có tỳ kheo nữa, giới tỳ kheo tối thiểu phải được năm vị tỳ kheo truyền giới, đương nhiên tốt nhất là mười vị, nếu tìm không đủ mười vị thì năm vị. Đủ năm vị tỳ kheo mới có thể truyền giới tỳ kheo.

Sau đời Nam Tống, Trung Quốc chẳng có tỳ kheo, nhưng cũng truyền giới theo lệ, trong tâm chúng ta nhất định phải hiểu rõ đây là truyền giới trên mặt danh tự, chẳng có thật chất. Tại sao phải làm hình thức này? Chúng ta đọc tụng Giới Kinh, tránh cho người khác hủy báng, Giới Kinh nói người chưa thọ giới không được coi, chúng ta thọ giới trên hình thức để đọc Giới Kinh. Hồi trước Chương Gia đại sư nói với tôi khi bạn thật sự có thể làm được một điều, hiểu được một điều thì làm một điều, vậy thì bạn đã thọ giới điều này, [thọ giới] chẳng ở trên hình thức. Tuy bạn đã thọ giới ở giới đàn, nhưng bạn không giữ tròn giới đó thì kể như là bạn chẳng có thọ giới, do đó chúng ta nhất định phải biết thân phận của mình. Sau khi Ngẫu Ích đại sư thọ giới Tỳ Kheo xong, ngài đối trước Phật, Bồ Tát trả lại giới, ngài trì giới Sa Di. Vì không có tỳ kheo, nên có thể thề trước Phật, Bồ Tát để thọ giới Sa Di, thọ giới Bồ Tát cũng vậy, do đó cư sĩ tại gia có thể thọ giới Bồ Tát và giới Sa Di vì thọ hai giới này không cần có tỳ kheo. Còn giới Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni cần phải có tỳ kheo thật sự, nếu không có tỳ kheo thật sự thì tuyệt đối không đắc giới. Do đó Ngẫu Ích đại sư cả đời tự xưng là Bồ Tát Giới Sa Di, đây là tổ sư đại đức làm gương cho chúng ta. Lão nhân gia tự xưng là sa di, đồ đệ của ngài là pháp sư Thành Thời không dám xưng là sa di. Pháp sư Thành Thời chỉnh lý trước tác của Ngẫu Ích đại sư xong khắc ván lưu thông, công đức này rất lớn. Nếu không có pháp sư Thành Thời thì trước tác của Ngẫu Ích đại sư sẽ không được truyền cho hậu thế. Pháp sư Thành Thời tự xưng Bồ Tát Giới Xuất Gia Ưu Bà Tắc. Ngày nay chúng ta gọi Ưu Bà Tắc là cư sĩ, bạn coi pháp sư Thành Thời khiêm tốn như vậy đó. Tôi là cư sĩ xuất gia, các bạn là cư sĩ tại gia, đây là thân phận 'danh phù hợp

thật’, là quan niệm và lý luận chính xác. Gần đây pháp sư Hoằng Nhất là một vị rất thông thạo giới luật, ngài cũng tự xưng là Xuất Gia Ưu Bà Tắc. Đây là việc chúng ta nhất định phải hiểu, phải biết thân phận mình là gì thì mới không đến nỗi phạm sai lầm.

Nhưng Xuất Gia Ưu Bà Tắc có thể học Bồ Tát không? Có thể học, Bồ Tát Xuất Gia Ưu Bà Tắc đương nhiên có thể học Bồ Tát. Điều thiện của Bồ Tát nhất định phải phát tâm Bồ Đề, phát tâm Bồ Đề tức là thật sự phát tứ hoằng thệ nguyện ‘chúng sanh vô biên thệ nguyện độ’, bạn còn làm tổn thương hết thảy chúng sanh nữa sao? Bạn giúp họ còn không xuể thì làm sao có thể gây tổn thương cho họ? Nếu chúng ta bất mãn đối với bất cứ một chúng sanh nào, chê bỏ họ, dùng tâm sân hận để đối xử với họ thì tâm Bồ Đề của chúng ta chẳng còn nữa. Tâm Bồ Đề là tâm đại từ đại bi, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Từ thanh tịnh, bình đẳng, giác sanh khởi đại từ bi, có tâm Bồ Đề thì bạn mới có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh thì trước hết phải thành tựu đức hạnh, trí huệ của mình, do đó phải đoạn phiền não, đoạn tập khí, ‘phiền não vô biên thệ nguyện đoạn; thành tựu học vấn và trí huệ của mình là ‘pháp môn vô lượng thệ nguyện học’. Sau đó ‘Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành’; ba nguyện sau là để hoàn thành nguyện thứ nhất, bạn thành Phật để làm gì? Đoạn phiền não để làm gì? Bạn học pháp môn để làm gì? Thành Phật đạo để làm gì? Là để độ hết thảy chúng sanh, chẳng phải vì chính mình. Nếu nói đoạn phiền não là vì chính mình, học pháp môn cũng là vì chính mình thì đó là Tiểu Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát, họ chưa đoạn hết ngã chấp và pháp chấp, đương nhiên ngã chấp và pháp chấp của họ ít hơn phàm phu chúng ta quá nhiều, nhưng vẫn chưa sạch sẽ rốt ráo, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Do đó chữ ‘thiện’ ở đây là chữ then chốt, chúng ta đã thực hiện được chưa? Chúng ta có phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân như trong kinh nói hay không? [Đoạn này] giải thích về ‘người có thể cầu’ trước.

Tiếp theo sau là nói về những việc mong cầu. Những việc mong cầu rất rộng, rất nhiều, chuyện bạn mong cầu không có gì không toại nguyện. Chú giải ghi rất hay, chúng ta hãy đọc thử *‘nguyện niệm tại nội’* (*nguyện vọng và ý niệm ở bên trong*) bạn có nguyện, có ý niệm mong cầu, có ý: *‘sự tướng cứ ngoại’ (sự tướng ở bên ngoài)*, việc bạn mong cầu ở bên ngoài. *‘Ước thế xuất thế gian, tắc hữu bá thiên vạn ức’ (Trong thế gian, xuất thế gian, có trăm ngàn vạn ức)*, chuyện bạn mong cầu quá nhiều, nói chẳng hết. *‘Hoặc cầu hiện sanh quả toại’ (hoặc cầu đời này được quả báo toại nguyện)*, hoặc cầu trong đời này nguyện vọng của bạn đều được xứng tâm như ý, ‘toại’ nghĩa là xứng tâm như ý. *‘Hoặc kỳ tha thế tùng tâm’ (hoặc mong cầu đời sau sự việc xứng tâm vừa ý)*, hoặc hy vọng đời sau, việc bạn mong cầu chẳng phải là đời này, mà đời sau có quả báo thù thắng. Sau đó pháp sư dẫn ‘Địa Tạng Thập Luân Kinh’, kinh nói *‘thử thiện nam tử, tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, hoặc vi đa văn’ (Người trai lành ấy ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình vì muốn được đa văn)*, ở đây nêu vài thí dụ, hy vọng trong đời này có cơ duyên tốt có thể nghe được Phật pháp. Hoặc là *‘tịnh tín, tịnh giới, tịnh lự’*, tịnh lự là thiền định, *‘đó là thần thông, bát nhã, giải thoát, diệu sắc thanh, hương, vị, xúc, lợi dưỡng, danh văn, công đức, hoa quả, rừng cây, giường chiếu, nhà cửa, v.v.*, đây là vài thí dụ, những gì người thế gian, xuất thế gian hy vọng mong cầu quá nhiều, quá nhiều. Tiếp theo là ngài dạy chúng ta phương pháp:

Đản đương quy y chiêm lễ cúng dường tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, như thị sở nguyện sở cầu tất giai thành tựu.

Nên chỉ quy y, chiêm lễ, cúng dường, ngợi khen hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng thì các điều sở nguyện sở cầu như thế ắt đều thành tựu.

Đoạn này thật ra chính là 'Tu hành đúng như lời dạy' trong Phẩm Hạnh Nguyện, đây là câu thứ nhất trong các pháp cúng dường. Chỉ cần bạn có thể thật sự cúng dường bằng cách tu hành đúng như lời dạy thì nguyện của bạn không khi nào chẳng được toại nguyện, bạn đều có thể đạt được. Do đó nhất định phải hiểu ý nghĩa của câu này thiệt rõ ràng, thiệt thấu triệt, bốn chữ 'quy y cúng dường' này quan trọng nhất. 'Quy' là quay về, từ hết thảy những sai lầm của chúng ta thật sự quay lại, quay về nghĩa là sám hối. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi *'Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng'*, đây là thật chứ chẳng giả. Lúc bạn có cầu nhưng không ứng được, chẳng có cảm ứng là vì nguyên nhân gì? Vì chính bạn có nghiệp chướng, chỉ cần bạn sám hối, tiêu trừ nghiệp chướng thì cảm ứng sẽ hiện ra. Tôi thỉnh giáo ngài làm sao sám trừ nghiệp chướng? Ngài dạy tôi bốn chữ *'hậu bất tái tạo' (sau không làm nữa)*, nghe xong tôi hiểu được. Thiện tri thức thật sự chẳng nói dối, cũng không nói vòng vo dài dòng, lời ngài dạy vô cùng đơn giản, trọng yếu. Trong nhà Phật rất nhiều nghi thức sám hối đều chẳng cần thiết [nếu bạn hiểu được bốn chữ trên]. Khi biết bạn sai rồi, từ rày về sau không phạm lại cùng một sai lầm đó nữa, như vậy gọi là thật sự sám hối. Tôi học theo ngài ba năm, cách ngài dạy khác với cách dạy của các pháp sư, đại đức khác, làm cho chúng tôi cảm thấy rất hợp tình, hợp lý, hợp pháp, chẳng thể không khâm phục.

Từ đó tôi mới hiểu tự biết mình phạm lỗi thì đó là giác ngộ; chữ 'biết' đó chính là giác, bạn đã giác ngộ. Có thể sửa lỗi và cải chính trở lại là tu hành, là sám hối. Cho nên nhà Phật nói về chuyện tu hành, hai chữ 'sám hối' đều bao gồm hết thảy [chuyện tu hành], tức là không tái phạm những lỗi lầm giống vậy. Nhà Nho nói 'bất nhị quá' (không phạm lỗi hai lần) chẳng khác những gì nhà Phật nói, lỗi chỉ có thể phạm một lần, không thể phạm lỗi lần thứ hai, lần thứ nhất là vì bạn ngu si, sau khi hiểu xong và giác ngộ rồi không phạm lại lần thứ hai, đó là quay về, thật sự quay lại. Sau khi quay về thì đời sống chúng ta, hành vi chúng ta, xử sự đãi người tiếp vật nên noi theo cái gì? Noi theo lời dạy trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, đó gọi là 'quy y', bạn quy y Địa Tạng Bồ Tát. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói hành động trái ngược với lời dạy trong kinh này thì chúng ta chẳng có quy y, chúng ta không có nơi nương dựa. Bạn không noi theo và làm theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát. Sự quy y đó là giả, có danh không thật. Mang tiếng là 'quy y' nhưng không thật sự quy y, nói cho chư vị biết không những chẳng có lợi ích mà còn có tội lỗi nữa. Khi chưa quy y bạn phạm tội thì chỉ kết một tội; sau khi quy y, bạn đã biết rõ mà cố phạm thì bạn sẽ phạm hai tội. Đạo lý này không khó hiểu, tôi tin người có căn tánh bậc trung đều có thể hiểu rõ ràng. Cho nên người thiện là người thật sự quy y.

'Chiêm lễ' là tụng niệm hằng ngày, hiện nay chúng ta gọi là khóa tụng sáng tối, đây là để nhắc nhở chính mình, trong khóa tụng sáng tối bạn phải chiêm ngưỡng, lễ lạy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát. Lễ lạy là cung kính, biểu lộ lòng thành kính của mình, y giáo phụng hành. Chúng ta noi theo kinh luận nào để tu hành? Chúng ta không có khả năng học thuộc lòng hết bộ kinh, thì phải trích lục những lời dạy quan trọng trong kinh ghi ra rồi học thuộc lòng, mỗi ngày phải đọc cho thuộc. Đương nhiên nếu bạn có thời giờ thì mỗi ngày đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện một lần cũng tốt, nói thật ra niệm một lần cũng chưa đủ, tại sao vậy? Không nhớ nổi. Vẫn phải chọn những lời dạy quan trọng rồi chép ra, cũng như cuốn 'Quy Tắc Tu Học Tịnh Tông' vậy, chúng tôi chọn từ kinh Vô Lượng Thọ và chép ra 60 điều để cho dễ nhớ. Chúng ta phải làm cho bằng được mỗi điều trong 60 điều này. Chúng tôi cũng chọn 60 điều từ kinh Bảo Tích, từ kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo. Trong kinh này, Thế Tôn chuyên nói về đời Mạt Pháp, tức là thời đại hiện nay chúng ta, những lỗi lầm mà người xuất gia chúng ta thường phạm mà chính chúng ta cũng không biết, tự mình không biết mình đã phạm sai lầm, vẫn nghĩ là mình làm đúng. Đức Phật kể ra chúng ta mới bất chợt tỉnh

ngộ, mỗi ngày đều tạo tội nghiệp mà còn cảm thấy là chính mình tu hành rất giỏi; tương lai rơi vào ba đường ác rồi còn không biết tại sao lại đọa lạc, bạn nói có đáng thương, có đáng sợ hay không? Do đó bộ kinh này rất quan trọng.

Lời khai thị của Thế Tôn đối với người xuất gia đời Mạt Pháp, quở trách một số lỗi lầm chúng ta nên sửa đổi, chẳng phải chỉ nêu trong kinh này mà thôi. Nhưng chúng ta trích lục ra vài điều này, trước hết chúng ta phải sửa những lỗi lớn trước, sau đó mới sửa lỗi nhỏ. Nếu lỗi lớn không sửa nổi thì lỗi nhỏ sẽ không dễ gì sửa được, chẳng đạt được hiệu quả. Do đó phải thật sự tu hành y theo lời dạy trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, lời dạy trong kinh cũng phải chọn ra vài chục điều, bày trước mặt chúng ta, phải làm theo hằng ngày, đó gọi là 'cúng dường bằng cách tu hành y theo lời dạy', đó là việc tự tu. Không những chính bạn phải y giáo phụng hành, bạn còn phải giáo hóa chúng sanh, đó là pháp Đại Thừa. Điều thiện của Bồ Tát Đại Thừa *'Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa'*, phía sau còn *'khuyến tấn hành giả'*, cho nên tự mình làm cũng chưa đủ, còn phải khuyên người ta làm theo.

'Tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng', chữ 'hình tượng' này, nói cho chư vị biết chẳng phải là hình tượng do đúc nặn, tô vẽ mà có, các bạn suy nghĩ coi đây là hình tượng gì? Là hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng thị hiện trong nhân gian. Ngài dùng tâm gì khi xử sự, đãi người, tiếp vật, ngài dùng thái độ như thế nào khi tiếp xúc với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, đó gọi là hình tượng. Lời xưng tán, giảng giải công đức của Địa Tạng Bồ Tát, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng giải kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, kinh Địa Tạng Thập Luân, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đó là chuyên tán thán hình tượng Địa Tạng Bồ Tát. Cho nên mọi người đừng hiểu lầm rằng tạo một tượng Bồ Tát là tán thán, nghĩ vậy thì sai rồi. Chữ tán thán ở đây, một là vì người diễn thuyết, hai là làm gương cho người khác, bạn tu pháp môn Địa Tạng, bạn có giống Địa Tạng Bồ Tát hay không? Hình tượng của bạn có phải là hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát hay không? Đó mới gọi là tán thán thật sự. Nếu bạn có thể làm như vậy, Địa Tạng Bồ Tát trong thời kỳ Mạt Pháp thay mặt Thế Tôn hoằng pháp lợi sanh, tiếp dẫn đại chúng, thì những gì bạn nguyện, bạn cầu đâu lẽ nào không thành tựu cho được? Chư vị nghĩ coi những gì bạn cầu, bạn nguyện là công đức trong tự tánh của bạn hiện tiền hay là do Phật, Bồ Tát gia trì cho bạn? Cả hai đều có, tự tánh công đức là nhân, Phật, Bồ Tát gia trì là duyên. Nếu chính mình không tu trì chân thật thì duyên của Phật, Bồ Tát chẳng thể gia trì, [các ngài] muốn tạo tăng thượng duyên cho bạn cũng không được, chẳng giúp gì được. Nhất định tự mình phải có nhân, bạn có nhân thật sự, sau đó Phật, Bồ Tát tạo trợ duyên cho bạn, quả sẽ thành tựu rất thuận lợi, đạo lý là như vậy. Xin xem đoạn kinh tiếp theo:

Phục nguyện Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi, vĩnh ủng hộ ngã, thị nhân ư thùy mộng trung tức đắc Bồ Tát ma đảnh thọ ký.

Nếu lại cầu mong Bồ Tát Địa Tạng, đấng đầy đủ lòng đại từ bi, mãi mãi ủng hộ cho mình, thì người đó trong giấc chiêm bao liền được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho.

Chú giải chú thích rất hay *'quy cúng hiệp pháp' (quy y cúng dường đúng pháp)*, câu này quan trọng vô cùng, quy y cúng dường đúng pháp; *'cầu khẩn như tâm, cố cảm Đại Sĩ mộng trung thọ ký' (cầu khẩn như tâm nên cảm được Đại Sĩ trong mộng thọ ký)*, đây là Bồ Tát tạo tăng thượng duyên cho bạn. Nếu bạn quy y cúng dường chẳng đúng như pháp, bạn có mong cầu như thế nào đi nữa đều không được cảm ứng. Cho nên nói mong cầu đúng lý đúng pháp thì nhất định sẽ được toại nguyện, vả lại cho dù vì mình

cũng là vì chúng sanh. Như tứ hoằng thệ nguyện: nguyện đoạn phiền não, nguyện học pháp môn, nguyện thành Phật đạo, tại sao vậy? Vì chúng sanh. Nếu nói chỉ vì muốn thành tựu cho chính mình chứ chẳng dốc hết tâm lực để ủng hộ chúng sanh, thì nguyện ấy rất khó thành tựu. Vì chúng sanh và cũng vì chính mình là chẳng sai, nhưng vẫn có chướng ngại, có chướng duyên. Vì chúng sanh không vì chính mình thì nguyện đó sẽ rất thuận lợi, rất dễ được thành tựu. Nhiều khi nguyện vì chúng sanh chẳng vì chính mình không thể thành tựu là do nguyên nhân gì? Nghiệp chướng của chúng sanh rất nặng, không phải là Bồ Tát chẳng chịu giúp đỡ, nhưng nghiệp chướng của chúng sanh quá nặng, không chịu nghe lời dạy, họ nhất định sẽ thọ quả báo, sau khi nhận chịu quả báo mới tỉnh ngộ, đến lúc đó Phật, Bồ Tát sẽ đến cứu họ. Do đó có thể biết Phật, Bồ Tát hiện thân hay không, Phật, Bồ Tát thuyết pháp hay không, Phật, Bồ Tát dạy chúng sanh hay không đều là từ bi. Ngài không hiện thân, không thuyết pháp, không dạy chúng sanh vì duyên chưa chín muồi. Duyên này là ở bên phía của chúng sanh, chẳng ở bên Phật, Bồ Tát. Chính mình nhất định phải giữ tâm tốt, làm việc tốt, phát nguyện lành thì mới có thể cảm được Phật, Bồ Tát hiện thân thuyết pháp và đến để giúp đỡ chúng ta. Nếu tâm chúng ta không thiện, hạnh chẳng thiện thì Phật, Bồ Tát tuyệt đối sẽ chẳng đến, khi hiểu những đạo lý này rồi mới biết tại sao có người cầu thì Phật, Bồ Tát liền hiện thân? Còn có người ngày nào cũng cầu, đã cầu hết bao nhiêu năm nhưng ngay cả bóng của Phật, Bồ Tát cũng chẳng thấy được, đạo lý là như vậy.

Nói thật ra chư Phật, Bồ Tát giảng hết thảy kinh pháp chẳng qua là nhằm giải thích rõ về những sự lý chân tướng trong vũ trụ nhân sanh, và những sự lý nhân quả chuyển biến tương tục. Những chân tướng sự thật này, những đạo lý và sự thật của việc chuyển biến đều ở trước mắt chúng ta, sáu căn chúng ta mỗi ngày tiếp xúc những cảnh giới này, giống như trong kinh có nói khi tiếp xúc chúng ta mê chứ chẳng giác, bày ngay trước mặt nhưng nhìn chẳng ra, nghe chẳng hiểu. Chư Phật, Bồ Tát thương xót chúng ta, trong những sự tướng trước mắt, các ngài nhắc cho chúng ta tỉnh ngộ. Chư vị hãy quán sát kỹ lưỡng, suy nghĩ kỹ càng. Bạn coi kinh Hoa Nghiêm, hết thảy những kinh luận Đại Thừa, Tiểu Thừa có phải là như vậy hay không? Nếu chúng ta có thể hiểu được thì giống như trong đại kinh có nói chư Phật Như Lai vì hết thảy chúng sanh giảng kinh thuyết pháp *'trần thuyết 1**[1]**, sát thuyết, vô gián đoạn thuyết' (vi trần nói, cõi nước nói, nói không gián đoạn)*, đây là sự thật.

Chiều hôm qua, ông Lý hội trưởng mời tôi cùng đi thăm cụ Hồng, cụ Hồng bịnh rất nặng suốt mấy năm nay, cụ phát tâm hiến tặng miếng đất cho chúng tôi xây làng Di Đà, miếng đất ở Dương Thác Cảng là của cụ. Lúc trước tôi có đi thăm cụ một lần, bịnh cụ đã tới thời kỳ nguy ngập, âm thanh nói chuyện của cụ rất mơ hồ, tôi ở kế bên ráng hết sức lắng nghe nhưng không hiểu cụ nói gì, cụ nói tiếng Phước Kiến, tôi hiểu tiếng Phước Kiến nhưng chẳng hiểu cụ nói gì. Thân thể cụ rất yếu, chính cụ cũng cảm thấy [mình bịnh quá nặng] sáng không bảo đảm [có sống được tới] tối hay không, cho nên cụ hiến miếng đất này để xây làng Di Đà, cụ vô cùng khẩn thiết, mỗi ngày gọi rất nhiều cú điện thoại cho ông Lý Mộc Nguyên, ông Lý Mộc Nguyên mỗi ngày đi thăm cụ Hồng ba bốn lượt, có một hôm ông đã đi tới đó bảy lượt. Hôm qua tôi đi thăm thấy cụ [so với lần trước] là hai người hoàn toàn khác hẳn, bây giờ cụ sắc mặt hồng hào, nói chuyện được rất nhiều, âm thanh rất rõ ràng, mỗi câu nói tôi đều nghe được rất rõ ràng, tôi đều hiểu được [ý cụ nói]. Tinh thần, khí sắc, thể lực đều rất tốt, nghe nói mỗi

---

1[1] Gọi là "trần thuyết" vì theo cái nhìn của Phật, trong một vi trần có vô lượng vô biên cõi nước, nên kinh nói "khai đại thiên kinh quyển ư vi trần" tức là trong một vi trần đã hàm chứa vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn ý nghĩa. "Sát thuyết" là tất cả sự việc, tất cả pháp hữu tình hay vô tình đều bao hàm vô lượng nghĩa lý, đều thể hiện Nhất Chân nên cả cõi nước đều là thuyết pháp.

sáng cụ đều đi xuống lầu vận động, lúc trước còn ngồi xe lăn hiện nay khỏi phải ngồi xe lăn rồi, cụ có thể đi xuống lầu tập thể dục, thiệt là chẳng thể nghĩ bàn!

Hôm qua nghe cụ nói: "Tôi phát nguyện hiến tặng miếng đất này, hy vọng tôi có thể khỏi bịnh, tới nay quả thật đã khỏi bịnh rồi". Chỗ ung thư ở cổ họng của cụ đã mổ xong, bác sĩ nói vết mổ ở cổ họng sau hai tháng có thể bình phục, sức khoẻ sẽ hoàn toàn bình phục. Hôm qua chúng tôi đã cùng nhau bàn bạc rất nhiều chuyện, cụ tiếp đãi chúng tôi thật thân thiết. Lý Mộc Nguyên nói với tôi, Hồng lão cư sĩ đích thật là một người làm từ thiện nổi tiếng ở địa phương này, có cầu ắt ứng, ai cầu cụ giúp đỡ nhất định sẽ không thất vọng. Cư Sĩ Lâm có lần đã từng kêu gọi cụ giúp đỡ, cụ vô cùng khảng khái, hỏi cụ hiến tặng bao nhiêu tiền, cụ viết một tấm chi phiếu trống không và nói 'quý vị cần dùng bao nhiêu thì tự ghi số tiền vào chi phiếu'. Cả đời làm việc thiện, đến già bị bịnh này, đây là thánh nhân (nhân duyên thánh thiện), đi đâu tìm được cơ hội nhân duyên này, cụ có thể gặp được, lại có thể khảng khái như vậy. Dựa trên giá cả hiện nay, miếng đất của cụ trị giá sáu chục triệu, lúc nói chuyện với Lý Mộc Nguyên, cụ giảm xuống còn bốn chục triệu, sau cùng bớt còn hai mươi lăm triệu, bây giờ giảm tới mười lăm triệu, vả lại còn nói với chúng tôi tương lai xây dựng làng Di Đà không đủ tiền cụ sẽ cho thêm, cụ vô cùng hoan hỷ.

Sau khi rời khỏi chỗ của cụ Hồng, chúng tôi đến thăm lão Lâm Trưởng Trần Quang Biệt, ông Biệt hiện nay cũng đang bị bịnh, mỗi ngày nghe kinh, coi băng giảng kinh, mỗi ngày coi tám tiếng đồng hồ. Trong phòng ngủ của ông có đặt một máy TV và máy hát băng video, hiện nay ông đang coi giảng ký kinh Kim Cang, vạn duyên buông xuống một lòng niệm Phật. Gần đây có mấy vị cư sĩ đều bị bịnh rất nặng, vừa phát tâm liền hết bịnh, hoàn toàn lành bịnh, đi tái khám đều trở lại bình thường, thật sự là chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên cầu Địa Tạng Bồ Tát vĩnh viễn bảo hựu, thật sự có thể làm được. Chỉ cần thiện tâm chẳng thoái chuyển, Bồ Tát trước sau cũng sẽ bảo hựu bạn; nếu bạn thoái tâm thì Bồ Tát liền rời khỏi. Vĩnh viễn chẳng thoái tâm, vĩnh viễn y giáo phụng hành, càng làm thì lòng tin càng kiên định, càng thanh tịnh, pháp hỷ sung mãn, càng làm càng hoan hỷ, chư Phật, Bồ Tát làm sao không hộ niệm cho được! Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, thiên long thiện thần sẽ ủng hộ, đây là đạo lý nhất định. Cho nên những chuyện này đều bắt đầu từ sự chân tu của chính mình. Sự cầu nguyện này là của Đại Thừa Bồ Tát, cầu Địa Tạng Bồ Tát đại từ đại bi vĩnh viễn bảo hựu; Bồ Tát đáp ứng thì sẽ hiện trong mộng của bạn, trong mộng bạn thấy Bồ Tát xoa đầu thọ ký. Trong bộ chú giải, [ngài Thanh Liên] giảng câu cuối cùng là *'Nhược phi tín lực kiên cố, an hữu như thị thoại tướng' (nếu không có lòng tin vững chắc thì làm sao có tướng tốt lành như vậy)*, tướng lành hy hữu này đều nhờ lòng tinh thanh tịnh kiên cố mà có. Chúng ta đọc xong phải nên học theo. Xem tiếp đoạn thứ sáu, *'phát hiện sanh trí huệ' (sanh trí huệ trong đời này)*, nói thật ra chuyện này có quan hệ quá lớn đối với chúng ta. Chúng ta nghiên cứu kinh điển, học Giáo mà trí huệ chưa mở mang, đoạn này dạy chúng ta phương pháp mở mang trí huệ.

Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát, nhược vị lai thế.

Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai.

Câu này nói về chúng ta ngày nay, nói cách khác đều là dạy chính chúng ta, chẳng phải dạy người khác.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào.

Chú ý chữ 'thiện' này, Tịnh Nghiệp Tam Phước quan trọng lắm, đó là *'tịnh nghiệp chánh nhân của ba đời chư Phật'*. Học Phật pháp phải bắt đầu từ đâu? 'Tam Phước' là cơ sở, nếu bỏ sót, lơ là chuyện này, chẳng sốt sắng mong cầu thì cả đời bạn không thể thành tựu. Giống như xây nhà, trừ phi bạn dựng túp lều tranh thì còn được, nếu bạn muốn xây lầu cao thì tuyệt đối không thành, tại sao vậy? Vì bạn chẳng xây nền móng, Tam Phước là nền móng, là cơ sở. Cơ sở của bạn xây vững chắc thì căn lầu của bạn mới có thể xây cao. Ngày nay người ta xây những nhà cao cả mấy chục tầng, trên một trăm tầng, nền móng ấy phải xây cho thật vững chắc. Tam Phước chính là cơ sở cho việc thành Phật. Chỉ có câu thứ nhất là cơ sở của phước báo nhân thiên, chẳng thoát ra khỏi lục đạo, thiện nhân thiện quả phước báo trong lục đạo bạn chắc chắn sẽ hưởng được vì bạn có cơ sở này, có thể nói là bạn sẽ không đọa ba đường ác, đời đời kiếp kiếp đều hưởng phước báo nhân thiên. Nếu phước thứ hai trong Tam Phước bạn tu được rất sốt sắng, rất cứng cáp thì quả báo của bạn ở trong Tứ Thánh pháp giới, Tứ Thánh pháp giới trong thập pháp giới gồm có: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và quả vị Phật trong thập pháp giới, bạn sẽ được phước báo này. Bạn có đủ phước báo của Bồ Tát Đại Thừa thì bạn mới có thể siêu việt thập pháp giới, hưởng phước báo của Nhất Chân pháp giới. Nếu chúng ta không sốt sắng tu tập cơ sở này thì chúng ta sẽ không đạt được những công đức lợi ích thù thắng trong Phật pháp. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, nhất định phải hiểu rõ.

Xin xem kinh văn, Khoa Chú quyển Hạ, trang 70, kinh văn trong đoạn hai:

Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát, nhược vị lai thế thiện nam tử thiện nữ nhân, ư Đại Thừa kinh điển thâm sanh trân trọng, phát bất tư nghị tâm, dục độc dục tụng, túng ngộ minh sư giáo thị lịnh thục, toàn đắc toàn vong, động kinh niên nguyệt bất năng độc tụng, thị thiện nam tử đẳng hữu túc nghiệp chướng vị đắc tiêu trừ, cố ư Đại Thừa kinh điển vô độc tụng tánh.

Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ nào đối với kinh điển Đại Thừa sanh lòng trân trọng thâm sâu, phát tâm không nghĩ bàn muốn đọc, muốn tụng, dầu gặp được bậc minh sư dạy bảo cho thành thục, song đọc rồi lại quên, trải đến cả tháng, cả năm vẫn không đọc tụng được; những kẻ thiện nam này vì có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch, cho nên đối với kinh điển Đại Thừa không có tánh đọc tụng.

Câu này dạy chúng ta phương pháp cầu trí huệ. Vì nếu không có trí huệ, muốn tu học Đại Thừa không những chẳng thể khai ngộ, ngay cả kinh văn cũng chẳng thuộc. Trong thời đại chúng ta, những người trung niên trở lên học Phật thường gặp phải sự khó khăn này. Người trẻ tuổi học Phật vẫn là thiểu số, họ phải là người đời trước có thiện căn sâu dày thì lúc còn trẻ mới có thể tiếp xúc [tới Phật pháp]. Tôi có cơ hội tiếp xúc Phật pháp lúc 26 tuổi, lúc đó tôi biết đã quá trễ, gặp được Phật pháp quá trễ rồi, lúc trẻ tuổi, trong thời gian tốt nhất [để học Phật] tôi chẳng có duyên phận [gặp được Phật pháp], đến lúc có thể hiểu sự việc, có thể giác ngộ thì tuổi đã cao, đọc tụng tương đối khó khăn. May là đời trước còn có một chút thiện căn, trong thế gian còn chưa bị mê hoặc, khi gặp được kinh điển Đại Thừa tôi vô cùng hoan hỷ, thích thú nghiên cứu, đọc tụng, có thể hiểu sâu nghĩa thú. *'Túng ngộ minh sư' (Dù gặp minh sư)*, câu này rất khó thực hiện. 'Minh sư' là người đã từng trải qua, có tu có chứng, [ngày nay chúng ta] đi đâu tìm được minh sư như vậy? Cổ đại đức thế gian và xuất thế gian thường nói *'thiện tri thức có thể gặp chứ không thể cầu'*, có thể gặp được là nhờ thiện căn, nhân duyên

đời trước, nếu đời trước không có thiện căn, phước đức, nhân duyên thì bạn làm sao gặp được? Thiện căn phước đức mỏng, gặp rồi nhưng không chịu tin, không chịu tiếp nhận lời dạy, cho dù tiếp nhận nhưng chỉ tiếp nhận bề ngoài, còn bên trong thì trái nghịch, cho nên người đó sẽ không thể thành tựu.

Tiên sinh Phương Đông Mỹ ở Đài Loan dạy học, Chương Gia đại sư, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam vô cùng nhiệt tâm dạy người ta, nhưng có mấy ai chịu nghe lời? Có mấy ai chịu y giáo phụng hành? Các ngài mỗi ngày dạy học, mỗi ngày đều khuyên học trò, khổ nỗi người học bên ngoài thì vâng lời, còn bên trong thì chống trái. Tuy vậy, người dạy cũng không nản chí, đây là đại từ đại bi. Tuy bạn không vâng lời, chỉ cần bạn chịu đến nghe, không làm cũng không sao, các ngài gieo hạt giống thiện căn cho bạn. Biết đời sau kiếp sau, hoặc đời sau kiếp sau nữa, một khi gặp duyên trở lại thì hạt giống thiện căn của bạn sẽ khởi lên. Biết rõ họ làm không nổi, chỉ cần họ chịu đến nghe thì các ngài đều dạy. Nếu bạn nghe hiểu rồi, hiện nay có thể làm được thì hiện nay được lợi ích. Những người như vậy vẫn là thiểu số. Thầy Lý ở Đài Trung giảng kinh thuyết pháp ba mươi tám năm, người nghe thầy giảng kinh thuyết pháp, tôi phỏng đoán rất dè dặt cũng phải vượt hơn năm trăm ngàn người, người y giáo phụng hành vãng sanh Tịnh Độ có chừng năm trăm người, chư vị nghĩ coi trong năm trăm ngàn người chỉ có năm trăm người vãng sanh, những người còn lại chỉ trồng thiện căn mà thôi. Do đó lão nhân gia thường nói 'trong một vạn người hiếm có được vài người vãng sanh', vấn đề là bạn nghe xong có hiểu hay không? Có phát tâm sốt sắng thực hành hay không? Nhất định phải có thể tin, có thể hiểu, có thể nguyện, có thể hành thì bạn mới được lợi ích. Cho nên điều kiện đầu tiên cho sự học Phật là gặp được thầy tốt, đây là điều kiện then chốt quyết định sự tu học cả đời của mình sẽ thành công hay thất bại.

Thầy giáo dạy chúng ta *'giáo thị lịnh thục' (dạy xem cho thuộc)*, trong kinh văn không có nói 'giáo niệm' (dạy niệm), chẳng có nói 'giáo thính' (dạy nghe), ngài dùng chữ 'dạy xem' là có ý nghĩa gì? Chúng ta phải chú ý tới những chữ này, những chữ này vô cùng quan trọng! 'Thị' (xem, nhìn) nghĩa là 'quán', 'quán' là thuộc về Huệ. Đức Phật dạy cương lãnh cho người dụng công tu hành là dạy 'quán', dạy bạn quán sát, dạy bạn quán chiếu. Quán sát là bước đầu dành cho người mới học; từ quán sát nâng lên thành quán chiếu, chỉ dùng 'quán', dùng 'chiếu', chứ không dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức để quán chiếu thì không được; nhưng nói thật ra quán chiếu cũng chưa lìa khỏi tâm ý thức, thật sự lìa khỏi tâm ý thức người sơ học chúng ta chẳng làm nổi. Cho nên người sơ học chúng ta chỉ quán sát, quán chiếu, y giáo phụng hành. So sánh những lý luận, phương pháp, cảnh giới mà đức Phật dạy trong kinh điển với đời sống hiện thực của chúng ta, trong quá trình đó [thực tập] quán sát coi chân tướng sự thật có tương ứng với lời dạy của Phật hay không? Phải bắt đầu từ đâu? Trước hết hãy quán sát nhân quả, bạn quán sát 'làm việc thiện' có được quả báo thiện hay không? Quán sát 'làm việc ác' có phải sẽ được quả báo ác hay không? Hãy bắt đầu quán sát từ những việc đơn giản, rõ ràng nhất. Sau đó quán sát những việc chi tiết hơn, dần dần khế nhập vào việc tinh tế hơn, từ đó bạn sẽ mở mang trí huệ, cho nên chẳng dùng 'nghe', chẳng dùng 'niệm'. Thiền Tông nhập môn bắt đầu từ quán chiếu, công phu dần dần sâu dày thì tiến đến 'chiếu trụ'. Chiếu trụ nghĩa là đạt được Định, từ đó nâng cao lên là 'chiếu kiến'. Tâm Kinh nói về công phu của Quán Thế Âm Bồ Tát *'Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không'*. Hôm qua nói với chư vị về đoạn chót 'chiếu kiến ngũ uẩn giai không', biết được trạng thái hiện thực trước mắt của chúng ta, đích thực là như mộng, huyễn, bọt, bóng, như kinh Bát Nhã dạy *'Nhất thiết pháp vô sở hữu, bất khả đắc' (Hết thảy pháp không có sở hữu, chẳng có được)*, đó là chiếu kiến. Cảnh giới này siêu việt thập pháp giới, trong thập pháp giới vẫn còn

'năng và sở', chiếu kiến ngũ uẩn giai không thì 'năng và sở' đều mất hết, đó chính là Nhất Chân pháp giới hiện tiền.

Thầy giáo dạy chúng ta như vậy, nói thật ra chúng ta vừa nghe rồi liền quên, *'toàn đắc toàn vong, động kinh niên nguyệt, bất năng độc tụng'(phút chốc được, phút chốc mất, trải qua năm tháng chẳng thể đọc tụng)*. Chúng ta vẫn tùy thuận phiền não, tùy thuận tập khí, chẳng thể khắc phục phiền não tập khí của mình, do đó trong kinh giáo không thể khai ngộ, đây là điều chúng ta nên phản tỉnh, kiểm thảo, thì chúng ta mới có thể tìm ra lỗi lầm của mình, mới biết nghiệp chướng của mình nặng bao nhiêu. Tự mình phải khẳng định là nghiệp chướng của mình nặng nề, có vậy thì bạn mới có thể khởi ý niệm tiêu nghiệp chướng, không tiêu trừ nghiệp chướng thì không được, nếu không tiêu trừ thì sẽ tiếp tục làm chuyện luân hồi trong sáu nẻo. Chư vị phải biết, khi luân hồi thì chúng ta sẽ quên hết những gì chúng ta học được trong đời này, làm sao biết được? Đời trước chúng ta đã từng học Phật pháp rồi, đời này lúc chưa tiếp xúc với Phật pháp không phải đã quên ráo trọi rồi sao? Bị cái mê khi cách ấm (nghĩa là bị mê khi chuyển sanh sang đời khác). Đời sau phải học lại từ đầu, đời sau có cơ hội gặp được minh sư hay không? Rất khó nói, chắc chắn không phải đời nào bạn cũng may mắn gặp được, chẳng có chuyện may mắn như vậy, bài kệ khai kinh nói *'Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được'*, lời này là thật. Cho nên nếu đời này không thể thành tựu, một khi mất thân người, tuyệt đối không thể nói là đời sau bạn sẽ gặp được, rất có thể là bạn sẽ bị ngăn cách hết mấy chục đời, mấy trăm đời, cho đến không biết bao nhiêu kiếp sau mới có cơ duyên gặp lại. Đây là nói về việc thoái chuyển, thời gian thoái chuyển này quá dài! Đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải hiểu cho thật rành rẽ. Sau đó mới biết cơ duyên này hy hữu khó gặp, gặp rồi thì nhất định phải nắm chắc, tuyệt đối không thể thả lỏng, có gian khổ tới đâu cũng phải chịu đựng, cũng phải thành tựu ngay trong đời này, vậy mới là người thông minh, mới là người thật sự giác ngộ, là người thật sự có trí huệ.

Nói thật ra, đức Phật nói hạng người này rất nhiều, đại đa số những người học Phật đều là hạng người này. Những thiện nam tử này có nghiệp chướng từ đời trước, nghiệp chướng chưa tiêu trừ. Phía trước đã nói cho chư vị biết phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng, 'quy y cúng dường', cúng dường là y giáo tu hành, cúng dường thì sẽ tiêu trừ được. Phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng có hiệu quả nhất, nhanh chóng nhất là nhất tâm niệm Phật. Thân tâm thế giới, thế pháp, Phật pháp thảy đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật, khuyên người niệm Phật, phương pháp tiêu nghiệp chướng này nhanh chóng hơn bất cứ phương pháp nào khác. Bạn có thể đạt được Niệm Phật Tam Muội, Niệm Phật Tam Muội chính là thiền định, bạn có thể chứng được Lý Nhất Tâm Bất Loạn, trong Giáo Hạ gọi là Đại Khai Viên Giải, trong một đời này có thể làm được, người có nghiệp chướng cực nặng cũng có thể làm được. Đây chính là điều mà ngài Thiện Đạo nói *'gặp duyên chẳng giống nhau'*, người có nghiệp chướng nặng hơn nữa cũng có thể làm được. Khi bạn đạt được Niệm Phật Tam Muội thì trí huệ sẽ mở mang, bạn có thể hoằng pháp lợi sanh hay không? Không nhất định. Tại sao vậy? Phải coi pháp duyên, tuy bạn đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh nếu bạn không có pháp duyên, tuy bạn có thể giảng rất hay, nhưng người ta sẽ không nghe. Đến lúc đó thì phải làm sao? Hơn phân nửa là vãng sanh tới thế giới Cực Lạc.

Do đó người thành tựu [đạo nghiệp] trú hay không trú ở thế gian này chẳng phải là chuyện của chính bản thân họ, chẳng có quan hệ gì đối với nghiệp báo của chính họ. Trú hay không trú ở thế gian đều coi pháp duyên, nếu có duyên thì trú vài năm, nếu không duyên thì lập tức vãng sanh. Người thành tựu vãng sanh sẽ nhất định không có bịnh khổ, nhất định sẽ tự tại vãng sanh, nhưng họ thị hiện không nhất định đều giống

nhau. Cũng có người thị hiện sanh bịnh, cũng có người thị hiện rất khổ, tại sao vậy? Vì muốn giác ngộ hết thảy chúng sanh, làm cho người ta nhìn thấy tướng trạng đó có thể khởi tâm cảnh giác. Thị hiện cũng chẳng phải ý tứ của người đó, [họ sẽ] coi duyên của chúng sanh, nên thị hiện như thế nào thì họ sẽ thị hiện như vậy, đúng như câu nói *'tùy loại hóa sanh, tùy cơ thuyết pháp'*, đâu có nhất định phải như thế nào? Nhưng có một nguyên tắc, bất luận là thị hiện như thế nào thì nhất định phải đem lại lợi ích cho chúng sanh, khi có người nhìn thấy, có người nghe đến thì họ nhất định sẽ tỉnh ngộ.

Cho nên việc tiêu nghiệp chướng rất quan trọng, thông thường chúng ta thường dùng phương pháp đọc kinh để tiêu nghiệp chướng, đọc tới tương ứng thì sẽ tiêu nghiệp chướng, niệm Phật niệm tới tương ứng sẽ tiêu nghiệp chướng. Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, khi khởi tâm động niệm đều đem lợi ích lại cho xã hội, cho chúng sanh thì cũng tiêu nghiệp chướng. Tuyệt đối đừng khởi một niệm mong cầu lợi ích cho mình, chư vị nên biết, lợi ích cho mình là tạo nghiệp, là tăng thêm nghiệp chướng của mình. Rất nhiều đồng tu không thể tiêu nghiệp chướng, cho dù làm việc thiện, hạnh thiện, làm công việc từ thiện giúp đỡ người khác, nhưng họ vẫn còn 'cái Ta', nên nghiệp chướng của họ tiêu không nổi, họ vẫn phải chịu quả báo. Ngày nay chúng ta thật may mắn đã biết được đạo lý này, hiểu được chân tướng sự thật này nên nhất định phải buông bỏ cái Ta đi, hết thảy đều vì chúng sanh, vì xã hội, vì hình tượng tốt đẹp cho Phật pháp, vì Phật pháp trụ thế lâu dài; nếu chúng ta có thể luôn giữ tâm này, thường tu hạnh này thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ nhanh chóng. Xin xem kinh văn:

Như thị chi nhân văn Địa Tạng Bồ Tát danh, kiến Địa Tạng Bồ Tát tượng, cụ dĩ bổn tâm cung kính trần bạch, cánh dĩ hương, hoa, y phục, ẩm thực, nhất thiết ngoạn cụ cúng dường Bồ Tát, dĩ tịnh thủy nhất trản, kinh nhất nhật, nhất dạ, an Bồ Tát tiền, nhiên hậu hiệp chưởng thỉnh phục. Hồi thủ hướng nam, lâm nhập khẩu thời, chí tâm trịnh trọng, phục thủy ký tất, thận ngũ tân, tửu nhục, tà dâm, vọng ngữ, cập chư sát hại, nhất thất nhật hoặc tam thất nhật.

Những hạng người này, khi nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát cùng thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thì nên đem hết bổn tâm mà cung kính bày tỏ; rồi dùng hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, cùng tất cả đồ trân ngoạn2[2] cúng dường Bồ Tát. Lại đem một chén nước trong đặt trước Bồ Tát một ngày một đêm, sau đó chắp tay thỉnh để uống, mặt day về hướng Nam; khi nước sắp vào miệng phải chí tâm trịnh trọng. Uống nước xong, phải kiêng cữ ngũ tân, rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ và các việc giết hại trong bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày.

Đoạn này dạy chúng ta phương pháp tu hành để mở mang trí huệ. Chúng ta gặp thầy giỏi, gặp bạn lành, gặp hoàn cảnh tu học tốt, nếu trí huệ không mở mang thì sẽ rất uổng phí, vô cùng đáng tiếc. Làm sao mở mang trí huệ? Phương pháp đức Thế Tôn dạy chúng ta rất hay. Người mong cầu mở mang trí huệ này 'nghe danh hiệu Địa tạng Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát', nghe danh thấy tượng; chúng ta phải ghi nhớ hai chữ 'nghe, thấy' ở đây là tam huệ 'văn, tư, tu' của Bồ Tát, một là ba, ba là một, như vậy mới có thể tương ứng. Duyên ban đầu là nghe đến danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, đương nhiên nghe danh hiệu này thì bạn nhất định phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp của danh hiệu, nếu bạn không hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp thì bạn nghe cũng

---

2[2] Sở dĩ gọi là "ngoạn cụ" vì chúng thường dùng để trưng bày, nhìn ngắm cho sướng mắt, sướng lòng, khoan khoái, di dưỡng tinh thần, chứ nhiều khi không có giá trị thực dụng nào hết, cũng như chẳng dùng để làm gì được. Nói cách khác là để thưởng ngoạn, như khánh, tranh cổ, bút cổ, lư, đỉnh, ấn, quạt, vòng, nghiên, lộc bình, tượng, đá có hình dáng lạ, ngọc, những món đồ chạm trổ điêu khắc tinh tế, hoặc thô ráp nhưng độc đáo v.v...

như không nghe. Địa là tâm địa, Tạng là trí huệ, trí huệ Bát Nhã, đức năng vốn sẵn có trong chân tâm bản tánh của chúng ta, đây là hàm ý sâu xa trong danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát.

Nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, tượng này có thể là tượng điêu khắc hoặc tượng vẽ, liền nghĩ tới hành nghị của Địa Tạng Bồ Tát, nghĩ tới hết thảy những việc ngài làm khi ngài thị hiện ở nhân gian chúng ta. Việc ngài làm nhằm thể hiện những lời dạy trong kinh này. Những gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán, ngài đều đã thực hiện được; nếu ngài chẳng làm được thì đức Phật làm sao khen ngợi ngài? Cho nên chúng ta nghe danh hiệu, thấy hình tượng, biết trí huệ đức năng vốn có trong tự tánh chắc chắn là giống như hành nghị của Địa Tạng Bồ Tát, nên mới có thể khai phát kho tàng trong tâm địa chúng ta, khi đó chúng ta sẽ mở mang trí huệ, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Nếu không thể bắt chước theo Địa Tạng Bồ Tát thì nghiệp chướng của chúng ta sẽ chẳng tiêu nổi, đây là đạo lý thật sự.

Ở đây nói ở trước hình tượng Phật, Bồ Tát cầu sám hối, *'cụ dĩ bổn tâm' (dùng bổn tâm)*, bổn tâm là chân tâm, thành tâm thành ý cầu sám hối. Trong Chú Giải chẳng chú thích nhiều, nhưng ý nghĩa rất sâu, *'văn danh kiến tượng, trần bạch bổn tâm giả, dĩ Địa Tạng chi danh, tùng trí huệ nhi sanh. Nhi đại sĩ chi tượng do công đức nhi lập' (Nghe danh hiệu, thấy hình tượng, bạch rõ điều trong tâm ta mong cầu. Do vì danh hiệu Địa Tạng sanh từ trí huệ, hình tượng của Đại Sĩ do công đức mà thành),* chúng ta phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp này. *'Cố xưng danh cúng tượng, tức phát huệ tánh, nhiên tu cung kính, thỉ năng cảm động, dĩ thành năng động vật' (cho nên xưng niệm danh hiệu, cúng dường hình tượng thì huệ tánh sẽ phát sanh, nhưng cần phải cung kính thì mới có thể cảm động, bởi lẽ, lòng thành có thể cảm được muôn vật),* 'động' là cảm động, 'vật' là chỉ hết thảy hữu tình chúng sanh, bao gồm chư Phật, Bồ Tát, bạn đều có thể cảm động. *'Bất thành vị hữu năng động giả dã' (Chẳng thành kính chẳng có khả năng cảm động vậy)*, tâm địa của bạn không chân thành thì bạn không thể cảm động. Đặc biệt là đối với Phật, Bồ Tát, hết thảy thiện thần, người thiện, vật thiện thì phải dùng tâm chân thành để cảm động. Nếu bạn không chân thành thì cũng có cảm, cảm những gì? Yêu ma quỷ quái, tâm yêu ma quỷ quái không chân thành, tâm họ đều tà vạy, cong vạy, do đó có tâm sát hại chiêu cảm chuyện gì? Chiêu cảm La Sát; tâm sân khuể chiêu cảm Tu La, tâm tham lam bỏn xẻn chiêu cảm ngạ quỷ, [khởi những tâm này] thì bạn sẽ cảm ứng với những thứ này. Nếu bạn muốn cảm ứng với chư Phật, Bồ Tát, cảm ứng với thiên địa thiện thần thì phải dùng tâm chân thành, điểm này vô cùng quan trọng!

Sau khi chí tâm sám hối, còn phải tu cúng dường, cúng dường là tiêu biểu cho lòng thành kính, chúng ta gặp mặt người ta phải tặng một chút lễ vật, biểu hiện mình kính trọng người ta. Nếu không chuẩn bị lễ vật, bên mình có vật gì có thể tặng cho họ làm vật kỷ niệm, kết duyên cũng phải tặng cho họ. Hôm qua cư sĩ Lý đến tìm tôi, chúng tôi đi thăm Hồng lão cư sĩ, tôi đem theo một xâu chuỗi để kết duyên với cụ. Nhưng sau đó lại muốn đi thăm hội trưởng cũ của Cư Sĩ Lâm là lão cư sĩ Trần Quang Biệt, chúng tôi trước đó không có chuẩn bị lễ vật, nên tôi tặng cho ông xâu chuỗi tôi đeo trên mình, biểu thị lòng kính trọng. Do đó ở trước Phật, Bồ Tát chúng ta biểu lộ lòng thành kính của mình thì phải tu pháp cúng dường. *'Cánh dĩ hương, hoa, y phục, ẩm thực, nhất thiết ngoạn cụ, cúng dường Bồ Tát' (Dùng hương, hoa, y phục, thức ăn, hết thảy đồ trân ngoạn cúng dường Bồ Tát).* Trước kia có người đọc kinh Địa Tạng, đọc tới đoạn cúng dường 'hương, hoa, y phục, ẩm thực', không thắc mắc gì hết, nhưng lại thắc mắc cúng dường 'đồ trân ngoạn' cho Bồ Tát là có ý nghĩa gì? Chú Giải ghi rất rõ ràng: đồ trân ngoạn tượng trưng 'du hý thần thông', do đó đồ trân ngoạn có thể dùng để cúng Phật hay không? Có thể dùng để cúng, đồ trân ngoạn tượng trưng cho du hý

thần thông, 'đồ trân ngoạn' tiêu biểu ý này. Chủ yếu là mượn nghi thức này để tỏ rõ lòng thành kính của mình.

Sự tiêu biểu pháp ở đây rất hay, lời lẽ ngắn gọn nhưng ý nghĩa đầy đủ *'giả vật tưởng ý, tạ sự hiển tâm' (mượn vật để sáng tỏ ý, mượn sự để tỏ rõ tâm),* cúng dường [vật dụng] trước Phật, Bồ Tát là có ý nghĩa này. *'Hương thủ thanh viễn tiềm thông' (Hương nhằm ngụ ý thanh khiết, ngầm thông đến tận nơi xa)*, hương là thanh hương ở xa cũng ngửi được; *'Hoa biểu viên mãn duyệt trạch' (Hoa biểu thị sự sung sướng tràn đầy viên mãn)* chẳng có ai không thích hoa, hoa tiêu biểu vui thích, hoàn toàn dùng tướng trạng bên ngoài để nói; *'y phục kiến tịch nhẫn bất xả' (y phục tiêu biểu nhẫn nhục, vắng lặng); 'ẩm thực hiển huệ mạng thường tồn' (thức ăn biểu thị huệ mạng thường tồn tại lâu dài)* tiêu biểu ý này; *'ngoạn cụ chương du hý thần thông' (đồ trân ngoạn tiêu biểu du hý thần thông)*, ở đây chỉ nêu vài thí dụ. Phía trước chúng tôi đã nói, hương tiêu biểu Tín, tiêu biểu Giới Định, tiêu biểu Ngũ Phần Pháp Thân, đều có ý thanh hương bay xa. Hoa tiêu biểu Lục Độ. Cúng thức ăn trước Phật, Bồ Tát, các ngài đâu có cần thức ăn, cúng thức ăn có ý nghĩa huệ mạng thường tồn, vì chúng ta cần có thức ăn mới tồn tại, mới có thể duy trì mạng sống, ở đây tiêu biểu huệ mạng. Đây là nghi quỹ chí tâm sám hối, tu thành kính.

Tiếp theo *'dĩ tịnh thủy nhất trản' (dùng một chén nước trong)* cúng trước Phật, Bồ Tát, cúng bao lâu? 'Một ngày một đêm'. *'Sau đó chắp tay thỉnh uống'*, cúng một ngày một đêm xong bạn uống nước này. *'Quay đầu về hướng nam'*, Địa Tạng Bồ Tát ngồi ở phía Nam. *'Khi uống vào miệng, chí tâm trịnh trọng'*, ý nghĩa ghi trong chú giải rất rõ ràng. *'Dụng tịnh thủy giả, ngẫu duyên phát huệ' (Dùng nước trong này mượn duyên phát huệ)*, cúng một chén nước trong này, nhất định phải hiểu, tâm phải thanh tịnh giống nước, tâm phải bình đẳng giống nước vậy, tâm thanh tịnh bình đẳng sẽ mở mang trí huệ. Cúng chén nước này xong đừng đem đổ, bạn phải uống hết. Do đó cúng nước tốt nhất là cúng nước gì? Cúng nước sôi để nguội, [cúng xong] bạn có thể uống. Nước bạn cúng xong có thể uống, tiêu biểu mình tiếp nhận, mình sốt sắng học tập, tiêu biểu ý nghĩa này. Chẳng phải mỗi ngày đổi chén nước cúng này rồi đem đổ. Những việc này trong đời sống hằng ngày đều coi bạn dụng tâm ra sao, trên sự tướng có thể thấy bạn dùng tâm gì? Tâm này phải 'chí tâm trịnh trọng'. Chú giải chỗ này rất hay, *'trí giả nhạo thủy' (kẻ trí thích nước)*, *nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy (kẻ nhân thích núi, kẻ trí thích nước)* nước có công năng rửa sạch ô nhiễm, dùng nước để tiêu biểu ý này. Tham sân si là ô nhiễm, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta *'tẩy tâm dịch hạnh' (rửa tâm, sửa đổi hành vi).* Dùng phương pháp gì để rửa tâm? Dùng tịnh thủy, dùng nước thanh tịnh, bình đẳng để rửa tâm chúng ta; sửa đổi những hành vi sai trái của chúng ta gọi là dịch hạnh.

Chú giải lại nói *'dĩ thanh trị trược, dĩ chánh trị tà, chúng tà đoạn tuyệt, tri thủy vi chân' (dùng thanh tịnh đối trị ô trược, dùng chánh đối trị tà, dứt hết thảy tà, [do vậy] biết nước tiêu biểu cho sự chân thật)*, tiêu biểu ý nghĩa này. Do đó bạn phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp, chẳng phải nói bạn mỗi ngày uống nước này bèn mở mang trí huệ, bạn hãy thử uống suốt ba tháng coi có mở mang trí huệ hay không? Vẫn là không mở mang trí huệ. Vì bên ngoài là tướng, tiêu biểu tướng, trong ngoài nhất như thì bạn sẽ mở mang trí huệ. Mỗi ngày bạn cúng nước, mỗi ngày uống nước này, mỗi lần nhìn thấy liền khởi tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, nhất định phải đem những chỗ bất bình trong tâm bạn làm cho nó bình tịnh, rửa sạch những ô nhiễm trong tâm cho nó trở thành thanh tịnh, được vậy thì trí huệ của bạn mới mở mang; trong ngoài nhất như mới có thể khởi tác dụng. Mỗi ngày uống nước nhưng vẫn tham, sân, si, mạn, vẫn còn tự tư tự lợi, thì trí huệ làm sao mở mang được? Nghiệp chướng của bạn làm sao tiêu trừ nổi? Nhất

định phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp. Nếu hiểu được ý nghĩa tiêu biểu pháp thì tôi không uống nước này được không? Đương nhiên là được, chẳng phải là không được. Tại sao phải uống nước này? Trịnh trọng. Dùng sự tướng này để biểu lộ sự thành kính của bạn, là có ý nghĩa như vậy.

Lúc tu pháp này phải *'thận ngũ tân, tửu, nhục, tà dâm, vọng ngữ, cập chư sát hại' (cữ năm món hăng nồng, rượu, thịt, tà dâm, nói dối, và những sự giết hại)*; nói cách khác nhất định phải tu thập thiện nghiệp. Không những tu thập thiện nghiệp mà phải còn đoạn ngũ tân. Chư vị nên biết ngũ tân là những loại thuộc rau cải, gọi là huân, chữ huân (葷) phía trên có bộ thảo, ăn thịt không gọi là ăn huân, vậy là sai lầm; thịt gọi là 'tinh', huân tinh. Huân vẫn là rau cải, tinh (腥) mới là loại thức ăn có thịt, hiện nay có nhiều người nói ăn thịt là ăn huân, vậy là sai rồi. Ngũ tân là chỉ những loại rau cải, trong Chú Giải có ghi thông, cửu thái, toán (hành, hẹ, tỏi), ngài chỉ ghi ba thứ. Ngũ tân là năm thứ, huân tân. Chữ tinh (腥) có bộ nhục (肉) ở bên trái, và chữ tinh (星: tinh tú) bên phải, "tinh" (tanh tưởi) nghĩa là thức ăn có thịt. Ở đây huân tân chỉ thực vật, nghĩa là gì? 'Huân' là những thứ có mùi hăng, hôi nồng, 'tân' nghĩa là cay, cay nhưng không hôi thì có thể ăn. Ngũ tân, đồng tu học Phật chúng ta đều biết hành, tỏi, hẹ, kiều đầu, kiều đầu là tiểu toán (kiệu), trong kinh có ghi một loại gọi là hưng cừ, lúc trước Trung Quốc chẳng có, hiện nay chúng ta biết là dương thông (hành tây), dương thông lúc trước ở Trung Quốc chẳng có. Tánh chất của năm loại này đều giống nhau, kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng. Tu thập thiện pháp một cách nghiêm túc thì năm thứ này không được ăn, trong vòng một tuần hoặc ba tuần, đây là phương pháp tu hành đức Phật dạy cho chúng ta.

Nói một thất và ba thất (1 tuần và 3 tuần) là đặt ra thời hạn để cầu chứng, hy vọng trong thời gian này có thể được cảm ứng, nếu nghiệp chướng rất nặng, ba thất cũng chưa đủ, chúng tôi đã từng gặp [những người như vậy]. Thông thường thì ba tháng có thể được kết quả, sáu tháng thì hiệu quả rõ ràng hơn, vô cùng rõ ràng. Đây là sự thật chẳng giả. Người lớn tuổi cũng có thể khôi phục trí nhớ, đọc xong cũng có thể nhớ lâu không quên, thông thường thì ba, bốn ngày, một tuần cũng không quên, còn thời gian dài hơn đương nhiên sẽ quên, những gì đọc xong trong vòng một tuần không quên, có thể làm đến mức này. Sau cùng có mấy câu, trang 74 hàng thứ hai trong Chú Giải, câu cuối *'đản trừ hồ nghi bất tín, cập bất chí thành giả' (chỉ trừ những người nghi ngờ, không tin, và những kẻ không chí thành)*, bạn không tin phương pháp tu này, không thể chí thành mà tu thì rất khó được cảm ứng. Nếu bạn tin sâu không nghi, dùng tâm chân thành cung kính để tu thì chắc chắn sẽ được cảm ứng. Đoạn sau nói về quả báo sẽ được:

Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư thùy mộng trung, cụ kiến Địa Tạng Bồ Tát, hiện vô biên thân ư thị nhân xứ thọ quán đảnh thủy, kỳ nhân mộng giác tức hoạch thông minh, ưng thị kinh điển nhất lịch nhĩ căn tức đương vĩnh ký, cánh bất vong thất nhất cú nhất kệ.

Những người thiện nam thiện nữ này, trong giấc chiêm bao sẽ thấy Bồ Tát Địa Tạng hiện thân vô biên đến chỗ họ ở mà rưới nước quán đảnh cho. Những người này thức dậy liền được thông minh, các kinh điển một phen lọt vào nhĩ căn thì liền nhớ mãi, không còn quên một câu kinh hay một bài kệ nữa!

Đây là những gì bạn mong cầu đều thành tựu, đều toại nguyện. Hiện nay có người mong cầu nhưng không được cảm ứng, đó là vì tinh thành không đủ. 'Tinh' nghĩa là chuyên, chuyên nhất, 'thành' là thành kính. Còn có một số người đọc xong

kinh này, chẳng thể hiểu trọn vẹn, tâm lượng rất nhỏ nhoi, chỉ là ở trước Phật, Bồ Tát thành tâm thành ý mà cầu, xử sự đãi người tiếp vật đều không thành thật, như vậy có thể cầu được không? Cầu không được. Chư vị phải biết một việc thành thì hết thảy đều thành, đó là tánh đức, làm vậy mới có thể tiêu nghiệp chướng. Ở trước hình tượng Phật, Bồ Tát thì tỏ lộ một chút thành tâm, khởi tâm chân thành; khi rời khỏi hình tượng Phật, Bồ Tát và tiếp xúc với đại chúng thì ác niệm lại khởi lên, phiền não tập khí lại hiện lên, vậy thì chẳng dùng được, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp, bạn tu trước hình tượng Phật, Bồ Tát là bài làm trong lớp, sau khi bạn học rồi thì phải làm. Chẳng nói tương lai bạn có cảm ứng, đọc kinh điển vừa đọc một lần liền ghi nhớ, còn niệm những thứ khác thì đều quên hết, đâu lẽ nào như vậy? Chẳng có đạo lý như vậy. Kinh điển vừa nghe liền hiểu, vừa đọc liền nhớ, trong đời sống sanh hoạt hằng ngày, mọi việc bạn đều thông minh, bạn đều có thể hiểu rõ, có thể ghi nhớ, vậy thì hiệu quả đó mới thật sự thành tựu. Nếu bạn không hiểu đạo lý này, chẳng hiểu sự thật này, bạn y theo phương pháp này mà cầu thì sẽ không đạt được quả báo. Không đạt được quả báo thì lòng tin của bạn sẽ mất hết: [bạn sẽ nghĩ] lời Phật nói trong kinh không đáng tin, tôi tu theo đó, tu rất lâu nhưng không có cảm ứng. Họ không biết lý luận và phương pháp họ tu đều sai lầm, chẳng phải không có hiệu quả, thật sự là có hiệu quả. Cho nên tu học đúng lý đúng pháp rất quan trọng. Đoạn này Thanh Liên pháp sư chú thích rất dài, nhưng không khó hiểu, những điểm quan trọng cần chú ý tôi đã nói với chư vị rồi.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây.

Tập 48 (Số 14-12-48)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển Hạ, trang 76, xin xem kinh văn:

Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát nhược vị lai thế hữu chư nhân đẳng y thực bất túc cầu giả quai nguyện, hoặc đa bịnh tật, hoặc đa hung suy, gia trạch bất an, quyến thuộc phân tán, hoặc chư hoạnh sự đa lai ngỗ thân, thùy mộng chi gian đa hữu kinh bố. Như thị nhân đẳng văn Địa Tạng danh, kiến Địa Tạng hình, chí tâm cung kính niệm mãn vạn biến, thị chư bất như ý sự tiệm tiệm tiêu diệt, tức đắc an lạc, y thực phong phú, nãi chí ư thùy mộng trung tất giai an lạc.

Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có những người nào ăn mặc không đủ, cầu gì cũng trái nguyện, hoặc nhiều bịnh tật, hoặc nhiều sự hung suy, nhà cửa không yên ổn, quyến thuộc bị phân tán, hoặc các hoạnh sự cứ xảy đến làm thiệt thân, khi ngủ thường mộng thấy điều kinh sợ; những người như thế, khi nghe danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà chí tâm cung kính niệm đủ một vạn biến, thì những sự không như ý sẽ tiêu sạch lần lần, liền được an vui, đồ ăn mặc dư dật, cho đến trong giấc mộng thảy đều an vui.

Đến đây là hết một đoạn, đoạn này nói về việc chuyển nghiệp báo ác, thậm chí những điều mong cầu đều đạt được. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta như vậy, có phải thật sự có thể thỏa mãn hết những điều mong cầu hay không? Có hiệu quả hay không? Vấn đề này phải coi chúng ta tồn tâm như thế nào? Nếu đối với Phật pháp tương đối khế nhập, chúng ta có thể tin lời Phật dạy, đạo lý này là như thế nào? Nguyên lý là 'cảnh tùy tâm chuyển', nghĩa là tâm chúng ta có thể chuyển cảnh giới, chứ không để cảnh giới chuyển tâm. Vẫn là nguyên tắc này, nếu chúng ta thật sự có thể đạt

đến trình độ tâm chuyển cảnh giới thì đâu có chuyện gì không thỏa mãn như ý? Chúng ta coi kinh văn *'Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát'*, kêu tên Bồ Tát Quán Thế Âm để bắt đầu một đoạn khai thị. *'Nhược vị lai thế' (Nếu ở đời vị lai)*, những lời trong phẩm kinh này đều là lời đức Phật dạy cho chúng sanh đời vị lai, không những giao phó việc cứu độ chúng sanh khổ nạn cho Địa Tạng Bồ Tát mà còn giao phó cho Quán Thế Âm Bồ Tát nữa. *'Hữu chư nhân đẳng, y thực bất túc, cầu giả quai nguyện'*, thế giới ngày nay tai nạn dồn dập, có thể nói là mỗi ngày đều xảy ra tai nạn, chúng ta phải biết nguyên nhân xảy ra tai nạn là gì, đó chính là những ác nghiệp tích lũy từ vô thỉ kiếp đến nay tạo thành. Cách giải thích này tuy đúng sự thật, nhưng người trong thế gian không thể tiếp nhận, không thể tin tưởng. Thời xưa nhờ có những lời răn dạy truyền trao từ nhiều đời trước nên vẫn còn người tin tưởng. Ngày nay con người phế bỏ hết những lời răn dạy của cổ đức, cho rằng sáng kiến, cách suy nghĩ, cách làm của người hiện đại mới đúng, ngược ngạo cho rằng những lời răn dạy của cổ thánh tiền hiền đều lỗi thời, chẳng thích hợp với thời đại, nên phải phế bỏ hết. Những trào lưu mới mẻ này, cách suy nghĩ, cách làm mới mẻ này có kết quả như thế nào? Đây là điều đáng cho chúng ta suy tư, xem xét kỹ lưỡng.

Con người hiện đại không tin lục đạo luân hồi, chẳng tin nhân quả báo ứng, nhưng những chuyện báo ứng thật sự bày trước mắt, họ không thể không hứng chịu, họ vẫn phải hứng chịu. *'Quần áo thức ăn chẳng đủ'* là việc đau khổ nhất trong thế gian. Lần này chúng ta phát khởi việc cứu trợ tai nạn ở vùng Đông Bắc, hiện nay đã tới mùa đông, thời tiết vùng Đông Bắc rất lạnh, đặc biệt là năm nay quá lạnh. Tôi nghe nói ở Đài Loan có một đoàn đi du lịch, cũng do đồng tu Phật giáo chúng ta tổ chức đi Trung Quốc đại lục du lịch ngắm cảnh, khi tới Thượng Hải họ cảm thấy quá lạnh, chịu không nổi bèn đi về. Thời tiết miền bắc còn lạnh gấp mấy lần Thượng Hải, mấy người này chịu không nổi thời tiết ở Thượng Hải, vậy thì những đồng bào cư trú ở vùng Đông Bắc phải làm sao đây? Chúng tôi gởi tặng mười vạn bộ áo ấm, bên đó gọi điện cho tôi nói hiện nay đã phát ra hơn một vạn bộ, tôi kêu họ vừa làm xong thì gởi đi tặng liền, đừng đợi tới lúc làm xong hết mới gởi đi, may được bao nhiêu liền gởi đi bấy nhiêu; những người nhận được áo ấm rất vui mừng, chúng tôi mua toàn đồ mới, chẳng mua đồ cũ để đi cứu trợ. Những vị đồng tu đem đồ đi cứu trợ tại những vùng bị tai ương này, lúc trở về họ đều khóc lên khóc xuống, tại sao vậy? Họ thấy người dân ở đó bị nạn quá đau khổ, chẳng có thức ăn, đang trong tình trạng đói khát, vậy thì phải làm sao? Áo quần thì có rồi nhưng chẳng có lương thực. Tôi hỏi có thể mua được lương thực hay không? Có thể mua được, hiện nay vùng Đông Bắc Trung Quốc cấm xuất khẩu lương thực, có thể bán ở trong nước, vả lại giá cả cũng không mắc mỏ; họ nói với tôi hiện nay vùng bị tai họa lấy bắp làm thức ăn chính, hiện nay giá mỗi cân là bốn cắc, bốn cắc tiền Trung Quốc. Tết âm lịch gần tới rồi, chúng tôi gởi thêm một số bột mì, tôi nói với họ việc cứu trợ rất gấp rút, cần thiết. Họ thương lượng với tôi, hỏi có thể giảm áo ấm để mua lương thực hay không? Tôi nói áo ấm cũng vẫn cứ làm, làm nhanh lên, lương thực vẫn phải mua, nếu thiếu tiền thì chúng tôi sẽ tìm cách, việc cứu trợ rất gấp rút, quan trọng.

Chúng ta đều biết nguyên nhân của tai nạn là gì, chúng ta hiểu rõ, nhưng nói ra người ta không tin, người ta không thể tiếp nhận. Cho nên đọc đoạn kinh văn này, cứ cho rằng niệm vài danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát liền được độ, liền được cứu, làm gì có chuyện như vậy? Ai chịu tin? Ngày nay chúng ta phát tâm đi cứu trợ, đây là trị ngọn chứ chẳng trị gốc. Lời dạy của đức Phật là nhằm trị gốc, cứu tế từ căn bản. Đoạn trước nói về tai nạn, những tai nạn này xảy ra trước mắt chúng ta, chúng ta nhìn thấy tận mắt, nghe đến tận tai. Tật bịnh hung suy, *'nhà cửa chẳng yên, quyến thuộc phân tán'*, có nhiều người rời khỏi vùng bị tai nạn để đi nơi khác trốn tránh; 'hoạnh sự' nghĩa là tai nạn ngoài ý muốn; *'trong lúc nằm mộng bị kinh hoàng sợ hãi'*, đây là việc chúng ta có

thể tưởng tượng được. Trong Chú Giải pháp sư Thanh Liên cũng nói rất rõ ràng, rất rành mạch, trong Chú Giải hàng thứ tư đếm ngược lên, câu cuối cùng, ngài nói những tai nạn này *'đều do đời trước tham lam bỏn xẻn nên đời này mới bị họa hoạn như vậy'*. Do đó đức Phật dạy chúng ta đời này có được thân người, được thân người gọi là Dẫn Nghiệp, đời quá khứ đã tu ngũ giới thập thiện, nhờ vào nhân duyên này dẫn dắt chúng ta đầu thai ở cõi người, được thân người. Tuy được thân người, mỗi người giàu sang, nghèo hèn khác nhau, họa phước gặp được trong đời này khác nhau, đây là vì nguyên do gì? Đó là Mãn Nghiệp. Pháp Tướng Duy Thức nói rất rõ ràng, rất chi tiết, Mãn Nghiệp là những thiện nghiệp và ác nghiệp đã tạo trong đời trước; đời trước tạo thiện nghiệp thì đời này được phước báo, áo quần thức ăn đầy đủ, các sự mong cầu đều được toại nguyện. Nếu đời trước tạo ác nghiệp thì sẽ bị thiếu thốn quần áo thức ăn, các sự mong cầu đều không mãn nguyện, thường gặp phải những sự khốn khổ, gian truân này.

Nhưng chuyện này là chuyện đã tạo đời trước, ngày nay hối hận cũng không kịp nữa, nếu không nhờ đức Phật dạy thì chúng ta làm sao biết được nghiệp nhân quả báo của những chuyện này? Nếu không hiểu rõ nghiệp nhân quả báo [khi gặp những tai họa này] rồi than trời trách người, cho rằng ông Trời không công bình, mọi người trên thế gian đều có lỗi với mình, khởi tâm oán hận xong lại tạo ác nghiệp, làm sao ác nghiệp có thể chuyển đổi khổ báo? Không thể nào được. Do đó Thế Tôn dạy chúng ta *'như thị nhân đẳng'*, những người gặp phải tai nạn nên giác ngộ, *'nghe danh hiệu Địa Tạng, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát'*, trong kinh này chúng tôi đã nói rất nhiều, Địa Tạng tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu hiếu kính, nghe tới danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát thì phải khởi lên tâm hiếu kính, tôn sư, như vậy mới có thể chuyển nghiệp báo, sửa đổi tâm lý thì có thể chuyển nghiệp báo. Hiếu kính là nguồn cội của hết thảy thiện pháp, nhà Phật nói tới ba thiện căn 'không tham, không sân, không si' đều lấy hiếu kính làm cơ sở. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật dạy chúng ta câu thứ nhất là *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu thập thiện nghiệp'*, bốn câu này đều là những lời dạy trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, kinh này nói thật ra đều giảng về bốn câu trên. Chúng ta nghe tới danh hiệu Địa Tạng, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát thì lời dạy của đức Phật tự nhiên khởi lên trong tâm ta. Khi ý niệm chuyển đổi thì cảnh giới sẽ chuyển dần dần, việc này rất quan trọng. Mọi người gặp tai nạn, chúng ta dốc hết tâm sức để cứu trợ, đây chỉ là việc nhất thời. Nhưng người đời thấy chúng ta làm việc cứu trợ có thể khởi tâm cảm kích, quên đi lời dạy của đức Phật. Sự cứu trợ của chúng ta chỉ là nhất thời, chẳng ăn nhằm gì cả, lời Phật dạy mới là căn bản, vĩnh viễn giải quyết [vấn đề], ân đức ấy lớn bao nhiêu, có mấy ai thấu hiểu được? Có bao nhiêu người biết đến ân đức này?

Ở nơi bị tai nạn, chúng ta cũng hưởng ứng lời kêu gọi của đồng bào đang gặp tai nạn, họ nói rất nhiều trường học bị cuốn trôi trong cơn bão lụt này, chúng tôi muốn xây mười trường trung học, hai mươi trường tiểu học, giúp cho các học sinh có chỗ đi học trở lại. Những trường trung học chúng tôi xây đều gọi là Từ Quang, họ đồng ý cho chúng tôi đặt tên trường. Chúng tôi uống nước nhớ nguồn, chính mình có thể hiểu được đạo lý này là nhờ lời dạy của thầy tôi, chúng tôi niệm niệm chẳng quên ân đức của thầy giáo. Sự nghiệp cả đời của thầy tôi là ở Thư Viện Từ Quang, thầy lập nên thư viện tên là Từ Quang. Ngày nay chúng tôi xây trường học ở Đại Lục đặt tên trường là Từ Quang để kỷ niệm thầy Lý. Chúng tôi đặt tên trường tiểu học là Hiếu Liêm, đây là làm tỏa rạng bổn nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát tiêu biểu cho hiếu đạo. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện là hiếu kinh trong nhà Phật, Phật pháp được xây dựng từ chỗ này. Giáo dục tiểu học là giáo dục cơ sở, thời xưa ở Trung Quốc chữ Hiếu Liêm là tên gọi Tú Tài. Ý nghĩa này rất sâu, hy vọng vun bồi tâm hiếu kính của học trò

từ nhỏ, vun bồi tâm liêm khiết. Liêm khiết nghĩa là không tham, không tham là một trong ba thiện căn. Con người có thể không tham thì tự nhiên sẽ kéo theo không sân, không si, vì tham không được nên mới nổi sân khuể, nếu tham được thì họ làm sao có tâm sân khuể được? Cho nên ý nghĩa liêm khiết ở Trung Quốc bao gồm ý nghĩa của ba thiện căn trong Phật pháp, chúng tôi dùng ý này để đặt tên cho trường tiểu học.

Chúng tôi hy vọng các bạn đồng tu nào có khả năng thì hãy ủng hộ việc này, đợt thứ nhất chúng ta xây 10 trường trung học, 20 trường tiểu học, đợt đầu xây ở miền Bắc. Chúng ta tu học mấy chục năm qua cũng nhờ ơn hộ trì của Hàn Quán Trưởng, bà là người quê ở Đại Liên, cho nên 30 trường này xây ở miền Bắc cũng là để đáp ơn hộ pháp của bà. Đức Phật dạy chúng ta tri ân báo ân, chúng tôi hy vọng đem tinh thần này phổ biến làm cho nó tỏa rạng rộng lớn, không những tương lai có thể giúp đỡ các khu vực ở Trung Quốc, chúng tôi cũng muốn giúp đỡ hết thảy những người đang chịu khổ nạn trên toàn thế giới. Khả năng của chúng ta có hạn, chỉ cần mình làm với tâm chân thành thì chắc chắn sẽ được Phật, Bồ Tát giúp đỡ, sức mạnh của con người làm không nổi, còn Phật, Bồ Tát có sức làm việc này, đúng như lời ông Lý Mộc Nguyên thường nói 'Chúng ta không có phước báo, A Di Đà Phật có phước báo, chúng ta không có khả năng, A Di Đà Phật có khả năng', chúng ta dùng tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi để tu học thì tự nhiên sẽ được cảm ứng.

Lời dạy chúng ta tu học trong đoạn này quan trọng nhất là câu *'chí tâm cung kính'*, pháp sư Thanh Liên chú giải rất hay, chúng ta hãy cùng nhau đọc *'chí tâm cung kính, triệt đáo nguyên để dã' (chí tâm cung kính là đạt tới cội nguồn)*, từ đây chúng ta mới biết hàm nghĩa sâu rộng của bốn chữ này. *'Triệt đáo nguyên để'*, *nguyên để* là gì? Là chân tâm, là tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy chúng ta *'hư không pháp giới y chánh trang nghiêm duy tâm sở hiện'*, do đó tâm là cội nguồn của hết thảy vạn pháp trong hư không pháp giới, 'chí tâm cung kính' sẽ đạt đến cội nguồn này. Chí tâm là chân thành tới cùng cực, tại sao phải dùng câu này? Câu này là năng cảm (vật có thể cảm), cảm ứng đạo giao, tiêu trừ hết thảy tai nạn là việc được ứng, chúng ta có cảm liền có ứng, là Phật, Bồ Tát ứng. Phật, Bồ Tát có khả năng gì để ứng? Lại còn cảm ứng xứng tánh, như vậy mới đúng như lý, trên lý mới nói được thông suốt. Nếu chẳng có lý luận này chúng ta nghe xong cũng sẽ ngờ vực như cũ, không thể tiếp nhận dễ dàng.

Tiếp theo là nói làm thế nào mới được chí tâm *'văn danh bất hoặc ư danh, kiến tướng bất trước tướng, minh khế chân thật trung cơ, phương viết chí tâm' (Nghe danh mà chẳng bị danh mê hoặc, thấy tướng mà chẳng chấp vào tướng, ngầm khế hợp nền tảng chân thật thì mới gọi là chí tâm)*, câu này rất hay. Do đó có thể biết, người trong thế gian gặp tai nạn, dù đọc kinh này, nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, kêu cứu Phật, Bồ Tát bảo hựu cũng chưa chắc được nên việc, chưa chắc sẽ có hiệu quả. Đạo lý là gì? Chẳng làm đến mức chí tâm. Nghe danh rồi mê hoặc vào danh, thấy tướng rồi chấp vào tướng cản trở việc cảm ứng, nên cảnh giới khổ nạn vẫn không thể chuyển đổi. Nhưng con người muốn làm được tới mức này, nói thật ra dùng ngôn ngữ hiện nay mà nói, phải có tu dưỡng kha khá, thuật ngữ trong Phật pháp gọi là 'chẳng phải phàm phu', tại sao vậy? Trí huệ của họ đã mở mang, chỉ có trí huệ chân thật thì mới nghe danh nhưng không mê hoặc vào danh, không những không mê hoặc trên danh hiệu của Phật, Bồ Tát, mà hết thảy danh tướng trong thế gian đều chẳng mê hoặc. Một danh không mê, hết thảy danh đều không mê, một tướng không chấp thì hết thảy tướng đều không chấp. Chư vị phải biết khi tới cảnh giới này thì nghiệp sẽ tiêu hết, sẽ chuyển được cảnh, có mấy ai làm nổi? Do đó nhiều người đọc kinh này cảm thấy kinh không linh, cảm thấy kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện nói rất hay, nhưng trên sự thật thì dùng không được, chẳng thấy hiệu quả, đạo lý là như vậy. Chẳng phải là

lời Phật nói không có hiệu quả mà là chúng ta không hiểu ý Phật, nhờ tổ sư đại đức giải thích nên chúng ta mới hiểu được một chút.

Có thật sự là hiểu rõ triệt để hay không? Vẫn còn thắc mắc, cho nên sau đó mới dạy bạn *'niệm mãn vạn biến'*. Niệm mãn vạn biến nghĩa là gì? Huân tu nhiều lần, hy vọng bạn có thể ngộ nhập vào cảnh giới này. Nói cho bạn một lần, hai lần đâu có kết quả gì, bạn vẫn còn mê hoặc. Cho nên phải thường đọc kinh, thường giảng, tốt nhất là phải thường giảng, hiệu quả của sự giảng kinh thù thắng hơn đọc kinh. Chính tôi là một kẻ phàm phu, là một người có căn tánh hạng trung, chẳng phải thượng căn lợi trí, ngày nay trong Phật pháp có được một chút lợi ích chẳng nhờ gì khác ngoài việc mỗi ngày đều giảng kinh. Mỗi một lần giảng đối với tôi là [cơ hội được] huân tu qua một lần, tôi giảng hết 40 năm, mỗi ngày trong 40 năm đều huân tu chẳng gián đoạn nên mới có được một chút hiệu quả, do đó tôi cảm thấy giảng kinh thù thắng hơn đọc kinh, thấu hiểu sâu sắc được câu *'giáo học tương trưởng' (dạy và học giúp ích lẫn nhau)*, hiểu thấu vì sao Bồ Tát nhiệt tâm giáo hóa chúng sanh? Chẳng qua là vì lợi ích cho chính mình. Bạn không nhiệt thành giáo hóa chúng sanh, nói cách khác bạn chẳng có cách gì tự lợi, tự lợi tuyệt đối được xây dựng trên sự lợi tha. Không những Giải Môn như vậy, Hạnh và Chứng cũng đều như vậy. Mình thấy người ta bị khổ nạn, không thể dốc hết tâm lực để giúp họ thì tai nạn của mình cũng sẽ không chuyển đổi được. Nói cách khác bạn nhiệt tâm giúp đỡ kẻ khác là bạn giúp đỡ chính mình, tai nạn của chính bạn được tiêu trừ. Cho nên thật sự tiêu tai miễn nạn là nhiệt tâm, dốc hết tâm lực để giúp đỡ người khác. Nếu bạn không chịu làm thật sự, dù Giải và Ngộ của bạn có viên mãn cách mấy thì tai nạn của bạn cũng tránh không nổi, quý vị hãy suy nghĩ kỹ càng đạo lý này. Cho nên ý nghĩa của câu *'chí tâm cung kính, niệm mãn vạn biến'* rất sâu rộng, lời Phật nói chân thật chẳng hư dối.

Đoạn kế tiếp nói về quả báo, *'thị chư bất như ý sự'*, *'những sự chẳng như ý'* là như các thí dụ nêu trên: quần áo, thức ăn chẳng đủ, những điều mong cầu không được toại nguyện, tật bịnh, hung suy, bất an, quyến thuộc phân ly, v. v. 'tiệm tiệm tiêu diệt' (dần dần tiêu diệt). Ý nghĩa của chữ 'dần dần' này rất sâu rộng, dựa trên mức độ dụng tâm của bạn, dựa trên thời gian huân tu dài ngắn, thì tai nạn này kéo dài hay ngắn mới tiêu trừ dứt, hoàn toàn phải coi chính mình [dụng tâm và huân tu như thế nào]. Nếu tự mình có thể đốn ngộ, có thể dũng mãnh tinh tấn tu học, trong thời gian ngắn liền có thể đạt được hiệu quả, lúc đó tai nạn này có thể tiêu trừ. '*Tức đắc an lạc, y thực phong ích' (liền được an vui, áo quần thức ăn phong phú)*, phong là phong túc (đầy đủ), 'ích' là tăng gia, không những mình đủ dùng mà còn dư để giúp đỡ người khác. *'Nãi chí ư thùy mộng trung tất giai an lạc' (Thậm chí trong lúc nằm mộng đều được an vui)*, trong giấc ngủ hết thảy ác mộng đều không còn, thân tâm an ổn, chuyển họa thành phước. Trong khoa đề3[3] ghi *'tu thiện tiêu diệt an lạc'*, câu này đối với người hiện đại cần phải thêm vài chữ mới được, nếu không thì người đọc sẽ hiểu lầm tu thiện sẽ tiêu diệt hết an vui; [phải ghi thêm vài chữ như vầy] *'tu thiện tiêu diệt những sự bất như ý, liền được an vui'*, ý nghĩa như vậy mới viên mãn, sẽ không đến nỗi hiểu lầm. Lời dạy trong đoạn kinh này là nhu cầu hết sức cấp bách, hết sức cần thiết đối với người hiện đại, chúng ta nên sốt sắng nỗ lực làm theo. Ngày nay chúng ta thấy người khác bị tai nạn, không chừng ngày mai chúng ta sẽ gặp tai nạn. Nếu chúng ta không quan tâm kẻ khác, đến lúc chúng ta gặp tai nạn thì ai sẽ quan tâm lo lắng cho chúng ta? Nếu chúng ta không chịu giúp đỡ người khác, lúc chúng ta bị nạn thì ai sẽ giúp chúng ta? Phải hiểu nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Chúng ta hy vọng lúc mình gặp nạn liền có người đến

---

3[3] Khoa Đề chính là tên gọi của từng tiểu mục. Thường thì chú giải kinh, chư tổ chia kinh thành nhiều tiểu đoạn (gọi là phân khoa hay khoa phán). Tên gọi của một khoa đó gọi là Khoa Đề.

giúp đỡ, đến an ủi thì khi chúng ta thấy người ta bị nạn, chúng ta hãy an ủi, giúp đỡ người ta, làm vậy thì mình mới có thể có được quả báo này. Xem tiếp đoạn kinh văn sau:

Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát, nhược vị lai thế hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc nhân trị sanh, hoặc nhân công tư, hoặc nhân sanh tử, hoặc nhân cấp sự nhập sơn lâm trung, quá độ hà hải, nãi cập đại thủy hoặc kinh hiểm đạo.

Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc vì việc làm ăn sinh sống, hoặc vì việc công việc tư, hoặc vì sự sanh sự tử, hoặc vì việc khẩn cấp, mà phải vào rừng lên núi, qua sông vượt biển, cho đến gặp nước lớn hoặc đi ngang hiểm đạo.

Ngày nay chúng ta gọi những việc nói trong đoạn này là du lịch bình an. Người hiện nay đi du ngoạn, du lịch dùng phương tiện giao thông khác với người thời xưa, nhưng thật ra cơ hội gặp tai nạn chẳng khác gì thuở xưa. Đề mục [cho đoạn này] trong Khoa Phán ghi là *'An thủy lục hiểm đạo'*, nghĩa là lúc đi du lịch đường bộ hay đường thủy ở những nơi nguy hiểm đều được bình an. Chư vị nên lưu ý coi trong kinh văn thì có thể tìm ra, đoạn trước đức Phật gọi Quán Thế Âm Bồ Tát *'Nhược vị lai thế hữu chư nhân đẳng' (Nếu trong đời vị lai có những người)*, bạn coi đoạn này *'nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân' (nếu trong đời vị lai có người thiện nam người thiện nữ)*, bạn chú ý kỹ trong mỗi đoạn kinh, nếu là 'thiện nam tử, thiện nữ nhân' thì cơ hội gặp tai nạn ít; khi không có chữ 'thiện' như trong câu *'hữu chư nhân đẳng, y thực bất túc' (có những người quần áo lương thực chẳng đủ)*. Nếu thật sự là người làm việc thiện thì những chuyện gặp tai nạn này rất ít; do đó chúng ta phải lưu ý mỗi chữ mỗi câu trong kinh.

Chỗ này nói thiện nam tử, thiện nữ nhân, phía trước đã nói với chư vị về chữ 'thiện' này, tối thiểu cũng phải làm được điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước *'hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp'* thì đức Phật mới gọi người đó là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Quả báo của thiện nam tử, thiện nữ nhân, chư vị hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn thì sẽ rõ, ông Liễu Phàm đích thật đã làm được bốn câu này, đây là gương tốt cho chúng ta. Đây là nói người đó phải đi xa, đi xa đương nhiên là có công việc, *'hoặc nhân trị sanh'*, 'trị sanh' nghĩa là làm những việc để [duy trì] đời sống, vì đời sống mình, đời sống gia đình mình nên phải ra ngoài mưu sinh. *'Hoặc nhân công tư'*, công là việc của công chúng, tư là việc riêng của tư nhân như đi thăm quyến thuộc, thăm bạn bè. Việc công thí dụ như người làm quan trong triều đình, hay nhân viên của những công ty hiện nay đi công tác. *'Hoặc nhân sanh tử'*, 'tử' là việc ma chay, 'sanh' là khi trong nhà sanh con cái, đây là việc vui mừng, họ phải về thăm. *'Hoặc nhân cấp sự'*, khi có chuyện cấp bách, trên đây là những nguyên nhân phải đi xa nhà. Hiện nay còn đi du lịch tham quan, việc này không thuộc những việc kể trên. *'Nhập sơn lâm trung'* nghĩa là bạn đi ngang những vùng rừng núi; hoặc đi ngang sông ngang biển lớn, 'đại thủy' thí dụ như hồ, chằm. *'Hoặc kinh hiểm đạo' (hoặc đi ngang đường hiểm'*, đường hiểm bao gồm những chỗ có mãnh thú, rắn độc, hoặc có kẻ cướp bóc, đây là thuộc về hiểm đạo. Đời xưa trên đất liền có hiểm đạo, sông biển cũng có nguy hiểm, thí dụ những nơi có hải tặc, nếu bạn gặp phải cũng rất phiền phức. Hiện nay giao thông thuận tiện, nhanh chóng hơn thời xưa, nói thật ra đi du lịch thoải mái hơn đời xưa quá nhiều, nhưng những tai nạn giao thông chúng ta cũng thường nghe đến, làm sao có thể bảo đảm đi du lịch được bình yên, có thể nói là ai đi du lịch cũng đều mong muốn được bình yên. Ở đây Thế Tôn dạy phương pháp tu học cho chúng ta, xin xem kinh văn:

Thị nhân tiên đương niệm Địa Tạng Bồ Tát danh vạn biến.

Người đó trước hết nên niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, niệm cách nào? Phải chí tâm xưng niệm, thành tâm thành ý niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Chú giải của pháp sư Thanh Liên nói, chúng ta hãy đọc Chú Giải *'Thử hiển xưng danh chi ích' (Điều này tỏ rõ lợi ích của việc xưng danh'*, Thế Tôn dạy chúng ta *'thị nhân, thông chỉ cửu giới' (chữ 'người đó' chỉ chung cho chín pháp giới)*, chẳng phải chỉ riêng cõi người chúng ta, chín pháp giới bao gồm cả Bồ Tát ở trong đó. Sau đó nói *'Dĩ Sơ Địa Bồ Tát thượng bất miễn hổ lang chi nạn' (Bởi lẽ, Sơ Địa Bồ Tát còn không thể tránh khỏi nạn cọp, sói)*, huống chi là những [chúng sanh trong cõi khác] dưới Bồ Tát. Chúng ta phải biết việc này. Vì sao bạn lại gặp phải những tai nạn này? Thế pháp, Phật pháp dạy cho chúng ta biết *'một miếng ăn, một miếng uống không gì chẳng do tiền định'*, đời trước bạn chẳng kết oán với cọp sói sư tử, khi gặp bạn chúng nó sẽ chẳng thèm đếm xỉa tới bạn, nó sẽ không làm hại bạn. Khi nó hại bạn thì đời trước chắc chắn là bạn đã kết oán với nó. Dù bạn là Sơ Địa Bồ Tát, bạn gặp kẻ thù thì họ cũng chẳng tha cho bạn, chúng ta phải biết việc này, cho nên oan gia nên cởi mở chứ đừng kết. Trong Cao Tăng Truyện chúng ta thấy An Thế Cao, nói thật ra ngài cũng là thị hiện, ngài rốt cuộc là người như thế nào chúng ta không thể biết, ngài tới Trung Quốc trả mạng hai lần, việc này được ghi rất rõ trong truyện ký của ngài. Đúng là thiếu nợ mạng thì chắc chắn phải đền mạng, thiếu tiền nhất định phải đền tiền, chẳng có cách nào khác, nhân quả thông ba đời, nếu nói người nào đó chiếm tiện nghi, người nào chịu thiệt thòi [đều không đúng], chẳng có chuyện này. Nói chiếm tiện nghi, nói chịu thiệt thòi là cách nhìn của người thế gian, họ chỉ nhìn thấy một khoảng thời gian trong hiện tại, chẳng thấy nhân quả trước đó và sau này, nếu thấy được nhân quả trước sau thì mới biết chân tướng sự thật.

Nếu chúng ta gặp chuyện người ta chiếm tiện nghi của mình, chúng ta chỉ cười cười rồi thôi chứ đừng để nó trong bụng. Chúng ta bị gạt hay chịu thiệt thòi cũng không sao hết, tất cả hãy nghĩ là chúng ta trả nợ, chúng ta đã trả món nợ này xong rồi, đã trả dứt. Bất luận gặp phải những chuyện oan ức như thế nào đi nữa cũng phải nghĩ là mình trả nợ, tuyệt đối không oán trời trách người. Tự mình có tu giỏi tới đâu, có làm được bao nhiêu chuyện tốt, khi bị người ta vu oan, vu báng, thậm chí bị người ta hãm hại đều không sao hết, phải biết những chuyện này đều có nghiệp nhân quả báo. Sơ Địa Bồ Tát còn không tránh khỏi những ác báo này, chúng ta là hạng người nào [mà muốn tránh được]? Cho nên khi gặp những quả báo ác liệt này xảy ra thì phải bình tĩnh chịu đựng, không oán trời không trách người. Khi tai nạn xảy ra xong rồi thì tai nạn tiêu hết, đúng như câu nói 'mưa tạnh trời quang đãng'. Tai họa xảy ra xong thì phước báo hiện lên. Nếu trong lúc này lại hoài nghi rằng mình đã làm chuyện tốt suốt cả đời mà còn gặp quả báo như vậy, trong tâm khởi oán hận thì tai nạn của bạn sẽ không tiêu hết, phước báo sẽ không hiện ra, chúng ta dứt khoát phải biết rõ, phải hiểu rõ đạo lý này. Nhất định phải tin tưởng lời dạy của Phật, Bồ Tát, y giáo phụng hành, sốt sắng phản tỉnh kiểm điểm, không thể cho rằng cái gì cũng là người khác sai lầm, nghĩ vậy là lỗi lầm lớn nhất của người tu hành. Người tu hành thật sự bất cứ lúc nào cũng thường kiểm điểm, [phải nghĩ] hết thảy đều là lỗi của mình, người khác không có lỗi gì hết, lỗi đều là lỗi của mình. Cứ sốt sắng nỗ lực sám hối, sửa sai đổi mới, thì đường Bồ Đề mới thuận buồm xuôi gió, mới giảm bớt chướng nạn.

Lời của Huệ Năng đại sư dạy chúng ta rất có lý: *'Nếu là người thật sự tu đạo sẽ không thấy lỗi thế gian'*, người thường không thể nào nói ra được câu này. Nói cách khác, nếu còn nhìn thấy lỗi lầm của thế gian, thấy mình không có lỗi lầm, người khác

có lỗi lầm thì sự tu học của bạn sẽ gian nan, bạn sẽ có chướng ngại. Đến khi nào bạn thật sự có thể không thấy lỗi thế gian, chỉ thấy lỗi của mình thì bạn mới có tiến bộ, thật sự tiêu nghiệp chướng, chuyển họa thành phước. Cho dù chẳng may bị mất mạng, bị người ta hãm hại hoặc bị người ta giết thì cũng là chuyển họa thành phước, tại sao vậy? Bạn chắc chắn sẽ được sanh tới cõi lành, bạn xả thân này để đổi thân khác, đổi hoàn cảnh khác sẽ tốt hơn gấp nhiều lần hoàn cảnh và thân bây giờ. Dù cho không thể vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới thì chắc chắn cũng sanh lên trời hưởng phước trời. Giả sử gặp tai nạn, khởi lên tâm oán hận thì tai nạn không thể tránh khỏi, vả lại còn đọa vào ba đường ác, bạn coi [quả báo] sai khác bao lớn? Chúng ta phải hiểu rõ Lý và Sự này cho thật rành rẽ. Thập pháp giới bày trước mắt chúng ta, người có trí huệ biết lựa chọn đi đường nào, sẽ chọn đường tốt, chỉ có những kẻ vô tri cứ cho là mình tài giỏi, họ không biết lựa chọn, sẽ đọa lạc vào ác đạo. Chúng ta có thể hiểu được những sự lý này, đây là lời dạy của Phật, Bồ Tát, tổ sư, đại đức. Ân đức này quá lớn, quá lớn. Nếu chúng ta không gặp được Phật pháp thì làm sao biết được! Khi gặp những tai nạn này thì tâm chúng ta làm sao bình lặng được? Ngày nay chúng ta có thể bình tâm tịnh khí quán sát thế gian đều nhờ tiếp nhận được lời dạy của đức Phật, do đó nói thật ra ân đức của Phật, Bồ Tát, của Tam Bảo siêu việt ân đức của cha mẹ. Sau đây là lợi ích mà bạn có được:

Sở quá thổ địa, quỷ thần vệ hộ, hành trụ tọa ngọa vĩnh bảo an lạc. Nãi chí phùng ư hổ lang sư tử, nhất thiết độc hại bất năng tổn chi.

Thì đi qua nơi nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ, đi đứng nằm ngồi mãi mãi được an lạc, cho đến dẫu gặp cọp, sói, sư tử... cùng tất cả mọi thứ độc hại, đều không thể làm thương tổn đến được.

Lúc bình thường bạn có thể dứt ác tu thiện, bạn là thiện nam tử, thiện nữ nhân, lúc bạn đi du lịch, có thể niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát một vạn lần, rồi tu thêm pháp môn Địa Tạng. Tu thêm là tu như thế nào? Hiếu thân tôn sư, đoạn ác tu thiện, tăng thêm lòng thương xót, từ bi cứu trợ hết thảy chúng sanh, đó chính là tu thêm pháp môn Địa Tạng Bồ Tát. Trong lúc bạn đi du lịch, bạn có thể được thiên địa quỷ thần bảo hựu, chỗ bạn ở đều có thể yên ổn, dù gặp tai nạn, bạn cũng không bị tổn hại. Ở đây Thế Tôn dạy chúng ta, đây chỉ là nêu thí dụ để nói, thật ra y theo lời dạy trong kinh điển để tu học sẽ được lợi ích vô lượng vô biên, làm sao nói hết được? Nói tới đây tổng cộng đã nêu ra mười thí dụ, sau đó đức Phật tổng kết lại *'tổng thuyết lợi ích vô tận.'*

Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát thị Địa Tạng Bồ Tát ư Diêm Phù Đề, hữu đại nhân duyên.

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: "Bồ Tát Địa Tạng có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề.

Diêm Phù Đề là chỉ địa cầu chúng ta, nói thật ra đây là lời đức Thế Tôn đặc biệt vì chúng ta nhấn mạnh Địa Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát đối với tận hư không trọn khắp pháp giới hết thảy chúng sanh đều có hạnh nguyện to lớn, không chỉ hạn chế ở địa phương này mà thôi; đức Phật đặc biệt nhấn mạnh cho chúng ta biết.

Nhược thuyết ư chư chúng sanh kiến văn lợi ích đẳng sự, bá thiên kiếp trung, thuyết bất năng tận.

Nếu nói về những việc lợi ích nhờ được thấy, được nghe của chư chúng sanh, thì trong cả trăm ngàn kiếp cũng không thể nói hết được.

Đây là thật, tuyệt chẳng phải là vài thí dụ nêu ở phần trên, thật là lợi ích nói chẳng cùng tận. 'Kiến văn lợi ích' nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, nghe đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, lợi ích quá nhiều, quá lớn, nói một trăm kiếp, một ngàn kiếp cũng nói không hết. Trong phần chú thích có nêu Địa Tạng Thập Luân kinh, Địa Tạng Bồ Tát có ba bộ kinh, ngoài kinh này ra còn có Thập Luân Kinh, Ngài nêu vài câu trong Thập Luân Kinh, chúng ta hãy đọc phần chú thích: *'Thử kết'*, kết nghĩa là tổng kết, *'Địa Tạng thiên hướng Diêm Phù Đề chi ý' (ý nói Địa Tạng hướng về Diêm Phù Đề)*, đây là lúc Thế Tôn thuyết pháp đặc biệt nhấn mạnh, kinh Thập Luân nói *'quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc, cụ túc thí công đức, bi mẫn chư chúng sanh. Giả sử bá kiếp trung tán thuyết kỳ công đức, do thượng bất năng tận, cố giai đương cúng dường' (người quy kính Địa Tạng, những việc mong cầu đều được thỏa mãn, đầy đủ công đức bố thí, thương xót chúng sanh. Giả sử khen ngợi công đức ấy trong suốt trăm kiếp cũng không hết, do đó phải nên cúng dường'*. Đây là nói công đức bố thí của Địa Tạng Bồ Tát, thương xót hết thảy chúng sanh. Người quy kính Địa Tạng nhất định phải làm theo hạnh của ngài Địa Tạng, nếu không thể tận tâm tận lực làm theo Địa Tạng Bồ Tát thì không gọi là thật sự quy kính. Thật sự quy kính thì nhất định phải làm cho bằng được, điểm này rất quan trọng, không thể nói tôi cung kính trong miệng, mỗi ngày lễ lạy Địa Tạng Bồ Tát, khi thấy chúng sanh đang chịu khổ nạn thì cứ mặc nhiên, vậy là sai rồi. Dù cho mình không có khả năng, không thể giúp đỡ người ta thì cũng phải tụng kinh, chấp trì danh hiệu, dùng công đức ấy chí tâm hồi hướng, tối thiểu thì bạn phải làm được tới mức này, đó là người thật sự không có khả năng giúp đỡ. Nếu có khả năng thì nhất định phải tận tâm tận lực, bạn có mười phần sức lực nhưng bạn chỉ tận dụng chín phần thì cũng không viên mãn, làm tới viên mãn thì mới thật sự là tu học Địa Tạng pháp môn, mới là thật sự quy kính Địa Tạng Bồ Tát. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị cố Quán Thế Âm, nhữ dĩ thần lực lưu bố thị kinh, lịnh Sa Bà thế giới chúng sanh bá thiên vạn kiếp vĩnh thọ an lạc.

Vì thế, này Quán Thế Âm! Ông hãy dùng thần lực mà lưu bố kinh này, làm cho chúng sanh ở thế giới Sa Bà trong trăm ngàn vạn kiếp luôn được hưởng sự an lạc.

Đây là lời đức Thế Tôn khuyên Quán Thế Âm Bồ Tát phải lưu thông tuyên nói kinh này. 'Lưu bố' nghĩa là diễn nói, lưu thông bộ kinh này, muốn lưu thông thì chính bạn phải tu học, chính mình nhất định phải làm được. Nếu bạn làm không được, bạn lưu thông cũng có công đức nhưng chuyển họa thành phước thì hơi khó khăn, chẳng nhanh chóng cho lắm. Nếu chính bạn quả thật có thể y giáo phụng hành thì chuyển cảnh giới rất nhanh. Hiện nay lưu thông bằng cách in kinh là phương pháp hay nhất, thời xưa lưu thông rất khó khăn, thời xưa phải chép kinh chứ chẳng có phương tiện ấn loát. Chúng ta coi những bài ghi chép bằng văn tự thời xưa, có một số trưởng giả giàu có chép kinh, họ mướn một số thư sinh chép kinh, chép một bộ, chép mười bộ, rất ít người có khả năng có thể chép một trăm bộ. Hơn phân nửa kinh chép xong rồi đem tới chùa miếu cúng dường, trong chùa có lầu chứa kinh, cung phụng ở đó cho người ta đọc tụng, cũng có người tới đó để sao chép, người xưa chép kinh vì thời xưa việc ấn loát không phát triển, rất khó khăn. Vào những năm đầu thời Dân Quốc vẫn còn người chép kinh, hiện nay thì ít rồi, kỹ thuật ấn loát phát triển cho nên công đức làm việc lưu thông kinh điển ngày càng thuận tiện. Giống như cuốn Chú Giải này, Thanh Liên pháp sư là người triều vua Khang Hy, vào thời đó đã dùng phương pháp khắc ván để ấn loát, bản

khắc gỗ phải khắc từng chữ từng chữ. Nếu bạn tới Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ở Nam Kinh, bạn coi sách xỏ chỉ vẫn dùng từng tờ giấy mà in, hoàn toàn dùng sức người, dùng giấy Mao Biên để in. Một người làm việc suốt ngày [có thể in bao nhiêu cuốn?], tôi từng đi tham quan, tôi hỏi: 'ông có thể in bao nhiêu cuốn?' Họ nói có thể in khoảng tám cuốn, tám cuốn đó chẳng dầy bằng cuốn này. Sách xỏ chỉ, chư vị cũng biết, mỗi ngày có thể in tám cuốn, đâu tiện lợi bằng máy móc ấn loát bây giờ. Hiện nay chúng ta in sách lưu thông có thể dùng con số một vạn cuốn làm tiêu chuẩn, mỗi lần in tối thiểu là một vạn cuốn, thuận tiện hơn thời xưa quá nhiều. Ngày nay giảng thuyết có thể lưu lại băng ghi âm, băng thâu hình, có thể làm ra CD, đây là việc lưu thông [kinh điển trong] thế gian.

Đức Phật dặn ngài Quán Thế Âm Bồ Tát lưu thông, chúng ta nghe xong càng phải nỗ lực; lời dạy trong kinh này đích thật có thể vãn hồi kiếp vận trong chín ngàn năm đời Mạt Pháp, việc này vô cùng quan trọng! Chín ngàn năm đời Mạt Pháp, chúng ta đọc trong kinh này, sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, ngài giao phó sứ mạng hoằng pháp lợi sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, ý này nói rõ trong đời Mạt Pháp, dùng phương pháp này có thể cứu vãn kiếp vận, độ hết thảy chúng sanh, làm cho chúng sanh chẳng đến nổi phải bị đọa ác đạo. *'Lịnh Sa Bà thế giới chúng sanh, bá thiên kiếp vĩnh thọ an lạc' (làm cho chúng sanh trong thế giới Sa Bà vĩnh viễn thọ yên vui suốt trăm ngàn kiếp)*, đây là hiệu quả của việc lưu thông truyền bá kinh này. Hoằng pháp lợi sanh quan trọng nhất là phải khế cơ, khế lý, kinh này là lời dạy từ chân như tự tánh của đức Thế Tôn lưu lộ, không những là Đại Thừa, chúng ta hãy quan sát kỹ lưỡng, đó đích thật là Đại Thừa trong Đại Thừa. Chẳng khác gì với Hoa Nghiêm, Vô Lượng Thọ, thật ra là một thể, đây là khế lý. Cảnh giới và phương pháp tu học nói trong kinh vô cùng khế hợp với căn cơ chúng sanh thời Mạt Pháp, do đó ngày nay chúng ta tu học bộ kinh nào, cả đời chúng ta chuyên hoằng dương kinh nào thì chúng ta có thể hiểu rõ ràng rồi.

Đoạn này là văn Trường Hàng, trong phần sau phẩm này có phần Trùng Tụng. Trùng tụng có hai ý nghĩa, thứ nhất là lúc đức Phật giảng kinh thuyết pháp, có người tới trước, có người tới sau, chẳng giống như trong trường học đúng giờ thì học sinh đều vào lớp. Phật giảng kinh không giống như lên lớp, có người tới sớm, có người tới trễ. Người tới sớm thì phần đầu nghe được trọn vẹn, người tới sau thì phần đầu chẳng nghe được. Nếu là phần khai thị rất quan trọng thì đức Phật sẽ không phụ kẻ tới sau, ngài nói đơn giản và tóm tắt những ý đã nói phía trước thêm một lần nữa, để cho những người tới sau nghe. Ý nghĩa thứ hai là kệ tụng dễ nhớ hơn, phần trước nói rất nhiều, sợ người nghe không nhớ hết nên dùng kệ tụng để lập lại, tiện lợi cho đại chúng ghi nhớ, nếu không nhớ thì bạn không thực hành được. Cho nên đối với lời dạy của đức Phật, chúng ta thường đọc tụng là để học thuộc lời dạy này, trong đời sống hằng ngày khi khởi tâm động niệm sẽ nhớ tới lời đức Phật dạy, [chúng ta sẽ biết] có nên khởi lên ý niệm này, câu nói này, có nên làm việc này hay không. Hết thảy dùng kinh giáo làm tiêu chuẩn, đó gọi là tu hành đúng như pháp, y giáo phụng hành. Dụng ý của kệ tụng là như vậy. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Ngô quán Địa Tạng oai thần lực.

Hằng Hà sa kiếp thuyết nan tận.

Kiến văn chiêm lễ nhất niệm gian.

Lợi ích nhân thiên vô lượng sự.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

"Ta xem Địa Tạng sức oai thần,

Hằng hà sa kiếp nói chẳng cùng.

Thấy, nghe, một niệm chiêm ngưỡng lễ,

Lợi ích trời, người vô lượng sự.

Đây là bài thứ nhất, bài thứ nhất là tán thán chung, tán thán oai thần công đức của Địa Tạng Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. 'Ngô quán', 'ngô' là lời Thế Tôn tự xưng, đây là đức Phật nhìn bằng Phật nhãn chứ chẳng phải mắt thường. Những gì đức Phật thấy được, thấy oai thần lực của Địa Tạng Bồ Tát, oai đức thần thông giúp đỡ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn trong trọn khắp hư không pháp giới. Chúng sanh trong thế gian hiện nay gặp rất nhiều tai nạn, Địa Tạng Bồ Tát có cứu giúp hay không? Oai thần lực của Địa Tạng Bồ Tát hiện ra như thế nào? Chúng ta phải biết oai thần lực của Địa Tạng Bồ Tát đích thực bày ra trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta không nhìn thấy. Chúng ta không hiểu, không tin, không thể phụng hành, chúng ta đã bỏ lỡ lời dạy của ngài rồi. Oai thần lực của ngài là gì? Tức là 'ba kinh Địa Tạng, là những đạo lý nói trong kinh, những phương pháp và hiệu quả dạy trong kinh, đó chính là Địa Tạng oai thần lực. Hết thảy chúng sanh, phía trước Thanh Liên pháp sư nói nếu chúng sanh trong chín pháp giới có thể đọc tụng, ức niệm, y giáo phụng hành, chẳng có ai không được lợi ích. *'Hằng Hà sa kiếp cũng nói không hết'*, đây là lời Phật nói, Phật nói cũng nói không hết, phía trước nói trăm ngàn muôn kiếp, Hằng hà sa kiếp cũng nói không hết.

'Thấy, nghe, một niệm chiêm ngưỡng lễ, Lợi ích trời, người vô lượng sự', đây là một thí dụ, bạn thấy tượng Địa Tạng Bồ Tát, nghe đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, dù chỉ là trong vòng một niệm, một niệm này có lợi ích hay không? Có chứ, trong A Lại Da Thức đã gieo hạt giống. Nhưng lợi ích đó hiện nay không thể khởi lên, không thể trở thành hiện thực. Hạt giống kim cang đã gieo xuống, không nhất định là đời sau, kiếp sau gặp được duyên này, [khi nào] bạn có thể tin, có thể hiểu, có thể hành thì lợi ích ấy sẽ trở thành hiện thực. Giống như câu chuyện đức Phật kể trong kinh Pháp Hoa: nhiều kiếp số lâu xa về trước có một tiều phu đang đi chẻ củi trong rừng, gặp một con cọp muốn ăn thịt ông, ông chạy trốn và leo lên một cây cao, lúc sợ hãi cùng cực ông kêu lên một câu 'Nam mô Phật', đây là chuyện lâu xa nhiều kiếp về trước. Lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, ông này được sanh làm người, gặp Phật pháp, muốn xin đức Phật đi xuất gia, đức Phật Thích Ca hỏi những vị đại đệ tử của ngài rằng ông này có thể xuất gia hay không? Xuất gia cần phải có thiện căn. Các vị đệ tử của Phật đều là A La Hán, đều có thần thông, có thể quán sát 500 đời trước, mọi người đều nói ông này chẳng thể xuất gia, trong năm trăm đời trước ông chẳng có trồng thiện căn, chẳng có duyên với Phật. [Sau đó] đức Phật mới nói ông này vô lượng kiếp trước đã niệm một câu 'Nam mô Phật', nhờ nhân duyên niệm một câu 'Nam mô Phật' này, nên đời này có thể xuất gia, chẳng lâu sau ông chứng quả A La Hán. Đây chính là *'lợi ích nhân thiên vô lượng sự'*. Do đó người thế gian tuy hiện nay vẫn phải chịu đựng tai nạn to lớn, Phật, Bồ Tát thật sự có tâm từ bi giúp họ có thể nhìn thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, Bồ Tát, gieo thiện căn cho họ, sau này chắc chắn sẽ được độ. Nếu họ có thiện căn, giống như phía trước nói thiện nam tử, thiện nữ nhân, vậy thì rất dễ được độ, rất có thể trong đời này họ có thể tiêu tai miễn nạn, có thể niệm Phật vãng sanh tịnh độ. Vãng sanh tịnh độ tức là đi làm Phật, việc này thù thắng hơn so với bất cứ việc gì. Xin xem bài kệ thứ nhì, bài kệ thứ nhì là 'chuyển suy tướng':

Nhược nam nhược nữ nhược long thần.

Báo tận ứng đương đọa ác đạo.

Chí tâm quy y Đại sĩ thân.

Thọ mạng chuyển tăng trừ tội chướng.

Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc rồng, thần,

Báo tận sẽ sa vào đường ác,

Chí tâm quy y thân Đại Sĩ,

Thọ mạng chuyển tăng, tội chướng trừ.

Câu thứ nhất nói rõ chúng sanh trong chín pháp giới, phạm vi này vô cùng rộng lớn, người nam người nữ ở cõi người, long thần ở cõi trời, đây là chỉ chung hết thảy chúng sanh trong lục đạo. *'Báo tận sẽ sa vào đường ác'*, đời này thọ mạng đã hết, đã tạo một số ác nghiệp nên họ phải đọa ác đạo. *'Chí tâm quy y thân Đại Sĩ'*, quan trọng ở bốn chữ 'chí tâm quy y'. Dùng tâm chân thành, 'quy' nghĩa là quay đầu lại, đoạn dứt hết thảy ác là 'quy', tu hết thảy thiện là 'y', noi theo lời dạy của Bồ Tát để tu hết thảy điều thiện. Quy y chẳng phải là mời một vị pháp sư, ở trước tượng Phật, Bồ Tát xá vài cái, đọc kệ quy y cho bạn, cấp cho bạn một giấy chứng minh quy y thì kể là bạn đã quy y rồi. Làm gì có chuyện tiện nghi như vậy? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nói thật ra quy y nghĩa là 'quay về là bến bờ', bạn thật sự quay trở lại, tu hành noi theo lời dạy. Ý niệm trong tâm của bạn đã chuyển biến, cảnh giới cũng chuyển đổi, cảnh tùy tâm chuyển. Thọ mạng có thể kéo dài, tội nghiệp tiêu trừ, chuyển họa thành phước. Bài kệ này chuyển suy tướng. Phía sau còn ba bài kệ, đây là 'tụng thị sanh giới'.

Thiếu thất phụ mẫu ân ái giả.

Vị tri hồn thần tại hà xứ,

Huynh đệ tỷ muội cập chư thân,

Sanh trưởng dĩ lai giai bất thức.

Trẻ thơ sớm mất tình phụ mẫu,

Chẳng rõ thần hồn lạc nơi đâu,

Anh em chị em cùng thân thuộc,

Sanh trưởng đến nay chẳng biết nhau.

Bài này nói rõ về những người bạn tưởng nhớ, người nhà quyến thuộc đã qua đời lúc bạn còn nhỏ tuổi, lúc trưởng thành bạn thường nghĩ nhớ đến họ, chẳng biết hình dáng, dung mạo của họ, nhưng có tình thương sâu đậm đối với họ nên bạn thường nghĩ nhớ tới họ, từ việc này mới biết lòng người còn nhân hậu, còn đạo nghĩa. Hiện nay tương đối ít có người nghĩ như vậy, phần đông chỉ tham đắm hưởng thọ trước mắt, những ân tình này đều quên ráo trọi, đúng như câu nói 'vong ân phụ nghĩa'. Tội nghiệp của việc vong ân phụ nghĩa, quả báo ở tại ba đường ác, hơn phân nửa là ở cõi súc sanh. Đây là việc tri ân báo ân những chúng sanh có ân tình sâu đậm. Bài kệ tiếp theo là dạy họ phương pháp tu học:

Hoặc tố hoặc họa Đại Sĩ thân.

Hoặc nặn hoặc vẽ hình Đại Sĩ,

Hoặc đúc hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, hoặc là vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát. Đây là chữ 'họa' (vẽ).

Bi luyến chiêm lễ bất tạm xả.

Cảm thương chiêm lễ chẳng muốn rời,

Sau khi vẽ hoặc đúc nặn hình tượng Bồ Tát, bạn cúng dường hình tượng ấy, mỗi ngày lễ lạy, chiêm ngưỡng liên tục chẳng gián đoạn.

Tam thất nhật trung niệm kỳ danh.

Bồ Tát đương hiện vô biên thể.

Hăm mốt ngày luôn niệm danh hiệu,

Bồ Tát ắt hiện thân vô biên,

Chân thành cảm thì Phật, Bồ Tát sẽ ứng, kinh nói rõ trong vòng ba tuần, 21 ngày, chí thành tu trì thì nhất định sẽ được Bồ Tát cảm ứng. Nếu trong vòng ba tuần Bồ Tát không hiện thân thì đó là vì thành ý của bạn không đủ. Trong sách xưa chúng ta thường thấy, thời xưa tế lễ, chư vị đọc trong Luận ngữ cũng thấy câu 'tế thần như thần hiện diện', thần cũng xưng là quỷ thần, quỷ thần là chỉ những ai? Chỉ tổ tiên của mình. Khi cúng tế tổ tiên, người chủ trì việc tế lễ thời xưa gọi là Tế Công, người đó phải tu trai giới, trai giới ba ngày. Căn phòng của Tế Công giống như căn phòng bế quan trong nhà Phật vậy, kể như là bế quan ba ngày, trai giới mộc dục. Trong ba ngày không tiếp xúc với bất cứ người nào, thức ăn uống được người nhà của họ cung cấp, ba ngày này họ làm gì? Ba ngày này họ chuyên nghĩ tưởng về cử chỉ, động tác, lời ăn tiếng nói, tiếng cười của tổ tiên, chuyên nghĩ nhớ tổ tiên, lúc tế lễ có thể mời tổ tiên tới. Lúc tế lễ, có lúc dường như nhìn thấy hình dáng của tổ tiên, nghe tiếng ho của tổ tiên, đó là cảm ứng. Nếu người đó không chí thành thì làm sao có cảm ứng? Trong Cổ Lễ, lúc cúng tế phải trai giới ba ngày, trong kinh này nói ba tuần. Trong thời gian này chí tâm chiêm lễ, thì làm sao không có cảm ứng được? Do đó Bồ Tát nhất định sẽ hiện thân. Chúng sanh có cảm thì chắc chắn Phật, Bồ Tát sẽ ứng. Khi ngài hiện thân sẽ nói với bạn:

Thị kỳ quyến thuộc sở sanh giới.

Chỉ rành quyến thuộc ở nơi nao,

Nói cho bạn biết, người nhà quyến thuộc mà bạn tưởng nhớ ấy hiện nay ở đâu? Trong thập pháp giới, hiện nay họ đang ở pháp giới nào?

Túng đọa ác thú tầm xuất ly.

Dầu sa ác thú cũng ra mau;

Dù họ đọa vào ác đạo, người nhà quyến thuộc có thể làm những chuyện nói trên, hồi hướng công đức tu hành cho họ, cảm ứng Địa Tạng Bồ Tát hiện thân, thì họ sẽ được thoát khỏi ác đạo. Đây là đạo lý như thế nào, chư vị có thể hiểu được không? Chúng ta đừng nói phạm vi quá lớn, chỉ nói chân tình giữa người với người. Một người mất đi, trên thế gian còn có người tưởng nhớ người mất, tưởng nhớ trong một thời gian dài, thì người mất đó chẳng luống uổng cuộc đời của họ. Nếu sau khi bạn mất đi chẳng có ai nhớ đến thì bạn đã uổng phí cuộc đời. Bạn có thể làm cho người ta tưởng nhớ, rốt cuộc

cũng có chỗ nào đó đáng được người ta tưởng nhớ, nếu bạn không dùng chân tâm để đối xử với người ta thì người ta làm sao tưởng nhớ bạn được? Không bao giờ. Do đó tích lũy công đức rất quan trọng. Người nhà thân quyến, bạn đối với con cái, anh em chị em không thương mến, không chăm sóc thì họ sẽ không tưởng nhớ bạn. Hiện nay chúng tôi thấy trên báo nói có rất nhiều thanh thiếu niên, khi có người hỏi cha của em, [thì em sẽ nói] 'tôi không thương ba tôi, tôi ghét má tôi', con cái ăn nói như vậy thì làm sao được? Đây là vấn đề to lớn của xã hội, trên báo chí chúng ta thường thấy những chuyện này. Tại sao con cái lại chán ghét cha mẹ như vậy? Vì các bậc cha mẹ không chăm sóc con cái, họ cứ bận rộn sự nghiệp, công việc làm ăn của mình, có rất nhiều bậc cha mẹ giao con cái cho người giúp việc trong nhà chăm sóc. Những đứa con này sẽ thương mến người giúp việc, chán ghét cha mẹ, không thương cha mẹ, vì người giúp việc trong nhà chăm sóc [chứ cha mẹ không chăm sóc con cái]. Đây là việc đáng cho chúng ta phản tỉnh sâu xa. Cho nên con người sống trên thế gian, đối người, đối với hết thảy chúng sanh phải thí ân đức, tại sao Phật, Bồ Tát có thể làm cho mọi người tôn kính? Vì các ngài bố thí công đức, bố thí ân đức. Cho nên có con cái hiếu thuận, tưởng nhớ cha mẹ, tu phước cho cha mẹ, y giáo phụng hành, như cô Bà La Môn, cô Quang Mục nói trong phần trước, dù người nhà đọa địa ngục cũng có thể thoát khỏi, phía trước đã nói 'dẫu sa ác thú cũng ra mau'.

Nhược năng bất thoái thị sơ tâm,

Tức hoạch ma đảnh thọ thánh ký.

Nếu được sơ tâm chẳng thoái thất,

Liền đặng xoa đảnh, thọ Thánh ký.

Điều này rất tốt! Trong vòng ba tuần bạn *'cảm thương chiêm lễ chẳng muốn rời'*, nếu có thể duy trì vĩnh viễn thì bạn có thể thành Phật ngay trong đời này. Đây là lý do gì? Chân thành cung kính tới cùng cực, tâm này rất quý, tâm này cảm động chư Phật, Bồ Tát. Nếu tâm này vĩnh viễn không thoái lui, y giáo tu hành thì đâu lẽ nào không chứng quả? Do đó câu này là nói 'hiện báo thọ ký', cả người sống lẫn kẻ mất đều có lợi. Bồ Tát tới xoa đảnh thọ ký cho bạn, thọ ký có nghĩa là lời đoán trước, nói cho bạn biết tới lúc nào bạn sẽ chứng quả, bạn sẽ đạt được thành tựu như thế nào, trong sự tu học Phật pháp, đây là một đại sự nhân duyên. Cho nên chúng tôi cũng hy vọng các bạn đồng tu thật sự phát tâm chuyên tu, chuyên hoằng bộ kinh này, nhưng phải ghi nhớ, cuối cùng phải quy kết về Cực Lạc thì mới viên mãn, nếu không thì chỉ được phước báo nhân thiên mà thôi. Đương nhiên được phước báo nhân thiên là bước đầu, trước hết làm cho họ được phước báo nhân thiên, sau đó mới khuyên họ niệm Phật cầu sanh tịnh độ, như vậy mới thật sự là đại viên mãn.

Như vậy tốt lắm, hôm nay chúng tôi giảng đến đây.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Nhóm Diệu Âm, ngày 4 tháng 9 năm 2006

Tập 49 (Số 14-12-49)

Xin mở Khoa Chú, quyển Hạ trang 82, hàng thứ hai đếm ngược lại:

Dục tu vô thượng Bồ Đề giả,
Nãi chí xuất ly tam giới khổ,
Thị nhân ký phát đại bi tâm,
Tiên đương chiêm lễ đại sĩ tượng,
Nhất thiết chư nguyện tốc thành tựu,
Vĩnh vô nghiệp chướng năng già chỉ.

Bồ Đề vô thượng muốn tu hành,

Thậm chí lìa xa khổ Tam Giới,

Người này đã phát đại bi tâm,

Trước nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ,

Hết thảy nguyện ước chóng thành tựu,

Nghiệp chướng vĩnh viễn chẳng ngăn đặng.

Đoạn này [theo sách Khoa Chú] có tựa đề là 'Tụng thành độ sanh'. *'Dục tu vô thượng Bồ Đề giả' (Người muốn tu vô thượng Bồ Đề)*, đây là Bồ Tát phát tâm, vô thượng Bồ Đề chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, *'xuất ly tam giới khổ' (thoát ra khỏi nỗi khổ trong tam giới),* người Tiểu Thừa cũng làm được, trong Phật pháp gọi là người chân chánh giác ngộ. Nỗi khổ trong tam giới, nói thật ra là nỗi khổ chẳng ai chịu nổi, người chân chánh giác ngộ nhất định sẽ muốn vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Tam giới tức là lục đạo, tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Xem kinh Phật giải thích về cõi Tứ Thiền thì chúng ta có thể hiểu được, trên đỉnh của một đơn vị thế giới là cõi Sơ Thiền, trên đỉnh của một tiểu thiên thế giới là cõi Nhị Thiền, trên đỉnh của một trung thiên thế giới là cõi Tam Thiền, trên đỉnh của một đại thiên thế giới là cõi Tứ Thiền, cho nên bạn sẽ hiểu ý nghĩa của Tam Giới giống như Lục đạo. Khu vực giáo hóa của một vị Phật gọi là một Đại Thiên thế giới, chư vị phải biết chỉ có một cõi Tứ Thiền Thiên, có một ngàn cõi Tam Thiền Thiên, những gì nói trong kinh chúng ta phải biết đại khái. *'Dục tu Vô Thượng Bồ Đề'*, không những là siêu việt Lục đạo, siêu việt Thập pháp giới, mong cầu quả vị Phật cứu cánh viên mãn, đây là người có chí nguyện, nhãn quang to lớn. Mong vượt thoát tam giới thì nhãn quang đó còn nhỏ, nhưng cũng là vô cùng hiếm có. Người ấy đã phát tâm đại bi thì làm thế nào có thể mãn nguyện? *'Tiên đương chiêm lễ Đại Sĩ tượng'*, tức là trước hết phải tự thành tựu cho chính mình, ý nghĩa của chữ 'chiêm lễ' phía trước đã nói rất nhiều rồi, ở đây không lập lại nữa, quan trọng là phải y giáo phụng hành.

Kinh Hoa Nghiêm nói về hộ pháp, hộ trì chánh pháp, y theo tiêu chuẩn của kinh Hoa Nghiêm mà nói thì hiện nay người hộ pháp hiếm hoi. Pháp là gì? Pháp là 'Giáo, Lý, Hạnh, Quả', bốn thứ pháp này đều phải hộ trì cho viên mãn thì mới gọi là thật sự hộ pháp, đó mới là tiêu chuẩn của Phật đã nói. Khi chúng ta nói "hộ trì đạo tràng, hộ trì vị pháp sư nào", vậy thì không được, so sánh với tiêu chuẩn của Phật thì đó không phải là hộ pháp. Cho nên những gì Phật nói trong kinh chúng ta nhất định phải hiểu kha khá thì sẽ biết làm thế nào mới đúng như pháp. Phật dạy chúng ta về 'Giáo', Giáo có bốn thứ Giáo, Lý, Hạnh, Quả, chúng ta làm sao tu? Tín, Giải, Hành, Chứng, chúng ta phải tin Giáo, tin lời Phật dạy, phải hiểu rõ Lý, phải tu Hạnh, phải chứng Quả, tự chúng ta phải làm được Tín, Giải, Hành, Chứng. Hai câu cuối cùng *'nhất thiết chư nguyện tốc thành tựu, vĩnh vô nghiệp chướng năng già chỉ' (hết thảy các điều nguyện đều nhanh chóng thành tựu, vĩnh viễn chẳng có nghiệp chướng ngăn chận)*, hai câu này nói sau khi mình thành tựu, giáo hóa hết thảy chúng sanh. Chư Phật Như Lai thị hiện trong thế giới chúng sanh, thường cũng thị hiện có nghiệp chướng. Chư vị phải biết nghiệp chướng đó là thị hiện, đều là phương pháp giáo hóa của các ngài, là nghi thức giáo học chứ chẳng phải thật. [Các ngài thị hiện như vậy nhằm] giúp phàm phu chúng ta cảnh giác đến việc nhân quả rất đáng sợ. Thánh nhân thế gian, Khổng Lão Phu Tử, trong Truyện Ký chúng ta đọc thấy 'Khổng Tử tuyệt lương ở đất Trần' ngài cũng phải chịu đói. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng bị quả báo phải dùng lúa cho ngựa ăn hết ba tháng, đã từng đi khất thực nhưng không có người cúng dường. Việc này chứng tỏ cái gì? Chứng tỏ nhân quả, dù đã thành Phật, thành thánh cũng không thể thay đổi nhân quả.

Hồi xưa Bách Trượng đại sư đã nói rất hay *'người đại tu hành không lầm nhân quả'*, [nói không lầm] chứ chẳng nói không có nhân quả. Không lầm nhân quả là như thế nào? Họ hiểu rõ ràng nhân quả nên lúc chịu quả báo thì họ vui lòng thọ nhận, họ biết là họ đã tạo nhân gì trong quá khứ nên ngày nay phải thọ nhận quả báo này, họ biết thật rõ ràng, thật rành rẽ. Khác với người thế gian khi thọ quả báo khổ họ không biết, không biết là do nguyên nhân gì, cứ cho rằng do người khác tạo ra, oán trời trách người, lúc thọ báo lại tạo thêm tội nghiệp, cứ như vậy nhân quả xoay vần, càng ngày càng tệ, càng ngày càng đi xuống; người hiểu rõ [nhân quả] thì khi thọ nhận quả báo sẽ không đọa lạc, họ có thể nâng cao [cảnh giới của họ]. Họ thật sự hiểu câu *'một miếng ăn một thức uống đều do tiền định'*. Dù gặp người ta phá hoại, gây tổn hại cho chúng ta, tất cả đều là vì đời trước mình đã gây tổn thương cho họ, ngày nay họ tới hại chúng ta, đó là báo ứng. Mình hiểu rõ, mình nhận chịu, vui vẻ tiếp nhận, chẳng oán trách, chẳng oán hận thì gút mắt ấy sẽ được cởi mở, khi gặp gỡ lần sau sẽ vui vẻ, chẳng còn oán hận. Như vậy có thể giải quyết vấn đề. Tuyệt đối không thể dùng tâm trả thù để giải quyết vấn đề, chư vị phải biết trả thù không thể nào giải quyết được. Nếu trả thù, bạn giết người đó, diệt hết dòng họ của người đó, đời sau họ sẽ giết hết dòng họ của bạn, nhân quả sẽ xoay vần, càng ngày càng tàn khốc. Nói cách khác càng đọa càng sâu, làm vậy không phải là cách giải quyết vấn đề!

Thật sự giải quyết vấn đề là phải tháo gỡ gút mắt, tháo cái gút ra, hết thảy những quả báo bất thiện đều phải nhẫn chịu thì bạn mới có thể hóa giải. Trên đường Bồ Đề bất luận là chính mình tu hành, hay hoằng pháp lợi sanh thì chướng ngại đều được dẹp hết. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện nhiều hình tướng khác nhau đều có mục đích giúp cho chúng ta giác ngộ, làm cho chúng ta hiểu rõ, cũng là nhằm dạy cho chúng ta nên làm như thế nào. Nói thật ra đây chính là đời sống, Phật dạy cho ta cách sinh sống, cách xử thế, cách làm người. 'Chiêm lễ Đại Sĩ tượng' quan trọng nhất là hiếu kính, hiếu kính phải mở rộng tới đâu? Tới hết thảy người ác, hết thảy kẻ có oán thù với mình đều phải dùng tâm hiếu kính [đối xử với họ]. Nguyện thứ nhất của Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng

ta ‘Lễ Kính Chư Phật’, ‘kính’ tức là hiếu kính, tuyệt đối không có phân biệt, không có sai khác, như vậy mới là thật sự tu hành, thật sự chuyển nghiệp; nghiệp chuyển được rồi thì quả báo cũng sẽ chuyển. Xin xem tiếp đoạn sau:

Hữu nhân phát tâm niệm kinh điển,
Dục độ quần mê siêu bỉ ngạn,
Tuy lập thị nguyện bất tư nghị.
Toàn độc toàn vong đa phế thất,
Tư nhân hữu nghiệp chướng hoặc cố,
Ư Đại Thừa kinh bất năng ký.
Có người phát tâm tụng kinh điển,

Muốn độ quần mê vượt bỉ ngạn,

Dầu lập thệ nguyện chẳng nghĩ bàn,

Đọc rồi liền quên, luôn sót mất.

Người này nghiệp chướng khiến u mê,

Học Đại Thừa kinh chẳng nhớ được.

Đoạn thứ tư nói về việc cầu trí huệ, đoạn này khá dài. Trước hết nói tại sao bạn không có trí huệ, vì bạn có nghiệp chướng từ đời trước, nghiệp chướng đó chướng ngại trí huệ của bạn. Tuy gặp Phật pháp, gặp thiện hữu, bạn đã hiểu rõ, bạn đã phát tâm, phát tâm rất tốt, phát tâm nghiên cứu giáo lý, học kinh, mục đích là muốn cho hết thảy chúng sanh khai ngộ, giúp hết thảy chúng sanh lìa khổ, đó là tâm Bồ Đề. Thông thường khi phát tâm như vậy, bạn sẽ được chư Phật hộ niệm, đây là thật. Tuy được chư Phật hộ niệm nhưng trí huệ của mình vẫn không mở mang y như cũ, đó là vì chúng ta có nghiệp chướng, chư Phật Như Lai chẳng có cách chi tiêu nghiệp chướng của chúng ta, mọi người phải hiểu đạo lý này. Không phải là Phật, Bồ Tát không bảo hựu bạn, không chăm sóc bạn, thật sự Phật, Bồ Tát có bảo hựu, có chăm sóc, nhưng nghiệp chướng mà bạn đã tạo thì Phật, Bồ Tát cũng đành bó tay, nghiệp chướng nhất định phải do chính mình tiêu trừ. Phật, Bồ Tát dạy phương pháp, dạy những đạo lý này cho bạn, bạn hiểu được những đạo lý dạy trong kinh điển, bạn tin tưởng lời dạy của đức Phật, bạn làm theo phương pháp đó, như vậy mới gọi là tu hành, mới có thể tiêu nghiệp chướng. Phương pháp tiêu nghiệp chướng căn bản nhất, có hiệu quả nhất chính là ‘Hiếu’, do đó kinh Địa Tạng cũng là kinh căn bản, đạo lý là như vậy. Chúng ta có thể hiếu thuận cha mẹ, hiếu thuận hết thảy chúng sanh, tôn kính cha mẹ, tôn kính hết thảy chúng sanh thì nghiệp chướng gì cũng có thể tiêu trừ. Thật sự có tâm hiếu kính còn tạo tội nghiệp nữa sao? Còn có ác ý đối xử với hết thảy chúng sanh hay sao? Không thể nào, đó là thật sự đoạn hết thảy điều ác, tu hết thảy điều thiện, do đó bạn mới biết hiếu kính là căn bản. Tại sao trong kinh này đức Phật dạy chúng ta *‘trước hết nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ’*, đạo lý là như vậy. Cho nên nguyện rất tốt, Phật, Bồ Tát cũng chăm sóc bạn, nhưng bạn đọc kinh vừa đọc liền quên, cho dù nghe nhiều cũng không thể khai ngộ, người đó có nghiệp chướng, mê hoặc, cho nên chẳng thể đọc tụng, ghi nhớ kinh Đại Thừa. Sau đó đức Phật dạy chúng ta phương pháp:

Cúng dường Địa Tạng dĩ hương hoa,

Y phục, ẩm thực chư ngoạn cụ.

Cúng dường Địa Tạng với hương hoa,

Y phục, uống ăn, cùng ngoạn cụ,

Đoạn trước trong phần trường hàng đã nói, đã dạy cho chúng ta phương pháp tu hành. Việc cúng dường, chư vị nghĩ coi nếu không có hiếu kính thì làm sao cúng dường? Trong mười nguyện Phổ Hiền, mỗi nguyện sau đều phải dựa trên nguyện trước. Giống như chúng ta xây nhà, nguyện thứ nhất là tầng trệt, nguyện thứ hai là lầu hai, tầng thứ nhất chưa xây xong thì làm sao xây tầng lầu thứ hai? Hai tầng xây xong thì mới xây tầng thứ ba được, đó là đạo lý. Cho nên nguyện sau đều xây dựng trên cơ sở của nguyện trước. Từ đây mới biết pháp môn Địa Tạng là cơ sở, là nền tảng của sự tu hạnh Bồ Tát; Quán Âm là từ bi, từ bi là từ cơ sở, từ căn bản Địa Tạng mà khởi lên, nếu bạn không có hiếu kính thì từ bi khởi lên từ đâu được? Từ bi chẳng có hiếu kính là từ bi giả, người như vậy nhất định là có ý đồ, có mục đích. Một người không hiếu thuận cha mẹ mà đi hiếu thuận kẻ khác, đâu lẽ nào như vậy? Như vậy là không hợp lý. Không có lễ kính thì làm sao có tán thán? Tán thán mà không có lễ kính, chúng ta biết được đó là giả dối, chẳng phải thiệt. Cúng dường mà không có lễ kính thì đó là nịnh hót, tâng bốc, bợ đỡ. Cho nên hiếu kính là căn bản, cơ sở, trong thế pháp và Phật pháp muốn có thành tựu thật sự thì phải bắt đầu thực hiện từ chỗ này. Làm thế nào mới thật sự làm được hiếu kính? Phải hiểu thấu lý luận trong kinh điển, được vậy thì bạn mới hiểu rõ hiếu kính là tánh đức, là cơ sở của tánh đức, bộ kinh này chính là kinh mở mang tánh đức của chúng ta.

Do đó trong hạnh nguyện Phổ Hiền, trước hết là lễ kính, xưng tán rồi mới tới cúng dường. Cúng dường Bồ Tát dùng 'hương hoa, y phục, thức ăn, thức uống, đồ trân ngoạn', những ý nghĩa tiêu biểu pháp này đã được nói ở phía trước. Thời đại hiện nay của chúng ta đúng là nhiều tai nạn, không những chúng sanh có nghiệp chướng sâu nặng, chính mình cũng có nghiệp chướng sâu nặng. Chúng ta nên nghĩ coi làm thế nào để giúp mình, giúp người khác, mình tu học thuận tiện như thế nào thì cũng nên tạo ra sự thuận tiện cho người khác. Nên biết Phật pháp không có nhất định, trong kinh thường dạy chúng ta nguyên tắc *"tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp"*, 'tùy' nghĩa là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, nếu bạn không 'thuận' không 'tùy' thì không những chẳng thể độ chúng sanh mà cũng chẳng thể độ chính mình. Tại sao không thể độ chính mình? Không thể 'tùy' nghĩa là chấp trước, tức là phân biệt chấp trước, không thể phá trừ tâm chấp trước thì không thể ra khỏi lục đạo, chúng ta phải hiểu đạo lý này, do đó phải biết tùy thuận. Chướng duyên trong thế gian đích thật là rất nhiều, yêu ma quỷ quái, ma chướng hữu hình hoặc vô hình, vô hình là từ quỷ thần, hữu hình là từ hết thảy người, sự, vật. Ma chướng hình thành như thế nào? Đều là những ác nghiệp mình đã tạo từ vô lượng kiếp tới nay, ác nghiệp sẽ tạo thành chướng ngại, thiện nghiệp cũng tạo thành chướng ngại, thiện nghiệp là ái duyên. Chúng tôi thường nghe các bạn đồng tu nói: 'Phật dạy chúng ta phải xả, phải buông xuống, nhưng tôi không buông xuống con cháu được'. Đó là gì? Ái duyên. Buông không nổi oán hận của oán gia đối đầu, buông không nổi ý niệm báo thù, không buông nổi ái duyên, tất cả đều trở thành chướng ngại. Đây là những nghiệp đã tạo đời trước hoặc đời này, chúng ta phải biết, phải hiểu rõ, phải giác ngộ.

Như thế nào mới thật sự giác ngộ? Biết *'phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng'*, kinh Kim Cang dạy *'Ta, người, chúng sanh, thọ giả đều là giả, đều chẳng thể được'*. Cho nên nếu bạn có trí huệ Bát Nhã, biết được vạn vật đều không [thật có],

nhân quả chẳng không, biết hết thảy pháp hữu vi đều là mộng, huyễn, bọt, bóng thì tâm bạn sẽ thanh tịnh. Đối với hết thảy pháp đều không lấy, không bỏ thì ma đối với bạn không khởi tác dụng gì được hết, ma không thể chướng ngại bạn. Lúc đó là lúc bạn có thể chuyển cảnh giới, không bị cảnh giới chuyển như kinh Lăng Nghiêm nói *'nhược năng chuyển cảnh tắc đồng Như Lai' (nếu có thể chuyển cảnh thì giống như Như Lai)*, như vậy mới thật sự là vĩnh viễn xa lìa ma não. Do đó có thể biết vĩnh viễn xa lìa ma não chẳng phải đi tới đâu cũng trốn tránh, trốn tránh không nổi đâu; vĩnh viễn xa lìa ma não là nhìn thấu chân tướng sự thật, biết tất cả đều là giả, đều là không, đều là một giấc mộng. Dẫu cho những tà ma, ngoại đạo vô hình cũng không thể nào bén mảng tới ngoại biên (bờ mé bên ngoài) của bạn được, tại sao không bén mảng được? Vì bạn không có biên 1[1], bạn có biên thì nó mới bén tới gần được. Vì bạn không có biên, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Bạn có cái Ta thì bạn sẽ bị hại, nếu không có Ta thì ai bị hại? Vô ngã thì sẽ không bị hại. Vì sao hết thảy chúng sanh phải thọ nhận chướng ngại này? Vì có cái Ngã, có cái Ta. Oán gia đối đầu muốn báo thù, họ sẽ nói 'mày ở đâu tao cũng tìm cho ra để báo thù.' Nếu bạn không còn tồn tại nữa, bạn chẳng còn cái Ngã, cái Ta nữa thì họ sẽ tìm không ra bạn.

Lúc trước khi lão hòa thượng Đạo Nguyên truyền giới, ngài kể một câu chuyện, ngài nói thời xưa có một vị thiền sư tôi không nhớ tên. Công phu thiền định của thiền sư rất khá, sau khi nhập định tâm cảnh đều không. Thọ mạng của ngài đã đến, vua Diêm La phái hai tên tiểu quỷ đến bắt ngài, vì ngài nhập định tâm cảnh đều không nên tiểu quỷ tìm không ra. Quỷ hỏi người ta thiền sư đi đâu rồi? Thiền sư ngồi ở đó nhưng quỷ tìm không thấy. Vì trong khi nhập định, ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng đều chẳng còn. Có người nói vật thiền sư thích nhất chính là cái bình bát của ngài, tiểu quỷ biết được nên gõ vào bình bát, vừa gõ thì thiền sư xuất định, lúc đó liền bị quỷ bắt. Đó là vì thiền sư còn một chút chấp trước nên bị người ta bắt đi. Do đó hễ có ưa thích, [bất kể ưa thích] gì đều là phiền phức, nói cách khác, bạn chẳng thoát khỏi con mắt của tiểu quỷ, bất cứ lúc nào nó cũng có thể bắt bạn đi được. Đó là không triệt để buông xuống, chúng ta nên biết đức Phật nói với chúng ta ngay cả Phật pháp cũng không thật, kinh Kim Cang có câu *'Pháp còn phải xả huống hồ là phi pháp'*. Phật pháp cũng không thể chấp trước, huống chi là pháp thế gian, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Pháp thế gian và xuất thế gian đều không giữ trong tâm, tôi dùng nó, tôi không chấp trước nó, tôi cũng không phân biệt nó, để cho tâm này vĩnh viễn được thanh tịnh, bố thí cúng dường mới thật sự được phước, phước vô lượng vô biên, phước này xứng tánh. Nếu còn phân biệt chấp trước thì phước đó không xứng tánh, trong kinh gọi là 'phước báo hữu lậu', biến thành phước báo hữu lậu trong tam giới.

Trong sự tu học, các bạn đồng tu hãy nghĩ coi nếu không phải mỗi ngày đều hợp lại nghiên cứu, mỗi ngày đều thảo luận, huân tập, nghiệp chướng tập khí của chúng ta rất nặng, vừa quay đầu liền mê. Cho nên đạo tràng thời xưa tốt lắm, tốt ở chỗ huân tập lâu dài. Mỗi ngày đều giảng kinh, thời gian giảng kinh dài. Hiện nay chúng ta giảng kinh mỗi ngày hai giờ, so với người xưa là đã giảm bớt. Nếu y theo tiêu chuẩn của đức Phật, trong kinh Nhân Vương nói 'hai thời giảng kinh' đây là thời gian họ học tập, nghiên cứu, thảo luận, hạ công phu trên Giáo, Lý, Hạnh, Quả, 'hai thời' tương đương tám giờ đồng hồ của chúng ta. Kinh Phật nói hai thời là nói Ấn Độ thời xưa, mỗi ngày sáng tối chia thành sáu thời, ngày ba thời, đêm ba thời, mỗi thời bằng bốn giờ đồng hồ chúng ta hiện nay, hai thời tức là tám giờ đồng hồ. Cho nên thuở đức Phật còn tại thế,

---

1[1] "Biên" ở đây là biên tế, tức những giới hạn, ranh giới nẩy sinh do chấp trước, phân biệt, chẳng hạn, ta, người, đúng, sai, thương, ghét, có, không, lý, sự, tánh, tướng, v.v...
Do có chấp trước nên tự đặt giới hạn, khởi tham ái, cái này là của ta, đây là nhà ta, đây là vợ con ta, đây là pháp môn của ta, đây là cảnh giới của ta, nên tà ma, ngoại đạo mới được dịp quấy nhiễu.

người tu hành theo đức Phật làm sao không chứng quả? Mỗi ngày tám giờ đồng hồ thảo luận kinh giáo, họ còn công phu đâu nữa mà khởi vọng tưởng? Ngày nay chúng ta chỉ bằng một phần tư của họ, chỉ học hai giờ đồng hồ. Nói thật ra là không đủ, tối thiểu phải có bốn giờ đồng hồ, mỗi ngày dành ra bốn giờ sốt sắng nghiên cứu thảo luận, tối thiểu cũng nên có bốn giờ đồng hồ niệm Phật, đây là ít tới mức không thể ít hơn nữa. Việc tu hành, ngày nay chúng ta hiểu rõ chỉ có pháp môn Niệm Phật là đáng tin cậy, các pháp môn khác trên mặt Lý thì đều bình đẳng, chẳng sai khác, nhưng trên mặt Sự thì rất khó khăn! Chẳng dễ dàng. Nói cách khác chẳng hợp với căn cơ của chúng ta, nghiệp chướng chúng ta quá nặng, chỉ có cách niệm Phật đới nghiệp vãng sanh thì chúng ta mới có thể làm được. Chỉ cần thật sự làm thì chẳng có ai không thành tựu.

Tối hôm trước tôi tới Hồng Các dùng cơm, nghe nói việc buôn bán của họ hiện nay rất tệ, tôi đi thăm họ, hiện nay [kinh tế] tương đối không tốt lắm. Ở đó thấy một CD nói về một người tù bị xử tử vãng sanh, chúng tôi đem vài CD về và nói với Lý hội trưởng, ông Lý nói ông cũng biết về việc này. Sau khi người tử tù này chết đi, ông Lý có lo hậu sự cho ông ta. Tôi hỏi có phải là ông Lý nói chuyện trong CD đó không, ông Lý nói không phải, mà do một cư sĩ họ Tô nói, nghe nói Tô cư sĩ hiện nay cũng hồi đầu chuyên tâm niệm Phật, vì ông đã nhìn thấy tận mắt sự kiện này. Cho nên Lý cư sĩ đã độ được không ít người trong tù được vãng sanh thật sự. Tô cư sĩ quen biết với người này, chăm sóc cho kẻ tử tù này, dặn dò ông ta ba chuyện. Thứ nhất là lúc bị xử tử phải niệm Phật lớn tiếng, ông kia đồng ý và nói 'Được, tôi sẽ làm'. Thứ nhì lúc ông mất đi phải có tướng lành, không được chảy máu từ bảy lỗ trên thân mình, vì đây là bị xử treo cổ, ông kia nói 'Được, tôi sẽ làm'. Thứ ba ông phải lưu lại xá lợi cho chúng tôi làm chứng. 'Được, tôi đồng ý'. Kết quả là khi ông ta chết đều thực hiện được ba chuyện này. Sau khi ông bị treo cổ, sắc mặt của ông rất đẹp, coi cũng giống như người thường, khác hẳn với những người bị xử tử theo kiểu này, sau khi thiêu thật sự có xá lợi.

Cho nên có bạn đồng tu hỏi: 'Có phải là ông đó tự biết?' Không phải vậy, do nguyện hạnh, họ có nguyện lực thì có thể làm được. Ngay một người tử tội cũng có thoại tướng như vậy, ông ta thật sự đã vãng sanh, niệm cuối cùng của ông trong lúc ông ra đi là niệm A Di Đà Phật, chẳng có tí gì hư giả. Ông biết trước ngày nào thọ hình và niệm Phật mà ra đi. Trong kinh nói, ý niệm cuối cùng là một câu Phật hiệu thì nhất định sẽ vãng sanh. Trước khi chết tạo tội nghiệp gì, phạm sai lầm gì, nếu trước khi chết bạn có thể hối cãi, sám hối vãng sanh, trong kinh Phật nói chuyện này đã xảy ra rồi. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói vua A Xà Thế tạo tội ngũ nghịch, lâm chung sám hối, trong kinh A Xà Thế Vương Tử, đức Phật nói với chúng ta vua vãng sanh được Thượng Phẩm Trung Sanh. Chúng ta đọc xong vô cùng kinh ngạc, vua tạo tội nặng như vậy, tội đọa A Tỳ địa ngục, chúng ta cứ nghĩ chắc vua vãng sanh Hạ phẩm mà thôi, vãng sanh về ba phẩm Hạ chúng ta cảm thấy cũng rất bình thường, chẳng biết là vua vãng sanh về Thượng phẩm Trung sanh, từ chuyện này [chúng ta mới biết] sức mạnh của sự sám hối chẳng thể nghĩ bàn. Đây là nhờ vua gặp được thiện tri thức thật sự dạy cho vua, thiện căn phước đức của vua đời trước hiện ra, sau khi nghe xong khởi lên tâm sám hối chân thật. Đây là việc chúng ta phải nên học tập, tu hành chân thật thì sẽ được cảm ứng chân thật. Đây là việc cúng dường, phải từ tâm hiếu kính sanh khởi, lễ vật dùng để cúng dường đều là tiêu biểu pháp. Sau đó:

Dĩ tịnh thủy an đại sĩ tiền,
Nhất nhật nhất dạ cầu phục chi.
Bày chén nước trong trước Đại Sĩ,

Cách một ngày sau bưng lấy uống.

Phía trước đã nói qua, đây là cầu cảm ứng. 'Tịnh thủy' là do Bồ Tát oai thần gia trì, bạn cúng một ngày một đêm, bạn sốt sắng nỗ lực tu học đúng như pháp thì mới được cảm ứng. Phía sau còn hai đoạn:

Phát ân trọng tâm, thận ngũ tân,
Tửu nhục tà dâm cập vọng ngữ,
Tam thất nhật nội vật sát hại
Chí tâm tư niệm đại sĩ danh.
Sanh lòng trân trọng, cữ ngũ tân,

Rượu, thịt, tà dâm, cùng vọng ngữ.

Hăm mốt ngày liền chớ sát sanh,

Chí tâm nhớ tưởng Đại Sĩ danh.

Đây là nói bạn chuyên tu, khắc kỳ cầu chứng (định kỳ hạn, cầu được chứng nghiệm), phải tu pháp này ba tuần hai mươi mốt ngày, trong thời gian này phải phát tâm ân cần tôn trọng, cữ ngũ tân. Phía trước trong chú giải có nói về ngũ tân, nơi đây lược bớt, nơi đây trích dẫn kinh Lăng Nghiêm để nói tại sao phải cữ ngũ tân, câu cuối trong hàng thứ nhất trong Chú Giải *'Lăng Nghiêm vân, thục thực phát dâm, sanh đạm tăng khuể' (Kinh Lăng Nghiêm dạy nếu ăn [ngũ tân] chín thì sanh lòng dâm, ăn sống thì tăng thêm sân giận),* đây là lời đức Phật dạy cho người sơ học, tại sao? Những thứ này có chướng ngại cho cơ thể, là đạo lý như vậy. Nếu chúng ta muốn giảm bớt chướng ngại, thì đối với thức ăn không thể không lựa chọn. Nhưng phải biết năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế các ngài đi trì bình khất thực, khi khất thực người ta cho cái gì thì ăn cái đó, tuyệt đối không có phân biệt chấp trước. Lúc bạn đi trì bình những người cúng dường này chưa chắc đều là người học Phật, chưa chắc đã hiểu Phật pháp, cho nên họ cúng dường món gì thì ăn món đó. Nhưng khi thật sự tu hành thì chúng ta không thể không lưu ý. Ngày nay người trong thế gian nói tới việc ăn uống chỉ chú trọng vệ sinh, sinh là sinh lý 2[2], cữ ngũ tân là bảo vệ sinh lý, không những là sinh lý mà còn là tánh tình, chỉ có người chú trọng việc bảo vệ sinh lý chứ [những người chú trọng] bảo vệ tánh tình thì không nhiều. Người chú trọng vệ sinh thì rất nhiều, rất phổ biến, còn người biết bảo vệ tánh tình thì rất ít. Tính chất của ngũ tân không tốt, sẽ ảnh hưởng tâm tình của chúng ta, ăn chín thì nó sẽ giúp cho hormone, sẽ dẫn tới việc xung động tình dục, phát dâm, đây là nói khi ăn chín; khi ăn sống thì dễ sanh hỏa từ gan, ưa nóng nảy, là vì lý do này. Tại sao đức Phật dạy không được ăn năm thứ này, đạo lý là như vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói 'Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại', năm thứ này có trở ngại hay không? Năm thứ này cũng chẳng trở ngại, nhưng vì công phu của bạn chưa đủ, công phu chưa tới thì nó sẽ gây trở ngại cho bạn, nếu bạn có công phu thật sự thì nó sẽ chẳng gây trở ngại; đây là điều chúng ta phải biết, phải cữ ngũ tân.

Sau đó nói tới 'tửu nhục (rượu thịt) là chất tanh hôi (huân tinh), đây là giải thích việc ăn chay. 'Tà dâm cập vọng ngữ', câu này là nói về mười nghiệp thiện, nhất định

---

2[2] Chữ sinh lý ở đây không có nghĩa là tình dục. Sinh lý (physiology) nghĩa là các hoạt động trong đời sống của sinh vật hoặc là cơ năng của các bộ phận trong thân thể của sinh vật.

phải đoạn dứt mười nghiệp ác, tu mười nghiệp thiện, trong vòng ba tuần, 21 ngày trì giới niệm Phật, ở đây nói niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Nói cách khác ngày nay gọi là đả Địa Tạng thất, thời gian Địa Tạng thất kéo dài ba tuần, 21 ngày, chuyên trì danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Chữ then chốt quan trọng ở đây là *'chí tâm tư niệm'*, chẳng phải niệm bằng miệng, tâm phải chân thành tới cùng cực. Niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, danh hiệu tương ứng với đức hạnh thì bạn niệm sẽ được tương ứng. Niệm danh hiệu liền nghĩ tới đức hạnh, chẳng phải là niệm suông câu danh hiệu này, phải nghĩ tới hành nghị của Địa Tạng Bồ Tát, lòng từ bi của ngài, lời dạy của ngài. Nghe danh hiệu Bồ Tát, bạn phải nhắc nhở chính mình, nhìn thấy hình tượng cũng phải nghĩ tới, chúng ta phải y giáo phụng hành, như vậy mới tương ứng. Cổ đức dạy *'một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật'*, bạn phải niệm tới tương ứng. Nếu khi niệm danh hiệu của Bồ Tát mà cứ khởi vọng tưởng như cũ, vẫn tạo tội nghiệp như cũ thì niệm để làm chi? Ngày xưa Hàn Sơn Thập Đắc chê cười những vị tăng ở chùa Quốc Thanh rằng *'hét bể cổ họng cũng uổng công'*, vì sao vậy? Vì không tương ứng. Phải niệm tới tương ứng! Từ danh hiệu nhất định phải nghĩ tới Giáo Lý Hạnh Quả, đó là chánh niệm, cho nên khi niệm danh hiệu này, trong đó có đầy đủ Tín Giải Hành Chứng, bạn nghĩ coi công đức này bao lớn. Nếu niệm câu danh hiệu này chẳng liên quan gì tới Tín Giải Hành Chứng thì 'hét bể cổ họng cũng uổng công'. Bất luận tu học pháp môn nào chúng ta cũng phải hiểu rõ nguyên lý này. Đoạn kế tiếp nói về quả báo:

Tức ư mộng trung kiến vô biên

Trong mộng ắt thấy thân vô biên,

'Vô biên' tức là vô biên thân của Địa Tạng Bồ Tát, đây là hóa thân, vô biên là nói số nhiều, vô lượng vô biên. Chúng sanh có cảm thì Phật, Bồ Tát sẽ ứng, trong mộng bạn sẽ thấy hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, ngài sẽ xoa đảnh và thọ ký cho bạn.

Giác lai cánh đắc lợi căn nhĩ.

Thức giấc nhĩ căn liền lanh lợi,

Cảm ứng đạo giao, sau khi tỉnh giấc bạn sẽ thông minh, căn tánh sẽ lanh lợi, những gì bạn mong cầu đều được cảm ứng.

Ưng thị kinh giáo lịch nhĩ căn

Đại Thừa kinh giáo nghe qua tai,

Sau này khi bạn đọc kinh, nghe giảng kinh

Thiên vạn sanh trung vĩnh bất vong

Suốt ngàn vạn đời mãi chẳng quên.

Câu nào cũng có thể ghi nhớ thuộc lòng, y giáo phụng hành. Cho nên phía trước chữ then chốt cho việc tu học là *'chí tâm tư niệm'*, quan trọng ở tại bốn chữ này. Ngày nay chúng ta noi theo phương pháp này tu học tại sao không có hiệu quả? Vì chẳng làm

được bốn chữ này, ngày nay chúng ta chỉ làm trên hình thức, đả một Địa Tạng thất, cũng rất có nề nếp nhưng thật ra trong tâm suy nghĩ lung tung, chẳng có thành tâm cho nên những gì mong cầu đều không tương ứng. Đừng nói đả ba thất không tương ứng, ba mươi thất cũng không tương ứng, trong kinh chẳng nói sai nhưng chúng ta làm sai rồi. Nếu tương ứng thì nói thật ra người xưa trai giới tế lễ ba ngày liền có cảm ứng, lẽ nào hai mươi mốt ngày không cảm ứng sao?

Dĩ thị đại sĩ bất tư nghị

Năng sử tư nhân hoạch thử huệ

Chính nhờ Đại Sĩ bất tư nghì,

Thầm giúp người kia được trí huệ.

Đây là oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát gia trì, thật ra cũng là chính mình chí tâm nên cảm được, phía trước đã nói với chư vị chân thành tới cùng cực thì tánh đức tỏ rõ nên mới có hiệu quả như vậy, trên mặt Lý có thể giải thích rất thông suốt. Đây là phương pháp cầu trí huệ.

Xin xem kinh văn, Khoa Chú quyển Hạ trang 85, hàng thứ ba:

Bần cùng chúng sanh cập tật bịnh

Gia trạch hung suy quyến thuộc ly.

Thùy mộng chi trung tất bất an.

Cầu giả quai vi vô xứng toại.

Chúng sanh nghèo khổ lại bịnh tật,

Nhà cửa hung suy, quyến thuộc lìa,

Ngủ mê mộng mị không an giấc,

Cầu chi cũng hỏng, chẳng toại lòng.

Đoạn này là bài kệ nói về các tai nạn. Lời kệ này chính là những gì chúng ta thường gặp hiện nay, cho nên đọc xong phẩm kinh này chúng ta sẽ cảm xúc vô cùng sâu đậm, chữ nào câu nào cũng nói về tình trạng hiện nay của chúng ta, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp tu học, làm thế nào thay đổi hoàn cảnh sinh hoạt, chuyển đổi nghiệp chướng của chúng ta. Do đó trong phẩm này chúng ta thấy lòng từ bi vô hạn của đức Thế Tôn, sau phần văn trường hàng đã nói rõ xong còn dùng kệ tụng lập lại chẳng qua là nhằm tạo cho chúng ta ấn tượng sâu đậm. Bài kệ này nói về sự thật của tai nạn, hiện nay người nghèo khổ trong thế gian này nhiều, người giàu sang chỉ là thiểu số, chúng ta phải thường nghĩ đến những chúng sanh khổ nạn này. Tật bịnh của họ không chỉ giới hạn trên thân thể, tâm tình của họ không yên, trí huệ chưa mở mang, đó là tâm bịnh, còn nghiêm trọng hơn thân bịnh. Thân bịnh cần phải có thuốc men để chữa trị, để điều dưỡng, tâm bịnh cần Phật pháp; Phật pháp có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Phật dạy *'hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh'*, câu này là chân lý, một câu này đã nói toạc ra nguyên do cội rễ của y báo chánh báo trang nghiêm trong hư không pháp giới, một câu nói toạc chân tướng sự thật *'hết thảy từ tâm tưởng sanh'*. Tâm thiện, ý tưởng thiện thì cảnh giới sẽ tốt lành, tâm mê hoặc, tư tưởng tà ác thì hoàn cảnh sẽ xấu ác, đây là lời Phật nói trạng huống chân thật cho chúng ta biết, đó là chân tướng của vũ

trụ nhân sanh. Thật sự hiểu rõ giác ngộ thì họ sẽ sửa đổi từ trong tâm địa, bỏ sạch hết những ác niệm từ trước, vun bồi thành một tâm thuần thiện, là tâm hoàn toàn đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh, cảnh giới trước mắt của chúng ta sẽ từ từ thay đổi và trở thành tốt đẹp, vả lại tốc độ thay đổi sẽ rất nhanh chóng, sau đó những điều mong cầu đều được mãn nguyện. Bài kệ sau đây dạy chúng ta phương pháp tu hành:

Chí tâm chiêm lễ Địa Tạng tượng
Chí tâm chiêm lễ tượng Địa Tạng,

Quan trọng là ở chỗ 'chí tâm'. 'Chiêm lễ tượng Địa Tạng' là tu lòng hiếu kính, thật sự noi gương học theo tâm đại hiếu đại kính của Địa Tạng Bồ Tát.

Nhất thiết ác sự giai tiêu diệt
Tất cả việc ác thảy tiêu trừ,

Đây là việc tâm chuyển cảnh giới, sẽ không bị cảnh giới chuyển nữa.

Chí ư mộng trung tận đắc an
Cho đến mộng mị đều an ổn,

Bạn ngủ được yên giấc.

Y thực phong nhiêu thần quỷ hộ
Quỷ thần ủng hộ, dư ăn mặc.

Những nguyện vọng của bạn đều có thể toại nguyện. Then chốt của sự tu hành là noi gương Địa Tạng Bồ Tát, học theo tâm đại hiếu đại kính của ngài, hiếu thuận hết thảy chúng sanh, tôn kính hết thảy chúng sanh. Chúng sanh bao gồm hết thảy người, sự, vật, làm được vậy mới có thể mau chóng chuyển đổi được. Chú giải trang 86 hàng thứ nhất ghi *'quần áo thức ăn dồi dào phong túc'*, chỗ này có một chữ in sai, 'y phong phong túc' chữ 'phong' thứ nhất phải sửa thành chữ 'thực' (thức ăn). Chúng ta coi bài kệ tiếp theo:

Dục nhập sơn lâm cập độ hải
Độc ác cầm thú cập ác nhân
Ác thần ác quỷ tinh ác phong
Nhất thiết chư nạn chư khổ não.
Muốn vào núi rừng, qua sông biển,

Cầm thú độc dữ cùng người ác,

Ác thần, ác quỷ, với ác phong,

Hết thảy tai nạn, mọi khổ não

Đây là phần trùng tụng nói tới các tai nạn thường gặp khi đi du lịch. Khi bạn đi ngang vùng rừng núi, những nơi có rắn độc, thú dữ, đạo tặc thường ẩn núp. 'Và khi đi ngang biển', đi ngang biển sóng lớn chập chùng, thời xưa ghe thuyền gì cũng không lớn. Sau đó nói tới 'ác thần, ác quỷ và ác phong', ác phong là nói khi đi ngang biển dễ gặp những tai nạn này. 'Ác thần ác quỷ', chuyện này cũng có thật, lần trước Lôi cư sĩ ở đây đã kể nhiều câu chuyện mà ông đích thân trải qua. Tại sao lại gặp phải những ác quỷ này? Tại sao người khác không gặp? Do đó mới biết trong định luật nhân quả vẫn là *'một miếng ăn, một miếng uống đều là tiền định'*, đời trước những ác thần ác quỷ này chẳng có ác duyên gì với ông ta thì họ sẽ không tới gây phiền phức; họ tới là vì đời trước hoặc đời này bạn đã xúc phạm đến họ, bạn có chuyện xích mích với họ nên họ tìm bạn gây phiền phức. Nếu chính mình không có tu trì, không có đức hạnh, họ sẽ không tôn trọng bạn nên dễ gặp những chuyện này, những chuyện này đều là chuyện có thật. Ở đây đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu hành:

Đản đương chiêm lễ cập cúng dường
Địa Tạng Bồ Tát đại sĩ tượng
Như thị sơn lâm đại hải trung
Ứng thị chư ác giai tiêu diệt
Chỉ cần chiêm lễ cùng cúng dường,

Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ tượng,

Núi rừng biển cả dẫu có vào,

Tất cả sự ác đều tiêu sạch.

Phần văn trường hàng nói rất rõ ràng, trước khi du lịch, chúng ta đọc kinh Địa Tạng, niệm đủ một vạn danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát; tu học phải 'chí tâm xưng niệm', bốn chữ này vô cùng trọng yếu! Chân tâm xưng niệm, suy nghĩ về công đức của Bồ Tát, noi gương theo hành nghị của Bồ Tát, không những quỷ thần không não hại bạn mà còn bảo vệ, hộ trì bạn nữa. Tại sao vậy? Vì họ tôn kính bạn. Đây là việc mà hiện nay chúng ta thường thấy, thường ra ngoài du lịch thì nên biết. Sau cùng là phần tổng kết:

Quán Âm chí tâm thính ngô thuyết.
Địa Tạng vô tận bất tư nghị
Bá thiên vạn kiếp thuyết bất châu
Quảng tuyên đại sĩ như thị lực.
Quán Âm hãy lắng nghe Ta nói,

Địa Tạng vô tận không nghĩ bàn,

Trăm ngàn muôn kiếp chẳng kể xiết,

Rộng tuyên Đại Sĩ sức như vậy!

Trong Khoa Phán 3[3] có ghi *'Kết tụng phổ cáo lưu bố' (Kệ tụng kết thúc lưu truyền rộng rãi).* Thế Tôn khuyến khích Quán Thế Âm Bồ Tát lưu thông bộ kinh này, đương nhiên Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ đi khắp nơi giới thiệu hành nghị của Địa Tạng Bồ Tát, tại sao vậy? Nếu không có cơ sở của Địa Tạng Bồ Tát, thì lòng từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ không có nơi nương tựa, lòng từ bi này từ đâu mà có? Từ hiếu đạo tỏa rạng rộng ra. Sự tạo dựng hình tượng trong Phật pháp Đại Thừa ở Trung Quốc rất có lý, dùng bốn Đại Bồ Tát để tiêu biểu pháp, do đó Đại Thừa phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu học từ Địa Tạng, Địa là tâm địa, chúng ta gọi là xây dựng tâm lý, vun bồi tâm lý là căn bản. Ngày nay khoa học kỹ thuật trong thế gian ngày càng tân tiến, các thành phố lớn xây dựng cao ốc, những nhà lầu cao trên một trăm tầng ở các thành phố lớn đều có. Nhưng tại sao xã hội không thể an định? Tại sao đời sống không có hạnh phúc? Là vì sơ sót việc xây dựng tâm lý, chẳng có tâm lý lành mạnh, con người tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, mọi người đều tranh danh đoạt lợi. Mạnh Tử nói *'Nếu trên dưới đều cùng nhau tranh lợi thì quốc gia sẽ lâm vào nguy cơ!'*, chúng ta hãy coi thế giới hiện nay, đúng như câu nói trên của Mạnh Tử, nhiều người không tin? Nếu không tin thì phải đợi đến cuối thế kỷ mới tính, đây là điều chúng ta thường lo sợ. Muốn tiêu tai miễn nạn thì phải nhờ xây dựng tâm lý, mỗi người đều biết hiếu đạo, tin chắc hiếu đạo, đều dùng tâm hiếu kính để đối xử với mọi người, dùng tâm đại từ đại bi giúp đỡ hết thảy chúng sanh thì tai nạn trong thế gian sẽ được hóa giải, sẽ biến thành mây khói ngay lập tức.

Cho nên chúng ta biết Địa Tạng Bồ Tát, pháp môn Địa Tạng là cội rễ, tôi đã từng nói qua rất nhiều lần. Phật pháp chẳng có gì khác ngoài một chữ 'Hiếu'. Văn tự Trung Quốc nói thật ra đã hiển rõ pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Trong văn tự Trung Quốc, chữ Hiếu này được tạo thành bằng cách 'hội ý', chúng ta hãy phân tách ý nghĩa của chữ này. Trong chữ Hiếu bao gồm những ý nghĩa gì? Tận hư không trọn khắp pháp giới là một thể, đây là hàm ý của chữ Hiếu. Phần trên của chữ Hiếu (孝) là chữ 'Lão' (老), phần dưới là chữ 'Tử' (子), chữ Lão là đời trước, Tử là đời sau, đời trước còn có đời trước nữa, quá khứ vô thỉ. Đời sau còn có đời sau nữa, vị lai vô chung, vô thỉ vô chung này hợp thành một thể gọi là Hiếu. Trong kinh Phật thường nói hư không và pháp giới là một thể, Phật dạy chúng ta tâm lượng phải *'bao trùm hư không, lượng lớn nhiều như cát'* đó là ý nghĩa của chữ Hiếu. *'Dọc cùng ba đời, ngang suốt mười phương'* cũng là ý nghĩa của Hiếu, chữ Hiếu này bao gồm ý nghĩa chẳng thể nghĩ bàn! Sự tu học trong nhà Phật bắt đầu từ đạo hiếu, cuối cùng đến thành Phật, đạo hiếu làm tròn rồi gọi là thành Phật, Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm Sanh Tướng vô minh chưa trừ nên đạo hiếu còn thiếu sót một phần. Ai có thể làm tròn hiếu đạo tới mức viên mãn rốt ráo? Chư Phật Như Lai mới làm tròn hiếu đạo.

Sau khi đức Thế Tôn diệt độ, ngài giao phó trọng trách giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, đạo lý là ở chỗ này. Ai là Địa Tạng Bồ Tát? Ai hiểu được hiếu đạo, có thể tu đạo hiếu, ai có thể phát triển tuyên dương hiếu đạo thì người đó chính là Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát rất nhiều! Trong kinh chúng ta đọc thấy 'Đại Sĩ vô biên thân', vô lượng vô biên đều là Địa Tạng Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ đại bi là hiếu hạnh của Địa Tạng Bồ Tát tỏa rạng rộng lớn. Chúng ta nói về tâm hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng, hiếu thuận hết thảy chúng sanh, tôn kính hết thảy chúng sanh, thì tâm đó sẽ biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát. Hiếu kính phải dựa vào lý tánh, không thể dựa vào cảm tình, tâm đó là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù tiêu biểu trí huệ, cho nên chúng ta sinh hoạt, xử sự, đãi người, tiếp vật phải dùng lý trí chứ đừng dùng cảm tình, cảm tình là mê, tình là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tình tạo tội nghiệp. Tình thức

3[3] phần khoa phán của sách Khoa Chú

biến hiện ra sáu nẻo, ba đường ác, trí huệ biến hiện ra Tứ Thánh pháp giới, Nhất Chân pháp giới, đó là sự sai khác giữa Tình và Trí. Người thế gian chúng ta thường nói phải có lý tánh, phải có lý trí, không thể dùng cảm tình làm việc, Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta những điều này. Phổ Hiền Bồ Tát thực hiện ba điều: hiếu thân tôn sư, đại từ đại bi, và thể hiện trí huệ trong đời sống, đó chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Đây là đặc sắc của Phật pháp ở Trung Quốc, dùng bốn đại Bồ Tát coi như là bốn cột trụ của giáo học Đại Thừa Phật pháp, làm thành một cung điện đẹp đẽ huy hoàng, bốn cột trụ này thiếu một cũng không được, chúng ta phải biết bắt đầu học Phật pháp từ chỗ nào.

Thế Tôn dặn dò Quán Thế Âm Bồ Tát lưu thông [kinh này] cũng là dạy chúng ta, đặc biệt là thời Mạt Pháp, tại sao vậy? Những việc nói trong kinh đều là sự thật trước mắt chúng ta, chúng ta không có biện pháp giải quyết, phải nhờ những người giác ngộ trong nhóm chúng ta tuyên dương giải thích cho hết thảy đại chúng. Không những chúng ta phải giải thích rõ ràng, chính mình phải làm cho bằng được, tiêu trừ nghiệp chướng tai nạn của mình, sau đó chúng ta mới có thể giúp đỡ người khác, những gì chúng ta nói mới có y cứ thật sự. Khi tai nạn xảy ra, chúng ta sẽ may mắn tránh được, chúng ta làm sao tránh được? Vì chúng ta tu học đúng theo lời dạy. Những chuyện tà ma quỷ quái nhập vào người thường xảy ra, người học Phật chúng ta gọi là bị ma dựa, ma dựa là gì? Tức là tà mị nhập vào người. Hầu như nơi nào chúng tôi cũng đều gặp, chúng ta có bị hay không? Cũng có, nhưng chẳng nghiêm trọng lắm. Rất nhiều bạn đồng tu buổi tối ngủ thường bị quỷ đè, rất nhiều người có kinh nghiệm này. Hồi trước tôi cũng thường bị quỷ đè, [lúc đó] trong tâm biết rõ ràng nhưng không nhúc nhích gì được, sau khi học Phật thì không còn nữa. Lúc trước thầy Lý nói, chúng ta gọi đó là ma dựa, trong kinh Phật cũng có nói tới chuyện này. Lúc vận khí con người suy thoái thì quỷ lấn hiếp con người, còn lúc vận khí con người rất hưng vượng thì quỷ không dám lại gần, lúc bạn gặp vận suy thì quỷ sẽ lấn hiếp bạn, quỷ sẽ tới đè bạn. Từ những chuyện này chúng ta biết được đó là chuyện có thật, chẳng phải giả. Hiện nay ở Trung Quốc có [những người có khả năng đặc biệt], tại ngoại quốc, chẳng hạn như ở Mỹ cũng có, người Trung Quốc gọi là gọi là công năng đặc biệt kỳ lạ, ở Mỹ chúng tôi cũng từng gặp, họ có con mắt thứ ba, họ có thể nhìn thấy những chuyện kỳ quái này, mắt thịt của người thường chúng ta không thấy, họ thấy được. Họ có thể thấy những quỷ quái này nhập vào thân người, họ có khả năng nhìn thấy, họ cũng có thể thấy những nội tạng trong thân thể người bị bịnh.

Trước kia tôi ở Miami đã gặp vài người Mỹ, Miami là một nơi rất kỳ quái, rất nhiều người kỳ lạ cư trú ở đó. Lúc ấy người tiếp đãi chúng tôi là cư sĩ Tăng Hiến Vĩ, ông ta ở đó thành lập một Niệm Phật Xã và mời tôi đến giảng kinh. Cư sĩ Tăng đã học Thiền, cũng đã theo học Mật với các vị Lạt Ma, ông rất háo kỳ ưa thích những chuyện này nên ông thường tiếp xúc nhiều người như vậy. Chúng tôi thường nghe ông ta kể những chuyện này, tất cả đều là chuyện thật. Sợ không? Không cần phải sợ, sợ cũng không giúp được gì, không thể nói bạn sợ thì họ không tới, càng sợ thì họ càng làm dữ, vậy thì sợ làm chi. Nếu bạn không sợ thì họ không dọa bạn được, họ dùng hết chiêu thức dọa dẫm [mà bạn không sợ] thì tự nhiên họ sẽ bỏ đi. Nếu bạn sợ thật sự, họ cảm thấy rất có hiệu quả, thì họ sẽ khống chế bạn, nếu bạn không sợ họ, không đếm xỉa tới họ thì họ không có cách gì khống chế bạn. Đặc biệt là chúng ta tu tâm thanh tịnh, cảnh giới cao nhất là vô ngã, đúng như kinh Kim Cang có dạy 'phá được bốn tướng', hết thảy yêu ma quỷ quái đều không có, không bén tới được. Chúng ta hiểu được đạo lý này, biết những sự thật này, biết tự mình nên tu học như thế nào, thành tựu công đức chân thật, thành tựu chính mình, lợi ích chúng sanh.

Quỷ thần, Ma Vương cũng vậy, lúc họ không có cách gì quấy nhiễu bạn thì họ sẽ quay lại quy y hộ pháp, chúng ta coi Ma Vương Ba Tuần làm hộ pháp cho đức Phật

Thích Ca Mâu Ni. Họ muốn phá hoại Phật pháp, thật ra là vì tỳ kheo thời Mạt pháp chẳng thể y giáo phụng hành, họ đến gây phiền phức. Người thật sự có tu, có học thì họ cũng sẽ tôn kính hộ trì, Ma cũng hộ pháp. Đây chính là điều nói trong kinh Phật *'hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh'*, Ma cũng có Phật tánh, Mạnh Tử có nói *'con người ai cũng có lòng trắc ẩn',* nói như vậy rất có đạo lý. Người có xấu ác tới đâu khi nhìn người ta chịu khổ đôi lúc cũng sẽ sanh tâm thương hại, sẽ thông cảm với người đó, người ác còn có thể sanh tâm ấy huống chi là người thiện? Cho nên tự hành có thể cảm hóa hết thảy người ác, ác quỷ ác thần đều sẽ được cảm hóa. Chúng ta coi đoạn kinh tiếp theo:

Địa Tạng danh tự nhân nhược văn,
Nãi chí kiến tượng chiêm lễ giả,
Hương hoa y phục ẩm thực phụng,
Cúng dường bá thiên thọ diệu lạc,
Nhược năng dĩ thử hồi pháp giới,
Tất cánh thành Phật siêu sanh tử.

Như người nghe đến Địa Tạng danh,

Thậm chí thấy hình cùng chiêm lễ,

Hương hoa, thực phẩm, và y phục,

Cúng dường trăm ngàn hưởng diệu lạc.

Nếu đem hồi hướng khắp pháp giới,

Rốt ráo thành Phật, thoát sanh tử.

Chúng ta đọc đoạn kinh này mới biết công đức tạo tượng thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, nguyên nhân ở chỗ nào? Làm cho hết thảy chúng sanh có cơ duyên nghe danh hiệu, nhìn thấy hình tượng, bạn tạo cho họ có cơ hội này, cho nên công đức ấy rất thù thắng. Nhưng trong đó có một việc chúng ta nhất định phải biết, lúc Phật pháp thịnh hành thì mới có công đức thù thắng, tại sao vậy? Mọi người nhận biết, nghe tới danh hiệu Địa Tạng, nhìn thấy hình tượng Địa Tạng sẽ sanh tâm hiếu thuận cha mẹ, tâm tôn sư trọng đạo, tâm học theo hạnh nguyện của Bồ Tát khởi lên, đây là danh hiệu hình tượng khơi gợi thiện niệm của chúng sanh, công đức đó quá thù thắng. Nếu Phật pháp suy thoái chẳng có người tuyên dương, mọi người đều coi hình tượng của Phật, Bồ Tát là ngẫu tượng, cho là mê tín, không thể nói là không có công đức, nhưng công đức này hiện nay sẽ không đạt được, hiện nay đạt được gì? Làm cho hết thảy chúng sanh tạo nghiệp, làm cho xã hội đại chúng nghĩ rằng quý vị đề xướng mê tín, quý vị sùng bái ngẫu tượng. Tuy tạo tội nghiệp nhưng những hình tượng này một phen lọt vào nhãn căn, danh hiệu lọt vào nhĩ căn sẽ vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, công đức là ở chỗ này. Nhưng những tội nghiệp mà họ tạo, họ phải chịu quả báo hay không? Họ phải chịu quả báo, quả báo của tội nghiệp ở ba đường ác, sau khi chịu hết quả báo, khi họ thoát ra khỏi ba đường ác rồi gặp được thiện duyên, lúc đó thiện căn chín muồi, nhờ nhân duyên đó mới được độ, chúng ta phải hiểu những đạo lý này.

Lúc nào là lúc thích hợp nhất để tạo dựng tượng Phật? Mọi người đều biết sau khi kinh giáo được tuyên dương phổ biến thì đúc nặn hình tượng Phật, Bồ Tát sẽ đem

lại chánh tri chánh kiến cho người ta, công đức đó vô lượng vô biên. Do đó chúng ta có nghĩa vụ phải làm cơ hội giáo dục, việc này trọng yếu phi thường! Hiện nay ở các nơi trên thế giới, hết thảy những kiến trúc Phật giáo, bất luận là cổ đại hay hiện đại hơn phân nửa đều biến thành những nơi cho người ta tham quan du lịch, người đi du lịch thường tới đó. Ở những chỗ đó nếu có thiện tri thức bất luận là xuất gia hay tại gia giới thiệu đơn giản ý nghĩa tiêu biểu pháp của hình tượng Phật, Bồ Tát [cho những người đi du lịch nghe], đó là cơ hội giáo dục. Họ đến tham quan đạo tràng, trong đạo tràng có thờ những hình tượng Phật, Bồ Tát, giới thiệu từng vị cho họ biết, mỗi vị tượng trưng ý nghĩa gì, làm vậy cũng như giảng một bài học cho người đi du lịch, làm cho họ không đến nỗi hiểu lầm Phật pháp. Nói cho họ biết đó tuyệt đối không phải là thờ cúng ngẫu tượng. Hết thảy những thiết trí trưng bày trong nhà Phật đều chứa đựng ý nghĩa giáo học sâu sắc trong đó. Chúng ta nói về những vật dùng để cúng như hương, hoa, tràng phan, bảo cái đều có ý nghĩa tiêu biểu pháp. Dùng danh từ giáo dục hiện nay mà nói thì đó gọi là giáo cụ, công cụ giáo học. Để khi sáu căn chúng ta tiếp xúc tới liền nghĩ về ý nghĩa của vật đó, nghĩ mình nên học tập như thế nào, dùng những vật này để nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút, vì sợ chúng ta quên mất, sợ chúng ta lại mê hoặc trong đời sống hằng ngày, dùng những phương pháp nghệ thuật này làm cho chúng ta vừa vui mừng vừa nhắc nhở chúng ta. Đây là sự dạy học có trình độ nghệ thuật cao độ, chẳng phải là mê tín. Mê tín là quý vị hiểu lầm, hiểu sai, tại sao quý vị lại hiểu lầm? Tại sao hiểu sai? Vì chẳng có ai giải thích rõ cho quý vị, do đó sự hiểu lầm của đại chúng trong xã hội là điều có thể tha thứ. Lỗi lầm là lỗi của chúng ta, chúng ta là đệ tử Phật trong số những người xuất gia và tại gia, chúng ta chẳng làm tròn trách nhiệm, chẳng giải thích việc này rõ ràng cho xã hội đại chúng. Vì sao nghe danh hiệu, nhìn thấy hình tượng sẽ được lợi ích, họ được lợi ích bao lớn chúng ta đều phải hiểu rõ ràng, rành rẽ.

Hai câu cuối này rất hay, 'Nếu có thể dùng [công đức đó] để hồi hướng pháp giới', làm thế nào hồi hướng pháp giới? Nói thật ra thì chỉ là mở rộng tâm lượng mà thôi. Chúng sanh trong thế gian niệm niệm đều vì lợi ích của chính mình do đó mâu thuẫn xung đột với xã hội và với chúng sanh sẽ vĩnh viễn không thể tránh miễn. Nếu bạn mở rộng tâm lượng thì vấn đề này sẽ được giải quyết. Chúng ta hãy nêu một ví dụ, từ ví dụ này chư vị hãy suy nghĩ cặn kẽ, chúng ta cư trú ở nhà mình dù không ra đường cũng thường có xung đột với hàng xóm, thân thích, bạn bè. Lúc bỏ quê nhà đi đến nơi khác sinh sống, gặp được một người cùng xứ sở, bạn gặp một người đồng hương thì sẽ cảm thấy rất thân thích, khác hẳn với lúc ở quê nhà. Lúc còn ở quê nhà thì bạn có xích mích, còn khi xa quê, xa nhà thì cảm thấy thân thích, phạm vi này lớn thêm một chút, đây là người cùng quê với mình. Nếu ra nước ngoài gặp một người cùng xứ sở của mình thì tâm trạng đó sẽ càng khác hơn nữa, người đó không chỉ là người cùng làng, cùng tỉnh, mà là cùng một quốc gia, [tâm trạng] ấy sẽ khác thêm một chút nữa. Nếu tâm lượng của bạn mở rộng và coi tận hư không trọn hết pháp giới đều là một nhà, khi bạn gặp bất cứ một chúng sanh từ một cõi Phật nào bạn đều cảm thấy thân thiết, ý nghĩa của hồi hướng pháp giới là ở chỗ này. Cho nên sự hiểu lầm nhỏ, xích mích nhỏ đều được hóa giải hết. Chỗ vĩ đại của đức Phật là ngài coi tận hư không trọn khắp pháp giới đều là nhà mình, người nhà hiểu lầm chứ ngài chẳng có hiểu lầm người nhà, đó là thật chứ chẳng giả. Tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là nhà mình thì cũng chưa thân thiết. Tận hư không trọn khắp pháp giới là chính mình, đó mới là lời chân thật, muôn vàn chính xác, chẳng có gì hư giả.

Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là thân tướng của chính mình, đó là thân gì? Đó là pháp thân. Lúc nào chúng ta mới chứng được thanh tịnh pháp thân? Đến ngày nào bạn đột nhiên giác ngộ, và thấy tận hư không trọn khắp pháp giới đều là chính mình, bạn sẽ chứng được pháp thân thanh tịnh. Lúc bạn chứng được

pháp thân thanh tịnh, thân hiện nay của bạn là thân nghiệp báo, thân nghiệp báo này liền chuyển biến thành báo thân viên mãn. Viên mãn báo thân là gì? Trí huệ hiện tiền, viên mãn báo thân là trí huệ thân, bạn sinh sống trong trí huệ chân thật, chúng tôi thường nói bạn sẽ sinh sống trong đời sống có trí huệ cao tột, thân đó chính là báo thân. Bạn sẽ dùng lòng thương yêu của bạn để giúp đỡ hết thảy chúng sanh, đó là hóa thân, thiên vạn ức hóa thân; bạn thấy chúng sanh có căn tánh khác nhau, chủng tộc khác nhau, nguyện vọng khác nhau, bạn sẽ dùng nhiều phương pháp khác nhau để thỏa mãn họ, chăm sóc họ, đem lợi ích cho họ, đó chính là trăm ngàn ức hóa thân.

Phẩm này tới đây là chấm dứt, những gì nói trong phẩm này hoàn toàn là chân tướng sự thật, đều là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta hiện nay. Những lý luận phương pháp mà đức Phật dạy chúng ta, cũng chính là điều chúng ta vô cùng cần thiết, ngày nay chúng ta sinh sống trong hoàn cảnh này, mỗi ngày đều trầy da tróc vảy nghĩ không ra phương pháp giải quyết, nơi đây đức Phật đều nói hết ra cho chúng ta biết, ngài từ bi tới cùng cực. Chín ngàn năm đời mạt pháp chỉ có pháp môn này có thể cứu độ chúng sanh, đây là thật chứ chẳng giả. Dùng pháp này làm cơ sở, cơ sở thật sự, lúc khai kinh chúng tôi đã nói với chư vị, phước thứ nhất trong Tam Phước dạy trong Quán Kinh, kinh này dạy đầy đủ mười một câu trong phước thứ nhất của Tam Phước. Pháp môn Tịnh Tông dùng phước này làm cơ sở, dùng cơ sở này để niệm Phật cầu vãng sanh, nhất định sẽ được sanh Tịnh Độ, vả lại có thể khẳng định vãng sanh Thượng Bối, chắc chắn là Bậc Thượng trong ba bậc vãng sanh. Tách khỏi cơ sở này thì vãng sanh sẽ không chắc chắn, lúc đó phải coi cơ duyên, người thế gian gọi là coi vận may, bạn có thể may mắn gặp được bạn tốt hay không? Cơ duyên chẳng phải có được một cách ngẫu nhiên, vẫn phải nhờ thiện căn phước đức đời trước chín muồi, gặp được duyên mới hữu dụng, đến lúc lâm chung mới có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, thì người đó mới có thể hồi cãi. Nếu có thể vun bồi cơ sở từ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện này, thì cơ sở của bạn mới kiên cố, chắc thật. Cho nên *'Nếu có thể dùng công đức ấy để hồi hướng pháp giới, ắt sẽ thành Phật vượt thoát sanh tử'*, chúng ta có thể tiếp nhận câu này, có thể tin tưởng, và có thể khẳng định.

Thị cố Quán Âm nhữ đương tri.

Phổ cáo hằng sa chư quốc độ.

Vì thế, Quán Âm, ông hãy nên,

Bảo khắp Hằng sa các cõi nước!

Chúng ta kính mến Quán Thế Âm Bồ Tát thì phải nên noi gương, học theo ngài, ngài đối với cõi nước nhiều như cát sông Hằng đều phổ biến tuyên dương Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện kinh, chúng ta nên học theo và tuyên dương. Đặc biệt là Chú Giải của Thanh Liên pháp sư hay vô cùng, chúng ta học hoặc hoằng dương bộ kinh này và có cuốn Chú Giải này để làm tài liệu tham khảo là đủ rồi, trong đó trích dẫn kinh điển, sưu tập rất nhiều tài liệu. Lúc chúng ta khuyến cáo người ta, chúng ta có thể sưu tập những câu chuyện cảm ứng gần đây nhất mà trong kinh có nói, làm cho thính chúng tăng thêm lòng tin.

Được rồi, hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

Tập 50 (Số 14-12-50)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển Hạ, trang 89, xin xem kinh văn hàng thứ hai:

Chúc Lụy Nhân Thiên Phẩm Đệ Thập Tam.

PHẨM THỨ MƯỜI BA: DẶN DÒ CỨU ĐỘ NHÂN THIÊN

Đây là phẩm cuối của kinh này, và cũng là lời di chúc cuối cùng của Thế Tôn, lời lẽ vô cùng khẩn thiết, chúng ta đọc tụng phải thấu hiểu kỹ càng. Xin coi kinh văn:

Nhĩ thời Thế Tôn cử kim sắc tý, hựu ma Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đảnh.

Lúc đó, Đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng xoa đảnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

'Nhĩ thời' là lúc nói xong việc Thấy Nghe Được Lợi Ích, sau cùng đức Phật giao phó sứ mạng độ hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, do đó chỗ này là đoạn 'giơ cánh tay xoa đảnh'. Thứ nhất là tiêu biểu an ủi, thứ nhì là giao phó sứ mạng trọng yếu cho ngài. Sau đó đức Phật nói, đây là câu kinh trang 90:

Nhi tác thị ngôn, Địa Tạng, Địa Tạng

Mà bảo rằng: "Này Địa Tạng! Địa Tạng!

Thế Tôn gọi tên ngài Địa Tạng liên tục hai lần, tượng trưng lòng yêu mến sâu đậm, phó thác trách nhiệm nặng nề, chỗ này chúng ta có thể thấy lòng từ bi khẩn thiết, lời nói ân cần của Thế Tôn.

Nhữ chi thần lực bất khả tư nghị.

Thần lực của ông không thể nghĩ bàn

Câu này tán thán Địa Tạng Bồ Tát, ngài có thể hóa hiện vô lượng vô biên thân, độ khắp hết thảy chúng sanh khổ nạn trong hư không pháp giới, đây là thần lực biến hiện, chẳng thể nghĩ bàn, lại nói tiếp:

Nhữ chi từ bi bất khả tư nghị.

Đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn

Đây là lời tán thán nghị lực của ngài, lòng từ bi của ngài vĩnh viễn không thoái chuyển, vô cùng khó được. Chúng ta coi phàm phu trong lục đạo tuy có lòng từ bi, nhưng khi gặp nghịch cảnh, hoặc thuận cảnh cũng bị thoái chuyển, chẳng sánh bằng tâm nguyện ban vui, dứt khổ của Địa Tạng Bồ Tát vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, vả lại đối với hết thảy chúng sanh đều bình đẳng gia trì, thật là chẳng thể nghĩ bàn.

Nhữ chi trí huệ bất khả tư nghị.

Trí huệ của ông không thể nghĩ bàn

Trí huệ rộng sâu, biện tài vô ngại, Bồ Tát hiện thân cũng chẳng khác gì Quán Thế Âm Bồ Tát, [các ngài đều] tùy loại hiện thân, tùy cơ thuyết pháp. Chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng có thân tướng nhất định, trong những bức họa của người xưa chúng ta thấy có 'Quán Thế Âm Bồ Tát Biến Tướng Đồ' (Những hình tướng khác biệt của Quán Thế Âm Bồ Tát) gồm có hơn năm trăm loại thân tướng khác nhau, nói rõ 32 ứng là 32 loại, trong mỗi loại hiện vô lượng vô biên thân tướng, Địa Tạng Bồ Tát cũng vậy, cũng vì chúng ta thị hiện nhiều thân tướng, phàm phu chúng ta có gặp cũng không nhận ra. Đây là trí huệ sâu rộng, vô ngại chẳng thể nghĩ bàn. Kế đó là biện tài:

Nhữ chi biện tài bất khả tư nghị.

Biện tài của ông không thể nghĩ bàn.

Biện tài là nói về khẩu nghiệp, thân, ngữ, ý và trí huệ đều chẳng thể nghĩ bàn. Đây là lời đức Thế Tôn đích thân khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát trong đại hội này. Không những là vậy, sau đó còn nói:

Chánh sử thập phương chư Phật tán thán tuyên thuyết nhữ chi bất khả tư nghị sự, thiên vạn kiếp trung bất năng đắc tận.

Dầu cho chư Phật ở mười phương khen ngợi tuyên nói những sự không nghĩ bàn của ông, trong ngàn vạn kiếp cũng chẳng nói hết được.

Lời tán thán này đã đạt đến cùng cực, không những đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán là chẳng thể nghĩ bàn, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đồng thanh tán thán ngài có trí huệ đức năng, thân ngữ ý từ bi giáo hóa. 'Trong ngàn vạn kiếp' là nói thời gian dài, 'mười phương chư Phật' là nói số lượng nhiều; thời gian dài như vậy tán thán cũng không hết. Chúng ta không thể lơ là bỏ sót đoạn kinh này, trên thật tế nó tiêu biểu cho tánh đức của tự tánh, một phần hiếu kính trong tánh đức, đức hạnh ấy chẳng thể nghĩ bàn, chư Phật Như Lai tán thán cũng không thể tán thán hết. Tánh đức của Bồ Tát khai hiển (khai triển, hiển hiện), mỗi người chúng ta cũng có đức năng giống hệt như Bồ Tát, đáng tiếc là đức năng này chưa được khai hiển, làm sao mới có thể khai hiển? Noi theo phương pháp dạy trong kinh này mà tu học thì có thể mở mang tánh đức. Do đó danh hiệu của Bồ Tát, tên của kinh này đều có hai chữ 'Địa Tạng'. Địa tượng trưng cho tâm địa, Tạng tỷ dụ kho báu, tâm địa của chúng ta, lý địa chân tâm, trí huệ, thần lực, từ bi, biện tài đều chẳng thể nghĩ bàn, trong vô lượng đức năng ở đây chỉ nêu ra bốn thứ, trên thật tế thì mỗi loại đều chẳng thể nghĩ bàn. Giống như các nhà tôn giáo ngày nay tán thán Thượng Đế, khen ngợi Thần, trong lời tán tụng gọi là toàn tri toàn năng, chẳng có gì không biết, chẳng có gì không thể, nói thật ra đó là tánh đức trong tự tánh của chúng ta. Ngày nay chúng ta hiểu được, biết chính mình có đức năng này thì phải giác ngộ, phải phấn chấn, khôi phục trí huệ đức năng của mình, không những độ mình mà còn có thể độ hết thảy chúng sanh. Do đó có thể biết, Thế Tôn giao phó cho Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta hãy nghĩ coi có liên quan gì với chúng ta hay không? Nếu bạn hiểu rõ được ý nghĩa này thì sẽ biết nó có liên quan mật thiết với chúng ta. Chúng ta nương nhờ Địa Tạng Bồ Tát để làm duyên, vậy thì Địa Tạng Bồ Tát ở đâu? Những gì nói trong kinh này chính là ngài; chúng ta có thể tin, có thể hiểu, có thể làm theo thì chúng ta chính là phân thân của Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta sốt sắng không ngừng nâng cao cảnh giới thì chúng ta là một phân thân trong vô số phân thân của Địa Tạng Bồ Tát, đó mới gọi là thật sự tu học pháp môn này. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

Địa Tạng, Địa Tạng

Này Địa Tạng! Địa Tạng!

Chúng ta coi lời ghi trong kinh văn tỏ rõ Thế Tôn đau lòng rát miệng, từ bi đến cùng cực.

Ký ngô kim nhật Đao Lợi chư thiên trung ư bá thiên vạn ức bất khả thuyết, bất khả thuyết nhất thiết chư Phật, Bồ Tát, thiên long bát bộ, đại hội chi trung.

Ông hãy nhớ hôm nay Ta, trong cung trời Đao Lợi, nơi đại hội có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết, không thể nói hết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, cùng Thiên Long Bát Bộ.

Trong đoạn này, 'ký ngô' là lời Thế Tôn tự xưng, ông phải ghi nhớ lời của ta nói ở cung trời Đao Lợi, tại sao lại thêm chữ 'chư thiên trung' sau chữ Đao Lợi? Ý nghĩa này rất rộng. Mọi người phải hiểu hội giảng kinh này chẳng khác gì với pháp hội giảng kinh Hoa Nghiêm. Pháp hội Hoa Nghiêm ở tại Bồ Đề Tràng, chỗ này dung thông cùng với hư không pháp giới, cho nên tham gia pháp hội này bao gồm tận hư không, trọn khắp pháp giới hết thảy mọi loài chúng sanh, loài nào cũng chẳng sót, đây là Hoa Nghiêm hải hội. Hội giảng kinh Địa Tạng này cũng không ngoại lệ, tuy nơi giảng kinh là ở cung trời Đao Lợi, thiên cung của Đế Thích, đại chúng tham dự pháp hội cũng tận hư không, trọn khắp pháp giới, trên từ chư Phật Như Lai dưới đến người cõi Trời, bao gồm luôn quỷ thần, pháp hội này thù thắng biết bao, to lớn biết bao! Do đó mới thêm chữ 'chư thiên'. Thiên thần cõi trời Dục Giới, Sắc Giới đều tham gia pháp hội này. Cho nên bốn chữ 'Đao Lợi chư thiên', Đao Lợi là nơi pháp hội giảng kinh, 'chư thiên' là nói các vị thiên chúng tham dự pháp hội. *'Ư bá thiên vạn ức bất khả thuyết bất khả thuyết nhất thiết chư Phật, Bồ Tát'(nơi đại hội có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết, không thể nói hết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát)*, pháp hội vừa mở đầu chúng ta liền thấy vô cùng thù thắng, mười phương tam thế hết thảy chư Phật đều tham dự pháp hội này, trong hết thảy kinh điển Đại Thừa từ trước tới giờ chưa từng chứng kiến cảnh giới thù thắng như vậy. Đâu có bao giờ trong một lần giảng kinh mà hết thảy chư Phật đều tham gia, chưa từng nghe qua.

Trong hội giảng kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy cảnh giới này, trong hội giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà chúng ta cũng thấy cảnh giới này, nhưng không phải vừa mở đầu [tất cả chư Phật, chư Bồ Tát] liền tới tham dự. Trong kinh Tịnh Độ đến phần Lưu Thông mười phương chư Phật tán thán, trong kinh Di Đà chúng ta thấy có ghi sáu phương Phật, trong bản dịch kinh Di Đà của ngài Huyền Trang có ghi mười phương Phật, đây là vì bản dịch kinh của ngài La Thập đã lược bớt, tuy lược bớt chữ nhưng ý nghĩa vẫn viên mãn. Hết thảy chư Phật tán thán nhưng chẳng nói rõ ràng như trong kinh này, pháp hội vừa mở đầu thì chư Phật Như Lai liền tới tham dự, mãi cho tới khi pháp hội kết thúc, chư Phật tham dự suốt từ đầu tới cuối. Những vị Bồ Tát, những vị thiên long bát bộ hộ pháp đi theo chư Phật [cũng vậy]. Kinh Hoa Nghiêm nói về những chúng [Bồ Tát, chúng thần hộ pháp] này rất nhiều, rất chi tiết, tổng cộng nói tới mười loại; kinh Địa Tạng tuy không nói chi tiết nhưng ý tứ cũng rất viên mãn, giống như kinh Hoa Nghiêm vậy.

Tải dĩ nhân thiên chư chúng sanh đẳng, vị xuất Tam Giới tại hỏa trạch trung giả, phó chúc ư nhữ

Một lần nữa đem các chúng sanh trong cõi trời, người, những kẻ còn ở trong nhà lửa, chưa ra khỏi Tam Giới, mà giao phó cho ông.

Chữ Tải cùng nghĩa với chữ 'tái' (lập lại) 4[4], thời cổ thường dùng chữ này. 'Tải' nghĩa là thêm một lần, phía trước đã giao phó, bây giờ lại giao phó thêm lần nữa sợ ngài quên việc này. *'Nhân thiên chư chúng sanh'* là chỉ chúng sanh trong lục đạo; *'vị xuất Tam Giới'(chưa ra khỏi Tam Giới)* cũng chỉ chúng sanh trong lục đạo. *'Tại hỏa trạch trung'(ở trong nhà lửa)* hỏa trạch là tỷ dụ, trong kinh Pháp Hoa đức Phật nói *'Tam Giới như nhà lửa'*, lửa tỷ dụ cho phiền não, chỉ cần phiền não không đoạn thì nhất định sẽ tạo ác nghiệp, nhân quả tuần hoàn, biển khổ không bờ bến. Bạn tạo ác nhân cảm chiêu ác quả, lúc chịu ác báo lại tạo thêm ác nhân, vĩnh viễn chẳng có ngày thoát khỏi, những chúng sanh này vô cùng đáng thương. Trong kinh Phật thường dùng danh từ 'kẻ đáng thương' đặc biệt là chỉ chúng sanh trong lục đạo, ngài đem trọng trách độ tận chúng sanh trong lục đạo này giao cho Địa Tạng Bồ Tát. Tại sao đức Phật giao cho Địa Tạng Bồ Tát mà không giao cho những Bồ Tát khác? Nguyên nhân này đã nói với chư vị ở phía trước rồi. Địa Tạng tượng trưng cho pháp căn bản, pháp căn bản là hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, nếu không thể làm được thì bất cứ pháp môn nào khác cũng không làm được, cho nên ngoài Địa Tạng Bồ Tát ra đức Phật không thể giao phó cho ai khác, đạo lý là như vậy.

Vô lịnh thị chư chúng sanh đọa ác thú trung nhất nhật nhất dạ.

Ông đừng để cho các chúng sanh đó bị đọa vào đường ác dù là một ngày một đêm.

Đây là lòng từ bi của đức Phật, quyết không chịu nhìn thấy chúng sanh tạo ác nghiệp đọa vào tam ác đạo, đọa bao lâu? 'Một ngày một đêm' Phật cũng không nhẫn tâm nhìn thấy. Chúng sanh đọa vào ba đường ác, đúng là tự làm tự chịu, tuy đức Phật từ bi thấy chúng sanh [đọa lạc] cũng chẳng làm gì được. Tại sao có hiện tượng như vậy? Vì chúng sanh không chịu nghe lời dạy, không chịu nghe lời khuyên, vậy thì đâu còn cách chi? Phật khuyên chúng sanh, Ma gạt chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều chịu gạt chứ không chịu nghe lời khuyên, đi theo Ma thì sẽ rơi vào ba đường ác, đi theo Phật mới có cơ hội thoát ra khỏi Tam Giới. Dù chỉ một ngày một đêm Phật cũng không nhẫn tâm nhìn thấy.

Hà huống cánh lạc Ngũ Vô Gián cập A Tỳ địa ngục, động kinh thiên vạn ức kiếp vô hữu xuất kỳ.

Huống là để cho họ phải đọa lạc vào địa ngục Ngũ Vô Gián cùng địa ngục A Tỳ, trải đến ngàn vạn ức kiếp không lúc nào ra khỏi!

Đây là lời đức Phật nói trong pháp hội này, Phật tuyệt đối không nói dối, thời gian đọa vào Ngũ Vô Gián địa ngục dài bao lâu? 'Ngàn vạn ức kiếp'. Trong ba cõi thiện chẳng có thời gian dài như vậy, mọi người đều biết, thọ mạng ở cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng chỉ có tám vạn đại kiếp. Từ đây chúng ta mới thật sự hiểu được, nếu chúng sanh trong lục đạo không thể thoát khỏi Tam Giới thì thời gian đọa trong ác đạo nhất định sẽ dài lâu, thời gian ở tam thiện đạo sẽ ngắn ngủi. Đọa vào địa

4[4] Đây là cách chuyển chú, tức là những chữ đồng âm dùng lẫn nhau. Do Tái và Tải trong tiếng Hán thời cổ đọc cùng âm.

ngục Vô Gián, địa ngục A Tỳ rất dễ dàng, đặc biệt là trong xã hội hiện nay việc tạo tội nghiệp như chẳng hiếu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính sư trưởng, hủy báng Tam Bảo, phá hòa hợp Tăng đều là nghiệp nhân đọa vào địa ngục Vô Gián, A Tỳ. Chúng ta hãy bình tĩnh quan sát xã hội hiện nay, có bao nhiêu người tạo tội nghiệp này? Ngũ nghịch Thập Ác, mười nghiệp ác: thân tạo giết, trộm, dâm; khẩu nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời ác độc, lời ỷ ngữ; ý khởi tham, sân, si. Ai không tạo những nghiệp này? Tuy chúng ta học Phật, mỗi ngày lạy Phật, mỗi ngày niệm kinh, nếu ba nghiệp thân ngữ ý của chúng ta vẫn chẳng thiện y như cũ thì vẫn đọa lạc, chẳng phải nói người niệm Phật, lạy Phật sẽ không đọa ba đường ác. Mọi người hãy coi đoạn chót của cuốn Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao, trong ấy Quán Đảnh pháp sư có ghi ra một trăm thứ quả báo của sự niệm Phật, trong một trăm quả báo khác nhau này, điều thứ nhất là địa ngục, người niệm Phật làm sao rơi vào địa ngục? Chúng ta phải suy nghĩ cho kỹ càng. Đây là lời người xưa nói: *'Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét bể cổ họng cũng uổng công!'*, trong tâm nghĩ chuyện ngũ nghịch thập ác, miệng niệm Di Đà có ích gì? Vẫn phải đọa Vô Gián, A Tỳ, đây là việc chúng ta phải hiểu, phải cảnh giác.

Một người thật sự muốn tu học phải hạ thủ công phu nơi tâm địa, đối với hết thảy chúng sanh tuyệt đối không khởi ác ý, cái gì là ác ý? Bất cứ một ý niệm ác nào trong thập ác đều là ác ý, tuyệt đối không được khởi lên. Không khởi ý niệm ngũ nghịch thập ác thì chúng ta mới có thể giữ được thân người, niệm Phật cầu sanh tịnh độ mới có hy vọng. Chuyện này tuy nói là khó nhưng mọi người ai nấy đều có thể làm được, chẳng phải [khó quá] không làm được. Nhà Nho cũng dạy người ta *'khắc ý tác thánh' (khắc phục ý niệm làm Thánh)*, niệm là vọng niệm, tức là những ý niệm ngũ nghịch thập ác, nếu bạn có thể khắc phục những ý niệm này thì bạn sẽ là thánh nhân, trong Phật pháp thì khắc niệm sẽ làm Phật. Chúng ta biết những thứ này là phiền não tập khí từ vô thỉ kiếp tới nay, vì tập khí này trải qua thời gian quá dài, sức mạnh rất lớn, bất cứ lúc nào cũng có thể khởi lên, chúng ta muốn khắc phục cũng không khắc phục nổi, đức Phật dạy chúng ta rất nhiều phương pháp, có tới tám vạn bốn ngàn pháp môn, nhiều phương pháp đường lối như vậy chẳng qua chỉ là phương pháp khắc phục vọng tưởng tập khí mà thôi. Đối với chúng ta phương pháp thuận tiện, thù thắng, đơn giản, dễ dàng nhất chẳng có gì hơn niệm Phật, ý niệm vừa khởi lên thì lập tức thay đổi thành A Di Đà Phật, làm được vậy thì gọi là công phu đắc lực, nhất định đừng cho ác niệm sanh khởi. Niệm thứ nhất khởi lên, niệm thứ hai liền chuyển đổi trở lại, đó gọi là niệm Phật, người như vậy mới gọi là biết niệm Phật. Lâu dần công phu đắc lực, công phu đắc lực nghĩa là những ý niệm này không khởi lên nữa, hạt giống nghiệp lực tập khí vẫn chưa đoạn nhưng nhờ công phu của bạn đắc lực nên vọng niệm không khởi lên, công phu như vậy trong pháp môn niệm Phật gọi là công phu thành phiến. Công phu thành phiến nghĩa là câu Phật hiệu này đích thật có thể hàng phục phiền não, có thể khống chế nổi tập khí, kinh Phật nói làm được tới công phu này thì bạn chắc chắn sẽ sanh tịnh độ, đó gọi là đới nghiệp vãng sanh.

Tuy kinh Tịnh Độ có nói bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, chúng ta hiểu rõ chứ đừng chấp chặt, hiểu những việc này là trí huệ, không khởi phân biệt chấp trước là công phu của bạn, nếu bạn cứ chấp trước cứng chắc trên những chuyện này thì phẩm vị khi bạn vãng sanh tới Cực Lạc thế giới sẽ thấp, phiền não tập khí của bạn vẫn còn rất nặng. Chúng ta biết là có một sự việc như vậy, tuyệt đối đừng ôm ấp nó ở trong tâm, đừng khởi phân biệt, chấp trước thì tâm bạn mới thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì cõi Phật tịnh, phẩm vị vãng sanh của bạn sẽ cao, đạo lý là như vậy. Huống chi tây phương Cực Lạc thế giới là một hoàn cảnh tu học thù thắng, khác với cõi nước của hết thảy chư Phật ở mười phương. Hết thảy cõi nước chư Phật trên sự tướng thì đích thật không bình đẳng,

nhưng tây phương Cực Lạc thế giới là pháp giới bình đẳng, Bồ Tát ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư và Bồ Tát ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm cùng nhau nghe kinh, việc này đích thật chúng ta chưa từng thấy trong các kinh khác, thế giới những phương khác chẳng có sự việc như vậy, việc này chứng tỏ tây phương Cực Lạc thế giới là bình đẳng. Tuy có bốn cõi, bốn cõi này hợp lại với nhau, trong đó không có ngăn cách, không có chướng ngại, bốn cõi ở cùng một chỗ là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chư Phật gọi là pháp khó tin.

Nói tới đây, chúng ta thường dùng một tỷ dụ thiển cận cho mọi người hiểu rõ, giống như chúng ta đi học trong trường vậy, những trường học thông thường thì học trò khác cấp với nhau sẽ vào lớp học khác nhau. Học sinh lớp một thì học trong một phòng, lớp hai học ở phòng khác, lớp ba sẽ học ở một phòng khác nữa. Tình huống ở Cực Lạc thế giới rất đặc biệt, lớp ấu trĩ, lớp tiểu học, và lớp Tiến Sĩ đều vào cùng một lớp học, tình huống này rất đặc biệt chúng ta chưa từng nghe qua. Trình độ cao thấp khác nhau đều học chung trong cùng một lớp học, đó gọi là pháp giới bình đẳng. Những trường học thông thường của chúng ta, đại học và trung học chắc chắn sẽ không bao giờ học chung lớp, trung học và tiểu học cũng không bao giờ học chung lớp, đó là không bình đẳng, còn thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Tuy bình đẳng, trình độ của mỗi người đích thật khác nhau, thí dụ lúc vào cùng một lớp học, Bồ Tát cõi Thật Báo nhìn thấy báo thân A Di Đà Phật, còn Bồ Tát cõi Phàm Thánh Đồng Cư chỉ nhìn thấy ứng thân của A Di Đà Phật, đây là chỗ khác nhau. Nhìn thấy tướng hảo quang minh của đức Phật cũng khác nhau, nhưng tất cả đều ở chung trong một lớp học. Phật chẳng có hiện hai tướng, Phật chỉ hiện một tướng, mỗi người nhìn thấy và cảm nhận chẳng giống nhau, nhưng tuyệt đối là chung một chỗ, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Do đó chư Phật khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật là rất có đạo lý, khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật là ái hộ chúng ta đến cùng cực! Đó mới chân chánh là pháp cứu cánh, lìa khổ cứu cánh, được niềm vui cứu cánh, như vậy mới thật sự viên mãn. Xin xem tiếp kinh văn:

Địa Tạng.

Này Địa Tạng!

Lại gọi ngài Địa Tạng, [trong kinh mỗi khi đức Phật] gọi tên thì chắc chắn sẽ có khai thị quan trọng, kêu tên để nhắc người đó.

Thị Nam Diêm Phù Đề chúng sanh

Chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này

Nam Diêm Phù Đề này là chỉ địa cầu chúng ta, đức Phật xuất hiện ở nơi đây, đối với chúng sanh ở nơi đây đặc biệt quan tâm.

Chí tánh vô định, tập ác giả đa, túng phát thiện tâm, tu du tức thoái, nhược ngộ ác duyên niệm niệm tăng trưởng.

Chí tánh không định, kẻ quen theo thói ác thì nhiều. Dầu phát thiện tâm nhưng chốc lát liền thoái thất; nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng.

Trong sáu câu này, đức Phật đã chẩn đoán và nói ra gốc bịnh chung của chúng sanh trong thế giới hiện nay, đó là gốc bịnh của chúng ta, chúng ta phải biết. 'Chí tánh vô định', câu này rất quan trọng, 'chí' có thể nói là nguyện vọng của họ, 'tánh' có thể nói là tánh tình của họ, 'vô định' nghĩa là biến đổi quá nhiều, nói thật ra niệm niệm đều khác nhau, Phật, Bồ Tát gặp những chúng sanh này cũng khó độ. Chí tánh vô định nghĩa là tâm tình tư tưởng tán loạn, thông thường chúng ta gọi là người đó không có chủ ý, chẳng có chủ tể. Vả lại 'tập ác giả đa', 'tập' là tập tánh, tập tánh ác nhiều, thiện lại ít. Trong sách nhà Nho chúng ta thấy Mạnh Tử nói tánh người thiện, Tuân Tử nói tánh người ác, Mạnh Tử và Tuân Tử đều là hiền nhân. Tánh người rốt cuộc là thiện hay ác? Trong Phật pháp nói ác nhiều, thiện ít. Cách nói của thánh nhân đích thật cao minh hơn họ, cách nói của Khổng Lão Phu Tử khác với họ, Phu Tử nói *'Tánh tương cận, tập tương viễn' (Về bản tánh thì giống nhau, nhưng do được giáo dục (tập luyện, huấn luyện, tu tập) mà trở thành khác nhau)*. Chữ Tánh mà Khổng Tử nói trong câu này nghĩa là 'chân tánh', chân tánh của hết thảy chúng sanh đều giống nhau, chẳng sai khác, chân tâm bản tánh, tánh này giống nhau; tập tương viễn, tập tánh khác nhau. Do đó chữ tánh mà Mạnh Tử và Tuân Tử nói chẳng phải là chân như bản tánh mà là tập tánh, ngày nay chúng ta gọi 'tập tánh' là tập quán, thói quen cứ lập đi lập lại riết rồi trở thành tự nhiên. Tập tánh chẳng phải do đời này tạo thành, mà là từ nhiều đời nhiều kiếp trước đã tạo thành, do đó phiền não nhà Phật gọi là 'câu sanh phiền não', bạn vừa sanh ra đã mang theo phiền não, chẳng do đời này học mà có, mà do tập khí đời trước tạo thành, nên gọi là tập tánh.

Tập tánh chắc chắn là ác nhiều thiện ít, chư vị đã đọc Bách Pháp Minh Môn Luận, trong đó nói phiền não tâm sở có 26 thứ, thiện tâm sở chỉ có 11 thứ, cái nào nhiều hơn? Thiện tâm sở chỉ có 11 thứ, còn ác tâm sở tới 26 thứ, ác nhiều thiện ít, huống nữa là sức mạnh của ác to lớn, sức của thiện yếu ớt. Do đó người thường khi gặp thiện pháp, *'dù phát thiện tâm, trong khoảnh khắc liền lui sụt'*, rất khó giữ được lâu dài. Khi gặp ác pháp thì *'niệm niệm tăng trưởng'*, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Khi gặp thiện pháp, thiện tâm sở quá ít, sức lực yếu ớt, chẳng dễ giữ được lâu. Tại sao ác pháp có thể gia tăng? Vì ác tâm sở quá nhiều, sức lực mạnh mẽ. Do đó chúng ta thấy nhiều người có cơ hội tiếp xúc tới Phật pháp là rất tốt! Họ cũng tới nghe giảng, cũng tới niệm Phật, nhưng chẳng bao lâu sau liền nghe nói họ đã đi học ngoại đạo, học pháp môn khác, đây là do nguyên nhân gì? Đạo lý là ở chỗ này. Tuy có cơ hội tiếp xúc đến thiện pháp, thiện căn của họ yếu ớt, chẳng thể duy trì được lâu, nhất định sẽ thoái chuyển. Chúng ta nhìn thấy hiện tượng này, chúng ta biết như vậy là bình thường. Nếu sau khi tiếp xúc thiện pháp họ không thoái chuyển, như vậy là không bình thường, trong ngàn vạn người hiếm có được một, hai người có thể không thoái chuyển. Khi gặp ác duyên họ cũng không thoái chuyển, gặp thiện duyên họ càng tinh tấn, chúng ta phải biết người như vậy là người có thiện căn sâu dày, người như vậy trong một đời này chắc chắn sẽ thành tựu, đây là điều mà chúng ta có thể tưởng tượng được.

Cho nên sáu câu này là lời đức Thế Tôn chẩn đoán chung cho [căn bịnh của] chúng sanh ở Diêm Phù Đề, chúng ta cũng bao gồm trong đó. Chúng ta phải có tánh cảnh giác cao độ, thật sự phải học theo Pháp Tạng tỳ kheo, chúng ta phải 'trụ chân thật huệ', khi trụ chân thật huệ thì chí tánh (ý chí, tánh tình) sẽ định, nếu không trụ chân thật huệ thì chí tánh làm sao định được? Cho nên người ta thường *'kiến dị tư thiên, vô túc quái dã' (thấy lạ nghĩ khác, không trách họ được)*. Chí tánh của họ không định. Chỉ có trụ chân thật huệ, thật sự biết tu hành đúng theo lời dạy, tuyệt đối xa lìa danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần của thế gian thì chúng ta mới có thể bảo đảm đời này chắc chắn thành tựu. Thế pháp có thể ảnh hưởng người ta, có thể dụ dỗ người ta, chúng ta phải

hiểu rõ ràng, phải thấy thấu suốt chân vọng, hư thật, thiện ác, thị phi, lợi hại, mỗi thứ đều phân biệt rành rẽ, tự mình phải biết rõ mình phải nên đi theo con đường nào.

Gần đây cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ông thật sự là Bồ Tát chứ không phải là người thường, ông muốn tổ chức Phật Học Viện, đây là việc tốt. Nếu Phật Học Viện này phải chịu sự chi phối, hạn chế của pháp luật, chúng ta phải tuân theo điều lệ của pháp luật, quý vị nghĩ coi có thể siêu việt Tam Giới hay không? Có thể ngộ nhập kinh điển hay không? Rất khó! Giáo học của thế pháp và giáo học của Phật pháp hoàn toàn khác nhau, mục đích của thế pháp là dạy cho bạn có được kỹ năng, còn Phật pháp dạy bạn hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, hai thứ hoàn toàn khác nhau. Pháp thế gian dạy bạn Học, học rộng nghe nhiều, còn Phật pháp dạy bạn Định, Phật pháp là đạo, ngay cả Lão Tử cũng hiểu nguyên lý này 'vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn' (chăm học tập thì kiến thức tăng trưởng; còn chăm lo nơi đạo thì dục vọng ngày càng giảm bớt), cho nên hai nền giáo học này khác nhau, Phật pháp là Đạo, thế pháp là Học. Học thì càng nhiều càng tốt, tăng thêm thường thức, đó gọi là học thức, bạn phải học rộng nghe nhiều; Phật pháp tu đạo, đạo thì phải một môn thâm nhập, có đi sâu vào một môn thì bạn mới được định, mới có thể mở mang trí huệ. Từ xưa tới nay Phật pháp chẳng có nghe nói việc tạo Phật Học Viện, thậm chí xây một lớp Phật Học cũng không có. Phật Học Viện, lớp Phật Học bắt đầu có từ lúc nào? Cuối đời nhà Thanh mới bắt đầu, Âu Dương Cánh Vô tổ chức Nội Học Viện, Hạ Môn tạo dựng Mân Nam Phật Học Viện, Thái Hư đại sư tạo dựng Vũ Hán Phật Học Viện, cuối đời Thanh đầu thời Dân Quốc mới bắt đầu có [những Phật Học Viện này], trước kia chưa từng nghe qua.

Lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp suốt 49 năm, chứ ngài chẳng mở lớp Phật Học, chẳng mở Phật Học Viện, mỗi ngày đều dạy học. Phương thức dạy học hồi trước rất giống lối dạy trong trường tư thục của Trung Quốc thời xưa, tuy chẳng có tổ chức như trường học hiện nay, nhưng đời nào cũng vun bồi hiền nhân, cao tăng đại đức mỗi thời đại, mỗi địa phương đều có rất nhiều, sau khi Phật Học Viện được tạo dựng, rất ít cao tăng đại đức từ Phật Học Viện ra, thua xa thời xưa. Có một năm khi giảng kinh ở Hương Cảng tôi gặp pháp sư Diễn Bồi, chúng tôi rất ít gặp mặt, ngài viếng Hương Cảng, nhiều pháp sư ở Hương Cảng tiếp đón ngài, dẫn ngài đi tham quan, họ mướn một chiếc xe bus, hôm đó tôi cũng có tham dự nên tôi có dịp gặp ngài. Trên xe có rất nhiều vị là học trò của ngài, Diễn Bồi pháp sư rất cảm kích và nói với tôi, ngài nói hiện nay những pháp sư thật sự đi khắp nơi giảng kinh thuyết pháp đều chẳng xuất thân từ Phật Học Viện, ngài chỉ tôi và nói 'đó là kể cả ông ở trong đó'. Chúng tôi tiếp nhận giáo dục tư thục, chẳng phải giáo dục chánh quy của nhà trường. Khi tôi học Triết Học cũng là giáo dục tư thục, chẳng phải học từ nhà trường, chẳng từ Hệ Triết Học trong trường đại học. Tôi học Triết Học ở nhà giáo sư Phương Đông Mỹ, mỗi tuần giáo sư dạy tôi hai giờ đồng hồ, học trò chỉ có mình tôi, một thầy một trò, chúng tôi xuất thân như vậy. Học Phật pháp cũng vậy, ba năm đầu tôi thân cận Chương Gia đại sư, đại sư cũng dạy tôi mỗi tuần hai giờ, cũng là một thầy một trò, tôi theo học Chương Gia đại sư hết ba năm. Từ cơ sở này sau đó tôi đến Đài Trung thân cận lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, tôi theo thầy học giảng kinh thuyết pháp.

Do đó giáo học Phật pháp là một nền giáo dục đặc biệt, phương pháp của giáo học Phật pháp khác với thế gian, mục tiêu cũng khác, hiệu quả đương nhiên sẽ khác nhau. Giáo học Phật pháp truy cầu trí huệ đức năng, tánh đức tỏ lộ, y theo kinh điển Phật pháp để nói, khoá trình tu học của giáo học Phật pháp chính là Giới, Định, Huệ tam học. Giới học là dạy chúng ta làm thế nào xử sự, đãi người, tiếp vật. Huệ học dạy chúng ta nhìn thấu, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Định học dạy chúng ta buông xuống, khôi phục tâm thanh tịnh, bình đẳng của chúng ta. Do đó từ giáo học này

chúng ta có thể đạt được thọ dụng thật sự, đích thật là phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Cả đời Thế Tôn dùng lý niệm này, tông chỉ này để dạy học trò, từ đó về sau mỗi đời cao tăng đại đức đều noi theo lời dạy của đức Phật, chẳng trái nghịch với tông chỉ này, noi theo đó mà lưu truyền ban bố Phật pháp, giáo hóa chúng sanh, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Trong thời đại ngày nay làm thế nào có thể dung hợp quy tắc của giáo học thế gian, lại có thể không trái nghịch với tông chỉ giáo học của đức Phật, thì Phật Học Viện như vậy mới có thể tận thiện tận mỹ, mới không đến nỗi chạy theo 'Phật Học'. Nếu chạy theo Phật Học thì chúng ta sẽ thất bại, đó là coi Phật pháp như môn nghiên cứu học thuật thế gian, không đạt được thực dụng. Chúng ta phải học Phật, học Phật và Phật học là hai sự việc khác nhau, học Phật thì sẽ thành Phật, còn Phật học chẳng thể giải quyết vấn đề, học Phật mới có thể giải quyết vấn đề. Kế đó đức Thế Tôn nói:

Dĩ thị chi cố, ngô phân thị hình bá thiên ức hóa độ, tùy kỳ căn tánh nhi độ thuyết chi.

Vì thế cho nên, Ta phải phân thân này ra làm trăm ngàn ức để hóa độ, tùy theo căn tánh mà độ thoát cho họ.

Câu này đức Thế Tôn làm gương cho Bồ Tát, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng dùng vô lượng vô biên phân thân ứng hóa trong thế gian, nên dùng thân gì để độ được thì ngài sẽ hiện thân đó, nên dùng pháp môn gì để độ thì ngài sẽ nói những pháp môn đó. Hiện nay trong thế gian của chúng ta có chư Phật, Bồ Tát hiện diện hay không? Trong sự tưởng tượng của chúng tôi thì nhất định là rất nhiều, tại sao vậy? Hiện nay chúng sanh gặp nạn, lòng từ bi của Phật, Bồ Tát vô cùng khẩn thiết, nhất định là rất nhiều, các ngài không lộ thân phận nên chúng ta không biết mà thôi. Sách vở Trung Quốc đời xưa ghi những vị bộc lộ thân phận không nhiều, chỉ có vài vị mà mọi người đều biết, chúng ta biết Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền hóa thân; A Di Đà Phật tái lai chúng ta biết được gồm có Vĩnh Minh Diên Thọ, đây là tổ thứ sáu của Tịnh Tông chúng ta, ngài là A Di Đà Phật tái lai; Phong Can hòa thượng hồi đó ở chùa Quốc Thanh cũng là A Di Đà Phật hóa thân. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tái lai, nghe nói truyện ký ghi Trí Giả đại sư là hóa thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Còn Thiện Đạo đại sư cũng là hóa thân của đức Phật A Di Đà, ngài là tổ thứ hai của Tịnh Độ Tông. Gần đây nhất Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai; vào thời nhà Tống, Bố Đại hòa thượng thời Nam Tống là Di Lặc Bồ Tát tái lai. Đây là những vị Phật, Bồ Tát mà thân phận đã tiết lộ, hiện nay mọi người đều biết. Còn những vị chẳng lộ thân phận thì quá nhiều, quá nhiều đi thôi! Thế Tôn làm gương, khi đức Phật thị hiện nên dùng thân gì độ được thì ngài sẽ thị hiện thân ấy, *'tùy kỳ căn tánh nhi độ thoát chi' (tùy theo căn tánh ấy mà độ thoát)*, câu này đối với chúng ta vô cùng quan trọng! Giáo hóa chúng sanh là việc vô cùng [linh động] hoạt bát, chẳng phải là phương pháp cứng chắc như khúc gỗ, nhất định phải biết ứng theo căn cơ mà thuyết pháp, tùy theo căn tánh chúng sanh mà độ họ, pháp ấy hoạt bát linh động biết bao! Xin xem tiếp kinh văn:

Địa Tạng, ngô kim ân cần dĩ thiên nhân chúng phó chúc ư nhữ.

Này Địa Tạng! Nay Ta ân cần đem chúng trời, người giao phó cho ông.

Lại kêu tên ngài Địa Tạng, đặc biệt dùng chữ 'ân cần', ngữ khí càng về sau càng trân trọng, càng khẩn thiết, [đức Phật] giao phó những chúng sanh đang chịu khổ nạn trong lục đạo cho ngài Địa Tạng. Dùng trí huệ, từ bi, thần lực của ngài để giúp đỡ những người này.

Vị lai chi thế.

Vào đời vị lai,

'Vị lai' là chỉ thời gian sau khi đức Phật diệt độ, thời đại ngày nay chính là 'thời vị lai' [nói trong câu này]

Nhược hữu thiên nhân cập thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Nếu có hàng trời, người cùng thiện nam thiện nữ nào,

Chúng ta biết người cõi trời đều là người thiện, họ tu thập thiện nên mới được sanh lên trời, do đó người cõi trời thiện nhiều ác ít, càng lên cao càng thiện. Người cõi trời Dục Giới còn một số ác niệm, đến cõi trời Sắc Giới công phu thiền định sâu rồi, ý niệm ác dục hoàn toàn bị phủ kín, bị điều phục. Tiêu chuẩn 'thiện' của 'Thiện nam tử thiện nữ nhân' trên thế gian rất thấp, chẳng cao lắm. Sau đó ngài nói:

Ư Phật pháp trung chủng thiểu thiện căn, nhất mao nhất trần, nhất sa nhất trích.

***Ở trong Phật Pháp mà trồng chút thiện căn chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước*.**

Tiêu chuẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân nói trong đoạn này khác với tiêu chuẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân nói đoạn trước, đây là khi chúng ta đọc kinh, ý nghĩa của mỗi đoạn, tiêu chuẩn của mỗi đoạn khác nhau, tiêu chuẩn ở đoạn này thấp nhất. Trong Phật pháp trồng một ít thiện căn, chỉ có một tí xíu thiện căn. Sau đó là tỷ dụ 'nhất mao', mao là lông trên da chúng ta, là vật nhỏ nhất trong chánh báo của chúng ta, 'nhất trần', một hạt bụi trong y báo, một hạt cát, 'nhất trích' là một giọt nước, mấy chữ này đều hình dung số ít. Nghĩa là nói dù trong Phật pháp trồng một ít thiện căn như vậy, ông cũng không thể bỏ sót họ. Đây là lời đức Phật dặn dò Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta tin tưởng sâu xa Địa Tạng Bồ Tát tuyệt đối sẽ y giáo phụng hành, tuyệt đối sẽ chẳng làm trái nghịch lời dặn dò của Thế Tôn. Do đó chúng ta được an ủi to lớn, tuy thiện căn của chúng ta không nhiều, nhưng ở đây nói một cọng lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước thì [thiện căn ít như vậy] chúng ta cũng có, điểm này là thật chứ không giả. Trong đạo tràng chúng ta vừa xưng danh hiệu Phật, cúi đầu lạy một lạy thì đã trồng thiện căn, Địa Tạng Bồ Tát đâu lẽ nào không chăm sóc chúng ta? Nếu Địa Tạng Bồ Tát không có biện pháp chăm sóc thì đó là vì chúng ta gặp ác duyên xong ý niệm ác cứ tăng thêm, vậy thì không có cách gì khác. Vậy thì Địa Tạng Bồ Tát cũng không có cách chi chăm sóc, ngài cũng cảm thấy 'tâm thì có dư nhưng không đủ sức', là vì chúng ta không nghe lời răn dạy. Nếu một ít thiện căn này của chúng ta có thể dần dần tăng lên thì nhất định sẽ được Bồ Tát hộ niệm, được Bồ Tát gia trì. Chúng ta đọc tụng, nghiên cứu kinh điển sẽ khai ngộ, công phu niệm Phật của chúng ta sẽ đắc lực, chúng ta đoạn trừ việc ác sẽ không cảm thấy khó khăn, đều là do Phật, Bồ Tát gia trì chúng ta. Chúng ta tu thiện có thể sanh tâm hoan hỷ, chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ, đó có phải là nhờ Thế Tôn dặn dò Địa Tạng Bồ Tát ở cung trời Đao Lợi hay không?

Sau khi đức Phật diệt độ, ngài Địa Tạng thay thế đức Phật, nghĩa là sau khi đức Phật diệt độ, sau ba thời kỳ Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp trong pháp vận của đức Phật, ngài Địa Tạng thay thế đức Phật, tương lai sau khi pháp vận của đức Phật hết rồi, một vạn hai ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ mãi cho đến khi Di Lặc Bồ Tát hạ sanh thị hiện thành Phật, đoạn thời gian ấy rất dài, dùng thời gian chúng ta để tính thì là

hơn năm mươi mấy ức năm, trong khoảng thời gian này thế gian không có Phật pháp nên chúng sanh rất khổ, phải nhờ vào sự giúp đỡ của Địa Tạng Bồ Tát, phải nhờ Địa Tạng Bồ Tát dạy dỗ, đây là lời dặn dò của đức Phật trong pháp hội giảng kinh này. Địa Tạng Bồ Tát gánh vác sứ mạng này, hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều trợ giúp Địa Tạng Bồ Tát, giúp sức để ngài hoàn thành sứ mạng độ chúng sanh. Tại sao chư Phật Như Lai, chư Đại Bồ Tát đều đến giúp đỡ Địa Tạng Bồ Tát? Vì hoằng nguyện độ hóa chúng sanh là nguyện chung của chư Phật, Bồ Tát, bất cứ người nào đứng ra dẫn đầu thì các ngài đều vô cùng hoan hỷ giúp sức, tuyệt đối không bao giờ có chuyện đố kỵ, gây chướng ngại, chỉ có dốc hết sức lực để giúp cho thành công. Trong thế pháp thường có câu 'thành nhân chi mỹ' (thành tựu cho sự tốt đẹp của người ta) huống chi chuyện này là bổn phận của chư Phật, Bồ Tát, đâu lẽ nào các ngài không chịu tận tâm tận lực trợ giúp cho được?

Tri kiến phàm phu thì khác, phàm phu sẽ nghĩ: đây là việc người đó làm, chẳng liên can gì với mình. Đó là tri kiến phàm phu. Chúng ta phải hỏi họ làm việc này có nhằm đem lại lợi ích cho xã hội, lợi ích cho chúng sanh hay không? Ngày nay việc chúng ta làm có phải cũng là đem lại lợi ích cho xã hội, cho chúng sanh hay không? Nếu mục đích giống nhau thì đâu có gì phải phân biệt? Hà tất phải phân chia ra mình và người, phân chia như vậy thì chướng ngại sự nghiệp. Nếu biết việc này là nguyện vọng chung, là sự nghiệp chung [của mọi người] thì mình và người sẽ không hai, họ làm cũng như chính mình làm. Nói thật ra họ làm thì chính chúng ta phải nên vui mừng, vì có người đã làm, mình khỏi mắc công làm, mình chỉ đứng ở kế bên dốc hết tâm hết sức trợ giúp họ, như vậy cũng viên mãn công đức. Do đó cách suy nghĩ của chư Phật, Bồ Tát khác với cách suy nghĩ của phàm phu. Phàm phu nghĩ việc này nhất định phải thuộc về mình thì mình mới sốt sắng làm, nếu không phải của mình thì sự sốt sắng ấy giảm bớt. Tuy Phật dạy chúng ta tùy hỷ công đức, cứ tưởng rằng sự tùy hỷ đó cũng không viên mãn, đó là tư tưởng và quan niệm sai lầm của phàm phu, chướng ngại cơ duyên tích lũy công đức của chính mình; chẳng biết sự thành tựu của họ chính là sự thành tựu viên mãn của mình, cho nên thường không thể hết sức tùy hỷ.

Quy kết nguồn gốc cũng là vì trí huệ chưa mở mang, chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, nên còn chia mình và người, còn chia mình và người là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa buông xuống được, đây là chướng ngại nặng nề cho việc tu học và tích lũy công đức. Nguyên nhân chánh là vậy, cho nên chư Phật, Bồ Tát cực lực khuyên chúng ta phải đọc tụng Đại Thừa, dạy chúng ta phải thân cận thiện tri thức, đạo lý là như vậy. Thiện tri thức ở đâu? Kinh giáo Đại Thừa chính là thiện tri thức, những chú giải của các vị Tổ sư, đại đức đời xưa chính là thiện tri thức, chúng ta phải thường đọc tụng, thường tìm hiểu, y giáo phụng hành, đó mới thật sự là thân cận Phật, Bồ Tát, thân cận thiện tri thức.

Trong các vị tri thức hiện tiền, chữ tri thức chính là như chú giải của cổ đức đã giải thích, 'tri' là nói chúng ta biết người đó, nghe danh nhưng chưa gặp mặt gọi là 'tri', 'thức' là người mình nhận biết, đã từng gặp mặt. Những vị 'tri' và 'thức' này đương nhiên đều là những người chúng ta rất ngưỡng mộ, rất tôn kính, họ rất đáng cho chúng ta ngưỡng mộ và tôn kính. Trong Phật pháp việc này thuộc về đạo nghiệp, đạo đức và học vấn chứ không phải là tài sản, địa vị, những gì chúng ta ngưỡng mộ là đạo đức và học vấn. Trong những vị tri thức đương thời, đức học của họ tương ứng với Phật pháp, chúng ta có thể học theo họ, nếu đạo đức và học vấn của họ chẳng tương ứng với kinh điển, chúng ta phải kính trọng nhưng tránh xa họ. Nghĩa là chúng ta tôn kính nhưng chúng ta không học theo họ, chẳng có nghĩa là chúng ta trốn lánh họ, hiểu vậy sai rồi, như vậy là không có ý kính trọng. Đây là thái độ chính xác của người cầu học, chúng ta không học theo họ. Chúng ta coi tiếp câu kinh sau:

Nhữ dĩ đạo lực, ủng hộ thị nhân, tiệm tu vô thượng, vật lịnh thoái thất. Phục thứ Địa Tạng vị lai thế trung nhược thiên nhược nhân, tùy nghiệp báo ứng lạc tại ác thú.

Thì ông nên dùng đạo lực mà ủng hộ người đó, làm cho lần lần tu Đạo Vô Thượng, chớ để thoái thất. Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, hoặc trời hoặc người, phải tùy theo nghiệp mà thọ báo ứng, đọa lạc vào ác đạo

Trong Chú Giải vừa mở đầu liền trích dẫn một bài kệ trong kinh, bài kệ này ai cũng biết thuộc lòng, kinh nói:

Giả sử bá thiên kiếp, sở tạo nghiệp bất vong

Nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ.

(Trải qua trăm ngàn kiếp, những nghiệp đã tạo không mất

Lúc nhân duyên gặp gỡ với nhau, vẫn tự nhận lãnh quả báo)

Đây là lời Phật dạy. Lời này là thật, 'Trải qua trăm ngàn kiếp', đây là thật chứ chẳng phải giả. Những nghiệp đã tạo, những hạt giống nghiệp đã tạo được chứa trong A Lại Da Thức, A Lại Da Thức là một kho chứa, rơi vào trong kho này vĩnh viễn không mất, vĩnh viễn không biến chất, chuyện này rất phiền phức! Nghiệp nhân này khi gặp duyên liền được khơi dậy, khơi dậy tức là quả báo, bạn nhất định phải thọ nhận quả báo này. Do đó mới biết một người nếu không có khả năng thoát ra khỏi lục đạo luân hồi, những nghiệp nhân thiện ác mà họ đã tạo từ vô lượng kiếp tới nay, dù đã trải qua vô lượng ức kiếp, khi gặp duyên cũng sẽ thọ quả báo. Đúng như câu *'Một miếng ăn một hớp nước không gì chẳng phải đã định sẵn'*, do ai định? Do chính mình định, chẳng do người khác định, là do nhân của mình đã tạo, bây giờ phải chịu quả báo, đó là chân lý, là chân tướng sự thật. Người mê hoặc dám tạo nghiệp, vì họ hồ đồ! Bồ Tát giác ngộ nhất định sẽ không dám tạo nghiệp. Cho nên kinh nói *'Chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân'*, Bồ Tát là người đã giác ngộ, chúng sanh còn mê hoặc, lúc tạo nghiệp thì mờ mờ mịt mịt, đến lúc thọ nhận quả báo mới sợ hãi, lúc đó sợ cũng không còn kịp nữa, chẳng giúp gì được. Bồ Tát giác ngộ cho nên đối với sự khởi tâm động niệm rất cẩn thận, rất thận trọng, tuyệt đối chẳng khởi một ác niệm đối với bất cứ người, sự, vật gì, tại sao vậy? Ngài biết khi khởi lên một ác niệm, trong A Lại Da Thức đã gieo một hạt giống ác, tương lai sẽ có ác báo hiện ra, vậy thì làm chuyện đó làm chi! Do đó họ tuyệt đối sẽ chẳng khởi lên một ác niệm nào hết.

Dù tập quán xấu cũ gặp duyên khởi lên, chư vị nên biết, một niệm ác của chúng ta khởi lên cũng là hạt giống của thói quen ác khởi lên. Khi niệm ấy vừa khởi lên, người giác ngộ liền lập tức đè nó xuống, người niệm Phật dùng câu Phật hiệu đè nén nó, đó chính là công phu. Cho nên phải biết những hạt giống nghiệp lực trong A Lại Da Thức có thể khởi lên bất cứ lúc nào, ban đêm lúc nằm mộng cũng khởi lên. Nếu nó không khởi lên thì làm sao có cảnh giới trong mộng? Những cảnh giới trong mộng đều do hạt giống của những nghiệp lực thói quen cũ khởi lên. Cho nên người biết dụng công sẽ hạ thủ công phu nơi đó, dùng một câu Phật hiệu, một danh hiệu Bồ Tát thay đổi ý niệm đó. Tại sao kêu bạn phải thường niệm Phật, niệm Phật cho nhiều? Khi bạn niệm Phật thì hạt giống lọt vào A Lại Da Thức là hạt giống Phật. Hạt giống chứa đựng trong A Lại Da Thức nhiều vô lượng vô biên, cho nên nó biến hiện ra hư không pháp giới, thập pháp giới y báo chánh báo trang nghiêm đều do những hạt giống nghiệp lực này khởi lên, bạn làm sao có thể trách cảnh giới bên ngoài? Hết thảy những cảnh giới bên ngoài, thuận cảnh cũng vậy, nghịch cảnh cũng vậy đều do tập khí của mình đã trồng từ trước khởi lên. Người ngu không hiểu rõ chân tướng sự thật nên mới sanh

vọng tưởng, phân biệt, chấp trước và khởi tâm động niệm trong những cảnh giới này; người giác ngộ hiểu rõ hiện tượng của cảnh giới, biết đó là do nguyên nhân gì tạo ra, thuận cảnh cũng vậy, ác cảnh cũng vậy, tất cả đều do hạt giống nghiệp lực trong A Lại Da Thức của chính mình biến hiện ra, do đó trong thuận cảnh hay nghịch cảnh họ cũng không khởi tâm động niệm, điềm nhiên bình lặng trải qua, đó mới là tu hành chân thật.

Trong hết thảy cảnh duyên vĩnh viễn duy trì thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là công phu chân thật, tu hành chân thật. Thanh tịnh bình đẳng tức là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Giác nghĩa là hiểu rõ ràng, rành rẽ, không hồ đồ, đối với lý sự, tánh tướng, nghiệp nhân, quả báo của hết thảy hiện tượng đều hiểu rõ ràng, rành rẽ, đó là 'chánh giác'. Cho nên năm chữ thanh tịnh, bình đẳng, giác trong tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ đã nói đến cùng tột. Nếu trong đời sống sinh hoạt hằng ngày chúng ta có thể tương ứng với năm chữ này, thì chúng ta sẽ sống đời sống của Phật, Bồ Tát, đó là như kinh nói 'trụ chân thật huệ'. Hết thảy những gì bạn làm đều đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh, trong kinh gọi là *'ban cho chân thật lợi ích' (huệ dĩ chân thật lợi ích),* đó chính là điều mà trong kinh đức Phật thường dạy chúng ta tích công lũy đức. Cho nên tích công lũy đức nếu chính mình không *'trụ chân thật huệ, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật'*, thì câu này có danh vô thực, khi thực hiện thì chúng ta mới biết nên làm như thế nào.

Chúng ta coi thế gian này rất giống như lời nói trong kinh, trong kinh nói 'trong đời vị lai', đây là chỉ thời gian sau khi đức Phật diệt độ; 'cả người cõi trời lẫn cõi người' là hết thảy chúng sanh trong lục đạo. 'Tùy nghiệp báo ứng', nói thật ra lục đạo chúng sanh rốt cuộc là như thế nào? Bốn chữ này đã nói rõ ràng rồi. Đời này chúng ta sanh tới thế gian làm người, chúng ta làm người là làm cái gì? *'Tùy nghiệp báo ứng'*. Nếu đời quá khứ làm việc thiện thì đời này bạn tới đây hưởng quả báo thiện. Ngược lại nếu đời quá khứ làm việc ác thì đời này bạn tới đây chịu quả báo ác, cho nên Phật gọi đó là *'nhân sanh thù nghiệp' (đời người đến để trả nghiệp)*, bốn chữ này là lời nói tóm tắt mục đích của đời người. Con người sanh tới thế gian này để làm gì? Đến để đền trả nghiệp báo của chính mình. Nhưng chúng ta mê hoặc, trong lúc đền trả nghiệp báo lại tiếp tục tạo nghiệp không ngừng, việc này rất phiền phức. Đó thật là nhân quả tuần hoàn chẳng bao giờ dứt. Việc này phiền phức lớn lắm cho nên trong lục đạo luân hồi vĩnh viễn chẳng có ngày thoát ra. Hiện tượng luân hồi vô cùng tinh vi, khắng khít, tuyệt đối chẳng phải nói một người trong chúng ta sống ở đây mấy chục năm, sau khi chết đi lại sanh tới một cõi nào đó, nói vậy là quá tóm lược. Tướng trạng vi tế tinh tường hơn là như thế nào? Từ mỗi ý niệm, lúc bạn khởi tâm động niệm bạn có thể cảm giác được chân tướng của luân hồi, bạn mới đột nhiên giác ngộ. Chúng ta đang luân hồi, luân hồi trong từng ý niệm, nhân quả tuần hoàn trong từng ý niệm, nhân quả chuyển biến, nhân quả tiếp nối, đó là chân tướng của luân hồi, luân hồi trong từng ý niệm.

Khi tạo nhân, ý niệm ác nhiều, hành vi ác nhiều thì sẽ 'rơi vào ác đạo', chữ ác thú nghĩa là ba đường ác. Thiên Thai đại sư dạy chúng ta, mỗi pháp giới trong mười pháp giới đều có đủ mười pháp giới trong đó, do đó thành trăm pháp giới. Chúng ta dựa trên nguyên lý này có thể biết mỗi cõi trong lục đạo đều có đủ lục đạo trong đó. Bạn hãy quán sát trong cõi người có thiên đạo, có Tu La đạo, có súc sanh đạo, có ngạ quỷ đạo, có địa ngục đạo. Chúng ta được thân người, đó là nhân đạo. Trong Tướng Tông gọi đó là 'dẫn nghiệp', dẫn dắt chúng ta tới đầu thai trong cõi người, chúng ta ai cũng được thân người. Hoàn cảnh mỗi người chúng ta hưởng thọ có sáu cõi khác nhau, có người thì hưởng thọ đời sống như người trên trời, phước báo lớn [đây là thiên đạo trong cõi người], có người thì sống đời sống vô cùng cực khổ cũng như cảnh giới địa ngục vậy [đây là địa ngục đạo trong cõi người], đó là 'mãn nghiệp', cùng là thân người

nhưng mãn nghiệp quả báo thiện ác khác nhau. Cho nên nghiệp chia thành hai loại, loại thứ nhất dẫn bạn tới cõi nào thọ sanh, loại thứ nhì là sự thọ dụng của bạn sau khi thọ sanh. Thiên Thai đại sư nói về thập pháp giới, phạm vi thập pháp giới còn rộng hơn nữa, trong cõi người có Phật đạo, Phật trong cõi người, Bồ Tát trong cõi người, Thanh Văn và Duyên Giác trong cõi người, lục đạo cộng với bốn đạo (tứ thánh pháp giới) cộng lại thành thập pháp giới. Mỗi pháp giới đều chứa đủ mười 'như thị', như trong kinh Pháp Hoa có nói, mỗi pháp giới chứa đủ mười pháp giới, tính ra thành một trăm pháp giới, mỗi pháp giới chứa đủ mười 'như thị' nên tính ra thành một ngàn 'như thị'.

Trí Giả đại sự tụng kinh Pháp Hoa, triển khai đoạn này trong kinh Pháp Hoa cho chúng ta thấy được chân tướng sự thật, ngài Trí Giả mở ra sự việc này giống như một công thức trong Số Học vậy, bạn dùng thí dụ này rồi mở rộng ra thì bạn sẽ thấy chân tướng của pháp giới, trùng trùng vô tận, đó là việc kinh Hoa Nghiêm nói. Trăm giới, mỗi một giới chứa đủ trăm giới, cộng lại thành một ức giới. Sau đó trong một giới lại chứa đủ một ức pháp giới, [cứ như vậy nhân lên sẽ trở thành] trùng trùng vô tận. Kinh Đại Thừa thường dùng lưới của Đại Phạm Thiên Vương làm tỷ dụ nhằm giải thích sự thật này. Từ đó chúng ta mới có thể hiểu sơ sơ về trí huệ của chư Phật, Bồ Tát, sự quán sát của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta có thể thấy được mấy phần sự thật, còn họ thì thấy được vô cùng rõ ràng, vô cùng triệt để. Nếu chúng ta ở trong nhân gian, ở đây nhìn thấy cõi nhân gian này có lục đạo, vậy thì nhãn quang của bạn cũng khá lắm, bạn nhìn thấu được một tầng. Nhưng bất cứ một pháp nào cũng sâu vô đáy, rộng vô biên, bạn nhìn được càng sâu càng rộng, tỏ rõ trí huệ của bạn sâu rộng, trí huệ sâu rộng vô tận, lý sự của pháp giới vô tận, từ chỗ này chúng ta mới dần dần hiểu được trí huệ của chư Phật, Bồ Tát vô tận, quán sát tới pháp giới sâu rộng vô hạn. Chúng ta học Phật là học cái gì? Là khôi phục trí huệ đức năng của chính mình.

Khi thật sự khế nhập vào trong pháp giới, chẳng nói tới Chân Vọng, chẳng nói tới Có và Không, chẳng nói tới Đi và Về, chẳng nói tới Ẩn và Hiển thì bạn mới thật sự khế nhập. Chưa khế nhập thì còn nói tới những thứ này, tổng kết những thứ này lại thì đó chính là Tương Đối Luận mà các khoa học gia thường nói tới. Bạn chẳng khế nhập là tương đối, chúng ta sinh sống trong thế gian, thế gian này là tương đối. Sau khi đi vào thế gian thì chẳng nói tới tương đối, khái niệm tương đối mất hết. Sự tướng tương đối đương nhiên sẽ không tồn tại, đây là mục tiêu chung cực của sự tu học Phật pháp, là kết quả mà chúng ta mong cầu khi học Phật. Tới lúc đó mới giải quyết hết thảy vấn đề trong tận hư không pháp giới, trong Phật pháp chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khôi phục hoàn toàn trí huệ đức năng trong tự tánh, hiện ra viên mãn và chẳng có mảy may khiếm khuyết, như vậy mới là nhập vào cảnh giới đó. Phần kinh văn sau là lời đức Thế Tôn giao phó cho Địa Tạng Bồ Tát, [nhờ Địa Tạng Bồ Tát] dùng trí huệ thần lực của ngài để cứu giúp, hộ vệ chúng sanh, điều này chứng tỏ lòng thương mến quan tâm của chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh, ân đức này vĩnh viễn là vô tận.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây. Ngày mai có thể giảng hết trọn bộ kinh này.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Nhóm Diệu Âm, ngày 4 tháng 9 năm 2006

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, tháng 5 năm 1998

Tập 51 (Số 14-12-51)

Xin mở cuốn Khoa Chú, quyển Hạ trang 96, và xem kinh văn hàng thứ nhất:

Lâm đọa thú trung hoặc chí môn thủ thị chư chúng sanh, nhược năng niệm đắc nhất Phật danh nhất Bồ Tát danh, nhất cú nhất kệ Đại Thừa kinh điển, thị chư chúng sanh nhữ dĩ thần lực phương tiện cứu bạt, ư thị nhân sở, hiện vô biên thân vi toái địa ngục, khiến lịnh sanh thiên thọ thắng diệu lạc.

Lúc sắp bị đọa ác đạo hoặc vừa đến ngưỡng cửa, nếu những chúng sanh đó có thể niệm được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, cùng một câu kinh một bài kệ của kinh điển Đại Thừa, thì ông hãy dùng thần lực, phương tiện để cứu vớt các chúng sanh đó; ở chỗ của các người đó hiện thân vô biên, vì họ mà phá tan địa ngục, làm cho họ được sanh thiên, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Đoạn này nói người cõi trời, người thời mạt pháp tạo tội nghiệp sẽ đọa vào ác đạo. Thời điểm và nhân duyên tốt nhất để Bồ Tát cứu vớt chúng sanh là lúc họ chưa đọa lạc, cũng là nói lúc họ lâm chung chưa tắt thở, đầu óc còn tỉnh táo, lúc này cứu vớt là thích hợp nhất. Trong kinh Vãng Sanh chúng ta thấy người tạo tội cực nặng khi lâm chung có thể hối lỗi đều có thể vãng sanh. Nhiều người nghe tới việc này rất bực bội, vì có người cả đời chẳng phạm lỗi lầm, cả đời niệm Phật còn không thể vãng sanh, người tạo tội nghiệp mang tội đầy mình, lúc lâm chung chỉ niệm vài câu Phật hiệu liền có thể vãng sanh, như vậy hình như không công bình cho lắm. Đây là kiến giải của phàm phu, trên thật tế thì họ không hiểu đạo lý này, tại sao lại như vậy? Cảnh giới biến đổi từng sát na, phàm phu nói thật ra quá sơ ý, chúng ta chẳng quan sát được, người có công phu định lực cao sâu nhìn thấy rất rõ ràng, cảnh giới trước mắt bao gồm thân tướng của chính chúng ta đều biến đổi từng sát na. Vả lại sự chuyển biến này rất lớn, thay đổi tùy theo tâm niệm, trong tâm khởi lên sự thay đổi to lớn, thân tướng và hoàn cảnh sinh hoạt cũng thay đổi rất nhiều.

Chúng ta không cảm thấy, không nhận biết được vì chúng ta khởi tâm động niệm biến đổi quá nhỏ, chẳng chuyển đổi thật lớn cho nên mức độ, cảnh giới biến đổi cũng rất nhỏ, nếu có thể hồi tâm chuyển ý ngay lúc đó, một lòng niệm Phật thì sự biến đổi sẽ rất lớn! Cảnh giới cũng sẽ thay đổi với mức độ thật lớn, đạo lý là như vậy. Người tạo tội nghiệp có thể chuyển, tại sao chúng ta không thể chuyển? Chúng ta cũng có thể chuyển giống họ, họ chịu chuyển nhưng chúng ta không chịu chuyển, như vậy thì không có cách chi hết. Chuyện này tuyệt đối không thể nói công bình hay không công bình, chẳng có ý này, đây đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của phàm phu chứ không phải chân tướng sự thật. Cho nên hiểu được đạo lý này, hiểu được chân tướng sự thật này, chuyển phàm thành thánh chỉ là việc trong vòng một niệm, chuyển địa ngục thành Cực Lạc thế giới cũng trong vòng một niệm, vấn đề là một niệm này của bạn có thật sự triệt để quay về hay chưa? Then chốt là ở chỗ này. Cho nên lời Thiện Đạo đại sư nói chẳng sai *'hết thảy đều phải làm từ tâm chân thật'*, tâm bạn chân thật thì chuyển biến sẽ rất thuận tiện, rất suông sẻ, chuyển biến nhanh chóng. Nếu bạn không dùng chân tâm thì sẽ rất khó, Phật, Bồ Tát cũng không giúp được gì.

Câu 'lâm đọa thú trung' ở đây, 'thú' là ác thú, 'hoặc chí môn thủ', đến cửa của ác đạo nhưng chưa bước vào, bước vào thì sẽ rất phiền phức, sẽ chẳng chuyển dễ dàng, lúc

chưa bước vào là cơ hội tốt nhất. *'Thị chư chúng sanh, nhược năng niệm đắc nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh' (nếu những chúng sanh đó có thể niệm được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát)*, hoặc là *'nhất cú nhất kệ Đại Thừa kinh điển'(cùng một câu kinh một bài kệ của kinh điển Đại Thừa)*, lúc này chữ 'niệm' phải nhớ lời nói trong đoạn trước là phải 'chí tâm xưng niệm' thì mới có hiệu quả, mới chuyển cảnh giới được. Nếu không phải là chí tâm xưng niệm thì sẽ không dễ đâu. Tâm người ta đến lúc lâm chung đích thật thường thành khẩn thiết tha hơn lúc bình thường, đây là lúc quan trọng cấp bách đến tánh mạng, tâm lúc đó chuyển đổi, tâm ấy chân thành nên sẽ chuyển biến dễ dàng, nhanh chóng. Câu này nói thiện căn phước đức của chúng sanh này, họ có thể niệm, người đó có thiện căn, có phước đức, như đã nói ở đoạn trước là phải chí tâm xưng niệm, hoặc là nhất tâm xưng niệm, 'nhất tâm' là thiện căn, 'xưng niệm' là phước đức.

Câu sau là lời đức Phật dặn dò Bồ Tát *'Nhữ dĩ thần lực phương tiện cứu bạt'*, *(ông hãy dùng thần lực, phương tiện để cứu vớt các chúng sanh đó)* đây là nhân duyên. Ba điều kiện thiện căn phước đức, nhân duyên đều đầy đủ, họ có thể xa lìa tai họa, được phước lành. *'Ư thị nhân sở, hiện vô biên thân' (ở chỗ của các người đó hiện thân vô biên),* đây là Bồ Tát hiện thân đến thuyết pháp cho họ, khuyên nhũ họ, họ được Bồ Tát khuyên dạy nên chuyển đổi tâm niệm, cảnh giới địa ngục liền biến mất. Rời khỏi địa ngục họ liền có thể sanh tới cõi lành, nếu có thể niệm Phật thì nhất định được sanh tịnh độ. Bạn hãy coi kinh văn *'khiển lịnh sanh thiên' (làm cho họ được sanh thiên),* chữ này phải là chữ khiển1[1] (sai khiến). Những chuyện này có ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Trương Thiện Hòa đời Đường là một chuyện [rõ ràng nhất]. Lúc Trương Thiện Hòa lâm chung, tướng địa ngục hiện ra, ông may mắn gặp được một vị xuất gia, lúc ông đang kêu cứu mạng thì vị xuất gia này bước vô, nhìn thấy tình hình như vậy nên đốt một cây nhang cho ông Trương, kêu ông mau niệm A Di Đà Phật cầu sanh tịnh độ; ông niệm được mấy tiếng liền nói người đầu trâu biến mất rồi, ông Trương Thiện Hòa vốn làm nghề mổ trâu. Ông nhìn thấy rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, đó là tướng địa ngục hiện ra; ông niệm được vài tiếng thì người đầu trâu biến mất, sau đó thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, từ đầy mới biết tâm niệm cầu cứu của ông vô cùng chân thành! Chúng ta phải hiểu đạo lý này, từ đó mới dứt được tâm nghi hoặc. Xem tiếp đoạn kinh sau đây, kệ tụng:

Nhĩ thời Thế Tôn, nhi thuyết kệ ngôn:
Hiện tại vị lai thiên nhân chúng
Ngô kim ân cần phó chúc nhữ
Dĩ đại thần thông phương tiện độ
Vật lịnh đọa tại chư ác thú.
Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:
Hiện tại, vị lai chúng thiên, nhân,
Nay Ta ân cần dặn bảo ông:
Dùng đại thần thông phương tiện độ,
Chớ để đọa vào các ác đạo.

Phía trước Thế Tôn đã dặn dò hai ba lượt, tới đây lại dùng kệ tụng lặp lại, chúng ta thấy đức Phật quan tâm lo lắng chăm sóc cho chúng sanh khổ nạn trong lục đạo đến mức cùng cực. Nếu chúng ta không đọc kinh Địa Tạng thì sẽ không biết đức Phật từ bi thương yêu bảo hộ chúng ta như thế nào, sau khi đọc xong mới biết, đức Phật lo lắng cho chúng ta còn hơn cha mẹ, thật là niệm niệm đều chẳng quên, trước khi nhập Niết

---

1[1] Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, chữ Khiển 遣 (khiển) bị chép sai thành chữ 遺 (bỏ sót, làm mất vì vô ý). Vì thế Hòa thượng mới bảo chữ này phải là chữ Khiển.

Bàn còn dặn dò và giao việc này cho Địa Tạng Bồ Tát. Việc Địa Tạng Bồ Tát độ chúng sanh như thế nào đều được ghi rõ trong bộ kinh này, lý luận, phương pháp, và quả báo đều nói rõ ràng, rành mạch.

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát hồ quỳ hiệp chưởng bạch Phật ngôn, Thế Tôn, duy nguyện Thế Tôn bất dĩ vi lự.

Bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát quỳ gối, chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn chớ lo.

Địa Tạng Bồ Tát vô cùng kiền thành tiếp nhận lời dặn dò của Thế Tôn, gánh vác sứ mạng độ hóa chúng sanh trong suốt đời Mạt pháp mãi đến trước khi ngài Di Lặc ra đời.

Vị lai thế trung nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân ư Phật pháp trung nhất niệm cung kính, ngã diệc bá thiên phương tiện độ thoát thị nhân ư sanh tử trung tốc đắc giải thoát.

Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với trong Phật Pháp mà có một niệm cung kính, con cũng dùng trăm ngàn phương tiện để độ thoát người đó, làm cho mau được giải thoát trong đường sanh tử;

Đoạn này quan trọng nhất là 'nhất niệm cung kính', chúng ta chú trọng hai chữ 'nhất niệm', hai chữ này rất khó làm được. Phần đông tâm niệm người ta tạp loạn nên sức cảm ứng rất yếu ớt. Nếu là một niệm, một niệm chuyên tâm, chuyên nhất, đó chính là 'tịnh niệm nối tiếp' nói trong kinh Lăng Nghiêm, nhất niệm là tịnh niệm, chẳng có nghi hoặc, chẳng có xen tạp, 'nhất niệm cung kính' là chí tâm cung kính, chân tâm cung kính. Chữ 'Phật pháp trung', chữ 'Phật pháp' ở đây là nghĩa rộng, chẳng có nghĩa hẹp. Có rất nhiều người chẳng học Phật, thậm chí tín ngưỡng tôn giáo khác, giải thích 'Phật pháp trung' nghĩa là trong những pháp giác ngộ, họ hiểu rõ, họ giác ngộ rồi, hiểu rõ việc gì? Hiểu rõ thiện ác quả báo ngay trước mắt, hiểu rõ đạo lý này ở trong Phật pháp, cho nên người đó không nhất định phải là người học Phật. Chỉ cần họ giác ngộ, dùng một niệm chân thành cầu cứu, sám hối, cầu cứu Địa Tạng Bồ Tát thì ngài nhất định sẽ giúp đỡ họ. 'Trăm ngàn phương tiện' tức là tùy loại hóa thân, nên dùng thân phận gì giúp họ, Bồ Tát sẽ thị hiện thân phận đó. Bồ Tát thị hiện trong các tôn giáo, trong đại kinh chúng ta thấy có rất nhiều, trong kinh Hoa Nghiêm các ngài thị hiện thân Bà La Môn, thị hiện thân ngoại đạo, ngày nay chúng ta gọi những người này là các lãnh tụ tôn giáo, nhà truyền giáo trong các tôn giáo; nên dùng thân phận nào để xuất hiện thì Phật, Bồ Tát sẽ thị hiện thân phận ấy, khuyên họ đoạn ác tu thiện, quay đầu là bến bờ.

Trong kinh này chư vị cũng thấy phía trước có nói *'khiến lịnh sanh thiên, thọ thắng diệu lạc'*, tại sao không nói *'khiến lịnh vãng sanh, bất thoái tác Phật'*? Tại sao không nói câu đó? Nghĩa là nói rõ người sám hối này, người cầu cứu này chưa chắc tin Phật, nếu họ tin thì Phật, Bồ Tát nhất định sẽ khuyên họ vãng sanh Cực Lạc thế giới. Nếu họ tin Cơ Đốc Giáo, tin Thiên Chúa Giáo thì phải làm sao? Khuyên họ sanh lên trời. Bạn mới thấy ý nghĩa trong kinh này rộng dường nào, phổ độ hết thảy chúng sanh. Những chúng sanh tạo tội nghiệp trong lục đạo, nói thật ra lục đạo chúng sanh được gặp Phật pháp, người biết học Phật ít, không gặp Phật pháp tạo tội nghiệp đọa tam đồ nhiều, không lẽ đời trước chẳng nghe Phật pháp thì không cứu họ hay sao? Đâu lẽ nào như vậy. Do đó chúng ta thấy trong kinh Địa Tạng thường nói giúp người ta sanh lên trời.

Nhiều người không học Phật đều tin có cõi trời, hầu như mục tiêu chung cực của các tôn giáo đều là muốn sanh lên trời, chúng ta phải hiểu ý này. Chúng ta phải mở rộng tâm lượng, không thể nói họ không tin lời Phật dạy thì mình sẽ chống đối họ, vậy là sai rồi, hoàn toàn sai lầm. Phật độ chúng sanh là phổ độ hết thảy chúng sanh, chúng ta phát nguyện 'chúng sanh vô biên thệ nguyện độ', nguyện này viên mãn, tuyệt đối

không thể nói những người tin tôn giáo khác thì ngoại lệ, mình không độ họ, đâu lẽ nào như vậy, vậy là chẳng tương ứng với bổn nguyện của bạn, do đó tâm lượng nhất định phải mở rộng. Chúng sanh đối với chúng ta có phân biệt, có chấp trước, chúng ta đối với hết thảy chúng sanh chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, nhất định phải dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi, dốc hết tâm lực để giúp đỡ họ.

Khi giúp đỡ họ phải chú ý, nếu họ không hiểu Phật pháp, không nhận biết Phật pháp, thậm chí hiểu lầm Phật pháp thì tuyệt đối đừng khuyên họ học Phật, chúng ta phải biết đạo lý này. Họ tin Cơ Đốc Giáo thì nhất định phải khuyên họ trở về với Thượng Đế, cách nói này của chúng ta có sai lầm không? Không sai lầm. Chúng ta từ lý luận và phương pháp dạy trong kinh điển của họ [có thể biết] đại khái Thượng đế của họ ở cõi trời Đao Lợi. Khi họ thật sự sanh đến trời Đao Lợi, Thiên Chủ trời Đao Lợi thường lễ thỉnh Phật, Bồ Tát đến thiên cung thuyết pháp, do đó nhân duyên học Phật của họ đời này không thành thục, khi sanh lên trời sẽ thành thục. Chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh không gấp gáp phải độ ngay bây giờ, đời này duyên chưa chín muồi thì đợi tới đời sau; đời sau chưa chín muồi thì đợi tới đời sau nữa. Đời đời kiếp kiếp nhất định sẽ giúp họ xa lìa khổ nạn, bố thí ân đức, làm cho họ có duyên với Phật cho nên chúng ta phải hiểu đạo lý này. Bạn dùng thái độ như vậy, dùng phương tiện khéo léo tiếp dẫn chúng sanh, giáo hóa chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều hoan hỷ. Đặc biệt là ngày nay mọi người đề ra văn hóa đa nguyên, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Đối với bất cứ chủng tộc nào, bất cứ tôn giáo, học phái nào, chúng ta đều chân thành cung kính, noi gương Phổ Hiền Bồ Tát lễ kính tán thán cúng dường, đó là kết duyên với họ. Tương lai khi mình thành Phật thì những chúng sanh có duyên này nhất định sẽ được độ; khi chưa thành đạo thì hãy kết pháp duyên trước, duyên phải kết cho rộng và tuyệt đối không phân biệt chấp trước. Họ có một niệm cung kính thì có thể tiếp nhận lời khuyên thiện lành của bạn, nếu chẳng có tâm cung kính thì họ không thể tiếp nhận lời khuyên thiện lành của bạn, đạo lý là như vậy. Chỉ cần họ có một niệm cung kính, họ hiểu rõ giác ngộ thì có thể khuyên họ đoạn ác tu thiện. Phần kinh văn tiếp theo nói:

Hà huống văn chư thiện sự niệm niệm tu hành, tự nhiên ư vô thượng đạo vĩnh bất thoái chuyển.

Huống nữa là nghe các thiện sự rồi niệm niệm tu hành, thì sẽ tự nhiên ở nơi Đạo Vô Thượng vĩnh viễn được không còn thoái chuyển.

Phía trước nói người có tâm giác ngộ, chân tâm quay lại hối cãi, Bồ Tát sẽ giúp đỡ. 'Huống chi là nghe các thiện sự rồi niệm niệm tu hành', đoạn này nói người học Phật, người nói ở phần trước chưa chắc là người học Phật. Chỗ quý báu của người học Phật là ở chỗ 'niệm niệm tu hành', trong mỗi niệm đều sửa những hành vi sai lầm của mình. Lúc chưa chứng đạo, tiêu chuẩn của sự 'chứng đạo' trong nhà Phật là minh tâm kiến tánh, trong đại kinh thường gọi là *'phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh'*, hoặc là nói *'chứng một phần pháp thân'*, trong kinh Hoa Nghiêm đó là Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, đó gọi là chứng quả. Từ bậc này trở xuống đều có lỗi lầm, sau khi kiến tánh thì có thể nói là không còn lỗi lầm, tại sao vậy? Họ dùng chân tâm, trước đó đều dùng vọng tâm. Nếu y theo Tướng Tông thì chúng ta dùng tâm gì? Tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở, chúng ta dùng tâm này, nếu dùng tâm này thì đâu lẽ nào không có lỗi lầm cho được? Chúng sanh nào dùng tâm này? Chúng sanh trong mười pháp giới, trong phạm vi này chúng sanh đều dùng tám Thức, năm mươi mốt Tâm Sở. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận chư vị có thể thấy danh từ 'Dị Sanh Tánh', mười pháp giới là 'Dị Sanh Tánh', Nhất Chân pháp giới là 'Đồng Sanh Tánh'. 'Đồng' nghĩa là giống với Phật, đức Phật dùng chân tâm, Bồ Tát bậc Sơ Trụ cũng dùng chân tâm,

giống với Phật nên gọi là 'Đồng Sanh Tánh'. Chúng sanh trong mười pháp giới dùng tám thức năm mươi mốt Tâm Sở nên khác với Phật, gọi là 'Dị Sanh Tánh', lẽ nào không có lỗi lầm?

Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta mỗi ngày phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, tìm lỗi lầm của mình, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều có lỗi lầm. Bạn có thể tìm ra lỗi lầm của mình, biết mình có lỗi thì trong Phật pháp gọi là giác ngộ, khai ngộ là như vậy. Giác ngộ chính mình có lỗi, sửa lỗi lầm của mình gọi là tu hành, niệm niệm đều tu hành, mỗi ngày đều sửa lỗi, mỗi ngày tự phản tỉnh. Nếu một người thật sự phát tâm, khắc phục phiền não tập khí của chính mình, không cần nhiều, mỗi ngày sửa một lỗi là được rồi, mỗi ngày đều sửa, không ngừng sửa đổi, ba năm sau bạn sẽ siêu phàm nhập thánh, bạn sẽ chẳng là phàm phu nữa. Lúc đó bạn sẽ thật sự là Bồ Tát, chẳng phải là Bồ Tát giả. Bồ Tát khác với phàm phu, phàm phu mê chẳng biết mình có lỗi, thì đương nhiên họ không thể sửa lỗi. Bồ Tát khác phàm phu [ở chỗ] Bồ Tát biết mình có lỗi lầm, mỗi ngày đều sửa lỗi, không ngừng sửa lỗi. Đến lúc nào mình không có lỗi lầm? Đến lúc viên mãn thành Phật. Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm Sanh Tướng Vô Minh chưa trừ, vẫn còn lỗi lầm. Do đó chúng ta biết họ đều là Đẳng Giác Bồ Tát nhưng họ cũng không bình đẳng. Mỗi người phạm lỗi chẳng giống nhau, đương nhiên lỗi của Đẳng Giác Bồ Tát vô cùng nhỏ bé, chúng ta không có cách chi nhận biết được, Phật có thể biết được, các ngài có thể nhận biết được, những vị Bồ Tát thấp hơn Phật nhất định sẽ không nhận ra, cho nên tới quả vị Phật mới bình đẳng, Phật Phật đạo đồng; phiền não tập khí đoạn dứt hết, đến lúc đó mới hoàn toàn giống nhau. Dụng ý quan trọng nhất của những lời này là để nhắc nhở bản thân chúng ta, nhất định phải biết tự mình có lỗi lầm, nhất định phải phản tỉnh, sửa lỗi, trên đường Bồ Đề chúng ta mới có thể dũng mãnh tinh tấn, chẳng thoái chuyển.

Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát danh Hư Không Tạng.

Lúc nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng.

Hư Không Tạng là một vị Bồ Tát các đồng tu học Phật đều rất quen thuộc. trong Chú Giải, Thanh Liên pháp sư giải thích đơn giản cho chúng ta, chúng ta coi Chú Giải hàng thứ nhất, từ câu thứ ba bắt đầu *'thử kinh thỉ Văn Thù phát vấn, vị phi đại trí mạc thức Địa Tạng đoan nghê". (Kinh này được bắt đầu bằng ngài Văn Thù nêu câu hỏi, có nghĩa là chẳng phải là bậc đại trí sẽ không thể nào thấu hiểu cội nguồn và phẩm đức của ngài Địa Tạng được),* kinh này câu đầu tiên mở đầu là do ai nói? Dụng ý này rất sâu. *'Chung Không Tạng thâu khoa' (kết thúc bằng ngài Hư Không Tạng Bồ Tát tổng kết những pháp đã giảng dạy),* kinh này tới cuối cùng người nào tổng kết, 'thâu khoa' hiện nay chúng ta gọi là tổng kết. *'Dĩ phi thái hư an mẫn đại sĩ hóa tích nãi nhiếp hữu quy không, toàn giả tức không ý dã' (chẳng phải là hư không sẽ chẳng thể nào chứa đựng được hết những sự thị hiện hóa độ của Đại Sĩ, lại còn có ý nhiếp Hữu về Không, toàn thể Giả2**[2]** chính là Không vậy)*, ý nghĩa này rất sâu. Chữ 'thái hư' và chữ 'không' ở đây đều có nghĩa là bản tánh Chân Như, nói cách khác đến cuối cùng đều tiêu quy tự tánh 3[3], ý nghĩa này rất sâu. Sau đó nói *'nhi Không Tạng vấn phước lợi giả, nãi tùng không đàm hữu, toàn không tức giả ý dã. Không giả bất nhị, đương thể*

2[2] Tam Quán của tông Thiên Thai gồm Giả, Không, và Trung. Giả là Tục Đế, Không là Chân Đế, Trung là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

3[3] Tiêu quy tự tánh : Từ sự tướng thấy được tự tánh nên gọi là "quy", do đã thấy tự tánh không còn chấp trước vào hình tướng nên hình tướng dẫu có mà cũng như không, giống như đã tiêu mất hết, không còn gì nữa nên nói là "tiêu".

tức trung, viên dung diệu hạnh, đồng quy mật tạng, cố chung hồ hư không tạng giả' (Nhưng phước lợi được đức Phật nói ra để trả lời câu hỏi của ngài Hư Không Tạng là từ Không mà nói đến Có, mang ý nghĩa toàn thể Không chính là Giả vậy. Không và Giả chẳng hai, bản thể của nó chính là Trung, viên dung diệu hạnh, cùng quy vào tạng bí mật, vì thế, kinh được kết thúc bằng ngài Hư Không Tạng) 4[4], đây là dùng Hư Không Tạng Bồ Tát để kết thúc toàn bộ kinh, nói rõ ra ý này cho chúng ta. Cũng có nghĩa như câu thường nói là 'hết thảy tiêu quy tự tánh', đó mới là thật sự viên mãn. Phần sau trong Chú Giải chư vị có thể tự xem, [phần sau] giới thiệu duyên do của ngài.

Bạch Phật ngôn Thế Tôn ngã tự chí Đao Lợi văn ư Như Lai tán thán Địa Tạng Bồ Tát oai thần thế lực bất khả tư nghị.

Bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con đến cung trời Đao Lợi nghe Đức Như Lai ngợi khen oai thần thế lực không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng.

Bồ Tát trình bày, Thế Tôn tại cung trời Đao Lợi mở pháp hội, Bồ Tát biết được nên lập tức đến tham dự pháp hội này, ngài nghe đức Thế Tôn không ngừng khen ngợi các công đức của Địa Tạng Bồ Tát oai đức thần lực, độ hóa chúng sanh đều chẳng thể nghĩ bàn.

Vị lai thế trung nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân nãi chí nhất thiết thiên long văn thử kinh điển, cập Địa Tạng danh tự, hoặc chiêm lễ hình tượng đắc kỷ chủng phước lợi.

Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, cho đến tất cả hàng trời, rồng, nghe kinh điển này cùng danh tự của Ngài Địa Tạng, hoặc chiêm lễ hình tượng, thì sẽ được bao nhiêu điều phước lợi?

Công đức của Địa Tạng Bồ Tát thù thắng như vậy, không những đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi, trong kinh này đức Phật nói rất rõ ràng, rất rành rẽ, dù mười phương hết thảy chư Phật Như Lai cùng khen ngợi, trong suốt một kiếp cũng chưa hết. Vì công đức của Bồ Tát xứng tánh, tánh đức chẳng có biên giới, cho nên khen ngợi

---

4[4] Đây là một câu giảng rất hay, dùng Tam Quán để thuyết minh toàn bộ diễn biến của pháp hội Địa Tạng Bồ Tát. Danh hiệu của Địa Tạng và Hư Không Tạng có thể nói là một, vì chỉ nhìn theo chiều dọc hay chiều ngang mà thôi. Địa Tạng có thể nói là về phương diện thời gian vì đất có biến đổi hình dạng, nhưng phẩm đức không mất, bất biến, tức là trong Sự hàm chứa Lý. Hư Không vĩnh viễn không biến đổi, nhưng vẫn có thể dung chứa vô lượng vạn pháp, tức là Lý có thể hóa hiện Sự. Nói cách khác, Địa Tạng là nói về phương diện Chiếu mà Tịch (vì đất có thể sanh trưởng muôn vật, hàm chứa muôn vật, nhưng luôn bất động), Hư Không Tạng là Tịch mà Chiếu vì hư không rỗng tuếch, bất động, nhưng không gì ra ngoài hư không. Lại nữa, những câu hỏi của ngài Hư Không Tạng lại hoàn toàn nói đến những phước lợi về mặt sự tướng, nhưng những phước lợi ấy đều nhằm giúp hành nhân thuận lợi chứng đạo, tức là từ Không (bản thể của vạn pháp) nói đến hình tướng. "Toàn Không tức Giả", Không chính là Giả, tức là nói đến bậc Bồ Tát chứng ngộ Chân Đế trở vào Tục Đế độ sanh (tông Thiên Thai gọi là từ Không nhập Giả). Giả và Không chỉ là hai danh từ khác nhau của cùng một bản thể Nhất Như (Trung), tạng bí mật ở đây chính là Chân Như Bản Tánh. Hơn nữa, kinh được mở đầu bằng ngài Văn Thù tức là từ Căn Bản Trí, thể hiện qua những đời quá khứ phát nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, nhằm nói lên ý "từ Tánh khởi Tu", từ Không nhập Giả, được nối kết bằng những vị Bồ Tát như Phổ Hiền, Phổ Quảng, Vô Độc Quỷ Vương, Đại Biện Trưởng Giả, Quán Thế Âm v.v... đều là Sai Biệt Trí, rồi kết thúc bằng Hư Không Tạng, tức là từ Giả nhập Không để chứng thấu triệt trung đạo, tức là Căn Bản Trí và Sai Biệt Trí hợp nhất vào Thật Trí.

không hết. Hư Không Tạng Bồ Tát ở đây thay mặt chúng ta thỉnh pháp, những việc này không lẽ ngài không biết, ngài cũng là Đẳng Giác Bồ Tát. Đặc biệt là vì 'đời vị lai', chữ 'đời vị lai' bao gồm chúng ta trong đó, ngài thay mặt chúng ta thưa thỉnh, việc này chứng tỏ lòng quan tâm, thương mến của Bồ Tát đối với chúng ta. 'Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân', phía trước nói về 'một tâm niệm thiện'. Không những là người, ngoài người ra còn có chúng sanh trong lục đạo, 'nhất thiết thiên', thiên là chư thiên, 'long' tượng trưng cho những thiên thần hộ pháp, 'long' cũng đại biểu cho loài súc sanh, tuy chẳng nói tam ác đạo, dùng 'long' để thay mặt; 'thiên long' bao gồm hết năm loài còn lại. Cộng lại là hết thảy chúng sanh trong lục đạo. 'Nghe được kinh này, cùng danh hiệu ngài Địa Tạng', đức hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, hoặc là chiêm lễ hình tượng, sẽ được bao nhiêu điều phước báo và lợi ích?

Chúng ta hãy đọc lời giảng trong sách Chú Giải: *"Chuẩn Địa Trì" (dựa theo lời Địa Trì Bồ Tát)*, tức là căn cứ trên lời Địa Trì Bồ Tát nói, *"phước tức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, y thiền, y tinh tấn, tu hành thí giới tứ vô lượng đẳng, thị danh phước phần" (Phước chính là bố thí, trì giới, nhẫn nhục. Nương vào Thiền, nương vào Tinh Tấn để tu hành bố thí, trì giới, tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) v.v... thì gọi là phước phần 5**[5]**)*, đây là nói về việc tu phước. Phàm phu lục đạo chưa kiến tánh, tuy trong tự tánh đầy đủ vô lượng công đức, nhưng công đức đó không thể khởi tác dụng, chẳng thể hiện tiền, phước báo phàm phu lục đạo đều phải nhờ chính mình tu mới có. Tu những việc gì là phước? Ở đây nêu ra cho chúng ta, đây là Lục Độ của Bồ Tát. Trong Lục Độ, trừ Bát Nhã ra, năm độ đầu đều tu phước, Bát Nhã là tu huệ, khi thành Phật, chúng ta tán thán Phật là Nhị Túc Tôn. 'Nhị' là phước và huệ, 'túc' là viên mãn, cả hai phước và huệ đều viên mãn. Phật có phước huệ viên mãn nhất, do đó Phật tôn quý nhất. Học Phật thì làm sao không tu phước được? Nếu không có phước báo thì tu hành sẽ bị chướng ngại, quần áo thức ăn không đầy đủ thì tu đạo rất khó khăn, không có phước báo thì bạn không thể độ chúng sanh. Phật dạy chúng ta độ chúng sanh, kết duyên với chúng sanh, lúc tiếp xúc với chúng sanh phải làm việc gì trước hết? Phải bố thí. Nếu bạn không tặng một chút lễ vật với họ, kết thiện duyên với họ thì rất khó độ họ. Do đó 'Bố Thí' vô cùng quan trọng. Đặc biệt là tài bố thí, khi tiếp xúc với hết thảy chúng sanh việc đầu tiên phải làm là tài bố thí, họ sẽ sanh lòng hoan hỷ, sau đó là pháp bố thí, vô úy bố thí. Họ có ấn tượng tốt với bạn, biết bạn có thiện tâm, có thành ý thì họ sẽ chịu tiếp nhận sự dạy dỗ của bạn, tiếp nhận lời khuyên của bạn. Do đó phước vô cùng quan trọng.

Sau đó lại nói *'Cái thiện danh phước lợi' (Do vậy, Thiện được gọi là phước lợi)*, lợi là lợi ích, thiện chính là lợi ích chân thật, *'cảm báo điềm du' (cảm báo yên vui)*, nghĩa là bạn cảm được quả báo được xứng tâm vừa ý. Hiện nay người này đã đọc kinh nghe danh, chiêm ngưỡng hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, họ nhất định có được phước lợi, nhưng chẳng biết sẽ được bao nhiêu điều lợi ích, phước lợi bao lớn, đây là Bồ Tát thay chúng ta thỉnh giáo Thế Tôn. Hai câu trong Chú Giải là nói từ mặt Lý, chúng ta phải hiểu *'phải biết phước lợi do tâm, tâm có thể tạo phước'*, hai câu này rất quan trọng! Nhất định phải tin tưởng. Lần này Cư Sĩ Lâm, cư sĩ Lý Mộc Nguyên phát tâm xây làng Di Đà, muốn tổ chức Phật Học Viện, vả lại hoàn toàn không thâu học phí, ai dám làm? Hiện nay họ đang vẽ họa đồ cho làng Di Đà, tương lai có thể cho trên một ngàn người ở trong đó, trên một ngàn người mỗi ngày phải ăn cơm, không thâu lệ phí thì tiền từ đâu tới? Ai cũng không dám phát tâm này, ông ta dám. Ông ta dựa vào gì mà dám làm? Ông ta hiểu được đạo lý này, 'phước lợi do tâm, tâm có thể tạo phước',

---

5[5] Trong Lục Độ, ba độ đầu thuộc về phước, còn ba độ sau thuộc về Huệ. Hoặc nói chính xác hơn ngay cả Định và Tinh Tấn cũng thuộc phước, vì vẫn còn nằm trong vòng sự tướng. Điều đáng nhấn mạnh ở đây là tu phước bằng Định, tức là tu phước đến mức độ tam luân thể không.

ông ta dựa vào câu này. Người thường tuy đọc kinh Phật đọc mấy câu này cũng không thể tin tưởng. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên tin tưởng, cho nên hai chữ 'tin Phật' này cũng chẳng dễ làm được! Ông ta thật sự tin tưởng. Tin thì sẽ có cảm ứng, cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Có một lần ông ta nói với tôi rất nhiều viện dưỡng lão ở Tân Gia Ba, viện dưỡng lão là viện cứu tế, cứu giúp những người già cô đơn, đau khổ chẳng có nơi nương dựa, viện dưỡng lão nhận nuôi họ. Trong đó có người phát tâm tới chăm sóc cho người già, những người niệm Phật chúng ta ngược lại chẳng có phước báo, chẳng sánh bằng người trong viện dưỡng lão, nói như vậy chẳng phải là quá lố! Lời của ông ta nói rất đúng. Người thật sự phát tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ chắc chắn sẽ được người cúng dường, người ta không cúng dường thì thiên thần sẽ đến cúng dường, tại sao vậy? Người ta không biết đó là phước báo to lớn, ruộng phước to lớn, người cõi trời biết được. Trong sách xưa chúng ta đọc thấy Đạo Tuyên luật sư ở núi Chung Nam đời Đường trì giới rất nghiêm cẩn, lão pháp sư mỗi ngày ăn một bữa trưa, ai tới cúng dường cho ngài? Người cõi trời tới cúng dường, mỗi ngày cúng cho ngài một bát cơm, ngài là một người trì giới thanh tịnh. Ngày nay trong Niệm Phật Đường có nhiều người như vậy, tuy không thể nói là mọi người đều vãng sanh, chỉ cần có một hai người vãng sanh thành Phật thì mọi người đều thơm lây. Phật, Bồ Tát, thiên long thiện thần đến cúng dường, không thể nói chỉ cúng dường hai người này, còn những người khác thì không chiếu cố tới, đâu lẽ nào như vậy, mọi người đều được hưởng. Tuyệt đối sẽ có chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần chăm sóc, cư sĩ Lý Mộc Nguyên tin tưởng nên ông ta can đảm làm. Tương lai Phật Học Viện cũng có thể sẽ không thâu học phí, không những không thâu học phí, mà còn cúng dường thức ăn, y phục, nơi cư trú nữa, những việc này cũng cùng một đạo lý. Vun bồi những pháp sư trẻ tuổi hoằng pháp lợi sanh, tiếp nối huệ mạng Phật, đương nhiên những người này cũng sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ giống như vậy, chỉ cần bạn phát tâm chân thành đi làm, nhất định sẽ có thể làm được thành công, đạo lý là như vậy. Hai câu sau này là Lý, Lý này rất sâu, *'tâm thượng bất khả đắc' (tâm còn không thể được) 6**[6]***, kinh Kim Cang nói ba tâm không thể được, *'phước lợi hề tồn?' (phước lợi làm sao tồn tại),* phước lợi ở đây? Đây là nói về Lý. Nói rõ tuy được phước lợi, không chấp trước phước lợi, thì phước lợi đó mới chân thật. Sau đó là lời thỉnh cầu:

Duy nguyện Thế Tôn vị vị lai hiện tại nhất thiết chúng đẳng lược nhi thuyết chi.

Cúi mong Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà lược nói việc ấy cho.

Không cầu Phật nói rõ ràng, đại khái nói sơ sơ với chúng ta là được. Ngài cũng lo lắng cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không muốn cho ngài quá mệt mỏi, vì lúc bấy giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã lớn tuổi, sau khi từ cung trời Đao Lợi trở về chúng ta biết đức Phật giảng kinh Đại Niết Bàn một ngày một đêm xong thì đức Phật nhập diệt. Xin xem kinh văn, trang 101 hàng cuối:

Phật cáo Hư Không Tạng Bồ Tát, đế thính đế thính, ngô đương vị nhữ phân biệt thuyết chi.

6[6] *hai câu này là lời giảng trong sách Chú Giải của Thanh Liên pháp sư.*

Đức Phật bảo Bồ Tát Hư Không Tạng: "Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói rõ.

Bồ Tát khải thỉnh, Phật nhất định sẽ nói, trước khi thuyết pháp đức Phật nhất định căn dặn phải lắng nghe, 'đế thính' dùng cách nói hiện nay nghĩa là 'lắng nghe kỹ càng', thâm ý của nó cũng chẳng thể nghĩ bàn. Hàng thứ nhất trong Chú Giải vừa mở đầu liền nói *'Phù thiện thuyết pháp giả, vô thuyết, vô thị, thiện thính pháp giả, vô đắc, vô văn' (Phàm người khéo thuyết pháp thì không nói, không dạy, người khéo nghe pháp thì không có gì để được, không nghe gì)* đó là thật sự lắng nghe, đây chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, mà là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, chúng ta chỉ cần lắng nghe là được rồi. Sau đó là lời khai thị của Phật:

Nhược vị lai thế hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân kiến Địa Tạng hình tượng cập thử kinh nãi chí độc tụng, hương hoa ẩm thực, y phục trân bảo, bố thí cúng dường, tán thán chiêm lễ đắc nhị thập bát chủng lợi ích.

Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe Kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, đồ ăn thức uống, y phục, châu báu, mà bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được hai mươi tám điều lợi ích.

Đoạn này nói sơ lược về phương pháp tu hành, làm thế nào tu phước. Đoạn này chẳng dài, chỉ có hai hàng, trong đó có vài chữ quan trọng, chúng ta nhất định phải chú ý. Thứ nhất là 'thiện', thiện nam tử, thiện nữ nhân', tiêu chuẩn thấp nhất của chữ 'thiện' là háo thiện háo đức, đây là điều kiện nhất định phải có đủ, người như vậy nhìn thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, cúng dường hình tượng Bồ Tát tuyệt đối chẳng phải là mê tín. Tại sao cúng dường hình tượng? Nhìn thấy hình tượng liền nhắc nhở chúng ta lời dạy của Bồ Tát, là có ý nghĩa như vậy. Nếu không nghe danh hiệu, không thấy hình tượng, thì rất dễ quên mất lời dạy của Bồ Tát. Cho nên ý nghĩa quan trọng nhất của danh hiệu và hình tượng là từng giờ từng phút đều nhắc nhở chính mình, phải biết noi gương Địa Tạng Bồ Tát, học theo Địa Tạng Bồ Tát thì phước báo của bạn sẽ lớn. Sau đó 'hương hoa, thức ăn, quần áo, trân bảo, bố thí cúng dường', phía trước đã nói tường tận về ý nghĩa này rồi, tất cả đều tiêu biểu lòng cung kính của mình, đều tiêu biểu cho sự phát tâm, phát nguyện mình sẽ y giáo phụng hành. Do đó cúng dường chẳng ở trên những hình thức này, hình thức đều dùng để biểu thị pháp, cúng dường nhất định phải biết cúng dường bằng cách y giáo tu hành, đây là kỳ vọng của Thế Tôn nơi chúng ta. Trong Hạnh Nguyện Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta hết thảy phẩm vật cúng dường chẳng sánh bằng pháp cúng dường, vô lượng vô biên bố thí cúng dường chẳng bằng pháp cúng dường. Trong pháp cúng dường gồm có bảy điều, điều thứ nhất là 'cúng dường bằng cách y giáo phụng hành', chúng ta noi theo lời dạy trong kinh điển mà làm, đó mới là cúng dường thật sự.

Cho nên trên mặt Sự, cúng dường là biểu thị pháp, hương biểu thị lòng tin, biểu thị Giới, Định, hoa biểu thị 'nhân', thức ăn biểu thị sự tiếp nối huệ mạng Phật, quần áo biểu thị nhẫn nhục, trân bảo biểu thị phước lợi, tất cả đều dùng để biểu thị pháp, tuyệt đối chẳng phải mê tín. Tán thán là giới thiệu pháp môn này, kinh điển này cho người ta biết, vì người diễn nói, giới thiệu cho người ta biết, như vậy gọi là tán thán. Ngôn giáo, dùng ngôn ngữ để tuyên truyền là tán thán; 'lễ chiêm' là thân giáo, thực hiện cho người ta coi, như vậy mới thật sự gọi là tu phước. Sau đó mới được 28 điều lợi ích, nhân quả nhất định sẽ tương ứng. Nhưng có nhiều người đọc kinh này xong rồi thỉnh một tượng Địa Tạng Bồ Tát về nhà thờ cúng, mỗi ngày đốt hương cúng hoa, sáng tối cúng thức ăn

chẳng được quả báo, một trong 28 điều lợi ích này đều chẳng được. Sau đó họ mắng Phật, nói kinh này không linh, chẳng đáng tin. Tại sao họ không cảm được quả báo? Vì họ hiểu sai ý nghĩa hoàn toàn, chỉ chú trọng vào hình thức, trong tâm vẫn tham, sân, si, mạn y như cũ, như vậy thì làm sao cảm được quả báo? Chúng ta phải hiểu rõ ràng hiểu rành mạch từng chữ, từng câu trong đoạn văn này, từ đó tu nhân mới cảm được quả. Đây là lời đức Thế Tôn đích thân nói ra, chắc chắn là ngài không vọng ngữ, không quá đáng, nếu bạn thật sự có thể noi theo kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện mà tu hành thì bạn sẽ được [28 điều] lợi ích:

Nhất giả thiên long hộ niệm

Một là thiên long thường hộ niệm;

Thiên long là thần hộ pháp, nhà Phật gọi là thiên long bát bộ, thần hộ pháp, họ hộ niệm bạn, chúng ta thường nói là họ bảo hựu bạn.

Nhị giả thiện quả nhật tăng

Hai là thiện quả ngày càng tăng;

Chúng ta có thể tưởng tượng được, người này tâm thiện hạnh thiện, nhìn thấy tượng, nghe kinh đọc tụng cúng dường là hạnh thiện, lại có thể diễn nói cho người khác; ở đây chẳng có nói 'diễn nói cho người khác', ngài dùng chữ 'tán thán lễ chiêm' chính là diễn nói cho người khác. Trong những kinh thông thường đức Phật dặn dò chúng ta 'thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói', đây là lời Phật thường dạy. Kinh Kim Cang rất ngắn chỉ hơn năm ngàn chữ, nhưng trong đó đức Phật lập lại câu này bao nhiêu lần! Tụng một quyển kinh Kim Cang bạn không nhớ những chữ khác, nhưng bạn sẽ nhớ những chữ này vì số lần nó lập đi lập lại quá nhiều. *'Thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói'*, chư vị hãy coi đoạn này có ý nghĩa như vậy hay không? Đó là thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói, tán thán là nói, lễ chiêm là diễn, hợp lại là diễn nói. Do đó thiện quả của họ đương nhiên mỗi ngày sẽ tăng thêm. Thiện gia tăng thì ác sẽ giảm bớt, nói cách khác người tu hành noi theo lý luận phương pháp của kinh này sẽ được mỗi ngày nghiệp chướng tiêu trừ, thiện lực tăng trưởng.

Tam giả tập thánh thượng nhân.

Ba là tích tập các nhân thánh thượng;

'Thánh thượng nhân' là nhân thành Phật, hiện nay bạn đang tu nhân này.

Tứ giả Bồ Đề bất thoái.

Bốn là tâm Bồ Đề không thoái chuyển;

'Bồ Đề' là tâm Bồ Đề, cách giải thích tâm Bồ Đề đơn giản nhất là tâm giác ngộ chẳng thoái chuyển, trong đời sống hằng ngày người này đối người, đối sự, đối vật chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo, họ giác ngộ, bất cứ lúc nào cũng có cảnh giác cao độ.

Ngũ giả y thực phong túc

Năm là y phục, thực phẩm đầy đủ;

'Phong túc' chẳng có nghĩa là 'rất nhiều' như chúng ta thường nghĩ, hiểu vậy thì sai rồi. 'Phong túc' nghĩa là chắc chắn sẽ không thiếu thốn, người tu đạo biết đủ thì thường vui (tri túc thường lạc), đó mới thật sự là phong túc; họ sẽ không thiếu thốn, có cần gì thì họ đều đạt được, đều có được.

Lục giả tật dịch bất lâm.

Sáu là dịch bịnh không đến nơi thân;

Có thể xa lìa tật bịnh. Hai chữ này là tật bịnh, hiện nay chúng ta gọi là bịnh truyền nhiễm, họ sẽ không gặp. Tại sao vậy? Tâm thanh tịnh, tâm từ bi, tâm hiền lương thì sẽ không gặp những bịnh này, những bịnh này có quan hệ mật thiết với tâm địa con người.

Thất giả ly thủy hỏa tai

Bảy là xa lìa các tai nạn về nước và lửa;

Bạn sẽ không gặp những tai nạn này, bạn có thể tránh được.

Bát giả vô đạo tặc ách.

Tám là không bị tai ách trộm cướp;

Đây là tai hại do người tạo ra, kẻ cướp giựt đồ, kẻ ăn cắp vặt bạn cũng không gặp phải. Bạn sẽ tránh khỏi những chuyện này, nghĩa là một lúc nào đó trong mạng bạn vốn sẽ gặp những chuyện này nhưng bạn có thể tránh khỏi, đó mới là lợi ích thật sự. Trong mạng của bạn không có những chuyện đòi nợ, trả nợ với người ta thì không tính; còn trong mạng của bạn vốn có, vốn sẽ gặp phải chuyện này, nhưng bạn sẽ tránh khỏi, như vậy mới là do công đức tu hành của bạn chuyển đổi được cảnh giới.

Cửu giả nhân kiến khâm kính.

Chín là người khác thấy đều cung kính;

Một người tu hành, người tu hành chân thật, tâm địa hiền lương từ bi, đối đãi người đều thành khẩn, hòa nhã, người ác nhìn thấy cũng cung kính ba phần, đây là đạo lý nhất định.

Thập giả quỷ thần trợ trì.

Mười là quỷ thần đều hộ trì.

Giống như lời của Kiên Lao địa thần đã nói 'người chân chánh tu hành y theo lời dạy thì quỷ thần cũng hộ vệ', luôn luôn bảo hựu bạn.

Thập nhất giả nữ chuyển nam thân.

Mười một là thân nữ chuyển thành thân nam;

Thân nữ khổ nhiều hơn thân nam, nếu không chịu thọ thân nữ muốn chuyển thành thân nam, có thể chuyển hay không? Có thể chuyển. Nhưng cũng có người chịu làm thân nữ, sau đó nói:

Thập nhị giả vi vương thần nữ.

Mười hai là làm con gái hàng vương giả, đại thần;

Quốc vương đại thần, sanh vào nhà phú quý đều có thể đạt được. Phát tâm này hơn phân nửa đều là Bồ Tát, họ dùng thân phận này để độ hóa chúng sanh, đem lại lợi ích cho xã hội.

Thập tam giả đoan chánh tướng hảo.

Mười ba là tướng mạo đoan chánh, tốt đẹp;

Chúng ta thường nói 'tướng chuyển theo tâm', tâm tốt thì tướng sẽ tốt.

Thập tứ giả đa sanh thiên thượng.

Mười bốn là phần nhiều được sanh lên cõi trời;

Đây là do bạn tu phước, phước đó rất lớn, phước lớn cõi người không có chỗ để hưởng thọ nên phải lên trời để hưởng.

Thập ngũ giả hoặc vi đế vương

Mười lăm là có thể làm bậc đế vương;

Chúng ta biết những vị vua đời xưa, hiện nay những vị lãnh đạo quốc gia đều là người đời trước tu phước báo to lớn nên mới cảm được quả báo làm vua. Người chẳng có phước báo sẽ chẳng bao giờ được quả báo ấy, không những đạt không được cho dù có người tặng cho họ, họ cũng chẳng nhận nổi. Điều này đúng như câu *'một miếng ăn, một hớp nước đều được định trước'*, trong mạng của bạn có thì nhất định sẽ có, trong mạng không có thì cầu cũng không được. Phía trước tôi đã từng nói với quý vị, người không có phước báo lớn như vậy, quan tước cấp trên ban cho họ, chưa nhận được thì họ đã chết mất. Việc này tôi thấy xảy ra rất nhiều. Họ chỉ có chức tước như vậy, vừa được thăng chức, chưa nhận chức thì người ấy đã chết. Cho nên nói công danh lợi lộc thế gian đều do đời trước hoặc đời này tu được, đa số đều do đời trước tu được, đời này bạn gặp thiện tri thức chỉ dẫn, đời này tu thì đời này có thể chuyển nghiệp. Như ông Liễu Phàm mà quý vị ai cũng quen thuộc, những gì được dạy trong cuốn 'Bốn lời giáo huấn gia đình của Viên Liễu Phàm', ngay đời này ông ta có thể chuyển đổi vận mạng, trong đó đều có đạo lý rõ ràng.

Thập lục giả túc trí mạng thông.

Mười sáu là biết rõ việc đời trước;

'Túc trí mạng thông' cũng như hiện nay chư vị đều quen thuộc với danh từ 'công năng đặc biệt kỳ lạ', đây là do đời trước tu được. Mấy bữa trước có người tặng một CD cho tôi, tôi cũng không biết ai tặng, hôm qua tôi coi thử, trong đó có một em nhỏ bốn tuổi biết viết thư pháp, viết rất đẹp, chữ của một em bé bốn tuổi viết được khắc vào bia, viết đẹp như vậy. Đây là thiên tài! Đó là 'túc trí mạng thông', chẳng phải do đời này, mà nhờ đời trước mới có, những chuyện giống như vậy rất nhiều.

Thập thất giả hữu cầu giai tùng.

Mười bảy là có mong cầu thì đều được toại ý;

Đây chính là 'có cầu ắt ứng'. Tại sao họ có cầu đều được ứng? Vì nghiệp chướng của họ đã bị tiêu trừ, chẳng có chướng ngại, cho nên có cầu ắt ứng.

Thập bát giả quyến thuộc hoan lạc

Mười tám là quyến thuộc an vui;

Đây là điều mà nhà Nho nói: *'tự mình thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, cả nhà sẽ được vui vẻ'*, rất có lý.

Thập cửu giả chư hoạnh tiêu diệt

Mười chín là các hoạnh sự đều dứt sạch;

Trong mạng có tai nạn, chúng ta gọi là tai nạn ngoài ý muốn, hoạnh sự là tai nạn ngoài ý muốn, trong mạng vốn có hoạnh sự, vốn sẽ gặp, lúc này sẽ bị tiêu trừ, nghiệp chướng tiêu trừ.

Nhị thập giả nghiệp đạo vĩnh trừ

Hai mươi là các nghiệp đạo đều trừ hẳn;

Nghiệp đạo là ác đạo, họ vốn có tội nghiệp phải đọa ác đạo, bây giờ nhất định sẽ không bị đọa ác đạo.

Nhị thập nhất giả khứ xứ tận thông.

Hai mươi mốt là đi đâu cũng tới nơi cả;

'Khứ xứ', sau khi chúng ta chết, mười pháp giới là mười con đường bày ra trước mặt, phàm phu thông thường bị nghiệp lực dẫn dắt, tự mình chẳng có cách gì lựa chọn, như vậy rất khổ, bị nghiệp lực lôi kéo. Người giác ngộ, người có trí huệ có thể tự mình chọn lựa thì sẽ tự tại, bất luận chọn đường nào cũng thông suốt, cũng không bị chướng ngại. Cõi trời Dục Giới, Sắc Giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều do chính mình chọn lựa.

Nhị thập nhị giả dạ mộng an lạc

Hai mươi hai là đêm nằm mộng được an ổn, vui vẻ;

Phàm phu ai cũng nằm mộng, bạn sẽ không bị ác mộng nữa, người thường có ác mộng thì phải cảnh giác, tại sao lại bị ác mộng? Vì tâm niệm ác nhiều, tập khí ác nhiều nên mới bị ác mộng, cho nên từ việc nằm mộng cũng có thể biết tự mình tu hành có tiến bộ hay không?

Nhị thập tam giả tiên vong ly khổ

Hai mươi ba là tổ tiên đã mất được lìa khổ;

Những người nhà quyến thuộc đã mất nhờ phước của bạn, bạn tu hành giỏi, tu có công đức nên họ được phước lây, có thể thoát ra khỏi ác đạo, có thể giảm bớt đau khổ.

Nhị thập tứ giả túc phước thọ sanh.

Hai mươi bốn là nhờ phước đời trước mà thọ sanh;

Tương lai bạn đi đầu thai nhờ vào phước báo này, bạn nhất định sẽ sanh tới phước địa, sanh tới nhà có phước.

Nhị thập ngũ giả chư thánh tán thán.

Hai mươi lăm là chư thánh đều khen ngợi;

'Thánh giả' là chỉ Phật, Bồ Tát.

Nhị thập lục giả thông minh lợi căn.

Hai mươi sáu là căn tánh thông minh, lanh lợi;

Thông minh lợi căn là quả báo có được từ việc bố thí pháp, trong đó có khen ngợi, chiêm lễ.

Nhị thập thất giả nhiêu từ mẫn tâm.

Hai mươi bảy là giàu lòng từ mẫn;

Tâm từ bi của bạn, tâm thương xót hết thảy chúng sanh sẽ tăng lên.

Nhị thập bát giả tất cánh thành Phật.

Hai mươi tám là rốt ráo thành Phật.

'Rốt ráo thành Phật' là nói sau cùng, đời này không phát nguyện vãng sanh bất thoái thành Phật, tương lai cũng sẽ có duyên này. Duyên này không nhất định là ở đời sau, hay là ở đời sau nữa sẽ gặp được; vì thường được chư Phật hộ niệm, có Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Đây là nói bạn sẽ được nhiều lợi ích như vậy. Đoạn này Thanh Liên pháp sư có chú giải rất hay, chư vị có thể tham khảo. Xem tiếp đoạn kinh kế tiếp, ở trang 107:

Phục thứ Hư Không Tạng Bồ Tát, nhược hiện tại vị lai, thiên long quỷ thần, văn Địa Tạng danh, lễ Địa Tạng hình hoặc văn Địa Tạng Bổn Nguyện sự hạnh, tán thán chiêm lễ.

Lại nữa, này Hư Không Tạng Bồ Tát! Như hàng trời, rồng, quỷ thần ở hiện tại và vị lai, nghe danh hiệu của Địa Tạng, lễ bái hình tượng của Địa Tạng, hoặc nghe các việc về bổn nguyện tu hành của Địa Tạng, mà ngợi khen chiêm lễ.

Câu trả lời của Thế Tôn chia thành hai đoạn, đoạn trước nói về 28 thứ phước lợi, đây là đối với thiện nam tử, thiện nữ nhân đời mạt pháp tu hành y theo lời dạy. Đoạn này ở đây, vì câu hỏi của họ bao gồm chúng sanh trong sáu nẻo, trong đó người tu hành y theo lời dạy sẽ được 28 điều lợi ích; vậy còn năm nẻo kia thì sao? Chư thiên, quỷ thần, đức Phật cũng nói rõ ý nghĩa này. Chữ quan trọng trong đoạn này là 'văn Địa

Tạng danh' (nghe danh hiệu Địa Tạng), chữ 'văn' này rất quan trọng! 'Lễ Địa Tạng hình', trong chữ 'lễ' bao gồm tu hành, lễ kính, tán thán, đây là nói thiên long quỷ thần hiện tại và vị lai. Chúng ta đọc kinh có thiên long quỷ thần đến nghe, mắt thịt chúng ta nhìn không thấy nhưng có thể cảm nhận được; tâm bạn càng thanh tịnh thì càng dễ cảm nhận. Dù chỉ có một người đọc kinh, người đó ở trong phòng đọc kinh chẳng có ai nhìn thấy, có thiên long quỷ thần đến, nhiều khi chúng ta sẽ ngửi được mùi hương lạ, đây là việc thường gặp nhất. Hương này từ đâu đến? Lúc chúng ta đọc kinh, đặc biệt là lúc bắt đầu học, lúc đó chẳng biết đốt hương. Cổ đức nói với chúng ta, có thiên thần đi ngang gặp lúc bạn đọc kinh, họ sẽ dừng lại chắp tay cung kính tán thán, trên thân họ có mùi hương, do đó bạn ngửi được mùi hương lạ này. Đôi lúc vài người cùng nhau thảo luận kinh điển, tâm địa cũng rất thanh tịnh, lúc đó tâm địa từ bi, hiền thiện, lúc bạn nghiên cứu thảo luận như vậy, có thiên long quỷ thần đi ngang nhìn thấy họ cũng sẽ dừng lại, sẽ chắp tay cung kính chào. Lúc đó những người này cũng sẽ ngửi được mùi hương lạ, chuyện này chúng ta thường nghe nói tới, chính chúng ta cũng từng trải qua. Cho nên chúng ta đọc kinh, nghiên cứu thảo luận tu hành, đừng tưởng là không có ai nhìn thấy, mắt thịt chúng ta nhìn không thấy [chứ thật ra có rất nhiều thiên long quỷ thần này đang ở chung quanh]

Bạn hiểu được đạo lý và sự thật này thì phải giác ngộ, khi chúng ta khởi một ác niệm, làm một việc xấu đừng tưởng là không có ai biết, thiên long quỷ thần đều biết. Bạn có thể gạt người chứ không thể gạt quỷ thần, đúng như câu nói *'trên đầu ba thước đều có thần minh'*, lời này là thật chẳng phải giả. Họ *'văn Địa Tạng Bổn Nguyện sự hạnh' (nghe chuyện và hạnh nguyện của Địa Tạng),* họ làm sao nghe được? Nhờ chúng ta đọc kinh nên họ nghe được, chúng ta đọc ra tiếng, không ra tiếng cũng không sao, đọc ra tiếng dĩ nhiên càng tốt, đọc không ra tiếng thì cũng đọc từng chữ, từng chữ cho tới hết, như vậy cũng có cảm ứng. Chúng ta cảm ứng đạo giao với thiên địa quỷ thần, hết thảy chúng sanh đều là tác dụng của tâm, phía trước đã nói với chư vị rồi, khi tâm khởi niệm thì sẽ phát ra sóng, sóng vô cùng nhỏ bé, quỷ thần có thể khởi cảm ứng, [sóng này] có thể cảm ứng với sóng của họ, nhờ vậy họ sẽ biết, sẽ nhìn thấy, nghe thấy, cho nên họ 'tán thán chiêm lễ', chiêm lễ là cung kính tột cùng.

Đắc thất chủng lợi ích

Thì sẽ được bảy điều lợi ích.

Lúc cung kính tán thán chiêm lễ họ cũng được lợi ích.

Nhất giả tốc siêu thánh địa

Một là mau vượt thánh địa;

'Thánh' là chỉ quả vị Bồ Tát, có thể giúp họ nâng cao cảnh giới. Nếu là những việc thiện thông thường trong thế gian, đối với việc thiện của thế gian thì chữ 'thánh địa' là chỉ chư thiên. Bạn hãy coi nhà Nho, trong tiểu thuyết hay bút ký của người xưa có thể thấy những người đọc sách Nho, đọc sách đạo Lão, thậm chí người đọc kinh điển của các tôn giáo khác cũng có thể cảm được thiên long quỷ thần nghe danh lễ kính, nói 'mau vượt thánh địa' nghĩa là sanh lên trời; vì những điều họ nghe khác nhau [nhưng nói chung đều là sanh lên trời]. Kinh điển nhà Phật có thể giúp họ siêu phàm nhập thánh, chúng ta đọc kinh không những có thể độ người mà cũng độ chúng sanh trong lục đạo.

Nhị giả ác nghiệp tiêu trừ.

Hai là ác nghiệp được tiêu trừ;

Những quỷ thần này là phàm phu, chẳng phải thánh nhân, họ còn trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo, phiền não tập khí của họ còn rất nặng, thường thường nghe pháp, được Phật pháp hun đúc, hạt giống ác nghiệp dần dần tiêu diệt. Quỷ thần như vậy thì chúng ta đâu lẽ nào ngoại lệ? Chúng ta muốn công phu của mình được đắc lực, cho nên Phật dạy chúng ta, trong Tam Phước, đức Phật khuyên chúng ta 'đọc tụng Đại Thừa', phải niệm kinh mỗi ngày. Không những phải niệm, tốt nhất là mỗi ngày đều giảng, giảng là gì? Giảng là khuyên người ta, khuyên người cũng là khuyên mình, thật sự được lợi ích là chính mình. Chúng ta giảng một bộ kinh cần có thời gian rất dài, giảng bộ kinh này từ đầu đến cuối kẻ được lợi ích lớn nhất chính là mình, thính chúng có khi không rảnh rỗi thì họ sẽ không đến nghe, có nhiều buổi giảng họ sẽ không nghe được, còn người giảng không thiếu sót ngày nào, người nghe thì thường nghe thiếu sót, cho nên người giảng được công đức viên mãn, người nghe chưa chắc được viên mãn, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Khi chúng ta còn chưa thành tựu, giảng kinh là tự lợi, cho nên chúng ta đứng trên giảng đài, tôi đã nói với các vị đồng tu rất nhiều lần, chúng ta dùng thái độ của học sinh trên giảng đài để thực tập báo cáo, những người ngồi ở dưới đều là thầy giáo của mình, họ đều là người giám sát chúng ta; trên giảng đài chúng ta báo cáo những gì chúng ta học được, tu được cho thầy giáo, giám học, gia trưởng mà thôi. Chúng ta dùng thái độ như vậy thì chính chúng ta được lợi ích viên mãn. Ngày nào đó chúng ta thật sự minh tâm kiến tánh, thừa nguyện tái lai thì mới có thể nói là mình giảng kinh thuyết pháp cho người khác nghe. Khi chưa kiến tánh, chưa thành tựu là giảng cho chính mình nghe, khuyến khích chính mình, mọi người cùng nhau khuyến khích, được vậy thì ác nghiệp tập khí làm sao không tiêu trừ được? Do đó phải giảng không ngừng. Có nhiều người nói tôi thích giảng kinh, chẳng phải là tôi thích giảng kinh, mà là tôi phải tiêu nghiệp chướng, tôi dùng phương pháp này để tiêu trừ nghiệp chướng rất có hiệu quả, cho nên nói thật ra nếu ba tháng không giảng kinh thì tập khí lỗi lầm gì cũng hiện ra. Mỗi ngày giảng là mỗi ngày khuyên nhủ, mỗi ngày đè nén, hàng phục [lỗi lầm của mình]. Mở kinh ra là đối diện với Phật, Bồ Tát, tiếp nhận lời dạy của Phật, Bồ Tát, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Tam giả chư Phật hộ lâm

Ba là chư Phật đến ủng hộ;

'Hộ' là hộ niệm, 'lâm' là cảm ứng, cảm được Phật đến hộ niệm.

Tứ giả Bồ Đề bất thoái

Bốn là Bồ Đề không thoái thất;

Thường thường có thể giữ được tâm Bồ Đề, tâm giác ngộ, tâm ưa việc thiện, tâm làm lợi ích cho chúng sanh, đó chính là tâm Bồ Đề.

Ngũ giả tăng trưởng bổn lực.

Năm là bổn lực được tăng trưởng;

'Bổn' là vốn có, trong tự tánh vốn đầy đủ, vốn đầy đủ lực gì? Lực đó chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh đức Phật thường nói 'Quyền Thật nhị trí', đây là nói nhiều nhất,

tăng trưởng Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, trong kinh Đại Thừa gọi là 'Tam Muội Chánh Thọ', ý này cũng vô cùng sâu rộng. Căn Bản Trí rất khó đạt được, ngày nay chúng ta chỉ có thể đạt được mức tương tợ, chẳng phải thật. Pháp Thân đại sĩ mới có Căn Bản Trí thật sự, chúng sanh trong mười pháp giới đều không có, Tứ Thánh pháp giới trong mười pháp giới là 'Tương Tự vị', lục đạo phàm phu tu giỏi cách mấy cũng là Quán Hạnh Vị, chúng ta phải hiểu rõ việc này. Tại sao vậy? Tâm thanh tịnh không đạt tới mức này. Ngày nay chúng ta nói thanh tịnh [nhưng] nghiệp lực tập khí phiền não vẫn còn khởi lên, đó nghĩa là thị phi nhân ngã, tham sân si mạn cũng vẫn còn khởi lên mà mình không biết. Căn Bản Trí từ đâu tới? Căn Bản Trí là thanh tịnh bình đẳng, tâm thật sự được thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì sẽ không khởi phiền não, bình đẳng là tuyệt đối không có phân biệt, như vậy mới đạt được bình đẳng. Tâm thanh tịnh bình đẳng chính là Căn Bản Trí. 'Trong kinh Bát Nhã gọi là Bát Nhã Vô Tri, đó chính là Căn Bản Trí. Lúc nó khởi tác dụng thì sẽ 'vô sở bất tri' (chẳng có gì không biết), 'Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri'.

Ngày nay chúng ta có 'tri', có 'tri' thì sẽ 'sở hữu bất tri' (có việc mình không biết), chúng ta trở thành cái gì cũng không biết. [Sau khi] học tập cứ cho rằng đó là 'tri', đó chưa chắc là cái biết chính xác, có khi sẽ lầm lẫn, hiểu sai, hiểu không đúng. Do đó phải nương vào kinh điển của Phật, lời Phật nói là chánh tri chánh kiến, chúng ta đối chiếu những gì chúng ta hiểu được với kinh điển, nếu những gì chúng ta hiểu được giống lời dạy trong kinh Phật, vậy thì kiến giải, tư tưởng của chúng ta mới chính xác. Nếu những gì chúng ta hiểu được khác lời dạy trong kinh điển, vậy thì chúng ta phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, chúng ta sai rồi, kinh Phật chẳng sai. Noi theo tiêu chuẩn trong kinh Phật thì sửa đổi tư tưởng, kiến giải của chúng ta gọi là tu tâm, gọi là tu từ căn bản. Tâm địa thanh tịnh sẽ sanh trí huệ, trí huệ đó chính mình có thể thọ dụng, và cũng có thể đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh, đó gọi là 'Hậu Đắc Trí', chẳng có gì không biết. Do đó nói là 'tăng trưởng bổn lực'. Trong Chú Giải có nói tới *'thâm hạnh Bồ Tát, cụ túc bi trí nhị tăng' (hành sâu hạnh Bồ Tát, đầy đủ Bi Trí cả hai đều tăng trưởng)*, cách nói này cũng tốt. Ngoài hai thứ 'Trí' nói trên, còn nói tới từ bi. Trí và Bi hiện tiền, tâm từ bi nhất định sẽ khởi lên, trí huệ càng rộng lớn, thì tâm từ bi càng rộng lớn, đây là đạo lý nhất định.

Lục giả túc mạng giai thông

Sáu là việc đời trước đều rõ biết;

Chúng ta gọi đó là thần thông. Trong kinh đức Phật nói thần thông 'dựa vào định lực mà hiện ra'. Thần thông là bản năng, tại sao bản năng ấy mất đi? Vì tâm tư rối loạn nên bản năng không thể hiện ra. Lúc trước tôi ở Mỹ, có một vị đồng tu gặp một người có khả năng đặc biệt kỳ lạ từ Trung Quốc đại lục, người đó dùng mắt thịt có thể nhìn thấu nội tạng của người ta, người đó có khả năng như vậy, họ gọi đó là nhãn quang X. Có một vị đồng tu cho ông đó coi để trắc nghiệm [khả năng của ông ta], coi xong ông nói bà lúc trước bị bịnh lao phổi, hiện nay đã lành bịnh rồi, vẫn còn một vết thẹo ở đâu đó trên thân bà, bà này nghe xong hết hồn hết vía. Lúc trước đích thật là bà đã bị bịnh này, từ trước tới giờ không có ai biết hết, đã lập gia đình nhiều năm rồi ngay cả chồng bà cũng không biết, ông này vừa nhìn liền thấy, thiệt là quá tài giỏi. Sau đó bà hỏi: 'Khả năng này của ông có thể mất hay không?'. Ông ta nói 'Cũng có thể'. 'Tại sao lại bị mất?' 'Khi biết nhiều việc quá, đầu óc phức tạp quá thì sẽ mất'. Do đó những người này rất ít tiếp xúc với [xã hội] bên ngoài, để giữ gìn tâm thanh tịnh của họ, [nói như vậy] rất hợp với [cách giải thích của] Phật pháp. Do đó khả năng, trí huệ đều sanh ra từ tâm thanh tịnh; tâm bạn càng thanh tịnh thì trí huệ, đức năng của bạn càng mạnh, đạo lý

là như vậy. Tâm càng phức tạp thì càng tệ, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn càng ít càng tốt. Trí huệ, đức năng từ trong tự tánh của bạn sẽ thấu ra ngoài, các thứ thị phi nhân ngã, tham sân si mạn này là chướng ngại to lớn! Tâm mình nhất định phải thanh tịnh, phải hiểu rõ ràng. Đặc biệt là chúng ta muốn học Giáo, tương lai muốn tạo lợi ích cho chúng sanh [thì phải đọc kinh, nghiên cứu giáo lý], kinh điển là trí huệ rốt ráo viên mãn, khi chúng ta mở kinh ra nếu bạn dùng tâm phiền não, tâm loạn thì nhất định sẽ không đạt được lợi ích, không thể hiểu được nghĩa trong kinh. Nếu chư vị đồng tu muốn giảng kinh cho hay, giảng rất viên mãn, thì không cần gì khác ngoài tâm thanh tịnh mà thôi. Xa lìa danh văn lợi dưỡng, xa lìa ngũ dục lục trần, thì khi mở kinh ra bạn sẽ hiểu rõ ý Phật. Tại sao hiểu được? Ý tứ của Phật chính là tánh đức của chính mình cho nên bạn mới có thể hiểu rõ, đều từ tánh đức của chính mình mà ra. Đó là 'việc đời trước đều rõ biết'.

Thất giả tất cánh thành Phật.

Bảy là rốt ráo thành Phật."

Vì sách bạn đọc là kinh Phật, bất cứ một cuốn kinh Phật nào đoạn cuối đều dẫn về một chỗ giống nhau, nhất định sẽ quy về vô thượng Bồ Đề, cho nên 'rốt ráo thành Phật'. Đây là nói bảy điều lợi ích. Chúng ta coi tiếp đoạn kinh cuối cùng:

Nhĩ thời thập phương nhất thiết chư lai bất khả thuyết, bất khả thuyết chư Phật Như Lai cập Đại Bồ Tát, thiên long bát bộ.

Bấy giờ không thể nói hết không thể nói hết tất cả chư Phật Như Lai cùng Đại Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ.

Đại hội ở cung trời Đao Lợi kết thúc, ở đây chúng ta đặc biệt phải biết lúc đại hội vừa bắt đầu mười phương hết thảy chư Phật đều đến, chư Phật Như Lai trong hội này chẳng có một ai bỏ đi giữa chừng, chẳng có. Các ngài đều lưu lại đến lúc pháp hội kết thúc viên mãn, điểm này rất thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chưa từng thấy trong tất cả kinh điển. Có khi nào đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh mà nhiều vị Phật đến nghe như vậy, chưa có bao giờ. Trong hội giảng kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ chúng ta cũng thấy mười phương Bồ Tát đến dự chứ chẳng thấy Phật đến dự. Khi đức Phật giảng tới chỗ quan trọng, chư Phật mới đến chứng minh, đến thị hiện một lát. Đâu có như pháp hội này từ đầu tới cuối mười phương hết thảy chư Phật đều đến dự chẳng sót một ai, từ điểm này bạn mới biết tầm quan trọng của pháp hội này. Cho nên pháp này là pháp căn bản của nhà Phật, trong pháp Đại Thừa bất luận là tu học pháp môn nào, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện chính là cơ sở, là căn bản, lìa khỏi cơ sở này thì tu học bất cứ pháp môn nào chắc chắn cũng chẳng thành công, cho nên pháp hội này quan trọng phi thường!

Văn Thích Ca Mâu Ni Phật xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát đại oai thần lực, bất khả tư nghị, thán vị tằng hữu.

Ở mười phương nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngợi khen tuyên bày sức đại oai thần không thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, đều khen là việc chưa từng có.

Câu này là lời chư Phật Như Lai tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật tán thán nghĩa là chứng minh cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni, những lời đức Phật Thích Ca nói đều chân thật, chư Phật đến chứng minh.

Thị thời Đao Lợi thiên

Lúc đó, tại cung trời Đao Lợi

Đây là nói về đạo tràng.

Vũ vô lượng hương hoa thiên y châu anh

Mưa xuống vô lượng hương hoa, thiên y, châu báu

'Châu' là châu báu, 'anh' là anh lạc, đây là điềm lành của trời đất.

Cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật cập Địa Tạng Bồ Tát dĩ, nhất thiết chúng hội câu phục chiêm lễ, hiệp chưởng nhi thoái.

Để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Địa Tạng. Xong rồi, tất cả đại chúng trong Pháp Hội đều lại chiêm lễ, chắp tay mà lui ra.

'Tất cả đại chúng trong pháp hội' bao gồm chư Phật Như Lai. Chiêm lễ thêm lần nữa quyến luyến chẳng muốn về, sau đó mới giải tán. Chúng ta thấy đoạn kết trong kinh này khác với những kinh khác, những kinh khác đoạn kết có câu 'y giáo phụng hành', còn kinh này dùng chữ 'hiệp chưởng nhi thoái' (chắp tay rồi lui ra), tại sao vậy? [Vì những người tham dự phần đông là] chư Phật Như Lai. Hội giảng kinh này vô cùng khác thường! Thanh Liên pháp sư chú thích rất hay, chư vị có thể coi cặn kẽ. Hôm nay chúng tôi đã giảng xong kinh này, lần này là vì đạo tràng ở Cửu Hoa Sơn, pháp hội năm nay khải thỉnh giảng kinh này, và cũng vì thời gian hạn chế, có nhiều chỗ không thể nói kỹ hơn, do đó chúng tôi nghĩ tuần sau bắt đầu giảng lại kinh này thêm lần nữa, lần này chúng tôi không có giảng về Huyền Nghĩa, tuần sau sẽ bổ túc phần Huyền Nghĩa này.

Tốt lắm, hôm nay pháp hội kết thúc viên mãn, xin cám ơn quý vị.

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cám ơn.

Nhóm Diệu Âm, ngày 4 tháng 9 năm 2010

Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký

MỤC LỤC

Quyển Thượng

Phần 13 Tập 25. Phẩm 6: Như Lai tán thán.

Quyển hạ

	Tập 26.	Phẩm 7: Lợi ích cho kẻ còn người mất.
Phần 14	Tập 27.	Phẩm 7: Lợi ích cho kẻ còn người mất.
	Tập 28.	Phẩm 8: Các vua Diêm La và Quyến thuộc tán thán
Phần 15	Tập 29.	Phẩm 8: Các vua Diêm La và Quyến thuộc tán thán
	Tập 30.	Phẩm 8: Các vua Diêm La và Quyến thuộc tán thán
Phần 16	Tập 31.	Phẩm 8: Các vua Diêm La và Quyến thuộc tán thán
	Tập 32.	Phẩm 8: Các vua Diêm La và Quyến thuộc tán thán
		Phẩm 9: Xưng Danh Hiệu Chư Phật.
Phần 17	Tập 33.	Phẩm 9: Xưng Danh Hiệu Chư Phật.
	Tập 34.	Phẩm 9: Xưng Danh Hiệu Chư Phật.
Phần 18	Tập 35.	Phẩm 9: Xưng Danh Hiệu Chư Phật.
	Tập 36.	Phẩm 10: Nhân Duyên và So Sánh Công đức Bố thí.
Phần 19	Tập 37.	Phẩm 10: Nhân Duyên và So Sánh Công đức Bố thí.
	Tập 38.	Phẩm 10: Nhân Duyên và So Sánh Công đức Bố thí.
Phần 20	Tập 39.	Phẩm 10: Nhân Duyên và So Sánh Công đức Bố thí.
		Phẩm 11: Địa Thần Hộ Pháp.
	Tập 40.	Phẩm 11: Địa Thần Hộ Pháp.
Phần 21	Tập 41.	Phẩm 11: Địa Thần Hộ Pháp.
	Tập 42.	Phẩm 11: Địa Thần Hộ Pháp.
		Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
Phần 22	Tập 43.	Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
	Tập 44.	Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
Phần 23	Tập 45.	Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
	Tập 46.	Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
Phần 24	Tập 47.	Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
	Tập 48.	Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
Phần 25	Tập 49.	Phẩm 12: Thấy Nghe được Lợi Ích.
	Tập 50.	Phẩm 13: Dặn Dò Cứu Độ Nhân Thiên.
	Tập 51.	Phẩm 13: Dặn Dò Cứu Độ Nhân Thiên.